LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 202

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

SỐ 2128
(QUYỂN 71 →100)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2128

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 71

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN
(Tám Mươi Quyển)
QUYỂN 1

Gia thụy ngược lại âm giả hà ngược lại âm dưới thời thụy sách Nhĩ Thất cho rằng: Gia là lời nói hay tốt, cũng như thiện ngôn tốt đẹp. Thiên Thương Hiệt ghi: Thụy là ứng hợp gọi chung ngọc dùng để làm tin, nói có đức tốt đẹp, tức là nên làm như vậy, đây là ngọc để làm tin.

A-thị-đa ngược lại âm thường nhĩ đây dịch là vô thắng xưa nói là A-kỳ-đa hoặc viết là A-đạt-đa đều sai, tức là Ngài Di-lặc kim sanh vậy.

San báng ngược lại âm sổ gian Thiên Thượng Hiệt ghi rằng: San là chê bai. Quảng Thất cho rằng: San là hủy báng, chê bai, nói xấu.

Lậu tiết ngược lại âm tức liệt Quảng Thất cho rằng: Tiết là nước tràn ra, phát ra, cũng là nước rỉ dột.

Chỉ mang ngược lại âm mạc ban tức là Ương-quật-ma-la Ương-quật đây dịch là chỉ mang hoặc gọi là kiết đoan chỉ người dùng kết tràng hoa trang nghiêm trên đầu cho nên có tên gọi này.

Ô lô tần loa ca diếp ba đây dịch là mộc hoa lâm dưới tu đạo bởi vì vậy mà gọi tên Ca-diếp-ba-la-họ. Xưa nói là Ưu-lâu-tần-loa đúng như kinh Pháp Hoa nói thời thượng cổ ba anh em Ca-diếp là người ở nơi trưởng giả giàu có vậy.

Đường giảo ngược lại âm cổ uyển đường là đi bộ, là trống không uổng phí. Tự Thư cho rằng: Giảo là quấy rối, ngược lại âm hồ đao nạo là quấy nhiễu, sách Thuyết Văn cho rằng: Nạo là nhiễu loạn.

Đát-sách-ca ngược lại âm đô đạt ngược lại âm dưới sơ cách tên của loài rồng.

Khấu kích sách Thuyết Văn viết cú cũng đồng, ngược lại âm khổ hậu khấu cũng là kích tức là đánh gõ.

Hoán nhuyển ngược lại âm nô khóa ngược lại âm dưới diện luyến Tam Thương cho rằng: Nhuyển là ốm gầy. Quảng Thất cho rằng: Nhuyển là mềm mại, yếu mềm.

Xứng huyền ngược lại âm cự viên Quảng Thất cho rằng: Xứng là quả cân. Gọi là huyền tức là trọng nặng, là biết nặng nhẹ vậy chữ viết từ bộ thủ.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 2

Điều nhiên ngược lại âm đồ điêu điều là xa lắc, xa lơ, xa xăm. Xa xôi. Âm đối ngược lại âm đồ kế.

Cụ-ba-lạc-ca đây dịch là ngưu kinh.

Tốt-đổ-ba ngược lại âm tô một ngược lại âm dưới Đô-cổ đây dịch là miếu thờ. Hoặc gọi là phần mộ, hoặc nói là tụ tướng, hoặc nói là thạch quả v.v... cao đó cho là tướng. Xưa nói là đẩu tẩu ba hoặc gọi là thâu bà đều là tùy theo địa phương mà đọc có nặng nhẹ, âm có khinh trọng.

- Quyển 3, 4, 5 trước đều không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 6

Hối minh ngược lại âm hồ đối sách Tiểu Thất cho rằng: Sương mù dày đặt gọi là hối nói sương mù dày đặt là từ đất giao hợp nên tối tăm. Minh là chỗ không nhìn thấy rõ, sương mù che phủ thì ban ngày cũng tối tăm.

Phân dụ lại viết chữ phân cũng đồng, ngược lại âm phu vân Thích

Danh cho rằng: Phân là bột thơm không khí ẩm ướt vươn vào cây cỏ vì vậy mà rất lạnh, màu sắc ngưng đọng trắng xóa giống như bột, sách Tiểu Thất cho rằng: Khí của thiên địa phát ra không ứng hợp gọi là sương, sương là khí âm, ẩm thấp.

Khuếch thanh ngược lại âm khẩu quách sách Tiểu Thất cho rằng: Khuếch là to lớn.

Sở ban lại viết chữ ban cũng đồng, ngược lại âm bổ gian sách Tiểu Thất cho rằng: Ban là trải chiếu, sách Tiểu Thất cho rằng: Ban là biến khắp phong phú cùng khắp vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 7

Đàn trách ngược lại âm đồ thiên ngược lại âm dưới si diệc Quảng Thất cho rằng: Đàn là phanh ra xé ra, âm nghĩa Hán Thư cho rằng: Trách là không dùng, cũng là buộc phải đi xa. Trách là chỉ, âm phanh ngược lại âm phổ canh.

Huyền diệu ngược lại âm hồ mạch Quảng Thất cho rằng: Huyền là hoặc loạn, diệu là chiếu sáng.

Ngoan ngân ngược lại âm ngũ hoàn ngược lại âm dưới ngư cân Quảng Thất cho rằng: Ngoan là ngu độn, Thiên Thương Hiệt ghi: Ngân là xấu ác, theo Tả Truyện cho rằng: Ngân là tâm không có đức, theo nghĩa kinh là ngoan là miệng nói lời không có đạo đức trung thực, nói là không có niềm tin là ngân.

Sính dĩ ngược lại âm sửu tĩnh sách Thuyết Văn viết chữ sính cũng thông dụng, sách Tiểu Thất cho rằng: Sính là vui vẻ, sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải cho đến cửa đông gọi là sính giữa sông Giang Hoài Trần, Sở gọi tốt đẹp vui vẻ là hảo.

Thông duệ ngược lại âm dĩ nhuế thông gọi là nghe được rất nhỏ, rất nhỏ mà nghe rõ, duệ là tri thức. Lại nữa biết trước gọi là thông hiểu sâu xa gọi là duệ.

Phương duy ngược lại âm dĩ hoài Quảng Thất cho rằng: Vùng xa xôi hẽo lánh, sách Hoài Nam Tử nói rằng: Trời có bốn duy gọi là đông, tây, nam, bắc, tử, duy, thượng, hạ.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 8

Trù trừ ngược lại âm trường lưu ngược lại âm dưới là trường ư Quảng Thất cho rằng: Trù trừ là do dự, cũng gọi là dùng dằng không muốn tiến tới.

Dị sanh tiếng Phạm nói là Ba-la-tất-lật-thác-ngật-na Ba-la đây dịch là ngu, Tất-lật-thác đây dịch là dị ngật-na dịch là sanh nên nói ngu là dị sanh. Xưa nói Đứa trẻ sanh ra khác biệt, cũng nói là đứa bé ngu phàm phu lại nói đứa trẻ nhỏ phàm phu đều là một nghĩa.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 9

Táo động lại viết chữ táo cũng đồng, ngược lại âm tử đáo táo là xao động không yên tĩnh. Thích Danh cho rằng: Táo là làm cho khô ráo, nói vật làm cho khô ráo tức là động là bay lên.

Trung dung ngược lại âm dĩ dung Quảng Thất cho rằng: Trung bình dung hòa, sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Dung là tốt lành. Gọi là hòa bình, người sống trong cảnh hòa bình an vui tốt lành.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 10

Xi tiếu ngược lại âm xướng di sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Xi là làm trò vui. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Xi là khinh thường, Tiếu là vui vẻ, làm trò vui, chữ viết từ bộ cổ đến bộ triệt tức là chữ xi.

Bao biếm ngược lại âm bổ cao ngược lại âm dưới bể liểm theo chữ bao là khen thưởng tốt đẹp, biếm là truất phế thối lui.

Khưu nghị ngược lại âm mạc hậu Khưu là luận bàn nghị là vạch ra kế hoạch. Bàn luận công việc là mưu nói rõ ràng bàn luận là nghị

Đích luận ngược lại âm âm đồ đích sách Quảng Thất cho rằng: Địch là đương đầu, đối đầu, sách Nhĩ Thất cho rằng: Địch là chống cự.

Hoảng loạn ngược lại âm hồ quang hoảng gọi là lo sợ ở trong

lòng. Quảng Thất cho rằng: Hoảng là lo sợ nơm nớp trong lòng, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hoảng sợ e sợ.

Thực đa ngược lại âm thị lực sách Nhĩ Thất cho rằng: Thực là đúng thời, điều thực, cái có cụ thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thực là trên.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 11

Tham ách lại viết chữ ách cũng đồng, ngược lại âm ô cách ách là đè lên cổ con trâu, con ngựa, ách cũng là cách âm cách là âm cách.

Trách phạt ngược lại âm chư cách Văn Thông Dụng cho rằng: Phạt tội gọi là trách trách mắng, quở trách cũng là tội lỗi, phạt là triết phục.

Mông hội ngược lại âm mạc băng ngược lại âm dưới công nội Tam Thương cho rằng: Mong là không sáng tỏ. Hội là phiền loạn.

Ngã ích ngược lại âm khưu đĩnh sách sử cho rằng: Khoảnh khắc chờ đợi để hỏi thăm theo chữ khoảnh đó là giống như phút chốc cũng gọi là không lâu.

Kỵ đạn ngược lại âm cự ký ngược lại âm dưới đồ đán Quảng Thất cho rằng: Kỵ là e sợ, sợ sệt, nghi nang, sách Thuyết Văn cho rằng: Kỵ là oán ghét.

Cố miến ngược lại âm cô bố ngược lại âm dưới miên kiến sách Thuyết Văn cho rằng: Quay đầu nhìn lại gọi là cố nhìn nghiêng liếc nhìn gọi là miến.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 12

Phiêu xí ngược lại âm ty diệu ngược lại âm dưới xương chí Văn Thông Dụng cho rằng: Huy hiệu gọi là phiêu. Sách Tư ký cho rằng: Chữ xí đều từ bộ cân hoặc là viết từ bộ mộc viết thành chữ phiêu gọi là lấy cây làm tiêu thức mà viết lên làm hiệu lệnh đây cũng gọi là hai thông dụng.

(769) Mạt-nô-sa ngược lại âm mạc bát cũng nói là Ma-miễn-sa đây dịch là người.

Võng lượng văn cổ viết chữ võng lượng hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm vong cường lực dưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Võng lượng là tịnh vật của núi sông, Văn Thông Dụng cho rằng: Cây đá quái trụ gọi là võng lượng vậy.

Tỳ Thấp Phược Yết Ma Thiên đây dịch là các loại công nghiệp. Theo Tây Vực các nước phương tây, công nghiệp nghề thủ công khéo léo đó có rất nhiều, nên phải cúng tế trời đây vậy.

Da-phu ngược lại âm cô-hà sách Nhĩ Thất cho rằng: Da là thêm nhiều lớp. Nay lấy nghĩa này, gọi là ngồi éo chân, trong kinh hoặc là viết kiết giao phu tọa là ngồi éo chân kiết già. Sơn Đông nói giáp phu Giang Nam nói bán khoa âm bán ngược lại âm bình hoạn âm khoa ngược lại âm khẩu qua cũng có viết từ bộ túc viết thành chữ da trong văn tự không có chữ này.

Ô-đà-di ngược lại âm Ô-cổ tên người. Đây dịch nghĩa là xuất hiện.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 13

Hy hý lại viết chữ hy cũng đồng, ngược lại âm hư chi sách Thuyết Văn cho rằng: Hy là vui. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hy hý là vui cười đùa giởn.

Nhữ tào lại viết chữ tào cũng đồng, ngược lại âm tự lao sách Kử Ký cho rằng: Một nhóm hơn mười người đi tuần, Như Thuần cho rằng: Tào là một nhóm đông người.

Tỳ-sắc-nô ngược lại âm nô cố tên ở cõi trời, xưa gọi là tùy nữu thiên cũng nói tỳ sưu nữu thiên là sai vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 14

Thê đăng ngược lại âm đô đặng Quảng Thất cho rằng: Đăng là

mang giày dép, dựa theo mà đi lên, chữ viết từ phụ.

Thất-lộ-ca xưa nói là Du-lô-ca hoặc gọi là Thủ-lô-ca lại nói là Thủ-lô-khả theo Tây Vực số pháp của kinh đều lấy ba mươi hai chữ là một Thất-lộ-ca. Lại cho rằng: Quá nhiều ước đính cho phàm phu thế gian ca ngâm vịnh tán thán khen ngợi. Đây là một trong số Lan-đà-luận.

- Quyển 15. Trước không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 16

Thăng trắc ngược lại âm tri cước nói là tiến đỉnh cao gọi là trắc theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trắc là leo lên núi nam kia rất cao vậy. sách Nhĩ Thất cho rằng: Trắc là thắng lên gọi là đi lên cao vậy.

Phi lôi ngược lại âm bổ tội ngược lại âm dưới lô tội. Sách Tự Lược nói rằng: Phi lôi là vết sưng nhỏ, nay lấy nghĩa này.

Ba-đạp-ba-dũng ngược lại âm đồ đáp tức là họ của Bà-la-môn.

- Quyển 17 Trước không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 18

Trì chiểu ngược lại âm chi nhiễu sách Thuyết Văn cho rằng: Chiểu là cái ao, cái ao nhỏ.

Mạng mạng đổi tiếng Phạm nói đó Bà-hựu-bà-điểu.

Tử tức ngược lại âm tư lực nhi tử gọi là tức tức hơi trong thân mình chỗ dùng bẩm sinh, sách Đông Quán Hán Ký cho rằng: Đây là chỗ ta phải che đậy tử tức nay người xuất tiền sanh lợi cũng gọi là tức cùng một nghĩa vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 19

Thị trù ngược lại âm trù lưu sách Sổ Từ cho rằng: Ai có thể cùng với con trai, chia làm thất trù, Vương Dật cho rằng: Hai người là một thất, bốn người một trù trù là các loại thứ cũng gọi là bạn lữ

Nhũ bôi lại viết bôi cũng đồng, ngược lại âm thất hồi gọi là rượu chưa có lọc. Nói rằng như tức là sữa, có thể thanh lạc mà lạc có thể thành rượu.

Quảng thụ Trụ Văn viết chữ thụ cũng đồng, ngược lại âm thời chú Quảng Thất cho rằng: Thụ là cây đứng thẳng. Phàm là cây an trí đứng thẳng gọi là thụ, thụ cũng là trồng cây giống, gieo giống.

Lũ biện ngược lại âm lực cú sách Thượng Thư cho rằng: Lũ là nhiều lần lược bớt đi mà thành, Khổng An Quốc cho rằng: Lũ là nhiều lần.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 20

Trì quyến lại viết chữ quyến cũng đồng, ngược lại âm cổ khuyển công huyền hai âm. Theo Thanh Loại cho rằng: Quyến là dùng dây giăng lưới để bắt chim thú.

Vãn xuất văn cổ viết chữ vãn cũng đồng, ngược lại âm vô viển sách Thuyết Văn cho rằng: Văn là lôi kéo chiếc xe.

Bỉ lý thể chữ viết chữ lý cũng đồng, ngược lại âm lực tử sách Thuyết Văn cho rằng: Năm nhà làm một bỉ bỉ cũng là thói tục, hủ lậu, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: cũng đồng, nghĩa ấp dưới gọi là lý sách Hán Thư cho rằng: Nghèo mà không có thôn xóm, Như Thuần cho rằng: Tuy nghèo cũng giống như nơi xa xôi làng mạc gọi là bỉ. Nói bỉ đó là xấu ác hủ lậu. Quảng Thất cho rằng: Bỉ là bị sỉ nhục âm tán ngược lại âm tổ đản gọi là trăm nhà làm một bỉ.

Thượng niên ngược lại âm thị nhương Thương Hiệt giải thích chữ văn cổ rằng: Thượng là trên, giống như nhiều năm.

Suy mạo thể chữ viết chư suy cũng đồng, ngược lại âm sở quy sách Thuyết Văn cho rằng: Suy là giảm tổn. Sách Lễ Ký cho rằng: Năm mươi tuổi bắt đầu suy giảm. Suy là biếng nhác, ngược lại âm dưới, văn

cổ viết chữ hao mạo hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hao cũng đồng, ngược lại âm mạc báo sách Lễ Ký cho rằng: Tám mươi tuổi gọi là mạo Mạo hôm muội, hay quên, ám loạn.

Cưu-ma-la-thiết-ma đây dịch là đồng tịch tạo nhiều thơ ca vịnh đó là người tên Phiến Trật Lược ngoại đạo. Tạo ra đó là người phát minh sáng suốt, tức là trong luận Tỳ-bà-sa, Phiến-đề-la ngoại đạo vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 21

Vô phiền ngược lại âm phò viên theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tháng giêng nẩy sinh có nhiều sương, theo truyện cho rằng: Phồn là nẩy sinh ra rất nhiều.

Thủy trạc ngược lại âm trực giác sách Thuyết Văn cho rằng: Trạc là tẩy rửa, gọi là lấy nước sạch tẩy rửa vật.

Thiết chi xưa nói là xá chỉ đây dịch là có thể trói buộc gọi là người nữ sanh tâm ái nhiễm yêu thương người nam. Cho nên Thông Dụng gọi là thiết chi.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 22

Nhẫm nhiễm ngược lại âm nhi thuận ngược lại âm dưới nhi diễm nói là trong phút chốc, giải thích chỉ một khắc.

A-nô-luật-đà cũng viết là Luật-lô gọi là, thuận theo nghĩa tên của người.

Khuông trợ ngược lại âm khưu phương sách Tiểu Thất cho rằng: Khuông là sửa cho đúng, trợ là cứu giúp, phò trợ, khuông cũng gọi là sửa lại.

Thế-la-ô-bà ngược lại âm ô cổ đây dịch là tiểu thạch.

Chúc tư ngược lại âm chi dục chúc là chuyên chú, tập trung vào, cũng gọi là liên tục, thích hợp nối liền với nhau.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 23

Sư vũ ngược lại âm vu củ gọi là mùa mưa phải an cư. Nói sư đó tức là hạ lạp.

Đồng thụ ngược lại âm chu du gọi là người ở chùa còn nhỏ tuổi, tuổi còn để chởm chưa đội mủ, để sai khiến công việc lặc vặt trong ngoài vậy. Người tuổi nhỏ này không theo khuông lễ xuất ra phương tiện, sai khiến rất mau.

Tiêu tiêu âm tiêu tiêu sách Nhĩ Thất cho rằng: Tiêu tiêu là con nhện giăng tơ, âm văn ngược lại âm cư nghị Quách Phác cho rằng: Con nhện cao cẳng tục gọi là hỹ tử theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tiêu tiêu là con nhện trong cửa.

Hồng điện văn cổ viết chữ hồng cũng đồng, ngược lại âm hồ công tục âm là phong âm nghĩa sách Nhĩ Thất cho rằng: Con gà trống xuất ra hai cái màu trên đầu màu sắc sáng rực gọi là hồng con gà mái, cái màu trên đầu tối tăm gọi là nghê âm nghê ngược lại âm ngũ kê, sách Thuyết Văn cho rằng: Cầu vồng Giang Đông gọi là lễ tế cầu mưa, cũng gọi là cầu vồng, Thích Danh cho rằng: Cầu vồng tan mưa. Đột nhiên công phá khí âm, khí dương âm đới là âm đế âm đông là âm đồng.

Phược khát quốc ngược lại âm hồ cát ở phía bắc sông Lâm Phược Sô con sông trong nước này có Đức Như-Lai múc nước tắm gội, có thể nói là hơn một đấu nước, các màu sắc trong nước rất nhiều, sáng rực óng ánh như kim thạch, vàng sáng chói. Lại có thể gọi là có răng của Phật, lại có thể gọi là có Phật tảo trừ, dùng cỏ làm cây chổi ca-xà dài hơn hai thước rộng bảy tấc quét tạp dơ trong sức bảo tòa cho Đức Phật thuyết pháp.

Ba-sá-ly ngược lại âm lực chi cũng gọi là Ba-sá-lợi-da. Xưa nói là Ba-liên-phất sách Thuyết Văn cho rằng: Là tên của loài hoa thụ, bởi vì hoa của cây cổ thụ lấy từ mục thành.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 24

Xích hoạch ngược lại âm ô quách sách Thuyết Văn cho rằng: Xích hoạch là con sâu đo. Sách Nhĩ Thất cho rằng: tên loại sâu đo, từng bước

co duỗi, Tống Địa cho rằng: Gọi là tầm tang, người nước Ngô gọi là tang hợp. Âm hội ngược lại âm cổ hợp tức là con sâu ăn lá dâu.

A-nê-luật-đà xưa nói là A-ma-luật hoặc nói là A-miển-lâu-đà cũng nói là A-nê-lô-đậu đều là một nghĩa. Đây gọi là vô diệt cũng gọi là như ý, xưa gọi là thí toái khi, khi ăn trong cõi trời người tám mươi kiếp, qua lại thọ vui, đến nay vẫn không mất. Cho nên gọi là vô diệt. Lại nữa cũng có chỗ gọi là cầu như ý, cũng gọi là như ý, tức là con của Cam-lô Phan Vương, đường đê của Phật vậy.

Bằng hữu ngược lại âm bổ băng ngược lại âm dưới vu cữu sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng môn gọi là bằng đồng chí gọi là hữu Quảng Thất cho rằng: Hữu là thân cận thương yêu nhau.

Phương vực ngược lại âm vi bức vực là chỗ ở. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vực là một nước, sách Chu Lễ cho rằng: Phương vực gọi là thành lập một nước tạo ra đô thị, có vùng xa xôi hẻo lánh, có làng mạc thôn xóm, ấp.

Khốc độc ngược lại âm khẩu mộc gọi là bạo ngược, sách Thuyết Văn cho rằng: Khốc liệt, mau chóng, gấp vội, rất cấp bách. Bạch Hổ Thông cho rằng: Khốc là rất cực kỳ. Giáo lịnh cùng cực.

Ký trừ lại viết chữ ký cũng đồng, ngược lại âm ky trí sách Tiểu Thất cho rằng: Ký trông mong, hy vọng trông ra xa.

Phiêu cổ ngược lại âm thất diêu ngược lại âm dưới công hộ phiêu là gió thổi lay động. Theo ngữ phàm vật lay động gọi là cổ.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 25

Sư đồ ngược lại âm đạt hồ gọi là đồ loại. Trang tử nói rằng: Là đồ đệ của Khổng Khưu. Tư Mã Bưu cho rằng: Đồ đệ tử.

Nhân hiếu ngược lại âm nhi thân nhân gọi lấy sự yêu thương người và vật gọi là nhân trên dưới tương thân với nhau gọi là nhân. Thân cận kính quý hiền nhân gọi là nhân sát thân thành người gọi là nhân sách Nhĩ Thất cho rằng: Việc tốt lành với cha mẹ là hiếu sách Ích Pháp nói rằng: Từ ái quên lao nhọc gọi là hiếu, theo lệnh không chống trái gọi là hiếu.

Thừa bẩm ngược lại âm bỉ cẩm bẩm thọ nhận.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 26

Cẩu dục ngược lại âm công hậu sách Quảng Thất cho rằng: Cẩu thả, cũng gọi là thành thật.

Ngôn từ ngược lại âm ngư kiên ngược lại âm dưới tợ tư. Nói thẳng gọi là ngôn ngôn là người dùng lời nói thẳng vào sự việc phân tích, thuật lại đối đáp. Sách Lễ Ký cho rằng: Nói khóc ba năm mà nói không ra lời. Ngôn cũng gọi là phát ra lời quí báu, sách Thuyết Văn cho rằng: Từ đó là ý ở trong mà nói ra ngoài, cũng gọi là thẩn xét lời nói.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 27

Bỉ độ theo chiếu định giải thích văn cổ, quan thượng thư viết chữ bỉ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đạt hộ ngược lại âm dưới đồ các sách Quảng Thất cho rằng: Bỉ độ là bàn luận nghị định, cũng gọi là mưu kế, độ là đánh giá, đo lường.

Mỗi ngôn ngược lại âm mạc bội Tam Thương cho rằng: Mỗi là từ chẳng phải nhất định. Mỗi cũng gọi là nhiều.

Xi tiếu ngược lại âm tài tiếu tiếu gọi là trò quấy nhiễu, trách mắng, cũng gọi là quở trách.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 28

Nữu thắng ngược lại âm nữ trân Tự Lâm cho rằng: Sợ dây đơn gọi là nữu nữu cũng gọi là sợi dây lớn.

Bạo lưu ngược lại âm bổ báo Thương Hiệt giải thích văn cổ cho rằng: Bạo là nước nổi lên tràn ngập.

Bà-sáp-ba-ngôn ngược lại âm sở lập đây gọi là khí cũng gọi là hơi sương v.v...

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 29

Vi trượng ngược lại âm trực lượng Trượng cũng giống như nương tựa vào, ký thác vào cây gậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 30

Nhiễm-ô-vu-tỏa ngược lại âm ô cố ô hồ hai âm. Tự Thư cho rằng: Ô là bụi đất dơ bẩn, Tự Lâm cho rằng: Bụi đất dơ bẩn, ô uế.

Tự tước lại viết chữ tự cũng đồng, ngược lại âm tài dữ ngược lại âm dưới từ dược ngậm mùi vị gọi là tự Văn Thông Dụng cho rằng: Nhai gọi tước.

Tân dịch ngược lại âm tử lân ngược lại âm dưới di thạch tam Thương cho rằng: Tân dịch là nước dịch, sách Thuyết Văn cho rằng: Tân dịch là nhuận trơn, Quảng Thất cho rằng: Tư dịch nhuận trạch, ướt trơn láng.

Thành ngôn ngược lại âm thị doanh Quảng Thất cho rằng: Thành thật, sách Thuyết Văn cho rằng: Thành tín, cung kính.

Sạ khả ngược lại âm sĩ giá Quảng Thất cho rằng: Sa là tạm thời, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sạ là hai từ ; chợt nóng, chợt lạnh, bỗng nhiên.

Tề tâm ngược lại âm tạc mê sách Thuyết Văn cho rằng: Tề là rốn, cuốn rốn, chữ viết từ bộ nhục âm bề ngược lại âm bổ mê.

Cơ thích ngược lại âm cư y âm dưới viết chữ giản cũng đồng, ngược lại âm thất tý sách Quảng Thất cho rằng: Cơ thích là châm biếm, giễu cợt, sách Thuyết Văn cho rằng: Cơ là chê bai phỉ báng.

Sổ thuấn lại viết chữ thuấn cù ngược lại âm thi nhuận sách Thuyết Văn cho rằng: Thuấn là con mắt mở ra nhắm lại nhiều lần gọi là chớp mắt.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 31

Tuấn phương ngược lại âm sổ lực gọi là chánh phương, đúng hướng.

Khai tịch ngược lại âm ty diệc sáng Thuyết Văn cho rằng: Tịch là mở mang.

Quan bế ngược lại âm bổ kế hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đóng cánh cửa lại, lấp kín, giữ chặt hoặc viết chữ bế tục dùng thông dụng.

Trà độc ngược lại âm đạt hồ Quảng Thất cho rằng: Trà độc là đau bệnh khổ, cũng gọi là làm ác.

Trùng lũy lại viết chữ lũy cũng đồng, ngược lại âm lực quý lũy cũng là trùng, nghĩa là bức tường nhiều lớp.

Phiên lượng ngược lại âm bổ canh gọi là đàn mặc, bấn cung, công kích, đàn hặc gọi là phiên Giang Nam gọi là phanh âm phanh ngược lại âm phổ canh.

Tầm tô ngược lại âm tức hồ tô là sống, sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Chết mà sống lại gọi là tô tô là ngộ tĩnh ngộ.

Thư lại ngược lại âm sĩ da ngược lại âm dưới lực ngãi Văn Thông Dụng cho rằng: Cắt cỏ còn dư lại gốc gọi là thư Quảng Thất cho rằng: Thư là cự ly cách xa. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giống như kia đậu lại dừng lại nghỉ ngơi.

Nhiêu túc lại viết chữ giảo cũng đồng, ngược lại âm ngũ giảo nhiêu là cắn nhai, Quang trung dùng âm này. Lại âm dưới là giảo Giang Nam dùng âm này.

Khả cảnh tự lâm âm khưu da ngược lại âm dưới cư tĩnh nói là dùng miệng gọi là khả cắn ngạm lấy. Nay gọi là dùng tay, cổ tay phía trước cắn lấy.

Phách dần ngược lại âm bổ mạch âm dưới lại viết thân cũng đồng, ngược lại âm dẫn nhân thịt chứa trên xương sống gọi là dần Phách là phân ra mở nức ra.

Quặc phục ngược lại âm cữu phược cư hoạch hai âm, sách Thuyết Văn cho rằng: Quặc là dùng móng vồ chụp lấy, giữ lấy, Văn Thông Dụng cho rằng: Dùng tay nắm bắt gọi là quặc, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tóm bắt con thú, đuổi chạy đến cùng tóm bắt lấy.

Thao tâm ngược lại âm tha lao sách Thuyết Văn cho rằng: Thao là đào lấy ra, âm quan ngược lại âm nhất hoạt Trung quốc nói là gánh,

âm thiêu ngược lại âm thổ điêu.

Sàm thích ngược lại âm sĩ sam ngược lại âm dưới thất diệc sách Thuyết Văn cho rằng: Sàm là cây cuốc rất bén, người nông phu sử dụng.

Lộc chư hoặc là viết chữ lộc cũng đồng, ngược lại âm lực mộc. Lộc lược nước chảy xuống, lọc nước.

Ôn-bát-la ngược lại âm ô một đây gọi là bông hoa màu đen. Xưa nói là Ưu-bát-la hoặc nói là Âu-bát-la đều sai.

Bát-đặt-ma ngược lại âm đồ đắc đây dịch là hoa sen màu đỏ. Xưa nói là Ba-đầu-ma đều sai.

Thê kình ngược lại âm thả hề âm dưới cư chính. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thê là lạnh lẻo, theo truyện cho rằng: Gió thổi lạnh lẻo phải dùng sức vận khí gắp chống lại.

Đồn tụ ngược lại âm đồ côn Quảng Thất cho rằng: Đồn là tụ tập, đóng quân, âm tụ ngược lại âm tài cú.

Cương ngạnh ngược lại âm cư lương ngược lại âm dưới là ngũ canh sách Tự Lược cho rằng: Bất hủ gọi là cương, không có gì phá hoại được, vật cứng gọi là ngạng.

Khẩn-nại-lạc ngược lại âm nô cát đây gọi là người chẳng phải người, Ca-thần đầu như con ngựa, đầu ngựa. Xưa nói là Khẩn-na-la hoặc viết là Chân-đà-la là sai.

Cự giam ngược lại âm kỳ lữ âm dưới theo thanh loại. Nay viết chữ châm cũng đồng, ngược lại âm chi thậm bó đuốc gọi là cự may áo đó gọi là kim châm là cây kim để may áo.

Không ẩu lại viết âu Cũng đồng, ngược lại âm ư khẩu ẩu là ói ra, nôn ra, Thích Danh cho rằng: Âu là gù lưng, đem chỗ ói ra tức là xương sống phải cong lại, gọi là lưng gù.

Độc hy lại viết chữ hy cũng đồng hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hỏa cân Giang Nam nói rằng: Hy là sưng thủng, sách Thuyết Văn cho rằng: Thịt lồi ra.

Quỷ yết lại viết chữ yết cũng đồng, ngược lại âm nhất thiên gọi là yết hầu, người phương bắc gọi là cổ là yết hầu vậy.

Bì tề âm bì âm dưới lại viết chữ thúc cũng đồng, ngược lại âm tử lễ Quảng Thất cho rằng: Lòi là tước lột vỏ, tề là vắt lấy nước, xuất ra nước.

Hưởng thọ lại viết chữ hưởng cũng đồng, ngược lại âm âm hư ngưỡng giáo lý hâm hưởng, thần linh hưởng nhận lễ cúng tế, cũng gọi là hiến dâng, hâm hưởng, âm hâm là âm hư.

Câu trân ngược lại âm trắc thân. Sách Tiểu Thất cho rằng: Trân là đến.

Hoan ngu giải thích cổ, văn cổ viết ngu nay viết chữ cũng đồng, ngược lại âm nghi khu sách Thuyết Văn cho rằng: Ngu là làm trò vui, nói cười đều có vui vẻ.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 32

Ô-thí-la-mạt tên của loại cỏ, hình như đất này gọi là cây tế tân thể của nó rất lạnh.

Khắc thắng lại viết chữ khắc cũng đồng, ngược lại âm khẩu đắc Tự Lâm cho rằng: Khắc là có thể, khắc cũng là thắng là có thể vượt qua.

Lâm đằng ngược lại âm đồ đăng Quảng Thất cho rằng: Đằng là dây leo mọc um tùm. Nay gọi là Cát-mạng-diên đó là đằng.

Suất thổ ngược lại âm sở luật sách Nhĩ Thất cho rằng: Suất là tự nơi mình, đi tuần hành.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 33

Di duyệt ngược lại âm dư chi sách Thuyết Văn cho rằng: Di là bình cũng gọi là sáng suốt, bình lặng, bình thường vui vẻ.

Sở dược lại viết chữ dược ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm du chước Văn Thông Dụng cho rằng: Lấy vật bỏ vào nấu cho sôi lên gọi là dược Quảng Thất cho rằng: Dược là trong nấu nước cho sôi mà tràn ra ngoài, Giang Đông gọi dược là diệp âm diệp ngược lại âm thợ giáp.

Bất tiếu ngược lại âm tư diệu sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: Bất tiếu, bất tợ nói là xương và thịt không giống nhau, cho nên nói là bất tiếu gọi là loại người học làm ác, chữ viết từ bộ nhục thanh tiểu

Yểm đảo ngược lại âm ư nhiễm ngược lại âm dưới đô đạo. Tự Uyển cho rằng: Yểm là ngủ bên trong nên không rõ. Tâm phục hợp gọi

là yểm, âm dưới là đảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: Báo cáo cho biết việc cầu xin gọi là hảo cũng gọi là mời thỉnh nơi quỷ thần.

Chế tát ngược lại âm chi thế chế là cắt ngay làm ra, chế là cắt rọc đoạn ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Làm chế tạo ra.

Yểm-một-la xưa nói là Yểm-ma cũng viết A-ma-lặc đều sai, lá giống như nhỏ mà có gai, quả giống như hồ đào, mùi vị chua mà lại cay rất thô, đem vào phân ra làm thuốc.

Chủ tể ngược lại âm tổ đãi sách Lễ Ký cho rằng: Tể là người giết mổ hiến cho người chủ đầu bếp, gọi là người làm quan ngự thiện là nấu thức ăn.

Chiên lập ngược lại âm thị chiến Quảng Thất cho rằng: Chiên là chuy môn, tự mình giỏi về một việc gì đó.

Chuyên kỹ ngược lại âm chi chuyên chuyên giống như là tự làm chuyên nhất một nghề, nhận trách nhiệm chuyên nhất.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 34

Ốc vũ văn cổ viết chữ vũ trụ văn viết chữ vũ cũng đồng, ngược lại âm tử bổ sách Thuyết Văn cho rằng: Vũ là bên mái hiên nhà. Thích Danh cho rằng: Vũ là lông vũ giống như cánh chim tự che, trong nước thì có bốn gốc rũ xuống che lại gọi là vũ.

Nhân kim lại viết chữ chi cấm hai chữ tượng hình cũng đồng, Thích Danh cho rằng: Viết chữ cầm cũng đồng, ngược lại âm cự kim kim là cầm nắm gấp vội.

Chùy thác lại viết chữ chùy cũng đồng, ngược lại âm chi nhụy âm dưới văn cổ viết chữ thác cũng đồng, ngược lại âm tha đạt Quảng Thất cho rằng: Chùy thác là đánh gõ.

Cương giới ngược lại âm cư lượng cương là cảnh giác, cũng gọi là biên thùy, nơi xa xôi. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Cương là biên thùy, (771) nơi chiến trường, biên giới ngoài biên thùy xa xăm.

Mô phóng lại viết chữ mô cũng đồng, ngược lại âm mạc hồ sách Nhĩ Thất cho rằng: Mô là khuôn phép, pháp đắc, gọi là khuôn hình nẩy mực gọi là mô giống như là ấn xuống để lấy, giữ lấy mẫu mực.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 35

Bình luận ngược lại âm bì bình Tự Thư cho rằng: Bình là bàn luận sự vật phải trái, tốt xấu, âm đinh ngược lại âm đường đảnh.

Vi tỏa ngược lại âm tổ ngọa sách Thuyết Văn cho rằng: Tỏa là bẻ gãy, gọi là bẻ gãy cây kim. Tỏa là chặt chẻ ra.

Hung nhâm ngược lại âm cư ngâm sách Thuyết Văn cho rằng: Nhâm là vạt áo, tay rộng, theo Thanh Loại cho rằng: Cổ áo chéo lại.

- Quyển 36: không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 37

Da-xá đây dịch là dự tức là khen ngợi. Gọi là danh dự.

Tô-đà-di xưa gọi là Tu-đà-da đây dịch là cộng khởi.

Đại sanh chủ xưa nói là Ma-ha-bà-xà dịch là Đại Ái Đạo đó vậy.

Hất kim ngược lại âm hư ngật sách Nhĩ Thất cho rằng: Hất là đến tức là từ xưa đến nay.

Vô phiếm ngược lại âm phò pháp tạm thời gọi là vô danh phiếm là thiếu có thể làm ngược lại, có thể làm đúng chánh là phiếm tự ý vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 38

Bà-thư-tử-bộ âm bà ngược lại âm bổ hạ đây dịch là độc tử bộ xưa gọi là Bạc-tư-phất-đa-la. Thời thượng cổ tên của vị tiên nhân. Mẹ của vị tiên nhân tên là Bạc Tư sinh ra vị tiên nhân này cho nên có họ là Bạc tư vị La-hán là con của người đàn bà này, theo mẹ nên mới đặt tên trong tất cả luật hữu bộ đều có nói ra.

Củ-ma-la-đa ngược lại âm câu vũ cũng có viết Cưu-ma đây gọi là đồng thủ gọi là các đồng tử trong thượng thủ.

Ớt-đa-la-tăng ngược lại âm ô một xưa nói là Uất-đa-la cũng gọi là Út-đa-la đây gọi là y đắp mặc. Đây gọi là y thường đắp mặc rất cần

thiết, trên hết cũng gọi là y giải thoát.

Kiều đáp di xưa nói là kiều đàm di, hoặc nói là cù di đều sai. Đây nói mười hai người nữ đi đầu. Trong kinh nói rằng: Người nữ này có trí tuệ rất sáng suốt.

Bác hý văn cổ viết là bạc cũng đồng, ngược lại âm bổ mạc sách Phương Ngôn cho rằng: Bác hoặc gọi là kỳ sách Thuyết Văn nói bạc cục hý là sáu chiếc đũa con cờ. Xưa gọi ô trụ viết là bạc cũng gọi là trợ

Cúc nghiệt ngược lại âm ngư liệt sách Thuyết Văn cho rằng: Mầm hạt gạo gọi là hạt thóc, lúa mạch ngâm vào nước nẩy mầm.

Vẫn nhưỡng ngược lại âm ư vấn ngược lại âm dưới như lượng sách Thuyết Văn cho rằng: Vẫn là cất rượu, làm rượu, ủ rượu, gọi là những là men rượu, nấu ủ gây men rượu.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 39

Báng độc ngược lại âm âm đồ mộc theo Tả Truyện cho rằng: Người dân không có lời oán trách, oán hận. Đổ Dự cho rằng: Độc là lời chê bai phỉ báng. Quảng Thất cho rằng: Độc ác sách Phương Ngôn cho rằng: Độc là đau khổ.

Thâm khiên văn cổ viết chữ khiên hai chữ tượng hình cũng đồng, trụ văn viết khiên nay viết chữ khiên cũng đồng, ngược lại âm khứ liên sách Thuyết Văn cho rằng: Khiên là tội lỗi, sai sót.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 40

Sơn trạch ngược lại âm trực cách thủy tụ lại gọi là trạch Thích Danh cho rằng: Người ở Luyến Châu gọi là trạch. Nói tóm lại trạch là nước ngưng chảy đình lại ngưng đọng lại một chỗ như trong cái nắm tay.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 41

Môi cấu ngược lại âm âm cô hậu Bạch Hổ Thông cho rằng: Cấu là hậu tức kết hôn thành hôn gọi là cấu.

Vô cô ngược lại âm cổ hồ sách Nhĩ Thất cho rằng: Cô là tội lỗi.

Ách uyển lại viết chữ cách cũng đồng, nhiếp ư trách sách Thuyết Văn cho rằng: Ách là nắm giữ cổ tay gọi là ách Quảng Thất cho rằng: Ách là giữ lấy, sách Kử Ký cho rằng: Là nói biểu thị sự đồng tình.

Dụng dương ngược lại âm sắc lượng Quảng Thất cho rằng: Dương là đạt tới rõ ràng.

Huy đao ngược lại âm hứa quy sách Thuyết Văn cho rằng: Huy là bay lên, gọi là phấn chấn, hưng phấn lên.

Hấp thủy văn cổ viết chữ hấp hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hy cập Quảng Thất cho rằng: Hấp là uống vào, hít hơi thở vào.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 42

Chú trở lại viết chữ chú sách Thuyết Văn viết chữ thù cũng đồng, ngược lại âm chi thọ thù trở là nguyền rủa, âm dưới văn cổ viết chữ cứ cũng đồng, ngược lại âm trắc cứ sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc chúc gọi là lấy lời tốt xấu mà chúc nhau, trở là ngăn trở, gọi là sai khiến người làm việc ngăn trở, trong lời nói ngăn trở việc làm của người.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 43

Ca-lật-sa-bát-nã lại viết là Ca-lý-sa-bát-nã âm nã ngược lại âm nữ giá. Bát-nã đây dịch là mười sáu điều đồng bất nã là một Ca-lợi-sa-bát-nã.

Lậu một văn cổ viết chữ một cũng đồng, ngược lại âm Nô-cốt lậu là xấu, bỉ lậu hèn hạ, cũng gọi là tiểu nhân. Nột là chậm lụt đần độn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nột là khó khăn.

Thất-lợi-cúc-đa đây dịch nghĩa là kiết tường tốt đẹp. Xưa nói là Thi-lợi-cúc-đa là sai vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 44

Mai-đát-lệ-dược ngược lại âm âm đô đạt đây dịch là từ tức xưa gọi là từ thị đó là từ có hai nhân duyên. Một là trực từ tức là Phật phát tâm; hai là sơ từ tức là tâm tam muội. Bởi vì vậy mà gọi tên, nói là Di-lặc hoặc nói là Mai-để-lê là sai vậy.

Hãn văn ngược lại âm hồ hãn hãn là hiếm ít người cô quả, góa bụa kham chịu cô quả gọi hãn chữ viết từ bộ can đế bộ võng.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 45

Câu-chỉ-la-điểu ngược lại âm cư nhĩ hoặc là viết câu trước là đây dịch là con chim có tiếng hót hay.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 46

Khách quán lại viết chữ quán cũng đồng, ngược lại âm cổ ngoạn gọi là nhà khách, sách Chu Lễ cho rằng: Năm mươi dặm có một nhà khách, có một ũy tích dùng để chiêu đãi khách mời.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 47

Lượng tương ngoại đạo cụ phược ca.

Na-địa-ca-thành đây dịch là chim kêu, hoặc gọi là hà chủ thành thuộc quận thị Ca Lâm. Đây gọi là túi vải bố thưa thô tên gọi là lâm.

Lam-bác-ca-kinh đây nói là viết kinh là động.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 48

San-nhã-bà-bệnh ngược lại âm tang can đây nói là phế bỏ bệnh phong, khi phát ra là không khởi lại.

Bảo ngọan văn cổ viết chữ ngoạn cũng đồng, ngược lại âm ngũ hoán Tự Lâm cho rằng: Làm trò vui chơi cười đùa. Quảng Thất cho rằng: Vui chơi.

- Quyển 49, 50 Trước không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 51

Ngu tráng ngược lại âm đô giáng sách Thuyết Văn cho rằng: Ngu si tráng là ngu độn.

Ư khối văn cổ chữ khối cũng đồng, ngược lại âm khổ đối khối là đắp đất thành đống khối, khối đất.

Ngu mong lại viết chữ mong cũng đồng, ngược lại âm mạc công mong gọi là che lấp không sáng suốt, tối tăm, vô tri không biết gì cả.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 52

Danh giá lại viết chữ giám cũng đồng, ngược lại âm cở sàm sách Quảng Thất cho rằng: Giám là chiếu soi, sáng rực rở, giám chỗ gọi là giám sát hình tượng, soi xét.

Ngụy thiết ngược lại âm cư hủy gọi là dối trá không có chân thật, cũng gọi là khinh khi.

Khoa đản ngược lại âm khổ hoa ngược lại âm dưới đồ đàn Văn Thông Dụng cho rằng: Tự kiêu căng gọi khoa sách Ích Pháp nói rằng: Khoác lát không thật gọi là khoa. Đản là khinh mạn, không chân thật tự cao, tự đại.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 53

Khế vô lại viết chữ khế Thiên Thương Hiệt viết chữ khế cũng đồng, ngược lại âm khư lệ sách Nhĩ Thất cho rằng: Khế là nghỉ ngơi.

Toàn toại laịo viết chữ toại cũng đồng, ngược lại âm từ tưng chỗ sinh ra lửa, sách Luận Ngữ cho rằng: Toàn toại là đổi lấy lửa, Thế Bổn cho rằng: Tạo ra lửa đó gọi là toại, dụng cụ để người ta làm ra lửa vì vậy mà đặt tên gọi vậy.

Ma-kiền-địa-ca khế kinh.

Ba đào ngược lại âm đồ lao Tam Thương cho rằng: Sóng lớn gọi là đào.

Tứ cầu ngược lại âm tập từ tiên sử hai âm. Tự Lâm cho rằng: Tứ là hầu hạ, tứ là theo dõi giám sát để hầu hạ.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 54

Hy di ngược lại âm hư chi chữ chi hai âm, sách Thuyết Văn cho rằng: Hy di là vui vẻ, hòa thuận, sách Phương (770) ngôn cho rằng: Di là vui vẻ tốt đẹp. Giữa Tương Đàm gọi là ban di hoặc gọi là hy di.

Đam thoại trụ văn viết chữ hội văn cổ viết chữ thoại chú hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ khoái theo Thanh Loại nói rằng: Thoại là nói sai, Quảng Thất cho rằng: Thoại là nói đùa bởn cợt, điệu cũng gọi là làm trò đùa vui.

Ngận lệ ngược lại âm hồ khẩn ngược lại âm dưới là lực kế ngận là làm trái lại, lệ làm cho cong lại, chữ viết từ bộ xước thanh cấn.

Toan nghê ngược lại âm tiên hoàn ngược lại âm dưới ngũ hề tức là con sư tử. Xuất ra từ nước Tây Vực. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Toan nghê

là con mèo mà to lớn, hay ăn thịt hổ báo, sách Mục Thiên Tử Truyện nói rằng: Toan nghê gọi là đi năm trăm dặm âm bàng ngược lại âm thổ bản

Si cấu ngược lại âm sung thi sách Thuyết Văn cho rằng: Si là tập trung lại, cũng gọi là ghèn trong mắt, âm tập ngược lại âm mạc kiết.

Giới xĩ ngược lại âm hạ giới sách Thuyết Văn cho rằng: Răng bằng khít với nhau, Tam Thương cho rằng: Nghiến răng.

Thân tỏa ngược lại âm tài qua Quảng Thất cho rằng: Tỏa là thấp lùn, ngắn, Văn Thông Dụng cho rằng: Thấp lùn gọi là tỏa.

Khoa huyển văn cổ viết chưc huyển hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ miến công huyền hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Huyển là đi nói khoe khoang noío rằng: Khoe ngọc, nhưng bán đá.

Tuẫn danh ngược lại âm từ tuấn Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tuẫn là cầu, Quảng Thất cho rằng: Ham danh không kể gì thân mạng sống.

Văn thức ngược lại âm vũ phân ngược lại âm dưới thư dực Quảng Thất cho rằng: Vấn thức tức là lau chùi bụi bặm, cũng gọi là cứu giúp, sách Nhĩ Thất cho rằng: Lau chùi cho sạch nói vấn thức đó là chỗ đã lau chùi cho sạch sẽ thanh khiết.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 55

Vũ miệt văn cổ viết chữ vũ cũng đồng, ngược lại âm vọng phủ Quảng Thất cho rằng: Vũ là khinh nhờn, sách Thuyết Văn cho rằng: Vũ là khinh thường, xem thường, gọi là khinh nhờn.

- Quyển 56 Trước không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 57

Câu-chỉ-la ngược lại âm lặc lý xưa nói là Ma-ha-câu-xi-la đây dịch là đại tất. Tất là xương đầu gối to lớn, tức là cậu của Ngài Xá-lợi-tử. Căng móng ra, tượng trưng cho người phạm chí.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 58

Bình khí ngược lại âm ty lĩnh bình là vật che chắn, ẩn bên trong, che giấu.

Hiếp-tôn-giả ngược lại âm hư nghiệp tức là trong phó pháp tạng Ba-xà-tỳ-khưu thường ngồi, người này từng thệ rằng xương hông không dính đất, nghĩa là ngồi không có nằm, cho nên gọi tên vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 59

Quy độ lại viết chữ quy cũng đồng, ngược lại âm cửu xuy âm dưới là đồ các quy là cầu mưu tính quy là mực thước mô phạm. Thế Bổn cho rằng: Quy là cái com-pa dụng cụ để vẽ hình tròn, thước ê-ke vẽ hình vuông, chữ viết từ bộ phu đến bộ kiến văn nói Phàm thấy tất thông suốt, hợp với quy cách mẫu mực vậy.

Hồi phục ngược lại âm hồ hối âm dưới là phò phúc Tam Thương cho rằng: Hồi là nước xoáy chuyển phục cũng là nước xoáy sâu.

Hạp ố văn cổ viết chữ hạp cũng đồng, ngược lại âm hồ giáp hạp là cận kề một bên, Quảng Nhã cho rằng: Hạp là thói quen, quen lớn gần giũ, bởn cợt, cười đùa vậy.

Bạc-củ-la ngược lại âm câu vũ xưa nói là Bạc-câu-la. Đây dịch là thiện dung hợp gìn giữ một là không sát, ngũ giới được năm mà không phạm lỗi lầm.

Diên di các sách đều viết diên di diên bốn chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tường diên Tự Lâm cho rằng: Trong lòng ham muốn nên miệng chảy nước dãi, cũng gọi là đứa trẻ thường chảy nước dãi.

Ban bác lại viết chữ biện cũng đồng, ngược lại âm bổ biến Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ban là màu sắc lẫn lộn, loang lổ có vằn gọi là ban.

Ly ám ngược lại âm lực hề ngược lại âm dưới ư trảm Văn Thông Dụng cho rằng: Ban là màu đen cũng là ly ảm tối tăm.

Tiếu đệ ngược lại âm đồ kế sách Toán cho rằng: Cố quay đầu lại nhìn gọi là đệ Đệ cũng là nhìn nghiêng, sách Lễ Ký cho rằng: Không dám nhìn thẳng.

Đạm phạ ngược lại âm đồ tạm ngược lại âm dưới thất bạch sách Thuyết Văn cho rằng: Đạm là an phạ là tĩnh. Lại cũng gọi là vô vi tự đắc.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 60

Thác mang Bì Thương cho rằng: Viết chữ bị Đông Quán Hán Ký viết chữ bài cũng đồng, ngược lại âm bì bái nay gọi là lò đúc ống gia dụng dùng để thổi lửa khiến cho lửa cháy sáng rực lên.

Thặng biện ngược lại âm thực chúng thặng giống như là dư thừa nhân ra vậy.

Hình khỏa văn cổ viết chữ hình cũng đồng, ngược lại âm hồ định Tự Lâm cho rằng: Cẳng từ chân lên đầu gối. Thích Danh cho rằng: Hình cũng gọi là tầm ngược lại âm tự lâm sách Tiểu Thất cho rằng: Bốn thước là một nhẫn gọi là tầm là bồi thêm vào tầm gọi là thường, sách Phương Ngôn cho rằng: Tầm là dài lâu.

Duy cục ngược lại âm cù ngọc sách Tiểu Thất cho rằng: Cục là đến gần sát, sách Tiểu Thất cho rằng: Cục là phân ra, bộ phận, tả hữu chia thành phần ai coi phần nấy, chữ viết từ bộ khẩu đến bộ cú trong bộ xích dưới.

- Quyển 61 Trước không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 62

Khả kế ngược lại âm trắc ký Quảng Thất cho rằng: Xí là khỏang giữa trống, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Xí là thứ lớp tạp nhơ nhớp.

- Quyển 63, 64, 65 Trước không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 66

Ớt đạt lạc ca hạt la ma đây dịch là cực vui, cực hỷ.

Khảo lượng ngược lại âm khô lảo khảo gọi là chất khảo hạch thi cử đính chính, sửa sai.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 67

Ly mị lại viết chữ ly hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lặc tri âm dưới lại viết chữ vật sam hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm mạc ký sách Thuyết Văn cho rằng: Tinh của lão vật Văn Thông Dụng cho rằng: Kỳ quái ở sơn trạch, núi sông gọi là ly mị.

Xung hư sách Thuyết Văn viết chữ xung cũng đồng, ngược lại âm trừ long Tự Thư cho rằng: Xung là bay vọt lên không trung.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 68

Tự vẫn văn cổ viết chữ vẫn cũng đồng, ngược lại âm vong phân sách Tự Lược cho rằng: Đoạn cái đầu gọi là vẫn Vẫn là cắt lìa ra, Văn Thông Dụng cho rằng: Tự vẫn là khắc vào cổ gọi là vẫn.

Dung ngu ngược lại âm du dung dung gọi là thường ngu, đoãn trí vậy.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 69

Tôn-vân-thú-nã ngược lại âm Nô-da.

Cự phú ngược lại âm kỳ lữ sách Tiểu Thất cho rằng: Cự là to lớn, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Tề Lỗ gọi to lớn là cự.

Thú-na-phỉ-nghi ngược lại âm phu phỉ theo Mao Thi Truyện cho rằng: Phỉ là đến trao đổi tơ lụa. Theo truyện cho rằng: Phỉ là giặc cướp, không phải trao đổi tơ lụa.

Phó dược ngược lại âm phương vụ phó là phụ cận, cũng gọi là bám vào, thoa vào, sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm uống thuốc mà có độc tức bám vào mà hại

Manh nha văn cổ viết chữ manh cũng đồng, ngược lại âm mạch canh Quảng Thất cho rằng: Manh là bắt đầu, manh cũng là tối tăm u ám.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 70

Miểu nhiên ngược lại âm vọng chiểu miểu là nhìn xa, cũng gọi là sâu thăm thẳm, rộng lớn.

Khể trì ngược lại âm cổ hề sách Thuyết Văn cho rằng: Lưu lại dừng lại gọi là khể

- Quyển 71, 72 đều không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 73

Yết-địa-la ngược lại âm khư yết xưa nói là Khư-đà-la tên của cây.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 74

Tư sản ngược lại âm tử tư sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Đông Sở gọi là phàm người mắn đẻ mà sinh đôi, ly-tư ngược lại âm dưới sở hạn gọi là sinh sôi nẩy nở tăng trưởng giống gọi là sản sách Thuyết Văn cho rằng: Sản là sinh đẻ.

Triều cống ngược lại âm cổ lộng gọi là cống hiến cho, dâng nạp. Quảng Thất cho rằng: Cống là dâng lên bực trên.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 75

Mậu dịch ngược lại âm mạc hậu sách Tiểu Thất cho rằng: Mậu là trao đổi. Tam Thương cho rằng: Mậu cũng là trao đổi.

Tẫn truất lại viết chữ truất cũng đồng, ngược lại âm sĩ luật Quảng Thất cho rằng: Truất là đuổi đi, cũng gọi là buông thã cho đi, phóng thích, cũng là thối lui.

Iêu kiện ngược lại âm cổ nhiêu Quảng Thất cho rằng: Kiêu cũng là kiện Gọi con ngựa có sửa mạnh, dũng mãnh, chạy mau, phóng nhanh, sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa tốt, ngựa hay, thuộc tuấn mã.

Hoài dựng văn cổ viết chữ dựng cũng đồng, ngược lại âm di chứng bao hàm thật gọi là dựng Tam Thương cho rằng: Dựng là ôm đứa con trong lòng. Quảng Thất cho rằng: Dựng là hoài thai, người đàn bà mạng thai, chữ từ bộ tử đến bộ nãi sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng là chữ hoài âm hoài.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 76

Hỏa chung ngược lại âm chi dung nay Giang Bắc Thông gọi là trung tức là loại châu chấu, gọi là chung cũng gọi là kỳ chung đều một tên trung thuộc loại tư trung đều một tên, cũng là công tư tục viết là xuân thử công ngược lại âm tư dung âm tư ngược lại âm tư dữ

Thệ đa ngược lại âm thời chế đây dịch là chiến thắng, là nước thắng Câu-tát-la, con của vua Ba Tư Nặc thái tử vừa mới đản sanh trong cung vua, phá giặc quân tặc loạn quân trong cung, nge lời tâu vì vậy mà đặc tên. Xưa gọi là kỳ đà hoặc (773) gọi là Di-đa.

- Quyển 77 Trước không có âm.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 78

Nhiễu loạn Tam Thương là nải liểu nhiễu là quấy phá, gọi là làm nhiễu loạn, đùa nghịch làm trò đùa.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 79

Sa thích ngược lại âm thất diệc cát trong nước chảy tràn ra sõi đá, bãi cát nước cạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Bãi đất nhỏ nổi lên trong nước có đá sỏi gọi là thích âm than ngược lại âm thổ đan.

CHỈ ÂM A-TỲ-ĐẠT-MA THUẬN CHÁNH LÝ LUẬN QUYỂN 80

Xa xỉ ngược lại âm mạo thị xỉ cũng là xa gọi là phung phí quá mức.

Ni tư ngược lại âm nữ liệt tên nước. Xưa nói là nước Ba-la-nại.

Ôc lệ ngược lại âm bổ bốc ngược lại âm dưới là lực kế. Quảng Thất cho rằng: Đứa đầy tớ chưa quá mười lăm tuổi theo hầu phục dịch để sai khiến, phốc là thân cận, gần gũi, gần để theo người, sách Chu Lễ cho rằng: Người bé trai bị ghép vào tội lệ. Trịnh Chúng cho rằng: Làm nô lệ kẻ hạ tiện hàn, sai khiến phục dịch.

Cầu tình lại viết chữ tinh hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tự dinh theo Thanh Loại cho rằng: Mưa vừa mới tạnh gọi là tình tình cũng là tinh minh sáng sạch, trời trong xanh.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 72

- Âm Hiển Tông luận bốn mươi quyển - Huệ Lâm.
- A-tỳ-đàm-tâm luận bốn quyển - Huyền Ứng.
- Pháp Thắng A-tỳ-đàm-tâm luận sáu quyển - Huyền Ứng.
- Tạp A-tỳ-đàm-tâm luận mười một quyển - Huyền Ứng.

Bên phải bốn luận sáu mươi mốt quyển đồng âm với quyển này.

HIỂN TÔNG LUẬN

Hiển Tông luận Tam tạng Thánh giáo tựa âm nghĩa trước ban đầu quyển thứ nhất tựa đầu đã giải thích đầy đủ rồi. Đây chỉ lược mà không âm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 1

Phái diễn ngược lại âm trên phách mại sách Quảng Thất cho rằng: Phái là nước tự phân rẽ ra chảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Phái là nước chảy xuyên ngã khác, nước theo chảy ngược lại. Theo Lệ sách viết chữ phái Văn Luận viết từ bộ thủy cũng đồng, ngược lại âm dưới diên điển Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Diển là dẫn, Vi Thiệu cho rằng: khí thủy thổ thông là diển Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Diển là kéo dài sách Thuyết Văn cho rằng: Diển là trường lưu nước chảy dài lâu kéo dài, chữ viết từ bộ thủy thanh dần

Vi toát ngược lại âm tổ hoạt Tự Lâm cho rằng: Toát là dùng tay nắm giữ lấy. Sách Thuyết Văn Tự Điển nói rằng: Toát là ba ngón tay chụm lại gom lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh tối.

Đàm đẳng ngược lại âm trên đường cam sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: Bệnh tật, sách Khảo thanh cho rằng: Bệnh trong ngực, trong lá lách bệnh có đàm, nước tức bệnh phổi, sách Văn Tự Điển nói: Chữ

viết từ bộ tật ngược lại âm nữ ách thanh đạm Văn Luận viết chữ đàm là chẳng phải.

Quyên trừ ngược lại âm quyết duyên sách Thượng Thư cho rằng: Thượng đế không từ ai. Sách Phương Ngôn cho rằng: Nam Sở gọi là bệnh tật mau lành là quyên sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thục thanh ích.

Thông duệ ngược lại âm trên thương hồng sách Thượng Thư cho rằng: Nghe rõ gọi là thông lại viết chữ triết Khảo Thanh cho rằng: Thông là tai nghe rõ ràng, chính xát, sách Thuyết Văn cho rằng: Chính xát chữ viết từ bộ nhĩ Thanh Thông âm thông ngược lại âm thốc hồng ngược lại âm dưới duyệt huệ sách Thượng Thư cho rằng: Duệ là làm bậc thánh, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cho rằng: Duệ là tinh của tư duy, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Duệ là sáng tỏ sâu sa chữ viết từ bộ duệ đến bộ cốc tóm lược thanh mục âm duệ ngược lại âm tại an.

Năng khữ ngược lại âm khư ngư theo Hàn Thi ngoại truyện cho rằng: Khử là bỏ đi trừ bỏ, theo Khảo Thanh cho rằng: Khư là bỏ, trừ đi sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh khứ.

Hiêu báng ngược lại âm hư kiều Cố Dã Vương cho rằng: Hiêu giống như huyên náo ồn ào, Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hiêu là chỗ đông người ồn ào, sách Thuyết Văn cho rằng: Khí xuất lên đầu, chữ viết từ bộ hiệt thanh tập âm tập là âm tập ngược lại âm dưới bác bàng sách Khảo Thanh cho rằng: Báng là lấy lời nói mà hủy nhục người, nguyền rủa, nói xấu, sách Thuyết Văn cho rằng: Báng là hủy nhục người, chữ viết từ bộ ngôn thanh báng.

Điên trụy âm trên điển niên sách Tiểu Thất cho rằng: Điên là đỉnh cao. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Điên là lo buồn, suy nghĩ ưu tư, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hiệt Thanh chân ngược lại âm âm dưới là mộc loại Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trụy giống như rơi rớt xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ trụy là từ trên cao mà rơi xuống thấp, chữ viết từ bộ phụ đến chữ toại thanh tĩnh đến bộ thổ đó là tục dùng cũng thông dụng.

Ế mạc ngược lại âm trên nhất kế sách Lược cho rằng: Ế là mắt bị ngăn che chướng ngại, sách Y Văn Tự Điển nói rằng: Ế là mắt bệnh chữ viết từ bộ mục thanh y âm đồng với âm trên ngược lại âm dưới mạng bác sách Thuyết Văn cho rằng: Mạc là màng mỏng, màng thịt mỏng, chữ viết từ bộ thảo thanh mạc.

Tiêu gia ngược lại âm trên là tất diêu Chiên quốc nói rằng: Đưa cao lên làm tiêu biểu rất cao. Quảng Thất cho rằng: Tiêu là tâng bốc

khen ngợi, đề cao nhau, sách Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh tiêu âm tiêu đồng với âm trên.

Phạt-sa ngược lại âm dưới thương hà tiếng Phạm.

Phiêu hữu hải ngược lại âm thất diêu sách Thuyết Văn cho rằng: Phiêu là nổi trên mặt nước, chữ viết từ thủy thanh tiêu âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 2

Thấp noãn ngược lại âm trên thâm nhập Cố Dã Vương cho rằng: Thấp là ướt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Thấp là chỗ tối tăm ẩm thấp, chữ viết từ bộ tư đến bộ nhất đất bị che mà có nước cho nên ẩm thấp. Tư văn cổ viết chữ u Văn Luận viết chữ thấp này là chẳng phải, ngược lại âm dưới nô đoản sách Thuyết Văn noãn là ấm áp, chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyển âm nhuyển nhân nhi nhuyển.

Đẳng hoàng ngược lại âm hồ mãnh sách Thuyết Văn cho rằng: Hoàng là thiết đồng còn nguyên chất chưa có biến ra, chữ viết từ bộ thạch thanh hoàng.

Đà miêu ngược lại âm trên Đà-la kinh Sơn Hải nói rằng: Trên núi có nhiều con hổ mang vác đồ đạt gọi là đà Quách Phác chú giải, sách Nhĩ Thất rằng: Con lạc đà mang vác đồ đạc trên lưng, lưng con lạc đà có gù lên cục thịt, nghĩa là mang vác ngàn cân, biết nơi nào có giếng nước, suối nước. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh âm đà ngược lại âm dưới là uyển bao sách Lễ Ký cho rằng: Đón con mèo, gọi là đem con mèo hay bắt chuột đồng. Cố Dã Vương cho rằng: Con mèo giống như con hổ mà nhỏ hơn, người ta hay nuôi trong nhà để bắt chuột, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thỉ thanh miêu Văn Luận viết từ bộ khuyển biết thành chữ miêu tục dùng thông dụng âm thỉ là âm trỉ.

Si đẳng ngược lại âm xỉ chi Tự Thư cho rằng: Si là thuộc giống diều hâu, Tự Lâm, Thống Tự đều cho rằng: Si là loài chim ưng to lớn, si cũng gọi là mang điểu dữ tợn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điểu thanh để âm mang ngược lại âm mạc giảng âm để ngược lại âm để nê Tự Thư lại viết từ bộ chí viết thành chữ chí âm nghĩa đều đồng nhau.

Phân tích ngược lại âm tinh lịch Cố Dã Vương cho rằng: Phân tích sách Khảo Thanh cho rằng: Tích là mỗ xẻ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chặt phá cây, chữ viết từ bộ mộc thanh cân chữ hội ý.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 3

àng kích ngược lại âm trên độc giang Cố Dã Vương cho rằng: Tràng cũng là kích Quảng Thất cho rằng: Tràng là đâm vào va vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Tràng là dùng tay đánh gõ, chữ viết từ bộ thủ thanh đồng, âm tấn là âm tín ngược lại âm dưới kinh diệc Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư cho rằng: Kích là phũi, vỗ nhẹ. Cố Dã Vương cho rằng: Kích là đánh công kích, xông vào, Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Kích giống như là động, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh kích âm kích đồng với âm trên.

Khiếu khích ngược lại âm trên khinh yếu Trinh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiếu là lỗ, sách Thuyết Văn cho rằng: Lỗ không, trống rỗng, chữ viết từ bộ huyệt thanh khiếu âm khiếu ngược lại âm kiếu âm dưới hương nghịch Cố Dã Vương cho rằng: Khích là khe hỏng xuyên qua, sách Thuyết Văn cho rằng: Vách tường nức có khe lỗ hỏng, chữ viết từ bộ phụ thanh khích âm khích đồng với âm trên.

Nhiên tạ ngược lại âm tình dạ Ứng Thiệu giải thích rằng: Cỏ khô làm chiếu gọi là tạ sách Thuyết Văn cho rằng: Tạ là lễ bày ra cúng tế, chữ viết từ bộ thảo thanh tích âm tích là âm tịch.

Phòng viện ngược lại âm trên là phù vong Trịnh Tiển chú giải. Mao Thi Truyện rằng: Phòng cũng là viện sách Thuyết Văn cho rằng: Phòng là cái đê ngăn chặn nước tràn, chữ viết từ bộ phụ thanh phương âm dưới là viên nguyện sách Quốc ngữ cho rằng: Được lân bang bốn bên trợ giúp, theo Tả Thị truyện nói rằng: Cần phải kết hợp lại đại đoàn kết lớn lao để trợ giúp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh viên.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 4

Khứu thường ngược lại âm trên hưu hựu sách Luận Ngữ cho rằng: Ngữi ba lần mới ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng mũi chính để ngữi chữ viết từ bộ tỵ thanh xú âm xú ngược lại âm xủ thú.

Phả-tri-ca ngược lại âm trên Phá-ba âm giữa trí ly tiếng Phạm. Xưa dịch là pha lê, giống như thủy tinh, lại chẳng phải thủy tinh. Nhưng

mà cũng cùng một loại pha lê.

Nhãn hiểm ngược lại âm kiếp yểm sách Giai uyển chu tòng nói rằng: Liểm là bên mí mắt lông mi. Văn Tự Điển nói da ngoài mí mắt, sách Khảo Thanh cho rằng: Liểm là mắt, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh liểm âm liểm ngược lại âm tiếp diêm.

Hưu lưu âm trên hưu âm dưới là lưu tức là loài chim ban ngày thì nằm, ban đêm thì bay đi tìm thức ăn theo tiếng kêu của nó mà gọi tên, hoặc gọi là chim ác hầu, loài chim quái lạ chưc viết từ bộ điểu hai chữ đều chữ hình thanh.

Trù trừ ngược lại âm trên trụ lưu ngược lại âm dưới dư lư sách Khảo Thanh cho rằng: Trù trừ giống như là không đi. Lại gọi là bồi hồi đi đi lại lại. Theo Hàn Thi ngoại truyện nói rằng: Gãy đầu trù trừ, do dự xưa nay Chánh Tự cho rằng: Trù trừ là nói do dự, đều từ bộ túc đều thanh thụ trước.

Hoạt sáp ngược lại âm trên hoàn bát Quảng Thất cho rằng: Hoạt là trơn mịn đẹp, sách Thuyết Văn nói hoạt là danh lợi, chữ viết từ bộ thủy thanh cốt âm mỹ là âm mỹ ngược lại âm dưới sâm tập vương dật chú giải sách Sở Từ rằng: Sáp là khó Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Sáp giống như không trơn láng, sách Thuyết Văn cho rằng: Sáp là không có trơn sần sùi, chữ viết từ bộ chỉ hai bộ thẳng, hai bộ ngược, hoặc là viết chữ sắc Văn Luận viết từ bộ thủy viết thành chữ sáp Tực tự dùng là chẳng phải.

Toan hoa ngược lại âm tủy hợi sách Khảo Thanh cho rằng: Toan đó gọi là hồ toan tên của loại rau có mùi thơm, sách Thuyết Văn cho rằng: Toan là có thể bỏ vào miệng làm thơm, chữ viết từ bộ thảo thanh tuấn âm tuấn ngược lại âm thất tuần.

Hoa mộc âm trên hoa hóa sách Khảo Thanh cho rằng: Tên cây hoa mộc Tự Thư cho rằng: Viết chữ sư lại cũng viết chữ hoạnh sách Thuyết Văn cho rằng: Cây mộc hoa chữ viết từ bộ mộc thanh hoa.

Chỉ tang ngược lại âm tang lãng Bì Thương cho rằng: Cây gỗ làm cái trống, Văn Tự Điển và sách Thuyết Văn cho rằng: Tang là thân trống chữ viết từ bộ hồ thanh tang âm hủ là âm hồ.

Chỉ đạp ngược lại âm dưới đàm cáp Thanh Loại viết chữ đạp chỉ đạp sách Khảo Thanh cho rằng: Đạp da nhuyển bên trong. Âm nột là âm nột xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đạp là không xuyên qua được chữ viết từ bộ vi thanh đạp âm đạp đồng với âm trên, lại cũng viết từ bộ cách viết thành chữ đạp cũng thông dụng.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 5

Tường tiệm ngược lại âm trên tương dương Cố Dã Vương cho rằng: Tường là bức tường vách tường cao, theo Tả Truyện cho rằng: Con người có bức tường để ngăn che điều xấu, sách Thuyết Văn cho rằng: Tường là vách tường để ngăn che, chữ viết từ bộ sắc thanh tường âm sắc ngược lại âm sử lực âm tường là âm tường ngược lại âm dưới thiên diểm Quảng Nhã cho rằng: Tiệm là cái hầm. (774) Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là ao bao quanh thành là tiệm xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh trảm.

Xĩ ngạc ngược lại âm dưới ngang các sách Khảo Thanh cho rằng: Ngạc là lợi răng, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ cốc âm cốc ngược lại âm cự khước cốc là cái hang trong miệng tức hầm ếch, há miệng ra chữ tượng hình, Văn Luận viết chữ ngạc tục tự chuyên dùng.

Thủ dịch ngược lại âm dinh ích Bì Thương cho rằng: Dịch là khủy tay sáu tức cùi chỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Dịch giống như dưới nách, chữ viết từ bộ nhục thanh dạ âm cách là thanh các.

Thôn tước ngược lại âm tường lược sánh Hoài Nam Tử nói rằng: Tước là không thể không có mùi vị mà nuốt vào cổ họng, Quảng Thất cho rằng: Tước là nhai, sách Văn Tự Điển nói tước cũng là tự tức là nhai, chữ viết từ bộ khẩu thanh tước âm tự ngược lại âm tường dự.

Từ thạch ngược lại âm tự tư Bì Thương cho rằng: Từ cũng là thạch xưa nay Chánh Tự cho rằng: Từ thạch là thiết thạch, tức là đá nam châm, chữ viết từ bộ thạch thanh từ lại cũng viết chữ tư.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 6

Trích phạt ngược lại âm trên trào cách Đổ Dự chú giải, Tả Truyện rằng: khiển trách, Giả Quỳ chú giải, sách Quốc ngữ cho rằng: Trách mắng tội lỗi, Văn Tự Điển nói: Chỉ trích quở trách cũng gọi là phạt, chữ viết từ bộ ngôn thanh trích âm đích là âm đích.

Dũng hãn ngược lại âm trên dung dũng Cố Dã Vương cho rằng: Dũng gọi là quả cảm quyết đoán, theo Tả tuyện cho rằng: Có đầy đủ nghị lực gọi là dũng, sách Ích Pháp cho rằng: Biết trước là chỗ chết mà

không tránh gọi là dũng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ lực thanh dũng âm dũng là âm dũng Văn Luận viết chữ dũng tục tự dùng chẳng phải, ngược lại âm dưới hàn thã Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hãn là kiệt chống đở có sức mạnh, Cố Dã Vương Dám ăm thịt đó gọi là dũng cảm, mà còn gọi là hung hãn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hãn cũng là dũng chữ viết từ bộ tâm thanh hãn âm kiệt ngược lại âm ngược nghiệt.

Đăng mộng ngược lại âm trên đằng đăng ngược lại âm dưới mặc bằng sách Khảo Thanh cho rằng: Đăng mộng là mới vừa nằm ngủ lại ngồi dậy rầu buồn, lo âu, âm lăng là âm lăng Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mộng là buồn rầu, sách Văn Tự Điển nói: Mộng là con mắt không sáng, chữ viết từ bộ mộng đến bộ tuần âm tuần ngược lại âm hồ quyên

Mộng hội ngược lại âm trên mặc băng ngược lại âm dưới khôi hối Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hội là loạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hội cũng là loạn, chữ viết từ bộ tâm đến thanh hội.

Cố miến ngược lại âm dưới miên kiến sách Phương Ngôn cho rằng: giữa Tần Tấn chi rằng: Liếc nhìn gọi là miến sách Thuyết Văn cho rằng: Miến là nhìn nghiêng, gọi là liếc xéo, chữ viết từ bộ mục thanh miến âm miến ngược lại âm miên điện.

Xác chấp ngược lại âm trên khống giác Hàn Khang Bá chú giải, sách chu dịch rằng: Xác là cứng chắc, Thống Tự cho rằng: Xác là gõ bên trong cứng chắc, sách Khảo Thanh cho rằng: Xác là cứng chắc kiên cố, chữ viết từ bộ thạch thanh xác âm xác đồng với âm trên.

Ngạo dật ngược lại âm trên ao cật Quảng Nhã cho rằng: Ngạo mạn, khinh thường, Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngạo là không cung kính, sách Văn Tự Điển nói: Kiêu ngạo, chữ viết từ bộ nhân thanh ao âm ao ngược lại âm ngũ cao Phiêu xí ngược lại âm tất diệu ngược lại âm dưới si chí Quảng Nhã cho rằng: Xí là cái phướn, sách Khảo Thanh cho rằng: Xí là cờ có viết chữ, hoặc là vẽ rồng rắn, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ cân thanh thức âm thức ngược lại âm chưng thực.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 7

Yển giang ngược lại âm trên yên hiến Cố Dã Vương cho rằng: Yển là chỗ chứa nước, sách Khảo Thanh cho rằng: Yển là lấp bít lại tắc

nghẻn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ phụ thanh yển âm yển đồng với âm trên, Văn Luận viết chữ yển tục dùng cũng thông dụng.

Cương phó ngược lại âm trên khước hương ngược lại âm dưới bằng bắc sách Khảo Thanh cho rằng: Té nhào phía trước, theo Thanh Loại cho rằng: Cương là ngã trên đất, sách Văn Tự Điển nói rằng: Cương cũng là phó phó cũng là cương đều một nghĩa là té ngã, chữ viết từ bộ nhân đều thanh cương bốc âm cương đồng với âm trên, viết chữ phó lại âm phó giải thích cũng đồng, âm phấn ngược lại âm bổ vận.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 8

Ôn giá giới ngược lại âm trên ôn cớt tếng Phạm.

Suy-a-nhất-y ngược lại âm trên A-khả âm kế A-cố ngược lại âm dưới nhân dật đều tiếng Phạm.

- Quyển 9, chữ không khó có thể âm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 10

Vô lạm ngược lại âm Lam-đàm Cố Dã Vương cho rằng: Lạm cũng là phiếm lạm toàn ngập nổi lên trên, sách Khảo Thanh cho rằng: Lạm là giả danh làm bừa bãi không cẩn thận, lạm dụng, trộm cướp, sách Thuyết Văn cho rằng: Mất bình thường gọi là lạm, cũng gọi là lạm dụng. Chữ viết từ bộ thủy thanh lạm.

Khoan hiệp ngược lại âm hàm giáp sách Thượng Thư cho rằng: Người không tự do, rộng rãi là hiệp Tự Lâm cho rằng: Khiếp giống như là ngoài vùng biên ải chật hẹp, hiểm yếu Văn Tự Điển nói khiếp là bức bách, chật hẹp không rộng rải, chữ viết từ bộ phụ thanh hiệp âm hiệp ngược lại âm kiêm trấp.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 11

Hoa đới ngược lại âm đinh kế sách Khảo Thanh cho rằng: Đới là hạt của quả, ngược lại là lá chỗ có sợi tơ rất nhỏ trong nụ hoa, sách Thuyết Văn nói: Đới cuống quả dưa, nụ sắp kết trái dưa, chữ viết từ bộ thảo thanh đới.

Đốt tai ngược lại âm trên đôn cốt sách Khảo Thanh cho rằng: Đốt là tiếng than, tiếng mắng mỏ vì giận, sách Thuyết Văn cho rằng: Đốt là tiếng quát mắng nói to tiếng, chữ viết từ bộ khẩu thanh xuất.

Bác thế ngược lại âm trên bác mạt theo Tả Truyện cho rằng: bác giống như tuyệt dứt hẳn, sách Khảo Thanh cho rằng: Bác bỏ, trừ bỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Hoạt bác, chữ viết từ bộ thủ thanh phát.

Càng táo ngược lại âm tô đáo sách chu dịch nói rằng: Lửa chính là làm cho khô ráo, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh táo âm táo đồng với âm trên.

Bất lan ngược lại âm lan thả sách Lã Thị Xuân Thu nói rằng: Chín mà không nát nhừ, sách Thuyết Văn cho rằng: Lan cũng là thục nghĩa là chín nhừ, chữ viết từ bộ hỏa thanh lan.

Tẩm nhuận ngược lại âm trên tử bí Cố Dã Vương cho rằng: Tẩm là giống như tiệm lại gọi là tẩm là chìm đắm dưới nước, Tự Thư hoặc là viết chữ đối lại cũng viết chữ tẩm sách Văn Tự Điển nói: Tẩm gọi là dẫn nước vào tưới, chữ viết từ bộ thủy thanh xâm âm xâm ngược lại âm thả nhẩm.

Lực luy ngược lại âm lụy nguy Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Luy giống như yếu mềm, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Luy là bệnh, Quảng Nhã cho rằng: Luy là rất gầy ốm, Tự Thư cho rằng: Luy là nơi mỏi mệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Gầy ốm, yếu gầy, chữ viết từ bộ dương thanh loa âm loa ngược lại âm lô hóa.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 12

Tài phát tâm ngược lại âm trên tạc lai sách Khảo Thanh cho rằng: Tài là tạm thời, Cố Dã Vương cho rằng: Tài là chẳng qua, âm cẩn là âm cận xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tài là cạn cợt, chữ viết từ bộ mịch

thanh sàm âm sàm ngược lại âm sĩ hàm.

Nhược nhị ngược lại âm ni lợi Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nhị là trơn, sách Khảo Thanh cho rằng: Nhị là có chất mở dơ bẩn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhị là mở, béo phì, chữ viết từ bộ nhục thanh nhị.

Noãn xác ngược lại âm khống giác sách Khảo Thanh cho rằng: Noãn là da rổng bên ngoài cái trứng, nói như cái trứng nó biến hóa còn lưu lại cái vỏ không, sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Xác là tin tưởng tức là cái da vỏ ngoài của trứng chim. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ noãn thanh xác âm xác đồng với âm trên.

Nga văn ngược lại âm trên là ngũ hà sách Đại Đái Lễ nói rằng: Loài sâu ăn lá dâu, đó có tơ chỉ mà gọi là nga sách Khảo Thanh cho rằng: Loài bướm biết bay, gọi là côn trùng này biến hóa ra hình mà bay. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ trùng thanh nga ngược lại âm dưới là vũ phân Tục Tự và Thống Tự cho rằng: Là con muỗi bay cắn chích người, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ trùng thanh dân Văn Luận viết chữ văn tục tự dùng cũng thông dụng.

Do diên ngược lại âm trên dĩ chu ngược lại âm dưới là dĩ chiên sách Phương Ngôn cho rằng: từ Quan Đông mà gọi là diển diên sách Thuyết Văn cho rằng: Do diên cũng gọi là yển diên tức là con sên, con cuốn chiếu, cũng gọi là con rít có nhiều chân, chữ viết đều từ bộ trùng đều thanh do diên âm diển là âm dẩn âm yển là âm yển.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 13

Xích hoạch ngược lại âm chú quách Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tức tựu sách Chu Dịch cho rằng: Xích hoạch là loại sâu đo, sách Thuyết Văn cho rằng: Xích hoạch là loài côn trùng khi đi thân cong lại thẳng ra, tức là sâu đo, chữ viết từ bộ trùng thanh hoạch ngược lại cũng là âm vu noãn âm tức là âm tức âm tựu ngược lại âm tử lục.

Át-phược-giới ngược lại âm trên An-hán tiếng Phạm.

Tả hiếp ngược lại âm hâm nghiệp theo Tả Truyện cho rằng: Nghe nói xương sườn dính liền với nhau, sách Khảo Thanh cho rằng: Hiếp là xương sườn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hiếp là ở hai bên xương sườn, chữ viết từ bộ phục thanh hiếp âm hiếp là âm diệp âm lặc là âm lặc.

Phong phiêu ngược lại âm thất tiêu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Thất cho rằng: Phiêu là gió nổi lên xoáy trong lốc, gió cuốn cao lên, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giặc gió cuồng phong cuốn đi sách Thuyết Văn cho rằng: Phiêu là gió xoáy, chữ viết từ bộ phong thanh tiêu âm tiêu ngược lại âm ất diêu Văn Luận viết chữ phiêu cũng thông dụng.

- Quyển 14. Không có chữ có thể âm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 15

Tự tước ngược lại âm trên tài dữ Thượng Lâm Phú Truyện nói rằng: Tự tước là nhai củ ấu, củ sen, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tự giống như nhai, sách Thuyết Văn cho rằng: Tự là ngậm có mùi vị chữ viết từ bộ khẩu Thanh Thư hoặc là viết chữ tự ngược lại âm dưới tường lược văn trước trong quyển năm đã cùng giải thích xong rồi.

Bất lãm ngược lại âm lặc cảm Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: Lãm là nắm giữ, Cố Dã Vương cho rằng: Lãm là nắm vật lôi kéo dẫn ra, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lãm là nắm giữ, chữ viết từ thủ thanh lãm âm lãm đồng với âm trên. Hoặc là viết chữ lãm văn cổ viết chữ lãm.

Hổ tương ngược lại âm trên hồ cố Cố Dã Vương cho rằng: Hổ gọi là thay phiên nhau, sách Khảo Thanh cho rằng: Hổ giống như giao kết qua lại sách Thuyết Văn cho rằng: Hổ là có thể thâu nắm tóm lấy sợi dây, chữ tượng hình, trong giống như cái tay chỗ gọi là đẩy ra, nắm lại, xưa nay Chánh Tự viết chữ hổ cũng đồng dùng.

Thuấn động ngược lại âm trên thủy nhuận tục tự sách Trang Tử nói rằng: Nhìn suốt ngày mắt không nháy, sách Thuyết Văn viết chữ thuấn gọi là nháy mắt, chữ viết từ bộ mục thanh dần.

Huất nhiên ngược lại âm trên huân uất Tân Tông chú giải tây kinh phú truyện rằng: Huất là bổng nhiên chợt đến, Văn Tự Điển nói rằng: Huất đó là bổng nhiên nổi lên sách Thuyết Văn cho rằng: Có gió thổi nổi lên, chữ viết từ bộ khiếm thanh đàm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 16

Bàn kiết ngược lại âm âm trên phò mãn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bàn giống như uốn cong, kết chéo với nhau, Cố Dã Vương cho rằng: Bàn uốn lượn, uyển chuyển. Quảng Nhã cho rằng: Bàn là uốn cong lại, sách Phương Ngôn cho rằng: Con rồng chưa lên trời gọi là bàn long sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ trùng âm phiên là âm phiên.

Như thuyên ngược lại âm thị duyên Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Thuyên tức là cái nan tre, âm độn là âm độn sách Khảo Thanh cho rằng: Thuyên là ruột tre, sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy trúc tre đan thành cái sọt để chưa ngũ cốc, chứa thóc, lúa, chữ viết từ bộ trúc thanh đoan cũng viết chữ đoan cũng đồng âm đoan là âm đoan.

Yết-địa-lạc-ca ngược lại âm âm trên khiên nhụy tiếng Phạm là một trong tên núi kim.

Củ-la-bà-châu ngược lại âm trên câu vũ âm kế lam đáp tiếng Phạm.

Đường ôi ngược lại âm trên đãng lãng ngược lại âm dưới Ô-hồi sách Khảo Thanh cho rằng: Đường là lửa than nhỏ còn nằm trong tro, Văn Tự Điển nói: Thiêu đốt còn dư lại tro tàn chữ viết đều từ bộ hỏa đều thanh đường ôi.

Tác phanh ngược lại âm trên vong tác Cố Dã Vương cho rằng: Quấn lấy làm sợi dây gọi là tác sách sở từ cho rằng: Bện dây tơ nhỏ cho rằng tác Văn Hới cho rằng: Mười tầm gọi là tác xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh tác âm ngược lại âm bổ vật ngược lại âm dưới là bổ canh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phanh là sai khiến, sách Khảo Thanh cho rằng: Phanh là búng ngón tay, sách Vận Thuyên cho rằng: Căng sợi dây nẩy mực, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phanh là theo, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh tĩnh.

Tra lại ngược lại âm trên Sạ-sa sách Khảo Thanh cho rằng: Tra là bè gỗ trong nước chảy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh sa kinh văn viết chữ tra cũng đồng, ngược lại âm dưới lai đối Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Lại cũng là thoan lại (775) Hán Thư cho rằng: Ngô Sở gọi lại xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lại là bãi nước cạn, nơi nước chảy trên bãi cát, chữ viết từ bộ thủy thanh lại.

Xú sáp ngược lại âm trên xủ thủ sách Thuyết Văn cho rằng: Loài cầm thú khi chạy đi thì ngửi mùi để biết dấu tích đường mà trở về chính là loài chó, cho nên chữ viết từ bộ khuyển đến bộ tự tự là chữ tỵ cổ chữ hội ý, ngược lại âm dưới sâm tập văn trước trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Chủy lợi ngược lại âm túc tủy sách Văn Tự Điển nói rằng: Chủy là mỏ của con chim, chữ viết từ bộ thích thanh thư Văn Luận viết chữ chủy cũng thông dụng âm thứ ngược lại âm thất tứ.

Táp thực ngược lại âm trên cửu đáp Thống Tự cho rằng: Bỏ vào miệng gọi là táp sách Khảo Thanh cho rằng: Táp là đốp mồi cũng viết là sáp lại cũng viết là chữ tiềm sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh táp âm táp đồng với âm trên.

Tiêm lợi ngược lại âm trên tức diêm âm nghĩa Hán Thư cho rằng: Tiêm cũng là lợi Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tiêm là cái khoan, cái liềm âm liềm ngược lại âm tử liêm sách Khảo Thanh cho rằng: Tiêm là đao kiếm, sách Văn Tự Điển nói: Rất bén, chữ viết từ bộ sộ kim thanh thiệt.

Ô bác ngược lại âm bang mạc Văn Tự Điển nói rằng: Bác là con ngựa vằn, loang lỗ màu sắc lộn xộn, chữ viết từ bộ mã thanh bác.

Niết thủ ngược lại âm trên cân kiết sách Lễ Ký cho rằng: Không có nhai cắn xương, sách Thuyết Văn cho rằng: Niết là cắn, chữ niết từ bộ xĩ thanh niết âm niết ngược lại âm ất kiết.

Giảo túc ngược lại âm trên lạc giải sách Thuyết Văn cho rằng: Giảo cũng là niết tức là cắn, chữ niết từ bộ xĩ thanh giao.

Khả cảnh ngược lại âm trên là khánh nha là cắn, Bì Thương cho rằng: Khả là cắn ngạm miếng lớn, Văn Tự Điển nói rằng: Khả là cắn chữ viết từ bộ xĩ thanh khả.

Phách du ngược lại âm trên phan oái cách Cố Dã Vương cho rằng: Dùng tay phá vật ra phanh ra, Quảng Nhã cho rằng: Phách là phân ra, Văn Tự Điển nói rằng: Phách là phá ra, nứt ra, chữ viết từ bộ thủ thanh tích ngược lại âm dưới là du chu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cho rằng: Du là mập béo phì, sách Thuyết Văn cho rằng: Du là cái bụng dưới mập gọi là bụng phệ, chữ viết từ bộ nhục thanh du âm du đồng với âm trên.

Quắc phúc ngược lại âm trên quy bích kiểm lại các kinh sử và tự thư đều không có chữ này, nay Văn Luận dùng chữ quắc phúc nghĩa là lấy tay hủy phá cái bụng.

Thao tâm ngược lại âm trên thảo đao sách Chu Thư nói rằng: Bạt

binh thao kiếm, thao luyện binh kiếm, múa đao luyện võ, sách Khảo Thanh cho rằng: Thao gọi đào moi lấy ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Thao là tóm lấy giữ lấy, âm quản ngược lại âm âm nhất hoạt chữ viết từ bộ thủ thanh hiểu âm hiểu ngược lại âm diêu tiểu.

Tra xế ngược lại âm chả-sa sách Khảo Thanh cho rằng: Tra là dùng tay nắm tóm lấy vật. Lại viết chữ tra hoặc là viết thã cũng viết chữ tra cũng đồng, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Dùng móng tay cấu lấy vậy, chữ viết từ bộ thủ thanh tra âm tra ngược lại âm tạc hà ngược lại âm dưới xương thế sách Khảo Thanh cho rằng: Xế là đốn ngã, níu kéo lại Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thủ thanh chế lại viết chữ chấp giả là viết chữ xế đều đồng nghĩa.

Sàm thích ngược lại âm trên là sĩ sam Cố Dã Vương cho rằng: Sàm là mũi kiến nhọn đâm vào, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Sàm là cây đục, đục xuyên qua, Quảng Nhã cho rằng: Sàm là cây kim lớn, âm phi ngược lại âm phổ bì sách Văn Tự Điển nói rằng: Sàm là cái dùi nhọn đâm vào, chữ viết từ bộ kim thanh sàm âm sàm đồng với âm trên, ngược lại âm dưới là thanh tích Cố Dã Vương cho rằng: Thích cũng gọi là dụng cụ của cây kim bén nhọn đâm vào tròn thịt người ta, sách Khảo Thanh cho rằng: Thích gọi là lấy mũi kiếm nhọn đâm vào, Văn Tự Điển nói: Thích giống như là giết, chữ viết từ bộ đao thanh thứ âm thứ ngược lại âm chủy tứ.

Thám trác ngược lại âm trên đáp nam sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thám là lấy tin từ xa, theo Thanh Loại cho rằng: Thám là lấy từ dưới sâu, cũng gọi là sâu xa, sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy tin từ xa, chữ viết từ bộ thủ thanh thâm âm thâm ngược lại âm âm đại cảm ngược lại âm dưới là trúc giác theo Mao Thi Truyện cho rằng: Không có lúa thóc thì ta không mổ ăn, Quảng Nhã cho rằng: Trác đó là cắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Trác là mỏ chim mổ ăn, chữ viết từ bộ khẩu thanh thỉ âm thỉ ngược lại âm sửu duyên.

Đao thương ngược lại âm dưới tích tướng sách Quốc Ngữ cho rằng: Cây thương có hai đầu mũi nhọn kẹp lại Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thương là hai đầu cây nhọn bén, sách Thuyết Văn cho rằng: Thương là cây súng rất nhạy bén bắn đi rất xa, chữ viết từ bộ mộc thanh thương âm hiệp là âm diệp.

Ngự hãn ngược lại âm dưới hàn thủ Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hãn là bảo vệ, hãn cũng là ngự bảo vệ phòng ngự, ngăn chặn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hãn là phòng bị chữ viết từ bộ thủ thanh hãn.

Xác-bà ngược lại âm trên Ha-các tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là tên của địa ngục Bát-hàn.

Bao liệt ngược lại âm vân pháo Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Mụt mụn nổi trên mặt, sách Thuyết Văn viết chữ pháo cũng đồng, chữ viết từ bộ bì thanh bao.

Phẩu tích ngược lại âm trên phổ khẩu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phẩu giống như là phân ra Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Gọi là phân trong ra là phẩu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phẩu cũng là tích Văn Tự Điển nói rằng: Phẩu là mổ trong phanh ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm tha phẩu ngược lại âm dưới tinh tích văn trước trong quyển thứ hai đã giải thích đầy đủ rồi.

Quai ngoa ngược lại âm dưới ngũ qua Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Ngoa là ngụy tạo, giã dối, Khổng An Quốc chú giải sách Thương Thư rằng: Ngoa là nói giã dối ngụy tạo không thật, chữ viết từ bộ ngôn thanh hóa cũng viết chữ nguy nghĩa cũng đồng.

Tiển nhiếp ngược lại âm trên tiền tiển Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiển là mang giày dép đạp, giẫm lên, Trịnh Tiển chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hôn muội không biết giẫm đạp lên, Văn Tự Điển nói: Đạp lên chữ viết từ bộ túc thanh tàn âm tàn là âm tàn ngược lại âm dưới niêm triếp sách Phương Ngôn cho rằng: Niếp là đi lên, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nhiếp cũng là giẫm đạp, âm diệp là âm diệp quảng Nhã cho rằng: Nhiếp cũng là mang giày dép. Văn Tự Điển nói: Đạp lên chữ viết từ bộ túc thanh nhiếp âm nhiếp đồng với âm trên.

Sắc phương ngược lsị âm trên sơ sắc Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sắc giống nhân nghiêng Cố Dã Vương cho rằng: Góc vuông thẳng, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ điền đến bộ nhân thanh phản.

Giác thắng ngược lại âm trên giang nhạc sách Khảo Thanh cho rằng: Giác đó là chuyên lợi thao lược, cũng là đánh giá đo lường. Tự Thư lại viết chữ xác sách Thuyết Văn cho rằng: Giác là đánh gõ chữ viết từ bộ thủ thanh giác.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 17

Cơ sắc ngược lại âm trên cư khơi sách Khảo Thanh cho rằng: Cơ là ký sinh trùng đẻ trúng trên người lẫn súc vật, sách Thuyết Văn cho rằng: Sắc đó là loài côn trùng hay cắn người giống như con chấy, rận, chữ viết từ bộ côn thanh tấn âm côn là âm côn âm tấn là âm tín Văn Luận viết chữ sắc tục dùng cũng thông dụng.

Quáng mạch ngược lại âm trên hộ mảnh Thiên Thương Hiệt cho rằng: quáng là thóc lúa, Quảng Vật Chí cho rằng: Một thứ lúa chín muộn mà không có chất dẻo, thứ lúa đen, âm canh là âm hắc quáng là lúa đen, âm canh ngược lại âm cổ xung sách Thuyết Văn cho rằng: Quáng là lúa ma loại lúa lá dài nhọn, chữ viết từ bộ hòa thanh quảng.

Huyên trách ngược lại âm trên hủy viên theo thanh loại cho rằng: Huyên là ồn ào, Cố Dã Vương cho rằng: Huyên cũng là ồn ào, huyên náo, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ ngôn thanh huyên ngược lại âm dưới trách cánh, Cố Dã Vương cho rằng: Trách đó là nay cho rằng tranh Tự Thư cho rằng: Tranh là khuyên can, sách Khảo Thanh cho rằng: Tránh giống như là tranh nói tranh luận với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Tranh là ngăn chặn, dừng lại, chữ viết từ bộ ngôn thanh tránh.

Lân giác ngược lại âm trên là lật trân văn trước kinh Bảo Tích âm nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi.

- Quyển 18, 19 Đều không có chữ có thể giải thích âm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 20

Á dương ngược lại âm trên lưu nhã Bì Thương cho rằng: Á là ám tức là âm, sách Khảo Thanh cho rằng: Á gọi là không thể nói, không nói được cũng viết chữ Á sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tật âm tật ngược lại âm nữ ách.

Tư lược ngược lại âm trên tức tà Mao Thi Truyện nói rằng: Túc túc giăng lưới bắt thỏ, theo truyện nói rằng: Tư là giăng lưới bắt thỏ, Quách Phác chủ giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tư giống như che trùm ở trên, Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ võng Thanh Thư ngược lại âm dưới cường hướng sách Văn Tự Điển nói rằng: Lược giăng lưới bên

đường bắt chim, chữ viết từ bộ cung thanh kinh.

Ky thi ngược lại âm trên ký hy Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: Ky giống như là khiển trách, Trịnh Huyền chú giải sánh Lễ Ký rằng: Xát thật là la mắng, quở trách, sách Quảng Thất cho rằng: Khuyên can cật vấn, cũng gọi là châm biếm, cười cợt, sách Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ ngôn thanh ky ngược lại âm dưới thư tử theo Mao Thi Truyện nói rằng: Thích là trách mắng, sách Khảo Thanh cho rằng: Thích cũng là ky nghĩa là châm biếm, giễu cợt, chê bai, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh thứ âm thứ đồng với âm trên, Văn Luận viết chữ hiệp tục dùng thông dụng.

Hung bột ngược lại âm trên húc cung chữ viết từ bộ nhân đến thanh hung Văn Luận viết chữ hung này là sai, ngược lại âm dưới buộn một sách Khảo Thanh cho rằng: Bột là nổi giận sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bột là làm bừng lên thịnh vượng Cố Dã Vương cho rằng: Bột là bạo phát tràn trề, dạt dào. Trịnh chúng chú giải sách Lễ Ký rằng: Bột là làm nghịch lại sách Phương Ngôn cho rằng: Loạn sách Thuyết Văn cho rằng: Bột là xô ra bài trừ, chữ viết từ bộ lực thanh bột âm bột đồng với âm trên Văn Luận viết từ bộ phù viết thành chữ bột là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 21

Phiến đệ ngược lại âm dưới là xích-da Tiếng Phạm người không đầy đủ nam căn.

Khanh tĩnh ngược lại âm trên khách canh Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khanh là cái hang, cái hầm, sách Khảo Thanh cho rằng: Khanh là chỗ trũng, chỗ lõm, Văn Tự Điển nói rằng: Khanh là hố sâu, chữ viết từ bộ thổ thanh khang âm khang là âm cang ngược lại âm dưới là tình đĩnh Quảng Thất cho rằng: Tĩnh cũng là khanh, sách Khảo Thanh cho rằng: Tĩnh là đào xuyên qua đất làm cái hố để bẩy thú, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ thanh tĩnh Văn Luận viết chữ tĩnh tục dùng cũng thông dụng hoặc là viết chữ tệ tĩnh chữ cổ.

Diện trứu ngược lại âm dưới trâu cứu sách Khảo Thanh cho rằng: Trứu là da tụ lại, Văn Tự Điển nói: Da rộng ra tụ lại, tức là da nhăn nhúm, chữ viết từ bộ bì thanh trứu âm trứu ngược lại âm trắc câu.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 22

Xà yết ngược lại âm trên xạ giá sách Khảo Thanh cho rằng: Xà là loại rắn độc lại cũng là tha người xưa làm chỗ ở trong hang ổ, lúc ban đêm thường hỏi nhau, không có nó đến chăng? Sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ trùng âm tha thanh đà Văn Luận viết chữ xà nay tục dùng cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới hiên yết Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Yết là con bò cạp độc, Quảng Nhã cho rằng: Yết là con giòi cắn, đục múc. Sách Bác Nhã cho rằng: Loài côn trùng đi gieo độc hại Văn Tự Điển nói: Thuộc giống bào cạp có đuôi dài, tên gọi khác của bò cạp, chữ viết từ bộ trùng thanh yết âm yết đồng với âm trên, âm sái ngược lại âm trách giới âm thư ngược lại âm thất dư âm thích ngược lại âm thức diệc.

Lung lệ ngược lại âm trên lung chung ngược lại âm dưới lê đề ý nghĩa của Văn Luận là dáng điệu can cường, ngang ngạnh.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 23

Giá sắc ngược lại âm trên Da-hà Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Năm giống ngũ cốc gọi là giá Văn Tự Điển nói rằng: Bông lúa gọi là giá, chữ viết từ bộ hòa thanh gia ngược lại âm dưới sanh trắc Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Thâu thuế gọi sắc Văn Tự Điển nói rằng: Giống lúa chín sau ít dẻo gọi là sắc, sách Thuyết Văn cho rằng: Gặt lúa có thể thâu gom đem về gọi là sắc chữ viết từ bộ hòa thanh sắc.

Khao giác ngược lại âm trên xảo giao ngược lại âm dưới không giác Cố Dã Vương cho rằng: Khao là cứng, sách Mạnh Tử nói: Đất có mầu mở gọi là khao sách Hoài Nam Tử nói rằng: Tránh nơi đất cứng có đá sỏi theo Thanh Loại cho rằng: Khao giác là đất cằn cỏi, không mầu mở, Văn Tự Điển nói rằng: Giác là đất xấu, sách Thuyết Văn cho rằng: Khao giác là cũng là đất có đá lớn, đất phèn, chữ viết đều từ bộ thạch đều thanh nghiêu giác âm bàn ngược lại âm khẩu ách.

Quả lạt ngược lại âm dưới lan dát sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Lạt là cay, sách Khảo Thanh cho rằng: Quá cay, xưa nay Chánh

Tự viết từ bộ tân thanh thứ.

Hất kim ngược lại âm trên hân ngật theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hất là từ xưa đến nay, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hất là đến, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ xước thanh ngật âm xước ngược lại âm sửu lược.

Pháo song ngược lại âm trên bao nhi văn trước trong quyển thứ mười sáu đã giải thích đầy đủ rồi.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 24

Khắc-già tiếng Phạm, ngược lại âm trên kình chưng âm dưới kình khư.

Tập cú ngược lại âm trên xâm nhập Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tập là nối tiếp theo. Mao Thi Truyện cho rằng: Mục văn vương nối tiếp theo hy kính mà ngăn chặn, Văn Tự Điển nói Tập là chứa nhóm, chữ viết từ bộ mịch thanh tập âm tập ngược lại âm sâm tập.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 25

Bạo lưu ngược lại âm trên bao mạo Văn Tự Điển nói rằng: Nước sông Giang Hà dâng cao chảy xiết, sách Thuyết Văn cho rằng: Mưa to nước chảy gấp, chữ viết từ bộ thủy thanh bạo âm bạo đồng với âm trên.

Ái-la-phạt-nã ngược lại âm trên Ai-cải ngược lại âm dưới Nạch-da tiếng Phạm tên của Long Vương.

- Quyển 26 Không có chữ khó có thể giải thích âm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 27

Lưu ách ngược lại âm trên anh cách sách Khảo Công Ký nói rằng: Người ta làm cái ách xe dài sáu thước, Quách Phác cho rằng: Càng xe đè thẳng lên cổ con trâu, sách Văn Tự Điển nói: Thanh gỗ cong trên cổ con trâu, chữ viết từ bộ xa thanh ách âm ách đồng với âm trên, Văn Luận viết chữ ách tục dùng thông dụng.

Táo lợi ngược lại âm trên tao tháo Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Táo là không yên tĩnh, sách Khảo Thanh cho rằng: Táo là tính nóng nảy, cũng gọi là động, sách ích pháp cho rằng: Con người hay biến động gọi là táo sách Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ túc thanh táo âm táo ngược lại âm âm tao táo.

Bất nại ngược lại âm nãi đại theo Tả Truyện nói rằng: Tính không chịu đựng, Cố Dã Vương cho rằng: Nại giống như có thể, sách Khảo Thanh cho rằng: Có thể nhẫn chịu, sách Văn Tự Điển nói rằng: Gọi là pháp độ có thể vượt qua, chữ viết từ bộ thốn thốn là đo đánh giá, không quá mức cái pháp này, chữ viết từ bộ nhi đến bộ thốn.

Bất am ngược lại âm ám hàm sách Đông Quán Hán Ký nói rằng: Trong vườn cây trong xó góc, cây nẩy mầm đều biết rõ, số của cây Văn Tự Điển nói am là hiểu rõ, chữ viết từ bộ ngôn thanh am.

Nặc dĩ ngược lại âm nữ lực sách Chu Lễ nói rằng: Theo quân chạy trốn Đổ Dự chú giải Xuân Thu Truyện rằng: Nặc cũng là tàng tức là ẩn nấp trốn tránh, Quảng Nhã cho rằng: Nặc là trốn mất, chữ viết từ bộ ẩn đến bộ nhất tức là che đậy thanh nhược âm ẩn là âm ẩn.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 28

Thanh ứ ngược lại âm dưới ư cứ sách Khảo Thanh cho rằng: Ứ là trong da thịt máu bị ngưng tụ lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Ứ cũng là máu tích tụ lại, chữ viết từ bộ tật thanh ư âm tật ngược lại âm âm nữ cách.

Đăng mộng ngược lại âm trên là đằng ngược lại âm âm dưới mặc băng văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Trì độn ngược lại âm đột đốn Cố Dã Vương cho rằng: Độn cũng là

trì sách Kử Ký nói rằng: Là người ngu độn sách Thuyết Văn cho rằng: Độn cũng là ngoan ý nói là không lanh lợi, chữ viết từ bộ kim thanh độn.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN QUYỂN 29

Giáng trướng ngược lại âm trên phác bang Bì Thương cho rằng: Giáp cũng là trướng Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ nhục thanh phong ngược lại âm bộ đông Văn Luận viết từ bộ phùng viết thành chữ giáng tục dùng cũng thông dụng, ngược lại âm dưới trương lượng Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trướng là bụng đầy hơi, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ nhục thanh trường.

Khu tẫn ngược lại âm dưới tất nhẫn Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Tẫn là phế bỏ, sách Kử Ký nói rằng: Cùng nhau xô đẩy lôi kéo ra ngoài, đuổi đi, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ thủ thanh tân.

Bị nang ngược lại âm trên bi bái Cố Dã Vương cho rằng: Bị là chỗ lò đúc có cái ống để thổi lửa khiến cho lửa cháy bừng lên, Bì Thương cho rằng: Chữ viết từ bộ vi viết thành chữ bị Văn Tự Điển nói: Bị là cái túi da để thổi lửa từ bộ vi thanh bị âm bị ngược lại âm bì bí Văn Luận viết thác xưa nay Chánh Tự không có chữ này.

Khoang bể ngược lại âm ai quan Bì Thương cho rằng: Khoang là xương tận cùng của cột sống, sách Khảo Thanh cho rằng: Xương đùi sách Thuyết Văn cho rằng: Khoang là chỗ xương đùi trên chữ viết từ bộ cốt thanh khoang cũng có viết từ bộ nhục viết thành chữ khoang cũng đồng nghĩa, âm khào ngược lại âm khảo cao âm bể là âm bề ngược lại âm dưới bình mể sách Vận Thuyên cho rằng: Bể tức là xương đùi bên trong gọi là cổ bên ngoài gọi là bể sách Lễ Ký cho rằng: Không nhàm chán xương đùi, sách Thuyết Văn cho rằng: Bể là xương đùi trong và ngoài chữ viết từ bộ cốt thanh bi cũng viết chữ bể văn cổ tục viết chữ bể.

Hình khỏa ngược lại âm trên hình kính Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hình là cẳng chân từ chân đến đầu gối, Cố Dã Vương cho rằng: Bắp chân phía trước là xương, sách Văn Tự Điển nói: Hình là cái xương của bắp chân, chữ viết từ bộ nhục thanh kính âm kính

là âm kinh âm phù là âm phù phi âm hanh là âm hạnh hoặc là viết chữ hình nghĩa cũng đồng, ngược lại âm dưới hoa ngỏa Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khỏa là gót chân, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khỏa là mắt cá chân, theo Thanh Loại cho rằng: Khỏa là mu bàn chân trên bên trong, ngoài là xương, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ túc thanh giả Văn Luận viết từ bộ nhục viết thành chữ khỏa là chẳng phải âm phu ngược lại âm phương vu.

Đề hồ ngược lại âm trên Đệ-nê ngược lại âm dưới Hộ-cô Đề hồ xuất phát từ sữa đặc tức là tô tinh sữa đặc không ngưng đông đặc đó là đề hồ, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết đều từ bộ dậu đến bộ thị thanh tĩnh thanh hồ.

Huề đạo ngược lại âm trên là hồ khuê sách Mạnh Tử nói rằng: Bệnh là trong màu nơi luống rau, Lưu Ly cho rằng: Nay tục gọi là hai mươi lăm mẩu ruộng là một tiểu huề, năm mươi mẫu là đại huề. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Huề giống như là khu sách Thuyết Văn cho rằng: Năm mươi mẫu là huề chữ viết từ bộ điền thanh khuê.

- Quyển 30, 31, 32, 33, 34, năm quyển trên đều không có chữ khó có thể giải thích âm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 35

Tư sản ngược lại âm trên tử tư Văn Tự Điển nói rằng: Vạn vật đều nẩy mầm sanh sôi nẩy nở, nẩy mầm sanh trưởng, sách Thuyết Văn cho rằng: Tư là sữa để nuôi sống, sinh sản mà cũng thấm vào sinh sản ra nhiều chữ viết từ bộ tử thanh tư.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 36

Kiêu kiện ngược lại âm trên hiểu nghiêu Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Kiêu giống như là mạnh mẽ, Quảng Nhã cho rằng: Kiêu cũng là kiện, sức mạnh dũng mãnh sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mã thanh nghiêu.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 37

Quỷ sanh ngược lại âm trên quy ủy sách Lương Cốc Truyện cho rằng: Quỷ là phép tắc, sách Thuyết Văn cho rằng: Vết bánh xe chữ từ bộ xa thanh cửu văn cổ viết chữ quỷ lại viết chữ quỷ Văn Luận viết chữ quỷ tục dùng thông dụng.

Phiếm nhĩ ngược lại âm trên phù phạm sách Khảo Thanh cho rằng: Không chỉ định, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh phiếm cũng có viết từ bộ phàm đó là chẳng phải.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 38

Câu duyên âm trên là câu âm dưới là ở Tây Vực cho rằng: Tên của quả.

Nhiễu loạn ngược lại âm trên nê điểu sách Khảo Thanh cho rằng: Nhiễu là cùng nhau làm trò vui đùa giỡn cợt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nữ thanh nghiêu lại viết chữ niễu là chọc ghẹo cũng dùng thông dụng.

- Quyển 39 không có chữ, có thể giải thích âm.

A-TỲ-ĐẠT-MA HIỂN TÔNG LUẬN
QUYỂN 40

Như-bờ-la-ni-tư âm ni ngược lại âm minh yết thiếng Phạm xưa dịch là Ba-la-nại âm yết ngược lại âm yến trác.

- Trên là Huyền Ứng đã âm.

****

A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN

- Quyển 1, 2, 3 trên đều không có âm.

A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 4

Đâu suất xĩ ngược lại âm đãi ngã trong kinh hoặc là viết Đâu-sử-đa hoặc là nói Đâu-suất-đà đều là sai, nói cho đúng là Đổ-sử-đa đây gọi là cõi trời biết đủ, lại cũng gọi là diệu túc.

Phạm phúc lâu đây dịch sơ thiền cõi trời thứ hai đây gọi Phạm tiền, cõi trời tư ích, trong Phạm tiền thực hành tư duy, cõi trời Phạm thiên lợi ích cho rằng: Cái tên xưa nói là Phạm tiên hành thiên cũng gọi là cõi trời Phạm phụ, tiên hành phụ là cõi trời Phạm vương tức vua Phạm ở đây.

****

PHÁP THẮNG A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN

- Quyển 1 trước không có âm.

PHÁP THẮNG A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 2

Biện phát Tam Thương cho rằng: Cũng viết chữ biến cũng đồng, ngược lại âm bổ điển sách Thuyết Văn cho rằng: Bên tóc đuôi sam.

Hệ tại văn cổ viết kế hệ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ đế sách Thuyết Văn cho rằng: Hệ là kết, bó buộc, kết nối, kế thừa, tiếp tục.

PHÁP THẮNG A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 3

Quán tập lại viết xuyến quán hoàn ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ hoạn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Xuyến cũng là tập nghĩa là thói quen.

Hoài dựng Tam Thương cho rằng: Văn cổ viết chữ hoài âm dưới văn cổ viết chữ dăng cũng đồng, ngược lại âm dư chứng sách Thuyết Văn nói hoài là ôm đứa con trong lòng, sách Quảng Thất cho rằng: Dựng là người đàn bà đã thọ thai, gọi là dựng là đứa con trong bụng. Bao hàm thật gọi là dựng chữ viết từ bộ tử thanh nải.

- Quyển 4, 5 đều trước không có âm.

PHÁP THẮNG A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 6

Nhãn si ngược lại âm sung chi sách Thuyết Văn cho rằng: Gọi là Miệt-đâu-si nay Giang Nam gọi si là si đâu tức là ghèn trong mắt, âm miệt ngược lại âm mạc kiết Văn Luận viết chữ chi này là chẳng phải.

****

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN

Huyền Ứng soạn

QUYỂN 1

Mâu-ni trong kinh hoặc là viết văn ni xưa dịch là nhân, Ứng Thiệu cho rằng: Mâu-nê đây gọi là vị tiên nhân thông suốt trong và ngoài, gọi là ở lâu trong núi rừng tu tâm học đạo vậy.

Thân nhữ cũng nói là thân nhữ ba lâm đây dịch là thật sâm gọi là trinh thật tức là chắc thật.

Nhuyển trung đứng thể chữ viết từ bộ nhuyển cũng đồng, ngược lại âm nhi nhuyển trong bổn tiếng Phạm nói là Một-lật-độ đây dịch nhu nhuyển mềm mại.

Sáp hoạt lại viết chữ sắc cũng đồng, ngược lại âm sở lập gọi là không trơn mịn, chữ viết từ bốn bộ chỉ bốn bộ chỉ tức là không thông chữ chỉ ý, Văn Luận viết chữ sáp hai chữ tượng hình là chẳng phải thể.

Thiên trúc hoặc nói thân độc hoặc nói là hiền đậu đều sai. Nói đúng là Ấn Độ tên gọi là Ấn Độ gọi là nguyệt mà nguyệt có ngàn tên gọi riêng nhưng xưng chỉ có một, gọi là xứ sở kia tốt lành có thánh hiền nối tiếp nhau khai ngộ quần sanh, đem ánh sáng đến như ánh sáng của mặt trăng, bởi vì vậy mà gọi tên. Một là nói rằng: Hiền đậu vốn gọi

tên là Đà-la-bà-đà-na đây gọi là chủ xứ là Thiên đế, thường lấy tên gọi Thiên đế chỗ hộ trì cho đời lâu dài cho hiệu là tên gọi vậy.

Di-ly-xa hoặc là viết Di-lệ-xa đều sai. Nói cho đúng là Miệt-lệ-xa gọi là người hạ tiện biên di thấp hèn, không có chỗ biết vậy.

Quân chúng ngược lại âm cư vân Tự Lâm cho rằng: Quân bao vây bốn ngàn ngàn (4.000) người là quân ba ngàn năm trăm (3.500) người là sư chữ viết từ bộ giao âm bao ngược lại âm bổ giao bao chiếc xe là quân bộ táp bộ phụ là sư đều là chữ chỉ ý.

Cật vấn ngược lại âm khứ chất Quảng Nhã cho rằng: Cật là trách móc, quở phạt, sách Thuyết Văn cho rằng: Cật vấn là tra hỏi.

Hoa mạn lại viết chữ hoa cũng đồng, ngược lại âm hồ qua âm dưới tiếng Phạm nói là Ma-la đây gọi là mạn âm mạn là âm man theo Tây Vực kết hoa làm tràng dùng làm trang sức, phần nhiều dùng Tô-ma-na-hoa kết thành hàng, cho rằng đều sâu suốt vòng hoa, cần hỏi nam hay nữ, sang hay hèn, đều lấy đây làm trang nghiêm trên đầu, hoặc là trên thân mình, cho rằng: trang sức đẹp, trong các kinh đều nói: Thiên mạn báu, mạn hoa mạn cũng đều kết hoa mạn dùng làm trang sức đều là vậy, Văn Luận viết mạn đều chẳng phải đúng thể chữ.

Đoàn thực ngược lại âm đồ quan Văn Thông Dụng cho rằng: Lấy tay vo tròn gọi là đoàn Tam Thương cho rằng: Đoàn là dùng tay vắt cơm cho dính lại, Văn Luận viết chữ sủy ngược lại âm sơ ủy gọi là đo lường đánh giá rộng, tiền nhân gọi là suy Giang Nam dùng âm này, lại âm đô quả sách Thuyết Văn cho rằng: Sủy là đo lường (777) cho nên gọi là sủy Quan Tuy dùng âm này, đều chẳng phải âm nghĩa đây dùng vậy.

Khái chi ngược lại âm cư vị sách Thuyết Văn cho rằng: Khái là tưới nước, rót nước tưới.

Như tình lại viết chữ tinh tinh hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tự dinh gọi là không có mưa, theo Thanh Loại cho rằng: Trời mưa mới tạnh, nên bầu trời trong quang đãng, Văn Luận viết tình là chẳng phải.

Hộ xu ngược lại âm xĩ du gọi là then cửa sách Nhĩ Nhã cho rằng: Xu gọi là then chốt, Quách Phác cho rằng: Cánh cửa gọi là xu Quảng Nhã cho rằng: Xu là căn bản nguồn gốc cơ chế then khoá cửa chủ cửa cơ chế chuyển động, âm ôi ngược lại âm âm ngũ hồi.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 2

Ỷ-tức ngược lại âm ư khỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Ỷ giống như nương dựa vào, Quảng Nhã cho rằng: Ỷ là nhân gọi là nhân ỷ là dựa vào mà nằm, chữ viết từ bộ nhân Văn Luận viết chữ ỷ ngược lại âm nhất kỳ ỷ là đẹp, xanh tốt um tùm.

Táo động lại viết chữ táo cũng đồng, ngược lại âm tử đáo táo cũng là động táo là quấy nhiễu sách Luận Ngữ nói rằng: Chưa đề cập tới mà nói gọi là táo Trinh Huyền chú giải rằng: Gọi là không yên tĩnh Thích Danh cho rằng: Táo là làm cho khô ráo. Nói vật khô ráo tức động mà nhẹ bay lên vậy.

Vi điệu ngược lại âm đồ điếu Tự Lâm cho rằng: Điệu là lắc lư. Quảng Thất cho rằng: Điệu là chấn động Văn Luận viết chữ khiêu là chẳng phải.

Tâm kỵ ngược lại âm lương ký kỵ là khó cũng gọi là e sợ, sách Thuyết Văn cho rằng: Kỵ là ghen ghét đố kỵ.

Vi tật văn cổ viết chữ tật hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tình lật sách Sở Từ cho rằng: Cố giữ tâm mà sanh ra tật đố, Vương Dật cho rằng: Hại người hiền gọi là tật hại sắc gọi là đố.

Giải đãi ngược lại âm cổ nại ngược lại âm dưới là đồ cải sách Nhĩ Thất cho rằng: Giải đãi là biếng nhác trể nãi, sách Tập Chú cho rằng: Giải đó là rất cực kỳ, đãi đó là biếng trể, Thích Danh cho rằng: Giải đó mở ra tháo ra, nói rằng những đốt xương rời rã rất mỏi mệt.

Chấn đoán hoặc là viết chân đán lại nói chân đán Lại nói chân đan đều là một nghĩa, xưa dịch làTrong kinh Hán Quốc cũng viết Chỉ-na nay viết là Chi-na đây là không đúng, dịch thẳng gọi là tên chung của Thần Châu.

Do dự ngược lại âm dực chu âm dưới văn cổ cũng đồng, ngược lại âm dực thứ sách Thuyết Văn cho rằng: Ở Thiển Tây gọi là chó con là do do là tánh nó có nhiều dự tính trong người trước, cho nên phàm không quyết định đó đều gọi là do dự, lại sách Nhĩ Thất cho rằng: Do giống như con hươu hay lội trong nước, Quách Phác cho rằng: Có sức mạnh là ở trên cây.

Vi-mi ngược lại âm vong bì mi là xán lạn, rãi rác tán hoại.

Hộ hướng ngược lại âm hứa lượng sách Thuyết Văn cho rằng: Hướng bắc có cửa sổ, Quảng Nhã cho rằng: Cửa sổ thông gió, thể chữ từ bộ miên đến bộ khẩu âm miên ngược lại âm vong tiên.

Quách mạch ngược lại âm qua mảnh sách Thuyết Văn cho rằng: Quáng là loại lúa có hạt không dẻo, nay gọi là đại mạch là quán mạch.

Câu lũ hoặc viết là Câu-lô-xá hoặc gọi là câu-lâu-xa gọi là năm trăm (500) cây cung, Ứng Thiệu nói: Câu-lô-xá-lư ngược lại Huỳnh câu gọi là âmthanh tiếng rống của con trâu lớn, nghe tới năm dặm tám Câu-lô-xá là một Du-thiện-na tức là bốn mươi dặm. Xưa đó là thánh vương đi một ngày du hành.

Trung yểu ngược lại là ư kiêu sách Thuyết Văn cho rằng: Yêu là cong lại Quảng Nhã cho rằng: Yêu là bẻ gãy, Thích Danh cho rằng: Trang thiếu niên mà chết gọi là yểu, như lấy vật bên trong mà bẻ gãy chữ viết từ bộ đại chữ tượng hình không thẳng không hết thiên niên gọi là yểu.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 3

Đồ dương ngược lại âm đạt hồ sách Thuyết Văn cho rằng: Đồ là phanh ra, Quảng Nhã cho rằng: Đồ là hư hoại, theo chữ đồ là người giết mổ phân bổ thịt súc sinh.

Tư lạp Quảng Nhã cho rằng: Tư là người chủ, sách Thuyết Văn cho rằng: Là tôi thần người hầu hạ làm việc bên ngoài, lại hầu hạ phía sau gọi là tư chữ chỉ ý.

Thính tụng ngược lại âm tha định sách Chu Lễ cho rằng: Lấy năm âm thanh nghe ngục cầu đình, một là hình thính hai gọi là sắc thính ba giáo lý khí thính bốn gọi là nhĩ thính năm gọi là mục thính thính gọi là nghe xát thật phải trái, sách Thuyết Văn cho rằng: Tụng là tranh tụng.

Trai giới văn cổ viết chữ giới cũng đồng, ngược lại âm cổ giới dịch khác là lấy đây là trai giới Hàn Khang Bá cho rằng: Tẩy rửa cái tâm gọi là trai phòng ngừa hoạn nạn gọi là giới Tự Lâm cho rằng: Trai giới là sạch sẽ thanh khiết, trai cũng là tề là đồng đều, bằng nhau. Quảng Nhã cho rằng: Giới là phòng bị chữ viết từ bộ cũng cũng là hai tay nắm giữ, đến bộ qua tức là nắm giữ cây giáo, không sợ sệt, lo lắng, âm cũng là âm cũng lại viết chữ bái cũng đồng.

Bà-la-môn đây nói sai lược Ứng Thiệu cho rằng: Bà-la-hạ-ma-nã đây dịch nghĩa làThừa tập đại pháp, các loại người này tự cho rằng: Được sinh ra từ miệng Phạm Thiên, trong bốn họ tộc là vượt trội hơn cả cho nên độc quyền nắm giữ tên là Phạm chỉ có Ngũ Thiên Trúc các

nước tức là không, trong kinh Phạm Chí cũng gọi tên này. Nói cho đúng là Trịnh Dẫn nói là hạt giống của Phạm Thiên dẫn dắt.

Sát lợi nên nói là sát-đế-lợi đây dịch là điền thổ, chủ trì ruộng đất, gọi là quí quý tộc của vua chúa vậy.

Bại xá ngược lại âm bệ hề nói đúng là Phệ-xá đây gọi là tọa gọi là tọa giá theo Thiên Trúc tục gọi là công là nhiều vật báu hàng hóa vãi vóc tơ lụa, đây gọi doanh cầu, chứa nhiều tài sản của báu lớn chỉ ngồi một chỗ mà xuất ra thâu vào cho nên gọi tên vậy.

Thủ đà nên nói là Thú-đạt-la là quan trông coi về điền nông, các học giả vậy, đây là bốn họ tộc lớn của nước.

Tư dĩ ngược lại âm di tư Quảng Nhã cho rằng: Tư là lấy dùng riêng, cũng gọi thành của riêng.

Uất-đơn-viết hoặc nói là Uất-đát-la-việt hoặc viết là Uất-đa-la-câu-lâu hoặc gọi là Đô-đa-la-cưu-lưu nói đúng là Uất-đát-la-cừu-lưu đây dịch là cao thượng, gọi là làm cao thượng hơn các phương khác, cũng nói là Thắng-châu-cưu-lưu đây cũng gọi là tát cũng gọi là họ, chưa rõ thành lập nghĩa nào gọi tên nào?.

Diêm-phù-đề hoặc nói Diểm-phù-châu hoặc nói là chiêm phù châu hoặc gọi là Thiềm-bộ-châu Diêm-phù đó là từ cây mà đặc tên đề đó là nói lược, nên nói là Đề-bệ-ba đây dịch là Châu-chiêm âm chiêm ngược lại âm chi hợp.

Phất-bà-đề hoặc gọi tên là Phất-vu-đãi hoặc gọi là Phất-tỳ-đề-ha hoặc nói là thông-lợi-bà-ty-đề-hạ-bổ-lợi-bà Đây gọi là mũi trước, Đề-hạ đây gọi ly thể rời xa thân thể.

Cụ-đà-ni hoặc viết Câu-da-ni hoặc gọi là Cụ-da-ni hoặc nói là Cù-già-ni đều sai, cù đây dịch là Ngưu-đà-ni đây dịch là chiếm giữ lấy kia nhiều trâu mà dùng, trâu đem ra chợ mua bán trao đổi như giữ đây dùng tiền để mua các thứ, hoặc gọi là các thanh ngưu tức trâu đá.

Tì cước ngược lại âm tự tư sách Nhĩ Thất cho rằng: Tì là tên gọi thứ cỏ như cây tật lê Quách Phác cho rằng: Đất thưa xấu nên cỏ mọc um tùm chằn chịt như dây leo là nhỏ, có hạt có ba góc có gai đâm người vậy.

Tư nhục sách Phương Ngôn viết chữ tư cũng đồng, ngược lại âm tư lực sách Thuyết Văn cho rằng: Tư là thịt mọc lạ kỳ, Tam Thương cho rằng: Thịt xấu ác, Văn Luận viết chữ tư chẳng phải thể.

Tác mô lại viết chữ mô cũng đồng, ngược lại âm mạc nô gọi là quy cách mẫu mực là mô cũng gọi là phép tắc, mô phạm, gọi là giống như đè ấn xuống sợi chỉ lấy mực của người thợ mộc.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 4

Ngôn thử ngược lại âm trắc thị tử lễ hai âm sách Thuyết Văn cho rằng: Thử là gom lấy, âm trịch ngược lại âm cư nghịch gọi là nắm lấy, gom lại, tóm lấy, Văn Thông Dụng cho rằng: Nắm lấy lôi kéo cho vãn ra gọi là thữ.

Nhủ anh ngược lại âm nhi chủ sách Thuyết Văn cho rằng: Con người và chim sanh con gọi là nhủ Tam Thương cho rằng: Nhủ là sanh con, nuôi dưỡng con, âm anh ngược lại âm ư danh Tam Thương cho rằng: Con gái gọi là anh con trai gọi là nhi Thích Danh cho rằng: Con người bắt đầu sinh ra gọi là anh nhi, phía trước ngực gọi là anh gọi là bỏ vào phía trước anh là nuôi dưỡng bằng sữa cho nên gọi là anh nhi.

Hữu ách lại viết chữ ách cũng đồng, ngược lại âm yên cách chỗ gọi là ách đó thanh gỗ cong chồng thẳng lên cổ con trâu, ách cũng là cách.

Tiết lậu ngược lại âm tư liệt Quảng Nhã cho rằng: Tiết là đầy tràn ra cũng gọi là phát ra, rò rĩ nước.

Hưng cự đây nói sai, nên nói Hưng ngu chữ hưng mượn âm, ngược lại yên dăng xuất ra từ nước Quan-ô-trà-bà-tha-na, nước kia người thường có thức ăn dồi dào, phương này tương truyền rằng đài hoa sen nhưng phải âm yên ngược lại âm hư diên.

Ngoan xà văn cổ viết chữ nguyên Tự Lâm âm là ngũ quan xà là rắn độc. Thôi báo xưa nay chú giải rằng: Thái nguyên là một tên của loài rắng độc, lớn đó là dài ba thước màu sắc của nó là đen, có thần lực hay khiến cho người mê muội, một tên gọi nữa là Huyền nguyên Hán Thư cho rằng: Huyền ngoan Vi Thiệu cho rằng: Huyền là màu đen, ngoan là loại rắn mối. Trong kinh nói con rắn màu đen, vậy này còn nghi ngờ, mà không nói độc hại người chưa rõ mục đích trong các kinh, cũng viết chữ hũy ngược lại âm vu quỷ là loài côn trùng độc, một thân hai đầu, hai miệng, đầu và đuôi giống nhau, cũng gọi là rắn trun có hai đầu.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 5

Phiêu bạt ngược lại âm bổ mạc bạt là mỏng, bức bách, gió thổi cận kề bức bách gọi là bạt.

Ứ hoại ngược lại âm ư lự sách Thuyết Văn cho rằng: Ứ là tích tụ máu, Quảng Nhã cho rằng: Ứ là bệnh, Văn Luận viết chữ ứ là cặn bã dơ bẩn, bùn đất cặn bã.

Sở thích ngược lại âm thư diệc sách Thuyết Văn cho rằng: Loài côn trùng gieo độc hại, Quan Tây dùng âm này, lại âm hồ các Sơn Đông dùng âm này tức là âm triết ngược lại âm tri liệt Đông Tây thông dụng ngữ này.

Phòng la ngược lại âm lựu hạ thuộc trú đóng phòng thủ, gọi là đi diễn binh lấy sự ngăn cấm phòng ngự, cũng gọi là đi tuần hành, việc này là trái lại chẳng phải.

Tiểu bính lại viết chữ tinh ba chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm bổ tránh bính là chạy tán loạn. Giang Nam nói bính là đi tứ tán rãi rác khắp nơi, âm tán ngược lại là âm tán,

Triết lâu trùng tên gọi là tầm ăn lá dâu, cũng gọi là con sâu đo, hoặc gọi là con sâu nấp trong lá dâu, hoặc gọi là khuất bộ tức là sâu đo.

Tô tức ngược lại âm trên hồ theo Thanh Loại cho rằng: Cánh sanh gọi là tô cũng gọi là nghĩ ngơi, lại gọi là canh tức.

Đăng tộ ngược lại âm tổ cố tộ là địa vị ngôi thứ, sách Quốc ngữ cho rằng: Chỗ thiên địa ban phúc lành gọi là tộ Giả Quỳ chú giải rằng: Tộ là phước lộc.

- Quyển 6 không có âm.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 7

Tỳ-đà hoặc nói là Vi-đà đều sai, nên nói là Bại-đà đây dịch là phân ra, cũng gọi là biết, có bốn tên gọi đó làMột gọi A-do đây dịch là mạng, cũng gọi là phương thuốc các việc; hai gọi là Dạ-thù là cúng tế; ba gọi là Bà-ma đây dịch là đẳng gọi quốc nghi, bói tướng, âm nhạc. Chiến pháp các việc; bốn gọi là A-xà-bà-nã gọi là chú thuật. Bốn việc

đây là chỗ Phạm Thiên, nói như là Phạm dũng sanh chủng tử từ Phạm Thiên, bảy tuổi chính là học với thầy, học thành tức là quốc sư, là người chủ chỗ tôn kính Phạm Thiên như Tôn-kỳ-da-bà tiên nhân, lại cũng viết là Bát-bại-đà.

Sở độ ngược lại âm đường các độ là đo lường, Quảng Nhã cho rằng: Độ là đánh giá, cũng gọi là trắc nghiệm.

Chi đề lại cũng gọi là chỉ đế phù đồ đây dịch là tụ tướng, cũng gọi là Lụy Thạch v.v... cao gọi là tướng hoặc nói là phương phần hoặc nói là miếu đều tùy nghĩa mà dịch.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 8

Hình cốt lại cũng viết chữ hình cũng đồng, ngược lại âm hạ định sách Thuyết Văn cho rằng: Hình là cẳng chân, âm hành ngược lại âm hạ mảnh nay Giang Nam gọi hình là hành Sơn Đông gọi hành là oa oa ngược lại âm văn mạnh hình hành đều là chân từ đầu gối xuống, gọi là hai xương ống quyển cẳng chân. Thích Danh cho rằng: Hình là (778) cổ chân, thẳng mà xuống như cọng của vật.

Khoang cốt lại viết chữ khoang cũng đồng, ngược lại âm khẩu hoàn Bì Thương cho rằng: Khoang là xương tận cùng của xương sống, sách Thuyết Văn cho rằng: Khoang là xương đầu trên, Văn Luận viết chữ khoang là chẳng phải thể.

Giao cốt ngược lại âm lực diêu Tự Lâm cho rằng: Bát giao Văn Thông Dụng cho rằng: Xương chỗ tận cùng của xương sống ở mông đít gọi là bát giao Văn Luận viết chữ liệu chỉ cao tức là chất mở đọng lại. Liệu chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ngũ cốc theo sách Lễ Ký Nguyệt Lịnh cho rằng: Thiên tử đến mùa xuân ăn lúa mạch. Trịnh Huyền cho rằng: Lúa mạch thật có tin tưởng cho giáp, thuộc mộc mùa hạ ăn thúc đậu, thúc đậu thật có tin tưởng cho giáp cứng hoàn toàn thuộc thủy mùa hạ ăn lúa rắc, ngũ cốc, trường mạng thuộc thổ thổ là trung ương, màu thu ăn rau ma, ma thật có văn lý thuộc kim mùa đông ăn lúa, bông lúa thử tức là nếp dẻo, bông lúa thử có thư thái thoải mái thuộc hỏa đều thuận theo thời mà ăn, lấy sự an tịnh, thư thái cho thân thể tính khí hợp với trời đất.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 9

Cực bỉ ngược lại âm bổ mỹ Bỉ là xấu ác Quảng Thất cho rằng: Bỉ là bị sĩ nhục hổ thẹn, xấu hổ.

Sở bẩm ngược lại âm bổ cẩm sách Thuyết Văn cho rằng: Bẩm là ban tặng cho. Quảng Thất cho rằng: Bẩm là cùng nhau nhận.

Đê đường văn cổ viết chữ định cũng đồng, ngược lại âm Đô-hề âm dưới Đồ-lang sách Thuyết Văn cho rằng: Đê đường là đập bờ đê ngăn nước tràn vào, sách Nhĩ Thất cho rằng: Đề gọi là cây cầu, Lý Tuần cho rằng: Đê là ngăn phòng, cản ngăn âm Hán không có chữ đê cùng Vôi Vi Thiệu cho rằng: Chứa đất làm bờ đê phong tỏa ngăn phòng nước tràn.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 10

Câu lân kinh Hiền Kiếp viết cư luân kinh Đại Ai viết câu luân hoặc là viết cư lân đều là tiếng Phạm nói sai, đây dịch là bổn tế là giải pháp thứ nhất. Trong kinnh nói Tôn-giả-tiểu-bổn-tế kinh Phổ Diệu nói: Câu lân đó là giải bổn tế, A-nhã đó là nói đã biết, nói cho đúng giải hiểu rõ suốt thấu, câu lân cũng là họ đây gọi là Kiều Trần Như là sai. Trong kinh Bổn Khởi nói: Ban đầu năm người đó, một gọi là câu lân; hai gọi là Phã-bệ; ba gọi là Bạt-đề; bốn gọi là Thập-lực-Ca-diếp; năm gọi là Ma-nam-câu-lợi.

Dương đồng ngược lại âm dĩ lương gọi là nấu cho tiêu tan nhừ ra nước gọi là dương dương cũng gọi là biển lớn, sách Nhĩ Thất cho rằng: Dương là đầy tràn. Nói quá nhiều nên đầy tràn ra, đây lấy nghĩa này.

Như cự ngược lại âm kỳ lữ đây ngoại đạo gọi là cái bình tròn giống như cái bầu, không có chân, lấy ba cây gậy chéo vào nhau đưa bình lên, trong các kinh hoặc viết kỳ lập cự hoặc nói là Tam-xoa-lập đều là nghĩa đồng vậy.

TẠP A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN
QUYỂN 11

Cơ cẩn văn cổ viết chữ phiếm cũng đồng, ngược lại âm phàm trị ngược lại âm dưới kỳ trấn sách Nhĩ Thất cho rằng: Lúa thóc không chín là cỏ rau mà không chín là cẩn sơ thái Lý Tuần chú giải rằng: Phàm có thể ăn được là thái tức rau cải đều không chín gọi là cẩn lại nữa Xuân Thu Cốc Lương truyện nói rằng: Hai loại cốc không mọc lên gọi là cỏ ba cốc không mọc được gọi là cẩn ngũ cốc không mọc gọi là đại cỏ tức là đói lớn. Thăng đăng là thành, tức là mọc lên được.

Kha-lê-lặc đây gọi là thiên chủ trì lai quả này là vị thuốc có công dụng đến nhiêu, như đây nhân gian gọi là sâm thạch hộc v.v... không có chỗ nào mà không nhập vào.

Tuyển tập Tam Thương viết chữ tuyển cũng đồng, ngược lại âm trợ miển Quảng Nhã cho rằng: Tuyển là định tuyển cũng là thuật cũng là nói thẳng ra, chữ thuật lại thị duật thuật gọi là giải thích nghĩa này, nghĩa lý nói giải thích gọi thuật, Nhĩ Thất cho rằng: Thuật là tu sửa tuần hành.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 73

- Âm A-tỳ-đàm-cam-lộ-vị luận hai quyển - Huyền Ứng soạn.
- Tùy Tướng Luận một quyển - Huyền Ứng.
- Tôn-bà-tu-mật Luận mười quyển - Huyền Ứng.
- Tam Pháp Độ Luận hai quyển - Huyền Ứng.
- Nhập A-tỳ-đạt-ma Luận hai quyển - H. Lâm.
- Thành Thật Luận hai mươi quyển - Huyền Ứng.
- Lập Thế A-tỳ-đàm Luận mười quyển - Huyền Ứng.
- Giải Thoát Đạo Luận mười hai quyển - Huyền Ứng.
- Xá-lợi-phất-a-tỳ-đàm Luận hai mươi hai quyển - Huyền Ứng.
- Ngũ-sự-tỳ-bà-sa Luận hai quyển - Huệ Lâm.
- Bại-bà-sa Luận mười bốn quyển - Huyền Ứng.
- Tam Di Để Luận ba quyển - Huệ Lâm.
- Phân Biệt Công Đức Luận bốn quyển - Huyền Ứng.
- Tứ Đế Luận Bốn quyển - Huyền Ứng.
- Bích-chi-phật Nhân Duyên Luận hai quyển - Huyền Ứng.
- Thập Bát Bộ Luận một quyển - Huệ Lâm.
- Bộ Vị Chấp Luận một quyển - Huệ Lâm.
- Di Bộ Tông Luận một quyển - Huệ Lâm.
- Bên phải mười tám luận một trăm ba mươi ba (133) quyển đồng âm với quyển này.

A-TỲ-ĐÀM CAM LỘ VỊ LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Lỗ ô đây là chữ Hán cổ ngược lại âm hồ quan đây nên viết chữ cát ngược lại âm La-hạp.

Tâm khấu ngược lại âm tiết hầu sách Thượng Thư cho rằng: Khấu là tặc gian cừu, sách Phạm Ninh Tập giải thích rằng: Gọi là một nhóm

người đi công phá, cướp giật. Nay lấy nghĩa này, sách Thuyết Văn cho rằng: Khấu là bạo, Quảng Nhã cho rằng: Khấu là cướp giật, chữ viết từ bộ hoàn đến bộ chi âm phiếu ngược lại âm thất diệu.

Chí thâu ngược lại âm dữ thị kỹ chí hai âm dựa theo chữ chí là hại ghét.

- Quyển Hạ Trước không âm.

****

TÙY TƯỚNG LUẬN

Sanh tra ngược lại âm trắc gia gọi là trái nghi tra, giống như cái ô lặc, hình lớn như cái bát, có mùi vị, không trơn láng, giống như rượu không thể ăn nhiều, Luận Văn viết chữ tra chẳng phải thể chữ.

Thấu khứu ngược lại âm sưu trứu ngược lại âm dưới khưu cữu nay Giang Nam nói trái chín trên rừng Cầm Nại, làm thành bột khô gọi khứu cũng gọi là lương thực khô.

Tam lạt Tự Uyển viết chữ thu cũng đồng, ngược lại âm Lô-cát Văn Thông Dụng cho rằng: Rất cay gọi lạt Giang Nam nói cay là lạt Trung Quốc nói cay là tân Văn Luận viết chữ thích nghĩa ngược lại quái lạ, thích chẳng phải thể chữ đây dùng.

****

TÔN BÀ TU MẬT SỞ TẬP LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Ma-du ngược lại âm Dĩ-chu tên người dựa theo chữ du là biến đổi.

Đường nhĩ ngược lại âm sắc hành Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đường là nhìn thẳng.

Ý-hồ ngược lại âm Ư-ký sách Nhĩ Thất cho rằng: Ý là tốt đẹp, chữ viết từ bộ ế Thanh Tứ Văn Luận viết chữ khánh là sai lầm thiếu sót vậy.

Bạt tranh ngược lại âm văn manh.

Tiển hoạt ngược lại âm cổ hoạt Thích Danh cho rằng: Tiển là tiến vào nghĩa này vốn gọi đầy đủ thể chữ này gọi là cán cán tức là ngọn gọi

là hoạt hội cũng gọi là chui của cây cung, cán của cung tên. Hoạt là bên tay cầm, cán cầm gọi là xoa hình giống như lưỡi liềm.

Ô-sa ngược lại âm nhất hồ cái ao lớn gọi hoàng ao nhỏ gọi là ô sách Thuyết Văn cho rằng: Ô là ao nước đục không chảy.

Môn-khổn lại viết chữ khổn cũng đồng, ngược lại âm khổ bổn sách Lễ Ký cho rằng: Nói rằng ở ngoài không vào được nơi cửa trong là khổn lại chú giải rằng: Khổn là cửa hẹp.

Nha pháo ngược lại âm bành hiếu sách Thuyết Văn cho rằng: Trên mặt nóng nhiệt nổi mụn, nay lấy nghĩa này, Văn Luận viết chữ bao là chẳng phải.

Xà hủy văn cổ viết chữ trùng quỷ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hồ quỷ gọi là độc trùng. Hàn Phi Tử Truyện cho rằng: Trùng có loài rắn một chân có hai miệng tranh nhau ăn, tranh nhau cắn, tranh nhau giết hại.

Đàn-sấn hoặc nói đạt-sấn ngược lại âm Xoa-cẩn đây dịch là tài thí, pháp thí, được phước báo, nên gọi là Đạt-sấn theo Tây Vực ký ghi rằng: Nói đúng gọi là Đạt-sấn-nã hoặc nói là Đà-khí-ni giáo lý dùng tay hữu, tức tay phải mà thọ nhận người khác, thí cho là khiến cho sanh phước cho nên theo đây mà lập thân vậy.

TÔN BÀ TU MẬT SỞ TẬP LUẬN
QUYỂN 2 - 3

Môn quấc văn cổ lại viết chữ hạp cũng đồng, ngược lại âm vu vực lại là âm vực sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chật hẹp gọi quấc Quách Phác cho rằng: Cửa hẹp âm trật ngược lại âm thiên kiết.

Xác thiên lại viết chữ bức cao hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm khẩu giác sách Chu Dịch (778) cho rằng: Khô cứng tự nhiên là khác đi. Theo Hàn Khang Bá cho rằng: Xác là cứng, dáng vẻ cứng tự nhiên, Văn Luận viết chữ xác là chẳng phải thể.

Nãng tích ngược lại âm nô lang sách Nhĩ Thất cho rằng: Nãng là lâu rồi. Giống như qua lâu rồi cổ xưa.

Táo quán ngược lại âm công hoãn sách Thuyết Văn cho rằng: Táo là rửa tay, phàm tẩy rửa vật đều gọi là quán nhưng không nói rửa tay.

Oán cừu văn cổ viết chữ thuật cũng đồng, ngược lại âm cự ngưu oán là vợ chồng gặp nhau gọi cừu sách Nhĩ Thất cho rằng: Cừu là thù

TÔN BÀ TU MẬT SỞ TẬP LUẬN
QUYỂN 4

Tập bất ngược lại âm trổ lập Tam Thương cho rằng: Tụ tập, sách Thuyết Văn cho rằng: Theo chữ tập là cất giấu, thâu gom.

Đề lệ ngược lại âm tha lễ tên cây.

TÔN BÀ TU MẬT SỞ TẬP LUẬN
QUYỂN 5

Phiếu khiên ngược lại âm bệ diệu âm dưới khứ yên tên Tam-muội.

Quyên quyên ngược lại âm cổ huyền Tự Lâm cho rằng: Dòng nước nhỏ gọi là quyên quyên cũng là trong sạch.

Sổ-át văn cổ viết chữ các cũng đồng, ngược lại âm ư hạt sách Nhĩ Thất cho rằng: Át là ngăn chặn, gọi là ngăn chặn sự phản nghịch là át cũng gọi là che trùm, chấn át.

Vi vi đúng nghi là chữ vi ngược lại âm vu phỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Vi là ánh sáng rực rỡ cũng là đỏ rực.

TÔN BÀ TU MẬT SỞ TẬP LUẬN
QUYỂN 6

Ngu tráng ngược lại âm trúc hạng Lý Đăng Thanh loại tập âm là sửu hạng tráng cũng là ngu đần độn ngu dại.

Ngoan lỗ ngược lại âm ngũ hoàn âm dưới lực cổ sách Luận Ngữ âm là săm Khổng An Quốc cho rằng: Lỗ là ngu độn Văn Luận viết chữ lỗ là chẳng phải thể.

Phân để ngược lại âm phủ bần âm dưới văn cổ viết chữ nể cũng đồng, ngược lại âm trực cơ đây nói sai, nói đúng Tãn-trà-đà-tã-tà đây dịch là đoàn cùng với xưa dịch là cấp cô độc giống như là tên khác Tu-đạt-đa Tu-đạt-đa đây là thiện dữ.

Minh thệ ngược lại âm phi kinh sách Lễ Ký cho rằng: Chư hầu nhận việc đến phàm trong nước có nghi ngờ đồng hội mà thường là lập

thệ ước nên gọi là minh.

Ngê lộc lại viết chữ tề cũng đồng, ngược lại âm cát hề sách Nhĩ Thất cho rằng: Con nai cái, nghê tên gọi chung các con thú con, thú nhỏ ám hà là âm da.

Sử tuyển ngược lại âm tợ nhuyển sách Vận Tập âm là dực tuyển sách Thuyết Văn cho rằng: Bú múc, bú sữa, cũng là hút vào uống vào.

TÔN BÀ TU MẬT SỞ TẬP LUẬN
QUYỂN 7

Trừ bộ ngược lại âm trực ư gọi là trù trừ dùng dằng không chịu tiến tới, cũng là do dự, âm trù ngược lại âm trực lưu âm xúc ngược lại âm trì lục.

- Quyển 8 - 10 đều trước không có âm.

****

TAM PHÁP ĐỘ LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

- Không có âm giải thích.

TAM PHÁP ĐỘ LUẬN
QUYỂN HẠ

Tỏa trì ngược lại âm thủ ngọa sách Thuyết Văn cho rằng: Tỏa là chém chặt bị thương, theo chữ tỏa giống như chém là chặt.

Giới hoán ngược lại âm hồ giới sách Vận Tập viết giới giới hạ Thương Hiệt giải thích văn cổ viết ai nhuế tiếng than buồn giận, Văn Thông Dụng viết hội đại ngữ nói lớn tiếng, giới giống như la mắng, giận, mắng mỏ, đều là vậy.

Y khí ngược lại âm ất giới sách Thuyết Văn cho rằng: Y là tiếng than, thở dài.

****

NHẬP A TỲ ĐẠT MA LUẬN

Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Tuấn phương ngược lại âm sở lực theo chữ tuấn phương đó là giữ người trong và ngoài nói chuyện với nhau, bốn mặt đều bằng nhau, gọi là đốn phương, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điền đến bộ nhân đến bộ truy chữ hội ý giống như thửa ruộng vuông bốn góc.

Tư lược ngược lại âm trên tinh da cũng âm dữ-sa đều đồng, theo chữ thố tư đó là giăng lưới bắt thỏ, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đan lưới bắt thỏ ting ting là vậy, theo truyện nói rằng: Thố tư tức là con thỏ đã sa lưới. Quách phác chú giải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tư giống như che trùm trên, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ võng thanh thã ngược lại âm dưới cường lượng theo chữ lượt đó là bắt cầm thú, nói cho đủ là dùng câu cung gỗ lớn che trên tấm lưới bên đường bắt con thú, có cơ hội nảy sinh ra con thú đi bất ngờ bị tóm lấy, sách Thuyết Văn viết từ bộ cung đến bộ lược thanh tĩnh.

Tàm quý ngược lại âm trên tạng hàm ngược lại âm dưới quy vị văn trước âm nghĩa đã giải thích rồi đây không giải thích trùng lấp nữa Văn Luận viết chữ tàm quý cũng thông dụng.

Dũng hãn ngược lại âm hàn ngạn sách Thuyết Văn cho rằng: Hãn là dũng mãnh, hung hãn, chữ viết từ bộ tâm thanh hạn hoặc là từ bộ thủ viết thành chữ hãn hoặc từ bộ phộc bộ khuyển viết thành chữ hãn cũng đều thông dụng.

Giao tất ngược lại âm trên giáo hào sách Khảo Công Ký cho rằng: Khất keo nấu bằng da nai màu xanh trắng, keo da ngựa màu trắng đỏ, keo da trâu màu cũng đỏ, keo da chuột màu đen, keo da cá, keo sừng là màu vàng. Trịnh Huyền cho rằng: Đều gọi là lấy các da thú nấu làm thanh keo, hoặc dùng sừng mà nấu thanh keo. Cố Dã Vương cho rằng: Keo là chỗ lấy liên tục các da con vật, cho nên dính liền với nhau. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Keo là dán chắc chắn, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh giao âm giao ngược lại âm kinh do.

Trù trù ngược lại âm trên trường lưu lại cũng âm trì đều thông, theo Hàm Thi truyện cho rằng: Yêu thương nhưng không gặp dùng tay đè ấn xuống, dùng dằng, chần chừ, giống như do dự, hoặc viết là tri trì giống như bồi hồi đi đi lại lại. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ túc chữ hình thanh.

NHẬP A TỲ ĐẠT MA LUẬN
QUYỂN HẠ

Ai-y-ô âm trên là ai ngược lại âm A-khả âm kế là y ngược lại âm Y-dĩ âm dưới là ô ngược lại âm Ô-cổ ba chữ đều chữ phạm âm, Văn Luận viết ai ế hai chữ, theo Tả Truyện cho viết sai thoát ra một chữ ô ý của luận nói rằng: Tên gọi của tam thân tức là ba thân, câu văn chữ thân đây gọi là ba, các khác biệt như Ai-y-ô ba chữ, thí dụ như là Ma-hê-thủ-la Thiên vương là vua của trời Ma-hê-thủ-la. Trên mặt có ba con mắt, trong kinh Niết-bàn cũng nói rõ ràng, nghĩa này thể cũng là một, dùng riêng thiếu đi một chữ, không thể cộng thành một nghĩa, gọi là tam tụ thân vậy.

****

THÀNH THẬT LUẬN

Huyền Ứng.

QUYỂN 1

Trác phủ văn cổ viết chữ trác cũng đồng, ngược lại âm trúc giác sách Thuyết Văn cho rằng: Trác là chặt đốn, trác là chặt bằng búa.

Đam phù ngược lại âm trượng âm tên của ngoại đạo, theo Phật mười hai năm bắt đầu là căn thục.

- Quyển 2, 3 Trước không có âm.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 4

Tề-nạch lại viết chữ di cũng đồng, ngược lại âm tử lễ Quảng Nhã cho rằng: Tề là lọc nước, gọi là tề dùng vải thưa ép ra nước, Văn Luận viết chữ tề ngược lại âm tử nghệ tề là nắm kéo ra, bài trừ, chẳng phải nghĩa đây dùng, ngược lại âm dưới nô cách nô trác hai âm nạch là nắm, cầm, bắt lấy, nắm trong tay, âm lộc là âm lộc.

Đông-tỳ lại viết chữ đông hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đồ đông theo Thanh Loại cho rằng: Viết chữ nông sách Thuyết Văn viết chữ đông gọi là đau nhức âm dưới phương nhị Thiên Thương Hiệt

ghi rằng: Tay chân bị tê cứng, Văn Luận cho rằng: Bị bệnh tê thấp, nay nói thời tiết lạnh nên bệnh phong tê đều là vậy.

Mạo mượn âm mạo mạo là sầu muộn, dáng điệu như chết rồi vì vậy mà gọi tên.

Dược thạch trị bệnh gọi là dược thời thượng cổ người ta lấy đá mài làm kim để trị bệnh, thời nay người ta lấy thiết chì mài làm kim đều gọi là để trị chữa bệnh vậy.

Cổ-phù chiếu theo định văn cổ quan thượng thư viết chữ bao phù hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm phù cưu gọi là cái dùi trống, sách Thuyết Văn cho rằng: Bao là đánh trống, cái cán dùi trống.

Biều-chước lại viết chữ biều cũng đồng, ngược lại âm tỳ diêu Tam Thương cho rằng: Biều là cái bầu cái thìa. Khưu Nam gọi là biều là chức người Thục nói chức là cái bầu đựng nước, âm dưới lại viết chữ chước cũng đồng, ngược lại âm thị ngược có thể dùng cái hộc múc thức ăn đó gọi là chước tức cái thìa, cái muỗng. Âm chức là âm thức âm lễ ngược lại âm lang để.

Nhãn bề ngược lại âm hổ bề Chương Tiểu Học cho rằng: Bề là cái lược dày, nay gọi là cái lược cấm lông mi, lược chãi đầu đều là làm vậy.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 5

Tương tranh lại viết chữ tranh ba chữ tượng hình đều đồng vậy, ngược lại âm văn canh tranh là va chạm, cũng gọi là nô đùa va chạm với nhau.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 6

Chất cốc ngược lại âm chi dật âm dưới là cổ lộc gông cùm ở tay gọi là chất gông cùm ở chân gọi là cốc cũng gọi là nữu giới tức gông cùm xiềng xích.

Như tiệp sách Thuyết Văn viết chữ hiệp Thích Danh viết chữ tiệp,

cũng đồng, ngược lại âm tử diệp tiệp là lông mi mắt, giữ Sơn Đông điềm ly âm tử cập Văn Luận viết chữ diêm điệp hai chữ tượng hình là chẳng phải.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 7

Xuyết-điểu ngược lại âm trúc quát Nhĩ Thất chú giải rằng: Xuyết lớn như chim bồ câu, hoặc là nói giống như chim cú gáy, cũng giống như con gà mái, chim trĩ, chân giống chân chuột, không có ngón sau, đuôi dài gọi là lạo chim cảm cấp, bay từng đàn, thường ở phương bắc, sa mạc, thịt nó rất ngon, tục gọi là chim đột quyết, giống như chim sẽ, thường sanh sống trên tổ cao, âm cảm ngược lại âm hồ lam.

- Quyển 8 Trước không có âm

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 9

Xá-lư ngược lại âm lực cư gọi là nhà riêng, cũng gọi là nhà trọ, chỗ nghỉ nhờ. Vua là trong nhà này chỗ gọi là tránh nóng, lạnh, đến mùa xuân, mùa thu thì đi, đến mùa đông mùa hè thì đến ở.

Nhập chi ngược lại âm chữ di gọi là cái bình của ngoại đạo tròn giống như cái bầu, mà không có chân, lấy ba cây gậy chéo vào nhau mà đưa cái bình lên vậy, trong các kinh hoặc nói cầm ba cây gậy đứng chống đỡ thật kỳ lạ. Hoặc là nói cây gậy đứng xen vào nhau chống đỡ đều là đúng vậy, Văn Luận viết chữ chi này là chẳng phải.

Kim thương ngược lại âm thiên dương Thiên Thương Hiệt giải thích văn cổ rằng: Hai cây thẳng bén nhọn gọi là (780) thương sách Thuyết Văn cho rằng: Thương là cây súng bắn rất xa, Văn Luận viết chữ phù là chẳng phải thể vậy.

Toàn mâu ngược lại âm thô loan toàn gọi là ném lao âm dưới lại viết mâu hai chưc tượng hình cũng đồng, ngược lại âm mạc hậu sách Thuyết Văn cho rằng: Cây mâu dài hai trượng.

Cẩu giảo lại viết chữ nạo cũng đồng, ngược lại âm bgũ gião sách

Thuyết Văn cho rằng: Nạo là cắn nhai xương, Quảng Nhã cho rằng: Nạo là cắn nhai Giang Nam chú giải rằng: cắn gọi là gião.

Điện phúc ngược lại âm tợ duyên sách Thuyết Văn cho rằng: Nước xoáy sâu âm dưới lại viết phúc phục ba chữ tương hình cũng đồng, ngược lại âm phò phúc là sâu thẩm cũng gọi là nước xoáy.

Tài cán ngược lại âm tắc tài ngược lại âm dưới văn cổ viết hiến cán mộc ba chữ tượng hình cũng đồng, nay viết chữ khái cũng đồng, ngược lại âm ngũ hạt sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cán là dư thừa, nói là cây mọc dư thừa, cũng gọi là trồng cây quá nhiều chen lấn nhau mà mọc lên.

- Quyển 10 không có âm giải thích

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 11

Huân tân ngược lại âm hứa vân Thiên Thương Hiệt cho rằng: Huân là loại rau có chất cay nồng, phàm là vật có mùi cay nồng đều gọi là huân.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 12

Cô quỳnh văn cổ viết chữ quỳnh hai chữ tương hình cũng đồng, ngược lại âm cư dinh không có cha gọi là cô không có con gọi là độc không có anh em gọi là đơn quỳnh quỳnh là không có chỗ nương nhờ, chữ viết từ bộ tấn đến bộ dinh thanh tĩnh âm tấn ngược lại âm truy nhuận.

Yết-tử lại viết chữ yết hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm u yết Tự Lâm cho rằng: Bệnh thương nhiệt gọi là thương nhiệt phiền muộn muốn chết đi. Lại cũng gọi là bệnh thương phong đỏ bầm tím gọi là mất sắc gọi là yết tức là bệnh cảm nắng, trúng nắng, nên viết chữ này.

- Quyển 13, 14 Trước không có âm.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 15

Bất-thí ngược lại âm thí thị Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Không chỉ nhiều như vậy.

Nhất hoành văn cổ viết chữ hoành hai chữ tượng hình cũng đồng, nay viết chữ hoành cũng đồng, ngược lại âm cổ hoàng theo Thanh Loại cho rằng: Viết chữ hoành là trục xe ngang dưới, nay gọi là thang sàng xe bậc thang bước lên xe, cùng là thanh gỗ ngang dưới xe đều gọi là quang.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 16

Viên hầu lại viết chữ viên cũng đồng, ngược lại âm vũ phiền viên giống như loại khỉ mà lớn hơn, tay nó dài, màu sắc có đen, có vàng, tiếng kêu rất buồn thảm, xưa nay chú giải rằng: Loài vượn sống năm trăm (500) tuổi hóa làm giã nhân sống ngàn tuổi âm hoắc ngược lại âm cư phược.

Trập trùng ngược lại âm trì lập sách Thuyết Văn cho rằng: Trập là loài thú ẩn giấu mình, mùa đông ẩn mình bất động, tức là loài thú lông thưa ngắn, như con gấu, con bi v.v... đều gọi là trập.

THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 17

Khảo kiểm ngược lại âm khổ lão gọi là tra hạch chất vấn.

Thổ phong ngược lại âm bổ long gọi là mô đất cao lên làm ranh giới gọi là phông gọi là đất gom lại thành mô cao.

Tắc-hy lại viết chữ hy cũng đồng, ngược lại âm hư y Tự Lâm cho rằng: Hy là làm cho khô ráo sách Phương Ngôn cho rằng: Hy là bạo ngược, giữa bắc yến hải đảo gọi bạo ngược dữ tợn là hy.

Dụng sản lại viết chữ sãn cũng đồng, ngược lại âm sơ nhãn sách Thuyết Văn cho rằng: Sang bằng, Văn Thông Dụng cho rằng: Tấn công,

công phá giết sạch gọi là sãn sản là cây đao vuông có cán cầm.

Bao noãn thể chữ viết chữ bao lại viết chữ bao cũng đồng, ngược lại âm âm bổ mạo Văn Thông Dụng cho rằng: Cái trứng nằm ẩn trong khe nước. Bắc Yến gọi là bao Giang Nam gọi là hồ lô âm lô ngược lại âm ương phú âm phụ ngược lại âm bổ hựu.

Xác xuất lại viết chữ xác cũng đồng, ngược lại âm khẩu giác ngô hội giang âm là khốc gọi là các vỏ trứng bên ngoài nó cứng, trên trứng giữa gọi là xác.

- Quyển 18, 19, 20 Trước không có âm.

****

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Tỳ-xá-khư hoặc gọi là Tỷ-xà-khư đây dịch là biệt chi tức là để túc đã sinh ra gọi là sở trục túc là tên, theo Tây Vực nhiều khi lấy đây làm tên.

Lộc tử mẫu tiếng Phạm nói là Mật-lợi-già-la lại cũng gọi là Lộc-ma-đa lại cũng gọi là Mẫu-bã-la-sa-đà đây dịch là đường cũng nói là điện xưa gọi là Ma-già-la-mẫu gọi là đường đó là sai lược vậy.

Ưu hống ngược lại âm ư ngưu âm dưới là hồ cẩu đều là tiếng rống của các loài thú.

Diễm phù ngược lại âm dĩ nhiễm hoặc là diêm phù hoặc gọi là chiêm phù hoặc nói là thiềm bộ đều là tiếng Phạm chuyển đọc sai. Diễm phù đó là từ gốc cây mà làm tên gọi, chữ đề đó là nói lược nên nói là Đề-bệ-ba đây dịch là châu.

Lưu tiết ngược lại âm lực chu Văn Thông Dụng cho rằng: Thịt nổi khối u lên gọi là lưu gọi là thịt nổi giống như lóng cây mắc lóng, cũng gọi là bệnh ung thư.

Chỉ giáp lại viết chữ giáp cũng đồng, ngược lại âm cổ hộp sách Thuyết Văn cho rằng: Hữu giáp, giáp tức là cánh tay, kế đến dưới viết chúng nghi là chữ giáp này.

Tũng thân văn cổ viết chữ tũng ba chữ tượng hình, nay viết chữ tũng cũng đồng, ngược lại âm tu phụng, sở tụng hai âm Quảng Nhã cho rằng: Tũng là trên cao, nhảy lên cao.

Thi-đà-lâm nói cho đúng là Thi-đa-bà-na đây gọi rừng lạnh, rừng

này u tối mà còn giá lạnh cho nên gọi tên. Trong thành Vương Xá người chết nhiều đưa vào trong rừng này, nay gọi chung là chỗ bỏ thây ma. Gọi là Thi-đà-lâm đó là tên gọi của khu rừng kia vậy.

Cung thiềm theo Thanh Loại viết chưc chiêm cũng đồng, ngược lại âm thời điểm gọi là trợ giúp Tự Thư cho rằng: Thiềm là đầy đủ, gọi là chung quanh đầy đủ.

Dưỡng di sách Thuyết Văn âm là tù chí di là lương thực Quảng Nhã cho rằng: Lương thực khô Thiên Thương Hiệt giải thích văn cổ cho rằng: Di là no rồi, gọi là ăn cùng với người gọi là di Văn Luận viết chữ di ngược lại âm dực chi chữ cổ, chữ giả tá, Văn Thông Dụng là chẳng phải thể.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 2

Lưu đọa ngược lại âm lực cứu Thiên Thương Hiệt giải thích chữ cổ cho rằng: Lưu là nước nhỏ xuống.

Lộ chữ ngược lại âm chi dữ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Châu nhỏ, cồn cát nhỏ, đảo nhỏ là chữ Lý Tuần gọi là bốn mặt đều có nước độc riêng có một cao lên có thể cư trú được là chữ.

Lê hoa văn cổ viết chữ mộc hoa hai chữ tượng hình cũng đồng, nay viết chữ hoa văn cổ cho rằng: Chữ này khác lạ hiếm thấy kỳ lạ lại viết chữ ngu cũng đồng, ngược lại âm dưới là huyền qua lê là cây đao kiếm sách Thuyết Văn nói hai cây kiếm hai đầu nhọn.

Giang bồ ngược lại âm thất hộ theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đây là tĩnh nhơ sách Hoài Bồ Truyện nói rằng: Bồ là bến nước.

Ma lệ chữ cổ nay viết chữ lệ cũng đồng, ngược lại âm lực chế Kinh Sơn Hải nói rằng: Đá mài dao trên núi phần nhiều có đá mài dao. Quách Phác cho rằng: Tức là ma thạch sách Thượng Thư cho rằng: Như loại kim dùng các loại đá để mài Khổng An Quốc cho rằng: Loại đá mịn gọi là lệ đều có thể mài dao, mài kiếm âm chỉ là âm chỉ.

Khanh tĩnh văn cổ viết chữ tĩnh hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm từ tính Quảng Nhã cho rằng: Cái hầm đào xuyên qua đất, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái hố hầm lớn sách Chu Lễ cho rằng: Người ta đục xuyên đá như cái cối. Trịnh Huyền cho rằng: Đào xuyên qua đất làm hầm chỗ gọi là phòng ngự thú cầm, mảnh hổ hung hãn hoặc

gọi là nhảy vượt qua mà rơi xuống hầm.

Khi trắc lại viết chữ khi ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm khưu tri gọi là không chánh, sách Thuyết Văn cho rằng: Khi là nguy hiểm, nghiêng lệch một bên không an toàn, không thể đứng lâu được.

Phong sái ngược lại âm sửu giới loài côn trùng độc hại. Sơn Đông gọi là con bò cạp, Thiển Tây gọi là bò cạp là sái âm lạt ngược lại âm chủy hạt lực lực hạt hai âm.

Ti nghê lại viết chữ ty nghê hai chữ tượng hình. Tam Thương cho rằng: Viết chữ bi nghê hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm phổ mể ngũ lễ Quảng Nhã cho rằng: Bi nghê là bức tường trong của người nữ, Bì Thương cho rằng: Bức tường nhỏ trên thành cao, Thích Danh cho rằng: Ty nghê là bức tường trên thành, trên bức tường có lỗ hỏng, chẳng phải thường cũng nói là bi là trợ giúp trên thành cao, hoặc gọi là bức tường của người con gái, nói bức tường này nhỏ so với bức tường ngoài thành, như là người con gái với người quân tử, hoặc gọi là diệp là bức tường thấp trên thành, lấy nghĩa này nó trùng lấp vậy.

Bảo sách ngược lại âm hựu bách sách Thuyết Văn cho rằng: Sách la bện gỗ đứng, Văn Thông Dụng cho rằng: Làm bức tường là hàng rào.

Phiến dạng ngược lại âm kích kiếm ngược lại âm dưới là dực thượng theo chữ phiếm dạng đó là rập rềnh, nước dao động.

Bảo hàm ngược lại âm hồ giam gọi là chứa nhiều kinh sách tạp vật v.v... gọi là hàm văn lượng viết hàm ngược lại âm hồ cam hàm là nhuận trạch trơn ướt thấm nước, hàm chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tích đệ ngược lại âm tích mịch ngược lại âm dưới tha hề sách Phương Ngôn cho rằng: Con dã thú nhỏ mà hay lặn dưới nước Nam Sở gọi là tích đệ. Loại thú nàu lớn đó gọi cốt đế mở của nó có thể dùng dao cắt làm dinh dưỡng.

Thủy tiền lại viết chữ tiệt cũng đồng, ngược lại âm tử kiếm Văn Thông Dụng cho rằng: Nước thấm một bên gọi tiền Giang Nam là tử thã.

Tự truy lại viết chữ chùy cũng đồng, ngược lại âm trực nguỵ sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng sợi dây chỗ treo lên gọi là ấn giữ yên Quảng Nhã cho rằng: Truy là sợi dây lớn cột đè ép trên trấn giữ chỗ chật hẹp.

Âu ca lại viết chữ âu cũng đồng, ngược lại âm ư hầu sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng ca gọi là âu Quảng Nhã cho rằng: Âu là vui vẻ, sách Nhĩ Thất cho rằng: Bài hát ngắn không có dương khúc gọi dao ca

dao.

Trụ sở ngược lại âm sở cữ sách Hoài Nam Tử cho rằng: Mây phủ che chân núi bốc lên sương mù làm ướt trụ cột đá. Hứa Thúc Trọng cho rằng: Người nước Sở gọi là trụ liêu là sơ tức chợ búa, âm ngược lại âm tư diệc.

Thị triền ngược lại âm trực liên sách Lễ Ký cho rằng: Nơi chợ búa đông đúc người mà không dẹp được. Trịnh Huyền cho rằng: Thị triền là chợ chứa đồ vật mua bán đổi chác. Triền cũng là chỗ ở, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Hải Đảo Đông Tề gọi chỗ ở là triền.

Gia thanh hoặc là viết chữ hà cũng đồng, ngược lại âm cổ hà nay gọi nhạc khí, trong dùng lá lau vấn lại mà thổi, vì vậy mà gọi tên.

Truyền giác ngược lại âm trì nghi ngược lại âm dưới cổ học theo truyền giác gọi là rui nhà vật rộng tên gọi khác là giác âm giác là âm giác âm suy là âm suy âm lạo là âm lão.

Trì chiểu ngược lại âm chi nhiễu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Chiểu là cái ao.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 3

Hoa hàm lại viết chữ hàm cũng đồng, ngược lại âm hồ cảm gọi là hoa ở ra còn hàm tiếu.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 4

Đề-đầu-lại-sá hoặc nói là Đề-đa-la-sá lại nói Đệ-lê-đa-hạt-la-sá đây dịch là trì quốc đó là người chủ lảnh, Kiền-hạt-ba và Tỳ-xá-xà hoặc gọi là Tý-xa-giá gọi là trong ngã quỉ là hơn cả.

Nãi-chí ngược lại âm Nô-cải sách Nhĩ Thất cho rằng: Nãi cũng là chữ nãi Quách Phác cho rằng: Nãi cũng là chữ nãi Thiên Thương Hiệt cho rằng: Là đi xa đến.

Tỳ-lưu-lặc-xoa hoặc gọi là Tỳ-ly hoặc gọi là Tỳ-lâu-lặc-xoa hoặc nói là Tỵ-lưu-trà-ca đây dịch là tăng trưởng, Chủ-lảnh-cung-bàn-trà và

bế-lê-đa-cung-bàn-trà, (781) đó hoặc gọi là Cưu-bàn-trà đó là hình đầu đều giống nhau gọi là Đông-qua-bế-lê-đa đó gọi là Tích-lê-đa. Trong ngã quỉ là kém hơn hết.

Tỳ-lưu-bác-xoa hoặc gọi là Tỳ-lữ-bác-xoa hoặc gọi là Tỷ-lưu-ba-a-nhân. Đây dịch là tạp ngữ hoặc nói là Xũ-nhãn là thủ lãnh loài rồng và gọi là Phú-đơn-na Phú-đơn-na đó là loài ngã quỉ trong loài ngã hôi thối hơn cả.

Tỳ-sa-môn hoặc nói là Tỳ-xá-phệ-bà-nã đây dịch là Ly-văn cũng gọi là Phổ-môn hoặc gọi là Đa-văn vị vua này rất giàu có vật báu tự nhiên là chủ của loài Dạ-xoa, ngược là Dạ-xoa-la-sát. Đây gọi là thương tổn cũng gọi là làm thương tổn hại đến người La-sát hoặc gọi là La-xoa-sa.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 5

Phan-xí văn cổ viết chữ chí cũng đồng, ngược lại xướng chí Văn Thông Dụng tủ ký cho rằng: Xí tức là cờ xí, quảng Nhã cho rằng: Xí tức là cái phướn, cái phan, Mặc tử cho rằng: Xí là bức trướng vải hoặc là lụa viết lời chúc mừng, hoặc chia buồn dài một trượng năm tấc rộng là nữa bức.

Châu-la đây dịch là nhỏ, hoặc gọi là búi tóc nhỏ.

Phủ phức ngược lại âm phương mục bổ cứu hai âm sách Phương Ngôn cho rằng: Phức hoặc gọi là bức sách Thuyết Văn cho rằng: Phức là cái nồi mà miệng nồi lại to lớn. Tam Thương cho rằng: Phức là cái nồi nhỏ âm bức là lịch.

Hý-giả lại viết chữ hy hý hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm hứa nghi sách Phương Ngôn cho rằng: Cái bầu đựng nước hoặc gọi là hý nay Giang Nam gọi là chước tức là cái muỗng là hý Tam Thương cho rằng: Là cái bầu đựng nước, cái gáo múc nước, Văn Luận viết chữ hy là chẳng phải thể.

Tần ngưu âm tần Tử Lộ cho tên của con trâu.

Biển lận ngược lại âm bì miến sách Thuyết Văn cho rằng: Biện là nhỏ chật hẹp, sách Nhĩ Thất cho rằng: Nóng nảy, gấp gáp, chật hẹp.

- Quyển 6 Trước không có âm.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 7

Binh ty lại viết chữ ty cũng đồng, ngược lại âm tư di Quảng Nhã cho rằng: Ty gọi kẻ sai khiến, thân mạng mình để cho người ta sai khiến, Tự Thư cho rằng: Ty là người phục dịch cũng gọi là kẻ thấp hèn, Hán Thư cho rằng: Ty là người đầy tớ, nô bộc, Trương Yến cho rằng: Ty là nhỏ bé, Vi thiệu cho rằng: Là người chẻ củi, chăn ngựa, nấu nước thức ăn dâng lên gọi là cung dưỡng.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 8

Sơn khái ngược lại âm khổ cái sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng đá va chạm cũng gọi là tiếng đá đập vào nhau rất lớn. Nay Giang Nam phàm là nói đập đá cho vỡ vụn ra gọi là khái cũng gọi là đập phá đá ra.

Phiên phủ ngược lại âm phủ viên Bì Thương cho rằng: Phiên là cái xẻng.

Như sam ngược lại âm sở nham gọi cắt cỏ, theo Mao Thi Truyện rằng: Sam là cái xẻng trừ cỏ.

Thống lạt ngược lại âm lực đạt Văn Thông Dụng cho rằng: Rất cay gọi là lạt Văn Luận viết chữ lạt chẳng phải đúng thể vậy.

Phanh sát ngược lại âm phổ canh phanh là nấu nước, sách Phương Ngôn cho rằng: Phanh là đun lửa nóng lên, giữa nung nhạc và Nam Trần Dĩnh gọi phanh là nghi lễ phàm là nấu nướng dâng thức ăn gọi là phanh.

Như đạn ngược lại âm xác nhàn Bì Thương cho rằng: Con chó cắn theo chữ phệ giống như là cắn, chữ viết từ bộ khuyển.

Tứ lăng ngược lại âm lực tăng sách Thuyết Văn cho rằng: Lăng là vật có góc cạnh, âm cô là âm cô Văn Thông Dụng cho rằng: Cũng là vật có bốn góc tức là tứ cũng là thăng, cũng là vật có tám góc cạnh.

Khoa đằng ngược lại âm khổ hòa sách Hải Chí cho rằng: Khoa Là tên của loại dây leo chằng chịt.

Lang lý ngược lại âm diêm chưng lăng lý tên của loại cá chép có chân xuất ra đất Phương Nam.

Hoặc lãn ngược lại âm Tha-hạt-tha-hại hai âm, giống như là con chó nhỏ mà sống dưới nước hay ăn loài cá, Văn Luận viết chữ thư ngược lại âm đô đạt tên của loài thú, thư chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hoặc vị lại viết chữ quí cũng đồng, ngược lại âm vu quí có loại thỏ nhím, giống như chuột nhím tức là con sóc đuôi dài.

Sĩ-bì ngược lại âm lặc nhĩ trực chỉ hai âm Quảng Nhã cho rằng: Sĩ là cướp đoạt lột, sách Thuyết Văn cho rằng: Lột y áo nay gọi là lột da người.

Trúc đát ngược lại âm đô đạt sách Thuyết Văn cho rằng: Đát tên loại tre thân nhỏ là dài, lá to, có thể gói đồ vật, âm nhược ngược lại âm là âm ngược tên của loại cật tre, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Giang Đông gọi là đan chiếu tre, thẳng hàng có hoa văn mà thô gọi là đát hoa văn xéo đó gọi là ph một tên gọi nữa là hàng đường âm phế là âm phế âm hàng ngược lại âm hồ lang âm đường là âm đường.

Thao-niết ngược lại âm khẩu hiệp gọi là dùng móng cào cấu làm bị thương gọi là thao sách Vận Tập cho rằng: Viết chữ hiệp ngược lại âm khẩu hạp gọi là nhập vào.

Thiết tào ngược lại âm tại lao lại viết chữ tao cũng đồng theo Thanh Loại cho rằng: Tào là cái máng cho heo ăn.

Thung thang ngược lại âm xích dung ngược lại âm dưới đồ lang thế bổn ung văn chữ thung là cái chày giã gạo, tôi thần của vua là lại viết khác, Quảng Nhã cho rằng: Thang là giã gạo, sách Vận Tập cho rằng: Bá thang là giã gạo, nay Trung Quốc nói giã gạo Giang Nam nói giã gạo là thang Luận Văn viết chữ thang là chẳng phải thể âm bái là âm đại là chày nhỏ.

Lạc cang lại viết chữ cang cũng đồng, ngược lại âm cổ lảng sách Phương Ngôn cho rằng: Khang là cái bình miệng nhỏ mà bụng to, nay Giang Đông thông dụng nói là cái hủ to là cang.

Não tiển lại viết chữ tiềm cũng đồng, ngược lại âm tử đản Tam Thương cho rằng: Tiềm là cao nước đục Giang Nam nói ao nước đục là tiềm Sơn Đông âm tiền nghĩa là rợt rửa, ngược lại âm tử kiến.

Tiên sao văn cổ viết chữ bốn chữ tượng hình nay viết chữ tiên nay sách Thôi Thực Tứ Dân Nguyệt Lịnh viết chữ sao xưa nay Chánh Tự viết chữ sao cũng đồng, ngược lại âm sơ gião sách Phương Ngôn cho rằng: Ráng nấu nướng cho chín, dùng lửa làm cho khô, sách Thuyết Văn cho rằng: Rang cho khô.

Lợi phất sách Tự Uyển âm sơ nhãn gọi là lấy cây niên nhỏ nhọn

xâu thịt nướng trên lửa, âm tiêm ngược lại âm thả liêm.

Đà-ngạc ngược lại âm đại hà ngược lại âm dưới là ngũ các Quảng Nhã cho rằng: Ngạc là tên của loài cá, dài hơn hai trượng, có bốn chân giống như cá sấu, răng nó rất bén nhọn, như có loài cầm thú hoặc là nai rơi vào nước tức thì nó cắn nuốt đoạn ra liền.

Cảnh nha ngược lại âm ư nha giống chim cổ trắng, Quang Trung gọi là A-nhã sách Nhĩ Thất cho rằng: Chim học tư loài chim giống nhân chim thước, mỏ ngắn, ở dưới nước giống như con vịt, Quách Phác cho rằng: Chim nhã ô tức con quạ, thân nhỏ mà bay từng đàn, dưới bụng nó trắng Giang Đông gọi là ô xa âm xa là âm sơ.

Ưng ngạc ngược lại âm ngũ các loài chim mảnh cầm dữ tợn kinh Sơn Hải nói: Thân nó giống như diều hâu thân đen, đầu trắng, chân và mỏ thì đỏ.

Chủy thủ ngược lại âm bổ lý tên của loại kiếm, sách Chu Lễ Khảo Công Ký ghi rằng: Chủy thủ là cây kiếm thân dài ba thước, nặng hai cân một lượng, nhẹ mà tiện dùng, đầu kiếm giống như cái muỗng. Bởi vậy mà gọi là chủy thủ sách Sử Ký nói: Chàng tráng sĩ Kinh Kha tay trái cầm cây kiếm chủy thủ.

Mộc bái ngược lại âm phù phế Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bái là thư từ, tờ trình, sách Thuyết Văn cho rằng: Lột vỏ cây để viết văn thư vào. Giang Nam gọi là bái Trung Quốc gọi là trác Sơn Đông gọi là Phác đậu âm trác phác là âm vu đậu.

Thiết dực ngược lại âm dư chức sách Nhĩ Thất cho rằng: Thức cũng gọi là dực Quách Phác cho rằng: Dực là cây trụ cột. Văn Luận viết chữ dực là chẳng phải thể dùng.

Trậm sát ngược lại âm trừ cấm kinh Sơn Hải nói rằng: Mấy người con gái phần nhiều độc như loài chim trậm, lông của nó có chất độc có thể chết người, Quách Phác cho rằng: Chim trậm lớn như chim diều hâu màu sắc tím xanh lạc, mỏ đỏ hay ăn rắn, nếu lấy lông của nó ngâm vào trong rượu uống vào tức thì chết liền.

Tuẫn lệnh ngược lại âm từ tuấn tuẫn giống như tuần sách Nhĩ Thất cho rằng: Tuẫn là đi biến khắp, sách Thuyết Văn cho rằng: Tuẫn là đi thị sát xem xét tuần tra, tuẫn cũng là tuần chữ viết từ bộ xước âm xước ngược lại âm sĩ diệc.

Luyện thiết lại viết chữ luyện cũng đồng, ngược lại âm lực kiến sách Thuyết Văn cho rằng: Luyện là lò đúc kim. Thiết là loại đồng đen.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 9

Hoặc lũ ngược lại âm lực đấu sách Thuyết Văn cho rằng: Cổ có bệnh sưng lên, nay dưới nách, ẩn chỗ trong, đều có con vi trùng.

Phiêu tật ngược lại âm ty diêu bệnh ung thư đã thành, Bì Thương cho rằng: Phiêu là bệnh ung thư, sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh ung thư đã lâu ngày nên đã thành tích tụ máu độc.

Phó địa văn cor viết chũe bồi cũng đồng, ngược lại âm bổ bắc sách Thuyết Văn cho rằng: Phó là đốn ngã, gọi là phía trước bị che chắn nên vấp té ngã ngữa.

LẬP THẾ A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 10

Tương phí ngược lại âm phò vị người Phương Nam gọi là thoáng qua trong chốt lát, cũng gọi là lãng phí tiêu tiền lãng phí.

Xuy-trì lại viết chữ yến trì hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm trừ ly sách Thuyết Văn cho rằng: Ống tre có bảy lỗ tức là một loại sáo, Thế Bổn cho rằng: Tô Tân Công viết chữ trì.

Thủy đài ngược lại âm đồ lai gọi là trong nước con cá mặc áo màu xanh lục, tức là lớp rêu xanh mọc dưới đáy nước cũng có thể gọi là sợi chỉ xanh.

Tịnh nê lại viết chữ bảng cũng đồng, ngược lại âm bài hàm bạch lam hai âm, không có thuyền là không thể qua sông, sách Thuyết Văn nói là lội nước qua sông.

Tắc ao Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Viết chữ dung cũng đồng, ngược lại âm ô hiệp sách Tự Uyển cho rằng: Ao là khuyết lỏm sâu xuống, cũng gọi là cái hầm.

****

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Thao ngận ngược lại âm tha lao âm dưới hồ khẩn thao là tham, sách Phương Ngôn cho rằng: Thao là cạn cợt, Bì Thương cho rằng: Thao là tham ăn, sách Thuyết Văn viết chữ thao này cũng đồng.

Trang thúc ngược lại âm trở lương trắc lượng hai âm, âm dưới sư cú nay Trung Quốc người ta gọi là trị liệu, đi đầy đủ là phải bó buộc âm phụ là âm âm thúc là âm thú sách Thuyết Văn viết chữ trang thúc gọi là gói.

Thư khuất ngược lại âm tài dữ Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Thư là thấm ướt từ từ hư hoại, Văn Luận viết chữ thư ngược lại âm trắc lữ gọi là dụng cụ để chứa rượu, tương tên gọi khác nữa là để thịt trên thớt mà xắt, thư chẳng phải nghĩa đây dùng.

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN
QUYỂN 2

Ma-bán Tự Uyển viết chữ bản cũng đồng, ngược lại âm bố mãn loại thức ăn nay gọi là gạo làm với đậu, gọi là bột đậu đều viết chữ này.

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN
QUYỂN 3

Hàng giới ngược lại âm hồ lang ngược lại âm dưới là hồ giới Văn Thông Dụng cho rằng: Câu thúc tội nhân lại gọi là hàng giới cũng gọi là gông cùm xiềng xích.

Phanh đang ngược lại âm bi chánh ngược lại âm dưới đô lãng gọi là quét trừ nhơ bẩn Quảng Nhã cho rằng: Phanh là trừ bỏ.

Y-y ngược lại âm ư căng mượn âm, gọi là tương đáp ứng thanh.

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN
QUYỂN 4

San khứ ngược lại âm sở gian (782) Tam Thương cho rằng: San là trừ bỏ diệt sạch.

Y bà lại viết chữ bà cũng đồng, ngược lại âm thất á Quảng Nhã cho rằng: Bà là khăn tay, Văn Thông Dụng cho rằng: Hai cái áo, áo kép gọi là bà.

Ngận tích sách Toán Văn viết chữ ngận cũng đồng, ngược lại âm hồ cân Văn Thông Dụng cho rằng: Cái sẹo gọi là ngận.

Linh dũ ngược lại âm lực định sách Thuyết Văn cho rằng: Dũ giữa khe hở, Văn Thông Dụng cho rằng: Cánh cửa thưa gọi linh nay viết chữ dũ linh đó là cửa sổ của xe đều là vậy.

Hàng tiết lại viết chữ hoàn cũng đồng, ngược lại âm hồ quán Văn Thông Dụng cho rằng: Thiêu đốt xương cốt lấy đem rãi xuống sông gọi là hoàn Thiên Thương Hiệt giải thích văn cổ cho rằng: Hoàn là lấy hòa tan trong nước. Nay Trung Quốc người ta nói là hoàn Giang Nam nói là mai táng, tức là đem chôn cất âm, mai ngược lại âm thụy lai xưa chữ viết là chữ lai.

Trì cẩu ngược lại âm nữ giai tên người dựa theo chữ trì là lau chùi, chà.

Giảo quái ngược lại âm cổ oán âm dưới văn cổ lại viết hôn để hai chữ tượng hình nay lại viết chữ khoái cũng đồng, ngược lại âm cổ khoái Văn Thông Dụng cho rằng: Đứa trẻ nhỏ đùa nghịch tinh quái gọi là giảo quái nay Quan Trung nói là giảo quát là sai.

- Quyển 5, 6 Trước không có âm.

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN
QUYỂN 7

Xu câu ngược lại âm khương cú.
Lâm bà ngược lại âm lực kim.
Hà lật ngược lại âm cổ ngã.
Bát tha ngược lại âm thổ hà.

Oa lâm Trương Tập Tạp Tự viết chữ oa là bệnh, Tự Thư viết chữ qua cũng đồng, ngược lại âm cổ hòa Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Qua

là bệnh trọc đầu, sách Vận Tập cho rằng: Bệnh ung nhọt, tới mùa xuân là phát ra, đó gọi là yến qua đến mùa thu phát ra gọi là nhạn qua.

Bí-tắc ngược lại âm bĩ ký Mao Thi Truyện nói: Ta nghĩ không thận trọng, theo truyện cho rằng: Bí là đóng kín lại, lại cũng gọi không theo Văn Luận viết chữ bí là chẳng phải thể.

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN
QUYỂN 8

Phẩn sất ngược lại âm xĩ dật sách Phương Ngôn cho rằng: Sất là quát mắng, giận dữ, vạch bày ra gọi là ha theo chữ sất giống như là ha sất quát mắng, nổi giận.

Thấp quái ngược lại âm hồ ngõa nên viết chữ quái ngược lại âm hồ quả còn tươi sáng. Lại gọi là tinh vật không có tạp gọi là quái.

- Quyển 9 Trước không có âm.

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN
QUYỂN 10

Giáp tất ngược lại âm cổ hạp gọi là kẹp, kẹp vật hai bên cận gần Tam Thương cho rằng: Giáp là đòn xe, sách Thuyết Văn cho rằng: Kẹp nắm giữ, thúc dục, cận kề đến.

Như địch lại viết chữ đích cũng đồng, ngược lại âm đồ lịch tức là cây lau, sậy rất dẻo vai, bền bỉ, âm kiêm là âm cổ hâm.

- Quyển 11, 12 Trước không có âm.

****

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Tuẫn hữu ngược lại âm từ tuấn Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tuẫn là cầu cũng là lợi mà không kể đến thân mạng.

Tây chẩn ngược lại âm chi nhẫn sách Hoài Nam Tử nói rằng: Nước bắn lên gọi chấn Hứa Thúc Trọng gọi khẩn là đoàn xe vận chuyển.

Lãng phong ngược lại âm lực lai Quảng Thất cho rằng: Ở đất Côn Lôn có ba ngọn núi lãng phong có cây ngô đồng, cũng có vườn rau, hoa quả.

Âm âm ngược lại âm ư châm theo Thanh Loại cho rằng: Âm là êm ả, yên tĩnh Tam Thương cho rằng: Tính hòa vui.

- Quyển 2, 3, 4, 5 Đều trước không có âm.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 6

Tòan lam ngược lại âm lực hành hoặc là Viết-tỳ-lam-bà hoặc là nói Bại-lam-bà hoặc là viết Phệ-lam đều là tiếng Phạm gọi là Sở-hạ-nhĩ đây dịch là gió mau rất dữ dội, gọi là gió bảo.

Nhận thức ngược lại âm nhi cẩn gọi là vật đã mất mà ghi nhớ nhận biết đó, ghi chép lại, Văn Luận viết chữ nhận là chẳng phải thể vậy.

Lao tửu ngược lại âm lực đao Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lao gọi là cặn rượu, trong rượu có cặn.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 7

Toàn mâu ngược lại âm thô loan toàn là ném lao, âm dưới lại viết mâu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm mạc hậu Văn Luận viết chữ thoán mâu hai chữ tượng hình.

- Quyển 8, 9, 10 Trước đều không có âm.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 11

Tất đậu ngược lại âm phương mật.

- Quyển 12 Trước không có âm.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 13

Trùy khước lại viết chữ truy cũng đồng, ngược lại âm trực ngụy Văn Thông Dụng cho rằng: Treo lên trấn giữ gọi là trùy lại là treo cái chày đá cho kéo xuống chì xuống, Văn Luận viết chữ chùy là chữ giã tá.

Hồ giáp ngược lại âm hồ giáp sách Thuyết Văn cho rằng: Giáp là uống vào.

Tẩm dâm ngược lại âm di trậm tẩm đam đó là chuyển động lớn nói là thấm dần dần, tẩm dâm cũng gọi là dời chỗ ở chuyển đi nơi rộng rãi. Thích Danh cho rằng: Bệnh lở loét u nhọt.

Mạc tử âm mạc ở Sơn Nam có rất nhiều con vật này giống như con muỗi mà nhỏ hơn, nó bay tụ lại chỗ có ánh sáng, gọi là cắn chích người làm có sẹo như sợi lông vậy.

Xa lịch ngược lại âm lực các, lực đích hai âm, gọi là bánh xe ghiền nát, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ chiếc xe cán lên gọi là lịch.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 14

Tiên pháo lại viết chữ tỷ cũng đồng, ngược lại âm tư tiện Tự Lâm cho rằng: Vết thương đã khô sắp lành, theo chữ tiên đó là bệnh nấm, có khô, có ướt trên da hai loại. Thích Danh cho rằng: Bệnh nắm trên da dần dần lan ra to rất ngứa cho nên thanh từ gọi là tiên là tỷ là di dời đi.

Đới hạ lại viết chữ đới cũng đồng, ngược lại âm trúc thế đinh kế hai âm quan trung âm đa trệ Tự Lâm cho rằng: Thông là màu đỏ, Thích Danh cho rằng: Nặng dưới là màu đỏ, màu trắng gọi là đới nói là lệ đới

rất khó trị.

Côn sắt ngược lại âm bổ hề sạc Thuyết Văn cho rằng: Loài ký sinh trùng, loại côn trùng trên con trâu, bò. Nay nói trên con trâu, bò, ngựa, con gà, con chó đều có loài côn trùng này, âm dưới là sở ất loài côn trùng hay cắn đốt người, Sơn Đông và Hội Kê đều dùng âm này.

- Quyển 15, 16, 17, 18 Trước đều không có âm.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN QUYỂN 19

Tự bát ngược lại âm từ dữ sách Thuyết Văn cho rằng: Tự là đầu mối dây, cũng gọi là đầu mối.

Giá sắc ngược lại âm da hà âm dưới sở lực Tự Lâm cho rằng: Các loại giống gieo trồng gọi là giá thu hoạch đem về gọi sắc sách Thuyết Văn nói bông lúa thật gọi là giá cũng gọi là ngoài đồng, thôn dã gọi là giá.

- Quyển 20 Trước không có âm.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN QUYỂN 21

Thác sư Bì Thương viết chữ lược lại viết chữ bài cũng đồng, ngược lại âm bổ giới Vương Bậc chú rằng: Sách viết chữ thác nãng nang gọi là dụng cụ lấy lửa, thổi lửa khiến cho lửa cháy rực lên.

XÁ LỢI PHẤT A TỲ ĐÀM LUẬN QUYỂN 22

Cốt pháo lại viết chữ pháo cũng đồng, ngược lại âm bổ hao gọi là mụt nhọt nhỏ sưng lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Pháo là nóng nhiệt trên mặt nổi mụn. Nay lấy nghĩa này, Văn Luận viết chữ bao hoặc là viết chữ bao hai chữ tượng hình đều chẳng phải.

Đài cữ ngược lại âm đồ lai Văn Thông Dụng cho rằng: Phấn chấn đưa cao lên cũng gọi là tiến cử.

Nhiếp trứu ngược lại âm chi thiệp tri lạp hai âm, nhiếp giống như nhiều lớp áo nhăn nhúm lại cũng gọi là tay áo nhỏ.

Quán địch ngược lại âm hồ quan giáo lý cây lau nhỏ theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cây cỏ thô sơ gọi là hà cũng gọi là dây leo mọc chằng chịt đến mùa thu mà xanh tốt thì gọi là quán đến mùa hè thẳng đứng nhỏ bé đó gọi la vi tức cây lau sậy, chưa trổ bông gọi là quán đã trổ bông rồi cũng gọi là quán âm dưới lại viết là đích cũng đồng, ngược lại âm dồ lịch tức là cây lau sậy, sống rất dẻo dai đó vậy, âm kiêm ngược lại âm chiêm điềm âm hà là âm da âm đạm là âm tha cảm âm quán ngược lại âm ngũ hoạn.

****

NGŨ SỰ TỲ BÀ SA LUẬN

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Trinh thật ngược lại âm trên là trắc tình sách Chu Dịch cho rằng: Trinh là chánh tức là thẳng thắn, sách Ích Pháp cho rằng: Đức chánh ứng hòa gọi là trinh trong ngoài không hư hoại gọi là trinh: Thẳng con đường không quấy rối gọi là trinh, sách Thuyết Văn nói: Đoán hỏi thăm, bói quẻ gọi là trinh. Trịnh Huyền gọi là hỏi thăm các việc chánh sự, chữ viết từ bộ bốc thanh bối hoặc là từ bộ đỉnh thanh tĩnh kinh văn viết từ bộ thị hoặc là viết từ bộ mộc viết thành chữ diệu trinh là chẳng phải vậy.

Diêu dương ngược lại âm trên diệu chiếu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Gió thổi lay động, Bì Thương cho rằng: Gió thổi lay động trên, âm dưới là chương tưởng sách Khảo Thanh cho rằng: Gió thổi tốc lên, tung lên quét sạch hết, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ gió cuốn tung lên, bay lên chữ viết từ bộ phong đều thanh diêu dương.

Thân khiếp ngược lại âm dưới kiêm diệp Ngọc Thiên cho rằng: Khiếp là cái rương, sách Khảo Thanh cho rằng: Loại rương chứa đựng đồ vật, sách Thuyết Văn viết chữ khiếp giam chữ viết từ bộ phương âm phương là âm phương thanh giáp.

Trợ giáp âm dưới lại viết chữ hạp Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Gọi là áo giáp, theo truyện nói rằng: Viết chữ áp là giam giữ, sách Khảo Thanh cho rằng: Giáp trụ, sách Thuyết Văn cho rằng: Kinh

Đại Nhất nói giáp là cái mũ giáp trụ đội trên đầu là giáp giáp giống như đầu người, kinh văn viết chữ giáp là tên lửa, nghĩa kinh nó kỳ quái âm giáp ngược lại âm cổ diêm.

Đao sóc ngược lại âm dưới là sơn trác Quảng Nhã cho rằng: Sóc là cây mâu giáo dài, sách Thuyết Văn cho rằng: Còn thiếu, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Sóc là cây giáo dài bốn trượng tám thước, chữ viết từ bộ mâu thanh tiếu.

NGŨ SỰ TỲ BÀ SA LUẬN
QUYỂN HẠ

Toát ma ngược lại âm trên thất hoạt Quảng Nhã cho rằng: Toát là nắm lấy, Ứng Thiệu giải thích Hán Thư cho rằng: Bốn khuê gọi là toát cũng là ba ngón tay chụm lại, sách Lễ Ký cho rằng: Thiên địa đất nhiều trong một nắm tay. Tự Lâm cho rằng: Toát tay giữ lấy. Xưa nay (785) Chánh Tự cho rằng: Cũng là hai ngón tay chụm lại, chữ viết từ bộ thủ thanh tối.

****

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Bạt-kim ngược lại âm cự kim tên người.

Phó thái ngược lại âm phương căn phó gọi là sơn phết trét thêm vào thoa vào, thoa thuốc, thoa phấn đều là viết chữ phó này vậy, Văn Luận viết chữ phủ ngược lại âm phu chủ phủ là phủi, vỗ nhẹ, chẳng phải nghĩa đây dùng, ngược lại âm dưới thã tại thái giống như là sắc thái, màu sắc.

- Quyển 2. Trước không có âm.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 3

Ma thúc lại viết chữ thúc hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm thư dục tên người.

Chiên ngư văn cổ viết chữ thiện cũng đồng, ngược lại âm tri liên gọi là cá vàng lớn, cái miệng ở hàm dưới, thân không có vẫy giáp nhau, thịt màu vàng, thân to lớn dài ba trượng, Giang Đông gọi là cá vàng, tức là con lươn vậy.

Như hàm chữ cổ viết từ bộ kim thanh hàm nay viết chữ châm cũng đồng, ngược lại âm chi dâm Quảng Nhã cho rằng: Châm là cây kim lớn đâm vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Hàm chỗ gọi là cây kim may áo.

Đê già ngược lại âm đô hề gọi là chủng tử.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 4

Sắc mạc ngược lại âm vong các sách Thuyết Văn cho rằng: Lớp mỏng giữa thịt Văn Luận viết chữ từ bộ cách viết thành chữ mạc là chẳng phải.

Đằng thư ngược lại âm đồ đăng sách Thuyết Văn cho rằng: Đằng là bám vào, nương vào chỗ chồm lên, lên cao, chuyên chở, Quảng Số cho rằng: Đằng là chạy nhanh vút lên.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 5

Ngược ế sách Vận Tập viết chữ ế cũng đồng, ngược lại âm nhất kế, sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt bị bệnh sanh ra che, Tam Thương cho rằng: Ế là mắt bệnh Luận Văn viết chữ ế gọi là trời âm u mà có gió gọi là ế, ế là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Âm toại văn cổ viết hai chữ tượng hình, nay viết chữ toại hoặc là viết chữ toại cũng đồng, ngược lại âm từ túy âm toại là xuất ra nước từ mặt trăng, toại là xuất ra lửa từ mặt trời, dụng cụ lấy lửa từ mặt trời như

là đồng ngọc đá tinh thể tròn. Âm toại lấy thiết vuông.

Đàm thủy ngược lại âm đồ nam nước ngưng chảy, người nước Sở gọi là nước sâu làm đàm Văn Luận viết chữ đảm ngược lại âm âm đồ lam đạm là lờ lững, điềm tĩnh an nhiên, đạm chẳng phải nghĩa đây dùng.

- Quyển 6 Trước không có âm.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN QUYỂN 7

Ky biếm ngược lại âm cư y Quảng Số cho rằng: Ky là châm chích, châm biếm, cười cợt, sách Thuyết Văn cho rằng: Ky là chê bai, âm dưới văn cổ viết chữ sào cũng đồng, ngược lại âm bi liễm biếm là hạ thấp, chìm xuống giảm, cũng gọi là hạ xuống, cách chức.

- Quyển 8 Trước không có âm.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN QUYỂN 9

Như lược ngược lại âm cự hướng sách Vận Tập cho rằng: Giăng lưới bên đường gọi là cướp đoạt, thời nay gọi là săn bắt, gọi là giăng lưới để bắt thú, lưới hình giống như cây cung.

Chân nịnh ngược lại âm ư nhân gọi là khổ.

Di nịnh gọi là thói quen.

Đà phá là hết.

Đà la gọi là phá đao.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN QUYỂN 10

Đạo tích lại viết chữ tích hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử diệc dấu chân, Văn Luận viết chữ trật giao hai chữ tượng hình là

chẳng phải.

- Quyển 11 Trước không có âm.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 12

Vấn mô ngược lại âm vô phân Tự Lâm cho rằng: Vấn là lau chùi, mô là sờ mó, mò tìm, âm tác ngược lại âm tảng các.

Câu trác ngược lại âm đô giác trác là đánh gõ, gõ nhịp, âm xao ngược lại âm khổ giao Văn Luận viết chữ trác này là chẳng phải.

Hoa-bì ngược lại âm hồ lạt gọi là có thể làm trang sức cho cây cung.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 13

Thiết bà lại viết chữ sắc cũng đồng, ngược lại âm bình da sách Phương Ngôn cho rằng: Bà gọi là cầm nắm cái bừa, cái cuốc to lớn, Quách Phác chú giải rằng: Cái bừa có răng gọi là bà không có răng gọi là bát âm bát là âm bát. Nay Giang Nam gọi có răng đó là bà nã chữ viết từ bộ mộc âm nã ngược lại âm âm nữ ư.

Hạ bộ ngược lại âm bổ hồ sách Hoài Nam Tử cho rằng: Đi đến lòng từ bi, thương xót, dung chứa đó là bộ lúc gọi là thêm thẳng vào, tức là bú mớm còn ở trong nôi.

BỆ BÀ SA A TỲ ĐÀM LUẬN
QUYỂN 14

Xích hoạch ngược lại âm xĩ diệc ngược lại âm dưới ô quách, ư hoạch hai âm, sách Nhĩ Sở cho rằng: Xích hoạch là loại sâu, sách Phương Ngôn cho rằng: Xích hoạch là tên của sâu đo, cũng gọi là tầm tang, là con sâu nằm trong lá dâu, sách Toán Văn cho rằng: Người

nước Ngô gọi sâu đo là tang âm hạp ngược lại âm cổ hiệp hai cũng gọi là tức tựu ngược lại âm tử lục.

Phong ngưu Chu Thành Nam Tự viết chữ phong ngược lại âm phi phong Hán Thư âm là phong tức là loại trâu này nhỏ mà chân trước có khắc phong.

Bất huyển liệt tử viết chữ thuấn Văn Thông Dụng viết chữ huyển cũng đồng, ngược lại âm thi nhuận sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ thuấn gọi là mắt mở ra nhắm lại nhiều lần, gọi là nháy mắt. Phục Kiền cho rằng: Con mắt bị động gọi là huyển.

Cù dục lại viết chữ cụ cũng đồng, ngược lại âm cụ câu âm dưới lại viết chữ du cũng đồng, ngược lại âm dĩ chúc đầu lưỡi chim nhọn có hai bên góc có lông nhỏ, kinh Sơn Hải chú giải Công Dương Truyện rằng: Đều viết chữ cụ âm cụ.

Thục trùng ngược lại âm thời chúc theo Mao Thi Truyện nói rằng: Loài côn trùng lúc nhúc đó là thục tức là ấu trùng, theo truyện rằng: Thục là con ấu trùng của giống bướm, tức sâu ăn là dâu, lớn như ngón tay, giống như con tầm, sách Nhĩ Số cho rằng: Cũng là loài sâu đo tên gọi là ô thục.

****

TAM DI ĐỂ BỘ LUẬN

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Nhược lũ ngược lại âm dưới là lực chủ Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lũ là người lưng không thẳng, tức là người lưng gù. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thân có tật bệnh, Quảng Nhã cho rằng: Lưng cong, sách Thuyết Văn cho rằng: Khiểng chân, chữ viết từ bộ nhân thanh lữ.

Nhược tích ngược lại âm dưới tinh tích Cố Dã Vương cho rằng: Tích gọi là cái chân bệnh khô không thể đi được, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ chỉ thanh tích kinh văn viết chữ xúc tục dùng cũng thông dụng.

Khiêu nhãn ngược lại âm trên khiêu điêu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khiêu là khiều móc ra, sách Vận Thuyên cho rằng: Khiêu là vặn bẻ dùng dao khoét móc ra trừ bỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh triệu kinh văn viết chữ khiêu là chữ đúng thời dùng.

TAM DI ĐỂ BỘ LUẬN
QUYỂN TRUNG

Nhục đoàn ngược lại âm trên như lục Cố Dã Vương cho rằng: Nhục đó là thịt của cơ bắp. Phàm là loại có khí huyết đều gọi là nhục sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ tượng hình.

TAM DI ĐỂ BỘ LUẬN
QUYỂN HẠ

Nhương khư ngược lại âm trên là chữ xương âm dưới kiếp ca tiếng Phạm nói nhương là hợp theo người, chữ viết từ bộ nhân viết thành chữ nhương kinh văn viết chữ nhương là dùng chữ sai lầm.

Kha-la-la tiếng Phạm xưa dịch hoặc gọi là Yết-la-lam hoặc nói là Ca-la đều là một nghĩa, đây tức là nói người đàn bà ban đầu thọ thai mới bảy ngày.

****

PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC LUẬN

Huyền Ứng soạn

QUYỂN 1

Tỷ giảo văn cổ viết chữ xác cũng đồng, ngược lại âm cổ học giảo đó là đo lường, so sánh cho rõ ràng hơn kém. Xác giống như là còn thô lược, thương lượng, bàn bạc.

Hạo đại Tam Thương cho rằng: Văn cổ viết chữ hạo cũng đồng, ngược lại âm hồ lão hạo cũng gọi là rộng lớn, mặt trời mới mọc sáng tỏ.

1) Tỳ tế ngược lại âm bổ tây phò chỉ hai âm, ngược lại âm dưới tạ mê sách Thuyết Văn cho rằng: Tề là rốn người, cuống rốn, Văn Luận viết chữ phì là chẳng phải.

3) Án như ngược lại âm ư đản án là làm theo cũng gọi là xem xét dòm ngó, cũng gọi là kiếm tầm.

4) Trình Phật ngược lại âm trì kinh trình là kiến, tức xem thấy, cũng gọi là kiến nơi Phật, Văn Luận viết chữ trình giải thích là chẳng

phải thể hoặc là viết chữ trình cũng chẳng phải.

2) Địa phi ngược lại âm phò phi gọi là kiếp ban đầu lúc mới chỉ là lớp mở, cũng gọi là địa vị, Văn Luận viết chữ thiên là chẳng phải.

Cung thỉ lại viết chữ thất cũng đồng, ngược lại âm thi chỉ Tam Thương cho rằng: Thất là mũi tên xưa đó Di Mâu viết chữ thỉ.

Khuy du lại viết chữ khuy cũng đồng, ngược lại âm khưu qui âm dưới là dực chu sách Thuyết Văn viết chữ khuy là nhìn trộm.

PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC LUẬN
QUYỂN 2

Tử tai lại viết chữ mạ cũng đồng, ngược lại âm tử tư tử là thương lượng, sách Thuyết Văn nói: Suy nghĩ.

Tạc tai chữ viết đúng nghi là tạc hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử các sách Thuyết Văn cho rằng: Gạo thô, một đấu lấy đem đi xay giã còn lại dính thăng gọi lạt, gạo chưa giã trắng, Tam Thương cho rằng: Tinh gạo thô, tức gạo còn cám. Nay Giang Nam cũng gọi là bái là gạo thô âm lạt là âm lạt Văn Luận viết chữ tạc là chẳng phải thể.

Hoàng thủy ngược lại âm ô hoàng Văn Thông Dụng cho rằng: Nước ngưng chảy gọi là hoàng hoàng là ao nước không chảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hoàng là ao rất sâu rộng.

Tự vẫn văn cổ viết chữ vẫn cũng đồng, ngược lại âm vong phân Dương Công Truyện nói rằng: Công không thành danh không toại, tự thắc cổ mà chét, Hà Hưu cho rằng: Vẫn là cắt cổ chết.

Bà nam hoặc là nói hòa nam đều sai. Nói cho đúng là bàn đạm đây dịch là ngã lễ là ta làm lễ.

Thiện thực ngược lại âm thị chiến âm dưới là thị lực thiện là tu bổ sửa chửa thực là bồi đắp thêm đất, gọi là hòa đất vào nước trét phết thêm vào, sửa chửa.

Hung hung ngược lại âm hứa cung hung hung là tiếng sôi nổi bên trong, Hán Thư cho rằng: Hung hung là tiếng ồn ào của hơn ngàn người, Văn Luận viết từ bộ thủy viết thành chữ hung là chẳng phải.

Đẩu tẩu lại viết chữ tẩu cũng đồng, ngược lại âm tô tẩu Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Đẩu tẩu đó là giơ cao lên, Văn Thông Dụng cho rằng: Đẩu tẩu đó gọi là chim tụ (784) hợp mổ thóc, chữ

khó âm là đô cốc âm dưới tô cốc Văn Luận viết đẩu tẩu là chẳng phải.

Ký kim theo Thanh Loại cho rằng: Văn cổ viết chữ tuyền cũng đồng, ngược lại âm kỳ khí theo Tả Truyện cho rằng: Giống như lo sợ không an. Lại chú giải rằng: Ký là đến.

PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC LUẬN
QUYỂN 3

Ứ tự ngược lại âm từ dữ sách Thuyết Văn cho rằng: Tự là thứ đệ, sách Nhĩ Số cho rằng: Tự là mối dây, gọi là đầu mối dây.

Thù tạc lại viết chữ độc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Viết chữ thù cũng đồng, ngược lại âm thị chu gọi là chủ và khách đáp lễ rót rượu mới gọi thù khách báo đáp chủ gọi là tạc.

Sâm sâm ngược lại âm sở kim sách Thuyết Văn cho rằng: Cây mọc dài nhiều. Nay lấy nghĩa này.

Ưỡng nhiên ngược lại âm ư lượng Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Ưỡng là bực bội khó chịu, cũng gọi là buồn bã, tâm không yên.

Tiên hoàn ngược lại âm trên là tử điền ngược lại âm dưới là hồ mãn Tam Thương cho rằng: Tiên là tưới nước tẩy rửa, gọt rửa sạch sẽ.

Thu ngâm ngược lại âm tử do âm dưới ngưu kim Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thu là tiếng đông người ồn ào, sách Thuyết Văn cho rằng: Thu là tiếng đứa trẻ khóc hu hu, ngâm là thán, tiếng ngâm, phúng tụng ca vịnh, Văn Luận viết chữ ngâm là chẳng phải.

PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC LUẬN
QUYỂN 4

Phồn diển ngược lại âm phò viên ngược lại âm dưới là dĩ thiện phồn là nảy sinh ra nhiều, phồn thịnh, diển là nước tràn lai láng, nước chảy dài lênh láng.

Toàn nhật ngược lại âm thã tuyền Hán Thư Ứng Thiệu cho rằng: Toàn là cái cân lường đong đo, Vi Chiếu cho rằng: Toàn là quả cân.

TỨ ĐẾ LUẬN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Tù thủy văn cổ viết là phù cũng đồng, ngược lại âm tợ do sách Thuyết Văn cho rằng: Tù gọi là nổi lên nước, tức là bơi lội. Nay Giang Nam gọi là chỉ người nổi trên mặt nước là tù.

Khí thấu ngược lại âm tô đậu sách Thuyết Văn cho rằng: Là hơi đi ngược, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tề Đô gọi thấu là ho âm khái ngược lại âm khổ đại Giang Nam dùng âm này.

TỨ ĐẾ LUẬN
QUYỂN 2

Cấm tắc lại viết chữ khâm cũng đồng, ngược lại âm cự cẩm, cự ấm hai âm, sách Thuyết Văn nói: Cấm là ngậm miệng, cấm khẩu.

Xạ bằng âm bằng tự lược cho rằng: Xạ là bắn trúng đích, cũng tức là bắn trúng ụ đất cắm bia tập bắn, âm đóa ngược lại âm đồ quả.

- Quyển thứ ba. Trước không có âm.

TỨ ĐẾ LUẬN
QUYỂN 4

Điều can ngược lại âm công hạn Tự Lâm cho rằng: Can là thân mũi tên, Văn Luận viết chữ cán hai chữ tượng hình đều chẳng phải.

Ngự xa nay viết chữ ngự cũng đồng, ngược lại âm ngư cứ gọi là điều khiển chiếc xe, gọi là chỉ huy khiến con ngựa chạy thẳng, phàm là nói điều khiển đó chỗ gọi là đánh cho ngựa chạy bên trong khéo chế ngự con ngựa.

****

BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN LUẬN

Huyền Ứng.

QUYỂN THƯỢNG

Nhất tập ngược lại âm từ lập sách sử ký cho rằng: Tặng một bộ quần áo, âm tập nghĩa gọi là áo đan phúc gọi đầy đủ là một bộ đan tập, âm đan là âm đan.

Bất tuất lại viết chữ tuất cũng đồng, ngược lại tu luật sách Nhĩ Số cho rằng: Tuất là lo buồn cũng gọi là thâu gom, gọi là cùng với người động lòng thương xót gom tài vật cứu giúp ban tặng vậy.

Bậc tường ngược lại âm bổ báo Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nước chảy vào cũng là thác nước nổi cho lên gọi bậc.

Bột nghịch văn cổ viết chữ bột hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ hội bổ một hai âm, Quảng Số nói rằng: Bột là loạn, cũng là nghịch lại trong lòng buồn phiền.

2) Thân nặc lại viết chữ nặc cũng đồng, ngược lại âm nữ lật sách Nhĩ Số cho rằng: Nặc là gần gũi Quách Phác cho rằng: Tương cận cới nhau cũng là thân thiết, gần gũi thân thiết riêng tư, rất thân thiết nhiều lần, âm cực ngược lại âm khư ký.

1) Nhuận đông văn cổ viết chữ tuần cũng đồng, ngược lại âm nghi luân sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt dao động, nay gọi là mi mắt nháy động nhiều lần, nên gọi là nhuận động.

3) Nhược trù Thiên Thương Hiệt giải thích chữ cổ cho rằng: Chữ thù cũng là thù gọi là báo thù, nắm mũi kiếm đánh với nhau.

BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN LUẬN
QUYỂN HẠ

Câu quái ngược lại âm cổ mại Quảng Nhã cho rằng: Quái là treo lên.

Man vương ngược lại âm mạc bàn nay người ở Cao Xương gọi nghe làn mạn sách Thuyết Văn cho rằng: Nghe tiếng là nhận biết.

Đồ chi ngược lại âm đạt hồ nghĩa là đồ cũng gọi là mưu kế, sách Nhĩ Số cho rằng: Đồ vạch bày tìm mưu tính kế, cũng gọi là nghĩ ra kế hoạch mưu mô, Quảng Nhã cho rằng: Đồ là mưu tính đo lường.

Nguy chuyết ngược lại âm tri liệt theo Thanh Loại cho rằng: Xuyết

là hơi ngắn, chuyết cũng là lo lắng.

Viện trợ ngược lại âm vũ quyến gọi là nương dựa vào sự hộ trợ, trợ giúp gọi dựa vào hàng rào nay lấy nghĩa này vậy.

Tài hối văn cổ viết chữ hối cũng đồng, ngược lại âm hồ tợi Văn Thông Dụng cho rằng: Tài là trao đổi của cải hàng hóa. Hối đó là theo Chu Lễ cho rằng: Vàng ngọc Trinh Huyền cho rằng: Hàng hóa vải vóc gọi là hối.

Vĩ trực ngược lại âm sơ lục gọi là đoan trực.

Luật xa hoặc là viết chữ Ly-xa-tử hoặc là viết lật xướng hoặc là viết tạp xương đều là tiếng Phạm, nói sai. Nói đúng là Lật-thiếp-bà đây dịch là thuộc loại dùng họ tộc tiên vương, âm thiếp ngược lại âm xương diệp.

****

THẬP BÁT BỘ LUẬN

Huệ Lâm soạn

Chỉ để khả ngược lại âm cổ ngã đây là tiếng Phạm Tây Vực gọi là tên của núi, chỗ của luật chủ cư trú.

Nhưng sơn ngược lại âm nhi chứng nhi chứng hai âm, Văn Thông Dụng cho rằng: Ở Tây Vực tên của núi cũng là chỗ cư trú của luật bộ chủ.

Tha-bệ-la ngược lại âm Bệ-mể tiếng Phạm, Đường Huyền Trang cho rằng: Bộ thổ hoặc gọi là tôn túc.

Thâu bà hoặc gọi là Tô-thâu-bà tiếng Phạm nói sai, nói cho đúng Phạm âm gọi là Tốt-đổ-ba đây dịch là phương phần hoặc gọi là phần tháp tức là thân của Đức Như-Lai còn lưu lại Xá-lợi gọi là phần tháp. Xưa gọi là Phù-đồ.

****

BỘ DỊ CHẤP LUẬN

Huệ Lâm soạn.

A-thâu-khả âm dưới là ca tiếng Phạm không thiết thanh, chuyển đọc có nặng, có nhẹ, cùng với chữ ca cũng đồng, ngược lại âm tán như cũng gọi là A-ca-vương xưa gọi là A-đục. Tên tiếng Phạm gọi vị vua vô

ưu là không lo buồn.

Át-tất-đa ngược lại âm trên an hạt tiếng Phạm ở Tây Vực là tên của núi ở ngoài biển, gọi là núi sở nhập xứ.

Phù-lam-ma âm giữa là lam tiếng Phạm, tên gọi khác của Chư Thiên ở chỗ thiền định.

Uất-đa-la-cưu-lâu tiếng Phạm gọi tên Bắc Châu. Xưa gọi là Vất-đơn-việt chuyển thanh sai vậy, đây dịch là cao thắng.

****

DI BỘ TÔNG LUẬN

Huệ Lâm soạn.

Yết-lạt-lam âm lạt ngược lại âm Lang-hạt tiếng Phạm tên gọi là ban đầu của thai tạng, trinh như là sữa đạc mỏng.

Kiện nam ngược lại âm càn ngạn cũng là tiếng Phạm, tên gọi thứ đệ trong thai tạng.

Bât khứu ngược lại âm hưu cứu sách Thuyết Văn nói rằng: Dùng cái mũi chính là để mũi ngửi gọi là khứu chữ viết từ bộ tỵ đến bộ xú xú cũng là thanh, âm xú ngược lại âm âm xương chú kinh văn viết chữ từ bộ khẩu viết thành chữ khứu tực tự dùng chẳng phải đúng.

Văn khiếp ngược lại âm kiêm diệp Quảng Nhã cho rằng: Ý có thể, Khảo Thanh cho rằng: Đương phải như vậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Vui vẻ viết đúng là chữ khiếp chữ từ bộ tâm thanh khiếp âm khiếp đồng với âm trên. Nay Tương Huyền viết chữ khiếp này cũng không mất đi ý nghĩa chỉ là một vậy.

■

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 74

- Âm Phật Sở Hành Tán kinh truyện - bảy Quyển.
- Huyền Ứng trước không có âm Huệ Lâm âm lại.
- Tuyển tập Bách Duyên kinh, mười quyển - H. Ứng.
- Xuất Diệu kinh, hai mươi lăm quyển - Huyền Ứng.
- Hiền Ngu kinh, mười lăm quyển - Huyền Ứng.
- Tăng-già-la-xát tập, ba quyển - Huệ Lâm.
- Bên phải là sáu tập truyện, công sáu mươi lăm quyển đồng âm quyển này.

ÂM PHẬT SỞ HÀNH TÁN KINH TRUYỆN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Di chúc ngược lại âm trị dắng Văn Thông Dụng cho rằng: Nhìn thẳng gọi là di kinh văn viết chữ trừng ngược lại âm trực canh hai chữ tượng hình cũng thông dụng, âm dắng ngược lại âm dĩ chứng.

Cang mạn thể chữ viết là vãn ngược lại âm mạc bàn vãn là che đậy, kinh văn viết mạn hai chữ tượng hình này là chẳng phải.

Điều đệ ngược lại âm đồ điêu ngược lại âm dưới đồ đế Tả Tư Ngô Đô Phú truyện cho rằng: Chiêm ngưỡng rộng rãi từ xa đến, Lưu Quỳ cho rằng: Điều đệ trông ngóng mong chờ từ xa.

Hổ tòng ngược lại âm bồ cổ hổ là rộng lớn, cũng gọi là người sai khiến, nuôi ngựa.

Hàm đầu ngược lại âm ngô cảm Quảng Số cho rằng: Lắc đầu, sách Thuyết Văn cho rằng: Cuối đầu, kinh văn viết chữ hàm này là chẳng phải.

Khiếp liên nay viết chữ liên cũng đồng, ngược lại âm lực nhiên gọi là liên tục với nhau, theo Thanh Loại (785) cho rằng: Sợi chỉ nối kết với nhau dứt, sách Thuyết Văn cho rằng: Liên tức là liên là đến kịp

lúc.

Đỉnh trực ngược lại âm tha đảnh đỉnh trực là kéo thẳng, sách Thuyết Văn cho rằng: Dài ra đỉnh đỉnh là chánh trực.

Xa thức ngược lại âm thư dực thức là đòn ngang của chiếc xe cao ba thước dài ba tấc, sách Thuyết Văn cho rằng: Thức là đòn ngang trước xe sách Nghi Lễ cho rằng: Vua đi chiếc xe này. Trinh Huyền cho rằng: Xưa đó cũng là chiếc xe chuyên chở, thức còn gọi là xe kéo nhỏ lấy lẻ là người chủ.

Hình tiết ngược lại âm tư liệt gọi là thô tục, bỉ lậu, khinh miệt làm nhục, gọi là chỗ riêng tư, chẳng phải nơi công hội đông người, cũng gọi là tiết tức là áo lót.

Húc lệ ngược lại âm hư ngọc húc gọi là cố gắng hết sức, gắng sức, sách Phương Ngôn cho rằng: Tề Lỗ gọi gắng sức là húc khuyến khích, khích lệ cố gắng lên.

ÂM PHẬT SỞ HÀNH TÁN KINH TRUYỆN QUYỂN 2

Siểm dịch ngược lại âm thức nhiễm âm dưới thức diệc siểm dịch đó là tạm thời, nhìn trộm, chớp mắt, không định, kinh văn viết chữ dịch là chẳng phải.

Lam lũ văn cổ viết chữ lam lại cũng viết chữ lam cũng đồng, ngược lại âm lực cam gọi là áo hư rách, phàm người mặc áo rách rưới xấu xí che đậy đều gọi là lam lũ.

Bất trục lại viết chữ xúc cũng đồng, ngược lại âm trì lục âm nghĩa Hán Thư cho rằng: Ngã theo đấu vết của bánh xe, cũng gọi là chần chừ, bù thêm vào, lại gọi là chỗ dấu chân của con trâu gọi là trục.

Trù mậu ngược lại âm trực lưu theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trù mậu là dùng dây bó cũi, theo truyện cho rằng: Trù mậu giống như là ràng buộc Quảng Nhã cho rằng: Trù là sợi dây thao, buộc sợi dây thao, âm thao ngược lại âm thổ lao.

ÂM PHẬT SỞ HÀNH TÁN KINH TRUYỆN QUYỂN 3

Phiền lung ngược lại âm phò viên theo chữ phiền tức là cái lồng, Trang Tử dịch là con chim trĩ không mong cầu được nuôi trong lồng, phiền cũng là hàng rào.

Oanh oanh ngược lại âm hồ manh sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng xe chạy ầm ầm, rầm rầm.

Hồ hạp ngược lại âm hồ giáp sách Thuyết Văn cho rằng: Hạp là uống vào, Tử Hư Phú truyện nói rằng: Hạp là uống say, âm sáng nghĩa là áo nổi căng phồng lên, kinh văn viết chữ hồ hạp âm hổ ngược lại âm hồ giao.

Liệt xế ngược lại âm tại kế sách Thuyết Văn cho rằng: Hai bên bờ mắt, sách Kử Ký cho rằng: Viết chữ ngai xế ngược lại âm ngũ mại ngược lại cũng là âm tài mại gọi là quát mắng, trừng mắt, sách Hán Thư viết chữ ngai xế đều là nghĩa này, sách Hoài Nam Tử nói rằng: Sân là con mắt trợn nứt ra gọi trừng mắt.

Tốn độc ngược lại âm tô muộn Văn Thông Dụng cho rằng: Nước sông bắn vọt lên gọi là tổn Bì Thương cho rằng: Tổn là uống vào, kinh văn viết tôn là chẳng phải, âm hấp ngược lại âm phổ mạch.

Vi nhẫn lại viết chữ nhẫn cũng đồng, ngược lại âm như chấn sách Thuyết Văn cho rằng: Ngăn chặn chiếc xe, sách Sổ Từ cho rằng: Sớm sớm ngăn chặn chiếc xe, Vương Dật cho rằng: Dùng khúc gỗ chèn bánh xe ngăn chặn không cho bánh xe lăn.

Phong tế ngược lại âm tử nghệ sách Thuyết Văn cho rằng: Mưa vừa tạnh Nhĩ Nhã chú giải rằng: Người ở Nam Dương gọi mưa tạnh là tế.

ÂM PHẬT SỞ HÀNH TÁN KINH TRUYỆN QUYỂN 4

Vũ bảo hoặc viết chữ vũ này cũng đồng, ngược lại âm bổ đạo Gọi là tụ hợp lại năm màu sắc lông vũ gọi là bảo Hán Thư cho rằng: Vũ bảo là năm màu sắc lông.

Hỏa dung ngược lại âm du chung sách Thuyết Văn cho rằng: Lò luyện kim Hán Thư cho rằng: Giống như là kim còn trong lò, nên gọi là thiết chì.

ÂM PHẬT SỞ HÀNH TÁN KINH TRUYỆN
QUYỂN 5

Quan cổn ngược lại âm cô bổn sách Nhĩ Số cho rằng: Cổn là lễ phục, Quách Phác cho rằng: Là cái áo có cái yếm che có thêu, áo màu đen có viền thêu giống như rồng gọi là lễ phục của vua, kinh văn viết chữ tỹ là chẳng phải, âm bổ ngược lại âm bổ vật.

Yêm tư lại viết chữ yêm cũng đồng, ngược lại âm khi yêm âm dưới là tử từ kinh Sơn Hải nói rằng: Chim và chuột ở đồng một hang núi phía tây, cách ba trăm sáu mươi dặm có núi tên gọi là Yêm Tư, gọi là chỗ vào, sách Sổ từ nói rằng? Trông hướng núi Yêm Tư mà đến, Vương Dật cho rằng: Tên của núi dưới núi lại có hào nước trong khe sâu đó gọi là chỗ vào núi.

Sất vu ngược lại âm hư khất sách Nhĩ Số cho rằng: Sất là đến kịp lúc.

****

BỔN HÀNH TÁN QUYỂN KINH

Huệ Lâm soạn âm.

QUYỂN 1

Tiên thánh ngược lại âm trên tương nhiên theo truyện viết chữ tiên này là sai.

Hoán trạc ngược lại âm trên hồ quan theo Mao Thi Truyện nói rằng: Hoán cũng là trạc Lưu Triệu chú giải Công Dương truyện rằng: Trừ bỏ đi cấu dơ bẩn gọi là hoán. Kinh văn viết chữ hoán tục dùng thông dụng, hoặc là viết sai, viết chữ hoán cũng chẳng phải ngược lại âm dưới trực giác Quảng Nhã cho rằng: Tẩy rửa, Mao Thi Truyện nói: Tẩy rửa cấu uế dơ bẩn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy đến bộ trạc âm trạc ngược lại âm trực cách.

Thao thiết ngược lại âm trên thảo đao Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tham tài vật của cải gọi là thao sách Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thực đến bộ hao Hoặc là viết chữ thao nay tục viết chữ thao ngược lại âm dưới tha kiết Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Tham ăn gọi thiết sách Thuyết Văn viết từ bộ thực đến bộ khân kinh văn viết chữ thiết tục dùng cũng thông dụng, âm chân ngược lại âm chân nhẫn.

Phách cúc ngược lại âm trên phổ bách sách Thuyết Văn cho rằng:

Phách là đập, vỗ, phũi, chữ viết từ bộ thủ đến bộ bạch ngược lại âm dưới cung lục sách Thuyết Văn cho rằng: Cúc là cong tay lại bưng vật, hoặc là viết chữ cúc văn cổ viết chữ cửu căn truyện viết cúc tục dùng thông dụng.

Hồ nghê ngược lại âm hồ âm dưới ngũ hề Trịnh Huyền chủ giải sách Lễ Ký rằng: Nghê là con hươu con.

Táo nhiễu ngược lại âm trên tử đáo Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Táo là không yên tĩnh, sách Ích Pháp cho rằng: Trong lòng dân hay biến động gọi là táo sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ túc đến bộ táo âm táo ngược lại âm tô đáo ngược lại âm dưới nhi chiểu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nhiễu là loạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Phiền nhiễu, chữ viết từ bộ thủ đến bộ ưu âm ưu ngược lại âm nô đao Văn Truyện viết từ thỉ đến bộ ưu đó là sai chẳng phải.

Pháp đình ngược lại âm dưới địch đinh Bì Thương cho rằng: Đình là ao nước sạch không chảy.

Khối lỗi ngược lại âm trên ngũ lỗi ngược lại âm dưới lợi ủy sách Thuyết Văn cho rằng: Khối là đá cao lởm chởm, Văn Truyện viết chữ khảo lỗi là chẳng phải.

Lao khải ngược lại âm trên lạc đao Cố Dã Vương cho rằng: Lao là nhà lao chắc chắn kiên cố, Quảng Nhã cho rằng: Bền chắc, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngưu gọi là lấy bốn chiếc thuyền làm vòng quanh lại, ngược lại âm dưới khai cải sách Thuyết Văn nói: Khải là áo giáp.

Lợi thốc ngược lại âm tông mộc sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thốc là đầu nhọn của mũi tên, sách Thuyết Văn cho rằng: Mũi tên đâm thẳng vào, âm thứ ngược lại âm thất tứ.

Vi can ngược lại âm dưới cát hãn hoặc là viết chữ can Văn Truyện viết chữ can là chẳng phải.

Kim cang chủy âm dưới là tức tùy văn truyện viết chữ chủy tục dùng thông dụng.

Ngôn bi ngược lại âm tất di sách Thuyết Văn cho rằng: Bì là cái búa lớn, âm tư ngược lại âm âm tử tư.

Phủ phất ngược lại âm trên phương vũ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Là thêu may, sách Khảo Công Ký cho rằng: Se sợi như là sợi trắng cùng với sợi chỉ đen đánh dệt đan vào nhau gọi là phủ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Giống như lông con dê con và lông con cáo xen lẫn với nhau đen trắng gọi là phất có vằn có đóm, Quách Phác chú giải sách

Nhĩ Nhã rằng: Phủ là hoa văn thêu để trang sức trên lễ phục ngày xưa, hình như cái búa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ trĩ đến bộ bổ Văn Truyện viết chữ phủ là chẳng phải, âm trĩ nhân tri trĩ. Ngược lại âm dưới là phương vật sách Khảo Công Ký cho rằng: Thêu vẽ đánh sợi đen cùng với sợi chỉ xanh đan xen vào nhau gọi là phất. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phất là thêu viền mép, sách Thượng Thư cho rằng: Phủ phất là thêu thùa, se sợi sách Thuyết Văn viết từ bộ trĩ đến bộ bạt Văn Truyện viết chữ phất là chẳng phải âm bạt ngược lại âm bàn bát.

Trĩ lập ngược lại âm trì lý sách Thuyết Văn cho rằng: Trĩ là bước đi mà không tới phía trước chữ viết từ chỉ đến bộ tư hoặc là viết chữ trĩ văn truyện viết từ bộ lập viết thành chữ trĩ là chẳng phải.

Đâu thuật cung ngược lại âm trên đẩu hầu văn truyện viết chữ đâu này là sai.

Du ư ngược lại âm trên du chu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Du là vượt qua, sách Bát-nhã cho rằng: Đi xa hoặc là cũng viết chữ du.

Thiết chân ngược lại âm trên Thiên Kiết sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kim đến bộ thiết âm thiết ngược lại âm điền kiết Văn Truyện viết chữ thiết tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới diệp lâm hoặc là viết chữ châm viết đúng là chữ châm.

Phu tiên ngược lại âm trên phủ vô Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phu là công bố lại cũng gọi là thư thã, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phộc đến bộ phu âm phộc ngược lại âm phổ mộc âm phu ngược lại âm phủ vô âm dưới là tương nhiên sách Bát Nhã cho rằng: Tiên là còn tươi tốt, Tự Thư cho rằng: Trong sạch.

Quý sầu ngược lại âm trên là quý quí Quảng Nhã cho rằng: Quý là phẩn nộ, sách Thuyết Văn cho rằng: Tâm giao động tim đập mạnh, vì sợ hãi.

Cự quang ngược lại âm trên là cự cữ sách Thuyết Văn cho rằng: Cự là lấy cỏ bó lại đốt làm cây đuốc chiếu sáng Văn Luận viết chữ cự cũng đồng, ngược lại âm dưới quảng hoàng sách Thuyết Văn cho rằng: Quang là ánh sáng, chữ viết từ bộ hỏa trong bộ nhân trên gọi là sáng tỏa quang minh, Văn Truyện viết chữ quang tục dùng cũng thông dụng.

Vi khoang ngược lại âm dưới hoạt quan Bì Thương cho rằng: Khoan là xương mông, Quảng Nhã cho rằng: Xương mông đít, Bì Thương cho rằng: Cũng là xương tận cùng của xương sống, ở mông đít, sách Thuyết Văn cho rằng: xương đùi. Văn Truyện viết chữ Khoan tục dùng cũng thông dụng, âm hạng ngược lại âm ngũ hoàn âm khả ngược lại âm âm khả

ca âm đồn ngược lại âm đồ môn âm khào ngược lại âm khảo cao.

Bã ngã ngược lại âm trên bác ngã ngược lại âm dưới ngũ khả sách Thuyết Văn cho rằng: Bã ngã là cái đầu lắc lư, văn truyện viết chữ khả.

Hoảng dục ngược lại âm trên hoàng quảng Quảng Nhã cho rằng: Hoảng là chói sáng, rực rỡ, sách Bát Nhã cho rằng: Ánh sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chiếu sáng rõ ràng, ngược lại âm dưới dung chúc Quảng Nhã cho rằng: Dục là ngọn lửa bừng lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngọn lửa sáng rực chữ viết từ bộ hỏa thanh dục Văn Truyện viết dục là chẳng phải âm dục ngược lại âm dĩ chúc.

Uyển diên ngược lại âm trên ư viễn uyển là áo thêu, lại chú giải rằng: Uyển là áo chùng tức là áo choàng, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quai mũ cũng là áo rộng lớn, ngược lại âm dưới diển tiền Đổ dự chú giải Tả Truyện rằng: Diên là cái mũ chê trên, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Miển che trên, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch đến bộ diên âm dùng ngược lại âm trực long âm hoành ngược lại âm hộ manh âm mịch ngược lại âm mịch bích.

Miêu duệ ngược lại âm dĩ chế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Duệ là gấu áo, tức là phần viền của áo, phần lai của quần, sách Thuyết Văn viết từ bộ y Thanh Cảnh.

Nãng cửu ngược lại âm nhạ lang Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nãng là ngày xưa, trước kia, trước đây, sách Nhĩ Nhã, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng giải thích đồng âm hướng ngược lại âm hứa lượng.

Niên kỳ ngược lại âm cự di sách Lễ Ký cho rằng: Sáu mươi tuổi gọi là kỳ chỉ huy, sai khiến, sách Thuyết Văn viết chữ kỳ này là sai, chẳng phải.

Nhãn hiệp ngược lại âm dưới tử diệp sách Trang Tử nói rằng: Hiệp là bên mi mắt, lông mi, Văn Truyện viết chữ tiệp tục dùng thông dụng.

Định hộ ngược lại âm thi ngô cũng đồng, với chữ hô đồng tức là san hô.

Trù điệu ngược lại âm trên là trắc giao Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trù cũng là điều sách Thuyết Văn cho rằng: Trù là dương dương tự đắc, Văn Truyện viết chữ trào tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới điều điếu theo Mao Thi Truyện cho rằng: Điều là lấy lời nói chế nhạo, cười nhạo. Quảng Nhã cho rằng: Khinh khi, ngông cuồng, dối trá.

Khiêu cân ngược lại âm trên địch liêu Thiên Thương Hiệt ghi

rằng: Khiêu là nhảy vượt qua, Trịnh Huyền chú giải sách Thượng Thư Đại truyện rằng: Chân không thể bước qua, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhảy qua ngược lại âm dưới cổ ân Thích Danh cho rằng: Gót chân sau gọi cân sách Thuyết Văn viết từ bộ túc đến bộ cấn hoặc là viết chữ cân cũng đồng.

Lan thuẫn ngược lại âm trên lạc hàn Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lan là che trùm trên, Quảng Nhã cho rằng: Nhà lao chắc chắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy cây gỗ che trên để ngăn ngừa kẻ trộm viết từ bộ môn đến bộ lan văn truyện viết từ bộ mộc viết thành chữ lan là chẳng phải, ngược lại âm dưới thực duẫn sách Hán Thư cho rằng: Hàng rào lan can trên điện (786) gọi là thuẫn Thượng Lâm Phú truyện cũng cho rằng: Là lan là hàng rào, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc đến bộ thuẫn âm lan là âm luyện âm thuẫn là âm thuần.

Thể trứu ngược lại âm dưới trắc sưu sách Vận Lược nói: Trứu là da tụ lại, tức là da nhăn, Văn Truyện viết chữ trứu tục dùng cũng thông dụng.

Thượng đỉnh ngược lại âm đinh định.

Nhuyển động ngược lại âm trên nhuận chuẩn sách Thuyết Văn nói: Nhuyển là côn trùng bó lúc nhúc, chữ viết từ bộ trùng đến bộ nhuyển Văn Truyện viết chữ nhuyển là chẳng phải âm nhuyển ngược lại âm nhi nhuyến âm trĩ ngược lại âm trì nhĩ.

Quang thuyên ngược lại âm trên quảng hoàng ngược lại âm dưới thuyên nhuyển thuyên là đường ruột bị bệnh, chữ viết từ bộ nhục đến bộ đoan Văn Truyện viết chữ bác tục dùng cũng thông dụng. Âm phì là âm phi âm trường ngược lại âm trượng lương âm đoan ngược lại âm đoản loan.

Bể thượng ngược lại âm trên bổ mể sách Thuyết Văn cho rằng: Bể là xương đùi ngoài, văn truyện phần nhiều viết chữ bệ đó là chẳng phải.

Kiểu thiên ngược lại âm trên ngữ liêu.

Sử lưu ngược lại âm trên sư sự Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sử là chạy mau, ngựa phi nhanh.

Tý dung ngược lại âm trên ty nghị sách Thuyết Văn cho rằng: Cánh tay trên gọi là tý chữ viết từ bộ nhục đến bộ tích ngược lại âm dưới sắc long sách Nhĩ Nhã cho rằng: Dung là trên dưới đều nhau, Văn Truyện viết chữ dung là sai.

Loa súc ngược lại âm trên lạc hòa sách Thuyết Văn cho rằng: Loa là con ốc sên hoặc là viết chữ loa Văn Truyện viết chữ loa là sai, ngược

lại âm dưới là sở lục.

Cường lương ngược lại âm dưới là lực trương Văn Truyện viết chữ truân là chẳng phải.

Diên di ngược lại âm trên tiện diên sách Thuyết Văn cho rằng: Diên là nước dãi trong miệng, chữ viết từ bộ thủy đến bộ khiếm Văn Truyện viết chữ diên tục dùng cũng thông dụng, hoặc là viết chữ diên văn cổ viết chữ diên, ngược lại âm dưới là dĩ chi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Nước dãi gọi là thế nước mũi gọi là di sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy đến bộ di. Nay kinh văn phần nhiều viết chữ thế giải thích gọi là nước dãi chẳng phải nnước mũi.

Yên hung ngược lại âm trên yên hiền Quảng Nhã cho rằng: Yên là yết hầu, cổ họng, hoặc là viết chữ yến văn cổ viết chữ yên sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục đến bộ nhân Ngược lại âm dưới húc cung sách Bát Nhã cho rằng: Hung là ức sách Thuyết Văn cho rằng: Hung là ngực chữ viết từ bộ bao đến bộ hung Văn Truyện viết từ bộ hung đến bộ nhục viết thành chữ hung tục dùng cũng thông dụng, âm bao là âm bao.

Ky lạt ngược lại âm ký nghi Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Lấy sợi dây cương buộc đầu con ngựa gọi là ky sách Bát Nhã cho rằng: Cũng gọi là sợi dây cương, sách Thuyết Văn viết từ bộ võng đến bộ ky văn cổ viết chữ ky ngược lại âm dưới lực đắc Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Lấy sợi dây trắng, đen đan lại làm trang sức gọi là tạp sắc, màu sắc lẫn lộn gọi là lạt sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng làm chế ngự mõm con ngựa, âm liệu ngược lại âm biểu miêu.

Kim tiếu ngược lại âm tiêu yếu sách Phương Ngôn cho rằng: Tiếu là bao đựng kiếm đao, hoặc là viết chữ tiếu văn cổ phần nhiều viết chữ tước.

Chu bà ngược lại âm bách giá.

Khang tiều ngược lại âm khang lãng sách Thuyết Văn cho rằng: Khang là làm cho khô, văn truyện viết khanh là chẳng phải, ngược lại âm dưới tử diêu Quảng Nhã cho rằng: Tiều là ngọn lửa cháy làm thương tổn, sách Vận Lược cho rằng: Cũng làm cho khô ráo, sách Thuyết Văn viết chữ tiều văn cổ viết chữ tiều.

Thế khấp ngược lại âm trên tha lễ theo Mao Thi Truyện nói: Thế là nước mũi, nước dãi. Lại chú giải rằng: Nước mắt do khóc chảy ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước mắt, ngược lại âm dưới khâm lập sách Thuyết Văn cho rằng: Nước trong con mắt chảy ra do xúc động khóc.

Mục huyển ngược lại âm huyền miến Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huyển là nhìn mà không thấy rõ, sách Bát Nhã cho rằng: Con

mắt bị che, mê hoặc, sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt không làm chủ bình thường.

Hoắc nhiên ngược lại âm trên hang quách.

Ẩn chân ngược lại âm trên, ân cẩn ngược lại âm dưới chân nhẫn sách Khảo Thanh cho rằng: Ẩn chân đó là trên da có phong nổi lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ tật đến bộ chân Văn Truyện viết từ bộ nhục viết thành phiêu dẫn là chẳng phải âm tật ngược lại âm nữ ách âm chân ngược lại âm chân nhẫn.

- *Quyển 2: không có âm giải thích.*

BỔN HÀNH TÁN QUYỂN KINH
QUYỂN 3

Đảm liển ngược lại âm trên đam lạm Tự thư cho rằng: Đảm là gánh vác vật, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ đến bộ đảm viết từ bộ mộc đó là chẳng phải vậy, ngược lại âm dưới liên triển Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Người nước Yên gọi là liển sách Thuyết Văn cho rằng: Là chiếc xe kéo, chữ viết từ bộ bạn đến bộ xa chiếc xe phía trước có hai người kéo, âm bạn là âm bạn.

Hủy thế ngược lại âm trên huy quỷ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hủy là con rắn thân to rộng ba tấc, đầu lớn như ngón tay người. Nay lại gọi là phúc hủy, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ trùng đến bộ ngột ngược lại âm dưới thổ ngoại Tự Lâm cho rằng: Con rắn lột da là thuế âm trùng ngược lại âm hứa quỷ.

Tiểu tật ngược lại âm trợ hào theo Nhĩ Thất truyện chú giải rằng: Tiểu là rất nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, sách Bát Nhã cho rằng: Dùng sức mạnh trừ bỏ đi.

Tạp nữu ngược lại âm dưới nữ cứu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nữu cũng là tạp sách Nhĩ Nhã cùng với sách Thuyết Văn nói rằng: Giải thích cũng đồng nhau, Văn Truyện viết chữ nhu giải thích cũng đồng, nghĩa là xen tạp, lôn xộn, lung tung.

Mã đấu ngược lại âm đô hầu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tranh đấu, sách Thuyết Văn cho rằng: Gặp, hai bên gặp nhau, tức là đấu, chữ viết từ bộ đẩu đến bộ trác đấu cũng là âm, ngược lại âm đương hầu âm trác ngược lại âm đinh giác Văn Truyện viết từ bôn môn viết thành chữ đấu đó là sai, chữ đấu từ hai chữ nghịch âm nghịch ngược lại âm cư

nghịch.

Hổ lang ngược lại âm trên hồ cổ Cố Dã Vương cho rằng: Con hổ thú cắn xé người, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hán Nghi Đế lúc ở Quận Nam bắt được con hổ trắng, hiến dâng cho vua lột da lấy xương, răng, móng là vậy, ngược lại âm dưới lang đường sách Thuyết Văn cho rằng: lang giống như là con chó, nói là cái đầu nó trắng, hai bên má cao, phía trước rộng hơn sau, chữ viết từ bộ khuyển đến bộ lương.

Chỉ phãng ngược lại âm trên chỉ di Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chỉ là mở tụ đọng lại, ngược lại âm dưới phóng phòng sách Thuyết Văn cho rằng: Phãng cũng là chất béo cao lại, chữ viết từ bộ nhục thanh phương.

Trù túc ngược lại âm trên trực như theo Hàm Thi truyện nói rằng: Trù trừ, do dự, dùng dằng, âm trù ngược lại âm trực lưu âm trịch ngược lại âm trình thạch âm xúc ngược lại âm trùng lục.

Kim đồng ngược lại âm dưới là động đông.

Lăng xữ ngược lại âm lặt đăng.

Nhu tiển ngược lại âm trên nhĩ do Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nhu cũng là tiền sách Lễ Ký và sách Thượng Thư giải thích cũng đồng, ngược lại âm dưới là tiền tiên Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiển là mang giày dép giẩn đạp lên, nói là mang giày dép mà đi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ túc đến bộ tiển âm tiển ngược lại âm tại hàm.

Đình liệu ngược lại âm trên định đinh sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm đến bộ đình văn truyện viết từ bộ hỏa viết thành chữ đình Là chẳng phải âm nghiễm ngược lại âm ngư liêm âm đình là âm đình ngược lại âm dưới là lực chiêu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Lấy cỏ gai khô làm cây nến đốt phía ngoài cửa gọi là câu nến lớn, bên trong sân gọi là đình liệu chỗ gọi là chiếu nhiều ánh sáng, sách Thuyết Văn viết chữ liệu.

Cô cán ngược lại âm trên cổ hồ Văn Truyện viết chữ cô là chẳng phải ngược lại âm dưới cát hãn viết đúng là chữ cán cũng viết chữ cán hoặc là viết chữ can Văn Truyện viết chữ can là chữ mượn âm.

BỔN HÀNH TÁN QUYỂN KINH
QUYỂN 4

Bị điệp ngược lại âm dưới đan hiếp.

Nạo giảo ngược lại âm trên hồ cao Quảng Nhã cho rằng: Nạo là quấy rối làm loạn, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Quấy rối nhiễu loạn, Văn Truyện viết chữ hao là chẳng phải ngược lại âm dưới giao xảo Mao Thi Truyện chú giải rằng: Giảo là quấy rối nhiễu loạn, sách Bát Nhã cho rằng: Quất phá, khuấy động, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến bộ giác thanh giác.

Thán trá ngược lại âm dưới trắc giá sách Khảo Thanh cho rằng: Sá là đàn cong lưỡi lên làm thanh tiếng. Hán Thư cho rằng: Trá là la hét, quát tháo, Tự thư cho rằng: Rất giận dữ phẩn nộ, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng chê trách chữ viết từ bộ khẩu đến bộ trạch ngược lại âm trác cách Văn Truyện viết từ bộ trạch viết thành chữ trá Là chẳng phải.

Hịch áp ngược lại âm trên là hình kích ngược lại âm dưới ô hạp.

Hãn trí ngược lại âm âm trên hồ hãn Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: hãn là hiếm thấy, ít có, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ võng đến bộ can là chẳng phải, ngược lại âm dưới là trực lợi Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trí là dày đặc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch.

La duyệt kỳ thành ngược lại âm khung tuyết ngược lại âm dưới cự di.

Nhương hắc ngược lại âm lýdi.

Liêu trích ngược lại âm trên lực điêu sách Bát Nhã cho rằng: Liêu là nắm lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Khơi động ra, bới móc, ngược lại âm dưới trình thạch sách Thuyết Văn cho rằng: Trích là ném Văn Truyện viết chữ trịch tục dùng cũng thông dụng.

A-lạp ngược lại âm lam đáp.

Tích lịch ngược lại âm trên phổ mịch ngược lại âm dưới là lữ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tích lịch đó là tiếng sấm sét chấn động, Văn Truyện viết chữ tích lịch là chẳng phải.

Câu-siểm ngược lại âm trên củ ngu âm dưới là thất nhiễm tiếng Phạm.

Tân miễn ngược lại âm nô hầu.

Anh vũ ngược lại âm trên ách canh ngược lại âm dưới vô phủ sách

Lễ Ký cho rằng: Anh vũ là loài chim có thể nói được tiếng người, bay không rời nhau, văn trước trong kinh Đại Bát Nhã đã giải thích đầy đủ rồi sách Thuyết Văn viết chữ hạt.

Sài báo ngược lại âm trên là sừ nhai ngược lại âm dưới bao mạo Văn Truyện viết chữ phụ báo là chẳng phải.

Quy miệt ngược lại âm trên thúc truy Bạch Hổ Thông cho rằng: Quy là loài thủy tộc sống lâu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Một thước hai tấc, gọi là con rùa lớn xuất ra từ chín con sông, sống trong nước. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Ngô Hưng Quận Dương Tiện có một cái ao, trong ao xuất ra ba chân con rùa, lại cũng có sáu con mắt, rùa sống dưới đất, nơi chỗ gọi là địa lý phong thổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ tượng hình ngược lại âm dưới tiên diệt trong kinh Sơn Hải nói rằng: Miết là con ba ba, phần nhiều sống khe núi có ba chân, Văn Truyện viết chữ miết tục dùng thông dụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mảnh đến bộ tệ âm mảnh là âm mảnh âm tệ ngược lại âm tỳ duệ.

Cù dục ngược lại âm trên cụ ngu âm dưới là dục Cố Dã Vương cho rằng: Cù dục thuộc loại chim yểng, lưỡi nó nhọn, có trăm nhánh, đầu chim có hai lông cứng, sách Khảo Công Ký cho rằng: Cù dục không bay vượt qua sông, Văn Truyện viết chữ cù cũng thông dụng.

Phách liệt ngược lại âm trên phổ mịch Bì Thương cho rằng: Phách là cắt ra, sách Thuyết Văn nói là phá ra, chữ viết từ bộ đao đến bộ tích Văn Truyện viết chữ tích là chẳng phải âm dưới là liệt.

BỔN HÀNH TÁN QUYỂN KINH
QUYỂN 5

Thâm thúy ngược lại âm dưới tuy toại sách Thuyết Văn cho rằng: Thúy là sâu xa, chữ viết từ bộ huyệt đến bộ toại âm huyệt ngược lại âm hồ quyết.

Sang bị ngược lại âm trên sở thương chữ mượn âm, hoặc là viết chữ sang văn cổ viết chữ nhẫn.

Thiết trước ngược lại âm trên thiên kiết sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kim đến bộ thiết âm thiết ngược lại âm điền kiết ngược lại âm dưới là trực lược Văn Truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ trước là chẳng phải.

Du liệp ngược lại âm dưới liên triếp Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Liệp là săn bắt lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đuổi theo con thú chữ viết từ bộ khuyển đến bộ liệp Văn Truyện viết chữ liệp tục dùng cũng thông dụng, liệp cũng là âm liệp

Cốc cứu ngược lại âm dưới là cửu hựu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cứu là chuồng ngựa, Văn Truyện viết chữ cứu tục dùng cũng thông dụng.

Huệ phê ngược lại âm thôi khuê sách Thuyết Văn viết từ bộ chuyên đến bộ tâm ngược lại âm dưới (787) lữ chế kinh Sơn Hải cho rằng: Phê loại đá mài dao, sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch văn truyện viết lệ tục dùng cũng thông dụng, âm chuyên ngược lại âm thuyên quyến.

Trung si ngược lại âm dưới di chi sách Vận Anh cho rằng: Si là nước trong con mắt kết đọng lại, gọi là ghèn, sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt bị bệnh.

Noa thủ ngược lại âm nãi hòa sách Thuyết Văn cho rằng: Noa là dùng tay nắm vuốt, xoa, chà, chữ viết từ bộ thủ đến bộ noa âm sa ngược lại âm tô hòa âm noa ngược lại âm tha quả.

Hám đầu ngược lại âm trên hàm cảm Quảng Nhã cho rằng: Hám là dao động, sách Thuyết Văn cho rằng: Lung lai, chữ viết từ bộ thủ đến bộ cảm.

Ky bạn ngược lại âm ký nghi Văn Truyện viết chữ ky là chẳng phải văn trước quyển thứ hai đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới là bát bang sách Khảo Thanh cho rằng: Bạn là buộc hai chân lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Trói buộc chân ngựa, theo chữ trấp cũng là dây cương trói buộc ngựa. Văn truyện viết từ bộ cánh viết thành chữ bạn là chẳng phải, âm trấp ngược lại âm tri lập.

Kiếm kích ngược lại âm dưới là kinh nghịch theo Thanh Loại cho rằng: Kích là loại binh khí, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nay cây kích dài ba liêm, sách Chu Lễ cho rằng: Cây kích dài một trượng sáu, Quách Phác chú giải Phương Ngôn rằng: Nay trong cây kích có mũi dao nhỏ, nhọn là hùng kích, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ qua đến bộ can Văn Truyện viết tóm lược, viết chữ kích tục dùng thông dụng cán là âm cổ thã.

Như phốc ngược lại âm phổ bốc Quảng Nhã cho rằng: Phốc là đánh, Cố Dã Vương cho rằng: Phốc giống như đánh bằng chày, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ đến bộ bộc âm bộc ngược lại âm bổ mộc.

BỔN HÀNH TÁN QUYỂN KINH
QUYỂN 6

Liệt toát ngược lại âm trên lân kiết Quảng Nhã cho rằng: Liệt là xe xoắn, quay, Bì Thương cho rằng: Liệt là vặn bẻ, viết đúng là chữ liệt ngược lại âm dưới cảm quát sách Thuyết Văn cho rằng: Toát là dùng tay nắm giữ sợi dây.

Phảng phất ngược lại âm trên phương võng ngược lại âm dưới phi bất theo Thanh Loại cho rằng: Phảng phất là thấy không chính xác, mơ hồ, sách Thuyết Văn viết từ bộ tiêu âm tiêu ngược lại âm biểu miêu.

BỔN HÀNH TÁN QUYỂN KINH
QUYỂN 7

Hấp thậm ngược lại âm trên áp hạm ngược lại âm dưới trực cảm theo Thanh Loại cho rằng: Hấp thậm là rất đen, đen thâm, Cố Dã Vương cho rằng: Không sáng sạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ hắc đến bộ hấp Văn Truyện viết từ bộ hắc viết thành chữ yểm cũng thông dụng, âm hấp ngược lại âm yểm liểm.

Đạm nhuận ngược lại âm trên đàm lam Quảng Nhã cho rằng: Đạm là lững lờ, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước dao động, chữ viết từ bộ thủy đến bộ chiêm âm chiêm ngược lại âm thức liêm.

Bà quắc ngược lại âm trên bạch ma ngược lại âm dưới cư bích lại cũng âm cuống phược Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quắc là nắm lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng móng vuốt giữ lấy, hoặc là viết chữ quặc cũng đồng nghĩa, chụp lấy, vồ lấy.

Hao thán ngược lại âm hồ cao sách Bát Nhã hao là tiếng thét lớn, ồn ào. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tiếng rên đau nhức, chữ viết từ bộ hao đến bộ hổ Văn Truyện viết chữ hao là tiếng hổ gầm rống, chẳng phải chữ nghĩa đay dùng, âm hiêu ngược lại âm hứa kiêu.

Mị ngữ ngược lại âm trên nghê kế theo Thanh Loại cho rằng: Mị là ngủ không biết nói mê vọng, Văn Truyện viết từ bộ ngôn viết thành chữ mị là chẳng phải.

Tận thanh ngược lại âm trên tân dẫn.

Lâu lổ ngược lại âm trên lổ hầu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bốn mặt đều cao, gọi là chỗ hiểm trở, nơi vùng biên giới chật hẹp mà có chỗ

cong ngoằn ngoèo gọi là lâu sách Thuyết Văn cho rằng: Nhà chòi gác, lại âm dưới lô cổ Văn Tự Tập Lược nói: Lổ là cái thuẫn lớn, cũng là trên thành lâu, trên có chòi gác canh giữ địch quân.

Nguy thúy ngược lại âm trên ngụy vi ngược lại âm dưới thất tuế Quảng Nhã cho rằng: Thúy là mềm yếu dể gãy, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục đến bộ nguy thanh tĩnh.

Giấc lực ngược lại âm trên giang nhạc Quảng Nhã cho rằng: Gọi là dùng sức mà kéo lôi ra.

****

TUYỂN TẬP BÁCH DUYÊN KINH

Huyền Ứng soạn

QUYỂN 1

Dũ đọa ngược lại âm du nhủ gọi là lười biếng uể oải, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Dũ là lao nhọc, Quách Phác nói: Lao nhọc nhiều, nên sanh ra uể oải lười nhác.

- Quyển 2, 3 không có giải thích từ.

TUYỂN TẬP BÁCH DUYÊN KINH
QUYỂN 4

Lộc nghê lại viết chữ nghê cũng đồng, ngược lại âm mạc hề sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con hươu đực là mê con hươu cái gọi là u cũng gọi là con hươu con, âm hà là âm da âm u ngược lại âm ư ngưu.

- Quyển 5, 6 không có âm giải thích từ

TUYỂN TẬP BÁCH DUYÊN KINH
QUYỂN 7

Tháp tranh ngược lại âm trạch canh theo chữ tranh giống như là cột trụ, cây cột trụ của tháp phù đồ đều là vậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Tranh là quan tài nơi thờ linh cốt.

****

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 1

Vũ bảo viết đúng nghi là chữ bảo lại viết chữ bảo cũng đồng, ngược lại âm bổ đạo gọi là hợp tụ năm màu sắc lông gọi là bảo.

Sáp thấu văn cổ viết chữ tập lại viết chữ sáp cũng đồng, ngược lại âm tử hạp Văn Thông Dụng cho rằng: Nhập vào miệng gọi là táp ngược lại âm dưới lại viết chữ thác Cũng đồng, ngược lại âm sở giác Tam Thương cho rằng: Thấu là bú sữa, Văn Thông Dụng cho rằng: Là hít vào uống vào gọi là thấu.

Si hưu ngược lại âm xích chỉ ngược lại âm hứa ngưu sách Nhĩ Số cho rằng: Giống chim kỳ quái, người ta con gọi là quái điểu. Lại cũng gọi là hưu tức là chim cú mèo, ở Nam Dương gọi là câu khách.

Siểm kiến Tự Thư hoặc là viết chữ chiên cũng đồng, ngược lại âm thức nhiễm sách Thuyết Văn cho rằng: Siểm là thò đầu vào trong cửa nhìn trộm.

Kiêu kỳ thủ ngược lại âm chiêm nhiêu sách Thuyết Văn cho rằng: Cái đầu treo ngược, gọi là đoạn đầu treo ngược, tội ác biêu đầu nơi hàng quán ngoài chợ, chữ hoặc là viết chữ kiêu sách Thuyết Văn cho rằng: Loài chim bất hiếu khi mùa đông đến gọi là bắt chim mẹ xé ra mà ăn thịt, cái đầu treo trên cây, hai chữ tượng hình trên đều thông dụng.

Diên thực ngược lại âm thức diên ngược lại âm dưới thời lực Tự Lâm cho rằng: Diên là mềm yếu, nay nói là mềm mại, thuận theo nắm kéo dẫn dắt, hòa với đất, đất dính dẽo gọi là thực, Thích Danh cho rằng: Đất màu vàng mà nhuyễn mịn gọi là thực, tức là đất màu mở, giống như có chất béo.

Dĩ trữ lại viết chữ trữ cũng đồng, ngược lại âm trừ lữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái thoi dệt, hai bộ phận của máy dệt, tức nay gọi là khung cửi.

Tuy bà thi đây dịch là chủng chủng kiến.

Tháo trượng ngược lại âm thô lao sách Thuyết Văn cho rằng: Thao là cầm lấy giữ lấy, cũng nắm lấy.

Tập tại ngược lại âm trắc lập tập là gom lại tụ lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Tập là chỗ cất chứa binh khí.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 2

Dăng tiềm ngược lại âm tử liệp sách Thuyết Văn cho rằng: Tiềm là ngậm lại. Cắn răng lại, sách Trang Tử nói con muỗi cắn chích ngoài da.

Khấu địa ngược lại âm khổ hậu khấu là đánh gõ.

Nghễ ế ngược lại âm hoàn sạn gọi là con mắt bệnh có màng trắng. Văn Luận viết là hoàn chân hai chữ tượng hình này chẳng phải.

Ô tặc ngược lại âm ư hồ âm dưới lại viết tặc tức hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tài lặc Bì Thương cho rằng: Ô tặc là con cá dưới bụng nó đen, có xương xuất ra ngoài, ở Quận Nam Hải có con cá trên lưng có một xương rộng hai tấc, có râu rất dài trong miệng có mực chảy ra, con mắt lồi tức là con cá người vào trong biển lớn. Lại ghi rằng loại cá ôm miếng ván cho nên có tiểu sử cá này là con mực.

Trùng khủ lại viết chữ khủ cũng đồng, ngược lại âm khưu vũ sách Thuyết Văn cho rằng: Khủ là răng bị sâu ăn.

Linh cữu ngược lại âm cự cứu sách Tiểu Nhã cho rằng: Trong quan tài có xác chết gọi là cữu quan tài rổng không sấn cữu lại cũng nói là cửu Bạch Hổ Thông cho rằng: Cữu đó là nói lâu dài người không lại biến đổi.

Đào hà chữ viết đúng nghi là đào ngược lại âm đồ đao Trung Quốc nói là đào hà tức là móc lấy ra, Giang Nam nói hệ lưu cũng nói là lê lưu gọi là cây cỏ mọc hoang sơ gọi là đào hà chữ đệ cũng viết là di Quách Phác chú giải Tam Thương âm lê ngược lại âm đại hề.

Bạch lộ Tự Thư viết chữ biện cũng đồng, ngược lại âm lại cố gọi là chim trắng, tức con cò, cánh trên lưng, từ đầu tới cánh trên lưng từ đầu tới cánh trên đều trắng, có bộ lông dài, Văn Luận cũng có viết chữ ngật âm ngật ngược lại âm hồ cốt.

Quán tước lại cũng viết chữ quán cũng đồng, ngược lại âm cổ loạn loài thủy điểu tức âm tướng cả hai tức kêu gáy.

Phì lỗi lại viết chữ phì cũng đồng, ngược lại âm bổ tội âm dưới là lực tội phì lỗi là bệnh phù thủng nhỏ, nay lấy nghĩa này.

Tự quắc viết đúng nghi là quặc ngược lại âm câu phược quặc là chịu cắt phân chia, chụp lấy, nắm giữ, vồ lấy.

Cốt cán lại viết cán cũng đồng, ngược lại âm, ngược lại âm cổ ngạn Quảng Nhã cho rằng: Cán gọi là xương sườn, xương hai bên hông, cũng viết chữ cán là đúng thể.

Khoa vô ngược lại âm khổ hoa Văn Thông Dụng cho rằng: Kiêu căng tự đại gọi là khoa sách Ích Pháp nói: Khoa là khoe khoang nói không có thật gọi là khoa.

Sang di văn cổ viết chữ sang nhẫn hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm sở lương sách Thuyết Văn cho rằng: sang là bị thương, ngược lại âm dưới, dương chi Văn Thông Dụng cho rằng: Thân thể vết thương đã lành còn để lại sẹo gọi là di sẹo trên đầu gọi là dương.

Dược mẫu ngược lại âm vong hậu Văn Luận viết chữ thược dược âm dưới là mẫu theo chữ gọi là giống cái và giống đực, chỗ gọi là phong cố là bức tường vững chắc đóng lại, khiến không thể mở ra được Văn Luận viết chữ mẫu này là chẳng phải thể.

Gian quỉ văn cổ viết chữ quỉ thù hai chữ cũng đồng, ngược lại âm cư mỹ Quảng Số cho rằng: Quỉ là kể trộm theo Tử Truyện cho rằng: Ở bên trong gọi là gian bên ngoài giáo gọi là quỉ lại cũng gọi là loại, bên trong là quỉ sách Quốc Ngữ nói kể trộm tài báu quí giá gọi là quỉ bởi vì quỹ là tài sản của cải cất trong hòm, rương là quỉ cũng là gian.

Tiêu hoàn ngược lại âm tử điền âm dưới văn cổ viết là hoán cũng đồng, ngược lại âm hồ mãn tiên là tẩy rửa, hoán cũng là rửa tẩy trạc cho sạch sẽ.

Hướng pháp thứ pháp hoặc nói rằng: Pháp thứ pháp hướng, gọi là vô vi là diệt đế, là chỗ hướng pháp hữu vi, đạo đế là có thể hướng đến đạo đế là diệt cho nên gọi là thứ pháp, dựa theo đạo đế mà tu hành, cũng nói như thuyết mà tu hành.

Vũ nha ngược lại âm dưới là ngũ da Quảng Nhã cho rằng: Nhà chính dưới cũng đồng là nhà gọi là vũ gọi là nhà nhỏ, cái chái bên nhà lớn, để khách ở trọ nhà, nay người ta gọi là phòng trọ lớn, nơi làm việc công.

Thương oán ngược lại âm ô hoán Tư Lược cho rằng: Oán than thở, kinh dị.

Quát quát ngược lại âm cổ hoạt lại cũng viết chữ quát cũng đồng, Văn Thông Dụng cho rằng: Đầu mũi tên nhọn gọi là quát Thích Danh cho rằng: Quát là bao gồm tập trung tụ hội, cùng nhau tụ hợp bàn luận.

Bằng sĩ ngược lại âm bì băng Tam Thương cho rằng: Bằng là dựa vào âm dưới văn cổ lại viết chữ sĩ ba chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm sàng sử sách Nhĩ Số cho rằng: Sĩ là đợi chờ.

Dẫn hệ lại viết chữ đà duyên hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm trực nhẫn gọi là dùng sợi dây xỏ lỗ mũi con trâu, Quảng Nhã cho rằng: Dẫn là sợi dây lớn.

Anh quán ngược lại âm ư tinh sách Thuyết Văn cho rằng: Giải buộc mũ, tua mũ gọi là anh âm dưới là sĩ hoàn gọi là xâu xuyên qua, Văn Luận viết chữ anh quán hai chữ tượng hình này là chẳng phải.

Kiều khách ngược lại âm kỳ kiêu kiều là người khách ở làng khác đến ở trọ, Quảng Số cho rằng: Kiều là người khách, Văn Luận viết chiều kiều là cao, kiều là vừa mới, kiều chẳng phải nghĩa đây dùng.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 3

Phiên thiêu lại viết chữ phiền cú ngược lại âm phò viên thêm lửa gọi là phiền phiền là thiêu đốt.

Ư tư văn cổ viết chữ tư hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử tà sách Nhĩ Nhã nói: Giăng lưới bắt thỏ gọi là tư Quách Phác nói: Tư là tấm lưới che trùm ở trên, che để bắt thỏ.

Sàn sàn ngược lại âm sĩ sơn sĩ hoàn hai âm Tự Thư nói nước chảy róc rách, tí tách, theo đường núi đi sáu, bảy dặm nghe tiếng nước chảy róc rách.

Trập trùng ngược lại âm trì lập sách Thuyết Văn cho rằng: Trập là loài côn trùng mùa đông ẩn mình bất động, theo Mao Thi Truyện giống như con gấu, con bi đều thuộc giống thú mùa đông ẩn mình trong hang.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 4

Thân khoản lại viết chữ khoản cũng đồng, ngược lại âm khẩu hoản Quảng Sớ nói rằng: Khoản là yêu thích, Thiên Thương Hiệt ghi khoản là chân thành, ân cần, trân trọng, tiếp đãi, sách Thuyết Văn nói khoản là ý có chỗ mong cầu, mong muốn.

Ngu xuẩn ngược lại âm đinh giáng thương cung hai âm, Thiên Thương Hiệt giải thích văn cổ rằng: Ngu là chỗ biết, cũng là độn ngu dại.

Đốn chất ngược lại âm đo khốn trắc lợi đốn là phía trước bị che chắn nên vấp té, chất là thất bại không có lợi, vấp váp, trở ngại.

Như bột lại viết chữ phất cũng đồng, ngược lại âm bổ đối tên người.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 5

Hổ tự lại viết chữ tự hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm từ di kinh Sơn Hải nói: Tự là loài thú hình trạng giống như con trâu lông màu xanh đen, sách tiểu Số nói: Giống như con trâu, Quách Phác nói: Có một sừng màu xanh, nặng ngàn cân, sách Thuyết Văn nói: Tự giống như con trâu hoang dã màu sắc xanh chữ tượng hình.

Khiêu trạo ngược lại âm đạt nhiêu gọi là treo lên cao mém xuống đất, ngược lại âm dưới lặt giảo tha điếu hai chữ tượng hình gọi là xa xôi.

Quỷ nhiễu ngược lại âm cư hủy không thật cũng gọi là khinh khi dối trá, Tự Lâm cho rằng: Âm nãi liễu Tam Thương cho rằng: Nhiễu là làm trò, gọi là làm trò vui, quấy nhiễu.

Như khái ngược lại âm cổ đại Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khái là thanh gạt ngang trên cái hộc khi đo lường, Giang Nam dùng âm này, Quan Trung âm công nội.

Lỗi thạch sách Vận Tập âm lực bối gọi là lấy đá ném vật, nay theo chữ đó là nghĩa trên thành lăn đá xuống để đánh tặc loạn gọi là lỗi Văn Luận viết chữ lôi là chữ giả tá là mượn âm.

Sản trị lại viết chữ sản cũng đồng, ngược lại âm sơ nhãn Quảng Số cho rằng: Khắc đấu tước lột da, theo Thanh Loại nói: Sang bằng, diệt sạch.

Bể đầu ngược lại âm phổ mể sách Thuyết Văn nói: Bể là nghiêng, Thiên Thương Hiệt ghi: Không thẳng, Quảng Nhã cho rằng: Bể là nghiêng lệch Văn Luận viết chữ ty là chẳng phải thể.

- Quyển 6 không có âm giải thích từ.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 7

Tuần hành viết đúng nghi là chữ tuần ngược lại âm tợ quán sách Thuyết Văn nói tuần hành là đi nhiễu quanh, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần tự đi theo đây cũng cùng với chữ tuần là tóm lược cũng đồng.

Bất cách văn cổ viết chữ cách ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cổ hoạch cách là thay cũng gọi là đổi thay, sách Thuyết Văn cho rằng: Con thú thay lông, bỏ đi lông gọi là cách nói sửa đổi lông, hay là biến đổi, cho nên chữ viết từ bộ vi âm vi là âm vi lại gọi là trong Quốc Ấp, trong ba mươi năm mà thay đổi pháp luật, lấy pháp luật đặc biệt, ý khác biệt âm vi là âm vĩ.

Sô cảo văn cổ chữ sô cũng đồng, ngược lại âm trắc câu ngược lại âm dưới cổ lão sách Tiểu Nhĩ Số nói rằng: Thân nhánh cây lúa gọi là sô cũng gọi là cỏ để cho thú ăn gọi là sô nuôi sống gọi là sinh sô cũng gọi là cỏ héo khô, sách Thuyết Văn cho rằng: Cắt cỏ, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cảo là bông lúa chín, Văn Luận viết chữ cảo là chẳng phải.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 8

Ky xi ngược lại âm cư y Quảng Nhã cho rằng: Ky là khuyên can, sách Thuyết Văn cho rằng: Ky là chê bai ngược lại âm dưới sung chi Quảng Số nói: Xi là khinh thường, Thiên Thương Hiệt ghi: Xi là xem thường khinh nhờn, âm gián là âm giáp.

Cầu lộ ngược lại âm lực cố gọi là lấy tài vật đút lót để nhờ vả một việc gì gọi là lộ lộ cũng là đưa tặng quà.

Oán tiếm ngược lại âm trắc cấm Quảng Số nói rằng: Tiếm là chê bai phỉ báng, hủy nhục, Tam Thương cho rằng: Tiếm là nói xấu hại người cũng gọi là báng nhập là tiếm, tức là gièm pha vu cáo.

Tiết xuất ngược lại âm tư liệt tiết là tràn ra ngoài, phát ra ngoài, cũng gọi là rỉ nước.

Thoán chi Trụ Văn viết chữ thoán cũng đồng, ngược lại âm thất hoang Tam Thương cho rằng: Thoán là hun đốt, chữ viết từ bộ cữu là giữ lấy cái cối đến bộ phữu là lò gốm, cũng đồng với chữ táo ngược lại âm khẩu cũng gọi là đẩu cu vào lửa cháy bừng lên, chữ chí ý âm cũng

là âm cũng.

Điềm nhiên chữ cổ, nay viết chữ diệp cũng đồng, ngược lại âm tha giáp Quảng Số nói rằng: Điềm tĩnh, cũng gọi là an tĩnh, cũng gọi là điềm phục.

Ngưu đồng ngược lại âm trúc dung đô đồng hai âm. Văn Thông Dụng cho rằng: Nước sữa gọi là đồng nay người Giang Nam cũng gọi sữa là đồng.

Tranh trị lại viết chữ tranh cũng đồng, ngược lại âm văn trách trượng hành hai âm. gọi là va chạm, chà xát.

Bát thuyên ngược lại âm thị duyên Giang Nam cùng âm này, lại cũng âm thượng tiên Trung Quốc dùng âm này, sách Thuyết Văn cho rằng: Chẻ tre đan cái sọt để chứa lúa thó, Văn Luận viết chữ đan âm đan là cái rương chẳng phải nghĩa đây dùng.

Kiềm tỳ ngược lại âm cự diêm tên của nước.

Xí vọng văn cổ viết là xi quốc ngược lại âm khư thị Văn Thông Dụng cho rằng: Nhấc chân giơ cao gọi là xí xí cũng là trông mong, chữ viết từ bộ chỉ.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 9

Bồi đích ngược lại âm bổ lai bồi là vách tường cao, ven bồi đất làm bờ đê, đây nên viết chữ phụ ngược lại âm tài duẫn Văn Thông Dụng cho rằng: Mục tiêu để bắn gọi đôn đôn là trung tâm chính giữa gọi là đích.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 10

Cự hư cự hư hai âm giống như con lạc đà mà nhỏ hơn, con trâu con, ngựa con.

Tế túc ngược lại âm tử duệ sách Thuyết Văn cho rằng: Tế là lúa tắc, loại lúa không dẻo để nấu cháo, giống như lúa tắc nhưng không dẻo, Quan Tây gọi là lúa mi, âm mi ngược lại âm vong bì.

Lao đậu lại viết liệu lao hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm lặc đao Văn Thông Dụng cho rằng: Loại đậu hoang dã gọi là lao đậu giống như hạt đậu lớn, mà cũng có hạt nhỏ màu vàng mọc ngoại hoang dã thân dây leo.

Như trách ngược lại âm trắc cách theo cảnh trách giống như đè ép xuống nay gọi là ép ra nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Trách là chật hẹp, bức bách.

Sĩ tu ngược lại âm lặc giai lại cũng âm lặc giai hai âm, tên người.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 11

Hữu tốt ngược lại âm tồn một sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng tay nắm đầu nhổ tóc gọi là tốt tốt cũng là đánh gõ.

Nghỉ ngã ngược lại âm ngư lý Tự Thư cho rằng: Nghỉ là gướng đến, sách Thuyết Văn nói: Ý nghĩ về hướng bắc để hóa độ, Văn Luận viết chữ sĩ là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Lục vật Một là Tăng-già-lê; hai là Uất-đa-la-tăng; ba là An-đà-hội, bốn là Bát-đa-la, năm là Ni-sư-đàn; sáu châm đồng.

- Một Tăng-già-lê là y chín điều.
- Hai Uất-đa-la-tăng: Y bảy điều.
- Ba An-đà-hội: Y năm điều.
- Bốn Bát-đa-la: Tức bình bát đựng cơm, thức ăn dùng đi khất thực.
- Năm Ni-sư-đàn: Tức là tọa cụ trải ngồi thiền sau khi dùng cơm.
- Sáu châm đồng: Tức ống đựng kim may vá khâu.

Hãn thanh ngược lại âm hạ thã sách Thuyết Văn cho rằng: Nằm ngủ có tiếng ngáy, sách Tự Uyển âm hồ vu Giang Nam dùng âm này.

Thư trùng Tự Lâm âm là thiên dư Văn Thông Dụng cho rằng: Trong thịt có con giòi gọi là thư gọi là con giòi nó đục là chất sữa trong thịt, Văn Luận viết chữ thư ngược lại âm tể dư là con dế, chẳng phải nghĩa đây dùng.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 12

Tư cấp ngược lại âm tử tư ngược lại âm dưới là cư cập Quảng Số cho rằng: Tư cấp là gấp vội, sách Thuyết Văn nói: Cấp vội gấp đi mau lấy nước.

Nhĩ chùy ngược lại âm trực nguỵ sách Phương Ngôn cho rằng: Chùy là quả cân nặng.

Viện thuẫn ngược lại âm vũ phiền ngược lại âm dưới thực duẫn viện là dẫn dắt nắm kéo lên, thuẫn là xô đẩy.

Phanh trực ngược lại âm bổ canh gọi là búng dây nẩy mực gọi là phanh.

- Quyển 13 không có âm giải thích từ.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 14

Hàm xa lại viết chữ hàm cũng đồng, ngược lại âm hồ cảm gọi là má, phần má phía dưới, Thích Danh cho rằng: Hàm là ngậm, gọi là xe chứa trong miệng vật. Hoặc gọi là bổ nghĩa là đòn ngang xe thêm sức mạnh, chỗ gọi là đòn áo hai bên xe nắm giữ cái miệng, hoặc gọi là nha xa tức là tăm xe. Nha chỗ gọi là duyên chở, vận chuyển, hoặc gọi là giáp xa tức là áp hai bên chiếc xe, chỗ gọi là tải giáp chuyên chở hai bên đòn xe ràng buộc vào xe đó đều lấy chỗ trên dưới xe để chuyên chở vận chuyển vật, tục gọi là hạp xa ngược lại âm công hạp Ngô Hội gọi là hàm cổ âm cổ ngược lại âm khổ cô Văn Luận hoặc là viết chữ tai tức là phần má.

Tiểu khối văn cổ viết chữ khối nay viết chữ khối cũng đồng ngược lại âm khổ đối sách Tiểu Thất nói khối là đống đất, đất nhô lên cao, đất dính lại, âm bức bức ngược lại âm phổ bức.

Chí ngại âm chí Văn Thông Dụng cho rằng: Việc không tiện lợi gọi là chí ngăn trở đến gọi là ngại.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 15

Tả nhậm ngược lại âm nhi chậm Thương Hiệt giải thích văn chữ cổ nói rằng: Cái áo lớn để mặc làm tế lễ và giao tiếp, gặp gỡ, hoặc gọi là vạt áo. Lại cũng gọi là tay áo rộng, âm trật là âm trật.

Kiếm phù ngược lại âm phù lưu tên của mười sáu nước lớn.

Quỳ hoắc ngược lại âm hồ quách quỳ là lá đậu, tùy theo mà gọi đó, gọi là đậu hoắc v.v... đều là vậy.

Vu tiếu ngược lại âm vũ vu sách Thuyết Văn cho rằng: Vu là nói thêm vào, cũng gọi là khinh khi, lấy lời nói xấu tốt, thiện ác gọi là vu.

Quệ chí ngược lại âm cự nguyệt cư nguyệt hai âm, sách Thuyết Văn cho rằng: Trật ngã trật chân vấp té nằm ngửa, Quảng Sở nói rằng: Chí là giẫm đạp lên, đốn ngã, thất bại.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 16

Ca lam phù vương hoặc viết là ca lợi vương hoặc gọi là ca lợi vương nói đúng là yết lợi vương đây dịch là ông vua đấu tranh.

Trữ thuyền ngược lại âm thời nhữ trừ lữ hai âm Quảng Nhã cho rằng: Trữ là cán gào múc nước, âm thao ngược lại âm dực chiểu gọi là dây cột cán gào múc nước dưới giếng, âm loan ngược lại âm cửu (789) vạn sách Thuyết Văn cho rằng: Loan trữ là cán gào múc nước.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 17

Bác yểm bác là trò chơi, dùng sáu chiếc đũa, sáu con cờ gọi là lục bát, lấy con còa đè lên bàn cờ tròn, sách Toán Văn gọi là phốc yểm gọi là làm trò nhảy lên, đạp lên tục gọi là xạ ý lại cũng gọi là xạ số lại còn là bác hý là đè lên thài vật, tức là trò chơi cờ bạc đánh bạc.

Cao chữ ngược lại âm phương tảo Tự Thư cho rằng: Ít nước đem đi nấu gọi là không có lửa mà nóng chín gọi là chữ.

Ngoan lỗ ngược lại âm lực cổ sách Luận Ngữ cho rằng: So le gọi là lỗ Khổng An Quốc cho rằng: Lỗ là ngu độn, Văn Luận viết chữ lỗ là chẳng phải chữ đây dùng.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 18

Yểm thậm ngược lại âm ô cảm lại âm tha cảm Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Thậm là đen thâm không sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Đen thâm đen xanh.

Như quyển ngược lại âm mạc văn Thiên Thương Hiệt ghi rằng: quyển là loại chuồng, lan can, song cửa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chuồng nuôi súc vật, nuôi nhốt con thú. Lại cũng gọi là giam tội nhân.

Kiêu tán lại viết chữ tiện tiên hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tử thã sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩy rửa nước do, sách Kử Ký nói: Đứng trong năm bước máu trong cổ bắn ra trúng áo của đại vương, lại viết chữ tiên.

XUẤT DIỆU KINH
QUYỂN 19

Lương sạn Tam Thương cho rằng: Viết chữ sạn cũng đồng, ngược lại âm sĩ gián sách Thuyết Văn cho rằng: Sạn là quán trọ Văn Thông Dụng cho rằng: Gọi là ván gác là sạn.

Nạch tiển lại viết chữ nạch cũng đồng, ngược lại âm nữ trác, nữ cách hai âm, nạch là nắm bắt, cầm nắm, sách Thuyết Văn nói: Nạch là đè ấn xuống.

Hoằng nhiện ngược lại âm nhất hoằng gọi là đều hết sạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Hoằng là ao sâu, rộng lớn. Nay lấy nghĩa này.

Man đản ngược lại âm mạc quan ngược lại âm dưới đạt thản sách Thuyết Văn cho rằng: Mạn là khinh khi, không tin tưởng, đản là càn láo, dối trá không thật.

- Quyển 20 - 25 không có âm giải thích từ.

****

HIỀN NGU KINH

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Khẩn trắc văn cổ viết chữ khẩn cú ngược lại âm khổ ngận Văn Thông Dụng cho rằng: Chí thành gọi là khẩn khẩn cũng gọi là kiên nhẫn, âm dưới văn cổ viết chữ trắc cũng đồng, ngược lại âm sở lực Quảng Nhã cho rằng: Trắc là bi thương trắc ẩn, sách Thuyết Văn cho rằng: Trắc là đau khổ.

Uyển chích ngược lại âm ô hoàn gọi là lấy dao đâm vào thịt, dùng dao khoét thịt gọi là uyển chích là hun đốt cũng gọi là nướng.

Vương hoăng ngược lại âm hồ hoằng Quảng Nhã cho rằng: Hoăng là chết, điều xấu, Thích Danh cho rằng: Đại phu chết gọi là tốt chư hầu chết gọi là hoăng cũng gọi là đốn hoại, ngã hư hoại. Bạch Hổ Thông cho rằng: Băng Thiên Tử chết gọi là băng hoăng, đều chế ra từ đời nhà Chu.

Kiểm nhiên ngược lại âm thử liêm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kiểm là bao gồm đều, sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải mà đến đông vương quốc gọi đều bằng là kiểm.

Ấp ấp ngược lại âm ư cấp Tự Lâm cho rằng: Ấp ấp là không yên Thiên Thương Hiệt ghi: Ấp ấp là dáng điệu không thư thả thoải mái, buồn buồn rầu rầu.

Khẩu cấm văn cổ viết chữ khâm cũng đồng, ngược lại âm cự cẩm cấm là đóng lại Văn Thông Dụng cho rằng: Miệng không mở ra gọi là cấm.

Ngạn ngôn ngược lại âm nghi tiển sách Thuyết Văn cho rằng: Ngạn là lời nói được lưu truyền, gọi là truyền lại cho đời thường nói.

Bính trước văn cổ viết chữ bính hai chữ tượng hình. Nay viết chữ bính cũng đồng, ngược lại âm bích mảnh Quảng Nhã cho rằng: Bính là sáng rõ, sáng sủa.

- *Quyển 2 không có âm giải thích từ.*

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 3

Vãn ngưỡng ngược lại âm vô biện ãn là cái đầu, nói thương xót hoàn cảnh đáng thương mà thôi.

Táo quán ngược lại âm cổ hoản sách Thuyết Văn cho rằng: Táo là rửa tay, phàm là rửa tẩy gọi là quán chữ viết từ bộ cửu đến bộ thủy nói là trên cái chậu mà rửa, âm cửu ngược lại âm cư lục gọi là hai tay bưng vật.

Giác cách nay viết chữ giác cũng đồng, ngược lại âm cổ học giác là thử, gọi là thử sức, cách là đo lường độ lượng, chữ viết từ bộ mộc.

Hấn trương ngược lại âm nghi chấn sách Nhĩ Nhã nói: Ban tặng cho con vật để cúng tế gọi là hấn, Quách Phác gọi là nói tự phấn tấn khí thể chỗ xuất ra ban ra.

Hằng xuyên ngược lại âm ca đặng theo Mao Thi Truyện nói rằng: Hằng là một thứ giấy đẹp đùng để viết thư gọi là hằng cũng là cây lương thực đen. Hằng cũng có nghĩa biến khắp lâu dài, cũng là ý này.

Phi thúy ngược lại âm thanh tuế sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh thiếu máu dễ gãy, Nhĩ Số cho rằng: Thúy là mềm mại, cũng gọi là ốm yếu, kinh văn viết tuyển hai chữ tượng hình chẳng phải thể.

Đằng tiện ngược lại âm đồ đăng sách Thuyết Văn cho rằng: Đằng là chuyên, đằng cũng là chuyên chở, Quảng Nhã cho rằng: Đằng là chạy mua, âm chuyên ngược lại âm trị luyến gọi là chuyên chở chế ngự con ngựa.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 4

Huyễn nhãn ngược lại âm hồ biến lại cũng âm mạc báo sách Quốc Ngữ nói: Con mắt có tật bệnh, Giả Quỳ chu giải rằng: Huyễn là hoa mắt, mê hoặc, lẫn lộn.

Phả ngã ngược lại âm phổ ngã gọi là dao động không an, kinh văn viết chữ cự ngã hoặc là viết phrả ngã đều chẳng phải.

Vi xác ngược lại âm hồ các sách Thuyết Văn cho rằng: Canh thịt, gọi là có rau là canh, không rau là xác.

Yểm hài ngược lại âm hồ đại Văn Thông Dụng cho rằng: Hoạn

nạn buồn khổ gọi là hài hài cũng là khổ hận, nay nói giống như hoạn nạn là có chỗ buồn khổ.

Kích thiết ngược lại âm công đích gọi là cảm kích, sách Sở Từ nói: Hoặc là nước sạch bắn lên tung tóe việc làm không có chỗ thông, Vương Dật gọi là cảm kích.

Như phẩu ngược lại âm mãn giao Văn Thông Dụng cho rằng: Tay cầm nắm gọi là phẩu chữ viết từ bộ thủ thanh phẩu kinh văn viết chữ bao là chữ cận nghĩa âm phẩu ngược lại âm phòng tẩu.

Nhung y ngược lại âm nghi dung Tự Lâm cho rằng: Thảm lông, sách Toán Văn cho rằng: Nhung là lấy lông làm trang sức đẹp.

Tảo dương ngược lại âm tang lão sách Thuyết Văn cho rằng: Tảo là cạo sạch, tảo cũng là gãi chỗ ngứa. Kinh văn viết chữ tảo ngược lại âm tang đáo gọi là bệnh ghẻ lở, ngược lại âm dưới là dư dưỡng sách Thuyết Văn cho rằng: Tảo dương là không ngứa là không gãi chữ viết từ bộ trùng đến bộ dương nay đều viết chữ dưỡng văn kinh viết chữ dương ngược lại âm tợ dương Tự Lâm cho rằng: Tên của bệnh ghẻ ngứa, dương chẳng phải nghĩa đây dùng.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 5

Gián bệnh ngược lại âm huyền gian theo Thanh Loại cho rằng: Đứa trẻ nít mắc bệnh động kinh, sách Thuyết Văn nói bệnh phong.

Côn độn lại viết chữ con độn cú ngược lại âm hồ tổn đồ tổn Văn Thông Dụng cho rằng: To lớn mà không có hình gọi là côn độn.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 6

Chung ngôn ngược lại âm thất dung Thích Danh cho rằng: Chung đó là nói đã là chỗ cung kính gọi là chung chung là tự tề khéo léo thuê thùa, tề gia nội trợ.

Chấn sát ngược lại âm trắc trần sách Thuyết Văn cho rằng: Chấn áp, kinh văn viết chữ điền âm là điền điền chẳng phải đây dùng.

Trung khác văn cổ viết chữ khác cũng đồng, ngược lại âm khổ các sách Thượng Thư nói rằng: Khác là cẩn thận thiên mạng, Khổng An Quốc gọi là khác là cung kính Tự Lâm cho rằng: Khác là khiêm cung.

Hàn huệ Phàm là viết chữ thái cũng đồng, ngược lại âm từ túy sách Thuyết Văn nói: Bông lúa đã chín chỗ người ta thu hoạch đem về.

Kiều đãng ngược lại âm đồ lãng đãng giống như trên cao, chỗ người ta xướng lời nói sai vậy.

Võng nhiên văn cổ viết võng tứ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm vô vãng dùng chữ võng nhiên là ý không biết vô tri, cũng gọi là dáng điệu dựa theo lo sợ, kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ võng là chữ cận nghĩa.

Tín thượng văn cổ viết chữ đồng tử hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tiên tiến tiên tử hai âm, sách Thuyết Văn cho rằng: Thóp trên đầu não bị che lại trán rổng không, kinh văn viết chữ tai chưa rõ chỗ xuất phát sách nào.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 7

Bỉ miêu ngược lại âm mị kiêu gọi là cây mạ chưa có chín, Thiên Thương Hiệt ghi: Chưa có trổ bông gọi là miêu tức cây mạ, nay lấy nghĩa này. Đây tục thường nói như vậy, nay quy cách nghi viết là chữ mạc chưa rõ loại rau gì, cây mọc trên đất v.v... là tri mộ là biết bắt chước theo.

Tích thể ngược lại âm tư địch tích giống như phân ra, chẻ ra, chữ viết từ bộ mộc đến bộ cân gọi là lấy búa phân chẻ ra, gọi là tích nay tục viết đều từ bộ cân.

Hạch thân ngược lại âm hồ cách hạch là ngăn cản, chướng ngại, kinh văn viết chữ kích ngược lại âm khẩu đích kích là đánh kích chẳng phải nghĩa đây dùng.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 8

Trác lao ngược lại âm lực giác gọi là kỳ lạ khác thường.

Tao tao ngược lại âm tô lão sách Thuyết Văn cho rằng: Tao là quấy nhiễu, quấy rối, lại cũng gọi con ngựa chạy loạn, cũng gọi là chạy mau, ngựa phi nước đại, chữ viết từ bộ mã kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ tao là chẳng phải thể.

Sắc nhiên ngược lại âm sở lực Bì Thương cho rằng: Lo sợ e ngại, Văn Thông Dụng cho rằng: Lo sợ nhỏ gọi là sắc

----

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 9

Tiểu tử ngược lại âm sĩ giao gọi là chiến thắng tiện lợi, gọi là dùng sức mạnh thần tốc tiêu diệt, tiểu trừ diệt sạch, sách Thuyết Văn nói: Viết chữ nhiễu Quảng Sớ cho rằng: Kiêu là chiến thắng, theo Thanh Loại cho rằng: Kiêu là đến mau.

Tỏa liệt ngược lại âm tổ ngọa tỏa là bẻ gãy. Lại gọi là hình phạt chém chặt ngang lưng, sách Thuyết Văn nói: Tỏa là bẻ gãy, âm liệt ngược lại âm lực kiết.

Ma tiểu ngược lại âm mạc khả nhỏ bé gọi là ma kinh văn viết chữ tiểu là chữ cận nghĩa.

Thoa cổ ngược lại âm sở duy công hộ cổ chân gọi là cổ nay lấy nghĩa này.

Kế mại ngược lại âm cổ đế, mạc bại kế là tiếp tục, mại là đi đến gọi là tiếp tục qua lại với nhau tiếp tục đến với nhau.

Bao hao ngược lại âm bổ giao hồ giao sách Thuyết Văn cho rằng: Bao hao là tiếng rống làm kinh hãi giựt mình, cũng gọi là đại phẫn nộ.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 10

Chước thích ngược lại âm chi nhược sĩ kích chước là lo sợ ưu não, cũng gọi là đau khổ, rầu buồn, lo lắng.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 11

Cô huỳnh văn cổ viết chữ huỳnh vinh hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cự dinh huỳnh là cô đơn, đơn độc, không anh em gọi là quỳnh, gọi là quỳnh nhiên lặng lẻ âm thầm.

Thí cổ ngược lại âm cổ hộ đây dịch là kết dây làm lưới gọi bủa lưới bắt cá, kinh văn viết chữ tư ngược lại âm tử tà tư cũng là lưới võng, hai chữ tượng hình tùy theo mà viết.

Bàn tỷ ngược lại âm bổ đan Tự Lâm cho rằng: Bàn là bộ, bàn (790) cũng là loại, kinh văn viết chữ bàn chữ giả tá, chẳng phải thể.

Yểm thủy ngược lại âm ất sam gọi là dìm người trong nước, cũng gọi là chìm.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 12

Ban lan lại viết chữ ban ban hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm bổ gian âm dưới lại viết chữ lân cũng đồng, ngược lại âm lực hàn lô gian Bì Thương cho rằng: Dáng mạo rực rở văn chương, sáng sủa, điêu luyện trau chuốt thành thục gọi là ban lan kinh văn viết chữ ban lan là chẳng phải thể.

Kiện tích ngược lại âm ty dịch gọi là nhanh nhẹn, dũng mảnh.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 13

Xí hổn ngược lại âm hồ khốn Thích Danh cho rằng: Xí là nói người ở chỗ tạp nhạp dơ bẩn, hoặc gọi là hổn nói là chỗ nước đục dơ, hoặc nói từ chỗ sạch mà đến ở chỗ dơ bẩn cho nên phải tu sửa cho sạch sẽ.

Phanh đang ngược lại âm ty chính đô lãng gọi là quét trừ rác rưởi cho sạch, Quảng Nhã cho rằng: Phanh là trừ bỏ.

Thanh nhiện lại viết chữ thanh tranh phanh tịnh bốn chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm tự tinh gọi là an định, nghỉ ngơi, cũng là

không có tiếng động gọi là yên tĩnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Thanh là sạch trang sức sạch sẽ, thanh khiết, cảm thấy trong lòng yên tĩnh.

Phúc hội văn cổ viết chữ hội cũng đồng, ngược lại âm hồ đối sách Thuyết Văn cho rằng: Hội là thấm nước rỉ nước thấm vào, tràn vào, lại cũng gọi là tan vở, vở đê nước tràn vào.

Khiêu tường ngược lại âm tha điếu khiêu là dùng dằng, sách Vận Tập nói chữ khiêu là nhảy vượt qua, kinh văn viết chữ khiêu là chẳng phải thể.

Phong trùng lại viết chữ trung cũng đồng, ngược lại âm sớ hung hoặc là viết chữ hương trùng sách Thuyết Văn cho rằng: Loài côn trùng cắn chích người, kinh văn viết dư thừa đây cũng là viết sai, nên viết là hương trong kinh văn cũng có viết hương trùng âm thích là âm thích.

Dịch dịch ngược lại âm dư thạch dịch dịch là đức rộng lớn sáng chói, Quảng Nhã cho rằng: Dịch là tràn đầy thể chữ viết từ bộ đại kinh văn viết từ bộ cũng viết thành chữ dịch chữ dịch gọi là truyền dịch chẳng phải thể chữ, âm cũng ngược lại âm cự hung.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 14

Chủng di có bổn văn lại viết chữ tắc.

Lợi chí văn cổ viết chữ chấp hai chữ tượng hình nay viết chữ cũng đồng, ngược lại âm trắc lợi Văn Thông Dụng cho rằng: Bất lợi gọi là chí ngăn trở hạn hẹp đến cũng gọi là thất bại trở ngại.

HIỀN NGU KINH
QUYỂN 15

Tài hối văn cổ viết chữ hối cũng đồng, ngược lại âm hồ tội tài vật hàng hóa gọi là hối hối cũng là tài sản của cải, Văn Thông Dụng nói: Tài vật vải vóc gọi hối sách Chu Lễ nói rằng: Thông cả hàng hóa Trịnh Huyền cho rằng: Vàng bạc, ngọc ngà hàng hóa vải vóc gọi là hối.

Cổ đạo ngược lại âm công hộ theo Thanh Loại cho rằng: Âm dực giả gọi là loài côn trùng đi gieo độc hại.

Xa quán ngược lại âm thỉ giá ngược lại âm dưới là thời dạ sách Thuyết Văn nói: Quán là mua, gọi là mua hàng hóa Quảng Số cho rằng: Mua chịu, mua nợ lại.

Đào diển ngược lại âm đồ đao theo Mao Thi Truyện nói: Trong lòng lo buồn, đào là hun đúc, rèn luyện, thỏa thích đạt đến mức thông suốt.

Trà ca ngược lại âm trực da kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ trà là chẳng phải.

****

TĂNG GIÀ LA SÁT TẬP

Huệ Lâm soạn.

LỜI TỰA

Cự đát ngược lại âm dưới hằng đát sách Sở Từ cho rằng: Đát là mau vội gấp vươn dây cung, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch đến thanh đát.

Tăng già bạt trừng ngược lại âm bàn bát âm dưới trừng sở nói ở Tây Vức tên vị tăng.

TĂNG GIÀ LA SÁT TẬP
QUYỂN THƯỢNG

Thông ổi ngược lại âm trên tông đồng sách Khảo Thanh cho rằng: Thông là đều gom lại, Quảng Nhã nói tóm lại đều nhau, kết lại sách Thuyết Văn nói tụ lại, bó lại tóm tắc, gom lại, chữ viết từ bộ thủ thanh hốt ngược lại âm dưới ổi hối.

Trừ bộ ngược lại âm trên trữ chư sách Bát Nhã nói: Trù trừ dùng dằng, do dự, sách Khảo Thanh cho rằng: Không muốn đi, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh trước.

Thô quáng ngược lại âm dưới cổ mảnh sách Tập Huấn nói: Quáng là hung hãn dữ dằn, con chó hung hãn không ai dám đến gần, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh quảng.

Mi lộc ngược lại âm dưới mị bi sách Thuyết Văn nói: Mi thuộc con nai, con hươu, đến mùa đông gọi là cỏi bỏ cái sừng chữ viết từ bộ lộc thanh mể.

Giá nhập ngược lại âm trên ngôn kiện Tự Thư cho rằng: Giá là

nghinh đón, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ xước thanh ngôn.

Lũ khúc ngược lại âm trên lương chủ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Người cong lưng, cũng gọi là gù, sách Thuyết Văn nói Khiển chân, thọt chân, chữ viết từ bộ đến bộ lũ thanh tĩnh, kinh văn viết từ bộ tật viết thành chữ lũ là chẳng phải.

Tần xúc ngược lại âm dưới sái dục theo Tả Truyện nói rằng: Xúc là bức bách thúc dục, Quảng Nhã cho rằng: Cấp bách bức bách, sách Khảo Thanh nói: Tụ lại, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ túc thanh thích kinh văn viết từ bộ hiệt viết thành chữ xúc là chẳng phải.

Vi chẩm ngược lại âm dưới châm nhậm sách Thuyết Văn cho rằng: Chẩm là lấy cỏ khô héo lúc nằm kê đầu tức là cái gối, chữ viết từ bộ mộc thanh đam.

TĂNG GIÀ LA SÁT TẬP
QUYỂN TRUNG

Mộc sách ngược lại âm dưới sơ cách sách Thuyết Văn nói: Sách là bện gỗ đương làm hàng rào, chữ viết từ bộ mộc thanh sách chữ tượng hình, kinh văn viết chữ sách tục dụng dùng thông dụng.

Bỉ tiệm ngược lại âm dưới tiếp diểm sách Khảo Thanh cho rằng: Cái hầm dài.

Vi khải ngược lại âm dưới khai ái sách Thuyết Văn cho rằng: Khải là áo giáp chữ viết từ bộ kim thanh khải.

Trỉ lập ngược lại âm trên trì lý sách Thuyết Văn cho rằng: Trì là đi bộ mà không tiến về phía trước mặt, sách Thuyết Văn cho rằng: Đi vòng vòng trong nhà, hoặc là viết chữ trĩ chữ viết từ bộ túc thanh tự.

Cảnh đoản ngược lại âm dưới đoan quản sách Thuyết Văn cho rằng: Đoản là không dài, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Gấp gáp, vội vã, chữ viết từ bộ thỉ đến bộ đậu kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ đoản là chẳng phải.

Đạm phạ ngược lại âm trên đàm lạm Cố Dã Vương nói: Đạm là điềm tĩnh Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đạm là an, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ tâm thanh chiêm ngược lại âm dưới phổ bạch Quảng Nhã cho rằng: Phạ tĩnh yên tĩnh, sách Thuyết Văn nói: Phạ là vô vi chữ viết từ bộ tâm thanh bạch kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ đạm là chẳng phải.

Ấm cái ngược lại âm trên ấp cấm sách Quốc Ngữ nói: Cây có cành lá giống như con người, có tỳ âm tức là che đậy, sách Thuyết Văn nói: Cây cỏ dưới là âm chữ viết từ bộ thảo thanh âm ngược lại âm dưới cát ngãi sách Thượng Thư nói: Cái là che sách Khảo Thanh cho rằng: Che đậy, lấy cỏ may che đậy lên, chữ viết từ bộ thảo thanh cái.

Vân ế ngược lại âm dưới y kế sách Nhĩ Số nói: Trời âm u mà có gió gọi là ý Văn Tự Điển nói: chữ viết từ bộ nhật thanh ế.

Vĩ vĩ ngược lại âm vi ủy sách Thuyết Văn nói: Vi là lửa cháy sáng rực, chữ viết từ bộ hỏa thanh vi kinh văn viết chữ vi là chẳng phải.

Hữu trứu ngược lại âm dưới trắc cứu Văn Tự Điển nói: Da rộng ra tụ lại, tức là da nhăn, chữ viết từ bộ sơ thanh bì knh văn viết chữ trứu tục dùng cũng thông dụng.

Nhãn hiệp ngược lại âm dưới tử diệp sách Thuyết Văn nói: Hiệp lông mi mắt, Thiên Thương Hiệt nói: Lông mi chữ viết từ bộ mục thanh hiệp kinh văn viết chữ tục dùng thông dụng.

Sang di ngược lại âm dưới dĩ chỉ sách Chu Dịch nói: Di là vết thương đã lành còn để lại sẹo, sách Thuyết Văn nói chữ viết từ tật thanh di.

Hạt thi ngược lại âm trên hàn cát Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Chim hạt giống như chim trĩ mà lớn hơn màu xanh, có lông nhọn. Tính thích đá nhau cho đến chết mới ngừng, âm nghĩa Hán Thư gọi tên là tô lấy đuôi của con chim này, các võ sĩ cấm trên nón mũ tượng trưng đánh nhau quyết liệt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chim hạt kê, chỗ xuất ra từ nước yến chữ viết từ bộ điểu thanh hạt ngược lại âm dưới ti di Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chim quạ, nhỏ mà phải nhiều dưới bụng nói trắng, Giang Đông gọi là chim ty, chữ hình thanh.

Yết-bể ngược lại âm trên là Cư-yết tiếng Phạm, kinh văn viết chữ yết là chẳng phải thể vậy.

Thùy đóa ngược lại âm dưới đô quả đóa là đống đất cao, hình dáng đống đất nhô cao cho nên gọi là tên, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh thùy kinh văn viết từ bộ vương viết thành chữ diêu là chẳng phải chữ đây dùng.

Dung bệ ngược lại âm trên lung long Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Dung là đều bằng nhau sách Thuyết Văn cho rằng: Quân đều thẳng chữ viết từ bộ nhân thanh dung âm dưới là bể mể sách Văn Tự Điển nói: Bể là xương đùi ngoài, chữ viết từ bộ cốt thanh bệ hoặc là viết chữ bệ kinh văn viết từ bộ nhục viết chữ dung bể đều là tục dùng

thông dụng.

Chuyên trường Tự Thư cho rằng: Chuyên là ruột có mở, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh đoan hoặc là viết chữ thuyên âm phì là âm phò phi.

Nhuyển động ngược lại âm nhuận chuẩn sách Khảo Thanh cho rằng: Không chân gọi là nhuyển có chân gọi là trùng sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh nhuyển.

TĂNG GIÀ LA SÁT TẬP
QUYỂN HẠ

Chúng thích ngược lại âm dưới thư tý sách Phương Ngôn nói: Phàm cây cỏ có gai nhọn đâm người gọi là thích sách Thuyết Văn nói: Gai đâm thẳng vào bị thương chữ viết từ bộ đao thanh thúc.

Ương-quộc-phảng ngược lại âm trên giáp hương ngược lại âm dưới Mạn-ban tiếng Phạm, kinh văn viết chữ thư là chẳng phải.

Khoảnh á ngược lại âm dưới lưu giá Tự Thư cho rằng: Á là dựa vàop nương nhờ, chữ viết từ bộ nhân thanh á.

Khước nhiếp ngược lại âm dưới niêm triếp Quảng Nhã cho rằng: Đi giày dép giẫm đạp lên gọi là động cơ dưới chân, chỗ mang giày dép, Thiên Thương Hiệt ghi: Nhiếp là đạp lên sách Thuyết Văn cho rằng: Đạp lên chữ viết từ bộ túc thanh nhiếp.

Miết thần ngược lại âm trên nghiêng kiết sách Lễ Ký nói: Không cắn nhai xương, sách Thuyết Văn nói: Niết là cắn chữ viết từ bộ xĩ thanh niết âm niết ngược lại âm khổ bát.

Tích lịch ngược lại âm trên thất mịch ngược lại âm dưới linh đích Văn Tự Điển nói: Tích lịch là tiếng sấm sét lớn, đánh vật, chữ viết từ bộ vũ đều thanh tích lịch kinh văn viết từ bộ thạch viết chữ tích lịch tục dùng cũng thông dụng.

Xuyết thử vị ngược lại âm trên ấp cẩm kháp là uống vào chữ viết từ bộ thứ thanh xuyết âm xuyết ngược lại âm dụng duyệt kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ khẩm là chẳng phải văn cổ viết kỳ lạ xuyết.

Tam thùy ngược lại âm túy duy sách Nhã âm tài quy Quách Phác chú giải rằng: Trên đỉnh đầu chót núi cao chót vót, sách Vận Thuyên cho rằng: Thùy đó trên đỉnh núi, dáng vẻ cao chất ngất, chữ viết từ bộ hán âm hán là âm hán kinh văn viết từ bộ tang là chẳng phải.

Ty nghê ngược lại âm trên phổ kế ngược lại âm nghê kế sách Lễ Ký cho rằng: Ty nghê giống như là nhìn, cho rằng nhìn xa, sách văn cho rằng nhìn nghiêng chữ viết từ bộ mục đều thanh ty nghê kinh văn viết từ bộ nhân viết thành chữ ty nghê là chẳng phải thể chữ đây dùng.

Đăng minh ngược lại âm trên đắc đằng sách Hán Thư nói: Ban đêm va chạm đèn nến, cháy sáng lên, chỗ cũng gọi là đốt lửa. Văn Thông Dụng cho rằng: Chữ viết từ bộ hỏa thanh đăng Văn Tự Điển viết từ bộ kim thanh đăng.

Ma-đu-la âm du ngược lại âm tha lũ tiếng Phạm.

Uyển diên ngược lại âm trên ư viễn ngược lại âm dưới dĩ chiên chữ giả tá, như lấy chữ nghĩa này tức là ý kinh quái lạ theo uyển diên đó là thảm trải đất, tức là vũ diên tục gọi là thảm lông, nhung có thêu, kinh văn viết chữ uyển vân thể chữ văn nghĩa đều quái lạ. Nay không theo sau đó truyện viết nghi chữ từ bộ thảo.

Cương bạn ngược lại âm trên cư lương sách Tập Huấn nói rằng: Dây cương ràng buộc con ngựa, sách Thuyết Văn viết chữ cương chữ hình thanh, từ bộ cách thanh cương ngược lại âm dưới bàn man sách Thuyết Văn nói bàn là dây buộc chân con ngựa (791) âm trấp ngược lại âm tri lập chữ viết từ bộ mịch thanh bán kinh văn viết từ bộ cách viết thành chữ ban là chẳng phải.

Áo nảo ngược lại âm trên áo hạo ngược lại âm dưới nhu lão sách Khảo Thanh nói: Áo nảo là đau khổ, oán hận, sách Tập Huấn nói rằng: Trong lòng oán kết, kinh văn viết chữ nùng tục dùng chẳng phải.

A-điều ngược lại âm cố tùy tiếng Phạm, không xắc âm nói đúng âm thâu hồi cư gọi là vô ưu ông vua vô ưu, không buồn não phiền, xưa dịch tên là vua A-dục.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn - Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 75

- Âm Đạo Địa Kinh một quyển - Huệ Lâm soạn.
- Tu Hành Đạo Địa Kinh sáu quyển - Huệ Lâm soạn.
- Bách Dụ Kinh bốn quyển - Huyền Ứng soạn.
- Bồ-tát Bổn Duyên Kinh ba quyển - Huyền Ứng.
- Đại Thừa Tu Hành Chư Yếu Tập ba quyển - Huyền Ứng.
- Phó Pháp Tạng Truyện sáu quyển - Huyền Ứng.
- Tọa Thiền Tam Muội Kinh ba quyển - Huệ Lâm.
- Phật Y Kinh một quyển - Huyền Ứng.
- Duy Viết Tạp Nam Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Phật Bát-mê Hoàng Ma-ha-Ca-diếp Phó Phật Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Bồ-tát Ha-sắc-dục Kinh một quyển - Huyền Ứng.
- Tứ Phẩm Học Pháp một quyển - Huệ Lâm.
- Phật Nhập Niết Bàn Kim Cang Lực Sĩ Ai Luyến Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Ca-chiên-diên Thuyết Một Tận Kệ Kinh một quyển - Huyền Ứng.
- Phật Trị Thân Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Phật Trị Ý Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Ngũ Môn THiền Yếu Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Đạt-ma-đa-thiền KInh hai quyển - Huyền Ứng.
- Thiền Pháp Yếu Giải Kinh - Huyền Ứng.
- Cựu Tạp Thí Dụ Kinh hai quyển - Huyền Ứng.
- Tạp Thí Dụ Kinh một quyển - Huyền Ứng.
- A-hàm Khẩu Giải Thập Nhị Nhân Duyên Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Tư Duy Yếu Lược Kinh một quyển - Huyền Ứng.
- Nội Thân Quán Dương Cú Kinh một quyển - Huệ Lâm.

- Pháp Quán Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Thiền Yếu Ha-dục Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Thập Nhị Du Kinh một quyển - Không.
- A-dục Vương Thí Dụ Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Tạp Bảo Tạng Kinh tám quyển - Huyền Ứng.
- Na-tiên-Tỳ-kheo Kinh ba quyển - Huyền Ứng.
- Thí Dụ Kinh mười quyển - Chưa âm.
- Tạp Thí Dụ Kinh hai quyển - Huệ Lâm.
- Tạp Thí Dụ Kinh một quyển - Không.

Bên phải ba mươi ba kinh bảy mươi bốn quyển đồng âm với quyển này.

ĐẠO ĐỊA KINH

Sa-môn Huệ Lâm soạn.

Trách cam lộ trên là chữ trách kinh văn sai lầm, sách nghi ngờ, cổ văn thiên tự mời các vị trí tuệ thẩm xét suy nghĩ chữ trách không có nghĩa.

Phiêu lạc ngược lại âm trên thất diệu sách Phương Ngôn nói rằng: Phiêu là nhẹ, giữa kinh sở gọi nhẹ là phiêu, kinh văn viết sai chữ lạc từ bộ nhân đến bộ lạc văn cổ viết chữ phiêu từ bộ nhân đến bộ tín đến bộ hỏa viết thành chữ phiêu là sách viết không hiểu tiện bút mà viết, từ bộ phiêu đó là rất sai, sách Thuyết Văn nói: Phiêu là nhẹ từ bộ nhân thanh phiêu nay tục biến đổi bộ hỏa là bộ tiểu.

Bất khả hộ ngược lại âm Ô-hô sách Khảo Thanh cho rằng: Dùng tay mà nắm giữ vật, chữ viết từ bộ thủ thanh hộ kinh văn viết đơn viết chữ hộ cũng thông dụng, từ bộ hoàn âm hoàn cũng từ bộ hưu văn cổ viết từ bộ thủ.

Trác mộc âm trên là trác sách Thuyết Văn cho rằng: Chim mổ thức ăn, chữ viết từ bộ khẩu thanh trĩ âm trĩ ngược lại âm sửu lục.

Mai mao ngược lại âm trên mỗi bôi Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mai là câu roi quất ngựa, âm dưới là mao sách Khảo Thanh cho rằng: Mao là con ngựa có lông xanh trắng lẫn lộn dài ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ tượng hình âm thông là âm thông đông.

Trì trù ngược lại âm trường lưu sách Thuyết Văn cho rằng: Trù là tính toán, vạch kế hoạch, chữ viết từ bộ trú thanh trú kinh văn viết từ kỳ viết thành trù là sách viết sai.

Tác chẩm ngược lại âm chi nhẩm sách Thuyết Văn cho rằng: Cỏ

khô làm gối kê đầu nằm, chữ viết từ bộ mộc thanh đam âm đam là âm dâm lại cũng từ bộ quynh đến bộ nhân.

Đảm một nhân ngược lại âm đa cam sách Khảo Thanh cho rằng: Đảm là gánh vác chữ viết từ bộ thủ thanh chiêm.

Trừ khổn ngược lại âm hồn khốn sách Thuyết Văn nói: Hổn là nhà xí, nhà vệ sinh, chữ viết từ bộ vi âm vi là âm vi bộ trĩ bên trong bộ vi.

Mô tử ngược lại âm mã ba gọi là con ểnh ương sống dưới nước, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh mạc hoặc là viết chữ mô.

Đãn khỏa ngược lại âm trên là đường la sách Khảo Thanh cho rằng: Y trên vai, theo Tả Truyện cho rằng: Bên vai lộ ra bày ra, sách Lễ Ký nói: Làm việc lao nhọc thì không bày vai ra, Trịnh Huyền cho rằng: Vai bên trái thì miễn không đắp y, sách Thuyết Văn viết bộ đàn đến bộ nhục viết thành chữ đàn giải thích cũng là lộ vai ra ngoài. Nay lại dựa theo Văn Thông Dụng cho rằng: Chữ viết từ bộ y ngược lại âm dưới lan quả sách Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ nhân viết thành chữ khỏa gọi là cởi y để lộ ra ngoài thân thể, tục âm hoa ngỏa hoặc là từ bộ thân viết thành chữ khỏa âm đều đồng, chữ hình thanh, trong kinh hai chữ đều từ bộ nhục đến bộ đản viết thành chữ đản là viết không thành chữ, trong tạng kinh cải sửa nghi theo đúng như trước chỗ nói.

Trường trảo ngược lại âm trang giảo cũng viết chữ trảo chữ tượng hình, kinh văn viết từ bộ thủ viết thành trảo này là chẳng phải âm giới là am kiết chẳng nghĩa của kinh văn.

Thỉ tân phát âm thỉ ngược lại âm thực nhĩ văn cổ viết chữ thỉ âm kế là chữ tân ngược lại âm tất sửu sách Thuyết Văn gò má giáp với tai và tóc, chữ viết từ bộ tiêu thanh tân, kinh văn viết từ bộ hiệt viết thành chữ tu là sai. Ngược lại âm dưới phiên miệt Văn Tự Tập Lược nói rằng: Tóc trên đầu, theo Văn Tự Điển nói trên đầu có tóc, chữ viết từ bộ tiêu thanh phát âm bạt ngược lại âm bà mạt.

Quan diệp âm trên là gian sách Khảo Thanh cho rằng: Quan loại cỏ may, loại cỏ này cái lá như mũi kiếm, chữ viết từ bộ thảo thanh quan.

Vô hữu lỏa ngược lại âm lang quả Tự Thư cho rằng: Quả của cỏ dây leo, sách Thuyết Văn cho rằng: Trên cây gọi là quả tức là trái, dây leo bò dưới đất gọi là lỏa chữ viết từ bộ thảo đều từ hai bộ qua viết thành chữ lỏa âm lỏa là âm du.

Phân thảm ngược lại âm tha cảm theo Mao Thi Truyện nói thảm là loại cỏ nhung, cỏ lau. Lại cũng gọi là áo lông mịn như thảm lông vậy,

chữ viết từ bộ thảo đến bộ đạm cũng là chữ hình thanh, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đạm là loại cỏ lông mịn, có màu sắc trắng xanh.

Tiệm nham ngược lại âm trên sào hàm theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tiệm là núi đá cao chót vót, hoặc là viết chữ sàm tiệm ba thể chữ đều tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới nhã hàm theo Mao Thi Truyện nói rằng: Nham là núi nhiều đá, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nham là núi cao mà hiểm trở, sách Thuyết Văn nói nham là vách núi, chữ viết từ bộ sơn thanh nghiêm hoặc là từ bộ thạch viết thành chữ nham tục tự dùng cũng thông dụng, văn cổ viết từ bộ phẩm viết thành chữ nham cũng thông dụng.

Điểu đoạt ngược lại âm đoàn hoạt nghĩa cũng đồng với chữ đoạt sách Khảo Thanh cho rằng: Chữ viết từ bộ phộc viết thành chữ đoạt đoạt giống như cưỡng lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh sung chữ đúng, biện luận hoặc gọi là đoạn giải, niễn, dưới văn kinh nói con chim thay đi bộ lông, âm tháp ngược lại âm đàm hợp.

Nhập hạm ngược lại âm hàm ảm sách Khảo Thanh cho rằng: Hạm là củi lớn, nhà lao, chuồng nhốt tội nhân chữ viết từ bộ mộc tham lam.

Tứ kích âm kiếu Tự Thư nói nước chảy gấp bắn lên tung tóe.

Phãn chi đây là hai câu và sau đó trong kinh văn viết huyết ky, lậu lạc v.v... nói đều là âm dương trong pháp số, nói ngày xấu gọi là người dịch kinh dẫn ra, nói là dụ hiển bày ý sâu xa.

Quát loát ngược lại âm trên quan quát Văn Thông Dụng nói: Lưỡi kiếm ngang gọi là quát ngược lại âm dưới thuyên quát Tự Thư cho rằng: Loát cũng là quát tức là cạo sạch, chà xát, chữ viết từ bộ đao đến bộ loát thanh tĩnh âm quát ngược lại âm ngoan hoạt âm thuyên ngược lại âm tóc tiên chữ viết từ bộ mộc thanh toàn.

Kiến âu ngược lại âm a hầu sách Phương Ngôn cho rằng: Cái chậu nhỏ đó gọi là âu chữ hình thanh. Nay kinh văn tương truyền từ bộ quốc viết thành chữ quắc tức là người viết sách viết sai lầm, lâu rồi rất là không có nghĩa gì, chữ viết từ bộ âu là đúng.

Cứ kinh ngược lại âm trên cự ngự sạc Khảo Thanh cho rằng: Có chỗ nắm giữ dựa vào mà đi gọi là cứ sách Vận Thuyên cho rằng: Bổng nhiên giựt mình, Tự Thư cho rằng: Lo sợ con ngựa nhảy chồm lên xe.

Dăng can ngược lại âm trên tằng hoàn ngược lại âm dưới du lãng hoặc gọi là can dăng hoặc là từ bộ bì viết thành chữ can văn Tự Tập Lược nói rằng: Trên mặt có nốt ruồi đen, hoặc là trên mặt có bệnh nổi chấm đen. Xưa dịch kinh văn viết chữ trạch cán rất là không có nghĩa lý gì, hoặc là người viết kinh sách sai lầm, hoặc là người dịch dùng chữ sai

lầm quái lạ. Nay lại sửa lại là can dăng người trí lại hiểu rõ.

Quán triệt ngược lại âm huynh viên cũng nghi ngờ chữ này chẳng huống chi nơi văn không có giải thích.

Giai ngọa ngược lại âm biểu muội sách Khảo Thanh cho rằng: Mặt hướng ra ngoài, hoặc là viết chữ bối cũng đồng.

Nùng huyết ngược lại âm nô đông theo Thanh Loại cho rằng: Bệnh ung thư máu mủ đã tràn ra ngoài, sách Thuyết Văn cho rằng: Sưng lên máu tu lại, chữ viết từ bộ huyết đến bộ nùng thanh tỉnh kinh văn viết chữ quán văn cổ.

Nghĩ táo ngược lại âm trên ngã cái Văn Tự Điển nói: nghĩ là ngăn chặn, chữ viết từ bộ mộc thanh nghi nay tục dùng từ bộ thạch viết thành chữ ngại hoặc từ bộ tâm viết thành chữ nghĩ cùng thông dụng, ngược lại âm dưới tao lão theo Mao Thi Truyện nói loại cỏ rong rêu mọc trong nước, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư nói rằng: Cỏ mọc trong nước, có vân vân đó theo Hàn Thi truyện nói: Nổi trên mặt nước gọi là táo tức là rong, chìm đó gọi là tần đều từ trong nước, cũng chỉ văn chương, văn vẻ đẹp, nét tô điểm cho đẹp loại rong này ẩn dưới loài cá, ba ba rùa ăn, hoặc ẩn náu, sách Thuyết Văn còn thiếu không nói hết.

Khãng khái ngược lại âm trên khang lãng ngược lại âm dưới khang cái sách Tập Huấn nói khãng khái đó là người tráng sĩ chi không được toạn nguyện, Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Quá tức tối, bực bội, Quảng Nhã cho rằng: Dựa vào hoặc là viết chữ khãng khái sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm đều là chữ hình thanh.

Diên di ngược lại âm trên tường diên sách Tập Huấn nói: Nước dãi trong miện, chữ viết từ bộ thủy đến bộ khảm trong kinh viết từ bộ dương viết thành chữ tiện là chẳng phải, âm dưới là di sách Thuyết Văn âm là thiên kế sách Khảo Thanh ghi cho rằng: Nghi ngờ e rằng chẳng phải.

Cứ phong ngược lại âm là cừ ngự văn trước đã giải thích rồi; Giả quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Mau chóng sách Thuyết Văn viết từ bộ tẩu thanh cứ kinh văn viết từ bộ thảo là chẳng phải.

Châm phong ngược lại âm trên dương nhậm tục dùng viết từ bộ thập viết thành chữ châm hoặc viết từ bộ trúc viết thành chữ châm sách Thuyết Văn nói dụng cụ cây kim may áo, ba thể chữ đều là chữ hình thanh, theo Thanh Loại cho rằng: Châm là cây kim đâm thẳng vào, kinh văn nói: Châm phong đó là người lúc sắp chết biến sanh một thứ gió đi trong thân thể, giống như cây kim đâm thẳng vào thân, thọ nhận các thống khổ.

Tủy dịch ngược lại âm trên tuy dinh sách Thuyết Văn nói tủy mở trong xương, chữ viết từ bộ cốt đến bộ tùy thanh tĩnh ngược lại âm dưới thiên diệc sách Vận Thuyên nói: Tủy đó là ở giữa xương nước vàng, người ta nói đến khi sắp chết, tủy biến làm dịch nước màu vàng, chảy ra cũng là chữ hình thanh.

Tất hiếp ngược lại âm trê tân thất âm dưới hương diệp văn trước âm nghĩa trong số độ giải thích đều là chữ hình thanh.

Tắc sáp ngược lại âm sâm tập sách Thuyết Văn nói không trơn, chữ viết từ bộ thủy đến bộ chỉ trên hai bộ chỉ đảo ngược, sách viết dưới hai bộ chỉ đúng thẳng, sách viết cho là ý nghĩa của chữ sáp, chữ hội ý. văn kinh viết từ bộ nhân đến ba bộ chỉ là chẳng phải, không thành chữ người viết sách viết sai.

Cốt cách ngược lại âm canh nghạch sách Khảo Thanh cho rằng: Xương của người chết, âm cửu ngược lại âm lâm cửu.

Xế chấn ngược lại âm chân nhiệt.

Như đăng diệt âm trên là đăng hoặc là viết từ bộ hỏa viết thành chữ đăng tục thường dùng Văn Truyện Thông Dụng nói văn đỉnh đỉnh tức là đăng là đèn, không chân gọi là đăng có chân gọi là đỉnh hoặc là từ bộ cũng viết thành chữ đăng hoặc là từ bộ ngõa viết thành chữ đăng đều là chữ cổ.

Sanh thủng ngược lại âm diêu dũng văn kinh viết từ bộ cốt viết thành chữ dũng là chẳng phải ý kinh không thành, chữ nghĩa hợp là chữ thủng nghi là sách viết sai lầm.

Như thục ô khư ngược lại âm khưu cữ Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nấu cháo lúa mạch gọi là khư chữ viết từ bộ mạch thanh khư chữ mạch từ bộ lai dưới là đến bộ duy âm duy là âm tuy.

Ngũ đóa ngược lại âm đương quả người đàn bà mang thai trong tinh tự phân tụ năm chỗ gọi là đóa hoặc gọi là ngũ bao kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ đóa là chẳng phải, đúng là từ bộ thổ thanh đóa hoặc là viết chữ đóa đều là văn cổ, đều đúng thể chữ, có lúc không dùng nhiều.

Lưỡng tân ngược lại âm tần mẫn sách Khảo Thanh cho rằng: Xương đầu gối, chữ viết từ nhục thanh tân hoặc viết từ bộ cốt viết thành chữ tân cũng thông dụng.

Trước hầu ngược lại âm trên là trường lược sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo đến bộ giả kinh văn viết từ hai bộ điểm dưới viết trước là sách viết thảo tục tự dùng cũng thông dụng, văn dưới viết chuẩn đây biết là âm hầu giải thích là yết hầu.

Trước hình ngược lại âm hình định sách Thuyết Văn cho rằng: Cẳng chân từ chân đến đầu gối, gọi là ống xương, xương ống quyển, chữ viết từ bộ nhục thanh hình.

Ổi lỗi ngược lại âm trên ô hối chữ thượng thanh, ngược lại âm dưới lôi ổi sách Khảo Thanh cho rằng: Xương nhiều tụ lại, chồng chất lên, kinh văn viết chữ ổi từ bộ quỷ viết thành chữ khối lỗi là sai, hoặc là viết chữ lỗi hoặc là viết chữ lỗi đều là chữ cổ.

Thọ phì âm phì sách Thuyết Văn viết cho rằng: Bệnh phong, chữ viết từ bộ tật âm tật ngược lại âm nữ ách thanh phi.

Bài xế ngược lại âm trên bại mai ngược lại âm dưới xương nhiệt gọi là phát bệnh phong.

Miệt lệ ngược lại âm trên miên tất sách Lã Thị Xuân Thu nói: Miệt là manh tức là mù, sách Thuyết Văn nói: Con mắt tối vì ghèn, chữ hình thanh ngược lại âm dưới liên kiết sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hộ đến bộ khuyển chữ hôi ý. Kinh văn viết từ bộ mục viết thành chữ lệ là chẳng phải.

Hoặc uyển chữ này các chữ trong sách đều không có chữ này chuẩn nghĩa hợp là chữ uyển ngược lại âm ô-hoàn chữ từ bộ thân viết đó là chưa rõ.

Hoặc đồi ngược lại âm đồ lôi người dịch kinh dùng sai, chữ viết từ bộ quỷ đến bộ chuy, đó là tên giống thú, đặc biệt là chẳng phải nghĩa của kinh, đúng hợp là từ bộ hiệt viết thành chữ đồi đồi đó là bụng nhỏ có bệng tật, cũng gọi là bệnh nhỏ có bệnh tật, cũng gọi là bệnh đường ruột sưng to lên, bệnh rơi xuống.

Khào huyết ngược lại âm khả cao sách Vận Thuyên nói rằng: Khào là xương tột cùng của xương sống, bên trong xương mông đít.

Tà quỷ thỉ ngược lại âm sĩ lợi Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Thần yêu đó gọi là thỉ mị tức thần ở đầm, ở núi, tục gọi âm là sửu lật chuyển thanh sai, sách Thuyết Văn cho rằng: Quỷ lệ tức quỉ thần cây bệnh tật, kinh văn viết hoặc là chữ thỉ đều thông dụng.

Chúc kỳ ngược lại âm trên là thục âm dưới là kỳ lại âm cự ký yêu tinh khác thường, sách ghi rằng: Chúc kỳ đó là loài quỷ ngang eo lưng nhỏ, ngược lại âm loài quỷ cũng là đi gây bệnh dịch.

Mỵ hư ngược lại âm trên mi bị hoặc là viết từ bộ vị viết thành chữ mỵ theo chữ đó là loại quỷ này có rất nhiều, hoặc là loài chồn, loài cáo, hoặc là các loại khác, hoặc là quỷ hoặc là thần, đều có thể làm mê hoặc người, ngược lại âm dưới là hư tức là hư hao quỷ làm cho hư hao, sách khác như sách Giai Uyển nói: Quỷ hư hao chỗ đến đâu là khiến

cho người ta tổn thất tài vật, kho lẫm chứa đều rổng không, cạn kiệt hết sạch, nên gọi là quỷ làm hư hao hình của loài quỷ này không phải là một giống như quái vật.

Khẩu trung thượng ngạc ngược lại âm ngã các sách Khảo Thanh cho rằng: Hầm ếch lợi răng trên, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ còn thiếu, sách hoặc là viết từ bộ xĩ viết thành ngạc sách Tập Huấn nói rằng: Trong miệng lợi răng trên, viết đúng từ bộ nhục thanh ngạc âm ngạc đồng với âm trên, cũng từ bộ khẩu đến bộ nghịch âm nghịch là âm nghịch. Nay tục viết từ bộ tử viết thành chữ ngạc kinh văn viết chữ hoắc âm hoắc ngược lại âm hồ quách ý kinh quái lạ, cho nên nay sửa đổi lại không lấy nghĩa này.

Túc thuyên ngược lại âm thù nhuyển sách Thuyết Văn cho rằng: bụng bắp chân, hoặc từ bộ túc viết thành chữ thuyên hoặc là viết chữ duyên âm đều đồng thể chữ có khác đó là các nhà nho không thể ghi nhớ hết, nên ý con sơ suất, hoặc là viết từ bộ túc sau đó người ta bắt chước theo thói quen chuyên dùng, cho nên không đích xác. Nay đều tùy theo mà dùng vậy.

Thỉ lợi ngược lại âm thực nhỉ dùng sai chữ, sách Thuyết Văn nói: Lấy lưỡi liếm lấy vậy, viết đúng từ bộ dị viết thành chữ dị hoặc là viết chữ đà đều đúng thể chữ, Tự Thư hoặc là viết chữ thỉ đều tục dùng thông dụng, đều chữ cổ.

Thị điềm ngược lại âm trên thời lợi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ưa thích ngọt không nhàm đủ, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kỳ là tham, sách Thuyết Văn nói muốn, chữ viết từ bộ khẩu thanh kỳ ngược lại âm dưới diệp kiêm Quảng Nhã cho rằng: Điềm là ngọt, sách Thuyết Văn nói ngon, chữ viết từ bộ cam đến bộ thiệt chữ hội ý cũng viết chữ điềm đều dùng thông dụng.

Tiên tháp ngược lại âm trên tiền diển Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Chiếc xe lăn cán đạp lên, lại gọi là tiên đó là mang giày dép giẫm đạp lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh tàn âm tàn là âm tàn ngược lại âm dưới đàm hạp Cố Dã Vương nói: Tháp là đá, Quảng Nhã cho rằng: Mang giày dép đạp lên, sách Thuyết Văn nói đạp giẫm lên chữ viết từ bộ túc thanh tháp âm tháp là âm náp, kinh văn viết chữ tháp là chẳng phải.

Trì kiềm ngược lại âm dưới liểm chiêm sách Phương Ngôn nói: Từ quan ải mà đến cửa tây gọi là kiềm là lưỡi liềm cắt gặt lấy vật, dụng cụ của nhà nông, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh kiêm kinh văn viết chữ kiềm tục dùng thông dụng.

Độc lâu ngược lại âm trên đồng lộc ngược lại âm dưới lặc hầu Bì Thương cho rằng: Xương đầu sách Thuyết Văn nói xương trên đỉnh đầu chữ viết từ bộ cốt chữ hình thanh, kinh văn viết từ bộ hiệt viết thành chữ độc lâu tục dùng chữ cũng thông dụng, nhưng chẳng phải chánh thể.

Ố lộ ngược lại âm trên ô cố Cố Dã Vương cho rằng: Ố giống như là ghét, Ngọc Thiên nói ố lộ là tiết ra nước là không che đậy lại, chữ hình thanh, kinh văn viết từ bộ nhân viết thành viết ố lộ tục tự cho rằng chẳng phải thể đúng.

Y hức trên là chữ y kinh văn viết đơn chữ y là chẳng phải, chuẩn hợp nghĩa từ bộ nhân viết thành chữ y ngược lại âm dưới hu vực sách Chu Lễ cho rằng: Hức chỗ gọi là nước chảy thông ra sông, sách Thuyết Văn cho rằng: Mười dặm là bờ mương, bờ mương rộng tám thước, sâu tám thước gọi là hức tức ống cống rảnh nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh huyết hức cũng là cấu tức bờ mương.

Bệnh sâm ngược lại âm sơ cẩm lục cỏ Hán cao tổ gọi là công, tụng là mang mang vũ trụ thương sâm gọi là trời đất vũ trụ mịt mù, xa xăm, thượng xâm hạ độc, trên thấm nước dưới đen ngòm, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ thổ thanh sâm kinh văn viết từ bộ thạch cũng thông có khi cũng dùng.

****

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

(Quyển thứ nhất cùng với quyển sau Tu Hành Đạo Địa cũng đồng một kinh)

Đại giảo văn cổ viết chữ xác cũng đồng, ngược lại âm cổ học sơ lược Quảng Nhã cho rằng: Giao giống như rõ ràng, cũng là so sánh.

Trọng tài ngược lại âm tử lai tài là trồng trọt thời nay gọi là trồng cây cỏ, gọi là tài đây gọi là cây có thể đoạn, chặt cũng có thể trồng trở lại.

Biển ngược lại âm bổ hiển cổ nhân nói người lương y họ trịnh theo Hán Thư Vi Thiệu nói: Người to lớn như núi, mà cũng nhỏ như cây sậy cây lau. Gọi vượt qua con người thời nhà Ngụy hoàng hậu là nghề thuốc.

Thương đầu sách Hán Thư nói: Thương Đầu Ứng Thiệu nói: Nhà

Tần gọi đan là kiềm thủ kiềm tức là đen, tức là đầu đen, nô lệ gọi là thương đầu chẳng thuần là đen là tên gọi khác bọn dân đen.

Mất mạo ngược lại âm ư vật sách Nhĩ Nhã cho rằng: Uất hơi cũng gọi là buồn suy nghĩ, ngược lại âm dưới văn cổ viết chữ mạo hai chữ tượng hình, nay viết chữ mạo cũng đồng, ngược lại âm mạc hiệu gọi là dung mạo, cũng thấy rõ tướng mạo. Lại cũng viết chữ mạo gọi là huyển mạo ngược lại âm mạc báo kinh văn viết chữ mạo là che đậy, mạo là chữ giả tá.

Chư tạng ngược lại âm tài lãng gọi là chỗ cất chứa, giống như kho lẫm để chứa, con người có ngũ tạng, gọi là Can, phế, tỳ, tâm, thận. Văn kinh viết chữ triết là chẳng phải.

Thấm nhân ngược lại âm trắc cấm Quảng Nhã cho rằng: Thấm là hủy nhục, cũng gọi là gièm pha nói xấu hại người. Lại cũng gọi là chê bai gọi là thấm.

Tri thù văn cổ viết chữ tri thù hai chữ tượng hình cũng đồng, âm tri thù con nhện giăng tơ. Kinh văn viết chữ triết là chẳng phải.

Thấu hầu lại viết chữ thấu cũng đồng, ngược lại âm sở trứu gọi là thấu tức uống vào kinh văn viết chữ số tục dùng thông dụng.

Đồng hiện ngược lại âm trúc dụng đô đồng hai âm, Văn Thông Dụng cho rằng: Nhủ trấp gọi là đồng tức là sửa, nay người Giang Nam cũng gọi sửa là đồng kinh văn viết chữ đồi ngược lại âm nô tội là chẳng phải.

Ngân sài kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ ngân sai hai chữ tượng hình này sai.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 2

Bôn tẩu văn cổ viết chữ bôn nay viết chữ bôn cũng đồng, ngược lại âm âm bổ môn sách Nhĩ Nhã bôn tẩu là chạy, cũng gọi là chạy nhanh.

Bàn kiết ngược lại âm bạc hàn sách Quảng Nhã cho rằng: Bàn là rồng uốn khúc, uyển chuyển uốn lượn.

Cấm giới ngược lại âm cự cẩm ngược lại âm dưới hồ giới sách Thuyết Văn cho rằng: Giới là răng mọc đều nhau, sách Phương Ngôn cho rằng: Giới là phẩn nộ, Quách Phác cho rằng: Nói ngậm miệng là

lòi răng ra.

(793) Quan vi ngược lại âm hồ quan theo Mao Thi Truyện nói: Cây cỏ mọc hoang sơ gọi là vi cũng gọi là cây lau sậy, đến mùa thu là trổ bông, thì gọi là quan đến mùa hạ nhỏ lại mềm yếu gọi là vi chưa trổ bông sau đó mới trổ bông gọi là quan ngược lại âm ngũ hoạn.

Phi điểu ngược lại âm bổ vi nói chim bay lên cao. Kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ phi là sai.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 3

Tông giải ngược lại âm tử tống tông là gộp, sửa chửa chỉnh lý, sách Thuyết Văn cho rằng: Tông là đầu mối sợi chỉ gọi là giềng mối nắm giữ dệt sợi nọ với sợi kia, có hoa văn đường nét dệt cho ngay thẳng.

Nguyên đà ngược lại âm ngư viên loài bò sát giống như con ba ba, mà lớn hơn, ngược lại âm dưới đồ hà giống như con rắn mối mà dài một trượng, có vảy có màu sắc tức là cá sấu. Kinh văn viết chữ nguyên đà hai chữ tượng hình điều chẳng phải thể.

Như miến ngược lại âm mạc biến nói rằng: Chưa nát vụng như bột mì, kinh văn viết chữ miệt thanh miệt đó là sai lầm.

Phanh trực ngược lại âm bổ canh gọi là búng dây nẩy mực gọi là phanh kinh văn viết chữ phanh tức là vải lụa không có văn màu đó chẳng phải nghĩa đây dùng.

Thiết vương ngược lại âm cự vương Văn Thông Dụng nói: Sợi dây buộc để kéo xe gọi là vương vương cũng là nối theo hổ tương với nhau, âm tao ngược lại âm tang lão âm hổ là âm hộ.

Phiền chi lại viết chữ phiền cũng đồng, ngược lại âm phò viên thêm lửa vào gọi là phiền phiền cũng là thiêu đốt làm cho khô.

Thiết uyển chữ uyển ngược lại âm sơ nhãn gọi là lấy tim tre nhọn xỏ xâu thịt đem đi nướng, tiêm ngược lại âm thả liên.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 4

Trào thuyết văn cổ viết chữ trào nay viết điều cũng đồng, ngược

lại âm trắc giao lại Thiên Thương Hiệt ghi xung quanh đều làm trò vui đùa bởn cợt với nhau.

Tương tranh lại viết chữ tranh ba chữ tượng hình đều đồng, ngược lại âm trượng canh gọi là va chạm với nhau, tranh cũng gọi là va vào cây cột.

Bất tư lại viết chữ tư cũng đồng, ngược lại âm tử tư tư là đánh giá, độ lượng, sách Thuyết Văn nói: Tư là suy nghĩ, kinh văn viết chữ tư là tài sản riêng tư chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tương khái văn cổ viết chữ khái cũng đồng, ngược lại âm cổ ngại Quảng Nhã cho rằng: Khái là chà xát, khái là thanh gỗ ngang gạt cho bằng, gọi là thanh gạt cgho bằng khi đong lường gọi khái.

Cửu thiều lại viết chữ bỉ cũng đồng, ngược lại âm thị chiêu tên nhạc thời vua Thuấn, thiều cũng là thừa kế, nói vua Thuấn có thể thừa kế đức của vua Nghiêu, sách Thượng Thư nói: Ống tiêu thiều có chín lỗ mà thành nhạc.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 5

Hộ thảo ngược lại âm ư hổ Quảng Nhã cho rằng: Nắm giữ. Tây Kinh Phú Truyện nói rằng: Thu hoạch được, nói là săn bắt, nắm giữ được niền mới nước hồ tân, lại gọi là nắm giữ lấy âm tạm là âm sàm.

Xưng chùy ngược lại âm trực nguy Quảng Nhã cho rằng: Chùy là quyền tức là quả cân, sách Phương Ngôn nói: Chùy là quả cân nặng, đời Tống Lỗ gọi là chùy.

Si chư ngược lại âm xích chỉ âm dưới là trắc ư gọi si căng ra noid người này, si căng lớn như con lợn vậy.

Bác yểm sách Toán Văn gọi là bác là lục bát, dùng sáu chiếc đũa, sáu con cờ gọi là lục yểm, gọi là đè xuống bốc lên, đè đồng tiền nhảy lên làm trò vui, cũng gọi đánh bạc tục gọi là xạ số, hoặc gọi là xạ ý.

Lịch tư ngược lại âm lực đích ngược lại âm dưới tang hề Văn Thông Dụng cho rằng: Dụng cụ tra khảo kẻ tù tội gọi là lịch tư. Tự Lâm nói đè chận ép ký tên vào.

Luyến luyến ngược lại âm lực chuyển gọi là thịt cắt thành miếng lớn đó là kích cắt thành miếng nhỏ đó gọi là nhục luyến kinh văn viết chữ liên chữ liên là chẳng phải âm kích ngược lại âm trắc sư.

Bộ diêu Thích Danh cho rằng: Trên có rủ xuống hạt châu bước đi thì lắc lư dao động, kinh văn viết chữ quỳnh diêu chữ diêu là chẳng phải.

Kiết thảo ngược lại âm cổ bát sách Thượng Thư nói: Ba trăm dặm lại có cái chòi rơm, nhà tranh lộ bằng rơm rạ. Khổng An Quốc nói: Kiết là cây khô chòi tranh để cho người phục dịch ở,

Hồ khẩu lại viết chữ di cú ngược lại âm hộ cô sách Phương Ngôn nói: Hồ khẩu là ăn nhờ, giữa Giang Hoài gọi là đi kiếm sống nơi phương xa là hồ sách Nhĩ Nhã nói rằng: Hồ là cháo đặc, Quách Phác chú giải rằng: Tức là cháo, âm chiên là âm chi nhiên.

- Quyển 6 không có âm giải thích.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH

(Quyển thứ nhất trùng tu không lược lại cùng với quyển trước đồng một kinh - Huệ Lâm soạn.)

Chiếu ngụ ngược lại âm ngũ cố theo Mao Thi Truyện nói ngụ là ngũ tỉnh dậy, kinh văn viết chữ ngụ là sai.

Manh minh ngược lại âm trên mạc canh sách Thuyết Văn nói: Manh đó là con mắt không có con ngươi, chữ viết từ bộ mục thanh chỉ âm dưới là mạc đinh Mao Thi Truyện nói minh là ban đêm tối tăm, kinh văn viết chữ minh tục tự dùng thông dụng.

Đại giảo ngược lại âm giang nhạc sách Bát Nhã nói so sánh hơn kém, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh giao.

Cơ vi ngược lại âm ký hy Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cơ cũng là vi nay Tự Thư phần nhiều không theo bộ mộc viết đơn chữ cơ ngược lại âm dưới vĩ phi kinh văn viết chữ vi là chẳng phải, viết đúng là chữ vi không theo người.

Triếp chánh ngược lại âm trắc diệp Hán Thư nói: Triếp là chuyên, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ xa thanh triếp kinh văn viết chữ triếp là chẳng phải âm triếp ngược lại âm trắc diệp.

Kiêu mạn ngược lại âm kiêu kiều ngược lại âm dưới là man biện kinh văn viết chữ kiêu là chẳng phải. Lại cũng viết chữ kiêu.

Tứ cù ngược lại âm cụ câu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cù là đường lớn thông đạt bốn phía, sách Thuyết Văn viết từ bộ hành thanh cù.

Điêu thứu ngược lại âm điểu liêu sách Khảo Thanh cho rằng:

Điêu giống như chim ó. Loài mảnh cầm giống diều, sách Mục Thiên Tử truyện nói: Gọi tên chung những giống chim hung dữ, lại cũng viết chữ điêu âm dưới là tựu kinh Sơn Hải nói: Tên của loài chim thứu, còn một tên nữa là man viết đúng là chữ man.

Mao mã âm trên mao Tự Thư đều nói không có chữ này, tự điển phần trung cũng không nói tới loài ngựa này. Bởi vậy vua Chuyển Luân Thánh Vương nói là con ngựa báu, lông màu cam xanh dài, giống như lông đầu con thú, cũng giống như lông con voi, lông dài cho nên gọi tên ngựa lông.

Trừ hổn ngược lại âm hồn khổn sách Bát Nhã nói: Hổn là chỗ nước đục dơ bẩn, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ mộc thanh hổn âm hổn đồng với âm trên.

Chỉ bể ngược lại âm dưới bể nhị sách Thuyết Văn cho rằng: Xương đùi ngoài, cũng viết chữ tất chữ viết từ bộ cốt thanh.

Khỏa tiển ngược lại âm trên hồ ngõa Mạnh Tử nói rằng: Khỏa để lộ thân thể ra ngoài, cũng viết là chữ khỏa hoặc là viết chữ loa ngược lại âm dưới tiên điển sách Thuyết Văn nói: Tiển là chân thân với đất, tức là đi chân trần không mang giày dép, chữ viết từ bộ túc thanh tiển.

Tróc duệ ngược lại âm diên tiết sách Khảo Thanh nói: Duệ là lôi kéo, dẫn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ âm duệ ngược lại âm dĩ lao âm đà ngược lại âm thác hà.

Số tác ngược lại âm song tróc kinh văn viết chữ sổ tục dùng thông dụng.

Đoàn vũ ngược lại âm đoạt loan.

Nhiếp đạo ngược lại âm ni triếp sách Thuyết Văn nói: Dược cũng là đạo tức là nhảy lên, chữ viết từ bộ túc thanh nhiếp kinh văn viết chữ niếp tục dùng cũng thông dụng, âm nhiếp đồng với âm trên, ngược lại âm đào đáo, sách Thuyết Văn nói: Đạo là giẫm đạp lên, chữ viết từ bộ túc thanh đạo cũng đồng âm dưới.

Tháp đạo ngược lại âm đàm lạp kinh văn viết chữ tháp là chẳng phải, sách Thuyết Văn nói: Tháp là giẫm đạp lên, chữ viết từ bộ túc thanh tháp âm tháp ngược lại âm tham hạp.

Bát xế ngược lại âm trên bác mạt ngược lại âm sất chế kinh văn viết chữ xế là chẳng phải.

Nhãn tiệp ngược lại âm tiềm thiếp.

Đạo khấu ngược lại âm thổ đao sách Khảo Thanh nói: Móc lấy sâu hoặc là viết chữ đào sách Thuyết Văn nói viết từ bộ thủ thanh thao âm khấu là âm khẩu.

Đa nhiễm ngược lại âm nhiễm hiền sách Thuyết Văn nói: Cấu nhiễm chìm đắm trong cấu nhiễm, chữ viết từ bộ tu thanh nhiễm kinh văn viết nhiễm cũng thông dụng.

Cổ đạo âm trên là cổ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cổ là loài trùng có độc, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh mảnh.

Bì bác ngược lại âm trên bị bi sách Khảo Thanh cho rằng: Bì cũng là bác kinh văn viết từ bộ đao viết thành chữ bì tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới bang giác sách Hạ Tiểu Sở nói rằng: Bác là lột da ra bóc ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: Khắc dấu, chữ viết từ bộ đao thanh bác.

Diên trực ngược lại âm thức liên theo Mao Thi Truyện nói rằng: Diên là câu gỗ dài, sách Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mộc thanh diên.

Chiên hựu ngược lại âm trên chi thiện âm dưới là hựu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Chiên là cái đầu không ngay thẳng, sách Thuyết Văn nói hựu là cái đầu lắc lư, đầu bị bệnh, chữ viết từ bộ tật thanh hựu.

Quá bổng ngược lại âm trên trác qua theo Thanh Loại cho rằng: Quá là đánh bằng chày, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh quá ngược lại âm dưới bao giảng sách Khảo Thanh cho rằng: Bảng là đánh, chữ viết từ bộ mộc thanh phụng.

Ngũ pháo sắc ngược lại âm bao mạo sách Thuyết Văn nói: Thân sanh nóng nhiệt nổi mụt nhọt, cũng viết chữ pháo chữ viết từ bộ bì thanh bao.

Trước khoan ngược lại âm hoạt hoàn Quảng Nhã cho rằng: Khoan là xương tận cùng của xương sống, mong đít, âm đồn ngược lại âm đồn côn âm khào ngược lại âm khảo cao cũng viết chữ khoan.

Thuyên cốt ngược lại âm thù nhuyển sách Thuyết Văn nói: Thuyên là bắp chân. Bụng của bắp chân, chữ viết từ bộ nhục thanh đoan cũng viết chữ duyên âm phì ngược lại âm phù phi âm trường là âm trường âm đoan ngược lại âm đoản loan.

Thỉ niệu ngược lại âm thi chỉ Tự Thư cho rằng: Thỉ là phân cức, viết đúng là chữ khuẩn kinh văn viết chữ thỉ tục dùng cũng thông dụng, ngược lại âm dưới nô điếu sách Thuyết Văn nói: Tiểu tiện, tức là đi vệ sinh, cũng viết chữ niệu tục viết chữ niệu là chẳng phải.

Châm chủy ngược lại âm trấp lâm sách Thuyết Văn nói: Châm là kim may vá, chữ viết từ kim thanh hàm cũng viết chữ châm ngược lại âm dưới tức tủy Tự Thư nói: Cái mỏ con chim, cũng viết chữ chủy kinh

văn viết chữ chủy tục dùng thông dụng.

Tháo diên ngược lại âm thác ngoa sách Thuyết Văn nói: Thóa là trong miệng nhổ nước dãi ra, chữ viết từ bộ khẩu thanh thùy cũng viết chữ thóa ngược lại âm dưới tiện diên sách Khảo Thanh nói diên là nước dãi trong miệng, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh khiếm kinh văn viết chữ diên tục dùng cũng thông dụng.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH QUYỂN 2

Tích lịch ngược lại âm trên tứ mịch ngược lại âm dưới linh đích sách Nhĩ Nhã nói rằng: Tích lịch là tiếng nổ sấm sét, kinh văn viết chữ tích lịch tục dùng cũng thông dụng.

Hóa cầu ngược lại âm củ ngu sách Bát Nhã nói: Cầu là phương pháp, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh cầu.

Bàn kiết ngược lại âm bán can sách Bát Nhã nói: bàn là con rồng uốn khúc, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ trùng thanh phiên.

Đa trứu ngược lại âm trâu sưu sách Khảo Thanh cho rằng: Trứu là da tụ lại, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ bì thanh sô kinh văn viết chữ trứu tục tự dùng cũng thông dụng.

Cấm giới ngược lại âm cập cấm sách Sở từ nói rằng: Cấm là ngậm miệng lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh cấm.

Nga mâu ngược lại âm trên ngã khả Cố Dã Vương cho rằng: Nga hình nó giống như chim nhạn người ta thường nuôi trong nhà, tức là con ngổng, sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh ngã âm dưới là mộc sách Nhĩ Nhã nói: Mâu là tên gọi khác của con vịt, sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh mâu.

Quán vi ngược lại âm hồ loan Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Quán cũng là vi sách Thuyết Văn viết từ thảo thanh quan âm đồng với âm trên, kinh văn viết chữ quán là chẳng phải, ngược lại âm dưới vi quỉ sách Thuyết Văn nói: Vi là câu lau sậy chữ viết từ bộ thảo thanh vi.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 3

Ủy di ngược lại âm trên ủy vi ngược lại âm dưới đồ hà.

Bôn tẩu ngược lại âm bổn môn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bôn cũng là tẩu tức là chạy trốn, cũng viết chữ bôn Hán Thư viết chữ bôn.

Lộc bưu ngược lại âm dưới ty diêu sách Thuyết Văn cho rằng: Bưu (794) là một bầy chó chạy.

Mạo tuyệt ngược lại âm trên mạo mạo tuyệt theo ý kinh mạo là sầu muộn không có chỗ biết, buồn vô cớ.

Toàn xuyên ngược lại âm toán quan sách Mạnh Tử nói rằng: Toàn là cây đục, đục xuyên qua có lổ hổng, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ kim thanh toàn âm dưới là xuyên.

Quá bàng ngược lại âm trên trác qua sách Thuyết Văn nói rằng: Quá là đánh nện cũng viết chữ ngõa ngược lại âm dưới bạch canh sách Thuyết Văn cho rằng: Bàng là đánh bằng roi, chữ viết từ bộ thủ thanh bàng.

Quán ngược lại âm quan uyển lại cũng âm cổ hoán Cố Dã Vương cho rằng: Phàm tẩy rửa vật đều gọi là quán sách Thuyết Văn cho rằng: Quán là rửa tay, chữ viết từ bộ mảnh đến bộ cửu đến bộ thủy kinh văn viết chữ quán là chẳng phải.

Phanh thân ngược lại âm ban manh sách Khảo Thanh cho rằng: Phanh là búng ngón tay, gãy đàn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh biện kinh văn viết chữ phanh tục dùng thông dụng.

Nhược trách ngược lại âm trắc giá sách Vận Thuyên cho rằng: Trách là thuộc nan tre. Ống tre chữ viết từ bộ trúc thanh sạ âm đồng ngược lại âm sở trứu.

Bể nghê ngược lại âm trên sơ kế âm dưới nghê kế sách Thuyết Văn cho rằng: Bi nghê là nhìn nghiêng, chữ viết từ bộ nhục đều thanh ty nhi.

Trách kỳ ngược lại âm trên trắc cách sách Khảo Thanh cho rằng: Trách là căng ra, sách Bát Nhã cho rằng: Giết mà xé cánh tay ra gọi trách sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thạch thanh kiệt kinh văn viết chữ kiệt tục tự dùng cũng thông dụng, âm kiệt.

Châm chủy ngược lại âm chi lâm hoặc là viết chữ châm ngược lại âm dưới tức tủy cũng viết chữ chủy kinh văn viết chữ chủy chẳng phải chữ.

Thiết sản ngược lại âm thiên kiết ngược lại âm dưới xác nhãn

sách Bát Nhã cho rằng: Sản là rẩy bỏ, tước lột, cũng viết chữ sản gọi là diệt sạch sang bằng, chữ viết từ bộ kim thanh sản.

Y sao ngược lại âm sở giao sách Phương Ngôn nói: Sao là cướp đoạt, cưỡng lấy vật cũng viết chữ sao.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 4

Tỏa trảm ngược lại âm trên thô hóa sách Khảo Thanh cho rằng: Tỏa là chặt chém ra từ mảnh nhỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh tọa kinh văn viết chữ tỏa là chẳng phải, âm dưới trắc giảm sách Khảo Thanh nói: Trảm là chặt đốn. Sách Thuyết Văn nói: Diệt sạch chữ viết từ bộ cân thanh xa.

Kỳ hội ngược lại âm trên cự nghi Bì Thương cho rằng: Kỳ là ngọc báu quí trọng, viên ngọc đẹp cũng gọi là ngọc quí hiếm, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh kỳ ngược lại âm dưới cốt hồi Tự Thư nói: Hội là ngọc xấu kém giống như đá, Bì Thương cho rằng: Ngọc quý hiếm, sách Thuyết Văn nói: Viên ngọc tròn tốt đẹp, chữ viết từ bộ ngọc thanh hội kinh văn viết chữ hội tục dùng thông dụng, cũng viết chữ hoài cũng viết chữ khôi.

Ngu ngai ngược lại âm trên ngu câu ngược lại âm dưới nhai giai Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Ngai là ngu, sách Tập Huấn cho rằng: si chữ viết từ bộ mã thanh ngai.

Phù nhạn ngược lại âm trên phụ phù sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thư phù tên gọi khác nữa là thu cũng thuộc loại vịt, tức là con le le, chữ viết từ bộ điểu thanh kỹ.

Quyển đã ngược lại âm quỳ viên cũng viết chữ quyền sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh quyến.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 5

Hoạch thảo ngược lại âm trên hoàng quách sách Thuyết Văn cho rằng: Hoạch là cắt gặt thâu gom đem về chữ viết từ bộ mộc đến bộ

hoạch thanh tĩnh.

Liềm nghệ ngược lại âm trên kiểm diêm sách Thuyết Văn cho rằng: Liềm là dụng cụ như cái liềm để cắt gặt lúa đem về nhà, một tên gọi khác nữa khiết ngược lại âm khẩu kiết chữ viết từ bộ kim thanh liêm cũng viết chữ trác ngược lại âm ngư khế.

Lạc đà âm trên là thác ngược lại âm dưới đồ hà kinh Sơn Hải nói rằng: Lạc đà trên lưng nó gù lên cục thịt, kham vác nổi ngàn cân biết chỗ có suối nước, tục gọi lạc đà.

Nguyệt nhĩ ngược lại âm nguyên quyết sách Khảo Thanh cho rằng: Nguyệt là tên của loại hình phạt, sách Chu Lễ cho rằng: Chặt chân, kinh văn viết chữ liệt tục ngữ đều không dùng chữ này.

Áp già ngược lại âm dưới giá dã sách Vận Thuyên nói rằng: Loại chim đa đa, loại chim lưng màu tro xanh có chấm đen.

Tiều quý ngược lại âm trên tức diêu ngược lại âm dưới quỉ quý sách Thuyết Văn nói: Tim đập mạnh vì sợ hãi. Chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Chí kiêu ngược lại âm trên xĩ chi ngược lại âm dưới hiểu nghiêu Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Chí kiêu là loài chim tiếng kêu của nó rất ghê sợ, sách Thuyết Văn nói: Loài chim bất hiếu.

Thô lược ngược lại âm trên là thương hồ ngược lại âm dưới cường lượng Tự Thư cho rằng: Lược là dụng cụ bắt lấy loài chim thú, chữ viết từ bộ cung thanh kinh.

Luyến hạt ngược lại âm lực chuyển Tự Lâm cho rằng: Luyến là cắt thịt mỏng, chữ viết từ bộ nhục thanh luyến âm luyến ngược lại âm lực viên ngược lại âm dưới can khác sách Bát Nhã cho rằng: Lấy dao cắt vật.

Mộc tiết ngược lại âm tiên kiết sách Thuyết Văn nói: Tiết là dụng cụ mở cây ra tức là vật để niêm, chữ viết từ bộ mộc thanh tiết.

Đầu phách ngược lại âm thất mịch sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy dao mà phá bổ tách vật ra, chữ viết từ bộ đao thanh tích.

Như ngoan ngược lại âm ngũ hoàn tên loài rắn.

TU HÀNH ĐẠO ĐỊA KINH
QUYỂN 6

Hãn thanh ngược lại âm trên hàn thả sách Thuyết Văn cho rằng:

Hãn là nằm ngủ tiếng ngáy, chữ viết từ bộ ty thanh can.

Thủ quấc ngược lại âm quỉ bích lại cũng là âm quỉ hoặc hai âm đều thông, Tự Thư cho rằng: Dùng móng tay cào giữ lấy.

Hữu hoàng ngược lại âm ô quang xưa nay Chánh Tự cho rằng: Ao nước lớn, sách Khảo Thanh cho rằng: Ao nước không chảy, sách Thuyết Văn viết đúng chữ hoàng từ bộ thủy thanh hoàng.

Tùy đoàn ngược lại âm trực truy ngược lại âm dưới đoan loạn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đoàn là đánh, rèn luyện, cũng gọi là đánh ném, sách Thuyết Văn viết chữ từ bộ kim thanh đoàn.

****

BÁCH DỤ TẬP KINH

- Quyển 1, 2, 3 trên Huyền Ứng đều không có âm.

QUYỂN 4

Yểm mể ngược lại âm ô cảm Tự Lâm nói rằng: Yểm là ăn gọi là hướng về cái miệng, gọi là yểm âm đạm ngược lại âm đồ cảm.

Đam tam Thiên Thương Hiệt ghi sam cũng đồng, ngược lại âm tô nam gọi là lông rủ xuống, Văn Thông Dụng cho rằng: Lông dài lòa xòa gọi là tam tam.

****

BỒ TÁT BỔN DUYÊN KINH

Huyền Ứng soạn

QUYỂN 1

Hoăng vẫn ngược lại âm hồ hoằng Quảng Nhã cho rằng: Hoăng là mất, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hoăng là chết chư hầu chết gọi là hoăng.

Kháng ngự ngược lại âm ngư lữ ngự là đương đầu phòng ngự Mao Thi Truyện nói: Cấp cho gọi là có phòng ngự để khinh nhờn, theo truyện nói rằng: Vỏ thần bẽ gãy phòng ngự gọi là chống đở khinh lờn.

Quỹ địa văn cổ viết chữ quỹ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cư mỹ Quảng Nhã nói là quỹ là vết tích của bánh xe, sách Thuyết Văn nói: Vết bánh xe, sách Quốc Ngữ nói: Quỹ là pháp tắc.

Thủy độc ngược lại âm đồ đấu sách Khảo Công Lý nói rằng: Thác nước trên núi cao ba thước, Trịnh Huyền cho rằng: Đường nước chảy trong cung, tức là cống rảnh, khoét đào, rổng, trống.

Tài hối văn cổ viết chữ hối cũng đồng, ngược lại âm hồ tội Văn Thông Dụng nói rằng: Tài sản của cải, vải vóc gọi là hối sách Chu Lễ nói rằng: Thông với hàng hóa của cải, Trịnh Huyền cho rằng: Vàng ngọc và vải vóc tơ lụa gọi là hối.

BỒ TÁT BỔN DUYÊN KINH
QUYỂN 2

Ách uyển lại viết chữ cách cũng đồng, ngược lại âm ư trách sách Thuyết Văn nói: Cách là nắm giữ, nắm trong tay nhiều gọi là ách Quảng Nhã cho rằng: Ách là nắm giữ.

Nhuận động ngược lại âm nhi luận sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt nháy nhiều lần, liếc mắt, kinh văn viết chữ nhu là chẳng phải thể.

Hắc trùng ngược lại âm man bắc sách Phương Ngôn cho rằng: Người phương bắc gọi con dơi là thức hắc trong nước Thục gọi ba bắc từ Quan Đông đều gọi là phục dực Quan Tây gọi là biến bức.

BỒ TÁT BỔN DUYÊN KINH
QUYỂN 3

Giác trương ngược lại âm cổ nhạc gọi là trái ngược không thuận theo kinh văn viết từ bộ mục viết thành cảnh giác là chẳng phải.

Phất uất ngược lại âm phụ vật phất uất là trong lòng không yên, ý cũng không thư thã, tức giận, buồn rầu.

Khanh giáo ngược lại âm cổ hiệu sách Thuyết Văn nói: Hầm đất đào xuyên qua đất làm hầm chứa ngũ cốc.

****

ĐẠI THỪA TU HÀNH TÁT HẠNH MÔN CHƯ KINH YẾU TẬP (3 QUYỂN)

Bên phải một kinh này đều sao chép trong đại tập trước v.v... các kinh Đại Thừa văn trước trong bổn kinh, đều đã âm và giải thích rồi, đây không dùng âm trùng lắp lại, mà lại kiểm qua bổn kinh âm nghĩa thấy cũng được.

****

PHÓ PHÁP TẠNG TRUYỆN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

Tức hy ngược lại âm hư y sách Thuyết Văn nói: Khô gọi là khóc khô nước mắt, cũng gọi nhìn ra xa trông ngóng.

- Quyển 2, 3 Trước không có âm.

PHÓ PHÁP TẠNG TRUYỆN
QUYỂN 4

Quẩn cấp ngược lại âm quân vẫn sách Thuyết Văn nói quẫn bách, Mao Thi Truyện nói: Quẩn là khốn khổ túng quẩn.

PHÓ PHÁP TẠNG TRUYỆN
QUYỂN 5

Ma-trác-la ngược lại âm sắc giác.

Nhãn kiểm ngược lại âm quân nghiêm gọi là ngoài mí mắt.

Truy thù ngược lại âm trắc cơ phong tục thông thường gọi thù là đơn vị trọng lượng bằng sáu thù, tức là quả cân, quả cân tức là huy định lên rõ ràng, hai tùy tức là truy truy sáng rực rõ ràng, hai truy tức là hai lạng.

PHÓ PHÁP TẠNG TRUYỆN
QUYỂN 6

Thuần túy lại viết chữ túy cũng đồng, ngược lại âm tư loại sách Thuyết Văn cho rằng: Túy là không có tạp cũng gọi là nhỏ bé, gọi khác là thuần là tinh túy, cũng gọi là đồng đều nhau gọi là túy.

Luy xuyết ngược lại âm tri liệt theo Thanh Loại nói rằng: Xuyết là (795) hơi ngắn, xuyết cũng gọi là buồn rầu.

****

TỌA THIỀN TAM MUỘI KINH
QUYỂN THƯỢNG

Thượng nghi chất ngược lại âm trên nghi kỹ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lớn gọi là kiến càng, nhỏ gọi là con kiến, hoặc là viết chữ khải phù xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hủy âm hủy là âm hủy thanh nghị ngược lại âm dưới là chân viết Thiên Thương Hiệt ghi chất là loài côn trùng sống dưới nước, tên gọi khác nữa là kỳ có thể hút máu người, sách Thuyết Văn nói là con đỉa, chữ viết từ bộ hủy thanh chí.

Trứu mi ngược lại âm trên là trắc sưu sách Vận thuyên nói: Da mặt tụ lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ bì chữ sô ngược lại âm sở câu thanh sô ngược lại âm dưới mỹ bi sách Thuyết Văn nói mi mắt trên, lông mi, chữ viết từ bộ mục thanh mi chữ hình trên giống như là cái trán, gọi là trau chuốt lông mi.

Miến lai ngược lại âm trên miệt biến sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải mà đến giữa tây Tần, Tấn gọi là miến sách Thuyết Văn cho rằng: Nhìn nghiêng gọi là nhắm một bên con mắt mà nhìn, giống như là liếc mắt chữ viết từ bộ mục thanh miến âm miến đồng với âm trên, ngược lại âm dưới lai đại Quảng Nhã cho rằng: Lai là nhìn, sách Thuyết Văn nói con ngươi không thẳng, giống như là liếc xéo, liếc nhìn, chữ viết từ bộ mục thanh lai.

Cấu giới ngược lại âm gian bái sách Khảo Thanh cho rằng: Giới cũng là cấu tức là nhơ bẩn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ thổ thanh giới.

Xúc chu ngược lại âm thu dục Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Xúc là đạp lên, hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Chân đá ngược phía sau gọi là xúc sách văn nói nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ túc thanh

tựu ngược lại âm dưới trắc câu sách Thuyết Văn nói: Chu là rể cây chữ viết từ bộ mộc thanh chu.

Tiên si ngược lại âm trên tất miên Cố Dã Vương cho rằng: Roi quất ngựa gọi là tiên âm sách ngược lại âm sở cách sách Thuyết Văn nói: Thúc con ngựa chạy mau, chữ viết từ bộ cách thanh tiện ngược lại âm dưới là sửu chi âm nghĩa Hán Thư nói rằng: Si là hình phạt đánh bằng roi, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Là đánh, chữ viết từ bộ trúc thanh si.

TỌA THIỀN TAM MUỘI KINH
QUYỂN TRUNG

Lộc chuyên ngược lại âm thời nhuyễn sách Thuyết Văn nói: Chuyên là bắp chân, từ cổ chân đến bắp chân, cũng viết chữ thuyên từ bộ túc thanh duyên âm trên lung cốc.

Nhãn hiệp ngược lại âm tiêm diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Lông mi trên mí mắt, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh hiệp hoặc là viết chữ tiệp kinh văn viết từ bộ thiếp viết thành chữ thiếp tục dùng thông dụng.

Khắc lệ ngược lại âm lữ chế Cố Dã Vương nói rằng: Lệ giống như gắng sức, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lệ cũng là khuyến khích, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ lực âm lệ đồng với âm trên thanh lệ.

TỌA THIỀN TAM MUỘI KINH
QUYỂN HẠ

Giai thê ngược lại âm tiềm để Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thê là cây thang sách Thuyết Văn nói: Cũng là thềm bậc thang, chữ viết từ bộ mộc thanh đệ.

Sử lưu ngược lại âm trên sư sử Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Sử là chạy mau, sách Khảo Thanh nói: Cũng là con ngựa chạy mau, lại cũng gọi là rất mau, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ mã thanh sử.

Tuấn túc ngược lại âm tôn tấn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuấn là con ngựa chạy rất mau, Quách Phác chú giải rằng: Tuấn giống như tấn tốc mau như gió, sách Thuyết Văn nói con ngựa hay tài giỏi, chữ viết từ bộ mã thanh tuấn âm tuấn ngược lại âm tử tuấn.

Khí ế ngược lại âm dưới yên kiết theo Mao Thi Truyện cho rằng: Ế là không thể thở được, sách Thuyết Văn cho rằng: Ăn cơm bị nghẹn chữ viết từ bộ khẩu thanh ế âm thất ngược lại âm trân lật.

Thân lũ ngược lại âm lực củ Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Lũ là có tật bệnh, Quảng Nhã cho rằng: Thân thể cong lại sách Thuyết Văn nói: Bị khiển chân, lưng gù, chữ viết từ bộ nhân thanh lũ.

Trí ngại ngược lại âm tri nhị Cố Dã Vương nói rằng: Trí là đốn ngã, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trí là vấp ngã, sách Thuyết Văn viết từ bộ tục thanh chất.

Thất bị ngược lại âm dưới bài mại Thương Hiệt cho rằng: Cái túi bằng da, sách Khảo Thanh cho rằng: Dụng cụ thổi lửa, Bì Thương cho rằng: Chữ viết từ bộ vi viết thành chữ bị xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ cách thanh bị âm bị là âm bị kinh văn viết chữ thác chữ cổ.

****

PHẬT Y KINH

Bất tư lại viết chữ tư cũng đồng, ngược lại âm tử di tư là độ lượng, đánh giá, sách Thuyết Văn cho rằng: Suy nghĩ độ lượng đánh giá nơi ý.

Chế cẩu Tự Thư viết chế thư hai chữ tượng hình, lại viết chữ chế cũng đồng, ngược lại âm xương chế cư thế hai âm, gọi là cho dại tức là cho điên, dữ tợn hung ác.

****

DUY VIẾT TẠP NAN KINH

Huệ Lâm soạn.

Thọ biệt ngược lại âm biến liệt theo Khảo Thanh Thiết Vận cũng từ bộ trúc viết thành chữ biệt nghĩa là thẩm xét cái xấu và cái tốt, hoặc là từ bộ ngôn viết thành chữ biệt kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ biệt e rằng truyện viết sai.

Nổi cơ ngược lại âm trên nô tội Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nổi là đói, sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh ủy ngược lại âm dưới cư nghi sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lúa thóc không chín gọi là cỏ túc là đói, hoặc là viết từ bộ chữ này sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh kỹ.

Tranh thân ngược lại âm trên trạch hành Quảng Nhã cho rằng: Tranh là chống cự, sách Thuyết Văn cho rằng: Tranh là trụ cột chữ viết từ bộ mộc thanh đường.

Tảo khởi ngược lại âm tao lão theo chữ tảo kinh sử phần nhiều viết chữ này. Bởi vì chữ tảo là sắc tức là con muỗi mắt, hoặc là con ký sinh trùng, sống trên người và súc vật như rận, chấy, bọ chét, thời nay theo thông dụng gọi là viết chữ tảo.

Nhiêu nhân ngược lại âm nhiễu chiêu sách Quảng Số nói rằng: Nhiêu là nhiều đầy đủ, gọi là phong phú dồi dào, dư thừa cũng gọi là có lợi ích, sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh nghiêu kinh văn cũng có viết chữ nhiêu là chẳng phải.

Nại thống ngược lại âm trên nải đại Cố Dã Vương nói rằng: Nại giống như là có thể Tô Lâm gọi là, hai tuổi sáp lên hình là có thể chịu đựng, cũng là có thể nhận chịu tội thay, Đỗ Lâm Hán Thư chú giải rằng: Phàm là pháp độ chữ đều từ bộ thốn sách Thuyết Văn nói từ bộ thốn thanh nhi.

Thượng khiên ngược lại âm dưới khiết kiên Cố Dã Vương nói rằng: khiên cũng là dẫn dắt ra phía trước, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ huyền đến bộ miên đến bộ ngưu.

Ý giá sanh ngược lại âm ngôn kiện Thiên Thương Hiệt ghi: Giá là nghinh đón, sách Thuyết Văn cho rằng: Xuân thu nghinh đón công du về miền sơn dã, chữ viết từ bộ ngôn đến bộ xước âm xước ngược lại âm sửu lược.

Bất tập ngược lại âm trang lập theo Mao Thi Truyện nói: Tụ tập hợp lại Trịnh Tiển chú giải rằng: Tập là sức mạnh của trang kiếm sĩ tức gom sức mạnh lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Chứa binh khí chữ viết từ bộ qua thanh tập.

Kiền-trắc ? Ngược lại âm trên là cùng tiếng Phạm. Thái tử Tất Đạt cởi con ngựa trắng tên là kiền trắc.

Thỉ túc ngược lại âm trên thời chí sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng lưỡi mà liếm thức ăn, chữ viết từ bộ thiệt thanh thị âm thị đồng với âm trên.

Tác chẩm ngược lại âm châm nhẩm Cố Dã Vương cho rằng: Khi

nằm có chỗ kê đầu sách Thuyết Văn nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ mộc thanh chẩm Mao Thi Truyện nói: Lần lần chuyển qua nằm xuống cái gối.

Nhất hủy ngược lại âm vu quỷ Cố Dã Vương cho rằng: Nay Trang Tử cho rằng lấy chữ phúc hủy sách Thuyết Văn cho rằng: Phúc hủy là rắn hổ, một giống rắn độc, chữ viết từ bộ hủy thanh ngột.

Thứ-thấu-mật trong khao thanh gọi là âm Thấu-tấu tiếng Phạm.

****

CA DIẾP PHÓ PHẬT KINH

Huệ Lâm soạn.

Hạp ngược lại âm trên hàm giáp Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hạp là gần gũi thân cận, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hạp là quen nhờn, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh giáp ngược lại âm dưới tỳ ty Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Thuộc loại báo, xuất ra bộ tộc ở đông bắc Trung Quốc, sách Thượng Thư cho rằng: Giống như con hổ có nơi bảo giống con gấu, Khổng An Quốc chú giải rằng: Cũng là thuộc hổ theo Mao Thi Truyện nói rằng: Cũng là giống thú dũng mảnh sách Thuyết Văn viết từ bộ trĩ thanh tỳ âm trỉ là âm trĩ kinh văn viết chữ tỳ tục dùng cũng thông dụng.

Bác chi ngược lại âm trên bổ lạc Cố Dã Vương nói Bác giống như là phũi, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Giữ lấy Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bác cũng là đến, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh phu âm phu là âm phù.

****

BỒ TÁT HA SẮC DỤC KINH

Huyền Ứng soạn.

Phu chất ngược lại âm trên phương phù trong sách viết chữ phu hoặc là âm phủ tức là cái búa ngang to lớn, xưa đó dùng để giết người bằng búa, ngược lại âm dưới viết chánh thể chữ chất ngược lại âm chi dật sách Thuyết Văn cho rằng: Búa chém ngang lưngm Bì Thương cho rằng: Cái búa có cán dài, Công Dương truyện nói rằng: Không nhẫn chịu được cộng thêm tội tức là phu chất Hà Hưu chú giải rằng: Chém ngang eo lưng tội người tội.

Trở kỹ ngược lại âm trắc lữ, Tự Thư cho rằng: Trở là tấm thớt để cắt thịt. Trở cũng gọi là cái mâm có bốn chân nhỏ.

****

TỨ PHẨM HỌC PHÁP

Huệ Lâm soạn.

Câu ngại ngược lại âm cự ngu Quảng Nhã nói: Câu là bức bách, sách Khảo Thanh cho rằng: Che, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngăn trở, chữ viết từ bộ thủ thanh cú.

****

KIM CANG LỰC SĨ AI LUYẾN KINH

Huệ Lâm soạn

Trân lâm ngược lại âm trên sĩ trân Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Cây mọc um tùm gọi là trân sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh trân.

Minh huyễn ngược lại âm trên miên biến sách Thượng Thư nói rằng: Giống như chế thuốc mà nhắm mắt, làm càng con thiếu sót thì tật bệnh không có lành khỏi được, sách Thuyết Văn cho rằng: Minh là nhắm mắt chữ viết từ bộ mục thanh minh ngược lại âm dưới là huyền quyến Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Huyễn hoặc Thiên Thương Hiệt nói: Nhìn thấy không rõ sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh huyền kinh văn viết từ bộ diện viết thành chữ miến là chẳng tục dùng thông dụng.

Tê túy ngược lại âm tiên hề Bì Thương cho rằng: Tê là tiếng khàn, sách Phương Ngôn cho rằng: Tiếng bị uất nghẹn sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng đau buồn, chữ viết từ bộ khẩu thanh tư hoặc là viết chữ tê.

****

CA CHIÊN DIÊN THUYẾT PHÁP MỘT TẬN KỆ KINH

Huyền Ứng soạn.

Cấp cấp ngược lại âm cư cập sách Thuyết Văn cho rằng: Cấp cấp

là đi mau gấp vội, Quảng Nhã cho rằng: Cấp cấp là dựa theo, nay đều theo bộ thủy viết thành chữ cấp.

Khoán biệt ngược lại âm khu vạn sách Thuyết Văn nói: Khoán là khế ước, chứng thư riêng gọi là dùng dao rọc ra một bên, cho nên gọi là khế Thích Danh cho rằng: Chứng thư lớn trong phá ra lập riêng ra.

****

PHẬT THUYẾT TRỊ THÂN KINH

Huệ Lâm soạn

Dĩ hiệt ngược lại âm trên nhàn tiết sách Khảo Thanh cho rằng: Hiệt là lanh lợi, sách Phương Ngôn cho rằng: Trí tuệ, giữa Triệu, Ngụy gọi trí tuệ là hiệt theo chữ dĩ hiệt là trí tuệ, người xưa nói là chất xám.

****

PHẬT THUYẾT TRỊ Ý KINH

Huệ Lâm soạn

Tảo đắc ngược lại âm tao lão âm trên chỉ là tạp khó, kinh đã giải thích rồi.

****

NGŨ MÔN THIỀN KINH YẾU DỤNG PHÁP

Huệ Lâm soạn.

Hệ miệm ngược lại âm trên kê duệ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hệ là tiếp nối theo sách Thuyết Văn cho rằng: Hệ là bó buộc, ràng buộc. nay cũng viết chữ hệ, hệ cũng là nối kết liên tục, chữ viết từ bộ nhân thanh hệ âm hoặc ệ ngược lại âm hề nghệ.

Dịch hạ Ngược lại âm trên doanh ích Thiên Thương Hiệt nói: Khuỷu tay phía sau, tức cùi chỏ, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ nhục thanh dạ.

Như tiên ngược lại âm tiên tiển sách Chu Lễ cho rằng: Người thợ may nắm se sợi chỉ may áo trong cung vua, Trịnh Chúng cho rằng: Tuyền cũng là sợi chỉ, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết

từ bộ mịch thanh tàn âm tàn là âm tàn, kinh văn viết chữ diên âm diên nghĩa là mũ trên che đậy chẳng phải chữ tiên hoặc là viết chữ tuyến cũng thông dụng.

Hoán giác ngược lại âm trên nô noãn kinh văn viết chữ hoán là chẳng phải, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn âm nhuyễn ngược lại âm nhi luyến.

Đạm dũ ngược lại âm trên là đàm chiêm Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đạm là an, Cố Dã Vương đạm là điềm tĩnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh chiêm âm chiêm là âm chiêm ngược lại âm du tu Trịnh Huyền (796) chú giải sách Luận Ngữ rằng: Dũ là nhan sắc hòa nhã vui vẻ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vui vẻ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh du.

Khẩn trắc ngược lại âm trên khang ngận Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Bền chắc, cứng, sách Lễ Ký nói rằng: Khẩn gọi là chí thành, sách Thuyết Văn nói: Khẩn là viết từ bộ tâm thanh khẩn âm khẩn đồng với âm trên chữ viết từ bộ thỉ đến bộ cấn kinh văn viết từ bộ trĩ viết thành khẩn là sai.

Môn mạc ngược lại âm trên mạc bôn ngược lại âm dưới man bác theo Thanh Loại cho rằng: Môn cũng là mạc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Mạc cũng là môn sách Thuyết Văn cho rằng: Đều từ bộ thủ đều thanh môn mạc.

Thê đăng ngược lại âm trên thể nê ngược lại âm dưới đăng đặng Quách Phác chú giải rằng: Đăng là lên vóc núi, đất vóc âm phản là âm phản sách Khảo Thanh cho rằng: Mang giày dép giẫm đạp lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Đăng là ngước lên chữ viết từ bộ phụ thanh đăng kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ tranh là chẳng phải.

Hoàn phi ngược lại âm trên hồ nguyên sách Khảo Thanh cho rằng: Hoàn phi là ấu trùng của con bọ cam, âm cốc là âm hộc sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải mà đến cửa đông hoặc gọi là hoàn cốc sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh hoàn ngược lại âm dưới phụ úy Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tức là con gián ngửi mùi, theo Tả Truyện cho rằng: Có con gián cũng không phải là tai nạn. Xưa nay Chánh Tự viết chữ phi từ bộ côn lại cho rằng: Từ bộ trùng viết thành chữ phi.

****

DẬT MA ĐA LA THIỀN KINH

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Phát chẩn ngược lại âm chi nhẫn chẩn gọi là dấu tích, vết tích bánh xe lăn chuyển, sách Khảo Công Ký nói rằng: Đòn ngang ở sau xe bốn thước. Lại chú giải rằng: Thanh gỗ ngang ở sau xe, nay gọi là cỗ bánh xe lăn chuyển chỗ phát ra.

Phân quỳ lại viết chữ quỳ cũng đồng, ngược lại âm ký quy sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đường lớn thông ra chín hướng gọi là quỳ Quách Phác chú giải rằng: Đường lớn thông ra bốn phía, giao nhau xuất ra lại có một bên thông đó gọi là quỳ.

Sàn nhạn ngược lại âm sạn gian gọi là dáng mạo thận trọng, cũng gọi là gầy yếu là sàn Quảng Nhã cho rằng: Sàn là hèn mạt, xấu.

Tương ký theo Thanh Loại viết chữ nghiệt cũng đồng, ngược lại âm kỳ khí theo Tả Truyện cho rằng: Giống như sợ sệt không yên, lại chú giải rằng: Ký là đến sách Nhĩ Số nói: Ký là không kịp, ký là cùng đều nhau.

Nhất quỹ ngược lại âm quỳ vị sách Khảo Thanh cho rằng: Quỹ là cái lồng tre, cũng từ bộ trúc viết thành chữ quỹ kinh văn viết quỹ này là sai.

Hạp chúng ngược lại âm hồ lạp sách Thuyết Văn cho rằng: Hạp là đóng cửa lại.

Siểm lịch ngược lại âm thức nhiễm ngược lại âm dưới là thư đích siểm lịch là tạm thời, thấy rồi mất, không nhất định kinh văn viết từ chữ tiềm là chẳng phải.

Nhĩ-đạm tiếng Phạm Nhĩ-đạm đây dịch là sở tri cũng là ưng tri.

Thê đế ngược lại âm tha đệ ngược lại âm dưới lặt tế kinh văn gọi là tâm trụ một chỗ.

Quyến lưu ngược lại âm cổ huyễn Tự Lâm cho rằng: Nước chảy nhỏ, dòng nước nhỏ chảy ít ỏi cũng gọi là dòng nước sạch.

Tiêm hoại ngược lại âm tư hạp Văn Thông Dụng gọi là thấm chìm dưới nước gọi là tiêm thấm nước nhiều, Tự Lâm cho rằng: Thấm nước, ngâm vào trong nước.

Bần lũ ngược lại âm cụ du sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lũ là nghèo, Quách Phác cho rằng: Tính chất thô lậu xấu, Tự Thư cho rằng: Rổng không. Mao Thi Truyện nói rằng: Nghèo suốt, lại chữ bần theo truyện nói rằng: Cũng là lũ là người không có lễ nghĩa.

DẬT MA ĐA LA THIỀN KINH
QUYỂN HẠ

Trần ma ngược lại âm vũ cai, vũ hạ hai âm Văn Thông Dụng cho rằng: Đất nóng lên gọi là ma ma cũng là bụi trần.

Nan thư ngược lại âm tài dữ theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hà Hưu nói vùng đất bùn lầy, theo truyện cho rằng: Đất trũng, đất lầy, xấu, Tam Thương cho rằng: Từ từ xa lầy, hư hoại.

Phãng sang ngược lại âm phủ phãng sách Thuyết Văn cho rằng: Phãng là chất mở béo, ngược lại âm dưới tiên an Quảng Nhã cho rằng: Chất mở của con dê đóng băng lại cũng gọi là giữa ruột và mở.

Thiết thương ngược lại âm thiên dương sách Thuyết Văn cho rằng: Thương là cây súng bắn từ xa, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hai đầu câu gỗ nhọn nhạy gọi là cây thương tức là cây súng. Kinh văn viết chữ tương tương là miếng ngọc bội thanh tương tương chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phục lại viết chữ phục cũng đồng, ngược lại âm phò súc gọi là kê tức là con gà đẻ trứng là nằm lên tức là ấp trứng, sách Hoài Nam Tử cho rằng: Ấp trứng mà chưa nở đều là vậy.

Bể cốt nay viết chữ bể cũng đồng, ngược lại âm bổ mể sách Thuyết Văn cho rằng: Xương đùi ngoài gọi là bể Giang Nam âm là tất nhĩ.

****

THIỀN PHÁP YẾU GIẢI KINH

Huyền Ứng.

QUYỂN THƯỢNG

Phảng san ngược lại âm phủ phàng ngược lại âm dưới tãng an sách Thuyết Văn cho rằng: Phảng là chất mở, Quảng Thương cho rằng: Mập, béo phì.

Kỳ lộ lại viết chữ kỳ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm cự di gọi là con đường có nhánh phân rẻ, sách Nhĩ Số cho rằng: Con đường thông cả ba ngã gọi là kỳ Phách Phác chú giải rằng: Kỳ con đường rẻ bên xuất ra các ngã khác.

- Quyển hạ. Không có chữ cần phải âm.

****

CỰU TẠP THÍ DỤ KINH

Huyền Ứng.

QUYỂN THƯỢNG

Khảm kha viết đúng nghi chữ khảm cũng đồng, ngược lại âm khẩu cảm ngược lại âm dưới khẩu tá sách Sở Từ nói rằng: Khảm khả là trắc trở, mà lưu trệ Vương Dật nói: Khảm khả là không gặp may.

Nhất tụ văn cổ viết chữ tụ hai chữ tượng hình cũng đồng, nay viết chữ tụ cũng đồng, ngược lại âm tài cú Quảng Nhã cho rằng: Tụ là gom lại một chỗ, gọi là người gom tụ lại một chỗ để ở, kinh văn viết chữ tụ là sai.

Tích thâm ngược lại âm thi nhậm thâm là sâu đối ngược là cạn, kinh văn viết chữ tông ngược lại âm tàng tông sách Thuyết Văn nói tông là tiếng nước chảy, Quảng Nhã cho rằng: Tông là thấm sâu vào nước chẳng phải nghĩa kinh.

Bảng mộc lại viết chữ bảng cũng đồng, ngược lại âm bao giảng gọi là cây gậy lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Bảng là cây gậy có góc cạnh chữ viết từ bộ mộc viết thành chữ lăng ngược lại âm đồ hoạt.

Tuần hành lại viết chữ tuần cũng đồng, ngược lại âm từ tuấn tuần cũng giống tuần sách Nhã cho rằng: Tuần là biến khắp cũng gọi là vòng quanh biến khắp, cũng gọi là huyên lệnh.

Kiền dùy nói đúng là kiền thực gọi là đánh bản gỗ, hoặc là viết chữ duy là sai kinh văn cảnh chữ dùy ngược lại âm đồ lễ cũng chẳng phải.

Thành ô ngược lại âm ô cổ Tự Lâm cho rằng: Thành nhỏ, Văn Thông Dụng cho rằng: Cư dinh gọi là ô chữ viết từ bộ phụ.

Tập trì văn cổ viết tập cũng đồng, ngược lại âm từ lập tập là nhận, Quảng Nhã cho rằng: Tập là kiệp, cũng gọi là con cháu được hưởng bổng lộc, theo Tả Truyện nói: Phàm khi bệnh gọi là tập. Lại chú giải rằng đè xuống chồng chất lên không phòng bị gọi là đánh úp ban đem gọi là tập.

CỰU TẠP THÍ DỤ KINH
QUYỂN HẠ

Trậm sát ngược lại âm trừ cấm kinh Sơn Hải nói rằng: Mấy người

con gái trên núi phần nhiều dùng lông chim trậm, Quách Phác nói rằng: Lớn như con diều, màu xanh lục, tím, cổ dài, mỏ đỏ, ăn thịt rắn giống chim độc.

Thao hoan ngược lại âm lạc đáo ngược lại âm dưới hư viên Quảng Nhã cho rằng: Thao hoan là tiếng chim hót, sách Thuyết Văn nói rằng: Nói rì rầm bên tai, cũng gọi là ồn ào huyên náo.

Ma sa ngược lại âm tô hà theo Thanh Loại cho rằng: Ma sa là sờ mó, Thích Danh cho rằng: Xoa bóp, âm sát ngược lại âm tang hạt.

Cai bộ ngược lại âm hồ đại sách Thuyết Văn cho rằng: Cai là khổ cũng là nhàm chán.

Đáo địa ngược lại âm đô lão đáo là té ngã ngửa, kinh văn viết chữ đáo là chẳng phải lại viết chữ điểu điểu là chữ triện, điểu chẳng phải chữ nghĩa.

Ngôn tát ngược lại âm tảng hạt nói đúng là sa độ đây dịch là thiện tai, tức là lành thay, kinh văn viết chữ sát là chẳng phải.

Xuyết thường ngược lại âm xương duyệt sách Thuyết Văn nói: Xuyết thường là uống húp thử, Quảng Nhã nói là xuyết là ăn, Nhĩ Nhã nói xuyết là cho ăn Quách Phác cho rằng: Xuyết đó là nhặt lấy mà ăn, kinh văn viết chữ duyệt ngược lại âm thỉ nhuyến gọi là cúng tế, duyệt chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

Chuyết tư ngược lại âm đô hoạt gọi là cúng tế, sách Thuyết Văn gọi là nhặt lấy, theo Mao Thi Truyện nói: Thu xếp, dọn dẹp, sửa sang, theo truyện nói sửa sang.

****

TẠP THÍ DỤ KINH

Huyền Ứng.

Soạn duyết ngược lại âm sĩ quyến ngược lại âm dưới trương nhiễm sách Thuyết Văn nói soạn là dụng cụ đựng thức ăn, cũng gọi là bày ra ăn uống, sách Phương Ngôn nói duyết là biếu tặng thức ăn cũng gọi là cúng tế, âm quỹ ngược lại âm cự quý.

****

KINH A HÀM DI GIẢI THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Huệ Lâm soạn.

Xác sanh ngược lại âm trên khống giác Cố Dã Vương cho rằng: Phàm là da ngoài đều gọi là xác Văn Tự Điển nói: Mai con rùa chữ viết từ bộ thù thanh xác âm xác ngược lại âm khẩu giang.

Tảo sắc ngược lại âm tử lão sách Thuyết Văn cho rằng: Tảo là loài côn trùng hay nhảy lên cắn hút máu người, chữ viết từ bộ côn thanh tảo âm côn ngược lại âm cốt hồn âm tảo là âm trảo ngược lại âm dưới sở ất sách Thuyết Văn nói cũng là loài côn trùng cắn người, chữ viết từ bộ côn thanh tấn.

****

TƯ DUY LƯỢC YẾU KINH

Huyền Ứng soạn.

Si lệ ngược lại âm sung chi sách Thuyết Văn nói là Ghèn đóng ở khóe mắt, âm miệt ngược lại âm mạc kiết.

Đinh ninh ngược lại âm đô lịnh ngược lại âm dưới nãi lịnh Bì Thương cho rằng: Đinh ninh là chất dơ cấu trong lỗ tai.

Hoạch nhiên ngược lại âm hồ mạch Quảng Nhã cho rằng: Không cung kính, nghịch ngợm, giống như ngang ngược.

****

PHẬT THUYẾT PHÁP THÂN QUÁN DƯƠNG CÚ KINH

Huệ Lâm soạn.

Át truất ngược lại âm trên an hạc Thương Hiệt cho rằng: Trên sống mũi Mạnh Tử nói rằng: Ngẫng đầu trăm họ nghe tiếng chuông rống, tiếng sáo tiêu của vua, đều nhức đầu nhăn mũi mà cùng bảo nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Sống mũi chữ viết từ bộ hiệt thanh an ngược lại âm dưới duyên liệt theo Thanh nói nốt ruồi đen trên mặt, sách Kử Ký nói Hán Cao long nốt ruồi trên mặt vua, sách Thuyết Văn trên đầu, chữ viết từ bộ hiệt thanh xuất.

Ngân tự ngược lại âm từ ký sách Nhĩ Nhã nói: Tự là tiếp nối theo, Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cũng gọi là tiếp tục sách

Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ vi đến bộ san âm vi là âm vi thanh tư kinh văn viết chữ biên là chẳng phải là sai.

Đồ đồ âm trên là đồ sách Khảo Thanh cho rằng: Đồ trét đất bùn dơ, ngược lại âm dưới là trạch da giải thích nghĩa cũng đồng như trên, vẽ chấm đen một bên cũng không có khác, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh đồ âm đồ là âm đồ kinh văn viết chữ đồ từ bộ thủ viết thành chữ đồ tục dùng ý chẳng phải đúng.

Tiêm lậu ngược lại âm tử liêm Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Tiêm là thấm ướt, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tiêm là chìm, sách Thuyết Văn nói là thấm ướt, chữ viết từ bộ thủy thanh tiêm âm tiêm là âm kiểm kinh văn viết chữ tiêm tục tự dùng cũng thông dụng.

Chỉ phí ngược lại âm dưới là thất tỳ sách Khảo Thanh cho rằng: Thoát hơi ra, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Dẫn ra kinh Sơn Hải nói rằng: Con cá mà hình dáng nó giống như con nhái, một đầu mà có chín cái mình rất hôi thối, như là cỏ héo không thoát ra được, bị mắc nghẹn nên dưới, hạ hơi tức là địt, chữ viết từ bộ mể thanh phí hoặc là viết chữ thí kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ phí là chẳng phải, âm mi là âm ni âm thử là âm từ.

Lão tử trách ngược lại âm tranh cách Cố Dã Vương cho rằng: Trách giống như đè ép xuống, sách Thuyết Văn cho bức bách chật hẹp chữ viết từ bộ trúc thanh sạ.

****

PHÁP QUÁN KINH

Huệ Lâm soạn

Ngu trung ngược lại âm trên ngộ câu Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Vùng đất xa xôi biên giới, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Xuất ra từ vùng Dương Cốc, Cốc Ngung Di bộ tộc vùng xa xôi chữ viết từ bộ phụ viết thành chữ ngang nghĩa cùng với chữ ngung cũng đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ phí thanh nhữu âm phí là âm phất âm nhữu ngược lại âm nhân liễu.

Nhị mi ngược lại âm trên ni trí sách Sở Từ nói rằng: Phung phí xa xĩ tiêu hao chất mở, Vương Dật chú giải rằng: Nhị là trơn láng (797) sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh nhị kinh văn viết từ bộ mục viết thành chữ nhị là chẳng phải.

Xích nhứ ngược lại âm tư nhữ sách Khảo Thanh cho rằng: Bông còn thô sách Thuyết Văn cho rằng: Bông xấu chữ viết từ bộ mịch thanh như.

Tứ khả ngược lại âm cố nga Cố Dã Vương nói rằng: Khả là cành cây.

Hữu uyển ngược lại âm bá mạo theo ý kinh trong mắt như là có nước, hố nước.

Chỉ nạp ngược lại âm dưới nô cốt Tự Thư cho rằng: Thịt béo tốt, xưa nay Chánh Tự cũng giải thích đồng nghĩa chữ viết từ bộ nhục thanh nội, kinh văn viết từ bộ nhiễm viết thành chữ nhiêm là sai.

Cách tỳ ngược lại âm trên canh hạch sách Khảo Thanh nói: Màng ngăn tròn ngực, tức là ngực, sách Văn Tự Tập Lược nói: Cách là màng trong ngực, ngược lại âm dưới tỳ ty Bạch Hổ Thông cho rằng: Tinh của thổ, sách Thuyết Văn nói: Phế tạng chữ viết từ bộ nhục thanh ty.

****

THIỀN YẾU KINH HA DỤC

Hàm cốt ngược lại âm hàm cảm sách Phương Ngôn cho rằng: Hàm là hai bên má, giữa Nam Sở ngoại gọi là hàm là xương ngoài trên mặt, sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh hàm.

Suy tộ ngược lại âm tại cố Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tộ là phúc báo, Tự Thư cho rằng: Tộ là phước sách Thuyết Văn viết từ bộ thỉ thanh sạ kinh văn viết từ bộ dậu viết thành chữ tạc âm tạc là âm tạc nghĩa là thù tạc rót rượu mời qua lại với nhau, dùng chữ sai.

****

PHẬT THUYẾT THẬP NHỊ DU KINH

Một quyển không có chữ có thể âm.

****

A DỤC VƯƠNG THÍ DỤ KINH

Huệ Lâm soạn.

Lỗ nhục ngược lại âm trên lộc đổ Hán Thư nói rằng: Loại cỏ rất

độc đoán ở quanh ấp thôn, gọi là vua xuất hành xa giá hộ tống gọi là lỗ bạt ngược lại âm dưới nhu chúc theo Tả Truyện nói rằng: Đoàn quân đi bên phải càng xe bên trái là đuổi theo đêm chiếu, Đỗ Dự chú giải rằng: Đuổi theo câu lấy cho được loại cỏ mềm là mũ rơm, hoặc là chỗ dựa.

Nhất chỉ ngược lại âm chi nhĩ cũng viết chữ chỉ kinh văn viết chữ chỉ tục dùng cũng thông dụng.

Vi tôn ngược lại âm tổ ôn Hán Thư nói rằng: Tôn là bình đựng rượu, xưa nay Chánh Tự cho nghĩa cũng đồng, đúng là chữ tôn tục viết chữ tôn tôn từ bộ mộc thanh tôn.

Bắt thấp ngược lại âm thâm chấp kinh văn viết chữ thâm là sai hoặc là viết chữ thấp.

Đẩu tốc ngược lại âm trên đâu khẩu ngược lại âm dưới tô lộc kinh gọi là đẩu tốc giống như là đẩu đẩu tức là phấn chấn lên.

Cầu thân ngược lại âm trên cựu vưu sách Khảo Thanh cho rằng: Cái bè, theo Mao Thi Truyện nói: Thấm nước, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh cầu.

Thiên hộc ngược lại âm hồ cốc sách Nghi Lễ nói rằng: Mười đấu là một hộc, sách Thuyết Văn nói nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ đẩu đến bộ giác kinh văn viết từ bộ bách viết thành chữ hộc tục tự dùng cũng thông dụng.

Ngạn ngữ ngược lại âm trên ngôn kiến Hàn Khang nói điếu văn chia buồn của người sống đối với người chết gọi là ngạn sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh ngôn.

Huyên hý ngược lại âm hư viên theo Thanh Loại cho rằng: Huyên là ồn ào. Lại cũng gọi là quên mất, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh huyên.

****

TẠP BẢO TẠNG KINH

Huyền Ứng.

QUYỂN 1

Xác nhiên ngược lại âm khẩu giác sách Chu Dịch nói rằng: Phàm là làm cho khô là xác nhiên nhưng là người ta lại gọi khác đi vậy. Hàn Khang Bá nói rằng: Xác là vỏ cứng.

Lê nguyên ngược lại âm lực hề lê là đông nhiều, nguyên là thiện nói thiện là con người, bởi vì thiện là khởi đầu cho nên gọi là lê nguyên,

nói nguyên đó là chẳng phải một thứ dân vậy.

Nhuận đông văn cổ viết là chữ tuần cũng đồng, ngược lại âm nhi luân sách Thuyết Văn nói con mắt dao động, chuyển động tức là nháy mắt.

Thích thích ngược lại âm thể lịch Mao Thi Truyện nói rằng: Trong lòng lo lắng gọi là thích thích, theo truyện nói rằng thích thích giống như xe thắc cũng gọi là đau khổ lo sợ.

TẠP BẢO TẠNG KINH
QUYỂN 2

Diện phú ngược lại âm phương cú gọi là cấp cho, đo lường, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ban ra Quách Phác cho rằng: Ban bố cũng cùng đồng là một nghĩa.

Điệu khái ngược lại âm đồ đáo khả tái điệu là buồn thương, xót thương, thương xót, khái là thở dài.

Dược chủy nay viết dược cũng đồng, ngược lại âm dư chước ngược lại âm dưới thị nhi sách Phương Ngôn nói rằng: Viết chữ chủy cũng đồng, gọi là cái chìa khóa, kinh văn viết chữ dược là chẳng phải thể, kinh văn viết chữ kỳ theo Thanh Loại cho rằng: Cùng với chữ si đồng âm dược cùng với âm kỳ hai thể chữ đều chẳng phải, lại viết chữ kỳ cũng chẳng phải.

Cừu-ca ngược lại âm cự ngưu hoặc viết chữ Câu-ca-ly đều là tiếng Phạm chuyển âm sai.

Cúc cung ngược lại âm cư lục cư hùng sách Luận Ngữ nói rằng: Cúc cung là khom lưng xuống, kinh văn viết chữ cung cùng là chẳng phải thể.

TẠP BẢO TẠNG KINH
QUYỂN 3

Phi đinh ngược lại âm đô đình đinh là cường, Thích Danh nói: Đinh là tráng, nói vậy thể đều mạnh mẻ, vào mùa hạ vạn vật đều đinh thạnh sum suê tươi tốt, kinh văn viết chữ can ngược lại âm đô định là

chẳng phải, can là đậu chẳng phải chữ nghĩa đây dùng, âm đậu là âm đậu.

Đơn kiết ngược lại âm kiên ế kiết giống như là cô độc, Tự Lâm nói không có cánh tay phải, gọi kiết là nghĩa như vậy.

Sàm cấu ngược lại âm cổ hầu cấu là hợp cũng là loạn, theo Mao Thi Truyện nói: Sàm là người cực kỳ chấp ngã hai luôn mưu hại lẫn nhau, kinh văn viết chữ hôn cấu cấu là chẳng phải thể.

Siểm quỷ ngược lại âm cư huy gọi là không chân thật, Quảng Nhã cho rằng: Quỷ là theo điều ác cũng gọi là khinh khi dối trá.

Loa lũ ngược lại âm trên lộc hòa âm dưới lặt hầu.

TẠP BẢO TẠNG KINH
QUYỂN 4

Bức tắc ngược lại âm phi bức sách Phương Ngôn cho rằng: Bức là đầy đủ, kinh văn viết chữ bức là sai.

Lam lũ văn cổ viết chữ lam cũng viết chữ lam cũng đồng, ngược lại âm lực can gọi là áo hư, áo rách, Phàm người mặc áo hư rách xấu xí để che thân đều gọi là lam lũ, kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ lam chữ lam bộ thảo là sợi chỉ, sợi tơ chẳng phải thể.

Linh sính ngược lại âm lực đinh thất đinh hai âm, linh sính cũng gọi là cô độc, không có nơi nương tựa Tam Thương cho rằng: Lênh đênh.

Đồng khôi ngược lại âm khổ hồi sách Thuyết Văn cho rằng: Nước canh, kinh văn viết chữ khai gian hai chữ tượng hình đều chẳng phải.

TẠP BẢO TẠNG KINH
QUYỂN 5

Tương hài ngược lại âm hồ giai gọi là hài hòa, gọi là âm thanh điều hòa, sách Thuyết Văn nói nhạc hòa tấu với nhau.

Kim ảnh lại viết chữ ảnh cũng đồng, ngược lại âm ư lãng sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ảnh là cái chậu sành, Quách Phác cho rằng: Tức là cái chậu lớn.

Trí đốn văn cổ viết chữ chấp trí hai chữ tượng hình. Nay viết chữ trí cũng đồng, ngược lại âm trấc lợi gọi là bẻ gãy, làm nhục, theo Tả Truyện cho rằng: Trí là vấp té, theo chữ trí giống như là đốn ngã, Quảng Nhã cho rằng: Trí là giẫm đạp lên.

Sướng trương ngược lại âm trấc lưu ngược lại âm dưới tri lương sách Nhĩ Nhã cho rằng: Sướng trương là cuồng vọng, lừa dối, đánh lừa, Quách Phác cho rằng: Không hoặc là kiêu căng, huyễn hoặc, cũng gọi là khinh khi dối trá người. Kinh văn viết chữ sướng là chẳng phải, ngược lại âm lặt lương sướng là điên cuồng, sướng chẳng phải nghĩa đây dùng.

Bồ bặc ngược lại âm bạc hồ, bồ bấc hai âm, Tự Lâm cho rằng: Đi bằng tay gọi là bồ phục là nằm, cũng gọi là vấp té ngã ngửa hết sức lực nên bò lê trên đất.

Tai dịch ngược lại âm dĩ bích con quỉ dịch lệ. Dịch là đi sai khiến nói là có con quỉ đi sai khiến.

Khải môn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Văn cổ viết chữ khải Bì Thương viết chữ khải cũng đồng, ngược lại âm khổ lễ sách Thuyết Văn cho rằng: Khải là khai mở ra, khai sáng.

TẠP BẢO TẠNG KINH
QUYỂN 6

Kim hưởng Trụ Văn viết hưởng cũng đồng, ngược lại âm hư lượng sách Thượng Thư cho rằng: Trong lòng khắc ghi thọ nhận hưởng phước của trời ban cho, Khổng An Quốc chú giải rằng: Hưởng là thọ nhận, kinh văn viết chữ hưởng là âm hưởng, tiếng vang vọng lại, hưởng chẳng nghĩa đây dùng.

Đảng năng ngược lại âm tha lãng gọi là từ bất định. Kinh văn viết chữ đảng ngược lại âm đương lãng đảng là nói thẳng, chẳng phải nghĩa đồng dùng.

Anh minh ngược lại âm ô canh sánh Nhĩ Nhã cho rằng: Tiếng líu lo, ríu rít vợ nhau, gọi là hai con chim đang nói chuuyện với nhau, lấy ví dụ như bạn bè thân thiết với nhau.

Ngao ngao ngược lại âm ngữ cao sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng đông ồn ào, cũng gọi là tiếng khóc oa oa buồn bã.

Hà khắc ngược lại âm hạ đa sách Thuyết Văn cho rằng: Rất trầm

trọng, dữ dội, phiền não, quấy nhiễu, khắc là cấp bách, sách Lễ Ký cho rằng: Hà là sừ công phá rất mảnh liệt, dữ dội như con hổ.

Chi khoản hoặc là viết chữ khoản cũng đồng, ngược lại âm khẩu hoản Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khoản là chân thành, trịnh trọng, sách Thuyết Văn cho rằng: Ý có chỗ muốn, lại chí là thuần khoản là yêu thích.

Lão hạt lại viết chữ hạt cũng đồng, ngược lại âm hồ hạt Tự Thư cho rằng: Một con mắt nhắm lại.

TẠP BẢO TẠNG KINH
QUYỂN 7

Tuy hóa ngược lại âm tuất tủy sách Thượng Thư cho rằng: Lui binh về năm trăm dặm mà an ủi vỗ về, Khổng An Quốc cho rằng: Vua đó chính sách giáo dục, sách Nhĩ Số cho rằng: Tuy là an ổn.

Á đoàn ngược lại âm trên á da âm dưới hạch da sách Thuyết Văn cho rằng: Á đoàn là vòng đeo cổ đồ trang sức.

Tọa đầu ngược lại âm tạng quả sách Thuyết Văn cho rằng: Tọa là dừng lại, nghỉ ngơi, kinh văn viết chữ tào ngược lại âm noãn nhân gọi là lấp bít, tòa chẳng phải nghĩa đây dùng, xưa âm ô kiêm đó cũng chẳng phải.

Đảo tái ngược lại âm đô lão sách Thuyết Văn cho rằng: Bảo cho biết việc cầu thỉnh là đảo ngược lại âm dưới tô tái gọi là báo thù.

Thẩn thẩn ngược lại âm thất nhẫn sách Luận Ngữ cho rằng: Phu tử mĩm cười, theo chữ thẩn đó là cười mĩm, kinh văn viết yên xưa âm ô kê chẳng phải.

TẠP BẢO TẠNG KINH
QUYỂN 8

Tư tuần ngược lại âm tư tôn tra hỏi. Tả Truyện cho rằng: Phỏng vấn nơi việc tốt là tư tư là thân thiết, tuần tư là hỏi thăm đường, cũng gọi là hỏi thăm thân thích bà con, bàn luận.

Giáp phục lại viết chữ giáp cũng đồng, ngược lại âm hư giáp sách

Thuyết Văn cho rằng: Âm khưu thiệp gọi là lo sợ, kinh văn viết chữ nhiếp là chẳng phải.

Giáp trụ văn cổ viết trụ cũng đồng, ngược lại âm trừ cứu Quảng Nhã cho đâu mâu, cũng nói đê mâu, tức là mũ đội đánh giặc.

Giới ngôn ngược lại âm hồ giới giới là khát nước tiếng giận dữ, kinh văn (798) viết chữ giai âm giai chẳng phải chữ nghĩa đây dùng.

Thú kỳ lại viết chữ thư cũng đồng, ngược lại âm thiên nhữ Tự Lâm cho rằng: Thú là nhìn trộm, cũng gọi là coi thường, xem thường, Quảng Nhã cho rằng: Thú là xem thấy, dò xét lẫn nhau.

Nhãn miên viết đúng là minh cũng đồng, ngược lại âm mạc điền sách Thuyết Văn cho rằng: Minh là khép mắt, sách Nhã cho rằng: Nhắm mắt lại.

Điệt sư ngược lại âm đồ kiết tên người.

Bỉ tiết ngược lại âm tư liệt bỉ là quê mùa, tiết là khinh thường cũng là ở riêng, chẳng phải ở chỗ đông đảo công hội phục tùng.

Giảo hoạt ngược lại âm cổ bào hồ quát sách Thượng Thư cho rằng: Loại man di xảo trá, Hạ Tiết Mật gọi hoạt là loạn quấy phá, quấynhiễu, Tự Thư cho rằng: Hoạt là khôn ngoan, lại xấu ác, sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm đứa trẻ nhiều xảo trá hoặc loạn gọi là hoạt.

Sào khoa lại viết chữ khoa quá hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm khổ hòa Quảng Nhã cho rằng: Hang ổ sào huyệt, âm quá ngược lại âm trắc hằng.

Đển ngôn ngược lại âm Đô Lễ gọi là chống cự, gọi lôi kéo chống cự xô đẩy ra ngoài.

Hạch thật lại viết chữ hạch cũng đồng, ngược lại âm hồ cách sách Thuyết Văn cho rằng: Tra khảo sự thật, cũng là thẩm xét tra hạch.

Phan thượng lại viết chữ phan cũng đồng, ngược lại âm phổ ban Quảng Nhã cho rằng: Phan là giúp đỡ nói là đến kịp để nắm kéo lên.

****

NA TIÊN TỲ KHEO KINH

Huyền Ứng

QUYỂN THƯỢNG

Nạo lạo ngược lại âm hồ cao ngược lại âm dưới lộ cao theo Thanh Loại cho rằng: Nạo là quấy nhiễu sách Phương Ngôn cho rằng: Lạo là mò lấy, lại chú giải rằng: Gọi là dùng lưỡi câu, câu móc vật, lấy vật lên

từ dưới nước.

Hòa đạn ngược lại âm đô lan tên chùa.

Triết mể ngược lại âm tư lịch Văn Thông Dụng cho rằng: Vo gạo cho trắng gọi là triết triết cũng là đào thải vứt bỏ Giang Nam nói là triết Trung Quốc gọi là đào Quảng Nhã gọi là thải tức là tẩy rửa, kinh văn viết chữ công tích chữ tích chẳng phải thể.

Lưỡng đôn ngược lại âm chi duẫn sách Thuyết Văn cho rằng: Điển đích để bắn cung, Quảng Nhã cho rằng: Đôn là đích chuẩn xác để bắn trúng đích, những người đợi để bắn, người ta lấy da con gấu, con hổ để làm đồ trang sức chế ra mặt vuông làm đôn điểm đích, kinh văn viết chữ chuẩn lại viết chữ chuẩn cũng đồng, ngược lại âm chi duẫn sách Thuyết Văn cho rằng: Chuẩn là bằng phẳng chữ chuẩn là chẳng phải thể.

Côn hoàng ngược lại âm hồ bổn sách Phương Ngôn cho rằng: Côn là sáng rực, sách Thuyết Văn cho rằng: Côn hoàng là sáng chói rực rỡ, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ánh sáng chói chang, tràn ngập.

Xuy gia hoặc là viết chữ hà cũng đồng, ngược lại âm cổ hà nay gọi là trong nhạc khí dùng lá lau vấn lại mà thổi, bởi vậy mà đặt tên.

Hoạch mạch ngược lại âm hồ quách sách Thuyết Văn cho rằng: Cắt gặt lúa, theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tháng mười thu hoạch lúa đem về nhà, kinh văn viết chữ hoạch là sai.

Dục tích ngược lại âm ty diệc gọi là vấp té ngã nhào.

Liên khiết ngược lại âm hồ kiết Quảng Nhã cho rằng: Khiết là bó buộc lại, Bì Thương cho rằng: Ràng buộc liên hệ với nhau, cũng nói bó buộc vội vàng, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ cận cật ấu hầu như vấn đứa trẻ. Lại cũng viết chữ càng đều là một.

Nhũ đồng ngược lại âm trúc dụng đô đồng hai âm, Văn Thông Dụng cho rằng: Chất sữa gọi là đồng Giang Nam gọi như vậy.

Thạnh đoan ngược lại âm thị duyên sách Thuyết Văn cho rằng: Chẽ tre ra đan cái sọt tròn để chứa đựng lúa thóc, cái giỏ tre.

Trừ đãi ngược lại âm trực ư âm dưới văn cổ viết chữ trĩ ba chữ tượng hình đều đồng ngược lại âm trừ lý sách Thuyết Văn cho rằng: Đãi là chờ đợi, trừ là dụng cụ chứa cho đầy.

Bác xoa nói đúng là phược sô tức là tên của con sông, trong bốn con sông thuộc sông thứ tư lớn nhất, kinh văn viết bác xoa cứ xoa đều sai, âm cứ ngược lại âm cự lược kinh văn theo nói mà viết dựa vào nói là viết sai.

Khuất nguyên ngược lại âm ai vật sách Thuyết Văn nói: Khuất là không có đuôi, là đuôi ngắn.

Bình chi ngược lại âm bì bính Tự Thư cho rằng: Bình là bàn luận đặt để cho yên, bàn luận phê bình, nghị luận âm đinh ngược lại âm đường đãnh.

Vẫn khẩu ngược lại âm văn phân Văn Tự Điển nói hai bên miệng giáp nhau tức là hôn nhau, chữ viết từ bộ khẩu thanh vật.

- Quyển Trung và quyển hạ không có từ âm nghĩa giải thích.

****

THÍ DỤ KINH

Thí Dụ Kinh mười Quyển, kinh này là trong Đại Tạng sao chép ra, các bổn kinh đã âm rồi. Lại không âm lại nữa trùng lắp, ước chừng văn khác không thể giải thích.

****

TẠP THÍ DỤ KINH

Huệ Lâm soạn

QUYỂN 1

Lao kỳ ngược lại âm lõa cao sách Phương Ngôn cho rằng: Lao là giữ lấy Quách Phác cho rằng: Gọi là dùng lưỡi câu, câu vật dưới nước, xưa nay Chánh Tự cũng giải thích đồng nghĩa chữ viết từ bộ thủ thanh lao.

Phao tam ngược lại âm phách bao Bì Thương cho rằng: Phao là đánh, Khảo Thanh cho rằng: Phao là ném. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh phao âm phao đồng với âm trên, kinh văn viết từ bộ lực viết thành chữ phao cũng thông dùng.

TẠP THÍ DỤ KINH
QUYỂN 2

Minh triết ngược lại âm tri liệt sách Nhĩ Số nói rằng: Triết là trí tuệ. Lại cũng viết chữ triết lại cũng viết chữ triết đều đồng dùng, xưa nau Chánh Tự viết từ bộ kiết đến ba bộ kiết đó là chữ cổ.

Giới môn ngược lại âm xích giới sách Khảo Thanh cho rằng: Giới là phẩm nộ, tiếng la hét, Quảng Thương đều viết họa ai nhữu đều đồng dùng kinh văn viết chữ giới duy lữ tĩnh.

Trung si ngược lại âm xĩ nhi sách Khảo Thanh cho rằng: Trong mắt có ghèn, sách Thuyết Văn cho rằng: Trong khóe mắt nước mắt ngưng đọng lại, chữ viết từ bộ mục thanh đa âm tí ngược lại âm tề tế.

Nhất huệ ngược lại âm tùy túy theo Mao Thi Truyện nói: Huệ là bông lúa, Thiên Thương Hiệt nói: Chùm bông lúa mạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ hòa thanh huệ.

****

TẠP THÍ DỤ KINH

Phá vu ngược lại âm vũ câu chữ viết từ bộ mảnh thanh vu kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ vu là chẳng phải.

Trữ mộc ngược lại âm trừ lữ sách Chu Lễ cho rằng: Trữ là vải gai, vật làm bằng cỏ, tức bao tay, Trịnh Huyền chú giải rằng: Dây gai trắng mag thưa gọi là trữ sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh trữ âm trữ đồng với âm trên.

Gián kế ngược lại âm trên điềm giáp Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Theo dõi dòm ngó, hầu hạ. Lại gọi là khoảng giữa, sách Thuyết Văn âm là quân trung chữ viết từ bộ ngôn thanh gián âm gián ngược lại âm diêm tiếp.

Trảo hoạch ngược lại âm ô hoắc theo Thanh Loại nói rằng: Hoách giống như bắt lấy nay kinh văn viết chữ quặc tục dùng thông dụng.

Thậm canh ngược lại âm trấp nhậm chữ viết từ bộ đấu thanh thậm kinh văn viết từ bộ dậu viết thành chữ thậm là chẳng phải.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn - Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 76

- Âm A-dục Vương Kinh mười quyển - Huệ Lâm.
- A-dục Vương Truyện bảy Quyển.
- A-dục Vương Tức Hoại Mục Nhân Duyên Kinh hai quyển - Huyền Ứng.
- Tứ A-hàm-mộ-sa-giải hai quyển - Huyền Ứng.
- Pháp Cú Kinh hai quyển - Huyền Ứng.
- Pháp Cú Thí Dụ Kinh bốn quyển - Huệ Lâm.
- Phật Thuyết Pháp Cú Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Ca-diếp Kiết Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Tam Huệ Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Tuyển Tập Tam Tạng Cập Tạp Tạng Truyện một quyển - Huệ Lâm.
- A-tỳ-đàm Ngũ Pháp Hành Kinh một Quyển.
- Tiểu Đạo Địa Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Nhất Bá Ngũ Thập Tán Phật Tụng một quyển - Huệ Lâm.
- Kim Cang Đảnh Kinh Phạm Âm Thập Lục Đại Bồ-tát.
- Nhất Bá Bát Danh Tán một quyển - Không.
- Văn Thù Sư Lợi Phát Nguyện Kinh một Quyển.
- Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Nguyện Tán Kinh một quyển - Không.
- Lục Bồ-tát Danh một quyển - Không.
- Quán Tự Tại Bồ-tát Phạm Âm Nhất Bá Bát Danh Tán Kinh một quyển - Không.
- Tán Quán Thế Âm Bồ-tát Tụng một Quyển.
- Phạm Âm Ngũ Tán Cập Bát Đại Bồ-tát Tán Kinh một quyển - Không.
- Vô Minh La Sát Tập Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Bát Thiên Tụng Thỉnh Vấn Pháp Thân Tán một quyển - Không.

- Phạm Âm Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Nguyện Tán - Không.
- Phạm Âm Văn Thù Nhất Bá Bát Danh Tán Kinh một quyển - Không.
- Đại-tỳ-lô-giá-na Quán Đảnh Kiết Tường (799) Tán một quyển - Không.
- Khuyến Phát Chư Vương Yếu Kệ Kinh một Quyển.
- Mã-minh Bồ-tát Truyện một quyển - Huệ Lâm.
- Long Thọ Bồ-tát Truyện một quyển - Huệ Lâm.
- Đại A-la Hán Sở Thuyết Pháp Trụ Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Phân Biệt Nghiệp Báo Lược một quyển - Huyền Ứng.
- Bà Tẩu Bần Đậu Pháp Sư Truyện một quyển - Huyền Ứng.
- Long Thọ Bồ-tát Thuyết Pháp Yếu Kệ một quyển - Huyền Ứng.
- Long Thọ Bồ-tát Khuyến Giới Vương Tụng một quyển - Huyền Ứng.
- Tân Đầu Lô-đột-la-xà Thuyết Pháp Kinh một quyển - Huyền Ứng.
- Thỉnh Tân Đầu Lô Pháp một quyển - Huệ Lâm.
- Đề-bà-Bồ-tát Truyện một quyển - Huệ Lâm.
- Ca-đinh-Tỳ-kheo Thuyết Đương Lai Biến Kinh một quyển - Huệ Lâm.
- Thắng Tông Thập Ác Nghĩa Luận một quyển - Huệ Lâm.
- Kim Thất Thập Luận ba quyển - Huệ Lâm.
- Bên phải là ba mươi chín kinh sáu mươi hai quyển đồng âm với quyển này.

A DỤC VƯƠNG KINH

Huệ Lâm soạn

QUYỂN 1

Hoàn xuyến ngược lại âm hoạn quan Trịnh Huyền chú giải Chu Lễ rằng: Hoàn là cái vòng. Lại nữa Trịnh Quyền chú giải rằng: Hoàn là cái vòng tròn, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh hoàn âm hoàn là âm huỳnh kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ hoàn tức là tử mẫu hoàn bổn nghĩa quái lạ.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 2

Nhập-lam-tỳ-ni-lâm ngược lại âm trên Lạp-đam tiếng Phạm, nước xá vệ, vườn ngự uyển của vua.

Bối tử ngược lại âm bôi muội sách Thuyết Văn nói: Loài thủy tộc dưới biển, chữ tượng hình, xưa đó hàng hóa là bối mà cũng là bảo vật tức là mai con rùa.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 3

Thiên anh ngược lại âm ách hoành Tự Thư cho rằng: Cái bình cổ dài, sách Thuyết Văn viết từ bộ phữu đến bộ huỳnh thanh tĩnh, kinh văn viết chữ anh tục dùng cũng thông dụng.

Tương ban ngược lại âm ban vẫn sách văn cho rằng: Nắm trong tay bột mì khô cùng nhau bôi trét, thoa, chữ viết từ bộ thủ thanh phân kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ ban tên của cây, dùng sai chữ.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 4

Bát-ma-bà-để ngược lại âm để lễ tiếng Phạm.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 5

Sơn áp ngược lại âm ư giáp Cố Dã Vương cho rằng: Áp giống như trên cao giáng xuống đè xuống, Đỗ Dự chú giải Tam Thương truyện rằng: Áp là hao tổn hại, sách Thuyết Văn cho rằng: Hư hoại chữ viết từ bộ thổ thanh yểm âm yểm ngược lại âm giáp kiêm.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 6

Ban bác ngược lại âm bổ giác sách Hán Thư nói rằng: Trắng đen hòa trộn lại gọi là bác sách Thuyết Văn cho rằng: Không thuần màu sắc, chữ viết từ bộ mã thanh bác kinh văn viết chữ tuấn tên của con thú, chẳng phải nghĩa kinh.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 7

Vô-dụng-tuấn-để ngược lại âm trên chỉ tuấn tiếng Phạm.

Dung tiêu ngược lại âm trên du dung Hán Thư cho rằng: Giống như vàng, kim loại ở trong lo luyện đúc chỗ gọi là làm cho nóng chảy ra, âm nghĩa gọi là lò đúc tiền, sách Thuyết Văn nói: Phương pháp lò đúc kim khí chữ viết từ bộ kim thanh dung.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 8

Sanh-danh-đà-kíp ngược lại âm kiềm kiếp tiếng Phạm.

Nhuế liễu ngược lại âm tiết duế sách Quốc Ngữ nói: Nhuế là con bướm ngài, con ong, con bò cạp, đều có thể hại người, sách Đại Đái Lễ nói rằng: Băm thịt con bà cạp ngăm làm tương chua chủ tụ tập lại để ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước Tần gọi là nhuế chữ viết từ bộ trùng thanh nhuế âm duế ngược lại âm duyết nhuế âm nhuế đồng với âm trên.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 9

Thân khanh ngược lại âm khách hoành sách Nhĩ Nhã cho rằng:

Khanh là cái hầm rổng, Quách Phác chú giải rằng: Cái hào, cái ao sâu gọi là khưu hư Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cái hang hóc, cái hầm, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thổ thanh khanh kinh văn viết từ bộ thạch viết thành chữ khanh là chẳng phải.

A DỤC VƯƠNG KINH
QUYỂN 10

Tảo quát ngược lại âm trên tảo tao ngược lại âm dưới quan bát Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Quát là chà xát, sách Thuyết Văn cho rằng: Mổ xẻ, cạo gọt chữ viết từ bộ đao thanh thiệt.

Loát thân ngược lại âm sở bát sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loát là chà sạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Cạo chữ viết từ bộ đao đến bộ loát thanh tĩnh âm loát đồng với âm trên.

****

A DỤC VƯƠNG TRUYỆN

Huệ Lâm

QUYỂN 1

Sang trừ lại âm chữ trư sách Khảo Thanh cho rằng: Trừ là tích chứa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chờ đợi cất chứa tàng trữ, Văn Tự Điển nói: Trừ là cất chứa, cất giữ chữ viết từ bộ nhân thanh chư âm đãi ngược lại âm trực lý.

Xế võng ngược lại âm trên xương nhiệt ngược lại âm dưới vũ phòng Cố Dã Vương cho rằng: Võng đó lưới là la cổ cũng gọi là la võng sách Khảo Thanh cho rằng: Câu thúc sách Thuyết Văn cho rằng: Bao hy chỗ gọi là buộc dây giăng dưới đồng ruộng để bắt cá, chữ viết từ bộ quynh dưới giống như lưới võng âm quynh ngược lại âm minh địch kinh văn viết chữ võng là chữ cổ.

Ải tiểu ngược lại âm ách giới Cố Dã Vương cho rằng: Ải giống như bức bách nhỏ hẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh ích.

A DỤC VƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN 2

Phái thân ngược lại âm bách mại sách Thuyết Văn cho rằng: Nước tự chảy riêng dòng khác, phân rẻ ngã khác, chữ viết từ bộ tráo đến bộ thủy tục viết chữ phái tục dùng thông dụng.

Uyển lạc ngược lại âm trên miển viển theo Mao Thi Truyện cho rằng: Dáng vẻ đẹp uuyển chuyển, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh uyển.

A DỤC VƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN 3

Trảo quắc ngược lại âm cư bích.

A DỤC VƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN 4

Thủy hộc ngược lại âm hồng cốc sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Tên của loài chim, sách Thuyết Văn nói Chim hồng hộc, loại chim thuộc giống nhạn, sách Khảo Thanh cho rằng: Một khi cất lên bay xa ngàn dặm, chữ viết từ bộ điểu thanh cáo.

Đao sóc ngược lại âm song tróc Quảng Nhã cho rằng: Sóc là cây mâu, Bì Thương cho rằng: Dài một trượng tám, sách Thuyết Văn viết từ bộ mâu thanh tiêu.

A DỤC VƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN 5

Nghị kỳ ngược lại âm nghi ký Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nghị là cắt xẻo, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Hình phạt xẻo mũi, Thuyết Văn cho rằng đồng nghĩa chữ viết từ

bộ đao thanh nghị hoặc là viết từ bộ tỵ viết thành chữ nghị cũng thông dụng, âm nghiệt ngược lại âm ngôn yết.

Kình đăng ngược lại âm cạnh ngưỡng Tự Thư cho rằng: Kình là giơ cao lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh kính.

A DỤC VƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN 6

Bất noãn ngược lại âm nô đoản sách Thuyết Văn cho rằng: Ấm áp chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn kinh văn viết từ bộ nhật viết thành chữ noãn là chẳng phải.

Lâm lậu ngược lại âm trên lập kim theo Thanh Loại cho rằng: Tiểu tiện nhiều lần, sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh lâm kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ lâm nghĩa là rót nước, chẳng phải nghĩa kinh.

Thư trùng ngược lại âm trên thất dư theo Thanh Loại cho rằng: Thư là con giòi, sách Thuyết Văn cho rằng: Con giòi đục khoét làm mủ trong thịt, trong thịt có vi trùng, chữ viết từ bộ nhục thanh thư kinh văn viết chữ thư nghĩa là bệnh ung thư chẳng phải nghĩa thư trùng.

Bà tảo ngược lại âm trên bạch ma sách Khảo Thanh cho rằng: Ba giống như tảo Cố Dã Vương cho rằng: Lấy tay cào gãy thịt gọi là ba sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh ba hoặc là từ bộ trảo viết thành chữ ba ngược lại âm dưới tảo tạo sách Khảo Thanh cho rằng: Chà xác, sách Thuyết Văn cho rằng: Cạo sạch chữ viết từ bộ thủ thanh tảo âm tảo là âm tảo.

Thanh ứ ngược lại âm ư ngự sách Thuyết Văn cho rằng: Tích tụ máu, chữ viết từ bộ tật thanh ư.

Trích phạt ngược lại âm trúc cách Mao Thi Truyện cho rằng: Trích là quở trách, sách Phương Ngôn cho rằng: Trích là phẩn nộ, giận dữ, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trích là khiển trách sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh trích.

A DỤC VƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN 7

Dục hạt ngược lại âm hàng các Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hạt là làm cho khô cạn kiết. Quảng Nhã cho rằng: Hạt cũng là hết sạch chữ viết từ bộ thủy thanh cố.

Hiềm tật ngược lại âm trên diệp kiêm sách Khảo Thanh cho rằng: Hiềm là nghi ngờ, trong lòng xấu ác, sách Thuyết Văn cho rằng: Trong lòng không bình yên chữ viết từ bộ nữ thanh kiêm trong truyện viết từ bộ tâm viết thành chữ hiềm cũng thông dụng, ngược lại âm dưới là tật Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hại người hiền gọi là tật sách Khảo Thanh cho rằng: Tật đố tức là ghen tỵ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nữ thanh tật hoặc là viết chữ tật viết thành chữ tật tật là tật bệnh chẳng phải nghĩa kinh.

Nguyện thực ngược lại âm dưng chức sách Xuân Thu cho rằng: Mặt trời có con trùng ăn, Đỗ Dự chú giải rằng: Mặt trăng đi mau, tháng giêng một vòng có một ngày, một năm phàm mười hai tháng, măth trăng và mặt trời giao hội gặp nha, có khi gặp nhau mà không có ăn, chỉ là đúng tháng dương, người quân tử cấm kỵ điều nnày, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng đến bộ thực thực cũng là thanh.

Sĩ thí âm trên là sĩ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Sĩ là chờ đợi. Lại viết chữ sĩ Vệ Hoằng hoặc là viết chữ sĩ chữ viết từ bộ nhân thanh sĩ.

Ngưỡng tai ngược lại âm trên nhược dương sách Thuyết Văn cho rằng: Cúng tế trừ bỏ tai ương, bệng ung dịch, người xưa gọi là tống khứ ma quỉ gây mầm dịch bệnh, sách Khảo Thanh cho rằng: Cúng tế để trừ tai họa tạ ơn, sách Thuyết Văn (800) viết từ bộ thị thanh nhương.

****

A DỤC THÁI TỬ PHÁP ÍCH HOẠI MỤC NHÂN DUYÊN KINH

Huyền Ứng soạn.

Tuy hóa ngược lại âm tư duy sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuy là an ổn sách Thượng Thư cho rằng: Năm trăm dặm, lui binh năm trăm dặm, mai phục an ổn, Khổng An Quốc chú giải rằng: Đó là chính giáo của vua.

Kiêu nhữ ngược lại âm cổ nghiêu sách Thuyết Văn cho rằng: Chim bất hiếu đến mùa đông, bắt chim kiêu xé ra đầu treo trên cây.

Nạo ngô ngược lại âm nãi bòa, nãi gião hai âm. Nạo là quấy

nhiễu.

Nguyên nguyên nói nguyên nguyên đó là chẳng phải một người dân. Xưa đó gọi dân là thiện, nói người thiện tốt lành là bởi vì thiện là nguyên là mới bắt đầu cho nên nói là lê nguyên.

Xá hựu âm xá là âm xá xá là an trí đặc để, ngược lại âm dưới vu cứu hựu là tha thứ khoang dung, sách Chu Lễ cho rằng: Có ba loại tha thứ: Một là tha thứ người không hiểu biết; hai là tha thứ người có lỗi nhỏ; ba là tha thứ người hay quên.

Điên quệ lại viết chữ điên hai chữ tượng hình cũng đồng ngược lại âm đinh hiền ngược lại âm dưới cư nguyệt điên quệ giống như đốn ngã, vấp té ngã nhào.

Liêu nhân ngược lại âm lực điêu liêu là đánh gõ, liêu cũng là xúc chạm, va chạm cũng gọi là làm trò nô đùa, đùa giỡn.

Âm ách sách Thuyết Văn viết chữ âm ngược lại âm ư cấm gọi là lớn tiếng, âm dới viết đúng nghi là á ngược lại âm ư cách gọi to, hô to sách Kử Ký nói rằng: Hét to âm á là hét to cho ngàn người nghe phế bỏ, kinh văn viết chữ ách ngược lại âm ư cách ách là ưu phiền, lo buồn, ách là mắc nghẹn hơi đi ngược.

****

TỨ A HÀM MỘ SA GIẢI

Huyền Ứng soạn

QUYỂN THƯỢNG

Bà diệp ngược lại âm trường giáp tiếng Phạm nói là An-đà-la-bà-ba đây dịch là y ngũ điều.

Tấu muội ngược lại âm trên thanh cấu chim hạc.

Xác-mạt-đơ ngược lại âm trên sang hạt tiếng Phạm gọi là tận hết sạch.

Ba chiêm ngược lại âm xích chiêm lại cũng âm đô giáp tiếng Phạm nói Hậu-ba-chiên-tức.

TỨ A HÀM MỘ SA GIẢI
QUYỂN HẠ

Tát sát ngược lại âm tử hạt sách Chu Thành Nan Tự nói rằng: Tát là kẹp chặt, kẹp vào giữa, âm giáp ngược lại âm điểu hập.

Soái-la ngược lại âm sở khoái tiếng Phạm nói là A-bà-soái-la-giá đây dịch là ban ngày sáng suốt, thời gian một ngày.

Đế bạt ngược lại âm tha tế.

****

PHÁP CÚ KINH

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Diên thực ngược lại âm thi diên ngược lại âm dưới là thời lực theo chữ diên là mềm mại, nặn hòa dính với, cũng gọi là khuôn đồ sứ, thực là đất sét, đất dẻo dính gọi là thực.

Thao trượng ngược lại âm thô lao sách Thuyết Văn cho rằng: Thao là nắm giữ lấy.

Huỳnh thủy ngược lại âm điểu huỳnh gọi là dòng nước nhỏ, cũng là chảy nhẹ, kinh văn viết chữ tĩnh là chẳng phải.

Ông loa ngược lại âm ô công sách Phương Ngôn cho rằng: Con ong nhỏ đó gọi là ong, Quách Phác cho rằng: Con ong nhỏ bé mềm mại, ngược lại âm dưới lực qua gọi là con ốc sên, âm ông ngược lại âm ô tãn.

Khoái đấu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đây là chữ khoái ngược lại âm khổ hoại Quảng Nhã cho rằng: Khoái là hiểu rõ, âm liễu là âm liễu.

Xã giám lại viết chữ giám cũng đồng, ngược lại âm cổ sàm Quảng Nhã cho rằng: Giám là chiếu soi, giám cũng gọi là cái gương chỗ gọi là xem xét hình tướng.

Thủy thoan ngược lại âm thổ hoàn nước chảy xiết, sách Thuyết Văn cho rằng: Bãi nước cạn chảy nhanh, bày cát ra gọi là lại lại là bãi nước cạn.

Ngu xuẫn ngược lại âm đinh giáng đông dung hai âm sách Thuyết Văn nói xuẫn cũng là ngu.

Tai tấn ngược lại âm tuy nhuận sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tấn là

mau chóng, thời gian vụt qua đi.

Sính tình ngược lại âm sửu tĩnh sách Phương Ngôn cho rằng: Từ giữa đông sơn giang hoài trần sở gọi khoái là sính sách Thuyết Văn nói sính là thông.

PHÁP CÚ KINH
QUYỂN HẠ

Nột nhẫn ngược lại âm nô cốt sách Luận Ngữ nói về lời nói mà mau chóng về việc làm, sách Bao Thị gọi nột là trì độn, trì trệ chậm, đần độn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nột là khó nói, ấp úng dè dặt, âm nhẫn ngược lại âm nhi chấn.

Oán tiêm văn cổ viết chữ tàn cũng đồng, ngược lại âm tử liêm Mao Thi Truyện cho rằng: Tiêm là nói ta là người tốt, theo truyện nói rằng: Tiêm giết sạch dứt tuyệt, diệt hết.

Sàn sàn ngược lại âm sĩ sơn sàn là tiếng nước chảy róc rách.

Hổ thuyền ngược lại âm hồ cổ theo Tả Truyện nói rằng: Hổ là người đi theo xa giá của vua, Đỗ Dự chú giải rằng: Hổ là người cản ngăn ngang ngược.

Mạn tha ngược lại âm ma gián âm dưới hoặc là viết chữ đọa cũng đồng, ngược lại âm tha hòa sách Thuyết Văn cho rằng: Mạn là khinh khi, tha là không tin, sách Sở Từ hoặc là viết chữ tha mạn gọi là không nghi ngờ.

Phi tộc ngược lại âm thanh mộc tộc đó là giống như tu họp lại, sách Chu Lễ nói rằng: Tộc là họ tộc chỗ hang ổ, nói người phạm chí chẳng phải đúng vậy.

Môn quặc văn cổ viết chữ hạp cũng đồng, ngược lại âm vu vực sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trước ngưỡng cửa gọi là hoặc Quách Phác cho rằng: Tức là cửa hẹp âm trật ngược lại âm thiên kiết.

****

PHÁP CÚ THÍ DỤ VÔ THƯỜNG PHẨM KINH

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 1

Ngõa mai ngược lại âm dưới bối mai sách Khảo Thanh cho rằng:

Dụng cụ, sách Văn Tự Điển nói là cái chén chữ viết từ bộ mộc thanh thủ tục viết chữ bôi kinh văn viết từ bộ phữu viết thành chữ bôi là chẳng phải.

Tiển vạt ngược lại âm trên tiên điển sách Khảo Thanh cho rằng: Để lộ chân ra ngoài, sách Thuyết Văn nói lấy cái chân thân cận với đất, tức là chân đi không mang giày dép chữ viết từ bộ túc thanh tiên ngược lại âm dưới vọng phát sách Thuyết Văn nói: Chân mang vớ, tất chữ viết từ bộ vi thanh vạt hoặc là từ bộ vi thanh vạt hoặc lag từ bộ cách viết thành chữ vạt cũng viết chữ mạt.

Như huỳnh tịnh thủy âm huỳnh ngược lại âm huỳnh quýnh sách Khảo Thanh cho rằng: Huỳnh tịnh thủy là dòng nước không chảy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Dòng nước chảy yếu từ trên đỉnh, chữ huỳnh viết từ bộ thủy thanh huỳnh kinh văn viết chữ dinh là chẳng phải, ngược lại âm âm dưới tình tính theo Hàn Thi Truyện nói: Tịnh là nước sạch, sách Khảo Thanh cho rằng: Thanh khiết, sách Thuyết Văn cho rằng: Không dơ, chữ viết từ bộ thủy thanh tịnh kinh văn viết chữ tĩnh là cái hầm, chẳng phải nghĩa huỳnh tịnh.

Thao thiết ngược lại âm trên thổ đao ngược lại âm dưới thiên kiết Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tham tài là thao tham ăn là thiết sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thực đều thanh thao thiết.

Ông trùng ngược lại âm ốc công sách Phương Ngôn cho rằng: Con ong nhỏ đó gọi là ông Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Con ông nhỏ bé, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh ông.

Nhiệt yết ngược lại âm yển yết Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Trúng nhiệt, Cố Dã Vương cho rằng: Gọi nắng gắt làm tổn thương nóng nhiệt phiền muộn muốn chết, tức là bệnh cảm nắng, chữ viết từ bộ hỏa viết thành chữ yết ngược lại âm hạt hàn cát âm yển ngược lại âm yết kiền.

Hồ hấp trên là chữ hồ kinh văn viết từ bộ vu viết thành chữ vu người viết sai, ngược lại âm dưới hồ cáp sách Thuyết Văn nói: Uống vào, chữ viết từ bộ khảm thanh hiệp kinh văn viết chữ hạp tục dùng thông dụng, âm thổ hợp chẳng phải nghĩa kinh.

Đạm phạ ngược lại âm trên đàm lam Cố Dã Vương cho rằng: An tịnh, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đạm là an, Hứa Thúc Trong chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Đầy đủ, vui vẻ, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh đảm dưới là âm phạ ngược lại âm phổ bá Quảng Nhã cho rằng: Phạ là yên tĩnh, sách Khảo Thanh cho rằng: Tâm an tĩnh sách Thuyết Văn cho rằng: Vô vi chữ viết từ bộ tâm thanh bạch kinh văn

viết từ bộ thủy viết thành chữ đảm đạm sách viết sai chẳng phải nghĩa kinh.

Tê xuyết ngược lại âm duyển liệt, theo Thanh Loại cho rằng: Xuyết là biếu tặng thức ăn, dâng cúng, rót rượu xuống đất tế lễ, sách Khảo Thanh cho rằng: Tế lễ mùa xuân mà rót rượu cúng thần. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thực thanh xuyết hoặc là viết từ bộ dậu viết thành chữ xuyết âm quỹ là âm quỹ âm xuyết đồng với âm trên.

PHÁP CÚ THÍ DỤ VÔ THƯỜNG PHẨM KINH
QUYỂN 2

Lịch sát ngược lại âm trên linh đích Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lịch là bánh xe lăn, nghiền nát, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ bánh xe cán lên đè nén xuống, chữ viết từ bộ xa thanh lạc âm triển ngược lại âm ni triển.

Khuy du ngược lại âm trên khuyển quy Vương Dật chú giải sách Chu Dịch rằng: Chỗ thấy đó hẹp cho nên gọi là khuy, tức là xem xét, sách Khảo Thanh cho rằng: Khuy là nhìn trộm, sách Phương Ngôn cho rằng: Khuy là nhìn, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh quy hoặc là viết chữ khuy ngược lại âm dưới nddu chu sách Khảo Thanh cho rằng: Du cũng là khuy, Văn Tự Tập Lược nói rằng: Nhìn lén, nhìn trộm, chữ viết từ bộ môn thanh du.

Lô khục ngược lại âm trên lỗ hồ ngược lại âm dưới phò phúc sách Phương Ngôn cho rằng: Gọi tên chung các loại cải bắp, cải díp, đó là lô nguồn gốc là rau cải tục gọi là la bặc Quách Phác chú giải rằng: Cải bắp mà lại nhỏ như đậu vậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Cải yến thanh, tức cải xanh, chữ viết đềutừ bộ thảo đều thanh lô phục.

Phụ đà ngược lại âm dưới đà xĩ sách Khảo Thanh cho rằng: Ngựa lô vác trên lưng vật nặng, sách Vận Lược cho rằng: Lạc đà cũng vác trên lưng vật nặng v.v...

Sở giám ngược lại âm lam hảm Quảng Nhã cho rằng: gương soi, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Gián xem xét, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cũng là răn dạy, ngăn ngừa, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giám là chỗ xem xét hinh tướng, sách Thuyết Văn nói có thể lấy ánh sáng từ nơi mặt trăng dưới nước chữ viết từ bộ kim thanh lam hoặc là viết chữ giám cũng đồng.

Chung chung ngược lại âm chúc dung Bì Thương cho rằng: Chung chung là kinh hoàng lo sợ. Xưa nay chánh tự viết từ bộ tâm thanh công.

Nhương thảo ngược lại âm trên nhược chương Quảng Nhã cho rằng: Thân nhánh lúa gọi là nhương sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hòa thanh nhương kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ nhương tức là cây sen, chẳng phải nghĩa kinh.

Lý tỷ ngược lại âm sở y theo Thanh Loại cho rằng: Vua Vũ mang giàu cỏ giày rách, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tỷ chữ lý tóm lược thanh tỷ hoặc là viết từ bộ cánh viết thành chữ tỷ lại viết chữ lạp.

Tịch tiến ngược lại âm dưới tiên tuyến sách Thuyết Văn cho rằng: Cỏ héo chỗ cho con thú ăn, chữ viết từ bộ thảo thanh tiến sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: Tiến là cỏ để làm chiếu loại cỏ cô bồ cũng là loại cỏ cho ngựa ăn.

PHÁP CÚ THÍ DỤ VÔ THƯỜNG PHẨM KINH
QUYỂN 3

Bạo trướng ngược lại âm trương lượng sách Khảo Thanh cho rằng: Nước dâng lên rất cao, sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: Nước sông dâng lên cao chảy xiết Quách Phác chú giả Giang Phú Truyện rằng: Nước dâng cao tràn ngập.

Khảo lược ngược lại âm lương trượng Quách Phác chú giảin sách Lễ Ký rằng: Lược là đánh, đấm, nện, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lược là đoạt lấy, sách Khảo Thanh cho rằng: Khảo là đánh, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh kinh.

Cầu định đây là chữ định kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ định là chẳng phải, trong sách người viết sai, chữ đỉnh là đồ dùng đựng thức ăn như là cái khay, chẳng phải nghĩa kinh.

Điệu quý ngược lại âm trên đồ đái theo Mao Thi Truyện nói rằng: Buồn thương tiếc, lại điệu là động lòng xót thương, Văn Tự Điển nói là điệu là bi ai buồn thương, chữ viết từ bộ tâm thanh trác ngược lại âm dưới là quỹ quý sách Khảo Thanh cho rằng: Tâm kinh động, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh quí.

Khảm kha ngược lại âm trên kham cảm Bì Thương cho rằng: Tiếng xe chạy rầm rầm, sách Khảo Thanh cho rằng: Chiếc xe chạy không có

bằng phẳng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xa thanh hàm âm dưới là khả Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khảm khả là xe không gặp may, theo Thanh Loại cho rằng: (801) chiếc xe nhỏ mà trục đã gãy phải sửa chữa lại nên gọi là khả sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếp giáp với cái trụ chữ viết từ bộ xa thanh khả.

Tẫn mai ngược lại âm tân nhẫn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tẫn là bỏ xác chết vô hòm quan tài, Công Dương Truyện cho rằng: Lo việc mai táng, liệm vào quan tài gọi là tẫn âm tẫn là âm tân chữ viết từ bộ ngạc thanh tân kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ tẫn là bỏ đi lôi kéo đuổi đi chẳng phải nghĩa kinh âm ngạc là âm tàn.

PHÁP CÚ THÍ DỤ VÔ THƯỜNG PHẨM KINH
QUYỂN 4

Giác thí ngược lại âm trên giang nhạc Cố Dã Vương cho rằng: Giác giống như là cạnh tranh thắng bại Cao Dụ chú giải sách Xuân Thu rằng: Giác giống như là thử, dò xét, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đao đến bộ ngư bộ nhục thanh tĩnh kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ giác là chẳng phải.

Chỉ bác ngược lại âm dưới bổ mạt Quảng Nhã cho rằng: Bát là trừ bỏ, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Bỏ đi, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh phát.

Đính đậu ngược lại âm trên đinh định Cố Dã Vương cho rằng: Đinh gọi là đặc để dọn tiệc bày thức ăn trong mâm, sách Khảo Thanh cho rằng: Để thức ăn vào trong bát, ngược lại âm dưới là đậu sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng gọi thức ăn vào trong mâm, chữ viết từ bộ thực kinh văn viết từ bộ đậu viết thành chữ đậu tục dùng cũng thông dụng.

Sắc nhiên ngược lại âm trên sở trắc sách Khảo Thanh cho rằng: Sợ sệt, sợ hải, kính phục oai vệ, Văn Thông Dụng cho rằng: Sợ nhỏ gọi là sắc Bì Thương cho rằng: Cũng là sợ, Công Dương Truyện cho rằng: Sắc nhiên là kinh hãi giựt mình, sách Thuyết Văn viết từ bộ khiếm thanh sắc kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ sắc là sai âm sắc đồng với âm trên.

Duệ thông ngược lại âm dĩ duế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Duệ là thông suốt nơi kỹ thuật Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Duệ là sáng suốt, Quảng Nhã cho rằng: Duệ là trí tuệ,

sách Thuyết Văn viết từ bộ duệ đến bộ cốc tóm lược thanh mục kinh văn viết từ bộ thù viết thành chữ duệ là sai, âm duệ ngược lại âm tài an.

Duy trướng ngược lại âm vĩ khuy Quảng Nhã cho rằng: Duy cũng là trướng, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Màn che một bên gọi là duy màn che trên phủ xuống gọi là mạc sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh duy kinh văn viết chữ vĩ là túi thơm chẳng phải nghĩa kinh, ngược lại âm dưới trương lượng sách Thuyết Văn cho rằng: Trướng là bức trướng căng ra có viết chữ, chữ viết từ bộ cân thanh trường.

Nghịch ngạo khiêu chi âm ngạo là âm ao sách Khảo Thanh cho rằng: Phóng đãng, Quảng Nhã cho rằng: Kiêu mạn, khinh khi, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh ao kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ ngạo là chẳng phải, âm khiêu là âm chiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Nhảy lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Vấp té ngã quỵ, chữ viết từ bộ túc thanh khiêu.

Bình sa ngược lại âm trên tinh minh tiếng Phạm tên của vua Tây Vực.

****

PHẬT THUYẾT PHÁP CÚ KINH

Huệ Lâm soạn.

Dương diệm ngược lại âm dưới diệp tiệm sách Khảo Thanh cho rằng: Khí mạo bốc lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Lửa cháy dữ dội, chữ viết từ bộ hỏa thanh diệm kinh văn viết chữ diêm cũng thông dụng.

Huất nhĩ ngược lại âm trên huân uất Bình Tông chú giải Tây Kinh Phú Truyện rằng: Huất là bổng nhiên sách Thuyết Văn nói: Bổng nhiên thổi lửa nổi lên, chữ viết từ bộ diêm thanh khảm.

Hằng thằng ngược lại âm trên cang hằng Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hằng là bổng nhiên căng dây cung lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Sợi dây lớn chữ viết từ bộ mịch thanh hằng ngược lại âm dưới thực nhưng Quảng Nhã cho rằng: Thằng là sợi dây kéo thẳng ngay, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cây gỗ theo sơi dây thì là thẳng ngay, sách Thuyết Văn cũng gọi là sợi dây lớn chữ viết từ bộ mịch đến bộ dăng thanh tĩnh âm dăng ngược lại âm dực tăng.

Thiện phiêu ngược lại âm tất diêu Chiến Quốc Sách nói rằng: Phiêu là chỗ cầm cờ xí, sách Khảo Thanh cho rằng: Giơ cao lên có viết

tấm lệnh bài, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh phiêu âm phiêu đồng với âm trên.

Tức hư ngược lại âm dưới là hứa cư Cố Dã Vương cho rằng: Xuất hơi từ từ gọi là hư Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hư là tiếng thán từ biểu thị ý ngăn cản, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh hư.

Sủy tài ngược lại âm sơ lủy Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là đoán, đo lường, Quảng Nhã cho rằng: Sủy là động ngầm đánh giá, sách Thuyết Văn nói: Đo lường, chữ viết từ bộ thủ thanh đoan âm đoan là âm đoan.

Ry ương ngược lại âm trên ký nghi Văn Tự Điển nói dây cương buộc đầu con ngựa, chữ viết từ bộ võng đến bộ ky ky là dây cương buộc ngựa hoặc là viết từ bộ cách viết thành chữ ky kinh văn viết chữ ký là chữ cổ âm chiêm ngược lại âm châm lập ngược lại âm dưới ương lượng.

****

CA DIẾP KIẾT KINH

Huệ Lâm soạn.

Khuông ngã ngược lại âm khúc vương sách Khảo Thanh cho rằng: Khuông là bù bổ thêm, giúp đở, hổ trợ, theo kinh văn viết từ bộ trúc viết thành chữ khuông nghĩa cũng đồng.

Huyễn hiệt ngược lại âm huyền quyến Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Huyễn là nhìn, Cố Dã Vương cho rằng: Huyễn là đưa mắt nhìn, ra hiệu bằng mắt khiến cho người ta hiểu mật ý, hoặc là mật ngữ, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Liếc mắt chữ viết từ bộ mục thanh nhuyễn âm huyễn đồng với âm trên.

Đàn chỉ ngược lại âm trên đạt an Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: Đàn chỉ là va chạm đến, xúc chạm, sách Thuyết Văn cho rằng: Đàn là cầm nắm giữ lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh đan.

Giá khởi ngược lại âm trên ngôn kiện Thiên Thương Hiệt cho rằng: Giá là nghinh tiếp, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh ngôn âm xước ngược lại âm sửu lược.

****

TAM HUỆ KINH

Huệ Lâm soạn

Yết điểu ngược lại âm trên kiền nghiệt sách Khảo Thanh cho rằng: Yết là giơ cao lên, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Yết cũng là cao, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh hạt âm hạt là âm hạt.

Dĩ ảnh ngược lại âm ư lang sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ảnh là cái chậu sành, Quách Phác chú giải rằng: Cái bồn, sách Thuyết Văn viết chữ ảnh ảnh cũng là cái chậu, chữ viết từ bộ ảnh thanh ương âm phữu ngược lại âm âm phù cú âm mảnh ngược lại âm minh bính.

Cầu cái ngược lại âm dưới cai ngãi Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đi cầu xin thỉnh mời, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cái là người đi xin ăn, chữ viết từ bộ bao thanh vong âm bao là âm tích nhân.

Hiểu thủy lại âm chữ dực chu lại âm diêu tiểu sách Khảo Thanh cho rằng: Cán gào múc nước, hoặc là viết chữ huyệt chữ hấp kinh văn viết chữ khí là chẳng phải.

****

TUYỂN TẬP TAM TẠNG KINH CẬP TẠP TẠNG

Huệ Lâm soạn.

Hoàn khí ngược lại âm hoán quan theo Mao Thi Truyện nói rằng: Hoàn là xưa củ, sách Thuyết Văn cho rằng: Hoàn toàn, chữ viết từ bộ miên thanh nguyên âm miên là âm miên.

Bi oán ngược lại âm ô quyền Văn Tự Tập Lược nói rằng: Oán than thở buồn hận, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh uyển.

Nạo giảo ngược lại âm trên hảo cao Quảng Nhã cho rằng: Nạo là nhiễu loạn, sách Thuyết Văn nói nạo cũng là giảo là quấy rối nhiễu loạn, chữ viết từ bộ thủ thanh nghiêu cũng viết chữ hao là chẳng phải.

Lô tiển ngược lại âm lỗ đo sách Phương Ngôn lô gọi là nối tiếp theo, tiếp tục, Quách Phác chú giải rằng: Lô là sợi chỉ, sách Thuyết Văn cho rằng: Sợi chỉ gai, chữ viết từ bộ mịch thanh lô âm mịch là âm mịch ngược lại âm dưới là tiên tiến kinh văn viết từ bộ diên viết thành chữ diên âm diên là âm diên chẳng phải ý kinh.

Kinh vỹ ngược lại âm dưới vi quý sách Đại Đái Lễ Đông Tây gọi là vỹ sách Quốc Ngữ nói rằng: Sợi dệt đường kinh tuyến ngang, cũng là đường kinh tuyến giữa trời và đất, sách Thuyết Văn nói sợi tơ ngang kết nối sợi tơ dọc, chữ viết từ bộ mịch thanh vĩ.

A TỲ ĐÀM NGŨ PHÁP HÀNH KINH

- Không có chữ có thể giải thích âm.

****

TIỂU ĐẠO ĐỊA KINH

Huệ Lâm soạn.

Suyển hy ngược lại âm trên xuyên nhuyễn Quảng Nhã cho rằng: Suyển là chuyển đổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Thở hổn hển, chữ viết từ bộ khẩu thanh đoan âm đoan là âm đoan âm dưới là hy Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hy là đau buồn, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khóc lớn dư nước mắt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khảm thanh hy.

****

NHẤT BÁCH NGŨ THẬP TÁN PHẬT TỤNG

Huệ Lâm soạn.

Tuẫn mạng ngược lại âm trên tuần tuấn Giả Quỳ chú giải Nghị Phục Điểu Phú Truyện rằng: Người ham danh lợi không kể mạng sống, sách Hán Thư Thần Quỳnh Truyện nói rằng: Lấy thân thươ vật mà chét gọi là tuẫn sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngạc thanh tuần âm ngạc là âm cạch.

Lung lệ ngược lại âm dưới linh kế Bì Thương cho rằng: Lẫm lệ kính sợ, Quảng Nhã cho rằng: Lệ là phẫn nộ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ tâm thanh lệ.

Ngưu thương ngược lại âm thư lương Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hai cây gỗ kẹp lại đầu nhọn nhảy bén, sách Thiên Văn Chí cho rằng: Thương là hai đầu nhảy bén, tức là nay người ta gọi là cây súng, cũng đồng, sách Khảo Thanh cho rằng: Bắn đi cự ly rất xa cũng gọi là chống cự, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh thương cũng viết chữ thương kinh văn viết chữ tương đều là chẳng phải.

****

KIM CANG ĐẢNH KINH THẬP LỤC ĐẠI BỒ TÁT TÁN

- Chữ tán trong mục có âm giải thích.

****

VĂN THÙ SƯ LỢI PHÁT NGUYỆN TÁN

- Không có chữ khó có thể giải thích.

****

PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN TÁN

- Chữ tán trong mục có giải thích.

****

LỤC BỒ TÁT DANH DƯƠNG TỤNG TRÌ KINH

- Không có chữ khó có thể giải thích.

****

LIÊN HOA BỘ NHẤT BÁCH BÁT DANH TÁN

- Chữ tán từ trong có thể giải thích.

****

TÁN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT TỤNG KINH

Huệ Lâm soạn.

Hồng nghê ngược lại âm trên hồ công ngược lại âm dưới nghiên hề, sách Lễ Ký nói rằng: Sách Nguyệt Lịnh nói đến mùa xuân là bắt đầu thấy cầu vòng, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nghê là áng mây có màu sắc như rồng, âm nghĩa Hán Thư cho rằng: Con gà trống gọi là hồng con gà mái gọi là nghê sách Văn Tự Điển nói rằng: Cầu vồng hình dáng giống như con trùng, chữ viết từ bộ trùng đều là thanh công nghê âm đế là âm đế âm đông là âm đinh khổng.

Hao hống ngược lại âm trên hách giao Bì Thương cho rằng: Hao là tiếng con cọp gầm giận dữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng con hổ rống, chữ viết từ bộ hổ thanh cửu hoặc là viết chữ hao ngược lại âm dưới hồ cẩu theo Thanh Loại cho rằng: Hống là tiếng rống, sách Khảo Thanh

cho rằng: Tiếng rống lớn, Văn Tự Điển nói tiếng con cọp gầm rống, tru lên, chữ viết từ bộ khẩu thanh ngưu hoặc là viết từ bộ cú viết thành chữ câu lại viết chữ cú kinh văn viết chữ hao hống tục dùng chẳng phải.

Sài giai ngược lại âm trên sĩ nhai sách Thuyết Văn nói rằng: Sài là răng khểnh cao thấp hoặc đều. Lại gọi là mở miệng ra thấy răng, chữ viết từ bộ xĩ thanh thử ngược lại âm dưới ngạch giai sách Khảo Thanh cho rằng: Con chó cắn lộn lòi răng ra không đồng đều.

Tướng phệ ngược lại âm thời chế sách Chu Dịch cho rằng: Phệ là cắn sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh phệ âm phệ đồng với âm trên.

Tiên thạch ngược lại âm tiên tiên sách Văn Tự Tập Lược nói: Tiên là nước dơ không sạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước bùn bắn lên tung tóe, phải phơi cho khô đi, chữ viết rtừ bộ thủy thanh tiện.

Chiêm lợi ngược lại âm trên tức liêm âm nghĩa Hán Thư cho rằng: Chiêm cũng là lợi, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc cái thuổng, cái mai, cái thiêu để đào đất, chữ viết từ bộ kim thanh thiệt âm tháp ngược lại âm sa giáp.

Ôn thích ngược lại âm trên là ẩn hồn Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Ôn là nhan sắc hòa hoãn, Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Ôn gọi là nhu hòa, sách Lễ Ký cho rằng: Mùa đông mà ấm áp, mùa hè lại mát sách Khảo Thanh cho rằng: Ấm áp sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh ôn âm ôn đồng với âm trên, kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ ôn là có hai âm, chẳng phải nghĩa kinh cho nên không lấy.

****

NGŨ TÁN BÁT ĐẠI BỒ TÁT TÁN ĐẲNG

- Không có chữ có thể giải thích.

****

VÔ MINH LA SÁT TẬP

Huệ Lâm soạn

Quật trạch khổ cốt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đào đất làm nhà, theo Thanh Loại cho rằng: Cái hang của con thỏ trốn, sách Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ huyệt thanh khuất.

Ấm ma ngược lại âm ư cấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức tên của ngũ ấm, chữ viết từ bộ thảo thanh âm chữ âm đúng là từ bộ phụ đến bộ vân nay thanh kinh dùng chữ âm tục dùng thông dụng.

Pháp loa ngược lại âm lô qua thuộc loài hải giới, dụ cho tiếng tốt dẹp nghe rất xa, kinh văn viết chữ ung là chẳng phải.

Phiếm đại ngược lại âm phương phạm tục tự cũng thông dụng, chữ đúng từ bộ phiếm viết thanh chữ phiếm chữ hình thanh.

Pháp phàm âm phàm gọi là thuyền buồm chữ viết từ bộ cân thanh phàm.

Hồi phục ngược lại âm bằng ốc gọi là nước chảy ngược dòng, nước chảy uốn lượn xoáy quanh.

Huyền hiểm ngược lại âm hương yểm chữ viết từ bộ phụ kinh văn viết từ bộ sơn viết thành hiểm là chẳng phải.

Hiển trứ ngược lại âm chư lô chữ viết từ bộ thảo đến bộ giả kinh văn viết từ bộ dương viết thành chữ trứ là chẳng phải.

Khẫn-na-trùng ngược lại âm kinh dẫn tiếng Phạm dụ đây là loại trùng có ba thời biến sắc, ban đầu màu đát, kế đến màu đỏ, sau cùng màu đen, kinh văn viết chữ trùng là tóm lược.

Khoái lạc ngược lại âm trên khoa quái âm dưới là lạc.

Dược bể ngược lại âm tất mể cây dùng để khuấy thuốc, chữ viết từ bộ mộc thanh tỳ.

Nhãn mạc âm mạc nhiệt lượng gọi là mạc, cái màng mỏng bén trong chữ viết từ bộ nhục.

The đăng ngược lại âm trên thể hề ngược lại âm dưới đắc hằng hai chữ đều từ bộ mộc.

Tương tùng ngược lại âm tề dụng theo chữ từ bốn bộ nhân đến bộ xước.

Ương-quật-ma-la ngược lại âm quẩn luật tên người.

Trường trảo trên là chữ trường kinh văn viết từ bộ thảo cũng thông dụng âm dưới là trảo trảo là móng tay hoặc là viết từ bộ thủ.

Ảm-mạt-sá ngược lại âm ô cam.

Thi-la-bặc ngược lại âm hồ bắc đã trên ba câu đều là tên của các ngoại đạo.

Năng thích ngược lại âm thi diệt loài côn trùng đi gieo độc hại ngược lại cũng âm ha các.

Thứ thích âm trên là thứ âm dưới là thích âm trên là đúng, âm dưới tục tự cho rằng đúng thể, từ bộ thứ viết thành chữ thứ âm thứ là âm thứ.

Khứu thất ngược lại âm hứa cứu dùng cái mũi chính là để ngửi gọi là khứu.

Chi lược ngược lại âm cường lượng Tự Thư cho rằng: Dụng cụ bắt cầm thú.

Tật đố ngược lại âm đô cố chữ viết từ bộ hộ kinh văn viết chữ đố hoặc là viết chữ cấu đều chẳng phải.

Thân tác ngược lại âm tang lạc.

Duyên tỏa ngược lại âm tang quả chữ viết từ bộ kim thanh tỏa âm tỏa đồng với âm trên, kinh văn viết từ bộ sào viết thành chữ tỏa tục tự dùng cũng thông dụng.

Ác quyến ngược lại âm quyết luyến âm dưới hai chữ đều đồng.

Phu lộc âm lộc.

Sở xạ âm thạch.

Trí toàn ngược lại âm tổ loạn dưới hai chữ đều binh thanh.

Dĩ hoặc âm ky sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ dĩ nhưng lại có uốn cong trên không hợp, dưới là chữ hoặc từ bộ tâm.

Triết xá vương ngược lại âm trên chiên nhiệt âm kế là trích da tiếng Phạm dụ đây là vua. Tức là không có động tên gọi khác của ông vua sáng suốt.

Tước-thuyền-na-thành ngược lại âm uy luật âm thiền là âm thiện.

Tuy phủ âm trên là tuy ngược lại âm dưới phu vũ.

Tật dịch âm dịch.

Quá bạn ngược lại âm cổ hòa.

Nhương tai ngược lại âm nhi dương ngược lại âm dưới tái lai.

Xí kịch ngược lại âm xương chí ngược lại âm dưới ký nghịch Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tăng thêm gấp bội, chữ viết từ bộ đao thanh cứ âm cứ ngược lại âm cự ngư.

Lý hạng ngược lại âm ngõa giáng lại cũng viết chữ hạng.

Điêu thứu âm điêu âm tựu loài chim ác.

Ế chướng ngược lại âm trên y kế ngược lại âm dưới là chương nhương chữ viết từ bộ phụ kinh văn viết từ bộ ấp viết thành chữ chướng là chẳng phải.

Tử trang ngược lại âm tang táng từ bộ khốc đến bộ vong viết thành chữ tang là chẳng phải.

Sở cầm âm cầm.

Thu tụy ngược lại âm tình túy.

Xác nhiên ngược lại âm khổ giác xưa nay Chánh Tự viết từ bộ

thạch thanh xác âm xác ngược lại âm khẩu các từ bộ mịch đến bộ truy kinh văn viết từ bộ tái viết thành viết xác là chẳng phải.

Tư sấn ngược lại âm sĩ chấn gọi là truy tầm.

Bảo khải ngược lại âm khổ cái gọi là mũ giáp trụ, mũ sắt đội đi đánh giặc.

Đơn dĩ âm ky sắc mạo âm mạo.

Thi hài âm hài độc lâu ngược lại âm trên độc âm dưới là lâu gọi là xương đầu người.

Huyết tủy ngược lại âm tuy dủy chất mở trong xương tức là tủy, thủ thám ngược lại âm tha hàm chữ viết từ bộ thủ.

Trường đổ ngược lại âm trên là lương ngược lại âm dưới đồ nộ chữ viết đều từ bộ nhục.

Phẫn huyết ngược lại âm trên phân vấn chữ viết từ bộ thái ngược lại âm bạch mạn từ bộ hoa ngược lại âm bổ vu từ bộ cũng âm cũng kinh văn viết từ bộ thổ đến bộ dị là chẳng phải.

Triêm ô ngược lại âm trên là tri liêm ngược lại âm dưới ô cố.

Giao lạc âm lạc.

Tránh thực ngược lại âm trách cánh.

Đấu tranh ngược lại âm trên đương cấu kinh văn viết từ bộ môn viết đến bộ đậu viết thành chữ đấu tục tự dùng cũng thông dụng.

Khiên chế ngược lại âm trên khải kiên chữ viết từ bộ đến bộ mịch bộ ngưu kinh văn viết từ bộ khứu đến bộ thủ là chẳng phải ngược lại âm dưới xiển triết chữ viết từ bộ thủ đến bộ chế hoặc là viết chữ chế.

Kim xí âm thí.

Đột sất ngược lại âm trên đô cốt ngược lại âm dưới chân chất.

Phảng cao âm trên phang âm dưới là cao.

Cam thị ngược lại âm thời chí gọi là tham muốn, hoặc là viết từ bộ dậu đến bộ thực viết thành chữ thị đều là chữ cổ.

Ngữ quỹ âm ngự.

Đầu tiêm ngược lại âm tiếp diêm.

Cố hệ ngược lại âm hề nghệ sách Thuyết Văn cho rằng: Nhìn một cách giận dữ, cùng với chữ hệ đồng âm.

Huy hoắc ngược lại âm hồ quách.

Tai lệ ngược lại âm trên là tai âm dưới lực kệ gọi là bệnh ác nghiệt.

Tử tễ ngược lại âm tùy duệ hoặc là từ bộ cũng đến bộ tễ gọi là chết ngã giữa đường.

Bì khổ âm trên là bì.

Thường huyết âm thường.

Năng giải ngược lại âm cách mãi.

Môn lý âm lý.

Phấn kiếm ngược lại âm phương vấn chữ viết từ bộ đại đến bộ duy đến bộ điền chữ chánh thể, chữ dư là chẳng phải.

Kiều khước ngược lại âm kỳ diêu.

Trước vu ngược lại âm trương lược kinh văn viết chữ trước này là chẳng phải.

Giáp trụ âm giáp ngược lại âm dưới là trì hựu chữ viết từ bộ do đến bộ nhục âm nhục ngược lại âm mạc bảo.

Kỳ kích ngược lại âm kinh nghịch nhàn lạc âm lạc.

Thảm tụy ngược lại âm trên sang cảm âm dưới tình tụy.

Thấp bì ngược lại âm thi nhập sách Thuyết Văn viết từ bộ nhất đến bộ tư đến bộ thổ là đúng âm, kinh văn viết chữ thấp là chẳng phải.

Mang xà âm mang gọi là con rắn lớn, ngược lại âm dưới là xà.

Huỳnh hệ ngược lại âm nhuế dinh âm dưới là kế.

Kỳ yếu ngược lại âm nhất diêu hoặc là viết chữ yếu.

Cự nha ngược lại âm cư ngự.

Trang hồng ngược lại âm hồ công nước dâng cao, lụt lủ.

Hô hấp ngược lại âm trên đúng là chữ hồ ngược lại âm dưới hư cấp.

Xuyết hám ngược lại âm xuyên duyết âm dưới là đạm tục tự dùng cũng thông dụng, viết đúng chữ kháp.

Hám giới ngược lại âm nha lam cũng viết chữ hàm ngược lại âm dưới nha giới hoặc là viết chữ giới hét to, la lớn, giận dữ.

Phiêu một ngược lại âm thất diêu.

Mổng hoành ngược lại âm dương vãng ngược lại âm dưới hoạch mảnh.

Khống phục ngược lại âm ô cống ngược lại âm dưới phong mục.

Trịch quyến ngược lại âm trì kích ngược lại âm dưới quyết luyến

Bạt thiệp ngược lại âm bàn mạt ngược lại âm dưới thực diệp.

Tòng gia ngược lại âm tộc hồng ngược lại âm dưới chu lung kinh văn viết từ bộ thổ tục tự thông dụng.

Sào huyệt ngược lại âm sài giao sách Thuyết Văn viết từ bộ cửu bộ mộc bộ xuyên viết thành chữ sào chữ tượng hình, giống như ổ chim trên cây, kinh văn viết từ bộ quả là chẳng phải.

Hồ lang âm trên là hồ sách Thuyết Văn cho rằng: Yêu thú, hơn nữa là con quỉ, chữ viết từ bộ khuyển đến bộ hồ thanh tĩnh ngược lại

âm dưới lang giống như con chó mà rất lanh lợi, cái trán màu trắng, chữ hình thanh.

Sài ly âm trên là sài con thú trên núi, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc chó sói, chữ viết từ bộ trĩ thanh tài ngược lại âm dưới là ly sách Thuyết Văn cho rằng: Con thú nằm, giống như con mèo, thuộc loại chồn, chữ viết từ bộ trĩ thanh ly.

Bi hổ âm trên là bi thuộc loại gấu, loại gấu lông màu vàng trắng mà rất to lớn, mạng mẻ, dũng cảm, có nhiều sức lực, sách Thuyết Văn cho rằng: Giống như con bi thuộc loại gấu người, chữ viết từ bộ hùng đến chữ bãi thanh tĩnh ngược lại âm dưới hồ cổ.

Si kiêu ngược lại âm trên xỉ chi ngược lại âm dưới hiểu diêu loài chim quái lạ.

Đoàn thực ngược lại âm trên là đoàn.

Ung chủng ngược lại âm trên ung cũng ngược lại âm dưới dung dũng.

Phì trướng ngược lại âm trên phò vi âm dưới trương lượng chữ viết đều từ bộ nhục.

Lạt khát ngược lại âm trên La-cát chữ viết từ bộ thúc đến bộ đao sách Khảo Thanh cho rằng: Trái ngược kinh văn viết chữ ngãi là chẳng phải nói lạt khát đó là nói thô xấu.

Thuân bác ngược lại âm thất tuân trên da nổi mụt, ngược lại âm dưới bang giác.

Đỉnh động âm định.

(803) Chế điện ngược lại âm trên xương nhiệt viết đúng là chữ xế.

Hàm thần âm trên là hàm âm dưới thuận luân.

Đào ba âm trên là đào.

Trần vụ âm vụ.

Mỗi nnh ngược lại âm khôi nội âm dưới mạc bính chữ viết từ bộ quynh đến bộ nhật đến bộ lục thanh quynh tệ ngược lại âm ty duệ gọi là chê đậy.

Tể hoại ngược lại âm tỳ duệ.

Cang cung ngược lại âm trên hạng giang từ chữ giang thanh tĩnh ngược lại âm dưới ông cống từ bộ ngỏa đến bộ ung.

Giáng trướng ngược lại âm trên phó giang ngược lại âm dưới trương lượng.

Thư trùng ngược lại âm trên thất dư kinh văn viết chữ thư là chẳng phải, nghiệp dưới trục dung kinh văn viết chữ trùng là sai.

Bao đột ngược lại âm trên bạch mao ngược lại âm dưới điền liệt.

Phong xuất âm trên là phong.

Ngã vi ngược lại âm vinh ngụy.

Đằng dũng âm dũng ngược lại âm đồ năng chữ viết từ bộ chu.

Chân chân ngược lại âm thi nhẫn hoặc là viết chữ thẫn nhẫn gọi là mĩm cười.

Dục phu chữ tượng thanh.

Thính ngã ngược lại âm thể doanh mâu thuẫn ngược lại âm trên mạc hậu âm dưới là thuận chữ từ bộ mộc.

Tháp ba tiêu ngược lại âm đàm lạp âm kế là ba âm dưới tiều tên của cây cỏ.

Hỷ lạc chi lạc ngược lại âm trên ngũ giáo âm dưới là lạc.

Dĩ mạng âm ky.

Phủ chước ngược lại âm dương nhược.

Truy hà ngược lại âm trực truy.

Ngẫu hóa ngược lại âm ngũ cẩu.

Bỉnh trí âm bính tay cầm nắm bông lúa gọi là bỉnh.

Câu nhị ngược lại âm cổ hầu âm dưới là nhị.

Câu khiên ngược lại âm di hiền.

Hữu lạc âm lạc.

Bỉ tiện ngược lại âm bi mỹ.

Tẩu đắc ngược lại âm sương tróc.

Yểm túc ngược lại âm y diệm chữ bình thanh.

Dăng đọa ngược lại âm dực tăng ngược lại âm dưới đồ ngọa.

Trị nhữ âm trì.

Cấm ngã âm kim.

Khuy tổn ngược lại âm khuất nguy sách Thuyết Văn viết từ bộ vu đến bộ hổ đến bộ duy.

Đoản xúc ngược lại âm thủ dục.

Kiêu loạn ngược lại âm nĩ điểu.

Dục đạo khẩu ngược lại âm đường lão sách Vận Thuyên nói rằng: Đạo khẩu là giảng nói pháp.

Kiên ngạnh ngược lại âm ngạch canh hàm thủy âm hàm.

Du tăng âm du.

Bẩm lê ngược lại âm lập cẩm.

Hội náo ngược lại âm trên hồi ngoại ngược lại âm dưới nô điểm tục viết chữ náo kinh văn viết náo là không thành chữ.

Nhiễu loạn ngược lại âm nhi chiểu sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ

đến bộ ưu âm ưu ngược lại âm nô chữ ưu từ chữ dĩ đến bộ hiệt đến bộ chỉ kinh văn viết từ bộ ưu viết thành chữ nhiễu là sai.

Phong thái âm phong.

Kiếm sóc âm sóc.

Đầu uyên ngược lại âm nhuế duyên gọi là sâu xa, giống như dưới nước sâu.

Chích thân ngược lại âm chinh diệc âm trên từ bộ nhục.

Cức thứ ngược lại âm trên cư lực chữ viết từ bộ thứ kinh văn viết chữ lai là chẳng phải, ngược lại âm dưới thử tứ chữ viết từ bộ đao thanh thứ kinh ăn viết từ bộ hiệp là chẳng phải.

Biến duyên ngược lại âm trên tất miên ngược lại âm dưới duyên huyền.

Khẩn thực ngược lại âm khang ngận gọi là cày ruộng, âm dưới thừa lực gọi là trồng trọt.

Khinh táo ngược lại âm tao đáo không an tịnh.

Đam trước ngược lại âm trên đa cam âm dưới trương lược.

Chư khiên ngược lại âm khương ngôn.

Toại toàn âm trên là toại dụng cụ lấy lửa thời xưa, ngược lại âm dưới tổ loạn cũng là dụng cụ lấy lửa.

Yến sào âm tên yến tổ chim yến.

Đương hội âm hội lạn Thiên Thương Hiệt ghi thấm nước, sông nước chảy xiết.

Phan duyên ngược lại âm phổ ban.

Bính bác âm bác sách Thuyết Văn viết từ bộ cốt đến bộ bác chữ bác từ bộ phủ đến bộ thốn.

Viên hầu âm trên là viên hoặc là viết chữ viên âm dưới là hầu.

Thân nặc ngược lại âm ni phiêu thân cũng là nặc là gần gũi.

Thân tỏa ngược lại âm tô quả chữ viết từ bộ ngọc thanh tỏa âm tỏa đồng với âm trên, viết từ chữ sào đó là chẳng phải.

Vãn ư ngược lại âm võng phản.

Phốc hỏa ngược lại âm phổ bốc văn cổ viết chữ văn.

Đạo đạo âm trên chữ đạo Khứ Thanh là dẫn dắt, âm dưới là chữ đạo thượng thanh, đạt tới, thông đạt.

Phân thọ ngược lại âm phân vấn.

Tội lục âm lục gọi là sát, giết sạch.

Trần ai trên chữ trần từ bộ lộc đến bộ thổ từ bộ ai chữ từ bộ dĩ đến bộ thỉ âm dĩ ngược lại âm dĩ thỉ âm thỉ là âm thỉ nay theo lệ viết tóm lược.

Hủ hoại ngược lại âm phò vũ âm hoại là âm quái.

Điệu động ngược lại âm đình diệu.

Nùng huyết âm nùng từ bộ nhục.

Ngõa ảnh ngược lại âm ô lãng cái chậu sành, chữ viết từ bộ ngõa thanh vương hoặc là từ bộ mảnh viết thành chữ ảnh cũng đồng.

Cấu nhị ngược lại âm ni trỉ chữ viết từ bộ nhục thanh nhị.

Tê phá ngược lại âm trên tiên hề tê cũng là phá.

Thô sáp ngược lại âm sương lập sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy đến bộ chỉ hai bộ ngược, hai bộ đứng chữ hội ý.

Miêu ly âm trên là mao. Lại cũng âm là miêu cũng thông dụng, hoặc là viết từ bộ trĩ viết thành chữ miêu âm dưới là ly loại thú nằm giống như mèo hoang, mèo rừng.

Hề thử âm trên là hề loại chuột có độc, hoặc gọi là cam khẩu thử thử là chữ tượng hình.

Ngột thọ âm ngột.

Bạo xí ngược lại âm trên báo đốt lửa có tiếng nổ.

Xương cuồng âm trên là xương ngược lại âm dưới quỳ vương.

Huyên hồ ngược lại âm huy viên.

Cưỡng tiếu ngược lại âm trên cư lượng mượn âm chữ ttiếu từ bộ trúc đến bộ khuyển.

Khiêu trịch âm trên là điêu âm dưới hình thạch.

Sất sá âm trên chân chất âm dưới trích giá la hét lớn, giận dữ.

Phách bệ âm trên phổ bách ngược lại âm dưới bình duệ.

Hoặc tiêu âm tiếu.

Hiệp oán âm trên diệp ngược lại âm dưới uy viện.

Tuy mi ngược lại âm tuy túy chữ viết từ bộ huyệt đến bộ trụy.

Thao thiết ngược lại âm trên tha đao âm dưới thiên niết Đỗ Dự chu giải rằng: Tham tài gọi là thao tham ăn gọi là thiết hoặc là viết chữ thao thiết.

Trường yết âm yến cái cổ, chữ viết từ bộ nhục kinh văn viết từ bộ khẩu là chẳng phải.

Vưu toại âm trên là vưu ngược lại âm dưới trường loại theo Tả Truyện cho rằng: Bệnh bướu rất nặng, nhỏ đó gọi là vưu lớn gọi là chuế âm chuế ngược lại âm chi nhuế chữ viết từ bộ tật chuyển hình thanh âm tật ngược lại âm nữ ách.

Âm khảo trên là chữ âm sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ đến bộ vân nay gọi là thanh, ngược lại âm dưới khổ cao Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khào là xương tận cùng của xương sống. Tức xương mong dít, chữ

viết từ bộ thi đến bộ cửu.

Lưỡng tất âm tất chữ viết từ bộ nhục thanh tất sách Thuyết Văn viết từ bộ tất từ bộ ấp.

Thô hạt âm hạt.

Chấn tưng ngược lại âm túc dũng chữ viết từ bộ tâm đến bộ thúc.

Loát điều ngược lại âm loan quát chữ viết từ bộ thủ đến bộ loát thanh tĩnh ngược lại âm dưới đình diệu.

Nạo nhiễu âm trên là cảo kinh văn viết chữ hao là chẳng phải, dưới là nhiễu trước đã nói.

Hao hống ngược lại âm hiếu giao trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Huất nhiên ngược lại âm trên huân luật bổng nhiên.

Đạm dũng ngược lại âm đam cảm chữ dũng từ bộ lực.

Đào thoán ngược lại âm trên đường lao âm dưới sang loạn.

Xung ốc ngược lại âm xúc chung.

Phong khóa ngược lại âm khổ hòa chữ viết từ bộ huyệt.

Tích lịch ngược lại âm trên sớ lịch âm dưới lịch.

Cơ thể ngược lại âm cư chữ viết từ bộ nhục đến bộ kỹ.

Chữ trung ngược lại âm chư nhữ.

Tần loa ngược lại âm lô hòa tiếng Phạm tên của ngài Ca-diếp tiếng Phạm không xác đáng.

****

BÁ THIÊN TỤNG ĐẠI TẬP KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT THỈNH VẤN PHÁP THÂN TÁN

Huệ Lâm soạn tập.

Đề hồ ngược lại âm đệ nê âm dưới hộ cô Văn Tự Điển Tập Lược nói: Đề hồ là tinh thuần của Tô Lạc, xưa nay Chánh Tự đều từ bộ dậu đều là thanh thị hồ.

Ba tiêu ngược lại âm trên bá ma ngược lại âm dưới tức diêu Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ba tiêu là tên của loại cỏ thơm, sách Văn Tự chỉ rằng: Mọc ở đất Giao Chỉ, lá giống như cỏ năng, dệt chiếu, đem nấu có thể đánh sợi mềm mại, làm vải thưa, có thể đem ngâm nước dệt mềm mại, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh ba tiều.

Sân nhuế ngược lại âm dưới là nhất quý sách Thuyết Văn nói: Nhuế là ghét từ bộ tâm thanh khuê.

Thai dựng ngược lại âm trên đại lai ngược lại âm dưới dăng tắng sách Hoài Nam Tử nói rằng: Người đàn bà có mang bốn tháng gọi là thai, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Còn là thai chưa sanh ra, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Dựng là người đàn bà mang thai, sách Thuyết Văn viết chữ thai từ bộ nhục chữ dựng từ bộ tử.

Như khứu ngược lại âm dưới hưu hựu sách Thuyết Văn nói: Dùng cái mũi chính là để ngửi gọi là khứu từ nộ tỵ thanh khứu.

Cam giá ngược lại âm dưới giá dạ.

Ế minh ngược lại âm trên ế kế sách Vận Lược cho rằng: Bị ngăn che con mắt gọi là ế ngược lại âm dưới mịch bình theo Tả Truyện sách Ích Pháp nói: Linh mà không minh, nghe bên trong mà không thấy gọi là thành bởi minh sách Thuyết Văn nói con mắt nhắm lại, chữ viết đều không từ bộ mục.

****

PHẠM BỔN PHỔ HIỀN TÁN

- Chữ tán từ trong có giải thích âm.

****

PHẠM ÂM VĂN THÙ TÁN

- Chữ tán từ trong có giải thích âm.

****

KIẾT TƯỜNG TÁN

- Chữ tán từ bên trong có giải thích âm.

****

LONG THỌ BỒ TÁT VI THIỀN ĐÀ CA VƯƠNG THUYẾT PHÁP YẾU KỆ

Huệ Lâm soạn.

Sáp thực âm trên là táp Cố Dã Vương nói rằng: Con chim le le dùng mỏ ăn, gọi là sáp sáp là ănm có tiếng lào sào. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ khẩu thanh sáp hoặc là viết

chữ sáp.

Nhật bạo ngược lại âm bổ mạo Cố Dã Vương cho rằng: Bạo là làm cho khô đi, sách Thuyết Văn cho rằng: Phơi khô dưới ánh mặt trời, chữ viết từ bộ nhật đến bộ xuất đến bộ cũng đến bộ mể kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ bạo bạo là âm báo nghĩa là thiêu đốt củi, tre phát ra tiếng nổ, chẳng phải nghĩa kinh.

Tự xế ngược lại âm trên tật dư theo thanh loại cho rằng: Tự là nhai, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ tự.

Tề miết trên là chữ tề các chữ trong sách đều không có chữ này, người dịch kinh tùy ý viết, tương truyền âm trong các chữ ngược lại là chẳng phải, theo đúng hợp là viết chữ lai ngược lại âm trắc giai gọi là nhai răng rụng, Quảng Nhã cho rằng: Lai là cắn, người xưa dịch gọi là lợi răng, gân cốt của răng. Lại có âm tề là tuyệt nhiên không phải, ngược lại âm dưới nghiên kiết văn trước kinh Pháp Hoa âm nghĩa giải thích là cắn nhai, nhai ít là niết nhai ngấu nghiến là lai nơi nghĩa này là đúng, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Niết cũng là phệ tức là cắn nhai, chữ viết từ bộ xỉ thanh niết kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành viết thành chữ niết là chẳng phải âm niết ngược lại âm khẩu bát.

Mâu toàn ngq trên mạc hậu sách Thuyết Văn nói: Cây mâu dài một trượng hai tấc gắn ở đầu binh xa, kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ mâu là chữ cổ, âm dưới sang loạn Quảng Nhã cho rằng: Toàn gọi là cây mâu giáo dài, sách Khảo Thanh cho rằng: Cây giáo ngắn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mâu thanh toàn kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ toàn là sai lầm âm diên ngược lại âm thời diên am tán là âm tán.

****

KHUYẾN PHÁT CHƯ VƯƠNG YẾU KỆ

Huệ Lâm soạn.

Di mật ngược lại âm dĩ chi sách Phương Ngôn nói rằng: Di gọi là đường, sách Thuyết Văn nói làm từ gạo đem ngâm nảy mầm, đem nấu thành đường, còn gọi là mạch nha, chữ viết từ bộ thực thanh di.

Ngạo mạn ngược lại âm trên ao cáo sách Khảo Thanh cho rằng: Kiêu ngạo, kinh văn viết chữ ngạo là chẳng phải.

Huấn tuần ngược lại âm dưới là tuất tuân Tư Mã Bưu nói rằng: Tuần là đi theo Quảng Nhã cho rằng: Tuần là ngựa hay giỏi, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuận theo chữ viết từ bộ mã thanh xuyên.

Bảng sở ngược lại âm trên bạch manh Quảng Nhã cho rằng: Bảng là đánh bằng roi, theo Thanh Loại cho rằng: Hình phạt đánh bằng roi, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh bàng âm si là âm si.

Châm phong ngược lại âm dưới phủ phòng theo Thanh Loại cho rằng: Phong là mũi nhọn, sách Thuyết Văn cho rằng: Mũi kiếm thẳng nhọn, chữ viết từ bộ kim thanh phong kinh văn viết chữ phong là chữ cổ.

Tự giới ngược lại âm trên tật dư sách Khảo Thanh cho rằng: Là nhai, ngược lại âm dưới là hài giới sách Phương Ngôn nói rằng: Giới là giận dữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Nghiến răng giận dữ, chữ viết từ bộ xĩ thanh giới kinh văn viết từ bộ trảo viết thành chữ trảo là chẳng phải.

****

MÃ MINH BỒ TÁT TRUYỆN

Huệ Lâm soạn.

Minh kỳ ngược lại âm trên mịch bình Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Minh nói là tên, sách Lễ Ký cho rằng: Minh nghĩa sách là đẹp, mà không xưng gọi là ác xấu, Cố Dã Vương cho rằng: Minh là khắc chạm trổ vào đá, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh danh.

Quan đạt ngược lại âm loan bản Hứa thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Quan là xâu xuyên suốt qua, thâu nhiếp âm loạn ngược lại âm ô quan.

Trác lạc ngược lại âm lực trác sách Khảo Thanh cho rằng: Lạc nổi cao lên, trác lạc là xuất chúng giỏi tài, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngưu bộ lao thanh tĩnh.

Chúc-u-dạ ngược lại âm trên dung nhục sách Khảo Thanh cho rằng: Chiếu sáng, kinh văn viết chữ chúc lại cũng viết chữ chúc là chẳng phải.

****

LONG THỌ BỒ TÁT TRUYỆN

Huệ Lâm soạn.

Sính tình ngược lại âm trừu lãnh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngựa chạy nhanh, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngựa chạy thẳng, chữ

viết từ bộ mã thanh sính âm sính ngược lại âm sở đinh.

Truy thù ngược lại âm trên tử sư ngược lại âm dưới thụ chu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tám lạng là một truy Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Mười hai túc mà nặng một phần mười hai phân là một thù sách Thuyết Văn cho rằng: Một truy là sáu thù, thù chia ra bằng phần mười của thữ sáu trọng nặng, truy thù là số nhỏ nhất hai chữ đều từ bộ kim đều thanh truy chu âm truy đồng với âm trên.

Thiền thuế ngược lại âm trên thời diên ngược lại âm dưới là thuế sách Thuyết Văn cho rằng: Thiền là loài rắn lột da chữ viết từ bộ trùng đến thanh thiền thuế.

****

ĐẠI A LA HÁN NAN ĐỀ MẬT ĐA LA SỞ THUYẾT PHÁP TRỤ KÝ

Huệ Lâm soạn.

Đam-một-la-châu ngược lại âm trên đảm lam tiếng Phạm kinh văn viết từ bộ cụ viết thành chữ đam là sai.

Trụ lại tốt lợi dương cụ châu âm dương ngược lại âm dương tượng tiếng Phạm.

Tốt-đổ-ba ngược lại âm trên tô một tiếng Phạm.

Phụ phụ ngược lại âm trên đô hồ theo Thanh Loại cho rằng: Đống đất nhỏ sách Thuyết Văn cho rằng: Mô đất nhỏ chữ tượng hình, ngược lại âm dưới phò cửu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đường lớn gọi là phụ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Phụ là đất dày, dài sách Thuyết Văn cho rằng: Đường lớn, không có núi đá, chữ tượng hình, kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ truy phụ tục dùng chữ thông dụng.

Vấn nậu ngược lại âm trên vẫn quân theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cái cuốc trừ cỏ gọi là nậu sách Thuyết Văn cho rằng: Trừ cỏ dơ mọc trong mạ, chữ viết từ bộ lỗi thanh vẫn hoặc là viết chữ vân ngược lại âm dưới nô đậu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nậu là cái cuốc, cuốc đất cày ruộng, sách Thuyết Văn cho rằng: Dụng cụ trừ cỏ chữ viết từ bộ lỗi thanh nhục âm liễu là âm liễu âm hao là âm cao âm lỗi ngược lại âm lô đội.

Nhương ba ngược lại âm phổ ba bông hoa chữ viết từ bộ bạch thanh ba lại cũng viết chữ ba.

PHÂN BIỆT NGHIỆP BÁO LƯỢC TẠP

Huyền Ứng soạn.

Thuyên pháp ngược lại âm thư tuyền thuyên là sửa đổi sách Phương Ngôn cho rằng: Từ miền núi mà đến miền đông gọi sửa đổi lỗi lầm, hối lỗi là thuyên Quảng Nhã cho rằng: Thuyên là thay đổi.

Phạm ngỗ lại viết chữ ngỗ ngộ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm ngũ cố Lại Thanh loại nói rằng: Ngổ nghịch ngang bướng, không nghe theo.

Thư nghị ngược lại âm tử dư loài côn trùng như con dế, con rít con giòi đều là một tên, gọi là thư cự.

Ngu tráng ngược lại âm đô giáng sách Thuyết Văn cho rằng: Ngu si ... nóng nảy ngu si.

Lung quý văn cổ viết chữ quý hai chữ tượng hình. Nay viết chữ quý lại viết chữ lê cũng đồng, ngược lại âm ngưu khoái gọi là mới sinh ra ngỡ ngẩn tai không nghe gọi là quý lung là không hiểu biết, cũng gọi là quý tức thất thần.

Cung hính ngược lại âm cư hùng hình phạt dâm kế đó là chết. Nam nữ không lấy nghĩa mà giao cấu với nhau, hình phạt gọi là hình cung gọi là hình phạt cắt bỏ man căn, người nam cắt bỏ nam căn, người phụ nữ nhốt trong cung tối đóng cửa ở thâm cung, âm dưới ngược lại âm dưới là chân kinh gọi là phạt tội, nói khác là dùng hình pháp, tĩnh vi hành pháp, sách Xuân thu Nguyên Mang Bao nói rằng: Chữ hình từ bộ đao đến bộ tĩnh tĩnh là nơi người ta lấy nước để uống, mọi người đều tranh nhau lấy nước để uống, đến nơi giếng nước, suối chảy thủ con dao cắt bỏ nam căn của người biếng nhác lười mà lại ham muốn dục tình nên sợ sệt, thận trọng cả toàn thân mạng cho nên chữ từ bộ đao đến bộ tĩnh.

Yểm thân ngược lại âm ư kiểm sách Thuyết Văn nói yểm là cửa đóng trong cung chiều tối mà đóng cửa lại, gọi là đóng tinh khí che giấu bên trong, người chủ đóng cửa cho nên gọi là yểm.

****

BÀ TẨU BÀN ĐẬU TRUYỆN

Huyền Ứng soạn.

Phất bà chữ lại viết chữ phế cũng đồng, ngược lại âm bổ vật dịch là đứa con nương dựa vào, chữ phất là cứu giúp viện trợ.

Tuyển minh ngược lại âm trợ luyến tuyển giống như là thuật

Quảng Nhã cho rằng: Tuyển là định, ngược lại âm dưới là mạc hạ minh là nói cái tên, theo sách Công Ích nói nơi thông thường là chỗ khắc chạm điêu khắc trong đá, kim loại để ghi công đức làm kỷ niệm.

Bì mậu ngược lại âm thất tỳ sách Lễ Ký cho rằng: Lầm lẫn một vật, Trịnh Huyền cho rằng: Bì giống như sai lầm, ngược lại âm dưới phi ấu mậu giống như loạn, mậu là sai lầm, sách Phương Ngôn cho rằng: Mậu là giả dối, sách Thuyết Văn cho rằng: Điên cuồng, người điên nói lời không thật, chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu.

Đại lam ngược lại âm lực cam thuộc cái sọt, cái giỏ tre, Tự Lâm cho rằng: Cái sọt tre lớn, lấy nan tre làm cái lồng, sách Toán Văn cho văn cho rằng: Cái sọt lớn đan bằng tre.

Tất kha ngược lại âm bổ miệt Tất-khả-ma-la-a-duệ-đa đây dịch là chánh cần.

****

LONG THỌ VI THIỀN ĐÀ CA VƯƠNG THUYẾT PHÁP YẾU KỆ

Huyền Ứng soạn.

Âu-ca lại viết chữ âu hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm ô hầu sách Thuyết Văn cho rằng: Cùng ca hát với nhau gọi là âu Quảng Nhã cho rằng: Âu là ca hát vui vẻ.

Ẩm hàm văn cổ viết chữ hàm cũng đồng, ngược lại âm hồ cam sách Hán Thư, Ứng Thiệu cho rằng: Không say không tỉnh, gọi là hàm lại uống rượu vui vẻ, vui chén gọi là hàm.

Tra xế văn cổ viết chữ tra ngược lại âm trắc da sách Phương Ngôn cho rằng: Tra là giữ lấy, theo Thanh Loại cho rằng: Dùng năm ngón tay bắt lấy thợp lấy.

Di mật lại viết chữ dị dĩ hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm dực chi sách Thuyết Văn nói rằng: Lấy mầm của hạt lúa làm mạch nha, sách Phương Ngôn cho rằng: Di cũng là đường, âm dương ngược lại âm tợ dinh.

Tuần tuần ngược lại âm tợ quân Quảng Nhã cho rằng: Tuần là quấy nhiễu, cũng gọi là ngựa hay, cũng gọi là thuận theo thuần, ngoan, sách Thuyết Văn cho rằng: Gọi là con thú ngoài dã nuôi dưỡng huấn luyện cho được thuần thục gọi là tuần.

Lưu ánh ngược lại âm lực chu sách Thuyết Văn cho rằng: Lưu là sưng lên gọi là sưng kết lại một cục không tiêu tan ra được, đó gọi là lưu, theo Thanh Loại cho rằng: Lưu là bệnh bướu cổ.

LONG THỌ BỒ TÁT KHUYẾN GIỚI VƯƠNG TỤNG

Huệ Lâm soạn.

Táo động ngược lại âm trên tao đáo Cố Dã Vương cho rằng: Táo cũng giống như động Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Táo là khuấy nhiễu Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Không an định, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ túc thanh táo âm táo đồng với âm trên, kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ tháo âm thảo đó là chẳng phải.

Thảm độc ngược lại âm trắc cẩn sách Khảo Thanh cho rằng: Rất độc hại, sách Thuyết Văn cho rằng: Âm thiên cảm giải thích nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ tâm thanh thảm kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ thảm là chẳng phải.

Hao đệ ngược lại âm trên hao cao sách Khảo Thanh cho rằng: Khóc lớn khóc rống lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Kêu gọi, chữ viết từ bộ hiệu thanh hổ kinh văn từ bộ khẩu viết thành chữ hao là chẳng phải, ngược lại âm dưới đệ nê sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: Khóc mà không có nước mắt, sách Thuyết Văn cho rằng: La lớn chữ viết từ bộ khẩu thanh đệ âm đệ đồng với âm trên, trong văn tụng viết từ bộ đế viết thành chữ đề tục dùng cũng thông dụng.

Thãng ôi ngược lại âm trên đảng lãng sách Khảo Thanh cho rằng: Trong than có ngọn lửa nhỏ, than nhỏ nằn trong tro, ngược lại âm dưới đô hồi Quảng Nhã cho rằng: Ôi là ấm áp, sách Thuyết Văn nói lửa trong chậu sành, hai chữ đều từ bộ hỏa đều thanh thãng ôi.

Sàng trách ngược lại âm dưới tranh cách Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trách gọi là cái giường, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trách là giường gỗ ván, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái giường trọ, chữ viết từ bộ trúc thanh trách trong văn tụng từ bộ mộc đến bộ thử viết thành chữ thử là sai lầm. Nếu như dựa theo chữ mà giải thích thì rất là chẳng phải ý kinh cho nên không lấy nghĩa này.

Trác tâm ngược lại âm đinh giác Quảng Nhã cho rằng: Trác là cắn, sách Khảo Thanh cho rằng: Chim mổ ăn, chữ viết từ bộ khẩu thanh trĩ âm thỉ ngược lại âm sửu túc trong Văn Tụng viết từ chữ trác viết thành chữ trác là chẳng phải.

Bá sóc ngược lại âm dưới sơn trác Quảng Nhã cho rằng: Sóc là câu mâu, Bì Thương cho rằng: Cây mâu dài một trượng tám, kinh văn viết chữ là tên của cây.

Tương kháp ngược lại âm khẩu hạp Bì Thương cho rằng: Kháp

là móng vuốt, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Móng vuốt, dùng móng tay bấm, ngắt, gãy, cào, chữ viết từ bộ thủ thanh kháp âm kháp ngược lại âm thổ cao.

Trác đảnh ngược lại âm đinh giác trong Văn Tụng viết từ bộ đăng viết thành (805) chữ đặng tục dùng cũng thông dụng.

****

TÂN ĐẦU LÔ VỊ VƯƠNG THUYẾT PHÁP KINH

Huyền Ứng soạn.

Huỳnh lạc ngược lại âm vi minh huỳnh giống như ánh sáng đèn hoa, đèn lồng, kinh văn viết chữ huỳnh là chẳng phải.

****

THỈNH TÂN ĐẦU LÔ PHÁP

Huệ Lâm soạn.

Cù lũ ngược lại âm trên cụ ngu ngược lại âm dưới sắc thiên trước đã giải thích rồi đây không giải thích trùng lập, kinh văn viết chữ từ chữ sưu viết thành chữ lũ là chẳng phải.

Giai ủy ngược lại âm trên ủy vi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Không có cỏ nào mà không chết, không có cây nào mà không héo úa, theo truyện nói rằng: Cây cỏ đều có lá chết, Thiên Thương Hiệt nói rằng: Bệnh suy nhược, Văn Thông Dụng cho rằng: Bệnh ốm gầy tều tụy xấu đi héo úa, theo Thanh Loại cho rằng: Cỏ héo chữ hình thanh âm ứ là âm ư.

Bị tẫn ngược lại âm tân ấn sách Khảo Thanh cho rằng: Tẫn là bỏ chữ viết từ bộ thủ kinh văn viết từ bộ nhân viết thành chữ tẫn là chẳng phải ý kinh.

****

ĐỀ BÀ BỒ TÁT TRUYỆN

Huệ Lâm soạn.

Thù tạc văn truyện viết chữ thù tạc chẳng phải đúng chữ trên âm thù là âm thù âm tạc là âm tạc Mao Thi Truyện chú giải rằng: Thù là

khuyến khích, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Báo thù, theo Văn Tự giải thích rằng: Lấy lời nói mà đối đáp với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Khách chủ rót rượu mời là lễ mà thành, hoặc là viết chữ thù sách Tập Huấn nói rằng: Lấy lời nói mà đáp, Văn Truyện Tự Thư viết chữ thù tạc là dùng sai, chẳng phải. Theo chữ thù tạc đó là Đề-bà Bồ-tát lấy chánh lý thù đối với ngoại đạo. Người xưa có nói rằng: Không đạo thì không biết, không tạc tức là không tán cho nên người dịch kinh có viết chữ thù tạc Văn nói cho rằng: Chữ chẳng phải chánh thể, nay dựa theo xưa nay Địch Văn Triện lấy chữ này chánh thể.

Phủ hung ngược lại âm trên phù vũ Cố Dã Vương cho rằng: Phủ giống như là phũi vỗ, Quảng Nhã cho rằng: Đánh, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh phó ngược lại âm dưới vu ung sách Thuyết Văn cho rằng: Hung là ngực, chữ viết từ bộ bao thanh hung hoặc là viết chữ hung.

Khấu địa ngược lại âm khẩu hầu sách Khảo Thanh cho rằng: Đầu xác đất, kinh văn viết chữ khấu là dùng chữ sai.

****

CA ĐINH THUYẾT ĐƯƠNG LAI BIẾN KINH

Huệ Lâm soạn.

Hề luyến ngược lại âm trên hề khải Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hề là chờ đợi, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là đợi chờ, chữ viết từ bộ xước thanh hề hoặc là viết chữ hệ.

Để mạo ngược lại âm kỳ lễ Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Để là khinh khi, mắng nhiếc, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh để kinh văn viết từ bộ cập viết thành chữ cập là chẳng phải.

Bã khiển ngược lại âm trên ba ngã Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bã là chân đi không ngay, sách Khảo Thanh cho rằng: Khiển chân tức là thọt chân, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh bì ngược lại âm dưới yết yển sách Thuyết Văn cho rằng: Què chân, chữ viết từ bộ túc đến bộ hàn viết thành chữ khiển thanh tĩnh kinh văn viết từ bộ mã viết thành chữ khiên là chẳng phải.

****

THẮNG TÔNG THẬP CÚ NGHĨA LUẬN

Huệ Lâm soạn.

Phiêu xí âm trên phiêu diêu văn trước chú giải kinh cú đã giải thích đầy đủ rồi, ngược lại âm dưới là xương chí Quảng Nhã cho rằng: Xí là cái phan, sách Khảo Thanh cho rằng: Xí là cái phướn có ghi viết chữ dùng vải lụa trắng dài năm thước rộng nửa bức kết nối lại nơi cờ trên, trên là cờ dưới là phan, phướn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cân thanh thức âm thức là âm chức.

****

KIM THẤT THẬP LUẬN

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Ngạn sĩ ngược lại âm trì nhĩ sách Khảo Thanh nói rằng: Sĩ là lột bỏ, rơi rụng, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh sĩ âm sĩ là âm kỳ.

KIM THẤT THẬP LUẬN
QUYỂN TRUNG

Đằng nhiễu ngược lại âm trên đặng năng loại cỏ dây leo chằng chịt, chữ viết từ bộ thảo đến bộ thắng.

Da-phù-bì-đà âm phụ ngược lại âm thù chú tiếng Phạm, tên của Luận Sư.

Huân tập ngược lại âm trên vu quân sách Khảo Thanh cho rằng: Gió thổi đến. Lại nữa tập là đi lâu rồi, không phải như vậy sao? Sách Thuyết Văn viết từ bộ triệt đến bộ hắc kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ huân là loại cỏ thơm, cùng với nghĩa kinh khác lạ, âm triệt ngược lại âm sửu liệt.

KIM THẤT THẬP LUẬN
QUYỂN HẠ

Nghị tháp ngược lại âm sơ hạp theo Thanh Loại cho rằng: Khiến cho người ta đâm vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là cắm thẳng vào bên trong, chữ viết từ bộ thủ thanh sáp âm tháp đồng với âm trên.

Tiên thiệt ngược lại âm tiên diệp Cố Dã Vương cho rằng: Thiệt là đếm, sách Chu Dịch cho rằng: Thiệt là dùng tay đếm vật, sách Thuyết Văn cho rằng: Xem xét duyệt lại, nắm giữ trong tay, chữ viết từ bộ thủ thanh diệp âm diệp là âm điệp.

Như tản ngược lại âm tư lãn Cố Dã Vương cho rằng: Tản tức là cây dù che. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh tán âm lãn ngược lại âm lan thả.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn - Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 77

- Âm Thích-ca Phổ mười quyển.
- Thích-ca Lược Phổ một quyển.
- Cựu Mục một quyển.
- Thích-ca Phương Chí hai quyển.
- Thích Thị Hệ Lục một quyển.
- Đại Chu Kinh Mục mười lăm quyển.

Trên là năm tập lục ba mươi mốt quyển đồng âm quyển này.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 1

Trừ cung âm trên là trừ phò vua tức nay người ta gọi là thái tử, chỗ ở cũng gọi là xuân cung.

Suyển bác âm trên xuyên nhuyển Cố Dã Vương cho rằng: So le không đồng đều, sách Thuyết Văn nói: Chống chọi lại với nhau chữ viết từ bộ tịch bộ khoa gọi là chống trái với nhau, ngược lại âm dưới bang mạc Hán Thư cho rằng: Trắng đen lẫn lộn xen tạp với nhau, sách Văn nói: Màu sắc không thuần, chữ viết từ bộ mã thanh bác âm truy ngược lại âm tri kỹ âm khoa là âm khoa Phổ Văn lại viết chữ bác tục dùng cũng thông dụng.

Bác tấn ngược lại âm trên bổ mạc chữ bác từ chữ thập đến bộ bổ đến bộ thốn âm dưới là tín theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tấn là hỏi thăm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh tấn Văn Phổ viết chữ túy là sai, âm tấn đồng với âm trên.

Đoàn thực ngược lại âm trên đoạn loan bân đầu ngồi đất mà ăn chưa có muỗng đủa mà ăn nên dùng tay vắt cơm mà ăn, cho nên gọi là đoàn thực, tức bốc cơm dùng tay vắt cơm ăn chữ viết từ bộ thủ thanh

duyên trong văn viết chữ sủy là chẳng phải.

Bạc bĩnh ngược lại âm tinh dĩnh xưa nay Chánh Tự cho rằng: Bánh nướng, chữ viết từ bộ thực thanh tinh Văn Phổ viết chữ bĩnh tục dùng cũng thông dụng, âm tư là âm từ.

Hình tiếu ngược lại âm lôi diệu theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tiếu là cười chế nhạo khinh nhờn, Cố Dã Vương cho rằng: Là chỗ cười khinh khi keo kiệt bỏn xẻn, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cười là vui vẻ, chữ viết từ bộ trúc thanh yêu Văn Phổ viết chữ tiếu tục dùng cũng thông dụng.

Khang quái âm trên đúng là chữ khang chữ viết từ bộ hòa thanh khang chữ khang sách Thuyết Văn viết từ bộ mễ thanh khang ngược lại âm dưới công ngoại Thiên Thương Hiệt cho rằng: Quái là vỏ thô bên ngoài, sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh hội.

Ý-ma ngược lại âm trên Y-mỹ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ý là tốt đẹp sách Thuyết Văn cho rằng: Truyền lại sự tốt đẹp lâu dài, chữ viết từ bộ nhất thanh tử Văn Phổ viết chữ ý tục tự dùng cũng thông dụng.

Hiên cao ngược lại âm hiển ngôn ngược lại âm dưới hào lão trong Văn Đế Mịch Phổ nói rằng: Hiên là càng xe lớn, gồm hai bên càng xe, gọi là xe của vua đi, cao là hiếm ít đều từ xưa danh hiệu dùng chỉ cho vua, đế vương, cao sang.

Đại xuân ngược lại âm truất luân xưa nay Chánh Tự cho rằng: Theo sách Trang Tử thì thời thượng cổ có cây đại xuân, tám ngàn năm là một mùa xuân, tám ngàn năm là một mùa thu, cũng gọi là linh xuân, kinh điển giải thích văn này: Cây mọc ở Giang Nam là ba vạn hai ngàn năm là một năm tức là một mùa xuân.

Tẫn nghịch ngược lại âm trên tân nhẫn âm dưới là xích văn trước trong Tạp Sự Luật đã giải thích rồi.

Tẫn truất ngược lại âm xuân luật sách Phạm Ninh Tập chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Truất là thối lui, sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh xuất.

Khuy du ngược lại âm trên khổ qui ngược lại âm dưới canh chu sách Thuyết Văn nói khuy là nhìn trộm, chữ viết từ bộ môn thanh quy sách Khảo Thanh cho rằng: Du cũng là trộm nhìn, chữ viết từ bộ môn thanh du.

Thuấn động ngược lại âm trên thi nhuận sách Thuyết Văn cho rằng: Mở mắt nhắm lại nhiều lần, dao động tức là nháy mắt, chữ viết từ bộ mục đến bộ thuấn sách Thuyết Văn viết đúng chữ thuấn cũng viết chữ thân.

Uyển chuyển ngược lại âm trên ư viễn sách Thuyết Văn cho rằng: Nằm uyển chuyển, chữ viết từ bộ tịch gọi là nằm có những khớp xương co duỗi cho nên chữ viết từ bộ tiết văn phổ viết chữ uyển là than thở oán trách, chữ uyển là chẳng phải, âm tiết là âm tiết.

Nhị xá ngược lại âm trên ni lợi âm dưới trạch da âm trạch ngược lại âm như ách.

Bác thọ quốc ngược lại âm trên bổ mạt tên nước.

Thô quảng ngược lại âm quấc mảnh sách Khảo Thanh cho rằng: Con chó hung hãn ngang ngược không thể tới gần được, Văn Phổ viết từ bộ mạch viết thành chữ quảng là lúa mì thô cứng, chẳng phải nghĩa chữ hung quảng.

Hội náo ngược lại âm trên hoài ngoại Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hội là loạn, hôn mê, mơ hồ, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh quý cũng là âm hồi ngoại âm dưới viết đúng là chữ náo ngược lại âm kiêu giáo đã giải thích rồi, Văn Phổ viết chữ náo tục tự dùng cũng thông dụng.

Phỉ thúy ngược lại âm trên phi vị ngược lại âm dưới thất túy Tự Thống cho rằng: Loại chim sẻ lông xanh xuất phát từ trong rừng Uất Lâm, sách Di Vật Chí nói rằng: Chim phỉ thúy làm tổ trên cây cao, ngã xuống đất bảy tám lần, người Di-hồ mới gom vụn vặt chôn dưới bảy tám thước đợi chim con nở mới thành chim phỉ thúy, sách Thuyết Văn cho rằng: Chim phỉ lông màu đỏ, hai chữ đều bộ vũ đều thanh phi tốt.

Phù ê ngược lại âm trên bổ vô theo Mao Thi Truyện nói rằng: Phù là loài thủy điểu, Cố Dã Vương cho rằng: Tức là loài chim le le, sách Thuyết Văn cho rằng: Chim thư phù ê, tức là loài chim hải âu sống từng bầy, từng bầy chữ viết từ bộ điểu đến bộ phù phù cũng là thanh, ngược lại âm dưới ích hề theo Mao Thi Truyện chú thích: Ê cũng thuộc loại chim le le, sách Thuyết Văn chú giải: Viết từ bộ điểu thanh y âm phù là âm thù âm ê ngược lại âm ô kế.

Mao liệp âm trên là mao Quảng Nhã cho rằng: Mao là người tuấn tú xuất sắc vượt trội, sách Thuyết Văn cho rằng: Mao là tóc dài, chữ viết từ bộ tiêu thanh mao ngược lại âm dưới liêm triếp Đỗ Dự chúi giải Tả truyện rằng: Liệp là râu Cố Dã Vương cho rằng: Liệp đó là bờm ngựa trên đảnh có lông dài, sách Thuyết Văn chú giải: Râu tóc, chữ viết từ bộ tiêu thanh liệp âm tiêu ngược lại âm tất diêu âm liệp đồng với âm trên, văn cổ viết chữ liệp là chẳng phải.

Hư hân ngược lại âm trên hứa ư Cố Dã Vương cho rằng: Hư là xuất hơi ra, gọi là sụt sùi, nghẹn ngào, ngược lại âm dưới hư ân Quảng

Nhã cho rằng: Hân là vui mừng, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ khảm đều thanh hư cân.

Khướt thuyên âm trên đúng là chữ khướt từ bộ nhục đến bộ cốc đến bộ tiết ngược lại âm dưới là duyên nhuyễn sách Thuyết Văn cho rằng: Thuyên là bắp chân, chữ viết từ bộ nhục thanh đoan âm đoan (806) là âm đoan.

Nhãn tiệp ngược lại âm tiêm diệp sách Thuyết Văn cho rằng: Lông mi mí mắt, chữ viết từ bộ mục thanh tiệp Văn Phổ viết chữ tiếp hoặc là viết chữ hiệp tục tự dùng đều thông dụng, âm tiệp là âm tiệp sách Thuyết Văn viết chữ hiệp.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 2

Hoán trạc ngược lại âm trên hằng oán Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Trạc là tẩy rửa tơ cho trắng. Lại cũng gọi là tẩy rửa bỏ đi cái củ, cấu dơ gọi là hoán xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh oán cũng viết chữ hoán Văn Phổ viết chữ hoán tục tự dùng cũng thông dụng, ngược lại âm dưới đồng giác Mao Thi Truyện cho rằng: Trạc cũng là tẩy rửa, sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩy rửa, chữ viết từ bộ thủy thanh diệu.

Điệt đại ngược lại âm trên là điền kiết Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Điệt là đổi thay, sách Phương Ngôn cho rằng: Điệt cũng là thay thế cũng là, sách Thuyết Văn cho rằng: Lại cũng gọi là điệt chữ viết từ bộ xước thanh thất âm trật ngược lại âm tha kế.

Úy ảnh âm trên là ủy Quảng Nhã cho rằng: Úy là ngăn che, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh úy.

Sàng tháp ngược lại âm trên trạng trang chữ chánh thể, ngược lại âm dưới tham lạp Thích Danh cho rằng: Cái giường hẹp mà dài đó gọi là tháp xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tháp là cái giường bằng phẳng, chữ viết từ bộ mộc thanh tháp âm tháp đồng với âm trên.

Thiêu tượng ngược lại âm trên thiếu liễu theo Thanh Loại cho rằng: Thiêu bới móc ra, nhặc ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh khiêu âm quyết ngược lại âm uyên duyệt.

Hân hách ngược lại âm trên hỹ cân sách Thuyết Văn cho rằng: Hân là tãng sáng, rạng sáng, mặt trời vừa mới mọc, chữ viết từ bộ nhật

thanh cân.

Hôn sính ngược lại âm thất tinh Cố Dã Vương cho rằng: Sính là hỏi vợ, cưới vợ và làm lễ hiền đạt, nộp lễ vật làm sính lễ, gọi là sính sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh sính âm sính ngược lại âm thất đinh.

Tằng huyễn ngược lại âm huyền quyến sách Thuyết Văn cho rằng: Huyễn là con mắt dao động, chữ viết từ bộ mục thanh huyễn âm huyễn đồng với âm trên.

Trư trĩ ngược lại âm trên chữ trư gọi là đánh bạc, vui chơi trò đánh bạc.

Thủ nại ngược lại âm nan đát Tự Lâm cho rằng: Nại là đè xuống dìm xuống, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nắn, nặn tượng, nắm cầm vo tròn, chữ viết từ bộ thủ thanh nại âm niết ngược lại âm niên kiết.

Phanh cung ngược lại âm trên phổ canh sách Thuyết Văn cho rằng: Phanh vươn dây cung bắn, cũng gọi là đàn, đánh đàn, chữ viết từ bộ thủ thanh phanh hoặc là viết chữ phanh.

Tiên ưu ngược lại âm trên tiết yên Văn Phổ viết chữ tiên tục tự dùng cũng thông dụng.

Ủy hoàng âm trên là ủy Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ủy là bệnh, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bệnh không thể đi được, sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh tê liệt, chữ viết từ bộ tật thanh ủy.

Thân thích ngược lại âm thanh diệc Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thích là gần gũi, Cố Dã Vương cho rằng: Gần gũi cho nên gọi là thân sach Thuyết Văn viết từ bộ tuất đến bộ thúc Văn Phổ viết chữ thích là chẳng phải, văn dưới là thảm cảm chữ cũng đồng.

Tần xúc ngược lại âm trên tất tân ngược lại âm dưới tửu dục Cố Dã Vương cho rằng: Tần xúc là lo buồn không vui, sách Thuyết Văn nói lội qua nước, chữ viết từ bộ tần thanh ty Văn Phổ viết chữ tần là cười chế nhạo tục dùng cũng thông dụng.

Lưu diên ngược lại âm dưới tiện diên sách Khảo Thanh cho rằng: Nước dãi trong miệng, chữ viết từ bộ khiếm đến bộ thủy cũng viết chữ diên hoặc là viết chữ bão Văn Phổ viết chữ diên tục tự dùng cũng thông dụng.

Tâm phế ngược lại âm phù phế Bạch Hổ Thông cho rằng: Phế cũng nói phí trong phủ tạng thuộc kim màu trắng. Tự Thư cho rằng: Nói tạng hỏa nay thuộc tạng kim, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh phế âm phế là âm bối.

Tỳ thận ngược lại âm trên tỳ di Bạch Hổ Thông cho rằng: Tỳ là

nói biện luận chỗ gọi là tích chứa, dịch là bẩm khí, tinh của thổ, màu sắc vàng, sách Thuyết Văn nói thuộc tạng thổ, chữ viết từ bộ nhục thanh ty ngược lại âm dưới thần nhẫn Bạch Hổ Thông cho rằng: Thận là nói tân Quảng Nhã cho rằng: Chất cứng tinh của thủy thuộc hắc âm ngẩu cho nên sách Thuyết Văn nói: Tạng thủy chữ viết từ bộ nhục thanh kiên âm kiên là âm kiên.

Phún minh ngược lại âm trên phổ muộn sách Thuyết Văn cho rằng: La hét lại cũng gọi là hắc hơi, chữ viết từ bộ khẩu thanh phún âm sá ngược lại âm đô giá.

Tao động ngược lại âm trên tảo di Cố Dã Vương nói rằng: Tao động là nhốn nháo, động loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quấy nhiễu chữ viết từ bộ mã đến thanh tao.

Mậu dịch ngược lại âm trên man hậu Cố Dã Vương cho rằng: Mậu giống như trao đổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Trao đổi, hàng hóa chữ viết từ bộ bối thanh uyển âm uyển là âm uyển.

Hư hy ngược lại âm trên hy cư Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hư là tiếng than thở, âm bị là âm bại Cố Dã Vương cho rằng: Xuất hơi ra gọi là hà hơi, kinh văn gọi là từ biểu thị, ngăn cản, ngược lại âm dưới hứa ký nói hy là tiếng than đau khổ đau buồn mà không khóc gọi là hy sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ khẩu đều thanh hư hy.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 3

Ngật nhiên âm trên ngân ngật sách Khảo Thanh cho rằng: Dáng người lực lưỡng mà lại ngu si, không hiểu trước sau, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh khất âm chất ngược lại âm chân lật Văn Phổ viết chữ ngật là sai.

Đạo kính ngược lại âm kinh định sách Khảo Thanh cho rằng: Đi bộ bên đường cao dốc, Cố Dã Vương cho rằng: Con đường nhỏ, không có quanh co mà là đại lộ lớn, khúc khủy ngoằn ngèo mà đi, cũng gọi là đường kính nhỏ hẹp, Quảng Nhã cho rằng: Đường xuyên rẻ ngã khác, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh kinh âm kinh cũng là âm kinh.

Uyển chuyển ngược lại âm trên miễn viển trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi Văn Phổ viết chữ uyển là chẳng phải nghĩa chữ uyển

chuyển.

Bi tê ngược lại âm tiên hề sách Phương Ngôn cho rằng: Tê là mắc nghẹn, Quách Phác chú giải rằng: Đau cổ họng Thiên Thương Hiệt ghi giọng khàm khàn, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ tê gọi là tiếng đau khổ, chữ viết từ bộ ngôn thanh tê.

Khuyến tương ngược lại âm tương lượng sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Tần Tấn, khuyến khích với nhau gọi là tương xưa nat Chánh Tự cho rằng: Khích lệ cố gắng lên, chữ viết từ bộ cũng đến thanh tương âm cũng ngược lại âm cung lũng.

Ngung ngung ngược lại âm ngu cung sách Hoài Nam Tử nói rằng: Quần sanh đều hướng ứng hòa theo đức lớn của thành nhân, sách Thuyết Văn cho rằng: Chúng đông cùng hòa theo âm thanh trên, chữ viết từ bộ khẩu thanh ngung.

Quyến tác ngược lại âm trên quyên luyến Thiên Thương Hiệt cho rằng: Quyến là lưới giăng, Quảng Nhã cho rằng: Giăng lưới bên đường, theo Thanh Loại cho rằng: Dùng dây buộc chặt giữ lấy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ võng thanh viên âm lưu ngược lại âm xương dung âm phù ngược lại âm phò lưu Văn Phổ viết chữ quyến là chẳng phải.

Huynh minh ngược lại âm trên ách kinh ngược lại âm dưới mạch canh sách Khảo Thanh cho rằng: Huynh minh là dáng người của Hạ Lý phu nhân xinh đẹp. Minh cũng là dáng người nhỏ nhắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Huynh là tâm nhỏ hẹp, chữ viết từ bộ nữ thanh huỳnh thanh tĩnh minh từ bộ nữ thanh minh.

Ban mục ngược lại âm trên phan man Tự Thư cho rằng: Ban là con mắt xinh đẹp, Mao Thi Truyện cho rằng: Con mắt tròng đen, trắng rõ ràng. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mục thanh phân Văn Phổ viết chữ hề âm hề ngược lại âm hứa ất chẳng phải nghĩa kinh.

Dũng sanh ngược lại âm trên dư dũng sách Thuyết Văn cho rằng: Dũng là loài côn trùng con nằm trong kén, chữ viết từ bộ trùng thanh dũng âm dũng đồng với âm trên.

Tích lịch ngược lại âm trên cung mịch ngược lại âm dưới linh đích sách Sử Ký cho rằng: Tích lịch đó là khí dương động phát ra tiếng nổ gọi là sấm sét, sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ đều thanh tích lịch Văn Phổ viết chữ tích lịch tục tự đềudùng thông dụng.

Vãn cung âm trên là vãn sách Khảo Thanh cho rằng: Vươn dây cung kéo dây cung. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh vãn viết đúng là chữ vãn Văn Phổ viết chữ vãn là sai.

Kỳ thốc ngược lại âm tông lộc Quảng Nhã cho rằng: Thốc là đầu mũi tên nhọn, sách Thuyết Văn cho rằng: Mũi tên cấm thẳng vào, chữ viết từ bộ kim thanh tộc.

Lão mẫu ngược lại âm trên mâu hậu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Người đàn bà năm mươi tuổi mà không con xuất đi ra mà lại không lấy chồng, mà có thể làm thầy dạy đạo cho người đó cũng gọi là sư nữ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nữ thanh mẫu.

Hổ tự ngược lại âm tư tử kinh Sơn Hải nói rằng: Tự là con thú nằm trong ao hồ, hình trạng nó giống như con trâu, màu xanh đen, Quách Phác cho rằng: Chí có một cái sừng, màu sắc xanh, nặng cả ngàn cân, sách Thuyết Văn nói: Chữ tượng hình, Văn Phổ viết chữ tự tục tự dùng cũng thông.

Hống hách ngược lại âm trên hồ khẩu Giả Quỳ chú giải: Hống là kêu gọi, theo Thanh Loại cho rằng: Tiếng rống. Xưa nay Chánh Tự viết từ bôn ngưu thanh khẩu cũng viết chữ câu hoặc là viết chữ câu Văn Phổ viết chữ hống tục tự dùng cũng thông dụng, ngược lại âm dưới hách á Trịnh tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Dùng cái miệng chẳng phải người để dọa nạt gọi là hách Bì Thương cho rằng: Hống hách là giận dữ dọa nạt, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khẩu thanh hách.

Điềm đạm ngược lại âm trên diệp hiềm sách Phương Ngôn cho rằng: Điềm tĩnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm đến bộ điềm thanh tĩnh ngược lại âm dưới đàm cảm cũng là âm đàm sách Thuyết Văn nói đạm là an, chữ viết từ bộ tâm thanh đảm.

Hao hồ ngược lại âm trên hồ giao sách Thuyết Văn nói rằng: Con heo giựt mình kinh sợ tiếng kêu khàn khàn, chữ viết từ bộ khẩu thanh hiếu cũng viết chữ hao ngược lại âm dưới hổ cô.

Ức hài ngược lại âm cải ai sách Khảo Thanh cho rằng: Hài là to lớn, danh số, chữ viết từ bộ nữ thanh hài.

Thời nhương ngược lại âm hoại dương sách Khảo Thanh cho rằng: Được chống cự, đẩy ra ngoài, ngăn cản trừ bỏ, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Đẩy ra, chữ viết từ bộ thủ thanh nhương.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 4

Kỳ hành âm trên là kỳ sách Khảo Thanh âm kỳ xưa nay Chánh

Tự cho rằng: Loài côn trùng bò đi, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh kỳ.

Tài nghiệt ngược lại âm ngạn hạt Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cây sau khi đốn ngã rồi mà lại sinh mầm gọi là nghiệt, Quách Phác chú giải sách Nhĩ rằng: Nghiệt là cây chặt còn dư lại nên mọc mầm, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh nghiệt cũng viết chữ nghiệt Văn Phổ viết chữ nghiệt là chẳng phải.

Sản chính ngược lại âm trên sơ tàn Quảng Nhã cho rằng: Đất nhổ sạch cỏ gọi là sản sách Thuyết Văn cho rằng: Sản là cái xẻng. Lại cũng gọi là sang bằng, chữ viết từ bộ kim thanh sản Văn Phổ viết chữ sảm là sai, âm diệp là âm tập âm tiêm ngược lại âm tiếp diêm ngược lại âm dưới chinh diệc.

Tiều thán ngược lại âm tĩnh tiêu Quảng Nhã cho rằng: Tiều là than đen, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ gọi là thiêu đốt, từ bộ hỏa thanh tiêu hoặc là viết chữ tiều âm tiêu ngược lại âm tài giáp.

Át-na-sơn ngược lại âm an hạt tên của nước Tây Vực.

Chiêm chúc ngược lại âm chi dục sách Vận Lược cho rằng: Chúc là nhìn chăm chú, sách Khảo Thanh cho rằng: Nhìn rất chăm chú, nhiều con mắt nhìn chăm vào, chữ viết từ bộ mục thanh chúc âm chúc đồng với âm trên.

Hữu hiệt ngược lại âm hà yết sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải mà đến đông Triệu Ngụy gọi là trí tuệ là hiệt Quách Phác chú giải rằng: Gọi là tuệ là hiểu rõ thông suốt. Cố Dã Vương cho rằng: Gian xảo lanh lợi, sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh kiết.

Quán thấu ngược lại âm trên quan yểm ngược lại âm dưới sưu hựu sách Thuyết Văn cho rằng: Quán là rửa tay, chữ viết từ bộ cửu bộ thủy đến bộ mảnh Văn Phổ viết chữ quán là chẳng phải âm cửu là âm cúc âm mảnh ngược lại âm minh bính âm oản ngược lại âm ô quản.

Bảo tỷ ngược lại âm kình kích Cố Dã Vương nói rằng: Khổng Tòng Tử nhìn thấy vua mang giày cỏ mà đi trên thảm cỏ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tỷ là giàu dép cỏ chữ viết từ bộ lý tóm lược thanh chi âm kiêu ngược lại âm cư lược Văn Phổ viết chữ lý truyện viết sai.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 5

Quán trách ngược lại âm trên cổ hoan Bạch Hổ Thông nói rằng: Quan đó là cuộn lại, chỗ gọi là quấn cuộn giữ búi tóc, Quảng Nhã nói có mười tám loại mũ chỗ gọi là không có truy tìm theo đuổi theo nghiệp văn chương bổ ủy, mà làm chăn nuôi vật thì cái mũ kéo vãn ra, thông cả ngày du ngoạn phương xa, Tấn Hiền Cao đội mũ vuông vùng núi, Huệ Căn đội mũ hoa, cũng lại cởi bỏ đi, lại lột bỏ da chim trĩ mà miễm làm đội mũ, đều là loại mũ, sách Thuyết Văn nói: Cái mũ là cuộn lại gọi là cuộn tóc lại, Tóm lại gọi cuộn buộc búi tóc trên đầu chữ viết từ bộ mịch đến bộ nguyên đến bộ thốn quan có pháp độ cho nên chữ viết từ bộ thốn ngược lại âm dưới trạch cách Quảng Nhã cho rằng: Trách là khăn bao tóc, sách Phương Ngôn nói che búi tóc lại gọi là trách hoặc gọi là còn chừa dư lại để lộ ra ngoài, hoặc là khi cúng tế hoặc là cắt bỏ đi, đó là người ty tiện, khi làm công việc lao nhọc phải bỏ mũ xuống đó gọi là phục dịch, có loại khăn màu xanh, khăn màu đỏ, khi làm việc sang, hèn phân biệt đều phải tuân theo, Quan văn đó khăn buộc tóc dài tới tai,, quan vỏ đó khăn ngắn trên tai đều xưng gọi là mũ quán, sách Thuyết Văn nói trách là khăn bao tóc bên trong có khăm vuông gọi là trách chữ viết từ bộ cân thanh trách âm quan ngược lại âm vu âm vãn là âm vấn âm trĩ ngược lại âm trách giới âm hoảng là âm miễn âm quyển ngược lại âm quyết nguyễn âm truy ngược lại âm khưu viên âm cân là âm hân âm thanh ngược lại âm thất dược âm trách là âm trách âm kế là âm kế âm mịch là âm mịch Văn Phổ viết trong từ bộ trúc viết thành chữ trách là chẳng phải.

Chuyển toại ngược lại âm tùy túy âm nghĩa trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi, Văn Phổ viết chữ toại tục tự lưu hành lâu rồi vậy.

Vương giá ngược lại âm ngôn kiện Thiên Thương Hiệt cho rằng: Giá là nghinh đón, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh ngôn.

Câu tích âm trên cự ngu âm dưới tinh diệc Cố Dã Vương cho rằng: Tích là cái chân bị nghiêng teo khô lại không thể đi được. Xưa nay Chánh Tự viết (807) từ bộ túc thanh tích cũng viết chữ tích này nhưng chẳng phải.

Hạc trì âm trên hà các đã giải thích đầy đủ trong quyển thứ mười hai âm nghĩa.

Quyên phi âm trên nhất duyên âm dưới phỉ vi trong quyển Hoằng

Minh Tập đã giải thích rồi.

Uyển diên âm trên miễn nguyễn âm dưới là diên.

Tràng mao âm trên độc giang âm dưới là mao Cố Dã Vương cho rằng: Phàm gọi là mao đó đều là cờ có cắm lông của ly ngưu, trâu đuôi dài, cắm thẳng vào cờ xí lông trâu đuôi dài trên trâu hoặc trên gối trâu đều có lông dài, cắt cái lông đó lấy dùng để cắm vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phương đến bộ mao mao cũng là thanh, Văn Phổ viết từ bộ cân viết thành chữ mao là chẳng phải.

Kha kỳ âm trên ác hà Ngũ Hành Truyện nói rằng: Theo mùa tức là có khẩu kha sách Thuyết Văn nói bệnh gầy ốm, chữ viết từ bộ tật thanh khả theo Thanh Loại viết chữ kha Văn Phổ viết chữ là chẳng phải là sai.

Trân kỳ âm trên thất lân sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh chân Văn Phổ viết chữ điển là chẳng phải âm dưới kỹ nghi sách Thuyết Văn cho rằng: Kỳ là khác lạ, chữ viết từ bộ đại đến bộ khả Văn Phổ viết chữ kỳ là tên ngọc, nghĩa cũng tương cận.

Phã ngộ âm trên phổ khả Tự Thư giải thích: Phã là không thể được. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khẩu đến bộ phương là âm phương.

Liêu chúc âm trên liễu điêu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Liêu là bạn cùng làm quan với nhau, theo Tả Truyện cho rằng: Đồng làm quan gọi là liêu lại cũng gọi là đại phu, ấp sĩ, ấp sĩ ãng, ãng thần lệ. Lệ thần đều là quan liêu, Cố Dã Vương nói trong quyển thứ chín, nói về nhân phẩm, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân thanh liêu cũng viết chữ liêu Văn Phổ viết chữ liêu là sai âm dưới thù dục.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 6

Giả dung âm trên giá dã Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Giả đó màu đỏ đậm, nhân màu đỏ tím, sách Thuyết Văn viết từ bộ xích đến bộ giả thanh giả.

Thanh ái ngược lại âm ô tái Cố Dã Vương nói: Ái là ôn hòa âm áp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhật thanh ái Văn Phổ viết từ chữ tạc ái đó là sai.

Đanh thước ngược lại âm thương nhược theo Mao Thi Truyện nói rằng: Thước là tốt đẹp, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng:

Sáng sủa, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh lạc.

Cốc trịnh âm trên hồng ốc địa danh của Tây Vực.

Cự để âm đinh lễ tên của vị Tỳ-kheo ni ở Tây Vực.

Ẩn ế âm y kế tên Tỳ-kheo ở Tây Vực.

Tự hoại âm tài dữ Mao Thi Truyện nói rằng: Tự gọi là cản trở hư hoại, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh thư Văn Phổ viết từ bộ phá đến nhân viết thành chữ trở chẳng phải âm nghĩa này, âm là trang lử khác lạ ý văn âm dưới hồ quái.

Hiệp-tu-na âm lực kế tên Tỳ-kheo ni ở Tây Vực.

Luân lịch âm dưới lực đích Thiên Thương Hiệt ghi: Lịch là xe lăn bánh, sách Thuyết Văn nói: Chỗ chiếc xe cán lên, chữ viết từ bộ xa thanh lạc âm triển ngược lại âm nữ triển.

Thao tháp âm trên đồ hao âm dưới đàm lạp lại cũng viết chữ tháp Văn Phổ viết chữ tháp là chẳng phải là sai.

Lai chấn ngược lại âm thất lân.

Kỳ đạo âm trên cư y Mao Thi Truyện nói: Kỳ là cầu, mong cầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thi thanh cân Văn Phổ viết chữ kỳ nghĩa cũng đồng.

Nợ quyền âm trên nô đổ âm dưới là quyền Văn Phổ viết từ chữ quyển tục dùng chữ cũng thông dụng.

Cẩu niết ngược lại âm nghiên kiết.

Diên thóa âm trên nghĩa diên viết đúng chữ diên âm dưới thổ ngọa.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 7

Yểu yểu ngược lại âm yểu hiểu sách Thuyết Văn nói: Yểu là sâu xa, chữ viết từ bộ huyệt thanh ấu lại cũng viết chữ yểu.

Đạo khuê ngược lại âm huệ khuê Văn Thông Dụng nói: Tần Hiếu Công lấy hai trăm bốn mươi bước chân làm một mẩu, năm mươi mẩu làm một khuê Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khuê giống như là khu sách Thuyết Văn cũng cho rằng đồng nghĩa trên, chữ viết từ bộ điền thanh khuê.

Đê đường âm trên đệ hề Vi Thiệu chú giải rằng: Đê là bờ đất rộng, ngăn phòng, sách Thuyết Văn nói cũng là bờ đê ngăn phòng nước

tràn, chữ viết từ bộ phụ thanh thị âm dưới là đãng lãng xưa nay Chánh Tự cho rằng: Bãi cát dài người ta gọi là đê làm đường chữ viết từ bộ phụ thanh đường lại cũng viết chữ đường.

Cực ư âm trên cạnh lực Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cực là nóng nảy, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ nhân đến bộ khẩu lại cũng viết bộ nhị nhị là thiên địa, nói là con người sanh trong trời đất, có miệng để hỏi, có tay để cầm nắm, rất cần thiết tối ưu, chữ hội ý, lại cũng âm là khí nay không lấy nghĩa này.

Đạo đố ngược lại âm đô cố Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đố là con mọt nó ăn vật dụng của người có loại màu trắng, đen, sách Thuyết Văn nói: Con sâu đục trong gỗ, chữ viết từ bộ côn thanh đố Văn Phổ viết chữ đố là sai.

Thiết sa ngược lại âm sang khả.

Phẩu hệ ngược lại âm trên phổ khẩu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phẩu giống như là phá ra, Thiên Thương Hiệt ghi chẻ ra, sách Thuyết Văn nói: Phanh ra, phá ra, mở ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu Văn Phổ viết chữ phẩu là chẳng phải, ngược lại âm la giảng tóm lược giảng trong phẩu kích nghĩa cũng đồng, đây đã giải thích rồi, đây không giải thích trùng lắp nữa.

Sử thủy âm trên sư lợi Thiên Thương Hiệt ghi: Sử là con ngựa chạy rất nhanh, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh sử.

Huyễn mạo âm trên huyền quyến Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huyễn là nhìn không thấy rõ, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Huyễn hoặc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh huyền.

Buộn giả âm trên bồn muộn Cổ Tự giải thích: Trong chậu có đát bùn dơ.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 8

Sắc nhiên âm trên sở lực Bì Thương nói rằng: Sợ hãi. Công Dương Truyện nói sắc nhiên là kinh hãi, sách Thuyết Văn nói ý là đau buồn, chữ viết từ bộ khiếm thanh sắc.

Cầu giác ngược lại âm giang nhạc Quảng Nhã cho rằng: Giác là dụng cụ để gạt cho bằng cái đấu và hộc khi đong lường, lại cũng có giảng nghĩa quyết đo lường hơn thua, sách Thuyết Văn nói: Thanh gạt

cho bằng, chữ viết từ bộ đấu thanh giảng hoặc là viết chữ giác.

Phách liệt âm trên phanh mạch trong Văn Phổ lại viết chữ tích là chẳng phải, ngược lại âm phanh mạch trong Văn Phổ lại viết chữ tích là chẳng phải, ngược lại âm bình mịch chẳng phải nghĩa này.

Phẩu địa âm trên bổ hậu sách Khảo Thanh cho rằng: Phẩu là dùng tay nắm kéo ra, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh phẩu nay tục âm là hồ là bao gồm. Văn Phổ viết chữ bao là chẳng phải.

- Long tàn âm trên lực cung Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Long là bệnh nhọt độc, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bệnh lâu ngày, sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh đã giảm, chữ viết từ bộ tật thanh long tục tự dùng cũng thông dụng.

Khôi phụ ngược lại âm trên đô hồi gọi là đống đất nhỏ, Văn Phổ viết chữ đồi tục tự dùng thông, âm phụ là âm phụ.

Phãng phất âm trên phương võng âm dưới phương muội, phương vật hai âm, sách Hán Thư nói phưởng phất là tương tợ, mơ hồ giống mà không giống, theo Thanh Loại cho rằng: Thấy mà không rõ thật. Xưa nay Chánh Tự đều từ bộ tiêu đều thanh phương phất sách Thuyết Văn viết chữ phãng phất là chữ cổ nay không dùng.

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 9

Mong mong ngược lại âm mộc bồng theo Mao Thi Truyện nói: Mong đó trong mắt có màng che con ngươi nên không thấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Thấy không rõ chữ viết từ bộ mục thanh mong Văn Phổ viết từ bộ mục viết thành chữ mong đó là sách viết sai.

Hao đào âm trên hao lao âm dưới đạo lao Văn Phổ viết chữ hao đào tục tự dùng thông dụng.

Mâu sóc ngược lại âm song tróc.

Châm phong âm trên chấp lâm âm dưới phu dung.

Kiết khương âm trên khinh kiết âm dưới khướt hướng.

Phúc sái âm trên phong mục âm dưới là sửu giới.

Tập tập ngược lại âm tầm lập kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ này, tập tập đó là tục ngữ nói sai. Gọi là bệnh phong ngoài da nói là bệnh tự nhiên mà có.

Uyết ế âm trên uyển nguyệt sách Tập Huấn nói: Uyết là hơi đi

ngược, tức là nôn ọe, sách Thuyết Văn nói: Hơi đi ngược trở ra, chữ viết từ bộ khẩu thanh tuế âm dưới yên kiết sách Khảo Thanh cho rằng: Ế là mắc nghẹn ở cổ không thông được, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Lo buồn không thể nghĩ ngơi, sách Thuyết Văn nói ăm cơm mắc nghẹn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh ế.

Truân quệ âm dưới quyển nguyệt tiếng Phạm.

Thuế hóa ngược lại âm du nhuế Quảng Nhã nói: Con ve lột xác, sách Thuyết Văn nói: Con ve lột da ngoài, chữ viết từ bộ trùng thanh thuế.

Phật thư ngược lại âm tử thư sách Thuyết Văn nói: Thư là râu trên miệng, chữ viết từ bộ tu thanh thử nay Văn Phổ viết từ bộ lạc đến bộ mao là chẳng phải, vốn tục từ viết từ bộ tư đến bộ mao viết thành chữ tư người viết sách không hiểu, lại sửa đổi từ bộ lạc là sai, trong lại càng sai chẳng phải trong truyện Thích-ca Phổ từ bộ tiêu viết thành chữ tư cũng là tục dùng thông dụng

----

THÍCH CA PHỔ
QUYỂN 10

Thô sáp âm trên sang ô âm dưới sương lập chữ chánh thể.

Khẳng khái âm trên khang lãng âm dưới khẩu ái sách Thuyết Văn nói: Người tráng sĩ bắt đắc chí, chí không toại nguyện, nên than thở, hai chữ đều từ bộ tâm đều thanh khang khái sách Thuyết Văn viết đúng là chữ khẳng.

Chu hàng ngược lại âm hạc cang nghĩa đã giải thích rồi trong Cao Tăng Truyện, nay Văn Phổ viết chữ hàng là chẳng phải.

Khái quán âm trên phàm lợi Cố Dã Vương nói: Khái cũng giống như quán quán cũng là ốc tức là rót nước tưới ruộng tươi mát. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thủy đều thanh ký quan âm quan ngược lại âm hồ quan.

Giam chi ngược lại âm trên giáp hàm sách Thuyết Văn nói: Giam là buộc kín lại, buộc kín cái rương. Lại viết chữ từ bộ mịch thanh hàm.

Sự tiết ngược lại âm tiên liệt Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tiết là phát ra, sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh thế hoặc là viết chữ tiết đều tục từ dùng thông dụng.

Dĩ lạp ngược lại âm lam ám Bì Thương cho rằng: Lạp là sáp mật,

xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng thanh lạp Văn Phổ viết từ bộ nhục viết thành chữ dịch là chẳng phải.

Bài kháng ngược lại âm trên bại mai Quảng Nhã cho rằng: Bài là xô đẩy ra, âm thôi ngược lại âm tha lôi Cố Dã Vương nói: Bài là lôi kéo, sách Thuyết Văn nói gạt đẩy ra, chữ viết từ bộ thủ thanh phi âm dưới khang lãng sách Vận Thuyên cho rằng: Dùng tay mà chống cự Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đánh trả lại, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Lôi kéo cứu vớt giải thích chữ cổ gọi là căng ra, Quảng Nhã cho rằng: Dùng sức mạnh che trùm lên, phủ lên, sách Phương Ngôn nói treo lên, sách Chu Dịch nói: Biết tiến tới mà không biết thối lui, sách Thuyết Văn nói: Chống cự chữ viết từ bộ thủ thanh khang trong Văn Phổ từ bộ đảng viết thành chữ đảng (808) là chẳng phải, âm tề ngược lại âm tinh hề.

Chi giáo ngược lại âm ngôn kiến đã giải thích quyển trước rồi.

Câu-siển-di âm giữa chiêm nhiễm thiếng Phạm, tên của nước.

****

THÍCH CA THỊ LƯỢC PHỔ

Thích-ca phổ ngược lại âm bộ mẫu Thích Danh cho rằng: Phổ là ban bố khắp, Quảng Nhã cho rằng: Phổ là công văn truyền đi. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Phổ là ban bố khắp nơi, đều nghe thấy biết việc, chữ viết từ bộ ngôn thanh phổ.

Phồn nhục âm trên là phiền sách Khảo Thanh nói phồn là đông nhiều, âm dưới nhu chúc sách Thuyết Văn cho rằng: Nhục là rườm ra, nẩy sinh ra nhiều, màu sắc sặc sở, chữ viết từ bộ mịch thanh nhục.

Đoạn ngao ngược lại âm ãng cao Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ngao là con rùa lớn, trong Liệt Tiên Truyện nói: Trên lưng con rùa có vác cái linh lớn đến núi Bồng Lai mà làm trò vui, trong biển Thượng Hải, sách Thuyết Văn viết từ bộ mảnh thanh ngao.

Phân nhu ngược lại âm nữ cứu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nhu là lôn xộn lung tung, hoặc là viết chữ nhẫn gọi mất trật tự, bộ mịch viết thành chữ là sách viết sai chẳng phải.

Giác định âm trên là giác Quảng Nhã nói rằng: Giá là so sánh rõ ràng, sách Khảo Thanh nói: Giác là đánh giá ưu kém, nói chung đại khái, sách Thượng Thư Đại Truyện nói rằng: Giác là so sánh cái chí hơn kém, thấy được việc tốt xấu, so tài đọ sức, hoặc là viết chữ giác tức

là cạnh tranh, thữ tài, hoặc là viết chữ hào viết thành chữ giác, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xa thanh giao.

Đĩnh quang âm trên đình ninh danh hiệu Phật Quang.

Chiêu chước âm trên là chiếu âm dưới dương nhược Quảng Nhã cho rằng: Chiêu chước là sáng chói, sách Thuyết Văn đều từ bộ hỏa đều thanh chiêu chước.

Nhân cấu âm trên là nhân Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nhân giống như là thân gần gũi, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bên nhà trai gọi là nhân Bạch Hổ Thông cho rằng: Bên nhà gái, bên nhà trai mà thành thông gia với nhau gọi là nhân âm dưới câu hầu Mao Thi Truyện cho rằng: Cấu là dày, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Kết hôn, trọng hôn gọi là cấu, sách Thuyết Văn cũng đồng, nghĩa đều từ bộ nữ đều thanh nhân cấu.

Ky bạng âm trên cư nghi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ky là loại châu ngọc, Tự Thư cho rằng: Hạt châu nhỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Hạt châu không tròn, chữ viết từ bộ ngọc thanh ky ngược lại âm dưới bàng giảng văn trước trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương đã giải thích đầy đủ rồi.

Hệ đích âm trên hề kế sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hệ là nối tiếp theo, ở đời vốn có vua nối tiếp theo gọi con cháu kế tục, tiếp theo sự nghiệp, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Ràng buộc, chữ viết từ bộ hệ thanh hệ Trụ Văn viết từ bộ trảo viết thành chữ hệ ngược lại âm dưới là đinh lịch Tự Thư cho rằng: Đích là con trưởng, sách Thuyết Văn cho rằng: Đích là vợ chánh, chữ viết từ bộ nữ thanh đích.

Hoàn vũ âm trên là hoàn ngược lại âm dưới vu cũ Trụ Văn viết từ vũ nay đúng là viết chữ vũ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trong một nước thì bốn bên biên thùy là vũ, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vũ là to lớn, Doãn Văn Tử nói rằng: Bốn phương trên dưới gọi là vũ sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh vu.

Uyên vi ngược lại âm trên quyết huyền theo Mao Thi Truyện nói rằng: Uyên là sâu thẳm, âm dưới đúng là chữ vi nay từ bộ xước viết thành chữ vi ngược lại âm vĩ phi Quảng Nhã cho rằng: Vi là bé nhỏ, sách Thuyết Văn nói: Vi diệu, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vi là thiếu ít ỏi, nói rằng: Chu Công tuy là lấy mẩu đất ít ỏi, đánh giá gọi là giống như chưa có hết, kỳ thật, sâu xa, vi diệu, nay Văn Phổ viết thán ao thù là mất đi nghĩa lý, nên không lấy nghĩa này.

Liễm hiểm ngược lại âm trên lực chiêm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con chó có cái mỏ dài gọi là liễm sách Thuyết Văn cho rằng: Con chó

đen mà mở vàng cũng gọi là chó mực, ngược lại âm dưới thú liễm theo Mao Thi Truyện nói rằng: Miền bắc địch hoặc gọi là hiểm duẫn bộ tộc ở phương bắc Trung Quốc, Trịnh Huyền chú giải rằng: Tức là nay gọi nước Hung Nô, xưa nay Chánh Tự đều cho rằng: Hai chữ đều từ bộ khuyển đều thanh liểm nghiêm.

Sử trụ âm trụ sách Chu Nghi nói tên của Quan Vương Sử. Lúc ban đầu biến đổi, văn cổ trong Đại Triện nói về vị quan này.

Chiêu tích ngược lại âm chi liệt theo Mao Thi Truyện nói: Tích là sáng tỏ, rõ ràng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhật thanh tích.

Chấn hãi ngược lại âm hài mại.

Lan thuẫn âm trên là lan âm dưới là thuận.

Yêu dã âm trên ư kiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Người đàn bà khéo léo làm tư thái ủy mị ẻo lã, ngược lại âm dưới dư khảo sách Chu Dịch nói: Dạy bảo chải chuốt chơi gái điếm, sách Thuyết Văn viết từ bộ băng thanh di âm băng là âm băng.

Giải trí ngược lại âm tri lợi Cố Dã Vương nói Trí giống như bị đốn ngã vấp té, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chất.

Hoán chi ngược lại âm hoàn oán Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hoán là tẩy rửa, Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Bỏ đi cũ dơ bẫn cấu uế gọi là hoán sách Thuyết Văn cho rằng: Giặt áo dơ, chữ viết từ bộ thủy thanh cán cũng viết chữ hoán Văn Phổ viết chữ hoán tục tự dùng thông dụng.

Bính sa âm trên tịnh minh tên của vị vua ở Tây Vực, Văn Phổ viết chữ bình là sai.

Tao nhiễu âm trên tang lao Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tao gọi là dao động. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh tảo Văn Phổ viết chữ tảo là cào gãy, sờ mó, nghĩa khác lạ, ngược lại âm dưới nhi chiểu chữ chánh thể.

Tẫn liễm âm trên tân tẫn âm dưới liêm điêm Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thu gom mà theo bỏ vào quan tài gọi là tẫn sách Thuyết Văn nói: Bỏ người chết vào trong quan tài rồi dời chuyển đi chôn cất, có người khách đưa tiễn quan tài đi đến nơi mai táng chôn cất, chữ viết từ bộ ngạc tân cũng là thanh, Văn Phổ viết chữ tẫn là sai.

Đe dương âm trên để lê con dê đực thiến, Văn Phổ viết chữ đê là tục tự dùng thông dụng.

Hạ nhiếp ngược lại âm nữ thiệp.

Trừng giới ngược lại âm trên trực lăng.

Mô ảnh âm trên mộ hồ Bì Thương cho rằng: Mộ là lấy như giống

nhau, tức là bắt chước, sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy theo khuôn phép, chữ viết từ bộ thủ thanh mạc.

Vị ái ngược lại âm ai cải đó giải thích rồi Văn Phổ trước trong quyển thư sáu.

Tuần hành âm trên là tuần Quảng Nhã cho rằng: Tuần là đi theo, sách Thuyết Văn cho rằng: Tuần là đi chữ viết từ bộ xước thanh thuẫn.

Sa sao ngược lại âm xương nhiễu tục tự dùng cũng thông dụng, viết đúng là chữ sao từ bộ dậu.

Cát lũy ngược lại âm luật khối Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lũy là loại dây leo thực vật quấn quít chằng chịt, sách Tự Điển nói: Loại cỏ cũng gọi là dây cát thân dây leo, chữ viết từ bộ thảo thanh lỗi âm lỗi là âm lôi.

****

THÍCH CA PHƯƠNG CHÍ
QUYỂN THƯỢNG

Du sâm ngược lại âm sĩ lâm Tự Thư cho rằng: Viên ngọc đẹp quí báu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối thanh thâm.

Phụng chí ngược lại âm chi nhị xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chí là lễ vật ra mắt, chữ viết từ bộ bối thanh chấp.

Điên mậu ngược lại âm mạc hậu theo Thanh Loại nói rằng: Mậu là dài rộng, sách Thuyết Văn giải thích: Dài phía nam bắc gọi là mậu, chữ viết từ bộ y thanh mâu.

Lâm thao ngược lại âm thảo lao tên đất Lũng quận Hữu, gần sông Thao.

Không đồng âm trên là không âm dưới là đồng tên của ngọn núi.

Nhật đê ngược lại âm đinh hề loại đá đen, có thể làm nguyên liệu để nhuộm lụa tơ vải, sách Hán Thư nói: Có tên người là Kim Nhật Thiền.

Tương vấn âm trên tưởng dương đã giải thích rồi âm nghĩa trong quyển thứ mười tám.

Du hiên âm trên là do âm dưới là hiết ngôn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Du là xe nhẹ xưa đó là dùng cho người lấy tin, hoặc là sứ thần chỗ gọi là chở, sách Phương Ngôn Tựa nói rằng: Du hiên là xe dùng cho sứ thần đi, chỗ gọi là tuần du của vạn quốc Thái Lãm, nói khái đi là Lý Chu Tần vì sự nghiệp của nhà Tần mà đi sứ thám thính các nước khác,

tức là như nay người ta gọi là lấy tin tức, người sứ đi lấy tin tức.

Ký trinh quán âm trên là kỳ nghĩa Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cao là đến, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y thanh tự nay phân nhiều cũng từ bộ thã viết thành chữ âm phái là âm ngâm từ ba bộ nhân.

Huân duẫn âm trên là huấn vân âm dưới là duẫn sách Khảo Thanh cho rằng: Tên gọi khác của bộ tộc Hung Nô. Đời Đường gọi là huân cách đời Chu gọi là liễm duẫn đời Hán gọi là hung nô nay gọi là đột quyết đều là bộ tộc phía bắc địch.

Tây khi ngược lại âm khởi nghi Cố Dã Vương cho rằng: Khi là nghiêng lệch, không có thẳng, cũng viết chữ nguy sách Thuyết Văn viết từ bộ chi thanh kỳ.

Vu uế âm trên là vô âm dưới là vu vế Cố Dã Vương cho rằng: Uế gọi là không sạch sẽ, xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thảo đều thanh vô tuế.

Ô-sát-quốc ngược lại âm sư giới.

Thiện thiện quốc âm trên là thiện.

Đôn hoàng âm trên đồ côn Hán Thư nói rằng: Đôn hoàng là tên của quận hậu vũ đế nguyên niên phân đặc để bái sái tuyền, Đỗ Lâm cho rằng: Xưa là Hồ Châu nay gọi là Sa Châu vậy.

Thổ-cốc-hồn âm giữa là dục tên của Phiên Bộ Lạc.

Đại đồi ngược lại âm đô hồi đã giải thích rồi Văn Phổ trước trong quyển thứ tám viết đúng là chữ đồi Văn Chí viết chữ đồi cũng là thông dụng.

Hạp trữ âm trên là giáp ngược lại âm dưới trừ lự theo Phương Chữ Bổn Nghĩa Hiệp chữ đó là cởi mở ra rổng không, giống như sơn phết vào vải bố thưa mà làm vật dụng.

Như vị âm vị sách Thuyết Văn nói con nhím lông nó giống như lông con heo mà nhỏ mịn hơn, chữ viết từ bộ trùng thanh vị.

Cù-lăng-già-sơn âm trên cụ vu âm kế là lặc đăng.

Biển hổ âm trên biến miến âm dưới thể hổ Văn Chí viết từ bộ xước viết thành chữ biến mạc là sai viết đúng từ bộ phương âm là âm phương.

Bạch ế ngược lại âm ích hề sách Văn Tự Tập Lược nói: Núi Báu Đen, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thạch thanh y Văn Chí viết chữ ế cũng thông dụng.

Mong kiện quốc âm trên mạc băng.

Miêu-ma-hê-la-sơn âm trên miêu âm hê ngược lại âm hê dị.

Lung lệ âm trên lộc dung âm dưới lực kế gọi là ngang bướng can cường.

Tượng huỳnh ngược lại âm vinh minh cũng viết chữ dinh.

Phú bàn âm trên phu mục âm dưới bàn mạt.

Hốt bẩm quốc âm giữa lâm cấm.

(809) Nhược linh âm linh.

Sấn xĩ âm trên sơ cân gọi là hủy bỏ cái răng, tức là thay răng sữa.

Vi khả ngược lại âm vu đản.

Ớt-đản âm trên Ôn-cốt âm dưới Đan-lạt tiếng Phạm.

Thừa hằng ngược lại âm cang hằng sách Thuyết Văn cho rằng: Hằng là sợii dây lớn, chữ viết từ bộ mịch thanh hằng.

Tiêu dực ngược lại âm dăng trức cây cột trụ buộc trâu bò.

Bà-la-tân-la-đại-lĩnh ngược lại âm tiên hề.

Tự hổ âm trên từ tự sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh thực.

Bán-nợ-sa-quốc âm Nở-sa ngược lại âm sang hà.

Trách-ca âm trên trúc ách.

Tục ánh ngược lại âm anh dĩnh sách Thuyết Văn nói: Cổ nổi bướu, chữ viết từ bộ tật thanh anh.

Thư chung ngược lại âm thuộc lung sách Nhĩ Nhã giải thích Chân sưng lên gọi là chung sách Thuyết Văn viết chữ chung gọi là cẳng chân chứa hơi sưng lên, chữ viết từ bộ tật thanh chung Văn Chí viết từ bộ uông viết thành chữ chung là Trụ Văn viết âm uông là âm uông.

Tốt-lộc-cận-na ngược lại âm trên Tô-một.

Chân-hê-xế-đản-la-quốc âm trên Ô-lạc âm kế hinh kê âm xế ngược lại âm xương chế âm đản là âm đan quỳ.

Bình khải ngược lại âm khai cải Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khải là chỗ cao ráo khô, sách Thuyết Văn nói: Chỗ cao ráo thoáng mát, chữ viết từ bộ thổ thanh khải.

Bi-sách-ca-quốc âm trên là Ty-di âm kế Sanh-hạch tiếng Phạm.

Ương-lũ-lộc âm giữa kỳ cũ.

Giác xứ âm trên giang phữu cũng viết chữ giác Văn Chí viết chữ thùng là chẳng phải, nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi, trong văn trước quyển thứ tám Thích-ca Phổ, chữ xứ là đúng.

Tiêu phát âm trên sở giao Bì Thương giải thích: Tiêu là tóc rủ xuống, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tiêu thanh tiêu.

Dĩ hốt âm hốt.

Lật-chiêm-bà-tử âm chiêm ngược lại âm tha khiếp tiếng Phạm.

Tứ hạ ngược lại âm sa trá Trịnh Huyền chú giải sácg Lễ Ký rằng: Hạ nay người ta gọi là cửa vào nhà nhỏ hơn xây quanh nhà lớn, hình giống cái chái một bên rộng mà lại thấp, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nghiễm thanh hạ.

A-kỳ-ba-diệc ngược lại âm Ni-lễ tiếng Phạm.

Sái hỏa ngược lại âm trên sa nhã âm nghĩa Hán Thư giải thích: Sái là rải phân tán ra, sách Thuyết Văn giải thích: Rảy nước, vẫy nước chữ viết từ bộ thủy thanh cái Phương Chí viết chữ sái ngược lại âm tây lễ là chẳng phải, âm tấn là âm tín.

Khôi tẫn ngược lại âm từ tấn viết đúng là chữ tẫn.

Giá phủ âm trên là giá âm dưới là phụ.

THÍCH CA PHƯƠNG CHÍ
QUYỂN HẠ

Ngoa dã ngược lại âm trên ngô qua theo Mao Thi Truyện giải thích: Ngoa là giả dối, dối trá, sách Thuyết Văn giải thích: Dối trá, chữ viết từ bộ ngôn thanh vi Phương Chí viết chữ ngoa tục tự cũng viết chữ ngoa.

Na-già-át-lạt-na âm át ngược lại âm Ô-hạt âm lạt ngược lại âm nhàn cát tiếng Phạm.

Chí điểu âm trên chi lợi Quảng Nhã nói: Chí là nói chấp tức là nắm giữ, gọi là nắm giữ các loài chim phải phục tùng, dũng mảnh, bén nhạy, sách Thuyết Văn nói: Loài chim đánh giết gọi chung những giống chim hung dữ, mạnh mẻ, chữ viết từ bộ điểu thanh chấp.

Sanh pháo ngược lại âm bổ mạo đã giải thích đầy đủ rồi trong kinh Tối Thắng Vương có nói.

Sái y ngược lại âm trên sở tai sách Phương Ngôn nói: Sái là làm cho khô ráo, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhật thanh sái.

Cam thanh ngược lại âm cam hám sách Thuyết Văn nói: Màu trắng xanh đậm pha màu đỏ, chữ viết từ bộ mịch thanh cam.

Tiêu tuyệt ngược lại âm trên thư tiều Hứa Thúc Trọng giải thích: Tiêu là gò đất lớn, sách Thuyết Văn nói: Gò cao, chữ viết từ bộ phụ thanh tiêu.

Bàn thạch ngược lại âm trên phán ban Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Bàn là núi đá vững an, Cố Dã Vương nói: Bàn giống

như căn cứ vào, theo Thanh Loại cho rằng: Đá lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh ban.

Tát-chu âm trên ngạn hạt cũng viết từ chữ đan.

Kết-lật-đà-la-cự-sá-sơn ngược lại âm trên kỳ nhất âm dưới Trích-da tiếng Phạm, Đường Huyền Trang gọi là núi Thứu Phong.

Lang trĩ âm trĩ.

Nhục tích ngược lại âm tinh tức sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tích là chỉ sự nghiệp công lao, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh trách.

Y-lan-nã ngược lại âm Nạch-da tiếng Phạm.

Quân-trĩ-ca âm trên quân vẫn âm giữa trì nhị tiếng Phạm.

Man lào âm trên mạc ban Quảng Nhã giải thích: Man là khinh thường, sách Thuyết Văn giải thích: Người man man chủng loại rắn, chữ viết từ bộ trùng thanh loan âm dưới là lão Tự Thư cho rằng: Tường Khả có bộ tộc Lào Di, là tên gọi khác của con vật, gọi là Lào Di tức loại thú ưa thích ham muốn không biết đủ. Làm con người ưa thích ăn uống quá độ tâm sát hại, lạn trong nước tìm bắt cá rùa rồi dựng đứng chôn trong quan tài không nằm, dối trá sai lầm, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh liêu âm luyến ngược lại âm lực khuyên.

Yết-lang-già-quốc ngược lại âm lực trừng.

Sơ liêu ngược lại âm lực điêu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Liêu là cái trống nhỏ, sách Thuyết Văn nói: Xuyên qua trống rổng, chữ viết từ bộ huyệt thanh liêu.

Dịch lỗ âm trên tinh dịch sách Nhĩ Nhã cho rằng: Dịch là khổ Quách Phác chú giải rằng: Gọi là đất mặn khổ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh dịch Phương Chí vốn viết chữ dịch là sai, ngược lại âm dưới hư cô Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lỗ là khô cằn, cứng, đất cằn cổi, sách Thuyết Văn nói: Phương tây gọi là đất mặn, chữ viết từ bộ lỗ tóm lược, hình nhân là ruộng muối, phương đông gọi là trách phương tây gọi là lỗ.

Da-tử ngược lại âm trên dã sa tên cây.

Lăng-ca-sơn âm trên là lặt hằng.

Hoăng xướng âm trên là hoành Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hoằng là to lớn, sách Thuyết Văn giải thích: Nhà cao rộng sâu có âm vang, chữ viết từ bộ miên thanh hoằng âm dưới xương lượng Thiên Thương Hiệt cho rằng: Xưỡng là nổi bậc cao lên, sách Thuyết Văn giải thích: Đất bằng bình trị cao lên, có thể đứng trông ra xa, chữ viết từ bộ phộc thanh thượng.

Phả tri âm trị.

Phất lẫm quốc ngược lại âm lâm cấm.

Xa-trà-quốc âm trên là phạm.

Bao-hy ngược lại âm dưới hỷ nghi xưa hiệu là Tam Hoàng.

Cảo nhai ngược lại âm trên công lão âm dưới là giai nghĩa đã giải thích rồi trong Cao Tăng Truyện, Phương Chí viết chữ vệ là chẳng phải.

Độc vũ âm trên là độc.

Hóa lộ âm lộ.

Phiếm trương ngược lại âm trượng lượng Chí Bổn viết trương là chẳng phải.

Hoa lưu ngược lại âm trên hộ ma âm dưới lực do.

Thái tể phi ngược lại âm phi mỹ.

Cứ nhiên ngược lại âm cự ngự Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cứ là lo sợ, sách Thuyết Văn cho rằng: Khốn khổ, túng quẩn, chữ viết từ bộ xước thanh cứ sách Phương Chí viết từ bộ tâm viết thành chữ cứ tục tự dùng thông dụng.

Quyên kỳ dục âm trên quyết huyền ngược lại âm dưới thời chí. Khám trạch ngược lại âm trên kham lam trong sách nói thời Tam Quốc có Khám Trạch làm quan nước Ngô.

Hổ độc khẩu âm trên hồ cổ kinh Sơn Hải nói rằng: Đến núi Dương Hư du ngoạn xem nước chảy, lấy đăng bắt cá, Quách Phác chú giải rằng: Vua thương hiệt đến sông Hổ mà con rùa linh thiêng vác quyển sách đến xuất hiện, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hổ âm dưới đông lộc.

Hy khôi âm trên sĩ tri âm dưới khổ hồi tên họ của người.

Bức nhiên ngược lại âm phi bức Bì Thương cho rằng: Bức là đạp lên giẫm đạp trên đất có tiếng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh bức âm bức đồng với âm trên.

Khuy nhiên âm trên khuy quỷ sách Khảo Thanh cho rằng: Núi trơ trọc (810) sừng sửng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ sơn thanh quy.

Cao khôi ngược lại âm khổ hồi tên họ người.

Ôn lương âm trên là ôn ngược lại âm dưới là lương Mạnh khang giải thích: Giống như xe có áo bao trùm có cửa sổ, đóng lại thì ấm áp, mở ra thì mát mẻ, Như Thuần giải thích hình như xe rộng lớn có màn che, từ đời nhà Hán cho tới nay, tuy là chỉ dùng chuyên chở, sách Thuyết Văn nói: Xe có thể nằm được, chữ viết từ bộ xa thanh ôn lương.

Châu hành ngược lại âm hạnh canh sách Đại Đái Lễ nói: Ngọc bội đeo trên, có hai loại ngọc: Viên ngọc đeo trên gọi là hành đeo dưới gọi là hoàng sách Thuyết Văn nói: Hành là ngọc bội đeo trên chỗ gọi là

tiết hành ngăn cản sự đi lại, chữ viết từ bộ ngọc thanh hành.

Duy sở ngược lại âm sơ sở Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Người nước Sở gọi là đá kê chân cột, gọi là sở. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Mây trên núi che phủ hơi khói bốc lên làm trơn cột trụ đá, chữ viết từ bộ thạch thanh sở âm tích là âm tích.

Tự ưng ngược lại âm trên từ tự Tự Thư cho rằng: Theo người xin ăn, sách Thuyết Văn viết từ chữ tự từ bộ nhân thanh thực Phương Chí viết bá tự tục tự dùng cũng thông dụng.

- Thích-ca Phổ Cập Lược Phổ Phương Chí Đẳng Y Nhập Tạng Mục Hợp Hữu Chư Kinh Yếu Tập hai mươi quyển không âm.

- Kinh Luật Di Tướng năm mươi quyển đã âm rồi từ có âm nghĩa hai quyển.

- Nam Tề Kinh Mục Đẳng hai mươi hai quyển không âm.

- Tùy Trào Kinh Mục hai mươi quyển không âm.

- Tính ra sáu mươi hai quyển không có âm, là vì tạng kinh sao chép và kinh cổ. Trong mục đã sớm giải thích trùng lắp rồi nên phế bỏ không lưu hành, nay đều không có âm, chuyển tiếp đó là tất phải vượt qua, bỏ qua nhập vào tạng mục có thứ lớp. Lấy âm nghĩa sau này, đồng với quyển đó là đầy đủ mà thành một trăm quyển.

****

THÍCH MÔN HỆ LỤC

Tẫn phạt âm trên tân tuấn Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Tẫn là vứt bỏ, sách Sử Ký nói: Cùng nhau lôi kéo xô đẩy ra ngoài là vậy. xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh tân ngược lại âm dưới phiền phát sách Thuyết Văn giải thích: Phạt tội nhỏ đó là chưa dùng đến dao, chỗ gọi là răn đe, cầm dao đe dọa mắng nhiếc, nên gọi là phạt, chữ viết từ bộ đao đến bộ lị âm lỵ là âm lợi chữ hội ý.

Bao đức âm trên bảo mao Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bao giống như tiến vào, Cố Dã Vương nói bao là đưa lên khen ngợi tốt đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh bảo âm bảo là âm bảo.

Vũ hoàn âm trên ngu cú Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Vũ là chỗ gởi nhờ, ngược lại âm dưới hoạn quan Văn Tự Điển nói: Trong biên giới của nước đất nghìn dặm bốn phía quanh kinh thành, chữ viết từ bộ miên thanh hoàn.

Tứ mã âm trên là tứ.

Khâm vinh ngược lại âm trên hạp lam.

Dực hóa ngược lại âm trên dư lực Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dực là thêm vào, sách Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ vũ thanh lập.

Tướng tuần ngược lại âm tuất tuân theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tuần là hỏi thăm, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hỏi thăm bà con thân thích. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Mưu tính việc, chữ viết từ bộ ngôn thanh tuần.

Khể đai ngụy ngược lại âm trên kế hề Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khể là tra cứu, Quảng Nhã cho rằng: Gạn hỏi, sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa đến bộ cửu thanh chỉi âm hòa ngược lại âm công mê ngược lại âm dưới ngụy vị.

Kỳ di ngược lại âm dĩ chi sách Khuê Lễ nói: Trăm năm gọi là kỳ dị, Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Di là nuôi dưỡng, sách Thuyết Văn viết từ bộ di tượng hình đến bộ hiệt viết thành chữ di chữ của Triện Văn viết, Trụ Văn viết chữ di.

Khác cận âm trên khang dịch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khác là cung kính, sách Thuyết Văn nói viết đúng là chữ khác nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ tâm thanh khách.

Tăng lược âm lược tên của vị tăng.

Tích dĩ âm trên tịch dạ âm dưới là dĩ.

Kham nan ngược lại âm trên khâm lam âm dưới nãi thả.

Phiêu xí âm trên tất diêu ghi chép viết chữ phiêu là sai, âm dưới là chí.

Tháo cầu âm trên tao đáo.

Bá thực âm trên ba hạ âm dưới thời lực.

Trách bất khã kiến âm trên sĩ cách Lưu Hoàn chú giải sách Chu Dịch rằng: Trách đó là chỗ xưng gọi rất sâu xa thâm u, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ di thanh trách.

Ngự chi ngược lại âm trên ngư cứ cũng viết chữ ngự.

Dĩ vị ngược lại âm vi quý Quảng Nhã cho rằng: Vị là xếp cùng loại lại với nhau tại một nơi, lấy cùng loại với nhau lôi kéo ra, sách Thuyết Văn viết từ bộ đế bộ vị thanh tĩnh âm đế ngược lại âm đề kế.

Sạn-đề ngược lại âm trên xác hiện tiếng Phạm.

Khải phong ngược lại âm trên khai cải Quảng Nhã nói: Khải giống như là to lớn, sách Nhĩ Nhã nói: Gió hướng nam thổi đến gọi là khải là gió lớn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kỹ thanh khải.

Minh khiển ngược lại âm trên mịch bình Quách Phác chú giải

sách Nhĩ Nhã rằng: Minh là tối tăm, sách Thuyết Văn nói: U minh mờ mịch, chữ viết từ bộ nhật đến bộ lục nhật là ngày đếm tới ngày mười ngày mười sáu là trăng bắt đầu khuyết nên tối dần, đến bộ mịch thanh nịch âm mịch đồng với âm trên, ngược lại âm dưới khiên chiến, Quảng Nhã cho rằng: Khiển trách, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: La mắng, sách Phương Ngôn cho rằng: Giận dữ sách Thuyết Văn nói trách vấn, hỏi vặn, tra gạn, chữ viết từ bộ ngôn thanh khiển âm trách ngược lại âm trắc cách.

Thuần nùng ngược lại âm trên thuận luân ngược lại âm dưới ni long, Quảng Nhã giải thích: Thuần hậu, chân chất, Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Nùng là rượu có chất ngọt béo, rượu ngon, sách Thuyết Văn nói: Thuần nùng là rượu không có pha. đậm đặc nồng, rượu nồng đậm, hai chữ đều từ bộ dậu đều là thanh thuần nùng âm thuần đồng với âm trên, trong Hệ Lục viết chữ thuần đều thông dụng.

Tao phách âm trên tảo lao âm dưới bàng mạc Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tao là cặn bả rượu, rượu đã lọc còn lại những hạt nhỏ, sách Thuyết Văn giải nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ mễ thanh táo Trụ Văn viết tao xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ phách viết từ bộ mễ thanh bạch âm lộc là âm lộc.

Truyền nghị ngược lại âm nghi ký tên họ người.

Tế thảm ngược lại âm tập dâm tên người.

Giam chi ngược lại âm giảm hàm.

Duệ triệu ngược lại âm trên súng Quảng Nhã cho rằng: Duệ là trí, sách Thuyết Văn giải: Trí sáng suốt, hiểu biết sâu xa rõ ràng, chữ viết từ bộ tàn bộ mục đến bộ cốc viết tóm lược âm tàn là âm tàn xưa nay Chánh Tự viết chữ duệ Trụ Văn viết chữ duệ âm dưới là triêu.

Sàn nhiên âm trên tàn yên Hán Thư âm nghĩa giải thích: Sàn là không đều nhau, Vi Thiệu giải thích: Nhân từ, thận trọng, sách Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ sàn trong bộ thi dưới gọi là thanh sàn âm sàn là âm tiển.

Huất bất âm trên huân uất Tát Tông chú giải Tây Kinh Phú Truyện rằng: Huất là bổng nhiên, sách Thuyết Văn viết từ bộ khảm thanh đạm.

Vị mẫn ngược lại âm trên mật nhẫn sách Tiển Nhã cho rằng: Mẫn là hết, mất, diệt, theo Mao Thi Truyện nói rằng: Diệt tiêu diệt, xưa nay Chánh Tự giải thích đồng nghĩa, chữ viết từ bộ thủy thanh mẫn.

Quýnh triệt âm trên quynh quýnh Thiên Thương Hiệt ghi: Quýnh là sáng tỏ, Quảng Nhã cho rằng: Sáng chói, sách Thuyết Văn viết từ bộ

hỏa thanh quynh.

Chất cốc âm trên chân viết âm dưới công ốc.

Toán mậu âm trên tổ noãn cũng viết chữ tán.

Trí khải ngược lại âm nghi kỹ tên của vị tăng sĩ.

Nghiệp hạ ngược lại âm trên nghiêm khiếp sách Hán Thư nói: Ở quận Ngụy có huyện Nghiệp, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết từ bộ áp thanh nghiệp.

****

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 1

San định ngược lại âm khác an Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: San là trừ bỏ, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tước lột bỏ, Quảng Nhã giải thích: Định tức là sửa chửa lại xát định lại.

Quảng tế ngược lại âm giả kế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tế là lội qua sông. Đỗ Dự chú Tả Truyện rằng: Có ít, tạo lợi ích, Giả Quỳ chú giải sách Quảng Nhã rằng: Công việc hoàn thành, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh tề.

Thanh đàm ngược lại âm đảm nam theo Mao Thi Truyện nói: Đàm là lâu dài. Lại gọi là thật dài thật lớn, sách Thuyết Văn giải thích: Mùi vị lâu dài, chữ viết từ bộ đàm đến bộ hàm tóm lược viết chữ đàm Đại Triện viết chữ từ bộ á viết thành chữ đàm là viết tóm lược, nay tục dùng chữ này dưới từ bộ lý là sai, âm hống là âm hống từ bộ viết đến bộ phi là âm phi tức là chữ bình.

Nãi hạ ngược lại âm trên nô cải văn cổ viết chữ nãi theo Thanh Loại nói: Nãi là đến, sách Thuyết Văn viết từ bộ nãi thanh tây nay tục dùng từ bộ xước là sai.

Phí trưởng phòng ngược lại âm trên là phì vị tên họ người.

Nhiếp đạo chân ngược lại âm trên ni triếp tên họ người.

Huyễn-sư A-di-trâu ngược lại âm Trang-cưu tiếng Phạm.

Ma-mi-la-đàn ngược lại âm đan khu tiếng Phạm.

Nghiệp đô ngược lại âm trên nghiêm kiếp sách Thuyết Văn nói: Quận, huyện của nước Ngụy, chữ viết từ bộ ấp thanh nghiệp.

Ma-ha-giá-hạt toàn kinh ngược lại âm tùy duyên tiếng Phạm cũng là tiếng thổ ngữ nước hồ không cầu chữ nghĩa.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 2

Đâu-sa-kinh âm trên đồ hầu tiếng Phạm.

Đạo lung âm cung tên của vị tăng.

Toát tả âm trên tổ loát sách Lễ Ký Khổng tử nói rằng: Nay phàm là nắm một nắm đát trong tay gọi là nhiều, sách Thuyết Văn nói: Toát là ba ngón (811) tay chụm lại, chữ viết từ bộ thủ thanh tối nghĩa trong mục lục nói toát là cơ yếu, trọng yếu, giống tóm yếu vậy.

Chi phái ngược lại âm phách mãi sách Thuyết Văn giải thích nước tự phân rẻ dòng khác, chữ viết từ bộ thủy đến bộ phản đến bộ vĩnh chữ tượng hình, chữ thổ là chữ phộc sách Thuyết Văn nói từ bộ bán đến bộ trúc đến bộ hựu là chữ đúng.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 3

Sủy nghĩa âm trên sơ ủy Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sủy là đoán chiều cao sủy, Quách Phác chú giải rằng: Sủy là ngầm đánh giá suy đoán mà thành, sách Thuyết Văn nói: Đo lường, chữ viết từ bộ thủ thanh đoan.

Thù giao âm trên thọ lưu âm dưới giao hao Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thù là đối đầu, sách Nhĩ Nhã nói rằng: Thù là đơn độc, Lưu Hướng Biết Lục ghi rằng: Thù là kết giao, trong kinh gọi là giao kết khảo sát, phong tục thông dụng gọi là hai người giao đối với nhau gọi là thù giao sách Tập Huấn nói: Hai người vốn đối sách mưu tính giao ước gọi là thù, sách Thuyết Văn nói thù là dò xét, tình ý với nhau, chữ viết từ bộ ngôn thanh thù kinh văn viết từ bộ châu đến bộ ngôn viết thành chữ thù là chẳng phải âm thù đồng với âm trên.

Ngụ mị âm trên ngô cố sách Thuyết Văn nói: Mị là ngủ tỉnh rồi mà có nói gọi ngụ ngược lại âm dưới là di dị sách Thuyết Văn nói: Nằm ngủ hai chữ đều từ bộ miên đều thanh ngô vị.

Ngạn tông âm trên ngôn kiến âm dưới đồ tông đều tên của vị tăng.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 4

A-xà-thế âm thế tiếng Phạm.
Phổ Đầu âm phổ tên của vị Bồ-tát, cũng là tên kinh.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 5

Siểm tử kinh âm trên chiêm nhiễm lại cũng là âm diểm.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 6

Chích chi âm trên dương diệc sách Phương Ngôn nói: Chích là nhặt lấy, Trần Thanh Từ gọi nhặt lấy là chích sách Thuyết Văn nói: Chích là thâu thập, thu nhặt, chữ viết từ bộ thủ thanh thứ hoặc là từ bộ thạch viết thành chữ giá giải thích dùng cũng đồng.

- *Quyển thứ bảy. Không có chữ có thể âm.*

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 8

Dũng từ Phạm Chí ngược lại âm dung dũng văn cổ viết chữ dũng tên của ngoại đạo.

Mộc thương thứ khước ngược lại âm thất dương sách Tập Huấn nói rằng: Thương là loại binh khí như cây gậy, loại binh trượng hai đầu bén nhọn dài một trượng tám, trên đầu gắn mũi kiếm nhọn gọi là cây súng, Quảng Nhã cho rằng: Phóng đi đâm thẳng vào, ngược lại âm dưới thanh diệc Cố Dã Vương nói rằng: Đầu bén ngọn cấm thẳng vào người trong gọi là thứ Quảng Nhã cho rằng: Thứ là mũi tên, sách Thuyết Văn nói cấm thẳng vào người cho thương tật, chữ viết từ bộ đao thanh thứ âm

thứ là âm thứ kinh văn viết chữ hiệp tục dùng cũng thông dụng.

Chế cẩu ngược lại âm trên chương nghệ sách Thuyết Văn nói: con chó điên, chữ viết từ bộ khuyển thanh chế hoặc là viết chữ tích nghĩa cũng đồng, âm dưới là cẩu kinh văn viết chữ cú là chẳng phải.

Ma-ni âm trên là ma tiếng Phạm.

Ưng diêu âm trên ức căng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ưng loài chim mảnh cầm hung dữ mạnh mẻ, sách Tập Huấn giải thích Có thể chế phục bầy chim này, sách Ngự Lãm nói: Giống chim mạnh mẻ bén nhạy lanh lợi đó gọi là chí âm dưới là diệu Cố Dã Vương nói rằng: Diêu giống như chim ưng mà nhỏ hơn, sách Thuyết Văn nói thuộc giống chim hung hãn, chữ hình thanh.

Si điểu ngược lại âm trên xĩ chi sách Trang Tử nói rằng: Si là giống chim ưa ăn loài rắn, sách Thuyết Văn nói: Thuộc giống diều hâu, hoặc là từ bộ duy viết thành chữ si chữ tượng hình.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 9

Nhị kiều sĩ ngược lại âm cự yêu sách Vận Thuyên giải thích: Kiều là người sống nhờ làng khác, sách Khảo Thanh cho rằng: Là người khách, Quảng Nhã cho rằng: Người có tài sách Thuyết Văn nói: Người cao thượng, chữ viết từ bộ nhân thanh kiêu âm kiêu đồng với âm trên.

Hoan hỹ âm trên hoán quan Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hoan là vui vẻ, sách Thuyết Văn nói hỹ cũng là hoan chữ viết từ bộ tâm thanh quan trong mục lục viết từ bộ mã viết thành chữ hoan là chẳng phải, âm hoan cũng đồng, ngược lại âm hồ quan.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 10

Đàm-di-bệ ngược lại âm Bế-mê tiếng Phạm tên của vị tăng.

Tăng-sáp-đa ngược lại âm sư tập tiếng Phạm, chữ sáp sách Thuyết Văn viết từ bốn bộ chỉ hai bộ ngược, hai bộ thẳng tức là chữ sáp từ bộ thủy cũng vậy, trong mục lục và trong các kinh phần nhiều viết từ ba bộ chỉ viết thành chữ sáp là chẳng phải chữ hội ý.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 11

Đệ cánh ngược lại âm đề lễ Trịnh Huyền chú giải Nhĩ Nhã rằng: Đệ là thay đổi, sách Trang Tử nói rằng: Đệ là nằm xuống rồi ngồi dậy, sách Thuyết Văn nói: Thay phiên nhau, chữ viết từ bộ xước thanh sĩ âm sĩ là âm tư hoặc là viết chữ đệ từ bộ xước là chẳng phải, cũng viết chữ đệ dùng giải thích cũng đồng, ngược lại âm dưới cách hành Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Canh giống như thay thế, sách Thuyết Văn nói: Sửa đổi, chữ viết từ bộ phộc thanh bính nay viết chữ cánh tục tự dùng thông dụng.

Biên chi ngược lại âm tất miên Lưu Triệu chú giải công Dương Truyện rằng: Biên là so sánh sắp xếp liên tục thứ tự, Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Biên giống như xếp hàng, theo Thanh Loại giải thích: Lấy sợi dây đan bện có thứ tự, sách Thuyết Văn giải thích: Sắp xếp có thứ tự chữ viết từ bộ mịch thanh biên.

Bạt-đà ngược lại âm bàn mạt.

ĐẠI CHÂU SAN ĐỊNH CHÚNG KINH MỤC LỤC TỰA QUYỂN 12

Thuyên mạc ngược lại âm thùy duyên Mao Thi Truyện giải thích rằng: Thuyên là mau chóng, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Rất mau, sách Thuyết Văn giải thích: Qua lại nhiều lần, chữ viết từ bộ xước thanh đoan giải thích khác gọi là việc đã qua, ngược lại âm dưới mang bác Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Mạc là xa xôi, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Mạc là tiếng rống nghe rất xa, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh mạc.

Phiêu linh ngược lại âm trên thất diêu theo Mao Thi Truyện nói rằng: Phiêu giống như là thổi gió thổi, Mao Thi Truyện nói cái nia sảy gạo trước gió, theo truyện nói rằng: Gió thổi làm cho khô ráo, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ phong thanh phiêu ngược lại âm dưới lịch đinh Mao Thi Truyện giải thích: Linh là lưu lạc, Quảng Nhã cho rằng: Rơi xuống, sách Thuyết Văn nói giọt mưa còn đọng lại rơi xuống, chữ viết từ bộ vũ thanh linh.

Âu hòa ngược lại âm A-câu âm dưới là hòa xưa dịch tiếng Phạm

gọi là chất phác, không trao chuốt, Đường Huyền Trang dịch là phương tiện.

Quyển 13, 14, 15. Bên phải trên là ba quyển đều không có chữ có thể giải thích âm.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 78

- Âm Kinh Luật dị Tướng năm mươi quyển.
(*Từ quyển thứ nhất đến quyển thứ hai mươi hai.*)

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 1

Chích thái ngược lại âm trên chinh diệc lượm nhặt, thâu gom, trong kinh viết chữ anh là chẳng phải.

Đoàn thực ngược lại âm đoạn loan dùng tay vắt cơm mà ăn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ kinh văn viết từ bộ đoan viết thành chữ sủy là chẳng phải.

Lan thuẫn ngược lại âm dưới phủ chuẫn sách Âm Nghĩa Hán Thư giải thích thuẫn cũng là lan, sách Thuyết Văn nói: Lan là hàng rào, chữ viết từ bộ mộc đến bộ thuẫn âm thuẫn đồng với âm trên, âm lam ngược lại âm hàm ảm.

Thô sáp ngược lại âm dưới sâm tập sách Thuyết Văn giải thích: Sáp là không trơn, chữ viết từ bốn bộ chỉ hai bộ xuôi, hai bộ ngược, tục sách viết chữ sáp là chẳng phải.

Xa cốc ngược lại âm công ốc sách Thuyết Văn giải thích: Chỉ các đầu tăm xe tụ tập vào bầu trục bánh xe chữ hình thanh.

Giãm trực ngược lại âm lam trảm ăn bớt lại, ít hao tổn, trừ tiêu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hàm.

Bất huyễn ngược lại âm huyền quyên Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Huyễn là nhìn, đưa mắt nhìn, Cố Dã Vương cho rằng: Nay người ta gọi là liếc mắt ra dấu hiệu ngầm mật ngữ với nhau, sách Thuyết Văn viết liếc mắt chữ viết từ bộ mục thanh huyễn âm huyễn đồng với âm trên.

Ưu-hấp-lam âm hấp ngược lại âm Đàm-nột tiếng Phạm tên ngoại

đạo hoặc gọi là Uất-đầu-lam.

Nghiên tiếu ngược lại âm trên hiển thiên Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nghiên là trách mắng, Quảng Nhã nói rằng: Giận dữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Tranh cãi, gây gỗ, chữ viết từ bộ ngôn thanh nghiên âm nghiên là âm khiên kinh văn viết chữ hình là chẳng phải, Tự Thư không có chữ này.

Đề bại âm trên đệ nên Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Đề giống như là bại gọi là đất thưa cỏ mọc um tùm chằng chịt dơ xấu, hoặc là viết chữ đề sách Thuyết Văn viết chữ đệ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh đề âm dưới, ngược lại âm bài mại Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bại là giống như lúa, mà chẳng phải thuộc cỏ, loại lúa ma, hoặc là viết chữ bại xưa nay Chánh Tự cho rằng: Giống lúa khác, chữ viết từ bộ hòa thanh ty.

Lẫm lẫm ngược lại âm trên lâm tẫm Bì Thương cho rằng: Lẫm là lo sợ đau buồn, than thở, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lo sợ nguy hiểm, sách Phương Ngôn cũng cho rằng: Kính sợ, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ tâm thanh lẫm âm lẫm đồng với âm trên, kinh văn viết chữ lẫm là sai.

Mể cốc ngược lại âm dưới công cốc Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Có chín loại cốc, gọi là loại lúa, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cốc là lộc, sách Thuyết Văn nói: Tiếp tục gọi chung có một trăm loại cốc, chữ viết từ bộ hòa thanh xác âm xác ngược lại âm không giác.

Tỷ khoang ngược lại âm trên tất nhĩ Cố Dã Vương nói: Tỷ là lúa thóc nhưng không thành, gọi là lúa lép, hoặc là viết chữ tỹ xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mể thanh tỷ ngược lại âm dưới khác cang theo Thanh Loại nói rằng: Khang là vỏ lúa, tức là cám gạo, hoặc là viết chữ khang, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mể thanh khang.

Khô thích âm trên là khô sách Phương Ngôn cho rằng: Khô tức là dùng dao xĩa cạy ra. Theo Thanh Loại cho rằng: Cắt ra, mổ ra moi lấy vật trong ra, sách Thuyết Văn nói: Phanh ra (812) chữ viết từ bộ đao Thanh Khoa ngược lại âm dưới thính diệc sách Vận Anh nói: Lột bỏ xương ra, sách Khảo Thanh nói: Tước lột ra, sách Thượng Thư viết chữ phân chữ cổ hai chữ đều từ bộ đao chữ hình thanh.

Xâm nhiễu ngược lại âm trên tập nhâm sách Thuyết Văn giải thích: Tiến vào từ từ, chữ viết từ bộ nhân bộ thủ gọi là tay người cầm giữ bộ trữu giống như cây chổi, người cầm cây chổi từ từ tiến vào, ngược lại âm dưới ninh điểu sách Bát Nhã nói: Nhiễu là cùng nhau làm trò đùa cợt, quấy phá vui chơi, đùa bởn. Xưa nay Chánh Tự viết chữ

niểu sách Thuyết Văn giải thích: Niểu là chọc ghẹo đùa cợt, chữ viết từ bộ nữa thanh kiêu.

Quá đã ngược lại âm trên trác qua sách Thuyết Văn cho rằng: Roi quất ngựa, Văn Tự Điển nói: Quá là đánh bằng roi, đã viết từ bộ thủ.

Sử hà ngược lại âm sư sự sách Vân Anh giải thích: Sử là ngựa chạy rất mau, cấp tốc, chữ viết từ bộ sử.

Bộc liệt âm trên bao mạo Văn Tự Tập Lược giải thích bộc là đốt lửa củi tre bùng ra tiếng nổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Hun đốt.

Lị di hoặc là viết chữ lị di đồng âm trên lí âm dưới là dỉ sách Khảo Thanh cho rằng: Đường đê, bờ cát, nhỏ hẹp mà dài, quanh co vòng vèo nối tiếp nhau. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Những sườn núi liên tiếp nối nhau, hai chữ đều từ bộ sơn chữ hình thanh.

Toái đạp ngược lại âm dưới khâm hạp sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng đá va chạm với nhau, hai chữ đều từ chữ chánh thể, đều từ bộ thạch chữ chuyển chú, sách Thuyết Văn giải thích tiếng đập với nhau vang ra tiếng lớn, chữ viết từ bộ thạch thanh hạp âm hạp ngược lại âm hàm lạp.

Chuyển táo ngược lại âm dưới tao tháo Cố Dã Vương cho rằng: Táo là động, Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Táo là không an định, sách Thuyết Văn hoặc là viết chữ táo từ bộ túc thanh táo âm táo ngược lại âm tao đáo.

Khang quáng ngược lại âm dưới hồ mảnh Tự Thư cho rằng: Quáng là lúa đại mạch hoặc là lúa quáng cốc tức là loại lúa thân cây rất yếu mềm, vỏ nhiều, tức là lúa lép, nhiều mà gạo lại ít, cũng gọi là quáng mạch cũng nói là cám nhiều mà ít gạo.

Tàm quý ngược lại âm trên tạp cam sách Thượng Thư cho rằng: Chỉ có người biết xấu hổ mới là đức tánh tốt, sách Thuyết Văn cho rằng: Tàm cũng là quý tức là hổ thẹn, chữ viết từ bộ tâm thanh trảm kinh văn viết chữ tàm cũng đồng.

Tích lịch ngược lại âm trên thiên mịch ngược lại âm dưới linh đích Ngọc Thiên giải thích: Tiếng sấm sét, nổ chấn động lớn, hai chữ đều từ bộ vũ.

Lãm lược ngược lại âm trên lam cảm âm dưới là lược gọi là thâu tóm lấy giữ, hoặc là viết chữ lược lại cũng có viết chữ cảnh âm ảnh nghĩa là đanh, e rằng chẳng phải chữ nghĩa này.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 2

Thiết tha âm dưới là thương hà sách Nhĩ Nhã cho rằng: Công nhân làm nghề mài ngọc, đá, theo chữ thiết tha nghĩa là nắm giữ lây lý luận bàn bạc hết tận cùng của lý.

Sấm ký ngược lại âm sở cấm sách Hà Lạc Xuất Thụy nói: Đoán điềm tốt lành, lới dự đoán, kinh nghiệm.

Tá binh âm trên tinh diệc Thiên Thương Hiệt ghi: Tá là giả mượn, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lấy mượn chân giả, chữ viết từ bộ nhân thanh tích kinh văn viết chữ trách nghĩa là phụ trách chẳng phải chữ giả mượn, truyện viết sai.

Si ngai ngược lại âm dưới nhai giai chữ tượng thanh, đứa trẻ ngu độn, không có trí tuệ, hoặc hiểu biết chi cả.

Bôi khí ngược lại âm phối mỗi đồ sành sứ chưa nung gọi là phôi dụng cụ làm bằng đất.

Bể lê ngược lại âm trên bể mể tiếng Phạm, tên của quốc vương.

Bố cự âm cự bố là lo sợ, Tự Thư cho rằng: Trong sách đều không có chữ này.

Bôn tẩu âm bôn.

Giới long âm trên là giới tức là bệnh ghẻ lở, ngược lại âm dưới lực sung da bị phong nhăn nhíu lại, khởi lên bệnh, Ngọc Thiên cho rằng: Bệnh mõi mệt già yếu bệnh lâu ngày khó chữa, sách Thuyết Văn: Mệt mỏi chữ hình thanh.

Phách bể âm trên phổ bách sách Khảo Thanh cho rằng: Phách là phũi, vỗ vỗ, đánh nhẹ hõ gõ, chữ viết từ bộ thủ thanh bạch ngược lại âm dưới tỳ mể sách Khảo Thanh cho rằng: Xương đùi ngoài, kinh văn viết chữ bể tục tự dùng cũng thông dụng.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 3

Huyết lưu văn cổ viết chữ lưu.

Cự tiểu văn cổ viết chữ đoãn nay viết chữ đoãn.

Tha tiết âm trên là tha ngược lại âm dưới diên kiết lại cũng là âm dĩ thế tha là lôi kéo, hai chữ đều từ bộ thủ chữ hình thanh.

Giác thuật ngược lại âm trên giang nhạc cũng viết chữ giác văn cổ viết chữ giác đều thông dụng.

Phách liệt âm trên ban mạch sách Khảo Thanh cho rằng: Dùng tay phanh xé ra, sách Thuyết Văn viết chữ tích ngược lại âm dưới liên triết.

Bao địa ngược lại âm tự mao hoặc là viết chữ bao hai chữ đều đồng dùng tay bế ẩm, chỉ kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ bao là chẳng phải âm bao.

Bôn đột ngược lại âm bổn môn sách Khảo Thanh cho rằng: Bôn là chạy trốn, hoặc là viết chữ bôn văn cổ viết chữ bôn lại cũng viết chữ bôn sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển đến bộ phẫn thanh tĩnh ngược lại âm dưới độn nột bổng nhiên con cho xuất hiện, hoặc là viết chữ đột gọi là đường đột bổng nhiên xông vào, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển đến bộ huyệt gọi là con chó trong hang chạy ra.

Thảm nhiên ngược lại âm trên sang cảm gọi là lo buồn sầu thảm.

Lũ thân ngược lại âm trên lực chủ theo Tả Truyện cho rằng: Người bị gù lưng Quảng Nhã cho rằng: Cái lưng cong lại chữ viết từ bộ nhân đến bộ lũ thanh tĩnh âm dưới là thân sách Chu Dịch giải thích: Khom xuống vì cầu duỗi thẳng ra, chữ viết từ bộ nhân thanh thân.

Thuần an ngược lại âm trên thùy luân sách Hoài Nam Tử nói rằng: con tôm buốn làm chim bồ câu, chữ viết từ bộ điểu đến bộ thuần thanh thuần âm dưới là án sách Quốc Ngữ chú giải rằng: Án là loài chim nhạn, đến mùa xuân thì hót, đến mùa thu thì bay đi, chữ hình thanh.

Sở ngai ngược lại âm dưới ngã cái hoặc là viết chữ ngại gọi là ngăn cản trở ngại, sách Thuyết Văn viết từ chữ khái.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 4

Chuyên trường ngược lại âm duyên nhuyễn sách Khảo Thanh cho rằng: Bấp chân, hoặc là viết chữ thuyên duyên âm dưới là trường sách Khảo Thanh cho rằng: Thỏa thích vui vẻ, thông suốt trôi chảy, thông hỏi.

Bạc sát âm trên lung mạc gọi là đánh ném xuống đất, ngược lại âm dưới sơn lễ gọi là đâm, chém, đoạn mạng.

Lũ bộ ngược lại âm lực chủ gọi là cong lại khom lưng mà đi.

Để Bồ-tát túc ngược lại âm trên thời nhĩ Ngọc Thiên cho rằng: Dùng lưỡi liếm thức ăn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thiết thanh thị văn cổ viết chữ dịch.

Hư hy âm trên là hư âm dưới là hy Cố Dã Vương cho rằng: Trong miệng hà hơi, than thở buồn rầu, tiếng khóc, hơi nghẹn, Thiên Thương Hiệt giải: Khóc rống lên, hoặc là viết từ bộ khẩu viết thành chữ hư hy.

Bính trước ngược lại âm trên binh mảnh Quảng Nhã cho rằng: Bính là sáng suốt, rực rỡ, hoặc là viết từ bộ hảo viết thành chữ bính kinh văn viết chữ bính cũng đồng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhật thanh bính âm mảnh ngược lại âm minh bính âm bính đồng với âm trên.

Ngung truất ngược lại âm ngu cung theo Mao Thi Truyện nói rằng: Ngung ngung là dáng cung kính, sách Thuyết Văn nói: Cái đầu to lớn, đồ sộ chữ viết từ bộ hiệt thanh ngung âm ngung đồng với âm trên.

Cấu thiên ngược lại âm trên câu hầu sách Khảo Thanh cho rằng: dùng tay vắt sữa dê, bò, hoặc là viết từ bộ dương viết thành chữ cấu văn cổ viết từ bộ thủ thanh cấu.

Yểm tệ âm trên là yểm ngược lại âm dưới ty duệ gọi là ngăn che, che dấu, thâu gom cất giữ, hoặc là viết chữ yểm gọi là che mà còn có dư bên ngoài, chữ chuyển chú.

Huynh minh ngược lại âm trên ách kinh ngược lại âm dưới mạch bàn sách Khảo Thanh cho rằng: Bên trong, dưới của người phụ nữ, người phụ nữ mới về nhà chồng, mạnh mẻ, hai chữ đều từ bộ nữ đến bộ huynh thanh tĩnh chữ minh kinh văn viết chữ tân sao chép viết sai.

Hao đào ngược lại âm trên hao cao ngược lại âm dưới đường lao Ngọc Thiên cho rằng: Hao đào là khóc rống, sách Chu Dịch nói rằng: Trước khóc sau cười, sách Tập Huấn cho rằng: Tiếng khóc đau khổ, sách Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ hổ thanh hao.

Số nhuận ngược lại âm trên lôi tróc âm dưới nhuận luân không cố nhìn, con mắt nháy nhiều lần.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 5

Thiết dực ngược lại âm trên dăng tức sách Khảo Thanh cho rằng: Cây cột buộc trâu, bà, hoặc là viết chữ dực.

Khôn đầu âm trên là ngột sách Thuyết Văn nói: Cạo râu tóc chữ

viết từ bộ tiêu thanh ngột âm tiêu ngược lại âm tất diêu lại cũng âm sam thích âm thích ngược lại âm thích diệc.

Dự ương ngược lại âm trên dựng tức sách Khảo Thanh nói rằng: Dực là cây cột trụ, cây cọc, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim viết thành chữ dực gọi là đĩnh có quai hai bên chẳng phải nghĩa đây dùng.

Vương huất nhất nhật phát ư thiện tâm ngược lại âm huân vật huất là bổng nhiên thốt nhiên nổi lên, chữ viết từ bộ diễm đến bộ klhảm chữ hôi ý.

Nhất toát ngược lại âm sang quát Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Toát là gom tụ lại, nếu viết chữ dư âm chẳng phải ý kinh, sách Tập Huấn giải thích: Hai tay bưng vật. Hoặc là lấy đồ đựng vật mà bưng hoặc là viết từ bộ thủ thanh tối.

Khất cái ngược lại âm cai ngải Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Người hành khất, cầu xin, sách Thuyết Văn viết từ bộ võng đến bộ nhân, giống như người tiêu mất hết tài vật tức là phải đi xin ăn, âm cai ngược lại âm cải hài âm ngãi ngược lại âm ngã cái.

Điềm đạm ngược lại âm diệp khiêm sách Thượng Thư cho rằng: Điềm là an, sách Phương Ngôn cho rằng: Tĩnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm đến bộ điền thanh tĩnh, ngược lại âm dưới đàm lam Cố Dã Vương cho rằng: Tâm ý an tĩnh điềm nhiên nhàn tịnh.

Phã đắc ngược lại âm bã khả không thể lường được.

Thể quý ngược lại âm quý ủy sách Thuyết Văn giải thích: Tâm động sợ hãi, chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Thỉ nhĩ ngược lại âm thời nhĩ sách Thuyết Văn giải thích dùng lưỡi để liếm thức ăn, kinh văn viết chữ thị là chẳng phải.

Trâm mộc ngược lại âm trên sĩ tràn Quảng Nhã cho rằng: Cây cối mọc chằng chịt, rậm rạp um tùm, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh trân.

Tượng tháp ngược lại âm đàm hạp chân giẫm đạp lên.

Thực ế ngược lại âm yết kiết sách Thuyết Văn giải thích: Ăn cơm mắc nghẹn, ăn còn ở trong ngực không xuống được âm thất ngược lại âm trân lật.

Xa lịch ngược lại âm linh đích sách Khảo Thanh cho rằng: Chiếc xe lăn bánh nghiền nát.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 6

Phật tư ngược lại âm tử tư sách Vận Anh cho rằng: Tư là râu mép, hoặc là viết chữ tư sách Thuyết Văn viết chữ tư là lông mặt, gọi là râu bên miệng của Đức Như Lai, kinh văn viết chữ tư là không thành chữ.

Tịnh xưng ngược lại âm xích lăng sách Vận Anh cho rằng: Lượng đánh giá mức độ, sách Khảo Thanh cho rằng: Định mức độ nặng nhẹ, sách Thuyết Văn cho rằng: Định giá kỷ càng, chữ viết từ bộ hào thanh xưng âm xưng đồng với âm trên, kinh văn viết chữ xưng là chẳng phải.

Huyễn nhiên sách Lễ Ký giải thích: Đức Khổng Tử tự nhiên nước mắt rơi lã chã, sách Vân Thuyên cho rằng: Huyễn là lộ ra ánh sáng, vua vô ưu nước mắt rơi lã chã. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh huyễn.

Bác miểu ngược lại âm diệu phiêu sách Thuyết Văn cho rằng: Ngọn lúa tủa ra, dùng đầu gậy trúc thẳng treo phan, phướn, chữ viết từ bộ hòa thanh thiếu.

Bài thãng ngược lại âm trên bại mai âm dưới là đãng con cháu của vua vô ưu muốn hủy bỏ tháp, phá hoại chùa, lúc đó các chư thiện thần là hộ pháp là bài thãng ở trong biển lớn, trên núi xô đẩy đè vua và dùng tử binh đồng một lúc đều chết hết (813) vì vậy mà không còn, khỏi phải phá hoại chùa và tháp.

Thôi trách ngược lại âm thổ hồi âm dưới tranh cách tức là văn trên hai chữ bài thãng văn này thôi bài là núi lớn đến đè ép bốn binh của vua.

Ma-thẫn-đà ngược lại âm thi nhẫn tiếng Phạm tên của vị A-la-hán.

Khuyết-bồn-cốt ngược lại âm trên âm kế là bổ môn trên thân của Đức Như Lai, bên phải phía sau cổ, xương ngang trên ngực là xá lợi.

Cạnh thứ ngược lại âm trên cạnh lực âm dưới là thứ chữ chánh thể, kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ cước thứ là chẳng phải.

A-thố-la ngược lại âm nô hầu tiếng Phạm, tênm của phu nhân Sư Tử quốc vương.

Trừu xoa ngược lại âm trên sửu lưu ngược lại âm dưới xa giai nhánh cây Bồ-đề mọc rễ.

A-phiêu-xoa ngược lại âm tất diêu tiếng Phạm, tên của người.

Cơ giai âm giai kinh văn viết chữ dạ là sách viết sai.

Dĩ hạch ngược lại âm hạnh cách hột câu Bồ-đề nứt mầm.

Bát chu ngược lại âm trụ trù có nhiều gốc cây, chữ viết từ bộ mộc thanh chu.

Loan cộng âm trên lỗ hoàn ngược lại âm dưới cung lung sách Khảo Thanh nói rằng: Cành cây cong, gốc cây cong cành nghiêng một bên.

Tệ phiên âm trên tỳ duệ theo Tả Truyện cho rằng: Tệ là hư xấu mục rửa, âm dưới là phiên chữ viết từ bộ càn chữ tệ sách Thuyết Văn viết từ bộ tệ đến bộ bát đến bộ cân giống như là cái y bị phá rách, hư mục.

Trước ngạn ngược lại âm trên là trường lược ngược lại âm dưới ngã cán.

Phiếm dương ngược lại âm phương phạm tục tự viết chữ chánh thể là phiếm gọi là nổi trên mặt nước, không chỉ định, sách Thuyết Văn cho rằng: Phiếm là nước tràn, dâng lên, chữ viết từ bộ thủy đến bộ thanh dĩ ngược lại âm dưới dương tương gọi là chiếc thuyền cởi lên sóng nước, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh dương âm dương đồng với âm trên.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 7

Khuy chu ngược lại âm trên khuyển quy ngược lại âm dưới canh chu sách Khảo Thanh cho rằng: Nhìn trộm âm hưu ngược lại âm thanh dự du cũng là nhìn trộm, sách Tập Huấn giải thích: Ngó trộm, trộm nhìn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ môn chữ hình thanh.

Tự phốc ngược lại âm bàng mạc gọi là đánh tác, giơ cao lên ném xuống đất, chữ viết từ bộ thủ thanh bộc.

Thiêm quan ngược lại âm trên đáp nam gọi là chân đèn, cũng có nghĩa là vác trên vai, nhấc cao lên, ngược lại âm dưới quan tức là cáo quách, áo quan.

Bộ nhủ ngược lại âm trên bổ mộ ăn ngậm trong miệng, cũng như đứa trẻ bú sữa.

Hoắc nhiên âm trên hoang quách bổng nhiên ngộ ra, hiểu ra.

Thô quảng ngược lại âm hổ mảnh gọi là hung hãn tánh ác.

Nhuyễn thúy ngược lại âm trên nhi nhuyến ngược lại âm dưới là thuyên tuế.

Cảm kích ngược lại âm kinh diệc gọi là nước chảy xiết lên tung tóe.

Hạt-di-hầu ngược lại âm trên hao bát sách Khảo Thanh cho rằng: Con mắt không thấy vật, chữ viết từ mục thanh hại.

Mậu nhất đẩu mể ngược lại âm trên mâu hầu sách Tập Huấn cho rằng: Lấy vật đổi vật, sách Thuyết Văn cho rằng: Trao đổi hàng hóa tài vật, chữ viết từ bộ uyển đến bộ bối cảnh hình thanh.

Tiên thích âm dưới thanh diệc sách Thuyết Văn cho rằng: Loài côn trùng gieo độc hại.

Cây-tỏa âm trên là câu ngược lại âm dưới tang quả tiếng Phạm.

Tích tuyệt ngược lại âm trên là tỳ diệc tích là nhảy vọt lên, thân rơi vào đá vở vụn, chữ viết từ bộ túc thanh tích chữ chuyển chú.

Tu-mạc tiếng Phạm tên của Khẩn-na-la Thiên Thần, người dịch kinh viết tùy ý, viết rất không xác đáng, còn nghi ngờ là tu mạc âm trên là tu âm dưới là mạc hồ.

Nhuyễn động âm trên nhuận duẫn loài côn trùng bò lúc nhúc.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 8

Bất thụ ngược lại âm dưới là thọ sách Vận Anh nói rằng: Vật được bấn đi, thụ là bán chạy, nhanh, sách Vận Thuyên cho rằng: Vật bán được nhiều, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ chuy thanh khẩu cũng là chữ hội ý.

Sạn-đề ngược lại âm trên xác giản ngược lại âm dưới đề hề tiếng Phạm.

Đồng trân ngược lại âm tiết tiễn sách Thuyết Văn cho rằng: Đến kịp để tụ hội, văn cổ viết từ hai bộ chí viết thành chữ chân sách Thuyết Văn viết từ bộ chí đến bộ trân âm tiết ngược lại âm trang sắc âm tiên ngược lại âm sắc trân.

Tằng huyễn ngược lại âm huyền quyến sách Khảo Thanh cho rằng: con mắt động, cũng viết chữ huyễn đều từ bộ mục kinh văn phần nhiều viết từ bộ huyễn đến bộ mục viết thành chữ thuấn âm là thuấn gọi là không biết nguồn gốc chữ này, chẳng phải nghĩa kinh, người viết sách đều phỏng đại viết thành chữ.

Tập chi ngược lại âm tiềm sáp theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tụ

tập Trịnh Tiển chú giải rằng: Thâu gom lại, sách Thuyết Văn giải thích: Cất chứa binh khí, chữ viết từ bộ qua thanh tập âm tập ngược lại âm sâm tập âm tiềm ngược lại âm trang âm.

Hội hội âm hội sách Khảo Thanh cho rằng: Vỡ đê nước tràn ra chữ viết từ bộ thủy thanh hội.

Phưỡng phất ngược lại âm trên phương võng ngược lại âm dưới phi vị sách Khảo Thanh cho rằng: Thấy không rõ ràng, sách Vận Anh cho rằng: Loạn, sách Vận Thuyên cho rằng: Từ lúc muốn đến.

Ứ nê ngược lại âm trên ư cứ sách Khảo Thanh cho rằng: Ao nước dơ không chảy, trong ao có mùi bùn, bùn chứa lâu ngày gọi là ứ nê.

Nhân tế ngược lại âm trang giới gọi là bệnh nặng.

Chỉ trảo ngược lại âm trang giảo tượng hình là móng tay cào cấu, kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ trảo tục tự dùng thông dụng.

Tự quặc ngược lại âm câu quắc lấy tự móng tay vồ chụp lấy thân cào cấu, phá rách da thịt chảy máu ra, sách Thuyết Văn giải thích: Dùng tay đè xuống, ấn xuống, chữ viết từ bộ thủ thanh quặc âm quặc đồng với âm trên, âm khước ngược lại âm vương chước.

Quyện khuất ngược lại âm trên quỳ viên không thư thã, từ từ uống cong lại.

Diệm quang ngược lại âm trên diêm tiệm diểm là ánh sáng rực rở, kinh văn viết từ bộ kiểm viết thành chữ liểm là chẳng phải.

Gian y ngược lại âm giản hiệt Ngọc Thiện giải thích: Loại cỏ thơm, sách Thuyết Văn cho rằng: Xuất ra từ trong rừng nước Ngô, trên núi, cỏ rất mềm, kết cỏ làm y, cũng gọi là lượng y.

Hân dịch ngược lại âm diệc duyệt.

Ky dịch âm trên ký nghi gọi là dây cương buộc ngựa.

Thiêu kỳ ngược lại âm thể khiêu gọi là chọn lựa, lấy mũi dao nhọn v.v... khiều móc ra, chữ viết từ bộ thủ thanh triệu âm quyết ngược lại âm uy duyệt.

Tự đảm ngược lại âm đa cam đảm là gánh vác.

Lão mao âm dưới mao báo gọi là người già hôn loạn thường hay quên, tục tự thường hay dùng.

Bôn nhi ngược lại âm trên bổn môn sách Khảo Thanh cho rằng: Bôn tẩu, chạy trốn, nay viết chữ bôn sách Thuyết Văn nói: Một bầy trâu chạy, chữ viết từ bộ ngưu chữ hội ý.

Diêu đổ ngược lại âm đô cổ gọi là nhìn thấy.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 9

Y giới ngược lại âm dưới căn khắc sách Khảo Thanh cho rằng: Vạt áo trước, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh giới.

Thống dương âm dưới là dương dưỡng bệnh ngoài da phong ngứa, chữ viết từ bộ tật âm tật ngược lại âm ni ách.

Bào khởi ngược lại âm phách mao sách Văn Tự Điển nói: Bọt nước nổi trên mặt nước, chữ viết từ bộ thủy thanh bao.

Âu-ha-sa ngược lại âm trên A-hầu tiếng Phạm, tên của cỏi Bất Thiết Chư Phật Quốc Độ.

Tư hủy âm trên tư thử gọi là dùng lời ác mắng nhiếc hủy nhục.

Buộn điện ngược lại âm bồn muộn sách Thuyết Văn nói rằng: Bụi trần, đất dơ bám vào, hoặc là viết chữ buộn chữ viết từ bộ thổ thanh phần.

Nhất đích ngược lại âm định lịch sách Thuyết Văn cho rằng: Giọt nước chữ viết từ bộ thủy thanh đích âm đích đồng với âm trên, kinh văn viết chữ đế là chẳng phải.

Chỉ trạc ngược lại âm tràn trác sách Khảo Thanh cho rằng: Lựa chọn, tuyển chọn đề bạt lên, đưa lên chữ viết từ bộ thủ thanh trạc âm trạc đồng với âm trạch từ bộ vũ.

Phiếu cấu ngược lại âm tất diêu sách Khảo Thanh cho rằng: Cất nhắc lên, giơ cao lên.

Luyến thủy âm trên quyết nguyện Quảng Nhã cho rằng: Luyến là cái gạt, thanh gạt, sách Thuyết Văn nói: Đong lường, chữ viết từ bộ đấu thanh luyến âm luyến ngược lại âm lực duyên kinh văn viết chữ quyển là chẳng phải.

Phiêu chu ngược lại âm trên thất diêu Ngọc Thiên cho rằng: Phiêu là lưu, trôi nổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Nổi trên mặt nước, chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu kinh văn viết từ bộ thốn là chẳng phải.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 10

Bá điều ngược lại âm dưới đạo báng Trịnh Huyền chú giải đồng với sách Lễ Ký rằng: Điều là cái trống nhỏ có hai cáng người ta cầm

nắm để lắc, một bên rủ xuống tai, da trống tự đánh mà nghe tiếng, chữ hình thanh.

Tự điểu thú âm trên tự dữ loài chim thú nó ăn thịt, sách Thuyết Văn nói: Mổ lương thực mà ăn, chữ viết từ bộ thực đến bộ nhân chữ hội ý, kinh văn viết chữ di là chẳng phải.

Quặc diện ngược lại âm cuồng khước âm khước, ngược lại âm ngọc ước sách Khảo Thanh cho rằng: Đánh tác, vặn ngược lại, dùng tay chộp lấy bẻ quặc mặt người ra phía sau, chữ hình thanh.

Phản mãi ngược lại âm phãn vạn gọi là mua rẻ bán đắc, giá mắc, ngược lại âm dưới mai bại chữ chánh thể từ bộ xuất đến bộ mại nay tục dùng từ bộ thổ lầ sai vậy.

Quả lõa âm trên là quả tục tự dùng ngược lại âm dưới là lô quả trái trên cây gọi là quả trái dây leo bò dưới đất gọi là lõa chữ viết từ thảo đến bộ qua chữ hình thanh.

(814) Mậu ưng ngược lại âm trên mâu hầu tục gọi là trao đổi hàng hóa, chữ viết từ bộ noãn viết thành chữ mậu gọi là lấy vật đổi vật. Ngược lại âm dưới ức căng giống chim hung hãn, có thể bắt cả thỏ rừng, sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh ứng.

Bàng bái ngược lại âm trên phổ man ngược lại âm dưới phi đại nước chảy nhiều xối xả, ào ạt, chữ hình thanh.

Cơ nhục âm trên là cơ ngược lại âm dưới là nhung lục chữ chánh thể, tục cùng với chữ lục là chẳng phải.

Sang di ngược lại âm trên sáng sương thịt bị thương tật, ngược lại âm dưới là di tên khác của cái sẹo.

Mi lộc ngược lại mỹ bi loại nai hươu.

Hùng bi âm trên là hùng ngược lại âm dưới bi loại gấu lớn.

Điêu thứu âm trên điêu loại chim to lớn có thể ăn cả hươu, nai, chồn, chó và thỏ, ngược lại âm dưới tựu.

Thông ổi ngược lại âm trên tông đồng Quảng Nhã cho rằng: Tóm buộc kết lại cái đông nhiều, sách Thuyết Văn cho rằng: Tụ buộc kết chặt lại, chữ viết từ bộ thủ thanh thông kinh văn viết chữ thông tục tự dùng cũng thông dụng, ngược lại âm dưới ô hối không đúng, lạm dụng, tạp loạn, chữ viết từ bộ khuyển thanh ôi.

Sưu ngược lại âm trên tốc thu tục tự viết chữ chánh thể là chữ sưu lâu rồi không dùng âm này, ngược lại âm dưới là tư gọi là vết tật nhỏ, trong thịt có mọc sợi lông đen gọi là tỳ.

Thương địa ngược lại âm trên thương lượng lại là bình thanh, gọi là đầu chí đất.

Nục nhiên ngược lại âm trên nữ lục sách Phương Ngôn cho rằng: Nục là xấu hổ, hổ thẹn đỏ mặt, trong lòng xấu hổ, chữ viết từ bộ tâm thanh nhi.

Đột dúng ngược lại âm trên đồn nột đột nhiên chống cự.

Quắc xưa âm là quỉ bích,

Trách trước ngược lại âm trên trương cách chuẩn với ý kinh, tức là hợp là cảnh trách phạt, hình phạt, dời đến ngã tư đường, khiến cho mọi người điều chỉ vào mà lăng nhục, xưa gọi là phạt tội nhẹ, trách mắng.

Khai quắc ngược lại âm hoang quách sách Thuyết Văn giải thích: Mây bay lã chã, tan biến trong mây, chữ chánh thể từ bộ vũ đến bộ duy viết thành chữ hoắc sách Thuyết Văn giải thích: Chim bay trong mây, mưa bay nhanh chóng, thanh hoắc kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ hoắc là chẳng phải, sách viết sai.

Cấu hạng ngược lại âm trên cẩu sĩ gọi là cống rảnh nước chảy thông ra, ngược lại âm dưới giang hang cũng là tên gọi khác của cống, rảnh nước chảy, đều từ bộ thủy chữ hình thanh.

Chương tử âm trên là chương âm dưới là tư tử tên của cây to lớn ở phương nam.

Chiên kế âm trên dương nhiên ngược lại âm dưới kinh lệ kinh văn viết chữ chiên là chẳng phải, sách Tập Huấn cho rằng: Thảm lông, âm dưới hoặc là viết chữ kế gọi là dệt lông làm chiếu.

Bĩ hổn ngược lại âm hồn khổn chữ thượng thanh, hổn là chỗ nước dục dơ, hoặc sạch.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 11

Chi kịch ngược lại âm cư nghịch tức là nay có loại guốc xương, giày cỏ, Tự Thư cho rằng: Thuộc guốc gỗ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chân mang guốc cây, chữ viết từ bộ lý tóm thanh chi kinh văn viết chữ lý tục tự dùng thông dụng.

Xi tiếu ngược lại âm trên xĩ chi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Xi đó là trò cười, theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Ý chí hòa vui vẻ, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ khẩu thanh xi âm xi đồng với âm trên.

Quật khẫn ngược lại âm quần huất sách Ngọc Thiên cho rằng: Quật gọi là lấy cái mai, cái xẽng mà đào đất, Quảng Nhã cho rằng: Đào

xuyên qua, Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh khuất ngược lại âm dưới khang ngận sách Khảo Thanh cho rằng: Khẫn là cày ruộng, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Cày ruộng khai khẩn đất dùng sức lực mà đoạn đất mảnh vụn ra, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh khẩn.

Tương sách ngược lại âm sài trách sách Khảo Thanh cho rằng: Sách là cắn, sách Thuyết Văn viết chữ trách ngược lại âm tranh trách.

Phã đắc ngược lại âm trên bã ma văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ rồi.

Mậu hầu tử ngược lại âm trên mao hầu văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

U lược ngược lại âm dưới là cường lượng sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: Lược đó là bủa lưới bên đường, sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy cung lưới bao trùm bắt chim thú, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cung thanh kinh.

Mã não ngược lại âm trên ma ba ngược lại âm dưới na lão sách Khảo Thanh cho rằng: Mã não giống như ngọc mà có vân đen, cũng gọi là ban ngọc, Tự Thư cho rằng: Mã não là thứ ngọc đá xấu kém, sách Văn Tự Điển nói hai chữ đều từ bộ thạch đều là thanh mã não âm đồng với âm trên, hoặc là viết từ bộ ngọc viết thành chữ mã não.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 12

Vũ tề ngược lại âm dưới tề tế Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Mưa tạnh gọi là tề sách Khảo Thanh cho rằng: Bầu trời trong sáng, sách Thuyết Văn cũng giải thích: Mưa vừa tạnh chữ viết từ bộ vũ thanh tề.

Gian uế ngược lại âm trên giãn nhan ngược lại âm dưới là vu phế Tự Thư cho rằng: Không sạch sẽ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Uế là xấu ác, dơ uế, chữ viết từ bộ hòa thanh tuế hoặc là viết chữ uế cũng thông dụng.

Vu hoành ngược lại âm trên là vô Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Vu là khinh khi, sách Khảo Thanh cho rằng: Nói thêm vào chê bai, vu oan chuyện không mà nói có, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vu giống như là lừa dối, sách Thuyết Văn giải thích: Nói thêm

vào, chuyện không mà nói có, chữ viết từ bộ ngôn thanh vu âm vu đồng với âm trên, ngược lại âm dưới hoàng mạnh sách Vận Lược cho rằng: Hoành chẳng phải lý mà đến, sách Sử Ký cho rằng: Tung hoành, ngang dọc, sách Khảo Thanh cho rằng: Không thuận theo lý lẻ, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh hoàng kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ hoành cũng thông dụng cả hai.

Mật đoàn ngược lại âm dưới đoạn loan Quảng Nhã cho rằng: Đoàn là dùng tay đào xới, nắm vắt cho dính lại với nhau, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh duyên.

Phu thủ âm trên phổ tên của Bồ-tát chữ viết từ bộ phu.

Nguy thúy ngược lại âm dưới thuyên nhuế Quảng Nhã nói rằng: Thúy là mềm, sách Thuyết Văn cho rằng: Thúy là thịt nhuyễn dể cắt, chữ viết từ bộ nhục đến bộ tuyệt thanh tĩnh âm nhuyễn ngược lại âm nhị nhuyến.

Cân bì âm trên là càn sách Chu Lễ cho rằng: Người xuyết sư nuôi dưỡng gân, sách Thuyết Văn nói gân là sức mạng của cơ bắp, chữ viết từ bộ trúc trúc đó là loại thực vật có nhiều gân rể đến bộ lực giống như nhiều gân cốt là nhiều sức mạnh, kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ cân là chẳng phải.

Hà mô âm trên là da ngược lại âm dưới mã ba Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hà nô là con tôm sống dưới nước, lại cũng gọi là con ễnh ương, sách Thuyết Văn viết chữ hà nô hai chữ đều từ bộ trùng.

Anh lạc ngược lại âm trên ích danh âm dưới lang các sách Khảo Thanh cho rằng: Cổ đeo đồ trang sức, chữ viết từ bộ ngọc chữ hình thanh.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 13

Uất-bể ngược lại âm dưới là Bệ-mể tiếng Phạm.

Sầu hội ngược lại âm dưới là cổ đối sách Khảo Thanh cho rằng: Hội là buồn rầu, lo nghĩ, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tâm loạn chữ viết từ bộ tâm thanh hội.

Kinh giác ngược lại âm dưới giao hiệu lại cũng như chữ giác sách Khảo Thanh cho rằng: Giác là ngủ mà biết, Cố Dã Vương cho rằng: Ngủ mà nói trong mê, sách Thuyết Văn cho rằng: Tỉnh dậy chữ viết từ

bộ kiến đến bộ học thanh tĩnh chữ mượn âm.

Dục niết ngược lại âm dưới nghiên kiết sách Thuyết Văn nói: Niết là cắn, chữ viết từ bộ xĩ thanh kiết âm kiết ngược lại âm khang bát kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ niết tục tự dùng chẳng phải đúng.

Mậu trí ngược lại âm trên mâu hậu sách Thuyết Văn cho rằng: Mậu là trao đổi hàng hóa, mua bán, chữ viết từ bộ bối thanh á văn cổ viết từ bộ uyển ngược lại âm dưới trì lợi Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trí là dày đặc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh trí chữ hình thanh.

Nham quật ngược lại âm dưới khôn cốt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đào đất làm nhà, theo Thanh Loại cho rằng: Con thỏ làm hang chỗ nằm ẩn náo. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ huyệt thanh khuất hoặc là viết chữ quật.

Đãng bát ngược lại âm trên đường đãng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đãng là đu đưa, lại cũng gọi là khuyấy động, rung động, sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩy rửa làm sạch dụng cụ, chữ viết từ bộ mảnh thanh đãng.

Truất nghịch ngược lại âm xuân luật sách Phạm Ninh Tập giải rằng: Truất là thối lui, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phạm lỗi, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tổn giảm, buông thả ra, sách Thuyết Văn nói biếm chức, cách chức, chữ viết từ bộ hắc thanh xuất ngược lại âm dưới xương chích Cốc Lương Truyện nói rằng: Nghịch là chỉ, sách Bát Nhã cho rằng: Đẩy ra, sách Khảo Thanh cho rằng: Theo đuổi, sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm thanh nghịch âm nghịch là âm nghịch kinh văn viết chữ can tục tự dùng chẳng phải.

Kiền-chùy ngược lại âm trên kiện yên ngược lại âm dưới là trường truy tiếng Phạm, kinh văn viết chữ truy tục tự dùng cũng thông dụng.

Bị tẫn ngược lại âm tất nhẫn gọi là đuổi ra ngoài chúng vĩnh viễn bỏ đi.

Điệu đầu ngược lại âm trên điều điếu sách Khảo Thanh cho rằng: Điệu là quấy động, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Điệu là lắc lư, đu đưa, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ đến thanh trác.

Nhân quyến ngược lại âm dưới là quý luyến sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Lấy sợi dây quấn buộc chặc lại gọi là quyên hoặc là viết chữ quyến xưa nay Chánh Tự viết từ bộ võng thanh quyên.

Khất cái ngược lại âm dưới cát ngãi văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Tự vẫn ngược lại âm dưới văn phân sách Khảo Thanh cho rằng:

Vẫn là đoạn lìa, Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Cắt ra, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh vật.

Sang lẫm ngược lại âm lực cẩm sách Khảo Thanh cho rằng: Lẫm cũng là sang tức là kho chứa đầy lúa mạch, chữ sang văn cổ viết chữ sang chữ tượng hình, nay bộ hóa viết thành chữ lẫm khi dùng chữ viết đan nghi ngờ rất sai lầm, không có nghĩa lý nên không lấy dùng.

Bào tế ngược lại âm dưới tế tề Trịnh Tiển chú giải sách Chu Lễ rằng: Tế là dùng tiển đưa người đi, Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tế là chuẩn bị đầy đủ, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm giữ di vật, chữ viết từ bộ bối thanh tế kinh văn viết chữ lai tục dùng cũng thông dụng.

Loa kế ngược lại âm trên khõa qua ngược lại âm dưới kê nghệ sách Khảo Thanh nói rằng: Quấn tóc bới lên làm búi tóc, tức là Như Lai tóc xoán về phía bên phải như khu ốc sên vấn thành búi tóc, kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ loa tục tự dùng cũng thông dụng.

Ương-già ngược lại âm trên quyết hương tiếng Phạm, tên của nước Tây Vực.

Sắc nhiên ngược lại âm trên sở trắc Bì Thương cho rằng: Sắc là lo sợ, sách Thuyết Văn cho rằng: Ý đau khổ, bị thương, chữ viết từ bộ khiếm thanh sắc âm sắc đồng với âm trên, kinh văn viết chữ sắc là chẳng phải.

Phi-lật tiếng Phạm, ở Tây Vực tên Sá Phật.

Bạt-đề âm trên là bàn cát cũng là tiếng Phạm.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 14

Câu-hy-la ngược lại âm trên cự ngung âm dưới xĩ chỉ tiếng Phạm, tên của cậu ngài Xá Lợi Phất.

Suyễn suyễn ngược lại âm xuyên nhuyễn Quảng Nhã cho rằng: Suyễn là chuyển xoay, sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Hơi thở của người gọi là suyễn sách Thuyết Văn nói là thở nhanh, chữ viết từ bộ khẩu thanh xuyên âm xuyên là âm suyễn.

Khái quán ngược lại âm trên cơ vị Cố Dã Vương cho rằng: Khái cũng gọi là quán gọi rót rượu, sách Trang Tử nói rằng: Lấy nước tưới lên cánh đồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Khái cũng là quán chữ viết

từ bộ thủy thanh khái ngược lại âm dưới quan hoán Cố Dã Vương cho rằng: Quán giống như là tưới nước mưa thuận mùa, sách Khảo Thanh cho rằng: Quán là ngâm vào nước, rót, tưới nước, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh quán âm quán đồng với âm trên.

Nhân man ngược lại âm dưới mang bàng.

Không anh ngược lại âm ách canh sách Khảo Thanh cho rằng: Cái bình cổ dài, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái bình cổ dài, chữ viết từ bộ phữu đến bộ huỳnh thanh tĩnh kinh văn viết anh tục dùng cũng thông dụng.

Nhiếp phục ngược lại âm trên chiêm thiệp Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nhiếp cũng là phục, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhiếp giống như mê hoặc, sách Thuyết (815) Văn cho rằng: Thất thanh, khiếp sợ, chữ viết từ bộ tâm thanh nhiếp âm nhiếp ngược lại âm niêm triếp.

Tức mộ ngược lại âm dưới mạc bố Thiên Thương Hiệt ghi: Mộ là hỏi thăm cầu tìm, sách Thuyết Văn cho rằng: Tìm kiếm khắp nơi rộng cầu, chữ viết từ bộ lực thanh mạc.

Ác thiết ngược lại âm dưới thiên diệt sách Phương Ngôn cho rằng: Thiết là buồn bực trong lòng, Quách Phác chú giải rằng: Thiết là tính nóng nảy bồn chồn, bực dọc, khó chịu, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh tệ âm tệ, ngược lại âm tất duệ.

Sở thích ngược lại âm dưới thanh chích văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Xuy kích ngược lại âm dưới kinh diệc Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Nước chảy xiết gọi là kích Vương Dật chú giải sách Sở từ rằng: Cảm kích. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nước chảy ngăn lại nên bắn lên tung tóe, có những lượng sóng dập lên, chữ viết từ bộ thủy thanh kích âm kích đồng với âm trên.

Đại tích ngược lại âm dưới tư dịch Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Chứa nhiều gọi là tích sách Khảo Thanh cho rằng: Tích tụ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hào thanh trách kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ tích cũng thông dụng.

Bằng hộ ngược lại âm dưới hồ cổ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hộ là chỗ nương dựa vào, theo Tả Truyện cho rằng: Dựa vào tài năng của chính mình, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh cổ.

La tỳ ngược lại âm dưới là bể di tên của vua Tây Quốc, kinh văn tự giải thích rằng: Gọi là vua Nguyệt Quang.

Hoài hiệp ngược lại âm dưới hiềm giáp Trịnh Huyền chú giải sách

nghi lễ rằng: Phương cách nắm giữ cây cung, mũi tên gọi là hiệp Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hiệp là ôm giữ cái ý, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hiệp là che giấu, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm giữ gia tăng cố giữ lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh giáp âm giáp là âm giáp.

Phúc phách ngược lại âm dưới phổ bách Quảng Nhã cho rằng: Phách là đánh gõ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Phũi, vỗ nhẹ, chữ viết từ bộ thủ thanh bạch.

Xúc di sơn ngược lại âm trên thu dục Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Dùng chân đá ngược lại phía sau gọi là xúc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Xúc cũng là nhiếp tức là đạp lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Đạp lên, chữ viết từ bộ túc thanh tựu.

Bệ bát ngược lại âm trên bại hài ngược lại âm dưới phiền miệt sách Khảo Thanh cho rằng: Bể cũng là bát, theo chữ bể bát đó là bện tre trúc, gỗ làm bè nổi trên mặt nước. Lại cũng gọi là bè lớn, xưa nay Chánh Tự viết từ chữ bể từ bộ thủy thanh bể âm bể ngược lại âm tất nhĩ bát là chiếc thuyền lớn trong biển, chữ viết từ bộ mộc thanh phát kinh văn viết chữ bẽ phạt tục tự dùng cũng thông dụng.

Nhi tôn ngược lại âm dưới là tồn sách Khảo Thanh cho rằng: Ngồi duỗi chân thẳng ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngồi xổm, chữ viết từ bộ túc thanh tôn.

Nhu thấp ngược lại âm trên nhũ chu theo Mao Thi Truyện cho rằng: Nhu ngâm trong nước, lại gọi là thấm ướt trơn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh nhu âm nhu là âm tu âm dưới là thâm nhập Cố Dã Vương cho rằng: Thấp giống như thấm nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Âm thấp, u ám, chữ viết từ bộ thủy đến bộ nhất nhất là che đậy, đất mà có nước cho nên gọi là ẩm thấp, chữ viết từ bộ hiển đó tục tự dùng chẳng phải.

Quán bồn ngược lại âm dưới thể bôn văn trước trong quyển thứ sáu đã giải thích rồi.

Đĩnh chúc ngược lại âm dưới đình đĩnh chữ thượng thanh, sách Phương Ngôn cho rằng: Đĩnh là ban tặng, Tự Thư cho rằng: Tiến vào, theo chữ đĩnh chúc đó là thuộc đèn nến, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh đĩnh.

Chư nhẫn ngược lại âm dưới nhân chấn bao gồm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Bảy thước gọi là một nhẫn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đo lường độ sâu gọi là nhẫn sách Thuyết Văn cho rằng: Một cánh tay dài bằng tầm, chữ viết từ bộ nhân thanh nhẫn.

Thiên khái ngược lại âm dưới cải hài gọi là danh pháp số, mười

trăm ngàn vạn ức triệu kinh tỹ hài lại cũng nói là thiên hài, đó là số quá rộng quá nhiều.

Phân để ngược lại âm dưới tể nê tiếng Phạm, ở Tây Vực gọi là độ dài lâu.

Phao trịch ngược lại âm trên phách mao sách Khảo Thanh cho rằng: Phao là ném, Bì Thương cho rằng: Phao cũng là trịch, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Phao là đánh, chữ viết từ bộ thủ thanh phao âm phao ngược lại âm bổ giao ngược lại âm dưới là trình diệc Quảng Nhã cho rằng: Trịch là chấn xuống, Cố Dã Vương cho rằng: Đâm vào, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Ném, chữ viết từ bộ thủ thanh trịch Tự Thư viết chữ trích nay kinh văn viết chữ trịch và chữ phao đều là chữ dùng thông dụng.

Toát ma ngược lại âm trên toán quát lại cũng âm là thoán quát hai chữ âm giải thích dùng đều đồng, sách Khảo Thanh cho rằng: Toát là nắm lôi kéo, Tự Lâm cho rằng: Tay gom lại nắm giữ lấy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ đến bộ tối cũng là thanh.

Khiêm khác ngược lại âm trên liêm các Khổng An Quốc chú giải sách Thiên Thương Hiệt rằng: Khác là cung kính. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh khách theo Tự Thư viết đúng là chữ khác kinh văn viết chữ khác tục tự cùng cùng thông dụng.

Bảo khả ngược lại âm dưới khả hà Quảng Nhã cho rằng: Khả là viên ngọc đẹp, Bì Thương cho rằng: Loại mã não, Cố Dã Vương cho rằng: Xuất ra từ trong biển lớn, trắng sạch như tuyết, chỗ gọi là anh mã ưng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngọc thanh khả âm ưng ngược lại âm ức căng.

Bất trú ngược lại âm dưới chu lũ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trú là dừng lại. Sách Thuyết Văn nói: Con ngựa đứng lại, chữ viết từ bộ mã thanh chủ.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 15

Đam-lam ngược lại âm trên đáp hàm âm dưới lạp đam tiếng Phạm, âm lạp là âm lạp.

Y khỏa ngược lại âm dưới qua hỏa gọi là bao gói lại.

Cao dực ngược lại âm dưới dăng tức Quách Phác chú giải sách

Nhĩ Nhã rằng: Dực là cây cọc cột trâu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh dực.

Dung xuy ngược lại âm trên thúc dung sách Chu Lễ giải thích: Dung là đập giã, Thế Bổn giải thích: Ung phụ làm cối có chày để giã, sách Thuyết Văn cho rằng: Giã thóc, giã gạo, chữ viết từ bộ cũng tức là tay nắm giữ lấy chày, đến bên cái cối, ngược lại âm dưới xuất thùy sách Trang Tử nói rằng: Có nhiều gạo mà phải thổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Thổi nấu chín, chữ viết từ bộ hỏa thanh khiếm âm thoán ngược lại âm thô loạn.

Phần đồi ngược lại âm trên phân vấn ngược lại âm cho rằng: Phần là trừ bụi bặm, sách Thuyết Văn cho rằng: Quét trừ bỏ bụi đất dơ, chữ viết từ bộ thổ thanh biện âm biện là âm biện ngược lại âm dưới đối hồi Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đồi cao, đồi đất cao, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh duy kinh văn viết chữ đồi tục tự dùng cũng thông dụng.

Hệ khước duệ ngược lại âm dưới di tế lại âm diên kiết Cố Dã Vương cho rằng: Duệ là giống như dẫn dắt, Quảng Nhã cho rằng: Dẫn dắt, sách Thuyết Văn giải thích là kéo thẳng ra, chữ viết từ bộ thân thanh quí âm quí ngược lại âm dư quí kinh văn viết chữ duệ tục tự dùng thông dụng.

Tất-lăng-già-bà-tha ngược lại âm dưới Thố-hà tiếng Phạm, tên của vị A-la-hán.

Tập hý ngược lại âm dưới hy nghị văn trước đã giải thích nhiều lần rồi, cho nên không lại giải thích nữa.

Nghị thát ngược lại âm trên đát đát sách Lễ Ký nói rằng: Thát là loài cá để cúng tế, sách Thuyết Văn nói Loại cá giống như con chó nhỏ vào trong nước mò bắt cá ăn, tức là con rái cá, chữ viết từ bộ khuyển thanh lãn.

Khẫn thổ ngược lại âm trên khôn ngận văn trước trong quyển thứ mười một đã giải thích rồi.

Cư ty âm dưới là tư Quảng Nhã nói rằng: Ty là người để sai khiến Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Là người cắt cỏ ngăn phòng làm đê gọi ty Cố Dã Vương cho rằng: Là người hèn hạ làm nô dịch, như chẻ củi, cắt cỏ cho ngựa ăn, nuôi ngựa, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nghiểm thanh ty âm nghiểm ngược lại âm ngư liểm.

Bất thiển ngược lại âm dưới thiên điển Khổng An Quốc chú giải sách Thiên Thương Hiệt rằng: Điển là dày, Trịnh Huyền chú giả sách Nghi Lễ rằng: Là tốt lành, sách Phương Ngôn cho rằng: Có con sâu đục

khoét làm quên, Quảng Nhã cho rằng: Đến kịp, sách Khảo Thanh cho rằng: Tốt đẹp, hay, sách Thuyết Văn cho rằng: Đầy đủ, giỏi hay, khéo léo, chữ viết từ bộ nhục thanh điển.

Vãng triệt ngược lại âm dưới là sĩ liệt theo Mao Thi Truyện nói: Triệt là lột ra, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tước lột bỏ đi, Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Trừ bỏ, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hư hoại, Quảng Nhã cho rằng: Giảm lấy bớt ra. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh tán.

Nhân nhục ngược lại âm trên nhất dần Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhân cũng là nhục ngược lại âm dưới như chúc Cố Dã Vương cho rằng: Lấy da con hổ hoặc là làm gấm thêu, làm mền, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiều lớp chiếu, chữ viết từ bộ thảo thanh nhân âm dưới là nhục.

Hổn trung ngược lại âm trên hồn ổn chữ thượng thanh. Văn trước trong quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ rồi.

Hôi xúc ngược lại âm trên hối ổi nói cùng với âm khôi cũng đồng, Bì Thương cho rằng: Con heo nó đào đất, Tự Thư cho rằng: Con heo ủi đất, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng thanh trĩ kinh văn viết từ bộ tỵ viết thành chữ hôi chưa rõ chữ này.

Ngân niết ngược lại âm trên là khôn ẩn sách Khảo Thanh cho rằng: Ngân là cắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngân cũng là viết, chữ viết từ bộ xĩ thanh cấn kinh văn viết chữ chẫn là chẳng phải, ngược lại âm dưới nghiên kiết văn trước đã giải thích nhiều lần rồi.

Xí-tát ngược lại âm trên là khí dĩ tiếng Phạm, tên của Sư Tử Vương ở Tây Vực, kinh văn viết chữ xí là sai.

Lạc dịch ngược lại âm trên lãng các Trịnh Huyền chú giải kinh Sơn Hải rằng: Lạc là quấn quanh, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Buộc, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cũng là buộc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch là âm mịch kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ lạc là dùng sai chữ, ngược lại âm dưới là chinh diệc Bì Thương cho rằng: Dịch là dưới nách, ở phía sau khuỷu tay, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ nhục thanh dạ âm lạc ngược lại âm cang ngạc lại cũng là âm cách.

Tiễn kiết ngược lại âm trên tiên tiển Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tiển sợi chỉ, tục viết chữ diên chữ viết đúng là từ bộ mịch thanh tàn âm tàn ngược lại âm tại an xưa viết chữ tuyến lại viết chữ diên.

Niết chất ngược lại âm trên niệm Quảng Nhã cho rằng: Niết là lấp

bít lại, Cố Dã Vương cho rằng: Niết là đào giếng, sách Âm Nghĩa Hán Thư cho rằng: Dùng tay bày ra cho bằng, Hán Vương dùng tay khỏa cho bằng, hoặc là viết chữ nhiếp theo Thanh Loại viết chữ niết xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh niệm, ngược lại âm dưới trân lật Hứa thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Chất là đánh tát dùng tay đánh, Quảng Nhã cho rằng: Đâm vào, sách Khảo Thanh viết chữ chất xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh chí.

Bình ông ngược lại âm trên tinh minh Tự Thư cho rằng: Cái bình chứa nước. Lại gọi là cái bình nhỏ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngõa thanh tinh ngược lại âm dưới ông cống xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cái bình miệng nhỏ bung to, chữ viết từ bộ ngõa thanh cộng kinh văn viết chữ bình ung tục dùng cũng thông dụng.

Thiết bán ngược lại âm dưới ban mạn sách Khảo Thanh cho rằng: Dây cương buộc ngựa, buộc hai chân ngựa. Hán Thư cho rằng: Thông suốt nghĩa ky bán sách Thuyết Văn cho rằng: Trói buộc chân ngựa, chữ viết từ bộ mịch thánh bán kinh văn viết từ bộ cách viết thành chữ bán là sai, âm triếp ngược lại âm tri cập.

Môn mạc ngược lại âm trên một bôn ngược lại âm dưới môn bát theo Mao Thi Truyện giải thích môn là nắm giữ, theo Thanh Loại cho rằng: Môn cũng là mạc, sách Phương Ngôn cho rằng: Mạc là phũi, vỗ phũi bụi, sách Văn Tự Điển nói: Hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh môn mạc.

Hòa kiệt ngược lại âm trên hộ qua tiếng Phạm, kinh văn viết chữ hòa theo Tự Thư cho rằng: Đều không có chữ hòa này.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 16

Tương trách ngược lại âm dưới là trương cách văn trước trong quyển thứ mười đã giải thích rồi.

Trù trí ngược lại âm trên trữu lưu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: Trù là tính toán, vạch kế hoạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng thẻ tre giống như mũi tên đếm, chữ viết từ bộ trúc thanh trù.

Lịch thạch ngược lại âm trên linh đích sách Sở Từ nói rằng: Lịch là bình để đá quí vào, loại ngọc xấu kém, sách Thuyết Văn cho rằng: Đá nhỏ, chữ viết từ bộ thạch thanh lạc.

Cổ phản ngược lại âm trên cổ hộ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Vật mà thừa ông gọi là thường cư tức là ngồi một chỗ mà bán, bán ra gọi là cổ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cổ là mua, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mua bán ngoài chợ, sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh á âm cổ là âm cổ ngược lại âm dưới phát vạn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Sớm mua, chiều bán, sách Thuyết Văn cho rằng: Mua rẻ bán mắc, chữ viết từ bộ bối thanh phản.

Bất tư ngược lại âm tử tư Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tư là tài sản, Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là tài sản riêng trong nhà, Quảng Nhã cho rằng: Tư là hàng hóa vải vóc, sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh thử.

Tháo thấu ngược lại âm trên tao lão Cố Dã Vương giải thích: Tháo cũng là tẩy rửa cho sạch sẽ, Quảng Nhã cho rằng: Hòa hợp, sách Thuyết Văn cho rằng: Rửa tay, chữ viết từ bộ thủy thanh táo ngược lại âm dưới sưu cứu Quảng Nhã cho rằng: Thấu là sái tẩy rửa,sách Thuyết Văn nói tẩy rửa (816) xong rồi, chữ viết từ bộ thủy thanh thấu.

Vĩ vĩ ngược lại âm vi phỉ Lưu Hoàn chú giải sách Chu Dịch rằng: Vĩ vĩ giống như vi diệu, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vĩ vĩ là gắng sức, sách Khảo Thanh cho rằng: Tốt đẹp, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tiến lên, gắng lên, chữ viết từ bộ thã đến bộ hoán thanh tĩnh âm hoán, ngược lại âm thất loạn.

Dĩ điệp ngược lại âm dưới điềm hiệp Bì Thương cho rằng: Điệp là thảm cỏ. xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mao thanh điệp âm điệp đồng với âm trên.

Thư trùng ngược lại âm trên thất dư sách Khảo Thanh cho rằng: Trong thịt đã mục rửa, và trong nước tương có con giòi, viết đúng là chữ thư xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh thư.

Trảo quắc ngược lại âm trên trảo sao ngược lại âm dưới khoáng hoạch Bì Thương giải thích: Đánh tát vào má, Cố Dã Vương cho rằng: Nay cũng nói vào tai vậy. xưa nay Chánh Tự viết từ bộ phộc thanh các kinh văn viết chữ quắc tục tự dùng cũng thông dụng, âm quảng ngược lại âm hồ mảnh.

Bi đầu ngược lại âm trên bỉ bì Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Bi giống như con gấu, mà đầu dài, chân cao, có nhiều năng lực sức mạnh, có thể nhổ gốc cây cột trụ cổng, cửa tây, gọi là gấu khỉ, sách Thuyết Văn nói: Như con gấu mà lông màu trắng vàng lẫn lộn, chữ viết từ bộ bi đến bộ bãi thanh tĩnh âm hà là âm da.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 17

Tây mạo âm dưới mao báo Đỗ Dự chu giải Tả Truyện rằng: Mạo là người già hay hôn loạn, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Mê muội hay quên, sách Thuyết Văn viết chữ mạo từ bộ lão đến bộ cao tóm lược kinh văn viết từ bộ lão thanh mao văn cổ viết chữ mạo nay thời không dùng.

Bất tư âm dưới tử từ sách Phương Ngôn nói rằng: Giữa đông sở phàm là năng chứa nhiều sữa thường sinh đôi đó gọi là tư tư đó sách Thuyết Văn giải thích Siêng năng, không biết mệt, miệt mài chăm chỉ, chữ viết từ bộ tử thanh tư âm nghiệt ngược lại âm ngôn liệt.

Tĩnh mạc ngược lại âm trên tình tĩnh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tĩnh là định nghĩ một việc mưu tính, Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tĩnh là an, Mao Thi Truyện lại nói rằng: Tĩnh là sửa trị, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lập thanh thanh âm dưới mang bác Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Mạc chính xác, xác thật, lại cũng gọi là thanh tịnh mà cũng là chí kính, lại cũng gọi là sửa chữa, Cố Dã Vương nói rằng: An tịnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh mạc.

Dâm dật âm trên là dâm ngược lại âm dưới dẫn nhất Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Dật cũng là dâm sách Khảo Thanh giải thích: Ý vui vẻ hoan lạc thỏa thê, buông thả, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh thất kinh văn viết từ bộ nữ viết thành chữ dật tục tự dùng cũng thông dụng.

Thiệt thỉ âm dưới thực nhị văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ rồi.

Thảm thích âm trên thiên cảm thảm là lo buồn, Quảng Nhã cho rằng: tham, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Độc hại chữ viết từ bộ tâm thanh sâm âm dưới đinh đích, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thích là lo sợ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tật bịnh, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Kinh sợ, chữ viết bộ tâm thanh dị.

Tiển kỳ âm trên tiết tiền sách Khảo Thanh giải thích: Thẻ tre nhỏ, sách Thuyết Văn giải rằng: Biểu thức, ghi chú thích, chữ viết từ bộ trúc thanh tàn âm tàn ngược lại âm tại an.

Bột cuồng âm trên bồn một Cố Dã Vương cho rằng: Bột là bùng lên, dạt dào, tràn trề, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bổng nhiên bừng lên, sách Phương Ngôn cho rằng: Từ từ phát ra, sách Thuyết Văn nói:

Xô ra, đẩy ra, chữ viết từ bộ lực thanh bột âm bột đồng với âm trên, kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ bột cũng thông dụng.

Thư trí ngược lại âm trên từ dữ theo Mao Thi Truyện nói rằng: Thư là hư hoại, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Sai trái, lầm lỗi, chữ viết từ bộ thủy thanh thư.

Lý tỷ âm dưới sư tử sách Khảo Thanh cho rằng: Lý là không giẫm đạp lên gót chân, theo Thanh Loại cho rằng: Viết chữ tỷ lý là giày dép da, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lý tóm lược thanh tỷ hoặc là viết chữ tỷ âm đê ngược lại âm đinh hề.

Đốt đốt ngược lại âm đôn ôn Tự Thư giải thích: Đốt đốt là la hét, mắng mỏ, giận dữ, sách Khảo Thanh cho rằng: Mắng nhiếc, sách Thuyết Văn cho rằng: Cùng nhau lời qua tiếng lại, chữ viết từ bộ khẩu thanh xuất.

Khốc liệt ngược lại âm trên không cốc sách Phương Ngôn giải thích rằng: Khốc là rượu nồng, nóng nhiệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Rượu đậm đặc mùi vị nồng, lại cũng gọi là bạo ngược, Tàn Hại gọi khốc chữ viết từ bộ dậu thanh khốc âm khốc ngược lại âm cốc.

Tuấn tắc âm trên là trắc.

Hoán nhiễm ngược lại âm trên là hoàn uyển Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hoán là tẩy rửa, Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hoán là tẩy đi cái cũ, dơ bẩn, cũng gọi là trạc cũng viết chữ hoán sách Thuyết Văn viết chữ hoán từ bộ thủy thanh hoàn âm hoàn là âm hoàn.

Mãn bách ngược lại âm bành mạch sách Khảo Thanh cho rằng: Bách là thuyền lớn ở đảo Côn Lôn, Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Bách là thuyền lớn, Bì Thương, Thiên Thương Hiệt đều giải thích: Chiếc thuyền đi trong biển lớn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ chu thanh bạch lại cũng viết chữ bách.

Tảo tuệ ngược lại âm dưới tùy nhuế sách Khảo Thanh cho rằng: Tuệ là cây chổi, sách Thuyết Văn viết chữ tuệ là cây chổi cán tre, chữ viết từ bộ thảo thanh tuệ âm tuệ đồng với âm trên.

Hoắc nhiên âm trên hoang khuếch văn trước trong quyển thứ mười đã giải thích rồi, kinh văn viết từ bộ hỏa viết thành chữ hoắc là chẳng phải.

Ngoan độn ngược lại âm trên ngũ quan âm dưới đồn đốn độn là thánh ngưng trệ chậm lục, Như Thuần chú giải sách Sử Ký rằng: Ngoan độn giống như là không biết xấu hổ, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Độn cũng là ngoan theo Thanh Loại cho rằng: Không lanh lợi, hoặc là viết

chữ đốn sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh độn âm độn là âm con.

Cụ nhiễu ngược lại âm dưới ni điểu văn trước tròn quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Già-cù ngược lại âm dưới Cụ-câu tiếng Phạm.

Bà-tha âm dưới thổ hà tiếng Phạm.

Sư-tử-tung ngược lại âm dưới chúc dụng Quách Phác chú giải rằng: Trung là sửa, nay Giang Nam người ta cũng gọi sửa là trung sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh trung.

Long tàn âm trên lục trung Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Long là bệnh địch, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bệnh tật lâu ngày, xưa nay Chánh Tự giải thích: Bệnh mỏi mệt, chữ viết từ bộ tật thanh long âm long đồng với âm trên.

Tiển tháp âm trên tiền diển Mao Thi Truyện giải thích: Tiển là dáng mạo đi, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tiển là đè xuống, Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Mang giày dép giẫm đạp lên, âm dưới là đàm lạp Cố Dã Vương cho rằng: Tháp cũng là xúc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Gót chân sau đá lên, Quảng Nhã cho rằng: Mang giày giẫm đạp lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Đạp lên, tiển cũng là tháp hai chữ đều từ bộ túc đều thanh tiển tháp âm tháp đồng với âm trên, âm đế là âm đề kinh văn viết chữ tháp là chẳng phải.

Lược trung âm trên cường khoái văn trước trong quyển thứ mười một đã giải thích rồi.

Dĩ phũ âm dưới phu vũ Cố Dã Vương cho rằng: Phủ giống như là phũi bụi, vỗ vỗ đập đập. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh phó.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 18

Phẩu phúc âm trên phổ khẩu theo Tả Truyện nói rằng: Phẩu là phân ra, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Chẻ ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Phanh ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm thâu hậu.

Mặc nhiên âm trên mộng bắc âm mộng ngược lại âm mặc băng Tự Thư giải thích tĩnh mặc, yên lặng không nói, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Con chó không sủa, tạm thời đuổi theo người, chữ viết từ bộ khuyển thanh hắc kinh văn viết chữ mặc tục tự dùng thông dụng.

Bì quyện âm trên bị bi Quảng Nhã giải thích bì là bệnh, Cố Dã Vương cho rằng: Mệt mỏi, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lao nhọc, chữ viết từ bộ tật thanh bì âm dưới là quyền viện chữ thượng thanh, kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ quyện cũng thông dụng.

Điệu quý âm trên điều điếu sách Khảo Thanh cho rằng: Điệu là quấy động, Quảng Nhã cho rằng: Tin chấn động, sách Thuyết Văn giải: Đu đưa, chữ viết từ bộ thủ thanh trác âm dưới là quy quí sách Khảo Thanh cho rằng: Quý là tâm kinh sợ, giận dữ, sách Thuyết Văn cũng giải thích: Tâm động, chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Ông trùng âm trên ốc hồng sách Phương Ngôn nói: Con ong nhỏ đó gọi là ông, Quách Phác chú giải rằng: Con ong eo lưng bé nhỏ, sách Thuyết Văn giải thích ông là con ruồi to lớn chui rút trong da con trâu, ngựa, chữ viết từ bộ trùng thanh ông âm nhu ngược lại âm yến kế.

Đố trùng âm trên đô cố sách Chu Lễ người học trò dùng kéo cắt trừ bỏ đi vật bị con mọt đục khoét, sách Thuyết Văn nói: Là con mọt đục trong gỗ, chữ viết từ bộ côn đến bộ đố thanh tĩnh âm côn ngược lại âm cổ hồn.

Cam giá âm dưới giá dạ sách Khảo Thanh cho rằng: Giá là tên của loại cỏ, nay gọi là cam giá, sách Sở Từ cũng nói: Tên loại cỏ, loại cỏ này có nước ngọt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cam giá tức là mía, cây lau ngọt chữ viết từ bộ thảo thanh giá âm chư là âm chư.

Nhất hộc âm dưới hồng hộc sách Nghi Lễ nói rằng: Mười đấu là một hộc sách Thuyết Văn cho rằng: Dụng cụ đong lường, chữ viết từ bộ đấu thanh giác kinh văn viết chữ học tục tự dùng cũng thông dụng.

Si minh ngược lại âm trên sĩ tri văn trước trong quyển thứ hai đã giải thích rồi, âm dưới mịch bình sách Khảo Thanh cho rằng: Minh là tối tăm, u ám, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tối mịch mù, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Không thể thấy rõ, sách Thuyết Văn cho rằng: Âm u, chữ viết từ bộ nhật đến bộ lục tức là đêm tối ngày mười - mười sáu (10-16) là mặt trăng bắt đầu khuyết cho nên tối âm u, bộ mịch là che, âm mịch là âm mịch kinh văn viết chữ nghi là chẳng phải.

Mạc nhiên âm trên mang bác Mao Thi Truyện nói rằng: Mạc là dáng to lớn đồ sộ, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Mạc là xa tít, Quách Phác chú giải rằng: Rộng lớn, lại gọi là mạc mạc rất xa xăm, Quảng Nhã cho rằng: Nhiều, tràn đầy, dạt dào. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh mạo âm mạo là âm mạo kinh văn viết chữ mạo là sai.

Nhục tiếu âm dưới tiểu tiều gọi là bệnh gầy ốm, Trịnh Huyền

chú giải sách Chu Lễ rằng: Tiếu là trừ bỏ bệnh đau đầu, Bì Thương cho rằng: Tiếu bệnh khác nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếu là bệnh đau đầu, nhức đầu, chữ viết từ bộ tật thanh tiếu âm tiếu là âm tiếu.

Chi khải âm dưới khai cải Quảng Nhã cho rằng: Áo giáp, sách Thuyết Văn giải thích: Cũng là áo giáp, chữ viết từ bộ kim thanh khải.

Tiển thanh âm trên tiên tuyến sách Khảo Thanh cho rằng: Tiển là nước không sạch, sách Sử Ký nói rằng: Nhìn kỹ mà xem nước máu huyết hôi tanh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh tiện hoặc là viết chữ tiên âm dưới là tĩnh tinh Tự Thư cho rằng: Thanh là chuồng heo, sách Khảo Thanh cho rằng: Nhà xí, nhà vệ sinh, hoặc là viết chữ thanh xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vi thanh thanh âm vi là âm vi.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 19

Tỷ-để âm trên là tỷ ngược lại âm dưới Đê-lễ tiếng Phạm tên là Tam-muội.

Tử hủy âm trên tư thử văn trước trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Buộn diện âm trên bồn muộn văn trước trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Luyến thủy âm trên quyết nguyện văn trước trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Chu cùng âm trên kỳ chu văn trước trong quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Khiển tụy âm trên khiên kiến Quảng cho rằng: Khiển trách, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quát mắng, sách Thuyết Văn cho rằng: Tra hỏi, chữ viết từ bộ ngôn thanh khiển âm dưới tuy túy trong Quy Tạng giải thích rằng: Tụy là trong tư mạng, sách Thuyết Văn nói tụy là thần gay họa, chữ viết từ bộ thị thanh xuất kinh văn viết chữ tông viết thành chữ tụy là sai chẳng phải.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 20

Đàm ấm âm trên hám cam âm dưới âm cấm sách Khảo Thanh cho rằng: Đàm là bệnh hen suyễn, trong phổi có đàm, Văn Tự Tập Lược nói rằng: Bệnh trong ngực, theo chữ đàm âm đó bệnh trong ngực phổi có nghẹt đàm, hai chữ đều từ bộ tật đều thanh đàm âm âm cách là âm cách.

Huyễn hoặc âm trên huyền quyến Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Huyễn cũng là hoặc, gọi là mạo điên cuồng, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nhìn thấy không rõ ràng, sách Thuyết Văn giải rằng: Con mắt không thường làm chủ, chữ viết từ bộ mục thanh huyền kinh văn viết chữ huyễn là sai chẳng phải.

Bàn ngọa ngược lại âm trên bán quan Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bàn là con rắn to lớn nằm khoanh cái bụng lại, Cố Dã Vương cho rằng: Bàn xoay chuyển uốn khúc lượn quanh, Quảng Nhã cho rằng: Cuốn cong lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh phiên.

(817) Đương kiêu âm dưới hiểu nghiêu văn trước trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Sáp thấu âm trên bị đáp Bì Thương cho rằng: Sáp là cắn môi, sách Khảo Thanh cho rằng: Sáp là đớp mồi, Vận Lược cho rằng: Sáp là đưa vào miệng, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngậm trong miệng, chữ viết từ bộ khẩu thanh táp hoặc là viết chữ tiềm âm dưới song tróc sách Khảo Thanh cho rằng: Sắc là bú, múc, sách Vận Lược cho rằng: Ngậm trong miệng, theo chữ đó là con muỗi, loài côn trùng, cắn chính nhiều người còn ngậm máu trong bụng, chữ viết từ bộ khiếm thanh sắc kinh văn viết chữ thấu tục tự dùng thông dụng.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 21

Âm trên đãng lãng sách Phương Ngôn cho rằng: Tắc trách qua loa, căng thẳng, trương lên chống mưa gió, Quảng Nhã cho rằng: Cũng là đột xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh đường âm dưới độn cốt Tự Thư cho rằng: Đột là lau chùi, sách Văn Tự Điển nói: Bổng nhiên xông vào, chữ viết từ bộ thủ thanh đột.

Cự hư âm trên cự ngữ âm dưới hứa cư sách Khảo Thanh cho rằng: Cự hư giống như con lừa mà nhỏ hơn, cái mặt ngắn hơn gay cúp lại, tục gọi là con ngưu lừa, con lừa cái, con lừa sanh sản ra lừa con cũng gọi là thác bạch hai chữ đều từ bộ mã đều thanh cự hư âm loa ngược lại âm lực qua.

Trường tiển âm dưới tiên tiển văn trước trong quyển thứ mười lăm đã giải thích đều rồi, kinh văn viết chữ diên tục tự dùng cũng thông dụng.

Dã hồ âm trên da thã kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ cổ nghĩa là yêu cổ và chữ cổ đạo cũng là thông với loài yêu thú.

Thô quáng âm dưới hồ mảnh Tự Thư cho rằng: Quáng người to lớn lực lưỡng, hung ác đồng như con chó hung hãn không thể tới gần, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển đến bộ khoáng thanh tĩnh.

Tả khóa ngược lại âm khoa quả chữ thượng thanh tục tự dùng thông dụng, Bì Thương giải thích Khoa là xương hông, xưa nay Chánh Tự viết chữ hà lại viết chữ khả lại cũng viết chữ khỏa lại cũng viết chữ khỏa kinh văn viết từ chữ khách viết thành chữ khá tóm lại không định thể, các nhà nho tùy ý viết âm cũng không phải là một, cũng đều gọi là xương hông, sách pho cho rằng: Không đồng, chưa biết giữ lấy dùng, nay đều tùy theo sách viết mà dùng chữ vậy.

Dư hoàn âm trên dữ ủ chữ hình thanh hai chữ khiêng vật còng kềnh.

Trảo hoạch ngược lại âm hoằng hoạch gọi là dùng tay bắt lấy, kinh văn lại viết từ bộ quốc viết thành chữ quấc là sai chẳng phải.

Phác phá âm trên là bàng bác Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Dùng tay đánh ném xuống đất, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh bộc.

Trà ca la âm trên trà kinh Văn Tự giải thích chẻ vật cứng.

Hải thích âm trên hài ngai âm dưới thể diệc hải thích đó là lo buồn kinh sợ.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 22

Toa thảo âm trên tỏa hòa Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Toa là tên của loại cỏ, Văn Tự Điển nói: Loại cỏ kết làm áo che mưa, lại cũng kết

làm tấm bạc che trùm xe, chữ viết từ bộ thảo thanh suy âm liệu là âm lão.

Luyến tích âm trên luyến viên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Luyến là bệnh, Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là bệnh thân thể quắp lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh luyến âm luuyến đồng với âm trên, hoặc là viết chữ luyến ngược lại âm dưới tinh tích, Cố Dã Vương cho rằng: Tích gọi là bệnh chân nghiêng một bên, teo rút không thể đi được, sách Thuyết Văn cho rằng: Chân què không thể đi được, chữ viết từ bộ chỉ thanh tích cũng từ bộ túc viết thành chữ tích tục tự dùng cũng thông dụng.

Kình quyền ngược lại âm dưới quyển viên Hà Hưu chú giải Công Vương Truyện rằng: Quyền là cái nắm tay, quả đấm, sách Khảo Thanh cho rằng: Bàn tay nắm lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến bộ quyển thanh tĩnh Tự Thư viết đúng là chữ quyền kinh văn viết chữ quyền cũng đồng.

Quan chiêm ngược lại âm dưới điềm chiêm Bì Thương nói rằng: Chiêm là thanh gỗ cài cửa, sách Khảo Thanh cho rằng: Nay người ta gọi là then cửa. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hộ thanh chiêm âm di là ấm di âm cập là âm cập.

Khánh thấu âm trên khinh đĩnh Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khánh là tiếng, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng ho, chữ viết từ bộ ngôn thanh khánh âm khánh đồng với âm trên, ngược lại âm dưới sưu thấu Bì Thương nói rằng: Thấu là bệnh hàn nhiệt, sách Khảo Thanh giải thích: Hơi xông lên cổ họng, tức là ho, cũng viết chữ thấu tục viết chữ thấu xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tật thanh thấu âm thấu là âm tốc.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 79

- Âm Kinh Luật Dị Tướng

(Từ quyển hai mươi ba đến hết quyển thứ năm mươi.)

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 23

Khôi vỹ âm trên cổ hồi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khôi là loại đá đẹp, so với ngọc lại kém hơn, Bì Thương cho rằng: Khôi vỹ là quý lạ, quý hiếm, sách Thuyết Văn nói rằng: Ngọc màu hồng, chữ viết từ bộ ngọc chữ hình thanh, hoặc là cũng viết từ chữ hoài kinh văn viết chữ hội là dùng sai chữ, sách Khảo Thanh cho rằng: Khôi vỹ đó là thân thể đẹp kỳ lạ cao to lớn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngọc.

Đàn-nhị-ky âm giữa ni trí âm dưới ký nghi tiếng Phạm, ở Tây Vực tên của phụ nữ, hoặc là viết chữ ky cũng thông dụng.

Phục hội ngược lại âm dưới hồi đối sách Khảo Thanh cho rằng: Hội là vở đê, tan vở, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Vở đê nước tràn vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước rĩ xuống dột, chữ viết từ bộ thủy thanh hội.

Phôi dụ âm trên phối mai sách Khảo Thanh cho rằng: Phôi là đồ sành sứ, đồ gốm chưa nung, đó gọi là phôi sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ chữ hình thanh.

Tràng chung ngược lại âm trên trạc giang Cố Dã Vương cho rằng: Tràng giống như là đánh gõ, Văn Tự Điển nói: Dùng cán chày đập giã bên sọt vào đâm vào, chữ viết từ bộ thủ thanh đồng.

Vĩ diệp âm trên vi quỷ theo Mao Thi Truyện nói rằng: Vĩ là màu sắc đỏ rực, sách Khảo Thanh cho rằng: Vĩ diệp là màu sắc rực rỡ sáng chối, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh vĩ âm dưới đạm triếp Mao

Thi Truyện nói vĩ diệp là tiếng nổ sấm sét, sách Sở Từ nói rằng: Lửa đỏ rực, sách Thuyết Văn nói, ánh sáng rực rỡ, chữ viết từ bộ nhật thanh diệp.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 24

Tiêm dung âm trên tương diệm âm dưới lung long theo Mao Thi Truyện cho rằng: Dung là quân đều ngưng lại, hoặc là từ bộ nhục viết thành chữ dung xưa nay Chánh Tự cho rằng: Quân đều, thẳng thắn, chữ viết từ bộ nhân thanh dung âm dung là âm dung.

Gian điền âm dưới điền tiền sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy trân bảo mà lấp vào nhà, làm đồ trang sức, kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ điền là sai, chẳng phải chữ.

Như cấu âm dưới câu hầu sách Khảo Thanh cho rằng: Cấu gọi là lấy sửa dê, sửa bò, chữ viết từ bộ thủ đến bộ cấu thanh tĩnh.

Ngưu trung ngược lại âm gia dụng âm ngô gọi sửa là trung nay Giang Nam thấy dùng âm này, chữ viết từ bộ thủy thanh trung.

Ninh nhược âm trên mịch canh âm ngô sách Văn Tự Tập Lược nói: Bệnh ác tính, sách Khảo Thanh cho rằng: Ốm gầy, chữ viết từ bộ nhân thanh ninh.

Bố súc âm dưới là sở lục theo Hàn Thi Truyện nói rằng: Súc thâu gom lại, co lại, thối lui, chữ hình thanh.

Tương bính âm dưới binh mảnh trong quyển thứ tư trước đã giải thích rồi.

Đăng chú âm trên là đăng Văn Tự Điển nói rằng: Đăng là đèn sáng, chữ viết từ bộ hỏa âm dưới chu thụ sách Tập Huấn viết chữ chủ chủ đó là tim đèn.

Áo ế âm trên ưu lục Bì Thương cho rằng: Áo đau buồn bên trong, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Áo, tiếng than thở đau khổ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khẩu thanh áo âm dưới yên kiết theo Mao Thi Truyện nói rằng: Ế là lo buồn không thể thở được, sách Khảo Thanh cho rằng: Nghẹt thở trong ngực, trong cổ họng, hoặc là viết chữ tế sách Thuyết Văn cho rằng: Ăn cơm mắc nghẹn, chữ viết từ bộ khẩu thanh ế.

Huyễn âm trên huyền quyến văn trước trong quyển thứ tám đã

giải thích rồi.

Hề kích ngược lại âm trên hồ kê Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hề là đường nhỏ trong hang, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đường dẫn cầm thú đi, xưa nay Chánh Tự giải thích: con đường nhỏ trong hang núi, chữ viết từ bộ túc thanh hề.

Trì trất âm dưới trân sắc sách Khảo Thanh cho rằng: Trất là cây lược sách Thuyết Văn cho rằng: Tên gọi chung cây lược chải tóc, chữ viết từ bộ mộc thanh tiết âm sơ là âm sớ.

Danh nam âm dưới di hàm tiếng Phạm tên của vua ở Tây Vực, Đúng hợp từ bộ ngôn viết thành chữ nam từ bộ khẩu thanh nam tục tự dùng thông dụng.

Nhục pháo âm dưới pháo mao sách Khảo Thanh cho rằng: Trên mặt nổi mụt mụn nhỏ, sách Thuyết Văn nói pháo nhục là trong nóng nhiệt, chữ hình thanh.

Hỏa tĩnh âm dưới là tịnh hoặc là viết chữ tĩnh Quảng Nhã cho rằng: Tĩnh là cái hầm, sách Khảo Thanh nói rằng: Đào xuyên qua đất làm cái hầm bẩy thú, sách Thuyết Văn nói con thú chạy qua rơi xuống hầm, chữ viết từ bộ phụ thanh tĩnh hoặc là viết từ bộ huyệt.

Mộ đấc âm trên là mộ.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 25

Tước dĩ âm trên tương dược Quảng Nhã nói rằng: Tước là cho ăn, cũng gọi là nhai, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhai, chữ hình thanh.

Khước đăng âm trên chữ chánh thể, chữ khước sách Thuyết Văn viết từ bộ cước âm cước ngược lại âm cường ngược chữ tượng hình.

Giải yểm âm trên là giới Quảng Nhã cho rằng: Giải là lười biếng, sách Thuyết Văn nói: Giải đãi chữ viết từ bộ tâm thanh giải hoặc là viết chữ giải.

Hy hý âm trên hỹ nghi sách Khảo Thanh cho rằng: Hy là đẹp vui vẻ, hài hòa, dạo chơi, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh hỹ ngược lại âm dưới hy nghị theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hý là bày trò vui vẻ phóng dật, buông thã, sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh hư âm hy ngược lại âm hân y kinh văn viết từ chữ lui viết thành chữ hy là sai chẳng phải, gọi là không thành chữ.

Vãn thân âm trên là vãn sách Khảo Thanh cho rằng: Vãn sinh sản, sách Thuyết Văn giải thích: Khi sinh đứa con phải kéo thân ra, chữ viết từ bộ tử thanh.

Khỏa quật âm trên khổ hòa sách Khảo Thanh cho rằng: Cái hang chim ở gọi là khỏa, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tổ chim chữ viết từ bộ huyệt thanh quả âm dưới khổ cốt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Quật là đào đất làm nhà, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ huyệt thanh khuất.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 26

Ngã khỏa ngược lại âm dưới lô quả gọi là cởi y ra để lộ thân thể, văn trước đã giải thích rồi.

Nhuyễn động âm trên nhuận chuẩn sách Khảo Thanh cho rằng: Loài côn trùng bò lúc nhúc, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh nhuyễn.

Kịch tang âm trên kình nghịch sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm là bệnh ít giảm mà lại gia tăng thêm gọi là kịch Cố Dã Vương cho rằng: Kịch là rất nặng, Thiên Thương Hiệt ghi bệnh trầm trọng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh kịch.

Sách sát âm trên sai trách văn trước trong kinh quyển thứ mười một đã giải thích đầy đủ rồi, chữ viết từ bộ khẩu viết thành chữ trách là sai, ngược lại âm dưới sơn trác.

Hoài bạn âm dưới là bàn tên của người.

Sang vưu âm trên sáng trang (818) ngược lại âm dưới hữu cầu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Vưu là bệnh sưng, thủng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tật âm tật ngược lại âm nữ ách thanh vưu hoặc là viết chữ vưu đều thông dụng.

Âu-hòa âm trên Âu-hầu tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là Ba-la-mật.

Kiểu nhiễu âm trên là hiểu theo Thanh Loại cho rằng: Buộc quanh, vấn quanh, níu chân, kìm giữ, ngược lại âm dưới nhi chiểu hai chữ đều giải như nhau, nghĩa là ràng buộc.

Bệ-lệ âm trên Bại-bế âm dưới Lê-đế tiếng Phạm, chuyển đọc sai, đúng gọi là Tất-lệ-đa Đường Huyền Trang dịch tên của loài ngã quỷ,

âm bệ ngược lại âm Bệ-mể.

Trụ địa ngược lại âm chu lũ văn cổ viết, nay gọi là một điểm là vậy.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 27

Tương hiệu âm dưới hào giáo Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hiệu là dạy, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ phộc thanh học âm phộc ngược lại âm phổ bốc.

Sắc tắc âm trên sơ sắc xưa nay Chánh Tự cho rằng: Sắc thửa ruộng vuông tề chỉnh. Chữ viết từ bộ điền đến bộ nhân bộ duy âm dưới tăng tắc gọi theo chỗ đất bít lấp.

Hoảng dực âm trên hoàng quảng Quảng Nhã cho rằng: Ánh sáng quang huy rực rỡ, Văn Tự Điển nói: Ánh sáng mặt trời chiếu soi, chữ viết từ bộ nhật thanh quang âm dưới dung lục sách Khảo Thanh cho rằng: Dực cũng là ánh sáng rõ ràng, chữ viết từ bộ nhật thanh lập.

Nhục luyến âm dưới loan quyển sách Thuyết Văn nói: Xắc thịt mỏng gọi là nhục loan.

Liễu liễu âm trên liêu điểu âm dưới điêu liễu sách Phương Ngôn giải thích: Treo ngược, đảo ngược, sách viết chữ liễu gọi là dùng sợi dây treo ngược con chim. Người ta thường nói con chim ác, tức là chim bất hiếu ăn thịt mẹ.

Hoang hoang âm trên là hoang gọi là con mắt không thấy rõ, chữ viết từ bộ mục thanh hoang âm hoang đồng với âm trên.

Toan đông âm trên tô quan sách Khảo Thanh cho rằng: Bệnh đau nhức, sách Khảo Thanh cho rằng: Bệnh nhức đầu, chữ viết từ bộ tật chữ hình thanh âm tật là âm nạch.

Hạm xa âm trên hàm ảm sách Khảo Thanh cho rằng: Hạm là hàng rào, là cái chuồng nuôi thú vật, cái củi lớn, tủ lớn, nhà lao, vườn có tường bao quanh nhốt tội nhân, tội rất nặng, người bỏ tội nhân vào trong cái tủ lớn, chỉ ló cái đầu ra gọi là hạm rồi dùng xe chở đem đi.

Xá lô âm trên là lô sách Thuyết Văn nói: Lô là đòn kê nằm trên cột trụ, theo kiến trúc nhà cổ, chữ viết từ bộ mộc thanh lô.

Giai thụ trên là chữ giai từ bộ nhật ngược lại âm dưới thù hựu Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Bán vật, hòa hợp, bán đắc,

bán chạy gọi là thụ.

Phong xú âm trên phốc bang Bì Thương cho rằng: Phong gọi là bắp chân, phần dưới gối, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh phong.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 28

Để đột âm trên đinh lễ sách Sử Ký nói rằng: Để là va chạm xúc chạm với nhau, kinh văn viết chữ để cũng thông dụng, những chẳng phải bổn chữ.

Tốc chỉ âm trên song tróc gọi là ngậm trong miệng, bú sữa, văn trước trong quyển thứ hai mươi đã giải thích.

Diêu gia âm trên lỗ tiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Lò đúc đồ gốm, sách Thuyết Văn cho rằng: Lò nung đồ sứ, chữ viết từ bộ huyệt đến bộ diêu diêu cũng là thanh.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 29

Nhũ bộ âm dưới bổ mộ văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Siểm siểm ngược lại âm khổ nhiễm sách Khảo Thanh cho rằng: Mắt không định, sách Thuyết Văn nói mắt nhìn tạm thời, gọi là chớp mắt nhiều lần, chữ viết từ bộ mục thanh đạm.

Trứu lưu âm trên trâu sưu sách Khảo Thanh cho rằng: Da tụ lại Văn Tự Điển nói rằng: Da rộng ra tụ lại tức là sa nhăn nheo, âm dưới lưu trụ sách Khảo Thanh cho rằng: Lưu đó là bệnh có khối u nổi lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh sưng nhỏ, chữ viết từ bộ tật.

Kiết quyết âm trên kiết ngược lại âm dưới là quyết Quảng Nhã cho rằng: Bại, quỵ xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Té ngã ngửa, hai chữ đều từ bộ túc chữ hình thanh.

Thực khào ngược lại âm khảo cao Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khào là xương mông đít, chỗ tận cùng của xương sống, sách Nghi Lễ nói: Xương hai bên hông cơ thể, thuộc xương sườn, sách Thuyết Văn

nói: Chữ viết từ bộ thi thanh cửu.

Phân-để âm trên bút vấn âm dưới đinh hề tiếng Phạm.

Bồ bặc âm trên bộ mô âm dưới bằng bắc sách Thuyết Văn nói: Bồ bặc đó là hai tay, hai chân bò lê dưới đất, hai chữ đều từ bộ bao.

Điên quyết âm trên điển niên âm dưới là quyết gọi là điềm rồ lồng lộn, văn trước đã giải thích rồi.

Cường phụ âm trên cương ngưỡng Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Phụ đó lấy dụng cụ gọi là bọc lại, sách Tập Huấn giải thích: Lấy cái mềm bao bọc gói đứa trẻ lại bồng ẩm đó gọi là cường phụ.

Hao hống âm trên hiếu giao âm dưới hồ cấu Bì Thương giải thích: La hét lớn tiếng giận dữ, gầm thét rống lên giống như, bò rống, hổ gầm, tiếng thét giận dữ gọi là hao hống chữ hình thanh.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 30

Cẩn diệp âm trên cân ẩn sách Khảo Thanh nói rằng: Cẩn là tên của cây, sách Nhĩ Nhã nói rằng: Cây cẫn diệp lá màu hồng tím, sớm tươi tốt mà chiều thì héo úa, lá của cây này có thể ăn được lại rất ngon, chữ viết từ bộ mộc thanh cẫn.

Môn khổn ngược lại âm khôn ổn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khổn là cửa hẹp, Văn Tự Điển nói thuộc khu vực nhỏ hẹp, chữ viết từ bộ môn thanh khổn cũng gọi là khu vực.

Kiêu ngạo âm dưới ngã cáo Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngạo mạn khinh thường không thân thiện với ban bè, theo Tả Truyện cho rằng: Không kính, Tự Thư cho rằng: Khinh mạn, chữ viết từ bộ nhân đến bộ ngạo chữ đúng thể là chữ ngạo.

Huyễn dung âm trên quyết nhuyễn ở Tây Vực tên người.

Lung lệ âm trên lộc chung âm dưới lê đế Tự Thư cho rằng: Trước không có hai chữ này, là người dịch kinh nhân nói sách khác, lung lệ đó là can cường khó khuất phục, hai chữ đều từ bộ tâm chữ hình thanh.

Liệt thủ âm trên liên tiết sách Khảo Thanh cho rằng: Liệt là dùng tay văn bẻ, ném, bẻ gãy, âm ao ngược lại âm á giao gọi là dùng sức văn bẻ, đè giữ lấy.

Thuần vị âm trên thuận luân sách Chu Dịch nói rằng: Tinh duyên thuần túy, Quảng Nhã cho rằng: Dày, chữ viết đúng thể thuần nay tục

viết chữ thuần cùng là một nghĩa.

Phi kỹ âm trên phi vi Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Hai chức của các bà vợ vua ngày xưa, tiếng gọi khả ái đối với người phụ nữ, người phụ nữ ở trong cung cấm, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh dĩ Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Kỹ là người phụ nữ đẹp, là người ca hát.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 31

Triết thích âm trên triển liệt sách Khảo Thanh cho rằng: Triết là côn trùng đi gieo độc hại, Quảng Nhã cho rằng: Triết là côn trùng cắn chích rất đau, âm dưới thanh chích nghĩa này cũng đồng âm trên.

Thân ngâm âm trên là thân âm dưới là ngập kim sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng than thở đau khổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Thân cũng là ngâm đều từ bộ khẩu chữ hình thanh.

Tự hổ âm trên từ tự sách Khảo Thanh cho rằng: Cùng nuôi cung cấp cho súc vật ăn, cho ngựa ăn.

Mân manh âm trên văn ngô lại cũng âm mật bân sách Thuyết Văn cho rằng: Loài côn trùng biết bay cắn người, lúc chiều tối là bay ra, ngược lại âm dưới mạch bành, sách Thuyết Văn giải thích: Loài côn trùng lớn biết bay ra cắn người, như con ruồi, tục viết chữ manh nghĩa giải thích cũng đồng âm trên, chữ văn manh hai chữ đều tục tự dùng thông dụng.

Nhai sài âm trên là nhai âm dưới là tử theo nghĩa kinh nhai sài đó là há miệng lộ răng ra trợn mắt, gọi là nhe răng trợn mắt giận dữ, người nhe răng ra tỏ ra có thế lực. Trong kinh từ bộ trảo đến bộ quấc viết thanh chữ quấc từ bộ mục đến bộ thử viết thành chữ tư đều là truyện viết sai, rất là không có nghĩa lý gì hết, nay cho nên sửa đổi lại là bộ mục chữ hình thanh.

Trảo địa âm trên là bao bao tục tự dùng thông dụng, hoặc là viết chữ phù gọi là dùng chân trước mà cào đất, như con bò, hổ, mèo, chó, lúc giận dữ dùng chân trước cào đất, hoặc là viết chữ bao sách Vận Anh cho rằng: Dẫn dắt lấy ra không có định thể.

Bác niết âm trên là bác sách Khảo Thanh cho rằng: Bác là đánh, tóm lấy, núi giữ lấy, chữ viết từ bộ thủ đến bộ đoàn thanh đoàn âm đoàn là âm đoàn đó là chẳng phải.

Hoa chước trên là chữ hoa kinh văn viết chữ hoa này là chẳng phải, âm dưới xương nhược theo Mao Thi Truyện nói rằng: Chước chước là rộng rãi, nhàn nhã, theo Hàn Thi Truyện nói rằng: Mềm mại, sách Khảo Thanh cho rằng: Chước là ràng buộc với người đàn bà mềm yếu, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nữ thanh trác hoặc là viết chữ xước hoặc là viết chữ chước.

Tích lịch âm trên thất diệc âm dưới linh đích văn trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi, kinh văn viết chữ tích lịch là chữ cổ.

Phi chích ngược lại âm chinh diệc sách Sở Từ nói rằng: Đạp giẫm lên Quảng Nhã cho rằng: Mang giày dép giẫm đạp lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Là đi, chữ viết từ bộ túc thanh thứ hoặc là viết chữ chích.

Thần xĩ ngược lại âm đa na rũ xuống, cúi xuống.

Biển đệ âm trên tất miến âm dưới thể kê sách Khảo Thanh cho rằng: Biển đệ là mỏng dẹp, kinh văn viết chữ biển đê hoặc là viết từ bộ điểu viết thành chữ biển đê hoặc là viết chữ hy đều sai chẳng phải.

Quật trừ khảm ngược lại âm hàm giám hoặc là viết chữ hãm, Quảng Nhã cho rằng: Khãm là cái hầm, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái giếng nhỏ, chữ viết từ bộ nhân ở trong bộ cửu chữ tượng hình.

Chung chung ngược lại âm âm chúc dung tục tự cho rằng chữ đóng thể từ bộ dương đến bộ tâm viết thành chữ dung sách Khảo Thanh cho rằng: Động tâm, tim đạp kinh sợ không an, sách Thuyết Văn cho rằng: Ý không định, chữ viết từ bộ tâm thanh dung.

Bôn tẩu âm trên bổn môn cùng với chữ bôn cũng đồng, dưới chữ chánh thể là tẩu.

Mục nhuận ngược lại âm nhuận luân mi mắt nháy nhiều lần mắt chuyển động.

Quỹ mị ngược lại âm mi bí hoặc là viết chữ mị kinh văn viết chữ mị là chẳng phải.

Hư hy âm trên hư am dưới là hy sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng bi thương đau khổ.

Miễu sanh ngược lại âm trên diệu phiêu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Miểu là phần cuối của cây tức ngọn cây nhỏ, lại gọi ngọn cành cây, Quách Phác cho rằng: Đầu nhọn của cành cây, chữ viết từ bộ mộc thanh thiếu âm sao là âm số giao cũng là chỗ tận cùng ngọn của cây.

Nghê tư âm trên nghê kế âm tề chuẩn nghĩa kinh nghê tư đó là con mắt nhìn người giận dữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Gọi là liếc nhìn trợn mắt nhìn.

Tha sái âm trên là xà chữ chánh thể là xà âm dưới sửu giới theo Mao Thi Truyện cho rằng: Sái là con bà cạp cắn chích người, hoặc là viết chữ sái sách Văn Tự Điển nói: con ong, bà cạp, đều có nọc độc, chữ viết từ bộ trùng đến bộ miêu là chẳng phải âm miêu là bởi vì văn cổ chữ tượng hình.

Thường trách ngược lại âm dưới tranh cách sách Sử Ký cho rằng: Trách là đè ép chật hẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: Gác trọ nhà nhỏ chật hẹp, khoang thuyền chật hẹp, chữ viết từ bộ trúc đến bộ sa thanh tĩnh trong kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ hạng là chẳng phải đúng nghi từ bộ trúc.

Bạo phá ngược lại âm trên bao mạo sách Khảo Thanh cho rằng: Thiêu đốt củi tre phát ra tiếng nổ, lửa cháy dữ dội, Văn Tự Tập Lược giải thích: Thiêu đốt lửa cháy bừng lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh bạo.

Cảnh như âm trên canh hạnh Quảng Nhã nói rằng: Cảnh cảnh là không an, phập phồng lo sợ, chữ viết từ bộ nhĩ thanh hỏa cũng là thanh tĩnh.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 32

Thiết đố âm trên phiến miệt sách Phương Ngôn cho rằng: Thiết là buồn bực tánh ác, Quách Phác chú giải rằng: Thiết là tính nóng nảy, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh tệ âm tệ là âm tế.

Trác thực âm trên đinh giác sách Khảo Thanh cho rằng: Mỏ chim cắn cũng gọi là chim đang mổ vật, thức ăn, chữ viết từ bộ khẩu đến trĩ âm trĩ ngược lại âm sửu duyên.

Mong manh âm trên là mong theo Mao Thi Truyện cho rằng: Mong đó con mắt có con ngươi mà không thấy (819) gọi là mong, có giống như mỏ màng không rõ, chữ viết từ bộ mục thanh mong.

Bàn kiết âm trên là bàn Quảng Nhã cho rằng: Bàn là uốn cong lại giống như rồng uốn lượn, nằm khoanh dưới chưa có lên trời.

Đề lệ âm dưới lê đế sách Vận Lược giải thích: Tiếng hạt kêu, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng kêu, chữ viết từ bộ khẩu thanh lệ.

Hiểu nhiên âm trên nhiễu liễu Mao Thi Truyện giải thích: Hiểu là

mặt trời sáng, Quảng Nhã cho rằng: Ánh sáng mặt trời chói chang, chữ viết từ bộ mục thanh kích.

Phiêu tật âm trên bổ diêu Quảng Nhã cho rằng: Phiêu là bệnh ung thư, sách Tập Huấn giải thích cũng là bệnh ung thư lở loét, vết thương tồi tệ.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 33

Quyết đinh ngược lại âm trên quyền nguyệt Quảng Nhã cho rằng: Quyết là cây cọc buộc trâu bò, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh quyết.

Trách phạt âm trên trương cách theo Mao Thi Truyện nói rằng: Quở trách, trách cũng là phạt.

Thiết cứ âm trên thiên kiết chữ thiết chánh thể, ngược lại âm dưới cư ngự sách Quốc Ngữ giải thích: Pháp luật hình phạt ngày xưa là đao như lưỡi cưa mà chém chặt, sách Thuyết Văn giải thích: Cướp đoạt, tước lấy, chữ viết từ bộ kim thanh cư.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 34

Lộc trung âm trên là lộc sách Khảo Thanh cho rằng: Loại rương tủ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái rương, chữ viết từ bộ trú thanh lộc.

Si hưu âm trên là xĩ thi sách Trang Tử cho rằng: Loại ưa thích ăn chim chuột, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điểu thanh thị hoặc là viết chữ chí âm dưới là hủ vưu sách Văn Tự Điển nói: Chim hưu lưu là chim quái điểu, chữ viết từ bộ điểu thanh hưu có tên gọi khác nữa là huấn hồ, tức là loại chồn cáo.

Giao tinh âm trên là giao âm dưới là tinh kinh Sơn Hải nói rằng: Ở núi Mạn Liên có loại chim gia tinh bay nối đuôi nhau từng bầy, kêu giống như gà mái, cho rằng: Gọi như phong trị thực chữ hình thanh.

Sắc nhiên âm trên là sắc văn trước trong quyển thứ mười ba đã giải thích rồi.

Tha xế âm trên là tha sách Khảo Thanh cho rằng: Tha là lôi kéo, dẫn dắt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh tha âm tha đồng với âm trên, âm dưới là mạo triết sách Khảo Thanh cho rằng: Xế là nắm cổ kéo ra, Cố Dã Vương cho rằng: Xế là dẫn dắt lôi kéo, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh chế hoặc là ma chí.

Si tráng âm trên sĩ tri âm, dưới trác giáng sách Khảo Thanh cho rằng: Tráng là đứa trẻ ngu ngơ, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tráng là khi sinh ra đã ngu ngơ, đần độn, chữ viết từ bộ tâm thanh xuẫn.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 35

Đà-tắc-ky âm dưới ký nghi tiếng Phạm, đây dịch không đúng.

Hồi phục ngược lại âm dưới bằng phúc sách Vận Lược cho rằng: Nước chảy xoáy vòng tròn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy xiết mà xoáy quanh vòng tròn, gọi là phục chữ viết từ bộ thủy thanh phục.

Kiếm sóc ngược lại âm dưới sương tróc Quảng Nhã cho rằng: Sóc là cây mâu, Văn Tự Điển nói nay người ta gọi cây kích là cây mâu, chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu kinh văn viết chữ sóc tục tự thường hay dùng.

Thâu bạt âm trên thủ do sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thâu là gom tụ lại, sách Khảo Thanh cho rằng: Thâu là góp nhặt, nắm bắt, Văn Tự Điển nói: Thâu gom chữ viết từ bộ phộc thanh cũ âm cũ là âm cũ do ngược lại âm dưới biện bát chữ viết từ bộ hữu thanh thủ.

Mâu sóc ngược lại âm trên mạc hậu.

Tảo dưỡng ngược lại âm trên tảo tao Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tảo dùng tay gãy cào chỗ ngứa, nắm lại, chữ viết từ bộ thủ thanh tảo âm tảo là âm tảo âm dưới là dưỡng.

Bàng dương âm trên là bàng âm dưới là dương sách Bát Nhã cho rằng: Bàng dương là đi vòng quanh, loanh quanh, không có tiến tới, Cố Dã Vương giải thích: Là đi đi lại lại đi quanh quẫn, sách Văn Tự Điển nói: Hai chữ đều từ bộ xích đều thanh phương dương âm xích ngược lại âm sửu xích.

Hấp thuyền âm trên hấp cấp theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hấp giống như là hít hơi thở vào, chữ viết từ bộ khẩu thanh cập kinh văn viết chữ hấp cũng thông dụng.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 36

- Khứu tích ngược lại âm trên hưu hựu sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng cái mũi chính là để ngửi gọi là khứu kinh văn viết chữ khứu tục tự dùng sai, ngoài văn ra đây là chuẩn.

1- Ô dục ngược lại âm trên ô hồ ngược lại âm dưới dung túc Bì Thương cho rằng: Ô dục là cây búa nhỏ, Văn Ngọc Thiên gọi là dùng hình phạt chém ngang lưng, hai chữ đều từ bộ kim đều thanh ô dục kinh văn viết chữ ư là chẳng phải. Âm tỏa ngược lại âm tài qua âm tiêu ngược lại âm lực qua vận hành chỗ dùng, đây đều là sách Phương Ngôn giải thích đều có sai biệt, người nước thục gọi tỏa ngược lại âm thương ngọa.

2- Bất trí ngược lại âm dưới là thí chí sách Khảo Thanh cho rằng: Thí giống như quá mức, sách Thượng Thư cho rằng: Như phút chốc tạm thời rồi qua đi, sách Thuyết Văn nói: Đang lúc nói, chữ viết từ bộ đế đến bộ khẩu, hoặc là viết chữ đích cũng là một, cách khác cũng giải thích như vậy.

3- Khí cụ ngược lại âm dưới cù cú kinh văn viết chữ cự âm cự chẳng phải nghĩa đây dùng.

4- Mạn-từ ngược lại âm trên mãn quan tiếng Phạm tên nước ở Tây Vực.

5- Ngốc kiêu âm trên ngốc âm dưới nhiêu văn trước trong quyển thứ tám đã giải thích rồi.

6- Xứ hổn ngược lại âm dưới hồn khốn.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 37

Cổ dương ngược lại âm trên cô hộ cổ là con dê đực lông đen.

Tắng tiền âm trên tắc đăng theo Hàn Thi Truyện nói rằng: Tắng là ghét, sách Phương Ngôn cho rằng: Tật tật đố ghen ghét, Giữa nước Tề và Lỗ ghanh ghét với nhau gọi là tắng, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm.

Chùy phách âm trên truy truy âm dưới pha bách sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy cái dùi đánh gõ vào vật, chữ viết từ bộ mộc thanh chuy

sách Thuyết Văn cho rằng: Phách là đẩy ra, cũng gọi là phũi, vỗ vỗ, từ bộ thủ thanh bạch kinh văn viết từ bộ mộc là sai.

Cù du âm trên cụ câu âm dưới số câu sách Khảo Thanh cho rằng: Cù du là dệt lông làm thảm, có màu sắc rực rỡ gọi là thảm lông, xuất ra từ nước Kế Tân, thảm lông.

Sao sao ngược lại âm trên sao giao Cố Dã Vương cho rằng: Là từ từ xâm nhập vào.

Trách ý ngược lại âm trên tài lạc nay ý kinh lấy âm này mà không lấy âm trách Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trách là nổi lên nói là ý bổng nhiên khởi lên, sách Thuyết Văn giải thích ý cũng đồng.

Quyên phi âm trên là duyên. Loài côn trùng có thể bay, ngược lại âm huyết duyên cũng thông dụng, loài côn trùng nhỏ biết bay, sách Phương Ngôn cho rằng: Âm sai.

Suyễn động ngược lại âm trên nhuận chuẩn suyễn là loài côn trùng bò lúc nhúc.

Hoắc nhiên ngược lại âm trên hoang quách hoặc là viết chữ hoắc sách Thuyết Văn cho rằng: Hai con chim bay trong mưa, hoắc hoắc cũng là tiếng kêu, chữ hội ý.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 38

Tất-chủy ngược lại âm dưới là túy tùy sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh thứ âm thứ là âm thứ không phải chữ thứ chữ tượng hình, Tất-chủy đây là tiếng Phạm, tên của người phụ nữ ở Tây Vực.

Thu hội ngược lại âm dưới cổ đối sách Khảo Thanh cho rằng: Trong lòng buồn rầu, phiền muộn, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tâm phiền loạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ hình thanh.

Cô chung âm dưới là chung sách Khảo Thanh cho rằng: Cô dâu mới gọi chị chồng là chung cậu cô cha mẹ của chồng là cửu cô.

Tũng bát ngược lại âm trên lật dũng, Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã rằng: Tũng là kinh sợ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Ban đầu nói sanh ra mà đã điếc, không nghe được gọi là tũng sách Thuyết Văn viết từ nhĩ thanh tùng âm dưới là bác sách Khảo Thanh cho rằng: Bác là tát, đánh, tóm lấy, theo Thanh Loại cho rằng: Vồ chụp lấy, sách Thuyết

Văn viết từ bộ thủ thanh chuyên âm chuyên là âm bổ.

Vưu kịch âm dưới kình nghịch Văn Ngọc Thiện cho rằng: Kịch là rất quá lắm, gọi là bệnh trầm trọng, bệnh nặng, văn trước đã giải thích rồi, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh cự âm cự ngược lại âm âm cự ngư.

Tùy lam âm dưới là lam xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lam là gió núi, chữ này bởi vì bắc địch thổ ngữ gọi là gió mạnh dữ dội gọi là lam theo sách viết ra chữ lam này là bởi vì ở thị trấn Lam Châu thường có gió lớn, gió xoáy vậy.

Hồng quang âm trên là hồng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hồng là nước dâng cao, gọi là đại thủy, tức lũ lụt, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh cộng từ bộ khẩu viết thành chữ hồng là sai.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 39

Diệp diệp âm diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Thiếc đồng mỏng dẹp còn nguyên chất chưa nấy ra là dụng cụ, người nước Tề gọi tập là diệp âm tập là âm tập tức là diệp.

Sàn đề ngược lại âm xương thiện ngược lại âm sa giãn là hai âm đồng với âm trên là sai, âm dưới là xác đáng, Đường Huyền Trang cho rằng: Nhẫn nhục đây là câu tiếng Phạm, gọi là Đệ-tam-ba-la-mật. Đây là nhẫn nhẫn có năm như trong kinh Nhân Vương có nói, hoặc là có ba loại nhẫn nhục.

Bát-kiếp âm trên là bát cũng là câu tiếng Phạm, ở Tây Vực tên của vị tiên nhân.

Táo tật ngược lại âm trên tảo tao Tự Thư cho rằng: Mùi thịt cá tanh hôi, dơ uế, ngữi dưới nách, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục âm táo âm táo ngược lại âm tang tháo.

Tính tháo ngược lại âm dưới tao tháo sách Khảo Thanh cho rằng: Tính nóng nảy, sách Ích Pháp cho rằng: Tính hay biến động gọi là táo kinh văn viết chữ tháo là chẳng phải, sách Thuyết Văn viết từ bộ táo.

Thủ kình ngược lại âm dưới phổ kinh Quảng Nhã cho rằng: Kình là tay giơ cao lên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh kính kinh văn viết chữ kình là chẳng phải.

Phách thương âm trên là bách Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Phách là phá cho nứt nẻ ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh tích kinh văn viết từ bộ đao viết thành chữ phách là chẳng phải, ngược lại âm thất diệc là chẳng phải nghĩa kinh.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 40

Quan thảo ngược lại âm trên giãn nhan sách Vận Anh cho rằng: Bông cỏ lau trắng, sách Vận Thuyên cho rằng: Thuộc cỏ lau sậy, cỏ này rất cứng, làm dây hoặc làm chiếu, hoặc là viết chữ giàn từ bộ thảo thanh quan.

Túc quyết âm quyết ngược lại âm quyển nguyệt Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Là chạy, Ngọc Thiên cho rằng: Kinh hãi, ý gấp vội, vấp té ngã quỵ, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Viết từ bộ túc thanh quyết chữ hình thanh.

Hoảng hốt ngược lại âm trên quắc quảng Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hoảng hốt là suy nghĩ nhớ nghĩ sâu xa có lợi ích, Hán Thư âm nghĩa cho rằng: Loạn tâm, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh hoan âm hoang là âm hoang.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 41

Đàn-nhị-ky âm ky tiếng Phạm tên người cũng gọi là Đàn-ni-ca.

Duệ vãn ngược lại âm trên di tế hoặc là viết chữ duệ gọi là lấy sức mà lôi kéo, chữ viết từ bộ thủ thanh thế.

Chỉ lập ngược lại âm trì dĩ sách Vận Anh cho rằng: Chỉ là dừng lại không tiến lên phía trước, chữ viết từ bộ chỉ.

Phốc Phật ngược lại âm phổ bốc sách Vận Anh cho rằng: Phốc là đánh gõ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh phốc âm phốc là âm bốc.

Quá đã ngược lại âm xuyết qua sách Vận Anh cho rằng: Quá là đánh bằng roi, chữ viết từ bộ thủ thanh quá âm xuyết ngược lại âm quá

quát từ bộ xuyết.

Cam điện ngược lại âm điền luyện sách Vận Anh cho rằng: Cặn bã dơ bẩn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh điện hoặc là viết chữ triển.

Khôn cầu sa môn ngược lại âm trên khổn côn theo Thanh Loại cho rằng: Cạo bỏ đi mái tóc, Văn Tự Điển nói rằng: Cắt tóc xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ tiêu thanh kỹ âm thích ngược lại âm thích diệc.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 42

Mân-trà ngược lại âm trên Mật-bân tiếng Phạm, tên người hoặc gọi là Văn-trà, tên của giàu có đại phú.

Thực tứ bộ âm trên tợ sách Vận Anh cho rằng: Thực là ăn, kinh văn viết từ bộ đài viết thành chữ di hổ tương với nhau cũng thông dụng.

Nhất quả âm quả hoặc là khứ thanh cũng thông dụng.

Trữ tận ngược lại âm trừ dữ sách Vận Anh cho rằng: Trừ bỏ rót nơi kia vào nơi này. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh dư.

Cưỡng phụ ngược lại âm trên dưỡng ngưỡng gọi là cái chăn và cái đãy bọc trẻ con, sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy lụa trắng bọc đứa trẻ nhỏ mà cõng trên lưng gọi là cưỡng.

Ký hành ngược lại âm cật dĩ sách Khảo Thanh cho rằng: Nhón chân lên mà đi. Hoặc là viết chữ kỳ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chân đi vùn vụt như bay giống như loài thủy điểu đi dưới nước, gọi là kỳ hành chữ viết từ bộ túc thanh kỳ.

Toan-đà-lợi ngược lại âm trên toán đoan tiếng Phạm, tên của vị đại thần ở Tây Vực, cũng gọi là Tôn-đà-lợi.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 43

Tũng nhiên ngược lại âm trên lật dũng tũng là rụt rè sợ sệt dáng vẻ cung kính, hoặc là viết từ bộ tâm viết thành chữ tũng là sợ sệt chữ

viết từ bộ lập.

Bẩm tư ngược lại âm trên bi phâm sách Vận Anh cho rằng: Ban tặng lúa thóc, con dư lại trong kho lẫm, nạp vào trong kho, thọ nhận. Chữ viết từ bộ thị thanh bẫm.

Cao thê ngược lại âm thể hề Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thê thềm bậc thang, sách Thuyết Văn cho rằng: Thang gỗ, chữ viết từ bộ mộc thanh đệ.

Tháp tường ngược lại âm trên đàm hạp kinh văn viết chữ tháp là chẳng phải, ngược lại âm dưới tương dương kinh văn viết từ bộ thổ viết thành chữ tường là sai.

Kiểu thân ngược lại âm nhiêu liễu sách Khảo Thanh cho rằng: Dùng dây bó buộc, hoặc là viết từ bộ câm viết thành chữ kiểu.

Cổ tai ngược lại âm tắc lai sách Vận Anh cho rằng: Mang con cá cổ tai đó là bên mang con cá căng ra, gọi là phùng mang, chữ viết từ bộ ngư thanh tư.

Quyện xoa âm trên quỳ viên sách Khảo Thanh cho rằng: Cuộn tay. Gọi là khoanh tay, ngược lại âm dưới sửu giai gọi là dùng roi đánh người lăn tròn đánh, chữ hình thanh.

Bị ky ngược lại âm ký nghi sách Khảo Thanh cho rằng: Đánh dây lớn để buộc, làm sợi dây lớn buộc vào con ngựa, cũng gọi là dây cương, chữ viết từ bộ võng.

Lực lữ âm lữ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Lữ là xương sống. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh lữ.

Tinh táo âm trên là tinh ngược lại âm dưới tãng đao sách Vận Thuyên cho rằng: Ngửi mùi dơ uế hôi tanh.

Câu-xi-quốc ngược lại âm Đa-khả tiếng Phạm, tên của nước ở Tây Vực.

Mậu chi ngược lại âm mạc hầu gọi là mau bán trao đổi tài vật, chữ viết từ bộ uyển đến bộ bối viết đúng là chữ mậu.

Mâu toàn ngược lại âm trên mưu hầu ngược lại âm dưới thương loạn sách Khảo Thanh cho rằng: Ném cây mâu, Quảng Nhã cho rằng: Cây mâu dài điểu thuộc cây thương, cây giáo, loại binh khí thời xưa, cây qua, cây kích, chữ hình thanh.

Đạt-đâu ngược lại âm Đẩu-hầu tiếng Phạm chuyển đọc sai, tức là Đề-bà-đạt-đa.

Vô nhương ngược lại âm dưới ngương lương Quảng Nhã cho rằng: Nhương là ném vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Làm rượu, ủ rượu, cất rượu gọi là nhương, chữ viết từ bộ dậu thanh nhương.

Phụ liên ngược lại âm dưới liên triển sách Khảo Thanh cho rằng: Liên là vận chuyển. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Gánh trên vai, sách Thuyết Văn cho rằng: Thể chữ đúng từ bộ thủ thanh liên nay kinh văn viết từ bộ xa viết thành chữ liển tức là kiệu, chữ dùng cũng thông dụng.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 44

Sa thượng ngược lại âm sài hà chiếc bè lớn nổi lên trên mặt nước gọi là phù sa xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh sa âm sa là âm xoa.

Dung họa ngược lại âm trên dũng tùng sách Khảo Thanh cho rằng: Cố sức thọ nhận tài vật từ công sức khéo léo, tức là người làm công bằng sức lao động, thọ nhận tiền ban thưởng, ngược lại âm dưới hoa quái họa tức là vẽ.

Thưởng lai âm trên thương hoài ngược lại âm dưới lại đại sách Tập Huấn cho rằng: Thưởng ban tặng, lại là an ũi công lao nhọc, cũng gọi là tặng, chữ viết từ bộ lai thanh bối sách Vận Lược viết chữ lai cũng đồng.

Lô tư âm trên là lô âm dưới là từ sách Vận Anh cho rằng: Loài thủy điểu màu sắc như con quạ, lặn vào nước mò bắt cá mà ăn.

Khiếp lộc ngược lại âm trên khiêm diệp âm dưới là lộc tủ đựng quần áo, sách viết chữ khiếp giống như cái rương mà lại sâu hơn, lại giống như cái hộp dán kín, cái tráp đựng thư từ, là sai, gọi là cái rương nhỏ là khiếp lớn gọi lộc.

Bật thuấn ngược lại âm thủy nhuận sách Thuyết Văn cho rằng: Thuấn là mở mắt ra nhắm lại nhiều lần, hoặc là viết chữ thuấn cũng thông dụng.

Giá nhập ngược lại âm ngôn giá Thiên Thương Hiệt cho rằng: Giá là nghinh tiếp, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ xước thanh ngôn.

Chu ngột âm trên là chu âm dưới là ngột gọi là chặt giết cây còn dư lại rể gốc gọi là chu ngột, đều là chữ hình thanh.

Ngoan ngai ngược lại âm dưới nhai giãi sách Tập Huấn cho rằng: Ngu si không có chỗ để biết, ngu độn.

Thông triết âm trên sang công Khổng An Quốc chú giải sách

Thượng Thư rằng: Thông minh sáng suốt, ngược lại âm dưới nhàn trác văn cổ viết chữ hiệt gọi là trí tuệ.

Cơ nhục âm trên là cơ chữ viết từ bộ nhục thanh cơ kinh văn viết từ bộ nguyệt là chẳng phải.

Tam bính ngược lại âm tất đĩnh chữ viết từ bộ thực thanh tinh kinh văn viết từ bịi mạch viết thành chữ bính là chẳng phải.

Nhất giam âm hàm gọi là cái rương gỗ, tủ gỗ, kinh văn viết chữ hàm là chẳng phải.

Suy thoán âm trên là suy khứ thanh cũng thông dụng, âm dưới song loạn chữ hội ý.

Câu tôn âm tồn sách Thuyết Văn cho rằng: Tôn là ngồi xổm, chữ hình thanh.

Hận hận ngược lại âm lực trượng, trong lòng có lo buồn phiền muộn không thoải mái, hoặc là ương ương bực bội khó chịu không vui.

Tỵ lạo chi âm dưới lão đao sách Phương Ngôn cho rằng: Lạo mò lấy vật.

Tại sào ngược lại âm sài hào gọi là tổ chim, chữ tượng hình từ bộ mộc viết thành chữ sáo là chẳng phải.

Lý thủy hoa ngược lại âm hứa hòa Quảng Nhã cho rằng: Gọi là hiệp sa cũng gọi là phong ba vốn nước Hồ gọi là guốc gỗ, người tù nước Triệu Vũ Linh Vương hay dùng trang phục nước Hồ, tương truyền rằng: Thường hay mang dùng, nay gọi là công phục không vướng vào tám cửa công môn, chẳng phải lẽ, chỉ là đôi ủng da, dài cao cổ.

Nhất ba ngược lại âm phổ mạ gọi là tấm ra lớn trải che giường, che yên ngựa, màn che.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 45

Hào soạn âm trên hiệu giao tục tự dùng thông dụng, đúng viết đơn là chữ hào Cố Dã Vương cho rằng: Con vật hy sinh là lấy thịt, nằm như quả dưa, theo Mao Thi Truyện nói rằng: Đậu thật, sách Khảo Thanh cho rằng: Thịt chín phơi khô sách Lễ Ký nói rằng: Bên trái bầm thịt, bên phải xắc thịt, thái mỏng, chữ hình thanh âm dưới sàn luyến Mã Dung chú giải sách Luận Ngữ rằng: Soạn là bày ra hình thức ăn uống, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bày tiệc, Quảng Nhã cho rằng: Cung

tiến, sách Thuyết Văn cho rằng: Thức ăn đầy đủ, chữ hình thanh, âm truy ngược lại âm truy sự âm sàn ngược lại âm sài nhàn âm luyến ngược lại âm lực quyển âm bổ là âm bộ a là thịt phơi khô.

Tranh linh ngược lại âm trên trạch hành tục tự dùng thông dụng, viết đúng là hàng tranh sách Khảo Thanh cho rằng: Tranh là va chạm vào nhau, sách Vận Thuyên cho rằng: Xúc chạm chữ viết từ bộ thủ đến bộ thương thanh tĩnh.

Hoài mộc hũ ngược lại âm vũ câu sách Khảo Thanh cho rằng: Cái chậu nhỏ bằng gỗ, cái bát lớn không có chân gọi là hũ chữ viết từ bộ mộc thanh vu viết thành chữ vu là sai chẳng phải.

Lộc thỉ ngược lại âm thời nhĩ văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Vĩ hoảng ngược lại âm trên vi quỹ văn trước trong quyển thứ hai mươi ba đã giải thích rồi, kinh văn viết từ bộ quang viết thành chữ là chẳng phải.

Khiển tụy ngược lại âm trên khiêm kiến sách Khảo Thanh cho rằng: Khiển trách, tra hỏi, văn hỏi chuyển đổi, ngược lại âm dưới tuy tụy loài quỷ thần làm hại gây họa, chữ viết từ bộ xuất đến bộ thị chữ hội ý.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 46

Ứ lam ngược lại âm trên ư cứ ngược lại âm dưới lạc cam đây cũng là tiếng Phạm là vua A-tu-la, chỗ ăn thưởng thức mùi vị, hoặc là Tô-đà-thiên-cam-lộ, hình trạng khó gọi tên.

Hám hỹ kiến thành âm trên hàm cam tay dao động khiến cho chấn động, kinh sợ giựt mình.

Điểu sào ngược lại âm sài giao kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ sào là chẳng phải.

Ai uyển ngược lại âm dưới ư viên Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Uyển là uyển chuyển, mềm mỏng, sách Khảo Thanh cho rằng: Mềm diệu, hòa thuận, dáng vẻ đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh uyển âm uyển đồng với âm trên.

Xí hổn ngược lại âm hồn muộn hổn cũng là xí tức là dơ bẩn.

Trân lâm ngược lại âm trên sĩ trân sách Khảo Thanh cho rằng:

Cây cỏ mọc dày đặc, um tùm, sum suê, chữ viết từ bộ mộc thanh trân.

Phụ chi ngược lại âm phò vụ theo Mao Thi Truyện cho rằng: Phụ giống như bám dính, sách Thuyết Văn cho rằng: An ổn, chữ viết từ bộ phụ thanh phó kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ phủ là chẳng phải.

Minh hận âm minh tên của loài quỷ.

Ảm-hắc ngược lại âm điểu cảm tiếng Phạm, tên của loài ma quỷ.

Khánh khái ngược lại âm trên khinh cảnh văn trước trong quyển thứ hai mươi hai đã giải thích đầy đủ rồi.

Ế-bất-đắc-nạp ngược lại âm trên yên kiết theo Mao Thi Truyện cho rằng: Lo buồn uất ức. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Ăn cơm mắc nghẹn, chữ viết từ bộ khẩu thanh ế.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 47

Khẩm khướt âm dưới là khứ sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Dẫn hơi mà căng miệng ra gọi là khiếm khướt xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khiếm thanh khứ kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khứ là chẳng phải.

Xuyết điểu ngược lại âm trên quá quát Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Xuyết điểu là chim lớn như chim nhạn, giống như con gà trống, gà mái, chân chuột, không có ngón sau đuôi vểnh lên, tính hay ngây ngô bay từng đàn, xuất ra từ phương bắc sa mạc cũng là chữ hình thanh.

Buộn trịch ngược lại âm bồn muồn gọi là bụi trần, dơ bẩn.

Khướt tháp ngược lại âm đàm hạp kinh văn viết từ bộ hấp viết thành chữ tháp là sai chẳng phải.

Sái loát ngược lại âm tây lễ hoặc là viết chữ tẩy cũng thông dụng, sách Vận Anh cho rằng: Tắm gội, ngược lại âm dưới thuyên quát sách Khảo Thanh cho rằng: Dơ bẩn, Quách Phác cho rằng: Quét dọn chà rửa, sách Thuyết Văn cho rằng: Lau chùi, chữ viết từ bộ trựu tức là tay cầm nắm đến bộ cân trong bộ thi âm dưới chữ hội ý hoặc là từ bộ đao viết thành chữ loát.

Lư hiệu ngược lại âm dưới hào giáo văn trước trong quyển thứ hai

mươi bảy đã giải thích rồi, từ bộ giao viết thành chữ hiệu cũng thông dụng.

Phao địa ngược lại âm trên bao mau văn trước trong quyển thứ hai mươi bảy đã giải thích rồi, nay kinh văn viết chữ phẩu là chẳng phải.

Môn quấc ngược lại âm dưới tự quán Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Quấc là cửa hẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: Cửa nhẫn lo lắng, chữ viết từ bộ môn thanh hoặc.

Lạc lượt ngược lại âm dưới cường lượng văn trước trong quyển thứ mười một đã giải thích rồi, kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ cương tục tự dùng chẳng phải.

Huỳnh quý ngược lại âm trên quý dinh sách Nhĩ Nhã cho rằng: Huỳnh là cô đơn, lẽ loi, cô độc một mình, chữ viết từ bộ nhân đến bộ dinh thanh tĩnh ngược lại âm dưới quý quí.

U u âm u theo Mao Thi Truyện nói rằng: Con hươu được cỏ kêu u u gọi ban cùng ăn, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tiếng nai kêu, chữ viết từ bộ khẩu thanh ấu.

Tam thủy thát ngược lại âm nan đát con rái cá trong nước bắt cá, lấy đem cúng tế Thiên Nguyệt, nay ngày Mạng Xuân cúng tế cá tức đây là do nơi con thú này.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 48

Già-miễn ngược lại âm Na-đâu tiếng Phạm, tên của Long Vương.

Ngu ngai ngược lại âm nhai hải gọi là ngu si, không có chỗ để biết, chữ thượng thanh.

Hoàng thủy ngược lại âm hoạch quang gọi là ao nước dơ, chỗ nước không chảy, âm hoạch ngược lại âm điểu quách âm hải ngược lại âm hạnh ngai.

Nghị nhữ ngược lại âm nghi ký Quách Phác chú giải sách chu Lễ rằng: Nghị là hình phạt xẻo mũi, sách Thuyết Văn cho rằng: Cắt bỏ cái mũi, ngược lại âm ngữ liệt.

Kỳ sắc âm trên là dĩ âm dưới là sắc loài côn trùng trong áo cắn người, giống như chấy, rận.

Thổ tảo âm tảo.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 49

Khái kha ngược lại âm trên khảm hạp ngược lại âm dưới thố hà tiếng Phạm, tên chủ địa ngục, kinh văn có viết từ bộ sơn viết thành chữ khái cũng đồng âm đây.

Thiết sách âm dưới là sách cũng là tên của ngục tốt, tức người canh ngục, hoặc là đơn viết chữ sách.

Huyền hống âm trên là huyên âm dưới ha cẩu tên địa ngục, tiếng kêu thống khổ.

Liên thạch âm liên cũng là tên chủ cỏi ngục tốt, tức là tiếng Phạm.

Mâu kích âm trên mạc hậu ngược lại âm dưới kinh nghịch đều loại cây thương kích, giáo dài, binh trượng.

Tranh tội nhân âm trên quá canh lấy cây đinh đóng cọc bốn góc kéo vãn ra khiến cho lần lần căn ra, chữ hình thanh.

Thằng phanh âm trên là thặng âm dưới bách manh Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Như người thợ mộc chấm mực sợi dây, gọi là phanh sách Thuyết Văn cho rằng: Phanh là khẩy đàn, chữ viết từ bộ thủ thanh tinh.

Đoạn đoan ngược lại âm đoàn loạn đúng thể là chữ đoạn sách Thuyết Văn cho rằng: Bẻ vật ra, Thống Tự cho rằng: Đập đánh vào vật chữ viết từ bộ thù đến bộ đoan thanh tĩnh.

Hấp yên ngược lại âm huất cấp gọi là uống hơi vào sách Thuyết Văn cho rằng: Co mũi lại hít hơi vào, chữ viết từ bộ khảm thanh hấp âm hấp đồng với âm trên.

Ai hoán ngược lại âm trên hách giới tiếng hò hét nổi lên, tiếng giận dữ mà kêu, kinh văn viết từ bộ khẩu đến bộ giới viết thành chữ giới tục tự hoặc là viết từ bộ vạn viết thành chữ sái âm cảm ngược lại âm hách lam âm kiếu ngược lại âm kiết yếu âm sái ngược lại âm lặc giới.

Thiết giam ngược lại âm dưới hàm ảm chữ thượng thanh, sách Khảo Thanh cho rằng: Là tử sắt lớn xiềng xích tội nhân, bỏ vào trong tủ mà nhốt trị tội, kinh văn viết từ bộ kim viết thành chữ giám là chẳng phải.

Thiết sản ngược lại âm trên xác sản tức là cái vá gạt ngang vật cho bằng, Quảng Nhã cho rằng: Thanh tre gạt ngang cái hộc, cũng gọi là dụng cụ bằng gỗ, sách Bát Nhã cho rằng: Cây tăm nhọn gim vào miếng thịt nướng trên lửa, trong kinh cũng có viết chữ xuyến tục tự cho rằng: Cũng là chữ hình thanh.

Ỷ chích ngược lại âm trên y ỷ là giống như dựa vào chỗ đứng một bên gọi là ỷ.

Tương quắc ngược lại âm khương bích gọi là dùng tay cài bới moi trong ổ ra đoạt lấy, âm sào ngược lại âm trải giao âm hoạch ngược lại âm hoằng hoạch âm khương ngược lại âm cương.

Luyến hạt ngược lại âm luyến chuyển sách Khảo Thanh cho rằng: Thái thịt mỏng, Cố Dã Vương cho rằng: Xắc thịt thành miếng nhỏ gọi là luyến sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục thanh luyến âm luyến ngược lại âm lực duyên.

Trùng sáp ngược lại âm trục dung sách Khảo Thanh cho rằng: Con cá đớp mồi nơi nước cạn vào miệng, có mùi vị ngon, sách Thuyết Văn cho rằng: Sáp là ngậm trong miệng, chữ viết từ bộ khẩu thanh sáp cũng viết chữ sáp.

Đồng phủ ngược lại âm phò vũ gọi là nồi đồng lớn thổi cơm, kinh văn viết từ bộ phục viết thành chữ phục tục tự dùng cũng thông, chẳng phải chữ chánh thể.

Phùng bột ngược lại âm trên bổ mông ngược lại âm dưới bồn một Quảng Nhã cho rằng: Bột bột là hương thơm theo hơi khói bay nghe ngào ngạt, chữ chuyển chú, cũng là hỏi ý.

Lai niết ngược lại âm trích giai chữ chánh thể, Quảng Nhã cho rằng: Cắn miếng lớn, chó cắn mà đánh kéo nó ra gọi là lai kinh văn viết từ bộ tề viết thành chữ tề là chẳng phải, ngược lại âm dưới nghiên kiết.

Đồi yểm ngược lại âm trên đô hồi sách Khảo Thanh cho rằng: Đồi rơi xuống, ném xuống đất, kinh văn viết chữ truy là sai, ngược lại âm dưới ảm hạp hoặc là viết từ bộ thổ hoặc là từ bộ mộc hoặc là từ bộ thạch viết thành chữ điền yểm chữ viết từ bộ thổ.

Hữu đan ngược lại âm dưới đán nan Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Dụng cụ làm bằng tre, Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cái hộp làm bằng tre, cuộn lại tròn giống như cái hộp, cái sọt tre, chữ viết từ bộ trúc thanh đan.

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG
QUYỂN 50

Thiết mang ngược lại âm dưới mạc bàng Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Mang đó là con rắn rất lớn gọi là mang con rắn có thể muốt cả con voi, tính ra nó dài hơn trăm trước, rắn thiết mang này tùy theo chỗ địa ngục trong tâm con người nhận biết mà hóa hiện như rắn mãng xà, kỳ thật tất là rổng không, người thọ tội tự thấy ngoài người đó ra là không thấy.

Thiết chủy ngược lại âm tùy túy gọi là mỏ dài, loài côn trùng này mỏ nhọn như kim, như cái dùi, dùi xuyên xương người tội mà ăn tủy, hút chất tủy trong xương thọ nhận rất là thống khổ nơi nghiệp. Đây là nghiệp tự nhiên khiến cho phải tự nhận lấy, kinh văn viết chữ chủy là chẳng phải.

Hồ giao âm trên hồ âm dưới là giao theo chữ hồ giao đó nấu da vỏ cây mà làm keo, làm hồ, giống như lấy bột mì nấu làm hồ dùng, tức là giống như là giao tức keo, cũng gọi là ly giao theo truyện cho rằng: Dùng vỏ cây làm keo dán dính, có thể bắt chim thú, âm ly ngược lại âm sĩ tri, chữ viết từ bộ thử thanh ly.

Khiển khất ngược lại âm trên tiệp yển ngược lại âm dưới cân ngật nói ra không trơn, không suông, không lanh lợi, bị bệnh phong.

Loát thân ngược lại âm loan quát sách Vận Thuyên cho rằng: Dùng tay gở lấy vật, chữ viết từ bộ thủ thanh loát âm loát đồng với âm trên.

Sào tội ngược lại âm trên tranh giao Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lấy ngón tay mà cào gãi, vì ác nghiệp cho nên mười móng tay bén như dao, theo chỗ mà cào, rất bén, cắt ra, cắt thịt ra, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh sào sào tức là chỗ ngứa.

Thiết trân ngược lại âm chấp lâm sách Khảo Thanh cho rằng: Trâm là thuộc về cái thớt, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cái thớt bằng sắt, Văn Tự Điển nói chặt đốn cây, chữ viết từ bộ mộc thanh thậm hoặc là viết chữ trâm tục dùng cũng thông dụng.

Hối trùng âm trên là hồi sách Khảo Thanh cho rằng: Trong bụng của người có loại trùng sâu đục, hoặc là viết chữ vưu tức là bệnh bướu, nói trong bụng hóa sanh ra loài trùng dài năm sáu tấc.

Thư trùng ngược lại âm thanh dư sách Thuyết Văn cho rằng: Con ruồi nó là mũ trong thịt, tức là cái trứng của con ruồi.

Khưu xúc ngược lại âm dưới tinh dục Quảng Nhã cho rằng: Gấp

vội, thúc bách, cận kề một bên, nên vấp té, sách Nghi Lễ cho rằng: Bức xúc, chữ viết từ bộ túc thanh thích.

Phiêu thư âm trên thất diêu âm dưới thất dư bệnh ung thư sưng thủng, loại ngắn từng lóng xương.

Kỵ môn phần cuối của kinh tự âm là ky tất cả các chữ trong sách đều không có chữ này, bởi vậy người dịch kinh viết sai nhầm.

Tháp đăng âm trên là tháp âm dưới là đăng Tây Vực dệt trong lông làm thảm có màu sắc sặc sở, cũng gọi là chiếu thảm lông.

Nghiệt ngữ ngược lại âm nghê kế Quảng Nhã cho rằng: Nghiệt là trong lúc ngủ mà nói mê, theo Thanh Loại cho rằng: Không tĩnh biết cuồng nói vọng nói, sách Thuyết Văn cho rằng: Theo mắt nhắm mà nói, chữ viết từ bộ nghiệt đến bộ mị thanh tĩnh âm nghiệt ngược lại âm nghiêng kiết.

Thiết dực âm dưới là dực sách Nhĩ Nhã giải thích Dực là cây cọc trụ để buộc trâu bò, văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ rồi.

Mông lọng âm trên là mong tên dụng cụ dưới địa ngục khổ, không thể dùng chữ mà giải thích được, đã mất rồi vậy.

Như trách ngược lại âm tranh thảo gọi là đè ép chật hẹp, văn trước đã giải thích rồi.

Diệm chư ngược lại âm trên tường diêm sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy nước tưới lên chỗ nóng nhiệt khiến cho lông thoát khỏi rơi rụng, kinh văn viết từ bộ hỏa đến bộ tầm viết thành chữ diêm tục tự dùng chẳng phải.

Như trách ngược lại âm trương cách trước đã giải thích rồi.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 80

- Âm Đại Đường Nội Điển Lục mười quyển.
- Độc Nội Điển Lục một quyển.
- Khai Nguyên Thích Giáo Lục hai mươi quyển.

(822) Bên phải là ba tập lục ba mươi mốt quyển đồng âm với quyển này.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC

Huệ Lâm âm.

QUYỂN 1

Nan tư ngược lại âm tư tỷ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tư là đoán lượng, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Suy nghĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Suy nghĩ không xứng ý, chữ viết từ bộ ngôn thanh tư.

Xa tiệm ngược lại âm tiềm diêm chữ thượng thanh, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tiệm là lần lần nhập nào, sách Khảo Thanh cho rằng: Ngâm vào nước chịu nhận, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Từ từ ẩm ướt, Cố Dã Vương cho rằng: Sửa trị hoặc là viết chữ tiêm.

Thiên mậu ngược lại âm dưới mạc hậu theo Mao Thi Truyện nói rằng: Mậu giống như là bán, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trao đổi rộng rải, sách Thuyết Văn cho rằng: Trao đổi tài vật, chữ viết từ bộ bối thanh mậu âm dậu là âm dậu Văn Lục viết chữ mậu tục tự dùng chẳng phải.

Di huấn ngược lại âm trên dĩ chi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Vị là thường Chu Lễ giải thích sách Thuyết Văn rằng: Dụng cụ giống như hình cùng với chữ tước cũng đồng, chữ viết

từ bộ hệ đến bộ cũng tức là hai tay nắm giữ đồ vật thật, tức là gạo, chữ viết từ bộ kệ kệ cũng là thanh, âm hệ ngược lại âm hề kế âm cũng là âm cũng âm kệ ngược lại âm cư lê.

Y thiện âm thiện tức là tạo ra khéo léo, sách Thuyết Văn cho rằng: Bổ thêm vào.

Phiền nã ngược lại âm minh da Tự Thư cho rằng: Nã là lôi kéo dẫn dắt, chạy loạn, dẫn ram, kéo lôi ra, chữ viết từ bộ nô.

Phân bì ngược lại âm phi bỉ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bì giống như là hủy hoại, sách Ngu Thư cho rằng: Mũi tên vừa mới hủy hoại cái mạng, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh dĩ.

Bất lân ngược lại âm lật chấn cũng là chữ hình thanh, Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Lân là chất mỏng bạt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thạch đến bộ lân thanh tĩnh.

Tế âm trên là chữ tế sách Thuyết Văn cho rằng: Loại cỏ có thể ăn được, chữ viết từ bộ thảo thanh tế ngược lại âm dưới tập dâm người Trào Hán gọi là xuất ra ở tầng trời thứ năm ban đầu cầu pháp.

Bị sưu âm trên chữ chánh thể là chữ bị văn cổ đơn viết là chữ bị sách Vân Anh cho rằng: Bị là chuẩn bị đầy đủ, ngăn phòng cẩn thận. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân thanh bị ngược lại âm dưới là sưu sầu Văn Tự Điển nói: Sưu là mong cầu được bình thành tựu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh sưu sưu chữ chính thể là sưu.

Tập nhi biện chi ngược lại âm trên xâm nhập Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tập giống như nối tiếp, nối theo, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Theo ánh sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Đánh sợi, se sợi, chữ viết từ bộ mịch thanh tập âm tập đồng với âm trên, ngược lại âm dưới tất miên Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Biện Tức là so sánh, liên kết lại với nhau, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Dệt, sách Thuyết Văn nói: Sắp xếp có thứ tự gọn gàng, chữ viết từ bộ mịch thanh biên âm biên ngược lại âm biên miến.

Bột bổn kinh ngược lại âm trên bồn một chữ bột chánh thể.

Tích cẩu ngược lại âm trên kinh lệ tên của kinh, tức con chó điên Văn Lục viết lịch cẩu hoặc là viết chế cẩu đều là một nghĩa.

Chú khủ ngược lại âm khu tự có cây răng bị sâu ăn.

Vu uế âm trên là vô âm dưới là uy vệ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Vu uế đó là cỏ mọc hoang phế, Ngọc Thiên Tự viết từ bộ thảo viết thành chữ uế Thiên Thương Hiệt cho rằng: Không sạch, Văn Lục viết từ bộ hòa viết thành chữ uế nghĩa cũng đồng.

Huỳnh trừng ngược lại âm trên quỳnh quýnh Trịnh Huyền chú

giải sách Chu Lễ rằng: Huỳnh là lóng trong suốt không chảy, sách Khảo Thanh cho rằng: Nước không chảy, sách Thuyết Văn cho rằng: Dòng nước nhỏ, hoặc là đôn, viết chữ huỳnh huỳnh là ánh sáng, bộ ngọc ở trong, tức là viên ngọc sáng óng ánh.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC
QUYỂN 2

Phân tiêu ngược lại âm dưới biểu miêu theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chiếc xe nhẹ nhỏ dành co vua đi, nay gọi là xe ngựa, chữ viết từ bộ kim thanh tiêu âm tiêu ngược lại âm bạc giao hoặc là từ bộ giác viết thành chữ tiêu cũng viết chữ tiêu nghĩa đều đồng.

Các khái ngược lại âm dưới khoa mạ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khóa giống như vượt qua, cởi lên lưng ngựa, Cố Dã Vương cho rằng: Khóa gọi là nhấc chân cao lên, sách Thuyết Văn nói: Khóa là vượt qua chữ viết từ bộ túc thanh khoa âm khoa là âm khoa Văn Lục viết chữ khoa là sai chẳng phải.

Cương trường ngược lại âm trên cư lương Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cương là biên giới Cốc Lương Truyện cho rằng: Cương giống như chỗ biên giới ngăn cấm, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vùng biên giới giáp với nước khác, Quách Phác chú giải rằng: Cương là khoảng đất trống ở ngoài biên thùy, sách Thuyết Văn cho rằng: Biên giới, chữ viết từ hai bộ điền đến bộ tam tức vòng giáp cảnh giới nơi biên ải, chữ tượng hình cũng là chữ hội ý, ngược lại âm dưới trừ lương sách Chu Lễ cho rằng: Trường là người nắm trong tay một nước, vườn hoa trồng các loại, Mao Thi Truyện cho rằng: Xuân hạ là phố tức là vườn thu đông là trường tức khoảng đất trống, Trịnh Tiển chú giải rằng: Trường phố đều đồng là đất các thứ thực vật mọc lên, trồng rau, hoa sen, khi hết mùa là bải đất trống, sách Quốc Ngữ cho rằng: Đều là trồng cây cổ thụ, chỗ ngôi vị thứ tự tập vợt, Giả Quỳ chú giải rằng: Ở trong, Quách Phác cho rằng: Hài cao ở ngoài hoang dã gọi là trường sách Thuyết Văn nói: Thửa ruộng được sửa sang, trồng lương thực, ngũ cốc, chữ viết từ bộ thổ thanh trường.

Tháo chi ngược lại âm thương táo tên người. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh táo trong Văn Lục viết từ bộ sâm viết thành từ tháo là sai chẳng phải, âm táo ngược lại âm tảng đáo.

Đạo diên ngược lại âm sĩ liên tên của vị tăng.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC
QUYỂN 3

Đệ miến âm trên là đệ âm dưới là miến Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đệ giống như cố liếc nhìn, sách Khảo Thanh cho rằng: Đệ cũng là hé mắt nhìn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mục thanh đệ sách Phương Ngôn cho rằng: Miến cũng là đệ sách Thuyết Văn cho rằng: Mắt nhìn nghiêng he hé ra, chữ viết từ bộ mục thanh miến.

Vĩ như ngược lại âm trên vi quỹ Mao Thi Truyện cho rằng: Vĩ là màu sắc cháy đỏ rực, sách Thuyết Văn cho rằng: Sáng rực rở, chữ viết từ bộ hỏa thanh vĩ.

Tạm kim lăng ngược lại âm trên tạc hàm Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tạm là cái đục, sách Khảo Thanh cho rằng: Khắc chạm, chạm trổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây đục nhỏ, chữ viết từ bộ kim thanh trảm.

Mạt lăng ngược lại âm trên ma cát tức là đất Dương Châu, cũng gọi là Kim Lăng.

Tạc chi ngược lại âm trên uế lạc Quảng Nhã cho rằng: Tạc là đục xuyên qua, sách Thuyết Văn cho rằng: Đục xuyên qua cây, chữ viết từ bộ kim thanh tạc âm tạc đồng với âm trên, từ bộ cửu đến bộ thù thanh nghiệp chữ hộ ý, âm nghiệp ngược lại âm hạc học âm cửu là âm cựu âm thù là âm thù.

Tiêm nhi ngược lại âm tiếp diêm theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tiêm là giết sạch.

Cổ hồ âm trên là dã chữ cổ hồ đó là tên ngụy kinh.

Xích chủy ngược lại âm dưới trúy tủy sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ chánh thể từ bộ thử viết thành chữ chủy trong Văn Lục viết chữ chủy là chẳng phải, cũng là tên nguy kinh.

Miết di hầu ngược lại âm trên tất diệt trong Văn Lục viết từ bộ ngư viết thành chữ miệt tục tự dùng cũng thông dụng, âm kế là di âm dưới là hầu cũng là tên kinh.

Kế-tân ngược lại âm trên kinh lệ tiếng Phạm, xưa dịch sai lược không đúng, đúng phạm âm là Yết-thấp-nhĩ-la bắc Thiên Trúc.

Khang hỷ âm trên là khang theo Thanh Loại cho rằng: Chữ viết từ bộ hòa viết thành chữ khang tức là vô hạt thóc, cám, ngược lại âm dưới ty nhị Cố Dã Vương cho rằng: Chữ tỷ cũng là từ bộ tỷ đên bộ hòa viết thành chữ tỷ không thành hạt thóc, tức lúa lép, sách Thuyết Văn cho rằng: Khang tỷ hai chữ đều từ bộ hòa nay tục dùng viết từ bộ mể

là sai vậy.

Cổ trâm ngược lại âm dưới tập kim sách Nghi Lễ nói rằng: Lấy cây trâm cài lên xiêm áo phân rỏ chức tước, Trịnh Huyền chú giải rằng: Trâm là nối liên kết với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây trâm cài lên trên đầu, xưa viết từ bộ vưu đến bộ nhân chữ tượng hình, nay Văn Lục viết từ bộ trúc viết thành chữ trâm chữ thời nay thường dùng là cùng với bộ vưu chữ tương đối là lung tung, chỗ dùng là chữ trâm này.

Chủ vĩ âm trên là chủ âm dưới là chữ vĩ chánh thể, kinh Sơn Hải nói rằng: Núi Kinh Sơn phần nhiều có loại hưu này, Quách Phác chú giải rằng: Giống như con nai mà lớn hơn, cái đuôi của nó lớn như cây chổi, xưa các người ẩn sĩ cầm cây phất trần, cho rằng phũi bụi giống như loại quạt lông chim điểu.

Diểm đông âm trên là diểm lại âm thường diêm sách Khảo Thanh cho rằng: Diểm là vót nhọn, gọi là tên giữ đất Ngô Việt, chữ viết từ bộ đao thanh diểm.

Đống cán ngược lại âm trên hông cống ngược lại âm dưới vong ngạn như trong nhà mà có cây đòn dông, có vách tường có rui, mè.

Bồ kiện sách An Tiến nói rằng: Bồ kiện đó là họ của người, ngược lại âm đô hề họ bồ đó là trước là tiên tổ của Tần Phủ Kiên vốn họ bồ, sau đó lại sửa đổi lại họ phù xét thấy các vị tiền bối viết thành bộ thảo kế đến bộ phó sửa đổi lại là phủ thị.

Phò liễu ngược lại âm lưu thủ theo sách Quận Quốc Chí thì thường là tên địa danh.

Trác tạc âm trên là trác Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trác giống như là tước lột, sách Thuyết Văn cho rằng: Chặt đốn, chữ viết từ bộ cân đến bộ đấu âm đấu là âm đậu Văn Lục viết chữ lưu là chẳng phải, ngược lại âm dưới tạc.

Đế cấu âm trên là đề Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đế giống như là kết buộc, sách Thuyết Văn cho rằng: Kết buộc không mở, chữ viết từ bộ mịch thanh đế ngược lại âm dưới câu hầu.

Vân bôn ngược lại âm dưới bổn môn sách Khảo Thanh cho rằng: Bôn là bầy trâu chạy, cùng với chữ bôn cùng đồng một nghĩa, chữ viết từ ba bộ ngưu viết thành chữ bôn chữ hội ý.

Diêu hoằng ngược lại âm hoạch hoằng sách Thuyết Văn cho rằng: Hoằng là cái ao sâu rộng lớn. Đời hậu Tần tên của Lý Chủ, âm hoạch ngược lại âm bạng hoạch.

Tăng duệ ngược lại âm duy tuế.

Khế ư ngược lại âm hương lệ theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khế

là nghĩ ngơi, chữ hội ý, hoặc là từ bộ hộ viết thành chữ khế.

Khánh khái ngược lại âm trên khinh dĩnh ngược lại âm dưới là khai ái tên kinh Văn Lục viết chữ khế khái là chẳng phải.

Tăng ngược lại âm dưới lương ước sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khế là sắc bén, sách Khảo Thanh cho rằng: Đá mài dao, thời Diêu Tần tên của vị cao tăng, dùng cùng với chữ lược cũng đồng.

Tháo bút ngược lại âm trên thảo đao sách Thuyết Văn cho rằng: Tháo là cầm nắm giữ lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh táo âm táo ngược lại âm tao đáo Văn Lục viết từ bộ sâm viết thành chữ tháo là chẳng phải, âm sâm ngược lại âm sam giãm.

Cần cù ngược lại âm cụ câu chữ viết từ bộ lực.

Sấn thí ngược lại âm trên sơ cân sấn giống như là thân cận gần nắm giữ tài vật thí cho gọi là sấn thí, chữ viết từ bộ nhân thanh thân vốn không có chữ này, người kinh tùy ý viết, hoặc là từ bộ khẩu Văn Lục viết từ bộ bối chưa biết rõ chữ này, nay lại theo chữ viết từ bộ nhân.

Siểm tử ngược lại âm khổ nhiễm.

Bạt đà ngược lại âm trên bàn mạt tên kinh.

Thư cự ngược lại âm trên tinh dư phía bắc nước Địch có Tả Đại Thư Cự làm quan là thị bắc lương mong Tôn Tổ.

Thắng man ngược lại âm trên thức chứng ngược lại âm dưới mạn ban tên kinh, cũng là tên người.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC
QUYỂN 4

(823) Hữu đáng ngược lại âm đang lãng sách Khảo Thanh cho rằng: Đáng là thích đáng, trong lời nói lý lẽ thích đáng, hoặc là từ bộ đảng viết thành chữ đáng Cố Dã Vương cho rằng: Đáng là nói thẳng, lý đương nhiên là như vậy, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh đang.

Chu khải ngược lại âm nghi kỹ tên người.

Vương mong ngược lại âm mạt đông tên người.

Vương tất ngược lại âm dân tất sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tất là yên tĩnh, tên người.

Sài hổ âm trên là sài âm dưới là hô cổ theo Mao Thi Truyện nói rằng: Ném bỏ đồ ty tiện sài hổ, sách Nguyệt Lịnh nói rằng: Đến mùa

thu là loài thú cúng tế cho chó sói, sách Thuyết Văn cho rằng: Sài là thuộc chó sói, chữ viết từ bộ thái viết thành chữ sài thanh sài Văn Lục viết từ bộ phó viết thành chữ phụ là chẳng phải.

Chỉ viển ngược lại âm chi lý tên chùa.

Bệ-ma-tú ngược lại âm trên bệ mể tiếng Phạm.

A-thấu-đạt ngược lại âm tô mục.

Đôn hoàng ngược lại âm trên tuẩn hồn ngược lại âm dưới hồ quang tên của quận tức là quận Sa Châu.

Phân-hòa âm dưới là hòa tiếng Phạm.

Ma-di ngược lại âm trên mạc hà Văn Lục viết từ bộ nữ viết thành chữ ma là chẳng phải, tiếng Phạm, không cầu chữ nghĩa.

Thê-nô ngược lại âm dưới là nô sách Khảo Thanh cho rằng: Nô vật xưng của vợ con, văn cổ viết từ bộ nhân viết thành chữ nô xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ tử thanh nô Văn Lục viết từ bộ cân viết thành chữ nô là chẳng phải.

Uyển mật ngược lại âm trên miễn viễn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Uyển là đẹp, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Uyển chuyển, mềm mỏng, sách Thuyết Văn cho rằng: Hòa thuận chữ viết từ bộ nữ thanh uyển ngược lại âm dưới là mân bút.

Lâm nghi ngược lại âm ngư ky theo chữ lâm nghi tức là biển Đông Hải Nghi Châu, quận Lâm Nghi, Văn Lục giải thích rằng: Nước Tề cua Cao Đế Túc hướng về bá tánh thành đạo, chỗ xuất ra địa danh, sách Thuyết Văn cho rằng: Nghi là tên sông, nước chảy ra từ phía đông núi Thái Sơn, nhập vào phía nam biển lớn, chữ viết từ bộ thủy thanh cân.

Quảng sưu mao ngạn ngược lại âm trên sắc trâu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sưu là thâu gom, theo Thanh Loại cho rằng: Sưu là giữ lấy, sách Khảo Thanh cho rằng: Nắm giữ sợi dây lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh sưu âm sưu ngược lại âm tô cẩu văn dưới cho rằng: Sưu là thu thập, chọn lấy v.v... đều đồng, Văn Lục viết chữ sưu tục dùng thông dụng, âm kế là mao theo Mao Thi Truyện cho rằng: Mao giống như tuấn tú xinh đẹp, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Kẻ sĩ tuấn tú, trong Mao Thi Truyện nói: Hào mao, trong có sợi lông nhỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ tiêu thanh mao âm tuấn là âm tuấn âm tiêu là âm phiêu.

Du hiệt ngược lại âm hiền kiết điều là chỗ dựa vào trong tên họ.

Lưu cầu trên là chữ lưu sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ uyển đến bộ lưu ngược lại âm dưới kỳ do nước Tề ở Hình Châu, tên người ẩn sĩ.

Chi lân ngược lại âm dưới lật chấn tên là Lương Thái Thường Hiệu Chi Lân.

Tổ nể ngược lại âm trên thô cổ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tổ đó người đầu tiên sáng lập ra, Cố Dã Vương cho rằng: Người cha đầu tiên làm tổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Tổ ban đầu của Tông Miếu, chữ viết từ bộ thị thanh thư ngược lại âm dưới nê lễ tục tự dùng thông dụng, viết đúng là từ bộ nhĩ viết thành chữ nể Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Nể cũng là tổ phụ của Tông Miếu, xưa nay Chánhh Tự viết từ bộ thị thanh nhĩ.

Loa lũ ngược lại âm trên lỗ qua sách Thuyết Văn cho rằng: Loa là nhìn một cách thứ tự tốt đẹp. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ bối thanh loạn âm loạn là âm loạn, văn cổ viết chữ loạn từ bộ hưu, Lý Tư viết từ bộ thốn viết thành chữ loạn đều đồng, ngược lại âm dưới luân chủ.

Phụ đồng ngược lại âm dục tung.

Thiết lậu ngược lại âm trên thiên kiết Tự Thư cho rằng: Đúng là chữ thiết sách Thuyết Văn cho rằng: Loại đồng đen chữ viết từ bộ kim thanh thiết âm thiết ngược lại âm điền kiết ngược lại âm dưới lâu hậu sách Thuyết Văn cho rằng: Lâu là loại thiết cứng có thể khắc chạm trổ, chữ viết từ bộ kim thanh lũ.

Sửu chỉ ngược lại âm chi nhĩ Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Chữ viết từ bộ thạch viết thành chữ thỉ gọi là đá mài dao, Văn Lục có viết chữ để cũng đồng.

Đế tụ ngược lại âm đinh lịch.

Mặc thù ngược lại âm trên hổ bắc Văm Lục có viết từ bộ ngôn là chẳng phải ngược lại âm dưới thọ châu Văn Lục có viết chữ thù là chẳng phải.

Đề khế ngược lại âm dưới khiên kiết Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Khế giống như kéo nâng lên cao, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm kéo treo lên cao, chữ viết từ bộ thủ thanh khế âm khế ngược lại âm khang bát.

Nghiêng hạch ngược lại âm trên nghê liên ngược lại âm dưới hoành cách sách Thuyết Văn cho rằng: Hạch giống như khảo xét, tra xét sự thật, Hán thư cho rằng: Xem xét thẩm xét sự thật, sự vụ đúng chuẩn, xưa gọi là pháp luật, sách Thanh Loại cho rằng: Che giấu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ á thanh kích âm á ngược lại âm nha giả âm kích ngược lại âm kinh lịch.

Đinh chánh ngược lại âm trên thích kính sách Thuyết Văn cho

rằng: Đính là bình luận, khảo xét, chữ viết từ bộ ngôn thanh đinh.

Bính nhiên ngược lại âm binh mảnh Quảng Nhã cho rằng: Bính là sáng rực rỡ, sách Chu dịch cho rằng: Văn chương của đại nhân biến thành rực rỡ như ngọn lửa sáng sủa, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh bính hoặc là viết chữ bính.

Tùy bách ngược lại âm bành mạch.

Đảng địch ngược lại âm trên đường đảng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đảng là nói nước đột nhiên có, địch là tẩy trừ, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đảng giống như loài diêu động, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh đảng âm đảng ngược lại âm tha lãng.

Thế tứ ngược lại âm trên thiên lễ ngược lại âm dưới tư tứ theo Mao Thi Truyện cho rằng: Từ nơi con mắt chảy ra gọi là thế tức là nước mắt, nước dãi trong miệng chảy ra gọi là tứ Cố Dã Vương cho rằng: Tứ tức là nước mũi, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ thế tư đều từ bộ thủy đều cùng thanh đệ tứ.

Bàng đà ngược lại âm trên phổ man ngược lại âm dưới đường hà Quảng Nhã cho rằng: Bàng là nước chảy xối xả, sách Thuyết Văn cho rằng: Bàng đà hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh bàng đà.

Hoàng tịch ngược lại âm trên hoãn quan Cố Dã Vương cho rằng: Hoàng là giống như cây bồ mà tròn, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hoàn là loại cỏ cói, có thể dùng làm chiếu, chữ viết từ bộ thảo thanh hoàn âm thảo là âm thảo.

Vu nhược ngược lại âm trên vu cú xưa nay Chánh Tự cho rằng: Vu là loại rau lá lớn, thật có rể bò chằng chịt, người ta cho rằng: Vu tức là khoai môn, chữ viết từ bộ thảo thanh vu ngược lại âm dưới là nhương chước cũng loại rau có rể bò nhiều tức là dây khoai.

Dực kiện ngược lại âm dưới yết ngôn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Kiện là chỗ cất giấu cung tên, tức là bao đựng cung tên đeo trên ngựa, chữ viết từ bộ cánh thanh kiên.

Tiết phê ngược lại âm trên trắc sắc ngược lại âm dưới tần mật gọi là tiếp cận tương liên, liên quan với nhau.

Yểm vân ngược lại âm yểm liểm theo Mao Thi Truyện nói rằng: Yểm gọi là mây che bóng râm, Quảng Nhã cho rằng: Bóng mát râm che trùm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh hấp Quảng Thương cho rằng: Bộ vũ viết thành chữ yểm Ngọc Thiên viết từ bộ cũng viết thành chữ hấp nghĩa đều đồng, Văn Lục viết từ bộ thủy viết thành chữ yểm tục dùng cũng đồng.

Phái nhập ngược lại âm trên tỵ mãi Quảng Nhã cho rằng: Nước xuất ra chảy rẻ ngã khác gọi là phái sách Thuyết Văn cho rằng: Phái là nước chảy rẻ ngã khác, chữ viết từ bộ thủy đến bộ phái âm phái từ bộ phản đến bộ vĩnh âm phái nghĩa cũng đồng.

Nhu kim ngược lại âm trên như châu Bì Thương cho rằng: Nhu là mềm mại thấm ướt, chữ viết từ bộ kim thanh nhu Văn Lục viết từ bộ mể viết thành chữ nhu tức là cỏm lôn xộn, chẳng phải bổn nghĩa đây dùng.

Tháo liễu chi ngược lại âm trên thảo đao theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tháo giống như nắm giữ lấy quyền nắm quyền, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tháo nắm giữ lấy, Quảng Nhã cho rằng: Cầm giữ trong tay, xưa nay Chánhh Tự viết từ bộ thủ thanh táo âm kế lưu dậu Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ liễu tên dòng sông, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh á Văn Lục viết chữ liễu tục tự dùng thông dụng.

Bát oản ngược lại âm trên bán mạt Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ bát Phục Kiền Thông Tục Văn cho rằng: Bát là ứng khí của tăng sĩ, Văn Lục viết chữ bát tục tự dùng cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới oãn khoản sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Tống Sở gọi là kết hợp lại làm cái bát nhỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mảnh thanh oản âm uyển là âm uyển.

Hưu tồ ngược lại âm tồ thô sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tồ là chết, qua đời, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạt thanh thư âm ngạc là âm căng.

Trác quỹ ngược lại âm quy ủy sách Hoài Nam Tử nói rằng: Tô Tần lấy một trăm mưu kế, để tạo thành niềm tin, Quảng Nhã cho rằng: Quỹ là tùy theo cái xấu ác, sách Thuyết Văn cho rằng: Dối trá quở trách, chữ viết từ bộ ngôn thanh nguy.

Đô nghiệp ngược lại âm nghiêm kiếp sách Hán Thư cho rằng: Nước Ngụy có quận là huyện Nghiệp, sách Sử Ký cho rằng: Tây Môn Báo là nghiệp lịnh. Theo chữ nghiệp đô đó tức là Ngụy Vũ Đế, chỗ đóng đô, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh nghiệp.

Vạn-sĩ-thị âm vạn là âm mặc âm dưới là sĩ là âm kỳ theo sách Chu Thư cho rằng: Là họ tiên kỳ, vạn sĩ là thiên tráng thiện, tiếng Phạm do người dịch kinh viết.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC
QUYỂN 5

Cánh bá ngược lại âm trên cách hành Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cánh giống như thay thế, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trao đổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Sửa đổi, lại gọi thanh dưới ba mạ sách Văn Tự Điển nói rằng: Bá giống như nắm giữ, theo Tả Truyện nói rằng: Người lập ra công ban đầu là bá gọi là bức hiếp chư hầu, nắm giữ chính sự, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nguyệt pthanh bá âm bá, ngược lại âm bồ mạc âm hiếp ngược lại âm mai kiếp.

Ngụy dục ngược lại âm dưới dung túc Tự Thư cho rằng: Viết đúng từ bộ dục viết thành chữ dục giống như là bán, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ chúc thanh dục âm chúc là âm lịch, âm dục là âm dục.

Quý bân ngược lại âm dưới bút mân tên người.

Tăng mạnh âm mảnh tên của vị cao tăng, chữ viết từ bộ lực đến thanh mạnh.

Trí thiên ngược lại âm tát tiên Quảng Nhã cho rằng: Thiên là biến hóa, Thích Danh cho rằng: Già mà không chết gọi là thiên sách Thuyết Văn cho rằng: Người trường sanh, sống lâu, chữ viết từ bộ nhân thanh thiên âm thiên là âm thiên viết đúng tiện tiên.

Tư triệt ngược lại âm dưới triền liệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Triệt là dấu vết của bánh xe lăn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xa đến bộ triệt thanh tĩnh Văn Lục viết từ bộ túc viết thành chữ triệt là chẳng phải.

Thiết chiêm bạt ngược lại âm trên thiên niết kinh Sơn Hải nói rằng: Núi Khôi Sơn phần nhiều có loại thiết này, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng đen chữ viết từ bộ kim thanh thiết âm thiết ngược lại âm điền kiết âm kế liểm nghiêm Thiên Thương Hiệt ghi: Chiêm tức là cây kẹp giiữ lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây nhiếp xe bằng sắt, chữ viết từ bộ kim thanh chiêm Văn Lục viết từ bộ cam viết thành chữ kiềm tức là gông cùm xiềng xích chẳng phải bổn nghĩa kinh, âm nhiếp ngược lại âm niêm triếp âm kiềm ngược lại âm cự nghiêm ngược lại âm dưới bạch bát sách Thuyết Văn cho rằng: Bạt giống như là nắm kéo lên, chữ viết từ bộ thủ thanh bạt âm bạt ngược lại âm bồ mạt.

Pháp cù ngược lại âm dưới cu cú tên của vị tăng, Tự Thư Khảo Thanh đều viết chữ cù theo Thanh Loại cho rằng: Chiếu thảm lông.

Lung văn ngược lại âm trên lộc đông theo Tả Truyện cho rằng:

Tai không nghe được năm âm thanh hòa nhau gọi là lung Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lung là câm không nói được, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lung là không nghe được, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ thanh long.

Cổ thị ngược lại âm trên cô ngỗ Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Con mắt không thể phân biệt được tốt xấu là cổ Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cổ tức là mù, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh cổ.

Tích hành ngược lại âm tinh dịch sách Lễ Ký cho rằng: Câm, điếc, què chân, Cố Dã Vương cho rằng: Tích gọi là chân nghiêng một bên khô teo lại không thể đi được. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh tích âm bã ngược lại âm ba ma.

Phỉ cục ngược lại âm dưới cù lục theo Mao Thi Truyện nói rằng: Cục giống như cong lại, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cục gọi là bộ phận, phân chia ra bộ phận, chữ khứ thanh, sách (824) Đại Đái Lễ nói rằng: Chư hầu lấy cái bộ phận phân chia ra thành bộ cục nói chính là chia ngôi vị, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phân cục, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu trong bộ xích dưới lại là chữ cú lại truyện giải thích là con cờ, đi nước cờ, chữ tượng hình âm cú ngược lại âm cổ hầu.

Uất trĩ âm trên ôn huất Trịnh Tiển chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Uất là không thư thã thoải mái, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Uất là hơi xuất ra, sách Thuyết Văn giải thích: Uất là cây trong rừng mọc sầm uất, um tùm, chữ viết từ bộ cửu bộ mịch bộ phữu tóm lược, chữ uất nói nghĩa rộng là trăm cây cỏ, hao mọc um tùm từ phương xa. Uất uất là buồn rầu ủ ê, ngược lại âm dưới trì nhĩ Cố Dã Vương cho rằng: Trì giống như do dự không muốn tiến đến phía trước, sách Thuyết Văn cho rằng: Trù trừ, dùng dằng, chữ viết từ bộ chỉ thanh tự âm trừ ngược lại âm trữ chư.

Trí huyễn ngược lại âm huyền quyến tên của vị tăng.

Khế chương tân ngược lại âm trên khước lệ theo Mao Thi Truyện nói rằng: Khế giống như là nghĩ ngơi, âm kế là chước dương sách Hán Thư giải thích: Chương là tên của sông ở Trung Quốc, xuẩ phát từ quận Bình Hòa tỉnh Phúc Kiến, ngược lại âm dưới tất dân Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Tân là bến nước.

Kiền dược ngược lại âm trên kiền yển sách Chu Lễ nói rằng: Quan giữ cửa đã klhóa chốt cài then, Trịnh Huyền chú giải rằng: Kiện giống như sức mạnh, sách Phương Ngôn nói rằng: Từ cửa ải mà đến cửa đông gọi then chốt kà kiện từ cửa ải mà đến cửa tây gọi then chốt khóa

là dược sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh kiện ngược lại âm dưới là dương chước Ngọc Thiên cho rằng: Chữ viết từ bộ kim viết thành chữ dược dược tức là kiện Tự Thư cho rằng: Lại cũng từ bộ môn viết thành chữ dược cũng giống như then chốt, sách Thuyết Văn nói: Cắm vào cánh dưới có sức mạng giữ cửa, chữ viết từ bộ môn thanh dược cũng với chữ dược nghĩa cũng đồng, Văn Lục viết chữ dược là chẳng phải, âm trang là âm mẩu âm dược là đồngvới âm trên.

Nhân sơn ngược lại âm ế trần sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nhân giống như rơi xuống chìm đắm, sạc Khảo Thanh cho rằng: Chìm cũng là tên của một ngôi chùa, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh nhân âm nhân là âm nhân.

Giang dự ngược lại âm trên giác cang sách Thuyết Văn cho rằng: Đỗ hoành khuông nâng cửa lên, sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng là nâng lên, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh công ngược lại âm dưới dư lự sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng viết chữ dữ dữ cũng là chiếc xe, chữ viết từ bộ xa thanh dữ Văn Lục viết chữ dự tục tự dùng cũng thông dụng, âm dữ là âm dự.

Hoằng bác ngược lại âm trên ô hoằng Quảng Nhã cho rằng: Hoằng là sâu, sách Thuyết Văn cho rằng: Hoằng là nước sâu dưới đáy rộng lớn, chữ viết từ bộ thủy thanh hoằng âm dưới bổ mạc Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Bác giống như là rộng, sách Khảo Thanh cho rằng: Là dày, sách Thuyết Văn cho rằng: Rộng lớn thông suốt, chữ viết từ bộ thập thanh phu là âm bổ.

Văn sủy ngược lại âm dưới sơ ủy Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Sủy là đoán, sách Thuyết Văn cho rằng: Đo lường, chữ viết từ bộ thủ thanh đoan chữ hôi ý.

Thải chích ngược lại âm dưới chinh đích sách Phương Ngôn cho rằng: Chích giống như giữ lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhặt, hái, chữ viết từ bộ thủ thanh thứ sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng từ bộ thạch viết thành chữ chích nghĩa đều đồng.

Ky mị ngược lại âm trên kỹ nghi Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ky là dây vàm buộc vào mõm ngựa, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Sợi dây da buộc đầu con ngựa gọi là ky sách Thuyết Văn viết từ bộ cách đến bộ mạ tóm lược bộ mạ từ bộ võng cũng có viết từ bộ tù là chẳng phải ngược lại âm dưới mị bi Quảng Nhã cho rằng: Mị giống như buộc lại, sách Sử Ký nói rằng: Ky mị là khiến cho bện đan xen vào nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh ma.

Bân kỳ ngược lại âm trên bút mân Trịnh Huyền chú giải Thi Phổ

Truyện rằng: Bân là tên nước thời cổ đại như nước Nhung Địch ngày xưa, nay là địa danh, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Bân là thuộc công lưu chỗ được phong cho đất ấp, chữ viết từ bộ sơn thanh bân âm bân đồng với âm trên, Tự Thư cho rằng: Bân từ hai bộ thỉ tức là hai con lợn cùng sống chung với nhau.

Binh tiến ngược lại âm tiền tiển Tả Truyện cho rằng: Tiến là chỗ nước Nhung Địch ở, Đỗ Dự chú giải rằng: Tiến giống như vừa mới, lại cũng gọi là rậm rạp, um tùm, chữ viết từ bộ thảo thanh tồn.

Hiểm duẫn ngược lại âm trên khâm nghiễm ngược lại âm dưới là duật duẫn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hiển duẫn là bộ tộc ở phương bấc Địch của Trung Quốc, Trịnh Tiển chú giải rằng: Nay gọi là Hung Nô, Hán Thư cho rằng: Thuộc vùng ven của nước Đương Ngô, đã có một đảng dục bộ tộc Hiểm Duẫn ở vùng biên giới, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hiểm duẫn hai chữ đều từ bộ khuyển thanh nghiêm duẫn Tự Thư, Khảo Thanh hoặc là viết chữ hiểm ngược lại âm liêm chiêm chẳng phải bổn chữ nên không dùng.

Minh đằng ngược lại âm trên theo Mao Thi Truyện cho rằng: Loài châu chấu hay ăn nhụy bông lúa gọi là minh sách Thuyết Văn cho rằng: Lại gọi là loài sâu ăn lá ngũ cốc, chữ viết từ bộ trùng thanh minh ngược lại âm dưới đằng lặc sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loài sâu nhỏ ăn lá gọi là đằng Mao Thi Truyện giải thích: Minh đằng tức là loài sâu có nhả tơ ra bọc lấy lá, những lá còn non, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh đặc âm đặc ngược lại âm tha lặc Văn Lục viết chữ đằng cùng với sách Nguyệt Lịnh cũng đồng, theo Tự Thư cho rằng: Âm đằng là âm đằng sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đằng tức con rắn, thuộc loại rồng chẳng phải nghĩa chữ minh đằng.

Nhật cán ngược lại âm dưới can ngạn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cán giống như ngày đã muộn rồi cũng gọi là chiều tối, sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ nhật thanh cán sách Khảo Thanh cho rằng: Từ chữ cán viết thành chữ cán âm cùng đồng với âm trên.

Huyền oản ngược lại âm miển viển tên của vị tăng.

Huyền vẫn ngược lại âm vu phân tên của vị Sa-môn, sách Thuyết Văn cho rằng: Vẫn là mưu tính, Quách Phác chú giải rằng: Mưu tính, bàn luận, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh quân.

Tế phạm diệp ngược lại âm trên tế hề Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tế là đem tặng tài vật của cải nơi đạo, cũng có chỗ gọi là cống hiến, Quảng Nhã cho rằng: Biếu tặng, sách Thuyết Văn cho rằng:

Giữ lấy di vật chữ viết từ bộ bối thanh tề Văn Lục viết chữ tề tục tự dùng cũng thông dụng.

Túc cảnh ngược lại âm dưới quỹ vĩnh.

Huệ trách ngược lại âm dưới tranh trách tên của vị Sa-môn.

Bì vấn ngược lại âm trên thí di Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bì giống như nhầm lẫn, sai lầm, gọi là tấm lụa trắng mỏng thưa, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh bì ngược lại âm dưới văn phấn Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Vấn giống như là rối loạn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh văn.

San hủy ngược lại âm sở gian Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: San là hủy báng chê bai, ngược lại âm dưới huy quỹ viết đúng thể là chữ hủy.

Tông hạt ngược lại âm dưới nhàn kiết Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ khiên tức là mấu chốt đầu trục xe, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ suyễn hai bên tương đối, đến bộ oa tóm lược, Cố Dã Vương cho rằng: Khiên tức là lôi kéo trục xe, cũng từ bộ kim viết thành chữ hạt cũng thông dụng.

Lăng lịch ngược lại âm dưới linh đích Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lịch đó là bánh xe lần lần lăn qua, sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: Lịch đó là đè nén áp bức các chư hầu, sách Thuyết Văn cho rằng: Lịch gọi là chỗ chiếc xe cán qua lăn qua, xe nghiền, chữ viết từ bộ xa thanh lạc.

Khinh võng ngược lại âm vũ ngạo.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC
QUYỂN 6

Thuyên đệ ngược lại âm trên thất huyên sách Chu Dịch Hệ Từ Trang Tử đều nói rằng: Thuyên đó là chỗ gọi là được cá quên mơm, Cố Dã Vương cho rằng: Thuyên tức là cái lờ bắt cá, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh thuyên âm cẩu là âm cẩu âm dưới đệ hệ sách Trang Tử Chu Dịch đều nói rằng: Đề là chỗ nói được thỏ quên móng chân, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ túc thanh sĩ âm sĩ là âm trĩ Văn Lục viết từ bộ đế viết thành chữ đề tục dùng cũng thông dụng.

Cảnh khái ngược lại âm trên canh hạnh sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cảnh giống như là thẳng thắn, Quảng Nhã cho rằng: Cảnh là sơ lược,

xưa nay Chánhh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh cánh ngược lại âm dưới hài ái sách Ban Cố Đông Đô Phú giải thích rằng: Thô sơ, mới mẻ nói cảnh khái, tức là sơ lược, đại khái, Tát Tông chú giải rằng: Không kín đáo, khít khao, chữ viết từ bộ mộc thanh khái.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC
QUYỂN 7

Biển ải ngược lại âm trên tiên ô Quảng Nhã cho rằng: Biên giống như chập hẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y thanh biên âm biên là âm biến ngược lại âm dưới ất giới theo Mao Thi Truyện cho rằng: Vùng biên ải đấy Ngụy chật hẹp, người dân nước này hay dời đến nơi chỗ thuận lợi, Quách Phác chú giải sách Lễ Ký rằng:Vùng biên ải thô lậu, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh ải dưới từ bộ hạng đến bộ cấu âm hạng là âm hạng âm cấu là âm cổ chữ ải là chữ cổ.

Khanh nhiên ngược lại âm khách canh.

Buộn thân ngược lại âm bồn muộn sách Giai Uyển Chu Tòng, Tự Lâm Tự Thống đều cho rằng: Buộn là bụi trần, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thổ thanh phân.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC
QUYỂN 8

Phục trục ngược lại âm trên trần túc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Phục giống như ràng buộc, bó quấn quanh lại, sách Khảo Thanh cho rằng: Gói lại Văn Tự Điển cái khăn gói sách, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh thất ngược lại âm dưới sung lục sách Phương Ngôn cho rằng: Trục giống như con thoi, cái trục để quay, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa đến bộ trụ thanh tĩnh.

Thiêm bàng ngược lại âm trên tiếp diêm sách Thuyết Văn cho rằng: Thiêm là người có kinh nghiệm, sách Khảo Thanh cho rằng: Thiêm thẻ tre nhỏ để ghi chú, xưa đó đề ghi chép thẻ tre lấy từ việc gọi là xin xăm, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh tiêm âm tiêm là tiến ngược lại âm dưới bác man theo chữ thiêm bàng đó là ghi các đề kinh

sách, đề mục phân biệt, điêu suốt thông, nêu lên ghi chép, nghĩa của bộ sách kinh.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC QUYỂN 9

Xã bát ngược lại âm phiền vạt.

Đào dụ ngược lại âm trên đồ lao ngược lại âm dưới do thủ Hà Hán chú giải sách Luận Ngữ rằng: Dụ giống như dẫn dắt để tiến tới, Phu Tử nói khéo leo tuần tự dẫn dắt người ta một cách khéo léo, lấy điều thiện mà dạy bảo khuyên người đi vào con đường chánh, Tự Lâm cho rằng: Dụ giống như khen ngợi tốt đẹp, cũng gọi là dụ, sách Thuyết Văn cho rằng: Dẫn dắt, chỉ đường, chữ viết từ bộ ngôn thanh dụ hoặc là từ bộ thuần viết thành chữ thuẫn cũng viết chữ khâm âm nghĩa đều đồng, cũng viết chữ sưu ngược lại âm tiên cửu.

ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC QUYỂN 10

Vĩ vĩ ngược lại âm vi phỉ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Vĩ vĩ là gắng sức, Lưu Hoàn chú giải sách Chu Dịch rằng: Nhỏ bé, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thư đến bộ văn mà viết thành chữ vĩ chữ hội ý, âm dăng là âm mẫn.

Dục manh ngược lại âm trên dung chúc Ngọc Thiên viết chữ dục Quách Phác chú giải sách Nhĩ Số rằng: Dục giống như nuôi dưỡng, theo Mao Thi Truyện nói rằng: Đứa trẻ còn non nớt, sách Thuyết Văn cho rằng: Dục là nuôi dưỡng khiến cho từ từ theo điều tốt lành, chữ viết từ bộ dục thanh mỗi âm dục ngược lại âm đà hốt ngược lại âm dưới mạch bành.

Pháp tế ngược lại âm tiết tế chữ tế cổ, Văn Lục viết chữ tế tương truyền là sai.

Lưu cầu trên là chữ lưu âm dưới kỳ u tiếng binh khí va chạm, binh bộ khua, gọi là lưu cầu.

Tăng côn ngược lại âm dưới cốt hồn tên của vị tăng, Khổng An

Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Côn là viên ngọc đẹp.

Sa nhu ngược lại âm dưới ngưng chu sách Khảo Thanh cho rằng: Nhu tức là xoa dịu, an ủi, theo Văn Lục cho rằng: Xoa vuốt ve vàng ngọc, tức là nắm vuốt, âm noa ngược lại âm nội hồi âm can ngược lại âm can hãn.

Quái ngộ ngược lại âm trên oa họa Hán Thư cho rằng: Xá thư có chỗ sai lầm đều phải xã bỏ, trừ bỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh quái âm dưới là ngộ.

Hổ tôn âm tồn sách Thuyết Văn cho rằng: Tôn tức là ngồi xổm, chữ viết từ bộ túc thanh tôn.

Đạo cảnh ngược lại âm dưới quỹ vĩnh tên người, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cảnh là lửa cháy sáng rực, sách Thuyết Văn cho rằng: Mở cửa sổ ánh sáng tràn vào, chữ tượng hình.

Thuyên chi ngược lại âm tử duyên sách Phương Ngôn cho rằng: Thuyên giống như chạm khác, mài ngọc, Quảng Nhã cho rằng: Thuyên cũng là đục đẻo chạm, sách Thuyết Văn cho rằng: Phá cây, bào cây, chữ viết từ bộ kim thanh thuyên âm thuyên ngược lại toàn nhuyễn.

Nãi âu ngược lại âm dưới âu khẩu sách Thuyết Văn cho rằng: Âu dùng chày đánh, chữ viết từ bộ chi (825) thanh khu âm khu là âm khưu.

****

TỤC ĐẠI ĐƯỜNG NỘI ĐIỂN LỤC

Huệ Lâm soạn.

Bộ phục ngược lại âm dưới trần túc văn trước Nội Điển Lục trong quyển thứ tám đã giải thích rồi.

Thuyên đề ngược lại âm trên thư duyên ngược lại âm dưới đê hề sách chu Dịch cho rằng: Thuyên là cái nơm bắt lấy cá, đệ là cái bẩy bắt được thỏ, văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Viện ký ngược lại âm dưới kỳ ý sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ký là đến kịp, Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Cùng một lúc, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đến sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thư thanh ký Văn Lục viết chữ kỵ là sai chẳng phải.

Kiêu thuần ngược lại âm trên hiểu nhiên ngược lại âm dưới thùy luân.

Phiền nã ngược lại âm dưới nữ trư sách Hoài Nam Tử cho rằng:

Quyết tâm nắm giữ sửa trị phiền não, Hứa Thúc Trọng giải thích rằng: Nã là loạn, sách Sở Từ cho rằng: Cành lá phiền não nhiểu loạn ngang dọc, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh như.

Uẩn kỳ ngược lại âm trên uân vẫn Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Uẩn là chứa nhóm, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tụ lại rong rêu, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tích tụ nhiều thứ lộn xộn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo đến thanh uẩn âm uẩn đồng với âm trên, âm tịch ngược lại âm tình dạ.

Vấn sức ngược lại âm trên văn phân Quảng Nhã cho rằng: Văn giống như lau chùi, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh văn Văn Lục viết chữ nhuận là sai.

Bột bổn ngược lại âm trên bồn một tên kinh, văn cổ viết chữ bột.

Đâu-sa ngược lại âm đấu hầu tên kinh tiếng Phạm.

****

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 1

Biện chuế ngược lại âm trên biện miên Quảng Nhã cho rằng: Biện giống như tràn đầy, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối thanh biện Văn Lục viết từ bộ mã viết thành chữ biện tức là hai con ngựa sánh đôi để đóng vào xe, nghĩa quái lạ không lấy, ngược lại âm dưới duyết bối sách Hoài Nam tử cho rằng: chuế là đó là bán con cho người để làm nô tỳ, Cố Dã Vương cho rằng: Cầm cố làm vợ, làm rể ở nhà người gọi là chuế sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ bối đến bộ ao chữ hội ý.

Tinh cai âm trên đúng là chữ tinh ngược lại âm dưới cải hài Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cai là bao gồm chuẩn bị đầy đủ, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Đều phải nên như vậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Ước hẹn, phóng chừng đại khái, chữ viết từ bộ ngôn thanh khái.

Biên tải ngược lại âm trên tất miên Cố Dã Vương cho rằng: Biên giống như xếp hàng, sách Trang Tử cho rằng: Biển là so sánh liên tục nối kết, sách Thuyết Văn cho rằng: Sắp xếp theo thứ tự, chữ viết từ bộ mịch thanh biên âm biên là âm thiên.

Lũ-ca-sấm ngược lại âm dưới sở cấm tiếng Phạm, tên của vị Sa-

môn.

Sử siêm ngược lại âm dưới siểm kiểm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Siêm giống như là dòm ngó, hầu hạ, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhìn trộm trong khe cửa, sách Khảo Thanh cho rằng: Nhìn xem dò xét hầu hạ, chăm sóc, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kiến thanh chiêm âm kiểm ngược lại âm liêm liểm.

Tiếp chủng ngược lại âm dưới chung lũng sách Lễ Ký cho rằng: Gót chân nhón lên cao kéo tới phía trước mà đi, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chủng là giống như nhón chân mà đi, theo Thanh Loại cho rằng: Gót chân, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ túc thanh chung âm cân là âm căn âm chỉ là âm chỉ.

Tượng dịch ngược lại âm dưới doanh chích tên kinh.

Để khương ngược lại âm trên để nể Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Để là tên nước Di Địch, sách Thuyết Văn viết từ bộ thị cũng là một vùng đất nơi xa xôi, hoặc là viết chữ để Văn Lục viết chữ hổ ngược lại âm dưới khước hương Quảng Nhã cho rằng: Khương là sức mạnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Khương là người ở bộ tộc Tây Nhung, chữ viết từ bộ dương thanh nhân Văn Lục viết chữ khương tục tự dùng cũng thông dụng.

Khảo mô ngược lại âm trên khách hải Quảng Nhã cho rằng: Khải là pháp tắc sách Thuyết Văn cho rằng: Khải tức là mô chữ viết từ bộ mộc thanh giai Văn Lục viết từ bộ thủ là sai, ngược lại âm dưới lục bổ Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Mô cũng là pháp tắc mô phạm. Quảng Nhã cho rằng: Hình luật, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc đến thanh mạc Văn Lục viết từ bộ thủ là sai.

Âm mạch ngược lại âm trên chấp nhân sách Thuyết Văn cho rằng: Trâm là kim nhọn đâm thẳng vào, chữ viết từ bộ kim thanh hàm Tự Thư cho rằng: Cũng là trâm gọi là cây kim may áo, lại cũng viết chữ châm đều thông dụng, ngược lại âm dưới manh bách Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Mạch lý, sách Thuyết Văn cho rằng: Mạch máu, gọi là đường kinh mạch phân rẻ trong cơ thể chảy đi các tỉnh mạch, chữ viết từ bộ phái thanh huyết âm phái ngược lại âm phách mại Văn Lục viết từ bộ trĩ viết thành chữ mạch là sai, tục viết chữ mạch thông dụng.

Trụy hận ngược lại âm trên truy toại theo Mao Thi Truyện cho rằng: Dùng sức mạnh chống cự ngăn phòng nhiều kể oán hận, Thống Tự cho rằng: Trụy giống như là oán giận, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Oán hận, chữ viết từ bộ tâm thanh đối âm ngự là âm ngữ.

Thuyên cải âm trên là thuyên Khổng An Quốc chú giải sách Tự

Thư rằng: Thuyên cũng là cải cái tâm sửa đổi, sách Phương Ngôn cho rằng: Từ Quan Đông gọi hối cải chừa lỗi là thuyên sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh toan âm toan ngược lại âm thất tuần.

Cung đình hồ miếu Văn Lục viết từ bộ ấp viết thành chữ cung Tự Thư cho rằng: Đều không có chữ này, viết sai, theo sách Quận Quốc Chí Dự Dương Quận Ký ghi rằng: Có Cung Đình Hồ Hồ Bắc, có miếu thần Địch Lữ Kỳ có thể tùy ý phân ra gió trên dưới, trong miếu thần có cái hồ cùng với lộ sơn, tuy ở xa nhưng cũng tương liên với nhau, theo Văn Lục giải thích trải qua rất xa cũng có hồ này.

Kinh ngạc ngược lại âm dưới ngang các Tự Thư viết chữ ngạc giống như là kinh nghĩa của chữ ngạc sách Thuyết Văn cho rằng: Lời nói ngay thẳng, kiện tụng, ồn ào huyên náo, chữ viết từ bộ huyên thanh nghịch âm huyên là âm huyên âm nghịch là âm nghịch âm hoa là âm hoa.

Trường đoản ngược lại âm dưới đoan toán Quảng Nhã cho rằng: Đoản là thúc bách kề cận, sách Khảo Thanh cho rằng: Đoản là có chỗ dài ngắn, lấy từ mũi tên là chính cho nên chữ viết từ bộ thỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Đoản là ngắn không dài, chữ viết từ bộ thỉ đến bộ đậu Văn Lục viết từ bộ mộc viết thành chữ đậu âm đậu Trụ Văn viết chữ đậu chẳng phải nghĩa.

Dương phàm ngược lại âm dược thường sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Dương là giơ cao hiển bày ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Dương chỗ gọi là bay theo gió, chữ viết từ bộ phong thanh dương âm dương là âm dương.

Thúc hốt ngược lại âm trên thăng lục sách Sở Từ nói rằng: Qua lại vội vàng, vụt đến, vụt đi, sách Khảo Thanh cho rằng: Thúc giống như là anh quang động, sách Thuyết Văn giải: Thúc là con chó chạy, chữ viết từ bộ khuyển đến bộ thúc âm do chữ hội ý, Văn Lục viết từ bộ hắc viết thành chữ thúc sách Thuyết Văn giải thích chữ thúc là màu xanh đen, vải lụa màu xanh đen, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Mang đầu ngược lại âm trên mang bàng sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mang là vua rắn, Quách Phác chú giải rằng: Mang là con rắn rất lớn đó cho nên gọi là vua rắn, chữ viết từ bộ trùng thanh mang mang tức là con rắn thần ở Cung Đình Hồ, âm mang đồng với âm trên.

Thương đối âm trên là thường Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nói không thể báo đáp trả lại, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đền bù đương nhiên phải như vậy, Quảng Nhã cho rằng: Phục hồi, hoàn lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Đạt đến vừa lòng toại ý, chữ viết từ bộ nhân

thanh thường.

Minh tích ngược lại âm dưới tinh Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Tích giống như phân ra, theo Thanh Loại cho rằng: Phanh ra mổ xẻ ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Phá cây chẻ cây ra, chữ viết từ bộ mộc đến bộ cân chữ hôi ý, Văn Lục viết từ bộ can viết thành chữ tích là sai chẳng phải.

Vĩ nhiên ngược lại âm vi phĩ vĩ vĩ giống như gắng sức, văn trước trong Nội Điển quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ rồi.

Bất quyện ngược lại âm dưới quyền quyển theo Thanh Loại cho rằng: Quyện giống như mỏi mệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Lao nhọc làm việc quá sức nên mỏi mệt, chữ viết từ bộ nhân thanh quyển Văn Lục viết từ chữ quyện là sai.

Phệ-cẩu-niết ngược lại âm trên chi thứ ngược lại âm dưới nghiên kiết tên đề mục kinh Văn Lục viết chữ phệ là chẳng phải.

Đát-hào-ni ngược lại âm trên Đan-át âm hòa là âm hòa tên kinh.

Khủ xĩ ngược lại âm trên khu vũ tên bài chú.

Hữu hoa kiệt chữ hoa chưa rõ nghĩa, Tự Thư cho rằng: Đều không có chữ này.

Hạt toàn ngược lại âm trên hàn cát âm dưới tùy duyên tên kinh.

Tăng khải ngược lại âm dưới khai ái tên của vị Sa-môn.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 2

Huất nhiên ngược lại âm trên huân vật Tát Tông chú giải Tây Kinh Phú Truyện rằng: Huất là bổng nhiên, sách Thuyết Văn cho rằng: Bổng nhiên có thổi lửa nổi lên, chữ viết từ bộ khiếm thanh đạm.

A-bạt ngược lại âm bàn mạt tên kinh.

Đồng thí dụ ngược lại âm trên đồ hồng tên kinh.

Cung ải ngược lại âm trên cúc cung theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cung giống như là cùng nghèo cùng, rổng không, sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh cung ngược lại âm dưới ách giới Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ải là vùng đất hiểm trở, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nguy hiển nghiêng vóc, Cố Dã Vương cho rằng: Bức bách chật hẹp trắc trở, sách Thuyết Văn cho rằng: Bị lấp kín, tắc nghẻn, chữ viết từ bộ phụ đến thanh ải đúng là chữ ải.

Hạt niết ngược lại âm trên hứa kiết ngược lại âm dưới tiên diệt tên kinh Văn Lục viết chữ miết tục dùng cũng thông dụng.

Trâm truy ngược lại âm trên chấp kim Thiên Thương Hiệt ghi trâm gọi là cái thớt bằng sắt, theo Khảo Thanh cho rằng: Thuộc cái ghế, Tự Thư cũng từ bộ phộc viết thành chữ trâm cũng là chất sắt thép, ngược lại âm dưới xung truy sách Khảo Thanh cho rằng: Quả chùy, thường có hình trụ dùng sắc hoặc là gỗ, hoặc là đá chế ra dùng để nện đạp, Tự Thư viết từ bộ mộc viết thành chữ chùy cùng với chữ truy nghĩa cũng đồng, theo sách Thái Công Lục Thao cho rằng: Đầu quả trùy vuông, nặng tám cân, cán dài năm thước, Cố Dã Vương cho rằng: Quả trùy đó là dùng để đập lên vật, Văn Lục viết khô trùy tục tự dùng cũng thông dụng.

Ngạo miệt ngược lại âm trên ao cật Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng:Ngạo mạng không cung kính, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngạo mạng không cung kinh, Quảng Nhã cho rằng: khinh mạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Kêu căng, chữ viết từ bộ nhân thanh ao ngược lại âm dưới miên bế âm bế ngược lại âm biên miệt theo Mao Thi Truyện cho rằng: Miệt giống như là khinh, Giả Quỳ chú giải rằng: Miệt là chưa hiểu, sách Thuyết Văn cho rằng: Khinh thường, chữ viết từ bộ tâm thanh miệt.

Đôn hoàng ngược lại âm trên đồ hồn âm dưới là hoàng chữ đôn hoàng xưa tên của quận, Hán thư cho rằng: Vua Vũ Đế nguyên niên phân tiểu tuyền đặt để là quận Đôn Hoàng, nay Sa Châu vậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Đôn Hoàng hai chữ đều từ bộ hỏa cũng đều thanh đôn hoàng.

Vu điền âm dưới là điện vu điền tức là ở Tây Vực, tên của thành, Văn Lục viết từ bộ kim viết thành chữ vu điền là chẳng phải chữ.

Hồ-la ngược lại âm hồ cố tên kinh.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 3

Xích chủy ngược lại âm dưới tinh tủy tên kinh, Văn Lục viết chữ chủy là chẳng phải.

Báng độc ngược lại âm trên bác hoảng Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Báng tức là chê bai, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nói xấu sau lưng sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh bàng

ngược lại âm dưới đồng lộc Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Độc là chê bai, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Vu khống oán hận, đau khổ, Quảng Nhã cho rằng: Xấu ác, sách Thuyết Văn viết từ bộ bích đến bộ độc âm hích là âm hích

Tăng lược ngược lại âm dưới lương chước cùng với chữ lược cũng đồng, tên của vị tăng.

Lụy đát ngược lại âm dưới đát hằng chữ bình thanh, sách Khảo Thanh cho rằng: Đát là sợi dây lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh đát cũng viết chữ đát âm đán nghĩa cũng đồng.

Cực kính ngược lại âm trên cạnh ức hoặc là viết chữ cực theo Hàn Thi Truyện nói rằng: Cực giống như là gấp, cực gấp, vội vàng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cực là tự thúc bách, gấp vội, chữ viết từ bộ vu tóm lược đến bộ đao bộ khẩu giống như là nói cẩn thận, Văn Lục viết chữ cực tục tự dùng chẳng phải ngược lại âm dưới kinh định gọi là con đường lộ, Văn Lục viết chữ kinh là sai.

Uyển khái ngược lại âm trên khang hoán sách Văn Tự Tập Lược nói rằng: Uyển là kinh dị, than thở oán hận, ngược lại âm dưới khai ái Cố Dã Vương cho rằng: Khãng khái là chí không toại nguyện, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm đến bộ khái thanh tĩnh.

Tâm diên ngược lại âm dưới di yên tên kinh.

(826) Đại bách âm bạch trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Ôi tẫn ngược lại âm trên ôi hồi Quảng Nhã cho rằng: Ôi là ấm áp, ngược lại âm dưới từ tấn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lửa trong bồn chậu, chữ tẫn viết đúng là gọi là thiêu đốt lửa cháy không hết củi, chữ viết từ bộ hỏa đến bộ tận thanh tĩnh đều là thiêu đốt con dư lại tro tàn.

Thê đăng ngược lại âm trên thể để ngược lại âm dưới đăng đặng tên kinh, Văn Lục viết từ bộ mộc viết thành chữ đăng là chẳng phải.

Đàm-ma-bệ ngược lại âm dưới tỳ mể tiếng Phạm tên của vị tăng.

Tăng-già-bạt-đăng âm bạt ngược lại âm bàn mạt âm đăng là âm đăng cũng là danh tăng.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 4

Nga tích ngược lại âm tinh diệc Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thịt phơi khô, sách Thuyết Văn viết từ bộ trở đến bộ tàn bộ nhục Mục Hy Chi viết từ bộ mục Trụ Văn viết chữ nhữu cùng với, nay viết chữ tích cũng đồng, cũng là nghĩa thịt phơi khô.

Cúc danh ngược lại âm trên cung dục tên của vị A-la-hán.

Du thạch ngược lại âm trên tú lâu Bì Thương cho rằng: Du thạch giống như kim loại mà chẳng phải kim loại, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim đến bộ thâu thanh tĩnh.

Kình địch ngược lại âm trên thư hình Quảng Nhã cho rằng: Kình là dùng vỏ lực, sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng sức mạnh, chữ viết từ bộ lực thanh kinh Bì Thương cho rằng: Sức lực mạnh mẻ, ngược lại âm dưới đình lịch Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Địch giống như đối đầu, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiếp cận sát với nhau, Tự Thư viết đúng là chữ địch theo Văn Lục viết từ bộ khiếm viết thành chữ thích tục tự dùng thông dụng, âm đích là âm đích.

Diêu trưởng tốt âm trên trường âm dưới tôn duật tên của vua Tần.

Tợ tước ngược lại âm tường dược Tự Thư cho rằng: Tước giống như là nhai, Quảng Nhã cho rằng: Cho ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhai chữ viết từ bộ khẩu thanh tước âm tiều là âm tiếu âm tự là âm từ lữ.

Ẩu táp ngược lại âm trên âu khẩu sách Thuyết Văn cho rằng: Ẩu tức là ói ra, nôn ra, chữ viết từ bộ khiếm đến bộ âu thanh tĩnh, ngược lại âm dưới miển liệt Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Táp là tiếng than, sách Thuyết Văn cho rằng: HIểu ra, chữ viết từ bộ khẩu thanh tuế âm ý ngược lại ách giới.

Trào chi ngược lại âm trách giao Văn Thương Hiệt ghi rằng: Trào giống như cười chế nhạo, Cố Dã Vương cho rằng: Trào là cười cợt làm trò đùa, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu đến bộ chu viết thành chữ điều sách Khảo Thanh cho rằng: Nói cười chế nhạo, Văn Lục viết từ bộ khẩu viết thành chữ trào chữ cũng đồng.

Khánh khái ngược lại âm trên khinh đĩnh âm dưới khai ái văn trước Nội Điển Lục trong quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi, Văn Lục viết từ bộ khẩu viết thành chữ niết khái là chẳng phải.

Di hầu âm trên là chữ di Văn Lục viết từ bộ khuyển viết thành chữ

di tục tự dùng cũng thông dụng, ngược lại âm dưới hầu câu sách Sở Từ giải thích rằng: Di hầu là loài gấy bi, sách Thuyết Văn cho rằng: Di hầu là loài vượn, khỉ truyền cành, chữ hầu từ bộ khuyển thanh hầu âm hùng là âm hùng âm bi là âm bi âm lõi là âm nô đao.

Khương lương ngược lại âm trên khướt lương âm dưới là lương sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khương lương là con bọ hung, con bọ hung thích ve tròn phân, nên gọi con bọ chở phân, Quách Phác chú giải rằng: Loài côn trùng trong đàm, phân dơ bẩn, xưa nay Chánh Tự cũng cho rằng: Loài côn trùng trong đờm phân, chữ viết từ bộ trùng đều là thanh khương lương âm kiết ngược lại âm khí kiết.

Âu chi ngược lại âm trên âu khẩu sách Sử Ký cho rằng: Ngạc nhiên muốn nôn ọe ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Nôn ra, dùng chày gõ gõ, đập đập, chữ viết từ bộ phộc thanh khu âm khu là âm âu sách Khảo Thanh cũng viết từ bộ phộc viết thành chữ âu.

Luyến tích ngược lại âm trên luyến truyện Cố Dã Vương cho rằng: Luyến gọi là thân thể co quắp lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh tay chân co quắp lại, chữ viết từ bộ tật thanh luyến ngược lại âm dưới tinh diệc xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh tích hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ tích.

Triệu túc ngược lại âm trên tung dục túc là lo sợ kính sợ, tên người.

Lục lực ngược lại âm trên long dục Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lục lực là bày ra sức mạnh, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Góp sức, chữ viết từ bộ lực thanh lục âm lục ngược lại âm ấu lực Văn Lục viết chữ lục tục tự dùng thông dụng.

Đạo diên ngược lại âm sĩ liên danh tăng.

Lạc đà ngược lại âm trên thang lạc ngược lại âm dưới đạc hà sách Khảo Thanh cho rằng: Lạc đà gọi tên là hồ súc sách Chu Thư Vương Hội nói: Đúng là ở miền bắc dùng lạc đà làm chuyên chở vận chuyển đồ vật, Cố Dã Vương cho rằng: Có thể vác nặng giỏi đi xa, xưa nay Chánh Tự viết chữ lạc đà đều từ bộ mã đều thanh lạc đà âm lạc là âm thác âm đà là âm đà.

Thiện thiện ngược lại âm thiền triển tên của nước Tây Vực.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 5

Tăng cự ngược lại âm cự ngư danh tăng.

Thúc dịch âm tên tiều âm dưới là diệc tên của Cung Tống Miếu.

Mâu huyện ngược lại âm trên mâu hầu Hán Thư cho rằng: Quận Hội Khê tên huyện Mâu, sách Khảo Thanh viết đúng chữ mâu Văn Lục viết chữ mâu tục tự dùng cũng thông dụng.

Y hy ngược lại âm dưới hỹ ky Quảng Nhã cho rằng: Hy giống như là nhìn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhìn ra xa trông mong, chữ viết từ bộ mục thanh hy theo chữ y hy đó gọi phưởng phất, tức là lờ mờ không rõ ràng, Văn Lục viết chữ y hy là chẳng phải.

Phong giam ngược lại âm dưới giảm hàm Quảng Nhã cho rằng: Giam giống như sợi dây lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Buộc kín cái rương lại, chữ viết từ bộ mịch thanh hàm.

Thành tích ngược lại âm dưới tư tử sách Chu Lễ nói rằng: Ủy thác cho người nắm giữ di vật gọi là tích dựa vào thí cho trí tuệ, Trịnh Huyền chú giải rằng: Trong kho lẫm, người ta tính đủ chín thứ lương thực, số ít gọi là ủy số nhiều gọi là tích sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh trách Tự Thư cho rằng: Chữ giả tá Văn Lục viết chữ tích là sai.

Tùy bách ngược lại âm dưới thủ bạch văn trước Nội Điển Lục đã giải thích rồi.

Hỏa hạm ngược lại âm dưới hàm lam Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Hạm giống như hàng rào, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh lam.

Sạn lộ ngược lại âm trên tra nhãn Quảng Nhã cho rằng: Sạn giống như là cái gát, sách Hán Thư cho rằng: Con Đường đi xuyên núi phải gác cây làm đường để bắt ngang hai sườn núi, sách Thuyết Văn cho rằng: Sạn cũng là hàng rào, chữ viết từ bộ mộc thanh tàn âm tàn là âm tàn.

Lưu sử ngược lại âm dưới sư duẫn Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Sử giống như chạy nhanh, sách Khảo Thanh cho rằng: Con ngựa chạy chanh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh sử.

A-thấu ngược lại âm dưới là tốc tên kinh.

Nại uyển ngược lại âm oán viển địa danh, cũng là tên kinh. Văn Lục viết chữ thiền hoặc là viết chữ phụ đều chẳng phải.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 6

Vương giản ngược lại âm dưới gian nhãn tên của Lương Dự Chương Vương, Tự Thư cho rằng: Giản là tên, sách Thuyết Văn cho rằng: Để phân biệt chữ giản chữ viết từ bộ thúc là bát phân, Văn Lục viết chữ giản là chẳng phải.

Phúng tập ngược lại âm trên phong phụng Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thuộc lòng văn gọi là phúng Quảng Nhã cho rằng: Phúng giống như giảng dạy, Cố Dã Vương cho rằng: Phúng gọi là dùng âm giọng theo tình huống phát ra lấy động là tịnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Tụng đọc lời văn chữ viết từ bộ ngôn thanh phong.

Ngự vũ ngược lại âm dưới vu chủ Mao Thi Truyện cho rằng: Vũ là nơi ở, nhà ở, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nhà lớn, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Vùng biên giới, chữ viết từ bộ miên thanh vũ cũng viết chữ vũ nghĩa cũng đồng.

Thố hoài ngược lại âm thô cố Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thố giống như là đốn ngã, vất bỏ, lại chú giải sách Lễ Ký rằng: Sắp đặt, thi hành, sách Thuyết Văn cho rằng: Đặt để chữ viết từ bộ thủ thanh tích Văn Lục viết từ bộ hán viết thành tích Cố Dã Vương cho rằng: Tích là đá mài dao, chẳng phải đây dùng.

Kiên trước ngược lại âm trên kiến diên Quảng Nhã cho rằng: Kiên là nặn đúc, là đúc đồ gốm, sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Kiên là soi xét rõ ràng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Kiên là nặn đúc đồ gốm, chữ viết từ bộ ngõa thanh chân âm chân là âm nhân.

Đồi yên ngược lại âm trên sung lôi Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đồi giống như đọa lạc, theo Mao Thi Truyện giải thích rằng: Là bệnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồi là dáng điệu trọc, hói đầu không có tóc, chữ viết từ bộ ngốc thanh hội Văn Lục viết chữ đồi tục dùng thông dụng.

Thuyên chi ngược lại âm trên tuyệt duyên sach Phương Ngôn cho rằng: Thuyên giống như mài ngọc Quảng Nhã cho rằng: Thuyên tức là đục đẻo, chạm khắc, sách Thuyết Văn cho rằng: Là đá mài ngọc chạm khắc, mạ vàng, chữ viết từ bộ kim thanh thuyên âm trác là âm trác âm thuyên ngược lại âm từ duyên.

Khám biệt ngược lại âm trên kham Quảng Nhã cho rằng: Khám tức là nhiều tràn đầy, Văn Tự Điển nói rằng: Chỗ thờ Phật, chữ viết từ bộ kim đến bộ long chữ hội ý, Văn Lục viết từ bộ hợp viết thành chữ

khám tục tự dùng thông dụng.

Trất tỷ ngược lại âm trên trân sắc âm dưới tần tất theo chữ trất tỷ đó là giống như cây lược chải tóc có răng sát, khít với nhau, văn trước Nội Điển Lục đã giải thích đầy đủ rồi.

Yểm vân ngược lại âm trên yểm nghiểm theo Mao Thi Truyện nói rằng: Mây che bóng râm mát, sách Thuyết Văn cho rằng: Mây mưa, chữ viết từ bộ thủy đến bộ hấp Quảng Nhã viết chữ yểm Văn Lục viết chữ yểm là sai, văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Cảo bổn ngược lại âm trên cao lão sách Sử Ký cho rằng: Cảo là bản sách viết thảo, bản thảo, soạn thảo, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo viết thành chữ cảo nghĩa cũng đồng.

Quán tẩy ngược lại âm trên quan uyển Cố Dã Vương cho rằng: Phàm là tẩy rửa vật đều gọi là quán sách Thuyết Văn cho rằng: Quán là rửa tay, chữ viết từ bộ cửu đến bộ thủy đến bộ mảnh.

Tăng phảng ngược lại âm dưới phương võng danh tăng.

Tù quốc ngược lại âm tụ do Tây Vực tên của nước.

Triền náo ngược lại âm trên triệt liên Quách Phác chí giải sách Chu Lễ rằng: Triền là chỗ cư trú của thành ấp, sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiểm bộ lý đến bộ bát bộ thổ âm nghiểm là âm nghiểm ngược lại âm dưới nô giáo Tự Thư cho rằng: Chỗ khiến cho nhiều người khuấy nhiểu, sách Khảo Thanh cho rằng: Chỗ nhiều người ồn ào, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Không yên tĩnh, chữ viết từ bộ nhân đến bộ náo chữ hội ý, Văn Lục viết chữ náo tục dùng chẳng phải.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 7

Trùng hạch ngược lại âm trên trọng long ngược lại âm dưới hành cách Hán Thư cho rằng: Tra xét, thẩm xét sự việc, tìm ra sự thật cho đúng chuẩn, xưa gọi luật pháp, sách Thuyết Văn cho rằng: Khảo sát sự thật gọi là kiểm tra từ cho chính sát, cũng giống khảo nghiệm, chữ viết từ bộ á đến bộ kích thanh tĩnh âm á ngược lại âm hách á từ bộ á tục tự dùng thông dụng.

Dung dã âm trên là dung Hán Thư cho rằng: Là đúc kim loại chỗ đập nện, âm nghĩa Hán Thư cho rằng: Dã chỗ gọi là đúc tiền, mô phỏng bắc chước, ngược lại âm dưới da giả sách Khảo Công Ký giải thích

rằng:Chỗ người thợ luyện kim, sách Thuyết Văn cho rằng: Lò đúc làm cho kim loại tiêu chảy ra, chữ viết từ bộ băng đến bộ đài thanh đài âm băng là âm băng âm đài là âm canh.

Tháp thủy ngược lại âm trên tham hạp theo Thanh Loại cho rằng: Tháp là bay không cao, sách Thuyết Văn viết từ bộ viết âm viết là âm quyên.

Thử tỏa ngược lại âm trên thê lễ Mao Thi Truyện cho rằng: Thữ là viên ngọc tươi sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Màu sắc mới đẹp, chữ viết từ bộ ngọc thanh thữ ngược lại âm dưới tô quả theo Mao Thi Truyện nói rằng: Tỏa là vụn vặt nhỏ bé, Quảng Nhã cho rằng: Tỏa là liên kết móc xích với nhau, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh tỏa âm tỏa là âm tỏa cũng đồng nghĩa âm trên.

Nhẫn cấm ngược lại âm trên sắc ẩm sách Tự Thống, Khảo Thanh đều giải thích rằng: Cấm là giá lạnh, Văn Tự Điển nói: Cấm là lạnh run, chữ viết từ bộ băng thanh cấm âm băng ngược lại âm bút bằng Văn Lục viết chữ cấm là chẳng phải.

Như ế ngược lại âm dưới yên kiết sách Phương Ngôn cho rằng: Ế là nghẹn hơi thở, sách Thuyết Văn nói: Ăn cơm mắc nghẹn (827) cổ họng, không xuống, lại gọi là ăn cơm mắc nghẹn, chữ viết từ bộ khẩu thanh ế.

Hoàng pháp cù ngược lại âm dưới cụ câu tên người.

Kiền trùy âm trên là càng ngược lại âm dưới trụy truy theo chữ kiền trùy đó là đặt để bảng mộc gỗ đánh lên nhóm chúng trai đường ăn cơm.

Ni tư ngược lại âm trên minh kiết tên nước Tây Vực.

Tri huyền ngược lại âm dưới huyền huyễn danh tăng.

Ngạn tông ngược lại âm dưới thư tông danh tăng.

Điêu quẫn ngược lại âm dưới quân vẫn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Quẫn giống như khốn cùng, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Quẫn là bức bách, sách Thuyết Văn cho rằng: Quẫn cấp bách quá mức, chữ viết từ bộ huyệt thanh quân.

Khôi kỳ ngược lại âm trên hội hồi Mao Thi Truyện cho rằng: Viên ngọc bích loại đá xấu, Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Hạt trai, ngọc trai, Bì Thương cho rằng: Viên ngọc đẹp lớn kỳ lạ, trân quý tốt đẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng lấy viên ngọc trân quý to lớn quý này là cũng ở trong người, nay viết từ bộ ngọc thanh quỹ Văn Lục viết từ bộ y viết thành chữ khôi đó là văn chữ cổ, Tự Thư lại viết chữ khôi ngược lại âm dưới cự cơ viết đúng là từ bộ đại viết thành chữ kỳ Văn Lục viết

chữ kỳ tục tự dùng thông dụng.

Tăng côn ngược lại âm dưới cốt hồn.

Ky mị ngược lại âm trên kỹ nghi ngược lại âm dưới mỹ bi theo chữ ky mị đó là sợi dây buộc hàm con ngựa, mị là bện sợi dây liên tiếp với nhau.

Âu mân ngược lại âm trên âu hầu Quách Phác chú giả sách Nhĩ Nhã rằng: Đông Âu ở bên kia bờ biển, lại chú giải kinh Sơn Hải rằng: Mân việt tức nay là Tâu Âu, nay là Kiện An, sách Thuyết Văn cho rằng: Âu mân là đông Nam Việt, chữ viết từ bộ ngõa thanh khu âm dưới là vũ cân.

Kiện-nã ngược lại âm trên kiện ngôn ngược lại âm dưới Nạch-da tiếng Phạm, tên của Tây Vực thành, đã giải thích đầy đủ ở trước rồi.

Tri trù âm trên là trì ngược lại âm dưới trụ du theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Tri trù tức là trù trừ dùng dằng, Quảng Nhã cho rằng: Giống như là đi quanh quẫn, đi đi, lại lại, âm trịch là âm trịch âm xúc ngược lại âm trù lục.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 8

Huyền trang ngược lại âm dưới tạng lang danh tăng, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trang là ngựa hay, ngựa tốt, âm tảng ngược lại âm tác lãng Quách Phác chu giải rằng: Trang là to lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đại thanh trang.

Huyền nghi ngược lại âm dưới nghi cước danh tăng.

Tích thâm ngược lại âm trên tinh tích theo Thanh Loại cho rằng: Tích giống như có công lao, sách Khảo Thanh cho rằng: Công hiệu, xưa nay Chánh Tự viết chữ bộ lực thanh trách.

Huệ trách ngược lại âm dưới tranh trách danh tăng, Văn Lục viết từ bộ phụ viết thành chữ trách tục tự dùng cũng thông dụng, Vương Bậc chú giải sách Chu dịch rằng: Trách là thâm sâu.

Trác lạc ngược lại âm dưới lực giác Ban Cố Tây Đô Phú Truyện giải thích rằng: Trác lạc là chỉ những người siêu tuyệt nổi bậc xuất chúng, sách Khảo Thanh cho rằng: Trác lạc là nổi bậc cao hơn người, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết từ bộ ngưu đến bộ lao thanh tĩnh.

Xuyết chẩn ngược lại âm trên chuyển liệt Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Xuyết giống như thôi nghĩ, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thôi, âm dĩ là âm dĩ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tiếng xe nhỏ kém dần, chữ viết từ bộ xa thanh xuyết âm xuyết đồng âm trên, ngược lại âm dưới chân nhẫn Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Chẩn giống như đòn nặng, Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Chẩn đó là cái đòn ngang ở sau xe, kinh Thái Huyền nói rằng: Chẩn là chiếc xe chuyển bánh lăn trên đường, Tống Trung giải thích rằng: Giống như lần lần chuyển bánh, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh chẩn âm khẩn đồng với âm trên, Văn Lục viết chữ chẩn tục dùng thông dụng.

Thao đức ngược lại âm thảo lao Đỗ Dự chud giải Tả Truyện rằng: Thao giống như cất giấu, Quảng Nhã cho rằng: Rộng, sách Thuyết Văn cho rằng: Bao đựng kiếm, chữ viết từ bộ vi đến bộ thao thanh thao âm thao là âm mục.

Cảnh khái ngược lại âm trên canh hạnh Quảng Nhã cho rằng: Cảnh giống như thẳng thắn, Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Cảnh là người tráng sĩ thẳng thắn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh cánh ngược lại âm dưới hài đại Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khái là gạc cho bằng, sách Ban Cố Đông Đô Phú nói rằng: Thô sơ, mời tân khách, nói cảnh khái, sách Tác Tông gọi là sơ lược không tiêm mật, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh khái.

Châm quy ngược lại âm trên chấp thâm Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Châm giống như phép tắc, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Châm là răn dạy, Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Ngăn ngừa, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh hàm chữ hôi ý.

Xuẩn xuẩn ngược lại âm xuân duẫn sách Thượng Thư Đại Truyện nói rằng: Xuẩn tức là xuất ra, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Xuẩn là ngọ nguậy nhúc nhích, tức là sâu bọ, sách Thuyết Văn cho rằng: Con sâu nhúc nhích, chữ viết từ bộ côn thanh xuân âm côn là âm côn.

Tiêu kịch chữ trên Tự Thư viết đúng từ bộ ngôn viết thành chữ tiêu cùng với chữ tiểu đồng âm, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tiếu giống như trách khéo, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trách mắng, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh tiêu ngược lại âm dưới kình nghịch Cố Dã Vương cho rằng: Kịch giống như là rất, quá lắm, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bệnh nặng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh kịch.

Huân du ngược lại âm trên huấn vân cỏ thơm, ngược lại âm dưới

dậu châu gọi là cỏ hôi, xem trước đã giải thích rồi.

Cảo nhai ngược lại âm trên cao lão Cố Dã Vương cho rằng: Cảo giống như là cỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ hào thanh cao ngược lại âm dưới giai hài sách Thượng Thư cho rằng: Cảo nhai gọi là bộ tộc chỗ ở của Man Di, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhai gọi là thông bốn ngã đường, tức là ngã tư, chữ viết từ bộ hành thanh khuê.

Ách uyển ngược lại âm trên anh cách Quảng Nhã cho rằng: Ách là nắm giữ, Trịnh Huyền chú giải Thuyên Phục Truyện rằng: Nắm trong tay tràn đầy gọi là ách sách Thuyết Văn cho rằng: Ách giống như cầm tay, chữ viết từ bộ thủ thanh ách âm ách là âm ách viết đúng là chữ ách cũng viết chữ cách âm nghĩa đều đồng, Văn Lục viết chữ ách tục tự dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới uyển hoán Dương Hùng giải thích rằng: Uyển là nắm lấy cổ tay, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh uyển.

Nải chấp ngược lại âm dưới châm lập Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chấp giống như cầm nắm, Phạm Ninh chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Chấp là sợi dây cương, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chấp là sợi dây, chỉ kỹ cương phép tắc, giống như dây cương buộc ngựa, chữ viết từ bộ mịch đến bộ chấp đúng là chữ chấp hoặc là viết chữ chập âm đều đồng.

Tổ nể ngược lại âm dưới nê lễ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nể tổ phụ của miếu, xưa nay Chánhh Tự viết từ bộ thị thanh nhĩ đã giải thích rồi.

Chất cốc ngược lại âm trên chân viết ngược lại âm dưới công ốc Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Gông cùm trong tay gọi chất gông cùm ở chân gọi là cốc đó là dụng cụ hình phạt người, Trịnh Chúng lại cho rằng: Chất cốc đó là gông cùm trói buộc câu thúc tội nhân lại cùng một gốc cây, sách Thuyết Văn nói: Hai chữ đều từ bộ mộc cũng là thanh chí khốc.

Tông hạt ngược lại âm dưới nhàn kiết sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng từ bộ thủ hai bên đều tương đồng, đến bộ cao tóm lược âm xuyên ngược lại âm xuyên nhuyễn nay thông dụng viết chữ hạt cũng từ bộ kim viết thành chữ hạt Cố Dã Vương cho rằng: Thanh sắt thẳng trục xe, văn trước Nội Điển Lục trong quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Điều hý ngược lại âm trên triệu tiếu Quảng Nhã cho rằng: Điều giống như cười chế nhạo. Lại cũng giải thích rằng khinh khi, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh điều Văn Lục viết từ bộ thủ viết thành chữ điệu là sai, ngược lại âm dưới hy ý theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hý

giống như là buông thã, phóng dật, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hý là làm trò cười cợt vui đùa, Quảng Nhã cho rằng: Làm điều tà vạy, sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh hý âm hý là âm hy.

Giải sấm âm trên là giới ngược lại âm dưới sáp giám sách Khảo Thanh cho rằng: Sấm là từ tự bày ra lỗi ra ở nơi Đức Phật, tục viết chữ sấm Văn Lục viết chữ sám là chẳng phải.

Nặc-tư-quốc ngược lại âm trên Nãn-kiết tiếng Phạm.

Vu thuẫn ngược lại âm dưíu đồn tôn cũng là tên nước.

Điền ế ngược lại âm trên tuần kiên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Điền là chứa đầy nhiều, Quách Phác chú giải rằng: Tiếng của đám người đi, Thiên Thương Hiệt viết chữ điền giống như tắc nghẽn, nghĩa cùng với chữ điền cũng đồng, sách Tây Đô Phú giải thích rằng: Điền là thành quách nước tràn ra, sách Thuyết Văn cũng giải thích Tắc nghẽn, chữ viết từ bộ huyệt đến thanh chân âm chân ngược lại âm chi nhân ngược lại âm dưới yên kiết Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Ế giống như tắc nghẽn cổ họng, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Ế là không thở được, sách Thuyết Văn cho rằng: Ế giống như ăn cơm mắc nghẹn, chữ viết từ bộ khẩu thanh ế Văn Lục viết chữ điền là chẳng phải, âm trất ngược lại âm chân lật.

Huyên hoa ngược lại âm trên huyên viên theo Thanh Loại cho rằng: Huyên tức là hoa Tiên Khanh Sắc Phú Truyện nói rằng: Không ồn sào mà nước chảy đày tràn, sách Thuyết Văn viết đúng là chữ quyền viết thành chữ hoan cùng với chữ huyên nghĩa cũng đồng, sách Hán Thư cho rằng: Chưa đến nổi ầm ỷ vậy, Văn Lục viết chữ huyên cũng đồng, Thư Truyện chỗ dùng cũng đồng, ngược lại âm dưới hóa qua Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hoa tức là thanh hoan sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh hoa.

Đĩnh uynh ngược lại âm trên đô đĩnh ngược lại âm dưới huỳnh định sách Khảo Thanh cho rằng: Đĩnh uynh là dòng nước nhỏ, theo Cam Tuyền Phú Truyện giải rằng: Dòng nước tốt giống như chảy yếu, trong suốt đó gọi là đính uynh xưa nay Chánh Tự viết chữ dinh nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ thủy thanh huỳnh Văn Lục viết chữ đính uynh âm đính là âm thính Vương dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đính là nước sâu mặt hồ bằng phẳng, phẳng lặng trong suốt cùng với bổn nghĩa, không đồng, cho nên không dùng âm uynh ngược lại âm nhân quýnh.

Minh bột ngược lại âm trên mịch bình âm dưới bồn một theo sách Trang Tử nói rằng: Ở biển Bắc Minh có con cá gọi là côn âm côn ngược lại âm cổ hồn từ biển đem tới chính là biển Nam Kinh, biển Minh Bột

cũng đều gọi là biển, chữ viết từ bộ thủy thanh bột.

Phan xuyên ngược lại âm phò Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phan xuyên tên gọi kinh Triệu Hương, lại cũng gọi là thành Dương Phan, lại cũng gọi là đỗ lăng hương, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh phan.

Cự trừ âm trên là cự âm dưới là trừ Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Cự trừ là chiếu cỏ, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Cũng gọi là chiếu tre, âm bộ ngược lại âm bồ phệ sách Thuyết Văn cho rằng: Cự trừ hai chữ đều từ bộ trúc đều thanh cự trừ.

Dực nhật ngược lại âm trên dăng chức Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dực là sáng rực, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cũng sáng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ thanh lập

Bất đế ngược lại âm ngã đệ sách Khảo Thanh cho rằng: Hơi chạy lên tới mũi Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đế tức là tiếng hắc hơi, sách Thuyết Văn cho rằng: Đế gọi là hiểu giải hơi ra, chữ viết từ bộ khẩu thanh đế âm đế là âm đế.

Phát liểm ngược lại âm dưới liêm kiểm Thống Tự cho rằng: Liểm giống như thâu gom lại, Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Cất giấu, sách Thuyết Văn viết từ bộ kiểm thanh phộc âm phộc ngược lại âm phổ mộc Văn Lục viết chữ hiểm tục tự dùng thông dụng.

Trường ỷ ngược lại âm dưới ý nghi theo Mao Thi Truyện giải thích rằng: Y là gợn sóng trên mặt nước, tiếng vỗ rì rào, cũng gọi là gợn sóng lăn tăng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy đến thanh y.

Quân thập ngược lại âm trên quân vận Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Quân thập đó là gặt hái cắt lúa đem về nhà, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữ lấy, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh quân Văn Lục viết từ bộ quân viết thành chữ quân tục tự dùng thông dụng.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 9

Khi khu ngược lại âm trên lửa ky âm dưới là khưu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khi khu là nghiêng lệnh, gập ghềnh, không bằng phẳng, Bì Thương cho rằng: Khi khu là không an ổn, sách Khảo Thanh cho rằng: Núi hiểm trở, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ khi khu đều từ bộ

sơn đều thanh kỳ khu.

Thị dục ngược lại âm trên thời chí Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thị là tham, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thị là không nhàm chán, sách Thuyết Văn cho rằng: Thị dục là ưa thích, say mê, không nhàm chán, chữ viết từ bộ khẩu thanh kỳ từ bộ mục đó là sai chẳng phải.

Bân châu ngược lại âm trên bút mân Tự Thư cũng viết từ bộ ấp viết thành chữ phân tức là đất ấp của Công Lưu, cùng với chữ bân cũng đồng, theo Mao Thi Truyện có trang sách viết chữ bân, tức là tên nước thời cổ đại, nay là huyên bân thuộc tỉnh Thiểm Tây Trung Quốc. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ sơn đến bộ bân âm bân là âm bân hai bộ thỉ cũng gọi là hai con lợn đi song song với nhau.

Ngạn tông ngược lại âm trên ngôn biến sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kẻ sĩ tài giỏi gọi là ngạn ngược lại âm dưới tộc tông sách Thuyết Văn cho rằng: Tông giống như là vui vẻ, chữ viết từ bộ tâm thanh tông tên của vị Sa-môn, văn trước có viết từ bộ ngọc viết thành chữ tông chưa rõ đồng hay là khác nghĩa.

Hiếp lũy ngược lại âm trên khâm kiếp Tả Truyện giải thích: Nghe tiếng gió ngựa chạy mau, thúc bên hong con ngựa tiếng tới, sách Khảo Thanh cho rằng: Hiếp tức là xương sườn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hiếp gọi là hai bên xương sườn, chữ viết từ bộ nhục đến bộ hiếp âm hiếp ngược lại âm hồ hiệp thanh hiếp Văn Lục viết từ ba bộ lực viết thành chữ hiếp tục tự dùng cũng thông dụng.

Thiều sấn ngược lại âm trên là chiêu âm dưới sơ cẩn chữ thiều theo Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Thiều là trẻ con để tóc trái đào hai bên rủ xuống, Bì Thương cho rằng: Thiều là mái tóc chấm long mài, sách Khảo Thanh cho rằng: Thiều là trẻ nhỏ cắt tóc còn chừa lại hai bên vá, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tiêu đến thanh chiểu âm tiêu là âm phiêu ngược lại âm dưới sơ cẩn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Sấn gọi là hủy bỏ cái răng, con trai đến tám tuổi, con gái đến bảy tuổi, thay răng sữa đều gọi là sấn sách Thuyết Văn viết từ bộ xĩ thanh sất.

Giáng chỉ ngược lại âm dưới hy lý theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chỉ giống như là giáng phúc, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chỉ cũng như là lộc, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng đồng nghĩa chữ viết từ bộ thị thanh chỉ Văn Lục viết chữ chỉ tục tự dùng thông dụng.

Lự lộc ngược lại âm trên lư chữ sách Vận Thuyên cho rằng: Lự giống như tẩy rửa, theo chữ lự đó là che trên một lớp cát khi lọc nước khi có vi trùng còn sống tức là hộ sanh vậy, lấy miếng vải làm lưới thưa

để lọc nước trong nước có trùng dơ uế, rồi lấy nước sạch tinh khiết mà dùng, các chữ trong sách không giải nghĩa chữ lự, ngược lại âm dưới lung cốc sách Khảo Công Ký cho rằng: Lộc tức là lọc nước lấu nước sạch, mà lộc Cố Dã Vương cho rằng: Giống như là nhỏ từ giọt xuống vậy, Tự Lâm cho rằng: Nước rơi xuống nhỏ giọt. Xưa nay Chánhh Tự viết từ bộ thủy thanh lộc.

Địch uế ngược lại âm trên đình lịch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Địch giống như tẩy trừ, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Quấy động, lắc, sách Thuyết Văn cho rằng: Phun rượu tẩy trần, chữ viết từ bộ thủy thanh địch.

Ngụy dĩ ngược lại âm cung ngụy Quảng Nhã cho rằng: Vĩ giống như là chơi cờ bạc, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Bọn cờ bạc cũng tiêu phí, hoang phí, Ngọc Thiên cho rằng: Hoặc là viết chữ ngụy nghĩa đều đồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ bối đến thanh vi lại âm hội ngõa hai âm.

Quyên trích ngược lại âm trên quyết duyên sách Thuyết Uyển giải thích rằng: Quyên là dòng nước chảy ra sông lớn, dòng nước trong sạch, Cố Dã Vương cho rằng: Dòng nước nhỏ chảy yếu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh quyên âm quyên ngược lại âm mi huyền Văn Lục viết chữ quên tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới đinh lịch Tự Thư cho rằng: Viết đúng là từ bộ thí viết thành chữ thí lại viết chữ trích Cố Dã Vương cho rằng: Thí gọi nhỏ giọt, từng giọt nhỏ xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Rót rượu chữ viết từ bộ thủy thanh đích âm thí cũng đồng, Văn Lục viết chữ đề truyện viết sai, bỏ sót chữ khẩu vậy.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 10

Khiên khỏa ngược lại âm trên truy diên Cố Dã Vương cho rằng: Khiên giống như dẫn dắt, xem trước đã giải thích rồi, Văn Lục viết chữ khiên tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới lõa quả sách Thuyết Văn cho rằng: Khỏa tức là tổ, chữ viết từ bộ y thanh quả xem trước đã giải thích rồi.

Duyên ba ngược lại âm trên duyệt quyên Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Duyên nước chảy thuận dòng từ trên mà xuống gọi là duyên sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh âm duyên ngược

lại âm duyên tuyển Văn Lục viết từ bộ công viết thành chữ duyên là chẳng phải.

Lởi đồng ngược lại âm trên lô đồi sách Khúc Lễ nói rằng: Người gõ trong tuồng hát, đồng âm là tượng gỗ không có tiếng âm thanh, sách Khảo Thanh cho rằng: Lởi đồng với vô phân biệt, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân đến bộ lởi âm lởi là âm lôi thanh lôi.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC QUYỂN 11

Nhu đầu ngược lại âm trên như chu Đề Mục kinh.

A-xúc ngược lại âm dưới trâu túc tên kinh.

Thọ huyễn ngược lại âm dưới hoạt quán sách Thuyết Văn bộ đảo đến bộ dư kinh văn viết chữ huyễn tục tự dùng thông dụng, tên kinh.

Bất huyễn ngược lại âm dưới huyết quyến Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Huyễn là đưa mắt nhìn, Cố Dã Vương cho rằng: Huyễn là khiến cho người ta chuyển động con mắt ra dấu hiệu, sách Thuyết Văn cho rằng: Đưa mắt ra dấu hiệu, chữ viết từ bộ mục đến bộ huyễn âm huyễn đồng với âm trên.

Lăng-già ngược lại âm trên lặc đăng âm dưới là da tiếng Phạm.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC QUYỂN 12

Tượng dịch ngược lại âm dưới dương ích tên kinh.

Siểm-tử ngược lại âm trên thất nhiễm tiếng Phạm, tên kinh.

Quyến tác ngược lại âm trên quyên nhuyễn ngược lại âm dưới tăng lạc tên kinh.

Câu tri ngược lại âm dưới trí hy tên kinh, văn kinh viết chữ tri tục tự dùng thông dụng.

La chiên ngược lại âm dưới triển liên tên kinh.

Am đề ngược lại âm trên ảm hàm tên kinh.

Chích chi ngược lại âm trên chinh thạch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Góp nhặt lấy những lời nói lập thành văn cú để

truyền dạy, sách Phương Ngôn cho rằng: Thâu thập góp nhặt, dùng tay nhặt lấy vật, sách Khảo Thanh cho rằng: Chích cũng là thập Tự Thư Giai Uyển Chu Tòng cũng viết từ bộ thạch viết thành chữ chích âm nghĩa đều đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh thứ chữ hộ ý.

Vô nhu ngược lại âm dưới nhu dậu sách Chu Dịch giải: Nhu là cây làm chỗ chống đổ, sách Khảo Thanh cho rằng: Cây gỗ cong đem đốt vào lửa uốn cho thẳng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh nhu hoặc là viết từ bộ hỏa viết thành chữ nhu cũng thông dụng văn dưới cũng đồng.

Nghiệp thành ngược lại âm trên nghiểm kiếp sách Ngụy Thư cho rằng: Nghiệp thành là kinh đô của nước Ngụy, Hán Thư cũng viết nghiệp huyền.

Giải quyện ngược lại âm dưới quyển viên tên kinh, xem trước đã giải thích rồi.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 13

Thoát sĩ ngược lại âm sư tử sách Mạnh Tử nói rằng: Nhìn xem thiên hạ cởi bỏ giày dép, theo nghĩa chữ khí cùng với thoát sĩ cũng đồng, sách Khảo Thanh cho rằng: Sĩ thuộc giày dép, sách Thuyết Văn viết từ bộ cách viết thành chữ sĩ theo Thanh Loại cho rằng: Cũng đồng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lý tóm lược Văn Lục viết chữ tỷ cũng thông dụng.

Át-la-diên ngược lại âm trên an khát tiếng Phạm, danh tăng.

Đạt-đa ngược lại âm dưới Đa-đà tên kinh.

Ương quật âm trên là ương ngược lại âm dưới quần luật tên kinh.

Vu điền âm dưới là điện tên nước Tây Vực, Văn Lục viết chữ vu điền là chẳng phải, xem trước đã giải thích rồi.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 14

A-xà-thế ngược lại âm dưới thiết chế chữ viết đúng hợp là thế Văn Lục viết chữ thế là sai.

Đôn hoàng ngược lại âm trên đô hồn âm dưới là hoàng danh hiệu Bồ-tát Văn Lục viết chữ đôn là sai.

Mục khư ngược lại âm dưới khương ca tên kinh.

Âu hòa âm trên âu hầu âm dưới là hòa tên kinh.

Du-già âm trên là Du-tu tên luận.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 15

Tế túc ngược lại âm trên tất duệ tên kinh.

Hô-la ngược lại âm trên hồ cố tên kinh.

Bát khư âm viết đúng chữ bát Văn Lục viết từ bộ bổn đó là sai, ngược lại âm dưới khư ngự tên kinh.

Cấm tỳ ngược lại âm cửu chú hoặc là viết chữ phụ Văn Lục viết từ bộ nữ viết thành chữ vận trong sách không có chữ này.

Yết vương ngược lại âm trên hiên yết tên kinh, Văn Lục viết từ bộ hạt viết thành chữ hạt âm hạt cùng với nghĩa kinh quái lạ, nên không lấu dùng.

Kiêu hãnh ngược lại âm trên hiểu nhiêu âm dưới hành cảnh tên kinh.

Tăng-sáp-đa-luật âm kế sâm tập tiếng Phạm, tên kinh, Văn Lục viết từ bộ hỏa viết thành chữ sáp là chẳng phải.

Thiện tả ngược lại âm trên thiền chiến Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thiện là tu bổ sửa chửa, sách Khảo Thanh cho rằng: Cải tạo cái mới, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Tu bổ them vào, chữ viết từ bộ mịch thanh thiện ngược lại âm dưới tích dã Quảng Nhã cho rằng: Tả là mức độ ghi chép, sách Khảo Thanh giải thích: Tả giống như viết sách Văn Lục viết từ bộ đao viết thành chữ tả tục tự dùng thông dụng, âm mịch là âm mịch.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 16

Hãn cứu âm trên viết đúng chữ hãn theo Thuyết Văn viết từ bộ võng viết. thành chữ hãn ngược lại âm ha thãn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hãn giống như là ít có hiếm thấy lạ, Cố Dã Vương giải thích: Hiếm có bó buộc, Văn Lục viết chữ hãn là sai, ngược lại âm dưới cưu Hưu theo Mao Thi Truyện nói rằng: Cửu tức là cùng xét cho tận cùng, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hạch xét cho cùng tận, sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh cửu.

Lảm phái ngược lại âm dưới phách mại sách Thuyết Văn cho rằng: Phái là nước chảy rẻ sang ngã khác, chữ viết từ bộ phản đến bộ vĩnh Văn Lục viết chữ phái, tục tự dùng thông dụng.

Khánh khái ngược lại âm trên khinh ban ngược lại âm dưới khai ái tên kinh, văn trước đã giải thích rồi, Văn Lục viết từ bộ khẩu viết thành chữ khánh tục tự dùng thông dụng.

Phu thủ ngược lại âm trên phổ bổ âm dưới đúng là chữ thủ tên kinh.

Sạn đề ngược lại âm sạn khoan âm dưới đế tên kinh.

Nhiểu loạn ngược lại âm trên niên điểu tên kinh.

Trùng-hồ-ô âm trên là dã theo Tự Thư viết từ bộ viết thành chữ cổ nay Văn Lục viết từ ba bộ trùng là sai chữ ô hoặc là viết chữ điểu.

Dũng từ phạm chí ngược lại âm trên dung tũng Tự Thư viết chữ dũng tức là dũng cảm mạnh mẻ, sức mạnh chắc chắn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ dũng viết thành chữ dũng tức là dũng cảm, Văn Lục viết chữ dũng tục dùng cũng thông dụng, tên kinh.

Duệ chủng ngược lại âm trên diên tế ngược lại âm dưới chung lung tên kinh.

La-hộ ngược lại âm dưới hồ cổ tên kinh.

Tất trâu ngược lại âm trên tần mật ngược lại âm dưới sở thâu tên kinh, Văn Lục viết chữ trâu tục tự dùng thông dụng.

Ế-la ngược lại âm Ế-kê tên kinh, Văn Lục viết từ bộ khẩu viết thành chữ ế là sai.

Sưu cù ngược lại âm trên sưu trâu ngược lại âm dưới cụ câu tên kinh Văn Lục viết chữ sưu tục tự dùng thông dụng.

Nhị kiều ngược lại âm dưới kiêu yểu tên kinh.

Thiện bại ngược lại âm dưới bạch mại tên kinh.

Khương lương ngược lại âm trên kiếp hương (829) ngược lại âm dưới lực trương tên kinh.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 17

Phồn nghĩ ngược lại âm trên phạt viên ngược lại âm dưới thằng nghi Tự Thư cho rằng: Viết đúng từ bộ chu viết thành chữ nghi sách Thuyết Văn cho rằng: Nghĩ là đem vật tặng cho nhau, Quảng Nhã cho rằng: Nghi thức sách Khảo Thanh cho rằng: Có dư thừa, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ bối đến bộ thắng tóm lược Văn Lục viết từ bộ nguyệt viết thành chữ nghi tục tự dùng thông dụng.

Ô-đà ngược lại âm trên ô cổ tiếng Phạm, tên kinh.

San tước ngược lại âm trên san gian theo Thanh Loại cho rằng: San giống như thẩm định, cắt bỏ bớt, sách Gia Ngữ cho rằng: Phu tử sửa đổi cắt bỏ bớt thi sách viết, sách Thuyết Văn cho rằng: San là cắt lấy, âm xuyết ngược lại âm trúc liệt xuyết là gọt vỏ cắt gọt, chữ viết từ bộ đao đến bộ sách cân sách là âm sách sách tức là giãn lược, chữ hội ý, ngược lại âm dưới xương Quảng Nhã cho rằng: Tước là giảm bớt, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao đến bộ thanh tiếu.

Vô điếm ngược lại âm dưới đinh yểm theo Mao Thi Truyện nói rằng: Điếm tức là viên ngọc tì vết, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngọc thanh chiêm.

Liệu trĩ ngược lại âm trên ly chiếu ngược lại âm dưới trì lý tên kinh.

Tì trợ ngược lại âm trên tất di Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Tì là nói có lợi ích tăng thêm, sách Thuyết Văn cho rằng: Có bổ ích chữ viết từ bộ y thanh tỳ.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 18

Đông xiển ngược lại âm xi thiện Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Xiển giống như khai mở, Hàn Khang Bách chú giải sách Chu Lễ rằng: Rõ ràng, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh đan.

Tầm duyệt ngược lại âm trên tập diêu Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tầm giống như là dụng, sách Phương Ngôn cho rằng: Lâu đài, Quách Phác chú giải rằng: Tầm gọi là pháp độ rộng dài lâu: Sách Thuyết Văn cho rằng: Tầm là lựa chọn gạn lọc lý lẻ, chữ viết từ

bộ công bổ khẩu công khẩu là loạn lại bộ thốn tức phân tích lý lẻ. Chữ hôi ý, ngược lại âm dưới duyên tuyết Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Duyệt giống như giản lược, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Xét duyệt nhiều lần, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ môn thanh duyệt.

Phỏng tập ngược lại âm trên phương võng Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Phỏng giống như so sánh bắt chước, Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngứ rằng: Dựa vào, Quảng Nhã cho rằng: Phỏng là bắt chước theo, sách Thuyết Văn viết từ bộ phộc thanh phương Văn Lục viết từ bộ nhân viết thành chữ phỏng là chẳng phải, âm dưới đúng là chữ tập.

Ngoa suyễn ngược lại âm trên ngọa qua Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngoa là hóa, sách Khảo Thanh cho rằng: Sai lầm, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn đến bộ hóa chữ hội ý, Tự Thư cho rằng: Viết từ bộ ngôn đến bộ vi viết thành chữ ngoa âm nghĩa đều đồng, ngược lại âm dưới là suyễn ngược lại âm dưới xuyên nhuyễn Cố Dã Vương cho rằng: Suyễn là so le không đồng đều, sách Thuyết Văn cho rằng: Suyễn là nằm trở ngược, trái ngược, chữ viết từ bộ truy bộ khoa gọi là trái ngược âm truy là âm truy âm khoa ngược lại âm khoa hóa.

Thanh oa ngược lại âm dưới ất trảo theo chữ thanh oa tục gọi là con ểnh ương, con ếch dưới đáy giếng, Tự Thư cho rằng: Không có chữ này, tên kinh.

Vu quáng âm trên là chữ vô Thống Tự cho rằng: vu là cỏ mọc hoang dại, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cũng gọi cỏ mọc um tùm hoang dại, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh vô ngược lại âm dưới hồ mảnh Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quáng tức lúa mạch, âm hồ ngược lại âm quan mạch Tự Lâm cho rằng: Lúa mà có mọc xen lộn cỏ hoang, sạch Thuyết Văn cho rằng: Lúa lép, chữ viết từ bộ hòa thanh quãng.

Kinh biệt ngược lại âm dưới bì liệt theo chữ biệt gọi là phân biệt Bì Thương cho rằng: Biệt là loại cỏ, phân ra khoảnh khắc, phút chốc vụt đi, Tự Thư cho rằng: Không có chữ này, sách Khảo Thanh cho rằng: Hoặc là từ bộ trúc Quảng Thiết Vận viết từ bộ thảo đến bộ biệt âm khái là âm khái âm thời là âm thị.

Tẫn trị ngược lại âm trên tất nhẫn Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Tẫn giống như là bỏ đi, vất bỏ, sách Sử Ký cho rằng: Cùng nhau lôi kéo đuổi ra, bỏ ra ngoài, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh tân âm dưới là trì.

Thủ lược ngược lại âm lương chước sách Nguyệt Linh giải thích: Phất qua lướt qua, lược là cướp đoạt lấy, tức là sơ lược, sao chép, cũng đồng, theo Tự Thư cho rằng: Đều là chữ lược Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lược giống như đoạt lấy, sách Phương Ngôn cho rằng: Vĩnh viễn lâu dài, theo Thanh Loại cho rằng: Liếc nhìn xem qua gọi là lược sách Thuyết Văn cho rằng: Kinh Lược gọi là địa, đất, chữ viết từ bộ điền đến bộ lược thanh các âm lược là âm lượng nghĩa riêng quái lạ không lấy dùng.

San định ngược lại âm trên khác an Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: San giống như sửa chữa cắt bỏ bớt, Quảng Nhã cho rằng: San là thẩm định sửa chữa, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh can.

Kiêu phù ngược lại âm hiểu nhiêu Hứa Thúc Trọng chú giải sánh Hoài Nam Tử rằng: Kiêu là bạc bẻo, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh nhiêu.

Mạn diên ngược lại âm trên miệt bản theo Mao Thi Truyện cho rằng: Mạn cũng là diên Quảng Nhã cho rằng: Dài lâu, sách Thuyết Văn cho rằng: Man là thuộc dây leo, chữ viết từ bộ thảo thanh man âm nam là âm vạn âm diên ngược lại âm qua tiên Chánh Tự.

Du hiệt ngược lại âm trên du chủ ngược lại âm dưới hiền kiết Văn Lục viết chữ du là sai, tên người.

Tạp nhu ngược lại âm nữ cứu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nhu giống như tạp lộn xộn, sách Thuyết Văn, Tự Thư cũng viết chữ thô âm cũng đồng.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 19

Mụ-đà-ni ngược lại âm trên Mạc-bù tên kinh.
Mục-khư ngược lại âm dưới khương ca tên kinh.
Bạt-đà ngược lại âm trên bàn mạt tên kinh.
Mạn-thù âm trên là vạn tên của Bồ-tát.

KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 20

Buộn thân ngược lại âm trên bồn muôn tên kinh, Văn Lục viết chữ chí tục tự dùng thông dụng.

Ha điêu ngược lại âm trên hạc ca ngược lại âm dưới điểu liêu tên kinh, Văn Lục hoặc là viết chữ hà điêu chưa rõ nghĩa chính.

Mộc hoạn ngược lại âm dưới hoàn quán tên kinh.

Úc-ca ngược lại âm trên uân cúc Mao Thi Truyện viết chữ hoắc hoặc là viết mậu thạnh nghĩa đầy đủ sum suê tốt, sach Thuyết Văn viết chữ úc Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Úc là văn chương bóng bẩy, ngào ngạt, cũng gọi là lâu dài, Văn Lục viết chữ úc thời dùng thông dụng.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 81

- Âm Tập Thần Châu Tam Bảo Cảm Thông Truyện ba quyển.
- Mục Xưa Ba Quyển, nay phân làm bốn quyển.
- Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện bốn quyển.
- Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện hai quyển.

Bên phải ba tập truyện cộng mười quyển đồng âm quyển này.

TẬP THẦN CHÂU TAM BẢO CẢM THÔNG LỤC

Huệ Lâm soạn

QUYỂN THƯỢNG

Hất hưỡng ngược lại âm trên hân ất tục tự dùng thông dụng viết đúng là chữ hất sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục gọi là huyết mạch ở trong thịt gọi là hất hất cũng là vang động cho nên chữ viết từ bộ nhục đến bộ bát bát đó là phân biệt đến bộ thập đó là âm hưởng biến khắp mười phương, người đời sau, dời đổi đến tám nơi, mười cỏi, âm trên viết chữ hất là biến khắp, vang vọng. Lại viết chữ hất hưởng, ngược lại âm dưới hương lượng chữ ứng thanh cũng là chữ hội ý.

Mậu tháp ngược lại âm mạc hậu hội khể địa danh, huyện Mậu có tháp A-dục-vương, sách Thuyết Văn viết mậu từ bộ ấp thanh mậu.

Diểm mộc ngược lại âm hấp nhiễm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Diểm là bén nhọn, Bì Thương cho rằng: Vót nhọn, gọi cách khác là vót gọt cây gỗ cho nhọn làm mũi tên, sách Thuyết Văn cho rằng: Rất bén nhọn khiến cho cấm thẳng vào chữ hình thanh.

Quảng mâu ngược lại âm dưới mưu hầu sách Vận Thuyên giải thích: Mâu là kéo dài ra, theo Thanh Loại cho rằng: Mâu là dài, sách Thuyết Văn giải thích từ đông sang tây gọi là quảng tức là rộng, từ nam tới bắc gọi là mâu chữ viết từ bộ y thanh mâu.

Mạn ngư ngược lại âm mãn bàn sách Thuyết Văn cho rằng: Mạn ngư là tên cưa loại cá, chữ viết từ bộ ngư thanh âm man là âm vạn.

Vu tử ngược lại âm trên vũ phu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Vu là giống như khinh khi, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vu là nói dối, sách Thuyết Văn cho rằng: Vu là nói thêm vào không mà nói có, chữ viết từ bộ ngôn thanh vu ngược lại âm dưới tư thử Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tử là dùng lời nói hủy nhục người, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh thử.

Hoan thảm ngược lại âm trên hoát quan sách Thuyết Văn cho rằng: Hoan hỷ vui mừng, hoặc là viết chữ hoan ngược lại âm dưới tham cảm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thảm là lo buồn, Quách Phác cho rằng: Dáng điệu người hiền lo buồn sầu thảm, sách Thuyết Văn cho rằng: Thảm độc, cũng viết tiền thống khổ chữ hình thanh.

Bá thượng ngược lại âm trên ba mạ tên sông ở nước Tần, phía đông ở thành Trường An, sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ đến bộ cách đến bộ nguyệt chữ chuyển chú.

Nhạc trạc ngược lại âm trên ngũ giác ngược lại âm dưới sĩ giác sách Quốc Ngữ giải thích rằng: Nhạc trạc là loài chim, đem lại điều tốt lành, thường ở núi cao hiểm trở, Giả Quỳ chú giải rằng: Là thần điểu, chim thần, tên gọi khác của chim phụng.

Thô quáng ngược lại âm trên thương thô chữ viết đúng thể từ ba bộ lộc viết thành chữ thô ngược lại âm dưới hô mảnh văn trước nôi Điển Lục đã giải thích rồi.

Trương dịch ngược lại âm dưới là diệc tên của quận.

Đại đồi tháp âm kế đối hồi Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đồi đất cao ta lớn. Văn Tự Điển nói rằng: Đồi đống đất nhỏ, chữ viết từ bộ thổ thanh chuy Văn Lục chữ viết đồi tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới tham đáp sách Văn Tự Điển nói tháp miếu.

Sảng khải ngược lại âm trên sương lượng ngược lại âm dưới khai cải sách Thuyết Văn cho rằng: Sảng là trong sáng, Khải là cao ráo khô, sảng khải đó là nói thềm bậc đã cao mà còn rộnglớn, lại ở trên trạm gác cao, nhìn ra xa hiển bày rõ ràng, gọi là sảng khải.

Hiểm duẫn ngược lại âm trên khâm kiểm hoặc là viết chữ hiểm âm dưới là duẫn Mao Thi Truyện giải thích rằng: Hiểm duẫn là tên gọi khác của bộ tộc ở phương bắc Trung Quốc thời nhà Chu tức là Hung Nô Bắc Địch.

Ế ngọc ngược lại âm trên ế hề Văn Tự Tập Lược cho rằng: Ế là loại ngọc có màu sắc đen, Văn Lục viết từ bộ ngọc viết thành chữ ế

cũng thông dụng.

Lô đấu âm trên là lô ngược lại âm dưới đương cẩu sách Thuyết Văn cho rằng: Lô là cây đòn kê nằm trên cây cột, đấu là đầu cột trên vuông giống như cái đấu vậy, âm nghiên ngược lại âm xí kiến đều là chữ hình thanh.

Phiếu lược ngược lại âm trên thất diệu sách Thuyết Văn giải thích Phiếu là cướp đoạt tài vật của người khác, Văn Lục viết từ bộ sam viết thành chữ phiếu là chẳng phải, ngược lại âm dưới lực chước Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Lược gọi là tước đoạt cướp lấy, Tự Thư cho rằng: Âm lượng nghĩa quái lạ nên nay không lấy.

Náo nê ngược lại âm trên minh hiếu Quảng Nhã rằng: Náo giống như bùn lầy, Trịnh Chúng chú giải sách Nghi Lễ rằng: Hòa trong bùn lầy phổ khắp, sách Hoài Nam Tử nói rằng: Nước (830) bùn biến khắp trơn trợt, chìm trong bùn lầy, theo Thanh Loại cho rằng: Náo giống như chìm trong bùn lầy, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh trác.

Quán khái ngược lại âm trên quan hoán ngược lại âm dưới ky vị sách Thuyết Văn cho rằng: Khái quán đó là nay người ta trồng trọt lấy nước tưới cho thấm ướt, cây gốc rể vậy.

Oa quốc ngược lại âm ô hòa trong biển Đông Hải có đảo quốc nhỏ gần lân cận với nước Tân La, Văn Lục viết từ bộ phụ viết thành chữ oa là sai.

Đảo sài cốc âm trên là đáo âm dưới là sài.

Cát lũy ngược lại âm dưới luân ủy Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lũy là loại dây leo chằng chịt, sách Văn Tự Điển nói rằng: Cát là loại dây bò dưới đất, Văn Lục viết chữ lũy là sai chẳng phải.

Úy quýnh ngược lại âm trên vân vật ngược lại âm dưới huỳnh dinh.

Tự ải ngược lại âm dưới y kế theo Tả Truyện cho rằng: Mạc Ngao thắt cổ nơi hang núi vắng vẻ, sách Khảo Thanh cho rằng: Ải giống như tự mình phạt mình cho đến chết, Công Dương Truyện cho rằng: Linh Vương tự thắt cổ mà chết, Hà Hưu chú giải rằng: Gọi là tự thắt cổ mà chết.

Kỳ tốc ngược lại âm trên chi nhật sách Khảo Thanh cho rằng: Kỳ giống như thích hợp cũng là an ổn.

Thiết trâm ngược lại âm dưới chấp kim cũng viết chữ châm trong Văn Lục viết từ bộ mộc viết thành chữ hàng là chẳng phải, cũng viết chữ trâm.

Tinh ao ngược lại âm dưới oa khoa ao giống như chỗ trũng lõm

dưới âm oa ngược lại âm ách qua âm khoa ngược lại âm khoa hóa âm ao ngược lại âm ách giao.

Hoảng dục ngược lại âm trên hoàng quãng sách Thuyết Văn cho rằng: Hoảng là ánh sáng rực rỡ, ngược lại âm dưới dữ lục sách Thuyết Văn cho rằng: Dục là ánh sáng chiếu diệu cũng gọi là rực rỡ, chữ viết từ bộ hỏa thanh dục văn lục viết chữ dục nghĩa khác lạ.

Nha liểm ngược lại âm liệp chiêm sách Khảo Thanh cho rằng: Chữ viết từ bộ phương viết thành chữ liểm chữ chánh thể, giống như hộp mà có góc, ngăn, chỗ gọi là chứa đồ vật, sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Chữ viết từ bộ trúc viết thành chữ liểm tức cái hộp đựng đồ trang sức, vật dụng của con gái, theo chữ liểm đó là loại son phấn, hương thơm, cái hộp có gương soi mặt khi cần dùng, nay gọi là nha liểm đó là giống như cái hộp bằng sừng.

Bạch điệp ngược lại âm dưới điềm hiếp.

Phẩu kích ngược lại âm trên phổ cấu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phẩu giống như phá ra, sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Phân trong ra là mổ xẻ ra, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Chẻ ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Phanh ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm thổ khẩu.

Từ xuân ngược lại âm dưới lặc luân tên người Tống Cư.

Linh phúc ngược lại âm phùng hộc nay gọi Quảng Lăng, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Phúc gọi là hương thơm ngào ngạt, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hương thanh phúc.

Chấp đĩnh âm trên đúng là chữ chấp ngược lại âm dưới đinh tĩnh Trịnh Chúng chú giải sách Lễ Ký rằng: Đĩnh cũng là cái hốt, nói đĩnh là tự nhiên không có chỗ khuất phục,sách Thuyết Văn cho rằng: Đĩnh là ngọc khuê lớn dài ba thước, xưa dùng tám tấc, thước tức là nay dùng hai thước bốn tấc, chữ viết từ bộ ngọc thanh đĩnh.

Thắng nhất nhân ngược lại âm thừa chứng Tự Thư cho rằng: Thắng là có dư thừa, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối đến bộ thắng Văn Lục viết chữ nghi tục tự dùng thông dụng.

Quyên thủy ngược lại âm vu quẩn sách Thuyết Văn cho rằng: Quyên là dòng nước chảy ra quận Nam Dương, đoán chắc là Hưng Dương. Phụ Đông vào Hạ khẩu, chữ viết từ bộ thủy thanh viên âm viên là âm vân.

TẬP THẦN CHÂU TAM BẢO CẢM THÔNG LỤC QUYỂN TRUNG

Thuyên thứ ngược lại âm thất huyền Quảng Nhã cho rằng: Thuyên giống như dụng cụ, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thuyên là luật cân nhắc, Quách Phác chú giải rằng: Gọi là pháp luật, chỗ gọi là dùng thuyên để đánh giá tội nặng nhẹ, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chọn lựa theo thứ tự, sách Thuyết Văn cho rằng: Cân nhắc, lượng xem nặng nhẹ, chữ viết từ bộ kim thanh toàn.

Thái âm ngược lại âm dưới tập tâm tên người.

Hộ độc ngược lại âm trên hồ cổ sách Hà Bỉ giải thích rằng: Khi vua đến sông Huyền Hộ, rùa linh thiêng cõng quyển sách đến dâng vua, tức nay là tên của dòng sông, trước đã giải thích rồi.

Tân lý ngược lại âm sở trân theo Mao Thi Truyện nói rằng: Có nước tên gọi là Tân Tân quốc cũng gọi là lý.

Cao khôi ngược lại âm khổ hồi tên người.

Hư hy ngược lại âm trên hứa ngư âm dưới hứa y Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hư hy giống như tiếng khóc đau thương, Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thống khổ, bi thương, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tiếng khóc lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hư hy là xuất hơi ra, hai chữ đều từ bộ khiếm đều thanh hư hy.

Mô tả ngược lại âm trên mạc hồ Quảng Nhã cho rằng: Mô giống như tả hình, theo Thanh Loại cho rằng: Phỏng theo sách Thuyết Văn cho rằng: Bắt chước theo quy cách, chữ viết từ bộ thủ thanh mạc hoặc là viết chữ mô.

Mân việt ngược lại âm mẫn bân âm dưới viện nguyệt Quách Phác chú giải Kinh Sơn Hải rằng: Mân việt đó tức là tây âu, nay thuộc quận Kiến An, sách Thuyết Văn cho rằng: Đất Đông Nam Việt cũng là loại rắn, chữ viết từ bộ trùng đến bộ môn thanh tĩnh.

Khiên vãn ngược lại âm trên cật diên Quảng Nhã cho rằng: Khiên giống như là vãn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: C on trâu chở lôi kéo chiếc xe ra phía trước, gọi là khiên sách Thuyết Văn cho rằng: Khiên là dẫn dắt ra phía trước, chữ viết từ bộ quynh quynh tức là dẫn dắt con trâu, quynh giống như là sợi dây buộc con trâu dẫn dắt, thanh huyền ngược lại âm dưới võng phản hoặc là viết từ bộ xa viết thành chữ vãn Văn Lục viết chữ vãn là sai.

Bức nhiên ngược lại âm trên phi bức sách Khảo Thanh cho rằng: Gạch chưa nung, Quảng Nhã cho rằng: Đánh gõ có tiếng kêu lớn, Văn

Lục viết từ bộ thổ chữ thành chữ bức bức giống như đống đất chữ phải bổn nghĩa này dùng nên không lấy.

Đậu-lô-bào âm kế đúng là chữ lơ ngược lại âm dưới bảo mao tên người, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bao là đưa vào, cũng gọi khen ngợi, tốt đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh bảo.

Thắng tuấn ngược lại âm trên đặt năng Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ thủy đến bộ thắng thanh tĩnh ngược lại âm dưới tôn tuấn Quan Thái Thú ở Tấn Giang Lăng trông coi ruộng, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Chữ tuấn quan trông coi trước dạy người dân làm ruộng đắp bờ đê, sách Thuyết Văn viết từ bộ điền thanh tuấn.

Đế cấu ngược lại âm trên đệ hề sách Thuyết Văn cho rằng: Đế là kết buộc lại không có mổ ra được, lại cũng gọi là chắc chắn, chữ viết từ bộ mịch thanh đế ngược lại âm dưới cổ hầu theo Ngọc Thiên viết đúng là chữ cấu cũng với chữ cấu cũng đồng, cấu là hợp thành, sách Thuyết Văn cho rằng: Tích chứa tài vật, chữ viết từ bộ mộc thanh cấu.

Sa thải âm dưới là thái Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Thải tức là gợn sóng, Quảng Nhã cho rằng: Tẩy rửa, sách Khảo Thanh cho rằng: Thải là thấm ướt, sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩy rửa chọn lựa ra, chữ viết từ bộ thủy thánh thái âm giản là âm gián.

Đồng nhiên ngược lại âm trên động đông theo Hàn Thi Truyện nói rằng: Đồng là sông Vẫn Long, Bì Thương cho rằng: Đồng là lửa cháy đỏ rực, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh đồng.

Suy hành ngược lại âm trên suất truy Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã rằng: Suy giống như rui nhà, ngược lại âm dưới hạnh canh sách Khảo Thanh cho rằng: Cái rầm nhà.

Vũ hoạch ngược lại âm dưới là ương khước Miếu Húy của Tắc Thiên Hậu, sách Khảo Thanh cho rằng: Hoạch đoán, đo lường quy độ cao.

Chu dĩ ngược lại âm khi kỹ.

Lão-mụ-tế âm kế mô bổ Giang Biểu Truyện giải thích rằng: Mụ là xưng gọi người đàn bà già, Tự Thư cho rằng: Cũng từ bộ mã viết thành chữ ma tức là mẹ âm cũng đồng, ngược lại âm dưới tế hề sách Thuyết Văn cho rằng: Tế là cứu giúp, nắm giữ lấy vật cho người bên đường, chữ viết từ bộ bối thanh tề.

Tiều quốc ngược lại âm tế tiều Hán Thư cho rằng: Ở Bái quận tức là xưa nước Tiều.

Chích chi ngược lại âm dương diệc sách Thuyết Văn cho rằng: Chích là bàn chân, chữ viết từ bộ túc thanh thứ.

Tam tất ngược lại âm dân tất.

Dịch môn ngược lại âm trên dinh ích Ứng thiệu chú giải Hán Thư rằng: Dịch là ở trong cung cửa nhỏ bên cửa chánh,sách tất cả viết từ bộ thủ thanh dạ.

Kiến dữ ngược lại âm dưới dữ chư loại cờ có cắm lông chim, làm biểu tượng, trong thành Sử Châu có loại cờ gọi là kiến dữ, Trịnh Huyền chú giải rằng: Biểu tượng cho sức mạnh, Quách Phác chú giả sách Nhĩ Nhã rằng: Dữ lột da con chim cắm lông vào đầu cây gậy ngọn cờ, sách Thuyết Văn viết từ bộ phương thanh dữ.

Xác bấc di ngược lại âm trên khang giác âm khang ngược lại âm khổ giang sách Chu Dịch cho rằng: Theo văn nói xác là cứng chắc không thể nhổ ra được, lại sách Hệ Từ giải thích rằng: Phàm khô xác cứng chắc người ta không thể dời đổi, âm dịch ngược lại âm di chí Hàn Khang Bá chú giải rằng: Xác là cứng chắc, bền chặc, sách Khảo Thanh cho rằng: Xác là kiên cố.

Thuyên xa âm trên là thuyên đọc cùng với âm thuyền cũng đồng, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thuyên là chiếc xe không có căm xe, nan hoa gọi là thuyên bánh xe không có nan là thuyên, gọi là xe di chuyển gần bùn lầy, Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Thuyên giống như là chuyển, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuyên là ván che chắn trên xe, dưới thấp là bánh xe, viết đúng là chữ thuyên âm nghĩa cũng đồng.

Cận đắc ngược lại âm cần hấn Quảng Nhã cho rằng: Cận giống như qua loa, ít ỏi, cũng là tạm thời có thể. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân thanh cần âm cần là âm cẩn.

Ôi tẫn ngược lại âm trên ô hồi Quảng Nhã cho rằng: Ôi ấm áp, sách Thuyết Văn cho rằng: Ôi là lửa than trong chậu, chữ viết từ bộ hỏa đến bộ ôi thanh tĩnh ngược lại âm dưới là tịch tấn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tẫn là lửa cháy còn dư lại củi, Ngọc Thiện viết đúng là tẫn âm giải thích cũng đồng với âm trên.

Miên hằng ngược lại âm trên miến thiên Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Miên là ràng buộc, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Miên là dài lâu không dứt tuyệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh miên ngược lại âm dưới cổ đặng theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hằng giống như biến khắp, sách Phương Ngôn cho rằng: Càng thêm lâu dài, theo Thanh Loại viết từ bộ mộc viết thành chữ bách gọi là quá xa vời.

Kinh nhuyễn ngược lại âm dưới huyền luyện Thiên Thương Hiệt

ghi rằng: Huyễn là nhìn không thấy rõ, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Huyễn hoặc che lờ mờ, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh huyền.

Cận chúc ngược lại âm dưới chung nhục sách Vận Lược cho rằng: Chúc là nhìn chăm chú, có rất nhiều con mắt nhìn về một chỗ, Ngọc Thiên cho rằng: Chữ viết từ bộ thi chữ thành chúc chúc giống như liên hệ, Hán Thư cho rằng: Cận gần, Tự Thư cho rằng: Chữ chúc đều không có bộ mục.

Chiến quý ngược lại âm quý quí Mao Thi Truyện cho rằng: Quý là lo sợ, tim đập mạnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Quý là lo sợ tâm đập mạnh, chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Chủng trữ ngược lại âm dưới trữ lữ sách Chu Lễ Điển Tỉ rằng: Trữ là cây thực vật là cây đay, cây gai, Trịnh Huyền chú giải rằng: Trữ là sợi dây dài năm mươi suyễn kéo dài ra loại vải bố thưa, nhuyễn mà trắng, gọi là trữ sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc dây đay nhỏ, chữ viết từ bộ mịch thanh trữ âm trữ đồng với âm trên.

Điền thứ ngược lại âm dưới là chi thạch sách Khảo Thanh cho rằng: Thạch tức là nền móng.

Sĩ thoát ngược lại âm trên trì nhĩ Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Sĩ là đoạt lột áo, âm triết ngược lại âm sắc liệt sách Thuyết Văn cho rằng: Cởi áo chữ viết từ bộ y đến bộ sĩ thanh sĩ âm sĩ là âm trĩ Văn Lục viết từ bộ thổ viết thành chữ sĩ là chẳng phải.

Lưu vẫn âm trên đúng là chữ lưu ngược lại âm dưới vu phân tên người.

Lưu thuyên ngược lại âm thữ duyên tên người.

Dung trác ngược lại âm trên dũng dung sách Hán Thư cho rằng: Dung là lò đúc kim loại, chỗ gọi là làm cho (831) chảy ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Loại đồng sắt vụn để vào lò đúc làm dụng cụ pháp khí, chữ viết từ bộ kim thanh dung ngược lại âm dưới là trác Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trác là vót đẻo, gọt cho bén nhọn, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Người thợ mộc cầm nắm cây búa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chặt, đốn, chữ viết từ bộ cân đến bộ đẩu âm đẩu là âm đậu hoặc là viết từ bộ kích viết thành chữ trác âm kích là âm kích Văn Lục viết chữ trác truyện viết sai.

Dụng thư ngược lại âm thứ chư theo Tả Truyện cho rằng: Khó có thể giảm bớt mối lo của nước Sở, Đỗ Dự chú giải rằng: Thư giống như là chậm rải, thong thả, sách Phương Ngôn cho rằng: Cởi bỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh dư Văn Lục viết từ bộ táp viết thành chữ táp

là sai.

Quải thị ngược lại âm trên hồ quái Vương Dật chú giải sách Sở từ rằng: Quải là treo lên, sách Phương Ngôn cho rằng: Nắm giữ lấy, theo Tả Truyện cho rằng: Xe vướng vào cây mà ngừng lại. Cố Dã Vương giải thích: Gặp trở ngại, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh khuê.

Sóc đẳng ngược lại âm song giác Quảng Nhã cho rằng: Sóc là cây giáo dài, Bì Thương cho rằng: Sóc là cây mâu, lại gọi là cây giáo dài tám trượng, chữ viết từ bộ mâu thanh tiếu.

Sạn tạm ngược lại âm trên sơ sản sách Bát Nhã cho rằng: Sạn giống như là trừ bỏ, theo thanh Loại cho rằng: Thành xong, sang bằng, diệt sạch, lại viết chữ sản âm nghĩa đều đồng, ngược lại âm dưới tàm đàm Quảng Nhã cho rằng: Khắc chạm gọi là tạm sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ tạm từ bộ kim thanh trảm âm thuyên ngược lại âm tử toàn.

Tử thiến lập ngược lại âm thiên kiến tên người.

Ôn lược ngược lại âm trên ô côn ngược lại âm dưới lược thường sách Sử Ký cho rằng: Ôn lược là chiếc xe người ta có thể nằm được, bởi vì Tần Thủy Hoàng chết không phát tang, theo cho rằng xe chở linh cửu, trong đó là người nằm. Mạnh Khang chú giải rằng: Ôn lược là xưa chiếc xe có áo trùm lên có cửa sổ đóng lại thì ấm, mở ra thì mát, theo Khảo Thanh cho rằng: Chiếc xe nhẹ, sách Thuyết Văn cho rằng: Ôn lược hai chữ đều từ bộ xa đều thanh ôn kinh âm ôn đồng với âm trên.

Đổ khám ngược lại âm dưới khâm hàm viết đúng là chữ khám tên họ người, Văn Lục viết từ bộ hợp viết thành chữ khám tục tự thường dùng.

Thân ngâm ngược lại âm trên thi chân Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thân cũng là ngâm Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Thân ngâm là tiếng than thở, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ khẩu.

Nùng huyết ngược lại âm trên nô đông Tự Thư cho rằng: Chữ viết từ bộ huyết viết thành chữ nùng sách Thuyết Văn cho rằng: Nùng ứ huyết sưng lên, chữ viết từ bộ huyết bộ nùng thanh tĩnh sách Khảo Thanh cho rằng: Nùng huyết là mạch máu nhỏ, lại cũng viết chữ nùng cũng viết chữ nùng đều thông dụng, Văn Lục viết chữ nùng tục tự dùng thông dụng.

Yên trướng ngược lại âm dưới trương dạng sách Khảo Thanh cho rằng: Trương giống như tràn đầy, cũng dùng chữ trương là khứ thanh, nghĩa cũng đồng.

Trĩ nhiên ngược lại âm trên trì lý sách Khảo Thanh cho rằng: Trĩ

là đứng cao sừng sững, sách Thuyết Văn viết từ bộ chỉ thanh tự hoặc là viết từ bộ túc viết thành chữ trĩ Văn Lục viết từ bộ sơn viết thành chữ trĩ là núi đứng cao sừng sững.

Thiết khoáng ngược lại âm trên thiên kiết đúng là chữ thiết ngược lại âm dưới cổ mảnh Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khoáng đó là loại kim, ngọc đồng, thiếc còn nguyên chất, chưa chế biến, hoặc là viết từ bộ quan viết thành chữ khoáng lại cũng viết chữ khoáng âm nghĩa đều đồng.

Sai kỵ ngược lại âm thái tai Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Giống như là còn nghi ngờ, sách Phương Ngôn cho rằng: Hiềm nghi, hận, sách Thuyết Văn cho rằng: Sai gọi là ghét hận kẻ trộm, chữ viết từ bộ khuyển thanh thanh.

Lục tộc ngược lại âm trên lung cốc ngược lại âm dưới hốt lộc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Lục là trở ngại, gọi là cát đá thô trắng, sách Khảo Thanh cho rằng: Đất có đá không bằng phẳng, Văn Lục viết chữ lộc tốc là sai.

Ảo cử ngược lại âm trên ô giao Văn Tự Tập Lược cho rằng: Ảo là dùng tay bẻ gãy, âm dưới đúng là chữ cử sách Khảo Thanh cho rằng: Cử giống như là tiến cử, sách Thuyết Văn cho rằng: Đối cử tức là đưa lên cao, chữ viết từ bộ thủ thanh dữ.

Song linh ngược lại âm trên trâu song sách Thuyết Văn cho rằng: Trên vách tường gọi là dũ ở cửa gọi là song tức là cửa sổ, cũng viết chữ lỗ đều chữ tượng hình, Văn Lục viết chữ song tục tự dùng thông dụng, âm trâu ngược lại âm trắc câu ngược lại âm dưới lịch đinh sách Thuyết Văn cho rằng: Linh Ô vuông của cửa sổ hoặc là viết chữ linh Văn Lục viết chữ linh là chẳng phải.

Bát lăng ngược lại âm lặc đăng sách Thuyết Văn cho rằng: Lăng nơi xó góc đúng là viết chữ lăng âm hồ là âm cô.

Huỳnh trung ngược lại âm huỳnh định Lữ Diên Tề chú giải Cam Tuyền Phú Truyện rằng: Đĩnh huỳnh là dòng nước nhỏ, nghĩa cùng với chữ lương cũng văn trước đã giải thích rồi, Văn Lục viết từ chữ dinh viết thành chữ huỳnh là sai.

Môn há ngược lại âm dưới hồ giá sách Khảo Thanh cho rằng: Vết nức, vết rạn trên sành sứ, sách Thuyết Văn cho rằng: Há là vết nức chữ viết từ bộ phửu thanh hồ cũng từ bộ phụ viết thành chữ há lại cũng viết chữ há văn lục viết chữ há là sai.

Khái viết ngược lại âm cai đại Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khái giống như là thanh gạt ngang cái đấu khi đong lường, Hán

Thư cho rằng: So sánh có thứ tự, cũng gọi là đánh giá độ lượng có thể cân bằng, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh khái.

Khanh nhiên ngược lại âm trên khách canh sách Lễ Ký cho rằng: Tử hạ khua chuông, trống tiếng lung keng, sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng đá, kim loại khua, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh khanh.

Phong thủy ngược lại âm phụng phong Hán Thư cho rằng: Phong thủy là tên sông xuất phát từ Lạc Nam Sơn ở phía đông huyện Ngạc. Lại cũng từ phía bắc chảy vào sông Vị. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh phong âm phong đồng với âm trên, Văn Lục viết từ bộ ấp viết thành chữ phong địa danh.

Quá thủy ngược lại âm ô hòa Lý thiện chú giải sách Giang Phú Truyện rằng: Quá thủy là nước chảy xoáy vòng, chảy xiết.

Thấm châu ngược lại âm thất sâm tên sông thuộc tỉnh Sơn Tây.

Vi nam ngược lại âm dưới ngũ hạt sách Khảo Thanh viết đúng là chữ bổng tức là cây mới bắt đầu mọc mầm, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nam gọi là cây trồng mọc dư ra cành viết chữ nam cũng đồng.

Hận hận ngược lại âm cấn dạng Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hận là ý không được toại nguyện, Quảng Nhã cho rằng: Hận là buồn rầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh lương.

TẬP THẦN CHÂU TAM BẢO CẢM THÔNG LỤC QUYỂN HẠ

Thuyên nhi ngược lại âm thất huyên sách Hoài Nam Tử nói rằng: Thuyên là nói kỹ càng, chỗ gọi là vạch bày ra lý lẻ, sửa trị loạn gọi là thuyên sách Thuyết Văn cho rằng: Thuyên là nói đầy đủ chữ viết từ bộ ngôn thanh toàn Văn Lục Tựa viết từ bộ trúc viết thành chữ thuyên nghĩa là cái đăng bắt cá, chẳng phải nghĩa của thuyên lượng xét cho nên không lấy.

Toát lược ngược lại âm trên toán quát Quảng Nhã cho rằng: Toát là nắm giữ lấy, cũng gọi là tay nắm lấy vật gom nắm trong tay, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh tối.

Yết tích âm trên là kiệt sách Thuyết Văn cho rằng: Gánh vác gọi là yết giống như là đưa cao lên, xưa nay Chánhh Tự viết từ bộ thủ thanh

hạt.

Chu khám ngược lại âm dưới kham cam Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khám giống như cúi xuống nhìn, cầu xin chữ viết từ bộ môn viết thành chữ khám khám trông ra xa, theo chữ chu khám đó là nghĩa liếc nhìn xung quanh bốn phía.

Nhai khiêm ngược lại âm trên ngũ giai ngũ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhai gọi là vách núi cao, ngược lại âm dưới nghiêm liểm đọc cùng với chữ nhiễm đồng âm Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Vách núi cao chỗ hiểm yếu có những dây leo chằng chịt, Quảng Nhã cho rằng: Khiêm tức là khuyết, chỗ khuyết của vách núi, sách Thuyết Văn viết hiểm tức là vách núi, chữ viết từ bộ phụ thanh kiêm.

Khánh thinh ngược lại âm khinh kính Tự Thư cho rằng: Viết đúng là từ bộ thạch viết thành chữ khánh Cố Dã Vương cho rằng: Lấy đá làm nhạc khí ngày xưa, sách Tự Thư cho rằng: Vũ Tân Phù làm ra nhạc khí này, Thế Bổn cho rằng: Mẩu cá là ra nhạc khí, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhạc khí làm bằng đá, giống như hình treo ngược lên đánh gõ vào vang ra tiếng nhạc chữ, viết từ bộ thạch thanh khánh văn cổ viết chữ khánh âm cũng đồng âm trên.

Bại xướng ngược lại âm trên bài bái sách Khảo Thanh cho rằng: Bại là tiếng ca ngợi tán thán bằng âm phạm.

Uyển hân ngược lại âm trên ô hoán sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Uyển là kinh sợ, than trách hận, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh uyển.

Phàm đà chữ phàm lấy chữ phạm bình thanh, Thích Danh cho rằng: Phàm gọi là chiếc thuyền bườm, phàm là bườm cũng viết chữ phàm hoặc là viết chữ phàm Văn Lục viết chữ phàm tục tự thường dùng, ngược lại âm dưới đà hạ Tự Thư viết đúng từ bộ đà sách Khảo Thanh cho rằng: Là bánh lái ở sau đuôi thuyền, dụng cụ để chuyển hướng chiếc thuyền, Văn Lục viết từ bộ đà viết thành chữ đà tục tự dùng thông dụng.

Sưu sưu ngược lại âm sưu lưu Quảng Nhã cho rằng: Sưu sưu là tiếng gió vi vu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ phong thanh sưu âm sưu văn cổ viết chữ sưu Văn Lục viết từ bộ phong viết thành chữ sưu là chẳng phải.

Tào lịch ngược lại âm trên tạo cao ngược lại âm dưới linh đích sách Khảo Thanh cho rằng: Tào là móng ngựa, trong chuồng ngựa, nay nay Chánhh Tự cho rằng: Cái máng đựng thức ăn cho gia súc, âm thực là âm tự tào lịch hai chữ đều từ bộ mộc đều thanh tào lịch.

Sàng tháp ngược lại âm trên trạng trang theo Mao Thi Truyện cho rằng: Sàng là chỗ thân nằm ngủ an tịnh, chữ viết từ bộ mộc thanh tường ngược lại âm dưới tham lạp Quảng Nhã cho rằng: Tháp nơi bằng phẳng, Thích Danh cho rằng: Cái gường hẹp mà dài đó gọi tháp xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh tháp.

Bạch lạc đà ngược lại âm trên lang các ngược lại âm dưới đồ đa Văn Lục viết chữ thác đà tục tự dùng thông dụng.

Sàm nham ngược lại âm trên tra nham âm dưới nha hàm sách Sở Từ giải thích rằng: Hốc núi có khe nước tăng lên mấy lượn sóng, Vương Dật chú giải rằng: Sàm nham là núi đá trơn không có cây cỏ, rất hiểm trở, Quảng Nhã cho rằng: Sàm nham là dáng núi cao, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ sơn đều thanh sàm nham âm khi là âm khi âm khu là âm khưu âm sàm ngược lại âm thổ hàm.

Tông lư ngược lại âm trên tổ hồng ngược lại âm dưới là lư Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Tông lữ là loại cây cao hai trượng, cho chánh rũ xuống, lá dẹp lớn mà tròn, có tia nhọn, da cây thật có thể làm dây và áo mưa, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mộc đều thanh tông lữ âm tông là âm tông sách Thuyết Văn lại cho rằng: Tên riêng của cây cọ, Văn Lục chữ viết tông lữ là truyện viết sai, âm tông là âm tông âm tinh là âm tinh.

Trí đốn ngược lại âm trên tri lợi, Cố Dã Vương cho rằng: Trí giống như đốn ngã, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chất cũng viết chữ trí âm nghĩa đều đồng.

Đạo cảnh ngược lại âm dưới quỹ vĩnh danh tăng, Văn Lục viết chữ cảnh tục tự thường hay dùng.

Ngụy yểm quan âm trên yểm diểm Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Yểm quan đó là vị quan trong cung, người trong coi đóng cửa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ môn thanh yểm âm hôn là âm hôn.

Thị thọ ngược lại âm sĩ xích quả của cây, tức trái hồng.

Quyền liểm ngược lại âm dưới liêm nghiệm sách Lễ Ký cho rằng: Co rút nhỏ lại trong cửa, ngoài thềm cửa lớn làm cản trở, Trịnh Huyền chú giải rằng: Khâm liệm vào quan tài cũng gọi là liểm sách Thuyết Văn cho rằng: Liểm là thâu tóm lại, chữ viết từ bộ phộc thanh liểm Văn Lục viết từ bộ ngạc viết thành chữ liểm tục tự cũng thông dụng.

Bảo quỳnh ngược lại âm quý dinh tên của ngọc quý.

Bất hủ ngược lại âm hưu cửu sách Khảo Thanh cho rằng: Thịt không thối rửa hư hoại, chữ viết từ bộ ngạt thanh hủ.

Kháng thiền sư ngược lại âm khang lãng tên người.

Hoàng sắc ngược lại âm hoàng cương nhuộm thành màu vàng.

Phò cửu ngược lại âm cầu Hưu còn nằm trên giường gọi là tử thi xác chết ở trong quan tài gọi là tử thi, xác chết chữ viết từ bộ một thanh cửu âm cửu đồng với âm trên.

Nãi ủy ngược lại âm dưới ủy vi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cây cỏ có lad héo vàng rụng gọi là ủy Trịnh Tiển giải thích giống như lá khô.

Thuyên chí ngược lại âm tuyệt duyên sách Vận Anh cho rằng: Thuyên là chạm khắc, mài ngọc, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh thuyên từ bộ chuy đến bộ ao Văn Lục viết từ bộ nãi là chẳng phải.

Kinh giam ngược lại âm dưới hạp giam.

Thải vật ngược lại âm thang lặc Tự Thư cho rằng: Mượn vật để dùng rồi sau đó hoàn lại.

Thất ám ngược lại âm ấp kim sách Khảo Thanh cho rằng: Không thể (832) nói được tức là câm chữ viết từ bộ tật.

Mân pháp sư ngược lại âm mật bần tên người.

Vĩ tông ngược lại âm tộc tông tên người.

Âu chi ngược lại âm trên a câu sách Thuyết Văn cho rằng: Đánh gõ.

Lan thuẫn âm trên là lan ngược lại âm dưới thần duẫn sách Hán Thư âm nghĩa cho rằng: Thuẫn giống như lan, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuẫn là hàng rào, chữ viết từ bộ mộc thanh thuẫn âm thuẫn đồng với âm trên.

Thố ngôn ngược lại âm thô cố sách Vận Thuyên giải thích rằng: Đặt để.

Pháo xích ngược lại âm trên bao mạo sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ bao nghĩa là trên mặt nổi những mụt nhỏ, cũng viết chữ bao sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Pháo là người trên mặt nóng nhiệt nổi mụn chỗ sanh ra vết sẹo nhỏ,sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ bì thanh bao.

Kinh nhạ ngược lại âm nha giả.

San báng âm trên là sơn ngược lại âm dưới bổ lãng Khổng An Quốc chú giải sách Quốc Ngữ rằng: San báng là chê bai hủy nhục, xem trước Văn Lục đã giải thích rồi.

Sở cửu âm trên là sở ngược lại âm dưới là cựu chữ tượng hình, văn trước đã giải thích rồi.

Cấu khích âm trên là cấu Tự Thư cho rằng: Cũng viết chữ cấu Cố

Dã Vương cho rằng: Cấu thành tạo nên xây dựng, ngược lại âm âm dưới hương ngịch Giả Quỳ chu giải sách Quốc Ngữ rằng: Khích giống như cái bình bị nứt, Cố Dã Vương cho rằng: Khích là có khe hở ở giữa, chỗ gọi là có oán hận hiềm khích với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ thanh tĩnh âm khích đồng với âm trên, Văn Lục viết từ bộ sào viết thành chữ khích là sai.

Nhất đâu ngược lại âm dưới đấu hầu chữ viết từ chữ đâu đến chữ mạo tóm lược giống như hình đầu người, âm chú thời cổ đại theo Lâm Bá Thắng cho rằng: Nhất đâu đó là cái túi vải chứa một hộc.

Trậm chi ngược lại âm trên là chẩm kinh Sơn Hải nói rằng: Mấy người đàn bà ở Sơn Đông giống như chim trậm vậy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lông chim trậm có độc, lấy ngâm vào rượu uống là chết liền, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điểu đến bộ thanh trậm Văn Lục viết chữ đam là sai chẳng phải.

Tiên hành ngược lại âm trên tiên điển sách Thượng Thư cho rằng: Nếu như đi chân không là không nhìn đất thì sẽ vấp té dùng chân bị thương, sách Thuyết Văn cho tiên là lấy chân mà nhìn đất tức đi chân trần, chữ viết từ bộ túc thanh tiên.

Chùy cứ ngược lại âm trên là chuy theo Tả Truyện cho rằng: Chùy là ý nói cái lợi quá nhỏ, lợi nhỏ nhoi, cho nên sách Sử Ký nói rằng: Chùy là không có chỗ, cái túi không có đáy, xem chưa có chỗ đứng vững, sách Thuyết Văn cho rằng: Vật bén nhọn, chữ viết từ bộ kim thanh chuy ngược lại âm dưới cư ngụ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cứ là lưỡi cưa đoạn ra gọi là đại tích cung hình, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tức là cắt bỏ vật, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh cứ.

Sa lịch ngược lại âm linh đích sách Sở Từ cho rằng: Loại gạch ngói mà đem làm ngọc báu sẽ tổn hại bỏ đi, vất bỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Lịch là đá vụn, chữ viết từ bộ thạch thanh lịch Văn Lục viết chữ lịch là chẳng phải.

****

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN
QUYỂN 1

Khuých tịch ngược lại âm trên khoảnh dịch Bì Thương cho rằng: Khuých là lặng lẻ, yên tĩnh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ môn thanh khứu âm khứu ngược lại âm cổ khuých từ bộ mục đến bộ khuyển ngược lại âm dưới trình diệc chữ chánh thể là chữ tịch.

Thảm thư ngược lại âm trên là thương cảm ngược lại âm dưới là chữ dư nói thảm thư đó tức là nói âm dương. Dương mà phát sinh ra đó thì thân duỗi thăng ra vui vẻ thỏa thích, âm mà bế tắc đóng thì sẽ có hôn muội ánh sáng chiều buồn, mới sanh nóng, lạnh, thế giới trống rổng, ẩm ướt lúc chưa có mặt trời, mặt trăng, bầu trời trong sạch chưa giáng xuống sương mù, thân không tỏa ra ánh sáng, chỗ gọi là tịch nhiên, lộn xộn tạp loạn, đồng như vậy, cho nên thảm thư là không định được.

Diên thực ngược lại âm trên thất diên ngược lại âm dưới thừa lực Tống Trung giải thích: Diên là hòa trộn lại, thực là đất sét, người thợ gốm. Hòa trộn đất sét để làm đồ sành sứ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh trực.

Nhạc trĩ ngược lại âm dưới là trì lý đã giải thích Cao Tăng Truyện trong quyển thứ mười một.

Trùy kế ngược lại âm trên là trực truy ngược lại âm dưới kê nghệ Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Kế là kết tóc lại thành búi tóc, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tiêu thanh kiết âm tiêu ngược lại âm tất diêu trùy từ bộ mộc.

Khỏa loa âm trên qua hỏa ngược lại âm dưới lô quả theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khỏa loa là con tò vò, còn gọi là con bồ lô, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tức là con ong nhỏ làm tổ bằng đất gọi là con ong tò vò, sách Thuyết Văn viết đúng là bức gọi là ong đất, gọi là tính trong trời đất nhỏ bé như ổ ong đất trong rổng không, không có con, chữ viết từ bộ trùng thanh oa từ bộ trùng thanh loa âm ông là âm ông cống.

Minh linh ngược lại âm mịch kinh ngược lại âm dưới là lịch đinh sách Nhĩ Nhã cho rằng: Minh linh đó là con sâu ăn lá dâu, Quách Phác chú giải rằng: Minh linh tức là ấu trùng của con bướm tức là minh linh nga, là giống sâu hại lúa, con tò vò thường bắt hại sâu này bỏ vào trong tổ để nuôi con, trước kia người ta chẳng biết cứ ngỡ rằng giống tò vò nuôi loại sâu này, nên minh linh có nghĩa là con nuôi, tức là dưỡng nữ minh linh, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ trùng đều

thanh minh linh truyện viết minh tinh chữ linh là chẳng phải.

Hổn độn ngược lại âm trên hồn ổn ngược lại âm dưới độn ổn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hổn độn là loại không thông, Vương Bậc giải thích: Không có chỗ phân biệt, không thể gọi tên, sách Trang Tử nói rằng: Vua ở chính giữa gọi là tứ võng, cũng gọi là vô tri, theo chữ thanh trọc đó là chưa phân rõ, xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thủy đều thanh quân độn cũng từ bộ nhân viết thành chữ hổn độn hoặc là viết chữ côn.

Hài anh ngược lại âm trên hợi ai Cố Dã Vương cho rằng: Hài là đứa trẻ còn thơ ấu, ngược lại âm dưới là anh danh Thích Danh cho rằng: Người mới ban đầu sinh ra gọi là anh là đứa trẻ bồng trước ngực gọi là anh nói anh là còn bồng bế trên tay phía trước ngực nuôi bằng sữa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nữ thanh anh âm anh đồng với âm trên, truyện viết chữ anh là sai chẳng phải.

Giới trục ngược lại âm chung lục sách Hán thư âm nghĩa cho rằng: Trục là đáu tích, Tam Thương cho rằng: Dấu vết là trục xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh thục.

Cục đề ngược lại âm trên ngang lục Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cục là bộ phân ra, Quảng Nhã cho rằng: Cục là đến gần sát một góc thành, sanh ra thâu nhiếp lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Bối rối, lúng túng, chữ viết từ bộ khẩu trong bộ xích dưới.

Chi nữu ngược lại âm ni cữu sách Thuyết Văn cho rằng: Nữu là sợi dây. Lại cũng gọi là kết buộc mà có thể mở ra được, chữ viết từ bộ mịch thanh sửu.

Thương bách âm trên đúng là chữ thương âm dưới là bạch sách Khảo Thanh cho rằng: Chiếc thuyền lớn đi ra đảo Côn Lôn, VănTự Điển nói rằng: Thuyền đi trong biển lớn, chữ viết từ bộ chu thanh bạch cũng viết chữ miên.

Khuất luận ngược lại âm trên quần tước tức là đảo Côn Lôn, chuyển sai.

Đầu quyền ngược lại âm dưới quần viên sách Khảo Thanh cho rằng: Tóc uốn cong lại óng mượt, sách Thuyết Văn viết từ bộ tiêu thanh quyển theo truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ quyển.

Cảm-mạn tiếng Phạm gọi là che hình xấu xí dưới thường mặc cái xiêm giống như phương này vận cái quần, váy gọi là bức nàm che vật, cũng không cắt may, chỉ vấn ngang nơi eo lưng dưới gọi là hợp mạn.

Hoan châu ngược lại âm trên hoán quan quản nội An Nam.

Chủy cảnh ngược lại âm trên ty nhị tên gọi nước Nam di.

Bạt nam quốc ngược lại âm trên bàn mạt nay nâng lên gọi tên khác của nước Nam.

Khỏa hình ngược lại âm trên hoa ngõa gọi là không mặc y phục.

Nhất quỹ ngược lại âm song vị luống đất.

Hạch kỳ ngược lại âm trên hành cách đã giải thích đầy đủ rồi, Cao Tăng Truyện trong quyển thứ năm.

Giải trào ngược lại âm trên giai mại ngược lại âm dưới trắc giao sách Bát Nhã cho rằng: Cười chế nhạo, hài hước làm trò đùa, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Giễu cợt, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ điều từ bộ khẩu thanh chu bổn truyện viết chữ trào tục tự dùng thông dụng, Hán Dương Hùng viết chữ giải trào.

Khuyển mẩu ngược lại âm quyết huyễn sách Khảo Công Ký rằng: Quy định là rộng năm tấc hai, tỉ tức là lưỡi cày là một cặp, cái bè rộng mà sâu, thước tấc là khuyển Quảng Nhã cho rằng: Cái hầm, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điền thanh khuyển.

Đốn tãng ngược lại âm trên đô khôn ngược lại âm dưới tang lãng cái trán chấm đất, sát đất.

Đan trì ngược lại âm trĩ cơ Hán Thư cho rằng: Kẻ sĩ bước lên thềm bực bên phải được sơn phết màu đỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Sơn đất đỏ, thân thể của vua sơn màu đất đỏ, chữ viết từ bộ thổ thanh trì xích tức là màu son đỏ.

Ngoa mậu ngược lại âm trên ngũ qua ngược lại âm dưới mi ấu Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Ngoa là lừa dối, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Mậu là sai lầm. Lưu Hy giải thích rằng: Sai lầm, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh hóa lại cũng viết chữ ngoa sách Thuyết Văn cho rằng: Mậu là cuồng dối nói kiến giải sai lầm, nói láo, nói bậy. Chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu.

Định liểm ngược lại âm liêm chiêm sách Khảo Thanh cho rằng: Liểm là bải nước cạn nổi cát lên, xưa nay Chánh Tự viết chữ liểm gọi là nước sạch, chữ viết từ bộ thủy thanh liểm.

Cân bà âm trên là cân ngược lại âm dưới phách bá hoặc là viết chữ bà âm cũng đồng trên.

Ban chi ngược lại âm trên ban phi vốn mượn âm dùng chữ.

Tiểu trâm ngược lại âm chấp lân viết đúng là chữ trâm kinh văn viết từ bộ thủ viết chữ thành trâm là sai.

Trường xác ngược lại âm trên trực lượng sách Văn Tự Điển nói rằng: Trường là lâu dài phúc lộc lâu dài, chữ viết từ bộ đáo đến bộ vong đến bộ ngột đến chủy đây là mượn âm chữ trường để dùng, ngược lại

âm dưới ha các sách Khảo Thanh cho rằng: Xác giống như canh mà đậm đặc, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh xác.

Nhất khái ngược lại âm cai đại.

Tranh xúc ngược lại âm trên chữ canh Thống Tự giải thích: Nguồn gốc giống như chữ tranh sách Khảo Thanh viết chữ tranh gọi là va chạm, chữ viết từ bộ thủ đến bộ trường Văn Truyện viết từ bộ mộc viết thành chữ tranh tên người, ngược lại âm dưới xung dục cũng gọi xúc chạm va vào nhau.

Thủy nhiên ngược lại âm niên điển sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiên giống như cầm nắm. Lại cũng gọi là nóng nảy, chữ viết từ bộ thủ thanh nhiên.

Diên thóa ngược lại âm trên tiện diên sách Thuyết Văn cho rằng: Diên là nước dãi trong miệng, chữ viết từ bộ thủy thanh khiếm Văn Truyện viết chữ diên tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới thổ ngọa.

Tống đông ngược lại âm chúng long người chết.

Thô như ngược lại âm trên thố hồ chữ chánh thể, nay phần nhiều không dùng, tục dùng thông viết chữ thô.

Sáp khẩu ngược lại âm trên sám hạp sách Thuyết Văn cho rằng: Đưa thẳng vào miệng nuốt vào trong, chữ viết từ bộ thủ thanh sáp Văn Truyện viết chữ sáp tục tự dùng thông dụng.

Giác nhiếp ngược lại âm chiêm thiệp Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cuộn lại, Quảng Nhã buộc chặt lại, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Viết từ bộ y thanh nhiếp.

Nhất phan ngược lại âm phan mạn xưa nay Chánh Tự giải thích rằng: Khoác áo lên vai gọi là phan, chữ viết từ bộ thủ đến bộ pham phan cũng là thanh.

Quải bát ngược lại âm trên qua hoa ngược lại âm dưới bàng mạc Đỗ Dự chú giải sách Chu Lễ rằng: Bát là cái vai, chữ viết từ bộ cốt thanh bát.

Trí câu ngược lại âm khẩu hầu xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cân thanh cú cũng viết từ chữ khu âm cũng đồng.

Quán thấu ngược lại âm trên quan hoãn ngược lại âm dưới sưu Hưu.

Thiền-đa-gia-sắc-sá ngược lại âm dưới Xích-giá tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là xĩ mộc.

Phách phá ngược lại âm trên bá.

Quát thiệt ngược lại âm quan hoạt.

Thích ngận ngược lại âm trên đinh lịch đã giải thích rồi, Cao Tăng Truyện trong quyển thứ hai mươi bảy, ngược lại âm dưới ngột cân Thiên Thương Hiệt ghi rằng (833) ngận là lợi răng, chân răng, chữ viết từ bộ xĩ thanh cân.

Tạc điều ngược lại âm trên tạc Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Trừ bỏ cây gọi là tạc cũng là tên cây bạch lạc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh sạ.

Lạt tân ngược lại âm lan đát xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lạt là cay, chữ viết từ bộ tán thanh thúc.

Xĩ bị ngược lại âm bài bái Quảng Thương cho rằng: Bị là tật bệnh, sách Thuyết Văn viết từ chữ bị Văn Truyện viết chữ bị cũng thông dụng.

Châu a ngược lại âm khả hà gọi là bệnh.

Yết tại ngược lại âm trên yểm diệp sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy ngón tay đè xuống, chữ viết từ bộ thủ thanh yểm.

Yếu thao ngược lại âm thảo đao sách Văn Tự Điển nói rằng: Vải đánh bằng tơ, dây tơ màu làm dây thắc lưng, chữ viết từ bộ mịch thanh du.

Phổ phúc ngược lại âm phong mục chữ đúng thể, theo Hàn Thi Truyện nói rằng: Phúc là hương thơm ngào ngạt, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hương thanh phúc âm phúc đồng với âm trên.

Cảnh khái ngược lại âm trên canh hạnh ngược lại âm dưới cai ngãi đã giải thích đầy đủ rồi, Nội Điển Lục trong quyển thứ sáu.

Nhất phạn ngược lại âm phan vãn sách Thuyết Văn hoặc là viết chữ phạn gọi là ăn cơm, chữ viết từ bộ thực thanh phản.

Càng sao ngược lại âm trên ca an ngược lại âm dưới xương nhiểu Quảng Nhã cho rằng: Sao là lúa mạch làm nấu rang để ăn, Bì Thương cho rằng: Lúa mạch làm cho khô làm bột mì, Văn Tự Điển nói: Rang cho khô, xay nhuyễn, chữ viết từ bộ mạch thanh tù âm trâu ngược lại âm sao trảo.

Chiên tinh ngược lại âm trên thiết diên Đỗ Tử Xuân chú giải sách Chu Lễ rằng: Chiên là mở của con dê, sách Thuyết Văn viết chữ sạn gọi là mùi trên thân của con dê, con cừu, chữ viết từ ba bộ dương nay viết chữ chiên cũng thông dụng, Văn Truyện viết từ bộ nhục viết thành chữ chiên cũng thông dụng, ngược lại âm dưới giai đinh sách Tiểu Số nói rằng: Tinh là mùi tanh của thịt sống, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục đến bộ tinh tinh cũng là thanh.

Kiên ngạnh ngược lại âm ngạch cánh sách Tiểu Số viết chữ ngạnh

cùng với truyện vốn cũng đồng, thời nay có dùng từ bộ thạch viết thành chữ ngạnh tục tự dùng thông dụng.

Chư tê ngược lại âm tế đề Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tê là thuộc gia vị, như gừng, hành, nước tương, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hẹ đến bộ tề thanh tĩnh chữ cổ viết chữ tê.

Bằng xa ngược lại âm trên bạch manh sách Khảo Thanh cho rằng: Bằng xa là chiếc xe có ngăn gác lầu, thời nay phần nhiều thường dùng cao bin trên xe dùng năm thứ chỉ màu quấn chặt buộc lại làm tầng gác, khi vận chuyển người ta kéo trên đường cảm thấy vui, ở phía trước, chữ viết đúng từ bộ xa viết thành chữ bằng.

Cảnh liểm ngược lại âm lực chiêm xưa nay Chánh Tự viết từ bộ phương thanh liểm Văn Truyện viết chữ khu tục tự dùng thông dụng, âm phương là âm phương.

Bần lũ ngược lại âm cù vũ sách Khảo Thanh cho rằng: Người ở chỗ mà không có tài sản dự bị làm lễ, sách Thuyết Văn viết từ bộ miên thanh lũ Văn Truyện viết từ bộ huyệt viết thành chữ lũ là chẳng phải.

Đậu khấu âm trên là đậu âm dưới ha cấu sách Nam Phương Di Vật Chí nói rằng: Loại đậu lhấu hương vị cay có thể ăn được, xuất phát từ đất Giao Chỉ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thảo thanh đậu khấu.

Tự tước ngược lại âm trên tài dữ ngược lại âm dưới tường dược.

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN QUYỂN 2

Ngưỡng hy ngược lại âm hý ý Quảng Nhã cho rằng: Hy là nhìn, sách Thuyết Văn cho rằng: Trông ra xa, chữ viết từ mục thanh hy.

Nghi pháp chu ngược lại âm trên nghi ỷ sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Nghi là chiếc thuyền tề chỉnh hướng thẳng vào bến, Ứng Thiệu giải thích Tề chỉnh, đúng đắn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh nghi Văn Truyện viết chữ nghi tục tự thường hay dùng.

Thương xác ngược lại âm giang nhạc sách Khảo Thanh cho rằng: Xác là lược, sách Thuyết Văn cho rằng: Đánh, gõ, đục, khoét, chữ viết từ bộ thủ thanh xác cũng viết từ bộ xa viết thành chữ bác cũng viết chữ giác.

Tăng-già-tri âm giữa là già âm dưới là tri tiếng Phạm, Đường

Huyền Trang địch là đại y.

Ngũ quần âm quần Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Quần là tiếp y dưới, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái xiêm dưới tức cái quần, chữ viết từ bộ cân thanh quân Văn Truyện viết chữ quần tục tự dùng cũng thông.

Tăng-khước ngược lại âm ỷ nghi tiếng Phạm, áo che dưới nách.

Thảm tịch ngược lại âm trên tham lãm sách Khảo Thanh cho rằng: Thảm là dệt lông làm thảm trải đất, xuất phát từ trong nước Thổ Phiên, Tự Thư cho rằng: Cũng từ bộ miên viết thành chữ thảm hoặc là từ bộ mịch viết thành chữ thảm âm nghĩa cũng đồng.

Ngoại nục ngược lại âm nữu lục sách Phương Ngôn cho rằng: Nục là xấu hổ, giữa núi đông phía tây xấu hổ, hổ thẹn gọi là nục Quách Phác chú giải rằng: Trong lòng hổ thẹn, chữ viết từ bộ tâm thanh nhi.

Lâu dẫn ngược lại âm trên lậu hầu sách Phương Ngôn cho rằng: Nam Sở hoặc gọi là Lâu Cô sách Thuyết Văn cũng gọi là Lâu Cô, lại gọi là Cốc Thiên Lâu tức là loài côn trùng như dế mèn hại lúa, chữ viết từ bộ trùng thanh lâu ngược lại âm dưới dần nhẫn sách Nguyệt Lịnh cho rằng: Đến mùa xuân là con giun đất, con trèn bò trên đất, Cố Dã Vương cho rằng: Tức con bọ ngựa, con giun, Tự Thư viết chữ dẫn sách Thuyết Văn viết chữ cận dẫn tức là loài côn trùng nhỏ nhít, chữ viết từ bộ trùng thanh dần âm cẩn ngược lại âm khâu nhẫn.

Dũng tàm ngược lại âm trên dung chủng sách Thuyết Văn cho rằng: Con tầm còn nằm trong kén, chữ viết từ bộ trùng thanh dũng ngược lại âm dưới tạp nam sách Thuyết Văn cho rằng: Con tằm có chửa, bụng chứa tơ, chữ viết từ bộ côn thanh tán âm tán ngược lại âm sang cảm.

Sanh kiển ngược lại âm kiên hiển sách Thuyết Văn cho rằng: Là con tầm còn nằm trong kén, chữ viết từ bộ mịch đến bộ trùng đến bộ thảo thanh tĩnh xưa nay Chánh Tự viết chữ kiển.

Dụng khư ngược lại âm khứ ngư.

Cù du ngược lại âm trên cụ câu ngược lại âm dưới số trâu Bì Thương cho rằng: Tức là tháp đăng theo Thanh Loại cho rằng: Chiếu lông tức là thảm trải đất, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mao đều thanh cù du.

Tham lam ngược lại âm lạp nam sách Phương Ngôn cho rằng: Lam là tàn, sách Thuyết Văn cho rằng: Bắc Hà gọi tham là lam chữ viết từ bộ tâm thanh lâm Văn Truyện viết chữ lam âm đồng, nghĩa khác nay không dùng.

Sự phồn ngược lại âm âm phạn viên theo Mao Thi Truyện cho rằng: Nhiều nẩy sinh ra đông nhiều.

Huề bình ngược lại âm trên huệ khuê Cố Dã Vương cho rằng: Huề là nắm giữ lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Đề cao chữ viết từ bộ thủ thanh huề âm huề đồng với âm trên,theo truyện viết chữ huề tục tự dùng thông dụng.

Trường vụ ngược lại âm trên văn lương ngược lại âm dưới vô ngộ Quách Phác chú giải Mục Thiên Tử Truyện rằng: Vụ là đánh ngựa cho chạy nhanh, Cố Dã Vương cho rằng: Ngựa chạy rất nhanh, Quảng Nhã cho rằng: Ngựa chạy loạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mã thanh vụ âm vụ là âm vũ.

Hoan huyên ngược lại âm trên huyên viên Văn Truyện viết chữ huyên nghĩa cũng đồng, Quảng Nhã cho rằng: Hoan là nói rì rầm, tiếng hót, Cố Dã Vương cho rằng: Kêu gọi lại gọi là hoan huyên giống như là ồn ào, sách Thuyết Văn cho rằng: Ồn ào, chữ viết từ bộ ngôn thanh quyền ngược lại âm dưới hương yêu sách Thuyết Văn cho rằng: Trên đầu xuất hơi ra, chữ viết từ bộ huyên đến bộ hiệt hiệt là đầu âm huyên ngược lại âm trắc lập.

Khẩn thổ ngược lại âm trên khẳng ngận gọi là cày ruộng.

Viễn phục ngược lại âm trên vi ủy sách Khảo Thanh cho rằng: Lời trách mắng.

La lự ngược lại âm lự dự theo chữ la lự đó e rằng trong nước có vi trùng nhỏ vật rêu cỏ dơ bẩn v.v... cho nên phải lấy vải lưới làm đồ để lược, nước sạch rồi đậy lại, cũng phải hộ sanh mà đem thả vào giếng nước khác khiến cho mạng sống của các trùng kia được sinh tồn, thời nay tục thông dụng chữ này.

Đảng trừ ngược lại âm đường đảng.

Phú bát ngược lại âm trên phù vụ âm dưới là bác cũng viết chữ bác tục tự dùng thông dụng.

Trữ trục ngược lại âm trên trừ lữ ngược lại âm dưới trung lục nghĩa đã giải thích rồi trong quyển Tây Vực Ký Tựa.

Hạ mạt ngược lại âm mang bát.

Ba-lạt-tư âm giữa Lan-đát tiếng Phạm.

Phách liệt ngược lại âm trên sính mịch ngược lại âm dưới liên triết.

Hoán phục ngược lại âm trên nô đoản sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hoán là ấm áp, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Ấm áp, chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn Văn Truyện viết chữ nhu là sai.

Trất tỹ ngược lại âm trên tần sắc ngược lại âm dưới tần mật nói trất tỷ đó là như cây lược răng thưa tương thứ tự thẳng hàng với nhau, cũng viết chữ tỷ Văn Truyện viết chữ phi cũng thông dụng.

Đáp kiên ngược lại âm trên đam hạp âm dưới là kiên.

Đài sử ngược lại âm âm đãi lai.

Quá tể ngược lại âm tế hề sách Thuyết Văn cho rằng: Tế là trợ giúp, chữ viết từ bộ bối thanh tế.

Súc trực ngược lại âm trên xung lục theo Thống Tự cho rằng: Súc gọi là đứng thẳng lâu dài, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Dáng đứng thẳng, sừng sửng, chữ viết từ hai bộ trực.

Nhung thải ngược lại âm trên nhục dung sách Khảo Thanh cho rằng: Dùng tơ lụa, chỉ màu, Tự Thư cho rằng: Lông mịn làm đồ trang sức, chữ hoặc là viết từ bộ nhĩ viết thành chữ nhung âm dưới sang tể.

Bán thuyên ngược lại âm thuyên nhuyễn sách Thuyết Văn giải thích: Thuyên cơ bắp thịt bắp chân, chữ viết từ bộ nhục thanh đoan.

Thuyên y ngược lại âm thù duyên Bì Thương cho rằng: Thuyên là sọt chứa gạo thóc, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vi thanh đoan Văn Truyện viết chữ thuyên là chẳng phải, âm độn ngược lại âm đồ khốn tức là đàn bà chỗ mặc quần dưới.

Mong vũ ngược lại âm trên là mong theo Mao Thi Truyện cho rằng: Là mưa mù mịt, sách Thuyết Văn cho rằng: Mong là mưa phùng, mưa khói mịt mù, chữ viết từ bộ thủy thanh mong.

Tứ bạo ngược lại âm bao báo sống chết sông lớn.

Thảm bố ngược lại âm trên sang cảm Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là đem vật không màu sắc gọi là thảm thảm là u ám tối tăm, sách Thuyết Văn cho rằng: Màu xanh đen nhạc, chữ viết từ bộ hắc thanh lam.

Chiêm lư ngược lại âm trên thức liêm ngược lại âm dưới lữ chư.

Hao đào ngược lại âm cáo cao ngược lại âm dưới đạo đao.

Bàng điếm ngược lại âm điềm niệm.

Nhai tí ngược lại âm trên nhai giải ngược lại âm dưới tề giới sách Khảo Thanh cho rằng: Trợn mắt giận dữ, mở ra nhắm lại phẫn nộ gọi là nhai tí Văn Truyện viết chữ sài là sai.

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN
QUYỂN 3

Huệ nghiển ngược lại âm ngôn kiển theo Mao Thi Truyện cho rằng: Nghiển là ngọn núi nhỏ nằng riêng biệt trên ngọn núi lớn, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Ngọn núi này hình như là mưa kéo dài triền miên, Thích Danh cho rằng: Núi cô độc riêng lẻ, tuyệt không có chỗ người ở, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nghĩa cùng trên cũng đồng, chữ viết từ bộ sơn thanh hiếm.

Hội cang ngược lại âm trên duẫn lôi Quảng Nhã cho rằng: Hội là hư hoại, sách Thuyết Văn cho rằng: Rơi rớt xuống bùn, chữ viết từ bộ phụ thanh hội ngược lại âm dưới các lang sách Thuyết Văn cho rằng: Cương là nắm giữ giềng mối sợi dây to nơi lưới, chữ viết từ bộ mịch thanh cương Văn Truyện chữ viết cương tục tự dùng thông dụng.

Thuân liệt ngược lại âm trên thát tuần Bì Thương cho rằng: Thuân là da (834) nứt nẻ phòng nổi lên, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bì thanh thuân âm thuân đồng với âm trên.

Đẩu tẩu âm trên là đấu ngược lại âm dưới tô hậu.

Thiên tiểu ngược lại âm biên miến.

Phòng trách ngược lại âm tranh ách Bì Thương cho rằng: Trách là chật hẹp, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Bức bách chật hẹp, chữ viết từ bộ huyệt thanh sa cũng viết từ bộ nghiễm viết thành chữ trách Văn Truyện viết chữ trách là sai, dùng sai chữ, nay không dùng âm khiếp là âm hạp.

A-lộ-kỳ ngược lại âm trên A-khả âm kế là lỗ âm dưới truyện tự âm gọi là sát cận kề, tiếng Phạm trong truyện tự giải thích.

Song tất ngược lại âm tân dật Cố Dã Vương cho rằng: Tất là đầu gối, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng là chữ tất đầu gối cẳng chân, chữ viết từ bộ tiết thanh tất là âm tiết.

Cứ địa ngược lại âm cư ngự.

Tích tập ngược lại âm trên tất diệc Quảng Nhã cho rằng: Tích là gấp lại, cong lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Gấp xếp áo, chữ viết từ bộ y thanh tích ngược lại âm dưới điềm hiệp sách Thuyết Văn cho rằng: Bộ quần áo nhiều lớp, chữ viết từ bộ y thanh tập Văn Truyện viết chữ điệp là chẳng phải, âm quyển là âm quyển.

Túc cân âm cân.

Song thụ ngược lại âm chu nhủ tục tự viết đúng thể là chữ thụ.

Hung cách âm trên là hung ngược lại âm dưới canh hạch.

Biển tích ngược lại âm trên biên biện tên họ người Văn Truyện viết từ bộ điểu viết thành chữ biển là sai.

Cương phó âm trên là cương ngược lại âm dưới là bằng bắc.

Đạm tấm ngược lại âm trên là đạm tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới tăng lảm.

Tiện sưu ngược lại âm lặc lưu.

Hồ tuy ngược lại âm dưới là tuy tên một loại rau có mùi thơm, cũng viết chữ lăng Văn Truyện viết chữ truy sách viết sai.

Chẩn mạch ngược lại âm trên chân nhẫn.

NAM HẢI KÝ QUY NỘI PHÁP TRUYỆN
QUYỂN 4

Khuyến tưởng ngược lại âm tướng tưởng Trịnh Huyền chú giải sách Phương Ngôn rằng: Giữa Tần Tấn gọi khuyến khích là tương Quảng Nhã cho rằng: Khen ngợi, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thành xong.

Dương ba ngược lại âm phạ ba sách Thuyết Văn cho rằng: Là hoa của cây cỏ, chữ viết từ bộ thảo thanh ba âm đồng với âm trên.

Trì khứu âm hưu Hưu sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng mũi chính là để ngửi, chữ viết từ bộ tỵ thanh xú.

Trục tĩnh ngược lại âm sanh hạnh Quảng Nhã cho rằng: Tĩnh là ít, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Giảm bớt, thu nhỏ lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nữ thanh tĩnh Văn Truyện viết chữ tĩnh thời dùng tóm lược.

Quách mạnh ngược lại âm trên hồ mảnh lúa mạch có nhiều hạt lép, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hòa thanh quảng.

Thiên vĩ ngược lại âm vi uy sách Bát Nhã cho rằng: Vĩ là của cây cỏ, Vận Thuyên, Tự Lâm đều cho rằng: Hoa, xưa nay Chánh Tự nụ hoa, chữ viết từ bộ thảo đến bộ bạch thanh vi.

Nhu tạp ngược lại âm trên nữu lưu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nhu cũng là tạp xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mể thanh nhu Tự Thư cho rằng: Viết đúng từ bộ sửu viết thành chữ nhẫn cũng viết chữ nhận.

Chư đảo ngược lại âm đao lảo An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hải đảo eo biển bên sườn núi, người ta có thể ở gọi là đảo, sách

Thượng Thư cho rằng: Bộ tộc Man Di ở trên đảo này, Thích Danh cho rằng: Đảo là đến gọi là chỗ ở người chạy trốn đến ở, sách Thuyết Văn cho rằng: Trong biển thường thường có núi có thể dựa vào đó để dừng nghỉ gọi là đảo chữ viết từ bộ sơn thanh điểu.

Trần buộn ngược lại âm bồn muộn Dương Tử giải thích rằng: Trần giống như là đến, sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là bụi trần, chữ viết từ bộ thổ thanh phân.

Xưng tuấn ngược lại âm tôn tuấn Bạch Hổ Thông cho rằng: Vượt hơn trăm người gọi là tuấn hơn ngàn người gọi là anh Bội Anh giải thích rằng: Người hiền, theo Tả Truyện cho rằng: Tuấn là tuyệt di khác thường, sách Thuyết Văn viết chữ tuấn đó là người vượt hơn ngàn người gọi là tuấn chữ viết từ bộ nhân thanh thanh tuấn nghĩa cùng với chữ tuấn cũng đồng, âm tuấn ngược lại âm thất tuần.

Phong ngạc ngược lại âm trên phù bồng ngược lại âm dưới ngang các sách Thuyết Văn cho rằng: Phong là loại binh đao dạng thẳng, chữ viết từ bộ kim thanh phong xưa nay Chánh Tự cho rằng: Ngạc cũng là đao kiếm, chữ viết từ bộ kim thanh ngạc âm ngạc đồng với âm trên.

Phẩu tích ngược lại âm trên phổ khẩu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phẩu là phanh trong ra, tách ra, phân ra, Cố Dã Vương cho rằng: Chẻ phá ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Chẻ phá ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm phổ khẩu ngược lại âm dưới tinh diệc theo Thanh Loại cho rằng: Tích cũng là phanh, sách Thuyết Văn cho rằng: Tích là chẻ cây ra, chữ viết từ bộ mộc thanh cân cũng gọi là lột cây ra.

Xác tiểu ngược lại âm trên khang giác theo Hàn Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: Xác là vỏ cứng, chắc, kiên cố, sách Văn Tự Diển nói: Cứng chắc, chữ viết từ bộ thạch đến thanh xác.

Tỏa ngoại đạo ngược lại âm trên tờ ngọa Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tỏa là chém chặt ngang lưng, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bẻ gãy ngọn kiếm gọi là tỏa sách Thuyết Văn cho rằng: Bẻ gãy, chữ viết từ bộ thủ thanh tọa.

Thanh biện ngược lại âm biệt miển sácg Khảo Thanh cho rằng: Trí tuệ sáng suốt, phân biệt rõ ràng, chữ viết từ bộ ngôn thanh biện Văn Truyện viết chữ biện tục tự kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ này.

Kình hải ngược lại âm trên tinh ngưỡng Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Kình là loại cá vua, cá voi, theo Thống Tự viết từ bộ cương viết thành chữ cương tức con cá lớn trong biển, con cá này dài hơn ngàn

dặm, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngư thanh cương nay từ bộ kinh viết thành chữ kình chữ dùng cũng thông dụng.

Khất cái ngược lại âm cai ngãi sách Thuyết Văn cho rằng: Khất cái là nói người tiêu hết tài sản thì phải đi xin ăn, cầu cạnh nơi người khác, chữ hội ý.

Hộ dược ngược lại âm dương chước Tự Thư viết từ bộ môn viết thành chữ dược âm nghĩa đều đồng.

Sàng tháp ngược lại âm trên trạng trang ngược lại âm dưới tham lạp Thích Danh cho rằng: Tháp tức là giường hẹp mà dài gọi là tháp xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh tháp âm tháp đồng với âm trên.

Tư tư ngược lại âm tử tư sách Thuyết Văn cho rằng: Tư tư là siêng năng không biết mỏi mệt, sách Chu Thư cho rằng: Tư tư là không có biếng nhát, chữ viết từ bộ chuy thanh tử.

Nhiên kỹ ngược lại âm kỹ nghi sách Thuyết Văn cho rằng: Kỹ bắp thịt, chữ viết từ bộ nhục thanh kỹ.

Tương chủng ngược lại âm chung dũng theo Thanh Loại cho rằng: Chủng là gót chân, Cố Dã Vương cho rằng: Chủng là đuổi theo, giẫm đạp lên gót chân kẻ khác, lại cho rằng: Đuổi theo, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nối tiếp theo, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là đuổi theo, chữ viết từ bộ túc thanh chung.

Triện trụ ngược lại âm trên trù luyến sách Chu Nghi Vương Thái Sử, Sử Trụ trước Đại Triện mười lăm Thiên Thừa Tướng Lý Tư viết Thiên Thương Hiệt trong phủ xa lịnh, Triệu Cao viết viện lịch thiên, Thái Sử Hồ Mẩu Kính viết Bác Học Thiên đều rút trong Sử Trụ Đại Triện, hoặc là tóm tắt, sửa đổi, chỗ gọi là Tiểu Triện, Thuyết Văn dẫn lời trong sách, chữ viết từ bộ trúc thanh duyên âm duyên ngược lại âm thuyên loạn ngược lại âm dưới trù lưu sách Sử Ký nói rằng: Trụ đó là thời nhà Chu làm quan sử dạy các hoàng tử con vua học cùng sách Khổng Thị Bích Trung, trong văn cổ thể có khác, nhưng đều là văn cổ, Thuyết Văn đọc sách, chữ viết từ bộ trúc thanh trụ.

Hầu vẫn âm trên là hầu ngược lại âm dưới văn phân hai bên góc miệng.

Hội lan ngược lại âm trên hồi nội chữ chánh thể, ngược lại âm dưới lan đàn.

Quán thể ngược lại âm trên quan hoạn sách Khảo Thanh cho rằng: Xuyên qua áo, Văn Truyện viết chữ hoàn âm hoạn là sai.

Trậm độc ngược lại âm trên trầm cấm ngược lại âm dưới đồng lộc.

Thảo lệ ngược lại âm lễ kế Văn Tự Điển nói: Tần Trình ở trong tù xa xôi nơi Vân Dương, lúc ở trong ngục có sửa đổi chữ cổ thư, thể thư là phác lệ, sách Thuyết Văn viết từ bộ đải thanh nại Văn Truyện viết thảo lệ, lệ đó thời nay là thảo thư, Lệ thư.

Bảo giam ngược lại âm hạp giam Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Giam là cái hộp làm bằng gỗ chứa đựng văn thư, Quảng Nhã cho rằng: Giam gọi là cái rương, sách Thuyết Văn cũng gọi là cái rương, chữ viết từ bộ mộc thành hàm Văn Truyện viết chữ hàm tục tự dùng thông dụng.

Thiều quan ngược lại âm trên đình điêu Bì Thương cho rằng: Thiều là mái tóc, sách Khảo Thanh cho rằng: Đứa trẻ nhỏ cắt tóc còn chừa lại hai bên vá, chỉ đứa trẻ tóc còn để chỏm, xưa nay Chánh Tự cũng cho rằng: Cạo tóc còn chừa lại hai bên chỏm, chữ viết từ bộ tiêu thanh chiêu âm mao là âm mao âm tiêu ngược lại âm tất diêu Văn Truyện viết từ bộ xĩ viết thành chữ thiều tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới quan hoạn Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Đứa đồng tử có buộc tóc thắc tóc lại, còn để tóc tự nhiên, sách Tự Cảnh, Vận Thuyên đều cho rằng: Quan là đứa đồng tử tóc bên trái đào, chữ tượng hình âm thông là âm thông.

Lệ luật ngược lại âm trên lực chế danh tăng.

Trách ải ngược lại âm trên tranh ách đã giải thích trong quyển thứ ba rồi, ngược lại âm dưới là ách giới Cố Dã Vương cho rằng: Ải là chật bức bách chật hẹp, Quảng Nhã cho rằng: Cấp bách, nhỏ hẹp, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nơi chật hẹp, thấp hèn, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh ải.

Phụ bách âm bạch Quảng Nhã cho rằng: Bách là thuyền nhỏ trong biển, Bì Thương cho rằng: Thuyền lớn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ chu thanh bạch.

Thiều sấn âm trên là điều ngược lại âm dưới sơ cẩn Trịnh Huyền chu giải sách Chu Lễ rằng: Sấn là hủy bỏ cái răng, sách Thuyết Văn viết từ bộ xĩ thanh sất.

Nhật cán ngược lại âm càn đán Đỗ Dự chu giải Tả Truyện rằng: Cán là bầu trời trong, sách Thuyết Văn cho rằng: Buổi tối, chữ viết từ bộ nhật thanh cán Văn Truyện viết từ bộ nguyệt viết thành chữ cán là sai.

Sĩ tích ngược lại âm trên là trì lý Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Sĩ là lột áo ra, xưa nay Chánh tự viết từ bộ y thanh sĩ Văn Truyện viết chữ sĩ tục tự dùng thông dụng, âm sĩ ngược lại âm thiên y.

Huyền ỷ ngược lại âm ý ly theo Mao Thi Truyện cho rằng: Ỷ là nhiều lớp sóng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh ỷ âm ỷ đồng với âm trên.

Mô mẩu ngược lại âm trên mộ hồ xưa tên của người đàn bà xấu xí.

****

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC CẦU PHÁP CAO TĂNG TRUYỆN

Nghĩa Tịnh Tam Tạng soạn. Sa-môn Huệ Lâm âm.

QUYỂN THƯỢNG

Tuẫn pháp ngược lại âm tuần tuấn Giả Huyên Phục Điểu Phú Truyện giải thích rằng: Người liệt sĩ thanh danh không kể mạng sống, sách Tập Huấn chú giải rằng: Quên mình theo vật chết gọi là tuẫn Văn Tự Điển nói: Người không kể mạng sống, chữ viết từ bộ ngạt thanh tuần.

Kình ba ngược lại âm cự nghinh Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Kình là con cá lớn nhất trong biển, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Đồng nghĩa hoặc là viết chữ cương.

Tấn thân âm trên là tấn sách Thuyết Văn cho rằng: Tấm vải lụa nhuộm làm màu đỏ trắng gọi là tấn theo Tả Truyện cho rằng: Có thắc lưng màu đỏ, sách Vân Thị Trang Tử nói rằng: Có ông Tấn Thân tức là chỉ hạng quan lại, tấn là giắt, ý nói giất hốt vào đai, ngược lại âm dưới là thân Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Thân là dây đai lớn cột thắt lưng rủ xuống, sách trước có ghi giải thích đầy đủ các việc.

Hâm ngâm ngược lại âm trên khấp kim ngược lại âm dưới sĩ tiềm Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hâm ngâm là cao ngất nguy hiểm, thế núi cao, sách Phương Ngôn cho rằng: Ngâm là cao, to lớn, Quách Phác chú giải rằng: Ngâm hâm núi cao đều là chữ hình thanh, âm ngâm là âm ngâm.

Hạp nhiên ngược lại âm kham đáp sách Sở Từ cho rằng: Chết an ổn dưới dòng nước chảy, Vương Dật chú giải rằng: Hạp bổng nhiên mà chìm xuống chết, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh hạp âm hạp là âm hợp từ bộ thảo đến bộ đại đến bộ huyết.

Quảng hiếp ngược lại âm hiểm nghiệp theo Truyện tự giải rằng: Thành Vương Xá tên của ngọn núi, chữ viết từ ba bộ lực đến bộ nhục.

Cự-cự-sá âm kê.

(835) Ế-thuyết-la Đường Huyền Trang nói quí tức là nước Cao Nghiêm, cộng sự là thần kê, vì đầu con kê (gà) có bộ lông đẹp cho nên gọi là quý kê.

Bất lân ngược lại âm lật chẩn chẩn Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Lân là chất phốt pho mỏng, trong bổn thảo vân mẩu gọi là thạch lân, nói loại đá này mỏng mà sáng óng ánh.

Huệ nghiển ngược lại âm ngôn kiển sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hiến là núi cao cũng là ngọn núi nhỏ nằm hai bên ngọn núi lớn, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Núi nhỏ riêng biệt bên ngọn núi lớn, Huệ Nghiển là tên vị tăng, danh tăng.

Ninh ân ngược lại âm ấn lân Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ân là lấp bít, chữ viết từ bộ thổ.

Tích linh ngược lại âm trên tinh diệc âm dưới là linh theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tích linh là trong vùng thảo nguyên. Loại chim chìa vôi, cũng có nghĩa trong anh em tính nóng nảy khó hòa hợp, Trịnh Huyền chú giải rằng: Loài hòa thuận hay ở ngòi rảnh vừa bay vừa kêu lại lắc lư, đôi cánh, trong truyện viết từ bộ tích viết thành chữ tích tục dùng chẳng phải chữ đúng thể.

Tán nhiên ngược lại âm sở gian Mao Thi Truyện cho rằng: Tán nhiên là khóc rơi lệ.

Lũ-nã-triết-lý-đa ngược lại âm trên ngu củ ngược lại âm dưới nổ da tiếng Phạm tên chùa, trong truyện tự giải thích Đường Huyền Trang cho rằng: Chùa Đức Hạnh gần chùa Đại Giác không xa.

Tang ca ngược lại âm trên tá lang âm dưới là ca theo chữ tang ca đó là giống như loại người tây Nam Di của Nam Sở cũng là địa danh tức là năm phủ quan trong số châu, đều là vậy, trong Nam Ích Thục, nay bởi vì trong truyện nói, xưa kia có hơn hai mươi người đến Thục Xuyên xuất ra từ Tang Ca đến Thiên Trúc mà đạt được thông suốt, có nhân duyên như vậy, đây mới nói theo kiếm tìm khảo xác địa chí và các địa lý, sách Nam Phương ghi các việc nói đây là đến năm ngày mới con đường vào đến đất Thục Xuyên, xuất ra từ phía nam, trong kinh nói có người họ Diêu, Việt Tuấn, Bất Hỹ, Vĩnh Xương v.v... ở ấp này, xưa hiệu là Ai Lao, Triều Ngọc Hán, ban đầu mến mộ yêu chuộng, về sau sửa đổi lại là nói thân có độc xưng Quốc Đọa Vương nước này tiên tổ vốn chủng loại nhà rồng, truyền nối, kế thừa cho nhau. Nay đều thuộc Nam Man phương bắc tiếp đón hổ tương mà sống trà trộn với nhau với phương tây, qua đến đây là Man giới, ranh giới của Nam Man, tức là vào nước Thổ

Phiên, ranh giới phía nam, tức là Tây Việt, có nhiều núi cao hùng vĩ trải khe hang núi, phàm trong nói có nhiều, có hơn ba ngàn dặm, quan đến ranh giới Thổ Phiên lại phải trải qua núi tuyết, dưới chân núi phía nam, tức là người Đông Thiên Trúc, ranh giới Đông Nam là nước Ca-ma-lâu-ba, kế đến gần nước Nam-tam-ma-đát-sá, nước Kha-lợi-kê-la và nước Đam-ma-lập-để v.v... đây là con đường núi cùng đến Thiên Trúc gần như nguy hiểm khó đi, Đại Đường cùng với Ngũ Thiên đến kịp đi đường bộ nhưng khi đến mùa hạ nóng nực loài sâu trùng độc là không thể đi mang giày dép mà gặp nó là khó mà toàn sanh mạng, mùa thu phần nhiều có mưa gió, nước nổi lại không thể đi lại, mùa đông tuy không có nhiều trùng độc nhưng lại có nhiều tuyết, lạnh giá khó mà bước chân lên nổi, nhưng cũng có đúng là hai, ba tháng mới qua mùa này, lại dịch giải nhiều chủng loại Man Di nói bao quát mua can đường bằng hàng hóa vải vóc, các nhà thương buôn trải qua, thổ dân dẫn đường, lần lần hỏi thăm bờ bến tức là được đạt tới nơi, núi kiểm trở không có đường đi khó mà biết chỗ thông bít, bởi vì nhân người đến cầu pháp lạc, tuần lễ cho nên nói đây để hiểu chưa nghe.

Tuấn tiếu ngược lại âm trên tuần tuấn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tuấn giống như là cao, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ viết thành chữ tuấn ngược lại âm dưới thu tiếu sách Vận Anh cho rằng: Tiếu cũng là tuấn, hoặc là viết chữ tiếu tức là núi cao mà dốc, đều là chữ hình thanh, hai thể đều thông dụng.

Niên nê ngược lại âm trên ni liên sách Tập Huấn cho rằng: Niêm là lật qua khiến cho dính vào nhau, Tự Thư cho rằng: Cam thổ tức là niêm thổ, chữ hội ý.

Bì trách ngược lại âm trên bì mỹ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bì là hủy hoại, sách Thuyết Văn cho rằng giải thích cũng đồng, chữ viết từ bộ thổ thanh dĩ ngược lại âm dưới sĩ cách sách Bát Nhã cho rằng: Trách là phân ra, sách Khảo Thanh cho rằng: Trách là đất nức ra, trong truyện viết chữ trách là sai chẳng phải.

Câu-la-bát-để âm la là âm la hạ trong truyện tự giải thích gọi là chủ nhà.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC CẦU PHÁP CAO TĂNG TRUYỆN QUYỂN HẠ

Viện truy âm trên là viện sách Khảo Thanh cho rằng: Viện nắm giữ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Dẫn dắt, hoặc là viết chữ viện sách Vận Anh cho rằng: Viện là cứu giúp, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh viện sách Thuyết Văn cho rằng: Viện từ bộ thọ âm phi điểu đến bộ thiên ngược lại âm dưới tể sư sách Thuyết Văn cho rằng: Vải lụa màu đen gọi truy chữ viết từ bộ mịch thanh truy.

Thấu ngọc tuyền ngược lại âm sưu trâu lại cũng là âm sửu hầu hai âm đều thông dụng, sách Vận Anh cho rằng: Thấu là súc miệng Tự Thư viết từ bộ thủy thanh thấu.

Giới-lang-ca âm trên là giới Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giới là đến, Lang-ca là tiếng Phạm, tên đảo trong biển.

Toát tập ngược lại âm trên toán loát sách Vận Thuyên cho rằng: Yếu lược, âm toán ngược lại âm tổ noản âm noản ngược lại âm lỗ quát.

Minh bột âm trên là minh âm dưới là bột gọi là loài cá rồng trong biển khởi lên mây mưa trấn động sấm sét phẩn nộ giận dữ nước nổi lên khó mà tìm thấy đất bằng, khó mà tìm thấy địa chí.

Tẫn lạc ngược lại âm trên tân nhẫn Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Tẫn là vất bỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Giải thích cũng đồng, chữ hình thanh.

Trịch xúc ngược lại âm trên trình thạch ngược lại âm dưới trùng lục Cố Dã Vương cho rằng: Nhấc chân cao lên mà không muốn bước tới, hoặc là viết chữ trịch xúc cũng thông dụng, theo chữ trịch xúc giống như tình ý bồi hồi mà tiến tới, thối lui tức là đi đi lại lại.

Cũng châu âm trên là cung.

Cung ngạnh ngược lại âm cổ hạnh sách Tập Huấn cho rằng: Ăn xương cá đâm mắc trong cổ họng gọi là ngạnh theo ý nghĩa của Tả Truyện là trong lòng này tình có đi có ở lại tiến thối, cho nên gọi là cũng ngạnh ngạnh là mắc nghẹn.

Da tử ngược lại âm dã sa chữ chỉ rằng: Da tử là tên của trái cây ở phương nam, xuất ra từ đất Giao Chỉ tên cây này gọi là da cây cao mười trượng, lá trong thân ngọn cây, trái thật giống như trái bầu lớn trị, được đói dùng được khát, theo Thanh Loại cũng cho rằng: Tên của quả tức trái dừa, loại trái này vỏ rất cứng, có thể làm dụng cụ, vỏ cây có thể làm dây cứng chắc bền, chữ viết từ bộ mộc chữ hình thanh.

Tân lang âm trên là tân âm dưới là lang Bì Thương cho rằng: Tên của quả. Quả này giống như ổ tò vò nhỏ, có thể ăn sống có thể xuất hơi, xuất từ giao quảng, tên của quả này gọi là tân lang, tức là cây cau, quả cau, giống như cây quế mùi rất thơm, khi trổ bông dài như bông lúa mạch đều là chữ hình thanh.

Chư căn ngược lại âm trữ như sách Thuyết Văn cho rằng: Chư tức cây mía, nay lại chẳng phải vật này, giá tức là cam giá người ta có thể ăn cả mộng và rể, không thể cấn nổi theo truyện cho rằng: Chư là rể cây rõ ràng chẳng phải cam giá, theo bản thảo tự trữ gọi là thổ chư cũng gọi là tên khác của núi Vu tức là Vu Sơn, gọi khác nữa là táng dự trữ là người thôn dã gọi là thổ chư Ngọc Thiên cũng cho rằng: Nói không có nghi ngờ gì.

Sự nhẫn ngược lại âm truy sự sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy mũi kiếm mà đâm vào người, sách Sử Ký cho rằng: Không dám lấy mũi kiếm mà đâm vào trong bụng, hoặc là viết chữ sự tức là mũi dao chữ hình thanh.

Tảng tử ngược lại âm trên tác lang tên của cây. Tức là cây dâu tằm ăn, sách Anh Hoa Tập giải thích: Việc sinh sống của con người chỉ làm ruộng, nuôi tằm, vua ra lệnh phải cày ruộng trồng lúa, rồi sau đó cũng phải thân cận gần gũi với việc trồng dâu nuôi tằm cho bá tánh vạn dân, văn cổ viết từ ba bộ triệt viết thành chữ tang dưới là bộ mộc sách Tiểu Triện biến ra bộ triệt là chữ tảng âm tảng là âm nhược nay lệ sách tục dùng từ bộ hủy viết thành chữ tảng từ sai, ngược lại âm dưới tư tử sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tử là ghế dựa, Quách Phác chú giải rằng: Tức là cây thu, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cây tần lật làm ghế dựa, cây đồng tử gỗ là cây đàn, nói đây là làm đàn sáu dây, đều có thể làm cây đàn, Văn Tự Điển nói tử tức là tử thu, chữ viết từ bộ mộc đến bộ tân thanh tĩnh hoặc là viết chữ này cũng thông dụng.

Tế dĩ ngược lại âm tế tề Quảng Nhã cho rằng: Tế là tặng cho, Cố Dã Vương nắm giữ, sách Hoài Nam Tử giải thích: Chăm sóc, lấy tài năng dẫn dất cứu tế, cứu giúp, một bổn khác Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Dự bị đầy đủ, Trịnh Huyền chú giải sách chu Lễ rằng: Dùng tài năng khéo dẫn dắt đi trên đường, hoặc âm là tư sách Lễ Ký cho rằng: Giải thích dùng cũng đồng, gọi là xem sính lễ tới hỏi thưa những việc cần dụng cứu giúp, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm giữ di vật chữ viết từ bộ bối thanh tề nay tục dùng viết chữ tế.

Khống thông ngược lại âm trên không cống ngược lại âm dưới tông lộng theo chữ khống thông giống như ngựa chạy mau.

Thiền khuê ngược lại âm huệ khuê Tần Hiếu Công lấy hai trăm bốn mươi (240) bước làm một mẩu, năm mươi mẩu làm một khuê, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khuê giống như là khu sách Thuyết Văn cho rằng: Năm mươi mẩu, chữ viết từ bộ điền thanh khuê.

Khu quan ngược lại âm trên xướng du sách Khảo Thanh cho rằng: Chỗ cánh cửa xoay chuyển, Quảng Nhã cho rằng: Khu là then cài cửa, gọi khác là chỗ chủ động mở đóng, chốt cửa, tục gọi là khuỷu cửa, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh khu Văn Truyện viết từ bộ thủ là chẳng phải ngược lại âm khẩu câu.

Hoan hoa âm trên là huyên văn cổ viết hoan âm dưới là hoa trong âm nghĩa quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Tha thiền sư ngược lại âm sang hà sắc ngọc đẹp trong bóng tươi tốt, tên của Lương Triều Cao Tăng.

Định liễm ngược lại âm liêm nhiễm sách Khảo Thanh cho rằng: Bãi nước cạn mà lại trong sạch gọi là liễm nói rằng cái tâm luôn luôn nhận biết, thận trọng giống như nước có chút gợn sóng gọi là định liễm xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh liễm.

Tiển uyển ngược lại âm tiết diên Thích Danh giải thích: Già mà không chết gọi là thiên Quảng Nhã giải thích: Hóa ra lông vũ gọi là tiên sách Thuyết Văn cho rằng: Mạnh sống lâu dài mạng trường, hoặc là viết chữ tiên.

Mỗi xuyết ngược lại âm chuyển liệt sách Bát Nhã giải thích rằng: Xuyết là cắt bỏ, nói là trừ bỏ giảm bớt y bát dư, chuyển thí cho người nghèo và tu công đức, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh xuyết âm xuyết đồng với âm trên. Trong truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ xuyết là chẳng phải nghi nên sửa chữa lại.

Yên hà ngược lại âm y hiền sách Khảo Thanh cho rằng: Khói lửa bốc hơi lên, theo chữ yên này là che, chẳng là phải khói lửa, gọi là trông ra núi xa và bầu trời sắc xanh ngưng đọng lại giống như khói, ngược lại âm dưới hạ da sách Tập Huấn giải thích làHà rán trời mây màu đỏ, theo mặt trời mới vừa mọc, ánh sáng chiếu, bên phải, bên trái mây màu đỏ bên mặt trời, hoặc là màu vàng, hoặc màu đỏ gọi là chiêu hà, Tăng Truyện gọi là lớp lớp mây khói, Dật Chí gọi là rừng mây đưa tâm theo vui chơi với ngoại cảnh, cảnh vật hữu tình.

Lưu đệ am đệ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhìn trong khoảnh khắc, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Trần Sở và Nam Sở gọi liếc nhìn là đệ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mục thanh đệ.

Bài tuấn ngược lại âm trên bại mai Quảng Nhã cho rằng: Bài là đẩy ra xô đẩy ra, ngược lại cũng âm tha lôi chữ viết từ bộ thủ thanh chuy Văn Truyện viết từ bộ nhân viết thành chữ bài là chẳng phải, là bài ưu tức là làm trò vui, chẳng phải đây dùng, ngược lại âm dưới tôn tấn sách Vận Anh cho rằng: Tài năng vượt hơn ngàn người gọi là tuân sách Tập Huấn giải thích rằng: Bậc hiền nhân vượt hơn trăm người gọi là tuấn sách Thuyết Văn cho rằng: Giải thích cùng với trên cũng đồng, chữ viết từ bộ nhân thanh tuấn âm tuấn ngược lại âm thất tuần trong truyện viết từ bộ nhân viết thành chữ tuấn cũng thông dụng giải thích cũng đồng trên chữ viết từ bộ nhân đến bộ chuy.

Nghi nghi ngược lại âm ngưng cước sách Tập Huấn giải thích rằng: Nghi là ngọn núi cao chót vót, chữ viết từ bộ sơn thanh nghi âm trực ngược lại âm sừ lực.

Giác thụ sơ lục ngược lại âm lăng chúc bắt đầu mùa xuân cảnh sắc hoa cỏ màu xanh mướt rất dể thương, thích thú, Văn Truyện viết chữ lục là chẳng phải, nhìn xem lá xanh của cây bồ đề.

Phong sử ngược lại âm sư sử Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Con ngựa chạy mau, mau như gió ngựa lướt qua, đây sách Tập Huấn giải thích: Sử là chữ chỉ nghĩa như nước chảy cuồn cuộn, chữ hình thanh.

Côn lôn ngữ âm trên là côn âm dưới là luân khi quen dùng là ngữ tiện dùng cũng gọi là cốt luận cho rằng: Trong đảo Nam Hải Châu có bộ tộc cởi trần thân thể rất đen, có thể thuần phục mảnh thú, giống như con tê giác v.v... chủng loại này tức là trong luật tăng kỳ nói: Đột di cốt, đường hợp miệt v.v... đều là giống người hạ tiện, trong quốc độ vô lễ nghĩa, cướp đoạt làm nghề sinh sống, thích ăn thịt người ác như quỷ La-sát, nói ngôn ngữ kỳ lạ nơi các thổ phồn, giỏi, hay vào trong mà lại không chết.

Tấn lịch ngược lại âm trên lực chấn ngược lại âm dưới linh đích sách Thượng Lâm Phú cho rằng: Là chỗ bánh xe lăn, tiếng xe kêu xình xịch, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Chổ chiếc xe lăn bánh, xe nghiền cán nát, sách Thuyết Văn cho rằng: Chiếc cán lên đều là chữ hình thanh.

Hàm trượng âm trên là hàm hàm là dung chứa, gọi là lời tự xưng trong thư, hỏi thăm của học sinh đối với thầy, bao gồm văn đầy đủ ý nghĩa chỉ thư từ, hoặc là viết chữ vị trượng.

Kế chủng ngược lại âm chung dũng Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Chủng là gót chân, hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ chủng cũng được.

Thê đăng ngược lại âm trên lễ hề ngược lại âm dưới đăng đặng

sách Vận Anh cho rằng: Có thể bước lên, tức là cây thang, thềm bực.

Chu lô âm lô sách Hán Thư cho rằng: Trước đầu mũi thuyền, chỗ cấm mái chèo, sách Khảo Thanh âm lữ trừ gọi là đuôi thuyền, sách Thuyết Văn cho rằng: đầu thuyền, chữ hình thanh.

Ly-chi-mao-vỹ ngược lại âm noản bao ở bộ tộc Tây Nam Di có loại bò có lông đuôi rất dài, hoặc là viết từ bộ mao viết thành chữ ly cũng thông dụng, trong Văn Truyện viết chữ miêu là sai.

Tù thiền ngược lại âm trên tựu do kinh Sơn Hải nói rằng: Tù là loại cá giống như cá tràu đô, loại cá thân dài hai thước mà có tới sáu cái đầu, hoặc là từ bộ sản viết thành chữ tù âm dưới là thiện Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Thiền là loại có giống như con rắn, thân hình nó (836) trơn giống như con giun đất, tức là con lươn, lịch, gọi thiền cá lươn.

Ngược phế ngược lại âm thất mỵ sách Tập Huấn giải thích: Phế là phối hợp sách Vận Thuyên cho rằng: Sánh đôi ngang nhau, đẹp ngang nhau, chữ viết từ bộ nữ thanh tỳ âm tỳ là âm tỳ.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Huệ Lâm soạn

QUYỂN 82

- Bên phải nhất ký mười hai quyển đồng với âm quyển này.
- Bí Thư Trước Tát Lang Kính Duyệt Tựa.
- Tây Vực Ký Tựa.

Bất ký ngược lại âm kỳ ký Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ký là đến, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thả thanh ký cũng viết chữ tuyền.

Thái âm ngược lại âm tập tâm tên họ người.

Yểm thụ ngược lại âm trên yểm diểm ngược lại âm dưới thù chủ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Yểm là tạng chứa tinh khí đã bị bế tắc, nay gọi là quan nhân, sách Thuyết Văn cho rằng: Thụ là người trong cung chiều tối đóng cửa, tức là quan thái giám, chữ viết từ bộ môn thanh yểm chữ thụ từ bộ kiên thanh đậu Văn Tựa viết chữ thụ tục tự dùng thông dụng.

Thành hấn ngược lại âm tượng cận Giả Quỳ chú giải rằng: Hấn là điềm nói báo trước sẽ có tai họa, Đỗ Dự chú giải viên ngọc có chỗ khuyết, khe hở, bẩn nhớp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hấn đến bộ dậu chỗ gọi là lấy máu của con vật dùng để tế tranh chấp, hiềm khích, đến thanh phân Văn Tựa viết chữ hấn tục tự dùng thông dụng.

Khôi cương ngược lại âm khổ hồi Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khôi là to lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh khôi Văn Tựa viết chữ khôi là không thành chữ, ngược lại âm dưới cư lương theo Mao Thi Truyện giải thích: Cương là biên giới, Cốc Lương Cảnh và sách Tiểu Nhã cho rằng: Vùng biên giới chật hẹp, Quách Phác chú giải rằng: Là chủ chiến trường ngoài biên thùy, sách Thuyết Văn viết từ bộ lỗi bộ tam gọi là biên giới, hoặc là từ bộ thổ viết thành chữ cương.

Quyến tây hải ngược lại âm trên quyết Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quyến là nhìn, Thi Truyện cho rằng: Cố nhìn,

sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh quyến hoặc là viết chữ quyến Văn Tựa viết chữ quyến tục tự thường hay dùng.

Trữ trục ngược lại âm trên trừ lữ ngược lại âm dưới trùng lục Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Không có hàng hóa khác chỉ tơ lụa dây gai, nay gọi là khung dệt, trục xe không làm chuyển động, sách Phương Ngôn cho rằng: Trữ trục là làm máy dệt, Đông Tề thổ dân gọi là thoi dệt bằng gỗ là trục sách Thuyết Văn cho rằng: Máy dệt, chữ viết từ bộ mộc thanh dư.

Trường vụ ngược lại âm vô phó Quách Phác chú giải rằng: Vụ là đánh ngựa cho nhanh, Cố Dã Vương cho rằng: Ngựa chạy nhanh. Sách Sở Từ cho rằng: Bổng nhiên con ngựa vùng lên chạy đuổi theo, Quảng Nhã cho rằng: Chạy sách Thuyết Văn cho rằng: Chạy loạn chữ viết từ bộ mã thanh vụ.

Sàm sang ngược lại âm trên xoa hàm ngược lại âm dưới sách canh tên của yêu tinh.

Sài lang ngược lại âm trên sĩ giai âm dưới lang.

Quỉ vực ngược lại âm vu bức Mao Thi Truyện ghi: Là quỉ là vực tức tâm địa độc ác, theo truyện ghi: Loài chồn cáo đuôi ngắn, Lưu Triệu cho rằng: Hình trạng nó giống như con rùa lưng có mu, đầu có sừng, cánh bay được, mắt không có nhưng tai rất rõ, trong miệng có vật hình như nõ, nghe tiếng người dùng khí làm tên bắn cát vào người, người bị bắn trúng bị thương, bắn trúng vào bóng người cũng bị bệnh, làm hại người, sách Thuyết Văn ghi có ba chân lấy hơi mà bắn ra hại người, chữ viết từ bộ trùng thanh hoặc.

Chi khư ngược lại âm khứ dư theo Thanh Loại cho rằng: Chỗ ở chắc chắn Giả Quỳ chú giải rằng: Hư giống như lái hầm, xưa nay Chánh Tự giải thích: Đất đã hủy diệt không có ngõ sau, bãi tha ma, chữ viết từ bộ thổ thanh hư.

Cảo nhai ngược lại âm cao lão âm dưới giai trong quyển Trung Nghĩa đã giải thích trước rồi.

Để thù tục ngược lại âm trên đinh lễ sách Khảo Thanh cho rằng: Để là quay về, chống dỡ, tóm lược là đến, sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng sức mà ép, chèn ép, chữ viết từ bộ thủ thanh để âm tế ngược lại âm tử hề.

Sậu tỹ ngược lại âm sầu cứu Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Sậu là nhiều, Giả Quỳ giải thích rằng: Chạy nhanh, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mã thanh tụ ngược lại âm dưới tư tử Cố Dã Vương cho rằng: Tỉ là dời, di chuyển, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ tỹ

gọi là dời đổi, chữ viết từ bộ xước thanh chỉ văn cổ viết chữ tỹ.

Khải diệu giác ngược lại âm trên khê lễ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khải là mở cửa, Trịnh Huyền chú giải rằng: Chỗ phát ra, sách Thuyết Văn viết từ bộ hộ viết thành chữ khải.

Bất khuy ngược lại âm khuê quy Văn Ký lại viết chữ khuy tức là trộm nhìn tục tự thường hay dùng.

Giới vu ngược lại âm giai giới Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giới là đến, Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Giới là nhà phòng nhà, sách Thuyết Văn viết từ bộ thi thanh do.

Đốn tảng ngược lại âm trên đôn khổn ngược lại âm dưới tang lãng sách Phương Ngôn ghi: Tảng là cái trán, theo chữ đốn tảng đó cúi đầu sát đất, Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Như nay người ta gọi là khấu đầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt thanh tảng.

Thê sơn ngược lại âm trên thể hề.

Phụng tẫn ngược lại âm tần nhẫn Thiên Thương Hiệt ghi: Tài vật vải vóc, sách Thuyết Văn cho rằng: Lễ hội chữ viết từ bộ bối thanh tẫn âm tẫn ngược lại âm từ dẫn.

Ốc tiệm ngược lại âm trên ách học sách Tập Huấn ghi: Ốc là nắm giữ, ngược lại âm dưới tàm cảm Thích Danh cho rằng: Thẻ tre dùng để viết chữ, bản gỗ dùng để khắc chữ in, dài ba thước, sách Thuyết Văn ghi bản khắc chữ để in, chữ viết từ bộ mộc thanh trậm.

Nhất trật ngược lại âm trần lật cũng viết chữ trật hoặc là viết chữ trật.

Tỏa từ ngược lại âm trên tư quả Mao Thi Truyện cho rằng: Tỏa là vụn vặt, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tỏa là dụng cụ chứa vật vụn vặt, cư kỹ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngọc thanh tỏa âm tỏa đồng với âm trên.

Thích thính ngược lại âm trên đinh lịch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thích là xa xôi, sách Thuyết Văn ghi: Nghĩa cũng đồng, thích thích là nghe xa, chữ viết từ bộ xước thanh địch văn cổ viết từ bộ dịch viết thành chữ thích ngược lại âm đinh tính.

Khải trạch ngược lại âm trên khai cải Quảng Nhã cho rằng: Là to lớn.

Miến duy ngược lại âm trên miên diển Giả Quỳ cho rằng: Miến là tưởng nhớ, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh diện.

Thanh linh ngược lại âm lịch đinh Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Thanh linh là dịu mát, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh linh.

Tài hối ngược lại âm khôi ổi sách Khảo Thanh cho rằng: Vải vóc tơ lụa gọi là hối hoặc là viết chữ hối đã giải thích đầy đủ rồi, văn trước trong quyển Trung Âm Nghĩa.

Quảng cao âm trên cổ mảnh sách Thuyết Văn cho rằng: Quảng là luy hãn dữ tợn, con chó hung dữ không thể đến gần, chữ viết từ bộ khuyển thanh quảng ngược lại âm dưới bao báo viết đúng từ bộ xuất viết thành chữ cao sách Khảo Thanh giải thích: Cao xâm phạm vào, mau chóng, nay trong văn ký viết từ bộ mể viết thành chữ cao tức là phơi thóc gạo cho khô chẳng phải nghĩa đây dùng.

Xế trướng ngược lại âm trên xĩ nhuế Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Xế là mềm lông mịn, Trịnh Chúng chú giải rằng: Xế là áo vải nhung Quách Phác chú giải rằng: Xế là vật để che, sách Thuyết Văn cho rằng: Xế là lông thú mịn, chữ viết từ bộ mao ngược lại âm dưới trương lượng.

Cùng lô ngược lại âm trên khưu cung Quách Phác chú giải rằng: Bầu trời hình bầu khum, hang hốc bởi vậy gọi là tên, ngược lại âm dưới lữ cư Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lô là nhà, Mao Thi Truyện cho rằng: Lô là trọ, sách Hà Đồ nói rằng: Hoàng đế làm nhà này để tránh nóng và lạnh, theo chữ cùng lô đó là người Phiên Nhung lấy vải thưa làm lều che trên đỉnh cao hình tròn như bầu trời cao mà to lớn, cho nên hiệu là cùng lô. Dành cho vua và thủ lảnh ở, có thể chứa hơn trăm người, thứ phẩm, tức thường dân cả nhà cùng ở một chỗ gọi là lô hành, tức là lạc đà mang vác, lều vải để che vậy.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ

Tam Tạng Sa-môn Huyền Trang Phụng Sở soạn dịch.

QUYỂN 1

BA MƯƠI BỐN NƯỚC

A-kỳ-ni-quốc ngược lại âm kiết y tiếng nói nước Hồ, hoặc xuất ra từ yên kỳ âm kiết ngược lại âm cự ất.

Khuất chi quốc âm trên là quân vật tức là nước Tây Quy tư.

Bạt-lộc-ca-quốc ngược lại âm bàn mạt.

Nô-xích-kiến-quốc âm nổ.

Giả thời quốc ngược lại âm chi dạ tức là nước Đại Thực.

Phiên hản quốc ngược lại âm phiên phát âm dưới là hạn cũng tên

Bạt-hạ-la-quốc.

Tốt-đỗ-lợi-sắc-na-quốc ngược lại âm trên tôn nột âm kế là đổ.

Táp-mạt-kiến-quốc ngược lại âm tảng táp âm kế là mạt là âm mạt.

Nhĩ-mạt-hạ-quốc.

Kiếp-bố-đát-na-quốc âm đát ngược lại âm đan hạt.

Sương-nhĩ-già-quốc sương là lấy thanh khứ, hoặc thượng thanh, âm nhĩ ngược lại âm ninh đĩnh âm già hoặc là viết chữ ca cũng là thông dụng.

Khát quốc bổ khát quốc.

Đại địa quốc Hóa-lợi-tập-di-già-quốc.

Yết-sương-na-quốc.

Tự mật quốc.

Xích-ngạc-diển-na-quốc ngược lại âm ngũ các.

Hốt-lộ-na-quốc.

Du mạn quốc mượn âm, chữ ghi trong tự âm.

Cúc-hòa-diển-na-quốc.

Hộ sa quốc ngược lại âm hoàng quách.

Kha-đốt-la-quốc ngược lại âm khả hà.

Câu-mê-đà-quốc âm câu là âm câu ngược lại âm dưới mê bế.

Phược-già-lãng-quốc ngược lại âm lập cẩm.

Phược khác quốc.

Nhuế-mạt-đà-quốc.

(837) Hồ thực kiến quốc âm thực ngược lại âm thừa lực.

Tự lạt kiện quốc ngược lại âm lặt hạt.

Yết chức quốc âm yết là âm yết.

Phạm điển na quốc, Ca tất thí quốc trên đây là hai nước là Bà-la-môn ba mươi bốn nước này là Tạm Tạng đã trải qua con đường, kế đó tất là gọi nước Hồ Hiệu cũng là Hồ Ngữ, không phải tiếng Phạm, nay chỗ gọi là âm chữ nhưng lại lấy thanh này, lấy âm lưỡng hồ ngữ, không cầu chữ nghĩa nước này nhân đụn cát nổi lên ở quận Đông Châu, không nói đó là Đường Quốc, trong nước mỗi mỗi tự riêng biệt, có nước này ghi những đụn cát lớn tự nổi lên phía tây đó là nói nước này phồn di, khu đất này người ta lấy phong vật làm sự sinh sản cùng với đây không đồng, cho nên sách không ghi chép.

A-kỳ-ni-quốc nước thứ nhất hai đụn cát nổi lên phía tây, âm kỳ là âm kỳ xưa gọi là anh di hoặc gọi là ô di hoặc gọi là ô kỳ tức là trong thị trấn An Tây, trong nước này, một trấn Tây mà đi đến An Tây bảy trăm

dặm, thời nhà Hán lầu các nguy nga lông lẩy có những thành như Lâu Lũy Thiện, Thiện Nguy Ban, Ô Lê v.v... đều trong vùng đất này, hoặc là dời chuyển đô thành sửa lại ấp. Hoặc là ở trong thành này, hoặc là trụ thành kia, hoặc là cùng nhau thôn tính xâm chiếm tiêu diệt lẫn nhau, cho nên có nhiều tên gọi đều là tương lân cận gần gũi với nhau, nay hoặc gọi là vùng đất khưu lô.

Mi thử ngược lại âm trên mị bì sách Khảo Thanh cho rằng: Mi là loại lúa ít dẻo, sách Thuyết Văn viết từ bộ thử đến bộ mi thanh tĩnh nay tục dùng hoặc là viết từ bộ hòa đến bộ ma đều là chẳng phải, Tự Thư cho rằng: Loại lúa thử giống như lúa thử mà không dẻo, hoặc là tế hạt trắng, vàng đỏ, đen khác nhau đều có thể nấu cơm ăn được.

Khuất chi quốc ngược lại âm trên quần vật xưa gọi là nguyệt chi hoặc gọi là nguyệt thị hoặc gọi là khuất thứ hoặc gọi là ô tôn hoặc gọi là ô lũy theo Phiên quốc thì rất nhiều bởi vì khi mà đặt tên, hoặc là theo vùng đất, theo thành mà đặt xưng tên, nay thuộc vùng đất của nước Quy Tư, nước An Tây, như trên có nhiều tên gọi nhưng không lìa trong nội cảnh giới của nước An Tây.

Biển đệ ngược lại âm trên biên biện ngược lại âm dưới thể hề Thống Tự cho rằng: Biển đệ là mỏng dẹp lại rộng hai chữ đều từ bộ phương âm phương là âm phương cũng có viết từ bộ hán viết thành chữ biển đệ hoặc là từ bộ xước viết thành chữ bức đệ đều chẳng phải, từ bộ phương mà viết mới là đúng.

Lung lệ ngược lại âm trên là lung chung âm dưới là lệ theo nghĩa kinh thì lung lệ là cứng cởi can cường khó mà điều phục gọi là lung lệ, chữ lệ từ bộ khuyển bởi vậy khi mà có người dịch kinh ra văn ngữ là lấy ý để viết, lúc lấy dùng phải hợp thời, Tự Thư cho rằng: Trước không có chữ này.

Tiều loại ngược lại âm trên là tật diệu sách Vận Thuyên cho rằng: Tiều là nhai, cấn răng trên, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khẩu thanh tiều.

Hiển xưởng ngược lại âm xương chưỡng sách Vận Thuyên cho rằng: Xưỡng là rộng lớn Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cao hiển, sách Thuyết Văn cho rằng: Nằm trên đồi đất cao bằng phẳng có thể trông ra xa, chữ viết từ bộ phộc âm phộc ngược lại âm phổ bốc thanh thượng.

Kỳ ngãi ngược lại âm trên kiết y theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Kỳ là to lớn, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kỳ là lâu dài, sách Lễ Ký giải rằng: Sáu mươi tuổi gọi là kỳ sách Thuyết Văn ghi: Người già chữ viết từ bộ lão thanh chỉ ngược lại âm dưới ngũ cái sách Lễ Ký nói: Năm

mươi tuổi gọi là ngãi sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ngãi là nuôi dưỡng, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa nước Tề Lỗ Phàm Tôn Lão người già là ngãi sách Thuyết Văn cho rằng: Đóng thành băng tuyết, chữ viết từ bộ thảo thanh Hưu âm kiết ngược lại âm cự ất.

Bạt lộc ca quốc ngược lại âm trên bàn mạt nước này xuất ra thảm nhung trắng mịn đẹp, thảm nhung trên làm thảm trải đất, ở gần với Trung Hoa. Trong thời đó người ta lấy hiệu là Mạt Lộc Điệp nhưng kỳ thất là vải bố thưa, xem xét kỹ nói là địa chí bao gồm địa danh địa chí.

Thảm liệt ngược lại âm trên thố cảm sách Phương Ngôn cho rằng: Thảm là nhận biết cảm thấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Thảm độc, chữ viết từ bộ tâm thanh thảm ngược lại âm dưới liên triết cũng viết chữ liệt.

Giả y ngược lại âm trên giá dã Quách Phác chú giải rằng: Giả đó là màu đất đỏ, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Nam Sở và Đông Hải hoặc gọi màu đỏ là giả nói cái áo màu đỏ như đất đỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ xích thanh giả.

Cốt hốt ngược lại âm trên cổ bút Hán Thư âm nghĩa giải thích rằng: Cốt là nước chảy cuồn cuộn, sách Phương Ngôn cho rằng: Nước chảy mau, xưa nay Chánh tự viết từ bộ thủy thanh viết ngược lại âm dưới ôn cốt sách Khảo Thanh cho rằng: Hốt là vở đê nước chảy tràn ngập.

Thô hữu ngược lại âm trên tồ cố.

Khuông khiếp ngược lại âm trên khưu vương Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khuông là sợ sệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Khiếp sợ, chữ viết từ bộ tâm thanh khuôn âm khuôn đồng với âm trên, ngược lại âm dưới khương nghiệp.

Nguyên thấp ngược lại âm tầm lập Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thấp là bên ao nước ẩm ướt, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đất phía dưới ẩm ướt gọi là thấp Quảng Nhã cho rằng: Thấp là đất vách tường ẩm ướt.

Cao du âm trên là cao âm dưới là du.

Táp-mạt-kiến-quốc âm trên tam hợp âm dưới là mạt.

Nhị-mạt-giá ngược lại âm mật tỳ.

Khát hãn quốc ngược lại âm trên ha át ngược lại âm dưới hạn.

Khi khu ngược lại âm trên ỷ nghi ngược lại âm dưới khúc ngung.

Tiêu tuấn ngược lại âm trên sang tiều sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ tiếu gọi là núi cao, mà dốc, chữ viết từ bộ phụ thanh tiếu trong văn ký viết chữ tiếu tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới cẩu tuấn

Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tuấn là to lớn, sừng sửng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cao mà dốc chữ viết từ bộ sơn thanh tuấn chữ viết đúng thể.

Mô dạng ngược lại âm trên mạc bổ ngược lại âm dưới dương thượng.

Tiên thiếu ngược lại âm trên tiên tiện viết đúng là chữ tiên cũng viết chữ tiên.

Kha-đốt-la ngược lại âm trên khả hà âm giữa đôn cốt.

Mông kiện quốc ngược lại âm mạc băng thổ ngữ nước Hồ.

Hột lộ âm trên là chữ hận nhập thanh tức là vậy.

Hốt bẩm ngược lại âm lập cẩm hồ ngữ, không cầu chữ nghĩa.

Huyền diệu ngược lại âm huyền luyện ngược lại âm dưới diêu yếu huyền diệu đó là ánh sáng chiếu rực rỡ muôn màu, muôn sắc không định được, chữ diệu từ bộ quang đến bộ hỏa viết thành chữ diệu là chẳng phải.

Tảo trửu ngược lại âm chu dậu sách Thuyết Văn viết chữ trửu từ bộ hựu tức tay cầm nắm độn cân tức là cái khăn, tức là lau quét trong ngoài sạch sẽ, âm mịch ngược lại âm quý ninh xưa đó Thiếu Khang ban đầu viết chữ cơ trửu lại viết chữ thuật tửu Thiếu Khang tức là Đỗ Khang chữ trửu tức là nay viết chữ tảo trửu hoặc là từ bộ trúc viết thành chữ trửu tục tự dùng cũng thông dụng.

Tốt-đổ-ba tiếng Phạm, ngược lại âm trên tôn cốt âm kế là đổ tức là tháp thờ Xá Lợi, cũng gọi là Bát-phù-đồ.

Thời chúc hoặc là viết chữ chúc là chiếu sáng.

Phúc thấu âm trên là phúc ngược lại âm dưới sang hầu sách Vận Anh ghi: Phúc thấu là chụm lại, châu đầu lại, chỉ các đầu tăm xe tụ tập lại vào bầu chứa trục xe cũng ý chỉ người đông đúc, cũng có viết từ bộ thủy viết thành chữ thấu đó là sai.

Phỉ giải âm giới nhược âm giá giả cũng chẳng phải chỗ này, sách Thuyết Văn nêu lên gọi là ba lợi, nhị Tưởng giả cúng hiến, ngũ cốc khô đường mật cho Đức Phật thọ dụng, cùng với tóc, móng tay khiến tháp nổi mà cúng dường, bởi vậy mới thưa hỏi như thế nào mà Đức Như Lai làm may ba y, làm che kín gót chân, che cái bình bát nơi y trên, Là thân tháp đứng thẳng cây tích trượng dựng một bên là tướng Luân của nhị Trưởng giả, đem tóc và móng trở về bổn thành, các tháp nổi lên, nay giống như đã thấy là tháng Phật, ban đầu khiến cho tạo tháp ở vùng đất này, tức nơi biên giới phược khác quốc.

Hồ thực kiên ngược lại âm thừa lực hồ ngữ.

Khao giác ngược lại âm trên xảo giao ngược lại âm dưới khổ giác Cố Dã Vương cho rằng: Khao là cứng, đất cứng cằn cỏi, bạc mỏng không thích nghi gieo gieo ngũ cốc, sách Thuyết Văn cho rằng: Khao giác là viên đá lớn, sách Khảo Thanh cho rằng: Đất cằn cỏi bạt mỏng ruộng cằn cỏi, đều là chữ hình thanh.

Yêu tụy ngược lại âm tuất tụy quy tạng giải thích: Tụy là trong tư mạng, sách Thuyết Văn cho rằng: Thần gây họa, chữ viết từ bộ thị đến bộ xuất chữ hội ý.

Bỉ tiết ngược lại âm trên bi mỹ Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Bỉ là đất hẻo lánh ở vùng biên giới, vùng biên giới hoang vu, không thể phát triển đó gọi là bỉ sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh bỉ ngược lại âm dưới điềm hiệp trong sách Tây Vực ghi rằng: Chữ tiết này từ bộ chấp dưới từ bộ y viết thành chữ tiết nói bỉ tiết là không phân rõ ràng cùng lân cận phương bắc, các bộ tộc Hồ vùng biên giới hẻo lánh còn bỉ lậu, quê dốt chất phác, xấu tệ, trong núi Tuyết Sơn cũng thấy thuộc nước tương cận nước Đỗ Hóa La, biên giới bắc Thiên Trúc.

Uy nhiếp ngược lại âm dưới chiêm diệp nhiếp là sợ sệt.

Bần lũ ngược lại âm càu vũ Mao Thi Truyện cho rằng: Suốt ngày cực khổ lam lũ mà lại nghèo khổ, theo truyện cho rằng: Chỗ ở không có lễ nghĩa, nghèo không có tài vật làm lễ gọi là lũ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Gọi thô lậu bại hoại.

Quan quả ngược lại âm trên cổ ban sách Lễ Ký ghi: Già mà không có vợ gọi là quan sách Quốc Ngữ nói: Lấy vợ không đúng thời gọi là quan, Thích Danh cho rằng: Buồn bả không thể ngủ được, mắt mở như con cá mở mắt, cho nên chữ quan viết từ bộ ngư mắt của con cá thường là không có nhắm, đến bộ quan âm quan ngược lại âm đàm hợp sách Thuyết Văn ghi: Mục tương phản cũng là nghĩa cô đơn, đơn độc một mình, chữ hội ý, ngược lại âm dưới cổ ngõa Mao Thi Truyện cho rằng: Biến thiên gọi là quả sách Lễ Ký ghi: Già mà không lấy chồng gọi là quả Quảng Nhã cho rằng: Quả là cô độc, yếu mềm, sách Thuyết Văn cho rằng: Ít ỏi, thiếu vắng, chữ viết từ bộ miên dưới từ bộ ban ban là phân chia tài sản cho nên nói là ít ỏi.

Hoằng xưởng ngược lại âm xương dưỡng Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cao thoáng mát hiển lộ lên, sách Thuyết Văn ghi: Đồi đất cao bằng phẳng, có thể nhìn ra xa, chữ viết từ bộ phộc thanh thượng sách Vận Thuyên cho rằng: Rộng lớn.

Tham lam ngược lại âm lãm đam sách Khảo Thanh cho rằng: Tham tàn, không thận trọng thanh khiết, âm dưới nhân trá gọi là dối trá,

gạt người, nói kinh nghiệm nhỏ bé, hoặc là từ bộ tâm viết thành chữ lam lại cũng viết chữ lam âm cũng đồng, giải thích cũng đồng một nghĩa.

Trâu-la-na-tứ-sơn ngược lại âm trên sĩ vu ngược lại âm dưới hinh dị tiếng Phạm, có bổn văn viết Thô-la-na-ải ngược lại âm y kế tiếng Phạm chuyển đọc sai.

Phú đào ngược lại âm đào đáo theo Tả Truyện cho rằng: Giống như bầu trời không có nào là không che phủ Đỗ, Dự chú giải rằng: Đào là che đậy, sách Phương Ngôn cho rằng: Đào là che chở bao trùm, Quách Phác chú giải rằng: Che chở hai nghĩa đều thông dụng, sách Thuyết Văn cho rằng: Che trùm bao phủ, chiếu khắp.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 2
TAM QUỐC

Tả lỗ ngược lại âm trên tinh diệc hoặc là viết từ bộ thủy viết thành chữ tả sách Khảo Thanh cho rằng: Đất mặn, sách Vận Thuyên cho rằng: Ruộng muối, hoặc là viết chữ trách trách lựa chọn, bởi vậy người ta nói vất bỏ cho xa, quăng ném cho xa gọi là trách lở âm dưới là lở nghĩa giải thích cũng đồng như trên.

Trù lung ngược lại âm trên trường lưu sách Thuyết Văn cho rằng: Cày ruộng sửa đất, giống như cày ruộng có những đường rãnh cong queo chữ hình thanh ngược lại âm dưới là lung dũng.

Cao du âm trên là cao ngược lại âm dưới dực chu.

Nguyệt khuy ngược lại âm khuất vi sách Thuyết Văn cho rằng: Hao tổn, chữ viết từ bộ hổ âm hổ là âm hồ đến bộ ô hoặc là từ bộ hề.

Hoàn hội ngược lại âm trên là hoàn Quảng Nhã cho rằng: Hoàn là ngoài đường, ngược lại âm dưới là hội xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hội là ngoài cổng chợ chỗ chợ búa, đều là chữ hình thanh.

Chuyên kích âm trên là chuyên âm dưới là kinh diệc chữ hình thanh.

Suy lữ ngược lại âm trên suất truy Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Suy là rui nhà, sách Thuyết Văn cho rằng: Đời Tần gọi là rui nhà, đời Chu người ta gọi rui nhà là suy Tề Lỗ gọi là giác nay người nước Sở cũng gọi là giác âm dưới là lữ Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Lữ là mái hiên nhà, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây

sà ngang gác trên cửa, cũng gọi là dính liền với nhau, nối tiếp nhau. Nay trong nước Tần gọi ngoài chái, mái hiên che bao quanh nhà lớn, gọi là lữ (838) đó là tiếng nói của nước Sở cũng thông dụng, gọi là truyện lữ là mái chái, mái hiên.

Áo thất âm trên là áo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trong nhà góc phía tây nam.

Chiêm y ngược lại âm xương chiêm sách Vận Thuyên cho rằng: Chiêm là vạt áo che phủ đầu gối, ở phía trước rủ xuống, thẳng xuống một bức, cũng gọi là che phía trước.

Thủ-ma ngược lại âm trên trâu số tiếng Phạm, lấy dây gai mà làm đó tuy là thô cứng nhưng lại chắc chắn.

Khâm-bát-la-y âm trên là khâm tiếng Phạm, gọi là cái tốt dùng lông dê mịn dệt làm y.

Biên y ngược lại âm tất miến sách Nhĩ Nhã cho rằng: Biển y là nóng nảy hấp tấp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chật hẹp, nhỏ bé, chữ viết từ bộ y thanh biển.

Truy kế ngược lại âm trên là trực truy hình giống như dùi sắt.

Tăng-khước-khi chữ khước viết đúng là chữ khước từ bộ tiết âm tiết là âm tiết âm các ngược lại âm cường đệ âm khi ngược lại âm khương nghi, Tăng-khước-khi là tiếng Phạm, Đường Huyền Trang dịch là áo che dưới nách.

Nê-phược-ta-na âm phược ngược lại âm vô hạt ngược lại âm dưới tảng hà tiếng Phạm, gọi Tăng-phương-quần xưa dịch là Niết-bàn-tăng.

Đối phan ngược lại âm phổ mạn.

Vi nhiếp ngược lại âm chiêm nhiếp áo lót nhỏ, cũng gọi là quần quấn ngang eo lưng.

Đại cổ âm cổ tục tự thường dùng ngồi một chỗ mà mua bán vật, ngược lại cũng âm da nhã âm giả là chẳng phải, chữ viết từ bộ bối trên đến bộ duệ âm cổ văn cổ viết chữ cổ.

Quán tẩy ngược lại âm trên quan đoản sách Thuyết Văn cho rằng: Rửa tay, chữ viết từ bộ cửu ngược lại âm cung lục đến bộ thủy đến bộ mảnh chữ hội ý, cũng là tượng hình, âm mảnh ngược lại âm minh bỉnh.

Vũ vật âm ngộ sách Vận Thuyên cho rằng: Vũ là nhà trọ.

Chi phái ngược lại âm phách mại gọi là nước tự phân rẻ ra chảy ngã khác, chữ viết từ bộ phái giống như thủy xem sách Thuyết Văn giải trước.

Nghiên hạch ngược lại âm kinh cách sách Thuyết Văn cho rằng: Khảo sát sự thật, chữ viết từ bộ á âm á là âm giả.

Đề tư ngược lại âm tư hề theo chữ đề dtư đó là mỗi mỗi, phân tích khéo léo, nói ra rõ ràng, chữ viết từ bộ thủ.

Bô dật ngược lại âm bổ hồ Quảng Nhã cho rằng: Bô là trốn tránh, Thiên Thương Hiệt ghi: Trốn biệt không trở lại, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bô là trốn mất luôn.

Câu chấp ngược lại âm tri lập Mao Thi Truyện cho rằng: Chấp là đay cương chữ viết từ bộ mịch thanh chấp theo chữ chấp cũng là ràng buộc.

Ky lữ ngược lại âm ký nghi Quảng Nhã cho rằng: Ky là nhà trọ, chữ viết từ bộ võng thanh ky âm ky đồng với âm trên, trong văn ký ghi từ bộ mã là chẳng phải đây dùng, ngược lại âm dưới lực cử Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ky lữ là chỗ khách nghỉ nhờ, ở trọ, sách Thuyết Văn viết từ bộ phương đến bộ tùng tùng tức là theo xưa chữ cổ, đều từ hai bộ nhân hai người cùng ở với nhau, nghĩa cùng trên cũng đồng.

Tuần cái âm cái chữ viết từ bộ nhân người tiêu mất hết tài sản là phải đi xin ăn.

Thâu thực âm trên là thâu sách Vận Thuyên cho rằng: Cẩu thả.

Thuần ly ngược lại âm trên thuận luân Quảng Nhã cho rằng: Thuần là rượu nồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Rượu không có pha, trong Văn Ký viết chữ thuần thời dùng tục tự cũng thông dụng, viết đúng từ chữ thuần âm dưới là ly sách Thuyết Văn cho rằng: Rượu nhạt, đều là chữ hình thanh.

Quải thị âm trên là quải sách Vận Thuyên cho rằng: Sợi tơ rối rấm rút mắc.

Thương giác ngược lại âm trên thường dương Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Thương lượng, sách Ích Pháp cho rằng: Vì thương người nhìn trong ngoài gọi là thương sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy bên ngoài mà biết bên trong, chữ viết từ bộ cảnh âm cảnh ngược lại âm nữ cốt đến bộ chương thanh tĩnh âm dưới là giác Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam tử rằng: thương lượng bàn bạc sơ lược, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh xác âm xác đồng với âm trên, sách Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ truy đến bộ mịch âm mịch ngược lại âm quý dinh trên là bộ mịch cũng có viết từ bộ miên đó là chẳng phải.

Giả ác âm trên là giả sách Khảo Thanh cho rằng: Màu đỏ, hổ thẹn, vì hổ thẹn nên đỏ mặt, âm dưới là ác ngược lại âm hà các Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Ác giống như đất sét, đất thó màu trắng, sách Khảo Thanh cho rằng: Đất bùn, chữ viết từ bộ á đến bộ thổ.

Thục thắc ngược lại âm trên là thị lục Mao Thi Truyện cho rằng:

Thục là hiền dịu, tốt lành, sách Thuyết Văn cho rằng: Trong trẻo sáng suốt, chữ viết từ bộ thủy thanh thúc có khi dùng cũng viết chữ thục là chẳng phải, ngược lại âm dưới là tha lặt Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thắc là tà ác, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tà ác sâu dày, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Xấu ác dơ uế, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Thắc là hổ thẹn, chữ viết từ bộ tâm thanh nặc.

Ly cửu ngược lại âm trên lý tri sách Nhĩ Nhã cho rằng: Li là độc hại, sách Khảo Thanh cho rằng: Li là gặp phải bị, Tự Thư cho rằng: Nổi lo lắng trong lòng, chữ viết từ bộ võng thanh duy theo sách viết là chữ tội cũng thông dụng, ngược lại âm dưới là cầu hữu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cửu là tội ác, sách Vận Thuyên cho rằng: Cửu là có lỗi, sách Thuyết Văn cho rằng: Tai họa, chữ viết từ bộ nhân đến bộ các là mỗi người ai nấy đều có mắc lỗi, phạm lỗi, chống trái, chữ hội ý, hoặc lại từ bộ nhân viết thành chữ cửu sách Thuyết Văn cho rằng: Hủy nhục cũng thông dụng.

Kỳ thao ngược lại âm thảo đáo sách Vận Thuyên cho rằng: Thao là giữ vững lập trường ý chí không thay đổi, Cố Dã Vương cho rằng: Nắm vững ý chí chắc chắn, nói người quân tử lúc gặp tai nạn ác hại không mất ý chí, hoặc là viết chữ thao xem văn bộ trước.

Tái tiếu ngược lại âm tiều tiếu sách Vận Thuyên cho rằng: Đi tập đàn để cúng tế cầu đảo mà lại uống rượu riêng lẻ không thù tạc lễ, sách Lễ Ký cho rằng: Con rót rượu mời cha để cầu chúc tho mạng, khi đi lấy vợ cũng gọi tái tiếu, chữ hình thanh.

Soán thí ngược lại âm trâu hoạn sách Thuyết Văn cho rằng: Soán nghịch đoạt lấy gọi là soán, chữ viết từ bộ tư thanh toán ngược lại âm dưới thi chí Bạch Hổ Thông cho rằng: Thí giống như là sát nói là thần tử giết vua cha cướp ngôi báu gọi là thí sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Bầy tôi giết vua, chữ viết từ bộ sát tĩnh lược thanh thích.

Giá ngự ngược lại âm ngư cứ.

Hiệp cốc ngược lại âm hiềm hiệp Mao Thi Truyện cho rằng: Ta vươn cây cung ra ta kẹp mũi tên lại Công Dương Truyện cho rằng: Hiệp là cây cung mà kẹp mũi tên bắn đi, sách Thuyết Văn cho rằng: Hiệp là nắm giữ.

Đại lỗ âm lỗ sách Khảo Thanh cho rằng: Cái thuẫn lớn hoặc là viết chữ lỗ cứ đều dùng cũng thông dụng.

Mâu thuẫn ngược lại âm trên là mạc hậu ngược lại âm dưới thuật duẫn thuẫn là thành lan can thanh gác dọc, xem Tự Thư giải thích.

Quyên cấp âm trên là quyến sách Khảo Thanh cho rằng: Chật hẹp

gấp bội vội nóng nảy mà nắm giữ phần, hoặc là viết chữ hoàn xưa nay Chánh Tự viết chữ gọi là thủ tiết không làm.

Nghị tỹ ngược lại âm nghi khí Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cắt xẻo bỏ cái mũi của người tội nhân, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cắt bỏ, hoặc là viết từ chữ nghiệt viết thành chữ nghị.

Hoang duệ ngược lại âm di chế Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Duệ là xa, sách Phương Ngôn cho rằng: Tên gọi chung của bốn bên nước Di Địch vùng biên giới các bộ tộc Trung Quốc, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y đến bộ cảnh âm cảnh ngược lại âm nữ hoạt.

Nhuyễn nhược ngược lại âm trên nô loạn.

Ma dũng ngược lại âm dung dũng Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Chủng là gót chân hoặc là viết từ bộ túc viết thành chữ chung cũng thông dụng.

Kế-la-quả âm trên là kế.

Bát-hạch-sa-quả ngược lại âm Na-khả tiếng Phạm, tên của quả, không cầu chữ nghĩa.

Ty thị âm trên là ty âm dưới là sự.

Khẩn điền ngược lại âm khổ ngận.

Quân đà thái tức là người ta hơi quân đạt thái.

Đàm lao ngược lại âm lão đao Chiến Quốc Sách cho rằng: Mấy nàng con gái ở bộ tộc Bắc Di Địch theo nghi hiến dâng rượu cho vua, vua Vũ nếm thử, gọi là đời sau lấy rượu mà quên đi thiên hạ, ương ngạnh chống trái lại, cũng gọi là rượu nồng nhiệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Cặn rượu chữ hình thanh.

Phủ hoạch ngược lại âm hồ quách Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nồi sắt lớn nấu thịt,sách Thuyết Văn cho rằng: Chạm khắc, âm thuyên ngược lại âm hồ khuê cũng thuộc nồi đồng.

Khi tiếu ngược lại âm tề diệu sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếu là giúp đỡ, cũng gọi là cười chế giễu.

Bì hoại ngược lại âm bì bỉ sách Khảo Thanh cho rằng: Hủy hoại bẻ gãy, sách Vận Thuyên cho rằng: Hủy hoại bên sườn núi.

Bộc bố ngược lại âm bồng mộc sách Vận Thuyên cho rằng: Nước từ trên vách núi đổ xuống, thác nước đổ xuống, sách Khảo Thanh cho rằng: Thác nước đổ gọi là bộc bố.

Phưỡng phất ngược lại âm trên phương võng ngược lại âm dưới là phẫn vật ngược lại cũng là âm phương vị Hán thư cho rằng: Phưỡng phất giống như nghe thấy tương tợ không chắc thật, Tự Thư cho rằng: Thấy

không chính xác rõ ràng, chữ phưỡng hoặc là viết từ bộ nhân viết thành chữ phưỡng âm dùng cũng đồng, chữ phất hoặc là cũng từ bộ nhân viết thành chữ phất hoặc là từ bộ tâm viết thành chữ phất nghĩa cũng đồng.

Khiển trách ngược lại âm khinh chiến Quảng Nhã cho rằng: Khiển cũng là trách, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trách mắng, sách Thuyết Văn cho rằng: Quở trách, chữ viết từ bộ ngôn thanh khiển.

Trạc hoán âm trên là trọc theo Mao Thi Truyện nói rằng: Trạc là tẩy rửa, Mao Thi lại giải thích: Giặt giũ y phục, Quảng Nhã cho rằng: Trạc là tẩy rửa, sách Thuyết Văn cho rằng: Trạc là giặt giũ chữ viết từ bộ thủy thanh trạc âm trạc là âm trạch ngược lại âm dưới là hoàn quản theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giặt cái y bạt mỏng của ta, Trịnh Tiển gọi hoán Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Giặt giũ mồ hôi dơ, âm tảng ngược lại âm tảng hầu xưa đó dơ bẩn cấu uế gọi là hoán sách Thuyết Văn cho rằng: Giặt giũ y dơ chữ viết từ bộ thủy thanh cán kinh văn viết từ chữ hoán tục tự dùng cũng thông dụng, âm địch ngược lại âm đình lịch.

Vi khả ngược lại âm vu hạn sách Thượng Thư Đại Truyện cho rằng: Cầm nắm mũi tên để bắn, Trịnh Huyền cho rằng: Mũi tên bằng tre, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ trúc thanh khã,

Hiệp thần ngược lại âm tử diệp Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ: Hiệp đó là từ ngày giáp đến ngày quý gọi là hiệp hiệp là đạt tới.

Khuôn khiếp âm trên là khuôn ngược lại âm dưới khiếp nghiệp sách Khảo Thanh cho rằng: Lo sợ, khiếp sợ lo âu.

Hội bi ngược lại âm trên đồi lỗi sách Khảo Thanh cho rằng: Hủy hoại, Quảng Nhã cho rằng: Hoại, sách Lễ Ký cho rằng: Ngọn núi Thái Sơn sụp đổ hủy hoại, sách Thuyết Văn cho rằng: Rơi xuống, Tự Thư cho rằng: Đã nghiêng, chữ viết từ bộ phụ thanh hội trong Văn Tự Ký viết chữ đồi là chẳng phải.

Niết kỳ ngược lại âm trên nghiên kiết gọi là cắn, âm dưới tượng hình, âm trên tượng thanh.

My thố ngược lại âm sang tố Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Thố là đặt để cho an, sách Phương Ngôn cho rằng: Che giấu.

Sách ngân ngược lại âm sài trách sách Lễ Ký cho rằng: Ngụy Kỳ Tất hổ thẹn trong lòng đóng cửa cắn lưỡi tự tử, sách Thuyết Văn cho rằng: Sách là cắn, hoặc là viết chữ sách bên trái là hình, bên phải là thanh.

Túc hám ngược lại âm hàm ám không hài lòng giận.

Dục mại ngược lại âm trên dung túc tục tự thường dùng, sách

Thuyết Văn cho rằng: Chữ chánh thể là chữ mại là ngâm ôm trong lòng, chữ viết từ bộ bối thanh lục âm lục văn cổ viết chữ lục tức là chữ thục từ bộ mãi đó tục tự thường hay dùng, ngược lại âm dưới mai giải từ bộ xuất đến (839) mãi từ bộ thổ đó tục tự thường hay dùng, tức là đem tiền để chuộc mạng.

Đàm tư ngược lại âm đạm nam theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đàm là dài rộng, lại gọi là kéo dài ra, sách Khảo Thanh cho rằng: Thật dài, thật lớn kéo dài đến vùng Tây Nguyên, sách Thuyết Văn cho rằng: Mùi thơm kéo dài, chữ viết từ bộ đàm đến bộ hàm tóm lược, Ngọc Thiên cho rằng: Viết từ bộ á âm dưới không theo từ chữ ty đến bộ đàm âm hầu tên là bộ.

Quấn chích ngược lại âm trên quân vận xưa nay Chánh Tự giải thích: Quấn là nhặt lấy hoặc là từ bộ lộc đến bộ mộc viết thành chữ mi ngược lại âm dưới chỉ diệc xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chích cũng là thập tức nhặt lấy gom lại, hoặc là từ bộ thạch viết thành chữ giá.

Thẩn tiểu ngược lại âm thân nhẫn tục dùng văn chữ cổ viết chữ thẫn sách Khảo Thanh cho rằng: Cười mà không phá nhan sắc gọi là thẫn ý cùng với chữ thẫn cũng đồng, gọi mĩm cười, trong Văn Ký viết chữ thẫn chưa rõ âm giải thích.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 2
TÁM NƯỚC

Ông uất ngược lại ung khổng Tư Mã Tương Như giải thích: Ông uất là cây cỏ mọc um tùm, sum suê, chữ viết từ bộ thanh ông ngược lại âm dưới vẫn vật sách Thuyết Văn cho rằng: Cây cỏ mọc rậm rạp, chữ viết từ bộ lâm văn cổ viết từ bộ cửu đến bộ phửu đến bộ quynh đến bộ sướng âm sướng ngược lại âm sắc lượng đến bộ sạm nay khi dùng phần nhiều từ bộ cấn đến bộ thốn chẳng phải.

Khiếp hoán ngược lại âm trên khương nghiệp ngược lại âm dưới nô loạn đều xem trước đã giải thích đầy đủ.

Quyệt quỷ ngược lại âm trên huyền huyệt âm quyết ngược lại âm dưới quy ủy đều xem trước Quảng Văn giải thích.

Mông-yết-ly ngược lại âm trên mạc băng âm kế kiến mi âm dưới lực tri tiếng Phạm, tên thành, không cầu chữ nghĩa.

A-ba-la-la âm la ngược lại âm lặc hạ tiếng Phạm, tên của Long Vương.

Dĩ súc ngược lại âm sửu lục Ngọc Thiên cho rằng: Súc là chứa, tích tụ, chứa nhóm, hoặc là viết từ bộ thảo viết thành chữ súc chữ hình thanh.

Quỷ di ngược lại âm đạo vị sách Nghi Lễ giải thích rằng: Thức ăn chín dâng lên khi cúng tế, sách Thuyết Văn ghi: Biếu tặng, chữ hình thanh, ngược lại âm dưới duy nhuế Quảng Nhã cho rằng: Di là để lại giữ lại, Cố Dã Vương cho rằng: Ban tặng, chữ giả tá.

Trạc y ngược lại âm tràng trác sách Khảo Thanh cho rằng: Trạc là tẩy rửa, chữ giả tá, gọi là giặt giũ y phục.

Như tháp ngược lại âm tham đáp Quảng Nhã cho rằng: Tháp là bằng phẳng, Thích Danh cho rằng: Giường đất hẹp mà dài gọi là tháp, chữ viết từ bộ mộc thanh tháp âm tháp đồng với âm trên.

Tân nhị âm ni lợi Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nhị là béo mở trơn, sách Thuyết Văn ghi chất mở, chữ viết từ bộ nhục thanh nhị.

Tát-bao-sát-địa âm bảo mao tiếng Phạm.

Chủy trác ngược lại âm trên túy tủy mỏ chim, âm dưới là trác chim thánh Khổng Tước Vương dùng mỏ mổ vào vách núi, nước suối chảy, xem trong là ao thiên trì.

Điên phó ngược lại âm đinh kiên ngược lại âm dưới bồ bắc đều xem trước đã giải thích đầy đủ.

Tự tễ ngược lại âm tỳ duệ sách Khảo Thanh cho rằng: Đốn ngã ngửa chết giữa đường, tục tự viết đúng là chữ tễ.

Dĩ tự chữ từ Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là cung cấp thức ăn bày ra cho người ăn, nuôi dưỡng, cho ăn, sách Thuyết Văn giải thích: Lương thực, chữ hội ý hoặc là viết chữ tự tục tự dùng thông dụng.

Chỉ-để ngược lại âm trên kinh lễ tiếng Phạm, tên của Bồ-tát Quán Tự Tại.

Hằng tát ngược lại âm cổ hằng: Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hằng là sợi dây lớn, sách Vận Thuyên cho rằng: Tính nóng nảy, chữ hình thanh.

Sạn đạo ngược lại âm sài hạn sách Khảo Thanh cho rằng: So cây làm gác bên đường chỗ nguy hiểm, chữ viết từ bộ mộc thanh tàn tục tự giải cầu bắt ngang làm gác bên đường.

Truyền dực ngược lại âm trên trường luyến sách Vận Thuyên cho rằng: Chỗ gọi là rui nhà, từ bộ mộc thanh duyên âm dưới là dực sách Nhĩ Nhã cho rằng: Dực là lưu lại, buộc lại, Quách Phác chú giải rằng:

Cây cột buộc trâu bò, chữ viết từ bộ mộc thanh dực.

Hoảng dục ngược lại âm dưới dung lục Quảng Nhã cho rằng: Dục là sáng rực, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lửa sáng rực, sách Thuyết Văn cho rằng: Dục là chiếu sáng, chữ viết từ bộ hỏa thanh dục âm dục là đồng với âm trên.

Huề dẫn ngược lại âm huệ khuê sách Vận thuyên cho rằng: Nâng đỡ, đề cao, nắm tay dẫn dắt, chữ viết từ bộ thủ thanh huề âm đồng với âm trên.

Quyết mục ngược lại âm uyên duyệt Văn Thông Dụng cho rằng: Quyết là khiêu bới móc, âm khiêu ngược lại âm thiên diêu âm uyên ngược lại âm nhuế duyên.

Khất thải ngược lại âm tha lặc người mau thiếu, mua nợ, theo chữ thải cũng là vai mượn.

Bi cảnh ngược lại âm canh hạnh sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Cảnh là lo buồn, chí không an, chữ viết từ bộ nhĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Ánh sáng chói lọi, sáng tỏ rõ, chữ viết từ bộ nhĩ viết chữ cảnh lửa cháy bập bùng, thanh tĩnh.

Bì mâu ngược lại âm trên tý tỳ ngược lại âm dưới mi ấu sách Lễ Ký cho rằng: Như vật lầm lẫn thì người dân chẳng được có khi phải chết, Trịnh Huyền cho rằng: Bí giống như sai lầm, chữ viết từ bên trái là linh, phải là thanh.

Tiềm vĩnh ngược lại âm trên tiệm diêm âm dưới là vĩnh Ngọc Thiên cho rằng: Tiềm là chìm dưới nước, vĩnh là nổi lên mắt nước.

Kháp chi ngược lại âm đàm lam sách Thuyết Văn cho rằng: Kháp là ăn hoặc là viết chữ đàm.

Thạch khám ngược lại âm khâm hàm Quảng Nhã cho rằng: Khám là nhiều, theo chữ thạch khám đó là hang đá nhỏ trong núi, sách Thuyết Văn cho rằng: Hang của rồng ở, chữ viết từ bộ lông đến bộ hàm thanh tĩnh.

Vinh vực âm trên là dinh âm dưới là vi bức Quảng Nhã giải thích: Bãi tha ma, sách Thuyết Văn cho rằng: Đất chôn người, phần mộ gọi là vực chữ viết đều từ bộ thổ đến bộ chinh thanh tĩnh.

Đảng viện ngược lại âm viên quyến theo chữ viện đó đó là bạn đảng với nhau hổ trợ, thay phiên nhau mưu tính việc cứu viện, theo Tả Truyện cho rằng: Không có cứu giúp lớn thì phải thắc chặt hơn mối quan hệ, chữ bên trái là hình, bên phải là thanh.

Xác bất tùng mạng ngược lại âm trên khổ giác nói khác đi hệ từ xác tức là cứng, Bì Thương cho rằng: Từ bộ thổ viết thành chữ cách Văn

Tự Điển nói: Từ bộ thạch đến bộ xác thanh tĩnh âm xác là âm giác.

Du mạc âm trên du chu Quảng Nhã cho rằng: Du là xa Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Du là vượt qua, sách Thuyết Văn giải thích: Vượt qua tiến tới phía trước, chữ viết từ bộ xước thanh du ngược lại âm dưới mang bác Vương dật chú giải sách Sở Từ rằng: Mạc là xa, sách Phương Ngôn nói: Từ từ xa, rộng lớn, Quách Phác chú giải rằng: Dáng vẻ xa mà rộng lớn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh mạo âm mang ngược lại âm mẫu ban âm mạo là âm mạo.

Vi diệp ngược lại âm hấp tiếp Quảng Nhã cho rằng: Là cây đinh, Tự Thư cho rằng: Đinh dẹp, đinh thiếc, Bì Thương cho rằng: Đinh mỏng mềm gọi là diệp, chữ bên tả là hình, bên phải là thanh.

Trách trục âm trên xĩ diệc Cố Dã Vương cho rằng: Trách là thúc dục đi xa, Hán thư âm nghĩa giải thích rằng: Trách là không dùng, Quảng Nhã cho rằng: Trách là xô đẩy ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Từ chối trong nhà, chữ viết từ bộ nghiểm thanh nghịch tục dùng bộ hán đến bộ can là chẳng phải, âm nghịch là âm nghịch.

Các tụ lợi đao ngược lại âm tù hựu tục tự cho rằng: Chữ chánh thể, văn cổ viết từ bộ y đến bộ thái viết thành chữ bào kinh bộ, Phương Ngôn viết từ chữ nhu là áo có cổ, tức là tay áo, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tụ là tay áo, khứ là tay áo, nay nói tụ đao đó là cây kiếm đột nhiên nằm trong tay áo, buộc trong bao kiếm nơi cánh tay bí mật tút mà đâm vào cho nên gọi là tụ đao âm trừu là âm sửu lưu.

Khứ kỳ mạo ngược lại âm mao báo sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh mạo.

Kinh khiếp ngược lại âm chiêm diệp sách Thuyết Văn cho rằng: Lo sợ kinh hãi, chữ viết từ bộ tâm thanh nhiếp hoặc là viết nghiệp.

Trung soạn âm soạn Tư Mã Tương Như chú giải sách Luận Ngữ rằng: Soạn là ăn uống no say, giống như thi cho vị tăng ăn.

Sử hà ngược lại âm sư xí nước chảy xiết.

Vĩ đại ngược lại âm vi quỹ vĩ cũng là đại to lớn vĩ đại.

Nội ký ngược lại âm cưu hữu giống như ngựa trong chuồng.

Bán-nô-tha âm nổ tiếng Phạm, tên nước.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 4
MƯỜI LĂM NƯỚC

Trạch ca âm trương cách tên nước.

Bĩ tiết ngược lại âm trên bo mỹ ngược lại âm dưới điềm diệp xem trước đã giải thích rồi, ngôn ngữ trùng lấp, tiết là không phân minh hoặc là âm tiết sách Khảo Thanh cho rằng: Tiết là khinh khi, thân cận với người nữ, nên coi thường, âm độc tức là âm lượng.

Kiết di âm trên là kiết sách tập Huấn giải thích: Kiết là cô đơn, sách Vận Anh cho rằng: Không còn sót lại, ngắn ngủi, sách Thuyết Văn cho rằng: Không có cánh tay phải, chữ tượng hình.

Thô thoan âm trên tây, âm sang loạn.

Ách hiểm ngược lại âm ách giới sách Vận Anh cho rằng: Đất hiểm trở ngăn trở, hoặc là viết chữ ải âm là nghĩa chật hẹp, ngược lại âm dưới hương kiểm hiểm trở.

Kiến cầm ngược lại âm cự ngâm nắm bắt.

Phù tù âm trên là phù âm dưới tợ do.

Huy phế ngược lại âm trên hình quy sách Vận Anh cho rằng: Hủy hoại, chữ viết từ bộ tiểu đến bộ tùy thanh tĩnh.

Lụy ngược lại âm lực truy âm dưới tiết Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Chỗ gọi là câu thúc bó buộc người tội nhân, tiết là sợi dây lớn, sợi dây cương.

Anh chủng ngược lại âm trên anh trình ngược lại âm dưới thời tụ Văn Tự Tập Lược cho rằng: Anh là cổ sưng lên, phong thủy hơi kết lại làm bịnh, chủng cũng là cái đầu sưng lên, hoặc là viết chữ dũng từ bộ cửu thanh chung âm tụ ngược lại âm nhục chủng.

Mạt-thố-la ngược lại âm trên ma bát ngược lại âm dưới thổ cố.

Biền la ngược lại âm trên tiện miên.

Nhân diệt ngược lại âm trên nhất dần sách Khảo Thanh cho rằng: Nhân là chìm đắm, vùi lấp, sách Giai Uyển Chu Tòng nói rằng: Rơi xuống Văn Tự Tập Lược cho rằng: Vùi lấp trong đất, âm dưới hoặc là viết ân trong Văn Ký viết từ bộ thổ viết thành chữ ân tục tự giải thích cũng là vùi lấp.

Liên manh ngược lại âm dưới mạch canh sách Khảo Thanh cho rằng: Cái mèn đóng trên rui nhà để móc ngói.

Gian trĩ ngược lại âm trì lý hoặc là viết chữ trĩ.

Quái ngộ ngược lại âm trên quả họa Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: Là người bị va lây, bị liên lụy gọi là quái ngộ, chữ viết từ bộ ngôn đến bộ quái thanh tĩnh.

Kích lưu âm trên là kích lại âm là củ sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: Nước chảy xiết bắn lên lượn sóng tung tóe.

Lão ngược lại âm tốc hậu tục tự dùng thông dụng, sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng xưng gọi người già, xưa nay phần nhiều có khác thể, đồng âm, hoặc là viết chữ sưu xưa viết chữ sưu sưu đều là chữ cổ, nay tục dùng thông dụng viết chữ sưu.

Ổi thừa ngược lại âm trên ô hối gọi là bỉ ổi hèn hạ, ngu độn, ngược lại âm dưới thị lăng sách Khảo Thanh cho rằng: Thừa là tiếp nhận, Mao Thi Truyện cho rằng: Thừa kế, thứ tự, sách Thuyết Văn viết chữ thừa là một thể, sách Thuyết Văn cho rằng: Thọ nhận viết chữ từ bộ thủ bộ tiết bộ cũng.

Phủ nhi ngược lại âm phu vũ sách tập Huấn giải thích: Dùng tay vỗ vỗ an ủi, chữ viết từ bộ thủ thanh vô sách Thuyết Văn viết từ bộ phó viết thành (840) chữ phủ cũng thông dụng chẳng phải bổn chữ.

Ma-dụ-la ngược lại âm du chú tiếng Phạm, Đường Huyền Trang giải thích Chim khổng tước.

Ác-đê-xế-đát-la âm hê ngược lại âm hinh kê âm xế ngược lại âm xương nhiệt.

Khoảch bì ngược lại âm trên khuyết dinh ngược lại âm dưới bì mỹ quyển này ban đầu đã giải thích đầy đủ rồi.

Ky quyết âm trên là kỳ âm dưới là quyết quyển này ban đầu cũng đã giải thích đầy đủ rồi.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 5
SÁU NƯỚC

Uy nhiếp ngược lại âm chiêm diệp nhiếp lo sợ, sợ hãi.

Hoằng nghị ngược lại âm nghi khí sách Vận Anh giải thích rằng: Quả quyết cương nghị, sách Khảo Thanh cho rằng: Uy nghiêm, không thể phạm vào, hoặc là viết từ bộ nhẫn đến bộ thù thành nghị âm nghị đồng với âm trên.

Ứng sính trên là chữ ứng khứ thanh ngược lại âm với thất tinh sách Khảo Thanh cho rằng: Hỏi lấy tài vật làm sính lễ cưới vợ, từ bộ nữ

thanh sính âm sính ngược lại âm thất đinh trong Văn Ký viết chữ sính tục tự dùng chẳng phải.

Bối ẩu ngược lại âm ương vũ sách Vận Thuyên cho rằng: Ẩu lũ, eo lưng cong lại, chữ viết từ bộ nhân thanh khu âm khu ngược lại âm khương vu lại cũng gọi là xương sống cong lại, tức là người gù lưng.

Cần khẩn ngược lại âm khang ngận sách Vận Anh cho rằng: Khẩn là chí thành, sách Khảo Thanh cho rằng: Tin, niềm tin.

Lục lực ngược lại âm long trúc sách Vận Anh giải rằng: Gom sức lực. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Viết từ bộ lực đến bộ lục thanh tỉnh.

Huề thủ ngược lại âm huệ khuê sách Thuyết Văn giải thích Huề là đưa lên đề cao, dẫn dắt, chữ viết từ bộ thủ thanh huề âm huề đồng với âm trên, Văn Ký viết từ bộ nãi viết thành chữ huề tục tự dùng cũng thông dụng, cũng có viết chữ huề.

Tịnh mật âm mật ngược lại dân tấc sách Khảo Thanh cho rằng: Không có tiếng động, sách Vận Thuyên cho rằng: Yên tĩnh, sách Vận Anh giải thích cẩn thận, thận trọng, chữ viết từ bộ ngôn thanh mật âm mật đồng với âm trên.

Mạo tuấn âm trên là mao sách Tập Huấn cho rằng: Mạo là chọn lựa tuyển chọn.

Huân mộ âm trên huấn vân sách Vận Anh cho rằng: Huân là ánh nắng mặt trời chiều, gọi là hoàng hôn.

Phốc diệc ngược lại âm trên phổ bốc sách Thuyết Văn nói: Phốc là đánh tát, chữ hình thanh.

Phần tẫn ngược lại âm tường tận gọi là thiêu đốt củi cháy còn dư lại, Văn Ký viết tẫn tục tự dùng cũng thông dụng.

Quẫn bách ngược lại âm quần vẫn quẫn là cấp bách khẫn thiết.

Dung chú âm trên là dung âm dưới là chú.

Thuyên lậu ngược lại âm trên túy duyên sách Khảo Thanh cho rằng: Khắc chạm, sách Tập Huấn cho rằng: Mài đá ngọc trau chuốt mài ngọc, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh thuyên âm thuyên ngược lại âm tồ nhuyễn.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 6
BỐN NƯỚC

Khuy nhiên ngược lại âm khưu quỹ sách Vận Anh cho rằng: Cao sừng sửng một mình, ý nói cá nhân có học nghiệp vượt trội, chữ viết từ bộ sơn thanh quy.

Niết ngận ngược lại âm trên nghiên kiết Quảng Nhã cho rằng: Niết là cắn chữ viết từ bộ xĩ đến bộ niết thanh tĩnh.

Khanh tĩnh âm dưới tịnh kháp cái hầm để bẩy thú.

Diệu phát ngược lại âm trên bổ diêu sách Khảo Thanh cho rằng: Gió cuốn mau, từ dưới mà cuốn xoáy lên gọi là diêu hoặc là viết từ ba bộ khuyển viết thành chữ diêu âm cũng đồng, cũng có viết từ ba bộ khuyển viết thành chữ diêu.

Đồi bì ngược lại âm trên cổn hồi gọi là rơi xuống, ngược lại âm dưới bì mỹ văn trước đã giải thích rồi.

Phê kỳ tảng ngược lại âm trên thất bề Tự Thư cho rằng: Phê giống như lấy tay mà đánh, âm quắc là âm chúc ngược lại âm dưới tảng lang sách Vận Anh cho rằng: Tảng là cai trán, chữ hình thanh.

Xúc kỳ ức âm trên thu dục sách Tập Huấn giải thích Lấy chấn đá, ngược lại âm phía sau gọi là xúc âm dưới ứng lực sách Khảo Thanh cho rằng: Ức là ngự văn cổ viết chữ ức.

Thâu hài trên là chữ thâu chữ viết từ bộ phộc đến phộc đến bộ củ củ cũng là thanh, âm cư ngược lại âm cư do ngược lại âm dưới giải giai sách Vận Anh cho rằng: Tên gọi chung tổng quát bộ phận thân thể là hài.

Ế táng âm trên anh kế sách Khảo Thanh cho rằng: Ế là chôn giấu, sách Vận Anh cho rằng: Cất giấu chỗ thâm u, văn cổ viết chữ ế hoặc là viết chữ ế sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ nghiễm văn cổ viết chữ lục thanh tĩnh Văn Ký viết chữ lục thanh tĩnh Văn Ký viết chữ ế cũng thông dụng.

Khế giá ngược lại âm khiển kế sách Khảo Thanh cho rằng: Khế là nghĩ ngơi, ngừng nghỉ, văn cổ viết chữ khế tức là nghĩ ngơi, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm viết chữ yết yết cũng là hiết từ bộ tâm đến bộ kệ thanh tĩnh.

Sam thảo ngược lại âm trên sương hàm Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Dụng cụ cắt cỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái liềm cắt cỏ chữ viết từ bộ thảo đến bộ thù chữ hội ý.

Cực yểm ngược lại âm căn ức tục tự dùng thông dụng, chữ chánh thể viết chữ cẩu cẩu là cực hoặc là viết từ bộ cách viết thành chữ bị chữ chuyển chú.

Đại xĩ âm xĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Tiêu sài hoang phí, chữ viết từ bộ nhân đến bộ xĩ thanh tĩnh

Thiêm đao ngược lại âm dưới tức liêm sách Vận Thuyên cho rằng: Thiêm là bén nhọn, chữ viết từ bộ kim.

Loại hộc ngược lại âm hồng mộc tên cây trên núi, giống như cây thanh võng mà lá lớn da sần sùi màu đen mọc cạn trên núi.

Hư y âm trên hư âm dưới là hy sách Tập Huấn cho rằng: Hư hy là xuất cái hơi ra, thở dài áo nảo bi ai khóc, than thở, đau buồn lo sợ.

Sấn thân ngược lại âm trên sơ cận thân rất gần với thảm nhung, tức thân mặc áo bông nhung.

Sậu yểm ngược lại âm sầu cứu sách Khảo Thanh cho rằng: Sậu là ngựa chạy phóng nhanh, chữ viết từ bộ mã đến bộ tụ thanh tĩnh.

Mang mi ngược lại âm mạc bang lông mi dài mà lại dày nhiều.

Tề xĩ ngược lại âm tề tế sách Khảo Thanh cho rằng: Cắn rất chặt.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 7
BA NƯỚC

Chuy mi âm trên là tủy sách Vận Anh giải thích: Chuy mi là cỏ mềm yếu theo gió mà ngã nghiêng ngã ngửa.

Chuy kế ngược lại âm trên là trường truy âm dưới là kế.

Du thạch âm trên là du kim loại thứ xấu, loại bạch kim.

Lẫm lẫm ngược lại âm lực cẩm lo sợ nguy hiểm.

Hướng phát ngược lại âm sở giao Bì Thương cho rằng: Viết chữ kế gọi là mái tóc rũ xuống vai có mùi thơm.

Toại liệt ngược lại âm liên niết gọi là bẻ gãy, vặn xoay chuyển.

Tung liệu ngược lại âm lực điêu Hán thư cho rằng: Liệu là giữ lấy, săn bắt, cướp lấy, chữ viết từ bộ thủ.

Xương quyết âm trên là xương tức là lồng lộn điên cuồng.

Kiết lư ngược lại âm lữ trừ trong quyển tựa trước đã giải thích đầy đủ rồi, lự tức là màn che.

Tiên lý âm trên là tiên âm dưới là lý.

Tiều tô ngược lại âm tình diêu tiều tức là củi.

Nghi nhiên ngược lại âm ngưng cước sách Vận Anh cho rằng: Ngọn núi cao sừng sửng.

Khô cảo ngược lại âm dưới là khảo.

Hoán kỳ ngược lại âm hoan quán sách Vận Anh cho rằng: Hoán là văn chương sáng sủa trau chuốt.

Yêu tụy ngược lại âm trên yêu kiều theo Tả Truyện cho rằng: Vật khác là mà lại hại người, ngược lại âm dưới tuy tùy sách Thuyết Văn cho rằng: Thần gây họa, chữ viết từ bộ xuất đến bộ thị sách Thuyết Văn viết từ bộ tông viết thành chữ tụy là sai.

Thác cảnh ngược lại âm trên đảng lạc sách Khảo Thanh cho rằng: Giá là mở ra, to lớn, kha khá mở mang rộng lớn, chữ chuyển chú.

Huy phi ngược lại âm trên húy vĩ sách Vận Anh cho rằng: Con chim trĩ lông đủ năm màu sắc, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Ngũ sắc đều chuẩn bị thành chương gọi là huy.

Hủy độc ngược lại âm đồng ốc gọi là chê bai hủy nhục.

Mao ngưu ngược lại âm uyển bao ở nước Tây Nam Di có loại trâu lông đuôi dài, trước đã giải thích rồi.

Hiểm bị ngược lại âm bỉ ký Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bì là nịnh hót gièm pha Quảng Nhã cho rằng: Bỉ là trí tuệ,sách Thuyết Văn cho rằng: Biện luận thông thái, hiểu rõ chữ viết từ bộ ngôn thanh bì.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 8
MA-YẾT-GIÀ QUỐC

Điếm thấp ngược lại âm điểm niệm sách Khảo Thanh cho rằng: Chìm đắm, ẩn tàng, sách Vận Anh cho rằng: Kê lót chèn ở dưới, ngược lại âm dưới thi nhập sách Thuyết Văn nói âm u ẩm thấp, ướt.

Ky du ngược lại âm trên ky nghi ky là dây cương buộc ngựa.

Huyễn phục ngược lại âm huyền quyến sách Khảo Thanh cho rằng: Y phục đẹp, âm dưới là phục chữ chánh thể, từ bộ chu thang phục âm phục đồng với âm trên.

Khã bạo ngược lại âm trên hà âm dưới bao mạo.

Lan hạm ngược lại âm trên lang đan ngược lại âm dưới hàm ảm

gọi là nam can trên điện, trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Liên ỷ âm trên là liên âm dưới là y sách Khảo Thanh cho rằng: Liên là gợn sóng nhỏ, ý đó là gợn lăn tăn sóng, đều tên gọi khác của sóng nước.

Ký du ngược lại âm trên kỹ khí sách Vận Anh cho rằng: Ký du là lòng mong mỏi, trông mong, vọng tưởng, âm dưới là du chu sách Khảo Thanh cho rằng: Mong ngóng, muốn được, âm ký là âm ký lại cũng âm khí ngật hai âm.

Nhẫn cấu ngược lại âm khống cấu sách Vận anh cho rằng: Cấu là mắng nhiếc, lại cũng là âm hống la hét, chữ viết từ bộ ngôn thanh cấu.

Tập vu ngược lại âm sâm nhập sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy tranh lợp nhà, che nhà bằng cỏ mây.

Hấp nhiên ngược lại âm huất ấp (841) Tự Thư cho rằng: Hấp là hợp, sách Khảo Thanh cho rằng: Vật nướng trên lửa hơi khói bốc lên.

Gia luận ngược lại âm trên là giác sách Khảo Thanh cho rằng: Đo lường, đại khái, sách Vận Anh cho rằng: rõ ràng, phân biệt rõ ràng, sách Vận Thuyên cho rằng: Cạng tranh hơn thua, so tài, lại cũng viết chữ xuyết giải thích nghĩa chỗ dùng cũng đồng nhau.

Hải viết ngược lại âm trên hài giai chữ thượng thanh, Quảng Nhã cho rằng: Kinh hãi.

Mạo ngạn âm trên là mao theo Mao Thi Truyện cho rằng: Mạo là tuấn tú là đẹp, vượt trội, xuất sắc hơn người, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trong kẻ sĩ là người tuấn tú vượt trội, như trong sợi lông là sợi lông đẹp dài hơn, Quảng Nhã cho rằng: Tuyển chọn, sách Thuyết Văn cho rằng: Mái tóc chấm vai, chữ viết từ bộ tiêu thanh mao ngược lại âm dưới ngôn phiến sách Khảo Thanh cho rằng: Kẻ sĩ tuấn tú đẹp, sĩ tức là có tài văn chương xuất chúng, lưu lại đời sau, cho nên chữ ngạn từ bộ sam tức là lông tóc.

Nhiên viên ngược lại âm trên nô quá lại cũng âm nhi duyên Phục Kiền giải thích rằng:Vách tường thấp ngoài cung, âm dưới là viên theo Mao Thi Truyện cho rằng: Viên là vách tường, lại cũng gọi là vách tường nhỏ phía ngoài, thành quách.

Chí điểu âm trên là chí Văn Thông Dụng cho rằng: Chí là thuộc giống chim diều hâu, chim thứu, cũng thuộc loại chim ưng gọi chung các giống chim hung dữ mạnh mẻ.

Ma-đạp-ba hoặc gọi là Ma-một-ba đây gọi là nho đồng còn nhỏ mà thông minh, tuấn tú vượt trội hơn người, hiểu biết biện bác sắc bén, vững chải.

Tỏa nhuế ngược lại âm trên tổ quá sách Vận Anh cho rằng: Tỏa là bẻ gãy tra hỏi, buộc tội, triết phục, ngược lại âm dưới duyệt huệ nhuế là sắc bén.

Âu huyết ngược lại âm âu khẩu sách Vận Anh cho rằng: Âu là ói ra, nôn ra, tục viết từ bộ khẩu viết thành chữ ẩu âm âu ngược lại âm a hầu.

Bảo đức ngược lại âm bảo mao Tán Thán ca ngợi mỹ đức, chữ viết từ bộ y thanh bảo bảo tức là chữ bảo văn cổ.

Luân tư âm trên là luân sách Vận Thuyên cho rằng: Luân là chìm đắm, ngược lại âm dưới tức lữ Quảng Nhã cho rằng: Chìm mau xuống nước.

Quặc liệt ngược lại âm trên câu hoạch cùng với chữ quặc đồng âm, âm quặc ngược lại âm vương ước.

Dã dung âm trên là dã.

Tu liệp ngược lại âm trên tương du âm dưới là liệp.

Bàng hoàng âm trên là bàng âm dưới là hoàng.

Di phạm âm trên là di âm dưới là phạm.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 9
MA-YẾT-HÀ QUỐC HẠ

Khuất-khất-sá-sơn ngược lại âm quần luật tiếng Phạm, Đường Huyền Trang gọi là Kê tức là núi Kê.

Tiếu tuyệt ngược lại âm thiêu diệu tiếu là cao sừng sững, nguy hiểm.

Thích khấu phẩu âm trên là tích âm kế là khẩu ngược lại âm dưới là phổ khẩu.

Nghiển ngạc ngược lại âm trên ngôn kiển ngược lại âm dưới là ngũ các nghiển ngạc là vách núi cheo leo nguy hiểm cản trở.

Ẩn lân ngược lại âm lân chấn ẩm lân đó là sườn núi liên tiếp từ từ xa nối với nhau từ từ xa.

Xa-nan âm trên là sài ngược lại âm dưới mượn âm.

Ngột chu ngược lại âm trên ngũ cát ngược lại âm dưới là trắc thù sách Khảo Thanh cho rằng: Giết cây chặt đốn cây còn dư lại cành, sách Thuyết Văn viết chữ nghiệt tức là cây đã đoạn đầu trên lại mọc rể dưới,

chẳng phải nghĩa đây dùng, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngột là chất cây còn dư lại cành ngọn, chữ viết chánh thể là nghiệt từ bộ mộc đến bộ hiến văn không cổ viết sách Thượng Thư cho rằng: Nếu cây đã ngã rồi cũng có mọc mầm sanh cành lá.

Sơn lộc âm lộc dưới chân núi, tên khu rừng gọi là Lâm Lộc.

Sái-ca-sa ngược lại âm sa mại sách Vận Anh cho rằng: Gọi là phơi khô dưới ánh mặt trời.

Kinh hãi ngược lại âm hài ngai sách Vận Thuyên cho rằng: Hãi là con ngựa kinh hãi giựt mình, chữ hình thanh.

Ương ương ngược lại âm ương hướng tâm tình không thoải mái, bực bội khó chịu, không vui.

Tuấn trĩ âm dưới là trĩ.

Thuần túy ngược lại âm trên thời luân tục tự thường hay dùng, âm dưới tủy túy.

Tự ế ngược lại âm ế kế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ế là chết mất, giết chết, Đỗ Dự chú giải sách Thượng Thư rằng: Ế là giết sạch, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chết sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngạc thanh ế âm ngạt là âm tàn.

Thê tử âm nô sách Khảo Thanh cho rằng: Thê tử là tên gọi chung là vợ con, sách Vận Anh cho rằng: Tử là con, văn cổ viết chữ nữ giải thích nghĩa cũng đồng với âm trên.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 10
MƯỜI BẢY NƯỚC

Kế chủng ngược lại âm chúc dũng.

Trường hoằng ngược lại âm cổ hằng sợi dây lớn.

Tiềm hâm ngược lại âm trên tử tâm âm dưới là ngâm tiềm hâm là núi cao ngất.

Quân-trĩ-ca tiếng Phạm tức là chỗ tăng thọ dụng, quân là nắm giữ đồng bình, bình bằng đồng vậy.

Cô tự ngược lại âm từ dữ chữ thượng thanh, sách Vận Anh giải thích đảo nhỏ trong biển, sách Khảo Thanh cho rằng: Đảo núi nhỏ trong biển.

Bát hạch sa quả ngược lại âm trên bán âm kế na khã tên của quả

ở Tây Vực, quả này lớn như trái đông qua, tức là dưa hấu, chín thì vàng, đỏ, mùi vị của quả rất ngon ngọt, chữ hạch từ bộ mộc đến bộ y đến bộ đa chữ hình thanh.

Man liệu ngược lại âm mã ban âm dưới lão cũng là âm trào lão chữ chánh Thể từ bộ trĩ viết thành chữ liệu hoặc là từ bộ sào viết thành chữ liệu ở phương nam đất Hải Ngu thuộc bộ tộc Man Di, dọc theo hết phía nam là Mân Việt, vốn là chủng loại rắn cho nên chữ viết từ bộ trĩ mà viết thành chữ này, loại người nàyu không coa nhân nghĩa tốt, hành âm thâm độc, cường mạn khinh khi cùng kẻ mạnh hiếp yếu, ăn thịt nhau giết hại nhau rất tàn bạo.

Lê thậm âm trên là lê âm xoa là âm ly tục tự dùng thông dụng. Cũng viết chữ ly ngược lại âm dưới tham cảm lê thậm là màu sắc không có sáng, màu đen, như màu là dâu đậm.

Cái khã ngược lại âm vu hạn tức là mũi tên làm bằng tre, chữ khã văn trước trong quyển thứ hai đã giải thích đều rồi.

Từ thạch âm từ tên đá mài.

Quyến quảng âm trên là quyến sách Khảo Thanh cho rằng: Tính nóng nảy, thữ phận, sách Luận Ngữ cho rằng: Lồng lộn điên cuồng, Bao Hàm chú giải rằng: Cuồng loạn chồm lên giữ lấy, cũng là khéo giăng lưới bên đường giữ bắt lấy, con thú chỗ gọi là hạ tiện, văn trước trong quyển thứ hai đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới hồ mảnh tính ác độc ác như con chó.

Manh tục âm trên là manh bá thánh trăm họ.

Thảng tàng âm trên tha lãng gọi là kho chứa của cải, vàng bạc vải lụa.

Phẩu quyết âm trên kỳ âm dưới là quyết văn trước đã giải thích đầy đủ rồi, cực xảo rất khéo léo.

Viên dứu âm trên là viên ngược lại âm dưới do cứu loài khỉ vượn.

Gian quỹ âm trên là giàn âm dưới là quỹ sách Vận Anh cho rằng: Giặc cướp từ bên trong gọi là gian từ bên ngoài gọi là quỹ chữ viết từ bộ miên âm miêm là âm miên đến bộ cửu.

Tả lỗ âm trên là tích tả lỗ là đất mặn, mà lại phía dưới ẩm ướt, sách Thuyết Văn cho rằng: Đơn viết chữ tả ý nghĩa cũng như trên, chữ tả lại chẳng phải chữ đây dùng, âm dưới là lỗ sách Khảo Thanh cho rằng: Đất mặn, phương tây gọi mặn là lỗ chữ tượng hình.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 11
HAI MƯƠI BA NƯỚC

Sự đao ngược lại âm truy sự sách Vận Anh cho rằng: Sự là căm vào, đâm thẳng vào.

Phương di đại tảng âm trên là di âm dưới tảng lảng.

Ưmao liệp ngược lại âm liêm triếp lông đẹp, râu mép, râu ở cổ.

Đống nổi ngược lại âm nở lỗi đói lạnh.

Da tử ngược lại âm dạ giá tên của quả trái núi tức trái dừa.

Thác đà âm trên là thác tức là nuôi lạc đà.

A-văn-trà ngược lại âm phiền vãn tiếng Phạm, không cầu chữ nghĩa.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ
QUYỂN 12
HAI MƯƠI HAI NƯỚC

A-lô-nhu ngược lại âm nô đao tiếng Phạm.

Nguy đăng khi khoảnh ngược lại âm đăng hằng âm dưới khởi nghi sách Khảo Thanh cho rằng: Không thẳng, hoặc là viết khi tục viết chữ khi cũng thông dụng, sách Văn cho rằng: Từ bộ nguy thanh phộc.

Bồi lâu ngược lại âm bổ hầu ngược lại âm dưới lũ hậu Văn Thông Dụng cho rằng: Đất khải phong, núi đất rất nhỏ.

Lị di âm trên là lý âm dưới là dĩ gọi là núi quanh co, vòng vèo liên tiếp nhau.

Giảo ly ngược lại âm trên là giao âm dưới sĩ tri đều là chủng loại cá rồng.

Túc bảo âm trên là túc tức là loài chim diều hâu, chim ưng, Mã Dung cho rằng: Chim túc lại giống như chim nhạn lông có màu xanh lục. Đầu cao, cổ dài giống như ngựa, cho nên Tả Truyện gọi là đời Đường Thành Công có hai con chim túc giáp mã, sách Thuyết Văn cho rằng: Túc giáp phương tây gọi là chim thần, âm dưới là bảo theo Mao Thi Truyện cho rằng: Túc bảo loại chim dã nhạn lông vũ tập trung cuộn vào nhau, âm vũ là âm vu vũ sách Thuyết Văn cho rằng: Chuyển viết trong từ bộ tấn viết thành chữ bảo cũng thông chữ chánh thể từ bộ bảo

âm bảo là âm bảo hoặc là viết chữ cù cũng đồng.

Càn tích âm tích thịt phơi khô.

Ô-sát -quốc hồ ngữ.

Lung tung âm trên lung âm dưới tổng lung tung là núi cao cheo leo mà lại nguy hiểm.

Nhai hiềm tránh vinh âm hiềm ngược lại âm khiếp diểm eo vách núi cong vàng vèo, núi cao chót vót âm tranh ngược lại âm tra hành âm vinh là âm hoành.

Quyết mục ngược lại âm uyên duyệt gọi là khều móc mắt ra.

Ẩm duẫn ngược lại âm tuyền nhuyễn uống bú sữa.

Thất-tuấn-già-sơn ngược lại âm lực dứng chứng hồ ngữ tiếng người nước Hồ, lại cũng âm lực dưng.

Giáp liên âm liên liên giáp là sợi dây.

Ẩm tiện âm tiện.

Bề-ma ngược lại âm thất mê Hồ ngữ.

Hồ khẩu âm hồ.

Quy nhiên ngược lại âm khưu quỹ núi cao mà lại đứng riêng lẻ một mình, văn trước trong quyển thứ sáu đã giải thích rồi.

Ly ngọc hào ngược lại âm sửu di sách Vận Anh cho rằng: Ly là thoải mái, thư thả, Văn Ký viết chữ cầm viết thành chữ cầm cũng thông dụng.

Vi lự ngược lại âm chư dư sách Vận Anh cho rằng: Lự là thư thả thông thả.

Bí ư ngược lại âm bỉ ư Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bí là thận trọng, sách Vận Anh cho rằng: Đóng cửa, chữ viết từ bộ môn đến bộ tất thanh tĩnh.

Vi xuyên ngược lại âm quỹ vi tên của dòng sông cũng gọi là địa danh.

Tập hành ngược lại âm tẩm nhập che lợp sửa chữa nhà.

Ngô hội ngược lại âm cổ ngoại hội là tra cứu, xem xét.

Sậu di ngược lại âm sậu cứu ngựa chạy mau.

Thần trung âm trung Văn Ký viết không thành chữ.

Kinh tứ ngược lại âm tư tự thuộc là cái rương, hòm làm bằng tre.

Thiếu-ca-duy ngược lại âm trên là thiêu chước gọi là nhìn ra xa.

Vô vô âm vô sách Khảo Thanh cho rằng: Dáng đẹp, lại chữ hình thanh, từ bộ mục sách Vận Anh cho rằng: Hé mắt nhìn.

Tấn thân âm trên là tấn âm dưới là thân.

Đảng luân ngược lại âm thang lãng lại âm đương lãng.

Nguyên phương ngược lại âm ngũ quan gọi là lừa dối.

Trác điêu âm trên là trác âm dưới đinh yêu gọi là đốn chặt, khắc chạm điêu khắc.

Biển năng ngược lại âm trên biên miến nhỏ hẹp.

Cảnh khái ngược lại âm trên cảnh hạnh.

Hoàng cực nhị thập niên tức là Trinh Quán năm thứ hai mươi, chỗ nói là hoàng cực đó tiếc là hoàng đế ngự cực đến năm hai mươi.

Khoa phụ ngược lại âm chiêm hoa sách Khảo Thanh cho rằng: Xa xĩ phung phí, đại ngu, tục tự giải thích đuổi theo mặt trời chạy theo khát nước mà chết giữa đồng hoang.

Ngoại Hựu ngược lại âm vưu cứu vườn cấm nuôi hươu nai gọi là hưu vườn nuôi thú, thiên tử tức là vua, vườn rộng trăm dặm, chư hầu ba mươi dặm vườn để đi săn.

Quỳnh cổ ngược lại âm hỏa sính quỳnh là xa xôi.

Đào phú ngược lại âm trên đào đáo chữ khứ thanh, chữ viết từ bộ đảo đến bộ hỏa đều điểm che dấu, ngược lại âm dưới phu cứu.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Huệ Lâm soạn.
Âm Đại Đường Từ Ân Tự
Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang Truyện Tựa.

QUYỂN 83

Ký phu ngược lại âm trên kỳ khí sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ký là cùng với, đến, sách Thuyết Văn viết từ bộ đán thanh ký.

Đậu ky ngược lại âm trên đầu hầu Tự Thư cho rằng: Đậu là lưu giữ lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Đậu là ngừng lại, dừng lại, đình lại, chữ viết từ bộ xước thanh đậu ngược lại âm dưới là ký hy sách Khảo Thanh cho rằng: Ky là sáng suốt rõ ràng, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chỗ nhỏ bé, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ phát ra cơ động đầu máy, chữ viết từ bộ mộc thanh ky theo truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ ky là sai.

Phẩu tích ngược lại âm phổ khẩu Cố Dã Vương cho rằng: Phẩu giống như phá ra Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phân trong ra là phẩu sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đao đến bộ phẩu ngược lại âm dưới tiên lịch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phân tích, sách Thuyết Văn cho rằng: Phá ra chẻ cây ra chữ viết từ bộ mộc thanh cân trong truyện viết từ bộ phiến viết thành chữ tích tục tự dùng cũng thông dụng.

Dịch túy ngược lại âm dinh ích sách Thuyết Văn cho rằng: Dịch là nói tứ di, chữ viết từ bộ ngôn thanh dịch âm dịch đồng với âm trên, ngược lại âm dưới là tuy túy Vương dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tinh túy, sách Thuyết Văn cho rằng: Túy là không tạp, chữ viết từ bộ mễ thanh tốt.

Chí trách ngược lại âm dưới sĩ trách sách Chu Dịch cho rằng: Trách là chỗ xưng gọi rất thâm u, xưa nay Chánh tự viết từ bộ di thanh trách âm di là âm di.

Cánh chấn ngược lại âm dưới chi nhẫn Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Chẫn là đòn ngang phía sau xe, kinh Thái Huyền

cho rằng: Chẫn là chiếc xe di chuyển trên dường sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ xa âm chân đồng với âm trên.

Dương tiêu ngược lại âm bĩ miêu theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trục ngang xe nhỏ, Văn Tự Tập Lược cho rằng: Cũng gọi là hàm thiếc ngựa, sách Thuyết Văn cho rằng: Đặt giữa miệng ngựa, chữ viết từ bộ kim thanh tiêu âm du là âm do âm tiêu ngược lại âm bạc giao.

Huyền nhĩ ngược lại âm dưới di bì sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nhị cây cung mà không có dây gọi là nhị sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cung thanh nhị.

Bội huề ngược lại âm trên bổ muội Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: vật mang trong mình để phục sức gọi là bội sách Thuyết Văn cho rằng: Đeo ngọc bội lớn, chữ viết từ bộ nhân thanh bội tất cũng có viết từ bộ cân cân gọi là trang sức, ngược lại âm dưới hứa quy theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chỗ gọi là mở cái gút ra gọi là thành người lớn, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hình như cây kim nhọn làm bằng sừng dùng để tháo gút thắt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ giác thanh huề theo truyện viết chữ huề tục tự dùng chẳng phải âm huề ngược lại âm huệ khuê.

Mỗi khái ngược lại âm khai ái sách Khảo Thanh cho rằng: Khái là tiếng than thở, buồn phiền, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh khái.

Đố giản ngược lại âm đô cố sách Mục Thiên Tử Truyện cho rằng: Đố là con sâu mọt ăn sách, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là con sâu mọt ăn bên trong cây gỗ, chữ viết từ bộ côn đến bộ thác thanh tĩnh âm côn là âm côn âm thác là âm thác.

Cao bôn ngược lại âm phò vân Hán Thư âm nghĩa giải thích: Bôn là binh xa của bọn Hung Nô, theo Thanh Loại cho rằng: Cũng là chiến xa công phá thành, xe đánh giặc, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh bôn âm bôn là âm bôn.

Cự xí ngược lại âm trên cự cử theo Khảo Thanh cho rằng: Cự là to lớn, theo Văn Truyện viết chữ thần là chẳng phải, ngược lại âm dưới là binh chí sách Khảo Thanh cho rằng: Xí là cái phướn nêu cao lên có viết chữ, lấy vải lụa trắng dài năm thước rộng nữa bức có viền mép treo lên như cờ trên, xưa nay Chánh tự cho rằng: Chữ viết từ bộ cân thanh thức truyện viết từ bộ tâm viết thành chữ thức là sai, âm thức là âm thức.

Bưu tuấn ngược lại âm trên hữu cầu Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Bưu là chuyển văn thư bằng đường bộ, Trịnh Chúng chú giải sách Lễ Ký rằng: Bưu là tem thư, sách Thuyết Văn cho rằng:

Bưu cũng còn gọi là gian nhà dựng ở cánh đồng, quan lại có liên quan chuyển thư từ, chữ viết từ bộ ấp thanh đóa Văn Truyện viết từ bộ phữu viết thành chữ tá ngược lại âm tinh dạ tức là dây cương buộc ngựa, chữ cùng với bổn nghĩa quái lạ, ngược lại âm dưới là tôn tuấn Quách Phác chú giải sách Tiểu Nhã rằng: Tên gọi con ngựa hay, con ngựa đẹp là tuấn, cũng gọi là con ngưa chạy mau, sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa tài giỏi chữ viết từ bộ mã thanh tuấn.

Nha chi ngược lại âm trên là ngũ giá sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nha là nghinh tiếp, đón tiếp, xưa nay Chánh tự viết từ bộ xước thanh nha.

Điền thành ngược lại âm điện niên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Điền là chứa đầy lấp kín chỗ trống, Quách Phác chú giải rằng: Tiếng đông người đi, tiếng đám người ồn ào, chữ viết từ bộ môn thanh chân.

Tướng tướng ngược lại âm thất tướng Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tướng tướng là sĩ đại phu tướng uy nghi, theo truyện giải thích: Tướng tướng cũng là tụ tập, sách Thuyết Văn cho rằng: Tương tương là nhiều, chữ viết từ bộ túc thanh tướng theo truyện viết từ bộ kim viết thành chữ tương tương là tiếng của nhạc khí.

Bân quốc ngược lại âm bút mân Trịnh Huyền chú giải Thi Phổ Truyện rằng: Bân là địa danh biên giới của nước Nhung Địch, Công Lưu giải thích: Chỗ gọi là phong ấp nơi vùng xa xôi hẻo lánh, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ sơn thanh bân âm bân là âm bân.

Chúc chi ngược lại âm chung nhục sách Khảo Thanh cho rằng: Nhìn, nhiều con mắt chú tâm nhìn về một chỗ, chữ viết từ bộ mục thanh chúc Văn Truyện viết chữ chúc tục tự dùng thông dụng.

Toàn chi ngược lại âm toán quan Cố Dã Vương giải thích: Toàn là cái dùi khoan đục, sách Thuyết Văn ghi: Chỗ gọi là đục xuyên qua, chữ viết từ bộ kim thanh tán.

Tước cảo ngược lại âm trên tương lược Quảng Nhã giải thích tước là tiêu diệt, từ bỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh tiếu ngược lại âm dưới cao lão sách Sử Ký ghi: Khuất Nguyên soạn ra hiến pháp, nay thuộc pháp lệnh, mà bản thảo chưa định, Cố Dã Vương cho rằng: Cảo giống như là cỏ khô rơm rạ chữ viết từ bộ hòa thanh cao Văn Truyện viết từ bộ thảo viết thành chữ cảo tục tự dùng thông dụng.

Sưu cấu ngược lại âm trên sở chu Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Sưu là xem duyệt, tượng hình cho rằng: Tìm Cầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh sưu văn Truyện Viết chữ sưu viết thành chữ sưu tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới cấu lậu sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy tài sản có mua sắm gọi là cấu âm cấu đồng với âm trên.

Tháo hàn ngược lại âm thảo lao sách Thuyết Văn cho rằng: Thảo là ôm ấp giữ lấy chữ viết từ bộ thủ thanh tháo ngược lại âm dưới hàn cán sách Khảo Thanh cho rằng: Lông chim, sách Thuyết Văn cũng bay cao đến trời, chữ viết từ bộ vũ thanh cán Văn Truyện viết từ bộ hấp viết thành chữ hàn tục tự dùng thông dụng, âm táo ngược lại âm tang đáo âm cán ngược lại âm vu ngạn.

Hoàn lan ngược lại âm trên hồ quan Văn Truyện giải thích Khác hoàn là phiếm tức là trôi nổi trên mặt nước, cũng viết từ chữ hoàn sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh hoàn ngược lại âm dưới lạc can (843) sách Nhĩ Nhã cho rằng: Sóng lớn gọi là lan sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh lan.

Bức ức ngược lại âm trên phi bức ngược lại âm dưới ưng cực Cố Dã Vương cho rằng: Bức ức giống như đầy tràn, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Bức ức cũng là đầy hơi, Ngọc Thiên cho rằng: Hoặc là viết từ bộ viết thành chữ bức sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ ức văn cổ viết từ bộ ất viết thành chữ ức Văn Truyện viết từ bộ nhục viết thành chữ ức tục tự dùng thông dụng.

Nhu ngõa thạch ngược lại âm trên nữ hựu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nhu là lộn xộn Tự Thư cho rằng: Cũng viết chữ nhu ân cũng đồng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mễ thanh nhu.

Lâm cầu ngược lại âm trên lập kim Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lâm là tên loại ngọc, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh lâm âm dưới là cầu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cầu cũng là tên ngọc, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh mâu.

Thác tông ngược lại âm trên thương các Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thác là lộn xộn tạp loạn sai lầm, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh tích ngược lại âm dưới là tông tống sách Thuyết Văn cho rằng: Tông là giềng mối đầu mối chỉ giữ lấy tất cả đầu mối chỉ giao nhau, chữ viết từ bộ mịch thanh tông.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 1

Hầu thị ngược lại âm trên cẩu hầu Hán Thư cho rằng: Ở Hà Nam có treo hầu thị trên cao, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh hầu.

Giới ư ngược lại âm trên giai giới Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giới là đến, sách Thuyết Văn viết từ bộ thị thanh do.

Huyền Trang ngược lại âm dưới tạng lang sách Phương Ngôn giải thích rằng: Trang là to lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ đại thanh trang.

Tư lệ âm lệ Xuân Thu Truyện giải thích rằng: Tư lệ là nắm giữ lấy năm điều pháp lệ, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lệ là quan chức thấp, xưa nay Chánh tự viết từ bộ mể đến bộ nhập thanh lệ.

Khuê chương ngược lại âm trên quỹ huề Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cầm nắm viên ngọc khuê cũng là dụng cụ đo chiều dài, có hai tấc, Bạch Hổ Thông giải thích: Nói là ngọc trong sạch thanh khiết, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh khuê âm dưới chước dương Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Một nữa viên ngọc khuê gọi là chương Bạch Hổ thông cho rằng: Chương gọi là ngọc sáng, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh chương.

Hoàn hội ngược lại âm trên hoạt quan Quảng Nhã cho rằng: Hoàn là cổng ngoài đường, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh hoàn ngược lại âm dưới là hồ đối sách Thuyết Văn giải thích: Hội là cổng ngoài chợ, hoàn hội là chỗ chợ búa, chữ viết từ bộ môn thanh hội.

Tào tán ngược lại âm trên dủy lao ngược lại âm dưới là tài hạt Quảng Nhã cho rằng: Tào mị là tiếng dê kêu, xưa nay Chánh tự cho rằng: Tiếng trống, chữ viết sắc- từ bộ khẩu đều thanh tào tận Văn Truyện viết từ bộ tán viết thanh chữ tán tục tự dùng thông dụng.

Tường chứ ngược lại âm trên tượng lương ngược lại âm dưới chư lự sách Phương Ngôn cho rằng: Chứ là cất cánh bay, sách Sở Từ cho rằng: Bay lượn, bay liệng, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Cất cánh bay lượn, chữ viết từ bộ vũ thanh giả.

Phục ứng ngược lại âm dưới ức lăng sách Thuyết Văn ghi rằng: Ứng là trước ngực chữ viết từ bộ nhục thanh ưng.

Kiệt chích ngược lại âm trên là kiền ngược lại âm dưới là chinh diệc.

Khô trước ngược lại âm khổ cô Thiên Thương Hiệt ghi: Khô là

người đồ tể giết mổ, phanh ra, sách Phương Ngôn giải: Róc xương lấy thịt, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh khoa ngược lại âm dưới trắc lược Quảng Nhã giải thích: Trước là chém, chặt, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trác là chém, sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh tích.

Sam di ngược lại âm trên Sở Hàm Mao Thi Truyện giải: Sam là dụng cụ trừ cỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh thù ngược lại âm dưới dĩ chi sách Nhĩ Nhã cho rằng: Di là bằng phẳng, sang bằng, lại cũng gọi là diệt sạch, sách Chu Lễ giải thích: Lấy nước tưới lên cỏ, nhổ sạch tận gốc, dứt hết không còn gốc cỏ, sam di đó, Văn Tự Điển nói: Người Di Địch bộ tộc giỏi làm cung lớn, cho nên chữ viết từ bộ đại đến bộ cung.

Dương đế ngược lại âm trên dương lượng hiệu là trụy đế ích, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh dương âm dương là âm dương.

Tán công ngược lại âm trên tạc hà nước Hán Bái nay thuộc huyện Bái Túc Hà chỗ phong đất ấp. Nay thuộc quận Tiều, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh tán.

Bát hoành âm hoành sách Hoài Nam Tử giải thích: Biết Tám đường chỉ ngang chín đường chỉ dọc, tức là tung hoành tám phương chín hướng, Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Hoành là sợi dây kỹ cương phép tắc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh hoằng âm hoằng đồng với âm trên, Văn Truyện viết từ bộ miên viết thành chữ hằng nghĩa là to lớn.

Hội cang ngược lại âm trên đội lôi Quảng Nhã cho rằng: Hội là hư hoại, sách Thuyết Văn cho rằng: Rơi xuống, rớt xuống bùn, chữ viết từ bộ phụ thanh hội Văn Truyện viết chữ đồi tục tự dùng thông dụng, hoặc là viết chữ đồi.

Bao tỏa ngược lại âm bổ mao sách Thuyết Văn ghi: Bao là gói lại có chỗ bao bọc lại bên trong, Văn Truyện viết từ bộ thảo viết thành chữ bao cũng thông dụng, ngược lại âm dưới thô ngọa sách Thuyết Văn ghi: Tỏa là bẻ gãy, chữ viết từ bộ thủ thanh tọa.

Tuần vấn ngược lại âm tuất tuân.

Duyên giang ngược lại âm trên duyệt quyến Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Men theo nước chảy mà xuống gọi là duyên sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh duyên.

Thân thí ẩm tên sơ cân Văn Tự Tập Lược cho rằng: Đem của cải thí cho, Văn Truyện viết từ bộ bối viết thành chữ thân cũng thông dụng.

Vô cảnh ngược lại âm canh cánh bệnh cuồng, cương trực, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cảnh giống như là hại, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh cảnh.

Hồng đào ngược lại âm trên hộc công Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hồng là to lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước dâng cao, chữ viết từ bộ thủy thanh cộng ngược lại âm dưới đường hào Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đào là sóng lớn, sách Thuyết Văn ghi rằng: Đào là thủy triều dâng cao, nổi sóng lớn, chữ viết từ bộ thủy thanh đào.

Hung dũng ngược lại âm trên hung cộng sách Thuyết Văn giải thích: Hung tức là dũng gọi là sóng nước bắn vọt lên cao đùng đùng, ầm ầm, ào ạt, chữ viết từ bộ thủy thanh hung ngược lại âm dưới dung chủng sách Thuyết Văn cho rằng: Dũng cũng là đằng nước bắn vọt lên, chữ viết từ bộ thủy thanh dũng cũng viết chữ dũng.

Thuyền bát ngược lại âm dưới phan miệt Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bát là gần, sách Thuyết Văn ghi thuyền trong biển lớn, chữ viết từ bộ mộc thanh bát Văn Truyện viết từ bộ mộc viết thành chữ phạt tức là cái bè tục dùng chẳng phải.

Tuấn tiếu ngược lại âm trên tuần tuấn ngược lại âm dưới thất diệu Thanh Loại giải thích: Tiếu cũng là núi cao chót vót, sách Thuyết Văn hoặc là viết từ bộ phụ viết thành chữ tiếu.

Đoàn phiêu ngược lại âm trên hà loan theo Thanh Loại cho rằng: Đoàn là nắm bắt, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh duyên ngược lại âm dưới thất diêu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nâng lên đong đưa gọi là diêu, Quách Phác chú giải rằng: Gió mạnh xoáy từ trên xuống, chữ viết từ bộ phong thanh diêu.

Táp chí ngược lại âm tam hạp Cố Dã Vương giải thích: Táp gọi là gió thổi cây lá rơi rụng tiếng kêu xào xạt, sách Thuyết Văn cho rằng: Gió xoáy quanh, chữ viết từ bộ phong thanh lập.

Khể tảng ngược lại âm dưới tang lãng.

Mạc-hạ-diên-tích ngược lại âm thanh lịch ở trong cô tàng phía tây một ngàn dặm, cảnh giới con người sống tuyệt không có nước, cây cỏ, chỉ có đá sỏi gọi là thích chữ viết từ bộ thạch thanh trách.

Sầu hội ngược lại âm công đối sách Thuyết Văn cho rằng: Hội là loạn, trong lòng nổi loạn, chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Ưu võng Âm võng Trịnh tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Võng giống như là vô tri, ý thức không biết gì cả, sách Thuyết Văn cho rằng: Tượng hình trơ như tượng đá, buồn chán, buồn bả bâng khuâng, Văn

Truyện viết từ bộ tâm viết thành chữ võng tục tự dùng cũng thông dụng.

Đôn hoàng ngược lại âm đôn đôn âm dưới hoàng lung tên gọi của quận Hữu Đạo, nay là Sa Châu.

Tể bính quả ngược lại âm trên tế tề sách Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ tể Văn Truyện viết chữ tể tục tự dùng thông dụng, chữ viết từ bộ bối thanh tề.

Mậu y tư ngược lại âm mâu hầu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mua bán, cũng là chợ búa, mua bán, sách Thuyết Văn cho rằng: trao đổi tài vật chữ viết từ bộ bối thanh mậu.

Bất dịch ngược lại âm dinh ích sach Thuyết Văn giải thích: Dịch là vui vẻ hài hòa, chữ viết từ bộ tâm thanh dịch.

Quỹ mị ngược lại âm dưới mi bí.

Quán thấu ngược lại âm trên quan đoản Cố Dã Vương cho rằng: Phàm tẩy rửa vật gọi là quán sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cửu bộ thủy đến bộ mảnh ngược lại âm dưới sổ cứu sách Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ thấu là quán chữ thấu Văn Truyện viết từ bộ khẩu chữ thành chữ thấu là ho.

Xác nhiên ngược lại âm khổ giác Hàn Khang Bá giải thích: Xác là cứng chắc, sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh xác.

Quyết nhiên ngược lại âm trên ngôn kiết sách Phương Ngôn giải thích: Quyết là đơn độc, Quảng Nhã cho rằng: Quyết là ngắn ngũi, sách Thuyết Văn ghi không có cánh tay trái tức là vợ con, chữ tượng hình.

Cầu hạt âm trên cầu ngược lại âm dưới hàn hạt.

Đà-mã ngược lại âm đồ hà con lạc đà.

Sóc độc ngược lại âm sương tróc sách Khảo Thanh viết chữ sóc là mâm lớn, theo truyện viết chữ từ bộ mộc viết thành chữ sóc là tên của dòng sông, ngược lại âm dưới đồng lục Trịnh Hoàn chú giải sách Chu Lễ rằng: Cờ dùng làm nghi vệ, đời Hán xe vua lấy lấy lụa vàng làm trần, lông vũ làm cờ nghi vệ, phong hầu tế áp có loại cờ riêng biệt lấy đuôi trâu lông dài làm cờ, sách Thuyết Văn viết từ bộ huyền thanh độc.

Nhiệt hỏa ngược lại âm nhu duyệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nhiệt là thiêu đốt, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Nhiệt là thắp sáng, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh nhiệt.

Tảng tử âm dưới là tử tên cây.

Tiển tẩu ngược lại âm trên tiên điển sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy chân không có mang giày dép mà giẫm đạp lên đất, chữ viết từ bộ

túc thanh tiên.

Kha hãn âm hàn chữ giả tá hiệu của vua Bắc Địch.

Bì duệ ngược lại âm di chế theo Mao Thi Truyện cho rằng: Duệ là khó nhọc, Quảng Nhã cho rằng: Cực khổ, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Lao nhọc, chữ viết từ bộ lực thanh duệ hoặc là viết từ bộ đãi viết thành chữ duệ Văn Truyện viết từ bộ duệ viết thành chữ duệ là chẳng phải.

Yển nhân ngược lại âm yểm diêm Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Là người tạng tinh khí đã đóng lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Yểm là người cứng cỏi ở trong cung, chiều tối đóng cửa chữ viết từ bộ môn thanh yểm.

Phần tấn ngược lại âm trên Phật văn kinh Sơn Hải giải thích: Phần là tên sông ở Sơn Tây Trung Quốc chảy vào Hoàng Hà, xuất phát từ Dũ từ bắc vào nam chảy vào Hoàng Hà, ngược lại âm dưới tân tẫn.

Nhượng duệ ngược lại âm ngược dương Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Ngượng là cướp đoạt Cố Dã Vương cho rằng: Là cắt bỏ tay áo ra, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh nhương.

Tiệm xuyết ngược lại âm trắc liệt theo Thanh Loại cho rằng: Xuyết là hơi ngắn, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Xuyết là lo buồn, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh xuyết.

Vi đăng ngược lại âm đăng đặng Quảng Nhã giải thích: Đăng là mang giày dép giẫm đạp lên, sách Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ đăng cũng là lý là dựa giẫm, ỷ lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh đăng Văn Truyện viết từ bộ túc viết thành chữ thặng đăng tức là long đong, lận đận, giẫm đạp, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Chu tập ngược lại âm tiêm diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Loại mái chèo dụng cụ chèo thuyền, chữ viết từ bộ mộc thanh tập Văn Truyện viết từ bộ chu viết thành chữ tập tục tự dùng thông dụng.

Sấm thập ngược lại âm trên sở ấm sách Thuyết Văn giải thích: Sấm là có kinh nghiệm trải qua lời tiên đoán trước, chữ viết từ bộ ngôn thanh tiêm.

Trù trừ ngược lại âm trên trụ lưu ngược lại âm dưới trữ lự.

Sá tế ngược lại âm trên trách da ngược lại âm dưới lặc lệ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Sá sế là dáng thất chí, xưa nay Chánh Tự cũng cho rằng: Thất chí buồn rầu thểu não đứng không vững gọi là sá chữ viết đều từ bộ nhân đều thanh sá tế.

Tiểu loa ngược lại âm lư qua sách Khảo Thanh cho rằng: Loa tức là ốc sên, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh loa cũng có viết chữ

loa tục viết chữ loa Văn Truyện viết chữ loa là sai.

Nhẫn nhiễm âm trên là nhậm cẩm ngược lại âm dưới nhi diểm.

Huỳnh độc âm trên quí dinh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Huỳnh là đơn độc một mình, sách Thuyết Văn viết từ bộ tấn đến bộ dinh thanh tĩnh âm tấn là âm tín.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 2

Chuyên thạch âm trên là chuyên Bì Thương cho rằng: Gạch ngói chưa nung, sách (844) Thuyết Văn viết từ bộ ngõa thanh duyên âm lộc là âm lộc.

Ngân khoáng ngược lại âm dưới hồ mảnh sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng, thiết, kim loại v.v... còn nguyên chất, hoặc là viết khoáng chữ viết từ bộ thạch thanh quảng.

Xuyên nhai ngược lại âm ngạch giai sách Khảo Thanh cho rằng: Bên khe vách núi nguy hiểm, sách Thuyết Văn cho rằng: Vách núi cao dốc chữ viết từ bộ sơn thanh nhai âm nhai đồng với âm trên.

Ngưng hộ ngược lại âm dưới hồ cố Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hộ là đóng băng, Vương Dật chú giải Tả Truyện rằng, hộ giống như đông lạnh, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh hổ.

Ngai nhiên ngược lại âm ngãi ai sách Thuyết Văn giải thích: Ngai là trắng như tuyết, chữ viết từ bộ bạch thanh khải.

Hề kính ngược lại âm trên hệ kê Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hề kính là con đường nhỏ, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hề cũng là kính sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh hề.

Khi khu ngược lại âm trên khi ky ngược lại âm dưới là khu sách Khảo Thanh cho rằng: Khi khu là núi gập ghềng, nghiêng lệch không bằng phẳng, chữ viết đều từ bộ sơn đều thanh kỳ khu Văn Truyện viết từ bộ khưu viết thành chữ khu tục tự dùng thông dụng.

Phục lý ngược lại âm phù phục sach Thuyết Văn cho rằng: Phục là áo lót, chữ viết từ bộ y thanh phục.

Nhi xuy ngược lại âm dưới xĩ vi sách Thuyết Văn cho rằng: Thổi lửa là bếp, chữ viết từ bộ hỏa thanh khiếm.

Ủy đóng ngược lại âm ủy vi sách Thuyết Văn giải thích: Ủy là

bệnh chữ viết từ bộ ngạt thanh ủy ngược lại âm dưới đông lộng sách Thuyết Văn cho rằng: Đống tức là băng chữ viết từ bộ băng âm băng là âm băng thanh đông.

Diền du ngược lại âm trên điện lân sách Thuyết Văn giải thích: Điền là ruộng bằng phẳng, chữ viết từ bộ điền thanh phộc.

Lý ngạch ngược lại âm nhũ cách sách Thuyết Văn ghi: Ngạch là cái trán, chữ viết từ bộ hiệt thanh các Văn Truyện viết từ bộ khách viết thành chữ ngạch cũng thông dụng.

Xế mao ngược lại âm trên xu nhuế Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Xế là dệt lông mịn, Trịnh Chúng chú giải rằng: Xế là thảm nhung, áo nhung lông thú mịn, sách Thuyết Văn cho rằng: Lông thú nhuyễn, chữ viết từ ba bộ mao.

Trọng nhân ngược lại âm nhất lân Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhân là đệm, thảm nệm, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh nhân.

Phu nhục ngược lại âm dưới nhung chúc sách Khảo Thanh cho rằng: Chiếu cỏ đêm cỏ dày, lụa còn ướt, chữ viết từ bộ thảo thanh nhục Văn Truyện viết từ bộ mịch viết thành chữ nhục tục tự dùng chẳng phải.

Tốt hồn ngược lại âm trên tô một ngược lại âm dưới hồ côn theo bổn truyện nghĩa là người bộ tộc Di Địch là dụng cụ.

Cấm mạt âm trên là cấm ngược lại âm dưới mạt sách Vận Thuyên cho rằng: Cấm là đầu ngước lên, sách Khảo Thanh cho rằng: Tên nhạc khí của bộ tộc bắc Di Địch.

Khan tương ngược lại âm trên khách hài ngược lại âm dưới tích lương sách Ngọc Thiên cho rằng: Khanh tướng đều tiếng kim loại khua leng keng, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ kim.

Hanh tiên ngược lại âm phách manh sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Hấp chưng thức ăn nước, hơi nước bốc lên âm dưới tiên diên sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng từ ba bộ ngư Văn Truyện viết chữ tiên tục tự dùng thông dụng.

Cao độc âm trên cao âm dưới là độc.

Nhất tập ngược lại âm tầm lập Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tập giống như nhiều lớp sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y đến bộ tập thanh tĩnh âm tập là âm đại táp.

Giả thời quốc ngược lại âm trên giá dạ tên nước. Đường Huyền Trang nói thạch quốc.

Táp-mạt-kiền-quốc ngược lại âm trên tam hạp âm kế văn phát

tên nước, Đường Huyền Trang khang quốc.

Khác hãn quốc ngược lại âm trên hồ cát âm giữ là hạn Đường Huyền Trang nói Đông An Quốc.

Môn phi ngược lại âm phỉ vi.

Diệp thiết ngược lại âm trên dư hiệp sách Thuyết Văn ghi: Nước Tề gọi là tập tức là cắn rắn, chắc chắn, ngược lại âm tài nhập chữ viết từ bộ kim thanh diệp.

Vi linh ngược lại âm lịch đinh.

Soán lập ngược lại âm sơ gián sách Khảo Thanh cho rằng: Giết mà cướp đoạt ngôi vị cũng gọi là giữ lấy, trên từ bộ trúc.

Hiển xưởng ngược lại âm dưới xương nhương Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cao ráo thoáng mát hiển lộ to lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Sửa chữa đồi đất cao có thể đứng nhìn trông ra xa, chữ viết từ bộ phộc thanh thượng.

Du nhuận âm trên là du Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Du là bụng xệ, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh du ngược lại âm dưới nhuận vận.

Táo quán âm trên là tảo ngược lại âm dưới quan loạn sách Khảo Thanh cho rằng: Đồ sành sứ, hoặc là viết chữ quán.

Quan thụy ngược lại âm dưới thùy ngụy Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thụy là điều ứng tốt lành, hiện tượng ứng với điềm may, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thụy cũng là tin điềm lành, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh đoan âm đoan là âm đoan.

Trữu bính ngược lại âm trên chu dậu Cố Dã Vương cho rằng: Trữu chỗ gọi là lấy cây chổi quét dọn trừ sạch phân dơ bẩn, sách Thuyết Văn viết từ bộ hựu tức nay giữ cái khăn cầm cây chổi quét ngoài cửa, ngược lại âm dưới binh mạng Tự Thư cho rằng: Bính là cầm nắm cán, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh bính.

Cơ chỉ ngược lại âm chi thỉ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dấu chân Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cũng là dấu chân, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chỉ.

Sao mật ngược lại âm xưởng chiểu sách Khảo Thanh cho rằng: Sao rang sấy gạo lúa mì bột mì cho khô, Văn Truyện viết từ bộ thiếu viết thành chữ sao tục tự dùng thông dụng ngược lại âm dưới dân tất.

Trách ca quốc ngược lại âm trên trắc cách tên nước.

Du vịnh ngược lại âm trên dậu chu ngược lại âm dưới dinh bính sách Nhĩ Nhã cho rằng: Du vịnh là bơi lộ chữ viết từ bộ thủy thanh vĩnh.

Tạm tề ngược lại âm dưới tử kế sách Thuyết Văn ghi mưa mới tạnh, chữ viết từ bộ vũ thanh tề.

Du thạch ngược lại âm tú lâu sách Khảo Thanh cho rằng: Du thạch giống như là kim loại chữ viết từ bộ kim đến thanh du.

Giáng sắc ngược lại âm trên giang hạng sách Khảo Thanh cho rằng: Giáng là sợi tơ màu đỏ. Sách Thuyết Văn giải thích: Giáng cũng là màu đỏ.

Trấn vũ ngược lại âm chân lận Văn Truyện viết từ bộ triển viết thành chữ triển là chẳng phải.

Thiếu tập ngược lại âm tiềm sáp sách Khảo Thanh cho rằng: Tập là thâu gom, cất giữ, sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh tập.

Khiếp phục ngược lại âm liêm hiếp Quảng Nhã cho rằng: Khiếp là có thể thỏa lòng vừa ý, lại thuận phục là khiếp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh khiếp âm khiếp đồng với âm trên, hoặc là viết chữ khiếp.

Miệt-lệ-xa ngược lại âm trên miên miết âm dưới là kế Đường Huyền Trang nói làBiên địa.

Khôi tẫn ngược lại âm dưới từ tấn Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Lửa cháy còn dư lại tro tàn gọi là tẫn, sách Thuyết Văn viết chữ tẫn từ bộ hỏa thanh duật.

Thúc nhi ngược lại âm thâu lục Quảng Nhã cho rằng: Thúc là lửa cháy sáng, sách sở từ cho rằng: Chợt bổng nhiên rất nhanh, sách Thuyết Văn giải thích: Con chó chạy, chữ viết từ bộ khuyển thanh du Văn Truyện viết từ bộ hỏa viết thành chữ thúc là sai.

Hy dung ngược lại âm kỹ nghi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hy là sáng chói, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh hy âm hy là âm di.

Mộng-yết-ly-thành ngược lại âm trên mặc bằng ngược lại âm dưới lý tri tiếng Phạm, tên thành ở Tây Vực.

Phi phi ngược lại âm phân vi Mao Thi Truyện cho rằng: Phi phi là mưa tuyết trắng xóa, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ thanh phi.

Thân tự ngược lại âm từ tự theo Thanh Loại cho rằng: Tự là cho ăn, sách Lễ Ký Khổng Tử nói rằng: Thí ít cho dân đen gọi là thực ta lấy lễ mà đối đãi đó vậy, sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh nhân.

Hằng tỏa ngược lại âm trên đản hằng sách Thuyết Văn cho rằng: Hằng là sợi dây lớn, chữ viết từ bộ mịch thanh hằng Văn Truyện viết từ bộ hoàn viết thành chữ hoàn ngược lại âm hồ quan chẳng phải nghĩa văn truyện, ngược lại âm dưới tô quả Tự Thư cho rằng: Tỏa là móc xích liên kết với nhau, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh tỏa Văn

Truyện viết từ bộ tỏa viết thành chữ tỏa tục tự dùng thông dụng.

Tiển nhiếp ngược lại âm trên tiền diễn ngược lại âm dưới niêm triếp Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiển là mang giày dép giẫm đạp lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiếp cũng là giẫm đạp đều từ bộ túc đều thanh tàn nhiếp.

Khắc mộc ngược lại âm trên khẳng lặc sách Thuyết Văn cho rằng: Khắc chạm, chữ viết từ bộ đao thanh hội.

Bát-lạt-bà âm giữa lan đát tiếng Phạm, Đường Huyền Trang nói: Nguyệt Quang.

Yên hoa ngược lại âm trên yến hiền Văn Truyện viết chữ yên âm nhân yên là nghĩa ấm áp, cũng chẳng phải, yên là khói, sương móc mù mịt.

Vu hành âm trên là vu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Căng mắt mà nhìn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh vu.

Ô-ba-đệ-thước-luận ngược lại âm trên thương chước, xưa gọi là Ưu-ba-đề-sá cũng sai.

La-mạn âm trên là la âm dưới là vạn.

Thấu xuất ngược lại âm trên thâu lậu xưa nay Chánh Tự cho rằng: Thấu suốt xuyên qua, kinh sợ, chữ viết từ bộ xước thanh tú.

Cẫn nhi ngược lại âm cận sầu cận là qua loa ít, chẳng qua, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh cận âm cận là âm cẩn.

Hà tân âm tân.

Yết-nhược-cúc-là-quốc âm giữ là cúc tiếng Phạm.

Quần liệu ngược lại âm dưới liễu diêu Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Bạn làm quan với nhau gọi liêu sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh liêu.

Tú kiệt âm kiệt theo Mao Thi Truyện cho rằng: Kiệt là đứng riêng biệt, sách Hoài Nam tử cho rằng: Trí tuệ vượt hơn ngàn người gọi là kiệt, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh kiệt.

Lao lung ngược lại âm trên lão đao Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Lao là nhàn rổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Con bò, con ngựa được nuôi trong chuồng nhàn nhã, theo đông tĩnh là lấy bốn bên rào quanh làm chợ là đem ra bán ngoài chợ, ngược lại âm dưới lục đông sách Trang Tử nói rằng: Con chim ở trong lồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh long.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 3

Đại hãi ngược lại âm dưới hai ngai Thiên Thương Hiệt ghi Kinh hãi sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh khái.

Thiện chu ngược lại âm trên thời xiển theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Thiện là đất bằng phẳng, sách Thuyết Văn cho rằng: Thiện là đất ngoài đồng hoang dã, chữ viết từ bộ thổ thanh đơn theo bổn truyện gọi là quét đất bằng phẳng.

Chuyên khám ngược lại âm kham hàm Quảng Nhã cho rằng: Khám là chứa nhiều, sách Thuyết Văn cho rằng: Hang rồng ở, chữ viết từ bộ long đến bộ hàm thanh tĩnh Văn Truyện từ (845) bộ hợp là chẳng phải.

Tầng cấp ngược lại âm trên tặng tầng ngược lại âm dưới kim lập.

Đôi điệp âm trên đô hồi Vương dật chú giải sách Sở từ rằng: Đôi là đóng đất cao, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh chuy ngược lại âm dưới đãi hiệp Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Điệp là bức tường thấp bên thành, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh diệp.

Viên lũy ngược lại âm trên vũ huyên Mao Thi Truyện cho rằng: Viên là bức tường, ngược lại âm dưới luy qũy Quảng Nhã cho rằng: Lũy là xây nhiều lớp tường.

Khoảnh khắc ngược lại âm trang lực sách Thuyết Văn ghi: Trắc là mặt trời đã ngã về phương tây, tức là xế chiều quá ngọ, chữ viết từ bộ nhật thanh trắc hoặc là viết chữ trắc đều đồng nghĩa.

Miến duy ngược lại âm miên biển Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Miến tưởng nhớ, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh diện hoặc là viết chữ miến.

Ô ế ngược lại âm ô hồ âm dưới yên kiết.

Tân lang âm trên là tân âm dưới là lang.

Đậu khấu ngược lại âm hồ cấu.

Cầu đống ngược lại âm trên kỳ do ngược lại âm dưới đông lộng lại viết chữ cầu Quảng Nhã cho rằng: Đống là đòn dông, đòn tay chính giữa nhà chỉ những người giữ chức vụ quan trọng, chữ viết từ bộ mộc thanh đông.

Túc lô ngược lại âm lỗ đô lô là cây đòn kê trên cột, cây gỗ vuông, chữ viết từ bộ mộc thanh lô.

Văn tỳ ngược lại âm tỵ ty Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tỳ là mái

hiên nhà, theo Thanh Loại cho rằng: Nhà liên tiếp nối nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Chái nhà, chữ viết từ bộ mộc thanh tỳ Văn Truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ tỳ là chẳng phải.

Manh tiếp ngược lại âm trên là manh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Manh là cái mèn đóng trên rui nhà để móc ngói, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là đòn dông nhà, chữ viết từ bộ ngõa đến bộ manh thanh tĩnh.

Suy liên ngược lại âm thế trụy sách Nhĩ Nhã cho rằng: Góc nhà gọi là suy Quách Phác chú giải rằng: Tức là rui nhà, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh suy.

Canh mể ngược lại âm cách hành sách Thuyết Văn giải thích: Thuộc lúa chín muộn, ít dẻo, chữ viết từ bộ hòa thanh khang.

Kiết-lật-đà-la-củ-sá ngược lại âm kỳ kiết tiếng Phạm.

Hộ khích ngược lại âm hướng kích Cố Dã Vương cho rằng: Khích giống như khe hở xuyên qua cái hang, sách Thuyết Văn cho rằng: Khích là vách tường bị nức có khe hở, chữ viết từ bộ phụ thanh khích âm khích đồng với âm trên.

Lũ-ha-sơn ngược lại âm cụ cũ tên núi ở Tây Vực.

Sát hạch ngược lại âm sơn bát sách Hoài Nam Tử cho rằng: Chim vỗ cánh bay cao bỏ lại lông chim, con thú chạy bỏ lại dấu chân, sách Khảo Thanh cho rằng: Sát là lông chim bệnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kim thanh sát Văn Truyện viết từ bộ xuyết viết thành chữ xuyết là sai.

Nham nghiển ngược lại âm dưới ngôn kiển Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nghiển là núi nhỏ mà cao mây mưa bao phủ, sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh nghiên.

Câu lan ngược lại âm trên cẩu hầu Lưu Hoàn chú giải sách Chu Dịch rằng: Câu là móc mà kéo lôi ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Móc câu cong lại, chữ viết từ bộ kim thanh câu ngược lại âm dưới lãn đan sách Khảo Thanh cho rằng: Lan là lấy cây che trước cửa, Văn Truyện viết từ bộ viết thành chữ lan là tên của cây, chẳng phải bổn nghĩa.

Quần-trĩ-ca ngược lại âm trên quân vẫn ngược lại âm dưới trì kỹ tiếng Phạm, trong truyện tự giải thích.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 4

Thâm khoát ngược lại âm khoang hoạt theo sách Khảo Thanh cho rằng: Khoát là cửa rộng rải, chữ viết từ bộ môn thanh hoạt Văn Truyện viết từ bộ thiệt viết thành chữ khoát là chẳng phải.

Sài tự ngược lại âm trên là sài sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc loại chó sói chữ viết từ bộ trĩ thanh tài âm dưới là tự kinh Sơn Hãi ghi rằng: Vào thời vua Thuấn mang sông đông sương có loại thú hình trạng giống như con trâu lông màu xanh đen, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Có một sừng màu xanh, nặng ngàn cân, sách Thuyết Văn nói giống như trâu hoang mà lông xanh, tượng hình cùng với đầu trâu nuôi, thú nuôi giống nhau.

Hắc báo ngược lại âm bao mạo sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của loài thú con báo, beo, chữ viết từ bộ trĩ đến bộ chước Văn Truyện viết từ bộ khuyển viết thành chữ báo tục tự cho rằng: Chẳng phải, âm trĩ là âm trĩ.

Khuất vãn ngược lại âm trên quần uất ngược lại âm dưới là vãn.

Truy toàn ngược lại âm trên trị truy sách Khảo Thanh cho rằng: Thiết chùy Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ kim thanh truy ngược lại âm dưới tử loạn.

Trác thủ ngược lại âm trên trúc giác Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trác là tước lột, sách Thuyết Văn cho rằng: Trác cũng là chém chặt, chữ viết từ bộ cân thanh đậu.

Thuyên tạt ngược lại âm trên tử toàn sách Khảo Thanh cho rằng: Thuyên là khắc chạm, mài ngọc, ngược lại âm dưới tạng các Văn Truyện viết chữ thuyên tạc tục tự cho rằng: Sách viết sai.

Yết-chu-ôn-kỳ-ha-quốc âm giữa Ôn-cốt tiếng Phạm.

Phân hinh ngược lại âm hích kinh sách Thượng Thư cho rằng: Hương thơm Minh Đức được duy trì mãi mãi, sách Thuyết Văn ghi rằng: Hương thơm bay xa, nghe xa, chữ viết từ bộ hương thanh khanh âm khanh là âm khanh.

Đam-ma-lật-để-quốc âm trên đáp hàm âm giữa lân chất ngược lại âm dưới yên lễ tiếng Phạm.

A-phệ-da-đặng-sắc-triết-la ngược lại âm trên phò phế âm giữa trân chất âm dưới chiên liệt đều là tiếng Phạm.

Lịch-la-củ-sá-quốc ngược lại âm trên linh đích âm giữa câu vu âm

dưới sửu ca đều là tiếng Phạm.

Phương trập ngược lại âm trầm lập Cố Dã Vương giải thích Trập là loài côn trùng mùa đông ẩn mình bất động, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh chấp.

Ẩu thân ngược lại âm vu vũ Quảng Nhã cho rằng: Ẩu là cong lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh khu.

Điểu huệ ngược lại âm huy uế Mao Thi Truyện cho rằng: Huệ là mỏ chim, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh thỉ.

Cảnh khái ngược lại âm trên canh lãnh chữ viết từ bộ mộc Văn Truyện viết từ bộ mể viết thành chữ cảnh cảnh là một giống nếp cùng bổn nghĩa quái lạ.

Bạt-lộc-yết-chiêm-bàn-quốc âm trên bàn mạt âm giữa tha khiếp đều là tiếng phạm.

Lộc thủy ngược lại âm lung cốc sách Thuyết Văn cho rằng: Lọc nước nạo vét, khơi sâu dòng nước, chữ viết từ bộ thủy thanh lộc.

Thác đà ngược lại âm thang lạc ngược lại âm dưới đồ hà sách Chu Thư giải thích: Vương hội phương bắc hiến con thác đà, Cố Dã Vương giải thích: Trên lưng có nổi lên cục thịt, con thú này có thể vác nặng giỏi đi xa, phương bắc có rất nhiều lạc đà, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ mã đều thanh thác tha.

Phất lẫm quốc âm giữa cẩm chữ giả tá.

A-lộ-trà-quốc ânm giữa phiên vạn tiếng Phạm, tên bảy nước.

Trước cực phược âm giữa cư lực ngược lại âm sư lý.

Tàm nãn ngược lại âm dưới nạch giãn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Xấu hổ đỏ mặt gọi là nãn sách Thuyết Văn cũng giải thích: Xấu hổ, hổ thẹn đỏ mặt chữ viết từ bộ xích thanh nãn Văn Truyện viết từ bộ bì viết thành chữ nãn tục dùng cũng thông dụng.

Hề thử ngược lại âm hệ kê sách Thuyết Văn cho rằng: Con chuột nhỏ, chữ viết từ bộ thử thanh hề.

Tha nhiếp ngược lại âm thố hà chân vấp té ngã, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh sa ngược lại âm dưới niêm triếp trước đã giải thích rồi.

Như-bộ-đa-ngoại-đạo ngược lại âm trên phổ cố tiếng Phạm, tên ngoại đạo.

Miêu ly ngược lại âm trên uyển bao ngược lại âm dưới ly tri.

Túc thuân ngược lại âm thất tuần Bì Thương cho rằng: Thuân là da nức nẻ, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ bì thanh tuấn âm tích là âm tích âm tuân là âm tuân.

Lâu man ngược lại âm lậu đâu ngược lại âm dưới mạch ban theo Văn Truyện là lấy xương cốt làm đồ trang sức đeo trên đầu, mang trên cổ.

Khối lỗi âm trên là khối âm dưới là lôi ổi sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiều đá chồng chất lên, chữ viết từ bộ ba thạch.

Tinh táo ngược lại âm trên là tinh âm dưới canh tao.

Hổn trung ngược lại âm hồn độn sách Thuyết Văn cho rằng: Hổn cũng là nhà xí, nhà vệ sinh, chữ viết từ bộ thủy thanh hổn âm hổn đồng với âm trên.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 5

Vạn tao ngược lại âm sưu lao Văn Tự Tập Lược giải thích: Tao là từ số đếm tàu thuyền, sách Thuyết Văn cho rằng: Tên gọi chung về tàu thuyền, chữ viết từ bộ mộc thanh sưu Văn Truyện viết từ bộ chu viết thành chữ tao tục tự dùng cũng thông dụng.

Lạt cảnh âm cảnh.

Bản đang ngược lại âm trên ban giãn ngược lại âm dưới đường lãng sách Khảo Thanh cho rằng: Bản là nơi hẻo lánh, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đảng là bập bềnh đu đưa, lại gọi là dao động, sách Thuyết Văn cho rằng: Bản là khắc in, chữ viết từ bộ phiến thanh phản hoặc là viết từ bộ phụ viết thành chữ bản sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ đảng từ bộ mảnh thanh đảng.

Phốc tiển ngược lại âm phổ lộc Quảng Nhã cho rằng: Phốc là đánh tát, Thiên Thương Hiệt giải thích Phốc là nắm đầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh phốc ngược lại âm dưới tiên tiển Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tiển là hết sạch, lại gọi là tiêu diệt, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiển giống như giết hại, sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ thanh tiền hoặc là viết từ chữ tấn Văn Truyện viết từ bộ đao viết thành chữ tiển là sai.

Kình nghê ngược lại âm kinh ngưỡng ngược lại âm dưới nghệ kê Tả Truyện giải thích: Giăng lưới bắt kình, Đỗ Dự chú giải rằng: Cá lớn, Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Kình đó loài cá vua, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ ngư đều thanh kinh nghê.

Trượng việt âm việt Tư Mã Vương Pháp Chu giải rằng: Bên trái cầm cây gậy vàng, bên phải cầm cây búa vàng, cờ trắng, sách Thuyết Văn cho rằng: Việt là cây búa lớn, viết đúng chữ việt Văn Truyện viết từ bộ kim viết thành chữ việt cũng thông dụng.

Nga nga ngược lại âm ngã hà Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nga nga là cao lớn, hùng tráng, sách Thuyết Văn ghi chữ viết từ bộ sơn thanh ngã.

Ngập ngập ngược lại âm ngâm lập Vương dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ngập cũng là cao, hiểm nguy, sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh cập.

Anh bội ngược lại âm trên ích hình, âm dưới bội muội.

Ngư lệ âm ly.

Khứ mạo ngược lại âm mao báo Tự Thư cho rằng: Mạo cũng là quan tức là nón mũ, sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh mạo.

Hấp thủy ngược lại âm trên huất cấp theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hấp giống như dẫn vào, Quảng Nhã cho rằng: Hấp là uống vào, sách Thuyết Văn (846) cũng cho rằng: Hít hơi thở vào, chữ viết từ bộ thảo khẩu thanh cập.

Thiện thượng âm trên là thiện trước đã giải thích rồi.

Tý xuyến ngược lại âm xuyên luyến.

Cảnh khái ngược lại âm canh lảnh ngược lại âm dưới khái ngãi Phổ Tông giải thích: Lau chùi cho sạch là khái sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh khái.

Cù-sư-la-trưởng-giả ngược lại âm trên cụ ngung.

Tào củ sá quốc âm trên là tảo.

Manh kiền quốc ngược lại âm trên mặc băng tên của nước Tây Vực.

Hinh-ma-đát-la-quốc âm trên là hinh dị tên nước.

Mang mang ngược lại âm mang bàng sách Sở Từ giải thích rằng: Mang mang là cây cỏ, Vương Dật chú giả rằng: Mang mang là cỏ mọc rậm rạp, Quảng Nhã cho rằng: Mang mang là cỏ mọc tươi tốt, sách Thuyết Văn cho rằng: Ở Nam Xương gọi là con thỏ khéo đuổi theo đám cỏ tốt râm rạp um tùm, giống như cỏ mãng, chữ viết từ bộ đại đến bộ thảo cũng là thanh, Văn Truyện viết từ bộ thủy viết thành chữ mãng tức suối nước xa, chẳng phải nghĩa đây dùng.

Giao quát ngược lại âm quan hoạt sách Thuyết Văn cho rằng: Nói chuyện ồn ào, chữ viết từ bộ nhĩ thanh thiệt Văn Truyện viết chữ quát cũng thông dụng.

Cự xác ngược lại âm khanh nhạc Cố Dã Vương cho rằng: Phàm vật gì vỏ bọc trứng bên ngoài, hoặc là viết chữ xác sách Thuyết Văn viết chữ từ bộ noản thanh xác.

Yết-bàn-đà-quốc ngược lại âm trên khưu liệt tên của nước.

Ô-xuyết-quốc ngược lại âm xuyên liệt tiếng Phạm.

Phong ngạc ngược lại âm ngang các sách Khảo Thanh cho rằng: Ngạc là vách núi, Tả Thư Ngụy Đô Phú Truyện cho rằng: Chót núi, đỉnh núi rất cao,âm kham ngược lại âm ngũ cảm.

Tham tham ngược lại âm táp cam sách Khảo Thanh cho rằng: Tóc dài rũ xuống, theo truyện viết từ bộ thảo viết thành chữ tham tục tự dùng chẳng phải, hoặc là viết chữ tham.

Thành trách ngược lại âm trắc cách theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trách là chứa, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trách gọi là cái giường, sách Thuyết Văn viết chữ trách Văn Truyện viết từ bộ trúc viết thành chữ tích là sai, hoặc là viết chữ trách.

Đoạn thực ngược lại âm đoàn loạn theo sách Khảo Thanh giải thích: Viết đúng là chữ đoạn tức là đoạn tuyệt, Văn Truyện viết chữ đoạn là họ của người bổn nghĩa khác lạ.

Thấu lý âm trên là thấu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Thấu là khoảng lớp da bên trong và cơ bắp, xưa nay ChánhTự giải nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ nhục thanh thấu.

Kích kiền trùy ngược lại âm kinh lịch sách Khảo Thanh cho rằng: Thiệt vận âm đúng là viết chữ kích kích tức là đánh, Văn Truyện viết từ bộ mịch viết thành chữ hệ là ràng buộc bổn nghĩa khác lạ.

Thiểu nhiên ngược lại âm thất tiểu sách Văn Tự Điển nói: Xìu mặt không vui, chữ viết từ bộ tâm thanh thu.

Tổng chiên ngược lại âm chiến diên Văn Truyện viết chữ chiên này tục tự thường hay dùng.

Y vương ngược lại âm ư kê sách Khảo Thanh cho rằng: Âm vận thiết là hắc ngọc viết đúng là chữ y Văn Truyện viết từ bộ ngọc viết thành chữ y tục tự dùng chẳng phải.

Bột-già-di-thành ngược lại âm trên bồn một.

Kiêu hùng ngược lại âm trên là kiêu.

Sàm hiểm ngược lại âm là sàm Quảng Nhã cho rằng: Sàm là cao vút, sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh sàm.

Thiện-ư-thư-mạt âm trên là thiện âm giữa là thất lự âm dưới man bát tiếng Phạm.

Xí giác ngược lại âm dưới khẩu giác theo Thanh Loại cho rằng:

Đất cằn cỗi không mầu mở, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thạch thanh giác.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 6

Thúc thận âm thận.

Trướng dư ngược lại âm dữ chư Tô Lâm cho rằng: Dư giống như là xe chuyên chở, sách Thuyết Văn cho rằng: Xe nhỏ, chữ viết từ bộ xa thanh cửu.

Dực nhật ngược lại âm trên dăng chức cũng từ bộ vũ viết thành chữ dực nghĩa đều đồng.

Ba-la-mặc-tư-quốc âm giữa ninh kiết tên của nước Tây Vực tiếng Phạm.

Liệt đạo ngược lại âm liệt trệ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Liệt là che trùm, sách Khảo Thanh cho rằng: Xe vua ngự giá phía trước phải làm sạch con đường, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là che, chữ viết từ bộ xước thanh liệt.

Khuể bộ ngược lại âm khuy thận sách Phương Ngôn cho rằng: Nữa bước là khuể nữa bước không rời, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh khuê.

Hoàn hội âm trên là hoàn âm dưới là hội.

Thê đăng ngược lại âm đăng đặng theo chữ thế đăng đúng là từ bộ phụ viết thành chữ đăng nay truyện viết từ bộ túc viết thành chữ đang tục tự dùng thông dụng.

Ký hồ ngược lại âm kình ký trên đã giải thích rồi.

Thiện tả âm trên là thiện Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thiện là tu bổ sửa chữa, sách Thuyết Văn cho rằng: Thiện là tu bổ, chữ viết từ bộ mịch thanh thiện.

Loan dữ ngược lại âm noản đoan sách Chu Lễ Lộ Nghi giải thích rằng: Lấy kim loại mà làm cái linh nhỏ, Trịnh Huyền chú giải rằng: Cũng là lấy kim loại làm cái linh nhỏ, thường đeo ở cổ ngựa (như lục lạc) sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh loan.

Bàn mộc ngược lại âm bàn đông bàn là phi long thọ trong biển.

Khổ thỉ ngược lại âm trên hồ cổ Khổng An Quốc chú giải sách

Thượng Thư rằng: Khổ là loại cây làm mũi tên, mũi tên cấm vào cây, sách Thuyết Văn viết từ bộ khổ thanh mộc.

Khô chu ngược lại âm khẩu sách Chu Thư ghi rằng: Khô là chẻ cây đóng thuyền, sách Thuyết Văn ghi rằng:Khô là chẻ ra phanh ra, chữ viết từ bộ đao thanh khoa.

Chân phương dư ngược lại âm trên nhất chân Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chân là lấp bít lại Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cũng là đất núi, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh chân hoặc là viết chữ chân này âm đồng với âm trên.

Lạc Hưu âm hữu.

Mong tị âm trên là mong âm dưới là tợ.

Ủy tẫn ngược lại âm tần nhẫn Thiên Thương Hiệt ghi: Tài vật vải vóc gọi là tẫn sách Thuyết Văn cho rằng: Lễ hội, lễ vật tiển người lên đường, chữ viết từ bộ bối âm tẫn đồng với âm trên.

Tịnh vật ngược lại âm dưới dân tất sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mật là yên tịnh, không có tiếng người, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh mật âm mật đồng với âm trên.

Thu trung ngược lại âm chú nhung sách Khảo Thanh cho rằng: Trung là châu chấu, loài côn trùng sinh sản ra rất nhiều, lại viết chữ trung sách Thuyết Văn giải thích cũng là loại châu chấu, chữ viết từ bộ côn âm côn là âm côn thanh đông.

Nãng thật ngược lại âm nang đảng sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nãng là lâu xưa, sách Khảo Thanh cho rằng: Xưa trước kia, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhật thanh nang.

Tuyết tu âm tụ.

Pha đà ngược lại âm trên phá ba sách Khảo Thanh cho rằng: Đất dốc, dốc núi, lại cũng viết chữ pha gọi là dốc núi nghiêng xuống, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cũng là dốc nghiêng, sách Thuyết Văn cảnh từ bộ thổ thanh bì ngược lại âm dưới đà hà.

Quảng mậu ngược lại âm mạc hậu sách Sử Ký ghi rằng: Mậu là rộng sáu dặm, sách Thuyết Văn giải thích: Dài phía nam bắc gọi là mậu, dài phía đông tây gọi là quảng chữ viết từ bộ y thanh mâu.

Khoa phụ ngược lại âm quải hoa sách Liệt Tử nói rằng: Khoa phụ là chạy giỏi có thể cũng gọi là tranh tài với ngựa chạy nhanh, chỗ gọi là đất chết hóa làm bãi tha ma đặng lâm.

Ổi thùy ngược lại âm trên ổi hồi Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đốn ngã, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh ổi.

Thần quyến ngược lại âm trên thị nhân Văn tự Điển nói: Thần là

đến với nhà lớn, thiên tử có điện lớn màu tím đều là chỗ vua ở, nhà của vua ngự, chữ viết từ bộ miên âm miên là âm thanh thần ngược lại âm dưới câu cố sách Thượng Thư cho rằng: Quyến là chỗ nhìn ngó chăm sóc thân mạng hoàng đế, Khổng An Quốc chú giải rằng: Nhìn xem xét, quan tâm, sách Thuyết Văn giải thích: Quan tâm chiếu cố, chữ viết từ bộ mục thanh quyến âm quyến truyện viết chữ quyến là sai.

Thăng huyễn ngược lại âm hồ khuyển sách Chu Lễ giải thích: Huyễn gọi là cái đỉnh có quai, sách Thuyết Văn cho rằng: Đĩnh có quai gọi là huyền chữ viết từ bộ kim thanh huyền.

Quỳ đình ngược lại âm trên hoại quái tên cây.

Ung hy ngược lại âm trên ung cung Văn Truyện viết từ bộ khẩu viết thành chữ ung hy là sai, viết đúng là từ bộ nghiễm viết thành chữ ung hoặc là viết thành chữ ung.

Kiêu phong ngược lại âm trên hiểu diêu Văn Tự Điển nói: Kiêu là rót nước tưới, chữ viết từ bộ thủy thanh kiêu.

Hủy phục ngược lại âm trên huy quý Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hủy phục là cỏ phục, sách Thuyết Văn giải thích tên gọi chung các loại cỏ, chữ viết từ ba bộ triệt.

Khể tảng ngược lại âm tang lãng sách Phương Ngôn giải thích: Tảng là cái trán, sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt thanh tảng.

Di để ngược lại âm hộ lễ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Để là nhà của triều đình, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Thuộc nhà của tụ hợp của các chư hầu, chữ viết từ bộ ấp thanh để.

Hiểm duẫn âm trên là hiểm âm dưới là duẫn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Bộ tộc phương Bắc Địch, Khảo Thanh Thiết Vận cho rằng: Viết đúng từ bộ nghiêm viết thành chữ hiểm duẫn Văn Truyện viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiểm tục dùng cũng thông dụng.

Phong cao âm trên là phong ngược lại âm dưới là hạo.

Minh đích ngược lại âm đinh lịch.

Cao lệ âm lê.

Bán điệp âm diệp.

Lang bái âm trên lang đang ngược lại âm dưới bôi cái.

Trụ tất ngược lại âm tâm mật Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tất gọi là dừng bước ngăn cấm đường, ngày xưa khi vua xuất hành ngăn cấm đường không cho đi lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh tất.

Khải toàn ngược lại âm trên khai cải Tự Thư giải thích rằng: Đi dạo quanh, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Khải là rộng lớn, chữ viết từ bộ

kỹ thanh khải hoặc là viết chữ khải này.

Phù quắc ngược lại âm trên phủ vô Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phù chỗ gọi là bắt được tù binh, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanhh phù âm dưới quang hoạch Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Quắc gọi là xẻo tai, Văn Tự Điển nói: Quắc viết đúng từ bộ nhĩ (847) viết thành chữ quắc Văn Truyện viết từ bộ tù viết thành chữ quắc tục tự dùng thông dụng.

Huỳnh tước Lã Bấc Vi giải thích: Vị tướng giỏi đời vua Thành Thang được phong tước.

Chi dịch âm diệc.

Đại hạ âm hạ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hạ là nhà lớn mà không có cửa, giống như là cửa rộng ở một bên là lại thấp sách Văn Tự Điển chữ viết từ bộ nghiểm thanh hạ.

Đinh huỳnh âm thính bình thanh âm dưới dinh quýnh sách Khảo Thanh cho rằng: Dòng nước nhỏ trong suốt, Dương Tử Vân Cam Nghiệt Phú Truyện viết chữ huỳnh Văn Truyện viết đinh huỳnh hai chữ đều sai.

Luyến tướng hình dương ngược lại âm trên duyên mạo theo chữ luyến chau không từ bộ thủy nay truyện viết từ bộ thủy là chẳng phải.

Tái chế ngược lại âm trên tàng lạc Văn Truyện viết từ bộ nhật viết thành chữ tạc là âm tạc Văn Truyện viết sai.

Ngõa lịch ngược lại âm linh đích.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 7

Quỹ xúc ngược lại âm trên cư vĩ ngược lại âm dưới chung lục theo Khảo Thanh Thiết Vận viết đúng là chữ xúc Văn Truyện viết chữ xúc tục tự dùng thông dụng.

Liểm nhậm âm nhẫm Văn Tự Điển nói: Cầm vạt áo trước khom lưng làm lễ, Hà Hương viết từ bộ y thanh nhậm.

Kim quỹ ngược lại âm cầu quỹ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Quỹ là cái tráp, cái tủ, sách Thuyết Văn viết từ bộ phương âm phương là âm phương thanh quý.

Điện chi âm trên là điện theo Mao Thi Truyện cho rằng: Điện là

sửa chữa, Trịnh Huyền chú giải sách chu Lễ rằng: Nói điện tức là đồng ruộng, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Điện là bỏ đi vương thành cách năm trăm dặm, tức là vùng ngoại thành cách cung điện nhà vua năm trăm dặm, sách Thuyết Văn viết từ bộ điền thanh bao âm bao ngược lại âm bào mao thanh mao.

Thiều sấn âm trên là điều sách Khảo Thanh cho rằng: Trẻ con cắt tóc còn chừa hai bên trái đào, Văn Tự Điển nói: Thiều là đứa trẻ tóc để chởm, chữ viết từ bộ tiêu thanh chiêu ngược lại âm dưới sơ cận Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đứa bé trai tám tuổi, đứa bé gái bảy tuổi, tức là hủy bỏ cái răng sữa, sách Thuyết Văn viết từ bộ xĩ thanh sất.

Ly quang ngược lại âm lặc tri sách Khảo Thanh giải thích: Bày biện công bố ra, Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: Ly là căng ra, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh ly.

Hiệp thần ngược lại âm tiêm diệp Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Từ ngày giáp đến ngày quý gọi là hiệp Hàn Thi Truyện cho rằng: Hiệp là thông suốt, sách Thuyết Văn viết bộ thủy thanh hiệp.

Bi thạch âm bi Thích Danh cho rằng: Người có công nên vua theo thuật lập bia đá để tưởng nhớ, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ thạch thanh bi.

Cửu khiển âm trên là cựu ngược lại âm dưới khiếm chiến Quảng Nhã cho rằng: Khiển trách, sách Thuyết Văn cho rằng: Quở trách, chữ viết từ bộ ngôn thanh khiển.

Trắc khỉ âm khởi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trắc là phân kia và đây, theo truyện cho rằng: Núi có cây cỏ gọi là khỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Không có cây cỏ gọi là khỉ trắc khỉ là trèo lên núi trọc mà nhớ mong mẹ, chữ viết từ bộ sơn thanh dĩ.

Ích cửu ngược lại âm dưới quân cựu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tật bệnh lâu ngày, sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh cửu.

Đao lợi âm trên là đao.

Ban thùy ngược lại âm trên bát man theo Xuân Thu Truyện cho rằng: Ban Công đi chu du khắp trong và ngoài, khéo léo sắp xếp đúng thời, ngược lại âm dưới thùy quy Trịnh Huyền chú giải kinh Sơn Hải rằng: Thùy tức là Nghiêu Khảo Công, tức là vua Đường Nghiêu, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân thanh thùy.

Tử khuê ngược lại âm trên tư lý âm dưới khuê nhuế đều là tên cây.

Dự chương ngược lại âm trên dư cứ ngược lại âm dưới chước lương

theo chữ dự chương đó là tên của quận, nay truyện đều viết từ bộ mộc viết thành chữ dự chương.

Tinh lự ngược lại âm trên là tĩnh âm dưới lư đều là tên của cây.

Chí trách ngược lại âm sai trách Lưu Hoàn giải thích rằng: Trách đó là gọi rất thâm u, sách Thuyết Văn viết từ bộ di thanh trách âm di là âm di.

Tinh túy ngược lại âm tuy loại sách Thuyết Văn cho rằng: Túy là không tạp, chữ viết từ bộ mể thanh tốt.

Điểu triện ngược lại âm truyện luyến sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ triện chu vương huyên thái tử, sử trụ trước tác đại triện năm mươi thiên, chữ viết từ bộ trúc đến bộ triện.

Bát diên ngược lại âm dĩ chiên sách Hán Thư âm nghĩa cho rằng: Bát diên là vùng đất xa xôi, nơi hoang vắng, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh diên.

Ngưng lưu ngược lại âm lữ chu theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cờ tua rủ xuống, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Loại cờ có tua rủ xuống, chữ viết từ bộ phương thanh lưu âm lưu ngược lại âm tha cốt.

Đàm minh ngược lại âm trên đàm nam Mao Thi Truyện cho rằng: Đàm là kéo dài, lại gọi là lâu dài, sách Thuyết Văn viết chữ đàm chữ cổ viết chữ đàm ngược lại âm dưới mịch bình.

Lễ chước ngược lại âm trên lỗ qua văn trên đã giải thích rồi.

Ký hồ ngược lại âm kỳ ký Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ký là đến, sách Nhĩ Nhã cho rằng: cũng là đến kịp. Văn Truyện viết từ bộ thủy viết thành chữ kỵ Từ Quảng cho rằng: Nước thịt cùng với bổn nghĩa khác lạ.

Mạo khổng ngược lại âm trên nghệ kê Bì Thương cho rằng: Mạo là hình tướng bề ngoài, Cố Dã Vương Vận Thuyên tức là sư tử, xưa nay Chánh tự viết từ bộ trĩ thanh nhi hoặc là từ bộ khuyển viết thành chữ mạo.

Huyên tẩu ngược lại âm huyết duyên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Huyên là bay là đà, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Bay thấp, chữ viết từ bộ vũ thanh hoàn.

Quan kiện ngược lại âm dưới kỳ kiển sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải mà đến Đông Trần Sở gọi là then chốt cửa la kiện sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh kiếm.

Thê hàng ngược lại âm thích để ngược lại âm dưới hạt cang sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải mà đến đông gọi ghe thuyền là hàng sách Thuyết Văn giải thích: Chữ viết từ bộ chu thanh hàng.

Khoa huyền độ ngược lại âm khoa hóa Cố Dã Vương cho rằng: Gọi nhấc chân lên cao, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khoa gọi là vượt qua tiến đến phía trước, sách Thuyết Văn giải thích: Khoa là vượt qua sông, chữ viết từ bộ túc thanh khoa âm khoa ngược lại âm khổ qua.

Thâu sâm ngược lại âm sĩ lâm Tự Thư giải thích: Sâm là đồ quý báu, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ngọc báu gọi là sâm hoặc là viết chữ sâm xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngọc đến bộ thâm thanh tĩnh.

Châm tiển ngược lại âm trên chấp lâm ngược lại âm dưới tiên luyện sách Khảo Thanh Thiết Vận viết đúng là chữ tiển Văn Truyện viết từ bộ mịch viết thành chữ tuyến tục tự dùng cũng thông dụng.

Đạo khuê ngược lại âm dưới huệ khuê Vương dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khuê giống như là khu sách Thuyết Văn giải thích: Ruộng năm mươi mẩu là một khuê, chữ viết từ bộ điền thanh khuê.

Tiến trân ngược lại âm tiền luyện sách Văn Tự Điển nói rằng: Lặp lai nhiều lần, chữ viết từ bộ thảo thanh tồn ngược lại âm dưới trắc cân.

Đao cứ ngược lại âm cự ngư Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cắt vật gọi là cứ sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh cư.

Tàm nục ngược lại âm nữ lục sách Phương Ngôn cho rằng: Mục là hổ thẹn, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh nhi.

Phủ lũ âm trên là phủ Cố Dã Vương cho rằng: Phủ gọi là cúi đầu xưa nay Chánh Tự giải thích: Phủ là khom xuống, chữ viết từ bộ nhân thanh phủ ngược lại âm dưới lực cử Quảng Nhã cho rằng: Khom xuống tức cong lưng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh lũ.

Cục tích ngược lại âm cự ngọc Cố Dã Vương cho rằng: Cục là không thể duỗi thẳng ra được, cũng là cong lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh cục ngược lại âm dưới tư diệc sách Thuyết Văn giải thích: Bước từng bước ngắn, chữ viết từ bộ túc thanh tích âm tích là âm tích.

Trần độc ngược lại âm dưới đồng lộc Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bụi đất dơ bẩn gọi là độc sách Thuyết Văn giải thích: Độc là nắm giữ lấy nhơ bẩn, chữ viết từ bộ hắc thanh độc.

Toản lịch ngược lại âm toàn noản Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Toản là biên soạn, biên tập ghi chép, sách Khảo Thanh cho rằng: cũng là biên soạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh soán ngược lại âm tức quản cũng là thanh, hoặc là viết từ bộ thảo.

Trất mộc ngược lại âm trên trở sắc sách Lễ Ký giải thích: Sáng sớm dùng lược chải tóc, cây lược có răng lược san sát khít khít như răng lược, chữ viết từ bộ mộc thanh tiết.

Kham loạn ngược lại âm khâm hàm Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kham cũng là thắng, theo Đại Truyện giải thích: Kham đó là nhanh chóng dẹp yên, sách Thuyết Văn giải thích cũng là thắng dẹp yên bình định, chữ viết từ bộ qua thanh kim theo truyện viết từ bộ thậm viết thành chữ kham ngược lại âm trúc thậm cùng với bổn nghĩa lạ.

Luân hoán ngược lại âm dưới hoan quán sách Khảo Thanh cho rằng: Hoán là màu sắc sáng sủa, Thiên Thương Hiệt cũng cho rằng: Văn chương sáng sủa trau chuốt, sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng một nghĩa, chữ viết từ bộ song âm song ngược lại âm cũng quỳnh thanh tĩnh.

Quỳnh cổ ngược lại âm trên quý dinh ngược lại âm dưới sơ lữ sách Chủ Nô Sở Từ giải thích: Đá kê chân cột là sở xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thạch thanh sổ.

Đồng hạp ngược lại âm dưới đàm hạp Văn Truyện viết từ chữ tra là chẳng phải.

Hiên ham ngược lại âm dưới hàm giảm Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hạm là lan can, hàng rào, chuồng nuôi thú, sách Thuyết Văn giải thích: Hạm cũng là cái lồng, chữ viết từ bộ mộc thanh lam Văn Truyện viết từ bộ xa viết thành chữ giam giam cũng là xe nhốt tù nhân cùng với bổn nghĩa khác lạ.

Hoanh khái ngược lại âm trên hồ hoằng theo Thanh Loại giải thích: To lớn ầm ầm, tiếng nước ào ào, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn đến bộ chước thanh tĩnh ngược lại âm dưới khan hạt sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng đá va chạm, chữ chỉ rằng: Tiếng to lớn ầm ầm, sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh hạp Văn Truyện viết bộ thạch viết thành chữ khái là chẳng phải.

Giáp trữ ngược lại âm dưới là trừ lữ sách Chu Lễ cho rằng: Trữ là vải gai, bao gai, cây cỏ gai, Trịnh Huyền chú giải rằng: Vải gai trắng mà thưa gọi là trữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây gai thuộc vải lụa thưa thô, chữ viết từ bộ mịch thanh trữ.

Dật vũ ngược lại âm vô bổ Thích Danh cho rằng: Nhà lớn gọi là vũ sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm âm nghiễm là âm nghiễm thanh vô.

Bất hiểu ngược lại âm nhiêu hạnh Bì Thương cho rằng: Hiểu là

sáng suốt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhật thanh hiểu ngược lại thanh hiểu nhiêu.

Bột giải ngược lại âm trên hồ một ngược lại âm dưới hài mại sách Văn Tự Điển nói rằng: Bột giải là tên biển, đều từ bộ thủy thanh bột giải.

Khanh hoành ngược lại âm dưới hoa hoằng sách Khảo Thanh cho rằng: Khanh hoành là tiếng chuông, viết đúng là chữ hoành Văn Truyện viết từ bộ hoằng viết thành chữ hoành kiểm các chữ trong sách không có chữ này.

Để ha ngược lại âm để lễ ngược lại âm dưới hứa đa sách Thuyết Văn cho rằng: Để là mắng nhiếc, sách Phương Ngôn giải thích: Mắng nhiếc, phẫn nộ chữ viết đều từ bộ ngôn đều thanh để khả.

Đỉnh trung hào ngược lại âm đình đỉnh sách Khảo Thanh cho rằng: Đỉnh là vượt lên, xông lên, nổi bật, viết đúng là chữ đỉnh này, Văn Truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ đỉnh là chẳng phải.

Cú cú âm cẩu.

Gia du âm trên là gia âm dưới là do Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Du là mưu tính kế hoạch hay, mưu giỏi, sách Thuyết Văn hoặc là viết chữ dao.

Hiệt hàng ngược lại âm trên hiền kiết ngược lại âm dưới hàng lãng theo Mao Thi Truyện cho rằng: Bay cao lên gọi là hiệt bay hạ thấp gọi là hàng sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt đều thanh kiết hàng.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 8

Chú giải ngược lại âm chu du Quảng Nhã cho rằng: Chú thích hiểu rõ, Bì Thương cho rằng: Chú giải, giải thích ra, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh chủ cũng với chữ chú cũng đồng.

Điện diệu ngược lại âm trên điền kiến Cốc Lương Truyện giải thích rằng: Điện là tiếng sét nổ, sấm sét, sách Thuyết Văn cho rằng: Âm dương chạm nhau bắn lửa sáng lòa, chữ viết từ bộ vũ thanh thân ngược lại âm dưới chiêu tiếu viết đúng là từ bộ hỏa viết thành chữ đầy diệu Đại Truyện viết từ bộ túc viết thành chữ dược âm dược bổn nghĩa khác lạ.

Ban ư ngược lại âm trên bát man sách Khảo Thanh cho rằng: Ban bố, trải khắp ra, cho khắp, sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt thanh phân.

Cảo nhai ngược lại âm trên cao lão theo Ngọc Thiên viết đúng là chữ cảo không từ bộ thảo Văn Truyện viết từ bộ thảo (848) viết thành chữ cảo nay không dùng chữ này.

Củ tương ngược lại âm câu vũ Hán Thư cho rằng: Ở Việt Nam thường ăn loại cá trầu này, Đường Huyền Trang giải thích rằng: Củ trương giống như là. Âm nghĩa giải thích cây giống như loại ngũ cốc, lá sát thân cây, giống như lá dâu, có thể làm dấm tương rất ngon, người nước Thục gọi là vị yểu, hoặc viết từ bộ mộc viết thành chữ củ Văn Truyện viết từ bộ dậu viết thành chữ củ là chẳng phải.

Chiêu tích ngược lại âm dưới là triết liệt sách Khảo Thanh cho rằng: Tích sáng rõ ràng, sách Thuyết Văn giải thích: Chiêu tích cũng là sáng, chữ viết từ bộ nhật thanh tích.

Hàm trượng ngược lại âm trên hàm cam, Trịnh tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hàm là dung chứa, sách Lễ Ký cho rằng: Lời tự xưng trong thư của học trò đối với thầy, sách Thuyết Văn giải thích: Chữ tượng hình, thể văn cổ viết chữ hàm từ bộ cung âm cung ngược lại âm hàm diệc.

Phi duyệt âm duyệt.

Tự hối ngược lại âm quang hội Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phía đông bắc trong nước hội có vinh huyện, mật huyện.

Bì vấn ngược lại âm trên thất nhĩ Trịnh Huyền chú sách Lễ Ký rằng: Bì giống như sai lầm, Văn Tự Điển nói: Bì cũng là sai lầm, chữ viết từ bộ mịch thanh bì ngược lại âm dưới vấn vẫn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Vấn là rối loạn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh vấn Văn Truyện viết từ bộ mộc viết thành chữ cấm là chẳng phải bổn nghĩa.

Viên cùng ngược lại âm khưu cung sách Tiểu Nhã cho rằng: Cùng là bầu trời xanh thẳm, lại rộng lớn bao la, sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh cung.

Hạo hạn ngược lại âm trên hào cáo ngược lại âm dưới hàn cán Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hạo là nhiều tràn đầy, rộng lớn, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thủy đều là thanh cáo can.

Huynh triền ngược lại âm trên nhuế dinh ngược lại âm dưới trực liên.

Hề thử ngược lại âm hệ kê văn đã giải thích đầy đủ rồi.

Côn lãng ngược lại âm dưới tức đẳng Quảng Nhã cho rằng: Đảo Côn Lôn có ba ngọn núi tên Lãng Phong huyện Phản Bồ, sách Thuyết Văn giải thích: Cổng cao rộng lớn, chữ viết từ bộ môn thanh lương.

Thù mâu ngược lại âm trên chư câu ngược lại âm dưới mạc hậu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tri thù tức là con thù mâu, là con nhện, sách Phương Ngôn giải thích: Giữa Tần Tấn gọi con nhện là tri thù hoặc gọi là sắc cùng với chữ mâu cũng đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng.

Hoàng hoàng ngược lại âm ô hoàng.

Mô giai ngược lại âm trên mạc bồ ngược lại âm dưới khẩu ngai.

Tấn thân ngược lại âm trên tân tẫn sách Lễ Ký giải thích rằng: Tấn thân là cái hơt cắm vào, Trịnh Huyền chú giải rằng: Tấn là cắm vào, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh tấn ngược lại âm dưới thất chân Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Thân là dây đai lớn, Quảng Nhã cho rằng: Thân là bó buộc vào, tấn thân là chỉ người làm quan ngày xưa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh thân.

Dĩ kích ngược lại âm hề đích Thích Danh cho rằng: Kích đó là đồ cản nước bắn lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh khiếu âm khiếu ngược lại âm hiểu nhiêu.

Ngạc ngạc ngược lại âm ngang các Cố Dã Vương cho rằng: Ngạc ngạc là nói thẳng, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cũng là lời cảnh cáo, hoặc là viết chữ ngạc chữ viết từ bộ ngôn thanh ngạc.

Khổn khổn ngược lại âm khôn luyến Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khổn khổn là chí thuần nhất, Quảng Nhã cho rằng: Khổn cũng là đến, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh khổn.

Phỉ phỉ ngược lại âm phù phi sách Văn Tự Điển nói: Phỉ phỉ là qua lại chữ viết từ bộ nữ thanh phi.

Liên tiêu ngược lại âm dưới biểu miêu sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ tiêu Văn Truyện viết từ bộ mã viết thành chữ tiêu tục tự cho rằng chẳng phải.

Thuyên đệ ngược lại âm thất duyên Cố Dã Vương cho rằng: Cái lờ bắt cá, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh toàn Văn Truyện viết từ bộ thảo viết thành chữ thuyên tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm đệ lê Cố Dã Vương giải thích: Chỗ gọi là lấy dụng cụ bắt thỏ, sách Thuyết Văn giải thích: Chữ viết từ bộ túc âm đệ thanh đề Văn Truyện viết chữ đế tục tự dùng thông dụng.

Khổn áo ngược lại âm khôn cổn sách Tiểu Nhã giải thích: Đường nhỏ trong cung gọi là khổn Trịnh Huyền chú giải rằng: Đường hẻm nhỏ trong nhà, sách Thuyết Văn cho rằng: Đường nhỏ trong cung, khổn là

vị quan trong coi bức tường có con đường nhỏ trong cung, ngược lại âm dưới áo cáo Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Áo là chỗ ở ẩn trong nhà kín,sách Thuyết Văn viết từ bộ quynh âm tấc ngược lại âm cư lục âm hạng là âm hạng.

Phỉ phỉ ngược lại âm phi vĩ Tự Thư giải thích: Phỉ phỉ là trong lòng muốn nói, nhưng không nói ra được, ấp úng lúng túng, sách Luận Ngữ giải thích: Trong lòng phẫn giận dữ, miệng ấp úng không nói nên lời,sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh phi.

Ế hội ngược lại âm trên ế kế Mao Thi Truyện giải thích rằng: Cây cỏ tự che gọi là ế sách Thuyết Văn giải thích: Che đậy, chữ viết từ bộ y thanh vũ từ bộ thảo tục tự thường hay dùng, ngược lại âm dưới ô hội sách Thuyết Văn giải thích: Hội là cỏ mọc nhiều, chữ viết từ bộ thảo thanh hội.

Điển bỉ âm trên là điện Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Điển là dứt tuyệt, sách Quảng Số cho rằng: Điển là tận hết sạch, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạc thanh thiết.

Nữu giả ngược lại âm nữ cửu Quảng Nhã cho rằng: Nữu dái áo, cúc áo buộc lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Nữu là sợi dây buộc. Lại cũng gọi là thắc rút không thể mở ra được, chữ viết từ bộ mịch thanh sửu.

Liên hoa ngược lại âm trên liệt kiền.

Cầu đố ngược lại âm đô hộ.

Loa lũ ngược lại âm trên lý qua Tả Tư Ngô Đô Phú Truyện giải thích rằng: Khó mà được, tuy cũng muốn cầm bút tường thuật trước sau, nhưng thân trí hoang mang, quên trước sót sau, cuối cùng chẳng thành bài, giống như quanh co, vòng vèo, sách Thuyết Văn cho rằng: Có thứ tự trước sau tốt đẹp, chữ viết từ bộ kiến âm loạn thanh loạn Văn Truyện viết từ bộ nhĩ viết thành chữ loa là chẳng phải.

Súc nghi ngược lại âm trên là trừu lục Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Súc là chứa, Cố Dã Vương cho rằng: Súc là gom tụ lại, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh súc.

Linh âm ngược lại âm lịch đinh Thiên Thương Hiệt cho rằng: Linh là nghe theo lời chỉ dạy, kinh Thái Huyền cho rằng: Linh là lấy trúc làm ống sáo, sách Thuyết Văn cho rằng: Nghe theo, chữ viết từ bộ nhĩ thanh linh.

Phong diêu ngược lại âm tất diêu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nâng lên diêu động, đong đưa, gọi là diêu, Quách Phác chú giải rằng: Cuồng phong nổi lên, xoáy từ trên xoáy xuống,sách Thuyết Văn viết từ bộ

phong thanh diêu âm diêu đồng với âm trên.

Ngương thủ ngược lại âm tước dương sách Hán Thư cho rằng: Thần mã phóng nhanh, vọt lên cao. Tương cũng là chạy nhanh, Tán Văn Để Ảng viết từ bộ mã thanh tương.

Man thiến âm trên là vạn theo Hán Thư cho rằng: Phương đông viết chữ sóc.

Xước hữu ngược lại âm trên xương lược theo Mao Thi Truyện cho rằng: Xước là rộng, sách Nhĩ Nhã giải thích: Xước là thông thã mềm mại, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh trác.

Triệu sanh ngược lại âm trào tiểu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Triệu là bắt đầu, sách Thuyết Văn giải thích Mở đầu, hoặc là viết chữ triệu nghĩa cũng đồng.

Thâm thử ngược lại âm tự tư.

Truy mẫn ngược lại âm trên chỉ sư sông truy, ở biên giới Tề Châu, ngược lại âm dưới miên điển cũng là tên sông ở biên giới Hà Nam.

Kim du ngược lại âm ám đâu tha hầu.

Học đàn ngược lại âm đa an kq chú giải sách Thượng Thư rằng: Đàn là hết sức lực, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạc thanh đơn.

Kình tiết ngược lại âm trên kinh kính sách Thuyết Văn cho rằng: Sức mạnh, chữ viết từ bộ lực thanh kinh.

Quấn chích ngược lại âm trên cư vận ngược lại âm dưới chi thạch sách Thuyết Văn cho rằng: Quấn là nhặt lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Chích cũng là nhặt lấy, chữ viết từ bộ thủ đều thanh thứ quân.

Hàm giao âm giao.

Hoàng ô âm trên là hoàng âm dưới là ô theo Tả Truyện giải thích rằng: Hoàng ô là nước ngập lục dâng tràn, Đỗ Dự chú giải rằng: Hoàng ô là ao nước dơ, sách Thuyết Văn giải thích: Hoàng là ao chứa nước, chữ viết đều từ bộ thủy đều thanh hoàng ô.

Ngu hoán ngược lại âm nô loạn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hoán là tức giận, xưa nay Chánh tự viết từ bộ tâm thanh nhuyễn.

Kỳ nguyệt sách âm sách.

Đế cấu ngược lại âm trên là đề Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đế là kết lại, buộc lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Kết lại mở không ra, chữ viết từ bộ mịch thanh đế.

Tương sử ngược lại âm trên tương lương sách Thuyết Văn giải thích: Tương lụa màu vàng lợt, mép viền biên, sách Thuyết Văn cho rằng: Sắc màu mở gà, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ mịch thanh tương.

Quy nhuế ngược lại âm trên quỹ vi ngược lại âm dưới nhuy nhuế theo Hán Thư cho rằng: Quy nhuế là tên của một dòng sông gọi là sông Nhuế, chỗ ở của vua Thuấn, nước chảy về phía bắc gọi là nhuế chữ viết từ bộ nữ thanh vi.

Đồng quản âm đồng Quảng Nhã giải thích: Đồng là màu đỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Trang sức màu son đỏ, chữ viết từ bộ đan thanh sam.

Liểm cảnh âm liêm sách Khảo Thanh cho rằng: Giống như cái hộp mà có gốc cạnh, có ngăn, chỗ gọi là chứa vật, Tự Thư giải thích: Cái hộp chứa nhiều đồ trang sức của người nữ, cũng là gương soi hoặc là viết chữ liểm.

Hưng tập ngược lại âm thấp lập Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tập là nhiều lớp chồng chất lên, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tập là tu bổ, sửa chữa, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tập.

Ban giao ngược lại âm bút mân văn trên đã giải thích rồi.

Hà trĩ ngược lại âm dưới trì lý sách Khảo Thanh cho rằng: Núi cao đứng riêng sừng sửng, hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ trĩ.

Trì vụ ngược lại âm vô ngộ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vụ là con ngựa có sức mạnh, Cố Dã Vương cho rằng: Vụ là ngựa phóng nhanh, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh vụ.

Khánh biện ngược lại âm bì miễn sách Khảo Thanh cho rằng: Khánh biệm viết đúng là chữ biện nay truyện viết chữ biện tục tự thường dùng.

Trần cai ngược lại âm cổ lai sách Phương Ngôn giải thích: Đông Tề gọi rể cây là cai sách Thuyết Văn cho rằng: Rể cỏ, chữ viết từ bộ thảo thanh cai.

Ao Đường ngược lại âm ách giao Cố Dã Vương giải thích: Ao là đất không bằng phẳng, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh ao.

Tuấn hác ngược lại âm cẩu tuấn Quảng Nhã cho rằng: Tuấn là nước tràn, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tuấn là khơi sâu, nạo vét, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh tuấn ngược lại âm dưới hảo các Cố Dã Vương cho rằng: Hác giống như khe hang. Xưa nay Chánh Tự giải thích: Hác là cóng rảnh.

Phù du âm trên là phù âm dưới là do theo Mao Thi Truyện cho rằng: Con phù du cự lược, tức là sớm sanh chiều chết, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ trùng.

Tiên ký ngược lại âm dưới cơ nghi sách Thuyết Văn giải thích: Ký là con ngựa chạy ngàn dặm, Tôn Sở Tương viết từ bộ mã thanh ký.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 9

Ly ngược lại âm trên sĩ tri đã giải thích rồi.

Giác kỳ ngược lại âm giang nhạc Quảng Nhã cho rằng: Giác là rõ ràng, Thượng Thư Đại Truyện giải thích: Giác là giác kỳ là đọ sức tranh tài, hơn thua thắng bại, chữ viết từ bộ xa thanh bạt.

Duệ thao ngược lại âm lận thuế ngược lại âm dưới tào lão sách Khảo Thanh viết đúng là tháo Văn Truyện viết từ bộ thủy viết thành chữ tháo là chẳng phải.

Ưu lạc ngược lại âm quỵ vi sách Thượng Thư giải thích: Ưu là thần điển nhạc (849) đời vua Thuấn có tám âm, tuy là hình tượng giống có tay, có sừng, hình mặt người.

Dĩ duẫn ngược lại âm cú duẫn sách Khảo Thanh cho rằng: Duẫn là cái xà để treo chuông trống, ngang gọi là cứ Dọc là duẫn, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ trúc âm cứ là âm cự.

Phụng chứ ngược lại âm chư lự sách Phương Ngôn cho rằng: Chứ là cất cánh bay, sách Thuyết Văn cũng giải thích cất cánh bay, chữ viết từ bộ vũ thanh giả.

Vô cương ngược lại âm cưỡng hương sách Khảo Thanh cho rằng: Biên giới, sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng, chữ viết từ bộ điền đến bộ tam gọi là biên giới tận cùng, hoặc là viết chữ cương văn truyện viết từ bộ cung viết thành chữ cương là chẳng phải.

Đa khuy ngược lại âm khứ nguy sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ khuy nay truyện từ bộ hoặc viết thành chữ khuy tục tự thường hay dùng.

Kinh thích ngược lại âm đinh lịch.

Khiếm khẩn ngược lại âm trên khiêm điếm sách Khảo Thanh cho rằng: Thỏa lòng Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nói nhàm chán, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hiềm ngược lại âm dưới khẩu ngận Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Khẩn là kiên nhẫn, Quảng Nhã cho rằng: Thành khẩn, sách Thuyết Văn cho rằng: Khẫn là thành thật tốt đẹp, chữ viết từ bộ tâm thanh khẩn ngược lại âm khổn bổn.

Mong lai ngược lại âm lai đại sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lai là ban tặng, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lai là quân đều, xưa nay Chánh tự viết từ bộ bối thanh lai.

Di thải ngược lại âm trên dĩ chi Quách Phác chú giải rằng: Di là biếu tặng, để lại, truyền lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh đài.

Tiệp dư ngược lại âm trên tử diệp ngược lại âm dưới dữ chư theo Thanh Loại giải thích, vào đời nhà Hán có chức nữ quan gọi là tiệp dư, vị nữ quan này tiếp theo đến các người nữ sau này làm quan, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiệp dư đều từ bộ nữ gọi là kiện nữ, âm cùng với âm trên đồng, hoặc là viết chữ dư Văn Truyện viết chữ là chẳng phải.

Thúc vĩ ngược lại âm vũ quy sách Nhĩ Nhã cho rằng: Quan coi cửa bên trong gọi là vĩ, Quách Phác chú giải rằng: Gọi thông đến cửa nhỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh vĩ.

Thân thí ngược lại âm trên sơ cân viết đúng là chữ thân từ bộ khẩu nay Văn Truyện viết từ bộ bối viết thành chữ thân chưa rõ chữ này.

Tương thuyên ngược lại âm tử duyên sách Khảo Thanh Thiết Vận viết đúng là chữ thuyên cũng viết chữ thuyên tục tự dùng thông dụng.

Phong kiệt ngược lại âm cầu liệt viên đá dựng lên có khắc văn tự ghi công đức của người công, sách Thuyết Văn viết gọi là viên đá dựng đứng riêng biệt, chữ viết từ bộ thạch thanh hạt âm hạt là âm hạt.

Trọng lô ngược lại âm dưới lỗ đô sách Thuyết Văn cho rằng: Lô là cây đòn mỏng kê trên cây cột, chữ viết từ bộ mộc thanh.

Vân mi ngược lại âm mỹ bi sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mi gọi là cây đòn dông, Quách Phác chú giải rằng: Thanh ngang gác trên cửa, chữ viết từ bộ mộc thanh mi.

Quân uất ngược lại âm trên ủy luân ngược lại âm dưới ôn vật.

Tù kiền ngược lại âm trên tựu do Mao Thi Truyện cho rằng: Tù là cứng cỏi mạnh mẻ, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh tù ngược lại âm dưới là kiện Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kiện cũng là sức mạnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh kiện.

Tỏa tỏa ngược lại âm tô quả sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tỏa tỏa là vụn vặt, Quách Phác chú giải rằng: Đều gọi là đồ dùng tạm thời cũ kỹ, loan lổ, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh tỏa âm tỏa cùng với âm trên cũng đồng, Văn Truyện viết chữ tỏa là chẳng phải.

Hộ tùng ngược lại âm hồ cố Quảng Nhã cho rằng: Là tiếng xưng gọi người hạ tiện, hèn hạ, người để sai khiến, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh hộ.

Vân đang âm trên là vân âm dưới là đảng tức theo Tả Tư Ngô Đô Phú Truyện giải thích: Mũi tên làm bằng tre, vân đang đó là trong rừng lồ ô, Lưu Lương giải thích: Đều tên của loại tre trúc, chữ viết đều từ bộ trúc Văn Truyện viết từ bộ thảo là chẳng phải.

Phụng hoàng ngược lại âm hồ quang sách Khảo Thanh Thiết Vận giải thích: Viết đúng là cảnh hoàng phàm theo Văn Truyện viết từ bộ điểu viết thành chữ hoàng tục tự dùng chẳng phải.

Trần bảo ngược lại âm bảo lão theo Thanh Loại cho rằng: Đất cao ráo, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh bảo.

Thuyên tốc ngược lại âm trên thù duyên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thuyên tốc là mau chóng, theo Mao Thi Truyện giải thích: Thuyên mau nhanh chóng, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh đoan.

Nô đài ngược lại âm trên nổ hồ ngược lại âm dưới đại lai Quảng Nhã cho rằng: Nô cũng giống như là đài Cố Dã Vương cho rằng: Đài cũng là nô tức là ngựa tồi, ngựa kém, vô dụng, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ mã đều thanh nô đài.

Dật táo âm táo.

Chấp ý ngược lại âm trắc lập Mao Thi Truyện cho rằng: Chấp là trói buộc, hoặc là viết chữ trấp sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh chấp.

Xuyên du ngược lại âm dưới du chu sách Khảo Thanh cho rằng: Xuyên là khoét ngạch cửa, Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: Du cũng là xuyên, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nữa bên cửa nhìn trộm, cũng gọi là đào tường, khoét vách, chỉ kẻ ăn trộm, chữ viết từ bộ huyệt thanh du.

Cảo kinh âm trên là hạo sách Thượng Thư giải thích: Thuộc kinh đô của Vũ Vương, Mao Thi Truyện cho rằng: Chỗ cao ráo sáng sủa vua ở, sách Thuyết Văn giải thích: Trường An phía tây kinh đô của Vũ vương, chữ viết từ bộ kim thanh cao.

Kiến phu âm phu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phu là thành ngoài, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh phu.

Hất hưởng ngược lại âm trên hân ngật sach Khảo Thanh cho rằng: Gọi là âm thanh vang khắp, sách Thuyết Văn viết đúng là chữ hất hất là động tát không an, chữ viết từ bộ nhục bộ bát.

Ác xĩ ngược lại âm ư giác ngược lại âm dưới song lạc Ứng Thiệu Hán Thư chú giải rằng: Ác xi là thục dục cấp bách, sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng bức bách chật hẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh ốc hoặc là viết từ bộ túc viết thành chữ ác sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ xĩ từ bộ túc đến thanh xĩ.

Tất môn ngược lại âm trên vân mật Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tất môn là cổng đan bằng cỏ tất, chỉ nhà nghèo, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tất.

ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG HUYỀN TRANG PHÁP SƯ BỔN TRUYỆN QUYỂN 10

Vĩ vĩ ngược lại âm vi phĩ sách Khảo Thanh cho rằng: Vĩ vĩ là đẹp, tốt đẹp, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Vĩ vĩ là gắng sức, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Vĩ Vĩ là nhỏ bé mà qua được khe giữa.

Đam đam ngược lại âm đáp hàm Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Đam là ưa thích, sách Thuyết Văn cho rằng: Mê đắm dục lạc, ham vui hoặc là viết chữ đam.

Cấp cấp âm cấp.

Vân thụy âm thùy.

Chánh cơ ngược lại âm trên sửu sanh Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khuy là nhìn trộm, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhìn thẳng, chữ viết từ bộ huyệt bộ chánh bộ kiến chánh cũng là thanh.

Khánh khái ngược lại âm trên khinh đỉnh Văn Truyện viết từ bộ khẩu viết thành chữ khánh tục tự thường hay dùng, ngược lại âm dưới khái ái theo Văn Truyện viết từ bộ khẩu viết thành chữ khái đều chẳng phải cùng với bổn nghĩa khác lạ.

Thiên trinh ngược lại âm tri dinh Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cây nữ trinh, lá đến mùa đông không rụng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây kiên mộc, chữ viết từ bộ mộc thanh trinh.

Xuyển tức ngược lại âm xuyên nhuyễn.

Ô ế ngược lại âm trên ốc ngô ngược lại âm dưới yên kiết.

Dục nhật ngược lại âm dăng chức viết chữ dục cũng đồng.

Chu tập âm tiếp.

Cứ trừ âm trên là cự âm dưới là trừ Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Cứ trừ là loại cỏ làm chiếu, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Tống Ngụy gọi chiếu tre thô là cứ trừ, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết đều từ bộ trúc đều thanh cứ trừ.

Táng sản ngược lại âm sơn nhãn sách Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy từ kinh đô vào sông Lam Điền tỉnh Thiểm Tây Trung Quốc chảy vào sông Vị, sông Bá, chữ viết từ bộ thủy thanh sản.

Bi da ngược lại âm cổ hà Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là nhạc khí của người Hồ, dùng lá lâu vấn lại mà thổi. Hoặc viết là hà xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh da.

Thê vãn ngược lại âm dưới vô viển theo Thanh Loại cho rằng: Vãn là dẫn dắt, lôi kéo, hoặc là từ bộ xa viết thành chữ vãn xưa nay

Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh vãn.

Dật dưỡng ngược lại âm dưới dương thượng Hán Thư âm nghĩa giải thích rằng: Nước mênh mông không bờ bến, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh dưỡng.

Lang can ngược lại âm trên là lãng âm dưới là vu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lang can điều là đá mà lại giống như ngọc, kinh Sơn Hải nói rằng: Ở núi Côn Lôn có cây lang can, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ ngọc đều thanh lang can.

Kiềm kiện ngược lại âm trên liểm diêm sách Phương Ngôn cho rằng: Kiềm là cái kiềm hại người, sách Thuyết Văn cho rằng: Áp bức kiềm kẹp bó buộc, chữ viết từ bộ kim thanh cam âm dưới kỳ yển Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Kiện là mấu chốt cái khóa, sách Phương Ngôn giải thích: Từ quan ải mà đến Đông Trần sở gọi cái khóa chốt cửa là kiện sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh kiến.

Ương ương ngược lại âm ước hướng sách Thuyết Văn cho rằng: Không hài lòng bực bội khó chịu, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh ương.

Căn hệ ngược lại âm hề kế sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hệ kế tục tiếp nối theo, sách Thuyết Văn cho rằng: Hệ cũng là ràng buộc, chữ viết từ bộ mịch thanh phiệt âm phiệt là thanh tranh.

Mông dĩ ngược lại âm trên mộc hồng ngược lại âm dưới từ lý sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chỗ gọi là mặt trời ngã về phía tây là mịch mù xa tít, Quách Phác chú giải rằng: Mông dĩ là mưa khói mịch mù, chữ viết từ bộ thủy.

Kỳ thuẫn ngược lại âm thù duẫn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thuẫn thuộc mái chèo, lại gọi là có thể che chắn phía trước, sách Thuyết Văn cũng giải thích: Là cái khiên, cái thuẫn lớn chỗ gọi là che đỡ chống đỡ cái thân chữ tượng hình.

Giải di ngược lại âm dĩ y sách Phương Ngôn cho rằng: Di là phần má ngoài hàm miệng, sách Thuyết Văn viết từ bộ vi di âm di là âm di thanh hiệt.

Hổ âm hộ.

Tru ngạn ngược lại âm trên lung chu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tru là loại chó lông beo, đó là chó hoang, giống như chồn, vật khác kêu gọi là báo chó, xuất ra từ công ngưu biến hóa như là thần cẩu, loại báo chó này không hiểu tiếng người nhe răng dọa nạt không tránh sợ người, chỗ thân cận không thể đồng ở chung khó có thể gần gũi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ trĩ thanh khu ngược

lại âm dưới phiên cán ngạn con chó hoang, sách Thuyết Văn cho rằng: Chó hoang dã, chữ viết từ bộ trĩ thanh vu.

Tù trưởng ngược lại âm tợ do Văn Loại cho rằng: Gọi là khương hồ đại soái gọi là tù như ở Trung Quốc gọi người đứng đầu soái lĩnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ dậu bán bộ thủy xem trên.

Chung quyết ngược lại âm quyên huyệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Quyết là loại ngọc có hình tròn mà không liền với nhau, tức là hình bán nguyệt, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh quyết.

Huệ chỉ âm trên là huệ âm dưới là chỉ Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Huệ loại cỏ thơm, lại gọi là bạch chỉ tên thảo mộc, rễ dùng làm thuốc cũng gọi là hoa huệ, xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thảo đều thanh huệ chỉ.

Cũ cũ ngược lại âm cư truất theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cũ cũ là vũ tướng hùng dũng, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cũ gọi là trang kiện tướng, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Sức mạnh khinh thường có tài, chữ viết từ bộ tẩu thanh cũ.

Bất đế âm đế Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Các ông nghĩ ra như vậy sao, ta thì sao hả, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tiếng hắc hơi, sách Thuyết Văn giải thích: Giải tháo hơi ra, chữ viết từ bộ khẩu âm đế đồng với âm trên.

Phu du ngược lại âm dữ chu Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Du là nhan sắc hòa nhã tươi vui, Quảng Nhã cho rằng: Du là vui vẻ, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh dụ.

Phát kiếm ngược lại âm dưới liêm chiêm viết đúng là chữ kiếm này, Văn Truyện viết từ bộ ngạc âm ngạc là âm tàn viết thành chữ kiếm tục tự dùng thông dụng.

Thân phục ngược lại âm trên sở sầu sách Khảo Thanh cho rằng: Cởi ra tháo ra, cởi áo ra, cởi áo trên mình ra, chữ viết từ bộ y.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 84

- Âm Cổ Kim Dịch Kinh Đồ Ký bốn quyển.
- Tục Cổ Kim Dịch Kinh Đồ Ký một quyển.
- Tập Cổ Kim Phật Đạo Luận Hành bốn quyển.
- Tục Cổ Kim Phật Đạo Luận Hành một quyển.
- Lơi thiệp Luận Hành một quyển.
- Đạo Ôn Định Tam Giáo Luận Hành một quyển.
- Bên phải dịch kinh Hồ Ký Luận Hành v.v... sáu bộ mười hai quyển đồng với âm với quyển này,

CỔ KIM DỊCH KINH ĐỒ KÝ
QUYỂN 1

Giác thí ngược lại âm trên giang nhạc sách Lễ Ký giải thích: Mạnh Đông dùng võ lực tập trung ngăn cản chống đỡ, giác thuộc sức mạnh, Cố Dã Vương cho rằng: Giác là dùng sức lực giống như là tranh hơn thua, thắng bại, sách Lã Thị Xuân Thu giải thích: Giác là thử sức, Hán Thư giải thích: Giác là sức lực để chống đở, trong Đồ Ký viết từ bộ xa đến bộ giao viết thành chữ giác là chẳng phải đây dùng, Mao Thi Truyện cho rằng: Chiếc xe có ngự sĩ trang bị, sách Thuyết Văn cho rằng: Chiếc xe kỳ lạ có trang bị móc câu trên, các thừa tướng chuyên dùng, đây là sai lầm lớn chẳng nghĩa đây dùng, ngược lại âm dưới thi nhị sách Thuyết Văn cho rằng: Thí là dùng thử, Ngu Thư giải thích: Thí là xét nghiệm chứng thực rõ ràng, lấy công để chứng thực tài năng, chữ viết từ bộ ngôn thanh thử.

Quý nục ngược lại âm dưới nữ lục Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nục là hổ thẹn, thẹn thùng, trong lòng xấu hổ, thẹn thùng đỏ mặt, sách Thuyết Văn cho rằng: Trong lòng hổ thẹn chữ viết từ bộ tâm thanh sửu âm ni là âm nỉ.

Tiệp dư ngược lại âm trên tiêm diệp ngược lại âm dưới dữ chư theo Thanh Loại cho rằng: Tiếp hạnh tên người phụ nữ làm quan, theo chữ tiệp dư đó là vào đời Hán, tên người con gái là Ban Duệ được may mắn làm tân phi, sách Thuyết Văn viết từ chữ nữ đều là chữ hình thanh, hoặc là viết chữ kiện dữ.

Siêm kiến ngược lại âm trên lai diểm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Siêm là dòm ngó dò xét theo hầu hạ, sách Thuyết Văn cho rằng: Là hầu hạ, chữ viết từ bộ kiến thanh chiêm.

Phan ngung ngược lại âm trên là phan âm dưới là ngu tên của huyện Quảng Châu.

Cung đình hồ ngược lại âm trên là cung đây là tên của Động Đình Hồ, chữ viết vốn không đúng, Phủ Thư Quách Phác Truyện viết chữ cung dung đình nay trong Dịch Kinh Đồ Ký viết từ bộ nhân viết thành chữ cung đình, sách viết sai, theo tục truyền thấy nay gọi là Cung Đình Hồ vậy Ngô Sở nói sai khó làm chuẩn định. Đây tức là Động Đình Hồ theo Tào Thị Quận Quốc Chí giải thích: Ở Hồng Châu Quận Dự Dương, nêi đại lâu xa cái hồ này vốn là nguồn nước, dựa theo xem xét văn tóm lược giải thích vậy.

Tán bại ngược lại âm trên tử thả sách Phương Ngôn cho rằng: Tán là giải, Quách Phác chú giải rằng: Tán tụng chỗ gọi là giải thích vật lý, Thích Danh cho rằng: Ca ngợi, khên người tốt đẹp gọi là tán sách Thượng Thư cho rằng: Khen ngợi có lợi ích, như khen ngợi vua Vũ, xưa nay Chánh tự viết từ bộ ngôn thanh tán, âm tán đồng với âm trên, từ bộ bối đến bộ tán bộ tán từ bộ tiên.

Man bi khấp ngược lại âm mang báng đây tức là Cung Đình Hồ thần rắn đại mãn xà ở trong hồ này, ngài An Thế Cao thật thương tâm rơi lệ mà thối lui.

Chế cẩu niết vương âm chế là âm chế sách Khảo Thanh cho rằng: Chó dại, theo Tả Truyện viết từ bộ chế viết thành chữ chế tục âm là vi kế hoặc là viết chữ kế đều e rằng chẳng phải, hoặc là viết chữ chế giải thích đều đồng trên, nay trong Đồ Ký viết từ bộ lạc viết thành chữ lạc không có dựa vào bằng cứ nào chẳng phải.

Khủ xĩ ngược lại âm khưu vũ xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cái răng bị sâu ăn, chữ viết từ bộ xĩ thanh vũ âm đố ngược lại âm đô cổ.

Khối vĩ ngược lại âm trên cổ hồi ngược lại âm dưới vĩ quỉ Bì Thương cho rằng: Khối vĩ là to lớn đẹp kỳ lạ,sách Tập Huấn giải thích: Khối là sức mạnh to lớn nhiều tràn đầy, lại gọi là vĩ đó là có cái đẹp kỳ lạ khác lạ, sách Thuyết Văn viết hai chữ khối vĩ đều từ bộ nhân đều

thanh khối vĩ trong Đồ Ký viết từ bộ ngọc viết thành chữ hội là tên ngọc chẳng phải nghĩa đây dùng.

Hạt miệt ngược lại âm trên hách tiết hạt miệt là tên kinh, sách Khảo Thanh cho rằng: Con mắt không thấy vật. Lại gọi là mắt nhắm cũng viết chữ hạt chữ hình thanh, ngược lại âm dưới ngạnh diệt Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Miệt là loài thủy giới, loài sống dưới nước. Loại côn trùng mà xương ngoài mà thịt bên trong. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng viết thành chữ miệt kinh văn viết từ bộ ngư viết thành chữ miệt tục tự thường hay dùng, sách Thuyết Văn viết từ bộ mảnh viết thành chữ miết thanh miết âm mảnh là âm mảnh âm miết cùng với âm trên đồng.

Vô Đoan Để Tổng Trì Kinh kinh này cũng còn thiếu bổn nước xưa viết tên kinh cũng là ngu dốt chất phác không phân rành âm để ngược lại âm âm đinh lễ.

CỔ KIM DỊCH KINH ĐỒ KÝ
QUYỂN 2

Thuần ý âm dưới là ý sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ý là to lớn, sách Tiểu Nhã cho rằng: Thâm sâu, sách Ích Pháp cho rằng: Ôn nhu thánh thiện, gọi là ý yêu dân thâm sâu gọi là ý, sách Thuyết Văn viết từ bộ ế thanhh chí hoặc là viết từ bộ khiếm viết thành chữ ý cũng thông dụng.

Thế tửu ngược lại âm thời dạ Cố Dã Vương cho rằng: Thế là mua chịu, sách Hán Thư cho rằng: Cao tổ từ vua Ôn Thế Tửu, sách Thuyết Văn cho rằng: Thế là vay mượn, chữ viết từ bộ bối thanh thế lại âm thệ.

Vương ngung ngược lại âm vương cung tên người.

Buộn thân ngược lại âm bồn muộn bùn đất, phẫn nộ.

Trảo giáp ngược lại âm trên trách giảo tục tự thường hay dùng, viết đúng đơn viết chữ trảo chữ tượng hình văn cổ viết từ bộ hưu.

Xích chủy ô ngược lại âm tinh tủy gọi là cái mỏ chim, sách Văn Tự Điển nói rằng: Cũng là mỏ chim, kinh văn viết từ bộ duy đến bộ nải viết chữ chủy đều chẳng phải, sách Thuyết Văn phân biệt viết từ bộ thử thanh thứ âm thứ là âm thích hoặc là viết chữ chủy cũng viết chủy đều là chữ cổ.

CỔ KIM DỊCH KINH ĐỒ KÝ
QUYỂN 3

Đàm-ma-bể ngược lại âm bế mê tiếng Phạm, tên của vị cao tăng.

Thiều niên ngược lại âm trên là điều sách Tập Huấn cho rằng: Đứa trẻ cạo tóc còn chừa lại hai bên, không cạo gọi là tóc trái đào, sách Thuyết Văn cho rằng: Thiều là mãn tóc trái đào, chữ viết từ bộ tiêu thanh chiêu âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Bất tông ngược lại âm tông tống.

Thái tử hoằng ngược lại âm ô hoành ngược lại âm diêu hoằng.

Khánh khái ngược lại âm khinh đỉnh ngược lại âm dưới khai cái sách Vận Thuyên cho rằng: Khái là bệnh ho, kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khái là chẳng phải.

Khương lương ngược lại âm trên khương lương ngược lại âm dưới là lương Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con bọ hung hay ăn phẫn, cũng gọi là kiết lương.

Xích tư ngược lại âm tử tư sách Thuyết Văn cho rằng: Râu mép miệng. Hoặc từ bộ tiêu viết thành chữ tư cũng thông dụng.

Thần tỉ ngược lại âm tư thử tỉ là ngọc ấn của vua, vào niên hiệu Bắc Lương Trở Cự Mong ban đầu đã lập ra, hoặc từ bộ thổ viết thành chữ tỉ theo văn cổ là từ bộ ngọc.

Mạnh khải ngược lại âm nghi khải tên người.

Thực cấm ngược lại âm thời lực sách Phương Ngôn cho rằng: Thực là đứng thẳng, sách Vận Thuyên cho rằng: Thực là mọc lên, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thực gọi là thuộc mọc rể, tức là trồng trọt, chữ viết từ bộ mộc thanh trực ngược lại âm dưới là cấm tục tự thường hay dùng, sách Thuyết Văn cho rằng: Tên của quả, chữ viết từ bộ mộc thanh thị trong văn lại viết thêm bộ mộc viết thành chữ cấm là chẳng phải.

Bá xưởng ngược lại âm dưới xương chưởng sách Khảo Thanh cho rằng: Nhà mà không có ngăn vách tường gọi là xưởng chữ hình thanh.

Chỉ viên tự ngược lại âm trên chi nhĩ sách Khảo Công Ký giải thích rằng: Quít vượt qua sông hoài mà trồng ở phía bắc thành quít đắng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây giống như cây quít, chuyển viết từ bộ mộc thanh chỉ tên chùa.

Tuẫn vật ngược lại âm tuần tuấn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tuẫn là cầu mong, Ứng Thiệu chú giải sách Phục

Điểu Phú rằng: Tuẫn là cầu danh, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngạc thanh tuần âm ngạc là âm tàn.

CỔ KIM DỊCH KINH ĐỒ KÝ
QUYỂN 4

Cập nghiệp ngược lại âm dưới nghiêm kiếp Hán Thư giải thích: Quân ngụy có huyện nghiệp, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ấp thanh nghiệp.

Vô đạn ngược lại âm đàn lạn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Phóng túng không kiêng sợ gì cả, Trịnh Tiển giải thích: Sợ khó lại gọi là kiêng sợ, theo Hàm Thi Truyện giải thích: Kiêng sợ điều ác, Quảng Nhã cho rằng: Kinh sợ, sách Thuyết Văn cho rằng: Kiêng kỵ nghen ghét, chữ viết từ bộ tâm thanh đan hoặc là viết từ bộ nhân viết thành chữ đạn sách Khảo Thanh giải thích: Đạn là rem sợ.

Vinh thanh ngược lại âm vĩnh huynh Tự Thư cho rằng: Vinh là thạnh nhiều, sách Sở Từ cho rằng: Cây lạc vinh hoa, sách Ích Pháp cho rằng: Nghĩa trước và sau đều có lợi gọi là vinh sách Thuyết Văn cho rằng: Cây cột giữa nhà trên đầu có nổi lên điềm tốt làm là vinh, tức là hiển đạt vinh hoa, chữ viết từ bộ mộc đến bộ vinh thanh tĩnh.

Phân củ ngược lại âm trên phương văn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phân là lộn xộn, Quảng Nhã cho rằng: Lộn xộn ngỗn ngang, cũng là đông nhiều là loạn không hay, ngược lại âm dưới kinh dậu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Củ là xem xét kiểm soát, Quảng Nhã cho rằng: Củ là nóng nảy, gấp gáp đều là chữ hình thanh, sách Thuyết Văn giải thích: Chữ củ là ba sợi dây ràng buộc quấn lấy nhau, âm liệu là âm liểu chữ tượng hình âm cầu ngược lại âm cư cầu.

Âu dương ngụy ngược lại âm trên âu hầu ngược lại âm dưới nguy ủy triều đại nhà Lương, tên hầu bá.

Huệ khải ngược lại âm khai cải hoặc là viết chữ khải Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Khải là vui ca chiến thắng mừng công chiến thắng, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khải là hòa vui, sách Nhĩ Nhã giải thích: Khải là vui ca, sách Thuyết Văn cho rằng: Khải là mạnh mẻ, chữ viết từ bộ tâm thanh khải.

Thiên thê ngược lại âm thể để Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thê là thềm bậc, sách Thuyết Văn cho rằng: Thềm bậc gỗ tức là

cây thang, chữ viết từ bộ mộc thanh đệ.

Tiêu cảnh ngược lại âm quỷ vĩnh tục tự thường hay dùng, nhưng trong Tự Thư đều nói không có chữ này, viết chữ cảnh.

Yên đỉnh ngược lại âm trên yên kiển ngược lại âm dưới chinh tĩnh hình sở địa danh, xưa là kinh đô của Sở Vương, thấy ở thành Dỉnh, ở Giang Lăng đông bắc hơn mười dặm, thanh khưu hư thành ngoài.

Ký cấu ngược lại âm câu hầu Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cấu là xem xét, chữ hình thanh.

Bao cổ ngược lại âm phụ mâu cũng là âm phương vô đều âm tần theo Tả Truyện cho rằng: Phu là đánh trống, lúc chiến tranh ngày xưa thường dùng. Cố Dã Vương cho rằng: Lấy dùi đánh trống, sách Thuyết Văn cho rằng: Âm là phu là cầm cán đánh trống, chữ viết từ bộ mộc thanh bao trong Dịch Kinh Đồ Ký viết từ bộ phu đến bộ thủ viết thành chữ phu là chẳng phải, chữ phu nước Ngô âm là phục bất không âm phúc phù tại chữ vưu vận giữa cùng với chữ phù đồng, nói tóm lại giải thích đều đồng, âm chỉ là riêng biệt, nhận lấy tùy theo âm hưởng, nay lại không dùng.

(851) Hãi nục ngược lại âm trên hài ngai Quảng Nhã giải thích: Hãi là kinh sợ nhảy chồm lên, Thiên Thương Hiệt ghi kinh hãi, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Con ngựa kinh sợ giựt mình, chữ viết từ bộ mã thanh cai ngược lại âm dưới nữ lục Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nục là trong lòng hổ thẹn đỏ mặt, đều là chữ hình thanh.

Hồi bá ngược lại âm ba mạ Hán Thư âm nghĩa giải thích: Ba là dây cương buộc ngựa, sách Khảo Thanh cho rằng: Khống chế con ngựa, bá cũng là dây cương cầm nơi cán, sách Thuyết Văn là dây cương chữ viết từ bộ cách thanh ba cũng viết chữ bá âm bí là âm bí.

Hội diểm ngược lại âm trên hồi ngoại sách Vận Anh giải thích: Màu sắc rực rỡ, sách Vận Thuyên cho rằng: Dem hết tất cả màu sắc ra để vẽ, Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Giống như làu đỏ hơi xanh nhạt, sách Thuyết Văn giải thích vải lụa dệt dư màu, chữ viết từ bộ mịch thanh hội ngược lại âm dưới là diệp tiệm sách Vận Anh giải thích: Quang huy rực rỡ, Hán Thư giải thích ánh sáng rực rỡ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh diểm.

Phạm nghĩa quân âm trên là phạm họ người, âm dưới là quân tên người. Lại là âm ư luân xưa Sở Vũ Vương cũng tên là Quân chữ hình thanh.

****

TỤC CỔ KIM DỊCH KINH ĐỒ KÝ

Tiếu yên ngược lại âm trên tề diệu Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tiếu là mắng nhiếc, sáchVận Anh cho rằng: Trách quở, sách Khảo Thanh cho rằng: Chỉ trích, sách Thuyết Văn giải thích: Trừ bỏ, hà khắc, tàn ác, chữ viết từ bộ ngôn thanh tiếu âm dưới là ai kiền theo chữ yên là mượn âm dùng, chữ viết từ bộ nhất đến bộ ô cũng là nói thanh dư vốn âm yển kiện nay không dùng.

Ngạc công ngược lại âm ngang các Thế Bổn giải thích ngạc là địa danh. Tống Trung giải thích: Ở Giang Hạ, Ngạc Châu Cố Dã Vương cho rằng: Nay phía tây Nam Dương có huyện Ngạc.

Minh tuần ngược lại âm tuất tuân sách Vận Anh cho rằng: Dáng ôn hòa cung kính, sách Vận Thuyên cho rằng: Kính thuận. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tuần là tin, xưa nay Chánh Tự giải thích lòng tin, chữ viết từ bộ tâm thanh tuần.

Duệ bộ ngược lại âm trên duyệt huệ sách Khảo Thanh cho rằng: Duệ là sáng suốt thông minh, ngược lại âm dưới là bô cổ sách Khảo Thanh cho rằng: Bộ là cuốn sổ ghi chép sự vật, chữ viết từ bộ trúc thanh bộ âm bộ là âm phổ.

Thúc yên ngược lại âm trên hương lục sách Vận Anh cho rằng: Con chó chạy nhanh, hoặc là từ bộ hỏa viết thành chữ thúc tức là ánh sáng lay động chợt đến, ngược lại âm dưới ai càn.

Khẩn trắc ngược lại âm khẳng ngận Quảng Nhã cho rằng: Thành khẩn, sách Vận anh cho rằng: Lòng tin chân thật chữ viết từ bộ tâm thanh khẩn âm khẩn đồng với âm trên.

Lự lộc ngược lại âm trên lực cứ ngược lại âm dưới lung đốc.

Liệu tăng ngược lại âm liễu điêu sách Khảo Thanh cho rằng: Liêu bới móc lấy sửa chữa, theo Thanh Loại cho rằng: Liên lụy, chữ viết từ bộ thủ thanh liêu âm liêu ngược lại âm lực diêu.

Vi dĩ ngược lại âm quỹ ủy sách Khảo Thanh cho rằng: Trò chơi cờ bạc lấy thân mình chơi cờ bạc tranh hơn gọi là vi sách Thuyết Văn cho rằng: Vi là của cải tiền bạc đem đút lót, chữ viết từ bộ bối thanh vi cũng là văn cổ viết chữ hóa.

Quyên trích ngược lại âm trên quyết duyên sách Khảo Thanh cho rằng: Quyên trích là dòng nước nhỏ chảy, sách Thuyết Uyển nói rằng: Dòng nước nhỏ không lấp đầy sông lớn, ngược lại âm dưới đinh lịch Cố Dã Vương cho rằng: Giọt nước nhỏ xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Rải nước. Quyên đích đều là chữ hình thanh, hoặc là viết chữ đích.

Trích hội ngược lại âm trắc cách sách Khảo Thanh cho rằng: Trích là nhặt lấy, hoặc là viết chữ trích.

Thần luyện ngược lại âm vấn nhãn.

Hoài địch ngược lại âm đồ đích sách Nhĩ Nhã cho rằng: Địch là dẫn lối mở đường đi thẳng đúng hướng, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tiến tới, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mở đường chỉ lối đến nơi.

Thạch miệt ngược lại âm tiên diệt ở Tường An thànhh phía nam, suốt dọc phía nam tên của hang núi.

Sưu tập ngược lại âm sương lưu hoàng đế ta tìm cầu chiêu hiền nơi xa xôi, uy đức vững vàng, hưng thạnh thích giáo, lợi ích quần sanh.

Toát kỳ ngược lại âm toàn loát sao lược yếu văn bỏ đi phiền toái nảy sinh rờm rà, chỉ tóm lược chính yếu hiểnn bày rõ ràng, giáo thể chữ viết từ bộ thủ thanh tối.

****

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 1

Sở đàm ngược lại âm đồ hàm Trịnh tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Đàm là dài lâu, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Gọi là kéo dài ra che trùm đến tất cả, Văn Luận viết từ bộ tây viết thành chữ đàm là Trụ Văn viết, sách Thuyết Văn viết chữ đàm Triện Văn viết từ bộ tây dưới từ bộ cao ngược lại âm hầu khổng.

Tọa trĩ ngược lại âm trì lý Cố Dã Vương cho rằng: Trĩ là dừng lại không tiến tới phía trước, sách Thuyết Văn cho rằng: Trĩ là đi bộ, bước từng bước mà không tiến tới phía trước, Văn Luận viết từ bộ sơn viết thành chữ trĩ là sai, sách Thuyết Văn viết từ bộ chỉ thanh tự.

Kế độ ngược lại âm đường các sách Quốc Ngữ cho rằng: Độ là đoán đánh giá, sách Khảo Thanh cho rằng: Đo lường, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Hưu đến bộ thứ thanh tĩnh.

Diệp phục ngược lại âm trên quán thiệp sách Thuyết Văn cho rằng: Diệp là thiết đồng lá mỏng, chữ viết từ bộ kim thanh diệp ngược lại âm dưới phong mục Cố Dã Vương cho rằng: Phục chỗ gọi là bao chứa trong ngũ tạng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh phục.

Khải triệt ngược lại âm triền liệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng:

Triệt là vết bánh xe, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa đến bộ triệt thanh tĩnh.

Diệp diệp ngược lại âm trượng giáp theo Hàn Thi Truyện giải thích: Diệp giống như là vở không còn nguyên, theo Thanh Loại cho rằng: Tiếng của con vịt ăn, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh diệp âm khuyết ngược lại âm nhược huyệt.

Kháng ngôn ngược lại âm khang lãng theo Tả Truyện cho rằng: Kháng là chống cự, Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Giơ cao lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh khang âm khang ngược lại âm các lãng.

Tỏa tỏa ngược lại âm tang quả Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tỏa tỏa là vụn vặt, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Dụng cụ lặt vặt xưa cũ kỹ, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh tỏa.

Hòe đình ngược lại âm hồ quái Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cây hòe lá ban ngày thì xếp lại, ban đêm thì giãn ra duỗi ra, tức vị quan giữ gốc cây hòe, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh quĩ.

Bao biếm ngược lại âm trên bác mao Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bao tấn lên đưa lên, Văn Tự Điển nói: Khen ngợi tốt đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh bao âm bao là chữ cổ văn cổ viết chữ bảo Văn Luận viết từ bộ bảo viết thành chữ bao tục dùng cũng thông dụng, ngược lại âm dưới là bút yểm sách Khảo Thanh cho rằng: Biểm là tổn hoại theo Công Dương Truyện cho rằng: Bị rơi rớt xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ bối thanh biếm.

Hám trạch ngược lại âm kham lạm tên người.

Sai nhị ngược lại âm trên thất tài Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sai là nghi ngờ đoán, chữ viết từ bộ khuyển thanh thanh.

Tư đồ ngược lại âm tức dư Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tư là có tài trí, xưng gọi có tài trí hơn người, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh tư Văn Luận viết từ bộ thử viết thành chữ tư là sử hình như chẳng phải nghĩa này.

Thương xác ngược lại âm khẩu giác theo Hàn Khang Truyện cho rằng: Xác là cứng, gọi cách khác: Xác gọi là cứng không thể nhổ lên nổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thạch thanh xác âm xác ngược lại âm hoang các.

Đằng-lan ngược lại âm đặc đăng tiếng Phạm danh tăng.

Nhập lạc ngược lại âm lãng các Cố Dã Vương cho rằng: Đây là đời nhà Hán sửa đổi lại chữ lạc là lạc sách Thuyết Văn viết từ bộ chuy thanh các.

Tào thực ngược lại âm thừa lực danh nhân.

Lão đam ngược lại âm tha cam tên của Lão Tử.

Truyền nghị ngược lại âm nghi ký tên người.

Thái am ngược lại âm y dâm tên người.

Khôi tẫn ngược lại âm từ nhẫn sách Phương Ngôn cho rằng: Đốt lửa cháy con dư lại tro tàn, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh tân Văn Luận viết từ chữ tẫn tục tự thường hay dùng.

Quý nục ngược lại âm ni lục Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trong lòng hổ thẹn gọi là nục sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh nhi.

Tiệp dư ngược lại âm trên tiêm diệp ngược lại âm dưới dực chủ tên người nữ là quan trong cung.

Túng thái ngược lại âm trên túc dụng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Buông thả phóng túng tình dục, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh tùng ngược lại âm dưới tha cái sách Hoài Nam tử cho rằng: Thải sâu ngũ tạng, Quảng Nhã cho rằng: Thải là tẩy rửa, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh thái.

Đạm bạc ngược lại âm trên đàm cảm Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đạm là mùi vị nhạt nhẻo, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh đạm ngược lại âm dưới bàng các Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Bạc là mỏng manh nhỏ bé, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh bạc Văn Luận viết từ bộ thủy viết thành cảnh bạc là đàm hồ nước không chảy, cũng chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tử tuấn ngược lại âm tuân duẫn tên người.

Hạp nhĩ mục ngược lại âm hàm cáp sách Thuyết Văn cho rằng: Hạp là đóng cửa lại, chữ viết từ bộ môn thanh hạp âm hạp là âm hợp.

Trấp trùng ngược lại âm trên trực lập sách Nguyệt Lịnh ghi rằng: Trấp là loài côn trùng ẩn trốn, đến mùa thu thì ẩn náo trong hang thu mình lại che giấu đến mùa xuân thì loài côn trùng bắt đầu trổi dậy, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh chấp âm dưới là thần Văn Luận viết chữ này từ bộ hủy âm hủy là chẳng phải.

Loạn đại ngược lại âm loạn quan tên người.

Nhu viên ngược lại âm nô đao Mao Thi Truyện cho rằng: Thuộc loài vượn. Tự Thư cho rằng: Viết đúng từ bộ ưu viết thành chữ nhu Văn Luận viết từ bộ nhu viết thành chữ nhu tục tự thường hay dùng.

Nguyên miết ngược lại âm trên là nguyệt viên sách Nguyệt Lịch cho rằng: Đến mùa trọng thu trăng lên, mới Bồ-tát được con ba ba, ngược lại âm dưới tiên diệt, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Người ta

bắt con ba ba, con cá chép đem đi nướng, sách Quốc Ngữ cho rằng: Con ba ba lớn mà dài thịt của nó ăn rất ngon, sách Thuyết Văn viết từ bộ mảnh đều thanh nguyên miết.

Huyễn hoặc ngược lại âm huyền luyện Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huyễn ảo, hoặc loạn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh huyễn âm huyễn là âm hoạn.

Lụy nẫm ngược lại âm nhậm chẩm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nẫm là một năm, sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh niệm.

Loa nhiễu ngược lại âm nhiêu chiểu Quảng Nhã cho rằng: Nhiễu loạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Phiền nhiễu chữ viết từ bộ thủ thanh ưu Văn Luận viết từ bộ ưu viết thành chữ nhiễu âm ngược lại âm nô lực.

Hàm đan thuần ngược lại âm thuận luân tên người.

Hãi phục ngược lại âm hài ngai Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Kinh hãi, sách Bát Nhã cho rằng: Hãi là trỗi dậy, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh cai.

Tinh sưu ngược lại âm sở cầu sách Văn Tự Điển nói: Sưu là lục lọi tìm kiếm, cầu tìm, sách Quốc Ngữ nói rằng: Sưu là lục xét, kiểm tra, hiềm khích, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh sưu Văn Luận viết chữ sưu tục tự dùng thông dụng.

Phưỡng phất ngược lại âm trên phương đồng sách Hán Thư cho rằng: Phưỡng phất là tương tợ, thấy nghe mà không sát thật, ngược lại âm dưới phương vật sách Khảo Thanh cho rằng: Phưỡng phất là không phân rõ ràng, sách Thuyết Văn đều từ bộ nhân viết thành chữ phương phất cũng đều là thanh.

Chi vẫn ngược lại âm văn phân Thiên Thương Hiệt cho rằng: Vẫn là hai bên mép miệng, Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Vẫn bên mép miệng (852) sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh vật.

Tuấn niết ngược lại âm trên tư dực ngược lại âm dưới tiên triết đều là tên của vị cận thần đời Ngu Thuấn, Văn Luận viết từ bộ hòa viết thành chữ niết là chẳng phải nghĩa.

Lâm hác ngược lại âm hồ các kinh Sơn Hải ghi rằng: Ngoài biển Đông Hải có cái hang lớn, Cố Dã Vương cho rằng: Hác giống như hang hốc, khe lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ bộ hác thanh cốc âm hác là âm tàn.

Kháng bí ngược lại âm bi mi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Lục bí giống như sợ dây tơ mềm mại, sách Thuyết Văn viết từ bộ ty thanh bí Văn Luận viết từ bộ vong viết thành chữ bí tục tự dùng cũng thông

dụng, âm bí ngược lại âm vi.

Kệ sở ngược lại âm khưu lệ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Kệ là tham, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hạt.

Biền mẫu ngược lại âm trên bổ miên ngược lại âm dưới mâu hậu tên người.

Lung tráo ngược lại âm tri giảo Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tráo là cái nơm bắt cá, sách Thuyết Văn viết từ bộ võng thanh trác.

Tấn thân ngược lại âm trên tân nhẫn sách Nghi Lễ giải thích: Tấn là cắm cái hột vào trong áo, sách Lễ Ký cho rằng: Cắm cái hột thẳng vào trong áo, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh tấn ngược lại âm phu chân Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Thân là dây thắc lưng, dây đao lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh thân.

Trù trương ngược lại âm trắc lưu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trù trương là cuồng vọng, nói dối sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh trù Văn Luận viết từ bộ xa viết thành chữ chu là chẳng phải nghĩa trù trương.

Nhung mạch ngược lại âm mạc cách sách Thượng Thư rằng: Bộ tộc Hoa Hạ Man Hạc, không dựa vào quyền thế mà bắt bẻ nô tỳ, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tên bộ tộc ở đông bắc Trung Quốc gọi là mạch sách Thuyết Văn viết từ bộ trĩ thanh các hoặc là viết từ bộ bách viết thành chữ mạch Văn Luận viết từ bộ bạch viết thành chữ phạ sách Thuyết Văn giải thích phạ giống như chó sói, chẳng phải nghĩa đây dùng, âm phạ là âm phạ.

Kỳ khiếu ngược lại âm trên kiên điếu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khiếu là cần tim tòi, sách Thuyết Văn ghi: Noi theo tuân theo, lấy sự ngăn che, chữ viết từ bộ xích thanh khiếu âm khiếu là âm dược.

Cấp nhiên ngược lại âm tam đáp sách Phương Ngôn cho rằng: Cấp là con ngựa chạy nhanh, Quách Phác chú giải rằng: Cấp là phóng nhanh vùn vụt, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh cập.

Thích tùng ngược lại âm đinh lịch sách Khảo Thanh cho rằng: Trích là chỉ ra sự thật, thích hợp tốt lành, chủ đề rõ ràng, chữ mượn âm.

Đào chú ngược lại âm trên đạo đao theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Đào là trừ bỏ, nuôi dưỡng hun đúc, sách Khảo Thanh cho rằng: Nước chảy lưu thông, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh đào ngược lại âm dưới chu thụ theo Tả Truyện cho rằng: Chú là cái đĩnh, giống như vật, Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là nung đốt đồng cho chảy ra làm khí

cụ, dụng cụ, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh trù âm dương ngược lại âm dương lượng.

Đạo tấng ngược lại âm công ngoại Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tấng là tên vùng đất thuộc huyện Vinh Dương Mật đông bắc, cũng là tên nước cổ,. Cố Dã Vương giải thích: Tấng là Trịnh Vũ Công sau bị nước cũ diệt sau là đất Trịnh.

Băng kích ngược lại âm bàng giảng Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Băng là cây gậy lớn, Trịnh Huyền chú giải sách Phương Ngôn rằng: Nay gọi là gông cùm xiền xích tội nhân lại rồi đánh, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm thổ khẩu cũng là thanh.

Hủy bác ngược lại âm bang giác Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng:Bác là tước lột, Bì Thương cho rằng: Lột bỏ đi vỏ ngoài, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh lộc Văn Luận viết từ bộ mã viết thành chữ bác bác là tên con ngựa chẳng phải nghĩa đây dùng, âm lộc là âm lộc.

Thực ế ngược lại âm yên kiết Trịnh Huyền chú giải sách Phương Ngôn rằng: Ế là đau nhức, sách Thuyết Văn cho rằng: Ăn cơm mắc nghẹn, chữ viết từ bộ khẩu thanh ế âm trất ngược lại âm chân lật.

Khổn trí ngược lại âm tri lợi Cố Dã Vương cho rằng: Trí giống như bị đốn ngã, theo Tả Truyện cho rằng: Đổ Hồi bị thất bại mà điên cuồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chất.

Biện bát ngược lại âm bán mạt Quảng Nhã cho rằng: Bát là trừ bỏ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Vất bỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh bát.

Thác bạt đảo ngược lại âm đồ đáo tên của Ngụy Thế Tổ.

Cung thuẫn ngược lại âm thần chuẫn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thuẫn là thuộc cái khiên, cái thuẫn lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ gọi là chống đỡ che thân, chữ viết từ bộ mục chữ tượng hình.

Thiêu lược ngược lại âm lực ước theo Tả Truyện giải thích: Lược gọi là cướp đoạt tài sản tài vật, Cố Dã Vương giải thích: Gọi bắt được lấy tước đoạt hết tài vật rồi giết bỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh kinh âm lổ là âm lổ.

Kiêu trảm Cố Dã Vương giải thích: Cái đầu treo lên cây gậy trúc nơi hàng quán gọi là tội ác, sách Thuyết Văn cho rằng: Đầu treo ngược là kiêu chữ tượng hình, Văn Luận cho rằng: Chữ viết từ bộ điểu viết thành chữ kiêu là chẳng phải.

Di chi ngược lại âm dĩ chi sách Phương Ngôn giải thích: Di gọi là ban tặng, biếu thức ăn cho người, từ quan ải mà đến đông Trần Tống đều thông ngữ như vậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Gạo lương thực được sấy khô, chữ viết từ bộ thực thanh đài âm nghiệt ngược lại âm ngôn liệt.

Cận gián ngược lại âm hàm ảm Xuân Thu Truyện giải thích rằng: Bó buộc lại đào đất đem chôn, Hán Thư giải thích rằng: Mảnh hổ đào đất làm hang, ở trong hang, Tống Thư giải thích đào lấy đất cứng, cho nên chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ giám tức là hầm dưới đất, sách Thuyết Văn viết từ bộ giám thanh tĩnh theo Văn Luận viết từ bộ mộc viết thành chữ hạm cũng là con hổ trong chuồng, giống như cái củi, cái hòm, âm tĩnh là âm tịnh.

Tuấn tập ngược lại âm trên cú nhuận âm dưới là tập tên người.

Thông duệ ngược lại âm trên thất công theo Hàn Thi Tuyện cho rằng: Thông mionh sáng suốt, hiểu biết chính xát, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ thanh thông ngược lại âm dưới là du huệ sách Thuyết Văn cho rằng: Duệ là trí của bậc thánh, hoặc là viết từ bộ thổ viết thành chữ duệ Trụ Văn viết chữ này, Văn Luận viết chữ duệ là chữ cổ từ bộ duệ đến bộ mục đến bộ cốc thanh tĩnh âm duệ là âm tàn.

Thố hoài ngược lại âm thô lộ sách Luận Ngữ cho rằng: Thố là có đặt để, sách Phương Ngôn giải thích: Để cho an ổn, sách Thuyết Văn viết từ bộ hán thanh tích âm hán là âm hãn.

Chu khải ngược lại âm ngư khải tên người.

Vương mật ngược lại âm dân tất tên người.

Kháng tích ngược lại âm khang lãng Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Kháng là giơ cao lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh kháng.

Thi quy ngược lại âm thư di Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thi là thẻ tre để bói toán, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc cỏ ngãi, ngàn năm mố mọc lên, ba trăm mới trổ cọng thân cây, Cố Dã Vương cho rằng: Thẻ tre dùng bốn mươi chín miếng để bói, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh kỳ.

Khuông bân ngược lại âm bút thân tên người.

Hoàn tịch ngược lại âm hồ quan Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hoàn là cây cói dùng làm chiếu, dệt chiếu, Cố Dã Vương cho rằng: Hoàn giống như cỏ xương bồ mà lại tròn, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh hoàn.

Thảo lũ ngược lại âm câu vũ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng:

Lũ gọi là giày dép cỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ lý tóm lược là bộ lũ thanh lũ.

Tân thiên ngược lại âm nhị diên sách Chu Lễ cho rằng: Mùa đông mở dê, mở cừu đong lại, mùi trên thân con cừu, sách Thuyết Văn cho rằng: Mùi, chữ viết từ ba bộ dương Văn Luận viết chữ thiên tục tự dùng thông dụng.

Thước linh ngược lại âm thương chước Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Thước là sáng sủa, Mao Thi Truyện cho rằng: Tốt đẹp mạnh mẻ, Văn Luận viết từ bộ hỏa viết thành chữ thước thước là làm nóng chảy tiêu đồng, lò đúc, chẳng phải nghĩa đây dùng, sách Thuyết Văn viết từ bộ lạc thanh kim.

Y bát ngược lại âm ban mạt Văn Thông Dụng cho rằng: Cái bình bát của vị tăng đi khất thực, sách Thuyết Văn viết từ bộ mảng thanh bạt âm bạt ngược lại âm bàn mạt.

Tịch bạc ngược lại âm phan mạch chữ mượn âm.

Cúc nghiệt ngược lại âm ngôn liệt sách Thượng Thư cho rằng: Giống như ủ làm men rượu, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Men rượu, sách Thuyết Văn viết từ bộ mể thanh nghiệt.

Tân huân ngược lại âm hư vân Trịnh chú giải sách Lễ Ký rằng: Huân là loại rau có mùi và có chất cay, theo Thanh Loại tỏi mọc ngoài hoang dã, sách Thuyết viết từ bộ thảo thanh quân.

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH
QUYỂN 2

Tương đấu ngược lại âm đinh đậu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cửa đấu tranh, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai tướng sĩ cùng đấu binh trượng với nhau, chữ tượng hình, nay viết từ bộ môn bên trong là chữ đấu đó là tục dùng thông dụng, Văn Luận viết từ bộ đao viết thành chữ đấu đó là sai vậy.

Trở hải ngược lại âm trên trang sở sách Khảo Thanh cho rằng: Trở là dụng cụ để thịt lên như cái mâm để nhiều thịt, sách Lễ Ký cho rằng: Thời nhà Chu bày mâm cổ bàn để đầy thịt cúng tế, trở giống như bàn án, sách Thuyết Văn cho rằng: Phân nữa thịt để ở trên, chữ tượng hình, âm dưới là hải Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hải là thịt làm tương, sách Thuyết Văn viết từ bộ dậu thanh hải âm hữu ngược lại âm

du hải âm hữu ngược lại âm vu cứu hoặc là viết từ bộ hữu viết thành chữ hữu cũng thông dụng.

Thân siêm ngược lại âm lặc diểm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Siêm dòm ngó hầu hạ, Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhìn trộm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kiến thanh chiêm âm khuy ngược lại âm xí duy.

Dương giác ngược lại âm khẩu giác Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Dương giác là thô lược Quảng Nhã cho rằng: Giác là cây cầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc viết thành chữ giác tức cây cầu bắt ngang sông chỗ gọi là qua sông.

Thương đố ngược lại âm đô cố theo Tả Truyện cho rằng: Công tụ đó tức là con sâu mọt, loại côn trùng hại vật, chữ viết từ bộ côn thanh thác âm thác là âm thác.

Phác tố ngược lại âm phổ bác Vương Bậc chú giải sách Lão Tử rằng: Phác là chân thật, sách Thuyết Văn ghi: Gỗ dưa thành khí, gỗ thuần chất, cũng gọi là giản dị mộc mạc, chân chất, thật thà, chữ viết từ bộ mộc thanh phác hoặc là viết từ bộ bốc viết thành chữ phác cũng thông dụng.

Quýnh kỳ ngược lại âm hưu thạnh Lưu Triệu chú giải Hán Thư rằng: Quýnh là sâu xa, Cốc Lương Truyện giải thích: Nước đi vào một ngàn dặm, lại cuối doanh trại đô thành,sách Thuyết Văn viết từ bộ quỳnh đến bộ nhân trong huyệt trên, âm mân ngược lại âm hỏa liệt.

Độc phù ngược lại âm phụ du Mao Thi Truyện cho rằng: Phù là loài thủy điểu, Cố Dã Vương cho rằng: Tức là con vịt, con le le, sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu tóm lược thanh phù âm phù là âm thù.

Sở hấp ngược lại âm huất ấp Mao Thi Truyện cho rằng: Giống như là dẫn vào, Quảng Nhã cho rằng: Uống vào, sách Khảo Thanh cho rằng: Hít hơi vào bên trong, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh cập Văn Luận viết từ bộ hấp viết thành chữ hấp là chẳng phải.

Khấu xĩ ngược lại âm khổ hậu Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Khấu là đánh gõ, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Khấu là đánh gõ, chữ viết từ bộ thủ thanh khẩu.

Tiến tịch âm trên tiên điện Như Thuần chú giải Hán Thư rằng: Cỏ nhiều dày đặc gọi là tiến Thích Danh cho rằng: Giường cỏ, chỗ gọi là tự lấy cỏ héo làm giường, Quảng Nhã cho rằng: Chiếu cỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tử âm trĩ là âm trĩ Văn Luận viết từ bộ thảo bộ trúc viết thành chữ túc là chẳng phải.

Lư triển ngược lại âm dưới triển nghiển Bì Thương cho rằng: Con

ngựa nằm trên đất gọi là ngựa biếng nhác, tức con lừa, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh triển, Văn Luận viết từ bộ xa viết thành chữ triển là sai.

Trích đầu ngược lại âm trắc thảo sách Khảo Thanh cho rằng: Trích là bẻ ngắt, hái, nhặt lấy, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh trích.

Huyền trất ngược lại âm trắc sắc sách Lễ Ký cho rằng: Triết dùng giống như chữ trất sách Thuyết Văn cho rằng: Tên gọi chung là cây lược chải tóc, chữ viết từ bộ mộc thanh tiết.

Diên thực ngược lại âm trên thức diên ngược lại âm dưới là thời dực Ngự chú giải sách Lão Tử rằng:Diên là hòa trộn, nhồi nắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh diên thực là đất sét, đất dẻo, người thợ gốm nhồi trộn đất làm đồ sành sứ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh thực Văn Luận viết từ bộ thổ viết thành chữ diên là chẳng phải.

Mảnh pháp sư ngược lại âm mạc danh tăng.

Chi trù ngược lại âm trực lưu sách Vận Lược cho rằng: Trù là loại bậc, Quảng Nhã cho rằng: Dựa vào, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh trù.

Bế thần ngược lại âm bổ đê Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bế là người được vua sủng ái yêu chiều, thân được may mắn, Lưu Hy chú giải Hán Thư rằng: Người thấp hèn được sủng ái yêu chiều, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh tích.

Kích thiết ngược lại âm kinh đích Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cảm kích, sách Phương Ngôn cho rằng: Thanh sạch, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh kích âm kích ngược lại âm dương chước.

Ái pháp sư ngược lại âm y cái danh tăng.

Tạp nhu ngược lại âm ni cứu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nhu là lộn xộn tạp, sách Thuyết Văn cho rằng: Cơm pha trộn, chữ viết từ bộ mễ thanh sửu Văn Luận viết từ bộ nhu viết thành chữ nhu tục dùng thông dụng.

Thực trâm ngược lại âm thập nhận Văn Tự Điển nói: Trâm là quả dâu, Mao (853) Thi Truyện cho rằng: Than ôi con chim tu hú nó không ăn quả dâu ta, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh thậm.

Đảm quan ngược lại âm đinh cam Quảng Nhã giải thích Đảm là nhấc cao lê, Tự Thư cho rằng: Gánh vác, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh đảm.

Dung phẩu ngược lại âm phổ hậu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phẩu là lột da, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phân

ở trong ra gọi là phẩu sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh phẩu Văn Luận viết từ bộ thiệt viết thành chữ quát là chẳng phải.

Thích tiển ngược lại âm trên tha lịch Ngọc Thiên giải thích Thích là sửa chữa, cạo tóc, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh dịch ngược lại âm dưới tử tiện Trịnh tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tiển là đoạn ra, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiển là cắt cho bằng, sách Thuyết Văn cho rằng: Đoạn ra cắt cho đều bằng nhau, chữ viết từ bộ vũ thanh tiển.

Manh tục ngược lại âm mạch canh Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nói ở trong ngoài biến đổi, manh giống như mờ mịt không biết rõ, Lưu Hy chú giải HánThư rằng: Gọi là nơi biên giới vùng đất xa xôi, con người chất phác, quê dốt không hiểu biết, sách Thuyết Văn viết từ bộ dân thanh vong.

Mẫn chi ngược lại âm di nhẫn Mao Thi Truyện giải thích: Mẫn là mất hết, tiêu diệt, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hết sạch, tận diệt, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh dân Văn Luận viết từ bộ sơn viết thành chữ mẫn là sai.

Tử huân ngược lại âm vu luân tên của vị vua.

Trâm chùy ngược lại âm chấp lâm sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh thậm Văn luận viết từ bộ chiêm viết thành chữ trâm tục dùng thông dụng, ngược lại âm dưới trực truy sách Thái Công Lục Thao giải thích: Chỗ gọi là dùng đánh vào vật, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh chuy Văn Luận viết từ chữ trùy chữ truy này là chẳng, âm chấp ngược lại âm trâm lập.

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH
QUYỂN 3

Tân tư ngược lại âm tương dĩ, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Xưng gọi người có trí tuệ, cũng là tên người.

Cửu tâm ngược lại âm cư Hưu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tật bệnh, theo Tả Truyện giải thích: Người quân tử không làm lợi, không làm nghĩa cảm thấy trong lòng áy náy, sách Thuyết Văn viết từ bộ tật âm tật ngược lại âm nứ ách thanh cửu.

Trọng xưởng ngược lại âm xương lượng danh tăng.

Cảnh khái ngược lại âm khả hạnh Vương Dật chú giải sách Sở từ rằng: Cảnh là ương ngạnh can cường, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã

rằng: Thẳng thắn, ngược lại âm dưới khả đại Tát Tông chú giải Đông Đô Phú Truyện rằng: Cảnh khái là không nhã nhặn nhu nhuyến, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mộc đều thanh cảnh khái.

Xuân bác ngược lại âm trên xuân duẫn Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Từng bước ngập ngừng cũng gọi là kém, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh xuân ngược lại âm dưới bang giác sách Trang Tử cho rằng: Xuân bác là không đều hòa lại một, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh hòa Văn Luận viết từ bộ giao viết thành chữ bác là sai.

Thư tỏa ngược lại âm trên là thử cũng là âm tử sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh thử âm dưới là tỏa văn trước Luận Tựa đã giải thích rồi.

Chỉ quỵ ngược lại âm trên chi thị theo Tả Truyện cho rằng: Như ngón chân ngọc bước đi, Đỗ Dự chú giải rằng: Chỉ là ngón chân, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chỉ Văn Luận viết từ bộ hổ viết thành chữ hổ là sai, âm hộ ngược lại âm đinh kế.

Nữu nãn ngược lại âm trên nữ lục Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nữu là hổ thẹn đỏ mặt, Quảng Nhã cho rằng: Quay lưng đi, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh nữu ngược lại âm dưới nữ giản sách Phương Ngôn cho rằng: Nãn cũng là thẹn thùng, sách Thuyết Văn cho rằng: Hổ thẹn đỏ mặt, viết đúng từ bộ xích thanh triển âm triển là âm triển thanh triển Văn Luận viết từ bộ bì viết thành chữ nãn tục dùng cũng thông dụng.

Khanh hoành ngược lại âm trên khẩu canh ngược lại âm dưới hồ hoành sách Khảo Thanh cho rằng: Khanh hoành là tiếng chuông, sách Thuyết Văn viết hai chữ đều từ bộ kim đều thanh khanh hoành âm hoành đồng với âm trên, Văn Luận viết từ bộ thác viết thành chữ hoành là sai.

Ẩu chi ngược lại âm ư khẩu sách Sử Ký cho rằng: Ngạc nhiên muốn đánh người, sách Thuyết Văn cho rằng: Ẩu là đánh chữ viết từ bộ thù thanh khu âm thù là âm thù Văn Luận viết từ bộ phộc viết thành chữ khu là sai chẳng phải.

Đạo trữu ngược lại âm chu dậu Thế Bổn cho rằng: Thiếu Khang viết chữ cỏ trữu Cố Dã Vương cho rằng: Trữu chỗ gọi là lấy chổi quét trừ phân dơ uế, sách Thuyết Văn viết từ bộ hựu tức là tay cầm nắm đến bộ cân là khăn, tức là lau quét từ trong ra đến ngoài cửa.

Tiểu thuyết ngược lại âm sở giao Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiểu là khẩn cấp, âm khẩn ngược lại âm kiếp kiên gọi là dùng

người mà nói cho rằng đã giảng nói rồi, Bì Thương cho rằng: Thay thế người mà giảng nói, hoặc là viết từ chữ giảng sách Thuyết Văn viết từ bộ lực thanh sào.

Cực phát ngược lại âm khi sử sách Nhĩ Nhã cho rằng: Rất nhanh, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nhiều lần, sách Phương Ngôn cho rằng: Yêu thích sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhân bộ khẩu bộ hưu bộ nhị nhị là thiên địa, chữ hội ý.

Thác ủy ngược lại âm trên trúc nhuế ngược lại âm dưới nữ nhuế Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lấy việc liên lụy dính liếu tới mà phó chúc cho người là thác ủy, sách Thái Mô giải thích: Phó thác, giao cho, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ ngôn đều thanh ủy thác âm nhuế ngược lại âm y quý.

Xuân khuẫn ngược lại âm trên sĩ luân sách Trang Tử nói rằng: Cây xuân to lớn, cây đại xuân tám trăm (800) năm là một mùa xuân, tám trăm năm là một mùa thu, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh xuân ngược lại âm dưới là quẫn vẫn kinh Sơn Hải Mạnh tử nói: Trên núi có nhiều nấm móc, không biết chiều tối hay đêm trăng sáng mới mọc, Tư Mã Bưu cho rằng: Loại nấm yêu nghiệt Giang Đông gọi là nấm đất, cũng gọi là nấm quỳ trù, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh khuẫn âm khuẫn ngược lại âm khưu luân.

Bột giải ngược lại âm trên bồn một ngược lại âm dưới hài mại sách Thuyết Văn giải thích: Bột giải là tên riêng của biển, Tử Hư Phú Quang Truyện giải thích: Bột giải là nổi trên mặt nước, sách Thuyết Văn nói: Hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh bột giải.

Luy tiết ngược lại âm trên luật truy ngược lại âm dưới tiên liệt Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Luy là sợi dây màu đen, tiết là trói lại, chỗ gọi là trói câu thúc tội nhân lại, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tiết là trói buộc, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mịch đều là thanh lụy tiết âm lũy là âm lôi Văn Luận viết chữ lụy viết thành chữ luy là chẳng phải.

Báng độc ngược lại âm trên bác lãng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hủy báng, chê bai, sách Quốc Ngữ giải: Tra hỏi, tra hạch người đi bên đường, lại gọi là lệ vua đặt ra, người trong nước chê bai vua, người ngang ngược, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh báng ngược lại âm dưới đồng ốc Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Độc giống như là khinh khi, sách Quốc Ngữ cho rằng: Độc là sinh ra oán hận, sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh độc.

Chất cốc ngược lại âm trên chân viết ngược lại âm dưới cổ ốc

Trịnh Tiển chú giải sách Chu Lễ rằng: Gông cùm trong chân gọi là chất gông cùm trong tay gọi là cốc sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cốc là cái gông thẳng, sách Thuyết Văn giải thích: Chất là còng ở chân, chỗ gọi là chất địa, cốc là còng ở tay, chỗ gọi là cốc thiên đều tả hình hữu thanh Trịnh Huyền giải thích rằng: Cộng thêm tên cốc đó gọi là ghi chép họ và người tội nhân, gông cùm nơi tay đó là phải viết ra tên họ.

Sài lang ngược lại âm trên sĩ giai sách Nhĩ Nhã cho rằng: Sài là chân giống như chó, thuộc chó sói, sách Thuyết Văn viết từ bộ trĩ thanh tài âm trĩ ngược lại âm trạch giới Văn Luận viết từ bộ phó viết thành chữ phủ là chẳng phải, ngược lại âm dưới lạc đường sách Chu Lễ nói rằng: Người ta nuôi gia súc là đến mùa xuân hiến cho chó sói, sách Thuyết Văn cho rằng: Lang giống như con chó, đầu nó rất nhạy bén, bên má trắng cổ cao, phía trước rộng phía sau hẹp, Mao Thi Truyện cho rằng: Đều chạy rất giỏi, chữ viết từ bộ khuyển hai chữ đều nghĩa chó sói, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyên thanh lang.

Cuồng quyến ngược lại âm trên cụ vương Cố Dã Vương cho rằng: Cuồng là ngu si rồ dại kinh hãi, tính lo sợ không luân lý, sách Luận Ngữ cho rằng: Tính can cường, không thích học hỏi, buông thả, bừa bãi, cuồng si sợ hãi, âm quý là âm kỳ quý ngược lại âm dưới quyết diện sách Thuyết Văn cho rằng: Quyến gấp vội nhảy mau, lại cũng gọi là nôn nóng, hai chữ đều từ bộ khuyển đều thanh vương quyến âm quyến ngược lại âm nhất huyền.

Đạo lý ngược lại âm y ký danh tăng.

Hoạch lạc ngược lại âm hồ quách Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hoạch là chìm, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hoạch là do bức bách mà mất chí, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hoạch âm hoạch ngược lại âm ô hoạch.

Lạc thuyên ngược lại âm thất toàn Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Thuyên là loại cỏ thơm, cỏ ly tảo, hoa huệ cũng là cỏ mau, cỏ tranh, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh thuyên.

Khiếu da ngược lại âm khí điếu Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiếu là lỗ, lại chú giải sách Lễ Ký rằng: Dương chiếu có bảy, âm khiếu có hai, Văn Tự Điển nói: Đục khiếu côn đồn, tức là chỉ buổi hồng hoang của thế giới, lúc chưa phân định, cái gì là cái gì, mơ hồ không rõ,sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh khiếu âm khiếu ngược lại âm dương chước.

Vu hích ngược lại âm hình kích sách Quốc Ngữ giải thích: Đồng cốt, thầy cúng, ở người nam gọi là hích ở người nữ gọi là vu hích là có

thể trình bày tấu với thần minh các việc, sách Thuyết Văn viết từ bộ vu thanh kiến.

Dân oa ngược lại âm ư chuy Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Oa là ca hát, Quảng Nhã cho rằng: Tà, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng nịnh hót, chữ viết từ bộ khẩu thanh khuê.

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH QUYỂN 4

Truy mẫn ngược lại âm trôn trắc cơ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Truy là tên của sông, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sông truy phát xuất từ Bạo Sơn Lương Phụ Tây phía bắc chảy vào Đông Ba, ngược lại âm dưới miên biến sông Mẫn xuất phát từ nước Tề đến huyện Truy phía bắc nước chảy vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thủy đều thành truy mảnh âm mảnh là âm mảnh âm biến ngược lại âm tất miến.

Kham tế ngược lại âm khổ cam Mao Thi Truyện cho rằng: Kham là nhận chịu, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kham là khắc khổ, sách Khảo Thanh cho rằng: Đến gánh vác trách nhiệm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thổ thanh thậm Văn Luận viết từ bộ qua viết thành chữ kham là sai.

Ưu long ngược lại âm quỹ vi tên của vị đại thần thời vua Thuấn.

Huệ tôn ngược lại âm trên khuê quế ngược lại âm dưới tức tôn Ngọc Thiên cho rằng: Đều là cỏ thơm sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh huệ tôn.

Mãn lịch ngược lại âm trên mạc quan theo Tả Truyện cho rằng: Bộ hạ của Sở Vũ Công, chất đầy cây ngang dưới, sách Thuyết Văn cho rằng: Mãn là tâm thư thã thoải mái, Hán Thư giải thích rằng: Nước Ô Tôn có rất nhiều cây tùng mãn, ngược lại âm dưới linh đích theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trên núi có nhiều cây bao lịch tức cây sồi, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mộc đều thanh vãn lịch âm mãn là âm mãn Văn Luận viết từ bộ lịch viết thành chữ lịch là chẳng phải.

Hô cước ngược lại âm trên sửu dư theo Mao Thi Truyện cho rằng: Hồ là tên cây xấu xí, sách Trang Tử cho rằng: Có loại cây đại thọ người ta gọi là cây đại hô, cành cây ôm vào gốc cây mà trông không có dây

kim nhỏ, nhánh cong cuộn lại như nắm tay, mà trông không có quy cũ, thẳng mực, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh hô âm hô là âm hồ âm dưới là căng lực, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cước là cây gai, lá nhỏ có gai đâm vào, Quảng Nhã cho rằng: Cước là che dấu, sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm cây cỏ gai nhọn người Giang Hoài gọi là cước sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ hai bộ thứ ngược lại âm thất tứ.

Đình ngãi ngược lại âm trên định đinh sách Khảo Thanh cho rằng: Tên cỏ đình lịch, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lá thật giống lá kinh giới, tên gọi khác nữa là cẩu v.v... ngược lại âm dưới ngô cái Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cây cao ngãi, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh đình ngãi.

Tật tì ngược lại âm trên tần thất ngược lại âm dưới tự tư Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cỏ tật tì thân mần trên đất như loại cây bò lan, lá nhỏ như lông vũ, thân cọng có ba cạnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh tật thứ.

Bại phạn ngược lại âm bổ quái Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cây lúa mà giống như cỏ vậy. Như Thuần chú giải HánThư rằng: Lúa có hạt gạo nhỏ bé là bại sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh tỳ.

Sương hoạch ngược lại âm hồ quách Mao Thi Truyện cho rằng: Tháng tám thu hoạch lúa ngũ cốc, tháng mười thu hoạch lúa nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Gặt bông lúa chữ viết từ bộ hòa thanh hoạch âm hoạch ngược lại âm ô hoạch.

Chữ vẫn ngược lại âm vu quân theo Mao Thi Truyện cho rằng: Vân là trừ cỏ cái bừa làm cỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ lỗi thanh viên âm lỗi ngược lại âm lực đối Luận Văn viết chữ vân tục tự dùng thông dụng.

Trần độc ngược lại âm đồng ốc sách Khảo Thanh cho rằng: Độc là ô nhiễm dơ bẩn mà màu đen, sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh độc.

Quái ngộ ngược lại âm trên quan mãi ngược lại âm dưới ngô cố sách Hán Thư giải thích: Xã bỏ sách là chỗ sai lầm, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ ngôn đều thanh quái ngô Văn Luận viết từ bộ tâm viết thành chữ ngỡ là sai.

Điền thăng ngược lại âm trên đồ kiên âm dưới đảng lãng Ngọc Thiên cho rằng: Điền thăng là chứa đầy, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Điền là đám đông tiếng chân đi trước cửa. Hứa Thúc Trọng sách Hoài Nam tử rằng: Thăng là tiếng trống, sách Thuyết Văn cho

rằng: Hai chữ đều từ bộ môn đều thanh chân đường Văn Luận viết từ bộ y viết thành chữ ám là sai.

Khảo hạch ngược lại âm hành cách sách Thuyết Văn cho rằng: Hạch là tra khảo sự thật, Hán Thư cho rằng: Hạch là xem xét sự vụ bị che đậy, chuẩn đúng pháp xưa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ á thanh kích âm á ngược lại âm hư trá.

Huệ khã ngược lại âm các khã sách Phương Ngôn cho rằng: Nam Sở Giang Hồ phàm chiếc thuyền lớn đó gọi là khả sách Thuyết Văn viết từ bộ chu thanh khả.

Lăng lịch ngược lại âm trên lực huy Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lăng là nhục ta, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh lăng âm lăng đồng với âm trên, ngược lại âm dưới linh đích sách Thuyết Văn giải thích: Lịch là bánh xe cán qua, Lã Thị Xuân Thu giải thích: Lăng lịch là các chư hầu bị lăng nhục (854) đè áp bức, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh lạc.

Tá sóc ngược lại âm song tróc Quảng Nhã cho rằng: Sóc là câu giáo dài, sách Thuyết Văn viết từ bộ mâu thanh tiếu.

Giác tư ngược lại âm tử di theo Tả Truyện cho rằng: Linh Vương khi mới sinh ra mà đã có ria mép, sách Thuyết Văn cho rằng: Râu trên miệng, chữ viết từ bộ tu thanh thữ Văn Luận viết từ bộ tiêu viết thành chữ tư tục tự thường hay dùng, âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Giải di ngược lại âm dĩ chi sách Phương Ngôn cho rằng: Di là hàm má, sách Chu Dịch giải rằng: Di là trong có ngậm vật gọi là cắn nhai, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hiệt thanh di âm phệ là âm thệ âm hạp là âm hợp âm di đồng với âm trên.

Tạo phụ ngược lại âm tào đạo Mao Thi Truyện cho rằng: Tạo là làm ra, Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Tạo tác, xây dựng, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thành lập, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh cáo âm xước ngược lại âm sửu lược.

Phụ nghị ngược lại âm ngư ký tên người, sách Thuyết Văn viết từ bộ thù thanh nghị âm thù là âm thù là âm âm nghị là âm nghĩ Văn Luận viết từ bộ trĩ viết thành chữ nghị là sai.

Huân hồ ngược lại âm trên hứa vân ngược lại âm dưới hồ quái điểu.

Tỏa lạp ngược lại âm trên tổ quá Trịnh Tiển chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Tỏa là bẻ gãy, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bẻ gãy ngọn đao gọi là tỏa ngược lại âm dưới lực đáp Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Lạp cũng là bẻ gãy, vặn bẻ, ngắt, hái, sách

Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh lập tọa.

Miến lai ngược lại âm trên miện biến ngược lại âm dưới lực đại Quảng Nhã cho rằng: Miến lai đều là nhìn, sách Khảo Thanh cho rằng: Nhìn con mắt không thẳng, tức là liếc nhìn, nhìn nghiêng, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mục đều thanh miến lai âm miến ngược lại âm miên biến.

Nghĩa bao ngược lại âm bác mao danh tăng, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh bao âm bao là âm bảo Văn Luận viết chữ bảo viết thành chữ bao tục tự thường dùng.

Chủ vĩ ngược lại âm chu du Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Chủ giống như con hươu mà lại lớn hơn, theo Thanh Loại cho rằng: Cái đuôi của nó có thể làm chổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ lộc thanh chủ Văn Luận viết từ bộ thổ viết thành chữ chủ trần là sai.

Dĩ nuy ngược lại âm ủy nguy Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nuy là bệnh, Như Thuần chú giải sách Hán Thư rằng: Bệnh liệt gân chân không thể đi được, không nhấc chân qua gọi là nuy sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tật than ủy âm tật ngược lại âm nữ ách Văn Luận viết từ bộ thảo viết thành chữ ủy là sai.

Ký nục ngược lại âm nữ lục sách Phương Ngôn cho rằng: Nục là hổ thẹn, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trong lòng hổ thẹn là nục sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh nhi.

Mậu tích ngược lại âm trên mâu hậu Phạm Minh chú giải rằng: Mậu là gắng sức, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tự mình cố gắng, cố sức lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm âm mậu thanh đồng với âm trên, ngược lại âm dưới tinh lịch Cốc Lương Truyện giải thích rằng: Tích chứa công lao nhọc. Lại gọi là công nghiệp, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh trách.

Trữ trục ngược lại âm trên trừ lữ sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh dư ngược lại âm dưới trung lục sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xa thanh do Mao Thi Truyện cho rằng: Cái trục xe, cái bầu rổng không, Trịnh Tiển chú giải rằng: Trữ trục không làm.

Xi hiêu ngược lại âm trên xĩ chi ngược lại âm dưới vưu kêu Mao Thi Truyện cho rằng: Xi hiêu là giống chim có tiếng kêu ác, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Giống như con chim tu hú mà lông màu xanh, Cố Dã Vương cho rằng: Người nước Sở gọi là điểu phục, trong Giả Huyên Sở Vi Phú nói là giống chim sâu, sách Thuyết Văn viết hai chữ đều từ bộ điểu đều thanh để hiệu Văn Luận viết từ bộ chí

viết thành chữ chí tục tự giải loại chú vọ giống chim bất thường, ban đêm thường hay kêu.

Bưu truyền ngược lại âm hựu ngưu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Bưu là con đường trải qua, Mạnh Tả nói rằng: Đúc Khổng Tử chuyển văn thư rất mau mà truyền ra mạng lệnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ấp thanh thùy Văn Luận viết từ bộ phửu viết thành chữ bưu cũng thông dụng.

Trí sai ngược lại âm thất tài Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sai là nghi ngờ, đoán, lo sợ, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh thanh.

Xung thiên ngược lại âm xúc dung Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Xung là hướng lên, sách Phương Ngôn cho rằng: Xung là hành động thiếu suy nghĩ, động tác thiếu suy nghĩ, Quảng Nhã cho rằng: Xung đột, va chạm nhau, tranh chấp nhau, sách Sở Từ giải thích: Xung là sóng gió tự nhiên nổi lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ hành thanh tung Văn Luận viết từ bộ xa viết thành chữ xung là sai.

Cấp phụ ngược lại âm phù vụ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Gọi là phụ Trợ cấp thêm vào nhà tang, tức là tiền phúng điếu, không đủ. Công Dương Truyện cho rằng: Đồ vật tặng cho người chết, cho xe ngựa gọi là phúng cho cho áo liệm gọi là tùy cho tiền bạc gọi là phụ theo Cốc Lương Truyện cho người chết phụ thêm vào, chỗ còn thiếu gọi là phụ sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh phụ.

Nhiếp thừa viển ngược lại âm niêm triếp tên người.

Chủy hàm ngược lại âm tuân lụy Tự Thư cho rằng: Chủy là mỏ chim, ngược lại âm hứa vĩ hoặc là từ bộ thữ viết thành chữ chủy sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh thứ.

Vẫn phệ ngược lại âm trên là văn phân Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Vẫn là bên mép miệng Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Vẫn hai bên môi, ngược lại âm dưới là thời chế Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Phệ là cắn, sách Thuyết Văn viết hai chữ đều từ bộ khẩu thanh vật phệ âm niết ngược lại âm nghiên kiết.

Quyết giác ngược lại âm quyết định quyền nguyệt sách Trang Tử cho rằng: Phía trước có bịt mõm con ngựa lại, làm đồ trang sức, phía sau có sợi dây cương làm uy thế, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh quyết.

Tảng trâm ngược lại âm thời niếm Mao Thi Truyện cho rằng: Than ôi! Con chim tu hú là không ăn quả dâu ta, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh thậm.

Thuyên tử ngược lại âm thù chuyên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thuyên là mau chóng, Mao Thi Truyện cho rằng: Thuyên là mau chóng, người mà không có lễ không mau chóng chết đi, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh đoan âm xước ngược lại âm sửu lược âm đoan là âm đoan.

Bỉ ký ngược lại âm ly tử Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lý là ấp dưới của nước, Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Đất hẻo lánh ngoài vùng biên giới, Như Thuần chú giải HánThư rằng: Nói tuy là chất phác, không giống như là rộng rải, khoáng đại, rất chật hẹp, thô kệch, nói là bỉ sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh lý Văn Luận viết từ bộ nhân viết thành chữ lý là sai.

Khu ky ngược lại âm trên xúc du ngược lại âm dưới cư y Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Khu là then cài cửa, sách Trang Tử nói rằng: Cửa phên tức cửa làm bằng cỏ bồng, lại không may, tức hoặc làm khóa, cho rằng khu là đục gỗ làm then chốt cửa có khóa xích đó là tất có lỗ trọng tâm của khóa, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cợ cũng là cái nỏ, âm độ ngược lại âm đường lạc cơ là có độ chuẩn đúng chốt, Hàn Khang Bá chú giải rằng: Khu cơ là chủ của động cơ chế ra, sách Chu Dịch cho rằng: Khu cơ là chủ chỗ phát ra vinh nhục, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mộc đều là thanh khu cơ.

Ô thậm ngược lại âm đồ cảm Cố Dã Vương cho rằng: Theo sách Sở Từ cho rằng: Ảm đạm không sáng sạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Thậm là màu đen xanh lá dâu, chữ viết từ bộ hắc thanh thậm âm ảm ngược lại âm ô cảm.

Kiết khương ngược lại âm trên khứ kiết ngược lại âm dưới khi lương sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kiết khương là khương lương tức là con bọ hung vì bọ hung thích vê tròn phân đất, tức là loài côn trùng này ở trong phân đất, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ trùng đều thanh kiết khương âm hủy là âm huy.

Lưu ngang ngược lại âm tỷ chu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loại cờ tua có chín dây kết gom lại, sách Lễ Ký cho rằng: Cờ của vua có mười hai tua làm năm màu sắc, tô điểm làm tua cờ, sách Thuyết Văn viết từ bộ ư thanh lưu âm ư là âm yểm.

Tức khang ngược lại âm hoàn bản Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Khoang là cười nhẹ, có hình mà không có tiếng, sác Luận Ngữ cho rằng: Phu tử cười mĩm, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh kiến.

Lạo khúc ngược lại âm đồ liễu theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Lạo là quan lại, dùng dằng, lưu luyến, Thiên Thương Hiệt cho rằng:

Yêu thích, theo Thanh Loại cho rằng: Chữ viết từ bộ nữ thanh diệu âm diệu là âm thác.

Thần giám ngược lại âm trên thân nhân Văn Tự Điển nói Vua có cung điện màu tím, thần quan đều thuộc về vua, gọi là chỗ nhà ốc vua ở, sách Thuyết Văn viết từ bộ miên thanh thần âm miên là âm miên ngược lại âm dưới giáp sám Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Giám sát, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Là răn dạy, Quảng Nhã cho rằng: Giám là chiếu soi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kim thanh lam.

Xí hổn ngược lại âm hồn khổn Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hổn là chỗ nhốt heo, sách Thuyết Văn cho rằng: Hổn là nhà xí, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thỉ trong bộ vi chữ tượng hình, âm vi là âm vĩ Văn Luận viết từ bộ thủy viết thành chữ hổn là sai.

Cửu bí ngược lại âm bút mi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bí là cẩn thận, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Bí là đóng cửa cẩn thận, Tả Truyện lại cho rằng: Lúc chiều tối đóng cửa cẩn thận, Tả Truyện cũng cho rằng: Vị quan coi việc chiều tối đóng cửa, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh tất.

Khước tê ngược lại âm ty lợi sách Khảo Thanh cho rằng: Chân bị liệt gân không có sức, sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh tê thấp, chữ viết từ bộ tật thanh ty âm tật ngược lại âm nữ ách.

Chiến lật ngược lại âm lân thật sách Thượng Thư cho rằng: Lật là rem sợ nguy hiểm, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chiến lật là lo sợ ưu phiền, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh lật.

Kình địch ngược lại âm kịch kinh theoTả Truyện cho rằng: Kẻ địch mạnh, Bì Thương cho rằng: Kình là sức mạnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Kình là chống cự, sức mạnh, chữ viết từ bộ lực thanh kinh.

Cảo mộc ngược lại âm khổ lão sách Khảo Thanh cho rằng: Cảo là cây khô, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lao nhọc. Sách Lễ Ký cho rằng: Đứng trụ như cây khô. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh cao.

Cứ ngô ngược lại âm kình ư Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Cứ là có lóng mắc bên trong ngoài là nhánh rất rắn chắc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh cư.

Lão ngược lại âm trao giảo sách Khảo Thanh cho rằng: Lão là giống người thuộc bộ tộc Tây Nam di, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển thanh sào Văn Luận viết từ bộ liêu viết thành chữ lão tục tự thường hay dùng, âm trào ngược lại âm tri giao.

Giải cấu ngược lại âm trên hài giải ngược lại âm dưới hậu cấu theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giải cấu là không hẹn mà gặp gỡ. Lại cũng gọi là giải thoát, theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Giải hậu là không có cố định, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ xước đều thanh giải hậu.

Phiêu hbàng ngược lại âm trên tất diêu sách Khảo Thanh cho rằng: Phiêu nêu cao lên, phản hiệu viết vào nêu cao lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh phiêu âm phiêu đồng với âm trên, ngược lại âm dưới bác lãng Thần Dị Kinh nói rằng: Bảng hiệu, Văn Tự Điển nói: Cái biển treo để yết thị, sách Thuyết Văn viết từ bộ phiến thanh bàng Văn Luận viết từ bộ mộc viết thành chữ bàng là sai.

****

ĐỘC CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

Phiếm trướng ngược lại âm phù phạm Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng, Phiếm là nổi lêm mặt nước, Mao Thi Truyện cho rằng: Phiếm là trôi nổi, ngược lại âm dưới trương lượng sách Khảo Thanh cho rằng: Trướng là nước dâng lên cao bến nước cát theo vào nước chảy, kéo dài thành bãi cát, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều thành bộ thủy đều thanh phạt trương Văn Luận viết từ bộ phàm viết thành chữ phiếm là sai.

Thuyên thạch ngược lại âm từ duyên sách Phương Ngôn giải thích: Thuyên chạm khắc ngọc, Quảng Nhã cho rằng: Thuyên là đục đẻo, sách Thuyết Văn cho rằng: Màu kim dũa ngọc, chữ viết từ bộ kim thanh thuyên âm thuyên ngược lại âm tồ duyên Văn Luận viết chữ thuyên này tục tự thường hay dùng, chữ thuyên từ bộ chuy đến bộ cung ngang.

Dự tảo ngược lại âm tang lão sách Lễ Ký cho rằng: Giả bộ kính ngưỡng đau khổ để lấy lòng người khác, sách Thuyết Văn cho rằng: Tảo là cạo, gãy, chữ viết từ bộ thủ thanh tảo âm quát ngược lại âm cổ bát âm tảo là âm tảo.

Nhạc vinh ngược lại âm hồ manh sách Sở Từ cho rằng: Núi cao chót vót mà không có đất, sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh vinh âm tranh ngược lại âm sừ canh.

Khương cẩu nhi ngược lại âm cư lương họ người, sách Quốc Ngữ giải thích: Vua Viên Đế ở với Khương Thủy nên lấy họ Khương, sinh con ra tặng cho họ Khương, Mao Thi Truyện cho rằng: Lúc bấy giờ chỉ

có Khương Nguyên, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh dương Văn Luận viết cộng thêm bộ thảo viết thành chữ khương là chẳng phải.

Lý thực ngược lại âm thời chức tên người, Văn Luận viết từ bộ lưỡng viết thành chữ thực là sai vậy.

Hoàng trọc ngược lại âm hồ quang Hán Thư cho rằng: Hoàng là tên sông phát xuất từ kinh thành đến huyện Khương, lấp ngoài phía đông chảy vào sông, sách Thuyết Văn chữ từ bộ thủy thanh hoàng.

Đàm-ma-sấm ngược lại âm sở cấm danh tăng, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh tiêm âm tiêm ngược lại âm tức liêm chữ tiêm từ bộ phi thanh tái âm tập ngược lại âm tiếp trì chữ tập giống chữ cửu là lại nhỏ bé, xuất phát từ ngữ nguyên Văn Luận viết từ bộ thủ viết thành chữ sấm là chẳng phải.

****

LỢI THIỆN LUẬN HÀNH

Lão đam ng1 đạm cam tự là lão quân, Văn Luận viết chữ tập tục tự thường dùng, âm đạm ngược lại âm trì cảm.

(855) Phản phệ ngược lại âm tiện niêm Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Phệ là cắn, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu phệ cũng là thanh, kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ phệ là sai.

Chư hào ngược lại âm hiệu giao sách Thượng Thư cho rằng: Sư Tấn Tướng Công bị thua chư hào, Khổng An Quốc chú giải rằng: Hào là hiểm yếu, lấp bít, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tên núi ở huyện Hoằng Nông Thằng Tha, ở phía tây, hoặc là viết chữ hào.

Bão vi ngược lại âm trên bảo mao Cố Dã Vương cho rằng: Bảo giống như khen ngợi tốt đẹp, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bão giống như đưa lên, nâng lên tiến cử, sách Khảo Thanh cho rằng: Chữ viết đúng chữ bão sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh bảo chữ bão văn cổ viết chữ bão Luận Văn viết từ bộ bão viết thành chữ bão cũng thông dụng.

Canh thực ngược lại âm thừa chức sách Phương Ngôn cho rằng: Thực là trồng trọt Văn Tự Điển nói thực là sinh sản, sanh sôi nẩy nở, chữ viết từ bộ ngạc thanh trực âm ngạc ngược lại âm ngũ hạt kinh văn viết chữ thực tục dùng cũng thông dụng.

Trác trùy ngược lại âm đinh giác Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trác là tước lột, vót gọt, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: Cầm nắm cái búa mà đoạn ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Đốn chặt, chữ viết từ bộ cân thanh đậu âm đậu là âm đậu Văn Luận viết chữ trác tục dùng cũng thông dụng.

Mặc xuyết ngược lại âm xuyên nhiệt biệt hiệu bộ tộc Bắc Địch.

Nãn nhiên ngược lại âm ninh tạc Mạng Tử cho rằng: Sắc mặt đỏ ửng lên vì thẹn thùng, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mặt hổ thẹn gọi là nản sách Thuyết Văn cho rằng: Mặt đỏ lên vì hổ thẹn, hoặc là viết từ bộ triển viết thành chữ nãn âm nanh ngược lại âm nạch canh âm tạc ngược lại âm lễ nhãn niển ngược lại âm nhi nhuyễn.

Nại tu ngược lại âm trên nãi đại Cố Dã Vương cho rằng: Nại là có thể, Tô Lâm chú giải Hán Thư rằng: Nại là có thể nhận chịu, sách Khảo Thanh cho rằng: Nhẫn nại, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhi kinh văn viết từ bộ diện viết thành chữ tạc là sai.

Sưu vị ngược lại âm trâu phế sách Khảo Thanh cho rằng: Sưu là lọc bỏ, đặt để, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phó luật, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tạo kinh văn viết từ bộ trúc viết thành chữ sưu là sai.

****

ĐẠO NHÂN ĐỊNH TAM GIÁO LUẬN HÀNH

Đạo nhân ngược lại âm nhất nhân tên vị tăng.

Nữu địa duy ngược lại âm nặc cửu Quảng Nhã cho rằng: Nữu là thắc rút buộc, sách Thuyết Văn cho rằng: Ràng buộc, chữ viết từ bộ mịch thanh sửu văn luận viết từ bộ nhẫn viết thành chữ nhẫn âm nhẫn ngược lại âm ni lân sách Thuyết Văn đơn viết chữ thằng là chẳng phải nghĩa địa duy.

Tất tụy ngược lại âm từ túy sách Chu Dịch cho rằng: Tụy đó là gom tụ lại, Mao Thi Truyện cho rằng: Tụy là tụ tập. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tụy.

Cự dung ngược lại âm cự lữ sách Khảo Thanh cho rằng: Cự là chưa vì sao? Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh cự.

Hạ lý ngược lại âm ly chỉ Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Lý là vùng đất xa xôi hẻo lánh, hoặc là từ bộ ấp viết thành chữ lý.

Oa thanh ngược lại âm ách giai Thiên Thương Hiệt cho rằng: Oa gọi là ca hát, sách Thuyết Văn hoặc là viết từ bộ khiếm viết thành chữ

oa Văn Luận viết từ bộ trùng viết thành chữ oa sách Thuyết Văn cho rằng: Con ếch giếng nước, chẳng phải nghĩa âu oa âm oa ngược lại âm ô oa.

Anh mạo ngược lại âm mạo cao Mao Thi Truyện cho rằng: Mạo là tuấn tú đẹp, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tuấn tú kẻ sĩ phương phi tuấn tú, đẹp như râu tóc, sách Thuyết Văn viết từ bộ tiêu thanh mao âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Tích thổ ngược lại âm tình tích sách Quốc Ngữ giải thích: Lựa chọn vùng đất cao ráo thoáng nước, Giả Quỳ chú giải rằng: Đất mỏng không màu mở, hoặc là từ bộ nhục viết thành chữ tích.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên địch kinh Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 85

- Biện Chánh Luận Âm quyển thượng từ đầu âm luận tựa cho đến hết quyển thứ tư.

BIỆN CHÁNH LUẬN TỰA

Thám trách ngược lại âm tha hàm theo Thanh Loại cho rằng: Cũng thông dụng, sách Vận Thuyên cho rằng: Dẫn dắt nắm lấy, sách Khảo Thanh cho rằng: Dò thữ, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nếm thữ ý dò xét, sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy tin từ xa, chữ viết từ bộ thủ thanh thám âm thám là âm thâm từ bộ huyệt đến bộ cầu ngược lại âm dưới sài trách sách Vận Anh cho rằng: Trách là thâm u, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Thâm u, chữ viết từ bộ di thanh trách âm di ngược lại âm dĩ nhi chữ trách viết đúng thể là chữ trách từ bộ thứ âm thứ là âm thứ.

Tích mân ngược lại âm trên tinh diệc gọi là dấu chân, ngược lại âm dưới mật dẫn sáchVận Anh cho rằng: Mân là mất tiêu diệt, dứt hết, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh dân âm dân ngược lại âm mật tân.

Đằng xà ngược lại âm trên đường năng chữ viết từ bộ mã hoặc là viết từ bộ thủy viết thành chữ đằng đằng xà đó là mưu tính, dối gạt, lừa dối.

Thuyên đề ngược lại âm trên thúy duyên gọi là lấy cái lồng làm bằng tre bắt cá giống như cấi nơm, cũng gọi là cái đăng bắt cá, ngược lại âm dưới đê hề sách Trang Tử nói rằng: Đề chỗ gọi là bắt được con thỏ, đã được thỏ rồi là quên đi cái bẩy, chữ viết từ bộ túc thanh đế.

Câu dũ âm trên là câu sách Khảo Thanh cho rằng: Câu là ôm chặt vào lòng, sách cho rằng: Cầm nắm, chữ viết từ bộ thủ thanh cú âm dưới là dậu xưa tên của ngục, ở đẳng âm văn vương chỗ ở của tù nhân, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ dẫn dắt người làm tốt, chữ viết từ bộ dương

thanh cửu hoặc là viết chữ khương cũng thông dụng, cũng có viết chữ dũ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Ngọc di ngược lại âm ngu lục âm dưới là di sách Khảo Thanh cho rằng: Di chuyển đổi, di chuyển theo, sách Thuyết Văn cho rằng: Chuyển đổi, dời chỗ, chữ viết từ bộ di thanh tĩnh hoặc là viết chữ di cũng được, âm xước ng1 sửu lược tục gọi là đi nhiễu quanh.

Tạp tháp ngược lại âm tàm hạp chữ chánh thể, ngược lại âm dưới đàm hạp sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đi vội gấp, sách Tập Huấn cho rằng: Ngoài cửa nhiều người đi, tiếng người đi rầm rập, chữ viết từ bộ xước thanh tháp âm tháp đồng với âm trên.

Bi lụy ngược lại âm trên bỉ bì ngược lại âm dưới lực quỹ sách Khảo Thanh cho rằng: Lụy là làm văn để tường thuật hàng trạng của người chết, người xưa gọi là luy là hành trạng liên quan lúc sinh thời của người chết để đặt tên thụy, sách Thuyết Văn cho rằng: Lụy là đặt tên thụy cho người chết, chữ viết từ bộ ngôn thanh lỗi âm lỗi ngược lại âm dư hội.

Đàm bá ngược lại âm ba mạ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bá là cầm nắm, là chức vụ quyền hành đứng đầu nắm quyền các chư hầu, thúc nách, bức hiếp các chư hầu, nắm giữ quyền nhiếp chính, không để cho sơ thất nghĩa của thần dân, suy tôn phụ giúp cho vương nghiệp bền vững, sách Khảo Thanh cho rằng: Đứng đầu chúng dân chịu trách nhiệm đứng đầu tất cả bá tánh, giống như nguyệt phách, chữ hội ý, chữ viết từ bộ nguyệt thanh bá âm bá ngược lại âm phổ bác từ bộ vũ đến bộ cách.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 1

Diên thực ngược lại âm trên thương diên ngược lại âm thừa lực sách Hoài Nam Tử cho rằng: Người thợ làm đồ gốm gọi là diên thực, Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Diên là nhồi nặn, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thực là đất dính lại, Thích Danh cho rằng: Đất màu mở, giống như đất có chất mở trơn, Như Thuần cho rằng: Diên là đập nhồi nắn khiến cho đất mềm mại, hòa trộn lại, sách Thuyết Văn ghi chữ diên từ bộ thủ chữ thực từ bộ thổ chữ hình thanh.

Phú đạo ngược lại âm trên phu cứu ngược lại âm dưới đào đáo

sách Khảo Thanh cho rằng: Phú là che, chữ viết từ bộ á âm á ngược lại âm hồ giả cảnh đạo từ bộ tiều âm tiều ngược lại âm tất diêu che trùm, bao phủ, chiếu khắp, chữ viết từ bộ đào chữ chuyển chú.

Toàn toại ngược lại âm trên tổ quan Cố Dã Vương cho rằng: Toàn là đục đẻo, chạm khắc, sách Khảo Thanh cho rằng: Đâm thẳng vào, sách Mạnh Tử nói rằng: Đục lỗ hang, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Dục xuyên qua, chữ hình thanh, ngược lại âm dưới là toại Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dụng cụ lấy lửa ngày xưa, phàm là có năm loại: Hỏa toàn; hỏa thạch; hỏa chu; hỏa cảnh; hỏa thiết. Thời xưa làm lấy lửa như đá lửa là đục vào đá để lấy, thường dùng năm loại phổ thông để lấy lửa.

Tinh tảo ngược lại âm trên là tinh con chó ngửi mùi mở tanh, ngược lại âm dưới là tảo tao sách Khảo Thanh cho rằng: Mùi tanh của mở heo cũng là chữ hình thanh.

Lỗi tỉ ngược lại âm trên lôi đoài Thế Bổn cho rằng: Người xưa cúi xuống cày ruộng đó là thần nông, sách Khảo Thanh cho rằng: Lỗi đó nay gọi là kéo lưỡi cày, tỉ lưỡi cày có cán gỗ cong lại, từ bộ phong thanh mộc âm phong là âm giới âm tỷ là âm tợ sách Khảo Thanh cho rằng: Như nay gọi là cái thiêu có cán cong như lưỡi kiếm đó là lưỡi cày, cày ruộng trồng lúa, như đã thấy trong nhà nông. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ tỉ từ bộ lỗi đến bộ dĩ chữ dĩ văn cổ viết chữ dĩ bộ khẩu tên là không hợp, tức là lại viết chữ tỉ ba thể chữ.

Trác mộc âm trên là trác sách Khảo Thanh cho rằng: Trác là chặt đốn. Nay gọi là chặt cây làm cán lưỡi cày.

Nhu mộc ngược lại âm nhu trửu sách Tập Huấn giải thích rằng: Thiêu đốt cây uốn nắn cho cong, tức nay gọi là lưỡi cày có cái càng lôi kéo đi, âm ao ngược lại âm lưu giao âm liệt ngược lại âm liên niết đều từ bộ thủ.

Bát khải ngược lại âm khang hải gọi là hiền thần bát nhân của vua Thuấn.

Thoán tam miêu ngược lại âm thương loạn sách Khảo Thanh cho rằng: Thoán là ném, gọi là chạy trốn ẩn giấu, Cố Dã Vương cho rằng: Tội chết mà được thả phóng thả, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Ẩn trốn, che đậy, chữ viết từ bộ thử trong bộ huyệt chữ hội ý, tam miêu tên nước cũng là tên núi.

Đào ngột ngược lại âm trên đường đao ngược lại dưới ngột nhiêu tên một giống thú dữ, sách Vận Anh cho rằng: Giống thú dữ, hung ác.

Đế thừa tứ tái Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đường bộ chở bằng xe, đường thủy chở bằng ghe, đường núi chở bằng

lạc đà, đường bùn chở bằng xe quệt, âm thuẫn là âm xuân âm luy ngược lại âm lực truy Văn Luận viết từ bộ mao viết thành chữ khiêu chưa rõ nghĩa chữ này, lại viết xuân e rằng sai lầm.

Tế tế ngược lại âm tinh lễ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tế tế là đông đúc, tràn đầy, mọi người đông đúc đẹp đẻ, Văn Luận viết chữ tế trong bản thảo là không thành chữ.

Du sâm ngược lại âm trên thức chu thu nạp vào, ngược lại âm dưới lạc lâm của báu, hoặc là viết từ bộ ngọc viết thành chữ sâm.

Tạ dĩ ngược lại âm tình dạ gọi là chiếu cỏ trải đất gọi là tạ sách Khảo Thanh cho rằng: Cỏ khô héo, nói khác là dùng cỏ mao trắng làm chiếu không có lỗi.

Cấu bằng án chi ngụ ngôn âm trên câu hầu âm kế là bằng âm dưới là án bằng là chim lớn, án là chim nhỏ, Trang Sinh Thác lấy truyện ngụ ngôn dụ cho việc lớn nhỏ.

Miểu mang ngược lại âm trên di tiểu gọi là nhỏ bé, ngược lại âm dưới mạc lang gọi là xa vời.

Phạn nhĩ tùng thuật âm nhĩ là âm nhị cầu ngược lại âm trực luật loại thảo dược trên núi, tên một loại cỏ thuộc họ cúc thân và lá có gai dùng làm thuốc, rể rất thơm, âm kế là âm kế.

Hoan tâm ngược lại âm hồ quan trong lòng vui vẻ, Văn Luận viết chữ quyền là sai chẳng phải.

Hữu khiếu ngược lại âm cổ điếu quây về kết cuộc, cuối cùng.

Lãng uyển âm trên là lãng Quảng Nhã cho rằng: Ở đảo Côn Lôn có ba ngọn núi, một tên Lãng Phong; hai tên là Bản Đồng; ba tên là Huyền Phố đều là chỗ ở của thần tiên.

Xương hạp âm trên là xương âm dưới là hạp Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cửa trời, sách Thuyết Văn cho rằng: Người nước Sở gọi là cửa quan, gọi là xương hạp, cửa quan sở.

Khống hộc ngược lại âm hồng ốc hộc tức là loại chim hạc.

Cô xạ am dạ lại cũng trong xung hư Chân Kinh nói rằng: Cô xạ ở trong núi đông trong biển, người sông chảy vào biển gọi là châu đảo, Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Chỗ nước sông chảy vào biển, trong biển có đảo núi, trên có thần, (856) nhân dông gió, lộ thiên không ăn ngủ cốc. Xưa cũng là chỗ ở của thần tiên.

Bàng bạt âm trên là bàng âm dưới quảng bạt sách Tập Huấn cho rằng: Bàng bạt là rộng rải to lớn, kinh Thái Huyền cũng cho rằng: Bao la vũ trụ.

Lô trùy âm trên là lô âm dưới là trường truy.

Miểu miểu ngược lại âm di tiểu Quảng Nhã giải thích: Miểu miểu gọi là hé mắt nhìn xa trông rộng, sách Thuyết Văn giải thích: Một con mắt nhỏ, chột mắt, chữ viết từ bộ mục thanh thiểu.

Mang mang ngược lại âm mạc lang vũ trụ rộng lớn bao la gọi là mang mang.

Bất hiểu ngược lại âm trạch giáo mái chèo đẩy chiếc thuyền đi.

Tuấn đông minh âm trên là tuấn thâm sâu, rộng lớn, âm dưới là minh sách Địa Lý Chí giải thích: Ngoài biển đông hoang sơ có cái hang to lớn, sâu thẩm rộng không thể đoluờng được gọi là Đại Hác Hải, nước thường rót vào mà không đầy.

Âu hòa ngược lại âm trên a câu gọi là ca hát.

Tuẫn chủ ngược lại âm tuần tuấn lấy thân mình theo cái chết gọi là tuẫn.

Nhĩ nhĩ ngược lại âm mê dĩ theo Mao Thi Truyện giải thích: Thâm sâu, tràn đầy.

An duệ ngược lại âm duyệt huệ tên người.

Thê cơ âm trên thể hề thềm bực của đạo.

Khế thiền lâm ngược lại âm hương nghệ gọi là nghĩ ngơi.

Tỏa mạn ngược lại âm trên tổ ngọa triết phục, bẻ gãy.

Kình nghê ngược lại âm trên cạnh kinh ngược lại âm dưới nhiệt kê sách Vận Thuyên giải thích: Trong biển có con cá rất lớn, con cá đực gọi là kình con cá cái gọi là nghê thân dài hơn ngàn dặm, mắt to như mặt trời.

Phân vụ âm trên là phân cũng viết chữ phân gọi là hơi mây khói, âm dưới là vụ sách Nhĩ Nhã giải thích: Vụ là đất có hơi sương bốc lên trời, không nên gọi là sương, giống như hơi nước phần gần mặt đất ngưng kết thành hạt mờ mịt, phần gần lơ lững không trung cũng ngưng kết thành hạt li ti tạo thành sương mù.

Chi trù ngược lại âm trụ lưu là loại bậc chánh, thứ hạng.

Huy đàm bính âm trên là huy gọi là chỉ huy, âm dưới binh mạng chỗ cán nắm giữ.

Tôn trở âm trên là tôn gọi là bình đựng rượu, ngược lại âm dưới trang sở sách Khảo Thanh cho rằng: Dụng cụ đựng thịt, thớt xắt thịt.

Điệp vinh ngược lại âm điềm hiệp sách Khảo Thanh cho rằng: Điệp là thẻ tre ngày xưa dùng để viết, sách Thuyết Văn cho rằng: Điệp là công văn, thư từ, Văn Luận viết từ bộ ngôn viết thành chữ điệp cũng thông dụng.

Bảo trục âm dưới là trục.

Hoạch lạc ngược lại âm trên hoàng quách âm dưới lạc rộng lớn vô bờ bến.

Hân tiểu ngược lại âm ngân cẫn sách Vận Thuyên cho rằng: Hân là cười mĩm, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng gọi là cười.

Đại bác ngược lại âm giang nhạc sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bác là thẳng, Quảng Nhã cho rằng: Sáng suốt sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xa thanh hào Văn Luận viết từ bộ giao tục tự thường hay dùng.

Thuần man ngược lại âm mã bang gọi là khô kệt, chất phác.

Lạp thực âm trên là lập sách Thượng Thư cho rằng: Ăn gạo gọi là lạp sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mể thanh lập.

Gia huống âm dưới là huống ban tài vật, tặng cho.

Tích địa ngược lại âm trên tình tích sách Khảo Thanh cho rằng: Mang giày dép. Mao Thi Truyện cho rằng: Phiền lụy, bước từng bước ngắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ túc thanh tích.

Ngung ngung hoặc là viết chữ ngung cũng thông dụng, ngược lại âm ngu cung sách Tập Huấn cho rằng: Cáu ý có chỗ sợ sệt, cung kính ngăn ngừa, cẩn thận dáng vẻ khép nép khiêm cung.

Cấp cấp ngược lại âm kim lập sách Vân Anh cho rằng: Đi vội vàng, đi gấp, chữ viết từ bộ xước thanh cập Văn Luận viết từ bộ thủy là chẳng phải sách viết sai.

Tiêm kỳ ngược lại âm tiếp diêm sáchVận Anh, Khảo Thanh đều cho rằng: Tiêm là diệt sạch, Văn Luận viết từ bộ tiệt là chẳng phải.

Bá xuyên ngược lại âm bách mạ Ở đất Tần tên sông ở phía đông hoàng thành.

Giải đậu âm đậu là âm đậu Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Đậu là cái cổ, theo Tả Truyện cho rằng: Thẳng, duỗi thẳng sinh ra nức cổ mà chết, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh đậu.

Kháp não ngược lại âm nô lão Chánh Tự giải thích: Tức là tủy não, xưa nay Chánh tự viết từ bộ chủy thanh não âm não đồng với âm trên, Văn Luận hoặc là viết chữ não tục tự thường hay dùng.

Vong thư ngược lại âm thất dư sáchTrang Tử nói rằng: Chữ viên cùng với chữ thư đều nghĩa như nhau, Quảng Nhã cho rằng: Thư là loài khỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc loài vượn, chữ viết từ bộ khuyển thanh thư âm thư ngược lại âm tử dư cũng có viết từ bộ mục đến bộ hữu từ bộ thư viết thành chữ thư là chẳng phải.

Hạ điếu ngược lại âm ảnh yếu sách Khảo Thanh cho rằng: Điếu là móc câu dẫn sợi dây treo lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Móc câu, câu

cá, chữ viết từ bộ kim thanh điếu hoặc là viết chữ điếu.

Hà thoan ngược lại âm thang quan Tự Thư cho rằng: Thoan là nước chảy xiết trên bãi nước cạn, bãi cát, Hứa thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Thoan là nước chảy mau trên bãi cát nước cạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Thoan cũng là bãi nước cạn, chữ viết từ bộ thủy thanh đoan âm đoan là âm đoan Văn Luận viết từ bộ thổ là chẳng phải.

Sô hoạn ngược lại âm trên sở câu sách Vận Anh cho rằng: Sô là cỏ loại cỏ mọc rối loạn dưới đất, sách Thuyết Văn cho rằng: Cắt cỏ trên giống như cát cỏ bao buộc bó cỏ lại, chữ viết từ hai bộ bao đến hai bộ triệt âm triệt ngược lại âm sửu liệt âm bao là âm bao hoặc là viết từ bộ thảo viết thành chữ sô cũng đúng, Văn Luận viết chữ sô là chẳng phải, là bởi vì văn cổ nhiều chữ, ngược lại âm dưới là hoạn là âm hoạn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nuôi bò, dê gọi là sô tức là bò dê ăn cỏ, nuôi chó, heo gọi là hoạn sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy chuồng chứa thóc lúa nuôi heo, chữ viết từ bộ thỉ đến bộ quyển thanh tĩnh.

Xác nhiễm chỉ chi nguyên ngược lại âm trên hà các sách Khảo Thanh cho rằng: Xác giống như canh mà đặc hơn nồng đặc hơn gọi là xác sách Thuyết Văn cho rằng: Canh thịt, chữ viết từ bộ nhục thanh xác âm xác là âm hạc dưới là nguyên là âm nguyên sách Thuyết Văn cho rằng: Loài thủy giới, con ba ba lớn, chữ viết từ bộ mảnh thanh nguyên nói nhiễm chỉ nguyên đó là trong việc của Tả Thị Truyện giải thích.

Phửu như chi miệt ngược lại âm trên phương Hựu chữ thương thanh, sách Khảo Thanh cho rằng: Nấu lửa chín nhừ như canh là không có chất nước gọi là phửu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh phửu âm phửu ngược lại âm phổ cẩu ngược lại âm dưới tiên diệt sách Thuyết Văn cho rằng: Loài thủy giới nói chu miệt đó là sách Lã Thị Xuân Thu giải thích rằng: Tên của loài thủy giới ngâm rượu gọi là rượu chu miệt, lại nói laòi thủy giới này trên xương sống, có chậu ngọc màu trắng, thân như châu ngọc cho nên gọi là chu miệt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mảnh thanh tệ âm tệ ngược lại âm tỳ duệ.

Đạo chích ngược lại âm trên đào đáo ngược lại âm dưới chinh diệc Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trộm của tài vật gọi là đạo Cốc Lương Truyện giải thích rằng: Của phi lý mà lấy về phần mình gọi là đạo sách Thuyết Văn cho rằng: Tài vật tư lợi riêng chữ viết từ bộ diên âm diên ngược lại âm tù tiên đến bộ mảnh âm mảnh ngược lại âm minh bính dưới là chữ chích Quảng Nhã cho rằng: Chích đó là mang giày dép, sách Hoài Nam Tử cho rằng: Chích là giẫm đạp lên, sách Thuyết Văn

nói chích là bàn chân, sách Trang Tử nói đạo chích đó tên của kẻ hung ác kẻ trộm nổi danh thời Xuân thu. Em trai của Triển Lý.

Nang trang ngược lại âm nhã lang sách Khảo Thanh cho rằng: Cái túi có đáy gọi là nang. Theo Tả Truyện giải thích: Cái túi lớn gọi là nang, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái túi, chữ viết từ bộ thác bộ mang thanh tĩnh âm thác là âm thác âm nang là âm côn âm tương là âm nanh âm dưới là trang âm trang.

Kiết di âm trên là kiết Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Kiết là thừa sót lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Không có cánh tay trái tức cô đơn lẻ loi, chữ viết từ bộ liễu thanh quyết âm quyết là âm quyết ngược lại âm dưới duy quý Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Di là mất, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Di chí, Tống Ngọc chú giải sách Sở Từ rằng: Di là còn dư thừa lại, còn sót lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh quý.

Khư khiếp ngược lại âm trên khương ngư sách Khảo Thanh cho rằng: Khư là tay áo, sách Lễ Ký cho rằng: Cũng là tay áo, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh khứ ngược lại âm dưới khiêm diệp sách Tập Huấn cho rằng: Khiếp là loại rương nhỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Khiếp là cái hòm dán kín lại, chữ viết từ bộ trúc thanh khiếp âm khiếp đồng với âm trên.

Đào ngột âm trên đào âm dưới ngũ cốt Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Đào ngột là thời vua Ngũ Đế có bốn người hung ác, cuồng si không có chỗ hiểu biết, hai chữ đều từ bộ mộc chữ hình thanh.

Hống hống ngược lại âm hồng động nói hống hống đó là rất say, say mèm, say khước, không có chỗ tỉnh biết, thân thể mềm nhủn như bùn, chữ viết từ bộ thủy thanh hạng.

Bao biếm ngược lại âm trên bão mao Cố Dã Vương cho rằng: Bao gọi là khen ngợi tốt đẹp, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Giáo lý tiến cử, cất nhắc. Sách Thuyết Văn giải thích: Áo rộng, vạt áo trước, chữ viết từ bộ y thanh bão ngược lại âm dưới binh yểm Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Biếm là giảm bớt, sách Khảo Thanh cho rằng: Truất phế, sách Thuyết Văn cho rằng: Biếm là dìm hạ thấp, áp chế, chữ viết từ bộ bối thanh phiếm.

Tiểu khiên ngược lại âm khưu ngôn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khiên là có lỗi, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mắc lỗi nhỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Có tội, chữ viết từ bộ tâm thanh diễn hoặc là viết từ bộ khu đến bộ ngôn viết thành chữ khiên cũng thông dụng.

Tam ung ngược lại âm vu cung sách Khảo Thanh cho rằng: Ung là bửa ăn sáng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Ung đó gọi là cắt thịt chưng nấu, hòa trộn lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng gọi là thức ăn nấu chín, chữ viết từ bộ thực thanh ung.

Chi tu ngược lại âm trên tinh du sách Thuyết Văn cho rằng: Tu là hiến dâng lên, dâng thức ăn ngon, chữ viết từ bộ dương thanh sửu dương chỗ gọi là dâng, tiến, cũng gọi là xanh tốt, um tùm, đúng là chữ dương Văn Luận viết từ bộ quyến viết thành chữ quyến là chẳng phải, không thành chữ.

Kiển lật ngược lại âm trên kiên điển lại gọi là sừng bò để tế thiên địa, trời đất là kiển lật, sách Thuyết Văn cho rằng: Kiển là con tằm ở trong áo tức kén, chữ viết từ bộ mịch đến bộ trùng thanh miên âm miên là âm miên giống như con bướm có hai sừng, hoặc là từ bộ kiến viết thành chữ kiểm cũng thông dụng. Văn Luận viết từ bộ nhĩ viết thành chữ kiển là chẳng phải.

Kiên khống lạt ngược lại âm không cống gọi là dây cương buộc đầu con ngựa, chỗ người ta cầm nắm gọi là khống sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ cánh thanh không chữ khứ thanh.

Tiếp mao ngược lại âm trên tử diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếp đó là trên mí mắt, lông mi, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lông mi mí mắt, sách Thuyết Văn cho rằng: Lông bên mi mắt, chữ viết từ bộ mục thanh tiếp âm tí là âm tự tức là khóe mắt.

Thanh trí ngược lại âm dưới trì lợi Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trí là dày đặc. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh trí.

Chu nghị ngược lại âm ngư ký tên người.

Vương mong âm mong cũng là tên người.

Hy siêu ngược lại âm lạt tri tên người.

Vương mật âm mật tên người.

Vũ nội ngược lại âm trên vu cũ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thiên địa bốn phương, trong giữa gọi là vũ xưa nay Chánh tự viết từ bộ miên thanh vũ Trụ Văn viết vũ này dùng cũng đồng.

Uy huệ sách Khảo Thanh cho rằng: Huệ là yêu thích, từ ái hòa nhã, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhân từ, hoặc là viết chữ huệ (857) là chẳng phải. Văn Luận viết chữ huệ cũng thông dụng.

Quý yên ngược lại âm quý vị hoặc là viết từ bộ tâm viết thành chữ quý.

Tích lịch ngược lại âm trên sính kính âm dưới lực đích Cố Dã

Vương cho rằng: Đại lôi, sấm sét nổ lớn, Văn Luận hoặc là viết từ bộ thạch viết thành chữ tích lịch tục tự cho không có bằng cứ, không có nghĩa.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 2
TAM GIÁO TRỊ ĐẠO THIÊN HẠ

Tương tương ngược lại âm tích dương sách Tập Huấn cho rằng: Tiếng kim, ngọc khua leng keng, hoặc là viết từ bộ môn viết thành chữ tương hoặc là viết từ bộ túc viết thành chữ tương hoặc là từ bộ ngọc viết thành chữ tương đều là chữ cổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng khua, chữ hình thanh.

Hôn điếm ngược lại âm dưới đinh niệm Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Người dân mê muội chìm đắm, khốn khổ, nơi tai họa, nước lửa, sách Khảo Thanh cho rằng: Điếm là chìm xuống, xưa nay Chánh tự chữ từ bộ chấp đến bộ thổ.

Thước thạch ngược lại âm thương chước Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thước là nung nóng tiêu chảy đồng kim loại, chữ viết từ bộ kim thanh thước.

Lang bái âm trên lang âm dưới bối sách Khảo Thanh cho rằng: Mất trật tự gấp gáp vội vàng.

Ngân hạp ngược lại âm dưới khâm hạp sách Khảo Thanh cho rằng: Hạp là dụng cụ chứa rượu, Văn Luận viết từ chữ hạp tục tự dùng thông dụng.

Nhượng tý âm trên như dương Khảo Thanh cho rằng: Nhượng là chống cự, chống giữ, bảo vệ. Ngọc Thiên cho rằng: Trừ bỏ tay áo ra lộ cánh tay gọi là nhượng phế bỏ cái tâm phẫn hận, phát tâm dõng mãnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh nhương.

Bình la ngược lại âm trên bình miên Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bình là cái áo trùm xe, sách Chu Lễ cho rằng: Bình cái màn che bốn phía, xưa thương dùng cho xe phụ nữ, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh tinh.

Dực diệu âm trên dực sách Khảo Thanh cho rằng: Dực diệu là lửa cháy sáng rực, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dực diệu là mê hoặc, tức là đèn lù mù, không tỏ rõ.

Biện âu ngược lại âm trên biến miên sách Khảo Thanh cho rằng: Biện giống như cái hủ mà dưới gọi là miểng nhỏ bụng to, sách Thuyết Văn cho rằng: Biến giống như cái vò to mà miệng nhỏ thấp, ngược lại âm dưới a hầu sách Khảo Thanh cho rằng: Âu là chậu nhỏ, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cái bình đất nung cũng gọi là cái chén, đều là chữ hình thanh, âm phẩu ngược lại âm phẩu hậu.

Ngoa ngôn ngược lại âm ngũ hòa Mao Thi Truyện cho rằng: Ngoa là dối trá, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lời nói giả dối xảo mị, dối gạt không chân thật, Tự Thư viết chữ ngoa xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh hóa.

Lão nham âm tham sách Văn Tự Tập Lược giải thích: Thời Chu Cơ tên Lý Tử. Văn Luận viết từ bộ thân viết thành chữ nham là chẳng phải.

Kê khang âm trên là khê thời đông Tấn đại phu tên Kê Thúc Dạ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ sơn thanh kê âm kê là âm kê.

Kháp bạch mã ngược lại âm trên sở giáp, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Là một nghi thức liên kết đồng minh ngày xưa, tức là dùng máu của con vật được dùng để tế lễ bôi vào hai mép của những người ăn thề. Ngọc Thiên cho rằng: Lấy miệng nhỏ bé hút máu, sách Thuyết Văn viết từ bộ khiếm thanh sáp âm ngược lại âm xoa giáp từ bộ can đến bộ cửu Văn Luận viết từ bộ khẩu đến bộ thiếp viết thành chữ sáp đó là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Cự hư âm trên là cự âm dưới là hư hư là tên con thú nuôi, Tào Hiến chú giải sách Quảng Nhã rằng: Cùng với Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Là nước Cô Trúc, đông Bắc Di là thuộc giống lạc đà.

Tích lữ âm trên tinh diệc sách Khảo Thanh cho rằng: Tích là xương sống âm dưới là lữ văn cổ viết chữ lữ cũng giống như xương sống.

Luật chước ngược lại âm xương nhược sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ao nước. Quách Phác chú giải rằng: Giếng nước hoặc là có nước, hoặc là không có nước gọi là chước chữ hình thanh.

Quỹ thuyết ngược lại âm quy hủy sách Khảo Thanh cho rằng: Dối trá, khinh khi xấu ác, chữ viết từ bộ nguy chữ hình thanh.

Thị dục ngược lại âm thời chí Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tham muốn ưa thích, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Không nhàm chán, chữ viết từ bộ chủy.

Vi hạp ngược lại âm cam đáp Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Một trăm năm con yến vào sông nước biến làm con sò, sách Khảo

Thanh cho rằng: thuộc loại sò trai, con ngọc trai.

Vi thận ngược lại âm thần nhẫn sách Thuyết Văn cho rằng: Con chim trĩ vào sông Hoài, chỗ hóa làm con sò lớn, chữ hình thanh.

Diệp phục ngược lại âm trên phổ diệp ngoại đạo lao nhọc làm việc vất vả, Độ Xoa lấy đồng thiếc bó quấn cái bụng, chữ viết từ bộkim thanh diệp.

Khỉ tháo ngược lại âm trên khi kỹ sách Thuyết Văn cho rằng: Vải lụa có năm màu, vải lụa hoa, ngược lại âm dưới tao lão Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cỏ mịn nhuộm màu mà có văn hoa, sách Khảo Thanh cho rằng: Văn chương trao chuốt.

Ky cảnh ngược lại âm kỹ hy Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Là nhỏ bé, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tư âm tư là âm u đến bộ tuất chữ hội ý, ngược lại âm dưới kinh ảnh sách Khảo Thanh cho rằng: Cảnh giác. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cảnh răn dạy ngăn ngừa, xưa nay Chánh tự viết từ bộ ngôn thanh kính.

Không đồng âm trên là không âm dưới là đồng tên núi ở tỉnh Cam Túc. Chỗ Quảng Thành Tử ẩn cư vua đến hỏi đạo.

Thoát tỷ ngược lại âm trên thoan quát ngược lại âm dưới sư khỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc guốc gỗ, Văn Luận viết từ bộ lộc viết thành chữ tỷ tục tự thường dùng.

Khốt nê ngược lại âm trên côn một gọi là chìm đắm dưới nước, tiếng nước chảy.

Bàn san âm trên bàn âm dưới tán lan sách Khảo Thanh cho rằng: Đi mà không bước tới, đi loanh quanh, quẫn quanh. Xưa nay Chánh tự đều viết từ bộ túc đều thanh bàn san.

Phanh chi ngược lại âm phách manh hoặc là viết chữ phanh xưa nay Chánh tự giải thích: Phanh là đàn chỉ ngón tay, khoan dùi lổ.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 3
THẬP ĐẠI PHỤNG PHẬT THÊN THƯỢNG

Hang nhật ngược lại âm trên học giáng ngược lại âm dưới nhân chất Hán Minh Đế cảm mộng thấy Phật hạng, sau đó nhật quang bay tới điện đình thần lực của Phật cảm hóa.

Đàn ngôn âm trên là đan sách Khảo Thanh cho rằng: Hết tận, chữ viết từ bộ ngạt âm ngạt là âm tàn.

Trác khỉ âm trên vi lực trắc là hào quanh tường. Núi Tam Trọng, âm dưới khi dĩ xưa nay Chánh tự cho rằng: Núi không có cây cỏ gọi là khỉ chữ viết từ bộ sơn thanh dĩ.

Cửu sơn âm cửu tên loại rau, tức cây hẹ, bởi vì trên núi thường tạo chùa nên tên chùa.

Kham tiển ngược lại âm trên khâm cam sách Thượng Thư cho rằng: Từ nay viết chữ kham nay. Sách Khảo Thanh cho rằng: Vứt bỏ, dẹp yên. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kham là thắng sách Thuyết Văn cho rằng: Giết sạch âm dưới là tiển sách Thuyết Văn cho rằng: Tiển là diệt trừ, chữ viết từ bộ qua thanh tấn.

Tú cũng ngược lại âm trên tu tụ sách Khảo Công Ký cho rằng: Thuê đủ năm màu sắc gọi là tú sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanhh túc ngược lại âm dưới cung dũng sách Văn Tự Điển nói: Cung là cây cầu, chữ viết từ bộ mộc thanh cũng.

Điêu doanh ngược lại âm trên điểu liêu Quảng Nhã cho rằng: Điêu là chạm khắc, sách Thuyết Văn cho rằng: Điêu là chạm khắc ngọc cho có văn, âm dưới là doanh sách Khảo Thanh cho rằng: Doanh là cây cột. Xưa nay Chánh tự viết từ bộ mộc thanh doanh.

Văn bệ ngược lại âm bể di sách Khảo Thanh cho rằng: Bệ là rui nhà, theo Thanh Loại cho rằng: Nhà liên kết với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh bề âm bệ đồng với âm trên.

Đán thích ngược lại âm trên đan cán Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tên của Chu Công, âm dưới thánh diệc sách Thượng Thư cho rằng: Thích là tên của Thiệu Công, sách Thuyết Văn cho rằng: Hưng thạnh phồn vinh, chữ viết từ bộ đại thanh thích âm bách cũng là thanh âm thích là âm bí.

Trân khám âm dưới là kham Quảng Nhã cho rằng: Đục đá làm tường, làm cái hang, khám gọi là khám.

Liên manh ngược lại âm dưới là mạch canh sách Khảo Thanh cho rằng: Manh là cái mèn đóng trên rui nhà để móc ngói, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngõa đến bộ manh thanh tĩnh.

Trất tỹ ngược lại âm trân sắc sách Thuyết Văn cho rằng: Trất là cây lược, tên chung của cây lược, chữ viết từ bộ mộc thanh tiết ngược lại âm dưới tần dật tức là dày đặc.

Nữu địa ngược lại âm trên ni cửu Quảng Nhã cho rằng: Nữu là bó buộc, sách Thuyết Văn cho rằng: Nữu là dây vải áo, chữ viết từ bộ mịch

thanh sửu hoặc là khứ thanh cũng thông dụng.

Chi chỉ âm chỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Ý chỉ, chữ viết từ bộ tâm thanh chỉ.

Địch phiền ngược lại âm trên ứng lịch Địch là tẩy rửa trừ bỏ cấu uế, chữ viết từ bộ thủy thanh địch.

Xác hy ngược lại âm trên sát gian chữ bình thanh, Mao Thi Truyện cho rằng: Xác tự nhiên nước mũi chảy ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh xác cũng từ bộ xác tóm lược, âm dưới hy khí sách Khảo Thanh cho rằng: Hy là đau buồn tiếng khóc rống, Văn Luận thư giáo viết sai từ văn rất quái lạ.

Hoàn tịch âm trên là hoàn tên của loài cỏ, giống như cỏ bồ nhỏ tròn, có thể lấy làm chiếu nhưng thô xấu.

Cao khôi ngược lại âm khối hồi sách Vận Anh cho rằng: Lo buồn ưu tư, khai mở ra, tên người Đan Lương Duẫn.

Giang đà ngược lại âm đạt hà tên của sông, sách Thượng Thư rằng: Ở núi Mân có con đường dẫn ra Giang Đông, có sông khác biệt tên là Đà chữ viết từ bộ thuỷ thanh đà âm đà là âm tha.

Tuấn ký âm trên là tuấn âm dưới là ký tên con ngựa đẹp, ngựa chạy ngàn dặm, chữ hình thanh.

Tông các ngược lại âm khẩu giác tên họ người, Văn Luận viết từ bộ kiết viết thành chữ các là chẳng phải.

Lưu miễn âm trên đúng là chữ lưu ngược lại âm dưới miên biện tên của Tống Tư Không, chữ viết từ bộ diện đến bộ lực.

Học tông ngược lại âm tông tống sách Khảo Thanh cho rằng: Tông là bao gồm các mối chỉ đầu máy cơ động.

Vương giản ngược lại âm gian hạn chữ thượng thanh tên vua.

Phu tể ngược lại âm trên phu vụ âm dưới là tể.

Liểu thầm ngược lại âm dưới thậm lâm sách Khảo Thanh cho rằng: Lòng thành kính cẩn, chữ viết từ bộ thậm âm thậm là âm dâm.

Liễu đàm âm dưới là đàm tên người.

Tử khác ngược lại âm khả các.

Bá sản ngược lại âm trên ba mạ âm dưới san giản tên Tần Trung Thủy.

Húy hủ ngược lại âm vu vũ vua Ngụy.

Húy đạo âm đạo chữ thượng thanh.

Phục điện âm trên phục ốc nhà nhiều tầng.

Thiềm quynh âm trên là diêm âm dưới quý dinh gọi là cái móc then cài cửa bên ngoài.

Tương liệu ngược lại âm lực điểu quấn quanh bó buộc.

Khối vỹ ngược lại âm trên cổ hồi viên ngọc lớn quý, âm dưới là vĩ loại ngọc quý lạ, quý hiếm.

Tĩnh đế ngược lại âm ttrên từ dĩnh an tĩnh.

Chương phủ âm trên là dương sách Chu Lễ tên sông ở Ký Châu tên là chương Hán Thư cho rằng: Sông chương nước đục, xuất phát từ trên thượng nguồn chảy vào khe núi phía đông, đến huyện Nghiệp vào sông Thanh Chương, sông này nước trong sạch, xuất phát từ thượng nguồn, chảy vào (858) hang núi, khe hang phía bắc vào sông lớn, âm dưới là phủ Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Sông phủ nước chảy vào huyện Tây Phủ, hang núi trải qua Cam Đàn vào sông Chương, sông này nước nóng như nấu sôi sùn sụt.

Thuyên thạch ngược lại âm tuyệt duyên sách Vận Anh cho rằng: Thuyên là đục khoét, chạm khắc, sách Phương Ngôn cho rằng: Chạm, khắc ngọc, kim loại đá chữ viết từ bộ kim đến bộ truy dưới từ bộ cung âm tuyệt ngược lại âm tuấn duyệt.

Ưng diêu ngược lại âm trên ức canh sách Vận Anh cho rằng: Giống chim lớn mạnh mẻ hang dữ, có thể bắt chim cả thỏ và chim trĩ để ăn, âm chí là âm chí ngược lại âm dưới diêu chiểu cũng loại giống chim ưng mà nhỏ, giống chim này có thể bắt chim sẻ, chim chìa vôi.

Chí điểu âm trên là chí Mao Thi Truyện cho rằng: Chí là tên gọi chung giống chim hung dữ, mạnh mẻ, có thể bắt cả con vật khác, chữ hình thanh.

Húy bình ngược lại âm dung lục tên của hậu Chu Minh Đế lúc nhỏ và lớn lên gọi là lưu.

Húy huân ngược lại âm uy luân sách Khảo Thanh cho rằng: Tốt đẹp tên của hậu Chu Tuyên Đế.

Mậu chữ ngược lại âm trên mạc hậu sách Khảo Thanh cho rằng: Mậu là gắng sức, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh mậu âm mậu đồng với âm trên.

Sô ngu ngược lại âm trang sưu Quảng Nhã cho rằng: Thuộc về quan coi ngựa, theo, Mao Thi Truyện cho rằng: Loài thú quý hiếm, có đức tính tốt tim có niềm tin thì có ứng hiện, sách Thuyết Văn cho rằng: Phong nhã, tao nhã, chữ viết từ bộ mã chữ hình thanh.

Kỳ lân âm trên là kỳ âm dưới là khác trân giống thú quý hiếm, khi mà vua có thánh đức mới xuất hiện giống thú này, sách Thuyết Văn giải thích: Là giống thú có lòng nhân, hai chữ đều từ bộ lộc chữ hình thanh.

Đông điệp ngược lại âm tham hạp cá thơn bơn thuộc giống tỹ mục

ngư, hình trạng giống như cái đùi trâu, có vẫy nhỏ, có màu đen, loại cá ngưu hai mắt lồi ra hai bên, loại cá này thường sống ở gần sông biển. Tục gọi là vương ngư, sách Thuyết Văn cho rằng: Loại cá, hoặc là viết từ bộ khứ âm cùng với âm điệp cũng đồng, chữ hình thanh.

Nam kiêm âm kiêm tên giống chim tỹ vực. Sách Nhĩ Nhã chép: Ở phương nam có giống chim tỹ vực gọi là kiêm kiêm giống như chim le le bay từng đàn, nối cánh liền với nhau mà bay, so không đều không bay. Màu lông xanh đỏ, Văn Luận viết tây kiêm là chẳng phải.

Trụ sở âm sở tức nay người ta gọi đá kê dưới chân cột, cũng gọi là trụ sở, cũng gọi là trụ âm âm âm. Người phương nam gọi là sở chữ hình thanh.

Ám giả ngược lại âm trên ấp lâm sách Khảo Thanh chép: Ám là nói không ra lời, tức là câm.

Cửu khái ngược lại âm cải hài danh pháp số.

Thốn lữ âm lữ Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Mái hiên nhà, âm thiềm là âm diệm.

Xích truyện ngược lại âm trường luyến cũng gọi là giác tử cũng gọi là, cũng gọi là các tương đều, chữ viết từ bộ mộc đến bộ duyên thanh tĩnh.

Bích đang âm đang ngọc châu, ngọc đeo tai, đồ trang sức.

Đa chỉ ngược lại âm lạc lý Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chỉ là lộc may mắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Phước chữ viết từ bộ thị thanh chỉ.

Suyễn đạo ngược lại âm chung nhuyễn sách Vận Anh cho rằng: Suyễn là trái ngược, sai lầm, không đồng đều, ngược lại âm dưới đào đáo chữ khứ thanh, đạo là đạp lên mà đi, chữ viết từ bộ túc.

Uẫn dị ngược lại âm trên uy phân sách Quảng Nhã cho rằng: Uẫn gói cất chứ, sách Vận Anh cho rằng: Cất chứa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ vi chữ chuyển chú.

Trâm trùy ngược lại âm trên trương lâm Vấp ngã thất bại, hoặc là viết từ bộ mộc viết thành cảnh trâm cũng thông dụng, Văn Luận viết từ bộ chiêm viết thành chữ trâm tục tự dùng thông dụng, ngược lại âm dưới là trương luy đánh kiền chùy, sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh truy hoặc là viết từ bộ mộc cũng thông dụng.

Thâu sâm ngược lại âm trên thương chu sách Khảo Thanh cho rằng: Vận chuyển, đưa tiển thâu nạp vào, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh du ngược lại âm dưới lặc lâm Mao Thi Truyện cho rằng: Sâm là vật quý, hoặc là viết từ bộ ngọc hoặc là viết từ bộ bối đều thông dụng.

Lung tùng ngược lại âm trên lộc khổng ngược lại âm dưới tông khổng sách Khảo Thanh cho rằng: Ngọn núi cao chót vót um tùm, cỏ mọc. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ chuyển chú.

Lăng khoa ngược lại âm trên lực trừng chữ chánh thể. Văn Luận phần nhiều viết từ bộ phụ viết thành chữ lăng là dùng sai chữ, sách Thuyết Văn viết từ bộ lực thanh lăng âm lăng là âm lăng ngược lại âm dưới khoa hóa Tự Thư cho rằng: Khoa là nhảy vượt qua, đoán chữ viết từ bộ túc thanh khoa âm khoa đồng với âm trên, Văn Luận viết chữ khoa này chẳng phải.

Lâm ái âm dưới là ái gọi là ánh mặt trời chiều tối âm u, chữ viết từ nhật thanh ái.

Cam thúy ngược lại âm trên cam ám sách Thuyết Văn ghi rằng: Màu trắng, màu xanh đận mà dương thành màu tím thẩm, chữ viết từ bộ mịch thanh cam ngược lại âm dưới thiên túy sách Khảo Thanh cho rằng: Sắc màu ngọc bích sáng chói đó gọi là thúy chữ viết từ bộ vũ thanh tốt.

Trinh thụy âm trên là trinh điều may mắn tốt lành, âm dưới thùy ngụy ứng điềm tốt lành.

Trùng đạp ngược lại âm dưới đàm hạp đạp cũng là trùng trùng nhiều lớp hợp nhau, chữ viết từ bộ đạp thanh tĩnh âm đạp đồng với âm trên.

Phiên để ngược lại âm trên phát phiên tên chung của nước Nhung Địch, nước Phiên, nước Thổ Phỉ, ngược lại âm dưới là đinh lễ nhà của triều đình, biệt danh của nhà các vương giả, chư hầu, làm ngoài kinh sư để cho các chư hầu đến triều kiến vua, về sau thời quân chủ là nơi để cho các hầu, vương công các quân ở lại triều kiến ngoài thị trấn.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 4
THẬP ĐẠI PHỤNG PHẬT THIÊN HẠ

Tảo phủ ngược lại âm trên tao lão sách Khảo Thanh cho rằng: Trong nước có các loại rong biển, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo chữ hình thanh, ngược lại âm dưới phó vũ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hoa văn thuê để trang sức trên lễ phục ngày xưa, phủ có hình như cái búa gọi là phủ phủ là chữ hình thanh.

Yểu điệu ngược lại âm trên yêu hiểu ngược lại âm dưới điều liễu sách Khảo Thanh cho rằng: Yểu điệu là người phụ nữ có dáng thướt tha yêu kiều, Mao Thi Truyện cho rằng: Yểu điệu là người con gái khuê các đoan chánh, ở phòng khuê, hai chữ đều từ bộ huyệt chữ hình thanh.

Điều nghiêu âm trên là điều ngược lại âm dưới là nhiêu núi cao ngất ngưỡng, hai chữ đều từ bộ sơn chữ hình thanh.

Bức trắc ngược lại âm trên bi lực ngược lại âm dưới trang lực Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bức cận kề một bên, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bức bách, hai chữ đều từ bộ nhân chữ hình thanh.

Biền điền ngược lại âm trên tiện miên Cố Dã Vương cho rằng: Hai con ngựa sánh đôi đều với nhau để đóng vào xe giá gọi là biền ngược lại âm dưới điện niên sách Khảo Thanh cho rằng: Điền là lấp đầy, chữ viết từ bộ huyệt thanh chân.

Hể ẩm ngược lại âm trên hê kế sách Sử Ký ghi rằng: Vua Vũ Đế làm lễ bá thượng, Từ Quảng gọi là lễ tổ chức vào ngày tỵ thượng tuần tháng ba âm lịch, để trừ tà ma và điều xấu, Quảng Nhã cho rằng: Hể là đông nhiều, chữ viết từ bộ thị thanh khể âm phất là âm phất.

Địch thính ngược lại âm trên đinh lịch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Địch là đi xa, Trịnh Huyền giải thích rằng: Qua lại rất mau, sách Thuyết Văn viết chữ dịch chữ viết từ bộ xước thanh địch âm xước ngược lại âm sửu lược.

Côn hoàng ngược lại âm trên hông cổn chữ thượng thanh âm dưới là hoàng bốn phía đều sáng rực, hai chữ đều từ bộ hỏa chữ hình thanh.

Diêu khư âm, trên là diêu ngược lại âm dưới là khương ngư sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ ở của vua Thuấn gọi là diêu khư, cũng gọi là họ diêu, chữ đều tả hình, hiểu thanh.

Tư thư ngược lại âm trên thữ tư ngược lại âm dưới thất dư Quảng Nhã cho rằng: Tư thư là chùn chân, không tiến tới được, khó đi, sách Thuyết Văn cho rằng: Không tiến tới được cũng là tả hình, hữu thảnh chữ hình thanh.

Phân xâm âm trên là phân âm dưới tinh cấm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Xâm là yêu khí, sách Chu Lễ cho rằng: Khí âm dương tương xâm lần lần, thành tai họa, sách Thuyết Văn cho rằng: Cảm khí không tốt lành, chữ viết từ bộ thị đến bộ xâm thanh tĩnh.

Sam thương ngược lại âm sa hàm ngược lại âm dưới là sách Tinh Kinh giải thích rằng: Sam thương là yêu tinh, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cũng là yêu tinh. Tinh Kinh giải thích rằng: Phi tinh là trong nước có tai ách là sẽ thấy xãy ra vậy. Hai chữ đều từ bộ thủ.

Đế giao ngược lại âm trên đề đế Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tên của hỏa tế, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tế lễ để rước thần chủ của người chết sau khi hết tang ba năm, vào thờ chung với tổ tiên trong miếu, bởi vì chủ thần miếu ở xa nên phải dời vào nhà thờ tổ tiên. Bởi vậy cho nên đại tế lễ gọi là đế sách Thuyết Văn cho rằng: Một năm tế lễ một lần, chữ viết từ bộ thị thanh đế âm phụ là âm phụ.

Linh ngữ ngược lại âm lịch sách Khảo Thanh cho rằng: Linh ngữ là ngục, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký Nguyệt Lịnh rằng: Linh ngữ chỗ gọi là cấm thủ bó buộc, sách Thuyết Văn viết từ bộ vi thanh linh, ngược lại âm dưới ngư cử sách Khảo Thanh cho rằng: Ngữ ngục vuông, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngữ là ngục nhốt người từ, Phổ Chước chú giải sách Hán Thư rằng: Ngữ là ngục cấm ngăn người tội, sách Thuyết Văn cho rằng: Giam giữ, chữ viết từ bộ vi thanh ngữ cũng viết chữ ngữ.

Phong quán âm trên là phong sách Phương Ngôn cho rằng: Phong là ngày xưa ở vùng biên giới, người canh giữ khi thấy giặc đến thì đốt lửa lên ở nơi cao, để báo hiệu, Hán Thư âm nghĩa giải thích: Phong là có quan canh giữ báo hiệu khi có giặc phiên nổi lửa lên đốt lửa lên, sách Sử Ký ghi rằng: Dụng cụ lấy lửa sách Thuyết Văn ghi: Chư hầu canh giữ trên chòi cao trông ra xa có giặc đốt lửa lên khiến kinh sợ mà thối lui, chữ viết từ bộ hỏa thanh phong âm phiên là âm phiền ngược lại âm dưới nghi uyển sách Chu Lễ ghi rằng: Đốt lửa lên để làm hiệu lịnh công phá thành, Trịnh Chúng giải thích: Mỗi năm tùy theo thời, lại dùng lửa đốt cây củi, sách Khảo Thanh Thiết Vận ghi: Dụng cụ lấy lửa từ nơi cung mặt trời, cũng là dùng lửa làm tín hiệu, sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh quán cũng là chữ hoàn âm hoàn là âm hoàn âm quán là âm quán.

Huống u ngược lại âm huân cuồng. sách Khảo Thanh sách Nhĩ Nhã đều cho rằng: Huống là ban tặng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối thanh huống.

Hoàng việt ngược lại âm dưới viên nguyệt sách Khảo Thanh viết chữ việt nghĩa là cái búa lớn. Tư Mã Pháp chú giải Tả Truyện rằng: Cây gậy vàng Thiên Thương Hiệt giải thích: Việt là cây búa. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lấy vàng để trang sức cây búa. Sách Thanh văn viết từ bộ kim thanh việt âm việt đồng với âm trên.

Kim thốc Ngược lại âm dưới tông tốc Quảng Nhã cho rằng: Thốc là đầu nhọn mũi tên. Sách Nhĩ Nhã giải thích: Kim thốc là mũi tên có gắng lông chim gọi là hầu. Sách Thanh văn giải thích: Mũi tên nhọn

đâm thẳng vào. Chữ viết từ bộ kim thanh tộc. Âm địch là âm đích âm hầu là âm hầu âm thứ ngược lại âm thư tứ.

Thương ế ngược lại âm ư kế Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ế là hết sạch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ế là giết chết. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chết xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngạc thanh ế âm ngạc là âm căng.

Đê thích ngược lại đế hề đê là hiệu của Tỷ Địch Tây Nhung. Quảng Nhã cho rằng: Địch đê thích, sách Thuyết Văn cho rằng: Đê là giày da chữ viết từ bộ cách thanh thị. Ngược lại âm dưới doanh chích. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bộ tộc Bắc địch. Sách Lễ Ký cũng giải thích, cũng cho rằng: Phương bắc là dịch, sách Thuyết Văn ghi rằng: Địch là nói truyền lại Tứ Di. Chữ viết từ bộ ngôn thanh dịch âm dịch là âm diệc Văn Luận viết từ bộ hạnh viết thành chữ dịch là tục dùng chẳng phải.

Bát hoành ngược lại âm dưới thoại manh. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Hoành là sợi chỉ quai mủ cũng là vải áo buộc. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Phải biết bát hoành cửu dã là hình ký, tức là bờ sông uốn cong. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Hoành cũng là vãi áo. Dương Hùng gọi là cầm lồng đèn lục hợp bát hoành. Xưa nay Chánh Tự viết từ mịch thanh hoằng. cũng từ bộ hoằng viết thành chữ hoàng âm loát là âm liệt.

Ngoại tề Văn cổ viết chữ tề.

Thập phúc ngược lại âm dưới phong mục Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Phúc là áo nhiều lớp Thiên Thương Hiệt cho rằng: Dày, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là áo nhiều lớp, chữ viết từ bộ y thanh phục âm phục là âm phục.

Hổ độc ngược lại âm trên hồ cổ sách Khảo Thanh cho rằng: Hổ là tên dòng sông. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Thương Hiệt ghi vua đến Nam Dương. Núi Hư đến sông Huyền Hổ rùa linh thiêng vác pho sách, đến dâng. Từ đó tức tên của dòng sông này. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh hổ.

Đam nhĩ ngược lại âm trên háp cam sách Khảo Thanh cho rằng: Đam là tai dài rũ xuống. Kinh Sơn Hải có ghi: Trong nước có người tai dài rũ xuống. Quách Phác chú giải rằng: Nước này người dân có tai to lớn rũ xuống vai. Sách Thanh văn cho rằng: Cũng là tai to dái lòng thòng tới vai. Chữ viết từ bộ nhĩ thanh đảm đãm cũng là thanh, âm đồng với âm trên.

Chi tù ngược lại âm tựu do Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng:

Tù trưởng, người đứng đầu. Hán Thư cho rằng: Bắt được chém đầu Khương Tù Trưởng. Văn Địch giải thích: Tên của nước Hồ. Đại Soái là tù. Như Trung Quốc nói. Quốc sư người đứng đầu. Văn Tự Điển nói, xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ dậu bán bộ thủy xan trên chữ hội ý.

Hoặc mô ngược lại âm dưới mẫu hồ sách Khảo Thanh cho rằng: Mô là nắm giữ. Bì Thương cho rằng: Bắt chước, Quảng Nhã cho rằng: Phõng theo hình, sách Thanh văn viết từ bộ mạc đến bộ thủ viết đúng từ bộ thủ viết thành chữ mô.

Bị si âm trên đúng là chữ bị ngược lại âm dưới sĩ ly Thục Đô Phú giải thích rằng: Si là trau chuốt lời văn của Hạm Thiên. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã tựa rằng: Lời văn hoa mỹ uyển chuyển cao vút như cánh chim. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Si là thư thả thoải mái. Chữ viết từ (859) thủ thanh ly cũng viết chữ ly âm ly đồng với âm trên.

Chi diên ngược lại âm di nhiên Đỗ Dự chú giải Tả Truyện và sách Khảo Thanh cho rằng: Vải dọc che trên, cũng là thong thả kéo dài. Trịnh Huyền chú sách Lễ Ký rằng: Sâu xa xuất ra kéo dài ra phía trước, rũ xuống, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh diên âm thủy ngược lại âm tư túy.

Thái tộc ngược lại âm dưới thương đậu sách Lễ Ký Nguyệt Lịnh cho rằng: Thái tộc tên đúng là Nguyệt luật. Văn Tự Điển nói: Chữ từ bộ thảo thanh tộc.

Ư thước ngược lại âm dưới hương chước sách Khảo Thanh cho rằng: thước là nấu đồng cho tiêu chảy ra. Mao Thi Truyện cho rằng: Thước là sáng sủa tốt đẹp. Sách Thanh văn cho rằng: Nung nóng chảy đồng ra. Chữ viết từ bộ kim thanh lạc.

Vu quốc ngược lại âm trên vũ câu theo Tả Truyện cho rằng: Vu là vua Mục Đế đời tấn tên Ứng Hàn Văn. Đỗ Dự chú giải rằng: Tên sông cũng là địa danh sách Thuyết Văn cho rằng: Vu quốc là con của Vũ Vương, chỗ phong vương chữ viết từ bộ ấp thanh vu.

Tú cảnh ngược lại âm dưới quỉ vĩnh tên của Đường Thái Phủ Hương.

Nãi toản ngược lại âm dưới tổ quản sách Khảo Thanh cho rằng: Toản là thừa kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kế thừa, sách Thượng Thư cho rằng: Thừa kế vua vũ cựu phục. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh toàn.

Cưỡng phụ ngược lại âm trên cưỡng ngưỡng sách Khảo Thanh cho rằng: Cưỡng là cái chăn bọc trẻ em lại, cái đãy vác trẻ con. Bao trùm chú giải sách Luận Ngữ cho rằng: Dụng cụ bọc trẻ con gọi là cưỡng.

Bác Vật Chí cho rằng: Cưỡng là chăn bao bọc trẻ con, rộng tám. Tám tấc dài ước chừng thước hai, vừa đủ bao bọc trẻ sơ sinh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh cưỡng.

Quyệt quỹ ngược lại âm trên quyến huyệt, sách Phương Ngôn cho rằng: Từ Quan Đông cho tôi Tây quan gọi dối trá là quyệt. Trịnh chú giải sách Luận Ngữ rằng: Dối trá, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Khinh khi lừa dối thiên hạ gọi là quyệt. Quyệt từ bộ ngôn thanh duật. Ngược lại âm dưới quy ủy sách Khảo Thanh cho rằng: Quỷ là trách mắng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng trách mắng, chữ viết từ bộ ngôn thanh nguy âm trách là âm trách.

Phù nhân âm trên là phù sách Chu Lễ giải thích rằng: Gọi là công kim, gọi là phù thi là khánh thị là phù nhân, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thư phù, tức là chim le le, sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ phù bộ điểu thanh tĩnh, âm vụ là âm mộc âm phù là âm thù.

Đế cấu ngược lại âm trên đề kế, Vương Dật chú giải sách Sở Từ kết buộc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kết buộc không mở ra, chữ viết từ bộ mịch thanh đế ngược lại âm dưới câu hậu.

Ngân điệp ngược lại âm dưới điềm diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Diệp là công văn, văn thư, trạm trình công văn liên. Nay gọi là giãn lược. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng là văn thư, chữ viết từ bộ phiến thanh điệp âm diệp đồng với âm trên.

Nghiệt hành ngược lại âm trên ngư liệt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nghiệt là thanh gỗ ngang cài cửa. Sách Thuyết Văn giải thích cũng đồng, chữ viết từ bộ môn thanh nghiệt âm nghiệt đồng với âm trên.

Tú nhi ngược lại âm dưới nhĩ chi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nhi gọi là cây cột phụ. Sách Thuyết Văn giải thích: Nhi là cột kê trên làm tiêu chuẩn, chữ viết từ bộ mộc thanh nhi âm tư là âm tiết âm kê là âm kê âm tiêu là âm diêu Văn Luận viết từ bộ nhuyễn viết thành chữ nhuyến là chẳng phải.

Lậu hạm ngược lại âm trên lực hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lậu là chạm khắc sửa chữa kim loại, chạm chỗ điêu khắc, gọi là lậu. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cũng là chạm khắc. Xưa nay Chánh Tự cảnh từ bộ kim thanh lũ âm sưu là âm sưu ngược lại âm dưới hàm dảm sách Khảo Thanh cho rằng: Lam là lan can hàng rào. Cố Dã Vương giải thích: Lan Can bao quanh cung điện trên. sách Thuyết giải thích: Ham là chuồng nuôi súc vật. Chữ viết từ bộ mộc thanh lam âm ngược lại âm câu cấu.

Củ hoạch ngược lại âm trên câu vũ Quảng Nhã cho rằng: Cũ là cái ê ke góc vuông. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cây thước nẫy mực. Kích thước quy cũ. Phép tắc cũng gọi. Thước đo gốc vuông, chữ viết từ bộ mộc thanh cũ Văn Luận viết chữ cũ tục dùng cũng đồng. Ngược lại âm dưới uông hoạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hoạch là phép tắc, âm thùy là âm thùy xưa gọi là người thợ, âm hoạch ngược lại âm vương phược.

Đàn tảo hội ngược lại âm trên là đan sách Khảo Thanh cho rằng: Đàn là hết tận. Văn Luận viết từ bộ cung viết thành chữ đàn là sai. Âm giữa là tảo Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tảo là rong biển, có văn văn, sách Khảo Thanh cho rằng: Văn chương trau chuốt sáng sủa, âm dưới là gội. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hội là vẽ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hội là vẽ có nhiều màu sắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vẽ đường ngang, chữ viết từ bộ mịch thanh hội.

Ý liệt vương ngược lại âm trên là y khí sách Ích Pháp giải thích: Thể hòa vui trong lòng vui vẻ chỗ ở thuận hòa gọi là ý. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ý là chuyên chú lâu dài tốt đẹp, chữ viết từ bộ ế thanh tứ.

Vương hiệp ngược lại âm dưới hồ hiệp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hiệp là hòa hợp. sách Thuyết Văn cho rằng: Hiệp là hòa đồng tự tưởng. Suy nghĩ chữ viết từ bộ tư thanh hiệp Văn Luận viết từ ba bộ đao viết thành chữ hiệp là chẳng phải.

Lâm lang ngược lại âm trên lực kim Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lâm là tên của loại ngọc, ngược lại âm dưới là lạc đang Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lang là loại đá đẹp gần như ngọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngọc đều là thanh lâm lương Văn Luận viết chữ lang tục tự thường hay dùng.

Khôi nghi ngược lại âm dưới khổ hồi Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Khôi là người đứng đầu, cao to, mạnh mẽ gọi là khôi sách Thuyết Văn viết từ bộ đẩu thanh. Ngược lại âm dưới ngưng cực sách cho rằng: Nghi là núi cao ngất ngưỡng, sách Thuyết Văn viết từ bộ Sơn thanh nghi.

Lữ lực âm trên là lữ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Lữ là xương sống. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh lữ Văn Luận viết từ bộ thủ viết thành chữ lữ tục tự thường hay dùng.

Vương di ngược lại âm dĩ chi sách Khảo Thanh cho rằng: Di là thường, chữ viết từ bộ mịch Văn Luận viết từ bộ phân viết thành chữ di tục tự dùng thông dụng.

Tư đồ dinh ngược lại âm quyên minh sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ dinh cùng với chữ dinh cũng đồng.

Đàm hước ngược lại âm hương chước sách Khảo Thanh cho rằng: Hước cũng là hý tức là làm trò vui đùa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh ngược.

Bằng hy ngược lại âm hân kỳ sách Khảo Thanh giải thích Hy là hòa hợp vui, cũng gọi là ngọn lửa cháy sáng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh âm di là âm.

Thường sơn vương sát ngược lại âm khang giác. Sách Khảo Thanh cho rằng: Sát là kiên cố. Luận Văn viết từ bộ vũ viết thành chữ sát là chẳng phải.

Từ viễn ngược lại âm tình do Quảng Nhã cho rằng: Tù là gần sát. Mao Thi Truyện cho rằng: Tận cùng, Khổng An quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tù là vi quan tuyên lệnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh tù âm từ đồng với âm trên.

Hiếu hạnh ngược lại âm hạnh canh. Sách Đại Đái Lễ giải thích: Ngọc bội treo trên mình. Có hai mãnh gọi là hành là ngọc bội đeo ngang thắc lưng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngọc thanh hành.

Hàm áo ngược lại âm vu lục sách Thuyết Văn cho rằng: Áo là ấm bên trong. Chữ viết từ bộ hỏa thanh áo.

Tuần tuần ngược lại âm tuất tuân. sách Khảo Thanh cho rằng: Tuần là tin tưởng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh tuần.

Lưu địch ngược lại âm thính đích. Sách Khảo Thanh cho rằng: Địch là xa tên người.

Ca khi ngược lại âm trên là giá âm dưới là tiết sách Thuyết Văn âm ngưu câu núi không có cây cỏ. Tự Lâm cho rằng: Núi tụ khỉ cây cỏ đều khô héo, âm nhai là âm ngu nay tục âm là tiết không biết căn cứ vào đâu là phải. Sách Thuyết Văn giải thích là tiết là sai.

Triệt phụng ngược lại âm trên sĩ liệt Mao Thi Truyện cho rằng: Triệt là tước luột. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Triệt là bỏ đi. Quảng Nhã cho rằng: Triệt là giảm bớt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ bộ triệt thanh tĩnh ngược lại âm dưới phong dụng.

Phù lăng ngược lại âm trên phụ mâu Hán Thư cho rằng: Phù là sông nước chảy xiết từ ngoài man đến Chấp Giang Đông vào Hán âm chấp là âm diệp theo chữ phù lăng. Nay là phù châu, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm thổ khẩu.

Gia điệp ngược lại âm điềm diệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: Giản lược. Văn Thư truyền ra Hán Thư cho rằng: Phác họa sơ đồ, theo

chữ điệp là Tô Lâm giải thích: Điệp là thông báo phổ biến. Sách Thuyết Văn cũng giải thích, Văn Thư phổ biến. Chữ viết từ bộ phiến thanh diệp.

Phiệt duyệt ngược lại âm trên phiền bát sách Khảo Thanh cho rằng: Phiệt duyệt là biểu viết công trạng ở văn treo nơi cửa cổng. Sách Sử Ký giải thích: Công lao của quan, lại có năm bậc, nêu rõ thứ bậc v.v... gọi là phiệt, ghi năm tháng ngày lập công gọi là duyệt, Văn Tự Điển nói: Phiệt duyệt đó là tấm biển treo trước cổng, của bậc cao quý, hai chữ đều từ bộ môn đều thanh phạt duyệt.

Sảng khải ngược lại âm sương giản sách Khảo Thanh cho rằng: Sảng là bầu trời trong sạch sảng khoái. Đỗ dự chú giải Tả Truyện rằng: Sảng là sáng sủa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xuyết ngược lại âm ước lý hai âm ngược lại âm dưới khai cải. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khải là vùng đất cao ráo, sách Thuyết Văn cho rằng: Khải là cao khô ráo chữ viết từ bộ thổ thanh khải.

Tích dịch ngược lại âm trên tinh tích. theo Thanh Loại cho rằng: Tích là guốc gỗ, sách Chu Lễ cho rằng: Người mang guốc gỗ, có loại guốc gỗ màu đỏ và màu đen. Trịnh Huyền chú giải rằng: Loại giày dép da dưới đáy bằng gỗ gọi là tích sách Thuyết Văn cho rằng: Tích là guốc gỗ, chữ tượng hình, cũng từ bộ cách viết thành chữ tích âm dưới văn phổ, đều đồng, âm dưới chinh ích sách Khảo Thanh cho rằng: Dịch là màn che. Sách Chu Lễ cho rằng: Màn kịch, nơi trú đóng quân dùng màn bao che. Trịnh Chúng giải thích rằng: Thí là tấm bình phong màn che. Trịnh Huyền giải thích: Màn che tòa trên che bụi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cân cũng là thanh cân.

Giáp trữ ngược lại âm trên lam hạp Quảng Nhã cho rằng: Giáp là áo nhiều lớp, Văn Luận viết chữ giáp là chẳng phải. Theo Thanh Loại âm diệp là sai, giáp nghĩa xưa không dùng. Ngược lại âm dưới trừ lữ sách Chu Lễ giải thích rằng: Cây gai, vải gai, bao gai, làm ra chỉ dệt thành các vật. Trịnh Huyền chú giải rằng: Bó tơ mười lăm thăng, vai gai rút ra phân nửa. Lại màu sắc trắng mịn gọi là trữ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ thích từ bộ mịch thanh trữ âm trữ ngược lại âm trực lữ.

Đậu xí ngược lại âm xỉ chí sách Khảo Thanh cho rằng: Xí là lửa rực sáng. Chu Thái Truyện cho rằng: Tên của Đặng Quốc Công.

Đông giao ngược lại âm giao hòa sách Khảo Thanh cho rằng: Giao là tên của Đông Thái Thủy. Sách Lễ Ký cho rằng: Cổ phần người nuôi dưỡng Quốc Lão Đông Giao. Trịnh Huyền chú giải rằng: Đông giao cũng là tên của trường đại học. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục

thanh giao.

Hiến tiệp ngược lại âm tiềm diệp theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tiệp là chiến thắng. Cốc Lương Truyện giải thích, tiệp là quân đắc thắng. Tả truyện cho rằng: Tề hầu đến hiến nhung tiệp. Đỗ Dự chú giải rằng: Tiệp khắc ghi, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiệp là săn bắt được, chữ viết từ bộ thủ thanh tiệp âm tiệp ngược lại âm tật tiếp.

Tế gia ngược lại âm ca ngã sách Khảo Thanh cho rằng: Gia là tốt đen lời nói hay. Tên của Chu Tân Châu thứ sử.

Tán quốc ngược lại âm trên tại hà. Hán Thư cho rằng: Tán bái quốc tên của một huyện. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ấp thanh tán cũng viết chữ thú âm thú ngược lại âm tài khổ.

Khiển khiển ngược lại âm cư triển Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Kiển là dáng uy nghi sách Khảo Thanh cho rằng: Khiển khiển là từ khó nói tránh từ nói ngọng. Xưa nay Chánh Tự cũng cho rằng: Người phương Bắc thông ngữ, chữ viết từ bộ ngôn bộ khiển thanh tĩnh.

Dịch diệp ngược lại âm doanh ích sách Khảo Thanh cho rằng: Dịch là cao to lớn, sách Nhĩ Nhã cho rằng: To lớn dựa theo áo mão che trùm khắp cả công hầu làm cho gia tộc rạng rỡ, sáng chói, Văn Luận viết từ bộ cũng viết thành chữ dịch là sai chẳng phải.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 86

- Biện chánh Chánh Luận âm quyển hạ. Từ quyển thứ năm đến hết quyển thứ tám là bốn quyển đồng âm đây.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 5
PHẬT ĐẠO TIÊN HẬU THIÊN

Nạo dung âm trên nhiêu giáo Thế Bổn giải thích rằng: Nạo là tạo thành giáp tý bao lịch sách đều do tôi thần của Hoàng Đế. Văn Luận viết tùng dung nghi là sai, chưa rõ chỗ giải thích.

Mai côi âm trên là mai âm dưới công hồi Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hạt ngọc có vân màu hồng. Mao Thi Truyện cho rằng: Mai côi đó là tinh của đá rất đẹp giống ngọc hạt ngọc to rộng nhưng ngọc xấu, chữ hình thanh, chữ viết đều từ bộ ngọc Văn Luận viết chữ hồi là chẳng phải.

Hôn nghạnh ngược lại âm canh hạnh chữ thượng thanh. Sách Thuyết Văn ghi: Xương cá hoặc là viết chữ ngạnh là bộ cốt.

Hiệt hàng ngược lại âm trên là hiền kiết ngược lại âm dưới hà lãng sách Khảo Thanh cho rằng: Hiệt hàng là bay lên bay xuống. Mao Thi Truyện giải thích: Chim bay lên cao gọi là hiệt chim bay xuống gọi là hàng sách Thuyết Văn giải thích ý nói đối chọi nhau không phân trên dưới, chữ viết đều từ bộ hiệt âm hiệt ngược lại âm hiền kiết Lỗ Đầu cho rằng: Chẳng phải.

Biên niên ngược lại âm miệt miên Cố Dã Vương giải thích rằng: Biên là ghi việc theo niên đại trước sau thứ tự.

Hà noa ngược lại âm thóa hỏa Lương triều đại học sĩ.

Am kinh tịch ngược lại âm trên ám hàm sách Khảo Thanh cho rằng: Am là thuộc lòng văn tụng Quảng Nhã giải thích ghi nhớ đọc

thuộc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh âm xưa nay Chánh Tự viết chữ hàm đều thông dụng.

Đế hệ phổ ngược lại âm âm dưới bộ phổ sách Sử Ký cho rằng: Các hệ phổ trong gia tộc được ghi chép lại Thích Danh giải thích: Phổ là công bố khắp cùng cho mọi người biết. Xưa nay Chánh Tự giải thích: Phổ hệ đó là công bố theo thứ tự ghi chép trước sau xem xét sự việc hệ thống gia tộc, chữ viết từ bộ ngôn thanh phổ chữ chuyển chú.

Mạn thiến âm trên là vạn âm dưới là thiến hiệu Hán Triều Đông Phương Sóc.

Cân cố ngược lại âm trên cân cận sách Khảo Thanh cho rằng: Cân cố là hà tiện, tằng tiện bủn xỉn tiếc. Theo Tả Truyện cho rằng: Cân cố là lo sợ hổ thẹn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cách thanh cân.

Hoàng bộ mật ngược lại âm dưới mân tất sách Nhĩ Nhã giải thích: Yên tịnh. Tên người.

Phúng hồ ngược lại âm trên vũ phúng sách Khảo Thanh cho rằng: phúng là lấy lời nói khinh khi mắng nhiếc che bai người. Sách Thuyết Văn viết từ bộ quynh âm quynh ngược lại âm quý dinh dưới giống như là chữ võng lời văn lộn xộn âm vu là âm vu.

- Thích Lý sư tư thiên.

Mể mục âm trên là mể sách Vận Anh cho rằng: Trong mắt có bụi đất gọi là mể mục.

Báng độc ngược lại âm trên bác bàng Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Chê bai xúc siểm nói xấu sau lưng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hủy báng sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh báng ngược lại âm dưới đồng mục Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Độc là chê bai nói xấu, khinh khi Quảng Nhã cho rằng: Xấu ác Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn cho rằng: Vu oan cho người khiến cho người ta đau khổ, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh độc.

Vĩ diệp ngược lại âm trên vĩ quỹ sách Khảo Thanh cho rằng: Vĩ diệp là sáng cho chói rực rỡ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là ánh sáng tràn ngập. Chữ viết từ bộ hỏa thanh vĩ hoặc là viết từ bộ nhật viết thành chữ vĩ cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới đạm triếp sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ diệp sách Thuyết Văn viết từ bộ nhật thanh diệp nay viết chữ diệp hoặc là viết chữ diệp chữ biến thể, cũng đều thông dụng.

Khoa đản ngược lại âm trên khoa qua Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lời nói khoác khoe khoang, sách Ích Pháp cho rằng: Dối trá không thật gọi là khoa sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn

thanh khoa âm khoa đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới đàn làn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đản là khinh khi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh đản.

Phi cộng ngược lại âm cộng ngung sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con dế. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cũng gọi là xúc chức cũng là con dế. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trùng thanh công Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ hạo viết thành chữ cộng là chữ cổ, cũng thông dụng.

Cảo du ngược lại âm trên hồ lão sách Khảo Thanh cho rằng: Cảo là đất kinh nơi Chu Vũ Vương dựng đô. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cảo là đất kinh đô. Tây chu Vũ Vương nơi kinh đô Trường An, thuộc tây nam, chữ viết từ bộ kim thanh cao.

Vũ thố âm dưới thổ cố thố là là đầu cùng với chữ thô cũng đồng chữ viết từ bộ thô tóm lại sau điểm giống như cái đuôi con thỏ.

Bao nữ ngược lại âm bảo mao sách Khảo Thanh cho rằng: Bao là khen tốt đẹp. Cũng là tên nước. Bao giống như chu u vương. Bao phi xem lửa cháy thì cười, cười nên bá mị yêu kiều. Khiên cho u vương vui lòng đẹp ý, bởi vậy mà thất bại mất nước Tây Nhung đến tiêu diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y thanh bảo.

Oa giác ngược lại âm trên quả hoa sách Thuyết Văn cho rằng: Oa tức là ốc sên.

Thỉ tức ngược lại âm thời nhĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng lưỡi liếm thức ăn, chữ viết từ bộ thiệt thanh dị cũng viết chữ thỉ đều là chữ cổ.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 6
THẬP DỤ THIÊN

Quản khuy âm dưới khuyển quy sách Khảo Thanh cho rằng: Khuy là nhìn trộm, dùng ống tre để nhìn thiên văn. Xưa gọi là quản khuy tức ống nhòm. Sách Phương Ngôn cho rằng: Khuy là nhìm, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh quy âm thú ngược lại âm thật dự.

Tước hỏa ngược lại âm trên tượng tước Tư Thư cho rằng: Tước hỏa là cây đuốc nhỏ. Sách Thuyết Văn giải thích đốt đuốc trừ tà, chữ viết từ bộ hỏa thanh tước tước viết đúng là chữ tước âm phất ngược lại âm bổ vật gọi là quét trừ bỏ những điều không tốt gọi là phất.

Dư khái ngược lại âm dưới khai ái sách Khảo Thanh cho rằng: Khái buồn bả than thở khản khái là chí kích động lên. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Khái là than thở, sách Thuyết Văn cho rằng: Quá tức tối vì chí không toại nguyện, chữ viết từ bộ tâm thanh khái âm khang ngược lại âm khang lãng.

Cửu châm ngược lại âm chấp nhậm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Châm là răn, can ngăn theo Thanh Loại cho rằng: Châm chích, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Châm là dạy bảo. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Dạy bảo cho hiểu, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh hàm âm thứ là âm thứ chữ cổ viết đúng chữ thứ.

Tả dịch âm diệc lại cũng âm chi diệc từ vài xuống trên khuỷu tay tức là nách. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh dạ âm trữu ngược lại âm tri liểu.

Hữu hiếp ngược lại âm khâm kiếp sách Khảo Thanh cho rằng: Hiếp là xương sườn, sách Thanh văn ghi: Hiếp là hai bên xương sườn, chữ viết từ bộ nhục thanh hiếp âm hiếp là âm diệp Văn Luận viết từ ba bộ đao là chẳng phải, chữ viết đúng là ba bộ lực hoặc là viết chữ hiếp cũng thông dụng.

Tả nhậm ngược lại âm nhậm chẩm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nhậm đó gọi là vạt áo trước. Trịnh Huyền chú giải Lễ Ký rằng: Nhậm là cái xiêm bức vải quấn ngược lại phái sau, cũng gọi là cái yếm. Sách Thuyết Văn giải thích Nhậm là xiêm áo, chữ viết từ bộ y thanh nhậm người dân tộc quấn bên trái.

Cao dao âm trên là cao âm dưới là điêu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cao dao là tên của vị quan coi hình luật thời vua Thuấn ở Trung Quốc. Sách Thuyết Văn ghi cảnh cao từ bộ bạch thanh diêu ân diêu ngược lại âm chiểu sách Thượng Thư viết cửu chữ cổ chữ dao cũng viết chữ đào âm đào người xưa mượn dùng, chữ viết từ bộ tự là chẳng phải.

Khai dụ ngược lại âm dưới do tửu sách Khảo Thanh cho rằng: Dụ là lời nói khéo léo dẫn dắt, cũng là dạy bảo chỉ đường. sách Luận Ngữ nói phu tử. Từ từ khéo léo khuyên bảo dẫn dắt người. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Khuyên bảo nhau gọi là dụ chữ viết từ bộ ngôn thanh tư âm thuật là âm thuật.

Nam vương ngược lại âm ninh giãn ích hiệu của chu mạt vương. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nạn là hổ thẹn đỏ mặt. Sách Phương Ngôn cho rằng: Xấu hổ, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Xấu hổ đỏ mặt gọi là nản sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xích thanh niển âm niển là

âm triển chữ viết từ bộ bì là chẳng phải.

Vân tụy ngược lại âm dưới là tình túy sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Đồng Tề gọi tuy là tụ tập, rậm rạp, um tùm. Mao Thi Truyện cho rằng: Tập trung đông đúc, chữ viết bộ thảo thanh tụy Văn Luận viết chữ tuy là chẳng phải.

Chùy hung ngược lại âm tụy truy Tự Thư cho rằng: Chùy gọi là đánh vào vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh chuy Văn Luận viết chữ truy là chẳng phải. Ngược lại âm dưới húc cung sách Khảo Thanh cho rằng: Hung là ngực, bằng đồng đều, sách Thuyết Văn viết từ bộ bao thanh hung.

Tần dật ngược lại âm một dần kiết sách Khảo Thanh cho rằng: Dật là tốt đẹp tên của vị ẩn sĩ.

Nhãn lai ngược lại âm lai đại lai đó con ngươi trong mắt không chánh. Quảng Nhã cho rằng: Nhìn nghiêng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mục thanh lai.

Thùy đóa ngược lại âm đô quả Tự Thư cho rằng: Tai rũ xuống. Hoặc là viết chữ đóa đều thông dụng, chữ viết từ bộ thổ thoay.

Bát thập chủng trinh âm dưới là trinh sách Khảo Thanh cho rằng: trinh là điều tốt lành. Tức là đức Như Lai có tám món tốt đẹp. Thiên Thương Hiệt ghi: Trinh là khéo léo tốt đẹp nhánh hỷ điều vui. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thị trinh.

Bác đạo ngược lại âm trên bang mạc Trang Tử giải thích: Lưng con ngựa không đều hòa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa vằn lông màu sắc không thuần, gọi là bác chữ viết từ bộ mã thanh bác âm xuân ngược lại âm xuân duẩn.

Cân hạt ngược lại âm hàn át hạt là áo vải thô. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hạt là áo lông, vải gai. Người Nam sở gọi vạt áo ngắn là hạt sách Thuyết Văn cho rằng: Áo Thô chữ viết từ bộ thanh hạt chữ thô văn cổ viết chữ thổ từ ba bộ lộc.

Tê thủ âm trên là tây sách Khảo Thanh cho rằng: Tê là tên của con thú. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ly ngưu giống như con heo, Quách Phác chú giải rằng: Tê hình nó giống như trâu nước, đầu giống như con heo, to lớn bụng thấp chấn có ba móng, màu đen, hai sừng, một sừng dùng để săn mồi sừng ở mũi để ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Con Tê Ngưu, xuất phát từ Nam Hải ngoài biên giới, chữ viết từ bộ ngưu đến bộ vĩ thanh tĩnh Văn Luận viết từ bộ viết thành chữ tê là chẳng phải. Nay không dùng.

Quá thủy ngược lại âm biên ngoa sách Nhĩ Nhã cho rằng: Quá là

tên của sông, sách Hán Thư cho rằng: Quá là sông xuất phát từ Hoài Dương, phù cấu. Huyện lạc cấu phía đông chảy vào sông Hoài. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ thủy thanh quá.

- Đường Trùng Tử.
- Lưu Quyến Tử.

Tháo hàn ngược lại âm trên thảo đao sách Văn Tự Điển nói rằng: Thao là nắm giữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm giữ bao gồm, chữ viết từ bộ thủ âm thao ngược lại tảng đáo ngược lại âm dưới hàn cán sách Thuyết Văn cho rằng: Hàn là lông nhỏ có thể làm bút viết. Cho nên gọi văn bút là. Trát hàn chữ viết từ bộ mao thanh cán Văn Luận viết từ bộ vũ viết thành chữ hàn tục dùng thông dụng, nhưng vốn không phải chữ.

Hình tồ ngược lại âm tạng lô Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tồ là chết, qua đời. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tồ là người đã qua đời khác, chữ viết từ bộ ngạt thanh thư hoặc là viết chữ tồ âm ngạc là âm tàn.

Huyền vưu âm dưới là vưu sách Khảo Thanh cho rằng: Vưu là bệnh cũng là trên da phong kết lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh vưu âm tật ngược lại âm nữ ách văn cổ viết chữ vưu đều đồng nghĩa.

Yên uẩn âm trên là nhân âm dưới là uất vân sách Bát-nhã giải thích: Khí của trời đất Văn Luận viết chữ uân sách Khảo Thanh cho rằng: Mây khói đều thông dụng nghĩa.

Phẩu lâu ngược lại âm trên bạc hậu ngược lại âm dưới lâu phẩu sách Phương Ngôn cho rằng: Phẩu lâu là đống đát, gò đất cao. Hoặc là viết từ bộ sơn viết thành chữ phẩu lâu tức là núi nhỏ. Ở nghĩa phong, xưa nay Chánh Tự viết hai chữ đều từ bộ thổ thanh phẩu lâu.

Minh bột âm trên là minh âm dưới là bột tên của biển Huyền Minh phía bắc. Tên biển bột giải phía đông biển lớn, sâu đến không có đáy, cùng với sông Đế miệng giếng, so sánh thì sông này cũng có chỗ cạn, sâu.

Thiểu ải ngược lại âm trên tiểu tiểu sách Khảo Thanh cho rằng: Vùng đất nhỏ hẹp trũng và ẩm ướt, âm dưới ách giới sách Khảo Thanh cho rằng: Ải chật hẹp thấu suốt, xuyên qua.

Sử sách ngược lại âm sổ cách sách Thái Ấp Độc Đoán giải thích: Sách là quyển sổ nhỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Quyển sổ gọi ghi chép, vương mệnh, bài văn do các quan ngày xưa làm để ca tụng công đức cùng phô trương tài năng vua dâng lệnh khi vua thu

lệnh, dùng Chấn Quốc sách chữ tượng hình, văn cổ viết là ba trường hai đoản, trong có hai biên giềng Văn Luận viết chữ sách tục từ thường hay dùng.

Quảng hiệp ngược lại âm hàm giáp sách Khảo Thanh cho rằng: Hiệp là vùng đất nơi vùng quan ải chật hẹp, chữ viết từ bộ phụ thanh hiệp Văn Luận viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiệp là chẳng phải.

Sử đảm ngược lại âm đáp nam sách Khảo Thanh cho rằng: Đảm là trợ giúp. Tên sử quan sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh đảm.

Chung quỷ âm dưới là quỳ tên của vị thần hay bát quỹ, nên người ta thường treo tượng để trừ tà.

Đại xuân ngược lại âm tuất luân sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của cây xuân, sách Trang Tử cho rằng: Cây thần xuân tám trăm năm là một mùa xuân. Tám trăm năm là một mùa thu, mượn lấy làm thí dụ hưng thạnh.

Phù du ngược lại âm trên phụ vô âm dưới dậu chu sách Bạt Thanh cho rằng: Phù du con kiến bay. Mao Thi Truyện cho rằng: Phù du là sớm sinh chiều chết. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ hình thanh, đều từ bộ trùng đều thanh phù du.

Quy hạt ngược lại âm trên quỹ quy sách Văn Tự Điển nói rằng: Loại giáp trùng ba trăm sáu mươi quy là trường xương bên ngoài thịt bên trong. Con nguyên quy là một thước hai tấc, sống thọ đến ngàn năm chữ tượng hình. Âm dưới hà các Tự Thư cho rằng: Tên của Tiên Điểu một khi đã cất cánh bay là ngàn dặm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh hạt âm hạt đồng với ân trên. Chu đĩnh đó thọ đến vạn năm. Loại chim rất linh thiêng. Tiên nhân cỡi chim hạt này. Chữ hình thanh.

Ngôn điếm âm điếm Mao Thi Truyện cho rằng: Tì vết trên ngọc khuê trắng còn có thể mài được. Sai lầm của lời nói ấy không thể sửa chữa được. Văn Tự Điển nói điếm là khuyết, nói có lỗi lầm, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh điếm.

Miểu mạc ngược lại âm trên di tiểu miểu là nhìn xa, mắt bé nhỏ (861) chột mắt, âm dưới mang bát âm mang ngược lại âm ma bang.

Nghê anh ngược lại âm trên nghệ kê âm dưới ích doanh ban đầu mới sinh ra gọi là tiểu nhi con trai gọi là nghê con gái gọi là anh.

Đằng án ngược lại âm trên trên đặt năng trong núi có rồng nhỏ đằng là giống như con rắn, âm dưới là án chim cú nhỏ làm hang dưới đất làm tổ, tức là chim cút.

Bằng dực âm trên là bằng chim to lớn. Cánh của che cả bầu trời, hơn chín vạn dặm, nói là to lớn.

Nô đài âm trên là nô âm dưới là đường lai sách Khảo Thanh cho rằng: Nô Dài là con ngựa ngu si đần độn, gọi là con ngựa một ngày đi hơn mười dặm.

Kỳ ký âm trên là kỳ âm dưới là ký tên con tuấn mã, ngày đi hơn ngàn dặm.

Phản ác ngược lại âm anh giác nắm trong tay. Trong ngoài Đức Như Lai đều nắm trong tay. Nói cách khác là Như Lai đều biết rõ.

Cam tiệp ngược lại âm tiêm diệp tiệp lông mi. mí mắt.

Thiên phúc âm phúc là trên thân của Đức Như Lai có sáu chỗ có ngàn bánh xe Văn Luận viết chữ phàm sách viết sai, chẳng phải.

Mong kỳ âm kỳ tướng diện của Khổng Phu Tử. Hoặc là viết chữ kỳ âm kỳ.

Đoạn tử âm tư ngược lại âm tử sư theo Tào Thực Tương Nhân Luận cho rằng: Theo Tào Thực Tướng Nhân Luận giải thích rằng: Hình tướng của Chu Công như đoạn tư Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tư đó là hình tướng của Phúc Nhân Cốc cũng chưa rõ.

Tông miệt âm trên là tông ngược lại âm dưới miên miết.

Mạnh thú ngược lại âm tinh du sách Khảo Thanh cho rằng: Thú là người con gái đẹp. Thế Bổn cho rằng: Thú là thứ phi của vua Học. Sinh ra vua Chất. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Thú là cưới người con gái đẹp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nữ thanh thú.

Cạnh nghiên ngược lại âm nghiên kiên Quảng Nhã cho rằng: Nghiên là đẹp đẽ, xinh đẹp. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nghiên là đẹp. Chữ viết từ bộ khiên cân khiên là âm khiên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ chánh thể là chữ nghiên đều từ hai bộ can Văn Luận viết chữ nghiên tục tự thường hay dùng.

Hoành mạn ngược lại âm mãn bàn đây tức là đạo Ba-la-môn dùng vải lụa trơn. Nước này làm cái quần để che thân hình xấu xí.

Cẩu cư ngược lại âm cư ngự cư là ngồi xổm, chữ hình thanh.

Hồn tồn trên là hồ yêu thú âm dưới là tồn đứng đầu gối quỳ ngồi xổm.

Tiều dã ngược lại âm tề diêu người tiều phu đi hái củi, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh tiều văn luận viết chữ tiều là chẳng phải.

Huệ đới Ngọc Thiên cho rằng: Huệ là cơ thơm sách Sở Từ cho rằng: Bao áo ngoài của hoa sen gọi là huệ đối đạo gọi là người ẩn dật, mặc áo cỏ y phục của người tiên nhân.

Hạt quan ngược lại âm trên là hàn hạt sách Khảo Thanh cho rằng: Tên chim hạt. Hán Thư âm nghĩa cho rằng: Hạt là tên của một con chim.

Tô kỳ vô sĩ cắm lông đuôi chim trên mũ nón. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hạt giống như chim trĩ. Xuất phát từ núi Yên Nính loại chim này mạnh mẻ. Thích chiến đấu đến chết mới thôi, nói là dõng mãnh.

Hạp xĩ ngược lại âm trên khảm hạp sách Giai Uyển Chu tòng cho rằng: Hạp đá va chạm với nhau phát ra tiếng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh hạp âm hạp là âm hợp hoặc viết chữ hạp.

Hư khí ngược lại âm trên hứa cư sách Khảo Thanh giải thích: Hư là mở miệng hơi ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hư là thối hơi, hà hơi, chữ viết từ bộ khẩu thanh hư.

Tử thánh ngược lại âm trên tư thử sách Lễ Ký ghi rằng: Lấy lời nói hay nhục người. Lại cũng viết chữ tử cũng đồng, chữ viết từ bộ ngôn thanh thử.

Mông tẩu âm trên là mong âm dưới là tảng cẩu chữ chánh thể. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Con mắt không có con ngươi, chữ hình thanh.

Phất linh ngược lại âm dưới lịch đinh Thiên Thương Hiệt Quảng Nhã đều giải thích rằng: Linh là nghe kinh Thái Huyền giải thích rằng: Linh là lấy ống trúc để làm cái linh khi gió thổi sẽ phát ra tiếng leng keng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ thanh linh.

Chi suyển dã ngược lại âm sách Khảo Thanh sách Khảo Thanh cho rằng: Suyển là chống trái với nhau. Cố Dã Vương cho rằng: Suyển là sai sót không đều nhau sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tịch đến bộ suyển là chống trái với nhau Văn Luận viết từ bộ phản viết thành chữ suyển có khi cũng dùng.

Nhuyễn phu ngược lại âm trên nãi loạn sách Khảo Thanh cho rằng: Nhuyễn là khiếp nhược, lo sợ yếu mềm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh nhuyễn âm nhuyễn ngược lại âm như luyến cũng viết chữ nhuyễn.

Hà khôi ngược lại âm giải hà Quách Phác chẳng sách Nhĩ Nhã rằng: Hà là cỏ lau. Mao Thi Truyện cho rằng: Hà cũng là cả mây, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh hà.

Bưu tiều ngược lại âm trên bút hưu bưu là vằn của con cọp, sách Chu Dịch Văn Ngôn cho rằng: Phong vẽ của con cọp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Bưu là vằn của con cọp, chữ viết từ bộ hổ đến bộ sam giống như vằn con cọp, âm sam là âm sam âm dưới tiêu tiều.

Huân hồ âm trên là huấn sách Khảo Thanh cho rằng: Tên huấn hồ sách Thuyết Văn ghi: Viết chữ huân là khói lửa bốc lên, âm huân là húc đến bộ triệt đến bộ hắc Văn Luận viết từ bộ khuyển viết thành chữ

huân tục tự thường hay dùng.

Khi quyết ngược lại âm cơ khi âm dưới cư nguyện sách Thuyết Văn cho rằng: Khi là mũi đao vốn cong lại. Khắc vào rĩ nước ra, hai chữ đều từ bộ đao đều thanh ký quyết.

Tiễn ốc ngược lại âm trên tiên điển sách Khảo Thanh cho rằng: Tiễn là kim loại sáng láng đẹp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kim loại tuyệt đẹp, sáng lấp lánh gọi là tiễn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ kim thanh tiên âm dưới ô độc Khảo Thanh Mao Thi Truyện cho rằng: Ốc là bạch kim. Xưa nay Chánh cho rằng: Chữ viết từ bộ kim thanh ốc.

Tường quân ngược lại âm dưới cốt môn sách Nhĩ Nhã giải thích: Quân là con gà cao ba thước gọi là quân Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Quân là hình trạng như con chim hạt mà lớn hơn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ điểu thanh quân Văn Luận viết từ bộ côn viết thành chữ côn đều đồng nghĩa.

Kỳ phụng âm trên xí sách Khảo Thanh cho rằng: Kỳ là chân đi vùn vụt như bay Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Kỳ gọi là gót chân đi không chấm đất. Cố Dã Vương cho rằng: Nhón chân lên nhìn, giống như người nhón chân lên nhìn mong ngóng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh kỳ âm dưới là phong mộng sách Thiên Lão ghi: Phụng là chim thần. Khảo Thanh giải thích: Là chim đem điều may mắn tốt lành đến. Xuất phát nơi hướng đông trong nước có người quân tử. Bay là đà thì bốn biển khắp thiên hạ thái bình an lạc.

Lan trứu âm dưới trâu cứu là co rút nhỏ lại. Sách Chu Dịch Tĩnh Quái giải thích: Xây giếng không để lâu dài. Sách Thuyết Văn ghi: Trứu là giếng nhỏ chữ viết từ bộ ngão thanh thu âm bích ngược lại âm bình mịch gạch ngói nhựa nung.

Côn lang ngược lại âm trên cốt hồn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Núi côn có xuất ra ngọc. Kinh Sơn Hải giải thích: Khung thành chỉ có vua quan. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khâu là phân mộ có ba thành bậc là côn Quách Phác chú giải rằng: Ba thành ba lớp. Xưa nay Chánh giải thích: Côn là núi Côn núi ngọc, chữ viết từ bộ sơn thanh côn âm dưới lang đãng sách Khảo Thanh giải thích: Lãng là trên núi phong lãng. Quảng Nhã giải thích: Côn lôn có ba núi, Lãng, Phong, Phản. Đều có vườn trồng hoa quả. Sách Thuyết Văn giải thích chữ viết từ bộ môn thanh lương.

Kỳ cứ âm trên là ky âm dưới là cứ.

Khôn đầu âm trên khổn hồn sách Khảo Thanh cho rằng: Khôn là

tên hình phạt, cạo bỏ tóc của người tội. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Khôn là cao đầu mà thôi, sách Thuyết Văn giải thích chữ viết từ bộ tiêu thanh ngọt âm tiêu là âm phiêu văn Luận viết từ bộ trường viết thành chữ khôn tục tự dùng thông dụng viết lược.

Biển bức âm trên là bế miên âm dưới phong mục sách Nhĩ Nhã cho rằng: Biển bức là con dơi. Sách Phương Ngôn giải thích: Từ quan ải mà đến cửa đồn gọi là dơi là phục dực Quan Tây Tần Lung gọi con dơi là biển bức. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Biển bức hai chữ đều tự bộ trùng đều thanh biển bức chữ hình thanh âm biên là âm biên âm bức ngược lại âm phôi bức.

Cơ nhậm âm dưới nhập xam sách Khảo Thanh cho rằng: Nhận là dệt sợi chỉ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dệt đường tuyết ngang dọc thành tấm lụa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh nhậm âm tằng ngược lại âm tật dăng âm dưới nghĩa là người phụ nữ dệt lụa âm đều đồng.

Ly chu âm trên lật chi Trang Tử giải thích: Châu ngọc đáng giá ngàn vàng, tức là ở sâu đến chín từng thăm thẳm hang ổ của rồng đen. Trong miệng rồng ngậm châu ngọc, đó quý giá dưới hang đó khi gặp rồng ngủ, hoặc là được ngọc đó phải khiến cho hiểu được nó mới nhã ngọc ra, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ mã thanh lê âm hàm ngược lại âm hàm cam.

Nhu viên âm trên nô đao âm dưới việt nguyên sách Thượng Hoằng Minh Tập âm là giải thích là huấn ngật, tức là con vượn.

Thần cáp âm trên thận âm dưới cam táp văn trước đã giải thích xong rồi.

Tức ổi ngược lại âm dưới sáu hồi Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Ôi là lửa cháy hết. Hiếu Kinh Tựa Tựa giải thích: Ổi là ngọn lửa tàn lụi hết. Quảng Nhã cho rằng: Ổi là ấm áp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh ôi âm tẫn ngược lại âm âm tất dẫn âm vẫn ngược lại âm ủy vận.

Kiêu cảnh ngược lại âm trên kiếu nhiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Kiêu là giống chim xấu ác. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Kiêu cũng là giống chim xấu ác. Sách Thuyết Văn giải thích: Giống chim bất hiếu mùa hè đến bắt chim mẹ xé ra để ăn thịt, âm trách ngược lại âm trắc cách chữ viết từ bộ điểu đến bộ mộc chữ hình thanh, âm dưới là kính sách Sử Ký cho rằng: Tên của loại thú phá vỡ gương tốt. Sách Khảo Thanh giải thích: Loại thú ăn thịt cha mẹ của chúng.

Hùng hủy ngược lại âm dưới huy vĩ Mao Thi Truyện cho rằng: Vô

vi hủy dịch sách Nhĩ Nhã giải thích: Loại rắn hổ thân dài ba tấc đều to lớn canh tay. Cố Dã Vương giải thích: Hủy là rắn hổ, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh ngột cũng viết chữ hủy âm cũng đồng.

Doanh chánh ngược lại âm trên diệc chinh sách Khảo Thanh giải thích: Họ doanh thiện nhà Tần Thiếu Hạo. Hậu duệ sách Sử Ký giải thích: Tần Thủy Hoàng họ Doanh tên Chánh sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ đến bộ luy thanh tĩnh.

Đạo ưu lung âm giữa ức hưu Hán Thư cho rằng: Y hưu á từ chưa định, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ưu là cào nhàu la lối. Lão tử giải thích: Suốt ngày la hét mà không ngừng nghỉ. Cố Dã Vương cho rằng: Nơi đi ngược tức là ho. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh ưu âm y là âm y âm ách là âm ách ngược lại âm dưới lộc đông sách Lễ Ký cho rằng: Câm, điếc, khiển chân. Thiên Thương Hiệt Thuyết Văn đều giải thích tai không thể nghe được, chữ viết từ bộ nhĩ thanh long âm ám là âm ám âm bả ngược lại âm ba phã.

Phụ kíp ngược lại âm dưới là kỳ triếp sách Khảo Thanh cho rằng: Kíp là cái hòm chứa sách, tráp sách. Sách Hán Thư cho rằng: Phụ kíp là cắp trên theo thầy tức là đi học. Bì thương cho rằng: Kíp đan tráp bằng tre, làm cái rương. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh cận ân khiếp ngược lại âm liêm diệp.

Đảm đăng ngược lại âm dưới đắc năng sách Khảo Thanh cho rằng: Bện trúc làm nấp che đậy. Sách Quốc Ngữ giải thích: Đăng là bện trúc làm cái dù nối liền với tay cầm. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Đăng là cây dù che mưa. Sách Sử Ký âm nghĩa giải thích rằng: Cái nón có tay cầm gọi là đăng sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh đăng.

Nan cấu âm dưới câu hầu Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cấu là nhìn thấy. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cấu thành kết cấu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kiến thanh cấu hoặc là viết chữ âm cũng đồng.

Bằng ly ngược lại âm dưới sĩ ly sách Sở Từ cho rằng: Rồng làm mưa Vương Dật chú giải rằng: Li giống như rồng mà không có sừng cũng gọi là xà lũ Quảng Nhã sách Thuyết Văn đều cho rằng: Đồng nghĩa trên, chữ viết từ bộ trùng thanh ly âm lâu là âm lâu.

Cương quái ngược lại âm dưới hoa quải Cố Dã Vương cho rằng: Quải là trở ngại. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Chim bay lên vướng lưới bất động, không cựa quậy được. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh khuê.

Châu trở âm trên là châu hựu âm dưới là trắc cứ Trịnh Tiễn chú

giải sách Chu Lễ rằng: Việc lớn cần phải thề thốt gọi là minh việc nhỏ thề thốt gọi là trở sách Thuyết Văn cho rằng: Châu trở là thề thốt. Châu trở hai chữ đều từ bộ ngôn đều thanh châu trở Văn Luận viết từ bộ khẩu viết thành chú trở tục tự dùng thông dụng.

Huân do ngược lại âm trên châu vân sách Ngọc Thiên cho rằng: Huân là cỏ thơm âm dưới là do đều là chữ chánh thể. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Do là cỏ mùi, cỏ cọng nhỏ mọc nơi bên nước. Tả Truyện cho rằng: Một cọng cỏ huân, cọng cỏ do mười năm mới giống như có mùi, sách Thuyết Văn (862) cho rằng: Huân do hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh huân do Văn Luận viết chữ huân là chẳng phải.

Đố mộc ngược lại âm trên dô lộ sách Chu Lễ cho rằng: Cầm nắm cây kéo cắt bỏ vật đã bị mọt đục khoét. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đố là con sâu mọt ăn cây gỗ, chữ viết từ bộ côn bộ thác thanh tĩnh âm tiển là âm tiển âm thác là âm thác cũng viết từ bộ mộc viết thành chữ đố chữ cổ âm nghĩa đều đồng.

Tiếu kinh ngược lại âm trên tiều tiêu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiều con sâu ăn cây đào. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tiều tiêu là con sâu mọt ăn cây đào, chữ viết từ bộ điểu thanh tiều âm dưới là minh sách Trang Tử cho rằng: Tiếu minh là con vật, con sâu bé nhỏ làm tổ, che kín lại gọi là vật nhỏ nhít. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Minh viết từ bộ trùng thanh minh âm tiếu là âm miểu âm hiệp là âm tiếp âm man là âm mạn.

Hề thữ ngược lại âm trên hiền kê Xuân Thu giải thích rằng: Hề thử là ở quanh vùng đất giao ngưu. Cố Dã Vương giải thích rằng: Hể Thử ăn thây người chết và chim thú đến cũng không biết cũng không biết đau đớn. Sách Thuyết Văn giải thích: Hễ thử là con chuột nhỏ, chữ viết từ bộ thữ thanh hề.

Tấn thân ngược lại âm trên tân tín Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký sách Khảo Thanh rằng: Tấn thân giống như cắm vào. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tấn gọi là cắm cái hốt vào đai áo, chỉ các quan lại. Giống như cắm cây kiếm vào đai thắc lưng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh tấn âm sáp ngược lại âm sơ hạp âm hốt là âm hốt âm dưới thất chân sách Khảo Thanh cho rằng: Thân là dây đai lớn Quảng Nhã giải thích: Thân giống như dây đai bó buộc lại, sách Luận Ngữ giải thích: Thân là thắc lưng to bản, đai lưng các sách đều có giải thân là đai lung chỉ các quan lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ mịch thanh thân.

Tế đảm ngược lại âm trên tất duệ Bao Quát chú giải sách Luận

Ngữ rằng: Tế giống như là đương nhiên như vậy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tế là chướng ngăn che. Quảng Nhã giải thích rằng: Ẩn trốn sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tế âm tế là âm tế âm dưới là xương đảm sanh Nhĩ Nhã cho rằng: Đảm là vạtáo che phía trước, gọi đảm nay gọi là vạt áo che đầu gối. Cố Dã Vương cho rằng: Vạt áo che phía trước sau rũ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y thanh đảm âm du là âm du Văn Luận viết chữ tể là chẳng phải.

Hào loạn ngược lại âm trên hiệu giao sách Khảo Thanh cho rằng: Hào là tạp loạn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Trộn lẫn lộn với nhau, chữ viết từ bộ thù thanh hào văn luận viết từ bộ thủy viết thành chữ hào là tên sông.

Hoặc tiệm ngược lại âm trên hoằng quốc theo Văn Luận giải thích tiệm là nghi ngờ là thành chữ nhược không theo bộ tâm thì sai. Nay sửa đổi lại. Theo bộ tâm viết chữ hoặc ngược lại âm dưới thất diểm Tự Thư cùng Quảng Nhã cho rằng: Tiệm là hầm dài. Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là hào ao bao quanh thành gọi là tiệm sách Thanh văn cho rằng: Tiệm là cái hầm, chữ viết từ bộ thổ thanh tiệm Văn Luận viết từ bộ trảm viết thành chữ tiệm chữ này chẳng phải.

Kinh nghê ngược lại âm trên cạnh kinh ngược lại âm nghệ kê Hứa Thúc Trọng giải thích rằng: Kình là loại cá vua. Cố Dã Vương cho rằng: Nghê đó là ăn cá con. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Kình nghê là con cá lớn. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Kình là con cá chết mà có tuệ tinh. Sách Văn giải thích: Cũng là con cá lớn. Kinh hai chữ đều từ bộ ngư đều là thanh kinh nghê âm đồng với âm trên.

Tuyền ky ngược lại âm trên từ duyên ngược lại âm dưới phàm hy sách Thượng Thư cho rằng: Là viên ngọc không tròn, lấy từ nơi Từ Thất Công. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Tuyền là viên ngọc đẹp sáng óng ánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ky cũng là viên ngọc không tròn. Tuyền hy hai chữ đều từ bộ ngọc đều thanh tuyền hy Văn Luận viết từ bộ túc viết thành chữ tuyền tục tự thường hay dùng. Cũng viết từ bộ dung viết thành chữ tuyền là chẳng phải.

Sàn nhiên ngược lại âm sạn nhàn vi thiệu chú giải sách Sử Ký rằng: Sàn là lòng cẩn thận, thận trọng sách Thuyết Văn giải thích: Cũng cẩn thận đàng hoàng, chữ viết từ bộ thi thanh sàn hoặc từ ba bộ tử viết thành chữ sàn âm cùng đồng với âm trên.

Lâm nghê ngược lại âm dưới chư kê sách Mục Thiên Tử Truyện giải thích rằng: Toan nghê tức là sư tử. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khuyển thanh nghê hoặc là viết từ bộ lộc viết thành chữ nghê hoặc là

viết chữ nghê âm cũng đồng.

Giả phục ngược lại âm giá dã sách Khảo Thanh cho rằng: Giả là mùa đỏ. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Y màu đỏ văn trước đã giải thích rồi.

Kinh nghị ngược lại âm trên cạnh nghinh sách Chu Lễ giải thích rằng: kinh là hình phạt bộ mực đen. Như nay ở Ấn Độ bôi mặt đen. Sách Sử Ký giải thích: Kinh phía sau vua che mặt nạ đen đó là hình phạt trên mặt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh kinh cũng viết từ bộ đao viết thành chữ kinh Văn Luận viết từ bộ kinh viết thành chữ kinh tục tự dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới nghi khí sách Khảo Thanh cho rằng: Nghị là cắt xẻo mũi. Sách Thuyết Văn viết chữ nghị xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao đến bộ nghị âm nguyệt là âm ngột.

Thủ giới ngược lại âm trên trừu cửu ngược lại âm dưới hài giới sách Thuyết Văn giải thích: Thủ giới gông cùm xiềng xích. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Bản gỗ còng tay gọi là chất còng ở chân gọi là cốc xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh thủ cũng viết chữ nữu giới chất cốc. Tên gọi chung giông cùm xiềng xích, chữ viết từ bộ mộc thanh giới.

Thôi điệt ngược lại âm trên thương hồi âm dưới điền kiết thôi điệt là tang phục. Văn Tự Điển nói: Điệt là trên đầu chít khăn tang. Thôi điệt hai chữ đều từ bộ mịch đều thanh thôi chí.

Hôn tráng ngược lại âm trên hôn muộn sách Khảo Thanh cho rằng: hôn là già mà đa chí. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hôn là loạn lầm lẫn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh hôn Văn Luận hoặc là viết chữ hôn là sai làm. Ngược lại âm dưới trác giáng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tráng là tính nóng nảy tinh thần không thoải mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tráng là ngu si. Chữ viết từ bộ tâm thanh tráng âm tráng Trụ Văn viết chữ trách âm sảng ngược lại âm sương giảng.

Lung mậu ngược lại âm dưới mạc hậu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Mậu là gắng sức, cũng gọi là tự cố gắng, vươn lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh mậu âm mậu đồng với thanh trên.

Tư khiển âm trên là từ sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Tư là bệnh sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh thử ngược lại âm dưới khiên chiến. Quảng Nhã giải thích rằng: Khiển trách, Thiên Thương Hiệt giải thích: Quở trách mắng nhiếc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh khiển.

Mi vu ngược lại âm trên mỹ bi âm dưới là vô ngọc thiên giải thích rằng: Mi vô là loại cỏ thơm. Bản Thảo giải thích: Mi vu hoa cung cúc,

lá nhỏ có mùi thơm thoang thoảng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mi vu hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh mi vô.

Yểm nhân ngược lại âm trên yểm diêm Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: Yển nhân là nay gọi là huỳnh môn. Sách Thuyết Văn giải rằng: Là người trong cung chiều tối đóng cửa, giữ cửa, tức là quan thái giám, chữ viết từ bộ môn thanh yểm âm hôn là âm hôn.

Phẩu tích ngược lại âm trên phổ cấu sách Thuyết Văn giải thích: Phẩu là cắt ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu ngược lại âm dưới tinh kích sách Thuyết Văn ghi: Tích là chặt đốn cây, cảnh v.v... từ bộ mộc đến bộ cân.

Ngưng tử âm dưới truy sử sách Khảo Thanh cho rằng: Tử là cặn bã dơ uế, sách Thuyết Văn cho rằng: Tử là cặn rượu, chữ viết từ bộ thủy thanh tể âm điện là âm điện.

Miểu mang ngược lại âm trên di tiểu Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Miểu là nhìn xa trông rộng sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh thiếu ngược lại âm dưới mạc lãng Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Mang là mênh mong bát ngát. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh mang âm mang đồng âm trên.

Xuy cú ngược lại âm dưới huống vu Ngọc Thiên cho rằng: Quát mắng thổi hà hơi, sách Thuyết Văn viết từ bộ khiếm thanh cú.

Áo đường ngược lại âm trên ách giao Cố Dã Vương cho rằng: Áo là không bằng phẳng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh ảo.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 7
THIÊN TÍN HỦY GIAO BÁO

Dương huyễn chi âm huyền quyến Quảng Nhã cho rằng: huyễn là khoe khoang, cũng là dối trái tự khoe tài, tên người, âm đản là âm đán.

U kiền ngược lại âm kiềm yển sách Khảo Thanh cho rằng: Kiền nay gọi là mấu chốt cửa. Xưa nay Chánh Tự viết chữ kiện từ bộ mộc thanh kiên.

Tật sưu âm dưới sửu do Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Sưu là kém, giảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bệnh hao tổn, sách Thuyết Văn cho rằng: Bệnh từ từ thuyên giảm, chữ viết từ bộ tật

thanh sưu âm sưu ngược lại âm lực hưu âm sai ngược lại âm xoa mại.

Phùng dịch ngược lại âm phụng phong Quảng Nhã giải thích Phùng là hội họp. Sách Lễ Ký giải thích: Khổng Tử lúc thiếu thời ở nhà họ Lỗ may áo dưới nách. Trịnh Huyền chú giải rằng: Phùng là may áo, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ mịch thanh phùng âm dưới doanh tích Bì Thương cho rằng: Dịch là nách bên trái sau khuỷu tay. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục đến thanh dạ âm dật ngược lại âm trần lật âm trửu ngược lại âm tri liễu.

Quách thuyên ngược lại âm dưới thất duyên tên họ Ích Châu thứ sĩ.

Đu văn ngược lại âm trừu hưu sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ du họ người.

Mang thân ngược lại âm mạc bàng sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Mang là rắn chúa. Quách Phác chú giải rằng: Rắn lớn, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ trùng thanh mang Văn Luận viết từ bộ bôn viết thành chữ mang tục tự thường hay dùng, âm hủy là âm hủy âm mang đồng với âm trên. Nam Xương gọi là con chó phéo đuổi con thỏ trong cỏ. Cho nên chữ mang từ bộ khuyển.

Sử tuấn ngược lại âm dưới tuân tuấn sách Khảo Thanh cho rằng: Tuấn là người tài xuất chúng hơn ngàn người. Có uy lực, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân âm thuyên ngược lại âm tuyền nhuyến Khảo Thanh cho rằng: Tên người, Văn Luận viết từ bộ nãi viết thành chữ tuấn tục tự thường hay dùng.

Xương bột ngược lại âm trên xương chương Trang Tử cho rằng: Xương là cuồng vọng. Cố Dã Vương cho rằng: Cuồng điên kinh hãi, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ khuyển thanh xương âm hải ngược lại âm ngũ hải âm dưới bồ một sách Khảo Thanh cho rằng: Bột là nói trái lẽ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trái nghịch sách Thuyết Văn giải thích: Loạn, chữ viết từ bộ ngôn thanh bột âm bột là âm bột Trụ Văn viết chữ bột Văn Luận viết từ bộ tâm viết thành chữ bột đều thông dụng âm trụ đồng với âm trên.

Giá bạt ngược lại âm trên thang lạc chữ viết từ bộ y ngược lại âm dưới bàn bát họ của Đông Ngụy.

Tích bệnh ngược lại âm trên tình diệc Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tích là bệnh. Công Dương Truyện cho rằng: Tích là cằn cỗi, gầy ốm. Hà Hựu chú giải rằng: Bệnh kiết lỵ âm lị là âm li theo Thanh Loại cho rằng: Gầy ốm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tật thanh tích.

Âm đông ngược lại âm dưới là đồng đong Quảng Nhã giải thích: Đông là bệnh đau nhức. Thích Danh cho rằng: Bệnh tê liệt, sách Thuyết Văn viết từ bộ tật chữ cổ âm tê là âm tỳ.

Tợ thiện ngược lại âm dưới thiền triển. Sách Khảo Thanh giải thích rằng: Thiền là tên cá. Sách Thuyết Văn cho rằng: Da cá có thể làm trống, chữ viết từ bộ ngư thanh thiền hoặc là viết từ bộ đản viết thành chữ thiện cũng là chữ cổ.

Húc tai ngược lại âm hung dục sách Nhĩ Nhã cho rằng: Húc là gắng sức khích lệ, cố gắng lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ lực thanh mạo.

Sàn nhiên ngược lại âm sạn nhàn trước đã giải thích rồi.

Phong thiềm ngược lại âm sạn nhàn trước đã giải thích rồi.

Phong thiềm ngược lại âm diệp kiêm sách Khảo Thanh cho rằng: Thiềm là cây gậy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh chiêm Văn Luận viết thiềm tục tự thường hay dùng.

Phi mi ngược lại âm trên tuy lủy âm dưới là mỹ sách Sở Từ giải thích: Cỏ tần gọi là phi mi, Vương Dật chú giải rằng: Tùy theo gió mà trải ra. Sách Vận Anh cho rằng: Phi mi là cỏ yếu mềm. Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ phi thanh ma.

Bố hộ sách Khảo Thanh cho rằng: Bố là ban la, âm dưới là hộ hộ là nhiều cỏ, sách Bát-nhã giải thích: Hộ đó là biến khắp, phổ biến.

Uy nhuy ngược lại âm trên ôi vĩ ngược lại âm dưới nhủ truy bản thảo giải thích: Uy nhuy là cỏ tức nay gọi là thảo dược, sách Thuyết Văn viết chữ uy nhuy hai chữ đều từ bộ thảo âm nhuy ngược lại âm như duy văn luận viết từ bộ mạch viết thành chữ nhuy tục tự dùng thông dụng.

Độn bôn ngược lại âm trên đồn côn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký sách Khảo Thanh cho rằng: Độn là chạy trốn, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng ấn giấu. Quảng Nhã cho rằng: Trốn tránh đời, sách Thuyết Văn viết chữ chữ cổ cũng là chạy trốn, chữ viết từ bộ xước thanh độn Tự Thư giải thích rằng: Viết chữ độn Văn Luận viết từ bộ nhục viết thành chữ đồn tục tự thường hay dùng.

Cấp quận ngược lại âm kim ấp. Sách Khảo Thanh cho rằng: Cấp quận nay gọi là chu vi quanh châu thành gọi là vệ châu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh cập.

Ủy duyệt ngược lại âm dưới duyên duyết Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Duyệt là thẻ tre. Sách Khảo Thanh giải thích: Thư từ sách vở, công nghiệp, ghi chép. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ môn thanh duyệt.

Cao hoang ngược lại âm trên cáo đao âm dưới hoang quang Đỗ

Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bệnh trong tim, dưới gọi là cao trong ngực gọi là hoang sách Thuyết Văn cho rằng: Cao hoang hai chữ đều từ bộ nhục đều thanh cao vong âm cách là âm cách.

Khám trạch ngược lại âm kham cam khám trạch là tên họ người.

Dương xác âm dưới khổ giác tên người.

Nhữ mao âm trên như dự sách Lễ vận giải thích rằng: Thời còn sơ khai ăn long ở lỗ. Sách Thuyết Văn từ bộ thảo thanh như.

Bao diêm ngược lại âm trên bao giao Hứa Thận giải thích sách Thuyết Văn tựa ghi rằng: Xưa đó Bao Hy Thị làm vua trong thiên hạ. Ban đầu làm nha dịch, và sau làm vua viên, tức là bao viêm. Sách Thuyết Văn viết tà bộ nghiểm thanh bao âm nghiểm là âm nghiêm.

Tương mậu ngược lại âm dưới mạc hầu Quảng Nhã giải thích rằng: mậu dịch, trao đổi, trước đã giải thích xong rồi.

Đạo trí ngược lại âm dưới tri lợi sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là tiệp ngại tức là không thông. Cố Dã Vương cho rằng: Trí là đốn ngã. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh chất.

(863) Khanh nhiệt ngược lại âm trên khổ hành sách Khảo Thanh cho rằng: Khanh là hầm, ngược lại âm dưới nhi chuyết theo chữ khanh nhiệt đó. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư tựa rằng: Tần Thủy Hoàng đốt sách đào hầm chôn sống các nho sinh. Xưa nay Chánh Tự giải thích: Nhiệt là thiêu đốt chữ viết từ bộ hỏa đến bộ nghệ thanh tĩnh âm nghê là âm nghệ.

Mân khí âm trên dân duẫn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mân là hôn loạn. Mao Thi Truyện giải thích: Mân là tiêu diệt sách Nhĩ Nhã giải thích: Diệt tận tiêu diệt hết sạch. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh dân.

Cấp trũng âm trên là cấp ngược lại âm dưới chu lung sách Thuyết Văn cho rằng: Trũng là lăng mộ. Phong trũng, phong con trưởng gọi là trưởng tử, chữ viết từ bộ mịch thanh thỉ âm bao là âm bao âm lung ngược lại âm lung lục Văn Luận viết từ bộ thổ viết thành chữ trũng tục tự dùng chẳng phải.

Bộ trật âm dưới trần lật Tự Thư cho rằng: Trật là bìa áo bọc sách. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bao gói lại. Xưa nay Chánh Tự giải thích: Bó buộc chữ viết từ bộ y thanh thất hoặc là viết chữ trật nghĩa cũng đồng. Văn Luận viết chữ trật tục tự thường hay dùng.

Mặc định ngược lại âm đình lịch tên người. Tức là Mạc Tử.

Mạnh khả âm dưới khả hà tên người con của Mạnh Tử.

Bất truân âm dưới độn luật thế bổn giải thích: Thời hậu Chu tức

thuân sinh. Bất tuân tứ Văn Vương Tổ đời thứ ba mươi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh xuất Văn Luận hoặc viết là từ bộ kiết viết thành chữ giáo là chẳng phải.

Biên trục ngược lại âm miệt miên Thiên Thương Hiệt cho rằng: Biên là dệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Biên là lề sách tức dây sâu các thẻ tre ngày xưa. Chữ viết từ bộ mịch thanh biên âm biên là âm thiên ngược lại âm dưới xung lục.

Duyên cập ngược lại âm dưới kim lập sách Khảo Thanh cho rằng: Cập là thú sự cũng là ràng buộc trong lòng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh cập.

Chỉnh đạo ngược lại âm đồ náo Văn Luận viết từ bộ nhật viết thành chữ đạo đó là chẳng phải.

Đồ liệu ngược lại âm trên đổ hạo ngược lại âm dưới liên điểu Mao Thi Truyện cho rằng: Liệu là loại rau cay, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đồ cũng là rau cay. Xưa Chánh Tự cho rằng: Đồ liệu hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh dư giao âm giao ngược lại âm lược ấu Văn Luận viết chữ liệu tục tự dùng thông dụng.

Cấu hức ngược lại âm trên cổ hầu ngược lại âm dưới huy vực Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cấu hức đó chỗ gọi là bờ mương thông nước ra nơi sông. Cấu là mương rộng bốn thước, sâu bốn thước. Hức là bờ mương rộng tám thước, sâu tám thước. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ cấu hức đều từ bộ thủy âm giảng là âm quan thanh huyết.

Vô tư âm dưới là tư sách Khảo Thanh cho rằng: Tư là hàng hóa

Trịnh Tiễn chú giải sách Nghi Lễ rằng: Tư là của cải dùng riêng tư, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là của cải, chữ viết từ bộ bối thanh thứ Văn Luận viết từ bộ thử viết thành chữ tư tư đó là người có tội nhỏ xài lạm phí vào của cải lấy của cải ra chuộc tội, chẳng phải nghĩa của bổn luận, cho nên không lấy dùng nghĩa này.

Xung thúy âm dưới tuy thúy sách Khảo Thanh cho rằng: Thúy là sâu xa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thúy là sâu xa, chữ viết từ bộ huyệt thanh toai.

Tỉ thư ngược lại âm trên tư hử sách Khảo Thanh cho rằng: Tỉ là ấn của thiên tử. Hán Thư cho rằng: Phong Hoàng Đế Phù Tỉ, ngọc ấn. Ứng thiệu chú giải rằng: Tỉ là ấn tín, Trụ Văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ tỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Vua đó là phải có ngọc ấn, chữ viết từ bộ ngọc thanh nhĩ chữ viết từ hai bộ mịch viết thành chữ tỉ tục tự thường hay dùng, âm mịch là mịch.

BIỆN CHÁNH LUẬN
QUYỂN 8
XUẤT ĐẠO NGỤY MẬU THIÊN

Lân quân ngược lại âm trên lật trân Công Dương Truyện giải thích rằng: Lân là con thú có lòng nhân, cũng từ bộ lận viết thành chữ lân nghĩa cũng đồng, đã giải thích rồi sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ lộc thanh lân âm lân là âm lân ngược lại âm âm dưới câu vân Công Dương Truyện cho rằng: Có con dương không có sừng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ lộc thanh khuẩn âm khuẩn ngược lại âm khu quân Trụ Văn viết từ bộ hòa viết thành chữ quân cũng viết chữ quân âm khuân là âm huấn đều đồng nghĩa.

Phiền ổi ngược lại âm dưới ô hối sách Khảo Thanh cho rằng: Ổi là không đúng, lạm dụng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khuyên thanh ổi.

Dung bể ngược lại âm trên lặc lung sách Khảo Thanh cho rằng: Dung là trên dưới quân đều. Mao Thi Truyện cho rằng: Quân đồng đều sách Thuyết Văn giải thích: Dung là thẳng đều chữ viết từ bộ nhân thanh dung âm dưới cổ mế sách Thuyết Văn giải thích: Bể là xương đùi ngoài, chữ viết từ bộ cốt thanh ty.

Thô duyên ngược lại âm trên thương hồ sách Thuyết Văn ghi chữ thô từ ba bộ lộc sách Khảo Thanh cho rằng: Thô là to lớn. Lại không tinh xảo, Văn Luận viết chữ thô tục tự thường hay dùng, ngược lại âm dưới là thuyên nhuyễn Tự Thư cho rằng: Duyên là bắp chân, bắp đùi, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh duyên âm phì là âm phì Văn Luận viết từ bộ đoan viết thành chữ thuyên túc tự dùng chẳng phải.

Kỳ tạng ngược lại âm dưới tát lang sách Khảo Thanh cho rằng: Tạng là của đút lót hối lộ sách Phương Ngôn cho rằng: Thọ nhận của cải gọi là tạng cũng viết chữ tạng.

Tăng huy ngược lại âm âm ư nghi theo Mao Thi Truyện cho rằng: Huy là áo đẹp, áo tế của vua. Tên người.

Khả bạo ngược lại âm bao báo sách Khảo Thanh cho rằng: Bạo loạn cũng là phạm. Mao Thi Truyện cho rằng: Xâm phạm với nhau. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ nhật bộ xuất đến bộ can mà đến bộ phong âm cũng là âm cung âm phong là âm thao Văn Luận viết chữ bạo là chẳng phải.

Linh thứu ngược lại âm tề tu tên núi, cũng là tên loại chim sách Khảo Thanh viết đúng là chữ cứu.

Kế tân ngược lại âm trên cư nghệ Tây Vực tên nước.

Sở thích ngược lại âm dưới thanh chích sách Thuyết Văn ghi: Loại côn trùng bò đi cắn chích người, chữ viết từ bộ hủy thanh xá âm hủy là âm hủy âm xá là âm xá.

Tật đố âm trên là tật Khảo Thanh cho rằng: Tật đố Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tật là hại. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hại người hiền gọi là tật. hại sắc gọi là đố chữ viết từ bộ nữ thanh tật ngược lại âm dưới đô cố.

Phạm lễ ngược lại âm dưới lịch để tên người.

Diện trứu ngược lại âm dưới trắc sưu, ngược lại âm dưới trắc sưu sách Khảo Thanh cho rằng: Trứu là da tu lại, da nhíu lại. Văn Tự Điển nói: Da tụ lại rộng ra, tức da nhăn, chữ viết từ bộ bì thanh sô âm sơ ngược lại âm sơ câu Văn Luận viết từ hai bộ kệ viết thành chữ trứu tục tự thường hay dùng.

Kháp đáo ngược lại âm trên khâm giáp sách Khảo Thanh cho rằng: kháp là vừa văn đúng, dụng tâm khít khao.

Huất lai ngược lại âm trên húc luật Tát Tông chú giải Tây Kinh Phú Truyện rằng: Huất là bỗng nhiên, sách Thuyết Văn cho rằng: Có gió thổi nổi lên. Chữ viết từ bộ khiếm đến bộ viêm.

Văn tăng ngược lại âm trên dật phân sách Khảo Thanh cho rằng: Văn Ngô Việt gọi là lụa mỏng có hoa. Văn Tự Điển nói: Dệt lụa có hoa văn gọi là lăng theo chữ văn tăng nay gọi là lụa mỏng, có hoa,

Trì hốt ngược lại âm dưới hôn một sách Khảo Thanh cho rằng: Hốt là thẻ tre. Sách Lễ Ký giải thích rằng: Phàm vua trước dùng hốt để truyền mạng mệnh, vua trước viết lên thẻ tre, tức là hốt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh vật.

Trang hoàng ngược lại âm trên trắc sương sách Khảo Thanh cho rằng: Trang sức làm đẹp, ngược lại âm dưới hoàng khoáng sách Khảo Thanh cho rằng: Hoàng là nhuộm màu vàng. Theo chữ hoàng nay gọi là tô điểm mạ vàng kinh sách đặc để nơi cao dùng vải lụa mùa xanh gói lại, âm phiếu ngược lại âm tất miểu.

Tước hỏa âm tước đã giải thích rồi. Chữ viết từ bộ hỏa thanh tước tục tự thường dùng.

Thần vi ngược lại âm trên thất nhân Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Thần là người đàn bà có mang bào thai. Quảng Nhã cho rằng: Trên thân có mang thai. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Người phụ nữ mang thai, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh thần âm thân là âm thân.

Phụ hy ngược lại âm dưới y hỷ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khe hở cửa sổ gọi là hy xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thanh y.

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 87

- Âm Phá Tà Luận hai quyển.
- Sùng Chánh Lục mười lăm quyển.
- Chân Chánh Luận ba quyển.
- Thập Môn Biện Hoặc Luận hai quyển.

Bên phải bốn luận hai mươi hai quyển đồng âm với quyển này.

PHÁ TÀ LUẬN
TỰA

Yểu minh ngược lại âm yếu hiểu sách Thuyết Văn cho rằng: Yểu là mắt sâu tối khó nhìn, chữ viết từ bộ huyệt bộ mục trong. Nay văn bút viết mỗi bộ thổ lại có che trên đều thông dụng chữ này. Nhưng lại lấy nghĩa sâu xa, không biết lý lẽ rất quái lạ, mất đi nghĩa sâu xa, hoặc là từ bộ ấu viết thành chữ yểu Mao Thi Truyện giải thích rằng: U tịch sách Thuyết Văn giải thích: Sâu xa mà nương hình như chưa được hợp, chữ viết từ bộ tảo viết thành chữ yểu chữ này thì đúng với chữ yểu minh có khi phần nhiều không dùng. Bởi vậy không xem bổn tự, sách Thuyết Văn cho rằng: Yểu minh từ bộ huyệt thanh tảo âm tảo đồng với âm trên cũng viết chữ hạnh.

Phát trích ngược lại âm đinh lịch sách Khảo Thanh cho rằng: Trích là lau chùi, bẻ ngắt vặn vẹo. Xưa nay Chánh Tự giải thích: Chữ viết từ bộ thủ thanh trích.

Phi độn ngược lại âm đồn độn Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Độn là ở ẩn. Quảng Nhã giải thích: Trốn tránh đời, sách Thuyết Văn cho rằng: Dời chuyển. Lại gọi là đi tuần hành, chữ viết từ bộ xước thanh thuẫn Văn Luận viết chữ đồn tục tự dùng cũng thông dụng.

PHÁ TÀ LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

Sĩ vận ngược lại âm trên trì nhỉ Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Sĩ là thấu suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cướp được chữ viết từ bộ y thanh sĩ âm sĩ là âm đoạn.

Tiến lôi ngược lại âm trên tiền tiến Chu Dịch giải thích rằng: Tiến lôi là sấm sét nổ. Vương Bậc chú giải rằng: Tiến là nặng, sách Thuyết Văn viết chữ tiến từ bộ thủy thanh tiến cũng viết chữ tiến.

Phẫn muộn ngược lại âm trên phân vẫn ngược lại âm dưới môn bổn Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Muộn cũng là phẫn Thiên Thương Hiệt giải thích: Muộn là phiền muộn sách Thuyết Văn giải thích: Phiền muộn chữ viết từ bộ tâm thanh mãn Văn Cổ viết chữ muộn nghĩa cũng đồng.

Nịch yên ngược lại âm âm trên ninh lịch chữ chánh thể. Mao Thi Truyện cho rằng: Nịch là lo lắng, suy nghĩ, sách Thuyết Văn cho rằng: Lo âu ưu phiền, chữ viết từ bộ tâm thanh thục.

Tham độc ngược lại âm trên sơ cẩm âm dưới là độc Lục Cơ Hán Tổ Công Thần đọc chữ mênh mông mù mịt trên là trụ dưới là tham độc là nhàm chán chấn động cả bốn biển bụi bay núi ngũ nhạc, cửu phục. Bồi hồi Tam Linh sửa đổi là bốc xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thạch thanh tham hoặc là từ bộ thổ viết thành chữ tham.

Điếu đẩu ngược lại âm trên điểu liểu ngược lại âm dưới đâu ngẩu Mạnh Khang chú giải Hán Thư rằng: Lấy ống đồng làm ống điếu, chứa một đấu, ban ngày nấu thức ăn uống, ban đêm đánh gõ, dùng làm cảnh báo trong đông người, cầm nắm đi theo quân lính, ở trong doanh trại, trong dương khố. Nay sửa đổi lại làm ống đồng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ chữ tượng hình, giống như cái đấu cái cán cầm. Văn Luận viết chữ thăng là sai.

Oa ca ngược lại âm trên á giai Thiên Thương Hiệt cho rằng: Oa là ca hát, Thanh Loại cho rằng: Nịnh hót sách Thuyết Văn cho rằng: Hòa tấu âm thanh, chữ viết từ bộ khẩu thanh khuê cũng viết chữ oa.

Bạch hoàn ngược lại âm hoán loan Hứa Thúc Trọng giải thích rằng: (864) Hoàn là lụa trắng, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh hoàn.

Thái ám ngược lại âm tập dâm tên người.

Quyên kỳ dục ngược lại âm trên quyết huyền sách Khảo Thanh cho rằng: Quyên là dọn trừ dơ uế cho sạch sẽ.

Không đồng âm trên là không âm dưới là đồng. Tên núi, đã giải thích rồi trong Biện Chánh Luận quyển thứ hai. Núi trong biển, tức là đảo.

Tiệp dư ngược lại âm trên tiêm diệp ngược lại âm dưới dữ chư theo Thanh Loại cho rằng: Tiếp phong tên người phụ nữ làm quan trong triều. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ nữ đều thanh tiệp dư.

Hán trạch ngược lại âm trên khám lạm chữ khứ thanh.

Sức hội ngược lại âm trên dư lực âm dưới hồi ngoại Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hội là dùng năm màu sắc để vẽ Trịnh Tiễn chú giải sách Luận Ngữ rằng: Vẽ sách Thuyết Văn giải thích rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh hội cũng viết chữ hội.

Lộc âm trên là trác Ứng Thiệu chú giải: Hán Thư rằng: Trác lộc là tên sông thuộc huyện Lộc, thượng nguồn là khe, tức là sông Dịch Châu, vùng biên giới.

Cửu ánh ngược lại âm ánh trình ánh là bướu cổ.

Hôn chấp ngược lại âm chiêm niệm Biện Chánh Luận quyển thứ hai đã giải thích âm chiêm ngược lại âm đinh diểm.

Thư phi âm trên đan nai âm dưới cơ nghi phi tần được yêu quí của vua Trụ. Văn Luận viết từ bộ nữ viết thành chữ phi âm phi ngược lại âm phương vi chẳng phải.

Hiểm duẫn ngược lại âm trên khảm kiếm âm dưới là duẫn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Một bộ tộc ở phương Bắc Trung Quốc. Xưa gọi là Bắc Địch, Trịnh Tiễn chú giải rằng: Bộ tộc Hung Nô. Văn Tự Điển nói: Giải thích cũng đồng âm trên, chữ viết đều từ bộ khuyển đều thanh nghiêm duẫn Văn Luận viết chữ hiểm ngược lại âm lực chiêm chẳng phải chữ nghĩa này.

Khiên vi ngược lại âm trên di kiên âm dưới là vị nhị tên sông. Hán Thư chú giải rằng: Khiêm là con sông chảy ra sông huyện Khiên Dương, phía bắc vào sông Vị, sách Thuyết Văn hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh nghiên vị âm nghiên là âm kiên.

Dương giới ngược lại âm âm giai giới. Tên người.

Nghiên soán ngược lại âm trên nghê kế chữ chánh thể từ bộ cung viết thành nghê ngược lại âm dưới sô hoạn sách Luận Ngữ cho rằng: Nghê là cái nỏ kheo bắn cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vua khen ngợi các quan bắn cung. Tức là Hạ Thiếu Khang bắn tên tiêu diệt quân địch, chữ viết từ bộ cung thanh nghiên Văn Luận viết từ bộ vũ viết thành chữ nghiên nghĩa là chim bay, nay tục dùng lâu chưa rõ thật

nghĩa, chẳng phải bổn tự.

Trạc toán ngược lại âm trên sĩ giác theo Tả Truyện cho rằng: Bá Minh Thị Thích nói xấu việc của người. Có người đệ tử là Hàn Trác, tức là Sát Nghiên.

Đệ y ngược lại âm đệ hề sách Thuyết Văn cho rằng: Đệ là mảnh lụa dày, chữ viết từ bộ mịch thanh đệ.

PHÁ TÀ LUẬN
QUYỂN HẠ

Cấu tuất âm dưới huynh vực nghĩa đã giải thích đầy đủ. Biện Chánh Luận trong quyển thứ bảy.

Hốt cốt âm trên là hốt âm dưới cốt sách Khảo Thanh cho rằng: Tên sông lớn, nước chảy hỗn loạn, hoạt là loạn nước chảy nhiều ngã; sóng nước ào ào, sóng lớn dồn dập.

Bàng bạc ngược lại âm bạc lang Biện Chánh Luận trong quyển thứ nhất cũng có, ngược lại âm dưới bổ mạc sách Khảo Thanh cho rằng: Rộng lớn.

Y-nại-quốc âm giữa nại tiếng Phạm.

Lam-tỳ-viên ngược lại âm lam-hàm tiếng Phạm.

Nhiệt trừ ngược lại âm trên nhuyễn chuyết Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nhiệt là thiêu đốt, sách Thuyết Văn viết chữ nhiệt từ bộ hỏa đến bộ chấp thanh chấp.

Hoa lưu âm trên họa qua âm dưới lưu Quách Phác chú giải rằng: Hoa là con ngựa có màu sắc rực rỡ như hoa, mà màu đỏ. Mao Thi Truyện cho rằng: Con ngựa trên thân màu đỏ đen lẫn lộn gọi là lưu cũng viết chữ lưu.

Bát tuấn ngược lại âm tuân tuấn.

Sái tâm ngược lại âm trên sĩ giai tục viết chữ sài.

Bất thuyên ân thuyên Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thuyên là hối lỗi, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh thuyên.

Xích an ngược lại âm lưu giảm nghĩa đã giải thích rồi. Biện Chánh Luận trong quyển thứ sáu.

Tĩnh oa ngược lại âm ô giai viết đúng là oa theo Thanh Loại cho rằng: Con ểnh ương dưới giếng.

Trào khuân ngược lại âm trên trương diệu ngược lại âm dưới quần

vẫn Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Khuẫn là một nấm mốc mọc dưới đất, giống như cây dù, Trang Tử giải thích rằng: Trào khuẩn là không biết ngày tối tăm, âm u. Tư Mã Bưu giải thích: Một loại nấm yêu ma.

Tuệ cô âm trên là huệ âm dưới là cô Trang Tử giải thích rằng: Tuệ cô là con dế không biết mùa xuân mùa thu gì cả. Suốt ngày cứ kêu, sách Thuyết Văn giải: Hai chữ đều từ bộ trùng đều thanh huệ cô.

Uyển vãn ngược lại âm trên vu nguyễn âm dưới là vãn theo Mao Thi Truyện cho rằng: Uyển là thuận theo Trịnh Huyền giải thích: Uyển là nói lời dịu dàng thuận theo, vãn nói lơi nhu mì, dung mạo xinh đẹp, uyển chuyển. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ nữ đều thanh uyển vãn.

Bàn cổ ngược lại âm trên bán man xưa cũng viết chữ cô tên cổ của vua, danh hiệu vua, Văn Luận viết từ bộ mộc đến bộ bán viết thành chữ bán là chẳng phải.

Thiện liên âm dưới là liên Cố Dã Vương cho rằng: Thiện liên là nói liên tục không gián đoạn.

Cổn sức ngược lại âm trên công bổn Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Cổn là áo rồng của vua. Trịnh Huyền chú giải rằng: Áo đen mà có thêu rồng. Sách Nhĩ Nhã giải thích: Áo thêu, sách Thuyết Văn cho rằng: Thiên tử hưởng lộc tiên vương thêu áo có rồng cuộn, phía sau đến vạt áo phía trước một bức, rồng uyển chuyển trên gọi là hương phục, sách Thanh văn viết từ bộ y thanh công.

Khuể bộ ngược lại âm trên khuy quý sách Lễ Ký cho rằng: Quân tử nửa bước cũng không dám quên, sách Phương Ngôn giải thích: Nửa bước gọi là khuể sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh khuể.

Mẫn thương ngược lại âm âm trên mân vẫn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mẫn là dáng vẻ lo buồn. Ly Tao giải thích: Thương xót lo âu thở dài, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh mẫn ngược lại âm dưới thường dương.

Ách quan ngược lại âm trên anh cách Tự Thư cho rằng: Ách là cầm nắm giữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ cách từ bộ thủ thanh cách âm cách là âm cách Văn Luận viết chữ ách tục tự dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới ô quán chữ chánh thể, sách Thuyết Văn giải thích: Quán là bàn tay nắm lại phía sau lóng tay, chữ viết từ bộ thủ thanh quán âm quan ngược lại âm miễn bản Văn Luận viết chữ uyển tục tự thường hay dùng.

Để dưỡng ngược lại âm trên chi tiểu sách Khảo Thanh cho rằng:

Để là đánh dẹp, tay đánh ném, đấm nện.

Vu hành ngược lại âm trên huống vu Quách Phác giải thích: Vu gọi là giương mắt lên trợn mắt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Căng mắt ra nhìn. Hán Thư cho rằng: Vu hành là mắt háo sắc. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mục thanh vu.

Dương đế ngược lại âm trên dương lượng sách Đọa Đế Ích pháp giải: Nghịch thiên ngược dân gọi là dương bên giải đãi biếng nhác gọi là dương.

Tiêu chi ngược lại âm trên chánh diêu tên sao Bắc đẩu. Tức sao thứ năm, sáu và bảy trong đuôi của chòm Bắc đẩu, đứng đầu các sao.

Bổ ngao ngược lại âm phu cao sách Khảo Thanh cho rằng: Con rùa lớn, Văn Luận viết chữ ngao tục tự không thể dùng.

San sơn ngược lại âm trên khu can Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: San là trừ bỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh can.

Sạn hải ngược lại âm sát giản Quảng Nhã giải thích: Sạn là tước đoạt, sang bằng. Xưa nay Chánh Tự viết tư bộ đao thanh tàn.

Mạn hiểm ngược lại âm trên man phan sách Khảo Thanh cho rằng: Man là chậm trễ, chậm rải, thong thả. Hoặc là viết chữ mạn Văn Luận viết từ bộ mục đến bộ man là chẳng phải ngược lại âm dưới kiểm yểm.

Bao bột ngược lại âm trên bao mao Quảng Nhã giải thích: Bao là tiếng chim hót, sách Thuyết Văn ghi: Tiếng hót ríu rít, tiếng rống, chữ viết từ bộ khẩu thanh bao ngược lại âm dưới bồn một Cố Dã Vương cho rằng: Bột là bùng lên thịnh vượng Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bỗng nhiên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ lực thanh bột.

Đam miện âm trên đảm cam âm dưới miên biến.

Tức thư âm trên tử lực âm dưới tử dư sách Phương Ngôn cho rằng: Con cuốn chiếu, con dế. Xưa nay Chánh Tự viết hai chữ đều từ bộ hủy đều thanh tức thư.

****

SÙNG CHÁNH DUYÊN
QUYỂN 1

Vĩ cấu ngược lại âm cẩu hầu Thích Danh cho rằng: Cấu là áo đơn không có cổ của dân tộc Hồ. Tự Thư giải thích: Áo trên, theo vĩ cấu đó là nhung địch bắt được tù binh lột da làm y phục. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cân thanh cấu cũng từ bộ y viết thành chữ cấu âm cấu đồng với âm trên.

Xế mạc ngược lại âm trên xương nhuế âm dưới mạc theo xế mạc đó là thuộc màn nhung che của nước Nhung Hồ.

Bề lao ngược lại âm trên tinh hề Vương Tú giải thích sách Gia Ngữ rằng: Bề lao là ngục, sách Tập Huấn giải thích: Bề lao là cửa ngoài ngựa chạy, sách Khảo Thanh giải thích: Chữ viết từ bộ mộc đến bộ phi đến bộ mộc viết thành chữ bề tên ngục. Nay tục tự dùng thông dụng, từ bộ tỷ viết thành chữ bề là sai. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lao ngục, chỗ gọi là câu thúc tội nhân. Chẳng phải từ chữ bề thanh tĩnh trong Văn Luận viết từ bộ khuyển viết thành chữ bề cũng chẳng phải.

Bô cự ngược lại âm trên bộ hồ sách Sử Ký giải thích: Thủy Hoàng làm vua hai mươi lăm năm trong thiên hạ thường hội họp uống rượu, năm ngày. Đến đời nhà Hán Luật trong nước vô cớ hội họp từ ba người sắp lên ăn uống, đó là bị phạt vàng bốn lạng. Nay thì hội họp uống ăn tặng biếu năm ngày thì không hề gì. Ngược lại âm dưới cự ngược Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Góp tiền uống rượu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vua đức lớn khắp thiên hạ hội họp uống rượu mà thôi, chữ viết từ bộ dậu thanh bổ cự là hội họp ăn uống, chữ viết từ bộ dậu thanh cự hoặc là viết chữ tạc.

Tuyền hào ngược lại âm tuyền duyên Quách Phác chú giải rằng: Tuyền là tên loại ngọc. Mục Thiên Tử Truyện giải thích: Bảo vật ở núi Xuân Sơn, có châu ngọc tên là tuyền. Cố Dã Vương cho rằng: Tức là hạt ngọc trai, chỗ gọi là bao gồm châu ngọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Người đẹp chữ viết từ bộ ngọc thanh tuyền trụ văn viết chữ hác văn cổ viết chữ giãn ngược lại âm dưới hiệu cao.

Thiên trụ ngược lại âm thù hựu Văn Luận viết chữ bị ngụy chữ này thì thiên triều chọn chữ ngụy không kham dùng. Nay không lấy.

Ngự nhất cảnh ngược lại âm trên ngự cứ cùng với chữ ngự cũng đồng.

Thôi ấp ngược lại âm bồi tập Trương Tấn giải thích rằng: Tập là cung tay giơ lên, chắp tay cung kính ủng hộ, vâng theo. Lục Bổn viết

chữ ấp âm đồng, nghĩa khác cũng châm chước dùng được.

Bất kiểu ngược lại âm kiêu liểu sáng trắng rõ ràng.

SÙNG CHÁNH DUYÊN
QUYỂN 2

Trí kiếm ngược lại âm liêm chiêm.

phiền tụ ngược lại âm tích lung (865) theo Thanh Loại cho rằng: Tụ tán người ta lấy thức ăn không tạp, đều gọi là tụ.

Dung tiểu ngược lại âm tiểu liễu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiểu là nói nhỏ bé. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh sưu.

Kiêu ngụy ngược lại âm trên kiêu tiểu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Kiêu xưng là giả dạng dối trá, lấy làm có. Cố Dã Vương cho rằng: Giả dạng xưng danh gọi là kiểu. Giã Quỳ giải thích rằng: Pháp luật của vua trước chẳng phải sửa đổi lại gọi là kiêu sách Sở Từ cho rằng: Kiểu là kêu là dáng bộ làm đẹp, lấy lòng sách Thuyết Văn cho rằng: Kiểu là duyên, chữ viết từ bộ thủ thanh kiêu Lục Bổn ghi: Viết từ bộ thỉ viết thành chữ kiêu âm thì đồng, nghĩa thì khác lạ.

Quỹ vọng ngược lại âm quy ủy gọi là dối trá.

Trọng kiển ngược lại âm kiên hiển sách Khảo Thanh cho rằng: Da hư nổi lên mụt như nứt nẻ ra. Xưa nay Chánh Tự viết chữ nghiên. Nay Lục Bổn viết chữ kiển là sai lầm.

Thôi cúc ngược lại âm cưu lục Trương Tấn Khảo Thanh cho rằng: Cúc là người có tội cúi khom lưng xuống. Viết đúng là chữ cúc từ bộ nhân đến bộ trúc đến bộ ngôn hoặc là viết chữ cúc.

Ngu khoáng ngược lại âm quang mãnh sách Thuyết Văn cho rằng: Khoáng là con chó hung dữ không thể đến gần, chữ viết từ bộ khuyển thanh quảng.

Tề manh ngược lại âm mạch bành.

Thận mạc ngược lại âm trên thần nhẫn văn chữ cổ. Nay viết chữ thận.

Du sử ngược lại âm trên dậu chu Mao Thi Truyện cho rằng: Du là chiếc xe loan nhẹ do nai kéo. Theo Tuyện cho rằng: Chiếc xe nhẹ có mui che trên dành cho người đi sứ.

Vu điền quốc âm giữa là điền luyện.

Từ quyết âm quyết.

Quỷ mị ngược lại âm mi bí Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Mị chỗ gọi là từ quái vật biến làm người để hoặc con người. Bởi vậy cúng tế trời đất. Thấy rõ ràng gọi là vật trăm năm làm thần gọi là mị kinh Sơn Hải giải thích: Mị là vật làm thân người đầu nó đen ngòm. Sách Thuyết Văn viết đúng là chữ mị là tinh của vật già nua biến làm người, con quỷ mọc lông lá, bộ sam nay cũng viết chữ mị hoặc là viết chữ mị.

Ngư quyến ngược lại âm hoàn mạn.

Tổn đạp ngược lại âm trên tôn tổn ngược lại âm dưới đàm hợp Mao Thi Truyện cho rằng: Tụ hợp nói chuyện với nhau, nói qua nói lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Tụ hợp nói chuyện chữ viết từ bộ khẩu đều thanh tôn đạp cũng viết chữ tổn nay Văn Lục viết từ bộ túc viết thành chữ tôn đạp là chẳng phải.

- Quyển 3 Còn thiếu bổn không âm.

SÙNG CHÁNH DUYÊN
QUYỂN 4

Vỷ diệp ngược lại âm trên vĩ quỹ ngược lại âm dưới viêm triếp Văn cổ viết chữ chánh thể. Mao Thi Truyện cho rằng: Vĩ là lửa cháy đỏ rực, sách Thuyết Văn cho rằng: Lửa cháy sáng rực, chữ viết từ bộ hỏa thanh vĩ Quảng Nhã cho rằng: Diệp là sáng rực. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh diệp âm diệp đồng với âm trên. Chữ chánh thể. Văn Lục viết chữ diệp là sai.

Khô mệnh ngược lại âm trên khổ cô Cố Dã Vương cho rằng: Khô là khoét trong bụng ra còn rổng không. Sách Thuyết Văn giải thích: Phanh ra chữ viết từ bộ đao thanh khô.

Mãng xà ngược lại âm trên mang hoảng.

Lư triển ngược lại âm trên lữ khưu ngược lại âm dưới chiêm triển Bì Thương cho rằng: Triển là người kỵ sĩ nằm trên lưng con ngựa phóng nhanh. Trương Tấn giải thích: Con ngựa phóng từ từ di chuyển. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh triển.

Nhị chiêm ngược lại âm trên xưng chiêm Mao Thi Truyện cho rằng: Vạt áo che phía trước, gọi là thiềm, sách Phương Ngôn giải thích: Chiêm gọi là vạt áo che dưới nách. Quách Phác chú giải rằng: Áo che

dưới nách, sách Thuyết Văn giải thích: Áo che phía trước, chữ viết từ bộ y thanh chiêm. Theo Truyện viết từ bộ thị viết thành chữ xâm là phân xâm âm tử phụng không có nghĩa.

Lưỡng phiêu ngược lại âm ty liệu Quảng Nhã cho rằng: Phiêu là tay áo. Bì Thương cho rằng: Tay áo xưa nay Chánh Tự viết từ bộ y thanh phiêu.

- Quyển 5: trong quyển này đều Lục Biện chứng Luận quyển thứ hai. Quyển thứ năm Văn Bổn Luận đã âm giải thích rồi, lại không giải thích trùng lắp nữa.

- Quyển 6: Trong quyển này Lục Biện Chánh Luận, đầu quyển thứ sáu cho đến hết quyển thứ sáu một nửa Bổn Luận giải thích rồi.

- Quyển 7: Quyển này Lục Biện Chánh Luận quyển thứ sáu, đến cuối cùng Bổn Luận đã âm giải thích rồi.

- Quyển 8: Quyển này Lục Biện Chánh Luận, quyển thứ tám cuối quyển đầu trang bốn hơn Bổn Luận âm giải thích rồi.

- Quyển 9: Bổn thiếu không âm.

- Quyển 10i: Quyển này Lục Chân Chánh Luận, Bổn Luận đã âm giải thích rồi.

- Quyển 11: Quyển này Lục Chân Chánh Luận. Bổn Luận đã giải thích đầy đủ.

SÙNG CHÁNH DUYÊN
QUYỂN 12

Đầu quỷ ngược lại âm quy vĩ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quỷ là cái tráp, cái hộp. Nay xem cái hợp có gốc vuông, tên gọi khác.

Lạp thiên ngược lại âm lam hạp Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Lạp là bẻ gãy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Là đánh, đục khoét, chữ viết từ bộ thủ thanh lập cũng viết chữ lập.

Lang vũ âm trên là lang âm dưới vô phủ Thích Danh cho rằng: Nhà lớn gọi vũ sách Thuyết Văn giải thích rằng: Nhà nhỏ xây chung quanh nhà lớn, chữ viết từ bộ nghiễm thanh vô.

Trấn ỷ ngược lại âm trên thận trân ngược lại âm dưới y ky.

Khổn khoản ngược lại âm trên khôn ổn ngược lại âm dưới khoan quản Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hết lòng chân thành. Quảng

Nhã cho rằng: Chí thành thực, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh khổn.

Phẩm vị ngược lại âm vĩ quý Quảng Nhã giải thích: Vị là cùng một loại, lấy các thứ cùng một loại xếp cùng với nhau, kéo ra, dẫn ra cùng một loại. Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ quy đến bộ vị thanh tĩnh âm kệ ngược lại âm đại hề. Đan khiểm ngược lại âm liêm điếm sách Khảo Thanh cho rằng: Khiểm là vừa lòng thỏa dạ, đầy đủ.

Khuê hy tịch ngược lại âm trên tủy họ người.

Quyển 13, Quyển 14, Quyển 15. Ba quyển trên bổn thiếu không có âm.

****

CHÂN CHÁNH LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

Điên trí ngược lại âm trên điển niên theo Thanh Loại cho rằng: Điên đốn ngã ngửa, Quảng Nhã cho rằng: Ngã ngửa, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Té ngã ngược lại phía sau. sách Thuyết Văn cho rằng: Gót chân chữ viết từ bộ túc thanh chân cũng viết điền. Nay Bổn Luận viết chữ điên âm cũng đồng. Nhưng mà mất nghĩa, ngược lại âm dưới tri li Cố Dã Vương cho rằng: Trí giống như là đốn ngã. Quảng Nhã cho giẫm đạp lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Gót chân, chữ viết từ bộ túc thanh chất âm liềm là âm nghiệp.

Tọa khư ngược lại âm dưới khư ngư sách Khảo Thanh cho rằng: Khư là cởi áo, trừ bỏ, cắt bỏ tay áo.

Ẩn kỷ ngược lại âm trên ân cân âm dưới là kỷ.

Giản sách ngược lại âm gian nhãn Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Giản thẻ tre dùng để viết ngày xưa, thư từ viết trên tre. Cố Dã Vương giải thích: Chỗ dùng để viết thư ghi chú các việc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thư từ giấy từ ngày xưa như dâng sớ lên vua, chữ viết từ bộ trúc thanh gian Văn Tự viết từ bộ thảo viết thành chữ giản là sai. Ngược lại âm dưới thương trách sách Chu Lễ cho rằng: Cửu mệnh chư hầu thì là sách mệnh. Tức công lệnh cáo thị đề ra. Trịnh Huyền chú giải rằng: Gọi là giản sách thư vương mệnh, tức là mệnh lệnh của vua ban hành. Khảo sát ấp, độc đoán sách đó gọi là giản là không đầy đủ một trăm văn thư không phải là thư. Sách đó là người ta chế ra dài hai thước, ngắn đó là phân nửa, một dài, một ngắn bện lại hai cái trên dưới thành

chữ triện, nổi lên năm tháng. Phàm mệnh lệnh chư hầu, bậc tam công có tội chết và miễn tội viết vào văn thư. Sách Thuyết Văn cho rằng: Phù mệnh tức thẻ bài, chư hầu được vua tiến cử, giống như trao cho văn thư lệnh bài, một dài một ngắn trong có hai thẻ bện lại. Văn Cổ viết từ bọ trúc viết thành chữ sách.

Bì mậu ngược lại âm thất di sách Khảo Thanh cho rằng: Bì là viền mép, mãnh lụa viền màu trắng, buộc chân mỏng. Ngược lại âm dưới mi ấu lừa dối, khinh khi, lầm lẫn.

Cừ lô ngược lại âm trên cự ngư Trương Tấn giải thích rằng: Cừ là chiếu tre, cũng là bệnh phù thủng. Nói lời mềm dịu sợ làm cho người khác buồn, khác thể cúi đầu khuất phục, ngược lại âm dưới lữ chư sách Khảo Thanh cho rằng: Loại nhà ở trọ.

Ngôn nghị ngược lại âm nghi ký Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nghị đó là bàn luận sắp xếp các việc có thứ tự, Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Nghị đó giống như sắp xếp sửa chữa. Mao Thi Truyện cho rằng: Khéo léo, đúng nghi thức, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Phép tắc nghi tắc của người, chữ viết từ bộ ngôn thanh nghi.

Đạo cai ngược lại âm cải ai Giã Quỳ giải thích rằng: Cai là chuẩn bị bao gồm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh cai.

Tư giảm ngược lại âm lam sám sách Khảo Thanh cho rằng: Giám là chiếu soi rõ ràng. Lại cũng viết chữ giảm.

Cảm tố ngược lại âm tô cố Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tố giống như là hướng tới. Xưa nay Chánh Tự giải nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ nhân viết thành chữ tổ

Giản độc ngược lại âm đồng lộc.

Cụ nhiên ngược lại âm trên cụ ngộ Cố Dã Vương cho rằng: Dáng vẻ kinh sợ. Mao Thi Truyện cho rằng: Dáng điệu không giữ bình tĩnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ duy thanh cụ viết đúng từ hai bộ mục viết thành chữ cụ gọi là nhìm bên phải bên trái. Nay văn truyện viết chữ cụ là sai.

Đa mộng ngược lại âm mặc băng sách Khảo Thanh cho rằng: Hổ thẹn buồn bã, sách Thuyết Văn viết chữ mộng gọi là tối tăm u âm, chữ viết từ bộ tâm đến thanh mộng.

Kiểu mộc ngược lại âm trên tiệp yểu các chữ trong sách và kinh sử đều không có chữ này. Các vấn đạo gia tương truyền là âm kiển chưa rõ nghĩa nào.

Dương ác ngược lại âm giang nhạc Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Dương sát là thô lược. Sách Thuyết Văn viết từ bộ

mộc thanh sát âm đồng với âm trên.

Kiêm tương ngược lại âm trên hiệp liêm ngược lại âm dưới tưởng dương.

Đế học ngược lại âm không ốc cha của vua Nghiêu.

Hoàng phủ mật ngược lại âm dân tất tên Tấn Cao Sĩ.

Thần kiêu ngược lại âm trên thùy luân Khổng An Quốc chẳng sách Thượng Thư rằng: Thuần túy, Quảng Nhã cho rằng: Thuần hậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Không rót tưới thấm ướt, chữ viết từ bộ dậu thanh thuần âm thuần đồng với âm trên. Văn Luận viết chữ thuần âm cũng đồng, nghĩa thì chẳng phải. Ngược lại dưới hiểu nghiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Kiêu là mỏng manh, bạc bẽo,

Kiều tự ngược lại âm huyền huyễn Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Loại thú giống trâu lông màu xanh, có một sừng, xuất ra từ Tây Hải nước Đại Tần, có nuôi dưỡng giống như con chó có nhiều sức mạnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Phân biệt từ bộ hổ tức là đấu tranh của cải, âm hổ ngược lại âm ngũ nhàn (866) Văn Luận viết chữ bưu là sai. ngược lại âm âm dưới tư tỉ Kinh Sơn Hải giải thích rằng: Tự là ở nơi vua Thuấn Trang. Đông Minh sông Nam, có giống thú hình trạng giống như con trâu lông màu xanh đen, Quách Phác chú giải rằng: Con thú có một sừng mày xanh nặng ngàn cân. Sách Thuyết Văn ghi: Như giả thú, trâu hoang mà lông màu xanh đen, chữ tượng hình, đồng đồng như cần thú. Bổn Luận viết chữ tiên.

Quỷ vọng ngược lại âm lạt tri sách Khảo Thanh cho rằng: Quái vật thần ở sông núi, cũng gọi là tinh vật của sông núi.

Phái kỳ ngược lại âm trên ba ngõa sách Thuyết Văn giải thích: Phái là nước chảy rẽ riêng ngã khác. Chữ viết từ bộ thủy thanh phái âm phái cũng là thanh, âm phái ngược lại âm phổ mại Văn Luận viết chữ phải là sai lầm.

Hữu sào ngược lại âm sĩ giao tức là hiệu của cổ cũng gọi là sào cư.

Toại nhân âm trên trại cũng là hiệu của vua ban đầu, dụng cụ lấy lửa ngày xưa đã thuần thục.

Thao thanh ngược lại âm âm trên thảo đao. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thao là bao đựng kiếm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ vĩ thanh thao.

Táo độc ngược lại âm đồng lộc Giả Quỳ chú giải rằng: Độc là kết hôn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Gọi là kết hôn nhiều lần mà không thành lễ. Sách Thuyết Văn giải thích: Nắm giữ ô uế, nhơ bẩn,

chữ viết từ bộ hắc thanh độc cũng viết chữ độc.

Chích thật ngược lại âm trên chánh thạch sách Phương Ngôn cho rằng: Chích là nhặt lấy, sách Thuyết Văn viết chữ chích cũng gọi là thu gom, nhặt góp, góp nhặt, chữ viết từ bộ thủ thanh thạch.

Phẩu ích ngược lại âm trên phổ hậu ngược lại âm dưới tinh diệc sách Thuyết Văn ghi: Chẻ cây ra phân tách ra, chữ viết từ bộ mộc thanh cân Văn Luận viết tích là chẳng phải.

Sáng tác ngược lại âm sơ hướng Giả Quỳ chú giải rằng: Sáng là lập ra đầu tiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mở đầu cơ nghiệp, chữ viết từ bộ tinh thanh đao Văn Luận viết chữ sang tục dùng thông dụng, âm nhẫn ngược lại âm sở lương.

Chương tiều ngược lại âm tiều tiếu nghĩa đã giải thích rồi trong Biện Chánh Luận cũng viết tiều tiêu.

Khảo hạch ngược lại âm hành ách sách Thuyết Văn cho rằng: Khảo sát sự thật. Tây Vực dùng từ hẹp bao trùm kín nghĩa, từ được khảo sát sự thật.

Chi trăm ngược lại âm tàm cảm sách Thuyết Văn giải thích Thẻ gỗ để viết đánh gõ, chữ viết từ bộ mộc thanh trẩm.

Chi cô ngược lại âm cổ hồ Mã Dung chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cô là chén rượu ngày xưa dùng các lễ ở làng, dung lượng chưa hai thăng. Theo Văn Luận nghĩa tức là loại dụng cụ bằng dùng để viết chữ ngày xưa. Ví dụ tháo cô là nhuộn lông chim làm viết, cũng viết chữ cô.

Tiêm đề ngược lại âm tiếp diêm Trương Tấn chú giải rằng: Thẻ tre nhỏ. Xưa đó là đề mục viết lên thẻ tre, để ghi sự việc cho rõ ràng gọi là tiêm. Nay nghĩa là tên của vị quan Điển Thượng chủ Bạch sự. Sách Thuyết Văn giải thích người có nhiều kinh nghiệm, chữ viết từ bộ trúc thanh tiêm âm tiêm là âm tiêm.

Cúc lý ngược lại âm trên quan lục sách Khảo Thanh cho rằng: Khom lưng, cùng cực Văn Luận viết chữ cúc tục tự dùng thông dụng.

Thước kim ngược lại âm trên thương nhược Văn Luận viết chữ thước mất nghĩa.

Oa giác ngược lại âm trên quả hoa Trang Tử giải thích: Có nước có loại ốc sên có sừng bên phải. Có nước loại ốc sên có sừng bên trái, như thời Man đấu tranh với nhau dành đất đai. Chiến tranh thây chết đến hàng vạn, đuổi về phương bắc, tuần có năm ngày mà thối lui. Cố Dã Vương cho rằng: Tức phù du, sách Thuyết Văn giải thích: Tức là ốc sên, chữ viết từ bộ trùng thanh oa.

Mong ế ngược lại âm trên mộc bồng ngược lại âm dưới khẩn kế tên của Đạo Gia Thiên.

Lượng diệc ngược lại âm trên lương thượng Mao Thi Truyện cho rằng: Lượng là tin. Tin số đông gọi là lượng Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ ngôn thanh kinh.

Biện hựu ngược lại âm vưu cứu.

Từ ba ngược lại âm phổ ba sách Thuyết Văn cho rằng: Ba là hoa của cây cỏ, chữ viết từ bộ thảo thanh ba.

Chi hú ngược lại âm vu cú Quảng Nhã cho rằng: Hú là ấm áp, nóng nhiệt sách Thuyết Văn giải thích: Hấp chưng ấm, lại cũng gọi là lửa cháy đỏ rực. Lại cũng gọi là ướt át, ấm áp, chữ viết từ bộ hỏa thanh hú.

Thu phiêu ngược lại âm tất diêu.

Đại cự ngược lại âm cương ngược sách Thuyết Văn cho rằng: Cự là cười lớn, chữ viết từ bộ khẩu thanh cự.

Thư công ngược lại âm trên thất dư một loại khỉ theo sách Trang Tử giải thích: Thủ công gọi là nhiều loại vượn, cũng gọi là sáng ba chiều bốn vậy là như thế nào. Nhiều vượn đều phẫn nộ mới đổi lại sáng bốn chiều ba, như vậy số vượn đều vui vẻ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh thư Văn Luận viết chữ thư.

Bối suyển ngược lại âm trên cổ hoài Quảng Nhã cho rằng: Bối là phía sau lưng, nghiêng một bên. Sách Thuyết Văn giải thích rằng: Quay lại xoay chuyển, ngang ngạch. Loại rau cỏ phương Bắc, so sánh văn cổ có khác biệt, âm vu là âm quán, ngược lại âm dưới là xuyên nhuyễn Cố Dã Vương cho rằng: Suyển là sai sót, không đều. Mạnh Khang cho rằng: Đan xen lẫn nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Đối ngọa, chữ viết từ bộ chuy đến bộ khoa gọi là chống trái với nhau, bộ chuy là âm tuy bộ khoa là âm khoa là âm khoa Dương Hùng viết chữ sai.

CHÂN CHÁNH LUẬN
QUYỂN TRUNG

Tuyền ky ngược lại âm trên tịch duyên ngược lại âm dưới kỹ hy sách Ngu Thư giải thích rằng: Tuyền ky là viên ngọc đo lường đoán dụng cụ thiên văn thời xưa, lấy từ người Tề thất chính.

Trú cảnh ngược lại âm trên chu cụ tăng thượng cho rằng: Trú là

dừng lại nghỉ nghỉ, sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa đứng lại chữ viết từ bộ mã thanh trụ.

Kiểm ái ngược lại âm ai cái.

Sát thật ngược lại âm trên kháng giác Hàn Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: Sát là cứng chắc, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thạch thanh sát Văn Luận viết chữ sát là sai.

Át vận ngược lại âm trên quán hoạt Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Át là xoay chuyển, sách Thuyết Văn viết từ bộ đấu thanh át.

Ám giả ngược lại âm trên ư câm sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Tề Tống khóc mà không có tiếng là ám tục gọi là ám á tức khóc thầm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu â thanh ám.

Phát tiết ngược lại âm tiên tiết Quảng Nhã giải thích: Tiết là rĩ nước, Mao Thi Truyện cho rằng: Phát tiết, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh tiết cũng viết chữ tiết.

Ly tục ngược lại âm ly chi Quảng Nhã cho rằng: Ly là rượu nhạt, sách Thuyết Văn ghi rằng: Thù tạc rót rượu mời nhau, chữ viết từ bộ dậu thanh ly.

Thư trá ngược lại âm trên thất dư Quảng Nhã cho rằng: Thư là con vượn, khỉ. Hán Thư giải thích: Những con khỉ làm trò dối trá, chọc ghẹo. Cố Dã Vương giải thích: Những con khỉ xông tới, gọi là dò xét hậu hạ. Hán Thư viết từ bộ khuyển thanh thư.

Nguyệt xế ngược lại âm xuyên nhuế Đỗ Tử Xuân chú giải sách Chu Lễ rằng: Xế là đào hang xuyên qua. Nay ở Nam Dương gọi là xuyên qua đất tức là đường hầm, gọi là xế xưa nay Chánh Tự viết từ bộ huyệt thanh xế.

Đế phù cừ ngược lại âm trên để kế sách Thuyết Văn cho rằng: Đế là quả dưa, quả bầu, chữ viết từ bộ thảo thanh đới âm giữa là phù ngược lại âm dưới cự ngư là tên khác của hoa sen.

Vi lư ngược lại âm giả ư Quảng Nhã giải thích: Lư là căng ra thư giản. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh lư.

Hạp lư ngược lại âm trên hàm lạp âm dưới lữ cư.

Lai ngũ phù ngược lại âm tế tề nắm giữ công tác cứu tế, ban phát của cải cho người.

Lôi đình âm trên lô đôi viết đúng chữ lôi ngược lại âm dưới định đinh sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiếng sấm nổ chớp nhoáng là đình Quách Phác chú giải rằng: Tiếng nổ bắn ra tung tóe, Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Tiếng sấm sét, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Tiếng lôi chấn, tiếng chuông lenh keng, chỗ gọi là đề xuất ra vạn vật, chữ viết từ

bộ vũ thanh đình.

Chi chiêm âm điểm.

Ly chu ngược lại âm trên li tri ly là hạt châu của rồng.

Sâm nhu ngược lại âm như cứu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nhu là tạp loạn, lộn xộn, viết đúng là chữ nhu sách Thuyết Văn viết từ bộ mễ thanh sửu.

Khu y ngược lại âm trên khẩu cấu sách Lễ Ký cho rằng: Khu là cắt bỏ hai tay áo, bằng một thước tấc. Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là lấy tay áo giơ lên phía trước Quảng Sơ giải thích: Nâng lên, giơ lên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh khu Văn Luận viết từ bộ mộc viết thành chữ khu là chẳng phải.

Triệt nhẫn ngược lại âm trên triền liệt sách Bát-nhã giải thích: Triệt là phát ra, ngược lại âm dưới ni chấn Vương Dật chú giải, sách Sở Từ rằng: Nhân là xoay chuyển bánh xe, bánh xe lăn trên đất, sách Thuyết Văn giải thích: Chiếu xe bị chướng ngại, chữ viết từ bộ xa thanh nhẫn.

Uyển túc ngược lại âm trên miễn nguyễn Trương Tấn giải thích rằng: Chân chưa bước thẳng tới chạy nhanh được, chân bị gãy.

Trầm hoàng ngược lại âm hoảng quang Bì Thương cho rằng: Du hoàng là tên của loại thuyền đời nhà Ngô. Ngô Công Tử trước cùng với nước Sở chiến đầu, khi ngưng chiến dùng chiếc thuyền này để chuyên chở quân lính, âm dư là âm dư.

Vạn vị ngược lại âm vi quí nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi, trong quyển Sùng Chánh Lục.

Ngạo vật ngược lại âm trên ngô đáo Khổng An Quốc chú giải rằng: Ngạo là khinh thường, Văn Luận viết từ bộ tâm thích thành chữ ngạo nghĩa cũng đồng.

Phục hy ngược lại âm hứa ky cũng là hiệu của vua Bao Hy. Văn Luận viết chữ hy cũng đồng.

Chuyên hồi ngược lại âm trên triển liên Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Chuyên là chuyển đi, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh chiên.

Khể thúc dạ ngược lại âm trên hệ kê tên của người nước Tấn gọi là Trúc Lâm Thất Hiền.

Nghịch thần ngược lại âm trên là xích chữ chánh thể Văn Luận viết chữ nghịch tục tự thường hay dùng.

Nhượng tai ngược lại âm trên nhương chương sách Khảo Thanh cho rằng: Nhượng là bài trừ, ngược lại âm dưới tể tài chữ chánh thể Văn

Luận viết chữ tai tục tự thường hay dùng.

Văn thải ngược lại âm trên vẫn phân sách Khảo Thanh giải thích rằng: Ngô Việt gọi lụa mỏng có hoa chấm nhỏ là văn âm dưới sai tể sách Khảo Thanh cho rằng: Tấm lụa mùa trắng, có màu sắc, lụa màu.

CHÂN CHÁNH LUẬN
QUYỂN HẠ

Ân vẫn ngược lại âm văn phân sách Thuyết Văn cho rằng: Vẫn là bên mép miệng, chữ viết từ bộ khẩu thanh vật.

Tước hỏa ngược lại âm trên tương dược Tự Thự cho rằng: Tước là cây đuốc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa thanh tước.

Hy cảnh ngược lại âm trên hỷ ky.

Tầng diệu ngược lại âm trên phú đăng Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Tằng nhà nhiều tầng, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thi thanh tắng.

Hấp khí ngược lại âm trên hấp ấp sách Thuyết Văn cho rằng: Hấp là trong thở ra hô hấp, chữ viết từ bộ khẩu thanh cập Văn Luận viết chữ hấp tục tự thường hay dùng.

Giới thận chữ cổ viết chữ thận.

Bính nhiên ngược lại âm trên binh mãnh Quảng Số chú giải rằng: Bính (867) là lửa cháy sáng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hóa thanh bính hoặc là viết chữ bính.

Ngũ tộ ngược lại âm tạng lạc Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tộ là vui vẻ phúc lạc, tên trong cung của Hán Vũ Đế.

Vân hạt ngược lại âm hàn át sách Phương Ngôn cho rằng: Người nước Sở gọi áo bào là hạt sách Đạo Gia Huấn phần nhiều nói là áo. Trên lại viết là vân tức là khí sương hơi ẩm ướt.

Nghê thường ngược lại âm trên nghịch hề Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nghê là mây có màu sắc giống như rồng. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nghê cầu vồng cũng gọi là thường tức là tên bài múa hát do Đường Minh Hoàng tu chỉnh dùng cho vũ nữ ca múa, trên áo có vẽ màu sắc lẫn lộn. Hoặc là màu xanh, màu đỏ giống như cầu vồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cầu vồng cong lại như ráng trời, khí âm, chữ viết từ bộ vũ thanh nghê.

Các vụ ngược lại âm vô phó Cố Dã Vương cho rằng: Vụ là ngựa

chạy mau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh vụ.

Đậu duyên ngược lại âm trên đầu lậu Cố Dã Vương cho rằng: Đậu là dừng lại. Hán Thư âm nghĩa cho rằng: Đậu là đi trốn tránh quanh co, trốn tránh quân địch, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngừng chữ viết từ bộ xước thanh đậu.

Quyến cước ngược lại âm trên quyết huyền ngược lại âm dưới căng lực tên của hai người, tức là sư quyến cước là con.

Đế thường ngược lại âm đề lệ sách Thuyết Văn cho rằng: Đế là buộc lại, chữ viết từ bộ mịch thanh đế.

Đàn toản ngược lại âm trên đản đan Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đàn là đài cao đắp bằng đất, chỗ cúng tế trời, nói là đàn đó buồn rầu, vua Minh Hoàng. Ngược lại âm dưới là toàn toán âm toán là âm toan theo chữ đàn toản đó nghi thức, mỗi ngày phải rót rượu cúng tế đàn là dựng cây đứng bốn mặt khắc vẽ ở trên đất, hoặc là cắm lông lên trên. Như nay người nước Sở mỗi ngày cầu đảo, nên buộc cỏ mao lại làm bó ngắn cắt cho bằng, cắm cây gậy trúc, cắm lên trên, cắm đứng thẳng trên đất, rồi bày ra rượu thơm cúng tế xong rồi mới vất bỏ chẳng phải toán là nghĩa biên tập.

Cao hoang âm trên là cao âm dưới là hoang Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hoang là ngăn che. Cố Dã Vương cho rằng: Bộ vị trong cơ thể dưới tim trên cơ hoành. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm trên ngăn che, đến bộ nhục đến bộ vong thanh vong.

Trầm cố ngược lại âm trầm cố ngược lại âm trên chẩm lâm ngược lại âm dưới cô hộ sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ cổ là bệnh, chữ viết từ bộ tật thanh cổ.

Nhất khái ngược lại âm cai ái Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khái là đong lường, có thể lấy thanh gỗ gạt ngang cho bằng, cái hộc, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh ký.

Khiển nột ngược lại âm trên cư liển sách Chu Dịch giải thích rằng: Kiển đó là khó khăn khó nói. Sách Phương Ngôn cho rằng: Nói Thẳng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn bộ hàn thanh tĩnh ngược lại âm dưới nô ngột bao gồm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nột là trì trệ, chậm lục, sách Thuyết Văn cho rằng: Khó nói ấp úng, chữ viết từ bộ ngôn thanh nội Văn Luận viết chữ kiển là sai.

Đoàn diêu ngược lại âm trên đoạn loan âm dưới là diêu sách Trang tử cho rằng: Ở Bắc Ninh một loại cá tên này gọi là côn hóa làm con chim. Chim này gọi là đằng vừa đem đến sông minh, nước bắn lên ba ngàn dặm, đưa cao lên lắc lư lay động trên chín vạn dặm giống như

mây bao phủ bầu trời rất là kỳ lạ.

Khái thóa ngược lại âm trên khái cái ngược lại âm dưới thổ ngọa.

Tước cao ngược lại âm trên tương dược ngược lại âm dưới cao lão Tự Thư giải thích: Vốn là ngọn cây cỏ chặt ngang, vót nhọn, tước lột da. Nay xem có loại cỏ rơm rạ là nói cảo.

Sưu thủ ngược lại âm trên sở lưu ngược lại âm dưới thâu hựu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Đi săn mùa xuân gọi là sưu đi săn mùa đông gọi là thủ đi cả hai mùa gọi là lạp.

Tiệt quắc ngược lại âm tiền tiết sách Thuyết Văn cho rằng: Tiệt là cắt đoạn, chữ viết từ bộ qua thanh tĩnh ngược lại âm dưới quang hoạch Mao Thi Truyện cho rằng: Quắc là thu hoạch được, không phục đó là giết mà cắt xẻo tai, gọi là quắc Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bắt sống xẻo tay, sách Thuyết Văn cho rằng: Quân chiến đánh bắt được tù binh xẻo tai, chữ viết từ bộ thủ thanh hoặc viết đúng từ bộ nhĩ viết thành chữ hoặc.

Tể hy ngược lại âm hỷ ky.

Phù tỉ ngược lại âm tư thị Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tỉ là ấn tín của vua, cũng viết chữ tỉ Văn Luận viết chữ tỉ là chẳng phải.

Hý vu ngược lại âm trên hy ký Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hy sinh gọi hý Bì Thương giải thích: Hy là biếu tăng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thực thanh khí.

Đỗ bưu ngược lại âm hữu cầu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bưu là quan trông coi điền ruộng giám sát, xem xét bá tánh chỗ làm ruộng, giống, chợ búa. Cố Dã Vương cho rằng: Trạm bưu cục chỗ truyền thông tin thư từ. Quách Phác chú giải rằng: Trải qua trên đượng trạm dừng chân nghĩ, cũng viết chữ bưu.

Phân tiêu ngược lại âm biểu niêu sách Thuyết Văn cho rằng: Đàm thiếc ngựa chữ viết từ bộ kim thanh tiêu.

Thượng tiên âm tiên sách Trang Tử nói rằng: Nhàm chán thế tục, mà cởi mây trăng đi lên đến đế cung. Quảng Nhã cho rằng: Hóa thân sách Thuyết Văn cho rằng: Tiên là bỏ đi trương sanh tức chết chỉ thân tiên, chữ viết từ bộ nhân đến bộ thiên thanh tĩnh.

Lai chúng ngược lại âm phong phụng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phúng đồ vật tặng cho người chết trợ táng như cho xe ngựa gọi là phúng xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bốc thanh mao.

Tiểu tuyệt ngược lại âm trên tiêu tiểu sách Khảo Thanh cho rằng:

Tiểu là giết bỏ, trừ tuyệt hết, cắt bỏ Văn Luận viết từ bộ lực viết thành chữ tiểu là sai.

Chiêu khuẩn ngược lại âm quỳ vẫn sách Khảo Thanh cho rằng: Khuẩn là loại mấn mọc đất, nấm mốc sách Trang Tử cho rằng: Sớm mọc đến trời tối là héo.

Đại xuân ngược lại âm dưới truất luân sách Trang Tử cho rằng: Cây đại xuân. Tám trăm năm là một mùa xuân. Tám ngàn năm là một mùa thu.

Nghiên xúc ngược lại âm trên niết kiên Quảng Nhã giải thích rằng: Nghiên là người con gái đẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: Ghen ghét, chữ viết từ bộ nữ thanh nghiên âm nghiên là âm kiên Văn Luận viết chữ nghiên tục tự thường hay dùng.

Tập liệu ngược lại âm liễu điểu tên loại rau.

Hội quang ngược lại âm đội lôi sách Khảo Thanh cho rằng: Hội là vật rơi xuống hầm, sách Thuyết Văn cho rằng: Rơi xuống chữ viết từ bộ phụ thanh hội Văn Luận viết đồi là chẳng phải.

Thư thân âm thân sách Luận Ngữ cho rằng: Thân là thắt lưng bản to chỉ quan lại, kẻ sĩ.

****

THẬP MÔN BIỆN HOẶC LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

Phục lễ ngược lại âm trên bằng phúc.

Tấn thân ngược lại âm trên tân tín.

La cốc ngược lại âm hồng ốc.

Nãi quyến âm trên là nãi Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nãi giống như chữ nhi nghĩa mà. Cố Dã Vương cho rằng: Nãi là đến, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Chữ viết từ bộ tây thanh nãi âm nãi đó văn vổ viết chữ nãi Văn Luận viết từ bộ xước viết thành chữ nãi tục dùng chữ chẳng phải, ngược lại âm dưới cư hoãn. Cố Dã Vương chú giải sách Thượng Thư rằng: Quyến là nhìn, Mao Thi Truyện Cố Dã Vương sách Thuyết Văn đều cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ mục bộ quyển thanh tĩnh Văn Luận viết chữ quyển tục tự dùng thông dụng.

Thẩn hề ngược lại âm trên thân nhẫn Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Thẩn là huống, nữa là sách Thuyết Văn cho rằng: Huống chi trợ từ, thần viết từ bộ thỉ bộ dẫn thanh tĩnh Văn Luận viết chữ dẫn

tục tự dùng thông dụng.

Ổi tẫn ngược lại âm trên ôi hồi ngược lại âm dưới từ tận Quảng Nhã giải thích: Ôi là ấm áp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lửa cháy củi lửa còn dư lại tro tàn, viết đúng là chữ tẫn.

Hoan dã ngược lại âm huy viên Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hoan là nói ầm ĩ Thanh Loại giải thích: Ồn ào chữ viết từ bộ ngôn thanh hoan âm quan là âm quán.

Hê kê ngược lại hinh kê hê là loại bọ mắt bay trên lọ rượu cũng gọi là miệt miệt.

Đại cự ngược lại âm cường ngược nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi. Chân Chánh Luận trong quyển thượng.

Tuyệt lữ ngược lại âm dưới lư trữ Giã Quỳ giải thích rằng: Lữ là xương sống, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Chữ viết từ bộ nhục thanh lữ Văn Luận viết chữ lữ là chẳng phải.

Khiếu diệu ngược lại âm trên cổ điếu sách Thuyết Văn viết từ vộ xước thanh khiếu.

Tứ doanh dĩnh tinh sách Khảo Thanh cho rằng: Doanh là biển lớn, gọi là tứ hải tức biển bao quanh đại lục.

Luân hoán ngược lại âm hoan quán Mao Thi Truyện cho rằng: Màu sắc sáng sủa. Sách Thuyết Văn ghi: To lớn rực rỡ, chữ viết từ bộ cũng bộ quỳnh thanh tĩnh.

Mỹ tốc âm tốc sách Chu Dịch cho rằng: Vạc gãy chân đổ thức ăn của vua về sau dùng chữ phúc tốc để chỉ tài năng kém không gánh vác nổi để việc hỏng. Cố Dã Vương cho rằng: Cái vạc thật. Sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thực thanh tốc.

Uế hổn ngược lại âm trên vu phế lại cũng viết chữ uế ngược lại âm dưới hồn khổn Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Hổn là chỗ ở của con heo, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhà xí, chữ viết từ bộ vi bộ thỉ trong bộ vi.

Chỉ quỹ ngược lại âm quỳ vị Trương Tấn chú giải rằng: Quỷ là cái sọt đựng cỏ, có thể vận chuyển đất, có thể bỏ đất vào trong sọt mà vẫn chuyển đi, sách Luận Ngữ giải thích rằng: Là trên núi Cửu Sơn, còn thiếu một sọt sách Thuyết Văn giải thích nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ thảo thanh quý.

Tuy sứu ngược lại âm sơ sưu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sưu là chức vụ phó, thứ, sạc Khảo Thanh giải thích rằng: Đặt để lẫn lộn thân vào trong đó. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh tạo Văn Luận viết từ bộ trúc viết thành chữ sưu là sai lầm.

Bá liêu ngược lại âm liễu tú cũng viết chữ liêu.

Hiểu yểm ngược lại âm yểm nghiêm Mao Thi Truyện giải thích rằng: Yểm là mây ùn ùn nổi lên che mát. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh yểm yểm cũng viết chữ yểm.

Khu ky ngược lại âm xương chu ngược lại âm dưới kỹ hy.

Hành biển ngược lại âm tiêm niệm Cố Dã Vương cho rằng: Biển là chật hẹp, sách Thanh văn viết từ bộ y thanh biển.

Ách uyển ngược lại âm trênệa cách viết chánh thể là chữ cách Văn Luận viết chữ ách tục tự thường hay dùng, ngược lại âm dưới uyển oán chữ chánh thể cũng viết chữ uyển viết chữ uyển là chẳng phải.

Kiêu hãnh ngược lại âm trên là hiểu kiêu sách Khảo Thanh giải thích rằng: Kiêu chẳng phải phần mà câu được. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh nhiêu ngược lại âm dưới kinh cảnh sách Khảo Thanh giải thích rằng: Hãnh là kích là tôn quý, chỗ gọi là được sũng ái yêu chiều. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân đến thanh hạnh Tự Thư viết chữ hãnh.

THẬP MÔN BIỆN HOẶC LUẬN
QUYỂN HẠ

Thương tiếu ngược lại âm tiểu diêu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đau xót chân chính, đầu nhứt đau đầu, Bì Thương cho rằng: Bệnh khát nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ tật thanh tiếu.

Tì cước ngược lại âm trên tự tư sách Khảo Thanh cho rằng: Từ là loại cỏ dùng để lợp nhà, tích chưa đầy, âm dưới là căng ức chữ chánh thể biện Hoặc Luận viết chữ cước là chẳng phải.

Lỗ mang ngược lại âm trên lô đổ âm dưới mạc bổ.

Vẫn nhi ngược lại âm vẫn quân Mao Thi Truyện giải thích: Vẫn là cái bừa làm cỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ lỗi thanh vẫn cũng viết chữ vân Văn Luận viết chữ vân tục dùng thông dụng.

Bất lang ngược lại âm lang hàng Mao Thi Truyện giải thích: Lang là giống cỏ hại lúa. Quách Phác chú giải loại cỏ tú. Sách Thuyết Văn giải thích cỏ mọc lộn lẫn trong lúa không thành lúa, lúa lép gọi là đồng lang viết đúng là chữ lang từ bộ thảo thanh lang.

Như để ngược lại âm trỉ ni sách Thuyết Văn giải thích rằng: Để là

dòng nước nhỏ chữ viết từ bộ thổ thanh để.

Tích lê ngược lại âm trên bệ kế (868) âm dưới lê đệ sách Khảo Thanh giải thích cỏ thơm.

Khiên phù dung ngược lại âm trên hạt yên sách Phương Ngôn giải thích: Nam Sở gọi nhổ lấy là khiên Thiên Thương Hiệt giải thích: Nhổ lấy cũng viết chữ khiên Văn Luận viết chữ khiên cũng thông dụng.

Hòa thúc ngược lại âm thâu lục tục tự, Khảo Thanh cho rằng: Loại đậu viết đúng chữ thúc này.

Mâu lai ngược lại âm trên mặc hầu ngược lại âm dưới lăn cai Lưu Hy chú giải sách Mạnh Tử rằng: Mâu ? là lúa mạch có hai loại. Mâu đó nay Bắc Tề sông Hà phần nhiều trồng vào mùa xuân, mùa hè nóng nhiệt, Quảng Nhã cho rằng: Mâu là lúa đại mạch lai là tiêu mạch. Sách Thuyết Văn giải thích: Mâu viết từ bộ mạch thanh mâu xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lai viết từ bộ mạch thanh lai hoặc là viết chữ lai Tự Thư viết chữ lai cùng với Luận Văn cũng đồng.

Kim đọa ngược lại âm đồ ngọa sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ đóng đọa gọi là không cung kính, chữ viết từ bộ tâm thanh đọa hoặc là tóm lược từ bộ phụ chữ đọa cùng với Văn Luận cũng đồng, Văn Cổ viết chữ đọa.

Khẩu cấm ngược lại âm dưới cầm cấm Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cấm là ngậm miệng lại, sách Thuyết Văn viết chữ cấm từ bộ khẩu thanh kim.

Tỷ viên ngược lại âm viễn nguyên sách Khảo công Ký giải thích: Viên là càng xe do người kéo, phàm là viên là có loại xe ba bánh, xe cho người kéo có ba phần xe này dài phần phía trước, một phần ở phía sau, sách Thuyết Văn cho rằng: Xe kéo, chữ viết từ bộ xa thanh viên.

Trì sính ngược lại âm sửu lĩnh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sính là chạy. Quảng Sổ cho rằng: Chạy nhanh, xưa nay Chánh Tự cho rằng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ mã thanh sính âm sính ngược lại âm thất đinh.

Thí nghịch ngược lại âm thí chí Bạch Hổ Thông chú giải rằng: Thí đó giống như là giết hại, nói là thần tử giết vua cha soán ngôi thừa lúc hầu hạ mà giết chết, kẻ dưới giết người trên, chữ viết từ bộ sát tóm lược bộ thí thanh thí.

Lạm thương ngược lại âm trên lam đạm gọi là thấm ướt lên trên, ngâm vào trong nước, ngược lại âm dưới thường chương sách Thuyết Văn cho rằng: Thương là chén đựng rượu, chén có rượu, gọi là thương không có rượu gọi là chí chữ viết từ bộ giác thanh thương Trụ Văn viết

chữ thương âm chí là âm chí Bổn Luận viết chữ thương là sai.

Bất nạo ngược lại âm nhiêu xảo Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nạo là quấy rối. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiễu loạn, chữ viết từ bộ thủ thanh nhiêu.

Chúng lại ngược lại âm lại đại theo chữ lại này chẳng phải là ống tiêu mà là trong hang núi thâm sâu, tre trúc cây cối rừng rậm mọc um tùm. Gió thổi nhẹ lay động lắc lư nghe nhiều tiếng như ống tiêu thổi vậy. Chỗ gọi là im phăng phắc, im vắng hòan toàn, chỉ nghe tiêng trúc vi vu, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh lại.

Hàn xiển ngược lại âm xi thiện Hàn Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: Xiển dương, đưa cao, mở mang thành tích, phát huy y nghĩa. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Mở mang.

Mẫn nhiên ngược lại âm trên dân dẫn.

Ban thùy ngược lại âm trên bản man âm dưới là thùy tên của hai người.

Chu tiếp ngược lại âm tiêm diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Mái chèo để chèo thuyền, đẩy chiếc thuyền đi tới Văn Luận viết từ bộ chu viết thành chữ tập là chẳng phải.

Họa nghịch ngược lại âm điện lịch loài thủy điểu.

Phương nhiêu ngược lại âm nhiêu chiểu tức mái chèo.

Ty xuyết ngược lại âm tri liệt sách Khảo Thanh cho rằng: Xuyết là thôi nghĩ.

Tức phẩu ngược lại âm phổ hậu sách Thuyết Văn ghi phẩu là phanh ra chẻ cây ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu Văn Luận viết từ bộ thủ viết thành chữ phẩu là chẳng phải.

Hoảng hề ngược lại âm trên hoàng quảng Trương Tấn giải thích rằng: Hoảng là vẻ thất vọng, muốn bỏ phế.

Vu tai ngược lại âm ngu câu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Vu là cổ hủ, Trịnh Huyền giải thích: Rộng lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh vu.

Đạm nhĩ ngược lại âm trên đạm lam sách Khảo Thanh cho rằng: Đạm là yên tĩnh. Luận Văn viết chữ đạm là sóng nước nhấp nhô, chẳng phải nghĩa yên tĩnh.

Chỉ thanh âm trên là chỉ Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Chỉ là bãi cát nổi giữa sông. Theo quán sát kỹ thì là nước trong không chảy, nhìn thấy hình người, nước chảy động thì loạn động, hình ảnh chỉ tức là định hợp là viết chữ chỉ từ bộ thủy là mất đi nghĩa định tâm.

Thúc yên ngược lại âm trên thú lục.

Nhi mật ngược lại âm mân tất sách Nhĩ Nhã ghi: Mật là yên tịnh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh mật âm mật đồng với âm trên.

Vị nhiên ngược lại âm trên khẩu quỹ Hà Án chú giải sách Luận Ngữ rằng: Vị là tiếng than. Sách Thuyết Văn ghi: Tiếng thở dài, chữ viết từ bộ khẩu thanh vị.

Tĩnh oa ngược lại âm ô qua tức là con ểnh ương.

Thê trứu âm trên tây ngược lại âm dưới trâu cứu sách Thuyết Văn cho rằng: Tĩnh trứu là xây giếng, chữ viết từ bộ ngỏa thanh thu.

Trạch án âm án Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Án là chim cút. Đỗ Dự giải thích: Chim vàng anh đến mùa xuân thì hót đến mùa thu thì bay đi, viết đúng chữ án.

Vô dịch ngược lại âm doanh tích Văn Tự Điển giải thích: Dịch là nhàm chán chữ viết từ bộ phộc thanh dịch.

Tào tán âm trên tào ngược lại âm dưới tài hạt Quảng Số giải thích: Nói ồn ào, sách Khảo Thanh giải thích: Tiếng nói ồn ào xôn xao của nhiều người cũng viết chữ tào hiến đều đồng nghĩa.

Quỳnh ly ngược lại âm trên quý dinh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quỳnh là đơn độc. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Không có anh em gọi là huỳnh Mao Thi Truyện cho rằng: Không có chỗ nương dựa. Sách Thuyết Văn giải thích: Chữ viết từ bộ tấn bộ quỳnh thanh tĩnh hoặc là viết chữ quỳnh cùng với Văn Luận đều đồng, cũng viết chữ hoàn ngược lại âm dưới lý chi sách Khảo Thanh cho rằng: Ly là quả phụ đàn bà góa. Văn Luận viết chữ ly là sai.

Hôn điếm ngược lại âm đinh niệm Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Điếm là chìm đắm, khốn khó vì thiên tai lũ lụt. Sách Phương Ngôn giải thích rằng: Chìm xuống nước. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh chấp.

Ngự nhật âm trên là ngự.

Khuých kỳ ngược lại âm trên khuy dịch Bì Thương giải thích: Khuých là lặng lẽ, vắng lặng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ môn thanh khuých.

Kham tiển ngược lại âm trên khảm cam Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kham là thắng. Theo Đại Truyện giải thích: Nhanh chóng, sách Thuyết Văn ghi: Giết, nay Thanh Cổ Văn viết chữ kham Văn Luận viết chữ kham tục tự dùng cũng thông dụng. Âm dưới tiêu tiên gọi là cắt xén chia cắt.

Hổ trùng ngược lại âm trên hồ cổ Trịnh Huyền chú giải sách Khảo

Công Ký rằng: Hổ là chậm rãi, thông thả tiết Tông giải thích: Dũng mãnh Quảng Nhã giải thích: Sai khiến hầu hạ, ngược lại âm dưới tài dụng.

Phưỡng phất âm trên phương cương âm dưới là phu vật.

Nãng cấu ngược lại âm trên mang lãng Giã Quỳ giải thích rằng: Nãng là xưa, cố hương, lâu cũ xưa kia, sách Thuyết Văn cho rằng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ nhật thanh nang ngược lại âm dưới câu hầu.

Ái quân tử ngược lại âm trên ai cái sách Khảo Thanh giải thích: Ái là dáng vẻ ôn hòa, từ ái nghĩ ngợi thần tôi tận trung với vua.

Thúy kiện ngược lại âm trên tuy thúy sách Thuyết Văn giải thích: Thâm thúy, chữ viết từ bộ huyệt thanh truy ngược lại âm dưới càn yển sách Chu Lễ giải thích: Quan tuần giữ cửa, móc then chốt khóa cửa thành. Trịnh Chúng giải thích: Kiện là sức mạnh, sách Phương Ngôn giải thích: Gọi là khóa mấu chốc cửa là kiện sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh kiên.

Thám trách âm trên đạm nam âm dưới sĩ cách.

Nhãn hề âm trên nhân chấn sách Luận Ngữ giải thích: Người có lòng nhân, nói lời khiêm nhường nhãn chịu, nhãn cũng là khó nói dè dặt ấp úng, không được nói lời bừa bãi, sách Thuyết Văn nói đốn ngã, chữ viết từ bộ ngôn thanh nhãn.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 88

- Âm Pháp Lâm Pháp Sư Truyện năm quyển.
- Tập Sa-môn Bất Bái Tục Nghi sáu quyển.

Bên phải là hai tập truyện mười một quyển đồng âm với quyển này.

- Chung Nam Sơn Long Điền Tự Thích Pháp Lâm Truyện năm quyển.

THÍCH PHÁP LÂM BỔN TRUYỆN
TỰA

Ký nãi âm trên là kỵ âm dưới là nãi Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ký là đến, sách Vận Anh giải thích: Đến kịp, sách Thuyết Văn ghi nhìn thấy rõ, đến gần, chữ viết từ bộ thư thanh ký.

Tuyệt nữu ngược lại âm ni cửu Quảng Nhã cho rằng: Nữu là bó buộc lại. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Dùng sợi tơ bó buộc thắc rút lại, thắt nút lại có thể mở ra, chữ viết từ bộ mịch thanh sửu.

Hội cang âm trên đồ lôi am dưới chữ chánh thể cang. Quảng Nhã giải thích: Hội là thư hoại, Hàn Thi Truyện giải thích: Di vật sách Khảo Thanh cho rằng: Vật rơi xuống, hủy hoại sách Thuyết Văn ghi vật rơi xuống, hủy hoại sách Thuyết Văn ghi vật rơi xuống hầm, chữ viết từ bộ phụ thanh quý hoặc là viết từ bộ thổ viết thành chữ hội nghĩa cũng đồng, Văn Truyện viết từ bộ hiệt viết thành chữ đời chẳng phải dùng nghĩa nầy.

Dĩ vấn âm vấn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Vấn là rối loạn chữ viết từ bộ mịch thanh văn.

Nhân diệt ngược lại âm trên nhất dần Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nhân là chìm xuống sách Nhĩ Nhã cho rằng: Rơi xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Chìm xuống vùi lấp, chữ viết từ bộ thủy thanh

chân âm nhân đồng với âm trên.

Tông thượng nhân âm trên tàng tống sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tông là lo âu, sách Thuyết Văn giải thích: Vui vẻ chữ tượng hình. Đường Triều tên của Đại Đức Pháp Sư Nhan Tông.

Quân chích ngược lại âm trên quân vận sách Phương Ngôn cho rằng: Quân là nhặt lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhặt lấy chữ viết từ bộ thủ thanh quân âm dưới chinh diệc sách Phương Ngôn giải thích: Chích cũng là nhặt lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng nghĩa là nhặt lấy.

THÍCH PHÁP LÂM BỔN TRUYỆN QUYỂN 1

Đàn ngọc điệp ngược lại âm đang an Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đàn là hết tận, chữ viết từ bộ ngạt thanh đàn ngọc diệp đó là Phạm Hiệp Kinh Luận.

Ẩn đồn ngược lại âm độn nộn Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tiềm ẩn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chạy trốn Quảng Nhã cho rằng: Tránh đời hoặc là viết độn từ bộ xước thanh đồn âm đồn là âm đồ hồn.

Khanh hoàng ngược lại âm trên khách hành sách Lễ Ký Tử Hạ giải thích: Tiếng chuông leng keng, đánh chuông nghe tiếng loong soong là khanh sách Thuyết Văn viết từ bộ xa đến bộ chân viết thành chữ chấn hoặc là viết chữ chấn đều là thanh ân dưới là hoằng Mao Thi Truyện cho rằng: Tiếng chuông trống nghe loong boong. Theo Truyện cho rằng: Hòa nhạc sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cũng là hòa nhạc. Quách Phác cho rằng: Hoàng là tiếng trống, sách Thuyết Văn giải thích là tiếng chuông. Tự Thư cho rằng: Hoặc cũng viết chữ hoàng đều là một nghĩa trong truyện lại viết chữ hoằng tục tự thường hay dùng.

Phục giam ngược lại âm hàm ảm theo chữ giam tức là xe nhốt tù, sách Khảo Thanh cho rằng: Xe chở tù nhân, tội phạm. Du Pháp Sư muốn bẻ gãy tà đảng nên khéo léo, trước đưa ra tông khác, sau đó mới cầu thắng còn ẩn tàng trong thức biến hóa, lại chín năm sau, mới ở trong hoàng trung đạo sĩ mà cho rằng người dẫn đường đầu tiên. Xem xét ba trương là ngụy dã dối tà thuật, khom mình xuống mà đi. Phù tiền chương tấu văn, uẩn khúc, hết căn nguyện mới trở về quay lại cội gốc

mà chế ra luận. Giống như mãnh thú tiền ẩn giam mình chờ đợi.

Xuẩn xuẩn ngược lại âm xuân duẫn xuẩn xuẩn là loại côn trùng, bò lúc nhúc (869). Sách Thuyết Văn viết từ bộ côn thanh xuân âm côn là âm côn.

Điên đọa âm trên đinh kiên sách Nhĩ Nhã cho rằng: Điên là trên đảnh núi. Quảng Nhã giải thích rằng: Trên cao, sách Khảo Thanh giải thích: Trên ngọn chót vót lại gọi là chết mất chữ viết từ bộ sơn thanh điên cảnh điên chánh thể, bên phải bộ hiệt bên trái bộ chấn tục viết theo hai bộ chân là sai âm dưới trực loại sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Đọa là rơi từ trên cao xuống. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cao thanh đọa từ bộ phụ thanh đồi tục dùng cộng thêm bộ thổ cũng thông.

Cổn long ngược lại âm trên công bổn nghĩa đã giải thích rồi. trong quyển Phá Tà Luận.

Tu phát ngược lại âm trên túc du Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tu là râu dưới má, sách Thuyết Văn cho rằng: Lông mặt chữ viết từ bộ hiệt đến bộ sam nay tục dùng cũng viết từ bộ tiêu viết thành chữ tu văn truyện viết chữ tu đều chẳng phải, âm hiệt ngược lại âm hiền kiết âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Tâm tập ngược lại âm bài lập Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Tập là cất giữ, Mao Thi Truyện cho rằng: Đông nhiều, sách Thuyết Văn cho rằng: Cất giấu binh khí, chữ viết từ bộ qua thanh tập.

Huệ lưu âm trên huệ Mao Thi Truyện cho rằng: Huệ là yêu thích. Sách Khảo Thanh cho rằng: Huệ là từ ái, lòng nhân Mao Thi Truyện Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết từ bộ tâm thanh tuệ Văn Cổ viết chữ tuệ từ ba bộ triết âm tuệ ngược lại âm trên thượng tập.

Trần độc ngược lại âm đồng lộc Cố Dã Vương cho rằng: Độc giống như khinh mạn. Giả Quỳ chú giải rằng: Khinh lờn Thiên Thương Hiệt cho rằng: Dơ uế sách Thuyết Văn giải thích: Chữ viết từ bộ hắc thanh độc âm tiết ngược lại âm tức liệt.

Chi tiếu ngược lại âm tiêu diêu sách Phương Ngôn giải thích rằng: Tề Sở Tống Vệ gọi trách khéo là tiếu Thiên Thương Hiệt đều cho rằng: Trách mắng lẫn nhau, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh tiếu.

Xương ngôn ngược lại âm trên xưởng thương sách Trang Tử giải thích: Xương là cuồng vọng. Theo chữ xương mà nói: Như người điên cuồng nói khoát loát, nói như trong hàng quán không đủ tin. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Từ bộ khuyển thanh xương dưỡng.

Chúc dịch ngược lại âm trên chung dục sách Khảo Thanh cho rằng: Chúc là nhìn chăm chăm nhiều con mắt quy về nhìn một chỗ. Tục

tự viết đúng chữ chúc âm dưới là diệc tên người.

Nghịch kỳ âm trên là xích theo truyện viết nghịch tục tự viết sai.

Chu hàng ngược lại âm hạt lang gọi là chiếc thuyền.

Húc hoa ngược lại âm trên huấn vân ngược lại âm dưới họa qua Đường, Ngu hai tên tự hai vua. Tên của vua Nghiêu. Phóng húc. Tên của vua Thuấn là Trùng Hoa.

Tiếp chủng ngược lại âm dung dũng Cố Dã Vương cho rằng: Dũng là gót chân. Vương Dật chú giải rằng: Tiếp nối kế tục sách Thuyết Văn cho rằng: Truy đuổi, chữ viết từ bộ chỉ thanh dung Bổn Truyện viết chữ chủng là sai.

Tiến lôi ngược lại âm tiền tiến nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi, trong quyển Phá Tà Luận.

Tường tiệm ngược lại âm tương dương ngược âm dưới tiếp diễm.

Quán muộn ngược lại âm trên phân vẫn ngược lại âm dưới môn bổn nghĩa đã giải thích đầy đủ trong Phá Tà Luận.

Sâm độc ngược lại âm trên sơ cẩm âm dưới là độc nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi. Trong quyển Phá Tà Luận.

Nguyên liệu ngược lại âm lực chiểu sách Thượng Thư giải thích: Liệu là lửa cháy lan ngoài đồng ruộng thảo nguyên gọi là liệu sách Thuyết Văn cho rằng: Phóng hỏa chữ viết từ bộ hỏa thanh liệu.

Điếu đẩu ngược lại âm trên điểu liễu ngược lại âm dưới đâu ngẫu nghĩa đã giải thích rồi trong quyển Phá Tà Luận.

Tư duyệt ngược lại âm trên tức dư Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cùng nhau, Trịnh Tiễn chú giải rằng: Đều cùng nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục thanh sơ âm sơ là âm sơ.

Thái tể phi ngược lại âm phi bỉ Truyện viết chữ cũng thông dụng tên Thái Tể.

Tái xưỡng ngược lại âm xương lượng sách Khảo Thanh cho rằng: Xưỡng là khai mở, sáng sủa, thoáng mát, sách Thuyết Văn viết từ bộ phộc thanh thượng.

Phả trắc ngược lại âm trên bã ma xưa nay Chánh Tự cho rằng: Phả là không thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngược lại có thể. Tả Thú ghi có thể lường được, am ma ngược lại ma khả.

Luân ngược lại âm thất bế Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Phế là sanh đôi ngang nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Xứng đôi phối hợp, chữ viết từ bộ nữ thanh bề âm bề ngược lại âm bế mê.

Đồng tẫn ngược lại âm tần tấn viết đúng là chữ tẫn tục âm là tợ tấn chẳng phải.

Thoát tỹ ngược lại âm sư nhĩ giày dép da.

Khảm lẫm ngược lại âm lam cảm sách Khảo Thanh cho rằng: Khảm là long đong, lận đận, chỗ trũng sâu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thổ đều thanh khảm lâm.

Thấu lý ngược lại âm trên thương tấu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Thấu là lớp da bên trong sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng là lớp da bên trong. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục thanh thấu.

Thanh tù ngược lại âm tựu do Mao Thi Truyện giải thích rằng: Tù là đến gần sát bên, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh tù.

Thẫn đàm ngược lại âm trên thân nhẫn Tư Mã Tương Như chú giải sách Luận Ngữ rằng: Thẫn là mĩm cười Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Răng vốn gọi là thẫn cười lớn thì sẽ thấy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh dậu cũng viết chữ dẫn hoặc là viết chữ trương.

Từ đàn âm đan gọi là hết tận.

Khoa đẩu ngược lại âm trên khổ hòa ngược lại âm dưới đâu khẩu Tự Thư cho rằng: Khoa đẩu là con nòng nọc sống dưới nước đó là con ếch con. Văn Truyện viết chữ đẩu đẩu tức là chữ tượng hình.

Khuých nhiên ngược lại âm khuynh mịch chữ viết từ bộ môn thanh khứu chữ khứu từ bộ mục đến bộ khuyển.

Cổ ngược lại âm cô hộ Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Cổ là bỗng nhiên. Mao Thi Truyện cho rằng: Việc của vua tiêu xài hoang phí. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lam bộ tĩnh thanh cổ.

Quân đạo ngược lại âm trên quân vận sách Phương Ngôn cho rằng: Quân là nhặt lấy chữ viết từ bộ thủ.

Tũng chiếp ngược lại âm trên túc dũng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tũng là sợ hãi, sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ cụ từ bộ tâm thanh cụ Tự Thư hoặc là viết chữ cụ Văn Truyện viết chữ tũng nay tục dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới điềm hiệp sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chiếp cũng là sợ hãi Quách Phác chú giải rằng: Làm cho sợ hãi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh tập.

Chân nãn ngược lại âm minh giản sách Khảo Thanh giải thích rằng: Hổ thẹn đỏ mặt viết đúng là chữ nản.

Tích thị ngược lại âm chi thị sách Thuyết Văn cho rằng: Thị là dòng nước ngưng chảy, chữ viết từ bộ thủy thanh thị.

Câu dũ ngược lại âm do liễu sách Thuyết Văn giải thích: Dũ là nơi đây ngày xưa vua Trụ nhà An cầm tù Chu Văn Vương, lúc đó Văn Vương còn là Tây Bá hầu, cầm tù bỏ trong hang tối, chữ viết từ bộ dương thanh cửu Văn Truyện viết từ bộ cửu viết thành chữ khương là chẳng phải.

Tạp đạp ngược lại âm đàm hạp sách Khảo Thanh cho rằng: Đạp là đi vội, gấp gáp về phía trước, tiếng chân của người đi gầm gập, sách Thuyết Văn cho rằng: Đến kịp, chữ viết từ bộ xước thanh tháp âm tháp đồng với âm trên, âm hạp là âm hợp Văn Truyện viết chữ tháp là sai.

Tranh vụ ngược lại âm vô phó Quảng Nhã giải thích rằng: Vụ là chạy loạn lên. Cố Dã Vương cho rằng: Chạy nhanh, phóng nhanh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh vụ.

Chú giải ngược lại âm trên chu cú Quảng Nhã giải thích rằng: Chú là sơ lược. Bì Thương cho rằng: Giải ra. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh chú nay phần nhiều viết chữ chú ngược lại âm chu dụ nghĩa cũng thông, ngược âm dưới giai mại âm giả là chẳng phải.

Tân tư ngược lại âm tư lữ tên người. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tư là xưng người có tài trí.

Thôi xán ngược lại âm trên thôi hội ngược lại âm dưới lang thu.

Biện hựu ngược lại âm vưu cứu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Hựu nay gọi là vườn thượng uyển sách Thuyết Văn giải thích rằng: Vườn có tường bao quanh đó, cho nên chữ viết từ bộ vi thanh hữu âm vi là âm vĩ.

Thiển dung ngược lại âm thiên điển Mao Thi Truyện cho rằng: Thiển là tật đố ghen tỵ Trịnh Tiễn chú giải rằng: Ganh ghét có mặt và mắt sách Khảo Thanh cho rằng: Gọi là không biết xấu hổ, sách Thuyết Văn viết từ bộ diện thanh kiến.

Tước hỏa âm trên là tước Tự Thư cho rằng: Cây đuốc lớn, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Lấy đuốc phất lên để trừ tà ma yêu quái, chữ viết từ bộ hỏa thanh tước.

Hy siêu ngược lại âm trên sĩ ni tên họ người Văn Truyện viết chữ sát là sai.

THÍCH PHÁP LÂM BỔN TRUYỆN
QUYỂN 2

Vọng thượng âm trên võng sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy lời nói khinh khi vu oan cho người.

Khám khắc ngược lại âm dưới hằng đắc gọi là đẩy vào khắc lên Cố Dã Vương cho rằng: Theo từ khắc ngược tương cáo chứng cứ khắc vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vương pháp người có tội, khắc chữ vào trán, tức là văn cổ khắc chữ tội vào người tội nhân, chữ viết từ bộ lực thanh khắc không từ bộ nhẫn Văn Truyện viết chữ vẫn là sai.

Lụy tiết ngược lại âm trên lụy truy âm dưới tiên tiết Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Lụy là dây màu đen, trói buộc tội nhân câu thúc lại. Xưa nay Chánh Tự đều viết lại từ hai bộ mịch thanh lụy tiết viết đúng là chữ tiết tục viết chữ tiết.

Trữ linh ngược lại âm lịch đinh Thiên Thương Hiệt cho rằng: Linh là tiếng kêu leng keng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ linh.

Đảo muội ngược lại âm đao lão sách Khảo Thanh cho rằng: Là tật tâm đạp giả, chữ viết từ bộ thủ.

Thao sửu ngược lại âm trên thảo đao ngược lại âm dưới sô sưu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sứu là làm phó, thứ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thứ tự lẫn lộn bằng nhau, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tạo Văn Truyện viết từ bộ trúc viết thành chữ sứu là sai.

Bổ tào âm trên bổ hồ âm dưới tao.

Xuyết ly ngược lại âm trên xuyên liệt âm dưới là ly.

Di trinh ngược lại âm trên mật ty Trịnh Huyền chú giải Nghi Lễ rằng: Tăng thêm, chữ giả tá. Sách Thuyết Văn giải thích viết đúng là chữ di chữ viết từ bộ cung đến thanh di tục viết chữ di.

Khốt nê ngược lại âm trên côn ngột sách Khảo Thanh cho rằng: Nước chảy xiết khuấy động khiến cho nước đục.

Vĩ tông ngược lại âm tộc tông.

Tra lê ngược lại âm trên trắc da Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tra lê đó không che giấu được. Quách Phác chú giải rằng: Cây tra lê, nhánh cây thẳng đứng lá đều màu đỏ, màu vàng hoa màu trắng đen. Thật là xuất phát mọc trên núi cam tra.

Sát trần ngược lại âm trên khổ giác.

Phũ ỷ ngược lại âm y khải sách Chu Lễ cho rằng: Phàm là phong quốc lệnh vị trí các chú hầu bày ra thêu hoa văn, làm tấm bình phong che trong cung. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Thêu viền

làm tấm bình phong che, cho thêu lưỡi búa hoa văn, chỗ gọi là cửa tây, sách Thuyết Văn viết từ bộ hô thanh y.

Khị hích ngược lại âm mi bỉ âm dưới đình lịch Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hịch là nhìn thấy vốn có viết chữ hịch nghĩa giải thích cũng đồng, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kiến thanh độc.

Vi am ngược lại âm ô sang Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Am là nhà tranh nhỏ. Quảng Nhã cho rằng: Nhà làm bằng cỏ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nghiểm thanh am.

Ác thúc ngược lại âm trên ô học ngược lại âm dưới dũ giác (870) sách Khảo Thanh cho rằng: Là hẹp hòi nhỏ bé vội vã.

Đạo chích ngược lại âm chinh diệc tên người. Theo sách Trang Tử giải thích: Đệ tử của Liễu Hạ Huệ.

Quỳnh viễn ngược lại âm hỏa sính Lưu Truyện chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Quỳnh cũng là viễn tức xa xôi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mân bộ nhân trong bộ huyệt trên âm mân ngược lại âm hỏa liệt.

THÍCH PHÁP LÂM BỔN TRUYỆN
QUYỂN 3

Khiếu diệu ngược lại âm trên cổ điếu sách Khảo Thanh cho rằng: Ngoài biên giới, sách Vận Thuyên giải thích rằng: Đường nhỏ hẹp, chỗ bít lấp của nước Man Di, sách Thuyết Văn viết từ bộ kích thanh xước âm xước ngược lại âm sửu diệc.

Cự lộc ngược lại âm cự ngữ tên của quận huyện.

Viên linh ngược lại âm tỉnh tình tên của đạo sĩ.

Ế khí ngược lại âm yên kiết.

Nhi dung ngược lại âm chúng nhung Bì Thương cho rằng: Chung là chết, lâm chung, qua đời. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngạt thanh đông nay từ bộ mịch viết thành chữ chung cũng thông dụng, âm ngạt ngược lại sửu cát.

Thang ngược lại âm tề giới Mao Thi Truyện cho rằng: Trái là bệnh phổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tật âm tật ngược lại âm nữ ách thanh tế.

Long đồi ngược lại âm đối lôi Quách Phác chú giải rằng: Đống đất nhô cao. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh chuy cũng viết chữ truy nghĩa cũng đồng.

Lân quân ngược lại âm trên lật chân Công Dương Truyện giải thích rằng: Lân đó là con thú có lòng nhân. Có thánh vương ra đời. Thì kỳ lân xuất hiện ngoài thành. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Quân giống như con hoẳng, thân như con trâu có đuôi một sừng, sừng thẳng có nhục thịt nổi lên. Cố Dã Vương cho rằng: Con đực gọi là quân con cái gọi là lân. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ lộc thanh lân cũng viết chữ lân ngược lại âm dưới quỹ quân Công Dương Truyện giải thích rằng: Có con hươu có sừng. Lưu triệu giải thích rằng: Quân tức là con hoẳng. Mao Thi Truyện giải thích rằng: Loài dã thú có con hươu, sách Thuyết Văn cho rằng: Đây là Trụ Văn viết chữ quân viết đúng từ bộ lộc đến bộ khuân thanh tĩnh tục dùng thông dụng, cũng viết chữ quân đều đồng nghĩa.

Lý đam ngược lại âm tha cam tức là Lão Tử sách Quốc Ngữ giải thích rừng: Cột trụ dưới của Sử Bá Dương. Sách Sử Ký cho rằng: Lý Nhĩ.

Đào giảo ngược lại âm trên đạo đao Bì Thương cho rằng: Đào là cái thoi dệt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh đào Văn Truyện viết chữ đào âm thổ điêu là chẳng phải âm đào đồng với âm trên, âm dưới cổ xảo.

Chân loan ngược lại âm trên chân nhân họ người.

Long bả ngược lại âm trên lục trung Thiên Thương Hiệt cho rằng: Long là bệnh tật lâu ngày. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tật thanh long ngược lại âm dưới ba ma.

Võng nhiêu âm trên là võng sách Khảo Thanh cho rằng: Võng buồn chán thất vọng.

Tuẫn đạo ngược lại âm trên tuần tuấn Ứng thiệu giải thích: Tuẫn là ham danh không kể mạng sống. Sách Ích Pháp giải thích: Vong thân theo vật lợi ích mưu đồ gọi là tuẫn xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngạt thanh tuẫn.

Tràng kích ngược lại âm trên trạc giang Cố Dã Vương cho rằng: Tràng giống như là đánh sách Thuyết Văn cho rằng: Đập giả nên, chữ viết từ bộ thủ thanh đồng.

Yểm yểm ngược lại âm y viêm Mao Thi Truyện cho rằng: Yểm yểm là an tĩnh. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hiểu rõ an tường. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh yểm.

Mô mẫu ngược lại âm trên mô bổ thời xưa tên người đàn bà xấu xí.

Ninh quyết ngược lại âm trên nịnh đinh ngược lại âm dưới quyên

huyệt Quảng Nhã cho rằng: Ninh quyết tức là qua loa phi nữ tương công tước. Sách Phương Ngôn nói chim tảng phi từ quan ải mà đến Đông gọi chim ninh quyết tục gọi là người phụ khéo léo là chim nhỏ tức chim đỗ quyên, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ điểu đều thanh ninh quyết âm quyết ngược lại âm cổ khoái.

Nịch la ngược lại âm minh bích âm dưới là la tên của sông. Ở quận trường sa sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh la.

Điền ế âm trên là điền âm dưới là yên kết Văn Truyện viết chữ điền là chẳng phải.

Lan ba ngược lại âm phạ ba sách Thuyết Văn cho rằng: Ba là hoa của cây cỏ, chữ viết từ bộ thảo bộ bạch thanh ba.

Đình phân ngược lại âm phẫn vân Mao Thi Truyện cho rằng: Phân là sương tuyết mờ mịt.

Bát diên ngược lại âm diển tiên Hán Thư âm nghĩa giải thích rằng: Bát diên là vùng đất xa xôi, nơi hoang vắng vùng biên địa. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh diên.

THÍCH PHÁP LÂM BỔN TRUYỆN
QUYỂN 4

Tùng tỉnh ngược lại âm tụng dung ngược lại âm trên hồ cổ âm dưới đồng mộc Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải và Hà Đồ Thiên Thương Hiệt v.v... gọi là Hoàng Đế đến Nam núi Thang Hư, sông can Huyền hổ, rùa linh thiêng vác pho sách đến dâng cho vua. Này đây tức là sông. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh hổ.

Đảm nhĩ ngược lại âm trên đảm cam kinh Sơn Hải giải thích. Đảm Nhĩ là do họ của Quốc Nhậm Quách Phác chú giải rằng: Đảm là thân người có dái tai to lớn rủ xuống vai, sách Thuyết Văn giải thích: Dái tai rủ xuống chữ viết từ bộ nhĩ thanh đảm cũng viết chữ đam Văn Truyện viết từ bộ nhân viết thành chữ đảm cũng thông dụng.

Hiến sâm ngược lại âm dưới sĩ lâm Mao Thi Truyện cho rằng: Sâm là vật báu quý báu vật đẹp là sâm xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bộ bối thanh thâm cũng viết chữ sâm.

Ư thước âm trên ô âm dưới thương lược.

Đê dịch âm trên để hề sách Lễ Ký giải thích: Dân chúng của khắp nơi lời nói không thông, ưa thích, ham muốn không đồng, để đạt tới chỗ

nhất trí. Thông dụng ưa thích đồng phương Tây gọi kẻ địch là đê địch, Trịnh Huyền chú giải rằng: Đều là thế gian tên gọi khác nhau, dựa theo sự việc, phân loại nói đê là hiểu biết. Nay dựa theo bộ có nói địch đế đó. Quảng Nhã giải rằng: Địch đê là thay đổi, có nghĩa là hoán đổi ngôn ngữ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cách thanh thị âm dưới là diệc.

Huệ trách ngược lại âm sĩ cách tên người.

Côn hoàng ngược lại âm trên hỗn bổn âm dưới là hoàng sách Phương Ngôn giải thích rằng: Côn là lửa cháy rực. Mao Thi Truyện cho rằng: Hoàng sáng tỏ.

Cáp yên ngược lại âm trên thổ hạp sách Trang Tử giải thích rằng: Cáp giống như là cười ha ha, ngẫu nhiên mà cười. Tư Mã Bưu chú giải rằng: Mất đi sự thăng bằng, nên có trạng thái giống như là cười vậy. Sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ khẩu thanh hạp Văn Truyện viết chữ đáp là chẳng phải.

Lỗi thạch ngược lại âm trên lôi tội chữ thượng thanh, cũng viết chữ lỗi.

Tùng giá ngược lại âm da nhã Tả Truyện cho rằng: Cây lục giải trong vườn Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cây sơn quyết, thuộc cây tử cây thị, lá nhỏ gọi là cây giả, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh giả cũng viết chữ giả.

Sủy ma ngược lại âm trên sơ lạng ngược lại âm dưới ba ma Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sủy là suy đoán độ cao. Đánh giá cao thấp, gọi là sủy Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là thương lượng đo lường. Hàng Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: Ma là cùng nhau chà xát. Quỷ Cốc Tử nói có hai thiên sủy ma. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thủ đến bộ thuy thanh tĩnh chữ ma Tự Thư hoặc là viết chữ.

Tranh vinh ngược lại âm trên sĩ canh ngược lại âm dưới hoạch mạnh Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tranh vinh là núi cao chót vót nguy hiểm. Quảng Nhã giải thích rằng: Tranh vinh thân sâu cao xa, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng là chữ thanh giải thích cũng đồng, trên hai chữ đều từ bộ sơn đều thanh tranh vinh.

Sáp hán ngược lại âm trên sơ hạp.

Tà hám ngược lại âm kham cảm Tự Thư cho rằng: Hám là trông mong, nhìn cũng viết chữ khám.

Thư dương ngược lại âm trên sĩ dư âm dưới là dương tên của hai dòng sông ở Đang Dương.

Sổ đô ngược lại âm đổ hồ tức là chữ đô.

Sàm tước ngược lại âm trên sĩ hàm ngược lại âm dưới sĩ giác sách

Thuyết Văn giải thích rằng: Tiếng giọt nước nhỏ xuống từng giọt nhỏ ly ty, chữ viết từ bộ thủy đều thanh sàm tước.

Ngô thử ngược lại âm trên ngũ hồ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ngô thử là sóc bay, con chồn sóc Quách Phác chú giải rằng: Hình trạng nó giống như con chồn nhỏ có cánh bay đuôi dài. Cổ và hong có lông màu tím trên lưng màu xanh vàng, dưới bụng vàng trắng, hàm mỏ giống như con chuột chân ngắn, móng dài, đuôi như đuôi chồn bay, lại sinh sống như chuột cho nên gọi là sóc bay, tiếng kêu như đứa trẻ khóc. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thử thanh ngô âm dữu là âm do âm hàm ngược lại âm hàm cảm.

Nghê ngư ngược lại âm nghệ hề.

Phi manh ngược lại âm mạch canh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Có thể ở trên cây hót như đứa trẻ khóc. Manh là cái mèn đóng trên rui nhà để móc ngói, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngõa đến bộ mộng thanh tĩnh.

Biện la ngược lại âm trên bí biên Quảng Nhã giải thích: Biện la là xếp hàng ngay thẳng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh biện cũng viết chữ biện Văn Truyện viết chữ biện ngược lại âm bạc đinh chẳng phải nghĩa đây dùng.

Quán thấu âm trên quan oán sách Thuyết Văn giải thích: Quán là rửa tay, chữ viết từ bộ cửu bộ tủy đến bộ mảnh Văn Truyện viết chữ từ bộ thủy viết thành chữ quán là chẳng phải. Ngược lại âm dưới sưu cứu cái chậu rửa mặt súc miệng.

Tăng tiệp ngược lại âm tiềm diệp.

Tiêu ngôn âm ngôn tên người.

Bích nhung âm nhung tên cây.

Chỉ câu âm trên kiết dĩ âm dưới câu tên cây, tên núi.

Dược diêu ngược lại âm điều điếu.

Tú nghiểu ngược lại âm ngôn kiển.

Chuyên khảm ngược lại âm trên thuận luân Cố Dã Vương cho rằng: Nay Giang Đông ở giữa sông có loại rong phần nhiều người ta ăn được, ngược lại âm dưới kiềm liểm Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Khảm là cây hoa súng, cũng gọi là cỏ đầu gà. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thảo đều thanh duyên khảm.

THÍCH PHÁP LÂM BỔN TRUYỆN
QUYỂN 5

Nguyên giới ngược lại âm trên hàng tức âm dưới hài giới sách Sở Từ giải thích: Nguyên giới đều là tên sông ở phương Bắc, nửa đêm bốc hơi lên, sương mù tỏa khắp. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ thủy đến bộ nguyên đều thanh giới nguyên.

Mạc tợ ngược lại âm thang lạc Quảng Nhã cho rằng: Áo rộng, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh thạch.

Yểm tư ngược lại âm yểm liên âm dưới là tư Bì Thương cho rằng: Yểm tư là tên núi. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Suốt ngày ở trong núi.

Húc nhật ngược lại âm hung ngọc (871) Mao Thi Truyện cho rằng: Húc là mặt trời mới bắt đầu mọc to lớn.

Minh nao ngược lại âm náo giáo sách Chu Lễ giải thích: Nao loại chiêng nhỏ, giống như cái mà không có lưỡi, có cán cầm như cái linh, dùng đúng là đánh vào mặt trống, tục gọi là chiêng đồng, cái chũm chọe, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái chiêng nhỏ, chữ viết từ bộ kim thanh nhiêu.

Phi viêm ngược lại âm diệp chiêm Lưu Triệu chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Viêm là rui nhà, Văn Tự Tập Lược viết chiêm âm lữ là âm lữ.

Lị di ngược lại âm lực thị âm dưới di nhĩ.

Cập sái âm trên tam hạp âm dưới sa giả.

Văn bì ngược lại âm tỵ tỷ Thiên Thương Hiệt giải thích: Bì là mái hiên nhà Thanh Loại ghi: Chái nhà liên kết nhau sách Thuyết Văn cho rằng: Cháy nhà chữ viết từ bộ mộc thanh bề.

Tiếp hiến ngược lại âm hiên yển Thích Danh cho rằng: Hiến là màn xe chỗ gọi là ngăn nóng nhiệt Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là màn thưa che đậy xe trên tức mui xe là hiến xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cân thanh hiến.

Liên tiêu ngược lại âm biểu miêu sách Khảo Thanh cho rằng: Thanh gỗ ngang đặt bên miệng ngựa. Sách Thuyết Văn ghi thiết hàm ngựa chữ viết từ bộ kim thanh tiêu.

Át bề âm trên an cát âm dưới bệ mê.

Dục dược ngược lại âm trên dung túc Bì Thương cho rằng: Ngọn lửa cháy rực sáng. Quảng Nhã giải thích lửa cháy rực sáng, ngược lại âm dưới dương tước sách Thuyết Văn giải dương tước sách Thuyết Văn

giải dược là lửa cháy lòe rực cháy sáng. Hai chữ đều từ bộ hỏa đều thanh dục dược Văn Truyện viết chữ dược là chẳng phải chữ dục hoặc là viết chữ dục.

Thanh diêu ngược lại âm tất diêu.

Si tương cân ngược lại âm trên trì nhĩ nghĩa đã giải thích rồi trong quyển Phá Tà Luận. Sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh si Văn Truyện viết chữ si là chẳng phải. Âm giữa là tưởng dương sách Khảo Thanh cho rằng: Màu sắc vàng lợt viết đúng là chữ cương xưa nay Chánh Tự viết như vậy.

Điếm tể âm trên thiếp sách Khảo Thanh cho rằng: bàn chân mang guốc gỗ mà đi giẫm đạp lên.

Mậu loạn ngược lại âm trên mâu hầu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Mậu là mắt lờ mờ không thấy rõ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh mậu.

Cơ chỉ âm chỉ xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chỉ cũng là cơ tức là nền móng căn bản, chữ viết từ bộ thổ thanh chỉ Văn Truyện viết chữ chích là chẳng phải.

Phân nể âm trên phân âm dưới lê đế yêu khí.

Lưu miên ngược lại âm miên biên.

Hội cương ngược lại âm trên đồi lôi sách Khảo Thanh cho rằng: Vật rơi xuống, làm hư hoại, hủy hoại sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ bộ hội thanh tĩnh âm hội đồng với âm trên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ phụ thanh hội Văn Truyện viết chữ đồi là chẳng phải, ngược lại âm dưới ca hàng.

Hạch kỳ ngược lại âm trên hành cách sách Thuyết Văn Khảo Thanh đều đồng giải, hạch là khảo sát tìm sự thật chữ viết từ bộ á thanh kích âm á ngược lại âm ha giá âm kích là âm dược.

Sí ám ngược lại âm trên sĩ ly ngược lại âm dưới âm diêu tên họ người.

Luân tư ngược lại âm trên luật tư ngược lại âm dưới tức dư sách Vận Lược cho rằng: Tư là chìm xuống, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh tư Văn Truyện viết chữ tiêu tục tự dùng thông dụng.

Bôi huyễn ngược lại âm trên phối mai sách Thuyết Văn cho rằng: Phôi là gạch ngói chưa nung, chữ viết từ bộ thổ thanh bôi ngược lại âm dưới hoàn quán.

Quái ngu ngược lại âm trên cổ mại ngược lại âm dưới ngô cố.

Đằng trần ngược lại âm trên thời đăng sách Thuyết Văn viết: Đằng là ghim lại, dán kín, xung quanh quyển sách có mạ vàng, bọc lại

chữ viết từ bộ mịch thanh chẩm.

Oa long ngược lại âm trên ất qua sách Thuyết Văn cho rằng: Oa là chỗ trũng thấp, bùn ẩm ướt dưới, chữ viết từ bộ huyệt thanh qua.

Mạc nhĩ ngược lại âm trên mang bác âm dưới là nhĩ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Mạc là đi xa. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh mạc kinh Văn viết chữ mạc tên loài cỏ chẳng phải nghĩa đây dùng.

Vĩ vĩ ngược lại âm vi phĩ sách Khảo Thanh cho rằng: Vĩ là tốt đẹp, gắng sức tiến tới, viết đúng là chữ vĩ.

****

TẬP SA MÔN BẤT ỨNG BÁI TỤC ĐẲNG SỰ LỤC QUYỂN TINH TỰA TẬP SA MÔN BÁI TỤC NGHI TỰA QUYỂN 1

Đoan chấn ngược lại âm thận chân Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thần là nhà của vua. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ miên thanh thần.

Tiêu ỷ ngược lại âm y khải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khe cửa sổ gọi là ỷ Quách Phác chú giải rằng: Cửa sổ phía đông, cửa sổ phía tây. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hộ thanh y.

Ban tỷ ngược lại âm bát phan theo Thanh Loại cho rằng: Ban là ngựa vằn, có chấm nhỏ xen lẫn với nhau, có màu sắc đẹp, văn lớn nhỏ. Sách Thuyết Văn Tập Lược viết từ bộ đao viết thành chữ ban nghĩa lại khác sách Thuyết Văn cũng viết chữ quyên ban âm giác ngược lại âm dưới sư ỷ theo Thanh Loại cho rằng: Giày dép da, sách Thuyết Văn cho rằng: Guốc gỗ, lại cũng viết chữ tỷ hoặc viết chữ tỷ.

Chi tuấn ngược lại âm tuân tuấn Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tài nang vượt qua ngàn người gọi là tuấn sách Khảo Thanh cho rằng: Có uy lực tài năng khác thường. Sách Thuyết Văn giải rằng: Chữ viết từ bộ ao đến bộ chuy nay tập văn phần nhiều viết chữ tuấn tục tự lại viết từ bộ ao ngang bộ cung.

Thỉ nữu ngược lại âm thi thị Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thỉ là buông dây cung, Quảng Nhã cho rằng: Thong thả, chậm rãi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cung ngược lại âm dưới nữ cửu.

Tinh tầm ngược lại âm tập lâm Hứa Thúc Trọng chú giải sách

Hoài Nam Tử rằng: Tầm là bến nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Một bên rất sâu.

Sĩ chiếu ngược lại âm trì nhĩ sách Khảo Thanh cho rằng: Sĩ là cướp đoạt lột da, tháo ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y thanh sĩ tập văn viết chữ sĩ là sai.

Kế tân ngược lại âm cư lệ nước Kế Tân.

Đồng hy ngược lại âm hỷ kỳ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hy là làm trò đùa, sách Thuyết Văn cũng viết chữ hy.

Ái nhi ngược lại âm ai đại sách Khảo Thanh cho rằng: Ái là ánh mặt trời mờ một ở, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhật thanh ái.

Nhân ái ngược lại âm ế lân Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhân là thảm nệm, ngược lại âm dưới ai cái sách Nhĩ Nhã giải thích: Ái là dung hòa, lại cỏ cây rậm rạp tươi tốt, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh ái.

Tông thượng nhân ngược lại âm tại tông danh tăng.

Tũng chân ngược lại âm lạt dũng sách Khảo Thanh cho rằng: Tũng là cao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ Khảo Thanh hoặc là viết chữ tũng.

Khao tiết ngược lại âm khổ qua Tự Lâm cho rằng: Khoa là to lớn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khoa là tốt đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh khoa cũng viết chữ khoa hoặc là viết chữ khoa.

Thu lân ngược lại âm lật lữ sách Khảo Thanh cho rằng: Lân là con đom đóm. Mao Thi Truyện cho rằng: Đom đóm chiếu sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ sinh thanh lân cũng viết chữ lân.

Xuân oa ngược lại âm ô qua chữ oa nghĩa kỳ lạ. Thanh toọc sách Thuyết Văn cho rằng: Oa là con ễnh ương viết đúng là chữ oa.

Thần hạp ngược lại âm sơn giáp tên người.

Khôn tước ngược lại âm khổ côn sách Thuyết Văn ghi khôn là cạo tóc chữ viết từ bộ tiêu thanh ngột.

Vương mật ngược lại âm di tất tên người.

Quyến miến âm quyết quyện Mao Thi Truyện giải thích: Quyến là liếc nhìn ngoái đầu lại nhìn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nhìn sách Thuyết Văn viết từ bộ mục bộ quyển thanh tĩnh âm dưới mạc biên sách Thuyết Văn cho rằng: Miến là liếc nhìn, liếc xéo, nhắm bên mắt còn một bên nhìn, chữ viết từ bộ mục thanh miến âm miến ngược lại âm di diễn.

Hoạch nhiên ngược lại âm hồ mạch Quảng Nhã giải thích: Hoạch là hiểu biết, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hoạch

Di nùng ngược lại âm mật di Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng, cho rằng: Là nhiều tràn đầy, sách Thuyết Văn viết từ bộ cung thanh nhĩ tập văn viết chữ di tục tự thường hay dùng âm dưới nữ long sách Thuyết Văn cho rằng: Nùng là nhiều đậm đặc, dày.

Huỳnh kỳ ngược lại âm ô định sách Bát-nhã giải thích Huỳnh là tô điểm. Lại cũng viết chữ huỳnh.

Miến chí ngược lại âm di diễn Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Miến là tưởng chớ đến, Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Bạc bẽo, xem thường sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh diện cũng viết chữ miến.

Thuyên đế ngược lại âm thất nghi Tư Mã Bưu chú giải Trang Tử rằng: Thuyên là cái nơm cá, sách Thuyết Văn viết từ bộ trú thanh thuyên tập văn viết từ bộ thảo viết thành chữ thuyên là chẳng phải nghĩa này.

Tông triệt ngược lại âm trực liệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Triệt là vết của bánh xe. Tập Lược cũng từ bộ túc viết thành chữ triệt là chẳng phải.

Kính tập ngược lại âm trắc lập Tự Lâm giải thích: Phàm là thâu thập cất giấu gọi là tập Mao Thi Truyện cho rằng: Tập là tu họp, sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh tập âm tập ngược lại âm thất nhập.

Hòa thượng ngược lại âm hiệu cao sách Vận Lược giải thích: Hào cây cầu bắt ngang sông. Trang Huệ cho rằng: Chỗ vượt qua, Cố Dã Vương cho rằng: Tên dòng sông, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hào.

Ký dương ngược lại âm hy ký Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ký là thức ăn nóng gọi là sáng Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Lấy con vật cúng tế gọi là khí khi cũng giống kho chứa vật để cho phân phát ra. Bì Thương cho rằng: Dâng thức ăn lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh khí.

Thích phát Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Thích là cạo cắt tóc, viết đúng chữ thích Văn cổ viết chữ định.

TẬP SA MÔN BÁI TỤC NGHI TỰA
QUYỂN 2

Đồn thế ngược lại âm đồ đốn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đồn là chạy trốn, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ẩn náo

trốn tránh. Quảng Nhã cho rằng: Trốn tránh, lại cũng là bỏ đi viết đúng chữ đồn cũng đồng, hoặc là viết chữ đồn.

Quan kiện ngược lại âm cổ hoàn âm dưới kiền kiển sách Chu Lễ quan giữ của dòng mấu chốt khóa lại của thành. Sách Phương Ngôn giải Quan Đông gọi là mấu chốt khóa cửa gọi là kiện.

Ky tử ngược lại âm kinh kỳ Quảng Nhã giải thích Ky là nhà trọ, sách Thuyết Văn giải thích rằng: Chữ viết từ bộ võng đến bộ ky tập văn viết chữ ky chữ cổ.

Cổ tẩu ngược lại âm cô ngũ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Không có con mắt gọi là cổ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mục thanh cổ ngược lại âm dưới tô tẩu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Có con mắt mà không có con ngươi gọi là tẩu sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh tẩu tập văn viết chữ tẩu là chẳng phải.

Hầu lương ngược lại âm hậu cấu Mao Thi Truyện cho rằng: Hầu là thức ăn, sách Thuyết Văn giải thích, thức ăn khô, chữ viết từ bộ thực thanh tập văn viết chữ hầu tục tự thường hay dùng, âm dưới lực trương Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lương là thức ăn khô dự trữ, thức ăn đầy đủ thức ăn ngon sách Thuyết Văn cho rằng: Lương thực thuộc ngũ cốc, cũng viết chữ lương thực.

Quân văn ngược lại âm cổ loạn Mao Thi Truyện giải thích: Thủy điểu có mỏ dài, tiếng hót vui tai. Trịnh Tiễn giải thích: Loài thủy điểu, mây kéo đến trời (872) mưa là hót. Mục Thiên Tử Truyện giải thích: Quán là chim giống hạt bay một ngày tám trăm dặm. Quách Phác giải thích rằng: Loài ngỗng trời sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu đến bộ quan âm dưới là văn.

Nô độn ngược lại âm nổ hồ sách Bát-nhã giải thích rằng: Nô là ngựa tồi, sách Lễ Ký giải thích: Tín Niên cởi con ngựa tồi. Cố Dã Vương cho rằng: Trong sáu loại ngựa đây là loại ngựa thấp nhất.

Địch tự âm trên thính lịch sách Nhĩ Nhã giải thích: Địch là xa xôi, viết đúng là chữ địch.

Long phù ngược lại âm phù hữu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đất không có đá sỏi gọi là phụ chữ tượng hình tập văn viết là chữ là chẳng phải.

Tẫn bảo ngược lại âm tần tín Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tẫn là tài vật hàng hóa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ bối thanh tẫn.

Manh giai ngược lại âm mạch canh sách Bát-nhã cho rằng: Manh là ngu si tức là nông dân, sách Thuyết Văn cho rằng: Người làm ruộng chữ viết từ bộ điền thanh manh.

Cánh hiệu ngược lại âm hồ đáo Khổng An Quốc chú giải. Điệu là ra lệnh, tập ăn viết chữ hiệu là sai.

Đảng ngôn ngược lại âm đang lãng Thanh Loại giải thích: Đảng là lời nói khéo, Cố Dã Vương giải thích: Đảng là nói thẳng.

Khỉ dư ngược lại âm ỷ tri Mao Thi Truyện cho rằng: Ỷ là thân từ, ái chà, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển thanh y ngược lại âm dưới dữ chư Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Dư là từ ngữ biểu thị nghi vấn, Vận Lược giải thích cũng viết chữ dữ.

TẬP SA MÔN BÁI TỤC NGHI TỰA
QUYỂN 3

Khiển ngạc ngược lại âm cư triển sách Chu Dịch giải thích: Kiển là khó nói, sách Phương Ngôn cho rằng: Kiển là nói ngọng ngiụ, sách Sở Từ Quách Phác đều giải rằng: Thông ngữ của người phương Bắc, theo Thanh Loại cho rằng: Cũng viết chữ khiển âm dưới ngã các Cố Dã Vương cho rằng: Ngạc là nói thẳng ngay, Quảng Nhã giải thích: Ngạc là nói thẳng thắn.

Chi trục ngược lại âm chung lục Hán Thư âm nghĩa giải thích rằng: Trục là dấu vết của ba bánh xe, cũng gọi là dấu chân đi qua trục.

Lại hương ngược lại âm lai cái.

Du hiên ngược lại âm dĩ chu Mao Thi Truyện giải thích rằng: Là xe nhẹ, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh tù âm tù với âm trên, âm dưới hứa ngôn Tả Truyện giải thích xe nhỏ chở vua hay sứ thần, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh vu.

Liệu thái ngược lại âm liễu điêu sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Liêu là quan lại cũng viết chữ liệu âm dưới thương cải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thái là đất thuộc nhà quan, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ miên thanh thái.

Cực thiệp ngược lại âm khi sử sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Cực là số nhiều, âm số là âm tố lại âm cạch lực. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhị đến bộ nhân đến bộ khẩu đến bộ hựu âm hựu là âm thủ nói người quân tử sống giữa trời đất là dựa vào tay và miệng, là cực.

Oa long ngược lại âm ô qua sách Thuyết Văn cho rằng: Oa là chỗ trũng thấp hoang sơ dưới ẩm thấp, chữ viết từ bộ huyệt thanh oa ngược lại âm dưới lực trung.

Cửu cai ngược lại âm cải hải Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Cửu cai là trời đất chữ viết từ bộ thổ thanh cai.

Tàm ngược lại âm tạp hàm sách Thuyết Văn cho rằng: Tàm là xấu hổ chữ viết từ bộ tâm thanh trảm ngược lại âm thiên lịch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dịch là lo âu, Mao Thi Truyện cho rằng: Thích là thận trong lo lắng, âm đao là âm đao sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh dịch.

Đề bại ngược lại âm đệ tây sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đệ là giống như lúa tắc, tên gọi khác của hoa rụng giống như cỏ dại, sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh đệ âm dưới bổ mại Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bại giống như lúa thóc nhưng không phải lúa thóc loại lúa ma, có hạt lép sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh bại.

Điêu ngoa ngược lại âm điểu liêu sách Thuyết Văn cho rằng: Điêu khắc chạm trổ, vẽ hoa văn viết đúng là chữ điêu văn cổ viết chữ điêu.

Thiết phục ngược lại âm thiên tiết Trịnh Huyền chẳng sách Lễ Ký rằng: Thiết là kẻ trộm sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ huyệt bộ cam bộ mễ bộ cao tập văn viết từ bộ tường viết thành chữ thiết.

Thiên quyển ngược lại âm quyết quyển trước đã giải thích rồi.

Khô trước ngược lại âm khổ cô Khổng An Quốc chú giải Thượng Thư rằng: Khô là phanh ra, khoét ra, sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh khoa âm dưới trắc lược Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trước là chém chặt, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tước lột, vót nhọn Quảng Nhã giải thích đoạn ra sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh tích.

Phất mị ngược lại âm mị ba gọi là tiêu dùng, tiêu tiền.

Bác tạp ngược lại âm bang giác Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Con ngựa có lồng vằn, không đều nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Bác là ngựa không thuần màu, chữ viết từ bộ mã thanh bác.

Trâm phất ngược lại âm trắc lâm Thiên Thương Hiệt giải thích: Trâm là cây trâm, người con trai lấy cây trâm cứng cài lên đầu người con gái, làm trang sức, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh tán ngược lại âm dưới phân vật Thiên Thương Hiệt giải thích: Phất là dây thao buộc ấn sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh phất Tự Thư cũng viết chữ bái.

Nghiên hạch ngược lại âm ngũ kiên sách Bát-nhã giải thích: Nghiên là suy nghĩ chính chắn, kỹ càng, sách Thuyết Văn viết từ chữ nghiên ngược lại âm dưới hành cách sách Thuyết Văn cho rằng: Hạch

là khảo sát sự thật chữ viết từ bộ tây thanh kích.

Nghĩa tạ ngược lại âm tình dạ sách Chu Dịch giải thích: Tạ là cùng cỏ mao trắng. Cố Dã Vương giải thích: Tạ là cỏ héo, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tịch.

Di chương ngược lại âm dĩ chỉ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Di là phép tắc, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thường, sách Thượng Thư cho rằng: Di là dựa theo luân thường đạo lý, sách tất cả viết từ bộ mịch bộ mể bộ cũng bộ kệ.

Trung đạo ngược lại âm trúc long sách Thuyết Văn cho rằng: Trung là lời nói từ đáy lòng chân thật răn dạy, chữ viết từ bộ y thanh trung tập văn viết chữ trung là chẳng phải.

Phục nhẫn ngược lại âm nhân chấn Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nhẫn là khúc gỗ chèn bánh xe sách Thuyết Văn cho rằng: Chiếu xe bị trở ngại vật, chữ viết từ bộ xa thanh nhẫn.

Huyên bằng ngược lại âm huyết huỳnh sách Thuyết Văn cho rằng: Loài côn trùng nhỏ bay là đà, chữ viết từ bộ vũ thanh hoàn ngược lại âm dưới bổ đằng sách Trang Tử nói rằng: Ở phía Bắc sông tên của con cá gọi là côn côn hóa chim gọi là bằng.

Văn án ngược lại âm điểu giản Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Án là tên của loại chim ưng, hoặc là viết chữ án.

Sam... ngược lại âm sở hàm Mao Thi Truyện cho rằng: Sam là dụng cụ trừ cỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo đến bộ thù âm dưới thể kế Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thế là bới cỏ, cắt cỏ, bới móc rễ lên thiêu đốt, không cho cỏ mọc trở lại mưa lớn giáng xuống đất thêm màu mỡ tốt có thể cày ruộng trồng trọt, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh trĩ.

Đế phân ngược lại âm đinh kế theo Thanh Loại giải thích rằng: Đế là cuống của trái cây, âm dưới là phương văn sách Phương Ngôn nói: Cỏ thơm.

Tảo thủ ngược lại âm sưu đao Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài nam Tử rằng: Tảo là gãi, sách Thuyết Văn cho rằng: Gãi là ngứa cào, chữ viết từ bộ thủ thanh tảo.

Môn tâm ngược lại âm mạc bôn theo Thanh Loại cho rằng: Môn là sờ mó sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ thủ thanh môn.

Hụy can ngược lại âm hứa quy Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Huy là hủy bỏ, hủy hoại, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ thanh tùy.

Duệ tưởng ngược lại âm duyệt tuế Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Duệ là sáng suốt. Quảng Nhã cho rằng: Trí tuệ, Khổng An

Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Là thánh trí sách Thuyết Văn viết từ bộ duệ đến bộ mục đến bộ cốc thanh tĩnh văn cổ viết chữ duệ Trụ Văn viết chữ duệ là chẳng phải âm duệ ngược lại âm tại an.

Hoài duyên ngược lại âm duyệt tuyền sách Khảo Thanh cho rằng: Duyên là loại nguyên tố hóa học, sách Thuyết Văn cho rằng: Duyên là kim loại màu xanh chữ viết từ bộ kim thanh duyên.

Vạn lại ngược lại âm lai đái sách Vận Thuyên cho rằng: Lại là loài cỏ. Cố Dã Vương, Ngọc Thiên cho rằng: Thuộc cỏ ngãi, cũng gọi là cỏ Mộc Liên loại thuốc, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh lại.

Thiển nhan ngược lại âm trên thiên điển sách Vận Thuyên cho rằng: Xấu hổ nét mặt bẽn lẽn, sách Vận Anh cho rằng: Xấu hổ đỏ mặt, hoặc là viết chữ thiển sách Khảo xấu hổ nhục mặt mày bẽn lẽn, sách Thuyết Văn cho rằng: Xấu hổ thẹn cả mặt, chữ viết từ bộ diện thanh kiến.

Nãn úy ngược lại âm nữ giãn sách Thuyết Văn cho rằng: Nãn là hổ thẹn đỏ mặt, chữ viết từ bộ xích thanh niễn âm niển là âm triển chữ viết từ bộ bì là chẳng phải.

TẬP SA MÔN BÁI TỤC NGHI TỰA
QUYỂN 4

Bái vương phủ ngược lại âm bổ cái tên quận.

Xung tịch ngược lại âm tình lịch sách Phương Ngôn giải: Tịch là an tĩnh, sách Thuyết Văn ghi: Không có tiếng người, xưa viết chữ tịch hoặc là viết chữ tịch nay thông dụng viết chữ tịch.

Nhẫn truy ngược lại âm nữ nĩ Cố Dã Vương cho rằng: Nhẫn là sợi dây, sợi chỉ xâu kim. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Nay cũng viết chữ tuyến là sợi chỉ xâu kim, là nhẫn Quảng Nhã giải thích: Nhẫn là nức ra, áo rách may vá, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh thẫn âm dưới tử tắc Mao Thi Truyện cho rằng: Truy là mảnh lụa thâm, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh truy âm truy là âm truy sách Tập Văn viết chữ truy tục tự thường hay dùng.

Khể tảng ngược lại âm hề lễ sách Khảo Thanh cho rằng: Lễ bái mà đầu sát tận đất, tay thi lễ, sách Bát-nhã viết chữ khê âm dưới tang lãng sách Phương giải thích: Tảng là cái trán. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Khể tảng gọi là khấu đầu nơi đất.

Cổ tập ngược lại âm trên cơ ngũ gọi là cổ động sách Thuyết Văn viết từ bộ khải đến bộ phộc ngược lại âm thảo đao sách Tập Văn viết từ bộ bì viết thành chữ cổ là sai. Âm thụ ngược lại âm chu thu ngược lại âm dưới tử diệp Mao Thi Truyện cho rằng: Tập là mái chèo, chèo thuyền. Lại cũng viết chữ trạo cũng viết chữ tập.

Chu hàng ngược lại âm hồ lang sách Phương Ngôn cho rằng: Hàng là tên một chiếc thuyền, sách Thuyết Văn viết từ bộ chu thanh nguyên Tập Văn viết chữ hàng tục tự thường hay dùng.

Thám trách ngược lại âm tha hàm sách Thuyết Văn ghi: Thám là dò xét thử nghiệm thương thuyết lấy tin từ xa, chữ viết từ bộ thủ thanh thám âm thám âm thâm ngược lại âm dưới sĩ trách Lưu Lưu Hoàn chú giải sách Chu Dịch rằng: Trách là rất thâm u. Sách Thuyết Văn viết từ bộ di thanh trách sách Tập văn viết chữ trách tục tự thường hay dùng.

Đãng ngược lại âm đỗ lãng sách Thuyết Văn cho rằng: Đãng là đoán nơi qua lại, đã qua, trì hoãn, chữ viết từ bộ miên thanh thạch.

Yểu minh ngược lại âm trên yêu điểu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Yểu là u tịch, sách Thuyết Văn ghi: Sâu xa chữ viết từ bộ huyệt thanh yểu ngược lại âm dưới mạc bình Mao Thi Truyện cho rằng: Minh là đem tối sách Thuyết Văn cho rằng: U ám từ bộ nhật đến bộ lục gọi là đến ngày mười sáu, trăng bắt khuyết nên gọi là tối, thanh tịnh.

Nghi nhĩ ngược lại âm trên ngư lực chữ chỉ ý núi rất cao chót vót, ngược lại âm dưới nghi chỉ.

Viên trạm ngược lại âm trực giảm theo chữ trạm giống như lóng, trong, sạch. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nước lóng trong, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh thậm.

Nục kim ngược lại âm nữ lục Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nục là thẹn thùng đỏ mặt, Quảng Nhã cho rằng: Ái náy thẹn thùng, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh sửu.

Sô nhiêu ngược lại âm trên trắc câu âm dưới hiểu nhiêu Mao Thi Truyện giải thích: Cắt cỏ nuôi súc vật, loại cỏ mao lợp nhà.

Tôn trở ngược lại âm tổ côn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: tôn là dụng cụ đựng rượu, sách Thuyết Văn viết chữ tôn lại viết chữ tôn cũng viết chữ tôn âm dưới trắc sở Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Trở là cái mâm đựng đồ cúng tế, sách Phương Ngôn cho rằng: Thớt xắc thịt sách Thuyết Văn viết từ nửa bộ nhục bên bộ thư.

Hoạch văn ngược lại âm huyết quyên Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hoạch là treo lên cao, có sách viết là cầu sách Thuyết Văn giải:

Nói lưu loát, trôi chảy. Lại nói lời không thật chữ viết từ bộ ngôn thanh huỳnh Tập Văn lại viết chữ huỳnh là không thành chữ.

Tiếp hoặc ngược lại âm tư giáp Hàn Thi Truyện giải thích rằng: Tiếp là thấm ướt thấu suốt, biến khắp. Mao Thi Truyện cho rằng: Tiếp là đạt đến, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hiệp ngược lại âm dưới vinh hức âm hức ngược lại âm huynh vực Mạnh Tử cho rằng: Vực là chỗ ở (873) sách Thuyết Văn cho rằng: Đất phong cho hoặc là viết từ bộ thổ thanh hoặc.

Thái huyến ngược lại âm huyết quyên Tư Mã Bưu chú giải sách Luận Ngữ rằng: Huyễn là mạ màu sắc rực rỡ. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Màu ngũ sắc hoa văn gọi là huyến sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch đến bộ huyễn.

Ca-nhị-sắc-ca ngược lại âm ni trí tiếng Phạm hiệu của vua.

Thân vu ngược lại âm y vu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Vu là ngoằn ngoèo, quanh co, sách Thuyết Văn cho rằng: Vây quanh, quấn quanh, chữ viết từ bộ mịch thanh vu.

Chi tất ngược lại âm tân mật Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tất là ngăn cấm đường đi, ngày xưa vua di hành cấm không được đi lại và phải quét dọn đường sạch sẽ. Như thời nay gọi là cảnh báo ngăn cấm đường, chữ viết từ bộ túc thanh tất.

Ngưng quỳnh ngược lại âm ngư lăng ngược lại âm dưới huyết huyện Lưu Triệu chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Quỳnh là sâu xa, sách Thuyết Văn giải thích: Chữ viết từ bộ mân trong bộ nhân bộ huyệt trên âm mân là âm quynh liệt.

Hy đế ngược lại âm đê hề Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đế là kết buộc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kết buộc lại không mở ra, chữ viết từ bộ mịch thanh đế.

Lý mộng ngược lại âm mặc đặng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mộng là sầu muộn. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hổ thẹn, hoặc là viết chữ mộng.

Hấn đại ngược lại âm hứa cẩn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng; Hấn là có tội, sách Thuyết Văn viết từ bộ phân đến bộ dậu sách Tập Văn viết từ bộ xuyên viết thành chữ hấn là chẳng phải.

Thính chúc ngược lại âm dung nhục sách Vận Lược giải thích: Chúc là nhìn chăm chú, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mục thanh chúc Tập Văn viết chữ chúc tục tự thường hay dùng.

Hoàn trung ngược lại âm hoạt quan Lưu Triệu chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Hoàn là đất của vua bao gồm trong thành ngàn dặm, sách

Thuyết Văn viết từ bộ miên thanh hoàn.

Thỉ pháp ngược lại âm thi để trước đã giải thích rồi.

Vấn điển ngược lại âm văn phấn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Vấn là tơ rối loạn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh văn Tập Truyện viết chữ vấn là sai chẳng phải.

Nhi cổ ngược lại âm vân bút Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cốt là nước cuốn trôi đi, sách Phương Ngôn cho rằng: Nước chảy xiết, chữ viết từ bộ thủy thanh viết là âm việt.

Tuần cự ngược lại âm tuẫn tuân Bát-nhã giải thích: Tuần là loài cầm thú hay quấy nhiễu, được huấn luyện cho thuần thục ngoan. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Tuần là đi theo, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh xuyên.

Bất sủy ngược lại âm câu ủy Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sủy là đoán, đánh giá, sách Thuyết Văn cho rằng: Đo lường, chữ viết từ bộ thủ bộ thụy thanh tĩnh.

TẬP SA MÔN BÁI TỤC NGHI TỰA
QUYỂN 5

Giác nhi ngược lại âm giang nhạc sách Bát-nhã giải thích rằng: Giác là sáng sủa, tranh tài đọ sức, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh giảo.

Đậu lô giản ngược lại âm cổ hạn tên người. Tập Văn viết từ bộ đông viết thành chữ giản là sai.

Bạch hồng ngược lại âm hồ công sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cầu vồng có nhiều màu sắc. Mây trắng kết cầu vồng trắng cuộn lại hơi đóng thành băng.

Bi giáo ngược lại âm ty chi Mao Thi Truyện cho rằng: Bi là dày sách Bát-nhã cho rằng: Tốt lành phép tắc, khuôn phép, sách Thuyết Văn cho rằng: Tăng thêm, chữ viết từ bộ thị thanh ty.

Tài cao ngược lại âm tại lai Đông Quán Hán Ký giải thích: Tài là cần mẫn siêng năng, sách Khảo Thanh cho rằng: Tạm thời, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh sàm âm sàm ngược lại âm sang hàm.

Mô bái âm mạc Quách Phác chú giải sách Mục Thiên Tử rằng: Mô là quỳ lễ Phật xưng Nam-mô, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục

thanh mạc.

Độc thiên ngược lại âm đình lịch Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Độc là nhìn thấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kiến thanh độc.

Phủ cốc ngược lại âm phương vũ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phủ là thêu thùa, văn vẽ, hoa văn. Quách Phác chú giải: Phủ là thêu văn vẽ, thêu để trang sức trên lễ phục ngày xưa, phủ là thêu hình như cái búa, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Dùng con cừu non và con chồn thêu lông trắng đen xen tạp gọi là phủ sách Thuyết Văn viết từ bộ thỉ thanh phủ âm trĩ ngược lại đinh trĩ âm dưới hồng cốc Thích Danh cho rằng: Sợi tơ, sợi bông, sách Thuyết Văn cho rằng: Lưới võng, chữ viết từ bộ mịch thanh cốc.

Miệt biện ngược lại âm tiên diệt Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Miệt là chim trĩ, chỗ gọi là côn trùng hóa thành, kinh Sơn Hải cho rằng: Núi Hoa Sơn có nhiều loài chim màu đỏ, Quách Phác chú giải rằng: Thuộc chim trĩ, trên đầu màu đỏ, trên lưng màu vàng ánh, đầu màu xanh, đuôi màu đỏ, có bộ lông sáng rực rỡ, sách Nhĩ Nhã giải thích: Giống như con gà mà nhỏ ở núi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Miệt là con chim trĩ ở núi, đến mùa thu, mùa đông là bay vào biển hóa làm con sò, sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh tệ âm dưới bì biến sách Thuyết Văn cho rằng: Biện là miển, bỏ ra.

Nhược sân sách Lễ Ký giải thích: Hai mươi tuổi gọi là nhược tức đã đội mũ, ngược lại âm dưới sơ cận Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đứa bé trai tám tuổi thay đổi, hủy bỏ răng sữa gọi là sấn sách Thuyết Văn viết từ bộ xĩ thanh thất Tập Văn viết từ chữ sấn là sai chẳng phải.

Kiềm đầu ngược lại âm kiểm liêm Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kiềm là đầu đen, đời nhà Tần dùng từ này để chỉ dân đen sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh kim.

Đạm bạc ngược lại âm đạm lam ngược lại âm dưới bàn bác.

Tân tân ngược lại âm sở trân Mao Thi Truyện cho rằng: Tân tân là đông nhiều, lại kéo dài lê thê thườn thượt, sách Thuyết Văn viết bằng bộ thảo thanh tân.

Trường ế ngược lại âm y kế sách Thuyết Văn cho rằng: Kế là gom góp tập hợp lại, chữ viết từ bộ thủ thanh ế.

Tỹ cáo ngược lại âm tư tử Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tỹ là ấn tín, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Phong thư, Ứng Thiệu chú giải sách Hán Thư rằng: Vật làm tin, sách Thuyết Văn cho

rằng: Chữ viết từ bộ ngọc thanh nhĩ ngược lại âm dưới cao hiệu sách Nhĩ Nhã giải thích: Cáo là khuyên răn. Xưa đó là hiệu của vua nay lấy căn làm gắng sức khích lệ.

Thư dịch ngược lại âm doanh ích Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dịch là nhàm chán, sách Thuyết Văn giải thích: Suy sụp, rốt cuộc, cởi bỏ, chữ viết từ bộ phộc thanh dịch Tập Văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ dịch là sai.

Quý tạc ngược lại âm quỷ vị Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Quý là xấu hổ, thẹn thùng, sách Bát-nhã giải thích: Xấu hổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ quý ngược lại âm dưới tàng tác sách Thuyết Văn cho rằng: Tạc là hổ thẹn, thẹn thùng, sách Thuyết Văn cho rằng: Tạc là xấu hổ, chữ viết từ bộ tâm thanh sạ.

Nghê quốc ngược lại âm ngũ hề gọi là sư tử con, hoặc là viết chữ kỹ.

Thông sơn ngược lại âm thô hồng Tập Văn cho rằng: Viết chữ thông là sai.

TẬP SA MÔN BÁI TỤC NGHI TỰA
QUYỂN 6

Trình sĩ ngung ngược lại âm ngu cung.

Du tà ngược lại âm du chu sách Thuyết Văn cho rằng: Du là nịnh hót, chữ viết từ bộ ngôn thanh du sách Tập Văn viết chữ du là tục tự thường hay dùng.

Mậu chúng ngược lại âm mạc hầu Mao Thi Truyện cho rằng: Mậu là mua bán, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ bối thanh mậu Tập Văn viết viết mậu tục dùng là sai.

Phế ngẫu ngược lại âm phi kế sách Khảo Thanh cho rằng: Là sanh kịp sách Thuyết Văn cho rằng: Phối hợp chữ viết từ bộ nữ thanh bề âm bề ngược lại âm ty kê.

Hàm trượng ngược lại âm hai cam Ngọc thiên giải thích: Loại trúc tre thật có tim tục gọi là trong đầy là trúc, xuất ra từ Phương Nam, cớ thể làm cây gậy, viết đúng là từ bộ trúc thanh hàm.

Truất dĩ ngược lại âm xuân luật Quảng Nhã giải thích: Truất là may, khâu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh xuất.

Luân tư ngược lại âm tương dữ sách Vận Thuyên cho rằng: Nước

chảy bài cát, chữ viết từ bộ thủy.

Nhẫn khải ngược lại âm khai ái sách Thuyết Văn cho rằng: Áo giáp chữ viết từ bộ kim thanh khải hoặc là chữ tượng thanh.

Quán giáp ngược lại âm khai hoạn áo giáp, hoặc là viết quán tức là mặc áo giáp.

Chiếp-ma ngược lại âm trác diệp sách Nhĩ Nhã giải thích: Chiếp là lo sơn hoặc là viết chữ nhiếp.

Đẩu tẩu âm trên là đẩu sách Khảo Thanh cho rằng: Đẩu tẩu là cứu giúp bảo vệ, xiêm áo hoặc gọi là đầu óc kéo kéo dài sự phiền muộn, nhàm chán, ích muốn biết đủ.

Nhiếp y ngược lại âm trên chiêm diệp sách Bát-nhã cho rằng: Áo lót chữ viết từ bộ y thanh niếp.

Tư tư ngược lại âm tử tư Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tư tư là siêng năng không biếng nhát trể nảy, siêng năng không biết mệt.

Luyến khu ngược lại âm liệt quyền bệnh tay chân co quấp, sách Tập Văn viết chữ luyến cũng thông dụng, ngược lại âm dưới khu cũ sách Bát-nhã cho rằng: Khu là gù lưng, xương sống cong lại.

1* Xỉ khủ ngược lại âm khưu tự sách Thuyết Văn cho rằng: Cái răng bị sâu ăn.

2* Đàm tử ngược lại âm đàm nam họ người, miếng bói màu đen.

3* Cú cú ngược lại âm tư tôn Vương Tiêu chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cú cú là dáng vẻ ôn hòa cung kính, Quảng Nhã giải thích rằng: Cung kính Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã rằng: rem sợ sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh cú.

Cổ hào âm trên là cổ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cổ là loài sâu bọ độc hại, sách Chu Dịch giải thích: Có loại độc trùng quái lạ, ngược lại âm dưới hiệu giao quẻ lục hào.

Đàm tiếu ngược lại âm tô diệu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cùng nhau bàn luận, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khiển trách, lại cũng gọi là đùa cợt sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Tề, Sở, Tống, Vệ gọi trách mắng, chỉ trích là tiếu lại cũng viết chữ tiều.

Đố hại ngược lại âm đô cố Mục Thiên Tử Truyện cho rằng: Đố là con mọt sách, sách Thuyết Văn cho rằng: Con mọt đục tròng vỏ cây.

Minh đằng ngược lại âm mịch bình ngược lại âm dưới đặng đắc. Mao Thi Truyện cho rằng: Loại ấu trùng, giống sâu hại lúa, ăn lá mạ non, đục bông lúa gọi là minh ăn lá mạ gọi là đằng sách Thuyết Văn

viết từ bộ trùng viết thành chữ đằng Tập văn viết chữ đằng là sai.

Bát hoằng ngược lại âm hoạch manh Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Hoằng gọi là tám phương, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh hoằng.

Bàn úy ngược lại âm phân huất Thiên Thương Hiệt cho rằng: Úy là hoa cỏ xanh tốt, lại gọi là tươi tốt, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh ủy.

Tự mi ngược lại âm mỹ bi sách Thuyết Văn giải thích Mi là cháu.

Diên hình ngược lại âm thiếu liên Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Khuôn làm đồ sứ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh diên.

Trần độc ngược lại âm đồng lộc Thiên Thương Hiệt cho rằng: Độc là dơ bẩn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm giữ dơ, cấu bẩn, chữ viết từ bộ hắc thanh độc.

Ỷ lưu ngược lại âm y khải Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Gọi thêu hình cây búa, có màu đen trắng, lấy vải lụa trắng thêu làm tấm bình phong. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Lụa màu đỏ thẩm, thô sơ làm bình phong, có thêu hình cái búa viền, chỗ gọi là thị uy, sách Thuyết Văn viết từ bộ hộ thanh y ngược lại âm dưới liễu do Mao Thi Truyện cho rằng: Lưu là tấm bích chương, Cố Dã Vương cho rằng: Lưu là tua cờ, sách Lễ Ký cho rằng: Vua làm huy hiệu, Ngọc Thiên cho rằng: Trong mười dặm có cấm hai cây cờ, sách Thuyết Văn viết từ bộ ư thanh lưu âm ư là âm yển âm lưu là âm lưu.

Vị thấu ngược lại âm dưới là thương hầu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Thấu là lớp da bên trong. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh thấu.

Kỳ điệt ngược lại âm điền kiết sách Nhĩ Nhã cho rằng: Điệt là người. Mao Thi Truyện cho rằng: Tám mươi tuổi gọi là điệt. Sách Tôn Viêm Tử cho rằng: Người già trên mặt có thêm sắc đen sám, sách Thuyết Văn viết từ bộ lão.

Thức biện ngược lại âm bì biến Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ngón tay đan xen nhau gọi là bện, sách Thuyết Văn cho rằng: Tay phủi bụi, chữ viết từ bộ thủ thanh biện hoặc là viết chữ biện.

Sở chủy ngược lại âm duy luy sách Thuyết Văn cho rằng: Chủy là (870) lấy roi quất ngựa mà đánh, chữ viết từ bộ trúc hoặc là viết chữ chủy.

Khánh tước ngược lại âm khinh kinh sách Nhĩ Nhã cho rằng:

Khánh là hết tận, sách Thuyết Văn viết từ bộ phữu thanh khánh âm khánh ngược lại âm khẩu canh ngược lại âm dưới tử dược Tự Thư cho rằng: Tước là cây đuốc lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy cây đuốc hươ hươ trừ yêu quái, chữ viết từ bộ hỏa.

Uyên hác ngược lại âm ô huyền sách Thuyết Văn cho rằng: Uyên là sâu chữ viết từ bộ thủy thanh uyên Miếu Húy nói lấy âm tuyền âm dưới ha các kinh Sơn Hải giải thích rằng: Hác là hang sâu, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hang rổng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái ao chữ viết từ bộ duệ đến bộ cốc sách Vận Tập Văn viết từ bộ thổ viết thành chữ hát cũng thông dụng.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 89

Âm Lương Hàn Cao Tăng Truyện từ quyển thứ nhất đến quyển thứ sáu.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 1

Phong địch ngược lại âm bổng dung Địch Văn chú giải Hán Thư rằng: Phong là mũi tên bén nhọn, sách Thuyết Văn cho rằng: Phong tức là binh khí có mũi nhọn thẳng, chữ viết từ bộ kim thanh phong âm phong đông đồng với âm trên, ngược lại âm dưới đinh lịch Quảng Nhã cho rằng: Đích tức là mũi nhọn sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là mũi tên nhọn, chữ viết từ bộ kim thanh đích âm đích đồng với âm trên.

Thái âm ngược lại âm ấp châm sách Văn Tự Điển nói: Âm hòa hợp chữ viết từ bộ tâm thanh âm Thái Âm là tên người.

Các ấp ngược lại âm lãng các Lưu Hướng Điển Lược cho rằng: Triều Hán Hỏa Đức Vương làm rơi thanh kiếm xuống sông, mới khắc vào mạng thuyền, đốt lửa tim kiếm, cố nhiến là dòng chảy mất đi, mà vẫn giữ lấy để tìm thanh kiếm, tức là người ngu si.

Trụy hận ngược lại âm trên chùy loại sách Nhĩ Nhã cho rằng: Truy là oán giận, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh đối.

Bất thuyên ngược lại âm dưới thủ huyên Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thuyên hối cải sửa đổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuyên là đưa lên cao, chữ viết từ bộ tâm thanh thuyên âm thuyên ngược lại âm thất tuần.

Cung đình hồ ngược lại âm trên cũng long sách Dị Uyển giải thích rằng: Công là tên của thôn ấp. Tấn Thư Quách Phác Truyện giải thích rằng: Cung cũng là đình tên là đình Quận Quốc Chí, theo Đồ Tịch gọi là Quận Dự Chương, có Cung Đình Hồ, văn trước trong Điển Lục Âm

nghĩa đã giải thích rồi.

Tán bại ngược lại âm trên tả thư Thích Danh cho rằng: Tán gọi là khen ngợi sự tốt đẹp của người. Văn Tự Điển nói tán giống như biểu dương khen ngợi, đức tính tốt của con người, chữ viết từ bộ ngôn thanh tán âm tán đồng với âm trên, ngược lại âm dưới là bài bái sách Văn Tự Điển nói: Bại-tán là tiếng Phạm, chữ viết từ bộ khẩu thanh bối.

Trường kỵ ngược lại âm ký nghị sách Trang Tử nói rằng: Thần dân thi lễ cung tay, chân quỳ, sách Thuyết Văn cho rằng: Kỵ là quỳ lâu, chữ viết từ bộ túc thanh kỵ hoặc là viết chữ kỵ.

Nhất giam ngược lại âm dưới bảm giam Quảng Nhã cho rằng: Cái rương nhỏ gọi là giam sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là cái rương chữ viết từ bộ mộc thanh hàm trong truyện lại viết chữ hàm tục tự dùng trong chữ cổ.

Mâu thuẫn ngược lại âm giải hầu Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Mâu là loại binh khí, sách Khảo Công Ký giải thích: Loại binh khí thời xưa có loại dài bốn thước, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây mâu dài hai trượng gắn trước đầu xe, chữ tượng hình, Văn Cổ viết từ bộ kim viết thành chữ mâu lại cũng từ bộ qua viết thành mâu. Trong truyện viết từ bộ mâu viết thành chữ mâu âm giải thích cũng đồng, tục tự thường hay dùng, ngược lại âm dưới thần chuẩn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thuẫn là vũ khí có thể làm vật che thân, theo chữ thuẫn tức là tấm biển viết yếu thị, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuẫn là vũ khí để che thân, che mắt, chữ tượng hình, âm đại là âm đại.

Đồ sấm ngược lại âm trên kiền nô theo Tả Truyện cho rằng: Đồ là vẽ, mưu đồ, tính toán, kế hoạch, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đồ là khảo sát, nói có công lao sự nghiệp. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Mưu tính kế hoạch sách Thuyết Văn cho rằng: Đồ là vẽ ra kế hoạch khó, chữ viết từ bộ vi thanh đồ âm đồ là âm đồ nói là ý khó, chữ chuyển chú, ngược lại âm dưới sở tán Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sấm là lời tiên đoán, có kinh nghiệm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh sấm âm sấm là âm kiểm.

Hôn mạc ngược lại âm trên hốt cơn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hôn là loạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hôn là không hiểu rõ, chữ viết từ bộ tâm thanh hôn âm liễu là âm liễu ngược lại âm dưới mang bác Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lặng lẽ, vắng lặng âm thầm khảo sát, sách Sở Từ cho rằng: Chỉ muốn yên tịnh, khoáng đạt tuyệt đối không có tiếng người, sách Thuyết Văn cho rằng: Mạc phương Bắc gọi là vùng u minh sa mạc vắng lặng, chữ viết

từ bộ thủy thanh mạc.

Thương nhiên ngược lại âm trên sách tranh Thống Tự giải thích rằng: Thương thương là nối gót theo sau, tiếng gót chân đi chữ viết từ bộ kim thanh thương.

Trâm chùy ngược lại âm chập lâm Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chân gọi là chặt đẻo cây, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cái búa lớn, sách Khảo Thanh cho rằng: Chày đập giả quần áo, chữ viết từ bộ thạch viết thành chữ châm cùng với chữ châm đồng nghĩa. Văn Tự Điển cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh kham Tự Thư cho rằng: Lại cũng từ bộ chi viết thành chữ chàm hoặc là viết chữ trâm âm giải thích đều đồng, ngược lại âm dưới đọa truy sách Phương Ngôn giải thích: Chùy là quả trùy nặng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thiết chùy sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ kim thanh chuy lại cũng viết chữ chùy viết thành chữ trùy đồng âm. Văn Truyện viết chữ trùy tục tự thường hay dùng.

Hà ngược ngược lại âm trên hạ ca Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hà là thảm khốc, hà khắc sách Bát-nhã cho rằng: Giận dữ Quảng Nhã cho rằng: Ngang ngược, phiền muộn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo thanh khả văn truyện viết chữ hà là chẳng phải.

Tôn xước âm dưới xương chước Tấn Tự Trung Tôn Xước, cũng tự là Hưng Công: Tên người.

Huất nhiên ngược lại âm trên huân luật sách Thuyết Văn cho rằng: Huất là bỗng nhiên, chữ viết từ bộ khảm thanh viêm.

Đôn hoàng ngược lại âm trên tuần hồn âm dưới là hoàng Hán Thư cho rằng: Quận Đôn Hoàng, ở Sa Châu, đời Vũ Đế Nguyên Niên, phân làm quận Tửu tuyền đặc để là đôn hoàng. Đỗ Lâm chú giải rằng: Đôn hoàng đó là xưa gọi là qua châu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đôn hoàng đều từ bộ hỏa chuyển hình thanh.

Thấu thủy ngược lại âm trên sưu hựu Tự Thư cho rằng: Thấu là nước sôi bắn lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Thấu chậu súc miệng, chữ viết từ bộ thủy thanh sóc cũng là chữ hội ý, âm sóc là âm sóc.

Khiên dương huyện ngược lại âm trên khiển diên ban bố Tây Đô Truyện giải thích: Khiên là nơi dòng nước đổ vào đầm, sông phía tây, Tự Lâm giải thích rằng: Khiêm là dòng người xoáy, bên phải đưa theo gió, Thống Tự giải thích rằng: Khiên là nơi dòng sông chảy vào Tây Bắc vào sông Hy Hàm đổ vào sông Vị, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh nghiên âm nghiên là âm khiên.

Ký sân ngược lại âm dưới sất nhân Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ sân Cố Dã Vương cho rằng: Sân gọi là tức giận. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh chân.

Lang lang vương mân ngược lại âm trên lãng đang Hán Thư cho rằng: Quận Lang Tà thuộc Triết Châu, âm dưới mật bân tên người ân bân ngược lại âm bỉ mẫn.

Kim nhật đàn âm nhật ngược lại âm nhân chất ngược lại âm dưới để đang Hán Thị Trung họ người.

Thiều niên ngược lại âm trên điền diêu Thiên Thương Hiệt cho rằng: thiều là mái tóc chấm lông mày, Văn Tự Tập Lược cho rằng: Theo đời nhà Chu viết chữ thiều tức tóc của trẻ để trái đào. Thống Tự cho rằng: Thiều là đứa trẻ để tóc trái đào có cột làm trang sức, Văn Điển Lược viết từ bộ tiêu thanh chiêu cũng viết từ bộ xỉ viết thành chữ thiều âm mao là âm mao.

Phu tích ngược lại âm vũ vô Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phu là thí cho sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phộc thanh phu ngược lại âm dưới tinh tích Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phân tích, Văn Tự Điển nói rằng: Mở ra, phân ra, chữ viết từ bộ mộc thanh cân trong truyện viết chữ tích tục tự cũng thường hay dùng.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 2

Thích thảng ngược lại âm trên đinh lịch ngược lại âm dưới thang lãng Tư Mã Tương Như Phong Thiền Thư ghi rằng: Biến hóa vô cùng tận, Cố Dã Vương giải thích Thích thảng giống như cất cao lên, nhiều to lớn, sách Sử Ký giải thích tốt đẹp, to lớn kỳ lạ, dáng phong lưu hòa phóng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ nhân đều thanh thích thảng.

Uyên tủy ngược lại âm nhất huyền ngược lại âm dưới tuy túy Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Tinh thuần Quảng Nhã cho rằng: Thuần túy, sách Thuyết Văn cho rằng: Túy là không tạp chữ viết từ bộ mể thanh tốt hoặc là viết từ bộ mục viết thành chữ âm giải thích cũng đồng.

Nghiên hạch ngược lại âm trên niết kiên sách Bát-nhã cho rằng:

Nghiên là suy nghĩ thuần thục sách Thuyết Văn cho rằng: Nghiên là mài mò, tìm kiếm chữ viết từ bộ thạch thanh nghiên âm nghiên là âm khiên hoặc là từ bộ thủy viết thành chữ nghiên đều là chữ cổ, âm giải thích đều đồng. Ngược lại âm dưới hành cách theo Thanh Loại cho rằng: Hạch là che đậy. Hán Thư cho rằng: Khảo sát phép tắt chuẩn mực, sách Thuyết Văn cho rằng: Khảo sát sự thật, chữ viết từ bộ á thanh kích âm á ngược lại âm hồ giá âm kích là âm kích.

Kình địch ngược lại âm trên cạnh nghinh Bì Thương cho rằng: Kình là dùng sức mạnh chống lại. Quảng Nhã cho rằng: Dùng võ lực, sách Thuyết Văn cho rằng: Giống như cưỡng lại chữ viết từ bộ lực thanh kình ngược lại âm dưới là đình lịch Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Địch là đối đầu chống lại. Lại gọi là đương đầu, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cừu địch, sách Thuyết Văn cho rằng: Địch là thuật lại chữ viết từ bộ phộc thanh đích âm thuật ngược lại âm cầu cũng là âm phi thất âm phộc ngược lại âm phổ bốc âm địch là âm đích Văn Truyện viết chữ địch tục tự thường hay dùng.

Lang bái âm trên lang âm dưới là bối Văn Tự Tập Lược giải thích lang bái là bại hoại loạn, rối loạn sách Giai Uyển Chu Tòng giải thích: Lang bái là lồng lợn, điên cuồng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Gấp gáp vội vàng, lại gọi là bừa bải ngỗng ngang, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lang bái đều từ bộ khuyển, chữ hình thanh âm thốt là âm tốt.

Cận dĩ âm trên là cận Quảng Nhã cho rằng: Cận giống như là ít ỏi, qua loa. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Cẩn là kém thiếu, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cận là tạm thời có thể, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng có nghĩa là tài năng, chữ viết từ nhân thanh cận âm cận là âm cẩn.

Vong nguyện âm trên là vong Cố Dã Vương cho rằng: Vong là không nhớ, ngược lại âm dưới quyền quyến Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quyện giống như mỏi mệt giải đãi. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Quyện là hẹn ước Quảng Nhã cho rằng: Rất mực mỏi mệt, cần phải nghĩ ngợi, sách Thuyết Văn cho rằng: Mỏi mệt, chữ viết từ bộ nhân thanh quyện theo Thanh Loại cho rằng: Chữ viết từ bộ lực viết thành chữ quyện Bác Sớ viết chữ quyển cũng thông dụng.

Bì tích ngược lại âm trên thất di sách Lễ Ký cho rằng: Vật vật bị nhầm lẫn, thì dân chúng sẽ không được yên ổn, ắt phải bị tổn thất, Trịnh Huyền chú giải rằng: Bì là sai lầm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh tỹ ngược lại âm dưới là sính bính Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Tích gọi là hiếm. Cố Dã Vương cho rằng: Tích

gọi là việc oan uổng bên trong, thể giải thoát được, sách Thuyết Văn cho rằng: Tích là nơi vắng vẻ hẻo lánh, trốn tránh, ở nơi yên tịnh vắng lặng, chữ viết từ bộ nhân thanh tích.

Tăng khế ngược lại âm lương nhược Danh Tăng sách Khảo Thanh cho rằng: Khế là đá mài dao.

Tăng duệ ngược lại âm vinh khuệ tên vị Sa-môn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Duệ là trí tuệ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ duệ đến bộ đến cốc thanh tĩnh âm duệ là âm tàn.

Âu uyết ngược lại âm âu cẩu Tả Truyện cho rằng: Âu là bao đựng cung thủng rách đâm chảy máu, sách Thuyết Văn cho rằng: Giống như ói ra, nôn ra, chữ viết từ bộ khiếm thanh âu âm thao là âm thao lại khu hầy ngược lại âm dưới miễn việt sách Lễ Ký giải thích Uyết là cha của Tử Thị không dám hắc hơi ra tiếng, sách Thuyết Văn cho rằng: Uyết giống như hắc hơi, chữ viết từ bộ khẩu thanh uế âm y ngược lại âm ách giới âm đế là âm đế âm khái ngược lại âm khai cái.

Tế thử ngược lại âm trên tế hề Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tế là đi hành đạo đem tiền của ra bố thí cứu giúp, lại chú giải sách Lễ Ký rằng: Tế chỗ gọi là đem cho. Cố Dã Vương cho rằng: Nắm giữ. Quảng Nhã cho rằng: Đem cho, tặng, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm giữ di vật chữ viết từ bộ bối thanh tề Văn Truyện viết chữ tế tục tự thường hay dùng.

Khí huyên âm dưới huyên viên tục tự thường hay dùng.Tự Thư giải thích rằng: Từ bộ quyền viết thành chữ huyên Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Huyên là ồn ào huyên náo, tiếng ồn sách Phương Ngôn cho rằng: Huyên là trách mắng, Quảng Nhã cho rằng: Chim hót líu lo. Văn cổ viết từ bộ hiệt bộ khẩu làm chữ huyên giống như kinh sợ la ó toán lên, nghĩa cùng với chữ huyên chữ ngương đều đồng cũng xem ở trước giải thích rồi.

Thù đối ngược lại âm thời chu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Báo thù Quách Phác chú giải rằng: Thù là cùng nhau báo đáp, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thù là nói vòng do, lại cũng gọi là thẳng thắn, tin là chắc thật. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hiến cho chữ viết từ bộ dậu thanh châu lại xưa viết chữ thù Văn Truyện viết từ bộ ngôn viết thành chữ thù tục tự thường dùng, ngược lại âm dưới viết đúng là chữ đối âm hạnh (875) ngược lại âm sĩ giác Văn Truyện viết chữ đối tục tự thường hay dùng. Thiếp dắng ngược lại âm trên kiểm diệp Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Là tiếng tự xưng của người phụ nữ Bạch Hổ Thông cho rằng: Nói là cùng thời gian tiếp kiến, Văn Tự Điển nói chữ

chữ từ bộ nữ thanh đến bộ lập chữ hội ý, ngược lại âm dưới thực chứng sách Nhĩ Nhã giải thích dắng là đưa theo. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Dắng gọi là hầu gái theo cô dâu về nhà chồng, hầu hạ cô dâu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ nữ thanh dắng âm điệt là âm điệt âm đệ là âm đệ.

Cước lâm ngược lại âm căng lực Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cước là lấy cây gai nhọn màu đỏ mà đâm từ ngoài vào. Mao Thi Truyện cho rằng: Cước là cây táo gai, sách Thuyết Văn cho rằng: Cước giống như cây táo mọc um tùm, chữ viết từ bộ tinh bộ thứ chữ hội ý.

Thao bì ngược lại âm trên sang đao sách Thuyết Văn cho rằng: Thao là nắm giữ chữ viết từ bộ thủ thanh táo âm táo là âm táo ngược lại âm dưới bi mật Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Người nước Thục gọi bút là không có phép tắc. Sử Ký cho rằng: Mơ hồ điềm tỉnh mà tạo bút, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh duật Văn Truyện viết từ bộ mao viết thành chữ bì là chẳng phải âm điềm ngược lại âm diệp kiêm.

Dữ sấn ngược lại âm dưới sổ cận chữ dữ sấn đồng tức là sấn là tăng tàng.

Thái tử hoằng ngược lại âm dưới ách hoằng tên người, sách Bát-nhã giải thích: Hoằng là chỗ nước sâu, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước dưới đáy sâu chữ viết từ bộ thủy thanh hoằng.

Vu điền ngược lại âm dưới điền giản hồ ngữ tên nước Tây Vực, nay ở An Tây phía Nam hơn hai ngàn dặm thuộc An Tây, chữ viết từ bộ môn thanh chân Văn Truyện viết từ bộ điềm.

Quỷ hoạt ngược lại âm trên quy ủy Mao Thi Truyện cho rằng: Nhắm mắt liều mạng mà theo. Trịnh Tiễn chú giải rằng: Dối trá làm trái ngược, phóng túng mà theo kẻ ác, sách Hoài Nam Tử giải thích: Tô tần lấy một trăm quỷ kế mà thành một niềm tin. Hứa Thúc Trọng cho rằng: Quỷ giống như là khinh mạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Trách mắng, chữ viết từ bộ ngôn thanh nguy ngược lại âm dưới hoàn bát sách Thuyết Văn cho rằng: Hoạt là lanh lợi, chữ viết từ bộ thủy thanh cốt.

Báng độc ngược lại âm trên bác lãng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Báng giống như là hủy nhục, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh báng ngược lại âm dưới đồng lộc sách Phương Ngôn cho rằng: Độc giống như là đau khổ, Quảng Nhã giải thích rằng: Là xấu ác, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chê bai, sách Thuyết Văn cho rằng: Độc là quá đau khổ oán hận, chữ viết từ bộ cạnh thanh độc sách truyện viết

từ bộ hắc viết thành chữ độc là chẳng phải âm cạnh là âm cạnh.

Ngũ bách âm dưới là bạch Trang Tử cho rằng: Thuyền đi trên sông gọi là vệ chu Thái Bạch Tư Mã Bưu chú giải rằng: Thái Bạch cũng gọi là thuyền. Quảng Nhã cho rằng: Bạch là chiếc thuyền, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bạch là chiếc thuyền lớn, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ chu thanh bạch.

Dung chức tháp ngược lại âm trên dũng chung Mạnh Tử giải thích: Dung là giống như dùng sức mạnh để phục dịch, Cố Dã Vương cho rằng: Dung là người làm lao động chân tay, dùng sức lực của mình để phục dịch. Quảng Nhã cho rằng: Dung là người để cho người khác sai khiến. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Dung là người làm nô lệ phục dịch, chữ viết từ bộ nhân thanh dung ngược lại âm dưới tham đáp Bì Thương cho rằng: Điệp là tấm thảm nhung, chiếu lót chân. Thích Danh giải thích: Điệp là tấm thảm trải giường lớn, cái giường nhỏ trên trải nệm, sách Khảo Thanh cho rằng: Điệp là loại thảm dệt lông nhung ở Tây vực làm hoa văn, có màu sắc rực rỡ, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mao thanh tháp âm tháp đồng với âm trên, âm đăng là âm đăng.

Tàm ngộ ngược lại âm trên tạp cam sách Thuyết Văn cho rằng: Tàm là hổ thẹn, chữ viết từ bộ tâm thanh trảm ngược lại âm dưới ngộ cố sách Thuyết Văn cho rằng: Ngô là tỉnh giấc, giống như là hiểu rõ, chữ viết từ bộ tâm thanh ngô Văn Truyện viết chữ tàm là sai lầm thông thường âm liễu là âm liễu.

Thác bạc âm kế là bàn mạt âm dưới là đạo tên của vua nước Ngụy đời thứ ba.

Yến ư ngược lại âm yên kiến Mao Thi Truyện cho rằng: Yến là an, hoặc là viết chữ yến cũng thông dụng.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 3

Thiều sấn ngược lại âm trên là điều văn trước quyển thứ nhất đã giải thích rồi, âm dưới phạm cẩn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Sấn gọi là con trai tám tuổi, con gái bảy tuổi là hủy bỏ cái răng sữa, Tự Thống cho rằng: Con gái sinh ra bảy tháng mọc răng, bảy tuổi là thay răng, con trai sinh ra tám tháng mọc răng, tám tuổi thay răng, sách Thuyết Văn viết từ bộ xỉ thanh thất.

Suyển quyết ngược lại âm trên xuyên nhuyến Tư Mã Bưu chú giải Trang Tử rằng: Suyển là nói lộn xộn Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Suyển là chống trái nhau, Cố Dã Vương cho rằng: Suyển là so le không đồng đều, sách Thuyết Văn cho rằng: Suyển là đối đầu, chữ viết từ bộ tịch đến bộ suyển là chống trái nhau, chữ hội ý, Văn Truyện viết suyển cũng thông dụng.

Nhiếp huyền hằng ngược lại âm trên ni triếp sách Phương Ngôn cho rằng: Nhiếp giống như là đi trên cao. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhiếp là kéo dài, giống như trời trong quang đãng, có cầu vòng lớn kêu ngạo, mà rất lâu trên bầu trời, dùng sợi dây buộc chặt treo lên mà thẳng vượt qua gọi là hằng Văn Truyện viết từ bộ cách viết thành chữ cách Văn Truyện viết sai chẳng phải dùng chữ này, âm dưới hoàn hằng sách Thuyết Văn cho rằng: Hằng là sợi dây lớn, chữ viết từ bộ mịch thanh hằng cũng viết từ bộ mộc viết thành chữ hằng tức là vội vàng, gấp gáp mãnh liệt.

Cấm chiến ngược lại âm trên cầm ẩm sách Sở Từ cho rằng: Cấm là ngậm miệng lại mà không nói, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ngậm miệng gọi là cấm sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh cấm lại cũng viết chữ cấm.

Lai tôn ngược lại âm dưới tồ côn sách Hoài Nam Tử cho rằng: Tôn tức là ngồi xổm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tu tập lại ngồi, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là ngồi xổm, chữ viết từ bộ túc thanh tôn.

Thỉ thần ngược lại âm trên thời nhĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Thỉ là dùng lưỡi để liếm thức ăn, chữ viết từ bộ thiệt thanh dịch hoặc là viết từ bộ thị viết thành chữ thỉ.

U canh ngược lại âm trên nhất do Mao Thi Truyện cho rằng: U là thâm sâu, sâu xa. Lại gọi là màu sắc đen thẩm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chỗ thâm u ngoài biên giới chật hẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: U ẩn chữ viết từ bộ yêu bộ sơn chữ hội ý âm u đồng với âm trên, ngược lại âm dưới canh hạnh sách Trang Tử nói rằng: Cạnh là chướng ngại sách Thuyết Văn cho rằng: Cây mọc núi Du Sơn không thẳng. Lại cũng có nghĩa thẳng thắn, chữ viết từ bộ mộc thanh cảnh.

Tuấn viễn ngược lại âm trên tôn tuấn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tuấn là hoàn toàn khác thường, sách Khảo Thanh cho rằng: Tài năng vượt hơn ngàn người. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ nhân thanh tuân lại cũng viết chữ tuấn âm thuyên ngược lại âm toàn nhuyễn.

Vu thạnh lạc ngược lại âm trên là vu sách Phương Ngôn cho rằng:

Cái bát gọi là vu cái bát lớn mà không có chân, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mảnh thanh vu âm thạnh là âm thành Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cái bát chứa đựng nhiều đầy gọi là thạnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Dụng cu chứa tắc lúa mạnh, chữ viết từ bộ mãnh thanh thành ngược lại âm dưới lãng các sách Lễ Ký cho rằng: Lạc là phó mát, sữa đặc, Trịnh Huyền chú giải rằng: Lạc tức là chủ khách rót rượu mời với nhau. Thích Danh cho rằng: Lạc là sữa đặc chỗ làm cho đong lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ dậu thanh các âm lễ là âm lễ âm tai là âm tại.

Hoàng cự ngược lại âm trên hoàng Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Hoàng là lo sợ Quảng Nhã giải thích: Hoảng là sợ sệt không yên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ xước thanh hoàng hoặc là viết từ bộ tâm viết thành thành cảnh hoàng giải thích đều đồng ngược lại âm âm dưới cư ngự Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Gấp gáp mà lo sợ, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cứ giống như là đột nhiên đến, sách Khảo Thanh cho rằng: vội vàng nhanh chóng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh cứ âm thớt ngược lại âm sang cốt âm xước ngược lại âm sửu lược Văn Truyện viết chữ cứ cũng đồng.

Miễn vãn ngược lại âm trên miên biến âm dưới là vãn Mao Thi Truyện cho rằng: Miễn vãn có ố gắng sức, sách Giai Uyển Chu Tòng cũng giải thích: Gắng sức, sách Khảo Thanh cho rằng: Miễn giống như không biết mỏi mệt, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lực thanh diện đều là chữ hình thanh, Văn Truyện viết từ bộ mãnh viết thành chữ miễn cũng thông dụng.

Ổi tẫn ngược lại âm trên ôi hồi Quảng Nhã cho rằng: Ôi giống như là ấm áp, sách Thuyết Văn cho rằng: Ôi là trong nhiều lửa, chữ viết từ bộ hỏa thanh ôi ngược lại âm dưới từ tận tục tự giải thích, viết đúng từ bộ hỏa viết thành cảnh tẫn sách Phương Ngôn giải thích: Tẫn giống như là dư lửa. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tẫn là thiêu đốt cây củi con dư lại tro tàn, cho nên xem xét chú giải Hiếu Kinh rằng: Chìm đắm mất, tiêu diêt, nhà Tần tiêu diệt hết còn lại ngọn tức là sau cùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hỏa viết thành chữ tẫn đến chữ tận thanh tĩnh.

Tán khế ngược lại âm trên tảng thả chữ viết từ bộ nhục thanh tán ngược lại âm dưới hương nghệ sách Vận Anh cho rằng: Khế là nghỉ ngơi.

Khắc tiệp âm trên là khắc giống như có thể. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vượt hơn gắng sức. Văn Truyện viết từ bộ đao viết thành chữ

khắc cũng đồng, ngược lại âm dưới là tiềm diệp Mao Thi Truyện cho rằng: Tiệp tức là thắng. Đỗ Dự chú giải rằng: Tiệp là khắc sách Khảo Thanh cho rằng: Gọi là tiệp sách Thuyết Văn cho rằng: Tiệp là săn được, chữ viết từ bộ thủ thanh tiệp âm tiệp đồng với âm trên.

Khiêm chí Như Lai khiêm niệm sách Vận Anh cho rằng: Khiêm là theo hầu, chữ viết từ bộ nhân thanh kiêm.

Khẩn trắc ngược lại âm trên khang ngận Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Khẩn là khiên nhẫn, sách Lễ Ký cho rằng: Kéo dây cung gọi là khẩn tức đến khẩn cấp, sách Khảo Thanh cho rằng: Đến kịp thành khẩn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh khẩn âm khẩn ngược lại âm khẩn ngược lại âm khôn ẩn ngược lại âm dưới sở sắc Quảng Nhã cho rằng: Trắc là động lòng thương xót, sách Thuyết Văn cho rằng: Đau xót, chữ viết từ bộ tâm thanh tắc.

Kiềm thủ ngược lại âm trên kiểm viêm Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kiềm thủ là từ dùng để gọi dân đen, sách Sử Ký ghi rằng: Ban đầu vua lập ra hai mươi sáu lại đổ tên, gọi dân chúng là kiềm thủ tức dân đen, sách Thuyết Văn cho rằng: Kiềm thủ là dân đen, chữ viết từ bộ hắc thanh kim.

Khổn bức ngược lại âm trên khổ bổn ngược lại âm dưới bằng bức Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khổn là chân thành, Quảng Nhã cho rằng: Chí thành, Trương Án chú giải Hán Thư rằng: Khổn bức giống như là chí thành, sách Thuyết Văn cho rằng: Thành thực gọi là khổn bức, hai chữ đều từ bộ tâm đều thanh khổn bức.

Tũng trĩ ngược lại âm trên túc dũng Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Tũng giống như là cao. Hoặc là viết chữ tũng sách Trang Tử cho rằng: Tũng là đứng thẳng mà cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhĩ thanh tùng ngược lại âm dưới trì lý sách Khảo Thanh cho rằng: Trĩ là núi đứng riêng biệt cao sừng sững, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ chỉ thanh tự Văn Truyện viết từ bộ sơn viết thành chữ trĩ tục dùng thông dụng.

Mậu huyên ngược lại âm mưu hầu Hán Thư cho rằng: Ở quận Hội Khể có huyện Mậu, cũng là địa danh chữ viết từ bộ ấp thanh mậu.

Thiện thiện tên nước Thích Tây Phiên, một trong các nước ở Tây Vực đời nhà Hán vốn gọi là Lâu Lan, đến đời Châu Đế đổi thành tên Thiện Thiện. Nay thuộc An Tây, Tư Chấn, Đông Chấn, Yên Kỳ vậy, đi về phía tây cách Tây An bảy trăm dặm.

Đầu trâm ngược lại âm dưới tiếm lâm. Sách Tập Huấn cho rằng: Cái mũ đội trên đầu có cài trâm ngọc bao quanh cái mũ vắt trâm cài

khiến cho không bị rơi xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Trên đầu cài trâm, tượng hình Văn Truyện viết chữ trâm tục tự thường hay dùng.

Hỏa hạm ngược lại âm dưới hàm ảm Quảng Nhã giải thích rằng: Hạm là chiếc thuyền, Bì Thương cho rằng: Hạm là bánh lái sau đuôi thuyền, sách Khảo Thanh cho rằng: Hảo thuyền đó gọi là thuyền chiến đấu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chiếc thuyền trên có nhiều lớp, tầng, chữ viết từ bộ chu thanh lam.

Mệnh tế ngược lại âm trên minh bính Văn Truyện viết sai khiến cho chẳng phải nghĩa này, ngược lại âm dưới tiết kế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tế giống như là vượt qua sông, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh tề văn cổ viết cư thấp âm giải thích cũng đồng, Văn Truyện viết chữ tề tục tự thường hay dùng.

Thủy tề ngược lại âm dưới tình tế trung hữu chú giải sách Chu Lễ rằng: Lấy sự đo lường cân bằng gọi là tề sách Khảo Thanh cho rằng: Phân đoạn cắt chia ra, chữ viết từ bộ đao Văn Truyện viết mượn dùng.

Thâm sử ngược lại âm dưới sư sự Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sử giống như con ngự chạy nhanh gấp gáp. Văn Tự Điển nói: Sử gọi là con ngựa chạy nhanh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh sử.

Tiếu vương ngược lại âm trên hồ tiếu theo Hán Thư cho rằng: Quận Bái có huyện Tiếu tức là tiếu vương thuộc thực ấp sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh tiều.

Am cứu ngược lại âm trên ám hàm. Quảng Nhã cho rằng: Ám là đọc thuộc lòng, Bì Thương cho rằng: Đọc tịng Đông Quán Hán Thư Ký rằng: Đều là đọc thuộc lòng, sách Khảo Thanh cho rằng: Ám là ghi nhớ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh ám lại cũng viết chữ ám ngược lại âm dưới cưu hựu Mao Thi Truyện cho rằng: Cứu là truy xét tận cùng lý lẽ. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tận cùng, sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh cửu.

Điệt tương ngược lại âm trên điền kiết Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Điệt giống như là thay thế, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng gọi là thay đổi, chữ viết từ bộ xước thất âm xước ngược lại âm sửu lược theo Thanh Loại cho rằng: Chữ viết từ bộ túc viết thành chữ dật tức là nhảy vượt qua, chẳng phải nghĩa này.

Khu yêu ngược lại âm xúc chu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Then cài cửa, Quảng Nhã cho rằng: Then chốt Hàn Khang Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: Khu là đầu máy chủ chế ra cơ động, Tựa Hiếu Kinh yếu giải rằng: Là mấu chốt toát yếu, cơ bản của bộ máy, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh khu.

Yểm xướng ngược lại âm trên yểm nghiêm theo Mao Thi Truyện cho rằng: Yểm là an ủi vỗ về, Tự Thư cho rằng: Viết chữ yểm giải thích nghĩa cũng đồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Yểm là che lấp gom góp, chữ viết từ bộ thủ thanh yểm âm yểm đồng với âm trên.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 4

Trác lạc ngược lại âm dưới lụy giác Ban Cố Tây Đô Phú giải rằng: Trác lạc là rõ ràng nổi bậc, Chư Hạ Lữ Diên Tề giải thích: Trác Lạc là siêu tuyệt (876) sách Khảo Thanh cho rằng: Trác lạc là nổi bậc, cao lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngưu đến bộ lao thanh tĩnh.

Du khải ngược lại âm dưới ngải hài tên của Dĩnh Dụng Cao Sĩ, theo Tả Truyện cho rằng: Cao Dương Thị có tài tử tám người Loại Hội Khải, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ có sửa trị, chữ viết từ bộ phộc thanh khải.

Hất hưởng ngược lại âm trên cân thuyết Dương Hùng Cam Tuyền Phú Truyện giải thích rằng: Hất hưởng là vang vọng, Phong dung Lưu Lương giải thích: Hất hưởng là vang khắp, Mạnh Tử giải thích: Tiếng vang biến khắp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ bát đến bộ nhục viết thành chữ hất là mạch máu trong thịt có bắp. Hát là cử động, theo chữ hưởng là âm thanh vang vọng lại từ trên cao bên vách núi, trong tòa nhà lớn, tiếng vang vọng lại khi phát ra đó gọi là hưởng, lại giải thích rằng: Tiếng vọng từ xa, lan khắp ra xa.

Chấp chữ vĩ âm trên dúng là chữ chấp từ bộ hoàn đến bộ chấp chấp cũng là thanh âm kích là âm kích âm chấp ngược lại âm nữ thiệp âm kế là chu dữ Quách Phác chú Kinh Sơn Hải rằng: Chư giống như con hươu mà lớn hơn, theo Thanh Loại cho rằng: Cái đuôi của con vật có thể làm đồ cây phất trần làm quạt, Tấn Thư giải thích: Vua di bộ cần nắm thử cái đuôi của nó, cùng với cái tay thì cũng không khác, sách Thuyết Văn cho rằng: Chủ là thuộc con nai lớn mà có một cái sừng, chữ viết từ bộ lộc thanh chủ, âm dưới đúng là chữ vĩ.

Sa thải âm thái Quảng Nhã cho rằng: Thải là chọn lựa bỏ ra, sa thải là bỏ đi vật xấu.

Du liệp ngược lại âm dưới liệm triếp Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Đi văn ngoài thảo nguyên đồng ruộng gọi là liệp Giả Quỳ

chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Liệp là giống như nắm bắt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển thanh liệp Văn Truyện viết chữ liệp cũng đồng.

Tạc huyệt âm trên là tạc sách Thuyết Văn cho rằng: Tạc viết từ bộ kim đến bộ diệp đến bộ cửu đến bộ thù xem trước đã giải thích rồi, âm tiết ngược lại âm sĩ giác âm thù là âm thù ngược lại âm dưới huyền quyết.

Trước kịch ngược lại âm trên trương lược ngược lại âm dưới kình kích Khổng An Quốc chú giải sách Tòng Tử rằng: Trước là khoác qua khỏi đầu mới có thể mang vào được xem xét bằng phẳng, như tu tập lại, trên thảm cỏ, sách Trang Tử giải rằng lấy guốc gỗ mà mang. Nay gọi là mang guốc ngọc bằng xương, sách Thuyết Văn giày dép gọi là kiêu từ bộ lý tóm tắc thanh chi.

Diễm sơn ngược lại âm thời nhiễm theo chữ diễm sơn nay là việt châu huyện diễm, tên núi.

Trào chi ngược lại âm trên trắc giao Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trào phúng tức là chế nhạo, Cố Dã Vương cho rằng: Trào gọi là cười chế nhạo, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh trào.

Phụ tiền ngược lại âm trên phu vụ trung hữu chú giải sách Chu Lễ rằng: Phụ gọi là tang gia phụ trợ không đủ phải nhận tiền phúng điếu, tặng đồ vật cho người chết, Cốc Lương Truyện cho rằng: Người sống đem biểu tặng cho người chết, gọi là phụ xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối thanh phu âm phu là âm phổ âm phúng là âm phong phúng.

Tài tháo ngược lại âm dưới tao lão Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Táo là rọng rêu, mọc dưới nước có hoa văn, Mao Thi Truyện cho rằng: Táo là loại rau nọc dưới nước, theo chữ tài táo đó là người có tài năng khéo léo như hoa văn rong rêu mọc trong nước. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh táo âm táo ngược lại âm táo đáo sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy viết thành chữ táo nghĩa cũng đồng.

Tuấn dật ngược lại âm trên tôn tuấn Quách Phác chú giải sách Mục Thiên Tử Truyền rằng: Tuấn là danh xưng con ngựa đẹp, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tuấn giống như là con ngựa hay, ngựa giỏi chạy nhanh như gió, cũng gọi là ngựa chạy nhanh, sách Thuyết Văn cho rằng: con ngựa có tài, giỏi, chữ viết từ bộ mã thanh tuấn âm tuấn ngược lại âm thất tuần.

Kiệt chích ngược lại âm trên kiền nghiệt sách Khảo Thanh cho rằng: Kiệt là đời nhà Hạ Ích của Hậu Thị vua Kiệt Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kiệt là thuộc ấp An Đô, sách Ích Pháp cho

rằng: Kẻ tặc nhân phần nhiều có liên lụy đến nên gọi là kiệt. Lưu Hy giải thích: Lấy việc xấu ác làm ngược lại liên lụy với người hiền, kẻ phạm tội đời nhà Hạ chính là có nhiều như vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kiệt là hết sạch, chữ viết từ bộ tịch đến bộ suyển là cây mọc trái ngược lên trên vậy, âm tịch ngược lại âm tuy tĩnh âm dưới là chinh diệc Trang Tử giải thích rằng: Đạo chích, kẻ trộm hung ác, sách Thuyết Văn cho rằng: Tư lợi tài vật gọi là trộm, Ngọc Thiên cho rằng: Chích là bàn chân dưới bàn chân, nay cũng gọi là chữ kiệt gọi là vua mất nước. Chích là kẻ trộm, loại người hung ác.

Trì quân lai ngược lại âm trên trì trĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng là chữ trì từ bộ ngưu đến bộ vĩ thanh tĩnh Văn Truyện viết chữ trì tục tự dùng thông dụng.

Phiêu yết ngược lại âm trên tất tiêu Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Phiêu là từ dưới gốc đưa lên ngọn. Chiến Quốc sách cho rằng: Đưa lên rất cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh phiêu âm phiêu ngược lại âm tất diêu ngược lại âm dưới kiền nghiệt trung hữu chú giải sách Chu Lễ rằng: Tiêu chí giống như cáo thị còn gọi là yết giống như đưa lên cao, chữ viết từ bộ thủ thanh yết.

Vĩ vĩ ngược lại âm vi phỉ Lưu Hoàn chú giải sách Chu Dịch rằng: Vĩ vĩ giống như là nhỏ bé. Mao Thi Truyện cho rằng: Gắng sức, Hàn Thi Truyện cho rằng: Tiến lến sách Sở Từ cho rằng: Gắng sức đưa cao lên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ dậu đến bộ vĩ thanh tĩnh.

Bỉnh nhị triệu ngược lại âm trên binh mảnh Mao Thi Truyện cho rằng: Bỉnh giống như cầm nắm, thao tác. Lại cũng gọi là ôm vào lòng. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bỉnh giống như là cầm. Quảng Nhã cho rằng: Cầm nắm bông lúa chữ viết từ bộ hưu là tay cầm nắm bông lúa, chữ hội ý. Văn Truyện viết chữ thừa sách viết sai.

Linh mô ngược lại âm trên mạc bộ Bì Thương cho rằng: Mô là bắt chước vẽ phỏng theo vật. Quảng Nhã cho rằng: Mô hình phỏng tác theo, sách Thuyết Văn cho rằng: Khuôn pháp chữ viết từ bộ mộc thanh mạc Văn Truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ mô cũng thông dụng.

Tề linh ngược lại âm dưới lịch đinh Quảng Nhã cho rằng: Linh là tuổi Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Linh là số tuổi thọ của người. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xỉ thanh linh theo Văn Truyện cho rằng: Tề linh hai nghĩa đó gọi là tuổi thọ sống bằng với trời đất.

Yêu vu ngược lại âm trên ai kiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Vật quỹ quái từ đất làm ngược lại hại người. Hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ yêu sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thị thanh yêu

âm yêu đồng với âm trên. Trong truyện viết từ bộ nữ viết thành chữ yêu cũng thông dụng, âm dưới là vô Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Vu là khinh khi, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nói dối cộng thêm phỉ báng chê bai, sách Thuyết Văn cho rằng: Nói thêm vào, chuyện không nói có, chữ viết từ bộ ngôn thanh vu đều là chữ hình thanh.

Khưu đảo ngược lại âm dưới đao lão Trịnh Huyền chú giải sách chu lễ rằng: Cầu phúc gọi là đảo bao quát chú giải sách Luận Ngữ rằng: Đảo là thỉnh cầu nơi quỷ thần, Ký Văn ghi rằng: Báo cáo sự việc cầu phúc, chữ viết từ bộ thi đến bộ thọ âm thị âm kỳ.

Phấn hoằng bí ngược lại âm tiên phân vấn Mã Dung chú giải sách Thượng Thư rằng: Phấn là rõ ràng, sách thức vậy cho rằng: Phấn là bay lên, chữ viết từ bộ chuy trong bộ điền chữ hội ý âm chuy là tuy ngược lại âm dưới bi mị Mao Thi Truyện cho rằng: Cầm nắm sợi dây giống như dây cương ngựa vậy, Cố Dã Vương cho rằng: Bí là chỗ chế ngự chiếc xe, trong xe ngựa. Lại nói là dây cương, sách thức vậy cho rằng: Bí là dây cương buộc ngựa, chữ hội ý, âm bí là âm vi.

Thấu lưu ngược lại âm trên sưu hựu sách Vận Anh cho rằng: Tẩy rửa súc miệng, sách Thanh văn cho rằng: Ngâm nước súc miệng chà răng. Nay nói thấu lưu đó là học đạo trên núi, ăn cây cỏ, uống nước sông dài, nuôi dưỡng người, như là thuốc trị bệnh, người học đạo cũng thế, chữ viết từ bộ thủy thanh thấu.

Lam lũ ngược lại âm lạp đam Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Lam là vải gai thô sơ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Lam là loại vải thô, cũng là vải trắng dày, lại gọi là vải phấn tảo, thưa mà thô kịch sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng viết chữ uẩn từ bộ ty thanh ôn âm ôn là âm ôn ngược lại âm dưới long nữ sách Thuyết Văn cho rằng: Lũ là sợi chỉ, chữ viết từ bộ mịch thanh lũ âm lâu ? là âm lâu.

Xúc tích ngược lại âm trên tử dục ngược lại âm dưới tinh diệc sách Khảo Thanh cho rằng: Xúc tích là đi mà không bước tới trước Quảng Nhã cho rằng: Dáng vẻ sợ sệt cung kính. Mã Dung chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cung kính dáng khép nép sách Thuyết Văn cho rằng: Xúc tích là bình dị hai chữ đều từ bộ túc đều thanh thúc tích Văn Truyện viết chữ phục cũng dùng thông dụng.

Xác phá sồ ngược lại âm trên khang phửu sách Giai Uyển Chu tòng cho rằng: Xác là vỏ cứng bên ngoài của trứng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ uyển đến bộ xác xác cũng là thanh âm xác đồng với âm trên. Văn Truyện viết chữ xác tục tự dùng thông dụng. Âm dưới sừ ngô Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Sồ là chim mới

nở mà tự ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sồ là con gà con mới nở, chữ viết từ bộ chuy thanh sô âm sô là âm sổ câu Trụ Văn viết chữ sồ Văn Truyện viết chữ sô cũng thông dụng.

Dư diêu ô ngược lại âm dưới ô cổ Thống Tự giải thích rằng: Ô là thành cổ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ viết thành chữ ô gọi là đống đất nhỏ làm chướng ngại, Văn Truyện viết từ bộ thổ viết thành chữ ô tục tự dùng cũng thông dụng.

Dị tháo ngược lại âm dưới thương cáo Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tháo là ý chí không thay đổi, Cố Dã Vương cho rằng: Nắm giữ ý chí kiên cố gọi là tháo là âm giữ trong lòng, chữ viết từ bộ thủ thanh tảo âm tảo ngược lại âm tiên đáo.

Vu đảo ngược lại âm trên hủ vu Hán Thư cho rằng: Tên huyện vu lũ thuộc quận Lô Giang, quận Dự Dương, sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của Ngô ấp, Văn Truyện viết từ bộ sơn viết thành chữ vu Tự Thư cho rằng: Và quận Quốc Chí, đều không có chữ vu này, phần nhiều e rằng: Văn Truyện viết sai, âm dưới là thắng sách Khảo Thanh cho rằng: Chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ đỏa tức là núi nhỏ, theo quận Quốc Chí đỏa là đóng đất ngăn ở tại núi Diễm Sơn.

Hữu oa long ngược lại âm trên ô hoa Quảng Nhã cho rằng: Oa giống như trũng dưới thấp. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Dấu chân của con trâu bước đi có trũng đọng nước, không sinh cá lớn cũng gọi là ao nước nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh oa âm oa đồng với âm trên ngược lại âm dưới lục xung Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Long là ở chính giữa trung ương cao. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Long là hưng thạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ đến bộ long.

Tảo mộc ngược lại âm trên tao lão Cố Dã Vương cho rằng: Tảo giống như tẩy rửa sạch sẽ.

Tiên năng ngược lại âm trên tiên tiễn Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tiên giống như hiếm ít, sách Thuyết Văn cho rằng: Có thể hiếm có, chữ viết từ bộ thị thanh thiểu chữ hội ý.

Khanh tướng ngược lại âm trên khách canh sách Lễ Ký Tử Hạ ghi là tiếng chuông đánh lên nghe boong boong. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Tiếng đàn cầm khẩy, ngược lại âm dưới tích lương Mao Thi Truyện cho rằng: Tưởng là tiếng ngọc, kim loại nghe leng keng, sách Thuyết Văn cho rằng: Khanh tướng hau chữ đều từ bộ kim đều thanh kiên tưởng âm tiêu ngược lại âm bỉ miêu.

Thúc hốt ngược lại âm trên thư dục.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 5

Mã túc ngược lại âm sở lục sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Lương Tống gọi máng cho ngựa ăn là giá Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Giác là máng đựng thức ăn ho ngựa, Văn Truyện viết chữ uyển rằng sai, chẳng phải, Cảm Thông Lục cũng có viết chữ này, đồng nghĩa với duyên chỗ trong quyển Truyện Đạo An.

Mã đâu ngược lại âm dưới đấu hầu Quảng Nhã cho rằng: Túi đâu lâu sách Thuyết Văn cũng giải thích: Máng đựng thức ăn cho ngựa chữ viết từ bộ trúc thanh đâu Văn Truyện viết chữ đâu tức là mũ giáp trụ, chẳng phải bổn nghĩa này.

Tập tạc sĩ âm trên chính là chữ tập sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ vũ đến bộ bạch âm kế là tạc ngược lại âm dưới si nhĩ tập tạc sĩ là tên của Nhương Dương Cao Sĩ.

Lung tráo ngược lại âm trên lộc đông sách Trang Tử cho rằng: Như chim cưu trong lồng, cái lồng che đậy lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh lung ngược lại âm dưới trào giáo Tự Thư giải thích rằng: Tráo là cái nơm bắt cá làm bằng tre như quả chuông đậy lại. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tráo tức cái nơm dùng để bắt cá, giống như cái lồng, sách thức vậy ghi là cái lồng bắt cá, chữ viết từ bộ võng thanh trác Văn Truyện viết chữ lung là chẳng phải.

Lãng phong ngược lại âm trên lang đãng sách Quảng Nhã cho rằng: Ở Côn Lôn có ba núi một tên Lãng Phong. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lãng là cổng cao, chữ viết từ bộ môn thanh lương.

Giang mi ngược lại âm trên mỹ bi Mao Thi Truyện cho rằng: Ở chỗ ven sông, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chỗ nước và cỏ mọc lẫn lộn gọi là mi sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh mi.

Thiên hộc ngược lại âm dưới hồng cốc sách Nghi Lễ cho rằng: Mười đấu gọi là hộc sách Thuyết Văn cho rằng: Nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ đẩu thanh giác Văn Truyện cho rằng: Chữ viết từ bộ bài viết thành chữ hộc tục tự thường hay dùng.

Vi dược ngược lại âm dương dước Thiên Thương Hiệt cho rằng: Dược là năm ngón tay nắm lại. Hán Thư cho rằng: Xưa là dụng cụ đo lường, hình dáng như cái chén vậy, dùng chứa một ngàn hai trăm thử, tức là một đấu, nặng mười hai chu, hai dược là thành một hợp. hợp đó là dược để đong lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đo lường sửa chữa, cũng là ống tiêu, loại nhạc khí chữ viết từ bộ phẩm đến bộ du chữ hội ý,

âm lượng ngược lại âm lương văn Văn Truyện viết từ bộ thảo viết thành chữ dược cũng thông dụng.

Triện minh ngược lại âm trên truyện luyến Vương Dật chú giải sách Chu Dịch rằng: Triện đó là truyện Cự Chu, Nghi Vương, Thần Sử, Trụ Văn, viết đại triện, Loa Tần, Lý Tư viết tiểu triện, giảm bớt tóm tắc đại triện, mà làm viết triện, chữ viết từ bộ trúc thanh duyên.

Xuyết bộ ngược lại âm trên chuyển liệt Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Xuyết là ngưng nghỉ, chữ viết từ bộ xa thanh xuyết âm xuyết đồng với âm trên, ngược lại âm dưới bổ mộ gọi là đứa trẻ ban đầu phương pháp ăn bú mún sữa, Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Ngậm thức ăn trong miệng, bú mớm, sách Thuyết Văn cho rằng: Bộ là bú mớn, chữ viết từ bộ khẩu thanh bộ âm tự ngược lại âm tần dữ.

Mẩm nhiên ngược lại âm lâm thậm sách Phương Ngôn cho rằng: Bẩm là cung kính, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bẩm là lo sợ nguy hiểm xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh bẩm.

Long tương ngược lại âm dưới tước dương Tấn Thư giải thích rằng: Là Vương Đảm làm Long tướng quân Lữ Hoàn chú giải sách Hán Thư rằng: tương là con ngựa chạy chồm lên, cũng gọi là con ngựa chạy mau, sách Thuyết Văn cho rằng: Tương là ngẩng đầu lên, chữ viết từ bộ mã thanh tương.

Tương chẩm ngược lại âm dưới châm nhậm Cố Dã Vương cho rằng: Chẩm là gối kê đầu nằm, chỗ có cỏ khô sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh chẫm âm chẫm là âm dâm.

Diêu trưởng ngược lại âm dưới văn lương trước đời nhà Tần phù kiên đại tướng quân, toán phù, đời hậu Tần là bá chủ.

Hoa mao ngược lại âm trên vu hòa Tự Thư cho rằng: Hoa là giày dép da. Thích Danh cho rằng: Giày cao cổ giày mang vào hai chân, mỗi chân bước trên cái nài cởi trên lưng ngựa, theo chữ hoa đó là phục sức của người nước Hồ, chữ viết từ bộ cách thanh hoa am dưới là mao náo. Tự Thư cho rằng: Nao gọi là nón, mũ đội trên đầu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cân thanh mao.

Tường hạch ngược lại âm trên tượng dương Mao Thi Truyện cho rằng: Tường xem xét kỹ càng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh dương ngược lại âm dưới hành cách Hán Thư cho rằng: Tường là xem xét tra hạch, sự vụ rõ ràng, đúng chuẩn theo khuôn phép xưa, sách Thuyết Văn cho rằng: Khảo sát sự thật, chữ viết từ bộ hựu thanh kích âm kích ngược lại âm kinh ích.

Đông hoàn ngược lại âm dưới hoàn quan theo hoàn đó là địa danh

của nước Tề.

Chủ vĩ khấu án âm trên là chủ âm kế viết đúng là vĩ chủ vĩ là cái đuôi con hươu có thể làm phất trần, quyển trước đã giải thích rồi. Âm khấu là âm khẩu Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Khấu là đánh, Quảng Nhã cho rằng: Nắm giữ sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy phất trần mà quất quất, đánh, chữ viết từ bộ thủ đến bộ khẩu văn cổ hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ khấu lại cũng viết chữ khấu âm khấu giải thích cũng đồng nghĩa.

Thứ biền ngược lại âm dưới biện miên Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Biền giống như hợp lại hai con ngựa sanh đôi, chiếc xe có cán máng lên cái ách, hai con ngựa kéo, Cố Dã Vương cho rằng: Biền đó gọi là xếp thẳng hàng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mã thanh biện.

Nhất lạp âm dưới là lập Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Gạo nấu thành thức ăn gọi là lạp sách Thuyết Văn cho rằng: Lạp là hạt gạo, chữ viết từ bộ mễ thanh lập âm thậm ngược lại âm tam cảm.

Nhất trích ngược lại âm dưới đinh lịch Cố Dã Vương cho rằng: Đích là giọt nước rơi xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Đích giống như giọt nước tưới rót nước, chữ viết từ bộ thủy thanh đích âm đích đồng với âm trên, Văn Truyện viết từ bộ đế viết thành chữ đế tục tự thường hay dùng.

Táo dương ngược lại âm trên là tảo theo chữ táo dương đó nay tên gọi là huyện Tùy Châu, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thứ chữ hội ý.

Khiên lung Ban Cổ Tây Đô Phú Truyện giải thích: Khiên là nơi dòng nước bắn lên, cũng là tên của dòng sông tại Thiểm Tây. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Khiên là tên sông, xuất phát từ phía hữu huyện Phù Phong, cũng là tên huyện, phía Tây bắc chảy vào sông Vị, chữ viết từ bộ thủy thanh nghiên âm khiên đồng với âm trên.

Duẫn tập âm dưới là tập sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tập là yên ổn, hòa mục Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cũng là chữ tập Cố Dã Vương cho rằng: Hài hòa, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh tập âm tập là âm tập.

Hào ly ngược lại âm trên hạo cao âm dưới lý chi sách Hán Thư cho rằng: Không mất một hào ly nào cả. Âm nghĩa giải thích rằng: Mười hào gọi là một ly, hoặc là viết từ bộ mao viết thành chữ hào cũng từ bộ mịch viết thành chữ âm nghĩa đều đồng, Văn Truyện viết chữ ly là sai.

Ỷ uất ngược lại âm ỷ nghi Quảng Nhã cho rằng: Y là thán từ chả cha tốt lành thay. Mao Thi Truyện cho rằng: Thán từ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đại thanh kỳ âm dưới vân vật sách Chu Dịch giải thích: Người quân tử nhìn lại thân mình biến đổi, giống như là con báo nhìn lại vằn của mình biến đổi mà tự tiếc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Vất là cây cỏ mọc xanh tốt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo bộ uất thanh tĩnh văn cổ viết chữ uất.

Xác nhiên ngược lại âm trên khang phửu sách Chu Dịch cho rằng: gọi là xác là cứng chắc không thể nhổ lên được, sách Khảo Thanh cho rằng: Kiên cố chữ hình thanh.

Tẩm trái ngược lại âm trên xâm nhậm sách thức vậy giải thích Tẩm là nằm ngủ chữ viết từ bộ mịch thanh xâm âm dưới là trái sách Khảo Thanh cho rằng: Trái là bệnh lao phổi chữ hình thanh.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 6

Khuê dương ngược lại âm trên giai khuê sách Chu Dịch cho rằng: Khuê là viên ngọc tròn, từ trên thiên tử giáng xuống, là năm cấp bậc các chư hầu cầm giữ để bảo vệ thân mình. Bạch Hổ Thông cho rằng: Khuê là nói viên ngọc sạch sẽ trong suốt, sách Thuyết Văn cho rằng: Viên ngọc dính nhiều lớp đất được rửa sạch tốt đẹp, gọi là viên ngọc quý trên tròn dưới vuông, văn cổ viết từ bộ ngọc viết thành chữ khuê cùng với Văn Truyện cũng đồng. Ngược lại âm dưới chước dương Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nửa viên ngọc khuê gọi là dương là nói viên ngọc sáng sủa, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh dương.

Bác tống âm trên đúng là chữ bác sách Thuyết Văn cho rằng: Bác là thông thái, rộng lớn, chữ viết từ bộ thập đến bộ phu âm phu là âm bổ bổ tức là vang khắp, ngược lại âm dưới tông tống kinh Thái Huyền cho rằng: Go sợi khi dệt, tức dệt sợi nọ với sợi kia, tức giữa sợi dọc kết với sợi ngang. Tống Trung giải thích: Chỗ gọi là gọp lại các sợi chỉ, sách Thuyết Văn cho rằng: Tông là đầu sợi dọc với sợi ngang, chữ viết từ bộ mịch thanh tông âm mịch là âm mịch.

Nam đậu ngược lại âm dưới đầu hầu Tự Thư cho rằng: Ngừng lại sự truy tìm lưu giữ lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngưng lại, chữ viết từ bộ xước thanh đậu.

Biên hiệp ngược lại âm trên tiên miến Quảng Nhã cho rằng: Biển giống như chật hẹp, sách Sở Từ cho rằng: Khả năng trí tuệ cạn cợt hạn hẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh biên âm dưới hàm giáp Tự Thư cho rằng: Chỗ rộng thâu hẹp lại. Chữ viết từ bộ phụ thanh hiệp Văn Truyện viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiệp là chẳng phải nghĩa này.

Bộc bố ngược lại âm trên bồng mộc sách Thuyết Văn cho rằng: Bộc là nước chảy xiết chữ viết từ bộ thủy đến bộ bộc bộc cũng là thanh. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bộc là nước chảy vào huyện sông lớn gọi là chảy khắp các con sông. Theo chữ bộc bố đó là nước trong khe núi chảy như bay xuống sông mà bị vách núi ngăn chặn lại, nên nước lên tung tóe, giống như dòng nước chảy xiết bắn lên. Tôn Trác Thiên Đài Phú Truyện nói: Bộc bố là nước chảy xiết như bay, mà lan khắp hang cùng ngỏ hẹp, Văn Truyện viết từ bộ nhật viết thành cảnh bộc hoặc là viết chữ bộc đều chẳng phải.

Diễm phát ngược lại âm trên biêm tiệm Mao Thi Truyện cho rằng: Diễm là màu sắc rực rỡ, sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Tần và Tấn gọi màu sắc đẹp là diễm, sách Thuyết Văn cho rằng: Tốt đẹp mà bền chặt dài lâu, chữ viết từ bộ phong thanh cái âm phong là âm phong Văn Truyện viết chữ diễm tục tự dùng thông dụng.

Vị chinh ngược lại âm trên vĩ quý Quảng Nhã cho rằng: Vị giống như cùng một loại. Sách Chu Dịch cho rằng: Nhổ cỏ cùng loại như cỏ mao xếp hàng theo một thứ, cỏ kiết tường, Vương Bật chú giải rằng: Vị chinh là lấy các thứ cùng một loại xếp chung với nhau, liên tiếp buộc vào nhau dẫn dắt lôi ra, chinh là đi thẳng hàng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kệ bộ miên tóm tắt lại dưới chữ quả chữ chuyển chú, âm đệ là âm đệ.

Tâm quý ngược lại âm dưới quý quý Mao Thi Truyện cho rằng: Quý là có khúc mắc trong lòng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Quý là trong lòng rung động lo sợ chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Phụ hà ngược lại âm dưới da nhã sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hà là to lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hà là xa xôi, chữ viết từ bộ cổ thanh hà tên của Viễn Công người thời xưa.

Tư tư ngược lại âm tử tư Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tư tư là không mệt mõi. Quảng Nhã cho rằng: Gắng sức, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phộc thanh tử.

Thiên liêm âm dưới lý kiêm Thiên Thương Hiệt cho rằng: Liêm là thấm ướt. Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: Liêm là quát nhiên yên tịnh. Cố Dã Vương cho rằng: Chính sự của vua Thánh Bình

thì có sông biển, có điềm tốt lành, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh kiêm.

Bì truyện dịch ngược lại âm trên là mỹ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bì là hủy hoại. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Che dấu hủy hoại, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thổ thanh dĩ âm dĩ là âm tự.

Du thạch ngược lại âm trên tư hầu Bì Thương cho rằng: Du thạch giống như là kim loại. Sách Khảo Thanh cho rằng: Du thạch giống như là vàng. Tây Vực lấy đồng thiếc trộn lộn hợp làm kim loại, như vàng, hoặc là viết chữ đậu đồng âm với âm trên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ kim đến bộ du thanh tĩnh.

Tín hướng âm dưới thương nhương Quảng Nhã cho rằng: Hướng là biếu tặng thức ăn, Tự Lâm cho rằng: Tặng, dâng thức ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng cho rằng: Nhường thức ăn đem biếu tặng, chữ viết từ bộ thực thanh hướng âm quý là âm quỷ âm nhương đồng với âm trên.

Đoạn canh ngược lại âm dưới canh hạnh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Canh là dây gào múc nước, sách Phương Ngôn cho rằng: Hàn Phong gọi là sợi dây lớn là canh, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh canh.

Thể luy ngược lại âm trên đệ lễ Cố Dã Vương cho rằng: Thể tức thân hình cũng tổng xưng goi thân thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cốt thanh lễ Văn Truyện viết từ bộ thân viết thanh chữ thể tục dùng thông dụng. Âm dưới luy ngụy Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Luy là gầy yếu. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bệnh thân thể suy nhược, sách Thuyết Văn cho rằng: Ốm yếu, chữ viết từ bộ dương đến bộ loa âm loa ngược lại âm lực ngọa.

Luân tư âm trên là luận âm dưới tức dư Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Tư thanh sạch. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tư là chìm đắm, sách Khảo Thanh cho rằng: Tư là chìm, Quảng Nhã cho rằng: Nước chảy, sách Thuyết Văn cho rằng: Nạo vét khơi sâu dòng nước, chữ viết từ bộ thủy thanh tư âm tuấn là âm tuấn.

Tư thư âm trên là thư ngược lại âm dưới thất dư sách Chu Dịch cho rằng: Tư thư là chùn bước chẳng thể tiến tới, sách Bát-nhã cho rằng: Tư thư là khó đi. Cố Dã Vương cho rằng: Trong lòng bồi hồi e ngại, sách Thuyết Văn cho rằng: không tiến tới trước mặt. Tư thư hai chữ đều từ bộ tẩu đều thanh tư thư âm thư ngược lại âm tức dư.

Chưng nịch âm trên là chữ dưng thượng thanh. Đỗ Dự chú giải

Tả Truyện rằng: Chưng giống như cứu trợ, Quảng Nhã cho rằng: Thâu nhận gom lấy sách Thuyết Văn viết chữ thăng âm dưới ninh đích sách Trang Tử giải thích rằng: Khéo léo nổi mà không chìm, Quảng Nhã cho rằng: Nịch gọi là chìm đắm Văn Tự Điển nói rằng: Nịch là chìm trong nước chữ viết từ bộ thủy thanh nịch.

Trì vụ ngược lại âm trên trực ly Tự Thư viết chữ đà Cố Dã Vương giải thích: Đà là chạy, Quảng Nhã cho rằng: Chạy trốn, sách Thuyết Văn cho rằng: Đà là con vật mang vác nhiều đồ vật đi xa như lạc đà, chữ viết từ bộ mã thanh tha âm tha ngược lại âm thái hà ngược lại âm dưới vô phụ Quách Phác chú giải sách Mục Thiên Tử Truyện rằng: Vụ là đánh ngựa cho chạy mau, Cố Dã Vương cho rằng: Bỗng nhiên con ngựa chạy chồm lên truy đuổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Vụ là ngựa phi nhanh, chữ viết từ bộ mã thanh vụ âm vụ đồng với âm trên.

Hài cửu âm trên là hài Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hài cốt, Cố Dã Vương cho rằng: Xương cốt của thân thể gọi chung là hài cốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cốt thanh hài ngược lại âm dưới cầu cứu Tự Thư cho rằng: Viết đúng từ bộ phương viết thành cảnh cửu gọi là xác chết bỏ vào quan tài gọi là cửu. Sách Lễ Ký cho rằng: Trong quan tài gọi là cửu sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phương thanh cửu hoặc là viết từ bộ mộc Trụ Văn viết chữ cửu.

Tạc khoáng âm trên là tạc âm dưới là khổ báng Quảng Nhã cho rằng: Khoáng là khoảng đất trống, theo chữ khoáng đó là cái hầm được đục khoét từ trên núi, âm cái mộ gọi là khoáng, đất bằng làm mộ gọi là trũng trũng là sâu. Khoáng là cạn chữ viết từ bộ thổ thanh quảng lại cũng gọi là cái hầm.

Khai trụy ngược lại âm dưới tùy túy theo Thanh Loại cho rằng: Trụy là đường lộ hoang vắng. Nay sách Thuyết Văn và Khảo Thanh cho rằng: Chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ trụy tức là hoang vu, con đường vắng vẻ.

Bi văn ngược lại âm trên bỉ mi bi nhiều mãng đá khắc bia ghi công trạng của người có công làm bia kỷ niệm. Thích Danh cho rằng: Bi là bia thuật lại công đức tốt đẹp của vua cha, lấy ra trong sách sử như Hán Huệ Đô là Tứ Hạo lập bia mộ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh bi.

Sái lạc ngược lại âm trên sanh mại Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Giống như lấy nước rẩy xuống đất, sách Thuyết Văn cho rằng: Sái là rẩy nước chữ viết từ bộ thủy thanh sái âm tấn là âm tín.

Tựa tán ngược lại âm dưới tả hán Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Tán là tụng chỗ gọi là giải thích vật lý. Thích Danh cho rằng: Tán là khen ngợi người có công đức tốt đẹp. Cố Dã Vương cho rằng: Tán là phải có sự hổ trợ dẫn dắt tuyên dương công đức của người lập công. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh tán âm tán đồng với âm trên. Văn Truyện viết chữ tán tục tự thường hay dùng.

Tuấn sảng ngược lại âm trên tôn tuấn sách Thượng Thư cho rằng: Khắc mình tuấn đức. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tuấn gọi là tài năng vượt trội hơn người một cách khác thường. Bạch Hổ Thông cho rằng: Tên riêng của Lễ ghi lại người hiền vượt hơn trăm người gọi là tuấn xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ nhân than thuyên âm thuyên ngược lại âm tuyền nhuyễn hoặc là viết chữ tuấn cũng thông dụng ngược lại âm dưới sương lượng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Sảng là rõ ràng Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Cao quý sách Thuyết Văn viết từ bộ xuyết đến bộ đại âm xuyết là âm lệ.

Cách lệ ngược lại âm sư tể sách Thuyết Văn cho rằng: Lệ tức là chân đi giày dép. Trang Tử giải thích rằng: Nguyên Hiến mang giày chống gậy lê bước vào chốn dân gian. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lệ cũng mang giày đi xa theo chữ cách lệ đó là, nay Ba-la-môn đi giày dép da, đi hày dưới đát lót ba lớp nhung đều không cứng dây đai cũng có sau gót chân, cho nên gọi tên là cách lệ. Theo Thanh Loại cho rằng: Viết chữ tỷ cùng với Văn Truyện cũng đồng, cân lũ ngược lại âm câu ngộ.

Nga mi âm trên là ngã âm dưới là mi theo Quận Quốc Chí Truyện cho rằng: Tên ngọn núi ở Tây Thục.

Vẫn mặc ngược lại âm trên mân vẫn sách Vận Anh cho rằng: Mẫn là thương xót, ngược lại âm dưới mộng bắc sách Khảo Thanh cho rằng: Mẫn mặc đó là trong lòng có tình thương xót mà không nói ra được sách Vận Thuyên cho rằng: Mẫn cũng là mặc, chữ viết từ bộ tâm thanh mẫn sách Khảo Thanh cho rằng: Mặc gọi yên tịnh, chữ viết từ bộ khuyển thanh hắc.

Phong đích ngược lại âm trên mạch phòng Văn Dịch chú giải Hán Thư rằng: Phong là mũi nhọn, sách Thuyết Văn cho rằng: Phong gọi là binh đao, đao kiếm có mũi nhọn thẳng, chữ viết từ bộ kim thanh phong âm phong là âm phong âm dưới đinh lịch Quảng Nhã cho rằng: Mũi tên nhọn, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là mũi tên nhọn chữ viết từ bộ kim thanh đích âm thốc ngược lại âm tông tốc âm đích là âm đích.

Hung bộc ngược lại âm dưới bồn một Trịnh Huyền chú giải sách

Lễ Ký rằng: Bột giống như là làm ngược lại, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bột là loạn tâm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Không (878) thuận, chữ viết từ bộ tâm thanh bột âm bột đồng với âm trên.

Vãn bi ngược lại âm dưới bị mi.

Quán sái Hán Thư giải thích rằng: Phàm rửa tẩy gọi là quán sách Thuyết Văn cho rằng: Rửa tay, chữ viết từ bộ cửu bộ thủy đến bộ mảnh chữ hội ý, âm táo là âm tảo âm cửu là âm cúc ngược lại âm dưới tẩy tây Tự Thư cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy đến bộ tây Văn Truyện viết từ bộ tiên viết thành chữ tẩy tục dùng thông dụng.

Lộc thủy ngược lại âm trên lung cốc Cố Dã Vương cho rằng: Lộc giống như giọt nước, Quảng Nhã cho rằng: Lộc là hết tận, theo chữ lộc thủy đó. Nay người Sa-môn lấy vải làm đãy lọc nước làm hộ sanh bỏ đi cấu uế, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy đến bộ lộc thanh lộc.

Lan hoằng ngược lại âm ô hoằng danh tăng.

Lô tùng âm trên là lữ âm dưới tông khổng Bì Thương cho rằng: Lô tùng là nhà xây trên ngọn đồi cao Lâm Phú Truyện ghi: Ngọn đồi cao, núi cao, cũng là tên núi.

Trúc thần miếu ngược lại âm trên tung lục sách Thuyết Văn giải thích Trúc là đạp giả, chữ viết từ bộ mộc thanh chủ âm trúc là âm trúc Văn Truyện viết chữ trúc là chẳng phải.

Kinh diêu âm dưới là điều sách Thuyết Văn cho rằng: Diêu là nhảy vượt qua, chữ viết từ bộ túc thanh triệu Thanh Loại viết chữ diêu giải thích cũng đồng.

Hổ cứ ngược lại âm dưới cư ngự sách Thuyết Văn cho rằng: Cứ tức là ngồi xổm, chữ viết từ bộ túc thanh cứ.

Cưỡng hãn ngược lại âm dưới hàn thu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thiên giống như phòng vệ, lại gọi là chê giấu sách Thuyết Văn cho rằng: Che chắn, chữ viết từ bộ thủ thanh thiên hoặc là viết từ bộ hãn viết thành chữ hãn. Y hiệp ngược lại âm dưới lam hiệp Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hiệp là hợp Quảng Nhã cho rằng: Cái áo nhiều lớp, sách Thuyết Văn cho rằng: Áo không có độn bông, chữ viết từ bộ y thanh hợp.

Thúc bất kiến ngược lại âm thi dục sách Sở Từ cho rằng: Vụt đến vụt đi, qua lại vội vàng, sách Thuyết Văn cho rằng: Thúc là con chó chạy mau, chữ viết từ bộ khuyển thanh thúc Văn Truyện viết chữ thúc cũng đồng nghĩa.

Đạo khướt ngược lại âm dưới lương chước nghĩa cùng với chữ lược cũng đồng, danh tăng.

Tuấn tiệp ngược lại âm trên tuân tuấn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuấn là ngựa chạy rất mau, Quách Phác chú giải rằng: Là chạy mau sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa tốt chữ viết từ bộ mã thanh tuấn am tuấn ngược lại âm thiên tuần ngược lại âm dưới tiềm diệp Mao Thi Truyện cho rằng: Tiệp là thắng trận Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tiệp là khắc sách Thuyết Văn cho rằng: Tiệp cũng là đi săn, chữ viết từ bộ thủ thanh tiệp âm tiệp đồng với âm trên, âm liệp ngược lại âm liêm triếp.

Vi phiên ngược lại âm dưới miễn tinh âm độc cũng phiên dịch đồng âm, sách Vận Anh cho rằng: Thay phiên đổi phiên với nhau, kết tiếp phiên, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ điền đến bộ mể thanh diên tượng hình giống như năm tay con thú, âm miển ngược lại âm phương vạn âm tinh ngược lại âm vãn phiền,

Oa lưu ngược lại âm hoằng hoa Quảng Nhã cho rằng: Oa là lỗ trũng dưới trước trong quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Hình cẫn ngược lại âm cán ẩn sách Vận Thuyên cho rằng: Cẩn thận Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cẩn là niềm tin. Trung hữu chú giải sách Luận Ngữ rằng: Kính cẩn. Hiếu kinh giải thích cẩn là thân cẩn thận dùng thân tiết cẩn dùng với nghĩa nâng lên, đồng với Văn Truyện viết từ bộ ấp viết thành chữ cẩn Văn Truyện viết sai chẳng phải nghĩa này.

Tăng giai ngược lại âm khanh ngai sách Khảo Thanh cho rằng: Giai pháp tắc, khuôn mẩu mô phạm chữ viết từ bộ thủ thanh giai.

Miên tích ngược lại âm trên miên biển miên tích đó là nghĩa ẩn cư, sách Thuyết Văn cho rằng: Miên là cố hương thôn quê, Tôn Á đó ẩn thân nơi miền thôn dã.

Dung thư âm trên là dung sách Trang Tử giải thích: Dung thư đó là ở nơi người. Cố Dã Vương cho rằng: Dùng sức lực phục dịch, chịu cho người ta sai khiến gọi là dung xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân thanh dung.

Ngọ thứ âm trên ngọ ngọ thứ là triều nhà Hán tên người ẩn dật.

Thôi nục ngược lại âm dưới nữ lục sách thừa cho rằng: Xấu hổ Cố Dã Vương cho rằng: Nục là bẽ gãy chém chặt ngang lưng, gãy đổ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ huyết thanh sửu Văn Truyện viết từ bộ nhẫn viết thành chữ nục cũng thông dụng.

Suyển tạp ngược lại âm trên dụng nhuyễn Quảng Nhã cho rằng

Suyển là làm trái lại. Cố Dã Vương cho rằng: So le không bằng, sách Thuyết Văn cho rằng: Đối đầu, chữ viết từ bộ đa nghĩa chống trái nhau chữ hội ý.

Tịch khoan âm trên văn cổ viết chữ tịch sách Thuyết Văn viết đúng chữ tịch nghĩa là an tịnh, tịch mặc không có tiếng người.

Đế bảng ngược lại âm dưới bác quảy Bì Thương cho rằng: Bảng tức là biển viết để mục, bảng yết thị. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tên của loại cờ phan được nêu cao lên, chữ viết từ bộ phiến thanh bàng.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 90

Trước cao tăng truyện âm quyển hạ, đến quyển thứ bảy đến hết quyển thứ mười bốn.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 7

Vong thuyên ngược lại âm trên võng phương ngược lại âm dưới thất huyên sách Khảo Thanh cho rằng: Thuyên là cái lồng bắt cá, chữ viết từ bộ trúc thanh thuyên Trang Tử nói được cá quên nơm.

Ẩn kỹ ngược lại âm ân cân Giai Uyển Chu Tòng nói: Ẩn là dựa vào, chữ viết từ bộ nhân thanh ẩn âm ẩn là âm ẩn ngược lại âm dưới cơ nghị sách Khảo Thanh cho rằng: Thuộc ghế dựa, sách Vận Anh nói: Kỹ là chỗ để dựa vào nương vào. Sách Thuyết Văn ghi: Ngồi xổm lên tượng hình, Văn Truyện viết từ bộ mộc viết thành chữ kỹ cũng có thể thông dụng.

Hịch ma văn ngược lại âm trên nha kích Cố Dã Vương ghi: Kích thư đó là trách mắng tội nhân thay thế hình phạt sách ghi lời hiểu dụ trong bá tánh lao nhọc. Hán Thư ghi lấy lông chim là bút hay huy hiệu trong thiên hạ, tức là binh khí tiêu biểu. Lại giải thích Lấy lông chim cắm vào thư tịch trên mặt, tiêu biểu sự lao nhọc vất vả mau chóng như chim bay. Hịch là lời văn để kêu gọi ngày xưa, thuở xưa viết lời hịch vào thẻ dài chừng một thước hai tấc, nếu kêu gọi khẩn cấp thì kẹp lông chim vào gọi là hịch vũ sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh kích trong âm là kích.

Tiêu mộ ngược lại âm trên tô điêu sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo âm điệp ngược lại âm nữ triếp âm điệp trong bộ uyên âm uyên ngược lại âm nhuế duyên ngược lại âm dưới là mạc hồ chữ viết từ bộ thủ thanh mạc.

Giác đàm âm trên là giác sách Tập Huấn giải thích: Giác là lo buồn ưu sầu kém cõi, hoặc là viết từ bộ phộc viết thành chữ giác viết đúng là bộ hào viết thành chữ giác Văn Truyện viết từ bộ giao viết thành chữ giao tục tự dùng thông dụng.

Thương đố ngược lại âm đô cố sách Thuyết Văn cho rằng: Con sâu mọt trong cây gỗ, con mọt gỗ, chữ viết từ bộ côn đến bộ đố thanh tĩnh.

Phẩu tích ngược lại âm trên phổ khẩu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phân trong ra phanh ra gọi là phẩu sách Thuyết Văn cho rằng: Tách ra phanh ra mở ra, chữ viết từ bộ đao thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm tha khẩu âm tích là âm thích.

Hấp nhiên ngược lại âm huất ấp Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hấp là hợp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ vũ thanh hợp cũng là chữ chuyển chú.

Để hạ ngược lại âm trên để lễ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Để là khinh khi. Quảng Nhã cho rằng: Hủy nhục sách Thuyết Văn cho rằng: Để là trách mắng chữ viết từ bộ ngôn thanh để âm để đồng với âm trên.

Sấn di ngược lại âm sơ cận âm dưới duy sấn chữ khứ thanh, chữ giải tá, sách Văn Tự Tập Lược ghi sấn là đem tài của ra bố thí cho người nghèo cùn, tặng cho hoặc là viết từ bộ khẩu viết thành chữ sấn âm cân ngược lại âm cẩn cận.

Thanh xác ngược lại âm khổ giác xưa nay Chánh Tự ghi: Xác là cứng chắc, chữ viết từ bộ thạch thanh xác âm xác là âm hại Văn Truyện viết từ bộ xác viết thành chữ xác tục tự dùng chẳng phải.

Phi tích lịch ngược lại âm trên tỳ kế âm dưới lê kế Khảo Thanh cho rằng: Tích lịch là tên của loài cỏ, theo chữ tích lịch loại cỏ dây leo mọc um tùm leo lên cây đại thọ như bao ngoài lớp áo.

Sính phân ngược lại âm trên lặc hàm Mao Thi Truyện cho rằng: Sính là làm càng tỏ rõ sức lực, sách Vận Anh ghi: Thông suốt, vui thích, thỏa thích. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh trình.

Phất truy ngược lại âm tử sư Mao Thi Truyện cho rằng: Màu sắc đen, sách thức vậy ghi: Chữ viết từ bộ mịch thanh truy Văn Truyện viết chữ truy là chẳng phải.

Phất niết âm dưới niên kiết Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Niết là có thể lấy vải trắng đem nhuộm, sách Thuyết Văn ghi: Đất màu đen, trong nước tức là đất bùn chữ viết từ bộ tủy thanh niết âm niết đồng với âm trên.

Vĩ diệp ngược lại âm trên vĩ quỹ âm dưới diêm kiếp Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Vĩ diệp là sáng rực rỡ gọi là lửa cháy sáng đỏ rực. Hoặc là viết từ bộ hỏa viết thành chữ diệp cũng thông dụng, đều là chữ hình thanh.

Hành bân ngược lại âm dưới bi bân tên người. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ sơn thanh bân âm bân đồng với âm trên.

Dung quân ngược lại âm dũng chung Hán Thư âm nghĩa giải thích Dung là lò đúc tiền, sách Thuyết Văn ghi: Phương pháp đúc đồng làm cho đồng chảy ra, dụng cụ đúc đồng, chữ viết từ bộ kim thanh dung âm dưới quý quân sách Thuyết Văn cho rằng: Mười cân gọi là quân đơn vị đo lường, chữ viết từ bộ kim đến bộ quân thanh quân âm quân ngược lại âm duẫn tuân.

Tẩu thoán ngược lại âm bảng cẩu đúng thể là chữ tẩu sách Thuyết Văn tẩu là chạy đi, chữ viết từ bộ yên đến bộ chỉ âm dưới thương loạn Cố Dã Vương cho rằng: Thoán là chạy trốn, Văn Tự Điển nói: Con chuột nó trốn trong hang, chữ hội ý.

Lộc sơn âm trên là lộc Mao Thi Truyện cho rằng: Lộc dưới chân núi, dưới núi có rừng cây, chữ viết từ bộ lâm thanh lộc.

Tức sưu ngược lại âm dưới lặc lưu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Sưu là kém dần Khảo Thanh cho rằng: Bệnh tổn giảm, giảm bớt bệnh, chữ viết từ bộ tật thanh sưu âm sưu ngược lại âm lực ấu.

Trương thiệu ngược lại âm thường diệu tên người.

Chất cốc âm trên là chất ngược lại âm dưới công cốc sách Vận Anh ghi rằng: Gông cùm ở tay gọi là chất gông cùm ở chân gọi là cốc Trịnh Chúng chú giải rằng: Hai tay, hai chân đều còng buộc trói vào cây, lại cũng là nữu giới gọi là trói buộc tội nhân câu thúc lại.

Dụ nhân ngược lại âm do tửu gọi là khuyên bảo dụ dẫn, người, chữ hình thanh.

Lộ quát ngược lại âm hỏa quát Bì Thương cho rằng: Quát là nhìn chăm chăm, chữ viết từ bộ mục thanh quát âm quát ngược lại âm hoàn quát chữ quát từ bộ can đến bộ khẩu.

Hạp tịch ngược lại âm trên hàm hạp sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hạp gọi là cánh cửa, sách Thuyết Văn cho rằng: Hạp là cánh cửa đóng lại, chữ viết từ bộ môn thanh hạp âm hạp là âm hạp Văn Truyện viết từ bộ súc viết thành chữ hạp là sai chẳng phải.

Lâm truy âm trên là lâm Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tôn ty thứ tự gọi là lâm Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Lâm là

sửa trị, sách Phương Ngôn giải thích Lâm là chiếu sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Lâm là đến, chữ viết từ bộ ngọa thanh phẩm ngược lại âm tử sư truy châu, cửu châu, phân ra thành đất thanh châu, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Truy là tên sông, xuất phát từ núi Thái Sơn, Lương phụ phía tây bắc chảy vào sông mân. Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh truy âm truy đồng với âm trên.

Từ kham ngược lại âm trạch ảm tên người kham giống như tề chỉnh.

Vu thặng âm trên là hộ âm dưới thặng văn trước trong quyển thứ tư đã giải thích rằng.

Lụy yên ngược lại âm trên luật ủy sách Lễ Ký cho rằng: Lụy là dấu tích có liên lụy tới, nói lúc sinh thời có liên quan đến hành trạng, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Lụy là có liên quan tới, sách Thuyết Văn cho rằng: Có lợi ích như điếu văn, chữ viết từ bộ ngôn thanh lỗi âm lỗi ngược lại âm lôi hội.

Chẫn thí ngược lại âm trên chân nhẫn sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chẫn là giàu có. Quách Phác chú giải rằng: Giàu có ẩn bên trong, cứu giúp cấp cho, sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh chấn.

Tri trù ngược lại âm trên tri trỉ ngược lại âm dưới trụ chu sách Khảo Thanh cho rằng: Tri trù giống như bồi hồi, đi đi lại lại. Quảng Số (879) cho rằng: Viết chữ trù trừ là âm trừ gọi là do dự. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ túc đều thanh tri trù.

Phụ kíp ngược lại âm dưới liểm kiếp sách Khảo Thanh cho rằng: Kíp là cái tráp đựng đầy sách. Xưa nay Chánh Tự từ bộ trúc thanh cập tức là cấp sách đến trường.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 8

Xước hữu ngược lại âm trên xương dước sách Nhĩ Nhã giải thích Xước là thong thả, Mao Thi Truyện cho rằng: Xước là rộng rãi, thừa thải, Văn Tự Điển nói: Rộng rãi thong thả, chữ viết từ bộ mịch thanh trác.

Nục yên ngược lại âm trên nữ lục lại cũng âm là nữ lực sách Phương Ngôn giải thích: Nục là xấu hổ, sách Tiểu Nhĩ Số giải thích: Trong lòng hổ thẹn gọi là nục Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng:

Hổ thẹn đỏ mặt, sách Thuyết Văn cho rằng: Hổ thẹn, chữ viết từ bộ nhi thanh tâm.

Phụ trật ngược lại âm trần lật theo chữ trật đó là bìa sách, Văn Tự Điển nói hoặc là viết từ bộ cân viết thành chữ trật tục viết chữ trật cũng đồng.

Ổi lai ngược lại âm trên ô hối Quảng Số cho rằng: Ổi là đông nhiều lộn xộn, Bát-nhã cho rằng: Có nhiều Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Ổi là vật hỗn tạp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển thanh ổi.

Vương thước ngược lại âm dưới thương chước Tự Thư giải thích: Phía Nam gọi Nam Húy Thước, Tự Lâm Huyền Mao Thi Truyện cho rằng: Thước là tốt đẹp, nung nóng chảy đồng ra, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ kim thanh lạc.

Giáng tất âm dưới là tất Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tất gọi là dừng chân, tức là đường ngăn cấm, như nay gọi là vua đi ngăn không được đi lại, có nghĩa ở một chỗ, Văn Tự Điển viết từ bộ túc thanh tất.

Cai thiệp ngược lại âm trên ca ai Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cai là dự bị sách Phương Ngôn giải: Bao gồm Quảng Nhã Hy Cai bàn luận phải trái, lại cũng gọi là bao quát, sách Thuyết Văn ghi: chuẩn bị bao gồm đầu đuôi, chữ viết từ bộ ngôn thanh cai.

Bính hữu ngược lại âm trên binh mãnh hoặc là viết chữ bính cũng đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sáng sủa chữ viết từ bộ nhật thanh bính hoặc là viết từ bộ hỏa viết thành chữ bính dùng cũng thông dụng.

Vương nghi âm dưới nghi cước Tống Triều tên của Dự Dương Vương. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ sơn thanh nghi.

Biếm vu ngược lại âm dưới bi nghiệm Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Biếm là đem chôn mai táng xác chết, bỏ quan tài xuống đất.

Chu ngung ngược lại âm ngu cung tên người.

Mẫn nhi mi vẫn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mẫn là thương xót lo buồn. Xưa nay Chánh Tự giải thích chữ hình thanh.

Vãng vãng ngược lại âm vương huống sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vãng vãng sáng rực đẹp, sách Khảo Thanh cho rằng: Ánh sáng rực rỡ đẹp, Mao Thi Truyện cho rằng: Vãng vãng là luôn luôn sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Ánh sáng muôn màu đẹp, chữ viết từ bộ nhật thanh thanh vãng.

Trì thao ngược lại âm dưới thảo đáo Vương Dật chú giải sách Sở

Từ rằng: Tháo là đến, Cố Dã Vương cho rằng: Nắm giữ ý chí vững chắc gọi là tháo sách Khảo Thanh cho rằng: Lập chí không thay đổi, chữ viết từ bộ thủ thanh táo.

Lưu hiệp ngược lại âm khiêm hiệp thời kỳ Triều Lương tên vị tú tài, kẻ sĩ viết bốn cuốn sách, gọi tên Lưu Tử, cùng với lưu mậu v.v... đều là hoàng kỹ quý tộc.

Phảng hạch ngược lại âm dưới hành cách văn trước trong quyển năm đã giải thích đầy đủ rồi.

Lưu hiến ngược lại âm ngôn kiển tên người.

Bàng ngung ngược lại âm trên bản quan âm dưới là ngu tên huyện Nam Hải, Quảng Châu. Văn Truyện viết từ bộ phụ viết thành chữ ngung cũng thông dụng, cùng với Quảng Châu cách một tiểu hải lý.

Tán nghiên ngược lại âm trên toán loan sách Mạnh Tử giải thích: Tán là đục xuyên qua, sách Khảo Thanh cho rằng: Đâm vào, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh toàn Văn Truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ tán chẳng phải, ngược lại âm dưới nghiên kiên.

Trào hước ngược lại âm trích giao Cố Dã Vương cho rằng: Trào gọi là làm trò hài hước vui cười, chế giễu, sách Sở Từ viết từ bộ khẩu viết chữ trào giải thích đều đồng nghĩa, ngược lại âm dưới hương ngược sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hước là pha trò, nói đùa, khôi hài, Mao Thi Truyện cho rằng: Khôi hài làm trò vui, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh ngược.

Giá táo âm trên giá dạ tức là cam giá cây mía. Tên của loại thực vật mỹ thảo, âm dưới là tảo tên quả cam ngọt, sách Thuyết Văn ghi loại táo dương, chữ viết từ hai bộ thứ.

Mi huyện âm trên là mi Hán Thư giải thích địa danh. Xưa nay phù phong chữ viết hình thanh.

Tương hiếp âm dưới khâm kiếp Công Dương Truyện cho rằng: Hiếp là bức bách. Quảng Nhã cho rằng: Khiếp sợ Cố Dã Vương cho rằng: Dùng sức lực dọa nạt khủng bố bức hiếp người. Văn Tự Điển nói: Hiếp tức là dọa nạt, chữ viết từ bộ tâm thanh hiếp Văn Truyện viết từ bộ nhục viết chữ hiếp là chẳng phải.

Tái xưởng ngược lại âm dưới xương dưỡng tên của vị Sa-môn.

Tăng triệu ngược lại âm thiệu chiêu tên người.

Đức cảnh ngược lại âm quỷ vĩnh danh tăng, chữ viết từ bộ công viết thành chữ cảnh tục tự thường hay dùng.

Đông hoàn âm quan địa danh.

Huyền huyện âm trên hình kiên sách Thuyết Văn cho rằng: Huyền

là gấp vội, chữ viết từ bộ tâm thanh huyền âm huyền đồng với âm trên, sách Khảo Thanh cho rằng: Đến kịp sách Thuyết Văn đều viết chữ thuyên chữ cổ. Ở Hà Nam Mật huyện, có Huyền Đình Văn Truyện viết chữ duyệt cũng đồng.

Ký biệt ngược lại âm bỉ liệt gọi là phân biệt cùng với thọ ký cũng đồng.

Đái trách ngược lại âm dưới tranh cách sách Phương Ngôn cho rằng: Khăn bao búi tóc, gọi là trách sách Thuyết Văn cho rằng: Tóc có cột cái khăn gọi là trách chữ viết từ bộ cân thanh trách chữ trách từ bộ thứ âm thứ là âm thích.

Minh tịch ngược lại âm trên mịch bình ngược lại âm dưới tình diệc chữ viết từ bộ miên âm miên đến bộ thúc âm thúc.

Thực lại ngược lại âm trên thừa lực Đỗ Dự chú giải sách Tả Truyện rằng: Thực là giống y nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ miên thanh thọ trong Văn Truyện viết từ bộ huyệt viết thành chữ thực là chẳng phải.

Đàm phỉ ngược lại âm phi vĩ phỉ là văn chương trau chuốt, tên của vị Sa-môn.

Giam mặc ngược lại âm giáp hàm Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giam là đóng lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Giam là buộc cái rương kín lại, chữ viết từ bộ mịch thanh hàm ngược lại âm dưới mộng bắc gọi là tịch mặc không có tiếng người, hoặc là viết từ bộ khuyển viết thành chữ mặc cũng đồng.

Miễu mạn ngược lại âm trên diệu phiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Dòng nước mênh mong bát ngát, sách Vận Anh cho rằng: Dòng nước lớn, chữ viết từ ba bộ thủy Văn Truyện viết từ bộ thủy viết thành chữ miễu cũng thông dụng, nghiệp dưới mãn bán Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Mạn là dằng dặc, mênh mông, Cố Dã Vương cho rằng: Không có thể phân biệt được, Quảng Nhã cho rằng: Mênh mong mù mịt, sách Sở Từ cho rằng: Kéo dài lê thê. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh mạn.

Túy triết âm trên tuy túy sách Khảo Thanh cho rằng: Tinh thuần, sách Thuyết Văn cho rằng: Không xen tạp chữ viết từ bộ mể thanh tốt âm dưới tri liệt.

Phiên phủ âm trên là phiền sách Vận Thuyên cho rằng: Cây búa lớn Bì Thương cho rằng: Chém chặt sang bằng, cái búa lớn, khai mở rộng ra, sách Văn Tự Điển nói: Đẩy ra chữ viết từ bộ kim thanh phiên.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 9

Tuệ bột ngược lại âm trên toàn nhuế Tự Uyển giải thích: Tuệ là thuộc các vì sao tinh tú, sách Lã Thị Xuân Thu giải thích: Tuệ là sao lạ thuộc yêu quái, sách Thuyết Văn cho rằng: Tuệ là sao chổi, chữ viết từ bộ hựu tức nắm giữ lấy, cũng là chữ hình thanh, gọi là đông đúc, âm sân là âm thiên ngược lại âm âm dưới bồn một Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Bột là sao bột, giống như là bông trắng phau phau, cũng là khí yêu quái, sách Thuyết Văn viết từ bộ phỉ âm phỉ là phí đến bộ tử Văn Truyện viết chữ bột cũng thông dụng.

Cố tật âm trên là cố hoặc là viết chữ cổ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tật chữ hình thanh.

Càn táo ngược lại âm trên ca an âm dưới tảo đáo văn trước đã giải thích rồi.

Trách như ngược lại âm trên sĩ cách Quảng Nhã cho rằng: Phân tách ra sách Thuyết Văn cho rằng: Nức ra, chữ viết từ bộ thổ thanh trách âm trách là âm xích.

Thạch lương ô ngược lại âm ô cổ Văn Tự Điển Tập Lược cho rằng: vách tường thành nhỏ, theo chữ ô đó đồi đất cao, trên núi, tên giữa hai gò đất, gọi là ô chữ viết từ bộ phụ viết thành chữ ô cũng đồng, chữ viết từ bộ thổ thanh ô.

Thụ sách ngược lại âm dưới sở cách Quảng Nhã cho rằng: Sách là hàng rào. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hàng rào song cửa, Thống Tự cho rằng: Dùng cây dựng đứng hàng rào giống như vách tường, gọi là sách sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh sách âm sách đồng với âm trên, âm chấp ngược lại âm tri lập.

Biên thước ngược lại âm biên diện sách Thuyết Văn viết từ bộ hộ đến bộ biển thanh tĩnh âm dưới thương chược theo chữ biển thước tên của thầy thuốc thời xưa, vốn họ Lư người thời lục quốc.

Nhung bách âm trên nhi dung sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng viết từ bộ giáp viết thành nhung nay từ bộ thập viết thành chữ nhung tục tự thường hay dùng, âm dưới mạch săn thú. Xưa loại người Nam Man đi săn bắt thú ăn sống, Văn Truyện viết từ bộ thỉ cũng thông dụng.

Thạch bân ngược lại âm bỉ mân tên người.

Côn hào ngược lại âm trên hồn khổn Quảng Nhã giải thích côn là nước đục, ngược lại âm dưới là hiệu giao Hán Thư cho rằng: Hào là hài hòa, hòa trộn lại chữ viết từ bộ thù thanh hào chữ hào từ bộ nhục.

Ma chu ngược lại âm như chu theo chữ nhu nay gọi là áo ngắn áo kép, Ma nhu tức là áo dài, sách Thuyết Văn ghi: Nhu tức là áo ngắn chữ viết từ bộ y chữ hình thanh.

Hoàn nhiên ngược lại âm hoàn quan Hà Yến chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hoàn mỉm cười.

Thạch thao ngược lại âm thảo đao.

Trọng nhân âm dưới là nhân trung hữu chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhân là đêm thảm, Cố Dã Vương cho rằng: Lấy da con hổ làm mền, sách Thuyết Văn cho rằng: Trên xe có nhiều lớp chiếu điện, chữ viết từ bộ thảo thanh nhân Tư Mã Tương Như giải thích: Trong Tử Hư Phú Truyện rằng: Chữ viết từ bộ cách viết thành chữ nhân cũng đồng nghĩa.

Ứng mao ngược lại âm duyên mao báo theo Tả Truyện cho rằng: Lão tưởng có rây tóc dài. Đỗ Dự chú giải rằng: Mao là râu tóc rối loạn, sách Lễ Ký giải thích: Tám mươi, chín mươi tuổi gọi là ma Trịnh Huyền chú giải rằng: Mao là già cao tuổi hay lẫn lộn, mau quên, chữ viết từ bộ lão thanh mao sách Thuyết Văn viết chữ mao là chữ cổ.

Bất hôn ngược lại âm hốt côn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hôn là loạn lầm lẫn, sách Khảo Thanh cho rằng: Già nên hay quên nhiều Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Người hôn loạn không có chỗ biết, không biết gì. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hôn.

Thiết tỏa xuyên ngược lại âm thiển liết sách Thuyết Văn cho rằng: Kim loại màu đen, tức là chì, chữ viết từ bộ kim thanh thiết âm thiết là âm điệt ngược lại âm dưới tô quả Quảng Nhã giải thích tỏa là mốc xích liên kết với nhau, gọi là mốc xích lại với nhau, liên kết lại, ngược lại âm dưới xuyên sách Thuyết Văn cho rằng: Xuyên là thông suốt qua, xuyên qua, Văn Truyện viết từ bộ thân viết thành chữ xuyên là chẳng phải.

Hoàn liệt sách Vận Thuyên cho rằng: Hoàn là càng xe, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chiếc xe làm nức ra gọi là hoàn lại là âm quyển lại cũng là âm hoan giải thích cũng là một nghĩa, chữ viết từ bộ xa đến bộ hoàn thanh tĩnh.

Hưu chỉ ngược lại âm lặc lý Mao Thi Truyện cho rằng: Chỉ là phúc lành. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chỉ là lộc, chữ viết từ bộ thị thanh chỉ.

Ô ế ngược lại âm trên ô cô ngược lại âm dưới yên kiết Thượng Thư cho rằng: Ô thán từ tiếng than, sách Thuyết Văn hoặc là viết từ bộ khảm viết thành chữ ô Mao Thi Truyện cho rằng: Ế gọi là lo buồn không thể nghỉ ngơi, sách Phương Ngôn cho rằng: Đau khổ sách Thuyết

Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu chữ hình thanh.

Tháp chi ngược lại âm trên đàm hợp Quảng Số cho rằng: Tháp là mang giày dép giẫm đạp lên, chà đạp dưới chân, chữ viết từ bộ túc thanh tháp âm tháp là âm tháp trong Văn Truyện viết cảnh tháp là sai chẳng phải.

Tuấn tử vĩ ngược lại âm trên tôn tuấn cùng với chữ tuấn đồng nghĩa, ngược lại âm dưới vĩ quỹ tên người tên đứa trẻ Mộ Dung Tuấn.

Trừng-tranh-tranh-đăng bốn chữ này đều là tên Phật Đồ Trừng gọi là tiếng Phạm, độc âm có nặng có nhẹ không đồng nên khiến cho số nhiều lặp lại nhiều lần. Nay thông dụng phần nhiều là chữ trừng.

Đôn hoàng ngược lại âm trên độn hồn âm dưới là hoàng văn trước trong quyển trung đã giải thích đầy đủ rồi.

Pháp lâm ngược lại âm sửu lâm danh tăng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Lâm là khéo léo giỏi về.

Mao tư âm trên uyển bao âm dưới từ theo Mao Tư là loại cỏ lợp nhà. Quảng Nhã cho rằng: Che đậy (880) Mao Thi Truyện cho rằng: Che lợp nhà đều từ bộ thảo đều thanh mao thứ.

Khang hoằng âm điểu hoằng.

Nhữ chi ngược lại âm trên như thứ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Số rằng: Nhữ là cho ăn, nuôi ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo thanh như âm dưới đúng là chữ chi đó là thần tiên chỗ ăn loại cỏ tốt lành.

Vấn sưu ngược lại âm tháo lão Văn Truyện viết chữ canh là chẳng phải.

Xúc thãng ngược lại âm trên sung lục âm dưới thang lãng khí thần định đặc biệt gọi là xúc đãng đều từ bộ nhân.

Phưởng phất ngược lại âm phưởng cương âm dưới phân vật lại âm phương vị xưa nay Chánh Tự cho rằng: Phưởng phất đó là nghe thấy không rõ ràng, mơ hồ, không chắc thật, chữ viết từ bộ tiêu chữ hình thanh. Người xưa hoặc là viết chữ phưởng phất âm đều đồng với âm trên.

Thủ nịch ngược lại âm dưới minh đích Cố Dã Vương cho rằng: Mịch giống như nắm bắt, sách Thuyết Văn cho rằng: Ấn xuống, dìm xuống chữ viết từ bộ thủ thanh nịch.

Ứ nê ngược lại âm trên ư cứ âm dưới nịch đề ứ nê là trong ao nước có bùn dưới đáy, có mùi hôi bùn đất, mùi xú uế xanh đen căn bã, chữ viết từ bộ thủy chữ hình thanh.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 10

Cơ chích ngược lại âm trên kỹ kỳ sách Nhĩ Số cho rằng: Cơ là mới bắt đầu, cơ bản, cội gốc, âm dưới là chỉ chữ viết từ bộ thổ thanh kỳ ngược lại âm dưới là chinh diệc Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Chích là giẫm đạp lên. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Đi lướt qua giẫm lên mà đi. Quảng Số giải thích rằng: Mang giày dép giẫm đạp lên Văn Truyện viết từ bộ thổ viết thành chữ chích cũng là đồng nghĩa với chữ cỏ hoặc là viết chữ cỏ hoặc là viết chữ chỉ đều thông dụng.

Giác quyển ngược lại âm quán hoàn chữ viết từ bộ lực thanh quyển.

Phiên dương ngược lại âm phạt viên sách Khảo Thanh cho rằng: Bên vách núi, sách Địa Chí giải thích: Xưa đó là tên của một nước nhỏ, hiệu là Chu Địa Ấp, sách Thuyết Văn viết từ bô lâm âm phiền là âm phiên.

Triển thất ngược lại âm trên ni triển Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Triển là giẫm đạp lên, Quảng Nhã cho rằng: Mang giày dép giẫm đạp lên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh triển.

Bích ảm ngược lại âm dưới am cảm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ảm là chỗ tối tăm. Quách Phác chú giải rằng: Ảm là chỗ tối mờ mờ mịch mịch, nói đây là Thánh tăng làm thần tiên thông suốt.

Lang trung ngược lại âm lãng thác sách Thuyết Văn cho rằng: Quận ba có huyện lãng trung. Nay là Đông Thục Xuyên, có Lãng Châu.

Đồ tiên ngược lại âm dưới tiên điển sách Thuyết Văn cho rằng: Tiễn là đi chân trần, chữ hình thanh.

Triệt huyền ngược lại âm trên sĩ liệt sách Khảo Thanh cho rằng: Hủy bỏ, truất phế, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến bộ triệt thanh tĩnh âm dưới là huyền trung hữu chú giải sách Chu Lễ rằng: Huyền gọi là treo cái chuông, đánh nghe tiếng, giống như tiếng sáo, tiếng kèn mà phế bỏ không dùng đến trống, huyền cũng gọi là treo lên chữ chuyển chú.

Chu đồng âm dưới là đồng văn trước trong tần thư giải thích tên người, đồng cũng là màu đỏ.

Nhục đàn ngược lại âm nung đốc âm dưới đàn lan tiếng nước Phiên, hiệu Nam Lương Tiềm, vua thứ ba.

Thổ đại âm dưới là đại Tấn Trung Hưng Thư gọi là đại tức cầu

chiếc xe trâu dẫn dắt, lôi kéo, đất giữ lấy. Lại cũng gọi là đập người ngăn nước biển mặn tràn vào, sách Khảo Thanh cho rằng: Ngăn tiệt nước ao hồ, cống rãnh lại cũng viết chữ yển đạp nước.

Dẫn tạc âm tạc Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tác là sợi dây bện bằng trúc. Theo chữ tạc đó là ở thục xuyên núi phía tây, có cái ao rất sâu, tuyệt nhiên không thể vượt qua được nên bện sợi dây bằng trúc, căng hai bên bờ để người ta đi qua, trên có mấu chốt cột chặt giống như cầu cho người qua lại nên gọi là tạc chữ viết từ bộ trúc thanh tác Văn Truyện viết từ bộ mịch viết thành chữ tác là chẳng phải.

Thúc hốt ngược lại âm trên thương nhục quyển đầu đã giải thích đầy đủ.

Tiểu âu ngược lại âm âu hầu sách Phương Ngôn cho rằng: Cái chậu nhỏ gọi là âu. Âu là cái bát, Văn Truyện viết từ bộ thổ viết thành chữ âu là chẳng phải.

Lam lũ âm trên lam âm dưới long chủ sách Phương Ngôn cho rằng: Áo mà không có đường chỉ may gọi là lam Quách Phác chú giải rằng: Cái áo đã hư rách, sách Thuyết Văn cho rằng: Trên từ bộ y dưới từ bộ mịch chữ hình thanh.

Hám nhục ngược lại âm đạm lam Quảng Nhã cho rằng: Đút cho ăn hoặc là viết chữ đạm giải thích dùng cũng đồng.

Tân quái ngược lại âm quý ngoại sách Thuyết Văn cho rằng: Xắc thịt mỏng, chữ viết từ bộ nhũ thanh hội Văn Truyện viết từ bộ ngư viết thành chữ quái là chẳng phải. Tân là mùi vị cay.

Phụ thuyên âm dưới thị duyên sách Tập Huấn giải thích: Bện trúc làm cái sọt chứa ngũ cốc, thóc lúa mạch. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vi thanh thuyên.

Chí minh ngược lại âm minh tinh minh là tối ban đêm.

Tẫn táng âm trên tân tẫn âm dưới tàng táng Văn Truyện viết chữ táng là chẳng phải.

Nổi giả ngược lại âm nô lỗi hoặc là viết từ bộ ngư viết thành chữ nổi tức mùi tanh con cá chết, sách Luận Ngữ giải thích: Con cá chết thịt của nó hư hoại thối rửa, Khổng An Quốc chú giải rằng: Con cá chết, gọi là nổi cũng viết từ bộ nhục viết thành chữ nổi đều nghĩa mùi tanh con cá chết.

Diễm huyền ngược lại âm thường diễm tên của huyện Việt Châu.

Mông mông âm mong cây che bóng râm gọi là mù mịt mây khói che phủ.

Phù mạt ngược lại âm dưới mán bát chữ viết từ bộ thủy thanh mạt chữ mạt chữ cổ chữ mộc cộng thêm nhất tức là ngọn cây.

Lụy trí ngược lại âm dưới tri lợi vấp té ngã ngửa.

Miệt xú ngược lại âm niêm triếp Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện rằng: Miệt xem thường, khinh dễ Văn Truyện viết từ bộ phạt viết thành chữ miệt là chẳng phải âm bệ ngược lại âm bề miệt.

Khuê xuyết ngược lại âm trên tuệ khuê Lưu Hy giải thích rằng: Hai mươi lăm mẩu là một tiêu khuê, năm mươi mẩu là đại khuê, ngược lại âm dưới xuyên liệt sách Thuyết Văn cho rằng: Xuyết là nếm thử.

Ẩm tiến ngược lại âm dưới tiền tiến.

Đại hàng lan ngược lại âm trên hà cang sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải mà đến cửa đông gọi nghe thuyền là hàng tức là thuyền lớn, chữ hình thanh.

Triêm thấp ngược lại âm trên trương liêm Quảng Nhã cho rằng: Triêm là thấm ướt. Hàn Thi Truyện cho rằng: Chìm dưới nước. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ thanh chiêm ngược lại âm dưới thâm nhập sách Thuyết Văn cho rằng: Ẩm thấp u tối, chữ viết từ bộ thủy thanh thấp âm thấp đồng với âm trên.

Sai tật ngược lại âm thái lai âm dưới là tật.

Thiêu lược âm dưới lược sách Nguyệt Lịnh giải thích rằng: Không treo ngược hàng quán tức trộm cướp tước lấy, đoạt lấy, gọi bắt được lợi chiến thắng, dành lấy được, lại âm lượng giải thích dùng nghĩa cũng đồng.

Chấp thoán ngược lại âm thương loạn tục tự cho rằng: Chữ viết đúng thể là chữ thoán nay xem văn có nhiều nẩy sinh tóm lược chữ viết thoán là sai tóm lược, Tả Truyện cho rằng: Thoán là bếp nấu nướng thức ăn, sách Chu Lễ viết chữ thoán.

Thanh yến ngược lại âm yên kiến hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ yến cũng thông dụng. Nay viết chữ yến Mao Thi Truyện giải thích: An ổn yến là hội hợp uống rượu vui vẻ.

Bi ngược lại âm bị bi Hán Thư cho rằng: Ở quận thục có huyện Bi lại âm tỳ.

Oản tế ngược lại âm trên loan bản sách Hoài Nam Tử giải thích rằng: Giống như thâu nhiếp giữ lấy. Theo Văn Truyện viết chữ oản tức là nắm tay dìu dắt, tay nắm tay cùng dìu dắt.

Lưu cũ âm u cũ sách Vận Anh cho rằng: Rồng không có sừng, nằm ẩn đất Kinh Châu, gọi là buông thả, dựa vào chùa.

Vương hoán âm hoán tên người hoán là văn vẻ sáng sủa, Ngọc

Thiên giải thích: Ánh sáng rõ ràng thấp sáng lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: Theo ngọn lửa cháy bùng lên.

Xà hộc âm trên thường giá tức loại rồng rắn linh thiêng, âm dưới hồng mục hộc là loài thủy điểu loài chim giống như nhạn mà lớn hơn, tuổi thọ đầy một ngàn tuổi, tức là biến hóa thành loài khác.

Ế lai ngược lại âm ích hề chữ hình thanh. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Ế giống như vậy sách Thuyết Văn: Tiếng nói phát ra chữ hình thanh, từ ngữ.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 11

Bát hung âm trên là bát Quảng Nhã giải thích: Bát bỏ, trừ ra, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh bát âm dưới húc cung sách Thuyết Văn cho rằng: Hung là trước ngực, chữ viết từ bộ bao thanh hung Văn Truyện viết từ bộ nhục cũng thông dụng.

Hành cổ âm cổ tức loại sâu trùng bọ đi gieo độc hại, loài sâu độc có Phương pháp làm cho con người bệnh, tức là hại người, loài yểm mị, chữ hội ý.

Ô bệ âm dưới bệ mê sách Thuyết Văn cho rằng: Bệ là cỡi ngựa đánh trống tiếng quân, tiếng trống ra hiệu lệnh chiến đấu, Văn Truyện viết từ bộ cách chữ cổ cũng thông dụng.

Huệ ngôi ngược lại âm ngũ lỗi tục tự viết đúng từ bộ nhân đến bộ quý viết thành chữ ngôi ngôi là to lớn dài lâu, tên của vị cao tăng.

Hoàng độc âm trên hoàng âm dưới độc tức là loài côn trùng độc hại làm tai họa hại người, ăn mọng mạ khiến cho hạt giống không mọc được, tức loài châu chấu cào cào, màu vàng loài côn trùng trong mặt nước biển, chỗ hóa sinh, hoặc là sinh trên đất ẩm ướt làm tai họa, phá hại mùa màng, chỗ chiêu cảm.

Tẩy thấu âm trên tây lễ viết đúng thể là chữ tẩy Văn Truyện viết chữ tẩy tục tự thường hay dùng, âm dưới sưu cứu văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Thiền thuế âm trên thiện diên Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thiền là xác con ve, sách Phương Ngôn cho rằng: Con ve đến mùa hè kêu dưới bụng.

Lượng biện âm dưới tiên miến Quách Phác chú giải sách Nhĩ Số

rằng: Biện giống như gấp gáp, vội vàng, sách Thuyết Văn cho rằng: Áo nhỏ, hẹp chữ viết từ bộ y thanh biên âm biên đồng với âm trên. Tự Thư viết chữ trách.

Di thần âm trên dĩ chi sách Phương Ngôn cho rằng: Di là hàm má, Vương Bộ Từ chú giải sách Chu Dịch rằng: Di là được nuôi dưỡng, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ hiệt thanh di âm di đồng với âm trên.

Tất tể âm tỳ duệ sách Vận Anh cho rằng: Tể là ngã chết bên đường, sách Thuyết Văn viết từ bộ tử thanh tệ.

Văn manh âm trên là văn âm dưới là manh đều loài côn trùng như muỗi, mắc biết bay, cắn chích người, văn trước đã giải thích nhiều lần rồi.

Phân phúc ngược lại âm trêh phương văn âm dưới phong phúc.

Bỉnh hốt âm trên binh mãnh âm dưới hốt nắm trong bàn tay.

Tạc lộc sơn âm trên là tạc âm dưới là lộc trước đã giải thích rồi.

Lộc lộc âm lộc.

Quỳnh tước âm trên là huỳnh là lửa đom đóm, âm dưới là tước cây đước nhỏ, tục tự thường dùng.

Khô thước âm dưới thương dược thước là nùng ồng tiêu chảy ra.

Trương chiêu âm dưới đình diêu tên người.

Phúc thấu âm trên phúc âm dưới thương thấu Cố Dã Vương cho rằng: Phúc đó căm xe, sách Thuyết Văn (881) cho rằng: Thấu là chỗ chụm lại, tụ lại, chữ hình thanh.

Tăng cứ âm cự tên người.

Lâm ngung âm cũng ngung âm ngung ngược lại âm ngu cung Thục Xuyên tên huyện Ngung.

Phi thi âm trên là phiền thiêu đốt tử thi.

Hiểm duẫn âm trên là hiểm âm dưới là duẫn Mao Thi Truyện cho rằng: Hiểm duẫn một bộ tộc ở phương Bắc Trung Quốc thời vua Chu tức bọn Hung Nô, hoặc là viết chữ hiểm đều từ bộ khuyển.

Tánh du ngược lại âm sửu cứu họ người.

Hạ phi âm dưới là bì tên huyện thuộc Tứ Xuyên, theo Tào Thị Quận Quốc cho rằng: Tứ Xuyên nhà tần sau khi bình được thiên hạ lập nên quân phi có huyện Hạ Phi, có bảy thôn phía tây Bắc một trăm tám mươi dặm.

Câu khái âm trên câu âm dưới ngu cái Văn Truyện viết từ bộ thạch viết thành chữ khái là chẳng phải.

Bàn ngọ âm trên là bàn theo Thanh Loại cho rằng: Bàn là loại đá lớn bằng phẳng. Văn Truyện viết chữ ngọ là sai.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 12

Triết sí âm trên thiền nhiệt sách Khảo Thanh cho rằng: Triết là bẻ gãy, chữ viết từ bộ thủ ngược lại âm dưới thi chí sách Thuyết Văn cho rằng: Cánh chim chữ viết từ bộ vũ thanh chi chữ chi từ bộ bán bộ trúc đến bộ hựu.

Chẩn bần âm trên là chấn âm dưới chân nhẫn sách Tập Huấn giải thích: Chấn là giàu có, sách Thuyết Văn cho rằng: Cứu giúp, chữ viết từ bộ bối thanh chấn hoặc là viết chữ chẫn cũng thông dụng.

Tăng du ngược lại âm canh chu danh tăng.

Khắc bính âm dưới binh mảnh sách Thuyết Văn cho rằng: Bính là lửa cháy rực, chữ viết từ bộ hỏa thanh bính.

Phỉ vũ âm trên là phi tên của thiền sư.

Ông ủy âm trên ô khổng âm dưới huy khuyất Tư Mã Tương Như chú giải Tử Hư Phú Truyện rằng: Cây cỏ mọc um tùm, xanh tốt.

Đạo cảnh ngược lại âm quỷ vĩnh danh tăng.

Nãi phù âm trên là nãi sách Khảo Thanh cho rằng: Đi đến giựt mình kinh động, sách Thuyết Văn cho rằng: Cửa hẹp âm dưới là phó Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phù là chạy trốn cùng với chữ phó đồng nghĩa, hoặc là viết chữ kế.

Phương tất ngược lại âm trên phu vong ngược lại âm dưới tần mật phương tất là khi thơm ngào ngạt.

Do liệu âm dưới liệu điểu sách Thuyết Văn cho rằng: Liệu là hiểu rõ chữ viết từ bộ tâm thanh liệu âm liệu là âm hiểu.

Giao chỉ âm dưới là chỉ ở Nam Hải quận Giao Chỉ.

Tự khi âm khi Hàn Thi Truyện cho rằng: Khi là nghiêng. Ngọc Thiên cho rằng: Không chánh, sách Thuyết Văn: Khi vách núi không nghiêng chữ viết từ bộ phộc thanh kỳ.

Vu hích âm trên là vô người nữ làm thầy cúng bái việc quỉ thần gọi là vu người nam làm việc đồng cốt quỉ thần gọi là hích âm hích ngược lại âm hình kích hích là chỉ người đàn ông tu theo đạo gia, làm đồng thấy thần linh mách bảo. Xưa thời nhà Ân vu bao gồm ban đầu lấy sự múa vũ trước mặt dưới là thần, giống như hình múa vũ trừ tà.

Duệ công âm trên vinh tuệ tên của cao tăng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mục viết thành chữ duệ Văn Truyện viết từ bộ viết là chẳng phải.

Nhĩ tùng thuật âm trên là nhị âm kế là tục dung âm dưới truy luật

lại cũng tên sơn tùng tên dược thảo, mùi vị rất thơm, chế làm thuốc uống một viên không đó rất nóng, rất thơm.

Tự chi âm trên là tự Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lấy cơm thức ăn bày ra chúng dâng cho người gọi là tự sách Thuyết Văn cho rằng: Tự là lương thực, chữ viết từ bộ thực đến bộ nhân chữ hội ý, Văn Truyện viết từ bộ đài viết thành chữ di là chẳng phải.

Thanh trung âm trên là thanh tức là nhà xí, dơ uế, chỗ nhốt heo ngoại hình nội thanh.

Mạnh khải ngược lại âm nghi khải tên người.

Lưu sơn ngược lại âm lưu cứu.

Tiểu di ngược lại âm dĩ chi dựa theo thời, phi thời trải qua lường đong đủ lượng, bóng ngã qua một chút giống như sai thời, quá không được ăn, e rằng phạm tội ăn phi thời.

Huân lao âm trên là huân loại hành, hẹ, tỏi v.v... các loại rau có mùi cay nồng. Âm dưới lao tức là rượu trắng, đục v.v... tất cả các thứ rượu.

Tiên hoạn âm trên là tiên tiên là mới, âm dưới là hoạn sách Vận Thuyên cho rằng: Thức ăn nuôi súc vật như gạo, cám gọi là hoạn cho ăn cỏ gọi là sô truyện giải thích tiên hoạn là loại cá thịt mỡ tươi sống.

Tuệ lợi âm trên là tuệ nghĩa là đồng với chữ tuệ giải thích dùng cũng đồng.

Dữ bác ngược lại âm dưới giang nhạc Quảng Nhã cho rằng: Bác là sáng sủa. Xưa nay Chánh Tự giải thích thữ xem hơn kém, chữ viết từ bộ xa thanh hào Văn Truyện viết từ bộ giao tục tự thường hay dùng, văn trước trong quyển Cao Tăng đã giải thích rồi.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 13

Điền liệp âm trên là điền sách Thượng Thư cho rằng: Điền là tiêu biểu cho việc làm có rơi rụng xuống. Theo chữ điền tức là đi săn. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Điền là tên gọi chung của săn bắn bắt được. Hoặc là viết từ bộ khuyển viết thành chữ điền ngược lại âm dưới liêm triếp Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Làm cung, tước lấy cung tên làm dụng cụ đi săn. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Liệp là săn bắt lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng sức cỡi

lên con ngựa đuổi bắt cầm thú, mà khiến cho không hại lúa mạ, chỗ gọi là săn được, đó là lấy cỏ héo, trong Tông Miếu cho ăn chữ viết từ bộ khuyển thanh liệp Văn Truyện viết từ bộ sơn đến bộ điểu viết thành chữ liệp là không thành chữ, chẳng phải.

Khẩn đáo âm trên khẳng hận Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Khẩn là tha thiết cầu xin. Quảng Nhã cho rằng: Khẩn là thành thật, sách Thuyết Văn cho rằng: Khẩn là thành tâm ý tốt, chữ viết từ bộ tâm thanh khẩn âm khẩn ngược lại âm khổ bổn Văn Truyện viết chữ khẩn là khẩn điền, khai khẩn đất điền làm ruộng, chẳng phải dùng cho nghĩa này.

Thiết giam ngược lại âm thiên kiết sách Thuyết Văn cho rằng: Loại đồng đen âm dưới là hàm hoặc là viết từ bộ mộc viết thành chữ giam Quảng Nhã giải thích: Tức là cái rương gọi là giam Thống Tự giải thích rằng: Giam là cái rương bằng cây, Văn Truyện viết từ bộ chiểu viết thành chữ hàm vốn âm là hàm chẳng phải tục dùng vốn chẳng phải chữ này, tức là sách viết sai.

Huyền diệu âm trên là huyền quyến Quảng Nhã giải thích: Huyền là sáng sủa, Bì Thương cho rằng: Sáng ánh rực rỡ, ngược lại âm dưới diêu chiếu sách Thuyết Văn cho rằng: Diệu là chiếu sáng, huyền diệu hai chữ đều từ bộ hỏa chữ hình thanh.

Cao lôi ngược lại âm không hồi tên người.

Quang phu âm trên chánh thể là chữ quang từ bộ hỏa đến bộ nhân Văn Truyện viết chữ quang tục dùng chữ biến thể, âm dưới bổ vô cũng viết chánh thể chữ phu Văn Truyện viết từ bộ phu viết thành chữ phu tục tự dùng cũng thông dụng.

Hư hy âm trên là hư âm dưới là hy Vương Dật chú giải sách Sở từ rằng: Hư hy là khóc xước mướt.

Mậu đáp ngược lại âm trên mạt hậu văn trước trong quyển thứ ba đã giải thích rồi.

Cơ chích ngược lại âm chinh diệc văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Trịch oa ngược lại âm đồ hòa viên đá tròn mỏng mà nhỏ hình giống như bánh xe dùng để ném cho rằng là trò vui, cũng gọi là phao tức ném đá, lại gọi là ném xu bồ, tức chơi trò cờ bạc. Quang Hương Ngô Việt nói chẳng phải kinh sử, thông ngữ. Đây là chữ vốn không phải nhà nho tùy ý viết, cho nên không định thể. Nay đều xuất phát ra chưa rõ đúng sai, sách tập huấn viết từ thổ viết thành tùy Khảo Thanh viết từ bộ thạch viết thành chữ duyên Vận Thuyên viết từ bộ mộc viết thành chữ

ký Văn Tự Tập Lược và Vận Anh viết từ bộ thạch viết thành chữ oa nay cho rằng dùng đúng.

Khổng quan âm dưới hoàn quản tên người.

Trương thiệu ngược lại âm dương nhiêu tên người, chữ viết từ bộ ấp thanh chiếu Văn Truyện viết từ quận là sách viết sai.

Quán thiến ngược lại âm trên cổ hoán âm dưới thiên kiến danh tăng. Hán Thư cho rằng: Cũng Đông Phương Sóc có chữ này. Tức là cây thiến thảo, có thể dùng làm chất nhuộm màu đỏ.

Thập tao âm dưới tảng đao chữ chánh thể tao hoặc là từ bộ mộc viết thành chữ tao dùng cũng đồng nghĩa, gọi là tàu thuyền lớn chuyên chở, Thống Tự giải thích Chữ tao giống như gọi chiếc thuyền từ số đến tàu thuyền, gọi là tao sách Khảo Thanh cho rằng: Tao cũng là chiếc thuyền, chữ viết từ bộ chu thanh chữ sưu viết đúng là chữ sưu.

Tất tể âm dưới tỳ tế trước trong quyển thứ mười một đã giải thích rồi, Văn Truyện viết từ bộ mảnh viết thành tệ sách viết sai lầm.

Yển diên ngược lại âm trên ư điển âm dưới điền điển sách Tiểu Số cho rằng: Yển diên tức là thủ cung, tức là con cuốn chiếu Văn Truyện viết từ chữ cung hoặc là cũng thông như viết chữ nể là chẳng phải.

Thoán cư âm trên thông loạn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thoán giống như là ẩn trốn, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Ẩn náo, sách Thuyết Văn cho rằng: Con chuột trốn trong hang, chữ hội ý âm phốc ngược lại âm phổ bốc.

Mật phạm âm dưới là phạm Cố Dã Vương cho rằng: Phạm gọi là mô phạm, sách Thuyết Văn cho rằng: Khuôn pháp, chữ viết từ bộ trúc đến bộ xa đến bộ phạm thanh tĩnh.

Truy diệp âm trên trụy truy nay lấy chữ khứ thanh, âm dưới là diệp tức là đắp lên mạ vàng tượng Phật. Hoặc là nung đồng cho chảy ra làm miếng mỏng sâu chỉ làm tượng, lấy vàng làm trang sức, hoặc là vàng lá thật, bạc thật ẩn bên trong cái khám, cái thất thờ lễ bái tất có công đức.

Trương quyện âm dưới khu viện tên người.

Biếm ư ngược lại âm bi nghiệm sách Thuyết Văn cho rằng: Thây chết bỏ vào quan tài, chữ viết từ bộ huyệt thanh biếm lại âm nổ đặng.

Nhiếp hóa ngược lại âm trên chiêm thiện xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nhiếp là lo sợ bẻ gãy ngang lưng chữ viết từ bộ tâm thanh nhiếp Văn Truyện viết từ bộ phụ là chẳng phải.

Khiêm thiết âm trên khiêm viêm Trịnh Huyền chú giải rằng: Khiêm giống như nhàm chán, sách Thuyết Văn âm diệp kiêm khiêm

là nghi ngờ, chữ viết từ bộ tâm thanh kiêm.

Yểm diệu âm trên yểm liểm Văn Truyện viết chữ yểm chữ cổ đúng thông dụng là chữ yểm diệu đó giống như ánh sáng bị bao trùm che lấp ánh sáng, chữ viết từ bộ thủ thanh hiệp.

Tẩy thấu âm trên tây lễ sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩy là rửa sạch chữ viết từ bộ thủy thanh tây Văn Truyện viết từ bộ tiên viết thành chữ tẩy tục tự thường hay dùng, ngược lại âm dưới sưu hữu văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Ách uyển âm trên là ách chữ viết đúng thể âm dưới ô quan khuỷu tay gọi là uyển tục tự thường hay dùng chánh thể cổ văn viết chữ uyển chữ hội ý.

Tánh quái ngược lại âm khổ quyết khô quái họ người, tên loài cỏ, lại âm quỷ.

Huệ húc âm dưới là húc danh tăng.

Bình hạp ngược lại âm trên phách manh âm dưới kham hạp bình hạp là tiếng đá va chạm lớn, Văn Truyện viết từ bộ đương là chẳng phải, không phải chữ này.

Triết tả ngược lại âm đàn nhiệt tức là triết giang, triết là là đất Việt Châu v.v... hai bên tả vậy.

Bao thuật ngược lại âm trên bảo mao Đỗ Dự cho rằng: Phàm là văn chương một chữ lấy làm khen chê, bao là nói khen ngợi người có đức hạnh.

Thiệu vũ ngược lại âm thường chiêu Cố Dã Vương cho rằng: Chiêu là tên của Thuấn Lạc, cho nên sách Chu Lễ cho rằng: Thuấn Đại Chiêu Trịnh Huyền chú giải rằng: Thiệu là kế tục. Nói là vua Thuấn có thể kế thừa đức của vua Nghiêu, sách Thuyết Văn viết từ bộ âm thanh chiêu âm dưới là vũ vũ là âm vũ nói là vua võ vũ là lạc xưa nay Chánh Tự cho rằng: Võ đó là định họa, loạn uy phục không có thần tập binh gọi là vũ cho nên lấy bộ chỉ bộ qua làm chữ vũ.

Kích sở âm kích gọi là cầm tháo khúc, tức là đánh đàn, Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Nước chảy ngầm ẩn bên trong gọi là kích sách Sở Từ gọi là tiếng nước chảy róc rách, mà không thông Vương Dật chú giải rằng: Cảm kích, chữ hình thanh.

Trùng phục âm dưới phong mục Quảng Nhã cho rằng: Phục là áo dày. Sách Thuyết Văn cho rằng: Áo nhiều lớp chữ viết từ bộ y thanh phục âm phục là âm phục.

Kỹ luân ngược lại âm luật độn sách Tập Huấn cho rằng: Luân là nhớ tưởng suy nghĩ. Tên cao tăng, Văn Truyện Đại Triện viết chữ dược

âm đồng với âm trên, thời nay dùng lấy làm chữ dược chẳng phải nghĩa đây dùng, Văn Truyện viết từ bộ thảo viết thành chữ dược là sai, chữ này vô nghĩa.

Ngoa phế âm ngũ qua sách Thượng Thư cho rằng: Ngoa là dối trá Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Ngụy là giam dối. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Thay thế lời tốt lành nói lìa bịp, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh vi Văn Truyện phần nhiều viết chữ ngoa tục tự thường hay dùng cũng thông dụng.

Vong chữ ngược lại âm chư thứ sách Sở Từ giải thích rằng: Chim cất cánh bay mà bay lượn, sách Phương Ngôn cho rằng: Bay cao sách Tập Huấn cho rằng: Chữ gọi là bay thẳng mà lượn qua mau, sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ thanh giả.

Quyện cục âm trên quyển viên Bì Thương cho rằng: Quyên cục là không duổi ra được, cong lại, Tự Thư cho rằng: Đi khập khiển kỳ lạ, trên khom xuống cong lại, tức là gù lưng, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh quyển âm dưới là cục Quảng Số cho rằng: Cục là hợp lại nhập lại, âm kiềm ngược lại âm kiềm kiếp Cố Dã Vương cho rằng: Quyện cục là cong lại, không thể duỗi ra được, lại cũng viết chữ cục dùng cũng đồng, Văn Truyện viết từ bộ túc cũng thông dụng.

Kiết thạch âm trên gian bát Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kiết là đánh gõ nhẹ thành tiếng nhạc phát ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Đánh chữ viết từ bộ qua đến bộ hiệt thanh tĩnh Văn Truyện viết sai không thành chữ.

Linh ngữ âm trên lịch đinh sách Thuyết Văn cho rằng: Linh là nghe chữ viết từ bộ nhĩ thanh linh.

Diên thóa âm trên tường diên sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng than thở chữ viết từ bộ khẩu thanh diên sách Vận Anh cho rằng: Nước dãi trong miệng hoặc là viết từ bộ thủy viết thành chữ diên ngược lại âm dưới sĩ ngọa theo Tả Truyện cho rằng: Bỗng nhiên mà nôn ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Nước dãi trong miệng nhổ ra chữ viết từ bộ khẩu thanh thóa hoặc là viết chữ thóa.

Huệ cự âm trên là chữ huệ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ sân âm bân sân là sân từ bộ hựu đến bộ tâm thanh tuệ âm tuệ ngược lại âm tùy duệ âm dưới là cự tên của viên ngọc. Trong truyện tên của vị tăng, chữ viết từ bộ ngọc.

Khánh vô ngược lại âm trên khinh cảnh sách Tiểu Số cho rằng: Khánh là hết sạch, chữ viết từ bộ phửu đến thanh khánh thanh tĩnh.

Mạt lăng âm trên mạn bát tên đất.

Vương sưởng ngược lại âm sướng lượng sách Bát-nhã cho rằng: Suốt ngày thông suốt, chữ viết từ bộ nhật thanh vĩnh.

Xưng thiện ngược lại âm thiện sách Thuyết Văn cho rằng: Điều tốt đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ dương đến bộ cạnh Văn Triện viết từ bộ dương đến bộ ngôn Văn Truyện viết từ bộ thảo đến bộ ngôn là chẳng phải, không thành chữ.

Bảo xúy âm trên là bảo Quảng Nhã cho rằng: Bảo là to lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiều tràn đầy chữ viết từ bộ thảo thanh bảo gọi là bày biện vui vẻ, âm dưới thôi loại loại thổi ống tiêu, ống địch ống sáo.

Khiển cước ngược lại âm trên kiện hiến Vương Dật chú giải sách Chu Dịch rằng: Khiển là khó nói, sách Phương Ngôn cho rằng: Khiển là nói ngọng khó nói ra lời, âm dưới cạnh lực cước đó là cây có gai góc không trơn.

Khánh khái ngược lại âm trên khinh cảnh ho tiếng trong họng âm dưới khai ái hơi thông lên cổ.

CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 14

Chưng vật không có trùng hợp, không có vận âm, cho nên không có âm, dùng chữ chưng, tức chữ tương thanh, là phải vậy, sách Khảo Thanh cho rằng: Chủng là truy cứu, trợ giúp, chữ viết từ bộ thủ thanh dưng.

Lưu thuyên âm dưới là thuyên tên người.

Tấn diễm ngược lại âm thời nhiễm làng Việt Châu huyện Diễm. Tên đất, tức địa danh xuất phát từ làng Đăng Kỳ.

Trì chích ngược lại âm dưới chinh đích sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa nhà Trần, tống dùng tay lấy vật gọi là chích sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ chánh thể từ bộ thạch viết thành chữ chích chích là nhặt lấy vật, chữ viết từ bộ thủ thanh thứ.

Thuyên trảm âm trên duyên âm dưới tàm cảm lại âm tháp diễm Dương Hùng đáp Lưu Ẩm Thư cho rằng: Dùng búa để chặt cây, Thích Danh cho rằng: Chỉ cây mỏng làm sách viết, dài ba thước. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chỉ cây làm băng, viết chữ vào làm biển treo lên, chữ viết từ bộ mộc thanh trảm âm bản là âm bản.

Ký nhu âm dưới nữ cứu sách Thuyết Văn cho rằng: Nhu là tạp loạn lộn xộn, chữ viết từ bộ mể thanh nhu.

Bất san âm dưới hạt can sách Phương Ngôn Hậu Tựa giải thích mặt trời mặt trăng treo lên không khắc vào sách vậy, Văn Tự Điển nói rằng: San là khắc bản vào gỗ, chữ viết từ bộ đao thanh can sách Thượng Thư viết chữ san.

Khiên hằng ngược lại âm giảm biến Mao Thi Truyện cho rằng: Miên là sợi chỉ dài mà không dứt tuyệt có đầu mối, Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: Miên là sợi dây vấn quanh bó buộc, Hứa thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Miên giống như đầu mối chỉ nối kết các mối chỉ khác âm dưới cang đặng Vận Anh cho rằng: Hằng là lâu dài xa vời.

Nhập sứu ngược lại âm dưới sứu súu sách Vận Anh cho rằng: Phong phú, đều bằng phẳng sách Khảo Thanh cho rằng: Phong trú đầy tràn, cỏ mọc um tùm, hoặc là viết từ bộ thảo cũng thông dụng, từ bộ trúc thanh tạo.

Mong dư ngược lại âm uổng vương sách Vận Anh cho rằng: Uông là yếu ớt gầy yếu, tục âm là hoạch hoàng chuyển thanh sai.

Điển mặc âm trên thiên điển sách Phương Ngôn cho rằng: Điển là xấu hổ, giữa Tần Tấn cho rằng: Gọi là trong lòng hổ thẹn, gọi là điển sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là xấu hổ trong lòng, chữ viết từ bộ tâm thanh điển âm dưới là mặc ứng thiện chú giải Hán Thư rằng: Mặc là trong lòng buồn buồn không ngừng nghĩ ngợi, Cố Dã Vương cho rằng: Không nói ra lời, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển viết thành chữ mặc gọi là hổ thẹn quá hổ thẹn, xấu hổ vô cùng, truy đuổi theo người, chữ viết từ bộ khuyển thanh hắc Văn Truyện viết từ bộ tâm viết thành chữ mặc là chẳng phải, không có chữ này.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 91

- Đây là từ quyển thứ nhất cho hết quyển thứ năm.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 1

Di luân âm trên dĩ chi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Danh tăng, sách Chu Lễ cho rằng: Có sáu loại phép tắc, sách Thuyết Văn cho rằng: Thường khí trong tông miếu, chữ tượng hình, chữ viết từ bộ mế đến bộ mịch đến nhị thập âm cũng cũng là giữ gìn cái thật trong, thanh vương âm vương là âm kinh hựu trong truyện viết từ bộ phân viết thành chữ di là sách viết sai.

Kiêu thuần âm trên là ký nhiêu sách Hoài Nam Tử cho rằng: Kiêu là bạc bẻo, sách Thuyết Văn cho rằng: Tưới rót nước, chữ viết từ bộ thủy thanh kiêu âm dưới là thùy luân xưa nay Chánh Tự cho rằng: Thật thà, mộc mạc, chân chất chữ viết từ bộ thủy thanh thuần âm lộc là âm lộc.

Khấu huyền ky âm trên là khẩu khổng lại chú giải sách Luận Ngữ rằng: Khấu là đánh, Quảng Nhã cho rằng: Cầm lấy vật đánh vào sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh khẩu âm dưới ký hy sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ phát sinh, chữ viết từ bộ mộc thanh ky.

Hoán hồ âm trên hoan quán sách Khảo Thanh cho rằng: Ánh đuốc sáng rực Thiên Thương Hiệt cho rằng: Văn chương sáng sủa. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh hoán âm hoán đồng với âm trên.

Vị toản ngược lại âm toàn quản sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nối tiếp, kế thừa sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh toàn.

Đại để âm dưới đinh lễ đại để giống như, ước chừng, đại loại. Huống chi, sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm lấy vặn, vất, dùng sức ép, chèn ép ấm tế là âm tế âm để là âm để đồng với âm trên.

Đãi túc ngược lại âm đãi lai sách Sở Từ cho rằng: Quất con ngựa tồi, đi trên đường, Ngọc Thiện cho rằng: Đãi là con ngựa tồi.

Phổ chi âm trên bố hộ Quảng Nhã cho rằng: Phổ là công văn truyền ra, Thích Danh cho rằng: phổ ban ra lực, biến khắp, công văn ghi rõ việc dán khắp cáo thị, cho mọi người xem thấy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ hình thanh.

Trữ đối ngược lại âm trừ lữ chữ thượng thanh, sách Vận Anh cho rằng: Đứng chờ lâu, sách Khảo Thanh cho rằng: Đợi sách vậy viết từ bộ lập thanh trữ hoặc là viết chữ trữ âm đồng với âm trên.

Địch thính âm trên đinh lịch Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Địch là đi xa, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Địch là tẩy rửa, cũng là qua lại mau chóng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xước thanh địch hoặc là viết chữ dịch âm giải thích cũng đồng.

Biên vĩ âm trên biển miên Lưu Triệu chú giải, Công Dương Truyện rằng: Biên vĩ đó là so sánh liên tục, nối kết nhau, các thẻ tre, tức dây xâu các thẻ tre, có thứ tự xâu lại, chữ viết từ bộ mịch thanh biên âm dưới vị quy sách thức vậy cho rằng: Da con thú gọi là vĩ có thể buộc lại làm mũi tên, chữ viết từ bộ suyễn đến bộ vi âm suyển là âm xuyên nhuyễn âm vi là âm vĩ âm biên là âm ty diễn đến bộ y.

San định âm trên sát gian theo Thanh Loại cho rằng: San tức là thẩm định, sự việc chắc thật, sách Thuyết Văn cho rằng: Thẩm định sửa đổi, sửa chữa chữ viết từ bộ đao đến bộ san âm xuyết ngược lại âm trúc liệt âm sách là âm sách.

Y đức âm trên là ý.

Dĩ ban ngược lại âm bát man Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phải ban ra khắp tuyên cáo thị nói, cho mọi người biết, sách Phương Ngôn cho rằng: Xếp hàng sách Thuyết Văn cho rằng: Phân ra, chữ viết từ bộ hiệt thanh phân âm hiệt là âm hiệt.

Thành chân ngược lại âm nhất dần Mao Thi Truyện cho rằng: Chân là cuộn lại sách Thuyết Văn cho rằng: Là chỗ cổng thành có nhiều lớp cửa cuộn lại, chữ hình thanh.

Huyền chi ngược lại âm huyền luyện danh tăng.

Viêm áo ngược lại âm anh cúc âm áo sách Thuyết Văn cho rằng: Áo là nấu chín nhừ ở trong, chữ viết từ bộ hỏa thanh áo.

Giang bi ngược lại âm bi mi tên người.

Bài bát âm trên bát mại tục tự viết chánh thể từ bộ bi đến bộ thủ viết thành chữ bài sách Khảo Thanh cho rằng: Giơ tay cao lên âm dưới bàn mạt Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Bát là sửa chữa sai

lầm, rối loạn, Quảng Nhã cho rằng: Trừ bỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh phát chữ hình thanh.

Mân việt âm trên mật bân âm dưới viên nguyệt Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Mân việt, tây ẩu tức là quận kiến an, gần biển, sách Thuyết Văn cho rằng: Mân là loại rắn ở Nam Việt, chữ viết từ bộ trùng thanh việt hoặc là viết chữ việt cũng đồng âm.

Xuyết ỷ âm trên truy vệ Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Chuyết là nối liềm sợi dây, sách Thuyết Văn cho rằng: Các đầu mối dây gọp lại, chữ viết từ bộ mịch thanh xuyết âm dưới tần mật sách Vận Anh cho rằng: Tỷ là so sánh có thứ tự, trong Văn Truyện viết bộ mịch viết thành chữ bì là chẳng phải âm mịch là âm mịch âm xuyết ngược lại âm chuyển liệt.

Lâm nghê âm dưới nghê kế sách Thuyết Văn cho rằng: Ty nghê là (882) nhìn nghiêng, chữ viết từ bộ mục thanh nghê lại gọi là trên thành có lỗ hỏng hé nhìn trộm.

Y phụng âm trên y cứ Mao Thi Truyện cho rằng: Y là no rồi Văn Tự Điển nói nhàm chán, chữ viết từ bộ thực.

Lang vũ âm trên lang âm dưới là cũ đều là nhà dưới vây quanh hai bên nhà lớn, Văn Tự Điển nói nhà lớn gọi là vũ nhờ nhỏ lại là thiền ngắn gọi là lang chữ hình thanh.

Thềm lưu âm trên là diêm gọi là mái hiên nhà, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh đảm âm dưới lưu cấu sách Lễ Ký cho rằng: Lưu là giọt nước trước hiên nhà tồn đọng lại rơi xuống, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ vũ thanh lưu.

Hư hy âm hứa ngư âm dưới hỷ ky Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hư hy là tiếng khóc rống la lớn tiếng.

Sảng khải âm trên sương lượng Quảng Nhã giải thích rằng: Sảng là cao quý, sách Thuyết Văn cho rằng: Sáng sủa chữ viết từ bộ xuyết âm xuyết âm lực kế đến bộ đại âm dưới khai cải Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sảng là sáng sủa cao ráo, khải là khô ráo, ngoài đồng trống cao đất cao ráo sảng khoái.

Lục nga âm trên lục Mao Thi Truyện cho rằng: Lục là xanh tốt dài, lớn, âm dưới là nga Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nga là cây cỏ ngải Mao Thi Truyện chú giải rằng: Nga là một loại cây cỏ mọc có dây leo mọc um tùm, gọi là Nữ La Lục Nga, chữ hình thanh.

Liễm khiếp âm trên lực chiêm âm dưới liêm diệp văn trước trong truyện quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Đàn thế tục âm trên là đàn sách Thuyết Văn cho rằng: Hết tận gọi

là ba mươi năm gọi là một đời.

Giao nhân âm trên là giao sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thôn ấp ngoài thành gọi là giao Đỗ Dự chú giải rằng: Năm mươi dặm là gần một giao âm dưới nhân Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nhãn là khối, vây quanh người có mùi hôi, mùi hôi khí tanh làm thượng đế, hưởng nhận là sách Quốc Ngữ cho rằng: Tinh ý làm thuần gọi là nhân, sách Khảo Thanh cho rằng: Tinh khiết, trai giới sạch sẽ để cúng tế sách Thuyết Văn cho rằng: Cúng tế sạch tinh thuần khiết, chữ viết từ bộ thị thanh nhân âm nhân đồng với âm trên, âm thị là âm kỳ.

Hàn tuấn âm dưới tôn tuấn sách Khảo Thanh cho rằng: Tài trí vượt hơn ngàn người gọi tuấn tuấn là có uy lực, sức mạnh khác thường âm dưới viết từ bộ cung đến bộ truy đến bộ nhân chữ hội ý,

Tỷ thư âm trên tư tử sách Vận Anh cho rằng: Chuyên Quốc Bảo sách Khảo Thanh cho rằng: Ngọc ấn của vua, văn cổ viết từ bô thổ viết thành chữ tỷ nay viết từ bộ ngọc chữ hình thanh.

Quân thập âm trên quỷ vận sách Khảo Thanh cho rằng: Quân cũng là thập tức là nhặt lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh quân âm quân là âm quân.

Sam túc âm trên sa hàm Mao Thi Truyện cho rằng: Dùng dao trừ cỏ sách Thuyết Văn cho rằng: Cắt cỏ chữ viết từ bộ thảo đến bộ thù âm dưới tinh tục sách Vận Anh cho rằng: Thêm vào dưới cho đủ, chữ giả tá.

Thuyên chi âm trên tinh duyên sách Phương Ngôn cho rằng: Thuyên giống như đẻo gọt mài dủa, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuyên mài dủa ngọc khắc chạm vàng ghi trên bia đá, chữ viết từ bộ thuyên thanh tĩnh.

Nham khám âm trên nha lam âm dưới kham cam Quảng Nhã cho rằng: Khám là chưa đầy sách Thuyết Văn viết từ bộ long thanh hàn.

Chất tỷ âm trên sắc sách Thuyết Văn cho rằng: Chất đó là tên gọi chung của cây lược chảy tóc, âm dưới mật Quảng Nhã cho rằng: Kết nối tương tục mật thiết với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Rất mật thiết khít khao.

Nhu kim âm trên như châu Ngọc thiên cho rằng: Gọi là đun nóng vàng thao lẫn lộn chữ viết từ bộ kim thanh nhu Văn Truyện cho rằng: Lấy đá mà trộn chung với vàng là quên đi lời nói.

Y bát âm dưới là chữ bát Văn Tự Điển nói rằng: Bát tức cái chén, chữ chánh thể từ bộ mảnh thanh bạt viết chữ bát tục dùng thông dụng.

Đệ tương âm trên là đệ sách Khảo Thanh cho rằng: Đệ là thay

phiên nhau, thay thế, hoặc là viết chữ đệ chữ thượng thanh, từ bộ sĩ âm sĩ là âm trỉ chữ viết từ bộ xước.

Ẩm vân âm trên là yểm Mao Thi Truyện cho rằng: Yểm là mây che có bóng râm mát. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: May che làm ẩm ướt âm trạc ngược lại âm trọc đông gọi là có mưa phùng, chữ viết từ bộ thủy thanh yểm âm yểm đồng với âm trên.

Thương xác âm trên là thương gọi là thương lượng, âm dưới là giác sách Khảo Thanh cho rằng: Chuyên làm có lợi, sách Sử Ký cho rằng: Gọi là mua bán thương lượng vật đánh giá thẳng vào, chữ viết từ bộ mộc thanh xác ngược lại âm hà các từ bộ quynh đến bộ chuy xuất ra bộ quynh gọi hạt.

Hộc tư xuân âm trên hồng cốc tục tự cũng viết chữ học họ người âm dưới sĩ luân tên người cũng là tên cây chữ hình thanh.

Tư tư ngược lại âm tử từ sách Khảo Thanh cho rằng: Không biếng nhác mỏi mệt yêu thích làm việc siêng năng chuyên cần, khắc ghi, gắng sức mãnh liệt.

Liễu huy âm trên liễu điêu âm dưới hủy vi sách Vận Anh cho rằng: Huy là giơ tay lên cao, phất tay lên, chỉ huy. Chữ viết từ bộ thủ thanh vi.

Quán tẩy âm rên là quan lại âm oản chữ thượng thanh sách Khảo Thanh cho rằng: Tẩy rửa tay, chữ viết từ bộ cửu âm cửu là âm cúc từ bộ thủy đến bộ mảnh chữ hội ý âm dưới tinh lễ hoặc là viết chữ tẩy đều từ bộ thủy chữ hình thanh.

Ngung áo âm trên ngộ câu sách Khảo Công Ký rằng: Ngung lả một góc xó xỉnh nào đó, sách Thuyết Văn cho rằng: Tức là tụ ấp, âm tụ ngược lại âm tẩu hầu âm dưới là áo Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Áo là ẩn nấp Thiên Thương Hiệt cho rằng: Áo là.

Trì hốt ngược lại âm hôn cốt trong triều các quan hầu thần trên tay cầm nắm thẻ tre túc hốt, hoặc là bằng sừng hoặc là bằng gỗ. Xưa đó là ghi các việc sợ rằng có chỗ quên, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh vật.

Thải trích âm trên thái ngược lại âm dưới tri cách sách Vận Anh cho rằng: Trong tay nắm lấy, ngắt hái hoặc lả viết chữ trích.

Trí thiên âm dưới tiết diên danh tăng.

Ám giản âm trên ám hàm sách Khảo Thanh cho rằng: Đọc tụng thuộc lòng nói ra, tục tự viết đúng từ bộ dậu đến bộ ngôn viết thành chữ ám nay tón lược viết từ bộ oán.

Sưu soạn âm trên sơ trứu Văn Tự Điển nói: Là cầu theo Thanh

Loại cho rằng: Sưu là tụ lại, Tự thư cho rằng: Sợi dây lớn, chữ viết từ bộ thủ thanh sưu.

Manh phẩm âm trên mạch bành phàm thứ dân, dân đen bá tánh.

Biếm bạch âm dưới là bạch gọi là thuyền trong biển lớn vào nước sâu sáu mươi thước, có sức lướt sóng cột căng trên cây cột lướt sóng thuyền đi nhanh.

Dung dã âm trên là dung sách Khảo Thanh cho rằng: Lò đập giả kim loại sách Thuyết Văn cho rằng: Phương pháp làm dụng cụ giống như lò đúc đồng, thần hình thanh, âm dưới là dã sách Khảo Công Ký cho rằng: Đập giả tán mỏng đồng ra, chữ viết từ bộ băng thanh đài.

Công nguy ngược lại âm nguy quỷ tên người.

Tháp thủy thượng âm trên tham hạp lấy lá sen trải trên mặt nước để chở giọt sương.

Thử tỏa âm trên là thử. Sách Khảo Thanh cho rằng: Kẻ tiểu nhân, chữ viết từ bộ nhân thanh thử Văn Truyện viết từ bộ vương là chẳng phải vốn không có chữ này, âm dưới tỏa ngược lại âm tô quả sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vụn vặt cũng gọi là vụn vặt.

Hoài xưởng ngược lại xương dưỡng sách Khảo Thanh cho rằng: Xưởng là khai mở, sáng sủa, chỗ vùng đất cao ráo làm nơi có thể trông xa, chữ viết từ bộ phộc thanh thượng.

Pháp cù ngược lại âm cụ ngu tên người. Hoàng sử quân cù cũng là loại áo cẩm bào, áo khoác lông.

Kinh điền âm trên kình cưỡng sách Khảo Thanh cho rằng: Có nhiều sức lực chữ viết từ bộ lực thanh kinh âm dưới điền điển cảnh thượng thanh, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Điền là dứt tuyệt sách Thuyết Văn cho rằng: Hết tận chữ viết từ bộ ngạt đến bộ chẩn âm chẩn là âm chi nhẫn.

Kiêu ngụ âm trên cự kiêu Quảng Nhã cho rằng: Nhà khách ở trọ.

Âu dương âm trên ất hầu họ người.

Cai phú âm trên cải hài Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cai là bao gồm, Quảng Nhã cho rằng: Bao quát, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh cao.

Khuýt nhiên ngược lại âm khuynh dịch sách Khảo Thanh cho rằng: Không có người, nơi đồng trống hoang vu khoáng dã yên lặng, chữ viết từ bộ môn thanh cụ.

Lương áo âm trên lượng trương sách Khảo Thanh cho rằng: Lương là lạnh giá, chữ viết từ bộ thủy âm dưới là áo sách Khảo Thanh cho

rằng: Áo là nóng nhiệt, cũng là chín nhừ, âm thục ngược lại âm ư lục Mao Thi Truyện cho rằng: Cực nóng, nghĩa cũng đồng với chữ nhiệt.

Chuế tập ngược lại âm trên truy vệ sách Khảo Thanh cho rằng: Nối sợi dây âm thanh lập Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Tập là tiếp tục chữ hình thanh.

Trí kích âm dương cân sách Vận Anh cho rằng: Dạng nước chảy, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ bạch đến bộ phóng chữ hội ý.

Nghiêng hạch âm trên nghiên kiên sách Khảo Thanh cho rằng: Nghiên là mài, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thạch thanh nghiên âm dưới hành cách sách Vận Anh cho rằng: Hảo xác sự thật, Văn Tự Điển nói: Khảo sát được sự thật bị che dậy, chữ kích là tìm ra sự thật bị che đậy, chữ viết từ bộ tây thanh kích.

Xuyết thập âm trên đoan phù lượm lặt góp nhặt, âm dưới là thập.

Huệ khả ngược lại âm ca ngã Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Vui mừng tên người.

Hám đẳng âm kham lạm sách Thuyết Văn cho rằng: Trong mong cũng là tên người.

Chỉ đính ngược lại âm đình đinh Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đính là nghị luận bàn việc phải trái, chữ hình thanh.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN QUYỂN 2

Nhuế nhuế quốc ngược lại âm nhiệt nhuệ cũng là tên nước Nhuế ở phía Bắc Địch, đột xuất bên trong nước nhỏ.

Thị triền âm trên thời chỉ chữ thượng thanh, sách Chu dịch Phồn Từ cho rằng: Thần nông thị gọi là trong chợ, Giả Quỳ chú giải rằng: Chợ mua bán kiếm lợi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ mua bán Văn Tự Điển nói: Các vật đem từ bên ngoài đến trao đổi cùng nhau.

Triền náo âm trên triệt liên một nửa mẩu làm nhà thôn ấp, một nửa là thành thị, nơi đồng trống làm thành thị. Hoặc là viết chữ triền âm dưới ninh hiệu chữ viết từ bộ thị đến bộ nhân chữ hội ý.

Nội tập ngược lại âm tầm nhân Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tập là thọ nhận bên trong, sách Thuyết Văn cho rằng: Ban cho bộ quần áo, chịu nhận bổng lộc triều đình, chữ viết từ bộ long đến bộ y chữ

chuyển chú.

Điêu quẫn âm trên điểu tế Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Che đậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Tàn rụng hạt sương móc rơi trong rừng cây, chữ viết từ bộ băng Văn Truyện viết từ bộ sam viết thành chữ điêu là chẳng phải dùng chữ này, âm dưới cự vẫn Mao Thi Truyện cho rằng: Quẫn là bức bách, cấp bách, sách Thuyết Văn cho rằng: Bức bách, chữ viết từ bộ huyệt thanh quẫn.

Cấu hác âm trên cẩu hầu sách Thuyết Văn cho rằng: Cấu là nước ở cống rảnh dơ bẩn, chữ viết từ bộ thủy thanh cấu âm dưới ha các Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hác là cái hang, cái hầm, cái hần nhỏ, cái mộ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là cống rảnh, chữ viết từ bộ dung đến cốc đến bộ thượng.

Long ác âm trên lục xung đất nổi cao lên,âm dưới lưu giác thấm ướt.

Tạp tháp ngược lại âm đàm hạp nhiều thứ trộn lộn, lộn xộn.

Ky khách âm trên kỹ nghi Trịnh Huyền chú giải rằng: Ky là quán trọ cho khách dừng chân tam nghĩ, sách Thuyết Văn cho rằng: Dây cương buộc ngựa, chữ viết từ bộ võng đến bộ trập âm trập ngược lại âm tri nhập dây cương buộc ngựa.

Tũng nhược âm trên túc dũng gọi là trên cao.

Sử thủy âm trên sư xí nước (884) chảy gấp.

Thiều sấn âm trên là đình diêu thiều là tóc trẻ con, âm dưới sa cận đứa trẻ hủy bỏ cái răng sữa.

Bĩnh tháo âm trên binh mảnh âm dưới thương đáo.

Khanh nhiên âm trên khách canh theo Thanh Loại cho rằng: Khanh là loại đồng thiếc cứng chắc, cũng là tiếng đàn cầm, hoặc là viết chữ thân hoặc là viết chữ khanh đều đồng với âm trên.

Ly cải ngược lại âm ly tri ly là cải cách, sửa đổi, thẩm định.

Âu mân âm trên âu hầu âm dưới mật bân Nam Việt Tây Âu Quách Phác chú giải: Quân kiến an, đại danh. Mân cũng là loại rắn.

Sách thọ âm trên là sách Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Sách gọi là thẻ tre kết lại làm sách, trong đó ghi lệnh của vua, sách Thuyết Văn cho rằng: Tấm lệnh bài, chữ hình thanh.

Trí huyền âm dưới là huyền danh tăng.

Đát-nã âm trên kiện âm kế là minh da tiếng Phạm.

Tạp nhu âm dưới ni cứu chữ viết từ bộ mể thanh nhu.

Quán vụ sơn âm trên là hoan âm dưới là vụ.

Tiêu giác ngược lại âm kháng giác.

Chỉ hạch ngược lại âm hạnh cách hạch là khảo xác tì ra sự thật.

Phả lê uyển chánh âm phạm gọi là táp phá trí ca nói là phả lẽ đó, là xưa dịch sai lược.

Kế nhi ngược lại âm anh kế gọi là chôn dấu dưới đất.

Tu toản ngược lại âm tổ quản lại cũng viết chữ toán Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bé nhỏ, chữ viết từ bộ mịch thanh toán Văn Truyện viết chữ du là chẳng phải.

Quy mô âm trên quý duy âm là mạc phổ.

Nga suyển âm dưới xuyên nhuyễn sách Thuyết Văn cho rằng: Chống trái lại với nhau, chữ tượng hình, âm chuy là âm suy âm khoa là âm khoa chữ thượng thanh.

Bì mậu âm trên thất di Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Mậu lừa dối, sai lầm, sách Ích Pháp cho rằng: Làm cùng với sự thật trái ngược nhau, tức là dối trá, sách Thuyết Văn cho rằng: Vọng ngữ, chữ viết từ bộ ngôn thanh mậu âm mậu ngược lại âm lực cứu.

Ám triện lệ âm trên ám ám hàm Bì Thương cho rằng: Am là tụng đọc, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phúng tụng đọc thuộc, âm kế là truyện miển sách Sử Trụ viết Đại Triện, đời Tần kế tiếp là Lý Tư viết tiểu truyện, sách Thuyết Văn cho rằng: Lời tựa của sách chữ viết từ bộ trúc thanh duyên âm duyên ngược lại âm thoát loạn âm dưới lê đế Trình Mạc viết lệ sách có nhiều thay đổi Lý Tư viết tiểu truyện là lệ hoặc là viết chữ lệ sách Thuyết Văn viết từ bộ thị thanh đãi.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 3

Huệ trách am dưới tranh trách chữ chanh thể. Tên của vị tăng, âm tránh ngược lại âm tra hạnh chữ trách từ bộ di âm di là âm di thanh trách.

Thụ trách âm dưới tinh diệc hoặc là viết chữ trách từ bộ lực thanh trách.

Trác lạc âm trên trắc giác âm dưới lực giác vạc áo trước văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Đạo khuyết ngược lại âm khuyển duyệt Mao Thi Truyện cho rằng: Khuyết là xong hết việc nghĩ ngơi, Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ cho rằng: Khuyết là xong hết, sách Thuyết Văn cho rằng: Xong việc rồi

đóng cửa lại, chữ viết từ bộ môn thanh quý.

Giám vong âm trên lam sám hoặc là viết chữ giám cũng đồng nghĩa giải thích cũng đồng, Quảng Nhã cho rằng: Giám là soi xét. Mao Thi Truyện cho rằng: Giám sát tình hình, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ hình thanh.

Mạn tũng âm trên man phân Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mạn là xem thường, Cố Dã Vương cho rằng: Khinh khi xem thường, khinh nhờn, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh man âm man là âm vạn âm dưới tương dũng Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Mong muốn, sách Khảo Thanh cho rằng: Cao, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ đến bộ thanh tùng.

Hàm trượng âm trên là hàm sách Khảo Thanh cho rằng: Hàm là dung chứa, ngậm lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cũng chữ tượng hình, hoặc là viết chữ hàm.

Huỳnh tâm âm trên quỳnh định Văn Truyện viết từ bộ kim viết thành chữ huỳnh Quảng Nhã cho rằng: Mài mò gọi là lau chùi ngọc châu v.v... khiến cho phát ra ánh sáng, sách Thanh văn cho rằng: Màu sắc của ngọc chữ viết từ bộ ngọc đến bộ huỳnh thanh tĩnh.

Để lệ âm trên là để ngược lại âm dưới lực duệ Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Lệ là đá mài sách Thuyết Văn cho rằng: Loại đá mài kiếm cho sắc bén, đá có từ núi Yểm Tự.

Lôi đình âm dưới là đình gọi là tiếng nổ lớn, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiếng nổ tung tóe chớp mau, chớp nhoáng, là đình tức là tiếng sấm chớp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ hình thanh.

Thoát tỷ âm trên thổ hoạt âm dưới sở ỷ sách Khảo Thanh cho rằng: Tỷ là mang guốc cây, gót chân không chấm đất, hoặc là viết chữ tỷ đều thông dụng.

Thiển dung âm trên thiên điển Mao Thi Truyện cho rằng: Mặt bẻn lẽn, sách Khảo Thanh cho rằng: Thiển là xấu hổ, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Xem mặt hổ thẹn, chữ viết từ bộ diện thanh kiến chữ hình thanh.

Nữu ni âm trên ni lục âm dưới là ni Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nữu ni là thẹn thùng đỏ mặt, Quảng Nhã cho rằng: Xúc tích ấp úng khó bước đi, sách Phương Ngôn cho rằng: Hổ thẹn đỏ mặt, sách Thuyết Văn cho rằng: Xấu hổ thẹn thùng, chữ hình thanh.

Nãn nhiên âm trên minh giảm sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng là thẹn thùng đỏ mặt, chữ viết từ bộ xích thanh nãn.

Lung trạo âm trên lộc đông âm dưới triêu giáo lung tráo hai dụng

cu đều là che đậy. Lung là cái lồng làm bằng trúc bắt cá bỏ vào khiến cho con cá không chạy nhảy ra ngoài được, hoặc là viết la tráo đều thông dụng, chữ hình thanh, đều từ bộ võng.

Tiếp nữu ngược lại âm nữ cửu chữ thượng thanh: Nữu là dây cúc áo buộc lại Quảng Nhã cho rằng: Nữu là buộc gút lại mà không thể mở ra được, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh sửu.

Thung trì âm trên thúc dung sách Bát-nhã giải thích Thung là nhảy vọt giẫm đạp lên, sách Khảo Thanh cho rằng: Chạy nhanh, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh thung âm thung đồng với âm trên từ vộ cửu âm cửu là âm cựu.

Quyến để đồ âm dưới là chỉ loại đá mài cho bằng phẳng, chăm sóc con đường cho bằng phẳng như đá mài, mà than thở cho con đường dài. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thạch thanh để âm để ngược lại âm đinh lễ lại cũng viết chữ để.

Chích khỏa âm trên chinh diệc âm dưới là quả trục hai đầu xe, cái bầu chứa, lại gọi là bầu chứa dầu mỡ để bôi trơn xe, khi hơ nóng là mỡ tan ra. Trần Tư Vương Qua cho rằng: Đồng với chích khỏa nói là Tuệ Trịnh tài học uyên bác, cũng là như vậy, chữ viết từ bộ xa thanh quả.

Tỏa kỳ nhuế âm trên tổ quá Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tỏa là bẻ gãy, sách Thuyết Văn cho rằng: Bẻ gãy ra, tách ra chữ viết từ bộ thủ thanh tọa âm dưới duyệt tuế Quảng Nhã cho rằng: Nhuế là nhạy bén, chữ viết từ bộ kim thanh thuế.

Thanh mậu âm dưới mạc hậu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mậu là gắng sức. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh mậu âm mậu đồng với âm trên.

Diễm nhã âm diễm Cố Dã Vương cho rằng: Chiếu sáng, ánh lửa chiếu sáng rực, chữ viết từ bộ thủ thanh diêm.

Chiêu nhiêu âm trên là điều âm dưới là nhiêu giống như núi cao chót vót.

Hoài thiên âm dưới là duyên Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thuyên là đồng thau màu xanh, chữ viết từ bộ kim thanh công âm thuyên đồng với âm trên.

Chủng dật quỷ âm trên chung dũng âm dưới là quỷ.

Quan tuế âm trên quan hoạn sách toán văn giải thích rằng: Tổng quan quyển giác, chữ tượng hình, âm tổng là âm thông.

Sâm tiêu âm trên sáp tiềm âm dưới sở giao.

Phát nhẫn âm dưới là nhẫn Vương Dật chú giải. Phạm Từ rằng: Thanh ngang chặng bánh xe, sách Thuyết Văn cho rằng: Chiếc xe bị

ngăn chặng lại bởi một vật chướng ngại, thanh gỗ chặng xe, chữ viết từ bộ xa thanh nhẫn.

Linh gia âm trên lịch đinh Thiên Thương Hiệt cho rằng: Linh là nghe, chữ viết từ bộ nhĩ thanh linh.

Uẫn tư âm trên uy phân âm dưới tử tư sách Khảo Thanh cho rằng: Uẩn là che dấu ẩn tàng.

Mâu thuẫn ngược lại âm mẫu phù âm dưới thuận sách Thuyết Văn cho rằng: Mâu là cây thương, cây kích thuẫn là bày ra xô đẩy ra, đều là chữ hình thanh.

Tiểu thuyết ngược lại âm tiều liễu.

Đàm bính âm binh mệnh loại cán cầm như ý vừa lòng.

Tạm huy âm dưới là huy dùng tay chỉ huy.

Kinh chiếp âm chiêm diệp hoặc là viết chữ triếp triếp là sợ sệt, thất thần, chữ thượng thanh.

Tảo lạp âm dưới lam đáp sách Thuyết Văn cho rằng: Bẻ gãy chữ viết từ bộ thủ thanh lập lại cũng từ thủ viết thành chữ lạp.

Ma độn âm dưới đồn hổn không nhạy bén, lanh lợi ngu muội, cũng gọi là dao không bén.

Xúy hư âm dưới hứa cư hơi trong miệng xuất ra.

Tòng doanh âm trên tộc công âm dưới là doanh doanh là đầy đủ dư thừa, tòng là gom tụ lại, chữ viết từ bộ diệp thanh thủ.

Điệp can âm trên kiềm diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Điệp là chứa nhiều lớp, âm dưới càng ngạn nay gọi bảng vách tường.

Uy nhuy âm trên uy âm dưới nhi chuy tên của vị thuốc đúng nghĩa của Văn Truyện gọi là Linh tướng uy nguy, đó là chỉ có Đức Phật mới dung chứa thuốc từ bi, cũng là loại linh dược bao trùm cho tất cả chúng sinh, vì chúng sinh cứu độ.

Hất hưởng âm trên hân ất gọi là vang động âm dưới hương lượng thần uy vang khắp khó mà lường.

Ung túy âm trên ung cung âm dưới tật túy túy là gom tụ chờ đợi, chữ hình thanh.

Tốt tư âm dưới tinh lữ chữ thượng thanh tên người.

Nhuyễn động âm trên như duẫn Văn Tự Điển nói: Nhuyễn là loài côn trùng bò lúc nhúc.

Hoạch lạc âm trên hoàng quách âm dưới lạc sách Khảo Thanh cho rằng: Hoạch lạc đó là nước lớn dâng lên cao, Văn Luận nói kia giống như là nước dâng lên cao, tranh luận hơn.

Canh ký âm trên canh hạnh chữ thượng thanh âm dưới cai canh ký

đó là nói tóm lược, tóm tắt.

Đề ty âm trên đề hề âm dưới tinh hề đề cương, nêu lên đề cương, tóm lược để tựa.

Xuân khuẩn âm trên sĩ luân tên của đại thần thủy, tám ngàn tuổi mà không điêu tàn, không héo chết, âm dưới quần vẫn tức là phân uế (885) hư hoại, tức là loại nấm sớm mọc chiều tàn, chết hết.

Tước hỏa âm trên tương tước cây đuốc nhỏ gọi là tước, giống như đóm lửa.

Nghiên si âm trên sĩ kiên chánh thể chữ nghiên nghiên tức là tốt đẹp người con gái có trí tuệ, âm dưới sĩ chi Thích Danh cho rằng: Ngu si, theo Thanh Loại cho rằng: Si là ngu ngốc, sách Khảo Thanh cho rằng: Si là xấu ác, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh si là chữ cổ.

La hộc ngược lại âm hồng mộc sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch đến bộ hắc thanh tĩnh.

Sô nhiêu âm trên trắc câu loại cỏ thơm, âm dưới nhĩ chiêu cơ mới mọc.

Khanh nhiên âm trên khách canh cứng kiên cố.

Si diễm âm trên sĩ tri âm dưới là diễm.

Đốn khử ngược lại âm khứ ngư khử là trừ bỏ đi.

Các triệt âm sĩ liệt giảm bớt, thí cho.

Nãi trí âm trên nãi chữ cổ.

Thôi xán âm trên thôi toái âm dưới sang lan.

Phù hạt âm trên phù âm dưới hà các phù là loài thủy điểu, hạt là chim tiên, chim hạt.

Hạt dược âm dưới là dược loại chìa khóa.

Chuyết kỳ âm trên trúc liệt chữ viết từ bộ thủy thanh xuyết âm xuyết đồng với âm trên.

Yết kỳ âm trên kiền tiết sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy cây gậy giơ lên cao, chữ viết từ bộ thủy.

Thanh hoa âm trên là tinh âm dưới là thoại qua sách Khảo Thanh cho rằng: Hoa thanh anh.

Nhuyễn phù âm trên nô loạn khiếp sợ, người yếu kém khiếp nhược.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 4

- Huyền Trang Pháp Sư Truyện.

Huyền Trang âm dưới tạng lang đời Hán tên Tam Tạng, sách Phương Ngôn cho rằng: Trang là to lớn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đại thanh trang chữ này lại có âm khác, nay không lấy âm này.

Bổn danh vỹ ngược lại âm ỷ nghi sách Vận Anh cho rằng: Hình thể cái áo đẹp, chữ viết từ bộ y.

Giải anh âm dưới ích doanh anh là sợi dây buộc mũ.

Trường tiệp âm tiềm diệp tên của một vị tăng. Thân huynh của Huyền Trang, chữ viết từ bộ thủ.

Nhã kỳ âm nhã hạ tiếng than.

Khoa tráo âm trên khoa háo gọi là vượt qua âm dưới trào giáo cái nơm cá làm bằng trúc.

Diệp trung âm nghiệp tên quận ở phía bắc đất nghiệp đô.

Chỉ trích âm dưới trảo cách dùng tay ngắt hái giữ lấy.

Vô dịch âm diệc sách Vận Thuyên cho rằng: Chữ viết từ bộ phộc âm phộc ngược lại âm phổ bốc thanh dịch âm yểm ngược lại âm y diễm yểm tức là no rồi.

Kỷ tử âm trên là khởi âm dưới là tử kỷ tức là cây kỷ tên cây, quả làm thuốc tử tức là tử thu cây tử thu, cũng đều tên nước thời xưa ở Trung Quốc.

Túy chu ngược lại âm tiêm diệp lông mi bên mắt, nghĩa là vây quanh giữ lấy.

Tiêu vũ âm vũ tên người.

Giải tiêm ngược lại âm tiếp diêm sách Khảo Thanh cho rằng: Thẻ tre nhỏ xâu suốt xuyên qua ghi lên sự việc rõ ràng chữ hình thanh.

Phong dĩnh âm trên là phong âm dưới vinh bình sách Khảo Thanh cho rằng: Dĩnh là bông lúa chữ viết từ bộ hòa thanh khuynh.

Bưu nhật âm trên làvưu Văn Tự Tập Lược giải rằng: Nhà ở vùng biên giới, tiếp quan sứ thần đến nghĩ ngơi. Nay gọi là tràm huyền công văn, chữ viết từ bộ thóa đến bộ ấp Văn Truyện viết từ bộ ngự là chẳng phải âm ngự ngược lại âm tinh dạ chẳng phải dùng nghĩa này.

Hối lộ âm trên là hối âm dưới là lộ sách Vận Thuyên cho rằng: Của cải tài vật đem lo lót chuộc tội.

Tảo trửu âm trên tảng đáo âm dưới chi dậu dụng cụ quét dọn trừ

bỏ phân dơ uế, chữ vừa vừa đều từ bộ thủ.

Hiến sao ngược lại âm xương chiểu sách Văn Tự Điển nói hông sấy, xay giã lúa mạch làm bột mì gọi là sao chữ viết từ bộ mạch thanh tù Văn Truyện viết chữ sao tục tự thường hay dùng.

Vi cang âm can đàn sách Vận Thuyên viết chữ can.

Bất miếu âm trên đúng là chữ bát chánh thể bát là cái chén đựng thức ăn.

Siểm phụng âm thương nhiễm xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nhìn thoáng qua liếc mắt nhìn, chữ viết từ bộ mục thanh viêm.

Phật chích âm dưới chinh diệc Quảng Nhã cho rằng: Chích là mang giày dép, sách Sở Từ cho rằng: Giẫm đạp lên, sách Hoài Nam Tử cho rằng: Dấu chim trên không bay lên, dấu chân thật sự của con thú mà chạy đạp lên, chữ hình thanh.

Trách-ca-quốc âm trên trương cách tiếng Phạm, tên của ngoài nước.

Kiếp lược âm dưới lược Trịnh Huyền chú giải sách Nguyệt Lịnh rằng: Lược là đoạt lấy, cưỡng đoạt lấy vật của người.

Chiêu tàn âm trên dương diêu xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chiêu là gọt giũa, chạm khắc, cắt đứt, chữ viết từ bộ đao chữ hình thanh.

Thảng tàng âm trên thang lãng sách Thuyết Văn cho rằng: Thảng là kho chứa vàng bạc, vải vóc, gọi là phủ chữ hội ý.

Chu đệ âm dưới là đệ xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nhìn nghiêng liếc nhìn.

Chỉ trích âm trên là chỉ âm dưới chinh diệc chữ viết từ bộ túc Văn Truyện viết từ bộ thổ là chẳng phải.

Nhân một âm trên là nhân Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nhân là chìm đắm, rơi rụng, chìm sâu chữ viết từ bộ chân thanh tĩnh.

Giác xứ âm trên là giác giác là đánh giáa ưu liệt, hơn kém, chữ viết từ bộ thủ.

Đồi si âm trên xung hồi Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đồi là rơi rụng âm dưới trì nhĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Tước đoạt lột áo, chữ viết từ bộ y thanh ôi âm si ngược lại âm thiên y.

Nặc-tư âm trên nãn tiết tiếng phạm. Tên nước Tây Vực phương tây.

Khắc-già-hà ngược lại âm nghi đẳng tên sông Tây Vực cũng gọi là tiếng Phạm.

Chu đang âm dưới là đang hạt châu đeo trên tai gọi là đang trang

sức nơi tai.

Tứ đệ âm dưới là đệ nghiêng đầu tạm nhìn xem. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ chánh thể.

Vi thê ngược lại âm thể để xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cây thang gỗ chữ viết từ bộ mộc thanh đệ.

Thạch há ngược lại âm hách giá sách Bát-nhã cho rằng: Há là vết nức, sách Thuyết Văn cho rằng: Đất nức ra, phá ra, chữ viết từ bộ phửu thanh há chữ chuyển chú.

Bi nghê âm trên phi phi bế ân dưới nghê kế Bì Thương cho rằng: Liếc nhìn, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mục chữ hình thanh.

Kiết-lật-đà-la-quật-trá-sơn âm trên khất âm quật ngược lại âm quân vật tiếng Phạm, xưa dịch là núi Kỳ Xà Quật. Đường Huyền Trang dịch là núi Thứu Phong cũng gọi là núi Linh Thứu, núi này có nhiều chim thứu đến đậu.

Đậu khấu âm dưới ha cấu vi thuốc xuất phát từ quận Giao Chỉ.

Hỏa hạt ngược lại âm ai hạt Văn Tự Điển nói rằng: Hạt là hết sạch, chữ hình thanh.

Hạp nhiên âm trên kham nạp Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Bỗng nhiên mà đến không định kỳ, bỗng nhiên mà có gọi là hạp nhiên chữ viết từ bộ thủy thanh hạp âm hạp là âm hạp.

Tảo lợi quốc âm trên tạo Hồ ngữ tên nước.

Khôi ngọc âm trên ngoại ổi Quảng Nhã cho rằng: Khôi là cao chót vót âm dưới ngang các sách Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ ngạc là vách núi cao nguy hiểm, chánh thể chữ viết từ bộ ngạc viết thành chữ ngạc Văn Truyện viết chữ ngạc tục tự thường hay dùng.

Côn luân hư âm trên côn âm kế luân âm dưới khứ ngư hoặc là viết chữ hư tên khác của núi Tuyết Sơn.

Đông tạm ngược lại âm tiếp lam Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tạm là nước thấm vào, lại gọi là thấm vào vách tường, âm lam giải thích cũng đồng nghĩa trên.

Miễu mạn âm trên diệu liễu miễu là nhìn ra trông ra xa.

Nghịch lưu âm trên tố nghịch giống như nước chảy ngược dòng lên trên.

Kình khấu âm trên là kình là có nhiều sức lực, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ lực thanh kinh Văn Truyện viết từ bộ đao viết thành chữ kình là chẳng phải.

Nhai kiêm âm trên nhã giao âm dưới nghiễm vách núi ven đường

nhiều tầng, sách Khảo Thanh cho rằng: Vách núi vuông như cái bình có nhiều lớp ngoằn ngoèo.

Hạt bàn đà quốc âm trên phiên nghiệt hồ ngữ tên nước.

Tu phát âm trên tương du râu miệng trên, mém trên miệng, chữ viết từ bộ sam sách Thuyết Văn nói âm sam là âm sam chữ tượng hình.

Phiếm trướng âm trên phù phạm hoặc là viết chữ phiếm âm dưới (886) trương lượng cũng là chữ khứ thanh.

Hung quáng âm dưới hồ mảnh.

Điền ế âm trên điền âm dưới ế ngược lại âm yên kiết gọi là đầy lấp bít.

Hiểm duẫn âm trên hiểm âm dưới là duẫn tên khác của nước Hung Nô phía bắc địch.

Kháp thuật ngược lại âm khanh giáp sách Vận Thuyên cho rằng: dụng tâm vừa vặn cũng là thông tục ngữ, xưng là xứng hợp.

Sưu trạc âm trên sương trứu âm dưới trọc sưu là tìm tòi, hỏi thăm làm cho rõ ràng thăm dò, trong kinh luận đồng dịch như vậy.

Trắc lậu âm trên là trắc âm dưới lâu đậu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Người sáng suốt đánh giá được việc xấu tốt đo lường được những việc rộng cầu người hiền đức.

Biên năng âm trên tiên miến sách Nhĩ Nhã cho rằng: Biên là gấp gáp vội vàng. Khảo Thanh Vận Anh đều cho rằng: Chật hẹp nhỏ nhen, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh biên Văn Truyện viết từ bộ đại là chẳng phải.

Xuyết tập âm trên truy vệ âm dưới xâm nhập.

Liên bì âm dưới tẫn mật xắp bày có thứ tự.

Tỏa liên âm trên tảng quả âm dưới liên liên là loại.

Phồn phúc âm trên phạt viên nẫy sinh ra nhiều, âm dưới phong mục gọi là từng lớp lớp có liên hệ với nhau.

Cùng hạch âm dưới hành cách sách Vận Thuyên cho rằng: Khảo sát tìm cầu sự thật, chữ viết từ bộ á âm á ngược lại âm nha giã âm kích là âm dược.

Cửu luy âm dĩ anh hải điểu ở tiên châu biển đông.

Khoa thiên cổ ngược lại âm khoa hóa xưa nay Chánh Tự cho rằng: khoa là vượt qua, chữ hình thanh.

Thần quyển ngược lại âm quyết quyện hoặc là viết chữ quyến cũng đồng, sách Khảo Thanh cho rằng: Quyến là quay lại nhìn, lưu luyến.

Nghiễm nhai âm dưới nhã giai bến nước gọi là nhai.

Tú vũ âm vũ tên người.

Tú cảnh ngược lại âm quỷ vĩnh tên người.

Trù yên âm trên trụ lưu trù là bạn bè.

Tảng tử âm dưới là tử.

Toàn tẫn ngược lại âm bảo nhẫn sách Thuyết Văn viết từ bộ phản thanh tân mai táng chôn giấu, âm kế ngược lại âm cơ kế.

Kỳ huỳnh âm dinh phần mộ.

Thanh tiệm ngược lại âm tiếp diêm.

Đề hiệp âm trên đê hề âm dưới liên hiệp.

Khỉ khu âm trên khởi nghi âm dưới khương ngu.

Diên thực âm trên thương thiên âm dưới thừa lực.

Khôi khôi ngược lại âm khổ hồi Khảo Thanh cho rằng: Có chí lớn hoặc là viết chữ khôi.

Cộng kích ngược lại âm kinh diệc sách Khảo Thanh cho rằng: Nước chảy như tên bắn.

Sô nhiêu âm trên trắc triếu sách Vận Anh cho rằng: Loại cỏ thơm âm dưới nhiêu chiêu.

Phủ tháo âm dưới tao lão sách Khảo Thanh cho rằng: rong trong nước có vân có màu sắc rất đẹp.

Tất dũng ngược lại âm dung dũng sách Khảo Thanh cho rằng: Gót chân, lại cũng viết cảnh dũng.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 5

Trừng thị âm trên trực chứng Bì Thương cho rằng: Trừng là nhìn thẳng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mục đến bộ trừng thanh tĩnh.

Trở ngại âm trên trang sở Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trở ngại, hoặc là có núi làm cho ngăn trở, sách Thuyết Văn cho rằng: Trừ bỏ, chữ viết từ bộ phụ thanh thư âm thư ngược lại âm tinh dư âm dưới ngã cái Quảng Nhã cho rằng: Ngại là cự li khoảng cách, sách Thuyết Văn cho rằng: Dừng lại, chữ viết từ bộ thạch thanh ngại chữ hội ý hoặc là viết chữ ngại cũng đồng.

Giang phẫn âm dưới phù văn Tự Lâm cho rằng: Phẫn là bến nước

sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh bộn âm bộn ngược lại âm bổ môn.

Ngôn hước âm dưới hương ước Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hước là cùng nhau làm trò hài hước làm trò cười, sách Thuyết Văn cho rằng: Nói hài hước khôi hài khiến người ta nghe tức cười, làm trò đùa, chữ viết từ bộ ngôn thanh ngược.

Luy tích âm trên cửu truy âm dưới tinh diệc sách Khảo Thanh cho rằng: Ốm yếu, Tự Thư cho rằng: Bệnh gầy yếu cũng viết chữ tích từ bộ tích đến bộ tật thanh tích.

Nguyễn thao âm trên nguyên viễn họ người âm dưới thảo đao tên người chữ viết từ bộ vi thanh thao.

Chu ngung ngược lại âm ngộ cung triều nhà Lương sách ghi tên của Kiết Lang.

Khai giá ngược lại âm thang giả Quảng Nhã cho rằng: To lớn cũng gọi là mở rộng vòng tay, chữ hình thanh.

Xác nhiên ngược lại âm khổ giác sách Khảo Thanh cho rằng: Kiến cố bền chắc, văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Sấn thí ngược lại âm sở cận sách Vận Anh cho rằng: Sấn thí là đem của cải ra giúp đỡ cho người Tự Thư cho rằng: Thí là có phúc, giàu chiêu cảm thắng quả, quả tốt lành vượt hơn người.

Bốn cự âm trên phổ bố sợ sệt, lo sợ, âm dưới cư ngự khứ thanh, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lo sợ, sợ hãi, hoặc là viết chữ cự cũng đồng nghĩa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xước thanh cứ âm xước ngược lại âm sửu lược âm cứ la là âm cự dưới từ bộ thỉ.

Xướng hiên âm trên xương dưỡng Thiên Thương Hiệt cho rằng: Xướng là cao tráo hiển đạt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ cao có thể nhìn ra xa, chữ viết từ bộ phộc thanh thượng.

Diễm huyền âm trên quân vận âm dưới thái cải sách Phương Ngôn cho rằng: Quân là ngắt, hái nhặt lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhặt lấy văn cổ viết chữ quân viết chữ cứ nay theo tóm lược từ bộ thảo viết thành chữ quân.

Tiêu bính ngược lại âm binh vĩnh.

Huệ vũ ngược lại âm vu vũ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: To lớn biến khắp, hòa hợp tên vị tăng.

Sài đẳng âm trên sĩ giai sách Khảo Thanh cho rằng: Thẳng thắn, dũng mãnh, chữ viết từ bộ mộc thanh cách.

Kình địch âm trên cường nghinh sách Khảo Thanh cho rằng: Có nhiều sức lực, võ lực mạnh mẽ, chữ viết từ bộ lực thanh kình.

Trừng mâu âm trên trường lăng âm dưới mộ phù con ngươi trong con mắt.

Tư tư ngược lại âm tử từ sách Khảo Thanh cho rằng: Kỹ năng, nay gọi là văn lược.

Lang bại âm trên lang âm dưới là bốn Văn Tự Tập Lược cho rằng: Lang con thú điên cuồng lồng lộn lên, loạn tâm, làm mất trật tự.

Hôn bi ngược lại âm bi mi sách Khảo Thanh cho rằng: Hiểm hóc mỏng manh bạc bẻo, biện luận mà không đúng nịnh hót mà có trí tuệ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn đến bộ bỉ thanh tĩnh.

Cực thâm âm trên căng lực rất gấp gáp bức bách.

Quyến duyệt ngược lại âm quyết quyển Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quyến là nhìn, quay lại nhìn.

Đông khoan âm hoạn địa danh.

Lưu hiệp ngược lại âm liêm hiệp tên người trước thư cho rằng: Tên Lưu Tử.

Tế tôn ngược lại âm tôn tổn tên người.

Lam lô âm trên loạn đoan Quảng Nhã cho rằng: Chặt bẻ gãy cây vốn cong gọi là loan tức nay cung hai cái đấu hai đầu cong lại, âm dưới là lô sách Thuyết Văn cho rằng: Thanh gỗ mỏng kê trên trụ cột, âm nghiêng ngược lại âm xí kiến.

Thiềm lưu âm trên là viêm mái hiên nhà tức là trụ cột ngoài, để hờ chữ viết từ bộ mộc thanh chiêm từ bộ thủ là chẳng phải, âm dưới lưu cứu sách Thuyết Văn cho rằng: Lưu là nước mưa trên mái nhà nhỏ xuống, chữ viết từ bộ vũ thanh lưu.

Quang trình âm trên quang cây gỗ ngang kê dưới cái giường, sách Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ hoàng hoàng là đường đông sang tây, chữ dưới lễ đinh sách Vận Thuyên cho rằng: Cứng chắc một bên, tức là thanh gỗ dài bên giường hai bên, cũng gọi là bệ giường, Văn Truyện viết từ bộ đức viết thành chữ đức là chẳng phải cũng e rằng sách viết sai, viết trong văn đó nên viết từ bộ mộc viết thành chữ cứ cũng không thành chữ, sách Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ trình.

Lục thóa âm đóa tên người.

Lô liểm âm trên lô loại cỏ thơm phấn thơm trang sức của phụ nữ, tức là cái rương chứa đầy phấn hương thơm.

Chủ vĩ âm trên chủ tức con nai có cái như cây phất trần, chủ là con nai có đuôi dài có thể làm phất trần.

Sa uyển âm trên tinh da gọi là buồn bả than thở, âm dưới uyển hoán Văn Tự Tập Lược cho rằng: Uyển gọi là hoảng sợ lo âu, sợ sệt

uyển gọi là hoảng sợ lo âu, sợ sệt uyển hận oán, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh uyển xấu hổ, kinh sợ.

Kiêu bạc âm trên hiểu nhiêu âm dưới bàng bác.

Khuy nhún âm trên khuyển quy gọi là trộm nhìn, sách Vận Thuyên cho rằng: Len lén nhìn, âm thú ngược lại âm (887) thanh dư cúi đầu trong khe cửa nhìn trộm.

Tâm mậu ngược lại âm trên mạc hầu sách Sở Từ cho rằng: Trong lòng sầu muộn, loạn tâm, sách Thuyết Văn cho rằng: Mắt nhìn chăm chăm, lờ mờ chữ viết từ bộ mục thanh mậu chữ viết từ bộ mục thanh mậu.

Lưu hội âm hội tên người.

Đông hoàn ngược lại âm hồ quan địa danh.

Cân hạt ngược lại âm hàn cát Mao Thi Truyện cho rằng: Hạt là áo vải thô. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Người nước Sở gọi áo bào ngắn là hạt sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y thanh hạt.

Mạt lăng âm trên mãn bát địa danh ở quận Ngô cũng gọi là kim lăng, sở đô của đời Lương.

Sảng khải âm trên sương lượng Đỗ Dự giải thích Tả Truyện rằng: Khải là chỗ cao ráo, sáng sủa, sách Thuyết Văn, Triện Văn viết chữ sảng Nhĩ Nhã cho rằng: Sảng tức là vũ lực Mao Thi Truyện cho rằng: Sảng là bại hoại, sách Phương Ngôn cho rằng: Sảng là mảnh liệt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ xuyết âm xuyết là âm lệ đến bộ đại âm dưới khai cải Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khải là chỗ cao khô ráo, sạc Thuyết Văn cho rằng: Cao ráo.

Tương kim âm trên tích dương tiếng khua vàng ngọc leng keng, âm khanh là âm khanh.

Hầu húc ngược lại âm hung ngục sách Khảo Thanh cho rằng: Mặt trời mới mọc rất đẹp.

Phân vân âm trên phù văn âm dưới uy vân phân vân là khí thơm ngào ngạc.

Phẩu tích âm trên mậu khẩu âm dưới tinh diệc phân tích văn nghĩa khiến cho người ta hiểu.

Bàn ngung âm trên phán bàn âm dưới ngu đại danh tên của huyện ở Quảng Châu.

Huân tân ngược lại âm trên huy vân tên gọi chung năm loại rau cay mùi trong rừng.

Tri trù âm trên trừ ly âm dưới trụ chu sách Vận Thuyên cho rằng: Ít lựa chọn, chần chừ không tiến tới được.

Y chấn ngược lại âm chân nhẫn văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Khiếp phái âm dưới bạch mãi sách Thuyết Văn cho rằng: Phái đó là nước chảy riêng, rẻ ngã khác, chữ viết từ bộ phản đến bộ thủy.

Truân tịch ngược lại âm trên truy luân âm dưới tịch Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Truân là dày. Tịch là ban đêm gọi là chôn cất dưới đất lâu dài như đêm tối, sách Thuyết Văn cho rằng: Truân tịch đều từ bộ huyệt chữ hình thanh.

Đại tảo ngược lại âm tảo tao rối loạn, tảo là lồng lớn rối loạn không an.

Phụ y ngược lại âm y khải Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Y là gối mềm mại, gối dựa, giữa cửa sổ gọi là y chữ viết từ bộ hộ thanh y.

Thự mụ ngược lại âm trên thực dĩ sách Vận Anh cho rằng: Thự là nhà ở nông thôn, khu riêng biệt ngoài thành gọi là thự, lại âm là dã giải thích nhiếp cũng đồng, âm dưới là mẫu. Người đàn bà gọi là mẫu, chữ hội ý.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 92

Từ quyển thứ sáu cho đến hết quyển thứ mười.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 6

Trù nhân âm trên trường lưu Mao Thi Truyện cho rằng: Trù cũng gọi là mật, tức dày đặc, thẳng như tóc, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trù là đông nhiều, sách Thuyết Văn cho rằng: Trù là đông đún nhiều, chữ viết từ bộ hòa thanh chu.

Mô khải âm trên là mưu Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Mô là phép tắc, khuôn mẫu, sách Thuyết Văn giải thích: Mo là quy cách mẫu mực, chữ viết từ bộ thủ thanh mạc âm dưới khanh ngu lại cũng là âm nhai mại Quảng Nhã cho rằng: Khải là lau chùi. Tự Thư cho rằng: Sờ mó, cũng là lau chùi sạch sẽ, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh giai.

Tạ dược âm dưới dương chước tên người.

Chưng mạch âm trên lấy chữ chưng chữ thượng thanh, âm dưới ninh đích văn trước Cao Tặng Truyện trong quyển thứ bảy đã giải thích đầy đủ rồi.

Thúc nhiên âm trên thương nhục văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ sáu đã giải thích đầy đủ rồi.

Mê lạp âm trên mích bệ Độc Nhược Mê chú giải sách Chu Lễ rằng: Mê là con hươn con. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lộc thanh nhị âm dưới liêm triếp Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Săn bất ngoài đồng ruộng gọi là liệp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khuyển thanh lạp âm lạp đồng với âm trên.

Ngự vũ âm dưới vu củ cùng với chữ vũ cũng đồng âm. Mao Thi Truyện giải thích rằng: Vũ là nhà ở, chỗ cư trú, sách Thuyết Văn giải

thích rằng: Chữ viết từ bộ miên thanh vũ hoặc là viết từ bộ nghiểm viết thành chữ vũ cũng đồng với âm miên là âm miên.

Kiêm khoáng âm trên hiệp kiêm sách Thuyết Văn cho rằng: Kiêm là hợp gợp sợi tơ lại dệt thành tấm lụa màu chữ viết từ bộ mịch thanh kiêm kiêm viết đúng là chữ kiêm âm dưới quách hoàng Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Khoáng là thuộc bông tơ sách Thuyết Văn cho rằng: Khoáng là bông làm tơ kéo tơ, chữ viết từ bộ mịch thanh quảng.

Tiểu lục âm trên ngư tiểu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tiểu giống như diệt sạch, tiểu trừ, sách Thuyết Văn viết từ bộ lực thanh sào âm dưới long thúc Tự Thư cho rằng: Lục là giết sạch. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Chịu nhục, sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh mậu âm mậu ngược lại âm lực cứu.

Lâm quyết âm dưới là quyết sách Vận Lược cho rằng: Quyết là nói lời chia biệt, cùng với người đã chết chia biệt thiên thu, tức là lúc lâm chung nói lời vĩnh biệt.

Nhụ mộ âm trên nhu tuất Tự Thư cho rằng: Nhụ giống như thuộc về, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhụ là đứa bé có thể dạy được, tức là trẻ thơ chữ viết từ bộ tử thanh nhu âm nhu là tu.

Kiết ngược lại âm cổ bát Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kiết giống như rơm rạ, Ngọc Thiên cho rằng: Bông lúa đã rụng hết còn lại cọng rơm, âm cảo ngược lại âm cao lão sách Thuyết Văn viết chữ giai văn cổ viết chữ kiết.

Vị chức âm trên lê trí sách Phương Ngôn cho rằng: Vị là đến Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Vị là nhìn xem, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh vị sách Khảo Thanh cho rằng: Lại từ bộ thủy viết thành chữ vị âm đồng với âm trên.

Quân hà âm trên quẫn vân âm quẫn ngược lại âm quân vẫn Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Quân là con hươu, sách Thuyết Văn viết từ bộ lộc thanh khuân âm khuân là âm quận Tự Thư cho rằng: Hà là con hươu đực, sách Thuyết Văn cho rằng: Hà là con hươu cái, sách Hạ Chí cho rằng: con nai cởi bỏ cái sừng, chữ viết từ bộ lộc thanh hà âm hà là âm giá giả Văn Truyện viết chữ hà tục tự thường hay dùng.

Phù vụ âm trên bổ vô Cố Dã vương cho rằng: Phù tức là con vịt trời, văn trước trong quyển thứ ba đã giải thích rồi âm dưới mong bốc cũng là âm vụ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Vụ cũng là con vịt, sách Thuyết Văn cho rằng: Vụ là con thiên nga, chữ viết từ bộ điểu thanh vụ.

Ưng chiên âm trên ức lăng Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện

rằng: Ưng la loại chim ưng hung dữ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ điểu thanh ưng âm dưới chương nhiên sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ điểu thanh chiên Mục Thiên Tử Truyện cho rằng: cũng là giống diều màu xanh vàng mỏ cong.

Dã ảo âm dưới áo bảo sách Thuyết Văn cho rằng: Ảo là tiếng xưng gọi người đàn bà sống lâu nhiều tuổi, chữ viết từ bộ nữ thanh ôn âm ôn ngược lại âm ô hồn.

Đồ diệp âm trên đổ mô Quảng Nhã giải thích rằng: Đồ giống như là mưu tính, đo lường, âm đạt là âm đạt sách Thuyết Văn cho rằng: Diệp giống như là cái tráp đựng văn tự chữ viết từ bộ phiến thanh diệp âm diệp là âm diệp, theo sách giản đồ diệp hoặc là viết từ bộ trúc hoặc là bản nghĩa khiến từ bộ phiến viết thành chữ diệp Văn Truyện viết từ bộ ngôn viết thành chữ diệp là chẳng phải, gọi là diệp giống như trộm kẻ trộm chẳng phải bổn nghĩa này, nay không dùng.

Điềm dũ âm trên diệp kiêm sách Phương Ngôn cho rằng: Điềm tĩnh, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là an tĩnh, chữ viết từ bộ tâm đến bộ điềm thanh tĩnh âm điềm đồng với âm trên, âm dưới du chu Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Dũ là nhan sắc, vui vẻ, ôn hòa, Quảng Nhã cho rằng: Vui vẻ vui mừng, sách thức viết từ bộ tâm thanh du.

Tật du âm dưới là du Cố Dã Vương cho rằng: Du gọi là tật bệnh nhỏ, nhẹ lành khỏi bệnh, chữ viết từ bộ tật thanh du.

Siêm quốc ngược lại âm trên lạt chiêm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Siêm là nhòm ngó hầu hạ, chăm sóc, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhìn xem, chữ viết từ bộ kiến thanh chiêm.

Trữ linh âm trên trừ lữ Mao Thi Truyện cho rằng: Trữ là đứng lâu. Tự thư cho rằng: Chữ viết từ bộ lập viết thành chữ trữ cùng với chữ trữ đồng nghĩa. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trừ âm trữ là âm trừ âm dưới lịch đinh văn trước trong quyển thứ ba đã giải thích rồi.

Đạm chi âm trên đàm cảm văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ mười đã giải thích rồi, Văn Truyện viết chữ cảm tục tự thường hay dùng.

Liên cấm âm dưới cầm cấm văn trước Cao Tăng Truyện đã giải thích rồi, trong quyển thứ ba.

Mang khiêu âm trên đúng là chữ mang âm dưới khương lược Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Khiêu là giày cỏ, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khiêu là giày dép, guốc gỗ âm cùng với âm khước này cũng đồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Giày dép, chữ viết từ bộ lý tóm lược

thanh kiêu.

Thăng nam âm trên thăng chứng âm dưới là man tên bộ kinh.

Khảm lẫm âm dưới lạp âm lạp âm cảm Tự Thư cho rằng: Khảm lẫm là đất không bằng, sách Khảo Thanh cho rằng: Đất ngoài quan ải gồ ghề, gập ghềnh, Cổ Thi cho rằng: Khảm lẫm là nhiều khổ đau, lận đận âm lạp là âm lạp.

Vu hành âm trên hung vu Tư Mã Bưu chú giải rằng: Vu giống như là nhìn mà không biết gì, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Căng mắt ra mà nhìn, sách Thuyết Văn cho rằng: Vu vì bệnh u buồn trầm uất mắt nhìn xa xăm, chữ viết từ bộ mục thanh vu Văn Truyện viết từ bộ nhật viết thành chữ hu là sách viết sai. Âm dưới đúng là chữ hành sách Khảo Thanh cho rằng: Theo chữ hành là cái sừng đến bộ đại gọi là con trâu húc vbào người thì là ngang ngạnh, một cây trên sừng tức hoành giống như ngang chữ hội ý, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ hạnh thanh giác đúng là chữ hành.

Tiếu ngạo âm trên tiếu tiều Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiêu gọi là cong cái lưỡi lên mà thổi ra tiếng. Theo chữ tiếu ngạo đó là đi du phương đây đó, thanh nhàn nơi hoang dã mà ngâm nga, thổi sáo, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khảm viết thành chữ tiêu nay thông dụng viết chữ tiều cũng dồng nghĩa, âm dưới ao cáo sách Bát-nhã cho rằng: Ngạo là phóng đãng, chữ viết từ bộ nhân thanh ao Văn Truyện viết từ bộ khẩu viết thành chữ ngạo là chẳng phải.

Tất suất âm trên là tất âm dưới suy luật sách Lễ Ký Nguyệt Lịnh cho rằng: Con dế sinh ra năm ngày mà trên vách tường, Mao Thi Truyện cho rằng: Con dế đến mùa thu nó kêu. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Loài côn trùng đến mùa thu kêu. Tất suất hai chữ đều viết từ bộ thủy đều thanh tất suất âm cung ngược lại âm cộng ngung.

Chiên chúc âm trên chiến chiên Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chiên tức là cháo nhừ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng đồng nghĩa cháo chữ viết từ bộ thực thanh chiên âm mi là âm mi.

Hồ khẩu âm trên là hồ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hồ cũng là cháo lỏng. Quách Phác chú giải rằng: Hồ cũng là cháo, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng gọi ăn gởi nằm (888) nhờ là hồ khẩu chữ viết từ bộ thực thanh hồ.

Áo túy âm dưới tuy túy sách Chu Dịch cho rằng: Thuần túy, tinh túy, sách Thuyết Văn cho rằng: Túy là không tạp chữ viết từ bộ mễ thanh túy.

Thể luy âm dưới lụy truy Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Luy

là ốm yếu. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Bệnh hoạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Gầy ốm, chữ luy âm loa ngược lại âm lực ngoa.

Tạ huệ âm dưới huề khuê tên người.

Tý tài âm trên tử di Cố Dã Vương cho rằng: Tý gọi là tài vật tự riêng trong nhà, sơn sinh ra nhiều, Quảng Nhã cho rằng: Tý là hàng hóa, sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh thử.

Trần tử âm dưới truy sử sách Thuyết Văn cho rằng: Tử giống như là căn bả, chữ viết từ bộ thủy thanh tể âm điện ngược lại âm điềm luyến.

Tiền trạc âm trên tiển tiên Văn Tự tập Lược cho rằng: Tẩy rửa áo cho sạch bùn, âm dưới tràng giác Quảng Nhã cho rằng: Tẩy rửa Mao Thi Truyện cho rằng: Tẩy giặt, Cố Dã Vương cho rằng: Tắm gội sách Thuyết Văn cho rằng: Giặt giũ, chữ viết từ bộ thủy thanh trạc âm trạc là âm thác.

Giải hoán âm trên giai mại giải là phán ra, tách ra, chữ viết từ bộ đao từ con dao tách bỏ cái sừng con trâu, chữ hội ý, âm dưới hoàn quản Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hoàn gọi là tẩy rửa, Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Trừ bỏ đi cấu bẩn, gọi là hoán sách Thuyết Văn viết chữ hoán Tự Thư viết từ bộ cán viết thành chữ hoán âm nghĩa đều đồng.

Nhuyễn kỹ âm trên nhu nhuyễn sách Chu Lễ cho rằng: Nhuyễn là mềm mại, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhi thanh khuyển Văn Truyện viết từ bộ xa viết thành chữ nhuyễn tục tự dùng chẳng phải, âm dưới ky lý.

Trù mậu âm trên trụ lưu Mao Thi Truyện cho rằng: Trù mậu giống như là dũng mãnh vải bó buộc lại quấn quanh, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh trù âm dưới mỹ ưu Mậu giống như sai lầm, là mười dây bó buộc xiết chặc lại, chữ viết từ bộ mịch thanh mậu âm mậu là âm lực cứu âm khiết ngược lại âm kiết.

Thô sáp âm trên thông hồ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ ba bộ lộc chữ hội ý. Nay tóm lược viết chữ thô Cố Dã Vương cho rằng: Thô gọi là không tốt đẹp, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thô giống như không tinh thuần, âm dưới sâm tập sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ chỉ hai bộ chánh, hai bộ ngược, sách cho rằng: Chữ hội ý, Văn Truyện viết chữ sáp là chẳng phải.

Canh nan âm trên canh hạnh Mao Thi Truyện cho rằng: Danh là bệnh, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Canh là có hại, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thẳng thắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Núi Du Sơn có

cây chẻ ra hai trán hai, cành cây, chính giữa đâm thẳng lên, chữ viết từ bộ mộc thanh canh Văn Truyện viết từ bộ ngư thích thành chữ cánh tục tự thường hay dùng.

Pháp xưởng âm dưới xương ngưỡng tên người Văn Truyện viết chữ xưỡng là sai lầm.

Lạc hoang âm trên lạc âm dưới hoang theo chữ lãng hoang đó là loài chó sói có nhiều mưu mô xảo nguyệt, nghĩa đó là không thật, chữ lãng hợp lại viết chữ lạc Văn Truyện dùng chữ lãng là chẳng phải. Tự Thư cũng không dùng chữ này.

Nhất lộc âm dưới tũng mộc sách Thuyết Văn cho rằng: Lộc là cái rương làm bằng tre, chữ viết từ bộ trúc thanh lộc.

Hước chi âm trên hương khước văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ rồi.

Sảnh tương âm dưới tưởng dương sách Niết-bàn cho rằng: Tương là cái rương màu đỏ, thanh tre màu, Hán Thư cho rằng: Tấm thẻ phù của người phục dịch làm bằng thẻ tre.

Cưỡng hãn âm dưới hàn đán sách Thuyết Văn cho rằng: Dũng mãnh, hung hăng chữ viết từ bộ tâm thanh hãn.

Quỷ nỗi âm trên quỳ vị Mao Thi Truyện cho rằng: Quỷ là cạn kiệt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nghèo nàn, trong tủ không còn của cải, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phương thanh quý âm phương là âm phương âm dưới nô ổi Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nổi là đói khát, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đói khổ, sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh nổi.

Bàn khuyết âm dưới khuyển duyệt Mao Thi Truyện cho rằng: Khuyết là xong hết thôi nghĩ. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Khuyết là chung cuộc, rốt cuộc Thiên Thương Hiệt cho rằng: Xong rồi sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh quý.

Tương tuần âm dưới là tuần Tự Thư cho rằng: Hoặc là viết chữ tuần tuần giống như đi xem xét, khảo sát, sách Thuyết Văn cho rằng: Tuần gọi là dùng dây tơ quấn quanh lại chữ viết từ bộ mịch thanh xuyên.

Diêu cử âm trên tất diêu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Diêu gọi là gió bão từ trên mà xoáy xuống sách Thuyết Văn cho rằng: Diêu là nổi lên lắc lư chữ viết từ bộ phong thanh diêu âm diêu là âm phiêu.

Châm manh âm trên chấp nhậm Quảng Nhã cho rằng: Chân là đâm vào theo chữ chân manh đó lấy chánh pháp để trị tà kiến, như châm manh là bệnh tật lâu đời cố chấp, sách Thuyết Văn viết từ bộ

kim thanh hàm nay thông dụng từ bộ thập viết thành chữ châm tục tự thường hay dùng. Âm dưới mạch canh sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt không có con ngươi, chữ viết từ bộ mạc thanh manh.

Du chỉ âm trên du chu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Du là dưới bụng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục thanh du âm dưới đúng là chữ chỉ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chỉ là tốt đẹp.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN QUYỂN 7

Tầm tương âm trên tợ lâm sách Thuyết Văn cho rằng: tầm là kéo mối tơ liên tục không dứt, chữ viết từ bộ kỹ bộ công bộ kệ đến thốn phân ra sửa chữa, chữ hội ý, chữ chuyển chú âm dưới tưởng dương Thích Danh cho rằng: Tương là lụa màu mở gà xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh tương.

Tấn vân âm trên tân tín Xuân Thu Truyện cho rằng: Tấn vân thị là địa danh, sách Thuyết Văn viết chữ từ bộ mịch thanh tấn Văn Truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ tấn là chẳng phải.

An đổ âm dưới đô lỗ Cố Dã Vương cho rằng: Đổ là vách tường nhiều lớp. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vách tường có năm bảng là đổ chữ viết từ bộ thổ thanh giả tám thước gọi là bản.

Thanh mậu âm trên đúng là chữ thượng thanh, sách Thuyết Văn cho rằng: Âm thanh chữ viết từ bộ nhĩ thanh khánh âm khánh ngược lại âm khẩu lãnh âm dưới mâu hầu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giống như gắng sức, cùng với chữ mậu nghĩa cũng đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh mậu âm mậu đồng với âm trên. Hoặc là viết chữ mâu viết thành chữ mậu.

Phúc huệ âm trên là phúc văn trước Cao Tăng Truyện đã giải thích đầy đủ rồi trong quyển thứ mười một âm dưới làhuệ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Huệ là cỏ thơm, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh huệ.

Nữu lỗ ngược lại âm trên nữ cửu Quảng Nhã cho rằng: Nữu là buộc gút lại, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nữu là vải lụa buộc mủ trên chót mũi nhỏ, chỗ xỏ xuyên qua giữ nón mũ không bị gió bay, sách Thuyết Văn cho rằng: Sợi dây tơ lụa, chữ vừa vừa từ bộ mịch

thanh sửu lại gọi là buộc kết lại mà có thể mở ra được âm dưới lô đổ sách Thuyết Văn cho rằng: Lỗ là bắt được làm tù binh, chữ viết từ bộ quân đến bộ lực âm quán là âm quan sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ nhất ngang, bộ quán chữ tượng hình.

Hành lỗ âm trên đúng là chữ hành Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hành là ngang dọc, Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Bằng phẳng sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục đến bộ đại thanh hành Văn Truyện viết từ bộ ngư viết thành chữ hành là sai, âm dưới là lỗ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lỗ là cái thuẫn to lớn âm tuẫn là âm thuận sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh lỗ cũng viết chữ lỗ âm nghĩa đều đồng.

Khưu tĩnh âm dưới tình dĩnh Tự thư viết đúng từ bộ phụ viết thành chữ tĩnh Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tĩnh đó là chỗ đào xuyên qua đất làm hang, hầm có nước, mà gài bẩy bắt cầm thú, Quảng Nhã cho rằng: Tĩnh tức là cái hầm, sách Thuyết Văn cho rằng: Tĩnh là cái hầm rơi xuống, chữ viết từ bộ phi thanh tĩnh văn cổ viết từ bộ thủy viết thành chữ tĩnh hoặc là viết từ bộ huyệt viết thành chữ tĩnh đều đồng.

Liêu quỳnh ngược lại âm trên liễu tiểu Quảng Nhã cho rằng: Liêu là xa xôi sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xước thanh liêu âm liêu đồng với âm trên, âm dưới hoàn sính Lưu Triệu chú giải Cốc Lương Truyện cho rằng: Đúng từ bộ phộc viết thành chữ quỳnh âm quỳnh là âm dinh tìm cầu chưa toại nguyện, cũng gọi là xa xôi, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Tìm cầu danh vọng, chữ viết từ bộ quỳnh bộ nhân trong huyệt chữ chuyển chú âm phộc ngược lại âm liệt.

Đê lệ âm trên chỉ âm dưới lệ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Để lệ đều là đá mài dao văn trước trong quyển thứ ba giải thích rồi.

Ngôn nghệ âm dưới ngự đệ Bì Thương cho rằng: Nghệ là gặt lúa thu hoạch đem về, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Cái lưỡi liềm cắt cỏ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ đao thanh nghệ.

Thái hiệt âm dưới hiền kiết Tự Thư cho rằng: Hiệt giống như xắn vạt áo lên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Vén tay áo lên chữ viết từ bộ thủ thanh hiệt.

Bối giáp âm trên đúng là chữ bối từ bộ bắc đến nhục âm dưới là giáp Ngô Việt Xuân Thu cho rằng: Xuyên qua bả vai. Thích Danh cho rằng: Giáp là nói thông suốt bao gồm thích hợp, âm hạp là âm hợp gọi là cùng với hong ngực tương hội cho nên gọi là hạp xưa nay Chánh Tự

cho rằng: Đồng nghĩa. Chữ viết từ bộ giáp đến bộ nhục thanh nhục.

Tuấn thường âm trên tuân tuấn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tuấn là vô cùng khác biệt, Ngọc Thiên, Tự thu cùng cho rằng: Chữ tuấn đồng như trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ sáu đã giải thích rồi, âm dưới là thường Hàn Thi Truyện cho rằng: Thường là quần dưới gọi là thường Bạch Hổ Thông cho rằng: Thường là chướng ngại, chỗ gọi là từ chướng ngại mà che đậy, sách Thuyết Văn viết chữ thường là quần dưới.

Xế bàn ngược lại âm trên xương nhuế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Xuế là lông nhuyễn mịn, sách Thuyết Văn cho rằng: Xế là lông thú đẹt thành áo khoác ngoài, chữ viết từ ba bộ mao chữ hội ý.

Phục sảnh âm dưới tình tánh Quảng Nhã cho rằng: Sảnh là mang lệnh vâng theo, cũng là kêu gọi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kêu gọi triệu tập chữ viết từ bộ kiến thanh sảnh.

Tuệ phi âm trên là tuệ Quách Phác chú giải rằng: Tuệ nhớ nghĩ tinh tường, đồng ý.

Tắc tái ngược lại âm trên sơ sắc, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tắc gọi là rất có lợi, sách vận lược cho rằng: Cái mân bày đầy vật, sách Thuyết Văn cho rằng: Cày xới đất gieo trồng cấu lúa, chữ viết từ bộ điền đến bộ nhân đến bộ cửu cửu tức là núi cao nguy hiểm. Kinh thủ âm trên là kình văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ hai đã giải thích rồi. Vô dịch âm dưới doanh ích Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dịch là nhàm chán, sách Thuyết Văn cho rằng: Biếng nhác, chữ viết từ bộ phộc thanh dịch âm dịch đồng với âm trên, Văn Truyện viết từ bộ khiếm viết thành dịch là chẳng phải.

Tát môn âm trên mật Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cửa làm bằng cỏ, cửa rơm. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tất cũng là cỏ sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh tất.

Khuê đậu âm trên khuế huề sách Lễ Ký Nhu Hành giải thích rằng: Khoét màn che chắn ngang cửa lớn và cửa sổ, Trịnh Huyền màn che chắn ngang cửa lớn và cửa sổ, Trịnh Huyền chú giải rằng: Đậu là khoét lỗ hỏng, khe hở, theo chữ khuê đậu đó là thuộc cửa sổ nhỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng dưới bộ thổ âm đậu.

Huỳnh huỳnh ngược lại âm quý vinh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Huỳnh là cô đơn. Mao Thi Truyện cho rằng: Quỳnh là không có chỗ nương nhờ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tấn đến bộ quỳnh thanh tĩnh âm tấn là âm tín âm quỳnh ngược lại

âm huyệt vinh.

Bẩm nhiên âm trên lâm cẩm Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Bẩm giống như cung kính. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bẩm là lo sợ nguy hiểm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh bẩm âm bẩm ngược lại âm bỉ cẩm.

Hội hội ngược lại âm hoài nội Thiên Thương Hiệt cho rằng: Hội hội là loạn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh quý.

Tiểu nhuế âm dưới nhu nhuế Tự Lâm cho rằng: Nhuế là con ểnh ương ở dưới giếng, Cố Dã Vương cho rằng: Nhuế tức là loài côn trùng thích cắn người, gọi là ngậm nọc độc hại người sách Thuyết Văn cho rằng: Tần gọi là nhuế Sở gọi là vân âm vấn là âm văn âm nhuế đồng với âm trên.

Hôn mộng âm trên hồ côn Quảng Nhã cho rằng: Hôn loạn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hôn là không biết gì, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh hôn âm dưới mặc bằng Mao Thi Truyện cho rằng: Mộng là mơ hồ, mê loạn, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mộng mắt mơ hồ không rõ, chữ viết từ bộ tâm thanh mộng âm mộng đồng với âm trên.

Tao phách âm trên là tao âm dưới phổ mạc Hứa Thúc Trọng cho rằng: Tao là căn rượu, Phách cũng là căn bã của rượu đã lọc rồi còn lại căn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tao phách hai chữ đều từ nghĩa cặn bã của rượu, còn dư lại, chữ viết đều từ bộ mể đều thanh tao bạch.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 8

Triệu doanh âm trên đúng là chữ triệu âm dưới là doanh tên người.

Canh ký âm trên cách mảnh sách Nhĩ Nhã cho rằng: Canh là cành cây thẳng. Đều Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh cánh âm dưới hoài ngãi Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Ký là (889) thanh gạt ngang để đo lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc thanh ký.

Loa lũ âm trên lô qua theo chữ loa lũ đó là xắp xếp có thứ tự có trước có sau, theo sách Thuyết Văn cho rằng: Loa là tốt đẹp, chữ viết từ bộ kiến thanh loạn âm loạn là âm loạn âm dưới lung chủ Cao Tăng

Truyện trong quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Dụng khư âm trên đúng là chữ dụng sách Thuyết Văn cho rằng: Dụng là làm chữ viết từ bộ bốc trong vi bộ hoằng theo văn cổ hoặc là viết chữ dụng âm nghĩa đều đồng. Nay thông dụng viết chữ dụng âm dưới khước ngư Hàn Thi Truyện cho rằng: Khư giống như là bỏ đi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y thanh khứ.

Mân nga âm trên mật bân ngược lại âm dưới ngã ca theo chữ mân nga đó là tên riêng của núi sông. Xem Quận Quốc Chí, mân nga hai chữ đều tên của núi.

Chỉ trích âm trên đúng là chữ chỉ âm dưới đinh lịch sách Khảo Thanh cho rằng: Chỉ trích là vạch bày ra sự thật.

Tống vĩ âm trên là chữ tông sách Khảo Thanh cho rằng: Tông là con ngựa có đuôi chuột, cũng viết từ bộ mã viết thành chữ tông âm dưới là chữ vi âm lạp là âm lạp.

Khôi nhiên âm trên ngoại Ổi sách Thuyết Văn cho rằng: Khôi là núi cao, lổm chổm, không bằng phẳng, chữ viết từ bộ sơn thanh quỷ.

Thuyên cách âm trên là thuyên văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Bất lộc âm dưới nung cốc Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lộc là lọc bỏ đi hết nước cặn bã dơ, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh lộc.

Cự trừ yểm âm trên cự cư âm kế là trừ theo chữ cự trừ yểm đó là nay lấy cỏ khô làm chiếu tre làm nhà, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cự trừ là cỏ may, làm chiếu, âm phế là âm phế âm dưới là hàm Quảng Nhã cho rằng: Yểm là nhà. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Yêm là nhà tranh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nghiểm thanh âm nghiểm là âm nghiêm.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 9

Luân tháp âm trên lô hồn âm dưới tham đáp Thích Danh cho rằng: Tháp tức là cái giường, hẹp mà dài. Tháp tức nay gọi là cái giường. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh tháp âm tháp đồng với âm trên.

Chấp thâu âm trên dúng là chữ chấp Tự Thư cho rằng: Chấp là cầm nắm giữ lấy, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kích đến

bộ thiệp cũng là thanh âm kích là âm kích âm thiệp ngược lại âm nữ thiệp âm dưới thâu Bì Thương cho rằng: Thâu là đá mà lại giống như vang mà chẳng phải vang. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim đến bộ thâu thanh tĩnh.

Quán thủ ngược lại âm trên quan uyển sách Thuyết Văn cho rằng: Quán là chậu rửa tay, chữ viết từ bộ cửu bộ thủy đến bộ mảnh chữ hội ý. Xem trước đã giải thích tồi, âm cửu là âm cúc.

Mạo trâm ngược lại âm trên mao bao Tự Thư viết đúng là chữ mạo Trịnh Tiễn chú giải sách Thượng Thư Đại Truyện rằng: Mạo là che đậy, Văn Tự Điển nói rằng: Mao là cái mũ cũng là để đội trên đầu, chữ viết từ bộ cân thanh mạo hoặc là viết từ bộ y viết thành chữ mao âm mao đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới tập sâm Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cây trâm cài đầu, âm kế la âm kê sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng không phải chữ kê là cây trâm cài đầu, chữ tượng hình. Cũng từ bộ trúc viết thành chữ trâm âm trâm nghĩa cũng đều đồng. Văn Truyện viết chữ bề tục tự thường hay dùng.

Phi đạo âm dưới đạo Văn Truyện Bổn Nghĩa vốn hợp dùng chữ đạo, nghĩa phải trái không dùng. Nay hợp dùng từ bộ huyền viết thành chữ độc là thứ cờ ngày xưa có cấm lông chim chẳng phải bổn nghĩa này nên không lấy dùng.

Tĩnh lạc âm trên đúng là chữ tĩnh Chu Thư cho rằng: Hoàng đế ban đào giếng lấy nước, thế bổn cho rằng: Bá tánh Bách ích đào giếng, Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Làm thông giếng. Bạch Hổ Thông cho rằng: Nhân vì đào giếng bá tánh đến lấy nước nên làm chợ mua bán đổi chác cho nên nơi nào có chợ là có giếng nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Tám nhà làm một cái giếng, âm dưới lang các Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Lạc là sợi dây quân quanh, chữ viết từ bộ mịch thanh các.

Khoa nhiếp âm trên khoa hóa văn trước quyển thứ tư đã giải thích rồi Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khoa gọi là bước qua vượt lên trên, sách Thuyết Văn cho rằng: Vượt qua, chữ viết từ bộ túc đến thanh khoa âm dưới niêm triếp âm niêm ngược lại âm ni chiêm sách Phương Ngôn cho rằng: Nhiếp là đi lên. Quảng Nhã cho rằng: Mang giày dép, sách Thuyết Văn cho rằng: Giẫm đạp lên, chữ viết từ bộ túc thanh niếp.

Ký lịch âm dưới là lịch sách Thuyết Văn cho rằng: Lịch là đá vụn, đá nhỏ, chữ viết từ bộ thạch thanh lạc.

Ô trì âm trên là ô sách Khảo Thanh cho rằng: Ao nước không chảy, chữ viết từ bộ thủy thanh ô.

Khào đoan âm trên khảo cao sách Khảo Thanh cho rằng: Khào là chỗ tận cùng của xương cốt ở mông đít, sách Thuyết Văn viết từ bộ thi thanh cửu âm dưới đúng là chữ đoan sách Thuyết Văn cho rằng: Đoan là thẳng, chữ viết từ bộ lập thanh đoan âm đoan đồng với âm trên.

Tu tập âm trên đúng là chữ tu âm dưới là xâm nhập Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tập gọi là sửa chữa them vào, bổ sung vào sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tập âm tập đồng với âm trên.

Liên manh âm dưới mạch canh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Manh là cái mền đóng trên rui nhà để móc ngói, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngõa đến bộ mộng thanh tĩnh.

Tánh du âm sửu hộ họ người.

Xuân sân ngược lại âm trên lặc luân âm dưới sắc trân tên họ người.

Đàn khê âm trên đường hàn sách Quân Quốc Chí cho rằng: Tên Nhương Châu Khê âm dưới từ bộ thủy viết thành chữ khuê tục tự thường hay dùng. Âm dưới đúng là chữ khê sách Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy không có cống rãnh gọi là khê, tức là nước chảy, gọi là khê chữ viết từ bộ cốc thanh khê Văn Truyện viết âm trên là đàn là sai, từ bộ ế viết thành chữ đàn là chẳng phải, âm dưới từ bộ thủy viết thành chữ hề tục tự thường hay dùng.

Bái chú âm trên nôi bối Văn Tự Tập Lược cho rằng: Bái là mưa lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ thanh bái âm bái là âm bối.

Nghịch lưu âm trên tô lộ sách Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy ngược dòng trở lên, âm trên gọi là nghịch từ bộ thủy thanh nghịch âm nghịch là âm xích.

Tuệ hằng ngược lại âm dưới ca đặng danh tăng.

Vũ pháp ngược lại âm vu vũ tên của pháp sư, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Vũ là giống như thuần hào Trịnh Huyền chú giải Lễ Ký rằng: Phổ khắp sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh vũ.

Thiện sư âm trên xương diễn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thiện là sợi dây dài rộng, sách Thuyết Văn cho rằng: Thiện giống như sợi dây nịch, thắc lưng, chữ viết từ bộ mịch thanh thiện âm thiện là âm thiện.

Bản đảng ngược lại âm trên ban giản Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Bản nay gọi là mục lục sách sổ hộ tịch, tự ghi ngày sinh, tháng đẻ lên trên sổ sách, danh sách đến đăng ký ghi vào hằng vạn người, Văn Tự Điển viết từ bộ phiến thanh phản Văn Truyện hoặc là viết chữ sư là sai, âm dưới đường đảng Tự Thư cho rằng: Viết đúng từ

bộ manh viết thành chữ đảng sách Khảo Thanh cho rằng: Đảng giống như là trừ bỏ, theo chữ bản đảng đó là giống như trừ bỏ bộ sổ hộ tịch. Xóa bỏ tên họ trong bộ sổ.

Nghê thường ngược lại âm trên nghệ kê Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nghê đó ráng mây có màu sắc, giống như là rồng, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cầu vồng gọi là nghê, cong lên bầu trời chữ viết từ bộ vũ đến nhi thanh tĩnh nói nghê thường đó là thần tiên bay đi áo phất phơ như cầu vồng có màu sắc.

Vô sướng âm dưới sương lượng sách Thuyết Văn cho rằng: Sướng là sáng sủa hơn vượt qua, chỗ cao thoáng Văn Truyện viết chữ sách viết sai.

Điền du ngược lại âm trên điện niên Cố Dã Vương cho rằng: Săn bắt cầm thú trong đầu ruộng du điền tên gọi chung giăng lưới bắt giữ cầm thú, sách Thuyết Văn viết từ bộ phộc thanh điền.

Ung hí ngược lại âm ung cung Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ung đó dâng thức ăn đã nấu chín, phàm là người khách không nhiều dâng thức ăn đem đến phải che đậy lại gọi là lễ, sách Thuyết Văn cho rằng: Thức ăn nấu chín, chữ viết từ bộ thực thanh cung Trụ Văn viết từ bộ cung viết thành chữ cung âm dưới hy ký Trịnh Huyền hy ký Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Biếu tặng con vật đã giết rồi gọi là hy Bì Thương cho rằng: Biếu tặng thức ăn, Tự Thư cho rằng: Dâng thức ăn bậc trên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh khí.

Tư phù ngược lại âm trên tá tư Mao Thi Truyện cho rằng: Tư gọi là giăng lưới săn bắn thỏ, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tư giống như là lưới che trùm lên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Lưới bủa bắt thỏ, chữ viết từ bộ võng thanh thư âm dưới phụ mưu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Giăng lưới bắt thú gọi là phù sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ võng thanh bồi Văn Truyện viết chữ phù là chẳng phải.

Tăng chước âm trên tắc tăng Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Lấy dây bược vào mũi tên bắn đi gọi là tăng chữ tăng từ bộ thỉ hoặc là viết từ bộ vũ viết thành chữ tăng tăng là buộc mũi tên bảy phần ba phía trước, còn bốn phần phía sau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thỉ thanh tăng âm dưới dương nhược Cố Dã Vương cho rằng: Chước là sợi dây buộc mũi tên vào cây cung, sách Thuyết Văn cho rằng: Dưới tức sợi tơ sống sợi chỉ dài, chữ viết từ bộ mịch thanh kích âm kích, âm kích là âm dược lại cũng viết chữ chước âm mịch là âm mích âm lủ ngược lại âm long chủ.

Nguyên chiếu âm dưới diêu chiếu tên của bậc sư phụ cao tăng tuệ, âm bậc ngược lại âm bì mật.

Thoát sĩ âm dưới sư nhĩ Mạnh Tử cho rằng: Nhìn thiên hạ bỏ đi như là bỏ giày dép dưới chân, nghĩa cởi bỏ giày dép, sách Khảo Thanh viết chữ sĩ tức là thực dép cỏ, không giữ lấy gót chân, cũng là từ bộ cách viết thành chữ sĩ sách Thuyết Văn viết chữ sĩ là thuộc giày dép, chữ viết từ bộ túc thanh lệ.

Cổn miên âm trên cổ bổn sách Chu Lễ cho rằng: Lễ phục của tiên vương. Trịnh Chúng chú giải rằng: Cổn là áo thêu rồng Trịnh Huyền, Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Áo đen mà lại thuê rồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là áo thêu rồng, vạt áo dưới thuê chữ phúc có một con rồng uốn khúc, từ dưới lên trên, chữ viết từ bộ y thanh công âm dưới mi biện Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Miễn là trên đầu có trang sức, sách Thuyết Văn viết từ bộ viết thanh miễn âm viết là âm viên.

Dung phạm âm trên dục chủng ngược lại âm dưới phạm thuyên Hán Thư cho rằng: Giống như kim loại ở trong lò đúc chỗ đập giả, duy trì thiết chì, sách Thuyết Văn cho rằng: Dung là lò đúc dụng cụ, làm cho đồng tiêu chảy thành khuôn đúc, chữ viết từ bộ kim thanh dung.

Triêm khối âm trên chiêm Ngọc Thiên cho rằng: Loại cỏ làm nhà, Cố Dã Vương cho rằng: Nhà giống như có tang gọi là lấy cỏ che làm nhà, sách Lễ Ký cho rằng: Gọi là lúc có tang cha mẹ. Ngày xưa lúc có tang cha mẹ dùng cỏ khô đan thành chiếu, dùng hòn đất làm gối, bày tỏ sự đau khổ, Văn Tự Điển nói: Lấy cỏ khô làm chiếu, chữ viết từ bộ thảo thanh xâm cùng với Văn Truyện viết chữ triêm nghĩa lược đều đồng, sâm triêm đều đồng âm âm tịch ngược lại âm tình dạ ngược lại âm dưới khô ngoại sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh khảm âm khảm ngược lại âm khẩu phạm hoặc là viết chữ khối đều đồng âm.

Nhẩm nhiễm âm trên nhâm tẩm âm dưới nhi diễm sách Vận Lược cho rằng: Nhẩm nhiễm là loại cơ có màu sắc, theo chữ nhẩm nhiễm như nay là lãng phí thời gian, lần lựa qua ngày, sách Thuyết Văn cho rằng: Theo chữ nhẩm nhiễm chữ viết từ bộ thảo thanh nhậm chữ nhiễm từ bộ thảo thanh nhiễm âm chu đồng âm thảo là âm thảo.

Chương phủ âm trên chước dương Hán Thư cho rằng: Chương là tên của sông. Sông chương có hai: Một là thanh chương; hai là trọc chương. Sông Trọc chương xuất phát từ thượng nguồn sông Đặng Trường Tử, huyện Lộc Cốc hang núi phía đông đến huyện Nghiệp chảy vào sông Thanh Chương, sông này nước thường nóng nhiệt, cho nên gọi là phủ

thủy tức nước sôi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh phủ âm hổn ngược lại âm hồ bổn.

Viêm nhục âm trên chữ viêm sách Thuyết Văn giải thích viêm là lửa cháy lan. Theo ngọn lửa cháy ngùn ngục, cho nên sách Nguyệt Lịnh giải thích rằng: Thần lửa của vua Diêm Đế thâu lấy bao vây làm mềm. Sách Ngọc Chúc Bảo Điển nhục thâu là nước đồng sôi rót vào. Theo chữ viêm nhục tức là lửa thiêu đốt từ mùa hạ đến mùa thu, gọi là viêm nhục, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhục là bay cỏ khô thiêu đốt mầm cỏ tươi mới mọc, chữ viết từ bộ thảo thanh nhục Trục Văn viết từ bộ mang âm mang là âm mang.

Phó yên âm trên phù vụ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Phó là đến. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh bốc Tự Thư cũng viết từ bộ tẩu viết thành chữ phó lại cũng từ bộ túc viết thành chữ phó hoặc là từ bộ xước viết thành chữ phó âm nghĩa đều đồng.

Mạo ngạn âm trên viên bao Mao Thi Truyện cho rằng: Mạo là tuấn tú, dung mạo đẹp đẻ, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trong giới kẻ sĩ gọi là tuấn giống như là râu tóc. Quảng Nhã cho rằng: Râu tóc nhiều người to lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ tiêu thanh mao âm tiêu ngược lại âm tất tiêu ngược lại âm dưới ngôn kiến Bì Thương cho rằng: Ngạn là kẻ sĩ tài giỏi. Thống Tự cho rằng: Kẻ sĩ khéo léo có tài, văn chương lỗi lạc, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kẻ sĩ văn vẻ trao chuốt đẹp đẽ gọi là ngạn sách Thuyết Văn viết từ bộ văn thanh hán âm hán là âm hán chữ văn đúng là chữ văn từ bộ sam đến bộ văn âm sam là âm sam.

Thường sổ âm dưới là sở sách Hoài Nam Tử giải thích rằng: Núi tuyết có cây cột trụ kê lên chống thấm ướt. Hứa Thúc Trọng cho rằng: Người nước Sở gọi đá kê chân cột là sở xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thạch thanh sở âm tích là âm tích theo chữ sổ tức là đá để neo thuyền khi đỗ bến, âm đĩnh là âm đinh ninh.

Tông hạt âm dưới nhàn tiết Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ khiên theo Tả Truyện cho rằng: Chốt đầu trục xe chỗ vô dầu mở cho trơn. Theo Thanh Loại cho rằng: Chỗ mấu chốt dẫn dắt chiếc xe, sách Thuyết Văn cho rằng: Trục thẳng chỗ mấu chốt dẫn chiếc xe, chữ viết từ bộ suyển suyển tức là chống trái lại với nhau, chữ hội ý Văn Truyện viết từ bộ xa viết thành chữ hạt nay thông dụng viết (890) từ bộ kim viết thành chữ hạt lại cũng viết chữ tiết âm nghĩa đều đồng.

Huyên náo âm trên là huyên sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng là huyên từ bộ ngôn thanh quán âm quán là âm quán Văn Truyện viết từ bộ huyên viết thành chữ huyên hoặc là từ bộ khẩu viết thành chữ

huyên đều tục tự thường hay dùng. Ngược lại âm dưới ninh giáo sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân đến bộ thị chữ hội ý Văn Truyện viết chữ náo tục tự thường hay dùng.

Sạn tích ngược lại âm trên tế nhãn Quảng Nhã cho rằng: Sạn là tước gọt vót nhọn, thanh Loại cho rằng: sang bằng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh tàn âm tàn là âm tàn.

Củ chưng âm trên củ ngu Quảng Nhã cho rằng: Củ giống như là phép tắc khuân mẩu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh cầu âm dưới là chữ dưng chữ thượng thanh. Ngọc Thiên viết từ bộ cũng viết thành chữ thăng sách Bát-nhã giải thích Thăng là nhổ lên, Quảng Nhã cho rằng: Thâu, tóm thâu, sách Thuyết Văn cho rằng: thăng là giơ cao lên chữ viết từ bộ thủ thanh thăng.

Lâm lộc âm dưới long đốc trung hữu chú giải sách Lễ Ký rằng: Lộc là rừng dưới chân núi, sách Thuyết Văn viết từ bộ lâm thanh lộc.

Yểm cách âm dưới canh ngạch Lý Lâm Phủ chú giải sách Nguyệt Lịnh rằng: Xương khô gọi là cách sách Thuyết Văn cho rằng: Xương cầm thú gọi là cách chữ viết từ bộ cốt thanh cách.

Đệ thăng âm trên đế lễ sách Thuyết Văn viết từ bộ xước đến thanh sĩ âm sĩ là âm đại y văn trước trong quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Ky quyệt ngược lại âm trên phàm y âm dưới quyên duyệt Trịnh Tiến chú giải sách Luận Ngữ rằng: Quyệt giống như dối trá. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Quyệt là không thẳng thắn, nói lời không thật, sách Thuyết Văn cho rằng: Khinh khi kẻ dưới, chữ viết từ bộ ngôn thanh quyết âm duật ngược lại âm quỷ duật.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 10

Cố miến ngược lại âm trên cổ lộ Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cố giống như quay lại nhìn, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Con mắt nhìn quanh. Quảng Nhã cho rằng: Hướng theo, sách Thuyết Văn cho rằng: Quay đầu nhìn lại, ngoáy lại nhìn, chữ viết từ bộ hiệt thanh cố âm cố đồng với âm trên, âm dưới miên điền sách Thuyết Văn cho rằng: Niếm giống như liếc nhìn, chữ viết từ bộ mục thanh âm miến là âm miên biến Văn Truyện viết chữ miến tục tự viết sai.

Đào bính âm trên là đào âm trên là đào Quảng Nhã cho rằng: Đào

trốn tránh, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiêu mất, chữ viết từ bộ xước thanh đào Văn Truyện viết chữ đào tục tự thường hay dùng. Âm dưới bách mảnh Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bính là chạy tán loạn. Tự Thư cho rằng: Cũng là chữ viết từ bộ túc viết thành chữ bính bính giống như là chạy lung tung. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xước thanh bính.

Tự sủy âm dưới sơ ủy sách Thuyết Văn cho rằng: Sủy là đánh giá đo lường, chữ viết từ bộ thủ thanh đoan âm đoan là âm đoạn.

Tề tiêu âm dưới bỉ miêu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiều giống như là hàm thiếc, Quách Phác chú giải rằng: Hàm thiếc ngựa đặt một bên miệng ngựa, như dây cương, sách Khảo Thanh cho rằng: Tiêu là cái máng cho ngựa uống nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiêu là hàm thiếc ngựa, chữ viết từ bộ kim thanh bao âm bao cũng là từ bộ giác viết thành chữ tiều âm nghĩa đều đồng với âm trên, Văn Truyện viết chữ tiều tục tự thường hay dùng.

Kiếm hạch âm dưới hành cách sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cuống lông chim gọi là hạch Quách Phác chú giải rằng: cuống lông chim, sách Thuyết Văn cho rằng: Cọng lông chim, chữ viết từ bộ vũ thanh cách âm cách là âm cách.

Tùy hán ngược lại âm trên tùy quy Quảng Nhã cho rằng: Tùy là theo đuổi theo, sách Khảo Thanh Thiết Vận cho rằng: Tùy là tên của nước, sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh tuy âm tùy đồng với âm trên. Theo chữ tùy đều là tên nước.

Tinh vụ âm trên đúng là chữ tinh sách Thuyết Văn cho rằng: Tinh là đều nhau, bằng nhau, chữ viết từ hai bộ lập vu phó Mục Thiên Tử Truyện cho rằng: Vụ là ngựa chạy mau phi nhanh, Quảng Nhã cho rằng: chạy loạn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh vu âm vụ là âm vũ.

Kình nghê ngược lại âm trên cạnh nghinh sách Hoài Nam Tử cho rằng: Kình là cá voi, xem thấy sao chổi là cá xuất hiện. Thống Tự cho rằng: Kình là cá lớn trong biển. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Kình con cá lớn trong biển chữ viết từ bộ ngư thanh cũng từ bộ kình viết thành chữ kình tục tự thường hay dùng. Âm dưới nghệ kê Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Kình nghê là con cá to lớn, Cố Dã Vương cho rằng: Con cá lớn ăn con cá bé, sách Thuyết Văn cho rằng: Là con cá lạt có nhỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngư thanh nghê âm nghê đồng với âm trên.

Tư siểm âm trên đúng là tư âm dưới siểm viêm Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Siểm là nhìn trộm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: Siểm là dòm ngó hậu hạ, sách Thuyết Văn viết từ bộ kiến thanh chiêm.

Chiết đông âm trên chiên nhiệt Thống Tự cho rằng: Sông Chiết Giang xuất phát từ quận hội kê, sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng là tên sông. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh chiết.

Để khoáng âm trên chỉ văn trước quyển thứ bảy đã giải thích rồi, âm dưới hổ mãnh Quảng Nhã cho rằng: Thiếc đồng quặng còn nguyên chất gọi là khoáng sách Thuyết Văn cho rằng: Khoáng là đồng thiếc nguyên chất chữ viết từ bộ thạch thanh khoáng lại cũng viết chữ quan âm đồng với âm trên.

Đông âu âm dưới điểu hầu Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Nay đến huyện Vĩnh Nĩnh gần bãi biển. Tức là biển Đông Âu, phía bên trái của biển, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngõa thanh âu âm đồng với âm trên.

Tông tích âm dưới tinh lịch theo Thanh Loại cho rằng: Tích là chứa công đức sức lực. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tích là chứa nhóm. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lực thanh tích.

Đồng sấn âm dưới sơ cận sách Thuyết Văn viết từ bộ xỉ thanh thất văn trước Cao Tăng Truyện đã giải thích rồi, trong quyển thứ hai.

Giam tỵ âm trên cổ hàm văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi, âm dưới manh tỷ âm manh là âm mặc băng Cố Dã Vương cho rằng: Mặc là yên tĩnh không có tiếng ồn ào, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh mặc Tự thư cũng viết từ bộ viết viết thành chữ mặc âm đồng với âm trên.

Tỉ thư âm trên tư tử trong quyển thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Hữu huỳnh âm dưới huỳnh định sách Dương Tử Vân Cam Tuyền Phú cho rằng: Giống như là nước chảy yếu trong suốt thấy đáy, sách Văn Tự Điển cùng với Ngọc Thiên đều đồng viết từ bộ thủy thanh huỳnh.

Luyến tích âm trên liệt viên theo Thanh Loại cho rằng: Luyến là bệnh. Cố Dã Vương cho rằng: Luyến gọi là thân thể co quấy lại cong rút lại, sách Khảo Thanh cho rằng: Bệnh tay chân, Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ tật thanh luyến Tự Thư cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ viết thành chữ luyến hoặc là viết từ bộ suyển viết thành chữ luyến âm nghĩa đều đồng, Văn Truyện viết từ bộ túc viết thành chữ luyến tục tự viết chẳng phải. Âm dưới tinh tích sách Vận Lược cho rằng: Chân bị què không thể đi được. Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là chân nghiêng lệch teo khô. Xưa

nay Chánh Tự cho rằng: Nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ túc thanh tích sách Thuyết Văn cho rằng: Đúng là từ bộ chỉ viết thành tích âm nghĩa đều đồng.

Cố tật âm trên là cố sách Thuyết Văn viết đúng từ bộ cổ viết thành chữ cố sách Lễ Ký cho rằng: trên thân có tật bệnh, văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ chín đã giải thích đầy đủ rồi.

Át xỉ âm trên là ác âm dưới xỉ giác Ứng Thiệu chú giải sách Sử Ký rằng: Át xỉ là thúc bách gấp gáp. Lại gọi là người dân đen nắm chặc vào quá vội vàng nghiệp lực, ma nghiệp, Bì Thương cùng với Thanh Loại đều cho rằng: Bức bách, gấp gáp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh ác âm dưới xỉ xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh xỉ cho nên Hán Thư cho rằng: Át xỉ là dáng vẻ gấp gáp vội vàng.

Trịch khuynh âm dưới hồ các Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: hạc là cho cạn kiệt, khô cạn Tự Thư cho rằng: Khô sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh cố.

Chung lũ âm dưới cụ canh Mao Thi Truyện cho rằng: Chung lũ là rất nghèo hèn, Văn Truyện cho rằng: Lục giống như là không có lễ nghĩa, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nghèo khổ Tự thư cho rằng: Trống rổng, sách Thuyết Văn viết từ bộ huyệt thanh lũ âm lũ là âm lậu.

Tầng nghiển âm trên tầng lăng Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: Tầng là nhiều tầng lớp, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Liên lụy với nhau nối liền với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Tầng là nhà nhiều tầng, chữ viết từ bộ thi thanh tằng âm dưới ngôn kiển Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nghiển là núi nhỏ nằm trên ngọn lớn, liền nhau, gọi là nghiển. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đồng nghĩa chữ viết từ bộ sơn thanh hiến.

Kỹ nghi ngược lại âm trên chi củ di Mao Thi Truyện cho rằng: Kỹ nghi là biết ý, Trịnh Huyền, Trịnh Tiễn cho rằng: Kỹ nghi là ý tự nhiên có chỗ biết, sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh kỹ chữ kỹ viết đúng từ nửa bộ trúc âm dưới ngưng cước Mao Thi Truyện cho rằng: Nghi là nhận biết Trịnh Huyền, Trịnh Tiễn cho rằng: Nghi là tự nhiên có chỗ biết phân biệt, sách Khảo Thanh cho rằng: Nghi là đứa trẻ sinh ra biết tự nhiên mà có biết sách Thuyết Văn cho rằng: Đứa trẻ nhỏ biết tự nhiên, chữ viết từ bộ khẩu than nghi Văn Truyện viết từ bộ sơn viết thành chữ nghi là chẳng phải lại viết chữ nghi âm đồng với âm trên.

Hào hàm âm trên hiệu giao Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hào là núi lấp bít vùng đất yếu hiểm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hào hàm là núi ở huyễn Mãnh Trì phía tây, sách Thuyết

Văn viết từ bộ sơn thanh hào âm dưới là hàm Ban Cố Tây Đô Phú Truyện cho rằng: Ở phía trái Cự Hàm Cốc có hai núi cản trở, sách Thuyết Văn viết từ bộ cung thanh thích âm cung ngược lại âm ha cảm sách Khảo Thanh cho rằng: Hàm là tên vùng quan ải.

Tinh uyên âm trên là tịnh âm dưới y huyền danh tăng. Văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Uyển nhãn âm trên ô hoàn Bì Thương cho rằng: Uyển giống như tước vót gọt, Quảng Nhã cho rằng: Cũng đồng nghĩa, Bì Thương cho rằng: Viết đúng từ bộ đao viết thành chữ uyển sách Thuyết Văn cho rằng: Uyển là chọn lựa chữ viết từ bộ đao thanh tử âm tử là âm uyển tục tự thường hay dùng.

Tăng trù âm dưới trực lưu danh tăng.

Đình kích ngược lại âm trên định ninh Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Đình là tiếng nổ sấm sét nhanh Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tiếng sấm sét chớp Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Đình là tiếng sám nổ điện chớp, chữ viết từ bộ vũ thanh đình.

Trách ải âm trên tranh cách Bì Thương cho rằng: Theo luật định viết chữ trách tức là chật hẹp, bức bách Tự Thư viết đúng từ bộ trúc viết thành chữ trách Trịnh Chúng giải thích sách Chu Lễ rằng: Trách là vùng biên ải chật hẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ trách từ bộ trúc thanh sạ sách Khảo Thanh cùng với Thanh Loại cho rằng: Chữ viết từ bộ huyệt viết thành chữ trách gọi là chật hẹp, nhỏ hẹp. Lại viết chữ trách âm đồng với âm trên. Âm dưới ách giới Quảng Nhã cho rằng: Củ là hẹp Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ải là nơi biên giới nguy hiểm, chật hẹp, Cố Dã Vương cho rằng: Ải giống như bức bách. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ phụ thanh ích cũng từ bộ ách viết thành chữ ải tục tự thường hay dùng.

Tự chích âm dưới chinh thạch văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ rồi.

Nhân phế âm trên ế trân Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nhân là chìm đắm đọa lạc, rơi xuống sách Thuyết Văn cho rằng: Chìm chữ viết từ bộ thủy thanh chân âm nhân là âm nhân Văn Tự Tập Lược và Vệ Hoằng đều viết từ bộ thủy thanh nhân xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân âm đều đồng.

Tiện nhĩ ngược lại âm dưới nhi chí Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nhĩ là xẻo tai Quảng Nhã cho rằng: Nhĩ là cắt xẻo bỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhĩ là cắt bỏ tai, chữ viết từ bộ đao thanh nhĩ.

Hầu lạp âm trên hầu cấu đều Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thực viết thành chữ hầu Văn Tự Tập Lược cho rằng: Hầu là thức ăn khô. Sách Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ hầu gọi là lương thực, âm dưới lập Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Gạo làm thức ăn gọi là lạp sách Thuyết Văn cho rằng: Lạp tức là hạt gạo, chữ viết từ bộ mễ thanh lập âm kham ngược lại âm tam cảm Văn cổ viết từ bộ thực viết thành chữ lạp âm đồng với âm trên.

Chiên trang âm dưới trang trạng chữ khứ thanh Hứa Thúc Trọng giải thích rằng: Trang giống như bó buộc, sách Thuyết Văn cho rằng: Trang là gói vào bên trong, chữ viết từ bộ y thanh trang.

Cứ ngạo âm trên cứ ngự Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cứ là kêu ngạo Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cứ là không cung kính, sách Thuyết Văn cho rằng: Cứ là không khiêm nhường, chữ viết từ bộ nhân thanh cứ âm dưới ao cáo Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngạo mạn phóng đãng. Quảng Nhã cho rằng: Khinh nhờn, sách Thuyết Văn cho rằng: Cứ viết từ bộ nhân đến bộ ao thanh ao ao viết đúng chữ ao.

Yên hàm âm trên yến kiên Thiên Thương Hiệt cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu viết thành chữ yên cùng với chữ yên là cuống họng. Theo Thanh Loại cho rằng: Yết hầu, đều Khảo Thanh cho rằng: Cũng từ bộ nhục viết thành chữ yên gọi là yết hầu. Văn cổ viết từ bộ khẩu viết thành chữ yên âm đều đồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là cuống họng chữ viết từ bộ khẩu thanh nhân âm dưới hàm cảm gọi là má. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt thanh hàm âm ích là âm ách âm di là âm di âm hiệt là âm hiệt.

Tăng nhiếp đạn âm trên chiêm diệp Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhiếp là e sợ lo sợ sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh nhiếp âm dưới đàn thư Trịnh Huyền Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Đạn là sợ sệt Quảng Nhã cho rằng: Kiêng kỵ xấu ác chữ viết từ bộ tâm thanh đan.

Hùng kiệt âm dưới kiền nghiệt Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kiệt là người kiệt xuất hơn ngàn người sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh kiệt âm kiệt đồng với âm trên.

Giang thần âm dưới thuận xuân Mao Thi Truyện cho rằng: Thần là bến nước, chỗ tàu thuyền đậu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh thần âm kiêm ngược lại âm nghiêm liễm.

Kháp chu quan âm trên khẩu giáp, (891) sách Thuyết Văn cho rằng: Kháp là dụng tâm vừa vặn, thích hợp đúng lúc, lại cũng gọi là

thảo đáng, các chữ trong sách đều không có chữ này.

Chinh cổ âm trên chích doanh Mao Thi Truyện cho rằng: Chinh giống như cái chiêng, lấy sự yên tỉnh, Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Cái chuông gọi là chinh sách Thuyết Văn cho rằng: Chinh là cái chập chả, chữ viết từ bộ kim thanh chinh ngược lại âm dưới cô ngọ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tiếng trống, chữ viết từ bộ đậu thanh phộc từ bộ bán đến bộ trúc âm đậu là âm trúc cú.

Trạm lộ ngược lại âm trên trạch giảm Mao Thi Truyện cho rằng: Trạm là dày đặc tràn trề, chỉ sương móc nhiều sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy đến thanh thậm âm dưới lộ Hàn Thi Ngoại Truyện cho rằng: Lộ là sương che phủ, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Lộ là sương thấm ướt, gọi là nước dịch yêu chỗ vạn vật, chữ viết từ bộ vũ thanh lộ.

Hy thần âm trên hứa y Mao Thi Truyện cho rằng: Hy là khô ráo. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhật thanh hy.

Ế vu ngược lại âm trên anh nghệ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ế là chôn giấu Quách Phác chú giải rằng: Ế gọi là cất giấu vật nhỏ nơi u tối, sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh thổ âm hiệp là âm hiệp Văn cổ viết chữ ế âm nghĩa đều đồng.

Hàm tước âm dưới tương tước Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tước là nhai, Quảng Nhã cho rằng: Tước giống như cho ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Cắn múc, chữ viết từ bộ khẩu thanh tước chữ tước viết đúng là chữ tước.

- Độc Cao Tăng Truyện quyển thứ hai từ quyển thứ sáu cho đến hết quyển thứ mười.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 93

- Độc Cao Tăng Truyện từ quyển thứ mười một cho đến hết quyển thứ mười sáu.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 11

Kỹ tử âm trên khởi tên cây. Kinh Sơn Hải giải thích: Phía đông trên núi ban đầu có loại cây này, hình trạng giống như cây dương, mà màu đỏ, lá bên trong ra nước như máu. Tên không có thật gọi là kỹ âm dưới tư tử tên của cây ở phương Nam. Cây tương tử sơn có thể làm cây đàn, đều Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc chữ hình thanh.

Kình phong âm trên cạnh nghinh theo Tả Truyện cho rằng: Kình là kẻ địch, đối địch sách Thuyết Văn cho rằng: Cường địch. Mai Thương Kiện, Quảng Nhã cho rằng: Chữ viết từ bộ lực thanh kinh.

Trữ linh âm trên trừ lữ Tự Cảnh giải thích Trữ là đứng đợi lâu, hoặc là viết chữ trữ giải thích đều đồng, âm dưới lực đinh Vận Thuyên cho rằng: Linh là nghe. Hoặc là viết từ bộ lập viết thành chữ linh thanh linh.

Cực động âm trên căng lực sách Thuyết Văn viết từ bộ nhị người xưa viết từ bộ khẩu đến bộ hựu sách Vận Anh cho rằng: Rất gấp gáp, vội vàng, giữa trời đất, người nơi tay, miệng rất vội vàng, chữ hội ý.

Tự sủy ngược lại âm trên sơ ủy gọi là trừ bỏ, đánh giá, đo lường, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh đoan.

Tề tiêu ngược lại âm biểu miêu nay gọi là hàm thiếc ngựa đặt bên miệng con ngựa, Văn Truyện viết từ bộ mã viết thành chữ tiêu là chẳng phải.

Quỳnh cổ ngược lại âm huyết huyện sách Khảo Thanh cho rằng: Xa xôi mong ngóng, tìm cầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân đến bộ

mãnh thanh mân âm tứ là âm dinh âm mân là âm huynh vực.

Vương cảm ngược lại âm thoán viên sách Thuyết Văn cho rằng: Cảm là mũi tên nhỏ bén nhọn, ngẵng cao đầu, chữ viết từ bộ chi bộ công âm quy ngược lại âm quyết quy.

Chỉ lệ âm trên là chỉ âm dưới lệ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chỉ là đá nhuyễn lệ đều là đá mài dao. Kinh Sơn hải giải thích rằng: Loại đá này xuất phát và có nhiều từ núi Yểm Tư.

Hữu huỳnh ngược lại âm huỳnh định nước lóng rất trong.

Luyến tích ngược lại âm lực truyện ngược lại âm dưới ti diệc cái chân không thể đi được, văn trước đã giải thích rồi.

Kỳ châu âm trên là kỳ.

Tằng nghiển âm trên tặc lăng âm dưới ngôn kiển núi cao chót vót, núi nhỏ nằm trên ngọn núi lớn.

Hào hàm âm trên hộ giao âm dưới là hàm.

Tự chích ngược lại âm chinh diệc đất bít lấp, ùn tắc nghẽn.

Mi âm mi tên huyện.

Trác lạc ngược lại âm lực trác sách Khảo Thanh cho rằng: Dáng cao hơn người, nói là người anh kiệt, tuấn tú, tài hoa hơn người.

Hùng cảm ngược lại âm hồ lãm Ngọc Thiên trích dẫn Mao Thi Truyện rằng: Cảm là ngu muội, chữ viết từ bộ tâm thanh cảm.

Thường vị ngược lại âm lê chí sách Khảo Thanh cho rằng: Đến, chữ viết từ bộ thảo thanh vị.

Giang thần ngược lại âm thuận xuân sách Vận Anh cho rằng: Bến nước. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trên bến nước có gò đất bằng phẳng mà dưới có nước sâu đó gọi là thần không phát ra tiếng nước chảy, chữ viết từ bộ thủy thanh thần.

Chỉ bạc ngược lại âm bác mạc Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Bạc là dừng, đỗ bến, ở trong nước có thể ở, dừng nghỉ, cặp bến đó gọi là chữ viết từ bộ thủy thanh bạch.

Chinh cổ âm trên chi doanh Mao Thi Truyện cho rằng: Chinh giống như cái trống không đánh yên tĩnh, làm cho động lên, tức là đánh trống giống chuông, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái chuông, chữ viết từ bộ kim thanh chính.

Chủ vĩ âm trên là chủ con hươu cái đuôi có thể làm phất trần, cái đuôi con hươu giống như đuôi con nai, lấy làm tràn sức có cán cầm quất bụi, gọi là chủ vĩ â Giảng Luận cho rằng: Đàm luận phải nắm lấy cốt cán.

Ủy phu ngược lại âm phù phó cùng với chữ phụ đồng âm. Trịnh

Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Gọi là tặng biếu độ vật cho người chết như là nhà, quần áo, giúp đỡ vật không đủ, quy về người đã chết, gọi là viên là thuộc về biếu tặng người sống. Biếu tặng người chết đó là phù âm phong ngược lại âm phong phúng sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh phù.

Ế Vu ngược lại âm ư kế sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tế trời gọi là phiên đốt củi đất gọi là ế cất giấu Quách Phác chú giải rằng: Cất giấu nơi u tối, ế là chôn giấu dưới đất.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 12

Cung huy ngược lại âm hủy vi Vương Dật chú giải sách Chu Dịch rằng: Chỉ bên tả, bên hữu gọi huy, tức là chỉ huy, chữ hình thanh.

Khác thận ngược lại âm khang các sách Vận Anh cho rằng: Cung kính, hoặc là viết chữ khác đều đồng.

Xác pháp sư ngược lại âm khang giác âm khang ngược lại âm khả giang các hoặc là viết cao bức sách Vận Anh cho rằng: Kiến cố chắc chắn, xác định không dời đổi.

Hoán hạch âm trên đoán loạn ngục quyết đoán, âm dưới hành cách Hán Thư cho rằng: Tra xét thẩm định tội nhân, tra hạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Khảo sát sự thật, chữ viết từ bộ á âm á là nha giả thanh kích âm kích là âm kích.

Hằng công ngược lại âm trên võng đặc sách Vận Anh cho rằng: Hằng là khô ráo, chữ hình thanh cũng kiêm luôn chữ hội ý.

Thương xác âm giác Cố Dã Vương cho rằng: Xác là đánh giá, đo lường.

Đào bổ âm trên đào âm dưới phổ đều từ bộ thủy.

Chiếu thước âm dưới thương chước Quách Phác chú giải rằng: Thước là ánh sáng téo ra sáng lòa, chữ hình thanh.

Hiếu khải ngược lại âm khai cải sách Vận Anh cho rằng: Tên Chấn Lữ Lạc.

Triệt thiện ngược lại âm trên sĩ liệt sách Vận Anh cho rằng: Dùng tay rút bỏ đi, trừ đi, chữ viết từ bộ thủ chữ hình thanh.

Tuệ bính ngược lại âm binh mảnh âm mảnh ngược lại âm minh bính hoặc là viết chữ bính là chiếu sáng, tên người.

U trách âm dưới sài trách u gọi là sâu xa, thâm u, chữ viết từ bộ di âm di là âm di.

Âu y ngược lại âm khẩu hầu sách Lễ Ký cho rằng: Hai vén áo lên sách Khảo Thanh cho rằng: Cũng là vén áo, chữ viết từ bộ thủ.

Truyện tể âm tải tên người âm dưới tê là việc, sự việc.

Bái nhiên âm phối sách Khảo Thanh cho rằng: Bái là mưa dầm.

Trắc tịch âm trên trắc Tự Thư cho rằng: Rõ ràng minh dương trắc lậu, rộng cầu người hiền.

Tri trù ngược lại âm trên trường tri hoặc là trù ngược lại âm trường lưu âm dưới trường chu hoặc là viết chữ trù ngược lại âm trường ư hai chữ này mỗi chữ đều hai thể thông dụng, đều Khảo Thanh cho rằng: Bồi hồi, nghi nhỏ, chưa thẩm định không bước tới, đều từ bộ túc chữ hình thanh.

Độ sạn ngược lại âm tra hạn đường kính nhỏ hẹp nguy hiểm, là quán trọ bên đường, chữ viết từ bộ mộc thanh tàn âm tàn đồng với âm trên.

Niết xuyết âm dưới đoan hoạt tay nắm giữ lấy vo ve, xe tròn âm niêm ngược lại âm niệm liêm chữ viết từ bộ thủ.

Xung truy âm trên trục dung âm dưới tuy túy gọi là thâm u không lường được. Xem sách Tiểu Nhĩ Nhã giải thích.

Tuần tuần âm tuần tuần tuần là không mỏi mệt, siêng năng ưu tú.

Trắc cổ âm trên huy lực âm dưới là cổ thời hậu Chu. Tên chùa.

Di luân âm trên là di hoặc là viết từ bộ kệ bộ cũng viết thành chữ di di là thường, văn cổ viết chữ di.

Quynh bế âm trên quý vinh.

Yểm tý âm trên yểm viêm theo Tả Truyện cho rằng: Thấm nước lâu, âm dưới từ tự sách Thuyết Văn cho rằng: Tý là bọt nước cũng là thấm nước.

Đinh đóa ngược lại âm trên đồ đinh. Hoặc là viết chữ đình sách Thuyết Văn cho rằng: Đinh là đánh âm tràng ngược lại âm trọc giang.

Thiện cấu âm trên là thiện Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thiện là sửa trị, sách Thuyết Văn cho rằng: Bổ thêm vào, âm dưới (892) là cấu là rui nhà móc ngói, sách Thuyết Văn cho rằng: Che đậy lên, chữ hình thanh.

Ti hạ âm tiên tề sách Khảo Thanh cho rằng: Trời âm u mà có tiếng đạp, tiếng chẻ củi, người hàn sĩ nghèo, hèn hạ cho nên “Ti hạ” là chỉ người đồ đệ.

Tình khái ngược lại âm cai ngại sách Khảo Thanh cho rằng: Thanh gỗ ngang gạt khi đong lường, chữ viết từ bộ mộc chữ hội ý.

Bạo liệt âm trên sắc mạo lửa cháy phát ra tiếng nổ, gọi là bạo.

Đồ tiễn âm tiên tiễn chân thân cận đất không giẫm đạp giày dép, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh tiên.

Trí ngại âm trên tri lợi Ngọc Thiên cho rằng: Trí là đốn ngã, âm dưới ngã cái sách Khảo Thanh cho rằng: Chần chừ không tiến tới.

Bao mỹ âm trên bảo mao khen ngợi tốt đẹp.

Côn hoàng âm trên hồn ổn âm dưới là hoàng sách Phương Ngôn cho rằng: Lửa cháy sáng rực, ánh lửa cháy sáng rực, sách Thuyết Văn cho rằng: Lửa cháy sáng rực, ánh lửa bập bùng, chữ hình thanh.

Sấn thích ngược lại âm sơ tấn âm tấn ngược lại âm tân sấn Văn Truyện viết từ bộ bối là chẳng phải, sách Vận Anh cho rằng: Thí cho người thân, chữ viết từ bộ khẩu thanh thân.

Ky tiệp ngược lại âm tiềm diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Trí tuệ nhanh nhẹn, chiến thắng, sức mạnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh tiệp âm tiệp đồng với âm trên.

Hư hy âm trên là hư âm dưới là hy sách Khảo Thanh cho rằng: Bi thương rơi lệ tiếng khóc rống, chữ đều từ bộ khiếm chữ hình thanh.

Liên nhi âm dưới nhĩ chi sách Vận Lược cho rằng: Liên Nhi đó là nước mắt lã chã giàn giụa, sách Chu Dịch cho rằng: Nước mắt có máu chữ hình thanh.

Trạc tri âm trọc giản lựa chọn người hiểu biết đề bạt lên.

Cao diệp ngược lại âm hoàn diệp sách Khảo Thanh cho rằng: Giống như guốc gỗ, mà dày không có đế, âm diệp đồng với âm trên, gọi là lấy gỗ làm đế.

Hà đảm ngược lại âm đáp nam sách Vận Thuyên cho rằng: Dùng gỗ làm thanh ngang gánh vật, chữ viết từ bộ thủ âm trên hạ.

Doanh châu âm trên là doanh âm doanh ngược lại âm dĩ chinh.

Tiến nổi âm trên tiền tiến sách Khảo Thanh cho rằng: Theo năm mất mùa không có vật để nấu chính gọi là tiến, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tồn ngược lại âm dưới nô ổi Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nổi là đói khát, chữ chuyển chu từ bộ thực thanh ủy.

Tể giả ngược lại âm tỳ duệ sách Vận Anh cho rằng: tể là chết giữa đường, chữ hội ý.

Mân ba âm trên mật bân âm bân ngược lại âm bút mân tên núi thục địa, nước trên sông xuất phát chảy từ đó, âm dưới là ba ba là tên của nhiều núi bắt nguồn từ sông Hán, giữa đời vua Hán.

Oa thiên âm trên khoái thóa cái miệng méo xệch qua một bên, âm dưới là thiên chữ hình thanh.

Áo ngung âm trên áo âm dưới ngu đều từ bộ phụ.

Tự ích âm dưới y kế Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tự trải qua mà chết, tức tự vẫn, thắt cổ mà chết, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh ải.

Thương xác âm dưới là giác sách Khảo Thanh cho rằng: Chuyên làm có lợi, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh xác.

Thán nhạ âm dưới nha giá tiếng than,

Tú trĩ âm dưới trì lý sách Khảo Thanh cho rằng: Núi trọc đứng riêng lẽ một mình, hoặc là viết chữ trĩ đều đồng thông dụng.

Tương tương ngược lại âm tích dương nghiêm chỉnh.

Nghinh đệ ngược lại âm đến lệ văn trước trong quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Lang vũ âm dưới là vũ văn trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Đế cấu âm trên là đế Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Đế cấu là cái giá móc áo, cũng là rui nhà móc ngói.

Khôi khôi ngược lại âm khổ hồi gọi là to lớn.

Hung cấm âm trên là hung sách Thuyết Văn cho rằng: Phần ngực, hoặc là viết chữ hung cũng thông dụng.

Trí cư âm cư danh tăng.

Phụ vĩ ngược lại âm hy cư là tên của sư phụ, chữ viết từ bộ y.

Lao đề ngược lại âm trên lão đao chữ chánh thể, từ bộ, chữ viết từ bộ miên tóm lược đến bộ ngưu tạo chữ tùy theo ý.

Huân tân ngược lại âm trên huy vân văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ mười hai đã giải thích đầy đủ rồi.

Cựu diêu âm dưới là áo sách Thuyết Văn cho rằng: Văn cổ viết chữ áo Văn Tự Điển cho rằng: Lò nung ngói gạch. Lại âm triệu diêu hai âm sách Thuyết Văn cho rằng: Diêu là lò gốm là thiêu ngói, Văn Truyện viết chữ diêu là chẳng phải.

Thiêu sáp âm trên tiêu giao Ngọc Thiên cho rằng: Chữ viết từ bộ táo viết thành chữ táo sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Triệu Ngụy gọi sáp la cái mai đào đất, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Viết chữ thiêu giải thích cũng đồng như chữ sáp sách Nhĩ Nhã lại viết diêu âm đồng, âm dưới sở giáp âm sáp cũng đồng nghĩa với âm thiêu hoặc là viết chữ thiêu chữ cổ âm sáp đồng với âm trên.

An duệ ngược lại âm duyệt huệ sách Thuyết Văn giải thích: Duệ

là trí tuệ chữ viết từ bộ mục đến bộ tàn âm tàn là âm tàn đếm bộ cốc thanh tĩnh.

Tiêm âm trên tiếp viêm Mao Thi Truyện cho rằng: Tiêm giết hết, Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Tiêm là giết chết diệt sạch, chữ viết từ bộ ngục âm ngạc là âm căng.

U liệt ngược lại âm dưới liên triết sách Chu Dịch cho rằng: Giếng trong suối lạnh Vương Bậc chú giải rằng: Liệt là suối nước trong trẻo, lạnh lẽo, trong suốt, chữ hình thanh.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 13

Trí thôi ngược lại âm thôi lỗi tên người.

Thân di âm trên trắc cận đem vật ra thí cho kẻ khác, âm dưới duy nhuế sách Khảo Thanh cho rằng: Cộng thêm vào, cùng tương tuệ.

Tiêu vũ ngược lại âm vu thiên cùng với chữ vũ đồng âm. Triều nhà Đường Quan Nam tỉnh trưởng.

Ôn di ngược lại âm dĩ chỉ sách Khảo Thanh cho rằng: Thường tên người.

Huyên hoa âm trên là huyên âm dưới là hoa tiếng ồn của nhiều người.

Nghịch lưu âm trên tác nghịch nước chảy ngược dòng mà đổ lên trên, sách Vận Thuyên cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh nghịch.

Sai ẩn ngược lại âm thái tai ý không thể quyết định rõ ràng, còn nghi ngờ, giống như con chó có nhiều nghi ngờ, cho nên chữ viết từ bộ khuyển thanh thanh.

Kiêm liệt ngược lại âm trên phả viêm chữ kiêm đúng thể chữ hội ý gọi là hai nắm giữ bông lúa gọi là kiêm âm dưới là liệt sách Khảo Thanh cho rằng: Ao nước trong sạch, lạnh buốt.

Phế kiến ngược lại âm phiến diệt Văn Tự Tập Lược giải thích: Phế nhìn liếc qua, chỉ thoáng thấy, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh tệ.

Ám uất âm trên là dâm ôn hòa vui vẻ, yên tĩnh, âm dưới kinh luật văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Minh bột âm trên minh âm dưới nột tên riêng của biển Đông.

Thừa bạch âm dưới là bạch thuyền lớn trong biển, tấm bảng mỏng

buộc trên cây cột bườm, không ngăn dưới sóng gió lớn dùng vỏ cây liễu thắc dây liên kết với nhau, không dùng, thiếc, đinh e rằng mài cà xác sẽ bắn ra lửa, ngàn người cùng nhau chế ngự, cây cột dài trăm văn lớn như chiếc thuyền.

Miến tạ âm trên miên biến miến là tưởng nhớ đến.

Nhu dĩ âm trên ni cứu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Nhu là tạp, lộn xộn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mể thanh nhu hoặc là viết chữ nhu âm nhu đồng với âm trên, lại âm nhi cứu.

Huyến thái ngược lại âm trên huyết quyên Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Những màu sắc hoa văn rực rỡ gọi là huyến Tư Mã chú giải sách Luận Ngữ rằng: Huyến là hoa văn sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh huyễn âm huyễn là âm huyên âm mịch là âm mịch.

Chức tông âm dưới tông tống Liệt Nữ Truyện giải thích Chức đó là có thể dụ như công kích bày ra xô đẩy ra, lôi kéo dẫn dắt ra mà đến gọi là tông sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh tông.

Phụ nãng âm dưới nhã lang Mao Thi Truyện cho rằng: Cái túi có đáy gọi là nang cái túi không đáy gọi là thác âm thác là âm thác.

Khoa lịch âm trên khoa quả văn trước trong quyển thứ tư đã giải thích rồi. Âm dưới linh đích Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lịch là bánh xe lăn. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: Lịch là đèn nén, sách Thuyết Văn cho rằng: Lịch gọi là chỗ bánh xe nghiền nát. Chữ viết từ bộ xa thanh lịch âm triển ngược lại âm ni triển.

Thư nhiễm ngược lại âm trên tử tư theo Tả Truyện cho rằng: Linh vương mới sinh ra mà đã có râu, sách Thuyết Văn cho rằng: Râu trên miệng, chữ viết từ bộ tu thanh thư Văn Truyện viết từ bộ tiêu viết thành chữ tư cũng đồng nghĩa, ngược lại âm dưới nghiễm niêm nhiễm tức là râu hai bên má, tức râu quai nón, chữ viết từ bộ tu thanh nhiễm Trang Sinh cho rằng: Râu đẹp nhiễm tức là râu hai bên má. Sách Thuyết Văn viết chữ nhiễm cũng thông dụng khi dùng âm nhiễm đồng với âm trên.

Khanh khảm ngược lại âm trên khách canh hoặc là viết từ bộ phụ viết thành chữ khanh Cố Dã Vương cho rằng: Khanh là cái hang, hốc, cũng là cái ao từ từ cạn nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: Khanh là cái hầm, chữ viết từ bộ thổ thanh khanh âm dưới kham cảm sách Khảo Thanh cho rằng: Cái hầm nhỏ.

Tổ nể âm trên thô cổ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tổ là người khai sáng ban đầu. Cố Dã Vương cho rằng: Tổ là bậc trên. Quảng Nhã cho rằng: Cội gốc xa xôi, sách Thuyết Văn cho rằng: Tổ là người lập ra tông miếu đầu tiên, chữ viết từ bộ thị thanh thư âm dưới nê để văn cổ viết

chữ nể nay tục viết từ bộ thảo Văn Dĩnh viết chữ nể sách Chu Lễ cho rằng: Là sư phụ của tông miếu. Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ thị thanh nhĩ chữ chuyển chú.

Hoàn nhĩ âm trên hoàn quan sách Luận Ngữ cho rằng: Hoàn nhĩ là cười mĩm, Mao Thi Truyện cho rằng: Làm đẹp sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh hoàn âm hoàn ngược lại âm đãi quan.

Sái trần âm trên sa nhã rẫy nước xuống đất.

Thứ phục âm trên thư tứ chữ chánh thể là chữ thứ.

Sanh nhẫn âm trên là sanh thiết chì mềm mại trên lửa luyện thành đồng thao, khiến cho thành vụn cụ bén nhọn, cứng.

Bằng cử âm trên là bằng tên chim đại bàng, chữ hình thanh dưới là chữ cử từ bộ thủ.

Lâm tẩu âm dưới tảng tẩu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Ao (893) không có nước gọi là tẩu sách Thuyết Văn cho rằng: Ao lớn chữ viết từ bộ thảo thanh tẩu.

Huyển tài âm trên huyền quyên sách Thuyết Văn cho rằng: Tự khoe khoang, khoe tài, khoe đồ tốt mua bán, chữ viết từ bộ hành thanh huyễn cũng viết chu huyễn.

Chất cốc âm trên là chất âm dưới là cốc cũng gọi là nữu giới gông cùm nơi tay gọi là cốc gông cùm nơi chân gọi là chất sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ mộc chữ hình thanh.

Chúc đức âm trên dung chúc sách Chu Lễ cho rằng: Chúc là bán, sách Thuyết Văn viết từ bộ cách thanh chúc âm cách là âm lịch.

Trào hước âm trên trương giao là viết từ bộ khẩu viết thành chữ điều Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trào là àm trò vui đùa, âm dưới hương ước Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Dùng lời nói trò hài hước khiến cho vui đùa giễu cợt với nhau, chữ hình thanh.

Vĩ vĩ ngược lại âm vi phĩ âm trên đúng chữ vĩ, âm dưới là tục văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Hoàng uế ngược lại âm trên hoạch hoàng âm hoạch ngược lại âm uông quách Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hoàng là ao ước dơ bẩn, nước đục, Sở Từ giải thích rằng: Nước chảy thấm vào, sách Thuyết Văn cho rằng: Uế là nước ngưng đong lại không chảy chữ viết từ bộ thủy thanh tuế chữ tuế chánh thể.

Huyền tế âm xác tên người.

Trụ tất âm trên chu lũ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tru là đứng lại dừng lại, âm dưới tất Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đoàn quân xa đi làm sạch đường. Tức nay là ngăn cấm đường, hoặc là viết từ

bộ tẩu viết thành chữ tất hoặc là từ bộ ngôn viết thành chữ tất giải thích nghĩa đều đồng sách Thuyết Văn viết từ bộ túc.

Cửu ban ngược lại âm nhân man hoặc là viết chữ ban Tả Truyện giải thích rằng: Ban bố khắp, xếp hàng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phân chữ phân từ bộ bát đếm bộ đao viết thành chữ phân.

Bài bát âm trên bách mại sách Thuyết Văn cho rằng: Hươ, múa, xua tay, hoặc là viết từ bộ tất viết thành chữ huy đều từ bộ thủ âm dưới bán mạt sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng tay xoay chuyển vật chữ viết từ bộ thủ thanh phát.

Quan hạt ngược lại âm nhàn liết âm kiết ngược lại âm gian bát thiết cứng đầu trục xe.

Chấp duy ngược lại âm trên tri lập chấp là bó buộc ngăn cấm, âm dưới duy bốn gốc vuông.

Thích thăng ngược lại âm trên thiên đích âm dưới thang lãng Tư Mã Tương Như Phong Thiền Kỹ Truyện cho rằng: Thích thăng là tột cùng biến hóa, con ngựa có sức mạnh phóng nhanh ngựa chạy như bay, Quảng Nhã cho rằng: Trác tuyệt khác thường chữ viết từ bộ nhân chữ hình thanh.

Khoa phụ ngược lại âm khoa qua sách Trang Tử cho rằng: Chạy đến tận chân trời góc biển, khác vọng đến phương Bắc mà chết vậy, sách Thuyết Văn viết từ bộ đại thanh phong âm phong là âm ngược lại âm khổ phong Văn Luận viết chữ khoa tục tự thường hay dùng.

Dục hy âm dưới là hy sách Thuyết Văn cho rằng: Hy vọng, hoặc là viết chữ hy.

Huỳnh trung ngược lại uynh định văn trước trong quyển thứ mười đã giải thích rồi.

Môn lệ âm trên là môn theo Thanh Loại cho rằng: Môn giống như là sờ mó, chữ viết từ bộ thủ thanh môn.

Khôi vĩ âm trên công hồi sách Phương Ngôn cho rằng: Khôi thạnh. Tự Mã Tương Như chú giải sách Trang Tử rằng: Đẹp rất tốt đẹp, âm dưới vĩ quỹ Quảng Nhã cho rằng: Kỳ vì tốt đẹp lạ thường, hai chữ đều từ bộ nhân.

Phan trác âm dưới xương nhạ tên người.

Tọa tẫn âm dưới tân nhẫn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Xác chết ở trong quan tài đó chưa chôn an táng, quàng trên đình tây giai gọi là tẫn sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạc thanh tân Văn Truyện cho rằng: Chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ tẫn là chẳng phải chánh thể từ bộ miến.

Lâm lạc âm trên lâm âm dưới lạc sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy nước mà tưới, rót tiếng rót nước.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 14

Huệ quân âm dưới ư luân danh tăng.

Huệ du âm dưới sưu chu cũng là danh tăng.

Phụ mân âm dưới mạt bân tên cha của Tri Lâm.

Ngang hình âm trên ngã cang theo chữ ngang hình, tức là gọi ngang tàng trượng phu, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ viết viết thanh ngưỡng Tự Thư cho rằng: Từ bộ tiết viết thành chữ ngang âm ngang đồng với âm trên.

Tước pháp sư âm trên là tước sách Sử Ký Từ Quảng chú giải rằng: Bọt nước trắng phiêu nổi trên mặt nước, sách Thuyết Văn cho rằng: Màu trắng xanh, từ bộ tước đến bộ bạch Văn Truyện viết từ bộ nhục viết thành chữ tước là chẳng phải, chữ tước chánh thể.

Phi quốc âm trên bị bi theo Tả Truyện. Xưa nay Hền Trọng Thiên là phi, nước phi tức nay hạ phi, sách Thuyết Văn từ bộ ấp thanh phi âm phi là âm phi.

Phong đích âm trên là phong âm dưới là đinh lịch văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Vị nhiệt âm dưới nhuyễn xuyết âm nhuyễn ngược lại âm nhuyễn chuyên theo Tả Truyện cho rằng: Nhiệt là thiêu đốt, lửa cháy lan sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hỏa thanh nhiệt hoặc là viết từ bộ hỏa viết thành chữ bính âm nghĩa giải thích đều đồng.

Giáp tuần ngược lại âm hàm giáp sách Vận Thuyên cho rằng: Giáp là trơn ướt, âm dưới là tuần mười ngày gọi là một tuần, tuần là từ giáp đến quý.

Lẫm hoài âm trên lâm cẩn sách Khảo Thanh cho rằng: Bẩm là cung kính lo sợ, trong lòng hồi hợp. Bì Thương cho rằng: Lẫm là nơm nớp lo sợ, kính sợ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ băng thanh bẩm âm dưới hoài quái sách Luận Ngữ cho rằng: Hoài là an ổn sách Vận Anh cho rằng: Suy nghĩ sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hoài âm đồng với âm trên.

Hề kích âm trên hệ kê âm hệ ngược lại âm hề kế Đỗ Dự chú giải

Tả Truyện rằng: Hề tức là con đường hẹp. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hề tức là con đường để bẩy cầm thú. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh hề âm dưới kinh kình Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Kính là con đường xuyên thẳng qua đường hầm. Sách Thuyết Văn viết từ chữ kính là đúng.

Hồi dữ âm dưới chữ từ sách Vận Anh cho rằng: Lá cờ có vẽ chim ưng trên, rồi nắm lấy lá cờ mà tiến mau đến phía trước. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lột da con chim cắm vào đầu cán cờ, nói rằng tượng trưng cho sức mạnh hùng dũng, sách Vận Thuyên cho rằng: Dữ là cờ đi như chim bay sách Thuyết Văn viết từ bộ phương thanh dữ.

Kỹ nghi âm trên cự di sách Vận Anh cho rằng: Kỳ là con đường phân rẽ, rẽ ra, âm dưới ngưng cước. Hoặc là viết từ bộ khẩu viết thành chữ nghi nói lời tự xưng có thế lực cao lớn, như con đường phân rẽ, như núi lớn phân rẽ ra.

Tấn thân âm trên là tấn âm dưới là thân theo chữ tấn thân đó là sợi dây nịch lớn, dây đai lớn làm sợi dây màu hồng, màu trắng. Xưa đó dây buộc mũ làm trang sức cho người quý tộc, trong sách ghi các việc.

Lý thức âm trên là lý sách Thuyết Văn viết từ bộ thi đến bộ xước đến bộ cửu bộ chu dùng dây gai vải bổ làm giày dép, âm dưới là thức sách Vận Anh cho rằng: Thanh gỗ ngang gắn trước xe, biểu tượng cung kính, Quảng Nhã cho rằng: Cái mai gắn trước trục xe gọi là thức lấy vải buộc vào đuôi con ngựa làm ký hiệu.

Vũ nội âm trên vũ trong vũ trụ.

Kháp nhĩ ngược lại âm kham cáp sách Sở Từ cho rằng: Đột nhiên mà chết, lấy dòng nước mà hủy mình. Sách Khảo Thanh cho rằng: Dòng nước lớn bỗng nhiên mà ập đến, hoặc là viết chữ kháp cũng thông dụng.

Cao mạc âm dưới mang bác Mao Thi Truyện cho rằng: Mạc là to lớn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Mạc là xa vời, đều Phương Ngôn cho rằng: Rộng lớn, khoảng đất trống rộng lớn, nơi hoang vu xa xôi làng mạc.

Thành tiệm âm trên dúng là chữ thành chữ chánh thể từ bộ đinh Thế Bổn cho rằng: Hào quanh thành, sách Hoài Nam Tử cho rằng: Huyện Huyền làm thành cửu nhẫn bảy thước gọi là một nhẫn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ chữ viết từ bộ thổ thanh thành âm dưới tiếp viêm tiệm là hào quanh thành không có nước, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh trảm.

Giai sưu âm dưới sơ sưu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sưu là

phó thứ sách Vận Thuyên cho rằng: Rễ cỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo thanh sưu.

Manh thứ âm trên là manh Mao Thi Truyện cho rằng: Manh là người dân Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Lờ mờ, không hiểu rõ, không biết rõ.

Hoàn giáp ngược lại âm hoàn quán Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Loại Hoàn là xuyên qua sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh hoàn âm quán là âm quan.

Hạp cảnh ngược lại âm hàm cáp sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hạp gọi là đóng cánh cửa lại âm cáp ngược lại âm cam đáp.

Ủy ngược lại âm trên ủy vi Mao Thi Truyện cho rằng: Cây cỏ khô héo hư hoại mà chết âm dưới tình tụy Quách Phác chú giải Phương Ngôn rằng: tụy gầy gò thương cảm, sách Thuyết Văn cho rằng: Lo âu, tiều tụy, chữ viết từ bộ tâm.

Đàm hược âm dưới hương ước Văn Truyện viết từ bộ hổ viết thành chữ hước sách viết sai, văn trước trong quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Chỉ lệ ngược lại âm trên chi nhĩ âm dưới lực chế hai chữ đầy đủ từ bộ thạch.

Chi phái âm dưới phách mại Ngọc Thiên cho rằng: Dòng nước phân rỉ, chảy riêng ra ngã khác, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết từ bộ phản sách viết chữ vĩnh.

Trác thạch âm trên là trác Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trác là chặt đốn, hoặc là viết chữ trác sách Nhĩ Nhã cho rằng: Vót gọt, đẻo gọt sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Chặt đốn ngã, chữ viết từ bộ cân thanh đậu âm đậu là âm đậu.

Vi khám âm de khảm cam sách Vận Thuyên cho rằng: Hang của rồng, lại gọi là nhà đất, sách Vận Anh cho rằng: Hang rồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ nơi thờ tượng Phật, chữ viết từ bộ long đến bộ tâm thanh tĩnh.

Cũng bặc âm trên cộng cung Hán Thư cho rằng: Quân Thục có huyện Cũng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh công âm dưới bằng bắc theo Thanh Loại cho rằng: Bặc đó là phân biệt chủng loại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sự nhanh nhẹn mẫn tiệp của người Man Di, chữ viết từ bộ nhân thanh cước âm cước là âm căng lực đều từ hai bộ thứ không phải bộ thúc.

Tán quốc âm trên tạng hà sách Thuyết Văn cho rằng: Ở Nam Dương có huyện Tán, quận Bái, cũng huyện Tán chữ đúng thể là chữ

tán.

Thiên hoàng ngược lại âm hoảng quang Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hoàng là ao nước dơ, là ao nước không chảy, lại cũng gọi là vùng nước đọng lại, lại cũng gọi là nước mưa ngập tràn, nước lụt.

Đến hệ sách Thuyết Văn cho rằng: Đế đó vua trong thiên hạ, theo văn cổ chữ trên thanh thứ văn cổ viết chữ đế, âm dưới hê kế Thế Bổn cho rằng: Có quan hệ đến vua tức con cháu của Thiên tử, cùng nhau thừa kế, không dứt tuyệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Hệ là ràng buộc, chữ viết từ bộ mịch thanh phiệt âm phiệt là âm tiết.

Bát diên âm dưới diễn chiên Hán Thư âm nghĩa giải thích: Diên là vùng đất rất xa nơi biên giới. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh diên Văn Truyện viết từ bộ thủ là chẳng phải.

Trí khiết ngược lại âm lương chước danh tăng, sách Vận Anh cho rằng: Lanh lợi.

Ngô tỉ âm dưới phu dĩ Ngô vương tên Lưu Tỉ.

Hộ độc âm trên hồ cổ kinh Sơn Hải giải thích: Hoàng đế đến sông Huyền Hộ rùa linh thiêng vác đồ sách pho sách đén dâng xuất ra tức là tên của sông này, Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh hộ âm hộ đồng với âm trên, âm dưới là độc.

Huy tiêu âm trên là huy ngược lại âm tỷ liêu sách Vận Anh cho rằng: Tên cuồng phong gió bão, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Gió lớn, bảo táp, từ trên mà xoáy xuống dưới gọi là tiêu âm phiêu đồng với âm trên, từ ba bộ khuyển không phải từ ba bộ hỏa.

Cảm quýnh âm trên kham lam Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cảm là nhìn từ khe cửa, hoặc là thích từ bộ mục viết thành cảnh cảm sách viết sai nghĩa cũng đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh cảm âm dưới huỳnh linh sách Nhĩ Nhã chú giải: Quýnh là xa xôi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh quynh.

Đạo hiệp âm dưới kiêm hiệp sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hiệp là hòa hợp, sách Thuyết Văn cho rằng: Suy nghĩ, nhớ nghĩ, chữ hình thanh.

Háo hống âm trên hiếu giao Bì Thương cho rằng: Hao là gầm thét, dọa nạt, giận dữ, sách Thuyết Văn viết từ bộ (894) khẩu thanh hiếu âm dưới ha cẩu sách Sở Từ cho rằng: Tiếng kêu của con gấu, sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng rống của con hổ, con bò.

Thiên mậu âm trên là thiên Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Trao đổi, theo Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dời đổi, chuyển đổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Đi lên từ bộ xước thanh thiên âm thiên là âm thiên âm dưới là mâu hầu sách Ngọc Thiên cho rằng: Mậu là

trao đổi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trao đổi tài vật chữ viết từ bộ bối thanh uyển.

Cấp trũng âm trên là cấp địa danh quận cấp có vương an xân. Xưa là huyện trũng thời vua Tấn có kẻ trộm xuất phát ra từ huyện trũng này, theo sách ghi chép trên những thẻ tre ghi tên người chết làm mộ bia, theo truyền tục là cấp trũng. Sách Thuyết Văn viết chữ trũng từ bộ bao đến bộ thỉ âm thỉ ngược lại âm sửu lục âm thỉ cũng là thanh.

Nhi hiệp âm dưới là hàm giáp Cố Dã Vương cho rằng: Khiếp gọi là không có rộng lớn, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh hiệp âm hiệp ngược lại âm kiêm diệp Văn Truyện viết từ bộ thủ viết thành chữ khiếp là chẳng phải.

Duy y ngược lại âm trên đáp bi Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Che một bên gọi là duy Quảng Nhã cho rằng: Duy là màn che, sách Thuyết Văn cho rằng: Bộ cân thanh duy ngược lại âm dưới y phong Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cửa sổ phía đông, phía tây gọi là y sách Thuyết Văn viết từ bộ hộ thanh.

Tặng kiêm âm dưới giáp kiêm Quảng Nhã cho rằng: Mép đường viền gọi là kiêm là tơ lụa mịn, chữ viết từ bộ mịch thanh kiêm.

Lập trạch âm trên lập âm dưới là trạch Tự Thư cho rằng: Lập trạch đó là thời nhà Ngô tên huyện trạch. Đất trạch này không có cây mọc, bình thường người ta che dù mà đi, bởi vậy mà tên là Trạch Lập, chữ viết từ bộ trúc đến bộ lập.

Miễn lưu âm trên là miễn âm dưới lưu Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Sáu loại trang gọi là miễn đây là tràn sức trên đầu, Trịnh Huyền lại cho rằng: Miễn đó là kéo dài từ trên che đậy xuống. Thế Bổn cho rằng: Hoàng đế làm trang sức miễn, sách Thuyết Văn viết từ bộ viết âm viết là âm quyên thanh miễn âm dưới là lưu Mao Thi Truyện cho rằng: Lưu trên đầu trang sức rất trang trọng, có hạt châu rũ xuống làm che, làm tế hốt, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh liêu chữ hình thanh.

Phu tặng âm trên là phụ sách Vận Thuyên cho rằng: Lấy tài sản vải lụa trợ giúp cho nhà còn thiếu thốn không đủ gọi là phu sách Thanh văn viết từ bộ bối thanh phu là âm phu hoặc là viết, hoặc là viết chữ phúng ngược lại âm phong mộng sách Vận Anh cho rằng: Lấy xe ngựa dàng mã tặng biếu cho người chết gọi là phúng sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh quyên âm quyên âm dưới tặc đặng lấy tài vật biếu tặng cho nhau. Ngọc Thiên cho rằng: Tặng là biếu thức ăn. Sách Vận Anh cho rằng: Lấy vật biếu tặng cho nhau, sách Thuyết Văn viết từ bộ bối

thanh tằng.

Đệ cấp âm trên đề lễ chữ thượng thanh. Văn trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Huệ tảng ngược lại âm trên hàm lang hoặc là viết chữ tảng danh tăng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tuấn mã, giải thích chữ nghĩa đều đồng gọi là con ngựa chạy ngàn dặm, chữ hội, âm tuấn là âm tuấn.

Oản diễm ngược lại âm trên ư viễn Ngọc Thiên cho rằng: Oản là ngọc khuê, âm dưới diêm nhiễm sách Thuyết Văn cho rằng: Ngọc khuê dài chín tấc, cầm lấy cho rằng: Làm tin, làm tin đánh dẹp không có nghĩa này.

Huệ hoàn ngược lại âm nhuế huyền sách Vận Anh cho rằng: Tính nóng nãy.

Cảo sư âm trên cao lão.

Khoáng lệ âm trên hồ mảnh âm dưới lực đối khoáng lệ là tính xấu ác.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN QUYỂN 15

Huệ diêu âm dưới là đào chiêu danh tăng. Văn Truyện viết từ bộ nguyệt viết thành chữ diêu là sai.

Du khổn âm trên canh chu Mao Thi Truyện cho rằng: Du là vượt qua Quảng Nhã cho rằng: Vượt qua sông sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ túc thanh du ngược lại âm dưới khôn bổn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khổn là cửa hẹp, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mộc viết thành chữ khổn gọi là cây trụ cột cửa.

Ô yết âm trên ốc hồ sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng than đau buồn Tự Thư cho rằng: Cũng từ bộkhảm viết thành chữ ô âm dưới yên yết Tự Thư và Khảo Thanh cũng từ bộ ế viết thành chữ ế theo Thanh Loại cho rằng: Không bình thanh hơi đi ngược.

Hữu thần âm dưới thất chân Tự Thư cho rằng: Chữ đúng viết từ bộ nhân viết thành chữ thân Quảng Nhã cho rằng: Thân tức là mang thai, người đàn bà mang thai trong bụng, thần thân âm nghĩa đều đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân đến bạch thân.

Trúc can sóc âm kế là can ngược lại âm cát hãn sách Thượng Thư

Đại Truyện cho rằng: Can giống như là nắm chặt mũi tên trên cây cung, xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh khả âm dưới song tróc Quảng Nhã cho rằng: Sóc là cây mâu giáo. Bì Thương cho rằng: Cây giáo dài tám thước. Văn Tự Điển nói: Nay gọi là cây kích, chữ viết từ bộ mâu thanh tiếu Văn Truyện viết từ bộ mộc viết thành chữ sóc tục tự thường hay dùng.

Nhuế thành âm trên nhu thuế nay gọi là Hà Đông có huyện Nhuế Thành.

Vấn loạn âm trên căn phẫn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Vấn là tơ rối loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vấn cũng là loạn, chữ viết từ bộ mịch thanh vấn loạn đúng là chữ loạn.

Dị độ ngược lại âm trên di chí Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Di là đã rồi, dĩ giống như thối lui, sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh dĩ âm là âm cũng cũng.

Hàm kính âm dưới là hình lĩnh Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Kinh là hận sách Văn Tự Điển nói cũng là oán hận, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh kinh âm kính là âm kinh.

Bổ trán âm trên liên mụ Cố Dã Vương cho rằng: Bổn giống như lấp kín, giống như sửa chữa thêm vào che kín, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh bổ ngược lại âm dưới tranh hạn trán là cái xiêm đã rách dùng kim xâu chỉ vá lại, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trán là mổ ra, Văn Tự Điển nói: Trán là rách, nức ra chữ viết từ bộ y thanh định.

Xúc cố âm trên xung dục Văn Truyện viết chữ xúc văn cổ viết chữ xúc Quảng Nhã cho rằng: Xúc là va chạm, xung đột sách Thuyết Văn cho rằng: Vui vẻ hài hòa, chữ viết từ bộ giác thanh thục.

Phong hộ âm trên phú phong trên sông, âm dưới hồ cố tên huyện xem trước đã giải thích rồi.

Yển phốc âm trên yết kiển Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Yển là té ngã ngửa, Quảng Nhã cho rằng: Yển giống như ngửa mặt, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh yển âm dưới bằng bắc Thống Tự cho rằng: Phốc là đốn ngã, sách Khảo Thanh cho rằng: Phía trước che nên té nhào. Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ nhân thanh bốc.

Tây viện âm dưới viên uyển Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Viện là tường bao quanh hầu tránh mưa gió, sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ đến thanh hoàn âm hoàn là âm hoàn Văn Truyện viết chữ hoàn là sai.

Nam duệ âm dưới diên ế Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Duệ là phần ngọn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Xa xôi,

Quảng Nhã chú giải rằng: Duệ là gấu áo (tà áo) sách Thuyết Văn cho rằng: Phần viền của áo, chữ viết từ bộ y thanh cảnh âm cảnh ngược lại âm nữ hoạt.

Quán châu âm trên là hoan Quận Quốc Chí cho rằng: Quán châu tức là nay quản hạt an nam, giao châu.

Sủy văn âm trên sơ ủy Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Sủy là đánh giá đo lường, Tả Truyện cho rằng: Sủy là đánh giá cao, thấp sách Thuyết Văn cho rằng: Sủy là đo lường, chữ viết từ bộ thủ thanh đoan âm đoan ngược lại âm âm tri hoàn.

Lạt thực âm trên lan hằng sách Hoài Nam Tử cho rằng: Lạt là lương thực để dành, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lạt là gạo thô, cũng là hạt gạo mới lột trấu, chưa giả trắng, sách Thuyết Văn viết từ bộ mễ đến thanh vạn Văn Truyện viết từ bộ hán viết thành chữ lạt tục tự thường hay dùng.

Viển tước âm trên viêm nhiễm âm dưới thường lược viễn tước hai chữ tên của cao tăng. Xem trước đã giải thích rồi.

Khâm đàn văn trước quyển thứ sáu đã giải thích đầy đủ rồi.

Liên tiêu âm trên liệt triền Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Xưa chữ liên đều viết chữ liên theo Thanh Loại cho rằng: Liên là sợi chỉ kéo dài ra không dứt tuyệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Liên là nối tiếp liên miên chữ viết từ bộ nhĩ đến bộ tư liên tiếp nhau không dứt âm tư là âm tư âm dưới biểu miêu xem trước quyển thứ mười đã giải thích rồi.

Tiêu cấp âm trên là tiêu gọi là gốc núi có gò đất lớn, Quảng Nhã cho rằng: Vùng biên giới cấp bách. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tiêu là gò đất cao. Lại cũng gọi là nghiêm trọng vùng nguy hiểm, sách Thuyết Văn cho rằng: Gò mã, chữ viết từ bộ phụ thanh tiêu Văn Truyện viết chữ tiêu tục tự thường hay dùng.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 16

Lâm tẩu âm dưới tô tẩu văn trước quyển thứ mười ba đã giải thích rồi.

Tiêu uyên âm dưới ế huyền tên người.

Tụy kích âm trên địch hình văn trước quyển thứ mười đã giải thích

rồi, âm dưới đúng là chữ kích sách Thuyết Văn cho rằng: Kích là đánh chữ viết từ bộ thủ kích âm kích là âm khiết.

Tăng lẫm âm dưới lâm cẩm Tự Thư viết đúng là lẫm sách Chu Lễ cho rằng: Lẫm là người nắm trong tay kho lẫm thóc, chứa nhiều thóc lúa tốt, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kho gạo của nước Lỗ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kho thóc, chỗ để cứu giúp chữ viết từ bộ hòa viết thành chữ lẫm Văn Truyện viết từ bộ mể viết thành chữ lẫm tục tự thường dùng.

Hoang tiến âm dưới tiền tiện văn trước quyển thứ mười một đã giải thích rồi.

Tháp diệp ca ngược lại âm trên đàm hạp âm kế cổ diệp Văn Truyện viết chữ cấu là sai. Âm dưới đọa hòa Tự thư viết đúng từ bộ thạch viết thành chữ oa Văn Truyện viết từ bộ kim viết thành chữ đoa tục tự thường hay dùng.

Tăng trù âm dưới trụ lưu danh tăng.

Diên thực ngược lại âm trên phiến nhiên âm dưới thừa thực sách Lão Tử: Diên thực là dụng cụ. Hà Thượng Công chú giải rằng: Diên thực là nhào nặn, thực là đất, tức là nhào nặn nắn bóp làm đồ sành sứ.

Hà sĩ âm dưới xừ sử sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng gọi là bến nước chữ viết từ bộ thủy thanh sĩ.

Truyền hịch ngược lại âm dưới hình ích sách Sử Ký cho rằng: Trương Nghị Tương nước Tần làm văn hịch cùng với nước Sở, Cố Dã Vương cho rằng: Cái bàn tính (bàn toán) chỗ gọi là trách phạt tội nhân định tội, thay thế bằng hiểu dụ, an ủi bá tánh, viết văn hịch để kêu gọi. Hán Thư cho rằng: Có thể truyền văn hịch đi ngàn dặm, sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh kích.

Trừng thải âm dưới đạt đái Quảng Nhã cho rằng: Thải là tẩy rửa, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Lấy nước tẩy rửa bùn đất. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Đạt tới. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh thái.

Thuyên mặc âm trên duyệt huyên xem trước trong quyển thứ ba đã giải thích rồi.

Liêu công ngược lại âm trên liểu tiêu tên người.

Thác sự âm trên Văn Truyện viết làm thác tên cây, viết sai. Tự Thư cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn viết thành chữ thác sách Phương Ngôn cho rằng: Thác là ký gởi phó thác. Lại cũng là nương dựa vào.

Nhất bát âm dưới bán mạt âm dưới cũng đồng, xem trước đã giải thích rồi.

Anh đào âm trên anh đĩnh Hán Thư cho rằng: Triệu Châu có huyện Anh Đào.

Hiệp trửu âm trên kiêm hiệp Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hiệp giống như ôm ấp, sách Thuyết Văn cho rằng: Hiệp là nắm giữ lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh hiệp âm dưới chu liễu Thế Bổn cho rằng: Thiếu Khang làm ra cái mẹt, cái nia sảy gạo, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây chổi quét trừ phân dơ, từ bộ hựu tức là tay cầm nắm khăn, cây chổi quét, lau chùi, tức là quét dọn lau chùi bên trong, chữ hội ý.

Bao hưởng âm trên bao giao sách Sở Từ cho rằng: Tiếng gầm của con gấu, Quảng Nhã cho rằng: Tiếng rống, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là tiếng gầm rống của loài thú, chữ viết từ bộ khẩu thanh bao.

Tịch mặc âm trên là chữ tịch cổ. Văn Truyện viết từ bộ nhân viết thành chữ tịch là sai, sách Thuyết Văn (895) viết đúng là chữ tịch nghĩa là không có tiếng người.

Tháp sơn ly âm trên lam hạp Quảng Nhã cho rằng: Tháp là chẻ ra, sách Khảo Thanh cho rằng: Hư hoại, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là hư hoại, chữ viết từ bộ thủ thanh tập âm dưới sĩ tri Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ ly Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ly là thần nêu hình dạng giống như con thú, sách Thuyết Văn cho rằng: Ly cũng là mảnh thú. Theo cầm đầu là cầm thú, chữ viết từ bộ nhữu thanh triệt Văn Truyện viết từ bộ trùng viết thành chữ ly là chẳng phải bổn nghĩa này, âm nhữu ngược lại âm nhi cửu âm hủy là âm hủy.

Hao hổ âm trên hiếu giao Mao Thi Truyện cho rằng: Con hổ tức giận gầm rống lên, gọi là tiếng tức giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng hổ gầm chữ viết từ bộ hổ thanh cửu.

Đồi sơn âm trên đoái hồi Tự Thư viết đúng là chữ đồi xem trước trong quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Xi vẫn âm trên xỉ chi Tự Thư viết đúng là chỉ xi âm dưới văn phân theo chữ xi vẫn là trên điện đường trang sức trên đầu hai xương sống buộc lại với nhau, hình dáng đuôi cong dòng để trang trí trên đầu.

Trọng đồng âm trên trù long âm dưới là đồng sách Thượng Thư cho Đại Truyện cho rằng: Bốn nhìn nhau nháy, Bì Thương cho rằng: Con ngươi trong con mắt, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ mục đến thanh đồng.

Ẩu lũ âm trên vu vũ âm dưới lục chủ Cố Dã Vương cho rằng: Ẩu lủ là thân khom lại cung kính có lợi ích tăng thêm, Quảng Nhã cho rằng: Xương sống cong lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Khiểng chân, hai chữ đều từ bộ nhân đều thanh khu lũ âm khu là âm khưu âm lủ là âm lâu.

Thắng công âm trên đặng năng thẳng là tên nước. Hán Thư cho rằng: Hiệu ấp của Hạ Hầu Anh.

Lịch thực kỳ âm trên là lịch âm dưới là kỳ Hán Thư giải thích Tên họ người.

Tăng vĩ âm dưới vi quỷ danh tăng.

Luân hoán âm dưới hoan ngoạn sách Lễ Ký cho rằng: Đẹp thay bánh xe lăn, đẹp thay, thay đổi sáng suốt. Trịnh Huyền chú giải rằng: Hoán là sóng tơ, văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ mười đã giải thích rồi.

Hãn lạo âm dưới lao đáo sách Khảo Thanh cho rằng: Lạo là mạ chìm dưới đáy nước, sách Lễ Ký Nguyệt Lịnh viết chữ lạo gọi là thành quách chìn trong nước hư hoại, ngập lụt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh liệu âm liệu ngược lại âm lực chiêu.

Hiêu nạo âm trên hư kiêu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hiệu giống như ồn ào, sách Thuyết Văn cho rằng: Hiệu là hơi trên đầu xuất ra, chữ viết từ bộ tập thanh hiệt là âm hoặc iệt âm dưới mã giao Quảng Nhã cho rằng: Nạo là loạn theo thanh loại cho rằng: Nạo là quấy rối. Lại cho rằng: Nhiễu loạn chữ viết từ thủ thanh kiểu.

Ly sơn âm trên lợi tri kinh Sơn Hải cho rằng: Tên núi xem trước đã giải thích rồi.

Quyệt đối ngược lại âm trên quyên duyệt Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Quyệt là dối trá, Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Nói lời không thẳng thắn, sách Thuyết Văn cho rằng: Quyệt là dùng quyền lực dối gạt người, chữ viết từ bộ ngôn thanh duật âm duật ngược lại âm cư duật âm dưới đúng là chữ đối như trước đã giải thích rồi.

Thuyên lạt âm trên tuyệt huyên trước trong quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Tán cái âm trên tảng đàn âm dưới cai cái gọi là cây dù, sách Đông Quán Hán Thư cho rằng: Khi trời mưa che trên nắm giữ cán mà đi, từ hơn một trăm cây dù để che trên lên phủ đô úy, Chư Cát Lượng Tập giải thích Không được nắm cán dù che. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tản tức dù che chữ viết từ bộ mịch thanh tán Văn Truyện viết chữ tản tục tự thường hay dùng.

Yết cam âm trên kiền nghiệt sách Sử Ký cho rằng: Yết là giơ cao lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh hạt âm dưới khâm cam sách Phương Ngôn cho rằng: là đồ sành sứ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh cam.

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 94

Từ quyển mười bảy cho đến hết ba mươi tính ra là bốn mươi quyển.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 17

Trí khải âm dưới là giai danh tăng. Sách Phương Ngôn cho rằng: Khải là sắt cứng.

Tiên thành sơn âm trên là tiên núi biển là túc tương, nhưng lại gọi tên con ve lột xác, được nuôi dưỡng đầy đủ.

Cấu tích âm trên cấu hầu văn trước trong quyển thứ hai đã giải thích rồi, âm dưới bình mịch Mao Thi Truyện cho rằng: Tích là một gạch ngói, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngõa thanh tích âm lộc là âm lộc âm duyên là âm duyên.

Cao diễm âm dưới viêm chiêm Hán Thư âm nghĩa cho rằng: Diêm sáng chói, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh viễn.

Thù tứ âm trên thụ chu âm dưới tư tứ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thù là nhánh của sông ở thành Lỗ phía bắc, am dưới là tứ kinh Sơn Hải cho rằng: Sông tứ xuất phát từ đông ngô phía bắc chảy qua hồ lăng rót vào biển đông, sách Thuyết Văn cho rằng: Thù tứ hai chữ đều từ bộ thủy.

Yểm ứ âm trên ế diễm Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Yểm là cảm thấy đủ đầy, chữ viết từ bộ cam đến bộ nhục đến bộ khuyển Văn Truyện viết từ bộ thực viết thành chữ yểm tục tự thường hay dùng. Âm dưới ư cứ Mao Thi Truyện cho rằng: Ứ là no đủ, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ứ là nhàm chán, sách Thuyết Văn viết từ bộ thực thanh yểm.

Quẫn chích âm trên quân vận âm dưới chi diệc văn trước quyển

thứ nhất đã giải thích rồi.

Hệ vạt âm kê nghệ sách Thuyết Văn cho rằng: Hệ là kết buộc lại, chữ viết từ bộ nhân thanh hệ âm hệ ngược lại âm hề kế âm dưới vãn phát sách Thuyết Văn cho rằng: Vạt là áo dày đầy đủ ấm, chữ viết từ bộ vi thanh miệt Văn Truyện viết từ bộ hệ viết thành chữ miệt là chẳng phải.

Đốt tai âm trên đôn cốt Tự Thư cho rằng: Đốt là tức giận quát mắng, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trách mắng sách Thuyết Văn cho rằng: Đốt giống như là lời nói kinh ngạc, chữ viết từ bộ khẩu thanh xuất.

Oán tật âm dưới tần dật Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hại người hiền gọi là tật xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nữ thanh tật.

Trậm độc âm trên trừ cấm kinh Sơn Hải cho rằng: Mấy người con gái trên núi phần nhiều là độc giống như chim trậm, Quách Phác chú giải rằng: Loại chim trậm lông màu tím, xanh lục, cổ dài mỏ đỏ, giống chim ăn rắn, chữ viết từ bộ điểu thanh trậm âm chậm là âm dảm âm huệ ngược lại âm vu vệ âm dưới đồng với âm lộc sách Thuyết Văn cho rằng: Hại người bằng thảo dược, chữ viết từ bộ triệt thanh độc âm triệt ngược lại âm sĩ liệt.

Cao vụ âm dưới là vụ văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ sáu đã giải thích đầy đủ rồi.

Cơ chích âm dưới chinh xích văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ mười đã giải thích đầy đủ rồi.

Chế cẩu âm trên cư lệ sách Thuyết Văn giải thích Con chó điên cuồng, chó dại, chữ viết từ bộ khuyển thanh triết Tả Truyện viết từ bộ chế viết thành chữ chế.

Tê chẩm ngược lại âm trên tương thê Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Côn tê hình trạng nó giống như trâu nước, đầu giống heo, bụng lớn, chân thấp, có ba móng màu đen, hai sừng, một sừng trên đảnh đầu, một sừng trên mũi. Nay gọi là tế chẩm đó là lấy sừng con tê giác làm gối, gối đầu, sách Thuyết Văn cho rằng: Tê từ bộ ngưu thanh vĩ âm dưới đúng là chữ chẩm chữ viết từ bộ âm lẫm là âm dâm.

Kỳ lộc âm trên đúng là chữ kỳ âm dưới là lọc.

Vãn khải âm trên là vãn âm dưới nghi khải danh tăng.

Nhàn xướng âm dưới xương dưỡng sách Thuyết Văn cho rằng: Đất được cho rằng: Đất được sửa sang bằng phẳng cao ráo gọi là xướng chữ viết từ bộ phộc thanh thượng.

Sàn viên ngược lại âm sạn nhàn âm dưới là viên Thống Tự cho

rằng: Sàn viên là nước chảy, sách Văn Tự Điển nói rằng: Tiếng nước chảy róc rách.

Mậu tùng ngược lại âm trên mỹ bưu lại cũng âm mi ấu hai âm. Lại là họ người. Theo chữ mậu là họ người, kẻ sĩ thời nhà Ngô tên Điển, Văn Truyện viết từ bộ vũ viết thành chữ mậu thoát ra âm dưới hoàn toàn sai.

Hoa đỉnh âm dưới đinh đỉnh Văn Tự Điển nói rằng: Đĩnh là đèn Văn Truyện cho rằng: Đèn hoa có một ngàn nhánh tức là đèn hoa có ngàn nhánh.

Kiểm hạ âm trên là kiểm Tự Thư cho rằng: Mi mắt trên dưới, Văn Tự Điển nói: Kiểm là là mắt, chữ viết từ bộ mục thanh kiểm.

Kiêm tiếu trên đúng là chữ kiêm xem trước đã giải thích rồi, âm dưới tiều diệu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tiếu là trách khéo Tự Thư cho rằng: Chữ viết đúng từ bộ tiều viết thành chữ tiều Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trách mắng.

Khỉ khu ngược lại âm trên khởi kỳ ngược lại âm dưới khúc câu Bì Thương cho rằng: Khỉ khu là không an Bát-nhã giải thích: Nghiêng lệch hoặc là từ bộ phụ viết thành chữ khi khu âm cũng đồng với âm trên.

Khiêm ngôn ngược lại âm trên khiếp điếm xem trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ ba đã giải thích rồi.

Hữu tẩm ngược lại âm dưới tầm nhậm Tự Thư cho rằng: Tẩm là loại nấm, gọi là nấm đất, sách Thuyết Văn cho rằng: Tẩm là loại nấm lá dâu, chữ viết từ bộ thảo thanh tẩm âm thức ẩm đồng với âm trên.

Đạn ngôn âm trên đán nan Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đạn là hết sạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Đạn là chết tuyệt, chữ viết từ bộ ngạc thanh đạn âm ngục ngược lại âm ngũ đạt.

Si tư ngược lại âm trên sĩ tri Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Si là làm văn trao chuốt, uyển chuyển căng ra, thổi phồng lên, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh si âm si đồng với âm trên, âm dưới tư tứ Tự Thư cho rằng: Chữ đúng thể là chữ tư.

Dương đế âm trên dương thượng hiệu đọa đế ích.

Kim thước âm dưới dưỡng dước Tự Thư viết đúng từ bộ môn viết thành chữ dược văn trước quyển thích giáo lục đã giải thích rồi Văn Truyện viết từ bộ trúc viết thành dược tục tự thường hay dùng cũng thông dụng.

Đồi hủy ngược lại âm trên đợi lôi văn trước trong quyển thứ tư đã giải thích rồi, ngược lại âm dưới huy ủy sách Thuyết Văn cho rằng: Thiếu khuyết, chữ viết từ bộ thổ âm hủy thanh tĩnh lược văn cổ viết từ

bộ vương viết thành chữ hủy.

Khối niển âm trên ngô đối thế bổn cho rằng: Bánh xe nghiền nát, ban đầu là nghiền đá sỏi, sách Thuyết Văn cho rằng: Khối là đá mài, chữ viết từ bộ thạch đến bộ khải âm ma ngược lại âm ma phá âm dưới nữ triển chữ khứ thanh, sách Khảo Thanh cho rằng: Niển là cối đá xay gạo, chữ viết từ bộ thạch thanh triển chữ hình thanh.

Kiếp chung âm dưới chúc dung Bì Thương cho rằng: Dung là chết Quảng Nhã cho rằng: Chung là dứt hết Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Già mà chết đó gọi là chung chữ viết từ bộ ngạc thanh đông.

Hiếp bất thân vật ngược lại âm trên khảm kiếp Tả Truyện giải thích rằng: Nghe nói hai con ngựa sanh đôi nhau, như hai bên sườn kề sát nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Hiếp tức là xương hai bên bụng, chữ viết từ bộ nhục đến thanh hiếp âm hiếp ngược lại âm kiêm hiệp.

Bạo thanh ngược lại âm trên bao mạo Quảng Nhã cho rằng: Bao là lửa cháy nóng nhiệt, sách Khảo Thanh cho rằng: Thiêu đốt củi, trúc tre phát ra tiếng nổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Hún đốt củi lửa, chữ viết từ bộ hỏa âm bạo ngược lại âm bao mạo.

Thứ cổ âm trên đúng là chữ thứ ngược lại âm thử tứ âm dưới là cổ văn trước trong quyển thứ mười ba đã giải thích rồi.

Ban bác âm trên bát man Thống Tự cũng viết từ bộ ban viết thành ban cùng với chữ ban đồng nghĩa, gọi là con ngựa vằn, xen lộn nhiều màu, lại cũng gọi là văn chương màu sắc rực rỡ, trao chuốt âm biện là âm biện Văn Truyện viết từ bộ đao viết thành chữ ban tục tự thường hay dùng. Âm dưới ban mạc Hán Thư cho rằng: Màu đen trắng hợp lại, gọi là ngựa vằn, sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa không thuần màu sắc chữ viết từ bộ mã thanh bát Văn Truyện viết từ bộ (896) giao viết thành chữ bát tục tự thường hay dùng.

Đôn túy âm dưới tuy túy văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ tám đã giải thích rồi.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 18

Huệ tán âm dưới tàn hãn danh tăng.

Quyền hội ngược lại âm trên lục viên họ người, Văn Truyện viết từ bộ tâm là chẳng phải, sai.

Nhất ẩu âm dưới vu vu Cố Dã Vương cho rằng: Thời nay gọi người con gái là ẩu sách Thuyết Văn cho rằng: Ẩu là là láo. Chữ viết từ bộ nữ thanh khu.

Thông giác ngược lại âm trên tông khổng Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tông là búi tóc cao của người con gái. Sách Văn Tự Điển nói: Cây lược cài trên mái tóc, chữ viết từ bộ tiêu thanh thông Văn Truyện viết chữ tông tục tự thường hay dùng.

Đồi thoán âm dưới thô toán thoán là chạy trốn. Văn Truyện trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Đột trách âm dưới tranh trách văn quyển Thích Giáo Lục đã giải thích rồi.

Phách nhi âm trên là bách Cố Dã Vương cho rằng: Phách là dùng tay đánh phá, đập. Quảng Nhã cho rằng: Phân ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỉ huy, chữ viết từ bộ thủ thanh tích.

Thuyên phục ngược lại âm trên thất huyên xem trước đã giải thích rồi.

Bính lệ âm trên bách mảnh xem trước quyển thứ mười đã giải thích rồi.

Đồng tháp âm dưới tham hạp Quảng Nhã cho rằng: Tháp là bàn cờ Thích Danh cho rằng: Tháp là cái giường hẹp mà dài, Văn Tự Điển nói tháp là cái giường, chữ viết từ bộ mộc thanh tháp.

Phân vân âm trên phù văn Quảng Nhã cho rằng: Phân là tơ rối loạn, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh phân âm dưới là vân sách Khảo Thanh cho rằng: Phân vân là tơ rối loạn rối tung.

Phong ủy ngược lại âm ổi nguy Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ủy là bệnh, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ủy là bệnh cái chân không thể đi được sách Thuyết Văn cho rằng: Ủy là bệnh tê liệt chữ viết từ bộ tật thanh ủy.

Loa lũ âm trên lô qua âm dưới long du văn trước đã giải thích rồi, trong quyển thứ tám.

Thê nhân âm trên thiết mậu sách Khảo Thanh cho rằng: Tên huyện Tử Châu.

Thiết đôi âm dưới đồ đối sách Lễ Ký cho rằng: Tấn đơn vị khối lượng như mâu kích gắn trước và sau xe, như mũi đao. Mao Thi Truyện cho rằng: Đôi là cáo khâu, cái vòng ở mát rựa, xà mâu (tức vòng sắt tán ở đầu cán để siết chặt cái chuôi) sách Thuyết Văn cho rằng: Mâu kích có chứa chút đồng thao, chữ viết từ bộ kim thanh đôn âm mi là âm bi tức là cán của cây mâu.

Thiết thương âm dưới tích dương Tự Thư viết đúng từ bộ mộc viết thành chữ thương Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thương là cây súng hai đầu rất nhạy bén, Văn Tự Điển nói rằng: Thương là cây súng bắn ra có cự ly xa, là loại binh khí chữ viết từ bộ mộc thanh thương Văn Truyện viết từ bộ kim viết thành chữ thương là chẳng phải.

Mẫn nhiên âm trên mân vẫn văn trước Cao Tăng Truyện trong quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Khan thạch âm trên khát an Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khan là trừ bỏ sửa chữa, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vót gọt khắc chạm sách Thuyết Văn viết từ bộ đao đến bộ can.

Lâm lạc âm trên lập kim Thống Tự cho rằng: Lâm là lấy nước tưới xuống đất.

Phục nhĩ âm trên là phục Tự Thư cho rằng: Đúng là chữ phục xem trước đã giải thích rồi, âm dưới nhi chí Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhĩ là dâng thức ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhĩ tức là loại bánh nướng, chữ viết từ bộ thực thanh nhĩ.

Sam cải âm trên là sam Mao Thi Truyện cho rằng: Sam là dụng cụ trừ cỏ, Cố Dã Vương cho rằng: Sam là cái lưỡi liềm cắt cỏ.

Khích khí âm trên hương kích sách Thuyết Văn cho rằng: Vách tường có lỗ hỏng, khe hở, chữ viết từ bộ phụ đến bộ bạch trên dưới là bộ tiểu.

Bần lỹ âm dưới cụ lũ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lũ là nghèo nàn. Mao Thi Truyện cho rằng: Lũ là người không có chỗ ở không có lễ nghĩa.

Y hành âm dưới hàng lãng sách Khảo Thanh cho rằng: Hành là cái giá móc áo.

Niếp nữ quần ngược lại âm trên niêm triếp sách Phương Ngôn cho rằng: Niếp là đi lên, Quảng Nhã cho rằng: Đi giày, sách Thuyết Văn cho rằng: Rơi xuống chữ viết từ bộ túc thanh niếp âm nữ là âm nhữ âm dưới quận quần sách Thuyết Văn cho rằng: Quần là cái xiêm, cái váy, cái quần dưới, chữ viết từ bộ y thanh quần hoặc là viết chữ quần cũng thông dụng.

Khả quái âm dưới đúng là chữ quái sách Thuyết Văn cho rằng: Quái dị, khác thường, chữ viết từ bộ tâm thanh quái Cố Dã Vương cho rằng: Phàm vật gì kỳ dị rất khác thường đều gọi là quái Văn Truyện viết từ bộ chữ quái chữ cổ hoặc viết chữ quái tục tự thường hay dùng.

Quỳnh viễn ngược lại âm trên hỏa sính Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Quỳnh giống như là xa xôi, ngoái nhìn lại, sách

Thuyết Văn cho rằng: Cầu mong nhiều, vọng cầu nơi xa xôi, chữ viết mân người xưa thường ở trong hang, nên mong cầu, chữ hội ý âm mâm là âm uy.

Thê nô âm dưới là nô sách Thượng Thư cho rằng: Con và vợ là giết các ông, Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ tử thanh nô Văn Truyện viết từ bộ cân viết thành chữ nô ngược lại âm thang lãng là chẳng phải.

Đồng quan âm dưới quan hoạn văn trước quyển thứ ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Truy thù âm trên tử sư Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tám lạng là con số rất nhỏ gọi là truy sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ kim thanh truy âm truy la âm truy âm dưới là thù chữ viết từ bộ kim thanh chu Văn Truyện viết chữ truy là tên sông Truy Thù, chẳng phải là số đơn vị ít ỏi.

Dũng hãn âm trên dung dũng Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ dũng âm dưới hàn ngạn Quảng Nhã cho rằng: Khéo léo sách Thuyết Văn cho rằng: Chống đỡ hung tợn, chữ viết từ bộ tâm thanh hãn.

Chĩnh sắc âm dưới sơ sắc văn trước trong quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 19

Trí tảo âm dưới là tảo danh tăng.

Chí điểu âm trên là chí Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chí là loài mảnh điểu, Quảng Nhã cho rằng: Loại diều hâu, sách Sở Từ cho rằng: Chí là loài chim sống không có từng bầy, giống như chim ưng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ điểu đến bộ chấp.

Kháp dương âm trên là hạp tên huyện Đồng Châu, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kháp giống như là hạp xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ấp thanh hạp.

Gia xuy âm trên là gia ngược lại âm dưới suy thụy theo chữ da đó là nhạc khí của người Hồ, dùng lá lau vấn lại làm hai ống mà thổi, tức nhạc khí của người Hồ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Gia từ bộ trúc thanh da.

Tước pháp sư âm trên tiêu diệu tên bạch tăng. Lại âm tước.

Loát tâm ngược lại âm trên số quát sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loát là chà rửa thật sạch. Quách Phác chú giải rằng: Quét dọn chà rửa, chỗ gọi là sạch sẽ mát mẻ, Quảng Nhã cho rằng: Loát là có lợi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đao bộ loát thanh tĩnh âm loát ngược lại âm sở liệt Văn Truyện viết từ bộ thốn viết thành chữ loát là sai.

Thiểu nhiên âm trên tửu do sách Lễ Ký cho rằng: Phu tử vẻ mặt không vui nên muốn sửa đổi dung mạo, sách Khảo Thanh cho rằng: Thiểu giống như lo âu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thanh thu.

Trưu ốc âm trên trửu lưu âm trửu ngược lại âm tri liễu sách Thuyết Văn cho rằng: Trửu gọi là đánh ra tiếng kêu từ bộ hạnh bộ phộc đến bộ mảnh chữ chuyển chú, tên huyện Hữu Phò Phong, âm dưới chân túc âm hạnh ngược lại âm nữ trấc.

Giao liệt âm dưới liên triết Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Liệt là che trùm. Trong quyển thứ mười na đã giải thích rồi.

Trữ linh ngược lại âm trên trừ lữ âm dưới lịch đinh văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ mười ba đã giải thích đầy đủ rồi.

Sanh bách âm trên lặc trinh tên cây, trong vùng sa mạc tên loại cây nhỏ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh thánh.

Lương hộ âm dưới hồ cổ tên sông Hà Hồ Hộ ở Tần Xuyên.

Như tả âm dưới tinh dã Văn Tự Tập Lược giải thích tả là dòng nước chảy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh tả.

Hiểm duẩn phong quán âm trên phú dung Tự Thư viết đúng là chữ phong sách Sử Ký giải thích phong là nổi lửa lên. Đôn phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Phong là phóng lửa, sách Thuyết Văn cho rằng: Các chư hầu có việc khẩn cấp nổi lửa lên làm tín hiệu, chữ viết từ bộ hỏa thanh phong âm dưới quan loạn sách Thuyết Văn cho rằng: Quán là nộ lửa lên, chữ viết từ bộ thanh quán.

Hạp nhiên âm trên kham hạp văn trước quyển thứ tư đã giải thích rồi. Quỳnh quỳnh ngược lại âm trên quý vinh âm quỳnh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quỳnh là cô độc không có chỗ nương nhờ, lại cho rằng: Lo buồn xa xôi, sách Thuyết Văn viết từ bộ tấn đến bộ quỳnh thanh tĩnh.

Huy hoại âm trên huyết quy Tự Thư viết đúng chữ đọa Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Huy là phế bỏ, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Huy là hủy bỏ, tổn hại sách Phương Ngôn cho rằng: Hư hoại, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ thanh tỷ ngược lại âm dưới hoài mại.

Quân hà âm trên là quân Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện

rằng: Quân là giống hươu mà nhỏ màu vàng đen. Âm dưới là da Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hà là loại thú giống hươu đực, nai đực sách Thuyết Văn giải thích rằng: Loài nai đến mùa hè là cởi bỏ cái sừng. Quân hàn hai chữ đều từ bộ lộc chữ hình thanh.

Hàn cấu ngược lại âm trên vũ câu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hàn là tên sông trong huyện Lạc Dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: Là Chu Vũ Vương Phong Đất chữ viết từ bộ ấp thanh can Văn Truyện viết từ bộ ngôn viết thành chữ cấu là chẳng phải.

Trí nghiệt âm dưới ngôn liệt sách Khảo Thanh cho rằng: Nghiệt là cái đích chuẩn để bắn mũi tên, cũng gọi là trụ cột âm quyết ngược lại âm quyền nguyệt.

Sơ dược âm dưới can lược sách Mạnh Tử cho rằng: Dược là khơi thông dòng nước, theo Thanh Loại cho rằng: Dược là vật chẻ ra làm hai nấu chín, Văn Tự Điển nói ngâm vào nước chữ viết từ bộ thủy thanh dược.

Hùng hãn âm dưới là hạn sách Thuyết Văn cho rằng: Hạn là chống cự lại dũng mãnh, chữ viết từ bộ tâm thanh hạn sách Khảo Thanh cho rằng: Hãn là mạnh mẽ, dũng mãnh.

Phấn phát ngược lại âm trên phân vấn ngược lại âm dưới phiên vạt xem trước đã giải thích rồi. Trong sách Thuyết Văn đều cho rằng: Chữ chánh thể.

Hấp thấu âm trên hâm hấp Quảng Nhã cho rằng: Hấp là uống vào, Mao Thi Truyện cho rằng: Dẫn hơi vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hít hơi thở, chữ viết từ bộ khẩu thanh cập âm dưới song tróc Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thấu là uống vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thấu là bú, mút, ngậm, chữ viết từ bộ phiếm thanh thứ.

Phiếm khả âm dưới ca ngã sách Phương Ngôn cho rằng: Khả là chiếc thuyền tên một chiếc thuyền, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là chiếc thuyền, chữ viết từ bộ chu đến bộ khả.

Thương hoàng ngược lại âm trên sở canh sách Thuyết Văn cho rằng: Thương là cây súng, tiếng khua kim loại, chữ viết từ bộ kim thanh thương âm dưới là oanh Mao Thi Truyện cho rằng: Tiếng khua chiếng trống, tiếng hòa nhạc, chữ viết từ bộ kim thanh hoàng Văn Truyện viết chữ tranh lạc là sai. Trụ Văn viết từ bộ âm viết thành chữ hoàng cũng viết chữ hoàng âm nghĩa đều đồng.

Cương thạch âm trên là cương sách kệ tụng cho rằng: Cương thạch là đá màu trắng, mà giống như kim cương vì vậy mà đặc tên, Bì Thương cho rằng: Đất hóa đá, sách Văn Điển nói: Chữ viết từ bộ thạch thanh

cương.

Toái khái âm trên phách manh Quảng Nhã cho rằng: Toái khái là tiếng đá va chạm với nhau. Tự Thư cho rằng: Tiếng đá khua lớn, âm dưới cam hạp đều Văn Tự Điển nói: Toái viết đúng là toái khái từ bộ cũng viết thành chữ khái đều từ (897) đều nghĩa đã dưới nước va chạm tiếng than của đá, Văn Truyện viết chữ khái tục tự thường hay dùng.

Phong chuyên trên đúng là chữ phong ngược lại âm dưới ngang các xem trước đã giải thích rồi.

Kình dĩ ngược lại âm trên cạnh nghinh Quảng Nhã giải thích Kình nghĩa là nâng lên, giơ cao. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cũng là nâng cao lên, chữ viết từ bộ thủ thanh kính hoặc là từ bộ quan viết thành cư kình âm nghĩa giải thích cũng đồng. Văn Truyện viết chữ kình là chẳng phải.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 20

Tân phân âm trên thất dân âm dưới nhữ văn theo Hàn Thi Ngoại Truyện cho rằng: Tâm là qua lại lộn xộn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tân là nhiều tràn đầy, cũng là nảy sinh rất nhiều, đông đúc.

Nghi trạo ngược lại âm trên nghi kỹ ngược lại âm dưới thác giáo sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ nghi nghĩa là chiếc thuyền đi đúng hướng, đến bờ bến, Văn Truyện viết từ bộ chu viết thành chữ nghi.

Lâm tiếu âm dưới thất tiếu văn trước Hoằng Minh Tập đã giải thích rồi.

Canh sáp âm trên canh hạnh âm dưới sâm tập xem trước quyển thứ sáu đều đã giải thích rồi. Văn Truyện viết từ hai bộ nhẫn viết thành chữ sáp là sai.

Sát sự âm trên sạn trác Tự Thư cho rằng: Cùng với chữ sát đồng nghĩa. Vệ Hoằng viết từ bộ ngôn viết thành chữ sát âm nghĩa đều đồng. Văn Truyện viết từ bộ cửu viết thành chữ sát là sai lầm.

Trách thượng âm trên là trách Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Trách là giường làm bằng tre. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ trúc thanh trách.

Huyên nạo âm trên huyên âm dưới nổ giao chữ huyên sách viết

đúng là chữ huyên văn trước đã giải thích rồi.

Hoạch lân âm dưới lật trân Xuân Thu Tây Truyện giải thích: Bắt được kỳ lân là vậy. Tự Thư viết đúng từ bộ lận viết thành chữ lân Văn Truyện viết chữ lân tục tự thường hay dùng.

Kháng lệ ngược lại âm trên khang lãng theo Tả Truyện nói rằng: Không thể che đậy sự tỏ tình đôi lứa, nam nữ yêu nhau, hay vợ chồng, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Kháng là chống đối địch với nhau. Dưới dân đen chống đối lại hoàng đế, vua chúa. Bì Thương lại cho rằng: Lệ giống như đối bạn. Quảng Nhã cho rằng: Là người bạn đồng hành. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Kháng lệ hai chữ đều từ bộ nhân cũng là thanh kháng lệ.

Hợp cẩn ngược lại âm dưới là ân cẩn Tự Thư từ bộ thảo viết thành chữ cẩn sách Nghi Lễ nói rằng: Bốn chén rượu mà hợp lại với nhau là cẩn trung hữu lại chú giải rằng: Cẩn là cắt trái bầu ra mà hợp thì gọi là cẩn sách Thuyết Văn nói rằng: Cản là che đậy, từ bộ tiết đến bộ thủy thủy cũng là thanh chữ hội ý.

Thuật khuyến ngược lại âm trên tuân duật sách Khảo Thanh cho rằng: Thuật là dẫn dắt lấy điều thiện mà dạy bảo, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Khuyên bảo dẫn dụ, chữ viết từ bộ ngôn thanh thuật.

Nhục thực ngược lại âm trên nhu chúc Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sáng sớm mà ăn nơi giường nằm, sách Phương Ngôn nói rằng: Rất dày, sách Thuyết Văn cho rằng: Bày biện trên cỏ rồi lại mọc lên gọi là nhục chữ viết từ bộ thảo thanh nhục.

Kháp châu ngược lại âm trên khẩu giáp Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Kháp là níu kéo. Khảo Thanh cho rằng: Dùng ngón tay cào gãy. Kháp tức là bấm đếm hạt châu, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ đến bộ trảo đến bộ cửu chữ hội ý.

Sáp giả ngược lại âm trên phạm hạp xem trước đã giải thích rồi, Văn Truyện viết chữ chứng là sai lầm.

Sấn xỉ ngược lại âm trên sơ cẩn xem trước đã giải thích rồi Văn Truyện viết từ bộ kỹ viết thành chữ sấn là chẳng phải.

Môi đài ngược lại âm trên muội bối âm dưới đãi hài sách Khảo Thanh cho rằng: Môi đài là đóng một áo rêu xanh, theo chữ môi đài là xưa nay ngồi trong rừng trúc thân u tọa thiền, hoặc là áo có một lớp màu xanh lục, hoặc màu xanh dương.

Cận miễn âm trên tấn cận Quảng Nhã giải thích: Cận là chút ít qua loa. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: thiếu kém sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh cận âm cận là âm cẩn.

Giá vu âm trên giá dạ âm dưới thiên ngộ trước Cao Tăng Truyện đã giải thích rồi.

Tánh cân âm dưới cân cận xem trước đã giải thích rồi trong quyển Tăng Triệt Tánh.

Nghiểm hiểm âm dưới nghiêm kiểm Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hiểm là hình dáng núi như là trái trên cây cả hai dựa kề nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Vách núi, chữ viết từ bộ phụ thanh kiêm kiếm viết đúng là chữ kiêm Văn Truyện viết chữ kiêm tục tự thường hay dùng.

Sung ế âm dưới yên kiết Văn Truyện viết từ bộ môn viết thành chữ khuyết tục viết chữ mậu Mao Thi Truyện cho rằng: Trong lòng như bị nghẹn. Mao Lương Truyện cho rằng: Hơi bị nghẹn không thở được, sách Khảo Thanh cho rằng: Hơi bị tắc nghẽn sách Thuyết Văn cho rằng: Ăn cơm bị nghẹn, chữ viết từ bộ khẩu thanh ế âm thất ngược lại âm chân lật.

Phả giai âm trên bì ngã Thống Tự giải thích Phã là có thể. Tự Thư cho rằng: Phã là không thể xem trước đã giải thích rồi.

Mâu thuẫn âm trên môi xem trước đã giải thích Văn Truyện viết chữ mâu Tự Thư viết từ bộ khẩu viết thành chữ mâu thành bán bổn nghĩa nay không dùng. Mâu là loại giáo dài một trượng hai thước, văn cổ cũng viết từ bộ qua viết thành chữ mâu âm trên vấn âm dưới là thần chuẩn thuẫn là che, hai chữ trước đều hy Cao Tăng Truyện quyển thứ nhất giải thích rồi, phác là âm phạt.

Khiên phụ ngược lại âm khứ kiền Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khiên là có lỗi lầm. Tự Thư viết đúng là chữ khiên nghĩa cũng là có lỗi lầm, Vệ Hoằng viết từ bộ ngôn viết thành chữ khiên văn cổ viết chữ khiên ngược lại âm quy thú âm đều đồng âm trên tục tự viết khiên.

Sai nan âm trên sở ca Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Là trong lòng đã tha thứ cho người rồi, đây cũng là từ ngữ người nước Sở dùng.

Biển thiểm ngược lại âm trên tiên yên Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Biên là gấp vội, sách Thuyết Văn cho rằng: Biển là nhỏ hẹp, chữ viết từ bộ y thanh biên âm biên ngược lại âm biên biện Văn Truyện viết từ bộ khuyển viết thành chữ biên là chẳng phải, sách Khảo Thanh cho rằng: Biển là chật hẹp áo nhỏ bé, hoặc là viết chữ biển.

Oa long âm trên ô qua sách Thuyết Văn cho rằng: Oa là dưới thấp, chữ viết từ bộ huyệt thanh qua âm qua ngược lại âm quả hoa âm dưới

lục trung sách Thuyết Văn cho rằng: Long xanh tươi tốt, to lớn, chữ viết từ bộ phụ bôn suyển đến bộ thổ.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 21

Pháp tương âm dưới tích dương biệt danh tăng.

Giao chỉ âm dưới là chỉ quận Giao Chỉ, xem trước đã giải thích rồi.

Kịch đàm ngược lại âm trên kình kích Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Kích là đau bệnh nặng. Cố Dã Vương giải thích rằng: Rất nặng Văn Tự Điển nói rằng: Chữ viết từ bộ đao thanh kịch âm kịch là âm cự.

Quyệt quỷ âm trên là quyết âm dưới là quỷ xem trước quyển mười bảy đã giải thích rồi. Chữ quỷ trong Cao Tăng Truyện quyển thứ hai cũng đã giải thích rồi.

Thanh dương âm đây dược chương sách Thuyết Văn viết đúng là chữ dương nghĩa là chỗ gió thổi bay bay, chữ viết từ bộ phong thanh dương Văn Truyện viết chữ dương.

Ngưng điện âm dưới điền kiến Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Điện là trơn nhuận trạch. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh điện.

Ức hỷ âm trên ư tuệ Tự Thư cũng viết từ bộ hòa viết thành chữ uế uế là loại rau cỏ dại mọc um tùm, lại cũng không sạch sẽ, cũng lại dơ cấu. Xưa nay chánh tự cũng cho rằng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ hòa thanh tuế cũng từ bộ thảo viết thành chữ uế cùng với Văn Truyện cũng đồng.

Huệ hiến âm dưới ngôn kiển danh tăng.

Tỏa lạp âm trên thô ngọa âm dưới lam hạp xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ ba đã giải thích rồi.

Tuệ tông âm dưới tông khổng danh tăng cũng là âm thông.

Trùng trĩ âm trên trọng trung âm dưới thinh bội sách Thuyết Văn cho rằng: Trĩ là loài sâu trên nó dài, đi bằng bụng gọi là trĩ chữ tượng hình, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Không có chân gọi là trĩ trùng.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 22

Thiều miên ngược lại âm trên địch liên văn trước Cao Tăng Truyện quyển thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Quyển quái âm trên quyến huyền âm dưới hoại ngoại sách Thuyết Văn cho rằng: Quái là ngòi nước dẫn vào trong ruộng, chỗ hội tụ các dòng nước. Tự Thư viết đúng từ hai bộ quyết viết thành chữ xuyên nghĩa là trăm dặm có một dòng nước rộng là hai tầm, hẹp là hai trượng một nhẫn.

Vu hích âm trên vô âm dưới hình kích xem trước Cao Tăng Truyện đã giải thích đầy đủ rồi.

Phu thành âm trên vũ vô theo Hán Thư cho rằng: Phu thành tức là phu châu, ở phía trước vị thủy, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh lộc thanh giao ngược lại âm phủ giao.

Đồi đà âm trên đoài hồi xem trước quyển thứ tư đã giải thích rồi. Âm dưới đà khả xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đà là rơi rụng xuống, chữ viết từ bộ phụ thanh đa laịi cũng từ bộ đà viết thành chữ đà âm nghĩa đều đồng, âm tha là âm đà.

Thố bưu âm trên tha lộ Văn Truyện viết từ bộ thảo viết thành chữ thố cũng đều thông dụng, cũng là nghĩa chồn thỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Thố là con thú chạy nhảy, cũng có thể ngồi xổm, cũng giống như có đóm và đuôi ở phía sau, âm dưới bỉ hưu Văn Truyện viết chữ bưu tục tự thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Bưu là con hổ, theo Văn Tự viết từ bộ hổ đến bộ sam giống như lông con hổ có vằn vện.

Khanh tĩnh âm trên khách canh Văn Truyện viết từ bộ thổ viết thành chữ ngoạn tục tự thường hay dùng. Xem trước quyển thứ mười ba đã giải thích rồi, âm dưới tình đĩnh Văn Truyện viết từ bộ huyệt viết thành chữ tĩnh xem trước quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Nguyên đảo âm dưới tẩu đáo xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ ba đã giải thích rồi.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 23

Tăng mảnh âm dưới mạc hạnh danh tăng, tục viết chữ mảnh.

Tịnh mật âm dưới dân tất sách Nhĩ Nhã giải thích văn cổ rằng: Mật là yên ổn, an tịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mật là yên tĩnh, chữ viết từ bộ ngôn thanh tất âm đồng với âm trên.

Lưu đãng âm dưới đường lãng sách Thuyết Văn cho rằng: Trải qua mười dặm gọi là động thất, nhà nhỏ trong động, chữ viết từ bộ miên thanh dương tĩnh âm dương là âm đường.

Trừng ngãi âm trên là trừng âm dưới ngã cái.

Phu địa âm trên bào bao sách Khảo Thanh cho rằng: Dùng tay mà ngắt bẻ. Văn cổ viết chữ phù tục tự viết phảo cũng đồng, Văn Truyện viết chữ phao là chẳng phải.

Thao quật ngược lại âm trên thảo đao Văn Truyện viết từ bộ thủy viết thành chữ thao Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thao là tẩy rửa tay, vốn chẳng phải nghĩa này, nay không dùng. Thao theo Tả Truyện cho rằng: Xoay vòng bên trái, Chu Thư cho rằng: Người tướng soái phải biết cầm binh khí giới, nhỏ sạch, đánh dẹp, đều Thuyết Văn cho rằng: Thao là đào lấy quan tài, âm quan ngược lại âm uyển hoạt từ bộ thủ thanh thao âm thao là âm đào âm dưới hoạt cốt hai âm. Tự Thư cho rằng: Quật là khuấy động khiến cho nước đục, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Dòng nước chảy thông thương gọi là quật lại viết chữ mịch sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mịch tức là dòng nước chảy cuồn cuộn. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Dòng sông chảy. Quảng Nhã cho rằng: Nước chảy sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh khuất khuất bạch đều đồng âm.

Tạp nhu âm dưới là nữ cứu văn trước Tục Cao Tăng Truyện trong quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Luân tư âm trên là luận Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Luân là chìm sâu dưới là tư dữ Bì Thương giải thích tư là trôi dạt, sách Thuyết Văn giải thích Tư là vượt qua, chữ viết từ bộ thủy thanh tư.

(898) Đạo chích âm dưới chinh thạch xem trước đã giải thích rồi.

viêm hy âm dưới hỷ hy tục tự thường hay dùng. Tự Thư viết đúng chữ hy Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hy là hòa hợp gọi là chế ngự, lại trong kinh Sơn Hải gọi là vợ của thiên đế, gọi tên Hy Hòa, mới sinh ra mười ngày, Vương Dật giải thích sách Sở Từ rằng: Hy là dáng mạo quang minh sáng lạng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hy thanh nghị.

Chân loan âm trên chất nhân họ của người.

Tuần tuần ngược lại âm tu quân âm quân ngược lại âm duật tuần

Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Tuần tuần là dáng vẻ ôn hòa cung kính, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh tuần.

Huyền diệu âm trên huyền luyện Thiên Thương Hiệt giải thích: Huyền là nhìn thấy không rõ ràng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh huyền âm dưới là diệu viết từ bộ nhật Văn Truyện viết từ bộ mục là chẳng phải.

Thai giác âm dưới khổ giác xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Cánh đệ âm trên là canh âm dưới đề lể xem trước quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Bì ngược lại âm trên bỉ mi âm dưới tích án bì tích tức là lột vỏ cây ra, gọi là phân tích, giải thích cho hiêtu. Tự Thư đều không viết từ bộ đao viết thành bộ đao Tục tự thường hay dùng.

Thâm oa âm dưới ô hòa gọi là dáng nước chảy, cũng gọi là tên của dòng sông ở quận Tiều.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN QUYỂN 24

Hồi tất ngược lại âm dưới tân mật xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ tám đã giải thích rồi.

Thiên quyến ngược lại âm khuyết quyển Tự Thư viết đúng chữ quyến Mao Thi Truyện cho rằng: Quyến giống như chăm sóc. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Quyến là chăm sóc xem ngó nhìn, chữ viết từ bộ mục đến bộ quyển thanh tĩnh Văn Truyện viết chữ quyển tục tự thường hay dùng.

Hiểm duẩn âm trên là hiểm âm dưới là duẩn Tự Thư viết đúng chữ hiểm duẩn xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ mười hai đã giải thích rồi. Văn Truyện viết chữ hiểm cũng thông dụng.

Thành xác âm dưới không giác xem trước quyển thứ hai đã giải thích đầy đủ rồi.

Bại tán âm trên bại âm dưới tán xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Thê đằng âm dưới thằng chứng xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ hai đã giải thích rồi.

Kiêu hãn âm trên hiểu nhiêu Hứa Thúc Trọng giải rằng: Kêu là

dũng mãnh, ngựa chạy mau. Hán Thư cho rằng: Người tướng quân cỡi trên lưng con ngựa oai phong, Quảng Nhã cho rằng: Mạnh mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kiêu là con ngựa hay, chữ viết từ bộ mã thanh nhiêu âm dưới hàn đán xem trước quyển mười chín đã giải thích rồi. Cũng có từ bộ tâm viết thành chữ hãn nghĩa cũng đồng nhau.

Trùy hoặc âm trên xuất chuy âm dưới hằng khắc Cố Dã Vương cho rằng: Hặc là ấn vào ngục vạch tội tra xét, lại cũng gọi là biện tội ấn tội trong ngục. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Biện tội trong ngục hình phạt đã xong. Sách Sử Ký chép rằng: Hặc là vạch tội, sách Thuyết Văn cho rằng: Hặc là phương pháp làm cho có tội khai ra, chữ viết từ bộ đao thánh hợi Văn Truyện viết từ bộ nhẫn viết thành chữ hặc là sai lầm.

Ban cáo âm trên bát biến Tự Thư viết đúng chữ ban xem trước quyển thứ đã giải thích đầy đủ rồi.

Cứ trừ âm trên cự ngư âm dưới là trừ xem trước quyển thứ tám đã giải thích đầy đủ rồi.

Đam thuật âm trên tha hàm tên của Lão Tử, Văn Truyện viết từ bộ thiệt viết thành chữ cam chẳng phải bổn nghĩa. Xem trước Biện Chánh Luận đã giải thích rồi, đều Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ bộ đam là đúng chữ hoặc là từ bộ thân viết thành chữ đam.

Cổ diệp âm dưới điềm hiếp Tự Thư viết từ bộ phiến viết thành chữ diệp Văn Truyện viết từ bộ ngôn viết thành chữ diệp là sai xem trước đã giải thích rồi.

Cầu thế âm trên cầu câu xem trước quyển thứ chín đã giải thích rồi.

Chi huệ âm dưới huề khuê xem trước xem Cao Tăng Truyện quyển thứ mười hai đã giải thích đầy đủ rồi.

Cảo nhai âm trên cao đạo Cố Dã Vương giải thích rằng: Cảo giống như là cỏ rác. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh cao âm dưới giới hài Cố Dã Vương giải thích nhai là ngã tư đường. Hán Thư giải thích rằng: Cảo nhai như là vùng đất Man Di, giống dân tộc còn thiếu văn minh. Xưa nay Chánh Tự viết đúng từ bộ hành thanh giai.

Phân xâm âm trên là phân âm dưới tử trẩm Trịnh Tiễn chẳng sách

Chu Lễ rằng: Xâm là khí âm dương tương hợp thấm ướt lần lần, trở thành tai họa. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Xâm là màn sương mỏng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Xâm là khí cảm tốt lành, chữ viết từ bộ thị tới bộ xâm thanh tĩnh.

Huân do âm trên huấn vân âm dưới dậu chu xem trước giải thích trong quyển Giáo Lục giải thích rồi.

Tố tật âm dưới là tật xem trước đã giải thích rồi.

Võng thượng Văn Truyện viết từ bộ ngôn viết thành bộ võng là sai lầm. Sách Nhĩ Nhã giải thích võng tức không lỗ trống. Sách Luận Ngữ giải thích Có thể là khinh khi, không thể tin được. Mã Dung chú giải rằng: Gọi là vu khống. Sách Thuyết Văn viết chữ võng giống như là vân giao nhau.

Vi tông âm dưới tộc tông tên người.

Tàng thê Tự Thư viết đúng là chữ thê sách Thanh văn cho rằng: Người phụ nữ đã có chồng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ đến bộ hựu tức là nắm giữ làm các việc trong nhà đều phải biết. Chữ viết từ bộ triệt thanh triệt ngược lại âm cầu liệt.

Nhục cẩm âm trên nhu chúc Lục Cơ Văn Võ cho rằng: Nhục là màu sắc sáng chói rực rỡ, rờm rà, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhục là nhiều màu sắc như gấm hoa thêu, chữ viết từ bộ mịt thanh nhục.

Điện ái âm trên ểm kiếm theo Mao Thi Truyện giải thích êm là mây che khuất. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ thanh yểm âm dưới ai cái sách Khảo Thanh cho rằng: Ải là sương mù che một lớp mây chữ viết từ bộ vũ thanh ái viết thành chữ ái nghĩa có phải khác lạ.

Cúc-đa âm trên cúc tiếng Phạm Cúc-đa là ngôn từ.

Tương nhĩ âm dưới di bì theo Mao Thi Truyện cho rằng: Nhĩ là dừng nghỉ. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Chưa nghỉ ngơi. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Quên mất, sách Thuyết Văn giải thích nhĩ là chui của cây cung, cũng gọi là nhĩ, chữ viết từ bộ cung thanh nhĩ.

Tướng trá âm trên thất dư Quảng Nhã giải thích: Loài khỉ vượn Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thư là hầu hạ, sách Thuyết Văn cho rằng: Thư thuộc loài vượn, chữ viết từ bộ khuyển thanh thư âm thư ngược lại âm tử dư âm dưới trách giá.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 25

Nhuyễn nhuyễn ngược lại âm nhi duẩn sách Thuyết Văn cho rằng: Loài suyển động, loài côn trùng bò lúc nhúc, chữ viết từ bộ trùng thanh

nhuyễn.

Đổ mã âm trên đô lổ Ngô Chí giải thích: Đổ là cạnh tranh trong trò chơi để cầu lợi, tức là đánh bạc. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối thanh giả.

Sắc tiển âm dưới tiên tiển Tự Thư viết đúng là chữ tuyền xem trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Hiệp nhãn âm trên tiềm diệp Tự Thư viết đúng là chữ tiệp Trang Tử giải thích Tiệp là lông mi mắt, Văn Tự Tập Lược viết từ bộ mao viết thành chữ tiệp Văn Tự Điển nói: Tiệp là con mắt bên lông mài, chữ viết từ bộ mục thanh hiệp âm tiệp đồng với âm trên.

Khiếm tặng ngược lại âm dưới thừa chứng sách Thuyết Văn giải thích Tặng lấy tài của cho người chữ viết từ bộ bối thanh chẩm lại cũng gọi là đưa tà vật tặng thêm cho người, âm chẩm là âm tống Văn Truyện viết chữ tặng tục tự thường hay dùng.

Luyến cấp âm trên luyến viên xem trước đã giải thích rồi.

Khố điệp âm trên là khố âm dưới chiếp Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Điệp giống như áo kép, Thích Danh cho rằng: Khố điệp đó là áo để mặc che lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ y thanh tập.

Phẫn đồng âm trên phò phân âm nghĩa Hán Thư giải thích: Phẫn giống như xe kéo, có người nô tỳ kéo xe, cho nên Dương Hùng Trưởng trong truyện Dương Võ giải thích rằng: Phẫn là chiếc xe kéo của người nô bọc âm uyển là âm uẩn sách Thuyết Văn cho rằng: Tên xe của Chuẩn Dương cùng long, chữ viết từ bộ xa đến bộ thanh phẫn âm dưới xúc dung Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phẫn là loại chiến xa, sách Thuyết Văn cho rằng: Loại quân xa, chữ viết từ bộ xa thanh đồng cũng là thanh.

Mạc trách âm trên luyến bát sách Khảo Thanh cho rằng: Mạt là cái nhỏ bó buộc lại. Tự Cảnh lại viết từ bộ cân viết thành bộ mạt nghĩa cũng đồng với chữ mạt sách Vận Thuyên cũng viết từ bộ cân viết thành chữ mạt Văn Truyện viết chữ bách lại là âm mạch chẳng phải nghĩa. Nay không dùng, âm dưới ngạch cách Tự Thư viết đúng chữ ngạch Văn Truyện viết chữ ngạch tục tự thường hay dùng.

Chấp quặc âm trên đúng là chữ chấp xem trước đã giải thích đầy đủ rồi, âm dưới cuống hoắt Hoài Nam Tử giải thích cắt, đoạn ra. Sách Thuyết Văn giải thích rằng: Hoắt từ bộ kim đến bộ hoắc cũng là thanh âm hoắc đồng với âm trên, âm quặc ngược lại âm vui bác.

Phong ngạc trên đúng là chữ phong âm dưới ngang các xem trước đã giải thích rồi.

Sàm nghiểm âm trên nhâm sam Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Sàm nghiểm là núi hiểm trở Quảng Nhã giải thích rằng: Núi cao, xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ sơn cũng là thanh sam nghiêm.

Thần chinh âm dưới chích bồn xem trước đều đã giải thích rồi.

Vi túng ngược lại âm trên vi ủy sách Khảo Thanh cho rằng: Vi là tư ngữ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh viên.

Thanh hạ âm trên đúng là chữ thanh, ngược lại âm dưới sở trá sách Khảo Thanh cho rằng: Hạ thanh là tiếng đập đá vở vụn. Tự Thư giải thích rằng: Đều không phải như vậy. Quảng Thương cho rằng: Chữ viết từ bộ khiếm viết thành chữ hạ âm giải thích đều đồng.

Tước tiều ngược lại âm trên tường lược Tự Thư cho rằng: Tước giống như là nhai. Cố Dã Vương giải thích rằng: Là bú mớm. Văn Tự Điển cho rằng: Tước giống như là đúc mớm cho ăn, chữ viết từ bộ khẩu thanh tước ngược lại âm dưới tiều tiếu sách Lễ Ký cho rằng: Tiều là nhai mà không há miệng ra Văn Tự Điển nói: Cắn bú chữ viết từ bộ khẩu thanh tiều.

Điền ế âm trên điện niên Văn Truyện viết từ bộ môn viết thành chữ điền tục tự thường hay dùng. Sách Bát-nhã giải thích Điền là lấp bít, tắc nghẽn, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ điền là tắc nghẽn chữ viết từ bộ huyệt thanh chân.

Tỏa lậu âm trên tọa qua Quảng Nhã giải thích Tỏa là ngắn ngũi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thỉ thanh tọa âm dưới lâu hầu sách Thuyết Văn cho rằng: Lậu là nơi vùng biên ải chật hẹp, người dân còn ngu dốt xấu ác bỉ lậu, chữ viết từ bộ phụ thanh lậu âm lậu đồng với âm trên.

Tổng pháp sứ âm trên thái thông tổng là thi hài. Dang tăng Tự Thư cho rằng: Suy nghĩ đúng chữ thông từ bộ tư cho nên có sự suy nghĩ đúng.

Giàm chi âm trên hàm cảm sách Thuyết Văn cho rằng: Cảm là sự rung động trong lòng.

Đỗ liệt âm trên ô giao âm dưới lân niết ảo là ấn xuống theo ảo liệt nay giải thích dùng tay bẻ gãy vật.

Chí bảo ngược lại âm dưới bảo mao xem trước đã giải thích đầy đủ rồi. Văn Truyện viết chữ bảo là sai.

Cửu sổ âm trên là cựu xem trước đã giải thích rồi. Văn Truyện viết chữ cửu là sai.

Khái thấu âm trên khai ái âm dưới sưu đậu xem trước đã giải thích đầy đủ rồi, Văn Truyện viết khái tục dùng là sai.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 26

Đàm giai âm dưới hải giai (890) danh tăng Tự Thư giải thích giai là ngọc màu đen.

Nê ninh ngược lại âm trên nhĩ để Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nê là đất bùn trong nước, Cố Dã Vương cho rằng: Nê bụi đất dơ, được rửa trong nước làm cho sáng sạch. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh ni ngược lại âm dưới ninh định theo Tả Truyện cho rằng: Ninh là nước xoáy vòng tròn mà dừng lại. Đỗ Dự chú giải rằng: Ninh cũng là bùn đất. Quảng Nhã cho rằng: Trong sạch Thuyết Văn cho rằng: Sáng sủa chữ viết từ bộ thủy đến bộ thanh ninh.

Úng sai ngược lại âm ốc cống Bì Thương cho rằng: Úng là bị nghẹt mũi bệnh cảm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết từ bộ tỵ thanh ung.

Chúng hỏa âm dưới hòa quả chữ thượng thanh, Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Người nước Sở gọi đông nhiều hỏa sách Thuyết Văn viết từ bộ đa thanh quả.

Pháp giai âm dưới khách hài danh tăng.

Hồi khám âm dưới thâm lam Bì Thương chú giải rằng: Khám là cúi xuống mà nhìn, cũng từ bộ môn viết thành chữ khám xem trước đã giải thích rồi.

Doanh châu âm doanh xem trước đã giải thích rồi.

Ái đãi ngược lại âm trên ai đại âm dưới hào lai Bì Thương giải thích rằng: Ái đãi là mây ùn ùn kéo tới che mờ mịch không thấy rõ, sách Khảo Thanh cho rằng: Nhiều mây che phủ.

Ngâm tiêu âm dưới tiêu điếu Tự Thư viết đúng từ bộ khiếm viết thành chữ điều gọi là ca hát, miệng cong lưỡi lại xuất ra tiếng, cho nên có bài thi rằng: Ca vịnh thổi sáo, hát xướng làm trò vui. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ngâm vịnh, chữ viết từ bộ khiếm thanh tiêu Văn Truyện viết chữ tiêu tục tự thường hay dùng.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 27

Phù lăng âm trên là phù Hán Thư giải thích: Phù là con sông rộng lớn ở huyện Phù Lăng, nay là hiệp trung phù châu.

Nhương tam bách ngược lại âm nhược chương Văn Tự Tập Lược giải thích: Nhương thuộc bộ tộc người ở Tây bắc Trung Quốc, sách Khảo Thanh giải thích: Nhương bộ tộc hiệu là nhung chữ viết từ bộ khuyển thanh ngương.

Bài hý ngược lại âm trên bại mai sách Bát-nhã Vận Thuyên Bài tên người ưa thích nhạc âm vui vẻ, sách Khảo Thanh cho rằng: Bài là ưa thích hát xướng, sách Thuyết Văn cho rằng: Bài là người làm trò vui, chữ viết từ bộ nhân thanh phi âm dưới hy nghị Mao Thi Truyện giải thích rằng: Hý là người phóng đãng vui thú. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hý là làm trò hài hước vui sách Thuyết Văn viết từ bộ qua thanh hý âm hý là âm hy.

Lẩm nhiên âm trên lâm cẩm xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ năm đã giải thích rồi.

Bất thuấn âm dưới thư nhuận sách Thuyết Văn cho rằng: Thuấn là mắt dao động nháy nhiều lần, từ bộ mục thanh thuấn cũng từ bộ dân viết thành chữ thuấn âm đồng nhau.

Thân bặc âm dưới bằng bắc sách Chu Lễ giải thích Phàm là người sát nhân làm việc mổ xẻ thịt giết hại sanh vật đem ra chợ bán, Trịnh Huyền chú giải rằng: Bặc là vấp ngã té, té ngã ngửa. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bặc là té ngã mà chết, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Bặc là té ngã về phía trước, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm thổ khẩu cũng từ bộ tẩu viết thành chữ phẩu âm đồng với âm trên.

Tranh xúc ngược lại âm trên thác canh sách Vận Lược giải thích rằng: Tranh cũng là xúc tức là va chạm với nhau. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh trường.

Ba khỏa âm trên phách bá Quảng Nhã giải thích rằng: Ba là khăn bịt đầu. Xưa nay Chánh Tự viết từ cân thanh ba âm dưới là quả Văn Truyện viết chữ khỏa là sai lầm.

Lạc giá âm dưới thang nhạ sách Khảo Thanh cho rằng: Lạc giá là mất đi một tiết, một lóng tre, lại cũng gọi là khai mở, Tự Thư viết từ bộ y viết thành chữ giá là chẳng phải Văn Truyện cho rằng: Định nghĩa quái lạ, nay không dùng.

Kiều sơn âm kiêu tên núi hoặc âm kiều kiêu độ dốc dáng núi cao cũng e rằng chẳng phải.

Sảnh dương âm trên đúng là chữ thanh sách Thuyết Văn cho rằng: thanh là màu sắc phía đông, mộc sanh hỏa cho nên từ bộ chu âm dưới ảnh hương sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chương là con hươu lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chương từ bộ lộc thanh chương.

Ngược linh âm trên ngương lược Văn Tự Điển nói rằng: Nhược là vỏ cây trúc, chữ viết từ bộ trúc đến bộ xuyết tóm lược lại là bộ xuyết văn cổ viết chữ nhược sách Khảo Thanh cho rằng: Nhược là lá của ống trúc âm dưới lịch đinh Quảng Nhã cho rằng: Linh tức là ống trúc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mắc của ống trúc chữ viết từ bộ trúc thanh linh.

Ốc manh âm dưới mạch hanh sách Thuyết Văn cho rằng: Manh cũng là cây rui móc ngói nhà, chữ viết từ bộ ngõa đến bộ manh thanh tĩnh.

Hồi xúc âm trên mai hồi Bì Thương cho rằng: Hồi là con chim trĩ. Con giun đất. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ trĩ thanh trùng.

Miến lai âm trên miên biến sách Thuyết Văn cho rằng: Miến là liếc xéo, nhìn nghiêng, chữ viết từ bộ mục thanh miến âm miến là âm miến âm dưới lại đại Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lai là mắt liếc nhìn, sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngươi không chánh, chữ viết từ bộ mục thanh lai âm cũng đồng.

Hao hổ ngược lại âm trên hiếu giao xem trước quyển thứ mười lăm đã giải thích đầy đủ rồi.

Hựu lạc âm dưới lang các Văn Truyện viết chữ lạc tục tự thường dùng. Tự Thư viết từ bộ kim viết thành chữ lạc gọi là thiêu đốt, sách Khảo Thanh cho rằng: Lạc là bàn là, bàn ủi. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh lạc sách Thuyết Văn cũng viết từ bộ đao viết thành chữ lạc âm dưới văn đều đồng.

Hạ manh ngược lại âm dưới bạch manh sách Bát-nhã giải thích rằng: Manh là gác trọ sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh bằng.

Phổ khiêu âm dưới là khước xem trước đã giải thích rồi.

Kiết bào âm dưới bào bao sách Sở Từ cho rằng: Tiếng kêu rầm rống của hổ, beo, gấu, Quảng Nhã giải thích Bao là tiếng chim kêu, sách Thuyết Văn cho rằng: Bao cũng là tiếng rống của loài thú trong rừng, chữ viết từ bộ khẩu thanh bao âm bi là âm bi âm hao ngược lại âm hồ cao.

Danh đình âm dưới đinh đĩnh biệt danh của tri mạng.

Bao hựu âm dưới hiếu giao Mao Thi Truyện giải thích rằng: Nhữ bao hựu ở Trung Quốc. Trịnh Tiễn cho rằng: Dáng mạo hiên ngang, mạnh mẽ có khí phách cũng như là có sức mạnh hơn người cùng với chữ hao đồng nghĩa, sách Khảo Thanh cho rằng: Dũng mãnh, dáng đẹp đẽ. Xưa nay Chánh Tự cũng cho rằng đồng nghĩa chữ viết từ bộ hỏa thanh hưu.

Đầu lô âm dưới lỗ hồ sách Khảo Thanh cho rằng: Lô là đầu người xưng đầu người, sách Thuyết Văn cho rằng: Đầu đã đốn gãy, chữ viết từ bộ hiệt thanh lô âm đốn là âm đạt.

Ngạch hàm âm trên nha cách sách Phương Ngôn cho rằng: Ngạch là cái trán, trung hạ cái trán là ngạch âm dưới hàm cảm sách Phương Ngôn cho rằng: Hàm là hai bên má, sách Thuyết Văn cho rằng: Ngạch hàm, hai chữ đều từ bộ hiệt cũng đều thanh cách hàm Văn Truyện viết chữ hoành lịnh là sai.

Huỳnh trung âm trên ô định Văn Truyện viết chữ quỳnh xem trước đã giải thích rồi.

Toàn quá âm trên tuyên huyền âm dưới ô qua sách Khảo Thanh cho rằng: Quá là nước chảy xoáy vòng tròn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh qua.

Quái kỳ âm trên chữ quái cổ đã giải thích trước rồi.

Môn viện âm tục viết sai, chữ viện Văn Truyện nhiêu lúc viết chữ này cho nên sách phải xem rõ ràng lại trước sau đều đồng.

Bì ngạch âm dưới nha cánh Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cách đến bộ cánh gọi là chắc chắn kiên cố. Văn Tự Điển cho rằng: Đồng nghĩa Khảo Thanh cho rằng: Lại cũng từ bộ thạch viết thành chữ ngạnh nay thông dụng, nên dùng lưu thông Văn Truyện viết từ bộ ngan viết thành chữ ngạnh âm cũng Tự Thư cho rằng: Nghĩa thuộc để giày chẳng phải bổn nghĩa, nay không dùng.

Thân cấm ngược lại âm trên thất nhân Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thân là ngâm nga, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh than ngược lại âm dưới cầm cấm sách Sở Từ cho rằng: Cấm là ngậm miệng lại mà không nói. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ngậm miệng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Thân cấm hai chữ đều từ bộ khẩu cũng thanh thân cấm.

Khô thích ngược lại âm trên khổ cô Thiên Thương Hiệt cho rằng: Người đồ tể giết mổ, sách Phương Ngôn cho rằng: Khô là săn bắt giết mổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Phanh ra chữ viết từ bộ đao thanh khô Cố Dã Vương cho rằng: Khô là moi trong bụng còn trống rỗng, âm khoa

là âm khoa âm dưới đinh lịch Quảng Nhã cho rằng: Thích là người đồ tể đâm giết. Tự Thư cho rằng: Viết đúng là chữ thích cùng nghĩa với chữ thích. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Sửa trị chữ viết từ bộ đao thanh dịch.

Nô đài ngược lại âm dưới đai lại theo Tả Truyện cho rằng: Đài là người hầu cận thần danh sĩ làm việc trong vinh của quan từ sáng sớm cho tới tối, cấp bạc phẩm mười, nói rằng: Đài là địch thất, lại người Nam Sở mắng nhiếc xem người hạ tiện, gọi là đài Quách Phác chú giải rằng: Đài là kẻ nô bọc. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhân thanh đài.

Thân hiệu âm trên là thân xem trước đã giải thích rồi, âm dưới là hiệu cao Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hiệu là tiếng khóc sách Bát-nhã Vận Thuyên: Hiệu là tiếng thét la lớn, sách Thanh văn cho rằng: Hiệu là hô to, chữ viết từ bộ hiệu thanh hổ Văn Truyện viết chữ hao tức là tiếng rống của loài thú, chẳng phải bổn nghĩa nay không dùng.

Nghi nhĩ âm trên nghi khí Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nghị là xẻo mũi, sách Thuyết Văn cho rằng: Nghị là khoét lỗ mũi, chữ viết từ bộ đao thanh tỵ âm quyết là âm quyết âm nghị là âm nghệ Tự Thư cùng với sách Thượng Thư thanh nghị cùng với chữ nghị thông dụng với âm trên, âm dưới là nhĩ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nhĩ là xẻo tai. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nhĩ là cắt bỏ tai, chữ viết từ bộ đao thanh nhĩ.

Thâm điện âm dưới điền luyện Tả Thái Xung Ngụy Đô Võ cho rằng: Điện là nắm lấy cái lý Lã Đình Tế chú giải rằng: Điện cũng là tên của dòng sông ở Hà Giang Đạt Mộ huyện Tây Điện, đó là dòng sông rất sâu, cũng có chỗ cạn, âm uyên ngược lại âm ô huyền. Xưa nay Chánh Tự cho rằng đồng nghĩa chữ viết từ bộ thủy đến thanh địch.

Bặc nhi âm trên băng mạnh âm manh ngược lại âm hắc đặng Văn Truyện viết chữ cổ là chẳng phải. Theo Tả Truyện cho rằng: Trong chính giữa mà có mộ đất nổi lên. Đỗ Dự chú giải rằng: Bặc là mô đất để mai táng chông người chết dưới đất, chữ viết từ bộ thổ thanh băng bằng đúng là dùng chữ. Tự Thư cho rằng: Lại viết chữ băng âm đồng với âm trên.

Chuế vưu ngược lại âm truy nhuế theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chuế giống như là nhiều, rườm rà, dư thừa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chuế vưu là bệnh bướu, tức là có cục thịt dư, chữ viết từ bộ bối thanh chuế âm dưới hữu hưu Tự Thư cho rằng: Vưu là mắc bệnh sách Khảo Thanh cho rằng: Trên da kết phong.

Hàng giới ngược lại âm trên hàng lãng âm dưới giai giới sách Sở

Từ cho rằng: Uống lục khí vào. Hàng là nước dâng cao. Vương Dật chú giải rằng: Mùa hạ ăn khí hàng nửa đêm ở phương Bắc khí sinh con. Quảng Nhã giải thích khí thường. Xưa nay Chánh Tự cũng cho rằng: Thực lục khi uống vào. Hàng giới hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh hàng giới nói âm cũng đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ giới từ bộ cửu đến bộ thúc thanh tĩnh âm duệ là âm khái.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 28

Kinh nhạ âm dưới nha giá sách Khảo Thanh cho rằng: Nhạ giống như là kinh sợ, than thở. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngôn thanh nha.

Biếm tật âm bi kiểm Tự Thư viết đúng từ bộ tiết viết thành chữ biểm lại cũng viết chữ biếm nghĩa là đam vào, thích vào Quảng Nhã cho rằng: Gọi là đâm vào, Văn Tự Điển nói: Biếm là đá nam châm, dùng để châm vào người bệnh, chữ viết từ bộ thạch thanh biếm sách Thuyết Văn cũng giải thích rằng: Lấy đá nam châm đâm vào người bệnh để trị bệnh, chữ viết từ bộ thạch thanh biếm.

Nhân sơn âm trên đậu lân Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dưới viết chữ nhân hoặc là viết chữ nhân.

Li nhung âm trên lý tri xem trước đã giải thích rồi.

Tất phân âm trên là tỳ tất mùi thơm cỏ ở Tây Vực xem trước đã giải thích rồi.

Sao thí âm trên thứ giáo sách Phương Ngôn cho rằng: Sao là cưỡng ép lấy vật, sách Thuyết Văn cho rằng: Cố lấy đoạt lấy vật, chữ viết từ bộ kim thanh thiếu lại cũng gọi (900) là cướp đoạt, hoặc là viết chữ sao âm dưới bổ cách xem trước đã giải thích rồi.

Huệ thuyên âm dưới là thuyên danh tăng. Văn Truyện viết chữ linh là chẳng phải.

Tống công vũ âm dưới là chữ lương tên của Đặc Tấn.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 29

Hôn mai âm dưới mại bài Mao Thi Truyện cho rằng: Mai là mưa bụi sách Nhĩ Nhã giải thích: Gió mà có mưa nữa nên bụi đất cuốn theo mù mịt gọi mai. Sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ thanh mai cho nên Mao Thi Truyện giải rằng: Chung phong thả mai (gió cuốn mưa sa) cát bụi mịt mù.

Cưỡng phụ âm trên cương ngưỡng bao hàm chú giải Luận Ngữ rằng: Cưỡng là lấy dụng cụ đẻ mang vác cõng đó gọi là cưỡng tức lấy đãy bọc trẻ em rồi mang. Sách Hoài Nam Tử giải thích rằng: Thanh vương ở trong cái đãy bọc lại mà mang đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cõng đứa trẻ trong chăn dài một trượng, chữ viết từ bộ y thanh cưỡng.

Thát biện âm trên lan đát âm dưới biệt biến theo lộc biện ẩn Luận giải thích, dùng da con rái cá làm mũ đội, lột da con nai làm chăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Biện là oan cừu, viết đúng là oan từ bộ nhi chữ tượng hình Trụ Văn viết từ bộ dúng viết thành chữ biện âm cung nay thông dụng viết chữ biện.

Ngạn âm trên ký nghị sách Khảo Thanh cho rằng: Y là xanh tốt um tùm, cùng với chữ y đồng theo Văn Truyện bổn nghĩa hợp là từ bộ sơn viết thành chữ y y ngạn giống như là nguy hiểm, nhào lộn trắc trở nghiên, sách Bát-nhã cùng với Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ỷ tức là ngọn núi cao treo leo sừng sững, nghĩa là trở ngại cho nên cả hai đều tồn tại.

Thiết xung âm trên đúng là chữ thiết, xem trước đã giải thích rồi, âm dưới hồ mảnh Quảng Nhã giải thích: Thiết là chất khoáng, ngọc chưa mài giũa, gọi là khoáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng còn nguyên chất, chữ viết từ bộ thạch thanh hoàng cũng viết chữ khoáng âm đều đồng.

Tạm trác âm trên tạp cam sách Khảo Thanh cho rằng: Tạm là cái đục khắc chạm, sách Thuyết Văn cho rằng: Cây đục nhỏ, đục xuyên qua chữ viết từ bộ kim thanh trảm âm dưới thiệp giác Mao Thi Truyện cho rằng: Ngọc mài giũa cho sáng gọi là trác. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trác là viên ngọc được mài giũa sáng chữ viết từ bộ ngọc thanh thỉ âm thỉ ngược lại âm lung vương.

Hy khơi âm trên sĩ tri âm dưới khổ hồi tên họ người.

Ôn âm trên ổn hồn âm dưới lược trương sách sử ký chép rằng: Tần Thủy Hoàng, ở trong chiếc xe ôn lươn, chế ra như là xe có cửa sổ,

đóng kín lại là ấm áp mở ra là mát mẻ, chiếc xe này hình dáng rộng lớn, dùng lông chim trang sức, có may nước sáng chói kéo quan tài đi, dùng xe ôn lương như là lăn bánh, từ đời nhà Hán mà đến tuy là chỗ người trong cung, chữ lương cũng từ bộ cũng lương viết thành chữ lương sách Thuyết Văn cho rằng: Ôn lương là xe có chỗ nằm, chữ đều từ bộ xa cũng là thanh ôn lương âm ôn là âm ôn.

Hành bội âm trên hạnh canh Trịnh Chúng chú giải sách Đại Đái Lễ rằng: Hành là ngọc bội, chỗ gọi là tiết hành chỉ, cũng là ngọc bội trên có hai miếng ngọc ngang, âm dưới bôi muội Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ngọc bội chỗ đeo ngọc bội, sách Thuyết Văn viết hai chữ đều từ bộ ngọc cũng là thanh hành bội chữ bội từ bộ nhân thanh phàm bội tức là có bộ cân, cân là khăn, tức là đồ trang sức.

Huỳnh sức âm trên là hoặc huỳnh định sách Bát-nhã cho rằng: Huỳnh gọi là đồ trang sức Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sửa trị, sách Thuyết Văn cho rằng: Dụng cụ chạm khắc dồi mài, chữ viết từ bộ kim bộ quỳnh thanh tĩnh.

Dương khuê âm dưới kê lệ sách Lễ Ký cho rằng: Vỏ ngọc khắc thương sau khi hoàng đế phong cho đất. Hán Thư cho rằng: Thuộc huyện Dương Khuê Yến quốc Triệu Công chỗ phong vương. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ khế viết chữ khế âm cũng giải thích đồng nhau. Ngọc Thiên viết khê âm giải thích cũng đồng.

Bà dương âm trên bạc ba Hán Thư cho rằng: Quận Dự Chương có huyện Bà Dương. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ấp đến thanh phiên âm phiên là âm phiên.

Do quyết âm dưới khuyển quyết Thiên Thương Hiệt cho rằng: Quyết là xem duyệt. Thống Tự giải thích: Quyết xem qua các sự việc trên. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thăng đường lạc quyết. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nghỉ ngơi, lại cũng viết chữ quyết Vệ Hoằng viết chữ quyết âm cũng đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn đến thanh quỷ.

Tỏa tự nhiên âm trên tuấn quả Văn Truyện viết chữ tỏa tục tự thường hay dùng. Xem trước Cao Tăng Truyện quyển thứ chín đã giải thích rồi.

Tương vĩ âm trên tương dương, âm dưới vĩ phi xem trước Hoằng Minh Tập đã giải thích rồi. Văn Truyện viết chữ lam là sai.

Xuyết thúc âm trên dụng nhiệt âm nhiệt ngược lại âm nhu chuyết sách Thuyết Văn cho rằng: Xuyết là nếm thử, hoặc là viết chữ xuyết âm cũng đồng trên. Văn Truyện viết chữ xuyết tục tự thường hay dùng.

Âm dưới thi dục theo Mao Thi Truyện giải thích thúc là một loại đậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ thúc Văn Truyện Viết Chữ thúc tục tự thường hay dùng.

Sĩ lạc ngược lại âm trên trì nhĩ xem trước quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Khẩn nhẫn ngược lại âm kiết dẫn sách Thuyết Văn giải thích Khẩn là sợi tơ cuộn chặt, xiết chặt, cấp bách chữ viết từ bộ mịch thanh khẩn âm kiên là âm khiên âm dưới là nhẫn triển Bì Thương cho rằng: Nhẫn là mền mại nhu nhuyến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ vi đến bộ nhẫn thanh nhẫn.

Tiếp chung âm dưới chung lung Văn Truyện viết chữ chung là sai. Sách Khảo Thanh cho rằng: là giẫm đạp lên, dấu chân trước, sách Thuyết Văn cho rằng: Tương tục tiếp theo dấu chân trước, chữ viết từ bộ xước thanh dung.

Mi ủy âm trên là mi âm dưới uy nguy Quảng Nhã cho rằng: Ủy đúc cho ăn, âm tự là âm từ bộ thực đến bộ ủy ủy cũng là thanh.

Tuấn tư âm trên lực trừng Trịnh Chúng giải thích sách Chu Lễ: Tuấn là thanh tiếng nước chảy, âm dưới tuấn tư sách Thuyết Văn cho rằng: Tư là nước chảy, chữ viết từ bộ thủy thanh tư.

Lô chùy âm trên đúng là chữ lô âm đạo đọa truy xem trước đã giải thích rồi.

Đọa dũ âm trên oa ngọa âm oa ngược lại đồ qua Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đọa giống như lười biếng, giải đãi, uể oải không làm việc. Quảng Nhã cho rằng: Biếng nhác, sách Thuyết Văn cho rằng: Đọa là không cung kính, chữ viết từ bộ tâm đến thanh đọa tóm lược viết đúng là chữ đọa âm nghĩa cũng đồng. Âm dưới du chủ Tự Thư viết đúng từ hai bộ qua viết thành chữ dũ Từ Quảng chú giải sách Lễ Ký rằng: Đọa lãn cũng là lười biếng sách Thuyết Văn viết từ hai bộ qua Văn Truyện viết từ bộ miên viết thành cảnh dũ là sai.

Tế lỗi âm trên đúng là chữ tế âm dưới lôi ngoại sách Thuyết Văn cho rằng: Lỗi là rót rượu xuống đất tế lễ, chữ viết từ bộ dậu thanh luyến âm luyến là âm xuyết.

Bất quý âm dưới quý lý Khổng An Quốc chú giải sắc Thượng Thư rằng: Quý dắt qua sông, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh quí Văn Truyện viết chữ quý là sai.

ÂM ĐỘC CAO TĂNG TRUYỆN
QUYỂN 30

Mạo tài âm trên đúng là chữ mạo âm dưới là tài đãi theo chữ mạo tài đó là hình dáng uy nghi đỉnh đạt giống tương tợ. Nay thường có nước hồ. Tài nói lời nói hay, Văn Truyện từ bộ nhân viết thành chữ tài chưa rõ nghĩa.

Thao bao âm trên thảo tao sách Thuyết Văn cho rằng: Thao là nắm giữ, giữ lấy, chữ viết từ bộ thủ thanh thao âm thao ngược lại âm tiên đáo Văn Truyện viết chữ xâm là sai, âm dưới là thất mưu sách Thuyết Văn cho rằng: Bao dùng chùy đánh trống Văn Truyện viết chữ phù là chẳng phải.

Khổn trắc âm trên khôn bổn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khổn là cánh cửa hẹp, sách Thuyết Văn lại từ bộ mộc viết thành chữ khổn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ môn đến thanh khổn.

Lâm cầm âm dưới cập ngâm sách viết đúng từ chữ cầm Khảo Thanh cho rằng: Lâm cầm Khảo Thanh cho rằng: Lâm cầm là tên của trái, Văn Truyện viết chữ cầm tục tự thường hay dùng.

Truyện tể âm dưới là tể tên người. Xem trước đã giải thích rồi.

Hoảng dưỡng âm trên hoàng quỷ lại cũng âm dưới dương dưỡng theo chữ khoảng cương là tên dòng sông nước chảy xiết, dưỡng hoặc là âm diệp cũng đồng âm.

Thác trệ ngược lại âm trên đường Tự Thư viết đúng từ chữ độ viết thành chữ độ lại cũng viết chữ thác đều đồng âm. Quảng Thương cho rằng: Thác là cảm kích. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Ưu tư lo buồn, lại cũng là rộng lớn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng đồng nương chữ viết từ bộ tâm thanh thác âm dưới sắc lệ Cố Dã Vương cho rằng: Trệ giống như cây đứng giữa mặt trời. Tử Hư Võ cho rằng: Trong ngực từng lớp không có ngăn trệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Rất mực thông suốt chữ viết từ bộ tâm thanh đối.

Phòng lung âm dưới là nung đồng. Văn Truyện viết chữ sấn là chẳng phải. Xem trước Biện Chánh Luận đã giải thích rồi.

Linh phiến âm trên lịch đinh sách Phương Ngôn cho rằng: Rui nhà gọi là linh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cây trúc ngang trên đầu, cây trục âm dưới cũng viết chữ lam sách Thuyết Văn cho rằng: Ô vuông song cửa âm giải thích từ bộ mộc thanh linh âm linh đồng Văn Truyện viết chữ linh sách viết sai.

Bỉ lý âm trên bi mỹ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bỉ là nơi

vùng đất hoang dã. Sách Sử Ký ghi rằng: Lậu, còn chưa văn minh, hữu lậu, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Vùng đất nhỏ hẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh bỉ am bỉ đồng với âm trên, âm dưới lê nhĩ Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hoang dã giống như là bỉ vùng đất ngoài đô thị nơi vùng biên giới. Hán Thư giải thích rằng: Chất là không thô bỉ như là hưởng lạc, lại chú giải rằng: Bỉ là vùng đất xa một dặm, sách Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ ấp thanh lý Văn Truyện viết từ bộ nhân viết thành chữ lý tục thường dùng chữ này.

Trình huyền âm trên sắc lịnh Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Trình là tiến nhanh, sách Thuyết Văn cho rằng: Thông dụng chữ viết từ bộ xước thanh tình âm dưới là luyện. Xưa nay Chánh Tự cho viết từ bộ ngôn đến bộ hành viết thành chữ huyền gọi là đi bán hàng. Văn Truyện viết từ bộ huyền viết thành chữ huyền tục dùng thông dụng.

Diễm sức ngược lại âm trên dĩ diêm theo Tả Truyện Đại Phu Từ cho rằng: Đẹp gọi là diễm, sách Thuyết Văn cho rằng: Tốt đẹp, mà lâu dài chữ viết từ bộ phong thanh khái phong đúng là chữ phong, chữ cái chánh thể âm dưới thang dực sách Thuyết Văn cho rằng: Sức giống như là chà rửa sạch sẽ, chữ viết từ bộ cân thanh thực âm loát ngược lại âm sơ bát.

Chân mai âm trên là nhân xem trước đã giải thích rồi.

Diêm ái âm trên diêm nhiễm âm dưới ai cái đều là danh tăng.

Tục Cao Tăng Truyện quyển thứ ba mươi.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 95

- Âm Hoằng Minh Tập bốn mươi quyển.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 1

Đào chú ngược lại âm trên đạo lao âm dưới chu nhu Cố Dã Vương giải thích: Đào là người thợ làm ngói, đồ sành sứ. Mạnh Tử giải thích rằng: Từ đời vua Thuấn người cày ruộng gieo trồng, làm đồ gốm đánh bắt cá vậy. Quảng Nhã giải thích đào là biến hóa. Hàn Thi Truyện giải thích: Biến đổi, sách Thuyết Văn viết chữ đào gọi là làm thợ ngói, chế biến ra đồ sứ, gốm các thứ, chữ viết (901) từ bộ phửu bộ sắc thanh tĩnh, lại cho rằng: Từ bộ thi viết thành chữ đào là địa danh cũng hiệu là vua Nghiêu đến nay thông dụng lâu rồi. Theo Tả Truyện cho rằng: Đào là cái đỉnh giống như đồ vật, gọi là nấu đồng làm ra đồ dùng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Là đúc đồng cho chảy ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Làm cho tiêu đồng kim loại, chữ viết từ bộ kim thanh chú âm dung là âm dung.

Diên âm trên phiến diên âm dưới thừa lực Lão Tử cho rằng: Diên thực là dụng cụ để thay thế khi không có đồ dùng. Tống Trung Thượng Sĩ: Diên là hòa trộn lại. Hứa Thúc Trọng cho rằng: Ngăn chận đè nén xuống, theo Thanh Loại cho rằng: Mềm mại, sách Khảo Thanh cho rằng: Chủng, hấp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh diên sách Thượng Thư cho rằng: Thiếu đất đỏ để lấp vào. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dán đất vào gọi là thực.

Hạt đán ngược lại âm hàn cát kinh Sơn Hải nói rằng: Loài chim hạt phần nhiều trên núi, sáng rực về hướng mặt trời. Quách Phác cho rằng: Giống như chim trĩ, mà lớn hơn màu sắc xanh, lông có sừng, thích đá nhau cho đến chết mới thôi, thường xuất hiện ở quận Yến. Hán Thư

âm nghĩa cho rằng: Một tên của loài chim hạt là tô. Lấy đuôi của chim này làm biểu tượng cắm trên mũ của các võ sĩ, sách Thuyết Văn cho rằng: Giống như chim trĩ, chữ viết từ bộ điểu thanh hạt ngược lại âm dưới chu hạn sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải cho đến phương Đông gọi là đán sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ điểu thanh đán Bổn Tập bỏ đi bộ điểu e rằng sai âm huy là âm huy.

Rỳ thính âm trên thời chỉ sách Thuyết Văn cho rằng: Dáng mạo đang nhìn ngắm tướng mạo, cũng là chữ thị cổ Tự Thư cho rằng: Chiêm ngưỡng chữ viết từ bộ mục thanh kỳ âm kỳ là âm.

Quyến ái âm trên quyết huyền Cố Dã Vương cho rằng: Quyến là dòng nước chảy nhỏ. Sách Thuyết Uyển cho rằng: Quyến là dòng nước chảy không ngừng liên tục như vậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là nước chảy nhỏ, chữ viết từ bộ thủy thanh quyến ngược lại âm dưới ái hài sách Trang Tử giải thích: Bụi đất hoang dã, con ngựa ở ngoài hoang dã Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ai là cấu uế, dơ bẩn, gió bụi phong trần, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Bụi trần. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh ai.

Doanh đại âm trên đĩnh tinh sách Khảo Thanh cho rằng: Doanh là nước biển lớn, sách Biệt Tử ghi rằng: Phía đông bắc có hang lớn, trong hang này có quả núi yên, ba quả gọi là doanh, châu, cái chính là đây vậy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh doanh ngược lại âm dưới đài lai sách Thượng Thư cho rằng: Tháng hai đi tuần bắt thú, đếm nơi hai tông, Phạm Ninh cho rằng: Núi Thái Sơn dài núi Ngũ Nhạc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh đại.

Mặc địch ngược lại âm đình lịch tên họ người. Sách để lại cho đời gọi là Mặc Tử là Bi-tố-ty.

Trách dung ngược lại âm trên tranh ách tên họ người. Ngô Trung Lang Tướng.

Bì mạt ngược lại âm mạc bát Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Mạt là nuôi dưỡng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đút cơm hầu hạ, chữ viết từ bộ hòa thanh mạt lại cũng viết chữ mạt.

Phục lịch âm trên đúng là chữ phục ngược lại âm linh đích sách Khảo Thanh cho rằng: Lịch là cái chuồng, Cổ thi cho rằng: Con ngựa già nằm trong chuồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chuồng ngựa chữ viết từ bộ mộc thanh lịch âm tư là âm tây.

Nhiễu nhương ngược lại âm trên nhiêu chiếu âm dưới như dương Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nhiễu nhương là rối loạn, bức bách, rối chi trong lòng bực bội, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiễu

phiền, nhương xô đẩy, hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh nhiễu nhương âm ưu là âm nãi đao âm ngương là âm tương.

Cầm hoàng ngược lại âm hoảng quang theo Mao Thi Truyện cho rằng: Ngồi đánh trống thổi kèn. Thế Bổn cho rằng: Nữ oa làm cây kèn có lưỡi gà để thổi, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái sển, một loại nhạc khí gồm mười ba ống trúc ghép lại, chữ viết từ bộ trúc thanh hoàng.

Hư hy âm trên hứa ư âm dưới hư y Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hư hy là khóc, gọi là xuất hơi ra. Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hy là buồn bi ai, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khóc lớn tiếng, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ khiếm đều thanh hư hy.

Si tổng ngược lại âm trên sĩ xích âm dưới hưởng nghịch sách Thuyết Văn đều cho rằng: Dây sắn, tổng gọi là tơ mịn. Lại viết chữ si tơ còn thô gọi là tổng si, chữ viết từ bộ mịch thanh hy âm tổng từ bộ mịch thanh thông lại cũng viết chữ tổng.

Uyển chiên âm trên oan nguyễn âm dưới thiền chiến Thượng Lâm Võ cho rằng: Giống như con giun đất, thả ra phía tây rất sạch, Cố Dã Vương giải thích rằng: Con trèn, con giun đất tha ra uốn khúc ngoằn ngoèo uyển chuyển rất đẹp, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ trùng thanh uyển hoặc là viết chữ tử sách Thuyết Văn cho rằng: Thiện uyển là con trùng, chữ viết từ bộ trùng thanh chiên Bổn Tập lại viết chữ diên là chẳng phải âm đàn ngược lại âm đan lãn.

Hòa ly ngược lại âm trên hiệu cao âm dưới lý chi sách Chu Dịch cho rằng: Mất đi một hao ly sai đi ngàn dặm, mười hào gọi ly, Văn Tự Điển nói: Viết chữ hào từ bộ mao thanh cao sách Thuyết Văn nói có sức mạnh làm cho sợi lông cong lại, có thể xem trên áo đến chữ ly tóm lược thanh lai văn cổ viết chữ ly là tóm lược Bổn Tập viết chữ hào lông con thú con heo nằm là lông trắng lớn, như là trúc, mà đem đứng thẳng gọi là hào chữ ly thông dụng ở chữ ly âm mâu.

Ngõa lịch ngược lại âm linh đích xem trước đã giải thích đầy đủ rồi. trong quyển kinh Kim Quang Minh tối Thắng Vương.

Sơn phụ ngược lại âm phù hữu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đất cao mà bằng phẳng gọi là đại lục. Lục gọi là phụ Thiên Thương Hiệt giải thích Núi rông lớn đất bằng, Quảng Nhã giải thích: Đất không có đá, sách Thuyết Văn cho rằng: Núi Đại Lục không có đá, tương hình, viết đúng chữ phụ văn cổ viết chữ cự lại cũng viết chữ phụ Bổn Tập viết chữ phụ chữ thông dụng.

Bã dương ngược lại âm trên ba khả Cố Dã Vương giải thích bã

là chân khập khiễng sách Chu Dịch giải cái chân không thể mang giày dép mà đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đi không vững, đứng không thẳng, chữ viết từ bộ túc thanh bì.

Kỳ lân ngược lại âm trên cự chi âm dưới lật chan sách Khảo Thanh cho rằng: Lân là con thú quí hiếm. Sách Công Dương Truyện giải thích: Con thú có lòng nhân từ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thân hình giống con trâu mà đuôi giống con nai, móng chân có một sừng, Quách Phác cho rằng: Sừng thẳng lại có thịt nhục. Cố Dã Vương giải thích con lân cái gọi là kỳ con lân đực gọi là lân vua có thánh đức mới có xuất hiện đất nhuận trạch là chim thú quí hiếm, đến cõi nước làm quốc độ này, sách Thuyết Văn cho rằng: Kỳ lân là con vật linh thiêng sách Nhĩ Nhã giải thích đều đồng, hai chữ đều từ bộ lộc đều thanh kỳ lân hoặc là viết chữ lân là chẳng phải, Bổn Tập viết kỳ lân là tên con tuấn mã.

Chi sô ngược lại âm sĩ vu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chim non mới nở, cái mỏ còn non mổ thóc. Quách Phác cho rằng: Mới sinh ra mà có thể tự ăn, sách Thuyết Văn cho rằng: Con gà mới nở chữ viết từ bộ chuy thanh sô am sồ ngược lại âm sở du.

Biền tích ngược lại âm trên biên biện xem trước đã giải thích đầy đủ rồi trong Cao Tăng Truyện.

Lão đam ngược lại âm đáp cam theo chữ lão đam tức là lão quân sách Sử Ký ghi: Họ lý, tên nhĩ là chú trụ, dưới thời sử Quốc Ngữ gọi là Bá Dương lại cũng gọi là lão đam, sách Thuyết Văn cho rằng: Đam là man tai. Chữ viết từ bộ nhĩ thanh đam bộ tập viết từ bộ thân viết thành chữ đam tục tự thông dụng.

Thác đà ngược lại âm trên thang lạc âm dưới độ hà Khảo Thanh cho rằng: Súc vật nước hồ Cố Dã Vương cho rằng: Trên lưng có nhục thịt lồi lên, có thể mang vác vật nặng, đi xe xa rất giỏi, phía bắc rất nhiều, Văn Tự Điển nói: Hai chữ đều từ bộ mã cũng là thanh thác đà viết đúng là chữ lạc âm trạch ngược lại âm trúc ách âm đà đồng với âm trên.

Hao đào âm trên là cao âm dưới diêu nghiêu túc là thầy trò. Bổn Tập viết chữ hao là chẳng phải.

Mã huệ ngược lại âm huy uế sách Thuyết Văn cho rằng: Huệ là cái mỏ chim, chữ viết từ bộ khẩu thanh trĩ âm trĩ ngược lại âm từ thử.

Bối lũ ngược lại âm lực chủ Quảng Nhã giải thích: Lũ lưng cong lại, sách Thuyết Văn cho rằng: Gù lưng, chữ viết từ bộ nhân thanh lũ âm lũ đồng với âm trên.

Tốt đầu âm trên tại cốt Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tốt

là đánh, Văn Tự Điển nói: Nắm đầu tóc, chữ viết từ bộ thủ thanh tốt.

Phù san âm trên sơn luyện Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: San là chê bai, hủy báng, Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Nói thị phi, sách Lễ Ký nói: Là người tôi trung thần có khuyên can, thì không có chê bai, sách Thuyết Văn cho rằng: Nói lời hủy báng, chữ viết từ bộ ngôn thanh sơn.

Hao hổ ngược lại âm trên hiếu giao Mao Thi Truyện cho rằng: Con hổ tự phẩn nộ mà rống lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Tiếng hổ rống chữ viết từ bộ hổ thanh lực.

Tấn thân âm trên là tấn âm dưới là thân đã giải thích rồi trong Cao Tăng Truyện.

Đôn mang âm trên đốn ôn Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Đôn hậu và quảng đại, sách Nhĩ Thất cho rằng: Đôn hậu sách Phương Ngôn cho rằng: Tin tưởng Quách Phác cũng cho rằng: Thành thật và tin tưởng, sách Thuyết Văn viết từ chữ đôn hậu chữ viết từ bộ tâm thanh đôn Bổn Tập viết chữ đôn chữ thường thông dụng, âm dưới man giang Mao Thi Truyện cho rằng: Man là dày, sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm là vật to lớn mà dày gọi là man theo Thanh Loại cho rằng: âm thuần ngược lại âm thuân luân âm hán là âm hãn âm mang đồng với âm trên.

Thánh kiết âm dưới là tri liệt sách Nhĩ Nhã cho rằng: Kiết là trí tuệ, sách Thượng Thư cho rằng: Biết người thì là việc tốt lành, sách Thuyết Văn viết chữ triết tức là biết hiểu, chữ viết từ bộ khẩu thanh triết, văn cổ viết chữ triết từ ba bộ kiết lại cũng viết chữ triết Bổn Tập viết từ bộ kiết Tự Thư viết chữ triết.

Phu da ngược lại âm trên phong ngưu Cố Dã Vương giải thích: Phu là cái dùi trống, theo Tả Truyện cho rằng: Khi nhận dùi trống để đánh trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cầm cán dùi đánh trống, chữ viết từ bộ mộc thanh bao Bổn Tập viết chữ phu là rường nhà.

Ngoan âm trên ngũ quan Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Không thể đo lường trong lòng được. Kinh Đức Nghĩa nói rằng: Ngoan là dối trá, Quảng Nhã cho rằng: Ngoan là ngu đần, sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt thanh ngoan âm hiệt là âm hiệt âm dưới là ngư cân theo Tả Truyện cho rằng: Miệng không có đạo đức, nói lời không trung thực, gọi là ngân Thiên Thương Hiệt cho rằng: Là người xấu ác, Tự Thư cho rằng: Ngân cũng ngoan, sách Thuyết Văn cho rằng: Nói lớn tiếng chữ viết từ bốn bộ khẩu thanh thần âm am ngược lại âm trang lập.

Trá đài ngược lại âm đài nãi Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Đài ngăn trở nghi ngờ, Lưu Triệu cho rằng: Tướng khinh khi, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch thanh đài.

Nghiêm công âm trên trang tương xưa là dùng lô quân ích, Công Dương và Cốc Lương hai truyện đều đồng tránh húy của vua Hán.

Nang dược âm trên thang các Vương Bậc cho rằng: Thác là đẩy ra. Cố Dã Vương cho rằng: Lò đúc đồng, chỗ dùng thổi lửa, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Túi không đáy, sách Thuyết Văn cho rằng: Ống thỏi lửa chữ viết từ bộ thác tóm lược thanh thạch âm dưới dương chước sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ống tre lớn dùng làm nhạc cụ, gồm ống trúc có ba lỗ gọi là dược.

Sám vi ngược lại âm trên sở tạm Thiên Thương Hiệt cho rằng: Là sách tiên đoán, hiệu hà lạc, Hoài Nam Tử cho rằng: Trước tác ra sách sấm thư. Cố Dã Vương gọi là sách bói toán. Sau có hiệu nghiệm trải qua chữ viết từ bộ ngôn thanh sám âm dưới vi quý sách Đại Đái cho rằng: Sách Giã Thác là kinh mà nói những chiêm niệm hung cát đoán ra đồ vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: Dệt đường chỉ ngang chữ viết từ bộ mịch thanh vi.

Linh kỳ ngược lại âm trên tĩnh doanh sách Chu Lễ cho rằng: Bẻ lông chim mà làm cờ, Trịnh Huyền cho rằng: Bẻ lông chim vẽ lên làm năm màu mà treo lên trên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tấm bích chương âm dưới lương nghi. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Làm huy hiệu trước đám đông gọi là cột cờ, Cố Dã Vương cho rằng: Lấy lông chim vẽ rồng vẽ rắn làm cờ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cũng biểu tượng cho cờ hiệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ phương thanh linh kỳ lại cũng viết linh kỳ âm ư yểm.

Nhuy tân ngược lại âm trên nguy truy sách Lễ Ký Nguyệt Lịnh cho rằng: Nhuy tân là tên của bộ luật, lại cũng viết chữ nhuy văn dưới đều đồng.

Thương ương ngược lại âm ưng lượng sách Xuân Thu Hậu Ngữ của Tần Hiếu Công là tên của thừa tướng, họ Công Tôn Thị Phong ở thương ấp.

Cư viện âm trên cự cư âm dưới viên quyến tên họ người, là vệ đại phu tự là Bá Ngọc người chánh nhân quân tử.

Dự thả ngược lại âm tử dư tên họ người.

Khưu điệt ngược lại âm điền kiết Mao Thi Truyện cho rằng: Điệt là đất phong cho chỗ trũng, sách Phương Ngôn cho rằng: Điệt là đất Dương phong sở dính lấy đất Nam nghị gọi là điệt. Sách Thuyết Văn

cho rằng: Khỉ là phong cho, chữ viết từ bộ thổ thanh chí âm khỉ ngược lại âm ngưu ỷ tức là con phù du.

Tuy ôn ngược lại âm ổn hồn Cố Dã Vương cho rằng: Ôn là lần lần nóng nhiệt lên, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh ôn Bổn Tập viết chữ ôn là sai âm ôn đồng với âm trên.

Điệp tiếp âm trên điềm hiếp âm dưới tiêm hiệp sách Khảo Thanh cho rằng: Điệp tiếp là đi lững thững, sách Hoài Nam Tử cho rằng: Chân bước nhẹ nhàng gọi là khập khiễng, chữ viết từ bộ túc thanh chấp bộ tập viết chữ triếp cũng thông dụng.

Biều hồ âm trên phiêu diêu sách Khảo Thanh cho rằng: Biều là nửa trái bầu. Trịnh Huyền cho rằng: Cắt trái bầu làm bình đựng nước cam-lồ mang đi, bình này đều đựng rượu. Sách Phương Ngôn cho rằng: Giữa Đông Sở, Tống, Ngụy hoặc gọi là vỏ sò lớm làm cái bầu, sách Thuyết Văn viết chữ phiêu lễ chữ viết từ bộ qua thanh phiêu âm dưới cổ hồ Mã Dung chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hồ là dụng cụ chứa vật lễ, một thăng gọi là hồ sách Thuyết Văn cho rằng: Bầu rượu uống tưới (902) gọi là hồ, chữ viết từ bộ giác thanh qua âm phiêu ngược lại âm tất diêu.

Bát tiên ngược lại âm từ diên sách Thuyết Văn cho rằng: Tiên là người sinh ra sống rất lâu, chữ viết từ bộ nhân thiên cũng là thanh, lại cũng viết chữ tiên âm tiên là âm thiên.

Hổ phách ngược lại âm bồ quách Mao Thi Truyện giải thích rằng: phách là da đã cạo lông. Sách Luận Ngữ cho rằng: Da con hổ báo, giống như da con chó, con dê, Khổng An Quốc chú giải rằng: Dao cạo lông bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cách thanh quách.

Tối tàn ngược lại âm trên tại ngoại sách Khảo Thanh cho rằng: Tối là dáng mạo nhỏ nhắn, yếu kém, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tập trung dáng mạo, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thảo thanh tối Bổn Tập viết chữ tối là sai.

Thỉnh đảo ngược lại âm đao khao Trịnh Huyền cho rằng: Cầu phước gọi là đảo, Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Đảo là cầu xin nơi quỉ thần. Quảng Nhã cho rằng: Cảm tạ sách Thuyết Văn cho rằng: Báo cáo sự việc cầu phước là đảo chữ viết từ bộ thị thanh đảo.

Chu lỗ ngược lại âm trên bộ vu âm dưới đúng là chữ lỗ từ dưới theo Xuân Thu đều là tên nước.

Đạo chích ngược lại âm chinh thạch sách Khảo Thanh cho rằng: Mu dưới bàn chân, lại cũng viết chích tên người, sách Trang Tử cho rằng: Liễu hạ, lý đệ.

Tể bôi ngược lại âm bôi mỹ tên người sách Xuân Thu nước Ngô có tên vị quan Thái Tể.

Trở hải âm trên trở sơ sách Thuyết Văn cho rằng: Trở là cải muối ướp giấm, cất chứa lâu ngày, chữ viết từ bộ thảo thanh trở âm dưới là hải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hải là thịt làm tương, chữ viết từ bộ dậu thanh hải Bổn Tập viết từ bộ cái viết thành chữ hải ? là chẳng phải, âm hải ngược lại âm vu cứu.

Oa mộc ngược lại âm trên ô qua qua sách Thuyết Văn cho rằng: Oa là thấp ẩm ướt phía dưới, chữ viết từ bộ huyệt thanh qua.

Uất la ngược lại âm trên uất vật Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Uất lưới võng nhỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ võng thanh ủy.

Xúc nhiên âm trên tử lục Quảng Nhã giải thích rằng: Xúc là dáng vẻ cung kính, sợ sệt, sách Lễ Ký cho rằng: Phu tử dáng vẻ cung kính, tránh đi chiếc nghỉ ngơi, sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh thúc Bổn Tập viết chữ xúc cũng thông dụng.

Mong cổ ngược lại âm trên mộc bồng Mao Thi Truyện cho rằng: Mắt có con ngươi mà không nhìn thấy gọi là mong sách Thuyết Văn cho rằng: Nhìn thấy không rõ ràng chữ viết từ bộ mục thanh mong âm dưới là cổ sách Luận Ngữ cho rằng: Chưa thấy nhan sắc mà nói gọi là cổ sách Thuyết Văn cho rằng: Con mắt nó mất đi con ngươi bằng như mặt trống, chữ viết từ bộ mục thanh cổ Bổn Tập viết chữ mong cũng thông dụng lâu đời.

Chánh Vu Luận.

Tụ u ngược lại âm út vưu sách Khảo Thanh cho rằng: Con hươu cái. Mao Thi Truyện cho rằng: Giống hươu, loại thú nhỏ con, sách Điển Lễ Nhân Luận nói: Không có lễ nghĩa, cho nên cha con cùng lấy một người đàn bà, sách Thuyết Văn viết từ bộ lộc bộ tẩn tóm lược âm u ngược lại âm nga vũ

Tham lam ngược lại âm lạp đam đều Khảo Thanh cho rằng: Tham tàn bạo ác, không trong sạch thanh khiết, sách Thuyết Văn cùng với Đỗ Lâm cho rằng: Nói bói quẻ đó hiện tướng gian trá dối lừa kinh nghiệm trải qua là lam chữ viết từ bộ nữ thanh lâm lại cũng viết chữ lam.

Hữu hấn ngược lại âm hân cẩn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hấn là động, là có tội hiềm khích. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hấn là tiên đoán, nói có họa, điềm xấu. Sách Thuyết Văn giải thích: Lấy máu cúng tế, giống như là tế rồng. Hấn tóm lược mà nói: Chỗ gọi là cúng tế, phần thanh Bổn Tập viết chữ hấn tục tự dùng thông dụng.

Ai bì ngược lại âm tỳ di theo Tả Truyện cho rằng: Ôm giữ lấy sự thấp hèn rồi khóc than. Đỗ Dự cho rằng: Trên thành có chỗ thấp trũng, sách Thuyết Văn cho rằng: Vách tường trên thành thấp, chữ viết từ bộ phụ thanh ty Trụ Văn viết chữ bì Bổn Tập từ bộ kim viết thành chữ bì là chẳng phải, âm bì ngược lại âm bệ nghê âm nghê khê lại cũng viết âm nghê cũng đồng.

Tận khanh ngược lại âm khách canh Cố Dã Vương cho rằng: Khanh là cái hầm, cái hóc hang rơi xuống Tự Điển nói chữ viết từ bộ thổ thanh khanh.

Đổ bưu âm dưới hữu cầu Văn Tự Tập Lược cho rằng: Bưu là chỗ chuyển văn tự, trải qua. Hậu Xuân Thu nói Đỗ Bưu đó là Hàm Dương phía tây, cách mười dặm Bạch Khởi chế tại đây, sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh thùy Bổn Tập viết chữ bưu là sai lầm.

Huyền ngu âm trên huyền quyến Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Huyễn hoặc Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhìn thấy không rõ ràng. Sách Thuyết Văn giải thích: Con mắt không thường làm chủ, chữ viết tự bộ mục thanh huyền.

Hào loạn ngược lại âm trên hiệu giao âm dưới đúng là chữ loạn Giả Quỳ chú giải sách Ngữ hào là tạp, Quảng Nhã giải thích là loạn, sách Thuyết Văn giải hòa trộn lại với nhau, chữ viết từ bộ thù thanh hào Bổn Tập viết từ bộ thủy viết thành chữ hào cũng thông dụng, âm hào là âm thù âm hào đồng với âm trên.

Côn trùng âm trên cốt hồn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Núi Côn Minh. Minh là trùng đó là dương mà sinh ra âm, mà chứa cất giữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Côn là loại côn trùng nhỏ bé, chữ viết từ bộ hủy thanh côn viết đúng là chữ côn từ hai bộ hủy âm hủy là âm hủy.

Truy khiển ngược lại âm di chiến Quảng Nhã cho rằng: Khiển trách sách Thuyết Văn giải thích: Văn hỏi chữ viết từ bộ ngôn thanh truy.

Phủ phất âm trên là phủ âm dưới là sách Khảo Công Ký giải thích màu trắng cùng với màu đem gọi là phủ. Nhĩ Nhã cho rằng: Tấm bích cương thuê hình cái búa gọi là phủ Quách Phác cho rằng: Vẽ là hình cái búa. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Dùng cao cùng với hồ pha trộn làm hoa văn, lại màu đen cùng với màu xanh gọi là phủ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cả chữ đều pha trộn lại với nhau, hai chữ đều từ bộ trĩ thanh phủ phất Bổn Tập viết chữ phủ phất tục tự thường hay dùng. Âm trĩ ngược lại âm trúc kỹ âm bạc ngược lại âm bàn bát.

Dương loan âm trên dương tương sách Chu Lễ cho rằng: Dương là trên mặt con ngựa phải buộc đồ trang sức một hàng khi chuyển động có tiếng kêu, chỗ gọi là chạm khắc. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Trên mi mắt con ngựa gọi là dương, có hàng lục lạc kêu leng keng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đầu ngựa có đồ trang sức chữ viết từ bộ kim thanh dương viết đúng là chữ dương.

Kỳ kỳ ngược lại âm trên cự hy sách Chu Lễ cho rằng: Dùng giao long làm cờ, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cờ mà có linh gọi là kỳ Quách Phác giải thích rằng: Treo cái linh lên đầu ngọn trúc vẽ hình giao long (tức rồng) nơi lá cờ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ư thanh cân âm ư là âm yển.

Cổ bi âm dưới bề mê sách Chu Lễ cho rằng: Tua cờ người thầy cầm cái trống, cái chuông, một vị thầy nữa cầm trống mà đánh nhạc. Tịnh Huyền viết mạn lạc tức là đánh trống làm hòa nhạc, sách Thuyết Văn cho rằng: Cỡi ngựa đánh trống, chữ viết từ bộ cổ thanh bi Tự Thư cũng viết chữ bi.

Đệ thuyên âm trên đệ nê chữ chánh thể, Vương bật cho rằng: Âm đệ sở dĩ trong có bộ thố tức là được thỏ quên đi bước chân. Cố Dã Vương cho rằng: Sở dĩ bắt được thỏ dụng cụ bắt thỏ, quên đi dụng cụ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh đệ âm dưới thất duyên sách Trang Tử cho rằng: Thuyên chỗ gọi là cái mơm bắt cá, tức là được cá quên nơm. Cố Dã Vương cho rằng: Cái lờ bắt cá. Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ trúc thanh toàn âm đệ đồng với âm trên. Bộ Tập viết chữ đế lưu hành lâu rồi thành quen dùng.

Bính ủy âm trên binh mảnh Quảng Nhã giải thích: Bính là sáng sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ hỏa thanh bính âm dưới uy vị Khảo Thanh cho rằng: Ủy là ngăn che, văn chương sáng sủa, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh ủy.

Thanh huân âm dưới thuận luân Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Huân là say rượu Quảng Nhã cho rằng: Dày sách Thuyết Văn viết từ bộ dậu thanh huân huân đó âm đồn.

Mẫn nhiên ngược lại âm trên mật dẫn Mao Thi Truyện cho rằng: Mẫn là diệt hết, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tận cùng hết sạch, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh dân dưới văn đều đồng.

Chúc khoáng âm trên chung nhục sách Thuyết Văn cho rằng: Chúc là liên kết, chữ viết từ bộ vĩ thanh thục Bổn Tập viết từ bộ thi viết thành chữ chúc cũng thông dụng, âm dưới là khoáng Trịnh chúng chú giải sách Lễ Ký rằng: Khoáng là bông còn thô chưa kéo thành sợi tơ,

nói là tơ còn mới để lay động, thuộc về bệnh trong cổ họng, ho ra hơi, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh quãng.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 2

Hoàng tuất âm trên hồ quang Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hoàng là sự nhàn rỗi, đi dạo chơi, chữ viết từ bộ xước thanh hoàng âm xước ngược lại âm sửu lược âm dưới tức duật.

Tỉnh oa ngược lại âm hồ oa sách Thuyết Văn cho rằng: Oa là con ểnh ương, chữ viết từ bộ mãnh thanh oa hoặc là viết chữ oa Bổn Tập viết chữ oa cũng thông dụng.

Phủ chung âm dưới chung dũng thanh can âm cân.

Ôn khiết âm trên ổn hồn âm dưới kiết nói là ôn đó là chân nhuận là sạch sẽ. Nay Bổn Tập viết thấp khiết đó là e rằng: Niên đaị xa xưa truyện viết sai có nghĩa lý khác lạ.

Mam chúc ngược lại âm trên mạch ban âm dưới thù dục Nay Bổn Tập viết tinh xúc lại nghĩa rất quái lạ, e rằng truyện viết sai đọc giả nên hiểu nghĩa này.

Huyển nhục âm trên huyền quyến Quảng Nhã cho rằng: Huyền là sáng chói, Bì Thương cho rằng: Dáng mạo tươi sáng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là sáng chói, chữ viết từ bộ hỏa thanh huyền.

Lụy đồng âm trên đúng là chữ luy ngược lại âm lực thủy âm dưới là đồng Thượng Thư Đại Truyện cho rằng: Bốn mắt nháy liên tục. Bì Thương cho rằng: Hạt châu trong mắt, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh đồng.

Đán vu ngược lại âm bạt điền sách Khảo Thanh cho rằng: Đãn sinh, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh diên.

Bạng cáp ngược lại âm trên bàng cấu ngược lại âm dưới cam hạp sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: Khi ngày trăng chưa tròn thì con bạng là con thềm thừ tức con cốc trên cung trăng. Cáp có ba loại đều sinh dưới biển, thuộc con sò, ngàn tuổi hóa làm con chim. Đời Tần gọi là trang lệ. Con sò trong biển trăm tuổi hóa làm con người cao to vạm vỡ. Lại gọi là phục lụy tức người già có cánh, chỗ hóa thân hai chữ đều từ bộ hủy đều thanh bạng cáp âm bạn đồng với âm trên.

Hấn cấu âm trên hận cận âm dưới cấu hầu nghĩa đã giải thích đầy

đủ rồi trong quyển thứ nhất.

Thích thảng âm trên đinh lịch âm dưới thang lang sách Bát-nhã cho rằng: Thích lãng, khác thường sách Sử Ký ghi rằng: Có sự kỳ vĩ thích thảng, ung dung thoải mái, sách Thuyết Văn cho rằng: Đều từ bộ nhân đều thanh linh đãng.

Mâm trên mịch bình âm dưới kiêm hiếp Bạch Hổ Thông cho rằng: Được trải qua thời kỳ phân rõ được thì tối tăm sẽ được phân ra, tức là cái vỏ sẽ nức mầm sinh ra, nơi sân, từ một tháng mặt trời mọc, thì sinh ra lá đến mười sáu ngày đến ngày rụng lá, giống như mặt trăng khuyết rồi lại tròn, thời vua Nghiêu sinh ra trước sân lấy làm cỏ quý hiếm. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thảo đều thanh mịch giám.

Thớt nhiên âm trên dư lục Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Thớt là bỗng nhiên đến rất nhanh, sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh thúc lại cũng viết chữ thúc Bổn Tập viết chữ thảng cũng thông dụng.

Hấp huất ngược lại âm trên hâm ấp sách Thuyết Văn cho rằng: Hấp là mũi cong lại, thu lại chữ viết từ bộ hợp thanh vũ âm dưới động uất Tiết Tông chú giải Tây Kinh Phú rằng: Huất là bỗng nhiên, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ viêm thanh khiếm.

Yểm ái âm trên yểm nghiêm Mao Thi Truyện cho rằng: Yểm là to lớn. Cố Dã Vương cho rằng: Trốn tránh ẩn náo, sách Thuyết Văn cho rằng: Che đậy to lớn có dư thừa lại gọi là lâu bèn, chữ viết từ bộ đại đến bộ điện âm điện là âm triển âm dưới suy đại Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ái là mắt trời u ám chưa sáng, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhật thanh ái hoặc là viết chữ ái.

Thành viêm ngược lại âm viêm nghiệm nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi trong quyển Tạp Sự Luật.

Thuấn tức âm trên là thuấn sách Thuyết Văn viết đúng là chữ thuấn gọi là mắt nhắm mở nhiều lần, chữ viết từ bộ mục thanh dần tục thường viết chữ thuấn.

Phỉ nhiên ngược lại âm trên phi vĩ sách Thuyết Văn cho rằng: Phỉ là ánh trăng còn lờ mờ chưa có tròn đầy sáng tỏ, chữ viết từ bộ nguyệt thanh xuất lại cũng có âm phổ mỗi chưa rõ nghĩa. Man hiểu ngược lại âm trên mạc bang Mao Thi Truyện giải thích man là rộng lớn, mênh mang, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Xa xăm. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh man âm dưới di liểu sách Thuyết Văn cho rằng: Mắt nhỏ tức là mắt lé, chữ viết từ bộ mục thanh thiếu.

Yểu mạc ngược lại âm trên y liểu sách Thuyết Văn cho rằng: Chỉ

xa xôi, tối tăm, u ám, chữ viết từ bộ mộc thanh viết âm dưới man bác Cố Dã Vương cho rằng: Mạc giống như nhà yên tĩnh, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Sáng sủa thanh sạch, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh mạc.

Mong phi ngược lại âm trên mạc bồng âm dưới từ lý sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tứ cực tây cho đến thái mong. Xa xôi mù mịt. Quách Phác cho rằng: Tiếng vọng xa xăm mù mịt, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh mong phi.

Thế cân ngược lại âm cự y sách Khảo Thanh cho rằng: Cân là mong cầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh cân âm đồng với âm trên lại cũng viết chữ cân.

Chu tứ âm trên thụ nhu âm dưới là tứ tên của hai dòng sông. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sông chu ở nước Lỗ, phía dưới huyện Tây Nam sách Lễ Ký Tăng Tử Quí Tử hạ cho rằng: Thời nhà Ngô cùng với các việc. Phu (903) tử nơi sông Chu Tứ mà chết, hai chữ đều từ bộ thủy đều thanh chu tứ.

Cộng triệt ngược lại âm trì liệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Triệt là vết của bánh xe. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xa đến bộ triệt thanh tĩnh Bổn Tập viết từ bộ túc viết thành chữ triệt là sai. Bàn mộc ngược lại âm trên bạn hàn Trịnh Huyền cho rằng: Chiếm cứ, Cố Dã Vương cho rằng: Cuộn khúc uốn khúc. Theo kinh Sơn Hải nói: Bàn mộc là cây to lớn, phía đông bắc, trong vùng hoang dã có cái hang lớn trong hang có châu thổ, trên châu thổ có cây, tức là bàn mộc, lại cũng có tên bàn đào, lại cũng gọi là hộ sách, sách Thuyết Văn viết từ bộ hủy âm phiên là âm phiên âm độ ngược lại âm đường lộ âm tác ngược lại âm tang các.

Đại ngôi ngược lại âm ngô tội Đại ngôi là tên núi ở Hà Nam huyện Dương Địch. Sách Thuyết Văn cho rằng: Ngôi là núi cao, chữ viết từ bộ phụ thanh quỷ.

Cô xạ âm trên cũng là tên núi. Xem trước đã giải thích đầy đủ rồi trong biện chánh luận.

Cụ tư ngược lại âm tự tư theo chữ cụ tư đều tên núi. Ở Hà Nam huyện Dương Địch.

Sổ chích ngược lại âm chinh thạch sách Thuyết Văn cho rằng: Chích là nhặc lấy. Trần Tống Ngữ cũng viết chữ chích từ bộ thủ thanh thứ.

Tuẩn thế ngược lại âm trên tuần tuấn thần Quỳnh Cho rằng: Vong thần từ vật gọi là tuẩn Ứng Thiệu cho rằng: Vinh dự Khổng An Quốc

chú giải sách Thượng Thư rằng: Mong cầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạc thanh tuần âm ngạc là âm tàn.

Ôi nhân âm trên ô khôi kinh Sơn Hải nói rằng: Phía bắc hải núi ngôi có nước gọi là ôi Quách Phác cho rằng: Ôi cũng là yêu thương, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh ôi.

Lâm truy ngược lại âm tử sư tên của quận ở đất Tề, Bổn Tập viết từ bộ cân viết thành chữ lữ là sai.

Ngận nhiên ngược lại âm trên ngân cận Lỗ Suy Công Mạt Phu Tử nói: Thiên hạ mong muốn mình già đi sách Khảo Thanh cho rằng: Ngận là thương tổn, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh ngận âm ngận đồng với âm trên.

Thành hám ngược lại âm kham lam sách Khảo Thanh cho rằng: Hám là nhìn. Tự Thư cho rằng: Mong đợi. Văn Tự Điển nói viết từ bộ mục thanh hám cũng viết chữ hám.

Đăng vương âm trên đẳng năng theo Thanh Loại cho rằng: Cái đỉnh không có chân gọi là đăng sách Thuyết Văn cho rằng: Cái đỉnh đồng, chữ viết từ bộ kim thanh đăng lại cũng từ bộ hỏa viết thành chữ đăng tục tự thường hay dùng. Âm đỉnh ngược lại âm đinh nịnh.

Nhi tuất hồ âm giữa là luy duật hà Hựu chú giải Công Dương Truyện rằng: Tuất đó là cuồng, Tự Thư cho rằng: Cương trực, sách Khảo Thanh cho rằng: Ngu muội sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh tuất âm tráng ngược lại âm trác hạn.

Kê trệ ngược lại âm trừ lệ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trệ là con heo, sách Thuyết Văn cho rằng: Dấu chân của con heo gọi là trệ, chân của con heo cùng với chân của con nai đều đồng, chữ viết từ bộ kệ đến bộ bắc thanh trỉ âm kệ ngược lại âm cư lệ.

Chu mâu âm trên là chu âm dưới mạc hầu sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải cho đến Tây Tần Tấn gọi là con nhện, sách Thuyết Văn viết từ bộ hủy thanh mâu Bổn tập viết chữ yến là chẳng phải âm vụ là âm vũ.

Bính kiết ngược lại âm trên binh mảnh đời nhà Hán tên họ của vị thừa tướng.

Điền phân ngược lại âm phò phân tên họ người đời nhà Hán làm thừa tướng.

Đồn ngư âm trên đột luân âm dưới đúng là chữ ngư Vương Bậc cho rằng: Đồn là loài thú nhỏ hạ tiện, sách Phương Ngôn cho rằng: Loài heo con gọi là đồn, sách Thuyết Văn viết đúng chữ đồn là heo con chữ viết từ bộ thoán chữ tượng hình đến nắm giữ bộ nhục mục hợp từ phối

hợp bộ nhục sắc viết thành chữ đồn cảnh trụ văn. Bổn Tập viết từ bộ thác viết thành chữ đồn lại cũng viết chữ đồn.

Trù tiêu âm trên bộ giao âm dưới là tiểu Cố Dã Vương cho rằng: Chim nhỏ hót, sách Thuyết Văn cho rằng: Dương dương tự đắc, chữ viết từ bộ khẩu thanh tiêu âm hao ngược lại âm hỏa giao.

Sài lãn ngược lại âm trên sĩ hài â Lễ Ký Nguyệt Lịnh cho rằng: Mùa thu các con thú phải cúng tế cho sói. Quảng Nhã cho rằng: Sài là giống chó sói hung dữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc loại cho lang, chân giống chó, chữ viết từ bộ thỉ thanh tài âm dưới tha hàn sách Nguyệt lịnh cho rằng: Lúc Mạnh Xuân các con cá cúng tế con rái cá. Trịnh Tiễn chú giải rằng: Con rái cá ăn trước khi cúng tế. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giống như con chó nhỏ ở dưới nước bắt cá ăn, chữ viết từ bộ khuyển thanh lãn âm trĩ ngược lại âm trạch mãi.

Vô ngại ngược lại âm khải ai âm khải ngược lại âm ngũ ai sách Thuyết Văn cho rằng: Ngại là dừng lại, chữ viết từ bộ thạch thanh nghi Bộ tập viết chữ ngại chẳng phải.

Quỳnh củ ngược lại âm âm trên hỏa sính ngược lại âm trên hỏa sính Lưu Triệu cho rằng: Quỳnh là sâu xa mù mịt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cầu vinh dự, từ bầu trời thâm thẩm, người thì ở hang sâu, âm mâm ngược lại âm hỏa liệt âm dưới là cự đồng với âm trên.

Kế âm trên mịch kế Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Kế là có nước nghèo kia vị quốc vương rất giỏi bắn cung, bị quân địch phục kích bắt được giết chết. Sách Thuyết Văn cho rằng: Vua qua đều giỏi bắn cung. Hạ Thiếu Khang bị diệt nước đó cũng mất luôn, chữ viết từ bộ cung thanh can Bổn Tập viết chữ kế tuy thông dụng, nhưng lâu rồi cũng mất đi, âm can là âm khiên âm tróc ngược lại âm sĩ tróc âm hộc ngược lại âm khổ ốc.

Cấu trung ngược lại âm trên câu hầu sách Khảo Thanh cho rằng: Cấu là giương cung ra bắn. Mạnh Tử cho rằng: Cấu là cây cung người ta giương ra để bắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Giương cung nỏ ra để bắn, chữ viết từ bộ cung thanh xác âm xác ngược lại âm khống giác.

Kỳ bán ngược lại âm bàn mạn sách Khảo Thanh cho rằng: Cơ thể phân nửa là giống đực, Văn Tự Điển nói: chữ viết từ bộ nhục thanh bán.

Sá hồ ngược lại âm trên sửu á Quách Phác chú giải rằng: Sá là khoe khoang. Mao Thi Truyện cho rằng: Dừng nghỉ, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh trạch.

Tằng đăng âm trên thương tặng âm dưới chiêm đăng sách Khảo

Thanh cho rằng: Đi bộ nên mất đi dáng dĩ thong dong, tức là long đong lận đận. Văn Tự Điển nói hai chữ đều từ bộ túc đều thanh tằng đăng.

Quyên phi ngược lại âm trên nhất duyên sách Nhĩ Thất cho rằng: Trong giếng nhỏ có loài trùng nhỏ màu đỏ e rằng chẳng phải nghĩa này, theo hợp nghĩa là chữ quyên ngược lại âm hứa duyên sách Thuyết Văn cho rằng: Loài côn trùng nhỏ biết bay, còn có nghĩa là vụn vặt, cũng chưa rõ nghĩa.

Nhuyễn động ngược lại âm trên nhi duẫn sách Khảo Thanh rằng: Loại trùng không có chân, sách Thuyết Văn cho rằng: Loài côn trùng bò lúc nhúc chữ viết từ bộ hủy thanh nhuyễn âm nhuyễn là ân duyên.

Hải sấn ngược lại âm sơ cận sách Chu Lễ cho rằng: Chưa thay răng không làm nô bọc được. Trịnh Huyền cho rằng: Bảy tuổi thay bỏ cây răng, chữ viết từ bộ xĩ thanh sất Bộ Tập viết chữ sấn là chẳng phải.

Dĩ cấu ngược lại âm hồ cấu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cấu giống như là sĩ nhục. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cấu là mắng nhiếc, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh cấu.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 3

Phiên chứ ngược lại âm chư thứ sách Phương Ngôn cho rằng: Chứ là cất cánh bay. Quách Phác cho rằng: Bay lượn, sách Thuyết Văn cho rằng: Cất cánh bay chữ viết từ bộ giả thanh vũ.

Bỉ lý ngược lại âm lực chỉ sách Khảo Thanh cho rằng: Giống Man Di ở Quảng Châu. Mạnh Tử cho rằng: Ở phương Nam thuộc giống người Man Di sách Thuyết Văn. Mạnh Tử cho rằng: Ở phương Nam thuộc giống người Man Di sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh lý.

Sổ vị ngược lại âm ly trĩ Mao Thi Truyện cho rằng: Vị là đến sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nhìn xem Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thảo thanh vị.

Truy thù âm trên tử sư âm thụ chu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tám lạng làm một truy. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam tử rằng: Mười hai lạng thóc nặng một phân, mười hai phân làm một thù, sách Thanh văn cho rằng: Truy bằng sáu thù, thù trọng nặng phần mười, hai chữ đều từ bộ kim thanh truy thù âm truy đồng với âm

trên.

Thông ký ngược lại âm kỹ lợi sách Luận Ngữ cho rằng: Nhà nhiều ngựa hay không cần vận sức lực mà con ngựa vẫn chạy nhay. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa chạy ngàn dặm. Hệ dương chỗ có tướng tài, chữ viết từ bộ mã thanh ký.

Chi bài ngược lại âm bày mại Cố Dã Vương cho rằng: bài là mõi mệt yếu kém. Quảng Thất cho rằng: Rất mỏi mệt, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh bị.

Huyện nổi ngược lại âm nô tội Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nổi là đói khát, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là đói khát, chữ viết từ bộ thực thanh ủy.

Ký vu ngược lại âm kỳ ký Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ký là đến Tự Thư cho rằng: Đến kịp sách Thuyết Văn cho rằng: Tối kịp nhìn thấy, chữ viết từ bộ đãn thanh ký.

Ung thư âm trên ôn cung âm dưới thất dư Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Nóng nhiệt nổi phù lên làm cho mụt nhọt, không thông gọi là ung, sách Thuyết Văn cho rằng: Sung thũng lâu ngày thành ung, hai chữ đều từ bộ tật, đều thanh ung thư âm phiêu ngược lại âm tất diêu.

Xuân sưu ngược lại âm sở vưu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đi săn mùa xuân là vưu Quách Phác cho rằng: Sưu là khiên bắt lấy là nhận, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh quỷ.

Thao cung ngược lại âm trên thảo cao Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thao là cất giấu, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái túi đựng kiếm chữ viết từ bộ vi thanh thao âm thao ngược lại âm dực tiểu.

Thụ việt ngược lại âm vu nguyệt sách Thuyết Văn cho rằng: Cái búa lớn. Tư Mã Bưu chú giải rằng: Đời nhà hạ cầm cái búa đem ném cho Bạch Thích Chu. Tay trái cầm búa vàng một trượng, tay phải cầm búa trắng có tua cờ, chữ viết từ bộ qua thanh quyết Bổn Tập viết từ bộ kim viết thành chữ việt cũng thông dụng âm quyết ngược lại âm cư liệt.

Ngoan thích ngược lại âm trên ngô hoàn Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ngoan là vót gọt, sách Thuyết Văn cho rằng: Đục đẻo chữ viết từ bộ đao thanh ngoan âm dưới đinh diệc theo Thanh Loại cho rằng: Thích là chọn lựa, sửa chữa mở ra, xỉa cạy, cạo tóc, Văn Tự Điển nói, chữ viết từ bộ đao thanh dị.

Khư chi ngược lại âm khứ cư sách Khảo Thanh cho rằng: Khư là mở ra, theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Bỏ vức bỏ. Cao Dụ chú giải sách

Lã Thị Xuân Thu rằng: Khư giống như đưa lên giơ cao, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh khư.

Thạch thước ngược lại âm thiết dược tên của Vệ đại phu, người thời Xuân Thu.

Cốt phóng ngược lại âm trên côn ổn sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của núi vũ phụ, ngọn núi này có rất nhiều lông chim và xác chim chết, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ cốt thanh hệ lại cũng viết chữ cốt Bổn Tập viết chữ cốt là sai lầm.

Hà duệ ngược lại âm dư nghệ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Duệ là nơi biên cương xa xôi, Quảng Thất cho rằng: Con cháu đời sau. Sách Phương Ngôn cho rằng: Là tên chung gọi các bộ tộc Di Dịch ở ven Trung Quốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ y âm cảnh là âm nữ hoạt.

Duy chấp ngược lại âm triêm lập Mao Thi Truyện cho rằng: Chấp là trói buộc Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trói câu thúc lại. Xưa nay Chánh Tự gọi là câu chấp, chữ viết từ bộ mịch thanh chấp.

Long cổn ngược lại âm cổ bổn Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Trên áo có vẽ thêu rồng. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cổn là áo có thêu hoa văn che đậy, sách Thuyết Văn cho rằng: Vua hưởng lộc của tiên vương, nên thêu rồng cuôn tròn theo áo dưới là cái xiêm có con rồng uốn khúc chữ viết từ bộ y thanh công.

Trất sơ ngược lại âm trên trân sắc sách Khảo Thanh cho rằng: Sách Khảo Thanh cho rằng: Sơ là cái lược sách Thuyết Văn cho rằng: Tên gọi chung lược chải tóc đồ trang điểm của phụ nữa, chữ viết từ bộ mộc thanh trất.

Chi bí ngược lại âm bi mi Cố Dã Vương cho rằng: Bí là dây cương chế ngự chiếc xe ngựa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Dây cương buộc ngựa, chữ viết từ bộ ty thanh bí âm bí cùng với âm trên đều đồng, cũng là trục xe trước đầu ngựa, Bổn Tập viết chữ bí là chẳng phải.

Xuẩn nhuyễn âm trên xuân duẩn âm dưới nhi duẩn nghĩa đã giải thích rồi, trong quyển thứ nhất.

Tẩm dục ngược lại âm trên tử thấm sách Khảo Thanh cho rằng: Tẩm rửa sạch, ngâm nước. Viết đúng từ chữ tẩm âm dưới là dư lục Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Sinh ra, sách Nhĩ Nhã cho rằng: Nuôi dưỡng Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Sinh sản, sách Thuyết Văn viết đúng là chữ dục gọi là nuôi dưỡng dạy dỗ cho khiên cho điều hay, giỏi, từ bộ vân thanh nhục đồng thanh âm.

Dược tự âm trên dương tước Hà Hựu chú giải Công Dương Truyện

rằng: Mùa gặt hái mới bắt đầu là lễ cúng tế, sách Thuyết Văn cho rằng: Gọi là cúng tế mùa hạ, chữ viết từ bộ thị thanh chước lại cũng viết chữ dược Bổn Tập viết chữ dược là tên thảo dược.

Bài tẩn ngược lại âm trên bai mai Quảng Nhã cho rằng: Bài là đẩy ra. Tư Mã Bưu cho rằng: Tẫn là vức bỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh phi tân.

Phương nghê ngược lại âm nghê kế Khổng Tử cho rằng: Nghê là nhìn, giống như nhìn xa, sách Thuyết Văn cho rằng: Nghê là nhìn nghiêng, liếc nhìn chữ viết từ bộ mục thanh nhi.

Khiếu ư ngược lại âm trên hiểu nhiêu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khiếu là tìm kiếm yêu cầu cần phải. Giã Quỳ cho rằng: Yêu cầu Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Đoạt lấy ý của người là đoạt lấy mà thôi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tuân theo, chữ viết từ bộ xích thanh khiếu Bổn Tập viết chữ khiếu là sai âm xước ngược lại âm sửu diệc âm khiếu là âm điếu.

Lạc trâm ngược lại âm tập lâm Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cây trâm cài đầu, sách Thuyết Văn cho rằng: Trên đầu (904) cài đầu, chữ viết từ bộ nhân chữ tương hình. Bổn Tập chữ viết trâm tục tự thường hay dùng.

My tổn ngược lại âm trên mỹ bi Quảng Nhã cho rằng: My bi Quảng Nhã cho rằng: My là hư hoại, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nhỏ vụn vặt, nát ruổng, sách Thuyết Văn viết từ bộ mể thanh ma.

Phỉ thực âm trên phi vĩ Tư Mã chú giải sách Luận Ngữ rừng: Phỉ là nhỏ mọn ít ỏi, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh phi.

Đại hước ngược lại âm hương ngược Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hước là cùng nhau làm trò hài hước, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Cũng là làm trò vui, chữ viết từ bộ ngôn thanh hước.

Giam mặc ngược lại âm trên cổ hàm sách Thuyết Văn cho rằng: Giam là cái tráo đóng kín, buộc chặt lại, chữ viết từ bộ mịch thanh hàm.

Hải đát âm trên hài ngai âm dưới chu át.

Xung túy ngược lại âm trên truy trung âm dưới tuy túy Quảng Thất cho rằng: Túy là say khước Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tinh túy sách Thuyết Văn cho rằng: Không tạp chữ viết từ bộ mể thanh tốt.

Hủ xung ngược lại âm trên hủ vu Quách Phác cho rằng: Hủ gọi là nhón gót chân lên mà nhìn, Hán Thư cho rằng: Hư xung là nhìn màu sắc đẹp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Vươn mắt lên nhìn, Tư Mã Bưu chú giải rằng: Nhìn mà không biết gì cả sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là

căng mắt ra mà nhìn, chữ viết từ bộ mục thanh hủ.

Chi chu ngược lại âm chi do Mao Thi Truyện cho rằng: Chu là cứu giúp. Tự Thư cho rằng: Trợ giúp, Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cứu giúp cần gấp, tai nạn cho muôn dân. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ bối thanh chu.

Đảng ngôn ngược lại âm trên đang lãng Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đãng là nói thẳng, khéo nói chữ viết từ bộ ngôn thanh đãng.

Biện hạch ngược lại âm xung ách nghĩa đã giải thích đầy đủ rồi trước trong quyển Cao Tăng Truyện.

Khôn đạo ngược lại âm trên khổ côn sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của bộ luật hình, người có tội cạo bỏ tóc, gọi là khôn sách Thuyết Văn cho rằng: Cạo bỏ râu tóc chữ viết từ bộ tiêu thanh khôn âm thế ngược lại âm tha kế âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Giã y ngược lại âm tất diêu giải thích đều rồi trong quyển Căn Bổn Tạp sư.

Viết đê ngược lại âm đê nê tên người xem trước trong Hán Thị họ kim thị.

Ư phục ngược lại âm vi mục lại âm phương lục sách Thuyết Văn cho rằng: Phúc là nhiều lớp chữ viết từ bộ y thanh phúc áo bông.

Tẩy thái ngược lại âm trên tây lễ âm dưới đạt đái sách Khảo Thanh cho rằng: Thái là tẩy rửa, giặt giũ.

Minh linh ngược lại âm trên mịch bình âm dưới lịch đình sách Nhĩ Thất cho rằng: Minh Linh là con sâu nằm trong lá dâu. Quách Phác cho rằng: Con nhện nằm trong lá dâu gọi là tuất nữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ đều từ bộ hủy đều thanh minh linh lại cũng viết chữ linh.

Quả loa ngược lại âm trên qua hỏa âm dưới lô quả theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cỏ lô, Quách Phác cho rằng: Tổng tên gọi chung của ổ ong tò vò, tục thường gọi là ong đất đúng quá loa từ bộ hủy thanh loa Bổn Tập viết chữ quả loa cũng thông dụng, âm qua ngược lại âm qua loa âm luy là âm lô hòa âm ế ngược lại âm y kế âm ung là âm ông.

Bất thuyên ngược lại âm thủ duyên Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thuyên là sửa đổi lỗi lầm, sách Thuyết Văn cho rằng: Chừa lỗi, chữ viết từ bộ tâm thanh thuyên âm tuấn ngược lại âm thất tuần.

Chi dã ngược lại âm da giã cùng với chữ dã cũng đồng, sách Khảo Thanh cho rằng: Đất ngoài dô thị gọi là mẩu mẩu ngoài gọi là dã chữ dã là chữ cổ.

Can kỳ ngược lại âm trên cát an kinh Sơn Hải nói rằng: Núi Côn lôn có cây can lãng, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là can lãng, chữ viết từ bộ ngọc thanh can văn cổ viết chữ can sách Nhĩ Thất cho rằng: Nét đẹp của phương đông có lam đất bằng, không có hầm hố, có cây ngọc tuần can kỳ. Quách Phác cho rằng: Thuộc ngọc quý, sách Thuyết Văn viết chữ kỳ âm đồng với âm trên.

Sáp chu ngược lại âm trên sam hạp xem trước đã giải thích đầy đủ rồi, trong quyển Tạp Sự Luật Bộ Tập viết chữ sáp thất.

Hoàng năng ngược lại âm nãi lai sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của con thú, sách Nhĩ Thất cho rằng: Con rùa có ba chân gọi là năng sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc loại gấu chân giống nai, chữ viết từ bộ nhục thanh dĩ con thú có khả năng kiên trì, cho nên gọi là hiền năng, mà có sức mạnh gọi giống đực là năng kiệt. Bổn Tập viết chữ bi là sai lầm.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 4

Mâu tạo hóa ngược lại âm trên mạc hầu Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công ký rằng: Mâu là đẳng cấp quán bình đều nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Bằng nhau, chữ viết từ bộ nhân thanh mâu âm mâu đồng với âm trên.

Sô hoạn ngược lại âm trên sở vu âm dưới hoang quân Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: Nuôi heo chó gọi là hoạn sách Thuyết Văn cho rằng: Chuồng nuôi heo, chữ viết từ bộ thỉ bộ quyển thanh tĩnh âm quyển ngược lại âm quyền nguyễn.

Phi vật âm trên bì chỉ Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Phi là dụng cụ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sửa chữa, sách Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ nghiểm là âm nghiêm.

Hoàn nhuyễn âm trên hồ thuyên âm dưới như duẫn xem trước đc giải thích đầy đủ rồi trong quyển thứ nhất.

Mê noản âm trên mê kê âm dưới loạn quyến sách Thuyết Văn cho rằng: Mê là hươu con, chữ viết từ bộ lộc thanh nhĩ.

Sát cổ âm trên sắc giác âm dưới là cổ sách Thuyết Văn cho rằng: Cổ cũng mãnh lưới, chữ viết từ bộ võng thanh cổ.

Manh đãi âm trên mạch canh Mao Thi Truyện cho rằng: Manh là

người dân Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: Manh giống như là mù mịt không biết gì. Lưu Triệu chú giải sách Mạnh Tử rằng: Người dân sống ở biên giới vùng đất xa xôi, họ không hiểu biết gì gọi là manh sách Thuyết Văn viết từ bộ vong thanh dân Bổn Tập viết chữ mân riêng rằng sai.

Tề thử ngược lại âm trên tề tổng sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tề là đều nhau, nay người phương nam gọi là dùng dao kéo cắt là tề. Xưa nay Chánh Tự cũng đồng thanh, từ bộ đao thanh tề.

Khô cai ngược lại âm cổ lai sách Khảo Thanh cho rằng: Cọng cỏ sách Phương Ngôn cho rằng: Đông tề gọi rễ cây là cai sách Thuyết Văn cho rằng: Rễ cỏ, chữ viết từ bộ thảo thanh cai.

Thâm tiếu ngược lại âm tiều diệu sách Khảo Thanh cho rằng: Mắng nhiếc, quở trách khéo, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh tiếu âm trách là âm trách.

Nhĩ phủ âm trên nhĩ bi Tự Thư cho rằng: Người ở Thanh Châu gọi liềm gặt lúa là nhĩ Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh di.

Khuê khô âm trên quan khuê âm dưới khổ cô Quảng Thất cho rằng: Khuê là giết, người đồ tể giết mổ súc vật, Cố Dã Vương cho rằng: Khô là phanh ra bụng trống rỗng, sách Thuyết Văn cho rằng: Khuê là đâm vào, khô là phanh ra, moi ra hai chữ đều từ bộ đao đều thanh khuê khô âm khoa ngược lại âm khổ hoa.

Chi đố ngược lại âm đô cố sách Thuyết Văn cho rằng: Trong nước có trùng, chữ viết từ bộ côn thanh đố âm côn là âm côn âm thác là âm thác.

Viêm dược ngược lại âm trên dư chiêm âm dưới là dương chước Lưu Hy cho rằng: Dược là thông lợi, dụng cụ thông lợi, sách Thuyết Văn cho rằng: Sạch sẽ, chữ viết từ bộ thủy thanh dược.

Yên ế ngược lại âm y lệ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cúng tế đất gọi là ế cũng chôn dấu, Quách Phác cho rằng: Chôn dấu nơi thâm u, sách Thuyết Văn cho rằng: Chôn cất nơi vắng vẻ, chữ viết từ bộ thổ thanh hiệp âm hiệp ngược lại âm khưu triếp.

Hiểu hương ngược lại âm hưởng lương sách Lễ Ký cho rằng: Đốt lửa cháy lan tràn trong thôn xóm, Văn Tự Điển nói rằng: Cùng với hương Tự cũng đồng, chữ viết từ bộ thảo thanh hương.

Sưu thủ ngược lại âm trên cổ lưu viết đúng chữ lưu e rằng sai, lấy ý cầu cho hợp, viết chữ sưu này gọi là cầu to tác, lớn, nơi nghĩa là được âm sắc thấu chú xem trước đã giải thích đầy đủ rồi trong quyển thứ hai.

Tồn mạc âm trên thồ tôn âm dưới mang thổ sách Mục Thiên Tử Truyện cho rằng: Mạc bái lạy mà nhận, Quách Phác cho rằng: Nay người nước hồ lễ Phật đưa tay lên cộng thên cái đầu gọi là man mạc tức bái lạy, tức đây là, sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh mạc.

Đồn thế ngược lại âm trên đồ đốn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đồn là nhảy, chạy nhảy, Quảng Nhã cho rằng: Ẩn náo, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xước âm xước ngược lại âm sửu lược am đồn ngược lại âm đồ mân.

Kiêu chích ngược lại âm trên khương lược âm dưới chinh thạch trang kiều. Đạo chích là tên của hai người ăn trộm.

Tần phiên âm trên là tần Mao Thi Truyện cho rằng: Tần là loại bèo dưới nước, âm dưới là phiền Mao Thi Truyện cho rằng: Xa vời, trôi dạt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hai chữ đều từ bộ thảo đều thanh tần phồn âm bá là âm bà.

Chi nhiếp ngược lại âm niệm hiếp Quách Phác cho rằng: Phàm là các vật lấy dùng quá mức độ cho đến phải mỏi mệt, khốn khổ mà không biết đến khi quay trở lại thì đây là chỗ tốt. Nói việc này, là không có đạo lý. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thảo thanh nhĩ.

Dục hàm ngược lại âm hiềm điếm Hoài Nam Tử cho rằng: Đến mùi vị cũng không ngậm lại. Hứa Thúc Trọng cho rằng: Hàm là ngậm lại trrong miệng cho chỗ để ngậm thức ăn, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Gói cất dự trữ thức ăn, giống như con khỉ từng ngậm dấu thức ăn trong miệng, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khẩu thanh kiêm.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 96

- Từ quyển thứ năm đến quyển thứ mười bốn tính ra mười quyển.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 5

Hổn hào ngược lại âm hiệu giao sách Khảo Thanh cho rằng: Hào là tạp loạn, Tự Thư cho rằng: Dơ đục pha trộn nước bẩn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh hào lại cũng chữ hào.

Thất khiếu ngược lại âm khải điếu Tự Thư cho rằng: Lỗ hỏng sách Thuyết Văn cho rằng: Trống rỗng chữ viết từ bộ huyệt thanh khiếu âm khiếu là âm điếu.

Kiên xuể ngược lại âm Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Xuế là cong mịn nhuyễn. Làm mền, sách Thuyết Văn cho rằng: Lông thú mền, chữ viết từ bộ mao.

Tha thùy ngược lại âm trên tà đã Quảng Nhã cho rằng: thiêu đốt lửa cháy còn dư lại tro tàn, sách Thuyết Văn cho rằng: Tro than, chữ viết từ bộ hỏa cũng là thanh lại cũng viết chữ tha dứt ngược lại âm tử lật âm tẩn ngược lại âm từ nhẫn âm tao ngược lại âm tử lao Bổn Tập viết chữ hào là chẳng phải.

Khô tích ngược lại âm tinh diệc Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Thịt phơi khô. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Vật bân ra nhỏ phơi khô là tích chữ viết từ bộ nhục thanh tích.

Chi nhiệt ngược lại âm nhiệt thiền Lục Tả Công Khoát Minh Truyện giải rằng: Hình phạt tàn khốc thiêu đốt trong lửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thiêu đốt, lại cũng viết từ chữ nhiên nghĩa đều đồng Tự Thư cho rằng: Khẩn tra lại các sách đều không có chữ này, lại cũng có từ bộ thảo viết thành chữ nhiệt nghĩa chữ này cũng đồng.

Nhi chủ âm chú.

Chất cốc âm trên chân nhật âm dưới công cốc nghĩa đã giải thích Cao Tăng Truyện rồi.

Đại khôi ngược lại âm khô hội sách Trang Tử cho rằng: Đại khôi là tên của gò đất cao chứa khí âm, làm gió. Tư Mã Bưu cho rằng: Đại khôi gọi là bầu trời, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh quỷ.

Nhân kỳ ngược lại âm kỹ nghi cùng với chữ kỳ đồng nghĩa chữ cổ sách Khảo Thanh cho rằng: Giày (905) da có tơ mịn lót bên trong. Ngọc Thiện cho rằng: Chữ viết từ bộ cách thanh kỳ.

Miến tố ngược lại âm trên miên biến Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Miến là dạng mạo suy tư sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh diện.

Dữ thân âm trên dữ chu Tô Lâm giải thích rằng: Dữ giống như là ý đeo ngang theo, chữ viết từ bộ xa thanh cửu âm dưới sơ lận sách Thuyết Văn cho rằng: Sấn là áo quan, chữ viết từ bộ mộc thanh thân.

Thù khích ngược lại âm trên thụ vưu âm dưới hương nghịch Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hiềm khích giống với nhau, Cố Dã Vương cho rằng: Khích giống như khe hở, cũng gọi là oán giận, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ phụ âm khích đồng với âm trên, Bổn Tập viết chữ khích họ của người chẳng phải nghĩa thù hiềm.

Di cảm ngược lại âm kỹ âm sách Khảo Thanh cho rằng: Cảm là chỗ cây nhờ, ý cậy nhờ chỗ nguy hiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Không an, chữ viết từ bộ tâm thanh cảm.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 6

Thích bác luận âm giữa bang giác sách Khảo Thanh cho rằng: Bác là giữ lấy, phàm tên tổng xưng lột da, Bổn Tập viết chữ bác là tên con thú chẳng phải nghĩa thích bác.

Lô thùy ngược lại âm trụ vi Quảng Thất cho rằng: Thùy gọi là quả chùy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh thùy theo chữ lô thùy đó là rèn luyện, tập hợp chữ viết từ bộ kim thanh thùy chữ viết từ bộ truy viết thành chữ trùy nơi nghĩa là được.

Tư cấp ngược lại âm trên tử tư ngược lại âm dưới kim hấp Khổng An Quốc chú giải sách Tự Thư rằng: Tư là không lười biếng sách Thuyết Văn cho rằng: Siêng năng chữ viết từ bộ văn thanh tử lại cũng viết chữ

tư cho rằng: Cũng thông.

Vũ nhiên âm trên là vũ sách Khảo Thanh cho rằng: Vũ là làm Phật ý mất lòng. Hà Hựu chú giải sách Luận Ngữ rằng: làm cho người không đạt đến vừa lòng mà thôi, sách Thuyết Văn cho rằng: Yêu tiếc, lại cũng gọi là bất động, chữ viết từ bộ tâm thanh vô.

Đốt dị tai âm tren đô nột sách Thuyết Văn cho rằng: Đốt gọi là mắng chiếc lẫn nhau, chữ viết từ bộ khẩu thanh xuất.

Hiểu khiết âm trên nhiêu liễu Mao Thi Truyện cho rằng: Hiểu là màu trắng, sách Thuyết Văn cho rằng: Thạch ngọc màu trắng chữ viết từ bộ bạch thanh hiểu âm kích là mam diệp âm dưới là kiết.

Uyển biến ngược lại âm trên oan nguyễn Mao Thi Truyện cho rằng: Uyển từ từ đi tới uyển chuyển, dáng vẻ đẹp, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ước hẹn, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh uyển âm dưới liệt chuyển Tự Thư cho rằng: Uyển chuyển thuận theo, sách Thuyết Văn cho ngưỡng mộ, chữ viết từ bộ nữ thanh biến âm biến ngược lại âm liệt chuyên.

Hung tức ngược lại âm bằng bức Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tức là bướng bỉnh ngang ngược không có lòng nhân. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh phúc âm phúc là âm phúc.

Tuy tinh ngược lại âm tuất vinh Mao Thi Truyện cho rằng: Màu đỏ, màu vàng gọi là tinh. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh tân lại cũng viết chữ tinh giải thích đều đồng.

Lê sắc ngược lại âm trên lý chỉ Hà Hựu chú giải sách Luận Ngữ rằng: Lê là tạp loạn văn pha trộn lộn, vẳn vện. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ ngưu thanh lê âm lê là âm lợi.

Sính công ngược lại âm trên sắc lịnh Mao Thi Truyện cho rằng: Sính là thí cho. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngựa chạy hay, chữ viết từ bộ mã thanh sính âm sính ngược lại âm thất dinh.

Khôi lỗi ngược lại âm trên ô hối Tự Thư cho rằng: Khôi là không biết, người không có trí tuệ. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Chữ viết từ bộ ngạc thanh khôi Bổn Tập viết chữ khôi cũng thông dụng, âm dưới lỗi ôi Khảo Thanh cho rằng: Lỗi là hói đầu, theo Tả Truyện cho rằng: Là người đứng đầu sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh lỗi âm lỗi là âm lôi.

Sảng khải ngược lại âm trên sương lượng sách Thuyết Văn cho rằng: Sảng là trong sáng, chữ viết từ bộ hào đến bộ đại trụ văn viết chữ sảng âm dưới khai hài Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khải là chỗ cao ráo sáng sủa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ cao ráo chữ viết từ bộ thổ

thanh khải âm khải là âm khải.

Tiêu tuấn âm trên thiêu tiều Hứa Thúc Trọng cho rằng: Tiêu cũng là tuấn, sách Thuyết Văn cho rằng: Phanh ra nghĩa cũng đồng, từ bộ phụ thanh tiêu.

Phẩu dịch ngược lại âm trên phổ hậu âm dưới chinh diệc Cố Dã Vương cho rằng: Phẩu là mỗ xẻ phá ra, sách Thuyết Văn cho rằng: Phanh ra chữ viết từ bộ đao âm phẩu ngược lại âm luân đậu.

Vũ thuế ngược lại âm thủy nhuế sách Thuyết Văn cho rằng: Con ve lột xác, chữ viết từ bộ hủy thanh thuế âm dưới văn cũng đồng.

Hoành quỳ ngược lại âm quỷ qui sách Thuyết Văn cho rằng: Quỳ là con đường lớn thông ra chín phía giống như trên lưng con rùa, cho nên gọi là quỳ từ bộ cửu thanh thủ lại cũng viết chữ quỳ.

Môn chu âm trên một bôn theo Thanh Loại cho rằng: Môn là sò mó sách Thuyết Văn: Nắm bóp chặt chữ viết từ bộ thủ thanh môn âm mạc ngược lại âm môn bác.

Hữu bì ngược lại âm tỳ di Giã Quỳ giải thích: Bì giống như thêm vào sách Thuyết Văn: Tăng thêm chữ viết từ bộ thổ thanh tỳ.

Phỉ vi ngược lại âm phù vĩ Mao Thi Truyện cho rằng: Phỉ là văn chương, sách Thuyết Văn: Phân biệt văn chương, chữ viết từ bộ văn thanh phỉ Kinh Dịch giải thích: Người quân tử tự làm cho mình trở nên phong phú hơn, văn chương trao chuốt sáng sủa hơn, ngược lại âm dưới vu quỷ sách Thuyết Văn vu quỷ sách Thuyết Văn: Vĩ là sáng là nhiều, chữ viết từ bộ nhật thanh vĩ.

Vĩ vĩ ngược lại âm vi phĩ đã giải thích đầy đủ rồi, trong quyển Độc Cao Tăng Truyện.

Hào quái ngược lại âm khẩu ngoại Tự Thư, Thiên Thương Hiệt Thuyết Văn đều cho rằng: Vỏ trấu của hạt thóc, chữ viết từ bộ hòa thanh hội Bổn Tập viết chữ quá là sai lầm.

Điểu quát ngược lại âm quan hoạt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Quát là mắng chửi quát tháo inh ỏi, Thiên Thương Hiệt giải thích: Quấy rối sách Thuyết Văn: Mắng nhiếc âm thanh lẫn lộn, chữ viết từ bộ nhĩ thanh thiệt Bổn Tập viết chữ quát là rất, âm thiệt là âm hoạt.

Thú cú ngược lại âm hồ cấu Quảng Thất cho rằng: Cú là tiếng chim hót, Cố Dã Vương cho rằng: Tiếng thú kêu, Giã Quỳ cho rằng: Tiếng chim kêu, theo Thanh Loại tiếng gầm rống của hổ báo. Xưa nay Chánh Tự viết chữ cú nghĩa đều đồng, cũng viết chữ hao từ bộ ngưu thanh cú Bổn Tập viết chữ cú cũng thông dụng.

Đề hồ ngược lại âm trên đệ hề âm dưới hộ cô sách Khảo Thanh

cho rằng: Đề hồ tức là sửa đặc trong không có nghi. Bổn Tập viết từ bộ thủy viết thành chữ đề là chẳng phải.

Sức hội âm trên thức âm dưới hồi nội Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Giống như sợi tơ màu đỏ chữ viết từ bộ mịch thanh hội.

Mậu chân ngược lại âm trên mâu hầu Cố Dã Vương cho rằng: Mậu giống như giao dịch, sách Nhĩ Thất cho rằng: Là nơi chợ mua bán sách Thuyết Văn cho rằng: Giao dịch tiền bạc chữ viết từ bộ bối thanh mậu âm mậu là âm cổ, âm dưới đúng là chữ chân.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 7

Tàm bội âm dưới bồi muội Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Bội là ngọc, ngọc để đeo ngọc bội, sách Đại Đái Lễ cho rằng: Trên có ngọc bội, có hốt xung, dưới có hai vàng, hai sừng là bảo châu, dùng tơ buộc vào giữa, vua đeo ngọc bội trắng, công hầu ngọc bội đen Đại phu đeo ngọc bội xanh thủy tinh. Thế tử đeo ngọc bội thường, sĩ tử đeo mân, Khổng Tử ngọc bội giống như năm màu, phàm đeo vật trên thân mình đều gọi là ngọc bội sách Thuyết Văn đeo ngọc bội lớn chữ viết từ bộ nhân thanh kỹ bội tức là có bộ cân cân tức là tráp, cũng viết từ bộ ngọc viết thành chữ bội.

Kình tỵ âm trên cạnh nghinh cũng viết chữ kình âm dưới kỳ kỹ sách Trang Tử giải thích kình tỵ là cái nắm tay cong tay lại, người vòng tay thi lễ, sách Thuyết Văn tỵ là bước chân dài, chữ viết từ bộ túc thanh tỵ.

Khoa cưỡng âm trên khoa hoa sách Khảo Thanh cho rằng: Khoa là to lớn, sách Thuyết Văn: Khoa là xa xỉ, phung phí, chữ viết từ bộ đại thanh khoa âm khoa ngược lại âm khẩu quả.

Kiêu chậm ngược lại âm chậm nhâm sách Khảo Thanh cho rằng: Loài chim có độc kinh Sơn Hải nói: Độc hại giống như người đàn bà, loài chim chậm phần nhiều trên núi Quách Phác cho rằng: Lớn như con diều hâu, lông màu tím, cổ dài, mỏ đỏ, thường ăn thịt rắn, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chim chậm cái lông có độc, lấy cái lông vẽ vào rượu uống là chết liền, sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh trầm âm trầm là âm dâm.

Uất-bí âm trên đúng là chữ uất âm dưới bi-mị tiếng Phạm.

Mâu tán âm trên mạc hầu âm dưới thương loạn sách Thanh Loại cho rằng: Mén cây giáo dài đưa ra xa, Quảng Thất nói rằng: Tán gọi là cái mũ trụ đội đi ra trận. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết từ bộ mâu thanh tán âm dưới văn cũng đồng.

Nghệ phiêu ngược lại âm tất diêu Cố Dã Vương cho rằng: Phiêu gọi là giơ cao lên làm biểu tượng cho biết, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng gọi là biểu tượng, chữ viết từ bộ mộc thanh phiêu Bổn Tập viết chữ phiêu tục tự thường hay dùng, phiêu đồng với âm trên.

Xúc chi âm trên tửu dục Quảng Thất cho rằng: Xúc là bức bách Trịnh Tiễn cho rằng: Thúc dục, dùng tay đè lên, chữ viết từ bộ thủ cũng viết chữ xúc sách Khảo Thanh cho rằng: Xô đẩy bức bách. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủ thanh xúc.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 8

Lưu hiếp ngược lại âm hiểm giáp tên họ người đời Tấn. Hằng Huyền Ký Thất là vị tham tướng quân.

Tăng ái ngược lại âm ai cái sách Khảo Thanh cho rằng: Ái là khí, hơi, mây, nên che mất ánh sáng thành tối tăm. Bổn Tập viết chữ ái e rằng sai lầm Tự Thư viết chữ ái.

Ai tẫn âm trên ô cai Quảng Thất cho rằng: Ai là nóng nhiệt, thiêu đốt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh ai âm dưới từ dẫn viết đúng là chữ tẫn Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Đốt lửa cháy con dư lại tro than. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh tận.

Mân sổ ngược lại âm trên mật văn sách Chu Lễ nói rằng: Cuối đời Đường, vùng đất người Việt và bảy bộ tộc Mân ở vào thời nhà Chu, tên của một chủng tộc ở Phúc Kiến và một phần của Triết Đông tại Trung Quốc, cũng tên nước một trong mười nước thời Ngũ Đại, cuối đời Đường, vương triều làm tiết lộ sứ, triều chết còn là thẩm tri kế nghiệp, được phong là Mân vương. Nay chiếm toàn tỉnh Phúc Kiến trừ phần nhỏ phía Nam. truyền đến con là Diên Chính, đổi quốc hiệu là Ân Kinh Sơn hải nói: Mân là ở trong biển, sách Thuyết Văn cho rằng: Nam Việt giống rắn, chữ viết từ bộ hủy thanh môn âm dưới tô khẩu.

Hà câu ngược lại âm cẩu hầu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Thất rằng: Dòng sông uốn quanh như móc câu, nước chảy xoáy tròn như là

sông Hoàng Hà, cũng là tên của khúc sông Hoàng Hà, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ kim thanh câu Bổn Tập viết chữ hầu âm hầu chẳng phải nghĩa này.

Tra tham ngược lại âm trên sa tra Mao Thi Truyện cho rằng: Tra là trong nước có cỏ cây nổi lên. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh thư. Lại cũng viết chữ sa Bổn Tập viết chữ tra là chẳng phải. ngược lại âm dưới sở cẩm sách Nhĩ Thất cho rằng: Sông cầm. Quách Phác chú giải rằng: Nay viết chữ xâm tức là tích xưa. Củi trôi trong nước mà cá được chim vào bọng cây trốn, ẩn náo, nhân đây mà bị bắt, sắc Thuyết Văn tích xưa người đốn củi bắt được cá, âm lâm ngược lại âm lực kim.

Cấm cố ngược lại âm cổ hộ sách Thuyết Văn cho rằng: Ló đúc đồng sắt để lấp bít lỗ hỏng, chữ viết từ bộ kim thanh cố.

Hạp xĩ âm trên hồ lạp Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: Hạp là hợp lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu âm hạp đồng với âm trên. Sau có đó đều đồng.

Đãng hoa âm trên đãng lãng Bì Thương cho rằng: Tên loài cỏ là lam đãng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh đãng âm lan là âm lãng âm đãng là âm đãng.

Hoàng mị ngược lại âm hồ hoành sách Thuyết Văn: Sừng của thú giống như trâu có thể uống, hút máu người, chữ viết từ bộ giác thanh hoàng hoặc viết chữ quang cùng với Bổn Tập đều đồng, âm dưới là mị.

Hổn man âm trên hồn khốn Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hổn loạn chữ viết từ bộ thủy thanh hổn âm hổn đồng với âm trên, ngược lại âm dưới man gián.

Hiệp thần âm trên tiêm diệp Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Từ giáp đến quý là hiệp Hán Thi Truyện cho rằng: Cũng thông.

Khoa mạn ngược lại âm trên khoa qua Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Xa xĩ, phung phí, chữ viết từ bộ nữ thanh khoa âm dưới man man sách Khảo Thanh cho rằng: Man là khôn ngoan xảo trá, Tự Thư cho rằng: Viết chữ mạn sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh mạn.

Lương ngược lại âm trên lãng đương Quảng Thất cho rằng: Lương là đá cứng, thanh thạch sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh lương âm dưới cự kích sách Thuyết Văn cho rằng: Loại guốc gỗ, chữ viết từ bộ thi bộ kỹ thanh tĩnh âm khiêu là âm khước.

Tích liệt âm trên sính mịch Quảng Thất cho rằng: Cắt phanh ra sách Thuyết Văn cho rằng: Phá ra chữ viết từ bộ đao thanh tích.

Phong ngưu ngược lại âm trên phúc bồng sách Khảo Thanh cho

rằng: Con trâu hoang dã, trên đầu có lông nhụt xuất phát từ trong núi Thục. Kinh Sơn Hải cho rằng: Phong ngưu phần nhiều trên núi. Bì Thương cho rằng: Con trâu hoang dã, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngưu thanh phong.

Hung khoáng ngược lại âm qua mảnh sách Thuyết Văn cho rằng: Con chó hung hãn, không thể đến gần được, chữ viết từ bộ khuyển thanh (907) quảng.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 9

Câu quyện ngược lại âm quyền viện Cố Dã Vương cho rằng: Quyện là mỏi mệt, Quảng Thất cho rằng: Rất mỏi mệt, sách Thuyết Văn giải thích cũng là rất mỏi mệt, chữ viết từ bộ nhân thanh quyển Bổn Tập viết chữ quyện e rằng sai.

Để lệ ngược lại âm trên chi lý âm dưới ly nghệ.

Giao ly âm trên là giao âm dưới sĩ ly kinh Sơn Hải nói rằng: Trong ao nước nhỏ hẹp có con thuồng luồng, nằm trong đó, thân giống như cá mà đuôi giống như rắn, có thể bắt chim uyên ương mà ăn. Vì vậy ngược lại với tình huống này, nước nhiều con thuồng luồng mới ở được. Quách Phác cho rằng: Giống như rắn, có bốn chân đầu nhỏ, cổ bé xíu, có sọc trắng, lớn là mười lần sanh con trong vườn đẻ trứng, từ một đến hai đấu, con thuồng luồng con có thể nuốt con người. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc giống rồng, rắn ăn cá, đầy cả ba ngàn sáu trăm con rồng đến làm thống lãnh loại cá mà cũng biết bay, cũng có thể ăn rong trong nước, tức là con giao long. Chữ viết từ bộ thủy thanh giao.

Phong ngạc âm trên phụng dung ngược lại âm dưới ngan các loại phảng phát cỏ (tức liềm lớn) cắt cỏ.

Độn nhẫn âm trên đồn khổn cốt cách ngược lại âm giai ngạch Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Xương khô gọi là cách sách Thuyết Văn cho rằng: Xương của cầm thú gọi là cách, chữ viết từ bộ cốt thanh cách Bổn Tập viết chữ cách âm khách á e rằng sai.

Lương áo ngược lại âm ưu lục sách Thuyết Văn cho rằng: Áo là nóng nhiệt, chữ viết từ bộ hỏa thanh áo.

Thống dương ngược lại âm dương tưởng sách Thuyết Văn cho rằng: Trên da nổi mụt nhỏ rất ngứa, sách Thuyết Văn viết chữ dương

nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ hủy thanh dương âm dưới văn đều đồng.

Tổn tẫn ngược lại âm tần mẫn tên họ người.

Tây linh ngược lại âm lịch đinh sách Phương Ngôn cho rằng: Cây rui nhà gọi là linh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Linh là chuồng nuôi súc vật sách Thuyết Văn cho rằng: Lan can thanh gác dọc gọi là hạm, gác ngang gọi là thuẫn. Chữ viết từ bộ mộc thanh linh âm lữ là âm lữ âm thuẫn là âm thuận.

Thôn độ âm trên thôn tổn âm dưới đãng các.

Mân tợ ngược lại âm trên hối bân Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Mân là thứ đá đẹp, giống như ngọc. Kinh Sơn Hải nói: Đá quý phần nhiều trên núi cao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh hôn Bổn Tập viết chữ hôn tục tự dùng thông dụng. Âm hôn là âm hối.

Lân ngang âm trên lật chân Quách Phác cho rằng: Con ngựa hay có màu sắc trên lông đậm nhạt, pha trộn lẫn nhau, nay gọi là tóc pha bạc, Tự Thư cho rằng: Con ngựa lông đen pha trắng nhạt. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh lân âm dưới ngô cang sách Sở Từ cho rằng: Ngựa chạy ngàn dặm, Bì Thương cho rằng: Đầu ngựa lắc lư. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Con ngựa phẫn nộ, chữ viết từ bộ mã thanh ngang âm ngang.

Nữ oa ngược lại âm quả hoa hiệu của hoàng đế cổ.

Đa đồ ngược lại âm thố lỗ sách Nhĩ Thất cho rằng: Đồ là lúa nếp, Trịnh Chúng cho rằng: Lúa mạch sách Thuyết Văn cho rằng: Lúa chín ngã màu vàng, chữ viết từ bộ hòa thanh dư.

Vô ngân ngược lại âm khải căn Khảo Thanh cho rằng: Biến đò. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh ngân âm suy ngược lại âm ngô suy.

Bá thực ngược lại âm trên ba ma âm dưới thời lực Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Bá giống như gieo trồng, sách Thuyết Văn cũng nói: Gieo trồng lại gọi là vải giống, chữ viết từ bộ thủ thanh bá Bổn Tập viết chữ bã là thuộc cái mẹt sàng gạo, chẳng phải nghĩa cùng chữ bá là gieo trồng, vải giống lúa.

Mô mậu ngược lại âm mâu hầu Trịnh Tiễn giải thích sách Lễ Ký rằng: Mậu nhìn lờ mờ không rõ, sách Thuyết Văn cho rằng: Mắt cận thị, chữ viết từ bộ mục thanh vụ âm vụ là âm vũ.

Cũng thư ngược lại âm trên cục ngung âm dưới cương ngư sách Nhĩ Thất cho rằng: So sánh phương Tây con thú, cùng với con châu chấu, con dế, cũng cũng thư, là hư thực mà so sánh là không có thật,

loại vật cuốn chiếu tức con sâu bọ, hút chất ngọt trên cây cỏ, tức là có loại cuốn chiếu, thường nằm khoanh trong cỏ mà biết bò đi như các loại côn trùng khác, gọi là sâu đục gốc lúa. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: Phương Bắc loài thú tên cũng thư, chân trước của nó giống như con thỏ, chạy thì rất chậm hay té lộn nhàu, gọi là cũng cũng, thư hư, cũng giống như con chuột, mà phía sau là thỏ phía trước là cao, không gậm dưới cỏ ngọt, cho nên phải ăn và hút mật cỏ ngọt. Nay ở huyện Nhạn Môn Quảng Võ, Hạ Cốc. Trên núi có con thú này, hình như con thỏ mà to lớn có thể cõng các đồ vật mà đi, đào đất làm hang, gọi là quyết thử, sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là con thú, chữ viết từ bộ hủy thanh cũng cư từ bộ côn thanh cự Bổn Tập viết chữ cự giống như con ngựa chẳng phải con thú này, mất đi ý nghĩa lắm vậy. Âm cự ngược lại âm cư vệ âm cũng đồng với âm trên, âm côn là âm côn âm dưới căn cũng đồng.

Miễu thiệu ngược lại âm tha điêu sách Lễ Ký cho rằng: Miếu thờ tổ tiên đã quá xa gọi là thiêu Trịnh Chúng chú giải rằng: Thiêu là nói vượt qua, ý nói từ quá khứ là chủ của miếu thờ, lấy chiêu mục hợp lại cất giấu có hai miếu thờ bên trong. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thi thanh triệu.

Đàn thiện ngược lại âm trên đường đan ngược lại âm dưới thiền xiển Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đài cao làm bằng đất là đàn, trừ bỏ đất làm đàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đàn cúng tế, đàn lập nơi hoang dã, hai chữ đều từ bộ thổ đều thanh đàn đơn sau có chuẩn đây.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 10

Sang vị ngược lại âm vi quỷ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Là vết thương, sách Thuyết Văn cho rằng: Vết sẹo, từ bộ tật thanh hữu âm thi là âm thí.

Trệ trứu ngược lại âm trưu sưu sách Thuyết Văn cho rằng: Trứu là xây giếng bằng gạch, chữ viết từ bộ ngõa thanh thu âm tích ngược lại âm bi mịch.

Cho oa ngược lại âm ô oa sách Khảo Công Ký cho rằng: Chỗ gọi là tiếng kêu của con ếch. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con ểnh ương, chữ viết từ bộ mảnh thanh oa âm mảnh là âm mảnh lại cũng viết chữ

oa.

Chu hàng ngược lại âm tước lang Mao Thi Truyện cho rằng: Hàng là thuyền vượt qua sông. Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là thuyền tế độ, thuyền cứu vớt qua sông gọi là hàng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết từ bộ chu thanh hàng lại cũng viết chữ hàng là âm phiêu.

Da biện ngược lại âm biệt biến sách Khảo Thanh cho rằng: Nắm tay vỗ vỗ, sách Thuyết Văn viết chữ biện là tay úp xuống, chữ viết từ bộ thủ thanh biện âm biện đồng với âm trên. Bổn Tập viết chữ biện cũng thông dụng.

Vô dịch ngược lại âm doanh tích Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dịch là vứt bỏ, sách Thuyết Văn cho rằng: Uể oải, mỏi mệt, lười biếng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Suốt ngày chữ viết từ bộ phộc thanh dịch âm dịch là âm diệc Bổn Tập viết từ chữ dịch là sai, văn dưới đều đồng.

Xuân luân ngược lại âm xuân duẫn Tự Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Xuân là tạp không đồng. Hứa Thúc Trọng cho rằng: Chống trái lại với nhau. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: So le, chữ viết từ bộ túc thanh xuân Hoài Nam Tử viết chữ thuấn âm nghĩa đều đồng.

Quắc cang ngược lại âm cư phách các Tự Thư đều không có chữ này ý gọi là tục tự thường hay dùng.

Chiêu diễn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khiên là lỗi lầm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Có lỗi sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng như vậy. Trụ Văn viết chữ khiên viết đúng là chữ khiên nghĩa đều đồng, từ bộ tâm thanh diễn hoặc là viết chữ khiên đều đồng nghĩa.

Chiên hồi âm trên triển liên âm dưới là hồi sách Khảo Thanh cho rằng: Chiên là xoay chuyển, hồi là xoay vòng. Xưa nay Chánh Tự viết chữ chiên nghĩa đều đồng, chữ viết từ bộ xước thanh chiên âm hồi từ bộ xích thanh hồi Bổn Tập viết chữ chiên hồi là sai. Âm xước ngược lại âm sửu lược âm xích là âm sắc.

Tề kỳ âm trên tề hệ Thượng Thư cho rằng: Tề là rơi rớt xuống, sách Phương Ngôn cho rằng: Diệt mất, Quảng Thất cho rằng: Đẩy ra sách Thuyết Văn cho rằng: Bày trừ, bỏ ra, chữ viết từ bộ thư thanh tề.

Từ côn ngược lại âm côn bổn tên họ người. Lươnh Hoàng Môn Thị Lang.

Vương gián ngược lại âm giam hạn tên họ người.

Liễu vận ngược lại âm trên đúng là chữ liễu âm dưới vất vẫn tên họ người âm vẫn ngược lại âm văn phân.

Liễu trừng âm trừng tên người.

Ly ky âm trên lặc di sách Khảo Thanh cho rằng: Ly là bày biện. Công bố ra cho mọi người biết. Tã Tư Thục Đô Phú Truyện cho rằng: Ly là phô diễn văn chương. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thư thái, chữ viết từ bộ thủ thanh ly âm ly đồng với âm trên.

Diệp diệp ngược lại âm điềm diệp Cố Dã Vương cho rằng: Diệp giống như lo buồn, Đông Kinh Phú Truyện cho rằng: Diệp diệp là đầu đen, đời nhà Tần dùng từ này để chỉ dân chúng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa, chữ viết từ bộ tâm thanh diệp âm diệp là âm diệp.

Lục lục ngược lại âm lô dung Bì Thương cho rằng: Lục lục là nhiều đán vụn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ thạch thanh lụy âm lục là âm lục.

Bưu tuyền ngược lại âm trên bi bưu Mao Thi Truyện cho rằng: Nước chảy, Quảng Thất cho rằng: Đồng nghĩa, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủy bộ bưu thanh tĩnh âm bưu ngược lại âm bỉ vưu.

Câu thâm âm trên cú hầu âm dưới thẩm chu sách Chu Dịch Phồn Từ cho rằng: Câu thâm là truyển đạt từ xa. Sách Khảo Thanh cho rằng: Câu là mong cầu, giữ lấy, dẫn dắt, lôi kéo ra. Tự Thư cho rằng: Sâu xa khó mà đo lường được. Nay Bổn Tập viết chữ lục nơi nghĩa có phần quái lạ e rằng sai. Truyện viết nhầm lẫn cần phải sửa đổi lại, chữ viết từ bộ thâm nơi nghĩa là đúng, cũng phải xem xét lại.

Truân truân ngược lại âm chuẩn thuần Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thành khẩn gọi là báo cáo việc thành thật, sách Thuyết Văn cho rằng: Báo cáo cho hiểu biết nhiệt tình, chữ viết từ bộ ngôn thanh truân Bổn Tập viết chữ truân cũng thông dụng, thường hay dùng, âm truân ngược lại âm kỹ thuần.

Chung mộng ngược lại âm mặc băng âm bằng ngược lại âm băng mộng.

Lễ độ ngược lại âm trên lô qua âm dưới đường lạc.

Hà hán ngược lại âm đan đạt tên người, Bổn Tập viết chữ đản là sai lầm.

Ái nhiên ngược lại âm trên ai đại Mao Thi Truyện cho rằng: Là phiền muộn. Trịnh Tiễn cho rằng: Khiến cho người ta phải đau buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Phảng phất chữ viết từ bộ nhân thanh ái là hợp lại. Cũng viết chữ ấp là âm ấp.

Ẩu hú ngược lại âm trên vu ngu âm dưới ô cú Cố Dã Vương cho rằng: Là người hầu, phục dịch, ôn hòa theo Hàn Thi truyện cho rằng:

Cú là ấm áp. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Khí hậu ấm áp ôn hòa gọi là hú dùng hình thể gọi là ẩu sách Thuyết Văn viết chữ hú mặt trời mọc ấm áp, chữ viết từ bộ nhật thanh cú ẩu từ bộ nữ thanh khu âm khu là âm khu.

Chi hành ngược lại âm trên kiết dĩ Cố Dã Vương cho rằng: Bầy nai tụ họp có dấu chân giẫm đạp. Lại cũng viết chữ bã gọi là nhón chân dư thừa. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Loài côn trùng đi, chữ viết từ bộ trùng thanh chi.

Quyên phi ngược lại âm trên huyết duyên sách Khảo Thanh cho rằng: Loài côn trùng nhỏ biết bay. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ vũ bộ hoàn thanh tĩnh.

Tú chân ngược lại âm chân nhẫn tên người.

Phục hằng ngược lại âm hằng đặng tên người âm hằng ngược lại âm cổ đăng.

Chất hành ngược lại âm trên chân lật sách Khảo Thanh cho rằng: Tức là người đàn ông lực lưỡng, không lường trước được, cũng gọi là si có bệnh, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ nhân thanh chí.

Ẩm huệ âm dưới huề nhuế Trung hữu chú giải sách Chu Lễ rằng: Ban tặng cho y thực, quần áo, thức ăn gọi là huệ sách Thuyết Văn cho rằng: Huệ là lòng nhân, chữ viết từ bộ tâm âm huệ là âm vệ Bổn Tập viết chữ huệ cũng đồng.

Chẩm đầu ngược lại âm trên châm nẫm Thiên Thương Hiệt cho rằng: Chẩm là đầu cúi xuống. Theo Thanh Loại cho rằng: Giữa có chỗ dựa, sách Khảo Thanh cho rằng: Phía sau gáy xương đầu, nay Ngọc Thiên, Thuyết Văn gọi là gối kê đầu nằm, chữ viết từ bộ hiệt thanh chẩm theo chữ chẩm tức là nhánh cây làm cái gối kê đầu âm thẩm là âm dâm.

Hoát nhiên âm trên hoan quát Quảng Thất cho rằng: Hoát là rổng, trống rổng, Cố Dã Vương cho rằng: Hoát là đạt đến đại độ lượng, lại cũng gọi là khai mở. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ dung thanh hại Bổn Tập viết hoát là chữ viết sai.

Khí nhiên ngược lại âm trên hy ký Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Khí là than thở. Quảng Thất cho rằng: Phiền muộn, sách Thuyết Văn cho rằng: Thở dài buồng bả, chữ viết từ bộ tâm thanh khí âm muộn là âm muộn.

Tương suyển ngược lại âm xuyên luyến Quảng Thất cho rằng: Suyển là chống trái lại với nhau, sách Thuyết Văn cho rằng: Đối nghịch, chữ viết từ bộ tịch thanh khoa âm duy là âm tuy âm khoa là âm khoa.

Huệ cô ngược lại âm trên huệ khuê âm dưới cổ ngô sách Phương Ngôn cho rằng: Loài ve nhỏ lột xác gọi là huệ cô, sách Trang Tử cho rằng: Huệ cô là ve sầu không biết mùa xuân, mùa thu. Xưa nay Chánh Tự (907) đều viết từ bộ hủy đều thanh cổ huệ âm lao là âm đao âm lao là âm lao.

Trọng phân ngược lại âm phù vân Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phân là hơi sương mù, sương tuyết mờ mịt, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ phân nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ khí thanh phân.

Sĩ túc ngược lại âm trên sư tể Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sĩ là giày dép để đi múa, dép cỏ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ túc thanh lệ cũng viết chữ tỷ.

Thiên tảo âm tảo Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Lấy chỉ năm màu xâu ngọc làm đồ trang sức gọi là tảo tên gọi tạp văn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đồ trang sức như thủy tinh, chữ viết từ bộ ngọc thanh tảo âm tảo ngược lại âm tô đáo.

Vọng siểm ngược lại âm siểm liêm sách Thuyết Văn cho rằng: Siêm là dòm ngó, trộm nhìn, chữ viết từ bộ kiến thanh chiêm âm khuy ngược lại âm cáo quy.

Hoàn chiết âm chi chiết Mao Thi Truyện cho rằng: Triết là sáng tỏa. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mặt trời chiếu sáng, cũng gọi là tỏ rõ, rõ ràng chữ viết từ bộ nhật thanh triết.

Tề điêu âm dưới biểu kiêu sách Thuyết Văn cho rằng: Điêu là hàm thiết ngựa, chữ viết từ bộ kim thanh tiêu hoặc là viết chữ điêu âm điêu ngược lại âm bạc giao.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 11

Để khả âm trên đê lễ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khinh khi, Quảng Thất cho rằng: Hủy nhục, Thanh Loại cho rằng: Mắng nhiếc, sách Thuyết Văn cho rằng: Mắng nhiếc thậm tệ, chữ viết từ bộ ngôn thanh để âm để là âm để.

Chu khải ngược lại âm nghi khải tên người.

Ân ký âm ký tên người.

Bác đàm âm trên giang nhạc Khảo Thanh giải thích: Bác là tóm lược. Quảng Thất cho rằng: Sáng tỏ Hán Thư giải thích: Bác là tự nhiên

dễ biết. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xa thanh giao.

Hủy độc ngược lại âm đồng lộc Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Độc là bài báng, chê bai, Quảng Thất cho rằng: Nói lời xấu ác, Quách Phác cho rằng: Mắng nhiếc hủy nhục, oán hận thống khổ, sách Thuyết Văn cho rằng: Oán giạn chữ viết từ bộ cạnh thanh độc âm cách là âm cạnh Bổn Tập viết chữ độc tục tự dùng cũng thông dụng. Dưới quyển thứ mười trong đều đồng.

Lý miểu ngược lại âm di phiêu tên người.

Nhương khư âm trên nhi dương âm dưới khi ca.

Trâu lôc âm trên kinh khôi âm đúng là chữ lỗ sách Khảo Thanh cho rằng: Trâu Lỗ là tên nước thời cổ Châu Quốc Lỗ Mục Công đổi lại là trâu, cha của phu tử làm trâu đại phu. Cho nên gọi là như vậy. Bổn Tập viết trâu tục tự dùng cũng thông dụng.

Lâm truy ngược lại âm tử sư tên quận ở nước Tề. Bổn Tập viết truy là chẳng phải.

Phế tưởng ngược lại âm trên phiến miệt sách Thuyết Văn cho rằng: Phế là thoáng qua, tam thời nhìn thấy, từ bộ mục thanh tê.

Qua chư âm trên qua loa âm quái Quảng Thất cho rằng: Oa là dừng lại. Thanh Loại cho rằng: Có chỗ ngăn ngại, sách Phương Ngôn nói rằng: Nắm giữ, sách Thuyết Văn cho rằng: Cặn bả, trăm đầu mối tơ rối như bông chữ viết từ bộ mịch thanh khuê.

Sàn nhiên âm trên sạn yên Khảo Thanh cho rằng: Sàn là gầy yếu nhan sắc không kém cõi, yếu kém, sách Thuyết Văn cho rằng: Hèn hạ, xấu xa, xuyên qua. Lại gọi là rên xiết, chữ viết từ bộ sàn là âm tiễn.

Khế thống âm trên lược danh tăng.

Hiệt âm trên hiền kiết âm dưới tước lang sách Khảo Thanh cho rằng: Bay lên bay xuống ý nói đối chọi nhau, không phân biệt trên dưới, sách Thuyết Văn cho rằng: Hiệt là thẳng hàng, chữ viết từ bộ hiệt thanh kiết Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Hàng cổ họng, chữ viết từ bộ hiệt thanh hàng.

Hàn đan âm trên hạn lan âm dưới hằng lan Hán Thư cho rằng: Tên Huyện thuộc nước Triệu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Huyện Quảng Bình.

Bồ bặc âm trên bộ mạc âm dưới bằng bắc Cố Dã Vương cho rằng: Tay và chân cùng bò lê trên đất gọi là bồ phục. sách Thuyết Văn cho rằng: Bồ là đi bằng tay, phục là nằm dài hai chữ đều từ bộ bao đều thanh bồ bức âm bao là âm bao âm bức ngược lại âm bôi bức.

Bạo tai âm trên bao báo âm dưới tái tài.

Quan tuyệt âm trên quán hoàn Cố Dã Vương cho rằng: Già mà không vợ gọi là quan Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cưới gã không đúng thời gọi là quan. Thích Danh nói: Buồn bã sầu muộn không thể ngủ được, thường mở mắt, cho nên viết chữ quan từ bộ ngư tức là con cá luôn mở mắt buồn rầu không thể chợp mắt, nhắm mắt, sách Thuyết Văn viết từ bộ ngư bộ hoàn thanh tĩnh Bổn Tập viết chữ quan là sai vậy.

Mạo điệt âm trên mao báo âm dưới điềm kiết Đỗ Dự chú giải sách Xuân Thu rằng: Mạo là xua đuổi, đánh gõ, Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Lẫn lộn hay quên sách Nhĩ Thất cho rằng: Điệt là người già, Tôn Đạm cho rằng: Người già nhan sắc như thiết đồng, sách Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ mạo là người già chín mươi tuổi, chữ viết từ bộ lão thanh cao điệt là người già tám mươi tuổi, chữ viết từ bộ lão thanh tĩnh lại cũng viết chữ điệt.

Yểm tư âm trên khỉ liêm dưới tử tư kinh Sơn Hải nói: Chim chuột đồng ở trong hang trên núi phía Tây nam ba trăm sáu mươi dặm gọi là núi Yểm Tư. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Dưới có ao nước, trong nước có hang sâu, gọi là chỗ để vào. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa hai chữ đều từ bộ sơn đều thanh yểm tư lại cũng viết chữ yểm.

Mong dĩ âm trên là mong âm dưới tợ dĩ giải thích đầy đủ rồi trong quyển thứ hai.

Nhạc trạc ngược lại âm trên nhan giác âm dưới sùng học Quảng Thất cho rằng: Thuộc chim phụng loài chim thần, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa, lại cho rằng thời nhà Chu có loài chim nước rất hung thanh trên núi cao. Trong dòng sông cũng có loại chim này, loài thủy điểu giống như con vịt mà to lớn hơn, mắt màu đỏ hai chữ đều từ bộ điểu đều thanh ngạc tộc.

Huy độc âm trên là huy âm dưới đồ lộc sách Thuyết Văn cho rằng: Độc là bảng hiệu, chữ viết từ bộ phiến thanh độc.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 12

Lãng phong âm trên là lãng Quảng Thất cho rằng: Đảo Côn Lôn có ba ngọn núi, Lãng Phong, Bàn Đồng, Huyền Bổ. Sách Sở Từ cho

rằng: Trong ra Lãng Phong Bàng Đồng, sách Thuyết Văn viết từ bộ môn thanh lãng.

Kiểm ngô ngược lại âm trên tiếp diêm Quảng Thất cho rằng: Kiểm là nhiều, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đều nhau, Quách Phác cho rằng: Rất, quá lắm, sách Thuyết Văn cũng đều cho rằng: Đều nhau chữ viết từ bộ nhân đến bộ điếu đến bộ tùng âm nhập ngược lại âm tài nhập âm huyên là âm huyên âm tùng ngược lại âm từ dung.

Vạn khiếu ngược lại âm thi điếu đã giải thích rồi trong quyển thứ năm.

Nộ hao ngược lại âm hiệu dao sách Khảo Thanh cho rằng: Hao la hết lớn tiếng, tiếng vang vọng lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh hổ cũng viết chữ hao Bổn Tập viết chữ hao là sai âm hô ngược lại âm hồ cô.

Phì đột ngược lại âm đồn nột Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đột là đầy đủ xung mãn, sách Phương Ngôn cho rằng: Đầy tràn, sách Thuyết Văn cho rằng: Con trâu con dê mập béo gọi là phì con heo mập béo gọi là đột chữ viết từ bộ nhục thanh đột.

Triệu ngưỡng âm trên triệu điếu Quảng Thất cho rằng: Triệu là nhìn Quách Phác cho rằng: Thị sát, xem xét, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa từ bộ kiến thanh triệu Bổn Tập viết chữ triệu là sai.

Chi triệt âm triền liệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Triệt là vết của bánh xe lăn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xa bộ triệt tục tự thường hay dùng, văn dưới trong triệt đều đồng âm này.

Hoàng huỳnh chữ trên đúng là chữ kiểm các Tự Thư đều không thấy chữ này e rằng truyện viết sai, chỉ có từ bộ xa viết thành chữ hoàng âm quang chữ gần như tương cận với nghĩa, hoặc là chưa làm rõ nghĩa, lại từ bộ khuê viết thành chữ oa ngược lại âm hồ quả sách Thuyết Văn cho rằng: Nghĩa tươi sáng, cũng gần với nghĩa chưa biết có thông hay không?.

Câu tri ngược lại âm tri lợi Cố Dã Vương cho rằng: Tri vấp té ngã sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chất.

Bất vỹ ngược lại âm vi quỷ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Vỹ là phải đúng, sách Thuyết Văn cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ thị thanh vỹ.

Khái đế âm trên khai ái Cố Dã Vương cho rằng: Khái là phun ra, hơi đi ngược, tức là hắc hơi chữ viết từ bộ khiếm thanh khái Bổn Tập viết chữ khái ngược lại âm cai ai e rằng sai, âm dưới đinh kế Thiên

Thương Hiệt cho rằng: Đế là hắc hơi phun ra từ mũi, sách Thuyết Văn cho rằng: Bất chợt tháo hơi ra, chữ viết từ bộ khẩu thanh đế âm đế ngược lại âm trúc lợi.

Nhược ổi ngược lại âm ôi khôi Hứa Thúc Trọng cho rằng: Ôi là tạp loạn Thiên Thương Hiệt cho rằng: Đốn ngã Quảng Thất cho rằng: Nhiều sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ khuyển thanh ôi.

Bì thầm ngược lại âm trên tỳ di âm dưới thậm vương Trịnh Đại Phu.

Miễm lưu âm trên là miển âm dưới là lưu giải thích đầy đủ rồi trong Cao Tăng Truyện.

Chữ giáp ngược lại âm sam giáp tên người Bổn Tập viết chữ giáp là sai văn dưới đều đồng.

Chiếu chiếu ngược lại âm chi diệu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Chiêu là chói sáng. Quảng Thất cho rằng: Sáng tỏ Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ hỏa thanh chiêu là cũng viết chữ chiếu.

Lũ lũ ngược lại âm lậu đầu Tự Thư cho rằng: Lũ là kính cẩn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ tâm thanh lũ.

Trương xưởng ngược lại âm xương lượng tên người.

Sảng hộ ngược lại âm trên sang sảng Tự Thư cho rằng: Sảng là vết thương. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đao thanh sảng Bổn Tập viết chữ thóa kiểm lại các Tự Thư đều không có chữ này, tuy có chữ sảng nơi nghĩa, giống như chưa được thông dụng, cho nên chưa biết xuất phát từ sách nào.

Hào thượng âm trên hiệu cao Cố Dã Vương cho rằng: Hào là tên dòng sông, Trang Tử cùng Huệ Tử cho rằng: Đều trên đầu nguồn hào lương. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh hào.

Ky dương hy ký. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Con vật tế còn sống gọi là khí chín gọi là chữ viết từ bộ thực thanh khí âm ung ngược lại âm ư dung.

Liêu chúc ngược lại âm trên liễu điêu âm dưới đúng là chữ chúc Khổng An Quốc sách Thượng Thư rằng: Làm quan gọi là liêu, lại trong Tả Truyện cho rằng: Đại phu, thần sĩ, thần sĩ sớm có làm cái trác. Dự dự thần, đãi đãi thần làm quan liêu. Cố Dã Vương cho rằng: Người làm quan phẩm thứ chín, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhân thanh liêu lại cũng viết chữ liêu.

Uế độc ngược lại âm trên vu phế âm dưới đồng lộc Giả Quỳ chú giải rằng: Độc là nhàm chán Thanh Loại cho rằng: Màu đen, Quảng Thất cho rằng: Mênh mông mờ mịt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm

cầm dơ uế, chữ viết từ bộ hắc thanh độc.

Lưu liên ngược lại âm liệt triền Cố Dã Vương cho rằng: Khóc đầm đìa nước mắt, nước mắt rơi lã chã, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh liêm.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 13

Hy đa tân ngược lại âm trên sĩ tri (908) họ người.

Vương cai ngược lại âm cải ai tên người.

Nhuyễn động ngược lại âm trên nhi duẫn.

Thúc hốt ngược lại âm trên thi lục Bổn Tập viết chữ thúc tục dùng thông dụng.

Khiên trư ngược lại âm trên khởi yên đã giải thích đầy đủ rồi. Bổn Tập viết chữ khiêm chữ cổ âm dưới trư lự.

Hệ phụ ngược lại âm phù vụ Quảng Thất cho rằng: Phụ là con cá diếc, con nhái, sách Chu Dịch cho rằng: Hốc giếng bán nhái, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Con nhái, chữ viết từ bộ như thanh phụ.

Uẩn xúc ngược lại âm trên uất vẫn âm dưới là xúc sách Khảo Thanh cho rằng: Uẩn chứa cất giấu Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Uẩn là bao đựng kiếm, Thiên Thương Hiệt cho rằng: Buột chặt lại. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa hai chữ đều từ bộ vi đều thanh uẩn chúc âm ôn là âm ôn.

Quá trùy ngược lại âm trên xuyết qua âm dưới khuê luy. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Cái chày đập giả, cái dùi trống, đánh gõ hai chữ đều từ bộ mộc đều thanh qua chùy.

Khiển quyển ngược lại âm trên khiên thiện âm dưới khuyết nguyễn Mao Thi Truyện cho rằng: Khiên quyển là lưu luyến không rời, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện Không muốn ly tán, Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Đồng nghĩa hai chữ đều từ bộ mịch đều thanh di quyển.

Chỉ duyên ngược lại âm trên trù lý Mao Thi Truyện cho rằng: Chỉ là phúc báu, sách Thuyết Văn cho rằng đồng nghĩa chữ viết từ bộ thị thanh chỉ.

Giáp ngu âm trên ô giáp sách Thuyết Văn cho rằng: Giáp là khai mở đóng cửa, chữ viết từ bộ môn thanh giáp.

Sạ ngạc ngược lại âm trên tàng các sách Khảo Thanh cho rằng:

Hiệu của nước Tay Nam Di. Lại cũng viết chữ sa âm dưới ngang các gọi là hoa, bàn chân. Bổn Tập cho rằng: Sạ ngạc là cái chuồng nuôi súc vật, nghĩa này chưa rõ lắm.

Cự hoạch ngược lại âm hoàng quách Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: Hoạch là cái đỉnh, lại gọi là cái nồi nấu thịt, sách Thuyết Văn cho rằng: Cái nồi đồng, chữ viết từ bộ kim thanh hoạch ngược lại âm vu phược âm khuê ngược lại âm hồ khuê.

Tam lực ngược lại âm lăng chức sách Thuyết Văn cho rằng: Lực là cây lý chữ viết từ bộ mộc thanh lực cũng chưa rõ nghĩa này.

Lợi chủy ngược lại âm túy tùy sách Khảo Thanh cho rằng: Mỏ chim, sách Thuyết Văn viết từ bộ thử thanh thứ lại cũng viết chữ chủy Bổn Tập viết chữ tử là mắng nhiếc hủy nhục, cũng nghĩa của chữ này, âm tử là âm tử âm thứ ngược lại âm thất tứ.

Sàm thương ngược lại âm sĩ hàm âm dưới tích dưỡng sách Khảo Thanh cho rằng: Đâm ngược phóng lau ngược lại. Xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ mộc đều thanh sàm thương âm sàm đồng với âm trên.

Giảo cẩu ngược lại âm trên giao ảo kinh Sơn Hải nói rằng: Có loài thú hình dạng giống như con chó mặt là con báo, có vằn dện, sừng như con trâu, gọi là giảo âm thanh như con chó sủa, rất hung hãn. Nước Hung Nô có loại chó này, mõm dài thân đen. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Rất giảo hoạt, Quảng Thất cho rằng: rất mạnh mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chó nhỏ chữ viết từ bộ khuyển thanh giao.

Phĩ vĩ ngược lại âm trên phi vĩ âm dưới vi phi đã giải thích rồi trong quyển thứ sáu.

Tất phương ngược lại âm tần mật Tự Lâm cho rằng: Tất là mùi thơm lan tỏa, chữ viết từ bộ thảo thanh tất lại cũng viết chữ tất.

Thước thước ngược lại âm thương chước Cố Dã Vương cho rằng: Làm cho chảy tiêu ra, lò nấu đúc đồng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Người dân làm lò đúc đồng, không chắc cứng lắm, chữ từ bộ thanh lạc.

Hà chính ngược lại âm kỳ doanh Cố Dã Vương cho rằng: Xa xôi sách Thuyết Văn cho rằng: Đi xa chữ viết từ bộ xước thanh chánh âm xước ngược lại âm sửu lược lại cũng viết chữ chinh.

Xuân khuẩn ngược lại âm trên truất truân sách Trang Tử nói rằng: Có loại cây đại xuân, lấy tám trăm năm làm một mùa xuân, tám trăm tuổi là một mùa thu. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh xuân âm dưới quỳ vẫn Quách Phác cho rằng: Khuẩn là nấm đất, giống như cây dù, Trang Tử cho rằng: Sáp sớm nấm đất mọc lên, không biết đến chiều là tàn. Tư Mã Bưu cho rằng: Loại cây nhánh chết yểu thiên âm sinh ra

loại cây phân dơ. Thuyết Văn cùng Quách Phác cho rằng: Đồng nghĩa chữ viết từ bộ thảo bộ khuẩn thanh tĩnh âm khuẩn ngược lại âm khuất luân âm điếm ngược lại âm thâm nhậm.

Quýnh mạt ngược lại âm trên cô quỳnh sách Thuyết Văn cho rằng: Quýnh là con ngựa cái, chữ viết từ bộ mã thanh quýnh âm quýnh đồng với âm trên.

Ngu hiệt ngược lại âm nhàn triếp sách Phương Ngôn cho rằng: Từ quan ải cho đến Đông Triệu, Ngụy gọi là trí tuệ là hiệt Quách Phác cho rằng: Tuệ là hiểu rõ sách Thuyết Văn cho rằng: Chất xám kiên cố, chữ viết từ bộ hắc thanh kiết âm triết ngược lại âm ô hiệt.

Ngung ngung ngược lại âm ngu cung Hoài Nam Tử cho rằng: Đám dân đen sống nơi vùng xa xôi hẻo lánh, người không có đức độ, sách Thuyết Văn cho rằng: Nhiều miệng họp làm như ong vỡ tổ, chữ viết từ bộ khẩu thanh ngung.

Liệu tô, âm trên là liễu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Liệu là loại rau cay chữ viết từ bộ thảo thanh liệu âm dưới tố hồ sách Nhĩ Thất cho rằng: tô là rau tía tô. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng nghĩa. Chữ viết từ bộ thảo thanh tô âm liêu ngược lại âm lực cứu âm đồng với âm trên.

Dực diệu âm trên dực ấp, âm dưới đài chiếu. Mao Thi Truyện cho rằng: dực diệu là lửa ma trơi, đóm lửa lập lòe, tức là con đom đóm. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng nghĩa, chữ viết từ bộ hỏa đều Thanh tập dược. Lại cũng viết chữ dực. Âm nghĩa đều đồng âm lân là âm lận.

Cao huy ngược lại âm hủy vi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hay là cánh chim to lớn. Chữ viết từ bộ vũ Thanh quân.

Tương Kham ngược lại âm chấp Lâm. Đã giải thích đầy đủ rồi trong quyển Tạp Sự Luật.

Siểm thúc ngược lại âm trên chiêm nghiểm. Sách Khảo Thanh cho rằng: mắt không định. Xưa nay chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ mục thanh viêm âm dưới là thư. Đã giải thích đầy đủ rồi.

Phế nhược, ngược lại âm phổ mịt đã giải thích đầy đủ rồi trong quyển Tạp Sự Luật.

Huyễn mục, ngược lại âm trên huyễn quyến. Vương Dật chú giải rằng: huyễn là nhìn. Cố Dã Vương cho rằng: như ngày nay người ta đưa mắt ra dấu hiệu mật tương với nhau mà hiểu biết gọi là mật ngữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt rũ xuống, chữ viết từ bộ mục thanh huyễn.

Quýnh điện âm trên công huýnh Thiên Thương Hiệt cho rằng: quýnh là sáng tỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: sáng rực, chữ viết từ bộ

hỏa. Thanh quýnh, âm quýnh là âm huỳnh, văn dưới là quýnh quýnh âm đều đồng âm này.

Thạch phiêu ngược lại âm tỳ diêu. Sách Nhĩ Thất cho rằng: phàm vật dao động gọi là phiêu, Quách Phác cho rằng: gió dữ dội, gió cuộn từ trên xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng nghĩa; chữ viết từ bộ phong thanh tiêu âm tiêu đồng với âm trên.

Bằng côn âm trên là bằng âm dưới là côn. theo Trang Tử giải thích bằng côn là con cá hóa thân, cá côn lớn không biết bao nhiêu dặm, bắt lấy vùng vẫy không biết trên mặt chín vạn dặm. Sách Sở Từ cho rằng: cá côn kêu tiếng rất bi thảm. Cố Dã Vương cho rằng: hình trạng như chim hạt, mà lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều từ bộ điểu cũng đều thanh bằng côn. Lại cũng viết chữ côn.

ÂM HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 14

Tuyền ky âm trên tợ duyên, âm dưới là ky. Sách Thượng Thư cho rằng: tuyền ky là hạt ngọc ngang làm cho tròn lại. Khổng An Quốc chú giải rằng: là dụng cụ thiên văn thời xưa, vận chuyển hướng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đồng nghĩa. Hai chữ đều từ bộ ngọc thanh tuyền. Bổn tập viết chữ tuyền tục tự thường hay dùng.

Cao tường ngược lại âm trên ngao cao âm dưới tượng dượng. Mao Thi Truyện cho rằng: cao tường, giống như bay lượn. Trịnh Tiễn cho rằng: tiêu dao, tức là liệng lên, liêng xuống. Quách Phác cho rằng: chim bay khắp. Sách Thuyết Văn cho rằng: bay đao vòng, hai chữ đều từ bộ vũ đều thanh cao dương. Bổn tập viết chữ cao tục tự thường hay dùng.

Độc khí âm trên là độc ngược lại âm dưới khi ký. Sách Khảo Thanh cho rằng: chỗ âm dương sinh ra mùi hôi thối. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí mây chữ tượng hình lại cũng viết chữ khí. Bổn tập viết khí văn chữ cổ, văn dưới đều đồng đây.

Nguyên đà ngược lại âm trên nguyễn viên, ấm dưới kiền hà. Sách Thuyết Văn cho rằng: nguyên là con ba ba lón thuộc loại rùa, chữ viết từ bộ mãnh thanh nguyên. Kinh Sơn Hải nói rằng: đà loại bò sát giống cá sấu, xuất từ sông nước. Quách Phác cho rằng: giống như rắn mối mà lớn hơn, lại dài, có vằn vện, da màu sắc như kỳ lân, có thể dùng da con cá sấu để bịt trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài thủy trùng Quách

Phác cho rằng: nghĩa đều đồng, chữ viết từ bộ mãnh thanh đơn. Bổn tập viết chữ nguyên đà tục tự thường hay dùng. Âm qui ngược lại âm bi diệt, âm mãnh ngược lại âm manh cạnh.

Thư hoạch ngược lại âm trên thất dư. Quách Thất cho rằng: thư là loài vượn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giống khỉ, chữ viết từ bộ khuyển thanh thư, âm dưới cư hoạch. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Thất rằng: thuộc giống di hầu loài khỉ khôn lanh, mà to lớn, màu xanh đen, có thể nắm bắt người rất giỏi, nhìn liếc ngó rất hay. Sách Thuyết Văn cho rằng: con khỉ cái, chữ viết từ bộ khuyển thanh cụ, âm hoặc ngược lại âm câu phược, âm cụ ngược lại âm vương cụ âm cụ ngược lại âm vu cụ

Hòa-la-tử âm trên là hòa tiếng Phạm.

Ế nhiễm ngược lại âm trên y kế. Mao Thi Truyện cho rằng: trời âm u mà có gió, gọi là ế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhựt thanh ế.

Quy âu ngược lại âm La-hầu. Tự Thư cho rằng: âu là ca hát, vui vẻ, ngâm nga. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đồng nghĩa. Chữ viết từ bộ tâm thanh âu, hoặc là viết chữ âu lại cũng viết chữ âu âm nghĩa đều đồng.

Hậu đợi ngược lại âm đồ đối. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Đợi là bộ. Trăm người làm một đợi. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ đợi từ bộ phụ thanh đợi. Bổn Tập viết chữ đợi nơi nghĩa đều mất đi có phần khác lạ chẳng phải.

Đệ bại ngược lại âm trên đệ nê Quách Phác cho rằng: đệ là giống như lúa ma (loại lúa mọc hoang có hạt nhỏ) mà lại mọc nơi cỏ chỗ dẻo. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo. Thanh đệ âm dưới bày giải. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cỏ mà lại giống như lúa, xưa nay Chánh Tự cho rằng: đồng nghĩa, chữ viết từ bộ hòa thanh bì.

Bạt hộ âm trên đới mạt, âm dưới hồ cổ. Hán Thư cho rằng: là hống hách ngạo mạn, tung hoành ngang dọc. Tiết Tông cho rằng: dũng kiện, hiên ngang. Chữ bạt đã giải thích rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: hộ là từ bộ ấp thanh hộ.

Cao nhương ngược lại âm tưởng dương. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ngựa cái ngước, chữ viết từ bộ mã thanh nhương, văn dưới đều đồng.

Sa nga ngược lại âm trên sa hà, âm dưới ngã ca. Quách Thất cho rằng: núi cao. Vương Dật cho rằng: núi cao chót vót, che phủ lại: xưa nay Chánh Tự đều viết từ bộ Sơn đều thanh sa ngã. Bổn Tập viết chữ sa tục tự thường hay dùng.

Nhiên thần ngược lại âm trên nhiên thiện. Lại cũng âm là hán Thiên Thương Hiệt cho rằng: xông lửa cho khô. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là khô, ráo, chữ viết từ bộ hỏa, bộ hán. Thanh tỉnh.

Tổ nể ngược lại âm nê lễ. Trinh chúng cho rằng: nể là miếu thờ cha, tổ tiên. Xưa nay chánh tự cho rằng: đồng nghĩa, chữ viết từ bộ thị thanh nhĩ.

Huề trá ngược lại âm trên tri vê. Mao Thi Truyện cho rằng: huề là biểu tượng. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Quan trọng coi ruộng, chỗ đôn đốc bá kính, cũng là chỗ bờ giếng nước, chỗ nơi gọi là xếp hàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con đường giữa hai bên ruộng; rộng sáu thước. Chữ viết từ bộ điền thanh xuyết, âm dưới tra giá. Sách Lễ Ký cho rằng: Thiên tử cúng tế đại lễ, ban đầu là bát y kỳ, làm lễ cúng tế; là dùng sợi dây gọi năm tháng, tụ họp lại vạn vật mà làm đại lễ cúng tế, người chú trước tiễn, cúng đất đai, cúng trăm thứ giống lúa, đền đáp báo ân, lòng nhân từ, kế đó là miếu từ đường, nghĩa đến hết đời, cúng y vàng, mũ vàng mà cúng tế mới xong, kế đến là người làm ruộng. Trịnh Huyền cho rằng: cúng tế gọi là gởi gắm, phó thác, niên lạp tổ tiên, cầu năm điều phước, nơi lao nhọc của người làm ruộng, làm chỗ nghỉ ngơi, có tám thứ: một là tiên sắc, hai là tư sắc, ba là nông, bốn là biểu huề, năm là miêu hổ, tức mạ non, sáu là ngăn phòng, bảy là thủy chung, tám là côn trùng. Quách Thất cho rằng: cúng tế. Mùa hạ gọi là thanh, cúng cầu phước ân, gọi là gia chúc phúc tốt lành, xung quanh bình an gọi là đại lễ. Đời Tần gọi là Lạp. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ y thanh tích. Bổn Tập viết từ bộ trùng cũng thông dụng.

Cơ chỉ, ngược lại chi nhĩ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cơ chỉ là nền tảng căn bản, chữ viết từ bộ thổ thanh chỉ. bổn Tập viết chữ chích e rằng: sai.

Đam thích ngược lại âm dưỡng cam Lão Quân.

Phiên tận ngược lại âm trên phạt viên. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiên là thiêu đốt, chữ viết từ bộ hỏa. Thanh phiên âm dưới tợ tẫn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: lửa cháy còn dư lại tro tàn gọi là tẫn. Sách Thuyết Văn viết chữ tẫn cũng đồng nghĩa, chữ viết từ bộ hỏa thanh tân.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 97

- Âm Quảng Hoằng Minh Tập quyển thượng. Từ quyển thứ nhất cho đến hết quyển thứ 12.

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

Chung Nam Sơn Thích Đạo Tuyên soạn.

TỰA

Kiêu chương, ngược lại âm thú diêu. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: kiêu giống như là bạc bẽo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh nhiêu.

Tình hỗn ngược lại âm dưới hồn bổn. Quảng Nhã cho rằng: hỗn là nước đục. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hỗn loạn, chữ viết từ bộ thủy thanh hỗn âm hỗn ngược lại âm hỗn khổn Bổn Tựa viết từ bộ côn viết thành chữ cổn. Sách Thuyết Văn gọi là nước chảy xiết, chẳng phải nghĩa này.

Toàn thủng, ngược lại âm chung chủng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: chung là bước chân nối tiếp theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: bước chân là nối theo gót chân, lấy đây là truy đuổi theo dấu chân, chữ viết từ bộ túc thanh chung ; hoặc là từ bộ chỉ viết thành chữ chung âm cân ngược lại âm cấn ngận.

Hạch thử, ngược lại âm hoành cách sách Thuyết Văn cho rằng: phàm khảo sát sự thật nơi chỗ chật hẹp, che dấu, cần phải tìm ra được sự thật. Chữ viết từ thanh hạch âm ngược lại âm hà giả âm kích là âm kích.

Chi tế ngược lại âm tất duệ. Đỗ Dự chú giải rằng: tế là sáng sủa rực rỡ. Quách Thất cho rằng: che giấu, ẩn náo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh tế.

Biện bác ngược lại âm bang mạc. Cố Dã Vương cho rằng: bác gọi

là không thuần nhất, tức là ngựa vằn. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh giao.

Cung giác ngược lại âm giang nhạc. Trịnh Huyền chú giải sách Thượng Thư Đại Truyện rằng: Giác giống như nhìn thấy. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ xa bộ bác thanh tỉnh viết đúng là chữ bác.

Phiêu cử ngược lại âm tất dieu. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiêu là giơ cao lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh phiên âm phiêu ngược lại âm cũng thanh.

Lượng tư ngược lại âm Lương Thượng. Sách Khảo Thanh, Mao Thi Truyện đều nói: niềm tin. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh lượng.

Ngu khấu ngược lại âm tô hậu. Sách Phương Ngôn cho rằng: khấu là cướp đoạt, tra khảo. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hưu thanh tai.

Tầm dịch, ngược lại âm doanh chích. Sách Phương Ngôn cho rằng: dịch lý. Quách Phác giải: dịch là kéo mối tơ, giải thích chữ viết từ bộ mịch.

Nịnh hạnh, ngược lại âm trên ninh định. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh nhân. Bổn Tập viết chữ nịnh tục dung thông dụng. Ngược lại âm dưới hoàn cảnh. Vương Dật Chú Sở Từ rằng: hạnh là rất mai mắn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh hạnh, hoặc là từ bộ nữ, viết thành chữ hạnh âm cân ngược lại âm ngân khẩn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngân giống như là xấu ác.

Bạt tụy ngược lại âm bổ bác. Cố Dã Vương cho rằng: bạt giống như là dẫn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Bạt giống như là nâng lên, cất nhắc, chữ viết từ bộ thủ thanh bạt âm bạt ngược lại âm bàn bát, âm dưới tràn tụy. Sách Chu Dịch cho rằng: Tụy đám đông tu hợp lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Thảo Thanh tụy.

Mong tuyền, ngược lại âm mộc công. Mao Thi Truyện cho rằng: Mong là mưa phùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh mong.

Trịnh ai ngược lại âm ai cải. Tên người.

Trệ biển, ngược lại âm truy nhuế. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: trệ là nối kết lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh xuyết.

Niết truy âm trên niên khiết. Quảng Nhã cho rằng: niết là bùn đất. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: niết là có thể lấy đất nhàu nặng nắn nhượm. Sách Thuyết Văn cho rằng: đất đen trong nước gọi là niết. Chữ viết từ bộ thổ thanh nhựt, âm dưới tể sư. Mao Thi

Truyện giải thích: truy là tơ lụa màu đen, màu thẫm sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh truy. Bổn tựa viết từ bộ thủy viết thành chữ truy tên dòng sông, xuất phát từ Thái Sơn.

Thao cảnh ngược lại âm tao lão. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thao gọi là rong rêu dưới nước, có vân vân. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh thao. Thao cũng là thanh, thao cũng gọi là ngọc.

Sủy nghi ngược lại âm sơ suy Cố Dã Vương cho rằng: sủy gọi là đá giá, độ lượng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đáng giá chiếu cao, gọi là sủy, chữ viết từ bộ đoan thanh đoan âm đoan là âm đoan.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUY CHÁNH THIÊN
QUYỂN 1

Thái tể phi ngược lại âm phi mỹ tên Ngô Thái Tể. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỷ.

Đại hải ngược lại âm xung ài. Thiên Thương Hiệt cho rằng: kinh há. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh cai.

Chi khư âm khứ ngư. Gọi là gò đất bỏ hoang, cũng viết chữ hư.

Ôi nhân âm ô hồi, kinh Sơn Hải: vùng đất Bắc Hải có nước gọi là ôi nhân. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh ôi.

Thăm lệ ngược lại âm sắc lâm Mao Thi Truyện cho rằng: thâm là ngọc châu báu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bộ thâm thanh tĩnh.

Giam ư ngược lại âm giáp hàm. Sách Thuyết Văn: cái tráp, cái hòm đóng kín lại, chữ viết từ bộ mịch thanh hàm.

Thái am ngược lại âm tập diêu tên người.

Ôi tẫn ngược lại âm trên ôi hồi. Quảng Nhã cho rằng: ôi giống như nướng, âm dưới tợ tấn. Đỗ Dự Chú Tả Truyện rằng: tẫn là lửa đốt còn dư lại đống tro tàn. Đường Ngự Chế Hiếu Kinh Tựa cho rằng: ôi tẫn là lửa than chưa tàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ôi từ bộ hỏa thanh ôi tẫn viết đúng là chữ tẫn bổn tập viết chữ tẫn tục tự thường hay dùng.

Tiệp chữ ngược lại âm trên đạp tiếp âm dưới dư chú Văn Tự Điển nói: Tiệp chữ là người đàn bà làm quan, đều từ nữ đều thanh tiệp dư âm tiệp ngược lại âm điềm diệp.

Phạm khiếp âm viêm kiếp, tên người.

Tinh thô ngược lại â tĩnh tô cũng viết chữ thô mượn âm để dùng.

Cự nhiên ngược lại âm cự cứ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cứ giống như sợ hãi. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng chữ cứ. Bổn Tập viết chữ cứ. trong kinh tục dùng chữ theo quen.

Đại để ngược lại âm đinh lễ Quảng Nhã cho rằng: đại để là tóm lược. Lại gọi lànói: tóm lược, Văn Tự Điển nói: hoặc là viết chữ để. Lại từ bộ ngưu viết thành chữ để. Bổn Tập viết từ bộ thủ viết thành chữ để cùng với nghĩa này khác lạ.

Đỉnh trỉ ngược lại âm trên đinh lĩnh. Bổn Tập viết chữ đỉnh tục tự thường dùng âm dưới trì lý. Sách Khảo Thanh cho rằng: trỉ gọi là núi cao đứng riêng một mình. Sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh tự. Lại cũng viết chữ trỉ.

Mao tì, ngược lại âm trên mậu sắc. Ngược lại âm dưới tự nhi. Quảng Nhã cho rằng: tì là lợp nhà bằng tranh. Sách Thuyết Văn: lấy cỏ mao lợp nhà, chữ viết từ bộ thảo thanh thứ.

Hám trạch ngược lại âm hà lam. Tên họ người.

Chu khải ngược lại âm nghi khải.

Dục siêu ngược lại âm hương nghịch. Bổn Tập viết chữ hy, tục tư thường hay dùng.

Vương đãn ngược lại âm nan hãn.

Vương mật ngược lại âm di tất.

Đái quỳ ngược lại âm quỷ truy

Âm ký ngược lại âm ky nghị. Mấy âm trên đều tên họ người.

Thi qui, ngược lại âm thỉ di. Thiên Thương Hiệt cho rằng: thi sách, là thẻ tre. Cố Dã Vương cho rằng: thẻ tre dùng để ghi, bói quẻ, bốn mươi chín lá làm một quẻ. Sách Chu Dịch cho rằng: định trong thiên hạ, tốt xấu, cũng xem mai rùa. Bạch Hổ Thông cho rằng: thi đó là tin. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc cây sào tre. Mọc một ngàn năm có ba trăm cọng, chữ viết từ bộ thảo thanh thi âm tiết ngược lại âm thời thiết, tiết giống như số, lần. Sách Thuyết Văn cho rằng: chờ đợi.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 2

Kham tề ngược lại âm khổ cam hoặc là viết chữ kham lại cũng viết chữ kham.

Tông hạch ngược lại âm tông tống. Tống Trung chú giải Kinh Thái Huyền rằng: cắt đứt các mối tơ, các đầu mối. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh tông.

Diệu trách ngược lại âm tranh cách. Lưu Hiến chú giải sách Chú Dịch rằng: nách đó là chỗ rất thâm u. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cơ thanh trách âm di ngược lại âm dĩ chi.

Chiên kế âm trên chiến diên. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tên cây có mùi thơm cây chiên-đàn, âm dưới cư lệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: kế là vải bố lông ở nước Tây Hồ, chữ viết từ bộ mịch thanh kế âm kế đồng với âm trên. Bổn Tập viết chữ kế cũng thông dụng.

Quái sức âm hồi ngoại. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: quái là hợp lại năm màu sắc. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: quái là vẽ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh hội. Bổn Tập viết từ bộ quí, viết thành chữ hội. Gọi là mối tơ dệt còn dư lại, chẳng phải nghĩa dư.

Quan nhíp ngược lại âm loan bản. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: quan giống như là xuyên qua. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh quan âm quan ngược lại âm hoàn sản.

Thế tổ đảo ngược lại âm đồ đáo. Tên của vua.

Diêu hoằng ngược lại âm ô hoằng tên người.

Tiên hành ngược lại âm tiên tiễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi chân không mang dép; chân trần, chữ viết từ bộ túc thanh tiễn.

Tảo nhiếp âm tảo tao. Mao Thi Truyện cho rằng: tảo là động. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: gọi là dao động. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh tảo âm tảo là âm tảo.

Yêu nghiệt âm trên yêu kiêu âm dưới ngôn kiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: nghiệt cũng là yêu, tức tai ách. Sách Thuyết Văn cho rằng: loại y phục ca múa vũ, yêu quái thảo mộc khác thường, gọi là yêu. Loài côn trùng cầm thú, châu chấu phá hại mùa màng, khác thường gọi là nghiệt, chữ yêu hoặc là từ bộ y viết thành chữ yêu, chữ nghiệt hoặc từ bộ hủy viết thành chữ nghiệt. Sách Khảo Thanh nói: hoặc từ bộ nữ. viết thành chữ nghiệt cũng thông dụng.

Khoang đà. Quảng Nhã nói:, Đà là trì hoãn, chậm lại. Đỗ Tự chú giải Tả Truyện rằng: Đà giống như cởi mở ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cung thanh đà. hoặc là viết chữ đà. Cùng với âm đà cũng đồng.

Sàm nhân ngược lại âm sĩ hàm văn tập viết chữ sàm trụ tự thường dùng.

Giam xa ngược lại âm hàm yểm Sách Khảo Khanh cho rằng: Xe

chở tù. Sách Thuyết Văn viết, từ sơ xa thanh lam. bổn tập viết từ bộ mộc viết thành chữ lam. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái lồng, cái chuồn nuôi súc vật. Chẳng phải nghĩa xe tù.

Hành sửu âm sở lưu Cố Dã Vương cho rằng: thiếu sưu gọi là tiểu tiện, sau đuôi. Sách Thuyết Văn viết, từ bộ thuỷ thanh sưu. Bổn tập viết chữ sưu trụ tự thường hay dùng, âm tẩu. Ngược lại âm tô tẩu

Ao Ao ngược lại âm trên ngạo cao. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng chữ ngao. Mao Thi Truyện cho rằng: tiếng chim nhạn kêu, vừa bay vừa kêu rất bi thương, ao ao đó sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu cũng thanh ao ao bổn tập viết chữ ao tục tự thường hay dùng.

Ải chi âm y nhị. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ải gọi là thắt cổ tự vẫn diết. Sách Thuyết Văn cũng gọi là thắt cổ diết, chữ viết từ bộ mịch thanh ải, chữ chính thể, viết Bổn tập viết chữ ải tục tự thường hay dùng.

Di quyết ngược lại âm quyết huyệt. Sách Vận Thuyên cho rằng: quyết là nói: lời tử biệt.

Quyết nhiên âm quyến nguyệt Sách Khảo Thanh cho rằng: quyết gọi là nhảy lên. Sách Thuyết Văn viết từ túc thanh quyết hoặc là viết từ bộ tẩu viết thành chữ khuyết.

Sở thuyên ngược lại âm tử tuyên. Quảng Nhã cho rằng: Thuyên là cây đục. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ kim. Thanh Huyên âm thuyên ngược lại âm tuyền duyên từ bộ cung là chỗ bắn ra. Con chim hoặc là chữ thuyên bổn tập viết từ bộ nãi viết thành chũ thuyên là chẳng phải.

Vi khám ngược lại âm khổ cam. Quảng Thất cho rằng: khám là nhiều Văn Tự Điển nói rằng: chỗ cất chứa tượng Phật. Chữ viết từ bộ long, nay cũng thanh. Từ bộ hợp viết thành chữ khám đó là chẳng phải.

Suy đống ngược lại âm trên sở truy âm dưới đung nóng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Rui nhà gọi là suy. Đóng gọi là cái xà nhà. Quách Phác chú giải rằng: cũng gọi là rui nhà, rui nhà ẩn giấu. Sách Chu Dịch cho rằng: Trên dưới ở giữa xà nhà, gọi là che gió mưa. Sách Thuyết Văn: xà nhà thí rất nhiều, chữ viết từ bộ mộc đều thanh suy đong. âm phù là âm lưu ẩn là âm ân, cẩn ẩn gọi là rường nhà, âm sẩm là lâm cẩm. [910]

Mi doanh, âm trên mỹ si. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mi gọi là rường nhà. Quách Phác chú giải rằng: sà ngang gác trên cửa, âm dưới diệc chinh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: doanh là trụ cột. Sách Thuyết Văn đều cho rằng: từ bộ mộc đều thanh mi doanh.

Thiểu ải âm trên thúc tiểu. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiểu là ải. Vùng đất nhỏ hẹp trũng và ẩm. Đỗ Dự Chú Tả Truyện rằng: Thiểu dưới thấp, âm dưới ách giới. Cố Dã Vương cho rằng: ải giống như chật hẹp, bức bách. Sách Thuyết Văn: Chữ thiểu từ bộ thủy thanh thu chữ ải từ bộ phụ thanh ải.

Nghiệp thành âm trên nghiêm kiếp. Tên vùng đất ở nước Ngụy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh nghiệp.

Đạo hy âm hứa y

Tuệ ngung ngược lại ngu cung đều danh tăng.

Ôi lạm âm ô tội. Sách Khảo Thanh cho rằng: việc không đúng mà lạm dụng vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh ôi.

Đế cốc âm không cốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: hiệu vua thời cổ. Theo Vương Đạo Khuê Đế Ký ghi: đế cốc là Cao Tân Thị Hoàng Đế. Con của Tằng Tôn Kiêu, cháu của Thiếu Hạo, đều là hào kiệt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cáo bộ học thanh tỉnh.

Võng nhiên âm vô phòng. Bao Hàm chú giải Luận Ngữ rằng: không suy nghĩ nghĩa này thì là bỗng nhiên hoặc là viết chữ võng này.

Chu bể âm bỏ sỉ. Xưa người viết kinh tạo ra thẻ tre dùng để tính toán.

Kỳ xí ngược lại âm tren cự cơ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kỳ là cờ biểu tượng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ư thanh kỳ, âm dưới xương chí. Sách Sử Ký ghi: Người nắm cầm cờ xỉ làm biểu tượng. Quảng Nhã cho rằng: Xí là phan. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh thức âm phương là yển âm thức. ngược lại âm dư tập.

Huề di âm dĩ chi. Tên người.

Kỳ tiêm âm tức liêm, cũng tên người.

Trất tỷ âm trên sắc. Văn Tự Điển nói: trất là cây lược goi chung cây lược dùng chải tóc, chữ viết từ bộ mộc thanh tiết.

Cự lộc ngược lại âm cự cử. Tên quận, ở Hình Châu.

Dư tiềm âm tử liêm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: giữa Ngô Sở gọi lửa diệt hết là tiềm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hỏa. Thanh tiềm âm tiềm ngược lại âm tiếp niệm.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 3

Minh hạnh âm hoành cảnh. Bì Thương giải thích: minh hạnh là nước dâng lên nhiều, cao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hạnh tục viết chữ hạnh này.

Nữ oa âm quả hoa. Sách Khảo Thanh cho rằng: xưa đó hiệu của nữ hoàng. Cố Dã Vương cho rằng: Nữ oa. Thân hình là rắn. Sách Thuyết Văn nói: Vị thần là Thánh nữ gọi là oa biến hóa vạn vật. Chữ viết từ bộ nữ thanh oa âm oa là âm khẩu hoa.

Trác lộc ngược lại âm đinh giác. Hán Thư cho rằng: Trác là tên quận ở thượng gốc. Nay có huyện Trác Lộc. Theo Trác Lộc đó là xưa Hoàng đế cùng với nước Si giao chiến với nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh trác âm trác ngược lại Lung duyên âm si ngược lại âm xỉ chi.

Nghiên nải, ngược lại âm nghiên kế. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nghiên là có ông vua nước nghèo kia giỏi bắn cung. Bì bày tôi của vua là Hàn Túc sát hại, giết chết. Sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ, thanh nghiên âm nghiên là âm kiên. Bổn Tập viết chữ nghiên tục dùng cũng thông.

Khoa phụ ngược lại âm khổ oa. Sách Điền Địa Chí nói: khoa phụ là gọi truy tìm, đuổi theo; người khác nước uống nước sông lớn, chưa đến được con đường, thì khát quá đã chết. Trong Hư Kinh nói: khoa phụ là thây người chết vất bỏ, xương thịt rã trong nước. Sinh ra rừng Đặng Lâm cách một ngàn dặm. Tôn Trác Tử nói: Rừng Đặng Lâm có vườn cây ba vạn tầm. Thẳng lên ngàn dặm bên cạnh nước Âm Sát.

Thành chiên ngược lại âm triển liên. Vương Bậc chú giải sách Chu Dịch rằng: chiên là khó. Sách Khuê Uyển Chu Tòng nói rằng: chiên gọi việc vướng phải khó khăn. Sách Khảo Thanh cho rằng: gọi là chậm chạp không tiến lên phía trước được. Hoặc là viết từ bộ xước viết thành chữ chiên.

Nhục thâu âm nhu xúc. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nhục thâu ở phương Tây là vị thần. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh nhục viết chữ thâu tục tự thường hay dùng.

Hoạn âm trên là hoạn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: hoạn là nuôi chó, heo gọi là hoạn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thỉ thanh quyến âm quyến là âm quyến.

Lâm đào âm thảo đao. Hán Thư cho rằng: tên huyện Lâm Thao. Ở

quận Lũng Tây. Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh đào. Bổn Tập viết chữ đào tục tự thường hay dùng.

Chung cung, ngược lại âm cự cung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: mộc gọi là cung. Quách Phác chú giải rằng: cây chùi đánh trống, đánh chuông. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cùng với Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nghĩa cũng đồng. Sách Thuyết Văn: cây làm giá chuông, trống có trang sức, khắc hình mãnh thú, chữ viết từ bộ hổ thanh vị cũng tượng hình dưới chân, âm hổ ngược lại âm hổ cô, âm phụ là âm vũ. Bổn Tập viết từ bộ khưu viết chữ gọi là hư tự văn chữ cổ.

Oa quốc âm ô ba. Quách Phác chú giải Kinh Sơn Hải rằng: Oa quốc là nước ở miền nhiệt đới, phương Đông trong biển lớn: Dùng người nữ làm tục; không có thợ kim, lấy chu xa màu đỏ bôi lên mình. Sách Thuyết Văn cũng nói: nước trong biển lớn chữ viết từ bộ nhân thanh nuy.

Hải thần âm thuật luân. Mao Thi Truyện cho rằng: Thần là bến, bờ sông Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trên bến bờ bằng phẳng, mà dưới nước sâu đó gọi là thần. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cũng là bến nước chữ viết từ bộ thủy thanh thần.

Kỳ chủng âm trên khí chỉ âm dưới chung dũng. Kinh Sơn Hải nói rằng: Có một nước người đi nhón gót chân, bàn chân có hai ngón đều to lớn. Quách Phác chú giải rằng: Người của nước này đi gót chân không chấm đất. Sách Thuyết Văn đều cho rằng: Chữ viết từ bộ trúc thanh chi ttrọng cân cân là âm căn.

Thốt một âm thôn một. Sách Khảo Thanh nói: Là dáng mạo ngang ngược bạo tàn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh tốt.

Bối vi âm phỉ muội. Cố Dã Vương cho rằng: Bối cũng là vi; là chống đối, phản tặc. Sách Thuyết Văn hoặc là viết từ bộ nguyện viết thành chữ bối.

Tiết hà âm tiên liệt. Mao Thi Truyện cho rằng: Tiết là trừ bỏ đi. Quảng Nhã cho rằng: Tẩy rửa. Sách Thuyết Văn: viết từ bộ thủy thanh tiết viết đúng tiết âm diệp.

Triều chước âm thường chước. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Trong giếng nước một là không có, một có nước gọi là kế chước. Quách Phác chú giải Kinh Sơn Hải rằng: Giếng nước mùa hạ thì có nước; mùa đông thì không có nước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh chước âm kế ngược lại âm cư lệ.

Chi khỏa, âm hồ quả. Sách Phương Ngôn cho rằng: vật quá nhiều. Tề Tống ban giao với Sở, Ngụy: Giám sát gọi khỏa. Sách Thuyết Văn

viết từ bộ đa thanh quả, viết đúng chữ quả khỏa.

Hoàn duy âm quan đoản Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: hoàn giống như là um tùm, sum suê, chữ viết từ bộ trúc thanh hoàn, âm hoàn là âm hòan hoặc là trong. Bổn Tập viết từ bộ trúc miên viết thành chữ hoàn không có chữ này.

Đông nổi âm nô tội. Sách Quốc Ngữ cho rằng: Vua già ơn tuệ, cho Sứ thần là không để cho đói lạnh. Sách Thuyết Văn: Đói, chữ viết từ bộ thực thanh nổi.

Đạo chích âm chi thạch. Tên người thời xưa.

Trang kiêu âm cương lược.

Khi quỉ, âm quy hủy. Sách Khảo Thanh cho rằng: Quỷ là dối trá. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh quy. Bổn Tập viết từ chữ quỉ tục dùng thông dụng.

Bất thí âm thi chí Văn Tự Điển nói: Thí là từ quá nhiều, viết từ bộ khẩu thanh đế.

Kiềm đầu âm cự liêm. Sách Sử Ký nói: Tần Thỉ Hoàng trong hai mươi sáu năm làm vua, gọi dân là kiềm đầu, tức là bọn dân đen. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc thanh kim.

Nhương khư chi quốc âm trên hoại dương, âm dưới khư ca. Tiếng Phạm tên nước Tây Vực.

Canh mể âm cách hoành Văn Tự Điển nói: Giống lúa lùn, chữ viết từ bộ hòa thanh hàng âm hàng ngược lại âm khang lãng.

Thê nô âm nộ đô. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nô là vợ con tên gọi chung sách Thuyết Văn viết từ bộ tử thanh nô hoặc là viiết chữ nô.

Du lạc âm canh chu. Sách Nhĩ Thất cho rằng: Du cũng là lạc, vui vẻ sảng khoái. Thư thái tâm hồn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh du.

Hoàng hiệt âm hiền kiết. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Xưa người tạo ra sách viết chữ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt thanh kiết.

Phương sách âm sơ cách. Sách Thuyết Văn: Mệnh lệnh của vua, chư hầu đều nhận nơi giống như phải lễ vật dâng lên vua một dài, một ngắn trong có hai bện đan vào, giống như sở tâu vua, hoặc là viết chữ sách, văn chữ cổ.

Trệ du âm trên trúc nhuế. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Trệ là nối kết lại với nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xuyết thanh mịch âm xuyết ngược lại âm chu liệt âm dưới là do.

Doanh chính âm dịch chính. Sách Khảo Thanh cho rằng: Vua Tần họ Doanh. Thỉ Hoàng chính là tên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ bộ

luy thanh tĩnh.

Hiệp thư ngược lại âm hiềm giáp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hiệp là giống như cất giấu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh giáp âm giáp là âm giáp.

Cấp hấp âm trên cư lập âm dưới hấp kim hai chữ đều là tên người.

Tuẫn húc âm trên tuất tuần âm dưới vu ngọc tên người.

Hào loạn âm trên hiệu giao. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hào là tạp. Quảng Nhã cho rằng: Cũng gọi là loạn; hoặc biết chữ hào.

Tạ phỉ, ngược lại âm phi vĩ. Tên người.

Sưu tấn âm sưu vẫn. Văn Tự Điển nói: Sưu là mong cầu; chữ viết từ bộ thủ thanh sưu âm sưu ngược lại âm tô tẩu âm sưu ngược lại âm trắc cưu.

Tổ hằng ngược lại âm cư đăng. Tên người.

Tương nhương âm tức lương. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tương gọi là tơ lụa màu mỡ gà, chữ viết từ bộ mịch

Tấn thân âm trên tân tín. Sách Chu Lễ cho rằng: Tấn là đeo viên ngọc lớn. Trịnh Huyền chú giải rằng: hai sợi dây hai đầu, nay gọi là đeo kiếm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh tấn đúng là chữ tấn, âm dưới là thân. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: thân là đay lớn. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: gọi là tự thân giao ước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh thân.

Phiêu bảng âm bác lang. Sách Khuê Uyển Chu Tòng nói rằng: là mái chèo, chữ viết từ bộ mộc.

Phú hải ngược lại âm ha cải. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: hải là thịt băm làm tương. Sách Thuyết Văn viết từ bộ dậu thanh hữu âm hữu là âm hữu.

Nghê lộc sàng âm trên nghê kế. Sách Lễ Ký cho rằng: Nghê là nhìn mà giống như nhìn xa. Văn Tự Điển nói: Mát nhìn chăm chú chữ viết từ bộ mục thanh nghê.

Quân hà, âm trên cư quân. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Quân là con hươu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lộc bộ khuân thanh tĩnh âm dưới cách hà. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hà là con hươu đực. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lộc thanh hà.

[911] Tham ngự âm trên luyến hàm. Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn chú giải rằng: Xe ngựa ở hai bên gọi là tham. Sách Thuyết Văn cho rằng: xe giá vua đi, âm dưới ngư cứ, Cố Dã Vương cho rằng: Ngự gọi là chỉ huy sai khiến con ngựa. Sách Thuyết Văn: Viết hai chữ đều từ bộ

mã đều thanh tham hựu.

Lục ký âm trên song chúc. Mục Thiên Tử Truyện nói: Chu Mục Vương đặc tên tuấn mã là Lục Nhĩ, âm dưới ky nghị. Sách Thuyết Văn nói: Ký gọi là con ngựa chạy ngàn dặm, đến chỗ tôn tướng quân chữ viết từ bộ mã đều thanh ký lục, âm lục là âm lộc.

Nghiên thần, ngược lại âm ngư kiên Bổn Tập viết chữ nghiêm tục tự thường hay dùng.

Bá dương ngược lại âm bổ ba tên huyện ở Dự Chương.

Trí quỷ âm quý vị. Sách Thuyết Văn: Là biếu tặng dâng thức ăn, từ bộ thực thanh quý âm hướng là âm thương lượng.

Phúng tặng âm trên phong phúng. Cốc Lương Truyện nói: Biếu tặng người chết gọi là phúng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phúng là tặng vật cho tang lễ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh xướng.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 4

Hoàn tịch âm hoạt quan. Cố Dã Vương cho rằng: Hoàn giống như thêm vào, cho đầy đủ vuông tròn. Sách Thuyết Văn: Cỏ có thể làm chiếu, chữ viết từ bộ thảo thanh hoàn âm hoàn là âm hoàn lại viết chữ hoàn.

Thảo lũ âm câu ngộ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Lũ tức là lý là giày dép. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lũ tóm lược chữ lũ thanh lũ tục viết chữ lũ là sai.

Tước hỏa âm tương tước. Lã Bất Vi giải thích: Tước giống như nổi lửa lên, đốt lửa lên. Sách Thuyết Văn: Tức thiêu đốt cỏ khô, lửa cháy lan tràn. Chữ viết từ bộ hỏa thanh tước, chữ tước viết đúng từ bộ suyển đến bô hưu. Bổn Tập viết chữ tước tục tự thường dùng âm hóan ngược lại âm cô hoàn.

Sa-môn y bát ngược lại âm báng mạt cùng với chữ bát đồng một chữ.

Danh ngã âm danh bình. Khảo Thanh: Danh là tên gọi.

Cúc nghiệt âm trên cung cúc âm dưới ngôn kiệt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Rượu nồng phải làm bằng lúa mạch mới thành. Sách Thuyết Văn nói: Nghiệt là mạch nha, chữ viết từ bộ mễ thanh nghiệt. Bổn Tập viết từ bộ mạch viết thành chữ nghiệt là chẳng

phải.

Châm đế, âm trên chấp thâm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Châm là khuyên giải, răn dạy: Một loại văn thể, viết để răn dạy, ngăn ngừa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh hàm.

Xác hồ âm trên khổ giác sách Chu Dịch cho rằng: xác hồ là vật cứng chắc không thể nhổ lên được. Sách Thuyết Văn cho rằng: cứng chắc chữ viết từ bộ mạch thanh sát âm xác đồng với âm trên.

Chấp dĩ âm trương lập. Mao Thi Truyện nói: Chấp là giữ lấy đầu mối dây. Sách Thuyết Văn nói: buộc câu thúc lại, chữ viết từ bộ mịch, thanh chấp. Bổn Tập viết chữ chấp tục tự thường dùng.

Bá thượng âm trên bá mạ. Khảo Thanh cho rằng: Cầu danh, viết đúng chữ bá, từ bộ cách đến bộ nguyệt âm cách là âm cách. Trong Bổn Tập viết chữ bá tục tự thường dùng.

Lưu thủy văn cổ viết chữ Lưu.

Liên tiêu âm biểu kiêu. Sách Thuyết Văn viết chữ tiêu tức là hàm ngựa, chữ viết từ bộ kim âm tiêu âm bạc giao.

Khảm tĩnh âm kham cảm. Bì Thương giải thích: khảm là hầm, hố sâu, hoặc là viết từ bộ khiếm viết thành chữ khảm.

Du phương, âm trên canh chu, âm dưới tích phương. tranh sinh ngụ ngôn, chưa rõ nghĩa này.

Cự hữu âm cự lữ. Khảo Thanh cho rằng: Cự là chưa, há, sao. Nếu, xưa nay chánh tự viết từ bộ ngôn thanh cự.

Tổng tụy, âm tụ túy. Sách Thuyết Văn tụy là tụ nhóm lại, hợp lại. Chữ viết từ bộ thảo thanh tốt.

Vũ khiết, âm tiên liệt. Khiết tên của vị Đại thần đời vua Thuấn. Sách Thuyết Văn nói: Con của Cao Tân Thị. Trước thời nhà An, chữ viết từ bộ nhân thanh khiết.

Thuyên đế âm trên thuyên, âm dưới đệ để. Sách Trang Tử nói: Được cá quên nơm, được thỏ quên dấu chân. Cố Dã Vương cho rằng: Thuyên là cái nơm bắt cá. Đế dụng cụ giăng bắt thỏ. Xưa nay Chánh Tự viết chữ thuyên từ bộ trúc thanh toàn, chữ đế từ bộ trúc thanh đế hoặc là viết chữ đế.

Xúc át, âm trên tử lục, âm dưới an cát. Mạnh Tử nói: Giơ cao khỏi đầu đá mốc phía sau gọi là xúc át, gọi là bảo cho biết. Sách Thuyết Văn nói: Sống mũi, hoặc là viết từ bộ tỵ viết thành chữ át, hoặc là viết chữ át.

Giả y âm chi dã. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Giả y là y màu đỏ. Sách Khảo Thanh cũng nói: Màu sắc đỏ. Sách Thuyết

Văn nói: Đất đỏ, từ bộ xích thanh giả.

Lỵ nhĩ âm ly chỉ. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Ly là người ở vùng đất nhỏ hẹp nơi biên giới hạ tiện nơi đô thị, hoặc từ bộ ấp viết thành chữ dã.

Xuất quỳnh ngược lại âm huyết sính. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Quỳnh là sâu xa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân bộ quỳnh trong bộ huyệt giữa âm đảng ngược lại âm đảng liệt.

Đôn sử, ngược lại âm đô môn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đôn hậu, viết đúng chữ đôn sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh đôn âm tuân ngược lại âm thời xuân. Bổn Tập viết chữ đôn tục tự thường hay dùng. Bổn Tập chữ sử tục tự thường hay dùng.

Tường tì âm trên tương dương, âm dưới tự nhi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh thứ. Bổn Tập viết chữ tường tục dùng thông dụng.

Kiêm gia âm trên là kiêm âm dưới. Cách Hà. Sách Thuyết Văn cho rằng: Kiêm gia là giống lau sậy. Chưa trổ bông, đó là kiêm, nếu trổ bông rồi dịch, gia gọi là cây lau, đều từ bột thảo đều thanh kiêm hà.

Thân thí âm sơ cân. Bổn Tập viết từ bộ bối viết thành chữ sấn là sai cân ngược lại củ sấn.

Thuyên hoành âm thuyên. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Thất rằng: Pháp luật chỗ gọi là thương lượng, khinh trọng. Quảng Nhã cho rằng: thuyên là dụng cụ gọi là thuyên. Sách Thuyết Văn cũng gọi hoành, từ bộ kim thanh toàn.

Tủng ư ngược lại âm lật dũng. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tủng là cao.

Tông miệt âm trên tổng công âm dưới miên kiết. Tên người ở thời xuân thu.

Phái lưu âm phổ mại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ phái gọi là dòng nước chảy phân rẽ ra làm ngã khác. Chữ viết từ bộ phản đến bộ thủy. Bổn Tập viết bộ thủy viết thành chữ phái tục dùng thông dụng.

Quái tham ngược lại âm khổ quái tên người.

Hàng long ngược lại âm khang lãng.

Thu tiễn ngược lại âm tiên điển. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Săn bắn mùa thu gọi là tiễn. Quách Phác chú giải rằng: Thuận tay sát khí. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh nhĩ âm nhĩ là âm tĩ.

Cưỡng bảo âm trên thệ lượng, âm dưới bổ đạo. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Thành Vương lúc còn ấu thơ ở trong cái đãy bọc lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cưỡng là cái áo bọc trẻ em rồi vác cõng trên

lưng, cưỡng là cái chăn bọc trẻ em đều từ bộ y đều thanh bảo cưỡng. Bổn Tập viết từ bộ mịch viết thành chữ cưỡng bảo là chẳng phải.

Cẩn từ ngược lại âm cận cân. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cận giống như nói: qua loa, thoáng qua, chẳng qua. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh cận âm cận là âm cẩn hoặc là viết chữ cẩn.

Bộ hoạch âm chú quách. Sách Thuyết Văn cho rằng: Là loài côn trùng co thẳng, tức loại sâu đo, chữ viết từ bộ hủy thanh hoạch âm hoạch ngược lại âm ất lao.

Ế đương âm dưới là đương. Trong Bổn Tập viết chữ thường là sai. Theo chữ ế đương đó là trong hang dưới đất có con nhện, giăng tơ, lưới nhện. Ở trong hang dưới đất thường đóng cửa, cho nên gọi là ế đương, sau lưng có chiếu sáng mà ở thì tối tăm u ám, không có ánh sáng, vua La-sát chết vì tham ăn nhiều chúng đoạn tuệ mạng cho nên gọi là giác ế đương. Công thêm lang sói trong lòng nhiều tham dục, cho nên gọi làthấy lang sói biết phía trước nguy hiểm mất mạng, biết xúc tham tình đuổi theo không ngơi nghỉ, nên phải giữ gìn giới cấm là vậy.

Hoảng yên âm vu vãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hoảng là tâm thần không an, mất tâm trí, chữ viết từ bộ tâm thanh huynh.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 5

Nhiếp long, âm chiêm thiệp. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nhiếp giống như là phục, nhiếp phục, kinh sợ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh nhiếp âm nhiếp ngược lại âm ni triếp.

Lục lục âm lung cốc. Bì Thương cho rằng: Lục lục giống như nhiều đá vụn, tức là bận rộn, tất bật. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh lộc.

Chiêu nhiên ngược lại âm đình liễu. Sách Khảo Thanh nói: Chiêu là xa xôi. Văn Tự Điển nói: chữ viết từ bộ xước thanh chiêu. Bổn Tập viết từ bộ thảo viết thành chữ chiêu là sai.

Hòa thượng âm hạo cao. Trang Tử cùng với Tuệ Tử đi dạo trên cầu Hạo Lương. Cố Dã Vương nói: Hạo là tên dòng sông. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hào, ở quận Chung Ly.

Nghiểm duẫn âm trên hiếp kiểm, âm dưới duật duẫn. Sách Khảo Thanh cho rằng: Thời Đường, Ngô gọi là bộ tộc Huân Duẫn ở phía Bắc.

Chúc Châu gọi bộ tộc Hiểm Duẫn. Thời nhà Hán gọi là Hung Nô, đều là hung ác, giống như loài mãnh thú dữ dằn. Văn Tự Điển nói: Tên gọi bộ tộc Bắc Địch, chữ viết đều từ bộ khuyển đều thanh hiểm duẫn, chữ hiểm hoặc từ bộ nghiêm viết thành chữ nghiểm, âm huân là âm huân, âm chúc là âm dung chúc.

Tiêm điển, âm tiếp liêm. Mao Thi Truyện cho rằng: Tiêm là giết hết, diệt sạch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạt thanh tiêm, âm ngạc ngược lại âm ngũ, âm tiêm ngược lại âm tức liêm Bổn Tập viết chữ tiêm tục tự thường dùng.

Huyên du âm trên huyên nguyệ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Huyên gọi là cây rui nhà. Còn gọi là cây lữ có thể nấu nước uống được. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh hoãn.

Hy kiểm âm sắc tri tên người.

Nhu hoãn, âm trên nô cao, âm dưới việt nguyên. Mao Thi Truyện nói: Nhu cũng là hoãn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hoãn giống như con khỉ, mà to lớn hơn, cánh tay nó dài lại tiện nắm bắt. Sách Thuyết Văn đều từ bộ khuyển đều thanh nhu hoãn.

Vi cáp âm cam hạp. Sách Lễ Ký cho rằng: Mùa thu nước dâng lên, là có con sò. Sách Thuyết Văn cho rằng: Con sò có ba loại đều sanh trong biển lớn, con sò trong biển đó, một trăm năm biến thành con chim yến, chỗ hóa thân. Lại cũng gọi là con hàu, khi quá già lông cánh mọc chỗ hóa thân như vậy. Con hàu có một ngàn biến làm con chim thi, cũng từ chỗ hóa thân, chữ viết từ bộ trùng thanh lạp. Bổn Tập cho rằng: Con chim trỉ hóa làm con sò, dùng lý, dùng sự là sai vậy.

Vi thần, ngược lại âm thần nhẫn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thần là con sò lớn. Sách Đại Đới Lễ nói: Mùa hạ chính là chim trỉ nhỏ, vào trong biển là con sò. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh thần. Bổn Tập cho rằng: Con chim yến đi vào trong biển lớn là sai.

Mô nhi ngược lại âm mộc hồ. Theo Thanh Loại cho rằng: Mô là khuôn phép, phép tắc. Bì Thương cho rằng: Giống như là nắm giữ đè xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mực thước, quy củ, chữ viết từ bộ thủ thanh mạc hoặc là viết chữ mô.

Hình tháo, âm tao đáo. Sách Ích Pháp cho rằng: tốt đẹp. Biến động dân gọi là thao; Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh thao âm thao ngược lại âm tao đáo. Bổn Tập viết chữ thao tục tự thường hay dùng.

Khát sở âm khô đối. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Khác là tham. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Khác là tham muốn, ưa

thích, mến chuộng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm. Thanh thanh hạt âm hạt ngược lại âm hàn cát, âm tiện ngược lại âm hàn cát, âm tiện ngược lại âm diên chiến.

Biến mẩu âm bổ điền âm dưới mạc hậu. Sách Trang Tử nói rằng: Biền là ngón tay trỏ. Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ mã thanh biền, chữ mẩu từ bộ thủ thanh vô

Trù trương âm trửu lưu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: trù trương ;à nói: cuồng ngông, nói: láo, nói: dối, không có tướng khinh khi, hoặc là huyễn hóa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh trù. Bổn Tập viết từ bộ xa viết thành chữ trù. Trù này là xe đi xa, chẳng phải nghĩa này âm huyễn là âm hoạn.

Nhung mạch ngược lại âm manh bách. Sách Chu Lễ nói: Người ở bộ tộc làm thợ dệt. Trịnh Chúng chú giải rằng: ở phương Bắc gọi là mạch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trỉ thanh bách. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoặc là viết chữ mạch này. Bổn Tập viết chữ âm bách chẳng phải nghĩa này.

Cấp nhiên âm tô hạn Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Cấp cấp là mau chóng, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh cập.

Kiêu trậm âm trên hiểu kiêu sách Thuyết Văn giải thích là con chim bất hiếu đến mùa hè bắt lấy cắt đầu treo trên cây, âm trách ngược lại âm trúc ách bộ mộc trong bộ điểu âm dưới trầm cấm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chậm là chim có bộ lông rất độc lấy lông chim vẽ vào rượu uống là chết liền. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh chậm âm chậm ngược lại âm dư chậm (912)

Đạo quái âm công ngoại Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Quái là ở Huyện Vinh Dương Mật phía Đông Bắc có nước gọi là quái. Thuộc bộ tộc ác người. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh quái

Phẩu kích âm lung cấu Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Phẩu là cây gậy lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh phẩu âm phẩu ngược lại âm thổ khẩu.

Quyệt quái ngược lại âm quyến luyệt Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện rằng: Quyệt là can gián, một cách xảo trá, ca nịnh dựa vào sự chống trái không nói: thẳng, sách Thuyết Văn lừa dối khinh khi trời đất gọi là quyệt. Chữ viết từ bộ ngôn thanh quyết âm quyết ngược lại âm duy quyết.

Tối nhĩ âm thôi nội Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tối là nhỏ bé. Sách Thuyết Văn: Nhỏ bé chữ viết từ bộ thảo thanh tối âm tối ngược

lại âm tử hội Bổn tập viết từ bộ thủ viết thành chữ tối âm trắc lưu gọi là cọng cỏ ma, cọng dây gai, chẳng phải nghĩa của bổn tập.

Ác súc âm trên ư giác âm trên thông tróc Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là người ngu muội hẹp hòi. Sách Khảo Thanh cho rằng: áo nhỏ hẹp. Xưa nay chánh tự cho rằng: chữ ác từ bộ nhân thanh ác sách Khảo Thanh hoặc là viết chữ ác Bổn tập viết từ bộ xỉ viết thành chữ ác tự thư không có chữ này. Văn Tự Điển nói: ác là cấp bách, hối thúc từ bộ xĩ thanh túc hoặc là viết chữ súc.

Địch đê âm định hề sách Lễ Ký nói: người ở năm phương hướng tới nên ngôn ngữ không thông, ưa thích không đồng. Đạt tới ham muốn này, phương Tây gọi là địch đê. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cách thanh thị.

Nạp chí ngược lại âm chỉ nhị Văn Tự Điển nói: Chí là lễ vật đưa đến lúc lần đầu gặp mặt, chữ viết từ bộ bối thanh chấp Bổn tập viết chữ chí tục dùng thông dụng.

Khiếm phục âm kiêm điếm Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiếm là hận không đầy đủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Không no, chữ viết từ bộ khiếm thanh kiệ Bổn tập viết từ bộ khẩu viết thành chữ khiêm gọi là ngậm thức ăn trong miệng, chẳng phải nghĩa này.

Thu tiển âm tức tiện xem trước quyển thứ tư đã giải thích đầy đủ rồi.

Mê noãn âm mê Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Mê là con nai con. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lộc thanh nhĩ âm nhĩ là âm di chỉ âm mê ngược lại âm mỹ bi

Bất liệu âm lực chiếu Mao Thi Truyện cho rằng: Đốt lửa đồng ruộng làm cháy lan. Sách Thuyết Văn cho rằng: phóng hỏa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh liệu âm liệu đồng với âm trên. Bổn tập viết chữ liệu tục tự thường hay dùng.

Hàm vinh âm vinh mạng sách Thuyết Văn cho rằng: nồng rượu, uống rượu nồng lên mau say. Chữ viết từ bộ dậu bộ vinh thanh tĩnh âm cú ân vu cú hoặc là viết từ bộ hung âm viết thành chữ hú

Khuê khô âm trên khuyết khuê Quảng Nhã cho rằng: Khuê là người duyên giết mổ sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh khuê âm khoa ngược lại âm khuê qua.

Thông khái ngược lại âm ngư cái cùng với chữ ngại đều đồng. Hoặc có từ bộ cai viết thành chữ ngại đó là chẳng phải.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 6

Ty đồ ngược lại âm đồ di Cố Dã Vương cho rằng: Ty đó gọi là người hạ tiện lao dịch chẽ cũi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiêm thanh ty hoặc là viết từ bộ nhân viết thành chữ ty âm nghiểm là âm nghiêm

Đệ lương âm trên đồ hề Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Giống như là là lúa mà mọc lan dưới đất. Cỏ dại mọc um tùm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh đệ âm đệ ngược lại âm thể kè Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: loại bông cỏ hoặc là viết chữ tiết.

Thích Phật kinh quyển thứ năm.

Hữu khích âm hương nghịch Cố Dã Vương cho rằng: Có oán cừu ác cảm với nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ bộ khích cũng là thanh. Bổn tập viết chữ hy đời tân phong cho đất ấp chẳng phải nghĩa khích.

Vương quy ngược lại âm khuy quỹ tên của đạo sĩ.

Vương bảo nhân ngược lại âm bổ đạo hoặc là viết bảo địa danh ở Giao Đông.

Phục ly ngược lại âm lý tri

Danh đảo ngược lại âm đào đáo Thời Nhà Ngụy Tên Thế Tổ

Dực kiềm ngược lại âm kiện ngôn cũng tên người.

Ái cầu âm cự lưu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cầu là mời thỉnh nhiều lần. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lấy tiền của đút lót để tránh tội. Lấy tiền của đút lót cảm tạ chữ viết từ bộ bối thanh cầu.

Mỵ lam ngược lại âm cô ngủ

Hãn thành âm hàn đán Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngăn phòng phòng ngự. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh hãn hoặc là viết chữ hãn

Phi thực âm phù vĩ Mã Dung chú giải sách Luận Ngữ rằng: Phi là cọng cỏ mỏng manh, yếu ớt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh phi.

Tử huân âm ũy vân hậu chu tên Hoàng Đế

Khô trước âm trang lược Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trước là chém, Quảng Nhã cho rằng: Đoạn lìa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đạo bộ tích thanh tĩnh

Vận tuấn âm thất luân tên người.

Huân du âm trên huấn vân âm dưới dậu dui Sách Thuyết Văn nói:

huân là cỏ thơm. Du là cỏ hôi đều từ bộ thảo đều thanh huân du viết đúng từ bộ triệt viết thành chữ huân

Ương chưởng âm trên ương ngưỡng. Mao Thi Truyện cho rằng: Ương giống như dây da. Chưởng giống như roi quất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cách thanh ương Bổn tập viết từ bộ nhựt viết thành chữ ương âm ư lang gọi là ánh mặt trời lờ mờ không sáng tỏ chẳng phải nghĩa chữ ương

Vương hoằng âm hoằng tên người

Cang tức âm băng bức Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tức là bướng bĩnh rất ngang ngạnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh phục âm phục là âm phục

Đảo di ngược lại âm đao lão Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đảo di trong biển Nam Hải ở Dương Châu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh điểu.

Viết đê âm đinh hề Hán Thư nói rằng: Có vàng trong đá gọi là đê.

Không đồng Âm độc công sách Nhĩ Nhã nói: Bắc Đới, Bắc Cực có núi tên không đồng xưa nay chánh tự viết từ bộ sơn thanh đồng.

Biên ải âm tiên miện Quảng Nhã nói: biên là hẹp. Sách Sở Từ Trí Tiển Nói: biện là có thể, sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh biện bổn tập viết từ bộ khuyển viết thành chữ biện là sai.

Nỗ đắc để âm trên nộ đô âm dưới chi nhĩ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Gọi là đá nhuyễn để mài dao. Nổ đá dùng làm nũi tên, đầu nhọn có sơn màu đỏ. Văn Tự Điển nói: Đều từ bộ thạch đều thanh để nô âm thị là âm thị bổn tập viết chữ để tục dùng thông dụng.

Chấp chí ngược lại âm châm nhập Bổn tập viết chữ chấp là sai.

Ngô nguyện âm nguyên quyến tên người.

Đê hà âm trên để lễ Quảng Thất cho rằng: để là hủy nhục. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn trách mắng gọi là trách móc lẫn nhau. Sách Thuyết Văn nói: Đê cũng là trách mắng. Đều từ bộ để đều thanh khả âm để cùng với âm trên đồng bổn tập viết chữ hổ tục dùng thông dụng.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 7

Hội thuẫn ngược lại âm thần chuẩn sách Thuyết Văn giải thích thuẫn là chỗ chống đỡ che thân và mắt. Chữ tượng hình.

Ấp ương ngược lại âm âm cấp sách Khảo Khanh cho rằng: Ấp là hận. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ấp gọi là không thư thả, thoải mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: Không an. Chữ viết từ bộ tâm thanh ấp âm dưới ương ngưỡng Quảng Nhã cho rằng: ương là cưỡng lại, bực bội. Sách Thuyết Văn cho rằng: Không phục tùng, chữ viết từ bộ tâm thanh ương âm đối ngược lại âm đại nội đối là oán hận.

Tiễn thực ngược lại âm tiền tiễn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tiễn giống như nhiều lần. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh tồn

Đế giáp âm trên đê đế Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đế là áo lớn mặc làm lễ cúng tế. Âm dưới hàm giáp Bạch Hổ Thông cho rằng: Ba năm một giáp năm năm một đế. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ y đều thanh đế hạp

Chước tế âm dương chước sách Nhĩ Thất cho rằng: Cúng tế mùa hạ gọi là chước Trịnh Huyền chú giải rằng: Gọi là rau tươi có thể nấu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh chước Bổn tập viết từ bộ hòa viết thành chữ chước là chẳng phải.

Thiêu nhiên âm thúc tiểu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thiêu gọi là trong lòng biến động. Văn Tự Điển nói: Thiếu nhiên là không vui. Chữ viết từ bộ tâm thanh thu.

Y bát âm bát.

Sài vũ âm trên là sài sách Thuyết Văn nói: Thuộc loại sói chữ viết từ bộ trĩ thanh tài Bổ tập viết từ bộ khuyển viết thành chữ phụ là chẳng phải âm dưới là vũ bổn là chữ hổ nay viết chữ vũ đó là trách đi húy miếu.

Trương thĩ âm thi để sách Thuyết Văn cho rằng: Buông dây cung. Chữ viết từ bộ cung.

Phạm trấn âm ni lân tên người.

Lịch đế vương âm linh đích sách Thuyết Văn cho rằng: Lịch là giẫm lên cán nghiền nát. Chữ viết từ bộ xa thanh lạc.

Quải an âm trên oa họa hoặc là viết từ bộ mịch viết thành chữ quải âm dưới phù xiên hoặc là viết từ bộ câm viết thành chữ phiên.

Kích thác âm thang lạc Trịnh Dĩ chú giải sách Chu Lễ rằng: Thác gọi là ngăn ngừa ban đêm có chỗ đánh gõ. Sách Chu Dịch cho rằng: Đánh

gõ nhiều lớp cửa. Chờ đợi bạo khách. Tức kẻ trộm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh thác Bổn tập viết chữ trách cũng thông dụng.

Côn trùng âm trên cớt hơn âm dưới trực trung sách Thuyết Văn cho rằng: Tên gọi chung loài côn trùng. Chữ viết từ hai bộ tùng.

Chung lũ âm cú nhủ sách Nhĩ Nhã nói: Lũ là nghèo. Sách Thuyết Văn viết từ miên thanh lũ âm miên là âm miên.

Vong khiêu âm cư lược Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam rằng: Khiêu là giày dép cỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lý thanh kiều.

Đàn sanh âm đa hàn Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đàn là hết tận. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngạc thanh đàn âm ngạc âm ngũ viễn Bổn tập viết chữ đàn này tục dùng thông dụng.

Cảo kiết âm trên cao lão âm dưới gian bát Ứng Thiệu chú giải Hán Thư rằng: kiết gọi gốc rơm rạ cũng gọi là cảo rơm rạ gặt hái xong còn lại gốc rơm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh cảo Bõ đi võ lúa còn lại hạt gạo để cúng tế trời, gọi là kiết chữ viết đều từ bộ hòa đều thanh cao kiết chữ kiết từ bộ giai viết thành chữ kiết.

Hà sát âm gia ca Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hà giống như phiền muộn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh khả.

(913) Háo loạn âm trên là hào xem trước đã giải thích rồi.

Nô tàn âm thang lãng sách Thuyết Văn kho chứa cất vàng bạt vải vóc. Chữ viết từ bộ cân thanh nô âm dưới tạc lãng.

Kiêm khoáng âm trên giáp hiềm âm dưới khô hoạc sách Thuyết Văn nói: Kiêm là lụa dày mà thưa, khoáng lụa mịn. Chữ viết đều từ bộ mịch đều thanh kiêm quảng.

Dương để âm trên dương hướng hiệu của Túy Đế. Sách Ích Pháp nói: Nghịch thiên, ngược nhân gọi là dương.

Uyển luyến âm trên uyển viển âm dưới loan quyến Mao Thi Truyện nói: Uyển luyến là kém xinh đẹp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh uyển luyến hoặc viết chữ luyến.

Quan lũ âm trên quản hoàn Bạch Hổ Thông cho rằng: Tên gọi chung của Quan văn biện miển. Âm dưới câu vu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Thuộc giày cỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lý thanh lũ.

Trưng khắc âm hằng đức sách Thuyết Văn khắc gọi có tội trước pháp luật khắc dấu vào. Chữ viết từ bộ đao thanh khắc từ bộ lực viết thành chữ khắc là sai.

Tu hạch âm hoành cách xem trước quyển thứ nhứt đã giải thích rồi.

Tiếp tuần âm tiềm diệp Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng:

Thấm ướt đẫm gọi là tiếp Văn Tự Điển nói: Từ bộ thủy thanh giáp.

Tú vũ âm vu củ

Tiết trách âm sĩ trách đều tên người.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 8

Sô âm trắc ngưu Quảng Nhã nói: Quan coi ngựa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh sô âm sô âm trắc vu.

Ải cao ngược lại âm y tặng Đỗ Dự chú giải Tả Truyện: Ải gọi là tự vẫn, dùng dây thắt cổ chết. Chữ viết từ bộ mịch thanh ải.

Siểm hầu ngược lại âm siểm nghiệm Trịnh Chúng chú giải sách Lễ Ký rằng: Gọi là trộm nhìn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Siểm là dòm ngó, hầu hạ chữ viết từ bộ kiến thanh diêm.

Lẫm lệ âm lâm thậm Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lẫm là lo sợ nguy hiểm. Xưa nay chánh tự viết từ bộ tâm thanh lẫm âm lâm ngược lại âm duật cẩm.

Tuần tuần âm tuần Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Có thứ tự trước sau. Hoặc là viết chữ tuần.

Vĩ vĩ ngược lại âm bàng phi sách Khảo Khanh cho rằng: Vĩ vĩ là tốt đẹp. Bổn tập viết chữ vĩ trục tư thường dùng.

Hà dị âm di lợi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dị là đã thối lui. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tĩnh thanh dĩ chữ chánh thể. Bổn tập viết chữ dị tục tự thường dùng. Âm cũng ngược lại âm câu dõng.

Thai xác âm khô giác sách Khảo Khanh cho rằng: Võ trừng trống không.

Lạc linh âm trên lan các âm dưới lịch đinh sách Sở Từ cho rằng: Giống nấm mọc trong rừng mang đen như phân lợn, chỉ có thảo mọc. Sách Khảo Khanh cho rằng: Lịnh gọi là cá cỏ rụng. Sách Thuyết Văn nói: Cỏ gọi là linh mộc gọi là lạc hoặc là viết chữ linh.

Quỳnh kỳ âm hỏa sính sách Thuyết Văn cho rằng: Xa xôi. Chữ nghĩa trước đã giải thích rồi.

Độc phù âm triếp phu Mao Thi Truyện nói: Phù là con le le (tức vịt trời) thủy điểu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh phù âm phù là thu.

Thác dược âm trên thang lạc âm dưới dương chước Ngự Chú Lão Kinh nói: thác giống như cái túi. Dược là ống tiêu. Sách Thuyết Văn nói: chữ thác từ thác thanh thạch chữ dược từ bộ trúc thanh dược âm bị ngược lại bài mại âm tốn âm bộ bổn.

Lý thương âm khổ hướng.

Hiểm hy ngược lại âm hỹ nghi Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hiểm hy giống như nguy hiểm. Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ sơn thanh hy Bổn tập viết chữ hy là sai.

Đại xuân âm truất luân Trang Tử nói: Cây đại xuân là tám trăm năm là một mùa xuân, tám trăm năm là một mùa thu. Xưa nay chánh tự viết từ bộ mộc thanh xuân.

Vũ âm thức nhuế sách Thuyết Văn: Nhuyến gọi là rắn mối, con ve chờ lột vỏ, lột da. Chữ viết từ bộ trùng thanh thuế.

Ban dũng âm dung chủng Tây Vức Truyện nói: Thời hậu Hán Vua An Đế Tây Vực làm phản loạn kéo dài nhiều năm. Trong đó ban dũng làm trưởng sử Tây Vực. Thảo định các nước Bổn tập viết từ bộ khuyển viết thành chữ dũng đó là sai.

Tổng luận âm tái tài Quảng Nhã cho rằng: tổng là động. Tự Thư cho rằng: Chấn an. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh tổng Bổn tập viết chữ tổng tục tự thường dùng.

Tiến chỉ âm nghi lý Mao Thi Truyện cho rằng: Phúc. Tả Truyện nói: lộc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thị thanh chỉ.

Cụ tì âm tự tư theo chữ cụ tì là tên núi. Ở huyện Dương dịch là âm địch là âm trạch.

Vu hích âm hình kích sách Thuyết Văn nói: Có thể bàn việc với thần linh. Người nam gọi là hích ở với người nữ gọi là vu chữ viết từ bộ vu thanh kiến.

Quang quang âm cô hoàng Văn Tự Điển nói: quang quang là nước chảy xiếc, chảy cuồn cuộn, chữ viết từ bộ thủy thanh quan.

Bộ trật âm trần lật hoặc là viết chữ trật xưa nay chữ trật Bổn tập viết chữ trật là sai.

Cơn nghi âm trên cốt hồn sách Thuyết Văn tên gọi chung loài côn trùng. Viết đúng chữ côn âm dưới nghi ỹ hoặc là viết chữ khỉ viết thành chữ khỉ.

Tước huỳnh âm trên tương dược trước quyển thư tư đã giải thích xong rồi. Ngược lại âm hồi vinh sách Nhĩ Thất cho rằng: Huỳnh là đóm lửa, tức con đom đóm chiếu sáng. Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ trùng tóm lược thanh quỳnh.

Vị húc âm vu ngọc Mao Thi Truyện nói: Húc gọi là mặt trời mới mọc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhựt thanh cửu.

Doanh bác âm diệc thành theo chữ doanh bác đó là địa danh. Ở nước Triệu. Bổn tập viết chữ doanh tục tự thường hay dùng.

Thiểu nhiên âm thúc tiểu xem trước quyển thứ 7 đã giải thích rồi.

Ký dục âm cơ nghị sách Thuyết Văn: Ký là mong mỏi, trông ngống chữ viết từ bộ kiến thanh ký.

Các các âm lang các Lão Kinh nói: Các các giống như đá vậy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh các.

Tín hải âm cải ai sách Khảo Thanh nói: Hải là kỳ lạ. Gọi là việc của nước kỳ lạ khác thường. Sách Thuyết Văn nói: Người rất kỳ lạ. Chữ viết từ bộ nhân thanh cai.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP QUYỂN 9

Ưng chiên âm trên ức lịnh hoặc là viết chữ ưng âm dưới chiết nhiên Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chiên là thuộc diều hâu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh chiên âm chiên là âm thu.

Manh ba âm phổ giá Quảng Nhã nói: Ba là khăn lau. Sách Thuyết Văn nói: Cũng là khăn lau chữ viết từ bộ cân thanh ba.

Khô mạng âm khổ cô Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khô giống như là người đồ tể giết hại mổ xẻ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh khoa âm khoa ngược lại âm khưu vu.

Cách lệ âm trên bình ách sách Thuyết Văn nói: Cách là ngăn che chướng ngại. Chữ viết từ bộ phụ thanh cách sách Khảo Thanh cho rằng: Viết đúng là chữ cách.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP QUYỂN 10

Phốc tán âm phổ giác Vương Dặc chú giải Lão Kinh cho rằng: Phốc là chân thật, chất phác. Hoặc là viết từ bộ bốc viết thành chữ phốc

Bổn tập viết chữ tán tục dùng thông dụng.

Bí trách âm từ cách Lưu Hiến chú giải sách Chu Dịch rằng: Trách đó là thâm thuyết, rất mực sâu thẳm. Sách Thuyết Văn: Viết từ bộ di thanh trách.

Bối lũ âm bổ hậu âm dưới lâu cú Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bồi lũ là đóng đất nhỏ. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thổ đều thanh phẩu lũ âm phẩu âm thổ cẩu.

Long quật âm quần vật sách Thuyết Văn giải thích núi cao mà ngắn chữ viết từ bộ sơn thanh quật hoặc là viết chữ quật.

Trách lịch âm trên thanh trách âm dưới linh đích Cố Dã Vương nói: Trách Lịch gọi đất dốc. Quảng Nhã cho rằng: Trách gọi là nước cạn thấy đá. Sách Thuyết Văn cho rằng: lịch là đá nhỏ. Chữ viết từ bộ thạch đều thanh trách lạc âm để là âm đệ Bổn tập viết chữ lịch gọi là tiếng đá va vào nhau, chẳng phải nghĩa này.

Bột giải âm trên bổ một âm dưới giai mại sách Thuyết Văn nói: Bột giải là tên Biển Đông. Chữ viết đều từ bộ thủy đều thanh bột giải

Hoằng trứng âm ô hoằng Quảng Nhã cho rằng: Hoằng là nước sâu. Sách Thuyết Văn nói: Ao nước to lớn mà sâu. Chữ viết từ bộ thủy thanh.

Lý tập ngược lại âm tầm lập Cố Dã Vương nói: Thói quen gọi là tích tập hoặc là viết chữ tập đều thông dụng.

Manh tục âm mạch canh Lưu Hy chú giải sách Mạnh Tử rằng: Vùng đất nơi biên giới xa. Gọi là mạnh sách Thuyết Văn nói: Người dân không hiểu biết như người mù. Chữ viết từ bộ vong thanh dân bổn tập viết chữ manh tục dùng thông dụng.

Cữ thố âm thô lộ Trịnh Chúng chú giải sách Lễ Ký rằng: Thố giống như thí cho. Hoặc là viết từ bộ thủ viết thành chữ thố lại viết chữ thố.

Nại tữu ngược lại âm nãi đại Cố Dã Vương nói: Nại là cơ thể nhẫn nại, chờ đợi, chịu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhi thanh thốn.

Phú sào âm sừ giao Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn giải thích chim khách làm tổ. Sách Thuyết Văn: Chim làm tổ trên cây. Chữ viết từ bộ mộc tượng hình. Bổn tập viết từ bộ thủ viết thành chữ sào ngược lại âm trách giao chẳng phải nghĩa tổ chim. Chữ đúng thể là chữ sào.

Nhương tai âm nhược dương sách Phương Ngôn nói: Trừ bỏ, chữ viết từ bộ thủ thanh nhương Bổn tập viết từ bộ hòa viết thành chữ nhương là sai vậy.

Mộ lạn âm lân nhẫn họ người theo thời Lục Quốc. Tướng Nước

Triệu Hà Lan Tương Như Trước Nhà Hán, Tư Mã Trường Hương. Có mộ lạn người có chí đức. Cho nên cũng tên Thương Như.

Quan phục ngược lại âm hoạt ngoan Quách Phác chú giải Nhĩ Thất rằng: Quan gọi là càng dể dàng hơn. Sách Phương Ngôn gọi: Là chuyển từ từ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh quan

Hào càng âm hiệu giao Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn nói rằng: Phàm chẳng thóc mà ăn được gọi là hào tức là thịt băm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh hào Bổn tập viết chữ hào tục tự thường dùng.

Tri mãn âm chỉ di Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tri là bình đựng rượu. Sách Thuyết Văn nói: Bình chứa rượu. Chỗ gọi là rót ra để uống. Giống như hình người bộ ma trong bộ hán. Âm dưới là hoàn âm hoàn là âm hoàn.

Mê noãn âm mể kê xem trước quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ rồi. Sách Khảo Thanh hoặc là viết chữ mể.

Cận xưng âm cần cân xem trước quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Khí quý âm quý quí sách Thuyết Văn nói: Tâm kinh động, giựt mình kinh sợ từ bộ tâm thanh quý hoặc cũng viết chữ quý.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 11

Mặc địch ngược lại âm đình đích tên người.

Vũ đực âm dư thức sách Thuyết Văn nói: Đực là cất cánh bay. Chữ viết từ bộ vũ thanh lập hoặc là viết chữ vực

Hầu thị âm cẩu hầu tên huyện ở Hà Nam.

Tác dung âm tàng tác họ người.

Trĩ lập âm trì lý Quảng Nhã nói: Trĩ là dừng lại. Hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ chỉ.

Oa ca âm ư oa Thiên Thương Hiệt nói: Oa là ca hát, ngâm vịnh. Hoặc viết từ bộ khiếm viết thành chữ oa âm âu âm ô hầu.

Bao hy âm trên bao mao âm dưới hy Thuyết Văn Đình Truyện nói: Bao là vua Hy Thị trong thiên hạ, tức là Vua thứ ba. Bao từ bộ nghiểm thanh bao hy từ bộ hề thanh nghị hoặc là viết chữ hy.

Thâm độc âm trên sở cẩm âm dưới đồng lộc Lục Cơ Hán Tổ Công Thần Công Truyện nói: Vũ trụ mời mịt mênh mong trên có thâm dưới là độc Lý Thiện chú giải rằng: Nói: thường loạn. Thâm gọi là không

trong sạch, đọc là khinh nhờn, tiết giống như kêu mạng khinh khi, âm tiết âm dư liệt.

Ba chấn âm chân nhẫn Bổn Tập viết từ bộ thần viết thành chữ chấn là sai.

Thức lữ âm thăng lực Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Người hiền tỏ lòng cung kính khoan dung, tàn nhẫn, bất nghĩa, chỗ biếm xuống thôi lui là vũ vương thức. Lưu Hạng lấy lễ mà chiêu đãi người hiền. Sách Khảo thanh nói: Họ viên, sách Thuyết Văn viết từ bộ công thanh dực bộ Tập viết chữ thức gọi là cây đòn ngang trước xe, chẳng phải nghĩa này.

Quái thị âm hồ quái Văn Tự Điển nói: Quái là buộc treo lên, từ bộ mịch thanh quái.

Tư phó âm phó Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Phó là đến, hoặc là viết chữ phó lại cũng viết chữ phó cũng viết chữ phó đều thông dụng.

Bàn tuyền ngược lại âm bạt mạn địa danh. Sách Điềm Địa Chí nói: và Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bàn Tuyền huyện Quảng Ninh Trác. Hoặc là chữ bàn Tự Thư không định, không thẩm chấp vậy.

Chước đại âm dương nhược Cố Dã Vương nói: Chước tức là buộc mũi tên vào cây cung bắn đi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịnh thanh kích âm chước ngược lại âm dương chước.

Hung thủy âm hung khũng Cố Dã Vương nói: Hung là sóng nước ầm ầm, chữ viết từ bộ thủy thanh hung.

Hôn điếm âm điểm niệm chú giải, sách Thượng Thư rằng: Điếm là chìm đắm, sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh chấp Bổn Tập viết chữ điểm dùng thông dụng.

Thái kỹ âm khi kỹ Mao Thi Truyện nói: Nói: lời nhẹ nhàng như lựa chọn, nhặt rau cỏ. Lại gọi là văn chương, thái hoặc là viết chữ thái Bổn Tập viết từ bộ tỵ viết thành chữ khỉ chữ sai.

Khiên vị âm khiết kiên khiên là chỗ dòng nước đổ vào đầm, xuất phát từ huyện Khiên, Tây bắc chảy vào sông Vị chữ viết từ bộ thủy thanh nghiên Bổn Tập viết chữ khiêm tục dùng thông dụng.

Trạc toán âm sĩ giác Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Tiết hàn lạnh thấm ướt người bắn cung, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh túc.

Đệ y ngược lại âm đệ hề sách Thuyết Văn: Lụa dày chữ viết từ bộ mịch thanh đệ.

Đồng cung âm động đông Khổng An Quốc chú giải sách Thượng

Thư rằng: Đồng là loại cây ép lấy nước an táng, người chết dưới đất, cũng là cây đồng. Bổn Tập viết từ bộ ấp viết thành chữ đồng Tự Thư nói: Không có chữ đồng này.

Vật hoạt âm mân duật.

Bàng bạc âm trên bổ mãn âm dưới bàn bác bàn bạc là đá to lớn rộng.

Xích án âm á nhuận sách Trang Tử nói: Tận cùng phương Bắc có loài chim gọi là đại bàng, cánh nó rũ che cả bầu trời, rẽ mây trên chín vạn dặm. Gọi là xích án, chuyện tức cười trong dân gian. Ta nhảy không quan một thước, dưới cánh chim bay là đà, đây gọi là chim bay đến, mà kia gọi là đích xác, truyện Xuân Thu vận chuyển một đấu. Lại cũng gọi là mấy vì sao bay tản mát là chim án thường kêu vào buổi sáng giống như gà gáy sáng, chữ xích hoặc là viết chữ thiên.

Tỉnh oa ngược lại âm điểu oa sách Thuyết Văn nói: Oa tức là ểnh ương hoặc từ bộ mảnh viết thành chữ oa chữ tương hình, âm mãnh âm manh cảnh.

Bao qua ngược lại âm bao bao Hà án chú giải sách Luận Ngữ rằng: Bao là trái bầu, sách Thuyết Văn viết từ bộ khoa đến bao. Lấy chữ này có thể nói: bao gồm các vật, bao cũng là thanh, âm khô là âm khưu vu.

Cự thuật âm cự ngự trước đã giải thích rồi.

Ngọc diệp ngược lại âm điềm hiếp sách Thuyết Văn nói: diệp tức là thư từ chữ viết từ bộ tĩnh thanh diệp âm diệp đồng với âm trên. Bổ tập viết từ bộ ngôn viết thành chữ diệp Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Điệp là thẻ tre, chẳng phải ngọc diệp.

Tinh vụ ngược lại âm vô phó Cố Dã Vương cho rằng: Vụ là ngựa chạy nhanh, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh vụ âm vụ là âm vũ.

Ung nhân ngược lại âm ung cung Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Ung đó gọi là xắc thịt nấu hầm cho chín, chữ viết từ bộ thực thanh ung.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 12

Vu khuất âm vu vu sách Thuyết Văn nói: Vu cũng là khuất tức là ngoằn ngoèo, quanh co, vòng vèo, chữ viết từ bộ mịch thanh vu.

Đôn sử âm độn côn sách Nhĩ Nhã nói: Đôn hậu, Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: To lớn hoặc là là viết chữ đôn.

Chước tủy ngược lại âm trang lược Quảng Thất cho rằng: Trác là chém chặt, sách Thuyết Văn viết từ bộ cân thanh tích.

Báng tập ngược lại âm phổ hoàng Khổng An Quốc chú giải sách Thương Thư rằng: Bốn phương cầu một bên, sách Thuyết Văn viết từ bộ thượng thanh phương Bổn Tập viết từ bộ nhân viết thành chữ phưỡng vãng gọi là nghĩa phưỡng phất, chẳng phải nghĩa bổn tập, âm Phật ngược lại âm phù vật.

Loa lũ ngược lại âm lực qua Cố Dã Vương nói rằng: Loa lũ giống như là uốn khúc, ngoằn ngoèo, sách Thuyết Văn viết từ bộ kiến thanh loa sách Khảo Thanh nói: Viết đúng chữ loa này âm loa.

Luyến quái âm trên loan miễn Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là xắc thịt làm tương, cắt thịt làm từng miếng, sách Thuyết Văn nói: Cũng cắt thịt thành miếng mỏng, chưc viết từ bộ nhục thanh luyến âm luyến ngược lại âm luyến viên âm thí ngược lại âm trắc kỹ âm dưới cốt ngoại sách Thuyết Văn cho rằng: Băm thịt nhỏ, chữ viết từ bộ nhục thanh hội.

Tử lao âm trên tức lữ Khảo Thanh nói: Tử là rượu ngon, trong sạch Mao Thi Truyện nói: Có rượu ngon cho ta. Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh tư Bổn Tập viết chữ tư sách Khảo Thanh nói: Tức có chữ này, Ngọc Thiên nói: Là không có chữ này, âm dưới lao nhẫn Thế Bổn nói: Hy địch là rượu biến ra năm mùi vị. Tống Trung chú giải rằng: Hy dịch người thời nhà Vũ, sách Thuyết Văn viết từ bộ dậu thanh lao.

Điền dã ngược lại âm dịch giã Mao Thi Truyện nói: Ngoại biên giới gọi là dã Bổn Tập viết chữ dã chữ cổ.

Song truy âm sóc giang sách Thuyết Văn: Hai con chim mái, chữ viết từ bộ chuy bộ hựu nắm cầm, Bổn Tập viết từ bộ phản viết thành chữ song tục dùng thông dụng. Âm dưới tùy túy Mao Thi Truyện nói: Tùy là giống lúa mạ tốt, sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh tụy.

Đàn kỹ ngược lại âm đa an xem trước quyển thứ bảy đã giải thích rồi.

Phanh thằng âm trên bách manh sách Khảo Thanh nói: Phanh nối kết sợi dây. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh biện âm dưới thực dăng Tống Trung Thương Sĩ chú giải. Thế Bổn cho rằng: Thằng là chỗ lấy mực thẳng, mực thước, sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh dăng Bổn Tập viết chữ thằng tục tự thường hay dùng.

Tiên thác ngược lại âm tất miên Cố Dã Vương nói: Tiên là dùng

roi da đánh người tội, sách Thuyết Văn viết từ bộ cách thanh tiện âm dưới nan đạt Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thác là đánh bằng roi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh đạt Bổn Tập viết từ bộ cách viết thành chữ thác là chẳng phải.

Độ toán ngược lại âm toát noãn.

Lang châu âm lãng sách Thuyết Văn nói: quận ba có huyện ở giữa tên lãng theo nay tức là Lãng Châu.

Tửu khuê âm hộ khuê Thiên thương Hiệt nói: Ăn thịt băm nhuyễn, sách Thuyết Văn: Thịt làm tương, hoặc viết từ bộ nhục viết thành chữ khuê.

Càng cư âm cự ngư Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cư là thịt phơi khô. Sách Thuyết Văn nói: Ở phương Bắc gọi là thịt chim, âm tích là âm tích gọi là cư chữ viết từ bộ lận viết thành chữ lận Tự Thư nói: không có chữ này.

Nghiên xú âm khiết kiên Quảng Nhã cho rằng: Nghiên là dáng mạo tốt đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh nghiên âm nghiên là âm kiên.

Tãng cốc âm công lộc sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa thanh xóc âm xác ngược lại âm khổ giác Bổn Tập viết chữ cốc tục dùng thông dụng.

Cư trữ âm cử ngư Quảng Nhã cho rằng: Cư là ngồi một chỗ bán hàng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bối thanh cư.

Kíp-đa âm cự triếp xứ Tây Vực tên tiếng Phạm của vị tăng. Bổn Tập viết chữ kíp là chẳng phải.

Trương bạn âm phổ bán tên người.

Phất tĩnh âm tinh tĩnh sách Lễ Ký cho rằng: Tĩnh giống như quán sát, sách Thuyết Văn viết từ bộ mi bộ tĩnh thanh tĩnh, viết chữ tĩnh văn chữ cổ. Bổn Tập viết từ bộ tâm viết thành chữ tinh Tự Thư nói: Không có chữ này.

Trường hôn ngược lại âm hôn cổn Quảng Nhã cho rằng: Hôn là mê muội ngu si, Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Người không biết gì hết, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hôn.

Nghê hưởng ngược lại âm nghê kích Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nghê là loài thủy điểu. Mạnh Tử nói: Loài chim ác, là nghê là vậy. Lưu Hy chú giải rằng: Nghê gọi là vịt trời, tức con le le, thiên nga, tiếng kêu rất lớn, hoặc là viết chữ nghê âm dưới hương ngưỡng hoặc từ bộ ngôn viết thành chữ hưởng lại viết chữ hưởng viết đúng từ bộ âm viết thành chữ hưởng Bổn Tập viết từ bộ hướng viết thành chữ hưởng

là chẳng phải.

Ương vưu ngược lại âm vưu cứu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Vưu là bệnh, sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh vưu hoặc là viết chữ vưu Bổn Tập viết chữ vưu tục dùng thông dụng.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 98

- Âm Quảng Hoằng Tập Âm quyển trung. Từ quyển thứ mười ba cho đến hết quyển thứ (915) hai mươi ba. Tất cả quyển mười một.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 13

Nhu đẳng âm nhu trửu.

Vân túy âm tình túy sách Chu Dịch nói rằng: Túy đó là tụ hợp lại, sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh túy.

Chủng trinh âm tri doanh Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trinh là tốt lành, sách Thuyết Văn nói: Điềm kiết tường, chữ viết từ bộ thị thanh trinh.

Oa thủy ngược lại âm quả hòa sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của dòng sông.

Huân chúc âm trên hứa vân âm dưới chung chúc sách Khảo Thanh cho rằng: Tên riêng của bọn hung nợ, xem trước đã giải thích rồi.

Thái sử đảm ngược lại âm đức cam tên người.

Nô dữ ký túc âm trên nợ hồ Cố Dã Dương nói: Trong sáu loại ngựa, nô là con ngựa tồi, thấp kém âm dưới ky nghị sách Thuyết Văn nói: Ký là con ngựa chạy ngàn dặm, chữ viết từ bộ mã đều thanh ký nô.

Cam tiệp âm trên cam ám sách Thuyết Văn nói: Màu xanh đậm mà pha màu đỏ vào, thành cam, chữ viết từ bộ mịch thanh cam âm dưới tiềm diệp sách Thuyết Văn nói: Lông mi mắt, hoặc là viết từ bộ hiệp viết thành chữ tiệp Thích Danh viết chữ tiệp.

Mong kỳ trong tập Tào Thực chú giải: Trên mặt của Khổng Tử buông xa xăm. Mong kỳ, kiểm lại các Tự Thư không có chữ này, chưa rõ âm nghĩa.

Đoạn âm Tào Thực chú giải Bổn Truyện rằng: Chu Công giống như đoạn âm Tự Thư nói: cũng không có chữ này.

Mảnh thủ ngược lại âm túc du Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Thú là người con gái đẹp, sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh thủ.

Long liêm tên họ người, chưa rõ âm này.

Cẩu cứ hồ tôn âm cứ là âm cư ngự âm dưới tồn côn sách Thuyết Văn nói: Cứ cũng là tôn tức là ngồi xổm, theo hai chữ hỗ tương với nhau mà giải thích, đều từ bộ túc đều thanh cư tôn.

Kim điếu ngược lại âm điểu liễu Hán Thư giải thích rằng: Lông chồn màu vàng, gần giống như con ve lột xác vỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ trĩ thanh chiêu âm trĩ ngược lại âm trực lý.

Tiều dã âm tật yêu Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tiều là củi, sách Thuyết Văn viết thành bộ mộc thanh tiêu Bổn Tập viết viết từ bộ thảo viết thành chữ tiều là chẳng phải.

Huệ đối âm huề khuê Quảng Nhã giải thích rằng: Huệ là cỏ màu xanh trổ hoa màu tím. Kinh Sơn Hải nói: Núi Thiên Đế có hai loại hoa này, dưới có nhiều hoa huệ. Quách Phác giải thích: Huệ là loài cỏ thơm, Văn Tự Điển nói: Chữ viết từ bộ thảo thanh huệ.

Khái xỉ âm kham hạp sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh hạp âm hạp ngược lại âm hồ lạp từ bộ đại đến bộ đầu bộ mãnh đến bộ khứ viết thành chữ khái đó là sai.

Phất linh ngược lại âm lịch đinh Thiên Thương Hiệt cho rằng: Linh là lắng tai nghe. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhĩ thanh lịnh.

Án lung ngược lại âm ấp kim sách Thuyết Văn nói: Chữ ám là không thể nói: chữ viết từ bộ tật thanh ám.

Vựng khuy âm vân huấn sách Thuyết Văn nói: Vựng gọi là quầng sáng quanh mặt trằng: mặt trời. Sách Thuyết Văn viết từ bộ bộ nhật thanh quân.

Khi quyết âm trên cơ nghi âm dưới quyến nguyệt Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Khỉ quyết là dao điêu khắc, chạm trổ, sách Thuyết Văn nói: Mũi dao cong dùng cho điêu khắc, đều từ bộ đao đều thanh quyết ky hoặc là viết từ bộ quật viết thành chữ quyết.

Tiên ốc âm trên tô điển Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Tức là kim loại có ánh sáng lấp lánh, âm dưới ô cốc Mao Thi Truyện nói: Ốc là vàng mạ bạc, loại bạch kim, đều từ bộ kim đều thanh tiển ốc đồng với âm trên.

Hộ độc âm hồ cổ sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của dòng sông,

kinh Sơn Hải nói rằng: Núi Dương Hư đến sông Huyền Lộ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thủy thanh hộ.

Lan trứu âm lãn đan theo thời nay gọi là lan can hàng rào, Bổn Tập viết từ bộ mộc viết thành chữ lan sách Khảo Thanh nói: Lan tên cây, chẳng phải nghĩa này, âm dưới trắc cứu sách Thuyết Văn nói: Trứu là gạch ngói xây giếng chữ viết từ bộ ngõa thanh thu âm bích là âm bình lịch Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Bích gọi là gạch chưa nung.

Cơ cứ âm trên ký nghi âm dưới cư ngự sách Trang Tử nói: Ngồi trên cái mẹt vuông, cái chậu, cái trống Cố Dã Vương nói: Gọi là ngồi kiểu vẽ kiêu ngạo, sách Lễ Ký nói: Không được ngồi trên cái mẹt. Trịnh Huyền nói: Gọi là không cung kính, sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh kỳ Bổn tập viết từ bộ trúc viết thành chữ cơ là chẳng phải.

Biển tức âm trên biến miên âm dưới là phúc sách Thuyết Văn nói: Biển bức tức là con dơi, nằm bằng hai cánh, đều từ bộ trùng đều thanh biển tức.

Cơ nhậm âm nhậm ấm sách Khảo Thanh nói: Cái máy dệt tơ lụa Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dệt sợi thành tơ lụa, dệt vải bố gai, sách Thuyết Văn nói: Sợi chỉ trên cái máy dệt, chữ nhậm hoặc là viết chữ nhậm.

Giảng địa âm giang hạng sách Khảo Thanh cho rằng: Giang gọi là cày ruộng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ lỗi thanh giảng âm lỗi là âm lôi chữ giảng từ bộ ngôn thanh tĩnh.

Thuật tâm âm xuân luật Cố Dã Vương nói: Phục giống như buồn rầu lo lắng, đâu thương, sầu khổ, sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh thuật.

Ly châu âm lý tri sách Trang Tử nói: Phàm hạt châu giá trị ngàn vàng, tức trong chín tầng sâu thẳm nơi miệng con rồng, ngậm trong họng, nếu muốn được hạt châu này, phải đợi con rồng ngũ, nếu như con rồng tỉnh giấc ngũ là không thể được, sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh ly.

Tam tập ngược lại âm tầm lập sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ba núi kề cập bên nhau. Quách Phác nói: Tập cũng là áo nhiều lớp.

Nhu viện âm trên nô đao âm dưới viên Mao Thi Truyện nói rằng: Nhu cũng là viên, thuộc giống khỉ, vượn Quách Phác giải thích kinh Sơn Hải rằng: Giống như loài khỉ, mà cánh tay nó dài tiện việc nắm bắt. Có màu lông vàng và đen, khỉ lông vàng đó tiếng nó kêu rất lớn. Có vẽ áo não sầu khổ, sách Thuyết Văn đều từ bộ khuyển đều thanh nhu viện.

Nghệ dã âm ngư duệ xưa nay Chánh Tự cho rằng: Nghệ là giống cây, trồng cây trồng hoa, chữ viết từ bộ thảo thanh chấp.

Đạo âu âm ô hầu sách Thuyết Văn nói: Âu ca, hát ca hoặc là viết từ bộ ngôn viết thành chữ âu hoặc từ bộ khẩu viết thành chữ âu.

Thềm đăng âm đắc hằng Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Đăng là dụng cụ che mưa. Sử Ký Âm Nghĩa nói rằng: Đăng là cái nón có tay cầm, nay gọi là cây dù, sách Khảo Thanh nói: Bện trúc làm cây dù, sách Thuyết Văn nói: Đăng là cây dù, chữ viết là từ bộ trúc thanh đăng.

Địa phái âm phi phệ sách Quốc Ngữ nói: Lấy đất làm bực thềm đi lên Giã Quỳ giải thích rằng: Mạch máu quan hệ giữa bệnh và nhịp đập của mạch, hoặc là viết chữ phái lại viết chữ phái Bổn Tập viết từ bộ nhục viết thành chữ phái là không có chữ này.

Đố mộc âm đô cố sách Thuyết Văn trong cây có con mọt ăn, từ bộ cân bộ thác thanh tĩnh âm thác âm tha các Đàm Trưởng hoặc viết chữ đố giống như sâu mọt trong cây, chữ tượng hình.

Phân thử âm phù phân Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Con chuột đi trên lưng con trâu. Sách Thuyết Văn nói: trăm lao nhọc chỗ hóa thân từ bộ thử thanh phân.

Tệ chim âm để chiêm sách Nhĩ Nhã cho rằng: Áo che phía trước gọi là chiêm Quách Phác giải thích: Tức nay người ta nói: áo che tới đầu gối. Sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh chiêm.

Chi lục âm long xúc theo chữ lục đó là tên loại sách. Đạo gia tam đồng lục.

Biến tri âm trên thất miên âm dưới tỳ di sách Phương Ngôn nói: Biên cũng là ty Cố Dã Vương nói: Như nay là Biên tướng quân, sách Thuyết Văn nói: Biên từ bộ nhân đến thanh biến ty từ bộ y thanh ty âm biên ngược lại âm biên điển Bổn tập viết từ bộ mịch viết thành chữ biên gọi là dệt xâu các thẻ tre, chẳng phải nghĩa này.

Tuyền ky âm tùy duyên âm kỹ nghi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tuyền là viên ngọc đẹp, ky là ngọc ngang, chính là dụng cụ thiên văn thời xưa. Vận chuyển xoay hướng, sách Thuyết Văn đều viết từ bộ ngọc đều thanh tuyền ky âm tuyền ngược lại âm duyệt tuế Bột tập viết chữ diên Khảo Thanh cho rằng: thuộc đá chẳng phải nghĩa này.

Sàn nhiên âm tử tiên Vi Thiện chú giải sách Sử Ký rằng: Sàn là thận trọng, nhân nghĩa, sách Thuyết Văn cũng nói rằng: Cẩn thận hoặc viết từ ba bộ tử viết thành chữ sàn.

Kình nghị âm trên cực nghinh sách Chu Lễ nói rằng: Kình là một hình phạt ngày xưa, khắc vào mặt lấy mực bôi lên, sách Khảo Thanh nói: Như nay người ta ấn vào, đóng dấu, sách Thuyết Văn nói: Khắc mực lên mặt, từ bộ hắc thanh kinh sách Khảo Thanh hoặc viết chữ kình Bổn tập viết từ bộ đao viết thành chữ lược âm lượng lược giống như đoạt lấy, chẳng phải nghĩa này, âm dưới ngư ký Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nghi gọi là xẻo mũi, sách Thuyết Văn nói: Khoét mũi, hoặc là viết từ bộ nghiệt viết thành chữ nghị âm khiết.

Kiêu túc âm liều yêu Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Kiêu là giơ lên. Bộ tập viết từ bộ mịch viết thành chữ kiêu ngược lại âm ký yêu sách Khảo Thanh cho rằng: Gọi là tơ mịn chưa rõ nghĩa này.

Tư ngạn âm ngôn kiện Tả Truyện nói: Đời Chu có lời nói: được lưu truyền Khảo Thanh nói: Truyện cổ ngữ, truyền lời nói: của ngàn xưa. Sách Thuyết Văn nói: Truyền lời nói:, lưu truyền chữ viết từ bộ ngôn thanh ngạn từ bộ văn thanh hán âm văn là âm văn âm hán là âm hán Bổn tập viết từ bộ khẩu viết thành chữ ngạn là chẳng phải, ngạn từ bộ lập viết thành chữ ngạn tục dùng thông dụng.

Khị vũ âm trên mị bi âm dưới vũ phu kinh Sơn Hải nói: Núi Động Đình có nhiều loại rau này. Quách Phác chú giải rằng: Loại cỏ thơm, giống như con rắn nằm trên giường, lại gọi là sông Ly Giang cỏ này vốn gọi là cung giống mạ nạn. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thảo đều thanh mị vô.

Phẩu ích âm trên phổ khẩu Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phẩu là phá ra, phanh ra, Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phân trong ra là phẩu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phẩu cũng là tích sách Thuyết Văn nói: Tích là phanh ra từ bộ đao thanh phẩu âm phẩu ngượclại âm tjhổ khẩu âm dưới tinh trách Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Phân tích Thanh Loại nói rằng: Tích là mổ xẻ, tách ra, sách Thuyết Văn nói: Phá cây ra, tức bổ cây ra, từ bộ mộc thanh cân hoặc là viết chữ tích.

Đại nạo ngược lại âm nữ giảo Thế Bổn cho rằng: Đại nao là quấy rối, nhiễu loạn. Tống Trung chú giải sách Lã Thị Xuân Thu rằng: Đại nạo là Thái Sư Hoàng Đế.

Ao đường ngược lại âm ô giao sách Trang Tử nói: Nơi thung lũng trũng thấp. Cố Dã Vương nói: Ao là không bằng phẳng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ thổ thanh ao.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 14

Đệ tú âm trên đệ nê âm dưới do tửu trước đã giải thích rồi.

Sãng khải âm khai cải sách Khảo Thanh nói rằng: Sãng khải là nơi đất cao khô ráo. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sãng là sáng sủa, khải là khô ráo. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh khải.

Chẩn tuất âm chân nhẫn Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chẩn là thầm giúp đỡ, kẻ giàu có cứu giúp người khốn khổ, sách Thuyết Văn cũng nói: Người giàu có từ bộ bối thanh thần.

Thẫn cảm ngược lại âm thi nhẫn Mao Thi Truyện cho rằng: Thẫn, huống nữa là, sách Thuyết Văn hoặc viết từ bộ cung viết thành chữ thẫn.

Bát trá ngược lại âm tra trá Quảng Nhã nói: Trá là cúng tế, mùa hạ gọi là cúng tế sạch sẽ, nhà Ân gọi là thêm phúc bình an. Nhà Chu gọi là lạp, lễ cuối năm. Sác Lễ Ký cho rằng: Thiên Tử cúng đại lễ. Đại trá, bát y, đó cứu giúp thần dân nghèo. Ban đầu là trá, một năm mười hai tháng, mà tụ hợp vạn vật để mà nuôi dưỡng, cho ăn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: Bát trá đó đó tác tức sợi dây lớn, tức vúng tế cuối năm, từ bộ thị thanh tích Bổn tập viết trá cũng thông dụng.

Quyệt cuồng âm quyến huyệt Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: quyệt là dối trá. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ quan ải mà đến Đông Tây hoặc gọi là dối trá, là quyệt sách Thuyết Văn nói: quyền biến dối trá. Mạnh Hương cho rằng: lừa dối khinh khi thiên hạ gọi là quyệt, chữ viết từ bộ ngôn thanh duật âm duật ngược lại duật.

Thư chi âm vong dư sách Trang Tử nói: loài khỉ cùng với loài vượn giao nhau. Quảng Nhã cho rằng: thư là loài khỉ, sách Thuyết Văn nói: thư thuộc loài vượn chữ viết từ bộ khuyển thanh thư.

Bề bất âm phi bế sách Nhĩ Nhã cho rằng: phê là phối hợp. Sách Thuyết Văn nói: từ bộ nữ thanh bề. Âm bề ngược lại âm bổ tề Bổn tập viết từ bộ côn viết thành chữ bề chẳng phải.

Đán phi âm đàn đạt Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đăn là mê hoặc Trụ Vương. Trụ Vương tin dùng. Sách Khảo Thanh nói: vợ vua Trụ, chữ viết từ bộ nữ.

Lý sừ ngược lại âm giả chủ Quảng Nhã cho rằng: Sừ là căng ra. Cố Dã Vương cho rằng: Thư thả, sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ thanh lự Bổn tập viết chữ sừ tục tự thường hay dùng.

Bà bà ngược lại âm bổ hà sách Khảo Thanh cho rằng: Bà là bà cụ

tóc trắng phao. Sách Thuyết Văn cho rằng: Người già tóc trắng chữ viết từ bộ bạch thanh bà (916)

Hà điều âm trên hà cố Cố Dã Vương cho rằng: Hà là cõng vác nhận gánh vác trách nhiệm. Âm dưới điều liễu Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Điều là dụng cụ cắt cỏ. Sách Thuyết Văn nói: Đều từ bộ thảo đều thanh hà điều.

Điều đăng âm trên lơi liễu âm dưới đăng rang Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Điều là cây trúc nhỏ, đăng là cây trúc lớn. Trừ ra chỗ có nước còn thì mọc cùng khắp. Sách Thuyết Văn đăng có thể làm gậy. Điều là cây trúc nhỏ có thể làm mũi tên, đều từ bộ trúc đều thanh thúc đăng sách Khảo Thanh cho rằng: điều viết đúng là chữ điều.

Lam di âm xướng lễ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Di là cỏ thơm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Giống như lan. Lại còn gọi là hiêu sách Thuyết Văn nói: Nước Sở gọi là ly. Tấn gọi là hương ngược âm hương yêu âm di là âm di.

Chi khuých ngược âm khuynh dịch Vương Dật chú giải sách Chu Dịch rằng: Khuých gọi là đến nơi tự ẩn giấu thăm sâu vắng vẽ không có người. Bì Thương cho rằng: Yên tĩnh sách Thuyết Văn nói: Từ bộ môn âm khuynh là âm quynh dịch Bổn tập viết từ bộ cụ viết thành chữ khuých là sai.

Mao tường âm tương dương xưa nay chánh tự giải thích tường là người phụ nữ làm quan. Chữ viết từ bộ nữ thanh tường Bổn tập viết chữ tường tục dùng thông dụng. Âm tường đồng với âm trên.

Nhai sài âm trên nhai giải âm dưới sài giới Quảng Nhã cho rằng: Nhai là chia cắt, phân tán, nứt ra. Cố Dã Vương nói rằng: Gọi là phẫn nộ, giận dữ. Sách Sử Ký nói: Gọi oán hận tất phải oán thù. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ mục đều thanh nhai thử Bổn tập viết từ bộ sài viết thành chữ nhai là sai.

Như gian hưởng ngược lại âm gian nhạn sách Nhĩ Nhã nói rằng: Sơn hợp với thủy gọi là gian âm dưới hương lượng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Điềm kiết hung báo trước ứng thành tiếng. Bổn tập viết từ bộ sơn viết thành chữ gian là sai tự thư nói: đều không có chữ này.

Trọng nhĩ âm trắc kỹ sách Nhĩ Nhã nói: Thiêu thùa, may vá. Quách Phác chú giải rằng: Thiêu vào áo. Quảng Nhã nói: Xỏ chỉ may bên trong, nạp chỉ vào. Sách Thuyết Văn nói: Sợi chỉ xâu vào kim thiêu. Hoặc là viết tự bộ trĩ đến bộ trĩ bộ hoa thanh tĩnh âm hoa âm sĩ giác âm

trật là âm dật Bổn tập viết từ bộ nhĩ viết thành chữ nhĩ là viết sai.

Nhứt cù ngược lại âm cục câu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cù là gầy ốm yếu đuối. Quách Phác chú giải rằng: Người nước tề gọi gầy ốm là sưu, sách Thuyết Văn cho rằng: Chỗ thiếu thịt từ bộ nhục thanh cụ âm tích ngược lại âm tình diệc hoặc là viết chữ cụ Bổn tập viết từ bộ tật viết thành chữ cụ là sai

Hoa đà âm đạt hà xưa người tên Thiệu Khải.

Thân ẩu âm trên thất chân Cố Dã Vương nói rằng: Thân đó thẳng ra không có cong lại được. Bì Thương cho rằng: Từ từ khai mở ra chuỗi ra. Quảng Nhã cho rằng: Thẳng ra, âm dưới vu vũ sách Khảo Thanh cho rằng: cong lại. Sách Thuyết Văn đều từ bộ nhân đều thanh thân ẩu bổn tập viết chữ thân cũng thông dụng. từ bộ tật viết thành chữ âu là sai. Điều không có chữ này.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 15

Sĩ long âm trì nhĩ sách Khảo Thanh cho rằng: Cởi áo ra. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Buông thả áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cởi áo từ bộ sĩ thanh sĩ là âm kỳ.

Sĩ hạt âm thúc tể sách Thuyết Văn cho rằng: Sĩ là giày dép; hoặc là viết chữ sĩ hoặc là viết chữ sĩ là giày da. Bổn tập viết từ bộ thảo viết bộ trúc viết thành chữ sĩ đó đều chẳng phải.

Tình quý ngược lại âm quý lý sách Khảo Thanh cho rằng: Trong lòng kinh động. Sách Thuyết Văn nói: Trong lòng run động. Từ bộ tâm thanh quý hoặc từ bộ tật viết thành chữ quý.

Lệ phù ngược lại âm phù vị Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Phù là ánh sáng. Hạo hạo như mặt trời, chiếu sáng.

Úy hữu âm vẫn vật sách Khảo Thanh cho rằng: cây cỏ chằng chịt. Văn Tự Điển nói: xum xuê, từ bộ thảo thanh úy.

Thiên giai âm giới hài Mao Thi Truyện nói: Giai là ở xa nghe tiếng hòa nhạc vọng lạ. Lại gọi là giai giống như tiếng khua leng keng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu cũng là thanh giai.

Trĩ thao âm trên chĩ trĩ cũng viết chữ để trước đã giải thích rồi. Bổn tập viết chữ để tục dùng thông dụng âm dưới thảo táo Cố Dã Vương cho rằng: nắm giữ ý chí bền chắc gọi là tháo sách Thuyết Văn viết từ bộ

thủ thanh táo âm thao ngược lại âm tiên đáo.

Uy nhuy âm trên ủy quy âm dưới nhuy lũy sách Thuyết Văn nói: uy là loài thảo mộc. Hoa là sum xuê, là nhụy của hoa. Chữ viết đều từ bộ thảo thanh uy nhuy âm nhuy ngược lại âm nữ lũy bổn tập viết chữ nhụy Ngọc Thiện nói: không có chữ này.

Mân dao âm trên mật sân Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: mân đá giống như ngọc vậy, hoặc là viết từ bộ mãn Bổn tập viết từ bộ mục viết thành chữ miên là sai. Âm dưới diệu chiếu Mao Thi Truyện nói: dao là ngọc đẹp. Sách Thuyết Văn nói: Đá đẹp. Bổn tập viết từ bộ mật viết thành chữ dao âm trắc giảo sách viết sai.

Phiêu miểu âm trên phiêu miểu sách Thuyết Văn nói: phiêu là tơ lụa màu xanh nhạc. Âm dưới diệu tiểu Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Nhìn xa một bên mắt nhắm lại. Tức là chột mắt. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Miểu là cao. Sách Thuyết Văn nói: chữ viết từ bộ mục thanh thiếu

Bàn vu âm trên bán quan Vương Dật chú giải sách Chu Dich rằng: Bàn là xếp đá trên núi. Thanh Loại cho rằng: Loại lớn sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh bàn âm dưới du vu

Vị trung âm ly chí Mao Thi Truyện cho rằng: Vị là đến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh vị

Ương úy âm a lang tự thư ương là không sáng tỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thựt thanh ương

Hiệt ngoan âm trên hiền kiết âm dưới hàng lăng Thanh Loại giải thích hiệt ngoan là bay lên, bay xuống. Mao Thi Truyện: Bay lên gọi hiệt bay xuống gọi là ngoan ý nói: đối chọi nhau. hiệt hoặc là viết chữ ngoan hoặc là viết chữ ngoan đều thông dụng.

Đầu hãn âm hàn đãn hiệu Bồ-tát.

Tích vẫn âm vân mãn sách Nhĩ Thất cho rằng: Vẫn là rơi rụng xuống. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh vận Bổn tập viết chữ vẩn tục dùng thông dụng.

Cao ngung âm ngộ câu.

Nhứt quý âm đạt quý Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Quí là cái sọt đựng đất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh quý Bổn tập viết từ bộ thảo viết thành chữ quý cũng thông dụng.

Phòng lung âm lộc đông Thiên Thương Hiệt nói: Lung là hàn rào. Quảng Nhã cho rằng: Hàng rào của sổ trong nhà. Sách Thuyết Văn gọi là cửa sổ phòng nhà. Chữ viết từ bộ mộc thanh long Bổn tập viết chữ lung gọi là nhà cao chẳng phải nghĩa này.

Luân tư âm tức dư sách Vận Lược cho rằng: Tư là chìm đắm. Văn Tự Điển nói: Từ bộ thủy thanh tư Bổn tập viết chữ tư tục dùng thông dụng.

Lý nục âm an lục Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Trong lòng cảm thấy xấu hổ gọi là nục sách Thuyết Văn cũng gọi là xấu hổ. Từ bộ tâm thanh nhi

Mậu huyện âm mâu hầu Hán Thư cho rằng: Tên huyện hội khể. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh mậu

Cơ chích âm chinh diệc sách Vận Lược nói: Chích cũng là cơ tức là căn bản, nền móng.

Cao mai âm khô hoại tên người

Phu tải âm phó vu Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký: Phu là mu bàn chân trên, hoặc là viết chữ phụ

Ao cũ âm ô giao sách Khảo Thanh nói: Ao là nắm lôi kéo.

Duy sở ngược lại âm sơ cử Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Người nước Sở gọi đá kê chân cột là sở sách Thuyết Văn viết từ bộ thạch thanh sở âm tuân ngược lại âm tư tuấn lại cũng viết chữ tuân

Phong quý ngược lại âm phụng khách sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của loại rau đá Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Giữa Đời Đông Tống gọi dây bó lan là phong cũng là củ cải. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh phong

Quyết lộ âm quyến luyệt Cố Dã Vương nói: Là dòng nước chảy xiết. Sách Thuyết Văn nói: Chữ viết từ bộ thủy thanh duật âm duật là âm cự duật.

Ngọc đế âm đê dĩnh sách Khảo Thanh cho rằng: Đế và cuống của trái cây và cuống lá, chỗ kết bối với nhau. sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh đối.

Bát diên âm diển chiên sách Hán Thư Âm Nghĩa nói: diên là đất ngoài biên giới nhỏ hẹp. Xưa nay chánh tự cho rằng: vùng ven. Từ bộ thổ thanh diên.

Triển nhi âm nữ triển Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Triển là giẫm đạp lên. Xưa nay chánh tự cho rằng: từ bộ túc thanh triển.

Mạc điệt âm điền kiết Quảng Nhã cho rằng: Điệt là cấn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh du.

Để ngọc âm chi để sách Khảo Thanh nói: Để là ném, quăng ra xa. Sách Thuyết Văn nói: đánh. Từ bộ thủ thanh để.

Đông đôn âm thổ đôn sách sở từ nói rằng: Đôn là mặt trời mới

mọc ở phương Đông. Vương Dật chú giải rằng: Mặt trời mới vừa mọc. Hình tròn và đầy đặn, dày, to lớn, hoặc từ bộ đôn viết thành chữ đồn

Tây yểm âm yểm kiêm Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Yểm giống như che dấu, ẩn náu kín, hoặc là viết chữ yểm lại viết chữ yểm đều đồng thông dụng.

Quái nhục âm nhu chúc sách Khảo Thanh cho rằng: Nhục là màu sắc đậm. Sách Thuyết Văn gọi là nhiều màu sắc trang sức, từ bộ mịch thanh nhục.

Đê kỵ âm đệ nê Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đê là màu sắc nguyên đậm. Sách Thuyết Văn gọi là màu trắng, đỏ, vàng, trơn cợn. Chữ viết từ bộ mịch thanh thị âm nguyên là thuyên tuyển âm dưới là kỵ Bổn tập viết chữ kỵ này tục tự thường hay dùng.

Thư trá âm thất dư Hán Thư nói rằng: Xe binh mã chạy nhanh, cũng thường lừa bịp, dối trá. Thiên Thương Hiệt nói: Thư là hầu hạ gọi là hầu cận gần gũi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh thư.

Hạp tử âm khẩu hạp sách Sở Từ nói rằng: Âm thầm chết trong dòng nước. Vương Dật chú giải rằng: Hạp giống như chìm trong nước. Xưa nay chánh tự viết từ nộ thủy thanh hạp chữ hạp viết đúng từ bộ đại tới bộ khứ viết thành chữ hạp tục tự thường dùng.

Tây yểm âm yểm kiểm Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Yểm là tên núi yểm tự; dưới có hào có nước; bên trong có hào sâu. Là chỗ đi vào hoặc là viết chữ tư yểm.

Chiêm nguy ngược lại âm dư kiêm sách Khảo Thanh cho rằng: Đến bên vách núi; sách Sở Từ cho rằng: thân treo leo nguy hiểm sắp chết. Vương Dật chú giải rằng: Cũng nguy hiểm chữ viết từ bộ phụ thanh chiêm Bổn tập viết chữ diêm này tục dùng thông dụng. Đã lưu hành lâu rồi, không thể sửa đổi nên nay lại thông dụng.

Thiêu thiện âm trên thiêu điêu âm dưới thiền xiển Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quét đất làm trừ bụi đất gọi là thiện sách Khảo Thanh cho rằng: Thiền là trừ bụi làm chổ cúng tế sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh thiền.

Ái nhiên âm ai đại sách Lễ Ký nói rằng: Đi vào trong nhà tất nhiên nhìn thấy vị trí nơi người ngồi. Sách Thuyết Văn nói rằng: Phảng phất chữ viết từ bộ nhân thanh ái.

Đề xí âm trên đệ nê tập trước đã giải thích rồi. Chữ viết từ bộ xích viết thành chữ đề âm trì nhĩ sách Thuyết Văn nói: Là hành lễ. E rằng: chẳng phải nghĩa này âm dưới xương chí Quảng Nhã cho rằng: Xí là phan, lọng cờ xí. Sách Thuyết Văn viết từ bộ câu

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 16

Xi vãng âm xỉ chỉ sách Thuyết Văn nói: Xi là cười chế diểu. Chữ viết từ bộ khẩu thanh xi Bổn tập viết từ bộ trùng viết thành chữ xi là sai tự thư nói: không có chữ này. (917)

Cố tiệp âm tiềm diệp tên người.

Thiêm vu âm diệp chiêm Văn Tự Tập Lược nói: Trước và sau nhà có mái hiên rủ xuống. Hoặc là viết chữ thiêm lại cũng có từ bộ trúc viết thành chữ thiềm.

Nữu dương âm nữ cửu sách Vận Âm Tập Lược nói: Tên cây nữu. Chuẩn Tập Văn nói: Nữu dương tức là từ dưới đất mọc lên cây đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: Tên đất địa danh. Chữ nữu từ bộ ấp viết thành chữ nữu chưa rõ nghĩa chữ này.

Tiêu nhĩ âm phiêu diêu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cuồng phung gió bão, từ dưới xoáy lên trên sách Thi Tử nói: Bao phong đồi tiểu. Gió cuốn dữ dội. Sách Thuyết Văn nói: Gió thổi óng đồng lửa cháy phừng phừng. Chữ viết từ bộ phong thanh tiêu sách Nhĩ Nhã nói: Cũng viế chữ tiêu này.

Dược tiêu âm lôi diệu sách Phương Ngôn nói rằng: Bao kiếm. Quan Đông gọi là bao đựng kiếm là tiêu Quan Tây gọi bao đựng kiếm là đệ Cố Dã Vương nói: Chỗ chứa đựng cất dấu đao kiếm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Bao đựng đao kiếm; hoặc viết từ bộ vi viết thành chữ tiêu hoặc viết từ bộ đao viết thành chữ tiêu đều thông dụng, âm bệ âm bích danh âm minh là âm minh tinh.

Phân hương âm duật mãn tên người.

Sùng manh âm mạch manh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Manh là cái mèn đóng trên rai nhà để móc ngói. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngã đến bộ manh thanh tĩnh âm manh ngược lại bách manh.

Điểu kỳ âm cật để sách Phương Ngôn cho rằng: Kỳ là dáng đi vùn vụt, đi nhanh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh ký.

Khiên xiêm âm trên khương ngôn sách Khảo Thanh cho rằng: Khiên là vén áo lên, âm dưới đê chiêm Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Xiêm cái mui xe, màn trên xe. Bì Thương cho rằng: Viết chữ xiêm Thanh Loại viết chữ chiêm đều thông dụng.

Kỳ lộ âm trên cự ky Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Kỳ là thuộc về ngọc. Âm dưới lô đố Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Lưu ly thuộc ngọc đẹp. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ ngọc đều thanh

kỳ lộ hoặc là viết chữ kỳ.

Chân tường âm y chân Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chân là rơi xuống, chìm đắm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh chân Bổn tập viết từ bộ phụ viết thanh chữ chân là sai.

Ngạn nghiển âm ngôn yển Mao Thi Truyện chú giải rằng: Núi nhỏ nằm trên núi lớn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Núi hình như liên kết hai quả núi nằm cạnh nhau. xưa nay chánh tự viết từ bộ sơn thanh nghiên.

Du vịnh âm vinh mệnh sách Khảo Thanh cho rằng: Lục là nước có màu sắc trong. Nước trong. Bổn tập viết từ bộ thảo viết thành chữ lục là sai tự thư không có chữ này.

Chiên hương âm chiến diên sách Khảo Thanh nói: Tên cây chiên đàn có mùi thơm. Bổn tập viết chữ chiên âm sách lại nữa bổn tập khác viết chữ nham âm là nam đều chẳng phải nghĩa cây có mùi thơm.

Trụ hãn âm trên chu chú âm dưới hư hạn Hán Thư Âm Nghĩa giải thích cái nơm bắt cá. Sách Thuyết Văn viết từ bộ võng thanh can võng là chữ cổ.

Đình tất âm tân mật Mao Thi Truyện nói: Tất là đè xuống; giăng lưới bắt, tất hoặc là viết chữ tất Bổn tập viết từ bộ túc viết thành chữ tất Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Tất là ngăn cấm đường; chẳng phải nghĩa giăng lưới.

Long oa âm ô qua sách Thuyết Văn nói: Oa là nghiêm xuống, xấu xa, lười biếng. Chữ viết từ bộ luyệt thanh qua hoặc là viết chữ oa Bổn tập viết chữ du âm du chú chẳng phải nghĩa này.

U ly âm sĩ ly sách Thuyết Văn nói: Ly là thư thả, thoải mái, hoặc là viết chữ cầm

Thành nhân âm nhứt chân Mao Thi Truyện nói: Nhân là góc thành. Sách Thuyết Văn nói: Góc thành có nhiều lớp cửa, chữ viết từ bộ môn thanh nhân.

Đồng vân âm độc đông Quảng Nhã nói: Đồng là mây màu đỏ, sách Thuyết Văn viết từ bộ chu đến bộ sam vẽ tượng hình sắc mây.

Hoài sĩ âm sự sử Mao Thi Truyện nói: Sĩ là bến nước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh sĩ.

Ái ái âm ai đại Quảng Nhã nói: ái ái là sum sê rậm rạp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh cát Bổn tập viết từ bộ ngôn đến bộ ái viết thành chữ ái là sai.

Vô vô âm vô bổ Mao Thi Truyện nói: Vô vô là xinh đẹp. Hàn Thi Truyện hoặc là viết chữ mưu.

Tập huệ âm thât lập theo Tả Truyện nói: Thúc tôn tuy ở tranh vách đất nhưng cũng giữ được khí khái. Văn Tự Điển nói: Tập là cỏ mao lợp nhà, thêm vào cho dày. Chữ viết từ bộ thảo thanh tập Bổn tập viết từ bộ thảo tục dùng thông dụng.

Kiều manh âm trên là kiều sách Nhĩ Nhã nói: Núi nhọn mà cao gọi là kiêu Quách Phác chú giải rằng: Núi cao nguy hiểm. Thích Danh giải thích giống như cây cầu. Xưa nay chánh tự viết từ bộ sơn thanh kiều Bổn tập viết chữ kiều tục dùng thông dụng, lại cũng viết chữ kiều âm dưới mạch canh quyển đầu đã giải thích rồi.

Bồng thác âm thang lạc Mao Thi Truyện nói: Tháng mười lá của cây cối rơi xuống. Theo Truyện nói: Thiền lạc, rơi rụng, lại nói: như rơm rạ Trịnh Tiễn nói: Như lá cau theo gió rơi rụng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh phác.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 17

Cộng đổ âm đo lỗ Quảng Nhã nói: Đổ là nhìn. Sách Thuyết Văn nói: Nhìn thấy, văn cổ viết chữ đổ.

Chấp đĩnh âm dương đĩnh sách Lễ Ký nói rằng: vua cầm cái hốt vuông vào trong thiên hạ. Trịnh Huyền chú giải rằng: Đây là cái hốt. Sách Thuyết Văn: Ngọc khuê lớn ba trượng. Chữ viết từ bộ ngọc thanh đĩnh âm đĩnh ngược lại âm thích định.

Ngân uyển Âm ô quan hoặc là viết chữ uyển Thanh Loại lại viết chữ uyển.

Tặng hiện âm yêu điển Văn Tự Điển nói: Giống như con sò mà nhỏ hơn hoặc là viết chữ hiển âm yêu hiện.

Thiết áp âm thao giáp Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Áp là tổn hại. Sách Thuyết Văn nói: Hủ hoại, từ bộ thổ thanh áp Bổn tập viết từ bộ huyệt viết thành chữ áp sách Thuyết Văn nói: Nghĩa đâm vào huyệt mạch. Chẳng phải nghĩa trấn áp.

Tịnh thao âm thảo đao danh tăng.

Bàn khuất âm bạt hàn Cố Dã Vương nói: Bàn là uyển chuyển, quanh co vòng vèo, uống khúc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh bàn âm bạt ngược lại âm bổ mạt.

Phú chiêu âm chiếu diệu Quảng Thất giải chiếu sáng. Thiên Thương Hiệt nói: Đèn thắp sáng. Hoặc là viết chữ chiếu.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 18

Thư xuân thảo âm trên dật dữ Thiên Thương Hiệt giải thích thư là bú mớm, nhai. Theo Thanh Loại hoặc là viết từ bộ xỉ viết thành chữ thư âm tiểu ngược lại âm tiều tiếu.

Kháp tĩnh âm trên là kháp Quảng Thất nói: Kháp là cái hầm. Sách Thuyết Văn nói: kháp là giếng nhỏ, từ bộ nhân ở trong bộ cữu chữ tượng hình. Bổn tập viết từ bộ phu viết thành chữ kháp nghĩa là từ trên cao mà rơi xuống chẳng phải nghĩa của cái giếng. Âm dưới tình tính sách Thuyết Văn nói: Tĩnh cũng là cái hầm từ bộ huyệt thanh tĩnh sách Khảo Thanh viết chữ tĩnh Bổn tập viết từ bộ huyệt viết thành chữ tĩnh tục dùng thông dụng âm tàn là âm tàn.

Giám năng âm giáp sám Quảng Thất giải thích giám là chiếu soi. Sách Khảo Thanh nói: Ban đêm lấy ánh trăng: chiếu soi liền thấy đáy nước. Sách Thuyết Văn nói: Giám là các chỗ ánh sáng mặt nước có trăng: soi. Chữ viết từ bộ kim thanh giám âm lam là âm công lãm Bổn tập viết chữ lam cũng thông dụng. Khảo Thanh hoặc là viết chữ giám.

Trình thô âm thố thô Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thô là còn to lớn, chữ mượn âm viết đúng chữ thô tục thường viết chữ thô.

Dị triệt âm triền liệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Triệt là vết bánh xe, sách Thuyết Văn viết từ bộ xa đến bộ thanh tĩnh Bổn tập viết từ bộ túc viết thành chữ triệt là sai.

Tạo tất âm trên thảo táo âm dưới tân tật Hiếu kinh nói: nuôi dưỡng song thân phải quỳ dưới gối. Sách Thuyết Văn viết chữ tất từ bộ ấp thanh tất âm tất là âm thất Bổn tập viết chữ tất là không thành chữ.

Kiêu trở âm trên cự kiêu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Kiêu là núi cao. Âm dưới trắc lữ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Thất rằng: trở là nguy hiểm khó khăn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh thử Bổn tập viết từ bộ sơn viết thành chữ thư là sai.

Mặc dĩ âm mi bắc Cố Dã Vương nói: mặc là không nói:. Xưa nay chánh tự viết từ bộ khẩu thanh mặc

Tãn tư âm tức lữ tên người.

Chích quả âm hoa ngõa.

Liên hoàn âm trên liệt chiên Quảng Thất nói: liên tục tiếp nối. Sách Thuyết Văn nói: liên cũng là liên hoặc là viết chữ liên âm hoạn quan Trịnh Chúng chú giải sách Chu Dịch rằng: hoàn là xoay vòng tròn. Sách Thuyết Văn nói: vòng ngọc. Từ bộ ngọc thanh hoàn âm viên âm

cự vinh.

Diễm tháo âm viêm chiêm Hán Thư nói rằng: diễm là đẹp đẽ sáng chói phía trước. Cố Dã Vương nói: diễm giống như đẹp đẽ muôn màu sắc rực rỡ. Văn Tự Điển nói: từ bộ thủ thanh diêm.

Canh ký âm trên cánh hạnh âm dưới cai ngại Tiết Tông chú giải Đông Kinh Phú Truyện rằng: canh ký giống như không liên tục mật thiết với nhau. sách Thuyết Văn đều từ bộ mộc đều thanh canh ký âm cai là âm cư ai âm tiệm là âm tư liêm.

La cốc âm hồng cốc Thích Danh giải thích cốc là loại tơ sợi. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ bộ mịch âm xác ngược lại âm khổ giác.

Châu khải âm ngại ký

Vương mông âm mộc đông.

Vương mật âm di tất ba đều tên người.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 19

Luân vụ âm vô phó Quảng Thất giải thích vụ là ngựa chạy mau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh vụ âm vụ là âm vũ.

Xuân vĩ âm vi quỹ sách Khảo Thanh cho rằng: tên loại cá, đến tháng trọng xuân. Tự chết trong hang, rồng đến cửa hang mà ăn thịt. Sách Chu Lễ nói: loại cá này đến mùa xuân là hiến cho vua. Quách Phác chú giải Kim Sơn Hải rằng: loài cá vĩ tức là cá chiên, giống như con lươn dài sáu đến bảy thước. Lại chú giải sách Nhĩ Thất rằng: con lươn to lớn, cái miệng dưới hàm không vảy, da thịt màu vàng, lớn đó Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ Trượng. Ở Giang Đông gọi là cá vàng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngư thanh hữu âm diêm ngược lại âm triết liên.

Khải thế âm dương chế Văn Tự Tập Lược nói rằng: Thế thuộc mái chèo. Xưa nay chánh tự viết từ bộ thủ thanh thế âm thế là âm thế.

Đồng tiêu âm bỉ kiêu Văn Tự Tập Lược nói: dây cương buộc ngựa. Sách Thuyết Văn cũng nói: Thiết hàm ngựa từ bộ kim thanh tiêu âm tiêu ngược lại âm bạc giao Bổn tập viết từ bộ mã viết thành chữ tiêu âm lộc gọi là con ngựa hoang dã, chẳng phải nghĩa này.

Phân vẫn âm trên phẫn văn âm dưới uất vân Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Vẫn phân là nhiều tràn đầy. Tả Tư Thục Đô Phú

Truyện nói: Uất phân vẫn là lấy cái tinh tủy nhỏ nhất. Trương Tiễn chú giải rằng: Mùi thơm lan tràn. Xưa nay chánh tự đều từ bộ thảo đều thanh phân vẫn.

Chiêu tích âm chi triết Mao Thi Truyện nói: Tích là sáng rõ ràng. Hoặc là viết chữ triết.

Thật mỏi âm mỏi Nhĩ Thất giải thích mõi là bệnh. Xưa nay chánh tự viết từ bộ tật thanh mỏi.

Tăng mã âm phú lãng sách Khảo Thanh nói rằng: Là nay người ta gọi là kẻ mối lái ở chợ, dân cò mòi. Sách Lã Thị Xuân Thu nói: Cây hà cam thời Tấn Quốc gọi ngựa hay. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh thu âm thư âm tức dư.

Truy kỳ âm trắc cơ Mao Thi Truyện nói: Truy là màu sắc đen. Sách Thuyết Văn nói: áo trắng nhuộm màu đen, từ bộ mịch thanh truy Bổn tập viết từ bộ thủy viết thành chữ truy là tên của dòng sông ở đất Tề đã giải thích rồi, âm dưới đều đồng.

Trùng nhuyễn âm duyệt thuế xưa nay chánh tự nói rằng: nhuyễn là nhỏ bé, phàm cọng cỏ mơi bắt đầu mọc gọi là nhuyễn là mâm mới bắt nhô lên nhọn nhọn, chữ viết từ bộ thảo thanh nhuyễn âm nhuyễn âm duyên hoạt.

Chiêm hào âm hạo cao trước đã giải thích rồi.

Ky hoàng âm hồ quang Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Nửa viên ngọc gọi là hoàng giống như mùa đông đóng cửa dấu kín, trên thành không có việc gì chỉ thấy có nửa bầu trời. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh hoàng 918.

Chung võng âm xúc chung Quách Phác chú giải rằng: Chung là nay người ta gọi là phên xe. Hàn Thi Truyện nói rằng: Dưới lên trùm lên xe gọi là chung sách Thuyết Văn viết từ bộ võng thanh chung.

Vô triền âm triệt liên Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Triền giống như là đạp, giẫm lên. Lại chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chỗ chân giẫm đạp lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh triền.

Viện tây âm việt nguyên Mao Thi Truyện nói: Viện là dựa theo, nơi chốn sách Thuyết Văn nói: Viện là nơi chốn, chỗ ở của kẻ sĩ, người giao dịch gọi là viện; hoặc là viết từ bộ thụ đến bộ cam viết thành chữ viện âm viện ngược lại âm bình viên.

Di tại âm dị chi Thiên Thương Hiệt nói: Di là dời đổi, di chuyển. Sách Thuyết Văn nói: Chuyển đổi đi nơi khác. Hoặc là viết từ bộ hòa viết thành chữ di nghĩa cũng đồng.

Ủng trữu âm chu thủ thế bổn thiếu khang viết chữ cơ trữu Tống

Trung giải thích thiếu khang sau đời nhà Hạ tổ tiên con cháu, tức là Đỗ Khàn, chết lâu rồi Cố Dã Vương cho rằng: Chỗ quét trừ dơ uế, phân dơ. Sách Thuyết Văn từ bộ hưu tức tay nắm cầm, khăn, chổi, lau quét bên trong cửa.

Dũ nhục âm trên du chủ Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn cho rằng: Du là lợi ích. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Vượt trội hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ tâm thanh du âm dưới nhu chúc sách Khảo Thanh giải thích tơ lụa màu sắc đậm. Sách Thuyết Văn trang sức nhiều màu sắc từ bộ mịch thanh nhục.

Túy dung âm tuy túy Cố Dã Vương cho rằng: Túy là trong sáng, là hòa dịu hiện ra nét mặt, nét mặt tươi sáng nhuận trạch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh túy.

Hình sơn âm kính kinh âm kính ngược lại âm hình đĩnh.

Chiếm nhiếp âm chiêm diệp Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nhiếp là phục. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhiếp giống như khiếp sợ. Nhĩ Nhã nói: lo sợ, hoặc là viết chữ nhiếp lại cũng viết chữ chiếp.

Lâu lâu âm sắc hầu sách Thuyết Văn lâu là kính cẩn từ bộ tâm thanh lũ Bổn tập viết chữ lâu tục tự thường hay dùng.

Yết điểu âm đốc nghiệt Cố Dã Vương giải thích yết là cảm nằng, trúng nắng; lo buồn sầu muộn muốn chết đi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhựt thanh yết

Luân y âm ư nghi Mao Thi Truyện nói rằng: Y là từng đợt sóng lăn tăng, gợn sóng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh y.

Tựu liệt âm liệt trệ sách Khảo Thanh cho rằng: Đường lộ phía trước xe giá sạch sẽ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ngăn che, loạng choạng, xiêu vẹo. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tẩu thanh liệt.

Khải kích âm hề lễ sách Khảo Thanh cho rằng: Khải là mộc bài vật làm tin để đi qua cửa quạn, bến cảng ngày xưa. Giống như chiếc kích, có cờ hiệu viết chữ trên, người sứ cầm để làm tin vi thiệu chú giải Hán Thư rằng: Khải cũng là kích, sách Thuyết Văn gọi là truyền tin, từ bộ mộc bộ khải thanh tĩnh.

Luân phất âm phân vật Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phất là chậm rãi, thong thả, cũng là dây thao buộc ấn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh bạc âm bạc ngược lại âm bổ mạt.

Thực bảo âm bảo đạo sách Hán Thư nói: Làm cái lọng có cấm lông chim có năm màu sắc. Cố Dã Vương nói: Các lông chim tụ hợp lại có năm màu sắc gọi là bảo Văn Tự Điển nói: Cũng là cái lọng cấm lông

chim. Hoặc là viết chữ bảo.

Mô bái âm mục bộ Quách Phác chú giải sách mục Thiên Tử Truyện rằng: Nay người nước Hồ lễ bái giơ tay lên đầu xưng Nam mô rồi lạy. Đó vậy sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh mạc.

Quan khiết âm trên loan bản Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Quan là xâu kết lại. Âm dưới khiên kiết Lưu Triệu chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Khiết là đánh. Sách Thuyết Văn nói: khiết là cầm nắm tay treo lên. Từ bộ thủ thanh khiết Bổn tập viết chữ khế tục dùng thông dụng. âm khiết ngược lại âm khang hiệt.

Ngung ngung âm ngọc cung Hoài Nam Tử nói: Mọi người không thể không hướng theo kính ngưỡng cái đức. Sách Thuyết Văn âm thanh hưởng ứng hòa theo. Từ bộ khẩu thanh ngung âm ngung là âm ngụ.

Ung nhân âm ủng hung Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Uy đó là ăn sáng lo chiều, thức ăn đã nấu chín. Chữ viết từ bộ thực thanh ung.

Vĩ thủy âm vị quỹ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sông Vĩ Thủy xuất phát từ huyện Lộc phía Đông nam đến bình nhân đĩnh. Hán Thư nói rằng: xuất phát từ Dương Thành phía Đông nam. Cố Dã Vương nói: Sóng trịnh thủy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh hữu Bổn tập viết chữ vĩ tên con cá.

Mạnh tưu âm tần hầu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tháng giêng gọi là tưu sách Thuyết Văn viết từ bộ phụ thanh tụ Bổn tập viết chữ tưu tục dùng thông dụng.

Hành bội âm hạch canh Cố Dã Vương cho rằng: Hành là ngọc bội trên ngang lớn đeo trên. Sách Đại Đái Lễ nói: Ngọc bội trên có hai ngọc bội dưới có hai ngọc bội ngang màu vàng. Sách Thuyết Văn nói: Chỗ gọi là tiết hành chỉ từ bộ ngọc đến bộ hành.

Phiếm phiếm âm phục phong theo Tả Truyện nói: Tốt đẹp thay! Ung dung tự tại. Đỗ Dự chú giải rằng: Phiếm phiếm là ung dung tự tại. Hoặc là viết chữ phiếm này cũng thông dụng.

Tương phiêu âm trên tây dương Thích Danh giải thích rằng: Tương là lụa thô, vật thô màu sắc, sanh màu mỡ gà. Sách Khảo Thanh cho rằng: Màu vàng lợt, âm dưới phiêu miễu sách Thuyết Văn cho rằng: phiêu là lụa trắng xanh, đều từ bộ mịch đều thanh tương phiêu âm phiêu là âm tất tiêu.

Mạng cổn âm côn bổn Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cổn là áo màu đen huyền mà vẽ có vân. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cổn là áo có thiêu hoa văn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ y

thanh công âm phất ngược lại âm bổ vật âm dưới đồng.

Văn huy âm hủy vi sách Nhĩ Nhã cho rằng: Dựa theo sông lạc ở Nam Lạc có nhiều chim trĩ lông nó năm màu, đều trang bị thành chương mục. Sách Thuyết Văn viết từ bộ vũ thanh huy

Hà kiêm âm lực chiêm Cố Dã Vương cho rằng: Vua nắm chính sách có thái bình thì có sông hà kiêm. Biển di có điềm tốt lành. Sách Thuyết Văn nói: có nước bạc, chữ viết từ bộ thủy bộ liêm thanh tĩnh.

Nhược di âm dực chi Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn chú giải rằng: Ngọt như cam mật. Sách Thuyết Văn nói: Gạo nấu thành mạch nha. Từ bộ thực thanh di âm dịch âm tịch vinh âm nghiệt âm ngôn yết.

Ngọc cao âm cảo ao sách Trang Tử nói: Có khắc vào nước chỗ này là động cơ, sau đó là lớp trước nhẹ nhàng như lấy gơm khắc vào nước, như nước chảy. Nhẹ nhàng gọi là cao sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh cao cao từ bộ phong bộ bạch âm khiết âm kiên tiết Bì Thương nói: khiết cao là chỗ cấp nước. Bổn tập viết chữ cao chẳng phải nghĩa này.

Tợ minh âm minh bích sách Thuyết Văn nói: Minh là kiêu mạng xem thường từ bộ tâm thanh minh phàm từ bộ nhứt viết thành minh cũng thông dụng. Bổn tập viết chữ minh là sai.

Lõi các âm trên lõi tội âm dưới lang các Quách Phác chú giải Kim Sơn Hải rằng: Lõi các là đá lớn sách Thuyết Văn nói: Lõi là nhiều đá, hoặc là viết từ ba bộ thạch âm các từ bộ thạch.

Chi thâm âm xi lâm Mao Thi Truyện nói: Thâm là ngọc báu hoặc là viết từ bộ ngọc viết thành chữ thâm.

Thọ thần âm thần nhẫn Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Buổi sớm dùng thịt tế lễ trong tong miếu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện lấy thịt nhiều tế lễ thần là cái mâm đựng thịt tế thần. Công Dương Truyện nói: Ngày sinh mặt trời lên nóng nhiệt gọi là phan sách Thuyết Văn viết từ bộ thị là âm phiền.

Yểm tì âm thử tư sách Nguyệt Lịnh nói: Yểm là chôn hài cốt, còn thịt thối rữa, thịt còn dính lại xương dư lại. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tì là thịt xương người chết. Tì từ bộ cốt viết thành chữ tì lại viết chữ tì âm cách là âm cách Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Xương khô gọi là cách.

Lung tũng âm trên lục chung âm dưới tài khổng Bì Thương giải thích lung tũng là núi cao. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Lung tũng là núi cao, có từng lớp mây bũa vây. Sách Thuyết Văn: Đều từ bộ sơn thanh lung âm ông ngược lại âm ông chung.

Huyền hiệu âm hư kiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Tên của vì sao. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Huyền diệu hư không trống rổng. Quách Phác chú giải rằng: Sao huyền hư ở đúng hướng bắc. Phương bắc màu sắc đen nói: giống như sao hư, chỉ ý. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh liệu.

Tiệt tiết âm trên tiền tiết âm dưới nghiên kiết Mao Thi Truyện nói: Đều từ bộ sơn đều thanh tiệt tiết tiệt hoặc là viết chữ tiệt hoặc là viết nghiệt Bổn tập viết chữ tiệt tục tực viết chữ này là chẳng phải.

Hoa suy âm sở quy sách Nhĩ Nhã nói: Sui nhà gọi là suy Quách Phác chú giải rằng: tức là rui nhà. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh suy.

Uyển thùy âm miễn viện xưa nay chánh tự giải thích uyển là rồng uống khúc, chữ viết từ bộ trùng thanh uyển.

Nhiêu lưu âm lưu trụ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tông miếu gọi là lưu. Quách Phác cho rằng: Nhà lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm thanh lưu âm tông là âm vong sách Khảo Thanh cho rằng: Trụ cột nhà lớn. Bổn tập viết chữ lưu.

Khám đối âm trêm đàm cảm âm dưới đồ đối Văn Tự Tập Lược nói: Khãm là màu đen, gọi là mây đen vây phủ. Sách Thuyết Văn: Kham từ bộ hắc thanh kham đối từ bộ vũ.

Thứ phi âm thử lợi Phục Kiền giải thích Hán Thư rằng: Thời nhà Chu người ta vượt qua sông bằng thuyền, dưới vác chiếc thuyền là vị tướng, che phủ bay vào nước giết hết loài thủy tặc. Bởi bậy nên phong làm quan là người có tài và sức lực. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh thứ.

Lân lân âm lực trần Mao Thi Truyện nói: Lân lân là tiếng nhiều chiếc xe hợp vọng lại. Xưa nay chánh tự viết từ bộ xa thanh lân.

Cổ thối âm thôi túy Quách Phác chú giải sách Thượng Lâm Phú rằng: Thối là nước sâu. Văn Tự Điển nói: Từ bộ thủy thanh túy.

Yêu ma âm trên đạp nhiêu âm dưới ma bã sách Khảo Thanh cho rằng: Yêu ma là chút xíu nhỏ nhít. Hán Thư cho rằng: Tẩy rửa lâu rồi, yêu ma là không kịp điếm chữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Yêu là nhỏ giống như đứa con tượng hình bắt đầu sinh ra, chữ viết từ bộ yêu thanh ma.

Kỳ thang âm thác lang Trịnh Huyền chú giải sách Thượng Thư Đại Truyện cho rằng: Thang là cái phiền la đánh vào nghe tiếng rất lớn. Bì Thương cho rằng: đánh nghe tiếng lớn, sách Thuyết Văn cũng cho rằng: Tiếng lớn. Hoặc là viết từ bộ chú âm chú là âm chú Viết thành

chữ chú lại từ bộ cổ viết thành chữ thang Tự Lâm hoặc là viết chữ thăng âm vận đều đồng.

Trụ tất âm tân mật sách Thuyết Văn cho rằng: Viết đúng hoặc từ bộ túc viết thành chữ tất tự thư hoặc là viết chữ tất.

Hy dương âm hư nghi Mao Thi Truyện cho rằng: Hy là quang minh sáng suốt. Hoặc là viết chữ hỹ lại cũng viết chữ hy Bổn tập viết chữ hy đều thông dụng.

Duyên phu âm phó câu Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Phu là mu bàn chân trên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh phu.

Tiện quyên âm trên tỳ miên âm dưới nhứt duyên Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Tiện quyên là người con gái xinh đẹp. Xưa nay chánh tự viết từ bộ nữ thanh quyên âm quyên là âm nhứt huyền.

Kiết ngoạn âm trên hiền kiết âm dưới hàng lãng Mao Thi Truyện cho rằng: Chim bay lên gọi là kiết bay xuống gọi là ngoạn hoặc từ bộ hiệt viết thành chữ kiết ngoạn bổn tập viết từ bộ điểu viết thành chữ kiết ngoạn đều chẳng phải.

Đức mạn âm trên là chữ đức văn chữ cổ âm dưới đê băn Mao Thi Truyện nói: Mạn là kéo dài ra sách Thuyết Văn cho rằng: Mạn là dẫn ra từ bộ hựu thanh mạo âm mạo ngược lại âm mạo báo.

Ái đãi âm trên ai hợi âm dưới hoa nãi Bì Thương cho rằng: Ái đãi là lúc mây che không sáng tỏ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Mặt trời, mặt trằng: bị che khuất nên không sáng. Xưa nay chánh tự đều từ bộ vân đều thanh ái đãi Bổn tập viết từ bộ hắc viết thành chữ ái đãi là sai.

Trinh diễm âm viêm diêm trước quyển thứ mười tám đã giải thích rồi.

Mân ngọc âm mân bân Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Mân là đá giống như ngọc vậy. Bổn chữ từ bộ dân là tránh đi lúy miếu. Cho nên đổi lại từ bộ thị viết thành chữ mân hoặc là viết chữ mân (919).

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 20

Phỉ phẫn âm trên phi vĩ âm dưới phù phân Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Trong lòng giận dữ bất bình; căm giận mà không

nói ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm đều thanh phi phẫn âm phân ngược lại âm phù văn.

Tây tiệm âm tiếp viêm chữ mượn âm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Từ từ thấm vào. Đây là nói ngoại ngũ phục đều cùng với vua đó là thanh giáo mà triều kiến vua. Không được trể.

Như tì âm tỷ tì Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tì thuộc giống hổ loại mãnh thú. Sách Thuyết Văn cũng nói: thuộc giống báo từ bộ trĩ thanh tỳ âm tỳ đồng với âm trên. Bổn tập viết từ bộ khuyển viết thành chữ tỳ tục dùng thông dụng.

Thu dược âm dương chước Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Dược giống như ống tiêu, ống sáo có ba lỗ. Lại chú giải rằng: Văn Vương Thế Tử, vũ múa có cầm loại ống sáo cấm lông chim. Đó chỗ gọi là thổi sáo vũ múa. Văn Vương thế tử mùa thu, đông học thổi kèn, sáo. Làm thơ vịnh. Tay trái cầm ống sáo, tay phải cầm lông chim dài. Văn Tự Điển nói: Từ bộ phẩm tượng hình như ống sáo có ba lỗ. Viết thành chữ dược hòa điệu với tiếng sáo, lấy luân lý âm điệu. Sách Thượng Thư nói: Bát âm khắc hài không có tương truyền. Luân tức là nghĩa này. Bổn tập viết từ bộ thảo viết thành chữ dược Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Chẳng phải nghĩa yến mạch.

Tháo bị âm trên thảo đao sách Thuyết Văn nói: nắm cầm, giữ lấy âm dưới phổ bị sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: Thanh kiếm mà giống như dao sách Thuyết Văn kiếm mà giống như dao dựng trong bao, từ bộ kim thanh bì.

Đông thí âm di sách Vận Anh nói: Mặt trời mọc. Đông thí là tên huyện. Xưa nay chánh tự viết từ bộ nhựt thanh thí bổn tập viết từ bộ mục viết thành chữ thí là rất sai. Không thành chữ.

Thị ngọc âm chi thi sách Thuyết Văn cầm nắm đánh gõ. Từ bộ thủ.

Phụng quan âm quan uyển sách Đại Đái Lễ cho rằng: Vua Ngu Thuấn lấy đức trời dung hòa cùng Vua Nghiêu, Tây Vương Mẫu hiến tặng ngọc trắng cho hai vua. Xưa nay chánh tự cho rằng: Lấy ngọc làm ống sáo. Đời nhà Hán lịnh cho Văn Dương học đạo nơi Vua Thuấn từ, dưới được loại nhạc đó là sáo ngọc của vua. Cho nên thần dân hòa với nghi phụng hoang. Chữ viết từ bộ ngọc thanh quan.

Bàn xuế âm bạc mạn âm dưới xương thuế.

Vu bột ngược lại âm phân vật.

Nghị hiệt ngược lại âm điền kiết Mao Thi Truyện cho rằng: Nghị điệt là đụm kiến, tức ổ kiến, sách Phương Ngôn cho rằng: Người nước

Sở đất phương Nam gọi là kiến làm ổ có hang, hang kiến ở. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh chí.

Phồn tỏa âm hòa quả sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm là vật nhiều nẩy sinh, sinh sôi nảy nở nhiều gọi là phồn, nước Tề, Sở, Ngụy gọi là tỏa hoặc là viết chữ tỏa.

Khác yết âm trên ư giới Quảng Thương cho rằng: Khác là tiếng thâm u âm dưới yến kiến sách Thuyết Văn đều từ bộ khẩu đều thanh hạt nhận.

Chiêm bặc âm trên chiêm âm dưới phổ bắc tây vực tên của mùi thơm.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 21

Ký câu âm trên lý tri âm dưới cự ngu

Ly ngưu ngược lại âm uyển bao kinh Sơn Hải nói: Núi Phiên Hầu có con thú hình trạng giống như con trâu mà bốn chân có mọc công gọi là ly ngưu. Sách Thuyết Văn nói: ở nước Tây Nam Di có loại trâu lông dài, từ bộ ngưu thanh ly âm ly Bổn tập từ bộ mao viết thành chữ mao là sai

Tiêu mại âm mạch bái tên người.

Nghiêm hạch âm trên khiết kiên bổn tập viết chữ nghiêm tục dùng thông dụng, âm dưới hoành cách trước quyển thứ nhứt đã giải thích rồi.

Đẩu tiêu âm thất tiêu sách Khảo Thanh cho rằng: Tên sao, tức sao thứ năm, sáu và bảy trong đuôi của chòm sao bắc đẩu. Sách Thuyết Văn cũng là sao đuôi bắc đâu. Từ bộ mộc thanh dưới.

Hiệp bát âm kiêm giáp Hà Hưu Chú Công Dương Truyện rằng: Hiệp là ôm ấp, chứa cất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh giáp

Phân hương ngược lại âm phù văn.

Quán chúc ngược lại âm dung nhục Khảo Thanh cho rằng: Nhìn chăm chú, nhiều con mắt nhìn chăm chăm vào từ bộ mục.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 22

Bính minh âm binh ãnh Quảng Nhã cho rằng: Bính cũng là minh. Thanh Loại hoặc là từ bộ hỏa viết chữ bính tức là sáng rõ từ bộ cảnh viết chữ minh âm cảnh ngược lại âm cư vĩnh.

Đệ tập âm trên đệ lễ sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đê là thay thế. Quách Phác chú giải cho rằng: Thay đổi lẫn nhau, hoặc là viết chữ đê tục viết chữ đệ.

Ẩm hiệt không có âm ngận thanh nhập sách Thuyết Văn cho rằng: Hiệt giống như là cắn. Từ bộ xĩ thanh ngật.

Vị toàn âm đoan loạn Thiên Thương Hiệt cho rằng: Toàn là cái dùi. Sách Thuyết Văn cái dùi nhỏ đập dã âm trúy ngược lại âm trì truy

Cốt cách âm canh ngạch Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Xương khô gọi là cách sách Thuyết Văn viết từ bộ cốt thanh cách sách Thuyết Văn viết từ bộ khách viết thành chữ cách âm khách á âm dưới đồng nhưng chẳng phải.

Tôn tẩu âm trên côn ổn vũ phụ hoặc là viết chữ cổn Bổn tập từ bộ giác viết thành chữ huyền là sai âm dưới tô tẩu cha Vua Thuẩn hoặc là quen viết từ bộ tẩu Bổn tập viết quýnh là sai.

Tiêm nhuế âm tiếp diêm Quảng Nhã giải thích tiêm cũng là nhuế hoặc là quen viết chữ tiêm chẳng phải. Bổn tập viết chữ tai âm tai là sai lầm quá lắm.

Vinh minh âm dinh đinh Quảng Nhã cho rằng: Chà xá, mài. Cố Dã Vương nói: Gọi là lau chùi châu ngọc khiến cho phát sáng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh quỳnh.

Hạp tử âm khâm Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hạp giống như chìm xuống, che xuống. Văn Tự Điển nói: Từ bộ thủy thanh cái hạp từ bộ đại đến bộ huyết Bổn tập viết từ bộ khứ viết thành chữ hạp tục dùng thông dụng.

Sương hải âm sở trang xưa nay chánh tự cho rằng: Người nước sở gọi người phụ nữ chết chồng gọi là sương từ bộ nữ thanh sương

Tất sàn âm tuyển Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Sàn là nhìn thấy gầy yếu. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân thanh sàn âm sàn ngược lại âm sĩ quyến Bổn tập viết từ bộ hán viết thành chữ sàn là sai. Âm hán là âm hán.

Cảnh tử âm canh ngạch tên ngục

Dư tiềm âm tiềm liêm Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Giữa nửa

Ngô, Sở gọi diệt hết lửa là tiềm xưa nay chánh tự viết từ bộ hỏa thanh tiềm âm tiềm là âm tiếp niệm Bổn tập viết chữ tiềm tục dùng thông dụng.

Tương thiên âm thiết chiến Bì Thương cho rằng: Thiên là lửa cháy rực. Văn Tự Điển nói: Từ bộ hỏa thanh phiên hoặc là từ bộ nhân viết thành chữ thiên.

Ôi tẩm âm tợ tấn Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lửa củi cháy hết còn dư lại tro tàn. Bổn tập viết chữ tẫm tục dùng thông dụng..

Xả triệt Âm triền liệt. Đỗ Dự Chú Tả Truyện rằng: Triệt là bỏ đi Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Trừ bỏ hoặc là từ bợ xích viết thành chữ triệt.

Quỹ chú âm trù lục Hán Thư âm nghĩa rằng: xúc là dấu chân, hoặc từ bộ thục viết thành chữ xúc.

Trường diễm âm diêm chiêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lữa cháy lan, diễm là lửa cháy rực, sách Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ viêm.

Phĩ phĩ âm phĩ phi Sách Thuyết Văn giải thích văn chương trau chuốt, rực rỡ, sáng sủa. Từ bộ văn thanh phi.

Loa lũ âm lỗ qua Cố Dã Vương nói: Loa lũ giống như uống khúc uyển chuyển. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kiến thanh loa âm loa đồng với âm trên.

Quân chích âm trên quân vận âm dưới chinh thạch sách Phương Ngôn cho rằng: Quân chích đều là lấy giữ lấy, sách Thuyết Văn đều là nhặt lấy, chữ quân hoặc là viết chích hoặc là viết chữ chích.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 23

Oa long âm ô oa sách Thuyết Văn cho rằng: Tà dại, xấu xa; hoặc là viết chữ loa

Lâm nghiễm âm ngôn kiến trước đã giải thích rồi.

Vi tốc âm tố lộc Văn Tự Điển nói: Tên gọi chung rau cải từ bộ thảo thanh tốc âm tốc âm sở lục.

Vi sởi âm trên ô hối âm dưới lỗi tội sách Khảo Thanh cho rằng: Núi. Bổn tập viết từ bộ hoài đến sợ lụy viết thành chữ hối lụy Ngọc Thiện nói: không có chữ này.

Phu tiêu âm thất tiếu lời thương cho rằng: Tiếu là núi nhỏ mà cao chót vót, hoặc từ sợ phụ viết thành chữ tiếu.

Huyền triệt âm triền liệt Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Triệt là vết bánh xe. Xưa nay chánh tự viết từ bộ xa bộ triệt thanh tĩnh bổn tập viết từ bộ túc viết thành chữ triệt là không có chữ này.

Bức ức âm trên bằng bức âm dưới bằng cựu Cố Dã Vương cho rằng: Bức ức giống như tràn đầy. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Bức ức là đầy hơi. Ngọc Thiện cho rằng: bức hoặc là từ bộ tâm viết thành chữ bức sách Thuyết Văn nói: chữ ức viết đúng từ bộ ất viết thành chữ ức sách Khảo Thanh hoặc từ bộ cốt viết thành chữ ức bổn tập viết chữ ức tục dùng thông dụng.

Yểu dĩ âm dĩ hiểu hoặc là viết chữ yểu.

Phương Huyến ngược lại âm huyết luyện Tư Mã Bưu chú giải sách Luận Ngữ rằng: Huyến là loa văn rực rỡ. Sách Thuyết Văn hoặc từ bộ luyến viết thành chữ luyến.

Từ hoạch âm hoành mạch Quảng Nhã cho rằng: hoạch là âm huệ, sách Khảo Thanh cho rằng: hiểu rõ, sách Thuyết Văn viết từ bộ tận viết thành chữ hoạch là sai.

Lan tôn âm tổn tôn xưa nay Chánh Tự cho rằng: Tôn là loại cỏ thơm. Từ bộ thảo thanh tôn.

Nịch thị âm minh đích Nhĩ Nhã cho rằng: Nịch là lo lắng, suy nghĩ Văn Tự Điển nói: Hoặc là viết chữ nịch.

Tố lai âm tô cố sách Phương Ngôn cho rằng: Tố là đi ngược dòng nước. Sách Thuyết Văn cũng là chữ tố sách Nhĩ Nhã nói: Nước chảy ngược ngược dòng trở lên gọi là tố.

Đổ vi âm vi quý Quảng Nhã nói rằng: Vi là chủng loại, cùng loại lại với nhau. sách Thuyết Văn từ bộ bộ vi thanh tĩnh âm đệ là âm đệ văn chữ cổ. Nay viết chữ vị này vậy.

Lan uyển âm miễn viễn sách sở từ cho rằng: Chính uyển là lan tư đơn vị đo xuống đất của Trung Quốc ngày xưa. Vương Dật chú giải rằng: Mười hai mẫu là một uyển. Sách Thuyết Văn hoặc là ba mươi mẫu là một uyển. Từ bộ điền thanh uyển bổn tập viết từ bộ nhựt viết thành chữ uyển là viết sai.

Diên lâu âm duyệt duyên Mao Thi Truyện Trịnh Tiễn cho rằng: Loại diều hâu. Xưa nay chánh tự viết từ bộ điểu thanh dực bổn tập viết chữ diên tục dùng thông dụng.

Khu hâm âm trên khúc câu âm dưới khấp kim Quảng Nhã và Thượng Lâm Phú Truyện khu hâm đều là núi cao hiểm trở, nghiên xưa

nay chánh tự đều cho rằng: khu hâm đều là thế núi cao hiểm trở đều từ bộ sơn đều thạnh khu hâm.

Đới ngung âm ngu hung.

Hà phệ âm thời duệ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Phệ là bến (920) nước, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh phệ.

Vương hao âm hiếu giao tên người.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 99

Quảng Hoằng Minh Tập Âm quyển hạ từ quyển hai mươi bốn cho đến hết quyển ba mươi.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 24

Sạ thải âm đài đái Quảng Nhã cho rằng: thải là tẩy rửa. Khảo Thanh cho rằng: trừ bỏ. Sách Thuyết Văn nói: Cũng là tẩy rửa. Chữ viết từ bộ thủy thanh thái âm giãn là âm gian âm đào là âm đào âm giãn là âm gián.

Sơ tốc âm tố lộc Văn Tự Điển nói: Tốc là loại tên chung gọi rau cải chữ viết từ bộ thảo thanh tốc âm tốc ngược lại âm sở giác.

Xúc át âm an cát Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trên mũi. Sách Thuyết Văn cho rằng: sống mũi, từ bộ an thanh hiệt hoặc là viết từ bộ tỵ viết thành chữ át.

Vi kình âm kịch nghinh trước đã giải thích rồi.

Tố hòa âm bộ cố Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tố giống như hướng theo. Quảng Nhã kinh hoặc là viết từ bộ xước viết thành chữ tố.

Phĩ nhiên âm phù vĩ bổn tập viết từ bộ tâm viết thành chữ phĩ tự thư không có chữ này.

Thuyên tạm âm tầm cảm Khảo Thanh cho rằng: Bản gỗ khắc chữ để in. sách Thuyết Văn cho rằng: Bản hiệu, Văn Tự Điển nói: Bản gỗ khắc chữ từ bộ mộc thanh tàm Bổn tập viết từ bộ tiệm viết thành chữ tiệm là sai.

Điểm mặc âm trên thiên hiển sách Phương Ngôn nói: Điển là xấu hổ. giữa Hình Dương Thanh gọi xấu hổ, hổ thẹn là điển âm dưới man bắc Cố Dã Vương nói: Mặc là không nói im lặng. Sách Thuyết Văn

hoặc là viết chữ mặc Bổn tập viết từ bộ tâm viết thành chữ mặc là sai.

Hung phó âm phù vụ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Là báo tin đến.

Sang vị âm vị tiện Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sang là vết thương, sách Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ tật thanh hữu Bổn tập viết chữ vi tục dùng thông dụng.

Thanh lại âm lai đái sách Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy trên bải cát. Từ bộ thủy thanh lại.

Uông uất âm ác lãng Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ương là hơi sương lờ mờ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Ngô Việt gọi là bụi trần nổi lên mù mịt là ương sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh ương

Ương lưu âm a huân Văn Tự Điển nói: Là nước chảy, rộng lớn mênh mong, từ thủy thanh ương.

Tán ngột âm trên tồ loan âm dưới ngô cốt âm ngột Văn Tự Điển nói: Tán ngột là núi cao nguy hiểm. Chữ viết đều từ bộ sơn thanh tán ngột.

Ẩn lân âm trên ân cẩn âm dưới lân chân. Sách Khảo Thanh nói: Ẩn là đất cao lân là núi cao, bổn tập viết chữ ẩn tục dùng thông dụng.

Ẩn chẩn âm chân nhẩn Lã Diên Tề chú giải Tả Tú Ngô Phú Đô Phú Truyện rằng: Ẩn chẩn là nhiều tiền của, từ bộ bối Bổn tập viết từ bộ nhục viết thành chữ chẩn âm thận là chẳng phải.

Hung dũng âm hung cũng. Sách Thuyết Văn nói: lung cũng là dũng Là sóng nước cuồn cuộn, từ bộ thủy thanh hung Bổn tập viết chữ hung là chẳng phải.

Tao độc âm tao táo.

Lưu tả âm lưu cứu. Sách Khảo Thanh cho rằng: Nước chảy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh lưu Bổn tập viết chữ lưu tục dùng thông dụng.

Canh cấp âm trên canh hạnh Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Canh cấp là dây gáo múc nước. Sách Phương Ngôn nói: Từ quan ải mà đến Đông Chu, giữa Lạc, Hàn, Ngụy gọi dây lớn là canh Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh canh âm dưới kim hâm Văn Tự Điển nói: Hấp là dẫn nước vào từ bộ thủy thanh cập Bổn tập viết từ bộ mịch viết thành chữ cập là nghĩa giai cấp. Thứ tự, thần bậc chẳng phải nghĩa múc nước, dẫn nước.

Quán thấu âm trên quan uyển sách Thuyết Văn nói: Rửa tay từ bộ cửu bộ thủy đến bộ mảnh bổn tập viết từ bộ thủy viết thành chữ quán là sai. Âm dưới thúc cứu Văn Tự Điển nói: Trong miệng nước sạch lại

ngậm nước trong miệng, từ bộ thủy thanh thấu âm thấu là âm sóc.

Bình di âm dĩ chi Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Rót nước vào chậu. Sách Thuyết Văn nói: Giống như cái thìa, trong có cáng đường để rót nước chữ viết từ bộ phương thanh phương là âm phương.

Phong lự âm trên phúc phong sách Thuyết Văn nói: Loại cây có lá dày nhánh yếu hay đong đưa, hoặc là từ bộ lâm viết thành chữ phong Quách Phác chú giải Kinh Sơn Hải rằng: Tức nay người ta gọi là cây phong hương âm dưới Lữ Trư sách Khảo Thanh nói: Trên cây chữ lự. Sách Nhĩ Nhã nói: cây chư lự, Quách Phác chú giải rằng: Nay ở Giang Đông gọi cây đĩnh là lự giống như dây cát, mà thô to lớn. Văn Tự Điển nói: Từ bộ mộc thanh lự Bổn tập viết từ bộ hư là sai âm truy ngược lại âm luật truy truy cũng là lự.

Tấn lịch âm trân tư nghi Mao Thi Truyện nói: Thuộc cây y tử. Hàn Thi Truyện nói: Tử thật ra là cây đồng da nói: gọi là ỷ Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tức là cây thu có thể ăn được, từ bộ mộc hoặc là viết chữ đồng âm dưới linh đích hoặc là viết lạc.

Cơ bạch đới âm trên cự cưu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Cơ là cây mai. Quách Phác chú giải rằng: giống cây mai tử, giống như đầu ngón tay, màu đỏ lại giống như cay nại có thể ăn được, chữ viết từ bộ mộc âm dưới đê kế sách Khảo Thanh cho rằng: đào, lý gọi là đối Văn Tự Điển nói: từ bộ thảo thanh đối.

Túc bổn tôn âm trên sở dực sách Khảo Thanh nói: Túc là cây trong rừng. Sách Thuyết Văn nói: Cây dài mà có nước từ bộ mộc thanh tiểu âm giữa bộn bổn âm dưới tôn tổn Cố Dã Vương nói: Bổn tôn là loại cây mới mọc nhu nhú lên. Sách Thuyết Văn nói: Cỏ tươi tốt sum sê đều từ bộ thảo đều thanh bổn tôn âm thư âm phù dung.

Khuyển lộ âm huyền khuyển Văn Tự Điển nói: Phương pháp lộ ra chiếu sáng từ bộ thủy thanh huyền Bổn tập từ bộ bối viết thành chữ huyễn. tự thư đều gọi là giữ lấy danh. Chẳng phải nghĩa huyễn lộ.

Kháng kinh âm trên khang lãng Quảng Nhã cho rằng: Kháng là chống cự lại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Giơ cao, sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh khang âm dưới hạnh canh Thiên Thương Hiệt gốc cỏ gọi là canh sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh canh âm canh là âm kinh.

Vũ khấu âm khẩu hậu Văn Tự Điển nói: Chim non trong trứng mới sinh ra, từ bộ điểu thanh xác ngược lại âm khổ giác.

Kê vụ âm mông bóc Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Vụ là con vịt hoang dã, tức con le le vịt trời, Văn Tự Điển nói: Viết từ bộ

điểu thanh vụ âm vụ là âm vũ.

Minh thiền âm thời nhiên sách Nguyệt Linh nói: Tháng trong hè con ve bắt đầu kêu tiếng nghe trong sáng. Ứng Thiệu chú giải Hán Thư rằng: Chỗ ở con ve trên cao, thức ăn sạch sẽ, con mắt dưới nách. Sách Thuyết Văn nói: dùng một bên để kêu. Từ bộ trùng thanh đơn Bổn tập từ bộ huyền viết thành chữ huyền âm huyễn sách Khảo Thanh nói: huyền là loại côn trùng có một trăm cái chân, chẳng phải nghĩa minh thiền tức ve kêu.

Phi ngô âm ngũ cô sách Nhĩ Nhã cho rằng: Ngô là con chuột, xem trước đã giải thích rồi.

Tao tán âm trên tảo tao âm dưới tàn đãn Bì Thương cho rằng: Tao tán là tiếng kêu la. Quảng Nhã cùng với Bì Thương đồng nghĩa. Xưa nay chánh tự hoặc là viết nghiễm Bổn tập từ bộ tán viết thành chữ tán ngược lại âm tán đãn chẳng phải bổn nghĩa.

Tiêu lượng âm liễu dục Văn Tự Điển nói: viết chữ mậu là tiếng gió từ bộ phong thanh mậu Bổn tập viết chữ mậu tục dùng thông dụng âm dưới lương tướng. Bổn tập viết từ bộ khẩu viết thành chữ lượng là sai.

Tả quyến âm quyết nguyện Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quyến là nhìn. Mao Thi Truyện cho rằng: Quyến là quay lại nhìn chăm chú, sách Thuyết Văn viết từ bộ mục quyển Bổn tập từ bộ mục viết thành chữ quyến là sai.

Hữu đệ âm đê để Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đệ là liếc nhìn, nhìn nghiêng, hé mắt nhìn, liếc nghiêng. Xưa nay chánh tự viết từ bộ mục thanh đệ.

Chiêm tỉ âm thâm diệp sách Trương Yến chú giải sách Sử Ký rằng: Chân mang giày dép. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chiêm âm dưới sư tử hoặc là viết chữ tì đều thông dụng.

Khu y âm khẩu câu Quảng Nhã cho rằng: khu là vén lên. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là lấy tay vén áo lên phía trước. sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh khu âm kiên ngược lại âm khi ngôn.

Khuẩn tạ âm trên lục vẫn âm dưới tịch dạ Văn Tự Tập Lược nói: Trên nhà có cái đài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh tạ.

Nhĩ tinh tủy âm nhi chí Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhĩ là dâng thức ăn. Sách Thuyết Văn viết bộ thực thanh nhĩ Bổn tập viết từ bộ thủ viết thành chữ thủ là sai.

Trùng tích âm trên đại công lại âm chỉ dung đều thông dụng Mao Thi Truyện cho rằng: Nước hội tụ. Trịnh Tiễn chú giải rằng: Nước trên

cao chảy xuống, từ sông nhỏ chảy vào sông lớn, từ bộ thủy đến bộ chủng chữ hội ý.

Bồn dũng âm phổ muộn Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bồn là giọt nước bắn lên. Xưa nay chánh tự viết bộ thủy thanh bồn. Bổn tập viết từ bộ bôn viết thành chữ bồn là không có chữ này.

Ương yết âm ư huân Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ương là to lớn vĩ đại. Sách Thuyết Văn từ bộ thủy thanh ương.

Đàm loan âm trên đản la âm dưới loạn quan Kinh Sơn Hải nói: Núi vân vũ có loại tên loan gốc vang, nhánh đỏ lá xanh. Sách Thuyết Văn nói: Cây loan giống như cây lan, từ bộ mộc thanh loan âm loan là âm loan.

Tiêu tất âm bĩ lực Quảng Nhã nói: Tất là gió lớn. Sách Thuyết Văn từ bộ phong thanh tất.

Khu chẩn âm chi chẩn Trịnh Huyền chú giải sách Chi Lễ rằng: Thửa ruộng có lối đi. Mười phu hai oán, con đường nhỏ hẹp. Sách Thuyết Văn: Bên bờ ruộng có cái giếng, thành bờ ruộng, từ bộ điền thanh chân âm chân là âm chẩn Bổn tập viết từ bộ chẩn tục dùng thông dụng âm tán là âm tán.

Phì du âm du chu sách Thuyết Văn nói: du cũng là phì béo phì mập. Từ bộ nhục thanh du.

Đông thậm âm thời nẩm Mao Thi Truyện cho rằng: Thậm là lá dâu thật hoặc là viết chữ thậm.

Sương xuyết âm truy quát Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Xuyết là loại chim lớn như bồ câu, giống như chim trĩ, chân như chuột, không có ngón sau, đuôi vểnh lên, chim bay từng đàn. Sống ở phương Bắc, vùng sa mạc. Sách Thuyết Văn từ bộ điểu thanh xuyết âm xuyết là trúc liệt.

Đoản hạt âm trên đoan quản âm dưới hàn cát Hứa Thúc Trọng chú giải Hoài Nam Tử rằng: Người nước Sở gọi áo bào ngắn là hạt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Áo ngắn. Từ bộ thỉ thanh đậu hạt từ bộ y thanh hạt Bổn tập viết từ bộ mộc viết thành chữ đoản âm đậu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: đậu là dụng cụ đựng đồ lễ, chẳng phải nghĩa bổn tập.

Uyển tướng âm trên miễn viễn Bản Thảo giải thích rằng: nấm đỏ. Lại cũng gọi là nấm xanh. Sách Thuyết Văn thảo dược. Âm dưới trước dương sách Thuyết Văn nói: tưởng là loại nấm cô đều từ bộ thảo đều thanh uyển tưởng âm cô là âm cô.

Quản hoài âm trên nhuận nhau âm dưới cổ hoại Theo Tả Thị

Truyện nói: Tuy có dạy quan ma nhưng không bỏ ống. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Quản là loại cỏ mao. Thanh Loại nói rằng: Hoại là loại cỏ trong giữa là dây lớn, sách Thuyết Văn đều từ bộ thảo thanh quan hoại hoại âm khổ quái Bổn tập viết chữ hoại cũng thông dụng.

Huyên nô âm trên vu viên âm dưới nô giao Mao Thi Truyện cho rằng: Tiếng ồn ào huyên náo. Sách Khảo Thanh cho rằng: Tiếng ồn, sách Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ khẩu thanh âm lao âm sữu giao.

Thành luân âm thành chính Quảng Nhã cho rằng: Thành là nhiều hoặc là viết chữ thạnh hai chữ đều đồng nghĩa.

Tưởng du âm tưởng dương Mao Thi Truyện nói rằng: tương là thùng lớn chứa trong xe. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh tương ? Văn Tự Điển nói: (921) hoặc là cũng từ bộ thảo viết thành chữ tương âm dưới du chủ Giã Quý chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Là nhà lớn bên cạnh có nhà nhỏ. Kho lớn gọi là dũ dũ tức kho chứa, là lúa thóc cất giữ gieo trồng, sách Thuyết Văn nói: Kho không có nhà gọi là dũ từ bộ nghiễm thanh du.

Ôn cược âm trên ô cốt Quảng Nhã giải thích ôn là cười. Bì Thương cho rằng: Cười lớn âm dưới cưỡng khước sách Khảo Thanh cho rằng: Cược là cười to tiếng, không tự vượt lên. Sách Thuyết Văn đều từ bộ khẩu đều thanh ôn cự âm ôn là âm ôn.

Mẩn miển âm uật tẫn âm dưới mi biện sách Khảo Thanh cho rằng: Mẫn miễn là cố sức, gắng sức. Sách Thuyết Văn miển từ bộ nhân thanh miển mãn hoặc từ bộ võng viết thành chữ mẫn.

Cực cải âm khi ký cực là số nhiều, âm sổ là âm tố sách Khảo Thanh cho rằng: Chữ cải đứng từ bộ phợc viết thành chữ cải.

Võng lũ âm câu ngộ Thiên Thương Hiệt: Lũ là giày xấu, thô sơ. Bổn tập viết chữ lũ tục dùng thông dụng.

Lu lưu ly âm sĩ ly sách Thuyết Văn nắm bắt và thả ra, từ bộ thủ thanh ly âm lưu là âm lưu chữ chánh thể. Bổn tập viết chữ lưu tục dùng thông dụng.

Cự công ân cự ngư tên người

Nhi vịnh âm vinh mệnh sách Thuyết Văn cũng viết chữ vịnh

Từ oanh âm ách hoành Mao Thi Truyện cho rằng: Chim oanh tiếng hót trong trẻo, loại chim có văn chương, Văn Tự Điển nói: Từ bộ điểu đến bộ quỳnh thanh tĩnh.

Tệ giới âm trên tất duệ âm dưới giai giới Quảng Nhã cho rằng: Giới là quần cắt ngan gối sách, Khảo Thanh cho rằng: Là cái quần đùi,

sách Thuyết Văn cho rằng: Giới là quần đùi, cũng là cắt ngang gối, từ bộ y thanh giới âm đản âm thang lạc.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 25

Chiêm đổ âm đô lỡ cùng với chữ đổ là đồng.

Lưu đồn ngược lại đột đến cùng với chữ đồn đều đồng.

Du hiên âm dậu chu Mao Thi Truyện cho rằng: Du là xe nhẹ, xe nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh tù.

Chương hoàng âm dưỡng dương sách Khảo Thanh cho rằng: Chương hoàng là lo lắng, sợ hãi.

Trâm phất âm trên tập sâm sách Vận Tập cho rằng: Trâm là cái trâm, cái đầu, hoặc là viết chữ trâm xưa viết chữ trâm. Bổn tập viết chữ trâm sách Thuyết Văn cho rằng: Tục dùng thông dụng. âm dưới phân vật Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phất là dây thao buộc ngang lưng hoắc là viết nhu.

Thần ỷ âm trên thận nhân sách Khảo Thanh cho rằng: Cung nhỏ màu tím gọi là tử thần chỗ vua ở. Sách Thuyết Văn từ bộ miên thanh thần âm dưới y khải sách Nhĩ Nhã cho rằng: Giữa cửa sổ có bức màn che gọi là bình phong. Quách Phác chú giải rằng: Cửa sổ phía Đông và phía Tây. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hô thanh âm dũ ngược lại âm do liễu.

Sam thế âm trên là sam âm dưới đê kế Văn Tự Điển nói: Thế là bới cỏ, trừ cỏ, nhổ cỏ. Từ bộ thảo thanh thế.

Mạc bái âm trên mãn bác xem trước quyển thứ mười chín đã giải thích rồi.

Huyền mạc âm mang bác Mạc tiếng vọng lại từ xa từ bộ xước thanh mạc Bổn tập viết từ bộ tâm viết thành chữ khẩn chẳng phải âm man ngược lại âm mộc bang.

Tệ biện âm tất duệ. Sách khác Thanh cho rằng: không có tiên. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: vẽ công chim trĩ gắn trên đầu. Chỗ gọi là hoa trùng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điểu thanh tệ âm tệ ngược lại âm tỳ duệ.

Ngạn tông âm tộc tông danh tăng.

Trường nhị âm y nhị sách Khảo Thanh cho rằng: Nhị là chấp tay làm lễ. Sách Thuyết Văn tay giơ lên lạy xuống từ bộ thủ thanh nhị.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 26

Ngung ngung âm vương cung xem trước quyển thứ mười chín đã giải thích rồi.

Tiêu loại âm thất tiều sách Khảo Công Ký nói rằng: Tiêu là bé nhỏ. Văn Tự Điển nói: Từ bộ khẩu thanh tiếu.

Tàm y âm tạp hàm sách Chu Lễ nói rằng: Người thợ dệt kéo tơ tầm từ trong kén ra. Tháng trọng xuân, kêu gọi các thợ dệt từ trong đến ngoài. Các mệnh phụ bắt đầu dệt vải tơ lụa, nghề nuôi tằm dệt vải từ phía Bắc. Sách Thuyết Văn nói: con tằm nhã tơ, từ bộ côn âm côn là âm con âm tàm ngược lại âm thiên cảm Bổn tập viết từ bộ thiên viết thành chữ tàm là sai. Âm dưới đồng.

Dược kiển âm trên dương dưới sách Thuyết Văn nói: dược là nấu canh rau từ trong xuất ra nêu, hoặc từ bộ cách viết thành chữ dược âm kịch Bổn tập từ bộ hỏa viết thành chữ dược cũng thông dụng âm dưới kiên hiển sách Thuyết Văn: Tàm y là áo thô áo dệt bằng tơ tầm. Từ bộ mịch đến bộ trùng đến bộ tiết giống con bướm có hai cái sừng. Tương đương giống nhau. âm tiết là âm miên Bổn tập viết chữ kiển tục dùng thông dụng.

Thuyên bỉ âm thù duyên Mao Thi Truyện cho rằng: Thuyên là mau chóng. Sách Nhĩ Nhã nói: Thần tốc nhanh như chớp. Sách Thuyết Văn từ bộ xướt thanh Bổn tập từ bộ khiếm viết thành chữ thuyên âm đồng với âm trên. Sách Thuyết Văn gọi là trong miệng dẫn hơi ra. Chưa thẩm định thật nghĩa.

Phốc đế âm trên phổ bốc Cố Dã Vương cho rằng: Phốc là đánh, đập giã. Âm dưới để lệ theo Thanh Loại nói: đế là tổn hại sách Thuyết Văn đều từ bỏ thủ đều thanh phộc đế âm phộc đồng với âm trên.

Sanh thuyên âm trên sở canh âm dưới tuyệt duyên Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Bò, heo, dê gọi là sanh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thuần một màu lông gọi là hy Thể Nguyên cho rằng: thuyên là thuần sắc một màu Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Thuyên là thuần một màu, sách Thuyết Văn đều từ bộ ngưu đều thanh sanh toàn.

Huyết liêu âm liễu điêu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Nơi trú đóng quân mùi tanh máu thịt, ăn uống no say. Sách Thuyết Văn hoặc viết chữ liêu.

Chước tế âm dương chước sách Nhĩ Nhã cho rằng: mùa hạ cúng

tế gọi là chước Quách Phác chú giải rằng: rau cải tươi có thể nâu, hoặc là viết chữ chước Bổn tập từ bộ trúc viết thành chữ dược là ống sáo chữ dược là chẳng phải nghĩa này.

Mại thiền âm thiền triển sách Khảo Thanh cho rằng: Tên con cá. Kinh Sơn Hải nói rằng: Loại cá trơn không có vảy. Quách Phác chú giải rằng: Thiền là loại cá giống như rắn tức là con lươn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngư thanh thiền.

Bố thiết âm phổ bổ Tự Thư cho rằng: bày ra, Cố Dã Vương cho rằng: Trải ra thoải mái, hoặc là viết chữ phu.

Tư phù âm tương tà Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tư giống như là che trùm. Sách Khảo Thanh cho rằng: tư là giăng lưới bắt thỏ. Sách Thuyết Văn hoặc viết Tỳ Thương âm dưới phù lưu Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Lấy lưới giăng bắt thú, sách Thuyết Văn cũng nói: giăng lưới bắt thỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cổ tức là lưới.

Tức thư âm trên tăng lực âm dưới tử dư. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Tức thư là tên gọi ngô công, tức con rít. Sách Thuyết Văn đều từ bộ trùng đều thanh tức thư

Cam đế âm Tỳ Thương thái sách Khảo Thanh cho rằng: Đế là con rắn. Sách Đường Vận cũng nói: Là con rắn hoặc la viết chữ hái.

Sài khuyển âm sàng giai Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Sài là con sói, chân giống như con chó. Sách Thuyết Văn nói: Thuộc sói lang. từ bộ trĩ thanh tài âm trĩ âm trì nhĩ bổn tập viết từ bộ khuyển viết thành phụ là không có chữ này tức là sai.

Dã cam âm cát hàm Quách Phác cho rằng: Còn xạ can có thể duyên theo cây truyền cành. Quảng Chí cho rằng: Nó hái trái nơi rất nguy hiểm cây cao bổn tập viết từ bộ khuyển viết thành chữ cam là sai.

Thị dương âm dinh chích sách Khảo Thanh cho rằng: Dương là bệnh nổi trên da, viết đúng từ bộ tật bổn tập viết chữ dương tục Tỳ Thương thường hay dùng.

Thị lưu âm liễu chu Quảng Nhã cho rằng: Lưu là bệnh. Cố Dã Vương cho rằng: Sung thũng kết nhưng tán ra nước, sách Thuyết Văn cũng là sung thũng; từ bộ tật thanh lưu Bổn tập viết chữ lưu tục dùng thông dụng.

Thị lâu âm lẩu đậu Quách Phác chú giải Kinh Sơn rằng: Lậu là bệnh ung thư, sách Thuyết Văn cho rằng: Bứu cổ, từ bộ tật thanh lũ bổn tập viết chữ lũ tục dùng thông dụng.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 27

Loa tri âm trên lực hòa âm dưới trực ly sách Chu Lễ cho rằng: Lấy trứng con kiến làm tế lễ. Người nhận làm loại rượu tế lễ. Trịnh Dung chú giải rằng: Tri là trứng con kiến. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh tri âm đệ là âm để.

Hào lương âm hồ cao tên sông trước đã giải thích rồi.

Cỏ nịch âm minh đích Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nịch giống như lo đối khác, hoặc là viết chữ nịch

Túy dung âm tư quý trước đã giải thích rồi.

Giãn vi âm gian nhãn tên người.

Tây bưu âm hữu cứu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bưu là qua đi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: là chỗ con đường đi qua, như là cái trạm. Quảng Nhã cho rằng: Trạm để truyền công văn tức bưu điện ngày nay. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp thanh thùy Bổn tập viết chữ bưu là sai.

Hoàng tuế âm trên ô hoàng âm dưới uy vệ Cố Dã Vương cho rằng: Hoàng tế giống như nước xối xả, ào ào. Quảng Nhã cho rằng: Xối nước ào ào, hoặc là viết chữ tuế âm đà ngược lại âm đạt hà.

Vũ nhiên âm vô bổ Hà Yến chú giải sách Luận Ngữ rằng: Vũ nhiên là làm phật ý không vừa lòng. Sách Thuyết Văn từ bộ tâm thanh vô.

Nhân tình âm tình tĩnh Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Trinh khiết sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trang sức sạch sẽ hoặc viết từ bộ lập viết thành chữ tình.

Lưỡng dật âm trần lật hoặc là viết chữ trật lại viết chữ dật bổn tập viết chữ dật là sai.

Khuê bộ âm khuy quý sách Lễ Ký cho rằng: Người quân tử đi nửa bước cũng không dám quên, sách Phương Ngôn cho rằng: Nửa bước là một khuê Cố Dã Vương cho rằng: Là nhấc chân lên một bước, hai bước. Là bộ, đi bộ. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết chữ khuể bổn tập viết chữ khuể cũng thông dụng.

Lẫm lệ âm trên lâm cẩm âm lâm kế Bì Thương cho rằng: Lẫm cũng là lệ chuyển qua tương đối giải thích. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ lẫm từ bộ tâm thanh lẫm chữ lệ hoặc là viết chữ lệ.

Nguyệt nhĩ âm dưới như chí Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nhĩ là xẻo tai. Văn Tự Điển nói: từ bộ đao thanh nhĩ.

Cổ giai âm trên là cố Bổn tập viết chữ du là sai. Âm dưới giới hài nói: giai là cứng chắc, kiên cố, sáchv cho rằng: Cửu giang gọi là thiết thiết tức là giai từ bộ kim thanh giai.

Núng hoa âm nữ lung sách Khảo Thanh cho rằng: Chùm hoa.

Khác viết âm khô đới Tả Truyện cho rằng: Khác chơi xuân mà buồn bã. Đỗ Dự chú giải rằng: khác là tham vọng, Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Khác là gấp vội, nóng nảy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm thanh hạt.

Kiêu hách âm trên hy kiêu Cố Dã Vương cho rằng: Cao là hơi nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hà hơi ra tức là la hét, ồm õi, ầm ĩ, âm dưới hư ách sách Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ xích Bổn tập viết chữ hách Là sai.

Ấn ấn âm tái lại Quảng Nhã cho rằng: Ấn là rung động, xưa nay chánh tự cho rằng: Ấn là đè lên, bấm, ngất, mau chóng. Từ bộ thủ thanh Tỳ Thương sách Khảo Thanh viết đúng là chữ ấn Bổn tập viết chữ ấn tục dùng thông dụng.

Phối ngẫu âm trên phi bế âm dưới ngư cẩu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cũng là phối ngẫu, tác hợp lương duyên, tức là chuyển chữ để giải thích. Tức là vợ người hôn phối từ bộ nữ thanh phối âm phế ngược lại âm bổ lệ âm phi là âm phì.

Cao trụy âm truy loại sách Thuyết Văn nói: trụy là oán giận, từ bộ tâm thanh đối hoặc là từ bộ ngôn viết thành chữ truy.

Hàn tư âm tứ tư Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Từ là băng chảy ra thành nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy đóng băng. Từ bộ băng thanh Tỳ Thương Bổn tập viết từ bộ thủy viết thành chữ Tỳ Thương tên của dòng sông ở Bắc Hải.

Tài nghiệm âm trên tại lại Cố Dã Vương cho rằng: Tài giống như gần một bên, hoặc là viết chữ tài bổn tập viết chữ tài là sai, hoặc là viết chữ tài tục dùng thông dụng (922).

Tư hồ âm hồ cố Quảng Nhã cho rằng: Hồ là xinh đẹp, hoặc là viết chữ cố từ bộ hồ viết thành chữ hồ tục dùng thông dụng.

Đệ nhân âm đế kế Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đệ là liếc nhìn. Chữ nghĩa trước đã giải thích rồi.

Quỳnh uyển âm miễn nguyễn trước đã giải thích rồi.

Diễm Châu âm thiệp nhiêm địa danh nước Việt.

Từ tiêu âm biểu kiêu sách Thuyết Văn nói: Thiết hàm ngựa. Từ bộ kim thanh tiêu âm tiêu là âm tuyệt giao Bổn tập viết từ bộ mã viết thành chữ tiêu âm lộc tức là con ngựa hoang dã chẳng phải nghĩa này.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 28

Đồ liệu âm trên độc nô sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đề loại rau đắng, âm dưới liễu điểu Mao Thi Truyện nói: Liệu là loại rau mọc trong nước, sách Thuyết Văn nói: Là loại rau có vị cay, đều từ bộ thảo Đều thanh tư mậu âm liệu âm lưu cứu.

Khiếm phúc âm kiêm điếm lưu triệu chú giải cốc lương truyện rằng: kiêm là ăn không no, từ bộ khiếm thanh liêm Bổn tập viết từ bộ khẩu viết thành chữ khiếm gọi là bên mén miệng. Có chỗ ngậm lại, chẳng phải nghĩa khiếm phúc.

Trường thắng âm thực nhưng Thiên Thương Hiệt cho rằng: bờ ruộng. Bì Thương cho rằng: bức tường thấp, hoặc là từ bộ điền viết thành chữ bạn lại viết chữ đóa.

Nang du âm du chủ Cố Dã Vương cho rằng: du là nhỏ, nhẹ, sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh từ từ thuyên giảm hoặc cũng viết chữ dũ

Thanh đê âm đệ hề Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đê là lụa nguyên màu sắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu đỏ màu vàng, từ bộ mịch thanh đê âm nguyên ngược lại âm luyên quyến.

Hướng vũ âm vu vũ tên người.

Yêu não âm trên Tự Lâm tảo Văn Tự Tập Lược nói rằng: trong lòng buồn bực áo não uất kết, yêu hoặc là viết chữ áo Bổn tập từ bộ thổ viết thành chữ yểu là chẳng phải chữ não hoặc là viết chữ não Bổn tập viết từ ba bộ chữ viết thành chữ não là sai.

Vô ngại âm ngư cái phàm kinh văn viết chữ ngại hoặc là viết chữ ngại Bổn tập từ bộ hơi viết thành chữ ngại là sai.

Túng kim âm sở song Tử Hư Phú Truyện cho rằng: Túng kim là cái trống. Bì Thương cho rằng: Túng giống như là đánh trống, hoặc từ bộ thư viết thành chữ túng.

Sâm quay âm sâm cẩm Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nay viết chữ sâm đó là nhiều cây củi trong nước được có cá, khi tiết hàn lạnh vào bên trong là bắt cá. Sách Thuyết Văn từ bộ mộc thanh sâm.

Tiêu trá âm thích á Cố Dã Vương cho rằng: Trá giống như là hét. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh trá âm trách ngược lại âm trúc cách.

Đăng nhi âm như chi sách Khảo Thanh cho rằng: Nhi là sông phía Đông, địa danh, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nhi là sông ở phía Đông nam, quanh co, ngoằn ngoèo, từ bộ phụ hoặc là từ

bộ thủy.

Liệu nga âm ngã ca Mao Thi Truyện cho rằng: Liệu là cây cỏ ngãi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Nay người gọi nga là cỏ ngãi. Sách Thuyết Văn từ bộ thảo thanh ngã.

Thuyển nghiệp âm từ chuẩn Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tuyển chỗ gọi là treo cái chuông lên ngang gọi tuyển trang sức thuộc vảy rồng, bản to lớn là dẹp, hoặc là từ bộ mộc viết thành bao Bổn tập viết bao là sai.

Ngu thùy âm thùy duy Quách Phác chú giải Kim Sơn Hải rằng: Thùy là người thợ khéo léo.

Bao trần âm trên bao bao sách Vận Anh cho rằng: Đốt lửa nướng vật hoặc là viết chữ bao âm dưới áo cao Bổn tập giải thích rằng: Thiêu nướng vật nay hoặc là ráng, nướng, chiên. Cũng viết chữ tiêu văn cổ viết từ bộ điểu viết thành tiểu chưa rõ nghĩa chữ này.

Phất ngạo âm ao cáo Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngạo gọi là không cung kính. Khảo Thanh, Nhĩ Thất cho Rằng: viết chữ ngạo cũng viết chữ ngạo Bổn tập viết từ bộ tâm viết thành chữ ngạo là sai.

Giới phẩm âm giai giới Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Giới là thuộc rồng, ba ba sống dưới nước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhân đến bộ nhân Bổn tập từ bộ ngư viết thành chữ giới tên của loài cá, chẳng phải nghĩa giới phẩm.

Chủng vị âm vi quý sách Chu Dịch nói: Vị là xấp cùng chủng loại, trước đã giải thích rồi.

Tiềm phu âm trên từ hạp sách Trang Tử nói rằng: Loài côn trùng cắn hút máu ngoài da, ban đêm không ngủ. Bì Thương cho rằng: cắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắn hút, giống như con đĩa. Hoặc là Khảo Thanh nói: viết chữ táp.

Võng vức âm vi bức sách Nhĩ Nhã cho rằng: Lưới đánh bắt cá dài chín thước. Quách Phác chú giải tức nay người Thanh Loại trăm lưới võng đánh bắt cá. Sách Thuyết Văn từ bộ võng thanh hoặc.

Chúng tỏa âm hòa quả sách Phương Ngôn cho rằng: Phàm vật quá nhiều gọi là tỏa xem trước đã giải thích rồi.

Khiêm khiêm ngược lại âm khiêm điếm sách Khảo Thanh cho rằng: Khiêm là không vừa lòng. Sách Thuyết Văn từ bộ tâm thanh kiêm.

Khuých kỳ âm khuynh dịch Bì Thương cho rằng: Khuých là yên tĩnh từ bộ cựu âm cụ là âm cựu dịch trước đã giải thích rồi.

Ứng phó âm phu vụ cùng với chữ phó cũng đồng.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 29

Đồ quắc âm quáng hoạch Mao Thi Truyện cho rằng: Quắc là thu hoạch được, bắt được không phục đó là giết, mà cắt tai trái mang về gọi là quắc hoặc từ bộ quốc viết thành chữ quốc lại từ bộ nhĩ viết thành chữ quắc xưa nay chánh tự văn cổ viết chữ hoắc.

Tru hổ âm vâm chu chữ dữ ý, gọi là trong hang rồng người Thanh Loại bắt ra con báo chó, hoặc con hổ, vật khác. Thường gọi là tru xuất công ngưu đó là biến hóa như thần phải xem kỹ mới thật là con hổ, đó là nói: không hiểu là người. Sách Thuyết Văn từ bộ trĩ thanh khu âm trĩ là âm trĩ.

Trục lô âm trên trùng lục sách Phương Ngôn cho rằng: Phía sau thuyền gọi là trục. Trục là cái bánh lái rẽ nước, giữ cho thuyền đi. Quách Phác chú giải rằng: Nay ở Giang Đông gọi là bánh lái là trục sách Thuyết Văn từ bộ chu bộ do thanh tĩnh âm đà ngược lại âm tha khả. Âm dưới hổ đô Lý Phỉ chú giải Hán Thư rằng: Là phía đầu thuyền là trước mũi thuyền. Sách Thuyết Văn là đầu thuyền, từ bộ chu thanh lô.

Nhập háp âm tham hạp. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hai chiếc thuyền sánh đôi, Văn Tự Tập Lược nói: Hai chiếc thuyền lớn. Bổn tập viết chữ hấp tục dùng thông dụng.

Thành sảnh âm sanh canh Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: sảnh là lầm lỗi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mục thanh sanh.

Thao nhũ âm thảo cao Thiên Thương Hiệt cho rằng: thao là vui vẻ. Sách Thuyết Văn nói: Vui vẻ, từ bộ tâm thanh thao âm thao đồng với âm trên.

Chân tâm âm nhứt lân Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chân là bít lấp kín. Hoặc là viết chữ chân.

Bột khởi âm bồn một Quảng Nhã cho rằng: Bột là hương thơm. Bì Thương cho rằng: Mùi thơm lớn lan tỏa. Sách Thuyết Văn từ bộ hương thanh bột âm bột đồng với âm trên, chữ bột từ bộ thị bộ lựu đến bộ tử âm là âm phất.

Uyển miễn âm trên miễn viễn âm dưới vô phản sách Khảo Thanh cho rằng: uyển miễn là người phụ nữ dịu dàng, hòa thuận. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Miễn là xinh đẹp đáng yêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyển là hòa thuận, đều từ bộ nữ. Bổn tập viết từ bộ nhựt

viết thành dữ uyển là không có bộ chữ này miễn là mặt trời chiều tối, chưa rõ nghĩa sâu xa này.

Chích thật âm chinh thạch sách Hoài Nam Tử nói rằng: Chim bay có hàng mà bay. Thú thật có chân mà chạy, Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: Chích là chạy mau. Lại gọi là đi hoặc là viết chữ chích Bổn tập từ bộ thứ viết thành chữ chích là sai.

Linh bình âm trên lỉnh đình âm dưới thất tinh tự thư giải thích hinh bình là đi không vững, đều từ bộ lập Bổn tập từ bộ tức viết thành chữ hinh cũng thông viết chữ tinh là sai.

Nhĩ ảo âm trên nịch ải sách Khảo Thanh cho rằng: Núm nhũ của bà lão. Âm dưới ô hạo Văn Dĩnh chú giải Hán Thư rằng: ở U Châu và Hán Trung đều gọi bà lão là ảo sách Thuyết Văn cho rằng: Bà già người phụ nữ già là ảo. Đều từ bộ nữ đều thanh nhũ ảo âm ôn âm ảo là âm ô cũ liêu hồi huy hồi trước đã giải thích rồi.

Tiêu minh âm trên tử tiêu âm dưới mịch bình sách liệt tử nói rằng: Thời nhà An, Thang hỏi đời nhà Hạ cách gọi là phàm vật có chân nhỏ bé gọi là nạp, gọi tiểu minh ở Giang Bộ gọi là ấu trùng biết bay; ở trong ổ giống như tò vò; ấu trùng qua lại bất giác, loại vô tri. Từ bộ trùng âm ma âm ma bá ma gọi là nhỏ bé, âm cách âm căng ức.

Côn bằng âm trên cốt hồn âm dưới phổ bổ sách Trang Tử nói: Sông Bắc Minh có loại cá tên Côn hóa làm con chim, chim này gọi là bằng trên lưng có đôi cánh đi không biết mấy ngàn dặm. Tư Mã Bưu chú giải rằng: Côn là cá lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngư thanh côn bổn tập viết từ bộ trùng viết thành chữ côn là sai bằng từ bộ điểu thanh bằng.

Thăng cổ âm hồ cổ Mao Thi Truyện cho rằng: Núi không có cỏ gọi lô Hàn Thi Truyện cho rằng: Núi có cây không có cỏ gọi là cô sách Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh cổ.

Nguy khuyết âm ngụy quý sách Hoài Nam Tử cho rằng: ở nước Ngụy mà lòng ngó mong ra cửa. Sách Chu Lễ cho rằng: Gọi là cửa trời giống như cao vời vợi, gọi là cao to lớn, từ bộ ủy thanh quỹ Bổn tập từ bộ mã viết thành ngụy âm quý thống tự cho rằng: Con ngựa màu đen nhạt, chẳng phải nghĩa nguy khuyết.

Liệt liệt âm liên triết theo Thanh Loại cho rằng: Liệt là gió mạnh, sách Thuyết Văn từ bộ phong thanh liệt.

Cô sô âm sĩ du Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã. Con chim mới nở ra mà có thể tự ăn được đó gọi là sô sách Thuyết Văn hoặc là từ bộ duy viết thành chữ sô Bổn tập viết chữ sô tục dùng thông dụng.

Kim chi âm cập kim Bì Thương cho rằng: Nắm bắt, cầm nắm. Sách Thuyết Văn vội vã nắm áo phía trước hoặc là viết từ bộ phộc viết thành chữ chi lại viết từ bộ cấm viết thành chữ cấm.

Khôi thông âm ngô ôi tên họ người âm ôi ngược lại âm ô tội.

Trùng điểu âm trục long âm dưới điểu liểu nghĩa là trùng cùng với điểu là hai chữ, gom lại liên kết viết chữ trùng điểu là người sai quá xa. Lầm quá mức.

Thắng sính âm trên thù đăng sách Khảo Thanh cho rằng: Siêu vượt qua, viết đúng là chữ thắng bổn tập viết chữ thắng tục dùng thông dụng. Âm dưới thánh lĩnh bổn tập từ bộ ương viết thành chữ ương là sai âm thính ngược lại âm đính trịnh.

Trinh hiên âm hiên yển Cố Dã Vương cho rằng: Nay gọi là tấm vải căng trên mui xe là hiên. Thích Danh cho rằng: Mui xe. Chỗ gọi là che nóng nhiệt ngăn ánh nắng nóng. Từ bộ câu thanh hiên bổn tập viết chữ mạn là viết sai.

Hạp hạp âm khâm hạp sách Thuyết Văn nói: Tiếng va chạm với nhau. từ bộ thạnh thanh hạp âm hạp là âm hợp hạp từ bộ đại đến bộ huyết nay Tục Thông Dụng viết chữ hạp Bổn tập viết từ bộ cái viết thàh chữ hạp là sai.

Hiểm tiếu âm trên hy kiểm chữ chỉ ý nguy hiểm núi gập ghềnh không bằng phẳng. Sách Khảo Thanh nói: Núi cao nguy hiểm. Xưa nay chánh tự viết từ bộ sơn thanh kiểm âm kiểm ngược lại âm tiếp diêm âm nghiễm âm khi nghiêm âm dưới thiêu tiểu theo Thanh Loại cho rằng: núi cao, hoặc từ bộ phụ viết thành chữ tiếu.

Sàm tuyệt âm sàng hàm sách Khảo Thanh cho rằng: Sàm là núi non chập chùng cao nguy hiểm, hoặc là viết chữ tàm lại viết chữ tàm bổn tập viết chữ sàm tục dùng thông dụng.

Nhựt nhựt âm vân mật sách Thuyết Văn nói: Gió lớn từ bộ phong thanh nhựt.

Trân nhưng âm trên trất cân Mao Thi Truyện cho rằng: là cỏ mọc sum suê, lan tràn, tươi tốt, Quảng Nhã cho rằng: Sum suê tươi tốt. Văn Tự Điển nói: từ bộ thảo thanh chân âm dưới nhưng chứng sách Khảo Thanh cho rằng: Cỏ dày đặt không có cắt bỏ sách Thuyết Văn nói: Cỏ dày đặt, từ bộ thảo thanh nhưng hoặc là viết chữ nhưng tóm lượt.

Vu dĩ âm trên ẩu Vương Chú Sở Từ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: vu là uống khúc cong queo. Sách Thuyết Văn nói: Cong lại từ bộ mịch thanh Vương Chú Sở Từ âm dưới tử kiết Trương Tiễn chú giải Lục Đô Phú Truyện rằng: Núi non khúc khuỷu, ngoằn ngoèo gọi là dĩ sách

Thuyết Văn viết từ bộ sơn thanh dĩ. (923).

Phù khánh âm trên phù vưu sách Thượng Thư cho rằng: Nước mắt chảy thành sông. Khổng An Quốc chú giải rằng: Trong nước thấy có đá, có thể là đá mài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh phù Bổn tập từ bộ thủ viết thành chữ phù âm phổ cấu Hàn Thi Truyện cho rằng: Phù là tụ lại, chẳng phải nghĩa phù khánh.

Thổ lưu âm lưu cứu Bổn tập viết chữ lưu tục dùng thông dụng.

Liên ỷ âm trên liệt triền Mao Thi Truyện cho rằng: Dòng sông nước sạch gọi là liên ỷ. Theo Truyện nói rằng: Gió làm gợn sóng; nước thành lăng tăng gọi là liên âm dưới là y nghi Mao Thi Truyện nói: Xưa sóng này sóng từng đợt sô vào bờ. Sách Thuyết Văn nói: liên ỹ là sóng nước, đều từ bộ thủy đều thanh liên y.

Phu thạch âm bổ vô Quách Phác chú giải Kim Sơn Hải rằng: Đá giống ngọc. Nay cát lâu năm ở huyện Lâm Hồ xuất ra đất trắng, màu sắc xanh, tổng gọi mà nói: Không thể hiểu được, Cố Dã Vương nói: Tức là đá giống như ngọc hoặc là sắc óng ánh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh phu.

Thần chất âm chân dật Hàn Không Bá chú giải sách Chu Dịch rằng: Chất giống như thể, Tống Trung chú giải Kinh Thái Huyền rằng: Chất là cơ thể thân mình. Sách Thuyết Văn từ bộ bối thanh cân âm cân là âm ngân Bổn tập từ bộ túc viết thành chữ chất là sai.

Chiêu nghiêu âm trên đồ liễu âm dưới nghịch tiêu sách Khảo Thanh cho rằng: chiêu nghiêu đều là núi đứng cao sừng sững riêng một mình. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Nghiêu là núi cao nguy hiểm. Sách Khảo Thanh cho rằng: Hoặc là viết chữ chiêu nghiêu âm nghịch là âm hích kích.

Lũy nguy âm trên lỗi ôi âm dưới khải ôi sách Khảo Thanh cho rằng: Lỡi nguy là núi cao, hoặc là viết chữ lỡi xưa nay chánh tự viết chữ nguy từ bộ sơn thanh nguy hoặc là viết chữ nguy.

Lung túng âm trên lung dung âm dưới thông tổng Bì Thương cho rằng: Lung túng là núi cao. Chữ nghĩa trước đã giải thích rồi.

Xưởng hoảng âm trên xương dưỡng Thiên Thương Hiệt cho rằng: Xưởng là cao rộng lớn hiểm hách. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đất hoang dã nổi cao lên có thể ở xa trông thất. Sách Thuyết Văn từ bộ phộc thanh thượng âm dưới hoàng quảng sách Khảo Thanh cho rằng: Hoảng là đất hoang dã vùng đất trống rỗng, cùng với chữ trong bổn tập đồng. Văn Tự Điển nói: trông ra xa hoặc là viết chữ hoang.

Nghiêu ngột âm ngô cốt chữ chỉ rằng: Ngột là núi trọc. Xưa nay

chánh tự viết từ bộ sơn thanh ngột viết chữ ngột cũng thông dụng.

Thị triền âm triệt liên Bổn tập từ bộ môn viết thành chữ triền là sai lầm.

Trừng đình âm địch đinh, Bì Thương cho rằng: Nước dừng lại, Tự Thư cho rằng: Nước được lóng trong. Văn Tự Điển nói: Từ bộ thủy thanh đình

Kiêu trữ âm hy kiêu Cố Dã Vương cho rằng: Kiêu là hơi ra nóng nhiệt. Sách Thuyết Văn nói: Hơi xuất, nói: ồn ào, huyên náo. Chữ nghĩa trước đã giải thích rồi.

Bạch nhàn tình âm điểm giàn sách Khảo Thanh cho rằng: Bạch nhàn là tên con chim, giống như chim trĩ, màu trắng, có chấm đen nhỏ, đầu màu đỏ có long xanh. Như sợi tơ, dưới bụng. Miến Đường Vân giải thích đuôi dài năm đến sáu thước. Văn Tự Điển nói: Từ bộ điểu thanh nhàn âm dưới hồ điểu Thiên Thương Hiệt cho rằng: Trinh là sáng từ ba bộ bạch

Khê kỳ âm tỵ nghi Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kỳ là đất nghìn dặm bốn phía quanh kinh thành, địa giới. Sách Thuyết Văn từ bộ thổ thanh cân.

Hoàng phúc âm phi bức sách Khảo Thanh cho rằng: Tên loại cỏ. Bì Thương cho rằng: Phúc cỏ loại dây leo mọc có thể ăn được. Xưa nay chánh tự viết từ bộ thảo thanh bức.

Hồng mai âm mai thực Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Mai thật giống như cây dâu mọc Giang Tân, màu xanh biếc. Thiên Thương Hiệt nói: Có thể ăn được Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Dây tiêu. Âm tiêu ngược lại âm bì biểu Mai con giống như cỏ um tùm mà cọng lớn hơn màu đỏ, chua, ngọt có thể ăn được. Sách Thuyết Văn nói: Mã mai, hoặc là viết chữ mai.

Anh úc âm trên y trinh âm dưới ư lực Mao Thi Truyện cho rằng: Anh úc là tên loại cỏ. Sách Khảo Thanh cho rằng: Giống như củ cải mà nhỏ, hạt đen. sách Thuyết Văn đều từ bộ thảo đều thanh anh úc âm úc đồng với âm trên.

Thanh hài ân giới hài sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hài là gốc rễ, sách Phương Ngôn cho rằng: Đông Tề gọi gốc rễ là hài sách Thuyết Văn nói: Gốc cỏ từ bộ thảo Thanh hài

Thuần dẫn âm thường thiên bổn tập tự bộ khẩu viết thành chữ dẫn âm thi nhẫn sách Lễ Ký cho rằng: Cười mà không dẫn đến ra tiếng. Chẳng phải nghĩa chữ thuần.

Trù triết âm trên bộ giao âm dưới kiệt tiết Cố Dã Vương cho

rằng: Tiếng chim hót líu lo, ríu rít. Sách Khảo Thanh cho rằng: Trù triết là tiếng chim trù hoặc là viết chữ trù triết hoặc là viết chữ đều thông dụng.

Quảng vũ âm vô bổ sách Thuyết Văn nói: Nhà dưới quanh nhà lớn. Từ bộ nghiễm thanh vô âm nghiễm âm nghiêm nhiễm.

Liệt thị trụ Quách Phác chú giải rằng: Thị là đi. Sách Thuyết Văn từ bộ xích thanh thị âm xích ngược lại âm đỉnh xích.

Đản phi âm cư đặng Mao Thi Truyện: Đản là dời đổi. Bổn tập từ bộ mịch viết thành chữ đăn văn chữ cổ.

Trừng đối âm trực chứng Bì Thương giải thích từng là nhìn thẳng, sách Thuyết Văn từ bộ mục thanh đăng.

Sảng khái âm khai cải Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sảng là trong sáng, sáng sủa, khải là khô ráo. Sách Thuyết Văn nói: cao ráo, thoáng mát, chữ biến thể. Trước đã giải thích rồi.

Sản tham âm xác giản Quảng Nhã cho rằng: Sản là vót nhọn, lột. Thanh Loại cho rằng: Sản là sang bằng, tiêu diệt. Sách Thuyết Văn từ bộ đao thanh tàn ầm tàn là âm tán.

Quang dược âm dương chước chữ chỉ rằng: Dược là ánh điện chớp. Sách Thuyết Văn cũng nói: Là ánh điện, chớp sáng từ bộ kiểm viết thành chữ dược là không có chữ này, sách viết sai.

Trình nhi âm tình tĩnh cùng với chữ tình đồng xem trước đã giải thích rồi.

Hoàn xuyến âm xuyên quyến sách Khảo Thanh cho rằng: Lấy ngọc vàng làm vòng đeo nơi cánh tay. Bổn tập từ bộ ngọc viết thành chữ xuyến là sai.

Linh phinh âm trên là linh âm dưới thất đinh hoặc là từ bộ viết thành linh phinh là cô đơn lặng lẽ. Xem trước đã giải thích rồi.

Thanh ủy âm nhụy duy Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Ủy là trên mũ trang sức có thắc vải buộc. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Yếm dải anh đào. Sách Thuyết Văn gọi là buộc vải lụa trên mũ màu xanh tím. Từ bộ mịch thanh ủy

Tái dương âm dược chương Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Trên mặt ngựa là có đeo đồ khắc chạm. Buộc trên trán con ngựa, làm trang sức khi chuyển động Mao Thi Truyện, Trịnh Tiễn chú giải rằng Trên đầu ngựa gọi là dương hoặc là viết chữ dương.

Thần biệt âm biến duyết sách Khảo Thanh cho rằng: Biệt là thẩm định xét xem thiện ác, tốt xấu. Bì Thương cho rằng: Biệt là phân ra, chọn lựa chủng loại, xuất ra có dời đổi, cũng là nghĩa phân biệt cũng

đồng, hoặc là viết chữ biệt đều thông dụng.

Li di âm trên li chỉ âm dưới di nhĩ chữ chi rằng: li di là thấp kém, mà dài, sách Nhĩ Nhã cho rằng: li di, khu đất, đóng cát. Quách Phác chú giải là một bên đi nhanh quanh co vòng vèo từ bộ xước viết thành chữ li di âm bán âm bổ mang.

Bệ trĩ âm trên là bĩ âm dưới trì chỉ sách Khảo Thanh cho rằng: Giống thú dũng mãnh. Đất gập ghềnh. Từ bộ trĩ âm bã âm phả ba.

Khổn tằng âm trên khuy vân âm dưới tắc lăng Vương Dật Chú Sở Từ rằng: Khổn tằng là núi có đá gập ghềnh lởm chởm. Sách Thuyết Văn nói: Từ bộ thạch thanh khổn tằng âm thôi âm tồ hồi âm ngôi âm ngô hồi âm thủ âm tử dư âm ngung âm vương câu.

Quỹ ách âm trên uy quỹ âm dưới nguy quỹ Bì Thương cho rằng: Khổn tằng là đá núi quanh co chập chùng. Sách Thuyết Văn đều từ bộ thạch đều thanh quỹ nguy âm chĩ âm hương âm khuất Bổn tập từ bộ ngôn viết thành chữ khuất là âm khuất sách Chu Dịch nói: Là co duỗi, chữ nguy âm quĩ Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Ngụy là dối trá đều chẳng phải nghĩa khổn tằng. Khuất nguy. Đều chưa rõ nghĩa thâm áo của chữ này.

Bản tri âm trên phát vãng gọi là hiểm trở gập ghềnh. Âm dưới trĩ tri Mao Thi Truyện cho rằng: Gò đất nổi lên trong nước, sách Thuyết Văn dốc núi hoặc từ bộ phụ viết thành phản tri từ bộ thổ thanh thị âm để là âm đế Bổn tập từ bộ tê viết thành chữ đế là bớt son của thiên tử, chẳng phải nghĩa của chữ tri phản.

Tiệt tiết âm trên tiền tiết âm dưới nghiên kiết Mao Thi Truyện nói: tiệt tiết là núi cao hiểm trở. Sách Thuyết Văn nói: Chữ triệt từ bộ sơn thanh tiệt chữ tiết hoặc là viết chữ tiết lại viết chữ khối từ bộ triệt.

Hoằng trừng âm ô hoằng Quảng Nhã nói rằng: Hoằng là nước sâu. Sách Thuyết Văn cũng nói: Là nước sâu mà to lớn, từ bộ thủy thanh hoằng.

Nhuyễn thạch âm nhu duyến Kinh Sơn Hải nói: Núi phù trư phần nhiều là nhuyển thạch. Quách Phác chú giải rằng: Núi nhạn môn ở giữa có nhuyển thạch trắng như băng tuyết, phân nữa là có màu đỏ. Sách Thuyết Văn: đá giống như ngọc, hoặc là từ bộ ngọc viết thành chữ nhuyễn.

Ly bạch âm chỉ tri Trương Tiễn chú giải Thục Đô Phú Truyện rằng: Ly là phát ra. Sách Thuyết Văn nói: Là thư thả, giản ra, nghiêng một bên. Xem trước đã giải thích rồi. Bổn tập viết chữ ly tục dùng thông dụng.

Vân đang âm trên vận quân âm dưới đăng tức Tả Thái Trung Ngô Đô Phú Truyện nói: Tre trúc tức là lồ ô, tre trúc. Sách Khảo Thanh đều cho rằng: Tên của tre trúc. Văn Tự Điển nói: Đều từ bộ trúc đều thanh viên đang âm lâm là âm âm ư là âm ư.

Đích lịch âm trên đinh lịch âm dưới linh đích sách Thuyết Văn nói: Đích lịch là châu ngọc có màu sắc sáng chói, hoặc từ bộ ngọc viết thành chữ đích lịch.

Thùy thông âm thông đông sách Phương Ngôn cho rằng: Người nước Tề vật mềm mại khác thường gọi là tiểu chi. Tức là cành lá nhỏ là thông hoặc là viết từ bộ trúc viết thành chữ thông.

Đĩnh ninh âm trên đinh lĩnh âm dưới minh định sách Khảo Thanh cho rằng: ninh là nước ứ bùn. Quảng Nhã cho rằng: Nước sạch. Sách Thuyết Văn nói: Nước trong suốt, từ bộ tủy thanh ninh chữ đĩnh hoặc là viết chữ đĩnh.

Độc dung âm trên đồng lộc âm dưới thúc dung sách Khảo Thanh nói: Tên của loài chim. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chim cứu thư. Sách Phương Ngôn nói: Giữa Tống, Ngụy, Sở gọi là chim độc dung, hoặc là định giáp, âm hạt là âm khác âm thư là âm thư Quách Phác chú giải rằng: giống như chim trĩ có năm màu sắc. Đến mùa đông là không có lông, lõa hình đỏ ối, ban đêm thì kêu. Bổn tập viết chữ độc tục quan soạn chữ.

Âu hương âm điểu câu sách Nam Việt Chí nói: Giang âu một tên của loài chim biển. Thiên Thương Hiệt nói: Lớn như chim bồ câu. Sách Thuyết Văn nói chim hải âu là loài thủy điểu, lại có tên nữa là con le le, cũng là chim ê. Từ bộ điểu thanh âu âm hiệu ngược lại âm di kiêu.

Tích đệ âm trên tinh dịch âm dưới thể đệ sách Phương Ngôn cho rằng: loài chim hoang dã nhỏ mà lặn trong nước. Sách Ngoại Nam Sở gọi là tích đệ. Loại chim này lớn đó là chim cốt đế. Quách Phác Chú Thích Kinh Nhĩ Nhã: Cao có thể huỳnh đao. Sách Thuyết Văn đều từ bộ điểu đều thanh tích đệ âm đệ đồng với trên. Bổn tập viết chữ đệ tục dùng thông dụng.

Hạo quảng âm hiệu lão sách Thuyết Văn nói: Hạo là tiên khí bầu trời bao la. Từ bộ nhựt đến bộ phân bộ hạo là âm công lão chữ từ bộ đại đến bộ bát viết thành chữ phân từ bộ nhựt đến bộ đó tục dùng thông dụng. Bổn tập hoặc là viết chữ cụ hoặc là viết chữ mạc hoặc là viết diể, đều sai.

Hạnh lăng âm trên là hạnh Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Hạnh là rau hạnh, mọc trong nước um tùm lá tròn, cọng thẳng, dài ngắn

tùy theo nước sâu cạn. Người Giang Đông thường ăn gọi là rau hạnh, hoặc là viết chữ hạnh âm dưới lực dưng Quách Phác chú thích Kinh Nhĩ Nhã rằng: Lăng nay người ta gọi là loại cây ấu sống trong nước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh lăng âm kỵ ngược lại âm kỳ ky.

Hàm lạm âm trên hàm cảm âm dưới đàm cảm sách Nhĩ Nhã cho rằng: hoa sen, hoa này. Khi nở ra rồi là dung chứa hạt bên trong. Từ bộ thảo thanh hàm hoặc là viết chữ hàm âm hàm là âm giáp khảm âm lạm từ bộ thảo thanh viêm hoặc là viết chữ lạm Bổn tập viết chữ hàm không thành chữ. (920)

Duật ngột âm trên luân ngột âm dưới ngô cốt sách Khảo Thanh cho rằng: Duật ngột là đá lớn. Hoặc từ bộ sơn viết thành chữ duật ngột.

Hội đà âm trên đồ hồi sách Thuyết Văn giải thích: Trên cao rơi xuống thấp, hoặc là từ bộ tâm viết thành chữ hội âm dưới đường hà Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ: Núi cao gọi là đà sách Thuyết Văn từ bộ phụ thanh đà Bổn tập viết chữ đà tục tự thường hay dùng.

Sam thiếu âm trên phĩ hàm âm dưới tốc da sách Khảo Thanh nói: tóc rũ xuống đều từ bộ tiêu âm tiêu ngược lại âm tất diêu.

Tập diệu âm trên tầm lập âm dưới diêu chiếu sách Thuyết Văn tập diệu là sáng rực, từ bộ hỏa

Thiên hoàng âm hoảng quang Theo Tả Truyện nói: Hoàng là nước dâng đầy tràn. Lại cũng gọi là cõ khô héo quỹ thần làm cho cỏ héo úa, sách Thuyết Văn từ bộ thủy thanh hoang.

Đãng lãng âm thang lãng xưa nay chánh tự cho rằng: Đãng là mờ mờ không sáng tỏ, từ bộ nhựt thanh đãng.

Hương tất âm tần mật Bì Thương cho rằng: Tất là hương thơm tràn ngập. Sách Thuyết Văn từ bộ hương thanh tất.

Kích kích âm dương chước sách Thuyết Văn nói: Kích kích là nước chảy óng ánh, sáng lấp lánh.

Chi bát âm bàn mạt

Phiền chích âm trên ngã phiên Mao Thi Truyện nói rằng: nhỏ như sợi lông gọi là bao âm bao ngược lại âm bổ giao thân lửa gọi là phiền hầm lửa cháy gọi là chích sách Thuyết Văn viết từ bộ hõa thanh phiên.

Cân phiên âm ngư cận sách Thuyết Văn: Cân là mỉm cười từ bộ khẩu thanh cân.

Phẩu lũ âm trên phổ khẩu âm dưới lũ tẩu hoặc là từ bộ thổ viết thành chữ phẩu lũ.

Điêu tường âm trên điểu liễu Khổng An Quốc chú giải sách

Thượng Thư rằng: Điêu là vẽ khắc. Sách Thuyết Văn từ bộ sam thanh điều Bổn tập từ bộ điểu viết thành chữ điêu là sai âm dưới tương dương Bổn tập từ bộ thổ viết thành chữ tường tục dùng thông dụng.

Lộc tộc âm trên lung đốc âm dưới thông lộc sách Khảo Thanh cho rằng: lộc tộc là đá lởm chởm không có bằng phẳng. Bổn tập viết từ bộ thảo viết thành chữ tộc là con tầm tụ hội lại. Chưa rõ nghĩa chữ này, về lý e rằng: quái lạ sai lầm.

Khí triếp âm triêm diệp sách Thuyết Văn nói: Sợ sệt mất hơi mà nói: không ra lời, từ bộ ngôn bộ cong thanh tĩnh âm triếp ngược lại âm đàm hạp trước cũng giải thích rồi.

Xúc tích âm trên thu lục âm dưới trinh diệc Mã Bưu chú giải Luận Ngữ: Xúc tích là cung kính. Quảng Nhã cho rằng: Xúc tích là sợ sệt cung kính, xúc hoặc là viết chữ xúc sách Thuyết Văn từ bộ túc thanh tích Bổn tập viết chữ xúc là tụ lại chẳng phải nghĩa xúc tích.

Giang hoàn âm qua địa danh cũng là tên người.

Kiết cốt âm côn ngột Quảng Nhã nói: Kiết cốt là buộc chặt không mở ra được. Sách Thuyết Văn nói: Cốt cũng là kiết. Hoặc là từ bộ tâm viết thành chữ cốt.

Thãm thiếp âm thố cảm sách Thuyết Văn nói: thảm là đau đớn, lo âu, từ bộ tâm.

Ngoại đà âm đồ hà sách Phương Ngôn nói: đà là hủy hoại. Bổn tập từ bộ nhân viết thành chữ tha chưa rõ nghĩa.

Nội bì âm bì mỹ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Bì cũng là hủy hoại, từ bộ thổ.

Huất phúng âm vu vật Tiết Tông chú giải Tây Kinh Phú Truyện: Khuất là bỗng nhiên chợt đến. Sách Thuyết Văn từ bộ khiếm thanh diêm Bổn tập từ bộ ấp viết thành chữ huất ngược lại âm đàn cam địa danh chẳng phải nghĩa bỗng nhiên.

Đế cao âm đế kế Lưu Quỳ chú giải Ngô Đô Phú rằng: Trông mong đi đến, lo lắng tuyệt vọng. Sách Thuyết Văn nói: Là bỏ đi từ bộ xước thanh đối.

Vẫn hy âm hân ký Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Hy là đau buồn, sầu bi, bi thương. Thiên Thương Hiệt chú giải. Tiếng than khóc lớn. Sách Thuyết Văn từ bộ khiếm thanh hy

Tố âm âm tô cố Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tố là giống như là hướng theo từ bộ nhân.

Mạch văn âm manh nghiệt sách Thuyết Văn nói: Mạch là nhìn nghiền từ bộ kiến thanh phải âm phái ngược lại âm phổ bái Bổn tập từ

bộ vĩnh viết thành chữ thị tục dùng thông dụng.

Bảo tân âm bổ đạo Hán Thư cho rằng: Cái đầu người Thanh Loại bù xù tóc rối. Sách Thuyết Văn từ bộ thảo bảo cũng là thanh.

Hôn cố âm cô ngộ sách Thuyết Văn nói: Cố là bệnh lâu ngày. Chánh thể viết chữ cố.

Hữu đạn âm đãn can Khảo Thanh nói: là hết tận.

Cự đôn âm nhuận độn sách Nhĩ Nhã nói: Con trâu cao bảy thước gọi là đôn Mao Thi Truyện nói: con trâu lông vàng, đen, cũng gọi là đôn sách Thuyết Văn từ bộ ngưu

Tối nhĩ âm thôi ngoại sách Thuyết Văn nói: tối là nhỏ nhứt. Từ bộ thảo thanh tối Bổn tập từ bộ thủ viết thành chữ toát là sai lầm.

Cạnh khải âm độc đóng vận tập và tự thư đều cho rằng: cạnh là khải. Tức là cạnh tranh, tiếng gõ hoặc là viết chữ cổ.

Tróc huyền âm hiệt kiên văn tự tân lược nói: Huyền là dương cung ra bắn. Bổn tập từ bộ cách viết thành chữ huyền là sai.

Vọng thị âm thị chi văn chữ thời cổ. Bổn tập từ bộ trung viết thành chữ thị là sai.

Tối thuận âm túc dũng Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: gọi là lôi kéo hàm ngựa cho chạy mau, sách Thuyết Văn từ bộ mã thanh tốc.

Kiêu bí âm bí mi bổn tập viết chữ bí là không thành chữ xem dưới đồng.

Y khu âm trên ỷ nghi âm dưới khúc câu

Nghê ngữ âm nghe kế theo Thanh Loại cho rằng: không ngữ quên mà nói: sách Thuyết Văn nói ngủ mà nói, nói trong mơ. Từ bộ tâm tóm lược thanh nghiệt âm nghiệt ngược lại âm nghiên kiết Bổn tập viết từ bộ khẩu viết thành chữ nghệ là sai.

Bi hiệp âm tiềm diệp Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: hiệp là từ giáp đến quý là hiệp. Mao Thi Truyện nói: đạt tới. Sách Nhĩ Nhã thông suốt từ bộ thủy.

Tháp đà âm trên đàm hạp sách Thuyết Văn tháp là nước tràn ra ngoài từ bộ thủy thanh đạp Bổn tập viết chữ đạp là sai. Âm dưới đồ há sách Khảo Thanh cho rằng: mưa dầm dề, nước nhiều. Bổn tập viết chữ đà là không thành chữ.

Gian hưởng âm gian án gọi là giả danh hiệu của tướng quân.

Sản tích âm xác hạm Quảng Nhã cho rằng: sãn là tước đoạt, bốc lột. Thanh Loại nói: sang bằng, tiêu diệt. Hoặc là từ bộ kim viết thành chữ sãn Bổn tập viết chữ sãn là sai.

Liệt trần âm liên triệt Cố Dã Vương nói rằng: liệt giống như xếp hàng cho có thứ tự. Bổn tập viết chữ liệt âm lệ chẳng phải nghĩa trần liệt.

Tuấn sân âm di chất sách Thuyết Văn nói: con ngựa chạy mau, từ bộ mã thanh thất.

Đồ đĩnh âm độc đô sách Khảo Thanh nói: tên núi, hoặc là viết chữ đồ dùng nghĩa giả trá. Bổn tập viết từ bộ kim viết thành chữ đồ là không có chữ này.

Y điệt âm bì bí Mao Thi Truyện nói: không say mà phẫn nộ, giận dữ gọi là bỉ sách Thuyết Văn viết đúng từ bĩ từ ba bộ khuyển ba bộ mục hai bộ mục là mạo là ba bộ mục là ích âm quyến là âm quyến.

Gian khích âm hương nghịch sách Thuyết Văn từ bộ phụ thanh khích Bổn tập từ bộ lận viết thành chữ lân nghĩa địa danh, chẳng phải nghĩa gian khích.

Sách nghi âm sở cách sách Lễ Ký cho rằng: xe của vua tướng theo hộ giá thì phải cầm hớt đứng bên con ngựa. Trước xe Cố Dã Vương cho rằng: sách là roi ngựa, từ bộ trúc.

Khoát tốt âm hồ đoạt và sách Phương Ngôn nói: khoát là gian dối giảo hoạt. Sách Thuyết Văn: Bẽn lẽn xấu hổ, từ bộ nữ bộ hoạt thanh tỉnh sách Khảo Thanh nói rằng: viết đúng chữ khoát âm hồ quát âm thiển âm thiên hiển thiển là không biết xấu hổ.

Phiêu tiêu âm phiêu diêu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: gió lớn từ dưới xoáy lên. Hoặc từ bộ phong viết thành chữ tiêu Bổn tập viết từ bộ hỏa viết thành chữ diêm âm diễm chẳng phải nghĩa này.

Tư thư âm trên thất tư Quảng Nhã cho rằng: tư thư là khó Cố Dã Vương cho rằng: gọi là ý ngại. Bồi hồi chùn bước, chẳng thể tiến lên. Sách Khảo Thanh viết đúng chữ thư Quảng Nhã từ bộ mục viết thành chữ duy sách vận tập viết chữ thư còn trong bổn tập đồng chữ.

Bằng vĩnh âm trên bĩ băng sách Nhĩ Nhã cho rằng: dựa vào men theo bãi cát ven sông mà đi. Sách Thuyết Văn nói: là không có thuyền bè để qua sông cũng là chữ bằng âm dưới vinh mệnh Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: vĩnh là chìm dưới đáy nước mà đi. Sách Thuyết Văn từ bộ thủy thanh vĩnh.

Trở sĩ âm sừ tữ sách Nhĩ Nhã cho rằng: là bến nước. Quách Phác chú giải rằng: bên bến nước, bến sông. Sách Thuyết Văn từ bộ thủy thanh sĩ.

Vi phụ âm vũ phu sách Khảo Thanh gọi là buộc bè trúc thả xuống nước nổi lên. Văn Tự Điển nói: phù là bè trúc. Từ bộ thủy thanh phù

hoặc là viết chữ phù. Bổn tập viết từ bộ phụ viết thành chữ phụ là sai.

Bao tháp âm đàm hạp sách Thuyết Văn nói: tháp là giẫm đạp lên. Từ bộ túc thanh tháp âm tháp âm tham hạp Bổn tập từ bộ hấp viết thành chữ tháp tự thư nói: không có chữ này.

Hề thủy âm khê kế sách Thuyết Văn nói: hề là nhìn. Từ bộ mục thanh hề.

Tư tư âm tử từ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tư tư là không biết mỏi mệt. Sách Thuyết Văn từ bộ phộc thanh tử trong bổn tập hoặc viết chữ kính là chẳng phải.

Tiêm la âm tức diêm Mao Thi Truyện nói: tiêm tiêm tức nhỏ bé. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tiêm là sợi dây nhỏ bé, cùng với chữ tiêm là đồng.

ÂM QUẢNG HOẰNG MINH TẬP
QUYỂN 30

Trạo đà âm trên trạch giáo Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: trạo là mái chèo. Sách Phương Ngôn nói: Cập cũng gọi là trạo cùng là mái chèo, hoặc là viết chữ trạo âm dưới đạt khả Thích Danh nói: đuôi thuyền gọi là đà tức là bánh lái thuyền. Sách Khảo Thanh nối tiết cũng là đà chuyển nhau mà giải thích. Sách Thuyết Văn viết chữ đà Bổn tập viết chữ đà tục dùng thông dụng.

Khế minh đảo âm trên khê kế Cố Dã Vương cho rằng: phàm là khế ước buộc chặt lại với nhau gọi là khế Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: khế là từ cần phải giao ước với nhau làm tin. Sách Thuyết Văn từ bộ đại thanh khế âm khế là âm khẩu bát Bổn tập từ bộ thủ viết thành chữ khế là sai.

Lạt tâm âm lạn đạt hoặc là viết chữ lạt.

Minh cầm âm cập kim Bổn tập viết chữ cầm là sai.

Khích dũ âm hương nghịch Bổn tập viết chữ lân là địa danh chẳng phải nghĩa dũ khích.

Thần bí âm bỉ mi bổn tập viết bí là tục dùng chẳng phải là sai.

Khái song huyền: Khái phiên thiết chữ hải và ai. Vương Dật Chú Sở Từ nói khái là cười. Người nước Sở gọi cười là khái hoặc viết là khái.

Điều điều: phiên thiết chữ dịch và chữ điêu.

Quỳ quỳ: phiên thiết chữ ngộ và chữ ổi. Thuyết Văn nói là dáng cao từ bộ phụ và chữ quỷ (?+?).

Phiếu miết: Phiếu phiên thiết chữ phiêu và chữ diễu, chữ miết phiên thiết chữ thiên và chữ diệt. Vương Dật Chú Sở Từ nói: phiếu nghĩa là nhìn sao chổi sáng, miết là liếc nhìn. Thuyết Văn nói phiếu là màu xanh đỏ từ bộ mịch và chữ tiêu, miết nghĩa là mới nhìn từ bộ mục và tê ?, tiêu gần âm túc và tiêu.

Nhiễm độn: gần âm thùy và âm luân thành độn, cũng là chữ độn.

Côn ngạc: trên âm côn, dưới phiên thiết chữ ngang và chữ các tập viết tục từ là ngạc.

Ỷ minh phiên: Ỷ phiên thiết chữ ỷ và chữ nghi và. Trịnh Chú Nhĩ Nhã nói: ỷ là gờ dùng để đóng bàn ghế, Thuyết Văn từ bộ mộc và chữ kỳ.

Uyển luyến: uyển trên gồm âm uyển và viễn, dưới phiên thiết chữ luyện và viễn. Tập viết chữ luyên là sai.

Tịnh độ: gồm âm khiền và âm kiên tập viết tục tự.

Mộ thái: Mộ phiên thiết bộ mục và chữ hồ.

Tranh vanh: Tranh phiên thiết chữ tra và chữ tranh. Manh phiên thiết chữ hoạch và chữ mạnh. Tập viết chữ doanh viết thành là sai.

Thừa điêu: Điêu phiên thiết chữ đình và chữ liêu. Mao Thi Truyện nói điêu là con ve. Thuyết Văn từ bộ trùng và chữ chu.

Luy nguy: Luy gồm âm luy và ủy hoặc viết là luy.

Tiêu tinh: Tiêu phiên thiết chữ tất và chữ tiêu, Cố Dã Vương nói tiêu là bề ngoài. Thuyết Văn từ bộ mộc và chữ tiêu

Quyển hoa: Quyển phiên thiết chữ quyết và chữ uyển. Khảo Thanh nói quyển là thâu lại hoặc viết là quyển.

Tiêu tụy: Tụy phiên thiết chữ tồi và toái.

Văn ly: Ly phiên thiết chữ lý và chữ tri. Khảo Thanh nói: ngựa ngàn dặm. Thuyết Văn từ bộ mã và chữ lệ.

Phì phì: phiên thuyết chữ phương và chữ vĩ. Khổng Chú Thượng Thư nói: phì là sáng tỏ. Thuyết Văn từ bộ nguyệt và chữ xuất.

Gian thế: âm thế, hoặc có tập bổn viết chữ thùy và chữ kiểm. Các sách không có chữ này. Viết là thế lại với bổn vận không đồng, chưa rõ thuật ấy.

Quế cương: gồm âm lao và âm tác. Vương Dật Chú Sở Từ nói: là cái rui mèn. Thuyết Văn nói là cái kèo, từ bộ mộc và chữ đăng, liêu âm liêu.

Đảm vị: Đảm phiên thiết chữ đàm và cảm. Khảo Thanh nói: hoa

chưa nở, nói nghĩa chữ đảm quyển hai mươi chín trước giải thích rồi tập viết chữ cũng thông.

Khi đài: Đài phiên thuyết chữ đài và nãi. Lưu Triệu Chú Cốc Lương Truyện nói: đài nghĩa là khinh phụ nhau. Thuyết Văn nói đài là nghi, từ bộ mịch và chữ đài.

Thư đải: gồm âm ( ) và cải. Quách Chú Nhĩ Nhã nói đài là mụt măng. Thuyết Văn từ bộ trúc và chữ đãi.

Thu bội: Bội phiên thiết chữ bội và chữ mỗi và. Cổ Dã Vương nói: bội là tên của xâu ngọc, một trăm thù là một quán, năm quán là một bội, hoặc viết là bội.

Long Úc: Lục phiên thiết chữ ư và chữ lục.

Mao Thi Truyện nói: chỗ nước vốn quanh gọi là úc. Thuyết Văn từ bộ thủy và chữ áo, áo cũng là tiếng.

Điêu thúc: thúc phiên thiết chữ tử và chữ lục.

Quảng Nhã nói thúc là rất. Thuyết Văn từ bộ thủ thành chữ thúc.

Đề mạn: Đề gồm âm đệ và âm hề. Trước đã giải thích rồi.

Hoài tự: Từ phiên thiết chữ từ và chữ dữ Khảo Thanh nói tự là bến sông.

Thải nhi: Nhi gồm âm nhi và chí. Cổ Dã Vương nói là loại bông để trang sức. Thuyết Văn từ bộ mao và chữ thủ.

Trầm mội: mội gồm âm vũ và âm bối. Thi Truyện nói một là bệnh, chánh viết là. Tập viết là tục tự.

Kim bê: Bê gồm âm bề và mê.

Xâm xâm: Xâm gồm âm xâm và âm lâm. Thuyết Văn nói: lang ngựa đi nhanh. Thuyết Văn từ bộ mã và chữ xâm tỉnh thanh.

Táo thân: Táo gồm âm tao và âm lão. Cố Dã Vương nói táo giống như tẩy cho sạch. Thuyết Văn từ bộ thủy và chữ táo. Táo gồm âm tô và âm đáo.

Sơn oanh: Oanh gồm âm ách và âm canh. Mao Thi Truyện nói: oanh là có văn chương. Khảo Thanh nói dáng văn hay.

Lưu lương: trên gồm âm liễu và âm chu, dưới âm lương và âm chướng. Tập từ bộ thủy viết thành lượng là sai.

Minh phu: Phu phiên thiết chữ phù và chữ mưu. Khảo Thanh nói phu là cái dùi đánh trống, tập từ chữ phu viết thành, Mã Chú Luận ngữ nói: phu là ken trúc cây, gọi chẳng phải nghĩa đánh trống.

La điểu bang: trên âm la, kê âm điểu. Mao Thi nói: cây điểu cùng dây nữ la bám vào cây thông cây bách, Thuyết Văn nói điểu là loài cỏ ký sinh, từ bộ thảo và chữ điểu. dưới gồm âm bồ và âm khoáng, Thuyết

Văn nói là nương tựa. Từ bộ xích và chữ bàng. Tập viết có bộ thảo thanh chữ bàng là sai.

Truy hiên: Truy phiên thiết chữ chỉ và chữ kỳ. Thuyết Văn từ bộ sa và ung, ung cũng thành tiếng. Tập viết chữ không thành chữ, sai.

Hạ Thiên: Thiên phiên thiết chữ thiết là chữ tiên. Thuyết Văn nói thiên là tiến đến, từ bộ sước và chữ thiên.

Tân Tự: Tân phiên thiết chữ tiệc và chữ trăn. Khảo Thanh nói tên một nước.

Thứ phi: Thứ phiên thiết chữ thừ và chữ lợi, tên một vị quan có tài lực thời Hán, chữ nghĩa đã giải thích ở trước rồi.

Khí lưu: khí phiên thiết chữ khi và chữ ký. Khảo Thanh nói là thường, là nắm lại. Tập viết chữ là chữ hàm cách lãng, lãng gồm âm lãng và âm yến, Mao Thi Truyện nói lãng là sáng, cũng viết chữ lãng, đều thông.

Dao độn: độn gồm âm đề và âm độn. Thuyết Văn nói noi theo đổi dời hoặc viết là tuân hoặc viết là toại,?. Tập từ chữ trục, viết là viết sai.

Pháp quất: gồm âm uất và vân. Tên vị Tăng.

Táp ly: Táp phiên âm chữ tô và chữ hợp.

Mân hải: Mân phiên thiết chữ mật và chữ bân. Kinh Sơn Hải nói: Mân ở trong biển phía tây, bắc có núi. Thuyết Văn nói là đông nam nước Việt từ là trùng và bộ môn.

Biếm thạch: biếm gồm âm pháp và âm luôn. Thương Hiệt Thiên nói: đâm chết. Thuyết Văn nói lấy đá chích bệnh, chính là viết là.

Tiêu sam: trên âm tiểu và âm điều gộp lại. Dưới phiên thiết chữ san và lâm. Thuyết Văn nói tiêu sam là dáng cây dài từ bộ mộc, chữ túc sâm đều là tiếng. Tập từ chữ tiêu viết thành tiêu là sai.

Liêu tịch: Liêu phiên thiết chữ liễu và chữ điều. Tập từ bộ thủy viết thành là sai.

■

NHẤT THIẾ ÂM NGHĨA KINH

Phiên kinh Sa-môn Tuệ Lâm

QUYỂN 100

- Âm pháp hiển truyện - một quyển.
- Tuệ Siêu truyện - ba quyển.
- Vô hành Pháp sư thư - một quyển.
- Khải luận - hai quyển.
- Chi quán môn luận - hai quyển.
- An lạc tập - hai quyển.
- Bảo Phật nghĩa luận - một quyển.
- Bảo Vương luận - ba quyển.
- Kim Quyết luận - một quyển.
- Tỳ-kheo Ni truyện - một quyển.
- Quán Tâm luận - một quyển.
- Quần Nghi luận - bảy quyển.
- Thập Nhị luận - một quyển.
- Dục Tương Pháp - một quyển.
- Tội phước yếu hành - một quyển.
- Thọ dụng tam thủy - một quyển.
- Phóng sanh nghi - một quyển.

PHÁP HIỂN TRUYỆN

Khái luật tạng: khái phiên thiết chữ khai và chữ ái. Trịnh Tiên thì nói khái là than thở, chánh tự cổ kim từ bộ tâm và chữ ký.

Tuệ ngôi: ngôi phiên thiết của chữ ngoại và chữ ổi là tên của vị Tăng.

Nậu Đàn quốc: Nậu phiên thiết chữ nông và chữ ốc, chữ đan phiên thiết của chữ đản và chữ đan. Tiển Ty nói là tên người.

Trương dịch: dịch phiên thiết chữ doanh và chữ ích. Trương Dịch Sa nói là tên quận ở đất Hán. Thuyết Văn từ bộ thủ và chữ dạ.

Đôn hoàng: Đôn phiên thiết chữ đồ và chữ hồn, dưới là âm hoàng Hán Thư nói Đôn Hoàng là tên một quận. Niên hiệu đầu của Vũ Đế Hậu Phân Chức Cửu Tuyền đặt ở Đổ Lâm gọi là Cổ Qua Châu, viết thành chữ đôn hoàng này là sai.

Khi khu: Khi phiên thiết chữ khởi và chữ nghi. Khu phiên thiết chữ khúc và chữ ngu, đã giải thích trong quyển thứ nhất Cầu Pháp Truyện. Trong truyện này từ bộ túc viết thành khi khu là sai.

Thô dữ: Thô phiên thiết chữ thả và chữ lỗ. Cố Dã Vương nói: thô là sơ lược. Thuyết Văn từ bộ mễ và chữ thả.

Chiên hạt: Chiên phiên thiết chữ chiến và chữ nhiên và. Thuyết Văn từ bộ mao và chữ chiên. Truyện viết chữ chiên cũng thông. Hàn phiên thiết chữ hàn và chữ hạt. Mao Thi Truyện nói: hạt là áo bằng lông, dệt bằng lông cừu, từ bộ y và chữ hạt âm đồng trên.

Yên di quốc: Yên phiên thiết chữ yết và kiền, Tây Vức ký trước đã nói.

Thóa hồ: Thóa phiên thiết chữ thổ và chữ ngọa, dưới âm hồ. Thuyết Văn nói hồ là ái bình ở chợ Côn ngô, hình từ từ chữ. Nay viết là hồ.

Tạc thạch: Tạc phiên thiết chữ tàng và chữ lặc, quyển trước đã giải thích rõ.

Thê giả: Thê phiên thiết chữ thể và chữ đê. Khảo Thanh nói: Thê là cái thang có thể leo lên, chánh tự cổ kim từ bộ mộc và đệ. Truyện Văn từ bộ túc viết thành thê là sai.

Huyền Căng: Căng phiên thiết chữ cổ và hằng. Thuyết Văn nói căng là sợi dây lớn từ bộ mịch và chữ hằng. Truyện viết chữ căng âm hoàn là sai, cũng sách viết bỏ đi bộ tâm.

Sái y: Sái phiên thiết chữ sắc và chữ giải. Khảo Thanh nói phơi khô gọi là sai. Thuyết Văn từ bộ nhật và chữ lệ.

Mậu cáp: Mậu phiên thiết chữ mâu và hầu. Cố Dã Vương nói: mậu giống như giao dịch. Nhĩ Nhã nói: mậu là cái chợ. Thuyết Văn nói trao đổi hàng hóa, từ bộ bối và chữ mão. Truyện viết tục tự (mậu)

Kế nị sắc ca vương: kế phiên thiết chữ cư và chữ lệ. Chữ nị phiên thiết chữ ni và chữ lợi Phạn ngữ tên vị vua.

Viên trâm: trên âm viên, chữ trâm gồm âm tri và chữ lâm. Thương Kiệt Thiên nói: trâm là búa chặt. Quách Chú Nhĩ Nhã nói: là chất để chặt cây, chánh tự cổ kim từ bộ mộc và chữ thậm, cũng là chữ trâm ?.

Xảo đồng bạt: xảo phiên thiết chữ xảo và chữ giảo. Thuyết Văn nói xảo là đánh gõ từ bộ phộc và chữ cao. Bạt phiên thiết chữ bàn và

chữ bát. Khảo Thanh nói tên một nhạc khí hình giống như con trùng nhỏ, lưng có mũi, dùng miệng đánh vào nhau để hòa nhạc.

Cấm chiến: câm phiên thiết chữ cấm và chữ cẩm. Vương Dật Chú Sở Từ nói: đóng miệng lại là cấm. Thuyết Văn từ bộ khẩu và chữ cấ cũng viết là chữ cấm này.

Đồng vu: Vu phiên thiết chữ vũ và chữ cụ. Hà Lâm Chú Công Dương nói vu là cái bình. Tiếng địa phương nói là cái chén không đế. Thuyết Văn nói là bình nước từ bộ mãnh và, truyện viết tục tự là vu.

Phích lịch: Phích phiên thiết chữ sất và thi. Lịch phiên thiết chữ linh và chữ đích. Truyện viết là phích lịch có bộ tục bên cạnh là sai ?.

Ủy nhiên: Ủy phiên thiết chữ ủy và vật. Thương Hiệt Thiên nói: Ủy nghĩa là tả cỏ cây rậm rạp tươi tốt. Quảng Định nói là che lấp, chánh tự cổ kim từ chữ thảo và chữ úy.

Chiên-giá-ma-na: Chiên phiên thiết chữ chi và chữ nhiên, chữ kế là chữ giá. Đây Phạn ngữ nói là nữ ngoại đạo.

Phích liệt: Phích phiên thiết chữ sất và chữ thị, dưới âm liệt.

Nhiêu Cố: Nhiêu phiên thiết chữ nãi và chữ điểu. Thuyết Văn nói phần nhiều là nhiêu. Lại Nhất nói: hý lộng quấy nhau từ bộ nữ và chữ nghiêu.

La-bạt-tư-bà-mê: Chữ bạt phiên thiết chữ bàn và chữ mạt. Phạn ngữ nói tên một người Bà-la-môn.

Thừa lô: chữ lô phiên thiết chữ lộc và chữ hồ. Thuyết Văn nói lô là các đấu trên cột đội, từ bộ mộc và chữ lô. Đấu là âm đương và âm cẩu hợp lại.

Nhị sất: sất phiên thiết chữ tân và chữ mật. Nhĩ Nhã nói sất nghĩa là hợp. Hoài Nam Tử nói: số một năm trong năm âm, lấy năm nhân tám, năm nhân tám bằng bốn mươi. Cho nên gọi sất là trượng mà định. Định là lượng hai tay của người trung bình. Thuyết Văn nói sất là trượng từ bộ hệ và chữ bát.

Tàn bả: tàn phiên thiết chữ tài và chữ an. Bả phiên thiết chữ ba và chữ ngã. Cố Dã Vương nói: Bả là kiểng chân. Thuyết Văn nói đi không ngay là bả, từ bộ túc và bộ bì.

Bác sơn: phiên thiết từ chữ bôn và chữ sanh.

Hiểm hy: Hiểm phiên thiết chữ chẩm và chữ nghiễm. Cố Dã Vương nói hiểm cũng như trở. Cổ Chú Quốc ngữ nói: hiểm là nguy, tiếng địa phương nói hiểm là cao. Thuyết Văn nói là trở ngại khó khăn là hiểm, từ bộ phụ và chữ thiêm, truyện viết là hiêm có bộ sơn. Hy phiên thiết chữ hỷ và chữ kỳ. Vương Dật Chú Sở Từ nói: hiểm hy là cao

nguy hiểm, chánh tự cổ kim từ bộ sơn và chữ hý.

Nhũ mi: My phiên thiết chữ mỹ và chữ bi, nghĩa là lấy sữa bò nấu đặc lại, đặc như sữa dê, tục viết chữ +? thì chẳng phải điển ngữ.

Thiên hiến cát thảo: hiến phiên thiết chữ hiên và chữ kiến. Trịnh Tiên Thi nói: hiến là dâng là tiến đến. Trịnh Chú Chu Lô nói: người xưa dâng vật cho vua và tôn trưởng nên gọi là hiến. Thuyết Văn từ bộ khuyển, âm là âm kiến. Truyện viết chữ nhũ có bộ thủ là sai. Nay không lấy văn dưới. Cổ Khách nói hiến là miến, cũng chuẩn đây giải thích không nói ra nữa.

Siêu mật: Siêu phiên thiết chữ xương và chữ chiểu, chữ chánh thể từ chữ thiểu viết tục tự.

Nhất cúc: cúc phiên thiết chữ cưu là chữ lục. Quảng Định nói: cúc là trữ chứa. Thuyết Văn nói: hai tay người xóc ra từ bộ thủ và tỉnh thanh, âm đồng trên. Thanh loại nói là chữ cúc cổ văn viết chữ cữu nghĩa đều đồng. Toát gồm âm thương và loát. Đối cữu: đối phiên thiết chữ đồi và hối dưới âm cựu (cư). Cố Dã Thương nói: đối là cái cối dùng giả gạo. Thuyết Văn từ bộ thạch và chữ chuy. Chữ cữu cũng là chữ thung.

Ngày xưa, đào đất làm cối, về sau đẻo cây hoặc đá làm hình tượng điểm giữa.

Bách Anh gồm chữ ách, chữ canh lại cũng viết là anh (cái bình).

Chân mộc, trên chữ sĩ và chữ trăn. Lại Khảo Thanh nói cỏ cây rậm rạp.

Câu lân: trên âm câu, dưới chữ túc ly. Phạn ngữ dịch xưa là câu luân.

Câu Diệm di: ở giữa chữ dụng chữ thiêm, ở dưới chữ mật, chữ ty. Lại là Phạn ngữ.

Đạt sấn: trên là chữ đạt chét. Dưới chữ sơ và chữ cận hợp lại thành.

Thê đặng: trên chữ thể và chữ đê, trước đã giải thích, dưới chữ đăng, đặng. Truyện viết chữ đăng bộ túc chữ tục dùng.

Thiêu nhãn: trên là chữ thiếu và chữ điêu, từ tay và.

Bạch tiết: áo lót trắng, chữ điềm và chữ hiệp lại chính hợp làm thành chữ chiên (niệm). Nay truyện bổn hết buộc làm âm châm lập lại sai. Rõ ràng ví dụ hợp là nệm trắng phải từ áo làm thành. Đối với chữ () cũng mất nay nên viết chữ chiên là đúng.

Mông tích: bày của. Thuyết Văn nói: tích tục từ chữ và chữ trách hợp. Truyện từ chữ thảo làm tục tự là tụ.

Nhi sa: vòng bánh xe: trên chữ nhĩ và chữ hợp lại. Thích Danh gọi

là xe có cái quan (áo quan liệm) gọi là nhi. Thuyết Văn nói xe tang, từ chữ xa và chữ nhi mà thành. Truyện viết chữ là chữ sai.

Quân tù: âm tù Phạn ngữ nói là bình đồng.

Lê hoắc: trên gồm chữ và chữ (hề), dưới gồm chữ hoang và chữ quách. Quách Chú Nhĩ Nhã nói: hoắc là lá đậu nhỏ. Khảo Khanh nói hoắc là mầm đậu. Chánh tự xưa nay nói là chữ thục là đậu. Từ chữ và chữ hoắc.

Lý nghi: gồm chữ ngư (cá) và chữ ly lại tên người.

****

HUỆ SIÊU VÃNG NGŨ THIÊN TRÚC QUỐC TRUYỆN QUYỂN THƯỢNG

Các miết gồm chữ miên và chữ miết. Lại nói Côn lôn tên xưa. Nước Tâm ấp lâm so với trong các nước Côn Luân, nước này lớn nhất cũng kính tin Tam Bảo Nhất.

Bát đế: trên âm bát.

Cát lạt độ: chữ giữa gồm chữ lang và chữ cát hợp thành chữ lạt nói lên sự phồn vinh tốt tươi.

Bình lưu: bèo trôi âm bình, chiếc thuyền trôi xa giống như bèo cỏ nổi trên nước theo gió đi không cố định.

Thế tu: râu tóc. Trên gồm chữ thể và chữ kế hợp lại, dưới gồm chữ tương và chữ du thành chữ tu. Lại Man Di phương nam trang sức mỗi người mỗi khác, hoặc tóc hoặc cắt râu, hoăc văn thân, hoặc vắt tóc xuyên qua tai, chân buổi sáng rọi vào trong lụa. Ví dụ đều như thế, chữ này hoặc từ chữ đệ làm thành chữ thế. Hoặc từ bộ dao làm thành chữ thế. Nay truyện văn từ bộ tiêu (tá) viết thành thế tu là đúng.

Sao lược: cướp bóc. Trên gồm chữ sơ và chữ giác hợp lại, dưới là chữ lược. Hai chữ đều mượn dùng chẳng phải bổn tự.

Truân ách: gian truân khổ ách. Trên gồm chữ truy và chữ luân hợp thành. Vận thuyên nói là truân tắc (gian truân bế tắc), Chu Dịch nói là khó. Truyện văn từ bộ sước thành chữ truân là chữ truân chiên. Dưới là chữ ách chính thể, từ bộ hộ và chữ bộ.

Hồi lộ: trở lại đường. Gồm chữ huỳnh và chữ đồi. Quảng Nhã nói đi xa về. Từ bộ và chữ hồi chữ giống cảnh xa.

? : Phiên phiên: bay vùn vụt, âm thiên. Phiên phiên như chim bay từng hàng.

Yểu yểu: mờ mịt, gồm chữ yêu và chữ gộp lại.

Vận huyên nói: yểu yêu (mờ mịt) không gian bao la, cũng là sâu thẳm.

Quải tịch: quảy gây. Sách xưa, Vận thuyên nói quải huyền (treo).

Lại đất ngô là âm quái, huấn thích chữ độc đồng, hoặc là chữ quải. phán trường lộ.

Trông đường xa, gồm chữ phiền và chữ mạn. Lại tự thư nói trông thấy sai tà. Thuyết Văn nói: thỏ nói mắt đẹp, chữ phán gồm bộ mục (con mắt và chữ phân).

? Liêu loạn: trên âm liêu, dưới âm loạn.

Sơn pha: núi sàng. Trên âm phạ và âm. Khảo Thanh nói chiếu sáng, cũng như chữ và âm bạch. Từ chữ và chữ, truyện văn từ bộ sơn thành chữ pha là sai, cũng là chữ và chữ.

Không động: mê muội. Trên âm khổ và âm cống hợp thành, dưới âm độc và âm cống hợp thành. Khảo Thanh nói dáng vẻ không thích tình, hoặc từ bộ thủ thành chữ khống tuấn (nắm giữ) tâm nhanh chóng.

Nha nộn: âm nô và chữ độn. Khảo Thanh nói nhỏ yếu hoặc là chữ phệ.

Sâm sai: Trên chữ sở và chữ, dưới chữ tấc và âm truy. Hoặc trước sau trái phải.

? Du kỳ: Trên âm du dưới âm kỳ. Hoặc nói kỳ du ở nơi linh thần, thánh hiền xin nguyện cầu phước.

Kháp như: Trên âm kháng và giáp nghĩa là tương tợ.

Cổn giới: Âm côn và âm ổn thành chữ cổn. Vận Thuyên nói: tay vận chuyển làm cho xuống tóc. Hoặc từ tay làm chữ, lấy tay chuyển hoặc làm chữ. Khảo Thanh nói như xe chuyển lúa.

Khi khu: Đường núi gập ghềnh. Trên âm khởi và dưới âm khúc và ngu. Trong truyện Hiển Pháp trước đã giải thích, đồng thời từ chữ sơn.

Thương sáo: Cái cọc nhọn. Trên âm thất và dương, dưới âm sương và tróc là cái mâu dài.

Chương lộc: Con nai. Trên âm chương, con nai không sừng. Hoặc gọi là tiêu lộc con nai. Chữ còn có âm bào, hoặc gọi là kỷ lộc âm kỷ đều là một loại nai.

? Đại muội: Con đồi mồi. Trên âm đại hoặc viết là (đại), dưới âm muội. Khảo Thanh nói: loài rùa, mai nói có văn, và cái rầm hoặc là sắc vàng sáng tịnh không có văn lý.

Quy : con ba ba. Trên âm quy mai nó to nhất trong cái loài trùng,

lại này rất nhiều như Nhĩ Nhã nói dưới gồm âm bân và diệt là loại nhỏ trong loại rùa, loài rùa hình tròn mà dưới bụng không có mai, bính bồn nước đổ, gồm âm chữ bách và mãnh. Vận thuyên nói bính là rơi tan.

Ngực nhiên: Trên âm nghi và cức lại như hình dáng vách núi cao dựng đứng.

Bột giải: vũng bể. Trên gồm âm bồn và âm một (? và), dưới âm giai và âm mãi (? và), biển lớn sủi bọt. Hoặc nói tên của loài ba ba lớn.

Bồn khung thương: Trên âm phổ muộn, lại sóng lớn vọt lên khung thương, chỉ cho bầu trời hư không.

Chỉ thoán: trên là chữ tẩu chánh thể, gồm âm yểu và chỉ, dưới âm thương và âm loạn. Con chuột chạy vào hang là thoán.

Ngoan ngao: Con ba ba lớn. Trên âm nguyên, con ba ba lớn sống lâu thì có thần có thể hại người, cũng có thể mê hoặc người. Dưới âm đà là loại trùng sống ở nước, hình giống giữ cung, bốn chân có đuôi thân dài 5, 6 thước, da nó có thể làm trống đều có vây hình vuông như lá cờ.

Da tử tương: Trên là âm dã tên trái cây ở phương nam, hình như là ngọn chuối lăm chiếu được, vỏ nó có sợi để buộc thuyền ghe, ngâm nước mà không nát. Lại chắc thuyền lớn tận dụng nó, quả này lớn như cái chén có gai nhọn rất chắc trong trái đó màu trắng ngọt như mật, phương Nam gọi là quả thượng vị.

Mộc sách: Chữ sách dưới âm sách và chữ phiên, chỗ hoang dã người đến ở, cây thẳng như tường vách nên gọi là mộc sách, chữ sách từ bộ và chữ sách. Chữ âm đồng trên như lược giản.

Can lan: trên âm can dưới âm lan, chỗ để cột trụ tròn cây ngang phòng hộ cầm thú nên gọi là can lan.

Chùy đầu: Trên âm giai là thứ to lớn nên gọi là chùy.

Áp bạc: Trên âm áp dưới âm bạch. Thuyền lớn trong biển.

Phao đả: Chữ phao gồm âm phổ và âm bao, lấy vật ném xa. Dưới gồm chữ đắc và chữ. Vận Anh nói là chữ thóa (ném).

Tuấn hoạt: Trên âm duẫn và âm nhuận, lại vách núi đứng, dưới gồm âm hoàn và âm quát nghĩa là không rít (trơn).

Quát địa: Chữ quát gồm trên âm quan và âm hoạt là tiếng quát la, từ bộ nhĩ và chữ thiệt.

HUỆ SIÊU VÃNG NGŨ THIÊN TRÚC QUỐC TRUYỆN QUYỂN TRUNG

Lỏa hình quốc: Chữ lõa gồm âm lỗ và âm quả. Lại thân thể trần truồng không có áo gọi là lõa, hoặc từ bộ nhân thành chữ lõa, cũng là bộ thân thành chữ lõa. Nay tránh tục húy nên dùng âm và âm ngõa thế.

Trách ca quốc: Chữ trên gồm âm trương và cách, chữ dưới là âm ca nói lên sự phồn vinh.

Phệ sài: Chữ sài gồm ấm sở và giới trái.

Trượng bạt: Chữ bạt gồm âm bàn và âm mạt? Rồi có bộ thủ bên.

Hất hồ: chữ hất gồm âm hương và ất.

Tiển túc: Dậm chân. Tiển gồm âm tiên và điển.

Hột lô: hột gồm âm hồ và cốt. Lại chữ lỗ đàn thiệt hô.

Tự bạc: gồm âm bàng và âm mạc hợp lại, cùng với chữ phác âm đồng với âm mạc, âm mang và âm bạc lại chữ mang gồm âm mã và âm bang.

Phần lũng: Cái mã. Trên là âm phù và âm văn, chữ dưới gồm âm lực và âm trũng.

Thủ cúc: Tay lấy, chữ cúc gồm âm cung và âm lục.

Ba-la-niệt-tư: chữ niệt gồm âm ninh và âm hiệt hợp cũng là Phạn ngữ. Trong văn từ bộ nhật viết thành chữ niệt là sai.

A-nhung-ca: âm ca Phạn ngữ, đây nói là vua Vô-ưu.

Sáp đầu: Cắm đầu. Chữ sáp gồm âm sở và âm hạp. Từ chữ và chữ là chữ hội ý.

Đồi hủy: suy đồi hủy hoại. Chữ đồi trên âm đồ và âm lôi hợp lại là chữ tồi hoại (hủy nát).

Mểu niểu: Nước mênh mông (hoặc âm diểu).

Miểu (diểu): Gồm âm di và âm niểu, là nước sông lớn.

Nhất thảm: Cái nệm, chữ thảm gồm âm tha và âm cảm.

Mao liệt: Áo lông. Chữ hiệt gồm âm hàn (lạnh) và âm tiệt (cắt) hợp thành.

Thổ qua: Nồi đất. Chữ qua gồm am cổ và âm hòa hợp lại. Thổ là cái vạc.

HUỆ SIÊU VÃNG NGŨ THIÊN TRÚC QUỐC TRUYỆN QUYỂN HẠ

Ba-kỳ-tư: Ba gồm âm ba và âm cá là tiếng người Hồ.

Mao ngưu: Mao gồm âm mão và âm bao hợp, là một loại trâu đuôi rất dài. Truyện viết thành chữ miêu (mèo) là sai.

Nhã khiết kể sắt: Con rận rệp. Trên âm nghiên và âm kiết hợp, kỷ âm, Sắt âm. Truyện văn tục tự tương truyền viết thành chữ thì không thành chữ.

Khao kháp: Đất sỏi đá.

Chữ khao gồm âm xảo và âm giao?. Chữ kháp gồm âm kham và âm hợp, nghĩa là đất xấu núi hiểm trở có nhiều đá.

Tác liêm: Hầu việc, chữ liêm gồm âm ( ), và âm niệp hợp. Nói rằng theo chư việc theo người để làm.

Thư tha: Dùng tay để mài (xoa). Chữ tha gồm âm thương và âm ha hợp. Hoặc từ bộ thủ viết thành chữ tha, hai tay mài xoa vào nhau. Trong truyện dùng bộ túc viết thành chữ tha là chữ tha đà thì sai.

Ủy ngũ dạ xoa (năm dạ xoa đói): ủy gồm âm ủy và âm ngụy, tiếng đồng với chữ ủy và thực ghép lại.

Dật niệp: Chữ niệp gồm âm niệm và âm hiệp hợp thành, là tay nắm góc áo gọi là niệp.

Phao thân: Nhào thân. Chữ phao gồm âm và âm bao là nhào mình vào ao nước.

Ái đãi: mây kéo đen kịt. Chữ ái gồm âm ai và âm cải hợp lại. Chữ đãi gồm âm đài và âm nãi hợp lại. Nghĩa là mây kéo đến muốn mưa, mây giăng phủ dày đặc.

Tạ cụ: gồm âm vân và âm uất là tiếng người Hồ, hoặc có người nói nước Tạ Việt thuộc cõi thổ nhân la.

Thiên uế: Chữ chiên gồm âm thiên và âm nhiên hợp, nghĩa là con dê hôi thối.

Chiên trang: Mặc bằng đồ bện lông.

Chữ chiên gồm âm chương và âm nhiên, chữ dưới là âm trang nghĩa là lấy lông làm thành áo.

Thi trợ (đủa, thìa): Chữ thi gồm âm thời âm Phạn âm trủy, chữ trợ gồm âm trừ và âm lự. Lại chánh tự xưa nay từ bộ trúc từ chữ trợ là lược. Trong truyện văn từ chữ trợ viết thành chữ trợ là sai chẳng phải chữ thánh tục.

Hồ miệt: Chữ miệt gồm âm miên và âm miết, là tiếng người Hồ.

Bá miệt: Trên âm ba và âm cá là tên đất.

Tiểu ngực: Cao chót vót.

Chữ tiểu: gồm âm thiên và âm tiếu, chữ ngực gồm âm nghi và âm cức hợp, nghĩa là núi cao hiểm trở.

Phách địa liệt: Xé ra, tách ra. Chữ trên là âm bách.

Bộc bố: Trên âm bộc dòng nước chảy.

Di trinh: Chữ di là âm di tên người, tiết độ sứ ở An tây.

Trương mạc lượng: Gồm âm đương và âm lãng, nói là tên người.

Ca-sư-khất-lê: Khất gồm âm khuyên và âm ất, tiếng người Hồ. Đời Đường nói trách nhậm.

Tề ni: chữ trai gồm âm tê và âm tế. Chữ ni gồm âm nê và âm để tên thuốc. Nói rễ cây a ngụy giống thuốc này nhưng hôi như mùi tỏi, sắc thành thuốc a ngụy.

Tấn sa: Trên gồm âm nạo và âm giao, thạch dược màu trắng, mà vàng dùng giống như bạch phàn (dùng làm thuốc) mà mềm.

Khắc tiệp: Tin thắng trận. Tiệp dưới âm tiềm và âm diệp.

Minh uẩn: Uẩn gồm âm uy và âm phấn. Tên của vị tăng.

Tánh khúc: Chữ khúc gồm âm khung và âm lục là họ Khương. Thiệu Từ Minh, âm thiệu cũng tên người.

****

KINH CHÂU SA MÔN VÔ HÀNH TỪ TRUNG THIÊN PHỤ THƯ VỚ CÁC ĐẠI ĐỨC ĐƯỜNG QUỐC VÔ HÀNH PHÁP SƯ THƯ

Thúc kinh: chớp nhoáng. Chữ thúc gồm âm thăng và âm lục. Khảo Thanh nói thúc bỗng sáng lên.

Tập huấn nói: Bất giác sáng tối đổi dời mau chóng đi qua.

Kiều anh: Kiềm gồm âm kỳ và âm diêu, chữ anh từ bộ thảo.

Giải lạm: Chữ giải gồm âm giai và âm ngãi hợp. Thanh tự như âm cổ chẳng phải dưới âm lạm và âm dạm là dây buộc thuyền, từ bộ mịch chữ hình thành.

Tuẩn mạng: Tuẩn gồm âm tuân và âm tuấn. Vận Thuyên nói mất thân theo vật gọi là tuẩn.

Bảo tự: đảo quý. Tự gồm âm tự và âm dữ, trên Thanh tự trong biển châu và thanh.

Lưỡng triệt: Triệt gồm âm triền và âm liệt hợp lại. Vận Anh nói:

bánh xe đi còn vết tích. Thuyết Văn nói: từ xa và chữ triệt tỉnh lược thạnh.

Linh vũ: Vận Anh nói: lông chim từ bộ vũ và chữ lịnh.

Huyền tiên: gió dữ mạnh. Tiên gồm âm tiêu và âm diêu. Khảo Thanh nói: gió mạnh từ dưới mà lên từ bộ phong và chữ tiêu.

Thương minh: Trên âm thương, tên riêng ở Đông hải. Minh tức là tên Bắc hải, cũng có Nam hải.

****

KHẢI LUẬN

Tiểu Chiêu Đề soạn, Tuệ Lâm âm.

TỰA

Tăng Duệ: duệ gồm âm duy và âm nhuế, tên vị Tăng.

Thiện hạch: hạch gồm âm hành và âm cách. Hán thư nói: việc nghiêm xét. Thuyết Văn nói: việc khảo hạch từ tiếng á và tiếng kiêu, âm hộ cổ. Luận văn từ một chữ lưỡng thành chữ là sai.

Tinh dâu: xem tinh tế tường tận.

Dâm gồm âm dủ và âm châu hợp. Đỗ Chú Tả Truyện nói dâu là đọc (xem) duyệt, tự thư là cầu, thinh loại là chữ tác (cầu), Thuyết Văn từ bộ thủ và chữ tẩu, luận văn viết tục tự (tẩu) là sai.

Ý điển: tốt đẹp. Ý gồm âm ỷ và âm khí thành. Nhĩ Nhã nói ý là tốt đẹp. Ích Pháp nói: tuân theo nhưng tốt đẹp gọi là ý. Thân hòa trong chỗ ở gọi là ý.

Mao thi: huyện nói là đại (lớn). Thuyết Văn từ chữ nhất và chữ tứ. Luận văn từ chữ tứ viết thành chữ ý là cổ văn vậy.

Uyên hải: biển sâu thẳm. Uyên trên âm huệ và âm quyên. Mao Thi nói: biển sâu thẳm. Thuyết Văn trở về biển, bộ thủy tượng hình bộ thủy ở trong bờ phải trái (hai bên bờ). Xưa dùng chữ khốn hoặc tỉnh lược chữ thủy và chữ uyên. Luận văn dùng chữ uyên là sai lầm.

Ổi sanh: sống cho qua ngày. Ổi gồm âm và âm hối hợp thành. Hứa Thuận Chú Hoài Nam Tử nói ổi là phàm, cũng như Thương Hiệt Thiên nói đôn (trì tuệ), Quảng Nhã nói là chúng nhiều, Thuyết Văn nói tiếng chó sủa từ tiếng khuyển và tiếng úy.

Phát ký: ký gồm âm kỳ và âm khí. Khổng Chú Thượng Thư nói kỳ là cho cùng với, Đổ Chú Tả Truyện nói là đến, Nhĩ Nhã nói là đến cập, Thuyết Văn nói rất thấy, từ chữ thả và chữ ký.

Ngạn văn: ngạn phiên thuyết chữ ngôn và chữ biến. Khảo Thanh nói ngạn là lời truyện cổ, Tả Truyện nói ngạn là có điều đó, Thuyết Văn nói huyền rằng từ bộ ngôn và chữ ngạn.

Sở quỷ: quỷ phiên thuyết chữ quy và chữ quỷ và. Mao Thi nói không phóng túng theo gọi là quỷ, Vận Thuyên nói: quỷ là dối trá, Quảng Nhã nói là khinh khi, Thuyết Văn nói là trách từ bộ ngôn và chữ nguy, Thanh Nhất Bổn nói: lời nói nhiều đầu mối gọi là quỷ, nói hai chữ cũng chưa biết gì.

Sĩ lai: sĩ gồm âm sự và âm chỉ. Nhĩ Nhã nói sĩ là đợi, Thuyết Văn từ bộ nhân và chữ hỷ.

Khánh Phật: Khánh phiên thuyết chữ khinh và chữ kinh. Mao Thi nói khánh nghĩa là không thể không nên, Thuyết Văn nói cái đồ trống rỗng, từ bộ phữu và chữ khánh và.

Hàn độc: hàn phiên âm hàn và cán. Mao Thi nói: từ hàn, văn hàn, tháo hàn, hàn mặc, lấy văn này đẹp như con gà; Trịnh Tiên nói: phát cất lên như chim bay gọi là hàn. Trong đó chỉ cho bậc hào kiệt. Văn tự điển thuyết nói là lông con gà lớn từ bộ vũ và chữ hành.

KHẢI LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

Âu hòa: Âu phiên thuyết chữ ô và chữ hầu. Phạn ngữ, Trung Hoa dịch là trí.

Điệt thiên: điệt phiên thuyết chữ điền và chữ kiết. Đổ Chú Tả truyện nói điệt nghĩa là lại nữa, tiếng địa phương nói là thay thế, Thuyết Văn từ bộ sước và chữ thất.

Y thánh: y phiên thuyết chữ ư và chữ ký. Khổng Chú Luận ngữ nói y nghĩa là than hận, văn tự diễn thuyết nói là bệnh thương xót, từ bộ khẩu và chữ ý, Thương Hiệt Thiên nói từ bộ ngôn viết thành y huấn đồng.

Ngạc nhiên: ngạc phiên thuyết chữ ngũ và chữ các. Tự Thư nói ngạc là lo sợ, Thuyết Văn nói ngạc là nói thẳng, từ bộ tâm và chữ ngạc, luận văn viết tục tứ ngạc thông dụng.

Linh lưu: linh phiên thuyết chữ lịch và chữ đinh. Thương Hiệt Thiên nói: linh nghĩa là nghe, văn tự điển thuyết huấn đồng tự bộ nhĩ và chữ linh.

Tri chu: tri gồm âm trỉ và âm tri, chu gồm âm trụ và âm trụ. Bát Nhã nói là tri chu là do dự. Chính viết là trù trừ, văn tự điển thuyết nói là luẩn quẩn đều từ bộ túc chữ tri, chữ giai. Chữ chu luận văn viết là trù là ngụy.

Đãi phi: đãi gồm âm đài và âm cải. Trịnh Tiên Mao Chi nói: đãi là gần, Trịnh Chú Lễ Kỳ nói mấy, bao nhiêu. Thuyết Văn nói là nguy từ bộ ngạt và chữ đài.

Địch trừ: địch phiên thuyết chữ định và chữ lịch. Khổng Chú Thượng Thư nói: địch là tẩy trừ. Thuyết Văn nói là gột rửa, từ bộ thủy và chữ điều.

Hư hoát: hoát phiên thuyết chữ hô và chữ quát. Hán thư nói Y Cao Tổ gọi là hoát, Cổ Dã Vương nói hoát là đạt đến lượng lớn, văn tự điển thuyết nói là hang thông, từ bộ cốc và chữ hại.

Thao quang: thao phiên thuyết chữ thảo và chữ đao. Thương Hiệt Thiên nói thao là ác của bản xứ, Thuyết Văn nói là áo xiêm từ bộ vi và thao.

Hổn nhi: hổn phiên thuyết chữ hồ và chữ cổn. Quách Chú Nhĩ Nhã nói hổn nghĩa là dáng nước đổ, Quảng Ngải nói là to lớn, văn tự điển thuyết nói dáng vẻ không phân biệt, tư bộ thủy và chữ quân.

Minh du: du gồm âm du và âm chu. Mao Thi Truyện nói du nghĩa là du nghĩa là càng, hơn. Thuyết Văn nói là độ lượng, từ bộ túc và chữ du, hoặc viết chữ du có bộ sước huân đồng.

Tệ sái: sái gồm âm trắc và âm giới. Mao Thi Truyện nói: sái nghĩa là bệnh, văn tự điển thuyết từ bộ nạch và chữ tế.

Xí hoài: xí phiên thuyết chữ cật và dĩ. Mao Thi Truyện nói như người đến gọi là xí, Tư Mã Bưu Chú Trang Tử nói: xí là mong, Thuyết Văn nói là cất gót mà mog từ bộ nhân và chữ chỉ, hoặc viết là xí.

Tuân tuân: gồm âm tuân và quân và. Không Chú Thượng Thư nói tuân nghĩa là tin. Vương Túc Chú Luân ngữ nói tuân là dãy ôn hòa cung lánh. Quảng Nhã nói là kinh, văn tự điển thuyết nói là đều, từ bộ tâm và chữ tuần hoặc âm tuân.

Thanh tuấn: tuấn gồm âm tôn và âm tuấn. Hứa Thúc Trọng Chú Hoài Nam Tử nói: tài năng hơn cả ngàn người gọi là tuấn. Chánh tự cổ kim từ bộ nhân và chữ tuân, gồm âm toàn và sung thành chữ tuấn. Luận văn từ chữ nãi, viết thanh tuấn là sai.

Sảm kỳ: sảm gồm âm sam và âm giảm. Trịnh Chú Lê Kỳ nói: Sảm là nghĩa cất chặt, Thương Hiệt Thiên nói: sảm nghĩa là hơi, một chút; Thuyết Văn nói là chạy, từ bộ thủ và chữ trạm, hoặc viết là tiệm.

Duy miến: miến gồm âm miên và âm duỗi. Cổ chú quốc ngữ nói: miến là tỏ dáng suy nghĩ, Thuyết Văn từ bộ mịch và chữ diện.

Vô dạng: dạng gồm âm dương và âm lương. Nhĩ Nhã nói dạng nghĩa là lo, Thuyết Văn từ bộ tâm và bộ dương.

Trí khái: khái gồm âm khai và âm ái. Hoài Nam Tử nói khảng khái, không được giận dữ, là than. Văn tự điển thuyết nói là oán hận từ bộ tâm và chữ ký, hoặc viết là khái hoặc viết khái.

Thành tiệm: tiệm gồm âm thiêm và âm yếm, tả truyện nói tiệm nghĩa là phòng cửa mà giữ, Chu Thư nói ao không có ngòi mà giữ. Thư Nhất nói là hào trong thành, Thuyết Văn nói là các gờ từ bộ thổ và chữ trạm. gồm âm ngữ và ngật hung ấp.

Trên gồm âm vong và âm phông?+?. Nhĩ Nhã nói hung nghĩa là không, văn tự tập lược nói là vu khống cũng viết là, Thuyết Văn viết, văn viết là. Dưới gồm âm ư và cấp. Đại Tải Lễ nói suốt đời giữ ái náy này. Vương Chú Sở Từ nói lo là ấp. Thuyết Văn nói không được lui từ bộ tâm và chữ ấp.

Tỉnh táo: táo phiên thuyết chữ tao và đáo. Ích Pháp nói thích biến động dân gọi là táo. Cổ chú quốc ngữ nói là quấy nhiễu. Luận ngữ nói chữa kịp mà nói gọi là táo, văn tự điển thuyết nói là động, từ bộ túc và chữ táo.

KHẢI LUẬN
QUYỂN HẠ

Diễu mang: diễu gồm âm di và âm miễu. Văn tự điển thuyết nói diễu là bao la, chánh tự cổ kim diễu là tràn, từ bộ thủy và chữ diễu. Dưới gồm âm mang và âm bảng. Vương Chú Sở Từ nói mang là bằng phẳng. Hoài Nam Tử nói mờ mịt là mang, con sông nguyên rộng lớn không biết cửa của nó. Cố Dã Vương nói là tả dáng rộng lớn. Văn tự điển thuyết thấm khắp là mang từ bộ thủy và chữ mãng.

Khuếch nhiên: khuếch gồm âm khổ và quách. Trịnh Chú Lễ ký nói khuếch nhiên là dáng vẻ quấy động tâm. Quảng Nhã nói là rỗng không, Thuyết Văn từ bộ nghiễm và chữ quách.

Hoảng hốt: hoảng gồm âm hô và âm quảng. Hốt gồm âm hôn và âm cốt. Lão Tử nói là vật đối với đạo duy hoảng duy hốt. Vương Chú Sở Từ nói dáng thất ý. Văn tự điển thuyết nói dáng hôn loạn đều từ bộ

tâm và chữ hoang,.

Yểu minh: yểu gồm âm yêu và kiểu. Quách Chú Mao Thi nói yểu là u tịch vắng lặng, Thuyết Văn nói là sâu xa từ bộ huyệt và chữ ấu. Luận văn viết chữ âu là sai.

Dưới gồm âm mạc và âm bình hợp thành tiếng minh. Mao Thi Truyện nói minh cũng là sâu xa. Quách Chú Nhĩ Nhã nói người ấu trỉ gọi là minh (mờ mịt), văn tự điển thuyết nói là tối tăm trăng ngày mười sáu mới khuyết, từ chữ nhật, chữ lục bộ quynh.

Ưởng ưởng: gồm âm vương và âm lượng thành ưởng. Thương Hiệt Nhiên nói ưởng là oán hận. Sử ký nói ý này ưởng ưởng là không phục. Quảng Nhả nói là cưỡng bách. Thuyết Văn từ tiếng tâm và ương.

Hoạch nhiên: trên âm hoa và âm mạch hợp thành hoạch. Mạnh Tử nói bình hư vẽ quét thêm, Thuyết Văn nói dùng cái thùy và dao là hoạch từ chữ lực và chữ họa viên (kéo) âm tuyên.

Ủy đăng: trên âm uy và âm vuất hợp thành ủy. Thương Hiệt Nhiên nói ủy là cỏ cây xanh tốt. Chư dịch nói văn này là ủy. Cố Dã Vương nói lăng nhăng. Văn tự điển thuyết nói là xanh tốt (mậu) từ chữ thảo và ủy. Vuất gồm âm vân và uất.

Khiếu thể: trên gồm âm các và âm điếu. Quách Chú Lễ ký nói khiếu là cái lỗ. Thuyết Văn nói là cái hang, từ bộ huyệt và chữ yếu.

Đề bang: gồm âm bách và am manh hợp thành bang. Quảng Nhã nói bang là đánh. Hán thư nói chữ mục (con mắt) bảng (cái bảng) bách (trăm) mắt đánh cỏ trăm. Thanh loại nói là si (đánh), Thuyết Văn nói là yểm (bưng che) từ bộ thủ và chữ bàng.

Khế thất giác: trên gồm âm khi và âm kế hợp thành kế. Mao Thi Truyện nói khế là nghỉ ngơi, văn tự điển thuyết nghĩa đồng, từ bộ tâm viết là khế huấn dùng đồng.

Thần ký: âm cơ và âm trí thành tiếng hý, hý là không xứng đáng lực ấy mà xứng đức ấy, Thuyết Văn nói ngựa chạy ngàn dặm từ tiếng mã và tiếng ký.

Huyền xa; âm xuy và âm chu hợp thành xu. Chu Dịch nói là then cửa. Vi Phát Hàn Khang Bà nói then chốt (xu) chủ chế động. Quảng Nhả nói là gốc, văn tự nói cánh cửa là xư từ tiếng mộc và khu.

Chất cốc: gông cùm. Gồm âm chân và âm nhật thành tiếng chất. Âm công và ốc thành tiếng cốc Trịnh Chú Chu lễ nói nơi tay gọi là chất nơi chơn gọi là cốc. Văn tự điển thuyết nói chất là tay bị trói, cốc là chân bị trói, từ tiếng mộc, chí, cào.

Thai sác: gồm âm khổ và âm giác. Tự thư nói chim mới đẻ. Thuyết

Văn nói là trứng từ tiếng noãn và tiếng cốc (lúc).

Bất nạo: gồm âm nao và âm giao thành tiếng của nạo. Tả truyện nói anh nao là nhiễu loạn đồng minh với ta. Quảng Nhã nói là loạn, thanh loại nói là quấy (giảo), Thuyết Văn nói là nhiễu (quấy nhiễu) từ tiếng thư và nghiêu hợp lại.

Quyên quái: trên âm cổ và âm huyệt gộp thành quyệt. Quách Chú luận ngữ nói quyệt là dối trá. Tiếng địa phương nói tự quan hệ mà phương đông nói dối trá là quyệt. Thuyết Văn nói quyền là quyệt. Lương Ích nói: dối trá thiên hạ là quyệt, từ tiếng ngôn và duật.

Bất cai: cai gồm âm cải và củ hợp thành. Cổ chú quốc ngữ nói cai là đầy đủ. Quảng Nhã nói là cáo mách, phương ngôn nói là hàm (đều khắp cả), văn tự điển thuyết nói đều (giai) từ chữ ngôn và chữ hợi.

Phảng phất: tên gồm âm phương và âm ang. Dưới gồm âm phương và âm vật. Hán thư nói ngấm ngầm với phảng phất tương tợ. Tây Kinh Vũ nói: phảng phất giống như chữ miệt (tinh vi), văn tự điển thuyết nói nghe thấy không rõ ràng, từ tiếng tiêu, phương và phất.

Điềm đạm: gồm âm điệp và âm kiêm thành điềm. Khổng Chú Thượng Thư nói: điềm là an ổn, văn tự điển thuyết nói là tĩnh, từ tiếp tâm, điềm, tĩnh (?).

Mạc Khuy: Khuy gồm âm mạc và âm quy: Thuyết Văn nói khuy là thấy ít. Từ tiếng huyệt (hang) và quy (quy tắc) hoặc viết chữ khuyết đồng.

Nhân tập: tập gồm âm toản và âm lập. Mao Thi Truyện nói tập là tụ, Tự Lâm Phàm nói thu cất vật là tập Thuyết Văn từ tiếng qua và.

Dung trị: âm dã, Thuyết Văn nói trị cho kim loại và lửa nung cho chảy gọi là trị từ tiếng băng và đài.

Nang quát: trên gồm âm nặc và âm đang gộp thành nang. Mao Thi Truyện nói: lớn gọi là nang. Tự thư nói sâu gọi là nang, thuyết và từ chữ nang chữ tương tỉnh lược, nang mượn âm tương, âm tương.

Uông tai: Uông gồm âm ô và âm quang hợp lại. Đổ Chú Tả Truyện nói: uông là trí (cái ao), Vương Chú Sở Từ nói: biển lớn rộng vô cùng. Hán thư nói là ao rộng vạn khoảnh. Thuyết Văn biển sâu rộng từ tiếng thủy và vương. Dưới là âm tai, Vận Thuyên nói là trợ tự, Thuyết Văn nói là gián từ tiếng khẩu và. âm đồng với tục viết.

****

CHỈ QUÁN MÔN LUẬN
QUYỂN THƯỢNG

Trí nghĩ: Nghĩ gần âm ngư và âm khải. Nhĩ Nhã nói nghi là yên tĩnh, Thanh loại nói là nhàn rỗi. Tự Thư nói dáng vẻ đẹp. Thuyết Văn nói dáng vẻ đoan trang từ tiếng hiệt và khải. Tạo luận nói tên của thiên sư.

Tật đố: Đố gồm âm đô và âm cố tạo thành. Thuyết Văn nói vợ ghen chồng, gọi là danh lợi khởi. Như chuẩn theo đây nên biết từ bộ nữ từ bộ hộ là chữ hình thanh cũng có từ bộ hậu từ bộ thạch là sai.

Do tạ: tạ gồm âm tình và dạ từ tiếng thảo và ta.

Thuyết dị hành na: nói dễ làm khó, dị là âm di và thi, hành âm hạnh và âm canh.

Giai thê: trên âm giai. Khảo Thanh nói lên bậc cấp thềm, Thuyết Văn nói thềm từ chữ phụ và giai. dưới là thể và. Cổ chú quốc ngữ nói thê là giai (thềm), Thuyết Văn huấn đồng, Cổ Quỳ nói chữ hình thanh.

Tri xúc: xúc gồm âm xung và chúc hợp thành xúc. Trong chỉ quán chữ tục là. Văn dưới lại có đều chuẩn đây biết.

Trao hối (điệu hối): gồm âm điều và diệu hợp thành tiếng điệu. Khảo Thanh nói điệu là động lay. Thuyết Văn nói là diêu (lay), cũng từ bộ thủ. Trong chỉ quán từ bộ tâm viết thành chữ điệu là sai, sách viết tả người là lầm.

Hí hước: trên âm hy và nghĩa. Nhĩ Định nói hý cũng là hước. Khảo Thanh nói là lộng (hý lộng). Thuyết Văn từ tiếng qua và hước. Hước âm nghĩa dưới âm hương và âm ngược, Quách Chú Nhĩ Nhã nói tướng điệu là hý, Thuyết Văn nói hước là hý, từ bộ ngôn và chữ ngược, Thuyết Văn nói chữ ngược trên từ bộ hổ dưới chữ ngưỡng và chữ qua, viết do từ người mất chữ thông tục.

Tao động: Tao gồm âm tảo và tao. Khảo Thanh nói là man động (lay động) hoặc từ chữ mã viết than nghĩa cũng thông. Thuyết Văn là quát từ bộ thủ và chữ tao. Tao âm tảo từ chữ đất thành chữ tao, cổ văn chữ trảo. Quát gồm âm quan và âm hoạt.

Nhị xuyễn: gồm âm xuyên và âm nhuyễn hợp thành xuyễn. Nghi lễ nói nhuyễn là mềm, Hàn Thư nói binh kết thấy trâu là xuyễn. Thuyết Văn nói thở nhanh từ chữ khẩu đoan.

Tuyên lưu: gồm âm tường và âm duyên hoặc viết chữ đều tục tự. Thuyết Văn nói chính khi viết chữ người không biết rõ liền cho là chữ thứ. Các Nho lạm nhau tùy ý đua nhau viết không đồng. Thúc Triết viết

là tuyên, Cổ Nghi viết là di, Sử Dịch Đại Trác viết là, từ hai bộ thủy cổ nhất không nhập thời dùng, Thuyết Văn viết là thứ từ bộ thủy từ bộ khiếm, tập huấn nói tuyên là nước giải trong miệng. Nay y vào thuyết văn, ngoài ra đều không lấy.

Phiền táo: táo gồm âm tao và âm đáo hợp lại chữ thường dùng. Cổ Chú Quốc Ngữ nói: táo là quấy, Trịnh Chú Luận ngữ nói không an tĩnh, Cố Dã Vương nói táo là động, Thuyết Văn thì từ bộ thủ và chữ tảo âm tang và đáo.

Toản hỏa: gồm âm tổ và đoan hợp thành tiếng toản, hỏa là toại (bó đuốc), Thế Bổn nói: toại là người dân khoan cây ra lửa từ bộ kim và chữ tán. Trong chỉ quán từ bộ thủ viết thành chữ toản là sai.

Trừu lượng: gồm âm trụ và âm lưu, chữ lượng từ chữ đồng (đứa trẻ).

Đối trị: trên chữ đối chính từ âm trang, học. Từ bộ thổ từ bộ thủ, nay tục từ bộ chí là sai dưới âm trì.

Đặng mông: trên gồm âm đăng và đặng tạc thành, dưới âm điệp và bằng lại là chữ khứ thanh. Khảo Thanh nói đăng mông là tinh thần không sáng sủa, đều từ bộ chỉ quá từ bộ mục vất là là sai. Bằng âm bắc và chữ mông.

CHỈ QUÁN MÔN LUẬN
QUYỂN HẠ

Thị thuấn: trên gồm âm thủy và âm nhuận gộp thành thuấn. Thuyết Văn nói mắt động cũng viết là diễn. Trong chỉ quán từ chữ tuần thành chữ tuần là chữ huyền tục dùng từ chữ tuân là sai.

Ủy đà: trên gồm âm ủy và đoàn. Tự Kính nói: cỏ cây tàn tạ hoặc từ bộ ngạt viết là cũng đồng. Dưới gồm âm đa và khả, Vận Thuyên nói: cỏ cây khô héo, chỉ quán nói ủy đà e sai mất đi ý kinh.

Tinh mỵ: gồm âm my và âm ký hợp thành. Khảo Thanh nói quỷ thần là quái. Thuyết Văn nói vật già là tinh, từ bộ sam và quỷ, hoặc từ chữ vị viết thành chữ mỵ, hoặc từ chữ vật viết thành mỵ đều là tục tự. Nay trong chỉ quán từ bộ nữ viết thành mỵ là sai, mỵ là duyệt (vui) là mỹ, là ái. Như vậy chẳng phải nghĩa của kinh.

Đồi dịch: gồm âm đô và hồi hợp thành tiếng đồi. Dưới gồm âm thính và diệc. Thuyết Văn nói chữ đồi chính viết là bộ phụ tượng hình,

trong chỉ quán từ bộ thổ viết thành là sai. Chữ dịch từ bộ tâm và chữ dị, đồi là tên loài quỷ ác, không tìm nghĩa chữ.

Hổ hủy: gồm âm hô và âm cổ hợp thành hổ. Thuyết Văn nói là thú ở núi rừng từ chân hổ giống chân người. Cho nên dưới từ bộ nhân, âm dưới giống như Thuyết Văn nói là loài thú. Hình tượng như con ngựa hoang màu sanh, với cầm thú ở núi gống nhau, chỉ quán từ bộ khuyển viết thành là sai.

Thố chủ: chữ trên gồm âm thổ và âm cố hợp. Thuyết Văn nói tên loài thú hình dáng ngồi xổm. Chữ thố và thô giống nhau cho nên từ sau chữ thô tỉnh lược bộ phiệt, hình tượng cái đuôi của nó. Dưới âm chủ Thuyết Văn nói thuộc loài nai một sừng mặt lớn, từ chữ lộc và chữ chủ. Phiệt âm gồm âm thiên và miệt.

Xà (thà) mãng: gồm âm thời và âm giá hợp htành thà. Dưới âm mạc và âm bảng hợp lại là loài lớn nhất trong loài rắn gọi là mãng.

Long đà: gồm âm đường và âm hà thành đà. Thuyết Văn nói loài sống dưới nước, Trường Văn Hứa nói là có rắn thần lằn mà lớn từ bộ mãnh và chữ đan âm quách từ từ chữ lý,. Từ chữ đan là sai. Trong chỉ quán dưới từ bộ quy (rùa) là sai.

Hầu cù: trên gồm âm hầu dưới âm quỷ và âm cự. Thuyết Văn nói con vượn mẹ, Thiện Cố Miện nói con cù hay bắt người. Hầu là con khỉ vượn tục gọi là hồ tôn.

Thú tinh mỵ: trên gồm âm thu và âm chú hợp thành thú, cũng nhầm dùng chữ thú (cầm thú) và chữ thủ là đúng.

Thặng thực kỳ nhơn (thừa thức ăn người này): văn dưới lại nói thặng là vợ chồng, thặng gồm âm thừa và âm chứng, tục thế gian nói là từ lời giữa sở dĩnh. Nói thừa là như thế, ý nói há có thể tiện như thế là ý này, bởi vậy đại sư hương âm sở nói là lời.

Khô tích: trên gồm âm khổ và âm cô thành tiếng khô. Lại dưới gầm âm tinh và âm diệc. Hà Chú Công Dương Truyện nói tích là bệnh. Người Tề nói từ bộ bộ chữ phòng là chữ hình thanh.

Ế tắc: gồm âm yên và âm kết thành tiếng ế. Khảo Thanh nói: hơi thì mắc nghẹt nơi cổ thức ăn không xuống. Dưới gồm âm tăng và âm tắc hợp lại, Thuyết Văn nói tắc là lấp. Từ bộ cũng âm cũng từ bộ miên âm miên. Từ (tiển) từ bộ thổ miên giống như các nhà mở cửa dụ bằng âm tiển.

****

AN LẠC TẬP
QUYỂN THƯỢNG

Liêu giản: trên gồm liễu và âm điêu. Khảo Thanh nói: liêu là dặm, thông tục văn viết là liêu vơ lấy. Thời nay phần nhiều dùng chữ liêu.

Thuyết thanh nói liêu là chọn lực, từ bộ thủ và chữ liêu. Chữ liêu tuy là chính thể vì liên can đến xưa khó dùng trong tập từ bộ mễ và bộ cân viết thành thì sai.

Dưới gồm âm gian và âm nhân. Khảo Thanh nói giản là chọn lựa, Thuyết Văn nói phân biệt là giản. Từ chữ giản từ bộ chữ bát, bát là phân biệt. Tục dùng hoặc từ bộ thủ từ chữ giản thành chữ giản là sai. Trong tập viết là giản là chẳng phải nghĩa, văn dưới chuẩn theo đây nên biết.

Biện chư: trên gồm âm biệt và âm miễn. Trịnh Chú lễ ký nói biện là khảo hỏi để được định ổn, Thuyết Văn nói luận là trị, từ bộ ngôn và chữ biện. Biện gồm âm biến và âm miễn, trong tập dùng chữ biện chẳng phải ở đây dùng.

Toản thấp mộc: toản gồm âm tổ và âm toan hợp lại, Luận ngữ nói toản (khoan) tức là đồ lấy lửa. Hán thư nói toản (cái khoan) loại có mũi nhọn, Thuyết Văn nói vật để (xuyên) xâu qua từ bộ kim và chữ tán, bổn tập từ bộ mộc viết thành chữ toản là sai.

Chữ dưới gồm âm thi và âm nhập hợp thành, Cố Dã Vương nói là thấm nhuần. Khảo Thanh nói thấm ướt, Thuyết Văn nói tối tăm là chữ thấp, mỗi mỗi che đậy, che đất mà có nước gọi là thấp từ chỗ thấp tĩnh lược, trong tập viết chữ thấp là sai.

Tích càn tân (chặt củi khô): trên gồm âm tinh và âm diệc. Khổng Chú Thượng thư nói tích là phân tách. Thanh Loại viết là chữ phách. Thuyết Văn nói chặt cây từ bộ mộc và bộ cân. Trong tập từ bộ thủ và bộ phiến tục tự là sai.

Phỏng tiền: trên ám phỏng và âm ưởng. Khảo Thanh nói phỏng là bắt chước. Công Dương Truyện cũng y theo, Thuyết Văn nói từ bộ nhân viết thành tương tợ từ bộ nhân và chữ phóng Lưu Văn viết là.

Bình nhiên: trên gồm âm binh và mãnh, Quảng Nhã nói bính là sáng sủa, Thuyết Văn từ bộ nhật và chữ bính hoặc viết thành cũng đồng.

Sâu nguyên: trên gồm âm sấu và âm châu hợp thành. Trong Khải luận trước giải thích rõ rồi.

Thiên cục: gồm âm cọng và âm ngục hợp thành tiếng cục. Quảng Nhã nói cục là phần, Nhĩ Nhã nói cục là phân. Đại Tải Lễ chư hầu đều lấy chữ cục này là vị trí. Mao Thi Truyện nói cục là cong, tả truyện nói các ty là cục, Trịnh Chú lễ ký nói là bộ phận, Thuyết Văn thì nói cục là thúc giục từ bộ khẩu và bộ thi dưới lại có bộ bao là chữ tượng hình.

Mậu đắc: trên gồm âm mâu và âm hầu. Nhĩ Nhã nói mậu là chợ, là mua. Cố Dã Vương nói mậu như buôn bán ở chợ chánh tự cổ kim từ bộ bối và á. âm mặc trong tập viết là ngoa.

Thúc nhĩ: trên gồm âm thư và âm dục, Vương Miễn Chú Sở Từ nói: thức là nhanh bỗng như điện chớp. Quảng Định nói thúc là ánh sáng. Thương Hiệt Thiên nói là chợt, chánh tự cổ kim nói đến đi nhanh chóng, từ bộ hỏa và chữ du hoặc từ bộ khuyển viết thành đều đúng.

Chậm điểu: trên gồm âm trầm và âm thầm hợp thành tiếng chậm (trậm). Khảo Thanh nói là loài chim độc dữ.Quách Chú Nhĩ Nhã nói lớn như chim tiểu điêu màu tím xanh, cổ dài đỏ thường ăn rắn tục gọi là chim ở sôn. Đổ Chú tả truyện nói lông nó có độc. Chánh tự cổ làm từ bộ điểu và chữ. âm dâm bổn tập từ chữ tây viết là là sai.

Khả Tô: gồm âm tố và âm thô hợp thành tiếng tô. Khảo Thanh nói tô là ngộ (tỏ ngộ), Khổng Chú Thượng Thư nói là thở, Tịnh Chú Lễ nói thở lại gọi là tô, Thanh Loại nói tô là sống lại, chánh tự cổ làm từ bộ hòa và bộ ngư, tập viết thành chữ tô, Đại Chu Triều nói chữ ngụy là sai.

Trì sính: trích gồm âm trình và âm dĩnh, Thuyết Văn nói chạy thẳng, chữ hình thành gồm âm sất, đinh, trong tập viết viết là nhầm.

Sấu chưởng: gồm âm tẩu và âm trứu hợp thành tiếng sấu. Tập huấn nói sấu là rửa, rửa cũng là chữ chưởng, Thuyết Văn từ bộ thủy và chữ sắc, âm đồng.

AN LẠC TẬP
QUYỂN HẠ

Hiểm kính. Gồm âm hy và âm kiểm gộp thành tiếng hiểm. Cố Dã Vương nói hiểm như trở ngại. Cổ Chú quốc ngữ nói là nguy, tiếng địa phương nói là cao chánh tự cổ kim nói là nạn từ bộ phụ và chữ thiên. âm phụ, tập từ bộ sơn viết là là sai.

Dưới gồm âm kinh và âm định. Quảng Nhã nói kính là tà, kính là

qua, kính là dấu vết, không tuân theo con đường lớn mặc quanh co mà đi gọi là kính. Cố Dã Vương nói là con đường tắc nhỏ. Thuyết Văn nói đường bộ từ bộ xích và.

Dụng ngại: dưới gồm âm ngũ và âm hội hợp thành ngại. Quách Chú Nhĩ Định nói là vật rắn chắc. Khảo Thanh nói là dụng cụ xay lúa. Bổn thế nói công thâu lúc đầu viết là ngại, Thuyết Văn viết là ma, từ bộ thạch và chữ khởi.

Sử vũ: trên gồm âm sư và âm xí hợp thành sử. Thương Hiệt Thiên nói sử là nhanh, văn tự điển thuyết nói ngựa chạy nhanh từ bộ mã và chữ sử.

Kim tràng tràng phan vàng: gồm âm trạc và âm giang từ bộ cân mà không từ bộ tâm.

Nhương thử: gồm âm nhưỡng và âm chương hợp thành nhương. Quách Chú chu Lễ nói biến dịch là nhương, Quảng Nhã nói là tạ lỗi, Thuyết Văn từ bộ kỳ và chữ tương, trong tập viết bộ thử làm thành chữ nhương là sai chẳng phải nghĩa này. Kỳ là âm kỳ.

Như hướng: gồm âm thương và âm xướng thành hướng. Quảng Nhã nói hướng nghĩa là tặng làm quà, Thuyết Văn viết chữ hương từ bộ thực và chữ hướng, âm hướng cức lạt.

Trên âm cạnh và âm ngực hợp thành cức. Quảng Định nói cức là kim, Đổ Chú Tả truyện nói cức là cái kích như chánh tự cổ kim nói cây gai nhỏ sống rậm rạp xanh tươi đều từ chữ thúc. Tập bổn từ bộ thảo viết thành chứ cức là sai.

Dưới gồm âm thư và âm tứ. Quảng Nhã nói cây kim gọi là thích, từ bộ đao và chữ cầu. Tập bổn viết thành thích là sai.

Phích lịch: gồm âm phiến và âm bích hợp thành khích, dưới gồm âm linh và âm đích trước đã giải thích rồi.

Độc thú: trên là chữ độc chính, dưới gồm chữ thu và chữ chú gộp thành, Thuyết Văn từ bộ khuyên và, tập viết là thú đông lạp là sai nghĩa này.

Cao tường: trên gồm âm ngạo và âm cao. Dưới gồm âm tượng và âm dương hợp lại, Trịnh Tiên Mao Chi nói: cao tường là tiêu diêu. Hàn Thi nói là ngao du, Thuyết Văn từ bộ vũ,, dương đều là tiếng.

Hôn mạo: dưới gồm âm mao và âm báo hợp thành mạo. Lễ ký nói già tám mươi, chín mươi tuổi gọi là mạo. Đỗ Chú tả truyện nói là loạn, chánh tự cổ kim từ bộ lão và mao.

Huỳnh huỳnh: gồm âm quỳ và âm doanh. Khảo Thanh nói huỳnh là cô đơn. Khổng Chú Thượng Thư nói là đơn chiếc. Mao Thi Truyện nói

không nơi nương tựa, Thuyết Văn từ chữ và tỉnh thanh, tập viết tục tự.

Tung tung: gồm âm thương và âm hồng, bi thương công nói: là vội vàng, Thanh Loại nói là nhanh, âm chung tập huấn nói tung tung là tâm động.

Cổ kim chánh tự nói chính tung là lần lược thay đổi từ bộ tâm và chữ công, âm cự ngự cự là vộ vàng.

****

CỔ PHÁP NGHĨA LUẬN

Trù Thiền sư soạn - Tuệ Lâm âm.

Cổ tục: cổ gồm âm công và ngọ, Khảo Thanh nói không có mắt gọi là cổ, giải thích chữ cổ là hai ngã, miên miên như vậy, cổ gồm bộ bì (da) và con mắt lấy tên để gọi, Thuyết Văn nói mắt nhưng có màng, như chữ cổ (trống) từ bộ mục tiếng cổ.

Thâm tịnh: tịnh gồm âm tịnh và âm dĩnh, Trịnh Chú Chu Lễ nói xuyên đất làm hào để bắt thú. Lễ ký nói đuổi theo mà trong các hầm được hố bẫy, Quảng Nhã nói là cái hầm, cổ văn viết là huỳnh, Thuyết Văn nói là cái hố từ bộ phụ và chữ tịnh.

Thiêm nhật: thiêm gồm âm thiếp và âm iêm. Quách Chú Phương ngôn nói thiêm là đồng, Quảng Định nói là nhiều, Thuyết Văn nói là đều từ từ từ âm tẩm, và âm nghi âm tùng.

Đệ vi: đệ gồm âm đề và âm lễ hợp thành, Nhĩ Nhã nói để là thay đổi, chánh tự cổ kim nói lại đổi dời từ bộ sước và (ty) hoặc viết theo cổ văn đệ. Ty gồm âm tỷ và âm ty, luận văn viết chữ tục dùng không thành chữ.

Niêm ngoại: niêm âm niếp và âm liêm. Khảo Thanh nói niêm là vật gì có chất dính gọi là niêm. Thương Hiệt Thiên nói: là hợp Thuyết Văn nói dính nhau từ bộ thử và chữ chiêm, luận viết chữ niêm tục tự thông.

Chi ly: gồm âm lặc và âm tri thành ly, Quảng Định nói là ly là dính, chánh tự cổ kim nói vật có mũ cây dính có thể bắt chim là mũ cây, từ bộ thử và chữ ly. Luận văn viết là ly tục tự ngoa lược vẫn hỷ.

Vẫn gồm âm vân và âm quẫn. Khảo Thanh nói vẫn là tự vận, văn tự điển thuyết nói là chết tự bộ ngạt và chữ viên hoặc viết là vẫn. Luận văn viết vẫn đúng nghĩa này.

Võng man: man gồm âm mạt và âm bàn hợp thành, cang mạt là

mười ngón tay của Như Lai giữa có màng liền nhau như chân của con ngoan chúa nhưng có màu sắc dịp giống như lưới nên gọi là cang man.

****

NIỆM PHẬT TAM MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN QUYỂN THƯỢNG

Minh hựu: hựu gồm âm hưu hợp thành, Thuyết Văn nói dùng mũi để ngửi gọi là hựu, từ bộ tị (mũi) và chữ xú (hôi).

Chuy thù: chuy gồm âm chỉ và âm sư, thù gồm âm thù, theo các kinh Tôn Tử Cửu Chương nói, phàm một cân bắt đầu từ lúa, mười cân là một lũy, mười lũy là một thù, mười thù là một chuy, chuy tức là phân.

Âm phần hỏi: bốn phân là một lạng, mười sáu lạng là một cân, ba mươi cân là một quân, bốn quân là một thạch, tức là một trăm hai mươi cân, chỉ lấy các tự thử nói là chuy mà có ba sự khác biệt. Theo thông nghĩa phong tục nói: thù là sáu truy, hai truy là một chùy, hai chùy là một lạng. Tính thế nói thì nửa lạng gọi là chuy, một phân gọi là truy, hai mươi bốn thù là một lạng, chỉ một sách này riêng khác đối với các điển các tự thư, phần nhiều đồng một thuyết chỉ theo tự, lâm tự, thống tự, uyển tự cảnh vận, tập vận, lược vận, phổ vận, anh văn tự tập lược, văn tự điển thuyết, chánh tự cổ kim, và theo các kinh cửu chương Thuyết Văn mười ba nhà đều đồng dùng sáu thù làm một chuy, tức bốn chuy thành hai lạng. Trịnh Huyền Chú lễ ký nói lấy tám lạng làm một chuy.

Tập huấn vận thuyên so với Trịnh nói tám lạng chưa rõ, nghĩa này từ đâu ra, cho nên ghi ra các nhà dị đồng, lấy bỏ mặc tùy ý. Nay lại chỉ y theo cửu chương để tính, và lấy nhiều thuyết lấy sáu thù làm một chuy định vậy. phong tục thông nghĩa và cho Trịnh Huyền chưa rõ lý do đó, chớ lường người xưa yếu chỉ tối tăm.

Mạn tràng: tràng gồm âm học và âm giang, căn cứ theo mạn tràng nghĩa là khinh khi không cung kính, ngạo mạn phóng dật, nước ta (Trung Quốc) tự cao giống như cờ phan dụ cho vì lợi.

Lăng tầng: lăng gồm âm lặc và âm hằng ghép lại, tầng gồm âm tặc và âm hằng với dáng vẻ nêu cao.

Khang khoái: khang (khương) gồm âm kháng và âm cương. Thanh Loại nói khang là hú, chánh tự cổ kim từ bộ mễ và chữ khang, dưới gồm âm khẩu và âm ngoại hợp lại. Tự thủ nói: con hưu gọi là khang, Thuyết Văn cũng nói là khang, từ bộ hóa và chữ hội. Luận văn viết chữ chữ tục

dùng là sai.

Ly thử: ly gồm âm lý và âm tri, Quách Chú Nhĩ Nhã nói ly là lo buồn. Khảo Thanh nói là bị, gặp. Chánh tự cổ kim nói suy nghĩ sầu thảm, từ bộ võng và chữ duy. Luận văn từ chữ tứ viết tục tự chi xứng.

Xứng gồm âm xương và âm chứng, văn dưới đồng.

Bế nữ: Bế gồm âm bề và âm mê. Quảng Nhã nói: bế là gần my mắt. Lưu Hy Chú Ích Pháp nói: lấy sắc sự nhân, Thuyết Văn nói bế là suy nghĩ yêu thương từ bộ nữ và chữ tích.

Bế gồm âm bế và âm mê, mê âm mê bế.

Điên quyết: đạp lên. Quyết gồm âm câu và âm nguyệt hợp thành (?+?).

Phu chất: phu gồm âm phủ và âm vu (?+?). Công Dương Truyện nói bất nhẫn gọi là phu chất. Lại nói tội chém cổ, lễ ký chư hầu nói là ban là phu chất, nhưng từ chữ sát. Chánh tự cổ kim nói băm chặt từ bộ kim và chữ phù (?+?) tỏa gồm âm thất và âm tòa.

Khô trường: khô gồm âm khổ và âm hồ. Cố Dã Vương nói: khô là ruột rỗng không, Thương Hiệt Thiên nói là mổ, Thuyết Văn nói là gỡ sé, từ bộ đao và chữ khoa âm khưu và âm vu, dịch âm thính và âm đích.

Trở cơ: gồm âm tồ và âm sở gộp thành trở. Phương ngôn nói trở cũng là cơ, Tự Thư nói trở là kỷ là thịt, văn tự điển thuyết nói là bình chứa đầy.

Linh Phật: .... vật, từ chữ ban và bộ nhục, lại chữ thả, chữ linh gồm âm lịch và âm đinh tạo thành, Thương Hiệt Thiên nói linh là nghe, Thuyết Văn nói đồng từ bộ nhĩ và chữ linh.

Oán cừu: oán gồm âm cựu và âm vưu hợp thành. Khổng Chú Thượng Thư nói cừu cũng là oán, Thuyết Văn nói là báo thù từ bộ nhân và chữ cửu.

Trục khối: khối gồm âm khôi và âm hội hợp thành. Khảo Thanh nói là đống đất, Trịnh Chu Lễ ký nói là ụ đất, Thuyết Văn từ bộ thổ và chữ quỷ hoặc viết chữ do.

NIỆM PHẬT TAM MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN
QUYỂN TRUNG

Khư hữu lậu: khư gồm âm khư và âm ngư. Khảo Thanh nói khư

là bỏ đi, văn tự điển thuyết nói là chém chặt gọi là khư, từ bộ y và chữ khứ.

Bất huyên: huyên gồm âm huyền và âm quyên hợp thành. Vương Dật Chú Sở Trì nói huyên là dáng vẻ nhìn, văn tự điển thuyết nói đương lúc chim ngựa ăn là bất huyên, từ bộ mục và chữ tuân.

Chi bỉ: chi gồm âm chi và âm thị. Khảo Thanh nói chi là lớn, nỗi tiếng. Thuyết Văn nói là núi từ bộ thủy và chữ thị hoặc viết là chi có bộ thổ, bên cạnh cũng đồng.

Xâm xâm: gồm âm thất và âm lâm hợp lại. Mao Thi nói là chợt, Thuyết Văn nói là dùng ngựa đi nhanh từ bộ mã và chữ, âm thượng đều đồng.

Mộc hoạn: hoạn gồm âm hoàn và âm quán, Khảo Thanh nói là tin cậy.

Tích tán: tích gồm âm tịnh và phích, Đỗ Chú Tả Truyện nói tích nghĩa là lý, Hàn Thi nói là bỏ đi, văn tự điển thuyết nói là hình pháp, từ bộ hộ từ bộ tân từ bộ khẩu chữ hội ý.

Đồi niến: đồi gồm âm đội và âm lôi. Khảo Thanh nói đồi là tà, Hàn Thi nói đồi là để lại từ bộ phụ và chữ quý. Luận văn viết là đồi là sai chẳng phải nghĩa này.

Triều tùy: tùy gồm âm tùy và âm thúy, Mạnh Tử nói cuộc sống sinh ra được sáng suốt gọi là húy. Cố Dã Vương nói là dáng nhuần nhã, văn tự điển thuyết nói từ bộ mục và chữ tốt.

NIỆM PHẬT TAM MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN
QUYỂN HẠ

Dĩ phu: phu âm phù, Cố Dã Vương nói phu là cái chùy đánh trống, Thuyết Văn nói là cái gậy đánh trống từ bộ mộc và chữ bao. Luận văn viết là chữ phu tức sai với nghĩa này.

Uyển hữu: hữu gồm âm vứu và cứu. Khảo Thanh nói hữu nghĩa là vườn, Trịnh Chú Chu lễ nói là vườn ngày nay, Thuyết Văn nói uyển hữu nơi có tường thấp từ bộ vi và chữ hữu.

Cốt cốt: gồm âm quỷ và âm cốt hợp lại, Khảo Thanh nói cốt cốt nghĩa là dùng sức không nghi, văn tự điển thuyết nói là xuyên qua từ bộ thủ và chữ cốt.

Nghịch tiết: dưới gồm âm tiên và tiết là cây nhỏ từ bộ mộc và chữ

khế.

Át-ca: trên gồm âm an và át là Phạn ngữ.

Sính cức: trên gồm âm sách và lãnh, Hàn Thi nói: sính là bày lễ. Đỗ Chú Tả Truyện nói là chạy, chạy nhanh, Quang Định nói chạy vội, Thuyết Văn nói là bôn tẩu, từ bộ mã và chữ sính âm tứ và âm đinh. Luận văn viết sinh là sai.

Chi tiếu: gồm âm tiều và hiểu. Khảo Thanh nói tiếu là cười, Thượng Thư nói là trách, Thương Hiệt Thiên nói là quở trách văn tự điển thuyết từ lự ngôn và chữ tiếu.

****

KIM PHI QUYẾT MÔ LUẬN

Tham trách: gồm âm tuyến và âm nam, văn tự điển thuyết nói: tham là lấy xa, Khảo Thanh nói tham là thi. Dưới gồm âm tranh và trách, Khảo Thanh nói trách là thâm sâu, rất nghèo. Kinh dịch nói: thánh nhơn có cái cao xa để nhìn thấy thiên hạ, trách trách là tối tăm sâu thẳm từ và chữ trách.

Kỵ thanh: gồm âm kiểm và âm vị thành kỵ, được phải là chứ thì sai.

Hoảng nhiên: gồm âm huống và âm vãng hợp thành hoảng. Khảo Thanh nói là hoảng là hốt hoảng, hồn thất thủ là cuồng. Lão Tử nói: làm vật duy hoảng duy hốt. Sở Từ nói: gió đến là hoảng, Vương Dật nói hoảng là thất ý, Thuyết Văn nói dáng vẻ cuồng.

Bác bì: bác gồm âm bang và âm mạc. Văn tự điển thuyết nói là mổ sẽ là cắt. Dịch nói: núi gần kề ở chỗ đất xấu gọi là bác, từ bộ lực và chữ lục.

Tích cốt: trên gồm âm tiên và âm địch. Văn tự điển thuyết nói là chặt cây. Thi nói tích là củi làm thế nào không phải cái rìu thì không được. Lại phân tách là tích từ bộ mộc và bộ cân từ bộ phiến và chữ thược viết thành chữ tích là sai.

Oan thân: Trên phiên thiết âm oản và âm hoàn. Văn tự điển thuyết nói oan là khoét lột bỏ, từ bộ lực và chữ oan.

Mậu huông: phiên thiết âm mậu và hầu. Văn tự điển thuyết nói mậu là trao đổi hàng của, chánh viết là mậu, Thi nói lấy tiền mau tơ từ bộ bối và chữ mão, Thanh Luận viết là mậu thông tục.

Hãm nha: phiên thiết âm hàm và âm. Khảo Thanh nói hãm là cái

hang, là vỡ lỡ, chánh viết chữ hãm, luận viết chữ hãm thông lực.

Trường ly: ly phiên thiết chữ lệ và chữ tri. Thi nói: dân không thể không có lúa gạo, riêng tôi đối với chữ ly chánh viết là ly, cổ viết từ bộ võng.

Linh tập: tập phiên thiết chữ xâm và chữ tập, chánh văn viết là tập, tập là tua lụa, trách nói duật cầu nguyên thánh cho đây là chữ lục (góp), bộ lực và chữ tập. Ninh Bang Gia Thi nói: là sâu xa; Văn Vương nói: vui vẻ cung lánh chí từ bộ mịch.

Tăng chước: phiên thiết từ chữ tử và chữ đăng thành tăng. Chu Lễ nói tăng là mũi tên dùng để bắn. Trịnh Huyền Chú nói: thắt kết lại gọi là chước, mũi tên gọi là tăng, tăng là cao. Khảo Công Ký nói tăng là cung tên sử dụng, gồm bộ thỉ và bộ vũ gọi là tăng. Luận viết là sai.

Chước: phiên thiết chữ chi và chữ lược nghĩa là sinh nhiều sợi tơ, chước chánh viết là chước, hoặc viết là chữ chước này.

Tài phân: tài phiên thiết chữ tại và chữ tai. Khảo Thanh nói là tạm thời, chánh viết là tài. Luận viết này thông lục.

****

TỲ KHEO NI TRUYỆN
TỰA

Chi trù: trù phiên thiết của chữ trường và lưu, Vận Anh nói trù là bốn.

Mộ ký: trên chữ mộ dưới từ bộ tâm, ký âm ký. Khảo Thanh nói là con ngựa giỏi, Thuyết Văn nói ngựa chạy ngàn dặm từ bộ mã và chữ dị, chữ ký từ chữ bắc.

Di quyết: di phiên thiết chữ dĩ và chi. Di là để lại, cũng là quyết. Di là để lại cho con cháu.

Thiền liên: thiền phiên thiết chữ thiện và chữ nhiên. liên phiên thiết của chữ liệt và chữ triền là liên tục, không đoạn tuyệt.

Ngoa vặn: ngoa phiên thiết của chữ ngũ và qua, dưới là âm vấn, ngoa là sai lầm, vặn là loạn từ bộ mịch và chữ văn.

Nhạc tù: nhạc phiên thiết của chữ nha và chữ giác, ngọn núi cao Ngũ Nhạc. Dưới phiên thiết chữ tù và chữ lý. Tập huấn nói: các ngọn núi đứng độc lập.

Tuấn ký: tuấn phiên thiết của chữ sấu và quận. Khảo Thanh nói là cầu. Chữ hình thanh.

TỲ KHEO NI TRUYỆN
QUYỂN 1

Hồng nghê: chữ trên âm hồng, dưới phiên thiết chữ nghệ và chữ kê. Vận Thuyên nói: hồng nghê là cái cầu vồng.

Đông hoan: hoan phiên thiết chữ cai và chữ ngại. Khảo Thanh nói: khái là tiết đốt, cũng là mưu lược từ bộ mộc.

Oản phát: oản phiên thiết chữ loan và chữ hoãn. Vận Anh nói: là ràng buộc, Khảo Thanh nói là kết buộc, Thuyết Văn từ bộ mịch và chữ quan. hoãn phiên thiết chữ quan và chữ hoạn chữ thượng thanh.

Cức khai: cức phiên thiết chữ căng và chữ lực là tục tự, chánh thể viết là, Khảo Thanh nói tự đi vội, Vận Anh nói: là kính từ bộ cũng và chữ câu.

Ô sào: chữ sào phiên thiết chữ sài (củi) và bộ hào là tổ chim. Gọi là sào chữ tượng hình, ở trong truyện viết chữ thì không thành chữ này.

Khiêm chí: phiên thiết chữ khiêm và chữ tất. Trịnh Chú Lễ ký nói: khiêm nghĩa là chán. Mạnh Tử nói: không ân hận với lòng. Lưu Hy nói: là vui từ bộ tâm và chữ kiêm.

Triêm nho: triêm phiên thiết chữ tri và chữ liêm. Dưới âm nho. Khảo Thanh nói triêm nho nghĩa là thấm ướt.

Chẩn cấp: chẩn phiên thiết chữ chi và chữ nhẫn. Nhĩ Định nói chẩn nghĩa là giàu có, Thuyết Văn từ bộ bối và chữ thìn.

Khanh thương: khanh phiên thiết chữ khách và chữ canh, thương phiên thiết chữ thất và chữ dương. Lễ ký ghi: Tử Hạ nói: nghĩa là tiếng cây đánh vào chuông trống là chữ hình thanh.

Vương thấm: thấm phiên thiết chữ thậm và chữ lâm là tên người.

TỲ KHEO NI TRUYỆN
QUYỂN 2

Huyền tảo: âm tảo. Vận Anh nói: văn hay là tảo từ bộ thảo.

Tuệ quỳnh: quỳnh phiên thiết chữ quý và chữ doanh là thứ ngọc đẹp. Thuyết Văn nói ngọc đỏ cũng từ bộ ngọc.

Mạnh ngải: ngải phiên thiết chữ nghi và chữ khởi. Khảo Thanh nói ngải là yên tĩnh cũng là kính cẩn từ bộ hiệt và chữ khởi.

Hạp chúng: trên âm hợp nghĩa là đóng.

Suyến y: suyến phiên thiết chữ sĩ và chữ quyến. Bì Thương nói: duyên thuộc vào nhau, giải thích là màu xanh, đỏ, từ bộ y và chữ tốn.

Vĩ vĩ: âm vĩ. Khảo Thanh nói: là tốt đẹp, là gắng, là tiến từ chữ văn, chữ dậu từ chữ thoán tỉnh lược, chữ chuyễn chú.

Luy loại: luy phiên thiết chữ lực và chữ truy nghĩa là yếu, dưới âm loại. Khảo Thanh nói: là nhiều bệnh, hết sức từ bộ tâm là chữ bị bị là âm.

Âu dương: âu phiên thiết chữ ẩu (nôn) và chữ hầu là một tên quan phu đạt.

Hơ hy: trên âm hư dưới âm hy. Vận Anh nói thương xót mà khóc.

Huề nhất: huề phiên thiết chữ huệ và khuê nghĩa là lấy nhận.

Hải phục: hải phiên âm thiết chữ hài và chữ giới nghĩa là ngựa sợ, dưới chữ phục từ bộ chu và chữ, âm đều đồng ở trên.

Hài mê: hài phiên thiết chữ hạch và chữ giai.

Lục hướng thượng sớ nói: cung cấp loài cá này làm lương thực hoặc viết là khê là cá khô.

Bất khuy: khuy phiên thiết chữ khuyễn và chữ quy. Tập huấn nói: ở trong cửa liếc nhìn.

Quan tảng: tảng phiên thiết chữ tang và chữ lang. Khảo Thanh nói: là cái trán, văn tự tập lược nói trên mặt từ chữ tang.

Xác nhiên: xác phiên thiết chữ khang và chữ nhạc. Khảo Thanh nói: là kiên cố, bền chắc; cổ kim chánh tự nói là không từ bộ thạch và tỉnh, lược, suy thành âm giác hoặc từ bộ cao viết xác.

TỲ KHEO NI TRUYỆN
QUYỂN 3

Ngôn hước: hước phiên thiết chữ hương và chữ ước. Nhĩ Nhã nói là vui cười.

Đăng chúc: chúc phiên thiết chung và chữ nhục, từ bộ hỏa và chữ thuộc trong văn từ chữ thuộc viết thành chữ chúc là sai.

Khẩu hào tích trệ: khẩu phiên thiết chữ phổ và khẩu. Chữ hào phiên thiết chữ hồ.

Sơ lệ: phiên thiết thát đát. Vận Thuyên nói là bóc lúa gạo ra, từ bộ mễ và chữ lê.

Đế cấu: đế phiên thiết chữ đỉnh và chữ kế, dưới gồm âm câu và

hậu.

Niết bất truy: niết phiên thiết chữ niên là chữ kiết, tuy phiên thiết chữ chi và chữ sư.

Ma bất lân: trên là âm ma từ bộ thạch, dưới âm lực và trận. Khổng Chú luận ngữ nói lân nghĩa là mỏng, vật trắng nhuộm vào đó mà không đen, cho nên gọi là niết bất truy.

Uân ái: uân phiên thiết chữ uất và chữ vân. Ái phiên thiết chữ ai và chữ cái tả dáng vẻ mây mù như khói.

Cao tổ dục: trên âm dục tên người, Vận Thuyên nói dũ là thơ bé từ chữ mẫu và.

TỲ KHEO NI TRUYỆN
QUYỂN 4

Phấn đại đại âm đại. Vận Anh nói: đại nghĩa là người nữ màu xanh, có thể vẽ my mắt, hoặc màu đen.

Hãn thùy: hãn phiên thiết chữ hàn và ngạn nghĩa là ngủ nghỉ.

Siêm thị: siêm phiên thiết chữ sắc và chữ diễm. Khảo Thanh nói: lén chờ, nhìn lén, chữ hội ý.

Diệp tống: trên phiên thiết chữ yêm và chữ tiếp, sau nghĩa là diệp. Dưới phiên thiết chữ tổng là người nước Thục là khứ thanh, gọi (cái bách) cũng tục tự, chánh thể từ bộ mễ từ viết thành chữ tống. Người nước Sở vào ngày 05 tháng 05 năm thường làm bánh.

Uyên trách: trên phiên thiết chữ nhuế và duyên. Vận Thuyên nói uyên là sâu, dưới phiên thiết chữ sài (củi) và cách. Vận Anh nói: thâm thúy khó biết, từ chữ và chữ trách.

Bất hiệu: phiên thiết chữ hào và chữ giáo, Vận Anh nói hiệu nghĩa là dạy.

Vu thừa: trên âm vu dưới âm thừa. Vu thừa là tên ngọn núi nhỏ ở Càn châu. Trong quyển thứ tư Cao tăng truyện trước đã nói đủ, cũng là tên huyện. Trong huyện viết từ bộ sơn nghĩa là vu thừa là sai, chẳng phải tục tự.

****

QUÁN TÂM LUẬN

Đại Thông Thần Trí trước tác, Huệ Lâm âm

Quyên lưu: quyên phiên thiết chữ quyết và duyên. Cố Dã Vương nói: quyên là dòng nước nhỏ. Thuyết Uyển nói: quyên là dòng nước không ưng trệ, sẽ thành sông đều từ bộ thủy.

Ba đào: đào phiên thiết chữ đào và chữ lao. Thương Hiệt Nhiên nói: đào là sóng lớn, Hứa Thúc Trạng Chú Hoài Nam Tử nói nước triều vọt lên, vật khởi đổi dời là đào từ bộ thủy và chữ thọ.

Thiên tinh: thiên phiên thiết chữ thương và chữ nhiên, Vận Anh nói mùi hôi của con dê. Tinh gồm âm tinh và âm ngư. Tinh nghĩa là cỏ xấu, kiến tập huấn hoặc viết là chữ tinh.

Khang phu: khang phiên thiết chữ khả và chữ lang. Tự thư nói: là vỏ lúa dước là âm phô. Tập huấn nói là xay lúa làm sạch bỏ đi vụn vặt, phu là vỏ trấu.

Chú tả: trên gồm âm châu và trỉ. Khảo Thanh nói nấu chảy ra gọi là tả, Cố Dã Vương nói: đồng chảy ra làm vật khí gọi là chú.

Tẩu sậu: trên chữ tẩu chánh thể. Dưới âm sầu và sậu. Khảo Thanh nói là nhóm tụ. Tập huấn nói ngựa đi nhanh bước nhỏ từ bộ mã và chữ tụ.

Họa lục: trên phiên thiết chữ hoa và mạ, mượn âm dùng, bổn âm hoạch (được) tự bộ duật. Duật là bút, từ bộ diền từ nhất nhất giới, chữ hội ý. Dưới gồm âm lông và chúc, màu rực rỡ, phát xuất từ bộ thạch, chữ hình thanh.

****

- QUẦN NGHI LUẬN - ***khuyết bổn vị âm.***

****

THẬP NGHI LUẬN

Vũ cách: trên chữ vũ, chữ tượng hình. Dưới âm hành và âm cách hợp. Nhĩ Định nói vũ vốn gọi là cách (lông cánh chim). Thuyết Văn nói linh gốc của chữ vũ: từ bộ vũ và chữ cách.

Bàng trường: trướng bụng.

Trên phiên thiết chữ phát và bang, dưới phiên thiết chữ trương và

lượng.

Lạn hoại: phiên thiết chữ lang và đãn thành lạn từ bộ hỏa. Dưới âm hoài và quái, tự phá gọi là hoại.

****

CỤ LỤC TÂY QUỐC DỤC TƯỢNG NGHI QUỶ

Tuệ Lâm tập và âm.

Đồng lạp thâu thạch: đồng thì có đồng cỏ, đồng trắng, lạp thì âm lạp tức bạch lạp, chiếc chì gọi là thâu, thâu ân thâu, đá thổi vàng đều là khi đầy.

Lỏa khánh: trên phiên thiết chữ lỡ và chữ hòa, loa biển thổi làm pháp âm cúng dường. Khánh gồm âm khinh và âm kính là một loại chuông hoặc đồng hoặc đá, thủ thanh.

Ổn thủ: gồm âm ôn và khốn, đầu chìm chết nước.

Kiều chỉ: gồm âm kỳ và diệu hợp thành kiều, đầu dứng lên.

Điềm thùy: trên gồm âm định và yêm là ngọt. Dưới âm thuyên và tuế từ bộ nguyệt và chữ nguy.

Khỏa thể: khỏa phiên thiết chữ hoa và ngỏa. Thân thể lộ trần truồng.

Tiểu phược: thược phiên thiết chữ thường và chữ chước là chén có kháp.

Chi trù: trù âm trù.

****

THUYẾT TỘI YẾU HÀNH PHÁP

Niết bán: niết phiên thiết chữ nha và chữ kiết nghĩa là cắn cạn. Từ bộ xỉ (răng) và chữ. gồm âm xan và âm bát.

Khánh khái: khánh phiên thiết chữ khinh và chữ dĩnh. Dưới gồm âm khai và ác. Vận Anh nói tiếng trong họng khí thông.

Ác trủy ca: Phạn ngữ trong văn tự hiểu. Trủy âm trủy.

Đặc-khi-noa-ca-tha là âm khi.

Thoát tỷ: gồm âm sư và chỉ, nghĩa là guốc dép.

Đồng tao: trên âm đồng dưới âm tao.

Thất khởi: gồm âm khổ và âm ngoại.

Chuyên bản: trên âm chuyên dưới âm ban và giản.

Thọ dụng tam thủy yếu pháp.

Lự lộc: trên âm lự dưới âm lộc.

Sanh thược: sanh phiên thiết của chữ sở và canh. Khảo Thanh nói là một cái vạc tục làm băng kim loại. Dưới phiên thiết chữ thường và chữ dược là tục tự. Cổ văn chánh tự viết đơn viết chữ là hình tượng.

Phụ đảm: trên phiên thiết chữ phù và chữ vũ. Dưới phiên thiết âm đam và âm lạm từ bộ thủ.

Bộ mạng phóng sanh pháp.

Côn trùng: trên âm côn dưới âm trục và âm dung. Trong kinh viết tục tự là sai.

Đồng nữu: gồm âm ni và âm trữu.

Đài hệ: trên âm đài lấy tay nâng vật lên, dưới âm hề và âm kế, có thể nâng lên từ bộ mịch từ bộ phiệt).

Thiết hoàn: âm hoàn.

TRÙNG HIỆU NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA TỰA

Nhất thiết kinh âm nghĩa một trăm quyển, do Pháp sư Tuệ Lâm đời Đường soạn. Tục âm nghĩa mười quyển do Pháp sư Hy Lân kinh đô nước Yên soạn. Hai quyển cương yếu cổ huấn thích âm. Kinh Phạn thu thập biên chép chứa đựng sự phong phú rộng lớn, biện về chánh thanh xét tự thể. Đại để tuân thao Kinh sư đời Hán Ngụy để lại. Nhưng một bên lấy các tự thư trước đời Đường, thu thập những diệu nghĩa tinh hoa sáng sủa thay, sáng sủa thay. có người xa có thể xem. Lâm Thư gồm cả bốn nhà âm huấn: Huyền Ứng, Tuệ Uyển, Khuy Cơ, Vân Công. Lại đích thân thừa sự Tam Tạng Bất Không chỉ định Phạn văn âm nghĩa trên thông với đời Tần, gần với Tùy, Đường cho đến địa lý, nhân văn phương ngôn ở Tây Độ cũng đều không nhiều. Xưa bao quát có lý sự vô ngại, tin vào điều không đẹp mà chẳng đầy đủ. Sư Hy Lân soạn một quyển Bẩm Lâm Công Già Pháp, thu nhặt chọn lựa những tinh hoa, chồng chất những thứ xấu xa. Tìm tòi những điều sâu xa, xiển dương những điều vi diệu, nối liền với những điều tốt đẹp trước đây. Kinh nói: khéo có thể phân biệt các pháp tướng. Đối với đệ nhất nghĩa mà không lay động. Như hai sư có thể đúng với điều này vậy, cho đến những tinh thai, phương này cựu điển rất nhiều, có thể phụ bổ những điều đã mất tán

như dẫn thuyết văn, cách hy tự v.v... đều bổn nay không có, đủ để trưng cầu những sự thiếu xót của sách. Dẫn các nhà kinh chú đời Hán về sau như các sách: Thượng Hiệt Thiên, Thông Tục Văn Bi, Thương Quảng, Thương Tự, Lâm Tự, Thống Tự, Chỉ Tự Điển, Tự Thư, Thanh Loại, Vận Lược, Toàn Vận, Vận Thuyên, Vận Anh và Khuê Uyển Châu Tòng, Chánh tự cổ kim, Văn tự tập lược, văn tự diễn thuyết, khai nguyên văn tự âm nghĩa. Nay sách này mất lâu rồi, chịu những tư liệu để bổ khuyết. Ngoài ra có điều căn cứ để chứng minh nay sách mất hết, rất khó mà tìm tòi. Tuy có khoảng một, hai sách tục lộn xộn. Người sáng suốt tự có thể phân biệt chọn lực.

Đầu cốt yếu không hại sở trường ấy. Sau khi lâm thư thành công vào năm thứ năm niên hiệu Đại Trung (Đường Tuyên Tông) nhà Tần chuẩn theo nhập Tạng. Sách của sư Hy Lân thì được phổ biến khắp nơi. Bấy giờ gặp thời Lý, trải qua sự đốt phá tan hoang ở Trung Độ văn bị mất hết. Ở Cao Hy sai người đến phương Bắc tìm được. Đầu đời Tống lại khắc vào Tạng. Do đó, lại truyền đến Nhật Bổn. Trước năm một trăm chín mươi nước này có Luật sư Nhẫn Trưng, phát nguyện trùng san, y theo sớ sao Ly Tạng Duyên Sơn Lạc Đông viết. Ly Tạng này tức là in vào năm thứ hai Thiên Thuận, Tạng Minh chùa Hải Ấn văn phần nhiều ghi sai. Gần nguyên văn Tạng bổn hoằng giác vẫn y vào Ly Tạng. Đặc biệt dùng bổn của ngài Hy Lâm để tham cứu. Tinh xá Nhật Bổn trùng ấn Đại Tạng, tiền căn cứ bổn hoằng giáo làm cách thức, một bộ âm nghĩa xưa có sáu loại. Lại chú thích in ấn rút gọn thường gặp chỗ khúc mắc. Người thợ khắc chữ cũng khổ cực về sự hỗn tạp này không thể nào đảm nhiệm được. Tông Công và tôi suy tính, hai quyển sách Lâm Lân đặc biệt lấy bản của sư Nhẫn Trưng khắc bản, chia làm hai tầng, rút gọn để in trên đá. Lớn nhỏ như bản ngày nay, dùng số của kinh Tạng đầy đủ. Ngoài ra, bốn loại không có đơn bản có thể được, thì bỏ qua một bên, Hải Sơn Tiên Quá Tùng Thư có huyền ứng âm nghĩa. Đều là tòng khắc không làm bản riêng khác.

Tôi tuy lấy Lâm Thư để chuyên trợ. Nhưng hai quyển sách Huyền Ứng, Tuệ Uyển thật bao quát khắp. Khả Hồng âm nghĩa ba mươi quyển, âm đầy đủ mà âm sở Tống Xử Quán Đại Tạng âm ba mươi quyển, đơn giản nhất trong đơn giản. Bất đắc dĩ lấy đây bỏ kia chỉ là bổn của sư Nhẫn Trùng viết khắc sai rất nhiều. Nếu không sửa thì khó thích dụng. Tuy nay hạn chế về thời gian cũng mãi để tận lực tùy phận. Bấy giờ vào tháng mùa thu năm Nhâm Tý, cùng với đồng nhân đính hiệu lại bổn của Nhẫn Trưng. Lấy hai quyển Hy Lân, Tuệ Lâm Ly Tạng, trong

tạng hoằng giáo, và Tạ Huyền Ưng, Tống Nguyên Minh Tạng huyên ứng thư Ly Tạng Tuệ Uyển Thư. Tống Nguyên Minh Tạng Tuệ Uyển Thư, Huyền Ưng Thư Tuệ Uyển Thư về ly tạng khả hồng âm nghĩa. Hải Sơn Tiên Quán Quyền Ưng Thư, Thủ Sơn các và Ao Nhã Đường Tuệ Uyển Thư, cùng kinh chú Thuyết Văn v.v... đối chiếu qua lại. thường đến chỗ ngoa ngụy đảo lộn phải tham cứu các bản, chiết trung nghĩa cổ, bỏ khuyết theo ưu, nghi những chỗ thiếu từng có trong một trang giấy sữa đính đến mây mươi chữ. Bởi vậy đời Đường viết knh phần nhiều dùng thể hàng; dần dần truyền sao đổi dời e rằng sai lầm. Lại sự truy tố của bốn nước. Mấy trăm năm nay ít có người tham xét, cho nên như thế sư Kính Thư ở Nhật Bản trước đây từng có công tác hiệu đính chỗ sai. Nhưng đặc biệt tự làm sách. Nay không có bản ấy. Nước ta nhà cổ huấn hiện có Tiên sinh Vương Tiểu Tiều ở đất Mãn, có Huyền Ưng Thư dẫn Thuyết Văn hiệu dị năm quyển.

Tuệ Lâm Thư dẫn Thuyết Văn hiệu dị mười hai quyển, đều có thể lấy sách này phụ. Tôi lúc rảnh hiệu đính ghi chép cũng có điều ghi ký sớ bày được mất, giải thích rõ ràng Tang đan duyên ký. Nay hiệu đính chưa kịp được một nửa, số hiệu đính rồi cũng còn chưa xét lại, mà thời gian xuất bản kinh in ấn để mong người đọc mua. Số chưa hiệu đính đôi lúc rảnh tiếp tục cho hoàn thành. Xưa đoạn Kim Đàn chú Thuyết Văn giài tự viện vân đài hiệu đính các kinh chú sớ, chỉ được sách của Huyền Ưng, Tuệ Uyển, còn phần nhiều bổ khuyết sai ngụy. Nếu lại được hai quyển sách này hiệu đính biên chép lại. sự tinh mất ấy lại phải đâu như cố không ch ỉ có bổ ích cho Phạn điển văn nghĩa mà thôi. Tuy nhiên, thế đế, chơn đế đồng quy về pháp môn bất nhị.

Văn trì, nghĩa tù chỉ rõ đích xác trong một. Nhân vì bảo lấy tay chỉ mặt trăng, đâu vào biển mà đếm cát. Người xem sách này quả có thể lìa biên tình dung tánh tướng. Văn tự nào có thể nói lại văn tự nào không thể nói ư! Đời có người đồng chí hướng giúp tôi không theo kịp. Nay rũ lòng chỉ dạy.

Kiếm ấp lê dưỡng chánh tựa ở hiệu kinh đường tinh xá Tần Bà Thượng hải.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 202

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

SỐ 2129

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2129

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Yên Kinh - chùa Sùng Nhơn - Sa-môn Hy Lâm soạn.

QUYỂN 1

LỜI NÓI ĐẦU

Mãn nghe: Cạn cợt thật thà mà đạo đức mỏng.

Nhân nghĩa dần mở bỏ thắt nút dây mà định ra chữ viết trên mai rùa. Người thì thấy huyền tượng, cúi thì thấy các vật, Thương Hiệt bèn chế ra chữ viết xưa Cổ văn. Sử Trữu soạn ra chữ Đại Triện trải nhiều đời lại biến đổi tùy lúc, chữ Triện và chữ Cổ văn dùng có hơi khác. Kịp khi Chu Lễ họ bọ Bảo nắm Quốc tử học lấy Đại giáo làm sáu cách viết chữ, là tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú, giả tá là sáu gốc tạo chữ. Tuy là trùng triện biến thể xưa nay văn khác nhưng lìa sáu cách viết này thì đều là sai lầm. Cuối đời xuân thu bỏ giáo của họ Bảo khắp trong ngoài đều theo Tần. Thừa tướng Lý Tư khảo cứu bắt chữ Trữu riêng làm Tiểu Triện. Rồi lại bớt nét đổi cách viết, Trình Hạo bèn chế ra chữ Lệ. Đến lúc Hán phục hưng sách học thì Dương Hùng làm Huấn có tám mươi chín chương, ban cố thêm vào mười ba chương, các sách dùng chữ lược đủ. Đời Hậu Hán có Hứa Thận tập hợp Cổ văn, chữ Trữu, chữ Triện làm mục lục đến năm trăm bốn mươi thiên. Đến Lệ làm Huấn chú, làm Thuyết văn giải tự. Lúc đó Thái Bá vui mừng, cũng vì sau sự diệt học của Tần xin phán định năm kinh đủ thể khắc đá để ở cửa Thái Học gọi là Thạch kinh. Lại có Lữ Thẩm làm Học Lâm năm thiên để bổ sung cho chỗ thiếu lược của Hứa Thái. Kịp đến đời Đường lập học về Thuyết văn, Thạch kinh, Tự lâm. Đến giữa năm Đại Lịch sai Hiếu Liêm Sanh, Nhan Truyện Kinh, Quốc Tử Ty nghiệp Trương Tham v.v... phán định năm kinh, chánh thể văn tự. Lại có Tự

Thống, Tự Kính, Lục Thị Thích Văn, Trương Tiển Khảo Thinh, Vận Phổ, Vận Anh, Vận Tập, Vận Lược. Các tác thuật đã nhiều thêm bớt giữ còn cùng bàn thông ba sử, chứng cứ chín kinh. Nếu văn này có ý thì nghĩa kia không sai. Âm nghĩa đã hưng nguồn gốc đều có huống là giáo của Thích Tôn, bốn A-hàm sách diệu nói có tướng ở Quyền môn tám bộ Chân Tông, hiển bày không là thật tế. Chân tục đều nêu, Đường Phạm đều gồm. Nhờ lấy Thinh Danh Cú Văn làm năng thuyên, biểu lấy Bồ-đề Niết-bàn làm sở chứng diễn từ Ấn Độ, thích khắp China, trước sau phiên truyền xưa nay sao chép. Luận tiếng Phạm thì có một văn hai dụng lầm thượng khứ ở trong mười hai âm số chữ đồng về, nghi thể nghiệp hướng trong thính tám chuyển. Khảo họa điểm (?) cho nên thời Đường Sơ có Sa-môn Huyền Ứng riêng vận Tiên giác. Thiên túng sanh tri nói Đường Phạm khác lời biết xưa nay chữ lạ thủ hứng khuyết chí thiết vụ pha tường. Trước ở kinh Cổ Hoa Nghiêm Cuối ở Thuận Chánh Lý Luận, soạn thành kinh Âm Nghĩa hai mươi lăm quyển. Kế có Sa-môn Huệ Uyển, soạn ta Tân Hoa Nghiêm Âm Nghĩa hai quyển. Lại có Sa-môn Vân Công soạn ra Niết-bàn Âm Nghĩa hai quyển. Lại Cơ Pháp sư ở chùa Đại Từ Ân soạn ra Pháp Hoa Âm Huấn một quyển. Hoặc chưa trọn đủ ba tạng hoặc còn riêng cục bộ một kinh tầm kiểm khuyết như biên chép không thứ tự. Đến đời Đường gần cuối có Sa-môn Huệ Lâm, trong thì tinh thông Mật giáo vào cửa Tổng trì, ngoài thì cứu hắc lưu nghiền nát văn tự, rất diệu về thinh ninh Ấn Độ rất huyền về âm vận China, đã nhận được ở Tiên sư cũng là suối lớn cho Hậu học, thê tâm hai mươi năm vạch đọc tất cả kinh soạn thành Âm Nghĩa gồm một trăm quyển, khai nguyên Thích Giáo Lục. Trước từ Đại Bát-nhã, cuối ở Hộ Mệnh Pháp chỗ âm các kinh đến năm ngàn không tăm bốn mươi tám (5048) quyển, bốn trăm tám mươi (480) pho. Từ Khai Nguyên Lục Hậu, nối nhau truyền kinh luận và nhặt lượm các Di luật mà truyền. Từ Đại thừa Lý Thú Sáu Ba-la-mật-đa Kinh, đọc hết Khai Nguyên Thích Giáo Lục gồm hai trăm sáu mươi sáu (266) quyển, hai mươi lăm pho, âm trước chưa chép, nay đọc là đó.

Phục dĩ (lại vì) Sa-môn Vô Ngại Đại sư, trời sanh ra dã duệ trí, thần trao anh thông, gồm giảng các kinh, biến nhu chương sao, truyền đăng ở niệm, lợi vật tâm thấy âm nghĩa chưa toàn lo kiểm văn có sót. Nhôn di hoa hàn kiến mạng phỉ tài khiển đối hy quang. Vội bày đuốc sáng, song hoặc có hiểu chữ rộng lược, thích nghĩa cạn sâu, Đường Phàm đối dịch xưa nay đồng khác. Tuy y vào bằng cứ kính ai lai anh mong lại đọc rõ ắt không có lầm lỗi.

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 1
(1 quyển này giải thích 10 quyển này là)

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
(1 pho 10 quyển)
QUYỂN 1

- Đại phác: Đại là lớn, phác là thật thà chân chất. Phác là chất gỗ, vật chưa đục đẻo, là lúc khí tượng chưa phân lại nói tàn phác xem là tội của khí công tượng, hủy đạo đức làm nhân nghĩa là lỗi của Thánh nhân.

- Đại phác là quá thật thà chất phác. Các nghĩa phác trên hình như chẳng dính líu gì. Nhất là trong Phật pháp lại càng không.

- Vạn lại - Vạn là mười ngàn, tên châu tên người... Lại là tên một nhạc khí. Lại lớn, là loại ông tiêu có hai mươi ba ống dài bốn tấc, lại nhỏ, có mười sáu ống dài hai tấc.

- Phân luân - là lăng xăng, nhiều hình dạng, là rối rắm nhiều tơ

- Húc nhật - Húc nhật là mặt trời mới mọc - Húc là sáng.

- Kế Tân - Tên nước ở Tây Vức hoặc gọi là Cá-thấp-mật-la, hoặc Ca-diếp Di-la đều là tiếng Phạm đọc sai. Chính là Yết-thấp-nhĩ-la, dịch là ai vào? Nghĩa là nước này khi chưa lập kinh đô có một ao rộng lớn người chẳng dám đến gần. Có một La-hán thấy thế đất phải vào ở. Bèn xin rồng nhường cho một đầu gối. Rồng chịu, La-hán liền hóa thân to lớn đầu gối để hết ao rồng. Rồng bỏ lời hứa đuổi La-hán đi. La-hán lại dùng thần lực lạm cạn hết nước. Rồi lập thành quách. Người vào ở bảo: nếu không có thầy ta thì ai dám vào, bèn lấy đó đặt tên nước.

Không phủng - Không là lớn, là thông. Phủng là lý, là sáng. Không Phủng là tân một vị Tăng.

Ngang khái - Ngạch là thẳng. Hai chữ đều là tên cây. Nghĩa chung là đại khái, tóm tắt.

Bạt-già-phạm - Cũng gọi Bà-già-bà hoặc Bạt-già-bạn, tức là gọi

Đức Thế Tôn. Bạt-già-phạm là tên thứ mười trong mười hiệu. Đại Trí Độ Luận nói tên hiệu Như Lai có vô lượng, lược nói sáu thứ là Tự Tại Xí Thạnh Đoan Nghiêm, gọi là Cát Tường tôn quý. Nay nói Bạt-già-phạm thì đủ sáu nghĩa này, nên người dịch kinh để nguyên chữ Phạm.

Ca-lan-đa-ca - Xưa gọi là Ca-lan-đà hoặc Ca-lan-đạc-ca đều là tiếng Phạm đọc sai, chính ra là Yết-lại-đà-ca dịch là tiếng chim kêu tốt. Tức ở bên thành Vương xá có một vườn tre lớn có nhiều chim đậu, bèn lấy đặt tên. Tức nói chỗ lý thú của Bát-nhã.

A-tăng-xí-da - Xưa gọi A-tăng-kỳ dịch là Vô ương số, tức hết số gọi. Trong cổ Hoa Nghiêm Âm Nghĩa nói trong một trăm hai mươi số thì vô ương số ở thứ một trăm hai mươi. Lại y Tiểu Thừa Số của Từ Ân Pháp sư dẫn Cu-xá nói số này sáu mươi truyền mất tám số, vô ương số ở thứ năm mươi hai.

Y hộ - Là nương cậy, cậy nhờ nhau.

Ly ương - Là cương buộc đầu ngựa bằng da.

Minh tinh - Minh tinh là mở sáng, tức là sao Thái Bạch. Buổi sáng ở phương Đông là Khải Minh, buổi tối ở Tây là sao Thái Bạch.

Hồi phục - Ngược dòng mà chảy lên - tức là chỗ nước xoáy của sông của biển.

Ca-lỗ-la - Hoặc gọi Ca-lầu-la, Yết-lộ-trà, Tàu gọi là diệu sí, hay kim sí, tức kim sí điểu (chim cánh vàng), chim và rồng đều đủ bốn loại, kim sí điểu noãn sanh ăn rồng noãn sanh. Kim sí điểu hóa sanh thì ăn cả bốn loài rồng vì oai lực lớn vậy.

Lủ giả - Lủ là còng lưng. Lủ giả người còng lưng.

Khỏa giả - Khỏa là ở truồng. Khỏa giả người truồng.

Lung á - là điếc và câm

Vọng lượng - là một loại quỉ giống như trẻ con ba tuổi, sắc đỏ đen, mắt dỏ, móng đỏ, tai dài, tóc đẹp.

Chỉ chưởng - Chỉ là bằng, đá mài. Chỉ chưởng là tay xoa vuốt.

Ải hiệp - là chật hẹp là tiếng chó sủa.

Triền lý - Triền là chợ, nơi ở. Lý là năm nhà hoặc năm mươi nhà gần nhau là một lý, lý cũng là ở. Triền lý là nơi ở.

Anh vũ - Anh vũ chim két, cánh xanh mỏ đỏ lưỡi người nói được tiếng người.

Mâu ngưu - là tên một loại trâu, cũng gọi là trâu bờm dài của giống rợ ở Tây Nam Trung Quốc.

Phong ngưu - Phong là tên một loại trâu hoang ở phương Nam - Giao chỉ là hiến trâu cho Thừa tướng là đó.

Dũng bi - là loài thú giống con gấu, đầu dài chân cao, lông vàng trắng, chân trước nắm bắt được.

Hổ báo - Hổ là chúa loài thú. Báo giống con hổ, mình có chấm đen, nhỏ hơn hổ.

Sài lang - Giống chó sói. Có hai loại lớn là sài lang, nhỏ là sài nô. Cùng thợ săn giết nai thỏ giữ mà không dám ăn. Ăn xong sài nô mới ăn thịt dư.

Không hầu - là tên nhạc khí. Nói sư Diên tạo ra. Lại nói sư Kiên vì vua Tấn tạo ra để đánh gõ, là một loại dâm nhạc.

Ngươn xà - là một loài rắn độc. Khi bị cắt thịt ấy bỏ ra đất thì sôi lên như bị lửa đốt, phút chốc cháy hết mới sống được.

Phúc yết - Một loài rắn độc nhỏ ba tấc đầu to như cánh tay người.

Ngư miệt - là con ba ba.

Ngươn đà - Ngươn là con ba ba lớn, lớn như bánh xe, nhỏ như cái mâm có sức thần bắt người mà ăn - Đà giống như thằng lằn có vảy, lớn dài cả trượng, nhỏ thì bốn tấc rưỡi.

Phụng Hoàng - Phụng là trống Hoàng là mái là loài chim báo điềm lành, là chim thần. Là loài chim tượng trưng cho người quân tử, chẳng phải cây ngô đồng chẳng đậu, chẳng phải trục thật chẳng ăn. Thấy nói thì thiên hạ thái bình.

Tô-mạc-già mạo - Mạo là khăn bịt đầu, Tô-mạc-già là tiếng Hồ (Phạm) Tàu dịch là đùa giỡn. Đây là khúc hát từ nước Qui Tư.

Thoàn Phiệt - là thuyền và bè. Bè được cột bằng tre trúc gỗ nổi trên mặt nước.

Bạo (Bộc) hà - Bạo là chợt mưa, nước phun lên dữ dội.

Hào ly - là mảy may, rất bé nhỏ (số bé nhất gọi là hốt, mười hốt là ti, mười ti là hào, mười là ly).

Khinh miệt - là coi thường.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
QUYỂN 2

Ca-già-lân-để-ca - là tên chim quí của Tây Trúc, thân có lông rất mềm nhẹ, để làm áo Chuyển luân thánh vương. Áo lông hiện thấy cũng là loài trên nhưng thô cứng hơn thời xưa.

Bất thuẩn - Thuẩn là mắt mở hơi máy động, tục gọi là nháy. Bất thuẩn là không nháy mắt, nhìn trừng trừng.

Ốt-bát-la - Xưa nói Ưu-bát-la hoặc Âu-bát-la, dịch là hoa sen xanh rất thơm rất lớn, chỉ có ở núi tuyết trong ao không nóng.

Bát-trì-ma - Hoặc gọi Ba-đầu-ma hoặc Bát-nô-ma gọi đúng là Bát-nạp-ma, Tàu dịch là hoa sen đỏ.

Bôn-trà-lợi - Hoặc gọi phân-đà-lợi, Bôn-noa-rị-ca, Tàu dịch là hoa sen trắng ở nhân gian cũng rất hiếm.

Man-trà-la - Hoặc gọi Man-tra-la, Tàu dịch là Đàn lớn nơi các Thánh tập hợp. Kinh Kim Cang Đảnh nói có mười bảy Đại Man-trà-la mỗi mỗi đều có bốn Man-trà-la.

Ốc-uất - là rập rạp, nơi có nhiều cây cỏ.

Am âm - là chữ thần chú (chân ngôn).

Hỷ-hê - Nẩu-mê là con thỏ - Khốt-xoa là sói đầu

Nể hế là chữ thần chú - Óc ngật là chữ thần chú

Chẩn tuất là lo cho người nghèo, cứu tế.

Tâm phế - là tâm phủ.

Trường vị - là ruột và dạ dày - Can đởm là gan và mật.

Tỳ thận - là tỳ (lá lách) và thận.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
QUYỂN 3

Xuyên hiếp - là xuyên hông.

Trác đạm - Trác là mổ, đạm là ăn - Là mổ nuốt.

Kiềm thủ - là kềm kẹp.

Trách liệt - Trách là mở, nở lớn, xé rách - Là xé rách thịt ra.

Phần liệu - là đốt cháy.

Tương sao - Sao là bức ép.

Yển mắc - là đè ngửa, là té nhào úp mặt.

Truyển chước - là đào, đục khoét, chặt đứt.

Cương bí - là yên cương ngựa.

Tiên thát - là roi vọt để đánh thúc ngựa.

Bị hạ - là râu dưới, râu hàm.

Phù nhạn - là le le vịt trời.

Diệc tịch - là con chuồn chuồn, con sam?

Ky sất - là chấy rận - Tam đẳng: loài bọ chét chấy rận v.v...

Minh linh - là sâu trên cây dâu - con tằm? (Con ong?)

Mâu đức - Một loài sâu ăn hại lúa.

Phụ chung - Một loài sâu - Giáp (kịp) điệp: Một loài bướm.

Khương lương - Con bọ cánh cứng, con bọ hung.

Thằng mạch - Ruồi nhặng.

(Thạc) lạc đà - Con lạc đà trên lưng có bứu, chở nặng ngàn cân đi ba trăm (300) dặm biết suối nước ở đâu.

Khoanh doanh - Gầy guộc yếu đuối.

Bì bác - là lột da, đánh xé rách da.

Chuẩn phách - là xe rách da.

Khất tín - là đi ăn xin - Lao quyện - Là nhọc mệt, lười biếng.

Cung xảo - hai đầu của cây cung.

Cô quýnh - là cô độc, cô đơn.

Quảng quả - là cô độc, góa bụa.

Linh ngữ - là tên ngục. Phủ việt - Là dao búa để chém.

Dã đạo - là trùng độc trong bụng giết người.

Hộ-ma pháp - Hộ-ma là tiếng Phạm, Đường dịch là lửa. Xét Du-già Hộ-ma kinh có bốn loại lò lửa là hình bán nguyệt hình tròn, hình vuông, hình tám góc ứng với tám pháp là câu triệu, hàng phục, tức tai, kính ái. Đều lấy hoa quả để trong lò mà đốt rồi lấy ăn.

Tiềm khứ - là nấu.

Tuấn phát - là bớm con ngựa. Chí nhĩ - Là cắt tai.

Uyển nhãn - là khoét tai. Nghi tỉ - Là cắt mũi.

Khôi hoài - Khôi là đứng đầu, Thầy - Là giết thầy hung ác.

Phù võng - là các lưới săn thỏ, săn thú.

Tăng chước - là trói cột ràng rịch.

Tiết-lệ-đa - gọi Tất-lệ-đa là tiếng Phạm, Tàu dịch là ngạ quỉ.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
QUYỂN 4

Nhủ bộ - Bộ là nhai cơm mà đút, mớm cơm. Nhủ bộ là bú và mớm.

Tiễn tục - là vẻ buồn khổ chẳng vui.

Khể nhà - là khe nước trong núi.

Phàm trương - là giương buồm.

Hấp thủ - Hấp là hút hơi vào, hút lấy.

Hoàn xuyến - Hoàn là nhẫn đeo tay, xuyến là vòng ở cánh tay.

Nhĩ đương - là bông tai đeo ở tai (đồ trang sức đeo tai) (xỏ lỗ tai mà đeo).

Bài ưu - là đùa vui.

Ni-sát-đàm-nhân - là tiếng Phạm chỉ số đếm rốt ráo là một phần rất nhỏ, như một phần của ngàn vạn lần một sợi lông.

Tốt-đổ-ba - hoặc gọi Tô-thâu-bà, Tháp-bà. Tàu dịch là Tháp để thờ Xá-lợi-phất, hoặc gọi là Phù đồ = tháp.

Ngoãn nhi - Noãn: Thẹn đỏ mặt

Sang vưu - Bịnh ghẻ bướu.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH QUYỂN 5

Mộng mị - là ngủ say thấy mộng.

Ngạo ngộ - là thức dậy.

Hãm tỉnh - Hãm là té hố. Tỉnh là giếng, hầm sâu để bắt thú vật. Hãm tỉnh là rơi xuống hầm hố.

Du vịnh - Du là bơi trên mặt nước. Vịnh là chìm trong nước mà đi. Du vịnh là bơi lặn.

Câu nhị - là mồi ở lưỡi câu để bắt cá.

Hắc phong - là ong đen tức ong bầu.

Tuyền-lam - là tiếng Phạm nói kiếp tai có gió dữ.

Đàm ngược - là cười nói cười giỡn.

Khô cao - là nói cây khô, khô khốc.

Nhãn tình - con ngươi - Tư hạ là người hèn hạ.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH QUYỂN 6

Chiên-trà-la - hoặc là Chiên-đà-la là tiếng Phạm chỉ kẻ giết mổ. Chỉ một giai cấp hèn hạ, khi đi phải lắc chuông hoặc có cây gậy trúc

phá đầu để người biết trước.

Nghĩ huyệt - là hang kiến.

Thể đặng - Thể là thềm bậc. Đăng là đi - là trèo núi.

Quyên khí - là bỏ hết, trừ sạch.

Quỉ mục - là thẹn thuồng, xấu hổ.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
QUYỂN 7

Dũ đọa - là lười biếng mệt mỏi.

Canh ngân - là cày ruộng - phương phức: hương thơm tỏa ngát.

Hoạn giáp - là cầm binh.

A-ca-nị-tra - Tiếng phạm nói đủ là A-ca-tịnh-sắc-tra, dịch là sắc cứu cánh. Là cõi trời sắc giới thứ mười tám. Lại gọi là không có cõi trời nhỏ khác sánh ngang. Cũng chỉ là một trời này chỉ lớn không nhỏ.

A-tỳ - Tiếng Phạm hoặc gọi A-tỳ, A-tỳ chỉ dịch là vô gián. Có hai: Một là thân vô gián, hai là chịu khổ vô gián. Địa ngục này rộng sâu đều hai vạn do-tuần.

Thiệm bộ châu - Tiếng Phạm là tên đất liền, xưa gọi là Diêm-phù hay Diêm-phù-đề. Lập thế A-tỳ-đàm luận nói: Phía Bắc châu này là sông Ni-dân-đà-la, ở bờ Nam là trung tâm châu này, có cây Thiệm bộ, dưới đáy bờ Nam có Thiệm bộ huỳnh kim gọi là vàng Diêm-phù-đàn. Cây này nhân vàng mà đặt tên, châu này nhân cây mà có tên là Thiệm bộ châu.

Thắng thân châu - Xưa gọi là Phất-du-kiện hoặc Phất-bà-đề hoặc Tỳ-đề-ha đều là tiếng Phạm nặng nhẹ gọi khác nhau. Đúng là Bổ-ra-phược-vĩ-ni-giá, dịch là Thân Đằng Tỳ-đàm nói người châu này thân hình thù thắng không bịnh hoạn cao tám tấc nên đặt tên như thế.

Ngưu hóa châu - Xưa gọi là Cù-già-ni hoặc Cù-da-ni, hoặc Cù-đà-ni, gọi đúng là Ngộ phược Ni Nghĩa. Dịch là Ngưu Hoá. Tỳ-đàm nói vì ở đó nhiều trâu để trao đổi bán chác nên đặt tên đó.

Cu-lô-châu - Xưa giáo lý Uất-đơn-việt hoặc Uất-đát-ra, hoặc Uất-đa-ra-câu-lâu, cũng gọi là Úc-đa-ra-cưu-lưu. Gọi đúng là Ốt-đát-ra-cự-lổ, dịch là Cao thắng, người châu này không chết yểu, sống đến ngàn tuổi.

Tắc (sắc?) phương - chính là vuông vức bốn mặt bằng nhau.

Tủng lạt - là sợ sệt. Chu cấp là cấp cho đầy đủ cứu tế.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
QUYỂN 8

Quán tập - là thói quen. Thao động - là quấy rối chẳng yên.

Mao ngưu - giống trâu mà bốn chân có lông, lưng gối đều có lông dài.

Tác đội - là đồ lấy nước. Mãng xà - rắn rất to.

Sẫm siệt - chất đá không uống được, chất cỏ mới sanh có độc.

Đằng măng - mắt không sáng, ngủ mới thức dậy.

Thô sáp - thô rít không trơn.

Muộn mô - sờ mó cầm nắm.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
QUYỂN 9

Cảm hận - giận hờn.

Ánh tế - che sáng. Hỏa hoãn - lửa ấm.

Tiêu hỏa - gió dữ.

ĐẠI THỪA LÝ THÚ SÁU BA LA MẬT KINH
QUYỂN 10

Mổ chỉ - ngón cái của tay chân.

Hạm đạm - hoa sen (hoa chưa nở, dù dung đã nở).

Toát ma - nhún rờ, sờ mó. Ba tiêu - cây chuối.

Lạc dịch y - áo lót mồ hôi, áo một đầu choàng lên vai hữu một đầu ở dưới nách tả rồi mặc y ca sa bên ngoài.

Giá sắc - trồng lúa là giá, gặt lúc là sắc - lúa ở đồng gọi là giá, lúa gặt về gọi là sắc.

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 2

Tục Âm Tân Đại Phương Quảng Phật Đà Hoa Nghiêm Kinh bốn mươi quyển (Từ quyển một đến quyển mười lăm được giải thích chữ trong quyển hai này).

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 1

Thất-la-phiệt - là tiếng Phạm, tên nước ở Tây Vức, gọi đủ là Thất-la-phiệt-tất-để. Dịch là Phong Đức hay Văn Vật. Xưa là nước Xá-vệ. Người vào thành này đều là nhân vật đạo đức đều tốt cả năm Thiên Trúc cùng nghe nên gọi là Văn Vật. Lại xưa ở đây có Tiên già ở đây tu tập Đạo Tiên. Sau có Tiên trẻ học được quyết. Văn Vật Tăng già mất rồi thì Tiên trẻ ở đây mà tạo dựng thành quách nên lấy làm tên.

Ế chướng - Ế là dấu, che, lấy lông vũ che mình. Chướng là che cách.

Giản trạch - là chọn lựa lấy cái tốt.

Giai trì - là lên thềm. Lan thuẩn là hàng rào.

Thoan kích - Thoan là nước chạn chảy trên cát. Kích là tiếng nước nhảy lên.

Hồi phức - nước chảy ngược lên - chỗ nước xoáy trong sông biển.

Diêm-phù-đàn - hoặc gọi Diêm-phù, hoặc gọi Thiệm bộ - Lập Thế luận nói có cây Thiệm bộ sanh ở bờ Nam sông Nê-dân-thát-la. Trung tâm châu ở phía bờ Bắc có cây ở dưới đáy bờ Nam có vàng ròng Thiệm bộ tức là vàng Diêm-phù-đàn. Nhân đó tên Nam Thiệm bộ châu.

Môn thát - Thát là cửa nhỏ.

Song dung - cửa sổ. Hạm đạm: là hoa phù dung đã nở.

Bố hộ - hay Bố lộ nghĩa là ở chỗ quyết lộ đầu khắp bày.

Nhân huân - là nguyên khí mạnh, hương thơm bày khắp.

Tân phân - là lăng xăng, rối loạn, rối rắm.

Hoàn xuyến - Hoàn là nhẫn đeo ngón tay, xuyến là vong đeo cườm tay.

Câu-tô-ma - hoặc gọi là Cu-tô-ma-na dịch là vui ý, là sắc hoa đẹp thơm, người nghe nói đều vui ý.

Dà phu - là ngồi kiết già, là thế ngồi cát tường, thế ngồi hàng ma: chân trái để trên chân phải.

Thiên trúc: hoặc gọi thân đốc, thân độc, tức nước Thiên Trúc cũng gọi Hiền Đậu, Ấn Độ. Gọi đúng là Đặc-la, dịch là Nguyệt. Tây Vức Ký nói ở đó chúng sanh mãi luân hồi không thôi đêm dài vô minh mặt trời đã ẩn mất chỉ còn mặt trăng hiền lành các hiền thánh nối nhau dẫn dắt như mặt trăng chiếu sáng, nên lấy đó làm tên.

Ô Trường quốc - gọi là Ô-trượng-na là tiếng Phạm, Tây Vức Ký nói: nước này chu vi hơn năm ngàn dặm sùng kính Phật pháp tin Đại thừa. Xưa có một ngàn bốn trăm cơ sở, gồm mười tám ngàn Tăng đồ cùng học nghiệp Đại thừa tịch định khéo đọc kinh văn, giới hạnh thanh khiết, riêng đọc phạn chú.

China quốc - hoặc gọi Chân Na hay Chấn Đán hay Ma-ha Chi-na, dịch là Hán quốc hoặc Đại Đường, Đại Hạ hoặc gọi Tư Duy quốc là gồm nhiều người trí lược hay suy tư.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 2

Vi tranh (tỉnh) - Vi là trái ngược, lìa nhau. Tỉnh là can ngăn, tức can ngăn trái ngược?

A-nậu - là tiếng Phạm, dịch là chẳng cầu.

Khỏa lồ - ở truồng bày thịt da ra.

Doanh lũ - gầy ốm yếu đuối.

Tiêu toại - tiều tụy, hình thù xấu xí.

Sài lang: là loài thú núi, thuộc sói. Có hai thứ sài lang và sài nô nhỏ hơn. Sài nô đi trước cùng thợ săn được thú chẳng dám ăn trước, đợi sài lang ăn rồi mới ăn.

Khô hạt - là hết nước chết khô.

Ế mạc - màng thịt che mắt.

Giả mị - Mị là ngủ, giả mị là đủ áo mão mà ngồi ngủ.

Chẩn cấp - Chẩn là cứu người nghèo thiếu, tức cấp cho đầy đủ.

Địa ngục - là ngục ở dưới đáy Thiệm bộ châu.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 3

Tần giáp - là uốn mình co duỗi tay chân cho đỡ mệt nhọc.

Tụ lạc - là xóm quê nhỏ có một số ít người ở.

Tuyền phúc - là chỗ nước xoáy trong sông biển.

Lôi chấn - là trời đất làm lò, âm dương làm khí, đánh gõ thành tiếng - Tức là sấm sét.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 4

Hách dịch - Hách là nhanh, sáng đỏ; sáng đỏ nhanh lớn gọi là dịch.

Hy di - là vui vẻ. Trỉ niệ là hầm hố, hầm hố ở ngoài thành.

Hoàng tường - là tường vách không dám nhảy qua.

Siễm cuống - là nịnh nọt lừa dối.

Quyên tác - cột treo vật gì.

Ky ương - là cái dây da quàng quanh cổ ngựa.

Ân nhục - là da cọp làm nệm, nệm da thú.

Sang vưu - là ghẻ nhọt, ung bướu.

Dụ hối - là dạy dỗ khuyên bảo.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 5

Hàm vị - là vị muối, vị mặn.

Hất nhiên - là cháy dữ, cháy nhanh gấp.

Vịnh du - Vịnh là lặng, đi dưới nước; du là bơi trên mặt nước.

Tuyền phức - là chỗ nước xoáy ở sông biển.

Quân thập - là nhặt lượm. Quái ngại là chướng ngại.

Lăng-già - là tiếng Phạm chỉ một báu vật, là tiếng mật chú không có nghĩa.

Tiêu họa - là hô ngâm họa tiếng.

Mộn mạc - là cầm nắm sờ mó. Đạt-lát: tiếng Phạm không có nghĩa.

Cứ tức - là nhanh gấp. Phổ chú là mưa rót xuống.

Thuyền phương - là ghe thuyền, phương là nhiều thuyền cột dính nhau.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 6

Thuyền bát - là thuyền và bè.

Hoặc tiễn - là tên mê lầm.

Ca sa - gọi đủ là Ca-la-sa-duệ, dịch là nhiễm sắc, hoại sắc. Vì người tục ở Tây Vức đều dùng màu trắng, để khác lạ nên ca sa phải nhuộm màu xấu xí.

Tề luận - Cái rún, vùng rún. Lưỡng hiếp - là hai bên hông.

Quảng hạp - là rộng hẹp - Ngư Bổ - Là người bắt cá, đánh lưới cá.

Đồ lạp - là kẻ giết mổ và săn bắt.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 7

Ánh tế - che sáng. Thiện ách: cái ách (đè cổ trâu) lành.

Diêm-la vương - tiếng Phạm gọi đúng là Viêm-ma-la, dịch là Bình Đẳng Vương là người nắm quyền coi tội phước sanh tử, có tám ngục nóng tám ngục lạnh xử phạt tội nhân rất bình đẳng.

Hoàn tường - tường rào không cho vượt qua.

Phân huân - hơi thơm bay xa.

Diên mậu - rộng lớn. Manh đông: cái mái nhà, rường nhà.

Phù nhạn - le le vịt hoang, vịt trời.

Uyên ương - loài chim cùng sống bên nhau, ở cùng ở bay cùng bay.

Bạch hạc - loài chim mỏ dài sống lâu ngàn năm, đầu lưng có sắc đỏ, là chim thần tiên thấy thì có điềm lành - gà gáy biết sáng hạc kêu biết nửa đêm.

Lý cách - bện lông chim (?). Nhĩ đáng: đồ trang sức đeo ở tai.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 8

Ổng uất - ổng là cỏ thơm, tức cỏ thơm rậm rạp mọc nhiều.

Thông thúy - sắc xanh mạ non. Ưu-bát-la hoặc gọi Âu-bát-la gọi đúng là Ốt-bát-la, lá nhỏ thơm rất xa cõi người không có là hoa sen xanh.

Ba-đầu-ma - cũng gọi Bát-đầu-ma, Bát-noa-ma, Bát-đặc-ma gọi đúng là Bát-nạp-ma là hoa sen hồng, hoa sen đỏ vàng.

Câu-vật-đầu - hoặc gọi Câu-mâu-na, gọi đúng là Câu-mổ-đà là hoa sen đỏ, màu rất đỏ (đỏ thẩm) rất thơm.

Phân-đà-lợi - hoặc gọi Bôn-trà-lợi-ca, gọi đúng là Bổn-noa-rị-ca, là hoa sen trắng, màu trắng tuyết, trắng bạc lóa mắt người (?), rất thơm.

Khiên ngã - là kéo dắt.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 9

Ba đào - Ba là sóng lớn, lãn là sóng nhỏ. Đào là sóng rất to. Ba đào là sóng to.

Dõng lãng - Dõng là nhảy lên, lãng là sóng lớn, tức sóng to.

Lan thuẫn - là lan can, hàng rào.

Song dũ - là cửa sổ. Triền lý là nơi ở năm nhà trở lên.

Di hàm - là tên răng hàm. Dung Viên là tròn thẳng hình ống

Kiển mạc (phác) - cắt mổ banh ra. Hung ức - là bụng dạ.

Quá tấc - quá đầu gối. Võng vãng - màng da giữa các ngón chân.
Lộc sủy - là đùi nai. Túc ngận - là gót chân.
Bất thuấn - nhìn trừng trừng chẳng nháy mắt.
Ung túc - Ung là hòa vui. Túc là cung kính.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 10

Hà chữ - bến sông. Phong giản - bịnh phong, động kinh.

Tiêu sửu - bệnh khát ốm gầy. Môn thát - môn là cửa lớn, thát là cửa nhỏ, tức cửa thông.

- Một trăm lạc-xoa là một cu-chi - Lạc-xoa và cu-chi đều là số đếm của tiếng Phạm - mười vạn là một lạc-xoa, trăm vạn là một lạc-xoa, vạn vạn là một lạc-xoa. Tôn Tử Phương này tính 10x10 là trăm, mười trăm là ngàn, mười ngàn là vạn. Từ vạn đến ức có ba bậc Thượng, Trung, Hạ đếm mà biến đổi - Theo số Huỳnh Đế đếm có hai mươi ba số tức là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, trăm, ngàn, vạn, ức, triệu, kinh, cai, tỷ, hoại, câu, giản chánh, tải. Cũng từ vạn trở đi có ba bậc mà đếm. Hạ là 10x10 mà biến, Trung là 100x100 mà biến. Thượng là ức x ức mà biến - Huệ Uyển Pháp sư nói cu-chi ở đây là ức, A-dũ-đa là triệu, na-do-tha là kinh. Ngoài ra so theo đây mà biết. - Từ ức trở đi đều có thể dùng làm một số mà đếm lường. Lại đếm đến số lượng gốc thì gọi là bất khả thuyết.

- Nao Bát Mi (di?) - La Dà - Bà Ha - Đổ Lã - Nể Hi - Biều Nghiệt Đa - Ấn Hát - Đát La - Tỳ Mã đều là chữ thần chú (chân ngôn) không có nghĩa.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 11

- Cù lộ - là ngã tư đường. Đằng căn là rễ cây Hoằng đằng.

- Trỉ điệp - Trỉ: năm bản là đổ, năm đổ là trỉ, một trăm trỉ là thành. Thành của Thiên tử là một ngàn trỉ, thành của công hầu là một trăm trỉ, thành của Bá là bảy mươi trỉ, của tử, Nam là năm mươi trỉ. Vậy trỉ là

thành nhỏ (?). điệp là vách của người nữ trên thành.

- Dục hương - là hán hương?. Khiếu kích: xoi lỗ nhỏ mà nhìn
- Thượng thuyên - là kho lẫm. Đỉnh thực - thợ gốm nhồi đất.
- Phôi khí - đồ gốm chưa nung. Táo thấp - khô ướt.
- Tuất quính - là cô đơn, không anh em
- Địch dự - vợ lớn nối ngôi. Nhật Tề - mặt trời mọc lên
- Giá tứ - ngồi xe bốn ngựa kéo.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 12

- Tự tế - cúng tế. Tuần thú - đi khắp mà tra xét
- Khánh chí - hết chí, hết chí kính thành.
- Lịch toán -
- Thiều xỉ - Thiều trẻ con cạo tóc để hai trái đào. Xỉ trẻ bảy, tám tuổi thay răng.
- Vĩ hầu - là rình xét.
- Bậc hài - Bậc là phụ giúp. Hài là hoa.
- Nguyên tập - Nguyên trồng lúa cấp cho ăn. Nguyên tập: chỗ đất bằng và thấp.
- Sũng lệ - thương khóc. Hung tàn - dữ dằn giết hại.
- Phong đăng - Trúng mùa, lúa mọc nhiều. Ngất nhiên: Ngọn núi thẳng đứng.
- Kiêu xỉ - Kiêu ngạo xa xí, kiêu xa.
- Cổ rằng: đùi vế, tay chân tốt. Phi cổ - không phải tội.
- Bài nang - Túi da thổi lò rèn. Nhương tý - Vạch áo đưa cánh tay ra.
- Khiết xỉ - cắn. Nghiết thiêu - khêu chọc cho động đậy.
- Phung trương - sình chương. Trương vị - trong bụng sướng thích (?)
- Cân mạch - gân xương và mạch máu. Tiên xỉ - roi gậy đánh đập.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 13

- Trừng ngận - lóng trong. Ông uất - cỏ mọc rậm rạp.

Phể nghê - lỗ nhỏ nhìn qua tường. Bảo tiệm - hầm báu.

- Châu chữ - chỗ ở trong châu. Khỏa lộ - ở truồng.
- Đạm nhục - ăn thịt - siễm cuống - nịnh nọt gạt lừa.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 14

- Thiết tự - Thiết là cạn, trộm.
- Câu-thi-na - tiếng Phạm tên thành nước Tây Vức. Tàu gọi: nhuyến thảo thành, hương mao thành. Nơi này có nhiều cỏ này, ở trung Ấn Độ hơn ngàn dặm là nơi Như Lai nhập Niết-bàn.
- Bát-niết-bàn - là tiếng Phạm xưa gọi là Nê-hoàn. Gọi đúng là Ma-ha-ba-lợi-nhĩ-phược-nẩm, dịch là Đại viên tịch, ba điểm tron bốn đức, viên quả.
- Lộc chư - nước bọt (?). Hao động - khuấy động.
- Triền điếm - chợ búa quán xá. Nham tụ - hang núi hiểm
- Dục hương - bán hương. Cữu lạc - cảnh mặt trời lặn.
- Sấp hoạt - rít rắm và trơn láng (?).

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 15

- Bi trì - ao đầu chứa nước.
- Ưu-bát-la là hoa sen xanh. Ba-đầu-ma là hoa sen hồng.
- Câu-vật-đầu - là hoa sen đỏ. Phân-đà-lợi - là hoa sen trắng.
- Thao chi là giẫm đạp.
- Tranh địch - Tranh là vỗ trống làm vui. Vốn có đàn sắc hai mươi bảy dây. Người Tần có hai con vô nghĩa tranh cha chế ra đàn sắc đều có mười ba dây nhân đặt tên là tranh. Địch là ống có bảy lỗ. Tục nói: Khương dịch có ba lỗ. Địch là rửa sạch tà uế mà nạp nhã chánh.

- Không hầu: không là nhạc khí của Sư Diên làm ra, sau lại xuất hiện trên ruộng dâu của nước chư hầu nên lấy hầu đặt tên.

- Tỳ-bà - là tên của nhạc Hồ. Đẩy ra là sắc, dẫn kéo là Bà vỗ trống mà đặt tên.

- Tiêu sắc - Tiêu có hai mươi ba ống dài một thước bốn tấc, nhỏ thì mười sáu ống dài một thước hai tấc. Múa mà thổi tiêu để biểu tượng cho cánh phượng tiêu dài tám thước một tấc, rộng một thước tám tấc hai mươi bảy dây.

- Thuấn mục - Thuấn là nháy mắt. Mục là con ngươi. Mục là nhắm mắt im lặng mà trong biết rõ (không phải ngủ).

- Thần vật - là môi mép nói năng.

- Môn khổn - là cái chốt gài cửa (?)

Đệ tương - Đệ là kịp, đắp đổi lần lượt.

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 3

Tục Tân Âm Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Từ quyển mười sáu đến hết quyển bốn mươi.
- Tân Dịch Thập Địa Kinh 9 quyển
- Hồi Hướng Luân Kinh 1 quyển
- Thập Lực Kinh 1 quyển
Cả bốn kinh trên có ba mươi sáu quyển đều tục âm ở quyển ba này.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 16

- Bổ-đà-lạc-ca - cũng gọi Bổ-đắc-lặc-ca, xưa gọi là Bảo-đà-la đều là tiếng Phạm, dịch là Tiểu hoa thọ sơn (núi cây hoa nhỏ) tức trong núi này có nhiều câu hoa ấy rất thơm. Tức bên bờ Nam Hải nơi quán Tự Tại Bồ-tát ở.
- Ổng-uất - nơi cây cỏ mọc rậm rạp.
- Sũng viên - đều bằng nhau. Cung thỉ - là cung và tên.
- Bảo đang - vật báu trang sức đeo tai.
- Độc lâu - sọ người, đầu lâu. Y hô: là cậy nhờ.
- Chương hoàng - là sợ sệt. Cảnh hài là kinh hãi, sợ sệt.
- Giác lực - đấu sức nhau.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 17 - 18

- Thủy sở - đánh gậy. Khai xiểng - mở mang, mở sáng.
- Giản trạch - chọn lựa, phân biệt. Chủ giá: thần giữ lúa.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 19

- Giác ngộ - thức mà thấy, biết mà tin là ngộ. Giác ngộ: hiểu biết sáng suốt.
- Hiều khấp - là kêu khóc, kể lể và khóc lớn.
- Đạo lương - gạo thóc lương thực. Hỷ hí - giỡn chơi, mừng rỡ.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 20

- Thuần thục - đã chín muồi. Tế bạn - bờ bến.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 21

- Triền lý - chợ búa nơi ở từ hai mươi lăm nhà trở lên (năm nhà là lân, năm lân là lý).

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 22

- Hôn mị - tối tăm, ngu mê (?)
- Kiểm sách - kiểm tra ngăn cấm khuyên gắng.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 23

- Tuyền phức - nước chảy ngược lại - chỗ nước xoáy của sông biển.

- Khô cao - khô khốc, chết khô. Thoàn phiệt - thuyền và bè bện cột tre và cây nổi trên mặt nước để chuyển chở các vật.

Ế mô - Ế là bịnh mắt, mô mắt có màng che không sáng.

Bảo thằng - dây báu, là dây mực báu để sửa lỗi, (báu làm dây để giăng mắc).

Phi tần - các cung phi vợ vua.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 24

Quỳnh độc - riêng rẻ một mình, không người nương tựa.

Câu khanh - hầm hố sâu có nước, khe nước.

Đôi phụ - đôi là đống đất cao đồi nhỏ. Đôi phụ là đồi núi.

Kinh cức - là gai gốc, (kinh là tên cây nhuộm được - Cức là cây táo chua).

Tu nhụy - là tua nhụy của hoa sen.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 25

- Dâm dật - hoang dâm phóng đãng. Bang sĩ - đánh bằng gậy như cái mái chèo.

- Linh ngữ - ngục tù trị tối. Tẩn cắt - bị cắt xương đầu gối.

- Cung vĩ - cửa thông các cung (cung là nhà ở của vua chúa)

- Tê ngưu - giống trâu nước đầu to bụng xệ, chân có ba móng màu đen, đầu có ba sừng, một sừng ở trên đầu, một sừng ở trán, một sừng ở mũi. Tức con tê giác.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 26

- Can đởm - tức gan và mật tánh can đảm. Trường vị - ruột và dạ dày.
- Hoàn bội - là vòng ngọc, và ngọc bội (miếng ngọc đeo cổ, vòng ngọc đeo ở tay).
- Mẫu hiếp - hông của mẹ. Tàm quí: hổ thẹn (hổ với người thẹn với mình).

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 27

- Trở hoại - hư nát. Phần nhiệt - đốt cháy, đốt nóng.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 28

- Dực tùng - theo hầu kính giúp. Diên mậu là lâu đài, rộng lớn.
- Tổn diệt - rơi rụng mất hết. Sao rơi.
- Nịnh mị - Nịnh nọt giả làm vui lòng.
- Khiển vi - tội lỗi làm trái. Khất ngại (tín?): ăn xin.
- Viên vưu - giống khỉ nhưng lông xanh đen, đuôi dài bốn, năm thước.
- Huyền phục - áo quần đẹp tươi.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 29

- Khẩn (xan) lấn - tiếc của bền chắc - rất keo kiệt.
- Tăng khoáng - bông tơ, tơ lụa. Bách trách - rất bức bách cùng quẩn khốn cùng.
- Tẩy địch - rửa sạch, dẹp hết.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 30

- Khai tịch - mở mang rộng ra. Oánh triệt - sáng tỏ thấu suốt.
- Ngự hãn - cấm ngăn, chống cự lại.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 31

- Ả - Lã - Đã 3 chữ đều là tiếng Phạm không có nghĩa
- Hàm tông - họp lại (dệt các sợi tơ lại với nhau)
- Điên giản - bịnh điên cuồng động kinh, kinh phong.
- Duyên tích - chỉ và thiếc. Mài luyện - rèn luyện đầy đủ.
- Sấm vĩ - lời nói trước việc sẽ xảy ra nhưng rất khó hiểu, việc ấy ra rồi mới biết.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 32

- Ốc điền - ruộng phì nhiêu mầu mở, ruộng tốt.
- Dục kim - bán vàng.
- Bổ-đặc-già-la - cũng gọi Phú-già-la hay phất-già-la, dịch là số thủ thú, tức số hữu tình tạo tập nhân lấy khổ quả hoặc dịch là Nhập tức bỏ ấm trời vào ấm người.
- Xa-ma-tha - là tiếng Phạm, dịch là Chỉ tức (dứt hết) cũng gọi Tịch tịnh, tức Chánh định lìa trầm trạo (hôn trầm và trạo cử).
- Tỳ-bát-xá-na - hoặc gọi Tỳ-bà-thiết-na dịch là quán sát tức là Chánh huệ quyết trạch, tức là chỉ quán hai tên.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 33

- Quan thược - là cái chốt khóa cửa. Bạt-phệ - chụp cắn.
- Hại (cại?) ngưu - thế trâu đi mạnh mẽ.
- Thiệu nghệ - Nối kế nhau. Viện nhiễm - rửa sạch bụi bẩn.
- Ngân lệ - tàn bạo trái ác.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 34

- Thảo tích - chứa cỏ. Thanh ứ - bầm tím, sưng tím.
- Sang trương - sình chương.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 35

- Nễ-diễm - là tiếng Phạm, dịch là Sở tri là cảnh (điều) người trí biết
- Ngạnh ế - nghẹn, mắc xương. Hoạn giáp - áo giáp (?)
- Tỉnh hãm - té, sụp hầm. Lợi liêm - lưỡi liềm bén.
- Mậu dịch - đổi, mua bán.
- Chi-đề - là tiếng Phạm hoặc gọi Thế-để-chế-đa hay Chế-để-da, dịch là chứa nhóm (tích tụ) tức là tháp miếu, cao phần. Tức nơi Phật thuyết pháp hay Niết-bàn mà xây tháp miếu thì trời người cúng dường chứa nhóm phước đức.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 36

- Bung hận - cái thẹo, sẹo. Trầm nịch - chết chìm.
- Khởi trượng - Khởi là áo giáp. Trượng là nghi trượng.

Tiêu hao - hao mất. Thoán phục - chạy trốn.
Noãn xác - vỏ trứng. Miêu ly - mèo và chồn cáo.
Từ thạch - đá nam châm. Diên linh - sống lâu trả mãi
Thẩm lậu - thấm lọt ra ngoài.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 37

- Kim tết - mạt vàng vụn.
- Tam-ma-bát-để - tiếng Phạm, dịch là đẳng chí, đẳng trì là giữ tâm luôn bình đẳng, thân tâm an hòa đã hết hôn trạo.
- Pháp loa - loa pháp (vỏ ốc làm loa nói ra tiếng pháp?)
- Bình thản - yên bình không lo lắng.
- Hiệp liệt - chật hẹp yếu kém.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 38

- Phái nhiên - mưa nhiều.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 39

- Trở hoại - hư nát.

TÂN ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH QUYỂN 40

- Đạm nhục - ăn thịt.
- Hủy mộc - Hủy là tên gọi chung trăm cỏ, hủy mộc là cỏ cây.
- Đăng chú - đèn đuốc.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH
QUYỂN 1

- Thiên Trúc - Xưa gọi là Thân Độc, Thân Đậu. Mới gọi là Ấn Độ, gọi đúng là Ấn Đặc-già-la, dịch là Nguyệt (trăng). Tây Vức Ký nói nước này Phật nhật đã lặn mất Hiền thánh nối nhau mà dẫn dắt quần sanh như có trăng chiếu sáng vậy. Do đó đặt tên.

Sơ-lặc quốc - tiếng Phạm, gọi đúng là Khư-lộ-số-đát-lặc dịch là Ác tánh quốc. Vì tánh người nước này bạo ác. Nước này có núi Khư-lộ-số-đất-lặc nên lấy núi làm tên (ở Bắc Ấn Độ)

Càn-đà-la - hoặc gọi Kiện-đà-la, dịch là Trì Địa. Vì nước này có nhiều Thánh hiền đắc đạo trụ trì nên không bị nước khác xâm lấn. Lại gọi là Hương khí biến, vì nước này có hoa nhiều hương thơm khắp.

Ca-thấp-di-la - hoặc gọi Ca-diếp-mật-la, nước Kế Tân là sai. Dịch là A Thùy Nhập = ai vào được (đả giải thích ở trước rồi).

Phi truy - là mặc áo đạo, (áo đạo nhuộm sắc đen xấu mặc vào khác kẻ tục).

Ổ-ba-đã-la - xưa gọi Úc-ba-đệ-đa, dịch là cận tụng, là đệ tử nhỏ tuổi không xa rời thầy thường gần gũi thần nhận kinh đọc tụng hoặc dịch là Thân giáo. Xưa gọi Hòa Xá, Ổ Xã Hòa thượng không phải là tiếng Phạm không phải tiếng Đường bởi thông các nước mà chuyển âm sai.

Mông Đề - chẳng phải tiếng Phạm là tên chùa của nước Kế Tân.

Ẩu nộ - giận dữ. Cẩn toàn - tài năng hoàn toàn (?).

Na-lan-đà - là tên chùa ở Tây Vức, dịch là người không hẹp (?). Tây Vức Ký nói các đời vua cùng xây một chùa luôn mở cửa Đông mà cúng ngàn Tăng. Từ lập ra đến nay chưa có người phạm gian nghi, nên năm vùng Ấn Độ xã thí không hẹp mà đặt tên.

Linh tinh - tên người.

Đề Đề Tê Ngưu - tên Pháp sư nước Qui Tư, dịch là Liên Hoa Tinh Tấn.

Quách hân - tên người (Hân là mặt trời mới mọc).

Đích lựu - giọt nước. Trình ngạc - tên người.

Sở tể - mang sang (?). Luyện dã - rèn đúc.

Duyệt dự - vui vẻ.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH
QUYỂN 2

Kha bối - tên vỏ ốc dùng làm tiền mua bán (?)

Bích ngọc - một loại ngọc quí của vua chúa để làm tin

Tư lương - lương khô đem theo.

Thô khoáng - to lớn. Thệ thích - chất độc chết người ở các loài ông rắn ruồi.

Thẩm lạc (thử) - tên một loại đá (gạo nát?)

Nại-lạc-ca - hoặc gọi Na-lạc-ca, dịch là khổ khí, khổ cụ tức đồ dùng để hình phạt tội nhân.

Thoan trì - nước cạn trôi nhanh trên cát.

Luân nịch - chết chìm. Than chứ: bờ nước.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH
QUYỂN 3

Môn mạc (mô?) = cầm nắm sờ mó. Văn nhuế - con ve muỗi.

Khương lương - con bọ hung màu đen.

Sách lệ - Sách: mưu tính, lệ: khuyên cố gắng.

Uẩn (ổn) bạo - uẩn là giận dữ, bạo là tàn ác.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH
QUYỂN 4

Tiển thốc - mũi tên đầu bịt sắt nhọn.

Minh bột - biển cả, vùng biển. Hậu mạc - màng dày rộng.

Triền quả - ràng rịt cột trói. Ấn tỷ - ấn ngọc của Thiên tử các chư hầu không dám dùng. Thừa tướng Lý Tư dùng chữ Triện viết trên ấn rằng “Thụ mạng ư Thiên đế Thọ Vĩnh Xương”.

Điên giản: Bịnh động kinh điên cuồng.

Trùng độc sâu có chân có độc làm đau và giết người.

- Chú trớ - Chú là đọc những lời có thiện ác theo. Trớ là đọc những lời khiến người làm việc bị trở ngại.

- Huyền ế - mắt bịnh không thấy đường. Khái quán là rót tưới nước.
- Hiều cao - kể lễ gào khóc. Vị thán - thở ra than trách.
- Hồ ti - than thở.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH QUYỂN 5

- Xí điền - chen vào, để chân vào.
- Thuấn tức - là động hơi thở, tức hít vào thở ra.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH QUYỂN 6

- Ngộ ngộ - thức dậy (giác ngộ?).
- Khai xiểng - mở mang rộng ra.
- Cứ vị - việc gấp, làm gấp (?).
- Sử lưu - ngựa chạy nhanh.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH QUYỂN 7

- Na-dũ-tha - tiếng Phạm, cũng gọi na-do-tha là tên số đếm của Tây Vức. Xét số đếm của Huỳnh Đế có hai mươi ba số, từ vạn trở đi đều có Thượng, Trung, Hạ ba bậc đó là vạn, ức, triệu, kinh, cai, tỷ, nhương, câu, giản, chánh, tải, (đái?). Hạ số là 10x10, trung số 100x100, thượng số ức x ức. Theo Huệ Uyển xưa trong kinh Hoa Nghiêm ở phẩm A-tăng-kỳ có 100 lạc-xoa là một cu-chi. Cu-chi ở đây là ức cu-chi, cu-chi là A-dũ-đa, tức là triệu. A-dũ-đa A-dũ-đa là na-do-tha, tức là kinh. Vậy na-do-tha là một kinh, các số khác chuẩn theo đây mà biết.

U thúy - là sâu kính, sâu xa. Ky hệ - buộc ràng, cột trói.

Hối dụ - khuyên răn dạy dỗ.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH
QUYỂN 8

Huy dục - sáng rực rỡ. Ái đãi - bị mây che.
Hai túc - sợ hãi lo lắng.

TÂN DỊCH THẬP ĐỊA KINH
QUYỂN 9

Sâm lệ - cây mọc có đôi.
Ma-hê - tiếng Phạm có Ma-ha-thủ-la, dịch là Đại tự tại, tức là Đại Tự Tại Thiên Vương cua cõi Sắc giới.
Điền xí - Đồ trang sức bằng hoa vàng - chỗ nhốt chung mọi vật (?)

****

THẬP LỰC KINH

Sát biệt - không biết là gì.

****

HỒI HƯỚNG LUÂN KINH

Tư lương - lương khô và tiền bạc, là vật phụ giúp thành công, tức muốn đến Bồ-đề Niết-bàn thì trước phải tu phước đức trí tuệ là hai thứ tư lương.
Vô hộ - không nơi cậy nhờ. Phẩn hận - giận hờn, oán hận.
Tinh tương - tinh là cùng, đều. Tương là đem, giúp - giúp nhau.

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 4

Gồm âm nghĩa các kinh sau:

- Đại Thừa Bổn Sanh Tâm Địa Quán Kinh tám quyển.
- Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni Kinh mười quyển.
- Đại Thừa Du Già Mạn Thụ Thất Lợi Thiên Lý Thiên Bát Đại Giáo Vương Kinh mười quyển.

Cả ba kinh trên gồm hai mươi tám quyển được âm nghĩa trong quyển 4 này

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH TỰA

Y phu - than ôi, tiếng ở đầu câu

Thuyền đề - là cái nôm bắt cá và cái bẫy bắt thỏ - Được các quên nôm, được thỏ quên bẫy.

Quì lộ - là đường lớn xa, thông cả tám hướng.

Núi Kỳ-xà-quật - tiếng Phạm đúng là Cật-giá-đà-la-cự-tra, dịch là ngọn Linh thứu. Núi này có nhiều chim Thứu ở nên lấy đó đặt tên.

Hoặc khỏa - ở truồng. Lễ tuyền - suối nước ngọt.

Đề hồ - từ sữa có lạc, từ lạc có tô, từ tô làm ra đề hồ, là chất bổ.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH QUYỂN 1

- A Nhã Kiều Trần Như - gọi đúng là A Nhã Đa Kiều Trần Na, A nhã đa dịch là giải, là người hiểu pháp đầu tiên tên là Kiều Trần Na.
- A-sử-ba-thất-đa - tiếng Phạm xưa gọi là A-thấp-phược. Dịch là Mã Thắng, tức tên của Mã Thắng La-hán.
- Trừng triệt - lóng trong.
- Bí-xá - tiếng Phạm, hoặc nói Tỳ-xá hay Phệ-xá là một trong

bốn dòng họ ở Tây Vức hoặc gọi là Trưởng giả tức người giàu có sang trọng.

- Tuất-đạt-la - hay Thủ-đà-la, một trong bốn dòng họ là nông phu ít học.

- Anh vũ - là chim két, lông xanh mỏ đỏ nói được tiếng người.

- Tàm kiển - cái kén con tằm.

- Tô-mê-lô - tiếng Phạm, gọi đúng là Tô-mê-lô tức núi Diệu cao, núi Tu-di. Núi này do bốn báu mà thành = mặt Đông có bạc trắng, mặt Bắc có vàng ròng, mặt Tây có pha lê, mặt Nam có lưu ly xanh.

- Do bốn báu tạo thành nên gọi Diệu, cao hơn các núi khác nên gọi cao. Cũng gọi Diệu quang, vì bốn báu sáng chói chiếu đời.

Thiệm-bặc-ca - cũng gọi Thiệm-bạc-ca dịch là Uất kim hoa lớn. Đại luận nói cây này cao lớn hoa vàng hương thơm bay ra.

Cực bạo - lửa dữ, cực ác. Hung ức - xương ức, lòng dạ

Trầm luân - chìm đắm, chết chìm. Manh quy - con rùa mù.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH QUYỂN 2

Trùng nhũ - bú mút. Bạo trượng - nước ngập lụt dữ.

Mâu sác - mâu kích dài hai trượng để đánh giặc.

Tủy não - Tủy não hay là mỡ trong xương, não à óc trong sọ.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH QUYỂN 3

Văn manh - muỗi mòng, ruồi lằn. Tượng táp - bị voi chà đạp.

Tán phong - họp nhiều mũi nhọn một chỗ, chĩa.

Già phu - ngồi kiết già. Ngồi có hai cách một là kiết già hay toàn già, hai là bán già - bán già là chân trái để lên chân phải. Kiết già là chân trái để lên đùi phải rồi chân phải để lên chân trái cả hai mặt bàn chân đều ngửa lên. Đây là thế ngồi hàng ma và cát tường.

Thoàn bát - là thuyền và bè (giống như thoàn phiệt).

Nuy tụy - cỏ héo.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH
QUYỂN 4

Lâu nghị - con dế ăn hại mầm cây. Hoặc gọi Tỳ phù là kiến càng.

Ca-lan-đà - tiếng Phạm hoặc gọi Ca-lan-đa hoặc Ca-lan-đạt-ca, gọi là chim hót tiếng hay. Trong Trúc lâm ở thành Vương xá có nhiều chim này.

Hóa dục - buôn bán hàng hóa. Triền tứ - chợ búa hàng quán.

Mậu dịch - mua bán, trao đổi. Man diên - vướng vít mãi chẳng dứt.

Song dũ - cửa sổ. Diêm nhiên - cháy bùng lên.

Bồng bột - rối rắm mạnh mẽ nổi lên.

Tẩn mã - ngựa cái - ngựa hoang?

Truy hung - để trong lòng buồn giận mãi đến có thể hủy mình.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH
QUYỂN 5

Mâu sác - mâu kích để đánh giặc. Tích lịch - sấm sét.

A-luyện-nhã - hoặc gọi A-luyện-nhi, A-lan-nhã, A-lan-na. Gọi đúng là A-lan-nương dịch là chỗ tịch tịnh hoặc vô tránh địa hoặc ở trên núi, trong rừng, nơi đồng văng, nghĩa địa... đều cách làng xóm một cu-lô-xá, xa lìa chốn ồn ào.

Hổ báo - hổ và beo (báo sao giống gấu được?)

Sài lang - chó sói. Ưu-đàm - là tiếng Phạm hoặc gọi Ô-đàn gọi đúng là Ưu-đàm-bát-la, dịch là Diệu đoan hoa, hay Tường đoan hoa là hoa quí trên trời cõi người không có.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH
QUYỂN 6

Kích quang - là các lỗ sáng trên vách, nhìn qua được.

Phi nga - con bướm đêm, đom đóm. Tẩn lộc - con nai cái.

Phương nhị - mồi thơm gắn ở đầu lưỡi câu để câu cá, mồi ngon dụ người.

Tường bích - tường vách. Phôi ngỏa: ngói gạch (phôi: ngói chưa nung)

Ba tiêu - cây chuối. Hà mô - con ếch, con ểnh ương.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH
QUYỂN 7

Thê thóa - nước mũi nước miếng nước mắt.

ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUÁN KINH
QUYỂN 8

Viên hầu - con khỉ hay nhảy chuyền

Ai muộn - bụi bậm. Thanh thằng - ruồi xanh, con nhặng. Ví kẻ gian nịnh lừa người trắng thành đen, ác thành thiện...

Phệ đát tiếng chữ chú (chân ngôn) không cần nghĩa.

****

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 1

Bỉnh diệu - chiếu sáng, sáng rực. Sa lỗ - cát mặn, mỏ muối ở sa mạc.

Hạm đạm - chưa nở gọi là phù dung, nở rồi gọi hạm đạm có nơi gọi hạm đạm là hoa sen (?).

Yết la - là chữ thần chú, không nghĩa. Phủ kích - đánh tát.

Ba đào - sóng rất to.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 2

Khô cối - giết hại thầy hung ác, giết người đứng đầu.
Tuyền phức - nước chảy ngược lại, chỗ nước xoáy của sông biển.
Si mạc - màng ngu si.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 3

Tòng lâm - bụi rậm, nhiều cây cỏ. Mãng tự - cỏ rậm, chữ rậm?
Điều cấu - rửa sạch các dơ bẩn. Di sướng - vui sướng, vui hòa.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 4

Đế thính - nghe mà xét kỹ. Bạo lưu: mưa như thác đổ, dòng nước dữ.

Nguy hiểm - (tai ách hiểm nạn), nguy hiểm. Úy mộc - nhiều cây cỏ.

Kiều Trần Như - gọi đủ A Nhã Đa Kiều Trần Na. A Nhã Đa là người biết đầu tiên. Kiều Trần Na là tên người. Tức là người hiểu biết pháp đầu tiên tên Kiều Trần Na.

Đa-đà A-già-độ - hoặc gọi A-già-độ là đần độn. Gọi đúng là Đát-tha-nga-đa dịch là một hiệu trong mười hiệu của Như Lai.

A-la-ha - gọi đúng là Yết-ra-hát-đế dịch là Ứng cúng, tức là hiệu thứ hai trong mười hiệu của Như Lai.

Tam Miệu Tam Phật Đà - gọi đúng là Tam Miệu Tam Một Đà tức là Chánh Đẳng Giác, hay Chánh biến tri.

Nhĩ thiện - đồ ăn ngon, vật quí đựng thức ăn.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 5

Hoàn giáp - là áo giáp, đồ binh khí đâm xuyên giáp?

Trì hoãn - Chậm chạp, thong thả. Xa-ma-tha là chỉ, tức định.

Tỳ-bát-xá-na - là quán, tức huệ. Xa-ma-tha - Tỳ-bát-xá-na là chỉ quán

----

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 6

Kiến sáp - nói lắp, nói không thông. Tâu phá - bịnh bể tiếng ngựa hý buồn.

Hy di - kính sáng hòa vui, vui vẻ - Tiết lặc

Hạc lệ - Hạc kêu. Tranh địch - tiếng đàn tranh (sắc mười ba dây) và ống địch bảy lỗ.

- Loa thinh - tiếng một thứ cổ nhạc, tiếng ốc thổi.
- Cốc hưởng - tiếng vang trong hang.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 7

- Đằng la - là tên khác của Hổ ma tức cây mè, cây vừng.
- Cổ dương - con dê đen. Thạch khoáng - các thứ cát đá.
- Linh đạt - chuông và mỏ. Lân-đà, tiếng phạm tên một hoa sắc đỏ, ngựa ô.
- Biện tiệp - biện luận nhanh chóng, lưu loát.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 8

- Kiển nạp - nói lắp nói không thông.
- Phiệt dụ - dụ về bè. Ca xuy - ca hát họa theo.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 9

- Tuần thú - đi khắp để tra xét. Cô quynh - Cô độc, cô đơn.
- Nguyên đà - Nguyên giống con ba ba mà to hơn, đà giống con cá sâu có vảy.
- Chu ngột - câu không cành. Khang dắt - vỏ trấu.
- Phiệt duyệt - nêu rõ công trạng trên hai bảng rồi treo ở cửa.
- Kháp châu - đếm châu = lần chuỗi.
- Lạp đạp tử - nhóm thóc lại một chỗ để dùng để gia trì.
- Bình hạng - bình đựng rượu. ÁÁ nhi tiếu - cười ha hả.
- Nghiệt-thà - là tiếng Phạm, chà xát tay.

THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 10

Hạn lao - ngâm nước. Cơ cẩn - chết đói.

Lôi đình - sấm sét. Soán đoạt - cướp ngôi.

Đào thoán - trốn tránh, chạy trốn. Giả tử - tên trái cây ăn vào hết khát.

Phát diện - té mặt úp đất. Thị thần - liếm, lấy lưỡi liếm vật.

Quyền thủ - vâng làm, co tay, co quắp. Trớ mạt - nuốt nước bọt, nuốc nước miếng.

****

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN 1

A-xà-lê - tiếng Phạm hoặc A-già-lê, A-tả-lê dịch là Quỉ Phạm Sư là đem phép tắc đúng pháp mà dạy truyền cho đệ tử.

Hòa thượng là tiếng Phạm Ô-ba-địa-da dịch là Cận chứng, nghĩa là vị tôn sư này là nơi đệ tử gần gũi tập tụng. Xưa dịch là thân giáo. Xưa theo tiếng tục gọi là uẩn xả tức nay là Hòa thượng?

Ma-hê-thủ-la - gọi đúng là Ma-hê-thấp-phiệt-la. Ma-hê dịch là đại, thấp-phiệt-la dịch là tự tại thiên, tức đại tự tại thiên vương, tức vị

Thiên vương này ở trong đại thiên giới được rất tự tại.

Xuẩn động - tức loài trùng rất nhỏ biết cục cựa, máy động.

Đồ nhi - kẻ giết mổ sinh vật. Điền lạp - người săn bắt giữ ruộng.

Khôi quái - giết thầy, người cầm đầu hung ác. Ngư bổ - người đánh bắt cá

Đà lư - con lạc đà. Trư cẩu - heo chó.

Ám Á - người câm không nói được. Hy di - vui hòa sướng thích.

Ốt-bát-la - xưa gọi Ưu-bát-la, Âu-bát-la dịch là hoa sen xanh.

Phân-đà-lợi - hoặc Bôn-trà-lợi hoặc Bôn-noa-lý-ca là hoa sen trắng.

Bát-đầu-ma - Ba-đầu-ma, Bát-noa-ma, Bát-đặc-ma, Bát-nạp-ma là hoa sen hồng.

Câu-vật-đầu - Câu-mâu-đầu, Câu-ma-noa, Câu-mổ-đà là hoa sen đỏ.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 2

Bát-đà: hoặc gọi Ba-nại-la dịch là hiền hoặc hiền thiện.

Khắc già - là sông Hằng xuất phát từ ao vô nhiệt não chảy ra biển Nam.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 3

Thẩm Mộ Địa, tiếng Phạm là Tam-bồ-đề tức Chánh Đẳng Giác.

Miên-hàm - tiếng Phạm, bí mật không dịch nghĩa.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 4

Thôi sài - răng hô bày ra. Cao phệ - tiếng chó sủa, tiếng hùng hổ,

gào khóc lớn.

Phủ lạn - rả nát, nát nhừ hôi thúi. Thân phân - rực rỡ, rối loạn.

Bốc thệ - bói toán.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 5

Tỳ-lô-giá-na - gọi đúng là Phệ-lổ-tả-nẳng dịch là quang minh biến chiếu (ánh sáng khắp chiếu) mới dịch là Đại Nhật Như Lai, tức ánh sáng của Như Lai chiếu sáng chỗ tối không cần đèn đuốc.

A-súc - tiếng Phạm là Bất Diệu, hoặc gọi là A-sáp hay Ác-sô, dịch là Vô động, tức tên một vị Phật ở phương Đông.

Lại đọa - lười biếng chẳng siêng chẳng kính.

Kiền-chùy - là tiếng Phạm, dịch là đánh gõ gỗ đá kim loại làm báo hiệu.

Giản trạch - chọn lựa.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 6

Oánh minh - sáng láng, rực rỡ. Triền phược - trói cột, ràng rịch.

Siễm dũ - nịnh nọt. Hưu phế - nghỉ bỏ.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 7

Nhĩ-diễm - tiếng Phạm, tức cảnh của trí biết không phải dự đoán.

Bỉnh hiển - làm sáng tỏ?

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 8

Tế bạt - cứu giúp cứu độ, nhặt hết.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 9

Bức trá - bức bách gấp. Đăng nhập - lên thềm, bước lên, lúa mọc.

ĐẠI THỪA DU GIÀ THIÊN BÁT VĂN THÙ ĐẠI GIÁO VƯƠNG QUYỂN 10

Khỏa hình - ở trần truồng. Tự tế - cúng tế, cúng thần, tế mùa xuân.

Tê phá - bể tiếng, tiếng ngựa hí. Lệ cấp cột thắt, vặn lại.

Để trái - quở trách, khi chê, lấy tiền.

Câu-dư-lê-tử - gọi đủ là Mạt-già-lê Câu-dư-lê-tử, Mạt-già-lê là họ, Câu-dư-lê-tử là tên mẹ. Ngoại đạo này nói khổ vui chẳng do nhân mà do tự nhiên, tức tự khiên ngoại đạo.

Tỳ-la-hoãng-tử - gọi đủ là Sách-xà-tà Tỳ-la-hoãng, Tỳ-la-hoãng là tên mẹ, Sách-xà-tà dịch là Đẳng Thắng. Ngoại đạo này chẳng tu đạo, trải vạn kiếp tự nhiên hết sanh tử như chuyển lâu (lũ) hoàn.

Cưu-đà Ca-chiên-diên - gọi đủ là Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, Ca-la-cưu-đà dịch là hắc cảnh (đảnh núi đen?). Ca-chiên-diên là họ. Ngoại đạo này tùy người mà ứng đáp, như hỏi có thì đáp có, hỏi không thì đáp không.

Phú-lan-na Ca-diếp - Phú-lan-na dịch là mãn Ca-diếp là họ dịch là Qui Thị. Ngoại đạo này cho là không có nhân.

Ni-càn-đà Nhược-đề-tử - Ni-càn-đà dịch là vô kế, Nhược-đề là tên mẹ cũng gọi là Thân Hữu, mệ tên Thân Hữu. Ngoại đạo này cho khổ không có nhân nhất định, nhân ắt phải chịu, không có đạo thì không đoạn dứt được.

A-xà-đà Sí-xá-khâm-bà-la - A-xà-đà dịch là Vô thắng - Sí-xá-khâm-bà-la, thì theo tên này. Ngoại đạo này lấy tóc người làm áo, năm nhiệt nướng mình.

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 5

Quyển 5 này âm nghĩa các quyển sâu đây:

- Tục Âm Tân Dịch Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh hai quyển.
- Đại Oai Lực Ô Khu Sắc Ma Minh Vương Kinh ba quyển.
- Kim Cang Đảnh Chân Thật Đại Giáo Vương Kinh ba quyển.
- Kim Cang Đảnh Tu Tập Tỳ-lô-giá-na Tam-ma-địa Pháp một quyển.
- Kim Cang Khủng Bố Tối Thắng Tâm Minh Vương Kinh một quyển.
- Bất Động Sứ Giả Đà-la-ni Bí Mật Pháp một quyển.
- Phổ Biến Trí Tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh một quyển.
- Quán Tự Tại Đa-la Bồ-tát Kinh một quyển.
- Nhất Tự Kỳ Đặc Phật Đảnh Kinh ba quyển.
- A Lợi Đa La A Lỗ Lực Kinh một quyển
- Kim Cang Đảnh Du Già Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Kinh một quyển
- Để Rị Tam-muội Da Bất Động Sứ Giả Niệm Tụng Kinh một quyển.
- Đại Phương Quảng Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ Ký Kinh một quyển.
- Bồ-đề Tràng Sở Thuyết Nhất Tự Đảnh Luân Vương Kinh năm quyển.
- Thập Nhất Diệu Quán Tự Tại Bồ-tát Bí Mật Nghi Quỉ Kinh ba quyển.
- Xuất Sanh Vô Biên Môn Đà-la-ni Kinh một quyển.
- Đại Cát Tường Thiên Nữ Vô Cấu Đại Thừa Kinh một quyển.
- Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu Kinh một quyển.

- Nhất Thiết Như Lai Kim Cang Thọ Mạng Đà-la-ni Kinh một quyển
- Kim Cang Đảng Du Già Thập Bát Hội Chỉ Qui một quyển.
- Du Già Niệm Châu Kinh một quyển.
- Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tán một quyển.
- Đại Tập Địa Tạng Bồ-tát Vấn Pháp Thân Tán một quyển.
- Kim Cang Đảnh Lý Thú Bát-nhã Kinh một quyển.

Cả hai mươi bốn kinh trên gồm ba mươi bảy quyển đều trong một quyển 5 này.

TÂN DỊCH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA KINH QUYỂN 1

- Hoàng hỷ - Hoàng là lớn, cứu cho chánh. Hoàng hỷ là lớn lao chánh đại thay

Miên lạc - trải lưới, bao gồm hết (?)

La trạo - lưới bắt chim bắt cá.

Vĩnh mạt - Vĩnh là lặn đi. Mạt là bơi trên mặt nước, là bơi lặn.

Ngũ thủy - khí tượng chưa phân gọi là Thái dịch, nguyên khí mới tan gọi là Thái sơ, đầu mối khí tượng gọi là Thái thủy, hình biến thật có gọi là Thái tố, chất hình đã đủ gọi là Thái cực là năm thủy (năm cái bắt đầu).

Triệt chẩm - triệt là trừ bỏ kéo ra. Chẩm là cái gối - bỏ gối.

Át khấu - ngăn giặc, ngăn bạo ác.

Trứ tinh thần - Chư Dịch nói: Trứ minh là nhật nguyệt, trứ mà không dứt là trời, trứ mà không động là đất. Trứ minh là lập, thành Tinh là là các sao, hai mươi tám sao, bảy sao đến một ngàn bốn trăm sáu mươi bốn (1464). Thần là sao Bắc đẩu. Ý phù - là than ôi.

Miễn tầm - là suy tìm. Ba Tư, tức vua Ba-tư-nặc nói tắt, gọi đúng là Bát-la-tdê-na-thệ-đa, dịch là Thắng Quân tức người thỉnh Phật nói pháp, là người nội hộ ngoại hộ.

Vĩnh khư - là rút bỏ mãi. Nãi tân - là bến.

Để du - Đề là màu hồng (đỏ vàng) du là dầu, tức lụa màu hồng để ghi việc. Khiên thường - vén áo.

Đại lộ - Các xe to, tượng trưng cho Thiên tử. Ốc trẩm - tốt đẹp mua lòng ta.

Sắc chuế - đòi hỏi liên tục. Tập dư - nói theo ta - liệm ta.

Chi lại - là ông tiêu, lớn thì có hai mươi bốn ống dài một thước bốn tấc, nhỏ thì có mười sáu ống dài một thước hai tấc, có hai đáy. Hoặc nói là tiêu ba lỗ.

Loan cức - cây loan gai - gai cây loa. Bậc ngã - giúp đỡ tôi.

Lương Bí - là tên một vị Tăng. Thường cổn - tên họ một hàn lâm học sĩ.

Ốc tạm - Cái bảng mỗi bề hai thước để ghi việc. Thúy trách - sâu xa.

Giảo (giác) nhiên - so sánh mà biết. Câu sách - tìm tòi, nhắt lấy.

Niếp kim - đuổi theo vàng, đạp giẫm lên vàng.

- Oán võ - giấu hận trong lòng mà vỗ đánh.

- Chiên mông tuế. Thái tuế ở ngày ất chiên mông ở ngày tỵ thì Thái hoang rơi. Đại Tông Hoàng đế năm Quảng Đức ba Giáp thìn đổi năm đầu Vĩnh Thái thành năm thứ hai tức là năm Chiên Mông vậy. Đến nay là năm Thống Hòa năm Đinh hợi được hai trăm hai mươi ba (223) năm vậy.

Mộc cẩu vinh nguyệt - cây cận (cây dâm bụt) giống cây lý, có hoa như thục quì màu tía sáng nở tối tàn. Hoa này mùa Hạ tháng 05 mới rộ - Nhân Vương Bát-nhã Niệm Tụng Nghi Quỉ có ghi tháng 04 mùa Hạ ở Đào viên dịch kinh này.

Thứ phong - là núi Linh thứ (trên ngọn có nhiều chim Thứu) tiếng Phạm gọi là Kỳ-xà-quật hoặc Cật-lật-đà-la-cự-tra, ở bên thành Vương xá.

Thất-la-phiệt - là nước Xá-vệ, gọi đúng là Thất-la-phiệt-tất-để dịch là Hiểu đạo hoặc Văn vật tức chỗ vua Ba-tư-nặc ở đầu tiên.

- Kỹ nghệ - tài năng, tài nghệ, nghề khéo.

- Tỳ-kheo - tiếng Phạm gọi là Bí-sô, có năm Mục-liên là Bố ma, Khất sĩ, Tịnh mạng, Tịnh giới, Phá ác. Tỳ-kheo ni tức bí-sô nữ.

- Ưu-bà-tắc - tiếng Phạm gọi đúng là Ổ-ba-sách-ca. Ổ-ba dịch là cận, ca dịch là sự, sách dịch là nam. Tức cận sự nam là người nam thọ giới gần gũi phụng sự Tam bảo.

- Ưu-bà-di - gọi đúng là Ổ-ba-tư-ca, tư là nữ, tức cận sự nữ, là người nữ thọ giới gần gũi phụng sự Tam bảo.

Thiệm bộ châu - hoặc gọi Thiệm phù, Diêm-phù-đề, Diêm-phù-lợi, gọi đúng là tiềm mô? - Lập thế A-tỳ-đàm Luận nói có cây Thiệm bộ sanh ở bờ Bắc châu này ở bờ Nam sông Nê-dân-đà-la, tư trung tâm châu này đến bờ Bắc, ở dưới đáy cây này có vàng ròng Thiệm bộ, cây nhân vàng mà được tên, châu nhân cây mà được tên là Thiệm bộ

châu.

Na-dũ-đa - hoặc gọi na-do-tha là số đếm, tức là ức ở cõi này.

TÂN DỊCH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA KINH QUYỂN 2

Sửu giới - là gông cùm (cùm tay là sửu, cùm chân là giới).

Già tỏa - gông cùm xiềng xích, ống khóa.

Kiểm hệ - là kiểm xét, bó buộc, cột trói.

Ma-ha-ca-la - Ma-ha dịch là lớn, ca-la dịch là hắc. Kinh gọi Ma-ha-ca-la là Đại Hắc Thiên Thần. Thần này sắc mây xanh đen, số vô lượng tuổi, có tám tay cầm binh khí khác nhau, xỏ đầu lâu làm chuỗi, dáng điệu giận dữ, dưới có thần đất và nữ thiên hai tay nâng chân.

Sang vưu - ghẻ nhọt ung bướu.

Nhật nguyệt thất (mất) độ - Sầm Tử nói: mặt trời một năm một vòng, mặt trăng một tháng một vòng. Kim Quỉ kinh nói: mặt trăng chủ tai họa, mặt trời chủ phước đức. Lấy ngày Đông chí ở đấu hai mươi mốt độ bốn phần một độ. Ngày Xuân phân ở (?) mười bốn độ, ngày Hạ chí ở Đông tỉnh là hai mươi sáu độ, ngày Thu phân ở Giác hai độ bốn phần một độ. Sau với đây là mất độ.

Bạc thực - là nguyệt thực và nhật thực (mặt trời mặt trăng bị che khuất).

Tuệ tinh - là sao chổi cũng gọi Bột tinh.

Mộc tinh - có sắc xanh, tánh là nhân đi xuôi thì phước, đi nghịch thì tai ương, mười hai năm hết một vòng. Phàm 83,76 năm là hết bảy vòng.

Hỏa tinh - sắc đó, tánh là lễ, chấp pháp. Sáng thì quốc thái dân an, tối thì có binh ngoài xâm nhập. Hai năm đi hết một vòng bảy trăm tám mươi (780) một lần thấy. Bảy 79,37 năm đi hết mười hai vòng.

Kim tinh - là sao Thái bạch, sắc trắng, tánh mạnh mẽ, tượng dũng tướng quân, một năm đi một vòng, hai trăm hai mươi bốn (244) ngày thấy nó hiện ở phương Tây.

Thủy tinh - sắc nó đen, tánh là trí, bốn mùa đều thấy. Sáng nhuận thì trúng mùa dân vui, không thế thì hạn hán.

Thổ tinh - sắc nó vàng, tánh là tín, tượng nữ chủ, đi thuận và sáng

thì có phước, đi loạn sắc đỏ trắng thì thiên hạ có binh đao. Hai mươi chín năm đi nửa vòng, ba trăm bảy mươi tám (378) ngày thấy một lần. 59,17 năm thì hết một vòng, thấy nó ở phương Đông.

Phiếm trướng - phù phiếm, trôi nổi, nước dâng tràn.

Khang dương - Dương cao tột, có hạn hán. Ký tịch - ghi sổ sách.

Giáng chú - mưa phải thời. Hàm thạnh - đầy chật.

****

ĐẠI OAI LỰC Ô KHU SẮC MA MINH VƯƠNG KINH QUYỂN 1

Ma-hê-thủ-la - Đại Tự Tại Thiên Vương là chủ cõi trời Sắc giới.

Ủy trì - đi quanh co, tràn đầy.

Ô-xu-sắc-ma - hoặc Ô-xu-sa-ma dịch là dơ dáy, bất tịnh mới dịch là trừ dẹp giận dữ. Theo Du già thì hiện hai thân mà nhiếp hóa, là một thân đoan nghiêm, và một thân giận dữ khiến sợ.

Tuyến binh - chang dây đo thẳng. Tần túc - buồn rầu.

Quan kiện - cây gài cửa, đóng cửa.

Trịch trục diệp - tên là cây thuốc có độc, tháng ba hái hoa sắc vàng hoặc năm sắc, dê lầm ăn vào đi quanh quẩn mà chết.

Dụng diệp - Bạch Điệp Tây Vức rất chuộng (điệp: áo kép?)

Ban ngân - vết sẹo. Tuần hình - ẩn hình, trốn mất.

Diệp quả - quả là bọc bọc, diệp là lá đồng vàng bạc - mặc áo bằng lá đồng vàng bạc cán mỏng ra.

Chế đế - hoặc gọi Chi đề, dịch là chứa nhóm, tức là tháp miếu có nghĩa là nôi Phật Niết-bàn hay thuyết pháp... mà xây tháp miếu thì nơi ấy là chỗ chứa nhóm phước đức của trời người khiếm mọi người chứa nhóm phước đức.

Tử cảnh - là tên cây thuốc, lấy vỏ cây và lá nấu làm thuốc.

Sảo đạo - là lúa gạo. Ma tra: cây mè gai, vải gai dệt áo.

Cổ dương - con dê đen - cái đùi dê. Giao nha - răng nanh.

Niết xỉ - mòn răng - cắn. Hổ bì quẩn - cái quần da cọp.

Mộc thuyết - cái cọc, cái chốt cửa.

Sách lượng - hủy bỏ, lấy tay nâng vật lên.

Huyễn phích - bịnh sình bụng - kết khối trong bụng.

Nha sí - chim nha, màu toàn đen không đút mồi ngược cho cha mẹ là con nha, đút mồi ngược là con quạ. Lổ thổ - mỏ muối, đất mặn.

ĐẠI OAI LỰC Ô KHU SẮC MA MINH VƯƠNG KINH QUYỂN 2

Xà thuế - vỏ rắn lột. Thấp-phệ-đế - tiếng Phạm vô nghĩa.

Hẩm hẩm - khí từ rún phát ra thành tiếng - ơ?

Tập-phả (cập phụ) - tiếng Phạm vô nghĩa. Sắc giảm - chiết mặn, kiềm.

Bác nga (?) hoặc gọi Bạt-già-phạm, Bạt-già-bạn tức Thế Tôn. Bác nga (?) dịch là Tự Tại Xí Thạnh Đoan Nghiêm.

Đạo cốc cối - là (?). niên bỉ - lấy tay chỉ vật, cầm nắm vật

****

KIM CANG ĐẢNH CHÂN THẬT ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH QUYỂN 1

Tăng phan - cờ phướn bằng tơ lụa. Hàm - tiếng Phạm vô nghĩa.

Ốt-đà-nam - là kệ tụng.

Bạt-chiết-la - hoặc Phiệt-xà-la, gọi đúng là Vãn-mục-la tức Kim cang.

La nhạ - dịch là Vương (vua). Tài phát - mới phát, vừa phát?

KIM CANG ĐẢNH CHÂN THẬT ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH QUYỂN 2

Ứng binh - bắt bẻ, công kích. Điền sức - cái Điền báu làm đồ trang sức. Ác, tiếng chân ngôn, vô lượng.

KIM CANG ĐẢNH CHÂN THẬT ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH QUYỂN 3

Mạn-trà-la - hoặc gọi Mạn-tra-la, Mạn-noa-la dịch là chỗ các Thánh tập hội, nay gọi là Đàn tràng vậy.

Tâm ức - lồng ngực. Tiên-giá-mâu-hàm - tiếng Phạm, vô nghĩa.

Trở hoại - (?) (trở, tự, thư) là hư nát.

Xô trịch - ném đẩy, tay chơi gậy Kim cang.

Tiêu xí - cờ xí nêu lên. Nhược mâu (?) hộc - tức là móc Kim cang có treo khóa chuông chiếp chủng trí.

Nốc-kheo - tiếng Phạm vô nghĩa. Xế-na - tiếng Phạm vô nghĩa.

****

KIM CANG ĐẢNH TU TẬP TỲ LÔ GIÁ NA TAM-MA-ĐỊA PHÁP

Át-già - tiếng Phạm, tức chén đựng đầy nước thơm.

Mạt-lặc-đa - tiếng Phạm, vô nghĩa (Bạt-lặc-đa?).

Thượng ngạc - trên nóc họng. Sa cốc giống lụa mà nhẹ hơn.

Táo khê - chữ chú, vô nghĩa. Cử-đảng, tiếng Phạm là hương thoa.

****

KIM CANG KHỦNG BỐ TỐI THẮNG TÂM MINH VƯƠNG KINH

Cổ độc - chất độc giết người. Tảo quán - tắm rửa, cái chậu tắm?

Yêu thao - dây cột eo, dây cột ủng. Hoa an - chống, vật trong nước.

Sầm việt - mũi nhọn, cái búa bén.

Phủ sóc - dao búa, cái giáo dài.

Tam điềm - là ba thứ tốt lành ngọt ngào tức là Nhũ - Tô - Lạc, Tây Vức rất chuộng.

Cơ trữ - là cái máy dệt vải.

****

BẤT ĐỘNG SỨ GIẢ ĐÀ LA NI BÍ MẬT PHÁP

Ác thú - thú dữ. Long Tưu - Long là rồng, Tưu là tên Thần nước.

Độc tự - Độc là con trâu nghé, Tự là con trâu cái, cũng là thương nuôi.

Bê giảo - Bê là cây tre, giảo là lấy tay khuấy động.

Chỉ phách - ngón tay cái chân cái. Kiếm bả - cầm kiếm, đeo kiếm.

Giải cấu - gặp nhau.

****

PHỔ BIẾN TRÍ TẠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT TÂM KINH

Linh thứu - núi Linh thứu, tức núi Kỳ-xà-quật, trên đỉnh có nhiều chim thứu

Tổng trì - Tổng là họp, đều, khắp, đông. Trì là cầm giữ - tiếng Phạm là Đà-la-ni, dịch là tổng trì: nắm giữ hết.

****

QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT KINH

Miệt-lệ-xa - gọi đúng là Tất-lật-tha dịch là giống hèn hạ, thích nghiệp cấu uế chẳng biết lễ nghĩa cúng tế quỉ thần giết hại lẫn nhau. Tịnh sái - rải nước rửa sạch chỗ đất dơ xấu.

Tát-đà-ba-luân, dịch là Thường Đề.

Nguyệt Yểm - Nguyệt Yểm là tên của Sát Thần. Tháng giêng kiến Dần thì Nguyệt Yểm ở Tuất, ngược đây tháng 12 thì Nguyệt Yểm ở Hợi.

Tổ chức - họp nhau lại để làm một việc. Khoang hoãn mười hai thước là mười hai tháng, rộng ba thước là Thiên, Địa, Nhân tam tài.

La bặc - cây củ cải trắng.

****

NHẤT TỰ KỲ ĐẶC PHẬT ĐẢNH KINH
QUYỂN 1

Mạt-sư-ca-hoa - hoặc gọi Bà-sư-ca-hoa, gọi đúng là Mạt-thâm-sa-ca dịch là Vũ thời hoa. Hoa này sanh vào mùa Hạ, hoa trắng lớn rất thơm, sanh vào giữa mùa Hạ.

Hàm lỗ - nước, đất muối mặn. Mỏ muối.

Cương thạch - Đá giống củ gừng nhưng cứng. Lũ điệp - áo kép bằng tơ lụa.

Ngẫu ty - hoa sen rễ nó có tơ, tơ ngó sen.

Kết lỗ - có nhiều tơ. Phù dung - chưa nở gọi là là phù dung, nở rồi gọi là hạm đạm (hoa sen?).

Niên tiên - nối mối tơ, dệt tơ.

Miến mạch - bột gạo, sợi gạo (miến). Phích lịch - sấm sét.

Hoa bì - Da cây hoa ở nơi rừng tối có hai màu đỏ, trắng, ở Tây Vức rất ưa dùng. Ngật rị đa, tiếng vô nghĩa.

Nha sai - răng so le, chân răng.

NHẤT TỰ KỲ ĐẶC PHẬT ĐẢNH KINH QUYỂN 2

Thiện phùng - may vá, sửa sang.

Tam khuyết - ba cây cọc, ba cây chốt cửa. Chiêm đổ - nhìn thấy.

Lổ-địa-la - tiếng Phạm dịch là máu. Tể tất - xương đầu gối?

Một-lặc-đa - là tiếng Phạm dịch là tử thi.

Ma-nổ-sa - là tên chung của mọi người.

Tử cảnh (?) - là tên cây thuốc. Tây Vức lấy vỏ, lá cây và nhựa cây nấu lên thành thuốc.

Điếm tỏa - khúa cửa không mở.

****

A RỊ ĐA LA A LỖ LỰC KINH

Giác thắng - đấu sức thắng. Phôi oản - ly chén bình bằng đất chưa nung. Du thạch - giống vàng mà không phải vàng Tây Vức dùng thuốc luyện vàng có hai thứ Du thạch thiện và ác không đồng nhau. Ác thì tro trắng tách ra, thiện thì vàng vàng tách ra. Cũng gọi là Chân du không mua vàng là đó.

Niết sóc - nhồi nắn. Tất mễ - lúa gạo tẻ.

Oản đậu - các loại đậu

****

KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT KINH

Một cu-chi - tiếng Phạm là tiếng đếm, dịch là ức. Huỳnh Đế có hai mươi ba số đếm, số ức ở thứ mười bốn. Tức từ vạn trở đi có ba bậc là Thượng, Trung, Hạ tức mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn đều gọi là ức.

Tiêu xí - cờ xí, cờ hiệu phang phưởng. Yêu bạc - xương bả vai.

Oánh triệt - sáng suốt, thấu suốt, mổ cắt năm tạng dê trâu.

Hoa nhụy - nhụ hoa.

****

ĐỂ RỊ TAM MUỘI DA BẤT ĐỘNG SỨ GIẢ NIỆM TỤNG KINH

Để-rị - là tiếng Phạm, dịch là ba. Tức trong kinh này nói ba thứ Tam-muội là Kim cang, Liên Hoa và Phật bộ.

Trách khai - mở banh ra, xé xác. Tiên loan - lấy thế cong (?)

Phược phác - buộc và đánh. Biện phát - kết tóc, bện tóc.

Túc mi - cấp bách, buồn rầu nhíu mày?

A xệ (huyền) - tên khác của con nha, chim lạ, con cú mèo.

Kiểu linh - lông chim kiểu để làm mũ (?)

****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT THỌ KÝ KINH

Tạm thuấn - tạm nháy mắt. Hy di - vui hòa, vui mừng.

****

BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG KINH QUYỂN 1

Mục Kiền Liên - Hoặc gọi Mục Kiện Liên, gọi đúng là Ma-ha Mục-đặc-già-la, dịch là Đại Thái Thục Thị hoặc gọi Lục Đậu Tử, mẹ là Thái (?) đậu do Tiên nhân trồng. Từ mẹ mà được tên. Từ cha mà gọi là Cu-lợi-ca.

Ổ-ba-tắc-ca - tức Ưu-bà-tắc, Ổ.

Hình quả - mắc cá chân

Ba-sách-ca dịch là cận sự nam - người gần gũi phục vụ Tam bảo. Tản cái - tàng lọng, dù che.

Mô-hồ-luật-đa - hoặc gọi Mâu-hô-thám-đa dịch là phần. Cu-xá luận nói một trăm hai mươi sát-na là một đát-sát-na. Sáu mươi đát-sát-na là một lạp-phược, ba mươi lạp-phược là một Mâu-hô-thám-đa là một ngày đêm.

Đoàn loa - hình tròn. Cân mạch - gân cốt và mạch máu

BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG KINH QUYỂN 2

Sa (tha) lủ - sờ nắn tơ lụa. Chức điệp - dệt áo kép, áo bông.

San hô - san hô sanh trong biển sắc đỏ có nhánh không lá.

Quyên hộc - quyên là lụa mềm, hộc là giống lụa mà thưa.

Mãng xa - là rắn rất lớn. Ải trách - chật hẹp.

Thủy điệt - con muỗi - con đỉa. Đà lư - con lạc đà.

Nghị sắt - kiến và chấy rận. Văn manh - ruồi muỗi.

BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG KINH QUYỂN 3

Nhân-mãng-bà - tiếng Phạm dịch là thịt người chưa hư thúi.

Bạc tiệp - (?). Chùy đồng - quả chùy bằng đồng.

Giáp xạ - con thú có xạ hương, con xạ (giống nai mà nhỏ hơn).

Vi tranh - bức họa vẽ khai trương. Đế hy - vui hòa, vui vẻ.

BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG KINH QUYỂN 4

Tất khỏa - xương mắt cá. Như loa - con ốc sên.

Vô hà - ngọc tốt không có tỳ vết. Mộc hoạn - tên cây hoạn.

Hương đảng - người dẫn dắt một nhóm đông người, người cùng một hàng, mười hai ngàn năm trăm (12500) nhà gọi là một hương, đảng trưởng.

Linh vẫn - khiến mất, khiến rơi = sao rơi như mưa.

Tác phược - trói cột. Diệc tịch không biết là con gì đúng - thằn lặn - con chuồn chuồn - con sam.

BỒ ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG KINH QUYỂN 5

Ty thấp - nơi thấp nước thấm ướt. Thông toản - hành và tỏi.

* Kim Cang Đảnh Du Già Phân Biệt Thánh Vị Kinh một quyển

Cảnh giác - báo cho biết trước, đề phòng trước

Năng luy - làm cho gầy ốm, yếu kém. Ứ nê - nơi ứ nước.

****

THẬP NHẤT DIỆU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT BÍ MẬT NGHI QUỈ KINH

Tài thọ - ít, tạm, loài thỏ xảo quyệt (?). Châu chứ - bến nước, cái đảo ở giữa nước.

Loa lịch - bịnh tràng nhạc, nhiều mục ghẻ liền nhau như xâu lục lạc ngựa.

- Thược-vam - chữ Phạm vô nghĩa.

- Ô-sô-sa-ma - hoặc gọi Ô-sô-sắc-ma, dịch là uế tịnh, bất tịnh Khiết Kim Cang tục gọi là Hỏa Đầu Kim Cang.

Linh Đạc là chuông và mỏ (Đạc là cái chuông lớn cái lưỡi bằng gỗ)

Xa lộ - cái xe to là xe của Thiên tử đi.

Tất dịch - tiếng vô nghĩa. Hoán lạn - rất sáng, rất nóng.

Hồng nhi - cầu vòng đực gọi là Hồng, cầu vòng cái gọi là Nhi.

(?) Để lược - liếm lấy.

****

XUẤT SANH VÔ BIÊN MÔN ĐÀ LA NI KINH

Khắc gia sa - cát sông Hằng, cát sông Khắc già. Lạp hiết, chữ vô nghĩa

Do dự - dụ dự chẳng quyết định.

****

ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ VÔ CẤU ĐẠI THỪA KINH

Tỳ-xá- hoặc gọi Phệ xá dịch là giàu có nhiều tiền giao thiệp bậc cao quí gọi là Trưởng giả.

Thủ-đà - tiếng Phạm, gọi đúng là Tuất-đạt-la là dòng họ nông phu cày cấy trồng trọt giàu có

****

ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ MƯỜI HAI DANH HIỆU KINH (1 quyển)

****

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIM CANG THỌ MẠNG ĐÀ LA NI KINH

Hung ức - lồng ngực, bụng dạ

Cự địch - Cự là chống cự, trái nghịch - địch là luôn tự chủ.

****

KIM CANG ĐẢNG DU GIÀ MƯỜI TÁM HỘI CHỈ QUI
(1 quyển)

Tiêu xí - cờ xí, cờ hiệu, phong phướng để tiêu biểu cho vật gì.

Ma-hê-thủ-la - là tiếng Phạm dịch là Đại Tự Tại, tự tên của Thiên Vương Đại Tự Tại trên cõi Sắc Cứu Cánh.

****

* Du Già Niệm Châu Kinh một quyển.
* Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tán một quyển.
* Đại Tập Địa Tạng Bồ-tát Vấn Pháp Thân Tán một quyển.
* Kim Cang Đảnh Lý Thú Bát-nhã Kinh một quyển.

(Bốn quyển trên không có chữ ân nghĩa).

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 6

Quyển 6 này gồm giải thích các chữ trong các quyển sau đây:

- Tục Âm Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh - ba quyển.
- Đại Vân Luân Thỉnh Vũ Kinh - hai quyển.
- Đại Thừa Duyên Sanh đạo Cán Dụ Kinh - một quyển.
- Phật Thuyết Nhương Ngu Lợi Đồng Nữ Kinh - một quyển.
- Nhất Thiết Như Lai Bảo Khiếp Ấn Đà-la-ni Kinh - một quyển.
- Thọ Bồ-đề Tâm Giới Nghi - một quyển.
- Đại Lạc Bất Không Bát-nhã Ba-la-mật-đa Lý Thú Thích - một quyển
- Đại Bảo Quảng Bác Lầu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni Kinh - ba quyển
- Bồ-đề Tràng Trang Nghiêm Đà-la-ni Kinh - một quyển
- Văn Thù Vấn Tự Mẫu Phẩm - một quyển
- Quán Tự Tại Bồ-tát Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh - một quyển
- Phật Thuyết Trừ Nhất Thiết Tật Bịnh Đà-la-ni Kinh - một quyển
- Năng Trừ Nhất Thiết Nhãn Bịnh Đà-la-ni Kinh - một quyển
- Tam Thập Ngũ Phật Lễ Sám Văn - một quyển
- Bát Đại Bồ-tát Mạn-trà-la Kinh - một quyển
- Diệp Y Quán Tự Tại Bồ-tát Kinh - một quyển
- Tỳ Sa-môn Thiên Vương Kinh - một quyển
- Ha Lợi Đế Mẫu Chân Ngôn Pháp - một quyển
- Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỉ Đà-la-ni Kinh - một quyển
- Kim Cang Đảnh Liên Hoa Bộ Tâm Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Kim Cang Đảnh Du Già Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát Niệm Tụng Nghi - một quyển

- Kim Cang Đảnh Thắng Sơ Du Già Phổ Hiền Bồ-tát Niệm Tụng Pháp - một quyển

- Vô Lượng Thọ Như Lai Tu Quán Hạnh Nghi Qui - một quyển

- Kim Cang Đảnh Nhất Tự Đảnh Luân Vương Niệm Tụng Nghi một quyển

- Kim Cang Đảnh Du Già Kim Cang Tát Đỏa Tu Hành Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển

- Kim Cang Vương Bồ-tát Bí Mật Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển

- Nhất Tự Đảnh Luân Vương Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển

- Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Niệm Tụng Pháp - một quyển

- Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển

- A Súc Như Lai Niệm Tụng Pháp - một quyển

- Tối Thắng Vô Tỷ Đại Oai Xí Thạnh Quang Đà-la-ni kinh - một quyển

Ba mươi mốt kinh trên có ba mươi sáu quyển được quyển sáu này giải thích.

PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG KINH QUYỂN 1

Yểm Đào - cầu hết tai ương, cầu được phước đức.

Tư đoạn - (?) Tư là suy nghĩ rình xét, đoạn là dứt, cắt đứt.

Thiết (Thích) Bỉ - là loài trùng độc châm chích vào người.

Mô chỉ - ngón tay cái chân cái. Xà hiết - con bọ cạp.

Tỳ-bát-thi - Hoặc gọi Tỳ-bà-thi, Vi-bát-thi dịch là Thắng Quán Như Lai hoặc gọi Tịnh Quán hay Thắng Kiến hoặc chủng chủng quán quá khứ trang nghiêm kiếp trong Phật (hoặc thấy các Phật trong kiếp quá khứ trang nghiêm?).

Thi khí - hoặc gọi Thức khí Na, dịch là Trì kế hoặc Hữu kế, tức là Trì kế Như Lai.

Tỳ-xá-phù - hoặc gọi Tỳ-thấp-bà-bồ, dịch là Gặp tất cả tự tại nghĩa là đối với tất cả đều được tự tại hoặc gọi Nhất thiết hữu tất cả đều có.

- Câu Lưu Tôn - hoặc gọi Câu Lưu Tần, phải gọi là Ca La Cưu Thổn Đà dịch là chỗ đáng đoạn dứt đã đoạn dứt, tức là Phật đứng đầu của ngàn Phật trong hiền kiếp.

Yết-nhã-ca Mâu-ni - hoặc gọi Câu-na-hàm Mâu-ni hoặc Ca-na-

ca Mâu-ni dịch là Kim Sắc Tiên Như Lai.

Ca-nhiếp-ba - hoặc gọi Ca-diếp-ba dịch là Ẩm Quang, tức họ một nhà. Thích-ca Mâu-ni - Thích-ca là Năng Nhân, Mâu-ni là Tịch Mặc.

Kiều Tháp Ma - xưa gọi là Cù-đàm. Theo Từ Ân Pháp sư dẫn rằng: dòng vua Thích-ca trải nhiều đời nối nhau. Có nghịch tặc cướp ngôi bèn giết hại dòng họ Thích-ca khiến không người nối dõi. Lúc ấy có tiên nhân xem khắp dòng họ còn sống sót có một người phụ nữ có thai sẽ sanh con trai bèn khiến nối dõi. Sau quả sanh một trai bèn đem về nuôi. Vua giặc tìm kiếm để giết. Bèn nhân lúc tiên nhân vắng mặt mà lén bắt đứa con rồi đâm ngang bằng gậy dài (khiến thần dân không có khác). Tiên nhân trở về tìm thấy bèn dùng thần thông cứu, biết mạng không cứu được, bèn hóa mưa nhỏ khiến tỉnh lại, bèn có một người nữ khiến giao hội nếu không nghe thì họ năng dứt mất. Bèn nghe theo lời cha mà giao hội xong thì di thể dính bùn nhơ. Tiên nhân bèn nhặt phân trâu mà chôn để trong vườn Cam giá (mía). Trải mười tháng sáng ấm thì biến thành một trai. Tiên nhân đem về nuôi sau được làm vua từ đó Thích-ca được nối ngôi. Nên Kiều Tháp Ma dịch là dòng họ Cam giá. Hoặc gọi dòng họ mặt trời nung hoặc gọi dòng họ phân trâu, dòng họ bùn dơ. - Khảm quật - là hang hiểm, hồ hiểm.

Bi trì - hay pha trì là vũng chứa nước.

PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG KINH QUYỂN 2

Yết-thử - tiếng Phạm là nước sâu, nước trong.

Miêu-giá - là mầm cây non. Tự từ - cúng tế, nhà thờ đền thờ, nêu lời cầu nguyện cúng tế. Diên di - nước miếng nước mũi.

Giới lại - bịnh ghẻ lỡ cùi hủi.

Trỉ lậu - bịnh ghẻ nhọt ở ruột cùng (hậu môn).

Ung thư - bịnh ung bướu nhọt độc. Sang tiên - bịnh ghẻ lác ngứa ngáy.

Du-thiện-na - tiếng Phạm xưa gọi do-tuần, do-diên, du-xà-na xưa gọi một du-thiện-na là bốn mươi dặm, ở Ấn Độ chỉ có ba mươi dặm còn Thánh giáo chỉ có mười sáu dặm thì đều là một ngày quân đi hoặc một ngày vua đi. Nay y theo Tây Vức Ký thì chỉ có ba mươi dặm là số đo chính thức của ngài Huyền Trang đã trình vua Đường Thái ông

PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG KINH
QUYỂN 3

Vi-bát-thi - hoặc gọi Tỳ-bà-thi như đã giải thích trên.

Yết-câu-thổn-na - hoặc gọi Câu-lưu-tôn hoặc Ca-la-cưu-tôn-đa như giải thích trên.

Diệm ma - hoặc gọi Diêm la dịch là Bình Đẳng Vương tức vua Diêm la tức ở địa ngục coi xét nghiệp sanh tử tội phước, coi tám ngục lạnh, tám ngục nóng trị tội các tội nhân không ngơi nghỉ.

Tác-ha thế giới - xưa gọi Ta-bà thế giới, dịch là Kham nhẫn tức chỗ của Phật Thích-ca ra đời.

Thước-để - tiếng Phạm, tức giáo mác thương kích.

Chỉ cao - mở nhựa như băng tuyết. Phệ thiểm - tiếng vô nghĩa.

****

ĐẠI VÂN LUÂN THỈNH VŨ KINH
QUYỂN 1

Chú vũ - mưa phải thời đúng lúc thấm sanh muôn vật.

Ninh-dân-đạt-la - tiếng Phạm, xưa gọi Ni-dân-đà-la, dịch là trì biên, nghĩa là bảy núi báu, ở ngoài cùng là núi thứ bảy. Đây là theo Huệ Uyển Pháp sư.

Giao long - Giao, giống rắn mà bốn chân, đầu cổ nhỏ, thuộc noãn sanh, có thể nuốt người. Giao cũng thuộc giống rồng. Rồng là loài có vãy, có thể ẩn hoặc hiện, lớn hoặc nhỏ. Xuân phân thì lên trời, thu phân thì xuống vực sâu, biết bay lượn.

Áng-kỵ-la - tức long vương.

ĐẠI VÂN LUÂN THỈNH VŨ KINH
QUYỂN 2

Vân bào - Bào là mưa đá, bào là âm khí chuyên tinh ngưng họp. Dương là mưa, âm khí ngưng lại làm mưa đá. Tòng lâm - rừng rậm, nhiều rừng tụ họp.

****

ĐẠI THỪA DUYÊN SANH ĐẠO CÁN DỤ KINH

Đạo cán - Đạo tức gạo nếp. Cán các cây cỏ
Khiếu khích - là lỗ, lỗ xuyên qua nhìn được.
Ốc nhuận - tưới thấm, thấm ướt.

****

PHẬT THUYẾT NHƯƠNG NGU LỢI ĐỒNG NỮ KINH

Nguyên phúc - Nguyên là nguyên xà thân dài ba, bốn thước có bốn chân, xương sống có kim nhọn như dao bén rất độc, bị cắn nửa ngày thì chết, phúc là phúc xà, trên mũi có kim. Con lớn nặng hơn trăm cân, một tên bản tỷ, một tên phúc hủy.

Nạp thể - tiếng vô nghĩa. Phả lai tiếng vô nghĩa.

Nhĩ đức (đáng?) - đồ trang sức đeo ở lỗ tai.

Bị thích - rắn có độc không nên đụng vào đuôi nó.

****

NHẤT THIẾT NHƯ LAI BẢO KHIẾP ẤN ĐÀ LA NI KINH

Hạo thiên - Đồ ăn ngon (không phải từ thịt cá lúa gạo)
Xẳn (sằng) thảo - cây cỏ tạp. Thổ đôi - đống đất cao, cái gò nhỏ.
Huyền nhiên - Huyền là khóc, lộ sáng.
Anh vũ - loài két, lông xanh mỏ đỏ biết nói tiếng người.
Cụ dục - Con yểng, con cưởng cũng biết nói tiếng người.
Phong sái - ong và bọ cạp. Tàn cái là dù lọng che trên đầu.
Lịch lũ - tức lỗi lịch, loa lịch là bịnh tràng nhạc.

****

THỌ BỒ ĐỀ TÂM GIỚI NGHI (1 quyển)

****

ĐẠI LẠC BẤT KHÔNG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA LÝ THÚ KINH

Trừu tịch - kéo ra ném đi. Hy di - hòa vui, vui vẻ.
Kiêu dật - kiêu ngạo tự lỗi buông lung.
Cước đạp - chân giẫm đạp.
Huy chước - hươi dao chặt đứt.
Trầm luân - chìm đắm, chết chìm.

****

ĐẠI BẢO QUẢNG BÁC LẦU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT ĐÀ LA NI KINH (1 quyển)

Bộc lưu - thác nước dữ dằn.

Tủng thụ - sợ sệt lông dựng đứng, sởn tóc gáy.

Phỉ báng - chê bai, chửi rủa.

Khôi quái - giết người và đứng đầu hung ác.

Lung hát - điếc và mù. Ẩu á - còng lưng và câm, nói không được.

Văn mạnh - muỗi mòng ruồi nhặng.

Phi nga - bướm đêm. Lũ nghị - dế kiến, kiến mối.

Lâm lị - bịnh lâm là cuống dái lở loét, đi tiểu rất khó rất đau. Bịnh lị là kiết lị, mót rặn mãi.

Trỉ bịnh - bịnh trĩ, lỗ đít bị nhọt rất đau.

Lũ sang - là bịnh nhọt lở, nhọt rò rĩ mãi chẳng khỏi.

Bể hỉnh - là đùi vế và ống chân.

Lỗi lịch - hay loa lịch à bịnh tràng nhạc, cổ có nhiều ghẻ nhọt như xâu lục lạc ở cổ ngựa.

Giới tiên - là bịnh ghẻ lác ngứa ngáy. Báo lại - là bịnh ghẻ phỏng cùi hủi.

Ưu-đàm-bát-la - gọi đúng là Ô-đàm-bát-la, dịch là hoa trời điềm lành - tức hoa Ưu-đàm, hoa này khi có Như Lai ra đời thì mới xuất hiện vì có phước đức lớn.

Chế để - hoặc gọi là Chế đa, Chi đề là tháp miếu, chùa tháp.

Nê niết - là nhồi nắn bùn đất làm tượng.

Sáp tiển là cấm tên vào - Niên thành là tiếp nối xong xuôi.

Yểm Đào - là khấn vái cầu giảm tai ương, cầu được phước đức.

Phúc võng - là nan bánh xe. Miêu giá là mầm lúa non, mầm mống.

Đam thị - là ham thích, mê đắm. Huyên lại là ồn ào, không yên tĩnh.

Hoàn xuyến - Hoàn là vòng tròn, xuyến là vòng đeo cườm tay.

Phẩu địa - té ngã xuống đất.

Xách khai - mở ra, xé rách.

****

BỒ ĐỀ TRÀNG TRANG NGHIÊM ĐÀ LA NI KINH (1 quyển)

Phiệt-la-ni-tư - hoặc gọi Bà-la-ni-tư tức nước Ba-la-nại.

Du-thiện-na - hoặc gọi Du-xà-na, tiếng Phạm. Xưa gọi là Do-tuần gọi đúng là Du-thiện-na, tức là khoảng đường vua đi trong một ngày. Có số là bốn mươi dặm hoặc ba mươi dặm, hoặc mười sáu dặm xét theo Tây Vức Ký thì là ba mươi dặm, do ngài Huyền Trang trình với vua Đường Thái Tông.

Hoa Bì - tên loại cây dùng làm đuốc rất sáng.

Luân đường - là cây cột trên đầu tháp trên đầu có mâm hứng sương?

Quân đình - là quân bình, đều nhau.

****

VĂN THÙ VẤN TỰ MẪU PHẨM (1 quyển)

****

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT THUYẾT PHỔ HIỀN ĐÀ LA NI KINH (1 quyển)

Tài văn - mới nghe, vừa nghe.

Ma môn - sờ mó, nắm bắt.

****

PHẬT THUYẾT TRỪ NHẤT THIẾT TẬT BỊNH ĐÀ LA NI KINH (1 quyển)

Đàm ấm - bịnh về đàm ẩm. Trỉ bịnh - bịnh trỉ, nhọt ở đít.
Thấu ngược - bệnh ho ở cổ họng và sốt rét (lao phổi)

****

BA MƯƠI LĂM PHẬT LỄ SÁM VĂN (1 quyển)

****

NĂNG TRƯ NHẤT THIẾT NHÃN BỊNH ĐÀ LA NI KINH (1 quyển)

Ế mô (mạc) - mắc có màng không thấy được.
Nhãn mạch - mạch máu của mắt.

****

BÁT ĐẠI BỒ TÁT MẠN TRÀ LA KINH (1 quyển)

Mạn-trà-la (đàn tràng) - tiếng Phạm, hoặc gọi Mạn-noa-bải, Mạn-noa-(?), Mạn-trà-la, dịch là chúng tụ tập hội tức cái mã?
Thác bát - đưa tay nâng bát lên.
Tam giới minh - ba cõi tối đen.

****

DIỆP Y QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT KINH (1 quyển)

Chú trớ - chú là nói lời thiện ác, Trớ là khiến việc làm của người bị trở ngại.
Việt phủ là lưỡi búa - Đạp xứ - là chỗ giẫm đạp.
Thượng tuyên - khắc bản in. Phấn niết - nhồi nắn bột

****

TỲ SA MÔN THIÊN VƯƠNG KINH (1 quyển)

Ty-sa-môn - Tiếng Phạm, hoặc gọi Tỳ-xá-la-bà-noa, hoặc Phệ-thất-la-mạt-noa dịch là khắp nghe hoặc đa văn vua có nhiều vật báu nhiều người khắp nghe. Thống lãnh dược xoa La-sát - Dược-xoa dịch là làm hại người.

Chấn-đa-ma-ni, hoặc Chân-đa-ma-ni tức châu Như ý (châu ma-ni).

****

HA RỊ ĐẾ MẪU CHÂN NGÔN PHÁP (1 quyển)

Ha-rị(lị)-đế - tiếng Phạm hoặc gọi Ha-rị-để dịch là hoan hỷ hoặc Thiên mẫu.

Đoạn tự - dứt đầu mối sợi tơ.

Cam thúy - cam chịu yếu ớt (?).

****

CỨU BẠT DIỆM KHẨU NGẠ QUỈ ĐÀ LA NI KINH (1 quyển)

Châm phong - mũi nhọn cây kim - cây kim nhọn.

Khô tiêu - đốt cháy đen.

****

KIM CANG ĐẢNH LIÊN HOA BỘ TÂM NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Hộ xu - chốt gài cửa. Tả thư - cái chiếu trải ngược

Xế khai - kéo ra, rút ra. Xô trịch - lấy ngọn tay móc ra.

Hẩm thủ - cảm động, lay động.

****

KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Trầm nịch - chết đuối, chết chìm. Xế phách - kéo vỗ
Đỏa kích - đáng gõ. Hạ thảm - tiếng vô nghĩa.
Cốc hương - tiếng vang trong hang trống.
Sách khai - mở ra. Bất đạn - không kiêng sợ.
Việt phủ - lưỡi búa. Kê nhạn - loài già chim, chim nhạn.

****

KIM CANG ĐẢNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

A-súc-bệ - (cũng gọi là Ác-sô-tỳ-dạ) dịch là Vô Động Như Lai.
Kha tuyết - ngọc Kha quí trắng như tuyết không tỳ vết.
Loan cung - giương cung bắn tên.
Không gầu - một loại nhạc khí (như ống trúc thổi hơi)
Hệ tác - nhặt ra, tháo dây ra.

****

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI TU QUÁN HẠNH NGHI QUI (1 quyển)

Mao tiến - dâng cơ tranh lên. Bi cước - chân thấp, chân ngắn.
Chỉ kiểu - (chỉ dước?). Chỉ rõ (?) không có lầu.
Tường hình - xây vách (?). Xa lộ - xe to thiên tử đi

****

KIM CANG ĐẢNH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Cố lấn - keo kiệt lắm, bỏn xẻn bền chắc.
Đậu khấu - tên cây thuốc, cay thơm ăn vào ích khí hết đi tiêu rót.
Đẳng địch - giao động và rửa sạch. Thiền quyên - cô gái đẹp.
Bí bột - ?. Ương cửu - tai ương, tội lỗi.
Tiện thát - roi giọt đánh người. Kháp châu - lần chuỗi, lấy móng tay bấm vào hạt châu, hạt chuỗi.

KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ KIM CANG TÁT ĐỎA NGŨ BÍ TU HÀNH NIỆM TỤNG NGHI QUI (1 quyển)

Giả tạ - nhờ cậy. Điều trịch - điều hòa chơi, ném đi.
Trí khóa - đặt dưới háng.

****

KIM CANG VƯƠNG BỒ TÁT BÍ MẬT NIỆM TỤNG NGHI QUI (1 quyển)

Tần mi - nhíu mày. Phi quần - cái quần tơ lụa
Ngẩu tơ - tơ ngó sen, rễ sen.
Tân phân - rối loạn, lớn, nhiều hình dạng.

****

NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG NIỆM TỤNG NGHI QUI (1 quyển)

Tinh thụ - tinh là đứng một mình, thụ là trẻ con chưa đội mũ?
Võng quyết - cái chốt lưới bắt cá.
Cảnh mạch - tua nhọn của lúa, bông lúa nhọn.
Tuế ích - hơi ợ ở yết hầu. Khái thấu - ho

****

THÁI HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Phản túc - hai ngón tay bắt ấn ngược nhau (tréo nhau)
Bình chi - ? kéo dây mực (?)
Bị cước - chân thấp, chân ngắn, không có lầu (?)
Biệt tả chỉ - bẻ ngược ngón cái bắt ấn.
Vì sao (tiêu?) - cái bao gươm, bao kiếm
Bàn ư - rồng còn núp chưa bay lên

****

A SÚC NHƯ LAI NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Mãng mạc chỉ (kỷ?) - Mạc kế, mạt kê là tên Kim Cang Bộ Mẫu.
Hách dịch - làm oai, làm lớn.

****

TỐI THẮNG VÔ TỶ ĐẠI OAI ĐỨC KIM LUÂN PHẬT ĐẢNH XÍ THẠNH QUANG ĐÀ LA NI KINH (1 quyển)

La-hầu - tiếng Phạm, hoặc gọi Bãi hộ, che ánh sáng mặt trời.

Kế-đô - tiếng Phạm hoặc gọi Kê đẩu, cũng là che sáng La-hầu, Kế đô luôn luôn ẩn chẳng hiện gặp nhật nguyệt thì nhật thật che sáng nguyệt thật.

Tuệ bột là sao chổi.

Thái bạch - Thái bạch là sao Kim tinh, tên Trường canh, đi một trăm dặm sắc nó sáng trắng. Tượng trưng cho tướng quân ra vào tuần hoàn tra xét, một năm đi hết một vòng không quá năm độ.

Hỏa tinh - một tên là Oánh là Hỏa phương Nam, là phạt tịnh đi bảy mươi dặm sắc nó sáng đỏ, hai năm đi hết một vòng trời, là hung sao.

Trấn tinh - là trung ương Thổ tinh đi năm mươi dặm, sắc nó vàng, đi rất chậm hai mươi chín hết một vòng trời, là tinh chất của vạn vật.

Phẩn nộ - giận, dữ. Tượng Kim cang đảnh Du già kinh nói: chư Phật Bồ-tát y theo 2 thứ luân mà hiện thân có khác nhau. Một là pháp luân hiện thân chân thật tu hành nguyện báo được thân - hai là dạy khiến luân hiện thân giận dữ mà khởi đại bi hiện oai mạnh mẽ.

Thiết đốt lỗ - hoặc gọi Tốt-đổ-lỗ tức là kẻ thù của tất cả pháp thiện. Yểm đào - tức khấn cầu giảm tai ương, cầu được phước đức. Chú trớ - chú là lời nói thiện ác (lời nguyền rủa cầu xin). Trớ là lời khiến người làm việc có trở ngại.

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 7

Quyển 7 này giải thích ba mươi bảy bộ gồm bốn mươi mốt quyển như sau:

- Tục Âm Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển
- Du Già Liên Hoa bộ Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Kim Cang Đảnh Du Già Hộ Ma Nghi Quĩ - một quyển
- Quán Tự Tại Đa La Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển
- Quán Tự Tại Như Ý Luân Bồ-tát Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Cam Lộ Quân Trà Lợi Bồ-tát cúng dường Niệm Tụng Nghi - một quyển
- Ba Mươi Bảy Tôn Lễ Sám Văn Nghi - một quyển
- Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Tán Pháp Thân Lễ - một quyển
- Đô Bộ Đà-la-ni mục - một quyển
- Kim Cang Thọ Mạng Đà-la-ni Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Đại Phương Quảng, Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp Giới Bốn Mươi Hai Tự Quán Môn - một quyển
- Quán Tự Tại Bồ-tát Chân Ngôn Quán Hạnh Nghi Quĩ - một quyển
- Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Phật Sát Công Đức Trang Nghiêm Kinh - ba quyển
- Đại Lạc Kim Cang Tát Đỏa Tu Hành Nghi Quĩ - một quyển
- Thành Tựu Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Vương Du Già Nghi Quĩ - một quyển
- Đại Lạc Xoa Nữ Hoan Hỷ Mẫu Tinh Ái Tử Thành Tựu Pháp - một quyển
- Kim Cang Đảnh Du Già Kim Cang Tát Đỏa Niệm Tụng Nghi - một quyển
- Phổ Biến Quang Minh Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại

Tùy Cầu Đà-la-ni Kinh - hai quyển

- Thánh Ca-ni Phẩn Nộ Kim Cang Đồng Tử Thành Tựu Nghi Quĩ Kinh - ba quyển
- Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Giáo Vương Kinh Kim Sí Điểu Vương Phẩm - một quyển
- Ngũ Tự Đà-la-ni Tụng - một quyển
- Bất Không Quyên Tác Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn Kinh - một quyển
- Kim Cang Đảnh Siêu Thắng Tam Giới Văn Thù Ngũ Tự Chân Ngôn Thắng Tướng - một quyển
- Kim Cang Thủ Quang Minh Vô Động Tôn Đại Oai Vệ Vương Niệm Tụng Nghi - một quyển.
- Quán Tự Tại Đại Bi Thành Tựu Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Quán Tự Tại Như Ý Luân Du Già - một quyển
- Tu Tập Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát Quán Hạnh Niệm Tụng Nghi - một quyển
- Kim Cang Đảnh Tha Hóa Tự Tại Thiên Lý Thú Hội Phổ Hiền Nghi Quĩ - một quyển
- Mạt Chi Đề Ba Hoa Linh (mau) Kinh - một quyển
- Kim Luân Phật Đảnh Yếu Lược Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Nghi - một quyển
- Du Già Kim Cang Đảnh Thích Tự Mẫu Phẩm - một quyển
- Đại Thánh Thiên Song Thân Tỳ-na-dạ-ca Pháp - một quyển
- Nhân Vương Bát-nhã Đà-la-ni Thích - một quyển
- Kim Cang Đảnh Du Già Giáng Tam Thế Cực Tam Mật Môn - một quyển
- Đại Thừa Duyên Sanh Luận - một quyển

NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT NIỆM TỤNG NGHI QUI (1 quyển)

Toản lịch - dây lụa đỏ cột lại, biên tập.

Nải tích - vua bèn mời đến. Lương bí - tên của vị Sư dịch Nhân Vương Kinh.

Thường cổn - áo lễ phục của vua, áo cổn, Thường Cổn là tên họ Nhuận của Hàn Lâm Học Sĩ.

DU GIÀ LIÊN HOA BỘ NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Hộ xu là then gài cửa - Trụ ngạc - cửa sông
Bịch khai - mở ra, bửa ra. Liên tỏa - khóa liền nhau.

****

KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ HỘ MA NGHI QUĨ (1 quyển)

Trì thêu - vác mai. Tôn cứ - ngồi xoạc chân ra.
Khuất lâu thảo - giống mầm cỏ tranh vắng mà mọc lan ra.
Cán nhất tiêu - cái muỗng múc nước (?) cái máng tháo nước?

****

QUÁN TỰ TẠI ĐA LA NIỆM TỤNG NGHI QUĨ (1 quyển)

A-xà-thế - tiếng Phạm, À-già-lê, gọi đúng là A-chiết-lý-da dịch là Thần giáo, tức hay dạy trao các học sinh khác.

Tề yêu - xương sống, eo lưng. Nhị không - hai không, hai ngón tay cái.

****

QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Hổ lang - cọp sói. Già tỏa - gông cùm (gông ở cổ cùm ở chân).
Chỉ kiểu - (chỉ dước?) - Chỉ rõ.

****

CAM LỘ QUÂN TRÀ LỢI BỒ TÁT CÚNG DƯỜNG NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Tẩy địch - rửa sạch, dẹp sạch. Khiên cửu - tội lỗi, tai ương.

Linh đạt - chuông mỏ. Linh là cái chuông nhỏ, đạt là cái chuông cái dái bằng gỗ.

Giá ngự - tiết chế cả phương xa.

Ô-xu-sắc-ma - tiếng Phạm, Ô-xu-sa-ma xưa dịch là Uế Tích Kim Cang. Lời phương Bắc có lỗi như chê hủy các Thánh. Mới dịch làm bậc tôn quí để trừ uế phẩn nộ. Nghĩa là lấy Tuệ Kim Cang hiện ra thân oai vệ giận dữ để hàng phục các loài hữu tình khó điều phục.

Ngạo đảng - tự cao và nói dối. Xú uế - hôi hám, hôi thúi.

****

BA MƯƠI BẢY TÔN LỄ SÁM VĂN NGHI (1 quyển)

Diệu phim - Thường, đếm? - Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Tán Pháp Thân Lễ - một quyển

Ngự vũ - là hoàn vũ, lớn, ở một bên (bên cạnh?)

Ốc đảng - Ốc là rót, địch - rửa sạch, lay động.

****

ĐÔ BỘ ĐÀ LA NI MỤC (1 quyển)

Bành Địa - mở mang, cao vót văn kinh (?)

Vô-ma-hô - tiếng Phạm dịch là diệu tý

****

KIM CANG THỌ MẠNG ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Ma-hê-thủ-la - tiếng Phạm dịch là Đại Tự Tại Thiên Sắc Cứu Cánh.

Ốt-tô - Ốt là những vật vào nước, Tô là làm Tô.

Trịch ư - ném đi.

****

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH NHẬP PHÁP GIỚI BỐN MƯƠI HAI TỰ QUÁN MÔN (1 quyển)

Đã tự giải thích bốn mươi hai tiếng Phạm không ghi ra đây.

****

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM CHÂN NGÔN QUÁN HẠNH NGHI QUĨ (1 quyển)

Thân bí - cáo áo áp vai của con gái khi về nhà chồng.
Khinh hộc - hộc là giống lụa mà mịn hơn.
Giao phùng - may khâu vào nhau, chấp vá.

****

ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM KINH QUYỂN 1

Môn khổn - cây chận cửa, cây gài cửa.
Thương khư - được (?), tức chỗ thổi pháp được ?
Trừng túy - nước lắng trong suốt.
Xa-ma-tha - tiếng Phạm dịch là Chỉ, tức tâm tịch tịnh tức Định.
Phi hoàn - lấy thân mặc xuyên áo giáp.
Cảnh khái - ho, hoặc tiếng một nhạc khí.
Biến môn - sờ mó, cầm nắm khắp
Hiểm bỉ - chỗ gian dối nguy hiểm
Thô quanh - kẻ dữ chớ nên gần.

ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM KINH QUYỂN 2

Điền sức - cái hoa bèo làm bằng vàng là đồ trang sức của phụ nữ.

Chuẩn thằng - mực thước phải noi theo.
Hy di - vui hòa, vui vẻ.

ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM KINH QUYỂN 3

Tô-di-lự - xưa gọi là Tu-di, dịch là núi Diệu cao.

Du-thiện-na - xưa gọi là do-tuần, hoặc Du-xà-na, là khoảng xa của Thánh vương đi trong một ngày, tức (?) dặm, mười sáu dặm hoặc ba mươi là của ngài Huyền Trang trình lên vua Đường Thái Tông.

Bì yểm - mỏi mệt, biếng lười.

Ma-già-đà - tiếng Phạm, hoặc gọi Ma-kiệt-đà hay Ma-kiệt-đề hoặc Hắc-kiệt-đề, dịch là Vô Độc Hại. Nước này không giết người, nếu ai phạm tội chết thì đưa vào núi Tuyết. Nước này thống lãnh các nước khác ở Ấn Độ lại dịch khắp thông tuệ vì nước này có nhiều người thông tuệ.

Nhất bà ha - là đấu nhau.

****

ĐẠI LẠC KIM CANG TÁT ĐỎA TU HÀNH NGHI QUĨ (1 quyển)

Trí khố - để dưới hang. Trắc lệ - vặn bẻ qua một bên.
Loan cung - kéo cong cây cung, bắn tên.
Không hầu - tên một nhạc khí thổi.

****

THÀNH TỰU DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VƯƠNG DU GIÀ NGHI QUĨ (1 quyển)

Du-già - tiếng Phạm, gọi là Du-kỳ, Dữu-ngạ dịch là Tương ưng.

Xét Đại luận nói có bốn thứ tương ưng là Thừa tương ưng, Cảnh tương ưng, Hạnh tương ưng, Quả tương ưng.

Ký phiệt - một giống rau thơm (?) (phân phiệt giống thì là).

Xa-ma-tha - tiếng Phạm dịch là chỉ.

Tỳ-bát-xá-na - tiếng Phạm, dịch là Quán. Chỉ là Định, Quán là Tuệ.

Châu chứ - châu là có thể ở trong nước, chỉ tức các bãi nhỏ giữa sông, châu chứ là đất ven bờ nước.

Khiếm hãm - thiếu kém, tiêu mất.

Điệm hạ - yếu kém, thấp xuống.

Tạp sáp - trồng cắm các thứ tạp nhạp.

****

ĐẠI DƯỢC XOA NỮ HOAN HỶ MẪU TINH ÁI TỬ THÀNH TỰU PHÁP (1 quyển)

Chân Đa-ma-ni - tiếng Phạm hoặc gọi chấn Đa-mạt-ni, thật Đa-ma-ni tức là châu như ý, châu ma ni.

Tự ngưu - con trâu cái. Cam thúy - thịt người chết rắn lại chưa hư miệng ngậm câm?

Mộng mị - ngủ nghê - mị thì ngủ mà có thứ. Mộng là nằm mơ do ngày tháng mà đoán kiết hung mồng 01 là chánh, mồng 02 (?), mồng 03 là lo (tư), mồng 04 là ngộ, mồng 05 là mừng, mồng 06 là sợ. Mị là dứt.

Lỗ-địa-la - tiếng Phạm là máu.

Khích tống - (?).

****

KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ KIM CANG TÁT ĐỎA NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Măng tự - tiếng vô nghĩa. Măng là hình ảnh do tiếng Phạm, cẳng là tiếng vô nghĩa.

Tiệp nhuận lông mi - máy động - máy mắt?

****

PHỔ BIẾN QUANG MINH VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KINH QUYỂN 1

Da-thâu-du-đà-la - tiếng Phạm hoặc gọi Da-tu-ất-đạt-la, gọi đúng là Dĩ-tuất-đa-la, tức là trì hưởng (nghe ? (tạp?) tiếng vang?)

Niết tổn - cắn đứt.

Phiệt-la-nại-tư - hoặc gọi Ba-la-ni-tư hoặc Ba-la-nại, là tên một nước cổ Tây Vức.

Lôi điển - sấm sét. Tích lịch - sét đánh bất ngờ.

Văn manh - muỗi mòng ruồi nhặng. Hoàng trùng - tên một loài sâu hại lúa.

Hạn lạo - hạn hán và ngập lụt.

PHỔ BIẾN QUANG MINH VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KINH QUYỂN 2

Việt phủ - lưỡi búa. Cảnh ngạc - sợ hãi kinh ngạc.

Phích địa - là đánh vỗ, gõ. Thiêu mạch là vượt qua.

****

THÁNH CA NI PHẪN NỘ KIM CANG ĐỒNG TỬ THÀNH TỰU NGHI QUĨ QUYỂN 1

Phược phác - trói cột và đánh đập. Càn táo - khô ráo.

Tô-ma-hô - tiếng Phạm dịch là Diệu tý (cánh tay cao quí)

Khưu dẫn - con giun. Ngưu niệu - nước đái trâu bò.

Bác dung - tay chân của người làm thuê, tay chân tầm thường (?)

Binh thoán - chạy trốn mất

THÁNH CA NI PHẨN NỘ KIM CANG ĐỒNG TỬ THÀNH TỰU NGHI QUĨ QUYỂN 2

Yêu thảo - lấy tơ dệt thành dây, là cái quai thao.
Ốt-lỗ-địa-la - tiếng Phạm dịch là máu.
Tự hoại - hư nát. Ngoan đà - con giải và con giống cá sấu.
Qui miết - rùa và ba ba. Cấm khẩu - miệng không nói được.
Hoa bì - là da cây hoa, làm đuốc cháy rất sáng.
Man đằng - dưa mọc lên, tức cây đằng la.

THÁNH CA NI PHẨN NỘ KIM CANG ĐỒNG TỬ THÀNH TỰU NGHI QUĨ QUYỂN 3

Sở niết - chỗ cắn, bị cắn. Khu tẩn - chạy vội, đuổi theo, đuổi đi.

Tam (tham?) tử - đầu cắm ?. Tiển tộc - cáo mũi nhọn bịt đầu mũi tên.

Cước xác là xiềng chân.

****

THÁNH DIÊM MẠN ĐỨC CA OAI NỘ VƯƠNG LẬP THÀNH ĐẠI THẦN NGHIÊM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Sóc ấn - cái mâu dài trượng tám gọi là sóc. Ấn là cái ấn phù, ấn tín.

Huỳnh hoặc nhật - là sao Hỏa tinh tụ nhật - có tên khác là phạt tinh đường kính bảy mươi dặm sắc nó sáng tỏ, đi hai năm hết một vòng trời.

Xả-đô-lô - tiếng Phạm hoặc gọi Xuất-đổ-lổ hay Thiết-khuất-lỗ dịch là oan gia (kẻ thù).

****

VĂN THÙ SƯ LỢI CĂN BẢN GIÁO VƯƠNG KINH KIM SÍ ĐIỂU VƯƠNG PHẨM (1 quyển)

Tiêu xí - cờ xí phướn bằng cờ lụa.
Tiển sái - rải tưới, nước nước. Ý dĩ - hạt bo bo.
Anh thiêu - đốt sáng.

****

NGŨ TỰ ĐÀ LA NI TỤNG (1 quyển)

Tủng lặc - sợ run, sợ lắm. Thể khấp - khóc lóc.
Thử-na - tiếng Phạm, là nước trong.

****

BẤT KHÔNG QUYÊN TÁC ĐẠI QUÁN ĐẢNH QUANG CHÂN NGÔN KINH (1 quyển)

Xà-yết - rắn rít trùng độc.
Mễ-đà-là - tiếng Phạm là thảy người chết.

****

KIM CANG ĐẢNH SIÊU THẮNG TAM GIỚI VĂN THÙ NGŨ TỰ CHÂN NGÔN THẮNG TƯỚNG (1 quyển)

****

KIM CANG THỦ QUANG MINH VÔ ĐỘNG TÔN ĐẠI OAI NỘ VƯƠNG NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Toán sở - bịnh đau xương, phong thấp.

Phù dung - tức là hoa sen, nhưng khi sen chưa nở thì gọi là phù dung khi nở rồi thì gọi là hàm đạm.

Bà-ngạ-sưu - tiếng Phạm, xưa gọi là Bà-già-phạm, Bà-già-bà, hoặc Bà-già-bạn, tức là Thế Tôn.

Thước-ngật-để - tiếng Phạm, dịch là kích cầm ở tay. Thước-ngật-

để tức là Oai Nộ Vương cầm cây kích dài ở tay.

Phược-nhật-la - tiếng Phạm, xưa gọi Phạt-xà-la, Bạt-chiết-la, dịch là Kim cang, hoặc Vô Động Tôn Sở Trì Kim Cang Trì là đó.

****

QUÁN TỰ TẠI ĐẠI BI THÀNH TỰU LIÊN HOA BỘ NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Khang bỉ - vỏ trấu. Cức thứ - gai nhọn.
Trương tai - Trương là cánh tay, tai là gò má.
Tiển túc - Tiển là đạp chân xuống, túc là dỡ chân lên.
Ưng đạp - bước đi là chân đạp, ưng đạp là bước đi
Ôi bội - là tơ năm sắc ngọc bội
Hương nhuy (tuy) - dây léo mũ thơm tho.
Phân uân - phân là khí xấu, uân là khí trời đất hòa hợp (khí tốt)
Hoàn giáp - đeo vòng vàng, vàng xỏ lỗ tai?

****

QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN DU GIÀ (1 quyển)

Nhàn (gian) cốc - gian là khe hẹp có nước. Cốc là hang núi.
Khỏa hình - trần truồng.

****

TU TẬP BÁT NHÃ BA LA MẬT BỒ TÁT QUÁN HẠNH NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Xế kích - kéo đánh.

****

KIM CANG ĐẢNH THA HÓA TỰ TẠI THIÊN LÝ THÚ HỘI PHỔ HIỀN NGHI QUĨ (1 quyển)

Ngẫu ti - tơ ngó sen. Giáp thao - là áo giáp và dây thao tơ (tức quan vũ quan văn?)

****

MẠT LỴ CHI ĐỀ BÀ HOA MAN KINH (1 quyển)

Chỉ giảo - chỉ là ngón tay. Giảo là quậy, khuấy, lấy ngón tay khuấy là chỉ giảo

Cấp-thạp - tiếng Phạm là ngựa chạy nhanh.

Hộc thọ - tên cây hộc, là giống cá tòng mà nhỏ hơn.

****

- KIM LUÂN PHẬT ĐẢNH YẾU LƯỢC NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

- ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG HỌA TƯỢNG ĐÀN NGHI (1 quyển)

- DU GIÀ KIM CANG ĐẢNH THÍCH TỰ MẪU PHẨM (1 quyển)

(Ba quyển trên không có chữ để giải thích)

****

ĐẠI THÁNH THIÊN SONG THÂN TỲ NA DẠ CA PHÁP (1 quyển)

Tỳ-na-dạ-ca - tiếng Phạm, dịch là Chướng Ngại Thần, nghĩa là hiện thần đầu người có thể chướng ngại tất cả các sự nghiệp thù thắng.

Đồng thược - cái muỗng bằng đồng.

Quan (loan?) Du - dầu quan? La Bặc - củ cải trắng.

****

- NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ ĐÀ LA NI THÍCH (1 quyển)

- KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ GIÁNG TAM THẾ CỰC TAM MẬT MÔN (1 quyển)

(hai quyển trên không có chữ giải thích).

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 8

(Quyển 8 này giải thích tất cả hai mươi quyển về Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Dược Sự).

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 1

- Nuy huỳnh - bịnh gân thịt mềm nhũn không cử động được.
- Tiêu tụy - tiều tụy, ốm gầy sầu buồn xấu xí.
- Anh áo - tên một loại cây leo, trái giống nho màu đen ăn được.
- Tồng lư - tức cây phanh lư hay bình lư, giống cây dừa.
- Dà tử - cây dừa, trái nó đựng đồ được.
- Xương bồ - cây thuốc xương bồ.
- Cảnh mạch dức - vỏ trấu, lúa hoang (?)
- Giang độn - một loài cá lớn ở biển, xuất hiện thì liền có sóng to
- Giao ngư - cá giao. Sang giới - vết thương, ghẻ lở.
- Cuồng-bà - tiếng Phạm, tên trái cây.
- Tao-tỳ-la - tiếng Phạm là nước đã lọc qua lượt.
- Đinh quyết - cây cọc, đóng đất là cọc, đóng gỗ là đinh.
- Ẩu nghịch - nôn ói, mửa ra. Dức thượng - trên đóng cọc, trên cây cọc?
- Gia ti - của cải trong nhà.
- Ô-ba-đà-la - tiếng Phạm hoặc gọi Úc-ba-đệ-da, dịch là cận tụng, cũng là thân giáo sư hoặc gọi là Hòa thượng (hay A-xà-lê?) là các đệ tử nhỏ tuổi phải nương theo các vị này mà tu học.
- Cắt cổ (bệ?) - cắt xẻ đùi vế. Cơ cẩn - đói kém, chết đói.
- Oản cắt - cắt khoét.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ
QUYỂN 2

Yết-lan-đạc-ca - tiếng Phạm xưa gọi là Ca-lan-đà, Ca-lan-đạc-ca hoặc Yết-lại-đà-ca tức chim hót tiếng hay ở bên thành Vương xá có vườn tre có nhiều chim này.

Hoan trỉ - bịnh trỉ, bịnh lậu?

Tích-xá-ly - tiếng Phạm hoặc gọi Phệ-xá-ly, Duy-gia-ly, Tỳ-gia-ly, dịch là Quảng Nghiêm Thành, cõi này ở Trung Ấn Độ là nước rất rộng lớn nghiêm tịnh.

Bà-la-ni-tư - tiếng Phạm, cũng gọi Ba-la-nại-tư, là tên nước Ba-la-nại.

Địch miêu - là tên nước ở Tây Vức, vì nước này có nhiều cỏ này.

Sư bồ - cây sư (xu) bồ dùng chẻ làm tên bắn.

Duyên tích - chì và thiếc. Gian thác - gián đoạn và lầm lẫn?

Tẩu quái - chị dâu quái dị (lấy làm lạ?)

Hoàng hốt - không rõ ràng.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ
QUYỂN 3

- Ốt-đả-nam - tiếng Phạm, dịch là tập tổng tán, chủng loại dấu chân, hoặc gọi nhiếp thí.
- Quanh lệ - hung ác lắm. La lược lưới bẩy bắt chim chú.
- Tỳ-ha-la - tiếng Phạm hoặc gọi Vi-hạ-la, dịch là chùa, hoặc gọi Tăng-già-lam-ma dịch là chúng viên (vườn chứa chúng Tăng).
- Thuyền bạc - thuyền là ghe nhỏ, bạc là tàu to, tức ghe thuyền
- Nhất toát - một tay nắm hết, tóm tắt.
- Tàn sáp - cấm dù, cấm tàng lọng.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 4

- Thổ tháp - giường đất (nằm trên đất làm giường).
- Bi hồ - là ao hồ đầm vũng.
- Đào tỵ - trốn mất, trốn tránh.
- Thiên Trúc quốc là gọi Thân Độc, Hiền Đậu, hoặc Ấn Độ hoặc Ấn Trì Già La, cũng gọi là Nguyệt Thị (mặt trời). Bởi nói nước này Phật đã diệt độ rồi như mặt trời đã lặn mất chỉ còn ánh trăng mà các hiền thánh tiếp tục giáo hóa độ thoát.
- Ma-kiệt-đà - tiếng Phạm, cũng gọi là Ma-kiệt-đề, Hắc-kiệt-đề xưa dịch gọi là nước này địch không xấm lấn được, hoặc gọi là nước nhiều người thông tuệ, tức nước Ma-kiệt-đà.
- Đạo cán - cây lúa.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 5

- Thác giáp - Thác là nâng lên, giáp là gò má, nâng gò má lên kéo cưa lên.
- Môn khổn - cái then gài cửa.
- Ốt-bát-la - tiếng Phạm, hoặc gọi Âu-bát-la, Ưu-bát-la, Ốt-bát-la là hoa sen xanh, rất thơm.
- Câu-vật-đầu - tiếng Phạm, hoặc gọi Câu-mô-đầu, Câu-ma-na, tức là hoa sen đỏ, đỏ đậm hương rất thơm.
- Phân-đà-lợi - tiếng Phạm, hoặc gọi Bôn-trà-lợi-ca, Bôn-noa-rị-ca, tức là hoa sen trắng, trắng như tuyết rất thơm.
- Lung á - điếc và câm. Sửu giới - gông cùm, cùm tay là sửu, cùm chân là giới.
- Lật-cô-tỳ - tiếng Phạm để gọi hàng quí tộc vương tôn công tử.
- Vô cảo - không có cây rơm. Xa lộ - xe to của Thiên tử đi.
- Ma-nạp-bà - tiếng Phạm, hoặc gọi Ma-na-bà, dịch là Nho Đồng, tức người tu tập Thánh đạo.
- Cượng già hà - sông Cượng già, Khắc già, Hằng hà là đó. Sông

này có cát rất nhỏ mịn nên thường lấy cát làm dụ.

- A-già-lợi-da - tiếng Phạm, hoặc gọi A-xà-lê, A-tả-lê, dịch là Chánh hạnh hoặc Quỉ phạm (phép tắc) tức người dạy phép tắc các thiện pháp (tức Hòa thượng A-xà-lê, thân giáo sư...).

- Sí cách - cánh chim, lông cánh chim.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 6

- Phước môn - phước bao che khắp.
- thông duệ - thông suốt hiểu đến chỗ soi xét.
- Kỹ nghệ - nghề giỏi, tài khéo. Thiết sóc - giáo, mâu sắt.
- Sách lập - là bùa hồ mạng (?)
- Hướng già - tiếng Phạm, hoặc gọi Thương khư dịch là đầy, thừa ra.
- Hách hách - sáng, thịnh, đỏ rực rỡ, nhanh chóng.
- Ô-ba-tác-ca - tiếng Phạm hoặc gọi Ưu-bà-tắc, dịch là cận sự nam.
- Anh vũ - loài chim két, lông xanh mỏ đỏ biết nói tiếng người.
- Ác si - con cú mèo - Nạch sát - bắt, quắp giết chết.
- Cước đạp - chân bước đi.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 7

- Thanh lộ - xe lớn màu xanh Thiên tử đi.
- Hoài vu - ôm ấp xa xôi (mong ước viễn vông?)
- Khúc giản - khe núi hẹp cong.
- Quán tiện - thùng lấy nước, dây kéo nước giếng.
- Bá chi - giê gạo làm cho sạch.
- Giản sắc - ? (chữ xưa giải sao ở đâu chẳng nhớ. Nhờ tìm lại giùm - còn hiện giờ thì chẳng biết nó là gì?)

- Phù phụ - nương vào phù hiệu (cái làm tin)?

- Túy trảo - miệng, mổ và móng tay (miệng cắn móng cào?)

- Bảo-sái-đà - tiếng Phạm, xưa gọi Bồ-tát, nay dịch Trường Tịnh là ngày 15 tụng giới tăng trưởng tịnh nghiệp.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 8

- Tiêu liêu - chim ri.

- Bà-la-môn - tiếng Phạm, hoặc gọi một Hàm-ma, dịch là Tịnh hạnh, Phạm hạnh. Trị bảo: Ta tự miệng Phạm vương sinh ra riêng lấy tên Phạm. Đời bảo rằng: Học tốt bốn Luận Vi Đà, trí rộng chí cao, thông minh tuyệt đỉnh đáng làm thầy các vua.

Sát-đế-lợi - tiếng Phạm, dịch là điền chủ, tức là vua chúa là giai cấp cao quí.

Tỳ-xá - tiếng Phạm, cũng gọi Phệ-xá, có nhiều của cải giàu có nhưng không thông suốt sách vở, nên gọi là Trưởng giả.

Tuất-đạt-la - tiếng Phạm hoặc gọi Tuất-nại-ra, đây có nhiều mà một nghĩa. Trong bốn giai cấp bậc này là thấp nhất. Dịch là chúng tạp (dân thường), quảng vụ: làm ruộng trồng trọt, làm các nghề, lưới cá, săn bắn...

Ngoại sanh - cha của mẹ là ngoại, cậu. Mẹ của vợ là ngoại, cô. Cậu của ta ta gọi là sanh. Con của cô là sanh, con của cậu là sanh.

Văn nghị - muỗi và kiến.

A-cập-ma - tiếng Phạm, hoặc gọi A-hàm-mộ, A-hàm, dịch là Tạng hoặc Truyền, nghĩa là Bí tạng của Phật truyền nhiều đời, hoặc gọi là giáo, tức là Trường, Trung, Tăng Nhất, Tạp bốn thứ A-hàm.

Hy di - Hòa vui tốt đẹp, vui vẻ.

Bạng ly - Bạng giống cải nia mà nhỏ (sàng?). Ly là hàng rào.

Khương ky - khương là cái sọt vuông, ky là cái nia tròn.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 9

- Hoàn giáp - mình mặc xuyên áo giáp gọi là Hoàn . Hoàn là mặc. Hoàn giáp : mặc áo giáp.

Thị thọ - là cây thị. Duy mạc - màng che bên trên, bên ngoài.

Võng man - lưới bao trùm lên trên.

Khí mãnh - Đồ đựng đồ bằng sành. Thư mi hầu - con khỉ cái.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 10

Phân tích - phân chia tách ra. Vi thù - là, làm bị oán thù.

Bệ-lan-để - tiếng Phạm, không biết nói gì!

Tăng-già-chi - tiếng Phạm, xưa gọi Tăng-già-lê. Tăng-già-chí (trí) dịch là họp trùng, cắt mà họp thành lớp. Y này gồm nhiều mảnh vải nhỏ họp lại thành, hai y kia cắt hoặc chẳng cắt.

Cốc võng - vành bánh xe thật chắc.

Ôn nhuyến - ôn hòa nhu nhuyến, ôn hòa, dịu dàng.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 11

- Thảo am - am cỏ, am tranh. Nạn chử - đất ven nước, bờ nước.
- Lao xuất - lấy ra, lôi ra.
- Tuyền quá - nước về vực, chỗ nước xoáy ở vực sâu.
- Hà mô - con ểnh ương. Hôn lễ - lễ cưới vợ.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 12

- Hắc sấu - bịnh gầy gò xấu xí đen đúa.
- Phúc trướng - sình bụng, bụng phình to.
- Thương hối (quí?) - ghẻ lở thịt nát lầy ra.
- Thuận sáp: da nứt nẽ rít rấm (không trơn láng)
- Hào Khanh: hầm hố, cái hào sâu ven bờ Thành
- Phiếm Trương: nổi đầy tràn, nước lớn
- Tấu tụ: tụ họp - Sách lập - lập bùa hộ mệnh?
- Canh Khẩn: cày cấy khẩn hoang mở đất
- Thiệm Bộ Kim: Thiệm bộ là tiếng Phạm, Kim là vàng, tức vàng Thiệm Bộ. Thiệm Bộ xưa gọi là Diêm Phù Đề - Theo A Tỳ Đàm Luận thì Châu này ở Bắc có sông Ni Dân Đà La ở bờ nam dưới đáy nước cây này có vàng Thiệm Bộ gọi là vàng Diêm Phù Đàn, nên Châu này đặt là Diêm Phù Long Thiệm Bộ.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 13

- Chỉ trích (thích): ngón tay gãi, khều
- Niễn tiễu (tuyến): nối chỉ? -Căn tài - Căn duyên - trồng rễ, gieo trồng
- Càn táo: khô ráo
- Tập như: bông cỏ để dệt áo ấm?

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 14

Tế Tự: cúng tế, cúng kiến

Khử Yết Địa La: tiếng Phạm, tên cây chế, luyện rất cứng có thể

làm niêm chốt để đóng đinh. Như cây Khư Đà La.

- Giảo Trì: Giảo là quậy khấy - Trì là ao - giảo trì là khấy động ao lên

- Hoài Nhâm là mang thai: Liễu Dư - Xe người đi và xe chở đồ bằng xe cộ

- Tả Dịch: nách phía tả

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 15

- Nhu Ngữ: Lời nhà tạo Nho, lời nói nhu hòa

- Duyệt Dự : vui vẽ

- Bích Thất La Mạt Noa: tiếng Phạm, xưa gọi Tỳ A Môn dịch là Đa Văn, tức Bắc Phương Thiên Vương Chủ Lãnh Dược Xoa Tối Đại Phư Nhiêu.

- Thiệt Thỉ: lấy lưỡi liếm vật - Bạt cũ - tiếngPhạm gọi Bạt Cừ

- Đàm Thoại: nói năng Bạt cũ dịch là tụ, tức là kiền độ trong Tứ Phẩm Luật.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 16

- Họa Tường: bức vẻ trên vách - Cước Diệt - Chân đá, chân lí?

- Dao Dương: gió thổi động, gió tốc

- Thắng Thủ: giòi nhặng - Khỏa lộ - ở truồng.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 17

- Giang Đãng: nói lời dối gạt?
- Hoãng mê: hoảng hốt và mê muội. Hoảng hốt là thấy không rõ ràng, mê muội cũng là không sáng suốt, tức là trong chỗ mù mơ mịt.

A Ni Lự Đà: tiếng Phạm, hoặc gọi A nậu lầu đà A Na Luật, gọi đúng là A Ni Luật Đà, tức là tên của La Hán Vô Diệt, là thiên nhãn bậc nhất.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 18

- Loan Cung: giương cung, kéo cung bắn tên
- Xung đột: đụng chạm - Vũ đạo - múa may giẫm đạp

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 19

- Tri am: biết rõ, hiểu rõ - Trì tuệ - Cầm chỗi
- Nhượng Thương: xe nghiền nát thân, giẫm đạp cho chết
- Xuyên phá: Thuyền to vượt biển
- Mộc thượng: cây giáo dài bằng gỗ

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 20

- Bá Tư: tiếng Phạm hoặc gọi Bà Tư Sắc Tra, dịch là Thắng Thượng hoặc tối thắng
- Trung Đoan: mỏ chim - Cảo Cảnh - Cột dây ở cổ
- Xưng mãi: rao bán

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 9

Gồm âm nghĩa, các Bộ sách sau đây:

- Tục Âm Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại da phá Tăng Sự, 20 quyển
- Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại gia xuất Gia Sự, 5 quyển
- Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại gia Bì Cách Sự, 2 quyển
- Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại gia An Lư Sư, 1 quyển
- Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại gia Yết Sĩ Na Y Sự, 1 quyển
- Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại giaTùy Ý Sự, 19 quyển

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 1

- Bạc già Phạm: tiếng Phạm, hoặc gọi Bà Già Phạm tức đức Thế Tôn
- Vị Tộc: giòng họ Vị (?)
- Khang Uế: võ trấu dơ - giá thú - cưới vợ về, gã chồng đi
- Dung lãn: làm thuê lười biếng - Cương giới - bờ cõi
- Yễm trĩ: cái nốt ruồi - Sang Báo - ghẻ phỏng, mụt nước
- Tằng Tôn: con của con là Tôn (cháu), con của Tôn là Tằng Tôn, con của Tằng Tôn là Huyền Tôn, con của Huyền Tôn là Lai Tôn, con của Lai Tôn là Để Tôn, con của Để Tôn là Những Tôn, con của Những Tôn là Vân Tôn

Bách Mán: tức tên Tổ Vương xưa của Thích Ca

- Dư tế: chàng rễ là chồng của con gái

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 2

- Tiểu cước: chân chạm đất (bước, đạp)
- Bôn trì: chạy theo, đeo đuổi, đổ xô theo
- Phỉ báng: chê bai, khinh hủy
- Bổ Lạc Noa: tiếng Phạm, xưa gọi Phú Lan Na, gọi đúng là Bổ Lạc Noa Ca Diếp Ba - Bổ Lạc noa dịch là mãn, Ca Diếp Ba dịch là qui Thị là tên của Kế Vô Nhơn Ngoại Đạo.
- Mạt Yết Lợi Tữ: tiếng Phạm, xưa gọi là Mạt Già Lê, gọi đủ là Mạt Yết Lê Câu Xá Lê Tữ. Mạt Yết Lê là họ, Câu Xá Lê là tên mẹ, đây là tên của Ngoại Đạo cho khổ vui chẳng do nhơn mà là tự nhiên.
- Sách Thệ Di: Xưa gọi là Sách Xà Dạ, gọi đủ là Sách Thệ Di Tỳ La? Tữ. Sách Thệ Di dịch là Đẳng Thắng, Tỳ La? tức là tên mẹ. Đây dịch là chẳng cần tu ngoại đạo trải tám vạn kiếp tự nhiên Sanh tử như chuyển lũ hoài?
- A Mạt Đa: Xưa gọi là A Kỳ Đa? Xá Cam Bà La - A kỳ đa dịch là Vô Thắng? Xá dịch là tóc - Cam bà là dịch là áo. Tức Ngoại Đạo này lấy tóc người làm áo năm nóng nướng thân.
- Cước Đà Ca Chiên Diên: Xưa gọi là Ca La Cưu Đà, dịch là Hắc Lãnh - Ca Chiên Diên là họ. Ngoại Đạo này nhân theo vật mà khởi. Như người hỏi có thì đáp có, hỏi không thì đáp không.
- Miên Yết Lan Đà: Xưa gọi là Ni Can Đề Nhược Đề Tử - Ni Càn Đà là Vô Đoan (không dưới được) là tên chung cua ngoại Đạo này. Nhược Đề là Thân Hữu là tên mẹ. Đây là cho khổ chưa có nhơn nhất định, ắt cần phải chịu, chẳng Dạo nào dứt được.

Cân phu: gót chân và mu bàn chân

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 3

- Ma Nạp Bạt Già: Xưa gọi là Ma Nạp Bà, Ma Na Bà, dịch là Nho Đồng Tiên
- Bích Đà Chú: xưa gọi là Vi Đà, Phệ Đà, dịch là minh tức minh

chú.

- Bích Xá Ly: Xưa gọi là Duy gia Ly, Tỳ gia Ly, gọi đúng là Xuy Xá? Dịch là quảng Nghiêm, ở tại Nam Sông Hằng, Trung Thiên Trúc.
- Oanh nhiên: tiếng rầm rầm nhiều xe
- Bỉ (Di?) ngọn: Bỉ (Di) là che, phá, là bờ bị phá
- Bối Lũ: còng lưng - Sấu Tích - gầy ấn

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 4

- Di Thóa: nước mũi, nước miếng - Siểm ngữ - lời nịnh nọt
- Phan thu: kéo dây ràng đít ngựa - ngạnh ế - nghẹn
- Hư Hy: sùi sụt - Toản sai - họp lại chà sát
- Mang cư: bận rộn gấp gáp run sợ
- Lập triệp: bẻ gãy - Thiết Chủng - mỏ sắt
- Bị (bái) đãi: Cái túi thổi lò rèn
- Thuân chủng: bịnh sưng nứt da?
- Không Hầu: tên nhạc cụ để thổi của người Hồ.

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 5

- Đảm sắc: sắc cặn đục
- Diệu Sí: là Kim Sí Diểu, tiếng Phạm sưa gọi là Ca Lầu la gọi đúng là Ca Lỗ noa, dịch là Kim Sí hay Diệu Sí. Chim này ăn loài rồng.
- Khủng hách: khủng là sợ, hách là tiếng hét giận
- Hiêu ai: hiêu là rì rầm, ung dung tự tại, ai là bụi rậm

Huân Hồ: con chồn ăn chuột

- Câu trác: cái rìu chặt gỗ
- Môn ma: sờ mó, cầm nắm
- Du Thiện Na: cũng gọi là Do Tuần, Do diên (khoảng ba mươi dậm)

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 6

- Nghệ môn: lời nói mê khi ngủ

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 7

- Tế Tự: cúng tế - Hoán trạc - giặt rửa
- Ổ Bạt Đà Da: Tiếng Phạm, dịch là Thân giáo Sư hay Hòa Thượng
- Luân Cốc: ?
- Ưu Lầu Tần Loa: tiếng Phạm, gọi đúng và đủ là Ổ Lô Tần Loa Ca Diếp Ba dịch là ẩm quang là họ

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 8

- Táo thấu: tắm rửa súc miệng
- Cảnh Ngộ: Cảnh là cảnh giới (đề phòng), Ngộ là xét biết, Cảnh ngộ là đề cao cảnh giác?
- Vị thự: chưa sáng, Ngự Tẩn - thuần phục con trâu cái
- Xa Lộ: xe lớn của thiên tử đi

Ổ Ba Ni Tác Ca: tiếng Phạm, xưa gọi là Ưu Bà Tắc, dịch là Cận Sự Nam, Người bạch y giữ mười giới.
- Tích chấp: Xếp áo lót - Tiên thát - đánh bằng roi gậy
- Ái đãi: mây kéo tan kịt - phi phi - lả tả

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 9

- Chỉ hại: bị hại trở ngại, cái hại của trở ngại
- Quái ngạc: ngạc nhiên, thấy lạ - Ngõa thước - ngói gạch đá
- Song Dũ: cửa sổ

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 10

- Quyền đã: cuốn lại, đánh mạnh bằng nắm tay?
- Bột Sài: con trâu cái và con sói
- Nại Lạc Ca: tiếng Phạm, cũng gọi là Na Lạc Ca, dịch là khổ khí, khổ cụ tức đồ làm khổ tức là tên chung của Địa ngục gồm tám ngục lạnh cộng tám ngục nóng.

Hai (thai) nhiên tiếu: cười, quyết dặc, cái cọc buộc súc vật

- Binh huyết: tan máu, (tan máu bầm?)
- Ba quặc: gỏi và tát tai - Hỏa liệu - lửa đốt cháy
- Bạc già Bạn: tiếng Phạm, hoặc gọi Bạc già Phạm, Bà già Bà là đức Thế Tôn
- Đát Tha Yết Đa: tiếng Phạm, xưa gọi Đa Tha A già độ hoặc Đát Tha Nga Đa, chính là Như Lai (một trong mười hiệu)
- Bang phái: mưa rất to
- Tác Ha giới: cõi Tác Ha, tức cõi Ta Bà dịch là cõi kham nhẫn
- Úc thượng: Buổi sáng lên - Triều Hy - buổi sáng sớm sáng rực
- Bầm Cũ (Lũ): nghèo xác - Dương lai - quả chùy
- Thằng quyên: thằng là dây, quyên là bác đĩa đan bằng mây, Thằng quyên là bác đĩa làm bằng sợi dây
- Hoan Hác(?): con Hoan Hác (giống con Thảo ly= chuột nước?)
- Gủi phiếm: nghèo thiếu - kháng lệ - sánh đôi
- Thức qui: nhanh chóng trở về

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 11

- Do dự: dụ dự không quyết đoán
- Ngô suyển: lầm và ngang trái - Tốt tuế - cuối năm
- Tuẩn mạng: liều chết theo (tuẩn: đem chôn người sống)
- Khiên y: vén quần áo(?) - Sóc xưởng - cái xưởng trống
- Thảo Thiếm: cỏ tranh

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 12

- Du thành: vượt thành - Ngoại Sanh - Con của Cô của Cậu gọi là Sanh - Cậu ta ta gọi là Sanh

- Khuy xiêm: dò xét - Ngoã oa - cái nồi bằng sắc bằng sành, cái nồi bằng sành?

- Ổ Bà Đà Da: tiếng Phạm dịch là Thân giáo Sư (Hòa Thượng)

- Diêu Trịnh (Khiêu Trịnh): đi lẩn quẩn?

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 13

- Ung sang: ghế nhọt, bứu nhọt
- Khang mễ: gạo - Hoặc Hiết - Hú, gọi?

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 14

- Chiên Trà La: tiếng Phạm, hoặc gọi Chiên Đà La dịch là kẻ giết người, giết mổ, hoặc dịch Nghiêm Xí ác nghiệp. Ở Tây Vực khi người này ra đi thì ở trước phải cầm vật tiêu biểu hoặc lắc chuông hay gậy tre dập đầu. Nếu không thế thì theo phép vua là bị tội.
- Ma Nạp Bà: tiếng Phạm dịch là Nho Đồng Tiên
- Sãng Hoằng: là giường chẳng bằng gỗ
- Âu Biến: muốn ói (tiếng ụa ói)

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 15

- Hưu Lưu: con cú mèo - Trích Thủ - trích lấy, chọn lấy
- Y Kích: vạt áo - Trù Trừ - dụ dự không quyết đoán
- Phò mã: chồng của Công chúa con gái Vua
- Hôn Cấu: cưới gã

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 16

- Bể nhục: thịt đùi vế - Bảo Lô - Xe lớn báu của Thiên Tử đi
- Mục Nhuận: nháy mắt (má mắt động?)
- Thuần Điểu: chim Thuấn - giống gà con hát hay

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 17

An loan: cái yên ngựa - Thấu Ung - nhọt trong họng khiến ho, khạc

Hu ta: than thở

Bích Thất Mạt Noa: tiếng Phạm, xưa gọi là Tỳ Sa Môn, dịch là Đa Văn tức tên của Bắc Phương Thiên Vương

----

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 18

- Kim Mạo: Khăn mão bằng vàng
- Cước ngân: gót chân, giả Can tiếng Phạm là Tất già La, dịch là giả cam, giống chó sắc xanh vàng, đi thành bầy, đêm kêu tiếng như sói
- Khiên phao: kéo ném - Tiện Thọ - Cây Tiện
- Nhâm Thai: có Thai

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 19

- Trùng quả: trùng là nhiều lớp, quả là bao bọc (bao gói nhiều lớp)
- Hoa Hài: giày ủng - nanh ác - dữ dằn hung ác
- Khảm Trác: mổ, gà mổ chim mổ
- Cường sách: bẫy rào (để bắt thú)

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ QUYỂN 20

- Đẩu lẩu: phấn chấn - Lão miêu - mèo già
- Phẩu Địa: vạch, xẻ đất
- Tô Đát La: tiếng Phạm xưa gọi Tu Đa La tức la Kinh
- Tỳ Nại giả: tiếng Phạm hoặc gọi Tỳ Na gia, tức Luật
- A Tỳ Đạt Ma: tiếng Phạm, hoặc gọi A Tỳ Đàm, tức Luận
- Thao Thiết: ác thú, kẻ hung ác
- Huyễn Du?

****

CĂN BẢN XUẤT GIA SỰ QUYỂN 1

- Ngự Hãn: ngăn cấm giữ gìn
- Bại tích: phá hoại công lao - Ngự mã - tiết chế?
- Cổ quăng: tay chân (thuộc hạ) - Oán thù - là oán thù
- Bích Đà Luận: tiếng Phạm xưa gọi Vi Đà, phệ Đà, dịch là minh, tức Minh Luận
- Tiết mộc: cái ngạch cửa, cái niêm bằng gỗ

CĂN BẢN XUẤT GIA SỰ QUYỂN 2

- Sách Thệ Đa: tên của ngoại đạo
- Bao Lệ Đà: tiếng phạm, xưa gọi là Bồ Tát, dịch la trường định, ngày 15 tụng giới
- Cu Sắc Sí La: tiếng phạm gọi là tên của La Hán Cu Túc, gọi đủ là Ma Ha Cu Sắc Sĩ La, dịch là Đạt Tất
- Ma Trất Lý Ca: hoặc gọi Ma Đát Lý Ca hoặc Ma Đắc Lặc Già, dịch là Bản mẫu tức Luận
- Bát Thấu Để mộc xoa: xưa gọi Ba La Đề Mộc Xoa, dịch là Biệt giải thoát giới, tức luận
- Trữ Lập : đứng lâu

CĂN BẢN XUẤT GIA SỰ
QUYỂN 3, 4

(chưa tìm dược bản)

CĂN BẢN XUẤT GIA SỰ
QUYỂN 5

(chưa tìm dược bản)

- Bì quyện: biếng lười, mỏi mệt
- Thạp tịch: giường chiếu
- Bạch Hoạc: giống chim Hộc (ngỗng trời) mà mõ dài hơn
- Anh Vũ: loài két, vẹt
- Cù Du : đệm dệt bằng lông - tấm thảm
- Kiều trùy (chùy): đánh hàng bằng gỗ, đá, kim loại... để làm hiệu lệnh - Chu Nho - người lùn nhỏ
- Ưng chuẩn: loài chim ưng, chim cắt.

****

CĂN BẢN BÌ CÁCH SỰ
QUYỂN 1

- Canh khẩn: cày cấy mỡ mang đất
- Hiên Tử: miếu Thần Hiên (?)
- Ly lệ cẩu: chó đen (chó mực)
- Khánh Khái: tiếng cười nói (tiếng nói nhẹ là Khánh, nói nặng là Khái)
- Huynh Tẩu: Huynh là anh, tẩu là chị dâu
- Cổ Dương: con dê đen - Kiền tiên - cây roi cứng chắc

CĂN BẢN BÌ CÁCH SỰ
QUYỂN 2

- Cước điệt: té ngã - Ô Thứu - quạ và chim Thứu, cũng màu đen

- Mao Ngưu: Trâu có đuôi rất dài - lưỡng thổi - hai đùi vế
- Cách tỷ: giày da - phi tử - bịnh ghẻ nhọt, sảy
- Ông đầu: giày ủng? -Cước khỏa - gót chân

****

CĂN BẢN AN CƯ SỰ (1 quyển)

- A già Lợi Da: gọi A Xà Lợi, A xà lê, dịch là quỉ phạm Sư, (thân giáo) giáo thọ
- Ổ Ba Đà Da: xưa gọi là Hòa Thượng dịch là Thân giáo.
- Thức Xoa Ma Noa: dịch là Chánh Học Nữ, tức Ni học giới giữ sáu pháp
- Dịch Đầu: cạo tóc - lóc thịt bày xương?

****

CĂN BẢN Y SỰ (1 quyển)

- Yết Sì Na: Xưa gọi Ca Hy Na, Ca Đề dịch là y công đức, tức là Tự Tử rồi thọ nhận y.
- Hoán nhiễm: giặt và nhuộm y
- Liệu Duyên Y: là quấn y, mặc y, đắp y?

****

CĂN BẢN TÙY Ý SỰ (1 quyển)

- Á mặc: câm, làm thinh không nói
- Chế Để: tiếng Phạm hoặc gọi Chi Đề, Chế Đa, Chế Đế... dịch là Linh miếu, tháp miếu nơi thờ xá lợi Phật...
- Áo Bệ Ca: tiếng Phạm, dịch là mày, đúng như thế
- Ta Độ : tiếng Phạm, dịch là Tháp hoặc Thiên tai (tốt lắm lành thay)
- Bảo Sái Đà: tiếng Phạm, dịch là Trưởng Tịnh, tức Bồ tát, nửa tháng tụng giới tăng trưởng Tịnh Pháp
- Hổ Báo: cọp báo

* Các tiếng giải thích âm nghĩa trên về Hữu Bộ Tạp Luật chử đọc

có nhiều chỗ sai lầm vì người cầm bút khi phiên dịch tùy nghe tiếng mà ghi vào, không căn cứ theo nghĩa.

* Khai Nguyên Thích giáo Lục bảo rằng Nghĩa Tịnh Pháp Sư khi dịch các Kinh khác đã dịch Nhất Thiết Hữu Bộ về Bạt Cự khoảng 6 - 7 mươi quyển chưa kịp làm thành sách.

Thì nhập Niết Bàn, nên Văn này bị mất, đến nay mới tiếp tục âm nghĩa giải thích chính là bản ấy. Sợ người sau không biết gốc gác mà nhầm lẫn nên dẫn lời này.

■

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 10

Tập 10 này giải thích hai Bộ gồm sáu quyển sau:
- Tục Âm Hộ Pháp Sa Môn Pháp Biệt truyện - 3 quyển
- Tục Khai Nguyên Thích giáo Lục - 3 quyển

LÂM PHÁP SƯ BIỆT TRUYỆN
QUYỂN 1

- Cáo Thệ: ước thệ rằng - Trình lời thề
- Điển Mô: điểm là pháp thường, mô là đã lưu định sẳn
- Ban Bưu: họ người - Khẳng khái - Tính mạnh mẽ ngay thẳng
- Khâm phủ: lòng dạ, ôm ấp?
- Hung ức: lòng dạ, bụng dạ? Tương thỉ - sắp bắn cung
- Toãn Long Thọ: Biên tập sách vở của Long Thọ
- Tông Thượng Nhân: là Ngạn Tông Pháp Sư đời Đường
- Quân chích: nhặt lấy - Địch Đạo là tên Lũng Tông?
- Tỷ ngụ: dời đến ở - Trừu trâm - là từ quan về nhà
- Đạn Ngọc giảng: Đạn là hết - Hết Ngọc giảng?
- Ẩn Độn: Trốn kín - Khanh Hoàng - tiếng lang keng, tiếng chuông trống
- Đồi Nữu: Đồi là sụp đổ, Mữu là cái quai, cột buộc
- Thảo Uẩn: là giấu kín - Hoàn Lập - trở về đến - xem trả lại, áo tỏi
- Chậm qui: Châm là lời châm, khuyên răn - qui là khuôn phép
- Xuẩn xuẩn: con sâu ngó ngoáy, cục cựa - ngu xuẩn
- Cổn Long: Áo lễ của Vua (áo Cổn)
- Ngốc Đinh: người hói (sói) không có tóc
- Tam Nguyên: là Thiên Địa Nhân (Trời Đất Người)
- Ngũ Vận: Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ, ngũ hành
- Huân Hoa: là tâu, Vua Nghiêu Vua Thuấn

- Tiếp Chủng: nối gót, tiếp bước - Sĩ Vận thời- Vận bị cách chức
- Hí Đàm: Bàn chơi - Tiến Lôi - bị sét đánh 2, 3 lần
- Trập Hộ: loài sâu núp dưới cửa (nhà có sâu núp?)
- Phẫn muộn: tức giận buồn bã - Nịch yên - đói cồn cào, lo nghĩ
- Thảm Tục: luôn nhiều thảm thiết, luôn sống nhồi bụi lấp
- Nguyên liệu: đốt cháy - phong toại - đốt lửa báo hiệu
- Vũ Hich: là gấp rút, cần kíp
- Điêu Đấu: như cái nồi sắt, ban ngày để nấu cơm, ban đêm để đánh kiễng
- Hạo thiên: Trời xanh, Trời cao
- Tự Duyệt: đều vui - Tường Tự - Trường học trong lành
- Vô Lô: Không lỗi - Tích Dũng - nhảy nhót, khèo cả hai chân
- Thái Tể Phi: Thái Tể tên Phi?
- Báng Độc: lời chê bai phỉ báng ác độc
- Thái Hải: rất sợ - Hách Tư - là hiệu của Vua xưa
- Mật Tán: ngầm khen - Xuyên Đạc - đục xuyên qua
- Luân Bể: luân là Đạo Lý - Bể là sánh ngang
- Giải hoạt: kẻ lừa dối quỉ quyệt, Ư Cũ, tên một nước xưa
- Lẫm Khăm: uất ức, bất đắc chí
- Thấu Lý: nghi lễ là thấu, bì phu là lý. Chỗ da ngoài da trong giáp nhau gọi là thấu lý.
- Tấn Thân: cắm cái hốt vào đai (tức con cháu nhà quan thì gọi là tấn thân)
- Chí Tập: Tập là chấp nối biên tập. Chí tập là nối chí?
- Cấp quận: nay là Vệ Châu - khuých phiên - vắng teo không người
- Tù Hoa: Hoa sắp hết - Hoa hợp, hoa bền chắc?
- Úc úc: rực rỡ, ngào ngạt - Tủng tiệp - sợ hãi
- Thám Trách: nghiên cứu lý sâu xa
- Thuyên Đề: Thuyên là cái nôm bắt cá, đề là cáo bẫy bắt thỏ. (được cá quên nôm, được thỏ quên đẫy)
- Bi lụy: cái bia và lời viếng người chết
- Tân tử: ho Tân Tử - Điến Dung - Vẻ thẹn thùng
- Tước hỏa: lửa đuốc - Hoàn Trung - trong Hoàn Vũ, cõi đời này
- Xích Yến: Chim nhỏ - Đại Bàng - Chim đại bàng
- Vương mật: tên người. Lưu Cầu. Tên ngọc quí, họ người
- Lệ Duyên: Đá mài và thiếc

LÂM PHÁP SƯ BIỆT TRUYỆN
QUYỂN 2

- Di Huấn: lời dạy để lại làm gương cho con cháu
- Lưu Độn: Trốn uất - Bổn Hệ - mối, gốc nối liền
- Sa thải: bỏ bớt, như đải vàng trong cát
- Suy hặc: suy ra tội người khác
- Uy tuết: cái dây đen trói tội nhân, Kẻ bị tù tội
- Đào muội: ngu tối - Tháo sứu - Than vợ lẽ?
- Bô Tao: Bô là ăn trể, tao là căn rượu (uống rượu căn?)
- Xuất ly: uống rượu nhạc - Thanh Hoa - Hoa xanh, Hoa tươi?
- Đậu lưu: Tạm dừng lại không tiếng lên
- Mối Huyễn: Kẻ môi giới tự khoe - quất Dữu - cây quít cây bưởi
- Tra lê: cây Tra cây Lê - Kiểu nhiên - sáng tỏ
- Phụ ỷ: cái cửa chắn gió giống cái lưỡi búa
- Phù Đào: họ của người - Ngạc ngọc - lời nói ngay thẳng
- Thác Bạt: họ Thác Bạt - Lưu Hướng - tên người
- Khẩm trạch: tên họ người - Thái Vi - tên ngôi sao
- Huề Trạch: Đá mai vàng - Khắc đá - Hỗ Đa - tên họ người
- Quýnh viễn: xa xôi - hòa, nhiều

LÂM PHÁP SƯ BIỆT TRUYỆN
QUYỂN 3

- Ung Ung: Kiếu Diệu - Đạo Đức Kinh nói thường không dục để quán Diệu, thường có Dục để quán Kiếu (Kiếu đi tuần dò xét - ngoài biên)
- Lý Đam: tên học của Lão Tử
- Đảng Sái: Đảng là rửa sạch - Đảng Sái là sạch hết các bịnh lao sái
- Tịch vẫn: rụng xuất vào buổi chiều
- Lân quân: con lân quân, loài thú có sừng
- Thiện Lợi: năm Thiện Lợi đời Chu Võ Đế có diệt Phật pháp?
- Đào giảo: tay lấy và khấy quậy
- Giác thí: Thi hơn khú - Kiệt Trụ - Vua Kiệt và Vua Trụ, hai vua tàn ác nhất

- Đằng Lương: ngựa nhảy vọt cao
- Đôn Hoàng: tên đất tức Sa Châu
- Lung Ba: bịnh gù và què - Cao Dao tên một người hiền thời Vua Thuấn
- Bát Diên: tên đất nơi xa xôi- San nhiêu- khóc lóc, Sa nước mắt
- Ốc trẩm: tưới tẩm cho tốt - Trẩm là tiếng vua xưng ta. Ốc trẩm là làm ta tốt lên
- Thục thắc: Thục là Thiện - Thắc là dùng tâm sai lầm
- Chàng Kích: gõ, đập ngói - Đổ Hành - một loài cỏ thơm
- Phiền Bá: một loại cây cỏ, cây thuốc, giống cây thuốc cứu
- Yểm yểm: yên tịnh - mô mẫu - tên một người con gái xấu đời xưa
- Ninh quyết: chim Ninh quyết
- Mịch la: sông Mịch la ở quận Trường Sa
- Bệ Lệ: tên cây quả dùng làm phấn - Lan Ba - tên cây Lan Ba

****

TỤC KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 1

- Toản Tổ Tông: nối theo Tổ Tông - Nạp Lộc - Nạp vào Đại Lộc
- Bảo Ly: giữ gìn sửa sang
- Thuần Nguyên: nguồn suối trong, trong sạch
- Hoảng biến: chết, yểu mạc - xa xôi mịt mờ
- Châu Đang: ngọc châu đeo tai - tiếng ngọc kêu leng keng
- Kinh Vị: Sông kinh đục, Sông vị trong - Kinh Vị là phân biệt đục trong
- Ly Châu: hòn ngọc dưới cổ con Ly Long.
- Yên mân: đá đẹp ở đất Yên
- Triệu Bích: ngọc Bích của Nước Triệu
- Túng Trạo: buông chèo
- Tứ mã: ngựa tứ, xe bốn ngựa
- Cuồng cổ: cuồng là điên, cổ là mù
- Thi qui: là bói cỏ thi, bói võ Rùa
- Đại Hộ: là tên trò vui (nhạc) của Ân Thang?
- Nê Hoàn: tiếng Phạm hoặc gọi Bát Nê Hoàn, Ni Việt, Bác Niết Bàn hoặc Niết Bàn dịch là viên tịch (mất - chết)

- Biên Chích: nhặt lấy bìa sách

- Đạo cán: cây lúa - Ma Ha Chi Na - nước Trung Quốc (Đại Đường, Đại Hán...)

- Nhưỡng ngu lê: tiếng Phạm, dịch là Dược Vương, Dược Quân

- Bân bân: hoàn hảo - Kỳ Lan Đà - tên chùa ở Tây Vực (cho không chán)

- Phích lịch: sét đánh - Yểm Hưng - Yểm là che, áo kép (?) Yểm Hưng - (che hứng thú - không hưng Thịnh ?)

- Ảo nộ: nổi giận

- Qui Tư: tên nước qui Tư hoặc gọi Khuất Chi, Nguyệt Chi

- Vật Đề Đê Tê Ngư: là tên của một Tam Tạng dịch là Liên Hoa Tinh Tấn

- Ngưu Hân: tên họ người - Sở Tề - đem cho, tiễn đưa, hành trang

- Tóc tuy: tên họ người

- Nhược Linh: còn nhỏ, chưa đội mũ, chưa đến tuổi trưởng thành (20 tuổi)

- Giao yết: keo dán, gắn vào nhau, dán dính?

- Sam Di: cắt hết cỏ

TỤC KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 2

- Mổ Đà La Ni: tức tên gọi Đà La Ni của Phật Bà quán Tự Tại Bồ Tát

- Thâu Ba Ca La: tức tên tiếng Phạm của Ngài Tam Tạng Đường Khai Nguyên?

- Tuẩn Pháp: liều mình chết vì Pháp

- Lũ phấn: luôn hăng hái, phấn chấn

- Điệu Khuất Nguyên: thương tiếc Khuất Nguyên

- Phủ ưng: vổ ngực, vổ bụng - quân thập - nhặt lấy

- Tân Nhai: bến bờ - phân luân - rối rắm, lẫn lộn

- Phiền thứng: nhiều nhỏi, dư thừa

- Huyền Uẩn: tên Huyền Uẩn Pháp Sư

TỤC KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC
QUYỂN 3

- Phi mậu: lầm lẫn - Những tạp - lộn xộn, rắc rối, phiền phức
- Gủi thuyết: thuyết dối trá, lạ lùng (gủi quyệt)
- Tỏa tiết: mạt vụn, lẫn lỗn
- Nguyên phái: nguồn chính - suối nguồn
- Thừa Thiêu (diêu): nối tiếp đã xa, lâu đời
- Bao biếm: bao là khen tốt, biếm là chê đày làm nhục tức khen chê.
- Âu uyết: tiếng nôn ọc - Tạp Nhữu - lẫn lộn
- Thâm trinh: lọt hầm sầu (hầm bẩy thú)
- Hoạch lạc: rộng khắp không bờ bến
- Tỳ Na Dạ Ca: tiếng Phạm hoặc gọi Tần Na Dạ Ca, Tỳ Na Dạ Đát Ca, Duệ Na phả Ca, dịch là chướng Ngại Thần gọi là Tượng Đầu người có thể làm các chướng ngại.

Giải thích của Bộ sách này rất kém chỉ làm rối ren thêm!

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 202

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

SỐ 2130

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2130

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

Bộ sách này toàn bộ gồm mười quyển, được soạn viết tính hành tại chùa Phi Minh, nên ở đời ít có.

Một hôm tôi lên chùa Đề Hồ, dừng bên nhà khách của viện Quang Đài. Chữ Tất-đàm ghi lại hành trạng Tam giáo chỉ huy v.v... về ngày giảng thuật. Chợt xem qua tập sách này của ngài Thâm Hiền. Từ lâu để trong đáy rương bị sâu mọt đục khoét, bèn mượn đem về xem qua.

Khi đi qua nước Phật đến Hán Thổ, suy nghĩa khó mà giữ mãi. Nhơn đó mới ra công viết lại, xong rồi bèn ghi bài tựa chánh cho bổn văn. Ở đây ý nghĩa vẫn chưa rõ ràng lắm là điều có thể nhận biết vậy.

Huống gì là đem truyền lại cả bản văn chép này, thì việc hổ biến thành cẩu là điều khó tránh khỏi. Chư vị sau này có xem qua, có ý gì xin cứ vạch bày ra. Nếu biết thì chớ theo những lời này, chớ vội, chớ vội.

Ngày rằm, tháng 08 năm Khoang Bảo.
Tăng Chánh Hạ kính chép
Tuổi đời: 58
Pháp lạp: 49

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN I

- Phật hiệu thứ nhất.
- Phật danh thứ hai
- Phật công đức danh thứ ba.
- Pháp danh thứ tư.
- Ngoại đạo pháp danh thứ năm.
- Tạp pháp danh thứ sáu.

PHẬT HIỆU THỨ NHẤT

- Đà-đà A-già-đà: cũng gọi là Đa-tát A-kiệt, cũng gọi Đát-tát A-kiệt.

Luận rằng: như pháp tướng giải thích đạo chư Phật an ổn đến không đi.

(Đại Trí Luận Quyển hai).

- A-la-ha (?) cũng gọi là A-lợi-ha.

Luận rằng: A-la gọi là Tặc. Ha dịch là Sát, cũng gọi là ứng cúng.

- Tam miệu Tam Phật-đà: cũng gọi là Tam-da (?) Tam Phật.

Luận: Tam-miệu gọi là Chánh.

Tam dịch là Biến, Phật dịch là Tri.

- Tỉnh-xỉ-giá La-na Tam Ban-na, có nghĩa là chân bước vậy.
- Tu Già-đà: Luận rằng: Tu gọi là hảo (tốt), Già-đà dịch là khứ (đi), cũng gọi là thuyết.
- Lược-ca-bại: nên gọi là Lộ-ca-ti-đà. Luận gọi là Lộ-ca nghĩa là Thế, chữ Bại dịch là Tri.
- A-nậu-đa-la: luận gọi là Vô thượng, dịch là Vô thắng.
- Phú-lâu-sa Đàm-miệu Sa-la đề:

Luận rằng: Phú-lâu-sa dịch là Trượng phu, Đàm-miệu dịch là khả hóa (có thể giáo hóa, Sa-la đề dịch là điều ngự.

- Xá-đa Đề-bà Yểm-thô-xá-nam:

Luận nói rằng: Xà-đa dịch là Sư, Đề-bà dịch là Thiên, Yểm-thô-xá-nam là tên người.

- Phật-đà: dịch là Tri, cũng gọi là Giác.
- Lô-ca-na-tha: dịch là Thế Tôn.

PHẬT DANH THỨ HAI

- Thích Sư Tử: nên gọi là Thích-ca Sư Tử, Thích-ca dịch là Năng.
- Ca Diếp Phật: đây là họ vậy.
- Cù Đàm: nên gọi Cù-đa-ma, cũng gọi là Sa-môn Cù Đàm, chữ Cù dịch là Thiên, Đa-ma dịch là Lạc.
- Tất-đạt-đa: luận gọi là Thành Lợi, dịch là Nghiệm Sự cũng gọi là Nghiệm Nghĩa.

Quyển hai: Thích-ca Văn: gọi là Thích-ca Mâu Ni cũng gọi là Văn Ni.

Dịch là Thích-ca như trên.

Mâu Ni dịch là Nho. Cũng gọi là thân khẩu ý đầy đủ Bát-kiền-độ thì gọi là Độ-ốc.

Quyển ba: Phật Thứ-na-thi-khí:

Thứ Na dịch là Bảo, Thi Khí dịch là Đại, cũng dịch là Thắng hoặc tối thượng.

Quyển bốn: Tỳ-bà-thi Phật: cũng gọi là Tỳ-bát-thi hoặc cũng gọi là Tần-bà-thi.

Luận gọi là Chủng kiến, dịch là Chủng chủng kiến, cũng gọi là Thắng kiến.

- Phất-sa Phật: đây là tên của một vì sao.
- Phật A-di-đà: dịch là Vô lượng quang.
- Phật Tu-phiến-đa: cũng gọi là Tu-na-đa, dịch là Hảo tịch tịnh (Quyển bảy).
- A-siểm Phật: dịch là Bất động (Quyển tám).
- Thi Khí Phật: cũng gọi là Thức ngữ, hoặc gọi là Thức khí, Thi Khí dịch là Đại, cũng dịch là Thắng (Quyển chín).
- Tinh Thứ Bà Phụ Phật:

Luận rằng: Nhất thiết thắng.

Tinh Thứ dịch là Nhất thiết.

Bà Phụ dịch là Thắng, cũng dịch là Sanh.

- Phật Kiều Trần Nhã: đây là họ (tánh) (Quyển mười hai).

- A-lợi-sa: cũng gọi là Hà-lợi-sa, dịch là Thánh chủ, hoặc là Thánh nhân (Quyển hai mươi lăm).

- Phật Ca-na-già Mâu Ni: cũng gọi là Ca-na-ca Mâu Ni.

Luận gọi là Kim Tiên nhơn.

Ca-na-già gọi là Kim, Mâu Ni là Tiên nhơn (Quyển ba mươi ba).

- Phật A-tỳ-tam: cũng gọi là A-duy-tam Phật, cũng gọi là A-tỳ-tam Phật-đà, dịch nghĩa là Đại Giác (Quyển ba mươi tám).

- Phật Lô-xá-na: dịch là Thắng nhãn, (kinh Hoa Nghiêm Quyển một).

- Phật Na-la-diên Bất khả phá hoại: Na-la-diên dịch là lực.

- Phật Sa-môn: dịch là Tức tâm, cũng gọi là Văn thuyết.

- Y-na-bà-na: dịch là Vương Lâm.

- Thắng Tu-di: dịch là Hảo Quang.

- Câu-na Mâu Ni: cũng gọi là Câu-na-xá Mâu Ni, Câu-na dịch là Thọ, Mâu Ni như trên đã dịch.

- Phật Câu-lâu: dịch là Uy-lũy.

- Đề-xá Như Lai: Đề-xá dịch là Thuyết, cũng dịch là Quang.

- Phật ba-đầu-ma: cũng gọi là Bát-đầu-ma, dịch là Xích liên hoa.

- Phật Tỳ-lâu-giá-na: cũng gọi là Tỳ-lô-giá-na, dịch là Thắng quang cũng dịch Chủng chủng quang (Quyển bốn mươi).

- Phật Di-lặc: dịch là Tứ Thị (Quyển bốn mươi hai).

- Phật Bà-la vương: Bà-la dịch là Lực (Quyển bốn mươi bốn).

- Vô Úy Diệu Đức Na Sư Tử Như Lai: Na-la dịch là Nhơn (người).

- Vô Thượng Thanh Tịnh Thi La Sơn Như Lai: Thi-la dịch là thạch (đá).

- Phật A-di-đà: dịch là Bất bạch.

- Phật Tỳ-xá-khư: dịch là Tịnh danh.

- Phật Ưu-ba-đề-xá: dịch là Luận nghị, cũng gọi là Đại thuyết.

- Phật Tỳ-xá-phù: cũng gọi là Tỳ-tỏa-phù dịch là Quảng sanh (kinh Đại Niết-bàn) (Quyển ba mươi sáu).

- Tỳ-xá-la-bà: dịch là Hữu quang (Tăng Nhất A-hàm) (Quyển một).

- Đề Tưởng Kiệt La: dịch là Thiên điện (Quyển hai mươi sáu).

- Tỳ-xá: dịch là Nhất thiết tác (Quyển ba mươi mốt).

- Tỳ Hiển Bá Phù: dịch là Tỳ-tỏa-ba-phù, cũng gọi là Tỳ-xá-phù, dịch là Nhất thiết tự tại (Tạp A-hàm - Quyển mười lăm).

- Na-la-diên-lực: dịch là Lực (Thập Tụng Luật - Quyển năm).

- Tỳ-xá-thi: cũng gọi Tỳ-xá-bà-thi dịch là An Tịnh (luật Sa-di-tắc - Quyển hai mươi lăm).

- Ba-đầu-vật-đa-la Phật: dịch là Liên hoa độ (Thiện kiến Tỳ-bà-sa - Quyển mười ba).

- Tất-đạt-a-thố: cũng gọi là Tất-đạt-thố dịch là Thành biện (Tỳ-bà-sa - Quyển bốn).

- Bảo-ưu-bát-hoa Phật: cũng gọi là Uất-bát-la dịch là Đại sắc hoa.

(Đại Phương Quảng Đại Tập Kinh - Quyển một).

- Phật Ca-la Cưu-tôn-đà: cũng gọi là San-đề. Cũng gọi là Ca-cưu-lưu dịch là lãnh trì (Quyển mười chín).

- Tỳ-thi-ba Phật: cũng gọi là Tỳ-thi-pha, dịch là Chủng chủng nãi (kinh Xuất Diệu - Quyển một).

- Tỳ-bà-thi Phật: cũng gọi là Tỳ-bà-la dịch là Tịnh hạnh chủng (Quyển bảy).

- Tỳ-xá-tỳ Phật: dịch là Nhất thiết sanh.

- Tỳ-xá-bà Phật: dịch là Nhất thiết hữu (Quyển chín).

- Di-lâu-kiên Phật: Di-lâu dịch là Quang (Hoa Thủ Kinh - Quyển mười ba).

- Sa-la vương Phật: là tên một loài cây.

- Sa-ha chủ Phật: Sa-ha dịch là Năng nhẫn (Quyển bốn).

- Sa-già-la Phật: Sa-già-la dịch là Hải (Quyển năm).

- Sa-lân-đề Vương Phật: dịch là Thọ vương (kinh Đại Bi Liên Hoa - Quyển bốn)

- Diêm-phù La-đề Kim Quang: Diêm-phù tên một loài cây. La-đề là dòng sông vậy (kinh Pháp Hoa - Quyển ba).

- Tỳ-ni-thi Phật: dịch là Vô ám (kinh Ma-đắc-lặc-già - Quyển một).

- Câu-tu-ma: dịch là Hoa vậy.

(Kinh niệm Phật Tam muội - Quyển sáu).

- Tần-bà-la: dịch là Mô thức.

(Kinh La-ma-già - Quyển một).

- Tam-mạn-bạt-đà: cũng gọi là Tam-mạn-đa-bạt-đà-la. Kinh gọi là Phổ Hiền.

- Ma-ni Tràng Phật: Ma-ni dịch là Châu (Đại Thông Phương Quảng Sám tội Quảng Nghiêm Thành Phật Lanh - Quyển thượng).

- Tu-ma-na-hoa Quang Phật: dịch là Hiếu Hỷ.

- Lâu Chí Phật: dịch là Lạc.

- Đà-la-ni Du Hí Phật: dịch là Trì.

- Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội Lực Vương Phật: Thủ Lăng Nghiêm dịch là Dõng. Tam-muội dịch là Nhất tâm.

- Quần-na-la-da Bà-pha-sa Như Lai: kinh gọi là Đức Vương Minh vậy.

- Ma-ha Duy Thọ Như Lai: dịch là Đại Nghiêm.

- La-đà-na Chi đầu: kinh gọi là Bảo Mạt.

- Trà-tỳ-la-da: kinh gọi là Nguyệt Quang Minh Vương.

- Thủ-đà-thi-lợi Phật: dịch là Tịnh Kiết.

- Tu-đà phiến: cũng gọi là Tu-đà Lợi-xá-na. Trong kinh gọi là Quyết kiến Phật, cũng dịch là Thiện kiến.

- La-đà-na-ky đầu: cũng gọi là La-đa-na-kê-đầu. Kinh gọi là Hiếu Bảo. La-đa-na là Bảo. Kê-đầu nghĩa là Tràng.

- Diêm-phù Đàn Kim Tu-di Sơn Vương Phật: cũng gọi là Diêm-phù-na-đà.

Diêm-phù là tên một loại cây. Na-đà là sông (kinh Trì Thế - Quyển hạ).

- Ca-tra-la Phật: dịch là Sung Diệu. (kinh Ang-ý - Quyển thượng).

- Di-lâu-kiên-đà Phật: Di lâu là tên núi Kiên-đà là hương (Bồ-tát Tạng Kinh).

- Ty-kiệt-du Phật: kinh gọi là Ly sầu. (kinh A-xà-thế Vương Nữ A-thuật Đạt Kinh).

- A-ni-la Đọa-la Phật: dịch là Phong Môn (kinh Hứng Sa).

- A-xà Đọa Phật: cũng gọi là A-xà-đọa-la, dịch là Vi sanh môn.

- A-chiên-đà-đọa Phật: cũng gọi là A-chiên-đà-đọa-la, dịch là Bất Sân Môn.

- Phong-ma-đọa-la Phật dịch là Nguyệt Môn.

- A-câu-la-đọa-la Phật: dịch là Hiếu Môn.

- Phạm-ma-đọa-la Phật: dịch là Tịnh Môn.

- Đa-ma-la-bạt Chiên Đàn Hương Phật: dịch là Hoắc diệp hương. (Thập Trụ Tỳ-bà-sa Kinh).

- Đa-gia-la Phật: tên một loài hương.

- Sám tội da Phật: cũng gọi là Sám-ma-da-la, dịch là Nhẫn hạnh (kinh Ban Chu Tam-muội).

- Lại-tỳ-la-da Phật: Lại-tỳ dịch là Nguyệt. La-da dịch là Hạnh.

- Tư-ha-ma-đề Phật: dịch là Sư tử ý.

- Tác-già-la-ma Phật: Tác-già dịch là Thật. Na-ma dịch là Tứ

(Thật tứ: là thật sự dứt bỏ, dừng lại).

- Đề-la-da Phật: nên gọi là Đề-lợi-da dịch là an tịnh.

-Tất-hà-đà-na Phật: cũng gọi Tư-ha-ma-đà dịch là Sư tử Hống (kinh Vô Cực Bảo Tam-muội).

- Sa-ha-lâu-đà Phật: Sa-ha dịch là Nhẫn cũng gọi là Cộng (cùng) Lâu-đà: là Ma.

- A-siểm-tỳ Phật: cũng gọi là A-siểm-tỳ-da dịch là bất động (kinh A-di-đà).

- A-đề-di-lưu Phật: kinh gọi là khởi xuất Tu-di (kinh Nam Phượng).

- Tam-mạn-đà-kiện-đà Phật: kinh gọi là Vi Nhiễu Hương Huân.

- Di-gia-kiện Ni Như Lai: cũng gọi là Di-đa-la-da-ni. Di-đa-la dịch là Từ. Da-ni dịch là hành.

- Bà-lợi Phật: dịch là Hữu Lực (Tạp Kinh).

- Tu-di-ca-la Phật: dịch là khả ái Quang (kinh Trưởng Giả Tử Chế).

- Đề Hòa Ca-la Phật: kinh gọi là Đề-ba-ca-la. Dịch là Đề-bà-ca-la dịch là Thiên thời (Thái tử Loát Hộ Kinh).

- Tát-bà-càn Phật: cũng gọi là Tát-bà-càng, dịch là Nhất thiết hương (Nữ Nhơn Đại Mỗ Kinh).

- Bà-kỳ-la-đà Phật: dịch là công đức thừa (kinh Thiên Phật Danh).

- Tu-hoàn Na-hoàn Bà-đầu-ma: cũng gọi là Tu-bạt Na-bạt Na-ba-đầu-ma, kinh gọi Kim sắc liên hoa (hoa sen sắc vàng) (kinh A-siểm Phật).

CÔNG ĐỨC PHẬT DANH THỨ BA

- Niết-bàn: kinh gọi Niết là không, cũng gọi là Định. Bàn là thức cũng gọi là diệt (Đại Trí Luận - Quyển thứ nhất).

- A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề dịch: A-nậu-đa-la dịch là Vô thượng. Tam-miệu là chánh. Tam Bồ-đề dịch là vô bất tri trí, cũng gọi là Vô bất tri đạo.

- Bà-già-bà: luận gọi Bà-già là Đức. Bà là hữu, dịch là Đại Đức, cũng gọi là Phá phiền não.

- A-bà-ma: cũng gọi là A-sa-ma, luận gọi là Vô đẳng (Quyển hai).

- A-sa-ma (?) Sa-ma (?): cũng gọi là A-sa (?) ma (?) sa (?) ma (?)

luận gọi là vô đẳng đẳng.

- Bà-la-già: luận gọi là Độ bỉ ngạn (bờ bên kia).
- Bà-đàn-bà: luận gọi là Đại Đức.
- Thi-lợi-già-na: luận gọi là hậu đức. Thi lợi dịch là kiết, cũng gọi là đức. Già na dịch là hậu.
- Tát-sa-nhã: luận gọi là Nhất thiết trí (Quyển thứ năm).
- Tát-ba-nhã-đa: Luận gọi là Bồ-tát là Nhất thiết. Nhã là Trí, đa là tướng (Quyển hai mươi bảy).
- Kim-mộ-kỳ-bà: cũng gọi là Kim-mộ-kỳ-lợi-bà, dịch là cảnh tướng viên mãn (tướng cỗ đầy đặn).

(?) Y Thi Diên: cũng gọi là y (?) thi diên, dịch là Lộc phược.

- Bàn-ni-hoàn: cũng gọi là Bàn-lợi Niết-bàn. Dịch là: Bàn lợi là đại cũng gọi là chơn, Niết-bàn như trên đã dịch (kinh Hoa Nghiêm, Quyển một).

PHÁP HOA THỨ TƯ

- Đà-ma: cũng gọi là Đạt-ma. Luận dịch Đạt-ma là Pháp. (Đại Trí luận - Quyển bốn mươi tám).
- Ma-ha Bát nhã Ba-la-mật kinh: Ma-ha là Đại, Bát nhã là Huệ, Ba-la-mật là Đáo bĩ ngạn (bờ bên kia) (Quyển một).
- Trung A-hàm: cũng gọi là A-già-ma, dịch là Quy (về).
- Kinh-pha-quần-na: tên một vì sao.
- A-tỳ-đàm: A-tỳ dịch là kiện, cũng gọi là Cận đàm pháp. Lại A-tỳ-đàm còn gọi là Vô lậu huệ, cũng gọi là Phá pháp.
- Ma-ha diễn: cũng gọi là Ma-ha Da-na dịch Ma-ha là Đại, Da-na là thừa.
- Tỳ-nê (?) cũng gọi Tỳ-ni (?), dịch là diệt.
- A-tha-bà-kỳ kinh: cũng gọi là A-lợi-tha-bà-tỳ. A-lợi-tha dịch là nghĩa. Bà-kỳ dịch là phẩm.
- Tu-đát-lộ: cũng gọi là Tu-đa-la, dịch là pháp bổn, cũng dịch là giải thích.
- Nan-đà-bà-nan-đà Long vương kinh: cũng gọi là Hòa-na. Nan-đà dịch là hoan hỷ. Bà-nan-đà dịch là Đại hoan hỷ. (Quyển thứ ba).
- Nan-đà-già kinh: dịch là hoan hỷ.
- Tỳ-lô-đề già kinh: cũng gọi là Tỳ-lô-tư-la dịch là chúng sở tôn trọng.
- Ưu-bà-thi-nan trung kệ thuyết: dịch Ưu-bà-thi dịch là thanh tín

nữ (Quyển thứ tư).

(?) Tỳ-bà-sa: cũng gọi Tỳ (?) bà-sa.

- Kinh A-ba-đà: cũng gọi là A-ba-đà-na cũng gọi A-bà-đàn-na dịch là thí dụ.

- Tỳ-na-ba-na vương kinh: Tỳ-na dịch là Vô, Bà-na dịch là Lâm (Quyển năm).

- Tỳ-ma-la kết kinh: cũng gọi là Tỳ-ma-la kết đế. Dịch: tỳ: vô. Ma-la: cấu. Kết đế: dịch là xưng (Quyển chín).

- Tô-đà-tô-ma Vương kinh: (khiếm dịch).

- Tần-bà-ba-la Vương Nghinh kinh: Tần-bà dịch là Mạc Thức, Ba-la dịch là Thật (Quyển một).

- Già-đà: cũng gọi là Già-tha, dịch là Trực thuyết.

- Ưu-đà-na: cũng gọi là Ẩu-đà-na, hoặc Ưu-đàn-na, dịch là Vô vấn tự thuyết.

- Nhất Trúc Đa-đà: cũng gọi là Y-đề viết Đà-già, cũng gọi là y dịch Phật Đà-già, dịch là Như thị ngữ.

- Xà-đà-vi-đầu-ly: cũng gọi là Xa-đa-đầu-la, Xà-đa dịch là sanh. Đầu-la dịch là viễn.

- Pha-phù Đạt-ma: cũng gọi là A-phu-đà Đạt-ma. A-phù-đà dịch là thắng. Đạt-ma dịch là pháp.

- Ưu-bà-đề-xá: cũng gọi Ưu-ba-đề-xá dịch là luận nghĩa, cũng gọi là Đại thuyết.

- Kỳ-dạ: cũng gọi là kệ, dịch là trùng thuyết.

- Ni-đà-na: dịch là đại duyên.

- Kinh Mục Đa-già: dịch là thắng.

- Bùi Phật lược: cũng gọi là Tỳ Phật lược, trong kinh vị tằng hữu dịch là đại.

- Ba-đà (?)(?) cũng gọi là Ba-đà (?)(?) luận gọi là cú (câu) (Quyển bốn mươi hai).

- Kinh A-soa-mạc: cũng gọi là A-soa-da-mạc-đế. Luận gọi chữ A là Vô, Sai-da là Tân, Mạc-đế là Ý (Quyển năm mươi ba).

- Ức-xoa-ni-chú: cũng gọi là Y-xoa-ni, Y-xoa-ni dịch là kiến (Quyển năm mươi tám).

- Kiền-đà-lợi chú: cũng gọi là Kiền-đà-la, chữ kiền dịch là địa. Tha lợi là trì.

- Tỳ-ma-la kinh: dịch là Vô cấu. (Quyển chín mươi hai).

- Bà-soa kinh: cũng gọi là Bạt-soa dịch là Độc (Quyển chín mươi ba).

- Ẩu Hoa phẩm: cũng gọi là Ẩu ba, dịch là đại (Quyển chín mươi chín).

- Xà-a-già: cũng gọi là Xà-già-la dịch là Bổn sanh (kinh Đại Niết-bàn - Quyển ba).

- Đạt Địa-la-đế: cũng gọi là Bạt-đà-la-đế. Bạt-đà-la dịch là Hiền. La-đế dịch là ý cũng gọi là Trí (Trung A-hàm - Quyển bốn mươi mốt).

- Ma-tu-đa-la: dịch là Bất pháp bổn (không phải là căn bản của pháp) (Tạp A-hàm Quyển bốn mươi bảy).

- Xá-già-la chú: cũng gọi là Xá-hoan-la dịch là Bất hành (Thập Tụng Luật Thư - Quyển ba).

- Cù-la chú: cũng gọi là Bà-la dịch là Bỉ ngạn (bờ kia) (Nhị Tụng - Quyển ba).

- Cù-ma-la kệ: dịch là đế (Quyển thứ năm).

- Phi-la-sa-đề-già: luật gọi là Thanh Tịnh Kinh.

- Ba-la-sa-đề-già: luật gọi là Nhất Tịnh Kinh.

- ban-xà-đề-lợi kiếm: luật gọi là kinh Tam-muội.

- Ma-na-xà-lam: luật gọi là Hóa Kinh.

- Phi-la-tiểu-xà-lam: luật gọi là Phạm Kinh.

- Ma-ha-sa-ma-kỳ kiếm: luật gọi là Hội Kinh.

- A-la-già-độ-ba-ma: luật gọi là Ưu-la-cù-ba-ma. Luật gọi là Xà-bích Kinh.

- Thất lệ sắc na-hào-xoa-da thời nhật đề: luật gọi là kinh Tác Diệt Giải Thoát.

- Thích-già-la-ba-la niệm nại: cũng gọi là Thích-già-ba-la quả phiếu xa, luật gọi là kinh Thích Vấn.

- Ma-ha-thi-đà-na-ba-lợi-da-dạ: luật gọi là kinh Đại Nhân Duyên.

- Tần-ba-bà-la-ba-la-trửu-đề-già: luật gọi là kinh Ngũ Thọ Ấm Khước.

- Sa-đà-da-đa-ni: kinh gọi là Sa-đà-la-đa-ma-ni. Luật gọi kinh Lục Tinh Bộ.

- Thi-đà-na tán do khất đa: luật gọi là Nhân Dõng Bộ Kinh.

- Ba-la-diên: cũng gọi là Ba-diên, luật gọi là kinh Quá Đầu, dịch là Vãng phục (trở lại), cũng gọi là Độ bỉ (đến bờ kia).

- A-đà-ba Kỳ-da Tu-đát-lộ: luật gọi kinh Chúng Đức.

- Tác-giả-đà-xá Tu-đát-lộ: cũng gọi là Tát-già-đà-lợi-xá-na. Luật gọi là Kinh đế kiến dịch là Tát-già-giả-đế-đà-lợi-xá-na.

- Ba-la-diên Tát-già Đà-xá tu-đát-lộ: cũng gọi là: Ba-la-diên Tát-

già Tha-lợi-xá-na, Ba-la-diên dịch là Độ bỉ (đến bờ kia), Tát-già dịch là thật, Đà-xa-lợi-na dịch là kiến.

- Chú Nê-lợi: Nê-lợi là tên một cõi địa ngục (Ni luật Quyển ba).

- Kinh Bạt-đà-ba-la: cũng gọi là Bạt-đà-la-ba-la. Bạt-đà-la dịch là Hiền. Ba-la nghĩa là lực (Thiện tụng - Quyển thứ nhứt).

- Ba-la-da-na kinh: cũng gọi là Ban-la-diên-na, ba-la dịch là Bỉ ngạn (bờ kia), Da-na dịch là Độ, cũng gọi là khứ (đi) (Tăng kỳ - Quyển mười ba).

- Di-sát-tắc-bộ: dịch là đại thần thông, cũng dịch là nắng biệt (luật Sa-di tắc - Quyển thứ mười).

- Ba-la-đề-mộc xoa: dịch là Bỉ, bỉ giải thoát (biệt giải thoát).

- Kinh Tăng Kỳ-đà: dịch là chúng tập (Quyển ba mươi bốn).

- Tăng kỳ phẩm: cũng gọi là Tăng kỳ-đa, dịch là chúng thuyết.

(Thiện kiến luật Tỳ-ba-sa - Quyển thứ nhất).

- Kinh Phạm Võng: dịch là tịnh.

- Kinh Tăng thuật đa: cũng gọi là Tăng hữu đa, dịch là Tương ưng.

- Kinh Thù khuất Đa-la: dịch là khả ái.

- Kinh Khuất-đà-già: cũng gọi là Khuất-đà-la-già, dịch là vi tiểu.

- Ưu-ba-đà-na kệ: dịch là thủ (giữ).

- Tăng dục-đa A-hàm: cũng gọi là Tăng dục-đa A-già-ma (dịch là Tương ưng quy).

- Ương-quật-đa-la A-hàm: Ương quật đa-la dịch là phân thắng.

- Khuất-đà-già A-hàm: cũng gọi là Khuất-đà-la-ca A-già-ma dịch là tiểu quy.

- Bạt tử xà phẩm: dịch là Kim Cang.

- Kinh Già-la-la-ma: dịch là hảo (Quyển thứ hai).

- Chú la-ha chúng thí kinh: Mục la-ha, dịch là dũng.

- Kinh Ương Quật: dịch là thể (Quyển bảy).

- Ba-lợi ba-phẩm: cũng gọi Ba-lợi-bà-bà, dịch là Biệt trụ.

- A-sất-na-sất: tên một bài chú quỷ thần.

- La-đa-na chú: dịch là Bảo.

- Kỳ-bà phẩm: dịch là Thọ mạng (Quyển mười bốn).

- A-năng-già-na chánh kiến kinh: dịch là Vô khổ (Quyển mười lăm).

- A-miễn-ma-na kinh: dịch là Thọ tướng.

- Đàm-ma-la bổn sanh kinh: dịch là Pháp dư (Quyển mười bảy).

- Kiền độ: cũng gọi là Sa-can độ: dịch là thể, cũng gọi là dư hoặc

là phẩm.

(A-tỳ đàm bà-sa Quyển bảy).

- Bà-già-la-na: cũng gọi là Lợi-già-la-na, dịch là Thọ ký.

- Đàn-ma khuất bộ: cũng gọi là Đàn-ma khuất đa, dịch là Pháp hộ (Quyển hai).

- Ma-ha Tăng kỳ: dịch là Đại chúng (Quyển bốn).

- Thủ Lô: cũng gọi là Thủ Lô-già dịch là kệ (Quyển tám).

- Tỳ-già-xá cửu ban đẳng phú: tên một loại quỷ (Quyển chín).

- Ma-la kệ: dịch là hành (Quyển mười bốn).

- Ma-ha-ni-đà-na kinh: dịch là Đại nhân duyên (Quyển mười sáu).

- Tỳ-bà-kỳ-bà-đề: cũng gọi là Tỳ-bà-xà-bà-đề, luận gọi là luận phân biệt.

- Dục-đa-bà-đề: luận gọi là Tương Ưng Luận.

- Tát-bà-đa: là nhất thiết tánh (Quyển bốn mươi mốt).

- Đà-tỳ-la: dịch là đạo đức (Quyển bốn mươi bốn).

- Bạt Cừ: dịch là phẩm, cũng là tụ, cũng gọi là thể (bát kiền độ - Quyển một).

- Bạt Đâu Chương: cũng gọi là Bạt tứ đâu, dịch là Tụ (Quyển thứ bảy).

- A-thấp-ba-la-diên kinh: cũng gọi là A-thấp-bà-bà-la-diên.

- A-thấp-bà dịch là bất an ổn (không an ổn) Ba-la-diên là độ bỉ (bờ kia).

- (Tạp A-tỳ-đàm - Quyển mười ba).

- Chú Xa-bà-la: gọi là Thắng tịnh (kinh Xuất Diệu - Quyển thứ mười).

- Đàm-ma-cúc-đa: dịch là Pháp hộ (Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh - Quyển hai mươi mốt).

- Tát-bà-nhã-đế-bà: cũng gọi là Tát-bà-nhã-đế-bà, Tát-bà-nhã dịch là Nhất thiết trí, Đề-bà nghĩa là Thiên.

- Ca Diếp Tỳ-bộ cũng gọi là Ca Diếp Duy, dịch là tánh.

- Bà-tha-phú-la: cũng gọi là Bà-tha-bất-la, Bà-tha dịch là Độc, Phú-la dịch là Mãn.

- Chân-già-la-tần Bà-la-a-siểm-bà kệ: dịch Chân-già làm sao?

Tần-bà-la là mô thức (cách thức), A-siểm-bà dịch là bất động. (kinh Pháp Hoa Quyển sáu).

- Uất-đà-la-da khế kinh: cũng gọi là Uất-đà-la-da-na, dịch là khởi (Ba-la-mật Bồ-tát Sở Tập Tụ Kiền Độ - Quyển thứ chín).

- A-tỳ-đạt-ma: dịch là thử pháp (kinh Ma-đắc-lặc - Quyển thứ ba).
- Ma-ha Khu-ba-đề-xá: dịch là đạ (Ba-la-mật Bồ-tát Sở Tập Tụ Kiền Độ, Quyển thứ chín).
- A-tỳ-đạt-ma: dịch là thử pháp (kinh Ma-đắc-lặc Quyển thứ ba).
- Ma-ha Khu-ba-đề-xá: dịch là đại thuyết.
- Ca-lô-khu-ba-đề-xá: dịch là thời thuyết.
- Kinh Xá lợi Phất Bàn-nê-hoàn: dịch Xá lợi là tên chim, Phất là con. Ban Nê hoàn là Đại diệt độ (Sanh Kinh - Quyển thứ hai).
- Câu-tát-la Quốc-ô vương kinh: Câu-tát-la dịch là xảo (khéo léo) (Quyển thứ năm).
- Soa-mạt kinh: cũng gọi là Soa-ma (dịch là nhơn: người) (kinh Soa-mạt - Quyển một).
- Tỳ-la kinh: cũng gọi là Tỳ-lê, dịch là dõng (kinh Bảo Như Lai - Quyển thượng).
- Đà-ma-đà chú: dịch là Phục quỹ (kinh Tự Tai Vương Bồ-tát - Quyển hai).
- Kinh A-nậu Phong: dịch là Sơn.
- A-xà Vương nữ A-thuật-đạt kinh: cũng gọi là Ha-thuật-đa-la, dịch là chơn (A-xà Vương nữ A-xa-đạt-đa kinh).
- Kinh Úc-ca Trưởng giả: cũng gọi là Úc-ca-la dịch là Khả võng (kinh Úc-ca Trưởng giả).
- Kinh Phạm-ma-nan Vương: cũng gọi là Phạm-ma Nan-đà dịch là Tịnh hoan hỷ (kinh Phạm Ma Vương).
- Phất Ca-sa Kinh: gọi là Liên hoa bảo (kinh Phất-ca-sa).
- Bà-câu-lư Vấn Đáp Kinh: cũng gọi là Bạt-câu-la, đây là tên của một vị Tỷ-kheo (kinh Bà-câu-lô Đáp Vấn).
- Phật Di-bạch Ma-ni bảo kinh: Ma-ni dịch là châu (kinh Phật Di-bạch Ma-Ni Bảo).
- Hải-đà-lê chú thuật: tên một người nữ (kinh Bồ-tát Thọ Trai).
- Đâu-sa Kinh: dịch là hoan hỷ (kinh Đâu-sa).
- Đâu-sa-đà-la kinh: cũng gọi là Đâu-sa-đà Tỳ-la. Đâu-sa-đà dịch là hoan hỷ. Tỳ-la nghĩa là tinh tấn (kinh Đạo thọ Tam-muội).
- Ma-đăng nữ kinh: cũng gọi là Ma-đăng-già.
- A-di-đà kinh: dịch là Vô lượng quang (kinh A-di-đà).
- Đâu-sa-đà Tỳ-la: Đâu-sa dịch là hoan hỷ, Đà-tỳ-la là Trường túc.
- Tam-mạn Đà-bạt-đà-la Bồ-tát: dịch là Phổ Hiền (Tam-mạn-bạt-

đà-la Kinh).

- Đà-lân-ni kinh: dịch là Trì.
- Ẩu hòa Câu-xá-la kinh: dịch là phương tiện.
- Kinh Tu-đại-noa: dịch là hảo thí (Tu-đại-noa Kinh).
- Kinh Chân thúc già: tên một loài cây (luận Thành Thật - Quyển một).
- Lộ-già kệ: dịch là thế gian.
- A-luân-la-da-ma Kinh: dịch là Mã trụ xứ (Quyển thứ ba).
- Kinh Diệm-ma già: dịch là Song (đôi).
- Tu-thi-ma Kinh: dịch là hảo giới (Quyển mười một).
- San-đà-ca-chiên-diên Kinh: cũng gọi là San-thích-đà-ca-chiên-diên, dịch San-thíc-đà là tín. Ca-chiên-diên dịch là Tánh (họ)

(Trung luận - Quyển thứ ba).

PHÁP DANH NGOẠI ĐẠO - THỨ NĂM

- Vi-đà: cũng gọi là Tỳ-đà (?),(?) (?) Tư-đà hoặc Bì-đà (?), dịch là Trí (Đại Trí Luận - Quyển ba).
- Ba-la-diên kinh: dịch là Độ bỉ ngạn, cũng gọi là chuyến học.
- Đà-la-phiêu: dịch là Vi (Quyển mười).
- Tế-ca-lan-na: Ca-lan-na dịch là Nhĩ (Quyển hai mươi lăm).
- Tăng khứ dịch là chúng.
- Chú Ương-già: dịch là thể (kinh Đại Niết-bàn - Quyển năm).
- Luận Tỳ-già-la: Tỳ-già-la dịch là Vô cảnh, cũng gọi là Vô khuất (Quyển mười hai).
- Cầu-na: dịch là y (Quyển mười chín).
- Luận Ca-tỳ-la: tên một Tiên nhơn (trung A-hàm - Quyển ba mươi tám).
- Y-sất: dịch là vãng.
- Bà-ma: dịch là Tả cố, cũng gọi là bất trực, hoặc gọi là khúc (cong).
- Bà-ma Đề-bà: dịch là bất trực thiên.
- Tỳ-xa: là nhất thiết tác.
- Mật-đa-la: dịch là chu toàn (xoay tròn).
- Dạ-bà-đà-kiền Ni: cũng gọi là Diệm-ma-đà kỳ-nị. Dịch: Diệm-ma-tha là trì. Ni dịch là hỏa.
- Bà-tư-sất: cũng gọi Bà-bà-tất-sất dịch là tối thượng.
- Bà-la-bà: dịch là mẫn.

- A- Sất-ma: cũng gọi là A-tư-sất-ma, dịch là đệ bát (thứ tám) (Trường A-hàm - Quyển mười ba).
- Tỷ-ba-mật-đa: gọi đủ là Tỳ-xá Bà-mật-đa-la dịch là nhất thiết hữu.
- Da-bà-đề-già: cũng gọi là Da-ma-đà-giả-ni dịch là Trì hỏa.
- Ca Diếp là một họ.
- A-lâu-na dịch là hiểu: sáng.
- Cù Đàm: là họ.
- Thủ-di Bà tổn Đà-la: cũng gọi là Thủ-chỉ-bà Tôn-đà-la. Dịch: Thủ-chỉ-bà là tịnh ngữ. Tôn-đà-la là hảo cũng gọi là khả ái.
- Bỉ-đà-xá: Bỉ-đà là cú, xá có nghĩa là nhất thiết (A-tăng kỳ luật - Quyển thứ mười).
- A-miễn Bỉ-đà-xá: A-miễn dịch là trục tiền. Bỉ-đà-xá như trên đã nói.
- Tiện-xà-na: dịch là phân biệt tự.
- A-miễn Tiện-xà-na dịch là trục tiền phân biệt tự.
- Ác-xoa cũng gọi là A-miễn Ác-xoa-la dịch là Tự tự danh bất lưu (mỗi chữ không lưu lại).
- A-miễn: cũng gọi là A-miễn Ác-xoa-la dịch là Trúc tiền tự bất lưu.
- Xiển-đà Tỳ-đà thư dịch là phân biệt tự trí (luật Di-sa-tắc - Quyển ba mươi ba).
- Giai-họa Y-để-ha-tả: cũng gọi là Y-thúc y-để-tư-dạ.

. Y thúc: là nhơn.

. Y-để A-tư-dạ là vô sơ. (Luật Thiện Kiến Sa-tắc - Quyển một).

- A-đáp-bà-ni-da: dịch là kinh ngoại đạo hành pháp (Quyển mười một).
- La-ma-diên-thư: cũng gọi là La-ma-diên-na, dịch là Vương bổn sanh (A-tỳ đàm Bà-sa - Quyển ba mươi ba).
- Nhơn-đề thư: cũng gọi là nhơn-đà-la, dịch là Thiên chủ (Tỳ-bà-sa - Quyển bốn).
- Khư-lâu thư: dịch là như thị (như thế) (Quyển mười một).
- Ưu-bà-già: dịch là cận hành (Tạp A-tỳ Đàm Tâm - Quyển một).
- Ức-lực-Tỳ-đà: dịch là chú nguyện trí (Quyển chín).
- Da-hữu-tỳ-đà: dịch là sự hỏa.
- A-đà-tỳ-đà: cũng gọi là Da-thọ-tỳ-đà dịch là Thí công đức sự.
- Tam-ma-tỳ-đà: dịch là bình sự.

- Luận-lộ-ca-da: dịch là thế vấn (kinh Hoa Đầu - Quyển tám).
- Luận Mạt-già-lợi: dịch là mịch đạo (kinh Bách Cú Thí Dụ - Quyển ba).
- Luận Ty-ca-na: dịch là toại mễ (kinh Phổ Diệu - Quyển hai).
- Phạm khư lưu: dịch là tịnh như thị.
- Phất-ca-la thư: dịch là hoa.
- An-khư thư: dịch là ấn.
- Mạn-khư thư: dịch là ngư ấn.
- Đà-la thư: dịch là trì.
- Khư-sa thư: dịch là biện (bên).
- Phú-sa thư: tên một vì sao.
- Ưu-bà vương Bà-đà-lợi-khi: là cụ túc thư (sách Cụ Túc) (Tạp Kinh).
- A-đà: dịch là phức thứ, cũng gọi là danh văn (Thành Thật Luận - Quyển nhất).

TẠP PHÁP DANH THỨ SÁU

- Kiền để: dịch là thứ đệ (thứ tự) (Đại Trí luận - Quyển thứ hai).
- Ma-ha: dịch là đại, cũng gọi là thắng, cũng gọi là đa (nhiều) (Quyển ba).
- Đàn Việt: dịch là thí chủ.
- Ca-lá: cũng gọi Là-ca (?) la-la, hoặc ca (?) la-la.

Luận gọi lúc thọ thai bảy ngày do sự hòa hợp bất tịnh tạo thành.

- Pha-phù-đà: cũng gọi là A-phù-đà. Luật nói: bào thai hình trạng như tế bào trong tuần thứ hai.
- Già-na: cũng gọi là Kiền-na: trong tuần thứ ba, bào thai như sữa tụ lại.
- Nam-mô Phật: Nam-mô dịch là quý (Quyển bảy).
- Kiếm-Bà-Thạch: cũng gọi là Kiếm-Bà-La, dịch là thâu đăng (Quyển hai).
- A-la Bà-già-na: cũng gọi là Lam-bà-già-na hoặc gọi A-la Bà-già-phi. Dịch là kham ngộ (Quyển hai mươi tám).
- A-đề A-nậu-ba: cũng gọi là Đà-địa A-nậu-ba-đà. A-đề là sơ (ban đầu). A-nậu-ba là bất sanh.
- Xá lợi: dịch là thân, cũng gọi là thể (Quyển hai mươi chín).
- A-thấp-ma-thấp-ma: dịch là thạch (đá) (Quyển bốn mươi tám).
- La-xà: luận gọi là cấu (dịch là trần) (Quyển bốn mươi tám).

- Già-lợi-dạ: luận gọi là hành, dịch là động.
- Na: là bất: không.
- Tiêm cầu: là khinh: nhẹ.
- Đà-ma: thiện, dịch là điều phục.
- Bà-đà: luận gọi là truyền.
- Trà-xà-tha: luận gọi là bất.
- Sa: luận gọi là lục (sáu).
- Hòa-pha-tha: luận gọi là như.
- Dạ-tha-bạt: luận gọi là thật, dịch là định thật.
- Sất-ba: cũng gọi là Tất- nhĩ-ba, luận gọi là chướng ngại.
- Ca-la-ca: cũng gọi là Ca-la nhơn (người Ca-la), luận dịch là nhất thiết (tất cả). Ma-ma-ca-la (?)(?) cũng gọi là (?)(?) Ca-la. Luận gọi là ngã sở.

Ma-ma: là ngã.

Ca-la: là sở.

- Già-đà: cũng gọi là Già-trà. Luận gọi là để (đáy), dịch là thâm để, cũng gọi là thụ (đứng).
- Xà-đề-xa-la: cũng gọi là Kỳ-để-xà-la, luận dịch sanh lão.
- Xa-tu-đa: luận dịch là tịch diệt.
- Khư (?) luận gọi là hư không.
- Xoa-na: luận gọi là họa.
- Ca-đa-ma cầu-na: luận gọi: sự biên đắc hà lợi (việc biên được lợi như thế nào).
- Nhược-na: luận gọi là trí.
- A-tha: luận gọi là ái tha, dịch là nghĩa.
- Bà-già: cũng gọi là bạt-già, dịch là phá.
- Già-xa-đề: luận gọi là khứ (bỏ, đi).
- Hỏa-da: cũng gọi là hà hỏa dạ, luận dịch là hoán (kêu, gọi).
- Mạt-xoa-la: cũng gọi là xoa lợi, luận gọi là san (tiếc).
- Già-na: cũng gọi là Già-nại, dịch là hậu.
- Tha-ma: cũng gọi là Tất-tha-quý, luận dịch là xứ.
- Noa: cũng gọi na: dịch là bất: không.
- Già-la-địa: luận dịch là động.
- Đa-la: luận gọi là (?).
- Bà-trà: luận gọi là tất, dịch là cú (câu).
- A-la-mật: luận gọi là viễn ly (Quyển năm mươi ba).
- Bích-chi-ca: luận gọi là nhân duyên, cũng gọi là các (Quyển bảy mươi lăm).

- Na-ca-la: luận dịch là hành (Quyển chín mươi).

- Uất-đà-già: luận gọi là thạnh (Quyển chín mươi sáu).

- Kiền chùy: dịch là khánh.

- Ma-đa-la-ca: cũng gọi là Mạt-đa-la-ca. Dịch chữ Mạt nghĩa là ngã (phá).

- Đa-la-ca là độ cũng gọi là tế (tế độ).

- Mâu-đà-la: cũng gọi là Văn-đà-la, dịch là cổ (kinh Hoa Nghiêm - Quyển mười hai).

- Vô-phú-già-la: là tên của người (Quyển ba mươi lăm).

- A-da-kiền-đà: cũng gọi là A-dao-kiền-lan-đa. A-dao là thiết, kiền-lan-đa dịch là tỏa (khóa) (Quyển bốn mươi chín).

- Già-la: Già-la dịch là thất (nhà), cũng gọi là cảnh (cổ).

- Xà-duy: dịch là thiêu (kinh Niết-bàn - Quyển một).

- Tiêu-đà-bà: dịch là lam, cũng dịch là sơn (núi), hoặc gọi là Mã (ngựa, là lực hoặc là thủy (nước) (Quyển chín).

- Khư-đà-la: dịch là kháng (Quyển mười lăm).

- Ca-ma-la: dịch là thủy cấu (nước dơ).

- Bà-ha: dịch là quyết lưu (Quyển hai mươi ba).

- Xà-na: cũng gọi là tiễn-na, dịch là chúng hoặc là người.

- Đạt-Sấn: cũng gọi là Đạt-sấn-noa, dịch là bố thí (Tăng nhất A-hàm - Quyển một).

- Già-già: cũng gọi là Già-già-nại, dịch là không (Quyển hai mươi mốt).

- Câu-đế: cũng gọi là Câu-hy, dịch là thắng (Trung A-hàm - Quyển thứ sáu).

- Ưu-đà-la: dịch là quảng đại (Quyển hai mươi bảy).

- Nhân-đà-la: dịch là chủ (Quyển ba mươi ba).

- Tỳ-ma-lâu-sác: cũng gọi là Tỳ-ma-lô-sa, Tỳ-ma dịch là thạnh, Lư-sa là sân (Quyển bốn mươi mốt).

- Y-xa-na: dịch là tự tại (Quyển năm mươi bốn).

- Thủ-ha-na: dịch là hiếu đã (Trường A-hàm - Quyển một).

- Già-lưu: dịch là Quang (Tạp A-hàm - Quyển hai).

- Tỳ-tất-đa: cũng gọi là Bà-tu-sất, dịch là tối thắng, dịch là ngữ.

- Uất-để-ca-tu-đa-la: cũng gọi là Uất-để-ma-đa-tu-la. Dịch Uất-để-ma là tối thượng. Tu-đa-la là pháp bổn.

- Bạt-cầu-tỳ-xà-da nan-đề: dịch là Bạt-cầu nghĩa là thắng. Tỳ-xà-da là tối thắng, Nan-đề là hoan hỷ (Quyển năm).

- Già-la-ca: dịch là di sử (sai khiến).

- Thâu-lũ-na: dịch là văn (nghe).
- Già-ba-lợi-chi-đề: cũng gọi là Già-ba-la triết thừa.

Dịch: Già-ba-la là động. Triết thừa là công đức.

- Cù Đàm Vô-câu-lâu-đà-chi: cũng gọi là Cù-đàm Câu-lâu triết thừa.

Cù Đàm là hảo. Câu-lâu là tác. Triết thừa là công đức.

- Ca-xà Thi-lợi-ba-chi-đề: cũng gọi là Già-xà thi-lợi-sa triết thừa. Già-xà là nước. Thi-lợi-sa là tên cây (Quyển bảy).
- Y-la-bàn-na: Y-la dịch là hương. Bàn-na dịch là lâm.
- Y-la-kỳ-bà-lợi-đầu: cũng gọi là Phất-già-la thời ba thiền đấu. Dịch phất-già-la dịch là nhơn. Thời-ba là mạng.
- Ba-la-lợi-phất: cũng gọi là Bà-đa-lợi phất-đa-la (Quyển hai mươi chín).

Ba-đa-lợi dịch là thọ-đa, Đa-phất-đa-la dịch là tử.

- Tán-đà-ca-đản-diên: cũng gọi là Tỳ-lật-đà-ca-đản-diên. Tỳ-lật-đà là lão, đản-diên là họ (Quyển mười ba).
- Bà-la-na: Bà-na-na-tư. Bà-la dịch là thắng, Tư là giang (Quyển hai mươi).
- Tỳ-cổ-già-na: dịch là chủng chủng quang (Quyển hai mươi hai).
- Tát-xà: dịch là tụng (Quyển hai mươi bốn).
- A-nậu-hỏa-tát-la: cũng gọi là A-nậu-bạt-xoa-la. Dịch A-nậu là tùy. Bạt-xoa-la là niệm (Quyển ba mươi sáu).
- Đảnh-kết-chi-dí: Chi-dí dịch là tụ (Thập Tụng Luật Tự - Quyển một).
- Bàn-xà-bà-sắt hội: cũng gọi là Bàn-già-la-bà, cũng gọi là Bàn-xà-can-sắt. Bàn-già dịch là ngũ. La-bà dịch là thánh (Sơ Tụng - Quyển năm).
- Phú-la: dịch là mãn (Đệ Nhị Tụng - Quyển hai).
- Chu-la: dịch là đảnh kết, cũng gọi là tiểu.
- Uất-đề-xá: dịch là thuyết.
- Xà-thích-sất: cũng gọi là Xà-lật-tư-sất dịch là kiến (Đệ Tam Tụng - Quyển bảy).
- Ma-đát-la-ca: cũng gọi Ma-chí-lợi-ca dịch là nữ bổn.
- Ma-ma-đế-đế-đế-đà-la: dịch là trì.
- Xà-đà: cũng gọi là Xa-na-nại, dịch là tri.
- Xà-đà: cũng gọi là Xà-na-nại, dịch là tri.
- Tát-phi-mộc: cũng gọi Tát-bà dịch là nhất thiết.
- Nhương-xá-ma-già: dịch là diệt cầu.

- Tát-phi-đa-la: cũng gọi là Tát-bạt-đa-già dịch là nhất thiết ly.

- Tỳ-lâu-lợi-đa-tha (?): cũng gọi là Tỳ-đầu-la-đa-tha.

Tỳ-đầu-la dịch là viễn ly: Đa-tha nghĩa là như thị (như thế).

- Tỳ-la-địa: Đa-tỳ-la-để dịch là bất tác.

- La-bát: cũng gọi là Ba-sác dịch là ố.

- Đầu-sất-tương-cấu: cũng gọi Độc-ha-na-cấu. Dịch là khổ biên tận (dứt hết khổ biên).

- Niết-lâu-già-đề: cũng gọi là luật-già-đề, dịch là như thị thuyết.

- Già-la: cũng gọi là Già-ca-la, dịch là thâu (Quyển bảy).

- Ma-đắc-lặc-già: dịch là mẫu bổn (Bát Pháp Quyển bảy).

- Cưu-ma-la: dịch là đồng (trẻ con) (Tạp Tụng, Quyển ba).

- Ba-la: dịch là bỉ ngạn.

- Để-dạ-mậu: dịch là thâu (Ni Luật Quyển bốn).

- Để-dạ-như-na: dịch là thâu lâm.

- Man-đề-sất-sắt: dịch là hoàng.

- Lô-da-na-sắc: cũng gọi là Lô-già-na dịch là Ngưu-hoàng.

- Ha-lợi-đà-la-sắc: dịch là thư hoàng.

- Bạt-khư-lợi-ba-la: Bạt-khư-lợi là quốc, ba là nghĩa là hộ (Ưu-ba-ly Quyển hai).

- Ma-na-già: dịch là Mạn hành.

- Lâu-già Lô-ế-ni: cũng gọi là Ca-na-già-lô-ế-ni dịch là hoàng liên.

- Tát-da-la: dịch là cộng yếu (Thiện Tụng - Quyển thứ nhất).

- A-lam: dịch là lâm.

- Kế-lợi-sa-bàn: cũng gọi là kế-lợi-sa-cổ-na dịch là tiền số (Tăng Kỳ Luật - Quyển thứ ba).

- Tỳ-câu-la: dịch là vô sở.

- Câu-ha-sất: còn gọi là Câu-ha-tiêm dịch là phổ.

- Tu-ma-la: dịch là hảo cấu (Quyển sáu).

- Mạn-trà-tiêm: dịch là viên (Quyển mười sáu).

- A-lợi-da-tăng: cũng gọi là A-lợi-da Tăng-già, dịch là thính chúng (Quyển ba mươi).

- Kỳ đề sanh A-tỳ-bát-thi: bạt-đề là tụ. A-tỳ-bát-thi là bất kiến (Quyển bốn mươi bốn).

- Thi nhẫn la-lại-ni pháp: cũng gọi là thức Xoa-ca-la-ni. Thức xoa là học, Ca-la là khả tác. (Tứ Phần Luật - Quyển mười lăm).

- Man-ê-đà-la: dịch là đại thiên chủ (Đệ Tam Phần - Quyển một).

- Thi-xa ba trượng: cũng gọi là Thắng-xà-bà, dịch là mộc (Đệ Tử Phần - Quyển thứ ba).
- Ma-ha-la: dịch là đại (lớn) (Quyển ba).
- Già-na Úy-thiền: dịch già-na là hậu (dày), Úy-thiền là tên nước.
- Da-xá Tô-man-na: Da-xá dịch là danh văn (nghe danh), Tô-man-na là ý tốt (hảo ý).
- Tam-phù-đà: dịch là hảo sanh.
- Phù-xá-tô: dịch là khả cúng dường.
- Tô-a-di: dịch là công sanh (Quyển sáu).
- Nhị-sai-ma: dịch là bất nhẫn.
- Câu-xá: có nghĩa là Tạng.
- A-miễn-bà-đà: dịch là hiếu bỉ (Quyển thứ tám).
- Dục-đà-già: là hòa hợp (luật Di-sa-tắc - Quyển một).
- Tỳ-phú-la: dịch là quảng đại.
- Ưu-ba-đầu: dịch là khởi.
- Ưu-bà-xa dịch là cận y chỉ.
- Ưu-bỉ-hại: dịch là cận lai.
- A-hàm dịch là lạc (vui) (Quyển hai mươi hai).
- Tắc-đà: luật gọi là tạp sự, dịch là ấm, cũng gọi là tu. (Luật Thiện Kiến Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Bà-lợi-bà-la: luật gọi là Tam Bảo Trí yết-ma, dịch là biệt trụ.
- Kiền-đà-ba-lợi-ba-la: Tư-kiến-đà là âm, Ba-lợi-bà-la là dực tung(theo).
- Căn-mâu La-ba-lợi-da: cũng gọi là Căn-ma Mâu-la Ba-lợi-da. Căn-ma là nghiệp, mâu-la gọi là căn, cũng gọi là bổn, Ba-lợi-da là bỉ.
- Ương-quật Đa-la: Ương-quật dịch là thể, Đa-la dịch là thắng.
- Ni-ba-đa: dịch là đọa lạc.
- Tỳ-ma-da: dịch là điện.
- Ty-đa-thế: cũng gọi là Ty-đa-sĩ, dịch là Vãng tha mẫu.
- Xám-tỳ-đà: dịch là từ biện.
- Tăng-già: dịch là chúng.
- Đâu-ca-tha: dịch là nguyệt ngữ.
- Da-ma-ca: dịch là song (đôi).
- Bát-xoa-bức-ca-la: dịch là sí thương sắc (cánh sắc xanh).
- Phân-na-kỳ-ca: phân-na là mãn, kỳ-ca là dật: đầy.
- Tha-bạt-thậu: dịch là trụ xứ.
- A-tỳ-can-đa: luật gọi là trưởng vậy, dịch là quá (qua).

- Tỳ-ha-la: luật gọi là ý nghĩa.
- Cưu-sất-già-la-sa-la: dịch là đảnh điện hậu.
- Kiền-thư: là tên của tất cả vật.
- Mâu-đông-già-na-địa già: cũng gọi là Mỹ-lý-đằng-già-na-địa-già. Dịch Mỹ-lý-đằng-già dịch là pha (?)(?).
- Na-địa-già: là thanh (nghe) (Quyển ba).
- Bà-lược-căn-na-la-y: cũng gọi Bà-tỳ Căn-lăng-na La-lợi.
Bà-tỳ là quá, Căn-lang-na là chỉ, La-lợi là mỹ.
- Sa-lãng-cầu-xã dịch là thật thanh.
- Phạm quỷ cầu xả: là dõng mãnh thanh.
- Vị-xa-cầu-xả: dịch là nhuyễn thanh.
- Đàm-ma Tăng-già ni-da: là ứng pháp chúng.
- Ca-tư-na: dịch là quang minh (Quyển năm).
- Tu-đà-ni Tỳ-ba-sa: Tu-đa-ni dịch là hảo thật. Tỳ-bà-sa là quảng thuyết.
- A-ba-lâu-gia: luật gọi là tiểu tiểu, bạch tuyền (Quyển thứ bảy).
- Mạn-đà: dịch là tối thắng (Quyển tám).
- Tư-ni-dụ: dịch là quân nhơn.
- Ma-sa-ca: dịch là nguyệt.
- Ca-lợi sa-ban: cũng gọi Thuyết-lợi-sa-ban. Dịch nhất vũ.
- Ma-la: dịch là hoa.
- Ta-bạt: cũng gọi tha-tha-tha (?(?)(?) dịch là hữu tội.
- Phú-ban-na: dịch là thần triêu (sớm).
- Ha-ban-lan-nhã: dịch là tha trung.
- Chu-la: dịch là thâu (Quyển thứ mười).
- Bạt-xà: luật gọi là tỵ (tránh).
- Khuất-đà-ca: dịch là vi tế.
- Tam -bạt-đà: dịch là tích ngộ (ngữ).
- Bạt-đa: dịch là quy tắc.
- Ha-la: dịch là thủ.
- Tỳ-bà lợi-na: cũng gọi là Tỳ-bạt sát-la dịch là dục thuyết.
- Cù-đa: Cù-đa-la tên một vì sao.
- Chu-la tỳ-đa-la: cũng gọi Chu-la tỳ-đà-na dịch là tiểu thọ (Quyển mười lăm).
- Ma-ha tỳ-đa-la: Ma-ha ty-đa-na dịch là đại thọ.
- Ca-la-ni: dịch là khả tác.
- Đầu-ma: dịch là yên: khói.
- Câu-diệm-di kiền độ: Câu diệm di là tên nước, kiền độ là tụ,

cũng dịch là ấm (Quyển mười tám).

- Chiêm-bà kiền-độ: Chiêm bà là tên nước.
- Ma-di: dịch là hữu hóa.
- A-câu-lô-xa: dịch là mạ (mắng) (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển thứ tám).
- Câu-lô-xa: dịch là hoán (gọi).
- A-miễn-sất: dịch là huệ (ân) (Quyển chín).
- Tỳ-thi: dịch là nội điện (Quyển mười bốn).
- Ba-la-xa-ha: dịch là hại tha lạc (hại cái vui khác).
- Bà-xa: dịch là tự thệ.
- Bạt-na: luận gọi là sắc tánh (Quyển mười bảy).
- Ba-đà-lợi: luận gọi là âm trầm (Quyển hai mươi mốt).
- A-la-bà: dịch là bất ngữ (Quyển hai mươi bảy).
- Đa-la -bà-la: đà la nghĩa là tư duy, bà la là lực (Quyển bốn mươi sáu).
- Ca-lăng-gia-súc: dịch là tế hoạt.
- Ma-na: dịch là ý.
- Ni-duy Quang-nhã-na-a tiên nhã: cũng gọi là Di-bà-tiên-nhã na-a-tiên-nhã. Dịch: Di-bà-tiên-nhã là phi tưởng, na-a-tiên-nhã là phi phi tưởng (Quyển ba).
- A-la: dịch là thủ (Quyển một).
- Ba-sa: dịch là tự tại.
- Kỳ-la: dịch là vô thanh.
- Ưu-bà-lam: cũng gọi là Ưu-bà-lam-bà. Luận gọi là nhiếp tương ưng (Quyển mười bảy).
- Đâu-xá: dịch là khang (trấu) (Quyển hai mươi).
- Tăng-xá-ma: dịch là chí tịch.
- Tát-ba-xỉ-la-tỳ-tỷ-lật-đa: cũng gọi là Tát-ba là nhất thiết. Xỉ-la là xứ. Tỳ la-hi là bất tác.
- La-ma-na: dịch là hý (Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Ca-lam: Ca-lam-ma dịch là hảo (Quyển hai).
- Tỳ-đà-sư: dịch là y tức (Quyển bốn).
- Tăng khư: dịch là A (?).
- Tỳ-la-nhã: tên sông (Quyển bảy).
- Già-di-ni: dịch là khả vãng (Quyển tám).
- Sa-la phúc diện: dịch là bà-la tên một loại cây (Quyển chín).
- Chi đề: dịch là giác (Tạp A-tỳ-đàm Tâm - Quyển thứ mười).
- Ưu-bà bà-tố: dịch là tế (tế độ) (Quyển mười hai).

- Tỳ-đà tinh tú tự thiên: Tỳ-đà dịch là Trí (Đại Phương Đẳng Đại Tập Quyển mười chín).

- Ma-ni-bạt-la thiên tự: cũng gọi Ma-ni-bạt-đà-la dịch là châu hiền (kinh Hiền Ngu - Quyển một).

- Cừu-lưu: dịch là trọng (Quyển bốn).

- Na-la-kỹ: dịch là Na-la dã nhơn. (Quyển ba).

- Lộ-già-da-đà: dịch là thế gian hành (kinh Pháp Hoa - Quyển năm).

- Ba-lợi-sư-ca-do-đăng: dịch là song sanh (Quyển sáu).

- Na-bà-ma-lợi-do-đăng: Na-bà-là-tạp. Ma-lợi là hoa.

- Cù-ma-da: dịch là ngưu mã.

- Xa-dạ: kinh gọi là hy vọng (Quyển bảy).

- A-địa a-xà-dạ: kinh dịch là cực hy vọng.

- Dục-đa-ma-ni: dục đa dịch là tương ưng, ma-ni là mạn (lờn, không thả).

- Y-ni-diên: dịch là thứ thời (thứ: nhiều) (Quyển thứ tám).

- Tát-hòa-tát: cũng gọi là Tát-bà Tát-đỏa. Dịch là nhất thiết chúng sanh.

(kinh Quang Tán - Quyển thứ nhất).

- Ca-lợi tiên trực: Ca-lợi dịch là thời (kinh Ma-đắc-lặc-giả - Quyển thứ nhất).

- A-san -đề cũng gọi là A-san-đề-ha, dịch là vô nghi (Quyển thứ năm).

- Tỳ-băng-già: dịch là vô thể.

- Na -lợi-sang: Na-lợi dịch là lậu. (kinh Quán Phật Tam muội - Quyển thứ hai).

A-để-da-ngữ: dịch là bất thâu (Ưu-bà-tắc Giới Kinh - Quyển bốn).

- Tỳ-bát-la: cũng gọi là Tỳ-bát-đa-la, dịch là vô diệp.

- Tỳ-xá-la: dịch là quang.

- Già-la-tỳ-la thanh: Già-la dịch là sĩ, Tỳ-la dịch là hảo.

- A-la-bà-già-na: dịch là kham ngự.

- Tăng-na: Tăng-na-ha, dịch là khải (áo dày) (Quyển ba).

- Ý-tư-đà: dịch là ức trí (Tập Danh Số Tam Thừa - Quyển một).

- A-tỳ-đà: dịch là vô trí.

- Ma-tỳ-đà: dịch là mạt trí.

- Nhĩ diễm: dịch là khả trí. (Phật Sở Hành Tán - Quyển hai).

- La-ma: dịch là hý.

- Tôn đào bất tôn đào: dịch là khả ái, đại khả ái (Quyển thứ ba).
- Cầu-ni cầu-na: dịch là hữu công đức công đức.
- Các thiếu quyết ta: dịch là bất hảo lãnh, cũng gọi là bất thành (Quyển thứ năm).
- A-thố: dịch là nhất trần (Lăng Già A-bạt-đa-la Thật Kinh - Quyển một).
- Xá lợi bà-sa: dịch là phần tử.
- Lại-đề-ma-sa: dịch là tế thanh.
- Ma-sa-đà-na: dịch là tiểu thí.
- Đà-ma-la: dịch là vật.
- Bà-la: Tứ vũ.
- Ba-la-di-lâu: ba-la: tứ vũ. Di lâu là tên núi.
- Tu-đà bàn-na: dịch là tịnh lâm.
- Đà-la Thích-ca: dịch là Măng trì (Quyển bốn).
- Bất-xà-đà-la: dịch là phá thành.
- Già-ca-hòa: kinh gọi là bạch hữu.
- Thế danh-la: kinh gọi là Tương đạo (kinh Duy-ma-cật - Quyển một).
- Tam bạt chí: kinh gọi là sở bình đẳng.
- A-lê-ha: kinh gọi là sát tặc. (kinh Tọa Thiền Tam-muội - Quyển một).
- Tỳ-xỉ: kinh gọi là Tỳ-địa-da cũng gọi là minh.
- Già-la-na: kinh gọi là Thiện minh, dịch là động.
- Tam-bàn-na: kinh gọi là mãn, dịch ra là cụ (đầy đủ).
- Đầu-bà-già-bà: cũng gọi là Phật Đầu-bà-già-bà. Kinh gọi làsân nữ căn, dịch là giác công đức.
- A-soa-mạt: kinh gọi là vô tận ý (Soa-mạt Kinh - Quyển ba).
- Căn-bà-ma-thố: dịch là Thiên nhơn (kinh Đại Thông Phương Quảng Sám Hối Diệt Tội - Quyển hạ).
- Tăng kỳ vật: dịch là đại chúng.
- A-lâu-na: dịch là hiểu (sáng) (Trung Bổn Khởi Kinh - Quyển một).
- Ẩu-ha-sa: cũng gọi là Uất-bà-sa. Kinh gọi là minh khai tích, dịch là minh (A-xà-thế Vương Kinh - Quyển thượng).
- Tỳ-lô-giá-na: dịch là chủng chủng quang (kinh Hiện Tại Phật Danh - Quyển một).
- Nhơn-đà-la-ca-la: dịch là thiên chủ thời (Quyển thứ hai).
- Mâu-sa-la: dịch là động.

- Sa-hô-bát-để-uất-bà-đà: Sa-hô là năng nhẫn, Bát-để là chủ, Uất-ba-đà là khởi.

- Ma-đầu-la-lai: là tên nước (kinh Pháp cổ).

- Ca-da-lợi: dịch là tánh (họ), (Quyển hạ).

- Tam-ngưu-xà: dịch là Biến hỉ (Di-lặc Bổn Nguyên Đãi Thời Thành Phật Kinh).

- Tỳ-ngưu-xà: dịch là chủng chủng thời.

- Tỳ-xá-già-đạt: dịch là tinh (sao).

- Xá-bà-đế cũng gọi Thi-la-bà-để, dịch là tên nước.

- Ba-la-ngưu-xà: dịch là bỉ thoát (thoát khỏi kia).

- Tỳ-xá-đà: dịch là chánh trực.

- Tỳ-ma-đế: dịch là nghi.

- Ha-sất-ngưu-la: dịch là phá dõng.

- Bà-xá Tăng-già-ma: Bá-xá dịch là trụ xứ, Tăng-già-ma dịch là phùng trị.

- A-bà-thâu: dịch là vô biên.

- Bà-xà-na: dịch là thắng hệ (dây buộc).

- Như-xá-kiệt-mục: cũng gọi An-già-la mục khứ, dịch là hải diện (kinh bào thai).

- Tu-sa-ni: cũng gọi là ma sa ni, dịch là trưng gian. (kinh Thập Nhị Đầu Đà).

- Da-sa-đà-lợi: là đại danh văn.

- Ưu-tỷ: dịch là địa (kinh Phật Thần Lực Cứu Trưởng Giả Trở).

- Vô-tha-kỳ: dịch là hoan hỷ.

- Hoàn-na-cưu-lâu: cũng gọi là Bà-na cưu-lâu. Bà-na: dịch là lâm. Cừu-lâu dịch là tác. (kinh Bồ-tát Thọ Trai).

- Đà-vô-đà: dịch là hoan hỷ.

- Đàm-vô-ca: cũng gọi Đàm-ma-ca, dịch là lạc.

- A-duy-lâu-thi-lợi: cũng gọi A-lợi-da-thi-lợi, dịch là thánh cáo.

- Đà-lâu-đàn-na: Đà-lâu dịch là mộc, đàn-na dịch là thi.

- Thủ-lăng: cũng gọi là Thủ-lăng-già thạnh. Dịch là dõng.

- Tu-ma-đề: cũng gọi Tu Tam-ma-đề. Dịch là hảo vậy. Tam-ma-đề là nhất tâm.

- Câu-lâu-đàn: cũng gọi là Câu-lâu-đàn-na. Câu-lâu là tác. Đàn-na là thi.

- Ma-ha-diễn tam bạch chí: cũng gọi là Ma-ha-da-na tam bạt chí. Dịch Ma-ha-da-na là đại quả, Tam bạt chí là cụ. (kinh Ban Chu Tam muội).

- Tỳ-thi-tất: Tỳ-ni-da-tát-đỏa. Dịch Tỳ-ni-da là giáo hóa, Tát-đỏa là chúng sanh. (Quán Hư Không Tạng Bồ-tát Kinh).

- A-di-lợi chúng: cũng gọi là A-lợi-da. Dịch là Thánh (kinh Thiên Mạng Quá).

- Tát-la-mộc: dịch là sanh (cây sam) (Tiển Dụ Kinh).

- Đa-la-mộc: dịch là trọng.

- Xá-la-mộc: dịch là quảng.

- La-nga-lợi-mộc: cũng gọi là Da-già-lợi. Dịch là cánh.

- Ba-la: dịch là lực.

- Na-la: dịch là hoạch (được).

- Bát-hòa-la: dịch là nhuận (Đạo Thọ Kinh).

- Tất-chư-các: cũng gọi là Tát-lợi-da-lộ-ca. Dịch là lạc thế gian. (kinh Tân Tuế).

- Ma-ha-ba-la hội: dịch là đại hộ.

- Nam-mô Phật-tát: cũng gọi Nam vô Phật-đà-tát-trà.

Nam-mô Phật-đà: quy giác. Tát-trà: là thật.

(Kinh Ngũ Bá Đệ Tử Tự Thuyết Bổn Khởi Binh).

- Nam-mô Đàm-tát: cũng gọi là Nam-mô kiến-ma tát-trà, dịch là quy pháp thật.

- Nam-mô tăng-tát: cũng gọi Nam-mô Tăng-già tát-trà, dịch là quy chúng thật.

- Bà-la-bà để: dịch là độ bỉ (bờ kia).

- Ma-bà-lợi: dịch là bất hoạch.

- Hoằng-đầu ma- đề: tên sông.

- Nam-mô phạm-tát: cũng gọi là Nam-mô phạm-ma-tát-để-da.

Nam-mô dịch là quy phạn, na là tịnh. Tát-để-da là thật.

- Nam-mô Thích-tát: cũng gọi là Nam-mô Thích-ca da-tát-đỏa.

Nam-mô là quy, Thích-ca dạ là họ, tát-đỏa là chúng sanh.

- Ba-cư-đế: cũng gọi là Ba-la ký-lợi-để. Ba-la là sơ (ban đầu). Ký-lợi-đế là nghiệp.

- Ưu-lâu-khư: tên một vị tiên nhơn (Thành Thật Luận - Quyển hai).

- Ca-mặc: cũng gọi là Ca-ma phần, dịch là ý lạc.

- A-tỳ la-lãm: truyện gọi là tâm hỷ.

- Già-cư-la: gọi là tử hợp.

- Cầu-ha-lũ-xa: truyện gọi là Nghiêm thạch thất (nhà đá nghiêm tịnh).

- Ca-diên: truyện gọi là nhất tình nhập.

- Đà-ly-la: truyện gọi là sơn cốc gian (nhà núi).
- Bà-lưu-na: truyện gọi là tinh thần (ngôi sao).
- A-già-bà-trà: truyện gọi là đệ nhất.
- Bất-ca-la: tên một loại hoa sen (Quyển bốn).
- Bà-na-bà-sa: dịch là lâm trụ.
- Ba-ca-la: dịch là độ bỉ ngạn.
- Kiền-nhã: dịch là thảo số.
- Đại-ban-chu-sắt-đàn: dịch là hiểu (Lịch Quốc Truyện - Quyển hai).

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 2

- Bồ-tát danh - Phần thứ bảy.
- Bồ-tát trụ địa danh - Phần thứ tám.
- Bồ-tát Quán hạnh danh - Phần thứ chín.
- Bích chi Phật danh - Phần thứ mười.
- Tỷ-kheo danh - Phần thứ mười một.

DANH HIỆU BỒ TÁT THỨ BẢY

- Bồ-tát: cũng gọi là Bồ-đề đỏa.

Luận gọi Bồ-đề là đạo, Tát đỏa là chúng sanh, cũng gọi là Đại trí. Luận về đại tâm dịch là tinh tấn, cũng gọi là dõng mãnh trong tám nghĩa như thế. Quyển thứ nhất.

- Di-lặc: dịch là Từ thị.
- Ma-ha-tát: Ma-ha-tát-đỏa.

Ma-ha dịch là đại, Tát-đỏa là chúng sanh (Quyển thứ tư).

- Tu-đà tu-ma vương: Tu-đà là gian, Tu-ma là nguyệt.
- A-già-la Bồ-tát: dịch là bất động.
- Văn-thù-sư-lợi: cũng gọi là Mạn-thù sa-thi-lợi, cũng gọi Văn Thù thi-sa.

Luận gọi là Diệu đức, Mạn-thù-sa dịch là khuẩn (nấm hương) cũng gọi là Tạng, lợi nghĩa là kiết (tốt) (Quyển sáu).

- Bạt-đa-ba-la Bồ-tát: luận gọi là thiện thủ, dịch là hiền lực (Quyển bảy).
- Thích-na-na-già-la Bồ-tát: luận gọi là bảo tích, Thích-na là bảo, Na-già-la là kinh kỳ.
- Na-la-đạt Bồ-tát: cũng gọi là Na-la-đạt-đa, Na-la dịch là người, Đạt-đa là giữ (cho).
- Tỳ-ma-la-cật: Tỳ-ma-la-cật chương Tỳ là vô sắc, Ma-la là cấu.

Kết chướng là xưng, cũng gọi danh văn (Quyển thứ chín).

- Tát-đà-luân Bồ-tát: cũng gọi Tát-thích-đa-bà-la.

Luận gọi là thường, Tát-thứ-đa là tín, Ba-la là thủ (Quyển hai mươi mốt).

- Thi khí Bồ-tát: luận gọi là diệu ý (Quyển ba mươi).

- Tu-ma đề Bồ-tát: cũng gọi là tu, Ma-ha dịch là đại (Quyển bảy mươi chín).

- Di-đế lệ lực lợi Bồ-tát: Di đế lệ dịch là từ (Quyển tám mươi tám).

- Ưu-bát-la hoa đức Tạng Bồ-tát: Ưu-bát-la dịch là hoa đại sắc (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).

- Đàm vô kiệt: cũng gọi là Đàm-ma-già-na, Đàm-ma dịch là pháp, Già-na dịch là chúng.

- Lô-xá-na Bồ-tát: Lô-xá-na có nghĩa là Thắng nhãn.

- Phạm vương chu-ma Bồ-tát: Chu-ma dịch là tiểu.

- A-dật-đa cũng gọi là A-thời-đa, dịch là Vô thắng (Đại ban Niết-bàn kinh - Quyển mười bốn).

- Tán chỉ Bồ-tát: dịch là tụ tập (Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh - Quyển hai mươi).

- Bà-tu-mật Bồ-tát: cũng gọi là Ba-tu mật-đa-la. Trong kinh gọi Bà-tu-mật là địa quán, dịch là Bảo hữu. (kinh Hiền Ngu - Quyển thứ nhất).

- Thạch ma vương Bồ-tát: cũng gọi là thiện-ma, dịch là sanh (kinh Anh Lạc Bồ-tát - Quyển một).

- Nhơn-đà-đạt Bồ-tát: cũng gọi là Nhơn-đà-đạt- la, hoặc Nhơn-đề-đạt, dịch là Thiên chủ (kinh Hoa Thủ - Quyển một).

- Ca-sa tướng Bồ-tát: Ca-sa dịch là nhiễm y (Quyển thứ hai).

- Bảo-di-lâu Bồ-tát: Di-lâu có nghĩa là Quang.

- Bà-la-diên Bồ-tát: dịch là độ bĩ (bờ kia).

- Phất-ba Bồ-tát: là tên vì sao.

- Đề-xá Bồ-tát: dịch là ngôn thuyết.

- Da-xá Bồ-tát: dịch là danh văn (Quyển thứ năm).

- Ni-dân-đà-la Bồ-tát: dịch là địa trì.

- Tam-mưu-đà Bồ-tát: dịch là chánh hỷ.

- A-trù-na Bồ-tát: dịch là vô giảm.

- Câu-lưu-tôn đề Bồ-tát: dịch là lãnh trì.

- A-tỳ-bà đế Bồ-tát: cũng gọi A-tỳ bạt chí, dịch là bất khuất (Thập Trụ Đạo Kết Kinh - Quyển một).

- Di-cấu-lộ: dịch là từ (kinh Ba-tu-mật - Quyển một).

- Di-cấu-lộ lực lợi: dịch là từ lực.
- Tăng-già-la-sát: dịch là chúng hộ.
- A-dật Di-lặc: cũng gọi là A-thời-đa Di-lặc, dịch là vô thắng từ (Quyển hai).
- A-la Di-lặc: dịch là thắng từ (Quyển tám).
- Bạt-đà-hòa Bồ-tát: cũng gọi là Bạt-đà-bà-na, dịch là hiền lâm (Quang Tán Kinh, Quyển thứ nhất).
- La-lân-na kiệt Bồ-tát: cũng gọi Na- lân-đà-la dịch là nhơn vương.
- Ma-ha-tu bồ-hòa Bồ-tát: cũng gọi là Ma-ha-tu Bồ đề. Dịch là Đại hiếu đạo.
- Nhơn-để-đạt Bồ-tát: cũng gọi là nhơn-đề-đa-đạt-đa. Dịch là Thiên vương.
- Ca-lan: cũng gọi là Ca-lan-đà: tên nước (kinh Độ Vô Cực - Quyển thứ hai).
- A-duy-tam Phật Bồ-tát: cũng gọi A-tỳ-tam Phật-đà: dịch là đại giác (Tăng-già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển một).
- Đà-la-ni Bồ-tát: dịch là thời (Đại Thông Phương Quảng Diệt Tội Trạng Nghiêm Thành Phật Kinh - Quyển thượng).
- Phạm võng Bồ-tát: cũng gọi là phạm võng xa, dịch là tịnh phân.
- Ca Diếp Bồ-tát: là họ.
- Thích-ma-nam Bồ-tát: cũng gọi là Thích-ca ma-na-bà. Dịch Thích-ca là năng, ma-na bà là niên thiếu tịnh hạnh.
- Câu-lâu Bồ-tát: dịch là khư.
- Ba-ky-đầu Bồ-tát: cũng gọi là Bạc-diêu-đầu. Bạc dịch là ngữ, diêu đầu là tràng (kinh A-xà-thế - Quyển một).
- Xà-da-mạt Bồ-tát: cũng gọi là Xà-da-mạt- để, dịch là thắng ý.

(Văn Thù Hiện Bảo Tạng Kinh, Quyển hạ).

- Già-la-ha đạt-đa Bồ-tát: dịch là thọ dữ (kinh Trì Thế - Quyển hạ).
- Tu-lại: cũng gọi là Tu-la, dịch là Thiên.
- Na-lại: cũng như kinh Tu-lại, gọi na-la, dịch là nhơn (người).
- Nhược-na Sư Lợi Bồ-tát: Nhược-na là Trí. Sư lợi là kiết (kinh Cầu Phật Bổn Diệp).
- Đàm-muội-ma-đề Bồ-tát: cũng gọi là Đạt-ma-ma-để, dịch là pháp ý.
- Sư lợi ma-đề Bồ-tát: cũng gọi là Ma-để, dịch là kiết ý.

- Câu-na ma-đề Bồ-tát: Cầu-na ma-để, dịch là đức ý.
- Đọa-da-ma-đề Bồ-tát: dịch là từ ý.
- Sa-đầu ma-đề Bồ-tát: cũng gọi là Sa-đầu ma-để, dịch là thiện ý.
- Nhược-na-ba-đề Bồ-tát: là trí ý.
- Sa-già-ma-đề Bồ-tát: cũng gọi là Tát-già ma-để là thật ý.
- A-già-ma-đề Bồ-tát: cũng gọi A-ca-ma-ha-để là vô dục ý.
- Sa-la-ma-đề Bồ-tát: quảng ý.
- Tát-thứ-ma-đề Bồ-tát: cũng gọi là Tát-bà-ma-để, dịch là nhất thiết ý.
- Đàn-na Sư lợi: dịch là thí kiết.
- Quần-ma Sư lợi: dịch là công đức kiết.
- La-lân Sư lợi Bồ-tát: cũng gọi là Na-lân-đà Sư-lợi, dịch là Nhơn vương kiết (kinh Đâu-sa).
- Phất-đà Sư lợi: dịch là sơ kiết.
- Niết-la Sư lợi: dịch là đại kiết.
- Duy-xà Sư lợi: cũng gọi Tỳ-xà-da-sư-lợi, dịch là Thắng kiết.
- Đàm-ma Sư lợi Bồ-tát: là pháp kiết.
- Tam-mạn đà-bạt đà-la Bồ-tát: dịch là Phổ Hiền.
- Đàm-ma-ca Bồ-tát: cũng gọi Đàm-ma-ca-da dịch là Pháp thân. (kinh Thập Nhị Nhân Duyên).
- Già-lợi Bồ-tát: dịch là động (kinh Duy Bạch Tạp Nan).
- Đàm-ma Bồ-tát: dịch là pháp (kinh Vô Cực Bảo Tam-muội).
- Ma-na-đề Bồ-tát: dịch là Man đoạn.
- Càn-đà ha-đề Bồ-tát: càn đà lợi đề dịch là hương (kinh A-di-đà).
- A-di-đà Ma-ha-tát: cũng gọi A-do-đà Ma-ha-tát. A-do-đà dịch là mạng (kinh Đạo Thọ Tam-muội).
- Tam-ma-đề-bát: cũng gọi Tam-ma-đề ba-đằng-đa. Tam-ma-đề dịch là định, Ba- đằng-đa dịch là chí. (kinh Hoa Hưu Nhứt).

BỒ TÁT TRỤ ĐỊA DANH THỨ TÁM.

- Ty-bạt-chí: dịch là thoái (hư) (Đại Trí Luận - Quyển một).
- A-tỳ bạt chí: cũng gọi là A-duy việt chí, dịch là bất thoái.
- Cưu-ma-la gia-địa: cũng gọi Cưu-ma-la phù, dịch là đồng nhơn (Quyển hai mươi chín).
- Dữu-ca già-la phù-mê: kinh gọi là Tu hành địa.

- A-thuần nan-đà: A-lợi-thọ nan-đà, dịch là Trực hoan hỷ.
- Đái-xỉ phù-di: dịch là quá địa (kinh Di-lặc Bổn Nguyện Đãi Thời Thành Phật).
- Đàn-bà phù-di: dịch là ỷ địa.
- Đàn-ma-đà phù-di: dịch là pháp dữ địa.
- Già-đề phù-di: dịch là đạo địa.
- Bát-nhã phù-di: dịch là trí địa.
- Tỳ-xá la-di: dịch là quảng địa.
- Bát-đế tam-tỳ-đa phù-di: dịch là chí biện địa.
- A-nậu sai-bà phù-di: dịch là đọa nhẫn địa.
- A-bà-sai phù-di: dịch là A-bạc-sai phù-di: dịch là vô tướng vi địa.
- Tam-ma đa-bạt-sai ma-bạt-sai phù-di: dịch là Đẳng giới nhẫn tướng vi địa.
- Xà-đề-soa-dạ-phù: cũng gọi là xà-đề-soa-dạ, dịch là sanh diệt địa.
- Ba thâu tam ban Bồ-tát pháp trụ: dịch là đại cụ túc (kinh Đấu Sa).
- Thâu-la-xà Bồ-tát pháp trụ: dịch là đại vương.

BỒ TÁT QUÁN HẠNH DANH THỨ CHÍN

- Đệ nhất nghĩa tất đàn tướng: Tất đàn dịch là thục vân nghiệm vị (Đại Trí luận, Quyển một).
- Thủ Lăng Nghiêm: dịch là kiện tướng, hoặc dõng kiện (kinh Đàm suất).
- Bát-nhã-ban Tam-muội: cũng gọi là Bát-thích chu-ban-na, dịch là Hiện tiền định (đệ tứ quyển).
- Đàn Ba-la-mật: Đàn-na Ba-la-mật-đa, luận gọi Ba-la là bỉ ngạn, Mật là đáo, Đàn- na dịch là thí, cũng gọi là xả.
- Thi-la: luận gọi là tánh thiện, dịch là giới.
- Sằn-đề: luận là nhẫn nhục.
- Tỳ-lê-da: luận là tinh tấn.
- Thiền: cũng gọi là Thi-na-na khả phản, dịch là tư duy.
- Bát-nhã: luận là huệ, cũng gọi là trí huệ.
- Đà-la-ni: cũng gọi là Đà-lân-ni, luận gọi là Năng trì, dịch là trì.
- Ba-la-mật-tha: luận gọi là Đệ nhất nghĩa (Quyển bốn mươi tám).

- Ẩu-hòa câu-xá-la: Ẩu-ba-câu xá-la, Ẩu-ba là đại, Câu -xá-la là phương tiện (Quyển hai mươi sáu).
- La-ma-già Tam-muội Pháp môn: La-ma-già là du hư (kinh La-ma-già - Quyển một).
- Ẩu -hòa Câu-xá-la Ba-la-mật: dịch là đại phương tiện cứu cánh (kinh Đâu Sa).
- Ba-du-ca Tam-muội: dịch là đại.
- Ưu-bà-di-để: cũng gọi Ưu-ba-da-để, dịch phương tiện tánh.
- A -tiêu-ba-di-để: A-chí-ba-da để dịch là cực phương tiện.

BÍCH CHI PHẬT DANH THỨ MƯỜI

- Bích chi Phật: Bích chi dịch là Duyên giác, cũng gọi là Độc giác (Đại Trí Luận - Quyển hai).
- Đàm-ma Bích chi Phật: Đàm-ma dịch là pháp (kinh Hiền Ngu - Quyển mười hai).
- Tu-đàm-ma Bích-chi Phật: dịch là hiếu pháp.
- Ca-la Bích-chi Phật: dịch là hắc (kinh Pháp Cú - Quyển hai).
- (?) Ca-la-thi-khí: Ca (?) la-thi khí. Ca dịch là thời, thi khí là hỏa (Độc Lưu Trưởng Giả Tài Vô Thôn Kinh).

DANH HIỆU TỲ KHEO THỨ MƯỜI MỘT

- Tỷ-kheo: luận gọi là Khất sĩ, cũng gọi là Bố ma (Đại Trí Luận - Quyển ba).
- Tăng: cũng gọi Tăng-già, dịch là hòa hợp chúng (Quyển một).
- Sa-môn: cũng gọi Sa-văn-da. Dịch là tức tâm, cũng gọi văn thuyết.
- Xá lợi Phất: Xá lợi là tiếng chim, vì mắt mẹ của người như chim xá lợi, Phất có nghĩa là con.
- Tu Bồ đề: Tu là hảo, Bồ-đề là đạo. Đạo cũng gọi là trí.
- Xa-nặc: Cũng gọi xiễn-đà, cũng gọi xiển-na. Dịch là ứng tác, cũng gọi là phú tăng.
- A-nan: dịch là hoan hỷ.
- Ma-ha-câu-hy-la: cũng gọi câu (?) (?) hy-la. Ma-ha là đại. Cấu Hy-la là thắng.
- Đề-bà đạt: cũng gọi Đề-bà đạt-đa hoặc gọi điều đạt. Đề-bà dịch là thiên, đạt-đa là dữ.

- Câu-ca-ly: cũng gọi là Cù-già-lợi hoặc Cù-già-ly, dịch là hà thời.

- A-nê-lô-đậu: cũng gọi là A-ni-luật đà cũng gọi là A-na luật. A-na luật-đà dịch là vô chướng (Quyển hai).

- Ma-ha Ca-diếp: Ca Diếp là họ.

- Kiều phạm ba đầu: cũng gọi là Kiều phạm Bát-đề, hoặc gọi là Già-phạm-bát-để. Già-phạm dịch là ngưu, ba-để dịch là chủ.

- Ma-ha Mục-già-liên: chữ Cù-luật-đà cũng gọi là kiền liên. Đây là một dòng họ lớn. Luận gọi con của chiêm sư gọi là nhã cú luật đà.

- La-hầu-la: cũng gọi là la-vân. La-hầu dịch là chướng nguyệt, la là trừ.

- A-nhã kiều trần như: cũng gọi Câu liên như, cũng gọi A-nhã câu lân. A-nhã kiều trần như dịch là vô trí.

- Ưu-ba-lợi: cũng gọi Ưu-ba-ly, ưu dịch là phần (?), ba lợi là hộ.

- Tu-lân Na-ca-lan-đà: tu dịch là hảo, lân-na là dữ (cho, cùng), lan-đà là tên một thôn.

- Tất-lăng-già Bà-tha: Tất-lăng-già là tên trẻ con, Bà-tha là con.

- Thi-lợi khuất-đa: cũng gọi là Thi-mạo-đa. Thi-lợi dịch là kiết, Khuất-đa là giảm cũng gọi là hộ (Quyển ba).

- Phú-lâu-na: cũng gọi là Phú-lâu-na Di-da-la-ni-tử. Phú-lâu-na dịch là mãn, Di-đà-la dịch là từ nữ.

- Cù-đề-ca: Cù-để-ca dịch là xảo ngữ.

- Ma-kiền-đề: dịch là cầu đạo.

- Côn-lư-đề-ca: cũng gọi là côn-lư-pha-ca, dịch là chúng sở tôn kính.

- Ba-kỳ-tử: cũng gọi là Ba-dã-mi, cũng gọi là Bạt-kỳ-tử, dịch là hiếu từ.

- Bạt-đề: dịch là hiền.

- Ma-ha-nam: cũng gọi Ma-ha-na-ma dịch là đại danh (danh lớn).

- Thi-bà-la: cũng gọi Thi-ba-la (?) (?) dịch là uẩn phiên.

- A-gi (?) đà: cũng gọi là A-vị-đa, cũng gọi A-di-sĩ dịch là vô thắng.

- Ca-chiên-diên ni-tử: dịch Ca-chiên-diên là họ, ni là người mở (Quyển bốn).

- Sạn-đề-tỳ-ni: là nhẫn nhục.

- Ưu-ba-cúc Tỷ-kheo: cũng gọi Ưu-ba-khuất-đa, cũng gọi Ưu-ba-cúc-đề, dịch là đại hộ (Quyển mười).

- Ba-tha phất-cấu-lộ: cũng gọi Bạt-tha phất-đa-la. Bạt-tha dịch là độc (trâu nghé) cũng gọi là Phất-đa-la-đa-tử.

- Đạt-nhị-già Tỷ-kheo: cũng gọi là Đạt-thi-ca, cũng gọi là đàn-ni, dịch là hữu vật.

- A-thuyết thị Tỷ-kheo: cũng gọi làA-tỏa-bảo dịch là mã thắng.

- Ma-đà-la: dịch là Ma-ha-đà-la, dịch là đại trí.

- Đề-xá Luận sư: dịch là ngôn thuyết.

- Ưu-ba đề-xá: Ưu-ba đề-tả, ưu-ba dịch là toại, đề-xá là tinh (ngôi sao), dịch là cận thuyết.

- La-tần-chu Tỷ-kheo: cũng gọi là La-tỳ, dịch là cảm vật chí lợi dưỡng (cảm vật đưa đến, lợi dưỡng).

- Ẩu-lâu-tần-lũy Ca-diếp: cũng gọi là Ưu-lưu-tỳ, cũng gọi Uất-tỳ-la Ca-diếp, Ẩu-lâu-tần-luy dịch là mộc cô, Ca-diếp là họ.

- Bà-tha thủ-la: Bà-tha dịch là độc cũng gọi là tánh (họ), thủ-la là nam.

- Diêm-bà A-la-hán: cũng gọi Diệm-bà, Diêm-bà dịch là cấm chế (Quyển hai mươi hai).

- Bạt-câu-la Tỷ-kheo: cũng gọi Ba-câu-lư dịch là bồ dung nghi.

- Tô-ma: cũng gọi là Tu-ma, dịch là nguyệt.

- La-bà-na bạt-đề: la-bà-na dịch là tung (gội rửa), bạt-đề dịch là hiền (Quyển hai mươi ba).

- Ương-quần-lợi-ma-la: cũng gọi Ương-khuất-ma, dịch là chỉ đàn hoa (Quyển hai mươi bốn).

- Chú-lợi-bàn-bà-già: cũng gọi là chu lâm ban thời, cũng gọi Câu-lợi-bàn-đặc. Chú lợi: dịch là Tiểu-bàn-đà-già dịch là lộ.

- Tôn-đà-la Nan-đà: Tôn-đà-la dịch là ái, cũng dịch là hảo. Nan-đà dịch là hoan hỷ.

- Tu-na-sát-đa-la: cũng gọi là Tu-na-sát-đa-tu dịch hảo, Na-sát-đa-la là tên ngôi sao.

- Da-xá: cũng gọi da-thế-kỳ, dịch danh vấn.

- Lệ-bạt-đa: dịch là kim.

- Am-bạt-sất: cũng gọi là Am-bạt-tư-sất. Dịch là ái kính mẫu (Quyển hai mươi lăm).

- Tân-đồ-la phả-la-đỏa: cũng gọi Tân-đầu-lư phả-la-đọa. Tân-đồ-la dịch là khất thực. Phả-la-đỏa là họ (Quyển hai mươi sáu).

- Ma-đầu bà-tư-sất: Ma-đầu là mật, bà-tư-sất là tàng, cũng dịch là thắng.

- Tỷ-kheo uất-đa-la: cũng gọi uất-đa-lâu, Uất-đa-la dịch là tỳ

cũng gọi là thắng, cũng gọi là hỷ (Quyển hai mươi bảy).

- Tỷ-kheo Tu-man-nhĩ: dịch là hảo ý, cũng gọi là hảo man (Quyển hai mươi chín).

- Tu-niết-đa-la: cũng gọi Tu-ni-đa dịch là hảo nhãn (Quyển ba mươi mốt).

- Ưu-đà-da: dịch là xuất, cũng gọi là khởi (Quyển ba mươi ba).

- Ha-đa thích tử: cũng gọi Ha-đa Thích-ca cũng gọi là Ha-đa. Ha-đa hoặc dịch là hại, cũng gọi là thắng, Thích-ca dịch là năng (Quyển ba mươi bốn).

- Tỷ-kheo A-lợi-sất: cũng gọi A-lợi-sắt-sất cũng gọi A-lật-sất, dịch A-lợi-sắt-sất là vô hoán thọ (Quyển chín mươi ba).

- Tô-đà-di: dịch là cộng xuất (Quyển chín mươi bảy).

- Ni-tha: dịch là quần nghị.

- Cứu-ma-la kỳ-bà: Cứu-ma-la dịch là đế, kỳ-bà dịch là mạng, cũng gọi là thọ (Quyển chín mươi chín).

- Ly-bà-đa: cũng gọi Lợi-bà-đa cũng gọi Ly-việt-đa là tên ngôi sao (Hoa Nghiêm Quyển ba mươi bảy).

- Tu Bồ đề: dịch là hảo trí, cũng gọi là hiếu đạo.

- Nan-đà: cũng gọi là Nan-đồ, dịch là hoan hỷ.

- Kim-tỳ-la: dịch là khổng phi khổng.

- Bát-kiến-đề: cũng gọi Bát-lợi-tư-kiến-đề dịch là lực (Đại Niết-bàn kinh Quyển mười).

- Na-la-diên: dịch là lực.

- Kỳ-bà: dịch là mạng.

- Ma-linh-la đạo nhơn: dịch là điềm (Quyển hai mươi mốt).

- Tu-bạt-đà-la: cũng gọi Tu-bạt-đà-la-ma-a, cũng gọi là Tu-bạt. Tu-bạt-đà-la dịch là hiếu hiền, Ma-ha-la dịch là lão (Quyển hai mươi ba).

- Da-xa-phú-na: Da-xa dịch là sanh văn, Lưu-na dịch là mãn.

- Tỳ-ma-la-xà: dịch là vô cấu.

- Tu-bà-hậu: dịch là hảo my (mắt đẹp).

- Na-đề Ca-diếp: tên sông.

- Già-na Ca-diếp: tên nước.

- Bà-la lưu-chi: Bà-la là thắng, lưu-chi là nhạc (lạc).

- Tỷ-kheo Đàm-ma lưu-chi: dịch là pháp nhạc.

- Ưu-bà-ma-ra: dịch là thí dụ.

- A-thúc-ca: cũng gọi A-thâu-ca dịch là vô ưu (Quyển ba mươi sáu).

- Soa-ma ca-la: Soa-ma là nhơn (người), ca-la là tác.
- Ưu-ba-phiến-đà: cũng gọi là Ưu-ba-phiến-đa dịch là đại thúc.
- Tô-để: cũng gọi Thâu-lâu-để dịch là văn (nghe).
- Diếp-ba mật-đa: Diếp-ba dịch là mật, mật-đa dịch là trí thức.
- Ưu-đa-la: dịch là thắng (Tăng Nhất A-hàm - Quyển một).
- Ma-ha-đề-bà: dịch là đại thiên.
- Mục-già: dịch là thanh đậu.
- La-sắt bà-la: La-sất là quốc, ba-la dịch là thắng.
- Tần-đầu-lư: dịch là khất, cũng dịch là lạc.
- Nan-đề: dịch là hoan hỷ, cũng gọi là Nan-đề già.
- Thi-la: dịch là thạch sơn.
- Phù-di: dịch là địa.
- Bà-ta: dịch là tử.
- Đà-tổ: dịch là khổ.
- Na-đề: Na-đề-ha dịch là nghi.
- Ba-ca-lợi: cũng gọi làBạt-ca-lợi, dịch là thọ (cây).
- Bà-đà: dịch là ngôn thuyết.
- Tư-ni: dịch là tất.
- Nan-đà-ca: cũng gọi nan-đà dịch là hoan hỷ.
- Ưu-bà-tiên-lan-đà: cũng gọi Ưu-bà-tiên-bà-la dịch là đại hoan hỷ.
- Bà-đà-tiên: cũng gọi là Bạt-đà-tư-na dịch là hiền quân.
- Ưu-đầu-ban: cũng gọi Ưu-đầu-bà-na dịch là tỉnh lâm.
- Câu-ma-la Ca-diếp: Câu-ma-la dịch là đồng (trẻ thơ).
- Bà-đề-bà-la: cũng gọi Bạt-đà-ba-la dịch là hiền hộ.
- Ương-ca-xà: dịch là thể sanh.
- Ca-đặc-lợi: cũng gọi Ca-đà-lợi dịch là cam ngư.
- Thâu-đề (?) cũng gọi là Thậu-đệ (?) dịch là tịnh trừ, cũng gọi là hiệu định.
- Tăng Ca-ma: dịch là kiều lương (cầu).
- Chất-đa Xá lợi Phất: chất-đa dịch là tâm.
- Na-la-đà: dịch là hỏa dữ (cho lửa).
- Tỳ-lô-già: cũng gọi Tỳ-lư-già-na dịch là chủng chủng quang minh.
- Kỳ-lợi-ma-nan: cũng gọi là Lợi-ma-na. Kỳ-lợi dịch là sơn, Ma-na dịch là mạn.
- Đàm-di: cũng gọi là di-thi dịch là ngoan độn.
- Tỷ-kheo Đà-bà-già: cũng gọi Lợi-na-bà-già, dịch là ái ngữ.

- Đà-ma: dịch là tịch tịnh.
- Tu-đà-la: cũng gọi là Tu-lại-đà dịch là thiện đắc.
- Na-già-bà-la: năng thủ.
- Bà-tư-sất: tối thắng.
- Tu-dạ-xa: dịch là hiếu danh văn.
- Nhĩ khê: cũng gọi là di-kha dịch là tịnh vân.
- Ni-câu-lưu: cũng gọi Ni-câu-lư-tha, hoặc gọi Ni-câu-lâu-đà dịch là bất sân.
- Càn-trà: dịch là tiền (Quyển mười một).
- Ma-ha tích-na: cũng gọi là Ma-ha Di-đà dịch là đại sân (Quyển mười ba).
- Bà-kiệt: cũng gọi Bà-già-la dịch là hải (Quyển mười chín).
- Cù-bà-ly: cũng gọi Cù-bà-ly, cũng gọi Cù-bà-lợi dịch là thủ ngưu.
- Mạt-khư-lơi: cũng gọi Mạt-già-khư-lợi, hoặc gọi bát-khư-lợi, dịch là tánh (họ).
- Mậu-la: tên ngôi sao.
- Phá quần: cũng gọi phá quần na, hoặc gọi pha cầu na là tên sao.
- Đề-xá: cũng gọi là để-xá, dịch là quang minh.
- Mâu-lợi-phá-nhã dương thố: cũng gọi là Mâu-la-phá-quần-na, mâu-na dịch là căn, phá-quần-na là tên sao (Trung A-hàm Quyển năm).
- Cù-ni sư: cũng gọi Cù-nhị sư, dịch là Minh kham (Quyển sáu).
- A-nhiếp: A-nhiếp sĩ, dịch là bất thệ (Quyển tám).
- Cù-lệ: dịch là chủng tánh.
- Duy-ma-la: cũng gọi Tỳ-ma-la, Tỳ dịch là vô, ma-la dịch là cấu.
- Bân nhục: cũng gọi là bân quân, dịch là phước đức.
- Di-ế-nhã: cũng gọi Ma-ế-đà-la, dịch là đại thiên chủ (Quyển mười).
- Chất-đa-la: dịch là chủng chủng (Quyển hai mươi).
- Ô-đà-di: cũng gọi làƯu-đà-di, dịch là xuất (Quyển hai mươi chín).
- Phất-ca-la-bà-lợi: Phất-ca-la dịch là liên hoa, bà-lê dịch là thật.
- Tam-di-đề: cũng gọi Tam-di-để, dịch là nhất thiết phụ (Quyển bốn mươi ba)được
- Lộ-di-cường-kỳ: cũng gọi Lô-hy-đa-di-già, Lô-hi-đa dịch là xích

(đỏ), di-già: là tên sông.

- Kiền-trà: dịch là cân (Trường A-hàm - Quyển một).
- A-tỳ-phu: dịch là vô thắng.
- Tam-bà-bà: cũng gọi là Tam-phả-bà, dịch là tương ưng cũng gọi là sanh.
- Phù-du: cũng gọi là bà-du, dịch là phong.
- Uất-đa-ma: dịch là tối thượng.
- Tỳ-lư: cũng gọi là Tỳ-lư-bà, dịch là khả ác.
- Thư-bàn-na: cũng gọi thâu-bàn-na.
- Xiễn-nỗ: dịch là phúc (che) (Quyển bốn).
- Tam-mật-ly-đề: cũng gọi Tam-mỹ-lý-để (dịch là thường ức) (Tạp A-hàm - Quyển một).
- Đà-sa: dịch là khổ.
- Soa-ma: cũng gọi sở-ma cũng gọi là tiên ma, dịch là an ổn.
- Ưu-ba-tư-ma: cũng gọi Ưu-ba-tư, dịch là dục tác (Quyển chín).
- Xiển-đà: dịch là dục tác, cũng gọi là hà (ráng) (Quyển mười).
- Lặc-xoa-na: dịch là hộ (Quyển mười bảy).
- Ma-ma-đề: dịch là tự chủ.
- Ca-ma: dịch là ái dục (Quyển hai mươi mốt).
- Na-già-đạt-đa: Già-na dịch là long, cũng gọi là sơn.
- Lợi-tê-đạt-đa: cũng gọi là Lợi-sư-đạt-đa hoặc Lợi-sư-đạt, dịch là tiên.
- Ma-ha(?)ca: cũng gọi Ma-hà(?) ca, dịch là đại thân.
- Ưu-ba-ca: dịch là cận thân (Quyển hai mươi hai).
- Ba-la-kiện-trà: dịch là thủ bịnh.
- Phất-ca-la-bà-lợi: Phất-ca-la là liên hoa, bà-lợi là thật.
- Bạt-đề-kiện-đà: dịch là hiền kiết.
- Ba-hưu-nan-đề: dịch là đa hỷ.
- Bà-tư-sấu-thố: cũng gọi Bà-la-phả-tư-sấu, dịch là đại tự tại.
- An-già-đà: dịch là tý lũ (Quyển hai mươi lăm).
- Ưu-bà-na: dịch là thí dụ (Quyển hai mươi tám).
- A-đề-mục-đa: cũng gọi A-đề-mục-đa-già dịch là giải thoát, cũng gọi là ái lạc.
- Tỷ-kheo Phú-lân-ni: dịch là mãn an (Quyển ba mươi tư).
- Da-xá-xứ-la Ca-tỳ-ha-lợi: tên chùa dịch Văn Thù (Quyển ba mươi sáu).
- Bà-ký-xá: cũng gọi là Đa-kỳ-xa dịch là tự tại ngữ.
- Cù-để-ca: dịch là thủ ngưu (Quyển bốn).

- Na-đề-ca: dịch là khổng thuyết.
- Bạt-ca-lợi: dịch là thọ bì (dạ cây).
- Na-già-đạt-đa: dịch là long (Quyển năm mươi).
- Ca-la: dịch là hắc, cũng gọi là thời (Bài Tựa Thập Tụng Luật - Quyển một).
- Ma-ha-lư: cũng gọi Ma-ha-la. Dịch là lão, cũng gọi là vô trí.
- Ma-ha-ca-la: dịch là đại hắc.
- Tu-đề-na: dịch là hảo, cũng dịch là thiện.
- Ca-lan-đà-tử: Ca-lan dịch là mỹ.
- Ca-lâu-đà-di: cũng gọi Ca-lưu-đà-di, Ca-lâu dịch là thời, đà-di dịch là khởi.
- Da-xá-đà Ca-la-đề: Ca-xá-đà dịch là danh văn điển, Ca-la-đề dịch như trên.
- Tam-bồ-già: dịch là cộng cung.
- Tăng-già-đà: dịch là biến tổ.
- Sa-già-đà: cũng gọi Sa-kiệt-đà, cũng gọi là Sa-già-đa, dịch là thiện lai.
- Bạt-nan-đà: cũng gọi là Ba-nan-đà, dịch là hiền hỷ.
- Sa-la: dịch là ốc vũ (nhà).
- Cấp-xà Tô-di-la: cấp-xà là khúc cảnh, tô-di-la dịch là nguyệt minh.
- Tu-ma-na: Tu là hảo, ma-na là man.
- Tát-bà-già-la: Tát-bà dịch là xà, già-la là cảnh (cổ).
- Sa-la-da thâu đa: Sa-la là ốc (nhà), thâu đà là danh văn.
- Ba-lợi: dịch là hộ (Quyển ba).
- Đạt-ni-sất: cũng gọi Đàn-ni-sất, là tên một ngôi sao (Sơ Tụng - Quyển một).
- Thâu-tỳ-đà: dịch là khả ái (Quyển hai).
- Đà-phiêu-lực-sĩ-tử: Đà-phiêu dịch là mao thảo (cỏ mao) (Quyển bốn).
- A-lan-nhi: cũng gọi là A-lan-nhã dịch là tịch tịnh xứ.
- Di-đa-la: dịch là trí thức.
- Phù-ma: dịch là địa.
- Thi lợi: dịch là kiết.
- Đạt-ma: dịch là pháp (Đệ Nhị Tụng - Quyển hai).
- Tỳ-ha Tỷ-kheo.
- Đạt-ma đề-na: cũng gọi là Đàm-ma-đề-na, Đạt-ma dịch là pháp, Đề-na dịch là cùng (dữ).

- Bàn đặc: cũng gọi Bàn-đặc-tha-ca dịch là lộ (Quyển năm).
- A-kỳ-đạt: cũng gọi A-kỳ-đạt-đa dịch là hỏa (Đệ Nhị Tụng - Quyển một).
- Thâu-lan-nan-đà: cũng gọi Tất-thâu-lan-nan-đà dịch là đại thiện (Quyển bốn).
- Ma-già: tên vì sao (Thất Pháp - Quyển một).
- Tỳ-hỉ-đà: dịch là phúc (Quyển bảy).
- Ý-sư-đa: cũng gọi y-sư-đa hoặc nhất sất, dịch là ái chúng (Quyển tám).
- Phân-để-lợi-sư Đạt-đa: Phân-để dịch là tịnh, Lợi-sư-đạt-đa dịch là tiên (nhập pháp - Quyển hai).
- Ban-trà-lư-già: ban-thọ-lư-già, dịch là thất sắc bịnh (Quyển ba).
- Tỷ-kheo Già-phu-đà: cũng gọi Già-bổ-đà dịch là điểu cưu (chim cưu) (Tạp Tụng - Quyển thứ nhất).
- Ma-già-lợi-câu: cũng gọi Mạt-lợi-câu, mạt-già dịch là đạo, lợi-câu dịch là mích (tìm) (Quyển hai).
- Ban-xà-da Tỳ-la-trà: cũng gọi Ban-xà-da-tỳ-lan-trà. Dịch ban-xà-da là thắng, Tỳ-da-lan-trà là bất tác.
- Ni-kiền-đà-nhã-đề-tử: ni-kiền-đà là vô hệ (không trói buộc), Nhã-đề là họ.
- Ca-câu-đà-già-chiên-diên: Ca-cầu-đà dịch là lãnh, ca-chiên-diên là họ.
- A-kỳ-đà-sí-xá khâm phi-la: A-kỳ-đà dịch là thắng, xí-xá khâm phi-la là vinh phát.
- Chiên-đà: dịch là nguyệt, cũng gọi là dõng.
- Tô-đà: cũng gọi Tô-lư-đà dịch là văn (nghe).
- Chu-la-nan-đề: cũng gọi Chu-la-nan-đề dịch là tiểu thiện.
- Na-la Tỷ-kheo: dịch là thu.
- Đà-tát: dịch là ứng.
- Bà-la: dịch là hộ.
- Di-đa-la: dịch là từ (Luật - Quyển một).
- Đề-xá-lợi: dịch là hối quá.
- Ưu-ba Đề-xá-ni: dịch là đại hối.
- Đề-xá Ba-na-ni: cũng gọi Đề-xá-bà-la-bà-đà, đề-xá dịch là hối quá (hối lỗi), Ba-la-ba-ni là kim chí (đến nay).
- Đề-xá Lặc-xoa-đa-ni: Lặc-xoa-đa dịch là hộ.
- Bạt-đà: dịch là đại, cũng gọi là hiền.

- La-tư-sất: dịch là quốc.
- Bà-la-sất: cũng gọi là Bà-la-thích-tư-sất, dịch là tha quốc.
- Tu-xà-đa: dịch là hảo sanh.
- Lam-bà-na Tỷ-kheo: dịch là thùy (Ưu-ba-ly - Quyển một).
- Bạt-đà Ca-tỳ-la: cũng gọi Bạt-đà-la-ca-tỳ-la. Bạt-đà-la dịch là hiền, Ca-tỳ-la dịch là quân (xúm xít) (Quyển hai).
- Tô-đà-di: dịch là cộng xuất.
- Tu-thi-ma: dịch là hảo giới.
- Hòa-tu-đạt: cũng gọi Bà-tu-đạt-đa dịch là bảo.
- Xá-ma-đạt-đa: cũng gọi Xà-ma-đạt-đa dịch là tịnh.
- Thâu-tỳ-đà: dịch là hảo trí (Quyển bốn).
- Thi-lợi-da-bà: dịch là kiết hạnh (hạnh tốt) (Tăng Kỳ Luật - Quyển bốn).
- Bạt-xứ: cũng gọi là Bạt-tha dịch là độc.
- Đà-phiêu-ma-la-tử: cũng gọi Đà-cát-tỳ-da-ma-la. Đà-cát-tỳ-da dịch là vật, ma-la là họ, cũng gọi là lực.
- Ma-ế-sa-đạt-đa: cũng gọi Ma-ế Khâm-la-đạt-đa dịch là đại tự tại.
- Tỷ-kheo Đạt-lại-sất: cũng gọi Đà-cát-tỳ-da-ca-lư, dịch là kiến (Quyển mười hai).
- Đà-phiêu-ca-lư: Đà-phiêu dịch là vật, Ca-lư dịch là hắc (Quyển mười ba).
- Xá-na: dịch là thọ bì (da cây) (Quyển mười bốn).
- Mãn-trà: dịch là trì (chậm) (Quyển mười sáu).
- A-xà-đổ: dịch là vị sanh.
- Bạt-đà-lợi: dịch là hiền (Quyển mười bảy).
- A-phù-bà: dịch là trưởng lão (Quyển mười chín).
- Na-di-sí: dịch là quân chủ (Quyển hai mươi).
- Chiêm-bà Tỷ-kheo: dịch là hoàng hoa (Quyển hai mươi sáu).
- Thọ-đề-đà-bà: Thọ-đề dịch là hỏa, đà-bà là giả.
- Bàn-đầu-lư: dịch là xích hoa (Quyển ba mươi ba).
- Pha-đầu-tẩy-na: cũng gọi pha-cầu-tẩy-na, pha-cầu dịch là vô thật, tẩy-na nghĩa là quân.
- Thổ-la: dịch là hỏa.
- Tu-mật-sĩ: là thiện tri thức.
- Phất-sa Bà-đà-la: là tinh hiền.
- Đề-na-già: đề nghĩa là phương (?), na-già là tượng.
- Kỳ-bà-già: dịch là mạng hạnh.

- Cừ-xá-la: cũng gọi Cù-xa-la, dịch là ngưu ốc (nhà trâu).
- Ma-ha-na: cũng gọi Ma-ha-na-đà dịch là đại thanh.
- Mục-sĩ: dịch là thoát.
- Cự-ế: ốc vũ (nhà).
- Kỳ-đa: dịch là ca-hý.
- Đà-sa-bà-la: dịch là thập lực.
- Lại-sất-ba-la:; dịch là quốc hộ.
- Ca-lợi Tỷ-kheo: dịch là hắc, cũng gọi là thời.
- Bạt-xà Tỷ-kheo: cũng gọi là Bạt-xà-la. Dịch là kim cang (Tứ Phần Luật - Quyển một).
- Ca-lâu Tỷ-kheo: dịch là tác hoặc gọi là tánh (họ).
- Vật lực già-nan-đề Tỷ-kheo: dịch là gia hỷ.
- Thủy bà-ma-la: cũng gọi Đạt-bà-ma-la. Đạt-ba-ma nghĩa là mao (cỏ mao) ma-la là hoa.
- Tam-văn-đạt-đa: cũng gọi Tam-vật đà-la-đạt-đa dịch là hải.
- Khiên-trà đạt-bà: Khiên-trà dịch là âm, cũng gọi là cân. Đạt-bà là mao (cỏ).
- Ca-lưu-la đề-xá: cũng gọi Ca-lưu-là-tỳ-xá, Gia-lưu-la là kim xí điểu, Tỳ-xá là thuyết.
- Đà-thất-bà: cũng gọi là thi-bà, dịch là bất an ổn.
- Phú-lâu-bà-bà: dịch là mãn trụ.
- Bà-lợi-bà-sa Ma-na-đỏa: cũng gọi Bà-lợi-bà-sa Ma-na-đỏa, Bà-lợi-bà-sa dịch là biệt trụ. Ma-na-đỏa là lục nhựt pháp vậy.
- Bàn-đà Tỷ-kheo: cũng gọi là ban, dịch là lộ.
- Na-già-bà-la Tỷ-kheo: Na-già dịch là long Bà-la dịch là hộ.
- A-thấp-tỳ-ma-ha-ma-nam: cũng gọi A-thấp-tỳ-ma-ha-na-ma, A-thấp-tỳ dịch là bất xảo, Ma-ha-na-ma dịch là đại danh văn (Quyển một - phần hai).
- Ban nhược: dịch là tưởng (Quyển mười hai).
- Bạt-đà-la: dịch là hiền.
- Ca-la-phú-la: Ca-la dịch là kim, Phú-la là mãn (Quyển thứ ba).
- Am-bà-la-bà-đề: Am-bà-la là tên cây, đề-bà dịch là lang.
- Ma-di: cũng gọi ma-la, dịch là hóa.
- Ma-ế-na: cũng gọi Ma-ế-đà-la dịch là đại thiên chủ.
- Bất-na-bà: dịch là cánh tạp (Đệ Tứ Phần - Quyển một).
- Đà-ế-la-bà-bà-na: cũng gọi Đà-ha-la-ưu-ba-bà-na, Đà-ha-la dịch là tiểu niên. Ưu-ba-bà-na dịch là hậu trường (Quyển năm).
- Già-na-tử Tỷ-kheo: dịch là hậu (dày).

- Phú-lan-na: dịch là mãn.
- Địa-bà Tỷ-kheo: dịch là quyết hành (ngựa chạy) (Quyển tám).
- Tỳ-la-trà Tỷ-kheo: dịch là dõng trì (Quyển mười ba).
- Già-già Tỷ-kheo: cũng gọi cát-già, dịch là tánh (Quyển mười tám).
- Bất-lan-già-diệp: dịch là mãn tánh (Quyển mười chín).
- Ban-na Tỷ-kheo: dịch là lâm (Quyển hai mươi tám).
- Lô-ế Tỷ-kheo: cũng gọi là Lư-ế-sĩ, dịch là tên nước.
- A-thù Tỷ-kheo: cũng gọi là Lợi-thù, dịch là chất trực (Quyển ba mươi hai).
- Chiên-trà-tu-ma-na: cũng gọi Chiên-đà-la-tu-ma-na, Chiên-đà-la dịch là nguyệt, Tu-ma-na dịch là hảo ý.
- Tỷ-kheo Câu-xá-di: tên nước.
- Bạt-đà Ca-diếp Tỷ-kheo: dịch là hiền tánh (Quyển ba mươi tư).
- Đà-bà Ca-diếp Tỷ-kheo: Đà-bà dịch là thập, cũng dịch là khổ, Ca-diếp là họ.
- Tam-phù-đề: cũng gọi Tản-phục-đa, dịch là dĩ sanh.
- Sa-lan Tỷ-kheo: cũng gọi Sa-la, dịch là bạch hạc.
- Bất-xà-tống Tỷ-kheo: cũng gọi Bất-xà-tống-ma, bất-xà dịch là cung dưỡng, tống-ma là nguyệt.
- (?) Tu-ma-na: cũng gọi Tu-ma-na (?) dịch là hảo ý.
- Tô-na-câu: cũng gọi là Tu-na-ca dịch là tịch tịnh. (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Tất-giả-phù: cũng gọi là Tất-già-bà, dịch là thông lợi.
- Đề-tu: cũng gọi là Đề-sa, dịch là quang minh.
- Da-tu-câu-la: cũng gọi Da-thâu-câu-ca-la, Da-thâu là danh văn, Câu-già-la dịch là hà thời (lúc nào).
- Da-tứ-na: cũng gọi Da-thâu-tư-na, dịch là danh văn quân.
- Tát-bà-ca: dịch là nhứt thiết.
- Khuất-xà: cũng gọi là hợp xà, dịch là thể.
- Tu-tỳ-đa: cũng gọi Thấu-tỳ-đa, dịch là khả ái.
- Da-tu-bà-na: dịch là danh văn lâm.
- Tu-ba-thố-ba: cũng gọi Tu-ma-na-bà, dịch là thiện nhơn, cũng gọi là thiện tịnh hạnh.
- Bà-bà-già-mi: cũng gọi Bạt-bạt-già-mi, bạt là ngữ (lời nói), Bạt-bạt là biện từ.
- Hòa-già-bà: cũng gọi Bà-già-lạc dịch là hữu công đức.
- Chiên-dà-bạt-xà: cũng gọi Chiên-đà-la Bạt-xà-la, chiên-đà-la

dịch là nguyệt. Bạt-xà-la dịch là kim cương.

- Bà-lưu-na: dịch là giao (thuồng luồng).
- Nhơn-đà-quật: cũng gọi Nhơn-đà-la-quật-đa, dịch là thiên chủ hộ.
- Tăng-già-mật-đa: dịch là chúng thân hữu.
- Mạt-xà-đề: cũng gọi Mạt-chiên-trì dịch là Mạt-sân (Quyển hai).
- A-do-bà-la: a-do là mạng, bà-la dịch là lực.
- Đàm-ma-ba-la: cũng gọi Đàm-vô-ba-ly dịch là pháp hộ.
- Câu-đa-tử-đế-tu: cũng gọi Câu-đa tử-đế-xa, câu-đa dịch là thành (?), Đế-xa dịch là quang.
- Đàm-vô-đức Tỷ-kheo: cũng gọi Đạt-ma-đa-la cũng gọi Đàm-ma-đa-la. Dịch là pháp độ cũng gọi là pháp tề.
- Đế-tu đạt-đa: cũng gọi Đế-sa-đạt-đa dịch là quang.
- Già-la-tu-mạt-na: già-la là cảnh, tu-mạt-na là hảo ý.
- Địa-già-na: dịch là bất trường.
- Già-la-tu-mạt-na: Già-la là hắc, tu-mạt-na đã dịch ở trên.
- Đế-tu cũng gọi là đế-sa, dịch là quang minh.
- Đề-bà.
- Chuyên-na-già: cũng gọi là Chu-na-già dịch là toái (nát).
- Ưu-bạt-đế-tu: cũng gọi Ưu-ba-đế-sa dịch là đại quang.
- A-bà-da: dịch là vô thời.
- Tư-bà: cũng gọi thi-bà dịch là an ổn.
- Lặc khí đa: dịch là thủ hộ.
- Mạt hóa ma: cũnggọi là Mạt-trù-ma dịch là trung thiên.
- Tu-na-già uất-đa-la: Tu-na-già là tịnh, Uất-đa-la là thắng.
- Sam-bà-lâu-bạt-đà: cũng gọi Tam-bà-la-bạt-đà. Tam-bà-la là hoặc bạt-đà là phược (trói buộc).
- Thuần-ty-đế-tu: cũng gọi Đậu-tỳ-đế-sa, dịch là bất khả thuyết.
- Tát-bà-nan-đà: dịch là nhất thiết hoan hỷ (Quyển thứ ba).
- Mạt-đa-bà-da: dịch là túng dật thời (lúc phóng dật) (Quyển bốn).
- Tỳ-già-tu-ma-na: cũng gọi Tỳ-già-sĩ Tu-mạt-na, dịch là bất-sa-ý.
- Na-già: dịch là long.
- Na-kỳ-đa: cũng gọi là Na-kiền-đà, dịch long long.
- Nhĩ-kỳ-da: cũng gọi Di-kỳ-ca, dịch là vũ vân.
- Ưu-bà-già: cũng gọi Ưu-già-la-bà, dịch là dõng mãnh lực.

- Tu-na-ha-đa: tu là hảo. Na-ha-ha là bất hoại.
- Phú-tả-đề-bà: dịch là tinh thiên (Quyển bảy).
- Ba-ma-a-đầu-ma: cũng gọi Ba-ma-ha, ba-ma dịch là ác (ố), A-đầu-ma dịch là phi thọ.
- Ma-ha-tu-ma: dịch là đại nguyệt.
- Bà-thố-ca-xa-ca: cũng gọi Ba-đề-cát-xa-pha, bà-đế dịch là trọng (trùng).

Cát-sa-pha: là quy (Quyển tám).

- Đầu-ma: dịch là yên (khói).
- Ma-ha bà-đầu-ma bà: là đại liên hoa.
- Lặc-khư-thố: cũng gọi Lặc-khư-ha-thố, lặc-khư dịch là cô, ha-thố là danh hương.
- A-la-tỳ-ca: là tiểu ngữ.
- Sằn-na: cũng gọi đàn-na, dịch là thực, cũng gọi là vật.
- Vô-ca-lợi: cũng gọi là vật-tha, dịch là tánh.
- Khiển-đà-tỳ-da: dịch là hương.
- Đà-đạt-đa:
- Ca-lưu-đề-xá: dịch là thời thuyết.
- Tu-xà-đa: trong kinh Hiền Ngu gọi là thiện sanh, dịch là tánh sanh (Quyển mười tám).
- Sa-bà-già Tỷ-kheo: dịch là văn (nghe).
- Phù-đà-bạt-ma: phù-đà là thật, bạt-ma là khải (?) (A-tỳ-đàm Bà-sa - Quyển một).
- Hòa-tu-mật: Hòa-tu nghĩa là hảo, Mật-đa la là trí thức.
- Cù-sa: dịch là thanh danh (tiếng tăm).
- Tỳ-bà-xà-bà-đề: dịch là phân biệt thuyết.
- Dục-đa-bà-đề: dịch là tương ưng thuyết.
- Phật-đà đề-bà: Phật-đà dịch là giác, cũng gọi là tri, Đề-bà là thiên.
- Vân-ma-khuất-ma: cũng gọi là Đàm-ma-khuất-đa. Đàm-ma dịch là pháp. Khuất-đa dịch là thuyết.
- Bà-xa: dịch là thằng.
- Đà-bà Pháp sư: dịch là bình trạch.
- Đàm-ma nan-đề: dịch là pháp thiện.
- Ma-đa-la: dịch là tiểu hứa (Quyển bảy).
- Xa-na-bà-tẩu: cũng gọi Xa-ma-bà-bà, xa-na dịch là thôn, cũng gọi là thọ, chữ bà dịch là trụ xứ (Quyển mười).
- Tăng-già Bà-tu: cũng gọi Tăng-ca-bà-tu, Tăng-già dịch là chúng,

bà-tu dịch là thật, cũng gọi là vật (Quyển mười một).

- Bà-đàn-bà: dịch là đại đức (Quyển mười lăm).

- Phù-đà-đề-bà: dịch là phi thiên (Quyển hai mươi mốt).

- Bà-da: dịch là văn.

- Ba-la-bà-xà: cũng gọi là Ba-la-bạt-xà-nan, dịch là thắng kim cang (Quyển hai mươi lăm).

- Bà-để-xa: cũng gọi là Bà-kỳ-xá dịch là ngữ tự tại.

- Lung-ma-xa: cũng gọi là Lô-ma-xa dịch là đa-mao (Quyển hai mươi sáu).

- Hằng kỳ-ca: dịch là sanh hằng thủy.

- Bà-sa: dịch là tự tại.

- Ma-lặc-ca-tử: cũng gọi là Ma-kham, dịch là bảo hoa man (Quyển hai mươi tám).

- Ma-na-đáp-bà: cũng gọi Ma-na-bộ-lập-sĩ, ma-na dịch là ý, bộ lập xỉ là bão (no).

- Cù-sa-bạt-ma: Cù-sa dịch là thanh, Bạt-ma dịch là khải.

- Cù-ế-ca: dịch là trụ thạch quật (hang đá).

- Ma-đầu-bà-tứ-trá: Ma-đầu dịch là mật, Ba-tứ-trá dịch là tối thắng (Quyển năm mươi bốn).

- Tỳ-kheo chiêm-bà: là tên nước (Quyển năm mươi lăm).

- Tăng-già-hy-bà: dịch là chúng thiên (Bát-kiền-độ - Quyển một).

- Ế-đâu-ma-nạp: cũng gọi Ế-đâu-ma-đa-bà, ế-đâu dịch là nhơn, ma-na-bà là nhân (người), cũng gọi là sa tịnh hạnh. (Quyển mười bảy).

- Ma-ha Ban-tha-ca: dịch là đại lộ.

- Bạt-bà-cầm: cũng gọi Bạt-già-bà-kỳ, bạt-già dịch là chúng, bà-kỳ là ngữ (Tỳ-bà-sa - Quyển một).

- Xá-na-bà: gọi là Xá-na-bà-bà, xá-na là thọ danh (tên cây), bà-bà là trụ xứ.

- Bà xa: dịch là tự tại.

- Bà-da: dịch là hữu thời.

- Đà-la-nan-đề: dịch là đặc hoan hỷ (Quyển sáu).

- Bạt-trà: dịch là đại (Quyển bảy).

- Bạt-tu-la: cũng gọi Bạt-trà thủ-la dịch là đại dũng.

- Kỳ-thi-bà-la: cũng gọi Kỳ-lợi-thi-bà-la, dịch kỳ-lợi dịch là sơn (núi), thi-bà-la dịch là uẩn tảo (rong rêu) (Quyển mười bốn).

- Ưu-bát-thi-bà-la: Ưu-bát là đại-thi-bà-la là núi.

- Già-la: cũng gọi là Già-la-nhị, dịch là động.
- Ưu-bà-già la lợi: cũng gọi Ưu-bà-già-na-nhị, dịch là bất động.
- Hòa-tú ban-đầu: Hòa-tú dịch là bảo, ban-đầu dịch là thân hữu. (Tạp A-tỳ đàm tâm - Quyển một).
- Đàm-ma thế-lợi: cũng gọi là Đàm-ma thi-lợi. Dịch là pháp kiết (kinh Xuất Diệu - Quyển hai).
- Tăng-già La-sát: cũng gọi Tăng-già lặc-xoa. Tăng-già là chúng, Lặc-xoa là hộ (Quyển năm).
- Phật-đề: dịch là ý (Quyển chín).
- Câu-khổ-tỳ: là tên nước (Quyển mười một).
- Ma-ha tăng kỳ: dịch là đại chúng (Quyển mười bốn).
- La-bà-na-bạt-đề: La-ba-na là thanh, Bạt-đề là hiền.
- Ca-tỳ-la: dịch là thương sắc (sắc xanh).
- Sằn-đề-bà-la: dịch là nhẫn lực (kinh Hiền Ngu - Quyển một).
- Đàm-ma tất-đề: cũng gọi Đàm-ma bạt-đề dịch là Pháp tăng (Quyển bốn).
- Man-từ tỳ-lợi: cũng gọi Man-đa-tỳ-lợi-da. Dịch là trì thái tinh tấn.
- Đàn-nhã-thế-chất: cũng gọi là đmn-na tu-chỉ, dịch là tịnh thí.
- Thi-la thế-chất: cũng gọi là mi-la tu-chỉ, dịch là tịnh giới (Quyển năm).
- Thi-la bạt-đề: cũng gọi Thi-la Bạt-đà-la, kinh gọi là Giới hiền (Quyển năm).
- A-lợi-da-mật-la: A-lợi-da-mật-đa-la, kinh gọi là thánh hữu (Quyển tám).
- Ma-ha-xà-ca-đàn: cũng gọi Ma-ha-đàn-na kinh gọi là đại thí.
- Ma-ha-dạ-di: dịch là đại hạnh (Quyển chín).
- A-vĩ-tặc-kỳ: kinh gọi là Vô-não, dịch là vô sân não (Quyển mười một).
- Sư chất: cũng gọi là Thủ-đa, dịch là tịnh (Quyển mười hai).
- Ma-đầu-la-sắt chất: cũng gọi là Thủ-chỉ kinh gọi là mật thắng.
- Đàn-di-ly Tỳ-kheo: dịch là lạc pháp.
- Thi-lợi-chí: dịch là kiết ý (Quyển mười ba).
- Cúc-đề: dịch là hộ.
- A-ba-cúc-đề: A-ba là vô cúc đề (khuất đa) như đã dịch ở trên.
- Nan-đà-cúc-đề: cũng gọi là Nan-đà Khuất-đa, dịch là hoan hỷ hộ.
- Ma-ha kiếp tân na: dịch là đại phân biệt thời (kinh Hoa Đầu -

Quyển một).

- Bân-nhục-văn-đà-ni-tử: cũng gọi là Phú-đề-na-mạn-trà-ni. Phú-đề-na dịch là mãn, Mạn-đà-ni dịch là nghiêm sức nữ. (kinh Chánh Pháp Hoa - Quyển một).

- Kiếp tân thố: cũng gọi Kiếp-tân-na, dịch là phân biệt thời.

- Ưu-đà-di: dịch là khởi (kinh Pháp Hoa - Quyển bốn).

- Sa-môn kế tân: lấy theo tên nước.

- Tăng-già bạt-tranh: cũng gọi là Tăng-già bạt-đà-la, dịch là chúng hiền.

- Bạt-nan-đà Đề-bà: cũng gọi Ưu-ba-nan-đà Đề-bà, dịch đại hỷ thiên.

- Tăng-già Đa-la: cũng gọi Tăng-già Đa-la-sĩ, dịch là chúng độ.

- Bạt-thứ-tử: dịch là độc cũng gọi là tánh (Quyển ba).

- Bà-na-già-bà-sai: cũng gọi Bà-la-na-già-bà-sai, dịch là thắng long tử.

- Bà-la-đọa-xà: là tánh (họ).

- Bạt-đà-sa-lợi: dịch là hiền hộ.

- Phất-ca-la-bà-lợi: cũng gọi Phất-ca-la-bà-để, Phất-ca-la: liên hoa, bà-để dịch là hữu.

- Ma-lâu-tử: cũng gọi là Ma-lâu-già dịch là văn danh (Quyển sáu).

- Ni-kiền-già: Vô Hệ (không trói buộc).

- Bất-na Sa-môn: dịch là mãn.

- Kiền-na Mục-kiền-liên: cũng gọi Cát-na Mục-kiền-liên, Cát-na dịch là nhĩ (tai), Mục-kiền-liên là họ.

- Ưu-ba-di-mô: dịch là phương tiện (Quyển chín).

- Bạt-tô-lư: dịch là tương niệm (Quyển mười).

- Nhơn-đà-ma-la: cũng gọi Nhơn-đà-la-ma-đa, dịch là thiên chủ cấu..

- Tỳ-thư-khư: dịch là lý danh.

- Nhơn-đà-ma-na: cũng gọi Nhơn-đà-la-ma-na, dịch là phục thiên chủ.

- Tu-la-tư-lợi: dịch là dõng thể (kinh Bách Cú Thí Dụ - Quyển sáu).

- Lâu-ế-na Sa-môn: kinh gọi là quang diệu.

- Chúc-na Sa-môn: Chúc-na dịch là toái (vụn).

- Ma-ha luật đầu: kinh gọi Ma-ha-luật-tha, dịch là đại uy đức.

- Cù-hoằng-ly Tỳ-kheo: cũng gọi Cù-bà-ly dịch là ngưu thủ.

- Phi-đề-phi: cũng gọi Ba-đề-ba. Dịch là đăng (đèn), cũng gọi là quang (kinh Hiền Kiếp - Quyển một).
- Ca-già diên: dịch là tánh (họ).
- Sần-đề hòa: cũng gọi Sần-đề bà. Dịch là hữu nhẫn nhục (Quyển ba).
- Ma-ha kim Tỳ-la: dịch là đại, là khổng phi khổng (Niệm Phật Tam-muội - Quyển một).
- Thích-nại-bà-la: dịch là Thích-na-bà-la, dịch là bảo lực.
- Thâu-lô-na: dịch là văn.
- Đà-thọ Tỳ-kheo: cũng gọi là Đạt-bà dịch là mao (kinh Báo Ân - Quyển bốn).
- Bàn-đặc Tỳ-kheo: cũng gọi Bàn-tha-ca dịch là lộ (con đường).
- Tăng-già la-sát Tỳ-kheo: dịch là chúng hộ (Tăng-già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển một).
- Nan-đề: cũng gọi là Nan thời (dịch là hoan hỷ) (Quyển hai).
- Ương quật kết: cũng gọi là Ương-câu-xá, dịch là chánh cú (Quyển ba).
- Phi (?) tu-phi-đà-la: cũng gọi Bà-tu bạt-đà-la dịch là bảo hiền.
- Phi-tu Đạt-đa: cũng gọi Bà-tu-đạt-đa cũng dịch là bảo hiền.
- Bạt-đà-hòa-lợi: cũng gọi Bạt-đà-la-bà-lợi dịch là hiền hộ (Sanh Kinh - Quyển thứ ba).
- Cầu-na-tỳ Tỳ-kheo: cũng gọi Cầu-na-tỳ-la, Cầu-na dịch là công đức. Tỳ-la nghĩa là dõng.

(Hoàng Môn Viên Lão Bà-la-môn Thuyết Học Kinh - Quyển năm).

- Tu-mạn La hán : cũng gọi Tu-mạn-na dịch là hảo ý.
- Phi-kỳ: kinh gọi là biện từ (Hoằng Đạo Quảng Kinh - Quyển bốn).
- Xá-na-bà-tư: Xá-na dịch là Thọ-danh-bà-tư. Bà-tư dịch là trụ xứ. (Thiền kinh Tu Hành Phương Tiện Đạo - Quyển thượng).
- Nan-đề-hòa.
- Đàm-ma-ca-lưu Tỳ-kheo: dịch là pháp thời (Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh - Quyển thượng).
- Na-la-da Tỳ-kheo: dịch là nhơn hành (A-xà Thế Vương Kinh - Quyển thượng).
- Tam-ban-sư: cũng gọi là Tam-bàn-na, dịch là cụ túc. (kinh Di Giáo Tam-muội - Quyển thượng).
- A-bạt Sa-môn: cũng gọi A-bạt-đà dịch là vô tội (Quyển hạ).

- A-luyện-nhi: cũng gọi là A-lan-nhã dịch là tịch tịnh.

- Dạ-na: dịch là thùy (rủ xuống) (kinh Hiện Tại phật danh - quyển một).

- bân-nậu-xoa-đà: cũng gọi là phân-na-xoa-đà, phân-na là mãn, xoa-đà là nghiêm sức (kinh Tỳ-ni Ngôn Chí).

- Ca-tỳ: dịch là văn chương.

- Ma-ly: cũng gọi là Mạt-la, dịch là lực.

- Sa-kiệt Tỳ-kheo: cũng gọi là Sa-già-la, dịch là hải (kinh Công Đức Tỳ-kheo).

- Uất-tỳ Ca-diếp dịch là đại trí (kinh Phật Bổn Hạnh).

- Na-la-diên Tỳ-kheo: dịch là lực (kinh Bồ-tát Tạng).

- Tắc-đà-đạt-đa Tỳ-kheo: dịch là phiến.

- Ca-lâu-la-đề-xá: cũng gọi Già-lâu-la-đề-xá, già-lâu-la dịch là kim sí điểu, đề xá là thuyết.

- Hòa nan: cũng gọi Ưu-ba nan đà. Dịch là đại hỷ.

- Xà-diệm Tỳ-kheo: cũng gọi xà-na dịch là thắng (Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-tát Kinh).

- Tam-bạt-đề Sư lợi Tỳ-kheo: cũng gọi Tam-bạt-đề Sư lợi, dịch là cụ túc khứ.

- Ma Sư lợi Tỳ-kheo: cũng gọi là Ma-ha Sư lợi, dịch là đại kiết.

- Tu-Sư-lợi Tỳ-kheo: cũng gọi Tu-sư-lợi, dịch là hảo kiết.

- Để-la-mạt: cũng gọi là để-la-na-mạt-để, dịch là độ ý.

- Tư-ha-nan Tỳ-kheo: cũng gọi Tư-ha-nan-đà, tư-hà là sư tử, nan-đà là hoan hỷ.

- A-ha-pha Na-đà duy-nhân Tỳ-kheo: A-ha-pha-na-đà dịch là đại thánh, duy-nhân là dữ (cho, cùng).

- Bát-ma-ca dịch là liên hoa.

- Bạt trí chí: cũng gọi là Bạt-đa trí, dịch là khởi (kinh A-di-đà).

- Ma-ha-na-di: dịch là đại danh.

- Tu-mãn: cũng gọi là Tu-ma-na, dịch là hảo ý.

- Duy-mạt-để: cũng gọi là Tỳ-mạt-đế: dịch là nghi, cũng gọi là chủng chủng ý.

- Ca-vi-bạt-để: cũng gọi A-tỳ-la-bạt-đấu, đây là tên nước.

- Na-phục Ca-diếp: dịch là cam danh (cây cam).

- Na-dực Ca-diếp: cũng gọi là Già-đực, dịch là tên nước.

- Ma-ha câu tư: dịch là đại mao.

- Ma-ha phạm-đề: cũng gọi Ma-ha phạm-ma đề-bà, dịch là đại tịnh thiên.

- Đà-sa Tỳ-kheo: dịch là khổ. (kinh Xoa-ma Tỳ-kheo Dụ Trọng Bịnh).
- Chiên-già Tỳ-kheo: dịch là động (kinh Dã Khê).
- Ma-ha-hoàn-ca-lân đại Tỳ-kheo: cũng gọi Ma-ha dạng Na-ca-lân-đà, dịch là đại lâm thời vương (kinh Ban Chu Tam-muội).
- Phật-đà mật-đa: cũng gọi Phật-đà Mật-đa-la, dịch là giác hữu (kinh Ngũ Môn Thiền).
- Ma-la-cưu-ma-la: Ma-la cưu-ma-la, ma-la dịch là hoa man, cưu-ma-la dịch là đồng (kinh Tiển Dụ).
- Tu-đề-nan: dịch là hảo hỷ (Ưu-ba-ly Vấn Phật Kinh).
- Đàm-ma-la-xoa: dịch là pháp hộ.
- Khuất-đa: dịch là hộ (kinh Thích Nhơn Tử).
- Ma-ha-kiền-đà-vệ-la: cũng gọi Ma-ha-kiền-đà Duy-vệ-la, Ma-ha-kiền-đà là đại hương, duy-vệ-la là song (đôi).
- Tăng Ca-da-xá: cũng gọi Tăng-già da-xá, dịch là chúng danh văn (Tạp Kinh).
- Bạt-đà-la-do-đà: dịch là hiền mạng.
- Xoa-ma Tỳ-kheo: dịch là nhẫn.
- Túc-xà-đế: dịch là hảo sanh.
- Tôn-đà ban-lợi: Tôn-đà là hảo, ban-lợi là căn.
- Na-la: dịch là nhân.
- A-kỳ-tỳ: A-kỳ dịch là đại, tỳ là lạc.
- A-phạm hòa lợi: cũng gọi A-phạm-ma-bà-lợi, dịch là bất tịnh hộ (Trường Thọ Vương Kinh).
- Ba-da-la Tỳ-kheo: dịch là đại đức (kinh Phật Thần Lực Cứu Trưởng Giả Tử).
- Na-già-bà-la: dịch là long (kinh Bà-la-môn Giải Trí Chúng Thuật).
- A-nhã đô lư: cũng gọi A-nhã-đô-la dịch là vô thân xưng (kinh Pháp Hải).
- Lạc-xao-na: dịch là hộ (Bất Hoại Pháp Kinh).
- Ca-diếp đạo nhân: dịch là tánh (Thành Thật Luận - Quyển ba).
- Ma-ế-xá-bà: dịch là đại văn.
- Phá-quần-na Tỳ-kheo: là tên vì sao.
- Tô-na sát-đa: dịch là tánh tinh (Quyển mười).
- Phật-đà đa-la: Phật-đà dịch là Giác-đa-la là tế, cũng gọi là độ (Lịch Quốc Truyện - Quyển một).
- Đàm-ma-sa: cũng gọi Đạt-ma-da-xá dịch là pháp danh văn.

- Phật-đà liễu-chi: dịch là giác thừa.
- Đàm-ma-luyện-nhi: dịch là pháp độ.
- A-lợi Nan-đà La hán: Ha-lợi là sư tử, Nan-đà là hoan hỷ.
- Đàm-ma Mạt-để đạo nhơn: truyện gọi là pháp ý (Quyển thứ ba).

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 3

- Tỳ-kheo Ni danh - phần mười hai.
- Sa-di danh - Phần mười ba.
- Sa-di Ni danh - Phần mười bốn.
- Thanh danh đức hạnh - Phần mười lăm.
- Tạp quán hạnh danh - Phần mười sáu.
- Tội chướng danh - Phần mười bảy.
- Ca-hy-na-y pháp - Phần mười tám.

DANH TÁNH TỲ KHEO NI - PHẦN MƯỜI HAI

- Tỳ-kheo Ni: Tỳ-kheo là Phá ác, cũng gọi là Bố ma hay Khất sĩ. Ni là chỉ người nữ (Đại Trí Luận - Quyển ba).

- Cù-đàm-di: cũng gọi Kiền-đàm-di, Kiều đàm là họ, di là nữ (Quyển hai).

- A-la-bà Tỳ-kheo Ni: dịch là bất đắc (Quyển tám).

- Sỉ-xá khư Kiều-đàm: Tỳ-kheo Ni: Sĩ-xa-khư là đa phát (tóc) Kiều-đàm là họ.

- Uất-bát-la-hoa Tỳ-kheo Ni: cũng gọi là Uất-ba-la, dịch là đại sắc (màu đen). (Quyển mười ba).

- Da-thâu-đà-la: cũng gọi là Da-thủ, Da-thâu dịch là danh văn, Đà-la dịch là trì (Quyển mười bảy).

- Bạt-la: cũng gọi Bạt-đà-la, dịch là hiền (Quyển hai mươi bốn).

- Tu-di-đà-tỳ Tỳ-kheo Ni: hảo tông duệ (trí huệ thông suốt) (Quyển ba mươi).

- Ma-thâu-bà-thi-tha Tỳ-kheo Ni: Ma-thâu dịch là mật. Ba-thi-tha dịch là tàn, cũng gọi là thắng (Quyển ba mươi tám).

- Ưu-ba-nan-đà: dịch là đại hỷ (kinh Đại Niết-bàn - Quyển một).

- Ba-xà ba-đề Cù-đàm-di: Bà-xà là thế, bà-đề là chủ (Quyển năm).

- Sấu-cù-đàm-di: sấu nghĩa là hảo, Cù-đàm-di như đã dịch ở trên (Quyển hai mươi tư).

- Sẩm-ma: dịch là nhẫn (Tăng Nhất A-hàm - Quyển hai).

- Cơ-lợi-xá Cù-đàm-di: cũng gọi là kiết-ly Xá-cù-đàm-di, Cơ-lợi-xá là sấu (gầy, xấu), Đàm-di là họ.

- Xa-ma là tịch tịnh.

- Ba-đầu-lan-na: cũng gọi Ba-trữu-lan-xà-na, Ba-trửu là biện lơ (hiểu rõ), Lan-xà-na là khả lạc (vui).

- Ba-la-già-na: cũng gọi Bà-la-xà-na. Ba-la nghĩa là tha (khác, họ), xà-na có nghĩa là người.

- Bạt-đà-tỳ-ly: Bạt-đà dịch là đại, Ca-tỳ Ni là họ.

- Ế-ma-xà: cũng gọi là mãnh ma xà dịch là tuyết sanh.

- Thâu na: dịch là giang.

- Đàm-ma-đề-na: cũng gọi Đàm-ma Trần-na hoặc đạt-ma-đề-na dịch là pháp.

- Ưu-đa-la: dịch là thắng.

- Thiền đầu: cũng gọi là thiện đấu, dịch là trùng.

- Đàn-đa: dịch là điều phục.

- Cù-tỳ: dịch là ngưu nữ (Thủ ngưu nữ nhi).

- Bạt-đà-ba-la: dịch là hiền lực.

- Tu-đà-ma: dịch là hảo man hoa.

- Ưu-ca-la: Ưu là đại, cũng gọi là thắng, Ca-la dịch là thời cũng dịch là hắc.

- A-nô-ba-la: dịch là vô tích.

- Ưu-già-na: dịch là đại ngộ giải.

- Tố-ma: cũng gọi Tu-ma dịch là nguyệt.

- Ma-đà-lợi: cũng gọi Ma-đa-lợi, dịch là ngự thừa.

- Ca-la-già: nghĩa là thời hành.

- Đề-bà-tu: cũng gọi là Đề-ba-bà-tẩu dịch là thiên bảo.

- Mạt-na-bà: cũng gọi Ma-na-bà, dịch là thiếu tịnh hạnh.

- Tỳ-ma-đạt: cũng gọi Tỳ-ma-đạt-đa, dịch là úy.

- Đàm-ma-ma-đề: cũng gọi Đàm-ma-đề dịch là pháp ý.

- Tu-dạ-ma: dịch là diệu quang.

- Nhơn-đề-xà: cũng gọi Nhơn-đà-la-xà, dịch là chủ nhi.

- Câu-na-la: tên một loài chim.

- Bà-tu: dịch là bảo.

- Già-bà-la: dịch là đọa lạc.

- Thủ-ca: là anh lạc.

- Bạt-đà quân-đà-la Câu-di: Bạt-đà-la là hiền, Quân-đà-la là khả, câu-di là tế mao (cỏ mao nhỏ).
- Xá-cưu-lợi: cũng gọi là Xá-cù-lợi, dịch là thượng (Quyển mười tám).
- Thâu-lư Ni: dịch là hảo hình mạo, hình mạo tốt đẹp (Quyển hai mươi mốt).
- Quân-trà-la hệ đầu: cũng gọi là Trà-la-sỉ-xá, Quân-trà-la là quyển (cuốn), sỉ xá là phát (tóc).
- Soa-ma: dịch là an ổn (Quyển hai mươi chín).
- Cỏ-lợi-thi: dịch là phiền não, cũng gọi là khổ.
- Ba-la-đát-la: Ba-la dịch là bỉ, đát-la nghĩa là động.
- Ba-đà: dịch là luận nghị.
- Cùng tỷ: kinh gọi là cực đoan chánh.
- Ba-la-già-la: Ba-la dịch là thủ, già-na nghĩa là hành (kinh Tạp A-hàm - Quyển một).
- Ma-la-bà: dịch là mạc nộn (non).
- A-la-tỳ-già: dịch là tiểu ngữ.
- Ca-la-bạt-sất: Ca-la-bạt-ta, Ca-la là hắc, Bạt-tha là độc.
- Ưu-ba-la: dịch là thắng, cũng gọi là đại, hoặc gọi là hoa (Quyển hai mươi hai).
- Mật-đa-la: dịch là thân hữu (Quyển ba mươi bảy).
- Tỳ-xà-da Tỳ-kheo Ni: dịch là vô thắng.
- Ưu-ba-già-la Tỳ-kheo Ni: đại động.
- Thi-lợi-sa-già-la Tỳ-kheo Ni: Thi-lợi dịch là đầu, già-la là động.
- Thúc-già-la Tỳ-kheo Ni: cũng gọi là Thúc-ca-la dịch là hảo thời (Quyển năm mươi).
- Khuất-đa Tỳ-kheo Ni: dịch là hộ (Thập Tụng - Sơ Tụng Luật - Quyển sáu).
- Chu-na-nan-đà Tỳ-kheo Ni: cũng gọi là Chu-la-nan-đà. Chu-la dịch là tiểu, nan-đà là hoan hỷ (Bát Pháp - Quyển thứ hai).
- Tần-đầu Tỳ-kheo Ni: Tần-đầu dịch là trệ (trì trệ).
- Tu-mục-khư Tỳ-kheo Ni: Tu là hảo, Mục-khư là diện (mặt) (Tạp Tụng - Quyển bốn).
- Thi-la Tỳ-kheo Ni: dịch là danh sơn.
- Bà-lợi Tỳ-kheo Ni: dịch là hộ (Thiện Tụng - Quyển hai).
- Tô-tỳ-đề: cũng gọi Tô-tỳ-đà, tô dịch là hảo, Tỳ-đà nghĩ là trí. (Tăng Kỳ Luật - Quyển hai mươi bốn).

- Bạt-đà-thi-lợi Tỳ-kheo Ni: dịch là hiền kiết.

- Tô-tỳ-đề-di Tỳ-kheo Ni: tên nước.

- Bạt-đà-la Tỳ-kheo Ni: dịch là hiền.

- Bạt-đà-la-già-tỳ-lợi Tỳ-kheo Ni: cũng gọi là Bạt-đà thể tỳ-lợi. Bạt-đà-la nghĩa là hiền, thể-ni-lợi đại đức (Quyển ba mươi chín).

- Tu-da-đề Tỳ-kheo Ni: dịch là hảo uy nghi.

- Đề-xá Cù-đàm-di Tỳ-kheo Ni: Đề-xá dịch là thuyết, cũng gọi là quách ngoại (thành ngoài), Cù-đàm-di là họ (Tứ Phần Luật - Quyển mười).

- Ba-lợi-già-la-di Tỳ-kheo Ni: Ba-lợi dịch là hộ, Già-la-di dịch là trà sự.

- Số-na Tỳ-kheo Ni: cũng gọi Số-lâu-na, dịch là văn (nghe).

- Tô-la Tỳ-kheo Ni: cũng gọi là thủ-la, dịch là dõng.

- Ni-già-la-di Tỳ-kheo Ni: dịch là bất động.

- Bà-già-la Tỳ-kheo Ni: dịch là cực động, cũng gọi là năng ngữ.

- Thi-la bà-già-na Tỳ-kheo Ni: thi-la dịch là giới, ba-la dịch là ngữ.

- A-na-bà Tỳ-kheo Ni: cũng gọi A-lan-đà dịch là hoan hỷ.

- Ma-la-tư Tỳ-kheo Ni: tên nước.

- Bà-ni Tỳ-kheo Ni: cũng gọi là Bà-na, dịch là lâm.

- Đề-xá-nan-đà Tỳ-kheo Ni: đề-xá dịch là thuyết, Nan-đà là hỷ (Đệ nhị phần - Quyển hai).

- Tô-ma Tỳ-kheo Ni: dịch là nguyệt.

- Chiên-đà thâu-na Tỳ-kheo Ni: dịch là nguyệt ái.

- Ca-la bạt-đà-ca-tỳ-la Tỳ-kheo Ni: Ca-la dịch là hắc, bạt-đà-la dịch là hiền, ca-tỳ-la dịch là thương.

- Già-la chiên-đà-thâu Tỳ-kheo Ni: già-la dịch là cảnh, chiên-đà-thâu có nghĩa là hảo (Quyển tám).

- Xá-di vật lợi: Xá-di dịch là thị (nhìn), câu-lợi dịch là chức, cũng gọi là tánh (họ) (Quyển mười bốn - Đệ Tam Phần).

- Tư-già-la-mẫu Tỳ-kheo Ni: dịch là sơn cấu (Quyển mười bốn).

- Ưu-tha Tỳ-kheo Ni: cũng gọi Uất-tha-ha, dịch là động (Quyển mười lăm).

- Chiên-trà tu-ma-na Tỳ-kheo Ni: cũng gọi Chiên-trà-la-tu-ma-na, chiên-trà-la dịch là nguyệt, tu là hảo, ma-na là ý.

- A-di: cũng gọi là A-tư-đa, dịch là bất bạch.

- Bạt-đà-tỳ-la Tỳ-kheo Ni: Bạt-đà-la-ca-tỳ-la, Bạt-đà-la dịch là hiền, Ca-tỳ-la là thương (xanh) (Quyển mười tám).

- Ma-ha-bỉ-xà-bà-đề Tỳ-kheo Ni: dịch là đại thế chủ.
- A-di-lê: dịch là thánh nữ (Sanh Kinh - Quyển ba).
- Ba-hoa-đề Tỳ-kheo Ni: cũng gọi Ba-la-bà-đề, dịch là thắng ngữ (Pháp Cú - Quyển ba).
- Phụ-đà ni tử: dịch là trung nghiêm nữ (kinh Phổ Chiếu Tam-muội - Quyển hai).
- Ma-ha-tỳ-da-thứ-đề Câu-đàm-di: Ma-ha-tỳ-da-thứ-đề, nghĩa là đại thế chủ, Câu-đàm-di là hạ (kinh Nê Hoàn - Đại Ái Đạo).
- Ma-ha-bà-thứ-đề Tỳ-kheo Ni: cũng gọi Ma-ha-bà-thứ-đề dịch là đại thắng ngữ (kinh Ban Chu Tam-muội).
- Đàm-ma-bì Tỳ-kheo Ni: dịch là pháp niệm (Lịch Quốc Truyện Quyển một).
- Tăng-già Nan-đề Tỳ-kheo Ni: chúng hỉ.

SA DI DANH - PHẦN MƯỜI BA

- Sa-di: dịch là tức từ, cũng gọi là tịnh dưỡng, cũng gọi là nghĩ tịnh mạng (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Tu-đà Sa-di: cũng gọi Tu-đà-da, tu dịch là hảo, đà-la dịch là khởi (Tăng Nhất A-hàm kinh - Quyển mười ba).
- Chu-na Sa-di: dịch là toái (vỡ vụn) (kinh Trường A-hàm - Quyển mười ba).
- Ma-già Sa-di: dịch là đạo (Thập Tụng Luật, bài tụng ba - Quyển hai).
- A-bà-sa: dịch là bất siểm khúc (Tăng-già Luật - Quyển hai mười ba).
- Ba-la-ca: dịch là bỉ ngạn (bờ kia).
- Ma-khư: tên một vì sao (Tứ Phần Luật, phần hai - Quyển mười ba).
- Kế-na: cũng gọi là Kế-thích-na dịch là nhĩ.
- Nê-cù-đà Sa-di: cũng gọi Ni-cù-lô-đà dịch là vô tiết, cũng gọi là tung hoành (Thiện Kiến Luật - Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Tu-ma-na Sa-di: dịch là hảo ý (Quyển hai).
- Tù-bà-ca Sa-di: cũng gọi là duy-đà, dịch là vân (Sanh Kinh - Quyển hai).
- Bạt-đề Sa-di: dịch là hiền (kinh Hưng Khởi Hành - Quyển thượng).

SA DI NI DANH - PHẦN MƯỜI BỐN

- Sa-di Ni: Sa-di dịch là tức từ, cũng gọi là tịnh dưỡng, cũng gọi là nghĩ tịnh mạng, ni là người nữ (Đại Trí Luận - Quyển mười).
- Thức-xoa-ma-na: dịch là học (Quyển mười ba).
- Chỉ-lợi Sa-di: chỉ lợi dịch là Y.
- Bát pháp (Thập Tụng Luật - Quyển hai).
- Chi lợi: dịch là tiểu (Tăng Kỳ Luật - Quyển sáu).

TÊN TUỔI ĐỨC HẠNH CỦA BẬC THANH VĂN PHẦN MƯỜI LĂM

- Tu-đà Hoàn: cũng gọi Tu-a-hoàn, cũng gọi Tu-đà Ban-na, trong kinh thiền gọi là lưu nhập Niết-bàn, dịch là nhập lưu (Đại Trí Luận - Quyển mười một).
- Tư-đà Hàm: cũng gọi là Tư-dĩ-lý, Đà-già ni, cũng gọi A-na-ca-tốc, dịch là bất hoàn.
- A-lại-da: cũng gọi A-lan-na, thiền kinh gọi là vô, dịch là bất sanh, cũng gọi là sát-tặc, cũng gọi ứng cúng.
- Ma-ha na-già: Ma-ha nghĩa là đại (lớn), na là không, già là tội, lại na-già nghĩa là long (rồng) cũng gọi là tượng (Quyển ba).
- Đầu-đà: cũng gọi là Thâu-đa-cầu-na, Thâu-đa dịch là động, cầu-na nghĩa là công đức.
- Yết-ma: dịch là sự, cũng gọi là tác.
- Duy-na: cũng gọi Tỳ-ha-la-bà-la, Tỳ-ha-la nghĩa là tự (chùa), bà-là là hộ (Quyển mười một).
- A-xà-lợi: cũng gọi A-già-lợi, dịch là ứng khả tác (nên làm) hoặc gọi là ứng (Quyển mười ba).
- Bồ-tát, cũng gọi là tăng trưởng công đức, luận gọi là thiện túc.
- Ba-la-đề Mộc-xoa: Ba-la-đề dịch là bỉ bỉ. Mộc-xoa dịch là giải thoát (kinh Đại Niết-bàn - Quyển ba).
- Tam-ma bát-đề: cũng gọi là Tam-ma-bát-để, dịch là thiện định (Quyển mười).
- A-na-ba-na: cũng gọi là A-na-bà-na, cũng gọi là bàn-na, A-na dịch là mễ (gạo) cũng gọi là nhập, Ba-na dịch là khử (đi), cũng dịch là xuất (Quyển mười chín).
- Phân-vệ: cũng gọi là tân-trà-bà-đà, dịch là khất thực (Tăng Nhất A-hàm - Quyển một).

- Ma-na-đỏa: dịch là tề lượng (Thập Tụng Luật Địa - Quyển hai).
- Ba-lợi-bà-bà: dịch là biệt trụ.
- A-phù-ha-kiệt-ma-ma: trong Thiện Kiến Luật gọi là A-phù-ha-na hoán nhập, dịch là hoán lai (Quyển ba).
- Tăng bạt: cũng gọi là Tăng bổn kỳ sĩ, dịch là đẳng chí (Thất Pháp - Quyển sáu).
- Ý nịnh: cũng gọi là đậu khư, hoặc là nhân tiếp, luật gọi ý nịnh là Khổ đế. Tỳ-bà-sa gọi nhân tiếp là khổ.
- Di nịnh: cũng gọi di tiếp, cũng gọi là Tam mưu đề-da. Luật gọi di nịnh là Tập đế, Tỳ-bà-sa gọi di nịnh là tập.
- Đa-tha-đà-tịch: cũng gọi là đà phá, cũng gọi là Ni Lâu-đà, luật gọi đa-tha là Tận đế, Tỳ-bà-tha gọi đà là phá là tận.
- A-la Bích chi: cũng gọi là Đà-la-phá, cũng gọi là Mạt-già. Luật gọi Đà-la Bích chi Đạo đế! Tỳ-bà-sa-đà-la phá là đạo.
- Xà-bà-na: luật gọi là phân biệt tâm dịch là tật trí (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa Quyển một).
- Tỳ-bà-xá-na: cũng gọi là Tỳ-bát-xá-na luật gọi là quán khổ không vô ngã, dịch là quán kiến.
- Bà-tát-đề: cũng gọi Bà-la-tát-đề luật gọi tịch tịnh vô bì cực, dịch là kỳ lạc.
- Hòa thượng: tri tội tri vô tội (Quyển mười bảy).
- Bán-đa Câu-trí-ca: dịch là chủng (A-tỳ-đàm, Tỳ-bà-sa - Quyển năm mươi bảy).
- Tam-bà-la-khư-cố: dịch là luật nghi thức (Tạp A-tỳ-đàm Tâm - Quyển mười hai).
- Đạt-ma: kinh gọi là pháp, có nghĩa là thế vấn đệ nhất pháp (Thiền Tánh Quyển hạ).
- Ma-na-tư-già-la: kinh gọi kinh tâm nghĩa ngôn ngữ tư duy là ai?
- Tam-ban Cụ túc giới: nghĩa là Cụ túc (kinh Di Giáo Tam-muội-Quyển thượng).
- Tam-ma-đề: dịch là nhất tâm (Thành Thật luận - Quyển nhất).

TẠP QUÁN HẠNH DANH - MƯỜI SÁU

- Tam-muội dịch là nhất tâm (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Tứ thiền: cũng gọi là na, luận gọi là tư duy tu, dịch là tư duy.
- Tam-ma đề: luận gọi là chánh tâm hành xứ, dịch là nhất tâm (Quyển hai mươi chín).

- Phạm hạnh: Phạn dịch là tịnh (kinh Hoa Nghiêm - Quyển mười).

- Xa-ma: cũng gọi Xá-ma-tha, hoặc Xa (?) ma-tha dịch là tịch tịnh (kinh Đại Niết-bàn - Quyển hai mươi tám).

- Tỳ-bà-xá-na: cũng gọi Tỳ-bát-xá-na, dịch là kiến.

- Ưu-tất-xoa: dịch là xả.

- Câu-la-la-sất: Câu-la dịch là chủng tánh, thứ-sất dịch là quốc (tên nước) (Tạp A-hàm - Quyển mười hai).

- Phồn-kỳ-ca: cũng gọi là Minh-kỳ-ca, dịch là khúc (cong) (Quyển ba mươi).

- Ca-sư-na a-lãm-ma-na: luật gọi là ba mươi tám thiền định, ca-na dịch là minh, A-lãm-ma-na dịch là cảnh giới, cũng gọi là trần (bụi) (Tỳ-bà-sa - Thiện Kiến Luật - Quyển mười bốn).

- An-xà Tam-muội: cũng gọi là An-tá-xà Tam-muội bát-để, dịch là bất động định (Quyển mười hai).

- Tam-thuật-xà: dịch là Tam thiền (Tu Hành Bổn Khởi - Quyển một).

- Y-la-bát Tam-muội: cũng gọi là Y-la-bát-đa-la, dịch là hoắc diệp hương (kinh Tứ Bách Tam-muội).

- Trấn-đầu-ca Tam-muội: tên cây.

- Bà-la-na hương-tượng Tam-muội: Ba-la-da nghĩa là tượng.

- Ba-la đọa-nhược: dịch là bỉ thông (Phật Thuyết An Ban Kinh).

TỘI CHƯỚNG DANH - PHẦN MƯỜI BẢY

- Đột-kiết-la: dịch là ác tà (Đại Trí Luận - Quyển một).

- Thâu-la-gián: dịch là tư thâu (trộm làm của riêng) (kinh Đại Niết-bàn - Quyển bảy).

- Ba-la-di: dịch là bất như.

- Ba-dạ-đề: dịch là thiêu (đốt, nấu) chữ (Quyển mười một).

- Tăng-già bà-thi-sa: dịch là tuyến tàn, cũng gọi là Tăng dư (Bài Tựa Thập Tụng Luật - Quyển một).

- Ba-la-đề-xá-ni: dịch là hướng bỉ mai.

- Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: dịch là xả đọa.

- Ưu-đa-la-sát: dịch là thắng (Sơ Tụng - Quyển hai).

- Đầu-đa-sát: dịch là bất hảo.

- Tỳ-đà-la-sát: dịch là phá.

- Đề-xá ca-la-ni tội: Đề-xá dịch là phát lộ, Ca-la-ni dịch là ứng tác

(Thất Pháp - Quyển hai).

- A-bạt-đề tội: cũng gọi là Hà-bát-đề dịch là phạm.

- Triết-đa-lợi-da-đà-na: cũng gọi Thật-đa-ba-lợi-da Bạt-tư-đà-na, Thật-đa dịch là ý, Ba-lợi-da-bạt-tư, Đà-na là sử cấu. (Luật Thiện Kiến Tỳ-bà-sa) (Quyển mười một).

- Đầu-ba-tư-đa: luật gọi là vi tế.

- Bà-bàng-già: luật gọi tâm lũy tội.

Nhược tâm nhãn (Quyển mười).

- Thủ-lô-số: dịch là hảo sân.

- Câu-luật-đà-tụ: dịch là sân (Bát-kiền-độ - Quyển mười tám).

- Ba-la-đề-già: luận gọi là trùng sân (Thành Thật Luận - Quyển chín).

- Vi-hân-bà: luận gọi là trung sân.

- Câu-lô-đà: hạ sân.

- Ưu-bà-da-ha: luận gọi là báo đảnh.

- Bà-la-đà-xá: luận gọi là chuyên báo.

- Y-xá: luận dịch là tật câu.

- Tam-lạm-phi: cũng gọi là y phúc sa, luận gọi là phẩn tranh.

- Đầu-hòa-giá: luận gọi là huân lệ.

- A-sằn.

- A-sạn: cũng gọi A-sạn-ma, dịch là bất nhẫn.

- A-sa-cật-lược: luận gọi là bất duyệt.

- Đăng đơn-na-đà: luận dịch là nan khả.

- La-phi-na: cũng gọi là la-phi-na, luận dịch là duyên nhơn ý.

- Đơn-chí-lợi: luận gọi là thụy miên nhân duyên, dịch là lãn (làm biếng).

Y PHÁP CA HY NA - MƯỜI TÁM

- Y-ca-hy-na: xưa dịch là công đức, luận về âm thanh mà nói thì Ca-hy-na là âm tiếng nước ngoài. Y là tiếng gián ngữ, nói đầy đủ theo âm ngoại quốc là Ca-hy-na chỉ Bà-la Ca-hy-na dịch là công đức, chỉ Bà-la dịch là y nghĩa là công đức y.

- Tang-kỳ-đà quốc (nước Tang-kỳ-đà) là theo cựu dịch, nên gọi là Tang-kỳ-sĩ, dịch là tự hội thuyết.

Thanh Luận cho là: Tang-kỳ-đà âm tiếng nước ngoài, quốc là tiếng gián ngữ, nói đầy đủ theo âm nước ngoài là tăng chỉ đa-tỳ-tỷ-da.

Tăng-chỉ-đa dịch là kỳ, Tỳ-tỷ-da dịch là quốc, gọi là kỳ quốc.

- Ca-đề-nguyệt: bản cựu dịch là cựu nguyệt, người Trì luật gọi là công đức nguyệt, cũng gọi là vọng y nguyệt. Tức là ba tháng an cư công đức đã hoàn mãn. Vì công đức đã đầy đủ, cho nên được vọng y.

- Y pháp: A-lê-đà-la-sắc, người Trì luật gọi là ngũ đại sắc, theo Thanh Luận thì A-lê-đà-la là âm ngoại quốc. Đây cũng là âm gián ngữ, gọi đầy đủ là ni-la-bạt-la.

Ni-la dịch là thanh, bạt-na dịch là sắc, gọi dụng là thanh sắc.

- Kiềm-xà-sắc người Trì luật gọi là ngũ đại sắc. Theo Thanh Luận thì kiềm xà là âm ngoại quốc. Sắc là tiếng gọi tắt ở đây. Gọi đầy đủ theo âm ngoại quốc, thì là Kha-la-bạt-na. Kha-la phiên dịch là hắc, Bạt-na là sắc, nghĩa là hắc-sắc (sắc-đen). Nê-ni ngoại quốc phiên là cát, Đà-ma-bạt-na phiên là nê-sắc.

- Khung-già-sắc: bản xưa gọi là khung-cầu, dịch là hoàng sắc (sắc vàng). Trì luật thì gọi là ngũ đại sắc, Thanh Luận thì cho khung-già là âm nước ngoài, sắc là ấm ngữ ở đây. Đầy đủ chánh theo âm nước ngoài thì nên gọi là Tỳ-đa-bạt-na. Tỳ-đa phiên là hoàng, Bạt-na phiên là sắc, có nghĩa là hoàng sắc.

- Lư-da-na-sắc người Trì luật gọi là ngũ đại sắc. Thanh Luận gọi là Lư-da-na là âm nước ngoài. Sắc là gián ngữ ở đây, nói đầy đủ theo âm ngoại quốc là: Lô-hỉ-đa bạt-na, Lô-hỉ-đa dịch là xích (đỏ), Bạt-na dịch là sắc, gọi là xích sắc.

- Tha-lợi-đa-sắc: Trì luật gọi là ngũ đại sắc, Thanh Luận thì nói Tha-lợi-đa là âm nước ngoài, sắc là gián ngữ ở đây, gọi đầy đủ là A-bà-đa bạt-na, A-ba-đa phiên là bạch, Bạt-na phiên là sắc, gọi là bạch sắc.

- Mạn-đề-trá-sắc: Trì luật gọi là ngũ đại sắc, Thanh Luận nói theo âm ngoại quốc là Mạn-đề-sỉ-na-bạt-na. Mạn-đề-sỉ-na phiên là hảo, bạt-na phiên là sắc, gọi là hảo sắc. Tuy gọi là hảo sắc, mà không biết hảo sắc ở phương nào? Hồ Tăng thì nói: Mạn-thật-sắt-đà Bạt-lan-na là bất xích bất hoàng sắc (không đỏ không vàng). Vậy xét theo màu sắc đây chính là sắc vàng, nghĩa là màu sắc không đậm không nhạt.

Xét xét ngũ đại sắc thì gọi là thanh hoàng, xích, bạch, hảo (xanh, vàng, đỏ, trắng, đen). Trong đây có sáu loại sắc, không nên gọi là ngũ đại sắc. Nếu xét theo sắc mà luận thì hồng đỏ tía là trọng mà vàng là khinh. Hảo sắc thì duy chỉ có hai màu vàng và đỏ là đại sắc, bốn loại khác chẳng phải đại.

- Kha-hư Tỳ-kheo: đó là theo cựu dịch, cũng gọi là bà-hưu-nan-đề dịch là đại hỷ.

- Bình sa vương: là theo cựu dịch cũng gọi là Tần-tỳ-thức-sa-la,

cũng gọi là tần-bà-la. Tần-tỳ là nói không (ngôn vô), Thức-bà-la là ngôn thực. Thanh Luận nói bình-sa vương là âm ngoại quốc, vương là tiếng gián ngữ ở đây, gọi đầy đủ là Tần-tỳ sa-la hà-la-xà.

- Tần-tỳ-đầy là vô, sa-la phiên là thật. Hà-la-xà phiên là vương, gọi là vô thật vương.

- Phạm-chí là theo cựu dịch, phạm có nghĩa là tịnh, xét Phạn ngữ là tiếng gián ngữ ở đây, chẳng phải là âm ngoại quốc. Phạm là huấn tịnh như do tịnh mà huấn tịch, chẳng phải là âm nước ngoài. Ngoại quốc thì gọi phạm là Bà-la-na, chí là bà-tha-thích. Người Trì luật thì gọi y thâm ma căn. Thanh Luận thì gọi là thượng gia y. Chánh theo âm ngoại quốc thì nên gọi: số khâm Ma-mưu-la, Số-khâm-ma phiên là tế y, mâu-la phiên là căn, gọi đó là tế y.

- Ưu-bà nan-đề Tỳ-kheo: cựu dịch là đại-hỷ, Thanh Luận cho rằng: Ưu-bà phiên là đại. Nan-đà dịch là hỷ, ma-ha cũng gọi là đại ưu-ba cũng là đại. Điều này e rằng do phiên âm quốc ngữ không đồng.

- Tỳ-hỷ-đà Tỳ-kheo: cựu dịch là phú (che). Thanh Luận cho rằng: ngoài quốc âm ra thì nên gọi là Tỳ-hỷ-tha, phiên âm là mật, phú là nghĩa phiên, mật là chánh phiên.

- Nê-hoàn tăng: cựu dịch là phương y, người Trì luật gọi là giải thoát y, Thanh Luận cho rằng ngoài chánh âm ngoại quốc nên gọi là Ni-bà-na, phiên là quân y.

- A-la-tỳ quốc: cựu dịch là thiếu ngữ. A-la-tỳ là âm ngoại quốc, chữ quốc là gián ngữ ở đây, gọi đầy đủ theo âm Hồ thì là A-la tỳ-tỷ-da.

A-tỳ-la phiên là bất thanh, Tỳ-tỷ-da là quốc. Thiếu ngữ chẳng phải là không lời mà là lời ít, bất thanh là không có âm thanh, phần nhiều dùng tay làm biểu ngữ, chẳng phải là vô ngôn. Do đó mà phiên là tiểu ngữ, dùng tay để biểu thị tướng, cũng phiên là bất thanh.

- Tăng-kỳ-chi: cựu dịch là thiên-đản (cà-sa trống bên trái), Trì luật gọi là trợ thiên y, Thanh Luận thì cho rằng: chánh âm ngoại quốc nên gọi là tăng cát-di. Tăng cát-phiên là kiên, di-phiên là phú kiên y, gọi tổng lại là vô phi trợ thân y, phân biệt nên lấy phú kiên y làm chánh.

- Thiếu-ni-y: người Trì luật thì gọi là thổ y, Thanh Luận thì gọi là sa-y phiên là thọ bì y. Ở đây chẳng phải là thổ y, nên gọi là thọ bì y.

- Di-câu khâm-bà-la-y: Trì luật gọi là ráng sắc y, chánh theo âm ngoại quốc nên gọi là vân-la-cam-bà-la. Vân-la phiên là bạch dương, Cam-bà-la phiên là mao y, gọi là bạch dương mao y.

- Kỳ-do-la khâm-bà-la-y: chánh âm nước ngoài nên gọi là chỉ-

do-la cam-bà-la. Chỉ-do-la phiên âm là tế, cam-bà-la phiên là tế y, gọi chung là tế mao y.

- Biểu lý nhĩ câu chấp: Trì luật gọi là nhung cổ cụ, Thanh Luận gọi năm chữ là: Y-lý-nhĩ-câu-chấp, đều là gián ngữ ở đây, âm đầy đủ Phạn ngữ gọi là hỉ-lan-sỉ-lô-ma bà-ma-già la-ha-na.

Bà-hỉ phiên âm là biểu, Lan-sỉ phiên là lý, lô-ma phiên là nhĩ, Ba-ma phiên là câu, già-la-ha phiên là chấp.

- Ba-la-di-lợi-y: Trì luật gọi là hữu tiền xiêm y.

- Lộc mao Khâm-bạt-cụ-côn-y: Trì luật gọi là hứa y.

- Xá-lặc-y: cựu dịch là nội y, người Trì luật gọi là tiền hậu xiêm y, Thanh Luận cho rằng: chánh âm Phạn ngữ gọi là An-đa-la-xá-đa-kha. Y này bốn góc vuông may gấp vào trong, Tăng Ni bây giờ thường đắp y này.

- A-câu-thảo-y: Trì luật gọi là sa (?) y. Hồ Tăng thì gọi là phảng-già, danh xưng này phát xuất từ kiếp bảo, cũng như đây gọi là ma (gai) vậy, dùng nó để may y.

- Câu-xa-thảo-y: cựu dịch là tế mao, Trì luật gọi là sa-y, Thanh Luận thì cho là chánh theo âm ngoại quốc nên gọi: câu-xa-để-lý-na, câu-xa dịch là phương, để-lý-na dịch là thảo, nên gọi là ma-thảo-y.

- Văn-nhược-thảo-y: cựu dịch là như thế, cũng gọi là văn xà, có nghĩa là hổ tu (râu cọp). Trì luật gọi là sa-y. Theo âm Phạn ngữ nên gọi là văn-xà phiên là xuất, tức là hổ tu thảo (cỏ hổ tu). Hồ Tăng lấy cỏ thổ long tu này có màu sắc vàng dùng làm tọa cụ. Cũng có thể may y.

- Bà-sa thảo y là theo cựu dịch, cũng gọi là Ba-bạt-xà có nghĩa là lộc mao, Trì luật gọi là sa y. Theo luật thì từ A-câu-thảo-y đến Ba-xa-thảo-y là năm loại cỏ, đều gọi là thảo y.

Nghĩa này không phải như vậy, do đó gọi là sa y. Lấy sa thảo may y thì gọi là sa y, không phải các loại cỏ đều gọi sa y.

- Phát khâm-bà-la: Trì luật gọi là lộc mao y, chữ phát là gián ngữ ở đây. Khâm-bà-la là âm nước ngoài, Thanh Luận thì cho là âm ngoại quốc chưa đúng. Âm Phạn gọi chữ phát là chỉ-xá, gọi chữ y là cam-bà-la có nghĩa là phát y (chức phát), dệt tóc làm y, không nên gọi là lộc mao.

- Giác-chí-sí-y: người Trì luật gọi là điểu mao y, chữ giác chí nghĩa là cù dục (chim yểng), lấy lông cù dục may y nên gọi là chí-sí-y.

- Bà-già-la-u: Thanh Luận cho rằng, chánh gọi theo âm ngoại quốc là Bạt-kha-la chỉ bà-la, dịch là thọ-bì-y (y võ cây).

- Ưu-la-đề-na: là theo cựu dịch ưu-la có nghĩa là não, Đề-na là dữ

(cùng) có nghĩa là não dữ.

- Tháp là theo cựu dịch, âm Phạn gọi là tháp đây gọi là phương phần (mã vuông). Trì luật gọi là phần, Thanh Luận thì cho rằng: tháp là tiếng gián ngữ ở đây, âm Phạn là: Tứ-thâu-ba-vi tháp.

- Đầu-đà: Trì luật gọi là đẩu tẩu (phấn chấn), Thanh Luận thì cho theo âm ngoại nên gọi là thâu-đa dịch là trừ trần, trừ trần là chánh phiên.

- Bát-pháp, pha-lê: theo cựu dịch nên gọi là pha-chí-can, nghĩa là bạch châu, thủy tinh, hỏa châu. Thanh Luận thì nói chánh theo âm ngoại nên gọi là Tứ-pha-để-kha, dịch là thủy tinh, xét thì bạch châu thủy tinh hỏa châu không bao gồm nhiều vật, mà cộng lại một tên. Từng nghe pha lê châu là một vật, có nhiều sắc.

- Bát-tha: Trì luật gọi là tiểu bát. Thanh Luận thì cho rằng, theo âm Phạn nên gọi Bà-thứ-tứ-tha, dịch là nhất thụy.

- Bạt-la-đà Tỳ-kheo: cựu dịch là hiền. Thanh Luận thì chánh gọi theo âm ngoại quốc là Phát-đà-la nan-đà. Phát-đà-la dịch là hiền, nan-đà dịch là hoan hỷ, gọi là hiền hoan hỷ.

- Ni sư đàn pháp: Ni-sư-đàn cựu dịch là tọa cụ. Theo Thanh Luận chánh gọi theo âm Phạn là Ni-sư-đàn-da, dịch là tọa y.

- Duy-da-ly quốc (nước Duy-da-ly): cựu dịch là như vậy, lại còn gọi là Tỳ-da-ly, cũng gọi là Tỳ-xá-lý, dịch là bát quảng. Theo Thanh Luận chánh gọi theo âm Phạn là Tỳ-xá-ly, dịch là quảng.

- Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di: cựu dịch Ca-lưu-đà-di, cũng gọi Ca-lâu-đà-di. Ca-lưu là trì, đà-di là khởi. Theo Thanh Luận thì chánh gọi theo âm Phạn là kha-lô-đà-di. Kha-lô dịch là tảo (sớm) cũng gọi là hắc, đà-di dịch là sanh, cũng gọi là khởi nghĩa là tảo khởi, cũng dịch là hắc khởi. Vì sanh vào lúc mặt trời vừa lố dạng, cho nên gọi là tảo sanh. Có Ưu-đà-di sắc thắng và Kha-lô-đà-di sắc đen, cho nên xưng là khởi sắc.

- Tụ-già-đà là âm theo cựu dịch. Tu có nghĩa là hảo, già-đà là khứ, cũng gọi là thuyết, cũng gọi là thiện thệ. Trì luật gọi là thiện thuyết. Chánh theo âm Phạn nên gọi là tu-già-đa tu dịch là thiện, già-đa dịch là khứ, nghĩa là thiện khứ. Nghĩa này rút từ yếu luật nghi - Quyển tám.

- Kiết giới pháp - La Duyệt Thành. Thanh Luận gọi theo âm Phạn là Hà-la-xà-na-già-la. Hà-la-xà-na dịch là vương. Già-la dịch là thành, có nghĩa là vương thành.

- Câu-lô-xá: Trì luật gọi là ngũ bá cung, một cung dài khoảng khuỷu tay người.

- Núi Kỳ-xà-quật: theo cựu dịch thì Kỳ-xà gọi là thứu, khuất-đa

dịch là đầu nên gọi là thứu đầu.

- Giải giới pháp, Ca-lan-đà quốc (nước Ca-lan-đà): cựu dịch là hảo. Theo Thanh Luận thì nên gọi là Ca-lan-đà-kha là tên chim, đây dịch là vô đối. Rút ra từ Yếu Luật Nghi - Quyển chín.

- Tam diệt pháp - Bạt-kỳ-sắc: cựu dịch là tụ. Thanh Luận nói Bạt-kỳ là âm Phạn. Sắc là tiếng gián ngữ ở đây, gọi đầy đủ theo âm Phạn là Bạt-kỳ-ni-già-ma. Bạt-kỳ phiên là quần, Ni-già-ma phiên là sắc, có nghĩa là quần (quần nệm).

- Tôn-đà-la nan-đà Tỳ-kheo: Tôn-đà là có nghĩa là khả ái, cũng gọi là hảo. Nan-đà nghĩa là hoan hỷ. Theo Thanh Luận thì Tôn-đà-la là hảo, Nan-đà là hỷ, gọi là hảo hỷ.

- Đà-phiêu lực sĩ tử: cựu dịch là mao thảo. Theo Thanh Luận thì Đà-phiêu là âm Phạn, lực sĩ tử là từ ngữ ở đây. Đầy đủ theo âm Thiên Trúc thì gọi là Đà-lạp-tỳ-dạ Bỉ-la bà-phân-phất Đa-la. Đà-lạp-tỳ-dạ dịch là vật, Bỉ-la dịch là lực, Bà-la là sĩ, Phất-đa-la là tử. Sĩ tử là chỉ cho người giàu có nhiều của cải, cho nên gọi là vật lực sĩ tử.

- Tỳ-kheo Di-đa-la-phù-ma: theo Thanh Luận thì chánh âm Phạn ngữ nên gọi là Lai-đa-la-bộ-ma. Lai-đa-la dịch là tử, bộ-la dịch là địa, có nghĩa là từ địa.

- Tỳ-kheo Ni Di-đa-la: Thanh Luận chánh âm Phạn là Lai-đa-la, dịch là từ.

- Tứ thường pháp Ma-già-sa-di: cựu dịch là đạo. Theo Thanh Luận chánh âm Phạn là Ma-lặc-già, dịch là đạo, cũng gọi là đạo.

- Nước Câu-xá-lỵ: cựu dịch là vật thiểm-tỳ, cũng gọi là Vật-thiểm-di. Nghĩa là bất kham tịnh, cũng gọi là tàng hữu. Theo Thanh Luận thì gọi là Cao-sam-tỳ, phiên ra là kiết tường thảo. Đây là tên của một Tiên nhơn, lấy tên người làm tên nước, gọi là nước Kiết Tường Thảo.

- Tỳ-kheo Sa-nặc: cựu dịch là Sa-đà, cũng gọi là Xà-na, nghĩa là ứng tác, cũng gọi là Phú-tàng. Thanh Luận gọi chánh âm nước ngoài là sằn-đà, dịch là dục lệnh phúc.

- Chiên-đà-la: lại gọi là Chiên-trà-la, có nghĩa là sân, cũng gọi là ác. Trì luật gọi là ác nhơn hạ tiện. Thanh Luận gọi theo âm nước ngoài là Chiên-đà-la phiên ra là ác nhơn, Chiên-đà-la có nghĩa là ác nhơn đồ sát, thuộc loại ngũ binh đồ tể.

- Ương-già quốc (?): cựu dịch là (?) Ương-già, có nghĩa là thể. Cũng gọi là Ương-già-tỳ-tỷ-da. Ương-già nghĩa là phần. Tỳ-tỷ-gia là quốc gọi là phần quốc, cũng gọi là thân quốc.

- Ban-đề quốc: Thanh Luận chánh gọi theo âm Phạn là A-ban-để

dịch nghĩa là hộ.

- Tỳ-kheo A-lê-sá: cũng gọi A-lợi-sắt-sá, cũng gọi A-lật-sá nghĩa là vô hoạn thọ (cây vô hoạn). Thanh Luận chánh gọi theo âm nước ngoài là A-lật-sất-đa. Vị Tỳ-kheo này nhơn nơi cây mà đặt tên cho nên gọi là Tỳ-kheo vô hoạn.

- Phạm-đàn pháp-phạm đàn: người Trì luật gọi là Đàn-tẩn, âm Phạn gọi là Bà-la-ma-tư-ma, dịch là phạm đàn.

- Bà-la quốc: cựu dịch là thắng.

- Tỳ-kheo xiển-nỗ: cựu dịch là phú, chánh Phạn ngữ gọi là Xiển-na, dịch là mật.

- Kinh Na-đà Ca-chiên-diên kinh: cũng gọi là Na-thích-đà Ca-chiên-diên. Na-thích-đà gọi là tín, Ca-chiên-diên gọi là tánh. Thanh Luận chánh gọi theo âm Phạn ngữ là Na-đà-cát-đa-da-na. Na-đà dịch là trường thanh, Cát-đa-da phiên là tánh.

Rút từ Yếu Luật Nghi - Quyển mười.

- Tứ-yết-ma pháp (bốn pháp yết-ma) - Bàn-trà Tỳ-kheo: lại gọi là Bàn-đặc-đà-ca có nghĩa là lộ. Thanh Luận theo âm Phạn ngữ gọi là Ưng-bàn-đà dịch là luận.

- Lô-già Tỳ-kheo: Lô-già có nghĩa là ương sắt bịnh. Thanh Luận gọi Lô-già phiên là hoạn, cũng gọi là bịnh.

- Thi-việt Tỳ-kheo: Thanh Luận nói Thi-việt là từ ở đây, gọi đúng theo âm tiếng Phạn là Đàn-na. Chữ việt có nghĩa là Ba-để, nhà Lương dịch là thi việt.

- Mã túc Tỳ-kheo: Thanh Luận nói đây là nghĩa từ Hán, chánh âm tiếng Phạn là A-tu-thật, dịch là mã túc.

- Mãn-túc Tỳ-kheo: Thanh Luận nói mãn túc là tiếng gián ngữ, chánh âm tiếng Phạn là Da-luật-na-thật. Nhà Lương dịch là mãn túc.

- Cư sĩ Ưu-lâu-già: Ưu-lâu-già là âm tiếng Phạn. Cư sĩ là từ ở đây, nói đủ theo âm Phạn là Úc-già-la Ẩu-bà-tắc phần, Ưc-già-la phiên là uy đức, Ẩu-bà-tắc phần là cư sĩ. Gọi là uy đức Cư sĩ.

- Cư sĩ Chất-đa-la: cựu dịch là chủng chủng. Thanh Luận gọi là bế.

- Ma-ha-đế-đế-đà-la: vốn gọi là tri pháp nhơn (người biết pháp). Cựu dịch là tự chủ, Trì luật gọi là tri pháp tự chủ. Theo Thanh Luận gọi Ma-mạt-để gia-di-đà-tha dịch là trị. Có nghĩa là Tỳ-kheo trị tự chủ.

- Pháp hối tăng tàng - Tăng-già Bà-thi-sa: cựu dịch là chúng tàng, cũng gọi là chúng dư luật, gọi là tăng tàng, cũng gọi là Tăng-cứu. Bà-thi-sa dịch là dư. Xét theo phiên âm này thì dịch là Tăng-tàng, như vậy

thì phù hợp với ngôn ngữ Hồ Lương. Nói tăng cứu thì cũng phù hợp với Hồ Lương (Phạn và Hán). Nếu gọi Tăng-tàng thì cũng nghĩa này. Nói là chúng dư cũng là nghĩa này. Tàng và dư đều không khác nghĩa.

- Ma-ha-đỏa: cựu dịch là tề lượng, Trì luật gọi là ý triết phục ở dước. Cũng gọi là trị tội Tăng-tàng. Đây là nói theo đối danh, cũng chẳng phải là chánh phiên dịch.

Phiên âm Phạn ngữ - Quyển thứ ba.
Ngày 16 tháng 04 năm Diên Ưng thứ hai.
Viết tại thư viện Địa Tạng, chùa Đề Hồ.

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 4

- Danh xưng Bà-la-môn - Phần mười chín
- Danh xưng Sát-đế-lợi - Phần hai mươi

DANH XƯNG BÀ LA MÔN - MƯỜI CHÍN

Bà-la-môn: trong luật Thiện Kiến gọi là Tịnh hạnh. Lại-ba-la dịch là trí, môn là văn, dịch là tâm xuất tục ngoại (tâm thoát tục) (Đại Trí Luận - Quyển một).

- Chiên-xà Bà-la-môn: nên gọi là Chiên-đà, dịch là ác tánh.

- A-kỳ-đạt-đa Bà-la-môn: cũng gọi A-kỳ-ni-đạt-đa, A-kỳ-ni dịch là hỏ (lửa) đạt-đa là dữ (cho, cùng) (Quyển chín).

- Quán-di-la Bà-la-môn: tịch là sơn (Quyển ba mươi bốn).

- Ma-già Bà-la-môn: tên ngôi sao (Quyển năm mươi sáu).

- Tỳ-sa-đà-da: Tỳ-sa dịch là độc (độc) đà-da là dữ (Trường A-hàm - Quyển sáu).

- Bà-tất-trà: dịch là tối thắng (Quyển sáu).

- Bà-la-đọa: là họ.

- Phật-gia-la-bà-la: cũng gọi là phất-gia-la-bà-la, phất-già-la dịch là nhất nhơn (người), ba-la nghĩa là lực (Quyển mười ba).

- Cứu-la-đàn-đầu: Cứu-la dịch là tánh, đàn-đầu nghĩa là phạt, cũng dịch là trị (Quyển mười lăm).

- A-trá-na: cũng gọi A-tư-sất-ma dịch là đẳng bát (thứ tám) (Quyển mười sáu).

- Bà-ma: dịch là đậu, cũng gọi là thái.

- Bà-ma-đề-bà: cũng gọi Ba-la-mộc-đa-đề-bà, dịch là phóng dật thiên.

- Tỳ-ba-thẩm-sất: cũng gọi Tỳ-ba-trảm-sĩ, dịch là bất tư duy vậy.

- A-lâu-na: dịch là hiểu.

- Cù-đàm-ma: là họ.

- Thủ-chỉ: nghĩa là tịnh.

- Tổn-tha: dịch là tượng tỷ.

- Lộ-giá: dịch là nhãn (mắt), cũng gọi là nhạc (vui) (Quyển mười bảy).

- Tỳ-ca-đa-lỗ-ca Bà-la-môn: cũng gọi là tỳ-già-đa-lỗ-kim dịch là khứ quang, cũng gọi là ám (tối) (Tạp A-hàm - Quyển hai).

- Ưu-ba-ca Bà-la-môn: cũng gọi Ưu-bà-già, dịch là cận hành (Quyển bốn).

- Uất-xà-ca: dịch là vô úy.

- Đậu-ma: dịch là yên (khói).

- Lỗ-ế-giá Bà-la-môn: Lỗ-ế-hi-đa dịch là lý ngư, cũng là tên nước.

- Tỳ-nữu-ca-đản-diên-thi Bà-la-môn: cũng gọi là Tỳ-lỳ-nữu-ca chiên-diên-na (Quyển hai mươi chín).

- Tân-kỳ-ca Bà-la-môn: dịch là tụ (Quyển bốn mươi hai).

- Xà-đề-phất-đa-la: dịch là sanh tử (Quyển bốn mươi ba).

- Bà-tư-sất Bà-la-môn Ni: dịch là tối thắng hạnh nữ (vị Ni tịnh hạnh tối thắng) (Quyển bốn mươi bốn).

- Tỳ-ni-da-bà-la-đậu-bà-già Bà-la-môn: Tỳ-lợi-da dịch là tinh tấn, bà-la dịch là lực, bà-già-la dịch là áo ngữ (Quyển bốn mươi sáu).

- Na-lăng-già Bà-la-môn: Na nghĩa là vô, lăng-già là đạo (Tứ Phần Luật, phần thứ ba, Quyển thứ nhất).

- Da-nhã-đạt Bà-la-môn: dịch là dữ (cho) (Tứ Phần Luật - Quyển chín).

- Tư-na Bà-la-môn: dịch là quân (Luật Di-sa-tắc - Quyển mười chín).

- Tu-bà-na Bà-la-môn: dịch là hảo lâm (Luật Thiện Kiến Tỳ-bà-sa - Quyển một).

- A-thị Bà-la-môn: dịch là A-kỳ-nhị, dịch là hỏa (Quyển hai).

- Xa-đa-ma-da Bà-la-môn: cũng gọi Lợi-đa-ma, dịch là tịnh tâm (Quyển năm).

- Tư-lâu Bà-la-môn: dịch là danh sơn (tên một ngọn núi) (Quyển bảy).

- Bà-da-la-ni Bà-la-môn: cũng gọi Bà-la-da-na, dịch là độ bỉ.

- Tỳ-la-ma Bà-la-môn: dịch là công đức vô thời.

- Phạm-ma-du Bà-la-môn: cũng gọi Phạm-ma-du-ni, dịch Phạm-ma dịch là tịnh, du-ni dịch là sanh. (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển một).

- Xà-đề-du-ma Bà-la-môn: cũng gọi là Xà-để-du-na, xà-để dịch

là sanh, du-na dịch là văn.

- Thúc-ca-ma-nạp-bà: cũng gọi Thúc-ca-ma-na-ma, Thúc-ca-ma dịch là anh vũ, ma-nạp-bà dịch là thiếu niên tịnh hạnh (Quyển ba).
- Ưu-cừu-sất Bà-la-môn: dịch là hảo sân (Quyển hai mươi).
- Ưu-đa-la-ma-nạp-bà: Ưu-đa-la dịch là thắng (Quyển ba mươi chín).
- Cụ-tấn-đà-la Bà-la-môn: dịch là sanh trí (Quyển năm mươi lăm).
- Nan-đà nan-đà Bà-la-môn: Nan-đà dịch là hoan hỷ (Quyển năm mươi sáu).
- Pham-ma Bà-la-môn: Phạm-ma có nghĩa là tịnh (Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Bà-la Bà-la-môn: Bà-la là tên của chim thật cấp hạc.
- Duyệt-xoa Bà-la-môn: dịch là năng đạm (kinh Xuất Diệu - Quyển năm).
- Ma-đàn-đề Bà-la-môn: cũng gọi là Ma-đàn-đà dịch là thủy tinh (kinh Bà-tu-mật - Quyển hai).
- Na-la-đà Bà-la-môn: dịch là nhơn dữ (Bách Cú Kinh - Quyển bốn).
- Tỳ-lan-nhã Bà-la-môn: dịch là bất thiện (Vị Miêu Trúc Viên Lão Bà Môn Thuyết Học Kinh - Quyển một).
- Bạt-đà-la-ni Bà-la-môn: cũng gọi Bạt-đà-la-na-ni, dịch là hiền hạnh (kinh Quá Khứ, Hiện Tại, Nhơn Quả - Quyển một).
- Ma-ha-na-ma: dịch là đại danh.
- Bạt-ma: dịch là chủng (Quyển bốn).
- A-xả-bà-kỳ: A-thủ-bà-kỳ dịch là mã ngữ.
- Bạt-đà-la-kỳ: cũng gọi là Bạt-đà-la-kỳ dịch là hiền luận.
- Tát-già-ni-kiền Bà-la-môn: Tát-già dịch là thật, ni-kiền dịch là vô hệ (kinh Pháp Cú - Quyển ba).
- Na-lê-ương-già Bà-la-môn: Na-lê dịch là thiệp khắc, ương-già dịch là thể.
- Uất-xà-ca Bà-la-môn: dịch là cần (kinh Phất Vi Bà-la-môn Thuyết Tứ Pháp).
- Tu-hằng-sư-lợi Bà-la-môn: cũng gọi là Tu-lợi-na-sư-lợi. Tu-lợi-na dịch là kim-sư lợi nghĩa là kiệt.
- Tam-ma-chấn-thị Bà-la-môn: Tam-ma dịch là bình đẳng, chấn-thị là tư duy.
- Tam-pha-xa: cũng gọi là Tam-pha-ly-xá, dịch là khiển sử.

- Ma-ha-ca-lũy-na: dịch là đại bi.

- Mâu-lợi-sư-lợi Bà-la-môn: Mâu-lợi dịch là hữu căn, sư-lợi là kiết.

- Phân-đà-đả: cũng gọi là Lưu-na-tha, dịch là mãn lạc.

- Thuật-xà-sư-lợi: Thuật-xa dịch là tương ưng, sư-lợi dịch là ngô (ta).

- A-duy-mạt-chơn: cũng gọi là A-lợi-da-chơn-đa, dịch là thánh tư duy.

- Nan-đầu-đa-la: dịch là hoan hỷ thắng.

- Chiên-uất-đà-sa-lợi: cũng gọi Chiên-đà-la-uất-đa-la-sư-lợi, dịch Chiên-đà-la là nguyệt, uất-đà-la dịch là thắng, sư-lợi dịch là kiết.

- Ca-la-việt: cũng gọi Ca-la-lợi dịch là hữu thời.

- Diệm-hà-sư-lợi: Diệm-hà là tên cây, sư-lợi là kiết.

- Phù-sa-mạn: Tiền-sa-mạn, dịch là vô đẳng.

- Phạm Bà-la-môn: dịch là tịnh (kinh Di-lặc Thành Thật).

- Tăng-già-la Bà-la-môn: kế số.

- Đậu-ma-chủng-tánh Bà-la-môn: Đậu-ma dịch là yên (kinh Phất Tích Kiến Thiên Bức Luân Tướng).

- Đô-đa-da-phất-đa-la Bà-la-môn: cũng gọi là Đề-đô-da-phất-đa-la dịch là thích tử (kinh Tội Nghiệp Báo Ứng).

- Tỳ-lam-đại Bà-la-môn: dịch là chủng chủng công đức.

- Đậu-bà-giá chủng tánh Bà-la-môn: Đậu-bà-giá dịch là ác ngữ (kinh Đậu-Giá Bà-la-môn Luận Nghị).

- Xà-đề-sớ Bà-la-môn: cũng gọi Xà-đề-thâu-lư-da, dịch là sanh văn (kinh Danh Xưng).

- Khê-đầu Bà-la-môn: dịch là sung sung (lông bông) (Phạm Thiên Chỉ Bà-la-môn Giảng Đường Kinh).

- Uất-đa-la Bà-la-môn tử: dịch là thắng (kinh Vị Kiều Mạn Bà-la-môn Thuyết kệ).

- Bà-la-đậu-bà-xá-già Bà-la-môn: Bà-la dịch là thắng, đầu-bà-xá dịch là ác ngữ (Tạp Kinh).

- A-thúc-la Bà-la-môn: dịch là bất dõng (Thành Thật Luật - Quyển một).

- La-xà-tang-di Bà-la-môn: cũng gọi là La-xà-tang-di-đa, dịch là vương sở trọng (Lịch Quốc Truyện - Quyển hai).

SÁT LỢI DANH - PHẦN HAI MƯƠI
(Tên họ dòng Sát-lợi)

- Sát-lợi: cũng gọi Sát-đế-lợi, dịch là điền chủ, cũng gọi là điền hộ (Đại Trí Luận - Quyển bốn).

- Bình-sa vương: cũng gọi Tần-tỳ-la, hay Tần-bà-sa-la. Tần-bà dịch là đế, sa-la dịch là thật (Quyển hai).

- A-xà-quán: cũng gọi A-xà-đa-xa-đấu-lâu. A-xà-đa dịch là vị sanh, xa-đấu-lâu dịch là oán.

- Ba-tư-nặc: cũng gọi là Ba-tư-na-thực, dịch là thắng quân.

- Xà-na-ca-nhạo vương: dịch là thành sự (Quyển thứ ba).

- Thi-tỳ vương: cũng gọi là Niết-tỳ, hoặc gọi thi-tỳ, dịch là hữu an ổn (Quyển bốn).

- Ca-lợi vương: cũng gọi Ca-lợi vương hoặc ca (?) lợi, dịch là hắc (đen).

- Tỳ-lâu-lưu vương: cũng gọi là Tỳ-lưu-tha dịch là tăng trưởng (Quyển chín).

- Ma-ha-la: cũng gọi Ma-ha-la-xà, Ma-ha dịch là đại, la-xà dịch là vương.

- Bà-tát-bà vương: dịch là thiên (Quyển một).

- A-thâu-già vương: cũng gọi A-dục vương, cũng gọi A-thâu-ca, A-thâu-ca dịch là vô ưu, cũng dịch là bổn hoa.

- Thái tử Tu-đề-noa: cũng gọi Tu-địa-na, luận dịch là hảo (Quyển mười hai).

- Tát-bà-đạt vương: cũng gọi Tát-phạm-đà-đà, dịch là nhất thiết thí.

- Phạm-ma-đạt vương: cũng gọi Phạm-ma-đạt-đa, cũng gọi tịnh (Quyển mười sáu).

- Ưu-điền vương: vua Ưu-điền là tên nước (Quyển mười bảy).

- Phất-ca-la-bà vương: cũng gọi là Phất-ca-la-bà-để. Phất-ca-la dịch là liên hoa, đề-bà dịch là hữu (Quyển hai mươi bốn).

- Chiên-đà-bà-thù-đề vương: cũng gọi Chiên-thí-bát-thứ-thọ-đa, hoặc gọi Chiên-đà-bà-chu-tha. Chiên-đà dịch là ác tánh, bát-thứ-thọ-đa dịch là minh, cũng gọi là hóa (Quyển hai mươi lăm).

- Ca-la-bà-lợi vương: dịch là tự tại ngữ.

- Bà-kiệt vương: cũng gọi là Bà-kỳ-xá, dịch là vương tánh (họ Vương - vua).

- Tát-bà-đạt-đa vương: Tát-bà là nhứt thiết, đạt-đa là dữ (cho)

(Quyển ba mươi ba).

- Lợi-xương cũng gọi là Lợi-xương-tỳ (Quyển năm mươi tám).

- Ly-xa: cũng gọi Ly-xa-tỳ, cũng gọi là Lợi-xa-tỳ vương, dịch là đồng hoạt (Đại Bát Niết-bàn - Quyển một).

- La-ma vương: dịch là hí (Quyển mười bảy).

- Bạt-đề vương: cũng gọi Bạt-đề-ca, dịch là trưởng.

- Tỳ-lâu-chơn vương: là Đa-lạc (nhiều vui).

- Na-hầu-sa vương: dịch là ký (trông mong).

- Tỳ-xá-khư vương: tên ngôi sao.

- Tỳ-lưu-ly vương: cũng gọi là Tỳ-lâu-lặc-lâu, cũng gọi Duy-lâu-lặc, dịch là trưởng.

- Ưu-bà-da vương: cũng gọi Ưu-đà-diên hay Ưu-đà-la-diên, dịch là nhựt sơ suất (mặt trời mới mọc).

- Tu-tỳ-la vương: dịch là hảo dõng.

- Da-da-đế vương: dịch là kỷ hành (Quyển hai mươi lăm).

- Nhất-xoa-cưu vương: Nhất-xoa dịch là cam giá, cựu dịch là thử.

- Tỳ-sa vương: dịch là nhập (Tăng Nhất A-hàm - Quyển một).

- Thái tử Kỳ-đà cũng gọi là Thi-đa, dịch là thắng (Quyển mười tám).

- Giáp-tỷ vương: cũng gọi là Kiếp-ty, dịch là cửu chương (Trung A-hàm - Quyển mười hai).

- Đa-la-diếp: cũng gọi Ba-la-diếp, dịch là đồng (Trường A-hàm - Quyển hai mươi hai).

- Chiêm-ba: tên một loài hoa Nhật.

- Ban-già-la: dịch là ngũ năng.

- Ca-lăng-già: tên nước.

- Cừ-la-bà: cũng gọi Cừ-chích-la-bà, dịch là cung kính.

- Ni-cầu-la: dịch là phòng bị.

- Vua Câu-xá-đề-bà: dịch là tàng thuyết (Tạp A-hàm - Quyển mười).

- Vua Ma-du-la: dịch là mỹ (Quyển hai mươi).

- Vương tử Tu-sư-ma: dịch là hảo giới (Quyển hai mươi ba).

- Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na: cũng gọi là Hiển-đà-la-tây-na, dịch là thiên chủ quân (Quyển hai mươi lăm).

- Vua Bát-la-bà: dịch là nhuyễn diệp.

- Vua Đâu-sa-la: dịch là sương.

- Da-ban-na vương: dịch là biên địa, cũng là tên nước.

- Vua Vương-bà-đề: cũng gọi Bà-để (dịch là chủ).

- Tỳ-lợi-ha: Ba-để vương: gọi là đại vương, cũng gọi Thái bạch hoàng.
- Tỳ-lợi-ha-tây-na vương: Tỳ-lợi-ha dịch là đại, tây-na dịch là quân.
- Phật-sa-tu-ma vương: dịch là tinh nguyệt.
- Phất-sa-mật-đa-la vương: Phất-sa dịch là tinh, Mật-đa-la là hữu.
- Đà-xá-la-ha: cũng gọi Đà-xá-la-tha. Đà-xá dịch là thập, la-đà dịch là xa (xe). (Quyển ba mươi bảy).
- Ca-lũ-đà vương: dịch là chơn tâm (Quyển ba mươi chín).
- Tát-bà vương: dịch là nhất thiết (Thập Tụng Thập Pháp - Quyển năm).
- Vua Ba-ma-đạt: cũng gọi là Ba-la-ma-đà-đạt-đa. Ba-la-ma-đà là phóng dật, đạt-đa như trên đã dịch (Thất Pháp - Quyển sáu).
- Mễ-ni-sát-lợi: cũng gọi là Di-ni-sát-lợi. Di-ni là luân, sát-lợi là họ (Tăng Kỳ Luật - Quyển mười một).
- Bà-na vương: dịch là lâm (rừng) (Quyển hai mươi).
- Am-bà-la-ly-xa-tử: Am-bà-la dịch là thọ danh (tên cây), ly-xa là tế hoạt (Quyển hai mươi ba).
- Vua Lê-na: dịch là cần (Tứ Phần Luật - phần hai - Quyển chín).
- Du-đồ-đàn-na vương: cũng gọi là Du-đâu-đàn-na, dịch là bạch phạn (Quyển mười ba).
- Vua Ương-già: dịch là thể (Phần Ba - Quyển thứ bốn).
- Vua Ba-la-thù-đề: Ba-la dịch là bỉ, cũng gọi là oán, thù-đề là thắng cũng gọi là đại (Phần Bốn - Quyển hai).
- Uất-ma vương: cũng gọi là Uất-đà-ma dịch là nhiệt (Luật Di-sa-tắc - Quyển mười chín).
- Ni-lâu vương: cũng gọi Ni-lâu-xà, ni dịch là vô, lâu-xà là bịnh.
- Vua Ca-di: dịch là hữu thế (Quyển hai mươi bốn).
- Ca-di vương danh phạm-đạt: cũng gọi Phạm-ma-đạt-đa. Ca-di như đã dịch ở trên, Phạm-ma-đạt-đa là tịnh (Quyển hai mươi tám).
- Bà-lâu vương: dịch là sa (Quyển hai mươi chín).
- Tỳ-kiệt-ma vương: dịch là vô tàng (Quyển ba mươi hai).
- Tân-đầu-hà vương: Tân-đầu dịch là tụ (Thiện Kiến Luật - Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Ma-sẩn-đà vương: cũng gọi Ma-đầu-đà-la, cũng gọi Ma-ế-đà, dịch là thiên chủ.
- Uất-đà-da-bạt-đà-la vương: dịch là khởi hiền (Quyển hai).

- Bán-đầu-bà-tu-đề-bà vương: Bà-tu dịch là bảo, Đề-bà là thiên.

- A-bà-da vương dịch là vô thời.

- Tu-tu-Phật-ma-già vương: dịch là cực hảo giác tông.

- Ca-la-dục vương: cũng gọi Ca-la-do-già, dịch là hắc thời.

- Chiên-đà-khuất-đa vương: cũng gọi Chiên-đà-la-khuất-đa, cũng gọi Chiên-đà-quật, dịch là nguyệt hộ.

- Na-ca-đãi-bà-ca vương: cũng gọi Na-ca-đãi-bà-ca, dịch là thiên đường đại.

- Cải-nan-đà vương: cũng gọi Mâu-ni-nan-đà, dịch là tiên hỉ.

- Mộc-xoa-già Ma-ni A-bà-da vương: Mộc-xoa-già là văn hành, Ma-ni là châu, A-bà-na là vô thời (trong Quyển ba).

- Câu-bà-la vương: dịch là xảo.

- Mạn-tha-đa vương: dịch là ngã trì (trong Quyển tám).

- Cù-tham-đà vương: cũng gọi Cù-tần-đà dịch là thiên đắc, cũng gọi là thuyết tri.

- Lưu-đà-la vương: dịch là uy mãnh.

- Bà-đế-da vương: Bà-đế dịch là mẫu da là tử (con).

- Bà-bà vương: dịch là sanh, cũng gọi là hữu (Quyển mười một).

- Ni-di Chuyển-luân-thánh vương: Ni-di là câu, cũng gọi là hỏa (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển bảy).

- Vô-luân-trà vương: dịch là thiên tử đẳng.

- Tỳ-đề-hy-tử: cũng gọi là Tỳ-đề-hy-thượng-vi-đề-hy. Dịch là tư duy.

- Đà-la-đạt-đa: Đà-la dịch là đồng, Đạt-đa là cùng (dữ) (Quyển ba mươi tám).

- Xà-na-lợi-sa: Xà-na dịch là nhập, lợi-xa là ngưu chủ.

- Đa-la-nhượng-khư vương: cũng gọi là Đa-la-cổ-khư, dịch là Thượng a (Quyển năm mươi lăm).

- Già-ca-việt: cũng gọi là Già-la-ca-bạt-đế, dịch là luân chuyển (Bát Kiền Độ - Quyển nhất).

- Ca-la-phù vương: dịch là tạp (Tỳ-bà-sa - Quyển chín).

- Kỳ-bà-y vương: dịch là mạng, cũng dịch là thọ (Đại Phương Đẳng Đại Tập - Quyển chín).

- Tu-đà-xa-na vương: cũng gọi Tu-đà-lợi-xa-na, dịch là hảo kiến, cũng gọi thiện kiến (Quyển hai mươi mốt).

- Bà-kỳ-lợi vương: dịch là ngữ (kinh Xuất Diệu - Quyển năm).

- A-cẩm-lam vương: cũng gọi A-câu-lâu dịch là bất tác (Quyển năm).

- Tu-lâu-bà vương: dịch là hảo (kinh Hiền Ngu).
- Khấu-xà-ni-bà-lợi vương: cũng gọi Kiệt-xà-ni-bà-lợi. Kiệt-xà-ni dịch là điện (đương), bà-la dịch là lực.
- Đàm-ma-kiềm Thái tử: kinh gọi là pháp hành.
- Ma-ha-la-đàn-nẳng vương: dịch là đại bảo.
- Ma-ha-phú-na-ninh Vương-tử: dịch là đại mãn diện.
- Ma-ha-đề-bà Vương-tử: kinh gọi là đại thiên.
- Hằng-già-đạt: cũng gọi Hằng-già-đạt-đa, Hằng-già dịch là A, đạt-đa dịch là dữ.
- Đề-ba vương: dịch là thiên (Quyển hai).
- Tu-xà-đề Thái tử: kinh gọi là thiện trụ, dịch là thiện sanh.
- Di-la-bạt-la vương: cũng gọi Di-đa-la-bà-la, kinh gọi từ lực.
- Nhơn-đà-bà-di vương: cũng gọi Thi-đà-la-ni, Thi-đà dịch là tự, Đà-la-ni là trì.
- Na-bà-la-mãn Vương tử: kinh gọi là phú tăng (Quyển bốn).
- Chiên-a-bà-la-bì: cũng gọi Chiên-đà-la-bà-la-bì, kinh gọi là nguyệt quang (Quyển năm).
- Tỳ-ma-tư-na vương: dịch là dũng quân.
- Tu-đề-la vương: kinh gọi là khoái mục.
- Tu-niết-la vương: cũng gọi Tu-niết-đa-la, dịch là hảo phục.
- Kiếp-tân-minh vương: dịch là phân biệt thời.
- Ma-ha-kiếp-tân-minh vương: dịch là đại phân biệt thời.
- Thiết-đầu-la-kiền-minh vương: cũng gọi Thiết-dầu-la-ca-la-na, dịch là hổ nhĩ.
- Bà-la-môn đề-bà vương: kinh gọi là Phạm thiên, dịch là tịnh thiên.
- Sát-la-già-lợi Thái tử: cũng gọi Sát-đa-la-ca-sát-na, kinh gọi là cái sự.
- Ma-ha-lịnh-nô vương: cũng gọi là Ma-ha-thích-na, dịch là đại bảo.
- Đề-ma-lịnh-nô Thái tử: Đề-ba-thích-na dịch là thiện bảo.
- Lặc-na-bạt-di vương: dịch là bảo khải.
- Ca-lương-na-già-lợi Thái tử: kinh gọi là thiện sư.
- Bà-già-già-lợi Vương-tử: cũng gọi là Ba-tư-ca-lợi-da. Ba-tư dịch là ác, ca-lợi-da dịch là sự.
- Lợi-sư-bạt-đà vương: cũng gọi Lợi-sư-bạt-đà-la. Lợi-sư dịch là tiên, bạt-đà-la dịch là hiền.
- Ma-ha-bà-la-bà-tu vương: kinh gọi là đại quang minh, dịch là

đại hộ bảo (Quyển mười).

- Cơ-hắc-tỳ vương: cũng gọi là Cơ-hắc-mị dịch là hữu thứ đệ (có thứ tự) (Quyển mười một).
- Bà-la-ma-đạt vương: cũng gọi là Bà-la-ma-đạt-đa, dịch là tịnh.
- Ca-ma-sa-bà-đà vương: kinh gọi là hải túc.
- Tu-đà-tố-di vương: Tu-đà dịch là văn, tố-di có nghĩa là nguyệt.
- A-ba-la-đề mục-khứ vương: kinh gọi là đoan chánh.
- Lặc-na-chức-kỳ Thái tử: kinh gọi là bảo kinh.
- Di-lặc Vương-tử: kinh gọi là tử (Quyển mười hai).
- Thắng-già vương: kinh gọi là cụ (đầy đủ), cũng gọi là sư tử.
- Đàm-ma-lưu-chi vương: dịch là pháp lạc.
- Đề-tỳ vương: cũng gọi là tỳ-đề-tỳ, tên nước (Quyển mười ba).
- Ban-đầu vương: dịch là hoàng nuy sắc (sắc vàng héo).
- Cù-tác-ly vương: dịch là xảo.
- Văn-đà-kiệt vương: cũng gọi Văn-trà-già dịch là đảnh sanh, hoặc là đảnh.
- Vô-ha-la-xà: dịch là đại vương. (kinh Hoa Đầu - Quyển nhất).
- Ma-xà-bà Vương-tử: cũng gọi Mạt-xà-lợi dịch là hòa nhuyễn (kinh Đại Bi Liên Kinh - Quyển năm).
- Ma-la Thái tử: dịch là hoa (Bà-la-mật Kinh - Quyển sáu).
- Ưu-ba-thmỗi-ma vương: dịch là đại giới (Quyển bảy).
- La-xà vương: dịch là vương (kinh Báo Ân - Quyển một).
- Tu-xà-đề Thái tử: dịch là tùy ý. (Tăng già La-lợi Sở Tập Kinh Tư - Quyển một).
- Ca-lam-phù vương: dịch là tạp.
- Tu-đà-ma vương: dịch là hảo thắng, cũng gọi là hảo hoa.
- Ma-ha-đề-ba vương: cũng gọi Đề-bà, dịch là đại phu.
- Đại-tu-đạt-thi-na vương: cũng gọi là Tu-đãi-đa-tư-na, dịch là hảo dữ quân.
- Cù-tần-đà vương: Cù dịch là ngưu, tần-đà dịch là trí.
- Sa-lô-thọ vương: dịch là bà-la, tên một loài cây (Quyển hai).
- Ca-lân vương: tên cây (Sanh Kinh - Quyển ba).
- A-chỉ vương: nên gọi là A-sy, A-sy dịch là tế hoạt.
- Ban-đầu vương: dịch là thân.
- Tô-ma vương: dịch là nguyệt. (vì Bà-la-môn hoàng viên lão thuyết học kinh - Quyển bốn).
- Ưu-lưu vương: dịch là hỏa (kinh Phật Sở Hành Tánh - Quyển một).

- Ty-thâu vương: dịch là đại.
- Mạn-đà vương: dịch là tối thắng.
- Ca-xoa vương: bất hảo tỳ.
- Già-đề-na vương: tên nước.
- An-để-điệp vương: An-để-đề-bà, dịch là hậu thiên.
- Đầu-lưu-ma-quang vương: tên cây (Đầu Lưu Ma).
- Tỳ-sâm-ma Vương tử: dịch là vô giới.
- Am-bà-lợi vương: dịch là không.
- Nhân-la Chuyển-luân-vương: dịch là nhĩ (nhân la).
- Phất-ca-la vương: liên hoa.
- Tát-bà-tất-đạt: cũng gọi Bồ-tát Tha-tất-đạt, dịch là nhất thiết sự nghiệm.
- Tần-tỳ-sa-la: tần-tỳ là ngộ (lầm), tỳ-sa-la: là thắng.
- Câu-lạp-bà: bất hảo thanh.
- Uất-đà-la-diên: dịch là lại hành.
- Câu-la-bà: họ.
- Càn-đề-la Vương tử: dịch là hương.
- Phất-ca-sa vương: dịch là hương.
- Phất-ca-sa vương: dịch là liên hoa thật (kinh Pháp Cú - Quyển một).
- Ưu-lặc-ca-sa-la vương: cũng gọi Ưu-la-già-bà-la, dịch là não hành thật. (kinh Nghiêm Tịnh - Quyển một).
- Câu-lợi-sát-đế: cũng gọi Câu-lợi-sát-đế-lợi, Câu-lợi là họ, Sát-đế-lợi là điền chủ (kinh Tu Hành Bổn Khởi - Quyển một).
- Thái tử Tất-đạt: kinh gọi Đắc-kiết, dịch là nhất thiết thành.
- Tu-bà Phật vương: cũng gọi Tu-bà-la Phật-đà, dịch là thiện giác.
- Di-ma-la: cũng gọi Tỳ-ma-la n.iết-đa-la. Tỳ-ma dịch là vô cấu, ni.ết-đa-la là nhãn (mắt) (kinh Thuần Chơn Đa-la - Quyển một).
- Tỳ-ni-la-sí vương: cũng gọi là Tỳ-ni-la-sí-xá, dịch là hảo hắc phát (kinh Ma-ha-ma-da - Quyển thượng).
- A-da-chí vương: dịch là hành (kinh Tỳ-la Tam-muội - Quyển thượng).
- A-giá Thái tử: cũng gọi A-la-la-già, dịch là cung (Quyển hạ).
- Nan-đề-tư-na vương: dịch là quân hỷ quân (kinh Pháp Cổ - Quyển hạ).
- Nhơn-đà-la: dịch là thiên chủ (kinh Ngũ Trược).
- Ni-bà-lư: dịch là vô lực.

- Thi-già-thù: dịch là vô nhiễu.
- La-hầu-chất-đa-la: dịch là nguyệt chướng chủng chủng.
- La-ma-chất-đa-la: La-ma dịch là hí, Đa-la dịch là chủng chủng.
- La-da-thâu: cũng gọi là La-xà-da-thâu dịch là vương đa văn.
- Diệm-ma: dịch là phược.
- Câu-na-da Quốc vương: dịch là bất minh liễu (không rõ ràng) (kinh Ba-nhã Đắc Đạo).
- Tha-ma-thi-lợi Vương tử: Tha-ma dịch là hoa man, Thi-lợi dịch là kiết.
- Ma-ế-tư-na: cũng gọi là Ma-ha-tư-bộ, dịch là đại quân.
- Cầu-y-đàm-da-chí Quốc vương: Cầu-y-đàm là họ, Da-chí là hành (kinh Tỳ-la Tam-muội).
- Tu-mạn vương: cũng gọi Tu-mạn-na dịch là hảo ý.
- Tần-đầu vương: dịch là đế (kinh Quyết Định La Phước).
- Phần-ba-đàn vương: cũng gọi Phân-nê-da-lăng-thích để-dạ-đà-na. Phân-thi-la dịch là công đức, Ba-lại-để-dạ dịch là duyên, Đà-thi dịch là thi (kinh Tam Ma Kiệt).
- Uất-la-tỳ vương: cũng gọi là Uất-tỳ-la, dịch là bạc (kinh Cữu Thương).
- Ưu-đạt-na vương: dịch là đại thí, dịch là đại thí (kinh Tạp Tạng).
- Phất-xà-đạt vương: dịch là tinh dữ (ngôi sao) (Chiên-đà Việt Quốc Vương Pháp).
- Ca-sa vương: dịch là minh (kinh tình ly hữu la).
- Ca-la vương: dịch là hắc (Thái Tử Ngũ Mộng Kinh).
- Bất-la vương: dịch là thành.
- Xà-da vương: dịch là thắng.
- Lam-đạt vương: cũng gọi Lam-bà-đạt-đa dịch là thùy dữ (rũ xuống) (học kinh).
- Tát-đỏa-đạt vương: cũng gọi Tát-hòa-đàn, kinh gọi là nhất thiết trí (Nhất Thiết Vương Sở Học Chiên-bà-la-mật Kinh).
- Chiên-đầu vương: dịch là tức (Phật Thuyết Quang Hoa Phạm Thí Kinh).
- Da-ba-na vương: dịch là biên địa (Thích Nhơn Tử Kinh).
- Bát-la-bà vương: dịch là nhuyễn.
- Câu-lưu-a-ca-na: Câu-lưu dịch là bất hậu (không thâm hậu). A-ca-na dịch là phá (kinh Thiện Vương Hoàng Đế).
- A-ca-na: dịch là bất phá (Thiện Vương Hoàng Đế Công Đức Kinh).

- Ưu-thận-da-na vương: dịch là khởi (Tạp Kinh).
- Tu-đà-xa-na vương: cũng gọi Tu-đà-lợi-xa-na, dịch là hảo kiến.
- Chiên-trà-phất-la-thù vương: dịch là nguyệt thành.
- Phất-ca-la-bà-la vương: dịch là nhân thật.
- Chiên-trà-bà-la Trữ-đề vương: Chiên-trà-bà-la dịch là nguyệt lực. Trữ đề dịch là tâm.
- Do-kiền-đà-sơn vương: dịch là song thời (Chúng Kinh).
- Ni-dân-đà-la-sơn vương: dịch là địa trì.
- Ma-ha Tam-ma: cũng gọi Ma-ha Tam-ma-sĩ, dịch là đại chánh quy (Thành Thật Luận - Quyển mười bốn).
- Tăng-già-đạt: truyện gọi là Tăng nô vương, dịch là chúng dữ (Ngoại Quốc Truyện - Quyển thứ tư).
- Ma-hiền Vương tử: dịch là hóa (Lịch Quốc Truyện - Quyển ba).
- Phất-tha-đạt vương cũng gọi Phất-tha-đạt-đa, dịch là giác (Đại Ban Niết-bàn Kinh - Quyển một)
- Tỳ-xá: cũng gọi là nhất thiết tác.
- Thủ-đà-la: dịch là hạ sự. (Đại Trí Luận - Quyển hai mươi lăm).

Phiên âm Phạn ngữ Quyển bốn.
Đạo Thành viết xong tại viện thư Địa Tạng,
Chùa Đề Hồ. Vào giờ ngọ ngày 28 tháng 04
Năm Diên Ứng thứ hai.

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 5

- Ưu-bà-tắc danh - Phần hai mươi mốt.
- Ưu-bà-di danh - Phần hai mươi hai
- Tiên nhơn danh - Phần hai mươi ba.
- Ngoại đạo danh - Phần hai mươi bốn.
- Đại thần danh - Phần hai mươi lăm.
- Trưởng giả danh - Phần hai mươi sáu.
- Cư sĩ danh - Phần hai mươi bảy.
- Phu nhân danh - Phần hai mươi tám.
- Nữ nhơn danh - Phần hai mươi chín.

ƯU BÀ TẮC DANH - PHẦN HAI MƯƠI MỐT

(Danh tánh Ưu-bà-tắc).

- Ưu-bà-tắc: dịch là thanh tính (Đại Trí Luận - Quyển ba).

- Tu-đạt-đa: tu dịch là hảo (Quyển hai).

- Thọ-đề-già: Thọ-đề dịch là đại, cũng gọi là minh, già dịch là hành (Quyển ba).

- Nan-đề-già Ưu-bà-tắc: dịch là ham hỷ (trong Quyển mười ba).

- Ni-ca-sất: dịch là khúc cước (Tạp A-hàm - Quyển bốn).

- Khứ-mạn-già-la: dịch là ác thể.

- Lợi-sắc-sất: dịch là hoan hỷ.

- A-lợi-sắt-sất: dịch là bất hoan hỷ.

- Da-xà-thâu-đà: dịch là danh văn hưng (danh tiếng nổi lên).

- Da-xá-uất-đa-la: dịch là danh văn thắng.

- Tỳ-xá-khư Ưu-bà-tắc: tên ngôi sao (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển bốn mươi tám).

- Úc-già-hằng-khư Ưu-bà-tắc: cũng gọi Úc-già-la-hằng-già. Úc-già-la dịch là đại công đức, hằng-già là tên sông (Đàn-trì-đà-la-ni Kinh - Quyển một).

- Úc-già-đế Ưu-bà-tắc: cũng gọi Úc-già-la-ma-da, dịch là đại công đức vậy.
- A-tu-lợi thanh tín: dịch là bất dõng (kinh Nghĩa Túc - Quyển thượng).

ƯU BÀ DI DANH - PHẦN HAI MƯƠI HAI

- Ưu-bà-di: cũng gọi là Ưu-bà-tư, dịch là thanh tín nữ (Đại Trí Luận - Quyển ba).
- Tỳ-xá-khư-mẫu: tên ngôi sao (Quyển tám).
- Di-khư-la-mẫu: dịch là kim đới.
- Bạt-đà-la Ưu-bà-di: Bạt-đà-la dịch là hiền (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi tám).
- Hưu-xá Ưu-bà-di: cũng gọi là Câu-xá. Câu-xá dịch là đệ (thứ tự) (Quyển ba mươi chín).
- Nan-đà: dịch là hoan hỷ (Tăng Nhất A-hàm - Quyển một).
- Nan-đà-bà-la: cũng gọi là Khuất-thuật-đa-la. Khuất-thuật dịch là khu (thân thể), đa-la dịch là thắng.
- Tỳ-phù: cũng gọi Tỳ-phú, dịch là tự tại.
- Ương-kiệt-xà: dịch là sanh sự.
- Bạt-đà-bà-la: dịch là hiền thắng, cũng gọi là hiền lực.
- Bà-an-tu-đà: dịch là bảo hưng.
- Bà-la-đà: dịch là nguyện.
- Ma-ha-tiên: cũng gọi Ma-ha-tư-na dịch là đại quân.
- Tỳ-đề: cũng gọi Tỳ-đề-ha-la tên nước.
- Tỳ-trữ-quang: cũng gọi Tỳ-trữ-tư-na. Tỳ-trữ dịch là điện, tư-na là quân.
- Ưu-na-đà: dịch là đại thanh.
- Ương-kiệt-ma: cũng gọi Ương-cầu-lợi-ma-la. Ương-cầu-lợi dịch là phách (đánh), ma-la dịch là hoa man.
- Ni-la: dịch là lưỡng thiệt.
- Tu-ma-ca-đề: Tu-ma-già-đề dịch là khả ác.
- Tu-ma-đề: cũng gọi Tu-ma-ca-đề, dịch là hảo man (Quyển mười ba).
- Tu-ma-na: dịch là hảo ý.
- Bà-đà: dịch là luận nghĩa (Quyển mười bốn).
- Xá-di: luận là tịch tịnh (Quyển mười lăm).
- Ma-ha-pha-la-xà-bát-đề: cũng gọi Ma-ha-ba-xà-bà-đề: dịch là

đại thí chủ (Trung A-hàm - Quyển bốn mươi bảy).

- Ma-da: dịch là tha (Trường A-hàm - Quyển bốn).
- Tu-bì Ưu-bà-di: cũng gọi Tu-tỳ-thùy-da: dịch là hảo ý ái, cũng gọi hảo niệm (Luật Di-sa-tắc - Quyển hai mươi).
- A-thố-lưu-đà Ưu-bà-di: cũng gọi A-thố-luật-đà, dịch là vô chướng. (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển mười tám).
- Nan-đà-ca-mẫu Ưu-bà-tư: Nan-đà dịch là hoan hỷ, Ưu-bà-tư đã dịch ở trên (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển hai mươi).
- Nan-đà-ma-đà Ưu-bà-di: Nan-đà dịch là hỷ, Ma-đà dịch là mẫu (kinh Bà-tu-mật - Quyển hai mươi).
- Tỳ-xá-khư-đạt-đa Ưu-bà-di: Tỳ-xá-khư là tên sao, đạt-đa dịch là dữ (kinh Tư Ích - Quyển một).

TIÊN NHƠN DANH - PHẦN HAI MƯƠI BA

(Tên họ Tiên nhơn).

- Bạt-già-bà Tiên nhơn: họ Tiên nhơn (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Bà-tẩu: cũng gọi là Bà-xác, cũng gọi là vật, hoặc là thật, hay địa (Quyển ba).
- Xà-lê Tiên nhơn: dịch là giáo pháp (Quyển bốn).
- Uất-đa-la-già Tiên nhơn: cũng gọi Ưu-đà-la-già, dịch là đại phục (bụng) (Quyển mười bảy).
- A-tư Tiên nhơn: cũng gọi A-tư-sĩ hay A-tư-đà, dịch là bất bạch (Quyển hai mươi mốt).
- Tỳ-mục-đa-la Tiên nhơn: cũng gọi là Tỳ-mục-uất-đa-la. Tỳ-mục dịch là thoát, Uất-đa-la dịch là thắng, cũng gọi là tỳ (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi).
- Uất-đà-già A-la-la: Uất-đà-già dịch là thủy, A-la-la dịch là lưu (kinh Đại ban Niết-bàn - Quyển mười chín).
- A-kiệt-đa-tiên: cũng gọi A-già-đa, dịch là lai (đến) (Quyển ba mươi lăm).
- Kỳ-thố Tiên nhơn: cũng gọi thời thố, dịch là thắng.
- La-la-già-nhơn: dịch là lưu cận.
- A-tư-la: dịch là phi danh (Trung A-hàm - Quyển ba mươi bảy).
- Đề-tỳ-la: Đề-tỳ dịch là thiên, la dịch là trừ.
- Già-na-na: dịch là kế số (Trường A-hàm - Quyển hai mươi hai).
- Y-ni-da Tiên nhơn: cũng gọi Kỳ-ni-da, dịch là lộc bác (chân nai)

(Tạp A-hàm - Quyển hai mươi mốt).

- Bà-la-diên-ma-nạp-bà-đẳng: cũng gọi Bà-la-da-na-ma-na-bà, Bà-la-da-na dịch là độ bỉ, Ma-na-bà dịch là bình sa tịnh hạnh (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển ba).

- Bàng-ma-đề-bà: cũng gọi là Bà-ma-đề-bà. Bà-ma dịch là đoản, cũng gọi là do, đề-bà dịch là thiên (Quyển tám).

- Tỳ-bà-mật-đa: cũng gọi Tỳ-ma-mật-đa-la. Tỳ-ma dịch là uy đức, mật-đa-la dịch là minh hữu.

- Bà-la-đà-thù: cũng gọi Bà-la-đọa-xà là họ.

- Tỳ-phù: dịch là năng thắng.

- Bà-tu-đề-bà thiên sanh: dịch là thật thiên (Quyển chín).

- Am-bà-la-sất: cũng gọi Am-bà-mật-sất cũng gọi Am-ma-la-đà, dịch là bát mẫu (Quyển ba mươi tư).

- Ma-sa: dịch là phần, cũng gọi là đậu.

- Ưu-đà-la-ma-tử: cũng gọi Ưu-đà-la-la-ma, dịch là lạp hý.

- Đề-bà-diên-na Tiên nhơn: Đề-bà dịch là châu, diên-na là sanh.

- Khư-lư-sất Tiên nhơn: dịch là cường dục hồng (Quyển năm mươi lăm).

- Uất-đa-la Tiên nhơn: dịch là thắng (kinh Hiền Ngu - Quyển một).

- Xa-ma-tử nghĩa Tiên nhơn: dịch là tịch tịnh (Quyển mười ba).

- Bát-ca-lê Tiên nhơn: dịch là thọ bì (kinh Ma-đắc-lặc-già - Quyển bốn).

- Na-lại Tiên nhơn: kinh gọi là vô lạc (Sanh Kinh - Quyển một).

- Tát-la-tát Tiên nhơn: cũng gọi Bà-la-bà dịch là bạch hắc.

- Ty-da-bà-tiên: dịch là vô danh văn.

- Câu-thi-tiên: dịch là họ (tánh).

- Xà-na-câu Tiên nhơn: gọi là Xà-na-ca, dịch là năng sanh.

- A-già-đà Tiên nhơn: dịch là kỷ nhạc.

- Bà-la-đọa Tiên nhơn: là họ.

- Bà-la-xá Tiên nhơn: là họ (Quyển hai).

- Bà-tư-thư Mâu-ni: cũng gọi Bà-tư-sất Mâu-ni, dịch là tối thắng Tiên nhơn.

- Tài-kỳ-sa Tiên nhơn: dịch là lạc thắng (Quyển ba).

- Ca-tỳ-la-tiên: dịch là thương sắc (sắc xanh) (Quyển bốn).

- Bạt-già: là họ (kinh Quá Khứ, Hiện Tại, Nhơn Quả).

- A-la-la-ca-lang: cũng gọi A-la-la-ca, dịch là giải đãi.

- Bạt-di-ca Tiên nhơn: dịch là trùng danh (tên một loài trùng).

- Kiệt-già Tiên nhơn: là họ.
- Đãi-ba-da-na: Đãi-ba dịch là châu, Da-na dịch là sanh (A-ha-ma-da - Quyển thượng).
- Tỳ-thất ba-mật-đa-la: cũng gọi Tỳ-đầu-bà-mật-đa-la, dịch tỳ-đầu-bà dịch là nhất thiết mật, đa-la dịch là chu toàn (xoay vòng).
- Ba-la-xá-la: Ba-la dịch là ba (sóng), xá-la dịch là tiển (tên).
- Ứng-kỳ-la-xá: cũng gọi là Ương-kỳ-la-sa. Ương-kỳ dịch là thể, la-sa dịch là vị.
- Bà-tát: cũng gọi là Bà-xá, dịch là thằng (dây).
- Bà-lê Tiên nhơn: dịch là hộ. (tư duy lược yếu pháp).
- Ca-duy-na: dịch là Tiên nhơn kinh.
- A-chu-đà Tiên nhơn: dịch là bất lạc.

NGOẠI ĐẠO DANH - PHẦN HAI MƯƠI BỐN

- Ni-kiền-tử: cũng gọi Ni-kiền-đà, hay Ni-kiền-nhược-tử. Ni dịch là vô kiền là hệ (buộc) (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Phạm chí: Phạm dịch là tịnh.
- Tiên-ni-bà-tha-cù-đa-la: Tiên-ni dịch là văn, bà-tha dịch là tử, cù-đa-la là họ.
- Tát-già-ca-ma-kiền-đề: Tát-già-ca dịch là thật, Ma-kiền-đề dịch là cầu đạo.
- Phú-la-na: dịch là mãn (Quyển ba).
- Phạm chí bà-tha-tánh-câu-ca-na: cũng gọi Ba-tha-ca-cầu-đà, Bà-tha là họ, ca-câu-đà là thuận, cũng gọi là hộ.
- Tu-bạt-phạm-chí: cũng gọi Bạt-tu-đà-la, hoặc gọi là tu-bạt, tu dịch là hảo, bạt-đà dịch là hiền.
- Na-xà-da: Na dịch là chánh, xà-da là thắng (Quyển mười một).
- Tu-thi-ma Phạm chí: cũng gọi Tu-tư-ma, tu-tư-ma dịch là hảo giới (Quyển hai mươi hai).
- Ni-kiên-tử-tát-già-kỳ: cũng gọi Ni-kiền-liên-đà-tát-già ngoại. Ni-kiền-liên-đà dịch là vô hệ (không có buộc), Tát-già ngoại dịch là thật (Quyển hai mươi sáu).
- Tiên-ni: cũng gọi là Tư-ni, dịch là vận (Quyển ba mươi hai).
- Bà-tha-phạm: cũng gọi là Hòa-soa. Bà-tha dịch là tích (Quyển ba mươi bảy).
- Bất-lang Ca-diếp: cũng gọi Phú-lan-nan Ca-diếp, Phú-lan-na dịch là mãn, Ca-diếp là họ (Quyển bốn mươi hai).

- Mạt-già-lợi-câu-xá-lý-tử: cũng gọi là Mạt-già-lợi-cù-xá-lợi (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển mười bảy).

- Tỳ-la-chi-tử: dịch là bất tác.

- A-kỳ-đa-sí-xá: cũng gọi A-di-đa khê-xá-khâm-bà-la. A-kỳ-đa dịch là bất thắng, sí-xá dịch là kỵ-khâm, bà-la dịch là phú.

- Ca-la-cừu-đà-ca-chiên-diên: cũng gọi là Bà-độ-ca-chiên, ca-cừu-la-đà dịch là lĩnh (cổ), Ca-chiên-diên là họ.

- Ưu-lâu-ca-tỳ-la: Ưu-lâu-ca dịch là điểu danh (tên một loài chim), Ca-tỳ-la là họ (Quyển hai mươi ba).

- Xà-đề-thủ-na: cũng gọi Xà-để-thủ-la, Xà-để là tỉnh (tỉnh ngộ), thủ-la dịch là mộng (tối) (Quyển ba mươi lăm).

- Bà-xà-sất: dịch là tối thắng.

- Phú-na: Phú-na dịch là cánh.

- Uất-đầu-lam-phất: cũng gọi là Uất-đà-la-ma-phất-đa-la, Uất-đà-la dịch là lãng, ma là hí, phất-đa-la là tử (con) (Quyển ba mươi sáu).

- Ưu-đa-la-ma-nạp: cũng gọi là Ưu-đa-la-ma-nap-bà, Ưu-đa-la dịch là thắng, ma-nạp-bà dịch là niên thiếu tịnh hạnh (Trung A-hàm - Quyển mười một).

- Bà-la-bà: Bà-la dịch là lực, bà là hữu (Quyển ba mươi chín).

- A-hòa-na-kiên-ni: cũng gọi A-bà-na-kiền-ni, A-bà-na dịch là vô lâm, kiền-ni là chúng (Quyển bốn mươi).

- Chiên-tra-la: dịch là sân, hoặc là ác.

- A-già-la-ha-na: A-tha-ha-na dịch là vô nhiệt.

- Sa-la-mạt-lê: Sa-la dịch là thật, mạt-lê dịch là hoa (Quyển bốn mươi bảy).

- Tỳ-ma-na-tu: cũng gọi Tỳ-ma-na-tả, dịch là tổng tự (Quyển năm mươi bảy).

- Ma-tức-ca-lợi-cù-xá-lợi-tử: Ma-tức-ca-lợi là tên nước, cù-xá-lợi dịch là ngưu cứu (chuồng trâu).

- Ba-nhã-tỳ-la-trì-tử: cũng gọi Na-xà-da-tỳ-nạn Kỳ-ni-kiền-tử. Na-xà-na dịch là thắng, Tỳ-man-kỳ dịch là bất hảo sắc.

- Cù-đàm a-di-đa: cũng gọi Cù-đa-ma-ha-kỳ-đa, Cù-đa-ma là họ, A-kỳ-da là bất thắng.

- Na-lợi-ương-già: dịch là đại thể (Quyển sáu mươi).

- Ni-câu-đà: dịch là vô sân.

- Đầu-ma: dịch là trực mộc.

- Bà-lê: là hộ.

- Bố-trú-bà-lâu: cũng gọi Phóng-trá-bà-lâu, Phóng-trá dịch là

chiến cách, bà-lâu dịch là sa (Quyển bảy mươi bảy).

- Tát-khu: dịch là địa (Tạp A-hàm - Quyển năm).
- Đột-mục-khư: dịch là ác diện.
- A-chi-la-ca-diếp: dịch là vô y (Quyển mười lăm).
- Trị-mâu-lưu: cũng gọi Trị-phù-lưu, dịch là thọ danh (tên cây).
- Khư-đề-la-diệp: dịch là phá không.
- Ma-la-ca-diếp: dịch là mộc.
- Đàm-ma-diếp: nghĩa là pháp.
- Diêm-phù-xa: cũng gọi Diêm-phù-xa-tỳ, Diêm-phù là tên cây, Xà-tỳ là bì (da). (Quyển mười tám).
- A-kỳ-tỳ: dịch là hỏa (Quyển hai mươi mốt).
- Câu-ca-na: cũng gọi Câu-ca-na-đà, dịch là thiên thọ danh (cây trời) (Quyển ba mươi bốn).
- Xá-la-bộ: cũng gọi Xá-la-phá, xá dịch là tiển, phá dịch là nang (túi) (Quyển ba mươi lăm).
- Thi-bà: dịch là an ổn.
- Lợi-sư-đạt: cũng gọi Lợi-sư-đat-đa, lợi-sư dịch là tiên, đạt-đa là dữ (cùng).
- Xà-kỳ-la: cũng gọi Xà-kỳ-la, dịch là loa-kế (búi tóc) (Quyển bốn mươi hai).
- Đậu-bà-giá: ác ngữ.
- Tứ-sất: dịch là thông liễu (thông suốt).
- Bà-la-diên-để-xá-di-đức-lặc: Bà-la-diên là bộ bỉ (bờ kia), để-xá dịch là quang, di-đức-lặc là từ (Quyển bốn mươi ba).
- Tôn-đà-bàn-lợi: cũng gọi Di-đà-la-bà-lợi, Di-đà-la dịch là hảo, ba-lợi là thắng.
- Già-la-ca ngoại đạo: dịch là hành thực (Quyển bốn mươi sáu).
- Tỳ-đề-ế-tử: dịch là tứ duy, cũng gọi là chủng chủng thể.
- Tát-tử-xà-ma-nạp: cũng gọi Tát-ma-na-bà, tát-xà dịch là thật, ma-na dịch là tịnh hạnh thiếu niên. (Luật Sa-di-tắc - Quyển mười bốn).
- Ni-kiền-đà-tử-xà-bạt: cũng gọi Ni-kiền-đà-tử-xà-bạt-tư-sất, Ni-kiền-đà dịch như trên, Xà-bạt-tư-đà dịch là bát mẫu. (Thiện Kiến, Tỳ-bà-sa Quyển bốn).
- A-diễn-bà-ca: cũng gọi A-thời-bà-ca, dịch là vô mạng cầu.
- Đa-bà-tu: dịch là khổ đạo.
- Bà-lợi-bà-xà: cũng gọi Bà-lập-bà-la-xà-phần, dịch là xuất gia.
- Kiền-đà-tặc: Kiền-đà dịch là hương.

- Bạt-xà-tử: cũng gọi Bạt-xà-la dịch là kim cang.
- Đô-đề-dạ-cử: dịch là văn danh (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển ba).
- An-cừu-lợi: cũng gọi Ương-cừu-lợi-ma-la, dịch là chỉ nang.
- Di-đa-la-đạt-tử: cũng gọi Di-đa-la-đạt-đa cũng gọi Di-đa-đạt, Di-đa-la dịch là từ. (Quyển bốn).
- Xà-na: cũng gọi là nhược na, dịch là thức (biết).
- Ca-tỳ-la đệ tử: cũng gọi Ca-tỳ-la, dịch là thương (xanh) (Quyển tám).
- Lam-bà-chu-la: Lam-bà dịch là thụy, Chu-la dịch là tu kết (Quyển mười sáu).
- Uất-đà-ca-tử: cũng gọi Uất-đà-la-ca dịch là lãn (lười biếng).
- A-xà-ca: tên loài chim.
- A-la-uất-đà-ca-tử: cũng gọi A-la-la uất-đà-la-ca, dịch là vô hí lãn (Quyển hai mươi ba).
- A-la-trà-uất-đà-ca: A-la-trà dịch là tịnh, Uất-đà-ca dịch là lãn (Quyển hai mươi lăm).
- Tô-ni-đa đệ tử: dịch là huyết (Quyển ba mươi lăm).
- A-kỳ-bà Phạm chí: dịch là hữu hỏa (Quyển năm mươi).
- Ni-kiền-đà-nhược-đề-tử: Ni-kiền-đà dịch là vô hệ, nhược đề là thân hữu (Quyển năm mươi sáu).
- Đầu-đà Phạm chí: cũng gọi là đầu-đa, dịch là khí trịch (Tỳ-bà-sa - Quyển tám).
- Bà-tứ-sất nữ Phạm chí: cũng gọi Bà-tứ-sất, dịch là tối thắng (Quyển mười một).
- Đàn-đề Phạm chí: dịch là phạt.
- Uất-tỳ-la Ca-diếp: Uất-tỳ-la dịch là quá thời (Tạp A-tỳ-đàm Tâm - Quyển năm).
- Tu-na-sát-đa-la đẳng: dịch là hảo tinh (Quyển sáu).
- Ma-ha-ca: dịch là đại thân.
- Uất-tỳ lê Phạm chí: đại tinh tấn (kinh Xuất Diệu - Quyển sáu).
- Ưu-tỳ Phạm chí: dịch là địa (Quyển mười bốn).
- Ma-kiệt-đàn-đề Phạm chí: cũng gọi Thẩm-lực-già-đàn-đề, Thẩm-lực-già dịch là thứ (thứ, nhiều), đàn-đề là phạt (kinh Bà-tu-mật - Quyển hai).
- Phục-bà-già-phạm: cũng gọi Ưu-bà-già dịch là cận hành.
- Đầu-đa hồ Phạm chí: cũng gọi Đầu-đa-cầu-na, dịch là khí công đức.

- Nan-đà-bà-lão: dịch là hoan hỷ độc (Quyển chín).
- Ngật-lợi-xá: dịch là sấu.
- Tăng-ngật-ác-cấu: dịch là an.
- Cù-xá-lô: dịch là danh.
- Vị-ca-lợi-tử: dịch là mích đạo.
- Ế-đầu-ma-nạp: cũng gọi Ế-đấu-ma-na-bà, ế-đấu dịch là nhân (?), ma-na-bà dịch là thiếu niên tịnh hạnh (kinh Pháp Cú Thí Dụ - Quyển tám).
- Tát-chi-thiền-ni: cũng gọi Tát-già-xà-ni, Tát-già dịch là thật, xà-na dịch là sanh (Quyển chín).
- Át-la-vô-đà: Át-la dịch là thời, vô-đà là hỉ.
- Xà-đề-tô-ni Phạm chí: cũng gọi Xà-tô-đề-lô-ni, xà-đề dịch là sanh tô, lô-ni là văn (nghe) (Tăng-già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển ba).
- A-xà-la: dịch là bất quang, sí-xá dịch là phát, khâm-bà-la là phú (che). (Bồ-tát Xử Thai Kinh - Quyển năm).
- Phạm chí Ưu-bà-ca: cũng gọi Ưu-ba-ca, dịch là cận hành (Phật Sở Tán - Quyển ba).
- Ba-la-diên Phạm chí: dịch là vãng bị (Quyển bốn).
- Đa-la-kiền-ni-kiếm: cũng gọi là Đà-bà-kiền-ni, dịch là sơn hỏa.
- A-kỳ-ni-tỳ-xá: dịch là A-kỳ-ni là hỏa, tỳ-xá là nhập.
- Thủ-la-a-để-lợi-lê: Thủ-la dịch là anh vũ, A-để-lợi-lê dịch là vô do.
- Phất-ca-la-bà-lợi: cũng gọi Ca-la-bà-để dịch là liên hoa hữu.
- Cấp-xà-uất-đa-la: cũng gọi Linh-xà-uất-đa-la, linh-xà dịch là khúc cảnh, uất-đa-la dịch là thắng.
- Na-xà-dạ-tỳ-la-chi-tử: Na-xà-dạ dịch là đẳng thắng, Tỳ-la-chi là bất tác (kinh Duy Ma Cật - Quyển một).
- Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên: Ca-la-cưu-đà dịch là hắc linh, Ca-chiên-diên là họ (Tu Hành Bổn Khởi - Quyển hai).
- Ma-nhơn-đề Phạm chí: cũng gọi Ma-đầu-đà-la, dịch là đại thiên chủ (kinh Nghĩa Túc - Quyển thượng).
- Tận-đà: dịch là thích (?) (kinh Phạm Chí Bạt).
- Ca-di: dịch là hữu thể.
- Cầu-đàm: họ (tánh).
- Ca-diếp: họ.
- Ba-lợi: dịch là hộ.
- Ương-quật Phạm chí: cũng gọi Ương-quật-ma-la, dịch là quyên

man hoa (kinh Phật Bổn Hành).

- Xà-đề-thư-ni Phạm chí: cũng gọi Xà-đề-thư-ni-phần, Xà-đề dịch là sanh, thư-ni phần là họ. (kinh Bồ-tát Thọ Trai).
- Ma-kiệt Phạm chí: cũng gọi Ma-già-tha, tên ngôi sao (kinh Quán Vô Thường Đắc Giải Thoát).
- Át-ba-la-diên Phạm chí: là họ (tánh) (kin Phạm Chí Át-ba-la Diên Vấn Chủng Tôn).
- Xà-đề-phất-đa-la: dịch là sanh tử (tử: con (?)) (kinh Khôi Hà).
- Ma-da-lợi Phạm chí: dịch là hữu tha (kinh Nhũ Quang).
- Tu-tỳ: cũng gọi Tu-tỳ-lý, dịch là hảo niệm (kinh Phạm Võng Lục Thập Nhị Kiến).
- Phạm-đạt-ma-nạp-ma: cũng gọi Phạm-ma-đạt-đa-ma-na-phù, Phạm-ma-đạt-đa dịch là tịnh, ma-la-bà là tịnh hạnh niên thiếu.
- A-kỳ-tỳ: dịch là hữu hỏa (kinh Người Dục Chất Đa Trưởng Giả).
- A-kỳ-bà ngoại đạo: cũng gọi A-kỳ-ni-sa-ha dịch là Đại thừa (kinh Bạt-câu-la).
- A-kỳ-ni-đạt-đa: dịch là hỏa dữ (Bà-la-môn Thông Đạt Kinh).
- Khâm-khoái-lư Phạm chí: thọ danh (tên cây) (Thành Thật luận - Quyển một).
- Ca-la-ma: dịch là họ (tánh).
- Ưu-lâu-ca: tên loài chim (điểu danh).
- Lặc-sa-la đệ tử: dịch là hữu bộ.
- Uất-đà-la-già: dịch là lãn.
- Diệm-ma đạo sĩ: là tịch tịnh (Lịch Quốc Truyện - Quyển hai).
- Uất-tỳ-la Ca-diếp: dịch là đại bạc.

ĐẠI THẦN DANH - PHẦN HAI MƯƠI LĂM

- Tỳ-xá đại thần: dịch là chủng chủng (Tăng Kỳ Luật - Quyển hai mươi mốt).
- Ma-kiệt đại thần: là Ma-già-tha dịch là tinh danh (tên ngôi sao) (Di-sa-tắc Luật - Quyển hai).
- Giá-na-già-thần: dịch là nhàn sự (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển ba mươi tư).
- Lưu-chi đại thần: dịch là lạc (nhạc) (Tỳ-bà-sa - Quyển mười một).
- La-hầu đại thần: dịch là chướng nguyệt (kinh Hiền Ngu - Quyển

hai).

- Ưu-trì-già-la-na-tử: dịch là đại thần (Bà-tu-mật Kinh - Quyển bốn).

- Ưu-bà-kiết đại thần: cũng gọi Ưu-bà-kiết-lợi-để, Ưu-bà dịch là đại, kiết-lợi-để là danh văn (kinh Bồ-tát Sở Thai - Quyển năm).

- Tế-na đại thần: cũng gọi là Tư-na dịch là quân (Sanh Kinh - Quyển ba).

- A-tát-đà-thần: dịch là bất tín (kinh Pháp Cú - Quyển hai).

TRƯỞNG GIẢ DANH - PHẦN HAI MƯƠI SÁU

- Da-xá trưởng giả-tử: cũng gọi là Dạ-luận, Dà-xà dịch là văn (Đại Trí Luận - Quyển bốn mươi chín).

- Pháp-bảo-chu-la trưởng tử: Chu-la dịch là tiểu (Hoa Nghiêm Quyển bốn mươi bốn).

- Cù-bà-la trưởng giả: Cù dịch là ngưu, Bà-la dịch là thủ (Quyển ba mươi tám).

- Úc-già trưởng giả: cùng gọi Ưu-già, dịch là uy đức. (kinh Đại Niết-bàn - Quyển mười bảy).

- Bà-hy-già trưởng giả: Bà-hy-già dịch là bộ ngoại (Quyển ba mươi bốn).

- Bà-sất-la trưởng giả: dịch là trùng điệp (Quyển ba mươi).

- A-na-phân trưởng giả: cũng gọi là A-na-tha-phân-tha, A-na-tha dịch là cô, phân-pha là cấp (Tăng Nhất A-hàm - Quyển mười hai).

- Tu-bạt trưởng giả: Tu-bạt-đà-la (Quyển mười ba).

- A-la-tha-chi đại trưởng giả: kinh gọi là tài tràng. (Quyển ba mươi hai).

- A-thố-la-đà: tinh danh (tên sao) (Tạp A-hàm - Quyển ba).

- Na-vật-la trưởng giả: dịch là bất tánh (Quyển năm).

- Chất-đa-la trưởng giả: dịch là chủng chủng, cũng gọi là tinh danh (tên sao) (Quyển hai mươi mốt).

- Lợi-sư-đạt-đa trưởng giả: dịch là tiên điển (Quyển ba mươi).

- Bà-tẩu trưởng giả: dịch là thật (Quyển ba mươi bảy).

- Đạt-ma-đề-ma: Ma-na dịch là mạn, cũng gọi là ý. Đề-na dịch là dữ (cho).

- Úc-già-tô-bạt-na trưởng giả: Úc-già dịch là uy đức. Tô-bạt-na là hảo sắc (Thập Tụng Luật Tạp Tụng - Quyển bốn).

- Câu-diệm-tỳ trưởng giả tử: dịch là hữu tàng, (Tứ Phần Luật -

Quyển ba, Quyển bốn).

- Ca-lâu trưởng giả: dịch là tác (Luật Di-sa-tắc Thứ Ba).
- Cù-sư-la trưởng giả: dịch là thanh (Quyển bốn).
- Ưu-đà-diên trưởng giả: dịch là khởi (Quyển hai mươi ba).
- Sa-môn Ức-nhĩ trưởng giả: Sa-môn dịch là tức tâm, cũng gọi là văn thuyết (Quyển hai mươi lăm).
- Thủ-lâu-na trưởng giả: dịch là nhàn.
- Văn-trà trưởng giả: dịch là vô phát (Quyển hai mươi sáu).
- Bạt-đề trưởng giả: dịch là hiền (Quyển ba mươi).
- Ca-lan-đà trưởng giả: Ca-lan-đà là sơn thử (chuột núi), tên một loại chim (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển hai).
- Tu-đạt trưởng giả: cũng gọi Tu-đạt-ma (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển năm mươi ba).
- Tán-đà-trác trưởng giả: dịch là lậu (kinh Hiền Ngu - Quyển năm).
- Đàm-ma-mỹ trưởng giả: cũng gọi Cù-ma-tư-na, kinh gọi là Pháp Quân (Quyển sáu).
- Đàm-ma-thế-chất trưởng giả: dịch là pháp luật (Quyển mười hai).
- Ưu-bà-lợi trưởng giả: dịch là đại hộ (kinh Bà-tu-mật - Quyển sáu).
- Nan-đề trưởng giả: dịch là hoan hỷ (kinh Bách-cú Thí Dụ: Quyển tám).
- Ba-la-mật-đa-la trưởng giả: Ba-la dịch bỉ, Mật-đa là trí thức. (Tăng già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển ba).
- Tỳ-xà-da-mật-đa-la trưởng giả: dịch là bất thắng tri thức.
- Thi-lợi-quật trưởng giả: cũng gọi là Thi-lợi-quật-đa. Dịch là kiết hộ (kinh Bồ-tát Sở Thai - Quyển năm).
- Hòa-lợi trưởng giả: cũng gọi Bà-lợi dịch là hộ (Sanh Kinh - Quyển hai).
- Ương-già trưởng giả tử: dịch là thể (Phật Sở Hành Tán - Quyển bốn).
- Tu-la-đà trưởng giả: dịch là hảo đắc (kinh Pháp Cú - Quyển một).
- Thủ-thử-đà trưởng giả tử: kinh gọi tịnh ý (kinh Hoằng Đạo Quảng Hiển - Quyển bốn).
- A-cụ-lợi trưởng giả: cũng gọi A-cù-la (dịch là bất bạch).
- Xà-đà trưởng giả tử: kinh gọi là bảo xứng.

- Tu-đàn trưởng giả: cũng gọi là Tu-đàn-na, dịch là hảo vật (kinh Hưng Khởi Hành - Quyển hạ).

- Úc-ca trưởng giả: cũng gọi Tư-na-ca, dịch là thiếu (kinh Úc-ca Trưởng Giả - Quyển thượng).

- Ma-ha-na-ma-đà: dịch là đại danh hưng (Bồ-tát Tạng Kinh).

- Phi-la-mật-đa trưởng giả: dịch là bạt đại (kinh Bồ-tát Thọ trai).

- Tỳ-xà-da Mật-đa-la: thắng đại.

- Da-xá trưởng giả: dịch là thất (kinh Quyết Định Tội Phước).

- Tăng-ca-la-ma trưởng giả: cũng gọi là Tư-ha-muội-để, dịch là sư tử ý (Hoằng Hà Muội Kinh).

- Chất-đa trưởng giả: dịch là tâm (Ngoại Đạo Dụ Chất Đa Trưởng Giả Kinh).

- Câu-xá-mật-đa-la trưởng giả: dịch là đệ hữu (thân hữu).

- Phất-xa-mật-đa-la trưởng giả: Phất-xa là tinh danh (tên sao). Mật-đa-la dịch là hữu (bạn hữu).

(Kinh: Tội Nguyệt Thành Nhân Dân Thỉnh Phật Kinh).

- Tư-ha-mạt trưởng giả: cũng gọi Tư-ma-ha-quy, hoặc Tư-ma-muội, dịch là sư tử ý.

CƯ SĨ DANH - PHẦN HAI MƯƠI BẢY

- Uất-già-đà Cư sĩ: dịch là khởi.

(Đại Trí Luận - Quyển hai mươi bảy).

- Già-la: dịch là cảnh (cổ).

- Ca-lăng-già: tên nước.

- Tỳ-già-đà: dịch là dĩ hỉ (vui mừng).

- Già-lê-thâu: cũng gọi là Già-lợi-hỉ-sấu, dịch là tầng ố (oán ghét),

- Già-lâu: dịch là khả ái, cũng dịch là quang.

- Tẩu-bà-đầu-lâu: cũng gọi Tẩu-bạt-đà-la, dịch là hảo hiền.

- Đà-la-xá-thố: dịch là cực hảo kiến.

- Da-thâu: dịch là danh văn.

- da-thâu-đa-lâu: Da-thâu dịch là danh văn, Đa-lâu là thọ.

- Tán-đà-na: cũng gọi Bà-đà-na, dịch là hữu vật.

- Thủ-đà-la: dịch là hạ sự.

- Bồ-tát đa Cư sĩ: cũng gọi Bồ-tát tha, dịch là tăng trưởng công đức (Bát Pháp Thập Tụng Luật - Quyển hai).

- Tu-văn-đa Cư sĩ: dịch là tánh sanh.

- Ma-ha-tiên-na Cư sĩ: là đại quân (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển bốn mươi sáu).
- Sí-bạt-danh Cư sĩ tử: dịch là tụ lỗi (Quyển năm mươi sáu).
- A-la-bà Cư sĩ: dịch là tiểu ngữ (kinh Xuất Diệu - Quyển tám).
- Văn-lợi-cư: dịch là nạp.
- Chất-đa Cư sĩ: dịch là tâm (kinh Hiền Ngu - Quyển ba).
- Cư sĩ Ma-ha-đàn: cũng dịch Ma-ha-đà-na dịch là đại trí (kinh Phật Thuyết Đại Ý).

PHU NHƠN DANH - PHẦN HAI MƯƠI TÁM

(Danh tánh các vị phu nhơn).

- Ma-da phu nhơn: dịch là tha (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi sáu).
- Tỳ-đề phu nhơn: cũng gọi Tỳ-đề-già, dịch là chủng chủng thân, cũng gọi là tứ duy (kinh Đại Bát Niết-bàn - Quyển ba mươi mốt).
- Ma-lợi phu nhơn: cũng gọi là Mạt-lợi, dịch là hoa (Tăng Nhất A-hàm - Quyển một).
- Tu-lại-sa phu nhơn: dịch là hảo vị.
- Xả-di phu nhơn: dịch là tịch tịnh.
- Thi-lợi phu nhơn: dịch là thắng, cũng gọi là kiết.
- Bà-lưu-cư Đề-tỷ: Bà-lưu-cư dịch là tửu (rượu). Đề-tỷ dịch là thiên nhân (Trung A-hàm - Quyển năm mươi ba).
- Đề-tỷ già-la-đề: cũng gọi Đề-tỳ-ba-la-đề, Đề-tỳ dịch là phu nhơn.
- Để-xá-la-hy-la: cũng gọi Để-xá-lạc-hy-la. Để-xá dịch là quang, cũng gọi là hỏa, lạc-hy-đa dịch là hộ (Tạp A-hàm - Quyển hai mươi ba).
- Ma-ha-ma-da phu nhơn: dịch là đại hoa (kinh Hiền Ngu - Quyển một).
- Tu-lợi-bà-la-mãn phu nhơn: cũng gọi Tu-lợi-da-bà-la-man: Tu-lợi-da-là viết, da-bà-la dịch là tăng thượng (Quyển hai).
- Phu nhơn Tu-ma-đàn: dịch là hoa bả (Quyển năm).
- Phu nhơn Đề-bà-bạt-đề: Đề-bà dịch là thiên, Bạt-đề có nghĩa là hiền (Quyển chín).
- Phu nhơn Tô-ma: dịch là nguyệt (trăng).
- Phu nhơn Phất-dĩ: cũng gọi Phất-dĩ-lý-tặc, dịch là hoa đà.
- Phu nhơn Duy-đàn: cũng gọi Dục-đa-đà-đàn-na, dịch là tương ưng thí (kinh Thái Tử Ngũ Mộng).

DANH TÁNH NỮ NHƠN - PHẦN HAI MƯƠI CHÍN

(Tên họ các vị nữ nhơn).

- Lợi-da: dịch là nghiên nhã (Đại Trí Luận - Quyển ba).
- Tu-man-đa: dịch là hảo ý (Quyển bảy).
- Ưu-bát-la-bát-na: Ưu-bát có nghĩa là đại sắc hoa (hoa đại sắc - màu đen) Bát-na dịch là lâm.
- Am-la-bà-lợi: cũng gọi Am-ô-cam-phản-bà-la-bà-lợi, Am-ba-la dịch là thọ danh, Bà-lợi dịch là hộ.
- Tôn-đà-lợi-nữ: cũng gọi Tu-đà-lợi, cũng gọi Toan-đà-lợi, dịch là hảo dung mạo (Quyển chín).
- A-phạm-bà-la: cũng gọi A-phạm-bà-la dịch là phi tịnh độ (Quyển mười bảy).
- Phiến-đà: dịch là tùy lưu.
- Phạm-ma-loại-phất: cũng gọi Phạm-ma-ni-phất-ni-la dịch là tịnh hạnh nữ (Quyển hai mươi lăm).
- Cù-tỳ-da: Cù dịch là ngưu, Tỳ-da nghĩa là nữ nhi (Quyển ba mươi ba).
- Tu-la-bà-nữ: Tu dịch là hảo, La-bà dịch là đắc (Quyển ba mươi lăm).
- Hằng-đề-bà-nữ: cũng gọi Hằng-già-đề-bà, Hằng-già dịch là thiên đường, đề-bà dịch là thiên (Quyển bảy mươi lăm).
- Bạt-đà-la đồng nữ: dịch là hiền (kinh Hoa Nghiêm - Quyển ba mươi tám).
- Bà-tu-mật-đa nữ: dịch là phi hảo phục (kinh Đại Niết-bàn - Quyển một).
- Lam-bà-nữ: dịch là thùy.
- Uất-bà-ni-nữ: dịch là đại tự tại.
- Đế-lộ-triêm nữ: dịch là ma thắng.
- Tỳ-xá-khư nữ: dịch là tinh danh.
- Nan-đà: dịch là hoan hỷ.
- Nan-đà-bà-la: dịch là hoan hỷ lực.
- Ca-bất-đa-thọ nữ: dịch là cực hoàn (Quyển ba mươi).
- Bát-đầu-bà-đề: Bát-đầu dịch là thân thuộc, Bà-đề là ngữ (Trường A-hàm - Quyển một).
- Ma-kiền-đề: dịch là viên đạo (Tăng Kỳ Luật - Quyển ba).
- A-sa-bà-ma: dịch là vô dị vi dụ (không lấy đó làm thí dụ).
- Tần-đầu-ma-la: dịch là đế cấu. (Quyển ba mươi mốt).

- Thi-bà-ly: cũng gọi Đà-bà-la dịch là uẩn tảo (cất chứa cái đẹp) (Quyển ba mươi mốt).
- Câu-lợi-nữ: dịch là chức.
- Ma-la-nữ: là hoa man.
- Lợi-xa-nữ: cũng gọi Di-lợi-xa, dịch là nhạc cấu.
- Tề-ưu-bà-tư: cũng gọi Tề-da-ưu-bà-tư, Tề-da dịch là thắng, Ưu-bà-tư dịch là thánh tín nữ (Tứ Phần Luật - Quyển năm).
- Để-xá-nan-đà: Để-xá dịch là quang, cũng gọi là đại, Nan-đà dịch là hỷ (Quyển một, Quyển hai).
- Uất-bà-la-la: Uất dịch là đại, Bà-la dịch là lực (Quyển chín).
- Bà-la-bạt-đề: cũng gọi Ba-la-bạt-dã-la, dịch là thắng hiền (Quyển ba, Quyển bốn).
- Bà-la dâm nữ: dịch là thắng (Quyển bốn, Quyển bảy).
- Hắc-ly-xa nữ: cũng gọi Ly-xa-tỳ, dịch là tế hoạt bì (luật Sa-di-tắc - Quyển mười lăm).
- Bạt-đề: cũng gọi Bạt-đề-lợi, dịch là hiền nữ (Quyển mười chín).
- Tu-văn-đà nữ nhơn: dịch là hảo sanh.
- Ma-lợi-ni nữ nhơn: dịch là hữu hoa man (Quyển mười ba).
- Bán-già-thi nữ: dịch là khẩu ca thi (tên nước) (Quyển ba mươi ba).
- Ma-đăng-già nữ: họ (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển mười một).
- Cù-tỳ-ca-thích nữ: dịch là địa chí (Quyển mười bảy).
- Chiên-giá nữ Tôn-đà-lợi: dịch là động khả ái (Quyển hai mươi lăm).
- Bà-tứ-sất: dịch là tối thắng (Quyển bốn mươi sáu).
- Ma-ha tiên ni: đại quân nữ.
- Di-già-la nữ: dịch là kim đái (Quyển năm mươi).
- Bà-sí-đa nữ: dịch là kế số.
- Bà-lê (?) nữ: cũng gọi là Bà-lợi (?), dịch là hộ, cũng gọi là thủ (Quyển năm mươi bốn).
- Chiên-đà-lợi: cũng gọi Già-đà-lợi, họ của nữ nhơn (kinh Xuất Diệu - Quyển bảy).
- Ma-ha-kỳ: dịch là man hành nữ.
- Bà-xà-la nữ: cũng gọi Bạt-xà-la, kinh gọi là kim cang (kinh Hiền Ngu - Quyển hai).
- Thúc-ly nữ: cũng gọi Thủ-đà, kinh dịch là bạch.
- Đàn-nhị-già nữ: cũng gọi Đà-nhị-già, dịch là vật.

- Đà-nhị-tân nữ: dịch là hữu vật.
- Tỳ-lê nữ: cũng gọi Tỳ-lợi-da dịch là tinh tấn (Quyển bảy).
- Soa-ma nữ: kinh gọi là an ổn.
- Mâu-ni nữ: dịch là nghiệp mãn (Quyển mười một).
- Tô-man nữ: dịch là khả ái (Quyển mười ba).
- Tỳ-ma-la-đạt nữ: cũng gọi là Duy-ma-đạt, dịch là vô cấu (kinh Thập Trụ đoạn kết - Quyển bốn).
- Di-ca nữ nhơn: dịch là vân (kinh Quán Phật Tam-muội - Quyển hai).
- Tỳ-để-la: dịch là vô do (?) (Quyển sáu).
- Chiên-già-ma-na-kỳ nữ: cũng gọi là Chiên-già-ma-na-tỳ-ca, dịch là động tịnh hạnh nữ (kinh Bồ-tát Xử Thai - Quyển năm).
- Ế-đà-nan-đề: cũng gọi Tôn-đà-la-nan-đề dịch là hoan hỷ khả ái.
- Đề-bà-bạt-đề: dịch là thiên hỷ (kinh Thập Thiện Thập Ác).
- Tu-la-đà-nữ: kinh gọi là tiên khiết dịch là thiện đắc.
- Phạm-ma Bồ-đề nữ: dịch là tịnh luận (kinh Di-lặc thành Phật).
- Xá-di-bà-đế bảo nữ: Xá-di dịch là tịch, bà có nghĩa là trường.
- Tam-ma kiệt nữ: cũng gọi Tam-ma kiệt-đa, dịch là tướng hội (kinh Tam-ma-kiệt).
- Cù-đàm-di: kinh gọi là nguyệt nữ, dịch là tánh nữ (kink Thái Tử Ngũ Mộng).
- Ưu-phi hằng nữ: cũng gọi Ưu-bà-bát-na dịch là cận lâm (kinh Ban Chu Tam-muội).
- Chiên-đà: cũng gọi Chiên-đà-la dịch là nguyệt (kinh Phật Thuyết Đại Ý).
- Man-để: dịch là trí (kinh Tu Đại Noa).
- Kế-noa-diển: dịch là hắc.
- Ma-già-la-mẫu: dịch là mích đạo (tìm đạo) (Thành Thật Luận - Quyển hai).

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 6

- Tạp nhơn danh - Phần ba mươi.
- Tạp tánh danh - Phần ba mươi mốt.

TẠP NHƠN DANH - PHẦN BA MƯƠI

Ưu-thi-na: cũng gọi Khu-xá-na dịch là đại minh tinh (Đại Trí Luận - Quyển bốn).

- Cù-tần: cũng gọi Cù-tần-đà, Cù dịch là ngưu, cũng gọi là thiên, hoặc địa, tân-đà dịch là trí.

- Tát-đà-bà: cũng gọi Tát-đà-là-bà, dịch là thấp.

- Tu-đạt-na: cũng gọi Tu-đà-na, tu dịch là hảo, đà-na dịch là vật, cũng gọi là bảo (Quyển năm).

- La-đà: dịch là tỉnh (Quyển sáu).

- Mục-già-lược-tử-độ: cũng gọi là Vật-già-la-tha phẩm, Vật-già-la dịch là xữ (cháy) (Quyển mười).

- Ha-đa: dịch là phá, cũng gọi là hại, cũng gọi bất thắng (Quyển mười một).

- Câu-mâu-đầu: Câu-mâu-đầu, dịch là bạch hoa (Quyển mười bốn).

- Cù-tỳ-da: dịch là trí giải, cũng gọi là thông minh (Quyển mười bảy).

- Số-đà-thâu: cũng gọi Ưu-đà-xá, dịch là đại vọng (Quyển hai mươi).

- Ma-ha-tam-ma-đà: dịch là đại biến (Quyển hai mươi mốt).

- Uất-đa-la việt nhơn: cũng gọi Uất-đa, cũng gọi Uất-đa-la, Uất-đa-la dịch là thử, cũng gọi là thắng (Quyển hai mươi bốn).

- Thủ-la: dịch là dõng.

- Ba-ly: cũng gọi là Ba-lợi, dịch là hữu lực.

- Phạm-ma-loại-phất: cũng gọi Phạm-mai-ni Phật đa-la, dịch là

tịnh hạnh (Quyển hai mươi lăm).

- Cưu-la-đàn-đà: Cưu-la dịch là thân, cũng là họ (tánh), Đàn-đà dịch là phạt, cũng dịch là cường.

- Ni-đà Phật độ: dịch là bất giải (Quyển hai mươi sáu).

- Đảnh-hữu-chu-la: Chu-la dịch là kế (búi tóc) (Quyển ba mươi mốt).

- A-na-già-na: cũng gọi A-na-già-đa, A-na: luận dịch là bất, Già-na dịch là lại (không đến).

- Thi-bà: cũng gọi Thi-bà-ca, dịch là an ổn, cũng gọi là lạc (Quyển ba mươi ba).

- Bình-già-đà: cũng gọi Tu-già-đa, dịch là thiện thệ.

- Ca-hy-na: dịch là công đức y, cũng gọi là cường (Quyển ba mươi lăm).

- Nan-đà-bà-la: dịch là hoan hỷ lực (Quyển ba mươi tám).

- San-nhã-bà: dịch là hữu tưởng (Quyển bốn mươi).

- Tỳ-xá: dịch là tinh danh (tên sao) (Quyển bảy mươi lăm).

- Ma-ha-na-già: Ma dịch là đại, Ma-già nghĩa là long (rồng) cũng dịch là tượng (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).

- Phước-già-la: dịch là nhơn (Quyển mười ba).

- Tu-đạt-noa: dịch là hảo thí (Quyển mười sáu).

- Thuần-đà: cũng gọi là Chuẩn-đà, dịch là diệu nghĩa (Đại bát Niết-bàn Kinh - Quyển một).

- Đơn-đề: dịch là trực ý tác (Quyển bốn).

- Cù-sư-la: dịch là thanh (nghe) (Quyển sáu).

- Ma-ha-tư-na-đạt-đa: dịch là hưng đại quân (Quyển mười bốn).

- Ban-già-thi: cũng gọi Bàn-già-thi-khư, dịch là ngũ kế (Quyển mười bảy).

- Ương-quật-ma: cũng gọi Ương-quật-lợi-ma-da, dịch là chỉ man hoa.

- A-na-phân-đề: cũng gọi A-na-tha-phân-đà-diệc-na phân trì, A-na-đà dịch là cô, phân-đà dịch là cấp.

- Phù-đa-la: cũng gọi là Phật đa-la, dịch là tử.

- Ma-ha-na-già: dịch là đại long (Quyển hai mươi mốt).

- Bat-kiền-đà: cũng gọi Bát-lạp-đa-kiền-đà, Bát-lạp-đa dịch là chí (đến (?)), Kiền-đà dịch là hương.

- A-kỳ-da: cũng gọi A-thể-da. A nghĩa là bất, thể-da dịch là dục thủ.

- San-đàn-ma-xá: cũng gọi San-đàn-lê-xá-da, san-đàn dịch là

chánh, đàn-lê-xá-da dịch là kiến (Quyển hai mươi bảy).

- Kỳ-đà: dịch là thắng (Quyển hai mươi bảy).
- Ca-la-phú: cũng gọi Ca-đa-phú, dịch là xú (mùi) (Quyển hai mươi chín).
- Thi-bà-la: cũng gọi là Thí-bà-la dịch là uẩn tảo.
- Di-ca-la: dịch là Kim đái.
- Bán-xà-la: dịch là dũng (lồng), cũng gọi là ngục.
- Bạt-ba: dịch là phụ (Quyển ba mươi mốt).
- Cù-hòa-ly: cũng gọi Cù-ba-ly, hay vật hòa ly, Cù dịch là ngưu, ba-ly dịch là thủ (Quyển ba mươi hai).
- Để-xá: cũng gọi là Đế-xa, dịch là quang, cũng gọi là đại.
- Xá-lặc: dịch là y.
- Chất-đa: dịch là ý, cũng gọi là tâm (Tăng Nhất A-hàm - Quyển nhất).
- Càn-đề-a-lam: cũng gọi Ưu-ba-quật-đa, dịch là đại hộ.
- A-xỉ-la-ma: cũng gọi Ha-xỉ-la-phá, Ha-xỉ dịch là thất (mất), La-phá dịch là lợi.
- Xà-lợi: dịch là quang.
- Tu-đạt: cũng gọi Tu-đạt-đa, dịch là hảo.
- Tỳ-cừu: cũng gọi Tỳ-lợi-cừu, dịch là khanh tiệm (hào, hố), cũng dịch là trùng.
- Ưu-ba-ly: dịch là đại hộ, cũng gọi là cận hộ.
- Thù-đề: cũng gọi Thù-để (?) dịch là minh.
- Ưu-ca-tỳ-xá-ly: cũng gọi Ưu-ca-la-tỳ-xá-ly, Ưu-ca-la dịch là tối thượng, tỳ-xá-ly dịch là quảng bác.
- Ma-ha-nạp: cũng gọi Ma-ha-na-ma hoặc Ma-ha-nam, dịch là đại danh.
- Bạt-đà: dịch là hiền, hoặc là đại.
- Tỳ-xá-tiên: cũng gọi Tỳ-xà-tư-na dịch là thắng quân.
- Nan-đề-bạt-la: dịch là hỉ hộ.
- Ưu-đa-la: nghĩa là thắng.
- Câu-di-na-kiệt-ma-la: cũng gọi Câu-thi-na-già-la-mạt-ly, Câu-thi dịch là mao, na-già-la dịch là thành, mạt-la dịch là lực.
- Đề-bà-đạt-đấu: cũng gọi Đề-bà-đa-đạt, dịch là thiên.
- Bà-la-lưu-chi: dịch là thắng nhạc.
- Tát-la-đà: cũng gọi Xa-la-đà, dịch là thanh minh.
- Tôn-đà-la-đế-lợi: Đà-la dịch là hảo, Đế-lợi dịch là nữ.
- A-na-luật: cũng gọi A-na-luật-đà, dịch là vô chướng.

- Phạm-ma-du: dịch là tịnh mạng.

- La-vân: cũng gọi La-hầu, dịch là chướng nhật (mặt trời che khuất), (Bích) Tỵ-chi cũng gọi Cụ-chi-ca dịch là độc giác.

- Cù-mật: cũng gọi Cù-mật-đa-la, dịch là thiên tử (?) (Quyển năm).

- Tôn-đà-lợi: dịch là khả ái.

- Câu-hy-la: dịch là thắng.

- Ưu-du-lam-phất-la: cũng gọi Ưu-đà-la-kim-la-ma-phất-đa-la, Ưu-đà là kim la, đa-ma là lãn hý (vui chơi), phất-đa-la là tử (?).

- Gian-trà: dịch là căn.

- Da-nhã-đạt: cũng gọi Da-nhã-đạt-đa, hoặc Cận-nhã-đạt-đa, da-nhã dịch là phường đức, đạt-đa là dữ (cho).

- Ưu-thử-già: cũng gọi Ưu-bà-già, dịch là cận hành.

- Ưu-lưu-tỳ: dịch là mộc qua.

- A-nhã-câu-lân: A-nhã dịch là dĩ tri, câu-lân là họ.

- Già-di: dịch là ca (hát).

- Ưu-đà-da: cũng gọi Ưu-đà-di dịch là khởi.

- Phạm-ma-đạt: cũng gọi Phạm-ma-đạt-đa, dịch là tịnh dữ (Quyển mười).

- Bất-xa-mật: cũng gọi Bất-xa-mật-đa-la, bất-xa dịch là chu toàn, Mật-đa là hữu (thân) (Quyển mười một).

- Ưu-ban-ni-tha: cũng gọi Ni-xa dịch là đại dạ.

- Ni-tha: cũng gọi Ni-xa dịch là dạ (tối, đêm).

- Già-la: dịch là cảnh (cổ).

- Ưu-bàn-già-la: cũng dịch Ưu-bà-già-la dịch là đại cảnh.

- Bà-già-lê: cũng dịch là Bạt-già-lê.

- Chân-đà-la: cũng dịch là chân-na-la, dịch là nhân phi nhơn (Quyển mười hai).

- Tỳ-bà-la-da-đàn-na: cũng gọi A-lộ-bà-la-da-đàn-na, dịch là ý dục thí (Quyển mười bốn).

- A-la-bà: dịch là bất ngữ.

- Tỳ-lưu-lặc: Tỳ-lưu-ly, dịch là lưỡng phản trưởng (Quyển mười bảy).

- Tăng già ma: dịch là chúng hợp (Quyển mười chín).

- Đầu-ma: dịch là yên (khói) (Quyển hai mươi).

- Bà-lợi-sa-ca-la-bà: Bà-lợi-sa dịch là vũ (mưa), Ca-la dịch là thời, bà là hữu (Quyển hai mươi ba).

- Bà-đà: dịch là luận nghĩa.

- Ưu-bà-đề-xá: Ưu-bà dịch là đại, Đế-xa dịch là quang, cũng dịch là đại (Quyển hai mươi bốn).
- A-di-thoan: cũng gọi A-di-tha, dịch là lai.
- Bà-sa: dịch là ngữ.
- Bà-hư-ca-chiên-diên: cũng gọi Pha-lâu-ca-chiên-diên, Pha-lâu phục dịch là bất thực, Ca-chiên-diên là họ.
- Tố-ma-khúc: cũng gọi Tu-ma-khúc, Tu nghĩa là hảo, Ma-khúc dịch là ý, cũng gọi là trí.
- Tỳ-lô-trì: cũng gọi là Tỳ-lô dịch là bất tương hòa.
- Kỳ-bà-già: dịch là thọ, cũng gọi là mạng.
- Lô-ế-đà-lợi: cũng gọi Ma-hiển-đà-la dịch là đại thiên chủ.
- Lô-ca-diên: cũng gọi Lô-ca-diên-na dịch là thế pháp da kiến (Quyển hai mươi sáu).
- Thi-lợi-quật: cũng gọi Thi-lợi-quật-đa, hoặc Thi-lợi-cừu-đa, dịch là kiết hộ (Quyển hai mươi bảy).
- Kiếp-tư-la: dịch là ích (Quyển hai mươi chín).
- Sí-mật: cũng gọi Sí-ma, dịch là hộ (Quyển ba mươi).
- Bạt-đề-bà-la: dịch là hiền lực.
- Tư-na: kinh gọi vô úy (Quyển ba mươi mốt).
- Tu-phạm-ma: dịch là hảo tịnh (Quyển ba mươi ba).
- Lặc-xá: dịch là phát (tóc) (Trung A-hàm - Quyển ba).
- Bà-la-lao: cũng gọi Bà-la-lô-ca, dịch là bỉ thế (Quyển bốn).
- Úc-gia: dịch là uy đức (Quyển chín).
- Tẩy-ni-tần-tỳ-bà-la: Tẩy-ni dịch là quân, Tần-tỳ dịch là mô (mô phạm), bà-la dịch là lực (Quyển mười một).
- Ni-di: dịch là luân (Quyển mười bốn).
- Phiêu tứ: dịch là di sử (Quyển mười sáu).
- Già-la: dịch là động (Quyển hai mươi mốt).
- Ưu-bà-già-la: dịch là đại động.
- Lệ-chế: cũng gọi Lệ-chế-tỳ, dịch là tế hoạt.
- Chu-na-tha: cũng gọi Tu-ma-đà, dịch là hảo thanh (Quyển hai mươi ba).
- Cao-la-bà: cũng gọi Câu-la-bà dịch là tác, cũng dịch là tánh (Quyển hai mươi chín).
- Bàng-kỳ-xá: cộng lãnh quốc.
- Tu-niết-mậu-lợi-pha-quần-na: cũng gọi Niết-bàn Đa-la-mâu-lợi-quần-trạc: Tu Niết-đa-la dịch là hảo nhẫn, Mâu-lợi dịch là căn phá, quần-na là tinh danh (tên ngôi sao) (Quyển ba mươi).

- Tỳ-già-diên-đa: dịch là thắng điện.
- Na-diên-sĩ: cũng gọi Na-do-tha, dịch là số do.
- A-la-na-già: dịch là đại.
- Cù-đà-lê-xá-đả-cù: dịch là thiên, cũng gọi là ngưu, Đà-lê-xá-đa dịch là kiến.
- Tát-đa-phú-lâu-hề-đa: cũng gọi Tát-đỏa-phú-la-hề-đa, Tát-đỏa dịch là chúng sanh, Phú-la dịch là mãn, hề-đa dịch là ý.
- Lại-sất-hòa-la: cũng gọi Lại-sất-bà-la cũng gọi La-sất-bà-la, lại-sất dịch là quốc, bà-la dịch là hộ (Quyển ba mươi mốt).
- Câu-lao-bà: cũng gọi Câu-vị-thi, dịch là ác hữu.
- Đàm-phù-la: dịch thiên lạc nhạc (núi Thiên nhạc) (Quyển ba mươi ba).
- Ca-lâu-ma-nạp: cũng gọi Ca-la-ma-na-bà, cũng gọi thiếu niên tịnh hạnh, hoặc dịch là nhơn (người), (Quyển ba mươi lăm).
- Uất-sấu-ca-la: dịch là Y-sấu-ca-la, Y-sấu dịch là tiển (tên), ca-la là tác (Quyển ba mươi bảy).
- Kế-khai-đề: cũng gọi Tu-kiền-đà dịch là hảo hương.
- Phạm-bà-lai: dịch là tịnh hộ.
- A-lan-na-phạm-ma: A-lan-na dịch là tịch tỉnh, Phạm-ma dịch là tịnh.
- Bà-tư-sất: cũng gọi là Bà-tư-lại, Bà-tư-sất dịch là tối thắng.
- Kỳ-bà-tiên-na: Kỳ-bà dịch là mạng, tiên-na dịch là quân (Quyển bốn mươi lăm).
- Bạt-đà-a-lũy-cụ: Bạt-đà-la-a-lũy-bà, bạt-đà-la dịch là hiền, A-lũy-bà dịch là bất phường (Quyển năm mươi).
- A-lê-sất-tế-đế: A-lê-sất dịch là thọ (cây), sát-đế dịch là quốc, cũng gọi là tụ.
- Phí-na-bà-tu: cũng gọi Phú-na-bà-tu cũng gọi là Na-bà-tẩu, phú-na dịch là mãn, Bà-tu dịch là bảo (Quyển năm mươi mốt).
- A-kỳ-xá-na: cũng gọi A-kỳ-nhị-tỳ-xá-nhị, A-kỳ-nhị dịch là hỏa, Tỳ-xá-na là nhập (Quyển năm mươi hai).
- Khê-hoa-đa: cũng gọi chỉ-bạt-đa, dịch là sát ngư nhơn (Quyển năm mươi tư).
- Phụ-lợi-đa: dịch là chính (?)(Quyển năm mươi lăm).
- A-la-la: dịch là vô tu (râu) (Quyển năm mươi sáu).
- Ca-la-ma: họ (tánh).
- Uất-đà-la: dịch là thắng.
- Bàn-đầu: dịch là thân tộc (Trường A-hàm - phần một).

- Chu-na: cũng dịch là Chúc-na, hoặc gọi là: Chu-na, dịch là toái (vụn) (Quyển ba).
- Ca-lăng-già: tên nước.
- Tỳ-già-đà: dịch là ngữ (lời).
- Tẩu-bà-đầu: dịch là thiện ngôn luận.
- Đà-lệ-xá-thố: Đà-lê-xá-na dịch là kiến.
- Tẩu-đạt-lê-xá-thố: dịch là hảo kiến.
- Da-thâu-đa-lâu: Da-thâu dịch là danh văn, đa-lâu nghĩa là thọ danh (tên cây).
- Ma-nạp: cũng gọi Ma-na-bà, dịch là thiến niên tịnh hạnh (Quyển mười ba).
- Thủ-ca-ma-nạp-đô-la: cũng gọi Thủ-ca-ma-da-bà-đô-da, Thủ-ca dịch là anh vũ, Da-bà dịch là như trên, đô-la dịch là phụ (Quyển mười lăm).
- Bạt-kỳ-mạt-la-tô-ma: Bạc-kỳ dịch là hữu bạn, Mạt-la dịch là lực, Tô-ma dịch là nguyệt.
- Tu-ni-đà: dịch là thiện mưu lược.
- Bà-phu-đà-chiên-na: cũng gọi Bà-la-phù-đà-ca-chiên-diên-na, Bà-la-phù-đà dịch là tại, Ca-chiên-diên-na là họ (Quyển mười bảy).
- Mạn-đề: dịch là giải đãi.
- Nhã-di-tỳ-đa-lợi: cũng gọi Nhã-di-tỳ-la-la, Nhã-di dịch là như pháp, Tỳ-la-la dịch là bất mật.
- Thâu-lũ-na: dịch là phúc (bụng) (Tạp A-hàm - Quyển một).
- Thi-bà-phất-đa-la: Thi-bà-lợi-tử, Thi-bà dịch là an ổn, Phất-đa-la là tử (Quyển chín).
- Bà-la-xà-na: Bà-la dịch là tha, Xà-na dịch là lạc.
- Na-la: dịch là hành nghĩa.
- Ma-thố-xà: cũng gọi Ma-thố-xà, cũng gọi Ma-thố-xá, A-tỳ-đàm-bà-sa gọi là ý, dịch là phạm vương sanh.
- Bà-la: cũng gọi Bà-la-giả-lợi dịch là thắng sơn (Quyển hai mươi).
- Ma-đề-đề: dịch là bất hương.
- Xà-da: dịch là thắng (Quyển hai mươi ba).
- Tỳ-xà-da: dịch là vô thắng.
- Kỳ-lợi: dịch là sơn.
- Bạt-đà-la-do-đà: cũng gọi Bạt-đà-la-do-tha, dịch là hiền hạnh.
- Tu-đà-da: dịch là cộng khởi (Quyển hai mươi lăm).
- Tu-la-tha: dịch là hảo đắc, cũng dịch là thiện đắc.

- Kiệt-đàm: cũng gọi Cù-đàm là họ (Quyển ba mươi ba).

- Già-la-chu-la-ma-la: cũng gọi Già-lâu-chu-la-na-la, Già-lâu dịch là quang, chu-la dịch là tiểu, na-la là nhơn (người).

- Chỉ-thi: dịch là hữu phát (tóc) (Quyển ba mươi ba).

- Ma-ha-lợi: cũng gọi Ma-ha-lợi-ca, dịch là mẫu (Quyển ba mươi bảy).

- Sa-la: cũng gọi xá-la, dịch là hưởng ốc (nhà).

- Tu-bà-la-đề-sa: dịch là Cực viễn bỉ quốc (nước kia thật xa) (Quyển bốn mươi chín).

- Sa-ca-la: cũng gọi Xả-ca-la, dịch là bất phiến (Thập Tụng Luật Tự - Quyển một).

- Câu-bà-la: dịch là ác lực, cũng gọi là bất thắng.

- Tất-bỉ-da-diên-na: thọ danh (tên này).

- Ưu-bà-già: A-già-đạt-đa, A-kỳ dịch là đại, đạt-đa là dữ (cho) (Quyển hai).

- Kỳ-đà-bàn-na: cũng gọi Thị-đa-bàn-na, dịch là thắng (Quyển ba).

- A-tỳ-la: cũng gọi A-tỳ-la, dịch là vô oán (Sơ Tụng - Quyển hai).

- Ca-la: dịch là hắc, cũng gọi là thời (Quyển bốn).

- Siển-na: dịch là phú tàng (che dấu), cũng gọi là dục tác (muốn làm).

- Câu-già-lê: dịch là hà thời (lúc nào).

- Khiên-đà-đà-phiêu: cũng gọi Khiên-đà-tha-tỳ, dịch là hạnh lâm.

- Ca-lưu-đà-đề-xá: cũng gọi Ca-lô-đà-da-đề-xá, dịch là thời khởi thuyết.

- A-thị-tỳ-ni-càn-tử: A-thị-tỳ dịch là doanh tư nghiệp, Ni-càn là vô hệ.

- Khiên-đà-đạt-đa: dịch là hành (Nhị Tụng - Quyển sáu).

- Tam-văn-đạt-đa: cũng gọi Bà-vật-đà-la-đạt-đa, dịch là hải dữ (cùng).

- Ma-ha-nam-thích: Ma-ha-na-ma Thích-ca, Ma-ha-na-ma dịch là đại danh, Thích-ca là năng (Quyển mười).

- Ni-sư đạt-đa: cũng gọi Lê-sư đạt-đa, dịch là tiên (Tam Tụng - Quyển một).

- A-nô-bạt-ma: cũng gọi A-nô-bà-ma dịch là vô dĩ vị dụ (không lấy đó làm thí dụ) (Quyển chín).

- Ma-kiền-đề: dịch là cầu đạo.
- Đạt-đa-đề-na: dịch là pháp.
- Tỳ-la-sất: cũng gọi Tỳ-lại-sất, dịch là thắng quốc.
- Ma-ha-la dịch là soa (sai) hoặc gọi là vô tri (Thất Pháp - Quyển sáu).
- Chất-đa-la: dịch là chủng chủng (Bát Pháp - Quyển tám).
- Ưu-đà-da-bạt-đà: cũng gọi Ưu-đà-da-bạt-đà-la. Ưu-bà dịch là xuất, cũng dịch là khởi, bát-đà-la dịch là hiền (Tạp Tụng - Quyển một).
- Tát-nhã-cù-cấu-lộ-ma-la: cũng gọi Na-xà-dạ-cù-cấu-lộ-ma-la, Na-xa-dạ dịch là đẳng thắng, Cù-cấu-lộ là họ, la dịch là hoa. (Quyển ba).
- Cù-phi: cũng gọi Cù-ba-lợi, Cù dịch là ngưu, cũng gọi là địa, Ba-lợi dịch là thủ, cũng gọi là da-ba, dịch là khả.
- Ca-tỳ-la: gọi là Già-tỳ-la, dịch là thương (xanh), hoặc tánh (Ni Luật - Quyển một).
- An-xà-na: dịch là phục dược.
- Y-xá-la: dịch là tật cấu.
- Đạt-đa-ma-na: Đạt-đa dịch là dữ (?), ma-na dịch là ý.
- A-kỳ-bạt-đà đồng tử: cũng gọi A-kỳ-bạt-đà-la, A-kỳ dịch là hộ, Bạt-đà-la dịch là hiền (Quyển ba).
- Ni-kiền-đà: cũng gọi Ni-kiền-tha, dịch là vô hệ (Ưu-ba-ly - Quyển hai).
- Na-xà: tên nước (Tăng Kỳ Luật - Quyển một).
- Câu-xá-tần-đầu: dịch là thật.
- Ca-lan-đà: tên nước.
- A-bạt-sất: dịch là đồng phục (Quyển sáu).
- Phất-lư-ế: cũng gọi Phất-lư-ế-đa, Phất-lư là tên nước, ế-đa là sở y chỉ (chỗ y chỉ) (Quyển bảy).
- Ca-la-ha: dịch là môn tranh (tranh luận) (Quyển tám).
- Đầu-ma: cũng gọi Đầu-lâu-ma, dịch là thọ, cũng gọi là trụ (Quyển mười một).
- Tát-bạc-chủ: cũng gọi Tát-tha-bà, dịch là cổ cố (Quyển mười sáu).
- Tu-thâm-ma: cũng gọi Tu-thi-ma, tu dịch là hảo, thi-ma dịch là giới (Quyển mười bảy).
- Lê-ba-đô: cũng gọi Ly-bà-đa, dịch là tinh danh.
- Chất-đế-lệ: tinh danh (Quyển hai mươi bốn).

- Cừ-ni: dịch là hữu bạn (Quyển ba mươi mốt).
- Bạt-đề: dịch là hiền (Tứ Phần luật - Sơ Tụng - Quyển một).
- Tư-ha-tỳ-la-niễu sư: Tư-ha dịch là sư tử, tỳ-la-niễu dịch là thoát (Quyển tám).
- Lợi-sư-đạt-đa-phú-la-na: Lợi-sư dịch là tiên, đạt-đa dịch là khúc (dữ), phú-la-ma là mãn.
- Già-la dịch là động (Phần Hai - Quyển chín).
- Bạt-già-la: dịch là quang minh.
- Vi-lân-la: vi-lân dịch là tam nghiệp, Mãn-đà-la dịch là chủ.
- Lâu-chỉ: dịch là lạc.
- Tu-lâu-chỉ: dịch là hảo lạc.
- Ma-ha-quý-xá: dịch là đại đẳng.
- Mạt-la: dịch là lực, cũng gọi là tánh.
- Chơn-xà: dịch là tụ.
- A-tháp-tỳ: dịch là bất xảo.
- Căn-đà-la: dịch là thọ bì (da cây).
- Chiêm-tỳ: bì (da).
- Câu-la-bà: thọ danh (tên một loại cây).
- Bàn-la-xà: lũng (lồng).
- Ưu-la-đà: Ưu-la-già, dịch là não hành.
- Cù-la: dịch là nhật (mặt trời).
- Ni-phù-la: độ (qua).
- Da-thâu-già: Da-thâu dịch là danh, Thâu-già dịch là vãng, cũng gọi là hành (Quyển mười).
- Na-la-đà: dịch là nhơn dữ.
- A-di-đầu-sí: cũng gọi là hà thời, dịch là bất thắng phát.
- Thư-đề-sỉ-bà-hưu: cũng gọi Tu-nê-đa-la-bà-hư. Tu dịch là hảo, Nê-đa-la dịch là nhãn, Bà-hưu dịch là phiến.
- Tỳ-la-sất-tử: dịch là thắng quốc.
- Uất-tỳ-la-bạt-đà-la-bạt-đề: dịch là khởi.
- Ưu-đà-diên: dịch là khởi (Quyển năm).
- Thủ-lũng-na: Thủ-lư-na, dịch là văn.
- Tân-ca-la: dịch là hoàng, cũng dịch là sắc (Quyển bốn).
- Tư-ha-tỳ-la-trác: cũng gọi Tư-ha-tỳ-la-đà, dịch là sư tử thanh.
- Phú-lư-ế-đa: dịch là mục sở tông quy (quy về tôn chỉ).
- Tỳ-lan-nhã: dịch là thâm trước (Luật Di-sa-tắc - Quyển một).
- Tôn-đà-la: dịch là hảo, cũng gọi là ái.
- Đà-bà: dịch là phù hành (Quyển ba).

- Phú-xà: dịch là cung dưỡng (Quyển bốn).
- Ưu-lâu-già: cũng gọi Na-lân-nhân-đà-la, na-lân dịch là nhân (người), nhân-đà-la là chủ (Quyển năm).
- Già-tỳ: dịch là hữu ngưu.
- A-lê-sất: dịch là vô căn thọ (Quyển mười một).
- Thi-lợi-bạt: cũng gọi Thi-lợi-bạt-đà-la, Thi-lợi dịch là kiết, bạt-đà-la dịch là hiền (Quyển mười lăm).
- Ô-đầu-la: cũng gọi Uất-đầu-la, dịch là đại trì (Quyển mười chín).
- Cù-đầu-la: dịch là địa trì.
- Bà-bà: dịch là chủng loại.
- Thi-hưu-la: dịch là thắng trì.
- Bà-lợi: dịch là hộ.
- Ưu-bà-kỳ-bà: cũng gọi Ưu-bà-thời-bà, dịch là đại mạng.
- Na-la-ma-nạp: cũng gọi Na-la-ma-na-bà, Na-la dịch là nhơn, Ma-na-bà dịch là nhơn (người), cũng gọi là tịnh hạnh.
- A-di: cũng gọi A-tư-đa, dịch là bất hạnh.
- Na-la-đà: dịch là nhơn dữ (Quyển hai mươi).
- Ma-kiệt-đà: cũng dịch Ma-già-đà, hay ma-kiệt, dịch là quốc danh (Quyển hai mươi mốt).
- Vi-đa-bạt-đà-la: dịch là dữ hiền (Quyển hai mươi bốn).
- Thích-ma-nam: cũng gọi Thích-ca Ma-na-bà, Thích-ca dịch là năng, Ma-na-bà như đã dịch ở trên (Quyển hai mươi lăm).
- Ty-tỳ-xa: dịch là hảo nghiêm sức.
- Già-lô-đế-xá: cũng gọi Già-lư-để-xá, già-lư dịch là lý, để-xá dịch là quang, cũng dịch là hỏa (Quyển hai mươi chín).
- (?) Khiên-trà-đà-bà: cũng gọi Khiên (?)-trà-đà-bà, khiên-trà dịch là hành, đà-bà nghĩa là sơn.
- Hòa-tu-đạt: cũng gọi Bà-tu-đạt-đa dịch là bão dữ.
- Tất-ba-la-diên-ma-nạp: tên nước.
- Kiền-đa: dịch là dữ hiền (Thiện Kiến Luật - Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Tu-na-già: dịch là hành.
- A-tu: dịch là thiện lũng.
- Ca-kiền-đà: cũng gọi Ca-la-kiền-đà, dịch là quyết (chim quyết).
- Tu-ma-na: dịch là hảo ý.
- Ma-ha-na-la-đà Ca-diếp: Ma-ha dịch là đại, Na-la-đà là nhơn

(người) (Quyển hai).

- Ban-đầu-ca: dịch là thân hữu.
- Tỳ-xà-da: dịch là chủng chủng thắng.
- Đề-bà: dịch là thiên (Quyển ba).
- Cụ-ba-già-nhân: dịch là toại ngưu.
- Di-già-ban-trà: cũng gọi Di-già-ban-tha, dịch là lưỡng lộ.
- Bốc-kha-la-bà: dịch là liên hoa (Quyển bốn).
- A-ma-đa-đa: cũng gọi A-ma-đa-đa-đa luật gọi A-ma-đa là mẫu, đa-đa là phụ mẫu (Quyển sáu).
- Phật Lặc-cật-đa: cũng gọi Tăng già Lạc-khởi-đa, dịch là chúng hộ.
- Câu-tư-dạ: cũng gọi Kiều-thi-ca, dịch là thiên vương.
- Xà-chí-la: dịch là vinh phát.
- Tỳ-đà-la: dịch là hoàng sắc (màu vàng).
- Bà-bà-ca-la: Bà-sa dịch là y, cũng gọi trụ xứ, ca-la dịch là tác (Quyển tám).
- Bà-na: dịch là lâm.
- Ma-ha-la: dịch là lão, cũng gọi là đại (Quyển mười một).
- Bạn-đầu-bà-la-sa: cũng gọi Bạn-đà-bà-la-sa, Bạn-tu-bà dịch là thân, la-sa dịch là vị, cũng gọi là thạnh nghiệp.
- A-bà-da: dịch là vô thời.
- Tu-đa: luật gọi Lộ-biên-sanh, dịch là lộ.
- Ma-ha-ban-đà: dịch là đại lộ.
- Chu-la-ban-đà: tiểu lộ.
- Kỳ-bà: luật gọi là thoại đồng tử, dịch là mạng.
- Ba-già-la-na: dịch là luận nghị (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển sáu).
- Thương-khư: dịch là kha (ngọc kha) (Quyển bảy).
- phất-ca-la-bà-la: Phất-ca-la dịch là liên hoa, Ba-la dịch là lực, cũng dịch là thắng (Quyển chín).
- Phú-na-xà: dịch là lạc (nhạo, nhạc) (Quyển mười bốn).
- Ba-tri-ly: dịch là thọ danh (Quyển mười sáu).
- Tỳ-ni-sư: cũng gọi Tỳ-ni-da (Quyển mười bảy).
- Bát-kiến-đà: cũng gọi Bát-lại-kiến-đà, cũng gọi Bát-khiên-đề dịch là khiêu trịch (nhảy).
- Na-la-diên: dịch là nhơn hành.
- Sa-man-già: cũng gọi Sa-la-ương-già, dịch là thật thể.
- Bà-man-già: dịch là thắng thể.

- Chương-miễn-lặc: cũng gọi là Già-thố-ca, dịch là họ.
- Bà-la-chương-thố: cũng gọi A-bà-la-thố-ca, dịch là phục tánh.
- Tát-ba-đạt-bà: Tát-bà dịch là xà, Đạt-bà dịch là mao (cỏ mao) (Quyển mười chín).
- Ban-sất: dịch là thành (Quyển hai mươi).
- Bàn-ma-lặc: cũng gọi Bà-ma-la dịch là đoản (Quyển hai mươi mốt).
- A-la-sất-ưu-đà-ca: cũng gọi A-xà-nhã-ưu-đà-ca, dịch là tịch tịnh thủy (nước tịnh) (Quyển hai mươi tám).
- Kỳ-bà-la: dịch là thọ mạng (Quyển ba mươi ba).
- Sách-ca-nhơn: cũng gọi là Thích-ca, dịch là năng (Quyển ba mươi ba).
- Xú-khư-la-nhơn: tên nước.
- Dạ-ma-na: dịch là phược (buộc).
- Ma-la-sa-nhơn: tên nước (Quyển bốn mươi bốn).
- Khư-sa-nhơn: dịch là siểm.
- Tán-sa-bà: thọ danh (Quyển bốn mươi tám).
- Xá-đầu-la: dịch là hổ (Quyển năm mươi lăm).
- Phất-già-la-sa-la: dịch là liên hoa thật.
- Đà-bà-ma-la-tử: Đà-bà dịch là sơn, Ma-la dịch là hành thứ, cũng gọi hoa man (Quyển năm mươi sáu).
- Phú-lâu-sa: dịch là đại phu, cũng gọi là nhơn (Bát Kiền Độ - Quyển hai mươi).
- Kỳ-pha: cũng gọi Kỳ-bà, dịch là mạng.
- Thiền-đậu: cũng gọi thiện tử, dịch là chúng sanh.
- La-ma-nê: dịch là hí (Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Tư-đà: dịch là bạch.
- La-di: dịch là hí.
- Bà-la-tha: dịch là trì trọng.
- Ma-ha-bà-la-tha: dịch là đại trì trọng.
- La-ma: dịch là hí.
- La-xoa-na: cũng gọi Lạc-xoa-na, dịch là tướng.
- Kế-na: cũng gọi Kế-lan-na dịch là nhĩ.
- Tỷ-đà: dịch là thích.
- Lân-na: dịch là giải đãi.
- Thế-xá: cũng gọi Thế-sa, dịch là dư tàn.
- A-tư-đà: cũng gọi Đà-tư-đa, cũng dịch bất bạch.
- Ma-na-đa-đà: Ma-na dịch là ý-đa-đà dịch là như thị (như thế).

- Uất-tỳ-la: dịch là quá thời.
- Tu-na-sát-đa-la: tu là hảo, Na-sát-đa-la dịch là tinh.
- Bà-la-bao: cũng gọi Bà-la-xá dịch là thắng nhạc (Quyển bốn).
- Bà-la: dịch là lực, cũng gọi là thắng.
- Bà-đàn-đề-la: Bà-đàn-đa-tư-tha-tỳ-la, Bà-đàn-đa dịch là đại đức, tư-tha-tỳ-la dịch là trưởng túc.
- Văn-ni: tiên nhơn.
- Ma-ha-năng-già: dịch là đại dục.
- Lao-la-thi-khí: lao-la dịch là động, thi-khí là đại, cũng gọi là kế (búi tóc) (Quyển sáu).
- Thương-để-la: cũng gọi Đàn-viên-la dịch là tước sĩ (Quyển bảy).
- Tu-niết-đa-la: dịch là hảo nhãn (Quyển mười một).
- Ưu-đà-na: vô vấn tự thuyết (không hỏi tự nói) (Đại Phương Đẳng - Đại Tập Kinh - Quyển một).
- A-phạm-hòa-lợi: cũng gọi A-phạm-ma-bà-lợi, dịch là bất tịnh hộ (kinh Xuất Diệu - Quyển hai).
- A-kỳ: dịch là đại (Quyển bốn).
- Tỳ-xá: dịch là nhập (Quyển chín).
- Thâu-đà-la: cũng gọi Da-thâu-đà-la, dịch danh văn trì.
- Uất-đà-la: dịch là đại bạc (kinh Hiền Ngu - Quyển một).
- Tán-xà-niễu-sư: cũng gọi Na-xà-da, Đàn-na là thí, tắc-kỳ là năng.
- Tu-bạt-na-bà-tô: cũng gọi tu-bát-na-bà-sa, kinh nói: hợp quang minh.
- Ma-ha-chiên: Ma-ha-chiên-đà-la kinh gọi đại nguyệt.
- Tỳ-kỳ-đà-tiện-na: thắng quân (Quyển sáu).
- Phú-la-kỳ: kinh gọi mãn nguyện.
- A-thâu-ca-đà: dịch là vô ưu (Quyển bảy).
- La-xà-kiến-đề: cũng gọi Bạt-xà-la-tư-kiền-đề, kinh gọi kim cang tụ (Quyển tám).
- Ca-tỳ-lê: kinh gọi là hoàng đầu, dịch là tên một con sông (Giang danh).
- Hộ-di: cũng gọi Cù-di, dịch là chủ.
- Lặc-na-xà-da: dịch là bảo thắng (Quyển mười).
- Bà-bà-lợi: dịch là hữu đại lực lực (Quyển mười hai).
- Uất-tỳ-la: dịch là thâm huyệt.
- Trập-dân-già-la: cũng gọi Để-di-kỳ-la, dịch là thiên ngư (kinh

Hoa Đầu - Quyển tám).

- Thất-thâu-ma-la: dịch là sát tử.
- Uất-đà-la: cũng gọi Uất-đà-la-ca dịch là lãng.
- A-tỳ-lợi: vô tinh tấn (Kinh Đại Bi Liên Hoa - Quyển một).
- Ma-xà-nô: cũng gọi Ma-ha-xà-nô, dịch là đại nhơn (người).
- Ni-bà-lư: vô lực.
- Ni-già-thù: vô niễu.
- La-hầu-chất-đa-la: La-hầu dịch là chướng nguyệt, Chất-đa-la dịch là chủng chủng.
- La-ma-chất-đa-la: dịch là hí chủng chủng.
- La-sát-lư-tô: dịch là hộ vị.
- A-na-già: dịch là bất hành.
- Tỳ-xá-cúc-đa: cũng gọi Tỳ-xá-tế-khuất-đa, dịch là nhất thiết nhập hộ.
- Ma-ha-tăng-na-tăng-niết: Ma-ha-tăng-ha-na-tăng-nê-niết, dịch là đại khải trang sức (Kinh Quang Toản- Quyển năm).
- Phần-nậu-văn-đà-ni-phất: cũng gọi Phú-na-mạn-đà-ni Phật đa-la, dịch là mãn nghiêm sức nữ tử.
- Phân-nậu-văn-đà-phất: cũng gọi Phù-na-man-đà-phất-đa-la, dịch là mạn nghiêm sức tử (Quyển chín).
- Nan-đầu-bà-la: dịch nan-đầu dịch là hỉ, bà-la là nữ. (kinh Thập Trụ đoạn kết - Quyển hai).
- Tát-đỏa: dịch là chúng sanh (kinh Bà-tu-mật - Quyển hai).
- Mạt-nẫu-xà dịch là nhơn (người).
- Đõa-nữu: dịch là thể.
- Tỳ-kế-la-đa-lỗ-hề-đế: cũng gọi Ca-la-đa-lỗ-ế-đế, Tỳ-ca-la-đa là bất túc (không đủ), Lỗ-ế-đế là xích (đỏ) (Quyển ba).
- Đàn-ni bảo khác: Đạt-ni-ca, đàn-ni dịch là hữu vật (Quyển bốn).
- Chúng-trà: là vấn (hỏi).
-Câu-lợi-nhơn: dịch là chất.
- Pha-la-đọa-thê: dịch là nhật tánh.
- Ma-la-đồng tử: dịch là hoa.
- Ưu-đà-la-da-na: tự thuyết hành.
- Tu-lăng-đà-nhân: đại hành.
- Bố-sất-bà-la: dịch là thiên vương.
- Tát-xà-đa: dịch là tử lực (Bà-tu-mật Bồ-tát Sở Tập Kiền Độ Thủ - Quyển một).

- Uất-đà-la-da: cũng gọi Uất-đà-la-da-na, dịch là hảo kế (búi tóc) (kinh Quán Phật Tam-muội - Quyển bảy).
- A-chu-na-nhân: dịch là bất toại (kinh Ưu-bà-tắc Giới - Quyển năm).
- Cưu-na-la: dịch là ác nhơn (kinh Hiền Kiếp - Quyển ba).
- A-lan-ca-lan: tên nước (Tăng-già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển một).
- Bố-lại-đa học sĩ: cũng gọi Bố-lại-tha, dịch là tịnh trụ.
- Bát-ma-ca: dịch là liên hoa (Quyển ba).
- Phất-ni: cũng gọi Phân-ni, dịch là mãn (Đại Ái Kinh - Quyển bốn).
- Tu-na-la: dịch là hảo nhơn (Hư Không Tạng Kinh - Quyển ba).
- Tỳ-cừu: dịch là nhật muội (Phật Sở Hành Tán).
- Ương-kỳ-da: là họ (tánh).
- Tỳ-lợi-ha-bát-để: đại chủ.
- Bạt-di: là khải (áo đồng).
- A-để-ly: vô do (dầu).
- Na-la-cưu-bà: cũng gọi Na-cưu-bà-tứ, dịch là khả ái.
- Xá-na-cưu-ma-la: Xá-na là thọ danh, Cưu-ma-la dịch là đồng tử.
- Ca-tân-xà-la: dịch là cưu điểu (chim cưu).
- A-thố-xà-a-sa: cũng gọi A-thố-xà-a-xà, A-thố-xà dịch là mao, A-xà dịch là lạc.
- Bạt-xà-la-bà-hưu: Bạt-xà-la dịch là kim cang, Bà-hưu là kiên (vai).
- Tỳ-đề-ha-xà-na: Tỳ-đề-ha là tên nước, Xà-na dịch là nhơn, hoặc dịch là tu.
- Na-la-thấp-bà-la: Na-la là nhơn (người), Thấp-bà-la là xảo (khéo).
- Đầu-lâu-ma: thọ danh (tên cây).
- A-để-điệp: cũng gọi An-để-đề-bà, An-để dịch là hậu, Bà-đề là thiên.
- A-thấp-ba: bất xảo.
- Xà-diên-đa: thắng.
- Phú-na-bà-tẩu: dịch là mãn hiền.
- Di-già-ca-lợi: Di-ca dịch là vân, Ca-lợi là hắc, cũng dịch là thời (Quyển ba).
- Tỳ-đà-bà-la-sa: Tỳ-đà dịch là trí, Ba-la-sa dịch là ba lạc.

- A-lụy-bà-thệ: Bất-xảo-sanh.
- Thọ-đề-bà-kỳ-bà: Thọ-đề-già dịch là đại, Kỳ-bà nghĩa là mạng (Quyển bốn).
- Thủ-la-thâu-lư-na: Thủ-la dịch là dõng, Thâu-lư-na dịch là văn.
- Ni-cù-lũ-đà: dịch là vô tiết, cũng gọi là tư duy.
- Thi-lợi-khuất-đa-ca: dịch là kiết hộ.
- Sa-đa-kỳ-lợi: dịch là lạc sơn.
- Cưu-sất-đàn-đam: cũng gọi Cưu-sất-đàn-đa, Cưu-sất dịch là khúc, đàn-đa nghĩa là xỉ (răng).
- Phú-na-bạt-đà: dịch là mãn hiền.
- Cù-đàm-ma: là họ (tánh).
- Cù-sư-la: dịch là thanh danh.
- Bạt-đà-la-tư-na: dịch là hiền quân (kinh Quá Khứ, Hiện Tại, Quốc Bảo - Quyển ba).
- Bạt-đà-la-lê: dịch là hiền lương.
- Ma-ha-la-đà: dịch là đại mạng (kinh Kim Quang Minh - Quyển bốn).
- Ma-ha-ba-la-na: dịch là đại hộ.
- Ma-ha-Tát-đỏa: dịch là đại thiên.
- Ma-ha-đề-bà: dịch là đại chúng sanh.
- Ma-ha-già-lại-xa: dịch là đại khổ (Đàn-trì-đà-la-ni Kinh - Quyển một).
- Ma-ha-ly-bà-đế: đại tinh (ngô sao lớn).
- Tỳ-già-đà-la: vô trì.
- Tu-đà-na-la: hảo thí nhơn (người).
- Tỳ-la-đà: dịch là bạc (mỏng) (kinh Pháp Cú - Quyển một).
- Ba-lợi: dịch là hộ (Quyển hai).
- Phân-na: dịch là mãn.
- Ma-ha-nam: cũng gọi Ma-ha-na-ma dịch là đại danh (kinh Đại Vân - Quyển ba).
- Ba-lợi-ma-đà: cũng gọi ba-la-ma-đà dịch là bỉ túy (say) (kinh Phật Tạng - Quyển hạ).
- Ma-ha-na-ma-đà-na: cũng gọi Ma-ha-na-ma-đa-đà-na, Ma-ha-na-na-đa dịch là đại quy kỉnh, Đà-na là thí.
- Na-la-đà: dịch là nhơn điển (kinh Trung Bổn Khởi - Quyển một).
- Tu-đạt: dịchh là thiện ôn (Quyển hai).
- Na-lợi-thăng: dịch là Na-la.

- A-kỳ-đạt: dịch là đại.
- Ưu-đa-la-ma-nạp: kinh gọi là thượng chí, dịch là thắng tịnh hạnh (kinh Thiện Quyền - Quyển hạ).
- Ca-la-mật: cũng gọi Ca-la-mật-đa-la, dịch là thời hữu (hạn) (kinh Thuần Chơn Đà-la-ni - Quyển hạ).
- A-tỳ-la-đề: dịch là vô dõng (kinh A-duyệt Phật Quốc - Quyển hạ).
- Tu-đạt-đề: cũng gọi Tu-ma-để, dịch là hảo ý (kinh Hưng Khởi Hành - Quyển hạ).
- Tu-da-xá-na-đề: cũng gọi Tu-da-xá-ma-để, dịch là hảo danh văn ý.
- Ca-la-việt-tử: dịch là hữu thời (kinh Vô Lượng Bình Đẳng Giác - Quyển thượng).
- Duy-ma-la-hòa: cũng gọi Tư-ma-la-bà, dịch là vô cấu hữu (kinh A-xà-thế vương - Quyển thượng).
- Ma-ha-nhã-na: dịch là đại trí (Quyển hạ).
- La-da: dịch là hành (kinh Trưởng Giả Đô Già - Quyển hạ).
- Ca-la-khởi: cũng gọi Ca-la-bà, dịch là hữu thời.
- Tỳ-thủ-đà-vị: cũng gọi Tỳ-thủ-đà-ma-để, dịch là tịnh ý. (A-nậu-đạt Kinh - Quyển hạ).
- La-ma-la-khang-di: kinh gọi ly cấu uy (kinh Đẳng Tập Chúng Đức - Quyển thượng).
- Thâu-đề-bà: cũng gọi Cửu-trì-đa, kinh gọi là tịnh trừ (Ngũ Bá Đệ Tử Tự Thuyết - Bổn Khởi Kinh).
- Tu-mộng: kinh gọi thiện niệm.
- Thâu-luân: kinh gọi là minh thinh.
- Phạm-kỳ: kinh gọi là khả thiện.
- Da-da: danh văn.
- Ni-lợi-la: dịch là vô khả ái.
- Bạc-câu-lư: kinh gọi là mại tánh.
- Hóa kiệt: kinh gọi là thiện lai.
- Thọ-đề-cù: cũng gọi Thọ-đề-già dịch là đại hành.
- Chư-bạt-ly: dịch là động (kinh Ca-diếp Quá Ni Càn).
- Tỳ-lâu-chỉ: bất lạc (kinh Thập Thiện - Thập Ác).
- Tỳ-lưu-la: kinh gọi trưởng (kinh Tử Tang Niệm Bất Ly).
- Ca-thi-nhơn: tên nước.
- Uất-đà-la: dịch là phá (kinh Phật Bổn Hạnh).
- La-tuần-nhu: cũng gọi là La-tuần-nhã.

- Ma-ha-cảm: cũng gọi Ma-ha-cảm-ma, dịch là đại sự (kinh Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-tát).
- Ha-na-đề-hòa: cũng gọi A-na-đa-đề-bà, A-na-đa dịch là vô biên, Đề-bà dịch là thiên (kinh Huệ Thượng).
- Ly-đề-hòa.
- Chiên-già-ma-ni: Chiên-đà dịch là động, ma-ni là châu.
- Tu-đa-hòa: dịch là hảo khánh.
- Chư-ca-la-mật: cũng gọi Già-ca-la-mật-đa-la, dịch là luân hữu (Tam-mạn Đà-bạt-đà-la Bồ-tát Kinh).
- Đế-bà-sa-na: cũng gọi Đề-bà-ba-sa-na dịch là thiên ái (kinh Di-lặc Thành Phật).
- Tu-ma-đề: cũng gọi Tu-ma-da, dịch là hảo ý hoặc hoặc trí.
- Sa-ha-điều: cũng gọi Bà-sa-ha-đề-bà dịch là nhẫn thiên (kinh Quyết Định Tội Phước).
- Cừu-ma Ca-diếp; cũng gọi Cừu-ma-la Ca-diếp, Cừu-ma-la dịch là đồng (tử), Ca-diếp là họ.
- Ca-la-na: dịch là tác.
- Bạt-đà: cũng gọi Bạt-la, dịch là nhân hiền, kinh gọi là hiền (kinh Huyễn Thất Nhân Hiền).
- Lại-sất-hòa-la: cũng gọi Lại-sất-bà-la, dịch là quốc hộ (kinh Sở Vấn Đức Quang Thái Tử).
- Cưu-ma-la Ca-diếp: dịch là đồng tử (kinh Cưu-ma Ca-diếp).
- Tư-ha-muội: cũng gọi là Tư-ha-ma-để, dịch là sư tử ý (kinh Đạo Thọ Tam-muội).
- Phạm-ma-dụ: dịch là tịnh mạng (Phạm-ma Dụ kinh).
- Chiên-đề-la: dịch là ma tác (kinh thắng mạn).
- Tát-hòa-bồ: cũng gọi Tát-bà-đa-la, kinh gọi là nhất thiết độ (Tát-hòa-đệ-tát).
- Già-câu-la: cũng gọi Ca-câu-la, dịch là thọ danh (kinh Khôi Hà).
- Kiên-trà-đà-bà: dịch là hành (kinh Điều đạt vấn Phật).
- Tu-đà-na dịch là hảo vật (Bà-la-môn thông đạt kinh).
- Tu-la-đà: dịch là hảo xa.
- Phù-di dịch là địa (kinh Phù-di).
- Kỳ-bà tiên đồng tử: dịch là thọ quân (Kỳ-bà tiên).
- Thích-kỳ-để: dịch là thiên chủ tràng (kinh Khổ Ấm Mục Sự).
- Mạc-kiền: cũng gọi Mạc-kiền-đà, dịch là mích thủ (kinh Thập Nhị Nhân Duyên).

- Kinh Đàm-ma: kinh gọi là pháp.
- A-kiệt: kinh gọi là đương lai (tương lai).
- Đàm-ma-bát: cũng gọi Đàm-ma-ba-la, dịch là pháp hộ (kinh A-dục Vương).
- Lam-da-nhân: dịch là khả ái.
- A-nan-đà: dịch là hoan hỷ (kinh Trung Ấm).
- Ca-lan-đà: tên nước.
- Phi-kỳ-chi-tử: dịch là năng ngộ (kinh Ca-diếp Cật).
- Câu-tỳ-la: dịch là ác thể (kinh La Duyệt Thành Nhân Dân Thỉnh Phật).
- Ương-cù-đa-la quốc nhận: dịch là thế thắng (kinh Phật Kiến Phóng Ngưu Giả Thị Thông Kinh).
- Ba-na-nhân: dịch là thủy (kinh Tam Tiểu Kiếp Sao).
- Ma-lưu-nhân: dịch là quảng.
- Phạm-ma-đạt-đa: dịch là tịnh dữ (kinh Phạm Võng).
- Na-la-đâu-đà-la: Na-la-đầu dịch là dĩ hoan hỷ, Đà-na là khởi (kinh Tư hƯu).
- Xà-bà đồng tử: dịch là phu hành (kinh Minh Tinh Thiên Vấn Từ).
- Đát-hòa-ni: cũng gọi là Du-bà-ni, dịch là bất động (kinh Thần Chú).
- Thi-lợi-bà: cũng gọi Thi-lợi-ban, dịch là kiết đắc (Tạp kinh).
- Úc-kỳ: cũng gọi Úc-giả-trì dịch là trường nan.
- Ty-đề: cũng gọi Ty-dư-đề, dịch là bỉ.
- Ba-tri-đề: dịch là phá, cũng gọi là đáo (đến).
- Phi-la-tu: cũng gọi Ba-la-tu, dịch là phủ (búa).
- Di-ca-phất: cũng gọi Di-lực-già-phất-đa-la, dịch là thứ tử.
- A-la-ni: cũng gọi là A-la-na, dịch là vô tặc.
- Tu-la-đà: dịch là hảo đắc.
- Trầm-ma-quật: cũng gọi Đàm-ma-quật-đa, dịch là pháp hộ.
- Lê-sắt-sất: dịch là tiên giáo.
- Da-xá-da: dịch là danh văn lạc.
- A-lê-lê-sắt-sất: dịch là bất tiên giáo.
- Thâu-đà-la-xá: dịch là tịnh danh văn.
- Uất-đa-la: dịch là thắng.
- Xà-lê: cũng gọi Da-lợi, dịch là hữu nạp.
- Bà-ba-na: dịch là diệt.
- Bà-la-nô: cũng gọi Bà-la-na, dịch là niễu (xoáy vùng).

- Tu-xà: cũng gọi Tu-xà-để, dịch là hảo sanh.
- Tỳ-đề: dịch là tứ duy.
- Chiên-già-hỉ-ma: chiên dịch là động, hỉ ma là động. Cũng gọi là lạc.
- A-do-đà-nhơn: dịch là vô bạn lữ (Thành Thật Luật - Quyển một).
- Phất-ni-ca: dịch là mãn (Quyển ba).
- Vi-xá: cũng gọi vi-xá, tên ngôi sao.
- Ta-bà khói-quái: cũng gọi là Ta-bà, dịch là khí hư.
- Phú-lâu-sa: dịch là trượng phu (Quyển mười một).
- Thiện-ma-già: dịch là nhẫn.
- Thi-lê: dịch là chí (Ngoại Đạo Truyện - Quyển hai).
- Câu-na-la: dịch là bất hảo nhơn.
- Phật-đà Đa-la: truyện gọi là Phật giáo.
- Câu-la-kỳ: truyện gọi thân sanh.
- Phạm-ma-khâu-la: truyện gọi là Phạm thích tử.
- Nhân-na-la-nhơn: thiên vương (Lịch Quốc Truyện - Quyển ba).
- Ma-hiền-đà-la: đại thiên chủ.
- Đậu-ca: cũng gọi đậu tá (giúp), dịch là khổ.
- Ba-la-hà: cũng gọi Bà-la-già, dịch là thắng thể.
- Thi-bà-ma-đề: dịch là an ổn ý.
- Mê-già-bạt-ma: dịch là vân khải.
- Tỳ-xa: dịch là nhập.

TẠP TÁNH DANH - QUYỂN BA MƯƠI MỐT

- Bà-tha-tánh: dịch là thọ (Thập Tụng Tam Tụng - Quyển ba).
- Câu-tha-tánh: cũng gọi khuất tha, dịch là hạ tiện.
- Bà-la-đọa tánh: dịch là mãn ngữ.
- A-chí-la-tánh: dịch là vô ý.
- Xá-di-câu-ly: cũng gọi Xá-di-vật-lợi, dịch là nhãn chức (Tứ Phần Luật - Phần Hai - Quyển một).
- Di-ni-bạt-kỳ: cũng gọi Di-na-bạt-kỳ, di-na dịch là tiêu (người lùn), Bạt-kỳ dịch là chủng.
- Mãn-la-tô-ma: cũng gọi Vị-la-tô-ma, Vị-la dịch là nhập, tô-ma dịch là nguyệt.
- A-đề-lê: dịch là bất (Phần Ba - Quyển bốn).
- Xá-trì-la: cũng gọi Sơn-trì-la, dịch là trừ khổ.

- Bà-la-tỏa-xà: cũng gọi Bà-la-tùy-xà, Bà-la dịch là trọng, Tỏa-xà dịch là ngữ.
- Xa-chí-la: dịch là siểm khúc (Quyển ba mươi chín).
- Kiệt-già: là tánh (họ).
- Duy-đề: cũng gọi Tỳ-đề, dịch là trí (kinh Phổ Diệu - Quyển một).
- Ca-na-tánh: dịch là bình vị (kinh Tam Tiểu Kiếp Sao).
- Đa-lô-đề: dịch là thọ khởi.
- Kiền-đà-lợi: dịch là địa trì.
- A-ba: dịch là thủy.
- Ca-lăng: tên nước.
- Già-ba: cung (tên).
- Ban-xà: dịch là ngũ (năm).
- Di-thi-lợi: dịch là ngã kiết.
- Ma-di: dịch là mạc ngã.
- Câu-lưu: dịch là tác hoặc là tánh.

Kinh Thiện Vương Hoàng Đế Công Đức.

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 7

- Thần danh - Phần ba mươi hai.
- Quỷ danh - Phần ba mươi ba.
- Long (rồng) danh - Phần ba mươi bốn.
- Niểu danh - Phần ba mươi lăm.
- Mã danh - Phần ba mươi sáu.
- Tạp danh - Phần ba mươi bảy.
- Điểu danh - Phần ba mươi tám.
- Ngư danh - Phần ba mươi chín.
- Trùng danh - Phần bốn mươi.
- Địa ngục danh - Phần bốn mươi mốt.

THẦN DANH - PHẦN BA MƯƠI HAI
(Danh tánh các vị thần)

- Kiền-đạt-bà: cũng gọi Kiền-đập-bà hay Kiền-đập-hòa, dịch là tỷ hương (ngửi hương), cũng gọi là lạc nhạc thần (Đại Trí Luận - Quyển hai).

- Chân-đà-la: cũng gọi là Khẩn-na-la, hoặc Chân-đà-la, dịch là nhân phi nhân.

- Ma-ế-thủ-la: dịchh là đại tự tại.

- Vi-nữu-thiên: dịch là biên vấn.

- Cưu-ma-la-thiên: dịch là đồng tử.

- A-tu-la: cũng gọi A-tu-luân hoặc A-tu-la. A nghĩa là vô, cũng gọi là phi; tu-la là tửu (rượu), cũng gọi là thiên (Quyển ba).

- Na-la-diên: luận gọi là lực (Quyển bốn).

- Đồng-long-ma: cũng gọi Sất-luận-ma, luận gọi là thọ (Quyển mười).

- Tỳ-ma-chất-đa: cũng gọi Tỳ-ma-chất-để-lệ, cũng gọi Tỳ-ma-chất-đa-la, dịch là chủng chủng nghi.

- Bà-lê: luận gọi là hữu lực.

- La-hầu-la: La-hầu là chướng nhật, la là trì.

- Phú-na-bà-tẩu-quỷ: Phú-na dịch là mãn, Bà-tẩu là bảo, cũng gọi là địa, hoặc dịch là vật.

- Uất-đát-la: cũng gọi Uất-đà-la, dịch là thắng, cũng gọi là hợp.

- A-la-bà-ca-tỳ-ca-ca: A-la-bà-ca là bất trảm, Tỳ-sa-la là nhất thiết (tất cả) (Quyển hai mươi lăm).

- Phu nhân Xá-chỉ: cũng gọi là thức-chỉ, dịch là tịnh (Quyển năm mươi sáu).

- Đát-già-thần: dịch là thiên đường lai (Quyển bảy mươi lăm).

- Diệm-bà-lợi vương: dịch là mộc tuyến (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).

- Na-la-đạt: na-la dịch là nhơn, đạt là dữ (cho) (kinh Đại Niết-bàn - Quyển một).

- Đà-la-bà: Đà-na dịch là thí, bà là hữu (có).

- Bạt-đề-đạt-đa: dịch là hiền.

- Kiến-đà: cũng gọi Tư-kiến-đà, dịch là ấm cuồng.

- Ưu-ma-đà: đại cuồng.

- A-bà-ma-la: A-bà dịch là vô, Ma-la là hoa man.

- Đôn-phù-lâu: dịch là đơn huyền (đàn huyền) (Quyển mười bảy).

- Lâu-đà-thiên: dịch là khả úy (Quyển hai mươi hai).

- Ma-ni-bạt-đà: Ma-ni là châu (ngọc), bạt-đà là hiền (Quyển hai mươi sáu).

- Phú-na-bạt-đà: phú-na là mãn, bạt-đà là hiền.

- Tỳ-lưu-lặc: dịch là trưởng (Tăng Nhất A-hàm - Quyển một).

- Tỳ-xá-ly-môn vương: Tỳ Sa-môn, Tỳ-Sa-môn dịch là chủng chủng văn.

- Câu-tỳ-la: phi hảo thân (Quyển năm).

- Tỳ-sa: Tỳ-xá, dịch là Đề-lật-đa-lại-sất (Quyển tám).

- Tỳ-đầu-lại-sất: cũng gọi Đề-lật-đa-lại-sất, Đề-lật-đa dịch là trị, Lại-sất là quốc (Quyển mười ba).

- Tỳ-lưu-ba-soa: phi hữu báo.

- Câu-na-la: mã danh (tên ngựa) (Quyển ba mươi).

- Bà-la-la: cũng gọi Bà-la-lại-tha, dịch là nguyện đắc (Trung A-hàm- Quyển tám).

- Ma-ca-la: dịch là kình ngư.

- Xá-la-thần (thần Xá-la): dịch là tiển (Trường A-hàm - Quyển

mười hai).

- Tỳ-bà-mật: cũng gọi Tỳ-bà-mật-đa-la, dịch là vô bằng hữu.
- Nhơn-đà-la: dịch là chủ.
- Bà-la-hu-tu-luân: cũng gọi Ba-la-a-tu-luân, dịch là cực tỉnh (Quyển hai mươi).
- Diệm-ma-tu-luân: dịch là tỉnh.
- La-ha-tu-luân: dịch là phược.
- Na-xà-lâu: bất quang.
- Đàn-đà-la: dịch là si.
- Ế-ma-bạt-đà: cũng gọi Ế-ma-bát-đà-la hay gọi Ế-ma-ba-để, dịch là tuyết.
- Tu-dật-lộ-ma: cũng gọi Tu-chỉ-lộ-ma, dịch là kế.
- Mạn-đà-thần: dịch là lãn.
- Tỳ-lô-văn: cũng gọi Tỳ-lô-na, dịch là thắng quang (Tạp A-hàm - Quyển ba mươi mốt).
- Đầu-lại-sất-kiền-đạt-bà vương: cũng gọi thời Lý-đa-lại-sất, dịch là trị quốc.
- Kim-tỳ-lự: Kim-tỳ-la, dịch là khổng phi khổng (Di-sa-tắc Luật - Quyển bốn).
- Bát-ba-la-thần: Bát-bà dịch là tiết, la là trừ (Thập Tụng Luật - Quyển năm).
- A-tỳ Thích-ca sơn thần: dịch là cực năng (Quyển hai mươi).
- A-sất-nhị-xoa-thần: A-sất dịch là hành, Nhi-xoa là khoan (rộng).

(Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển bảy).

- Tỳ-đế-lợi: cũng gọi Tỳ-đế-lợi-dạ dịch là tổ phụ (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển bảy).
- Tỳ-xá-già thần: dịch là điên cuồng.
- Bà-lâu-ni thần: dịch là tửu.
- Xa-la-phá-la thần: dịch là bát cước chủng (tám ngón chân).
- La-đường già: dịch là vô vị.
- A-bà-đạt-trà: cũng gọi A-bà-kiền-trà, dịch là vô thống.
- Bạt-đà-na thần nữ: dịch là trưởng.
- Y-sất-địa bần thần: dịch là niệm thiên.
- Ma-đầu-đạt-đà thần: Ma-đầu dịch là mật-đạt-đà là dữ.
- Uất-đa-la: dịch là thắng.
- Tất-lăng-già: dịch là phụ danh (tên cha).
- Ma-đầu-kiền-đà thần: Ma-đầu-tư-kiền-đà, dịch là mật tụ.

- La-hầu A-tu-la vương: La-hầu là chướng nguyệt (Quyển sáu).

- Tỳ-ma-chất-đa-la A-tu-la vương: dịch là nghi chủng chủng (Đại phương đẳng - Đại tập kinh - Quyển mười chín).

- Tỳ-số-già-na A-tu-la vương: chủng chủng quang.

- Bạt-đà-hòa đẳng: cũng gọi Bạt-đà-bà-la, dịch là hiền lực (Kinh Anh lạc - Quyển một).

- Khư-la-khiên Đại A-tu-la vương: dịch là đại trí ác ấm (kinh Pháp Hoa - Quyển một).

- Kiền-đà: dịch là hương (Quyển bảy).

- Thủ-ba-na-la diên thần: dịch là dõng lực. (kinh Bách Cú Thí Dụ - Quyển ba).

- Câu-câu-la: dịch là khúc (kinh Phổ Diệu - Quyển bảy).

- Duy-diệm-văn: cũng gọi Tỳ-diệm-văn dịch là tiêu tức.

- Đạt-bà-ma-la: cũng gọi Đạt-bà-ma-la, Đạt-bà dịch là dõng, Ma-la là hoa (kinh Báo Ân - Quyển bốn).

- Ma-thố-xá-a-ma-thố-xá: dịch là nhơn phi nhơn (Tát-bà Xử Thai Kinh - Quyển một).

- Bà-ha A-tu-la vương: Bà-ha dịch là bối (lũ, bọn) (Quyển năm).

- Thiết-đà-lân-già-ế thần: kinh gọi nhiếp thanh (Sanh Kinh - Quyển hai).

- Tán-chỉ-quỷ-thần: dịch là tụ (kinh Kim Quang Minh - Quyển ba).

- Ma-ni-bạt-đà: dịch là chu hiền.

- A-la-bà-đế: dịch là bất đắc.

- Tần-đầu-lư-già: cũng gọi Tân-đầu-lư-phả, Tân-đầu dịch là khất thực, lư-phả là thực.

- Ma-la-la-xà: dịch là thắng nhất thiết.

- Ma-ni-càn-đà: dịch là chu hương.

- Ni-càn-đà: dịch là vô hệ.

- Ma-ni-càn-sất: Ca-sất dịch là đoản.

- Ba-chi-la: bàn-giá-la, dịch là ngũ năng.

- Xa-bát-xa-bà: dịch là khinh động.

- Bà-na-lợi-thần: dịch là thư tôn-hầu.

- Đàm-ma-bạt-la: dịch là pháp lực.

- Ma-kiệt-bà-la: cũng gọi Ma-già-la-bà-la, Ma-già-la dịch là ngư danh, Bà-la dịch là lực.

- Miên-lực-mật-đa: cũng gọi Tu-lợi-mật-đa, Tu-lợi là viết, Mật-đa là chu.

- Lặc-na-sí-xa: dịch là đại phạn.
- Quân-đà-già: bạch hoa thảo.
- Kiếm-ma-xá-đế: Kiếm-ma dịch là tác, xá-đế dịch là bách.
- Xa-la-mật-đế: Xa-la là ốc (nhà), mật-đa là chi.
- Ế-ma-bạt-đà: Ế-ma dịch là kim, bạt-đà là hiền.
- Mậu-chỉ: dịch là thoát.
- Ba-ha-lợi-tử: dịch là đả (đánh).
- Khư-la-tắc-đà: cũng gọi Khư-la-tư-kiến-đà, dịch là huyền thể.
- Chiên-đà-chiên-đà-lợi: Chiên-đà dịch là khả úy, cũng gọi là ác; Chiên-đà-lợi nghĩa là bất tánh nữ (không phải họ nữ).
- Cưu-la-cưu-la-bàn-đề: Cưu-la dịch là thân thân, cũng gọi là tánh, đàn-đề là phạt.
- Đà-na-bà thần vương: dịch là hữu thí (Đại Vân Kinh - Quyển một).
- Na-la vương: dịch là nhơn (người) (kinh Đại Thông Phương Quảng Sám Hối Trang Nghiêm - Quyển thượng).
- Ô-tô-man: kinh gọi là ngục thần (kinh Tu Hành Bổn Khởi - Quyển hai).
- La-bà-xa-thần: dịch là ngãi (cắt cỏ) (kinh Ma-ha-ma-da - Quyển một).
- La-bà-nê-thần: dịch là khiêm ngãi.
- Bàn-già-dực: cũng gọi Bàn-già-duẩn-khư, Bàn-già dịch là ngũ, Duẩn-khư là hiền (kinh Phật Bổn Hạnh).
- A-lạp quỷ thần: cũng gọi A-lạp-bà dịch là tiểu ngộ (lầm).
- Phật-đà Tiên-đà-lâu đa thần: dịch là giác lưu thanh (Đại Ái Đạo Nê-hoàn kinh).
- Tỳ-xà-da Tẩu-đa-bà thần: dịch là Tỳ-xà-da là thắng, Tẩu-đa là văn, bà là hữu.
- Bà-la-na Phật đàm thần: Bà-la-na dịch là niệu, Phật đàm dịch là giác.
- Nhơn-đài-la thần: cũng gọi Nhân-đề-la, dịch là thiên chủ.
- Bà-đa-kỳ-lợi thiên thần: cũng gọi Bà-đa-dã-lợi, dịch là lạc sơn (Thiên Thần Vinh Bảo Kinh).
- Cưu-ma-la thần: dịch là đồng tử (Phật Thuyết Xuất Sanh Vô Lượng Môn Kinh).
- Tỳ-mâu-lâu: cũng gọi Tỳ-mâu-lâu-đa, dịch là vô sơn (kinh Minh Tinh Thiên Tử Môn Từ).

QUỶ DANH - BA MƯƠI BA

- Dạ-xoa: cũng gọi là duyệt xoa, dịch là năng cảm (Đại Trí Luận - Quyển hai).
- La-sát: dịch là khả úy, cũng gọi là hộ.
- Xà-la vương: dịch là phước.
- Cưu-bàn-trà: cũng gọi Cưu-biện-trà dịch là đông quá (Quyển ba mươi).
- Phù-đà: cũng gọi là Bộ-đà, hay gọi là phù thái, dịch là dĩ sanh, cũng gọi là đại thân.
- Tu-la: thủ-la, dịch là dõng, luận là bất.
- Tỳ-xá-xà: cũng gọi Tỳ-xá-già, dịch là cuồng (Quyển năm mươi bốn).
- Phù-lâu-đa-na: cũng gọi Phù-đa-na dịch là phù.
- Già-la dạ-xoa: dịch là ốc.
- Già-la-phú-đơn-na: cũng gọi là Ca-sất-phú-đơn-na, cũng gọi là Ca-phù-đơn-na, dịch là Cực-xú (Đại Niết-bàn Kinh - Quyển mười lăm).
- Bạc-câu-la quỷ: dịch là điển (Tăng Nhất A-hàm - Quyển mười bảy).
- Già-la-quỷ: dịch là thôn thực (Quyển ba mươi ba).
- Ưu-già-bà-quỷ: cũng gọi Ưu-già-la, dịch là uy đức.
- Xà-ni-sa-quỷ: kinh gọi là thắng kết sử (Trường A-hàm - Quyển năm).
- Bạt-kỳ Dạ-xoa: Bạt-kỳ dịch là tụ dạ-xoa như trên đã dịch (Thập Trụ Luật Sơ Tụng - Quyển hai).
- Ma-kiệt-đà Dạ-xoa: Ma-kiệt-đà dịch là văn danh, cũng gọi tinh danh.
- Dạ-xoa Ni: Dạ-xoa: như trên, Ni là nữ (Thiện Kiến Luật - Tỳ-bà-sa - Quyển ba).
- Na-lân-la Dạ-xoa: Na-lân-la dịch là liên hoa (Quyển bốn).
- A-la-bà-ca Dạ-xoa: dịch là thiếu ngữ.
- Tu-chí-lậu-ma: cũng gọi là Bố-chí-ma, dịch Tu-chí là kế, ma là mao.
- Kha-la: dịch là cường.
- Kiệt-sất-phú-thả-na: dịch là Thọ-xú (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển mười sáu).
- A-la-tỳ quỷ: tên nước (kinh Xuất Diệu - Quyển tám).

- Kha-đà-la quỷ: dịch là đạm (kinh Hiền Ngu - Quyển bảy).
- Lam-bà-la-sát: dịch là thụy (kinh Pháp Hoa - Quyển bảy).
- Kiết-giá: cũng gọi Kiết-lật-giá dịch là sự.
- Phú-đa-la: dịch là Xú-lan.
- Tỳ-lam-bà: dịch là thụy.
- A-la: dịch là đại ba (sóng lớn).
- Ô-ma-lặc-già: dịch là đại sát hành.
- A-bạt-ma-la: dịch là vô khải.
- Bà-la-da: Bà-la dịch là lực (kinh Bà-tu-mật - Quyển hai).
- A-tỳ-phiến-đề: A-tỳ-sản-đà, dịch là đại lậu.
- Ban-xà-quỷ: dịch là ngũ (năm) (kinh Phổ Diệu - Quyển ba).
- Ma-la-đà-lợi Dạ-xoa: dịch là hoa trì, (kinh Niệm Phật Tam-muội - Quyển một).
- Yết-ma-ba-la quỷ: cũng gọi Yết-ma-sa-ba-đà, dịch Yết-ma-sa là mặc, Ba-đà là thắng. (Tăng-già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển hai).
- Tu-đà-lợi-xá-na quỷ vương: dịch là hảo kiến (Ma-ha-ma-da - Quyển thượng).
- Ế-mậu-bát-để-quỷ: cũng gọi Ế-ma-bát-để, dịch là kim châu (Tạp Kinh).
- Bạt-đề-lê-huynh quỷ: dịch là trưởng.
- Bạt-đà-la-đệ quỷ: dịch là hiền.
- Bạt-a-la-ca: dịch là hiền.
- Bạt-đà-la-kiếp-ma: dịch là hiền.
- Cưu-ma-la: dịch là đồng.
- Ha-tất-đa-ca: dịch là Khả-tất-đa-ca, dịch là bất tự.
- Ba-la-na-quỷ: dịch là niệu.
- Tỳ-sa Dạ-xoa quỷ: dịch là độc.
- Ca-sa-la: vô nhãn.
- Ba-sa-la: dịch là năng ẩm.
- Đạn-hu-ca: cũng gọi đờn sách ca, dịch là bạc.
- Ma-đầu: dịch là mỹ.
- Ha-lợi-đề-da: Ha-lợi dịch là thiên sanh, đề-da dịch là khả dữ (kinh Chú Tặc).
- La-ma-tuy-kiệt: cũng gọi La-ma-na-càn-đà-na-la, La-ma dịch là hí, na-càn-đà-na-la dịch là long vương (kinh Ma-du-thuật).
- Ma-ni-bát-la: cũng gọi Ma-ni-bà-la dịch là pháp hộ.
- Kiền-đà-thi-ha: dịch là hương thắng.
- Câu-ma-hòa-la: cũng gọi Câu-ma-la-bà-la, dịch là đồng tử lực.

- Kha-lặc-phục-đa: dịch là tha sanh (kinh Vô Lượng Môn-phá-ma-phá Đà-la-ni).
- Na-la-diên-bà-la: Na-la-diên dịch là thần, lực Bà-la dịch là lực.
- Na-lệ-đồng-đà-la: dịch là nhân vương.
- Độ-đà-lợi-sa: dịch là bất kiến-khả.
- Ca-la-la: dịch là trừ hắc (đen).
- Tu-bà-hầu: dịch là hảo kiến.
- Ha-lợi-đà-quỷ-tử mẫu: cũng gọi là Khả-lợi-đà, dịch là hoàng (Lịch Quốc Truyện - Quyển một).
- Tỳ-ma-quỷ: dịch là khả úy.
- Phật-đà-bà-la Dạ-xoa quỷ vương: dịch là giác hộ.

LONG DANH - PHẦN BA MƯƠI TƯ

(Tên loài rồng).

- Ma-hầu-la-già: cũng gọi Ma-phục-lặc dịch là đại hùng hạnh (Đại Trí Luận - Quyển hai).
- A-ba-la Long vương: cũng gọi A-ba-la-la dịch là vô lưu diên (Quyển ba).
- A-na-bà-đạt Long vương: cũng dịch là A-la-bà-dụ-đa, dịch là vô nhiệt (Quyển năm).
- Cô-lợi Long vương: cũng gọi là Dĩ-lợi-mi, dịch là xảo hành, cũng gọi là thứ đệ (Quyển mười).
- A-già-la Long vương: dịch là vô cảnh.
- Bạt-nan-đà: cũng gọi Nhân-đà-la-bàn-na, đà-la dịch là thiên chủ, ban-na dịch là lâm.
- Bà-già-đa Long vương: cũng gọi Bà-già-đạt-đa, dịch là công đức (Quyển hai mươi mốt).
- Nan-đà: luận gọi là hỉ, dịch là hoan hỷ.
- Tỳ-lâu-sa-xoa Long vương: cũng gọi là Tỳ-bát-xoa, bà-la dịch là bất hảo sắc căn (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).
- Y-đa-bát-đa-la: cũng gọi Y-la-bát, y-la dịch là hương, bát-đa-la là khí (Quyển hai mươi lăm).
- Sa-già-la Long vương: dịch là hải.
- Bà-nan-đà Long vương: cũng gọi Ưu-bát-nan-đà, luận gọi là đại hỉ, dịch là đại hoan hỉ (Quyển ba mươi hai).
- Y-na-ban-na: cũng gọi Nhân-đà-la-bàn-na, dịch là hiền hỷ.
- Sa-kiệt Long vương: cũng gọi Sa-già-la, cũng gọi là sa-kiệt, dịch

là hải (Quyển ba mươi chín).

- A-nậu-đạt Long vương: cũng gọi A-nậu-đạt-đa, A-nậu dịch là tiểu.

- Đạt-đa là dữ, A-xá dịch là vô nhiệt (Quyển bốn mươi hai).

- Hòa-tu-kiết: cũng gọi bà-tu-thu, Hòa-tu dịch là hảo, thụ là hữu (Đại bát Niết-bàn Kinh - Quyển một).

- Ban-trù: dịch là hoàng ủy (Tăng Nhất A-hàm - Quyển ba mươi hai).

- Tần-già-la: dịch là hoàng xích (vàng đỏ).

- Nương-khư-long: cũng gọi cố khư, dịch là kha.

- Y-na-bà-la: cũng gọi Nhơn-đà-la-bà-la, dịch là thiên chủ lực (Trường A-hàm - Quyển mười chín).

- Đề-đầu-lại-sất: dịch là trị quốc.

- A-lô: cũng gọi A-lô-ca, dịch là minh.

- Già-tỳ-la: cũng gọi Cam-tỳ-la, dịch là thâm.

- A-bà-la: dịch là bất hộ.

- Già-thố: dịch là hậu (dày).

- Địch-già-thố: cũng gọi là Cù-già-thố, dịch là địa hậu.

- Cù-ba-lợi-long: dịch là thiên hộ (Tạp A-hàm - Quyển 22).

- Am-ba-la-đề-bà: cũng gọi Am-ba-la-đề-bà, Am-ba-la dịch là thọ danh, đề-bà dịch là thiên (Thập Tụng Luật Tam Tụng - Quyển bốn).

- Tỳ-đạt-đa: tỳ dịch là thắng, đạt-đa là dữ (Tạp Tụng - Quyển năm).

- Kỳ-lê-long: dịch là sơn.

- Ma-ha-tư Long vương: dịch là đại ý (Tăng Nhất - Quyển bốn).

- Ca-tỳ-la Long vương: cũng gọi Ca-tỳ-la, dịch là thượng (xanh).

- A-nhiếp-ba-la Long vương: cũng gọi A-tỏa-bà-la, dịch là mã lực.

- Y-la-bạch long tượng: dịch là tật hành (Tăng Kỳ Luật - Quyển bốn).

- Bà-lưu-ni: dịch là sy (ngây ngô).

- Ma-ni-kiền-đại: Ma-ni là Châu-kiền-đại là hương (Tứ Phần Luật - Quyển ba).

- Cù-đàm-minh: cũng gọi Cù-đàm-di, dịch là họ.

- Già-tỳ-la-niết-bà-la; cũng gọi Cam-tỳ-la-niết-bà-la, Cam-tỳ-la dịch là thâm, niết-tỳ-la là xảo.

- Y-la-bạt-na-long: cũng gọi Y-la-bạt-đà-na, dịch là hành trưởng vũ (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển một).

- Bà-tu-ca-long: cũng gọi Bà-tu-địa, dịch là bảo trì (Quyển năm mươi sáu).
- Y-la-bàn-na Long vương: Y-la dịch là hương, bàn-na dịch là lâm (Bát Kiền Độ - Quyển một).
- Thứ-bà-la Long vương: dịch là mao y (kinh Hoa Đầu - Quyển một).
- Thâu-đà-la Long vương: dịch là thiện trì.
- Kiều-đà Long vương: cũng gọi Kiều-đa-ma, dịch là họ (tánh).
- Đức-xoa-ca Long vương: dịch là trị độc.
- Tôn-đà-la Long vương: dịch là khả ái, cũng gọi là hảo.
- Khu-bát-la Long vương: dịch là đại sắc hoa (kinh Pháp Hoa - Quyển một).
- Uất-đà-la Long vương: dịch là thắng (kinh Ma-đắc-già - Quyển một).
- Đề-lê-trá Long vương: cũng gọi Đề-lê-sư-trá, dịch là trụ sơn hỏa.
- Ca-la Long vương: dịch là hắc sắc, y-la Long vương dịch là hương.
- Tán-câu-long: cũng gọi cố câu, dịch là kha (ngọc kha).
- Văn-lân Long vương: tên núi sơn danh (kinh Bồ-tát Xử Thai - Quyển năm).
- Kim-tỳ-la vương: dịch là khổng phi khổng (Phật Sở Hành Tán - Quyển bốn).
- Ca-la-ca: dịch là thời, cũng dịch là hắc.
- A-bà-la-long: dịch là vô lực.
- Mục-chân-lân vương: thắng vương (kinh Kim Quang Minh - Quyển hai).
- Đà-tỳ-la Long vương: (kinh Đại Vân - Quyển một).
- Tân-đầu Long vương: dịch là hà danh (tên sông).
- Bạt-xoa Long vương: hà danh.
- Tư-đà Long vương: hà danh.
- Bát-tập Long vương: dịch là vân.
- Tỳ-xá Long vương: dịch là quang.
- Bán-xà-la Long vương: dịch là long.
- Ca-ca-la Long vương: dịch là đại hắc.
- Uất-già-la Long vương: đại hắc (Tu Hành Bổn Khởi Kinh - Quyển một).
- Y-la-mạn Long vương: dịch là hữu hành (Văn Thù Hiện Bảo

Tạng Kinh - Quyển thượng).

- Nan-đầu-hòa-nan-long: cũng gọi Nan-đà-bà-na: dịch là hỉ lâm (kinh Ban-Chu Tam-muội).
- Bà-tu-long: dịch là bảo (Phật Vấn Tứ Đồng Tử Kinh).
- Cù-ba-lê-long: dịch là địa hộ (A-dục Vương Ư Sanh Đại Tín Giáo).
- Am-bà-la-đề-đà long: cũng gọi Am-bà-la-đề-bà; Am-bà-la là thọ danh, đề-bà là chiên (kinh Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Trung Quốc).
- Vân điệp A-bà-la-la: truyện gọi là bất thành tra (Ngoại Đạo Truyện - Quyển hai).
- Tu-na-ma-long: dịch là hảo ý (Lịch Quốc Truyện - Quyển ba).

NIỆU DANH - PHẦN BA MƯƠI LĂM

- Ca-la-lặc: cũng gọi Ca-la-la, dịch là xích bạch cộng hợp (trắng đỏ cùng hợp) (Tăng Nhất A-hàm - Quyển hai mươi).
- Cừu-đà-diên: cũng gọi Cừu-đà-la, cừu là hảo, cũng gọi là địa, đà-la là khởi.
- Bà-ma-na.
- Ca-ni-lưu: cũng gọi Ca-nê-la, dịch là tiểu.
- Ưu-bát: cũng gọi Ưu-bát-la, dịch là đại liên hoa (hoa sen đen).
- Kim-đầu-ma: dịch là xích liên hoa (hoa sen đỏ).
- Câu-mâu-đà: dịch là địa việt.
- Phân-đà-lợi: cũng gọi là Bôn-đa-lợi, dịch là bách liên hoa.
- Ma-ha-na-cực: cũng gọi Ma-ha-na-dã-đà-la, dịch là đại niểu vương.
- Na-la diên: dịch là lực.
- Mãn-hô: kinh gọi là giác (Quyển ba mươi mốt).
- Na-la-kỳ lê: dịch là lậu sơn.
- Ca-lê-thố: dịch là thư niệu.
- Bồ-tát Đà: dịch là tăng trưởng công đức (Tạp A-hàm - Quyển ba).
- Y-la-viên niệu: cũng gọi Y-la-bà-na, dịch là chủ thánh (Tạp Tụng - Quyển một).
- Bạt-đà-hòa niệu: cũng gọi Bạt-đà-la, Bạt-đà-la dịch là hỏa, cũng gọi là hiền.
- Ế-ma-hòa niệu: cũng gọi Ế-ma-bà-đa, Ế-ma dịch là tuyết, bà-đa là sơn.
- Già-ni-la niệu: dịch là hoàn niệu (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển

mười bảy).

- A-la-lặc-ca niệu: dịch là thắng.
- Ma-trà niệu: cũng gọi là vị đa, dịch là túy (Quyển hai mươi ba).
- Y-la-bát-na niệu: cũng gọi là y-la-đa-la, dịch là hướng diệp.
- Đàn-na-ba-la niệu: Đàn-na dịch là vật, bà-la dịch là thủ, cũng gọi là hộ (Quyển bốn mươi sáu).
- Bôn-đà-lợi-đa niệu: cũng gọi là phân đà lợi (Tứ Táng Hàm Bất Ly Kinh).

MÃ DANH - PHẦN BA MƯƠI SÁU

(Tên loài ngựa).

- Bà-la-mã vương: dịch là lực (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).
- Bà-la-xá: dịch là đại lạc (Tăng Nhất A-hàm - Quyển ba mươi mốt).
- Bà-la-ha: dịch là phá địch (Tạp A-hàm - Quyển bảy).
- Bà-la-ế mã vương: cũng gọi là Bà-la-ha, dịch là vân, cũng gọi là phá luân (Thập Tụng Thiện Tụng Luật - Quyển bốn).
- Kiền-đà-mã: dịch là hương (Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh - Quyển mười lăm).
- Kiền-trắc: Kiền-đà-ca, dịch là nạp (kinh Quá Khứ Hiện Tại, Nhân Duyên, Nhân Quả - Quyển một).
- Khiên-đặc mã: dịch là hành (Tu Hành Bổn Khởi Kinh - Quyển một).

TẠP THÚ DANH - PHẦN BA MƯƠI BẢY

(Tên các loài).

- Khác-già thú: dịch là bình (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển bốn).
- Tỳ-xá-già: dịch là cuồng điên.
- Khẩn-na-la: dịch là nhân phi nhân.
- Trà-ca-la-tỳ sư tử: kinh gọi là thụ thệ (kinh Hiền Ngu - Quyển mười hai).
- Kiếp-tân-lão-la: dịch là thương (xanh), (Ưu-bà-tắc Giới Kinh - Quyển hai).
- Tiên-tiết sư tử vương: cũng gọi là Tắc-ba, dịch là trịch (Tập Tam thừa - Quyển ba).
- Tư-đàn-diên: dịch là cộng khởi (kinh Tu-đại-noa).

ĐIỂU DANH - PHẦN BA MƯƠI TÁM
(Loài chim).

- Ca-lăng-tỳ-già điểu: chim Ca-lăng-tỳ-già, cũng gọi Ca-la-tần-già, cũng gọi là ca-lan-già. Ca-lăng dịch là hảo, tỳ-già là thanh (Đại Trí Luận - Quyển bốn).
- Ca-tần-xà-la điểu: dịch là điểu cưu (Quyển mười hai).
- Ca-lâu-la vương: kim sí (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi).
- Câu-chơn-la: Câu-chỉ-la dịch là hảo thanh (Quyển bốn mươi hai).
- Ca-tỳ-già điểu: cũng gọi Ca-tỳ-già-la, ca-tỳ dịch là thanh-già-la là hảo.
- Kiền-đạt-bà: dịch là xú hương, cũng gọi là lạc thần (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển một).
- Ca-lan-đà: Ca-lan dịch là hảo, đà là dữ (cho).
- Sí-lai: cũng gọi câu-sí-la, dịch là từ thanh vi danh (từ âm thanh mà đặt tên).
- Kỳ-bà-kỳ-đà: dịch là mạng mạng.
- Bà-la-bà-la điểu: dịch là bạch hạc (Quyển hai).
- Sa-la-ca-lân-đề: Sa-la dịch là thật, ca-lân dịch là khả ái, đề là dữ (Quyển ba).
- Ca-ca: cũng gọi là giả lệnh, dịch là vi (Quyển hai mươi).
- Cứu-cứu-la: dịch là khê.
- Chớ-chớ-la: dịch là quát (?).
- Tát-bà-xa-đa: Tát-bà dịch là nhất thiết, xa-đa là phú: che.
- Mạn-đà-ba: dịch là đình xá.
- Ni-la-bà-di: Ni-la là do (dầu), bà-di là ẩm.
- Kỳ-lan-na: dịch là thứ sát (Tạp A-hàm - Quyển năm).
- Kỳ-bà điểu: cũng gọi là thời bà, dịch là mạng (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển hai).
- Cù-chỉ-là điểu: cù dịch là bán, cũng gọi là địa, la là đính (?) (Đại Phương Đẳnh Đại Tập Kinh - Quyển bốn).
- Luật-đề anh vũ: dịch là khả úy.
- Bát-xoa điểu: cũng dịch là Bát-xoa, dịch là sí (kinh Bách Cú Thí Dụ - Quyển bảy).
- Xá-quân đà điểu: Xá-quân-đà dịch là điểu (Phật Sở Hành Tán - Quyển hai).
- Cưu-la-bộ: dịch là thủy điểu (Quyển ba).

- La-bà điểu: cũng gọi La-bà-ca, dịch là nhẫn.
- Cưu-na-la điểu: dịch là hảo nhãn (kinh Đức Quang Thái Tử).
- Tu-hoàn-nan-việt phượng hoàng: cũng gọi Tu-bát-na-bát-na, dịch là kim sắc (kinh Ma-do-thuật).
- Già-ca-thứ: cũng gọi Ca-la-bà-câm, dịch là uyên ương.
- Địch-bạt-sất điểu: dịch là tùy ngư.
- Ha-lợi-na điểu: dịch thanh sắc.

NGƯ DANH - PHẦN BA MƯƠI CHÍN
(Loài cá).

- Ma-già-la ngư vương: cũng gọi là Ma-kiệt, dịch là kình ngư (Đại Trí Luận - Quyển bảy).
- Đề-mê ngư: cũng dịch là Để-mê, dịch là xà (hỏa táng) (Thập Tụng Luật Thất Pháp - Quyển năm).
- Thất-mục-ma-la ngư: dịch là sát tử.
- Thủ-ma-la: luật gọi là ngạc ngư, dịch là hảo cấu (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển bốn).

TRÙNG DANH - PHẦN BỐN MƯƠI
(Loài trùng).

- Ca-la-cầu-la trùng: cũng gọi ca-la-cữu-na. Ca-la dịch là hắc, cốc-na dịch là bổn trùng (Đại Trí Luận - Quyển bảy).
- Ma-la độc xà: Ma-la dịch là hoa man (kinh Đại Niết-bàn - Quyển mười một).
- Ca-la-la trùng: dịch là hắc.
- Duy-ba-trùng: cũng gọi Bản-na-già, dịch là thủy xà (Quyển hai mươi chín).
- Cù-đà: dịch là lăng lý (Quyển ba mươi).
- Trủy-trủy-la: dịch là thằng (Tạp A-hàm - Quyển hai).
- Vu-đầu-la trùng: dịch là dẫn (?) (Thập Tụng Luật Sớ Tụng - Quyển một).
- Tát-bạt: cũng gọi Tát-bà, hay là Tát-sa, dịch là xà (Quyển năm).
- Đề-đầu-lại-sất xà: dịch là trị quốc (Luật Di-sa-tắc - Quyển mười chín).
- Đát-xa-xà: cũng gọi Đát-xoa, dịch là thị độc.

- Y-la-man-xà: dịch là tật hành.
- Tỳ-lâu-la A-xoa xà: dịch là quách tác nhãn.
- Cù-đàm-xà: là họ (tánh).
- Nan-đà-bạt-nan-đà-xà: dịch là hoan hỷ, đại hoan hỷ.
- Câu-lâu-trà: dịch là nhãn (Quyển ba mươi hai).
- Năng-hoàn-đà: dịch là thỉ trùng (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Xà-lô: dịch là phụ (cá giếc) (Quyển một).
- Ma-xa: xà văn (Quyển ba mươi tư).
- Tăng-xà-ma: cũng gọi Đằng-xà-ma, dịch là chỉ (?).
- Bát-thắng-già trùng: kinh gọi là phi ngã (kinh Bà-tu-mật - Quyển một).
- A-do-lặc trùng: dịch là bất thốn (?) (kinh Phật Tạng - Quyển trung).
- Sa-già-la mục-ca trùng: Sa-già-la dịch là hải, mục-ca là thoát.
- Tu-chỉ-mục-ca trùng: dịch là kế khẩu.
- A-xà-ca-la xà: dịch là thương xà (kinh Ma-ha-ma-da - Quyển thượng).
- Cựu-lợi ni: dịch là thực mộc (Tạp kinh).

ĐỊA NGỤC DANH - PHẦN BỐN MƯƠI MỐT

- A-tỳ địa ngục: cũng gọi là A-tỳ, cũng gọi là Tỳ-a-chí, dịch là vô gián (Đại Trí Luận - Quyển bảy).
- Ni-lê: cũng gọi là Nê-lê-thủ, cũng gọis là Nê-lê-ca, dịch là vô sở hữu.
- A-phù-đà địa ngục: cũng gọi là A-phù-đà hoặc Bà-phù-đà. Luận gọi A-phù-đà là thiếu đa hữu khổng, dịch là thập ức (Quyển ba)l.
- Ni-la-phù địa ngục: luận gọi là vô khổng, dịch là bá ức.
- A-la-la: dịch là nhơn thanh vi danh (vô âm thanh mà được tên).
- Há-la-la: luận gọi là hàn chiến thanh.
- A-bà-bà: dịch là nhơn thanh vi danh.
- Hưu-hưu: nhơn thanh vi danh.
- Ẩu-bà-la: dịch là tợ đại sắc hoa (tợ như hoa màu đen).
- Phân-đà-lợi-ca: tợ đại hắc liên hoa.
- Ma-ha-bà-đầu: dịch là tợ đại hắc liên hoa.
- Ba-đầu-ma: cũng gọi Bát-đầu-ma, luận gọi hồng liên hoa, dịch là xích liên hoa.

- Già-lâu-la địa ngục: dịch là trùng long (kinh Hoa Nghiêm - Quyển ba mươi hai).
- Đề-xá-nê-lê: dịch là đề-xá, dịch là thuyết. Nê-lê như ở trên đã dịch (kinh Đại Bát Niết-bàn - Quyển bốn).
- Cù-ba-ly Tỳ-kheo Đại nê-lợi: cũng gọi Cù-la Tỳ-kheo nê-lê. Cù dịch là ngưu, cũng gọi là xà, xà ba dịch là hộ Tỳ-kheo.
- Đế-bà-đạt bạch nhi nê-lê: cũng gọi Đề-bà-đạt-đa, đề-bà dịch là thiên đạt-đa dịch là dữ.
- Ma-ha A-tỳ: dịch là đại vô vấn (Tăng Nhất A-hàm - Quyển hai).
- Lô-lạp địa ngục: cũng gọi lô-la-bà, dịch là khả úy thanh (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển bốn mươi tám).
- A-bà-tư-địa địa ngục: dịch là nhơn thanh vi danh (kinh Thập Trụ Đoạn Kết - Quyển bốn).
- A-đạt-đa địa ngục: dịch là bất tử (kinh Báo Ân - Quyển ba).
- Tân-trá-la địa ngục: kinh gọi tập dục (kinh Phổ Siêu Tam-muội - Quyển bốn).
- Tăng già-đà địa ngục: dịch là hợp hội (kinh Bồ-tát Tạng).
- A-dụ-tham-ba-lê-hoàn-ni-lê: cũng gọi A-du-tùng-bát-đa-la-bà-nam dịch là thiết lực diệp trượng (lá dao bằng thiết) (kinh Thiết Thành Nê-lê).
- Ma-ha-lư-cát địa ngục: dịch là bất động (Phật Thuyết Quang Hoa Kinh).
- Ba-đa-bạn-nê-lê trung: cũng gọi Ba-la-đa-ba-na, dịch là cực viêm (nóng) (Nam Phương Kinh).
- Ca-la-tú-đầu-nê-lê: cũng gọi Ca-la-tu-đa-la, dịch là hắc thằng (dây đen).
- Xa-ma: dịch là thanh sắc (sắc xanh) (kinh Ma-ha Diễn Tinh Tấn Độ Trung Tội Báo).
- Hầu-hầu: tùng thanh vi danh (theo tiếng mà gọi tên).
- Ma-ha-ba-đầu-ma: dịch là đại xích liên hoa.

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 8

- Thế giới danh - Phần bốn mươi hai.
- Quốc độ danh - Phần bốn mươi ba.
- Thành danh - Phần bốn mươi bốn.
- Ấp danh - Phần bốn mươi lăm.
- Tụ lạc danh - Phần bốn mươi sáu.
- Thôn danh - Phần bốn mươi bảy.
- Tự xá danh - Phần bốn mươi tám.
- Đường xá danh - Phần bốn mươi chín.
- Xứ sở danh - Phần năm mươi.

DANH TỪ THẾ GIỚI - BỐN MƯƠI HAI

- Chu-la thiên thế giới: Chu-la dịch là tiểu (Đại Trí Luận - Quyển bảy).

- Ta-bà thế giới: cũng gọi là Ba-ha, cũng gọi là Sa-bà, dịch là năng nhẫn (Quyển mười).

- Diêm-phu-đàn thế giới: cũng gọi Diêm-phù-na-đà, Diêm-phù là tên cây, Na-đà là giang (sông) (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).

- Nhơn-đà-la võng thế giới: Nhân-đà-la dịch là chủ.

- La-bà giới: dịch là thắng lợi (Thiên Kiến Luật - Tỳ-bà-sa - Quyển mười bảy).

- A-bàn-la giới: vô thắng.

- A-la-xà giới: dịch là vô dương.

- Già-tỳ-viên giới: cũng gọi Già-tỳ-la, dịch là thương sắc (kinh Xuất Diệu - Quyển mười sáu).

- Ca-sa tướng thế giới: Ca-sa dịch là thâm y (kinh Hoa Thủ - Quyển hai).

- Thế giới A-kiệt lưu hương: dịch là trầm hương (Quyển ba).

- Thế giới Di-lâu tướng: dịch là quang minh.

- Đa-già lâu hương thế giới: cũng gọi Đà-già-la, dịch là căn hương.
- Thế giới Ưu-bát-la: dịch là đại sắc hoa (hoa sắc xanh thẩm).
- Thế giới đài-bặc-chúng: hoàng hoa (Quyển bốn).
- Thế giới A-lâu-na: dịch là hiểu tinh (sao sáng) (Quyển năm).
- Thế giới San-đề-lam: cũng gọi San-đề-lư-đế, san-đề dịch là Tiết-lư-đế nghĩa là mao (kinh Bi Hoa - Quyển hai).
- Cảnh giới Ma-du-la: dịch là mật, cũng gọi là đương thứ (Tăng già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển ba).
- Cảnh giới Bạt-kỳ: dịch là tụ.
- Thế giới A-tỳ-la-đề: dịch là bất tác (kinh Bất Tư Công Đức Phật Sở Hộ - Quyển một).
- A-ni-di-sa thế giới: kinh gọi là Bất-hư (mặt trời không mọc) (Nhược Vị kinh - Quyển một).
- Thế giới Sa-phù: kinh gọi khủng úy (Tu Hành Bổn Khởi - Quyển một).
- Cảnh giới Man-trà-la: dịch là viên. (Thiền Kinh Tu Hành Phương Tiện Đạo - Quyển hạ).
- Cảnh giới Ma-du (?): quốc danh (tên nước) (kinh Thọ Trai Bồ-tát).

TÊN GỌI QUỐC ĐỘ - BỐN MƯƠI BA

- Phật-sát: cũng gọi Sát-đa-la, Sát-đa-la dịch là điền (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Diêm-phù-đề: Diêm-phù-đề là thọ danh, đề dịch là châu (bãi, cù lao).
- Câu-đà-ni: cũng gọi Câu-già-ni hay là Cù-sa-ni. câu dịch là ngưu, đà-ni dịch là thị trường (Quyển bốn).
- Uất-đát-la-viết: cũng gọi Uất-đa-la-câu-lâu, hay Uất-đơn-việt. Uất-đa là dịch là bắc, cũng gọi là thắng, cũng gọi là hợp. Câu-lâu dịch là trúc, cũng gọi là tánh (họ).
- Phất-bà-đề: cũng gọi Phất-bà-tỳ-đề-ha, cũng gọi Phất-vu-đãi. Phất-bà dịch là xa, Tỳ-đề-ha là chủng chủng thân.
- Ma-già-đà-quốc: cũng gọi Ma-kiệt-đề hay Ma-kiệt-đà, ma-già là tinh danh (tên ngôi sao), đà là xứ (Quyển một).
- Nước Câu-di-na-kiệt: cũng gọi Câu-thi-na-già-la, cũng gọi Câu-thi-na-kiệt. Trong Tạp A-hàm gọi là thảo thành, Câu-thi dịch là thiếu

mao, na-già-la là thành.

- Nước Kiều-tát-la: cũng gọi Câu-Bồ-tát-tư, hoặc gọi Ba-la-nại, dịch là thần nhiễu thành.

- Ẩu-lâu-tỳ-la-quốc: cũng gọi Ưu-lâu-tần-lũy, dịch là mộc cô.

- Già-da quốc: dịch là thiết trượng (Quyển bốn).

- Ca-tỳ-la-bà: cũng gọi Ca-tỳ-la-bạt-tư-đẩu, cũng gọi Ca-tỳ-la-việt, Ca-tỳ-la dịch là thương (xanh), Bạt-tư-đẩu dịch là trụ xứ.

- Nước Di-thê-la: dịch là lượng (Quyển bảy).

- Nước Chiêm-ba ((?) (?)): cũng gọi Chiêm-bà ((?) (?)), dịch là hoa.

- Nước Đa-sát-đà-la: cũng gọi Hằng-xoa-thi-la, cũng gọi Đắc-xoa-thi-la, đa-sát dịch là tạc (đục), đà-la dịch là bất (Quyển mười một).

- Nước Câu-diệm-di: cũng gọi Câu-diệm-tỳ, hay Câu-xá-di, dịch là bất kham tịnh, hay dịch là tăng hữu (Quyển mười bốn).

- Nước A-đầu-ma: cũng gọi A-đầu-lâu-ma, dịch là vô thu (Quyển hai mươi mốt).

- An-đà-la: dịch là mang (?) (tối mù) (Quyển hai mươi lăm).

- Đây-khư-la: tiểu nguyệt chi.

- Xá-bà-la: dịch là lỏa (khỏa).

- Tu-lợi-an-an-tức: tu-lợi dịch là hồ (?).

- Nước A-la-tỳ: dịch là tiểu ngữ (Quyển hai mươi bảy).

- Tỳ-la-nhã-quốc: cũng gọi Tỳ-lan-nhã, cũng gọi Tỳ-la-nhiên. Tỳ-lan-nhã là bất tịnh tịnh, cũng gọi là bất nhiễm.

- Bà-lợi quốc: cũng gọi bà-la hay ba-ly, dịch là hộ (Quyển hai mươi tám).

- Ma-thâu-la quốc: Ma-đầu-la, dịch là mật, cũng gọi là mỹ (Quyển chín mươi chín).

- Nước Hằng-già-sa: dịch là thiên đường lai (đến thiên đường).

- Nước Ha-ni: dịch là đả (đánh), cũng gọi là phá (kinh Hoa Nghiêm - Quyển ba).

- Nước Ma-du-la (Quyển hai mươi bốn).

- Nước Câu-trần-na-da: Câu-trần là họ, na nghĩa là luật.

- Nước Càn-đà-la: Càn dịch là địa, đà-la dịch là trì.

- Nước Du-na: tên sông (Quyển bốn mươi mốt).

- Nước ma-ly: dịch là lực, cũng gọi là muội (Quyển bốn mươi chín).

- Nước Ưu-thiền-ni: cũng gọi Ưu-xà-da-ni, cũng gọi Ưu-da-ni, ưu dịch là đại, thiền-ni dịch là thắng (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển

mười).

- Câu-xá-bạt-đề: Câu-xá dịch là tiểu mao, bạt-đề là hữu (có) (Quyển hai mươi bảy).

- Nước Kiệt-xà: dịch là niệu (chim).

- Ca-lan-đà: Ca-lan nghĩa là hảo, đà là dữ (cho).

- Xá-vệ: cũng gọi Thi-la bạt-kỳ-để, thi-la dịch là thạch, Bạt-tư-để là trụ xứ (Tăng Nhất A-hàm - Quyển một).

- Bạt-kỳ: cũng gọi Bạt-kỳ, dịch là tụ (Quyển ba).

- Nước Bát-ma: dịch là sân (Quyển sáu).

- Nước Cổ-ma: dịch là sân (Quyển tám).

- Nước Bàn-đầu: dịch là thân hữu (Quyển mười bảy).

- Nước Tăng-già thi: dịch là đẳng diệu (Quyển mười chín).

- Nước Câu-lưu-sa: dịch là uế trược, cũng gọi là tác sự (Quyển hai mươi tám).

- Càn-đà-việt: cũng gọi Càn-đà-bà-na, dịch là hương lâm (Quyển bốn mươi ba).

- Tu-lại-sất-quốc: cũng gọi Tu-la-sất hay Tu-lại-sa-tu dịch là hảo, lại-sa là quốc (nước).

- Bà-khê-đế: bà dịch là ngữ, khế-đế dịch là sung (?) (Trung A-hàm - Quyển hai).

- Câu-lâu-dữu: cũng dịch Cư-lâu (lầu ở), dịch là họ, cũng gọi là tác (Quyển ba).

- Nước Già-lam: dịch là phong (ban cho) (Quyển chín).

- A-la-tỳ-già-la: cũng gọi A-ba-la-bà-già-la, A-la-bà dịch là bất đấc, già là ốc (nhà).

- Câu-xá-hòa-đề: cũng gọi Câu-xá-bà-đề, Câu-xá dịch là tạng, ba-đề dịch là luận (Quyển mười một).

- Già-tư-quốc: cũng gọi Già-thi, hay ca-thi, dịch là quang (Quyển mười hai).

- Nước Tỳ-đà-đề: Tỳ-đà là trí, đề là dữ (Quyển mười bốn).

- Ma-đẩu-lệ: dịch là dõng (Quyển mười lăm).

- Nước Già-xá: dịch là quang (Quyển mười bốn).

- Chi-đề-dữu: cũng gọi chi-đà, dịch là chúng tùy (Quyển mười tám).

- Nhận-ma-tất-đàm-lâu: Nhận-ma dịch là diệp (lá), Tất-đàm là nghiệm, câu-lâu là tác.

- Húc-già-chi-la: cũng gọi Húc-già-la-chi-la, húc-già-la dịch là mãnh, chi-la nghĩa là tiểu.

- Na-ha-đề: na-ma nghĩa là danh, đề là dữ (Quyển hai mươi tám).
- Na-nan-đà quốc: là bất hoan hỷ (Quyển ba mươi ba).
- Uất-tỳ-la-ni: uất dịch là đại, la-ni dịch là oán.
- A-hòa-na: cũng gọi A-bà-na, dịch là thị tứ (Quyển năm mươi).
- Bàn-xà-la: cũng gọi là Na-xà, hay bàn-già-la. Bàn-già-la dịch là ngũ nắng, cũng gọi là ngũ bất động (Quyển năm mươi lăm).
- A-hòa-đàn-đề: cũng gọi là A-bà-đàn-đề, dịch là vô phạt.
- Chi-đề: dịch là ức.
- Bạt-tha: cũng gọi là bạt-sa hay là Bà-ta, dịch là độc.
- Bạt-la: cũng gọi là Bạt-đà-la dịch là hiền.
- Tô-ma: dịch là nguyệt.
- Du-ni dịch là sanh.
- Kiếm-phù: dịch là hảo.
- Ba-bà: là tây (Trường A-hàm - Quyển ba).
- Nước Tỳ-lưu-đề: dịch là trưởng.
- Ương-già: dịch là thể.
- Mạt-la: cũng dịch là mãn-la, dịch là lực, cũng gọi là tánh (họ).
- Kiếm-phù-sa: dịch là hảo.
- Nước Tính-sí-sưu: cũng gọi là Thích-ca, dịch là năng.
- Bàn-xà: dịch là ngũ.
- Nước Tỳ-đề-ha: cũng gọi Tỳ-địa-ha hay là Tỳ-đề, dịch là chủng chủng thể, cũng gọi là duy.
- A-bàn-đề: dịch là vô nghĩa.
- Lại-sất-la: là quốc (nước) (Quyển chín).
- Lại-sất-bàn-đề: cũng gọi Lại-sất-bán-để, lại-sất là quốc, ban-đề là chuyển.
- Tiêm-cù-đa-la: cũng gọi Tiêm-quật-ba-la, dịch là thể thắng (Quyển ba mươi lăm).
- Nước Di-hy-la: dịch là kim đái (Quyển bốn mươi bốn).
- Nước Đạt-thân-na-bà-đa: cũng gọi Đạt-sấn-na-bà-đà. Đạt-na dịch là nam, bà-đà là cước (chân) (Bài Tựa Thập Tụng Luật - Quyển-một).
- Tát-bà-già La-bát-ba-la: dịch là nhất thiết ốc vô tiết (tất cả phòng đều không lớn).
- Ba-la-lê-phất quốc: cũng gọi là Ba-sất-lê hay là phất-đa, ba-la-lê dịch là thọ, phất-đa-la dịch là tử (?).
- Bà-ta A-bà-lan-đa: Ba-ta dịch là độc, A-bà-lan-đa là biệt biên.

- Duy-na-ly quốc: cũng gọi Tỳ-xá-ly, dịch là quảng bát (Sơ Tụng - Quyển hai).

- A-kỳ-duy quốc: dịch là hỏa (Nhị Tụng - Quyển bảy).

- Nước Chiêm-bặc: dịch là hoa (Thất Pháp - Quyển một).

- Nước Ca-di: dịch là thể (Quyển thứ tư).

- Già-lan-già-la quốc: Già-lan dịch là lại, già-la là cảnh.

- A-ni-mục-khư: cũng gọi Hà-giả-mục-khư, dịch là đại diện (Quyển năm).

- A-đầu-khư quốc: dịch là bất khổ (Quyển sáu).

- Nước Tăng-kỳ-đà: cũng gọi là Tang-kỳ-đa. Tang-kỳ-đa dịch là hội thuyết (thất pháp - Quyển tám).

- Tăng-già-la-xoa: dịch là đẳng diệu.

- Tát-bà: dịch là nhất thiết (Bát Pháp - Quyển hai).

- A-diệp-ma-già quốc: cũng gọi A-viêm-ma-già-đà. A-viêm dịch là thí, già-đà là tịnh danh (tên ngôi sao).

- Ca-lăng-già-lô: dịch là kỷ thuật (Tạp Thông - Quyển hai).

- Tô-di quốc: cũng gọi Tô-di-da, dịch là khả ái (Tăng Kỳ Luật - Quyển chín).

- Phật-ca-la quốc: dịch là liên hoa.

- Thích-ca-lê quốc: dịch là sa.

- Nan-đề-bạt quốc: cũng gọi Nan-đề-bạt-đà, dịch là hí trường.

- Sa-kỳ quốc: cũng gọi Bà-chỉ-đa, dịch là luận sự (Quyển mười một).

- A-ban-đầu quốc: dịch là vô thân hữu (Quyển mười lăm).

- Ba-la-chỉ quốc: cũng gọi Ba-la thời, dịch là bất thắng (Quyển mười tám).

- Nước Ưu-ba-thi-bà: Ưu-ba dịch là hỏa, thi-ba dịch là an ổn (Quyển hai mươi chín).

- Tô-la-bà quốc: dịch là hảo ngữ (Tứ Phần Luật - Quyển một).

- Nước Di-ni-sư: tên núi (Quyển bốn).

- A-thấp-bà: dịch là bất an ổn (Tam Phần - Quyển ba).

- Nước Bà-xà: cũng gọi là Bà-tu-mật, dịch là xuất gia (Phần Thứ Tư).

- Sí-tỳ-thi quốc: cũng gọi Ca-tỳ-thi, hà phương nhấp (Phần Thứ Tư - Quyển ba).

- Bà-lợi: dịch là đằng (nhẩy) (Quyển năm).

- Nước Na-tần-đầu: dịch là vô-đề (Luật Di-sa-tắc - Quyển bảy).

- A-vụ-bà-la: A-xá-bà-la, A-xà dịch là dương, bà-la dịch là thủ

(Quyển mười chín).

- Câu-xa-la: là thiện (Quyển hai mươi bốn).

- Nước A-lũy-ba A-vân-đầu: cũng gọi A-lũy Tỳ-a-ban-đầu. A-lũy dịch là bất công, A-ban-đầu là vô thân (thân thuộc) (Quyển hai mươi lăm).

- Nước A-bà: dịch là thủ trược.

- Kế-na: dịch là nhĩ (tai).

- A-thố-da: dịch là tợ phụ (Quyển ba mươi).

- Na-lan-đà: dịch là nhân chủ (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển một).

- Nước Uất-hữu: dịch là tụ.

- Kiền-đà-la-sất quốc: dịch là hương quốc (nước thơm) (Quyển hai).

- Ma-ế Bà-mạt-đà-la quốc: cũng gọi là Ma-ế-xa-mạn-đà-la. Ma-ế-xa dịch là đại tự tại, Mạn-đà-la là quốc.

- Nước Bà-na Bà-tư: dịch là lâm vãng.

- Nước A-ba-lan-đa-ca: dịch là biên quốc.

- Sử-na thế giới quốc: luật gọi là hán địa.

- Nước Ma-ha-lặc-sất: cũng gọi là Ma-ha-lại-sất: dịch là đại quốc.

- Nước A-thố-la-đà: dịch là tinh danh (tên vì sao).

- Bạt-xà-ma quốc: dịch là kim cang (Quyển ba).

- Tỳ-sa-la quốc: dịch là quảng.

- Ban-đầu-ma-để: dịch là hữu thân hữu (có thân hữu).

- Nước Tu-ly: dịch là dõng (Quyển sáu).

- Ba-dạ-ca: dịch là thủy.

- Nước Bà-la-na-tư: tên dòng sông.

- Nước An-a-la-di: ấm xà (Quyển bảy).

- Nước Na-già-la: dịch là địa (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa- Quyển bảy).

- Câu-la-bà: dịch là cực tác.

- Tô-tỳ-địa ha: cũng gọi Tô-tỳ-đề-ha, dịch là cực hảo thân.

- Xà-sất: dịch là siểm.

- Uất-đa-la-mạn-đề-na: Uất-đa-la dịch là thắng, đề-na nghĩa là ngữ.

- Bà-la: gọi là già-ma-la, dịch là mạo ((?): lờ mờ).

- Già-ma-la: cũng gọi A-bà-la-già-ma-la. A-bà-la dịch là phục, già-ma-la nghĩa là mạo.

- A-ban-đà quốc: dịch là hộ (Quyển mười sáu).

- Câu-xa-bạt-để: dịch là hữu tiểu đệ (Quyển hai mươi ba).
- Bà-thi: dịch là hữu trụ (Quyển bốn mươi sáu).
- Tu-ca-la: dịch là hảo trì (Quyển năm mươi).
- Đàm-la quốc: dịch là biên (Tỳ-bà-sa - Quyển chín).
- Nước Di-ly-xa: dịch là ngũ (năm).
- Trực-đàm: cũng gọi chỉ na hoặc là chấn đàn, dịch là nan địa.
- Ma-lặc: dịch là hoa.
- Ba-lặc: dịch là kỹ (?).
- Ly-sa: dịch là bất chánh ngữ.
- Bà-khư-lê: cũng gọi là bạt-khư-lợi, dịch là siểm khúc.
- Đa-kỳ-thi: dịch là khúc.
- Xá-vệ A-na-phân-kỳ: cũng gọi Thi-la-bạt-để A-na-tha-phân-đa-đà, thi-la-bạt-để như đã dịch ở trên, A-na-tha dịch là cô (độc), phân-đà-đà là phận (?) (ranh giới) (Quyển mười một).
- Nước Quy-tư: dịch là khúc thân (Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh - Quyển hai mươi).
- Nước Vu-điền: cũng gọi Ưu-điền-da-na, dịch là hậu đường.
- Nước Tỳ-trà: dịch là trí.
- Át-ba: dịch là tiểu (Kinh Xuất Diệu - Quyển hai mươii lăm).
- Da-ban-na: dịch là phược (Kinh Ưu-đà-la Diên Vương).
- Kiếm-phù: dịch là hảo, cũng gọi là thắng.
- Nước Đàm-mật-la: dịch là lạc pháp.
- Nước Ba-la-lê cũng gọi Ba-sất-lê, dịch là thọ tánh (Quyển mười tám).
- Nước Trì-xoa-thi-lợi: Trì-xoa dịch là cần-thi-lợi là kiết (kinh Hiền Ngu - Quyển hai).
- Tỳ-đế-càn-trì quốc: cũng gọi Tỳ-sứu-tế-càn-trì. Tỳ-sưu-tế dịch là nhất thiết nhập, càn-trì là thanh (Quyển ba).
- Nước Bạt-đà-kỳ-bà: cũng gọi Bạt-đà-la-thời-bà, kinh gọi là hiên-thọ dịch là hiền mạng.
- Nước Ni-câu-lâu-đà: bất-sân (Quyển chín).
- Nước Lê-sư-bạt-đà: dịch là tiên hiền.
- Nước Ba-bà-lê-phú-la: dịch là thiên lực mãn (Quyển mười hai).
- A-siểm Phật độ: cũng gọi A-siểm hoặc A-siểm-tỳ, dịch là bất động (Thiện Kiến Luật - Quyển mười).
- Nước A-di-la: dịch là lạc pháp (Bồ-tát Giới Kinh - Quyển hai).
- Nước Sa-ha: dịch là nấng nhẫn (Kinh Thập Trụ Đoạn Kết - Quyển một).

- Nước Chu-cấ: dịch là lạc (mất) (Kinh Bà-tu-mật - Quyển một).
- Cù-đàm-di-na-câu-lư: cũng gọi Cù-đàm-di-na-câu-đà. Cù-đàm-di là họ, Na-câu-đà là thọ mạng (Quyển năm).
- Nước A-tỳ-la: dịch là bất tinh tấn (Kinh Bách Cú Thí Dụ - Quyển bốn).
- Nước Tư-ha: dịch là thắng (Bách Cú Thí Dụ - Quyển ba).
- Nước Thi-lợi-điều: cũng gọi Thi-lợi-đề-bà, thi-lợi dịch là Kiết-đề-bà là thiên.
- Nước Ca-lăng-tần-già: tên chim (Ưu-bà-tắc giới kinh - Quyển năm).
- Nước Lợi-sư-bạt vương: cũng gọi Lợi-sư-bạt-đà-la, dịch là tiên hiền (kinh Báo Ân - Quyển hai).
- Nước Miên-tỳ-lợi: dịch là không-bất-da (Bồ-tát Xử Thai - Quyển năm).
- Nước Ma-già-đề: tên ngôi sao.
- Na-nan quốc: cũng gọi Na-nan-đà, dịch là bất hoan hỷ, (Sanh Kinh - Quyển hai).
- Già-lợi quốc: dịch là động (Quyển năm).
- Cụ-lưu-ba; cũng gọi Cù-lưu-ba. Cù là ngưu, Lưu-ba là sắc (kinh Mật Tích - Quyển một).
- Nước Kỳ-ty-ba: dịch là mích (Quyển ba).
- Sa-lâu-bà quốc: dịch là tự tha (kinh Phật Sở Hành Tán - Quyển hai).
- Tỳ-đề-ha-phú-lợi: Tỳ-đề-ha dịch là tư duy, phú-la là thành.
- A-ma Lặc-ca-ba: dịch là vô cấu tương tợ.
- Thâu-lư-bà-la: Thâu-lư dịch là văn-bà-la là hộ.
- Ma-ế-ba-vị: Ma-ế dịch là vị, ba-để dịch là chủ.
- Ba-la-na: cũng gọi Bà-la-na-thi: tên sông (giang sanh).
- Thi-đa-tỳ-ca: cũng gọi Thủ-đa-địa-ca, Thủ-đa dịch là nguyệt, địa-ca là tối.
- Bạt-già quốc: dịch là chủng.
- Ma-la quốc: dịch là hoa (Quyển năm).
- Tu-ma quốc: dịch là nguyệt.
- A-ma quốc: dịch là bất thục (chín).
- Nước Thủ-la-tiên-na: dịch là dõng quan.
- Nước Dạ-bàn-da: dịch là biên.
- Nước Nhận-bổ-xà: dịch là khả ái.
- Ca-tỳ-la bạt-đấu: cũng gọi Ca-tỳ-la bạt-đấu. Ca-tỳ-la dịch là

thương sắc, bạt-đâu dịch là trụ xứ (Kinh Quá Khứ, Hiện Tại, Nhơn Quả - Quyển một).

- Thâu-la Quyết-xoa: cũng gọi Thâu-la quyết-tha là đại tánh (họ lớn).

- Lô-la: dịch là động.

- Thâu-la-câu-trá: Thâu-la dịch là đại. Câu-sất dịch là đỉnh.

- Tần-tỳ-sa-la: tần-tỳ là mô (mô phạm), sa-la dịch là thắng.

- Na-lợi quốc: dịch là lậu khắc (Kinh Pháp Cú - Quyển ba).

- Nước Uất-đa-la-ba-đề: đa-la dịch là phi, cũng dịch là thắng. Ba-đề là cước (chân).

- Đa-ma-la quốc: dịch là hoắc hương (Quyển ba).

- Nước Ba-cú: dịch là yếu (kinh Song Phân Niết-bàn - Quyển một).

- Chiên-đà Duy-ma-la: kinh gọi là nhật nguyệt minh (kinh Thuần Chơn Đà-la - Quyển hạ).

- Thủ-ha-lợi-thổ: dịch là tịnh mạo.

- Nước Sa-kiệt: cũng gọi Sa-già-la, dịch là hải (Kinh Na-tiên - Quyển thượng).

- Nước Tát-la: dịch là trì (Di-giáo Tam-muội Kinh - Quyển hạ).

- Tam-di Phật-sát: dịch là tịch (kinh Thật Như Lai - Quyển thượng).

- Tỳ-ma đại quốc: dịch là úy (Kinh Vị Tằng Hữu - Quyển một).

- Ma-la-bà-da: Ma-la dịch là hoa, bà-da là thời.

- Bùi-phiến-xà quốc: dịch là bất thắng (Quyển hai).

- Nước Di-đề-la: cũng gọi là Di-thê-la, dịch là phân chất (bền) (kinh Di-lặc thành Phật).

- Nước Văn-trà-la: dịch là mạn (kinh Pháp Cổ).

- Già-la-phả quốc: dịch là hành (kinh Ca-diếp Ngộ Ni Càn).

- Nước La-ma-già: dịch là hí hành (kinh Ba Tư Nặc Vương Chư Hành).

- Ba-câu kinh: dịch là thiếu lực.

- Kiền-đà Ha-sát-độ: dịch là lạc âm (A-xà Vương Nữ A-thuật Đạt Kinh).

- Ty-mạt-cú Liêu-sát-độ: kinh gọi là vô cấu trược.

- Câu-thiên-tỳ quốc: dịch là thành (kinh Bồ-tát Thọ Trai).

- Ba-đầu hoan-la-lân-sát: cũng gọi ba-đầu Ma-bàn-na-la-lân, dịch là Bà-đầu-ma là liên hoa, bàn-na là lâm, la-lân là thọ hộ (kinh Đâu Sa).

- Kiền-xà Hoàn-na Niết-la: cũng gọi Kiền-xà Bàn-na-na trở la. Kiền-xà dịch là tàng, bàn-na là lâm-na trở la là bất hắc.
- Xà-du-xà quốc: dịch là bất khả chiến (kinh Thắng Man).
- A-hòa-đề quốc: cũng gọi A-bà-đề dịch là bất luận (kinh Ca-chiên-diên vô thường.
- Ca-du-la kiệt quốc: cũng gọi Ca-tỳ-la-na-ca-la, dịch là thương thành (kinh Lưu Ly Vương Nhập Địa Ngục).
- Ba-la-tư Đại quốc: dịch tha lạc (kinh Ban Chu Tam-muội).
- Nước Ma-tu-đề: dịch là hảo mạn.
- Nước Đề-hòa-kiệt: cũng gọi Đề-bà-na-gia-da, dịch là thiên thành (kinh A-dục Vương).
- Nước Câu-thi: dịch là đế (kinh Quán Hư Không Tạng Bồ-tát).
- Nước Ba-bà: dịch là tịnh.
- Nước La-ma: dịch là hí.
- Nước Già-lặc: cũng gọi Già-la, dịch là động.
- Ty-thố quốc: cũng gọi Ty-dữu kinh, dịch là thiết nhập.
- Ca-tỳ-la quốc: tên tiên nhơn.
- Nước Bình-đầu-na-la: cũng gọi Tần-đầu-na-la. Tần-đầu dịch là đế, Na-la dịch là lậu khắc.
- Lại-sất-bàn-đề quốc: Lại-sất dịch là nhân, bàn-đề là hộ (kinh Thế Tôn Hệ Niệm).
- Nước Diếp-ba: dịch là xà (rắn).
- Nước Kiền-đà-lại: cũng gọi Kiền-tha-lại-sất, dịch là hương quốc (Tạp Kinh).
- Nước Kiền-đà-việt: cũng gọi Kiền-đà-bà-na, dịch là hương lâm.
- A-la-kê quốc: dịch là thụy phát (kinh Đại Thần Tướng Quân Chú).
- Nước Càn-đà-việt: cũng gọi Càn-kiền-bà, dịch là xú hương, cũng gọi là lạc thần (kinh Vương Tử Pháp Ích).
- Bà-la-việt quốc: cũng gọi Ba-la-bà-để, dịch là bỉ hữu (kinh Phật Vấn Tứ Đồng Tử).
- Nước Tỳ-trà: dịch là trí.
- Na-la-can-đà quốc: dịch là địch tụ (Thành Thật Luận - Quyển chín).
- Nước Khang-cù: dịch là lật (bền).
- Thôn-bà Thôn-bà-thi: truyện gọi là quốc giới (Ngoại Đạo Giới - Quyển hai).

- Quốc-đa quốc: truyện gọi là mặc nhiên quốc.
- Ca-la-xa-mộc: truyện gọi là mãn ưng kim quốc (Quyển bốn).
- Già-sa quốc: dịch là bất chánh ngữ (Lịch Quốc Truyện - Quyển một).
- Ba-lô quốc: dịch là hộ.
- Phú-na bạt-đàn quốc: truyện gọi là phong mãn (phong phú đầy đủ). (Quyển ba).
- Càn-nhã quốc: dịch là tàng.
- Già-tỷ quốc: dịch là hữu ngưu.
- Bà-thi-cương quốc: dịch là tự tại hành.
- Ba-tư quốc: dịch là thằng (dây) (Quyển bốn).
- A-na-la quốc: dịch là hỏa

DANH HIỆU THÀNH QUÁCH - BỐN MƯƠI BỐN

- Ba-la-nại: cũng gọi Ba-la-na-hòa, hoặc Bà-la-nại là tên dòng sông (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Tỳ-xá-ly: Tỳ-da-ly dịch là quảng bát.
- Xá-bà-để-thành: cũng gọi Thi-la-bạt-đâu, hoặc gọi xá-vê, dịch là tiên nhơn trụ thế.
- Ca-tỳ-la-bà: cũng gọi Tỳ-la-tư-đâu, cũng gọi Tỳ-la-vệ. Ca-tỳ-la dịch là thương (xanh), Bạt-tư-đâu là trụ xứ (Quyển ba).
- Khu-kỳ-ni đại địa: cũng gọi Khu-thị-ni dịch là đại thắng.
- Phú-lâu-na Bạt-đàn đại thành: cũng gọi Phú-lâu-na bạt-đà-la luận gọi là trường công đức thành, Phú-lâu-na dịch là mãn, bạt-đà-la là hiền.
- A-lam-xa-đa-la đại thành: cũng gọi A-hỷ-xa-đa-la: A-hỷ dịch là xà (rắn), xa-đa-la: là triết.
- Phất-ca-la-bà-đa đại thành: cũng gọi Phất-ca-la-bà-để, hoặc Phất-ca-la dịch là hữu (có).
- Bà-xí-đa: cũng gọi Bà-chỉ-đa, dịch là ngữ tràng.
- Câu-diệm-tỳ: cũng gọi là câu thâm, Câu-diệm dịch là tàng, tỳ là hữu.
- Cưu-lâu thành: dịch là tác hoặc là tánh.
- Bà-la-lợi phất-đa-la: cũng gọi là Bà-sất-lợi phất-đa-la. Bà-sất-lợi dịch là thọ danh (tên cây), phất-đa-la là tử.
- Thành-kiền-đạt-bà: dịch là xú hương thành, cũng gọi là lạc thần (Quyển sáu).

- Thành Bà-la-môn: dịch là tâm xuất trụ ngoại (tâm thoát tục), cũng gọi là tịnh hạnh (Quyển tám).
- Xá-vệ thành: cũng gọi Thi-la-bạt-để dịch là văn trì.
- Thành Dạ-xoa: dịch là năng đạm (ăn) (kinh Hoa Nghiêm - Quyển ba).
- Thành Già-lâu-la: dịch là kim-sí.
- Thành Nan-đề-bạt-đàn-na: Nan-đề dịch là hoan hỷ. Bạt-đàn-na dịch là đàn trưởng (Quyển hai mươi bốn).
- Thành Ca-lăng-già-ba-đề: Ca-lăng-già là tên loài chim, ba-đề là ngữ (Quyển bốn mươi hai).
- Thành Thủ-bà-ba-la: Thủ-bà dịch là khả ái, bà-la là hộ.
- Thành Bà-la ba-đề: Bà-la dịch là thắng, bà-đề dịch là chi (?) (Quyển bốn mươi ba).
- Thành Bà-la bà-đề: cũng gọi Tần-ca-la dịch là hiệp (Quyển bốn mươi chín).
- Cấu-thi-thành: cũng gọi là Câu-di-na dịch là tiểu mao (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển một).
- Thành Ưu-thiền-ni: Ưu dịch là đại, thiền-ni dịch là thắng (Quyển mười bốn).
- Chiêm-bà: Hoa danh (tên hoa) (Quyển hai mươi bảy).
- Thành Phú-đơn-na: dịch là xú (Quyển hai mươi chín).
- Thi-bà-phú-la thành: thi-bà dịch là an ổn, Phú-la dịch là thành (Quyển ba mươi lăm).
- Thành Mật-hi-la: dịch là giải tâm đãi (Tăng Nhất A-hàm - Quyển hai mươi mốt).
- Thành Ba-la-lợi: cũng gọi Ba-sất-lợi, dịch là trọng (Quyển sáu mươi).
- Thành Viên-di: dịch là địa (Trường A-hàm - Quyển ba).
- Thành Câu-lợi: dịch là chức, cũng gọi là thọ (Quyển bốn).
- Thành Bạt-ly: dịch là đằng.
- A-bà Bố-hòa thành: cũng gọi là A-bà-tư, dịch là vô ác (Quyển năm).
- Thành A-bàn đại thiên: cũng gọi A-bàn-xoa, dịch là vô.
- Thành Ương-già Chiêm-ba: Ương-già dịch là thể, chiêm-bà dịch là thọ (Quyển mười hai).
- Thành Na-nan-đà: dịch là bất hoan hỷ (Quyển mười hai).
- Du-ma-bạt-trá: dịch là nguyệt trưởng (Quyển hai mươi).
- Thành Di-kỳ-la: dịch là kim đái (Tạp A-hàm - Quyển bốn).

- Tần-đầu thành: dịch là mộ thức (Quyển mười một).
- Thành Tăng già-xá: dịch là quang (Quyển mười bảy).
- Ba-phi thành: dịch là ác (Bài Tựa Thập Tụng Luật - Quyển một).
- Bạt-đà-bà-đề thành: dịch là hiền ngữ.
- A-sất-ban-kiếm: dịch là thành quỷ thần (Thấp Pháp - Quyển bốn).
- Thành bà-đề: dịch là luận thuyết (Quyển sáu).
- Thành Thủ-bà-la-lợi-phất: cũng gọi Thủ-bà-sất-lợi phất-đa-la dịch là hảo thọ tử (Quyển tám).
- Thành Thủ-ba: cũng gọi Thủ-bà, Thủ-bà dịch là khả ái (Tăng Nhất - Quyển một).
- Đề-bà-bạt-đề thành: đề-bà dịch là thiên, bạt-đề là hiền (Tứ Phần Luật - phần hai - Quyển chín).
- Thi-khư thành môn: Thi-khư dịch là thắng, cũng gọi là phát (tóc) (Quyển mười).
- Thành Bà-già-tha: dịch là chánh ngữ.
- Bà-lâu-việt-xa: Lâu-hại-xa-ba, dịch là trùng quy (Phần bốn - Quyển sáu).
- Thành Bạt-đề-la: cũng gọi Bạt-đề, dịch là hiền (Di-sa-tắc Luật - Quyển bốn).
- Thành Đắc-xoa thi-la: dịch là xỉ thạch (Quyển tám).
- Thành Bà-sất-lê: cũng gọi Bạt-sất-lê dịch là xà nhiễu (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển hai mươi ba).
- Thành ba-ty: dịch là ác (Quyển bốn mươi sáu).
- Thành Na-đề-ca-dạ: Na-đề dịch là giang (sông). Ca-dạ dịch là quốc (Quyển năm mươi tư).
- Thi-kiền-thành: dịch là vô vi (Tỳ-bà-sa - Quyển chín).
- Bà-lâu-sí-xá thành: Bà-lâu dịch là sa, sí-xá là phát (tóc) (kinh Hiền Ngu - Quyển tám).
- Thành Đầu-ca-la: cũng gọi Đầu-hòa-ca-la, dịch là khổ hạnh (kinh Pháp Cú Thí Dụ - Quyển bốn).
- Thành Câu-thi-na-kiệt-đại: cũng gọi là Cấu-thi-na-già-la, dịch là Nao thành.
- Thành Ba-đấu-thích-xí-sấu: Bà-đấu dịch là trụ xứ, Thích-xí-sấu dịch là năng (kinh Bồ-tát Xử Thai - Quyển một).
- Thành Ương-già-phú-lê: dịch là thể thành (Phật Sở Hành Tán - Quyển bốn).

- Ba-bà thành: dịch là tịnh.
- Thành Khuất-đầu-ma: dịch là tiểu thọ (Kinh La-ma-già - Quyển một).
- Bàn-đầu-ma-bạt thành: cũng gọi là Bạt-đầu-ma-để, dịch là hữu thân (kinh Hưng Khởi Hành - Quyển hạ).
- Thành Bạt-kỳ: dịch là tụ (kinh A-uất-phong).
- Chiên-đầu-ma-đề: dịch là Chiên-tha-ma-để, dịch là ác ý (kinh Phật Thuyết Quang Hoa).
- Thành Ca-tỳ-la: dịch là thương (xanh) (Quán Hư Không Tàng Bồ-tát).
- Đạt-ma-na-già-la: dịch là pháp thành (kinh Phùng Y).
- Thành Sí-đầu-mạt: Xí-đầu-ma-để dịch là hữu ức (kinh Di -lặc Thành Phật).
- Phất-ca-la thành: dịch là liên hoa.
- Tu-lại-sất-tân-già-la: Tu-lại-sất là hảo quốc, Tân-già-la là hoàng xích sắc.
- Nhất-từ-viên: truyện gọi là thạch thành (Ngoại Đạo Truyện - Quyển một).
- Thi-na-kệ: truyện gọi là tân thành.
- Ca-la-việt: truyện gọi là nhập vân thành vậy.
- Bất-sa-phu: truyện gọi là đại phu mãn thành.
- Ế-la: truyện gọi là lạp thành (Quyển hai).
- Nhi-la: đại cổ thành.
- Đề-tỳ-la: không khổng thành.
- Sa-kiệt-la: Tân mộc thành.
- Tân-kỳ-bà-la: truyền gọi là đoàn tụ địa.
- Bà-sất-na-kiệt: ngoại thành.
- A-già-lưu-đà: Mao nhất phạn thành.
- Lô-hiệt-đa: truyện gọi là xích vân thành.
- Già-lưu-bà-lợi: truyện gọi là bạch mao đoan.
- A-cù-đà: truyện gọi là nguyên xà thành.
- A-đầu-la: vô dậu thành (Quyển ba).
- Ca-noa-ưu-xà: Cao mi thành.
- Đề-la: truyện gọi là Triệt thổ thành.
- A-la-tỳ: Quảng trạch thành.
- Câu-ma-la Ba-lợi: truyện gọi là Tức doanh thành.
- Tô-hàn-xà: truyện gọi là Nhẫn nhục cữu thành.
- Cù-na-kệ: Thường hữu thành.

- Bất-na-la-đàn: phong mãn thành.
- Ma-lê: Đồ-hương thành.
- Da-khoái-nang: Tiền trực thành.
- A-ba-lợi: Doanh bích thành (Quyển bốn).
- Ba-đầu-ma: liên hoa thành.
- Bà-lưu thành: trọng.
- Tỳ-lô-la: Triệt hậu thành.
- Bàn-kỳ thành: dịch là khúc.
- Câu-la-bà-đơn: truyện gọi là Tân thành.
- Bao-đa-lê: Vô thượng thành.
- Ma-ha-đô-sất: truyện gọi là thành Đại hải khẩu.
- Đa-ma-na-kiệt: truyện gọi là Dương đồng thành.
- Bà-lô-tất thành: truyện gọi là thành Thắng trụ (Lịch Quốc Truyện - Quyển một).
- Na-kiệt-ha thành: dịch là quỷ ái.
- Ba-lâu-na thành: dịch là giao (thuồng luồng) (Quyển ba).
- Bùi-đề-xá thành: dịch là tứ duy.
- Ma-ha-xá thành: đại nhạc.
- Đa-lưu-la thành: thọ danh.
- Phiền-kỳ thành: cũng gọi là băng kỳ, dịch là tánh (họ), cũng gọi là khúc.
- Thành Sất-na-kiệt thành: cũng gọi Bạt-sất-na-già-la, Bạt-sất dịch là trưởng, na-già-la dịch là thành.
- Thành mạn-bát-danh: truyện gọi là thành Kim đấu.
- Thành Ma-đầu-la: dịch là mỹ.
- Thành Tăng-già-sa: dịch là quang minh.
- Thành Đa-ma-chí: cũng gọi Đa-ma-lật-chú, dịch là lạc-trư.

DANH HIỆU ẤP - BỐN MƯƠI LĂM

- Ấp Liên-phất-ấp: cũng gọi giả trá Lợi-phất-đa-la. Dã-sất-lợi dịch là thọ, phất-đa-la dịch là tử (kinh Hoa Nghiêm - Quyển hai mươi bốn).
- Ấp Bạt-đà-la-bà-đề: dịch là hiền ngữ (Thập Tụng Luật - Bài Tụng Thứ Ba - Quyển bốn).
- Ca-kỳ-lợi đại ấp: Ca dịch là đồ quảng, kỳ là sơn (Tăng Kỳ Luật - Quyển ba mươi).
- Ấp Ca-lan-đà: dịch là hảo thanh (Luật Di-sa-tắc - Quyển một).

- Ấp Bạt-kỳ: dịch là tụ.
- Ấp A-trà-tỳ: dịch là lâm (Quyển ba).
- Ấp Bà-tỳ-đà: dịch là hữu trí (Quyển năm).
- Ấp Bà-kiệt-đà: cũng gọi Sa-kiệt huyền-đà, dịch là thiện lai.
- Ấp Ưu-thiện-na: dịch là nghi thắng.
- Ấp Bạt-đà-việt: cũng gọi Bạt-đà-la-ba-na, dịch là hiền lâm (Quyển mười hai).
- Ấp A-na-tần: dịch là Vô đế (Quyển hai mươi sáu).
- Ấp Câu-lợi: dịch là chức (Song Quyển Niết-bàn - Quyển một).
- Bạt-đà-la-bà-đề ấp: dịch là hiền thuyết (kinh Ưu-bà-tắc Ngũ Giới Tướng).

TỤ LẠC DANH - PHẦN BỐN MƯƠI SÁU

(Tên các tụ lạc).

- Na-la-tụ-lạc: Na-la dịch là địch (cỏ địch) (Luận Đại Trí - Quyển một).
- Ẩu-lâu-tần-loa tụ lạc: dịch là mộc qua (Quyển ba).
- Tụ lạc Tát-la: dịch là thọ danh (Quyển hai mươi bảy).
- Tụ lạc Bà-la: Bà-la dịch là thắng (Quyển tám mươi tư).
- Tụ lạc Ba-đà: dịch là cước (chân) (Tạp A-hàm - Quyển hai).
- Tụ lạc Đoa-cưu-la: dịch là thọ danh, cũng gọi là tánh (Quyển mười bốn).
- Tụ lạc Bạt-lan-na: cũng gọi Bà-lan-na dịch là Niệu na (Quyển mười bốn).
- Tụ lạc Sa-đầu: dịch là hảo (Quyển hai mươi mốt).
- Na-lê-ca tụ lạc: dịch là thiên khắc (Quyển bốn mươi).
- Bà-lợi-na tụ lạc: cũng gọi Bà-lợi-da-đa, dịch là du hí thời (Quyển bốn mươi ba).
- Tụ lạc Tỳ-la-ma: dịch là chủng chủng thí (Quyển ba mươi bảy).
- Tụ lạc Uất-tỳ-la: dịch là quá thời (Quyển bốn mươi bốn).
- Tụ lạc Na-lăng-già-la: cũng gọi Na-lăng-già-lợi, dịch là hoa danh (tên hoa) (Quyển bốn mươi bảy).
- Tụ lạc Ma-ni-chu-la: dịch là bảo kế, cũng như châu kế (Thập Tụng Luật Tự - Quyển một).
- Tần-đầu-sa-la-bà-la tụ lạc: dịch là thật (Tăng Kỳ Luật - Quyển hai mươi chín).
- Phất-ca-la tụ lạc: dịch là liên hoa (Quyển ba mươi).

- Bà-sa tụ lạc: dịch là thiên vương (Tư Phần Luật - Phần ba - Quyển chín).

- Uất-tỳ-la tụ lạc: cũng gọi Uất-tỳ-la, dịch là đại dõng (Luật Di-sa-tắc - Quyển mười chín).

- Tụ lạc Uất-tỳ-la-tư-na: cũng gọi Uất-tỳ-la-tư-na, dịch là đại dõng la.

- Tụ lạc Đô-di Bà-la-môn: cũng gọi là đô đề, dịch là phán (rẽ).

- Tụ lạc A-la-ca: dịch là thụy phát cũng gọi là thắng (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển hai mươi).

- Tu-xá Man-già: dịch là bình thể (kinh Phổ Diệu - Quyển bốn).

- Tụ lạc Tỳ-lan-nhã: dịch là tụ lạc (kinh Đại thừa Phương Tiện - Quyển hạ).

- Băng-già-xà: quốc danh (tên nước) (Kinh Giới Tương Ưng).

- Đọa-cưu-la tụ lạc: cũng gọi Bạt-cưu-la, dịch là thọ danh (Thật Tính Kiến Nhị Phiên Luận Tướng Kinh).

- Tụ lạc Đa-la: thọ danh (Niết-bàn Văn-thù-sư-lợi).

- Già-la-chu-la-na-la tụ lạc: Già-la dịch là động, chu-la là tiểu, na-la dịch là nhơn (Ngoại Đạo Vấn Phật Hoan Hỷ Đại Thiên Nhân Duyên Kinh).

- Ba-la-lợi: Ba-sất-lợi, dịch là thọ danh (Phạm Võng kinh).

THÔN DANH - BỐN MƯƠI BẢY

(Tên thôn xóm).

Na-la-thôn: Na-la dịch là địch (Tăng Nhất A-hàm - Quyển bốn mươi mốt).

- Tỳ-đề-thôn: cũng gọi Tỳ-đề-ha, dịch là la, cũng gọi là chủng chủng thân (Trung A-hàm - Quyển mười).

- Siểm-đấu: dịch là tử sắc (sắc tía)

- Tỳ-bà-lăng-kỳ: dịch là Tỳ-bà-mạn-kỳ, dịch là bất hảo sắc (Quyển mười hai).

- Sa-la-lâu-la: cũng gọi Sa-la-lỗ-la, sa-la dịch là thất, lỗ-la dịch là động (Quyển mười bảy).

- Thâu-lô-sất: dịch là văn (Quyển bốn mươi mốt).

- A-xà-na-hòa-ni: cũng gọi A-xà-la-bà-na, dịch là bất võng lâm.

- Xá-di: dịch là tịch tịnh (Quyển năm mươi hai).

- Thôn-tư-na: dịch là quân, cũng gọi là dõng (Quyển năm mươi sáu).

- Na-đà: dịch là thanh (Trường A-hàm - Quyển hai).
- Am-bà-la: dịch là quả danh.
- Chiêm-bà: dịch là hoa danh (tên hoa) (Quyển ba).
- Kiền-trà: dịch là hương.
- Phụ-di: dịch là địa.
- Thôn-tất-bát: thọ danh.
- Thôn-húc-già-la: dịch là uy đức (Quyển mười ba).
- Khư-thố-bà-đề cũng gọi là Khư-thố-bà-đề-xá, khư-thố dịch là kệ, bà-đề-xá dịch là thuyết (Quyển mười lăm).
- Thôn-bà-la: dịch là thắng (Quyển mười bảy).
- Thôn-la-ma: dịch là hí, cũng gọi là vương (Tạp A-hàm - Quyển hai mươi ba).
- Thôn Uất-đà-la đại tướng: dịch là đại huyệt, hay đại võng (Tứ Phần Luật - Quyển hai, Quyển chín).
- Băng-già-di thôn trung: cũng gọi Minh-già-di trung, dịch là khúc (Phần bốn - Quyển tám).
- Chiên-đà-la thôn: dịch là nguyệt (Tỳ-bà-sa - Thiện Kiến Luật - Quyển một).
- Thôn Tỳ-đề-tả: cũng gọi Tỳ-để-tả dịch là tứ duy (Quyển hai).
- Thôn Bạt-câu-la Bà-la-môn: dịch là thọ danh (Quyển ba).
- Thôn lâu-ế-na, dịch là trưởng.
- Thôn Ca-lan-đà: luật gọi là sơn thử, dịch là điểu danh (tên chim) (Quyển sáu).
- Thôn Ưu-già-la: Vô phân điều (Quyển mười sáu).
- Thôn Ưu-lâu-tần-loa: Mộc qua (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Bà-ba-la đại thôn: dịch là đại lực (Kinh Đại Phương Đẳng, Đại Tạp Kinh - Quyển tám).
- Câu-quý-na-la thôn: cũng gọi Câu-thi-na-già-la, dịch là mao thành (kinh Xuất Diệu - Quyển mười).
- Ưu-la-đề-na: Ưu-la dịch là não, đề-na dịch là thí (Tạp A-hàm - Quyển hai mươi).
- A-già-la-thâu: cũng gọi Ương-già-la-thâu-ba, kinh gọi là khôi tháp (Quyển bốn mươi hai).
- Tinh xá Tỳ-bà-la: dịch là thắng hộ (Tăng Kỳ Luật - Quyển một).
- Tinh xá Câu-lê-lan: dịch là chức (Tăng Kỳ Luật - Quyển một).
- Tỳ-thi-quật: dịch là sủy nội (sủy: lường, bẻ).

- Tinh xá Ma-đầu-la-tụ-lâm: dịch là mật (Quyển tám).

- Chiêu-đề tăng đường: chiêu đề nghĩa là tứ phương (Luật Di-sa-tắc - Quyển mười hai).

- Tháp-già-bát-la: dịch là động (Quyển hai mươi tư).

- Chùa Ty-địa-tả: dịch là tứ duy (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển hai).

- Ma-ế-thủ-la tự: đại tự tại (Quyển ba).

- Phú-bà Tăng già lam: cũng gọi Phú-lâu-na. Phú-lâu-na dịch là đông, Tăng già lam như trên đã nói (Quyển năm).

- Phú-bà-la-di tự: cũng gọi Phú-lâu-bà-la-di, dịch là đông lan.

- Cù-đàm miếu: là tánh (họ) (Quyển mười bốn).

- Du-bà: cũng gọi Tư-du-bà, dịch là tháp (Tỳ-bà-sa - Quyển chín).

- Duyệt-xoa tự: dịch là năng cảm (kinh Xuất Diệu - Quyển năm).

- Bà-bàn-na tự: dịch là chủng (Quyển mười).

- Tăng-ca-ma tự: dịch là kiều cù (Bà-tu-mật Kinh Quyển năm).

- Già-bà-la tự: cũng gọi là Thứ-ca-la, kinh gọi là chuyển dịch là chuyển (Bà-tu-mật Bồ-tát Sở Tập Kiền Độ - Quyển bốn).

- A-trà-kỳ tự: dịch là lâm (kinh Ma-đắc-lặc-già - Quyển sáu).

- Ni-trì-thọ-đà tinh xá: cũng gọi Ni-câu-lâu-đà, dịch là tung hoành (kinh Quán Phật Tam-muội - Quyển một).

- Ca-la hoàn tự: cũng gọi Ca-la-bà-na, dịch là lý lâm (kinh Na Tiên - Quyển thượng).

- Tha-tỳ-la-cư tháp-la tinh xá: Tha-tỳ-la dịch là trường túc, Cưu-tháp-la dịch là điểu (chim) (kinh Chú Độc).

- Phồn-kỳ-ca tinh xá: tên nước (Tạp Kinh).

- Na-ma-tỳ-ha: truyện gọi là tạp tự (Ngoại Đạo Truyện - Quyển một).

- Na-la-đà thôn: dịch là địch dữ (Tăng già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển ba).

- Tha-na-ma-đế thôn: Tha-na dịch là thí, ma-đế là ý (Phật Sở Hành Tánh - Quyển bốn).

- Tỳ-tế-tất-sất thôn: cũng gọi Tỳ-tế-tụ tất-sất. Tỳ-tế-da là tên nước, tất-sất là thủ thắng.

- Bạt-đề thôn: dịch là trưởng.

- Tỳ-la-nhã thôn: dịch là bất trước.

- Ca-lê-ma-sa thôn: dịch là ác, cũng gọi là hắc.

- Tỳ-tế thôn: cũng gọi Tỳ-sư kinh, dịch là nhất thiết nhập (Quyển

năm).

- Bà-bạt-lợi thôn: dịch là ban (ban phát), (kinh Quá Khứ, Hiện Tại, Nhân Quả - Quyển ba).

- Đại Ba-lợi thôn: dịch là hộ (kinh Pháp Cổ - Quyển hạ).

- A-tạp-xà cũng gọi A-mâu-xà, dịch là bất động (Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh).

- La-ma thôn: dịch là thí (Phật Thần Lực Cứu Trưởng Giả Tử Kinh).

- Bà-đà-mạn: truyện gọi là Tăng ích thôn (Ngoại Đạo Truyện - Quyển hai).

- Đà-tỳ-đà: vô thông lâm.

- Ha-la-già-lam: truyện gọi là thánh lâm.

- Tỳ-ế-già-lam: truyện gọi là cốc chủng thôn.

- La-xà-tỳ-ha: truyện gọi là tự thôn.

TỲ XÁ DANH - BỐN MƯƠI TÁM

- Kỳ-hoàn tinh xá: cũng gọi Thị-đa-ban-na. Thị-đa dịch là thắng, ban-na là lâm (Đại Trí Luận - Quyển ba).

- Lê-sư Ban-đà-na tịnh xá: Lê-sư dịch là tiên, bà-đà-na dịch là diện.

- Già-da tự xá: tên nước.

- Kim-đăng Tăng già lam: Tăng già lam dịch là chúng viên (kinh Hoa Nghiêm - Quyển hai mươi bốn).

- Già-hòa-la: cũng gọi già-bà-la, dịch là động (Trung A-hàm - Quyển ba mươi lăm).

- Ca-la khương-ma: ca-la dịch là thời (Quyển bốn mươi chín).

- Kiền-nhã: dịch là chúng tụ (Quyển năm mươi).

- La-xà-tỳ-ha: truyện gọi là vương tự.

- Đề-bà-tỳ-ha: thiên tử tự.

- Ma-na-ma: Niệu phàm tự.

- Can-nặc-già vương: truyện gọi vương tiểu đẳng tự.

- Na-bà-tỳ-ha-la: truyện gọi là tạp tự (Quyển bốn).

- Tỳ-lê: thần cốc tự.

- Đề-bà-bất-đa: truyện gọi là Thiên tử tinh xá.

- Sa-tỳ-ha-đẳng tự: khí độc (Lịch Quốc Truyện - Quyển một).

- Bà-la-tự: dịch là hộ.

- Ly-việt tự: cũng gọi Ly-bà-đa tịnh danh (tên sao).

- Đà-lâm tự: cũng gọi Đà-lâm-ma, truyện gọi là thạch lưu.
- Nhất-ca-diên tự: dịch là nhất đạo.
- A-bà-kỳ-lợi tự: cũng gọi Ma-ha-tỳ-ha-la, dịch là đại tự.
- Kỳ-na-tỳ-ha-la: cũng gọi là Bà-na-tỳ-ha-la: dịch là thắng lâm tự.

ĐƯỜNG XÁ DANH - BỐN MƯƠI CHÍN
(Tên nhà cửa).

- Tỳ-xá-khư đường: dịch là tinh danh sanh (Đại Trí Luận- Quyển bốn mươi ba).
- Tỳ-ma-na phòng: dịch là điện (Tứ Phần Luật - phần bốn - Quyển một).
- Am-la-hy-cốc: cũng gọi Am-ba-la-hy, dịch là thọ tâm (Thiện Kiến Luật, Tỳ-bà-sa - Quyển một)
- Ca-na-ca-đình: dịch là kim (vàng) (Quyển ba).
- Kiền-đà-câu-tri: dịch là hương thất, hương đàn, hương điện.
- Kiên-già-la mẫu-điện: dịch là thứ (Quyển năm).
- Già-lê: dịch là tác, cũng gọi là hắc (Kinh Thiện Diệu - Quyển một).
- Già-ca-việt-la: dịch là luân viên (kinh A-xà-thế - Quyển hạ).
- Ca-la việt-gia: cũng gọi Ca-la-bà, dịch là hữu thời (Di giáo Tam-muội kinh - Quyển thượng).
- Ca-lê-la giảng đường: dịch là trọc (đục) (Văn Thù Hiện Bảo Tàng kinh - Quyển thượng).
- Tu-lê giảng đường: dịch là nhật (kinh Nghĩa Túc - Quyển hạ).
- Ca-lê giảng đường: dịch là thời, cũng gọi là tác (Nan-đề Thích Kinh).
- A-lục-xá-la: truyện gọi là vô bịnh xá.

XỨ SỞ DANH - NĂM MƯƠI
(Tên xứ sở).

- A-lan-nhã: cũng gọi A-luyện nhã, dịch là tịch tịnh (Đại Trí Luận - Quyển hai).
- Thê-la-phù-ha-xứ:cũng gọi là Thi-la-cầu-ha, thi-la dịch là danh (tên), cầu-ha dịch là thất (kinh Hoa Nghiêm - Quyển hai mươi bốn).
- Trị-da-khúc-xứ: Trị-da dịch là tốc hành.

- Na-đề kiền-chùy: Na-đề dịch là thanh, kiền-chùy là khánh (Trường A-hàm - Quyển mười).
- Kiếp-ma-sa: cũng gọi nhận-ma-sa, dịch là trừ diệp.
- Nhơn-đà-bà-la: dịch là chủ lực.
- Uất-tỳ-la: dịch là quá thời.
- A-du-bà-đà-ni: cũng gọi A-tế-bà-đà-ni, dịch là vô cầu.
- A-thố-di: dịch là tùy hành (Quyển mười).
- Y-xa-năng-già-la: dịch là lạc canh (cày) (Quyển mười hai).
- Câu-lê: dịch là chức (dệt) (Quyển mười tám).
- Kỳ-bà-câu-ma-la: Kỳ-bà dịch là mạng, cũng gọi là thọ, Câu-ma-la dịch là đồng (Tạp A-hàm).
- Ca-lăng-già: dịch là hảo thanh, cũng là tên nước.
- Đà-tỳ-đà: dịch là bất trí (Quyển mười).
- Thâu-lô-na: dịch là văn (Quyển mười hai).
- Bà-la-lợi phất-cấu-lộ: cũng gọi Bà-la-lợi phất-đa-la. Ba-la-lợi là thọ danh (tên cây), Phất-đa-la dịch là tử (?) (Quyển hai mươi mốt).
- Na-sất Bạt-trí-ca: Na-sất dịch là vũ (múa), bạt-trí-ca là quân (Quyển hai mươi bốn).
- Tỳ-lan-nhã: dịch là bất tịnh, (Tứ Phần Luật - Quyển một).
- Đàm-ma A-lan-nhã-xứ: dịch là pháp tịch tịnh (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển hai mươi bảy).
- Bạt-xà-phục-di: dịch là kim cang địa (Bà-tu-mật Kinh - Quyển năm).
- Bà-la-na-xứ: quốc danh (tên nước) (Phật Sở Hành Tán Kinh - Quyển bốn).
- Niết-ma-la xứ sở: dịch là vô cấu (Hưng Khởi Hành Kinh - Quyển thượng).
- Bà-la-ni-mật: dịch là thắng tướng.
- Na-sất-bạt-trí-ca A-lan xứ: Na-sất dịch là vũ, bạt-trí-ca là quân chủ, a-lan-nhã là tịch tịnh (Thượng Nhơn Tử Kinh).
- Câu-ca-la: dịch là A thời (Ma-ha Diễn Tinh Tấn Độ Trung La Báo Kinh).

■

PHIÊN ÂM PHẠN NGỮ

QUYỂN 9

- Sơn danh (tên núi) - Phần năm mươi mốt.
- Hà danh - Phần năm mươi hai.
- Giáng danh - Phần năm mươi ba.
- Trì danh - Phần năm mươi bốn.
- Châu danh - Phần năm mươi lăm.
- Địa danh - Phần năm mươi sáu.
- Thủy danh - Phần năm mươi bảy.
- Hỏa danh - Phần năm mươi tám.
- Phong danh - Phần năm mươi chín.
- Lan danh - Phần sáu mươi.
- Lâm danh - Phần sáu mươi mốt.
- Thọ danh - Phần sáu mươi hai.

SƠN DANH (TÊN NÚI) - NĂM MƯƠI MỐT

Tu-di sơn: cũng gọi Tu-di-lâu. Tu nghĩa là hảo vậy, di-lâu là quang (Đại Trí Luận - Quyển hai).

- Ma-lê sơn: dịch là vô cấu.
- Núi-kỳ-xà-quật: cũng gọi kỳ-xà-quật-đa. Kỳ-xà dịch là ương (chim), quật-đa là đầu (Quyển ba).
- Tỳ-bà-la: dịch là thiếu lực.
- Bạt-thứ (?): cũng gọi Bạt-ta, dịch là độc, cũng dịch là tánh.
- Tát-đa-bàn-ma: cũng gọi Tát-đa-bàn-la-na, dịch là thất diệp (bảy lá).
- Cầu-ha: dịch là huyệt (hang).
- Nhơn-đà: dịch là thiên vương.
- Thế-la-cầu-ha: Thế-la dịch là sơn, cầu-ha là huyệt.
- Bát-bà-ta: dịch là cuồng.
- Bát-bà-ta: dịch là tiết.

- Do-kiền đà-la sơn: cũng gọi là Do-kiền địa, do-kiền dịch là song, địa-la dịch là trì.
- Kế-tân-lệ-bạt-đà: cũng gọi Kế-tân-la-bạt-đà-la. Kế-tân-la dịch là thương, bạt-đà-la dịch là hiền.
- Tỳ-phù-la đại sơn: dịch là đại (Quyển hai mươi tám).
- Chước-ca-la sơn: dịch là luân (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).
- Ha-lê-la-sơn: cũng gọi Ha-địa-la, ha là huyệt, địa-la là phá (Quyển hai mươi hai).
- Ni-dân-đà-la sơn: Ni-dân là địa, la là trì.
- Mâu-chơn-lân-đà: cũng gọi Mục-chân-lân-đà, dịch là thoát (Quyển hai mươi tư).
- Núi Uất-đề-thi: dịch là Nhật sơ xuất xứ (mặt trời mới mọc).
- Núi Ma-ha mục-chân-lâm-đà: dịch là đại thoát (Quyển hai mươi tám).
- Núi Tỳ-phú-la: dịch là đại (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển mười tám).
- Núi Ưu-đà-kiến: dịch là nhật xuất xứ (Quyển hai mươi bốn).
- Núi Ma-la-da: cũng gọi ma-la diên. Dịch Ma-la là cấu, da là trừ (Quyển hai mươi chín).
- Mạn-đà-sư: dịch là hộ, cũng gọi là mại (?).
- Núi Át-đa: dịch là hành (Quyển ba mươi).
- Núi Thi-mục-ma-la: dịch là sát tử (Tăng Nhất A-hàm - Quyển ba).
- Núi Bà-sa: cũng gọi Bà-sa-na, dịch là thằng (Quyển ba).
- Núi Ma-sơn: dịch là hắc (Quyển mười bốn).
- Y-xa sơn dịch là tự tại (Quyển hai mươi ba).
- Núi Tỳ-na-da: dịch là tha.
- Núi Ưu-xà-già-la: dịch là giác.
- Núi Bàn-trà: dịch là nhật, cũng gọi là tánh.
- Bà-la-la: cũng gọi bà là thích, dịch là nguyên đắc (Trung A-hàm - Quyển tám).
- Tỳ-đà sơn: dịch là trí (Trường A-hàm - Quyển mười).
- Già-già-la: dịch là giao: keo (Quyển mười tám).
- Y-sa-đà-la: dịch là tự tại trì.
- Núi Uất-đơn: dịch là thắng.
- Thi-lân-đà-la: dịch là vô đại (Quyển hai mươi mốt).
- Núi Tỳ-thi-đà: dịch là hóa.
- Uất-đề-bà-la: dịch là đại trì (Quyển hai mươi hai).

- Thiết-đầu-bà-la: cũng gọi Thi-đầu-ba-la (Tạp A-hàm - Quyển năm).

- Ưu-câu-la: dịch là huyên náo.

- Tỳ-na-đa-ca: dịch là kiền dữ (Quyển mười sáu).

- Ưu-lưu-mạn-trà: Ưu-lưu-đại-mạn-trà: Đề hồ, cũng gọi là thật (Quyển hai mươi ba).

- Kiền-đà ma-đà-ma-la: dịch là hương hoa.

- Minh-ca: dịch là khúc, dịch là quốc danh (tên nước).

- Túc-bà-la-thủ: dịch là phủ (rìu).

- Tỳ-bà-la: dịch là vô lực.

- Núi Na-già: dịch là tông (Quyển bốn mươi lăm).

- Tỳ-đề-ế: dịch là chủng chủng thể, cũng gọi là tứ duy (Quyển năm mươi).

- Núi Ma-câu-la: dịch là thiên mạo (Thập Tụng Luật - Bài Tụng Ba - Quyển ba).

- Núi Tần-sa: cũng gọi tần-tha, dịch là xạ chước (Thất Pháp - Quyển sáu).

- Núi Tát-bà-bà-la-pha-la: Tát-bà dịch là nhất thiết, bà-la là tiểu.

- Núi Tát-bát na-cầu-ha: Tát-bát-na dịch là oán, cầu-ha dịch là quật (hang).

- Tát-ba thiêu-trì-ca-ba-pha sơn: cũng gọi Tát-bà thiêu-trị Ca-ba-bỉ, tát-ba là nhất thiết, thiêu-trị-ca dịch là dương (bể lớn), ba-pha dịch là ác.

- Núi Tát-đa-ban-na-cựu-ha: cũng gọi Tát-đa là thất, ban-na là diệp, cựu-ha dịch là quật.

- Núi Ca-thi-hắc: dịch là quang (Ca-thi) (Tăng Kỳ Luật - Quyển bảy).

- Núi kỷ-đề: dịch là tụ, cũng gọi là quốc (Quyển ba mươi).

- Núi Ma-la: dịch là hành thứ, cũng gọi là hoa man (Quyển ba mươi hai).

- Chỉ-la-tô: cũng gọi Chỉ-la-bà, dịch là bạch (Quyển ba mươi tư).

- Núi Ha-lê-đà: dịch là hoàng (Tứ Phần Luật - Phần hai - Quyển chín).

- Ma-đầu-cưu-la sơn: dịch Câu-lưu là tác, cũng gọi là tánh (Phần hai - Quyển ba).

- Núi Ất-sư-la: Y-sa-đà-la dịch là tiểu xoa (Luật Di-sa-tắc - Quyển hai).

- Núi Man-cầu-la: dịch là vĩ (Quyển sáu).

- Núi Thủ-ma-la: cũng gọi Tu-ma-la, tu dịch là hảo, ma-la dịch là hành thứ (Quyển mười bốn).
- Núi già-la: tên nước (Quyển hai mươi).
- Núi Ba-lâu: dịch là cường (Quyển hai mươi).
- Núi A-hô: dịch là nhật (Quyển ba mươi tư).
- Núi Tiên-để ban-ba-la: cũng gọi Na-đế bà-nhị-bà-la. Na-đếdịch là gia, bà-nhị dịch là thủy, ba-la là hộ (Thiện Kiến Luật Tỳ-sa - Quyển một).
- Núi A-hưu-hà: dịch là hưởng (?) (Quyển hai).
- Kiên-sa-ca sơn: cũng gọi Mật-xà-la-ca, dịch là tạp.
- Xa-đa-ca sơn: dịch là phú (che).
- Chi-đế-da sơn: dịch là tụ (Quyển hai mươi ba).
- Chi-đề-da sơn: dịch là giác.
- Đề-bà-cưu-sất sơn: dịch là thiên linh.
- Núi Tu-bà-cưu-sất: dịch là tánh linh.
- Núi Ca-la-tỳ-câu: dịch là tánh thanh.
- Tu-đà-tô-na: dịch là bạch thủy.
- A-sa-can-na: cũng gọi A-tỏa Ca-lan-na, dịch là mã nhĩ.
- Núi Y-tư-kỳ-lợi: cũng gọi Lê-sư-kỳ-lợi dịch là tiên sơn (Quyển tám).
- Núi chất-đa-la: dịch là chủng chủng (Quyển mười lăm).
- Núi Niệm-mật-xa: dịch là húc (sáng) (Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh - Quyển một).
- Núi lợi-sư: dịch là tiên. (kinh Hiền Ngu - Quyển năm).
- Núi Di-lâu: dịch là quang (kinh Pháp Hoa - Quyển sáu).
- Núi Ma-ha di-lâu: dịch là quang.
- Y-sư-la sơn: dịch là tiên nhơn trụ xứ (kinh Bá Cú Thí Dụ - Quyển một).
- Kỳ-lê: dịch là sơn (kinh Ma-đác-lặc-già - Quyển tám).
- A-na-tư: vô thực xứ (kinh Quán Phật Tam-muội - Quyển tám).
- Núi Át-na: dịch là phạn, cũng gọi mẫu (kinh Phổ Diệu - Quyển bảy).
- Tỳ-xá-ly: cũng gọi tỳ-thư-ly, dịch là quảng truyện (Tăng già La-sát Sở Tập Kinh - Quyển ba).
- Núi Chá-lê: dịch là động.
- Núi Ma-già: dịch là tinh danh (kinh Bồ-tát Xử Thai - Quyển một).
- Núi Già-xà: dịch là niệu (Phật Sở Hành Tán - Quyển hai).

- Núi Tỳ-đề-ha: dịch là nhật quốc danh.
- Bàn-trà-bà: dịch là hoàng nuy sắc (màu vàng nhạt) (kinh Quá Khứ, Hiện Tại, Nhân Quả - Quyển ba).
- Núi Già-ca-hòa: dịch là luân, (kinh Thuần Chơn Đà-la - Quyển hạ).
- Núi Nhơn-sa-cựu: kinh gọi đế thọ thạch thất (kinh Chư Phật Yếu Tập - Quyển thượng).
- Núi Mục-lân: cũng gọi Nhân-chân-lân-đà-la, dịch là hiểu vương (Quyển hạ).
- Núi ma-lê: ma-lê dịch là hữu hoa (chư-tân-đầu pháp trung: trong các pháp tân-đầu).
- Núi Tỳ-bà-la: dịch là phá (kinh Tôn-già Cù-để-ca-độc Nhất Tư Duy).
- Núi Khư-đà-la: dịch là Phật hàm (cuồn) (kinh Quán Hư Không Tạng Bồ-tát).
- Ưu-lưu Mạn-trà sơn: Ưu-lưu dịch là đại, mạn trà dịch là đệ nhất (kinh Thương Nhơn Tử).
- Núi Đàn-đặt: cũng gọi Đàn-đà, dịch là ấm (kinh Tu-đại-noa).
- Núi Khư-la-để-sí: dịch là thanh (kinh Hư Không Tạng).
- A-già-lâu sơn: dịch là bất động (chú độc).
- Núi Kiền-a-ma-ha-hành: Kiền-đà dịch là hương, ma-ha diễn là đại thừa (kinh chú tặc).
- Núi Ế-ma: dịch là kim (vàng) (Đại Thần Tướng Quân Chú Kinh).
- Núi A-la-đà: dịch là vô thanh (Tam Tiểu Kiếp Sao kinh).
- Núi A-sa-bà: dịch là vô chú thuật.
- Núi Tỳ-na: cũng gọi Tỳ-na-đa, dịch là bất cao.
- Na-đà-lợi: là nhơn các sơn.
- Phù-la-thi-lợi: truyện gọi là lý đầu sơn (Quyển ba).
- Thi-lợi mạn-đà: truyện gọi là vương phu nhơn.
- Can-sất-thi-la: truyện gọi là nham thạch sơn.
- Bất-bà-thi-la: truyện gọi là đông thạch sơn.
- A-bà-thi-la: truyện gọi là tây thạch sơn.
- A-tỳ-lỳ-lê: truyện gọi là vô quỷ, ngụy nga sơn.
- Chi-đa-kỳ-lợi: truyện gọi là lão nga thần sơn.
- Ma-ni-ưu-lợi: truyện gọi là châu.
- Núi Hô-mạn: cũng gọi Hô-ma, dịch là nhiên hỏa.
- Càn-bà-già sơn: cũng gọi là Càn-đạt-bà, dịch là lạc thần (Lịch

Quốc Truyện - Quyển một).

- Núi Chi-đa-ca-lê: dịch là núi công đức tụ.

- Kim-tỳ-la sơn: dịch là khổng phi khổng.

HÀ DANH - PHẦN NĂM MƯƠI HAI

(Tên sông).

- Ni-liên-thiền hà (sông Ni-liên-thiền): cũng gọi Ni-liên-thiền-na, hay hy-liên-thiền. Ni dịch là bất (không), Liên-thiền-na là lạc-trược (Đại Trí Luận - Quyển một).

- Sông Bà-xoa: cũng gọi là bạt-xoa (?) hay bác (?) xoa, dịch là não (Quyển bảy).

- Hằng hà: sông Hằng: cũng gọi là hằng-cạ hay là Ca-già, dịch là thiên đường lai (Quyển hai mươi tám).

- Lam-mâu-na: cũng gọi Phiền-mâu-na hay diêu-vô-na, dịch là phược.

- Tát-la-do: dịch là quyết lưu (chảy mạnh).

- A-chỉ-la bà-đề: cũng gọi A-chỉ-la A-di-la hòa-đế, dịch là trì lưu (chậm).

- Ma-ế: cũng gọi là ứng tiên, dịch là quy (về).

- Hằng-già-đề-hà: cũng gọi đề-bà, đề-bà dịch là thiên, hằng-già như trên đã dịch (Quyển mười lăm).

- Sông A-di-la bạt-đề: cũng gọi A-di-la-bà-để, A-di-la dịch là tấn (nhanh) lưu, bà-để là hữu (có) (kinh Đại Bát Niết-bàn - Quyển một).

- Diêm-ma-la: dịch là sông (đôn).

- Tát-la: cũng gọi là bà thằng, dịch là thật.

- Ma-ha: dịch là bà, cũng gọi là thắng.

- Tân-đầu: dịch là nghiệm.

- Ta-bà-da: cũng gọi Sa-la-bà-a-da, sa-la-bà dịch là hữu văn, a-da dịch là hành (Quyển mười).

- Sông Y-sưu-mạt-đề: Y-sưu dịch là cam-giá (mía), mạt đề dịch là túy (say) (Quyển hai mươi bảy).

- Sông Tỳ-bà-xá-da: dịch là vô khát.

- Nan-đà-đảnh: dịch là hoan hỷ (Tăng Nhất A-hàm - Quyển mười lăm).

- Tô-ma: dịch là nguyệt (Trung A-hàm - Quyển hai).

- Xá-lao-phù: dịch là tiển địa.

- Uất-tỳ-la-ni kiến nhiên: cũng gọi Uất-tỳ-la-ni kiến thiền: dịch là

đại thời bất ái.

- Uất-đơn-na hải (biển uất-đơn-na) dịch là đại thắng (Trường A-hàm - Quyển mười tám).

- Ba-la-a: dịch là thắng (Quyển hai mươi mốt).

- Tát-lao: dịch là hồ (Tạp A-hàm - Quyển hai).

- Đa-sất-ca; cũng gọi là bát lạp-sất-ca, dịch là chí (đến) (Quyển mười sáu).

- Bà-hưu-đa: dịch là đa (Quyển bốn mươi bốn).

- Già-da-tát-la: cũng gọi Già-da-sa-la, già-da là quốc danh, sa-la là thọ danh.

- Uất-tỳ-la: dịch là quá thời (Quyển bốn mươi chín).

- Sông Na-bà-khư-đa: Na-bà dịch là tân, khư-da dịch là quật (cứng cỏi) (Quyển năm mươi).

- Bạt-cầu Ma-ha: cũng gọi Bạt-cầu-ma-để hay gọi là bà-cầu-ma. Bạt-cầu là hảo thanh, ma-để là hữu (Thập Tụng Luật Tự - Quyển một).

- Sông Ca-cầu-già: dịch là chủng cảnh.

- Sông Ba-phù: dịch là tự tại (Sơ Tụng Luật - Quyển hai).

- Sông A-kỳ-la-bà-bà: cũng gọi sông A-kỳ-la-bà. A-kỳ dịch là hỏa, la-bà dịch là thanh (Thiện Tụng - Quyển hai).

- Đa-phù: cũng gọi đa-pha, dịch là nhiệt (Quyển bốn).

- Tu-la-sất: tu là hảo, la-sất là quốc (Tứ Phần Luật - Phần ba - Quyển hai).

- Bà-ha-ha: dịch là trừ (Phần bốn - Quyển ba).

- Sông Ba-du: dịch là tự tại (Quyển sáu).

- Sông Bàng-kỳ-la: dịch là khúc (Luật Di-sa-tắc - Quyển mười chín).

- Tỳ-thọ-bà-bà: cũng gọi Tỳ-thọ-ba-ma. Tỳ-thọ dịch là điện, Ba-ma là thí dụ.

- Sông bạt-đề: cũng gọi Bạt-đề-la, dịch là hiền (Quyển năm mươi sáu).

- Sông Ẩu-lưu: dịch là đại (kinh Song Quyển Niết-bàn - Quyển một).

- Tư-na-xuyên (sông Tư-na): dịch là quân (kinh Tu Hành Bổn Khởi).

- Sông Sa-lăng: cũng gọi là bà-lâu, dịch là thật (kinh Hải Nhập Đức).

- Chiêm-bà-hằng-già: dịch là nguyệt, Chiêm-bà là hoa danh (tên

hoa), (kinh Chiêm-bà Tỳ-kheo).

- Bạt-đà ma-ế: dịch là hiền hỏa.
- Ế-liên-nhiên-bát-để-tiểu-hà: cũng gọi Hi-liên-nhã-bà-để, dịch là hữu kim (Lịch Quốc Truyện - Quyển ba).

GIANG DANH - PHẦN NĂM MƯƠI BA

(Tên sông).

- A-dụ-xà: dịch là bất tương ưng (Tăng Nhất A-hàm - Quyển hai mươi ba).
- A-dần-la-ba-đế dạ quang: cũng gọi A-di-la-bà-để. A-di-la dịch là phu lưu, bà-để dịch là hữu (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa- Quyển bảy).
- Sông Tỳ-ni: cũng gọi Tỳ-ni-đa, dịch là nhà tịnh (Quyển mười hai).
- Tỳ-đức-đa: cũng gọi Tỳ-thâu-đa, dịch là vô nhiệt.
- Tỳ-đa-la-tử: cũng gọi Tỳ-đa-la-ni, dịch là hạ lưu.
- Minh-xa: dịch là trúc, cũng gọi là chủng tánh.
- Cứu-trọng-ba: dịch là ác thủy.
- Tỳ-ma: cũng gọi Tỳ-ma-la, dịch là vô cấy.
- Na-đề: tên sông.
- Câu-thi-na-địa: dịch là mao giang (kinh Hiền Ngu - Quyển bốn).
- Sông Sa-lộc: cũng gọi bà-lâu, dịch là thật (kinh Viên Thủy Giới).
- Sông A-di: dịch là phụ.

ĐỊA DANH - PHẦN NĂM MƯƠI TƯ

(Tên đất).

- A-na-bạt-đạt-đa trì: dịch là vô nhiệt (Đại Trí Luận - Quyển hai).
- Thi-mạn-đà-kỳ-ni trì: cũng gọi Mạn-đà-khẩn-ni, mạn-đà là hoa danh, khẩn-ni dịch là hữu (có).
- A-nậu-đạt trì: cũng gọi là A-nậu-đạt-đa, dịch là tiểu (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).
- Ma-ni trì: cũng gọi ma-đà-diên, dịch là túy (Tăng Nhất A-hàm - Quyển hai mươi hai).
- Bát-đầu-ma trì: xích liên hoa (Trường A-hàm - Quyển mười

tám).

- Bạt-đà trì: dịch là đại, cũng gọi là hiền (Quyển hai mươi).
- Na-lân-ni-đà: dịch là liên hà (hoa sen).
- Tu-đạt-kiệt-đà trì: cũng gọi Tu-ma-già trì, dịch là tụ hội (tạp A-hàm - Quyển ba mươi tám).
- Yết là trì: dịch là tánh (họ) (Quyển bốn mươi lăm).
- Tu-ma-na trì: tu là tánh (họ), Ma-na dịch là ý (Thập Tụng Luật, Sớ Tụng - Quyển sáu).
- Tát-tỳ-ni trì: dịch là hữu xà long (Thiện Tụng - Quyển bốn).
- A-luyện trì: cũng gọi là A-luyện-nhã, dịch là bất trừ (Di-sa-tắc Luật - Quyển hai mươi chín).
- Ca-la trì: dịch là thời (Thiện Kiến Luật, Tỳ-bà-sa - Quyển bốn).
- Na-lợi trì: dịch là lậu khắc (Tam Tiểu Kiếp Sao kinh).
- Câu-hy-la trì: dịch là thắng (Tạp Kinh).

CHÂU DANH - PHẦN NĂM MƯƠI LĂM
(Tên vùng).

- Ẩu-xà châu: cũng gọi là Uất-già, dịch là cao (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển ba).
- Bà-la châu: dịch là thắng.
- Châu Mạn-đà: cũng gọi mạn-đà, dịch là tối thắng.
- Câu-la-vệ-chữ (bãi nhỏ): dịch là ngạn (bờ).
- Châu Na-lân-la-tân: cũng gọi Na-lân-đà-la-tân-trà. Na-lân-đà-la dịch là nhân chủ, tân-trà dịch là tụ (Quyển bốn).
- Châu Lăng-già: dịch là ấp (Lịch Quốc Truyện - Quyển bốn).

ĐỊA DANH - PHẦN NĂM MƯƠI SÁU
(Tên đất)

- Phù địa: dịch là địa (Đại Trí Luận - Quyển bốn mươi hai).
- Bà-la-đề-tỳ: cũng gọi Ba-la-thê-tỳ, dịch là địa (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi tám).
- Ưu-tỷ: dịch là địa (kinh Xuất Diệu - Quyển tám).

THỦY DANH - PHẦN NĂM MƯƠI BẢY
(Tên nước).

- Xà-lam thủy: dịch là lam-trước thủy (Đại Trí Luận - Quyển ba

mươi tám).

- Bà-thi-lam thủy: cũng gọi Bà-lợi-lam, dịch là thủy (nước).
- A-ma-lặc thủy: dịch là vô cấu (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển mười hai).
- Thi-bà-la thủy: dịch là vô thắng.
- Bát-thư-la thủy: dịch là mỹ.
- Bà-ni: dịch là thủy.
- Uất-trì: cũng gọi là Ưu-trì-già, dịch là thủy (?).
- Bà-lợi: dịch là thủy.
- Bà-da: dịch là thủy, cũng gọi là nhủ.
- Bà-ma-ni thủy: cũng gọi Bà-la-ma-la, dịch là chỉ tức (Thập Tụng Luật Tạp Tụng - Quyển ba).
- Diêu-bổ-na thủy: cũng gọi Dạ-mâu-na, dịch là thọ danh (Tăng Kỳ Luật - Quyển bốn).
- Bà-la thủy: dịch là thắng (Di-sa-tắc luật - Quyển mười chín).
- Hằng thủy: cũng gọi là Hằng-già, dịch là thiên đường lai (đến thiên đường) (Quyển hai mươi lăm).
- Diêm-mâu-na thủy (nước Diêm-mâu-na): dịch là phước (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển mười hai).
- A-xà-bà-la: dịch là dương lực (sức dê) (kinh Quá Khứ, Hiện Tại, Nhơn Quả - Quyển bốn).
- Vô-đề thủy: dịch là hoan hỷ (kinh Thụy Ứng Bổn Khởi - Quyển hai).

HỎA DANH - PHẦN NĂM MƯƠI TÁM

- Nhơn-đà-la hỏa (lửa nhận-đà-la): dịch là chủ (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi tám).

PHONG DANH - PHẦN NĂM MƯƠI CHÍN

- Tùy-lam phong (gió tùy-lam): cũng gọi Tỳ-lam-bà, cũng gọi là Tỳ-lam, dịch là tấn mãnh (Đại Trí Luận - Quyển bốn).
- Gió Ưu-đà-na: dịch là tự thuyết (Quyển sáu).
- Tăng già: dịch là tuyền (suối) (Trường A-hàm - Quyển hai mươi mốt).
- Tỳ-thấp-ba: bất công (công lực) (Tạp A-hàm - Quyển mười một).

- Ưu-đà-la: dịch là đại phá (kinh Hưng Hiển).
- Mục-lân-đại mục-lân: dịch là thoát.
- A-nậu phong: dịch là tiểu (kinh A-nậu phong).
- Bà-lật-xà-na: dịch là xúc (Huyễn Thổ Nhân Hiền Kinh).

VIÊN DANH - PHẦN SÁU MƯƠI

(Tên khu vườn).

- Vườn Lam-tỳ-ni: cũng gọi Lưu-di-ni, dịch là đoạn, cũng gọi là tận (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Cù-sư-la viên: Cù dịch là ngưu, sư-la là đầu (Quyển ba).
- Kỳ-thọ viên: cũng gọi là Thị-đa, dịch là kỳ, dịch là thắng (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi bảy).
- Thích nan-đà viên: cũng gọi Thích-ca nan-đà, Thích-ca dịch là năng, nan-đà là hỉ (Quyển ba mươi sáu).
- Vườn An-đà: dịch là tát (Tăng Nhất A-hàm - Quyển ba).
- Vườn Ca-lan-đà: dịch là hảo nghiêm (Quyển năm).
- Vườn Ám-bà-bà-lợi: dịch là mạch kê (lúc gạo) (Quyển sáu).
- Vườn Tát-lư: cũng gọi là tát-la, dịch là sam ((?): cây sam) (Quyển chín).
- Vườn Cù-sư-la: dịch là nghiêm (Quyển mười).
- Vườn Đàn-bàn-na: cũng gọi Đàn-na-bàn-na, dịch là thí lâm.
- Vườn Ni-câu-lũ: cũng gọi ni-vật-lũ-đà, hoặc là ni-vật-đầu, dịch là vô tiết, cũng gọi là thí quảng (Quyển hai mươi ba).
- Vườn Tỳ-la-nhã: dịch là bất nhàn tịnh (Quyển hai mươi bốn).
- La-ma: dịch là hí (Trung A-hàm - Quyển tám).
- Đa-ma: dịch là trọng (Quyển mười bốn).
- Ba-hòa-lợi: cũng gọi là bà-bà-lợi, dịch là mao y (Quyển năm mươi lăm).
- Lâu-tỳ: dịch là khả ái (Trường A-hàm - Quyển bốn).
- Vườn Bạt-đà-lợi: dịch là trường (Tạp A-hàm - Quyển năm).
- A-tỳ-xà: dịch là vô chủng thiên (Quyển bốn mươi ba).
- Vườn Câu-tỳ-la: cũng gọi Câu-tỳ-đà-la, dịch là phá ác (Tăng Kỳ Luật - Quyển một).
- Vườn Câu-la: dịch là lực, cũng gọi là tánh (Tứ Phần Luật - Quyển mười bốn).
- Uất-tỳ-la-kiếp-ba-viên-trung: dịch là đại huyệt, cũng gọi là đại dõng, kiếp-ba là phân biệt thời.

- Vườn Tỳ-la-da nữ: dịch là thất thời (Luật Di-sa-tắc - Quyển ba mươi tư).
- Vườn Phụ-luật: cũng gọi là phụ-lý-già, dịch là thứ (?) (Thiện Kiến Luật - Tỳ-bà-sa - Quyển ba).
- Vườn Ma-ha-na-già: dịch là đại long trượng (Quyển ba).
- Vườn Ba-lợi-da: dịch là khả hộ.
- Vườn Ma-già: dịch là tinh danh,
- Vườn Di-già: dịch là vân.
- Bà-lưu-sa-ca viên: dịch là kiên (Quyển năm).
- Vườn Nan-đà: dịch là hoan hỷ (Quyển mười một).
- Vườn Cù-tư-đa: dịch là bạch ngưu (Quyển mười ba).
- Ma-la viên: dịch là hoa (Quyển mười bốn).
- A-na-phân-a-lam: cũng gọi A-na-tha-tân-trà-trì-tư-da a-la. A-tha dịch là cô, tân-trà-đà-tư-da là cấp, a-la là viên, dịch là vườn cấp cô (kinh Xuất Diệu - Quyển một).
- Vườn Bàn-trà: dịch là sắc (kinh Ba-tu-mật - Quyển một).
- Vườn Na-đà: dịch là thanh (tiếng) (kinh Tăng già La-sát Sở Tập - Quyển ba).
- Vườn Nan-đà viên: cũng gọi Nan-đà-bà-na, nan-đà dịch là hỉ, ba-na dịch là lâm.
- Vườn Câu-tát: cũng gọi Câu-tát-la, dịch là công (Sanh Kinh - Quyển bốn).
- Vườn Già-lân-trúc: tên một loài chim (kinh Trì Nhơn Bồ-tát - Quyển thượng).
- La-già-lam: truyện gọi là lý thọ (kinh Ngoại Viên - Quyển ba).
- A-lê-lãm: truyện gọi là thánh viên.

LÂM DANH - PHẦN SÁU MƯƠI MỐT

- Ma-ha-ban: cũng dịch là Ma-ha-bàn-na, Ma-ha là đại, bàn-na là lâm (Đại Trí Luận - Quyển ba).
- Lam-tỳ-ni-lâm (rừng Lam-tỳ-ni): cũng gọi là lâm-tỳ, dịch là tận, cũng gọi là đoạn (Quyển hai mươi sáu).
- Rừng Bà-la: dịch là thắng.
- Xá-ma-lê: cũng gọi Đạm-bà-lê, dịch là mộc miên (Quyển ba mươi ba).
- Rừng Ca-tỳ-la-ba tiên nhơn: cũng gọi Ca-tỳ-la bạt-tư-xú. Ca-tỳ-la dịch là thương, bạt-tư-xú dịch là trụ xứ.

- Rừng Ẩu-lâu-tần-loa-thọ: dịch là mộc qua (Quyển bốn mươi bốn).

- Tu-thọ-ma-thọ-lâm: cũng gọi Tu-phù-mị, tu là tánh, phù-mi là địa (Quyển ba mươi tám).

- A-la-bà-già lâm: cũng gọi A-la-bà-thọ, a là bất, a-bà phân là chư (?) (Quyển tám mươi tư).

- Kỳ-hoàn lâm: rừng Kỳ-hoàn, cũng gọi Kỳ-đa-bàn-na, hoặc kỳ-na-bàn-na. Kỳ-đa là thắng, bàn-na là lâm (kinh Hoa Nghiêm - Quyển ba mươi bảy).

- Rừng Uất-đàm-bát: cũng gọi Ưu-đàm-bà-la, hoặc Ưu-đàm-bát. Ưu dịch là khởi, đàm-bà-la là không (Đại Bát Niết-bàn - Quyển mười bảy).

- An-đà lâm: dịch là ấm (Trung A-hàm - Quyển hai).

- Rừng Di-tát-la: cũng gọi Di-già-la-đỏa. Di-già dịch là vân, tất-la dịch là sam (Quyển mười bốn).

- Rừng Ba-bà-lê-am-bà: cũng gọi bà-ba-lợi Am-bà-la. Bà-ba-lợi dịch là y, Am-bà-la là tên một loài quả (quả danh) (Trường A-hàm - Quyển mười hai).

- Rừng Tỳ-la: dịch là nam (Quyển mười tám).

- Rừng Tỳ-ế-lặc: dịch là bất úy.

- Rừng Na-la: dịch là địch (cỏ) (Tạp A-hàm - Quyển bốn).

- Rừng Ba-ý-lợi Phất-đa-la-kê: cũng gọi Ba-sất-lợi-đa-la. Ba-lợi dịch là cây (thọ danh), Phất-đa-la là tử.

- Rừng Sơn-đa-già-kỳ: cũng gọi Đa-già-kỳ-lợi, đa-già dịch là khúc, kỳ-lợi dịch là sơn, cũng gọi là đầu (Quyển hai mươi chín).

- Rừng An-xà-na: dịch là hoa danh (tên hoa).

- Rừng Đà-bà-xà-lê-ca: cũng gọi đà-bà-xà-lê giới. Bà-bà dịch là tử trạch, xà-lê giới là hỏa.

- Rừng Ha-lê-lặc: dịch là thiên chủ phù lai (Thập Tụng Luật, Tam Tụng - Quyển một).

- Rừng Thị-câu-lô-đà: thị là vô tiết, cũng gọi là tận duy (Quyển năm).

- A-ma-lặc lâm: cũng gọi là Am-ma-lặc dịch là vô cấu (Thất Pháp - Quyển sáu).

- Rừng Thi-lợi mạn-trà-la: Thi-lơi dịch là kiết, Mạn-trà-la dịch là viên (tăng kỳ luật - Quyển hai mươi chín).

- Na-lợi lâm: cũng gọi na-la, dịch là quán (Tứ Phần Luật - phần bốn - Quyển một).

- Rừng Ba-lợi: dịch là bách lực (Quyển ba).
- Thi-đà lâm: cũng gọi là Thắng-xà-bà, hoặc thi-thi-bà, dịch là khẩn thật.
- Rừng Câu-thi-la Mạt-la vương: Câu-thi-na là mao thành, mạt-la là họ (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Rừng A-thố: dịch là tiểu (Luật Di-sa-tắc - Quyển bốn).
- Rừng Kỳ-bà: dịch là kim.
- Rừng Nan-đà: dịch là hoan hỷ.
- Rừng Tỳ-lê-sất-tỳ dịch là lâm (Quyển bốn).
- Rừng Am-la: thọ danh (tên cây) (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển mười một).
- Rừng Đa-ma-sa: dịch là tát (ấm) (Quyển ba mươi lăm).
- Rừng Trúc-ca-lan-đà: Ca-lan-đà dịch là hảo thinh điểu (chim tiếng hay (Quyển bốn mươi sáu).
- Rừng Ma-ha đề-ba-am-la: dịch là đại thiên quả.
- Rừng Bà-lê-ca-am-la: Bà-lê-ca dịch là thủ chi hộ (Quyển năm mươi sáu).
- Rừng Bà-lê-cấp: cũng gọi Ba-la-xá, dịch là tha lạc (kinh Ma-đắc-lặc-già - Quyển bốn).
- Rừng Đa-già-kỳ: dịch là khúc cảnh (cổ) (kinh giới tương ưng).
- Rừng Bà-kỳ-thi-ma: cũng gọi Bạt-kỳ-thi-thâu-ma-la. Bạt-kỳ dịch là tụ, thi-thâu-ma-la dịch là sát tử.
- Rừng Đà-bà-xà-lê-ca: Bà-xà dịch là bình, xà-lê là thiêu (kinh Phật kiến Mục Ngưu Lạc Đạo).
- Thân-nộ lâm: cũng gọi Thân-nộ-ba, dịch là thật (kinh Diếp Dụ Đa Sa).
- Rừng Tát-la-lê: dịch là sam (kinh Bất Tịnh Quán).
- Rừng Đàn-đặc-la-hòa: cũng gọi Đàn-trà-bà-la. Đàn-trà dịch là phạt, bà-la dịch là thắng (Thiện Vương Hoàn Công Đức Kinh).
- Đàm-ma-la-nhã: truyện gọi là pháp lâm (Quyển ba).

THỌ DANH - PHẦN SÁU MƯƠI HAI
(Tên cây)

- Bồ-đề thọ: Bồ-tát là đạo, cũng gọi là trí (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Thi-lợi-sa thọ: cũng gọi Sư-lợi-sa. Thi-lợi-tha dịch là tu.
- Đa-la-thọ: cũng gọi Đa-la, dịch là trùng.

- Kha-lợi-la: cũng gọi Kha-địa-la, kha dịch là không, địa-la là phá.

- Thi-câu-lư-đà thọ: cũng gọi là Ni-câu luật, dịch là tứ duy, cũng gọi là vô tiết (Quyển bốn).

- Tất-bất-la-thọ: dịch là dĩ Bồ-đề thọ (Quyển mười hai).

- Xá-ma-lợi thọ: cũng gọi Đạm-ma-lợi dịch là mộc miên.

- A-lê-sất: dịch là Hà-lê-tất-sất, dịch là vô hoàn.

- Ba-lê-chất-cấu thọ: cũng gọi Ba-lợi-chất-đa-la. Ba-lợi dịch là hộ, chất-đa là chủng chủng.

- Tát-la: dịch là sam (Quyển hai mươi ba).

- Diêm-phù-đàn thọ: cũng gọi Diêm-phù-na-đà. Diêm-phù là thọ đa, Na-đà dịch là giang (kinh Hoa Nghiêm - Quyển ba mươi).

- Ưu-đà-già-sa-la Chiên-đàn: Ưu-đà-già dịch là thượng, sa-la dịch là thượng (Quyển bốn mươi chín).

- Na-sát-la-thọ: cũng gọi Nặc-sát-đa-la, dịch là tinh (ngôi sao).

- Bà-sí-la-thọ: dịch là bạch lộ (cò trắng) (Đại Niết-bàn - Quyển chín).

- Thi-ca-la-thọ: dịch là bất hắc, cũng gọi là bất thời.

- bà-la-xá thọ: dịch là xích thọ.

- Ca-ni-ca thọ: cũng gọi Nị-hại-ca-la. Ni-hại là nhĩ, ca-la là tác.

- A-thúc-ca thọ: cũng gọi A-thâu-ca dịch là vô ưu.

- Bà-sất-la thọ: dịch là trùng.

- Lư-chỉ-na: dịch là ngưu hoàng.

- Am-ma-la thọ: cũng gọi Am-bà-la, cũng gọi là Am-la dịch là tạc quả (Quyển hai mươi sáu).

- Mạn-già-lê: dịch là canh địa (Quyển hai mươi bảy).

- Uất-đàm-bát thọ: cũng gọi Ưu-đàm-bà-la, ưu dịch là khởi đàm, bà-la dịch là không (Quyển ba mươi).

- Kiệt-ma-la: cũng gọi Kiền địa-ma, dịch là hương hoa (Tăng Nhất A-hàm - Quyển hai mươi chín).

- Mạt-la: dịch là tánh, cũng gọi là lực (Trường A-hàm - Quyển ba).

- Bà-lợi-am: cũng gọi Ba-bà-lợi A-bà-la. Bà-lợi dịch là y.

- Chiêm-bà: dịch là kim sắc hoa thọ.

- Ba-ba-la-la: dịch là lạc.

- Tu-ma-da: dịch là hảo hỷ.

- Ba-sư: dịch là hạ sanh.

- già-da: tên nước.

- Bạt-đà-la-tát thọ: cũng gọi Bạt-đà-la bà-la hay Bạt-đà-an-la, bạt-la dịch là hiền, sa-la dịch là thật (tạp A-hàm - Quyển hai).
- Bà-lợi-da-đa-la Câu-tỳ-đa-la thọ: Bà-lợi-da-đa-la dịch là du hý, câu-tỳ-la là địa phá (Quyển mười chín).
- Bà-la-tỳ-sa: dịch là đại nhập (Thập Tụng Luật - Thất Pháp - Quyển sáu).
- Sư-la thọ: cũng gọi thi-la, dịch là thạch (đá).
- Ca-tỳ-đà thọ: cũng gọi Ca-tỳ-đà dịch là lê (Tăng Kỳ Luật - Quyển ba mươi ba)
- Kiến-đà thọ: dịch là địa trì.
- Ha-lê-lặc: dịch là thiên chủ trì lai (Di-sa-tắc Luật - Quyển mười hai).
- A-ma-lặc: dịch là vô cấu.
- Tỳ-ế-lặc: dịch là vô úy.
- Y-la thọ: dịch là hương (Quyển mười chín).
- Ma-đầu thọ: dịch là sát (xét lại) (Quyển ba mươi mốt).
- Hòa-già-bà: dịch là Bạt-già-bà là họ (tánh) (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- La-đa: dịch là thắng mã.
- Kiền-đà Am-la-thọ: dịch là hương quả (Quyển ba).
- Mạn-đà-la: luật gọi là luyện thọ (Quyển bốn).
- Ma-ha-sa-lợi-bà-thọ: Ma-ha-lợi dịch là đại đạo (đạo: lúa), bà là hữu.
- Ba-na-sa thọ: dịch là đại diệp (Quyển mười bốn).
- Mục-đa-la: dịch là thắng (Quyển mười bảy).
- Bà-la-ế: dịch là vân.
- Xá-na: dịch là tịch tịnh.
- Chất-đa-la-bà-sất-lợi thọ: Chất-đa-la dịch là chủng chủng, Bà-sất-lợi dịch là trùng hoa (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển mười bảy).
- Bà-thọ-tử-la: dịch là thắng (Quyển mười hai).
- Lô-ế-ni-dược-đẳng: dịch là tợ liên hoa (Quyển mười bốn).
- Bà-đà-la-thọ: dịch là đại (Quyển mười bảy).
- Can-xà-na lâm: dịch là kim (vàng) (Quyển hai mươi bảy).
- Tát-già-nhã-na: cũng gọi Tát-đình-ni-na-ma. Tát-già: thật, cũng gọi là đề; thi-na-ma: yếu kỳ.
- Chất-đa-la-tha: cũng gọi Chất-đa-la-la-tha. Chất-đa-la là chủng chủng, la-tha là xa (xe).
- Pha-phú-sa; bất hảo ngữ.

- Di-thi-ca-bà-na: dịch là tạp lâm.
- Nan-đà-na: dịch là Nan-đà-bà-na, dịch là hoan hỷ lâm.
- Thiên-xà-na: cũng gọi Na-xà-la dịch là hảo (Tỳ-bà-sa- Quyển hai).
- Già-tân-xà-la: cũng gọi Kiếp-tân-xà-la, dịch là điểu cưu.
- Y-thuyết-đa: dịch là hảo.
- Na-lê-già-la: dịch là lậu liệt ốc (nhà).
- Ma-lâu-thọ: dịch là thọ (ngang) (kinh Xuất Diệu - Quyển ba).
- Tát-lô-hảo thọ: dịch là thật (Quyển chín).
- Ca-la-na thọ: dịch là tác (kinh Hoa Đầu - Quyển năm).
- Cù-la thọ: dịch là viên hữu (Thập Trụ Đoạn Kết - Quyển bảy).
- Căng-thăng-khu thọ: dịch là anh vũ (Kinh Bà-tu-mật - Quyển ba).
- Sát-thọ-lợi-thọ: dịch là huân (kinh Bách Cú Thí Dụ - Quyển một).
- Ba-sất thọ: dịch là Tợ Bồ-đề thọ (Quyển bốn).
- Trước-ba-hoàn thọ: cũng gọi Tu-ba-la-na, dịch là hảo thọ (Độ Vô Cực Kinh - Quyển tám).
- Ương-già-đà: dịch là thể (Quán Phật Tam-muội Kinh - Quyển một).
- Ba-đà-la: dịch là phá (kinh Hiền Kiếp - Quyển ba).
- Thi-xá-hòa thọ: cũng gọi Thăng-xá-bà, dịch là thọ thật.
- la-ma-tử: dịch là hí.
- Bà-sư-lợi-hoa thọ: dịch là độ sanh (Niệm Phật Tam-muội - Quyển một).
- Đà-thố-già-lê-hoa thọ: dịch là tác.
- Ca-đàm-ba hoa thọ: bạch hoa (Quyển bốn).
- Già-cưu thọ: cũng gọi Ca-cưu-phu dịch là lãnh (cổ) (Tăng-già La-sát sở tập kinh - Quyển hai).
- Ca-tùy-la-vệ thọ: cũng gọi Ca-tỳ-la-bạt-xú. Ca-tỳ-la dịch là tiên nhơn, Bạt-xú là trụ xứ (kinh Nghĩa Túc - Quyển hạ).
- Tô-duy-đồ thọ: cũng gọi Tô-tát thiền ni. dịch là hảo đình (Song Quyển Niết-bàn Kinh - Quyển một).
- Để-di-la thọ: dịch là tế (nhỏ) (A-siểm Truyện Kinh - Quyển hạ).
- A-niết-ba-tha thọ: cũng gọi A-xà-ba-ba-đà. A-xà-ba là mã (ngựa), Bà là cước (chân) (Tạp Kinh).
- Lam-tỳ thọ: dịch là thụy (xuống).

PHIÊN DỊCH PHẠN NGỮ

QUYỂN 10

- Thảo danh (tên cỏ) - phần sáu mươi ba.
- Hương danh - Phần sáu mươi bốn.
- Hoa danh - Phần sáu mươi lăm.
- Quả danh - Phần sáu mươi sáu.
- Y phục danh - Phần sáu mươi bảy.
- Y dược danh - Phần sáu mươi tám.
- Ẩm thực danh - Phần sáu mươi chín.
- Tàng danh - Phần bảy mươi.
- Bảo danh - Phần bảy mươi mốt.
- Thời danh - Phần bảy mươi hai.
- Số danh - Phần bảy mươi ba.

THẢO DANH - PHẦN SÁU MƯƠI BA
(Tên loài cỏ).

- Chu-lợi thảo (cỏ chu-lợi): luận gọi là tặc, dịch là thâu (trộm) (Đại Trí Luận - Quyển năm mươi ba).

- Ma-lâu-già-tử: dịch là quyết (phán quyết (?)) (Đại Niết-bàn Kinh - Quyển mười ba).

- Cỏ Y-sư-ca: dịch là hổ tu (râu cọp).

- Cỏ ưu-thi-la: dịch là ẩm đệ hổ (Thập Tụng Luật Nhị Tụng - Quyển năm).

- Bà-bà thảo: dịch là mao (Di-sa-tắc - Quyển hai mươi ba).

- Cỏ Ca-thi: dịch là tế thu (Quyển hai mươi lăm).

- Cỏ văn-nhu cũng gọi là văn xà, dịch là hổ tu.

- Cỏ Cưu-thi: dịch là tế mao.

- Cỏ Câu-thi: dịch là trường mao (Quyển hai mươi chín).

- A-lê: cũng gọi A-lật-đà-la, luật gọi là hoàng cường (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển năm mươi).

- Lư-kiền: dịch là hoàng liên (sen vàng).
- Đà-lư: dịch là phá, cũng gọi là bình (?).
- Tô-ma-na: luật gọi là hoa đằng sanh.
- Tô-la-bà: dịch là hảo đắc.
- Chất-đa-la: dịch là chủng chủng (Quyển bảy).
- Bà-lợi-ba: cũng gọi Bà-lợi-sa-ba, dịch là phân tử ((?): cỏ thơm, um tùm).
- Bà-xà-đà-bà-xà-na: luật gọi luật địa sanh.
- Kỳ-la-xà-na: luật gọi thủy trung sanh.
- Cỏ Ma-lâu-đa thọ: dịch là quốc danh (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển mười sáu).
- Khư-đà-lê-diếp: cũng gọi ca-đà-lợi, dịch là cam tiêu.
- Thi-bà-tử: cũng gọi là bão-bà-la, dịch là uẩn tảo (Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Cỏ Già-la-bà-la: Già-la dịch là động, bà-la dịch là hộ (kinh Xuất Diệu - Quyển mười).

HƯƠNG DANH - PHẦN SÁU MƯƠI BỐN

(Tên loài hương)

- Y-lan: dịch là hương danh (Đại Trí Luận - Quyển một).
- A-già-lâu: luận gọi mật hương thọ danh, dịch là bất trùng (Quyển mười).
- Đa-già-lâu: luận gọi là mộc hương thọ, dịch là bất một (chìm).
- Bà-la-kiền-đà hương: Bà-la dịch là thắng, kiền-đà là hương (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).
- Tất-ca hương: cũng gọi Tất-lật-ca, dịch là xúc (kinh Đại Bát Niết-bàn - Quyển mười tám).
- Đa-ca-la hương: dịch là căn.
- Đa-ma-la-bạt hương: dịch là huân diệp (lá cỏ thơm).
- Câu-da-tiết: câu-tất-đa, dịch là mộc (Thập Tụng Luật Tăng Kỳ - Quyển ba mươi mốt).
- Tu-kiền-đề: dịch là hảo hương (Tăng Kỳ Luật - Quyển ba).
- Ưu-thi-la: cũng gọi Uất-thi-la, luật gọi là hương thảo (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển mười lăm).
- Mâu-tha-chí-sất: cũng gọi Vật tư đa-chí-đa: luật gọi hoắc đầu hương.
- Cầu nguyện căn-đề: dịch là hương (càn-đề hương) (kinh Xuất

Diệu - Quyển năm).

- Ưu-đà-la-bà-la hương: dịch là thắng lực (kinh Đại Bi Liên Hoa - Quyển bốn).

- Ưu-đà-sa-la hương: cũng gọi Ưu-đà-la-sa-la, dịch thắng bảo.

- Tu-mạn hoa hương: dịch là hảo ý hoa (kinh Pháp Hoa - Quyển sáu).

- Xà-đề hoa hương: dịch là sanh, cũng gọi là thật.

- Bà-lợi chất-đa-la câu-đà-la thọ hương: dịch là đại du hí địa phá.

- Cầu-la hương: dịch là an tức (Bồ-tát Giới Kinh - Quyển năm).

- Đa-ma-la hương: dịch là huân hương (kinh Nghiêm Tịnh - Quyển bốn).

- Tu-mâu-ni Bà-lợi-sư hương: Tu-mâu-ni là hảo tiên nhơn, Bà-lợi-sư là ưu sanh (số kinh).

- Ca-la hương: dịch là hắc hoa.

- Ta-bà hương: dịch là thật sắc.

- Tu-mâu-ni bà-lợi-sư hương: Tu-mâu-ni là thiện tha, Bà-lợi-sư là hạ ((?): mùa hạ) sanh.

HOA DANH - SÁU MƯƠI LĂM

(Tên các loài hoa)

- Mạn-đà-la hoa: dịch là duyệt hoa (Đại Trí Luận - Quyển ba).

- Ẩu-đàm-bà-la-thọ hoa: cũng gọi Đàm-am-bà-la. Ẩu-đàm là khởi, am-ba-la nghĩa là không (Quyển năm).

- Tu-mạn-đề hoa: Tu là hảo, mạn-đề là hồ (?) (Quyển chín).

- Chiêm-bặc: cũng gọi Chiêm-ba, hoặc chiêm-bà, dịch là hoa thọ. Luận gọi là kim sắc hoa (Quyển mười).

- A-thâu-ca: dịch là vô-ưu-hoa thọ.

- Ẩu-bát-la: dịch là đại (Quyển năm mươi sáu).

- Bà-đầu-mộ: cũng gọi Ba-đầu-ma hay bát-đàm-ma, dịch là xích liên hoa.

- Câu-vật-đà: cũng gọi vật màu đầu, câu dịch là địa, vật-đà là hỉ.

- Phân-đà-lợi: bạch liên hoa.

- Văn-đà-la: dịch là mạn hoa (Quyển bảy mươi tám).

- Ba-sư-ba-lợi hoa: cũng gọi Ba-lợi-sư-ca, bà-lợi-nhỉ-bà-lợi. Bà-lợi-ca là ưu sanh, ba-lợi là hộ (kinh Hoa Nghiêm - Quyển một).

- Ba-la-xà hoa: dịch là xích hoa (kinh Đại Bát Niết-bàn - Quyển một).

- Mạn-thù-sa: dịch là hạm hao.
- Tán-đa-na-ca: tịch tịnh.
- Bà-lợi-chất-đa thọ hoa: bà-lợi là hộ, chất-đa là chủng chủng.
- Câu-tỳ-la thọ hoa: dịch là phá địa.
- Bà-sư hoa: cũng gọi là bà-lợi-sư, dịch là thắng hoa (Quyển năm).
- Tán-đà-na hoa: cũng gọi là khởi-đà-na, dịch là lưu (Quyển mười).
- A-đề-mục-đa-già hoa: dịch là thoát cũng gọi là lạc (Quyển mười chín).
- Bà-sất-la hoa: dịch là trọng.
- Bà-sư-la hoa: dịch là Ba-sư-ca, dịch là ưu sanh hoa.
- Ba-lợi-ca hoa: dịch là thứ đệ (thứ tự).
- Tu-ma-na hoa: dịch là tu-mạn-na, dịch là hảo ý.
- Do-đề-ca hoa: dịch là hành.
- Đàn-thố-ca-lợi hoa: cũng gọi Đàn-thố-sư-ca-lợi. Đàn-thố dịch là Quyển (Quyển), ca-lợi là tác.
- Tu-kiền-đề hoa: dịch là hảo hương (Trung A-hàm - Quyển mười bốn).
- Ma-đầu-kiền-đề: dịch là nhu hương, cũng gọi là mật hương.
- Miện-la hoa: dịch là miên (bông) (Quyển bốn mươi mốt).
- Bà-la-la: cũng gọi Ba-sất-lợi, dịch là trọng (Trường A-hàm - Quyển ba).
- Tu-mạn-đà: dịch là hảo tiểu.
- Đàn-câu-ma-lê: cũng gọi Đàn-na-câu-ma-lê. Đàn-na dịch là thi, câu-ma-lê là đồng nữ.
- Tần-phù: dịch là mô thức (Quyển hai mươi).
- Di-ly-đầu kiền-đề: dịch là nhu hương (Quyển bốn mươi ba).
- Diệm-bà hoa: cũng gọi Diệm-ba-lợi, dịch là mộc miên (Luật Di-sa-tắc - Quyển mười ba).
- Xà-đề hoa: dịch là sanh (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển một).
- Đằng-sa-ca hoa: dịch là ...(?) (Quyển hai).
- Uất-bà-la hoa: dịch là đại lý (Quyển bảy).
- Mạt-lợi hoa: dịch là trọng.
- Ma-đầu hoa:
- Khẩn-thu-ca-thọ hóa: khẩn là thị (là), thủ ca: anh vũ (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển năm).

- A-xà-hoa tử: A-xà-già dịch là manh thải (Quyển tám).
- Ca-na-ca hoa: dịch là kim (Quyển bốn mươi chín).
- Ca-la-ni hoa: dịch là hắc (Tỳ-bà-sa - Quyển mười hai).
- Tần-đầu-ca-la hoa: dịch là đế hắc.
- Ma-ha-mạn-đà-la-dược: đại viên hoa (Đại Phương Quảng Kinh - Quyển một).
- Ma-ha-mạn-đà-thù-sa hoa: dịch là đại lãm.
- Sa-la hoa: thọ danh.
- Dục-để hoa: dịch là tương ưng.
- Ba-số-sa hoa: dịch là oán.
- Ma-ha-bà-số-sa hoa: dịch là đại hốt.
- Ca-ca-la hoa: dịch là trực.
- Ma-ha-ca-ca-la hoa: dịch là đại trực.
- Câu-tỳ-già-la hoa: dịch là địa động.
- Á-thố-già-lê hoa: dịch là cung tác (kinh Hoa Đầu - Quyển năm).
- Đa-la-lợi hoa: dịch là trọng.
- Câu-đa-la-lê hoa: dịch là chủng tánh.
- A-ca hoa: cũng gọi A-la-ca, dịch là mục (Bồ-tát Giới Kinh - Quyển năm).
- Mãn nguyện kiền-đề hoa: dịch là hương (kinh Thập Trụ Đoạn Kết - Quyển sáu).
- Phiệt-la tát-la hoa: cũng gọi mậu-la-sa-la, dịch là căn thật (kinh Bà-tu-mật - Quyển năm).
- Na-lê-ni hoa: dịch là liên hoa (kinh Niệm Phật Tam-muội - Quyển một).
- Câu-lư-xá liên hoa: dịch là tiên ngũ bá cung (Quyển sáu).
- Tu-mạn-la hoa: tu là hảo, mạn-la là hoa (kinh Bồ-tát Xử Thai - Quyển một).
- Di-ly-đầu kiền-đề hoa: dịch là nhu phổ (Phật Sở Hành Tán - Quyển một).
- Ca-ni liên: dịch là nhĩ.
- Tỳ-lưu-ly-man: dịch là bạch thật (kinh Nghiêm Tịnh - Quyển ba).
- Lư-già-di hoa: dịch là hoàng hoa (Quyển bốn).
- Thâu-bà-ma-nỉ hoa: dịch là khả ái.
- Câu-tẩu-ma hoa: dịch là hoa.
- Lâu-già-ma-na hoa: dịch là khả lạc.

- Mạn-đà-hoa: dịch là ý (kinh Niết-bàn Song Quyển - Quyển một).
- Văn-đà-na: dịch là mạn (kinh Bảo Như Lai - Quyển thượng).
- Câu-lan-trà hoa: dịch là kinh (kinh Bảo Lượng - Quyển một).
- Văn-ni hoa: dịch là tiên nhơn (số kinh).
- A-đề-ma-đa hoa: cũng gọi A-đề-mục-đa-già, dịch là ủy thoát (kinh Phật Thuyết Cầu Dục).
- Lô-già-na hoa: dịch là nhãn (Hư Không Tạng Kinh).
- Cù-la-ni hoa: dịch là bạch hoa (Tạp Kinh).
- Chiên-na hoa: hương danh.
- Tô-chí-già-ca hoa: dịch là tịnh luận.
- Tô-lâu-chí chiên-na hoa: dịch là hảo lạc.
- Chiên-như-đa-la hoa: cũng gọi Chiên-đà-lá-đa-la, dịch là tính nguyệt.
- Câu-tỳ-la hoa: dịch là phá địa.
- Ma-la-tỳ-ha: dịch là tân hoa (Ngoại Đạo Truyện - Quyển một).

QUẢ DANH - PHẦN SÁU MƯƠI SÁU

(Tên loài quả).

- Phà-la: dịch là quả (Đại trí - Quyển bốn mươi tám).
- Xà-phù quả: dịch là kỳ quả tiết (quả tía) (Quyển mười hai).
- Quả Ha-lê-lặc: dịch là thiên chủ trì lai (Quyển hai mươi hai).
- Am-la quả: dịch là Am-ba-la, dịch là kỳ quả tạc vị.
- Ba-lư-sa quả: dịch là hốt (Quyển ba mươi).
- Bà-na-bà-quả: cũng gọi là Bà-na-sa, dịch là hình như đông cô kỳ vị kỳ cam (mùi vị ngọt mà hình thể như đông cô) (Quyển tám mươi hai).
- Ma-đà-la quả: dịch là túy (say).
- Quả A-ma-lặc: dịch là vô cấu (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển năm).
- Ca-la-ca: dịch là hắc (đen) (Quyển sáu).
- Trần-đầu-ca: dịch là thị thọ (cây thị, soan).
- Ni-câu-đà tử: cũng gọi Ni-câu-hư-đà, dịch là vô tiết, cũng gọi là tung hoành (Quyển hai mươi hai).
- Khư-đà-la tử: cũng gọi Già-đà-lợi, dịch là cam tiêu.
- Quả thị-lợi-sa: thi-lợi là đầu, sa là tợ (Quyển ba mươi hai).
- Quả Tỳ-ế-lặc: dịch là bất úy (Tăng Nhất A-hàm - Quyển chín).

- Bạt-đà-la quả: dịch là hiền (Tạp A-hàm - Quyển mười sáu).
- Quả ba-la: dịch là thắng (Quyển ba mươi tư).
- Quả Tỷ-la: cũng gọi là Kỳ-la, dịch là tiều (kinh Xuất Diệu - Quyển bảy).
- Quả Tỳ-la: dịch là tợ mộc qua (kinh Thập Trụ Đoạn Kết - Quyển bảy).
- Quả Kha-tất-kha: dịch là lê (kinh Bách Cú Thí Dụ - Quyển hai).
- Quả ba-la-tất-đa: Ba-la dịch là bỉ, tất-đa là quán (kinh Ma-đắc-lặc-già - Quyển một.
- Quả Ban-na: dịch là sơn.
- Đa-lặc: cũng gọi là đa-la, dịch là thọ danh (Quán Phật Tam-muội - Quyển một).
- Quả Ma-đà-la: dịch là tác quả (kinh Tứ Bách Tam-muội).
- Quả Ba-đạt: cũng gọi Ba-la-đạt-đa, dịch là tha (kinh Bào Thai).
- Quả Ma-đầu: dịch là mỹ (Lịch Quốc Truyện - Quyển ba).
- Quả Ca-đa-ly: cũng gọi Ca-đà-lợi, dịch là cam-tố.

Y PHỤC DANH - PHẦN SÁU MƯƠI BẢY

- Tăng-già lê: dịch là trọng (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Ẩu-đa-la tăng: cũng gọi Uất-đa-la hay Ưu-đa là tăng, dịch là phú hữu kiên y (bày vai mặt).
- Y-sư-đàn: tọa cụ (Quyển mười hai).
- Ca-sa: nhiễm ý (Quyển mười ba).
- Ca-y khinh-nhu-y: dịch là quang (Quyển ba mươi tám).
- Đâu-la-miên: dịch là miên (bông) (Quyển tám mươi tám.
- Y-viên-sa-tướng: cũng gọi là viên y (Kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi chín).
- Kiều-sa-di: dịch là trùng (kinh Đại bát Niết-bàn - Quyển một).
- Sô-ma tăng thải: cũng gọi là tô-ma, dịch là lộc bố.
- Y-ca-lăng-già: dịch là hắc mao.
- ma-ha lăng-già: Ma-ha là đại (xanh thẩm), lăng-già là sắc (Quyển bảy).
- Ca-lăng-già ba-hoa-la: ca-lăng-già dịch là quốc danh (tên nước), Ba-hòa-la là y (Trung A-hàm - Quyển hai mươi mốt).
- Ba-già-tất-đa-la-na: cũng gọi là Bát-la-lại-sất tất-đa-la-na.
- Tỳ-ha-đề: cũng gọi Tỳ-đề-ha, dịch là ly (dụy) hoặc là chủng

chủng thể.

- Y-đầu-cưu-la: dịch là tế bố y (Tạp A-hàm - Quyển năm).
- Câu-cô-bà-y: tên nước.
- Bà-tân-tư: cũng gọi Bà-tang-tư, dịch là ý (Quyển ba mươi bảy).
- Tăng-kỳ: tăng kỳ hữu (?), dịch là thiên đản (hở bên trái) (Bài Tựa Thập Tụng - Quyển ba).
- Nê-hoàn tăng: phương y (y vuông).
- Ba-già-la: cũng gọi là Bạt-già-la, dịch là mộc bì.
- Ba-đầu-ma-y: dịch là xích hoa (Sơ Tụng - Quyển một).
- Y-đầu-cầu-la: cũng gọi Đầu-cưu-la, hay Đầu-đầu-la. Đầu-câu-la dịch là tế bố.
- Y-già-hy-na: dịch là công đức.
- An-đà-vệ: cũng gọi An-đà-la-bà-sa-tất, dịch là lý y.
- Khước-cụ-y: dịch là thọ hoa danh.
- Câu-bát-đa-la; dịch là tiểu bát (Tam Tụng - Quyển bốn).
- A-cưu-la-miên: dịch là vô chủng tánh, cũng gọi là vô cấu (Quyển năm).
- Cưu-xá-la-miên: dịch là hổ tu thảo (cỏ râu cọp).
- Thiền đầu-lặc-ngọa-cụ: cũng gọi là Xà-đầu lăng-già, dịch là tử (sắc tía) (thất pháp - Quyển một).
- Bàn-tẩu-y: dịch là dương mao (Thất Pháp - Quyển bảy).
- Câu-xa-thảo y: dịch là tế mao.
- Bà-bà-thảo y: cũng gọi Bạt-bà-mân, dịch là lộc mao.
- Xá-na y: dịch là mộc bì (Tăng Kỳ Luật - Quyển mười tám).
- Y bà-la-thiên-bị: dịch là thắng (Quyển hai mươi mốt).
- Bà-tẩu-thiên-bị y: cũng gọi Bà-tu, dịch là thật.
- Soa-la-bà-ni: cũng gọi Bát-nhĩ-bà-bà y, dịch là quốc danh.
- Phiến-na y: cũng gọi Xa-na, dịch là thọ bì y.
- A-la-lê-cách tỉ: cũng gọi A-la-tỳ, quốc danh (tên nước) (Quyển ba).
- Ương-già-na-la y: dịch là thể (Quyển năm).
- Ba-la-ngọa-cụ: cũng gọi Ba-la-bà-la-na, dịch là phúc thân y (y che thân) (Luật Sa-di-tắc - Quyển bảy).
- Bạt-na y: dịch là sắc.
- Ba-na y: dịch là phấn tảo.
- Xá-lặc: nội y.
- Y-ni-tát-kỳ: dịch là xả (Quyển hai mươi lăm).
- Y Sô-di: dịch là bố y (Quyển hai mươi tư).

- Y Bà-xá-na: dịch là y.
- Y A-ha-na: cũng gọi A-ha-đa dịch là tân y.
- Cù-trà-già y: quốc danh (tên nước).
- Ương-già-trì-châu-khải: cũng gọi Ương-tha-đà, dịch là hệ túy (Quyển hai mươi bốn).
- Tần-già-ni phát y: quốc danh (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển hai).
- Bát-đâu-na-bà-sất: dịch là quyên (lụa), Bát-đâu-na dịch là tế, Ba-sất là quyên (Quyển sáu).
- Bà-na y: dịch là lâm.
- Bà-hưng-già y: quốc danh.
- Chu-la-bà-lê-ca-la-y: luật gọi ly-túy-y.
- Phúc-la: dịch là Lặc-kỳ.
- Ca-na-phục-la: dịch là nhĩ (Quyển mười sáu).
- A-la-lê-thảo-tỷ: dịch là thảo (Quyển mười bảy).
- Phục-la-bạt-đà-la-thảo-tỷ: cũng gọi Đâu-la-bạt-la. Đâu-la dịch là miên, bạt-đà dịch là phược.
- Chơn-thệ-lê-thảo-tỷ: dịch là tế thanh (tiếng).
- Khước-bỉ-dục-điệp: dịch là phân biệt thời phần (A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa - Quyển tám).
- Bà-la-khâm y: cũng là Ba-la-na hình, dịch là quốc danh (Quyển hai mươi ba).
- La-xoa: cũng gọi Lặc-xoa, dịch là tử sắc (Đại Phương Đẳng, Đại Tập Kinh - Quyển mười hai).
- Khước-ba-đồ-sa: cũng gọi Khước-cụ-đầu-sa: dịch là điều bố (Ma-đắc-lặc-già Kinh - Quyển ba).
- Đâu-na-câu: Đâu-na dịch là quốc danh (tên nước) (Quyển bốn).
- Câu-đàm-ba-nhận: tên nước.
- Câu-chỉ-la-nhận: tên nước.
- A-bà-la-đa-nhận: A-ba-lê-sất, dịch là biệt quốc.
- Ca-đầu-cưu-la: Ca-la-cừu-la, dịch là hắc tế bố (Quyển sáu).
- An-đát-bà-bà: cũng gọi An-đát-la-bà-bà, dịch là nội y.
- Bà-tăng-kỳ bị: dịch là tướng trước (kinh Quán Phật Tam-muội - Quyển bảy).
- An-đà-la-bạt-tát: cũng gọi An-đà-la-bạt-tư-sất. An-đà-la dịch là tên nước (quốc danh). Bạt-tư-sất là gia thắng (kinh Bồ-tát Xử Thai - Quyển một).
- Thích-ca tỳ-lăng-già: Thích-ca là họ, Tỳ-lăng-già là bất hảo sắc

(Thủ Lăng Nghiêm - Quyển thượng).

- Tăng-na tăng-kiết: dịch là trang sức khải (A-siểm Phật - Quyển thượng).

- Tam-bàn y: cũng gọi Tâm-cổ-na dịch là cụ túc (kinh Di giáo Tam-muội - Quyển thượng).

- Ca-lăng-già y: tên nước (Thất Vương Thất Bảo Hiện - Quyển thượng).

- Lăng-kỳ dịch là sắc (kinh Thiên Tử Tộc Quang).

- Câu-nhiếp y: dịch là linh (Bồ-tát Tạng Kinh).

- Câu-di-bà-y: tên nước.

- Ma-ha là đại, tăng-na là khả (áo đồng: (?)(?). Tăng-niết là trước (mặt).

(Văn-thù-sư-lợi vấn Bồ-tát kinh).

DƯỢC DANH - PHẦN SÁU MƯƠI TÁM

(Tên thuốc).

- A-lam-bà-dược: dịch là bất thụy (kinh Hoa Nghiêm - Quyển bốn mươi chín).

- A-la-bà-dược: cũng gọi là A-thích-sa, dịch là vô muội.

- A-già-đà dược: cũng gọi A-kiệt-đà, A-già-đà là hoàn (viên) (Quyển bảy).

- An-đà dược: dịch là căn (rễ) (kinh Đại Niết-bàn - Quyển ba mươi tư).

- La-tán-xà-na: La-tán dịch là chung nhũ, xà-na là hắc thạch (đá đen) (thập tụng luật tự - Quyển hai).

- Bà-châu-la dược: dịch là thực qua (trồng quả) (Tam Tụng - Quyển ba).

- Tỳ-mục-thả-mạn-đà dược: dịch là luyện diệp.

- Ca-lư-ế-ni dược: cũng gọi Ca-phụ-lư-ế-ni, dịch là hoàng liên.

- Xà-ba-dươc: dịch là đại mạch (Tứ Phần Luật - Quyển ba).

- A-lậu: dịch là căn (Quyển bảy).

- A-bà-xà: luật gọi là yên dược (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển mười bảy).

- Xà-tỳ: dịch là căn dược (kinh Hiền Ngu - Quyển bốn).

- Ca-tư dược:

- Na-đề thần dược: dịch là giang (sông) (Thập Trụ Sở Đoạn Kết Kinh - Quyển năm).

- An-thiền-na: dịch là nhãn dược.
- Kim-sa: cũng gọi Thi-sa-la, sa dịch là tợ đầu (kinh Bồ-tát Xử Thai - Quyển năm).

ẨM THỰC DANH - PHẦN SÁU MƯƠI CHÍN

(Tên thức ăn).

- Tu-đà cam-lộ: dịch là tứ (bốn (?)) (Đại Trí Luận - Quyển ba mươi hai).
- Ma-đầu-đà-bà-tương: ma-đầu dịch là mật, đà-bà là tạc.
- Khiếp-tân-xà-la tương: dịch là nhiễm đồ tử (Trung A-hàm - Quyển hai mươi chín).
- Tỳ-la: cũng gọi là phá-la, dịch là phan (ban: vứt bỏ) (Quyển năm mươi bảy).
- Câu-thi: gọi là câu-xá, dịch là mao (cỏ).
- Chiêu-lê tương: cũng gọi là chiêu-già dịch là cam tiêu (Thập Tụng Luật Tự - tụng thứ hai).
- Mao-lê tương: cũng gọi quang giá, dịch là tạc cam liêu (ba tiêu.
- Xá-lê tương: dịch là hoa căn.
- Ba-lưu-sa tương: dịch là hốt (chợt).
- Khướt-tất-tha tương: khước-tất-tha dịch là lê (cây lê, già).
- Đát-bát-na: dịch là siêu (?) (Sơ Tụng - Quyển một).
- Khư-đà-ni: dịch là khả đạm (Nhị Tụng - Quyển bảy).,
- Tô-tỳ-la tương: dịch là mộc diệp, cũng gọi là thanh (Tam Tụng - Quyển ba).
- Thích-câu-la-bỉnh: dịch là hồ-ma-bỉnh (bánh bột) (Quyển bốn).
- Ba-ba-la bỉnh: dịch là bính ((?)(?): chạy tán loạn).
- Câu-xá-lê bỉnh: dịch là bạc-ma bỉnh (Bát Pháp - Quyển sáu).
- Chu-la tương: dịch là tiểu (Tạp Tụng - Quyển bốn).
- Mâu-la tương: dịch là căn.
- Pha-lê tương: dịch là quả (Tạp Tụng - Quyển bốn).
- Bà-đà-ma: dịch là ngã thuyết (Thiện Tụng - Quyển một).
- Xà-thị: dịch là tửu tương (rượu) (Tăng Kỳ Luật - Quyển ba).
- Điên-đa-lê tương: cũng gọi là Chiên-già-lê dịch là tạc quả.
- Ba-lâu-sa tương: dịch là hốt quả.
- Ba-lũng-cừ tương: cũng gọi Bà-bà-yên-lũng-cừ, dịch là thọ tử.
- A-đà-tư-do: dịch là trang tử.
- Bắc-chu-lăng-già-do: dịch là luyện tử ((?): luyện, kén chọn).
- Ban-thi-mật: dịch là trúc.

- Ba-na-mật: dịch là địch (cỏ).
- Ma-ha Tỳ-lê-mật: dịch là đại tinh tấn.
- Am-la tương: dịch là tạc quả.
- Ha-lê-đà tướng: dịch là tạc quả.
- A-đề-mục-đa-do: dịch là thoát cũng gọi là dục.
- Tu-tu-la-mục: dịch là Tu-già-la, dịch là chư (?).
- Xà-chí: dịch là thanh sắc.
- Vị-bạt-già lam: dịch là thanh sắc.
- Vị-bạt-già lam: dịch là hảo sắc (Quyển bốn mươi mốt).
- Tỳ-lãm-viên: dịch là bạch.
- Bắc-ca-diêm: cũng gọi bắc quả, dịch là thục (chín).
- Xa-đà-ni: cũng gọi Sa-đà-ni, dịch là khả đạm (luật Sa-di-tắc - Quyển một).
- Câu-lưu-mễ phạn: dịch là tác.
- Sa-lê-la: dịch là bạch mễ (gạo trắng) (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển bốn).
- A-kiền-đa thực: luật gọi là mật Tỳ-kheo thực, dịch là mật (Quyển sáu).
- Cù-la: luật gọi là mỹ bỉnh (bánh ngon) (Quyển bảy).
- Tu-bộ: luật gọi là thanh đậu cái mỹ (Quyển mười bảy).
- Kiết-la-la: luật gọi là trúc tịnh.
- Ô-bà-đà-pha-ni: luật gọi là bạt nhật cừ đường.
- Kim-lâu-già tướng: dịch là căn.
- Ba-lâu-sư tương: dịch là hốt (chợt).
- Tô-tỳ-diêm: cũng gọi Tô-tỳ-la, dịch là hảo dõng - Quyển mười tám.
- Cửu-lâu-ma: cũng gọi Cừu-lâu-tự-sa, dịch là đại đậu (Ma-đắc-lặc-già kinh - Quyển bốn).
- Ô-đà-na trách: dịch là Ô-đà-na là phạn (cơm) (Quyển sáu).
- Ô-sa-mạn-đà: dịch gọi tiểu đậu.
- A-đề-mục-đa-do: dịch là hoa danh (tên hoa).
- Mạn-đầu-du: dịch là đệ nhất.
- Quân-trà-mật: dịch là thảo danh (tên cỏ).
- Bố-túc-mật: dịch là tiểu phong (mật).
- Mạn-xà-mật: cũng xà-lê, dịch là hoa diệp.
- Ma-ha Tỳ-lê-mật: dịch là đại lực.
- Ba-ba-la bỉnh: Ba-la dịch là ma bỉnh. (Ưu-bà-tắc ngũ giới tướng kinh).

TẠNG DANH - PHẦN BẢY MƯƠI

- Kim cang Na-la-diên tạng: dịch là lực (Hoa Nghiêm kinh - Quyển bốn mươi).
- Y-la-bát tạng: cũng gọi Y-la-bát-đa-la. Y-la dịch là hương, Bát-đa-la dịch là diệp (Tăng Nhất A-hàm - Quyển bốn mươi hai).
- Ban-trù-đại tàng: dịch là hoàng nuy sắc (vàng nhạt).
- Tân-già-la tạng: hoàng xích sắc.
- Tương khư tạng: cũng gọi thương khư, dịch là kha (ngọc kha).
- Tân-già-la bảo tạng: dịch là thương sắc (sắc xanh).
- Bán-lăng-ca-bảo tạng: hoàng lưu.
- Tương-già tạng: dịch là hảo thân (Tạp kinh).

BẢO DANH - PHẦN BẢY MƯƠI MỐT

- Diêm-phù-na kim: cũng gọi Diêm-phù-na-đề, cũng gọi Diêm-phù-đàn. Diêm-phù dịch là thọ danh, na-đà là giang (sông) (Đại Trí Luận - Quyển bốn).
- Tỳ-lưu-ly bảo: dịch là bạch (Quyển mười).
- Ma-ni châu: Ma-ni dịch là châu.
- Ma-la-già-đà: luận gọi là thải sắc, dịch là thanh châu (châu xanh).
- Nhơn-đà-ni-la: luận gọi thanh châu, dịch là thiên chủ đại châu.
- Ma-ha-ni-la: luận gọi đại thanh châu, dịch là đại đại châu.
- Bát-ma-la-già: luận gọi xích quang châu, dịch là xích liên hoa châu (châu hoa sen đỏ).
- Việt-xà: cũng gọi bạt-xà-la, dịch là kim cang.
- Pha-lê: cũng gọi pha-chí-ca, luận gọi là bạch châu, dịch là bạch châu là các loại thủy tinh, bạch châu.
- Ba-la bảo: dịch là thắng (Quyển mười).
- Ba-la-nhĩ-sở-đề: cũng gọi Ba-la-nhĩ-miên, ba-la dịch là tha, nhĩ-miên là (?) đại tàng (Quyển ba mươi mốt).
- Nhơn-đà-la tràng bảo: dịch là thiên vương (kinh Hoa Nghiêm - Quyển mười một).
- La-xà-tàng bảo: dịch là vương.
- Thiên-đa-la-la: cũng gọi đa-la-đa, đa-la-đa dịch là độ.
- Y-na-la bảo: dịch là đại.
- Lưu-ly-y-đà-la bảo: cũng gọi nhơn-đà-la-ni la. Nhân-đà-la dịch

là thiên chủ, ni-la là thanh bảo.

- Thọ-đề-sa-đà-la-ni-quang: Thọ-đề-sa dịch là xiêm (màn) tinh nhân, Đa-là-ni là trì (Quyển ba mươi chín).

- Kiết-điền-la trang nghiêm: cũng gọi là chỉ điền, dịch là anh lạc (Quyển bốn mươi).

- Di-ha-la bảo: cũng gọi Di-a-la, dịch là kim đái.

- Tỳ-sa-môn bảo: dịch là thắng văn (Quyển bốn mươi tám).

- Ma-ni-bà-đà-di: dịch là Ma-ni là châu-bà-đà nghĩa hiền (Trường A-hàm - Quyển ba).

- Tăng già thi: cũng gọi già tăng Thi-la, dịch là bạch vương (Tứ Phần Luật - phần bốn - Quyển ba).

- Bà-tu: dịch là bảo (Quyển sáu).

- Bà-la-ca châu: dịch là bạch (Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa - Quyển sáu).

- Bà-la-da châu: dịch là huyền (treo).

- Ca-cưu-đà-bà-la châu: Ca-cưu-đà dịch là (?) hiệt, bà-la dịch là thắng.

- Chiên-đà ma-ni: cũng gọi Chiên-đà-la-ma-ni, dịch là nguyệt châu.

- Chân-thúc-ca-bảo: dịch là anh nga (kinh Pháp Hoa - Quyển bảy).

- Tỳ-lăng-ma-ni sắc: cũng gọi Tỳ-lăng-già-ma-ni. Tỳ-lăng-già dịch là bất hảo sắc, ma-ni là châu. (Niệm-ma Phật Tam-muội Kinh - Quyển bốn).

- Tỳ-lưu-ly sắc: dịch là bạch bảo.

- Luật-la-bát-đa bảo: cũng gọi Tỳ-la-bát-đa-la (Ưu-bà-tắc Giới - Quyển năm).

- Nan-đà-bà-na: hoan hỷ trượng.

- A-mâu-trà-mã: cũng gọi hà-mâu-la (Nghiêm-sa Kinh - Quyển một).

- Thi-lợi-ca bảo: dịch là kiết.

- Ca-la bảo: dịch là hắc (Hiện Đại Phật Danh - Quyển một).

- Tỳ-lư-già-na bảo: dịch là chủng chủng quang.

- Thích-ca Tỳ-lăng-già-ma-ni: Thích-ca là họ, Tỳ-lăng-già là bất hảo sắc, ma-ni là châu (Quán Vô Lượng Thọ Kinh).

- Thích-ca Tỳ-lăng-già bảo: Thích-ca dịch là năng, Tỳ-lăng-già là bất hảo sắc (Kinh Hư Không Tạng).

- Tỳ-lăng-già bảo: bất hảo sắc (kinh Niết-bàn - Văn-thù-sư-lợi).

- Ma-sa-la-già-lệ: dịch là mã hốt (?) (Phật vấn A-tu-thâu Đại Hữu Uy Kinh)
- Đà-na-bạt-sất: dịch là vật trưởng.
- Đà-nhã-bạt-sất: dịch là thanh trưởng.

THỜI TIẾT DANH - PHẦN BẢY MƯƠI HAI

- Ca-la dịch là thời (Đại Trí Luận - Quyển một).
- Tam-ma-da: dịch là thời phần.
- A-tăng kỳ kiếp: A là vô, tăng kỳ là vô, dịch là vô số kiếp.
- Bạt-đà kiếp: cũng gọi Bạt-đà-la, cũng gọi ba-đà. Bạt-đà là thiện, dịch là hiền (Quyển ba mươi tám).
- Kiếp-pha: cũng gọi là phân biệt thời tiết.
- Sát-na: dịch là sanh diệt (kinh Hoa Nghiêm - Quyển ba mươi lăm).
- La-bà: dịch là lục nhập Đát-sát-na. Sáu mươi sát-na là một la-bà.
- Đát-lộ: cũng gọi mâu-hầu-đát-lộ, dịch ba mươi la-bà là mâu-hầu-đát-lộ, thiền kinh gọi là một ngày một đêm.
- La-da: kinh gọi sáu mươi niệm hạng là một la-bà (la-da) (Trường A-hàm - Quyển hai mươi hai).
- Ma-hầu-đa: kinh gọi ba mươi la-na là một ma-hầu-đa.
- Tam-bạt-sất kiếp: cũng gọi Tam-bạt-thâu-di, luật gọi là kiếp diệt (Thiện Kiến Luật, Tỳ-bà-sa - Quyển năm).
- Tỳ-bạt-thâu-di kiếp: cũng gọi Tỳ-bạt-sất, luật gọi là kiếp hoặc.
- Ca-đề đồng: dịch là thời nguyệt (Quyển mười bốn).
- A-lưu-na: luật gọi minh viết (Quyển mười bốn).
- Hằng-sát-na: kinh gọi là nhị thập sát-na (Thiền Kinh - Quyển hạ).
- La-đà-na-tam-pha: kinh gọi nhị thập sát-na (kinh Thuần Chơn Đà-la - Quyển hạ).
- Ba-la lâm kiếp: kinh gọi là thanh tịnh bạch.
- Ly-đấu: kinh gọi hai tháng là một tiết, một tiết là ly đấu (kinh Tướng Thanh Giải Thoát - Quyển thượng).
- Ba-la kiếp: Ba-la là bỉ (kia).
- La-ba kiếp: gọi là la cố (Quyển ba).

SỐ DANH - PHẦN BẢY MƯƠI BA

- Do tuần: cũng gọi là Du-xa-na, dịch năm trăm cung là một Câu-lô-xá, tám câu-lô-xá là một Du-xà-na (Đại Trí Luận - Quyển một).

- Na-do-tha: dịch là trăm vạn.

- Ca-đà: mười tần-bà.

- Câu-lô-xá: cũng gọi Câu-lô-xa, dịch là năm trăm cung (Thập Tụng Luật, Nhị Tụng - Quyển năm).

- Câu-lợi-na thuật du tuần: cũng gọi Câu-chí-na-do-tha-do-tuần. Câu-chí dịch là đức, Na-do-tha là mười vạn, do tuần là bốn mươi lý (kinh Ban Chu Tam-muội).

phiên dịch Phạn ngữ - Quyển mười).

Thâm Hiền

Ngày 15 tháng 02 năm Diên Ứng thứ hai.

Bản viết này chép tại Địa Tạng viên thư của chùa Đề Hồ, ý chỉ phần nhiều không rõ ràng, hiểu được ý như bổn viết thì có thể xem qua vậy.

Đạo thành

Ngày 10 tháng 04.

Ở mặt nam đồng viện cùng họp hiệu đính lại.

Thâm viên.

Toàn bộ mười Quyển, lấy từ bổn truyền Phạn của sư Thâm Hiền, ở Địa Tạng viên, khi hoàn thành bèn thâu nạp vào kinh Tạng Quán Trí viện.

Ngày 28 tháng 08 năm Khoan Bảo Nguyên (Tân Dậu).
Tăng Chánh Hiền ghi
Tục sĩ là năm mươi tám tuổi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 202

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

SỐ 2131

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2131

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

LỜI TỰA

(Của Tống Duy Tâm cư sĩ, Kinh Khê Châu Đôn Nghĩa soạn).

Tôi xem Đại Tạng từng có bắt chước quí chuộng Tổng Mục Văn. Nắm lấy yếu nghĩa của kinh xem là Tổng mục của Nội điển. Thấy trong các kinh thường dùng chữ Phạm thì góp nhặt tra xét kinh giáo dịch đủ các âm nghĩa mà đưa ra làm thành một bảng riêng, nhưng chưa xong thì đã quá già. Ngài Hiển Thân Thâm Lão chỉ đưa cho tôi bảng phiên dịch Danh Nghĩa của ngài Phổ Nhuận Đại sư Pháp Vân ở chùa Cảnh Đức tại Bình giang. Tôi xem qua thì vui mừng bảo rằng đây thật là ý tôi! Ngày nào Tổng mục thành thì Biệt lục (phần chép riêng) mới có thể ngưng. Tôi đến Bình giang thì Pháp Vân ra gặp nhờ tôi viết lời Tựa. Tôi nghĩ sách này không có công giúp người đọc kinh Phật mà cũng có thể giữ gìn ý căn của người chê bai Phật pháp. Ngài Đường Huyền Trang luận có năm thứ không dịch: Một là Bí mật, như Đà-la-ni (thần chú). Hai là bao gồm nhiều nghĩa, như Bạt-già-phạm có sáu nghĩa. Ba là cõi này không có như cây Diêm tịnh, ở Trung Hạ (Trung Hoa?) thật không có cây này. Bốn là thuận theo xưa, như A-nậu Bồ-đề đều có thể thể dịch, từ ngài Ma-đằng đến nay thường dùng tiếng Phạm. Năm là sanh thiện, như Bát-nhã thì tôn trọng, còn trí tuệ thì xem thường mà thất mê chi tác. Bèn gọi Thích-ca Mâu-ni là Năng Nhân nhưng nghĩa của Năng Nhân lại kém hơn Chu Khổng. Chữ A-nậu Bồ-đề gọi là Chánh biến tri. Song ở cõi này thì giáp của Lão Tử có trước mà đạo Vô Thượng Chánh Chân thì không có gì là lạ. Bồ-đề Tát-đỏa gọi là Đại Đạo Tâm Chúng

Sanh, tên ấy kém cõi nên để yên mà không dịch. Phàm tiếng tôn xưng Tam bảo người dịch giữ nguyên tên mà nêu ra thành lời chê bay. Khiến người đọc sách này không dung được lời lẽ (trác?) ấy - Song Phật pháp vào Trung Quốc, kinh luận ngày càng nhiều. Từ Pháp sư Đạo an đời Tấn đến ngài Trí Thăng đời Đường làm Mục Lục Đồ Kinh có hơn mười người. Nay các kinh Đại Tạng cũng đều lấy Khai Nguyên Thích Giáo Lục của Thăng Pháp sư làm chuẩn. Người sau chỉ tăng thêm Tông Giám Lục, Pháp Uyển Châu Lâm. Ở ngoài Tạng như có bốn quyển kinh Kim Quang Minh, luận Ma Ha Diễn và Chứng Đạo Ca ở cõi này thì còn nhiều thứ không vào tạng. Nước ta vua sai các quan giúp việc dịch kinh nhuận văn do đó mà rất lưu thông Phật pháp. Riêng chưa có một người nào nối ngài Thăng Pháp sư sau phiên dịch lâu xa lưu truyền tan mất thật giả lẫn lộn, không có chỗ nào y cứ thật đáng trách than. Vân tuy đã già nhưng vẫn còn cố gắng thay.

Năm Thiệu Hưng Đinh sửu. Ngày Ngọ - Kính Tựa.

Ngài Tuyết Sơn Đại sĩ xin nghe nửa kệ mà thí thân, ngài Pháp Ái Phạm Chí kính bốn câu kệ mà chẻ xương kẻ chìm bể khổ đã lâu nay gặp thuyền tư quyết chí kính thành mà góp nhặt kinh luận nên ở trước tượng Phật mà thắp hương lễ bái, dứt hết tạp niệm trần lao, dạo chơi rừng pháp Bát-nhã, hết quyển xếp pho nhiếp tâm ngồi yên mà chiếu xét Bản thể nguyên minh là tánh vốn thường tịch, tuy vạn vật có bày ra nhưng một không mà dứt hết.

Vô Cơ Tử Pháp Vân kính gắng sức.

*****

LỜI KÝ VỀ HẠNH NGHIỆP CỦA NGÀI PHỔ NHUẬN ĐẠI SƯ Ở CHÙA CẢNH ĐỨC TẠI TÔ CHÂU

Phổ Nhuận Đại sư tên là Pháp Vân, tự Thiên Thoại, tự xưng là Vô Cơ Tử, họ Qua. Đời ở Trường châu làng Thái vân. Cha mẹ khi cầu con với Phật thì mộng thấy có một Phạm tăng bảo ta muốn gởi kinh ở đây. Kịp khi sanh ra thì mặt mày giống người thấy trong mộng. Tướng Ngài riêng khác. Tuổi còn nằm nôi (quấn tả) thấy Tăng đến thì rất mừng muốn chạy đến như được đồ chơi quí báu. Năm tuổi thì từ thân lễ ngài Từ Hạnh Bàng (Phưởng) Công làm thầy. Trước từ Đình Huấn, Thần Phong đã mạnh phát qua năm sau thì thuộc làu Diệu Pháp Liên Hoa kinh bảy quyển. Chín tuổi cạo tóc, hai mươi tuổi thọ Cụ giới lấy

pháp đã nhận mà lên tòa Hòe vì chúng nói giới, nối Thánh bốn (?) đến các phương tham cứu. Trước gặp ngài Thông Chiếu Pháp sư mà học tập Đại Giáo Thiên Thai, kế theo ngài Thiên Trúc Mẫn Pháp sư lắng nghe Huyền Đàm. Sau cùng đối đáp đồng lúc mà đắc pháp với ngài Nam Bình Thanh Biện Đại Pháp sư. Thay cầm như ý vì chúng mà giải bày. Rồi đức phong vang danh bốn cõi tiếng khen xa gần. Lúc đó là năm Chính Hòa bảy. Quận Hầu vi, Du Các Trực Học sĩ. Thông Nghị Đại phu, Ưng An Đạo lạy thỉnh sư trù trì ở Đại giác giáo tự tại Tòng giang nhưng vẫn tiến tích kim hiệu mà người học chen nhau đến như sông chảy về Đông. Đến năm Chính Hòa tám thì giảng Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Niết-bàn Tịnh Danh Đại Tiểu Bộ, nối bóng mặt trời đợi sáng núi (biển) từ mênh mông, tiếp nối nhân Từ Mẫu tuổi cao nghĩ việc báo ân sâu cha mẹ bèn bỏ việc mà quay về thăm, cất nhà tranh bên phần mộ tổ tiên gọi là Tàng Vân. Tuy ở nơi gò bụi mà dạo bước rất nhiều giả đạo học hỏi rất đông ở ngoài cửa. Sư lại tạo tượng ba Thánh Tây phương mà khuyến hóa mọi người. Mẹ sư sau có bệnh nhẹ, sư ở bên giường đêm giảng tâm kinh niệm Phật A-di-đà, Phật phóng ánh sáng vàng vào mẹ và khắp bốn phương không chỗ nào chẳng thấy, điềm lành đã tốt lạ khi lâm chung rất vui vẻ. Khi hỏa thiêu xong thì có nhiều xá-lợi sáng như viên châu (ngọc châu tròn). Trải mấy ngày sau thì hiện hai cành hoa sen đó là chỗ sanh có thể biết vậy do đây mà biết phương ấy. Đại Nghĩa Độ Đầu là đạo (đường thoát sanh là nghĩa lớn) giống như cao tột. Song chí nhân đích lý đi đâu chẳng theo. Cho nên Đức Thế Tôn ta khi lên trời Đao-lợi nói pháp để báo ân, Chỉ Man Tỳ-kheo khắp làm hạnh từ.

Năm Thiệu Hưng Giáp tý Tăng trong chùa dẫn chúng cùng đến Vân am thỉnh sư về chùa, bạch chúng y chỉ sư nhận lời sang năm cùng cùng các đồ đệ đón tượng vào chùa, đem gác hoa làm nhà. Rồi lập Liên Xả Thắng Hội tập họp cả ngàn người hết khóa Quán kinh, niệm Phật Bổn Tánh Duy Tâm. Lại lập hội Bát Quan Trai và Kim Quang Minh và Pháp Hoa, Đại Bi, Viên Giác, Kim Cang v.v... và soạn Tây Tư, sĩ phu danh hiền. Thiện tín bốn chúng kính ngưỡng cao phong của sư người đến đầy nghẹt đường xá cùng tranh nhau đến trước trọn thành siêu việt. Như Tiến sĩ Vương Linh ở Cẩm giang, Cống nguyên Trương Khải ở Võ lâm, Quốc lục Ngô Ngạn Anh ở Tam cù, Gia yểu Đăng Sĩ, Kim Đình Khuê Ngô, người ở Hội an, Tiền Thị v.v... những người này đều sanh Tịnh độ.

Pháp sư làu thông kinh sử, bao quát cổ kim đủ tài năng tám bị, chứa đức thiện mười điều, biên tập phiên dịch Danh Nghĩa, chú giải

kinh Kim Cang và Tâm Kinh, sớ sao Trứ tức Ấm Tập v.v... đều lưu hành ở đời, không gì là chẳng hiển chương thánh hóa cổ súy sơn gia, tự lợi lợi tha đều làm hết các việc. Một hôm sư tắm gội thay áo ngồi nghiêm hướng về Tây, gọi đệ tử bảo rằng: Các ông nên nghĩ lửa vô thường thiêu đốt thế gian, sớm cầu tự độ, cẩn thận chớ nên biếng lười. Rồi viết kệ rằng:

"Cây quỳnh tột trời cao
Tử kim đài cao vút
Vô sanh sanh nước ấy
Bất động chẳng mảy may."

Các ông giữ lời này và viết sao ra trao khắp các tri thức. Ta cuối cùng vì thỉnh Định Tuệ Đường Đầu, Bảo Tràng Pháp chủ y đây mà nâng khám nổi lửa, ngoài ra không gì khác". Nói xong thì im lặng mà thoát. Đêm đó chuông trống xa nghe, mùi hương lạ đầy nhà. Khi đã liệm sư vào khám mà chúng vẫn còn nghe miệng sư niệm danh hiệu Phật lãng vãng bên tai. Lúc đó là năm Thiệu Hưng 28, ngày 21 tháng 9 thọ 71 tuổi, được 61 lạp. Củi thơm bừng lên bày lợi vô cùng. Ôi vùng bể nhỏ không đủ dung sóng to vút khoảng không, sa mạc hé không đủ cách vượt trời cao. Nay Pháp sư phát ra tướng lưỡi rộng dài ở bề Tát-bà-nhã lay động sừng dê (?) ở Đệ nhất. Tuy là Cổ cao Tăng không cần trách (khiêm nhượng?) nhiều nhanh chóng nắn đắp tượng pháp sự. Được đệ tử là Văn Biện Đại sư nêu rõ Hành Tàng sư ở Tượng mong chẳng so lường không giống mạo sửa văn tự để làm khác lạ, bởi muốn nêu cao đức thiện của Tổ tông, để con cháu biết mà nối truyền.

Sinh năm Đại Đức 5, tuổi Tân sửu ngày 9 tháng 9 nối Tổ trụ trì, vĩnh định giáo tự (ở chùa Vĩnh Định Giáo). Cát Tường Hùng Biện Đại sư phổ họp làm bày ký.

Bài ký này đặt trước phiên dịch Danh Nghĩa để nhiều người biết cái cao quí của người soạn.

******

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

Cô Tô - chùa Cảnh Đức - Phổ Nhuận Đại sư Pháp Vân biên soạn.

QUYỂN 1

Phàm phiên dịch là dịch tiếng Phạm thành tiếng Hán, âm tuy giống khác nhưng nghĩa thì đồng nhau. Tống Tăng Truyện nói như lật đổi bức thêu trái mặt đều có hoa, chỉ hai bên trái phải không đồng mà thôi. Dịch nghĩa là đổi. Nghĩa là đem cái có đổi cái không có, cho nên đem kinh cõi này mà hiển bày pháp cõi kia. Lời Châu Lễ nắm bốn phương đều có các quan. Phương Đông thì gọi là ký, phương Nam thì gọi là tượng, phương Tây thì gọi là địch đề, phương Bắc gọi là dịch. Bởi nhà Hán phần nhiều thờ phương Bắc mà quán dịch gồm giỏi tiếng phương Tây. Cho nên khi ngài Ma Đằng mới đến mà dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương, nhân đó gọi là dịch. Nói về Danh Nghĩa thì Năng thuyên gọi là Danh, do đó làm nghĩa, gọi Năng thuyên thì Hồ và Phạm âm khác nhau, từ đời Hán đến đời Tùy đều bảo Tây Vức là nước Hồ. Đời Đường có Ngạn Tông Pháp sư riêng phân Hồ và Phạm. Từ Thông lãnh trở về Tây đều thuộc giống Phạm. Ở bên tả của Thiết môn đều thuộc quê hương của Hồ. Nói Phạm âm (tiếng Phạm), từ kiếp sơ rộng đến trời Quán Âm, các thiên thần giáng xuống làm Tổ loài người nói ra tiếng Phạm. Nên Tây Vức Ký nói về văn tự do Phạm thiên chế ra làm phép tắc đầu tiên bốn mươi bảy tiếng mượn vạn vật họp thành, tùy việc mà đổi dùng truyền ra các chi phái mà gốc nó rộng dần. Nhân đất tùy người mà có chút ít sửa đổi, lời nói bắt chước nhau chưa khác với nguồn gốc. Nhưng tiếng nói ở Trung Ấn Độ là đúng và rõ, lời nói hòa nhã cùng giống với tiếng Trời, khí vận thanh cao, làm khuôn phép cho người.

Có người hỏi Huyền Trang Tam Tạng Nghĩa Tịnh Pháp sư đi Tây du đến nước Phạm, đông dịch tiếng Hoa, chỉ rõ dịch xưa là sai, há có thể Bậc Sơ Địa Long Thọ luận tiếng Phạm mà chẳng thân (như gọi kỳ xà là thứu, quật là đầu, trang cho là sai, nay gọi là cô lật la cự tra). Ngài Tam Hiền La Thập dịch tiếng Tần mà chưa đúng (Thập dịch La-

hầu-la là Phú chướng, Tranh dịch La-hộ-la là chấp nhật). Đã đều lẫm lẫn sao được cảm thông. Dịch kịp xưa nay của phước sáng tối. Nay thủ dịch rằng nước Tần Sở Bút Duật tên khác, thời Ân Hạ, văn chất thể khác, huống là năm cõi Ấn Độ cách xa nhau ngàn năm. Thời gian đổi thì phong tục thay đổi, tiếng nói tên gọi cũng đổi thay. Đến như truyện mới ở Lương Đường mà bản dịch xưa đời Tần Tấn lại khác nhau. Nếu ý đã hiểu sao lại bó sát (đóng kín) lời. Bày nôm tuy khác mà được cá nào khác. Pháp Vân tôi mười tuổi không biết gì, ba y lạm mặc (mặc càng), sau học Thánh giáo rất dốt tiếng Phạm, do đó mà suy nghĩa nghĩ loại, tùy thấy tùy chép. Chỉ vì văn kinh luận rải khắp, sớ ký nghĩa rộng, trước sau thêm bớt trong mười hai năm soạn được bảy quyển sáu mươi bốn thiên mười hiệu ba thân nêu rõ trước mặt, bốn châu bảy thú sáng rõ như chỉ trong bàn tay khỏi công cực nhọc kiểm duyệt, xin chứng tốt cho lòng thành chỉ thẹn nghĩa thiên rộng lớn, nhìn ống thấy sao khắp, biển giáo sâu kính mọt đục ngang sao hết. Nếu có các thiếu sót mà nghi ngờ riêng đợi các nhà học rộng bổ túc. Nay là thời Đại Tống, năm Thiệu Hưng 13 Quí hợi, ngày tối trời tiết Trọng thu (tháng 8) ở tại viện Di-đà, ôm bịnh kính lời.

Gồm mười ba mục sau đây:

1. Mười thứ thông hiệu
2. Tên riêng của các Phật
3. Ba thân chung riêng
4. Tên riêng của Thích Tôn
5. Ba thừa thông hiệu
6. Tên riêng của Bồ-tát
7. Độ năm Tỳ-kheo
8. Mười đệ tử lớn của Phật
9. Gồm chung các Thinh văn
10. Tống Thích luận chủ
11. Tống phiên dịch chủ
12. Bảy chúng đệ tử.
13. Tên chúng Tăng già.

1. MƯỜI THỨ THÔNG HIỆU.

Phước Điền luận nói Tam bảo rằng: Công Thành Diệu Trí, Đạo Chứng Viên Giác gọi là Phật. Huyền lý sâu kín, Chánh giáo tinh thành gọi là pháp. Giữ gìn giới cấm, chơn oai nghe xuất tục gọi là Tăng. Đây đều là người đứng đầu dẫn dắt bốn loài, thuyền ghe của sáu thú nên gọi

là Bảo.

Vô Cơ tôi hỏi rằng: Như kinh Niết-bàn nói: Thầy của chư Phật gọi là pháp thì nên lập giáo cử pháp làm đầu, cớ sao lại nêu Phật ở trước. Giải thích rằng: Người hay hoằng đạo chứ không phải đạo hay hoằng người. Người có công diễn giảng pháp, chứ pháp không có sức tự bày. Cũng như giấu mép phải có người chỉ ra, cho nên trước phải nêu Phật, sau mới nêu pháp. Phật có vô lượng đức, cũng có vô lượng tên. Cho nên nay tập hợp ở đây trước nêu mười hiệu. Mười hiệu là: 1/ Hiệu bắt chước dấu trước. 2/ Hiệu kham làm ruộng phước. 3/ Hiệu khắp biết pháp giới. 4/ Hiệu quả hiển nhân đức. 5/ Hiệu giỏi đến Bồ-đề. 6/ Hiệu Đạt ngụy thông chân. 7/ Hiệu nhiếp hóa người theo đạo. 8/ Hiệu Ứng cơ trao pháp. 9/ Hiệu giác ngộ quí (về) chân. 10/ Hiệu 3 cõi tiêng tôn quí.

- Tiếng Phạm là Đa-đà-a-già-đà (Tathàgata) cũng gọi là Đát-thát-a-kiệt. Sau (Hậu?) Tần dịch là Như Lai kinh Kim Cang nói: Không chỗ đến (không từ đâu đến) cũng không chỗ đi (không đi về đâu), nên gọi là Như Lai. Đây là lấy pháp thân mà giải thích. Luận Chuyển Pháp Luân nói: Đệ nhất nghĩa đế gọi là Như, Chánh giác gọi là Lai. Đây là lấy Báo thân mà giải thích. Thành Thật luận nói: Theo đạo Như Bảo, Lai (đến) thành Chánh giác nên gọi là Như Lai. Đây là lấy Ứng thân mà giải thích.

- A-la-ha (Arhat-Arahan), Tần dịch là Ứng cúng (đáng được cúng dường). Đại Luận nói: Đáng nhận được sự cúng dường của tất cả trời đất chúng sanh. Cũng dịch là Sát tặc, Bất sinh. Quán kinh sớ nói: Thiên Trúc 3 tên này gần nhau A-la-ha dịch Ứng cúng, A-la-hán dịch là Vô sanh, A-lư-hán dịch là Sát tặc.

- Tam-miệm Tam-phật-đà (Samy a ksambuddha) cũng gọi là Tam-da-tam-bồ, Tần dịch là Chánh biến tri. Đại Luận nói: Ấy là khắp biết tất cả pháp ngài La-thập gọi Chánh biến giác. Pháp không sai khác nên gọi là Chánh, Trí đều cùng khắp nên gọi là Biến, ra khỏi mộng sanh tử nên gọi là Giác. Diệu Tông nói: Ba hiệu này tức vời ba đức. Nay ở chỗ xem nghĩa hợp với ba đế thì Chánh biến tri tức là Bát-nhã chân đế. Ứng cúng tức là Giải thoát tục đế, Như Lai tức là Pháp thân trung đế. Cho nên Duy-ma nói: Này A-nan, nếu ta rộng nói ba cú nghĩa này thì ông suốt kiếp chẳng biết hết được.

- Bệ-xỉ-già-la Na-tam-bát-na (Vidyàcara nasampanna) Tần dịch là Minh Hạnh Túc. Đại Luận nói: Tức mạng, Thiên nhãn, Lậu tận gọi là ba Minh. Ba thừa tuy được ba Minh, nhưng Minh lại chẳng đầy đủ, còn Phật thì đầy đủ, đó là sự khác nhau.

- Tu-già-đà (Sugata) - Tần dịch là Hảo khứ (đi tốt, chết tốt). Đại Luận nói: các thứ ở sâu trong Tam-ma-đề vô lượng trí tuệ mà đi. Hoặc gọi là Tu-già-độ, dịch là Thiện Thệ. Kinh Địa Trì Bồ-tát nói: Bay lên lần thứ nhất (bậc nhất?) vĩnh viễn như trở lại nên gọi Thiện Thệ.

- Lộ-già-bị (Lokavid) - Đại Luận nói: Ấy gọi là Tri thế gian, biết hai thứ của thế gian là chúng sanh và không phải chúng sanh. Và tướng như thật, biết của thế gian. Kinh Trì Diệt Xuất Thế Gian, Đạo Xuất Thế Gian. Kinh Trì Địa nói: Biết chúng sanh giới thế gian tất cả thứ phiền não và thanh tịnh, gọi là Thế gian giải.

- A-nậu-đa-la (Anuttara) - Tần dịch là Vô thượng. Đại Luận nói: Như trong các pháp, Niết-bàn là Vô thượng trong chúng sanh Phật cũng Vô thượng. Kinh Địa Trì nói: Chỉ một Trượng phu gọi là Vô thượng sĩ. Đại kinh nói: Còn có chỗ đoạn dứt gọi là Thượng sĩ, không còn chỗ đoạn dứt gọi là Vô thượng sĩ.

- Phú-lâu-sa-đàm-miệu Ta-la-đề (Purusadamy asàràthi) - Tần dịch là Khả Hóa Trượng Phu Điều Ngự Sư. Đại Luận nói: Vì Phật dùng đại từ đại trí, có lúc nói lời êm ái, có lúc nói gắt gỏng, có lúc nói tạp (lộn xộn?) khiến cho đừng mất đạo. Nếu nói Phật là Điều Ngự Sư của người nữ là không tôn trọng, nên nói Trượng phu tất cả đều nhiếp.

- Xá-đa Đề-bà-ma-nậu Xá-nẩm (Sàstà Devamanu Syànam). Dịch là Thiên Nhân giáo sư (thầy dạy trời người). Đại Luận nói: Phật chỉ bày cái gì nên làm, cái gì chẳng nên làm, cái gì là thiện, cái gì là bất thiện, là tùy người mà dạy làm. Lại nói độ chúng sanh các đạo khác là ít, độ chúng sanh trời người là nhiều.

- Phật-đà (Buddha) - Tần dịch là Tri giả (người biết) biết số chúng sanh và chẳng phải chúng sanh ở quá khứ, hiện tại và vị lai, có thường hay vô thường v.v... tất cả các pháp. Ở dưới cội Bồ-đề hiểu biết sáng suốt nên gọi là Phật-đà. Hậu Hán giao tự chí bảo: Bán gọi là Giác. Giác đủ ba nghĩa: Một là Tự giác, là ngộ tánh chân thường dứt hoặc hết (mê lầm) hư vọng. Hai là Giác tha là vận vô duyên từ mà độ hết hữu tình giới. Ba là Giác hạnh viên mãn là nguồn thấu đáy, hạnh đầy quả tròn. Kinh Hoa Nghiêm nói tất cả các pháp có tánh không sanh cũng không diệt, kỳ lạ thay Đại Đạo sư, Tự giác và hay Giác tha. Triệu sư nói: Giác ngủ say dài sanh tử không thể tự thức, tự thức mà biết rõ thì chỉ có Phật vậy. Diệu Lạc Ký nói: Đây gọi Tri tức là Giác vậy (người biết tức là kỷ giác). Đối với mê nên gọi là Tri, đối với ngu nên gọi là Giác. Phật Đại Luận nói: Đủ Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí lìa Phiền não chướng và Sở tri chướng, đối với tất cả pháp, tất cả chủng tướng có thể tự hiểu rõ

(khai giác) cũng có thể khiến tất cả hữu tình đều hiểu rõ, như ngủ mộng thức dậy, như hoa sen nở nên gọi là Phật.

- Lộ-ca-na-dã (Lokanàtha). Đại Luận nói: Dịch là Thế Tôn. Thành Luận nói: Đủ cả chín hiệu trên được vật kính trọng nên gọi là Thế Tôn. Trên trời cõi người đều tôn kính. Nghĩa mười hiệu này nếu gồm lược giải thích thì không có hư vọng nên gọi là Như Lai, là ruộng phước tốt nên gọi là Ứng Cúng, biết pháp giới nên gọi là Chánh Biến Tri, đủ cả ba minh nên gọi là Minh Hạnh Túc, chẳng trở lại nên gọi là Thiện Thệ, biết chúng sanh cõi nước nên gọi là Thế Gian Giải, không có ai ngang bằng nên gọi là Vô Thượng Sĩ, điều phục tâm người khác nên gọi là Điều Ngự Trượng Phu, làm mắt cho chúng sanh nên gọi là Thiên Nhân Sư, biết đủ ba phụ nên gọi là Phật. Đầy đủ mười đức này Thế Gian Tôn. Sớ Niết-bàn nói A-hàm và Thành luận họp hai tên Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu làm một hiệu, cho nên đến Thế Tôn số mười mới đủ. Kinh Niết-bàn và Đại luận thì chia Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu làm hai hiệu. Mà bộ hành thì nói Đại luận họp Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu làm một câu thì đây là lầm, người học nên biết.

- Bà-già-bà (Bhagavat - Bhagavàn). Ưng Pháp sư nói: Bạt-già-phạm gồm các đức là tên được ưa chuộng nhất. Đại Luận nói: Một là gọi có đức, hai là khéo phân biệt các pháp, ba là có danh tiếng không có được danh tiếng như Phật, bốn là hay phá dâm nộ si. Mới gọi là Bạt-già-phạm phải đủ sáu nghĩa. Phật Đại Luận nói: Tiếng Bạt-già-phạm y sáu nghĩa mà chuyển: Một là Tự tại, hai là Xí thạnh, ba là Đoan nghiêm, bốn là Danh xưng, năm là Cát tường, sáu là Tôn quí. Tụng rằng:

Tự tại, Xí thạnh và Đoan nghiêm,
Danh xưng, Cát tường và Tôn quí.

Như thế nghĩa của sáu đức đầy đủ, nên gọi là Bạt-già-phạm. Nghĩa nó thế nào? Tức nói Như Lai vĩnh viễn không bị các phiền não ràng buộc nên đủ nghĩa tự tại, được lửa trí mạnh mẽ đốt luyện nên đủ nghĩa Xí thạnh. Có ba mươi hai tướng Đại sĩ để trang sức nên đủ nghĩa Đoan nghiêm. Tất cả công đức thù thắng đều đầy đủ không gì chẳng biết nên đủ nghĩa Danh xưng. Tất cả thế gian gần gũi cúng dường đều khen ngợi nên đủ nghĩa Cát tường. Đủ tất cả đức, thường khởi phương tiện lợi ích an lạc tất cả hữu tình không lười bỏ nên đủ nghĩa Tôn quí. Ngài Trang Pháp sư đời Đường nói năm thứ chẳng dịch: Một là bí mật nên chẳng dịch như Đà-la-ni (thần chú...), hai là bao gồm nhiều thứ nên chẳng dịch như Bạt-già-phạm gồm sáu nghĩa, ba là cõi này không có nên chẳng

dịch như cây diêm-phù, bốn là thuận xưa nhưng vì từ ngài Ma-đằng trở đi vẫn giữ nguyên tiếng Phạm, năm là sanh thiên nên chẳng dịch như Bát-nhã thì tôn trọng còn trí tuệ thì hèn kém khinh nhờn, vì khiến người tôn kính nên chẳng dịch.

2. TÊN RIÊNG CỦA CHƯ PHẬT.

Ngước thì bày Chân pháp, cúi thì lập Tục hiệu. Tên tuy khác lạ nhưng nghĩa thông nhau. Cho nên Pháp Uyển nói: Như Thích-ca dịch là Năng nhân há có một Phật nào không phải là Năng nhân. A-di-đà gọi là Vô Lượng Thọ, há có một Phật nào chẳng là trường thọ. Chỉ vì tùy (đâu) cơ mà bày hóa, tùy đời mà lập ta. Đề tên thì công năng tuy khác, hiển nghĩa thì lực dụng đều ngang nhau. Mới biết vô lượng tên ba đời hiểu đủ vô lượng đức của chư Phật.

- Thích-ca Văn (Sàky a muni) - Tịnh Danh sớ nói: Tiếng Thiên Trúc Thích-ca là Năng, Văn là Nhu, nghĩa của tên là Năng Nhu. Đại Luận nói: Thích-ca Văn Phật, đời trước là thợ gốm (ngõa sư?) tên là Đại Quang Minh khi ấy có Phật tên là Thích-ca Văn, đệ tử tên là Xá-lợi-phất, Mục-già-liên, A-nan. Phật cùng các đệ tử đến nhà thợ gốm nghỉ một đêm. Khi ấy thợ gốm bố thí tòa cỏ, đèn sáng và đường ngọt (nước mật) và lời thì rằng: Con ở đời sau sẽ làm Phật có tên như Phật này, tên của các đệ tử cũng như Phật này. Ưu-bà-tắc Giới Kinh nói: ta ở thời Phật Thích-ca phát tâm đầu tiên, ở với Phật Ca-diếp đủ ba tăng kỳ. Phải biết đủ ba tăng kỳ thì là thời Phật Thắng Quan. Nay nói Ca-diếp là gồm đủ một trăm kiếp. Đại Luận nói: Trong A-tăng-kỳ đầu thì tâm chẳng tự biết ta sẽ làm Phật hay chẳng làm Phật, ở tăng kỳ thứ hai thì tâm tuy biết ta ắt làm Phật mà miệng thì không nói ta sẽ làm Phật. Ở tăng kỳ ba thì biết rõ được Phật, miệng tự nói không hề sợ sệt: Ta ở đời sau sẽ được làm Phật. Từ đời quá khứ Phật Thích-ca Văn đến Phật Thích (Thứ)-na-thi-khí là ở A-tăng-kỳ đầu, khi làm Bồ-tát thì lìa hẳn thân nữ. Từ đời Phật Thích (Thứ)-na-thi-khí đến Phật Nhiên Đăng là ở tăng kỳ thứ hai, lúc ấy làm Bồ-tát đem bảy cành hoa sen xanh cúng dường Phật Nhiên Đăng, cởi áo da nai trải tóc che bùn, liền được thọ ký là ông sẽ làm Phật tên là Thích-ca Mâu-ni. Từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ-bà-thi là tăng kỳ thứ ba, qua ba tăng kỳ gieo trồng nghiệp ba mươi hai tướng.

- Kế-na-thi-khí (Ratnazikhin), tên này trích ra ở Cu-xá Đại luận, thì tên Thích (thứ?) na-thi-khí, dịch là Bảo Kế hay Bảo Đảnh. Phật Thế Tôn ta khi vừa hết A-tăng-kỳ đầu thì gặp Phật này, cùng với Phật-thi-khí thứ hai trong bảy Phật, cách hai A-tăng-kỳ mà người trước bảo là

đồng nên nay luận là khác.

- Đề-hoàn-kiệt hoặc Đề-hòa-kiệt-la (Dipamkara), dịch là Nhiên Đăng. Đại Luận nói: Khi Thái tử sanh thì toàn thân sáng như đèn nên gọi là Nhiên Đăng cho đến thành Phật cũng gọi là Nhiên Đăng. Chữ Đăng trong thuyết văn nói từ Kim. Du Huyễn nói trong chữ Đĩnh có chúc (đuốc) nên gọi là Đăng (đèn). Thinh loại nói có túc (chân) thì gọi là Đĩnh, không túc thì gọi là Đăng. Nên Thụy Ứng kinh dịch là Đĩnh Quang. Già Hoa nói Đĩnh đọc là Định thuộc Đăng (đèn). Xưa nay phiên dịch hồi văn chẳng đồng hoặc gọi Nhiên Đăng hoặc gọi Đĩnh Quang, người khác mà nghĩa đồng, cho nên phải từ kim. Thích Tôn tu hành khi tên Nhu Đồng hết tăng kỳ hai thì gặp Phật Nhiên Đăng và được ký biệt.

- Tỳ-bà-thi (Vipazyin) - Cũng gọi là Duy Vệ, dịch là Thắng Quán. Cu-xá nói: Khi ba vô số kiếp hết rồi đi ngược lại thì gặp Phật Thắng Quán, Nhiên Đăng, Bảo Kế và Phật Thích-ca Mâu-ni xưa. Đây do Thích Tôn ở đời Phật Thắng Quán trước gieo trồng tướng hảo cho nên Tỳ-bà-thi đứng đầu bảy Phật, vì khen Phật Phất Sa Tịnh Tấn Lực nên vượt chín Đại kiếp cho đến nay đã qua chín mươi mốt Đại kiếp.

- Thi Khí (Sikhin) - Cũng gọi là Thí Khí. Đại luận dịch là Hỏa y. Phật Danh kinh nói: Đã hơn ba ngàn kiếp.

- Tỳ-xá-phù (Visvabhù) - Dịch là Biết Nhất Thiết Tự Tại. Kinh Dương Vương Dược Thượng nói: Là Phật cuối cùng ở trong kiếp Trang nghiêm.

- Câu-lưu-tôn (Krakucchamda) - dịch là Sở ưng đoạn (chỗ nên đoạn dứt). Lại dịch là Tác Dụng Trang Nghiêm Hiền Kiếp thứ chín giảm còn sáu vạn tuổi thì ra đời thành Phật đạo, đứng đầu một ngàn Phật.

- Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanakamuni) - Dịch là Kim Tịch. Đại Luận gọi là Ca-na-ka Mâu-ni. Tần dịch là Kim Tiên Nhân, khi còn bốn vạn tuổi thì Phật này xuất hiện ở Diêm-phù.

- Ca-diếp-ba (Kazyapa) - Dịch là Ẩm Quang. Khi còn hai vạn tuổi thì ra đời thành Chánh giác.

Khi còn một trăm tuổi thì Thích-ca Mâu-ni ở cung trời Đâu Suất bốn thứ xem đời. Cho nên Đại Luận nói: Một là xem thời, người sống một trăm tuổi thì Phật mới ra đời. Hai là xem đất đai, luôn ở trung tâm các nước. Ba là xem dòng giống, phải thuộc dòng Sát-lợi có thể lực lớn, dòng Bà-la-môn có trí tuệ lớn, tùy lúc ở nơi nào tôn quí thì Phật sanh vào đó. Bốn là xem chỗ sanh, những ai là mẹ có thể mang thai Na-la-

diên Lực Bồ-tát (Bồ-tát sức Na-là-diên) cũng hay tự giữ gìn Tịnh giới. Như thế mà xem xong thì chỉ ở giữa nước Ca-tỳ-la-bà, Hoàng hậu của vua Tịnh Phạn có thể mang thai Bồ-tát. Như thế mà siêng năng xong thì ở cung trời Đâu Suất giáng xuống chẳng mất chánh huệ mà vào thai mẹ.

- Di-lặc (Maitreya) - Tây Vức ký gọi là Mai-rị-lệ-da. Đường dịch là Từ Thị, tức là họ. Xưa gọi Di-lặc là sai. Ngài La-thập nói là họ, A-dật-đa (agita) là tự, là con của Bà-la-môn ở Nam Thiên Trúc. Tịnh Danh sớ nói: Có nói từ họ lập tên. Nay bản không phải là họ, e là tên. Vì sao? Vì Di-lặc đây dịch là Từ Thị, quá khứ là vua tên là Đam-ma-lưu-chi, hiền từ nuôi nấng người trong nước từ đó đến nay thường gọi là Từ Thị. Trước A-dật-đa dịch là Vô Năng Thắng (không ai hơn được). Có người nói A-dật-đa là tên thì không thấy được chánh văn chưa thể định chắc được. Xét kinh Hạ Sanh nói: Lúc đó tu Phạm Ma cho con lập tự (đặt tự cho con) gọi là Di-lặc.

- Bảo-hưu-lan-la (Prabhùtaratna) - Hán gọi là Đại Bảo tức là Phật Đa Bảo, trích từ kinh Tất Vân Phân Đà Lợi.

- Phất-sa (Puwya) - Chính gọi là Phú sa. Thanh Lương nói: Cũng gọi là Bột Sa, dịch là Tăng Thạnh, tức hiểu rõ Thắng nghĩa. Chủng loại Để-sa hay Đề-xá. Dịch là Minh, lại gọi là Thuyết Độ, tức nói pháp độ người vậy. Ngài La-thập giải Phất-sa Bồ-tát là tên gọi sao Quỷ trong hai mươi tám sao, lúc sanh ra hợp với sao Quỉ tú nhân đó lấy làm tên hoặc gọi là Phất Tinh, hoặc gọi là Bột Tinh.

- Lâu-di-hoàn-la (Lakezvara-rajan) - Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh dịch là Thế Nhiêu Vương. Kinh Vô Lượng Thọ dịch là Thế Tự Tại Vương.

- Đam-ma-ca (Dharmàkara) - Dịch là Pháp Tạng Tỳ-kheo. Bởi khi Phật Vô Lượng Thọ làm Nhân thì tên là A-di-đà (Amitayus - Amitàbha) Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh dịch là Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Kinh Vô Lượng Thọ dịch Phật Vô Lượng Thọ. Kinh Tịnh Độ Xưng Tán nói trong đó Thế Tôn tên là Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang.

- A-súc (Aksobhya) - Kinh Tịnh Danh nói: Có nước tên là Diệu Hỷ, Phật hiệu là Vô Động. Sớ nói: A là Vô, Súc là Động.

- Thích (Thứ?)-na-na-già-la (Ratnakàra) - Dịch là Bảo Tích vì vô lậu, căn. Lực, giác, đạo v.v... các pháp báu nhóm họp nên gọi là Bảo tích. Hỏi: Nếu thế thì tất cả Phật đều đáng gọi là Bảo Tích. Đáp: Chỉ Phật này lấy báu này làm tên.

- Lâu-chí (Ruci) - Dịch là Đề Khấp (khóc lóc). Lại gọi là Lư-giá

hay Lỗ Chi, dịch là Ái lạc.

- Bệ-nộ-bà-phụ (Visvabhù) - Đại Luận nói: Tần dịch là Nhất Thiết Thắng.

- Đề-hòa-la-da (Devaràya) - Tấn gọi là Thiên Nhân Vương, Phật thọ ký cho Điều Đạt làm Phật có hiệu như thế.

- Tu-phiến-đa (Suzànta?) - Cũng gọi là Tu-phiến-đầu, dịch là Thậm Tịnh. Đệ tử chưa thuần thục liền vào Niết-bàn lưu làm hóa Phật một kiếp.

3. BA THÂN CHUNG RIÊNG.

(Riêng nêu Thích-ca. Chung thông các Phật).

Vạn vật trầm mê ở trong ba đạo mà lưu chuyển, mười lực siêu ngộ chứng ba thân làm Viên thông. Do đó mà ba đế một cảnh hợp gọi là pháp thân, đây bày một tánh, ba trí một tâm họp gọi Báo thân, ba thoát một thể họp gọi Ứng thân. Đây là hiển tu, vì Định tuệ này cùng nghiêm cho nhau. Nếu như Pháp thân viên hiển, cảnh trí ngầm hợp, ứng theo vật mà hiện hình, ba thân sáng tỏ vậy.

- Tỳ-lư-giá-na (Vairocama) - Phù Hành nói: Đây gọi là Biến Nhất Thiết Xứ, thể phiền não vốn tịnh, các đức đều đủ, thân và độ xứng nhau khắp tất cả chỗ. Luận Duy Thức nói: Một thân tự tánh, nghĩa là các Như Lai chân tịnh pháp giới, là chỗ nương nhờ của thọ dụng biến hóa bình đẳng, lìa tướng mà vắng lặng, dứt hết các hý luận, đủ vô biên tế chân thật công đức. Đó là thật tánh bình đẳng của tất cả pháp. Tức tự tánh này cũng gọi là pháp thân. Quang Minh Huyền nói: Pháp gọi là phép tắc đáng theo, chư Phật theo phép tắc ấy mà được thành Phật. Nên kinh nói: Thầy của chư Phật là pháp. Luận Ma-ha-diễn nói: Khắc phục tự thể chân thật của pháp thân, trống vắng (trong veo) dứt lo nghĩ vắng lặng gọi là Đoạn, hay làm chỗ nương nhờ cho sắc tướng. Nay hỏi vắng lặng gọi là đoạn dứt sao gọi pháp thân. Đáp: Pháp thật tướng không tên gọi tùy cơ mà nói luận, vời thể vắng lặng cưỡng gọi là pháp thân. Hỏi thể trạm trạm (trong veo?) thường đồng với thái hư (hư không). Đáp: Phàm có tướng đều là tướng thị phi, biết 5 âm như tiếng vang trong hang vắng, biết thật là không có tiếng, hiểu rõ vạn vật như hình trong mộng, thấy đều là chẳng phải sắc. Không và có chẳng hai, trung đạng sáng tỏ. Chẳng thể nghe không mà bảo không là dứt mất.

- Lô-xá-na (Ro-ca-na) - Hiền Thủ trong Phạm Võng sớ nói: Tiếng Phạm là Lô-xá-na dịch là Quang Minh Biến Chiếu (sáng suốt khắp chiếu). Chiếu có hai nghĩa: Một là trong dùng ánh sáng trí mà chiếu xét

chân pháp giới, đây là ước theo nghĩa Tự thọ dụng. Hai là ngoài dùng ánh sáng của thân mà chiếu ứng Đại cơ, đây là ước theo nghĩa Tha thọ dụng. Tịnh giác, Tạp Biên gọi là Lô-xá-na, kinh Bảo Lương dịch là Tịnh Mãn, vì các ác đều dứt hết nên gọi là Tịnh, các đức đầy đủ nên gọi là Mãn. Đây phần nhiều đều từ Báo Tự Thọ Dụng mà được tên. Hoặc dịch là Quang Minh Biến Chiếu đây phần nhiều từ Báo Tha Thọ Dụng mà đặt tên. Nếu luận về sắc tâm thì đều được Tịnh Mãn, thân và trí đều có ánh sáng, thì hai tên đều thông Tự Tha Thọ Dụng. Luận Duy Thức nói: Hai thân thọ dụng này có hai thứ: Một là Thân Tự Thọ Dụng. Nghĩa là các Như Lai ba vô số kiếp (ba A-tăng-kỳ kiếp) tu tập vô lượng phước đức làm của cải chỗ khởi vô biên chân thật công đức. Lại sắc thân rất viên tịnh thường biến, tiếp nối trong suốt đến hết vị lai, thường tự thọ dụng pháp lạc rộng lớn; Hai là Thân Tha Thọ Dụng. Do Bình đẳng trí mà thị hiện ra thân Diệu tịnh công đức, thuần ở tất cả, vì Bồ-tát trụ ở Thập địa hiện đại thần thông, Chuyển chánh pháp luân, xé toang các lưới nghi khiến họ thọ dụng pháp lạc Đại thừa. Họp hai thân này gọi là Báo thân - Ma-ha-diễn nói: Gọi Báo thân là đủ Nhân thắng diệu nên nhận quả Cực lạc (rất vui), tự nhiên tự tại, quyết định được an lạc xa lia các tướng khổ, nên gọi là Báo.

- Thích-ca Mâu-ni (Saky a muni) - Giá Hoa nói: đây gọi là Năng Nhân Tịch Mặc. Tịch Mặc (vắng lặng) nên chẳng ở sanh tử, Năng Nhân (hay làm nhân từ) nên chẳng ở Niết-bàn. Bi trí đều vận lấy đây mà xưng tên. Phát Chẩn nói: Kinh Bản Khởi dịch Thích-ca là Năng Nhân. Khi Bản Hạnh dịch Mâu-ni là Tịch Mặc. Năng Nhân là họ, Tịch Mặc là tự (tên). Họ do từ bi lợi vật, tên thì lấy trí tuệ ngầm lý vì lợi vật nên chẳng ở Niết-bàn, vì ngầm lý nên chẳng ở sanh tử. Trường Thủy nói: Tịch là hiện tướng vô tướng, mặc là bày lời không nói. Đây thì tức ứng với chân. Năng Nhân là họ thì Trường A-hàm nói: Xưa có Luân vương họ Cam-giá nghe lời dèm pha của thứ phi mà đuổi bốn Thái tử (Thái tử thứ tư?) đến phía Bắc núi Tuyết để tự lập thành quách mà ở. Thái tử lấy đức qui tụ người chẳng mấy năm mà thành một cường quốc. Vua cha hối hận nhớ con liền sai Sứ mời về, bốn con tạ lỗi chẳng trở về. Vua cha ba lần than thở. Con ta là Thích-ca nhân đây mà lập thọ. Lại nói ở dưới rừng trực thọ, lại gọi là (có hiệu) là Thích-ca. Đã ở rừng lập nước thì lấy rừng làm họ. Do đây mà Thích-ca dịch là Trực Lâm. Tịch Mặc là tên (tự), thì kinh Bản Hạnh nói lại dòng họ Thích lập họ kiêu mạn nhiều lời khi thấy Thái tử thì đều im lặng. Vua bảo phải đặt tên (tự) là Mâu-ni. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ gọi là Thích-ca Tịch Tịnh. Lại gọi Thích-ca

Mâu-ni dịch là Độ Ốc Tiêu. Như kinh Cựu Hoa Nghiêm phẩm Danh Tự và Thập Trụ Bà sa đã nêu rằng trong biển lớn có đá tên là tiêu, vạn dòng nước tưới rót mãi đến khi đá mòn hết. Do đó nước biển lớn chẳng tăng thêm chúng sanh trôi giạt cũng như tiêu thạch (hòn đá tiêu) năm dục tưới rót mà không chán đủ, chỉ có Phật mới vượt qua (độ?) nên lấy đây làm tên. Thích-ca Mâu-ni là thuộc Ứng thân - Ma-ha-diễn nói: Nói Ứng là tùy thuận căn cơ mà chẳng trái nhau, tùy thời tùy chỗ tùy Thú xuất hiện không phải tường an lạc nên gọi là Ứng. Mà Ứng thân này khắp hết trên ngàn hoa lại hiện ngàn Thích-ca. Một hoa có trăm ức nước, một nước có một Thích-ca, cho nên mời Thích-ca Mâu-ni gọi là Thiên Bá Ức Hóa Thân. Duy Thức luận nói: Ba thân biến hóa, nghĩa là các Như Lai do trí thành sự biến hiện vô lượng, tùy loại hóa thân, ở độ Tịnh uế vì vị lai Đăng Địa Bồ-tát và Nhị Thừa Dị Sanh, xứng với cơ nghi ấy mà hiện thần thông nói pháp. Nếu ở Ứng thân mà khai mở biến hóa thì thành bốn thân. Vì hiện đồng trước sau nên gọi là Ứng. Không mà chợt có nên gọi là Hóa. Song pháp của ba thân này, hoặc chấp nghĩa sanh thì liền mất ba thân, hoặc chấp lìa nghĩa thì trái nhau một thể. Nay ước ba nghĩa thì chung mà luận: Một là Thể và dụng, Trí cùng Thể ngầm họp hay khởi Dụng lớn. Tự Báo trên ngầm họp với thể của pháp tánh thì gọi là chân thân. Tha Báo dưới phó cơ duyên với Dụng thì gọi là Ứng thân. Nên kinh Quang Minh nói: Chân pháp thân của Phật cũng như hư không, ứng với vật mà hiện hình như trăng trong nước mà Quán Thế Âm phổ môn thị hiện khiến vô biên người được ngầm hiểu hai thứ lợi ích là do hai thân này vậy - Hai là Quyền và Thật, Quyền gọi là Quyền tạm, Thật bảo là Thật lục. Vì bày Quyền nên từ cao quí mà khởi hèn kém, một Phật lìa minh, vì hiển Thật nên từ hèn kém mà khởi cao quí, chỉ là một thân, nên nói: Ta nay thân này tức là pháp thân. Lại nói: Pháp thân vi diệu tịnh đủ ba mươi hai tướng. Thế nên biết thuận cơ thì quyền bày ba thân. Ở Ứng bèn (chính là) Thật chỉ là một Phật - Ba là Lý và Sự. Quán Kinh sớ nói: Phật vốn không thân không tuổi thọ cũng không có hình tướng. Tùy thuận thế gian mà luận ba thân. Thế thì ngước xem chí lý vốn thật không có hình, cúi tùy vật cơ tích thùy hóa sự. Cũng như gương sáng, hình ảnh vốn hư dối, như trăng trong nước ảnh vốn không thật. Nếu ở Tích sự mà khởi chấp chặt thì giống như khỉ ngu rớt giếng mà chết. Người học pháp xuất thế phải nên răn dè.

4. TÊN HỌ CỦA THÍCH TÔN.

Thế Bản nói: Nói tánh (họ?) là ở trên, nói thị (là tên) là ở dưới.

Tây Vức Ký nói: Họ (tánh) là do đó buộc ràng trăm đời chẳng khác. Tên là do đó riêng con cháu sanh ra. Tộc và Tánh khác nhau, có bốn dòng (giai cấp): Một là Bà-la-môn là Tịnh hạnh, giữ đạo, khí tiết trinh khiết. Hai là Sát-đế-lợi là dòng vua, rạng rỡ ở đời chí có Nhân Nộ. Ba là Phệ-xà là thương buôn, trao đổi hàng hóa lợi ích xa gần. Bốn là Tuất-đà-la là nông dân, mở mang ruộng vườn siêng năng trồng trọt. Trí Độ Luận nói: Tùy lúc quí chuộng mà Phật sanh vào đó. Thích-ca xuất hiện lúc đời cang cường (hung ác dữ dằn) thác sanh vào dòng vua để có oai quyền thế lực. Ngài Ca-diếp khi sanh rất thiện thuận bèn ở trong dòng Tịnh hạnh (Bà-la-môn) mà nêu đức. Cho nên các văn nói họ Phật có sáu: một là Cù-đàm, hai là Cam-giá, ba là Nhật chủng, bốn là Thích-ca, năm là Xá-di, sáu là Sát-lợi. Nay giải thích đủ.

- Một là họ Cù-đàm (Gautama) hoặc gọi Kiều-đàm-di hay Câu-đàm. Tây Vức ký gọi là Kiều-đáp-ma. Xưa gọi Cù-đàm là sai. Xưa dịch là Cam-giá, là Nê Thổ v.v... Nam Sơn nói là không phải. Cù-đàm là tên ngôi sao từ sao mà lập tên cho đến nhiều đời sau đổi họ là Thích-ca. Từ Ân nói Thích-ca là quần vọng. Văn Cú nói: Cù-đàm dịch là Thuần thục. Ứng Pháp sư dịch là Địa tối thắng, nghĩa trừ trời ra thì dòng họ này là cao quí nhất trong loài người, như Thập Nhị Du kinh đã nói ro. Cách đây A-tăng-kỳ (tử rất xa) có vua Đại Mâu Thảo bỏ ngôi giao cho đại thần thờ thầy Bà-la-môn bèn nhận họ ấy tên là Tiểu Cù-đàm. Xa từ quá khứ gần từ dân chủ (lúc làm vua).

- Hai là họ Cam-giá, Bồ-tát Bản Hạnh kinh nói: Vua Đại Mâu Thảo được thành vua Tiên, thọ mạng dài lâu chẳng già. Lúc đó các đệ tử đi khất thực xin ăn, bèn lấy lồng thanh tiên (nhốt nhiều tiên?) treo trên cành cây. Thợ săn ở xa nhìn thấy cho là chim liền bắn, máu rơi xuống đất mọc thành hai cây cam-giá (mía). Mặt trời hung nóng nở ra thành một trai và một gái. Thầy bói đặt tên đứa trai là Thiện Sanh, lấy nước tưới trên đầu gọi là vua Cam-giá. Đứa gái tên là Thiện Hiền là Hoàng hậu.

- Ba là Nhật chủng, kinh Bản Hạnh nói: Lại do mặt trời nung đốt Cam-giá nở ra nên gọi là Nhật chủng.

- Bốn là họ Thích-ca, xem bài đủ ba thân.

Năm là họ Xá-di (Sàkì?) Văn Cú nói Xá-di là quí tánh (họ sang trọng cao quí?) đây gọi sai, gọi đúng là Xà-di-kỳ-da, kinh Bản Hạnh nói: Vì Thích-ca ở dưới rừng Đại Thù um tùm cành lá nên gọi là Xa-di-kỳ-da. Đây là chỗ lập họ nên nước tên là Xá-di.

- Sát-đế-lợi (ksatriya). Triệu gọi là Dòng Vua, Tần gọi là Điền

chủ. Ở kiếp sơ người ăn vị đất rồi đổi ăn gạo tự nhiên, sau tánh người dần dần dối trá đều có phong thực (đất ruộng riêng) bèn lập người có đức mà công bình xử phân ruộng đất, từ đó có vua đầu tiên. Nên nối nhau gọi tên vua, người này tôn quí tự tại, có khi cường bạo thích ý làm càng chẳng chịu ôn hòa. Ngài La-thập nói tiếng Phạm ở Trung A-hàm có hai nghĩa: Một là nhẫn nhục, hai là giận dữ. Là nói người này quyền thế lớn hay giận dữ, hay nhận chịu đau khổ (nhẫn nhục) cang cường khó điều phục. Do đó mà lấy làm họ.

- Tất-bà-tất-đạt (Sarvàrthasiddha). Đường gọi là Đốn cát, vì khi Thái tử sanh thì các điềm cát tường đều đầy đủ, nên Đại luận dịch là Thành lợi. Tây Vức ký gọi là Tát-bà hạt Thích-tha-tất-đà, Đường gọi là Nhất Thiết Nghĩa Thành. Xưa dịch là Tất-đạt là sai, đây là tên nhỏ của Thế Tôn.

- Ma-nạp-phược-ca (Mànavaka) hoặc gọi Ma-na-bà. Đoan Ứng dịch là Nho Đồng, Bản Hạnh dịch là Vân Đồng. Lại dịch là Thiện Huệ hoặc Niên Thiếu Tịnh Hạnh (Bà-la-môn trẻ) là hiệu của Bồ-tát ở thời Phật Nhiên Đăng. Nay xin hỏi Thụy Ứng nói xưa là Ma-nạp hiến hoa cho Phật Nhiên Đăng. Các văn dẫn chứng này ở tăng kỳ thứ hai, vì sao Diệu Huyền chứng là nhân chung các hạnh. Đáp: Trong kinh đã nói được Bất Khởi Pháp Nhẫn. Ba tạng do phục hoặc mà không có pháp nhẫn này nên chứng là Thông giáo, mà trong các văn chứng là tăng kỳ thứ hai, vì Thụy Ứng là ba Tạng. Nghĩa trong Tịnh Danh sớ lấy tăng kỳ một là phục, tăng kỳ hai, ba là thuận, trăm kiếp là vô sanh, ba mươi bốn tâm là Tịch diệt. Chứng trong các văn nói là tăng kỳ thứ hai (các văn dẫn chứng là tăng kỳ thứ hai). Phát Chẩn hỏi: Nếu Thông Biệt Viên vì sao Diệu Huyền nói là Thông giáo? Đáp: Không phải chỉ thông (chung) mà cũng thông (chung ba tạng, tùy giáo chỗ nói ra cạn sâu không đồng. Một khi ở Thụy Ứng phần nhiều đều thuộc nghĩa thông, vì được nhẫn nên khác với ba tạng trước, chẳng nói Hạnh nhân tướng chẳng thể nghĩ bàn, khác với Biệt viên sau huống lại nói thuộc thông ắt gồm hai thứ sau. Lại nói: Các kinh khác nói gặp Phật Nhiên Đăng là Bát địa chính là Bích Chi Phật Địa của Thông giáo vậy.

5. TAM THỪA THÔNG HIỆU. (Hiệu chung của ba thừa)

Phật dạy Thuyên Lý, chuyển hóa tâm của vật để vượt người phàm mà lên bậc Thánh. Nếu người biết khổ mà luôn ôm lòng chán lìa, đoạn Tập để dứt hẳn sanh ra, chứng Diệt mà hợp với vô vi tu đạo chỉ cầu tự độ thì đây là thừa Thinh văn. Nếu người quán vô minh là vọng đầu tiên,

biết các hạnh là nguồn huyễn, đoạn hai nhân trói chặt dứt năm quả buộc ràng, đây là thừa Duyên giác. Nếu người xem tất cả là con một mà khắp độ quần (đám) mê, nương tâm bốn thề lớn, vận chuyển phạm hạnh sáu độ, thì đây là thừa Bồ-tát. Nói là qua sông thì duy voi, ngựa, thỏ khác nhau, nhưng luận về ra khỏi nhà thì thật là xe dê nai trâu không khác.

Bồ-tát (Bodhisattva). Triệu nói gọi đúng là Bồ-đề Tát-đỏa, là gọi Bồ-đề Phật đạo vậy. Tát-đỏa, Tần gọi là Đại tâm ca. Có Đại tâm mới vào Phật đạo. Gọi Bồ-đề Tát-đỏa là dịch không đúng. An Sư nói là người mở đầu. Ngài Kinh Khê nói: Là người mới phát tâm ban đầu. Tịnh danh sớ nói: Bản xưa dịch là Cao sĩ, đã dịch khác bất định nên phải giữ nguyên tiếng Phạm. Chỉ vì các người dịch chẳng đồng. Nay y vào Đại Luận mà giải thích thì Bồ-đề gọi là Phật đạo, Tát-đỏa gọi là Thánh chúng sanh. Ngài Thiên Thai giải rằng: Dùng các Phật đạo mà thành tựu chúng sanh nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Lại Bồ-đề là tự hành (tự độ) Tát-đỏa là hóa tha (độ người). Tự tu Phật đạo lại hóa tha (độ người khác). Ngài Hiền Thủ nói: Bồ-đề gọi là Giác, Tát-đỏa gọi là chúng sanh, tức đem trí trên cầu Bồ-đề, dùng bi dưới cứu chúng sanh.

- Cưu-ma-la-già (Kumaraka- Kumarabhùta) hoặc gọi là Cưu-ma-la-đà hoặc Cứu-ma-la-phù-đa, dịch là Đồng chơn, Hào đồng, Đồng tử. Huân Văn nói: Trong chứng chân thường mà không chấp trước, như đồng tử (trẻ con) ở đời tâm không nhiễm ái (ham thích chấp dính) tức gọi là Pháp vương tử- Đại Luận nói: Lại như Vương tử (con vua) nên gọi là Cưu-ma-la-già. Phật là Pháp vương (vua pháp) Bồ-tát vào Pháp chánh vị cho đến Thập địa, nên đều gọi là Vương tử, đều được làm Phật như Văn Thù Sư Lợi, mười lực, bốn vô sở úy đều đầy đủ Phật sự, nên trụ vào Cưu-ma-la-già địa. Phật Địa luận rằng: Từ miệng Thế Tôn Chánh pháp sanh ra, nối tiếp thân Phật chẳng để dứt mất, nên gọi là Pháp vương tử. Quán Kinh sớ nói: Dùng pháp hóa độ người gọi là Pháp vương tử. Thập Trụ Tịnh Danh nói: Diệu Đức dùng pháp thân đi du phương chẳng biết chỗ nó sanh ra. Lại bổ sung vào chỗ Phật, cho nên nói là Pháp vương tử. Ngài Kinh Khê hỏi: Kinh gọi Văn Thù là Pháp vương tử, vậy các Bồ-tát người nào chẳng phải là Pháp vương tử? Đáp: Có hai nghĩa: Một là trong các Vương tử thì đức cao quí nhất là Văn Thù, hai là trong các kinh thì Văn Thù là đứng đầu chúng Bồ-tát.

- Bích-chi-ca-la (Pratyekabuddha). Cô Sơn dịch là Duyên giác, quán mười hai duyên mà ngộ đạo, cũng dịch là Độc giác, vì ra đời không có Phật, không có thầy mà tự ngộ. Nay kinh Lăng Nghiêm lại có vô lượng Bích-chi là không phải phương khác cõi không có Phật, Đại

quyền dẫn thật mà đến hội này. Tiêu Xuyên nói: Hoặc Phật biết chúng này được ích lớn, dùng oai thần nhiếp đến chẳng được ư? Độc giác gọi là Lân dụ, tên này lấy từ Câu-xá, gọi là tê giác cũng quán mười hai nhân duyên, cũng có thể gọi là Duyên giác, chỉ ước vào căn thì có lợi độn chỉ khác nhau gặp Phật và chẳng gặp Phật, phân làm hai loại.

- Tất-lặc-chi-để-ca (Pratyekabuddha). Dịch là Các Các Độc Hành. Âm Nghĩa nói: Độc giác thì đúng nghĩa hơn. Trong Nghĩa Sao hỏi: Độc giác có thọ (giữ) giới chăng? Giải rằng: Cũng được ra đời không có Phật, duyên với các thứ khác mà được thoát cũng được Biệt giải thoát (Tự giải thoát một mình?). Nếu giới này Phật ra đời mà có, khi ra đời không có Phật thì làm sao có giới được? Đáp rằng: Biệt giải thoát có hai, một là các giới ở tại gia, hai là xuất gia Biệt giải thoát. Lại Thiện Kiến nói: Năm giới, mười giới tất cả thời đều có, cho đến ki Phật không ra đời (đời không có Phật). Bích-chi, Luân vương v.v... cũng có giáo thọ (dạy dỗ đặt ra giới...) Diệu Huyền nói: Nay nói ba tạng ba thừa không chúng khác chẳng được riêng có giới của Bồ-tát hay Duyên giác.

- Tu-đà-hoàn (Srota-àpanna). Kim Cang Sớ dịch là Nhập lưu, lại gọi Nghịch lưu. Đoạn ba pháp, là ước Nghịch mà nói, tức trong bốn lưu thì thấy Nghịch lưu. Được quả chứng là ước Nhập lưu mà nói, tức vào dòng (lưu) Bát thánh đạo. Nay Kinh nói: Gọi là Nhập lưu. Lại nói chẳng vào sắc thinh hương v.v..., cũng chẳng hai nghĩa ư? Tứ Giáo Nghĩa dịch là Tu Tập Vô Lậu Khan Chánh giải thích rằng: Là người mới thấy chân lý.

- Tư-đà-hàm (Sakrdàgàmin), dịch là Nhất vãng lai (một lần trở lại). Kim Cang Sớ nói: Người này từ cõi này chết rồi thì một lần lên trời, một lần trở lại cõi người, mà được hết các khổ. Đại Luận gọi Tức-kỵ-già-di, Tức-kỵ là một, Già-di là trở lại nên gọi là Nhất lai. Tứ Giáo Nghĩa dịch là Bạc, là trước đoạn đã nhiều, chỗ chưa đoạn còn ít, nên gọi là Bạc.

- A-na-hàm (Anàgàmin), dịch à Bất lai (chẳng trở lại) Kim Cang Sớ nói: Người này ở trong Dục giới chết rồi thì sanh lên Sắc và Vô sắc giới, ở đó lậu hết, chẳng còn trở lại nữa. Đại Luận gọi là A-na-già-di, A-na là Bất, Già-di là lai. Tứ Giáo Nghĩa dịch là Bất hoàn (đều chẳng trở lại).

- A-la-hán (Arhat - Arhan). Đại Luận gọi A-la là tặc (giặc), Hán là phá, tức tất cả giặc phiền não đều phá. Lại A-la-hán là tất cả lậu đều hết, nên đáng được tất cả trời người thế gian cúng dường. Lại A là bất, La-hán là sanh, tức trong đời ấy lại chẳng còn sanh, nên gọi A-la-

hán. Pháp Hoa Sớ gọi là A-bạt, Kinh gọi là Ứng chân, Thụy ứng gọi là Chân nhân, đều là vô sanh (không sanh) là giải thích La-hán. Hoặc gọi nguyên tiếng Phạm không dịch vì gồm ba nghĩa: Thoát vỏ trấu vô minh, đời sau ở trong mộng không còn chịu quả báo sanh tử nữa, nên gọi là Bất sanh (vô sanh), chín mươi tám sử phiền não đều hết nên gọi là Sát tặc. Đủ trí đoạn công đức kham việc làm ruộng phước (phước điền) cho trời người nên gọi là Ứng cúng. Bao gồm ba nghĩa này nên giữ nguyên tiếng Phạm.

- Ma-ha-na-già (Mahànàga). Đại Luận nói: Na-già hoặc gọi là Long (rồng), hoặc gọi là Tượng (voi), đó là năm ngàn A-la-hán, là có sức mạnh lớn nhất trong số các La-hán, do đó gọi như Long như Tượng (rồng voi). Đi trong nước thì rồng có sức mạnh nhất, đi trên bờ thì voi có sức mạnh nhất. Kinh Trung A-hàm nói: Phật bảo Ổ-đà-di: Nếu Sa-môn từ người đến trời không dùng thân khẩu ý hại ta thì gọi đó là Long Tượng (rồng voi). Tịnh Danh Sớ nói: La-hán nếu được siêu việt (vượt lên) gọi đó là Ma-ha-na-già, tâm điều phục nhu nhuyến, ba thừa Sự Định ngang đây là cùng cực. Ký nói: Như Niết-bàn Thán Đức nói là rồng trong người vậy.

- A-ly-dã (Àrya), dịch là Thánh giả (bậc Thánh) cũng dịch là xuất khổ giả (người thoát khỏi khổ). Khổng Thị Truyện nói: Đối với sự thông suốt thì gọi là Thánh. Khổng Tử nói với Lỗ Ai Công rằng: Gọi bậc Thánh là Trí thông đại đạo, ứng biến chẳng cùng, tánh thình thương vật. Thương Thái Tể Hỷ hỏi Khổng Tử rằng: Phu Tử phải là Thánh chăng? Đáp: Khâu tôi chỉ biết rộng nhớ dai, không phải là Thánh nhân. Ba Vương có phải là Thánh chăng? Đáp: Ba vương khéo dùng trí dõng, Thánh không phải chỗ khâu này biết được. Năm đế là Thánh chăng? Đáp: Năm Đế khéo dùng nhân tín, Thánh không phải chỗ khâu này biết được. Ba Hoàng là Thánh chăng? Đáp: Ba Hoàng khéo dùng thời chánh, Thánh không phải chỗ khâu này biết được. Thái Tể sợ quá bảo rằng: Vậy ai là Thánh nhân? Phu Tử đổi sắc mặt mà đáp rằng: Tây phương có Thánh vậy, chẳng tự mà không loạn, chẳng nói mà tự tin, chẳng hóa mà tự làm, thênh thang người ấy không thể gọi tên.

6. TÊN RIÊNG CỦA BỒ TÁT.

- Văn Thù Sư Lợi (Mamjuzri). Dịch là Diệu Đức. Đại Kinh nói: rõ ràng thấy Phật tánh cũng như Diệu Đức v.v... Tịnh Danh Sớ nói: Nếu thấy Phật tánh tức đủ ba đức, chẳng dọc chẳng ngang nên gọi là Diệu Đức. Vô Hạnh Kinh gọi là Mạn Thù Thi Sư Lợi hoặc dịch là Diệu

Thủ. Quán Sát Tam-muội Kinh nói: cùng Đại Tịnh Pháp Môn Kinh gọi là Phổ Thủ Tăng Mục Khư Kinh, Phổ Siêu Kinh gọi là Nhu Thủ. Vô Lượng Vi Mật Kinh gọi là Kỉnh Thủ. Tây Vức Ký gọi là Mạn Thù Thất Lợi. Đường dịch là Diệu Cát Tường. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói ở quá khứ cách vô lượng A-tăng-kỳ kiếp có Phật hiệu là Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật. Ương-quật Kinh nói: Hiện tại ở phương Bấc tại Thường Hỷ Thế Giới, có Phật Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích. Từ Ân Thượng Sanh Kinh Sớ dẫn kinh nói rằng: Văn Thù ở vị lai thành Phật tên là Phổ Hiện.

- Bí (bất)-thâu-bạt-đà (Samamtabhadra) hoặc gọi Tam-mạn-bạt-đà, dịch là Phổ Hiền. Kinh Bi Hoa nói: Hạnh Tàu dịch là quan yếu hơn các Bồ-tát. Phật Bảo Tạng nói: Vì nhân duyên đó nay đổi tên ông là Phổ Hiền. Văn Cú nói: Nay nói cái đảnh của phục đạo cái nhân của nó cùng khắp nên gọi là Phổ, cái hậu của đoạn đạo gần với Cực thánh nên gọi là Hiền. Tuy Lý nói: Hạnh cùng khắp pháp giới nên gọi là Phổ, vị gần Cực thánh nên gọi là Hiền. Thỉnh Quán Âm Kinh Sớ nói: Bạc-đà gọi là Hiền Thủ. Đẳng giác là vị cùng cực của các Hiền. Phật là đứng đầu cùng cực các Thánh. Quán Kinh Đại Luận đều dịch là Biết Cát. Viên Giác Lược Sớ nói: Một là ước tự thể, thể tánh cùng khắp nên gọi là Phổ, tùy duyên mà thành đức thì gọi là Hiền. Hai là ước các vị, Khúc tế không trái thì gọi là Phổ, gần tột với Á Thánh nên gọi là Hiền. Ba là ước với đương vị (vị hiện tại), đức không gì chẳng khắp thì gọi là Phổ, Điều nhu thiện thuận nên gọi là Hiền. Biểu hiện ở Lý Hạnh Thanh Lương Quốc sư chế ba Thánh Hoa Nghiêm viên dung quán trung. Trước nói hai Thánh ba Đối Biểu Pháp: Một là Phổ Hiền tức là Sở Tín Như Lai (Lý Thú Bát-nhã nói tất cả chúng sanh đều là Như Lai Tạng). Phổ Hiền Bồ-tát tự thể cùng khắp. Hội Đầu liền vào Như Lai Tạng thân Tam-muội vậy). Văn Thù tức là Tâm Năng Tín (Kinh Phật Danh nói: Tất cả chư Phật đều nhân Văn Thù mà phát tâm, nên Thiện Tài mới thấy liền phát đại tâm). Hai là Phổ Hiền biểu thị cái sở khởi của vạn hạnh, còn Văn Thù là biểu thị cái giải (hiểu) của năng khởi (Tứ Thị nói: Ông trước được thấy các Thiện tri thức, nghe hạnh Bồ-tát vào cửa giải thoát đều là sức của Văn Thù). Ba là Phổ Hiền biểu thị cái chứng ra khỏi sự ràng buộc của pháp giới, còn Văn Thù biểu thị cái năng chứng Đại trí. Song hai Thánh này đều dung nhiếp nhau. Nghĩa là y vào thể mà khởi hạnh, hạnh có thể hiển lý. Cho nên ba Phổ Hiền mà là một thể. Tín nếu không giải (hiểu rõ) là tín vô minh. Giải nếu không tín là giải Tà kiến. Tín giải phải chân chánh thì mới hiểu rõ Bổn nguyên (nguồn cội) mà thành cực

trí (trí cao tột) cực trí phản chiếu chẳng khác sơ tâm (tâm ban đầu). Cho nên ba Văn Thù cũng là một thể. Lại hai Thánh cũng dung nhau, hai mà chẳng hai, mất đồng quả hải. Tức là Tỳ-lô-giá-na. Ấy là ba Thánh. Cho nên Bồ-tát này thường làm (là?) một đối.

- A-na-bà-lâu-cát-đê-thâu (Avalokitezvara). Văn Cú gọi là Bà-lâu-cát-đê-thuế. Biệt Hành nói. Đây dịch là Quán (Quan) Thế Âm. Năng sở viên dung có không gồm đủ. Chiếu cùng chánh tánh, xét hết gốc ngọn, nên gọi là Quán. Thế Âm là cảnh được quán. Vạn vật lưu động sai cách chẳng đồng, dị khẩu đồng tâm đều mong lìa khổ, thì Bồ-tát vận Từ lớn cùng lúc khắp cứu, đều khiến giải thoát, nên gọi là Quán Thế Âm. Ứng Pháp Sư gọi là A-bà-lo-cát-đê-xá-bà-la, dịch là Quán Thế Tự Tại. Tuyết Sơn đến nay kinh bản đều gọi Ta-bà-la, thì dịch là Âm. Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh gọi là Lô-cưu-lâu Tuyên (hoàn?) dịch là Quán Thế Âm. Tây Vức Ký gọi là A-phược-lô-chỉ-đa Y-thấp-phược-la, Đường gọi là Quán Tự Tại họp chữ liền tiếng lời Phạm như trên, phân đại tán âm tức A-phược-lô-chỉ-đa thì dịch là Quán, Y-thấp-phạt-la thì dịch là Tự Tại. Xưa dịch là Quang Thế Âm hay Thế Tự Tại. Đường Trang Tam Tạng nói: Quán có mà chẳng trụ có, quán không mà chẳng trụ không, nghe tên mà không mê lầm ở tên, thấy tướng mà không mất ở tướng. Tâm chẳng thể động, cảnh chẳng thể tùy. Động tùy chẳng loạn chân ấy, có thể gọi là Vô Ngại Trí Tuệ.

- Ma-ha-na-bát (Mahàsthàmapràpta). Dịch là Đại Thế Chí. Tư Ích nói: Chỗ ta bước xuống (đặt chân) chấn động cả ba ngàn đại thiên thế giới và các cung điện ma cho nên gọi là Đại Thế Chí. Quán Kinh nói: Lấy ánh sáng trí tuệ mà khắp chiếu tất cả, khiến lìa ba đường dữ mà được sức vô thượng. Thế nên gọi là Bồ-tát này là Đại Thế Chí.

- Duy-ma-la-cật (Vimalakirti). Ngài La-thập nói tần gọi là Tịnh Danh. Thùy Dụ Ký nói: Tịnh tức là Chân thân, Danh tức là Ứng thân. Chân tức là Lý được chứng, Ứng tức là thân hiện ra. Sanh nói đây gọi là Vô Cấu Xứng. Vì từ chối năm dục siêu nhiên (vượt lên) vô nhiễm (không nhiễm), tiếng lành khắp gần xa nên được tên như thế. Đại Kinh nói: Oai đức không cấu nhiễm đáng là vua Ưu-bà-tắc. Tây Vức ký gọi là Tỳ-ma-la-cật. Đường dịch là Vô Cấu Xứng. Xưa dịch là Tịnh Danh. Song Tịnh thì vô cấu, Danh thì là xưng gọi. Nghĩa tuy đồng nhưng tên gọi có khác. Xưa gọi là Duy-ma-cật (?)

- Thuần Đà (Cumda). Xưa nói: Vốn tên Thuần Đà, sau đại chúng khen đức nên gọi là Diệu Đức. Bổ Chú nói: Chẳng ứng với hai phần Danh-Đức, Thuần Đà là tiếng Tây Vức, Diệu Nghĩa là tên cõi này.

- A-ca-vân (Bhaisajyaràjan). Đây gọi Dược Vương. Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ-tát Kinh nói: Quá khứ có Phật hiệu là Lưu Ly Quang Chiếu, sau khi diệt độ thì có Tỳ-kheo tên là Nhật Tạng tuyên bày Chánh pháp. Lúc đó có Trưởng giả tên là Tinh Tú Quang nghe thuyết pháp bèn đem Ha-lê-lặc và các thuốc dâng lên Nhật tạng cùng đại chúng. Nhân đó mà lập tên là Dược Vương, sau sẽ làm Phật tên là Tịnh Nhãn. Em của Tinh Tú Quang tên là Điển Quang Minh vì nghe nói pháp bèn đem Đề Hồ và thuốc tốt nhất mà cúng dường. Nhân đó mà lập tên là Dược Thượng sau sẽ làm Phật hiệu là Tịnh Tạng. Văn Cú nói: Nếu suy nghĩa này thì Tịnh Quang sau khi vui gặp từ khi bỏ thuốc phát thệ đến nay tên là Dược Vương. Bản Thảo Tự nói: Con thầy thuốc họ Vy tên Cổ, tự là Lão sư, nguyên là nước Thúc Lặc được Đạo nhân thân mặc áo lông, lưng đeo mấy trăm cai hồ lô đầu đội khăn lụa tay cầm gậy lê, luôn dắt theo một con chó đen, sống hơn năm trăm tuổi. Từ năm Khai Nguyên tháng Mạnh Hạ (4), có người bịnh hoạn rất đau đớn. Sư phát nguyện giữ tâm nhắm mắt tưởng bèn cho thuốc thì bịnh liền hết. Bèn vẽ tượng Ngài mà cúng dường. Hoàng đế kính lễ là Dược Vương Bồ-tát. Lại Thần Tiên Truyện nói: Xưa thời Nghiêu Thuấn, đời Ân Thang Châu Tần trở về sau từ Đại Hán đến Đường có đến năm lần hóa thân cứu độ kẻ nghèo hèn bịnh hoạn. Con chó mực ấy hóa thành rồng đen trên lưng có mang theo Lão sư xông lên trời mà bay mất.

- Bạt-đà-bà-la (Bhadrapàla). Đại Luận dịch là Thiện Thủ. Kinh Tư Ích nói: Nếu chúng sanh nghe tên Ngài thì cuối cùng ắt được tâm Bồ-đề, nên gọi là Thiện Thủ - Cô Sơn nói: Hiền Thủ là tự giữa được Đức Hiền, lại giữ được chúng sanh. Hoặc gọi là Hiền Thủ, vì vị ở Đẳng giác, đứng đầu các Hiền. Cũng gọi là Bạt-đà-hòa dịch là Hiền Hộ. Diệu Lạc nói: Thiện tức là Hiền Vương Thành ở tại nhà Bồ-tát.

- Tát-đà-ba-luân (Sadàvilàpa). Đại Luận nói: Tần gọi là Thường Đề là Bồ-tát cầu Phật, buồn rầu khóc lóc bảy ngày bảy đêm, nên gọi là Thường Đề.

- Uất-già-đà-đạt-ma (Udgatadharma). Đại Luận nói: Uất-già-đà Tần dịch là Thạnh. Đạt-ma là pháp, nên gọi là Pháp Thạnh (Thạnh pháp?)

- Thi-lê-già-na (Srigana). Đại Luận dịch là Hậu Đức.

- Hòa-tu-mật-đa (Vasmitra), cũng gọi là Bà-tu-mật-đa. Tây Vức Ký gọi là Phạt-tô-tu-mật-tô-đa. Đường gọi là Thế Hữu xưa gọi là Hòa-tu-mật-đa. Quán Pháp Sư nói: Cũng gọi là Thiên Hữu, theo đời tùy trời người mà hóa.

- Càn-đà-ha-đề (Gamdhahastin). Dịch là Bất Hưu Tức (không nghỉ ngơi) niệm niệm lưu nhập vào (biển) Tát-bà-nhã Hải từ đầu không nghĩ ngơi.

- Cù Diệu (Ghosa). Tây Vức Ký gọi là Âm.

- Cù Sư (Ghosin). Đây gọi là Mỹ Âm.

- Đề-bà-bạt-đa (Devadatta). Cũng gọi là Điều Đạt, Đề-bà-đạt-đâu. Pháp Uyển nói: Bản Khởi Kinh gọi là Đề-bà-đạt-đa. Tề dịch là Thiên Nhiệt, vì khi ông mới sanh các chúng trời người tâm đều nóng nảy. Vô Tánh Nhiếp Luận nói: Đường gọi là Thiên Thọ, Thiên Dữ (trời trao, trời cho) nghĩa là tư trời xin mà được. Nhập Đại Luận hỏi: Đề-bà-đạt-đa kia đời đời làm kẻ thù của Phật, vì sao mà nói là Đại Bồ-tát? Đáp: Nếu là kẻ thù vì sao lại đời đời gặp nhau. Như hai người đi Đông đi Tây khác nhau, bước bước xa dần há được là Bạn. Lại gọi là Tân-già-la Bồ-tát.

- Thương-mạc-ca (Samaka) dịch là Thiện. Tây Vức Ký nói xưa gọi là Viêm ma Bồ-tát là sai.

- A-sai-mạt (Aksayamati). Dịch là Vô Tận Ý. Ngài Thiên Thai nói: Vì biết tất cả pháp tánh vô tận (không hết), Bồ-tát phát tâm vô tận.

- Bát-nhã-câu-la (Prajĩkùla), dịch là Trí Tích. Tịnh Danh Sớ nói: Quán thật tướng trí tuệ chứa nhóm.

- Bạc-đà-bà-la Dư-tắc-ca (Bhadraàlaziksaka). Kinh Hạ Sanh nói: Tần dịch là Thiện Giáo.

- Na-la-diên (Nàràyanạ). Kinh Duy-ma gọi là Na-la-diên Bồ-tát. Niết-bàn Sớ dịch là Kim cang.

7. ĐỘ NĂM TỲ KHEO.

Kinh Pháp Hoa nói: Liền đến Ba-la-nại vì năm Tỳ-kheo mà nói các nguyên do. Khi Thái tử vào núi vua cha nhớ thương sai gia tộc ba người là A-bệ, Bạt-đề, Câu-lợi và hai người cậu là Trần Như và Ca-diếp, tìm hỏi chỗ ở của Thái tử mà hầu hạ. Hai người đắm mê ngũ dục. Thái tử trước ăn mè gạo bèn thối lui. Ba người kai mê khổ hạnh Thái tử về sau nhận ăn cháo sữa, nên liền bỏ đi. Từ khi mới thành quả Phật bèn nghĩ ai đáng độ trước. Trước nghĩ hai Tiên thì đã mất rồi. Lại nghĩ năm người bèn đến độ trước. Cho nên Phật đến thành Ba-la-nại, một Hạ điều căn. Trước vì Trần Như nói bốn Đế mà được đạo, kế vì A-bệ, Bạt-đề nói Bố thí sanh lên trời hưởng phước vui đồng thời chứng quả, sau đó vì Ca-diếp, Câu-lợi cũng nói như trước mà đều được Thánh đạo.

Ấy là ba phen độ năm Tỳ-kheo vào đạo trước, nên nêu đầu tiên.

- A-nhã Kiều Trần Như (Àjĩàtakaumdinya). Cũng gọi Câu Lân. Pháp Hoa Sớ nói: A-nhã là tên, dịch là Tri (biết) hoặc gọi Vô tri. Vô tri là không gì chẳng biết. Lại dịch là giải (hiểu rõ). Lăng Nghiêm nói: Ta đầu tiên gọi là giải. Gọi đủ là Giải Bổn Tế - Cô sơn nói: Là người hiểu pháp bậc nhất vậy. Kiều Trần Như là họ, dịch là Hòa khí, dòng Bà-la-môn, trước thờ lửa do đó lập làm Tộc (bộ Tộc, họ?).

- Át-bệ (Azvajit), cũng gọi là A Thuyết Thị dịch là Mã Thắng. Cũng gọi là Mã Sư, cũng gọi là A-thâu-ba-du-kỳ đảnh lễ Mã Tinh.

- Bạt-đề (Bhadrika) Cũng gọi là Bà-đề. Bản Hạnh Tập gọi là Bạt-đề-lê-ca, dịch là Tiểu Hiền. Văn Cú cũng gọi là Ma-ha-nam. Theo Ngũ Phần Luật và Bản Hạnh Tập thì Bạt-đề và Ma-ha-nam khác nhau.

- Thập Lực Ca-diếp, cũng gọi là Bà phu.

- Câu-lợi Thái tử, như Niết-bàn Sớ thì Ma-ha-nam và Câu-lợi là một người.

8. MƯỜI ĐỆ TỬ LỚN.

Xá-lợi-phất là trí tuệ. Mục-kiền-liên là thần thông Đại Ca-diếp là đầu đà (khổ hạnh), A-na-luật là thiên nhãn, Tu-bồ-đề là hiểu không, Phú-lâu-na là nói pháp, Ca-chiên-diên là luận nghĩa, Ưu-ba-ly là trì giới, La-hầu-la là mật hạnh, A-nan-đà là đa văn. Tịnh Danh sớ nói: Mười vị đệ tử này đều giữ một pháp. Người lấy loại mà họp vật vì đông mà phân. Tùy chỗ ưa thích đều có một pháp môn thù làm quyến thuộc. Tuy đều nắm một pháp sao Tăng chẳng đủ mười đức, tự có riêng giỏi nên gọi là bậc nhất. Lại Tăng nhất A-hàm nói một trăm Tỳ-kheo đều có tốt giỏi riêng, vì thiện đồng nên bày ra như thế.

- Xá-lợi-phất (Sàriputra). Đại Luận nói: Có Bà-la Luận Nghĩa Sư (Thầy luận nghĩa) tên là Bà-đa-la vương v.v... vợ đẻ một con gái mắt giống mắt chim Xá-lợi, nên đặt tên là Xá-lợi v.v... Mọi người thấy Xá-lợi mới sanh nên cũng đặt tên là Xá-lợi-phất. Phất Tần nói là con, kinh Niết-bàn nói: Như Xá-lợi-phất mẹ tên là Xá-lợi nên lấy tên mẹ đặt tên, nên gọi Xá-lợi-phất. Lại dịch là Thân Tử. Văn Cú nói: Cô gái này thân hình rất đẹp, vì thân sanh ra nên gọi Thân Tử. Cũng gọi là Thu Tử vì mắt mẹ sáng sạch như mắt chim thu lộ (cò?).

- Đại Mục-kiền-liên (Mà-Maudgalyàyana). Ngài La-thập nói Mục-liên là họ Bà-la-môn, tên là Câu-luật-đà tức tên cây Câu-lợi-đà, vì cầu thần cây mà sinh con nên lấy đó đặt tên. Thùy Dụ Ký hỏi: Đại Kinh nói: Mục-kiền-liên tức là họ, nhân họ mà lập tên Mục-liên, vì sao

lại gọi là Câu-luật-đà? Đáp: vốn tự có tên nhưng người thời ấy chỉ ưa gọi họ, nên Đại Kinh nói thế. Tịnh Danh Sớ nói: Văn Thù Vấn Kinh dịch là Lai Phục Căn, vì cha mẹ thích ăn nên lấy đặt tên con. Chân Đế Tam Tạng gọi là Vật-già-la dịch là Hồ Đậu, màu xanh (đậu xanh). Người xưa thích ăn đậu này nên lấy làm họ. Gọi đúng là Ma-ha Một-đặc-già-la, mới dịch là Biện (Thái) Thục Thị, Thục cũng là đậu. Tây Vức ký gọi là Một-đặc-già-la. Xưa gọi là Mục-kiền-liên.

- Ma-ha Ca-diếp-ba (Mahà Kàzyapa). Văn Cú nói dịch là Đại Qui Thi (rùa lớn). Đời trước học đạo, rùa linh mang hình tiên mà ứng, theo đức mà lập họ nên gọi là Qui Thi. Người thời ấy phần nhiều đều gọi Họ, kỳ thật là có tên. Tên là Tất-bát-la, cha mẹ vì cầu thần cây Tất-bát-la mà sanh con nên đặt là Tất-bát-la. Nói đại là ước chỗ nêu bày, hoặc nhân trí, đức và tâm của Ngài rất lớn nên gọi là Đại Ca-diếp. Nếu ước về sự mà giải thích thì trong số đệ tử Phật có rất nhiều Ca-diếp, như Thập Lực chấn động, đồng họ nhưng Ngài là già nhất cho nên nêu Đại ở trước cho gọn. Ca-diếp hoặc dịch là Ẩm Quang. Văn Cú nói: Ca-diếp có thân sáng làm lóa mất vật. Chân đế dịch là Quang Ba. Người tiên xưa có thân sáng rực rỡ hay lấn át (lóa mất) các sáng khác.

- A-na-luật (Aniruddha), hoặc gọi A-na-luật-đà, dịch là Vô Diệt. Xưa do phước thí thực mà được vui trời người đến nay không mất. Tịnh Danh Sớ nói: Hoặc gọi Ni-lô-đậu hoặc A-nậu-lầu-đà. Dịch là Như Ý hoặc gọi Vô Bần, vì quá khứ đời đói từng lấy cơm mà thí cho Bích Chi Phật nên suốt chín mươi mốt kiếp ở trong trời người mà hưởng vui như ý, nên gọi là Như ý. Từ đó đến nay không hề thiếu hụt, nên gọi là Vô Bần là em họ của Phật. Tây Vức Ký gọi là Ni-luật-đà. Xưa gọi A-na-luật.

- Tu-bồ-đề (Subhùti). Tịnh Danh Sớ nói: dịch là Thiện Cát cũng gọi Thiện Nghiệp, Không Sanh. Vì ngày sanh ra ông nhà đều trống không. Cha mẹ sợ quá hỏi thầy bói. Thầy bói xem quẻ đáp đây là tướng tốt nên đặt là Thiện Cát. Bẩm tánh Ngài từ thiện chẳng tranh giành (cãi) vật. Đến khi xuất gia thấy không mà được đạo, gồm tu Từ Tâm được Vô Tránh Tam-muội. Do đó thường hay giúp giữ vật tâm nên gọi là Thiện Nghiệp. Do lúc sanh nhà cửa đều trống không nên đặt tên là Không Sanh. Nhà cửa đều trống không tức biểu thị cho tướng giỏi Hiểu Không Sanh nói: Vô Tránh Tam-muội là Hiểu Không mà không có chỗ luận tranh cãi (tranh luận). Tây Vức Ký gọi là Tô-bộ-để Đường dịch là Thiện Hiện. Xưa gọi là Tu-phà-đề hay Tu-bồ-đề, dịch là Thiện Cát. Huân Văn nói: Nên biết tướng thiện chẳng chỉ không vật mà cũng hay

cảm vật. Nên Kinh Thí Dụ nói: Ở nước Xá-vệ có Trưởng giả tên là Cưu-lưu, đẻ con, đặt tên là Tu-bồ-đề, có phước báo tự nhiên. Bình đựng thức trống không, không mong ước mà đầy. Vậy thì không ấy chẳng phải là đoạn không, biểu thị cho diệu hữu không mất. Chân Đế nói là Phật Đông Phương Thanh Long Đà. Lại Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài thích mặc áo tốt mà bản hạnh thanh tịnh, nên gọi là Thiên Tu-bồ-đề. Nên biết cửa Phật có hai Tu-bồ-đề (?).

- Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử (Dùrnamaitràyanìputra), Văn Cú nói: Phú-lâu-na dịch là Mãn Nguyện. Di-đa-la dịch là Từ, Ni là con gái. Cha ở trên sông cầu Phạm thiên xin con lúc nước lớn. Lại mộng thấy bình đựng đầy bảy báu chui vào bụng mẹ mà có thai. Cha được toại nguyện nên gọi là Mãn Nguyện. Di-đa-la-ni dịch là là Từ Hạnh, cũng gọi là Tri Thức. Bốn Vi-đà có phẩm này. Bà mẹ đọc nên lấy đó làm tên. Hoặc gọi là Di-thất-tử, dịch là Thiện Tri Thức. Chi Khiêm dịch Độ Vô Cực Kinh gọi là Mãn Chúc Tử nghĩa là cha ở sông nước lớn cầu Phạm thiên mà được con. Tây Vức Ký gọi là Bố Thích Noa Mai trở Lệ Diễn Ni Phất Trớ La, Đường dịch là Mãn Từ Tử. Xưa dọc là Di-đa-la-ni Tử.

- Ma-ha Ca-chiên-diên (Mahà kàtyayàna). Ngài La-thập nói là họ Bà-la-môn ở Nam Thiên Trúc, rất giỏi hiểu Khế Kinh (kinh). Tịnh Danh Sớ nói: Dịch là Bất định, hoặc gọi Phiến Thằng. Có người nói văn trau chuốt chưa biết ai đúng. Có người nói đây gọi là lìa có không mà phá tâm ngã mạn.

- Ổ-ba-ly (Upàli). Có người dịch là Hóa sanh hoặc Thượng Thủ, vì trì luật làm kỷ cương cho chúng, nên gọi là Ưu-ba-li hoặc dịch Cận chấp. Vì khi Phật còn làm Thái tử ông đã làm quan Chấp sự gần gũi. Người xưa gọi là gia nhân (người nhà) của Phật là sai (?), gọi là Ưu-ba-li.

- La-hầu-la (Rahula). Ngài La-thập nói A-tu-la ăn mặt trăng thì gọi là La-hầu-la. Tần dịch là Phú chướng, tức là che mất ánh sáng của mặt trăng. La-hầu-la sáu năm ở trong thai mẹ mà bị che đậy nên lấy đó làm tên. Tây Vức Ký gọi là La-hộ-la xưa gọi là lgl, lại gọi La Văn, đây dịch Chấp Nhật. Tịnh Danh Sớ nói: Có dịch là cung sanh. Vì khi Thái tử xuất gia thì Thái phi ở trong cung sao được có thai. Phật cùng vua Tịnh Phạn sau có chứng cớ là con của Thái tử thì chính là sanh ở cung nên gọi là cung sanh.

- A-nan (Ànainda). Đại Luận nói: Tần gọi là Hoan Hỷ. Là khi Phật thành đạo thì nhà Hộc Phạn sai Sứ đến thông tin với vua Tịnh Phạn là em đã sinh quí nam tâm vua rất vui, bảo ngày ấy là rất tốt, bèn bảo

Sứ về tâu vua đặt tên con là A-nan. Cả nước đều vui mừng nên đặt là Khánh Hỷ, có Dự lưu Vô nhiễm, tuy tàn tư (các suy nghĩ thừa) chưa hết mà theo Phật vào trời người và cung rồng thấy con gái mà tâm không đắm nhiễm. Huyền nói là người giữ giáo ba tạng.

- A-nan-bạt-đà (Ànain dabhadra), dịch là Hỷ Hiền. Huyền gọi là giữ (trì) Thông giáo.

- A-nan Ca-la (Ànain dasàgara). Dịch là Hỷ Hải. Huyền gọi là giữ (trì) Viên giáo. Giao phó phap tạng có ba: Một là A-nan, dịch là Khánh Hỷ tạng tiếng đã nghe truyền. Hai là A-nan-bạt-đà, dịch là Hỷ Hiền là trì tạng Viên giác. Ba là A-nan Ca-la, dịch là Hỷ Hải là trì tạng Bồ-tát Viên Giác Lược sớ nói: Tóm lại là một người, tùy đức mà gọi tên khác nhau.

9. GỒM CÁC THANH VĂN.

Pháp Hoa Luận nói: có bốn thứ Thinh văn: Một là quyết định Thinh văn, nhất định vào vô dư. Hai là tăng thượng mạn Thinh văn, vì chưa chứng bảo là chứng. Ba là thối Bồ-đề Thinh văn, là thối đại mà lấy tiểu. Bốn là ứng hóa Thinh văn là trong giấu ngoài hiện. Luận tự giải thích rằng: Hai thứ sau cùng ký (cho thọ ký), hai thứ trước chẳng ký (chẳng thọ ký) vì căn độn chưa thuần thục. Ngài Thiên Thai có thêm cái thứ năm là Phật đạo Thinh văn, là theo các kinh thì dùng tiếng Phật đạo khiến tất cả đều nghe. Ước nghĩa theo người mới vào lại dùng quyết định Thinh văn và thối Bồ-đề mà gọi là trụ quả. Ngài Kinh Khê căn cứ vào ba thứ gặp cái thứ ba chỉ luận gặp tiểu mà không luận gặp đại gọi là nguyên trụ tiểu, cho nên nghĩa Thinh văn rất nhiều không phải một.

- Tân-đầu-lô (Piôdola bharadvàja) dịch là Bất Động là tên Phả-la-đọa là họ. Chân đế dịch là Kiện (Tiệp?) tật (nhanh chóng) cũng gọi là Lợi tướng (căn?) hay là Quãng Ngữ. Bản Hành Tập dịch là Trọng Đổng. Bà-la-môn có đến mười tám họ, họ này ở hàng đầu (là một). Hoặc gọi là Tân-độ-la Bạt-la-đọa-xà. Cảm Thông Truyện nói: Nay có người làm tượng Thánh tăng Tân-đầu-lô lập phòng riêng cúng dường cũng là một cách, song cần phải bày một tòa trống ở trước đặt một bình bát, đến giờ Tăng ăn thì mời một đại tăng đến nhận (ăn), không được ở nhà Tăng mà bày mâm chén vì phàm thánh Tăng thì rất không đụng đến chén bát của Tăng. Nếu là nhà tục thì tùy tục mà bày cúng sợ Tăng không biết nên ghi điều này.

- Bạt-câu-la (Vakkala). Văn Cú dịch là Thiện dung, mặt mày đẹp đẽ đoan chánh. Theo kinh Hiền Ngu thì dịch là Trọng tánh (họ Trọng?).

Trung A-hàm Dị học lại hỏi ông trong tám mươi năm có khởi dục tưởng chăng? Đáp: Chẳng nên hỏi như thế, ta tám mươi năm chưa từng khởi dục tưởng, còn chưa từng khởi một niệm cống cao, chưa từng nhận y của cư sĩ, chưa từng cắt y, chưa từng mượn y người khác, chưa từng may y, chưa từng nhận lời thỉnh mời, chưa từng đến đại gia khất thực (nhà giàu có xin ăn), chưa từng tựa vách, chưa từng nhìn mặt người nữ, chưa từng vào phòng ni, chưa từng cùng ni thăm hỏi nhau, cho đến ở ngoài đường cũng không chuyện trò với họ, ngồi suốt tám mươi năm. Kinh Khê nói nhóm người hoằng pháp hãy soi gương này.

- Nan-đà (Naôda). Văn Cú nói: Cũng gọi là Phóng Ngưu Nan-đà, dịch là Thiện Hoan Hỷ, cũng gọi Hân Lạc, Văn Cú nói từ xưa mộ đạo mà đặt tên, cao quí nhất trong vui mừng nên gọi là Thiện Hoan Hỷ.

- Ly-bà-đa (Revata), gọi đúng là Hiệt-lệ-phạt-đa, cũng gọi là Ly Việt, dịch là Tinh Tú hoặc Thất Tú, vì cầu sao là được con.

- Ma-ha Ca-hy-la (Maha kauwỉhilya). Đại Luận nói: Tần gọi là Đại Tất-ma-đà-la, kế sanh một con xương gối rất to nên gọi là Câu-hy-la, là cậu của Xá-lợi-phất cùng chị là Xá-lợi nghị luận không bằng, nên Câu-hy-la suy nghĩ bảo rằng: Chẳng phải là sức của chị, ắt vì mang thai người Trí nên mượn miệng mẹ mà nói. Khi chưa sanh đã như thế, khi lớn lên thì sẽ như thế nào, cho nên bỏ nhà đi làm Phạm Chí, vào Nam Thiên trúc thề không cắt móng tay, đọc mười tám thứ kinh.

- Kiều-phạm-bát-đề (Gavàôpati) hoặc gọi Kiều-phạm-ba-đề hay Già-phạm-bát-đề, Cấp-phòng-bát-để, dịch là Ngưu Ty (trâu rống). Pháp Hoa Sớ nói: Xưa năm trăm đời ông từng làm trâu chúa, trâu sau khi ăn thường nhơi dư báo chưa hết nên người thời ấy gọi là Ngưu Ty. Lăng Nghiêm nói: Vì ở đời quá khứ ông chọc ghẹo phá Sa-môn nên đời đời có bịnh trâu nhơi. Lại dịch Ngưu Vương, Ngưu Tướng.

- Tất-lăng-già-bà-tha (Piliindavatsa) dịch là Trừ tập, năm trăm đời làm Bà-la-môn dư khí còn cao, qua Hằng thủy (sông Hằng?) quát Tiểu Tỳ dừng lại, không phải ông ấy thật tâm mà bởi do tập khí. Hoặc gọi là Tất-liến-đà-đà-phạt-tha, dịch là dư tập, năm trăm đới có tánh ác nói năng hung dữ, nay được dư tập.

- Tôn-đà-la-nan-đà (Suôdara nainda). Tôn-đà-la dịch là Hảo Ái là tên vợ, hoặc gọi Tôn-đà-la-lợi, dịch là Diệu Thiện, Nan-đà nên gọi tên vợ.

- Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (uruvilvàkàsyapa). Văn Cú dịch là Mộc Hoa Lâm, vì ở gần rừng này. Cô Sơn nói: đây dịch là Mộc Qua Lung, vì ở trước ngực có gù (bứu?) như quả dưa hấu (mộc qua?). Lại nói cầu ở

Thần rừng này mà sanh nên lấy đặt tên.

- Già-da Ca-diếp (Gàyàkàzyapa). Cô Sơn nói Già-da là tên núi tức là núi tượng đầu (đầu voi) Văn Cú dịch là Thành vì ở gần núi này, nhà ở gần thành Vương-xá phía nam cách bảy do tuần.

- Na-đề Ca-diếp (Nadìkàzyapa). Na-đề dịch là sông. Tây Vức Ký gọi là Nại-địa Ca-diếp Ba, xưa gọi là Na-đề Ca-diếp. Viết tân các Ca-diếp không nêu chữ Ba là tóm gọn (gọi tắt). Thời Phật Tỳ-bà-thi cùng cây sát trụ có duyên anh em.

- Kiếp-tân-na (Kapphina), dịch là Phòng Tú, vì cha mẹ cầu với sao Phòng mà có con. Xưa gọi là Kim-tỳ-la, dịch là Oai Như Vương.

- Nặc-cự-la (Nakula) dịch là Thử Lang Sơn.

- Đề-bà-tê-na (Devazcna), Tây Vức Ký nói Đường gọi là Thiên quân.

- Ưu-ba-đề-xá (Upatisya), Đại Luận gọi Ưu-bà, Tần dịch là Thỉ (heo). Đề-xá là tên sao, tức tên cha của Xá-lợi-phất.

- Ưu-bà-tư-na (Upasena), Bản Hạnh Tập nói: Tùy gọi là Tối Thượng Chinh Tướng.

- Ốt-trớ-ra (Uttara), Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Thượng

- A-chiết-la (Àeàra) Tây Vức Ký nói Đường gọi là Sở Hành (chỗ làm)

- Ca-lưu-đà-di (Kalo dàyin), dịch là Hắc Quang ánh sáng đen) cũng gọi là Thô Hắc vì nước da ông rất đen (mặt đen).

- Ưu-đà-di (Udàyin). Dịch là xuất hiện, vì khi mặt trời mọc thì sinh ông

- Ưu-bà-ni-sa-đa (Upanisada) Tư Trung dịch là Trần Tánh, vì xem Trần tánh (tánh bụi bặm) vốn không mà được đạo, cũng gọi là là Ưu-pa-ni sát đàm.

- Châu-đà (Cùdapainthaka). Hoặc gọi Châu-đà-lợi, dịch là Đại Lộ biên sanh (sanh bên đường lớn). Phật Bản Hạnh Kinh nói bà mẹ là con gái của Trưởng giả, theo chồng ở nước khác lâu mà có thai gần đẻ con thì về thăm, đi đến giữa đường mà sanh con. Như thế hai lần phần gần đẻ thì về như thế mà đẻ con, lại lấy Đại Tiểu mà phân biệt. Đại tức là Châu-đà, Tiểu tức là Sa-già-đà.

- Sa-già-đà (Svàgata). Hoặc gọi Bàn-đà-già, đây chỉ cho Tiểu lộ biên sanh (sanh bên đường nhỏ) lại dịch là Kế Đạo, lấy cớ là em kế sanh bên đường, nên gọi Kế Đạo.

- Ba-thấp-phược (Pàrzva). Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Hiếp (cái hông). Do tự thề rằng: Nếu ta không thông lý ba tạng không đoạn

dứt Dục ba cõi được sáu thần thông, đủ tám giải thoát thì trọn hông không dính chiếu, nên gọi Hiếp Tôn giả.

- Tu-bạt-đà-la (Subhadra), dịch là Hảo Hiền. Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Thiện Hiền. Xưa gọi là Tô-bạt-đà-la, là Phạm Chí ở thành Cưu-thi-na, một trăm hai mươi tuổi. Nê-hoàn Kinh nói: Tu-bạt rất thông minh nhiều trí, Tụng bốn kinh Tỳ-đà (Phệ-đà) tất cả sách luận đều thông suốt, được mọi người đều tôn kính. Nghe tin Phật sắp Niết-bàn mới đến chỗ Phật nghe tám Thánh đạo, tâm ý mở mang bèn được Sơ quả, từ Phật xuất gia, lại vì rộng nói bốn đế mà thành La-hán.

- Ca-đa-diễn-ni-tử (Kàtyàyaniputra), Tây Vức Ký gọi là Ca-đà-diễn-na, sau khi Phật diệt độ ba trăm năm thì mới ra đời, tạo ra Phát Trí luận. Xưa dịch là Ca-chiên-diên (sai)

- Mạt-điền-địa (Madhyàutica) cũng gọi Ma Điền Địa, Ma Điền Đề. Dịch là Trung. A-nan-độ năm trăm người tiên, ở trong sông mà được gới nên gọi là Ma-điền-địa. Tây Vức Ký nói là trong sông Đạt-lê-la, có Đại già lam ở bên có tượng gỗ Tự Thị Bồ-tát cao hơn trăm thước Mạt-điền-để-ca-la-hán đã dắt thợ chạm khắc lên trời Sử Đa mà xem thấy Diệu tướng, đi về ba lần mới làm xong.

- Ưu-ba-cúc-đa (Upagupta) hoặc gọi Ưu-ba-quật-đa, dịch là Đại Hộ hoặc gọi Cấp-đa. Phật diệt độ một trăm mới ra đời mà được quả Vô Học (La-hán), Tây Vức Ký gọi là Ổ-ba-cúc-đa, Đường dịch là Cận Hộ, ở phía Đông cách thành nước Mạt-thế-la năm, sáu dặm, trong núi có hang đá cao hơn hai mươi thước rộng hơn ba mươi thước, có chứa thẻ nhỏ bốn tấc trong đó. Tôn giả Cận Hộ nói pháp độ người, vợ chồng đều chứng quả La-hán, bèn ném xuống một thẻ. Họ khác nhà khác tuy chứng vẫn không ghi.

- Thất-lâu-đa-tần-thiết-để-cu-chi (Sruta vìm zatikoti). Tây Vức Ký nói Đường gọi là hai trăm ức, xưa dịch là Ức nhĩ, là Trưởng giả giàu sang tuổi già cần có kẻ nối dòng. Lúc đó có người báo rằng bèn bội ban cho hai trăm ức đồng tiền vàng, nhân đó mà đặt tên con là nghe hai trăm ức. Khi lớn lên thì chưa từng đạp đất nên bàn chân có lông dài hơn một thước lông mềm mại tươi sáng. Tây Vức Ký nói: Giàu một ức thì có tiền một lạc xoa, lỗ tai đeo châu kéo dài ra mọi người đều biết là giàu. Hoặc nói Lỗ tai có vòng châu giá trị một ức.

- Ma-ha Bà-xà-ba-đề (Mahàprajàpati) dịch là Đại Sanh Chủ lại gọi là Đại Ái Đạo, hay Kiều-đàm-di, dịch là chúng sanh (chúng chủ?) Tây Vức ký gọi là Bát-la-xà-bát-để, đường dịch là Sanh chủ. Xưa dịch là Ba-xà-và-đề.

- Da-du-đà-la (yasodharà). Dịch là Hoa sắc, cũng gọi Danh Văn là thứ phi (vợ lẻ?) của Tất-đạt, trời người đều biết, xuất gia làm chủ ni chúng.

10. TÔNG THÍCH LUẬN CHỦ (nhóm luận chủ)

Đám quần sanh mãi ngủ mê trong đêm dài mù mịt, bậc Tiên giác cảnh giác đời, mặt trời huệ rực rỡ, nên Tây Vức Ký nói bốn mặt trời chiếu sáng đời. Đông có Mã Minh, Nam có Đề-bà, Tây có Long Mãnh, Bắc có Đồng Thọ. Hoặc thông Tông các điển (giải thích chung các sách), hoặc riêng giải một kinh. Đã phân chiếu bốn phương bèn đều phá các đám mù cho nên đây tập nêu Luận chữ.

- A-thấp-phược-củ (lũ?) Sa (Azvaghosa) hoặc gọi A-thấp-sự-sa Tây Vức Ký nói Đường gọi là Mã Minh. Ma-ha-diễn Luận nói: Khắc ở bản kinh (nếu theo gốc là Bồ-tát nội trụ vị vị đệ tám địa?) là Đại Quang Minh Phật. Nếu luận về Nhân thì trong đã ở Vị-đệ-bát-địa Bồ-tát sanh ở Tây Thiên Trúc. Cho là Lô-già, mẹ là Cù-na cùng sống lợi ích. Ở đời quá khứ có một Đại vương tên là Luân-đà có một ngàn con ngựa trắng đều hý tiếng rất tốt khi có chim hót thì Đại vương tăng đức, nếu chim không hót thì Đại vương tổn đức. Như thế các chim khi thấy ngựa trắng thì đều hót vang, còn không thấy thì không hót. Khi ấy Đại vương khắp tìm ngựa trắng trọn ngày mà không được, bèn bảo rằng: Nếu chúng ngoại đạo mà chim này kêu thì liền phá bỏ Phật giáo. Như đệ tử Phật mà chim này kêu thì sẽ phá hết ngoại đạo mà riêng tôn riêng tín Phật pháp. Bấy giờ Bồ-tát dùng sức thần thông hiện ra một ngàn con ngựa trắng làm một ngàn chim trắng hót lên mà nối thạnh chánh pháp khiến không dứt. Thế nên Thế Tôn gọi là Mã Minh. Luật Tông Thống Yếu Sao nêu ra điều lạ này, học giả nên kiểm lại.

- Na-già-hạt-thọ-na (Nàgàrjuna) dịch là Mãnh (Nàgar là long, Juna là mãnh?). Đây là trích trong Long Thọ Khuyến Giới Vương Tụng (hòm chữ Thái) Tây Vức ký gọi là Na-già-át-thích-na. Dịch là Long Mãnh. Xưa gọi là Long Thọ. Ngài La-thập bảo Bản Truyện nói: Bà mẹ thọ sanh Long Thọ nhân thấy A-chu-na, A-chu-na là tên của cây. Phù Hành nói: Thọ học rộng là, vô địch trong thiên hạ, muốn chê kinh Phật mà tự làm pháp, biểu thị ta là không thầy. Rồng tiếp vào cung suốt một Hạ chỉ đọc kinh bảy Phật mà biết Phật pháp đã diệu. Do đó đi xuất gia hàng phục các vua, chế ngự các ngoại đạo. Ngoại đạo hiện thần thông hóa làm ao hoa mà ngồi trên hoa sen. Thọ hóa làm voi mà nhổ hoa sen đánh ngoại đạo. Ngài làm ba luận: Một là Đại Bi Phương Tiện Luận,

nói thiên văn địa lý, làm thuốc báu lợi ích chúng sanh. Hai là luận Đại Trang Nghiêm nói về tu tất cả pháp môn công đức. Ba là Đại Vô Úy luận nói Đệ nhất nghĩa, Trung Quán luận chỉ là một phẩm.

- Đại Thừa Nhập Lăng Dà nói: Đại Từ, ông nên biết. Sau khi Phật Niết-bàn rồi ở đời vị lai sẽ có người thọ trì (vâng làm) pháp ta. Người đó là một Đại Tỳ-kheo danh đức của Nam Thiên Trúc, ấy là Long Thọ, hay phá các tông Hữu vô, hiển bày pháp Đại thừa Vô Thượng của ta ở thế gian, được Sơ Hoan Hỷ Địa vãng sanh nước An Lạc.

- Đề-bà (Deva) dịch là hiên là đệ tử của Long Thọ, là Tăng Thành Ba-tra-ly, chế phục kinh ngoại đạo mười hai năm chẳng đánh kiền chùy. Đề-bà trạng thanh tồi phục dị đạo. Đề-bà nhân vào miếu Đại Tự Tại, miếu vàng (lấy vàng của miếu) làm tượng, tượng cao sáu trượng lưu ly làm mắt, thần rất linh hiển cầu gì được nấy. Đề-bà trợn mắt giận dữ bảo rằng: Thần là thần, vốn đem tinh linh dạy vật mà lại giả dùng vàng ròng lưu ly ra uy với đời sao thấp hèn đến thế. Rồi liền lên thang móc mắt thần. Mọi người đều bảo: Thấy ấy bị khuất phục rồi. Đề-bà nói: Muốn biết trí Thần vốn tâm không kiêu mạn, Thần biết tâm ta sao lại chịu nhục. Đêm ấy hậu cúng. Sáng ngày tế thần thì thần hiện ra nhục thân mà không có mắt trái. Đến lúc Tế Thần than rằng: Việc như thế thật là hiếm có, mà ta không mắt sao không cho ta mắt. Đề-bà liền khoét mắt mình mà cho. Khoét ra rồi liền có nữa, thí đến cả vạn mắt. Thầt rất vui mừng hỏi muốn cầu gì? Đề-bà nói: Ta chẳng cầu gì hết, chẳng biết được không? Thần nói: Sẽ thỏa nguyện, rồi biến mất. Thầy lý giao thông thảy đều tin phục.

- Cưu-ma-la-la-đa (Kumaralabdha) Tây Vức Ký dịch là Đồng Thọ.

- Thất-lị-la-đa (Srilabdha) Tây Vức Ký và Đường gọi là Thắng Thọ. Khởi Tín Luận Sớ nói: Minh Ngũ Nhật Luận sư, lấy đó làm Luận chủ, nổi tiếng ở Bắc Ấn Độ.

- Ha-lê-bạt-ma (Harivarman). Tống dịch là Sư Tử Khải. Chín trăm năm sau khi Phật Niết-bàn rồi thì ông mới sanh ra Trung Thiên Trúc, con dòng Bà-la-môn. Xưa nương Tát-bà-đa-bộ mà xuất gia. Ông tạo bộ Thành Thật Luận.

- A-tăng-già (Asaiưga) Tây Vức ký và Đường gọi là Vô Trước, là Dơ Địa Bồ-tát, em của ngài Thiên Thân. Một ngàn năm sau khi Phật diệt độ, thì ông từ Sa-di-tắc bộ mà xuất gia Tam Tạng Truyện nói: Ban đêm ông lên Đổ Sử Đà Thiên ở chỗ của ngài Từ Thị mà nhận các bộ Du Già Sư Địa Luận, Trang Nghiêm Đại Thừa Luận, Trung Biên Phân

Biệt Luận. Ban ngày thì hiện xuống vì chúng nói pháp.

- Bà-tẩu-bàn-đậu (Vasubamdhu) Tây Vức Ký gọi là Phạt-tô-bạn-độ, Đường gọi là Thế Thân. Xưa dịch là Bà-tẩu-bàn-đậu, dịch Thiên Thân là sai. Nói Thiên Thân Bồ-tát thì chính là Tỳ Sửu Thiên Thân, nên gọi Thiên Thân ở Nhất Thiết Hữu Bộ mà xuất gia, vốn từ Bắc Ấn Độ mà đến ở đây (là đâu?). Vô Trước sai người nhà ra đón, Sư đến già lam này gặp mà không biết là đệ tử của Vô Trước, chỉ đứng ở ngoài cửa. Đến nửa đêm Vô Trước tụng kinh Thập Địa, Thế Thân nghe rồi cảm ngộ hối hận Thậm Thâm Điệu Pháp từ xưa chưa được nghe. Tội chê bay nguyên phát ở lưỡi, lưỡi là gốc tội nay phải cắt đi, rồi cầm dao bén, khi sắp cắt thì thấy Vô Trước đã đứng bên cạnh bảo rằng: Phàm Giáo Đại Thừa là lý chí chân chư Phật khen ngợi các Thánh đều theo. Ta muốn khuyên ông, ông nay đã tự ngộ đã đúng lúc, thật tốt biết bao. Thánh giáo chư Phật cắt lưỡi là không phải hối cãi. Xưa đã dùng lưỡi để phá Đại thừa thì nay lại dùng lưỡi để khen Đại thừa, bỏ lỗi đổi mới còn tốt hơn. Bụng miệng dứt lời thì lợi ở đâu. Nói xong bỗng biến mất. Thế Thân tuân lời bèn không cắt lưỡi. Lại đến chỗ Vô Trước mà học Đại thừa. Do đó mà suy tư viết ra bộ Đại Thừa Luận hơn một trăm bộ đều lưu hành rộng ở đời.

- Phật-đà-tăng-ha (Buddhariinha) Tây Vức Ký và Đường gọi là Sư Tử Giác, là đệ tử của Vô Trước, mật hạnh khó lường biết, nổi tiếng tài cao. Hai, ba bậc Bảo Triết bảo rằng pháp tu hạnh nghiệp nguyện gặp Từ Thị. Nếu ai chết trước được toại ý nguyện thì về báo lại cho biết chỗ đến. Sư Tử Giác chết trước ba năm không báo Thế Thân Bồ-tát tiếp đó thì mất. Trải sáu tháng cũng không tin báo. Lúc đó các Dị học đều chê trách cho là đã sanh vào đường dữ nên không linh ứng. Sau đó Vô Trước Bồ-tát vào nửa đêm mới vì đệ tử trao dạy Định pháp. Đốt đèn lân thì bỗng tắt. Trên không trung có tiếng nói lớn: Có một Thiên Tiên từ trên trời giáng xuống tiến đến trước sân kính lễ Vô Trước. Vô Trước nói: Ông sao đến muộn thì đáp rằng: Từ khi chết rồi đến trời Đổ Sử Đa (Đâu Suất), chúng của Từ Tịnh đều sanh trong hoa sen. Hoa sen vừa nở thì Từ Thị khen rằng: Hãy đến đây Quảng Huệ, đi quanh khắp hết vòng liền về báo tin. Vô Trước hỏi nay Sư Tử Giác đang ở đâu? Đáp: Tôi đi khắp một vòng thì thấy sư Từ Giác ở trong ngoại chúng còn đắm trước năm dục không rảnh gặp nhau. Vô Trước hỏi: Từ Thị tướng thế nói pháp gì? Đáp: Từ Thị tướng tốt không thể diễn tả, nói Diệu pháp nghĩa chẳng khác cõi này. Song Diệu âm của Bồ-tát thật hòa nhã, khiến người nghe quên mỏi mệt.

- Trần-na (Dignàga - Diínàga) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Đồng Thọ. Diệu Cát Tường Bồ-tát chỉ dạy truyền trao. Như Từ Ân nói: Nhân Minh Luận vốn do Phật nói, răn rộng nghĩa tan đầy khắp các kinh. Cho nên Địa Trì Luận nói: Bồ-tát cầu pháp sẽ cầu ở đâu, phải ở tất cả chỗ Ngũ Minh mà cầu. Cầu Nhân Minh là để phá Tà luận mà an lập chánh đạo, đề mục của kiếp sơ, đầu tiên ra chân tơ. Kịp khi Thế Thân lại trình bày quỉ thức thì tuy kỷ cương đã bày mà chỗ sâu tối chưa phân. Cho nên khiến chủ khách đối nhau lập ra qui tắc nghi phá thì có Trần-na Bồ-tát gọi là mạng thế là một trong ngàn Phật Hiền kiếp. Ngài ẩn thân vào hang núi ngưng ý đẳng trì, làm ra lợi hại về quán thuật mà xét về hệ ước của văn nghĩa. Lúc đó trong hang núi ầm ầm chấn động mây khỏi biến tan, sơn thần nâng chân Bồ-tát cao hơn mấy trăm trượng, bảo rằng Phật nói Nhân Minh luận đạo xin thỉnh rộng truyền. Bồ-tát bèn phóng thần quang chiếu đuốc cơ cảm. Lúc đó ở Nam Ấn Độ, vua nước An-đạt-la thấy phóng ánh sáng liền nghi là vào Kim Cang Dụ Định, xin chứng quả vô học. Bồ-tát nói vào định quán sát giải thích các kinh sâu tâm hẹn Đại giác (tâm ma thành Phật) chẳng phải cầu quả nhỏ. Vua nói quả vô học, các Thánh đều kính, thỉnh Tôn giả mau chứng. Bồ-tát muốn làm toại ý vua) thì Diệu Cát Tường Bồ-tát liền khảy móng tay thưa rằng: Sao (nào) bỏ đại tâm mới hưng tiểu chí, vì rộng lợi ích nên sẽ chuyển pháp Du già của ngài Từ Thị đã nói, khuông chánh đồi cương có thể tạp Nhân Minh trọng thành qui cũ. Trần-na nghe lời chỉ dạy mà đi nhiễu quanh một vòng rồi suy tìm nghiên cứu mà làm ra. Nhân Minh Chánh Lý Môn Luận. Lại Phụ Hành nói: Tiên Ca-tỳ-la sợ thân chết, bèn lân cung trời Tự Tại hỏi. Trời sai đến núi Tần-đà lấy dư cam tử ăn rồi thì sống dài lâu. Khi ăn rồi thì hóa thành giường đá rất rộng hơn các giường khác. Bèn viết bài kệ hỏi đá. Sau bị Trần-na Bồ-tát chê bèn viết kệ xé rách (phá) đá.

- Tân-già-la (Piưgara). Tựa Trung Luận nói các nước thọ trì, đọc tụng những ai dám dự học đều thưởng ngoạn luân này cho cho là hầu khâm (quan trọng?) nó nhộm bút giải thích không ít. Chỗ sanh ra là Phạm Chí ở Thiên Trúc tên là Tân-già-la (luận này do Phạm Chí Thiên Trúc tên là Tân-già-la tạo ra). Tần gọi là thanh mục chi sở thích (?) là người này tuy tin hiểu pháp rất sâu, mà biện luận cũng thanh nhã. Trong lúc những người thừa tịch phiền trọng thì Pháp sư đều có giúp chút ít.

- Bà-tỳ-phê-già (Bhavaviveka) Tây Vức Ký nói Đường gọi là Thanh Biện. Tịnh Nhi Tư nói: Không phải Từ Thị thành Phật thì ai quyết nghi cho ta, bèn ở trước tượng Quán Âm Bồ-tát mà đọc Tùy Tâm Đà-

la-ni, trải qua ba năm Bồ-tát hiện thân bảo Luận sư rằng: Cần gì? Đáp rằng: Nguyện lưu thân này đợi thấy Từ Thị. Bồ-tát nói: Mạng người khó giữ, phải tu Thắng Thiện để sanh lên Đổ Sử Thiên (trời Đâu Suất) mới thấy Từ Thị. Thưa rằng: Chí quyết không đổi. Bồ-tát nói: Nếu thế, phải đến nước Đà-na-yết-kiệt chỗ hang núi thần chấp Kim cang ở phía Nam thành, mà chí thành tụng trì Kim cang Đà-la-ni, bèn toại nguyện này. Luận sư do đó đến mà tụng. Sau ba năm thì thần hiện ra hỏi: Nguyện ấy thế nào? Luận sư đáp: Nguyện giữ thân này đợi Từ Thị. Thần bảo trong hang đá núi này có cung Tu-la đúng như pháp mà thỉnh thì vách đá sẽ mở. Mở rồi vào liền có thể thấy Thần lại bảo: Khi Từ Thị ra đời ta sẽ báo cho. Luận sư nghe lời chuyên thỉnh tụng trì. Trải qua ba năm mới khấn giới tử mà gỏ vách đá thì vách đá liền mở. Luận sư bèn cùng sáu người vào trong vách đá. Người vào vách đá rồi vẫn nguyên như cũ.

- Đạt-ma-ba-la (Dharmapàla). Tây Vức Ký và đường gọi là Hộ pháp, thần phụ viễn độn nhân đó xuất gia với Thanh Biện Luận sư, ngoài mặc áo Tăng, trong dạy Long Mãnh. Nghe Hộ Pháp Bồ-tát ở dưới cây Bồ-đề tuyên bày pháp giáo, bèn sai học trò đến thăm hỏi rằng: Ngưỡng mộ đức độ hư tâm đã từ lâu song vì nguyện trước chưa xong nên đến lễ hỏi cây Bồ-đề thrể chẳng thấy không, thấy đây có chứng gọi là thầy trời người. Hộ pháp Bồ-tát bảo rằng: Đời người như huyễn, thân mạng như bọt nổi chưa luận bàn đá chẳng còn thấy nhau.

- Cù-ma-bát-loại-bà (Gunaprabha), Tây Vức Kývà Đường gọi là Đức quan, làm Biện Chân Đẳng Luận hơn một trăm (quyển?). Luận chủ chưa hiểu tột chỗ huyền áo của Đại thừa. Nhân xem luận Tỳ-bà-sa mà bỏ theo học với Tiểu thừa làm hơn mười bộ luận để phá cương võng Đại thừa thành Tiểu thừa chấp trước. Nghiên cứu tuy lâu nhưng nghi tình chưa dứt. Lúc đó có Đề-bà-tê-na La-hán qua lại cõi trời Đổ Sử (Đâu Suất). Đức Quang nguyện gặp Từ Thị để học hỏi quyết nghi. Thiên quân dùng sức thần thông đưa lên cung trời. Khi gặp Từ Thị thì chỉ đứng xa mãi mà không lạy. Thiên Quân nói Từ Thị Bồ-tát sẽ nối vị Phật, sao dám chẳng kính lạy mới muốn học sao chẳng khuất phục. Đức Quang đáp lời của Tôn giả thành thật chỉ dạy, song tôi đủ giới Tỳ-kheo, chỉ làm đệ tử người Chánh giác. Còn Từ Thị Bồ-tát hưởng phước trời không phải bạn của xuất gia, nay muốn đảnh lễ sợ không hợp cách Bồ-tát biết là tâm ngã mạn không phải là pháp khí, qua lại ba lần mà không được quyết nghi.

- Đạt-ma Trở-đa-la (Dharmatràla) Tây Vức Ký và Đường gọi là Pháp Cứu. Xưa gọi là Đạt-ma-đa-la.

- Y-thấp-phạt-la (Izvara) Tây Vức Ký và Đường gọi là Tự Tại.
- Phật-địa-la (Bodhila) Tây Vức Ký và Đường gọi là Giác Thủ.
- Bố-thích-noa (Dùrna) Tây Vức Ký và Đường gọi là Viên Mãn.
- Tăng-già Bạt-đà-la (Saưghabhadra) Tây Vức Ký và Đường gọi là Chúng Hiền.
- Bạt-đà-đà-ta (Buddhadàsa) Tây Vức Ký và Đường gọi là Giác Sử.
- Thi-la Bạt-đà-la (Sila bhadra) Tây Vức Ký và Đường gọi là Giới Hiền.
- Cù-na-mạt-đệ (Gunamati) Tây Vức Ký và Đường gọi là Đức Huệ
- Bạt-la-lũ-chi (bhadraruci) Tây Vức Ký và Đường gọi là Hiền Ái người Tây Ấn Độ rất giỏi nhân minh, là một Tôi Đại Mạn Bà-la-môn nên đang sống mà bị đọa địa ngục.
- Thân-na-phất-đát-la (Jinaputra) Tây Vức Ký và Đường gọi là Tối Thắng Tử. Ông soạn ra Du Già Sư Địa Thích Luận.
- Mạt-nổ-hạt-lợi-tha (Manorhita) Tây Vức Ký và Đường gọi là Như Ý tức là Bà-sa Luận sư.
- Bát-nhã-yết-la (Prajĩakra) Tây Vức Ký và Đường gọi là Huệ Sanh.
- Đạt-ma-tất-lợi (Dharmapriya) Tây Vức Ký và Đường gọi là Pháp Ái
- Đạt-ma-yết-la (Dharmakara) Tây Vức Ký và Đường gọi là Pháp Tánh
- A-lê-da-đà-ta (Àryadàsa) Tây Vức Ký và Đường gọi là Thánh sứ
- A-lê-tư-na (Àryasena) Tây Vức Ký và Đường gọi là Thánh Quân
- A-lê-da-phạt-ma (Àryavarman) Tây Vức Ký và Đường gọi là Thánh Vị.
- Mạt-nô-nhã-cù-sa (Manojĩaghowa) Tây Vức Ký và Đường gọi là Ý Thinh.
- Đạt-ma-uất-đa-la (Dharmottara). Dịch là Pháp Thượng.

Phật diệt độ tám trăm năm thì ra đời, tạo ra tập Tỳ-đàm.

11. TÔNG PHIÊN DỊCH CHỦ (nhóm phiên dịch)

Ngạn Tông Pháp sư nói: Phàm dự phiên dịch phải có tám bị, mười điều: Một là thành tâm học pháp chí lợi ích cho người. Hai là đạt đến

chỗ cao quí trước phải nhốt mình trong giới. Ba là văn thuyên (nêu) ba Tạng nghĩa suốt năm thừa. Bốn là bàng thiệp (ngoài bàn) văn sử công nối điển từ, chẳng lỗi thô vụng. Năm là giữ chặt Bình thứ, khí rộng tự hư không, không nêu riêng chấp. Sáu là chìm sâu trong đạo thuật, nhạt với danh lợi không muốn viễn vong. Bảy là cần biết tiếng Phạm không rơi vào cái học ấy. Tám là Truyền duyệt thương nhã, biết rõ tiện lệ mà không mê văn này. Mười điều là: Một là câu vần, hai là vấn đáp, ba là danh nghĩa, bốn là kinh luận, năm là ca tụng, sáu là chú công, bảy là phẩm đề, tám là chuyên nghiệp, chín là tự đô, mười là tự thinh. Tống Tăng Truyện nói: Quán Dịch Trương Kinh lập quan phân chức được nghe chăng? Việc này do sở ty: - Một là Tông thích chủ tức là đem lá viết ba tạng, minh huyện Hiển mật hai giáo. - Hai là người Bút thọ ắt phải thông lời Hoa Phạm học Tông Hữu hỏi nhau biết rõ, rồi sau mới viết ra. Đời Tây Tấn Ngụy Tần đến nay lập ra Viên quan này (Bụt Thọ) tức Sa-môn Đạo Hàm Huyền. Trách Diêu tung Niếp xa nối cha con cho đến đế vương cầm bút liền hưng tông trong Lương Vọ Thái hậu. Lại bảo là nối văn. - Ba là Độ ngữ nói đúng là Dịch ngữ, Truyền ngữ tức là đổi cho hiểu như Phiên Hiển Thức Luận, Sa-môn Chiên-đà dịch tiếng, là đó. Ba là người Chứng phạm bản, cầu họ suy lường ngầm chứng biết lời nói không sai, chỗ bày không nhầm. Như cư sĩ Y-xá-la chứng dịch Tỳ-nại-da bản tiếng Phạm vậy. Đến lập một quan chứng Phạm Nghĩa, nói rõ nghĩa Tây Trúc được mất, quí nhất là khiến tiếng Hoa chẳng mất nghĩa Phạm. Hoặc lập một quan Chứng thiền nghĩa. Sa-môn Hội Thông từng làm qua. - Bốn là người Nhuận văn, số không nhất định, lấy người học thông trong ngoài sung vào chức ấy, làm chất dầu cho Bút thọ. Văn ngôn há không ly tục, nếu chẳng ý Phật sao hỏi cắt mà làm cho đúng cho nên Trường dịch của ngài Nghĩa Tịnh có Lý Kiêu Vi Từ (Đền (vi) lý kiêu) lập Lô Tàng Dụng v.v... hơn hai mươi người. - Năm là văn Nhuận Sắc. - Sáu là người Chứng Nghĩa, là chứng lời văn đã dịch nói đúng với nghĩa. Như dịch Bà-sa luận, có Huệ Tung Đạo Lãng v.v... ba trăm người khảo chứng văn nghĩa. Nhà đường lại phục lễ lụy trường bổ sung nhiệm vụ. - Bảy là có sách Phạm (Phạm Bối) chiếu pháp (toà pháp) mở mang, sách Phạm xưa rất nhiều dùng làm tiển dung (biểu thị cho Phật xưa) khiến mọi người đều thiện. Trong năm Đường Vĩnh Gia mới nghe có chức quan này (thuộc phòng phiên dịch). - Tám là Giáo khám thanh (khảo xét lại) theo Phúc sớ Văn Nghĩa của Ngạn Tông, vì đây là việc rất thận trọng. - Chín là Giám Hộ Đại Sứ, ngài Chu Bình Cao Công Hầu Thọ làm Tổng Giám Hiệu, Hiệu (giảo?), Đường Phòng Lương Công là

Trang Sư Giám Hộ Tướng (là tướng Giám hộ của Trương Sư). Kế lại Quán Dương Thận Giao Đổ Hành Khải v.v.. mà sung vào, hoặc dùng Tăng ở chức này tắc Tùy Dĩ Minh Mục Đàm Thiên v.v... mười người nắm vững việc phiên dịch, thuyên định tông chỉ, dịch kinh Đồ Kỷ. Chỉ có Hiếu Minh Hoàng đế, năm Vĩnh Bình thứ ba (Canh thân). Vua mộng người vòng cổ có nhật quang (ánh sáng mặt trời) bay đáp xuống sân. Vua đem việc hỏi quần thần Thái tử Truyền Nghị tâu rằng: Thần nghe Tây Vức có Thần gọi là Phật. Bệ hạ mộng chắc là đó. NămVĩnh Bình bảy (Giáp tý) vua ra lệnh cho Lang Trung Tế Âm, Trung Lang Tướng Tần Cảnh Bác Sĩ Vương Tôn v.v... mười tám người đi Tây Vức tìm Phật pháp. Đến nước Ấn Độ thỉnh kinh và Ma Đằng Trúc Pháp Lan, dùng ngựa trắng chở về, cũng đem theo tượng khác và hình vẽ Phật Thích-ca. Năm Vĩnh Bình mười (Đinh Mão) thì về đến Lạc dương vua rất vui, cho tạo chùa Bạch Mã, dịch kinh bốn mươi hai chương. Đến ngày đầu năm Vĩnh Bình mười bốn thì Ngũ Nhạc Đạo Sĩ Trử Thiện Tín Đẳng (v.v...) có ý không vui. Nhơn sau buổi triều chính dâng biểu xin khảo thí. Vua ra lệnh cho Tàu Thượng Thơ khiến Tây Tường dẫn vào cung Trường Lạc. Vua bảo ngày 15 tháng này tất cả đều tập hợp tại chùa Bạch Mã ở cửa Nam. Ngày ấy Tín Đẳng lấy các kinh Linh Bảo đặt tên đàn ở đạo Đông, vua đặt kinh tượng và xá-lợi trên Diệu bảy báu ở đạo Tây. Tín Đẳng đi quanh đàn khóc lóc khải thỉnh Thiên Tôn lời tình rất khẩn thiết, rồi lấy củi chiên đàn mà đốt kinh, chỉ kinh không cháy còn tất cả đều thành tro. Các việc lên trời vào lửa vào nước biến hình trước đây đều không còn nữa, đọac các bùa chú đều không còn ứng nghiệm. Lúc đó Thái Truyện Trương Diễn bảo Tín (Đẳng) rằng: Chỗ thi đua không linh nghiệm tức là dối trá. Vậy phải theo Chân Pháp Tây Vức. Lúc đó Nam Nhạc Đại sĩ, Phí Thục Tài v.v... rất xấu hổ tức giận mà chết. Lúc đó xá-lợi Phật chiếu ánh sáng ngũ sắc thẳng lên không trung rồi tỏa ra như cái lọng che khắp mọi người, lấn át cả ánh mặt trời. Ngài Ma Đằng trước là A-la-hán liền dùng thần túc bay lên hư không đi đứng ngồi nằm thần hóa tự tại. Bấy giờ trời mưa hoa báu và tấu trổi âm nhạc cảm động tình người. Ma Đằng về ngồi. Pháp Lan nói pháp. Lúc đó chúng đều vui mừng được điều chưa từng có. Bấy giờ Hậu Cung Âm phu nhân Vương Tiệp Dư v.v... một trăm chín mươi người xuất gia. Ty Không Dương Thành Hầu Sáng Thiện Tuấn v.v...hai trăm sáu mươi người xuất gia. Tứ Nhạc Đạo Sĩ Lữ Huệ Thông v.v... sái trăm hai mươi người xuất gia. Kinh Đô Trương Tử Thượng v.v... ba trăm chín mươi mốt người xuất gia. Bà con vua và các quan ai xuất gia thì cạo tóc và cúng dường. Trải ba

mươi ngày (đến ngày 30) tạo chùa ngoài thành bảy chỗ an tăng, ba chùa trong thành để chứa các ni (theo Hán Minh Pháp Bản Nội Truyện).

- Ca-diếp Ma-đằng (Kàzyapàtauga) người Trung Ấn Độ dòng Bà-la-môn, tuổi trẻ mẫn ngộ, có phong tư, học rộng đa tài rành rẽ kinh luật, sức nghĩ tinh nhanh tìm tòi sâu sắc, nêu văn bày lý mà nghĩa thần đều rõ. Ngài từng dạo chơi Tây Ấn Độ. Có một nước nhỏ thỉnh Ma-đằng giảng kinh Kim Quang Minh. Bỗng có nước cạnh bên đem binh đến đánh, nhưng binh không tiến lên được, nghi có thuật lạ, mật sai người rình xem thì chỉ thấy vua quan an vui nghe giảng kinh về pháp Minh Địa Thần Vương Hộ Quốc. Do nước ấy thấy việc thần nghiệm này nên xin hòa cầu pháp. Lúc đó Thái Âm ân thỉnh Ma-đằng. Ma-đằng cùng âm đều đến gặp vua, mùa đông thì về đến Lạc dương.

- Trúc Pháp Lan (Dharmaraksa (?)), người Trung Ấn Độ, tuổi mà cơ ngộ, yêm nhã bác ái, rất thông Thiền tư, hiểu rõ Tỳ-ni. Tụng kinh hơn trăm vạn lời, học trò hơn ngàn người ở chẳng cầu an luôn ôm lợi lớn cho mọi người giới luật cao nghiêm. Gặp Âm cầu thỉnh liền có ý đi liền nhưng vua không chịu bèn mật ước với Ma-đằng sẽ đến sau. Hai người cùng dịch kinh bốn mươi hai chương sau Đằng tự dịch năm kinh.

- Đàm-ma-ca-la (Dharmakàla) dịch là Pháp Thời, người Ấn Độ, nhỏ mà tài trí, rành bốn Vi-đà, giỏi năm Minh Luận, Đồ Sám vận biến đều gồm. Tự cho mình là bậc nhất trên đời, từng vào Tăng phòng gặp pháp Đằng Tỳ-đàm ân cần tìm hiểu nhưng không biết chỉ thú than rằng: Phật pháp quá sâu xa. Nhân đó mà xuất gia tụng Đại Tiểu thừa, du hóa ở Hứa lạc - Sự Sao nói: Bắt đầu từ Hán Minh Đế nằm mộng Ca Trúc truyền pháp đến nay rốt cùng ở Sơ Tào Ngụy Tăng chúng rất thạnh chưa bẩm qui giới chỉ vì cắt rụng khác tục. Lại lập trai sám thì giống như tế tự (cúng tế). Sáu có Trung Thiên Trúc Ca-đàm-ma-la tung các bộ Tỳ-ni, năm Ngụy Gia bình thì đến Lạc dương lập yết-ma mà thọ pháp, là bắt đầu giới luật ở Trung Hạ, chuẩn dùng mười tăng rộng làm Phật pháp đổi các vọng tục trước làm Tăng kỳ giới tâm. Lại có Sa-môn nước An Tức Đàm Đế cũng giỏi luận học làm Đàm Vô Đức Yết Ma tức là việc Đại Tăng Thọ Pháp đầu tiên.

- Khang (Khương) Tăng Khải (Samghavarman), người Ấn Độ học rộng các kinh, nghĩa họp u chỉ. Năm Gia Bình bốn sư ở chùa Bạch mã tại Lạc dương dịch Vô Lượng Thọ kinh.

- Chi Khiêm (?), là Ưu-bà-tắc nước Nguyệt Thị, thời Hán-mạt đến Lạc dương rành rẽ các kinh và các kỹ nghệ, giỏi tiếng các nước, người thấp ốm da đen mắt nhiều lòng trắng con người vàng. Lúc đó người gọi

là Chi Lang Nhãn Trung Huỳnh, hình thể tuy bé nhưng Trí rất sâu. Võ Liệt Hoàng Đế thấy tài huệ của ông bèn phong làm Bác sĩ. Gầm dịch kinh điển lột được nghĩa sâu.

- Duy-kỳ-nan (Vighna) dịch là chướng ngại, người Ấn Độ học thông ba tạng rất giỏi bốn A-hàm, du hóa làm nghiệp, năm Võ Xương dịch kinh.

- Khang (Khương) Tăng Hội (?) ở nước Khang Cư, là con lớn của quan Đại thừa Tướng, người Ấn Độ, tuổi nhỏ đã mồ côi cả cha lẫn mẹ, tánh rất chí hiếu bèn vào Đạo, đức hạnh thanh cao, giải thông ba tạng, huệ suốt năm minh biện luận tùy cơ lại thuộc văn hàn. Vì nước Ngô mới nhiễm Phật pháp việc đại hóa chưa toàn muốn khiến Giang Tả hưng lập chùa tháp. Nên năm Xích Điểu bốn sư chống tích trượng đến Kiện Khang ở Dương đô mà dịch kinh.

- Trúc-đàm-ma-la-sát (Dharma raksa) dịch là Pháp Hộ, người nước Nguyệt Thị hiểu biết nhiều, tánh thuần ý thích tinh khổ, rất ham học, vạn dặm tầm thầy, đến đây chưa lâu, rộng xem sáu kinh dạo khắp bảy tịch hiểu ba mươi sáu sách cật huấn âm nghĩa đều biết. Ngày đọc vạn lời, qua mắt liền nhớ. Trước ở Đôn Hoàng, sau ở Thanh môn. Đại Châu Mục nói năm Thái Khang bảy dịch Pháp Hoa.

- Thi-lợi-mật-đa-la (Srimitra) dịch là Cát Hữu là Thái tử ở Tây Vức nhường ngôi cho em mà xuất gia, phong tư cao rộng, phong trần cao xa, dung nghi đẹp đẽ. Đến đây đời Tấn Nguyên Đế dạo Kiện Khang, Vương Công đều trọng, đời gọi là Cao Tòa Pháp sư, dịch các kinh Quán Đảnh v.v...

- Cù-đàm-tăng-già-đề-bà (Gautaưmasamghadeva) hoặc gọi Đề Hòa, dịch là chúng thiên người nước Kế Tân phong thái đang làm gương, nghĩ sâu bốn thiền, nghiên tìm ba tạng, trước ở nước Phù Tần Đế dịch A-tỳ-đàm-bát-kiền-độ.

- Tỳ-ma-la-xoa (Vimmalàksa) Dịch là Vô Cấu Nhãn người nước Kế Tân, có chí lắng trong và khổ hạnh. Đời gọi là Thanh Mục Luật sư, giúp ngài La-thập dịch lại mười quyển kinh của La-thập.

- Phật-đà-bạt-đà-la (Buddha bhadhra) dịch là Giác Hiền người Đại thừa ba quả là miêu duệ của Cam Lộ Phạm Vương, ở đây cùng La-thập gặp nhau, Thập nghi là theo rình. Năm Đông Tấn Nghĩa Hy mười bốn ở chùa Tạ Ty không dịch Hoa Nghiêm sáu mươi quyển trước là nhà sau là ao có hai đồng tử (cậu bé) thường từ ao ra mà dâng hương tán hoa.

- Pháp Hiển (?) họ tập, người ở Võ Dương Bình Dương. Thấy kinh

luật thiếu sót thí có chí tím cầu. Năm Tấn An Đế Long An thứ ba (Kỷ Hợi) dạo khắp Ấn Độ. Năm Nghĩa Hy 1 (ất Tỵ) đi thuyền buồm trở về ở Dương Đô mà dịch kinh.

- Đam-ma-da-xá (Dharmyazas) dịch là Pháp Xưng, người nước Kế Tân nhỏ rất hiếu học lớn càng dốc chí thần sảng cao nhã xem đủ kinh luật, bụng nghĩ tám thiền dạo tâm bảy giác, sáng ngộ hơn người khổ hạnh cầu quả. Thiên thần bảo rằng sao chẳng xem phương hoằng hóa mà riêng giữ Thiện Tiểu. Do đó mà dạo khắp các nước dịch Sai Ma Đẳng (các) kinh.

- Cưu-ma-la-la-thập-bà (Kumàrajiva) dịch là Đồng Thọ. Ông nội là người Ấn Độ, cha rất thông minh. Vua Qui Tư nghe tin bèn đem gả con gái cho làm vợ mà sanh ra Thập. Ngày Thập ở trong thai thì bà mẹ thêm nhiều biện huệ, bảy tuổi xuất gia, ngày tụng một ngàn kệ, nghĩa chỉ cũng thông suốt. Đến chín tuổi cùng ngoại đạo luận nghĩa thì rất biện tài tất cả đều khuất phục. Năm mười hai tuổi có La-hán lấy làm lạ bảo mẹ ông rằng: Nên luôn giữ gìn, nếu năm ba mươi lăm tuổi mà không phá giới thì sẽ đại hưng Phật pháp độ số người. Lại học năm minh, bốn vi-đà, âm dương tính toán thì cùng tột chỗ lay, sau chuyển học Đại thừa luôn phá bọn ngoại đạo các nước gần xa đều gọi là thần dị. Mẹ thập sau cùng xuất gia thông minh hơn các ni được quả thứ ba. Thập thọ Cụ giới thì mẹ bảo rằng: Phương Đẳng thâm giáo nên rộng mở ở Tần Đô với thân ông không lợi thế nào? Thập nói hạnh Bồ-tát là lợi vật quên mình, Đại hóa ắt làm lò vạc không hạn chế. Từ đó trở đi thập rộng tụng, Đại thừa rỗng suốt chỗ bi áo. Vua các nước Tây Vức thỉnh thập giảng nói thì mọp lạy bên tòa khiến thập ngồi trên tòa cao. Năm Phù Kiên Kiến Nguyên chín, Thái sử tâu rằng: Có sao đức hiện ở nước ngoài ắt có người Đức trí lớn vào giúp tất cả. Kiên nói: Trẩm nghe ở Tây Vức có La-thập, Tương Dương có Đạo An, đâu chẳng phải người này. Sau sai tướng quân Lữ Quang đem bảy vạn quân đánh nước Quy tư. Quang và Thập đồng đến. Thập ở trên đường nói nhiều điều ứng biến, quang đều dùng hết. Quang chiếm cứ Tây Lương thì cũng mời Thập ở lại. Đến năm Diêu Tần Hoằng Thỉ thứ ba đem quân đánh qui tư thì Thập mới vào Trường An vua Tần ban lễ rất hậu mời vào Tây Minh các và tại vườn Tiêu Dao riêng lập quán để ở. Vua ra lệnh cho Tăng lược v.v... tám trăm Sa-môn học hỏi ý chỉ của Thập, khởi tâm coi nhỏ vạn thừa, tôn giáo Tam bảo. Ở chùa Thảo Đường cùng ba ngàn Tăng tay cầm kinh xưa mà cùng tham định, đều rất tinh cứu rỗng suốt ý sâu. Lúc đó có Tăng Duệ khen ngợi nhất, kinh của Thập dịch Duệ đều tham

chính. Song Thập lời lẽ rõ ràng nói ra thành chương thần tình thấu suốt hơn người, ứng cơ hiểu rõ mọi thứ, Tánh Thập nhân hậu thương người khéo dạy dỗ trọn ngày không mỏi mệt. Nam Sơn Luận sư từng hỏi Thiên Nhân Lục Huyền Sướng rằng: kinh Thập sư một đời phiên dịch đến nay như mời người thọ trì càng đông là sao? Đáp rằng: Người ấy thông minh hiểu rõ Đại thừa, các người dưới Ngài cũng đều tài giỏi là báu vật của một đời, từ trước nay chưa ai bằng, nên chỗ dịch của Ngài lấy ngộ đạt làm đầu mà được di ý của Phật. Lại từ dịch kinh đời Phật Tỳ-bà-thi đến nay. Lại nói: Thập sư vị ở Tam hiền, Văn Thù chỉ trao khiến Sư san định.

- Phật Đà-gia-xá (Buddhayazas) dịch là Giác Minh, người nước Kế Tân, đức hạnh trinh bạch, giới hạnh kiên cố dáng mạo trang nghiêm giỏi năm minh, bốn vi và ba tạng mười hai bộ biện luận không trệ ngại. Năm đầu Hoằng Thỉ đời Diêu Tần đã đến cô tạng. Thập sự sai người đến mời nếu chịu thì vua (Hưng) ban sắc mời lại có tặng phẩm. Ông cười không chịu bảo rằng: Minh chỉ đã xuống ắt phải thuận hành. Đàn việt đãi tôi rất hậu thoát như chỗ thấy của La-thập thì chưa dám nghe lệnh. Lại nhiều lần khuyến dụ đến Trường An. Vua (Hưng?) tự ra đón, riêng lập chỗ ở mới trong vườn Tiêu Diêu bốn sự cúng dường, Ngài đều chẳng nhận, Ngài chỉ đi khất thực mà thôi. Gia-xá râu đỏ, người thời ấy gọi là Tỳ-sa-môn râu đỏ. Y phục đồ dùng do vua (Hưng) cung cấp để cả ba gian nhà không hề quan tâm đến. Vua bán đi mà tạo chùa.

- Đàm-ma-sấm (Dharmaraksa) hoặc gọi Đàm Vô Thức, dịch là Pháp Phong, người Trung Ấn Độ ngày tụng đọc vạn lời, trước học Tiểu thừa, năm Minh các luận, sau gặp Bạch Đầu Thiền sư dạy cho Đại thừa, mười ngày tranh luận mới ngộ được Đại chỉ. Sấm lại hiểu rõ chú thuật chỗ làm đều rất linh nghiệm. Tây Vức gọi là Đại Thần Chú Sư. Từ Bắc Kinh năm Tự Cừ Huyền Thủy một, Sư đến Cô Tạng, đem kinh Niết-bàn trước phân làm mười quyển đều là giới Bồ-tát, nghỉ ở Truyền Xá chỉ lo kinh mất mà thành bịnh. Đêm có thần nhân kéo Sấm xuống đất. Sấm bảo là trộm như thế đến ba đêm, bèn nghe trên không trung có tiếng bảo; Đây là Tạng Như Lai giải thoát sao lại nằm ra đó. Sấm nghe liền tỉnh dậy đến nằm chỗ cao. Đêm trộm nâng các vật chẳng được. Sáng ra Sấm cầm lấy rất nhẹ nhàng. Trộm cho là Thánh nhân cùng đến lạy lục. Tuân nghe Sấm bèn mời dịch kinh.

- Phật-đà-tư-na (Buddhasena) dịch là Giác Quân, thiên tài thông minh, tụng hơn nửa ức kệ kinh, hiểu rõ Thiền Pháp. Các nước Tây Vức gọi là Sư tử trong loài người, miệng tụng tiếng Phạm ở Bắc Kinh dịch

Kinh.

- Phù-đà-bạt-ma (Buddhavarman) dịch là Giác Khải, người Tây Vức, chí cao sáng thông ngộ hơn người lại khắp thông ba Tạng, khắp giỏi Tỳ-bà-sa luận thường tụng bộ này dùng làm tâm yếu.

- Trí mãnh - Người ở Ung châu, bản tánh đoan lệ, minh hạnh thanh bạch, ít mặc pháp phục, tu nghiệp chuyên thành, chí độ cao xạ tình sâu Phật pháp đi về Tây Vức tìm dấu linh. Trong năm Bắc kinh Vĩnh Hòa đi Tây về lo dịch kinh.

- Đàm-ma-mật-đa (Dharmamitra) dịch là Pháp Tú, người nước Kế Tân, sanh ra có chân mày liền nhau, huệ sáng, thường có Thiên thần ngầm giúp. Khi đến đến nào thần báo mộng trước với vua lúc đi cũng thế. Năm Tống Văn Nguyên Gia ở Kiến nghiệp mà phiên dịch.

- Cương Lương Gia xá (Kàlayazas), dịch là Thời Xưng, người Tây Vức tánh cương trực, ít ham muốn, hiểu rõ ba tạng, rất giỏi Thiền tư, năm Tống Văn Nguyên Gia một ở Chung sơn phiên dịch, Tăng đều gọi là Bút Thọ.

- Y-diếp-ba-la (Izvara) dịch là Tự Tại, người Tây Vức giỏi thông ba tạng, hiểu suốt bốn hàm. Năm Tống Văn Nguyên Gia ở Bành thành phiên dịch.

- Trí Nghiêm, người Kinh châu, đạo hóa đều đủ, u hiển điều phục khi chưa xuất gia từng phạm năm giới thọ Tăng cụ rồi nghi mình chẳng giới bèn ngồi thuyền đến Ấn Độ hỏi La-hán cũng chẳng quyết được. Bèn hỏi Di-lặc, Từ Thị đáp rằng: Được nghiêm giới rất tốt. Được kinh bản tiếng Phạm năm Tống Văn Nguyên Gia ở Dương đô mà phiên dịch.

- Cầu-na-bạt-ma (Gubavarman) Tống gọi là Công Đức Khải, con út của vua Kế Tân, rỗng suốt chín bộ, rộng hiểu bốn hàm, biết rõ luật phẩm, khéo vào thiền ý, đọc kinh hơn trăm vạn lời. Vua Kế Tân chết chúng thỉnh kế vị. Sợ bị giới chướng bèn trốn vào rừng sâu giả dạng thường dân. Hình nghi cảm vật hễ thấy thì phát tâm. Năm Tống Văn Nguyên Gia đến Kiến nghiệp. Vua nói đệ tử thường muốn giữ trai giới Bất sát, chỉ sợ đem thân mà chết theo vật thì không giữ được chí này. Pháp sư dạy phải thế nào? Sư đáp: Phàm đạo ở tâm chẳng ở tại việc, pháp do mình chẳng phải do người, vả lại chỗ tu của vua chúa với thường dân có khác nhau. Kẻ thường dân thì thân danh thấp hèn, lời lẽ không oai vệ nếu chẳng khắc kỹ khổ cung thì lấy gì làm dụng. Vua chúa lấy bốn biển làm nhà xem dân như con nói một lời tốtthì trai gái đều vui, ra một lịnh thiện thì người thần hòa hợp. Cho nên chém cũng không

chết, đánh cũng không sức thì khiến mưa gió đúng mùa, nóng lạnh họp tiết, lúa thóc chín vàng dâu mè xanh ngắt. Lấy đó mà trì trai thì trai cũng lớn, như thế mà chẳng giết thì đức cũng nhiều, sao lại thiếu an nửa ngày mà toàn mạng được một chim gà, sau rồi mới là hoằng trai ư? Vua rất vui nói llời Pháp sư nói: Thật là khai ngộ tâm người, làm sáng lý vật nói hết cõi trời người. Sư sao nói năm Tống Nguyên Gia thứ bảy, sư đến Dương châu dịch Thiện giới các kinh, làm duyên đầu cho Tỳ-kheo Ni thọ Cụ túc giới. Sau có tám mươi Ni nước Sư Tử đến thưa: Đất Tống chưa có kinh đã có Ni, sao được hai chúng cùng thọ giới. Ma nói Ni không làm Bản pháp (pháp gốc?) mà được giới được tội, tìm ý Phật chế thì pháp chế ra cho Đại Tăng, chỉ khiến pháp Tăng thành tựu thì tự nhiên được giới. Do đó trước khiến làm Bản pháp, chính là muốn sanh tín tâm làm phương tiện thọ giới. Đến như chỗ được giới thì sanh ra ở lúc Đại Tăng Yết-ma các Ni khổ cầu thì Sư lại chịu bảo rằng: Tốt lắm! Phàm giới Định huệ từ vi đến trước nếu muốn thêm sáng thì sẽ rất tùy hỷ. Lại khiến Ni Tây Vức học tiếng, lại đến Trung Quốc thỉnh Ni khiến đủ mười số, đến năm Nguyên Gia mười thì có Tăng-già-bạt-ma, dịch là Chúng Khải, hiểu luật tạp tâm, đi từ Lưu sa đến Dương châu. Trước Cầu-na hứa với Ni truyền giới lại, nhưng chưa đủ thì mất. Chợt mà Ni nước Sư Tử đến Thiết-sách-la v.v... ba người đến kinh đủ mười số trước, liền thỉnh chúng Khải làm tầy ở trên đàn vì Ni truyền lại.

- Bảo Vân, chứng quả thứ 2, người ở Tây kinh, xuất gia từ nhỏ tinh cần học rộng, chí vận tinh khiết khó gặp trên đời cầu pháp khẩn thiết chết vì đạo quên mình. Năm Tấn Long An một đi Tây Vức, qua đồng cỏ La-sát-lợi nghe có tiếng trống trời liền lễ bóng dáng Phật Thích-ca học tiếng La-hán, dạo cõi Tây Vức giỏi nói viết tiếng Phạm. Sau về Trường an lại đến Giang tô.

- Cầu-na-bạt-đà-la (Gunabhadra) dịch là Công Đức Hiền, người Trung Ấn Độ, thuở nhỏ học năm minh bốn vệ đà luận, tánh rất minh mẫn, độ lượng rộng. Sau gặp tạp tâm không lường được ngần mé mới ngộ Phật pháp đáng kính, rộng thông ba tạng thờ thầy hết mực, bỏ tiểu học đại ngộ được u chỉ. Vua Tống mời ở Kỳ-hoàn, Thứ sử Kinh châu là Nam Tiêu Vương Sáng Nghĩa Tuyên từng thỉnh Sư giảng kinh Hoa Nghiêm, Bạt-đà tự thẹn chưa giỏi tiếng Tống, sớm chiều lễ sám cầu Quán Thế Âm, bỗng mộng thấy có người áo trắng cầm kiếm gõ một đầu người đến hỏi Đà rằng: Có lo gì? Đà nói ý mình, bèn bảo chẳng nên lo lắm. Rồi lấy kiếm chặt đầu Đà mà đổi cho đầu mới, hỏi đau chăng? Đáp: không đau. Khi tỉnh rồi thì tâm thần vui vẻ do đó đến giảng thì

biện luận trôi chảy. Sau Sư trở về Dương Đô. Thủ đế tập hội các vương công, Đế muốn thử tài hùng biện và việc biết ý người. Đế thầy sư đầu bạc trắng mà bảo rằng: Sư ngày nay chớ phụ ý xa đến, từ ngoài biết gì chỉ có một ở (còn). Hiền liền đáp: mộ hóa từ xa đến Thiên tử cho gặp đã hơn ba mươi năm nay tuổi đã 71, chỉ có một chết là còn Đế rất vui.

- Đàm-vô-yết (Dharmavikrama) dịch là Pháp Võng, cũng gọi là Pháp Thượng, họ Lý, người ở Huỳnh long, thuở nhỏ làm Sa-di riêng tu khổ hạnh trì giới tụng kinh được thầy quí trọng. Từng nghe ngài Pháp Hiển đã đến nước Phật nên khảng khái thề quên mình, năm đầu Võ Đế Vĩnh, triệu tập người đồng chí như Tăng Mãnh v.v... được hai mươi lăm người cùng dạo Tây Vức hơn hai mươi năm mọi người đều chết chỉ có Yết một mình trở về. Ở nước Kế Tân được kinh Phạm, bèn ở Dương đô mà phiên dịch.

- Công Đức Trực, người Tây Vức. Đạo Khế đã rộng, khéo dạy dỗ. Năm Tống Đại Minh, Sư đến Kinh châu dịch kinh sửa chánh văn nghĩa, lời ý đẹp kín. Sư duỗi tay ra thì phát mùi hương, trong lòng bàn tay nước chảy thật khó lường biết.

- Đạt-ma-ma-đề (Dharmamati) Dịch là Pháp Ý, người Tây Vức biết vật tình sâu, tùy phương mở dụ. Năm Tề Võ ở Vĩnh Minh mà dịch phẩm Đề-bà-đạt-đa.

- Cầu-na-tùy-địa (Gunavrddhi) dịch là Đức Tiến, người Trung Ấn Độ, tụng Đại Tiểu thừa hai mươi vạn lời, Âm Dương Đồ Sấm đều biết rõ, chống tích trượng giới đồ, oai nghi đoan túc. Năm Tề Võ ở Vĩnh Minh mà phiên dịch.

- Đam-ma-lưu-chi (Dharmaruci) dịch là Pháp Hy luy, Pháp Lạc người Nam Ấn Độ, riêng lấy luật tạng mà hoằng đạo, cảm vật mà động. Sư dạo đến Ngụy Lạc dương.

- Bồ-đề Lưu-chi (Bodhi ruci) dịch là Giác Hy, người Bắc Ấn Độ, khắp thông ba tạng giỏi vào Tổng trì, có chí hoằng pháp. Nam Ngụy tuyên Đế sư ở Lạc dương phiên dịch Na-ma-đề (Ratnamati) hoặc gọi Đề-bà, dịch là Báo Ý, người Trung Ấn Độ. Tụng, ức kệ rộng xem là giàu lý sự gồm thông, hiểu rõ Thiền pháp. Vua Ngụy Tuyên Đế thỉnh giảng Hoa Nghiêm lời nghĩa khai ngộ, bỗng ở trên tòa cao mà thấy đại quan tay cầm hốt bảo rằng: Thiên đế mời sư giảng Hoa Nghiêm. Ý thưa nay cuộc giảng chưa hết, kinh hết sẽ theo. Song pháp chẳng nhồ đô giảng hương lửa, Duy-na-phạm bái thỉnh cũng nhất định. Sứ theo lời thỉnh lúc liễu kiến sẽ đến đón, quả nhiên cùng với đô giảng năm người đều chết ở tòa, đạo tục đều thấy.

- Mạn-đà-la (Maưdra) dịch là Nhược Thịnh hay Hoằng Nhược, người nước Phù Nam, hiểu biết sức thần thấy rõ sáng tối, không sơ di hiểm chí thích hoằng hóa. Năm Lương Võ ở Dương Đô mà phiên dịch.

- Ba-la-mạt-đà (Paramàrtha) dịch là Chân Đế, cũng gọi Câu-na-la-đà, dịch là Thân ý, người nước Ưu Thiền Ni thuộc Tây Ấn. Hạnh lắng sáng, người thanh túc thần sáng, chí xa, ràng buộc tạng bộ, nghệ thuật biết lạ đều rành. Năm Lương Võ, vua Tần thỉnh ở điện bảo Vân dịch kinh. Có loạn bèn đến Dự chương bắt đầu hưng thạnh ở Nam khang. Lại lo việc dịch không nối tiếp, bèn ngồi thuyền về Tây, gió thổi trôi giạt về Quảng châu ở chùa Chế Chỉ mà phiên dịch, lúc cuối Trần đầu Trần dịch được năm mươi bộ.

- Xà-na-quật-đa (Jïànagupta) dịch là Chí Đức, người Bắc Ấn Độ thuộc dòng Sát-đế-lợi. Đi du hóa đến nơi này. Năm Chu Võ Đế dịch Phổ Môn Trùng Tụng.

- Đạt-ma-cấp-đa (Dharmagupta). Tùy gọi là Pháp Mật, người nước Nam Hiền Đậu. Năm Khai Hoàng mười, đến Qua châu. Vua Văn Đế đón vào Kinh tự, nghĩa lý sửa đúng ý kinh. Sư rất từ thứ, lập thân, cung hòa tâm không ngoại đạo. Đất Địa công bằng mà yên tĩnh, nước Định sâu kín mà sạch sẽ. Kinh biết gốc chữ, luận rõ ý tiếng. Dung nghi cao chánh rất siêng năng, tụng kinh từ sáng đến tối, lời pháp thông trong ngoài ăn ở giản dị ít ham muốn mà dạy dỗ người thì không lười mỏi. Khi Dạng đế định Đảnh ở Đông Đô thì mời sư ở phiên dịch quán.

- Ba-la-phả-ca-la (Prabhàkara) Đường gọi là Minh Tri Thức hoặc gọi Ba-phả, dịch là Trí Quang, người Trung Ấn Độ, dòng Sát-đế-lợi, thông minh hiểu rõ nội ngoại điển, biết rành đại tiểu, thề truyền pháp hóa không sợ gian nguy, xa đến thông hà, năm Trinh Quán ở đây

- Huyền Trang, người Hà nam Lạc dương, họ Trần là hậu duệ của Trần Trọng Cung.

(Nói về Huyền Trang lời lẽ rắc rối không dịch được. Nhờ vị chứng nghĩa giúp dùm gồm 11x17 = 192 chữ).

- Già-phạm-đạt-ma (Bhagavaddharma). Trí Thăng Tục dịch kinh Đồ Kỷ nói: Đường gọi là Tôn Pháp, người Tây Ấn Độ, dịch kinh Đại Bi.

- A-địa-cù-đa (Atigupta), Đường gọi là Vô Cực Cao, người Trung Ấn Độ, học rộng, hạnh cao khiết, biết năm minh hiểu ba tạng. Năm thiên Hoàng Vĩnh Huy ở Trường An mà phiên dịch.

- Na-đề (Nadi) Đường gọi là Phước Sanh, gọi đủ tiếng Phạm là Bố-như-yên-phạt-gia, dây gọi tắt là Na-đề, người Trung Ấn Độ, ở chùa

Từ Ân mà phiên dịch.

- Địa-bà-a-la (Divàkara) Đường dịch là Nhật chiếu, người Trung Ấn Độ, hiểu rõ tám tạng, bốn hàm, giới hạnh thanh cao học giỏi, rành chú thuật, biết năm minh, chí muốn lợi sanh đến dịch ở Hoằng phước.

- Phật Đà-đa-la (Buddhatràta) Đường gọi là Giác Cứu người nước Kế Tân, ở chùa Bạch Mã dịch kinh Viên Giác.

- Phật Đa-ba-lợi (Buddhapàla) Đường gọi là Giá Hộ, người nước Kế Tân, quên mình chết vì đạo khắp dạo xem Linh tích. Nghe Văn Thù ở núi Thanh lương xa đến Lưu sa đích thân lễ lạy yết kiến. Năm Thiên Hoàng Nghi Phụng một, chống gậy đến Ngũ Đài đảnh lễ Thánh Dung thì thấy một cụ già từ núi đi ra nói tiếng Bà-la-môn bảo Ba-lợi rằng: Cầu gì? Ba-lợi đáp: Nghe nói Văn Thù ẩn trong núi đến muốn chiêm lễ. Cụ già hỏi: Sư có đem Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni kinh đến chăng? Chúng sanh cõi này tạo nhiều tội lỗi, chú Phật Đảnh là bí phương trừ tội lỗi, nếu chẳng đem kinh đến cũng vô ích đều thấy Văn Thù làm sao biết được. Nên trở về Tây Vức lấy kinh truyền đến đây, đệ tử sẽ thấy Văn Thù ở đây. Ba-lợi đảnh lễ ngước đầu lên thì không thấy cụ già. Bèn trở về nước lấy được kinh đem đến, bèn làm cáo trạng tấu lên vua, bèn khiến Đổ Hành Khải và Nhật Chiếu Tam Tạng ở trong cung cùng dịch, kinh để lại trong cung. Ba-lợi khóc lóc chí muốn lợi người xin đem lưu hành vua thương chuyên chí bèn giữ lại bản dịch, trả lại bản tiếng Phạm. Ba-lợi đem về Tây Minh và Tăng Thuận trinh cùng dịch Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni kinh, Ý nguyện đã xong, bèn đem bản kinh tiếng Phạm vào núi Ngũ Đài ở đó đến nay không ra.

- Thật-xoa-nan-đà (Sikwànauda) dịch là Học Hỷ, người nước Vu Điền trí độ rộng lớn có tâm độ vật, giỏi Đại Tiểu thừa gồm các Dị học, Hoàng hậu mở mang Phật pháp kính trọng Đại thừa. Vì kinh Củ Hoa Nghiêm chỗ hiểu chưa đủ, xa nghe nước Vu Điền có bản kinh tiếng Phạm này nên sai Sứ đến thỉnh. Thật Xoa và kinh cùng đến bàn ở Lạc dương dịch lại.

- Nghĩa Tịnh, người Tề châu, họ Trương, tên Văn Minh. Tuổi nhỏ chữ nghĩa đã giỏi, lại học hỏi các bậc tái cao, rộng hiểu các sách trong ngoài, kim cổ khắp biết. Năm mười lăm tuổi chí muốn dạo Tây Vức, khắp học Đại Tiểu thừa. Việc xong liền trở về quê cũ, phàm du lịch trải qua hơn ba mươi nước, tới lui hỏi Đạo hơn hai mươi năm. Năm Hoàng hậu mất ở Hà lạc mà phiên dịch.

- Đạt-ma Lưu-chi (Dharma ruci) Đường gọi là Pháp Hy, năm Thiên Hậu (Hoàng hậu) đổi làm Bồ-đề Lưu-chí, Đường gọi là Giác Ái,

người Nam Ấn Độ, dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp thông duệ tuyệt luân phong thần sảng dị (thông minh thần trí sáng lạ), mười hai tuổi xuất gia với ngoại đạo. Tự gọi là Cô Hạnh, trêu chọc Tăng nghị luận để nuôi thân. Lúc đó có Gia-xá-cù-sa biết căn ông đã thục bèn cùng tranh luận, chưa vượt cơ quan, từ lý đều khuất phục, mới biết mặt trời Phật sáng lòa không thể đem đèn quỳnh mà sánh được. Biển pháp sâu rộng há đem giọt nước mà so bì bèn cung kính chuyên học Phật thừa chưa quá năm năm thì làu thông ba tạng. Vua xa nghe liền sai sứ đến mời. Sứ chưa kịp về thì mây trắng đã theo kịp. Khi Hoàng (thiên) hậu mất thì đến kinh phiên dịch. Đến khi Hòa Đế Long Hưng thì dịch kinh Bảo Tích, kinh này ngài Huyền Trang xưa dịch được mấy hàng bèn than quần sanh cõi này chưa có cơ duyên mà khí lực tôi lại suy kiệt nhân đó mà bỏ ngang Hòa Đế sai tiếp nối công trang bèn dịch để đời.

- Bát-thích-mật-đế (Paramiti). Đương gọi là Cực Lượng, người Trung Ấn Độ, ôm phương Đạo quán tùy duyên cứu độ, đi du hóa dần đến Trung Quốc, bèn ở Quảng châu chế chỉ đạo tràng, dịch kinh Thủ Lăng Nghiêm từ Hán đến Đường, phiên dịch Nho Thích đến hai trăm chín mươi hai người. Nay lược nêu người dịch kinh hiện hành. Nếu muốn đầy đủ nên xem Tân Cựu Dịch Kinh Đồ Kỷ.

- Thích-ca-di-đa-la (Sàkyamitra) dịch là Năng Chi người nước Sư Tử, Trường Thọ Sa-môn là Thánh nhân chứng quả thứ ba. Vua Đường Cao tông rất kính trọng.

- Di-già Thích-ca (Maghazekha). Thuyết Đế nói Thích-ca là sai, gọi đúng là Thước-khư dịch là Vân Phong. Duệ nói: Dịch là Năng Hàng Phục.

12. BẢY CHÚNG ĐỆ TỬ.

Đại Luận nói: Bảy chúng đệ tử Phật: Một là Tỳ-kheo, hai là Tỳ-kheo Ni, ba là Học giới Ni, bốn là Sa-di, năm là Sa-di Ni, sáu là Ưu-bà-tắc, bảy là Ưu-bà-di. Song trong các kinh nêu bốn chúng, từ xưa đều dùng là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di Thiên Thai bèn lập phát khởi đương cơ, ảnh hưởng, kết duyên làm bốn chúng. Đây thì bảy chúng tuy khác, bốn chúng đều thông, 7x4 thành 28 chúng (?).

- Thất-sái (Siwya) xưa dịch là đệ tử, mới dịch là sở giáo. Nam Sơn nói: Học sau ta gọi là đệ, hiểu từ Thầy sanh gọi là tử. Thiên thai nói: Thầy có khả năng giúp thành người tài (tượng). Người học đủ đức Tư bẩm, Tư thì bỏ cha theo Thầy, kính Thấy như cha. Ta cũng xử sự như em. Luật nói Hòa thượng đối với đệ tử sẽ nghi là con, đệ tử đối với Hòa

thượng nghĩ như cha mình. Tư Mã Bưu nói con của đồ đệ gọi là môn đồ đệ tử. Lão tử nói: Người thiện là thầy kẻ bất thiện, kẻ bất thiện là học trò (tư?) của người thiện. Nam Sơn nói: Phật pháp Tăng rộng lớn báu do Sư Tư nhiếp nhau, cùng nhau đôn ngộn, tài pháp giúp nhau, ngày càng lợi ích nghiệp càng sâu, làm lâu đức bền chắc đều nhờ đây vậy. So chân giáo lăng trì, huệ phong yểm phiến, tục ôm khinh khi đạo sanh phi pháp, đều do Thầy không có tâm dạy dỗ dẫn dắt, học trò thì thiếu chí kính thờ, hai bên bỏ nhau vọng trôi trong cảnh bỉ, muốn khiến đạo sáng sao được.

- Tỳ-kheo (Bhikwuịi). Đại Luận nói: Tỳ-kheo gọi là Khất sĩ, vì thanh tịnh nuôi mạng sống. Lại Tỳ là phá, Kheo là phiền não, vì hay phá trừ phiền não. Lại Tỳ là bố, Kheo là năng, tức hay làm sợ Ma vương và Ma dân. Tịnh Danh Sớ nói hoặc nói có dịch hoặc nói không dịch. Nói có dịch là, dịch là trừ cẩn (trừ đói) chúng sanh bạc phước ở nhân không pháp tự giúp (tư) được báo, nên có nhiều thiếu đói. Xuất gia giữ giới hạnh là phước điền tốt hay sanh các vật thiện là trừ nhân quả đói kém. Nói không dịch là đều gồm ba nghĩa Trí Luận nói: Một là Phá ác, hai là Bố ma, ba là Khất sĩ. - Một là Phá ác như từ đầu được giới tức gọi Tỳ-kheo do ba Yết-ma phát thiện luật nghi, phá ác luật nghi, nên nói là phá ác. Nếu thông ở hạnh giải, giới phòng hình phi, định trừ tâm loạn, tuệ ngộ tưởng hư hay phá ác của kiến tư nên gọi là phá ác. - Hai là Bố ma đã hay phá ác thì ma là nghĩ rằng người này không phải chỉ đuổi ta ra khỏi cõi nước, nếu có truyền đăng thì lại dạy quyến thuộc ta khiến trống hết cung điện ta, do đó mà sợ hãi. Nói chung ba ma cũng sợ. - Ba là Khất sĩ, khất là xin, sĩ là người xuất gia thanh nhã, trong tu đức thanh nhã ắt phải xa lìa bốn tà, tịnh mạng tự ở phước lợi chúng sanh, phá tâm kiêu mạn mà khiêm nhường tự ti cầu xin nuôi thân để thành đức thanh nhã, nên gọi là Khất sĩ; Lại nói đầy đủ ba nghĩa: Một là Sát-tặc, từ phá ác mà được tên. Hai là Bất sanh, từ bố mà mà được tên. Ba là Ứng cúng nhân khất sĩ mà thành đức. Niết-bàn nói có bốn thứ Tỳ-kheo: Một là Cứu cánh đạo (vô học). Hai là Thị đạo (hai, ba quả). Ba là Thọ đạo (chung cả nội ngoại phàm). Bốn là Ô đạo là người phạm bốn trọng tội. Thiện Kiến luận nói: Thiện Lai được giới, ba y và bát sành đặt ngang mày. Sắc bát như sắc xanh của hoa Uất-bát-la, ca sa tươi sáng như hoa sen đỏ, kim chỉ búa túi lọc đều đầy đủ.

- Tỳ-kheo Ni (bhikwuịi) Thiện Kiến nói: Ni là nữ. Văn Cú nói gọi chung các nữ là Ni. Trí Độ luận nói: Ni được vô lượng luật nghi nên ở sau Tỳ-kheo. Phật dùng nghi pháp bất tiện nên đứng sau Sa-môn. Tỳ-

kheo Ni A-di-sư-di. Có người nói vì Ni Ái Đạo là dì của Phật nên gọi A-di. Nay mới biết tiếng Phạm gọi A-lê-di, đây dịch là Tôn giả, hoặc dịch là Thánh giả. Nay nói A-di là gọi tắt, Tăng Kỳ nói: A-lê-da Tăng thính là đó. Sự Sao Ni Chúng Thiên nói: Thiện Kiến nói lúc đầu Phật chẳng độ người nữ xuất gia vì làm diệt chánh pháp năm trăm năm. Sau vì nói Bát Kỉnh mà cho xuất gia, y giáo mà làm thì lại được một ngàn năm. Thời nay không theo nên tùy chỗ mà pháp diệt. Hội Chánh Ký nói: Sau khi Phật thành đạo mười bốn năm, Di mẫu xin xuất gia Phật không cho. A-nan xin cho đến ba lần, Phật liền khiến Khánh Hỷ truyền cho tám kỉnh nếu làm được thì mới cho xuất gia, thì đều thưa xin tuân hành. Tám kỉnh là: Một là Tỳ-kheo Ni một trăm tuổi thấy người mới thọ giới Tỳ-kheo phải đứng dậy đón tiếp đảnh lễ hỏi thăm mời ngồi. Hai là Tỳ-kheo Ni không được chê mắng Tỳ-kheo. Ba là không được nêu kể tội của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được nói tội lỗi của Tỳ-kheo Ni. Bốn là Thức-xoa-ma-na đã học giới, phải từ chúng Tăng mà xin thọ đại giới. Năm là Ni phạm Tăng tàng, phải nửa tháng ở trước hai bộ Tăng làm Ma-na-đỏa. Sáu là trong nửa tháng, Ni phải ở trong Tăng mà cầu người giáo thọ. Bảy là không nên ở chỗ không có Tỳ-kheo mà kiết hạ an cư. Tám là hạ xong phải đến chỗ Tỳ-kheo mà cầu người Tự tứ. Như tám pháp trên phải tôn trong cung kính khen ngợi suốt đời không trái. Nay thuật tụng rằng: Lễ lạy chẳng mắng chê, nêu lỗi, từ Tăng thọ giới làm Ma-na, nửa tháng trong Tăng cầu giáo thọ, an cư gần Tăng thỉnh Tự Tứ.

- Thức-xoa-ma-na (Siksamànà) dịch là Học pháp nữ, bốn phân mười tám đồng nữ phải hai năm họi giới. Lại nói: Tuổi nhỏ gả chồng năm mười tuổi cùng sáu pháp trong mười tụng. Sáu pháp luyện tâm, giỏi giữ sáu pháp giới cho thọ Cụ. Hai năm luyện thân, có thể biết thai mà không thai. Sự sao nói Thức-xoa-ni học đủ ba pháp: Một là học căn bản tức là Tứ trọng. Hai là học sáu pháp tức là Yết-ma, chỗ gọi tâm nhiễm chạm nhau trộm người bốn tiền, đoạn dứt mạng súc sanh, nói dối nhỏ, ăn phi thời uống rượu. Ba là học hành pháp nghĩa là tất cả giới hạnh của Đại Ni đều phải học. Nếu trong khi học pháp mà phạm thì liền cùng hai năm yết-ma. Tăng Kỳ nói: Ở dưới Đại Ni mà đứng trên Sa-di Ni. Nay thuật tụng rằng: Nhiễm tâm chạm nhau, trộm bốn tiền dứt mạng súc sanh, nói dối nhỏ, cấm ăn phi thời và uống rượu, đó là Thức-xoa học sáu pháp.

- Sa-di (Sràmanera). Nam Sơn Sa-di Biệt Hạnh nói: Dịch là Tức Từ, nghĩa là dứt tình nhiễm ở đời mà dùng từ cứu quần sanh. Lại nói người mới vào Phật pháp còn nhiều tịnh tục, phải dứt ác làm từ. Âm

nghĩa nói hai chữ Sa-di; xưa gọi tắt là sai. Đường Tam Tạng gọi Thất-lợi-ma-noa-lộ-ca, dịch là Cần Sách Nam Ký Qui Truyện nói: Thọ mười giới rồi gọi là Thất-la mười ba tuổi, đều gọi là khu ô Sa-di, từ mười bốn đến mười chín tuổi gọi là Ứng pháp Sa-di, từ hai mươi trở đi đều gọi là Danh từ Sa-di.

- Sa-di-ni (Sràmanerikà) Trang Tam Tạng gọi là Thất-lợi-ma-noa-lý-ca, dịch là Cần Sách Nữ.

- Ưu-bà-tắc (Upàsaka). Ưu-bà-di (Upàsikà). Triệu nói Nghĩa gọi là Tín sĩ nam, Tín sĩ nữ. Tịnh Danh sớ nói: Dịch là Thanh tịnh sĩ, Thanh tịnh nữ, cũng gọi là Thiện túc nam, Thiện túc nữ. Tuy ở nhà giữ năm giới nhưng nam nữ không cùng ngủ chung, nên gọi là Thiện túc, đây chưa thể dùng nhất định. Kinh Khê nói: Y các kinh văn khác chỉ nói là gần Phật mà được tên Thiện túc, chẳng có định nam nữ chẳng ngủ chung. Sớ Niết-bàn nói: Một ngày một đêm thọ tám giới gọi là Thiện túc. Ưu-bà-tắc Tây Vức Ký gọi là Ổ-ba-sách-ca, Đường gọi là Cận sự nam, xưa gọi là Y Bồ-tát lại gọi Ưu-bà-tắc. Ổ-ba-tư-ca, Đường gọi là Cận sự nữ, xưa gọi Ưu-ba-tư lại gọi Ưu-bà-di. Nói cận sự, là gần gũi hầu hạ phụngsự Phật pháp. Hậu Hán Thư gọi là Y Bồ-tát, tức Ưu-bà-tắc vậy. Trung Hoa dịch là Cận trụ là nói người thọ giới có thể gần gũi chỗ Tăng ở hoặc gọi là Đàn-na. Yếu lãm nói tiếng Phạm là Đà-na-bát-để. Đường gọi là Thí chủ, nay gọi là Đàn-na (lầm Đà thành Đàn) mà bỏ Bát-để giữ lại chữ Na. Tư Đại Thừa Luận nói: Hay phá tham tiếc ganh ghét và khổ bần cùng hạ tiện nên gọi là Đà (Đàn), sau được giàu lớn và phước đức đầy đủ nên gọi là Na. Lại gọi là Đàn việt. Đàn tức là Thí, tức người này làm việc bố thí vượt khỏi biển bần cùng.

13. CÁC TÊN DÒNG HỌ THÍCH

Người xưa xuất gia từ Thầy mà được họ. Như Bạch Pháp Tổ, Trúc Đạo Sanh v.v... Đời Đông Tấn, An Pháp sư thọ nghiệp (học) với Phật Đồ Trừng bèn bảo Thầy không hơn Phật mà tự gọi là họ Thích. Sau Tăng Nhất A-hàm lưu truyền đến đất này, kinh nói Phật bảo các Tỳ-kheo có bốn họ xuất gia, không lấy họ cũ chỉ nói Sa-môn Thích Tử. Vì sao như thế sanh do ta sanh, thành do pháp thành, cũng như bốn sông lớn đều phát nguồn từ suối A-nục. Lại Sa-di-tắc nói: Tỳ-kheo các ông do nhiều loại người mà xuất gia, nên bỏ họ cũ mà xưng là Thích Tử Sa-môn (Sa-môn con họ Thích). Lại Trường A-hàm nói đệ tử của Di-lặc đều Từ Tử tự chẳng phải Đại quyền ứng tích há có thể lập họ cùng kinh phù hợp, cho nên Thiên thần xưng là Ấn Thủ Bồ-tát. Song Tịnh Danh

nói: Phàm người xuất gia là pháp vô vi. Thiên thai giải thích rằng: Nếu thấy Phật tánh ra khỏi nhà hai chết mới là chân xuất gia, nên đủ bốn câu: Một là hình tâm đều chẳng ra, hai là hình ra mà tâm không ra, ba là hình chẳng ra mà tâm ra, bốn là hình tâm đều ra tức là quán hạnh xuất gia. Nên Nam Sơn nói người chân thành xuất gia rất sợ nhiều khổ bốn oán, chán vô thường ở ba cõi, từ giả sáu thân thân mến, bỏ năm dục nặng sâu, người hay như thế gọi là Chân xuất gia thì có thể nối thạnh Tam bảo độ thoát bốn loài lợi ích sâu xa công đức vô lượng các dòng họ đó nay sẽ phiên dịch.

- Tăng-già (Saugha). Đại Luận và Tần gọi là chúng, tức có nhiều Tỳ-kheo ở một chỗ hòa hợp nên gọi Tăng già. Ví như nhiều cây Đại thọ gọi là rừng. Tịnh Danh Sớ nói: Luật gọi bốn người trở lên đều là chúng. Luật Sao nói: đây gọi là Chúng hòa hợp. Hòa hợp có hai nghĩa: Một là Lý hòa nghĩa là đồng chứng trạch diệt. Hai là Sự hòa, riêng có sáu nghĩa: Một là Kiến hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải, Thân hòa đồng trụ, Lợi hòa đồng quân, Khẩu hòa vô tránh, Ý hòa đồng duyệt. Thập Sư nói: Muốn khiến chúng hòa cần phải do sáu pháp: một là dùng từ tâm khởi thân nghiệp, hai là dùng từ tâm khởi khẩu nghiệp, ba là dùng từ tâm khởi ý nghiệp, bốn là ở trong giờ ăn nên bớt cơm trong bát mà cúng dường Thượng tọa một người Hạ tọa một người, năm là trì giới thanh tịnh, sáu là lậu tận trí tuệ. Triệu nói nếu không phải người chân tâm thì không đủ sáu pháp, không có sáu pháp này thì không lấy đâu để hòa các chúng, nếu chúng chẳng hòa thì không phải là đạo kính thuận. Lại Tăng gọi là Lương phước điền (ruộng phước tốt). Kinh Báo Ân nói chúng Tăng là phước điền ra ba cõi, nghĩa là Tỳ-kheo đủ các giới thể, giới là cội gốc của muôn Thiện thế nên người đời qui tín cúng dường, gieo trồng phước như tưới tẩm ruộng tốt khiến mầm mống sanh ra nên gọi là Lương phước điền. Đại Luận nói: Có bốn thứ Tăng: Một là Tăng biết xấu hổ, giữ giới chẳng phá, thân khẩu thanh tịnh hay phân biệt tốt xấu chưa được đạo. Hai là Tăng không biết xấu hổ phá giới, thân khẩu ý chẳng tịnh, không ác nào chẳng làm. Ba là Tăng dê câm, tuy chẳng phá giới, nhưng căn độn không huệ, chẳng phân biệt tốt xấu, chẳng biết khinh trọng, chẳng biết có tội hay không tội nếu có việc Tăng hai người cùng tranh nhau thì không quyết đoán phân xử, làm thinh không nói, như dê trắng bị người giết không thể lên tiếng. Bốn là Thật Tăng: Học hay vô học trụ trong bốn quả làm (hạnh?) bốn hướng đạo, đó gọi là Thật Tăng. Vua Đường Thái Tông từng hỏi Huyền Trang Tam Tạng muốn gieo trồng công đức việc gì có lợi ích nhất? Pháp sư nói: Chúng sanh mê

lầm không phải Huệ thì chẳng mở được, kéo trồng mầm huệ, pháp là của giúp (?). Hoằng pháp do người, tức độ Tăng là hơn hết.

- Sa-môn (Sraman) hoặc gọi Tang-môn hoặc Sacaman nẳng đều sai. Gọi đúng là Thất-ma-na-noa hoặc Xá-la-ma-noa, dịch là công lao, là nói tu đạo có nhiều công. Thập Sư nói: Phật pháp và ngoại đạo phàm xuất gia đều gọi là Sa-môn Triệu nói: Xuất gia đều gọi tên ấy. Tần nói: Nghĩa dạy siêng năng, siêng năng lấy Niết-bàn - kinh A-hàm nói xa lìa ân ái, xuất gia tu đạo, nhiếp giữ các căn, chẳng nhiễm dục ngoài, Từ tâm với tất cả không hề giết hại, gặp vui chẳng mừng, gặp khổ chẳng lo, nhẫn nhục như đất, nên gọi Sa-môn. Hậu Hán Thư Giao Tự Chí nói: Sa-môn, Hán gọi là Tức tâm, tức cạo tóc bỏ nhà dứt tình bỏ dục mà trở về với vô vi. Thụy Ứng nói dứt tâm thấu nguồn gốc nên gọi là Sa-môn. Hoặc nói gọi đủ là Sa-môn na, dịch là phiếm đạo vì làm ruộng phước tốt nên làm dứt thiếu đói của chúng sanh vì tu tám chánh đạo nên hay dứt tất cả tà đạo cho nên Ca-diếp phẩm nói: Sa-môn na tức tám chánh đạo. Sa-môn quả, là từ Đạo rộng rãi mà dứt hẳn tham sân si v.v... Đời gọi Sa-môn là thiếu, na là Đạo, như thế là Đạo đoạn dứt tất cả thiếu thốn, đoạn dứt tất cả tà đạo, vì nghĩa đó nên gọi là tám chánh đạo, là Sa-môn na là từ trong đạo ấy mà đạt quả, nên gọi Sa-môn quả. Hoặc vì Sa-môn dịch là Cần Tức. Thùy Dụ Ký nói: Nghĩa là siêng làm các thiện, dứt hết các ác, dứt ác giới nội là tạng thông Sa-môn; thứ lớp dứt ác nội ngoại giới, riêng dạy Sa-môn một tâm riêng dứt hết các ác nội ngoại là viên dung Sa-môn. Luận Du già nói có bốn thứ Sa-môn: Một là Thắng đạo Sa-môn tức là Phật v.v.... hai là Thuyết đạo Sa-môn tức là người nói chánh pháp, ba là Hoạt đạo Sa-môn tức là người tu các Thiện phẩm, bốn là Ô đạo Sa-môn tức là người làm hạnh tà.

- Bí-sô (Bhiswu). Thầy xưa nói gồm năm nghĩa: Một là thể tánh dịu dàng, dụ người xuất gia chiết phục được sự thô dữ của Thân ngữ. Hai là Dẫn Mạn-bàn-bố dụ cho người khác xuất gia truyền pháp độ người mãi mãi chẳng dứt. Ba là hương thơm tỏa xa dụ cho người xuất gia giới đức thơm phức được chúng nghe theo (danh). Bốn hay trị hết bịnh đau, dụ cho người xuất gia hay dứt hết độc hại của phiền não. Năm là chẳng trái ánh sáng mặt trời, dụ cho người xuất gia luôn hướng về mặt trời Phật. Trí Luận nói: Người xuất gia tu nhiều trí tuệ trí tuệ là nhân duyên của giải thoát. Người tục phần nhiều tu phước đức, phước đức là nhân duyên của vui. Tăng Kỳ nói cúng dường xá-lợi, tạo tháp chùa không phải là việc của chúng ta. Cư sĩ và vua nước ấy người ưa phước tự sẽ cúng dường. Việc của Tỳ-kheo là kết tập ba tạng khiến

Phật pháp không mau diệt.

- Hòa thượng (Upàdhyàya) hoặc Hòa-xà - Yết-ma Sớ nói: Từ xưa dịch phần nhiều xen lẫn tiếng Phiên Hồ, Hồ truyền tiếng trời chẳng được tiếng thật, cho nên có sai lầm. Truyện nói: Hòa thượng chính tiếng Phạm gọi là Ổ-ba-giá-ca, truyền đến nước Vu Điền dịch là Hòa thượng mà truyền đến đất này. Thập Sư dịch là Lực Sanh. Kinh Xá-lợi-phất vấn nói: Phàm người xuất gia bỏ nhà cha mẹ sanh tử, vào trong pháp môn học pháp vi diệu. Bởi sức của thầy sanh trưởng pháp thân sanh ra công đức tài, nuôi dưỡng mạng sống trí tuệ công chẳng gì lớn hơn. Lại Hòa thượng cũng dịch là Cận tụng, vì đệ tử tuổi nhỏ chẳng nên lìa thầy nên luôn gần gũi nhận kinh mà tụng. Thiện Kiến nói: Hòa thượng là tiếng ngoại quốc. Hán gọi là biết có tội biết không tội Nghĩa Tịnh gọi là Ổ-ba-đà-gia, dịch là Thân giáo sư do hay dạy nghiệp xuất thế. Nên Hòa thượng có hai thứ: một là Thân giáo tức thọ nghiệp (theo học), hai là y chỉ tức bẩm học - Tỳ-nại-gia nói đệ tử học trò khi mới thấy thầy liền phải đứng dậy, nếu thấy thân giáo liền liền phải đứng lên (bỏ y chỉ?).

- Xà-lê (Àcàrya) hoặc gọi Kỳ-lợi. Ký Qui Truyện nói: Tiếng phạm là A-giá-lê-da, đường gọi là chấp phạm, nay gọi Xà-lê là sai. Bồ-đề Tư Lương Luận nói: A-giá-lê-dạ, tùy gọi là chánh hạnh. Nam Sơn Sao nói: Hay nhóm họp chánh hạnh đệ tử. Tứ phần luật nói: Thứ A-xà-lê: Một là xuất gia A-xà-thế, là chỗ nương cho người xuất gia. Hai là thọ giới A-xà-lê, là người làm Yết-ma thọ giới. Ba là giao thọ A-xa-lê, là giáo thọ (dạy về) oai nghi. Bốn là thọ kinh A-xà-lê là chỗ theo học kinh hoặc nói nghĩa, cho đến bốn câu kệ. Năm là y chỉ A-xà-lê, cho đến ngủ nhờ một đêm, Hòa thượng và y chỉ nhiều từ mười hạ trở lên, bốn thầy trên đều từ năm hạ trở lên.

- Đầu-đà (dhùta), mới gọi là Đổ-đa, dịch là đẩu tẩu, cũng gọi là Tu trị, cũng gọi Đào thải. Thùy Dụ Ký nói: Đẩu tẩu (phấn chấn) phiền não vậy. Thiện Trụ Ý Thiên Tử Kinh nói: Đầu Đà là đẩu tẩu (phấn chân) tham dục sân nhuế ngu si, sáu nhập trong ngoài ba cõi, nếu chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng tu chẳng chấp trước, ta noi người ấy gọi là Đổ Đa, nay gọi lần là Đầu Đà. Đại phẩm nói: Tu-bồ-đề nói pháp nhận mười hai đầu đà: một là làm A-xà-lê, hai là thường khất thực, ba là nạp y, bốn là ăn một buổi, năm là điều tiết lượng ăn, sáu là sau giờ ngọ không uống tương (nước quả), bảy là ở chỗ gò mã, tám là ở dưới gốc cây, chín là ở bên đường, mười là thường ngồi không nằm, mười một là thứ lớp khất thực, mười hai chỉ có ba y, Đại Luận sáu mươi bảy nói mười hai đầu đà chẳng gọi là giới, chẳng bay làm thì giới trang nghiêm, chẳng hay làm

thì không phạm giới. Song luận chỉ y kinh thứ lớp rộng giải thích chẳng phân bộ vị. Các văn dẫn dụng có nhiều lầm lẫn. Cho nên đây nêu ra. Nam Sơn Luật Sao, vị phân làm bốn, bốn hai một là nạp y, hai là chỉ có ba y. Ăn có bốn: một là khất thực, hai là chẳng làm pháp ăn khác, ba là một ngồi, bốn là một súy. Chỗ có năm: Một là Lan-nhã, hai là nghĩa địa, ba là dưới gốc cây, bốn là ngồi bên đường, năm là tùy chỗ ngồi, sáu là luôn ngồi không nằm. Đây là không có khất thực theo thứ tự chỗ thêm thì tùy ngồi. Thông Nguyên Ký dẫn Nam Sơn nói: Cuối đời Phật pháp kính chuộng quan vinh người cầu may vọng sanh bằng dực. Nhiều người nhân lời nói này tự tỉnh thân mình. Đến như điều lợi dưỡng như sợi lông, thấy chu môn như cửa cỏ.

- Bà-đàn-đà (Bhadauta) Tần gọi là Đại đức. Tỳ-nại-gia Luật nói: Phật bảo từ nay về sau Tiểu Hạ Bí Xô, nơi tá túc lâu dài (với bậc trưởng túc?) gọi là đại đức.

- Thể-tỳ-phú (?), dịch là Lão Túc - Tha-tỳ-lợi gọi là Túc Đức.

- Tất-thế-na (Sthavira) dịch là Thượng tọa. Ngũ Phật luật nói: Bảo trên không có người nên gọi là Thượng tọa. Đạo Minh được vua sắc làm Tây Minh Tự Thượng tọa, là nêu ra trên cả Duy-na chủ chùa. Tỳ-ni mẫu nói: từ không Hạ đến chín Hạ là Hạ tọa, từ mười hạ đến mười chín Hạ là Trung tọa, từ 20 hạ đến bốn mươi hạ là Thượng tọa, từ năm mươi hạ trở lên tất cả Sa-môn đều tôn kính gọi là Kỳ Túc - Tỳ-bà-sa Luận nói: Có ba thứ Thượng tọa: một là sanh niên Thượng tọa, tức là bậc Tôn trưởng, đủ giới xưa gọi là Chân sanh. Hai là Thế Tục Thượng tọa, tức là biết pháp giàu sang nhiều tiền vị ca, dòng họ lớn, thế lực lớn, bà con lớn, tuy tuổi mới hai mươi nhưng đều hòa hợp suy tôn là Thượng tọa. Ba là pháp tánh Thượng tọa, tức là A-la-hán. Luận nói Bình Sa Vương xưng là đệ tử Phật, là Thượng Nhân. Kinh Đại Phẩm nói Phật bảo: Nếu Bồ-tát một lòng làm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tâm không tán loạn thì gọi là Thượng nhân. Luận Du già nói: Không tự lợi lợi tha mà làm thì gọi là Hạ sĩ, có tự lợi mà không lợi tha thì gọi là Trung sĩ, có cả hai lợi thì gọi là Thượng sĩ.

- Ma-ma-đế hoặc gọi Tỳ-ha-ra-sa-nhị (Vihàrasvàmin) dịch là chủa chùa (tự chủ). Tăng Sử Lược nói: Nên biết tự chủ đã có chỗ người ắt làm chủ, lúc đó tùy không có tên chủ chùa mà có người làm việc ấy. Từ Đông Tấn đến nay, chức này càng nhiều. Cho nên Lương Võ Đế tạo chùa Quang Trạch mời Pháp vân làm chủ chùa sáng lập Tăng chế.

- Duy-na. Nam Sơn nói Tinh Luân dịch là thứ lớp, nghĩa là thứ lớp biết việc Tăng. Ký qui truyện nói: Hoa Phạm gồm nêu. Duy là cương

duy (giềng mối?) là tiếng Hoa. Na là tiếng Phạm, cắt bỏ Yết-ma-đà ba chữ vậy. Tăng Sử lược nói tiếng Phạm là Yết-ma-đà-na, dịch là Sự tri hay Duyệt chúng nghĩa là xem sự việc, làm vui chúng kể từ đời Phật ngài Ca-diếp (Ẩm Quang) thống lãnh chúng ở Linh thứu, ngài Thân Tử (Xá-lợi-phất) coi việc ở Trúc Lâm. Âm Nghĩa Chỉ Qui nói: Tăng như lưới nhờ người có đức làm dây kéo lưới Tùng Trí Lâm Nhuận Châu Thứ Sứ Lý Hải Du sai Lâm làm Đoán Sự Cương Duy. Khi ấy sau chùa lập ba cương là Thượng tọa. Duy-na và Điển tọa.

- Đạt-hạt-la. Ký Qui Truyện nói: Đường gọi là Tiểu sư, Tỳ-nại-gia nói Nan-đà Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo mười hạ là Tiểu sư. Như Tăng Duệ bảo Tăng Đạo rằng: Ông là pháp chủ của vạn người há có thể gọi là Tiểu Sư được ư?

- A-di-hoạt (Aưtevàsi) dịch là mới học cũng gọi là mới phát tâm.

■

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

QUYỂN 2

Gồm các phần sâu đây:
14. Tám bộ
15. Bốn ma
16. Tiên Thú
17. Nhân Luân
18. Trưởng giả
19. Ngoại đạo
20. Lục sư
21. Quỉ thần
22. Súc sanh
23. Địa ngục.

14. TÁM BỘ.

1. Trời, 2. Rồng, 3. Dạ xoa, 4. Càn-thát-bà, 5. A-tu-la, 6. Ca-lầu-la, 7. Khẩn-na-la, 8. Ma-hầu-la-già.

Phàm Phật hóa độ đạo cứu trăm linh, truyền pháp ở đời, từ bi với vạn loài. Ra thì Đế-thích dẫn trước, vào thì Phạm thiên theo sau. Tả có Đại tướng do diệt ác mà thành công, Hữu có Kim cang khiến sanh thiện làm đức, ba thừa Hiền thánh đều nghiêm túc qui phục, tám bộ quỉ thần dều cùng đến hộ vệ. Nay xin nêu rõ ra đây.

- Đề-bà (Deva) Dịch là Trời - Pháp Hoa Sớ nói: Thiên là thiên nhiên, tự nhiên thắng, lạc thắng, thân thắng. Cho nên Luận nói: Thanh tịnh sáng sạch, tối thắng tối tôn nên gọi là Thiên (trời). Nếu không phải do nhân tối thắng sao sanh được vào chỗ tối thắng. Nói Nhân tối thắng. Nói nhân tối thắng gồm có mười: Thân ba, ngữ bốn, ý ba, tức do ba nghiệp ngăn ngừa tội lỗi. Có nghĩa thuận lý, tức gọi mười thiện. Do mười thiện này khiến ra khỏi năm đạo. Mười giới này gọi là Thiên thừa. Nếu riêng tu tập mười thiện Thượng phẩm thì sanh lên cõi Dục giới: Một là Tứ thiên vương, hai là Đao-lợi thiên. Nếu tu mười thiện

mà ngồi chưa đến định thì sanh vào ba là Dạ-ma thiên, bốn là Đâu suất thiên, năm là Hóa lạc thiên, sáu là Tha hóa tự tại thiên. Do sức Thiền định nên khiến bốn trời sau đều ở trên không chẳng nương mặt đất. Nói chưa đến định, tức là chưa đến, tức chưa vào căn bản định. Như Chỉ Quán nói: Nếu ngồi nghiêm nhiếp thân điều hòa hơi thở lắng yên mất, thân như bóng mây, thanh tịnh trống không mà cũng còn thấy có tướng thân tâm, ấy gọi là là Định Dục giới. Từ đây trở đi bỗng nhiên chẳng thấy trong Định Dục giới, thân đầu y phục giường ghế v.v... các thứ cũng như hư không thảnh thơi an ổn. Thân là sự chướng vị lai (chưa đến) chướng bỏ thân không, vị lai (chưa đến) được phát như thế gọi là chưa đến Định tướng. Đó là nhân quả sáu trời Dục giới.

Nếu tu căn bản bốn thiền lìa dục thô tán thì sanh cõi Sắc giới. Dong sắc giới này nương vào Tát-bà-đa chỉ mười sáu chỗ. Cu-xá Sớ nói trừ Đại Phạm thiên nghĩa là trong Phạm phụ thiên có lầu các cao gọi là Đại Phạm thiên, một chủ ở đấy không có đất khác. Trừ Vô tưởng thiên nghĩa là trong quảng quả thiên có chỗ cao quí nhất gọi là Vô tưởng thiên không có tất khác.

Như y vào kinh bộ mà lập ra mười bảy trời nên tụng giải thích rằng: Nói Đại Phạm vương cùng Phạm phụ v.v... là chỗ tuy chẳng khác song thân hình và tuổi thọ không đồng nhau nên riêng lập Đại phạm, như Thượng tọa bộ gọi là Vô tưởng quảng quả. Nhân quả khác nhau nên lập mười tám trời, phân làm bốn thiền. Sơ thiền có ba trời: một là Phạm chúng thiên là dân được thống lãnh ở đấy, hai là Phạm phụ thiên, tức là quan phụ giúp Phạm vương, ba là Đại Phạm thiên, được Trung gian thiền là chủ thế giới, kiếp sơ thì sanh ra trước, kiếp hết thì mất sau cùng, oai đức cao quí khen tướng gọi là Đại. Nhị thiền có ba trời: một là Thiếu quang thiên, ở trong Nhị thiền có ánh sáng yếu nhất, hai là Vô lượng quang thiên ánh sáng Tăng mạnh không hạn lượng, ba là Quang âm thiên, miệng không nói năng ánh sáng là lời nói, tiếng Phạm là Áp Thiên Tấn gọi là Hữu quang Thọ cũng gọi là Thiểu quang tiếng Phạm là Áp-ba-ma-na, dịch là Vô Lượng Quang tiếng Phạm là A-ba-hội, dịch là Quang Âm. Tam Thiền có ba trời: Một là Thiếu tịnh thiên ý địa lạc thọ lìa mừng tham có ít phần thanh tịnh. Hai là Vô lượng tịnh thiên, tịnh nhiều hơn trước không tính lường được. Ba là Biến tịnh thiên. Tiếng Phạm là Thủ-ha-ký-na, lạc thọ tối thắng (hơn hết), tịnh cùng khắp. Tứ thiền có chín trời: Một là Vô vân, từ Tam thiền trở xuống đều nương mấy mà ở, đến Tứ Thiền này thì mới ở trên không. Hai là phước sanh đầy đủ sức thắng phước mới được vãng sanh. Ba là quảng quả, quả báo

đời khác thì cõi này là rất tối thắng, tiếng Phạm là Duy-vu-phả-la mà ba trời này là phàm phu ở. Bốn là Vô tưởng thiên là chỗ ngoại đạo ở kể là Niết-bàn, chỉ là tâm tưởng không làm nên gọi là Vô tưởng. Năm là Vô phiền tức không có kiến tư phiền não xen vào. Sáu là Vô nhiệt, tức ý lạc dịu dàng lìa các phiền não. Bảy là Thiện kiến, tiếng Phạm là Tu-ế-thiên, định hướng nhỏ yếu dần thấy rất sáng suốt. Tám là Thiện Hiện, hình sắc rất cao quí (thắng) khéo hay biến hiện. Chín là Sắc các pháp, tức sắc pháp cực cao quí, là chỗ rốt ráo nhất. Vô phiền v.v... là chỗ Na-hàm ở nên gọi năm trời này là Ngũ Na-hàm.

Nếu chán lồng sắc thì tu bốn không định ắt sanh bốn Không thiên gọi là Vô sắc giới: Một là Không xứ. Thiền Môn nói: Định này trước nhất lìa ba thứ sắc, tâm duyên hư không. Đã cùng Vô sắc tương ưng nên gọi là Xứ không định; Hai là Thức định. Thiền Môn nói: Bỏ không duyên thức, lấy Thức làm Xứ, chính là từ chỗ sở duyên mà được tên; ba là Vô sở hữu xứ. Thiền Môn gọi là Bất dụng xứ. Khi tu định này chẳng dùng tất cả trong ngoài cảnh giới, ngoại cảnh gọi là không, nội cảnh gọi là tâm, bỏ hai cảnh này nhân phi mới tu nên gọi là Bất dụng xứ; Bốn là Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Thiền Môn nói: Có giải rằng: Trước quán Thức xứ là có tưởng, Bất dụng xứ là Vô tưởng, nay đều trừ hai tưởng trên. Cũng có giải rằng: Ước phàm phu mà nói là phi hữu tưởng (không phải có tưởng) ước Phật pháp mà nói là Phi vô tưởng (không phải không tưởng). Hợp lại mà luận nên gọi Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Song bốn không này, Đại Tiểu thừa giáo luận về nghĩa vô sắc lại khác. Vã Tiểu thừa giáo như Cu-xá nói vô sắc vô thân, y đồng phận mạng căn mà khiến tâm tiếp nối. Lại Thế Phẩm nói: Cõi Vô sắc giới đều không có xứ sở, vì phi (không phải) sắc nên pháp không có phương sở. Nghĩa là ở xứ đó người được định ấy khi chết rồi ắt là sanh chỗ ấy. Lại Thành Thật Luận nói: Sắc là không, dạy chẳng đến vô sắc. Nay bảo nếu nói đều không xứ sở. Hoa Nghiêm An rằng: Tỷ căn của Bồ-tát nghe mùi hương của cung điện vô sắc giới. Như Đại Thừa Bộ bảo rằng: Chỉ không thô sắc chẳng phải là không tế sắc. Cho nên A-hàm nói: Khi Xá-lợi-phất vào Niết-bàn cõi trời Vô sắc giới trên không trung rơi lệ xuống như mưa phùn mùa xuân, cho nên biết vô sắc chẳng phải là không tế sắc. Đây là Tiểu thừa Tông tính hai thứ khác nhau. Nếu Đại thừa giáo thì như Lăng Nghiêm nói: Trời Tứ không ấy thì thân tâm diệt mất hết, định tánh hiện tiền không có nghiệp quả sắc. Cô Sơn giải thích rằng: Không phải nghiệp quả sắc hiển bày có Định quả sắc Cu-xá Toản nói: Không có nghiệp quả sắc không phải là thân dị thục. Như Phụ Hành nói: Từng nghe có

một Tỳ-kheo được Định vô sắc, định dậy lại sờ không người hỏi tìm gì thì đáp: Tìm thân ta, người hỏi thân đang ở trên giường, ở đây được định còn chẳng thấy thân, nên nghiệm biết bốn không chẳng có nghiệp quả sắc mà nói hiển có định quả sắc, là hiển bày luận gọi Sắc do Định ttự tại sanh ra, tức là Thắng định lực, là đối tất cả sắc đều được tự tại tức từ định biến khởi năm trần cảnh. Luận nói: Biến thân vạn ức cùng đứng trên đầu lông không lượng địa giới. Trung Ấm kinh nói: Các trời vô sắc lễ bái Thế Tôn. Lăng Nghiêm cũng nói: Vô sắc cúi lạy. Nhân Vương kinh: Trời Vô sắc giới mưa xuống các hương hoa, hương như núi Tu-di, hoa như bánh xe. Kinh Niết-bàn nói: Trời Phi tưởng nếu là vô sắc thì sao được có tới lui qua lại. Nghĩa như thế thì cảnh giới chư Phật không phải Thinh văn Duyên giác biết được. Vì kinh Thinh văn nói: Chỗ chứng không bèn gọi là chỗ tột đều là vô sắc. Đại thừa thật nói: Ngoại giới còn thọ sắc pháp tánh há là bốn trời này. Chỉ là không không cho nên chê không phải biết của Nhị thừa. Tịnh Danh Sớ nói: Nếu giáo bất liễu nghĩa thì nói Vô sắc giới là không có sắc. Nếu giáo Liễu nghĩa thì nói Vô sắc giới là có sắc. Song Đại Luận nói: Các trời khi sắp chết thì tướng năm tử hiện ra: Một là hoa trên mão héo, hai là nách có mồ hôi, ba là dây cột thân, bốn là lại thấy chỗ mình sẽ sanh, năm là không thích chỗ ngồi cũ. Các trời thấy tử tướng (tướng chết) ấy thì tiếc vui trời thấy sẽ sanh chỗ ác tâm liền buồn khổ. Lại Cu-xá Luận nói: Năm suy ấy có lớn nhỏ khác nhau. Năm suy nhỏ là: Một y phục trang nghiêm phát ra tiếng khó ưa, hai là ánh sáng của thân tự nhiên tối mờ, ba là khi tắm gội thì nước dính thân, bốn là bản tánh hiu trì nay lại trệ vào một cảnh, năm là mắt vốn ngưng tịch nay luôn máy động. Năm tướng này hiện không phải mạng nhất định phải chết. Nếu gặp duyên Thắng thiện cũng có thể đổi khác. Lại có năm tướng Đại Suy: Một là y phục dính bụi, hai là hoa cài tóc héo, ba là hai nách ướt mồ hôi, bốn là khí thúi vào thân, năm là không thích chỗ ngồi cũ. Năm tướng này hiện ra nhất định phải chết.

Lại Đại Luận nói: Trời luận chung có bốn thứ một là thiên, hai sanh thiên, ba Tịnh thiên, bốn Tịnh sanh thiên - Một gọi là Thiên là như nay vua gọi là Thiên tử, hai Sanh thiên là từ Tứ Thiên vương đến Phi hữu tưởng phi tưởng, ba là Tịnh thiên tức là các Thánh nhân của loài người, bốn là Tịnh sanh thiên, là các Thánh trong ba cõi. Lại kinh Niết-bàn cũng có bốn thiên: Một là Thế gian thiên là như các vua chúa, hai là Sanh thiên là từ Tứ thiên vương đến Phi phi tưởng, ba là Tịnh thiên tức là bốn quả chi Phật, bốn là Nghĩa thiên tức là Thập trụ Bồ-tát, vì thấy tất cả pháp là nghĩa không. Như thế các Thiên (trời) tên rất rộng

phải nên phân biệt.

- Đề-đa-la-tra (Phrtaràstra). Đại Luận nói: Tần gọi là Trị quốc, chủ Càn-thát-bà và Tỳ-xá-xà. Quang Minh Sớ nói: Là Nguyên Thủ của Thượng thăng, là trời thứ nhất của Hạ giới, ở nửa núi Tu-di, có Đồng Huỳnh Kim Đỏa Vương tên là Đề-đầu-lại-tra, dịch là Trì Quốc, lại dịch là An dân.

- Tỳ-lưu-ly (Virùdhaka). Đại Luận nói: Tần gọi Tăng Trưởng chủ cung Bàn Trà và Tiết-lệ-đa. Quang Minh Sớ nói: Nam Lưu Ly Đỏa Vương tên là Tỳ-lưu-lặc-xoa, cũng dịch là Miễn ly.

- Tỳ-lưu-ba-xoa (Virùpàksa). Đại Luận nói: Tần gọi là Đa văn, chủ Da-xoa và La-sát. Quang Minh Sớ nói: Bắc Thủy Tinh Đỏa Vương tên là Tỳ Sa-môn. Tác Ẩn nói tên phước đức nghe khắp bốn phương, nên dịch là Phổ văn. Phật khiến tay vỗ tháp xá-lợi Phật xưa. Tăng Sử Lược nói: Năm Đường Thiên Bảo một, năm nước Tây thiên đến đánh An tây ngày 11 tháng 02, Tần xin binh cứu viện, đem quân vạn dặm nhiều tháng mới đến, cận thần tâu, lại mời Bất Không Tam Tạng vào cung trì niệm, vua Huyền Tông cầm lò hương, Bất Không tụng Nhân Vương Hộ Quốc Đà-la-ni, mới được mười bốn biến thì vua bỗng thấy năm trăm thần nhân mặc giáp cầm kích ở trước điện. Vua hỏi Bất không, đáp rằng: Đây là Độc Kiên con thứ hai của Tỳ Sa-môn Thiên vương theo tâm ước của Bệ hạ mà đến cứu An Tây. Lúc tâu là tháng tư đến giờ Tỵ ngày 11 tháng 2 (4) (năm sau) sau đó thì ba một dặm ở phía Đông Bắc thành, có mây mù tối mịt có thần vác gậy dài đều mặc áo giáp vàng, đến giờ dậu thì trống sừng rền vang núi lay đất động, trải hai ngày thì giặc chạy tan, lúc đó trên thành lầu có ánh sáng, Thiên vương hiện hình. Bèn làm biểu dâng lên, vua nhân ra sắc lệnh các đạo châu phủ ở phía Tây Bắc đều đặt hình tượng Thiên vương. Tứ thiên vương này ở lưng núi Tu-di. Cu-xá nói núi Diệu cao có bốn từng cách nhau mười ngàn (10.000), mỗi bên có mười sáu ngàn (16.000) 8.4.2000 lượng kiên thủ và trì man, Thường Kiêu, Đại vương chúng, như thứ tự mà ở bốn cấp. Cũng ở bảy núi khác. Bốn tên này gọi là Tứ vương.

Tám bộ hoặc nêu hai mươi tám bộ: Một là phương có bốn bộ, sáu phương thì thành hai mươi bốn bộ, tứ duy đều có một hợp lại thành hai mươi tám. Có một thuyết nói: Một phương có năm bộ nghĩa là Địa-Thủy-Hỏa-Phong-Không, bốn phương thành mười (hai mươi) bộ, cùng Tứ vương thống lãnh tám bộ là hai mươi tám bộ. Cảm thông truyện Thiên Nhân Phí Thị nói dưới một Vương có tám tướng quân, bốn vương có ba mươi hai tướng, khắp bốn thiên hạ đến hộ giúp các người xuất gia.

Trong bốn thiên hạ thì Châu Bắc Thiên ít có Phật pháp, còn ba thiên hạ kia thì Phật pháp có nhiều. Song người xuất gia phần nhiều phạm giới cấm ít theo đúng pháp. Đông Tây Thiên Hạ thì ít có điểm huệ, phiền não khó dạy. Một châu Nam Phương tuy có nhiều phạm tội nhưng dạy khiến Thiện Tâm dễ điều phục. Phật sắp nhập Niết-bàn dặn dò giao phó khiến giữ gìn chẳng để ma quân quấy nhiễu nếu chẳng giữ gìn như thế là phá giới. Ai có làm giáo pháp ta nên Phật răn dạy chẳng dám chẳng làm tuy thấy người pháp giới thương mà hộ vệ, thấy làm một thiện vạn lỗi đều tha. Vì tướng quân trong ba mươi hai tướng trên thì hộ vệ nhiều nhất, nếu có nhiều ma trai mà gái chọc ghẹo Tỳ-kheo khiến đạo lực suy yếu và làm hoặc loạn thì tướng quân sợ hãi rượt đuổi tùy cơ mà dẹp trừ. Cho nên nếu có việc thì phải đến chỗ Tứ vương, lúc đó Vương thấy đều đứng dậy, vì Vi tướng quân tu hành Đồng chân hộ trì chánh pháp vậy.

- Đao-lợi (Tràyastriưsa) Ứng Pháp sư nói: Tiếng Phạm gọi tắt sai, gọi đúng là Đa-la-dạ-đăng-lăng-xá, dịch là ba mươi ba. Cu-xá Tụng nói: Đỉnh diệu cao tám vạn, trời ba mươi ba ở, bốn góc có bốn ngọn. Kim cang thủ ở đó. Trong cung gọi Thiện Hiện, chu vi vạn Du thiện na, cao một nửa Kim thành, trong có Điện thù thắng, chu vi ngàn thiện na.

- Thích Đề Hoàn Nhân (Sàkra devà nàmiưdra). Đại Luận nói: Thích-ca Tần gọi là Năng, Đề-bà-tần gọi là Thiên, Nhân Đề Tần gọi là chủ, họp mà gọi là Thích-đề-bà-na-dân hoặc Thích-ca Đề-bà-nhân-đà-la, nay gọi tắt là Đế-thích bởi Hoa Phạm đều gọi. Tạp A-hàm nói có một Tỳ-kheo hỏi Phật vì sao gọi là Thích Đề Hoàn Nhân. Phật đáp khi xưa là người làm Đốn thí thường hay làm chủ nên gọi là Thích Đề Hoàn Nhân. Kinh Anh Lạc nói: Ông nay trời Đế-thích công đức các hạnh cao, ngàn Phật huynh đệ hơn không còn tên hiền kiếp, khoảng giữa đều dứt hẳn. Hai mươi bốn trung kiếp sau có Phật ra đời, cõi nước tên Phổ Nhẫn, Phật ấy sống bảy kiếp, pháp để lại bảy kiếp. Khi pháp ấy mất rồi thì trống rỗng năm kiếp, ông ở cõi nước ấy mà nối ngôi vị Như Lai hiệu là Vô Trước Tôn. Tịnh Danh Sớ nói: Thời gian này là Đế-thích mà xưa lúc Phật Ca-diếp diệt độ có một người nữ phát tâm sửa tháp lại có ba mươi hai người phát tâm giúp sức, công đức sửa tháp là Đao-lợi Thiên chủ (là cõi trời Đao-lợi) còn những ai có công giúp sửa tháp thì là quần thần, vua tôi họp nhau gọi là trời ba mươi ba.

- Tu-dạ-ma (Suyàma) dịch là Thiện Thời Phân, lại dịch là Diệu Thiện, mới gọi là Tu-diệm-ma, dịch là Thời phân tức luôn luôn ca hát vui vẻ. Hoặc gọi thọ cảnh ngũ dục biết thời phân vậy.

- Đâu-suất-đà (Tusita). Dịch là Diệu Túc, mới gọi là Đổ-sử-đà dịch là Tri túc. Tây Vức Ký gọi Đổ-sử-đà, xưa gọi Đâu-suất-đa, Đâu-thuật-đà là sai, tức là đối với ngũ dục biết dừng đủ, nên Phật Đại Luận gọi là Hỷ Túc nghĩa là thân sau của Bồ-tát trong giáo hóa tu nhiều hỷ túc.

- Tu-niết-mật-đà (Sunirmàna) hoặc gọi Ni-ma-la. Đại Luận nói: Tần gọi Hóa Tự Lạc, tức tự hóa năm trần mà tự vui nên gọi Hóa Tự Lạc. Lăng Nghiêm gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

- Bà-xá-bạt-đề (Paranirmitavazavartin) hoặc gọi Ba-la-ni-mật. Đại Luận nói: Tần gọi Tha Hóa Tự Tại. Trời này cướp cái người ta hóa mà tự vui, nên nói Tha hóa tự tại, cũng gọi Tha Ứng Thinh Thiên. Biệt Hạnh Sớ nói: là đỉnh trời Dục giới nhờ người khác làm để thành cái vui của mình, tức là Ma vương.

- Đại Phạm (Mahàbrahman). Kinh Âm Nghĩa gọi là Phạm ca-di dịch là Thân Tịnh, tức Sơ thiền Phạm thiên. Tịnh Danh Sớ nói: Phạm là tiếng Tây Vức, Tàu dịch là Ly dục, hoặc Tịnh Hạnh. Pháp Hoa Sớ nói: Trừ phiền phức há địa mà bay lên sắc giới nên gọi là Ly dục, cũng gọi Cao Tịnh. Tịnh Danh Sớ nói: Phạm vương là chủ Thế giới Ta-bà trụ Sơ thiền trung gian tức trung gian thiền ở trong Sơ thiền và Nhị thiền hai thứ (doanh). Tỳ-đàm nói: Nhị thiền trở lên không có pháp nói năng nên chẳng lập Vương pháp, Anh Lạc (nói) Thiền Thiền đều có Phạm vương. Nay bảo chỉ tu thêm Vô lượng tâm, báo thắng là vua không có thống ngự (cai trị). Sơ thiền có thấy biết nói năng thì có chủ thống lãnh tức làm vua. Thứ Đệ Thiền Môn nói Phật ở kinh Nhân vương nói có mười tám Phạm, cũng có dân và vua khác nhau. Lại nói ở Tứ thiền có Đại Tịnh vương, mà Phật ở trong ba tạng chỉ nói Sơ thiền có Đại Phạm Thiên vương là vì trong Sơ thiền có tâm thấy biết thì có pháp nói năng, vua thống lãnh chúng sanh dưới đất rất tiện. Chứng chân nói: Khi kiếp sơ thành thì Phạm vương sanh ra trước riêng ở một kiếp không có bạn bè. Sau khởi niệm nghĩ rằng mong các loài hữu tình đến ở đây. Nghĩ rồi thì con Phạm liền sanh. Ngoại đạo không lường biết liền chấp Phạm vương là thường mà con Phạm là không (vô) thường.

- Thi Khí (Sikhin) Đại Luận nói: Tần gọi là Lửa, hoặc dầu lửa. Pháp Hoa Sớ nói: Ngoại quốc gọi là lửa là cây Đề-thi-khí, vua này vốn tu Hỏa định, phá hoặc Dục giới, từ đức mà lập tên. Lại nói: Kinh nêu Pháp vương lại nêu Thi Khí giống như hai người Y Đại Luận thì chính Thi Khí là vương, nay nêu vị mà bày tên, e chỉ một người mà thôi. Triệu nói Thi Khí là tên của Phạm vương, Tần gọi là Đảnh kế.

- Phạm-phú-lâu (Brahmapurohita) dịch là Tiền Ích Thiên, đi trước Phạm thiên, luận nghĩ lợi ích cho Phạm thiên cũng gọi là Phạm phụ.

- Thủ-đà-bà (Suddhàvàsa), Đại Luận nói Tần gọi là Tịnh Cư Thiên, thông cả năm Tịnh Cư.

- A-ca-ni-tra (Akanistha), gọi đúng là A-ca-ni-sắc-đệ hoặc gọi A-ca-ni-sa, dịch là chất ngại căn cứ thiên.

- Ma-hê-thủ-la (Mahezvara) Đại Luận nói: dịch là Đại Tự Tại, gọi đúng là Ma-ha-mạc-hê-y-thấp-phạt-la có tám cánh tay ba mắt cỡi trâu trắng. Phổ Môn Sớ nói: Lâu Thán gọi là A-ca-ni-tra, Hoa Nghiêm gọi là Sắc cứu cánh, có người gọi Đệ Lục Thiên, mà các kinh luận phần nhiều đều gọi Đại Tự Tại, là đảnh của Sắc giới. Thích Luận nói: Qua khỏi trời Tịnh Cư có Thập Trụ Bồ-tát gọi là Đại Tự Tại làm chủ cõi Đại Thiên. Kinh Thập Trụ nói: Đại Tự Tại Thiên có ánh sáng hơn hết tất cả chúng sanh. Niết-bàn Hiến Cúng nói Đại Tự Tại Thiên rất cao quí không phải là Đệ Lục Thiên (trời thứ sáu). Quán Đảnh nói: Tên của vua Oai Linh (tự là Oai Linh Đế).

- Ma-lợi-chi (Màrici) dịch là Dương Viêm, đi trước Tự Tại.

- Tán-chỉ-tu-ma. Dịch là mật, nghĩa là Danh-Hạnh-Lý-Trí bốn thứ đều mật. Thiên thai gọi là Thiên Đại Tướng Quân bảo rằng: Kim Quang Minh lấy Tán chỉ làm Đại tướng Đại Kinh nói: Tám cánh tay mạnh mẽ là lực sĩ của trời. Đại Luận lại gọi là Cưu-ma-la-già (Kumàraka), dịch là Đồng tử cỡi khổng tước cầm gà đưa lên, cầm mở cầm phan đỏ, lại có cầm gông lớn, dịch là Biến (Biến) văn (khắp nghe?) bốn tay cầm bối, cầm bánh xe, cầm kim sí điểu, đều là Đại tướng của các trời, chưa biết Đại tướng quân này định thị hà đẳng (bằng ai?). Quang Minh Sớ nói: Hai mươi tám bộ đi tuần du thế gian thưởng thiện phạt ác đều là Tán chỉ cai quản.

- Bạt-xà-la-ba-ni (Vajrapàni) Lương gọi là Kim cang. Ứng Pháp sư gọi là Bạt-xà-la dịch là Kim cang. Ba-ni dịch là Thủ, tức tay cầm gậy Kim cang, lấy đó mà đặt tên. Chánh Pháp Niệm nói: Xưa có vua và phu nhân sanh ngàn con, muốn thử sau này thứ tự thành Phật, nên Câu-lưu-tôn được thẻ thứ nhất, Thích-ca được thẻ thứ tư, cho đến Lâu-chí được thẻ một ngàn. Phu nhân thứ hai sanh hai con, một người nguyện làm Phạm vương thỉnh ngàn anh Chuyển pháp luân người thứ hai nguyện làm Mật tích Kim cang thần, hộ trì giáo pháp của ngàn anh. Đời cho là hóa thân của Lưu-chí là không phải, đó là Pháp Ý Vương Tử. Căn cứ vào kinh chỉ có một người. Nay thờ ở trước cửa già lam mà có hai tượng, ứng biến vô cùng nhiều thứ cũng không lỗi (Trích từ Tác Ẩn Ký).

- Ha-lợi-đế-nam (Hàriti) Quang Minh gọi là Ha-lợi-đế-nam, đây là tiếng Phạm tức quỉ thần tử. Thử Hiển Lương Ngôn tên tuy có hai mà người chỉ là một. Nên trong luật nói quỉ tử mẫu, sau tổng kết rằng: Lúc đó người trong thành Vương xá đều gọi là Ha Ly Đế Mẫu Thần. Ký Qui Truyện nói: Tây phương thí chủ thỉnh Tăng cúng trai, trước cúng Thánh Tăng sau đãi chúng Tăng. Ở cuối dãy dọn một mâm để cúng Hạ Lỵ Đế Mẫu.

- Tỳ-thủ-yết-ma (Visvakarman) Chánh Lý Luận âm gọi là Tỳ-thấp-phược-yết-ma, dịch là chủng chủng công nghiệp, người thợ khéo ở Tây Vức thường cúng tế trời này.

- Biệt-tha-na (Visnu) Lương gọi là Vi, cũng gọi Phệ Suất Nộ Thiên.

- Kỳ-bà-thiên (Jiva) Trường Thủy nói Kỳ-bà dịch là mạng phong tục Tây Vức đều thờ Trường mạng Thiên thần. Lời này chưa rõ đâu ra. Theo Pháp Hoa Sớ thì Kỳ Vức dịch là hoạt. Sanh lên trời Đao-lợi, đệ tử Mục-liên bịnh dùng thần thông lên hỏi, gặp các trời ra vườn dạo chơi, Kỳ Vức ngồi xe chẳng xuống chỉ chấp tay mà thôi, Mục-liên dừng xe. Vức bảo rằng: Các Trời lo hưởng vui chẳng nhìn thấy, Tôn giả muốn cầu gì? Đáp: Dứt ăn là cốt yếu. Mục-liên thả ra xa bèn đi. Theo đây Kỳ-bà-thiên tức là Y Sư (thầy thuốc) Kỳ Vức.

- Tô-lị-da (Sùrya) hoặc To-lê-da, Tu-lị, dịch là Nhật thần (thần mặt trời) Nhật là Thất là tình của Thái dương. Khởi Thế Kinh nói: Cung điện của Nhật thiên rộng dài bằng nhau đều năm mươi mốt do tuần, trên dưới cũng thế.

- Tô-ma (Soma) dịch là Nguyệt thần (thần mặt trăng) Thích Danh nói: Nguyệt là thiếu, nghĩa là đầy rồi vơi. Hoài Nam Tử nói: Nguyệt là tinh của Thái Âm. Khởi Thế Kinh nói: Cung điện của Nguyệt thiên rộng dài bằng nhau đều bốn mươi chín do-tuần. Hỏi vì sao mặt trăng lúc đầu lại thiếu (thuyết không tròn). Đáp: Như kinh Niết-bàn nói: Nguyệt tánh thường tròn thật không tăng giảm nhân có núi Tu-di nên có khuyết. Cu-xá Luận nói: Gần mặt trời thì ảnh tự che nên thấy trăng khuyết. Thế Thi Thiết Túc Luận nói: vì cung điện mặt trăng đi gần mặt trời ánh sáng bị xâm chiếu, các bên phát bóng tự che mặt trăng nên lúc đó thấy không tròn. Song một mặt trăng mặt trời khắp chiếu bốn châu. Trường A-hàm nói Diêm-phù-đề mặt trời giữa trưa thì ở Phất-bà-đề mặt trời lặn, ở Cù-da-ni là mặt trời mọc, còn ở Uất-đơn-việt là nửa đêm. Kinh văn thứ lớp bốn phương khắp nói, hai tên này trích ở Đại Khổng Tước Chư Vương Kinh.

- Na-già (Nàga) Dịch là Long (rồng). Biệt Hạnh Sớ nói: Long có bốn thứ: Một là giữ cung điện trời, cầm giữ khiến không rơi là rồng làm trên mái nhà ở nhân gian. Hai là nổi mây làm mưa làm lợi ích cho nhân gian. Ba là Địa long, quấy nhiễu sông ngòi. Bốn là rồng giữ kho, giữ kho Đại phước của Chuyển luân vương. Rồng có bốn loài, Cu-xá nói: Noãn sanh kim sí điểu hay bắt ăn thịt bốn loài rồng này. Mạ Ý Kinh nói: Đọa làm rồng có bốn duyên: Một là bố thí nhiều, hai là giận hờn, ba là khinh chê người, bốn là tư cống cao. Hoa Nghiêm nói: Rồng làm mưa xuống chẳng từ thân ra, chẳng từ tâm tâm niệm ra không có chứa nhóm mà đều thấy, chỉ do sức của rồng mà mưa lớn khắp xuống thiên hạ, cảnh giới đó chẳng thể nghĩ bàn.

- Nan-đà-bạt-nan-đà (Namđa-Upanamda) Văn Cú nói: Nan-đà dịch là Hoan hỷ, Bạt là thiện, anh em thường hộ trì nước Ma-kiệt-đề khi mưa xuống thì nước không đói kém. Bình Sa Vương mỗi năm làm một hội trăm họ nghe đều vui mừng, từ đó mà được tên, Từ Ân nói một tên là Hỷ, hai tên là Hiền Hỷ, hai anh em này khéo hợp lòng người gió chẳng gào thét, mưa chẳng đập phá, trước khiến người mừng lại khiến tánh hiền, khiến mừng lại hiền nên lấy làm tên. Đại Luận nói: Có anh em rồng một tên Cật ly, hai tên A-già-hòa-la, mưa xuống đúng lúc.

- Bà-già-la (Sagara) từ biển mà nêu tên.

- Hòa-tu-cát (Vasuki) dịch là nhiều đầu.

- Đức-xoa-ca (Taksaka) dịch là Hiện độc cũng gọi nhiều lưỡi.

- A-na-bà-đạt-đa (Anavatapta) dịch là Vô nhiệt, từ ao mà được tên, trong ao có năm Trụ đường (nhà ở?)

- Ma-na-tư (Manasin) dịch là Đại thân, hoặc Đại ý, hoặc Đại lực.

- Âu-bát-la (Utpala) hoặc gọi Ưu-bát hoặc Ưu-ba-đà, dịch là Đại Sắc Liên Hoa (hoa sen đen) lại gọi hoa sen xanh. Rồng nương đây mà ở, từ ao mà được tên.

- Y-la-bát (Erauupattra) Xiển Nghĩa Sao nói cũng gọi là Y-la-bạt-la là tên cây Y-la, dịch là khí thúi, Bạt-la dịch là rất. Tức rồng này khi xưa đã phá hại lá cây cực thúi nên phải chui đầu vào cây thúi này nhân đó đặt tên.

- Ca-lê-ca (Kalika) lại gọi Da-la-da, dịch là rồng đen.

- Dạ-xoa (Yaksa) dịch là dõng kiện, hoặc Bạo ác. Xưa gọi là Duyệt-xoa. Tây Vức Ký gọi là Dược-xoa. Xưa gọi sai là Dạ-xoa, hay bay trên không trung. La-thập nói Tần gọi là quí nhân, cũng gọi Kinh Tiệp. Có ba thứ: 1/ Ở trên đất, 2/ Ở trên hư không, 3/ Thiên Da-xoa, tức là Đọa Dạ-xoa chỉ có tài thí nên không thể bat trên không. Thiên Dạ-

xoa vì thí xe ngựa nên bay đi được. Triệu nói: Thiên Dạ-xoa ở fưới hai trời, giữ thành ao lầu cửa cho trời.

- Hoa-di-la-hằng-duyệt-xoa (Vajrapàniyaksa) tức Chấp Kim Cang Thần Khả Úy, cũng gọi Bạo ác hoặc La-xoa-bà, dịch là Hộ sĩ, nếu nữ thì gọi là Ra-xoa-tư.

- Bạt Đa-ba-la Dư-tắc-ca (Bha drapàlasiksaka). Kinh Hạ Sanh nói: Tần gọi là Thiện giáo, đây là Dạ-xoa giữ thành của Di-lặc.

- Càn-thát-bà (Gamdharva) hoặc gọi Kiện-đà-la. Tịnh Danh Sớ nói: Dịch là Hương Âm cũng gọi là Lăng Không Thần chẳng dám rượu thịt chỉ hưởng hơi hương là Thiên chủ tràng đảo nhạc thần ở phía Nam núi Tu-di trong hang Kim cang. Ngài La-thập gọi là Thiện Nhạc Thần ở trong núi đất Thập Bảo khi trời muốn có nhạc thì thân thần này có tướng lạ hiện ra sau mới lên trời. Mới gọi là tầm hương hành. Ứng Pháp sư gọi là Xú hương.

- Đồng-lũng-ma (Druma). Đại Luận nói: Tần gọi là cây, là tên của Càn-thát-bà.

- A-tu-la (Asura) xưa dịch là Vô đoan chánh, người nam thì xấu xí, người nữ thì đẹp. Mới dịch là Phi Thiên. Tịnh Danh Sớ nói: Thần này quả báo rất tốt gần bằng các trời mà không phải trời, Tần-bà-sa Luận nói: Chính tiếng Phạm là Tố-lạc, Tố-lạc là trời nó không phải trời nên gọi A-tố-lạc. Tây Vức Ký gọi A-tố-lạc. Xưa gọi A-tu-la, A-tu-luân, A-tu-la đều sai. La-thập nói: Tần gọi bất ẩm tửu, lý do chẳng uống rượu là trích tư Tạo Bảo Tạng. Pháp Hoa Sớ nói: A-tu-la nhặt hái hoa bốn thiên hạ gầy rượu trong biển lớn, nghiệp lực rồng cá vị nó không đổi giận ghét thể dứt nên nói là không rượu. Đại Luận nói: Phật diệt độ đã lâu kinh pháp lưu truyền năm trăm năm sau có nhiều sai khác, hoặc nói năm đạo hoặc nói sáu đạo. Xem các nghĩa kinh đúng là sáu đạo, vì thiện có thượng trung hạ nên có ba thiện đạo, ác có thượng trung hạ nên có ba ác đạo. Nếu chẳng thế thì ác có ba quả báo mà thiện có hai quả báo là việc trái nhau. Nếu có sáu đạo thì nghĩa không trái. Cho nên Tu-la này khi ở nhân thì ôm lòng đố kỵ tuy làm năm thường mà muốn hơn người khác, nên làm mười thiện hạ phẩm mà cảm thân ở đạo này. Hoa Nghiêm nói như La-hầu-la A-tu-la vương, thân dài bảy trăm do tuần, hóa hình dài mười sáu vạn tám ngàn do tuần, ở trong biển lớn ló ra nửa thân cùng với núi Tu-di bằng nhau. Kinh Lăng Nghiêm nói: Lại có bốn loại A-tu-la, nếu ở quỉ đạo thì dùng đức hộ pháp dùng thần thông bay lên không A-tu-la này từ trứng sanh ra thuộc về loài quỉ. Nếu ở trong trời hết sức đọa xuống tìm chỗ ở gần mặt trời mặt trăng thì A-tu-la này

có thai sanh, thuộc về loài người. Có A-tu-la cầm nắm thế giới, sức suốt vô úy hay cùng Phạm vương và Thiên Đế-thích Tứ thiên vương tranh quyền. A-tu-la này nhân biến hóa mà có, thuộc về loài trời. Có một loại A-tu-la kém cõi sanh giữa biển và chìm sâu dưới miệng hang nước, buổi sáng bay lên không, buổi chiều về nước ngủ. Loại A-tu-la này nhân thấp khí (ẩm ướt) mà có thuộc loài súc sanh. Tịnh Giác hỏi: Bốn thứ A-tu-la này đã thuộc bốn loài vậy không có biệt báo đồng phận ư? Đáp: Tuy thuộc bốn thú (loài) nhưng đều là biệt báo. Nay nói chọn chỗ ở gần mặt trời mặt trăng tức là chỗ đồng phận. Lại Trường A-hàm nói Nam châu có núi Kim cang trong đó có cung Tu-la rộng sáu ngàn do-tuần có hàng rào bao quanh và hàng cây, một ngày một đêm ba lần chịu khổ. Khổ đủ rồi lại vào cung ấy. Khinh Khởi Thế nói: Chỗ Tu-la ở cung điện thành quách đồ dùng so với cung trời giống nhau cũng có cưới gã nam nữ giống như cõi người. Kinh Chánh Pháp Niệm nói; A-tu-la lược có hai thứ: một là thuộc quỉ đạo ma thân ngạ quỉ, có thần thông. Hai là thuộc súc sanh đạo, ở dưới đáy bể bên núi Tu-di. Hỏi: Pháp Hoa nêu có bốn thứ Tu-la, cùng bốn thứ của Lăng Nghiêm là đồng hay khác? Đáp: Tư Trung nói đồng. Tịnh Giác nói: nó thuộc bốn kỳ thì trong bốn thứ này chẳng thể thứ lớp phân loại. Kinh Khê nói: Bốn thứ trong Pháp Hoa nói đều cùng Đế-thích đấu tranh, một lượt xem qua thì chỉ đồng với loại thứ ba trong kinh này mà thôi.

- Bà-trỉ (Bali) gọi đúng là Bạc-trỉ-ca, dịch là đoàn viên này lầm dịch là Bị phược hoặc gọi năm chỗ bị cột hoặc gọi năm ác vật, là cột cổ chẳng thoát được là bị Đế-thích cột. Kinh Âm Nghĩa nói: Làm tiền phong cho Tu-la nên bị Đế-thích cột trói, nhân thì không thoát được nên lấy đặt tên.

- Khư-la-khiên-đà (Khalaskaưdha) Văn Cú gọi là quảng kiên bi, cũng gọi Ác âm là nước biển phun lên (nhảy vọt).

- Tỳ-ma-chất-đa (Vimalacitta) Văn Cú gọi là Tịnh Tâm cũng gọi Chủng Chủng Nghi tức là cha của Xá-chỉ.

- La-hầu (Ràhu). Văn Cú gọi là Chướng Trì, hóa thân dài tám vạn bốn ngàn do-tuần, đưa tay che tối mặt trời mặt trăng. Đời gọi là nhật thực, nguyệt thực. Thích Danh nói: Nhật Nguyệt thiếu gọi là Trùng, thiếu một phần nhỏ gọi là xâm khuy, như trùng ăn lá cây cỏ. Kinh Phòng Dị Truyện nói: Mặt trời mặt trăng đỏ vàng là mỏng (bạc), hoặc nói không giao mà ăn là mỏng (dọc). Vi chiếu nói khí mỏng là mỏng (bạc), Thiếu hư gọi là ăn - Thành Luận nói: Ví như mặt trời mặt trăng trên trời tánh nó sáng sạch, nhân mây bụi, mây, mù... năm thứ che tối

thì không hiện ra mà lấy tên Tu-la. Phật răn rằng: Tu-la Tu-la ông chớ nuốt trăng, vì trăng phá tối hay trừ các nóng.

- Ca-lầu-la (Garuda) Văn Cú nói: Dịch là Kim Sí (cánh vàng). Xí (Sí) dịch là kim sắc, hai cánh tay cách nhau ba trăm ba mươi sáu vạn dặm cổ có châu như ý bắt rồng mà ăn. Triệu nói: Thần Kim Sí Điểu.

- Khẩn-na-la (Kimnara) cũng gọi Chân-đà-la dịch là Nghi Thần. La-thập nói Tần gọi là Nhân phi nhân, giống người mà trên đầu có sừng, người thấy hỏi người hay không phải người do đó mà đặt tên. Cũng là Thiên kỹ thần, nhỏ không bằng Càn-thát-bà. Mới gọi là Ca-thần, là thần tơ trúc (khảy đờn thổi sáo) của trời.

- Ma-hầu-la-già (Mahoraga). Cũng gọi là Ma-hô-la-già dịch là Đại phúc lành (đi bằng bụng). La-thập nói: Địa long mà đi bằng bụng. Triệu nói Thần rắn lớn đi bằng bụng. Tịnh Danh Sớ nói: Tức thế gian miếu thần (miếu thần thế gian) nhận rượu thịt của người đều vào bụng rắn lớn, vì phá giới tà nịnh nhiều sân ít bố thí ham thích rượu thịt, giới hoãn nên đọa làm quỉ thần, nhiều sân trùng vào thân cắn mổ, cũng gọi là Mạc-hô-lạc. Các kinh gọi Nhân phi nhân. Thiên Thai nói: Đây kết vào số tám bộ.

15. BỐN MA.

Đại Luận nói: Ma có bốn thứ là: Phiền não ma, ngũ chúng ma, Tử ma, Thiên tử ma. Phiền não ma tức một trăm lẻ tám phiền não phân ra có tám vạn bốn ngàn phiền não. Ngũ chúng ma là nghiệp phiền não hòa hợp mà được thân bốn đại và bốn đại tạo sắc nhãn căn v.v... gọi là sắc chúng, một trăm lẻ tám phiền não v.v... các thọ hòa hợp gọi là Thọ chúng, Tiểu đại vô lượng vô sở hữu tưởng (không có tưởng phân biệt hòa hợp) phân biệt hòa hợp, gọi là Tưởng chúng, nhân tâm đẹp xấu phát ra mà hay khởi tham dục, sân giận các tâm tương ưng và bất tương ưng pháp gọi là Hành chúng. Vì sáu tình sáu trần hòa hợp mà sanh sáu thức là sáu thức phân biệt hòa hợp vô lượng vô biên tâm gọi là Thức chúng Tử ma vì nhân duyên vô thường phá thọ mạng năm chúng tiếp nối, lìa hết ba pháp, biết dứt mạng sống nên gọi là Tử ma. Thiên Tử ma là chủ Dục giới, đắm trước vui thế gian dụng có chỗ được nên sanh tà kiến, ganh ghét, Đạo pháp Niết-bàn của tất cả Hiền thánh nên gọi là Thiên Tử Ma. Luận Du Già nói: Do Uẩn Ma có nghĩa đeo đuổi khắp tất cả, Thiên Ma có nghĩa chướng ngại Tử ma và phiền não ma hay cho các khổ chúng sanh sanh tử. Nay bảo phiền não ma là nhân sanh tử Ngũ ấm

ma và Tử ma là quả sanh tử, Thiên ma là duyên sanh tử. Lại Mạ Ý kinh nói: Có năm ma: Một Thiên ma, hai Tội ma, ba Hành ma, bốn Não ma, năm Tử ma. Phụ Hành nói: Khổ, không, vô thường, vô ngã bốn thứ là ngoại giới ma, phiền não, năm ấm, tử, Thiên tử bốn thứ là nội giới ma. Tịnh Danh Sớ nói: Hàng ma tức là phá Ái luận, Tồi ngoại tức là Phá kiến luận. Nhưng Ái kiến có hai: Giới nội tức đám Ba-tuần bốn sư, giới ngoại tức Nhị thừa và Thông Bồ-tát. Đại phẩm nói: Tu-bồ-đề Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu hai pháp ma chẳng thể phá hoại. Những gì là hai: Một là quán tất cả pháp không, hai là chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát thành tựu hai pháp này ma chẳng thể phá hoại. - Đại kinh bốn y phẩm nói: Bốn y khu trục ma nói: Phàm Ma-ba-tuần nếu đến thì phải dùng năm Hệ buộc trói ông. Chương An Sớ nói: Hệ có hai thứ: Một là năm Thi hệ, hai là Hệ năm xứ - Năm Thi Hệ là như Bất tịnh quán thì trị Ái ma, năm xứ như lý thì trị Kiến ma. Năm Thị biểu thị cho năm thứ Bất tịnh quán, năm Hê biểu thị cho năm Quán môn.

- Ma-la (Mara). Đại Luận nói: Tần gọi là Năng Đoạt Mạng. Tử ma thật ra hay cướp mạng sống, các thứ khác thì hay cướp nhân duyên mạng, cũng có thể cướp Trí tuệ mạng, nên gọi là Sát, lại dịch là Chướng là hay làm chướng ngại các Tu đạo. Hoặc gọi là Ác vì có nhiều ái dục. Thùy dụ nói: Hay giết hại các thiện căn xuất thế. Trên cõi trời thứ sáu riêng có Ma-la ở đấy, thuộc Tha hóa thiên. Phụ hành nói: Xưa dịch kinh luận chữ ma từ chữ Thạch, từ Lương Võ đến nay nói Ma hay não hại người nên từ chữ quỉ.

- Ba-tuần là sai, gọi đúng là Ba-tỳ-dạ (Pàpìyas) dịch là Ác là tên Ma vương khi Thích-ca ra đời vậy. La-thập nói: Tần gọi là sát vì thường muốn đoạn dứt Huệ mạng người cũng gọi là Ác trong ác. Ác có ba thứ: Một là ác, là mình làm ác lại bị báo ác, gọi là ác. Hai là đại ác nếu người không xâm phạm mình mà mình vô cớ hại người thì gọi là đại ác. Ba là ác trong ác, như người đến cúng dường kính trọng mình, không nghĩ báo ân mà lại hại họ thì gọi là ác trong ác, Ma vương là loại rất ác trong ác. Chư Phật thường muốn khiến chúng sanh an ổn mà ma lại hoại loạn nên gọi là rất. Triệu nói: Tần gọi sát hoặc cực ác, vì đoạn mất thiện nhân của người nên gọi là sát. Trái Phật loạn Tăng tội không gì hơn nên gọi cực ác. Niết-bàn sớ nói: Nương Phật pháp mà được Thiện lợi chẳng nghĩ báo ân lại muốn phá hại nên gọi là cực ác, cũng gọi là ba-tuần-du, dịch là ác, tức luôn có ác ý tạo thành ác pháp.

- Ương-củ-lỵ-ma-la (Aưgulimàlya). Tây Vức Ký nói: Đường gọi Chỉ man. Xưa gọi là Ương-quật-ma-la là sai là giết người lấy ngón tay

đội trên đầu làm tràng hoa (tóc?). Ương-quật-ma-man Kinh nói: Thầy dạy giết đủ một trăm người lấy ngón tay xỏ xâu để làm tràng hoa (tóc?) trên đầu. Lại dịch là, Nhất Thiết Thế Gian Hiện.

- Ma-đằng-già (Màtaưgì) Trường Thủy nói dịch nghĩa là Bản Tánh. Lăng Nghiêm nói: Tánh Tỳ-kheo Ni là đó. Lại ở quá là con gái Bà-la-môn tên Bản Tánh, nay từ hiệu xưa nên gọi là Tánh Tỳ-kheo Ni. Cô Sơn nói: Vì trước thấy tánh tịnh minh thể bèn lập tên tốt ấy. Tịnh Giác nói: Tên là Bản Tánh trích tư kinh Ma-đằng-già, căn cứ vào Ma Đặng Nữ kinh, tên mẹ của cô gái là Ma-đăng-nhĩ. Lại gọi Ma-đăng đều là tiếng Phạm. Ứng Pháp sư gọi là Ma-đăng-già, gọi đủ là A-si (đồ)-đa Ma-đăng-kỳ Chiên-đà-la. Ma-đăng-kỳ là tên chung của cô gái. A-đồ-la là tên riêng của cô gái. Cô gái này hèn hạ làm nghề quét chợ để có ăn mặc.

- Đầu Sư, dịch là Ác Sân, là tên ma thời Phật Ca-diếp.

- Thất-lỵ-cúc-đa (Srigupta). Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Thắng Mật, uống độc hầm lửa thỉnh Phật muốn hại.

16. THÚ.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Lại có từ người chẳng nương Chánh giác tu Tam-ma-địa, riêng tu vọng niệm còn tưởng, giữ mình dạo chốn núi rừng người chẳng kịp. Có mười thứ Tiên tiếng Phạm gọi là Mâu-nê, dịch là Tiên Thích Danh nói: Già mà chẳng chết thì gọi là Tiên, Tiên là Thiên vậy. Thiên (dời) vào núi cho nên viết chữ nhân bên chữ sơn (?). Trang Tử nói: Ngàn năm chán đời bỏ mà lên tiên. Bảo Phác Tử nói: Người cầu tiên cần phải lấy trung hiếu hòa thuận nhân tín làm gốc. Nếu đức chẳng tu mà chỉ cốt dùng phương thuật, trọn chẳng được trường sanh. Cao Tăng Truyện nói: Thuần Đà người Tây Vức, sáu trăm tuổi chẳng suy yếu. Vua Đường Đại Tông theo cầu Đạo lưu niên. Đà nói tâm thần ưa tịnh nay bị trần cảnh làm chìm đâu thể ngầm tịch. Nếu lìa giản tịnh ngoài mong muốn lưu niên như leo lên cây mà hái phù dung được sao? Bệ hạ muốn sống lâu do giản khiến an thần, thần an thì sống mãi, ít dục thì thân an, thuật này đã qua bần đạo không biết gì nữa. Nói thú thì Bà-sa Tỳ-đàm đều nói: Thú là nghĩa đến, tức là chỗ đến của Tiên nhân.

- A-tư-đà (Asita) hoặc gọi A-di dịch là Vô Tỷ, lại dịch là đoan chánh. Đại Luận nói: Tiên A-tư-đà bảo vua Bạch Tịnh rằng: Ta dùng thiên nhãn nghe chư Thiên quỉ Thần nói Tịnh Phạm vương sanh con có thân tướng Phật cho nên đến xin xem. Vua rất vui mừng ra lệnh người

hầu bồng Thái tử ra. Người hầu tâu Thái tử còn ngủ. Lúc đó A-tư-đà nói Thánh vương thường khen tất cả thí ra cam lồ không nên ngủ. Liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Thái tử ẵm trên tay xem trên dưới. Bỗng khóc lớn vua sợ hãi hỏi thầy tướng có gì chẳng lành mà khóc lóc thế. Tiên nhân đáp: Nếu trời có mưa núi lớn Kim cang thì chẳng động một sợi lông há có điều chẳng lành. Thái tử ắt sẽ làm Phật, tôi nghe tuổi đã xế chiều sẽ sanh lên cõi Vô sắc mà chẳng được gặp Phật không được nghe pháp của Ngài nên rất buồn tủi mà khóc thôi.

- Sằng-đề (Kwàươti) dịch là Nhẫn nhục tiên. Tây Vức Ký nói: Phía Đông thành Tào-yết-ly có tháp lớn là Nhẫn nhục tiên, bị vua Ca-lợi cắt đứt chỗ ở, phát chẩn hỏi phụ hành dẫn Tam Tạng này tướng nhẫn độ đầy đủ. Kim Cang nói nghĩa thế nào? Đáp: Cắt đứt là đồng, chỉ tùy Tạng diễn nói Nhẫn là khác. Tạng gọi là phục hoặc, chính là tu sự nhẫn, diễn gọi là đoạn hoặc, đạt sự tức không, cũng như Nho Đồng thấy Phật Nhiên Đăng thông cả bốn giáo là tướng Hành nhân.

- A-la-la Ca-ma-la (Àràđa kàràma) cũng gọi là La-lặc-ca-lam.

- Uất-đà-la-la-ma tử (Rudraka Ramaptra) cũng gọi là Uất-đầu-lam-phất, dịch là Mãnh hỷ hoặc Cực hỷ. Trung A-hàm La-ma Kinh nói: Khi tôi là đồng tử (trẻ con) tuổi hai mươi chín đến chỗ A-la-la Ca-ma-la hỏi rằng nương pháp ông làm phạm hạnh được chăng? Đáp: không gì chẳng được. Thế nào là pháp tự biết chứng? Tiên nói ta vượt qua Thức xứ, được Vô sở hữu xứ, liền trụ Viễn ly xứ, tu chứng được rồi lại đến chỗ tiên mà thuật chỗ được của mình. Tiên hỏi ông đã chứng Vô sở hữu xứ chăng? Chỗ ta đã được ông cũng được chăng. Liền cùng lãnh chúng. Lại từ nghĩ pháp này chẳng đến trí tuệ chẳng đến Niết-bàn thì đâu thể tìm chỗ an ổn được ư? Thế nên lại đến chỗ Uất-đa-la-la-ma-tử hỏi rằng: Con muốn học pháp của Ngài. Đáp: Không thể được. Hỏi: Tự biết chứng chăng? Đáp: Ta vượt qua vô sở hữu xứ, được phi tưởng định, ta chứng đắc đã lâu do tu mà được, cho đến ãnh chúng v.v... Lại nghĩ rằng: Pháp này chẳng đến Niết-bàn, liền đến núi Tượng đầu (đầu voi) thôn Bi-la Phạm Chí bên sông Ni liên thiền thì ngồi chẳng đứng dậy, liền được Vô thượng an ổn Niết-bàn.

- Bà-tẩu (Vasu) Phương Đẳng Đà-la-ni Kinh nói: Khi ấy Bà-tẩu từ Địa ngục ra, đem chín mươi hai ức tội nhân đến Ta-bà thế giới, mười phương cũng thế. Lúc đó Văn Thù Sư Lợi bảo Xá-lợi-phất rằng: Các tội nhân này khi Phật chưa ra đời đã tạo nghiệp bất thiện mà ở trong thế nên, nhân Hoa Tụ phóng ánh sáng lớn, nương ánh sáng mà ra v.v... Bà là trời, Tẩu là huệ. Vì sao là người Thiên huệ ở địa ngục chịu khổ. Lại

bà là rộng, Tẩu là thông, lại Bà là cao, Tẩu là diệu, Bà là đoạn, Tẩu là trí, Bà là cương, Tẩu là nhu, Bà là từ, Tẩu là bi.

- Khư-lư-sắc-tra (Kharostha) Tùy gọi là Lưu Thần, chính là tên của Đại Tiên.

- Thù Chí A-la-bà (ta) (Sucirasa). Tùy gọi là quang vị. Bát-nhã Đăng Luận nói: Thinh văn Bồ-tát, cũng gọi là Tiên. Vì Phật là bậc tôn quí nhất đã có tất cả Ba-la-mật-đa công đức thiện căn đến bờ kia, nên gọi là Đại tiên.

17. NHÂN LUÂN (loài người)

Cõi trời mê vui, bốn thù trầm khổ cho nên năm đạo này không phải chỗ thành Phật. Do đó chư Phật chỉ xuất hiện chốn nhân gian. Như Trí Luận nói: Nếu Bồ-tát làm Bát-nhã từ mới phát tâm trọn chẳng đọa vào ba Ác đạo, thường làm Chuyển luân thánh vương nhiều đời (sanh nhiều) ở Dục giới. Vì sao thế? Vì số sắc giới vô sắc nên không thể giáo hóa. Còn ở sắc giới thì nhiều đắm mê vui thiền định, vì không chán ác tâm cũng chẳng sanh dục thiên diệu năm dục nhiều cho nên ở trong loài người đời đời dùng bốn sự mà nhiếp chúng sanh. Cho nên, Luận răn rằng: Ba chúng sanh ác đạo chẳng tu được đạo nghiệp, đã được thân người này, phải gắng tự lợi ích. Xem tập này phải rất cảnh giác.

- Ma-nâu-xá-nẩm (Manusya) Đại Luận nói dịch là người. Pháp Uyển nói: Người là nhẫn. Ở đời với tình trái thuận hay an nhẫn. Khổng Tử nói: Người là nhân. Lễ Ký nói: Người là tâm của trời đất, đầu mối của năm hành. Chu Thư nói: Chỉ có người linh hơn vạn vật. Khổng An Quốc nói: Sanh ra trong trời đất chỉ có người là quí. Nay bảo nếu không có thiện nhân sao cảm được báo tốt. Nói thiện nhân tức là năm giới: Một là không giết hại thường nghĩ loài hữu tình đều tiếc thân mạng, tha thứ mình thương xót kẻ khác, còn giận dữ lại hại mạng người. Hai là chẳng trộm cắp, chẳng cho là riêng lấy gọi là trộm cắp, nghĩa đã không phải (vật phi nghĩa) thì cầm lấy. Ba là không tà dâm, con gái có ba hộ pháp cũng cấm, phải giữ gìn lễ tự đề phòng nên cấm lưới dục. Bốn là chẳng vọng ngữ, che thật nói dối, dối mình gạt người, tâm phải ngay thẳng, lời nói thành thật. Năm là không uống rượu, vì rượu khiến tối thần loạn tánh, rượu là rất độc tăng trưởng (thêm lớn) ngu si nên không được cấm uống. Nguyên năm giới của Phật vốn dạy loài người, cùng nghĩa năm thường của Nho không khác. Chẳng giết là nhân, chẳng trộm là nghĩa, chẳng dâm là lễ, chẳng vọng ngữ là tín, chẳng uống rượu là

trí. Cho nên Phạm Ma Dụ Kinh nói: là Thanh Tín Sĩ phải giữ nhân mà chẳng giết hại, tri túc thì chẳng trộm cắp, trinh khiết thì chẳng dâm, giữ tín thì không dối, tận hiếu thì không say sưa, nên hiểu rõ ý chớ chấp tên có khác. Lại Tứ Phần Luật nói: Thọ năm giới có bốn thứ khác nhau. Chỉ thọ ba qui thì gọi là Vô phần Ưu-bà-tắc, nếu thọ một giới thì gọi làThiểu phần Ưu-bà-tắc, nếu thọ hai, ba, bốn giới thì gọi là Đa phần Ưu-bà-tắc, nếu thọ đủ năm giới thì gọi là Mãn phần Ưu-bà-tắc. Nếu năm giới đều không giữ thì không được sanh làm người. Năm giới này là Đại Tiểu thừa thi la căn bản (giới gốc của cả Đại Tiểu thừa). Kinh nói năm giới là cấm kỵ lớn trong thiên hạ, nếu phạm năm giới thì ở trời trái với năm tinh, ở đất trái với năm nhạc, ở phương trái với năm đế, ở thân trái với năm tạng. Cho nên khi Phật thành đạo chưa Chuyển pháp luân trước đã vì Đề vị mà truyền trao năm giới pháp gọi là Nhân thừa, đứng đầu năm thừa, do năm giới này mà vượt qua ba đường dữ. Do nghĩa vận tải (chở duyên) mà lập tên thừa. Thầy xưa thông mạn gọi là Nhân thiên giáo. Thiên thai nói không công nói lý phá hoặc chẳng được tên là giáo. Tung phụ giáo biên vãng cứu danh nghĩa, lập hai thứ giáo: Một là thế giáo, hai là xuất thế giáo. Chỉ thừa nhận Thiên gọi là Thế giáo, đây buông thả lòng dạ mà lệ Tổ giáo. Nay nói ba giáo lập tên nghĩa ý đều khác. Lại Nho Tông gọi Giáo Nguyên Mạng Bao nói: Giáo là bắt chước lời nói, trên làm dưới bắt chước theo, chỗ pháp bắt chước này gọi là giáo. Đạo gia nói giáo, thì Lão Tử nói: Ở sự vô vi, giáo làm chẳng nói, đây gọi là nhờ giáo mà hiển bày vô vi. Họ Thích nói giáo, nghĩa của bốn giáo là nói lý năng thuyên, hóa chuyển tâm của vật nên gọi là giáo. Hóa chuyển có ba nghĩa: Một là chuyển ác thành thiện, hai là chuyển mê thành giải (hiểu), ba là chuyển phàm thành Thánh. Chỗ nói Thuyên lý, Tạng thông hai giáo là, nói lý chân đế, Biệt Viên hai giáo là nói lý trung đạo. Bởi vì Như Lai y lý mà lập lời bèn khiến quần sanh tu hành mà chứng lý. Cho nên Phật Thánh giáo là pháp xuất thế, chẳng thể dối lập tên Thế giáo. Hỏi: Đạo trong sở thuyên là chỉ pháp nào? Đáp như Phụ giáo nói: Phàm đạo lý là đến Đạo Thường nghĩa là Đại lý này là Bản Thủy hai giác. Nay bình về Bản Thủy hai giác tuy lý trí viên dung, đã gọi là giác thì chính từ trí mà lập. Do đó kinh nói: Bản giác minh diệu. Lại Bản Thủy hai giác phân biệt mà nói thì thuộc sanh diệt môn. Cho nên: Khởi Tín nói tâm ấy sanh diệt là tướng nhân duyên, hay bày ra tự thể tướng dụng Ma-ha-diễn Lý sở thuyên (nói ra) là thuộc chân như môn. Cho nên Khởi Tín Luận nói: là tướng tâm chân như (tâm ấy là tướng chân như?) tức bày thể Ma-ha-diễn. Cho nên đây đối sự mà

chọn lý, nếu ước Tức sự mà nói lý, thì lý tánh không có thể, toàn y vào vô minh vô minh không có thể là toàn y vào pháp tánh, ở nghĩa của tướng này thì chỉ vô minh là lý sở duyên. Do giáo lý này là giềng mối của tông ta, cho nên nhờ Nhân thừa mà luận ngang khái (tóm tắt).

- Ma-nâu-dư (Manusya) Văn Cú gọi là Ý, xưa Đảnh Sanh vương mới hóa các việc ra làm đều khéo suy tư khéo nhớ nghĩ tức Vương giáo, các việc ra làm trước phải khéo suy tư nhớ nghĩ, nên gọi là Ý. Lại người gọi mạn, trong năm đạo có nhiều mạn. Tỳ-đàm Luận nói; vì sao nhân đạo gọi là Ma-nâu-sa. Đây có tám nghĩa: Một là thông minh, hai là thắng, ba là ý vi tế, bốn là Chánh giác, năm là trí tuệ tăng thượng, sáu là hay phân biệt hư thực, bảy là Thánh đạo chính khí, tám là nghiệp thông minh sanh ra.

- Bổ-đặc-già-la (Pudgala) hoặc Phước-già-la hoặc Phụ-đặc-già-la, dịch là Số tủ thú, nghĩa là các hữu tình khởi hoặc tạo nghiệp, tức là hay lấy năm thú ở tương lai, gọi là thú. Xưa dịch là thú hướng, trung ấm hữu tình tiến đến đời trước. Cu-xá nói: Chưa đến chỗ phải đến, chỗ phải đến tức là sáu thú vậy. Lại luận rằng: Tử sanh hai Hữu trong năm uẩn gọi là Trung hữu, cho nên gọi là Thú. Niết-bàn nói Trung hữu năm ấm không phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới thấy. Luận Du Già nói: Có tám thứ nhân chấp, cái thứ sáu gọi là Bổ-đặc-già-la, tức là thường lấy các thú, hoặc chết đây sanh kia chính hay sanh tức là nhân chấp (làm người?). Lại dịch là hữu tình hay người. Đại Tỳ-bà-sa luận bảo Phật nói có hai thứ Bổ-đặc-già-la. Hay giữ gìn Chánh pháp tức là người nói người làm, như người giữ giáo khiến tiếp nối không dứt, hay khiến Chánh pháp thế tục ở lâu trên đời, như trì chứng khiến tiếp nối không dứt thì hay khiến Thắng nghĩa Chánh pháp ở lâu. Người trì Chánh pháp có hai: Một là Trì giáo pháp tức là đọc tụng giải nói kinh luật luận. Hai là Trì chánh pháp tức là hay tu chứng Thánh đạo vô lậu.

- Phác-hộ-thiện-na (Bahujana) hoặc Tát-đa-bà, hoặc Thiền đậu, Thiền đậu, dịch là chúng sanh. Ma-ha-diễn nói: Tức là ý và ý thức tất cả các nhiễm tập hội mà sanh nên gọi là chúng sanh mà riêng tự thể chỉ y tâm làm thể. Kinh Đồng Tánh, Phật nói: Chúng sanh là các duyên hòa hợp nên gọi là chúng sanh. Đó là đất nước lửa gió, không thức, danh sắc, sáu nhập, nhân duyên sanh. Vua Lăng Già nói: Thưa Thế Tôn chúng sanh ấy lấy gì làm gốc, nương đâu mà ở, lấy gì làm nhân. Phật bảo: Chúng sanh ấy lấy vô minh làm gốc, y ái mà ở (trụ), lấy nghiệp làm nhân. Vua Lăng Già thưa Thế Tôn nghiệp có mấy thứ? Phật nói: Nghiệp có ba thứ là thân khẩu ý - Lại Thích luận nói: Chúng sanh có ba

nhóm: Một là Chánh định ắt vào Niết-bàn, hai là Tà định ắt vào ác đạo, ba là Bất định. Hay phá điên đảo gọi là Chánh định, chẳng thể phá điên đảo thì gọi là Tà định, được nhân duyên thì phá được, không có nhân duyên thì không phá được gọi là Bất định.

- Bộ-sa (Purusa) hoặc Phú-lâu-sa, gọi đúng là Phú-lô-sa dịch là truyền pháp. Đại Tải Lễ nói: Trượng là lớn dài, phu là nâng là nói lớn chế vạn vật, lấy đạo nâng đỡ tiếp (giúp). Mạnh Tử nói: Phú quí chẳng nên dâm, bần tiện chẳng nên lo, oai vũ nên khuất, đấy gọi là Đại Trượng phu. Lại dịch là Sĩ phu. Truyện nói: Thông cổ kim biện được chăng, đó là sĩ. Số đầu là một, ở cuối là mười. Khổng Tử nói: Suy một họp mười là sĩ. Thi Truyện nói: Sĩ là Sự. Bạch Hổ Thông nói: Sĩ là gọi người nhận sự (lãnh việc) Chu Lễ nói: Thiên tử có Nguyên sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ. Niết-bàn nói là Đại thừa điển có tướng Trượng Phu gọi đó là Phật tánh nếu người chẳng biết thì Phật tánh ấy không có tướng nam đều gọi người.

- Ca-la-việt (Grhapati) Đại Phẩm Kinh gọi cư sĩ là đó. Lăng Nghiêm nói: Thích nói danh ngôn, thanh tịnh tự ở Phổ Môn Sớ nói: Chứ nhóm nhiều tiền của, làm nghề giàu sang gọi là cư sĩ.

- Bà-la (Bàla) Tùy gọi là mao đạo nghĩa là làm tâm bất định cũng như sợi lông nhỏ theo gió bay vô định. Ngụy Kim Cương gọi là Mao đạo phàm phu. Ứng Pháp sư nói: Tiếng Phạm là Phược-la, dịch là mao, Ba-la dịch là ngu. Tiếng Phạm giống nhau nên người dịch lầm lẫn. Gọi đúng là Bà-la-tất lật khác ngật na dịch là ngu dị sanh, là ngu si tối mù không trí tuệ, chỉ khởi ngã kiến chẳng sanh vô lậu. Cũng gọi là Anh ngu phàm phu. Phàm phu là dịch nghĩa, tiếng Phạm là Bà-la-tất-lợi-tha-già-xà-na, dịch là tiểu nhị biệt sanh, vì ngu si như trẻ con chẳng đồng thánh sanh.

- Ổ-ba-đề-thước (?). Dịch là phụ mẫu. Dương Tử nói: Cha mẹ con (con của cha mẹ là) là trời đất cho, không có trời làm sao sanh (sống?) không có đất lấy gì có hình. Chích hoa nói trời treo tượng, đất chứa hình, cha thọ khí mẹ hóa thành. Thi nói thương thay cha mẹ sanh ta khổ nhọc, không cha thì nương đâu, không mẹ cậy ai, ra thì hàm tuất vào thì mị chí. Cha hề sanh ta, mẹ hề nuôi ta, vỗ về ta nuôi lớn ta, đoái hoài chăm sóc ta, ra vào vì ta muốn báo đáp ân sâu thì kêu trời sao thấu. Kinh Phạm Võng nói: Hiếu thuận với cha mẹ và Sư tăng Tam bảo.

A-ma (Ambà) dịch là nữ mẫu.

Tô-phất-trất-lị (Sustrì) dịch là Thiện nữ.

Ba-đế (Pati) dịch là phu chủ (chồng) Đại luận nói tất cả người nữ

không chỗ trình bày thì bị tên ác (xấu) thể của người nữ nhỏ thì theo cha mẹ, lớn thì theo chồng, già thì theo con.

Bà-lê-da (Bhàryà) dịch là phụ (đàn bà) Thuyết Văn nói: Phụ (vợ) cùng mình ngang nhau. Phụ là phục, do người nữ cầm chổi quét tước. Hoặc gọi là mệnh phụ là chồng tôn quí vợ để trong nhà sang trọng (tôn vinh là vợ chánh).

A-na-tha (Anartha) dịch là phi chánh kỵ nhân (không phải là người hầu?). Đế Vương Lược Luận nói quen ở với người chánh chẳng thể không chánh. Cũng như sanh trưởng ở đất Tề chẳng thể chẳng nói tiếng nước Tề. Quen ở cùng người bất chánh chẳng thể không bất chánh, cũng như sanh trưởng ở đất Sở chẳng thể chẳng nói tiếng Sở. Dịch nói quân tử do luôn Đức Hạnh quen với giáo sự (việc dạy dỗ) - Tiều Tử nói: Phàm đạo giao nhân cũng như lụa trắng, nhuộm son thì đỏ, nhuộm chàm thì xanh. Đại Đái Lễ nói: Cùng quân tử dạo chơi như vào vườn lan, lâu mà chẳng nghe thơm thì cũng hóa, cùng người bất thiện ở chung thì như vào chợ cá, ở lâu không biết hôi thúi cũng là biến (lạ?) vậy.

Cưu-na-la (Kunara), dịch là ác nhân, cũng gọi là bất hảo nhân. Chúa Thục khi lâm chung gọi Thái tử bảo rằng: Chớ thấy ác nhỏ mà làm, chớ thấy thiện nhỏ mà không làm. Khổng Tử nói: Thấy thiện như chẳng bằng, thấy ác như rờ nước sôi. Thượng Thư nói: Bày thiện dấu ác là tiếng gió thổi qua cây (gió có tiếng do có cây?) Tăng tử nói: Người ưa làm thiện, phước dẫu chưa đến thì họa đã đi xa. Người làm ác, hung chưa đến mà phước đã đi xa. Biện Ma Thư nói: Thấy thiện mà nuôi lớn thì như mưa sương thấm cỏ cây, gặp ác mà dứt bỏ thì như điều hâu rượt đuổi chim sẻ. Mạ Ý Kinh nói: Người làm thiện ác có bốn Thần biết rõ: Một là Thần đất, hai là Thiên thần, ba là người bên cạnh (bàng nhân?), bốn là ý mình. Kinh Niết-bàn nói: Có mười sáu thứ ác: Một là vì lợi mình thăn nuôi ăn uống dê nai để mập mình và buôn bán. Hai là vì lợi mua vật về rồi giết mổ. Ba là vì lợi nuôi heo chó cho mập mà đem bán. Bốn là vì lợi mua vật đã bị (về) giết mổ. Năm là vì lợi nuôi lớn trâu bò cho mập rồi đem bán. Sáu là vì lợi mua vật về giết mổ. Bảy là vì lợi nuôi gà vịt khiến mập rồi đem bán. Tám là vì lợi mua về rồi giết mổ. Chín là câu cá. Mười là săn bắn. Mười một là cướp giựt. Mười hai là nem chả. Mười ba là giăng lưới bắt chim bay. Mười bốn là hai lưỡi. Mười lăm là làm ngục tốt. Mười sáu là búa chú.

Cứu-ma-la-phù-đa (Kumàrabhùta), Ứng Pháp sư nói là gọi chung người từ tám tuổi trở lên đến chưa cưới gả.

Câu-ma-la (kumàra) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Đồng tử. Thích

Danh nói: Mười lăm tuổi gọi là Đồng. Cho nên lễ có Dương Đồng. Trâu dê không sừng gọi là đồng, núi không cỏ cây gọi là đồng là nói người chưa độ mũ (chưa trưởng thành).

Bát-tra (Paindaka), nên gọi là Bát-trà-ca dịch là Huỳnh Môn

Phiến-đê (Samtha - Samda) hoặc Phiến-trà, dịch là Sanh thiên nhiên. Sanh là nam căn chẳng đủ.

Lưu-noa. Dịch là kiện hoặc kịch, dùng dao bỏ thế lực.

Y-lê-sa-chưởng-noa (Trsya), dịch là đố (ganh ghét) nhân thấy người khác dâm mới có tâm ganh dâm khởi lên.

Bán-trạch-ca (Pamdanaksa) dịch là biến, đời này sanh biến

Bát-xoa, dịch là nửa tháng nam nửa tháng chẳng nam, đây là trích từ Tứ Phần Luật.

Phiến-đề-la (Saưdàli) dịch là Thạch nữ. Không có căn nam nữ.

Bàn Đại Từ (Paưđakaputra) đây là trích từ Lăng Già, như Đại Thừa Nhập Lăng Già thì gọi là Thạch Nữ Nhi.

Đà-tố-ca (Dàsaka) dịch là nô. Thuyết Văn nói: Nam bị tội gọi là nô, nữ bị tội gọi là tỳ. Phong Tục Thống nói: Luật xưa không có nô tỳ, tức phạm sự tang, thì bị tội tang một nhập quan là nô tỳ. Bất thì trốn mất, bắt được là nô tỳ.

Chiên-đà-la (Camđàla) dịch là Đồ, gọi đúng là Chiên-trà-la dịch là nghiêm xí, nghĩa là nghiệp ác tự nghiêm, khi đi thì phải lắc chuông, cầm gậy trúc có cấm cờ, nếu không thế thì vua bắt tội. Pháp Hiển Truyện nói: gọi là người ác, cùng người ở riêng, vào thành thị thỉ gõ gậy trúc để báo hiệu đề người tránh đi, nếu đụng chạm thì người đều sợ sệt.

Lâu-do - dịch là ái, là tên của lực sĩ.

Bàm-bà - dịch là người ăn thịt chó.

Yết-sĩ-na - dịch là người nấu thịt chó.

Tát-câu-lô-đề - dịch là bán họ.

Kiên-đê - dịch là Tục (nối)

Na-la (Nara) dịch là Thượng kỵ hý.

18. TRƯỞNG GIẢ.

Ở Tây Vức kẻ hào tộc buôn bán lớn nhiều tiền của đều gọi là Trưởng giả. Cõi này không thế bởi để gọi người có đức. Phong Tục Thông nói: Cuối xuân thu có Trịnh Hiền Nhân làm một thiên hiệu là Trưởng giả, bảo tuổi già thích đức việc lớn gọi đó là Trưởng giả. Hàn Tử nói: Ở trong hậu gọi là Trưởng giả. Thiên Thai Văn Cú nói: Trưởng

giả có mười đức: Một là dòng họ sang quí, họ là hậu duệ của Tam Hoàng Ngũ Đế là nha Tả Điêu hữu sáp. Hai là vị cao vị thì phụ bậc, thừa tướng Diêm Mai A Hành. Ba là giàu có lớn, giàu thì lăng đồng hang vàng, phong nhiêu xỉ mị. Bốn là oai mãnh, oai thì nghiêm sương long trọng bất túc mà thành. Năm là Trí Nhiễm Trí thì lòng như võ khố, quyền ký siêu bạt. Sáu là tuổi già, tuổi già thì thương thương lăng lăng vật nghi sở phục. Bảy là hạnh tịnh, hạnh thì ngọc khuê không dấu vết, việc làm đúng như lời nói. Tám là Lễ Dị, lễ thì tiết độ tường tự, đời thử thách trông vào. Chín là Thượng thán trên thì một người được kính. Mười là Hạ qui, dưới thì bốn biển đều về. Tịnh Danh Sớ nói: Người cao quí trong nước gọi là Trưởng giả, ắt là hàng quí tộc, tuy là quí tộc nhưng tước vị hèn kém chẳng xứng là tánh vọng tuy là vị cao, nghèo mà không tài đức, đời chẳng trọng, tuy tiến của chứa đầy mà vô sủng bất oai vật không kính sợ. Tuy có thế lực lớn mà thần dụng án đoản người trí khinh khi. Tuy có thần giải minh giám mà tuổi còn trẻ vật tình chẳng vái chào tuy tuổi già dáng sáng nhưng hạnh trong chứa ác bị người chê khinh. Tuy hạnh không tỳ vết mà ngoài thiếu lễ nghi không thể kính trọng. Tuy tới lui làm nghỉ, nếu người trên chẳng tin thì danh không đồn ca. Tuy hào quí ca vịnh mà vô ân với người dưới thì vật không sùng kính. Cho nên đủ mười đức mới gọi là Trưởng giả.

Tu-đạt-đa (Sudatta) cũng gọi là Tu-đạt-đa, Bà Tu-đạt-đa. Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Thiện Thí hay Lạc Thí. Xưa gọi là Tu-đạt là sai, gọi đúng là Tô-đạt-đa, tức hơn quân vương đại thần, nhân mà thông mẫn, chứa mà bay tan vì cứu giúp kẻ nghèo đói mồ côi cô độc. Lúc đó khen đức ông gọi là Cấp Cô Độc. Mạnh Tử nói: già mà không vợ gọi là quan, già mà không chồng gọi là quả, già mà không con gọi là độc, nhỏ mà không cha gọi là cô, bốn thứ này là cùng dân trong thiên hạ. Nay Trưởng giả này cấp thí cho người cô độc nên gọi là Cấp Cô Độc.

Bân Hằng Trực Ni, gọi đúng là A-na-tha Tân-trà-đa Yết-lị-ha-bạt-để - A-na-tha gọi là vô y (không nơi nương tựa) cũng gọi là cô độc. Tân-trà-đa dịch là Đoàn thí, ưa thích cho kẻ cô độc nên lấy làm tên (Anathapimdada-grapati)

Kỳ-bà (Jìvàka)h gọi Kỳ Vực, hoặc Phược-ca dịch là năng hoạt, cố hoạt là con của vua Ảnh Kiên Thiên Kiên các anh do Nại nữ sanh ra, ra thai thì kim ống đồng túi thuốc bị mẹ ghét liền dùng áo trắng mà gói lại bỏ trong ngõ hẻm. Lúc đó Úy vương ngồi xe ở xa trông thấy bèn hỏi. Có người đáp rằng: Đấy là em bé, hỏi chết hay sống. Đáp: Còn sống (cố hoạt). Vua bèn sai người đem sữa nuôi, sau trở lại cho bà mẹ. Tứ

Phần Luật nói: Kỳ-bà trước đến nước Bắc-xoa-thi-la họ A-đề-lê tên là Tân-ca-la mà học nghề thuốc trải bảy năm, ông thấy đã dùng lồng và đào hang chứa cỏ thuốc, khiến ở nước Đắc-xoa-thi-la trên khắp một do tuần mà tìm kiếm thảo dược, có thứ không phải là thuốc đem đến Kỳ-bà theo lời dạy khắp một do tuần mà tìm kiếm, thấy cây cỏ đều phân biệt không có cơ nào chẳng phải là thuốc. Thầy bảo ông nay có thể ra đi, nghề thuốc đã thành, ta nếu chết rồi ắt có ông nối nghiệp - Kỳ-bà Kinh nói: Kỳ-bà đồng tử ở đống củi, thì thấy trong bó củi lớn có một cây phát ra ánh sáng rực rỡ gọi là Dược vương nếu người bịnh dựa vào thì chiếu thấy tất cả bịnh trong thân.

Cù-ương-la dịch là Thủ hộ tâm, xưa dịch là Cù-sư-la dịch là Mỹ âm.

Đô-già (Ygra), dịch là oai đức.

Sách-đàn-na, dịch là Hộ Di.

19. NGOẠI ĐẠO.

Câu-xá Huyền Nghĩa nói: Học trái đế lý, theo vọng tình kình mà không tự nội giác, gọi là ngoại đạo. Quân Thánh Luận nói: Đám người che lý mê đắm ngoại giáo. Biện Chánh Luận nói: Có chín mươi lăm thứ nổi tiếng ở Tây Vức, ba mươi sáu bộ làm loạn ở Đông quốc (Trung Quốc) Thùy Dụ nói theo kinh chín mươi sáu ngoại đạo thì một đạo giữa là chánh tức là Phật, chín mươi lăm thứ kia đều tà. Hoa Nghiêm Đại Luận nói: Chín mươi sáu thứ đều tà, lấy đại mà bỏ tiểu. Bách Luận nói: Thuận đạo Thinh văn đều tà.

Bà-la-môn (Bràhmana) Phổ Môn Sớ nói: Dịch là Tịnh Hạnh là dòng họ từ kiếp sơ ẩn nhàn trong sơn dã, nên người gọi là Tịnh Hạnh. Triệu nói: Tần gọi là ngoại ý, thứ này có kinh thư riêng dời nối nhau học đạo làm nghiệp, hoặc tại gia hoặc xuất gia, cậy nhờ đạo thuật ấy là người ngã mạn. Ứng Pháp sư nói đây là lầm gọi tắc, gọi đủ là Ba-la-hạ-ma-noa, nghĩa là học nối pháp Phạm Thiên, dòng giống ấy tự bảo là sanh ra từ miệng Phạm Thiên, cao quí nhất trong bốn dòng họ (giai cấp) riêng lấy tên Phạm. Chỉ có ở năm Thiên Trúc các nước khác thì không. Phạm Chí trong các kinh tức đồng tên này, dịch đúng là Tịnh Duệ gọi là dòng giống của Phạm Thiên.

Nhất-xiển-đề (Icchauti) Đại Chúng Sớ Vấn phẩm nói: Thuần Đà hỏi Phật: Nhất Xiển Đề là nghĩa gì? Phật bảo Thuần Đà rằng: Nếu có Tỳ-kheo Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phát ra lời nói thô ác chê bai chánh pháp, tạo các nghiệp nặng trọn không hối cãi, tâm không hổ

thẹn, như những người này là thuộc (đến với) Nhất Xiển Đề. Nếu phạm bốn trọng tội, làm tội ngũ nghịch, mà tự biết phạm như thế là tội nặng mà tâm đầu tiên không sợ sệt xấu hổ chẳng chịu phát lồ. Đối với chánh pháp của Phật không có tâm giữ gìn tạo dựng. Mà khinh khi chê bái nói ra nhiều lỗi lầm. Những người như thế cũng thuộc (đến với) Nhất Xiển Đề. Nếu lại nói năng không có chúng Phật pháp, những người như thế cũng thuộc (đến với) Nhất Xiển Đề - Phạm Hạnh phẩm nói Nhất Xiển Đề là không tin nhân quả, không có xấu hổ, không tin nghiệp báo, không thấy đời hiện tại và vị lai không gần gũi bạn lành, chẳng theo lời răn dạy của chư Phật, những người như thế gọi là Nhất Xiển Đề. Đức Vương phẩm nói: Nhất Xiển là tin, Đề là chẳng đủ. Tin chẳng đủ gọi là Nhất Xiển Đề. Nhập Lăng Già kinh nói: Nhất Xiển Đề có hai thứ: Một là đốt cháy, làm hết tất cả chúng sanh giới nguyên. Đại Huệ hỏi vì sao thiêu đốt tất cả thiện căn, nghĩa là chê bai Tạng Bồ-tát, nói rằng: Không phải là tùy thuận Tu-đa-la Tỳ-ni giải thoát, bỏ các thiện căn nên không được Niết-bàn. Đại Huệ thương xót chúng sanh, làm hết giới nguyện chúng sanh ấy là Bồ-tát. Bồ-tát mới phương tiện làm nguyện. Nếu các chúng sanh chẳng nhập Niết-bàn thì ta cũng chẳng vào Niết-bàn. Lại tiếng Phạm gọi là Xiển-để-ca dịch là Đa-tham - A-xiển-để-ca dịch là vô dục, A-điên-để-ca dịch là Cực ác - Duy thức khu yếu nói: Một gọi là Nhất Xiển Đề Ca là nghĩa lạc dục, ưa thích sanh tử. Hai gọi là A-xiển-để-ca là nghĩa chẳng lạc dục, là không ưa Niết-bàn. Ba gọi là A-điên-để ca, gọi là tất cánh (rốt ráo) vì rốt ráo không có tánh (vô tánh) Niết-bàn, cái khác gọi Nhất-xiển-đề-ca tức là thiêu đốt tất cả thiện căn. Hai là A-xiển-để-ca tức là Bồ-tát Đại Bi. Ba là A-điên-để-ca tức là vô tánh xiển đề - Nên khu yếu nói: Du già Duy thức nói ở vô tánh một thứ xiển đề (nói là vô tánh xiển đề?) Lại nói: Không có chủng tánh hiện phải rốt ráo cả hai đều chẳng thành.

Ta-tỳ-ca-la - Cũng gọi là Kiếp Tỳ-la (Kapila) dịch là Kim Đầu hoặc Huỳnh Phát, ăn gạo tề ngoại đạo (rún). Ứng Pháp sư nói: Xưa nói là ăn gạo vụn, là ngoại đạo tu khổ hạnh, chấp tay ngón cái và ngón thư ba để cột, vật đến nhà người mà xin gạo giả sàng (xin lấy cám (tấm)) lấy ngón tay nhúm lấy gạo nát (tấm) để trong bàn tay tùy nhiều ít mà làm thức ăn. Nếu nguyên hạt thì không lấy. Cũng gọi là hạnh Phù lưu. Ngoại đạo nhặt gạo như phù cưu đi.

Cù-gia-li (kukàlin) cũng gọi Cù-ba-li hoặc Cu-ca-lị, dịch là Ác thời già, là đệ tử của Điều Đạt, nhân chê Thân Tử Mục-liên, vua Phạm cùng Phật quở trách, chẳng chịu thân ghẻ lở mà chết đọa vào địa địa

ngục. Duyên rút từ Đại Luận mười ba.

Tô-khí-đát-la, dịch là Thiện Tinh, là anh của (thứ huynh) La-vân em họ của Phật. Thứ nhi nên gọi là con. Phật và Ca-diếp đến chỗ Thiện Tinh, Thiện Tinh xa thấy liền sanh tâm tà ác, nên đang sống mà đọa vào ngục A-tỳ.

Ly-xa (mleccha) dịch là Bì Bạc, lại gọi Đồng Bi, hiện tại gọi Di-lệ-xa, dịch là Tiên Tộc Vương hoặc Biên Địa Chủ, hoặc gọi Truyền Tập Quốc Chánh nước ấy nghĩa là nhượng. Năm trăm trượng già kịp làm quốc chủ nên gọi là Truyền Lập Quốc Chính, ra ngoài làm Biên Địa Chủ (chúa vùng Biên Địa) lại gọi là Biên Di, không ai biết - Tây Vức Ký nói tên là Lặc Chiêm Bà Tử, xưa lầm gọi là Ly-xa.

Di-lệ-xa (Mleccha) - Hưng Phước gọi là Ác Kiến. Tư Trung nói phải là Biên Tà Bất Chánh Kiến, chết rồi đọa vào biên địa hạ tiện. Trường Thủy nói: Người này ưa cấu uế, cũng gọi là Miệt-lệ-xa, Di-ly-xa.

Diền-nhã-đạt-đa (Yajĩadatta) Từ Thọ. Chứng Chơn nói: Người này từ miếu thần xin ăn được, nên gọi Từ Thọ.

Ca-tỳ-la (Kapila). Lương gọi là sắc xanh, cũng gọi là Kiếp-tất-la, dịch là sắc vàng. Phụ Hành nói: Dịch là Huỳnh đầu, đầu như sắc vàng ròng. Lại nói đầu mặt đều như sắc vàng ròng. Tạo Tăng Khu Luận đủ như dưới nói.

Bạt-xà dịch là tránh. Thiện Kiến Luật nói: Vua Tỳ-xá-ly và phu nhân khi chưa lên ngôi thì cùng trẻ chăn trâu ra thành dạo chơi, bèn lấy chân đạp cậu bé chăn trâu, cậu bé khóc nói với cha mẹ rằng: Đây không cha mẹ con mà chân đạp con. Cha mẹ bảo thì con tự tránh đi. Nhân trò chơi này gọi là Bạt-xà, nên dịch là tránh. Sau khi Phật mất một trăm năm Bạt-xà Tỳ-kheo bố thí mười việc. Xá-na-ca-na Bạch ở bảy trăm đến Tỳ-xá-ly, kết lại Tỳ-ni nêu lỗi Bạt-xà.

Tát-giá-ni-càn (Satyanirgraintha). Dịch là Hy Hệ là ngoại đạo tự chịu đói. Ni-càn cũng dịch là Bất Hệ, nhổ tóc ở truồng không chứa nhóm gì.

Tiên ni (Senika), cũng gọi Tây Nhĩ Ca, dịch là ngoại đạo có lính.

20. LỤC SƯ.

Ngài La-thập nói: có ba thứ Lục Sư họp làm mười tám bộ:

- Một là tự xưng Nhất thiết trí. Tứ Giáo Nghĩa nói: Tà tâm thấy lý phát rà tà trí, biện tài vô ngại.

- Hai là được thần thông. Tứ Giáo Nghĩa nói: Được thiền thế gian

phát ra năm thần thông, cũng gọi là Tự Bi Nhẫn Lực, dao cắt hương thoa tâm không ưa ghét.

- Ba là tụng bốn kinh Vi Đà. Tứ Giáo Nghĩa nói: Bác học đa văn, thông suốt bốn Vi Đà mười tám đại kinh, kiết hung thế gian thiên văn địa lý thuốc men bói toán không gì chẳng biết. Tịnh Danh Sớ nói: Đem ba thứ này mà ước với sáu sư, một sư có ba, 3 x 6 = 18 thứ ngoại đạo Sư. Phụ Hành nói: Nguyên tổ của Sư là Ca-tỳ-la, phân nhánh khác nhau bèn thành sáu tông, nên nay tập họp lại nêu có sáu Sư.

Phú-lan-na Ca-diếp (Pùrama Kàóyapa). Ngài La-thập nói: Ca-diếp là họ mẹ, Phú-lan-na là tên. Người này khởi tà kiến bảo tất cả pháp không có, như hư không, chẳng sanh diệt. Triệu nói người này khởi tà kiến bảo tất cả pháp là đoạn diệt, tánh không chẳng đạo vua tôi cha con trung hiếu. Sự Sao nói là sắc không ngoại đạo, vì ngoại đạo dùng sắc phá dục hữu, dùng không phá sắc hữu, gọi là không chí cực (không rốt ráo).

Mạt-ca-lê Câu-dư-lê (Makkari-Gosàlìputra) Mạt-già-lê dịch là không thấy Đạo. La-thập nói: Mạt-già-lê là tên Câu-dư-lê là mẹ. Triệu nói: Người này khởi kiến bảo chúng sanh khổ vui không nhân làm mà được, đều do tự nhiên. Tịnh Giác bảo: Cho là tự nhiên thì cũng là đoạn diệt tự nhiên, là đó, tự như thế. Bà-sa nói: Pháp phải như thế không thể sửa đổi, chẳng thể trưng cật, là nghĩa pháp nhĩ, tự nhiên cùng pháp nhĩ đồng nhau.

Sa-xà-dạ Tỳ-la-chi (Saưjayin-Vairadìputra) Sa-xà-dạ dịch là Chánh Thắng. Tỳ-la-chi dịch là chẳng làm La-thập nói: Sa-xà-dạ là tên, Tỳ-la-chi là tên mẹ người này khởi kiến bảo phải trải lâu sanh tử qua nhiều kiếp số sau mới tự hết các khổ. Triệu nói: Người này bảo Đạo không cần cầu phải trải qua kiếp số sanh tử, tự được khổ hết như quang ổng chỉ tròn từ núi cao hết chỉ thì tự ngừng đâu cần cầu. Sớ lại nói đủ tám vạn kiếp thì tự nhiên được đạo.

A-kỳ-đa-xí-xa Khâm-ba-la (Ajita-kézakaưbala). Ngài La-thập nói: A-kỳ-đa-xi-xá là tên, Khâm-bà-la là thô ý (áo xấu), người nay khởi tính không phải nhân mà kể nhân mặc áo da khô, và nhổ tóc đốt hưởi, cùng các khổ hạnh làm đạo. Triệu nói: Xí-xá Khâm-bà-la là áo thô xấu, người này mặc áo xấu, tự nhổ tóc năm nóng đốt thân lấy khổ hạnh làm đạo, bảo thân này chịu khổ sau thân này mới luôn vui.

Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên (Krakuda-kàtyàyana). Ca-la-cưu-đa dịch là ngưu lãnh. Ca-chiên-diên dịch là tiển phát (cắt tóc). Triệu nói: Họ là Ca-chiên-diên tên là Ca-la-cưu-đà. Người này bảo các pháp có

tướng cũng không tướng.

Ni-kiện-đà-nhã-đề-tử v.v... (Nirgramtha-Jïàtiputa). Ni-kiện dịch là ly hệ. Triệu nói: Ni-kiện-đà là rút từ tên chung xuất gia như Phật pháp xuất gia gọi là Sa-môn. Nhã-đề là tên mẹ. Người này bảo tội phước khổ vui vốn có nhân nhất định, cần phải nhận chịu, không phải làm Đạo mà dứt được. Phụ hành dẫn Triệu và Thập Chú, cùng kinh Niết-bàn để luận đồng khác. Người học sau nên xem kỹ. Thiên Thai Tứ Niệm Xứ nói: Trong A-hàm nói ba thứ niệm xứ gọi là Tánh cộng duyên, để đối phá ba ngoại đạo này. Có người dịch là Tánh niệm xứ nghĩa là quán không sanh diệt gọi là tướng, thâm tế quán vô sanh thấy tế pháp đều là khổ đế sanh tử nên gọi là tánh niệm xứ. Có người chuyên dùng huệ số duyên với vô sanh không lý mà phát chân đoạn kiết, được Huệ giải thoát La-hán, đối phá tà nhân duyên, không chấp tánh nhân duyên điên đảo là Nhất thiết trí ngoại đạo vậy. Cộng niệm xứ là dùng thiền định trợ đạo, chánh trợ họp tu cũng gọi là Sự Lý cộng quán, phát được vô lậu ba minh sáu thông, thành cụ giải thoát La-hán, đối phá căn bản ái mạn, được năm thần thông ngoại đạo. Duyên Niệm Xứ, là duyên với ba Tạng mười hai Bộ của Phật cùng văn ngôn và tất cả danh tự thế gian. Chỗ được duyên rất rộng, không phải như chi Phật ra đời không có Phật chẳng học được thinh giáo, chỉ dùng thần thông để làm vui chúng sanh, chẳng thể nói pháp. Người duyên với niệm xứ hiểu rõ căn tánh, khéo biết bốn biện tài có thể tập hợp pháp tạng, thành Vô Ngại Đại La-hán, đối phá thế gian Vi Đà ngoại đạo.

21. QUỈ THẦN.

Trịnh Huyền nói: Tinh khí của Thánh nhân gọi là Thần, Tinh Khí của Hiền nhân gọi là quỉ. Thi Tư nói: Thiên Thần (thầm của rơi) gọi là Linh, Địa Thần (Thái của đất) gọi là Kỳ Nhân thần (Thần của người) gọi là quỉ. Quỉ tức là qui (về). Cho nên người xưa lấy người chết là người về. Bà-sa nói: Quỉ là úy (sợ), nghĩa là hư kiếp nhiều sợ. Lại nói là oai là có oai hay khiến người khác sợ. Lại mong cầu gọi là quỉ nghĩa là quỉ đói kia luôn từ người khác mà mong cầu ăn uống để nuôi sống tánh mạng. Quang Minh Sớ nói: Thần là tài năng sức lớn thì có thể dời non lấp bể, sức nhỏ thì có thể ẩn hiện biến hóa. Triệu Sư nói: Thần chịu cả báo thiện ác có hình hơn người mà thua trời thân nhẹ khó thấy. Tịnh Danh Sớ nói: Đều thuộc quỉ đạo. Chánh Lý Luận nói: Quỉ có ba thứ: Một là Vô tài quỉ, cũng không có phước đức, không được ăn uống. Hai là Thiểu tài quỉ là có ăn uống một ít diệu tịnh (ngon sạch). Ba là Đa tài

quỉ, có ăn uống nhiều diệu tịnh. Ba thứ này lại đều có ba, loại Vô tài có ba: Một là quỉ có miệng đuốc lớn, nghĩa là đuốc lớn thiêu đốt thường từ miệng ra. Hai là quỉ cổ nhỏ như cây kim, bụng to như núi, cổ nhỏ như lỗ kim. Ba là quỉ miệng thúi, trong miệng lở lói hôi thúi tự chịu khổ dữ quỉ Thiểu tài cũng có ba: Một là quỉ lông như kim, lông như kim bén nhọn luôn đâm vào mình. Hai là quỉ lông thúi lông bén mà thúi. Ba là quỉ có bướu cổ to đầy máu mủ. - Quỉ Đa tài cũng có ba: Một là Khắc khí quỉ, thường được cúng tế các vật dư thừa bỏ đi. Hai là Đắc thất quỉ là thường được ăn đồ dư thừa trong ngõ hẻm bờ đất. Ba là Thế lực quỉ là Dạ-xoa La-sát, Tỳ-xá-xà v.v... rất giàu có vui vẻ giống như trời người. Chánh Lý Luận nói: Các quỉ bản xứ, các cõi Diêm Ma Vương từ đây mà lần lượt tản mát khắp các phương khác. Trường A-hàm nói: Tất cả nhân dân, ở các nhà cửa trong các ngõ hẻm đường xá trong chợ búa quán xá, ở các lò giết mổ và nơi nghĩa địa đều có quỉ thần, không có không (trong). Phàm các quỉ thần đều theo chỗ nương cậy lấy đó làm tên. Nương vào người thì có tên người, nương vào thôn xóm thì có tên thôn xóm, nương vào sông thì có tên, tất cả cây cỏ rất nhỏ như cây trục xe thì đều có quỉ thần nương tựa. Thể Phẩm nói: Quỉ lấy một tháng ở nhân gian làm một ngày, nhân đó mà có tuổi trăng nó sống năm trăm năm ấy là do tâm siễm cuống (nịnh dối) làm tội ngũ nghịch thập ác thấp kém nhấp thì đều cảm lấy thân loài quỉ này.

Diêm Ma (Yama) hoặc gọi Viêm La, dịch là Tịnh tức vì hay dứt việc tạo ác và nghiệp bất thiện. Hoặc dịch là giác, tức ngăn không tạo ác. Hoặc gọi Diêm-ma-la. Kinh Âm Nghĩa Ứng nói: Dạ-malô-ca, dịch là song (cả đôi) là tổng ty thế quỉ quan, cũng gọi là Diêm-la Diệm Ma là đổi tiếng gọi, cũng gọi là Diêm-ma-la xã, dịch là Song Vương, anh và em gái đều làm chủ địa ngục, anh trị việc nam em gái xét việc nữ nên gọi là Song Vương. Hoặc dịch là khổ vui đều chịu nên gọi là song. - Bà Sa Hiển Dương và chánh pháp Niệm đều nói thuộc về quỉ thú, Du già nói nó thuộc về địa ngục. Lại Du Già Luận hỏi: Diêm-ma vương làm tổn hại hay làm lợi ích mà gọi là Pháp vương? Đáp làm lợi ích chúng sanh, nếu các chúng sanh bị bắt đến chỗ vua thì khiến nhớ nghĩ bèn hiện ra thân giống nó bảo rằng: Ông đã tự làm thì phải chịu quả. Do cảm Na-lặc-ca (?) nghiệp mới lại không chứa nhóm, cho nên nghiệp hết rồi đã thoát Na-lạc-ca mà làm Diệm-ma. Do hay làm lợi ích chúng sanh nên gọi là Pháp vương. Luận nói: Dưới Thiệm Bộ Châu này quá năm trăm du thiện na có nước Diệm-ma vương rộng dài bằng nhau.

Thiểm-đa (Pizàca), dịch là quỉ. Lập Thế Luận: Quỉ đạo tên là

Thiểm-đa, vì vua Diệm-ma-la tên là Thiểm-đa, nó (loài này) cùng vua đồng loại nên gọi là Thiểm-đa.

Xà-lê-di (Carita) dịch là Tổ phụ. Văn Cú nói: Là chúng sanh đầu tiên sanh vào đạo ấy nên gọi Tổ phụ, kẻ sanh sau cũng gọi là Tổ phụ. Diệu Lạc nói: Cũng gọi Tổ phụ của kẻ sanh sau vậy.

Tiết-lệ-đa (Preta), Ứng Pháp sư nói: Gọi đúng là Bế-lệ-đa dịch là Tổ phụ quỉ, hoặc gọi ngạ quỉ, ngã quỉ hèn kém kinh Khổng Tước gọi là Tỳ (Bể)-lệ-đa.

Phú-đơn-na (Pùtanà) dịch là Xú ngạ quỉ, là quỉ làm bịnh sốt nóng, cũng gọi là Phú-đa-la.

Ca-tra-phú-đơn-na (Katapùtanà) dịch là Ký xú ngạ quỉ.

Cưu-bàn-trà (Kuưbhàinda) cũng gọi Bàn-tra, Cưu-bàn-tra dịch là Ung hình. Xư gọi là Đông qua, Thần này âm như đông qua, đi thì để trên vai, ngồi thì soẹc ra tức Yểm mị quỉ, tiếng Phạm là Ô-tô-mạn dịch là Yểm. Tự Uyển nói: Yểm mất trong chẳng rõ Thương Hiệt thiên nói: Phục họp lòng người gọi là Yểm Luận Hành nói: Nằm chán chẳng thức dậy. Tự bốn gọi là Yểm, người sau thêm vào chữ quỉ.

Tỳ-xá-xà (pisàca) cũng gọi Tỳ-xá-giá hay Tất-xá-giá, hay Tỳ-xá-chi, Tý-xá-chá, dịch là Đạm Tinh Khí ăn nuốt tinh khí người và ngũ cốc. Lương gọi là Điên quỉ.

Tỳ-xá-khư (Vizàkla) hoặc Tỳ-xà-khư, dịch là Biệt-chi, tức là Sao Thị (Chi?) ngày sanh lấy sao trong ngày làm tên.

Di-lặc-đầu-vi-đà-la, dịch là Diệu Thiện Chủ, yểm trù quỉ.

Di-lặc-đầu-kiền-già-tha, dịch là Thiện Phẩm, chủ cổ độc Tả truyện nói mảnh trùng là cổ. Thuyết văn nói: trùng trong bụng.

Giá-văn-trà, xưa dịch là Tật đố nữ lại gọi là Nộ Thần tức là Dịch Sứ quỉ.

Ô-sô-sắc-ma (Usm?) Tư trung gọi là Hỏa Đầu: Lực sĩ này quán tánh lửa mà được đạo nên lấy làm tên.

Tần-na-dạ-ca (Vinayaka). Xưa nói Tần-na là đầu heo, Dạ-ca là mũi (vòi) voi là hai Sứ giả này.

Ác-kỳ-ni (Agni) hoặc gọi Ta-kiết-lị-đa-da-ni, dịch là Thần lửa. Thư nói đốt nóng vạn vật không gì nóng bằng lửa. Song lửa chứa trong gỗ mà người xưa không biết, cho đến Toại Nhân Thị dùi gỗ làm lửa mà khắp thiên hạ biến sống thành chín.

Bà-dữu (Vàyu), dịch là thần gió. Thư nói quấy trộn vạn vật không gì nhanh bằng gió. Cu-xá nói: Khi an lập khí thế gian thì phong luân (lớp gió) ở dưới cùng, thì biết thế giới này nương gió mà đứng vững. Hai

thần này rút từ kinh Khổng Tước.

Nặc-kiền-na (Nàràyana) dịch là Lộ hình thần, tức là Chấp Kim Cang Lực Sĩ.

Bát-kiện-đề, dịch là kiên cố.

Bà Lý Hản (Malla) Lương gọi là Lực sĩ. Tiếng Phạm Mạt-na dịch là lực, tức nói lực sĩ. Tiếng Phạm không văn người dịch lập nghĩa.

Na-la-diên (Nàràyana) dịch là Câu Tỏa Lực Sĩ.

Ma-ni-bạt-đà, dịch là oai phục hành (?)

Phú-na-bạt-đà, dịch là Tập chí thành.

Kim-tỳ-la, dịch là oai như vua.

Tân-đầu-lô-già, dịch là lấp bất động (đứng bất động).

Xa-bát-la-bà, dịch là nhẫn đắc thoát

Đam-ma-bạt-la, dịch là Học Đế Vương

Ma-kiệt-la-bà, dịch là trừ khúc tâm.

Tiêu-lỵ-mật-đa, dịch là có công huân

Lặc-na-xí-xa, dịch là điều hòa trung bình.

Kiếm-ma-xá-đế, dịch là phục chúng căn (chế phục các căn).

Xa-la-mật-đế, dịch là độc xứ khoái

Tóc-đa-kỳ-lê, dịch là Đại Lực Thiên

Ba-lị-la-hầu, dịch là dõng mãnh tiến

Tỳ-ma-chất-đa, dịch là cao xa

Viêm-ma-lị-tử, dịch là anh hùng đức.

Ba-ha-lê-tử, dịch là oai võ thạnh (nhiều uy võ)

Khư-la-khiên-đà (khalaskedha), dịch là Hống như lôi (gầm thét như sấm)

Cưu-la-đàn-đề, dịch là chiến vô địch.

Hê-ma-bạt-đà (Hemavat), dịch là Ứng Họp Chủ.

Địa-kha (Dirgha), Lương gọi là Trường. Nghĩa Tịnh Dịch Bản gọi là Địa-lặc-già, dịch là trường đại.

Tu-niết-đa-la (Sunetra), Lương gọi là Thiện Nhãn, cũng gọi Tô-nê-đát-la, dịch là Diệu Mục.

Phân-na-kha (Pùrnaka), Lương gọi là Mãn.

Thiết-đổ-lỗ (Satru) hoặc Thước-đổ-lô dịch là oan gia.

Thường-khởi-la (Samkha) cũng gọi Thương-xí-loa, dịch là loa con ốc

Ha-lị (Hari) cũng gọi Yết-ly, dịch là Sư Tử.

Ha-li-chỉ-xá (Harikeza) cũng gọi Yết-lý-kê-xá dịch là Sư tử phát

Ba-la-phó (Paribhù) cũng gọi Bát-rị-bộ, dịch là tự tại.

Đà-la-na (Dhàrana), đương gọi là Trì, cũng gọi Thích noa, dịch là năng trì.

Thuấn-nhã-đa (Sùnyatà) Cứu sớ nói chưa thấy thành thích phải là Thần Chủ Không - Nhập Lăng Già nói: Sát-ni-ca gọi là không hoặc Khư-đề, Tần gọi là Hư không. Toản Yếu nói: Chỉ thân không tướng thô, cũng có sắc vi diệu. Cho nên Như Lai trong ánh sáng chiếu sáng khiến tạm thấy. Lại Niết-bàn nói: Du hư không bèn lập ba nghĩa: Một là không đổi khác tuyên kim đằng cổ thời di tục hoa, chỉ có hư không này là chẳng biến đổi cho nên Nam Bản ba mươi ba nói: Vì hư không không nên không thuộc ba đời, Phật tánh thường nên không thuộc ba đời Thiên Nam Tử Như Lai đã được Tam Bồ-đề, chỗ có Phật tánh tất cả Phật pháp luôn không biến đổi là nghĩa đó nên không thuộc ba đời. Hai là vô biên tế (không bờ mé) vật phân trong ngoài, không chẳng trong ngoài cho nên không bờ mé. Ba mươi hai nói ta là chúng sanh được khai giải (hiểu rõ) nên nói Phật tánh không trong không ngoài. Vì sao thế, vì phàm phu chúng sanh hoặc nói Phật tánh ở trong năm ấm như có quả trong bình, hoặc nói lìa ấm mà có cũng như hư không, thế nên Như Lai nói ở Trung Đạo, Phật tánh của chúng sanh không phải ở trong sáu nhập, không phải ở ngoài sáu nhập, trong ngoài hợp lại gọi là Trung đạo. Ba là vô quái ngại, vật thể là chất ngại còn không tánh thì hư không (trống không). Ba mươi ba nói: Như chỗ không quái ngại trong thế gian gọi là hư không. Như Lai được Tam Bồ-đề (Chánh giác) rồi ở trong tất cả các pháp không có quái ngại, cho nên nói Phật tánh cũng như hư không. Vô Trước nói: Dụ hư không có ba nhân duyên: Một là khắp tất cả chỗ, nghĩa là ở trong tướng trụ và bất trụ, vì phước sanh. Hai là rộng lớn, cao lớn thù thắng, ba là vô tận, rốt ráo vô cùng. Tịnh Giác nói: Nên dùng khắp mà dụ về giả, rộng dụ cho không, vô tận là dụ cho trung. Lại Lăng Nghiêm nói: Nếu như hư không cũng có tên tuổi hình dạng, hư không là tên, hiển sắc là hình dạng. Cô Sơn giải thích rằng: Như Niết-bàn nói: Không có bốn tên, nghĩa là hư không, vô sở hữu, bất động, vô ngại mạo là thể mạo như tạp tập luận thuyết không một hiển sắc. Cứu Sớ giải thích rằng: Tiểu thừa lấy minh ám làm thể, Đại thừa lấy không một hiển sắc và cực hướng sắc làm thể. Duy-ma Sớ hỏi: Thí dụ hư không này há có chỉ không chẳng thể được khác không? Đáp: Không còn chẳng một há được có hai, nếu ước duyên hết tướng hiển chẳng phải chẳng có khác. Như Đại thừa kinh luận có nghĩa phá hư không, tức có thể lấy thí dụ, chỉ không hiển chẳng thể được không. Ký thích duyên hết, nghĩa là như mây mù duyên hết thì hư không tướng sáng bày ra hoặc thấy vạn

tượng hoặc chỉ thấy không, có thể lấy dụ nhưng chẳng chỉ hai thứ chân. Nay hỏi hư không, không giới hai tên dị đồng. Đáp: Hiển Tông Luận nói: Trong ngoài lỗ trống gọi là không giới, lỗ trống sáng tối hiển sắc sai khác gọi là hư không giới, lỗ trống sáng tối hiển sắc sai khá gọi là hư không giới. Kinh nói: Hư không vô sắc, vô kiến, vô đối sẽ nương vào đâu, song nhờ ánh sáng hiểu rõ. Lại nói về sắc được lìa nhiễm thời đoạn hư không giới. Câu-xá Luận lỗ trống gọi là không giới, nghĩa là khoảng trống các xương gân trong thân người, khoảng trống giữa các tạng phủ là hư không - Thành Thật Luận nói: Vi không của bốn đại có thức trong đó nên gọi là người, đây lấy cái không năng y trong thân gọi là không giới cái nội không của cảnh sở y gọi là hư không. Hỏi hư không vô biên khắp tất cả chỗ. Quang Minh sao nói: Hư không phần giới còn có thể hết bờ cõi (bờ cõi hư không có thể hết). Đáp: Như Lăng Nghiêm nói: Phải biết hư không sanh trong tâm ông cũng như mảnh mây điểm trên hư không (thái hư), ấy vì chúng sanh vọng tưởng tính kể, còn thái hư dứt hẳn linh chiếu đã mê vọng mà thành không, cho nên trái giác mà có giới hạn. Như Thiên Thân nói: Có phân biệt và không phân biệt đều gọi là thức. Có phân biệt thi gọi là thức thức, không phân biệt thì gọi là tợ trần thức. Như Lăng Nghiêm tưởng lắng thành cõi nước tức là tợ trần thức, biết rõ chúng sanh tức là thức thức. Nay thuật tụng rằng:

Hư không sanh trong tâm ta,
Tam ta rộng vô bờ bến,
Vụn thay người trong mê,
Vì sao tự cột trói?

A-la-nan-đà (Ànainda) Lương gọi là Hoan hỷ.

Uất-dữu-già-ba-la (Udyogapàla), Lương gọi là Cần Thủ, cũng gọi là Uẩn (ôn) Độc-già-ba-la, dịch là dõng tiến cần hộ.

Cát-gia (Krtya) hoặc Cát-giá, gọi đúng là Ngật-lặc-trứ dịch là sở tác (chỗ ra làm) Văn Cú gọi là khởi thi quỉ, hoặc người hoặc dạ xoa đều có quỉ này.

Đồn chơn, dịch là Thần nhân.

22. SÚC SANH.

Chứa lâu ngu tình, chìm mất huệ tánh, sống nhờ ruộng vườn chịu thân đày ải nơi biên cương, mang lông xanh trắng bay lượn khoảng không, vảy vàng quẩy đuôi dạo chơi sóng nước, hình dạng muôn khác khắp ở năm đạo, nay là bàng sanh khiến tu chánh hạnh.

Để-lật-xa, dịch là súc sanh, súc là lục súc. Thể ký chú rằng trâu

ngựa dê chó heo gà. Phụ Hành nói: nhiếp thú (tới lại) bất tận khắp ở trong năm đạo. Lại dịch là súc sanh. Bà-sa nói: Súc là nuôi dưỡng, nghĩa là nó sanh ngang bẩm tánh ngu si chẳng thể tự lập, được người khác nuôi dưỡng nên gọi súc sanh.

Đế-lị-da-cù-du-nê-già (Tiryagyonika), dịch là Bàng hành (đi ngang) chúng sanh đạo này có thân đi ngược. Bà-sa nói: hình nó ngang đi cũng ngang. Phán chánh làm hạnh bất chánh nên chịu quả báo ngang, cõng trời mà đi nên gọi đi ngang.

Na-già (Nàga), Tần gọi là rồng. Thuyết Văn nói: Long là loài có vảy mà lớn hay ẩn hay hiện hoặc lớn nhỏ, dài ngăn. Xuân phân thì lên trời, thu phân thì vào đất là thuận. Quảng Nhã nói: Có vảy gọi là Giao long, có cánh gọi là Ứng long, có sừng gọi là Cầu long, không sừng gọi là Ly long, chưa lên trời gọi là Bàn long. Bản Hạnh Tập kinh: Gọi Phật là rồng, nghĩa là thế gian có ái đều xa lìa, các cột trói đều giải thoát, các lậu đã hết nên gọi là rồng. Nên nói Na-già thường ở trong định không có lúc chẳng định. - Trí Luận nói: Như bản thân Bồ-tát từng là Đại Lực Độc Long, nếu chúng sanh ở trước, người thân sức suy kém, mắt thấy liền chết, người thân sức mạnh thì khí hư bèn chết rồng nay thọ giới một ngày một đêm xuất gia cầu tịnh, vào rừng cây ngồi lâu suy tư, biếng lười mà nằm rồng như ngũ thân hình như rắn, thân có lằn nét bảy báu nhiều màu. Thợ săn thấy kinh ngạc mừng rỡ bảo rằng: Da này hiếm có dâng lên vua đi trang sức chẳng phải ư? Rồi lấy gậy đà đầu, lấy dao lột da. Rồng tự nghĩ sức ta như ý, lật ngược nước này như trở bàn tay, kẻ này là vật nhỏ đâu có thể làm khốn ta. Ta nay vì trì giới nên chẳng kể thân mạng này, phải theo lời Phật do đó mà tự nhẫn nhịn, nhắm mắt chẳng nhìn đóng khí dứt hơi thương xót người này một lòng chịu lột da chẳng hối tiếc. Bị lột da rồi thịt đỏ bày ra đất. Lúc đó trời rất nóng lăn lộn trong đất muốn chui vào nước, thấy các trùng nhỏ kéo đến ăn thịt, vì giữ giới nên chẳng dám cựa mình. Tự suy nghĩ rằng: Ta nay đem thân này thí cho các côn trùng vì Phật Đạo vậy. Nay thí thịt này để tất cả đều no đủ. Sau này thành Phật sẽ dùng pháp thí mà làm lợi ích cho tâm chúng. Thề xong thì thân khô mạng chết, liền sanh lên trời Đao-lợi. Độc long khi đó là Phật Thích-ca người thợ săn lúc ấy là Điều Đạt và Lục Sư vậy. Các trùng nhỏ là tám vạn chư thiên khi mới Chuyển pháp luân thì được Đạo là đó.

Cung-tỳ-la (Kuưbhìra), dịch là giao ? vảy thì gọi là giao long. Bảo Phát Tử nói: Rồng mẹ gọi là Giao, rồng con gọi là Cầu. Sơn Hải kinh nói: Giao giống rắn mà có bốn chân, đầu nhỏ cổ nhỏ.

Thúc-thúc-la (Sizumàra) dịch là cầu. Phù Thụy Đồ nói: Thời Huỳnh Đế có cầu long, mình đen không vảy lưng có chữ tên.

Tăng-già-bỉ (Simha) hoặc Tợ-đa, dịch là Sư tử. Đại Luận nói: như vua Sư Tử sanh trong dòng giống Thanh Tịnh, ở trong hang sâu núi thẳm, cằm vuông xương to thân béo mập đầu lớn mắt to đẹp đẽ sáng sạch, mày cao mà rộng nanh bén trắng sạch miệng mũi vuông lớn đầy đặn, răng chắc kín bén lưỡi trắng miệng đỏ, hai tai vểnh cao bờm tóc nhuận sáng, thần tiên rộng lớn, da thịt rắn chắc, eo nhỏ bụng chẳng hiện, đuôi dài móng bén, thân đứng vững chắc, thân dùng sức mạnh từ chỗ đứng phát ra, uống mình nhăn mày lấy miệng cào đất, hiện oai thế lớn ăn chẳng quá giờ, bày tướng chào buổi sáng biểu thị sức vua Sư tử. Lại Đại Luận nói: Phật nói Bản Sự có Sư tử đến Phật bảo Sư tử ấy từ thời Tỳ-bà-thi Phật làm thầy Sa-môn, thấy Phật nói pháp liền đến chỗ Phật. Khi ấy đại chúng vì nghe pháp nên không cùng nói năng, Sa-môn liền sanh ác niệm liền mắng chửi rằng đám người này khác nào súc sanh chẳng phải người tốt chẳng biết nói năng. Vì nghiệp ác đó nên từ thời Phật Tỳ-bà-thi đến nay đã chín mươi mốt kiếp luôn làm loài súc sanh. Người này lúc đó đáng được đạo nhưng vì ngu si nên phải chịu (tự thọ) sanh tử dài lâu. Nay ở chỗ Phật vì tâm thanh tịnh nên được giải thoát. Tân Hoa Nghiêm nói ví như Sư tử lớn rống lên các sư tử con nghe thấy thảy đều mạnh mẽ, tất cả cầm thu đều trốn lánh xa. Sư Tử Phật rống lên các Bồ-tát nếu nghe tiếng mà khen ngợi tâm Bồ-đề, nuôi lớn pháp thân, vọng thấy chúng sanh, tiềm phục thối tán. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Sư tử hăng hái ví như hiển bày pháp. Như Sư Tử ở đời hăng hái là vì hai việc: Một là cào chụp bụi đất, hai là phóng chạy qua lại (chân trước) nhanh nhẹn khác với các thú. Tam-muội này cũng thế. Một là diệt trừ các chướng, định lại các hoặc vi tế vô tri, hai là hay vào địa ngục nhanh chóng. Quảng Nhã nói là phấn chấn. Lại tiếng Phạm gọi Tê là như hình tướng sư tử.

Ổ-ba-tăng-ha (Upasimha) hoặc Ưu-bà-tăng-già. Lương gọi là Tiểu sư tử lại gọi là toàn nghê tức sư tử. Nhĩ Nhã nói toan nghê như tan miêu, ăn như hổ báo chú rằng tức sư tử (rút từ Tây Vức) Đại Luận hỏi: Vì sao gọi là Sư Tử Tòa? Đáp: Gọi Sư Tử thật không phải là Sư Tử, Phật là Sư Tử trong loài người, chỗ Phật ngồi là giường hay đất đều gọi là Sư Tử tòa.

Già-đa (Gaja) hoặc Na-già, hoặc Na-tiên dịch là voi. Dị Vật Chí nói voi là thú hình thể cao (sừng sững), thân to gấp mấy trâu, mắt chẳng hơn mắt heo, mũi là miệng dịch vọng đầu như đuôi, dễ dạy hiền lành

biết nghe lời, nói liền quì, ngà trắng như ngọc mang vào làm đẹp, mang nặng đi xa. Đường Trang Tam Tạng Truyện nói: Tây Vức có già lam (chùa) so Sa-di coi giữ. Tương truyền xưa có Bí sô cùng bạn đồng học xa đến lễ bái thấy voi đem hoa đặt trước tháp, rồi lấy ngà cắt cỏ lấy vòi tưới nước chúng thấy đều khen. Có một Bí sô bỏ Đại giới nguyện ở lại cúng dường, bảo mọi người rằng: Coi là súc sanh còn biết kính tháp ta là loài người há thấy hoang tàn mà không thờ cúng. Bèn cất nhà ở đất hoang trồng hoa trồng quả nóng lạnh cũng không chán mệt. Nước bên cạnh nghe thấy cùng lập già lam, nhưng không biết việc Tăng bèn làm như cũ. Đại Luận nói: Như voi chúa nếu muốn quay mình thì xem đúng lúc toàn thân đều quay có tướng đại nhân, thân tâm chuyên nhất, nếu có chỗ quán thì thân tâm đều về.

Yên-la-na (Erandapattra) Y-la-bát-đa-la hoặc gọi Hương diệp là tên của Đế-thích Tượng Vương, thân dài chín do tuần, cao ba do tuần.

Cù-ma-đế (Gova). Dịch là trâu. Dị nói: Cỡi ngựa ngồi trâu chở nặng đi xa. Chú rằng: Giá tường chi tư. Thùy Dụ Ký Xiêm nói: Đại Luận nói Phóng Ngưu Nan-đà hỏi Phật có mấy pháp thành thục hay khiến bầy trâu phiên tức có mấy pháp không thành thục khiến bầy trâu chẳng Tăng chẳng được an ổn? Phật đáp: Thả trâu có mười một việc, tụng rằng:

Giải sắc cùng tương ưng,
Ma loát phúc sang di
Đốt khói và cỏ ngon,
An ổn và độ xứ (chỗ đi qua?)

Thời nghi (đúng lúc) lưu thủ dư (chăn giữ),

Giữ gìn trâu lớn. Tỳ-kheo cũng như thế: Biết bốn đại tạo sắc, khéo phân biệt tướng ngu trí, ma loát sáu tình căn, khéo che mười tướng thiện truyền chỗ tụng làm khói, bốn ý ngăn cỏ ngon, mười hai chỗ an, tám Thánh đạo chỗ qua, chớ nhận lời thỉnh khinh tiện, gọi là biết thời nghi, tri túc là lưu dư, kính hộ là tướng hộ. Mười một việc này tức phụ sự quán tâm của Tiểu thừa. Kinh Thí Dụ nói: Xưa có hai anh em chí và ý nghĩ khác nhau. Anh bảo em rằng: Ông ham việc nhà cho tiền là quí, ta thích kinh đạo cho huệ là quí, nay ta muốn bỏ nhà qui mạng về phước điền (qui y Phật). Anh bèn xuất gia ngày đêm tinh tấn mà được thành đạo quả. Người em ham việc nhà chết rồi đọa làm trâu mập mạnh to lớn, khách mua về chở muối, vãng hoàn doanh đốn chẳng thể lên trước. Người anh đi trên hư không xa thấy trâu bèn dùng oai thần khiến em tự biết bèn vì trâu mà nói ngọn ngành. Người khách mua trâu bèn thả trâu

vào chùa, người anh thường đến nuôi dưỡng, chết rồi sanh lên Đao-lợi.

Khiết-già (Gaưda), dịch là tên ngưu. Nhĩ Nhã nói là vật đẹp ở phương Nam là Tê tượng trên núi Lương. Chú rằng: Tê Ngư có da sừng, voi có ngà xương. Lại nói: Tê giống heo. Chú rằng: hình dáng giống trâu nước.

A-thấp-bà (Azva) dịch là ngựa. Hán Thư Tây Vức Truyện nói: nước Đại Uyển có núi cao trên đó có ngựa chẳng thể được nhân lấy ngựa mẹ năm màu đế ở dưới (đem xuống) cùng tập họp cho sanh ngựa con đều là hản huyết (đều mờ h6i máu?) nhân đó gọi ngựa trời. Lý Bạch Lạc tự Tôn Dương đi đến núi Ngu gặp xe muối đến, có một Long mã mà người chẳng biết dùng kéo xe muối, xa thấy Bách Lạc liền đem ghế ngồi đổi ngựa, ngày đi ngàn dặm. Hoài Nam Tử nói: Tân Mục Công bảo Bạch Lạc rằng Ông có sai người tìm ngựa chăng? Đáp rằng: Ngựa chẳng ở hình dung, gân xương là tướng. Ngựa trong thiên hạ hoặc giảm hoặc mất, con của Thần đều hạ tài khả cáo, ngựa của thiên hạ có gánh cột bó củi, chín phương nhân kỳ ư mà không phải bậc dưới của thần. Tìm ngựa ba tháng mà về bảo đã được ngựa, tại gò cát con đực màu vàng, và ngựa đến thì con cái là Ly. Ông bảo Bách Lạc rằng: Ngựa ông tìm về sắc lông đực cái chẳng biết mua bán. Bách Lạc thở dài bảo đến thế này ư? Nhân mà thấy được là Thiền cơ, được cái tinh mà quên cái thô, thấy trong mà quên ngoài, quả là thiên lý mã vậy. Kinh A-hàm, Phật bảo Tỳ-kheo rằng: Có bốn thứ ngựa: Một là thấy bóng roi thì liền sợ, hai là roi chạm lông mới sợ, ba là chạm thịt mới sợ, bốn là thấu xương mới biết. Một là mới nghe có người chết ở xóm khác liền sợ, hai là nghe có người chết ở xóm mình liền sanh chán, ba là như nghe người thân mình chết mà sanh chán sợ, bốn là thân mình bịnh khổ mới sợ. Kinh Niết-bàn đem bốn ngựa dụ cho sanh lão bệnh tử. Hoặc gọi Bà-ha-la dịch là lông dài.

Mật-lị-già-la (Mrga) dịch là nai.

Mađa (Matr) dịch là mẹ.

Bạt-la-bà-đà (Pràsàda) dịch là Đường (nhà).

Tất-già-la (Srgàla) dịch là giả can, giống chồn mà nhỏ hơn màu xanh vàng như chó, đi từng bầy ban đêm kêu như sói Quách Phác nói: Xa can ưa duyên (leo lên cân) với cây. Quảng Chí nói: Ở trên ở trên cây cao nhất. Đại luận nói: Ví như giả can nửa đêm vượt thành vào sâu nhà người tìm thịt chẳng được bèn trốn ngủ mà chẳng biết trời sáng sợ quá cho là không thoát khỏi, liền định tâm giả chết nằm lăn ra đất. Mọi người đều thấy. Có một người đến bảo ta cần cái tai của nó nói xong

liền cắt đi. Giả can tự nghĩ cắt tai tuy đau nhưng miễn là còn thân. Có người đến bảo ta cần cái đuôi rồi liền cắt đi, lại có người bảo ta cần răng nó. Giả can tự nghĩ người lấy càng nhiều nếu lấy đầu ta ắt là không thể sống, liền từ đất chỗi dậy dùng hết trí lực phóng ra cửa mà được thoát. Tâm hành giả cầu thoát khổ nạn cũng như thế, sanh chẳng tu hành như mất tai, già chẳng tu hành như mất đuôi, bịnh chẳng tu hành như mất răng, đến chết chẳng tu như mất đầu. Phù Hành Ký nói: Chồn là thú một tên là giả can, đa nghi khéo nghe. Nhan Sư xưa chú thích Hán thư rằng: Chồn là thú tánh rất đa nghi, mỗi khi qua sông băng nghe ngóng rồi mới qua, nên nói là nghi mà gọi là chồn nghi. Thuật Chinh Ký nói: Gió bấc thổi sông băng họp chồn cần phải đi, vật này khéo nghe dưới băng không có tiếng rồi mới qua sông. Thuyết Văn nói: Chồn yêu là thú quỉ kế thừa có ba đức, sắc nó trung hòa trước nhỏ sau lớn, chết thời đầu gò. Quách Thị Huyền trung Ký nói: Chồn ngàn tuổi là dâm phụ chồn trăm tuổi là mỹ nữ. Song Pháp Hoa nói: Chồn, sói, giả can giống như ba thứ khác nhau. Tổ Đình Sự Uyển nói: Giả can mình nhỏ mà đuôi lớn, chồn thì mình to. Thiền Kinh nói: Thấy một chồn hoang lại thấy giả can nên biết là khác.

Ma-tư-tra (Markata) hoặc gọi Ma-ca-tra, Mạc-ca-tra. Dịch là Mi hầu (khỉ). Bản Hạnh Kinh nói: Ta nghĩ thuở xưa trong biển có một Đại cầu (rồng lớn) vợ nó có thai nghĩ muốn ăn tim khỉ. Chồng bảo việc này rất khó, ta ở trong biển còn khỉ ở trên núi. Nàng ráng nhịn chờ ta đi tìm. Lúc đó rồng lên bờ thấy khỉ trên cây, khéo nói mà kết làm bạn, ta dắt bạn qua biển, bờ bên kia có rừng lớn, có nhiều hoa quả, bạn cứ ngồi trên lưng tôi. Khi nghe theo lời rồng cùng xuống nước. Rồng liền bảo vợ ta mang thai muốn ăn tim bạn nên ta dắt đến đây. Khỉ bèn nói gạt rằng: Sao không nói trước tim ta còn để trên cây ta la chẳng mang theo đây. Bạn đưa ta về đợi ta lấy tim đem đến. Rồng bèn ghé bờ khỉ nỗ lực chạy mau lên cây. Đợi lâu rồng bảo xuống mau khỉ nói kệ rằng: Rồng kia tính toán rộng mà tâm trí nghĩ rất hẹp, ngươi chỉ nghĩ theo ý mình, tất cả các loài ai chẳng có tim. Kinh Sáu Độ cho cầu là ba ba.

Xá-xá-ca (Sázaka) dịch là thỏ. Hàn Tử nói: Người Tống cày ruộng trong ruộng có cây, thỏ chạy đến đụng cây gãy cổ mà chết. Người này nhân bỏ ruộng mà ôm cây đợi được thỏ. Người đi đường bèn cười chê. Tây Vức Ký nói: Kiếp xưa có chồn, thỏ, khỉ khác loại mà cùng vui. Lúc đó trời Đế-thích muốn chứng nghiệm hạnh tu Bồ-tát bèn hiện thân biến hóa làm một cụ già bảo ba thú rằng: Mấy vị an ổ chứ, không lo sợ gì chứ? Đáp: Dạo chơi cây cỏ xinh tươi khác loài mà cùng vui rất là an lạc.

Cụ già nói: Hai mấy vị tình hậu ý kín mà quên già xấu nên tôi từ xa đến tìm. Nay gặp lúc đói kém có gì cho ăn. Đáp rằng: Đợi chút ta sẽ cung cấp. Do đó cùng lên đường tìm kiếm. Chồn theo bờ nước bắt được một con cá tươi, khỉ lên rừng hái hoa quả lạ cùng về đem dâng cụ già, chỉ có thỏ thì về không. Cụ già gọi bảo ta xem thấy ngươi chưa hòa đồng, chồn khỉ đều đồng chí có tâm phục dịch chỉ có thỏ là về không chẳng có gì. Do đó thật biết rõ. Thỏ nghe chê bèn bảo chồn, khỉ rằng: Đa tụ tiều tô mới có việc làm khỉ, chồn tranh nhau đem cỏ cây đã đủ lửa dữ đốt cháy. Thỏ nói: Này nhân giả, thân tôi hèn kém chỗ cầu khó toại lòng, xin đem thân bé nhỏ này hiến, làm một bữa ăn. Nói xong thì nhảy vào lửa mà chết. Lúc đó cụ già hiện lại thân Đế-thích dẹp tro thâu nhặt hài cốt thỏ thương khó rất lâu, bảo chồn, khỉ rằng: Sao đến nỗi này ta cảm động chẳng mất dấu, bèn gởi xương thỏ lên mặt trăng truyền mãi đời sau.

Hạt-li-noa (Harina) nói chung về loại nai.

Ca-lăng-tần-già (Kalavimka) dịch là Diệu thinh điểu. Đại Luận nói: Như chim Ca-lăng-tần-già còn ở trong trứng chưa nở đã phát ra tiếng hay hơn các chim khác. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Núi tên khoáng giả trong đó có nhiều chim Ca-lăng-tần-già phát ra những tiếng hay, tiếng hay đó hoặc trời hoặc người Khẩn-na-la đều không bằng được chỉ trừ có tiếng của Như Lai.

Ca-lan-đà (Karanidava) dịch là hào thinh điểu, mình như chim thước đậu thành bầy ở Trúc Lâm hoặc gọi là chuột đu như nói sau:

Câu-kỳ-la (Kokila) hoặc Câu-xí-la, dịch là hảo thinh điểu, tiếng hay mà mình xấu, lại gọi là tư âu.

Tư-na-dạ (Syena) dịch là ưng (chim ưng). Nhĩ Nhã nói: Ưng chuẩn (cắt) xấu bay giỏi. Huy Chú nói: Vỗ cánh rất nhanh. Khổng Thị Chí Quái nói: Khi Sở Văn Vương còn nhỏ rất thích đi săn bắn, trong thiên hạ có chó nhanh ưng giỏi đều bắt về. Có người hiến chim ưng bảo đây không phải là đám ưng của vua đâu, chợt ở chân mây có một vật trăng trắng nhấp nháy, ưng liền bay vọt lên nhanh như chớp, phút chốc lượn như mây, máu chảy như mưa, lúc sau thì một con chim lớn rơi xuống đất mà chết, đo hai cánh rộng mấy mươi dặm, bên mỏ có màu vàng không ai biết là gì. Khi ấy Bác vật quân tử nói đây là Đại Bàng Sồ, mới biết bay nên bị chim ưng bắt. Văn Vương bèn trọng thưởng người hiến ưng. Lại nói chuẩn (chim cắt), dịch nói Vương Xuyên bắn chuẩn ở cao đường. Khổng Dĩnh Đạt nói: Chuẩn là chim tham tàn thuộc loại chiên diêu (chim dữ). Ngọc Thiên nói: Là loài chúc cưu. Nhan Sư Cổ nói: Chuẩn chấp điểu tức nay là chim hộc. Lưu Hướng cho là chuẩn gần với

hắc tường là loại tham bạo.

Thao-đà (Suka) hoặc gọi Thúc-ca-bà-hy, dịch là anh vũ (chim két) Thuyết Văn nói: Chim nói được. Sơn Hải Kinh nói: Núi Huỳnh và núi Số Lịch có chim này giống như con ngạc, lông xanh mỏ đỏ, có thể nói tiếng người gọi là anh vũ. Khúc Lễ nói: Anh vũ hay nói chẳng lìa chim bay, tinh tinh nói được mà không rời cầm thú, người mà vô lễ cũng tâm cầm thú. Kinh Tạp Bảo Tạng nói: Quá khứ ở núi Tuyết có một anh vũ cha mẹ đều mù thường đem hoa quả mà dang cha mẹ. Lúc đó có điền chủ trước khi trồng lúa nguyện cùng chúng sanh cùng ăn anh vũ ở ruộng thường ăn lúa. Điền chủ đi tuần tra thấy bông lúa bị cắt liền quăng lưới bắt được anh vũ, chim bảo điền chủ rằng: Trước có tâm thí nên mới đến hái sao nay đem lưới bắt. Điền chủ hỏi chim lấy lúa cho ai, đáp có cha mẹ mù nên đem dâng. Điền chủ nói từ nay về sau cứ lấy chớ nghi nan v.v... Phật nói chim anh vũ lúc ấy chính là thân ta đó, điền chủ lúc ấy chính là Xá-lợi-phất vậy.

Tăng-ta (Hamsa) hoặc Tuyền ta. Đường gọi là nhạn. Lễ Ký nói: Tháng cuối thu hồng nhạn bay đến làm khách. Thi Truyện nói: Lớn gọi là hồng, nhỏ gọi là nhạn. Thành Công Phú nói: Trên bay đến Đơn Hà, dưới nhảy qua thanh tuyền. Tây Vức Ký nói: Xưa già lam này chứa tạm dạy người học Tiểu thừa nên mở cho ăn tam tịnh nhục, mà già lam này tuân thao không đọa, sau tam tịnh tìm chẳng được. Có Bí sô đi kinh hành bỗng thấy bầy nhạn bay lượn bảo đùa: Ngày nay chúng Tăng ăn chẳng no Ma-ha-tát-đỏa biết đúng lúc. Nói chưa dứt thì nhạn bay lui ở trước Tăng gieo mình tự vẫn. Bí sô thấy rồi bạch rõ với chúng Tăng, người nghe đều thương cảm, cùng bảo nhau rằng: Như Lai lập pháp dạy dỗ tùy cơ, chúng ta ngu si mà tuân giữ tạm giáo, Đại thừa là chánh lý, phải đổi lỗi trước mà theo thánh chỉ (ý Phật). Chim nhạn này nêu giới để dẫn dắt, phải lập tháp thờ để nêu đức rồi đem nhạn mà chôn trong tháp. Có người gọi là phù nhạn. Nhĩ Nhã nói: Phù nhạn xấu chân đề đá, giữa có chân có màng để bơi. Cổ Kim Chú rằng: Phù nhạn thường ở bãi cát trên biển ăn cát đá đây không phải là Dương Nhạn. Lý Tuần nói: Ngoài đồng gọi là phù, trong nhà gọi là vụ (vịt trời).

Ca-tăng-ám-la (Kapimjala) dịch là trỉ. Nhĩ Nhã nói: Trỉ có sức, đánh nhau rất dữ phân ra sáu thứ, bốn phương có tên khác nhau. Tấn Võ đóng kho thật kín, trong đó bỗng nghe tiếng trỉ kêu. Trương Hoa nói: Ắt là rắn hóa ra, mở cửa thì thấy bên cạnh có da rắn lột. Đại Luận nói: Có người Diêm-phù-đề chẳng biết lễ kính người xưa có đức. Lúc đó Bồ-tát làm chim Ca-tần-xa-la có hai bạn thân là voi và khỉ cùng ở dưới

cây Tất-bát-la, cùng hỏi nhau rằng: Chúng ta chẳng biết ai là lớn. Voi nói: Ta xưa thấy cây dưới bụng ta. Khỉ nói ta từng ngồi soạc tay nắm đầu cây. Chim nói ta từng ở rừng Tất-bát-la ăn quả cây này, hạt theo phân ra mà mọc lên cây này trước sanh đức xưa lễ phải cúng dường. Khi ấy lưng voi lớn cõng khỉ, chim đậu trên khỉ đi khắp một vòng, cầm thú nhân loạithấy đều kính trọng. Đây là Thánh nhân biết đạo đức nhân nghĩa không lễ thì chẳng thành cho nên kính bậc trưởng thượng là lễ thuận thiên hạ.

Cứu-cứu-la (Kukkuta) dịch là tiếng gà gáy. Cưu-cưu-tra, dịch là gà. Dị Lâm nói: Tốn là gà, gà gáy đúng thời tiết nhà vui không lo âu. Tây Kinh Tạp Ký nói: Thời Thành Đế nước Giao Chỉ Việt Thường hiến gà gáy tiếng dài để làm đồng hồ, đúng mức không sai Điền Nhiêu Phu nói: Phàm gà đội mão văn, chân mang cựa võ, đánh nhau mạnh mẽ, được (thắng) cũng ăn nhau, gáy chẳng sai lúc. Gà có năm đức, ông cũng nấu mà ăn, là nguyên do gần. Lăng Nghiêm nói: Như gà gáy rồi nhìn về phương Đông đã có tinh sắc. Trường Thủy giải thích rằng: Gà gáy lần hai trời sắp sáng. Cô Sơn Thích nói: Ba đức Niết-bàn gọi là Nghĩa Thiên, trước thọ tưởng hết rồi giống chứng còn xa như gà gáy lần đầu, sắc trời cũng còn tối. Nay Hành Ấm hết chỉ còn thức ấm sáng ngộ không còn lâu như gà gáy lần hai, trời có tinh sắc. Tề Nhan Chi suy rằng: Thời nhà Lương có người thường dùng lòng trắng trứng gà để tắm khiến tóc đen mướt khi tắm thì dùng hai, ba mươi trứng. Khi chết chỉ nghe trong tóc có tiếng ò o của mấy ngàn gà gáy.

Chiết-ca-la-bà (Cakravàka) dịch là uyên ương, thuộc loài chim, đậu thì gần nhau, bay đi sánh đôi. Điểu Dụ Phẩm nói: Một là Ca-lân-đề, hai là uyên ương đi ngừng đều cùng có nhau không rời xa. Nay Sư Thích nói: Lấy con trống dụ cho thường, con mái dụ cho vô thường, sanh tử có tánh thiện, thường tức vô thường như hai chim cùng bay cao ấy thì cao thấp trống mái đều cùng, cùng bay cùng nghĩ nghĩa nó đều thành.

Kỳ-bà-kỳ-ba-ca (Jìvajìvaka) dịch là Sanh Thắng Thiên Vương, gọi là sanh sanh, hoặc dịch là mạng. Pháp Hoa gọi mạng mạng. Tạp Bảo Tạng kinh nói: Núi tuyết có chim tên là cộng mạng, một mình hai đầu, thức thần đều khác, cùng một báo mạng nên gọi là mạng mạng Phật Bản Hạnh Kinh, Phật nói: Thuở xưa núi Tuyết có chim hai đầu một đầu gọi là Ca-lâu-trà (Garuda), một đầu gọi là Ưu-ba-ca-lâu-trà (Upagaruda), có lúc đầu Ưu-ba-ca-lâu-trà nmgủ mê thì đầu kia thức. Có cây Ma-đầu-ca gió thổi hoa rụng bay đến đầu thức kia đầu ấy tự nghĩ: Tuy riêng ăn hoa nếu vào bụng thì đều được sắc lực, chẳng khiến nó

thức bèn làm thinh ăn hoa. Cái đầu ngủ kia thức dậy bụng no đầy ho ợ hơi ra hỏi chỗ nào mà được thức ăn ngon này. Đầu thức kể đủ, đầu ngủ ôm ân. Sau đó đi dạo gặp cây hoa độc nghĩ ăn hoa này khiến hai đầu cùng chết. Lúc đó đầu Ưu-ba-ca-lâu-trà bảo đầu Ca-lâu-trà rằng: Ông nay ngủ đi để ta thức, đầu kia vừa ngủ, liền ăn hoa độc. Khi Ca-lâu-trà thức biết khí độc hỏi thức ăn nào ác (xấu) thế khiến ta chẳng an đầu Ưu-ba nói ăn hoa độc này nguyện cùng chết. Do đó đầu kia liền nói kệ rằng:

Ông ngày xưa khi ngủ
Ta ăn hoa có vị ngon ngọt,
Hoa ấy gió thổi rơi bên ta,
Ông lại nổi giận dữ.

Phàm người ngu nguyện chớ gặp, cũng nguyện không cùng người ngu ở chung ở chung với người ngu chẳng có lợi ích gì, tự làm hại mình lại hại người khác. Phật nói chim Ca-lâu-trà tức là thân ta, chim Ưu-ba tức là Đề-bà-đạt-đa vậy.

Xá-lị (Sari) dịch là xuân cù, Hoàng Ly. Thi nói: Ra từ hang tối, bay đến kiều mộc. Lại dịch là Thu Lộ. Ngọc Thiên nói là chim nước. Thi nói: Có thu ở Lương Lộ, Nhĩ Nhã gọi là bạch lộ (cò trắng) đầu cánh lưng đều có lông dài. Thi nói: Ồn ào cò bay.

Xá-la (Sala) dịch là bách thiệt điểu.

Ca-bố-đức-ca (Kapotaka) hoặc gọi Ca-bộ. Đường gọi là cáp (bồ câu?) Tây Vức Ký nói: Xưa Phật ở đây vì chúng nói pháp. Thợ lưới giăng lưới trong rừng bắt loài có cánh một ngày không bắt được bèn đến chỗ Phật lớn tiếng hỏi rằng: Hôm nay Như Lai ở đây nói pháp, khiến ta bắt không được chim vợ con đói khát, ông lại ngồi yên. Như Lai bảo rằng: Ông nay đốt lửa sẽ cùng (cho) ông ăn. Lúc đó Như Lai hóa làm bồ câu lớn nhảy vào lửa mà chết, thợ lưới đem về vợ con cùng ăn. Sau đó lại đến chỗ Phật, Như Lai phương tiện nhiếp hóa thợ lưới nghe pháp hối lỗi đổi mới, bỏ nhà tu học liền chứng quả Thánh. Nhân đó gọi là Cáp già lam.

Ma-du-la (Mayùra) dịch là khổng tước, sè cánh mà lượn Câu-xá nói: Một loài khổng tước là Nhất thiết chủng nhân tướng (là tướng trông ta cả nhân) không phải trí cảnh giới khác, chỉ Nhất Thiết Tư mới biết. Chứng Chân Thích nói: Hữu tình huân từ vô thủy tạo tất cả giới thú chủng tử ở trong bản thức, chỉ co Phật mới biết. Lại chỉ nêu một loại khổng tước còn khó biết thay.

A-lê-da. Dịch là si (cú mèo). Nhĩ Nhã gọi cuống mâu si. Xá nhân

gọi là cuống, một tên là mâu si, thích ăn chuột, mắt rất to. Quách Phác nói: Nay là cưu si giống chim ưng mà trắng.

Cật-lật-đà (Grdhra) dịch là thứu (chim cắt) hoặc gọi Yết-la-xa, dịch là điêu thứu. Sơn Hải Kinh nói: Cảnh sơn có nhiều thứu. Thuyết Văn nói: Chim thức màu đen có nhiều con. Sư Khoáng nói: Núi Nam có chim tên là khương thứu, đầu vàng cổ đỏ năm sắc đều đủ. Tây Vức có nhiều chim này xanh vàng mắt đỏ ăn thây chết.

Tỳ-ranoa-yết-xa-bà (Kacchapa) dịch là qui (rùa). Nhĩ Nhã nói: Có mười giống rùa. Trang Tử nói: Tông Nguyên Quân nằm mộng thấy người đội tóc bảo: Ta là Thanh giang là Sứ giả của Hà bá, bị người đánh cá là Dự Thả bắt được. Nguyên Quân sai người xem quẻ bảo đây là thần rùa bèn mời Dự Thả. Dự Thả bắt được rùa trắng năm thước bảo đem hiến, bèn mổ ra được bảy mươi toản mà không sót sách. Trọng Ni nói: Rùa báo mộng được với Nguyên Quân mà chẳng thể tránh được lưới của Dự Thả, trí hay bảy mươi Toản mà không sót sách nên chẳng tránh được nạn bị mổ ruột. Như thế thì Trí có do Thần, Trí có chỗ chẳng bằng. Pháp Cú Kinh nói: Xưa có Đạo sĩ ở bên bờ sông học đạo, chỉ nghĩ sáu trần, tâm không yên nghĩ rùa từ sông lên bờ, chó liền sủa cắn rùa, rùa thụt cả đầu đuôi và bốn chân vào trong, chó chẳng làm gì được bèn bỏ đi thì rùa lại thò ra, liền bò vào nước. Ta chẳng bằng rùa buông lung theo sáu tình chẳng biết chết đến.

Ma-kiệt (Makara) hoặc Ma-già-la, dịch là kình ngư, con đực gọi là kình, con cái gọi là nghê, con lớn dài hơn mười dặm (ca ông?). Đại Luận nói: Năm trăm lái buôn vào biển tìm châu, gặp cá chúa Ma-kiệt hả miệng thuyền đi rất nhanh, chu thuyền hỏi Lâu Thượng Nhân có thấy gì không? Đáp: Thấy ba mặt trời và núi trắng lớn, nước chảy mạnh như lọt vào hố lớn. Chủ thuyền bảo: Ba mặt trời: Một là mặt trời thật, hai là mắt cá, núi trắng lớn là răng cá nước chảy mau là miệng cá, chúng ta gặp chết rồi. Lúc đó người trong thuyền đều nói việc đó không chỗ nghiệm. Trong đó có một Ưu-bà-tắc bảo mọi người rằng: Chúng ta phải nên niệm danh hiệu Phật, Phật là Vô thượng cứu khổ tai ách mọi người cùng nhất tâm niệm Nam mô Phật, vì cá đời trước từng thọ năm giới được túc mạng trí nghe danh hiệu Phật liền tự hối lỗi, cá liền ngậm miệng cứu sống mọi người. Trang Tử nói: Cá nuốt ghe mất nước thì bị kiến mối ăn thịt.

Kỳ-di gọi đủ là Đế-di-kỳ-la, dịch là cá thân lớn, có bốn loại, loại nhỏ nhất là kinh Phòng Dị Truyện nói: Ở biển thường thấy cá lớn người tà tiến hiền nhân sơ.

Thất-thâu-ma-la (Sisumàra). Thiện Kiến nói: Cá ngạc dài hơn hai trượng, lại dịch là cá giết con, có ở Quảng Châu.

Tý-tỳ-lý (Dipìlika) dịch là kiến con. Tấn Thư cha của Ân Trọng Kham bệnh lỗ tai nghe dưới giường có kiến động bảo trâu đấu. Kinh Hiền Ngu nói: Trưởng giả Tu Đạt cùng Xá-lợi-phất đến xem hình tinh xá Tu Đạt tự tay cầm một đầy dây Xá-lợi-phất cầm một đầu cùng đo tinh xá. Lúc đó Xá-lợi-phất vui mừng mỉm cười. Tu Đạt hỏi Tôn giả cười gì? Đáp: Ông trước đây đo đất trong trời Lục Dục cung điện đã thành, tức nhờ Đạo Nhãn mà thấy trời Lục Dục cung điện nghiêm tịnh, lại kéo dây đo. Lúc đó Xá-lợi-phất bỗng nhiên buồn rầu. Liền hỏi Tôn giả vì sao lo buồn. Đáp: Ông nay thấy trong đất này có bầy kiến chăng? Đáp: Thấy Xá-lợi-phất nói ông ở quá khứ thời Phật Tỳ-bà-thi cũng ở đây mà lập tinh xá, mà con kiến này cũng sống ở đó đến nay bảy Phật đã qua, ông đều vì Phật mà tạo dựng tinh xá mà con kiến này cũng ở trong đó. Đến nay đã chín mươi mốt kiếp mà vẫn chịu một thân kiến này không được giải thoát. Sanh tử dài lâu chỉ có phước là cần yếu lại chẳng thể trồng. Nhĩ Nhã nói: Có chân thì gọi là trùng, không chân thì gọi là trỉ (loài bò sát) hai chân mà có lông vũ thì gọi là cầm (chim), bốn chân có lông mao thì gọi là thú, trùng cá chim thú chủng loại sau cùng, núi nước không đất liền cảnh giới không bờ cõi, xoay vần nhậm nhiễm, trục vật cuồng ngu một niệm sáng lên thì vạn loại đều dứt hết, phải chiếu xét bản tánh chớ khởi ý lạ.

23. ĐỊA NGỤC.

Phụ Hành nói: Địa ngục từ nghĩa lập tên, tức là ngục ở dưới đất gọi là địa ngục. Cho nên Bà-sa nói: Dưới Thiệm bộ châu quá năm trăm du thiện na bèn có ngục. Song địa ngục này có lớn có nhỏ. Như Đại Luận nói: Có tám ngục lớn: Một là Hoạt, hai là Hắc thằng, ba là Họp hội, bốn là Kiếu hoán, năm là Đại kiếu hoán, sáu là Nhiệt, bảy là Đại nhiệt, tám là A-tỳ địa ngục, như thế tám địa ngục lớn. Lại có mười sáu địa ngục nhỏ làm quyến thuộc có tám hàng băng (ngọc lạnh) và tam viêm hỏa (ngục nóng). Nói tám Viêm hỏa địa ngục: Một là Thán khanh, hai là Phất niệu (cứt đái), ba là Thiêu lâm, bốn là Kiếm lâm, năm là Đao Đạo, sáu là Thiết thích lâm (rừng gai sắt), bảy là Hàm hà (sông mặn), tám là Đồng tuyết. Tám ngục Hàn băng: Một là Át-phù-đà có ít nhiều lỗ, hai là Ni-la-phù-đà không có lỗ, ba là Ha-la-la là Hàn chiến thinh (lạnh run phát ra tiếng), bốn là A-bà-bà cũng lạnh phát ra tiếng, năm là Hầu hầu, cũng lạnh phát ra tiếng, sáu là Âu-ba-la, địa ngục này

băng khiến thành sắc hoa sen xanh, bảy là Ba-đầu-ma, khiến thành sắc hoa sen đó, người tội ở trong đó chịu khổ, tám là Ma-ha ba đầu ma, là ở trong đó chịu khổ tùy theo nghiệp đã làm đều có nặng nhẹ. Chỗ nặng nhẹ nhất là Thượng phẩm ngũ nghịch Thập ác, đều có thân ở Đạo này.

Na-lạc-ca (Nàraka) dịch là ác. Na-lạc là người, ka là ác tức người làm ác thì sanh vào đó, đây là nêu chánh báo là Nại-lạc-ca hoặc Nại-lạc-ca, đây gọi là không thể vui, cũng gọi là khổ cụ hay khổ khí đây là nêu y báo.

Ni-lê-da (Niraya) Văn Cú nói: Địa ngục là tiếng cõi này, tiếng Phạm gọi là Nê-lê, Tần gọi là không có, tức không có vui mừng, không có khí vị, không mừng không lợi, nên gọi là không có. Hoạc gọi thấp kém hay đọa lạc, trung ấm điên huyền, các căn đều hủy hoại. Hoặc gọi là không, tức không chỗ tha tội.

A-tỳ (Avìci) dịch là Vô gián. Quán Phật Tam-muội Kinh nói: A là không, Tỳ là cứu. Thành Luận nói: Có năm vô gián: Một là Thú quả vô gián vì bỏ báo thân sanh; hai là thọ khổ vô gián là trong đó không có vui; ba là thời vô gián, nhất định là một kiếp; bốn là Mạng vô gián, trong đó mãi chẳng dứt; năm là Hình vô gián, tức như tướng A-tỳ rộng dài tám vạn do tuần, một người hay nhiều người đều cũng đầy khắp.

Át-bộ-đà (Arbuda) Câu-xá gọi là phỏng. Lạnh đụng thân đều làm phòng dộp.

Ni-thích-bộ-đà (Nirarabuda) dịch là bào liệt (phòng dộp) lạnh quá khiến thân nứt nẻ (theo tướng).

Át-tư-tra (Atata) Hoắc hoắc bà (Apapa-Hahava) Hổ hổ ba (huhu-va-Hahadhara). Nghĩa Phủ nói: Vì lạnh quá miệng không mở ra được chỉ động lưỡi làm tiếng tư tra. Đây là ước tiếng chịu khổ mà lập tên.

Ốt-bát-la (Utpala) dịch là hoa sen xanh.

Bát-đặc-ma (Padma) dịch là hoa sen đỏ.

Ma-ha-bát-đặc-ma (Mahapadma) dịch là hoa sen đỏ lớn, đây đều là do lạnh mà thân có sắc hoa sen xanh, đỏ.

Tân-tra-la (Pithara) dịch là Tập dục, vừa vào liền ra, tuy ở trong đó mà không đau khổ.

A-ba-na-gia-đê chi). Kinh Âm Nghĩa nói dịch là ác thú, có ba ác thú cũng gọi Tam đồ. Nói Tam đồ, Chích Hoa nói: Đồ là đạo (đường). Luận Ngữ nói: Gặp các đồ. Xét bốn giải thoát kinh nói: Địa ngục gọi là Hỏa đồ đạo, ngạ quỉ gọi là Đao đồ đạo, súc sanh gọi là Huyết đồ đạo. Đề có hai nghĩa: Một là nghĩa tàn hại, đồ tức là Đồ thán. Như Thượng thư gọi Dân trụy đồ thán. Hai là nghĩa chỗ đến Đồ tức là Đồ đạo. Như

Dịch nói: Đồng qui nhi thù đồ (cùng về mà khác đường). Song Xuân Thu nói: Bốn Nhạc ba Đồ. Ứng Pháp sư nói; Xuân thu có ba Đồ là chỗ nguy hiểm, mượn đây làm tên. Thông Huệ nói: Có bản viết đồ ? là sai, phải viết là đố của đồ nê. Người sau dối gọi súc sanh, ngạ quỉ, địa ngục là ba đồ. Phải biết đây riêng chỉ cho địa ngục. Song Chỉ Qui nói: Không phải trái với giáo ta. Kinh bốn giải thoát nói Đao - Huyết - Hỏa ba thứ lại vu cho Ứng Sư Âm Nghĩa. Kẻ hậu học kiểm tra tự thấy dối lập. Lại các giáo điển nói tám nạn: Tức ba ác đạo là ba, bốn là Bắc châu, năm là Trường thọ thiên, sáu là sanh trước Phật sau Phật, bảy là thế trí biện thông, tám là các căn chẳng đủ. Nay nói tụng rằng:

Ba đồ, Bắc châu, Trường thọ thiên,
Các căn chẳng đủ và thế trí,
Trước Phật sau Phật cộng tám nạn.

Khi chịu tám quả này chẳng được Thánh hóa, nên gọi là nạn. Hoặc Thế trí biện thông gọi là người sanh tà kiến. Tịnh Danh Sớ nói: Có hai thứ tám nạn: Một là phàm phu ở sự tám nạn, hai là Nhị thừa ở lý tám nạn. Sự tức là tám nạn giới nội, Lý tức là tám nạn giới ngoại. Kinh Khê nói: Nếu muốn lược nói thì trong Hữu Dư người có ba mươi tâm là ba ác đạo. Ở pháp vô ngã gọi là Bắc châu, Địa tiền pháp ái như Trường thọ thiên, chưa có Sơ địa mười thứ sáu căn gọi là các căn chẳng đủ. Địa tiền trí cạn như Thế trí biện thông chẳng hiểu rõ tung lý, như trước sau Phật nếu trong Thật báo vị vị trông nhau tiết tiết làm thành. Đây đếu là chướng lý Trung đạo. Thành Luận nói: Bồ-tát nói bốn luận dẹp tám nạn, một khi sanh giữa nước hay dẹp năm nạn, tức là ba đồ, Bắc châu và Trường thọ thiên. Hai là Chánh nguyện thì dẹp Thế trí biện thông. Ba là trồng thiện nhân, thì dẹp điếc đui câm ngọng. Bốn là gần người thiện thì dẹp sanh trước sau Phật. Muốn dẹp tám nạn phải tập bốn luân này, nên nay nêu ra khiến suy nghĩ mà tu.

24. THỜI PHÂN.

Tây Vức Ký nói: Thời gian ngắn nhất gọi là Sát-na, một trăm hai mươi sát-na là một Đát sát-na, sáu mươi Đát sát-na là một Lạp phược, ba mươi lạp phược là mâu-hô-lật-đa năm mươi mâu-hô-lật-đa là một thời, sáu mươi thời họp thành một ngày một đêm. Đêm có ba ngày có ba. Theo tục phân ngày đêm có tám thời, ngày bốn đêm bốn. Trăng đầy đến tròn gọi là Bạch phân, trăng từ khuyết đến tối trời (30) thì gọi là Hắc phần, có mười bốn ngày hoặc mười lăm ngày có tháng thiếu đủ. Hắc trước bạch sau hợp thành một tháng, sáu tháng gọi là một hành.

Mặt trời dạo ở trong gọi là Bắc hành, mặt trời dạo ở ngoài gọi là Nam hành, chung có hai hành họp làm một năm. Lại phân một năm làm sáu thời, ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 3 là Tiềm thục, ngày 16 tháng 3 đến ngày 15 tháng 5 là Thạnh thục, ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 7 là Vũ thời, ngày 16 tháng 7 đến ngày 15 tháng 9 là Mậu thời, ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 11 là Tiệm hàn, ngày 16 tháng 11 đến ngày 15 tháng giêng là Thạnh hàn. Như Lai Thánh giáo nói Tuế (năm) có ba thời. Ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 5 gọi là Thục thời, ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 9 gọi là Vũ thời, ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng giêng gọi là Hàn thời. Hoặc chia làm bốn thời: Xuân hạ thu đông, mùa xuân có tháng gọi là tháng Chế-tồ-la, tháng Phục-xá-khư, tháng Thệ-sắc-tra. Từ 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 4 là ba tháng mùa Hạ, tức là tháng Át-sa-trà, tháng Thất-la-phạt-noa, tháng Bà-đạt-la-bát-đà. Từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 7 là ba tháng mùa thu, tức là tháng Át-thấp-phược-dữu-xà, tháng Ca-thích-để-ca, tháng Mạt-già-thủy-la. Từ ngày 16 tháng 7 đến ngày 15 tháng 10 là ba tháng mùa đông, tức tháng Báo, tháng Ma-khư, tháng Phả-lặc-lủ-noa. Từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 15 tháng giêng lại là thời Đông hạ. Như Nhĩ Nha nói: Nhà Hạ nói Tuế, nhà Thương gọi Tự, nhà Chu gọi Niên, Đường Ngu gọi Đãi. Chú nói: Tuế là lấy sao Tuế đi một vòng, tự là lấy bốn thời tế tự hết một lượt, Niên là lấy lúa thóc chín trong một năm, Đãi (tải?) là lấy vật mùa đông lại bắt đầu Thượng Thư Đại Truyện nói: Nhà Hạ lấy 13 tháng làm chánh (tháng giêng?), sắc còn đen, lấy bình đán làm sóc (ngày mồng một?) nhà Ân lấy 12 tháng làm chánh, sắc còn trắng, lấy gà gáy làm sóc. Nhà Chu lấy 11 tháng làm chánh, sắc còn đỏ, lấy nửa đêm làm sóc. Bạch Hổ Thông nói: Chánh sóc có ba. Bàn thiên có ba thống tức là tháng ba vi, ba vi là dương khí mới bản chất, Huỳnh tuyền vạn vật mới động nhẹ mà chưa trước. Thời 11 tháng là Dương khí bắt đầu, nuôi rễ cây, dưới Huỳnh tuyền vạn vật đều đỏ. Đỏ là khí Thạnh Dương. Nhà Chu lấy trời làm chánh sắc, vì còn đỏ. Thời 12 tháng thì vạn vật bắt đầu nảy mầm mà trắng, trắng là khí âm dương. Nhà âm lấy đất làm chánh sắc vì còn trắng. Thời 13 tháng là vạn vật mới bắt đầu lập phù giá mà ra đều đen, người được gia công, nên Hạ là chánh sắc của người, vì còn đen.

Bạt-đà-kiếp-ky (Bhadrakalpa). Kiếp kỵ Đại Luận bảo Tần gọi là phân biệt thời tiết. Bạt-đà, Tần gọi là Thiện có ngàn vạn kiếp quá khứ không có Phật, thì trong một kiếp ấy có ngàn Phật ra đời, các trời Tịnh Cư vui mừng nên gọi là Thiện kiếp. Trong một kiếp này có bốn trung

kiếp là Thành trụ hoại không. Nghĩa như tôi đã tuyển hình kiếp ba lấy từ Đại Luận. Hỏi: Bồ-tát bao lâu thì trồng được ba mươi hai tướng? Đáp: Chậm lắm là một trăm kiếp, nhanh nhất là chín mươi mốt kiếp. Đây là ước theo Đại kiếp. Song gieo trồng tướng hảo có bốn nghĩa: Một là chỗ trồng tướng, theo Đại Luận thì ở Dục giới, không phải là sắc và vô sắc. Trong năm đạo Dục giới thì ở tại nhân đạo trong bốn thiên hạ ở tại Diêm-phù-đề, trong thân nam nữ thì ở không phải thân nữ, trồng khi Phật ra đời, khi Phật diệt thì không trồng, duyên thân Phật mà trồng không trồng các thứ khác; Hai là nghiệp trồng tướng, theo Đại Luận nói: dùng ý nghiệp mà trồng không phải nghiệp thân khẩu. Vì sao thế? Vì ý nghiệp có lợi (lanh lợi?). Hỏi: Ý nghiệp có sáu thức vậy là thức nào? Đáp: Là ý thức, không phải năm thức kia, vì năm thức chẳng thể phân biệt; Ba là mới trồng tướng (trồng tướng đầu tiên). Có người nói Trúc an lập tướng (tướng chân đứng vững mới trồng?) trồng trước, có người nói tướng mắt xanh biết trồng trước. Đại Luận nói: Tuy có lời nói ấy nhưng không cần thiết. Nếu khi tướng nhân duyên hòa hợp thì liền nói là trồng trước; Bốn là trồng tướng phước, tất cả người phá chánh kiến nhưng có một người có thể dạy khiến được tịnh giới chánh kiến thì như thế là một phước. Đầy đủ trăm phước thì thành tựu một tướng.

Sát-na (Ksana), Lăng Già nói: Thời sát-na không dừng nên gọi là sát-na. Câu-xá nói trong khoảng (một cái) khảy móng tay của tráng sĩ thì có sáu mươi lăm sát-na. Nhân Vương nói: Trong một niệm có chín mươi sát-na, một sát-na trải qua chín trăm sanh diệt. Tỳ-đàm dịch là một niệm Nhật Tạng nói: Ta nay lại nói số của sát-na một ngàn sáu trăm (1600) sát-na gọi là một ca-la, sáu mươi ca-la gọi là một mô-hô-luật-đa, ba mươi mô-hô-luật-đa là một ngày đêm Câu-xá Luận nói: Thời gian cực ngắn gọi là sát-na, thời gian cực dài gọi là kiếp. Thông minh cực nhỏ gồm có ba thứ. Câu-xá tụng rằng:

Cực nhỏ tên (chữ) sát-na,
Sắc danh thời cực nhỏ.

Giải thích rằng: Phân tích các sắc đến chỗ nhỏ nhất thì gọi là sắc cực nhỏ, phân tích các danh và thời đến một chữ một sát-na là danh cực nhỏ và thời cực nhỏ.

Đát-sát-na (Taksana) Tỳ-đàm dịch là một nháy mắt. Tăng Kỳ nói: Hai mươi niệm là một nháy mắt, hai mươi nháy mắt là một đờn chỉ (một khảy móng tay).

Ma-hầu-la (Muhùrta) Tỳ-đàm dịch là Tu-du (phút chốc), một ngày một đêm cộng có ba mươi tu du. Tăng Kỳ nói: Hai mươi la dự gọi là một

tu du. Tụng rằng: Một trăm hai mươi sát-na là một đát-sát-na, sáu mươi lạp phược là ba mươi tu du là ba mươi ngày đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, trong đó giảm bớt nửa đêm.

Ca-la (Kala) Khán Chánh Ký gọi là thật thời, nghĩa là trong Tỳ-ni dạy răn đệ tử nghe giờ ăn mà không ăn (ngăn) phi thời thì thật có thời ấy. Cho nên Đại Luận nói: Tỳ-ni kiết giới là trong thế giới thật, không phải là thật trong Đệ nhất nghĩa. Luận lại hỏi rằng: Nếu giờ (lúc) ăn phi thời, giờ (lúc) uống thuốc, giờ (lúc) mặc áo đều là ca-la sao không nói là tam-ma-da. Đáp lời này trong Tỳ-ni kẻ bạch y không được nghe thì ngoại đạo do đâu nghe được mà sanh tà kiến. Các kinh khác đều được nghe, thế nên nói Tam-ma-da khiến không sanh tà kiến.

Ta-ma-da (Samaya), Khan Chánh Ký gọi là giả thời, cũng gọi là thời ngắn thời dài. Luận nói: Vì trừ tà kiến nên nói Ta-ma-da mà chẳng nói Ca-la. Lại có người nói: Tất cả trời đất tốt xấu đều lấy thời làm nhân. Trung Luận rộng ước ba đời vô tướng, thế nên thời pháp không thật, thế nên nói Ta-ma-da khiến không sanh tà kiến. Ta-ma-da là giả (ngụy) gọi là thời, cũng gọi thời giả gọi, cũng gọi là thời dài thời ngắn, chẳng đồng với định chấp của người ngoài, bởi là giả nói dài ngắn mà không có thật, hoặc dài hoặc ngắn đều gọi là Ta-ma-da, thấy Ấm-giới-nhập có sanh diệt mà giả gọi là thời.

A-lưu-na (Aruna) hoặc A-lâu-na hoặc Tát-đỏa, Hán gọi là Minh Tướng. Minh Liễu Luận rằng: Đông phương đã đỏ Thông Huệ Chỉ Qui nói: Phương này ước mặt trời chưa mọc trước hai khắc thì sáng, đây là minh tướng, lấy xem thấy chỉ trong bàn tay làm mức là bốn phân minh. Lại Biệt Tông gọi là Đại liễu thời nghĩa là thấy sắc đất rõ ràng. Lại nói: Mặt trời mọc chiếu sáng sắc cây Diêm-phù nên gọi là Minh Tướng. Kinh Hư không Tạng nói: Là mới làm hạnh Bồ-tát (Bồ-tát sơ hạnh) khi sao mai mới mọc thì từ tòa ngồi đứng dậy hướng về sao sáng mà nói thế này Nam mô A-lâu-na thành tựu đại bi, nay mới ra ở Diêm-phù-đề nguyện đem đại bi che chở con, lại bạch rằng: Đại Bi Hư Không Tạng Bồ-tát trong đêm báo mộng chỉ bày con phương tiện để làm duyên mà hối lỗi chỗ phạm căn bản tội nặng vậy.

■

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

QUYỂN 3

Gồm mười bốn mục sau đây:
25. Đế Vương
26. Hoàng hậu
27. Thế giới
28. Các nước
29. Các núi
30. Các sông
31. Rừng cây
32. Năm quả
33. Trăm hoa
34. Các hương
35. Bảy báu
36. Số lượng
37. Các vật
38. Hiển sắc.

25. ĐẾ VƯƠNG

Đế Vương lược luận rằng: Phàm Đế Vương ắt lập đức lập công để được to lớn lâu dài, Kinh thì dùng nhân nghĩa, Vỹ thì dùng văn võ, thâm căn cố đế (rễ thấm sâu xa) để tặng con cháu, một lời nói một hành động đều có khuôn phép suốt đến muôn đời chẳng thay đổi. Do đó trong thành bốn Đại vương cùng ở một chỗ, sức vua chấn động cả muôn nước, oai vua có thể khuất phục được muôn dân. Cho nên Kim Khẩu nhắn nhủ (di chúc) rừng hạc lãnh lệnh, sợ bốn chúng kém yếu, lo Tam bảo suy đồi nhờ oai phong của Quốc vương, thế lực của vua chúa mà cậy nhờ gửi gấm Đế Vương khiến mau lưu thông.

Nhân-đà-la (Indra) dịch là Đế hay Thiên chủ, là đời vua Thụy Pháp nói: Đức tượng trưng cho trời đất nên gọi là Đế, Nhân Nghĩa từ đó sanh ra gọi là vương. Hán gọi Thiên Tử (vua) là Hoàng đế, gọi Đích

từ (con nối giỏi) là Hoàng Thái tử, các con nối dõi của Vương Hầu gọi là Thế Tử. Bạch Hổ Thông nói: Hoàng là tiếng gọi chung về lớn đẹp, sáng sủa người không trái,. Chẳng phiền một người, chẳng phá khuấy một kẻ cho nên gọi là Hoàng. Thái Hạo Phục Hy Thị, Viêm Đế Thần Nông Thị, Huỳnh Đế Hữu Thái Thị gọi là ba Hoàng. Thiếu Hạo Kim Thiên Thị, Chuyên Húc Cao Dương Thị, Đế Khốc Cao Tân Thị, Đế Nghiêu Đào Đường thị, Đế Thuấn Hữu Ngu Thị gọi là năm Đế. Hoàn Tử nói: Ba Hoàng dùng đạo mà trị, năm Đế lấy đức mà hóa, ba Vương do nhân nghĩa, năm Bá dùng quyền trí. Vương Tiêu nói: Vương tuy gọi Đế mà chẳng được gọi Thiên Đế mà gọi Thiên tử, là con của trời, con cùng cha tôn ti cách xa nhau. Kim Quang Minh Kinh nói: Vì trời che chở lại xưng là Thiên tử. Trang Tử nói: Phàm đức của Đế Vương lấy trời đất làm tông, lấy đạo đức làm chủ, lấy vô vi làm thường. Dật Sĩ Truyện nói: Thời Đế Nghiêu có cụ già gõ đất bên đường bảo: Ta mặt trời mọc thì làm, mặt trời lặn thì nghỉ, đào giếng mà uống cày ruộng mà ăn. Đế có làm gì ta.

Giá-duyệt-na (Ràja) hoặc gọi Yết-ra-xa, dịch là Vương Tát-giá Kinh nói: Vua là cha mẹ của dân, dùng pháp mà nhiếp hộ chúng sanh khiến được an vui. Bạch Hổ Thông nói: Vua là đến, chỗ thiên hạ theo về. Hồng Phạm nói: Không thiên (riêng) không đảng (bè đảng) Vương đạo mênh mông, không đảng không Thiên vương đạo bình sinh. Khổng Thị Truyện gọi là Biện tự. Vua Ngô Sở tiếm hiệu xưng Vương, Trọng Ni chánh danh lấy Chu Thiên Tử làm Thiên vương. Nên Xuân Thu nói: Vương tuần thú ở Hà Dương. Hàn Thi Ngoại Truyện nói: Quân là quần (vua hợp quần). Ban Cố nói: Đó là vua thiên hạ: nóng như mặt trời, oai như thần, chứa như biển, nuôi dưỡng như mùa xuân, cũng như cây cỏ trồng núi rừng, chim cá nuôi sông đầm, tham trời đất mà bày hóa há nói việc người dày mỏng ư? Họ thích lấy tự tại gọi là vua. Diệu Huyền nói: Chuyển luân thánh vương bốn cõi tự tại.

Chước-ca-la-phạt-lạt-để-hạt-la-xa (Cakravartiràja) hoặc gọi Giá-ca-việt-la dịch là Chuyển luân vương. Câu-xá nói: Từ người châu này sống vô lượng tuổi cho đến tám vạn tuổi, có Chuyển luân vương sanh ra, khi giảm còn tám vạn tuổi lúc đó hữu tình giàu vui, tuổi thọ giảm dần các ác nhiều dần, không sợ đại nhân nên không có Luân vương. Do bánh xe quay dần nên dẫn (đem) oai phục tất cả gọi là Chuyển luân vương, nói đầy đủ có bốn là Kim Ngân Đồng Thiết Luân khác nhau, như thứ lớp mà hơn kém có thượng, trung, hạ mà thống lãnh một, hai, ba, bốn châu. Khế Kinh từ hơn nên chỉ nói Kim Luân, nên Khế kinh

nói nếu vua sanh ở dòng Sát-đế-lị, mà nối ngôi quán đảnh. Vào ngày 15 (rằm) khi thọ trai giới tắm gội đầu thân thọ trai giới lên đài cao, các quan vây quanh. Đông phương bỗng có Kim Luân Bảo hiện ra, bánh xe ấy ngàn xe đầy đủ vành xe các tướng viên tịnh, như thợ khéo làm thành, phóng ra sáng rỡ mà đến chỗ vua. Vua này nhất định là Chuyển kim luân vương, chuyển các Luân vương khác nên biết cũng thế. Bốn thứ Luân vương oai định các phương, cũng có sai khác. Nghĩa là Kim luân thì vua các nước nhỏ tự đến đón rước thưa rằng: Nước chúng tôi đất đai rộng lớn phì nhiêu an ổn giàu vui nhiều dân chúng. Rất mong Thiên Tôn thân đến dạy dỗ, chúng tôi đều là vây cánh của Thiên Tôn. Nếu Ngân Luân Vương thì tư đến nước ấy, oai nghiêm đến gần các quan đều khâm phục. Nều Đồng Luân Vương thì đến nước ấy rồi thì phải ra uy tranh đức mới được suy tôn. Nếu Thiết Luân Vương thì cũng đến nước ấy hiện oai đánh trận thắng mới thôi. Tất cả Luân Vương đều không bị thương hại nên được thắng, ai nấy đều ngồi yên mà khuyên dạy khiến tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nên Luân vương chết rồi thì nhất định sanh lên trời. Từ Ân nói: Kim Luân Vương nhìn oai phong liền theo, Ngân Luân Vương phải sai sứ mới hàng, Đồng Luân Vương ra uy mới phục, Thiết Luân Vương đánh cướp mới yên.

Ma-ha-tam-ma-hạt-la-xà (Mahàsaưmataràja) dịch là Đại Bình Đẳng Vương, là chúa dân ở kiếp sơ.

Thủ-đồ-đà-na (Suddhodana) hoặc gọi Duyệt Đầu Đàn dịch là Tịnh Phạn hoặc Chân Tịnh hay Bạch Tịnh.

Đô-lô-đàn-na (Dronôdana) dịch là Hộc Phạn.

Tát-phược-đạt (Sarvada). Tây Vức Ký nói Đường gọi là Nhất Thiết Thí, là hiệu xưa của Như Lai khi tu hành Bồ-tát, trốn địch bỏ nước lén đến đây, Ma-ha-phạt-na già-lam. Đường gọi là rừng lớn, gặp Bà-la-môn nghèo đến xin, bèn khiến trói cột vua địch xưa nhờ lấy tiền mà đem bố thí.

Thi-tỳ-ca (Sivika) Tây Vức Ký nói Đường gọi là cho xưa gọi Thi-tỳ, là gọi tắt.

Ca-lị (kali) hoặc gọi Ca-lị hay Ca-lam-phù, dịch là ác thế hay ác sanh, hay vô đạo. Tây Vức Ký gọi là Yết-lị Vương. Đường gọi là đấu tranh. Xưa gọi là Ca-lị là sai.

Tần-bà-ta-la (Bimbisàra) hoặc gọi Bình Sa Vương, dịch là Mô Thật vì thân rờ có thật, lại dịch là Hình lao hay ảnh kiên, Hình tức là hình ảnh đều lấy nghĩa thể phần cương trang. Tần-bà hoặc gọi là Tần-tỳ dịch là nhan sắc, Ta-la dịch là đoan chánh (đẹp đẽ) hoặc dịch là Sắc

Tượng Thù Diệu Vương (vua có hình dáng đẹp?).

Ba-tư-nặc (Prasenagit) hoặc gọi Bất-lê-tiên-ni, dịch là Hòa duyệt. Tây Vức Ký gọi là Bát-la-tư-na-đặc-đa. Đường dịch là Thắng quân. Kinh Nhân Vương gọi là Ba-tư-nặc Vương. Vì đời quá khứ mười ngàn kiếp làm Tứ địa Bồ-tát trong pháp của Phật Long Quang vương.

Ưu-điền (Udayana) Tây Vức Ký gọi là Ngoa (bảo là sai). Gọi đúng là Ổ-đa-diễn-na Vương. Đường gọi là Xuất Thọ.

Tỳ-lư Thích-ca (Virùdhaka) Tây Vức Ký nói: Xưa gọi là Tỳ Lưu Ly Vương là sai.

Tỳ-la-tiện-na (Virasena) Tần gọi là Dõng quân.

A-xà-thế (Ajàrazatru) dịch là vị sanh oan. Diệu Lạc nói: Ngày mẹ có thai đã có ác tâm, đối với vua Bình Sa chưa sanh đã ghét, nên nhân đó đặt tên. Hoặc gọi Bà-la-lưu-chi, dịch là vô chỉ. Diệu Lạc nói: Hồi mới sanh tướng đã hung, vua khiến đem lên lầu đánh chết, chỉ gảy có một ngón tay nên lấy đó đặt tên, người trong nhà che chở gọi là Thiện kiến.

A-dục (Asoka) hoặc gọi Du-ca hay A-du-kha, dịch là Vô Ưu Lương.

Bổ-thích-noa-phạt-ma (Pùranavarman) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là mãn vị, là cháu cuối của Vô Ưu Vương.

Thi-la-a-dật-đa (Sìrôiditya) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là giới nhật, thương nuôi bốn loài, hưng sùng Tam bảo voi ngựa uống nước lượt rồi mà sau mới cho uống, ở ngôi hơn năm mươi năm, dã thú quen nhờn.

Nhương Khư Vương (Samkharàja) cũng gọi Sương Khư, dịch là bối, tức là kha bối vậy.

La-xà-đờn-na (Ràjavardhana) Tây Vức Ký nói: Đường gọi Vương Tăng.

Ma-ha-nhơn-đà-la (Mahendra) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Đại Đế là em vua Vô Ưu khoang hình sáu ngày (mặt trời?) được quả xuất gia.

Kỳ-đà (Jetri) hoặc gọi Kỳ-hoàn, dịch là chiến thắng. Khi sanh thì cha là Ba-tư-nặc đánh thắng nước ngoài. Tây Vức Ký gọi là Thệ Đa, Đường gọi là Thắng Lâm xưa gọi là Kỳ-đà là sai. Các kinh nói: Kỳ Thọ Tây Vức Ký nói: Lúc đó Cấp Cô Độc nguyện cất Tinh Xá Phật khiến Xá-lợi-phất tùy chỗ đo lường, thì thấy chỉ có vườn đất của Thái tử Thệ Đa là thích hợp, bèn tìm đến Thái tử nói rõ mọi việc. Thái tử nói đùa đem vàng lót hết đất sẽ bán cho. Nghe xong liền mở kho vàng đem

vàng lót đất, có một vài chỗ chưa lót vàng đủ. Thái tử ngăn lại bảo Phật là ruộng tốt chúng ta phải gieo trồng giống thiện. Rồi nơi đất trống mà lập tinh xá. Thế Tôn bảo A-nan rằng: Từ nay trở đi đất này là rừng Thệ Đa vườn Cấp Cô Độc.

Đề-lê-noa Thái tử, Đại Luận nói: Tần gọi là Hảo Ái. Tây Vức Ký gọi là Tô-đạt-noa (Sudàna). Đường gọi là Thiện Nha, cũng gọi là Thiện Dũ.

Xiễn-thích-ca (Chamdaka) Tây Vức Ký nói: Xưa gọi là Xa-nặc là sai cũng là dòng họ Thích. Khi Thái tử xuất gia khiến Xa-nặc dẫn ngựa Kiền-trắc, goi đúng là kiền-tha-ca dịch là nạp. Kinh Âm Nghĩa nói: Xa-nặc vốn là tên gọi người giữ ngựa. Tịnh Danh Sớ nói: Nó tự ỷ dòng vua khinh các Tỳ-kheo Tăng. Pháp sư lúc đó khinh cười rằng: Giống như lá rụng gió thổi gom lại một chỗ cần gì bình luận. Phật pháp đời sau cũng không tự sửa đổi. Phật khiến làm Phạm Đàn tức làm thinh mà đuổi đi. Cũng gọi là Pháp trị tội của Phạm thiên riêng lập một đàn, người phạm pháp khiến vào đàn ấy, các phạm chẳng được cùng nói năng với người ấy.

26. HOÀNG HẬU.

Chu Lễ nói: Thiên tử lập Hậu sáu cung. Trịnh Thi Chú rằng: Một cung trước, năm cung sau. Năm cung là Hậu một cung, ba phu nhân một cung, chín tần một cung, hai mươi bảy thế phụ một cung, tám mươi mốt ngự thê một cung. Hậu chánh vị cung vi, thể đồng với Thiên tòa. Mao Thi nói: Quan quan thư cưu tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ quân tử hảo cầu. Làm thi quan thư này bởi để khen đức Hậu phi của Văn Vương. Hậu phi có đức quan thư là cô gái u nhàn trinh chuyên, phải là người quân tử mong cầu.

Ma-la Ma-gia (Maha maya) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Đại thuật hoặc Đại huyễn. Tấn Hoa Nghiêm nói: Ma-gia phu nhân. Đáp Thiện Tài nói rằng: Ta đã thành tựu đại nguyện Trí huyễn pháp môn, được pháp môn này nên làm mẹ Lô-xá-na Như Lai ở thành Ca-tỳ-la tại Diêm-phù-đề ở cung Tịnh Phạn Vương từ hông hữu sanh ra Tất-đạt-đa Thái tử, hiển hiện thần lực tự tại bất khả tư nghì. Bản Hạnh Kinh nói: Khi Thái tử sanh ra vừa đầy bảy ngày thì mẹ Thái tử là Ma-gia phu nhân bèn mạng chung. Kinh Nhân Quả nói: Di mẫu của Thái tử là Ma-ha-ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng Thái tử như mẹ không khác.

Cù-di (Gopi) dịch là Minh nữ. Ngũ Mộng Kinh nói: Là con gái của Xá-di Trưởng giả. Trưởng giả tên là Thủy Quang, vợ tên là Dư Minh.

Vợ ở gần thành khi sanh con gái, mặt trời sắp lặn mà chiếu ánh sáng vào nhà đều sáng rỡ, nhân đó đặt tên là Cù-di, tức là vợ cả của Thái tử. Vợ hai của Thái tử sanh ra La-vân gọi là Gia Đàn, cũng gọi Gia-du, cha tên là Di Thí Trưởng giả, vợ ba tên là Lộc Giả, cha tên là Thích Trưởng giả. Thái tử vì có ba vợ nên vua Bạch Tịnh Phạn lập ra điện ba mùa. Đại Luận nói: Thích-ca Văn Bồ-tát có hai phu nhân, một tên là Cù-tỳ-da, hai tên là Dia-du-đà-la, là mẹ của La-hầu. Cu-tỳ-gia là bảo nữ nên không có thai.

Vi-đề-hy (Vaidechì) dịch là Tư duy. Quán Kinh nói: Cúi mong Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con chánh thọ (thiền định).

Ma-lị (Màlì) hoặc gọi Mạt-lị, dịch là man, là hậu của Nặc Vương, Tây Vức Ký gọi là Nại, nhân vì cho mít mà được báo. Con gái tên Thắng Man là phi của của Du Ám Vương.

Bán-thi-ca, cô gái này, Thập Tụng nói: Có sắc đẹp, lời bình là hết cả nước Bán-thi-ca vì người muốn sao đoạn (có thể làm cả nước Bán-thi-ca phải chao đảo) nên khiến sai Sứ vào Tăng mà thuyết giảng thay.

27. THẾ GIỚI.

Lăng Nghiêm nói: Thế là Thiện lưu, giới là phương vị. Ta nay phải biết: Đông Tây Nam Bắc, Đông Nam Tây Nam, Đông Bắc Tây Bắc, trên dưới là giới, quá khứ hiện tại vị lai là Thế. Thế giới có hai thứ: Một là chúng sanh thế giới là chánh báo, hai là khí thế giới là y báo. Nêu Lăng Nghiêm nói: Do đây mà vô thủy chúng sanh thế giới bị ràng buộc với khí thế gian chẳng thể siêu việt (thoát được). Đại Luận nói: Có ba thứ thế gian: Một là năm ấm, hai là chúng sanh, ba là cõi nước. Gian cùng giới tên khác mà nghĩa đồng. Gian là khoảng ngăn cách khác nhau, giới là bờ cõi đã rõ ràng. Giới có hai thứ: Một là mười giới, hai là ba giời. Mười giới là địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, tu-la, nhân thiên đây gọi là sáu phàm, Thinh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật gọi là bốn Thánh. Chỉ Nguyệt Sao hỏi: Tên mười giới có gì hiển cứ. Đáp: Đại Luận nói chúng sanh trong chín đạo được thọ ký gọi là ba Thừa đạo, sáu Thú đạo, nên biết chín Đạo tức chín giới vậy, thọ ký làm Phật là mười giới (giới thứ mười). Hai là ba giới một là Dục giới. Dục có ba: Một là ăn uống, hai là ngủ nghỉ, ba là dâm dục, ba việc này mong muốn mà gọi là dục. Nếu có tình giới từ Tha Hóa Thiên đến ngục vô gián hoặc khí thế giới cho đến phong luân đều thuộc Dục giới. Hai là Sắc giới, hình sắc thanh tịnh thân tướng thù thắng, chưa ra khỏi lồng sắc nên gọi

Sắc giới. Ba là Vô sắc giới, ở trong giới đó Sắc không có. Lại ba giới này là gồm chung sáu đạo, phân riêng có hai mươi lăm hữu. Kinh Khê Tụng rằng: Bốn châu bốn ác thú, sáu dục và Phạm thiên, bốn Thiên bốn không xứ, vọng tưởng năm Na-hàm. Lại ba giới này có ba thứ tức Tiểu thiên, Trung thiên, Đại thiên. Như Câu-xá nói: Bốn Đại châu nhật nguyệt, Tu Di Lô Dục Thiên, Phạm Thế đều một ngàn, đây gọi Tiểu thiên giới, ngàn lần Tiểu thiên này gọi là một Trung thiên, gấp ngàn thiên này là Đại thiên, đều đồng một Thành hoại. Xưa Nam Sơn Tôn giả hỏi Vi Thiên tướng quân rằng: Tôi nghe một hóa cảnh của Phật có số ba ngàn cõi nước ngày tháng năm hoặc nói trăm ức hoặc nói ngàn trăm ức. Đáp: Như sư hỏi trăm ức ngàn trăm ức là Văn Kinh rõ ràng có ngàn trăm ức hóa thân Thích-ca Mâu-ni Phật. Một hóa Phật một ngày tháng (mặt trời mặt trăng) sao được trăm phần chỉ nói một phần chỉ khi nói sai lầm tóm tắt như thế. Nói chung lại vạn ức ngày tháng (mặt trăng mặt trời?) là một Đại thiên. Huân Văn nói: e số Tây thiên ức có lớn nhỏ nên lấy một trăm tiểu ức làm đại ức, bèn thành trăm ức ngày tháng (một mặt trời mặt trăng). Như thế Đại thiêu đều là hóa cảnh của Thích Tôn. Như Pháp Hoa nói; Như Lai cũng lại như thế thì là cha của tất cả thế gian mà sanh ra ba giới (ba cõi) xem như nhà lửa vì độ chúng sanh sanh già bệnh chết buồn lo sầu khổ ngu si mù tối là lửa của ba độc, giáo hóa khiến được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

Tha-na (Sthàna) dịch là xứ. Chơn Đế nói: Trụ xứ (chỗ ở) có hai: Một là cảnh giới xứ, là cảnh du lịch (trải qua) vì hóa độ kẻ tục, hai là y chỉ xứ là thống lãnh chúng xuất gia tức là Kỳ Viên, Bà-sa nói: Nêu Xá-vệ khiến người xa đều biết nước là chung, nêu Kỳ Viên khiến người gần biết vườn là riêng.

Tu-ma-đề (Sukhàvati) Đại Luận nói: Dịch là Diệu ý, Hảo trí hay Hảo ý. Kinh Di-đà nói: Cõi nước Phật A-di-đà ở gọi là Tu-ma-đề.

Tác-ha (Sahà) Tây Vức Ký gọi Tác-ha là một thế giới ba ngàn đại thiên cõi nước là một cảnh hóa nhiếp của Phật xưa gọi Ta-bà lại gọi Tá-ha đều sai. Lăng Già dịch là năng nhẫn. Bi Hoa nói: Sao gọi Ta-bà là các chúng sanh ấy nhẫn chịu ba độc và các phiền não, hay nhẫn ác này nên gọi nhẫn sĩ. Như Lai riêng chứng tự thệ Tam-muội Kinh nói: Sa-ha, Hán gọi là nhẫn giới (cõi nhẫn) Chân Đế Tam Tạng nói kiếp sơ (xưa) Phạm Vương tên Nhẫn, Phạm Vương là chủ thế giới ấy nên gọi là Nhẫn Độ (cõi nhẫn), có người nói tạp hội thế giới. Trường Thủy nói: Đều là tên kinh đô của Đại thiên thế giới. Cảm Thông Truyện nói: Ta-bà là tên chung của Đại thiên. Cô Sơn nói nêu tên chung không phải chỉ

cho Đại thiên.

Đông Phất Vu Đãi (Pùrvavideha). Tây Vức Ký nói: Trong biển có thể ở, đại lược có bốn: Một là Thắng, tức Thắng Nam Châu. Lại nói: Trước một ở trước các phương lại dịch là sơ, tức là chỗ mặt trời mới mọc. Câu-xá nói: Đông Tỳ-đề-ha Châu tướng nó như nửa mặt trăng thân dài tám tấc sống hai trăm năm mươi?

Diêm-phù-đề (Jambudvipa) nói sai là Viêm-phù, dịch là Thắng Kim. Đại Luận nói: Tên cây Diêm-phù rừng này rất tốt tươi cây này ở trong rừng rất lớn. Đề gọi là châu. Châu này trên có rừng cây này, trong rừng có sông dưới đáy sông có cát vàng tên là vàng Diêm-phù-đàn, vì cây Diêm-phù nên đặt tên châu là Diêm-phù. Châu này có năm trăm châu nhỏ vây quanh, tên gọi chung Diêm-phù-đề. Khan Chánh nói: Đây thì sông nhân cây mà lập tên, vàng nhân sông mà có tên Trường Thủy nói hoặc gọi nước quả Diêm-phù điểm vật thành vàng nhân chảy vào sông mà nhuộm đá thành vàng sắc nó vàng đỏ lại ánh sắc tím. Tây Vức Ký nói: Nam Thiệm bộ châu xưa gọi là Châu Diêm-phù-đề, lại gọi Viêm Phù Châu là sai. Tạng Sao nói: Thiệm bộ cõi này không có nơi nào tương đương nên không dịch, chỉ có Tây Vức Ký dịch là Uế Thọ. Nam Thiệm bộ châu, Bắc rộng Nam hẹp, ba bên hình như cái xe. Câu-xá nói: Thiệm bộ châu thân người cao nhất là ba tấc rưỡi, người sống (tuổi thọ) không nhất định.

Tây-cù-da-ni (Aparagodàniya), dịch là Ngưu hóa, hoặc Thủ dữ. Tạng Sớ nói: Vì nơi đó có nhiều trâu lấy trâu làm hàng hóa. Câu-xá Sao nói: Thời kiếp sơ nhân dưới cây cao có một trâu báu làm hàng hóa để trao đổi. Tây Vức Ký gọi là Tây-cù-đà-ni châu. Xưa gọi là Cù-na-ni. Lại gọi Cù-già-ni là sai. Câu-xá nói: Tây Ngưu Hóa Châu sống năm trăm tuổi tướng đầy không ốm, cao mười sáu chỏ tay.

Bắc Uất-đơn-việt (Uttarakuru) hoặc Uất-đát-việt, dịch là Thắng xứ hay Thắng sanh, ở trong bốn châu thì hữu tình xứ hóa đều rất tối thắng. Cũng gọi là cao thượng xuất ra ba phương khác hình như cái tòa vuông, bốn mặt đều dài ba mươi hai tấc sống đủ một ngàn tuổi. Nên Câu-xá nói các chỗ có trung yểu trừ Bắc Cu-lô-châu, vì tuổi thọ nhất định, vì rất vui, vì chấp chặt nên Thánh nhân chẳng sanh vào đó, là một trong tám nạn. Nếu luận về gặp Phật nghe pháp thì Nam Thiệm bộ châu là nhiều hơn hết. Nên Đại Luận nói: Nam châu ba việc còn hơn các trời huống là Bắc Châu ư? Một là hay đoạn dâm, hai là sức thức niệm, ba là hay tinh tấn. Do đó các Phật chỉ ra đời ở Nam châu. Tây Vức Ký nói: Bắc Cu-lô-châu xưa gọi là Uất-đơn-việt, lại gọi là Cưu-lâu là sai Kim

Luân Vương thì hóa khắp bốn thiên hạ, Ngân Luân Vương thì Chánh cách Bắc Câu-lô, Đồng Luân Vương thì trừ Bắc Cu-lô-châu và Tây Cù-đà-ni, Thiết Luân Vương thí chỉ có Thiệm bộ châu. Phàm Luân Vương sắp ở ngôi lớn tùy phước mà cảm. Có Đại Luân Bảo bay trên không mà đến mà cảm có Kim Ngân Đồng Thiết khác nhau.

28. CÁC NƯỚC.

Xưa các vua dựng nước nuôi dân, độ trời đất rất họp, định âm dương rất hòa. Nhân Vương Kinh nói: Thiệm bộ châu này có mười sáu nước lớn, năm trăm nước vừa, mười vạn nước nhỏ. Kinh Lăng Nghiêm nói: Diêm-phù-đề này có hai ngàn ba trăm (2.300) nước lớn. Kim Quang Minh nói: Diêm-phù-đề này tám vạn bốn ngàn thành ấm xóm làng, song pháp thân không có hình dạng há mượn đất để ở. Nên vật có hình phải tùy nước mà hóa. Do đó Phật sanh ở nước Ca-duy-vệ thành đạo ở nước Ma-kiệt-đề, nói pháp ở nước Ba-la-nại, nhập diệt ở Cu-thi-na. Cho nên bốn chỗ này đều lập tháp mà thờ. Trí Độ Luận nói: Vì báo ân đất sanh phần nhiều đều ở Xá-bà-đề, tất cả chúng sanh đều nghĩ đất sanh. Như kệ nói: Tất cả Luận Nghị Sư, tự yêu pháp mình biết, như người nghĩ đất sanh, tuy xuất gia còn tranh cãi, để báo ân đất pháp thân phần nhiều ở Vương-xá thành, các Phật đều ưa pháp thân. Như kệ nói chư Phật quá khứ vị lai hiện tại đều cúng dường Pháp sư kính tôn trọng.

Ấn Độ (Simdhu) Tây Vức Ký nói: Tên gọi Thiên Trúc luận bàn lăng xăng. Xưa gọi là Thân Đốc hoặc Thận Đậu. Nay gọi là Ấn Độ. Ấn Độ thì Đường gọi là Nguyệt, Nguyệt có nhiều tên đây chỉ gọi một. Bởi vì cõi ấy thánh Hiền nối khuôn phép dẫn dắt mọi người như trăng chiếu sáng, do có nghĩa ấy gọi là Ấn Độ. Cảnh năm Ấn Độ gồm hơn chín vạn dặm, ba bên có biển lớn, phía Bắc dựa vào núi Tuyết. Bắc rộng Nam hẹp hình như nửa mặt trăng, phân chia bờ cõi thì có hơn bảy mươi nước trời nóng bức có nhiều suối khe. Thành Quang Tử nói: Nước Trung Thiên Trúc phía Đông giáp Chấn Đán năm vạn tám ngàn dặm, phía Nam giáp nước Kim Địa, phía Tây đến nước A-câu-giá, phía bắc đến Hương Sơn A-nậu-đạt cũng đều năm vạn tám ngàn dặm thì biết nó là giữa các nước. Lương Truyện nói: Hà Thừa thiên để mang tên bác vật. Bèn hỏi Huệ Nghiêm rằng: Nước Phật dùng lịch nào. Đáp rằng: Thiên Trúc vào ngày Hạ chí, lúc giữa trưa cắm cọc không bóng lệch gọi là Thiên Trung, ở Ngũ Hành thổ Đức sắc còn vàng, số còn năm, tám tấc làm thước mười lượng đến đất này là mười hai lượng, lập tháng Thìn làm đầu đầu năm và thảo hạch phân chí suy giảo bạc trùng cố bộ quang

ảnh, pháp ấy rất rõ, túc độ chương kỷ đều có điều lệ thừa thiên vô sở thố nạn. Sau người nước Bà-lị đến quả đúng như lời Nghiêm nói.

Ba-la-nể-tư (Vàrànasi) Tây Vức Ký nói: Xưa gọi là Ba-la-nại là sai thuộc Trung Ấn Độ. Bà-sa nói: Có sông tên là Ba-la-nại cách đó không xa có tạo lập thành vua, dịch là sông bên thành, cũng gọi Lộc Uyển.

Ca-tỳ-la-phiên-tốt-đô (Kapilavastu) Ca-tỳ-la dịch là Huỳnh sắc, phiên-tốt-đô dịch là Sở y xứ. Từ Thượng Cổ đã có Tiên gọi là Huỳnh Đầu ở đây tu đạo. Tây Vức Ký gọi là kiếp bí-la-phạt-tốt-đổ, xưa dịch là Ca-tỳ-la-vệ là sai hoặc gọi Ca-duy-vệ, hoặc Ca-di. Dịch là Xích trạch hoặc gọi Bà-đâu dịch là Sưu, dịch là Năng Nhân Trụ xứ (chỗ ở Năng Nhân = Phật) Trúc Pháp Lan đối Hán Minh gọi là Ca-tỳ-la-vệ trong Đại thiên vậy. Tống Sa-môn Huệ Nghiêm cùng Nam Mân Giáo Phủ Hà Thừa Thiên cùng luận nghĩa trong tiếng Hoa Phạm bèn dẫn pháp Trắc Cảnh của Chu Công: cõi nay ngày Hạ Chí còn có dư âm, Thiên Trúc thì không. Nói trắc cảnh là Chu Công năm bốn Nhiếp Chánh muốn tìm đất mà lập thành vua, cho nên lấy đất mà trắc cảnh tốt thì được Dĩnh Xuyên Dương Thành, ở đó bèn lập kinh đô, thổ khuê dài một thước năm tấc, ngày Hạ chí vào nửa ngày lập biểu tám thước, biểu Bắc trắc được cảnh một thước năm tấc, cảnh cùng Thổ Khuê v.v... đây là trong đất. Trịnh Tư Nông nói phàm mặt trời bóng ở đất (phàm ngày cảnh ở đất) ngàn dặm mà sai một tấc, phải biết Dương Thành ở đất này là chính giữa. Đã có biểu cảnh há chẳng phải âm khác. Huống đất Đông ra biển lớn, ba phương kia không phải, do đó mà xem thì nghĩa đã bày rõ.

Xá-bà-đề (Sràvastì) Tây Vức Ký gọi Thất-la-phiệt-tất-để xưa gọi sai là Xá-vệ, dịch là Văn Vật, vì có nhiều báu vật sanh ra ở thành này. Cũng dịch là phong Đức: Một là đủ tiền báu, hai là có ngũ dục hay, ba là nhiều Đa văn (học giỏi), bốn là có nhiều giải thoát. Nghĩa Tịnh dịch Kim Cang nói: Tên gọi là Thành lớn. Chích Hoa nói: Chỉ được nghĩa Văn mà thiếu nghĩa Vật, đây là tên gọi Đô thành nước Kiều-tát-la. Huề Lý Chứng Chân Sao nói là giản Nam nước Kiều-tát-la nên bỏ tên nước mà nêu tên thành. Phát Chẩn hỏi các kinh nói Phật sanh nước Ca-tỳ-la, vì sao Luận Chủ nói: sanh nước Xá-bà-đề? Đáp: Ca-tỳ-la cùng Xá-bà-đề gần nhau cùng là cảnh Trung nhân duyên nên nói thế.

Ma-kiệt-đề (Magadha) dịch là Thiện Thắng hoặc Vô Não. Tây Vức Ký gọi là Ma-kiệt-đà. Xưa gọi là Ma-già-đà. Lại gọi Ma-kiệt-đề đều sai, thuộc cảnh Trung Ấn Độ. Văn Cú Ký nói: Đây gọi Bất hại vì kiếp sơ đến nay không có hình hại (giết hại) đến vua A-xà-thế chặt

ngón tay mà hình phạt. Sau tự cắn tay thấy đau bèn bỏ hình phạt này. Chỗ đất Phật sanh nên bày trước điềm tốt. Do đó trước đặt tên Bất hại hay Vô hại Văn Cú nói: Đây dịch là Thiên La. Thiên La là tên vua, lấy tên vua làm tên nước, nên tên thành Vương-xá.

La-duyệt Kỳ-già-la (Ràjagrha) Tây Vức Ký gọi là Hạt-la-xà-cật-lị-tứ, dịch là Vương-xá thành. Ứng Pháp sư nói: La-duyệt nghĩa là Liệu Lý, lấy vua mà thay, là tên thành nước Ma-già-đà. Đại Luận nói: Xưa có vua Tu-đà Tu-ma, vua này rất tinh tấn trì giới thường y lời chân thật. Sáng sớm ngồi xe đem các thể nữ vào vườn dạo chơi khi ra khỏi của thành có một Bà-la-môn đến xin vua mà bảo rằng: Vua là người Đại phước đức thân tôi nghèo hèn xin Ngài thương xót ban cho ít nhiều vua kính Như Lai bảo rằng: Ta sẽ bố thí giờ. Ta phải trở về. Nói xong thì vào vườn hoa tắm rửa đùa giỡn. Lúc đó vua hai cánh tên là Lộc Túc từ trên không bay xuống bắt vua đem đi. Các thể nữ khóc lóc ồn ào cà vườn trong ngoài kinh thành đều náo động. Lộc Túc đem vua bay lên không trung đến chỗ ở đặt trong chín mươi chín vua khác. Vua Tu-đà Tu-ma nói ta không sợ chết tự hận mất lời hứa, ta từ sanh ra đến nay chưa từng nói dối. Hồi sáng này khi ra cửa thành có một Bà-la-môn đến xin ta, lúc đó ta hứa trở về sẽ bố thí, chẳng sợ vô thường phụ rảy tâm ấy nmà bị tội lừa dối, nên ta khóc đó thôi. Lộc Túc bảo vua rằng: Ý ông muốn thế vì sợ vọng ngữ, ta cho ông bảy ngày trở về để bố thí cho Bà-la-môn rồi trở lại đây, nếu quá bảy ngày thì ta có cánh bắt ông chẳng khó. Vua Tu-đà Tu-ma được trở về nước thỏa lòng bố thí, lại lập Thái tử làm vua. Giữa đại hội nhân dân vua sám tạ (tạ tội) rằng tôi là người thiểu trí, trước lại trị không đúng pháp nên gặp hoạn nạn. Như ngày nay thân không phải của ta có nay phải trở về. Nhân dân cả nước và các thân thích cúi đầu giữ vua ở lại xin vua lưu ý từ bi che chở nước này chớ sợ quỉ vương. Hãy lập nhà sắt hưng binh, Lộc Túc tuy là Thần cũng chớ sợ. Vua nói không được đâu, rồi nói kệ rằng:

Lời thật giới thứ nhất,
Lời thật thang lên trời,
Lời thật là Đại nhân,
Lời vọng vào địa ngục.
Ta nay giữ lời thật,
Thà bỏ thân mạng này,
Tâm không hề hối hận.

Nghĩ như thế rồi vua liền đến chỗ Lộc Túc. Lộc Túc ở xa thấy mừng rỡ bảo rằng: Ông là người nói thật chẳng mất uy tín. Tất cả mọi

người đều tiếc thân mạng, ông từ chết mà được thoát, giữ được lời hứa, ông là đại nhân. Lộc Túc lại nói: Ông thích lời này nay ta thả ông chín trăm chín mươi chín (999) vua cũng bố thí như ông tùy ý mà trở về nước mình, do một ngàn (1.000) vua ở đó nên gọi là Vương-xá.

Câu-thi-na (Kuzinagara) dịch là Giác thành. Phụ Hành nói: Thành này cỏ ba góc nên gọi là Giác.

Tỳ-da-ly (Vaisàri), cũng gọi Duy-da-ly, Tỳ-xá-lệ, Phệ-xá-ly dịch là Quảng Nghiêm. Tây Vức Ký nói nước Phệ-xá-ly xưa gọi sai là Tỳ-xá-ly. Thập Sư nói: Tỳ là đạo (lúa, gạo) là giống ở đất ấy. Ly-da gọi là Quang Nghiêm đất đai bằng phẳng nghiêm đẹp. Tịnh Danh Lược Sớ nói: Dịch là quảng bác nghiêm tịnh, nước ấy rộng mà bằng phẳng nên gọi quảng bác, thành ấp hoa lệ nên gọi là nghiêm tịnh. Có Thầy dịch là Hảo Đạo tức sản xuất lúa gạo ngon hơn các nước khác. Lại nói Hảo đạo, tức nói nước có đạo đức ngay thẳng nên nói Hảo đạo. Nước ấy nhân dân ưa chánh đạo, tự đôn nhân nghĩa không cần vua chúa, năm trăm Trưởng giả cùng làm đạo pháp dẫn dắt nhân dân đều vui.

Già-da (Gayà) dịch là Sơn thành, cách Bồ-đề đạo tràng khoảng hai mươi dặm. Tây Vức Ký nói: Thành rất hiểm chắc. Thành Tây nam năm, sáu dặm đến núi Già-da, khe núi mịt mờ, ngọn núi cao hiểm. Tục nước Ấn Độ gọi là Linh Sơn, từ xưa vua chúa tự nối nhau cai trị lâu xa, đức lớn hơn đời trước đều lên núi này mà báo cáo thành công.

Thành Cự-xa-yết-la-bổ-la (Kusàgàrapura) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Thượng Mâu Cung thành, có nhiều tranh thơm rất cao quí tốt đẹp, ở giữa nước Ma-kiệt-đà, là kinh đô của các vua xưa.

Thành Câu-tô-ma-bổ-la (Kusumapura) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Hương Hoa Cùng thành. Cốc Lương nói: Thành dùng bảo vệ dân là thành trời Hoa Nghiêm Bảo Nhãn bảo Thiện Tài rằng: nên giữ gìn thành tâm để lìa sanh tử vậy.

Yết-nhã-cúc-xà (Kanyakusja) Tây Vức Ký nói: Đường gọi là khúc nữ thành thuộc Trung Ấn Độ, nơi Đại thọ tiên nhân nhận nương thần nhập định trải mất vạn năm, từ định ra thì thấy một trăm con gái vua đến cung cầu thỉnh, chỉ có người con gái nhỏ nhất thì đưa sứ đến. Tiên nhân nổi giận liền quở độc rằng chín mươi chín cô gái eo cong, từ đó trở đi gọi là khúc nữ thành.

Tô-phạt-thích-noa-cù-đát-la (Suvarnagotra) Tây Vức Ký nói: Đường gọi Kim Thị sanh ra Huỳnh Kim Tốt. Đời lấy người nữ làm vua nhân đó lấy gái làm tên nước.

Ô-trượng-na (Udyàna). Trang Truyện nói Đường gọi là Uyển xưa

là vườn hoa của vua A-luân-ca. Xưa gọi là Ô-trường hoặc Ô-trà đều sai thuộc Bắc Ấn Độ.

Kiều-thường-di (Kauzaôbì) Tây Vức nói xưa gọi là Câu-viêm-di là sai thuộc Trung Ấn Độ.

Kế Tân (Kubhà - Kazmìra) dịch là Tiện chủng. Tây Vức ký gọi là Ca-thấp-di-la, xưa gọi Kế Tân là sai thuộc Bắc Ấn Độ. Mạt-điền-để-ca đã được đất ấy. Lập năm trăm già lam, ở các nước khác mua bán người nghèo để làm tôi tớ dụng cấp cho Tăng. Sau khi Mạt-điền-để-ca tịch diệt rồi thì các người nghèo hèn lập ra vua ở gần các nước khác, xem là giống hèn hạ không giao tiếp, gọi là Khất-lị-đa, Đường gọi là mãi đắc (mua được).

Kiếp Bố-tồ-na (Kapotana) Tây Vức Ký gọi là Tào quốc.

Giả-thì (Caji) Tây Vức Ký nói Đường gọi Thạch quốc.

Táp-mạt-kiện Tây Vức Ký nói Đường gọi Khang Quốc.

Nhị-mạt-ha (Mimaha) Tây Vức Ký nói Đường gọi Mễ quốc.

Khuất-sương-nhĩ-ca (Kagania) Tây Vức nói Đường gọi là Đông An quốc

Bổ-bộ (Bukhara) hoặc gọi Bộ-yết. Tây Vức Ký nói Đường Trung An quốc

Mậu Địa, Tây Vức Ký nói Đường gọi là Tây An quốc.

Yết-sương-na (Kasáưna) Tây Vức Ký nói Đường gọi là Sử quốc

A-kỳ-ni (Agni, Akni) Tây Vức Ký nói xưa gọi là Ô-kỳ là sai.

Khuất-chi (kuce) Tây Vức Ký nói Xưa gọi là Qui Tư, hay Khâu Tư.

Kiện-đà-ra (Gamdhàra) Tây Vức Ký nói xưa gọi là Càn-đà-vệ là sai. Tùy gọi là Hương Hành quốc.

Hạt-bộ-đa, Tây Vức Ký nói Đường gọi là Kỳ Đặc.

Khư-sa (Srikritati) Tây Vức Ký nói xưa gọi là Sơ-lặc-giả chính là tên thành là sai, gọi đúng là Thất-lị Càn-lặc-đa-để.

Chí-na-phác-để (Cinapati) Tây Vức Ký nói Đường gọi là Hán Phong. Hà Tây Phiên chỗ Duy Chất Tử ở, nhân đó đặt tên nước.

Cù-tát-đát-na (Kustana) Tây Vức Ký nói Đường gọi là Địa nhũ. Vua chưa có con nối ngôi bèn cầu con ở Tượng Tỳ Sa-môn thì trên trán nút ra có đứa bé chẳng chịu uống sữa người, trước thần bỗng nhiên vọt lên như chất sữa đứa bé liền uống rồi lớn dần, tức lời tục nói nhã, tục bảo là nước Hoán-na. Hung nô gọi là can độn, các Hồ gọi là Khoát Thả, Ấn Độ gọi là Khuất Đơn, xưa gọi là Can Điền là sai.

Bạc-khư-la (Buklara), đáng gọi là Nguyệt Chi, ở phía Tây Bắc

Tuyết Sơn hoặc gọi Nguyệt Thị.

Tăng-già-la (Simhala) Tây Vức Ký nói Đường gọi là Chấp Sư Tử, không thuộc Ấn Độ ở Nam Hải Lộ, ông tổ bắt nhốt Sư tử, cha giết Ưng Vương mộ, vua sợ bạo nghịch trọng thưởng mà thả đi xa, đi thuyền cập bến liền lập nước.

Chấn Đán (Cina) hoặc gọi Chơn Đơn, Chiên Đơn. Lâm Pháp sư nói Đông phương thuộc chấn là phương mặt trời mọc, nên gọi là Chấn Đán. Hoa Nghiêm âm nghĩa dịch là Hán địa. Đây chẳng rành tiếng Hoa. Lâu Thán Kinh nói: Th6ng Hà lấy Đông gọi là Chấn Đán vì mặt trời mọc chiếu sáng hướng Đông nên được tên.

Chỉ-na (Cina) Bà-sa nói có hai âm: Một là Chi-na dịch là nước Văn Vật tức lời khen cõi này là đất áo mão Văn Vật. Hai là Chỉ-nạn dịch là biên bỉ, tức nơi đày kẻ có tội không phải giữa nước. Tây Vức Ký gọi là Ma-ha-chí-na, tức là Đại Đường.

Y-sa-na, Thanh Lương Sớ nói: Dịch là Trường Trực, tức là lý hạng kính vĩnh biểu thị biết ba bờ gọi là Trường, biểu thị biết thắng nghĩa gọi là Trực.

Miệt-lệ-xa (Mleccha) Trang Truyện nói Đường gọi là Biên địa ở phía Bắc Bấc Ấn Độ đều gọi là Miệt-lệ-xa.

Thành Càn-thát-bà (Gamdharva-nagara) Đại Luận nói: Khi mặt trời mọc thì thấy cửa thành lâu lỗ cung điện người đi ra vào, khi mặt trời lên cao thì biến mất. Chỉ có mắt thấy mà không có thật gọi là Thành Càn-thát-bà. Tịnh Uyển Hoa Nghiêm Âm Nghĩa nói: Tây Vức gọi là Lạc nhân vì Càn-thát-bà ưa dùng huyễn thuật hóa thành quách khiến người vui bỗng chốc thì mất, tức do Long Thận hiện ra Phụ Hành nói Càn Thành tục gọi là Thận khí, Thận là con hàu lớn buổi sáng nổi lên ở biển, ở xa thấy như có, ở gần thì không.

29. CÁC NÚI

Ngũ Nhạc chiếm đất sách Chi-na có ghi đủ. Thất kim hoàn sơn sách Tây Vức cũng nêu rõ. Hoặc hang ẩn cho Thiên long hoặc làm đạo tràng cho Hiền thánh, phiên dịch đã truyền danh nghĩa nêu rõ.

Thế-la (Saira) Tây Vức Ký nói Đường gọi là núi. Ổ-ba-thế-la dịch là núi nhỏ. Quảng Nhã nói: Sơn là sản, tức là núi sanh ra muôn vật. Núi cao gọi là nhạc, núi nhỏ gọi là khâu (gò).

Tô-mê-lô (Sumeru) Tây Vức Ký nói Đường gọi là Diệu Cao xưa gọi là Tu-di hay Tu-di lâu đều sai, núi này do bốn báu họp thành ở trong biển lớn. Dựa trên Kim Luân mặt trời mặt trăng đi vòng quanh, các

trời ở trên đó, có bảy núi bảy biển vây quanh, bốn mặt đều có một sắc, Đông sắc vàng ròng, Nam sắc lưu ly, Tây sắc bạc trắng, Bắc sắc pha lê, tùy theo mỗi mặt nước đồng với sắc núi, Tỳ-đàm Câu-xá nói: Diệu Cao do bảy báu tạo thành nên nói Diệu, cao hơn bảy núi vàng nên nói cao. Quán Kinh Sớ nói: Vượt cao ba trăm ba mươi sáu (336) vạn dặm, rộng dài đều như thế.

Di-lâu (Meru) dịch là quang minh, là bảy núi vàng đó. Sắc vàng sáng lòa. Nếu theo Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng Kinh thì núi Tu-di Lâu là núi Di-lâu, núi Tu-di xưa dịch Câu-xá bảo là Tu-di hay Di-lâu thì tiếng phạm có khác. Nếu theo Pháp Hoa nói trong ngoài núi Di-lâu, Tu-di và Thiết-vi thì thể của núi cũng khác.

Chá-ca-la (Cakra) hoặc gọi Chước-yết-la, Chước-ca-la. Ứng Pháp sư nói dịch là Luân Sơn. Xưa gọi là Thiết-vi, vi tức nghĩa luân (vây quanh = vầng, bánh xe), người dịch lập nghĩa.

Kỳ-xà-quật (Grdhrakùta) Đại Luận nói: Kỳ-xà là thứu, quật là đầu là đỉnh núi giống con thứu. Tăng Nhất A-hàm, Phật bảo các Tỳ-kheo núi này lâu xa đồng tên là Linh Thứu. Quán Kinh sớ nói: Các thánh tiên nương núi đó mà ở. Tây Vức Ký nói: Phía Đông bắc cung thành đi ba, bốn dặm đến Cật-lật-đà-la-cự-tra, dịch là Thứu phong cũng gọi Thứu đài. Xưa dịch là Kỳ-xà-quật là sai, chim thứu ưa đậu ở đó lại gọi Cao đài. Ứng Pháp sư nói xét tiếng Phạm thì không có nghĩa linh, chim này có linh biết người sống chết nên gọi Linh Thứu. Bà-sa nói: Núi ấy có ba ngọn như Ngưỡng kê túc (móng chân gà), giống như dấu chân con sói, nên gọi Lang Tích, cũng gọi núi Phổ Hiền, núi Bạch Thiện, núi Tiên Nhân, núi Phụ Trọng.

Mục-chơn-lân-đà (Muciliưda) hoặc gọi Mục-chỉ-lân-đà dịch là Thạch sơn.

Bát-la-cập-bồ-đề (Pragbodhi) Tịnh Danh Sớ nói: Dịch là An minh. Thùy Dụ nói: Vào nước rất sâu gọi là An, cao hơn các núi gọi là minh. Tây Vức Ký nói Đường gọi núi Chánh giác trước Như Lai sắp chứng Chánh giác trước lên núi này.

Khuất-khuất-tra-bá-đà (Kukkulapadagiri) Tây Vức Ký nói Đường gọi là núi Kê Túc cũng gọi Cũ-lô-bá-đà, Đường gọi là Tôn Túc, cao hơn ba ngọn núi. Ca-diếp đã vào ba ngọn ba ngọn mà ẩn. Sau ba hội nói pháp có vô lượng chúng sanh kiêu mạn. Từ Thị dắt lên núi này phút chốc núi mở ra, Ca-diếp trao y lửa hóa nhập diệt.

Nhơn-đà-la-chấp-la-củ-ha (Indrazailaguhà) Tây Vức Ký nói Đường gọi là hang Đế-thích, núi Nam ở ngọn phía Tây có hang đá lớn

rộng mà không cao. Phật thường ở trong đó. Lúc đó trời Đế-thích đem bốn mươi hai điều nghi viết lên đá mà hỏi, Phật liền giải thích dấu tích vẫn còn.

Lăng-ca (Lauka) Tây Vức Ký nói nước Tăng-già-la ở góc Đông nam có núi Lăng-ca hang sâu núi cao thân quỉ ở đây xưa Phật ở đây nói kinh Lăng-ca (Lăng Già?) xưa gọi Lăng Già là sai?

Bổ-đà-lặc-ca (Potalaka) hoặc gọi Bổ-niết-lạc-ca, dịch là Hải Đảo lại gọi là Tiểu Bạch Hoa. Tây Vức Ký nói có núi Đát-lặc-ca, Nam Hải có Thạch thiên cung, là nơi Quán Tự Tại Bồ-tát ở đấy.

Ưu-lưu-mạn-đà, cũng gọi là Ưu-lưu-mạn-trà, dịch là Đại Đề Hồ.

Kha-địa-la dịch là kha không. Địa-la là phá, gọi là núi phá không.

Tỷ-la-bà-lạc (Pìlusàragiri) Tây Vức Ký nói Đường gọi là núi Tượng Kiên, Thần làm hình voi nên gọi Tượng Kiên.

Đờn-đa-lạc-ca (Damtalokagiri) Tây Vức Ký nói xưa gọi núi Đàn Đặc là sai.

Du-kiền-đạt-la (Yugaưdhara) dịch là Song tích, ngọn núi này có hai lũng đạo giống như dấu xe.

Do-càn (Yugaưdhara), dịch là song.

Đà-la dịch là Trì, gọi là núi Song Trì.

Y-sa-đà-la (Isadhara) dịch là trì tục, hình như cái trục xe.

Khư-địa-lạc-ca (Khadraka), dịch là núi Diêm Mộc, là tên cây.

Tô-đạt-lê-xá-na (Sudarsana), dịch là Thiện kiến, người thấy ắt khen thiện.

Át-ổn-phược-noa (Asvakarna) dịch là núi Mã Nhĩ vì giống tai ngược.

Tỳ-ma-hằng-ca (Vinataka) dịch là núi có Thần chướng ngại

Tỳ-dân-đạt-la (Nemimdhara) dịch là núi Địa trì, hình cá giống trong biển.

Ma-lê (Malaya) hoặc Ma-la-da, ở Nam Thiên Trúc, núi có nhiều chiên đàn.

Ni-dân-đà (Nemimdhara) dịch là Trì biên, bảy vàng ngoài biên (bên ngoài), hộ trì vây quanh sáu núi kia.

30. CÁC NƯỚC. *(sông?)*

Thấm nhuần muôn vật không gì bằng nước, hình là bốn đại, khí đầu năm lành. Thiền Nguyên Thuyên nói: Nêu nước gọi ẩm ướt là thể, lắng thì trong quậy thì đục, đáp thì ngừng, khơi thì chảy. Nay Phật giáo

nói nguồn nước chảy cho nên nêu đủ khiến phân biệt rõ.

A-già (Udaka) dịch là nước, Thích Danh gọi Thủy chuẩn, là theo mặt nước nằm ngang. Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh nói: Nước tám công đức: một là lắng sạch, hai là trong mát, ba là ngon ngọt, bốn là mềm mại nhẹ nhàng, năm là nhuận trạch (thấm đượm), sáu là an hòa, bảy là khi uống trừ khát và các binh, tám là uống vào nuôi lớn các căn bốn đại. Tịnh Giác nói: Trong là sắc nhập, không hôi thúi là hương nhập, mềm mại nhẹ mát là xúc nhập, ngon là vị nhập, điều thích là pháp nhập.

A-nậu-đạt (Anavatapta) Tây Vức Ký nói: Trong đất Thiệm bộ châu có ao A-na-ba-đáp-đa, Đường gọi là Vô nhiệt não. Xưa gọi A-nậu-đạt là sai. Ở phía Nam núi Hương, phía Bắc núi Đại Tuyết, chu vi tám trăm dặm vàng, bạc, đồng, sắt, lưu ly, pha lê trang sức trên bờ, cát vàng di mạn sóng sanh sáng như gương. Đại Địa Bồ-tát dùng nguyện lực hóa làm Long vương ngầm ở trong đó phun ra nước trong mát. Mặt Đông của ao là Kim Ngưu khẩu (cửa sông Kim Ngưu) chảy ra sông Khắc Già, chảy quanh ao một vòng mà vào Đông Nam Hải. Mặt Nam của ao là Kim Tượng Khẩu chảy ra sông Tín Độ, chảy quanh ao một vòng mà vào Tây Nam Hải. Mặt Tây của ao là Lưu Ly Mã Khẩu chảy ra sông Phược Sô, chảy quanh ao một vòng mà vào Tây Bắc Hải. Mặt Bắc của ao là pha lê Sư Tử Khẩu, chảy ra sông Sỉ Đa, chảy quanh ao một vòng mà vào Đông Bắc Hải. Hoặc nói chảy ngầm dưới đất mà ra núi Tích Sơn tức dòng sông Sỉ Đa là nguồn sông của Trung Quốc (ở giữa nước?) Hiếu Kinh Viện Thần Khế nói: Sông là bác của nước?

Tín độ (Sim dhu), xưa gọi là Tân Đầu dịch là Nghiệm hà.

Khắc-già (Gaưgà) dịch là Thiên đường lai (từ trên trời xuống) vì thấy từ trên cao đổ xuống, lại nói lấy tên Thần sông làm tên sông. Tây Vức Ký nói: Xưa gọi Hằng Hà, lại gọi là Hằng sa là sai. Chương an nói: Các kinh phần nhiều lấy cát sông Hằng làm số lượng. Có bốn nghĩa: Một là có nhiều người biết, hai là vào đó được phước, ba là vào sông rất lớn, bốn là chỗ Phật sanh, tức bốn tất đàn.

Phược-sô (Vaưksu) dịch là Thanh Hà. Tây Vức Ký nói: Xưa gọi Bác-xoa là sai.

Sỉ-đa (Sìta) dịch là Lãnh Hà. Tây Vức Ký nói: Xưa gọi là Tư-đà là sai.

Sông A-thị-đa-phạt-để (Ajitavatì) Tây Vức Ký nói Đường gọi Vô Thắng. Xưa gọi sông A-li-la-bạt-đề là sai. Sách gọi sông Hê-lạt-noa-phạt-để dịch là sông có vàng, là chỗ sanh ra vàng Diêm-phù. Lương

Tống Pháp sư nói: Phật đến bên sông này có ý nhập diệt, dòng sông chảy nhanh như sanh tử mau chóng. Cát vàng chẳng động dụ cho Phật tánh thường còn. Lại nhân ở đất này bỏ thân nay đến đó mà nhập diệt, Chương An nói: Có tương truyền rằng Hy Liên Kỳ là Bạt-đề, nay nói không phải thế. Bạt-đề lớn là Hy Liên bé. Có người nói: Rộng bốn trượng hoặc tám trượng ở phía Bắc của thành. Bạt-đề thì ở phía Nam thành cách nha cả trăm dặm. Phật ở khoảng giữa Hy Liên Thiền Ni dịch là sông Bất Lạc Trước. Kinh Độ Nhất Thiết Phật Cảnh Giới nói: Phật bảo bốn dòng, dòng đục có dòng, dòng kiến không nói dòng. Kinh Niết-bàn nói: Nói sáu sông là sông sanh tử, sông Niết-bàn, sông Phiền não, sông Phật tánh, sông Thiện pháp, sông Ác pháp.

Bà-yết-la (Sàgara) hoặc gọi Bà-già-la, dịch là Hàm Hải (biển muối (mặn)). Thư nói: Giang Hán Triều Tông Vu Hải. Trang Tử nói: Minh Hải là ao trời. Hoài Nam Tử nói: Biển chẳng nhượng nước chứa nhóm thành lớn. Tôn Khánh (liễu) Tử nói: Chẳng chứa dòng nước nhỏ thì không thành biển. Lão Tử nói: Sông biển có thể làm vua trăm hang Thiện là thấp nhất, sóng có hẹn sớm tối, cho nên Ngô Đô có ao sớm tối. Tân Hoa Nghiêm nói: Ví như biển lớn có mười tướng, được tên biển lớn không gì cướp lời: Một là thứ lớp cạn sâu, hai là chẳng nhận thây chết, ba là nước khác vào đó liền mất tên cũ, bốn là khắp đồng một vị, năm là có vô lượng trân bảo, sáu là không thể đến đáy, bảy là rộng lớn vô lượng, tám là chỗ thân lớn ở được, chín là sóng chẳng quá hạn, mười là khắp nhận mưa lớn mà không tràn. Kinh Kim Cang Tam-muội Bất Hoại Bất Diệt nói: Dùng núi Ốc Tiêu biển lớn cũng không tăng dùng Kim Cang Luân biển lớn cũng không giảm, vì Kim Cang Luân này tùy lúc mà chuyển, khiến nước biển lớn đồng một vị mặn. Hoa Nghiêm nói: Trong cung điện Ta-kiệt-la Long vương nước phun vào biển lại gấp bội trước chỗ nước phun ra sắc xanh lưu ly phun ra có lúc. Thế nên biển lớn sóng chẳng không đúng lúc. Đại Tập nói: Như tất cả thân chúng sanh cõi Diêm-phù-đề và các ngoại sắc ở trong biển lớn đều có ấn tượng nên gọi là Hải Ấn, Bồ-tát cũng thế, được Hải Ấn Tam-muội rồi mới phân biệt được tất cả tâm hạnh của chúng sanh, đối với tất cả pháp môn đều được tuệ sáng. Hoa Nghiêm nói: Biển có pháp thù thắng kỳ đặc hay làm tất cả ấn bình đẳng, các báu vật của chúng sanh và các sông khắp được bao dung không chống cự. Vô tận thiền định giải thoát làm ấn bình đẳng cũng như thế, phước đức trí tuệ các diệu hạnh tất cả đều tụ không chán đủ.

Ha-ra-đà (Hrada) dịch là ao, nơi chứa nước là ao. Quãng Nhã gọi

là Chiểu.

Đề (Dvipa) Đại Luận dịch là Châu. Nhĩ Nhã nói: Trong (giữa) nước có thể ở gọi là Châu. Đại Phẩm nói: Này Tu-bồ-đề, như sông biển kia bốn bên đều là nước thì gọi là Châu. Này Tu-bồ-đề sắc cũng như thế trước sau đều bờ dứt. Đại Luận nói: Châu thế gian như châu kia bốn bên không đất. Sắc v.v... các pháp cũng như thế, trước sau đều chẳng thể được, khoảng giữa cũng thế. Nói Châu đàn gọi là bến. Đại Niết-bàn nói: Ví như kẻ thương buôn đến bãi để lượm báu, không biết đường đi, có người chỉ cho liền đến bãi báu mà được các báu. Đại Niết-bàn dụ đó là báu.

31. RỪNG CÂY.

Tỳ Lam gọi là uyển (vườn) mẹ hái hoa mà giáng sanh. Bồ-đề là giác tràng, Phật quán cây mà hạnh đạo. Ở vườn nai mà nói pháp, ở Hạc Lâm mà nhập Niết-bàn, đều đã nương rừng nên nêu rõ câu khác.

Bà-na (Vana) gọi đúng là Phạn-na, dịch là rừng, nhiều cây gọi là rừng. Tạp A-hàm nói: Phật bảo A-nan, ông xa thấy rừng cây sắc xanh chăng. Thưa đã thấy. Chỗ đó tên là núi Ưu-lâu-man-trà, Như Lai diệt độ rồi một trăm năm, sẽ có con người lái buôn tên Ưu-ba-khuất-đa sẽ làm Phật sự, là bậc nhất trong số giáo thọ sư đó.

Bồ-đề-thọ (Bodhidruma) Tây Vức Ký nói: Tức cây Tất-bát-la vậy. Khi xưa Phật ở đời cao mấy trăm thước, chặt phá nhiều cũng còn bốn, năm trượng, Phật ngồi dưới gốc mà thành Chánh giác nhân đó đặt tên là cây Bồ-đề, cành nhánh vàng trắng, lá xanh tươi, mùa đông mùa hạ không rụng chết, xanh tươi không đổi. Mỗi khi đến ngày Niết-bàn thì lá đều rụng (?) khoảnh khắc lại như cũ. Pháp Uyển nói: Cây đạo thọ Thích-ca tên A-phái-đa-la.

Ta-la (Sàla) dịch là kiên cố. Bắc Viễn nói: Đông hạ chẳng đổi gọi là kiên cố. Tây Vức Ký nói: Cây ấy loại hộc mà da xanh trắng, lá rất sáng nhuận bốn cây riêng cao Hoa Nghiêm Âm Nghĩa dịch là cao xa, vì cây ấy cao vót hơn các cây khác. Hậu phần nói: Rừng cây ta la rộng dài khoảng mười hai do tuần, trời người đại chúng đều khắp chứa đủ, đầu nhọn nhân vô biên chúng không có trống thiếu chẳng che lấp nhau. Đại Kinh nói: Hai cây song song ở phương Đông dụ cho thường và vô thường, hai cây song song ở phương Nam dụ cho lạc và vô lạc, hai cây song song ở phương Tây dụ cho ngã và vô ngã, hai cây song song ở phương Bắc dụ cho tịnh và bất tịnh. Bốn phương đều song song nên gọi là Song thọ, mỗi mặt đều một cây khô một tươi. Hậu Phần nói: Một

cặp ở phương Đông ở sau Phật, một cặp ở phương Tây ở trước Phật, một cặp ở phương Nam ở chân Phật, một cặp ở phương Bắc ở đầu Phật. Khi Phật Niết-bàn rồi thì hai cặp Đông tây hợp làm một cây, hai cặp Nam bắc cũng hợp làm một cây, hai cây hợp lại đều rủ che Như Lai. Cây ấy buồn thương mà đều đổi bạc trắng.

Tất-lị-xoa (Vrksa) cũng gọi Tất-lạc-xoa, dịch là Cao Hiển Phật ở dưới cây ấy sanh ra thì là cao quí, danh rạng khắp trời người, nên gọi Cao Hiển. Bản Hành Kinh nói: Lúc đó Ma-gia phu nhân đứng trên đất lấy tay nắm nhánh cây Ba-la-xoa thì liền sanh Bồ-tát.

A-du-ca (Asoka) hoặc gọi A-du-kha,. Đại Luận dịch là cây hoa vô ưu. Kinh Nhân Quả nói: Ngày 8 tháng 2, phu nhân đến vườn Lâm Tỳ-ni thấy hoa vô ưu bèn đưa tay hữu hái thì từ hông hữu sanh ra. Hậu Hán Pháp Bổn Nội Truyện nói: Minh đế hỏi Ma Đằng Pháp sư rằng: Phật sanh ngày tháng nào biết chăng? Đằng đáp: Năm Chiêu Vương hai mươi bốn Giáp dần ngày 8 tháng 4 ở vườn Tỳ-lam dưới cây Ba-la sanh ra từ hông hữu. Nên Phổ Diệu nói: Khắp phóng ánh sáng lớn chiếu ba ngàn cõi (cõi Tam thiên). Tức Chu Thư Dị Ký nói: Chiêu Vương năm hai mươi bốn Giáp dần ngày 8 tháng 4, sông suối ao hồ đều đầy nước giếng cũng tràn nước ra, cung điện người nhà sông núi đất đai đền chấn động. Đêm ấy tức có khí năm sắc vào suốt Thái vi khắp ở phương Tây làm thành sắc xanh đỏ. Chiêu Vương liền hỏi quan Thái Sử Tô Điền ấy là điềm gì? Tô Điền thưa có Đại Thánh nhân sinh ở phương Tây nên hiện ra điềm ấy. Chiêu Vương nói: Thiên hạ như thế nào? Tô Điền đáp: Lúc này thì không có gì, đến ngàn năm sau thì Thinh giáo khắp hóa chốn này. Chiêu Vương liền sai khắc đá nêu việc ấy chôn ở trước đền Nam Giao. Đời Chu thứ sáu, vua Mục Vương đủ năm mươi hai tuổi (lên ngôi), năm Nhâm thân, ngày 15 tháng 2 thì Phật đủ bảy mươi chín tuổi mới diệt độ. Nên kinh Niết-bàn nói: Ngày 15 tháng 2 khi Phật Niết-bàn thì phóng ra các thứ ánh sáng đất đai chấn động tiếng vang đến trời Hữu Đảnh, ánh sáng chiếu khắp Tam thiên, tức Chư Thư Dị Ký ghi là Mục Vương lên ngôi năm năm mươi hai tuổi năm Nhâm thân buổi sáng ngày 15 tháng 2 có gió dữ nổi lên phá hại người nhà, tổn thương cây cối núi sông đất liền đều chấn động. Vào giờ ngọ mặt trời ẩn mất mây đen nghịt, ở phương Tây có ráng trắng mười hai luồng vắt ngang từ Nam đến Bắc suốt đêm không mất. Mục Vương hỏi quan Thái sử Ấp Đa: Điềm gì thế. Ấp Đa đáp Tây phương có Đại Thánh nhân diệt độ, nên hồn hiện ra như thế. Ngụy Đàm Mô Tối Nấp Đường Pháp Lâm, Bắc Sơn Thần Thanh Pháp Thượng đáp lời Cao Ly hỏi rằng: Triều đại đều đồng. Kinh

Khê Phụ Hành cũng nói. Đó là năm Chu Chiêu Vương Giáp dần. Đệ Nhị Tề Vương Giản Tê Thuật Đầu Đà Tự Ký nói rằng: Châu Lỗ nhị trang thân chiêu dụ cảnh chi gián. Kịp Tùy Dịch Kinh Học Sĩ Phí Trường Phòng tuyển Khai Hoàng Tam Bảo Lục. Phật ở Chu Trang Vương năm thứ mười tức là Xuân Thu Tả Truyện nói: Lỗ Trang Công năm thứ bảy tuế thứ Giáp ngọ ngày 8 tháng 4 vậy, tướng sanh đã hiển bày. Cho nên Phổ Diệu nói khắp phóng ánh sáng lớn chiếu sáng cõi Tam thiên tức là Tả truyện nói. Hằng tinh chẳng hiện mà đêm sáng rực. Kinh Thụy Ứng nói: Phất Tinh hiện xuống hầu Thái tử sanh. Nên Tả truyện nói: Sao rơi như mưa. Bản Hạnh Kinh nói: Hư không không mây tự nhiên mà mưa. Tả Truyện lại nói: Mưa khắp. Lại nói Phật thành đạo tức chúa Huệ Vương thứ mười tám. Vào năm thứ mười chín tức Quí hợi, Phật tịch diệt tức nhầm chúa thứ hai mươi mốt Khuông Vương năm thứ năm Quí sửu ngày 15 tháng 2 vậy. Lúc đó Phật đã tám mươi tuổi. Cô Sơn Chú Kinh bốn mươi hai chương nói: Tịnh Giác tạo Thông Nguyên Kỳ y vào đây phí thị triều đại, do Tịnh Danh Sớ nói: Phật ra đời bvào thời Chu, sao rơi như mưa. Pháp Lâm bình rằng: Chỉ căn cứ vào Hằng tinh làm nghiệm mà nói Phật sanh, chưa biết Hằng tịnh là do việc khác. Xét Văn Thù Sư Lợi Bát Niết-bàn nói: Sau khi Phật diệt độ hai trăm năm mươi năm, Văn Thù đến Tuyết Sơn hóa độ năm trăm Tiên xong trở về chỗ cũ, phóng ánh sáng lớn khắp chiếu thế giới mà vào Niết-bàn, điềm Hằng tinh tức là lúc ấy. Lại Phí Trường Phòng nói: Phật thành đạo vào năm Chu Huệ Vương thứ mười chín Quí hợi cũng có lỗi lớn. Vì sao? Vì xét Lưu Hướng Cổ Cựu hai bản nói: Thời Chu Huệ Vương đã dần có Phật giáo một trăm năm mươi năm sau. Lão Tử mới nói Đạo Đức Kinh (năm ngàn lời) nếu lúc Huệ Vương thì chỉ mới thành Phật, không phải kinh giáo đã truyền qua. Thứ ba thời Hậu Chu ngài Đạo An Pháp sư thuật hai giáo luận rằng: Huệ quang chiếu xa, Trang Vương nhân thấy đêm sáng linh dịch phương tâm Linh Đế lấy điềm (cho là) Thần mộng. Chủ rằng Xuân Thu Tà Truyện nói: Lỗ Trang Công năm thứ bảy Giáp ngọ đêm Tân mão tháng 4 Hằng tinh chẳng hiện mà sao rơi như mưa, tức là năm Chu Trang Vương thứ mười phương vậy. Trang Vương Biệt truyện nói: Bèn bói Dịch nói rằng: Ở Tây Vức người da đồng ra đời, do đó đêm sáng, không phải là họa xứ Trung Hạ. Lại ta vào Thập Pháp Sư Niên Kỷ và bài Minh trong Trụ đá thì đều phù hợp với Xuân Thu. Như Lai năm Chu Hằng Vương thứ năm Ất sửu thì Phật sanh, năm Tương Vương thứ 15 Giáp thân thì Phật diệt độ. Pháp Lâm bình rằng: Đạo An làm luận căn cứ vào ký của La-thập. La-thập Ký là theo An Thế Cao. An Thế Cao là

thời Hán Hằng Đế (vua Hằng Đế thời Hán) ở Lạc Dương mà phiên dịch. Tin chấp bút là cứ theo thời Hằng đế, chỉ có La-thập thời Tần mới đến, còn Thế Cao đến trước thời Hán, hai Sư cách nhau ba trăm năm, nếu tin họ y nhau làm ký thì không phải An Luận vội vã trình bày nhầm lẫn mà đều là do lỗi người truyền đương thời. Lại Pháp Hiển Truyện nói: Thánh ra đời thời Ân Võ Ất năm thứ hai mươi sáu Giáp ngọ mà sanh. Biện Chánh bình rằng: Tuy đi các nước ngoài nhưng chỗ truyền không giống (không theo?) năm tháng tục lệ trái nhau như Hà Hán lại Tượng Chánh Ký thì Định Bình Vương lúc đó là năm Mậu ngọ. Pháp Lâm bình rằng y tượng chánh ký hiếm thấy bằng chứng. Xét Thông Huệ Thứu Lãnh Thánh Hiền Lục nói Phật lúc sanh phàm có tám thứ khác nhau: Một là thời Hạ Kiệt, hai là thời Thương Mạt Ất Vỏ, ba là thời Tây (Chu) Chiêu Vương, bốn là thời Mục Vương, năm là thời Đông Chu Bình Vương, sáu là thời Hằng Vương, bảy là thời Trang vương, tám là Triệu Bá Hưu, Lương Đại Chunăm đầu ở Lô Sơn gặp Hoằng Độ Luận sư được Thánh chúng sau Phật diệt độ ngầm ký suy đời Tiền Chu có hai mươi chín vua, năm Trinh Định Vương Hào thứ hai Giáp tuất trước sau chỉ nhau thời đã phức tạp. Cho nên Đường Trinh Quán thứ mười ba, sắc sai Hình Bộ Thượng Thư Lưu Đức Oai v.v... hỏi Pháp Lâm Pháp sư vì sao truyền thuật trái rồi không thể cậy nương, do đó Lâm Pháp sư trước nêu thật, sau bày việc dối bèn định rằng năm Chu Chiêu Vương bính dần là Phật sanh, năm Chu Mục vương nhâm thân là Phật diệt độ. Từ đây mà tính đến nay là năm Thiệu Hưng thứ mười ba Quí hợi, tính chung là hai ngàn không trăm chín mươi bốn (2.094) năm (Đây là y theo Trích Thiền Sư Thanh Qui Tập Toán, nếu y Luật sư Phả thì thiếu mười ba năm). Tây Vức Ký nói: Từ khi Phật Niết-bàn các bộ luận khác hoặc nói đã qua chín trăm năm chưa đủ ngàn năm hoặc nói hơn một ngàn hai trăm năm. Song việc Cổ Kim đã xa, Đông tây cách trở chẳng nên chấp chặt một cái mà không theo các cái khác. Cho nên Nam Sơn Luật sư hỏi Thiên nhân rằng: cõi này thường truyền Phật là thời Âm hay Chu Chiêu Lỗ Trang đều nói không đồng làm sao định ra? Đáp: đều có nguyên do: Đệ tử thời Hạ Kuệt sanh lên trời thấy đủ Phật hóa độ. Lại Phật có ba thân, Pháp Báo hai thân thì người không thấy, đều hóa Đăng Địa trở lên. Chỉ có Hóa thân thì khắp đủ ba ngàn trăm ức thiên hạ. Cho nên có trăm ức Thích-ca tùy chỗ cảm của người mà trước sau bất định. Hoặc ở thời Ân mạt (cuối thời Ân) hoặc thời Lỗ Trang đủ trong Đại thiên, trước sau đều truyền một Hóa, đều thấy tùy cơ trước sau, Pháp Báo thường tự rõ ràng không đáng nghi ngờ. Luận về triều đại xong. Nếu luận về tháng thì

như Dục Phật Kinh nói: Tất cả Phật đều sanh ngày 8 tháng 4. Phật sanh ở thành Ca-duy. Còn về tịch diệt thì kinh Niết-bàn nói là ngày 15 tháng 2. Song các văn này nêu ra có khác. Bởi Tây Vức lấy ngày 16 tháng Dần làm đầu năm, ngày 15 tháng Dần là cuối năm, tức có ba vùng (tế) khác nhau, đây lập bốn mùa khác nhau. Lại như Chấn Đán lập tháng giêng thì ba đời có khác. Nhà Hạ lập tháng giêng là tháng Dần, nhà Ân lập tháng giêng là Sửu, nhà Chu lập tháng giêng là tháng Tý. Ngày Phật sanh và mất thì theo sách nhà Chu, thì ngày tháng phải y vào cơ thế (đời nhà Chu). Tam Bảo Ký định tháng 4 là tháng 2 Bắc Sơn nói: Tháng 2 của nhà Chu nay là tháng 12 mà Phật tính theo năm nhà Chu cho nên phải lấy tháng 11 làm tháng giêng khác với đời nay. Đó là tháng. Trời đất không đóng, rồng rắn núp đây, chút dương ngầm bày dưới suối, nảy mầm chưa lên khỏi mặt đất lấy đây mà sanh, là ứng với khí vận mà đến, lấy đây mà diệt là ứng với đại tạ mà đi. Song khảo về tháng 2 Niết-bàn thuộc tháng 12, đây thì rất tốt. Định sanh ra cũng tháng 12 thì chưa tốt lắm. Cho nên Nhị Giáo Luận nói rằng: Chu lấy tháng 11 làm tháng giêng, xuân thu nói tháng 4 thì tức là tháng 2 của nhà Hạ. Y theo Thiên Trúc dùng tháng giêng là cùng nhà Hạ đồng nhau. Lại Tăng Sử Lược nói Giang Biểu lấy ngày 8 tháng 4 nay là ngày Phật sinh, là theo kinh Thụy Ứng vậy. Nếu dùng tháng giêng của nhà Chu thì là ngày 8 tháng 2 ngày nay. Nay dùng Kiến tỵ bèn là tháng 6 của nhà Chu. Rõ ràng đây là lạm dụng tháng Kiến tỵ. Do nghe tiếng liền dùng mà chẳng chích thật cầu thời. Lại Nhị Giáo Luận nói: Đỗ Dự dùng lịch nhà Tấn tính là ngày 5 tháng Tân mão. An cùng Đổng thì dùng lịch nhà Lỗ tính là ngày 7 tháng 2, dùng lịch nhà Tiền Chu tức là ngày 8 tháng 2 vậy. Lại nay đất Bắc chuộng (?) tấm Phật bèn thuộc tiết thành đạo. Cho nên Chu thư Dị Ký nói rằng: Chu Mục Vương thứ hai Quí mùi ngày 8 tháng 4 là năm Phật ba mươi tuổi thành đạo chính nay là (?) tám. Tây Vức Ký nói: Bồ-tát lấy tháng Phệ-xá-khư tám ngày nửa sau là mùng 8 tháng 3. Thượng Tọa Bộ thì lấy tháng Phệ-xá-khư là mười lăm ngày nửa sau đúng vào ngày 15 tháng 3 nghe các người trước ghi rằng (ký trước nói): Phật sanh vào mười lăm ngày nửa sau của tháng Phệ-xá-khư thứ tám mươi, còn nhập Niết-bàn đúng vào ngày 15 tháng 3. Thuyết Nhất Thiết hữu Bộ thì Phật lấy ngày tám nửa sau của tháng Ca-lạt (thích)-để-ca mà vào Niết-bàn đúng với ngày 8 tháng 9. Nay rõ Tây Vức như Trạng Sư nói: Kiến dần làm đầu năm thì tháng 2 là kiến mão, tháng 4 bèn thuốc kiến tỵ. Huống Niết-bàn Thụy Ứng dịch truyền đến đây vừa đúng vào sau Hán Ngụy đều tuân theo lịch nhà Hạ. Do đó thiên hạ truyền nhau lấy tháng

Mão làm Niết-bàn, lấy tháng Tỵ làm giáng sanh nguyên do có khác nhau là vì các văn chép ngày tháng năm có khác nhau. Cho nên đây tập họp nêu rõ để truyền đời sau.

Ni-câu-luật-đà (Nyagrodha) lại gọi là Ni-câu-lô-đà, dịch là vô tiết, lại gọi là Túng Quảng, lá như cây thị cõi này quả nó gọi là Đa-lặc, như thùng lớn chứa năm thăng, ăn vào trừ nóng nảy. Chích Hoa nói: Dịch nghĩa là dương liễu vì cây này to mà hạt nhỏ giống như cây dương liễu phương này, nên dịch thế. Tống Tăng Truyện nói lời dịch là đổi, lấy cái có để dịch cái không có. Như cây Câu-luật-đà tức là cây dương liễu ở Đông Hạ, tên tuy khác mà cây là một thứ.

Đa-la (Tàla) xưa dịch là Bối đa, đây dịch là ngạn, hình dạng như cây tuân lư (cây cọ) ở phương này, thẳng mà cao, cao nhất tám mươi, chín mươi thước, hoa như hạt gạo màu vàng. Có người nói một cây đa-la cao bảy nhẫn, bảy thước là một nhẫn, vậy cây này cao bốn mươi chín thước. Tây Vức Ký nói: Ở Nam Ấn tại phía Bắc nước Kiến-na-bổ-la không xa lắm có rừng cây đa-la hơn ba mươi dặm, lá nói dài, rộng, sắc nói sáng nhuận, các nước ghi chép đều dùng.

Thi-đà (Sìta), gọi đúng là Thi-đa-bà-na, dịch là Hàn lâm, vì rừng nói kín sâu mà lạnh. Tăng Ký nói: Rừng này có nhiều thây chết, người vào đó lành mà sợ. Pháp Hiển Truyện gọi là Thi-ma-dư-na, Hán gọi là Ruộng chôn người chết. Tứ Phần gọi là Khủng úy lâm. Nhiều luận gọi là An đà lâm cũng gọi là Trú ám lâm.

Rừng Duệ-sắc tri (Yastivana), Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Trượng lâm, vì rừng đó tu kính khắp hết hang núi. Trước có Bà-la-môn nghe thân Phật dài một trượng sáu thường nghi không tin, bèn lấy cây gậy trúc một trượng sáu để đo thân Phật thì thấy đầu gậy luôn hơn một trượng sáu như thế tăng cao không thể biết thật, bèn quăng gậy mà đi, nhân đó mọc rễ mà thành.

Bệ(tỳ)-đạt-khư (Vestasa?), Tây Vức Ký gọi Tượng kiên tốt đổ ba, dưới núi Bắc sơn có một suối rồng, là chỗ Như Lai nhận cơm thần xong và A-la-hán ở trong đó súc miệng xỉa răng bằng nhành dương, rồi nhành dương mọc rễ trong đó nay thành rừng lớn. Người sau nhận đây mà lập Già-lam gọi là Bệ-đạt-khư. Đường gọi là Tước Dương Chi. Tỳ-nại-gia nói: Tước Dương Chi. Dương Chi có năm lợi: một là miệng không hôi, hai là miệng không đắng, ba là trừ phong, bốn là trừ nhiệt, năm là trừ đàm nhớt. Tứ Phần nói: Không dùng Tước Dương Chi có năm lỗi: một là hơi miệng hôi, hai là không khéo phân biệt mùi vị, ba là nóng nảy đàm nhớt không tiêu, bốn là không dẫn thức ăn, năm là mắt không sáng.

Đờn-đa-ni-sắt-đệ (Daintakàstha), Đờn-đa dịch là răng, đệ là cây, nghĩa là cây xỉa răng. Nếu cây dài thì mười hai lóng tay, ngắn thì sáu lóng tay, thường dùng cây Kiệt-đà-la, phương này không có, phần nhiều dùng nhành dương (dương chi). Ký Qui Truyện nói: Lớn như ngón tay út, một đầu nhai sạch để chà kẽ răng, dùng ngón tay bẻ cong mà nạo lưỡi, năm lần nhai rồi rửa sạch mà bỏ để sâu ăn vào mà chết.

Ba-tra-li (Pàtala), Tây Vức Ký nói: Xưa gọi là Ba-liên-phất-ấp là sai, tức cây nữ tư.

A-lê, hoặc nói phương này không có nên không dịch, cây đó giống cây lan, cànhnếu rơi thì làm bảy phần. Nghĩa Tịnh dịch Kinh Khổng Tước nói đầu bể làm bảy phần cũng như lan hương tiêu. Lại tự giải rằng: Tiếng Phạm là Át-đổ-ca-man-chiết-lị, Át-đổ-ca là lan hương, man-chiết-lị là tiêu đầu. Xưa gọi là A-lê-thọ-chi (nhánh cây A-lê) không biết rõ tiếng gốc lại chẳng biết việc ấy nên không biết từ lâu. Song hỏi ở Tây phương thì không có cây A-lê.

Thi-lị-sa (Sirisa), hoặc gọi là Thi-lị-sái, tức cây Họp hôn ở cõi này, có hai thứ: một là Thi-lị-sa lá, hạt đều lớn. Gọi Thi-li-sử thì lá, hạt đều nhỏ. Lại gọi Xá-li-sa, dịch là họp hoan.

Toàn-đề, toàn là toàn thảo, có ở núi Côn lôn. Đề là có thể dời đi. Đề là mang xách, thây trong Kinh Ấm Nghĩa.

Y-lan (Eranda), Quán Phật Tam-muội Hải Kinh nói: Ví như y-lan cùng chiên-đàn đều sanh trong núi Mạt-lỵ ngưu đầu chiên-đàn sanh trong bụi y-lan, khi chưa kịp lớn lúc ở dưới đất thì mọc nanh cành lá như măng tre Diêm-phù-đề, mọi người chẳng biết nói trong núi này toàn là y-lan không có chiên-đàn mà y-lan thì hôi thúi, thúi như nghêu sò chết xông xa bốn mươi do-tuần, hoa nó sắc đỏ rất dễ ưa thích, nếu ai ăn thì phát điên mà chết. Ngưu đầu chiên-đàn tuy sanh ở rừng này nhưng chưa thành nên chẳng phát ra mùi thơm. Tháng trọng thu trăng tròn cuối cùng sanh từ đất mà thành cây chiên-đàn. Mọi người đều nghe nói ngưu đầu chiên-đàn là hương thơm cao quí nhất ắt vĩnh viễn không có mùi thúi của y-lan.

32. CÁC LOẠI TRÁI CÂY.

Luật nói có năm thứ quả: Một là Hạch quả (quả có hạt) như táo, hạnh; hai là phu quả (quả có vỏ) như lê, mít; ba là xác quả, như trái dừa, trái hồ đào, thạch lựu; bốn là cối quả, lớp da trấu gọi là cối như trái tùng bách (thông); năm là giác quả, như là đậu lớn nhỏ.

Phả-la (Phala), dịch là quả.

Am-la (Amrapali), gọi đúng là Am-một-la hoặc Am- la-ba-lị. Triệu chú rằng, đây dịch là nại. Nại, Nữ Kinh nói: Nước Duy-gia-lê, Phạm chí ở trong vườn trồng cây nại này, cây sanh cô gái này. Phạm chí đem về nuôi đến mười lăm tuổi, nhan sắc đẹp đẽ bèn đồn ra nước xa, bảy vua tranh nhau xin cưới. Phạm chí sợ quá bèn giấu cô gái trên lầu cao, bảo bảy vua rằng, đây không phải con ta, mà do cây sanh ra. Nếu gả cho một vua, ắt sáu vua kia nổi giận. Nay ở trên lầu, xin các vua bình nghị nếu ai thắng thì lấy, ta không cản ép. Đêm ấy, vua Bình-sa núp trong đống báu lên lầu cùng ngủ chung với cô gái, bảo cô gái rằng, nếu sanh con trai thì về với ta. Nói xong, bèn cởi chiếc vòng ấn mà trao cho cô gái làm tin. Vua liền ra bảo quần thần rằng, ta đã được cô gái. Quân của Bình-sa vương đều hô vạn tuế, sáu vua kia đều bỏ về. Sau cô gái sanh con trai rồi trở về ở chỗ cũ, đến năm con trai tám tuổi, bèn cầm vòng ấn mà đến gặp vua Bình-sa, vua cho làm Thái tử. Đến hai năm sau thì Xà-thế sanh ra. Chàng trai nhân nhượng rằng: Nay vua đã sanh đích tử nên chọn để nối dòng, rồi nhường ngôi cho. Triệu Sư chú rằng: Quả này giống trái đào mà không phải đào. Lược chú rằng: Cây nại nhất định không phải là nại. Lại dịch là khó phân biệt, quả nó giống đào mà không phải đào, giống nại mà không phải nại, đây cùng Đại Kinh ý đồng. Kinh nói như quả am-la sống khó chín phân đủ như bốn cú rất khó phân biệt. Một là trong ngoài đều sống, hai là ngoài chín trong sống, ba là ngoài sống trong chín, bốn là trong ngoài sống đều chín. Toản Yếu nói: Xưa dịch nại là sai. Quả này có nhiều hoa rất nhỏ, lá nó giống lá liễu mà dài một thước, rộng ba ngón tay, quả giống quả lê mà đáy cúp cong lại, sống chín khó biết, có thể trị lành bệnh, nước ấy gọi là Vương thọ (cây Vua) tức trồng ở thành vua.

Am-ma-lặc (Àmra), Triệu nói: hình giống cây cau nên lấy đó làm dụ. Tây Vức Ký nói: Quả Am-một-la có hai giống thứ nhỏ thì sống xanh chín vàng, thứ lớn thì trước sau đều xanh.

Ha-lê-lặc (Haridru?), mới dịch là Ha-lê-đát-kê, dịch là Thiên chủ trì lai (trời đem lại). Quả này làm thuốc công dụng rất nhiều không đâu chẳng vào.

Tần-bà (Viưba), dịch là tương tư, quả màu đỏ lại nhuận.

A-ma-lạc-ca, Tây Vức Ký nói là tên quả thuốc ở Ấn Độ.

Bá-ra-sư, đây dịch là hồ đào.

Trấn-đầu-ca, dịch là thị (trái thị).

Đốc-ca, dịch là lật (quả dẻ).

Cư-lăng-ca, dịch là lý (quả mận)

Nạt-thọ-ca, dịch là uất bột (?)

Ác-xoa-tụ, Tư Trung nói: dây xỏ chổi. Từ vô thủy vô minh huân tập thành giống trồng thì có quả hạt, hạt sanh ra huân tập không dứt. Chân Đế nói: Ác-xoa là tên cây hạt (quả) nó giống hạt (quả) một thạch, sống thì ba hạt dính nhau, dụ cho hoặc - nghiệp - khổ, ba thứ cùng lúc đầy đủ. Nói hoặc - nghiệp - khổ thì hoặc là đường phiền não, nghiệp là đường nghiệp, khổ là đường khổ, mà ba đường này thông với đất (cõi). Cho nên Phụ Hành nói: Phần đoạn ba đạo: tức kiến tư hoặc là phiền não đạo, phiền não nhuận nghiệp là nghiệp đạo, cảm sanh giơi nội là khổ đạo. Phương tiện ba đạo: tức trần sa hoặc phiền não đạo, vì nghiệp vô lậu gọi là nghiệp đạo. Biến dịch sanh tử gọi là khổ đạo. Thật báo ba đạo: tức là vô minh hoặc là phiền não đạo, phi lậu phi vô lậu nghiệp là nghiệp đạo, cõi ấy biến dịch gọi là khổ đạo.

Ma-na-đa, dịch là túy quả (quả làm say).

33. TRĂM THỨ HOA.

Kinh Thập Luân nói: Cúng dường có ba: một là lợi tức làm bốn sự v.v..., hai là kính tâm, tức đem hoa bày tỏ tình ý, ba là tu lành, như có trì thuyết thì liền cúng dường. Đại Phẩm nói: Thích-đề Hoàn-nhân và các trời trong Tam thiên Đại thiên thế giới này hóa làm các hoa tung rải hoa trên Phật, Bồ-tát Ma-ha-tát, Tỳ-kheo tăng và Tu-bồ-đề, cũng cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Lúc đó hoa khắp Tam thiên Đại thiên thế giới đều cùng khắp ở trên hư không hóa thành đài hoa đoan nghiêm thù diệu (đẹp đẽ lạ thường). Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Đó là các trời tung rải hoa trên trời chưa từng thấy hoa như thế. Hoa là hóa hoa chẳng phải cây sanh. Hoa của các trời tung ra là do cây tâm sanh ra không phải do cây sanh. Thích-đề Hoàn-nhân biết Tu-bồ-đề nghĩ thế, bèn bảo Tu-bồ-đề rằng: Nàu Đại đức hoa ấy không phải cây sanh, cũng không phải do cây ý sanh ra. Tu-bồ-đề bảo Đế-thích rằng: Nàu Kiều-thi-ca, cây ấy nếu không phải pháp sanh thì không gọi là hoa. Thích-đề Hoàn-nhân bảo Tu-bồ-đề rằng: Này Đại đức, chỉ là hoa chẳng sanh thì sắc cũng chẳng sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sanh. Tu-bồ-đề nói: Này Kiều-thi-ca, không phải chỉ là hoa chẳng sanh thì sắc cũng chẳng sanh, nếu chẳng sanh thì chẳng gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại chẳng sanh, nếu chẳng sanh thì chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Đem hoa như thế cúng Phật như thế thì hiển bày Năng sở chẳng hai, mà bày tỏ y chánh không khác gọi là Pháp cúng dường bất tư nghì.

Bố-sắc-ba (Puspa), dịch là hoa.

Phí-bã-đề (Divyapuspa), dịch là Thiên hoa (hoa trời).

Tu-mạn-na (Sumanàs), hoặc gọi Tu-mạt-na hay Tô-ma-ma, dịch là thiện (khéo) nhiếp ý hoặc gọi là xứng ý hoa, sắc nó màu vàng trắng mà rất thơm, cây chẳng cao lớn lắm, khoảng ba, bốn thước rủ xuống như cái lọng, tu-mạn nữ (cô gái tu-mạn) sanh trong hoa tu-mạn.

Mạt-lị (Vali), cũng gọi ma-lị, dịch là nại, lại gọi là man hoa, hay làm tràng hoa. Luật Thiện Kiến nói: Quảng châu có dây hoa này.

Xà-đề (Jàtikusma), dịch là hoa kim tiền.

Ba-la-la (Pàrusaka), dịch là trùng sanh hoa.

Bà-lị-sư-ca (Vàrsikì), cũng gọi là Bà-sư-ca hay Bà-sử-ca, dịch là hạ sanh hoa hay vũ hoa, lúc mưa mới sanh nên gọi là vũ hoa.

Na-bà (Navamàlikà), dịch là tạp hoa.

Ưu-đàm-bát-la (Udambara), dịch là thụy ứng (điềm lành?). Kinh Bát Nê-hoàn nói: Trong Diêm-phù-đề có cây Vua tôn quý (Tôn Thọ Vương) tên là Ưu-đàm-bát có trái (hạt?) mà không hoa. Cây Ưu-đàm-bát có hoa vàng đời bèn có Phật. Thi Thiết Luận nói: Quanh Thiệm bộ châu có đường Luân vương rộng một du-thiện-na. Khi không có Luân vương thì nước biển che lấp không thấy. Nếu có Chuyển Luân Vương ra đời thì nước biển lớn giảm xuống một du-thiện-na thì đường Luân vương này bây giờ hiện ra. Cát vàng trải đầy các báu trang nghiêm, nước thơm chiên-đàn rưới lên trên, Chuyển Luân Thánh Vương đi tuần châu bến cùng bốn thứ binh dạo đầy trên đường này thì hoa này mới sanh. Mới gọi là Ô-đàm-bát-la.

Phân-đà-lị (Pundarika), dịch là hoa sen trắng. Duệ Sư nói chưa nở thì gọi là Khuất-ma-la, sắp rụng thì gọi là Ca-ma-la, đang lúc xinh tươi đầy đặn thì gọi là phân-đà-lị. Thể nói thay đổi từng lúc mà có tên theo sắc biến đổi cho nên có ba tên.

Ưu-bát-la (Utpala), hoặc Âu-bát-la hay Ốt-bát-la, dịch là hoa sen xanh. Cô gái Ưu-bát-la-bàn-na sanh trong hoa sen xanh.

Bát-đặc-ma (Padma), dịch là hoa sen đỏ (hồng?).

Ma-ha-bát-đặc-ma (Mahapadma), dịch là hoa sen đỏ lớn. Đại Luận hỏi các giường có thể ngồi sao lại ngồi hoa sen? Đáp giường là chỗ ngồi của người bạch y thế gian, lại dùng hoa sen mềm sạch là muốn hiện thần thông hay ngồi trên ấy khiến không hư. Lại là để trang nghiêm Diệu pháp tòa. Lại như đài hoa của hoa này nghiêm sạch thơm quí có thể ngồi.

Câu-vật-đầu (Kumuda), cũng gọi Câu-vật-đầu, dịch là Địa hỷ hoa. Cũng gọi là Câu-mổ-đà dịch là hoa sen vàng.

Mạn-thù-sa (Mainjùsaka), dịch là mềm mại, lại gọi là hoa đỏ.

Nà-la-ka (Kuravaka), hoặc A-ca dịch là hoa trắng.

Mạn-đà-la (Maindàrava), dịch là thích ý, lại gọi là hoa trắng.

A-đề-mục-đa-già (Atimuktaka), xưa dịch là hoa thiện-tư-di, dịch là cự đằng tử. Cự đằng là hồ ma, lại nói phương này không có nên chẳng dịch, hoặc dịch là long thỉ hoa (hoa rồng biến) cỏ này hình như đại ma (mè lớn?) hoa đỏ lá xanh, hạt ép lấy dầu, cũng làm dầu thơm.

Bà-ha-ca-da, Đại Luận gọi là cây hoa đỏ.

A-lâu-na (Aruna), hoặc A-lô-na, dịch là hoa thơm màu đỏ hồng như màu đỏ hồng của mặt trời khi mới mọc, tiếng Phạm gọi tướng (màu) ấy là A-lâu-na.

Dục-chi (Yogin), dịch là hoa tương tư.

Hoa Ba-la-xa (Palàsa), Chương An nói: Đây là tên cây, lá nó màu xanh, hoa có ba màu, mặt trời chưa mọc thì màu đen, mặt trời mọc thì màu trắng, mặt trời lặn thì màu vàng. Nay lấy màu đỏ nghĩa như máu. Kinh Âm Nghĩa nói: Cây hoa này nước vắt nó màu rất đỏ dùng để nhuộm áo lông, gọi là tử khoáng (cảnh?).

Cu-lan-tra, dịch là hoa sắc hồng. Đại Luận nói: một là hoa sen hơn mười lá (cánh), hai là hoa trời trăm lá (cánh), ba là hoa Bồ-tát ngàn lá (cánh).

34. CÁC MÙI HƯƠNG.

Tịnh Danh Sớ nói: Hương là tên lìa uế mà có dụng thơm, thơm nồng nặc. Cảm Thông Truyện Thiên Nhân Phí Thị nói: Mùi thúi của người xông lên không trung bốn mươi dặm, các trời thanh tịnh đều chán sợ. Chỉ vì thương Phật dặn dò khiến hộ pháp. Vì Phật còn cùng ở với người nên các trời chẳng dám chẳng đến. Cho nên trong Phật pháp, thương là Phật sự. Như Đại Luận nói: Nước Thiên Trúc nóng, lại thân hôi thúi, nên dùng hương mà thoa thân và cúng dường chư Phật và Tăng. Kinh Giới Đức Hương nói A-nan bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, có ba thứ hương: một là căn hương (rễ thơm), hai là chi hương (nhánh thơm), ba là hoa hương (hoa thơm), ba thứ hương này chỉ có thể theo gió mà không thể ngược gió, nên nay nêu ra ba thứ này.

Càn-đà-la-da (Gandhàlaya?), gọi đúng là kiện đạt, dịch là hương. Thương Hoa Bát Vật Chí nói: Có sứ Tây quốc hiến hương, nha Hán ra luật không đủ cân thì không nhận. Sứ bèn riêng đi đeo hương như đại đạu ở trên cửa cung, mùi hương bay xa cách Trường An bốn mặt đều mười dặm trải cả tháng mới hết. Hoa Nghiêm nói: Trong trời thiện pháp có hương tên là Tịnh trang nghiêm, nếu đốt một viên mà xông thì khắp

khiến chư Thiên tâm nghĩ về Phật.

Đa-a-ma-la-bạt-đà-la (Tamàlapatra), Đa dịch là tánh, A-ma-la dịch là vô cấu, Bạt-đà-la dịch là hiền, hoặc dịch là hoắc diệp hương, hoặc gọi là lá xích đồng.

Ngưu đầu chiên-đàn (Gosìrsacamdana), hoặc nói phương này không có nên không dịch hoặc nói nghĩa làm thuốc trị được bệnh. Từ Ân Truyện nói: Thuộc loại cây bách dương, chất nó mát lạnh rắn ưa đen ở. Hoa Nghiêm nói: Ở núi Ma-la-da sản xuất ra hương chiên-đàn gọi là ngưu đầu, nếu thoa và othân thì nếu vào hầm lửa, lửa chẳng thể đốt cháy. Chánh Pháp Niệm Kinh nói: Châu này có núi tên là Cao sơn, trên ngọn Cao sơn có nhiều ngưu đầu chiên-đàn. Nếu khi các trời cùng A-tu-la đánh nhau bi dao chém bị thương thì dùng ngưu đầu chiên-đàn trị ất lành, vì ngọn núi này giống như đầu trâu, trong ngọn núi này có cây chiên-đàn nên đặt là ngưu đầu. Đai Luận nói: Trừ núi Ma-lê không có chiên-đàn mà có bạch đàn trị bệnh nhiệt, xích-đàn đuổi được phong thủng (phong làm sưng). Núi Ma-lê dịch là ly cấu ở tại Nam Thiên Trúc.

Chiêm-bặc (Caưpaka), hoặc gọi thiệm (đởm) ba, gọi đúng là Chiêm-bạc-ca. đại Luận dịch là huỳnh hoa, cây rất cao lớn. Mới gọi là khổ-mạt-la, dịch là kim sắc, là cây gần bờ biển Tây Vức, kim sí điểu đến liền đậu trên đó.

Đa-già-la (Tagara), hoặc Đa-già-lưu, dịch là căn hương. Đại Luận nói: Cây đa-già-lâu là cây thơm.

Ba-lị-chất-đa-la (Parijàta), dịch là viên sanh. Đại Kinh nói: Trời ba mươi ba có cây Ba-li-chất-đa-la rễ nó ăn vào đất sâu đến năm do-tuần, cây cao trăm do-tuần, nhánh lá khắp bốn bên năm mươi do-tuần, hoa nó nở ra thì hương thơm cùng khắp đến năm mươi do-tuần. Lại dịch là gian thác trang nghiêm, các hoa có nhiều màu sắc vây quanh trang nghiêm, Pháp Hoa văn chú cho đây cây trời chúa.

Câu-tỳ(bệ)-đà-la (Kovidara), dịch là Đại du hý địa, cây thơm.

A-già-lâu (Agaru), Đại Luận gọi là cây mật hương.

Đâu-la-bà (Turuska), có ở nước quỷ thần, phương này không có nên không dịch, hoặc dịch là cỏ thơm. Xưa gọi bạch mao hương.

Ca-bệ, dịch là hoắc hương.

Tất-lực-ca, tức là đinh hương.

Dốt-lỗ-sắc-kiếm, dịch là Tô hợp. Hồng Sa Dẫn Tục Hán Thư nói: Sẩnh ở nước Đại Tần. Hợp các thứ hương nấu thành nước gọi là tô hợp. Quảng Chí cũng nói sanh ra ở nước Đại Tần hoặc gọi là nước Tô Hợp.

Người trong nước hái về nấu cô đặc nước hương thành cao, mà bán cái cặn bã. Hoặc nói họp các cỏ thơm nấu làm tô họp chẳng phải là một thứ (?).

Đổ-lỗ, dịch là huân lục. Nam Châu Dị Vậy Ký nói: Hình giống đào giao (keo nhựa trái đào, mủ đào?). Tây Vức Ký nói: Nước A-tra-li ở Nam Ấn Độ có cây thơm huan lục, lá nó giống đường lê, cũng sanh ra ở cây hồ tiêu, là cây giống thục tiêu. Nam Phương Thảo Vật Tráng nói: Nó sanh ở nước Đại Tần, cây sống trong cát, mùa hạ thì nhựa cây chảy trên cát.

Đột-bà, dịch là mâu hương.

Uất (ốt)-thi-la, dịch là mâu hương căn (rễ mâu hương).

Tiên-đà-bà, dịch là thạch diêm, vì hương nói giống nhân lấy đó làm tên. Hoa Nghiêm nói: Trên trời Đâu-suất có hương gọi là Tiên-đà-bà. Một khi sanh ra thì lấy cột ở trước tòa ngồi của Bồ-tát, đốt một viên thì nổi mây thơm lớn khắp cùng pháp giới. Niết-bàn gọi là diêm thủy khí mã, một tên là tứ thật. Trí thần biết rõ khi rửa thì dâng nước, khi ăn thì dâng muối, khi uống thì dâng đồ đựng, khi dạo chơi thì dâng ngựa. Đều chỉ nói Tiên-đà-bà đến. Chương An nói: Bốn nghĩa này cũng cùng bốn giáo, bốn môn, bốn cú ý giống nhau, đều theo thứ tự mà đối muối có bốn.

Yết-bố-la (Karpura), đây dịch là long não hương. Yết hoặc đọc là kiếp. Tâm Tạng Truyện nói: Thân cây tàng mà khác lá, hoa quả cũng khác. Trước hái cây ướt chưa có hương, khi khô thì thuận lý tách trong đó có hương giống như vân mẫu trắng như băng tuyết.

Mạc-ha-bà-già, đây dịch là xạ.

Đa-yết-la (Tagara), dịch là linh lăng. Nam Việt Chí nói: Người trong vùng gọi là yến thảo vân hương. Thuyết Vân nói: Vân thảo giống mục thúc. Hoài Nam nói: Vân có thể cứu người chết sống lại (?).

A-già-lô (Aguru), hoặc gọi là Ác-yết-lỗ, dịch là trầm hương. Hoa Nghiêm nói: Bên ao A-na-ba-đạt-đa sanh ra nước trầm hương gọi là liên hoa tạng, một viên hương nó như hạt mè lớn, nếu đốt lên thì hương thơm xông khắp con Diêm-phù-đề. Di Vật Chí nói: Sanh ra ở nước Nhật Nam. Muốn lấy trước phải phá hư cây để dưới đất lâu ngày cho lớp ngoài hư mục, bên trong tâm cứng chắc, bỏ trong nước thì chìm gọi là trầm hương. Kế chỗ tâm trắng không tinh chắc lắm, bỏ trong nước thì lình bình không chìm không nổi gọi là tiện hương.

Quật-cụ-la (Guggula), hoặc Củ-cụ-la, hoặc cầu-cầu-la, dịch là an tức.

Trà-cự-ma (Kuưkuma), dịch là uất kim. Chu Lễ Xuân Quan nói: Người Uất hái lấy về làm rượu. Thuyết Văn nói: Hoa của uất kim thảo do phương xa cống nạp vật thơm, người Uất họp mà gầy rượu để giáng thần tông miếu thường dùng.

Kê-thiệt, sanh ra ở Ngũ mã châu. Nam Châu Dị Vật Chí nói: Cỏ này héo có thể họp làm giấy thơm? (hương tiên). Người Hò ở ngoại quốc nói các hương cùng ở một cây ấy, hoa gọi là kế thiệt hương.

35. BẢY BÁU.

Phật nói bảy báu gồm có hai thứ: một là bảy thứ trân bảo, hai là bảy thứ vương bảo.

Một là bảy thứ trân bảo lược có bốn văn. Phật Địa Luận nói: 1- Vàng, 2- Bạc, 3- Phệ-lưu-ly, 4- Pha-chi-ca, 5- Mâu-hô-bà-yết-lạc-bà - tức là xa cừ, 6- Át-thấp-ma-yết-bà - tức là mã não, 7- Xích trân châu. Kinh Vô Lượng Thọ nói là: vàng, bạc, lưu ly, pha-lê, san hô, mã não, xa cừ. Hằng Thủy Kinh nói là: vàng, bạc, san hô, trân châu, xa cừ, minh nguyệt châu, ma-ni châu. Đại Luận nói: có bảy thứ báu là vàng, bạc, tỳ-lưu-ly, pha-lê, xa cừ, mã não, xích trân châu.

Hai là bảy thứ vương bảo. Hoa Nghiêm Kinh Tấn Dịch nói: Khi vua được đạo thì ở trong chánh điện thể nữ vây quanh, bảy báu tự đến: một là Kim luân bảo gọi là Thắng tự tại, hai là Tượng bảo gọi là Thanh sơn, ba là Cám mã bảo gọi là Dõng tật phong, bốn là Thần châu bảo gọi là quang tạng vân, năm là Chủ tạng thần bảo gọi là Đại tài, sáu là Ngọc nữ bảo gọi là Tịnh diệu đức, bảy là Chủ binh thần bảo gọi là Ly cấu nhãn. Được bảy bảo ấy ở trong Diêm-phù-đề làm Chuyển luân vương.

Tô-phạt-la (Suvarna), hoặc gọi Tu-bạt-noa, dịch là vàng. Đại Luận nói: Vàng sanh ra núi đá cát đồng đỏ. Hứa Thận nói: Vàng có năm sắc, vàng vàng là lớn nhất, chôn lâu mà không biến đổi, trăm luyện chẳng nhẹ. Chân Đế-thích nói: Vàng có bốn nghĩa: một là sắc không đổi, hai là thể không dính (nhuận), ba là đổi làm các thứ vô ngại, bốn là khiến người giàu, để dụ cho bốn đức thường - tịnh - ngã - lạc của Pháp thân.

Bạt-chiết-la (Vajra), hoặc Chước-ca-la. Đại Luận gọi là Việt-xà. Mới gọi là Phược-tả-la. Tây Vức Ký gọi là Phạt-la-xà, dịch là Kim cang. Khởi Cư Chú nói: Năm Tấn Võ Đế thứ mười ba, Đôn Hoằng có người hiến báu kim cương sanh ở trong vàng (?) sắc như tử thạch anh, giống nha kiều mạch, trăm luyện chẳng tiêu có thể cắt đá như bùn. Thập Sư nói: Như có gang tấc kim cương trong vòng mấy mươi dặm, các ngọc đá có hình sắc đều hiện ra. Đại Kinh nói: Như báu kim cương

đặt trong mặt trời sắc ắt bất định. Kim cương Tam-muội cũng lại như thế, nếu ở trong đại chúng sắc ắt bất định. Đại Luận nói báu kim cương, Đế-thích cầm đánh với Tu-la nát ra mà rớt xuống Diêm-phù. Tát-giá-ni Càn Kinh nói: Đế-thích cầm báu kim cương hay diệt được A-tu-la, trí nghiền nát núi phiền não hay hoại cũng như thế. Kinh Vô Thường nói: Chày trí kim cương nghiền nát núi Tà, cắt dứt hẳn các ràng buộc nối nhau từ vô thủy.

Thước-ca-la (Cakra), bởi nghĩa bền chắc, đồng như kim cương.

A-lộ-ba (Rupa), hoặc Nặc-đa, dịch là bạc. Đại Luận nói: Bạc sanh trong đốt thiêu đá. Nhĩ Nhã nói: Bạch kim (vàng trắng) gọi là bạc, thứ đẹp gọi là liêu.

Lưu-ly (Vaidurya), dịch là báu sắc xanh, cũng dịch là không xa nghĩa là Tây Vức có núi cách thành Ba-la-nại không xa núi sanh ra báu này nhân đó đặt tên. Ứng Pháp sư nói: Hoặc thêm chữ phệ hay chữ tỳ hoặc nói Tỳ-đầu từ núi làm tên tức là báu núi xa, núi xa tức là núi Tu-di. Báu này sắc xanh, tất cả báu khác đều không thể làm hư, khói lửa cũng không nấu chảy để đúc được chỉ quỷ thần có sức thần thông mới có thể phá hư. Lại nói là vỏ trứng của kim sí điểu, quỷ thần có được mà bán cho người, hoặc gọi là Cám-lưu-ly. Thích Danh nói: Cám là ngậm, xanh mà ngậm sắc đỏ, chữ xưa chỉ viết lưu ly, cùng kha tuất, người sau mới thêm chữ.

San-hô (Pravàda), tiếng Phạm là Bạt-la-ta-phước-la. Ngoại Quốc Truyện nói: Nước Đại Tần ở Tây nam Trường hải khoảng bảy, tám trăm dặm đến Châu San-hô, dưới đáy châu có bàn thạch, san-hô sanh trên đó, người dùng lưới sắt mà lấy. Nhậm Phỏng Thuật Dị Ký nói: Cây san-hô màu biếc (bích?) sanh dưới đáy biển, một cây hơn mấy mươi cành, trong nhánh không có lá, thứ lớn thì cao năm, sáu thước, thứ nhỏ thì hơn một thước (1thước = 0,4m) Ứng Pháp sư nói: Mới một năm sắc sanh, năm thứ hai sắc vàng, năm thứ ba sâu ăn hư hỏng. Đại Luận nói: San-hô sanh ra ở cây đá trong biển.

A-thấp-ma-yết-bà (Azmagarbha), dịch là hỏ phách, sắc nó hồng sáng. Bác Vật Chí nói: Nhựa tòng (thông) vào đất cả ngàn năm thì hóa thành phục linh, phục linh ngàn năm thì hóa thành hổ phách. Quảng Chí nói: Sanh ở trong đất thì trên và bên cạnh nó không có thảo mộc, ở sâu bảy, tám thước, to bằng cái hộc, gọt lớp da ngoài thì trong là hổ phách.

Mâu-bà-lạc-yết-vị-bà (Musaragalva), hoặc gọi là Mâu-hô-bà-yết-lạc-bà, dịch là thanh bạch sắc bảo (báu có sắc xanh trắng), nay gọi là xa cừ. Thượng Thư Đại Truyện nói: Bối lớn (vỏ sò lớn) vành xe (cừ

là vành xe) giống thế nên gọi là xa cừ. Cừ là to, người sau thêm chữ ngọc hoặc thạch vào.

Ma-la-già-lê (Musàragalba), dịch là mã não, báu này sắc như não ngựa, nhân đó đặt tên, màu đỏ trắng, mài thành đồ đựng, có vằn như sợi tơ. Tiếng Phạm gọi là Mô-tát-la-yết-la, mô-tát-la dịch là chữ (chày), yết-bà dịch là tàng hoặc gọi là thai. Lấy mã não thật cứng làm tên.

Pha-lê (Sphatika), hoặc gọi Tắc-pha-chi-ca, dịch là thủy ngọc tức thương ngọc hoặc gọi thủy tinh. Lại gọi bạch châu. Khan Chánh Ký nói: Gọi đúng là Tốt-ba-chí-ca, hình dạng nó giống thủy tinh phương này, song có đỏ và trắng. Đại Luận nói: Ví như bưng trải ngàn năm hóa làm pha-lê.

Thích-ca-tỳ-lăng-già (Sakrabhilagna(langa?), dịch là Năng thắng.

Ma-ni (Mani), hoặc gọi Du-ma. Ứng Pháp sư nói: Gọi đúng là Mạt-ni, tức tên chung của châu. Đây dịch là ly cấu, tức báu này sáng sạch không bị dơ bẩn dính. Hoặc thêm chữ Phạm để chỉ nó sạch sẽ. Lại dịch là tăng trưởng là nơi có báu này tăng trưởng oai đức. Đại Phẩm nói: Như châu ma-ni nếu ở trong nước thì chỉ có một sắc. Nếu để trong vật xanh thì nước sắc xanh, nếu để trong các vật vàng, đỏ, trắng, hồng thì liền có sắc vàng, đỏ, trắng, hồng. Đại Phẩm nói: A-nan hỏi Kiều-thi-ca báu ma-ni ấy là báu trên trời hay ở Diêm-phù-đề? Thích-đề Hoàn-nhân nói: Là ở trên trời, nhưng người Diêm-phù-đề cũng có báu ấy, chỉ vì công đức ít mà không đầy đủ. Đại Luận nói: Có người bảo: báu này từ não Long vương sanh ra, người được châu này độc không thể hại, vào lửa không cháy. Phụ Hành nói: Cũng gọi là như ý giống như Đường Phạm không đồng. Đại Luận bảo: Hoa Nghiêm gọi là như ý ma-ni giống như nêu hai tên như Pháp Hoa gọi ma-ni châu v.v... giống như thể riêng. Đại Trang Nghiêm Luận nói: Có châu ma-ni lớn như tất cái. Đại Luận nói: Châu như ý giống như giới túc. Lại nói châu như ý sẩnh từ xá-lợi Phật. nếu khi pháp mất hết thì các xá-lợi đều biến thành châu như ý. Quán Kinh nói: Như ý là ma-ni. Thiên Thai nói: Ma-ni là như ý.

Ma-la-già-đà (Marakata), Đại Luận nói: Châu này từ bên miệng kim sí điểu sanh ra, màu lục hay tránh tất cả độc.

Nhân-đà-ni-la (Indranìla), Đại Luận nói: Dịch là Thiên xích quang châu. Phật Địa Luận nói: Do xích trùng sanh ra hoặc châu thể gọi là xích châu. Trí Luận nói: Trân châu sanh ra trong não rắn ở trong bụng cá. Hán Thư nói: Châu là âm tinh trong con làu, tùy tháng âm có đầy vơi.

Chân-thúc-ca (Kàcaka), dịch là xích sắc bảo (báu màu đỏ). Tây Vức Truyện nói: Có cây Chân-thúc-ca hoa nó sắc đỏ hình giống như cái

tay, sắc báu này giống hoa này nên lấy đó làm tên. Từ Ân Thượng Sanh Kinh Sớ nói: Chân-thúc-ca hình giống như diên khuê giống như xích lưu ly (lưu ly đỏ).

Ma-ha-ni-la (Mahanila), Đại Luận nói: Dịch là đại thanh châu.

Kinh ngân (Sanh tượng), Sa-di Thập giới có giới thứ chín cấm nắm giữ vàng bạc sanh tượng. Nam Sơn nói: Tiếng Hồ Hán cùng nêu, nghĩa là Hồ thì gọi là sanh tượng, Hán dịch là vàng bạc. Thiện Kiến nói: Sanh sắc nó giống sắc, giống tức là tượng. nghĩa là vàng khi sanh ra là sắc vàng, còn bạc có thể nhuộm giống vàng nên gọi là sanh tượng. Chỉ Quy nói: Huống tiếng Vu Điền cùng tiếng năm Ấn độ nói không giống nhau. Như Luật Tứ Phân đến Vu Điền đã dịch một lần xong, khi kinh đến Đường thì là dịch lần hai (trùng).

Cát-do-la (Keyùra), hoặc chỉ do-la, dịch là anh lạc.

Di-kha-la (Meklalà), dịch là kim đài (dây lưng vàng).

Hạt-lạt-đát-na-yết-bà (Ratnagarbha), dịch là bảo đài, cũng gọi là bảo tạng.

36. SỐ LƯỢNG.

Lý thì chẳng số lượng, như hư không chẳng thước tấc. Sự thì pháp độ, cũng như thước tất ước với hư không. Cho nên trong Đại Phẩm Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Vô số, vô lượng, vô biên... có gì tính đến được? Phật nói vô số là tên không rơi vào số, như trong tánh hữu vi, trong tánh vô vi. Còn vô lượng thì lường đếm không thể được, như quá khứ, hiện tại, vị lai. Về vô biên là các pháp biên chẳng thể được. Tuy tánh chẳng tính đếm biết được mà tướng có lượng phân tề. Nay phụ vào đây mà biên ra số lượng. Cu-xá Luận năm mươi hai số đều từ một tăng dần đến mười, tức là một, mười, một trăm, một ngàn, vạn, lạc-xoa (ức), độ-lạc-xoa (triệu), cu-chi (kinh), vị-đà (tỷ), a-dữu-đa (câu), đại a-dữu-đa (nhương), na-dữu-đa (câu), đại na-dữu-đa (giản) bát-la-dữu-đa (chánh, đại bát-la-dữu-đa (tải), căng-yết-la (chân-ca-la), đại cang-yết-la, tần-bà-la (tần-bạt-la), đại tần-bà-la, a-súc-bà (a-sô-bà), đại a-súc-bà, tỳ-bà-la, đại tỳ-bà-la, ốt-tăng-già, đại ốt-tăng-già, bà-yết-na, đại bà-yết-na, địa-chí-bà, đại địa-chí-bà, hê-đô, đại hê-đô, yết-cát-phược, đại yết-cát-phược, ấn-đạt-la, đại ấn-đạt-la, tam-ma-bát-chẩm, đại tam-ma-bát-chẩm, yết để, đại yết-để, khô-phiệt-là-xà, đại khô-phiệt-là-xà, lão-đạt-la, đại lão-đạt-la, bạt-lam, đại bạt-lam, san-nhã, đại san-nhã, tỳ-bộ-đa, đại tỳ-bộ-đa, bạt-la-tài, đại bạt-la-tài, a-tăng-xí-da. Toán Kinh nói: Huỳnh Thường làm số pháp có mười, ức, triệu, kinh, tỷ, cai, nhương,

câu, giản, vạn sanh ức, ức sanh triệu, triệu sanh kinh, nhương sanh câu, câu sanh giản, giản sanh chánh, chánh sanh tải. Tải đất chẳng thể chứa. Ức phân bốn cấp: 1- Mười vạn là ức, 2- Trăm vạn là ức, 3- Ngàn vạn là ức, 4- Vạn vạn là ức. Ngu Thư nói: Từ Phục Hy vẽ bát quái do đó số khởi. Luật Lịch Chí dẫn sách nói: Trước tính mạng vốn khởi (bắt đầu) ở số Huỳnh chung, bắt đầu ở một mà ba, ba chứa lịch số mươi hai thần, mười có bảy vạn bảy ngàn một trăm bốn mươi bảy (77.147) mà năm số đầy đủ. Về phép toán thì dùng ống tre đường kính một phân sáu tấc, hai trăm bảy mươi mốt mai mà thành sáu cô là một ác. Số ấy dùng dịch mà mở rộng số, năm mươi thì dùng bốn mươi chín thành dương sáu hào, được Chu Lưu Tượng ghi. Luận Ngữ nói: Chu Suy Quan mất, Khổng tử trình bày pháp với Hậu vương nói rằng: Cẩn quyền lượng, thẩm pháp độ, tu phế quan, cù dật dân mà hành chánh bốn phương. Hán Thư nói: Hành quyền, thì hành là bình, quyền là trọng. Hành do đó nhậm quyền mà quân vật, bình mà khinh trọng vậy. Đạo ấy như để, để thấy chánh (đúng) của chuẩn, thẳng của dây. Tả truyền kiến (thấy) qui, hữu chiết kiến (thấy) cũ là ở trời vậy. Tả trợ toàn ky châm chước kiến chỉ dĩ tề bảy chánh. Cho nên nói ngọc hành (cân ngọc). Quyền là thù, lượng, cân, quân, thạch. Do đó đem cân vật ngang vốn khởi nặng ở Huỳnh chung, một thược chứa một ngàn hai trăm thiêm nặng mươi hai thù, lượng là lượng, hai mươi bốn thù là một lượng, mười sáu lượng là một cân, ba mươi cân là một quân, bốn quân là một thạch. Thổn là mười tám dịch có tượng mười tám biến.

Lạc-xoa (Laksa), hoặc Lạc-sa, dịch là mười vạn.

Cu-chi (Kotì), hoặc Câu-chí, dịch là một trăm ức.

Na-do-tha (Nayuta), hoặc na-dữu-đa, hoặc thuật-na hay na-thuật, dịch là vạn ức.

A-tăng-kỳ (Asaưkhyà), hoặc a-tăng-xí-da, dịch là vô ương số. Sở Từ nói: Thời cũng chưa ương. Vương Dật nói: Ương là hết. Đại Luận nói: Tăng-kỳ, Tần gọi là số, a là vô (a-tăng-kỳ là vố số). Hỏi lúc nào gọi là a-tăng-kỳ? Đáp: Người biết toán số trong trời, người thì cực số không thể biết đó gọi là một a-tăng-kỳ. Như 1+1 là 2, 2 lần 2 là 4, 3 lần 3 là 9, 10 lần 10 là 100, mười lần trăm là ngàn, mười ngàn là vạn, mười vạn là ức, ngàn vạn ức là na-do-tha, ngàn vạn na-do-tha là tần-bà, ngàn vạn tần-bà là ca-tha, quá ca-tha gọi là a-tăng-kỳ. Bồ-tát Địa Trì Kinh nói: một là mặt trời, mặt trăng ngày đêm, số năm vô lượng gọi là a-tăng-kỳ, hai là đại kiếp vô lượng gọi là a-tăng-kỳ.

Ưu-ba-ni-sa-đà (Upanisada), Thanh Lương Sớ nói: Đây dịch là

cận thiểu, nghĩa là vi trần là sắc cận thiểu phần (vi trần là phần sắc một phần nhỏ nhất) cũng dịch là cận đối, nghĩa là tỷ đối thiểu phần tương cận (là phần so sánh nhỏ nhất?). Ứng Pháp sư nói: Nghĩa trong luận nói nhân quả không giống nhau, vì trân bảo chỉ được quả báo trong ba cõi còn thiện pháp vô lậu thì được quả Phật.

Ca-la phần (Kalà), luận lấy nghĩa dịch là lực thắng, vì thiện pháp vô lậu thắng (hơn) vô lậu.

Ca-la (Kalà), Thanh Lương Sớ nói: Dịch là thụ (dựng đứng - dọc) nghĩa là một sợi lông của thân người chia ra một trăm phần rồi lấy một phần thì gọi là ca-la?

Bảo-la-na-địa-tà, đây dịch cửu đệ nhị.

Khư-lư, mười khư-lư là một khư-lê.

Khư-lê, dịch là hộc. Luật Lịch Chí nói: Lượng là thược, họp, thăng, đấu, hộc. Do đó mà tính lường nhiều ít. Thược khởi đầu ở Huỳnh chung dùng số đếm mà xét, kỳ dung dĩ tử xác cừ thiêm trung giả ngàn có hai trăm là thược ấy (thược là 1200?) lấy nước giếng mà chuẩn ký khái. Họp thược là họp, mười họp là thăng, mười thăng là đấu, mười đấu là hộc mà năm lượng tốt đẹp. Lượng nhiều ít là không lỗi khuê toát.

Ba-ha, dịch là thùy. Thạnh cốc viên đồn. Thùy nhận mười hai hộc. Cu-xá Luận nói: Át-bộ-đà thọ lượng như một bà-ha-ma (mè?), trăm năm trừ một cho đến hết. Đây nói một thùy có hao mươi hộc-ma (mè?) trong khoảng trăm năm trừ bỏ một thăng khi trừ hết mè thì át-bộ thọ đã hết.

Ca-lị-sa-bát-noa, tám mươi mai bối châu là một bát-noa, mười sáu bát-noa là một ca-li-sa-bát-noa.

Du-thiện-na (Yojana), dịch là hạn lượng, lại gọi là họp ứng. Nghiệp Sớ nói: Đây không chánh dịch, chỉ là khoảng đường đi tuần thú của Luân Vương mỗi lần đi lúc nghỉ ở nhà trạm (khoảng đường đó gọi là một du-thiện-na?). Tây Vức Ký nói: Phàm số lượng gọi du-thiện-na xưa gọi là do-tuần, lại gọi du-xà-na hay do-diên đều sai. Du-thiện-na là từ xưa Thánh vương một ngày quân hành. Xưa truyền một du-thiện-na là bốn mươi dặm, theo phong tục Ấn Độ thì ba mươi dặm. Thánh giáo có ghi chỉ mười sáu dặm. Đại Luận nói: Do-tuần có ba thứ khác nhau, thứ lớn là tám mươi dặm, thứ trung là sáu mươi dặm, thứ nhỏ là bốn mươi dặm, tức là núi sông chẳng đồng mang hành lý khác nhau mà nêu một số chung. Phân một du-thiện-na là tám câu-lô-xá, một câu-lô-xá là năm trăm cung, một cung là một chỏ, một chỏ là hai mươi bốn lóng tay, một lóng tay là bảy túc lăng. Cho đến chấy rận bụi bặm lông trâu, lông dê, lông

thỏ kim thủy thứ lớp bảy phần. Cho đến bụi nhỏ, bụi nhỏ bảy phần là cực tế trần. Cực tế trần là không thể bẻ ra được nữa, bẻ ra là về không, cho nên gọi là cực tế. Cu-xá Tụng nói: Cực vi nhỏ kiam thủy, lông thỏ, dê bụi bặm, chấy rận lăng chỉ tiết, các sau tăng gấp bảy, hai mươi bốn chỉ là một chỏ, bốn chỏ cung lượng, năm trăm cu-lư-xá là vào một du-thiện-na.

Một tiên đạo, Gia Tường nói là hai dặm, hoặc gọi thủ tọa đóa là một trăm năm mươi bước, hoặc một trăm ba mươi bước, hoặc hai mươi bước. Hán Thư Luật Lịch Chí nói: Đo dài ngắn chẳng mất hào ly độ là phân, thốn, trượng, xích, dẫn. Sở dĩ độ dài ngắn, vốn khởi độ dài ở Huỳnh chung, lấy tử cốc cự thiêm trung, độ dài của một Huỳnh chung là một phân, mười phân là thốn, mười thốn là xích, mười xích là trượng, mười trượng là dẫn, mà năm lần xét vậy.

Một kiệt thủ, Thông Tục Văn nói: Trương thân kiệt là thước nhà Chu, người một thước, Phật hai thước. Đường ở Chu một thốn tăng lên hai phân, một thước tăng lên hai thốn. Bởi thước nhà Chu là tám tấc. Cổ Lục nói: Tám tấc gọi là chỉ. Nói phu thốn thì bốn lóng tay là một phu, hai lóng tay (ngón tay) là một thốn. Nói lóng tay (chỉ) thì một chỉ của Phật rộng hai thốn.

Một chỏ (trửu) của người một thước tám tấc, của Phật ba thước sáu tấc. Nói một vi, thì Trang Tử Âm nói: Đường tròn có đường kính một thước gọi là vi. Nói một nhẫn, thì Thuyết Văn nói: Nhẫn nghĩa là duỗi cánh tay ra một tầm. Sử Ký và Trịch Huyền đều nói bảy thước là một nhẫn. Tiểu Nhã nói bốn thước là một nhẫn là một nhẫn, gấp đôi là một tầm, một tầm dài hai hoẳng. Hoặc nói năm thước là một tầm, gấp đôi tầm gọi là thường.

Câu-lô-xá (Krosa), dịch là năm trăm cung, cũng gọi là một ngưu hẩu địa (tiếng trâu rống) nghĩa là trâu lớn rống lên ở xa nghe được, hoặc gọi một tiếng trống. Cu-xá nói là hai dặm, Tạp Bảo Tạng nói là năm dặm.

Bàn-đà, dịch là hai mươi tám trửu (chỏ tay). Hoa Nghiêm nói số lớn tăng đến một trăm hai mươi lăm. Thấy trong Phẩm A-tăng-kỳ.

37. MỌI VẬT. (các thứ):

Kinh Âm Nghĩa nói: Thập là mười là nhóm đống, là lộn xộn nhiều thứ. Cũng có tên số, nghĩa là vật tư sanh (giúp sống?). Trang Tử Quan Duẫn nói: Phàm có hình dạng thanh sắc thì đều là vật. Dịch nói Thiên địa nhân vân, vạn vật hóa thuần. Ngọc Thiên nói: Phàm sanh trong

khoảng trời đất đều gọi là vật, là sự là loại.

Khư-chu-la, dịch là tiểu trường sàng.

Hưng-cừ, là sai. Ứng Pháp sư nói: Dịch là ít, gọi đúng là hưng-nghi, sanh từ nước Ô-trà-bà-tha-na, người ấy thường ăn, phương này truyền gọi vân đài là không phải. Đây là nước cây giống như nhựa đào, Tây Vức lấy để ăn. Nay A-ngụy là đó. Từ Mẫn Tam Tạng nói: Rễ như la-bặc sanh ra ở đất cay hôi. Từ Mẫn mùa đông đến nước ấy chẳng thấy mầm. Thương Hiệt Thiên nói: Rau nồng cay, phàm vật cay hôi đều gọi là huân.

Ma-thâu (Mrdvika), Đại Luận nói: Rượu có ba thứ: một là rượu gạo nếp, hai là rượu trái cây (quả) như quả cây bồ-bặc a-lê-tra, các thứ như thế gọi là rượu trái cây (quả), ba là rượu thuốc, các thứ dược thảo hòa với men rượu nước đường thì biến thành rượu. Đồng với làm rượu sữa, tất cả sữa nóng có thể làm rượu. Hán Thư nói: Tượu là lộc tốt của trời, do đó nuôi dưỡng thiên hạ, cúng kiến cầu phước, chữa suy nuôi bệnh. Đào Khảng từng nói: Lúc nhỏ có lỗi uống rượu quên thân kiến ước nên chẳng dám uống nhiều. Hoặc nói huân là gầy rượu vậy. Thương Hiệt Thiên nói: Có rượu cặn. Đại Trang Nghiêm Luận nói: Phật nói thân, khẩu, ý, ba nghiệp làm ác do rượu làm gốc lại đọa trong ác hạnh.

Thái, Chỉ Qui nói: Na-lan-đà Tăng Cát Tường Nguyệt nói: Tây Vức lập biểu lượng ảnh (đo lường bóng?). Ảnh tiếng Phạm gọi là thái, đây gọi là ảnh. Buổi sáng ảnh nghiêng về Tây, liền dùng bước đi đến số bước của ảnh. Tân Tỳ-nại-da nói: Phật bảo nên làm Pháp Thương Đoản lấy thẻ nhỏ dài hai thước, chặt một đầu bốn lóng tay dựng đứng giữa ngày độ (đo) ảnh dài ngắn, đó gọi là thương đoản. Nói thương đoản là hai thước khuất chiết đầu chuyển, như bóng chân người nên người lạm dụng.

Tỳ-phong, cũng gọi là Tỳ-lam, dịch là tấn mãnh phong (gió dữ). Đại Luận nói: Gió bốn phương chẳng thể động núi Tu-di, khi gió tùy-lam đến thì nát như cỏ mục. Phật Địa Luận nói tám gió: 1- Đắc là được danh lợi vừa ý, 2- Thất là suy sụp không vừa ý, 3- Hủy là chê bai điều không có, 4- Dự là khen ngợi điều không có, 5- Xưng là khen ngợi việc có, 6- Cơ là chê bai việc có, 7- Khổ, làm thân tâm khổ, 8- Lạc thân tâm thích ý. Tịnh Danh Sớ nói: Làm từ bền chắc thì tâm như kim cương, thành tâm chân từ, không bị gió nội ngoại giới làm tổn hại. Kinh Khê nói: Ngoài không có tám tướng chỉ là trái thuận chân trung không đồng nên cùng trong khác.

Sai-la-ba-ni, hoặc gọi Sám-la-bán-ni, dịch là nước tro.

Chu-li-thảo, Đại Luận nói: Tần gọi là giặc.

A-già-đà (Agasti), dịch là Phổ khứ (khắp bỏ), tức bỏ hết các bệnh lại dịch là viên dược. Hoa Nghiêm nói: Thuốc A-già-đà, chúng sanh nào thấy thì các bệnh đều dứt hết. Luật Sao nói: Báo mạng chi trì chớ lỗi ở thuốc. Tên thuốc là chung phân làm bốn thứ: Một là thời dược, từ sáng đến trưa Thánh giáo nghe uống, sự thuận pháp ứng, chẳng sanh tội lụy. Hai là phi thời dược, là các loại nước uống đối bệnh mà lập ngoài thời cho phép uống hạn định không trái. Ba là thất nhật dược, ước theo pháp đến hết phân tề, lấy ngày làm hạn dùng trị bệnh có lợi ích lớn. Bốn là tận hình dược, thế lực đã kém nên phải nghe uống lâu mới có thể hết bệnh. Hình có ba thứ: Một là tận dược hình, hai là tận bịnh hình, ba là tận báo hình.

Tát-bảo-sát-địa, Tây Vức Ký nói: Đường gọi xà dược. Phật xưa khi làm Đế-thích gặp năm đói kém bệnh dịch đẫy đầy, thuốc trị không công hiệu chết đầy được đt thương xót suy nghĩ cách cứu bèn biến thành con rắn lớn nằm chết giữa đồng. Trên không trung có tiếng khắp bảo người nghe đều vui mừng tranh nhau đến cắt thịt rắn mà ăn thì đều sống, tự đói lại trị bệnh.

Ưu-đàn-na (Mudrà), Diệu Huyền nói: Đây gọi là Ấn, cũng dịch là tộng. Ấn là thềm cấp nhất định không được thay đổi. Thích Danh gọi là Ấn tín, do đó đối vật làm nghiệm. Thuyết Văn nói chấp chánh được uy tín.

Bà-lị (Vadisa), hoặc gọi ương-câu-xa, dịch là khúc câu.

Cức-phược-tỉ (Pàdavestanika), hoặc gọi Cách-tỉ, dịch là ngoa (giày ống). Phật xưa ở nước A-(?)-trà bảo phải mang cức-phược-tỉ (giày ống?). Thuyết Văn nói: Bì gọi là lý, ma gọi là lũ.

Phú-la (Pùlà), gọi đúng là Phục-la, dịch là đoản ao ngoa (giày mũi cong).

Xá-lâu-già, dịch là ngẫu căn (ngó sen?)

Huân-tân, huân (hôi nồng) mà không cay. A-ngụy là đó, cay mà không hơn nồng là gừng cải, vừa hôi nồng lại cay là năm tâm. Kinh Phạm võng nói: Chẳng được ăn ngũ tân... Nói ngũ tân là hành, hẹ. Kiệu (riềng?), tỏi, hưng cừ (ngụy) chuẩn theo Kinh Lăng-nghiêm ăn có năm lỗi: một là sanh lỗi, hai là xa trời, ba là gần gũi, bốn là phước tiêu, năm là ma tụ tập.

1. Sanh lỗi: Là Kinh nói là năm thứ cay chín ăn phát dâm, sống ăm thêm giận.

2. Xa trời: Kinh nói người ăn cay dầu hay nói mười hai bộ kinh thì các thiên tiên mười phương ghét mùi hôi hám mà đều lánh xa.

3. Gần gũi: Kinh nói các ngạ quỷ nhân người ấy ăn rồi bèn đến liếm môi mép thường ở cùng quỷ.

4. Phước tiêu: Kinh nói phước mỗi ngày một tiêu, mãi không lợi ích.

5. Ma tụ tập: Kinh nói người ấy cay mà tu Tam-ma-địa, Bồ-tát thiên tiên mười phương thiên thân chẳng theo ủng hộ.

Đại lực ma vương thì được phương tiện hiện làm thân Phật mà thuyết pháp, phá bỏ cấm giới giữ dâm, nô, si. Khi chết rồi thì tự làm ba con của Ma vương, chịu phước mà hết rồi thì đọa vào ngũ Vô gián. Lại Kinh Lăng-già, Đại Tuệ hỏi rằng: Các Bồ-tát ấy chí cầu Phật đạo mà rượu thịt và hành hẹ cứ ăn là sao, xin đấng Vô Thượng Tôn thương xót diễn nói. Phật bảo Đại Tuệ rằng: Có vô lượng nhân duyên (lý do) chẳng nên ăn thịt, song ta nay vì ông lược nói: nghĩa là tất cả chúng sanh từ xưa đến nay xoay vần nhau thường làm sáu thân vì nghĩ người thân nên không ăn thịt, lừa, ngựa, lạc-đà, chồn, chó, trâu, người, thú đều là thịt giết mổ mà bán ra nên không ăn thịt. Do đồ bất tịnh nuôn lớn lên mà chẳng ăn thịt. Chúng sanh nghe hơi thì đều sợ hãi như Chiên-đà-la và Đàm-bà, chó thấy ghét sợ mà cả bầy ra sủa nên chẳng ăn thịt. Lại khiến người tu hành chẳng sanh từ tâm nên không ăn thịt. Phàm kẻ ngu ham thích các thứ hôi hám bất tịnh không khéo gọi tên nên không ăn thịt. Vì khiến các chú thuật chẳng thành tựu nên không ăn thịt. Vì người sát sanh thấy hình khởi thức (liền biết) càng mê đắm nên không ăn thịt. Người ăn thịt kia các trời đều bỏ nên không ăn thịt. Có nhiều ác mộng nên không ăn thịt. Ở yên vắng trong rừng sài lang, hổ báo đều nghe mùi nên không ăn thịt. Lại khiến ăn uống không tiết độ nên không ăn thịt. Khiến người tu hành chẳng sanh chán lìa nên không ăn thịt. Ta thường bảo phàm khi ăn uống phải tưởng như ăn thịt con mình, phải nghĩ đó là thuốc nên không ăn thịt. Cho phép ăn thịt thì không có việc ấy. Lại nữa, này Đại Tuệ, ở quá khứ có vua tên là Sư Tử Tô-đà-bà, ăn các thứ thịt bèn ăn đến thịt người, thần dân không chịu nổi liền tính việc mưu phản, mà cắt đứt bổng lộc. Vì người ăn thịt có lỗi như thế nên không ăn thịt. Tất cả thịt cùng các thứ hành hẹ tỏi nấn, lại buông lung uống rượu mà luôn xa lìa tu hành. Người ăn tỏi để yết hầu được thông, ăn chút ít thì không phạm. Rau thì có gừng cải bầu dưa rau huân đà v.v... Hành hẹ tuy ăn ít mà cũng ghiền, nhà có người ăn nên đuổi đi ra khỏi thành.

Ấn, Đại Luận nói: Ấn Phật pháp có ba thứ: một là tất cả pháp hữu

vi, niệm niệm sanh diệt đều vô thường, hai là tất cả pháp vô ngã, ba là tịch diệt Niết-bàn. Hành giả biết ba cõi đều là pháp hữu vi sanh diệt, trước có nay không, nay có sau không, niệm niệm sanh diệt nối tiếp, giống như sanh nên có thể thấy, biết như nước chảy đuốc sáng quay nhanh nên giống như tiếp nối, người là một chúng sanh ở trong pháp vô thường luôn điên đảo, bảo đi là luôn ở (còn hoài), đó gọi là tất cả là pháp vô thường ấn, tất cả pháp vô ngã trong các pháp không có chủ, không tác giả, không biết, không thấy. Là vô sanh, là không tạo nghiệp, tất cả pháp đều thuộc nhân duyên, vì thuộc nhân duyên nên không tự tại, vì chẳng tự tại nên vô ngã, ngã tướng không thể được, như trong Phẩm Phá Ngã đã nói, đó gọi là Vô ngã ấn. Tịch diệt là Niết-bàn, ba độc ba suy lửa diệt nên gọi Tịch diệt ấn.

Hỏi: Trong Tịch diệt ấn sao chỉ có một pháp chẳng nói nhiều?

Đáp: 1- Ở trong Ấn nói năm chúng, 2- Ở trong Ấn nói tất cả pháp đều vô ngã, 3- Ở trong Ấn nói hai ấn qủa là Tịch diệt ấn. Tất cả pháp đều vô thường, thì phá ngã sở ngoài năm dục v.v... Nếu nói vô ngã thì pháp pháp nội ngã tức phá ngã và ngã sở, tức là Tịch diệt Niết-bàn.

Luận lại hỏi rằng: Trong Ma-ha-diễn nói các pháp một tướng chẳng sanh chẳng diệt, đó gọi là vô tướng, trong đây vì sao nói tất cả pháp hữu vi là pháp vô thường gọi Pháp ấn, vì sao hai pháp không trái nhau?

Đáp: Quán vô thường tức là quán không nhân duyên, như quán sắc niệm niệm vô thường liền biết là không. Sắc quá khứ diệt mất chẳng thể thhấy cho nên không sắc tướng. Sắc vị lai chẳng sanh, vô tác vô dụng, chẳng thể thấy nên không sắc tướng. Sắc hiện tại cũng không dừng trụ, không thể thấy, không thể phân biệt mà biết, nên không sắc tướng tức là không, không tức là không sanh không diệt. Không sanh không diệt và sanh diệt kỳ thật là một, nói có rộng lược.

Hỏi: Sắc quá khứ, vị lai không thể thấy nên không sắc tướng, còn sắc hiện tại thì lúc trụ có thể thấy sao nói là không sắc tướng?

Đáp: Sắc hiện tại cũng không có lúc dừng trụ. Như trong Tứ Niệm Xứ nói: Nếu pháp sau thấy có tướng hoại thì phải biết trước khi sanh tướng hoại thì đã đuổi nhau rất nhỏ nhặt mà không biết. Như người mang guốc gỗ, ngày đầu tiên mới mà không cũ, sau phải luôn mới không được có cũ. Nếu không cũ thì phải là thường. Thường nên không tội không phước. Không tội không phước thì pháp đạo tục ắt loạn. Lại nữa, tướng sanh diệt thường tùy làm pháp không có lúc dừng, nếu có lúc dừng thì không sanh diệt vì thế sắc hiện tại không có dừng trụ.

38. HIỂN SẮC.

A-tỳ-đàm nói có ba thứ sắc: một là có đối sắc có thể thấy, tức một pháp sắc ttần là mắt thấy được, nhờ các thứ cực nhỏ tạo thành nên gọi là có đối; hai là có đối sắc không thể thấy, nghĩa là mắt v.v... năm căn đây là thắng nghĩa căn, thanh v.v... Bốn trần, chín pháp này mắt không thấy được, đều là nhờ các thứ thật nhỏ tạo thành; ba là chẳng thể thấy không đối sắc, tức không có biểu sắc. Duy Thức Tông nói: Thức thứ tám biến ra ba thứ sắc: một là chỉ thô mà không tế tức là núi sông đất liền v.v...; hai là cũng thô cũng tế tức là các phù sắc trần trong thân đối với núi sông v.v... các sắc thì nó tế, nhưng sao với năm căn trong thân thì nó thô; ba là chỉ tế không năm căn thắng nghĩa Đại thừa, vì hay tạo tám pháp, chẳng thể thấy có đối sắc mà là thể tánh. Luận Du-già và Luận Năm Uẩn nói ba thức sắc tức là Hiển sắc, Hình sắc, Biểu sắc. Mở (chia) Hiển sắc ra làm mươi ba, đó là xanh, vàng, đỏ, trắng, (ảnh) sang, tối, khói, mây, trần (bụi), mù (vụ), không, là một Hiển sắc. Chia Hình sắc có mười là dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, cao, thấp, chánh, chẳng chánh (ngay, xéo?). chia Biểu sắc ra làm tám là lấy, bỏ, co, duỗi, đi, đứng, ngồi, nằm. Cu-xá nói: Không có Biểu sắc tức là không thể nêu bày (biểu chương). Niết-bàn nêu Vô tác sắc nghĩa là không có ladm lụng (vô sở tác vi). Tát-bà-đa nêu Vô giáo sắc, nghĩa là không có dạy (giáo) hay (giáo thị). Sự Sao Thích nói: Giáo (dạy) là làm, không thể dạy bày người khác. Nghiệp Sớ nói: Đây là nói nghiệp thể, một khi phát ra liền nối tiếp hiện mãi không nhờ các duyên, không do dạy (giáo) bày, mới có thành dụng tức thể nhậm vận, hay đáp lại đời sau nên nói không dạy (giáo). Đại Luận nói: Có bốn thứ sắc là Thọ sắc, Chỉ sắc, Dụng sắc, Bất dụng sắc. Nhỏ tiến lên không thành lớn, ngầm khiến người làm, tâm mong thật đạo nghĩa nhiều phương đều ở đây.

Cu-lan-tra, đây dịch là sắc. Chất ngại gọi là sắc.

Y-ni-diên (Aineya), dịch là kim sắc, gọi đúng là Ê-ni-diên. Đại Luận nói là ba mươi hai tướng thì thứ tám là Y-ni-diên, tức là tướng chân (đùi) nai, đứng sau nó là (???).

Tô-lâu-ba (Surùpa), dịch là diệu sắc. Kinh nói: Diệu sắc trống vắng thường an trụ chẳng bị sanh già bệnh chết biến đổi.

Ni-la (Nìla), dịch là thanh sắc (sắc xanh). Đông phương Giáp ất tiếc tinh thuộc mộc.

A-lô-na (Aruna), dịch là xích sắc. Nam phương Bính đinh, sánh hoặc thuộc hỏa.

Lô-hê-đát-ca (Lohitaka), Tây Vức Ký nói: Đường gọi xích sắc

(sắc đỏ).

Ca-sa-dã (Kasàya), dịch là xích sắc (sắc đỏ). Tiếng Phạm đọc khác nay ghi đủ.

Thúc-ly (Sukla), dịch là bạch sắc (sắc trắng), Tây phương Canh tân, Thái Bạch thuộc kim.

Ngật-li-sắc-noa (Krsna), dịch là hắc sắc (sắc đen), Bắc phương Nhâm quí thân tinh thuộc thủy.

Ca-trà (Kala), hoặc Ca-la, dịch là sắc sắc (sắc đen).

Tiếp-đà-la (Pitala), hoặc Kiếp-tân-na, dịch là huỳnh sắc (sắc vàng. Trung ương Mậu kỷ trấn tinh thuộc thổ.

La-sai, hoặc Lặc-xoa, dịch là tử sắc (sắc tím).

Băng-già-la (Piưgala), Lương gọi thượng sắc (sắc xanh biển).

Phàm phu trầm mê bị vật nó chuyển, nghe chẳng ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt sắc. Nay nêu kinh luận khiến thấu biết thanh sắc.

Như Trí Luận hỏi: Tâm và tâm sở pháp vô hình, có thể nói là vô biên. Sắc thì có hình có thể thấy sao nói vô biên?

Đáp: Không nơi nào chẳng có sắc, có thể tính lường xa gần nhẹ nặng, như Phật nói bốn đại không chỗ nào chẳng có, nên gọi là đại, chẳng thể lấy năm tình mà hạn chế được, chẳng thể lấy đấu cân đo lường nhiều ít nặng nhẹ, thế nên nói sắc vô biên. Lại nữa, sắc ấy ở quá khứ thì mới đầu chẳng thể được (không có), ở vị lai không có hằng hà sa kiếp số hạn định đến hết, thế nên không có bờ sau, bờ trước bờ sau đều không, khoảng giữa cũng không, không có biên giới gọi là sắc tướng, đó là sắc phần được phá tan, bờ bến không thể được nên không có bản tướng. Lại Ma-ha-diễn Bản Nghiêm Kinh nói: Ví như họa sĩ vẽ hình tượng quỷ thần rồi tự sợ. Như thế Ca-diếp, các phàm phu tự tạo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trơn láng (xúc) mà trôi lăn trong sanh tử cũng lại như thế. Lại Trí Luận nói: Đại Hoan Hỷ Bồ-tát nghĩ rằng chúng sanh dễ độ. Vì sao thế, vì chúng sanh mê đắm các thứ đều là hư dối không thật. Ví như người có một con ham thích đùa giỡn trong chất bất tịnh, lấy đất làm lúa gạo, lấy cỏ cây làm chim thú mà mê đắm. Nếu ai cướp lấy thì giận dữ khóc lóc. Người cha biết con mình nay tuy mê đắm nhưng cũng sẽ dễ lìa bỏ mà ngơi nghỉ mãi. Vì sao thế, vì vật này chẳng thật. Bồ-tát cũng thế, quán thấy chúng sanh mê đắm thân bất tịnh hôi thúi và năm dục là các thứ nhân khổ vô thường v.v... Như thế chúng sanh được tín v.v... năm căn khi thành tựu thì liền có thể lìa bỏ. Nếu trẻ con mê đắm thật là vật thật cho đến trăm tuổi thì mê đắm càng sâu cũng không thể lìa bỏ. Vì các pháp đều không, dối trá chẳng thật. Khi được

mắt trí tuệ vô lậu thanh tịnh thì liền có thể lìa bỏ các mê đắm mà rất xấu hổ. Ví như khi bệnh điên nổi lên không có pháp làm tỉnh thì không thẹn thuồng mà ngưỡng mong các hậu hiền quán sắc như huyễn ở cảnh nội ngoại mà không mê đắm.

■

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

QUYỂN 4

Tập này gồm có các các phần sau đây:
39. Thông minh (nói rõ) Tam tạng.
40. Mười hai phần giáo.
41. Luật phần năm bộ.
42. Luận mở tám nhóm.
43. Nêu pháp ba học.
44. Luận pháp sáu độ.
45. Giải thích mười hai chi.
46. Nói pháp bốn đế.
47. Ba nghĩa Chỉ quán.
48. Các pháp thiện hạnh.

39. THÔNG MINH (nói rõ) TAM TẠNG.

Một là Kinh tạng, hai là Luật tạng, ba là Luận tạng.

Kinh tạng thì an định nhân giả, hiểu rốt tánh tướng.

Luật tạng nêu phép tắc bốn oai nghi, nghiêm giữ ba nghiệp.

Luận tạng thì nghiên chân hiểu chánh, hặc nguỵ tồi tà (bắt tội nguỵ tà) đồng ra một âm khác theo bốn tất, dùng để hiển lý Viên minh mở cửa giải thoát. Do đó mà lập ra ba tạng giáo vậy.

Tu-đa-la (Sùtra), hoặc gọi tu-đơn-lam hay Tu-đố-lộ. Tây Vức Ký gọi là Tố-đát-lãm. Xưa gọi là Tu-đa-la là sai. Hoặc nói không dich vì gồm năm nghĩa. Chích Hoa nói: Nghĩa vị vô tận cho nên suối phun (dũng tuyền) hay sanh diệu thiện, cho nên gọi xuất sanh, chỉ định tà chánh nên ví với thằng mặc (dây mực). Hay bày chánh lý nên gọi là hiển thị, xuyên suốt các pháp nên gọi là kết man. Vì gồm năm nghĩa đó nên không dịch. Hoặc nói có phiên dịch. Diệu Huyền nói có năm lời dịch: một là Kinh, hai là Luận, ba là Pháp bản, bốn là Tuyến, năm là Thiện ngữ giáo. Thiên Thai dịnh rằng nay lại căn cứ vào một tên xem là dịch chánh, cũng chẳng khiến hai nhà oán nhau. Đó là gì, từ xưa nay

dịch Phạm ra Hán đều đề là kinh, nếu các thứ khác là dịch đúng sao không đổi là Tuyến khế. Nếu truyền dịch đều thế thì Kinh là chánh sáng nhất. Vì phương này giáo của Chu Khổng gọi là Ngũ kinh, cho nên dùng chữ Kinh đi dịch chữ Tu-đa-la. Song các sách đều đề tên Kinh, các Luận chỉ ra đều gọi Khế Kinh. Do gọi Khế lý, Khế cơ thì gọi là Khế Kinh vậy. Chích Hoa nói: Khế lý thì hợp với hai đế, Khế cơ thì hợp với ba căn. Kinh là dạy (huấn) thường dạy (huấn) pháp. Diệu Huyền nói: Thiên ma ngoại đạo chẳng thể đổi thay làm hoại nên gọi là Giáo thường chân chánh không tạp, không thể vượt qua nên gọi là Hành thường, trạm nhiên bất động quyết không đường khác nên gọi là Lý thường. Lại huấn (dạy) pháp thì pháp có thể là khuôn phép, hành có thể là khuôn phép, lý có thể là khuôn phép. Phật Địa Luận nói: Kinh cơ nghĩa là quán nhiếp, có nghĩa là xuyên suốt mà biết, nhiếp từ các chúng sanh đã giáo hóa. Từ Ân nói là thường là pháp là nhiếp là quán. Thường thì đạo quỷ bách vương (đạo làm khuôn phép cho trăm vua), pháp thì đức mô vạn thặng (đức làm mô phạm cho vạn thặng). Nhiếp thì tập họp diệu nghĩa, quán thì ngự bỉ dung sanh. Ngỏ hầu khiến cùng thoát bến khổ, cùng về bờ giác.

Tỳ-nại-da (Vinaya), hoặc Tỳ-ni. Thập Sư nói: Tỳ-ni, Tần gọi là Thiện trị (khéo trị) nghĩa là tự trị dâm, nộ, si, cũng là trị các ác của chúng sanh (trị chúng sanh ác?). Viên Giác Sao nói: Đây gọi là điều phục, nghĩa là điều luyện ba nghiệp, chế phục lỗi lầm. Điều luyện thông với ngăn làm, chế phục thì chỉ là ngừng ác. Tựu sở thuyên chi hạnh, chương danh điều phục chi tạng (nêu hạnh mà bày tên điều phục?). Tứ Giáo Nghĩa nói: Đây dịch là diệt, nghĩa là Phật nói giới làm không làm hay diệt các ác của thân, khẩu, ý, thế nên gọi là diệt. Viên Giác Lược Sao nói: Diệt có ba nghĩa: một là diệt nghiệp quấy, hai là diệt phiền não, ba là diệt được quả. Nam Sơn nói: Tỳ-ni, dịch là diệt, từ công năng mà đặt tên không phải là chánh dịch. Chánh dịch là luật. Luật là pháp, là từ giáo mà được tên, cắt đứt trọng khinh khai giá từ phạm phi pháp bất định. Tục có chón dòng, pháp ở dòng một. Cho nên luật pháp ở đời đều ước theo Hình khoa. Đạo cùng tục trái nhau nên Hình bèn gọi Dị (khác?). Đến như chỗ đoạn ắt phải y theo thường pháp. Cốc Hưởng nói: Lấy tên pháp luật phương này mà dịch chữ Nại-da, nước ấy. Luật là thuyên (nơi?) vậy, thuyên lượng nặng nhẹ phạm hay chẳng phạm v.v... Phong Tục Thông nói: Cao Đào Mô Ngu tạo luật, luật huấn (dạy) thuyên huân pháp. Thượng Thư Đại Truyện nói: Phi thiên chi Đại luật, chú nói phụng thiên chi đại pháp, pháp cũng là luật vậy, tên luật ở phương này bắt đầu từ vua Thuấn, Tiêu

Hà đời Hán lấy chín chương, dần dần phân nặng nhẹ tường tận. Tây Vức Ký nói: Tỳ-nại-da Tạng. Xưa gọi lầm là Ty-na-da.

A-tỳ-đàm (Abhidharma), hoặc gọi A-tỳ-đạt-ma, dịch là Vô tỷ pháp, nghĩa là Vô lậu pháp tuệ là hơn hết. Tứ Giáo Nghĩa nói: Vô tỷ pháp là Thánh nhân trí tuệ phân biệt pháp nghĩa. Mới gọi là A-tỳ-đạt-ma, dịch là Đối pháp. Đối có hai thứ: một là Đối hướng, nghĩa là hướng về Niết-bàn vì lấy nhân của Thừa thánh nhân vô lậu, mà cảm đến quả viên lực Niết-bàn; hai là Đối quán, đối quán bốn đế, nghĩa lấy tâm tịnh tuệ mà quán sát pháp bốn đế, nên gọi là đối. Pháp có hai thứ: một là Tháng nghĩa pháp, nghĩa là trạch diệt Niết-bàn v.v...; hai là Pháp tướng pháp, tức là thông bốn Thánh đế v.v...

Hỏi: Nếu theo nghĩa này thì họp gọi là Đối pháp tạng, nay giấu tên Đối pháp, chỉ nói Tuệ biện là sao?

Đáp: Đây là tiếng tùy phương, tiếng Phạm là Ma-đát-lý-ca (Màtrka), dịch là Bản mẫu. Bản mẫu hay sanh Diệu tuệ, Diệu tuệ nhân luận mà sanh, cho nên lần lượt dịch là Luận. Luận Du-già nói: Hỏi đáp quyết chọn (trạch) tánh tướng các pháp nên gọi là Luận. Trang Sư Truyện nói: Xưa gọi là Ưu-bà-đề-xá là sai, gọi đúng là Ổ-ba-độ-thước (Upadesa), Hậu Phần Kinh gọi là Ma-đạt-ma.

Cu-xá (Koza), hoặc gọi Tỷ-tra (Pitaka) hay Trích-ca (Tìkà), dịch là Tạng, tức là nghĩa bao hàm nhiếp trì, không có tạng (kho) thì không thể cất chứa tiền của, không có tạng thì không thể chứa nhóm văn nghĩa. Nên Nhiếp Luận nói sao gọi là Tạng? Đáp: Do nó hay nhiếp, nghĩa là nhiếp tất cả nghĩa phải biết, khiến không phân tán nên gọi Tạng. Tứ giáo Nghĩa nói: Nay nói ba tên đều gồm tất cả văn lý nên gọi là Tạng. A-hàm tức Định tạng, Tỳ-ni tức giới tạng, A-tỳ-đàm tức Tuệ tạng. Nay hỏi kinh nói đấm trước ba tạng học Tiểu thừa, mà gọi ba tạng là đã thông Đại Tiểu hai giáo, vì sao Pháp Hoa phán là thuộc Tiểu thừa? Đáp rằng: Ba tạng thuộc Tiểu gồm có hai nghĩa: một là ba tạng tiểu thừa đều do Phật nói. Như Kinh Xuất Diệu nói: Phật ở Ba-la-nại trong vườn tiên nhân lộc dã bảo năm Tỳ-kheo rằng nguồn gốc khổ này vốn chưa nghe, vốn chưa thấy rộng nói pháp này là Khế kinh tạng. Khi Phật ở thành La-duyệt, con của Ca-lan-đà tên là Tu-trần-na xuất gia học đạo đầu tiên phạm luật nên nói giới tạng. Phật ở Tỳ-xá-li thấy Bạc-kỳ-tử nhân duyên trước sau nên bảo các Tỳ-kheo rằng: Các người không có năm tâm sợ giận hận thì chẳng đọa ác thú, cũng lại không sanh vào địa ngục. Rộng nói như A-tỳ-đàm thì biết Tiểu thừa đều là Phật nói. Đây khác với Đại thừa Luận tạng thuộc các Bồ-tát tạo ra; hai là ba tạng Tiểu thừa bộ quyển

đều khác với Đại thừa Kinh luật, hai tạng lẫn lộn nhau nên Pháp Hoa phán là Tam tạng thuộc Tiểu thừa. Lại Đại Luận nói: Nơi nơi nói đều dùng (lấy?) Ma-ha-diễn bác pháp ba tạng không phải là Đại Bồ-tát. Các tiên đức vọng phá Thiên Thai lập giáo, đây là do lỗi không nghiên cứu các Kinh luận.

Hỏi: Pháp Hoa nói người học ba tạng Đại Luận sao nói khi Phật sống ở đời không có tên ba tạng?

Đáp: Phật diệt độ rồi A-nan mới kết tập tạng Tu-đa-la, Ưu-ba-ly hết tập tạng Tỳ-nại-da, Ca-diếp kết tập tạng A-tỳ-đàm thì Pháp Hoa bảo tiếng Phạm không có tên này. Phần nhiều dịch sư thêm tên ba tạng để hiển bày giáo Tiểu thừa. Như nay kinh từ các phẩm khác đều là người kiết tập đặt ra.

Hỏi: Nay nêu ba tạng là y vào Thuyên thứ (thuyên thứ = thứ tự của thuyên) nào?

Đáp: Tứ Giáo Nghĩa nói lúc nói không phải lúc làm. Thứ tự của giáo, A-hàm là trước. Trước của Tu hành thì Mộc-xoa là đầu. Nên Kinh Xuất Diệu bảo thứ lớp nói giáo trước kinh kế là luật sai mới đến luận. Tứ Giáo Nghĩa lấy luận ở giữa, vì muốn hiểu kinh phải do luận giải thích, nên trước kinh mà kế là luận. Song xem các văn trước sau không phải một cũng đều tùy người chẳng thể xác chấp (chấp chặt), nếu dùng nghĩa cục thì tự mâu thuẫn. Có người nêu bốn tạng thì Đại Luận gọi cái thứ tư là tạp tạng, hoặc nói có năm tạng, Tây Vức Ký nói bốn gọi là Tạp tập tạng, năm gọi là Cấm chú tạng. Thượng tọa bộ chỉ nêu ba tạng, còn Đại chúng bộ thì có năm tạng. Lại Kinh Âm Nghĩa nêu có tám tạng: một là Thai hóa tạng, hai là Trung ấn tạng, ba là Ma-ha-diễn Phương đẳng tạng, bốn là Giới luật tạng, năm là Thập trụ Bồ-tát tạng, sáu là Tạp tạng, bảy là Kim cang tạng, tám là Phật tạng.

40. MƯỜI HAI PHẦN GIÁO.

Trộm nghĩ lý vượt bốn cú, giáo nhiếp các cơ tung hoa xỏ hoa khác nhau, ứng tụng có tụng riêng khác hoặc có thỉnh để diễn bày, hoặc không hỏi mà tự nói Bổn sự, Bổn sanh, nói lý luận dụ, lao lung vọng thức thống hội chân nguyên, bệnh có vạn thứ, thuốc không phải một. Cho nên giáo bộ phân ra mười hai phần. Phát Chẩn nói: Trường hàng trùng tụng và Thọ ký. Cô Khởi, không hỏi mà tự nói, nhân duyên thí dụ và Bổn sự. Bổn sanh phương quảng vị tằng hữu, luận nghĩa cùng thành mười hai tên. Rộng nêu trong Đại Luận ba mươi ba.

Tu-đa-la (Sutra), dịch là Khế kinh có chung có riêng. Chung thì

Tu-đa-la đều gọi Thánh giáo. Riêng thì Diệu Huyền nói: Nói thẳng pháp tướng là Tu-đa-la riêng như nói bốn đế v.v... Nói riêng thì Tạp tập luận nói: Tức là Trường hàng chế tập lược nói nghĩa đáng (phải) nói.

Kỳ-dạ (Geya), đây gọi là Trùng tụng. diệu Huyền nói tức tụng lại Tu-đa-la đã nói trước đó. Cũng gọi là Ứng tụng, tụng lại trường hàng vậy.

Hòa-già-na (Vyàkarana), dịch là Thọ ký. Đạt-ma-uất-đa-la nói: Phật nói năng cũng gọi là Thọ, quả hẹn với tâm gọi là ký. Diệu Huyền nói: Nói chín đạo kiếp số sẽ được làm Phật. Thủ-lăng-nghiêm Kinh nói có bốn thứ ký: một là chưa phát tâm ký hoặc có lưu chuyển sáu đạo đến cõi nhân gian ưa thích Phật pháp quan ngàn vạn ức kiếp sẽ phát tâm qua trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp làm đạo Bồ-tát, cúng Phật độ người đều các kiếp như thế sẽ được Bồ-đề; hai là vừa phát tâm liền ký, người ấy lâu trồng thiện căn ưa thích đại pháp, có từ bi, trụ địa Bất thối nên vừa phát tâm liền ký; ba là mật ký, có Bồ-tát chưa được ký mà làm sáu độ, công đức đầy đủ thiên long tám bộ đều nghĩ rằng: Bồ-tát này khi nào sẽ được Bồ-đề tên kiếp, tên nước và số đệ tử như thế nào. Phật đoạn dứt nghi này liền thọ ký cho cả chúng đều biết, riêng Bồ-tát chẳng biết; bốn là vô sanh hiện tiền lý, ở trong đại chúng hiện tiền được vô sanh hiển bày mà ký cho.

Già-đà (Gàthà), dịch là Cô khởi. Diệu Huyền nói chẳng trùng tụng thì gọi là Cô khởi. Cũng gọi là Phúng tụng. Tây Vức Ký nói: Xưa gọi là Kệ, là tiếng Phạm gọi tắt. Hoặc gọi Kệ-tha, là tiếng Phạm gọi sai. Nay gọi đúng là Già-đà. Đường gọi là Tụng.

Ưu-đà-na (Udàna), dịch là Vô vấn tự thuyết (không hỏi tự nói). Diệu Huyền nói: Như khi Phật ở Xá-bà-đề, thượng đường ở Tỳ-xá-khư, đi kinh hành nơi đất râm mát (âm địa?) tự nói Ưu-đà-na, gọi là vô ngã (không), vô ngã (không) sở, việc ấy lành thay!

Ni-đà-na (Nidana), dịch là nhân duyên. Diệu Huyền nói: Trong Tu-đa-la có người hỏi nên vì nói việc ấy. Trong Tỳ-ni có người phạm việc ấy nên kết là giới. Tất cả lời Phật nói do việc mà khởi đều gọi là nhân duyên.

A-ba-đà-na (Avadàna), dịch là thí dụ. Chỉ Quán nói: Trăng ẩn trùng sơn giơ quạt mà dụ, gió dứt thái hư động cây mà dạy.

Y-đế-mục-đa-già (Itivuttaka), dịch là Bổn sự. Diệu Huyền nói đây là nói việc ấy. Như Phật đem việc vua Tịnh Phạn và năm trăm người về nước nói kệ ba nhân duyên.

Xà-đà-già (Jàtaka), dịch là Bổn sanh, đây là nói hạnh nhân của

Bồ-tát vốn từng làm việc ấy. Hiển Dương Luận nói: Bổn sư, là Như Lai nói việc đời trước của đệ tử Phật. bổn sanh là Như Lai nói các việc tu hành của Bồ-tát ở đời trước.

Tỳ-phật-lược (Vaipulya), dịch là Phương quảng. Diệu Huyền nói: Đây từ sở biểu mà làm tên. Lý phương quảng, chánh lý là phương, bao phú là quảng.

A-phù-đạt-ma (Ađbhutdharma), dịch là Vị tằng hữu. Diệu Huyền nói: Phật hiện các thứ thần lực chúng rất lạ lùng vì chưa từng có.

Ưu-bà-đề-xá (Upadeza), dịch là bèn phân biệt chỗ nói, dịch nghĩa là luận. Diệu Huyền nói: Đáp câu hỏi, giải thích nguyên do. Tây Vức Ký gọi Ổ-ba-đệ-thước. Xưa gọi sai là Ưu-bà-đề-xá. Nay hỏi như Pháp Hoa nói: Ở pháp chín bộ này, tùy thuận chúng sanh mà nói vào Đại thừa làm bản, vì sao nói tiểu giáo chỉ có chín bộ? Đáp: Đây lấy đại giáo mà hình như tiểu tông thì đoạt Tiểu thừa nghĩa chỉ có chín bộ. Nên Diệu Huyền nói Tiểu thừa hôi đoạn không có thân như ý châu nên không phải phương quảng. Tiểu thừa căn độn nói thì ắt phải nhờ duyên, không phải như trống trời tự kêu mà ít không hỏi tự nói. Tuy có thọ ký song ký làm Phật lại ít, riêng luận tuy không chung nói cũng có. Nên Diệu Huyền nói: Tiểu có nhờ trước sáu đạo nhân quả A-hàm cũng thọ ký Di-lặc làm Phật, cũng tự gọi lành thay. Không hỏi tự nói, Kinh Thanh Văn lấy pháp không làm đại không. Đây chính Tiểu thừa cũng thông mười hai bộ. Lại nữa, nếu lấy tiểu giáo mà hiển bày Đại thừa thì bày nghĩa Đại thừa thì bày nghĩa Đại thừa cũng chỉ chín bộ, vì không có ba bộ nhân duyên, thí dụ, luận nghĩa. Nên Diệu Huyền nói: Có người nói Đại thừa căn lợi không nhờ ba thứ này. Đây cũng là luận riêng. Nói chung Đại thừa sao được không có ba thứ này. Song mười hai phần kinh này xưa gọi là mười hai bộ. Diệu Huyền nói bộ riêng đều có loại theo. Mới dịch e lạm bộ quyển đổi tên làm phần. Hai giáo luận rằng cách ngôn "cùng lý tận tánh" ra đời nhập chân chi quỷ triệt. Luận về văn thì bộ phân ra mười hai, nói về chỉ thì bốn thứ tất-đàn, lý diệu vức trung không phải danh hiệu mà kịp được, hóa đàn hệ biểu lại không phải tình trí mà tìm được. Đến như để lụy quên nôm đào thần tận chiếu, gần thì vượt thoát sanh tử, xa thì chứng Niết-bàn, mở rộng năm thừa tiếp dám quần cơ sâu cạn, nói rõ sáu đạo luận giỏi thiện ác thăng trầm. Quỳnh kỳ hẹn ra đời mà pháp không đâu chẳng đâu chẳng khắp. Gần thì so với Vương hóa mà sự không gì chẳng hết hay bác hay yếu, chẳng chất chẳng văn. Tự thiên hạ không quá lo thì là ai có thể cùng giáo này.

A-hàm (Agama), gọi đúng là A-cấp-đa, đây dịch là Giáo diệu lạc

nói, dịch là Vô tỷ pháp tức là ngôn giáo. Duy Thức Luận nói tức là giáo của các Như Lai nói ra. Bài tựa Trường A-hàm nói: A-hàm thì Tần gọi là pháp qui, gọi đó là vực sâu của muôn pháp, vườn rừng của Tổng trì. Pháp Hoa luận giải về trí tuệ môn là nói nghĩa A-hàm rất sâu. Thiệp Pháp sư nói: A-hàm đây gọi là truyền, là nghĩa nói ra, ấy là hai giáo Đại Tiểu gọi chung là A-hàm mà trong đó Tiểu thừa riêng có bốn bộ: một là Tăng Nhất A-hàm nói nhân quả của trời, người; hai là Trường A-hàm là phá tà kiến; ba là Trung A-hàm lànói các nghĩa sâu xa; bốn là Tạp A-hàm là nói pháp thiền. Dùng bốn A-hàm này để Chuyển pháp luân, lập giáo làm đầu mà riêng được tên Tung bổ giáo biên. Do vị chung riêng còn do dự chưa quyết lời nó rất khéo (lời nó là nhánh)?

Thủ-lăng-nghiêm (Suraưgama), Đại Luận nói: Tần gọi là Kiện tướng, là phân biệt biết các Tam-muội hành tướng nhiều ít cạn sâu, như vị đại tướng biết sức binh lính mình nhiều ít vậy. Bồ-tát được Tam-muội ấy thì các ma phiền não và người ma không thể phá hoại. Ví như Chuyển luân thánh vương chủ binh bảo tướng chỗ ở chõ đến đều không ai phục kích phá hoại được nên gọi là kiện tướng Tam-muội. Đại Kinh nói: Thủ-lăng là tất cả việc đã xong, nghiêm là bền chắc, tất cả rốt ráo mà được bền chắc nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Thế nên Thủ-lăng-nghiêm định gọi là Phật tánh, Từ Ân dịch là Kim cang tạng, vì các Bồ-tát chứng định này nên lấy đó làm tên.

Lăng-già (Laưkàvatàra), gọi đúng là Lăng-ca. Phật ở bến Nam Hải vào nước Lăng-già, dịch là Bất khả vãng (không thể đến), chỉ có người thần thông mới đến được A-bạt-đa-la, dịch là vào, tức là vào núi này mà nói báu này. Hoặc dịch là Vô thượng, nghĩa là các kinh pháp là báu Vô thượng.

Tát-đạt-ma-phân-đà-lị (Saddharpumdarìka), dịch là Diệu pháp liên hoa. Thiên Thai nói: Diệu là nói bất khả tư nghì, pháp là pháp quyền thật mười giới mười như. Liên hoa là dụ pháp quyền thật. Từ Ân nói: Thao Hoằng cang chi cực xướng, tinh nhất bộ chi tô danh pháp gồm quỷ trì quan quần tường dĩ xứng diệu. Hoa gồm đẹp phát chung các tốt mà bày sen.

Bát (ban?)-chu (Pratyutpannabuddhasammukhàvaothitasamàdhi), đây dịch là Phật lập, cũng gọi là kinh mười phương hiện tại Phật đều đứng trước định. Kinh nói trì oai thần Phật ở trong Tam-muội mà đứng. Có ba việc: trì sức oai thần của Phật, trì sức Tam-muội của Phật, trì sức bổn công đức. Dụng ba việc này nên được thấy Phật.

Ma-ha-đản-trì (Mahatrưtra), Chỉ Quán dịch là Đại bí yếu, là bí

yếu ngăn án làm thiện. Chỉ là thật tướng. Phụ Hành nói: Hiển không thiên tiểu nên gọi là Đại. Tất cả pháp tức một pháp nên gọi là Bí, một pháp nhiếp tất cả pháp nên gọi làyếu.

Vu-lan-bồn (Avalaưbana), Vu lan là tiếng Tây Vức, dịch là đảo huyền (treo ngược). Bồn là đồ đựng cơm ở phương này. Tam Tạng nói bồn bày trăm vị xin dâng Tam tôn ngưỡng mong ân quang đại chúng cứu gấp tội bị treo ngược, nghĩa là đồ đựng cứu tội treo ngược. Ứng Pháp sư nói: Vu lan là nói sai, gọi đúng là Ổ-lam-bà-noa, dịch là Cứu đảo huyền.

Tu-bạt-noa-bà-phả-bà-uất-đa-ma (Surarnaprabhàsottama), dịch là Minh. Thiên Thai nói: Pháp của pháp tánh đáng tôn đáng quí, gọi pháp tánh là kim. Pháp tánh này tịch mà thường chiếu, gọi là quang. Pháp tánh đại bi này hay có nhiều lợi ích nên gọi là Minh. Ba chữ này Huyền Nghĩa riêng giải thích bèn lập năm khoa, văn tuy sáng tỏ tự người còn mê. Hoặc nói từ pháp mà lập tên, hoặc nói riêng thí dụ làm tên, hoặc văn nghĩa đều dùng vì muốn lợi độn đều cứu giúp. Cung thương cùng tấu, đơn tố đều bày, nếu lầm khác mối ai có thể nhất quán tôi nhân diễn giảng bèn vội luận bàn, xem tên ý (chỉ) này y văn chánh ý, chỉ ở tại pháp còn tên chỉ là một bên. Nay nói về dụ chỗ gọi Phật vào thiền-na diệu khế nguyên tịch, bèn nói chân hiệu để đến lợi cơ muốn khiến an trụ trong ấy. Cho nên từ đương thể mà lập tên gọi ấy là y văn. Chỉ ở tại pháp, tuy nghĩa nêu thí dụ không phải một văn mà danh thông thế tượng giống như cùng dụ giống nhau không ngại độn căn mà làm thí giải (thí dụ để giải thích?). Cho nên ở tên mà thông với dụ, tuy lợi độn gồm nhiếp, pháp dụ đều thông là nguyên ý của Phật, là ý chỉ của văn, bảy thứ lâjp tên sẽ là đơn pháp.

Hỏi: Sưu Huyền Lục Cứ Huyền Nghĩa nói: Nếu người lợi căn tức pháp làm dụ, đã nói làm dụ há là đơn pháp, một nạn (hơi) lớn này chống mà thông được ư?

Đáp rằng: Người độn căn dùng Kim quang minh là hiệu vật tượng (tên các vật?) người lợi căn dùng Kim quang minh làm tên pháp tánh. Đây là dung hiển thể, kim bảo là chân như bèn biết toàn tánh thành tướng, chân như là kim bảo, nên nói tức pháp làm dụ. Đã hiểu? Tức pháp làm dụ thì hiểu toàn sự là lý, do đó lợi người này không cần thí dụ. Nên Diệu Huyền nói: Lợi căn liền gọi hiểu lý không nhờ thí dụ chỉ làm Pháp Hoa mà hiểu. Ý này sâu kín theo lời sao hiểu.

Hỏi: Gần đây các bậc thầy giải đề kinh này phân văn nghĩa làm hai đường, định pháp dụ có hai hướng, người đã đều chịu sao riêng

không theo?

Đáp: Văn là năng hiển nghĩa là sở thuyên, văn năng thuyên ắt mời nghĩa sở thuyên, nghĩa sở thuyên ắt ứng với văn năng thuyên. Nay nếu chống phân chia thì thành nước và lửa, tôi không dùng là do lỗi này.

Hỏi: Bậc tiên đạt lập nghĩa tùy cơ để bày tên này đợi người hỏi pháp hay dụ ư? Phải nói rằng là hỏi Lợi căn hay Độn căn. Nếu hỏi Lợi căn thì tức là Đơn pháp, nếu hỏi Độn căn thì tức là Đơn thí. Nghĩa này thông các phương đâu cần giải thích lại?

Đáp: Tùy cơ tuy như thế, song Phật gọi tên này là y pháp mà lập, làm dụ mà tỏ bày, thì chỉ mong đáp câu hỏi dọc ngang chẳng đoái hoài thích danh lẫn lộn.

Hỏi: Tứ Minh Ký Văn nói: Cứ theo kinh định tên lời theo pháp mà lập kịp thích nghĩa rằng nó đủ cho hai căn. Tịnh Giác nói: Tự lời trái nhau, trước sau mâu thuẫn chưa biết chê đây nghĩa thật như thế ư?

Đáp rằng: Đây không phải thế sao nói từ pháp mà lập, là chánh ý y văn vậy. Nói đủ cả hai căn là từ tên bàn thông vậy. Chỉ vì tên và ý đều gồm bèn thích nghĩa thông phương. Nếu có tì vết chỉ là chẳng họp rằng Thuận Cổ làm dụ, chẳng biết dụ ấy sanh ra từ tên kinh, do vội bày cái thấy hẹp, thô nói đại cương muốn lấp cái nhỏ của trần vụ mà lợi ích cho cái rộng của núi biển bèn phụ ghi vào đây hầu lưu bố khắp bốn phương nhờ người xem mà lấp tình đời.

Lâu-thán (Loka hànu?), dịch là thành bại.

41. LUẬT PHÂN NĂM BỘ.

Thế Tôn thành đạo rồi năm 88 tuổi đến thành Vương-xá nước vua khất thực khiến La Vân rửa bát lỡ tay bể thành năm mảnh. Hôm ấy có nhiều Tỳ-kheo đều bạch Phật rằng: Bát bể năm mảnh. Phật nói bát bể biểu thị rằng ta diệt độ rồi năm trăm năm đầu các ác Tỳ-kheo chia Tỳ-ni tạng ra làm năm bộ. Cho nên Ca-diếp, A-nan, Mạt-điền-hòa, Tu-cúc-đa năm sư thể (hiểu) đạo quyền thông nên chẳng phân chia giáo. Các đa có năm đệ tử đều chấp chặt một thấy bèn phân Đại Luận Tạng của Như Lai ra làm năm bộ.

Đàm-vô-đức (Dharmagupta), cũng gọi là Đam-ma-cúc-đa, dịch là pháp mật, là che đậy nghĩa kín. Lại dịch là pháp tạng. Đại Tập nói: Ta Niết-bàn rồi, các đệ tử của ta thọ trì mười hai bộ kinh của Như Lai chép viết tụng đọc điên đảo tuyên nói. Vì nói ngược (dùng đảo thuyết) mà che giấu pháp tạng người gọi là Đam-ma-cúc-đa, pháp danh là Tứ Phần, trời gọi là Chiết-đỏa-lý.

Tát-bà-đa (Sarvàstika), dịch là Nhất thiết hữu. Bộ này kể ba đời có thật ba tánh đều được thọ giới. Đại Tạp nói: Mà lại đọc tụng viết chép ngoại điển, chịu có ba đời và dùng nội ngoại mà phá hoại ngoại đạo, khéo luận nghĩa nói tất cả tánh đều được thọ giới, phàm có vấn nạn đều đáp thông suốt, thế nên gọi là Tát-bà-đa, pháp danh Thất Tụng.

Ca-diếp-di (Kàzyapì), dịch là Trọng không quán. Đại Tập nói: Nói không có ngã cho đến thọ giả, chuyển các phiền não cũng như thây chết thế nên gọi là Ca-diếp-di, pháp danh là Giải Thoát. Đây có giới bản tướng đồng Ngũ phần.

Di-sa-tắc (Mahìzasaka), dịch là Bất trước hữu vô quán. Đại Tập nói: Chẳng làm tướng đất, tướng nước gió lửa hư không, tướng thức, gọi là Di-sa-tắc, pháp danh là Ngũ Phần.

Bà-sai-phú-la (Vatsìptrìya), dịch là Tử (con?). thời thượng cổ có tiên nhiễm trâu nghé làm con từ sau đó dòng họ đều gọi độc tử. Bộ này kể có ngã không phải là uẩn cũng không lìa uẩn, mà có thật ngã. Luật Bản không đến Trung Quốc. Đại Tập nói: Đều nói có ngã chẳng nói tướng không cũng như trẻ con, nên gọi là Bà-sai-phú-la.

Ma-ha-tăng-kỳ (Mahàsaưghìka), dịch là Đại chúng. Đại Tập nói: Rộng xem khắp năm bộ kinh sách, nên gọi là Ma-ha-tăng-kỳ. Đây có luật bản. Trước Sớ rằng: Chung riêng sáu bộ, tăng-kỳ này hạnh giải hư thông chẳng sanh thiên chấp (chấp riêng) khắp thuận năm kiến, vì thông hạnh cho nên biết là chung. Kinh Di Giáo Tam-muội quyển hạ nói: Khi Phật còn ở đời, chúng tăng chỉ mê đắm áo người chết nhân đó có La-tuần-dụ đi khất thực mà trở về không. Phật biết hạnh xưa bèn khiến chúng tăng phân luận làm năm bộ, sắc phục cũng năm thứ, khiến mỗi ngày theo một bộ mà đi, bèn chế nghi tắc đều cử người trưởng bộ tên gọi theo sắc phục. Bộ Đàm-vô-khuất-đa-ca thông suốt lý vị, dẫn dắt lợi ích mọi người, biểu phát thù thắng đáng mặc y màu đỏ không phải là đỏ của phương Nam. Bột Tát-bà-đa bát thông mẫn đạt dẫn dắt hóa độ đáng mặc áo màu đen, không phải đen của phương Bắc. Bộ Ca-diếp-di tinh cần dõng mãnh quyết nhiếp chúng sanh, đáng mặc áo màu mộc lan. Bộ Di-sa-tắc nghĩ vào huyền vi hiểu rõ kín sâu nên mặc áo màu xanh không phải màu xanh của phương Đông. Bô Ma-ha-tăng-kỳ siêng học các kinh tuyên giảng chân nghĩa, trong chỗ ở nên mặc áo màu vàng, không phải sắc ở tương giữa từ đó về sau liền được nhiều thức ăn, năm sắc áo này dùng để bày tướng năm bộ.

42. LUẬN MỞ TÁM NHÓM.

Kiền-độ (Khaưda), gọi đúng là Bà-kiện-đồ, dịch là Pháp tụ, như tám Kiền-độ lấy phân một bộ làm tám nhóm, lấy pháp tụ có khí loại theo nhau làm một đoạn, một là nghiệp Kiền-độ nói về ba nghiệp, hai là sử Kiền-độ, nói về một trăm lẻ tám phiền não, ba là trí minh mười trí, bốn là định, nói về tám định, năm là căn, nói về căn tánh, sáu là đại, nói về bốn đại, bảy là kiến là phá sáu mươi hai kiến, tám là tạp là pháp Tiểu thừa.

Đại Luận hỏi: Tám Kiền-độ ai tạo ra sáu lần A-tỳ-đàm từ đâu sinh ra?

Đáp: Khi Phật còn thì không lỗi, sau khi Phật diệt độ một trăm năm thì vua A-luân-kha hội các luận sư nhân đó sanh bộ khác. Có kẻ lợi căn đọc hết ba tạng muốn hiểu (giải?) (mở, chia?) kinh Phật làm tám Kiền-độ. Sau các đệ tử vì người sau chẳng thể toàn hiểu bèn tóm tất Tỳ-đàm người tạo ra đầu tiên tức là Ca-chiên-diên.

Du-già-sư-địa (Yogàcàryabhùmi), dịch là Tương ưng, nghĩa là tất cả thừa cảnh hạnh quả v.v... chỗ có các pháp đều gọi là tương ưng. Sư là ba thừa hành giả do văn tư tu thứ lớp tu hành như thế là Du-già mười bảy địa.

Tỳ-bà-sa (Vibhàzà), dịch là Quảng giải, gọi đúng là Tỷ-bà-sa, dịch là Chủng chủng thuyết, lại gọi là Phần phần thuyết, gồm có ba nghĩa là Quảng thuyết, Thắng thuyết, Dị thuyết.

Côn (tỳ?)-lặc, dịch là Khiếp tạng. Đại Luận nói: Côn-lặc có ba trăm mười vạn lời. Khi Phật còn ở đời do ngài Đại Ca-chiên-diên tạo ra. Phật diệt độ rồi tuổi thọ người càng giảm, sức nhớ kém chẳng thể rộng tụng. các người đắc đạo tuyển ra ba mươi tám vạn bốn ngàn (384.000) lời. Luận chưa đến cõi này.

Tỳ-bà-xà-bà-đề, dịch là Phân biệt luận.

Dục-đa-bà-đề, dịch là Tương ưng luận.

Ma-đắc-lặc-già (Màtrka), dịch là Trí mẫn, vì nó sanh trí. Bồ-tát vào Tam-muội này làm luận bày kinh. Nho gia (nhà Nho) lấy chiết lý tình vi gọi là luận. Thích thị (nhà Phật) luận thông tông chỉ gồm thâu các thuyết lập làm mười chi: Một là chi lược bày danh số tức là Bách pháp luận. Hai là chi thô thích thể nghĩa tức là Ngũ uẩn luận. Hai luận này do ngài Thiên Thân tạo ra. Ba là chi bao gồm các chúng (tổng bao chúng) nghĩa tức là Hiển dương luận. Bón là chi tổng nhiếp Đại thừa nghĩa tức là Nhiếp Đại thừa luận, đều do ngài Vô Trước tạo ra. Năm là chi phân biệt danh số tức Tạp tập luận. Sáu là chi ly tích xứ trung tức

là Biện trung biên luận. Bảy là cho tồi pháp tà sơn tức là Nhị thập duy thức luận. Chín là chi pháp tràng tức là Tam thập duy thức luận. Chín là chi trang nghiêm thể nghĩa tức là Đại trang nghiêm luận. Mười là chi nhiếp qui quán tức là Du-già luận. Mười nghĩa này sơ lược các luận đều có lưu loại đoán ra có thể thấy. Đó là Tông cực dứt hết nói năng. Hiền thánh cho là trùng mặc, Huyền Chỉ không lời nào chẳng truyền (không nói chẳng truyền?). thích-ca cho là chỉ giáo, đề phòng thân khẩu mà làm luật cấm nói Khế Kinh mà dắt dẫn thiện ác, diễn nói sâu kín luận các pháp tướng. Đây tức là nói ba học: Giới, Định, Tuệ vậy.

43. NÊU PHÁP BA HỌC.

An Pháp sư nói: Thế Tôn lập giáo pháp có ba: một là Giới luật, hai là Thiền định, ba là Trí tuệ. Ba thứ này là cửa vào chí đạo, là quan yếu của Nê-hoàn. Giới là tướng dữ dứt ba ác, Thiền là lợi khí dứt phân tán, Tuệ là thuốc hay cứu bịnh. Nay nói phòng quấy ngăn ác gọi là Giới, dứt duyên Lự Tịnh gọi là định, phá hoặc chứng chân gọi là Tuệ. Thập Pháp sư nói: Trì giới thì hay chiết phục được phiền não khiến nó yếu kém. Thiền định thì ngăn được phiền não như đá núi ngăn dòng. Trí tuệ thì diệt hết phiền não rốt ráo không sót. Nên Di Giáo nói: Y nhân giới này sanh các Thiền định và Trí tuệ diệt khổ. Nam Sơn nói: Việc thân khẩu phát ra dùng Giới mà đề phòng, ba độc nổi lên dùng tâm mà khiến. Nay trước dùng Tuệ mà giết đi. Lý nó như thế xin nói với các người học, do đó mà sơ thần đạt tư di tình tự tánh là việc trên hết của thánh nhân. Học cũng như dồi mài, nếu đồ mà không dồi mài thì không đẹp, người không học thì không do đâu mà có y đức. Phàm học ngày càng ích, đạo ngày càng tổn, nếu càng tổn thì đạo nghiệp càng cao, nếu càng ích thì công học càng vượt xa, cho nên hình tướng tục nhân như vĩnh cách (cách hẳn hình tướng người học?) tâm cùng tình đời trái ngược nhau, mặc chỉ ba y, ăn không hai bữa, theo thầy thì ngàn dặm theo hầu, mộ pháp thì sáu thời siêng gắng, sạch lo nghĩ ở ao tám giải, thầm vui ở vười bảy hoa. Đến như Đại An, Đạo Dục, Tuệ Viễn, Tuệ Trì, Xích Tý pháp chủ, Thành Nhẫn luật sư truyền kinh biện luận giảng dịch dàn thi khai thần duyệt nhĩ dẹp bỏ nghi trệ bày tên đời sau đàn thiệp đương thời, hoặc cùng Tần Vương ngồi xe, chợt cùng Tấn Đế đồng trướng, bèn khiến Hoằng Huyền lạy không ngừng Hy Triệu, ngàn đấu mà không lời. Ông (như thế) hành nhân đã chánh mới hưởng vui khác, bốn phạm cùng đón sáu trời cùng sinh. Phong cơ hiểu mẫu quốc thổ hoa tranh cây ngọc cành quỳnh sen vàng cán ngọc, gió mang vạn phạm suối tuôn vịnh nhã, ao

sáng như bạc, đất bằng như gương, diệu hương ngào ngạt, danh hoa giao chiếu, gần thì cảm thân vui, xa thì luôn sống mãi. Đó là nhân tu học ba pháp thân trước ba theo nhân mà hiển đức, sau hai từ quả mà bày năng. Tận chí chánh tập đều đoạn gọi là thân giải thoát, vô sanh trí rỡ rỡ giác chiếu gọi là Tri kiến. Nếu muốn chánh luận ba học thì phải dùng bảy khoa đạo phẩm điểm qui ba pháp, rộng thì ba mươi bảy phẩm, lược thì chỉ Giới, Định, Tuệ ba thứ. Phải biết sáu độ đều nêu chung, ba học là riêng nói mà xếp loại vào bốn thiền tám định vậy. Vì Bồ-tát gấp ở hóa tha, nên sáu độ thân thí nhẫn tiến, do Thanh văn cầu tự độ mà ba học chỉ là Giới, Định, Tuệ. Cho nên Đại Luận lấy sáu độ cho sáu độ là lược nói, cho ba mươi bảy phẩm là rộng nói. Để hiểu sáu Ba-la-mật kẻ hiếu học nên đúng lý mà nghĩ suy.

Ba-la-đề-mộc-xoa (Pratimoksa), Giới Lưu nói dịch là giải thoát. Như luận đã dẫn Đạo Giới gọi là giải thoát. Sự Giới gọi là Biệt thoát. Tùy phần quả đức nhờ đó mà sáng. Đạo tánh hư thông cử pháp loại dị chẳng theo duyên khác, chỉ (nhưng) gọi giải thoát sự giới không phải thế, duyên khác mà sanh, duyên thông vạn cảnh làm cũng theo khắp, cứ lạnh mà lăng phạm tức gọi được thoát các thứ khác không phải, chưa làm chẳng gọi là giải thoát. Lại luật nói mộc-xoa là giới, cứ vào đây thì được quả, dùng chỉ bổn nhân nhân thật là giới không phải là mộc-xoa. Cho nên kinh nói: Giới là gốc chánh thuận giải thoát, nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, biết đó là quả cho nên Ngũ phần nói là phân biệt danh cú. Ba-la-đề-mộc-xoa là nếu quả chỉ giáo. Ký nói: Đạo giới gọi là giải thoát tức là bảy chi vô biểu tư, do đoạn hoặc mà được tên. Nếu giới sự gọi là giải thoát thì tăng ni thọ giới, tùy sự (việc) đối sát chẳng làm thì biệt biệt vô nhân, biệt biệt vô quả nên gọi là biệt biệt giải thoát. Chích Hoa nói: Đây dịch là Biệt giải thoát, nghĩa là ba nghiệp bảy chi đều phòng quấy, vì biệt biệt giải thoát vậy.

Tam-muội (Samàdhi), dịch lá điều trực định, lại gọi Chánh định, cũng gọi là Chánh thọ. Khuê Phong Sớ nói: Chẳng thọ các thọ gọi là Chánh thọ. Viễn Pháp sư nói: Phàm gọi Tam-muội sao gọi là chuyên tư tịch tưởng tư chuyên thì chí một chẳng phân, tưởng tịch thì khí hư thần lãng (khí thần rỗng sáng). Khí hư thì trí điềm (lặng yên?) kỳ chiếu, thần lãng thì không kín nào chẳng hiểu suốt, hai thứ này chính là huyền phù tự nhiên dùng một mà chí dụng. Thế nên tinh cung bế vũ mà cảm vật thông linh, chế ngự tâm chỉ chánh, động thì liền vào vi. Đây là nhờ tu để ngưng thần, tích (chứa?) công để tích tánh v.v... Lạc các Tam-muội danh chất rất nhiều công cao dễ tiến niệm (nhớ?) Phật làm đầu. Cho

nên Thiên Thai Chỉ Quán lược nói bốn thứ: một là thường ngồi, hai là thường đi, ba là nửa đi nửa ngồi, bốn là không đi không ngồi.

1. Thường ngồi, là trích từ Văn-thù nói, Văn-thù hỏi hai Bát-nhã gọi là Nhất Hạnh Tam-muội, thân cho luôn ngồi mà cấm đi, đứng, nằm. Hoặc có thể trong chúng mà riêng ở một chỗ là tốt nhất (di thiện?) ở trong một tịnh thất, ngồi trên một giường dây, chín mươi ngày một hạn định mà kiết già ngồi ngay.

2. Thường đi, trích trong Bát Chu Tam-muội, chỉ chuyên đi quanh chín mươi ngày làm hẹn.

3. Nửa đi nửa ngồi, Phương Đẳng nói đi vòng một trăm hai mươi vòng mới ngồi tư duy. Pháp Hoa nói: Người này hoặc đo hoặc đứng đọc tụng kinh này người ấy hoặc ngồi tư duy (suy nghĩ) kinh này.

4. Không đi không ngồi, là chung cả đi ngồi. Nam Nhạc gọi là tùy ý mình.

Đây là bốn: 1- Ước các kinh, 2- Ước các thiện, 3- Ước các ác, 4- Ước vô ký. Phụ Hành nói: Chỗ nói luôn ngồi cho đến không đi không ngồi là ước thân nghi làm tên. Nếu theo pháp là mtên thì thường ngồi gọi là Nhất hạnh (?), thường đi gọi Phật đứng. Nửa đi nửa ngồi gọi Phương đẳng Pháp Hoa, không đi không ngồi gọi là tùy ý mình. Song bốn thứ Tam-muội này trước thấu suốt sự lý hai quán, phân ra bốn Tam-muội nghĩa cũng khác nhau. Tứ Minh Pháp sư nhân trình lên Tiền Thanh sư gọi là Quang minh huyền thập chủng (mười thứ) ba pháp thuần nói lý quánm chẳng cần nương sự mà quán Pháp trí phá rằng Kinh Khê nói như thường ngồi hoặc chỉ quán lý, tùy theo ý mình là theo ngọn theo sự. Đã nói thuần nói lý quán chính là ba thứ Tam-muội. Chuyên khiến thức ấm tu mười thừa. Văn này thì nêu rõ ngài Tứ Minh lấy ba thứ Tam-muội trên làm lý quán, lại chỉ yếu rằng trong theo ý mình là tu Duy thức quán. Quán nơi khởi tâm, tức ước với biến tạo sự dụng mà nói. Văn này thì ngài Tứ Minh dùng Tam-muội thứ bốn mà tu sự quán.

Hỏi: Chuẩn theo Diệu Tông nói: Một thứ thường ngồi dầu quán (thẳng ???) lý, còn ba thứ Tam-muội kia há chẳng gồm sự, căn cứ vào đây thì rõ ràng ngài Tứ Minh lấy ba thứ Tam-muội kia mà tu sự quán chăng? Nay nói văn này này không phải là chánh phần chiêm-sát sự lý hai quán. Bởi vì ngài Cô Sơn định nghĩa nêu ba quán pháp đều là lý quán, mười sáu pháp chính là sự quán, bèn chẳng dùng nghĩa nếu ba thứ mà thâu mười sáu quán. Ngài Tứ Minh bèn ước bốn thứ Tam-muội đều trải sự mà quán lý ba đế bèn hiển từ đi trong quán còn có tướng trải sự, đây không phải là chiêm-sát sự quán.

Hỏi: Như Diệu Tông nói: Nếu thường ngồi v.v... ở ngay sự ba đạo mà quán ba đế chẳng gồm tu thiện mà buông lung việc ác (dẫu là sự ác), cho nên nhận tên là lý. Cứ theo đây thì không hiển Tứ Minh chỉ cho thường ngồi là quán lý ư?

Đáp: Nay nói ba thứ Tam-muội kia trải sự ngoại cảnh nên nhận tên sự. Thường ngồi Tam-muội chỉ quán nội tâm nên nhận tên lý.

Hỏi: Tam-muội thứ tư mở ra bốn khoa: một là các pháp kinh hành, đây cần phải thâu đủ chiêm-sát hai quán, vì sao ngài Tứ Minh định là tùy ý mình chỉ tu sự quán?

Đáp: Chiêm-sát sự lý hai quán, ba Tam-muội trước đã tu lý quán thế nên cái thứ tư chỉ tu sự quán. Có người nói rằng thường ngồi là lý, ba thứ kia là sự. Nghĩa là thường đi là trải sự niệm Phật, Phương đẳng trải sự trì chú tùy ý mình trải sự ba tánh. Hoặc nói ba thứ Tam-muội trước cùng các pháp kinh hành thông lý thông sự, chỉ túng nhậm ba tánh chuyên tu sự quán. Chuẩn theo ngài Kinh Khê nói như thường ngồi v.v... hoặc chỉ quán lý thì hiển ba thứ Tam-muội trên thông tu sự quán. Đây là do mê lầm tướng hai quán bèn mê hành bốn thứ.

Có người hỏi: Chỉ quán là chính tông Pháp Hoa vì sao hành tướng khích thông các kinh?

Đáp: Riêng nói hành tướng tuy thông các sách. Hành là tạo tu khai quy Pháp Hoa, cho nên nghĩa nêu rằng là biết bốn thứ Tam-muội đều y thật tướng. Thật tướng là pháp an lạc, bốn duyên là hạnh an lạc. chứng thật tướng rồi thì chỗ được y báo gọi là đại quả, khởi giáo chỉ là khiến chúng sanh khi thị ngộ nhập, chỉ qui chỉ là qui về ba quỷ. Diệu Pháp Bí Tạng do đó trước sau đều y Pháp Hoa, tức là diệu hạnh của Pháp Hoa Tam-muội.

Mạt-để (Mati), Tần gọi là Tuệ.

Nhã-na (Jỉnàna), Tần gọi là trí. Trí cùng Tuệ có khác có đồng. Nói khác là như Triệu Sư nói: Quyết định xét lý thì gọi là trí, tạo tâm phân biệt thì gọi là Tuệ. Phân biệt thì từ nhân mà lập tên, quyết định thì từ quả mà lập tên. Cho nên Đại Luận lấy đạo tuê đạo chủng tuệ là chung riêng trong nhân Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí là chung riêng của quả. Phụ Hành nói: Nói chung riêng là nói thẳng đạo tuệ là Nhất thiết trí, nên gọi là chung đều thêm chữ chủng nên gọi là riêng. Ngài Thiên Thai nói: Khéo vào Phật pháp gọi là Tuệ khéo dùng Phật pháp gọi là trí. Triệu Luận Sao nói: Trí là biết, Tuệ là thấy. Đây là ước nghĩa khác. Nếu thông đường nói trí chỉ là tuệ, là đều thông quyền thật cho đến nhân quả. Cho nên tiếng Phạm là Bát-nhã, dịch là Trí tuệ, họp làm

một tên chẳng phân hai khác. Nay ở nghĩa khác để nói Tuệ học. Song Tông Cảnh nói: Ngã pháp đều không chỉ từ thức biến. Đệ nhất tâm pháp hay biến có ba: một là đệ tám Dị thục thức biến, hai là đệ bảy Tư lương thức biến, ba là đệ sáu Liễu biệt thức biến. Vì mê nhân không nên khởi cái ngu ngã kiến và chịu vọng sanh tử. Vì mê pháp không nên trái cảnh hiện lượng, chướng tịnh Bồ-đề. Đã Duy thức biến thì ngã pháp đều hư nhân đây hai không mà khế hội Huyền Chỉ. Vì ngã không nên chướng phiền não dứt. Vì pháp không nên chướng sở tri tiêu, vì chướng phiền não dứt nên chứng nhân giải thoát, vì chướng sở tri tiêu nên được đại Bồ-đề. Hạnh mãn nhân môn tâm mờ quả hải, cảnh thức đều dứt chỉ một chân không.

44. LUẬN PHÁP SÁU ĐỘ

Như Pháp Hoa nói: Vì cầu đạo Bồ-tát, nên nói phải sáu Ba-la-mật, đến nỗi (là vì) bố thí mà mạng chết tài tiêu, trì giới thì phòng ngăn hộ tánh, nhẫn nhục thì như dao chặt nước, tinh tấn thì biết cứu lửa cháy đầu, thiên-na thì bốn mươi ni nghi yên vắng, trí tuệ thì một niệm viên minh (tròn sáng). Tâm đại nguyện khắp đủ, đạo vô tác khắp thí, vượt dòng sanh tử lên bờ Niết-bàn, nên gọi là sáu độ.

Đàn-na (Dàna), Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi bố thí nêu trong có tín tâm ngoài có phước điền có tài vật, ba sự hòa hợp, tâm sanh xả pháp hay phá xan tham đó là Đàn-na. Bố thí có hai: một là tài thí, hai là pháp thí. Tài thí: tức các thứ ăn uống, y phục, ruộng nhà, gia súc nô tỳ, trân bảo, tất cả cái mình có, vật dụng của thân và vợ con, cho đến thân mạng thuộc người khác, vì người khác mà tài thí nên gọi bỏ thân mình cũng là thuộc tài thí. Có ai cần gì thì đều thí cho đều gọi tài thí. Pháp thí: là nếu từ chư Phật và các Thiện tri thức nghe nói thiện pháp thế gian và xuất thế gian, hoặc từ kinh luận mà nghe, hoặc tự mình quán hạnh mà biết, dùng tâm thanh tịnh vì người diễn nói đều gọi là pháp thí.

Thi-la (Sila), dịch là Thanh lương. Đại Luận nói: Tần gọi là Tánh thiện, tức thích làm thiện đạo chẳng tự buông lung, đó gọi là Thi-la. Kinh Âm Nghĩa nói: Đây là dịch nghĩa, dịch đúng là Chỉ-đắc, nghĩa là chỉ ác đắc thiện (ngăn ác được thiện). Lại sư xưa dịch là giới, giới có nghĩa là ngăn phòng, luật nghi hay phòng ác, không làm buông lung các quấy, ngăn ba nghiệp khở ác nên gọi là phòng chỉ (ngăn phòng). Đại Luận nói: Thế nào là giới. Nếu ngừng ác không làm nữa hoặc tâm sanh hoặc miệng nói hoặc người khác bảo (làm theo người khác), dứt ác thân khẩu đó là giới. Kinh Âm Nghĩa nói: Tiếng Phạm gọi Tam-bà-la, dịch

là cấm giới. Giới Sớ nói: Giới nghĩa là huấn cảnh, cảnh sách ba nghiệp xa lìa duyên quấy, nói rõ nhâ nấy. Ưu-bà-tắc Giới Kinh nói: Giới gọi là chế hay chế tất cả pháp bất thiện. Lại giới nghĩa là ước có nghĩa là huấn là lặc. Toản Yếu nói: Ước có hai trăm năm mươi giới đều có bốn oai nghi họp làm một ngàn, theo ba đời mà thành ba ngàn. Đem ba ngàn oai nghi phân phối cho thân khẩu bảy chi thành hai vạn một ngàn (21.000). lại ước đối trị ba độc và đẳng phần thành tám vạn bốn ngàn (84.000).

Sằng-đề (Ksàưti), dịch là an nhẫn. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi là nhẫn nhục, nội tâm hay an nhân ngoại cảnh làm nhục nên gọi là nhẫn nhục. Nhẫn nhục có hai: một là sanh nhẫn, hai là pháp nhẫn. Thế nào là sanh nhẫn, sanh nhẫn có hai: một là trong cung kính cúng dường hay nhẫn mà không đắm trước thì chẳng sanh kiêu ngạo buông lung; hai là sân giận đánh hại hay nhẫn thì chẳng sanh giận hờn sầu oán, đó là sanh nhẫn. Thế nào là pháp nhẫn. Pháp nhẫn có hai: một là phi tâm pháp, nghĩa là gió, mưa, lạnh, nóng, đói, khát, già, bệnh, chết v.v...; hai là tâm pháp, tức là giận hờn lo buồn nghi dâm dật, kiêu mạn, tà kiến v.v... Bồ-tát với hai pháp này hay nhẫn chẳng động thì gọi là pháp nhẫn.

Tỳ-lê-gia (Vìrya), Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi là Tinh tấn, ưa thích siêng làm thiện pháp, chẳng tự buông lung gọi là tinh tấn. Tinh tấn có hai: một là thân tinh tấn, hai là tâm tinh tấn. Nếu thân siêng tu thiện pháp, hành đạo lễ tụng giảng nói khuyên giúp khai hóa, đó là thân tinh tấn. Nếu tâm siêng làm thiện đạo, tâm tâm nói nhau, đó là tâm tinh tấn. Lại nữa, siêng tu Thí giới thiện pháp đó là thân tinh tấn, siêng tu nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ đó là tâm tinh tấn. Chỉ Quán dẫn xưa nói: Tinh tấn không có thể riêng chỉ dốc làm các hạnh theo nghĩa mà suy thì có thể riêng nêu vô minh thông vào các sử lại riêng có vô minh. Nay lại nhờ tụng kinh siêng khuyên gắng tâm mình mà tinh tấn ngày đêm không thiếu sót bèn được hoạt lợi (trơn nhanh) mà không phải Tam-muội tuệ. Duy Thức Luận nói: Dõng Hãn làm tánh. Sớ nói dõng mà không khiếp sợ, là sách phát. Hãn mà không sợ, là tự chịu cực nhọc. Trần Thị nói: Tính (siêng) cái tâm, tấn (gắng) cái chí. Trong Đại Tập Phật nói: Tinh tấn có hai thứ có hai thứ: một là thủy phát tinh tấn, hai là chung thành tinh tấn. Bồ-tát lấy thủy phát tinh tấn mà lập thành tất cả pháp, lấy chung thành tinh tấn mà phân biệt tất cả pháp, không được tự tánh. Kinh Pháp Cú nói: Nếu hay tâm chẳng khởi thì tinh tấn không bờ bến.

Thiền-na (Dhyàna), dịch là Tịnh lự. Trí Luận nói: Tần gọi là Tư duy tu, nói Thiền ba-la-mật tất cả đều nhiếp. Pháp Giới Thứ Đệ nói:

Thiền có hai thứ: một là Thiền thế gian, hai là Thiền xuất thế gian. Thiền thế gian là bốn Thiền căn bản, bốn Vô lượng tâm, bốn Vô sắc định, tức là Thiền của phàm phu làm. Thiền xuất thế gian là Lục diệu môn, mười sáu Đặc thắng, Thông minh, chín Tưởng, tám Niệm mười tưởng, tám Bối xả, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, Luyện thiền, mười bốn Biến hóa nguyện trí đảnh thiền, Vô tránh Tam-muội, ba Tam-muội, Sư tử phấn tấn siêu việt Tam-muội, cho đến ba minh sáu thông. Như thế các thiền đều là Thiền xuất thế gian. Thiền xuất thế gian thượng thượng là tự tánh v.v... chín thứ Đại thiền. Tịnh Danh Sớ nói: Phật tâm trí giám (soi) viên minh há nhọc tư duy, rốt ráo vô học há được nói tu. Lại dịch là khí ác, trí Như Lai thuần tịnh ác nào có thể bỏ, cho nên tư duy các nghĩa đều là nhân. Kinh Lăng-già nói: Bốn thứ thiền, người ngu hành thiền gọi Thanh văn, Duyên giác. Ngoại đạo là người tu hành, quán nhân tánh vô ngã tự tướng và cộng tướng cốt tỏa, tướng vô thường, khổ, bất tịnh đắm trước làm đầu. Như thế tướng không khác quán trước sau dần lên, tưởng không trừ diệt đó gọi là ngu phu thiền, quán sát nghĩa thiền, tức là nhân vô ngã, tự tướng cộng tướng ngoại đạo tự tha đều vô tánh. Đã quán pháp vô ngã nghĩa của địa tướng kia dần dần tăng tiến, đó gọi là Quán sát nghĩa thiền, phan duyên như thiền, Như Lai thiền, nghĩa là vào địa Như Lai hành tự giác thánh trí ba thứ lạc trụ thành biện chúng sanh sự bất tư nghì, đó gọi là Như Lai thiền. Tụng rằng:

Phàm phu làm các thiền,
Quán sát tướng nghĩa thiền,
Phan duyên như thật thiền,
Như Lai thanh tịnh thiền.

Bát-nhã (?), Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi là trí tuệ. Chiếu rõ tất cả các pháp đều chẳng thể được, mà hay thông suốt tất cả vô ngại, gọi là trí tuệ. Đại Luận nói: Bát-nhã định thật tướng sâu xa rất nặng trí tuệ thì coi nhẹ nên không gọi. Đây vì sanh thiện nên không dịch. Sáu độ này Pháp Tổ dẫn kinh luận để luận tướng của nó cùng lập năm nghĩa:

Một là đối trị: Thiện Giới Kinh nói: Gọi xan ác sân đãi loạn si là các xấu phải phá.

Hai là tương sanh: Thiện Giới Kinh nói: Tức bỏ nhà trì giới gặp nhục phải nhẫn, nhẫn rồi tinh tấn, tinh tấn rồi điều năm căn, căn điều nên biết pháp giới. Lại Giải Thâm Mật Kinh nói: Hay làm (về) sau sau dẫn phát, nghĩa là chư Phật, Bồ-tát nếu ở thân tài mà không mến tiếc, lại hay thọ trì cấm giới thanh tịnh, vì để hộ giới liền tu nhẫn nhục, tu nhẫn nhục rồi hay phát tinh tấn, phát tinh tấn rồi hay luận tịnh lự, luận tịnh lự

rồi liền hay hộ trì được tuệ xuất thế gian. thế nên ta nói Ba-la-mật-đa thứ lớp như thế.

Ba là quả báo: Thiện Giới Kinh nói: Giàu sang, sắc lực, sống lâu sao hiện. Lại các kinh khác nói: Báo của thí là giàu, báo của giới là thiện đạo, báo của nhẫn là đoan chánh, báo của tấn là thần thông, báo của thiền là sanh lên trời, trí phá phiền não. Vô Trước Luận nói: Có hai thứ quả tức vị lai và hiện tại. Quả ở vị lai thì đàn được phước lớn, Thi-la được tự thân đầy đủ, tức là Thích Phạm v.v... Sằng-đề thì được các quả báo không dứt, thiền thì được thân sống chẳng tổn hoại, Bát-nhã thì được các căn mạnh nhanh và nhiều vui vẻ, ở trong trời, người đại chúng được tự tại v.v.... quả ở hiện tại, thì được tin tưởng cung kính cúng dường và hiện pháp Niết-bàn.

Bốn là hỗ nhiếp (nhiếp nhau): Di-lặc Tụng rằng: Đàn nghĩa là nhiếp ở sáu tư sanh vô úy pháp là trong một trăm hai mươi ba gọi là tu hành trụ, đàn này nhiếp sáu độ vậy. Lại Bồ-tát Tư Lương Luận rằng: Đã là mẹ Bồ-tát cũng là mẹ chư Phật. Bát-nhã ba-la-mật là Giác sơ tư lương, Thí giới nhẫn tấn định và ngoài năm thứ này phươngtiện nguyện trí lực đều do trí độ cho nên được Ba-la-mật (nên thuộc Ba-la-mật) nhiếp. Đây là Bát-nhã nhiếp sáu độ, trước sau đã thế thì bốn thứ giữa suy ra mà biết.

Năm là thí dụ: Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát Ma-ha-tát, vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ, phương tiện khéo léo là cha. Đàn ba-la-mật là nhũ mẫu (bà vú), Thi-la ba-la-mật là dưỡng mẫu (mẹ nuôi), Nhẫn ba-la-mật là trang nghiêm cụ (đồ làm đẹp), Cần ba-la-mật là người nuôi dưỡng, Thiền ba-la-mật là người tắm rửa, Thiện tri thức là giáo thọ sư, tất cả Bồ-đề phận là bè bạn, tất cả thiện pháp là quyến thuộc, tất cả Bồ-tát là anh em. Bồ-đề tâm là nhà, đúng lý tu hành là gia pháp, các đọa là gia xứ, các nhẫn là gia tộc, đại nguyện là gia giáo. Đầy đủ các hạnh là thuận giáo pháp, khuyên phát Đại thừa là nối gia nghiệp pháp thủy quán đảnh (nước pháp rưới trên đầu) thuộc một đời Bồ-tát làm Thái tử con vua. Thành tựu Bồ-đề là hay tịnh gia tộc. Sáu phần khai là sáu độ thông với Đại Tiểu mười độ chỉ ở Đại thừa, một đến (một lượt) cũng thông tạng thông hai giáo. Vì quyền lập ba trí. Nói mười độ là ở trong thiền có nguyện trí lực, cho nên khai (mở ra) nguyện độ, có thần thông trí khai (mở) ra lực độ, căn bản định giữ tên Thiền độ, trong Bát-nhã có Đạo chủng trí, mở ra phương tiện độ có Nhất thiết chủng trí mở ra trí độ, Nhất thiết trí vốn giữ tên Bát-nhã.

Ba-la-mật (Pàramità), Đại Luận lại gọi A-la-mật, Tần nói là Viễn

ly. Ba-la-mật, Tần gọi Độ bỉ ngạn (qua bờ kia). Hai âm này gần nhau hiểu cùng nghĩa nên đem A-la-mật giải thích Ba-la-mật. Thiên Thai Thiền Môn nói: 1- Trong các kinh luận phần nhiều dịch là Đáo bỉ ngạn, sanh tử là bờ bên này, Niết-bàn là bờbên kia, ở giữa là dòng sông phiền não, Bồ-tát lấy Vô tướng trí tuệ mà ngồi ghe Thiền định, từ bờ sanh tử bên này đến bờ Niết-bàn bên kia, cho nên biết ước lý định để nói Ba-la-mật. 2- Đại Luận riêng dịch là Sự cứu cánh, tức là Bồ-tát Đại Bi vì chúng sanh khắp tu tất cả sự hạnh mãn túc. 3- Kinh Thụy Ứng dịch là Độ vô cực. Thông luận sự lý đều có nghĩa sâu kín xa xôi, họp lại mà nói nên gọi độ vô cực, ước sự lý hạnh mãn này mà nói Ba-la-mật.

Ba-la-già (Pàraga), Đại Luận nói: Tần gọi Độ bỉ ngạn. Hoa Nghiêm nói: Vì thuyền Ba-la-mật ở trong dòng sanh tử chẳng nương bờ này chẳng đấm bờ kia, chẳng ở giữa dòng mà độ chúng sanh không ngừng nghỉ.

45. GIẢI THÍCH MƯỜI HAI CHI.

Hoặc nghiệp cùng giúp nhau, nhân duyên chung giúp, ba đời cũng như vòng quay, sáu đạo dụ như bánh xa quay. Phàm phu trầm mê sắc tâm băng chấp, thánh nhân vượt biết sanh tử sương tan, cắt đứt rừng gai gốc, năm nhân liền dứt nhanh dứt hết buộc ràng bảy quả đều mất, cho nên mười hai chi pháp này là đạt quán của Trung thừa.

Ni-đà-na (Nidàna), dịch là nhân duyên. La-thập nói: Sức mạnh là nhân, sức yêu là duyên. Triệu nói: Duyên trước sanh nhau là nhân, hiện tướng giúp thành là duyên. Sanh nói: Nhân là trước không có việc ấy mà từ đó sanh ra, duyên là không có phân chia (phần ấy?) mà từ nó khởi lên. Cho nên nhân thì thân mà duyên thì sơ. Duyên giác lợi căn quán thông ba đời, có nhân có duyên gọi là nhân duyên.

Trước quán quá khứ vô minh duyên hành. Nói vô minh là chẳng có pháp giới, tà kiến vọng chấp, thường ở trong tối tăm, nên gọi là vô minh. Nhân hoặc phiền não mà khởi ba nghiệp, tạo tác các pháp nên gọi là hành. Do hoặc nghiệp này mà cảm hiện năm quả Thức Duyên Danh Sắc Lục Nhập Xúc Thọ gọi là từ hành sanh tâm mà nhảy vào bụng mẹ, lưu ái làm giống nạp tưởng ở thai phân biệt các pháp gọi đó là Thức. Thức chỉ có tên ngưng hoạt thuộc sắc, bốn đến bảy dần cứng nên gọi Danh sắc, sáu căn mở lớn gọi là Lục nhập. Từ khi ra khỏi thai mẹ đến ba - bốn tuổi, đối duyên lấy trần chưa biết khổ vui gọi đó là Xúc. Từ năm - sáu tuổi đến 12 - 13 tuổi nhận biết khổ vui có chứa ba cảnh đã hay phân biệt (biết rõ) nên gọi là Thọ. Lại từ quả báo khởi Ái - Thủ - Hữu, ba chi hoặc nghiệp thành nhân hiện tại. Từ 14 - 14 tuổi đến 18

- 19 tuổi tham các thứ cảnh, như khát muốn uống nên gọi là Ái. Từ 19 tuổi trở đi, tuổi càng lớn tham dục càngnhiều, chẳng nhờ thân mạng hay có chỗ lấy nên gọi là Thủ. Ái thủ thể đồng hơn kém có khác, mong cầu các cảnh mà khởi nghiệp thiện ác mà luôn sanh trong ba hữu nên gọi là Hữu. Do có nhân này mà cảm ở vị lai hai thứ quả báo đó là sanh, lão, tử. Ấm sau mới khởi nên gọi là sanh. Ở đời bị suy yếu nên gọi là lão, cuối cùng vị hư hoại nên gọi là tử. Đó là mười hai pháp xoay vần cảm quả nên gọi là nhân, cùng do nhờ mà có nên gọi là Duyên. Nhân duyên tiếp nối nhau thì đi về không bờ bến. Nếu hiểu rõ vô minh thì sanh tử tự dứt. Đó là yếu thuật ra đời của Duyên giác.

46. NÓI PHÁP TỨ ĐẾ.

Pháp Giới Thứ Đệ nói: Nói chung về Đế, đế là nghĩa thẩm thật, pháp Tứ đế này chính là người Thanh văn từ nghe mà sanh hiểu nên ắt phải nhừo giáo thuyên lý chẳng dối nên gọi là Thẩm thật. Nếu do nhân cảm quả thì phải nhân trước mà quả sau. Nay ắt trước quả mà nhân sau. Giáo môn dẫn vật làm tiện. Hai đến trước là pháp thế gian khiến biết khổ mà đoạn dứt tập, nên trước quả mà sau nhân. Hai đến sau là pháp xuất thế gian, khiến vì diệt mà tu đạo, cũng là trước quả mà sau nhân. Phật độ được tám trăm năm thì Như Ý Luận Chủ, vua lễ làm thầy lập nghĩa nhân trước mà quả sau. Nói tập khổ là nhân quả Hữu lậu, đạo diệt là nhân quả Vô lậu. Ngoại đạo phá rằng: Thầy ông ra đời nói khổ, tập, diệt, đạo, vì sao đệ tử lại nói tập, khổ, đạo, diệt có trái với thầy chăng? Như Ý cứu rằng: Khi Phật còn ở đời đối với người không tin nhân quả mà nói quả trước nhân sau. Ta nay thuận nhân quả mà nói thì cũng chẳng trái nhau. Lúc đó ngoại đạo bè đảng rất mạnh, trong chúng không người chứng nghĩa, vua bèn ban cho ngoại đạo bảy mươi lượng vàng, phong cho ngoại đạo luận là Kim thất thập luận, Như Ý bèn thua cắn lưỡi mà chết. Đến năm chín trăm Thế Thân vạch luận ngoại đạo quả thấy Như Ý bị thua, bèn tạo luận quỷ luận thức v.v... dâng lên vua cứu Như Ý Luận Chủ, vua thêm kính nể ban cho Thế Thân bảy mươi lượng vàng, phong làm Thắng kim thất thập luận. Vua cột cỏ đánh thây biểu thị ngoại đạo tà tông thây bèn ra máu, nên người xuất gia cần phải hiểu rõ Tứ đế giáo môn về nghĩa trước sau của hai pháp nhân quả.

Đậu-khư (Duhkha), hoặc gọi bốn nhĩ. Tấn gọi là khổ. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Khổ là nghĩa bức não tất cả tâm hành hữu vi thường bị các hoạn nạn vô thường bức não, nên gọi là khổ. Khổ có ba thứ: một là khổ khổ, hai là hoại khôt, ba là hành khổ. Nay nói ba khổ có riêng có chung.

Riêng thì ba khổ riêng đối với ba thọ. Khổ thọ từ khổ duyên sanh, tình biết là khổ, tức là khổ khổ. Khi lạc thọ lạc hoại thì sanh khổ, tức là hoại khổ. Thọ chẳng khổ chẳng vui, thường bị vo thường dời động, tức là hành khổ. Nếu luận chung ba khổ thì ba thọ thông có ba khổ. Vì sao thế, vì tâm ba thọ tức là khổ, thông từ khổ duyên sanh, cho nên thông là khổ khổ. Tâm của ba thọ thông bị hoại tướng làm hoại, cho nên thông là hoại khổ. Tâm của ba thọ thông là tướng khởi việc vận động không ngừng, cho nên thồn là hành khổ. Hành lấy dời đổi làm nghĩa. Cho nên Lăng-nghiêm nói: ví như thác dữ nổi sóng liên tục bờ trước bờ sau không vượt qua. Các Cổ đức có tụng hạnh khổ ngầm dời rằng:

Như để một lông mi trên bàn tay người chẳng biết,
Nếu để trong tròng mắt thì rất đau xốn chẳng an.
Người ngu như bàn tay chẳng biết hành khổ dời đổi,
Người trí như tròng mắt đau xót mà chán sợ.

Trí Luận nói: Vô lượng chúng sanh có ba thứ thân khổ là lão, bệnh, tử, ba thứ tâm khổ là tham, sân, si, ba thứ khổ đời sau là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Kinh Pháp Cú nói: Xưa có bốn Tỳ-kheo luận việc đời khổ. Một người nói dâm dục làm khổ người, một người nói đói khát làm khổ người, người nọ thì nói giận hờn quấy rối người, người kia thì nói sợ sệt đáng sợ, ai nấy đều chấp ý mình cho người là sai. Phật biết bèn hỏi, các Tỳ-kheo trình bày rõ. Phật nói chỗ các ông luận không rốt nghĩa khổ, thân là gốc các khổ, các nạn, phải cầu tịch diệt đay là vui nhất.

Tam-mâu-đề-da (Samudaya), hoặc gọi Di nhĩ, Tấn gọi là tập. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tập lấy nhóm họp (vời lấy) làm nghĩa. Nếu tâm cùng kết nghiệp tương ưng thì ở vị lai sẽ chiêu (vời) lấy các khổ sanh tử, nên gọi là tập.

Ni-lâu-đà (Nirodha), hoặc gọi Bàn-na. Tấn gọi là đạo. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Đạo lấy hay thông làm nghĩa đạo có hai thứ: một là chánh đạo, là thật quán ba mươi bảy đạo phẩm, ba giải thoát môn, chuyên lý tuệ hạnh gọi là Chánh đạo; hai là trợ đạo, đắc giải quán trung (được trong giải quán) các thứ pháp đối trị và các thiền định, đều là trợ đạo. Hai thứ này giúp nhau hay thông Niết-bàn nên gọi là đạo. Bốn thứ Hoa Phạm này trích từ Kinh Hiền Ngu. Tỳ-đàm nói: Phật vì bốn vua làm thánh ngữ (tiếng Phạm âm?) nói bốn đế, hai vua hiểu, hai vua không hiểu. Lại nói tiếng Tỳ-đa thì vua hiểu một vua không hiểu. Lại nói tiếng Lê-xa thì bốn vua đều hiểu. Cho nên bốn đế gọi là Phi nhất khái. Pháp Tứ đế này nếu dùng như thuốc trị bệnh khu luyện, khổ tập là nhân quả

thế gian, đây thuộc về bệnh. đạo diệt là nhân quả xuất thế gian, đây cũng là thuốc. Nếu dùng chân tục mà phân biệt thì có ba nghĩa: Một là bốn đế đều chân: Như Kinh Niết-bàn nói: Ta xưa cùng ông đều chẳng thấy bốn chân đế, thế nên bị chìm lâu trong biển khổ lớn sanh tử. Hai là bốn đế đều tục: Chỉ Quán nói: Diệt còn chẳng chân, ba đế kia thì sao thì sao. Ba là một chân ba tục: Thắng-man nói: Bốn thánh đế này, ba thứ là vô thường, một thứ là thường. Lại nói thế nên khổ đế, tập đến, đạo đế chẳng phải đế đệ nhất nghĩa, chẳng thường chẳng y, một khổ diệt đế. Lìa có tướng là thường. Lại Kinh Niết-bàn nó về bốn đế gồm có bốn thứ: một là Sanh diệt bốn đế, hai là Vô sanh bốn đế, ba là Vô lượng bốn đế, bốn là Vô tác bốn đế. Kinh Thắng-man cũng nói bốn thứ: một là Hữu tác bốn đế, hai là Hữu lượng bốn đế, ba là Vô tác bốn đế, bốn là Vô lượng bốn đế. Nhưng hai kinh này lời có khác chút ít.

Kinh Khê hỏi: Vì sao lập bốn thứ bốn đế khác nhau?

Đáp: Đế vốn không bốn, đến chỉ là lý, lý còn không một vì sao có bốn. Cho nên biết y quyền thật của Như Lai Tạng đồng thể. Đại bi nguyện lực tùy thuận vật cơ chẳng vì được mình mà dùng, cơ nghi bất đồng đến nỗi pháp có sai khác, từ một thật lý mở ra quyền lý, quyền thật hai lý hay nói giáo khác. Cho nên có bốn thứ khởi, giáo sai khác. Ba tạng nói sanh diệt, thông giáo nói vô sanh, biệt giáo nói vô lượng, viên giáo nói vô tác. Thế nên Thiên Thai nói bốn thứ pháp Tứ đế.

47. CHỈ QUÁN BA NGHĨA.

Thật tướng thể vốn vắng lặng, nhân nguyên tịnh bèn gọi là chỉ. Bổn Giác Linh Chiếu do thường sáng nên gọi là quán. Gió vọng chợt động thì nhờ diệu Xa-ma-tha mà chỉ. Tâm châu tối lâu, cần Tỳ-bà-xa-na mà quán. Trong Ma-ha Chỉ Quán Thích Danh Chương nói: Một cộng thông ba đức, hai đều mở ba nghĩa. Nay y vào luận ấy mà nên tiếng Phạm. Một nêu cộng thông.

Xa-ma-tha (Samata), dịch là chỉ. Kinh Niết-bàn nói Xa-ma-tha gọi là Năng diệt là hay diệt tất cả các kiết phiền não. Lại gọi là Năng điều, là hay điều phục các căn ác bất thiện pháp. Lại gọi là tịch tịnh là hay khiến ba nghiệp đều vắng lặng. Lại gọi là viễn ly, là hay khiến chúng sanh xa lìa năm dục. Lại gọi là năng thanh là hay khiến trong được ba độc tham dục sân giận ngu si, vì các nghĩa ấy nên gọi là Định thắng.

Tỳ-bà-xá-na (Vipazyana), dịch là quán. Kinh Niết-bàn nói: Tỳ-bà-xá-na gọi là Chánh kiến, cũng gọi là Liễu kiến hay Năng kiến, Biến

kiến, Thứ đệ kiến, biệt tướng kiến. Đó gọi là Tuệ.

Ưu-tất-xoa (Upeksa), dịch là Chỉ quán bình đẳng. Niết-bàn nói: Ưu-tất-xoa gọi là Bình đẳng, cũng gọi là Bất tranh, Bất quán, bất hành. Đó gọi là Xả. Chỉ Quán nói: Nếu dùng hai chữ cộng thông ba đức, thì chỉ tức là đoạn. Đoạn thông là (với) giải thoát. Quán tức là trí, trí thông là (với) Bát-nhã chỉ quán v.v... gọi là Xả tướng. Xả tướng tức là thông với pháp thân. Khởi Tín Luận nói: Nói về chỉ tức là tướng dừng tất cả cảnh giới, tùy thuận Xa-ma-tha mà quán nghĩa. Nói về quán, nghĩa là tướng phân biệt nhân duyên sanh diệt, tùy thuận Tỳ-bát-xá-na mà quán nghĩa. Vĩnh Gia Tập nói: Vì dùng Xa-ma-tha nên tuy chiếu mà thường chiếu, vì dùng tỳ-bát-xá-na nên tuy chiếu mà thường tịch, vì dùng Ưu-tất-xoa nên chẳng chiếu chẳng tịch. Vì chiếu mà thường tịch nên nói tục mà tức chân. Vì tịch mà thường chiếu nên nói chân mà tức tục. Vì chẳng tịch chẳng chiếu nên đổ khẩu ở Tỳ-da. Kinh trưởng Giả Tử Lục Quá Xuất Gia nói: Phật bảo Tỳ-kheo Tăng-già-la-ma, ông nên làm hai pháp chỉ quán, Tăng-già-la-ma bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, con rất hiểu. Phật bảo ta nói tóm tắt vì sao nói rất hiểu. Tăng-già-la-ma nói chỉ là các kiết dứt hẳn, quán là quán tất cả pháp. Phật nói lành thay! Hai là nói đều mở, một nêu ba chỉ.

Diêu-xa-ma-tha (Susamta), tức là Thể chân chỉ.

Tam-ma (Samaya), tức là Phương tiện tùy duyên chỉ.

Thiền-na (Dhyàna), tức là Tức nhị biên phân biệt chỉ, tên trích từ Lăng-nghiêm. Tư Trung nói: Chuẩn theo Kinh Viên Giác thì Xa-ma-tha làm tướng, Thiên-na đều lìa Tịnh Huyễn hai tướng. Song hai kinh này khi Thiên Thai nói thì kinh đều chưa đến mà trong chỉ quán đã dự lập nghĩa ấy. Cho nên chỉ quán hai chữ đều mở ba nghĩa: một là Thế chân chỉ, hai là Phương tiện tùy duyên chỉ, ba là Tức nhị biên phân biệt chỉ. Lại nói tên ba chỉ này tuy chưa thấy trong kinh luận ánh vọng ba quán tùy nghĩa mà lập tên, tướng nó thế nào? Thể vô minh điên đảo tức là chân thật tướng, gọi là Thể chân chỉ. Như thật tướng này ở khắp tất cả chỗ, tùy duyên trải cảnh mà an tâm chẳng động thì gọi Tùy duyên phương tiện chỉ. Sanhtwr, Niết-bàn, tịnh tán đều dứt hết thì gọi Tức nhị biên chỉ. Ngài Cô Sơn giải thích rằng: Nay A-nan tuy chuyên thỉnh cầu ở chỉ, dùng tức một mà ba nêu chỉ này tức là quán cũng tức là Bình đẳng, ba - một dung nhau, do đó gọi là Diệu. Vì diệu nên mới gọi Lăng-nghiêm đại định. Nay ở một chỉ lại có ba tên Xa-ma-tha tức là Thể chân chỉ, chỉ ở Chân Đế (dịch Xa-ma-tha là chỉ, định là tên khác là nghĩa tịch tịnh (vắng lặng) nghĩa là nhiễm tịnh các cảnh tâm không vọng duyên).

Tam-ma-đề cũng gọi là Tam-ma-bát-để, dịch là Đẳng trì, tức là Phương tiện tùy duyên chỉ. Chỉ ở Tục đế (Tam-ma-đề, Trí Luận gọi là tất cả thiền định nhiếp tâm đều gọi là Tam-ma-đề. Tần gọi là chỗ chánh tâm hành, là tâm từ vô thủy đến nay thường cong vạy chẳng thẳng, được chỗ chánh tâm hạnh này thì liền ngay thẳng. Như con rắn bò cong vào ống thì đi thẳng. Dịch là Đẳng trì, nghĩa là lìa các trầm trạo gọi là Đẳng. Khiến tâm trụ vào một cảnh gọi là Trì). Thiền-na, dịch là Tịnh lự, tức là Tức nhị biên phân biệt chỉ, chỉ ở Trung đạo.

Kế nói ba quán: Là Không - Giả - Trung (Sunyatà-Prajỉapti-Madhyamika). Ngài Kinh Khê khi lâm chung đã dạy chúng rằng: Một niệm vô tướng gọi là Không, pháp chẳng đủ gọi là Giả, chẳng một chẳng khác gọi là Trung. Ngài Chương An nói: Thiên Thai truyền cho Nam Nhạc ba thứ chỉ quán; một là tiệm thứ, hai là Bất định, ba là Viên đốn, đều là Đại thừa, đều là tướng viên thật, đồng tên là Chỉ quán. Tiệm thì mới cạn sau sâu như leo lên thang, chẳng định trước sau lại giúp nhau, như kim cương báu để trong mặt trời. Viên đốn thì trước sau chẳng hai. Như người có thần thông bay lên không, vì ba căn tánh nói ba pháp môn. Tuy nói thầy trò truyền nhau nhưng nguyên bản đều lấy từ kinh Phật, cho nên thứ lớp ba quán, như Anh Lạc quyển thượng nói: Từ giả vào Không quán, cũng gọi là hai Đế quán. Từ không vào Giả quán, cũng gọi là Bình đẳng quán, nhân đó hai Không quán làm phương tiện mà được vào Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán. Đây gọi là thứ lớp ba quán. Lại quyển hạ nói: Khi đỉnh đầu Phật phóng ra tất cả ánh sáng, lại tập họp Phật và Bồ-tát ở mười phương trăm ức Phật độ liền ở trong chúng bảo Văn-thù, Phổ Hiền, Pháp Tuệ, Công Đức Lâm, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tạng, Thiện Tài Đồng Tử... các ông thấy trong chúng ấy Kỉnh Thủ Bồ-tát hỏi ba quán pháp giới chư Phật tự tánh thanh tịnh đạo, tất cả Bồ-tát có tu pháp môn ba quán chăng? Các ông đều lãnh đạo trăm vạn đại chúng đều nên tu học pháp môn như thế. Lại Trung Luận nói: Pháp do nhân duyên sinh ra, ta nói tức là không, cũng gọi là Giả danh, cũng gọi là Trung đạo. Đây đều là văn nói một tâm ba quán. Song đây đều mở ra ba nghĩa toàn khác Niết-bàn, cộng thông ba đức do lộn đồng từ xưa, nên nay phân biệt ra.

48. CÁC PHÁP THIỆN HẠNH.

Bốn tất-đàn bị vật, các thiện tùy nghi, đường bốn môn khác, quả Nhất thừa không sai. Các thứ chánh hạnh đều đoạn dứt dây ái muôn kiếp, mỗi mỗi trợ đạo đều phá hết lưới trần ngàn đời. Nay sưu tìm tiếng

Phạm lược ghi tiếng Tống, muốn đủ hai thứ trang nghiêm cần trình bốn Hoằng thệ nguyện.

Tất-đàn (Siddhàưta), ngài Nam Nhạc nói: Trong Đại Niết-bàn chữ tất-đàn là tiếng Hoa Phạm cùng gọi. Tất là tiếng Hoa, đàn là tiếng Phạm. Tất là khắp, đàn là thí tức Phật dùng bốn pháp khắp thí chúng sanh, nên gọi tất-đàn. Diệu Huyền nói: Thế giới tất-đàn là ích hoan hỷ, vì người tất-đàn là ích sanh thiện. Đối trị tất-đàn là ích phá ác. Đệ nhất nghĩa tất-đàn là ích nhập lý. Diệu Lạc nói: Tiền hai giáo và Biệt địa tiền chỉ thuộc ba tất, còn dẫn vào kinh này là Tất đệ nhất nghĩa.

Tăng-na (Saưnàha), dịch là Hoằng thệ. Triệu Luận nói: Phát tâm đầu Tăng-na (trước phát Hoằng thệ) sau dùng đại bi để phó nạn. Đây gọi là phát tâm. Nhân Vương nói: Thập Thiện Bồ-tát phát đại tâm, mãi từ biệt (xa lìa) biển khổ ba cõi, đây là tương tự phát tâm vậy. Hoa Nghiêm nói khi mới phát tâm liền thành Chánh giác. Đây là phần chứng phát tâm vậy. Nói Hoằng thệ, ngài Thiên Thai nói: Duyên rộng khắp gọi là Hoằng, tự chế tâm mình gọi là thệ, chí cầu đầy đủ gọi là nguyện. Bậc đại sĩ rộng mang vận tâm rộng khắp, y cảnh vô tác bốn đế mà khởi bốn tâm Hoằng thệ. Một là Anh Lạc ai chưa vượt khổ đế thì khiến vượt, sáu đạo chịu khổ phần đoạn, ba thừa chịu khổ biến định. Hiểu rõ ấm nhập đều như không khổ có thể bỏ, miệng phát thệ rằng chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Kế y vào Anh Lạc ai chưa hiểu (cởi bỏ?) tập đế khiến hiểu (cởi bỏ?) (cởi bỏ = giải?). bốn trụ phiền não nhuận (thấm nhuần) nghiệp hữu lậu, vô minh phiền não nhuận nghiệp vô lậu. Phải hiểu trần lao vốn sạch, không tập nào có thể trừ mà miệng phát thệ rằng phiền não vô số thệ nguyện đoạn. Ba là y Anh Lạc chưa dan đạo đế khiến an. Thuyền trí tuệ vượt nhanh biển khổ, giới định làm thông kho bí mật yếu đạo. Phải biết biên tà trung không đạo có thể tu mà miệng liền phát thệ rằng Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. kính mong đấng Đại Giác nhiều kiếp độ sanh đều không mỏi mệt, là nguyện mãn bổn địa vậy.

Tăng-niết, một gọi Tăng-na đại thệ, Tăng-niết tư thệ, một gọi Tăng-na ngôn khải (nói là áo giáp). Tăng-niết gọi là mặc, tức mặc áo giáp lớn, cũng gọi là trang nghiêm. Cho nên Đại Phẩm nói: Đại thệ trang nghiêm gọi đúng là San-na-ha, dịch là giáp. Hoặc gọi San-nại-đà, dịch là bị hay y, tức là mặc áo giáp.

Tỳ-bạt-da-tư, dịch là bốn Niệm xứ. Niệm tức là quán, xứ tức là cảnh. Trí Luận giải thích: Trước tập thiện pháp không mất (lỗi?) nên gọi là tưởng. Trí quyết định không nghi nên gọi là trí. Đại Kinh nói: Lại có thầy thuốc mới phương xa đến biết tám thứ thuật, gọi là bốn khô bốn

vịnh. Nói bốn khô, là người ở trong năm ấm khởi bốn đảo kiến (thấy ngược), ở sắc cho là tịnh, ở thọ cho là sạch, ở tưởng hành cho là ngã, ở tâm cho là thường, cho nên khiến tu bốn Niệm xứ để phá bốn đảo:

Một là quán thân bất tịnh: Tất cả sắc pháp đều gọi là thân, mình gọi là nọi thân, quyến thuộc và người khác gọi là ngoại thân, hoặc mình hoặc khác gọi là nội ngoại thân. Ba thứ sắc này Đại Luận gọi là năm thứ bất tịnh: một là sanh xứ (chỗ sanh), là thân bị nhơ uế hôi hám, không trì hoa sen sanh, cũng chẳng từ chiêm-bặc, lại chẳng ra ngoài núi báu. Hai là chủng tử bất tịnh, thân là thứ bất tịnh, không phải là vật diệu bảo khác chẳng do tịnh bạch (trắng sạch) sanh ra, cha mẹ có tà tưởng. Ba là tự tánh bất tịnh, là chất đất, nước, lửa, gió hay biến làm bất tịnh, hết nước biển rửa thân này cũng không thơm sạch được. Bốn là tự tướng bất tịnh, các vật bất tịnh đầy dẫy khắp trong thân luôn chảy ra không ngừng như túi lủng đựng đầy vật. Năm là cứu cánh bất tịnh, xét quán kỹ thân này trọn ắt về chỗ chết khó chế ngự không ngược (trở) lại, phụ âm như con nít.

Hai là quán thọ là khổ: Ý căn thọ gọi là nội thọ, năm thọ gọi là ngoại thọ, sáu căn thọ gọi là ngộ ngoại thọ, ở một căn có thuận thọ, trái thọ, có chẳng trái chẳng thuận thọ, ở thuận thì sanh lạc thọ, ở trái thì sanh khổ thọ, ở chẳng trái chẳng thuận thì sanh chẳng khổ chẳng lạc thọ. Lạc thọ là hoại khổ, khổ thọ là khổ khổ, chẳng lạc chẳng khổ thọ là hành khổ. Các thọ thô tế đều là khổ.

Ba là quán tâm vô thường: Tâm vương chẳng trụ, thể tánh lưu động, ngày nay tuy còn, ngày mai khó giữ. Núi sông lựu trác ánh sáng đá lửa, nếu chẳng kịp thời sau hối vô ích.

Bốn là quán pháp vô ngã: Pháp gọi là quỷ tắc (khuôn phép?) có thiện pháp, ác pháp và vô ký pháp người đều ước pháp cho là ta (ngã) ngã thì hay làm thiện, làm ác, làm vô ký. Ở trong các pháp này tìm ngã quyết không thê được, chỉ là lông rùa sừng thỏ, nhưng có tên gọi thật chẳng thể được (có). Cho nên kinh nói: Khởi chỉ pháp khởi, diệt chỉ pháp diệt, chỉ là ấm pháp khởi diệt, vô nhân vô ngã vô chúng sanh thọ mạng, đó gọi là vô ngã. Đây là nói tướng riêng của Niệm xứ. Còn tướng chung của Niệm xứ là duyên một cảnh chung làm bốn quán. Trong đây nên bốn câu lựa chọn: một là cảnh riêng quán riêng, hai là cảnh riêng quán chung, ba là cảnh chung quán riêng, bốn là cảnh quán đều chung. Là tướng chung của Niệm xứ. Nếu làm một thân Niệm xứ quán, hoặc chung hai ấm cho đến chung năm ấm đó gọi là cảnh chung quán riêng. Thọ - tâm - pháp niệm cũng lại như thế. Trong A-tỳ-đàm nói ba thứ

Niệm xứ, nghĩa là tánh cùng duyên đối phá ba thứ ngoại đạo. Tứ Giáo Nghĩa nói:

Một là Tánh niệm xứ: Trí Luận nói: Tánh niệm xứ là Tánh trí tuệ. Quán Thân trí tuệ là Thân niệm xứ. Thọ - tâm - pháp cũng lại như thế. Kẻ giải chẳng đồng, có người chỉ lấy tuệ số làm Tánh trí tuệ, tức là Tánh niệm xứ. Sư Nam Nhạc giải rằng: Quán lý tánh năm ấm gọi là Tánh niệm xứ. Cho nên Tạp Tâm Kệ nói: Thân ấy tướng bất tịnh, chân thật tánh thường định, các thọ và tâm pháp, nói cũng lại như thế.

Hai là Công niệm xứ: Trí Luận nói: Quán thân là trước, nhân duyên sanh đạo hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, thọ - tâm - pháp niệm xứ cũng lại như thế. Người giải chẳng đồng. Có sư giải rằng: Cộng thiện năm ấm, các thiện tâm số pháp họp nói Niệm xứ. Hoặc sư Nam Nhạc giải rằng: Tức là chín tưởng bối xả thắng xứ các đối trị quán môn, trợ chánh đạo mở làm ba giải thoát, nên gọi là Cộng niệm xứ. Cho nên kinh nói: Cũng phải niệm không pháp, tu tâm quán bất tịnh, đó gọi là thuốc cam lồ quán đảnh của các Như Lai.

Ba là Duyên niệm xứ: Có sư giải rằng: Thông tất cả cảnh giới được quán đều gọi là Duyên niệm xứ quán. Có người nói cảnh mười hai ns, có người nói cảnh từ bi được duyên. Hoặc sư Nam Nhạc giải rằng: Duyên với giáo Phật nói ra về tất cả Ấm nhập giới, sự lý bốn đế, danh nghĩa ngôn ngữ. Âm từ, nhân quả, thể dụng... quán suốt vô ngại, hay sanh bốn biện tài ở Thích-ca pháp, tâm không chỗ ngại thành vô ngại giải thoát, ấy là nếu y Đại thừa để nói bốn vịnh như sau phân rằng: Này A-nan như chỗ ông hỏi, Phật Niết-bàn rồi thì y vào đâu mà trụ? Này A-nan, y vào tứ Niệm xứ nghiêm tâm mà trụ. Quán thân tánh tướng đồng với hư không gọi là Thân niệm xứ. Quán tâm chỉ có danh tự (tên gọi), danh tự tánh lìa, gọi là Tâm niệm xứ. Quán pháp chẳng được thiện pháp và bất thiện pháp thì gọi là Pháp niệm xứ. Hoa Thủ Kinh nói: Tất cả các pháp đều gọi là Niệm xứ. Vì sao thế, vì tất cả các pháp tự tánh thường trụ (còn hoài) không thể hư hoại. Đây chính tức pháp là tâm, tức tâm là pháp, đều đồng một tánh, tánh há có thể hoại?

Tất-kha-ma-la-a-dật-đa, dịch là Chánh cần. Đây có bốn pháp. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Một là ác pháp đã sanh phải trừ dứt. Một tâm tinh cần khi quán bốn Niệm xứ. Nếu khởi tâm biếng lười thì năm cái phiền não liền che tâm lìa tín v.v... năm thứ thiện căn. Khi các ác đã sanh nhe thế thì phải đoạn dứt, một tâm siêng năng tinh tấn phương tiện trừ đoạn khiến cho hết. Hai là các ác chưa khi quán bốn niệm xứ, tuy tâm biếng lười và năm cái v.v... các phiền não ác pháp chưa sanh, sợ sau

này sanh ra sẽ ngăn tín v.v... năm thiện căn, nay phải khiến chẳng sanh, nên một tâm siêng năng tinh tấn phương tiện khiến dừng lại không sanh. Ba là các thiện pháp chưa sanh thì khiến sanh ra, một tâm siêng năng tinh tấn khi quán bốn Niệm xứ, tín v.v... năm thiện căn chưa sanh thì khiến sanh ra, một tâm siêng năng tinh tân phương tiện tu tập khiến tín v.v... các thiện căn sanh ra. Bốn là các thiện pháp đã sanh thì khiến tăng trưởng một tâm siêng năng tinh tấn khi quán bốn Niệm xứ thì tín v.v... năm thiện căn đã sanh phải khiến tăng trưởng. Một tâm siêng năng tinh tấn phương tiện tu tập v.v... các thiện căn khiến chẳng lui sụt mà tăng trưởng thành tựu. Bốn thứ này gọi chung là Chánh cần, vì nó pháp tà đạo ở trong chánh đạo mà siêng năng nên gọi Chánh cần.

Ma-nô-thị-nhã (Mamojỉa), dịch là Như ý. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Bốn Như ý túc: một là Dục như ý túc, Dục là chủ, được định đoạn hạnh thành tựu tu như ý túc phần ấy là Dục như ý túc; hai là Tinh tấn như ý túc, Tinh tấn là chủ được định đoạn hạnh thành tựu tu như ý túc phần, ấy là Tinh tấn túc; ba là Tâm như ý, Tâm là chủ được định đoạn hạnh thành tựu tu như ý túc; bốn làư duy như ý túc, Tư duy là chủ, nói chung Như ý túc là trong bốn Niệm xứ là thật trí tuệ, trong bốn Chánh cần là chánh tinh tấn. Tinh tấn và trí tuệ tăng nhiều, sức định không yếu được bốn thứ định nhiếp tâm, cho nên trí định lực v.v... chỗ nguyện đều được, nên gọi là Như ý túc trí định nếu thế hay đoạn các kiết sử, cho nên gọi là đoạn hạnh thành tựu.

Bà-la (Bala), dịch là Lực. Ấm Trì Nhập Kinh nói: Lực ấy lấy gì nghĩa? Đáp: Không thể hoại được là nghĩa của lực, có ích là nghĩa của lực, có gan là nghĩa của lực, hay nương được là nghĩa của lực. Tăng Nhất A-hàm nói có sáu thứ lực. Trẻ con kêu khóc là lực, người nữ giận là lực, Sa-môn, Bà-la-môn lấy nhẫn nhục làm lực. A-la-hán lấy tinh tấn làm lực. Lại nhân người có năm lực, Phật quả mười lực. Nhân người năm lực tức là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đại Luận giải thích rằng: Tín căn được lực thì hay quyết định thọ trì chẳng nghi vì lực tinh tấn, thì tuy chưa thấy pháp mà một lòng cầu đạo chẳng tiếc thân mạng chẳng thôi dứt. Vì niệm lực nên thường nhớ thầy dạy, thiện pháp thì nghe vào, ác pháp thì không nghe vào như người giữ cửa định lực thì nhiếp tâm một chỗ chẳng động để giúp trí tuệ. Vì trí tuệ lục, hay như thật mà quán thật tướng các pháp. Phật quả mười lực nay thuật tụng rằng:

Xứ và phi xứ hai nghiệp lực,
Định căn dục tánh chí xứ đạo,
Túc mạng, thiên nhãn, mười lậu tận.

Giải thích đầy đủ trong Đại Luận quyển 88.

Luận hỏi: Mười lực của Phật, nếu nói tướng chung thì Phật chỉ có một lực, đó là Nhất thiết chủng trí lực. Nếu nói tướng riêng thì có ngàn vạn ức lực, tùy pháp làm tên, nay sao chỉ nói có mười lực?

Đáp: Phật thật có vô lượng trí lực chỉ vì chúng sanh chẳng thể được, chẳng thể làm, cho nên không nói. Mười lực ấy có thể so việc chúng sanh mà luận nói có mười lực.

Luận hỏi: Phật có mười lực còn Bồ-tát có không?

Đáp: Có. Thế nào là mười: một là phát tất cả trí tâm bền chắc cố lực, hai là đại từ lực chẳng bỏ chúng sanh, ba là đầy đủ đại bi lực, bốn là tinh tấn lực tất cả Phật pháp, năm là tư hành thiền định lực, sáu là trừ hai biên trí tuệ lực, bảy là thành tựu chúng sanh lực, tám là quán pháp thật tướng lực, chín là vào ba giải thoát môn lực, mười là vô ngại trí lực.

Ni-để (Pranidhàna), dịch là nguyện. Chí cầu đầy đủ gọi là nguyện. Trí Luận nói có hai thứ nguyện: một là Khả đắc nguyện, hai là Bất khả đắc nguyện. Bất khả đắc nguyện (không thể nguyện) như có người muốn đo lường hư không đến hết bờ bến, và tìm bờ bến của thời gian, như trẻ con thấy trăng trong nước thấy vật trong gương, các nguyện như thế đều chẳng thể được. Còn Khả đắc nguyện (nguyện có thể được) là như dùi gỗ tìm lửa, đào đất được nước. Như tu phước được sanh vào trời, người và được quả A-la-hán, Bích-chi Phật, cho đến được các Phật pháp vương. Như thế đều gọi là đắc nguyện. Nguyện có thượng, trung, hạ. Hạ nguyện thì khiến đương đời được vui. Trung nguyện thì khiến đời sau được vui. Thượng nguyện thì cùng vui với nhân Niết-bàn.

Trí Luận hỏi: Khi Phật còn tại thế chúng sanh còn có đói khát trời chẳng mưa xuống chúng bị nguy khốn Phật chẳng thể làm mãn nguyện tất cả chúng sanh, vì sao Bồ-tát lại làm mãn nguyện được?

Đáp: Bồ-tát trụ ở Thập địa, vào Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, ở Tam thiên Đại thiên thế giới hoặc khi ấy hiện ra người mới phát ý làm hạnh sáu Ba-la-mật cho đến hiện người xuất gia thành Phật mà lợi ích như thế huống là đối với Phật. mà thân Phật có hai thứ: một là Chân thân, hai là Hóa thân. Chúng sanh thấy Chân thân Phật thì không nguyện nào chẳng mãn.

Trí Luận hỏi: Các Bồ-tát hạnh nghiệp thanh tịnh trị được báo tịnh, đầu cần phải lập nguyện sau đó mới được. Ví như nhà nông được thóc há lại đợi nguyện?

Đáp: Làm phước mà không nguyện thì không đứng vững. Nguyện là đạo ngự (dắt dẫn chế ngự) sẽ có chỗ thành. Thí như dây chuyền

tùy thợ làm ra còn vàng thì vô định. Lại việc lớn trang nghiêm cõi Phật, riêng mình làm công đức thì chẳng thể thành cho nên cần phải có nguyện lực ví như sức trâu tuy có thể kéo xe nhưng cần phải có người đánh xe mới có thể đến nơi. Tịnh thế giới nguyện cũng lại như thế. Cho nên Cổ đức nói: Có hạnh mà không nguyện thì hạnh ấy ắt cô độc, có nguyện mà không hạnh thì nguyện ấy ắt dối.

Tát-ba-ca-ma (Sarvakàma), dịch là ưa muốn vui thích mong cầu. Tịnh Danh Sớ nói: Căn là quá khứ, Dục là hiện tại, Tánh là vị lai. Nếu thiện căn quá khứ bền chắc thành tựu thì đời nay đối duyên liền khởi. Đây là nhân căn thành dục (ưa muốn). Nếu thiện căn quá khứ không bền chắc, đời nay gặp duyên khởi dục, tập nhiều thành tánh. Cho nên nói tánh lấy chẳng đổi làm nghĩa. Ngài Kinh Khê giải thích rằng: Tập dục thành tánh, là tánh ở vị lai, do tánh thành dục là tánh ở quá khứ. Trí Luận nói: Tùy chỗ muốn mà nói pháp. Chỗ nói thiện dục (dục lành) tùy tâm vì nói như thuyền thuận nước, ác dục dù hết lời dạy bảo như lấy chê mà sanh chê. Thế nên trong téi Phật tất khắp biết không gì có thể hoại, không gì hơn được, Sự Sao nói: Phàm làm pháp sự, ắt phải thân tâm đều tập mới thành hòa hợp. Nếu có duyên mà chẳng mở tâm tập thì cơ giáo chẳng đồng lấy gì cứu giúp. Cho nên nghe rồi truyền đến tâm miệng, ải bày trước Tăng sự mới có thể kia đây luận đủ. Duyên đây mà nghe cùng dục nói rằng: Đại đức, nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo tên là... như Pháp Tăng Sự cùng dục thành tịnh. Người thgọ dục phải đến trong tăng mà yết-ma. Nói không đến là nói dục. Tức phải đầy đủ oai nghi mà nói rằng: Đại đức tăng nghe rõ, tôi là Tỳ-kheo tên là... tôi thọ dục ấy thanh tịnh, người ấy như Pháp Tăng Sự cùng dục thanh tịnh.

Phù-đàm-mạt, dịch là Chí thành. Kinh Mười Sáu Quán nói: Phát ba thứ tâm thì liền vãng sanh. Những gì là ba tâm: một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là tâm hồi hướng phát nguyện. Sớ giải thích tâm chí thành rằng: Tức thật hạnh chúng sanh, chí là chuyên, thành là thật. Giải thích thâm tâm rằng: Phật quả cao sâu, phát tâm cầu đến nên gọi là thâm tâm. Cũng từ lý sâu mà sanh ra, cũng từ hậu lạc (thích sâu) thiện căn mà sanh ra. Diệu Tônh nói nay mới chí thành, sớ dùng chuyên thật mà giải thích, không phải niệm chân như há gọi là chân thật. Giải về thâm tâm. Sớ tuy ba nghĩa này mà chẳng bỏ nhau cầu quả cao sâu phải khế lý sâu, khéo khế lý sâu phải hậu lạc (thích sâu) thiện căn. Đây chính là lập hạnh y lý mà cầu quả. Chẳng ở ngoài việc luận kia nói lạc tập hợp tất cả các thiện hạnh vậy. Trải qua tâm hồi hướng phát nguyện, nghĩa ở luận ấy nói đại bi cứu khổ. Khởi Tín Luận nói: Tín thành tựu

phát tâm, lược nói có ba: một là trực tâm vi chánh niệm (nhớ) chân như, hai là thâm tâm, là ưa lạc tập họp tất cả các thiện hạnh, ba là đại bi tâm, là muốn cứu tất cả khổ của chúng sanh.

Sám-ma (Ksama), dịch là hối quá. Sư Nghĩa Tịnh nói: Sam-ma tiếng Tây Vức có nghĩa là nhẫn. Người Tây Vức là xúc thân nói Sám-ma. Ý là xin tha thứ xin chớ giận trách. Phương này lầm truyền từ lâu nên khó sửa lại. Ứng Pháp sư nói: Sám là sai, sách không có chữ sám, gọi đúng là Xoa-ma, dịch là nhẫn, nghĩa là tha thứ tội tôi vậy. Ngài Thiên Thai trong Quang Minh Thích Sám Hối Phẩm nói: Chẳng luận tiếng Hoa Phạm chỉ giải thích thẳng rằng: Sám là thủ, hối là phục. Như người đời bị tội với vua, phục khoán thuận theo chẳng dám trái nghịch chẳng nghịch là phục, thuận theo là thủ. Người tu cũng thế phủ phục dưới chân Tam bảo, chánh thuận đạo lý chẳng dám làm quấy nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là Bạch pháp, hối gọi Hắc pháp. Hắc pháp (tội lỗi) cần phải hối mà chớ làm. Bạch pháp (thiện pháp) cần phải ưa chuộng, lấy bỏ họp luận, nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là tu lại (tu mới), hối gọi là cải vãng (đổi cũ). Ngày xưa chỗ làm pháp bất thiện xấu hổ mà ghét nên gọi là hối, ngày xưa chỗ bỏ tất cả thiện pháp, ngày nay trở đi thệ nguyện siêng tu, nên gọi là sám. Bỏ xưa cầu nay nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là vạch bấycc lỗi phát lồ lỗi lầm chẳng dám che giấu. Hối gọi là đoạn tâm nối tiếp, chán hối lìa bỏ, năng tác và sở đều bỏ nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là xấu hổ (tủi), hối gọi là mắc cỡ (thẹn). Xấu hổ (tủi) thì xấu hổ với trời, mắc cỡ (thẹn) thì mắc cỡ với người. Người thấy cái rõ ràng, trời thấy cái mờ ám. Mờ ám là tế, rõ ràng là thô, thô tế đều ghét (xấu ác), nên gọi là Sám hối. Tịnh Danh Sớ nói: Nay nói tội diệt có ba: một là Tác pháp sám, hai là Quán tướng sám, ba là Quán vô sanh sám. Tác pháp sám là diệt trái không làm tội, y Tỳ-ni môn. Quán tướng sám là diệt tánh tội, đây là y định môn. Quán vô sanh sám là diệt tội vọng tưởng, đây là y tuệ môn. Lại nữa, trái không làm tội chướng là giới, tánh tội chướng là định, vọng tưởng tội chướng là tuệ.

Tác pháp sám, là như luật đã nói: Tác pháp thành tựu thì hay diệt tội trái vô tác (không làm) mà tánh tội chẳng diệt. Đại Luận nói: Như Tỳ-kheo cắt cỏ và hại mạng, hai tội đồng bài. Tác pháp sám thì hai vô tác diệt mà hại mạng không diệt vì tánh tội chưa diệt.

Quán tướng sám, là như các Kinh Phương Đẳng nói về hành pháp, thấy tướng thì tội diệt. Bồ-tát Giới nói: Nếu thấy ánh sáng và hoa các thứ tướng hảo thì tội liền diệt hết. Nếu không thấy tướng thì dầu sám cũng vô ích. Nếu thấy tướng đẹp thì vô tác và tánh, hai tội đều diệt.

Quán vô sanh sám, khi quán này thành thì hay trừ được tội căn bản vọng hoặc như nhổ rễ cây thì cành lá tự diệt. Phổ Hiền Quán nói: Tất cả biển nghiệp chướng, đều từ vọng tưởng sanh, nếu người muốn sám hối, ngồi nghiêm nghĩ thật tướng, các tội như mù sương, tuệ nhật ắt trừ hết.

Địa-để-ca, dịch là biết xấu hổ (hữu quí). Kinh Niết-bàn nói: Chư Phật Thế Tôn thường nói rằng: Có hai Bạch pháp hay cứu chúng sanh: một là tàm, hai là quý. Tàm là tự chẳng làm tội, quý là chẳng bảong khác làm. Tàm là trong tự xấu hổ, quý là phát lồ với người. Kinh Tạp A-hàm nói: Thế gian nếu có hai pháp Tàm quý thì trái vượt đạo (đường) (vượt ngược đường thanh tịnh) thanh tịnh, hướng về sanh già bênh chết. Bách Pháp Sớ nói: tàm là y sức tự pháp (của mình) tôn trọng hiền thiện làm tánh, đối trịo với Vô tàm, ngăn dứt ác làm tánh đối trị với Vô quý, ngăn dứt ác hạnh làm nghiệp. A-tỳ-đạt-ma Luận nói: Tàm là đối các lỗi ác tự xấu hổ làm thể. Quý là đối với các lỗi ác xấu hổ với người khác làm thể. Kinh Niết-bàn nói: Trí có hai: một là không tạo các ác, hai là làm rồi sám hối. Ngu cũng có hai: một là làm tội, hai là che giấu.

Ba-bà-đề-già, hoặc gọi Phạm ma, dịch là thanh tịnh. Đại Luận nói: Tuy vì tất cả chúng sanh mà tâm ấy không thanh tịnh thì không thân mình không có ngã (vô ngã), chẳng biết người lấy vô nhân vô chủ, chẳng biết thật tánh của vật thí chẳng thể nói một, chẳng thể nói khác. Đối với ba việc (là người thí, người nhận và vật thí) tâm còn đắm trước, ấy là không thanh tịnh. Bảo Tánh Luận nói: Một là tự tánh thanh tịnh nghĩa là tánh thanh tịnh giải thoát. Hai là ly cấu thanh tịnh, nghĩa là chướng hết thì giải thoát. Đại Luận nói: Rốt ráo không tức là rốt ráo thanh tịnh. Vì người sợ không, nên nói thanh tịnh.

Yết-ma (Karma), ngài Nam Sơn dẫn Minh Liễu Luận Sớ nói: Dịch là nghiệp, chỗ ra làm là nghiệp. Bách Luận gọi là sự (việc làm?). Nếu lấy nghĩa cầu mà dịch là biện sự, nghĩa là tạo tác ra pháp thì có công thành tựu. Thiên Thai Thiền Môn dịch là tác pháp tất cả yết-ma cần đủ bốn pháp: một là Pháp, hai là Sự, ba là Nhân, bốn là Giới. 1- Pháp là Yết-ma có ba thứ: Một là Tâm niệm pháp, là phát tâm niệm cảnh miệng tự truyền tình. Không phải gọi chẳng nói mà biện việc trước. Hai là Đối thủ pháp, nghĩa là đều cộng mà đối đồng bình pháp. Ba là Chúng pháp, là bốn người trở lên nắm ở Yết-ma, thông trước đơn bạch nên gọi là bạch bốn. Luật nói: Nếu làm yết-ma chẳng bằng Bạch pháp tác bạch, chẳng bằng yết-ma pháp làm yết-ma. Như thế dần dần khiến giới hủy hoại mà diệt Chánh pháp. Tùy thuận văn cú chớ khiến tăng giảm.

Tăng-kỳ nói: Không phải địa Yết-ma chẳng được làm Tăng Sự.

Bồ-tát (Upavasatha), Đại Luận nói: Tần gọi Thiện túc. Nam Sơn nói: dịch là Tịnh trụ, tức tịnh thân, khẩu, ý như (đúng) giới mà trụ. Nê-hoàn quyển sáu dịch là Trưởng dưỡng (nuôi lớn). Trưởng dưỡng có hai nghĩa: một là thanh tịnh giới trụ, hai là tăng trưởng công đức. Tạp A-hàm nói: Bồ-tát Bà-đà, nếu gọi đúng là Ưu-bổ-đà-bà. Ưu là đoạn dứt, bổ-đà-bà là tăng trưởng, tiếng gọi không đồng. Luật nói: Bồ-tát pháp một chỗ gọi là Bồ-tát Kiền-độ, tức là nói giới. Ứng Pháp sư nói: Tên này lầm gọi tắt, đáng ra gọi là Bát-la-thường-đề-xá-da-mị, dịch là Đối ngã thuyết, tức là hướng nhau mà nói tội của nhau. Xưa gọi là Tịnh trụ là dịch nghĩa. Sự Sao nói: Nếu chúng đông mà tiếng nói nhỏ quá thì chẳng nghe nói giới, nên khiến chuyển lên tòa cao đứng trên đó mà nói. Đây thì thấy mà chẳng nghe được. Lại như nhiều người nói giới, do đâu mà được thấy mặt người tác pháp. Đây thì nghe mà chẳng thấy. Thiện Kiến nói: Bồ-tát là bỏ các pháp ác bất thiện và các phiền não, có thọ nhận chứng đắc Bạch pháp, vì rốt ráo sự phạm hạnh nên gọi thế. Lại dịch là Bán nguyệt. Là nửa tháng tự xét mình từ nửa tháng trước đến nửa tháng này trong khoảng đó có phạm giới chăng? Nếu có phạm thì đồng ý sám hối. Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu phạm bảy chúng thì người bất tịnh trước phải ngừng không nói giới. Tức luật văn nói người phạm không được nghe giới, không được hướng vào người phạm mà nói. Tứ Phần nói: Nếu ngày nói giới mà không thể tụng thì phải đúng pháp Bồ-tát mà hành trù cáo bạch khiến một người thuyết pháp tụng kinh (nói giới?) dạy các người khác tụng dị giáo (dạy sót?) cũng được. Nếu toàn chẳng hiểu thì luật nói ít nhất một kệ: Các ác chớ làm, các thiện nên làm, tự tịnh ý mình là lời chư Phật dạy. Như thế làm rồi chẳng được chẳng nói. Nếu cũng chẳng hiểu thì nói hãy cẩn thận chớ buông lung rồi giải tán. Ấy đều là lời Phật dặn dò như thế. Tăng-kỳ nói: Muốn được năm sự lợi ích, phải thọ trì (giữ gìn) luật này, thế nào là năm: một là kiến lập Phật pháp, hai là khiến Chánh pháp ở lâu, ba là chẳng muốn có nghi hối thỉnh hỏi người khác, bốn là tăng ni phạm tội làm chỗ nương cậy nhờ, năm là muốn du hóa các phương mà vô ngại. Tứ Phần nói: Người trì luật được năm công đức: một là giới phẩm bền chắc, hai là thiện (khéo) thắng các oán, ba là ở trong chúng quyết đoán không sợ, bốn là có nghi hối thì liền cởi mở, năm là khéo trì Tỳ-ni. Khiến Chánh pháp ở lâu thì Kinh Ma-gia nói: Ưa thích y phục, buông lung chơi giỡn nô là Tỳ-kheo, tỳ là Tỳ-kheo ni, chẳng thích quán bất tịnh, chê bai Tỳ-ni, áo ca-sa đổi thành màu trắng chẳng chịu nhuộm màu xấu, tham dụng các vật của

Tam bảo, đó là tướng pháp diệt.

An-cư, ngài Nam Sơn nói: Hình (thân) tâm nhiếp tịnh gọi là An, yếu hẹn ở gọi là cư. Chỗ yên tịnh nghĩ khuôn phép chánh của vi đạo, lý cần ngày rảnh mà gia công, sách tấn, tâm hạnh tùy duyên mượn chỗ chí chỉ. Chuộng ích, chẳng cho tán loạn, phòng đạo làm nghiệp (chẳng theo đạo tán loạn hại nghiệp). Cho nên luật thông chế ba thời ý còn cứ đạo. Văn riêng ước tháng hạ tình ở ba lỗi: một là vô cớ mà du hành là hại nghiệp tu xuất thế, hai là làm hại vật mạng là trái lòng từ rất sâu, ba là chỗ làm đã quấy nên bị đời chê bai, do lỗi này mà giáo hưng thịnh ở đây. Song các nghĩa đều chỉ về hộ mạng, cho nên trong mùa hạ nơi nào cũng có côn trùng nên Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Trong mùa hạ trừ lúc đại tiểu tiện đều phải ngồi kiết già. Sự Sao hỏi vì sao chỉ kiết hạ trong ba tháng? Một là sanh tử có thân nên phải nhờ nuôi dưỡng, nên kiết ba tháng trước, mở sau một tháng vì muốn thành việc cúng y phục cho thân. Hai là nếu bốn tháng kiết hết thì bốn tháng mười sáu ngày (ngày 16 tháng 48) được thành nếu có sai mất thì liền không được kiết. Giáo pháp rất gấp khó dùng được chuẩn. Cho nên Như Lai thuận vật bắt đầu từ ngàu 16 đến ngày 16 tháng sau mở ra một tháng, nối kiết khiến thành. nay chỉ ở mùa hạ cũng có ba thời: một là 16 tháng 4 là tiền An cư, ngày 17 trở đi đến ngày 15 tháng 5 gọi là trung an cư, ngày 16 tháng 5 gọi là hậu An cư. Cho nên trong luật có ba thứ An cư tức tiền - trung - hậu vậy. Chỗ ở phải không có năm lỗi: một là quá xa xóm làng, có việc cần dùng thì khó được, hai là quá gần chợ búa hại nghiệp tu đạo, ba là nơi có nhiều ruồi muỗi chích cắn người, hoặc giậm đạp khiến chết, bốn là không có người nương tựa. Người ấy phải đủ năm đức tức cầu nghe khiến nghe, nghe rồi khiến thanh tịnh hay vì mình quyết nghi, hay khiến thông suốt, trừ tà kiến được Chánh kiến, năm là chỗ không có thí chủ thí cho ăn uống thuốc men. Không có năm lỗi này thì có thể an cư. Sao nói: Phàm ngày thọ nhận điều cần là Tam bảo dạy người sanh thiện diệt ác, nếu cho vì lợi Tam bảo mà làm việc phi pháp phá giới có nạn tuy thọ cũng chẳng thành. Ngũ Bách Vấn nói: Thọ làm bảy ngày, nếu chẳng đủ bảy ngày mà trở về chỗ cũ, sau lại làm thí chẳng cần thọ lại. Đủ bảy ngày rồi thì phải thọ lại. Sao nói: Dẫu khiến việc trước chỉ ngưng một ngày đều phải theo pháp bảy ngày. Luật nói chẳng họp trong ngày trở về thì cho thọ bảy ngày đi. Cuối hạ một ngày ở cũng làm phép bảy ngày. Đối đầu thọ pháp phải đủ nghi đối với Tỳ-kheo mà nói rằng: Đại đức một lòng nghĩm con Tỳ-kheo tên là... nay thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới để làm việc... sẽ trở lại đây mà trung An cư (nói ba lần)

nếu việc trong nửa tháng hay một tháng thì phải yết-ma. Nếu ngày thọ hay nhiều đồng duyên thọ thì hai, ba người phải một lúc yết-ma, Tây Vức Ký gọi là nước Đổ-hóa-la. Xưa lầm gọi là nước Thổ-hỏa-la, Đông có Thông lãnh, Tây giáp với Ba-lạ-tư, Nam có đại Tuyết sơn, Bắc tiếp Thiết môn, khí hậu nóng lên tật dịch rất nhiều, cuối đông đầu xuân, mưa sương nối nhau mà chư tăng lấy ngày 16 tháng 12 vào An cư, đến ngày 10 tháng 3 thì giải An cư. Đây là do có nhiều mưa mà lập giáo tùy lúc vậy. Lại nói tăng chúng Ấn Độ y theo giáo Phật ngồi mưa mà an cư hoặc trước ba tháng hoặc sau ba tháng. Trước ba tháng thì phải từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 8. Sau ba tháng thì từ 16 tháng 6 đến 15 tháng 9. Đời trước người dịch kinh luận gọi là Tọa hạ hoặc gọi Tọa lạp. Đây đều theo thói tục nước ngoài chưa thông đến Trung Quốc hoặc theo tiếng địa phương thổ ngữ chưa khắp mà truyền dịch có nhầm lẫn. Lại nói tăng đồ Ấn Độ y theo thánh giáo đều lấy tháng Thất-la-phạt-noa trước nửa ngày mà vào Vũ an cư, tức ngang với ngày 16 tháng 5. lấy tháng Át-thấp-phược-dữu-xà nửa ngày 15 sau mà giải Vũ an cư, tức ngang với ngày 15 tháng 8 vậy. Tên tháng ở Ấn Độ theo tên sao mà lập, xưa nay không đổi, các bộ không sai, bởi vì phương ngôn chưa thông nên truyền dịch có nhầm, phân chia ngày tháng đến nỗi trái khác nhau, bèn lấy ngày 16 tháng 4 mà vào an cư và ngày 15 tháng 7 mà giải an cư vậy.

Bát-lạt-bà-lạt-noa (Pravarana), Âm Nghĩa Chỉ Quy nói: Dịch là tùy ý. Ký Quy Truyện nói: Phàm lúc cuối hạ hết năm, ngày này phải gọi là tùy ý tức là tùy người khác ở ba việc, mặc tình nói tội để trừ lỗi. Xưa gọi là tự tứ là dịch nghĩa. Song nói tự tứ thì có cả thiện ác, nay chỉ nói về thiện. Cho nên Sự Sao nói: Chín tuần tu đạo tinh luyện thân tâm, người nhiều mê mình chẳng tự thấy lỗi của mình, mặc tình tăng nói lỗi trong tự nêu bày không giấu giếm, ngoài nêu các lỗi lầm tì vết về thân khẩu nhờ người khác nói. Nên gọi là tự tứ. Ma-đắc-đặc-già Luận hỏi: Vì sao khiến phải tự tứ, vì khiến các Tỳ-kheo chẳng cô độc, cho nên đều phải nhớ tội mà phát lồ hối lỗi. Dùng lời đắng để điều phục cho được thanh tịnh, tự ý vui mừng là không tội. Do đó bày ra ở cuối hạ. Còn ở đầu hạ thì lập cam kết chín mươi ngày tu tập đạo xuất ly, nếu trái nghịch mà nêu lỗi và gây oán hận, do đó mà bỏ đạo loạn nghiệp, cho nên chế lập ở cuối hạ để ba tháng cùng khuyên gắng nhau tu tiến đạo nghiệp. Khi mãn hạ rồi thì mỗi người một phương, ắt ác nghiệp chẳng thể riêng nói mà chướng đạo càng sâu. Nghĩa không che giấu nên phải thỉnh hối là do đó. Cho nên luật dạy cuối an cư phải tự tứ. Đay là nói người khác mặc tình nói tội, không phải tự tứ là xấu ác. trước nói thời

tiết về tháng nhuận, trong Ma-đắc-già nói: Mãn chín mươi ngày thì tự tứ, nếu nhuận tháng 7 phải lấy tháng 7 trước mà tự tứ. Không phải hạ an cư trước thì qua tháng nhuận đủ chín mươi ngày mới tự tứ. Nếu tu đạo an lạc đợi ngày tự tứ được đến 15 tháng 8, song trong luật chỉ nói tự tứ vào ngày 14, 15, và khi cấp thí y thì thứ lớp tăng lên ngày 16, tăng trong ba ngày tự tứ. Tứ Phần nói: An cư xong rồi tự tứ thì lấy ngày 16 tháng 7 làm định. Luật lại nói: Ngày 14 tăng tự tứ, ngày 15 ni tự tứ. Đây gọi là nương nhau hỏi tội, cho nên chế ra khác ngày. Luận về Tác pháp thì ba ngày là thông dụng, nhất định là vào ngày 16. nếu có hỏi thì như trong Ngũ Bá Vấn nói: Một tháng tự tứ (tự tứ trong một tháng?).

Sự Sao hỏi: Ngày 15 tự tứ rồi được ra khỏi giới không?

Đáp: Chẳng được phá hạ lìa y do phần đêm chưa hết.

Hỏi: Giới an cư ở đây mà tự tứ ở chỗ khác được không?

Đáp: Tăng-kỳ nói không có tội.

Lại An Cư Thiên nói: Ngày 16 tháng 4 kiết đến hết nửa đêm ngày 15 tháng 7 thì gọi là hạ xong, đến sáng ra. Lại Tứ Phần nói: Nếu người hậu An cư mà theo người tiền An cư tự tứ thì phải đợi đủ ngày.

Sự Sao hỏi: Tự tứ xong được nói giới chăng?

Đáp: Minh Liễu Luận nói: Trước nói giới sau mới tự tứ. Tứ Phần nói: Tự tứ tức là nói giới.

Hỏi: Tự tứ có được ở trước người chưa thọ cụ giới mà làm chăng?

Đáp: Trong luật khiến đến chẳng thấy chỗ chẳng nghe làm yết-ma tự tứ. Nếu chẳng chịu thì tránh đi. Tăng tự đến chẳng thấy nghe chỗ làm.

Hỏi: An cư rồi phải lìa chỗ cũ chăng?

Đáp: An cư rồi không đi thì phạm tội. Tỳ-ni Mẫu nói: Tỳ-kheo an cư rồi phải dời chỗ khác. Nếu không duyên mà ra giới một đêm lại trở về thì không phạm. Đại Tập Kinh nói: Ta diệt độ rồi Tỳ-kheo không giới đầy khắp Diêm-phù-đề. Người dự bị xuất gia phải rất cảnh giác. Chích Hoa Sao nói: Các kinh luật lấy ngày 16 tháng 7 xem là năm mới sanh của năm phần pháp thân của Tỳ-kheo thì ngày 15 tháng 7 là lạp trừ (đêm trừ tịch, cuối năm) Tỳ-kheo xuất tục nên không kể năm tục, chỉ đến số hạ lạp mà thôi. Tăng Huy nói: Lạp là tiếp, nghĩa là mới cũ giao tiếp nhau.

Bái-nặc, hoặc Phạm bối, dịch là chỉ, nếu theo luật văn thì Bái-nặc là như pháp. Xuất Yếu Luật Nghi nói: Dịch là như đây, tiếng nước Uất-bệ(tỳ), dịch là đoạn chỉ (ngăn dứt). Lại gọi là chỉ tức, là do ngoại duyên đã dứt đã đoạn, bây giờ vắng lặng, mặc tình làm Pháp sư. Hoặc

gọi Bà-thiệp là sai, tiếng Phạm là Bà-sư, dịch là tán thán (khen ngợi) là tiếng Phạm thiên. Thiện Kiến nói: Cho ông là bái, bái là từ (lời nói). Pháp Uyển nói: Tìm Tây phương có bái, cũng như tán ở Đông quốc. Tán (khen) là từ văn kết thành chương, bái là kệ ngắn làm tụng, so nghĩa và việc thì tên khác mà việc đồng. Bà-sa-ức-nhĩ lấy tiếng ba khế tụng mà giải pháp. Phật khen lành thay! Chân Lầm Tề Tăng Luận hay làm phạm khế v.rõ ràng Âm Nghĩa nói: Chữ khế như nói một tiết, một khoa vậy. Hoằng Minh Tập Tụng Kinh ba khế. Đạo An Pháp sư tập khế Phạm âm. Phật Đạo Luận Hành nói: Trần Tư Vương ấu hàm (tuổi nhỏ được hàm khuê chương), 10 tuổi làm văn, mỗi khi đọc văn kinh thì khóc lóc khen hay, xem là cực tông của chí đạo. Bèn làm tụng bảy tiếng đọc lên ngân nga cao thấp. Đời có Phúng tụng là Hàm Hiến Chương từng dạo Ngư sơn bỗng nghe trên không trung có tiếng Phạm thiên, thanh dương ai uyển tiếng ấy động tâm nghe rất lâu mà kẻ hầu không nghe thấy gì bèn cảm thần lý, Di Ngộ Pháp Ứng bèn mộ tiếng tiết mà soạn văn Phạm bối.

Bà-xà-ni-ta-bà-lâm, dịch là thinh âm. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Âm là tiếng thuyên lý gọi là âm. Phật lên tiếng, phàm có chỗ nói bàn thì lời lẽ thanh nhã, người nghe không chán, nghe không biết đủ, haylàm tất cả, làm nhân duyên cho vui cứu khổ, không gì bằng lợi ích nghe tiếng tức là dùng từ mà tu miệng. Cho nên có tám âm: một là âm rất hay, hai là âm dịu dàng, ba là âm hòa thích, bốn là âm tôn tuệ, năm là âm chẳng người nữ, sáu là âm không sai lầm, bảy là âm sâu xa, tám là âm chẳng hết. Lăng-nghiêm nói: Chân giáo thể phương này thanh tịnh ở âm thanh, muốn lấy Tam-ma-đề, thật lấy nghe mà vào. Đại Luận nói: Bồ-tát có hằng hà sa số âm thanh, âm thanh Phật cũng vô số. Như Kinh Mật Tích nói: Mục-liên thử tiếng nói Phật, ở cực cùng phương Tây cũng nghe tiếng Phật như ở trước mặt.

Hỏi: Nếu thế Phật thường ở tại cõi nước xóm làng thuyết pháp giáo hóa mà người trong cõi Diêm-phù-đề không đến bên Phật thì chẳng được nghe, làm sao biết có nhiều người từ phương xa đến muốn nghe thuyết pháp?

Đáp: Âm thanh Phật có hai thứ: một là âm thanh mật khẩu, hai là âm thanh chẳng mật khẩu. Mật khẩu âm thanh như trước đã nói, âm thanh chẳng mật khẩu phải đến bên Phật mới nghe. Cũng có hai thứ đệ tử: một là thánh nhân xuất thế, hai là thế gian phàm phu. Thánh nhân xuất thế như Mục-kiền-liên v.v... hay nghe âm thanh vi mật còn người phàm phu phải đến gần mới nghe. Đại Luận nói: Âm thanh Phật, Bồ-tát

có ba thứ: một là đời trước có trồng nhiều thiện âm thanh nhân duyên (nhân duyên tiếng tốt) nên trong cổ họng được bốn đại vi diệu hay phát ra các thứ tiếng hay xa gần (vang xa) một dặm, hai dặm, ba dặm, mười dặm, trăm ngàn dặm cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới tiếng đều đầy khắp; hai là sức thần thông cổ họng bốn đại ra tiếng thì cùng khắp đến ba ngàn Đại thiên thế giới và Hằng hà sa thế giới mười phương; ba là âm thanh (tiếng) Phật luôn cùng khắp hư không mười phương.

Hỏi: Nếu âm thanh thường hay cùng khắp mà sao chúng sanh ngày nay chẳng được nghe?

Đáp: Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, bị các ác nghiệp đã làm che bít nên không nghe. Ví như sấm sét ồn ào mà người điếc không nghe, mà tiếng sấm không giảm. Phật cũng như thế thường vì chúng sanh nói pháp, rồng làm tiếng sấm vang xa, chúng sanh vì tội nên tự không nghe.

Tiếng có tám chuyển: một là thể, hai là nghiệp, ba là cụ, bốn là vi, năm là tùng, sáu là thuộc, bảy là ư, tám là hô. Bảy chuyển thường dùng, tiếng hô ít dùng, cho nên chỉ nói bảy thứ. Theo phép nước Tây Vức muốn tìm đọc sách vở trong ngoài (nội ngoại) cần phải hiểu tiếng và luận tám chuyển, mới biết văn nghĩa rõ ràng. Một là Bộ-sa, đây là tiếng chỉ thẳng, như người chặt cây chỉ nói người ấy tức kim thể thinh. Hai là Bộ lô-sam, là tiếng tác nghiệp (làm nghề?), như nghề chặt cây. Ba là Bộ lô-tư-noa, là tiếng hay làm đồ, như do búa chặt thì gọi là đồ chặt cây. Bốn là Bộ lô-sa-da, là tiếng chỉ người làm như làm người chặt cây. Năm là Bộ lô-sa-đỏa, là tiếng từ, như người tạo nhà thì gọi là từ, tức là nhân. Sáu là Bộ lô-sát-ta, là tiếng thuộcvề, như nô tỳ thuộc chủ. Bảy là Bộ lô-giới, là tiếng ở, như khách nương chủ, tức là ở, nương. Tám là Khế bộ lô-sa, là tiếng gọi mời, nên gọi là hô. Lại trong các chú, hai chữ họp làm một tiếng thì gọi là nhị hợp, như nói ta-tha và đát-đa v.v... Hoặc dùng ba chữ liền nhau họp làm một chữ, đọc nhanh lên thì gọi là tam hợp, như độc-lỗ-am và câu-lô-xá v.v... Hán Thư nói: Tiếng là cung thương giốc trũng vũ. Câu Ẩn Đồ nói: Tiếng thuộc dương, luật, thuộc âm. Dương Tử nói: Tiếng sanh bởi mặt trời, luật sanh bởi ngôi sao.

Bát-để-bà (Sarasvatì?), dịch là biện tài, tức tài biện thuyết xoay vần không trệ nên biện biệt giỏi, quyết liễu rõ ràng. Phụ Hành nói: Biện có bốn thứ là nghĩa, pháp, từ và lạc thuyết. 1- Nghĩa, tức là hiển bày rõ nghĩa các pháp. 2- Pháp, tức là nói tên các pháp. 3- Từ, tức là lời lẽ bàn về các pháp. Tuy có ba thứ này nhưng cần phải ưa nói (lạc thuyết) thật hay về ba thứ trước. Đại Phẩm nói: Từ chỗ chư Phật nghe

nhận giáo pháp đến Tát-bà-nhã từ đầu không dứt. Khi chưa lìa Tam-muội sẽ được. Tiệp tật biện, lợi biện, bất tận biện, bất khả đoạn biện, tùy ứng biện, nghĩa biện, nhất thiết thế gian tối thượng biện...

Trí Luận nói: Đối với tất cả pháp vô ngại nên được Tiệp tật biện (nhanh chóng). Có người tuy nhanh chóng songvì độn căn nên không thể vào sâu, vì hay vào sâu nên được lợi biện (trôi chảy). Nói các pháp thật tướng vô biên vô tận nên gọi là Lạc thuyết vô tận. Trong Bát-nhã không có các hý luận (bàn chơi), cho nên không thể vấn nạn dứt hết, nên gọi là biện bất khả đoạn (biện chẳng thể dứt). Vì đoạn pháp ái nên tùy chúng sanh cần mà vì họ nói pháp nên gọi là tùy ứng biện. Nói việc lợi ích đến Niết-bàn nên gọi là nghĩa biện. Nói việc tất cả bậc nhất ở thế gian, tức là Đại thừa nên gọi là thế gian tối thượng biện.

Lương Tăng Truyện nói: Việc quý của nói dắt có bốn: một là tiếng, chẳng có tiếng thì không thể nhắc nhỏ chúng, hai là biện, nếu không có biện thì không thích thời, ba là tài, nếu không có tài lời không thể biện, bốn là bác, nếu không có bác (biết rộng) thò lời không có y cứ. Sự Sao nói: Xưa nói bác học (học rộng) là cứu nghèo. Hội Chánh Ký nói: Lời nói cũ xưa. Tăng Truyện nói: Học chẳng chán rộng, rộng thì thông. Khổng Tử nói: Quân tử bác học ở văn, lấy lễ mà ước cũng có thể không bờ bến. Nếu sống mà nghèo thì ở (tối với) học là Nho phu, nếu ở chết mà giàu thì ở (đối với) đạo là quân tử. Thế nên biết bác học là cứu nghèo của kiến thức. Tư Ích nói: Đối với chúng sanh bị đọa lạc nơi tà đạo thì sanh tâm đại bi (thương xót) khiến vào chánh đạo, không cầu trả ơn, nên gọi là Đạo sư.

Bàn-na-mi (Vaưdana), gọi là Thanh luận hoặc Bàn-đàm, gọi là Hòa nam đều dịch là Ngã lễ. Hoặc gọi Na-mô-tất-yết-la, dịch là lễ bái. Nay nói lễ và bái tuy tên có thông, nhưng cục có dài ngắn. Kinh nói lễ là lý, tức tới lui có mức độ, lớn nhỏ có phần, nên gọi là lễ. Lễ Ký nói: Lễ cũng là thể. Thể không đủ thì quân tử nói chẳng thành người. Nên Khổng Tử nói: Chẳng phải lễ chớ nhìn, chẳng phải lễ chớ nghe, chẳng phải lễ chớ nói, chẳng phải lễ chớ động. Thế thì phàm chỗ ra làm đều phải họp lễ. Đây là nêu tên lễ gọi thông. Bạch Hổ Thông nói: Người bái nhau là sao, do đó mà bày tình thấy ý các khuất tiết về tôn ti của lễ sự. Bái tức là Phục. Cho nên Chu Lễ nói chín bái. Đây là nêu tên Bái gọi Cục. Nêu y vào Thích thị như Nam Sơn nói: Bốn oai nghi nếu không pháp nhuận bèn gọi là khô cao chúng sanh. Cho nên ngài Thiên Thai nói: Bốn pháp Tam-muội, thì biết bốn nghi pháp gọi là Lễ, thân nghiệp cung kính gọi là Bái. Đây cũng là lễ thông bái cục vậy (lễ là chung,

bái là hạn cục). Nay dịch lễ là bái. Nên Đại Luận nói: Lễ có ba: một là khẩu lễ (miệng lễ), hai là quỳ gối mà đầu không đụng đất, ba là đầu đụng đất. Đó là thượng lễ.

Một là Khẩu lễ, là như chấp tay hỏi thăm nhau. Quán Âm Nghĩa Sơ nói: Phương này lấy vòng tay là cung kính, ngoại quốc lấy chấp tay là cung kính. Tay vốn ở bên nay họp làm một là biểu thị chẳng tán đản (tán loạn) mà chuyên về một lòng. Tăng-kỳ Luật nói: Lễ bái chẳng được như dê câm, phải hỏi thăm nhau. Nhĩ Nhã nói: Tấn là nói. Địa Trì Luận nói: Phải an ủi, vui vẻ khi nói, nhìn ngang, hòa sắc chánh niệm trước khi hỏi thăm. Thiện Kiến Luận nói: Tỳ-kheo đến chỗ Phật thăm hỏi rằng có ít bệnh ít não, có an lạc chăng.

Hai là quỳ gối, tức là quỳ xuống. Âm Nghĩa Chỉ Quy nói: Chẳng họp gọi là hồ qui. Bởi Phạm thế là giống còn sót lại (để giống lại?) ở Ngũ Trúc, ở phía Bắc Thông lãnh có các giống rợ Nhung Khương Hồ. Nay kinh luật đã dịch là Hổ quỳ lấy ba chỗ kiêu tủng (còn cao) nên gọi là Hổ quỳ, tức là gối hữu đụng đất. Niết-bàn Sớ nói ba nghĩa: một là gối hữu có sức quỳ yên lâu, hai là gối hữu có sức đứng dậy nhanh, ba là gối hữu cử động hay đụng đất khiến an. Nếu hai gối đều chạm đất thì gọi là Trường quỳ. Tỳ-nại-da nói: Ni nữ thể yếu, hổ quỳ ắt ngã nên Phật cho trường quỳ (quỳ mọp hai gối).

Ba là đầu chạm đất, tức năm vóc sát đất. Nên Đại Luận nói: Thân người đầu là cao nhất, chân là thấp nhất, lấy đầu mà lạy dưới chân là cung kính hết mức. Phụ Hành nói: Theo Địa Trì, A-hàm thì đều nói hai gối, hai cùi chỏ và đầu chạm đất gọi là năm thể đầu địa, cũng gọi là năm luận, vì năm chỗ tròn vậy. Lại Lặc-na Tam Tạng nói: Có bảy thứ lễ: một là ngã mạn lễ, nghĩa là ỷ chức tước không có tâm cungkính, hai là xướng họa lễ, là lớn tiếng ồn ào lời câu lộn xộn, ba là cung kính lễ, tức năm luân chạm đất, hai nâng chân ân cần, bốn là vô tướng lễ, là thân nhập pháp tánh lìa tướng năng sở (không quán), năm là khởi dung lễ, tuy không năng sở khắp vận thân tâm như ảnh biến khắp lễ chẳng thể lễ (giả quán), sáu là nội quán lễ, làchỉ lễ pháp thân chân Phật trong thân chẳng hướng bên ngoài mà cầu (trung quán), bảy là thật tướng lễ, là hoặc trong hoặc ngoài đồng một thật tướng (ba đế một cảnh). Tây Vức Ký nói: Pháp Chí Kính thì nghi có chín: một là phát lời thăm hỏi, hai là cúi đầu bày kính, ba là giơ cao tay vái chào, bốn là chấp tay vòng hầu, năm là gập gối, sáu là trường quỳ (quỳ mọp hai gối) (sáu và bảy giống y nhau?), bảy là gối đụng đất, tám là năm luân đều co gập, chín là cả năm thể đều chạm đất. Phàm chín thứ lễ này duy nhất chỉ một bái

quỳ mà khen đức, gọi là tận kỉnh. Kinh Xá-lợi-phất hỏi nói: Phật bảo: Khi cúng dường phải bày vai mà tiện làm việc. Bậc phước điền thì phải che kín hai vai để bày tướng phước. Bất Bái Vương Luận nói: Có Tín sĩ năm giới thấy, thần chẳng lễ. Vua hỏi: Sao chẳng lễ (lạy)? Đáp: Sợ thần tổn phước. Vua bảo: Cứ lễ đi. Tín sĩ bèn lễ thì tượng thần vỡ tan. Lại vua Ca-ni-sắc-ca thọ năm giới của Phật vào lễ miếu thần thì tượng thần đổ sụp. Sau người giữ miếu làm tượng Phật để trên mão của thần, vua lễ thì không sao, lấy làm lạ hỏi, thì đáp trong mão thần có hình tượng Phật. vua rất mừng, biết Phật là hơn hết mà khoan thứ. Lại Cảm Thông Lục nói: Đường Thục Xuyên có Thích Bảo Quỳnh xuất gia ăn chay đọc tụng Đại Phẩm. Bổn ấp có liên tỷ thập phương (so sánh các thứ) đều thuộc họ gạo nên không đem cúng Phật, Sa-môn không vào làng ấy, cho nên các bà cô không biết chúng ấy (là đông?), Quỳnh nghĩ cách cứu giúp, đợi khi hội chúng bèn đến ngồi mà không lễ, chúng đạo đều nói không lạy Thiên Tôn không phải là Sa-môn. Quỳnh nói: Tà chánh khác đường chỗ thờ đều khác, trời còn lễ ta sao ta được lễ lão quân. Chúng bàn tán phân vân, Quỳnh nói: Nếu ta lễ xuống ắt tặng nhục, rồi lễ một lạy thì tòa ngồi các tượng đều lay động không yên, lễ một lạy nữa thì rơi ngổn ngang xuống đất. Bèn họp chúng lễ Quỳnh mà đồng tin tưởng. Kinh Phạm Võng nói: Phép người xuất gia chẳng phải lạy vua, chẳng lạy cha mẹ, sáu thân chẳng kính, quỷ thần chẳng lễ. Tây Vức Ký nói: Xưa có Đức Quang luận sư tiếp lên gặp Từ Thị, thì bảo Ngài ấy không mang hình thức xuất gia nên chỉ vái dài mà không lễ. Hỏi vì sao không khinh Tỳ-kheo mà khắp lễ bốn chúng, ngài Kinh Khê giải thích rằng: Bồ-tát hóa duyên không theo một phép chỉ lợi là làm, cho nên bày nghi này. Chúng sanh thấy lý cùng quả lý bằng nhau cho nên lễ chúng sanh hay lễ Phật thì nguồn gốc chẳng khác vì muốn khiến mến mộ quả nguyện, quả nguyện là sao? Chúng ta chỉ là lý họ chuộng nên lễ huống đã chứng quả lý mà không tôn cao ư? Lại nói: Các ông đều làm đạo Bồ-tát ắt sẽ được làm Phật, há không phải là kích ngã (kích thích ta) khiến tu viên nhân. Đây là ước hiện tại mà thuận thọ. Hỏi: Trong ôm giải (hiểu) chẳng khinh ngoài kính cảnh chẳng khinh (ngài Bất Khinh?) sao bỏ chân tánh phi cầm mà xao nhãng (chạy theo?) gốc nguồn tẩu thứ? Đáp: Người biết nghĩa mới có thể kích phát dị loại (cầm thú) mà biết uổng nhọc khuyên tin, ý chỉ chẳng lễ là ở đó ư? Chẳng khinh (ngài Bất Khinh?) lễ tục, kính cẩn nghe lệnh. Vì sao trong Phương Trượng Tăng Lễ Duy-ma, cho nên kinh ấy nói: Duy-ma cư sĩ tự vào Tam-muội khiến Tỳ-kheo này tựb túc mạng đã phát tâm Bồ-đề, do đó các Tỳ-kheo này cúi đầu kính lạy dưới

chân Duy-ma-cật. Thiên Thai hỏi: Xuất gia sao còn lễ tục? Đáp: Ân sâu khiến vào đạo nát thân cũng khó đáp đền, các Tỳ-kheo này mới làm đại đạo há giữ tiểu nghi. Lại Kinh Niết-bàn nói: Có người biết pháp hoặc già hoặc trẻ nên phải cung kính cúng dường lễ bái. Nhập Đại thừa Luận nói: Mặc pháp phục Bồ-tát phương tiện tùy thuận được lễ kẻ bạch y kính trọng như Phật, đó là pháp chẳng phải một loạt. Sao không thể ở người có ích thì lễ, phải quên thân mình mà phụng pháp có tổn liền thôi, chẳng phải nghịch mang để lợi vua là gì? Hách liên bột bột cứ (bàn cơ) có người ở Hạ châu hung bạo không chán giết người làm vui, vẽ tượng mang vào mình bắt tăng phải lạy, bèn bị trời sét đánh chết. Đây chủ bạo ngược không phải là vua thánh minh chẳng tuân lời Phật dặn dò nên trái lời ký thác. Đâu biết ngàn Thánh lập pháp muôn xưa đồng phong, sao lấy lễ triều đình mà trách người tu hành. Chỉ sợ người sau chưa biết nên nhu hào mà chép bày.

Nam-mô (Namas), hoặc na-mô hay nam-ma, dịch là quy mạng. Yếu Luật Nghi dịch là cung kỉnh. Luật Thiện Kiến dịch là quy mạng giác, hoặc dịch tin theo. Pháp Hoa Sớ nói: Nam-mô có nghĩa là Đại hữu, hoặc nói độ ngã. Có thể là nói chúng sanh, nếu Phật đáp chư Phật mà nói là độ ngã thì bất tiện. Kinh Năm Giới gọi là Kỉnh bố. Kỉnh bố có thể chánh nói Phật, hiểm nạn sanh tử thật đáng kinh sợ. Đại Phẩm nói: Phật bảo nếu có một người niệm nam-mô Phật cho đến hết khổ thì phước bất tận. Trí Luận hỏi rừng: Vì sao chỉ không mà xưng tên (gọi Phật khống chẳng có tên gì?) mà được hết khổ và phước bất tận? Đáp rằng: Người ấy từng nghe công đức Phật độ được các khổ lão, bệnh, tử, hoặc nhiều hoặc ít cúng dường và xưng danh hiệu thì được vô lượng phước. Hoa Nghiêm nói: Thà chịu khổ địa ngục mà được nghe tên chư Phật, chẳng chịu hưởng vô lượng vui mà không được nghe tên Phật. Do đó từ xưa vô số kiếp mãi bị trôi giạt trong sanh tử vì không nghe tên Phật Đại Phẩm nói: Khi ta được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề thì chúng sanh trong mười phương qua hằng sa thế giới ai nghe tên ta ắt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Trí luận hỏi: Có người sanh trong Phật pháp khi Phật còn tại thế hoặc bị đọa địa ngục như Đề-bà-đạt-đa, Cu-ca-lê, Ha-đa-thích-tử (quở trách nhiều thức thử) v.v... ba thứ thiện pháp che tâm mà đọa địa ngục. Trong đây vì sao lại nói chúng sanh trong hằng sa thế giới chỉ nghe tên Phật thì liền được Đạo? Đáp rằng: Có chúng sanh phước đức thuần thục, các kiết sử ở tâm rất mỏng nên sẽ được đạo. Nếu nghe tên Phật liền trì thì được Đạo. Lại nữa, vì oai lực của Phật nên nghe tên thì liền được độ. Ví như mụt ghẻ chín mùi mà không trị khi gặp

nhân nhỏ thì liền vỡ ra. Như quả chín nếu không người hái, gặp gió nhẹ thì liền rụng, như vải lụa trắng tinh dễ nhuộm màu.

Di-la (Maitri), dịch là Từ. Tịnh Giác nói: Từ gọi là Ái niệm. Quan Âm Huyền Nghĩa nói: Vì quán tánh Đức Thiện ưa thích vui mừng liền khởi tâm đại bi mà muốn cho vui. Đại kinh nói: Từ có ba thứ: Một là duyên với chúng sanh, là quán tất cả chúng sanh như cha mẹ thân thích; hai là Duyên với Pháp là thấy tất cả pháp đều từ duyên sanh; ba là Vô duyên, là chẳng trụ vào pháp tướng và chúng sanh tướng. Trí Luận nói: Có ba thứ Từ: Một là sanh duyên Từ là chúng sanh trong mười phương năm đạo lấy một tâm từ mà nhìn như cha mẹ anh chị em con cháu tri thức, thường cầu việc tốt muốn khiến họ được lợi ích an lạc. Tâm như thế biến khắp trong chúng sanh ở mười phương. Từ như thế gọi là chúng sanh duyên, phần nhiều là chỗ làm của người phàm phu hay người học chưa được lậu tận; hai là Hành pháp duyên, các La-hán lậu tận và Bích-chi Phật là các Thánh nhân đã phá ngã tướng, diệt tướng một và khác, cho nên chỉ quán theo nhân duyên nối tiếp sanh các dục tâm, thương xót (từ niệm) chúng sanh từ nhân duyên hòa hợp tiếp nối sanh ra chỉ không năm chúng tức là chúng sanh nghĩ là năm chúng vì từ niệm (thương xót) chúng sanh không biết là pháp không mà luôn một lòng muốn được vui. Thánh nhân thương xót khiến tùy ý được vui, là pháp thế tục nên gọi là Pháp Duyên; ba là Vô duyên, Từ ấy chỉ chư Phật mới có, vì sao, vì tâm chư Phật không trụ vào tánh Hữu vi vô vi, không nương cậy vào đời quá khứ vị lai hiện tại. Biết các duyên là chẳng thật, điên đảo hư vọng (dối trá) cho nên tâm không duyên đến Phật vì chúng sanh chẳng biết các pháp thật tướng mà qua lại năm đạo, tâm mê đắm các pháp, phân biệt lấy bỏ, đem các pháp thật tướng trí tuệ ấy khiến chúng sanh được nên gọi là Vô duyên.

Ca-lâu-na (Karunà), dịch là Bi. Tịnh Giác Ký nói: Bi là mẫn thương (thương xót). Quan Âm Huyền Ký nói: Vì quán tánh đức ác độc mà trắc ẩn thương xót khởi tâm đại bi muốn cứu khổ ấy. Bi ấy cũng có ba thứ, có tên đồng với ba từ đã nói. Quan Âm Huyền Ký nói: Nếu nói cho tiện thì trước từ sau bi, cũng là bổn hoài (chỗ mong muốn) của Bồ-tát muốn đem đại từ mà ban vui. Đã chẳng được vui bèn lấy đại bi mà cứu khổ. Cho nên trước từ sau bi. Nếu theo thứ tự thì trước phải dùng đại bi mà cứu khổ rồi sau mới đem đại từ mà ban vui. Nói về hành giả thì trước phải thoát khổ rồi sau mới mong vui. Cho nên trước phải bi rồi sau mới từ.

A-đàn (Anàtman) hoặc gọi A-nại-ma, dịch là vô ngã. Thuyết Văn

nói: Ngã là gọi thân mình. Hoa Nghiêm nói: Phàm phu không có trí chấp trước ở ngã. Trí luận nói có hai thứ: Một là Tà ngã, hai là Mạn ngã.

1/ Tà ngã là như Phụ Hành nói: Kẻ chư được thiền nếu khởi tập xưa chỗ có phiền não và nhân hiện ấm, mà khởi ngã kiến. Nhưng vẫn thuộc độn sử, sơ quả chỗ đoạn. Đây suy lý kiến (mà thấy) và phát được kiến (thấy) đều gọi là Tà ngã.

2/ Mạn ngã, như Chỉ Quán nói: Như các loài máy động thật chẳng suy lý mà tự nổi giận phùng mang trợn mắt tự đại, xem mọi người là kém cỏi thì đâu từng chấp kiến, đi đứng ngồi nằm luôn khởi tâm ngã. Đây là Mạn ngã.

Trong kinh Đại Bảo Tích Phật bảo Ca-diếp rằng: Ví như bịnh nghẹt họng có thể chết. Như thế Ca-diếp, trong tất cả kiến chỉ có ngã kiến tức thời làm chết mạng trí tuệ. Kinh Địa Trì nói: Thọ sanh ở thế gian, đều do đắm trước ngã, nếu lìa đắm trước ngã thì thế gian không có chỗ thọ sanh thân. Vô Trước Luận nói: Lấy tự thể tiếp nối làm ngã tưởng, lấy ngã sở làm chúng sanh trưởng, gọi ngã cho đến thọ trụ làm mạng tưởng, xoay vần đến các thú khác làm Nhân tưởng. Đại Luận nói: Ngã là ấm giới nhập kể là ngã, ngã sở, hoặc tức hoặc lìa. Nhân nghĩa là trong ấm giới nhập gọi ngã là hành nhân. Chúng sanh là trong ấm giới nhập hòa hợp kể có ngã sanh. Thọ là ở trong ấm giới nhập kể một kỳ báo hoặc dài hoặc ngắn. Phụ Hành nói: Ngã là tính kể bên trong, nhân là tính kể bên ngoài, chúng sanh là lấy nối trước làm nghĩa. Thọ là lấy thú sau làm năng. Phàm phu đã chấp ngã đảo, Phật vì Nhị thừa nói pháp vô ngã, cho nên Trí Luận gọi là Danh tự ngã. Như Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Tâm mình hiện ra, thân và khí thế gian đều do tạng tâm hiện ra, sát-na tiến nối biến hoại không dừng như dòng nước chảy, như hạt giống, như sáng đèn (lửa), như gió nhanh, như mây nổi, máy động không yên như khỉ vượn ưa chỗ bất tịnh như ruồi lằng chẳng biết chán như lửa dữ dối trá từ vô thủy, tập khí làm nhân trong các thú, trôi giạt mãi không dừng như trục quay kéo nước giếng. Các thứ thân sắc oai nghi (cử chỉ) tới lui ví như thây chết nhờ chú thuật mà biết đi, cũng như người gỗ (con rối) kéo dây mà cử động. Nếu hay ở đây mà biết rõ các tướng thì gọi là Người trí vô ngã. Đại Luận nói: Chỉ ở năm chúng lấy tướng kể có tướng người (nhân) mà sanh ngã tâm vì ngã tâm nên sanh ngã sở, vì tâm ngã sở sanh nên có lợi ích của ta (ngã) mà sanh tham dục cái nào trái nghịch ta thì sanh giận hờn. Kiết sử này không từ Trí sanh mà từ cuống hoặc (mê lầm) sanh ra, đó gọi là si. Ba độc là gốc của tất cả phiền não đều

do ngã của ta. Cho nên làm phước đức để sau này Ta sẽ được, cùng là giúp tu đạo pháp ta sẽ được giải thoát. Vì lấy tướng đó nên gọi là tưởng chúng nhân ngã của ta khởi kiết sử và các hạnh lành nên gọi là Hành chúng. Hai chúng ấy là pháp niệm xứ ở trong pháp Tưởng - Hành chúng tìm ngã không thể được. Vì sao thế? Vì các pháp ấy đều từ nhân duyên sanh. Đều là tác pháp (pháp tạo ra) không bền chắc, là pháp không thật ngã, Hành như thân cây chuối lột các bẹ ra bên trong không có gì chắc thật. Tưởng như nhìn xa thấy có ngựa hoang, không có nước mà tưởng như có nước, chỉ đánh lửa ở mắt (ảo giác) mà ngã vốn vắng lặng. Nhị thừa đã chấp bốn khổ, nên Phật ở trong vô ngã mà bày chân ngã. Cho nên kinh Niết-bàn nói tám tự tại: Một là hay hiện một thân hay nhiều thân số như vi trần; hai là trần thân đầy khắp cõi Đại Thiên; ba là đại thân (thân lớn) nhẹ bay (lắc nhẹ) đến rất xa; bốn là hiện vô lượng loài cùng ở một nước; năm là các căn đều dùng cho nhau; sáu là được tất cả pháp tưởng như không pháp; bảy là nói một kệ trải qua vô lượng kiếp; tám là thân như hư không còn mất tùy nghi khôn cùng.

A-lan-na (Àranya), Triệu dịch là: Vô tránh hay Tịch tịnh. Kinh Tọa Thiền Tam-muội nói: Vô tránh là hộ trì chúng sanh khiến không đấu tranh nhau. Ngài La-thập chú thích Tịnh Danh nói Vô tránh có hai: Một là dùng sức Tam-muội hộ trì chúng sanh khiến không khởi tâm đấu tranh; hai là tùy thuận pháp tánh không trái không tranh.

Đà-na-diễn-na (Dhyàna), dịch là Tịnh lự. Bà Sa Luận nói: Định này định huệ bình đẳng, các định thì thiếu kém chẳng gọi là Tịnh lự. Tịnh tức là định, lự tức là huệ.

Mạt-đà-ma, Bản Kinh Chú rằng: Mạt nghĩa là không, đừng. Đà-ma nghĩa là trung, là đừng mê đắm Trung đạo.

Tỳ-đát-ca (Vitarka), dịch là Tầm.

Tỳ-giá-la (Vicàra), dịch là Từ. Tạng Sớ nói: Tầm nghĩa tìm cầu (kiến), Từ nghĩa rình xét. Tâm thô thì gọi là Tầm, Tâm tế thì gọi Từ. Luận nói: Vào Tam-ma-địa có ba thứ: 1. Có tầm có Từ tức là Sơ thiền đến Vị chí định; 2. Không Tầm chỉ có từ là Trung gian thiền, sáu trời Phạm nhờ sức định trung gian mà cảm được; 3. Không Tầm không Từ, tức là Nhị thiền cận phần cho đến trời Phi Phi Tưởng. Tầm tư cũng gọi là Giác quán. Trí Luận hỏi: Có giác có quán là một pháp hay hai pháp? Đáp: Hai pháp. Thô tâm sơ niệm gọi là Giác, Tế tâm phân biệt gọi là quán. Như đánh chuông tiếng lúc đầu gọi là giác, tiếng lúc sau nhỏ gọi là quán. Hỏi: Vì sao Tỳ-đàm nói: Cõi Dục giới cho đến Sơ thiền trong một tâm giác quán tương ưng nhau, nay lại nói Tô tâm sơ niệm gọi là

giác, tế tâm phân biệt gọi là quán? Đáp: Hai pháp tuy ở một tâm nhưng hai tướng khác nhau, khi giác thì quán không rõ ràng, khi quán thì giác không rõ ràng. Ví như mặt trời mọc thì các sao đều biến mất, tất cả tâm tâm số pháp tùy lúc mà được tên cũng như thế.

Tam-bạt-la (Sauϑbhàra), Tần gọi là phát thú hoặc chí tấu, tấu là tiến.

Đạt-thấn (Daksinà), Tôn Bà-tu-mật Luận gọi Tác Đàn Thấn, dịch là Tài Thí, giải rằng: Pháp Báo Thí gọi là Đạt-thấn. Dẫn dắt phước địa cũng gọi là Đạt-thấn. Tây Vức Ký nói: Gọi đúng là Đạt-thấn-noa giả hữu (là bên hữu, hoặc gọi Đà-khí-ni, vì dùng tay hữu mà nhận vật người cho là sanh phước ấy. Triệu nói: Phàm hội người ở nơi nào không thể hẹn một lần rồi thôi, phàm đem tiền giúp người không thể một lần mà chu toàn. Ấy vì hội thông vô ngung là Di Luân bà bất lậu. Pháp trạch nmgầm giúp chẳng dễ mà khắp che.

Chu-la (Cùdà), Lập Thế Tỳ-đàm nói: Người Diêm-phù y phục trang nghiêm không giống nhau. Có người trên đầu để một búi tóc, các tóc khác đều cạo hết, gọi là Chu-la-kiết (búi tóc Chu-la). Ứng Pháp sư nói: Dịch là tiểu, tức là búi tóc nhỏ. Hoằng Minh Tập nói: Cạo tóc làm xấu hình dung, sự lo cao khiết, từ thân cắt ái ý đến Thánh phương. Bỏ ham muốn ở tâm ban đầu, quên hình hài ở quả cuối, sao quyến luyến ba cõi, há ham hố sáu Đạo ư? Tát-bà-đa nói: Cạo tóc cắt móng là lời Phật dạy. Luật nói: Nửa tháng phải cạo tóc đầy là lệ thường. Niết-bàn nói: Tước ác Tỳ-kheo đầu cổ râu tóc đều dài, là tướng phá giới. Thử xem ở đời rộng nói cương mục vạn hạnh, miễn tưởng khế lý, chỉ nói cương yếu bốn câu. Cho nên mười hai năm tóm tất giáo dạy rằng: Các ác chớ làm, các thiện nên làm, tự tịnh ý mình, là giáo của Phật. Diệu Huyền giải thích rằng: Các ác tức bảy chi tội lỗi, khinh trọng quấy trái các ác như thế dạy phải phòng ngăn. Các thiện tức là ba nghiệp thiện hoặc tan hoặc tịnh trước sau phương tiện. Chi làm công đức đều là thanh thăng, nên gọi là thiện. Tự tịnh ý mình là phá các tà đảo, hiểu rõ nhân quả thế gian xuất thế gian pháp môn Chánh trợ, hay trừ tâm cấu, tịnh các hà uế, có gì hơn bể rộng tuệ Phật pháp, đây đều nhiếp hết. Chỉ do quán cơ ưa thích làm thiện chẳng đồng, ứng vật tùy nghi bày Hạnh có khác. Hoặc luận căn tánh thì nêu Biệt Viên khác nhau. Vả Lai Căn Tánh Tín Pháp thì Tát-bà-đa nói: Nhân nghe mà vào ấy là Tín hạnh, nhân nghĩ mà vào ấy là Pháp hạnh. Đàm Vô Đức nói: Vị ở phương tiện tự thấy pháp ít. Bằng vào sức nghe nhiều sau cần nghe pháp mà được ngộ, thì gọi là Tín hạnh. Bằng vào sức nghe ít, tự thấy pháp nhiều, sau cần

phải tư duy mà được ngộ thì gọi là Pháp hạnh. Ngài Thiên Thai xa nói (thảo) căn nguyên, nhiều kiếp nghe học, nhiều kiếp tọa thiện, được làm Tín pháp chủng tử. Kế đó Hành tướng biệt viên, như Diệu Huyền dẫn Niết-bàn nói năm Hạnh: Một là Thánh hạnh, tức là giới định tuệ làm Nhân tự hạnh; hai là Phạm hạnh, nghĩa là Từ Bi Hỷ Xả làm nhân để hóa tha, hai thứ này là Hạnh tu nhân của Địa tiền. Thùy Dụ ký hỏi các văn hoặc nói Thánh Phạm là nhân, vì sao nay nói Phạm hạnh ở quả: Đáp: Thánh phạm hai hạnh đều thông nhân quả. Đối với Thiên hạnh lấy hai thứ làm nhân. Nay nói ở quả sao nghi?; ba là Thiên hạnh tức sơ địa trở lên, chứng Đệ nhất nghĩa thiên, là lý thiên nhiên, do Lý thành hạnh nên gọi là Thiên hạnh. Thùy Dụ Ký hỏi: Trời đã là chứng sao gọi là hạnh. Đáp: Từ thiên khởi hạnh nên gọi Thiên hạnh nên Thiên hạnh vị ở Địa trụ; bốn là Anh nhi hạnh nghĩa là hạnh tu đồng ba thừa bảy phương tiện; nam là Binh hạnh nghĩa là bày thân đồng chín đạo, hiện tướng làm ba chướng. Hai thứ này đều là từ quả khởi ứng hạnh Tịnh Danh Sớ nói: Hạnh Anh nhi từ Đại Từ Thiện Căn mà khởi, hạnh Bịnh từ Đại Bi Thiện Căn mà khởi. Tứ Giáo Nghĩa nói: Đồng sanh bên thiện gọi là hạnh Anh nhi, đồng sanh bên phiền não gọi là hạnh Bịnh. Song năm hạnh này nếu gặp ba Đế thì Thánh hạnh là Chân đế, Phạm hạnh, Anh nhi, Bịnh hạnh là Tục đế, Thiên hạnh là Trung đế. Lại y phương pháp giải thích Viên năm hạnh thì kinh nói: Như Lai trang nghiêm mà tự trang nghiêm tức Viên Thánh Hạnh Như Lai Thất tức Viên phạm hạnh Như Lai tòa tức Viên thiên hạnh. Như Lai y thì có hai thứ, Nhu Hòa tức là Viên anh nhi hạnh, nhẫn nhục tức Viên bịnh hạnh. Đại Kinh nói: Lại có một hạnh là Như Lai hạnh tức gọi là Đại Thừa Đại Bát Niết-bàn. Đây là trình bày cương yếu Hạnh Pháp.

■

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

QUYỂN 5

Tập (quyển) này gồm sáu phần sau đây:
49. Ba Đức Bí Tạng
50. Pháp Bảo các tên
51. Bốn mươi hai chữ
52. Danh Cú Văn Pháp
53. Tăng số thí dụ
54. Bán mãn thư tịch.

49. BA ĐỨC BÍ TẠNG.

Quang Minh Huyền nói: Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát là ba thứ, Thường Lạc Ngã Tịnh là Đức. Không hai sanh tử là Thường, chẳng chịu hai biên là Lạc, đủ tám tự tại là Ngã, ba nghiệp thanh tịnh là Tịnh. Chương An Sớ nói: Thân pháp thân là phi sắc và phi vô sắc. Vì phi sắc nên không thể thấy hình tướng vì phi vô sắc nên không thể lấy tâm mà tưởng biết. Tuy phi sắc mà sắc đầy khắp mười phương, tuy phi phi sắc cũng có thể tìm cầu, tức đức pháp thân. Còn Bát-nhã Đức thì chẳng phải biết, chẳng phải tự, cũng chẳng phải chẳng biết, chẳng phải chẳng tự v.v... Giải thoát đức là chẳng phải cột chẳng phải thoát, chẳng phải cột mà cột, chẳng phải thoát mà thoát v.v... A Thán phẩm nói: Sao gọi là Bí Mật Tạng. Cũng như chữ y ba chấm nếu cùng ngang hay cùng dọc đều không thành y (y: ?) cũng như ba mắt trên mặt của Ma-hê-thủ-la bèn thành y, nếu ba chấm ràng buộc cũng chẳng thành y. Ngã (Ta) cũng như thế. Pháp giải thích cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn. Ta nay an trụ ba pháp như thế vì chúng sanh gọi là nhập Niết-bàn. Chương An giải thích rằng: Nếu ước giáo xưa thì ẩn giấu nên gọi là Bí, cho đến nên gọi là Tạng. Nghĩa là Vô thường che Thường, khiến Thường ẩn trốn nên gọi là Bí Mật Tạng. Kinh nay mở

màng che như mặt trăng ở trên không thanh tịnh (trong sáng) hiển bày không như giáo xưa. Chỉ vì chánh pháp vi diệu chẳng thể nghĩ bàn dứt danh lìa tướng, chúng sanh không hiểu nên gọi là Bí mật. Pháp giới bao trùm gồm nhiếp tất cả các pháp dùng mãi không hết nên gọi là Tạng. Nay giải thích văn Bí Mật Tạng có ba: Một là dụ ba điểm, hai là dụ ba mắt, ba là họp lấy ba đức. Ba văn này một lượt mà nói là từ Sự vào Lý, ba điểm là văn tự đây ước chỉ ngôn giáo, ba mắt là mắt trời đây ước với tu hành, ba đức là thầy Phật đây tức ước lý. Lại là Phật Ấn (Ấn của Phật) Ấn tức là giáo hạnh. Phàm có nói năng cùng đây tương ưng thì tức là Bí Mật Giáo, cùng tu tập tương ưng là Bí Mật Hạnh, chứng đắc tương ưng là Bí Mật Lý. Từ Ta nay an trụ trở đi là kết Bí Mật Tạng thứ tư. An trụ ba pháp là kết ba đức, vào Đại Niết-bàn kết Bí Mật Tạng. Chiêm Sát Kinh nói: Lại nữa, tâm ấy gọi là Như Lai Tạng. Nói là đầy đủ vô lượng vô biên nghiệp vô lậu thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn. Vì pháp thân chư Phật từ đời vô thủy đến nay, không chướng không ngại mà tự tại chẳng diệt. Kinh Thắng Man nói có hai Như Lai Tạng: Một là không Như Lai Tạng, tức là hoặc lìa hoặc thoát hoặc khác tất cả phiền não tạng; hai là Bất Không Như Lai Tạng, nghĩa là đủ qua hà sa Phật pháp chẳng ly chẳng thoát chẳng thể nghĩ bàn. Nam Nhạc Chỉ Quán nói: Một là Không Như Lai Tạng vì tâm này thể nó bình đẳng, dứt hết tướng nhiễm tịnh, không phải trực tâm thể tự tánh bình đẳng nó khởi pháp Nhiễm Tịnh. Lại tự tánh cũng chẳng phải có; hai là Bất Không Như Lai Tạng nghĩa là có đủ Nhiễm, Tịnh hai pháp, vì nói bất không. Trong Tịnh pháp lại có hai thứ: Một là đầy đủ tánh vô lậu pháp công đức (pháp tánh công đức vô lậu), hai là đầy đủ xuất bày tịnh pháp. Nhiễm pháp cùng có hai thứ: Một là đầy đủ nhiễm tánh, hai là đầy đủ nhiễm sự. Tịnh Giác Thuyết Đề nói: Phải biết có hai thứ theo nghĩa tại Triền xuất triền mà phân. Nên kinh ấy nói: Nếu ở vô lượng phiền não tạng cột chặt (sở triền) Như Lai Tạng thì không nghi ngờ gì, còn pháp thân thoát ngoài vô lượng phiền não tạng thì cũng không nghi ngờ gì. Cư Thức viên Giác Sớ nói: Không Như Lai Tạng tức không có gốc trụ, Bất Không Như Lai Tạng tức là pháp được lập. Hai thứ này giải thích trái với Nam Nhạc Chỉ Quán. Lại Khởi Tín Luận nói: Một là Như thật không, vì hay rốt ráo hiển thật. Hiền Thủ giải thích: Đây vì trong Như thật trống không vọng nhiễm, không phải nói Như thật tự không, đây thì của Như thật là vọng không bèn có thể hiển bày chân lý, nên gọi hiển thật; hai là Như thật chẳng không, vì có tự thể đầy đủ tánh vô lậu công đức. Hiền Thủ giải thích rằng đây có hai nghĩa: Một là khác vọng vô thể, hai là khác hằng sa có sông phiền não.

Cho nên Phật Tánh Luận có kệ rằng: Do pháp trần không mà cùng pháp giới lìa nhau, vì Vô thượng pháp chẳng không mà cùng pháp giới theo nhau. Khuê Sơn Lược Sớ rằng: Ba nghĩa giải thích Tạng: Một (che giấu) ẩn phú mà gọi tạng, hai hàm nhiếp (gồm chứa) mà gọi Tạng, ba xuất sanh (sanh ra) mà gọi tạng. Lại Lược Sao nói năm thứ: Một là Như Lai Tạng, vì ở triền chẳng nhiễm; hai là thứ này là ở vị phàm phu mà nói; ba là Pháp thân tạng, quả vị làm hcỗ nương của công đức; bốn là xuất thế gian Thượng thượng tạng, xuất triền vượt hơn Nhị thừa Bồ-tát, hai tạng này ở Thánh vị mà nói; năm là Pháp giới tạng nghĩa là thông nhân quả, bên ngoài có tất cả nhiễm tịnh hữu vi, nên gọi là pháp giới, bên trong bao gồm tất cả hằng sa tánh đức nên gọi là Tạng - Tăng Độc Chú Kim Cang Tam-muội nói: Như Lai Tạng là trụ tự tại tánh chân như, trí địa của chư Phật gọi là Như Lai Tạng, hay nhiếp tất cả hữu tình ở trong trí của Như Lai nên gọi là Tạng. Hữu tình bị hoặc nhiễm phiền não vô minh che lấp nên gọi là hữu tình cảnh. Nếu cảnh vô minh hoặc nhiễm trống không, các thức chẳng khởi là cảnh như thì gọi là Như Lai Trí, vì Trí Như tức là Như Lai Tạng. Trường Thụy Giải Thích Lăng Nghiêm nói: Như Lai Tạng có bốn nghĩa dụ như biển: Một là dứt hẳn trăm lỗi (bách phi), dụ như biển sâu thẳm; hai là bao hàm vạn hữu, dụ như biển rộng lớn; ba là không đức nào chẳng đủ, như biển chứa trân bảo; bốn là không pháp nào chẳng hiện, như biển hiện các ảnh. Lại kinh Ni Kiền nói: Vua tên là Nghiêm Xí, có Đại-tát-già vào nước ấy, vua ra xa nghinh đón bèn nói với vua rằng: Đại vương nên biết nương thân phiền não mà quán thân Như Lai. Vì sao thế? Vì thân này tức là Như Lai Tạng, tất cả phiền não các cấu đều ở trong kho (tàng). Phật tánh đầy đủ như vàng trong đá, lửa trong gỗ, nước trong đất, lạc trong sữa, dầu trong mè, lúa trong hạt, vàng trong kho, tượng trong mô hình, thai trong bụng chửa, mặt trời trong mây. Thế nên nói trong phiền não có Như Lai Tạng. Niết-bàn Luận nói: Ngoài thân có Phật cũng chẳng bí mật, trong thân có Phật cũng chẳng bí mật chẳng có chẳng không cũng chẳng bí mật, chúng sanh là Phật nên rất bí mật. Kinh Niết-bàn nói: Như bảy báu của người chẳng dùng ra ngoài gọi là Tàng. Người ấy do tích chứa báu này vì vị lai gọi đó là cốc (lúa) quí. Giặc đến đánh nước gặp phải vua xấu bèn lấy chuộc mạng. Lúc tiền của khó được bèn đem ra dùng. Bí tạng của chư Phật cũng như thế. Vì đời vị lai các ác Tỳ-kheo chứa vật bất tịnh vì bốn chúng nói Như Lai rốt ráo (tịch diệt) mà vào Niết-bàn đọc tụng ngoại điển chẳng dạy kinh Phật, các ác như thế khi xã hội ra đời, vì diệt các ác mà nói kinh ấy. Kinh ấy nếu diệt thì Phật pháp liền diệt muốn khiến

người học thông suốt tên khác tự biết Bí tạng nên nêu rõ ra đây.

Ma-ha Bát-niết-bàn-na (Mahàparinirvàna), dịch là Đại Diệt Độ. Đại tức là pháp thân, Diệt tức là giải thoát, Độ tức là Bát-nhã. Đại Kinh nói: Niết là chẳng sanh, Bàn là chẳng diệt. Chẳng sanh chẳng diệt gọi là Đại Niết-bàn. Lăng Già nói: Điều ta nói là vọng tưởng thức diệt thì gọi là Niết-bàn. Triệu Sư trong Niết-bàn Luận nói: Tần nói vô vi cũng gọi là diệt độ. Vô vi là hư vô tịch mặc, dứt hết hữu vi. Diệt độ là nói nạn lớn đã dứt hẳn vượt qua bốn lưu. Bởi cảnh tượng này đều về dứt gọi nhà kín. Pháp Hoa và Kim Cang đều gọi diệt độ. Trang Tam Tạng dịch là viên tịch. Hiền Thủ nói: Không đức nào chẳng đủ Dự lưu viên, không chướng nào chẳng hết gọi là tịch. Khuê Sơn nói: Chánh gọi là tịch diệt. Theo Triệu Công nói: Nê-hoàn Tận Đế há chỉ kiết hết mà thôi, ấy thì sanh tử tịch diệt hẳn nên gọi là Tận (hết) hoặc dịch là An lạc. Phàm thánh đại tiểu đều có Niết-bàn hoặc gọi là Bỉ ngạn. Triệu Sư nói: Bờ kia là bờ Niết-bàn. Bớ Niết-bàn kia há có bờ bến, vì ta khác kia nên mượn ta mà gọi kia. Trí Luận nói: bàn gọi là Thú. Niết gọi là Xuất, tức là ra khỏi hẳn các thú nên gọi là Niết-bàn. Hoặc gọi là Nê-hoàn (việt). Như Nghiêm Phật Điều nói: Phật đã Nê-hoàn, vi ngôn dứt hẳn văn mới tiếng Phạm gọi là Ba-lị-nê-phược-nẩm, dịch là Diệt độ. Nhị Giáo Luận nói: Niết-bàn là luôn luôn mát mẻ không còn sanh tử, tâm không thể dùng trí mà biết, thân không thể lấy tượng (vật?) mà lường không biết gọi tên gì cưỡng đặt là tịch, là đến mức là rốt cùng vậy. Mặc tình ở song lâm dứt chiếu mà Linh Trí vẫn còn, thể bày trà trì (xà duy) mà pháp thân luôn có. Song pháp Niết-bàn nếu bàn về nghĩa thì có thể chia làm hữu dư và vô dư khác nhau, lại có thiểu phần và rốt ráo (cứu cánh) hai thứ. Nói hữu dư và vô dư thì Quang Minh Huyền bảo: Nếu phiền não ở ba cõi hết thì là chứng hữu dư Niết-bàn, thân đốt trí tro là nhập vô dư Niết-bàn. Nói thiểu phần thì kinh Thắng Man nói: Biết khổ hữu dư, đoạn tập hữu dư, chứng diệt hữu dư, tu đạo hữu dư gọi là được Thiểu phần Niết-bàn. Được Thiểu phần Niết-bàn gọi là Hương Niết-bàn giới (về cõi Niết-bàn). Rốt ráo (cứu cánh) Niết-bàn, thì Đại Pháp Cổ Kinh nói: Cho đến được tất cả công đức, Nhất thiết chủng trí Đại thừa Niết-bàn thì sau mới rốt ráo. Kinh Pháp Hoa nói: Không kiến có người riêng được diệt độ, đều dùng Như Lai diệt độ mà diệt độ. Mới phát đại tâm phải hẹn rốt ráo. Cho nên Phụ Hành nói: Bồ-tát sơ tâm thường quán Niết-bàn là Từ Hành mới tu vậy, cũng khiến chúng sanh thường quán Niết-bàn là Hóa tha mới tu vậy. Để các con (hạt giống) trong Bí Mật Tạng là Hóa tha vào sau (hậu nhập). Ta cũng chẳng lậu sẽ ở trong đó là Tự Hành

vào sau (hậu nhập). Cho nên biết Tự tha sơ tâm thì không gì chẳng tu. Tự tha hậu tâm không gì chẳng vào. Nếu muốn tu vào phải nương bốn pháp. Cho nên Niết-bàn nói có bốn pháp là Niết-bàn cận nhân: Một là gần Thiện tri thức, hai là lắng nghe Chánh pháp, ba là suy tư về nghĩa ấy, bốn là đúng như lời nói mà tu hành. Nếu nói siêng tu khổ hạnh là nhân duyên gần của Niết-bàn thì không có việc ấy.

1- Gần Thiện tri thức là Chỉ Quán giải thích rằng: Đại Phẩm nói: Phật Bồ-tát La-hán là Thiện tri thức, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm là Thiện tri thức pháp tánh thật tế là Thiện tri thức. Phật Bồ-tát v.v... có oai quang bao trùm nuôi dưỡng tức là ngoại hộ (hộ trì bên ngoài), sáu độ Đạo Phẩm là cửa vào đạo tức kẻ đồng hành. Pháp tánh thực tế tức thầy chư Phật là giáo thọ.

2- Lắng nghe Chánh pháp v.v... ba câu tức là ba tuệ. Hoa Nghiêm nói: Ta hoặc vì chúng sanh nói: Pháp văn tuệ, hoặc vì chúng sanh nói Pháp tư tuệ, hoặc vì chúng sanh nói Pháp tu tuệ. Nên Lăng Nghiêm nói: Tư Văn Tư Tu mà vào Tam-ma-địa. Ngài Chân Đế nói: Tán tâm gọi là phú khí vì không có Văn tuệ. Vọng tâm gọi là lậu khí tuy được mà mất vì không có Tư tuệ. Đảo tâm gọi là uế khí quấy mà gọi là phải vì không có Tu tuệ. Tịnh Danh Sớ nói: Nghe nếu không lắng nghe (nghe kỹ) thì không nhận được Nhuận nhân, nghe kỹ mà không suy nghĩ thì không vào sâu chỉ thú. Suy nghĩ mà không tu thì trọn không chứng ý, ba tuệ nếu đủ thì vào đạo chẳng nghi. Kinh Khê giải thích rằng: Niệm trước nghe rồi suy nghĩ là cảnh (điều phải), rồi phải đúng nghe và siêng năng mà tu hành. Phải biết ba tuệ có ngang có dọc. Ngang thì trên danh tự vị vị đều có. Dọc thì lấy danh tự làm văn (nghe), lấy quán hạnh làm tư (suy nghĩ), lấy tương tự làm tu. Ba tuệ đầy đủ thì hay được Định tương tự phần chân gọi là Bí tạng.

50. PHÁP BẢO CHÚNG DANH.

Quang Minh Huyền nói: Chí lý đán tôn trọng gọi là Pháp Bảo. Luận nói: Bát-nhã là một pháp, Phật nói các thứ tên là vì loài chúng sanh, tùy duyên mà lập tên khác. Như vàng là một thể mà làm thành nhiều đồ dùng, như vòng kiềng để làm đẹp, bình chén để đựng, có ngăn thứ mà tánh vẫn không đổi. Cho nên Nê-hoàn thật pháp báu chúng sanh từ nhiều cửa mà vào.

Đạt-ma (Dharma), dịch là Pháp. Đường Minh Duệ nói: Sạch ở tâm sau mới dùng đến pháp. Ở tâm là pháp, ở thân là giáo. Pháp có tự tướng, cộng tướng, giáo có giá thuyên biểu thuyên. Ngài Thiên Thai

nói: Pháp có tám thứ: Một là Giáo, hai là Lý, ba là Trí, bốn là Đoạn, năm là Hạnh, sáu là Vị, bảy là Nhân, tám là Quả. Lược nói; Có ba nghĩa là Giáo, Hạnh, Lý. Như Xiển Nghĩa nói: Để ước tu hành ba nghĩa gồm thâu, nghĩa là y giáo mà tu hành, hành thành khế lý. Nếu lấy vị mà phân thì ước giáo thuộc danh tự vị. Người nhờ giáo mà sanh giải (hiểu), ước hạnh thuộc quán hạnh tương tợ vì y giải (hiểu) mà tu hành. Ước lý ở sơ trụ vì phần chứng bản lý. Sau ước hạnh lại phải theo dung. Nếu luận tạo tu thì cũng còn ở danh tự. Ước thủ hạnh thành mời gọi là quán hạnh. Phàm phân biệt vị phải biết ý này. Nếu ước năng thuyên sở thuyên thì chỉ nói giáo lý. Nhị Giáo Luận nói: Giáo là gì, tức là nói về lý. Lý là gì, là giáo được nói giáo nếu khác thì há được đồng. Lý nếu được đồng thì giáo đâu được khác. Nôm chẳng hẹn cá, bẫy không vì thỏ, đem gọi là tên. Diệu Lạc nói: Giáo có hai thứ, giáo thuyên lý chẳng hai, giáo biểu hạnh tự phân. Giáo có hai thứ, giáo thuyên lý chẳng hai, giáo biểu hạnh tự phân. Giáo thuyên lý thì bình đẳng chân pháp giới, Phật chẳng độ chúng sanh. Giáo biểu hạnh, là chỉ do vọng trí thân sơ đến nổi khiến mê thành Hậu bạc. Thanh Long Sớ nói: Có giáo hạnh chứng gọi là chánh pháp. Có giáo có hạnh mà không chứng thì gọi là tượng pháp. Tượng là giống. Chỉ có giáo mà không cả hạnh chứng thì gọi là Mạt pháp. Hành Sự Sao nói: Giáo điển lý phân ra có hai: Một là Hóa giáo, đây thông cả đạo tục; hai là Hạnh giáo chỉ cũc ở trong chúng. Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Giáo do lý mà thành, lý do giáo mà hiển, nên y giáo lý này chớ nên phân biệt khác.

Đạt-ma-đà-đô (Dharmàdhàtu), dịch là pháp giới. Diệu Lạc nói: Không ngoài Sở thuyên (điều nói ra) nên gọi là pháp giới. Hiền Thủ nói: Y pháp sanh Thánh nên gọi pháp giới. Thanh Lương nói: Pháp giới là tất cả bản thể thân tâm của chúng sanh. Khởi Tín Luận nói: Tâm chân như tức là một pháp giới, Đại (thế là) tổng tướng pháp môn đó gọi là tâm tánh chẳng sanh chẳng diệt. Tất cả các pháp chỉ y vào vọng (vong) niệm mà có sai khác. Tịnh Danh Sớ nói: Từ gốc vô trụ mà lập tất cả pháp. Thiên Thai giải thích rằng: Nếu mê vô trụ thì ba cõi sáu đạo lăng xăng mà có thì ắt lập tất cả pháp thế gian. Nếu hiểu (cởi bỏ) vô trụ tức là từ vô thủy vô chung phản bổn hoàn nguyên (xét ngược về nguồn) phát chân thành Thánh, cho nên có bốn thứ Thánh pháp xuất thế. Phổ Môn Huyền nói: Thế có ba: Một là năm ấm, hai là chúng sanh, ba là quốc độ v.v... Thế là cách biệt, tức là Thế của mười pháp giới cũng là mười thứ năm ấm, cho đến y báo cách biệt chẳng đồng. Gian là gian sai, ba mươi thứ sai khác thế gian không lầm loạn nhau, nên gọi là gian.

Mỗi mỗi đều có nhân, đều có quả nên gọi là Pháp. Mỗi mỗi đều có ranh giới rõ ràng nên gọi là giới. Nay ở một pháp giới đều có mười pháp. Đó gọi là tánh tướng Đẳng (là v.v... hay bình đẳng). Mười giới tức có một trăm pháp. Mười giới cùng có với nhau thì có một ngàn pháp, như thế các pháp đều là pháp nhân duyên sanh. Sáu đạo là mê lầm pháp nhân duyên sanh, bốn thánh là hiểu rõ pháp nhân duyên sanh. Các pháp nhân duyên ấy tức là ba đế. Pháp nhân duyên sanh ra, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi Nghĩa trung đạo. Thanh Lương Tân Kinh Sớ nói: Thống chỉ một chân pháp giới bảo là bao gồm cả vạn hữu tức là một tâm, song tâm chứa vạn hữu liền thành bốn thứ pháp giới: Một là sự pháp giới, giới nghĩa là phân, mỗi mỗi sai khác có phần rõ ràng; hai là lý pháp giới, giới nghĩa là tánh, vô tận pháp sự đồng một tánh; ba là lý sự vô ngại pháp giới, là đủ nghĩa tánh và phần, vì tánh phần vô ngại; bốn là sự sự vô ngại pháp giới, tất cả phần đều sự pháp, mỗi mỗi như tánh dung thông lớp lớp vô tận.

A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề (Anuttara-samyak-sambodhi), Triệu Luận nói: Tần gọi Vô thượng Chánh biến tri đạo. Không gì lớn hơn gọi là Vô thượng. Đạo ấy chân chánh không pháp nào chẳng biết gọi là Chánh biến tri. Uyển Sư nói: A là vô, Nậu-đa-la là thượng, Tam-miệu là chánh, Tam là biến là đẳng, Bồ-đề là giác. Cô Sơn Sớ nói: Cực quả siêu nhân nên gọi là Vô thượng, Chánh là chánh quán trung đạo, Đẳng là song chiếu hai biên. Bởi quả trên ba tri. Phát Chẩn nói: Vô thượng là lý, Chánh đẳng giác là trí. Chánh là chánh trung, tức tướng vắng lặng của Nhất thiết chủng trí. Đẳng là bình đẳng, tức hạnh mạo tướng loại Như thật trí. Bùi Tướng Quốc nói: Tức là diệu đạo tối thượng của chư Phật đã chứng, căn bản Diệu Nguyên của chúng sanh đã mê, cho nên phàm phu trôi nổi trong sáu đạo do chẳng phát tâm Bồ-đề này. Nay được thân người khởi ý mừng vui, cần phải bỉnh tâm đối trước tượng Phật má đốt hương dâng hoa, ba nghiệp cúng dường lập bốn hoằng thệ phát tâm thành Phật. Nên Hoa Nghiêm nói: Tâm Bồ-đề gọi là hạt giống hay sanh tất cả pháp chư Phật. Nên phát tâm này cần biết thể của nó. Thể có hai thứ: Một là Đương thể, hai là Sở y thể. Đương thể, gọi là Bi tâm, Trí tâm, Nguyện tâm ba thứ tâm này chính là Đương thể. Sở y thể là tự tánh thanh tịnh viên minh diệu tâm là Sở y thể. Tánh tự đầy đủ gọi là Như Lai Tạng, hoặc chẳng thể nhiễm, trí chẳng thể tịnh, trống vắng lặng trong chân giác linh sáng hay sanh ra muôn pháp gọi là nhất đại sự (một việc lớn). Chỉ do chúng sanh mê lâu tánh này chỉ nhân phan duyên với sáu trần ảnh tượng, chợt khởi chợt mất, lấy niệm hư vọng làm tâm

của mình. Một khi mê tâm thì quyết định là sắc trong thân mà không biết sắc ngoài thân, kịp khi núi sông hư không đất đai đều là vật trong Diệu minh chân tâm. Thể của tâm này như Triệu Sư nói: Là vi diệu vô tướng chẳng thể là có, dùng thì di cân chẳng thể là không. Trong kinh Độ Nhất Thiết Trí Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới, Văn Thù nói: Bồ-đề là không hình tướng vô vi. Thế nào là không hình tướng? Vì chẳng thể dùng sáu thức mà biết được. Thế nào là vô vi? Vì không sanh, trụ, diệt. Bùi Tướng Quốc nói: Tánh bao gồm muôn đức, thể dứt bách phi (trăm quấy), như vầng trăng sạch tròn đầy không khuyết, mây mê lầm che lấp không tự trang biết. Khi vọng hoặc đã trừ thì chân tâm vốn tinh. Tánh bao gồm muôn đức cho nên ở Thánh chẳng là được, thể dứt trăm quấy nên ở phàm chẳng là mất. Song muốn phát tâm này thì phải vận từ bi làm tông yếu. Cho nên trong Hoa Nghiêm, Hải Vân Tỳ-kheo bảo Thiện Tài Đồng Tử rằng: Phát tâm Bồ-đề, gọi là phát tâm đại bi khắp cứu tất cả chúng sanh, phát tâm đại từ khắp giúp tất cả thế gian. Tất cả quần vựng vốn không sanh tử, gió vọng thổi lên mà ngập chìm biển khổ. Nay phát đại nguyện lưới núi hắc ám thì làm đèn sáng, trong sóng sanh tử thề làm thuyền bè. Đây là khởi tâm bi cứu khổ chúng sanh tất cả phàm phu bản tánh vốn đủ tánh tịnh công đức.

Nay mê kho báu mà nghèo hèn cô độc. Nay mở nguyện lớn cùng quần mê chung vui Phật quả rốt ráo Vô thượng. Nếu một chúng sanh nào chưa thành Phật thì trọn không ở đây mà lấy Nê-hoàn nguyện cất bước đầu trên đường tu nguyện trải chiếu đầu trên núi cả, đức cao nghiệp rộng thề chẳng mệt mỏi.

Bồ-đề (Bodhi) Triệu Sư nói: Rốt ráo của Đạo gọi là Bồ-đề Tần không có tiếng để dịch (Tân để nguyên không dịch), các thầy đời sau đêu dịch là đạo. Vì Đại Luận dịch là Phật đạo. Nay hỏi: Như Chu Dịch nói: Đạo lập người gọi là nhân cùng nghĩa đây thì Nho tông, nhân nghĩa làm đạo. Trang Tử nói: Hư tịnh điềm đạm tịch mặc vô vi là trời đất bình mà đạo đức chí, đây là đạo gia lấy hư vô làm đạo. Nay tông Thích Thị lấy gì làm đạo? Đáp: Kinh Ban Chu nói: Chư Phật từ tâm mà được giải thoát tâm là thanh tịnh gọi là vô cấu, năm đạo tươi sạch không nhận sắc. Có hiểu đây thì Đại đạo thành. Thế nên biết giáo ta lấy tâm làm đạo. Tâm là tâm tự tánh thanh tịnh, thể nó trạm tịch (trống lặng) tánh nó linh chiếu, không danh không tướng, dứt có dứt không, tâm không thể nghĩ, miệng không thể bàn, bao mỹ gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Hoặc có người hỏi: Như ngài Tịnh Danh nói: Bồ-đề là không thể lấy thân mà được, không thể lấy tâm mà được, nay sao lấy tâm làm đạo ư? Đáp: Rốt

ráo Bồ-đề không phải thân tâm như Triệu Sư nói: Đạo vô vi há có thể lấy thân tâm mà được. Cho nên kinh Độ Nhất Thiết Phật Cảnh Giới nói: Bồ-đề không thể lấy thân mà biết, không thể dùng tâm mà biết. Vì sao thế? Vì thân là vô tri như cây cỏ v.v..., tâm là hư cuống (dối trá) chẳng thật, thế nên Bồ-đề không phải thân tâm, song Tịnh Danh Trung Kiếp nói: Giải thoát của chư Phật phải ở trong tâm hạnh chúng sanh mà tìm cầu. Ngài Thiên Thai giải thích nay quán tâm hạnh xuyên suốt vào trí bản tánh thanh tịnh mà hiểu tận tâm nguyên chúng sanh tức hiển quả giải thoát của chư Phật, như siêng tìm nước thì chẳng được lìa băng, lạnh tuy kết nước thành băng, nóng thì mở băng thành nước. Cho nên, Hoa Nghiêm nói: Nếu hay khéo dùng tâm ấy thì ắt được tất cả công đức thắng diệu. Phàm phu do mê muộn tâm nguyện nên theo vọng niệm, hay ở vọng niệm mà chiếu (xét) sâu tánh không bảo là hiểu đại đạo. Cho nên Hoa Nghiêm nói: Thể giải (hiểu rõ) đại đạo phát tâm vô thượng, phát tâm trí này hay làm mẹ Phật gọi là Trí Độ, thế nên Trí Độ cũng gọi là Đại Đạo. Nên Đại Luận nói: Trí Độ đại đạo Phật khéo đến. Như dùng trí này tu tập vạn hạnh thì pháp tu đó cũng gọi là đại đạo. Nên Pháp Hoa nói: vì Diệt đế mà tu hành đạo, do đạo là tâm, tánh nó hư thông khắp tất cả pháp không thứ nào chẳng phải là đạo. Như Kim Sắc Nữ hỏi Văn Thù rằng: Sao gọi là Đạo? Đáp: Cô là Đạo vậy. Lại Hỷ Căn nói: Dâm dục tức là đạo, sân si cũng lại như thế. Trong ba việc này là đạo của Vô lượng chư Phật. Nay hỏi việc dâm là dơ bẩn, Phật đạo là thanh tịnh sao chỉ uế sự gọi là tịnh đạo? Đáp: Xem tướng dâm nộ si đồng với trăng trong nước, hiểu rõ tánh nhiễm tịnh cũng như hư không, gặp thuận không mê đắm, gặp trái không giận hờn, trong ác cảnh giới mà được giải thoát môn, vì làm (hạnh) phi đạo thông suốt Phật đạo đó gọi là người con người một đường ra khỏi sanh tử. Nếu khởi phàm kiến thì thành nghiệp địa ngục. Như lấy viên vàng nóng ắt cháy tay. Vô vi như thế gọi là Đạo nhân.

A-bà-ma (Asamasama), Đại Luận dịch là Vô đẳng đẳng, Phật gọi là Vô đẳng, Bát-nhã Ba-la-mật lợi ích chúng sanh toàn cùng Phật giống nhau, nên gọi là Vô đẳng đẳng.

Mục-đế-la (Mukki), dịch là giải thoát. Trí Luận gọi là giải thoát tri kiến. Dụng là giải thoát tri kiến. Tri là một thứ tướng giải thoát là hữu vi và vô vi giải thoát. Biết các tướng giải thoát đó là thời giải thoát, bất thời giải thoát, tuệ giải thoát, cu giải thoát, hoại giải thoát, bất hoại giải thoát, bất khả tư nghì giải thoát, vô ngại giải thoát v.v... phân biệt các tướng giải thoát bền chắc, ấy là giải thoát tri kiến vô giảm (không

giảm bớt?) v.v... Hỏi: Giải thoát tri kiến, đã nói tri sao lại còn nói kiến. Đáp: Nói tri nói kiến thì sự được bền chắc, ví như dây xe hai lớp làm một ắt bền chắc. Lại nữa, nếu chỉ nói tri thì chẳng nhiếp tất cả tuệ. Như A-tỳ-đàm nói: Tuệ có ba thứ: Có tri mà không kiến, có kiến mà không tri, có cả tri và kiến. Có tri không kiến là Tận trí vô (không) sanh trí, năm thức tương ưng trí; có kiến không tri là tám nhẫn thế gian chánh kiến năm tà kiến; có cả tri và kiến, là các tàn tuệ khác nếu nói tri thì không nhiếp kiến, nếu nói kiến thì không nhiếp tri. Thế nên nói tri kiến thì đầy đủ.

A-duy-nhan, Ứng Pháp sư dẫn kinh Thập Địa gọi là Nhất sanh bổ xứ.

A-bệ-bạt-chí (Avaivartika) cũng gọi là A-duy-việt-chí, dịch là Bất thối chuyển. Bất thối có ba nghĩa là Nhập không vị bất thối, Nhập giả hạnh bất thối, Nhập trung niệm bất thối. Diệu Lạc nói: Bát-nhã là vị vì lìa hai chết, giải thoát là hạnh vì các hạnh đầy đủ. Pháp thân là niệm, vì chứng thật cảnh. Trí Luận nói: Vô sanh nhẫn pháp là địa A-bệ-bạt-trí.

Nị-địa (Niti?), dịch là Y. Pháp Hoa Sớ nói: Lợi vật lấy từ bi vào nhà làm đầu, giao thiệp có nhẫn nhục hay làm ba pháp Đại Giáo nói thông, tức là chỗ nương cậu của thế gian gọi là Pháp sư. Thùy Dụ Ký nói: Đều nói Y vì trong có đạo pháp có thể làm chỗ nương cậy cho trời người. Y là bằng (dựa). Sau khi Phật diệt độ rồi thì dựa vào bốn thứ người mà lấy giải thoát. Kinh Niết-bàn Bốn Y Phẩm nói: Có bốn thứ người hay hô trì chánh pháp làm chỗ nương cậy cho đời: Một là Y bậc Tiểu thừa ở trong thân người phàm phu, nên Kinh nói: Có đủ tánh phiền não hay biết Bí Mật Tạng của Như Lai; hai là Y người Tu-đà-hoàn; ba là Y người Tư-đà-hàm và A-na-hàm; bốn là Y ở bậc A-la-hán. Ngài Trí Giả nói: Niết-bàn bố Y nghĩa Thông Biệt Viên. Nếu theo nghĩa Biệt thì như thầy xưa có nói Tu-đà-hoàn, y thứ hai là năm địa gọi là Tư-đà-hàm, y thứ ba là bảy địa gọi là A-na-hàm, y thứ tư là từ tám địa đến mười địa gọi là A-la-hán. Nếu theo nghĩa viên so với Biệt giáo thì lấy Trụ tiền làm y thứ nhất. Thập trụ làm y thứ hai. Lại thủy chung mà phán thì năm phẩm sáu căn là y thứ nhất, Thập trụ là y thứ hai, hạnh hướng là y thứ ba, thập trụ Đẳng giác là y thứ tư. Bốn quả mà phối vị thì lệ riêng có thể thấy. Đây là Nhân bốn y; hai là Hạnh bốn y, Luật nói: áo phấn tảo luôn luôn khất thực, ngủ dưới cây hủ lãn dược (thuốc rả mục), đây là bốn hạnh kẻ thượng căn lợi trí đều y theo; ba là pháp bốn y. Kinh Niết-bàn nói: Y pháp chẳng y người, y nghĩa chẳng y lời, y trí chẳng y thức, y kinh Liễu Nghĩa chẳng y kinh Bất Liễu Nghĩa.

Ma-ha-diễn (Mahàyàna), Đại Luận nói: Ma-ha gồm ba nghĩa là: Lớn, nhiều, hơn. Diễn là thừa. Thắng Man nói: Ma-ha-diễn là sanh ra tất cả thiện pháp thế xuất thế gian của Thinh văn Duyên giác. Thế Tôn như ao lớn A-nậu phát ra bốn sông lớn. Khởi Tín Luận nói: Ma-ha-diễn nói chung có hai thứ: Một là pháp, hai là nghĩa. Nói về Pháp, tức là tâm chúng sanh vậy. Tâm thì nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Y vào tâm này hiển bày nghĩa Ma-ha-diễn.

Đà-la-ni (Dhàranì), Đại Luận nói: Tần gọi Năng trì, là tập hợp tất cả thiện pháp hay giữ gìn khiến không tan mất. Ví như đồ đựng tốt, đựng đầy nước, nước không rò rỉ chảy mất. Các ác bất thiện căn, tâm hay ngăn lại khiến không sanh. Nếu khi muốn làm tội ác thì giữ gìn không làm, đó gọi là Đà-la-ni. Triệu dịch là Tổng trì, nghĩa là giữ thiện không mất giữ ác chẳng sanh. Lại dịch là giá trì. Phụ Hành nói: Thể ngăn ba hoặc, tánh giữ ba trí. Huân Văn nói: Ngăn (giá) ác của hai bên, giữ (trì) thiện của trung đạo. Đây là tự tuệ tánh mà lập tên. Xiển Nghĩa nói: Vậy thì Đà-la-ni đã là tiếng Phạm, chữ chú là tiếng Hoa, tên kinh ghi chung Hoa Phạm là Đà-la-ni Chú. Nếu thế sao dịch Đà-la-ni là giá trì? Đáp: Người xưa thấy bí mật nên chẳng dịch, như phương này nêu các cấm chú (thần chú) bèn lấy tên chú mà dịch, song cũng chẳng mất nghĩa giá trì. Vì sao? Vì chú đã huấn nguyện khấn vái ước nguyện) như bốn nguyện của Bồ-tát: Một là nguyện cứu khổ, tức là nghĩa ngăn ác (giá); hai là nguyện ban vui, tức là nghĩa giữ thiện (trì). Đại Luận nói: Có ba Đà-la-ni: Một là Văn trì Đà-la-ni, là người được Đà-la-ni này thì tất cả lời lẽ các pháp khi nghe qua tai đều không quên mất tức là tên trì; hai là Phân biệt tri Đà-la-ni, là người được Đà-la-ni này thì các pháp chúng sanh lớn nhỏ tốt xấu phân biệt đều biết, nên gọi là phiền não Đà-la-ni tức là nghĩa trì; ba là Nhập âm thinh Đà-la-ni, người được Đà-la-ni này thì nghe tất cả tiếng nói năng không mừng không giận, tất cả chúng sanh như hằng sa kiếp thọ lời ác mắng chửi tâm đều không ghét hận. Tất cả chúng sanh như hằng sa đem lời khen ngợi cúng dường thì tâm không động chẳng mừng vui chẳng mê đắm ấy là Nhập âm thinh Đà-la-ni. Tức là Hành trì. Pháp Hoa nói: Có ba Đà-la-ni: Một là Truyền Đà-la-ni, hai là Bách thiên vạn ức tuyền Đà-la-ni, ba là Pháp âm phương tiện Đà-la-ni. Tịnh Danh Sớ giải thích rằng: Tuyền là chuyển, chuyển giả vào không, được chứng Chân đế. Bách thiên vạn ức, tức là từ không vào giả tuyền chuyển phân biệt, phá hoặc trần sa hiển bày hằng sa Phật pháp. Pháp âm phương tiện tức là hai quán phương tiện được vào Trung đạo.

Tát-đát-đa Bát-đát-la, Tư Trung nói: Tương truyền là Bạch tán cái. Dụ cho Như Lai Tạng tánh, vốn không nhiễm khắp che loài hữu tình.

Tô-lô-đô-ha, dịch là Phạm âm quyết định. Phật Tỳ-bà-thi nói: Một chú này trị một vạn tám ngàn thứ bịnh.

Hồ-tô-đa, dịch là trừ tất cả các thứ uất chưng nhiệt não Phật Thi Khí nói chú này.

Mật-xa-đâu, dịch là trống vàng. Phật Tùy (Thi?) Khí! Nói chú bốn là Phật Câu-lưu-tần (tôn) nói Kim Cang Tràng Chú; năm là Phật Câu-na-hàm Mâu-ni nói: Danh Thinh Chấn Thập Phương Chú; sáu là Phật Ca-diếp nói: Chẩn Tế Quần Sanh Chú; bảy là Thích-ca Thế Tôn nói: Kim Quang Chiếu Huy Chú.

A-mâu-già-bá-dư (Amoghapàza), dịch là bất không quyên tố

Đát-nhĩ-dã-tha (Tadyatha) hoặc Đạt-điệt-tha dịch là Sở vị

Ta-bà-ha (Svàhà) hoặc Tá-ha, dịch là Thiện thuyết hoặc Tán khứ.

Tát-bà-nhã-đa (Sarvajĩatà), Ban Chú gọi là Tát-vân-nhã. Đại Luận nói: Tần gọi là Nhất thiết trí tướng. Nhân thì gọi là Bát-nhã, quả thì gọi là Tát-bà-nhã. Đại Phẩm nói: Tát-bà-nhã là trí của Thinh văn và Bích-chi Phật. Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát Ma-ha-tát, Nhất thiết chủng trí là trí của chư Phật. Kinh nói: Muốn dùng Nhất thiết trí đoạn các tập phiền não thì phải tập hạnh Bát-nhã Ba-la-mật. Luận hỏi trong một tâm được Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí đoạn các tập phiền não, nay sao nói vì Nhất thiết trí đầy đủ mà được Nhất thiết chủng trí, đem Nhất thiết chủng trí mà đoạn các tập phiền não? Đáp: Thật ra khi được Nhất thiết trí ở đây là khiến người tin Bát-nhã Ba-la-mật. Phẩm Thứ Đệ Sai Biệt nói.

Nhĩ-diệm (Jneya) hoặc gọi Nhĩ-viêm, dịch là Sở tri, Ưng tri hay cảnh giới. Hỏi như Đại Luận nói: Lúc đó qua ý địa đang trụ trong trí nghiệp, Sao Hoa Nghiêm nói: Khắp cứu các hàm thức khiến qua biển Nhĩ-diệm? Đáp: Do trí năng tri này chiếu mở cảnh Sở tri, thì gọi là qua biển Nhĩ-diệm. Nên kinh Lăng Già một nói: Trí Nhĩ-diệm được hướng đây toàn do cảnh ấy mà thành trí gọi là trí trong nghiệp.

Đa-già-tiêu hoặc Đa-già-la, dịch là trí căn. Duy-ma nói: Trí độ mẹ Bồ-tát. Tịnh Danh Sớ nói: Trí Độ tức là Thật trí, Thật trí hay hiển bày sức pháp thân như mẹ sanh ra. Thật trí cũng gọi là Như lý trí. Tức Chánh quán chân đế như lý mà biết thì không điên đảo. Nhiếp Luận nói: Thuận lý thanh tịnh gọi là Như lý trí. Thập Bát Không Luận rằng: NHư lý trí tức là Vô phân biệt trí cũng gọi là Chánh trí, lại gọi là Chân

trí, lại gọi là Căn bản trí.

Âu-hòa Câu-xá-la (Upàyakausalya), dịch là phương tiện. Duy-ma nói: Phương tiện xem là cha. Triệu Sư nói: Phương tiện tức là biệt dụng của trrí mà thôi. Trí để thông chỗ kín đáo tối tăm mà quyết định pháp tướng, không biết mà không chẳng biết, gọi là trí. Tuy thấu suốt tước các pháp (pháp tướng) mà hay chẳng chứng, ở chỗ có chẳng mất không, ở không chẳng bỏ có. Ngầm không mà giữ Đức, ta người đều cứu nên gọi là phương tiện. Tịnh Danh Sớ nói: Phương tiện là quyền trí, quyền trí dùng ngoài hay có thành biện. Như cha hay vinh cầu trưởng thanh. Nói về quyền trí cũng gọi là Như lượng trí. Khắp xem tất cả như sự số lượng thì nhiếp tất cả. Thập Bát Không Luận răng: Như lượng trí tức là Vô phân biệt hậu trí, cũng gọi là Biến trí, lại gọi là Tục trí, hay Hậu đắc trí. Phật Tánh Luận nói: hai trí này có hai thứ tướng: Một là Vô trước, hai là Vô ngại. Nói Vô trước là thấy chúng sanh giới tự tánh thanh tịnh là tướng của Như lý trí. Nói Vô ngại là hay thông suốt quán vô lượng vô biên các thế giới, là tướng của Như lượng trí. Lại Như lý trí là nhân, Như lượng trí là quả. Nói nhân, là hay làm nhân cho sanh tử và Niết-bàn. Nói quả, là do lý này nên biết chân tục các pháp của Như Lai. Lai Như lý trí là nhân thanh tịnh, Như lượng trí là nhân viên mãn. Nhân thanh tịnh là do Như lý trí mà ba hoặc diệt hết. Nhân viên mãn là do Như lượng trí mà ba đức viên mãn. Lại Như lý trí tức là thể một tâm làm nhân, Như lượng trí tức là dụng một tâm làm quả. Nhị Giáo Luận nói: Giáo của Thích Thị, lý giàu quyền thật. Hữu dư và bất liễu gọi đó quyền. Thật hai trí này mà lập hai giáo quyền thật. Bắc Sơn nói: Chân đạo đâu có thể lấy tu thân, quyền đạo đâu có thể ngự hóa. Chân đạo chẳng thể tạm bỏ, cho nên trộn lộn mà không cặn. Quyền đạo chẳng thể lập lâu cho nên bỏ mà họp đạo vậy.

51. BỐN MƯƠI HAI CHỮ.

Bài chép về Tự Mẫu Pháp Môn này, Thông nên nói là môn, vì dùng Năng thông làm nghĩa. Diệu Huyền nói: Có bốn thứ môn: 1. Lấy Văn tự làm môn, như Đại Phẩm bốn mươi hai chữ; 2. Lấy Quán hạnh làm môn, như Thích Luận nói: Tu ba thư Tam-muội v.v...; 3. Lấy Trí tuệ làm môn, như Pháp Hoa nói: Trí ấy là tuệ môn; 4. Lấy lý làm môn, như Đại Phẩm nói: Pháp vô sanh không tới không lui. Nói bốn mươi hai chữ thì bổ chú tụng rằng:

Tăng ra ba giá na la đà
Bà trà sa hòa đa dạ tra

Casa ma già tha xà bá
Đà xa khư xoa đa nhã đà
Bà xa ma hòa ta già tha
Noa phà ca sai giá tra trà.

Đại Phẩm nói: Bồ-tát Ma-ha-tát Ma-ha-diễn, chỗ gọi là tự là ngữ (chữ, lời...) v.v... các tự pháp môn. Trí Luận nói: Bốn mươi hai chữ là tất cả chữ căn bản. Nhân tự có ngữ có danh, nhân danh có nghĩa. Nếu nghe tự nhân tự cho đến hiểu rõ nghĩa ấy chữ đầu là A, chữ sau là trà, ở đoạn giữa có bốn mươi chữ. Ngài Nam nhạc giải thích tự nói: Pháp Tuệ nói mười trụ, mười phương nói mười trụ đều gọi là Pháp Tuệ cho đến Kim Cang Tạng cũng lại như thế. Nói Ngữ v.v... là mười phương chư Phật nói mười trụ cùng Pháp Tuệ nói v.v... cho đến mười địa cũng lại như thế. Lại tất cả chữ đều là không chữ (vô tự) mà hay làm tất cả chữ đó gọi là chữ v.v... phát ngôn không hai gọi đó là ngữ, tất cả các pháp đều hỗ tương tại (có cho nhau?). Đó gọi là Tự nhập môn v.v... Trước là sự giải thích. Sau đây là lý giải thích, Hoa Nghiêm Thiện Tri Chúng (khéo biết chúng) Nghệ Đồng Tử bảo Thiện Tài rằng: Ta luôn nói trì Tự mẫu này vào Bát-nhã Ba-la-mật môn. Ngài Thanh Lương Sớ rằng: Tự mẫu là hơn các nghê là gốc của Thư thuyết cho nên đây riêng nói. Văn Thù Ngữ Tự Kinh nói: Thọ trì Đà-la-ni này liền vào tất cả bình đẳng mau được thành tựu Ma-ha Bát-nhã, mới tụng một biến như trì tất cả tám vạn bốn ngàn tạng Tu-đa-la.

A-đề (Àdi) A-nâu-ba-đà (Anutpatti?), Tần gọi là Bất sanh. Đại Phẩm nói: môn chữ A là tất cả pháp xưa chẳng sanh. Trí Luận nói: Được Tự Đà-la-ni ấy, Bồ-tát nếu trong tất cả tiếng nói nghe chữ A này tức thì thao tùy nghĩa, chỗ gọi tất cả pháp từ xưa đến nay chẳng sanh. Nhị Giáo Luận nói: Vạn hóa vốn ở vô (không) mà sanh, sanh là vô sanh, Tam Tài Triệu ở vô thủy mà thủy (bắt đầu), thủy là vô thủy. Vậy thì vô sanh vô thủy là tánh của vật, có hóa có sanh là tụ của người. Trung Luận nói: Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng từ cái khác mà sanh, bất cộng bất vô nhân (chẳng cùng đều có nhân), đó gọi là vô sanh. Chỉ Quán nói: Nếu tâm cụ, là tâm khởi chẳng dùng duyên. Nếu duyên cụ thì duyên cụ chẳng quan hệ đến tâm. Nếu cộng cụ chưa cộng đều không, khi cộng thì sao có. Nếu lìa cụ, vì đã lìa tâm lìa duyên sao bỗng tâm cụ. Nay hỏi: Phật dạy nhân duyên là tông, luận trái (gót?) cộng sanh nên thuộc chỗ phá chăng? Đáp: Đơn (một) chân chẳng lập, riêng (một) vọng khó thành. Nhân duyên hòa hợp từ điên đảo mà nói. Nay quán thật tướng há có thể thuận mê. Cho nên nói phải chiếu lý thể vốn không bốn tánh. Lại

còn Tự Hành, tuy lìa bốn chấp, hóa tha không ngại bốn thuyết. Kinh nói tự sanh rằng: Ba cõi không pháp khác, chỉ là một tâm làm ra. Kinh nói: Tha sanh rằng Thiện tri thức là Đại nhân duyên. Hoặc nói: Năm dục khiến người đọa ác đạo. Hoặc nói cộng sanh rằng: Nước bạc hòa vàng ròng có thể thoa các sắc tượng. Hoặc nói Ly rằng: Mười hai nhân duyên không phải Phật làm ra, tánh nó như thế. Hoa Nghiêm nói: Khi đọc lên chữ A thì vào Bát-nhã Ba-la-mật môn gọi là nhờ oai lực của Bồ-tát mà vào sai biệt cảnh giới. Sớ nói: A là nghĩa vào vô sanh, Lý vô sanh bao gồm muôn pháp. Bồ-tát được vô sanh này biết các pháp là không đoạn tất cả chướng.

La-xà (Rajas), Đại Luận nói: Tần gọi là cấu. Đại Phẩm nói: Môn chữ La là tất cả pháp ly cấu. Hoa Nghiêm nói: Đọc môn chữ Đa vào vô biên môn sai biệt. Sớ nói: Kinh thứ hai (sang qua thứ hai) ấy là chữ La là nghĩa thanh tịnh vô nhiễm ly cấu. Nay nói chữ Đa là người dịch lầm.

Ba-la-mạt-đà (Daràmàratha), Tần gọi là Đệ nhất nghĩa. Đại Phẩm nói: Là môn chữ Ba vì tất cả pháp Đệ nhất nghĩa vậy. Lăng Già nói là Đệ nhất nghĩa, là Thánh thích nói năng nghe vào là Đệ nhất nghĩa, không phải lời lẽ là Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là Thánh trí tự biết chộ được không phải là Chánh giác nói nang vọng tưởng mà biết. Thế nên nói: Vọng tưởng chẳng hiển bày đi đứng ngồi nằm. Nói năng (lời lẽ) là giao động sanh diệt lần lượt khởi nhân duyên. Nếu lần lượt khởi nhân duyên thì nó không thể hiển bày Đệ nhất nghĩa. Lại nói như người ngu kia lấy tay chỉ vật người ngu chỉ nhìn ngón tay mà không được nghĩa thật. Như thế người ngu theo lời nói chỉ ra mà giữ gìn chấp trước đến cuối cũng chẳng bỏ thì trọn không thể được, phải lìa lời nói chỉ mới là (được) Đệ nhất thật nghĩa. Kinh Đại Tập nói: Lý thậm thâm chẳng thể nói, Đệ nhất nghĩa đế không có tiếng và chữ. Hoa Nghiêm đọc môn chữ Ba gọi là Phổ Chiếu pháp giới. Số rằng: Các pháp đều bình đẳng tức Phổ Chiếu pháp giới.

Giá-lệ-dạ (Caryà), Tần gọi là Hạnh. Đại Phẩm nói là môn chữ Giá, là tất cả pháp trọn không thể được Luận nói: Nếu nghe chữ giá, tức biết tất cả các hạnh đều phi hạnh (chẳng phải hạnh). Nay giải thích thêm rằng: Hạnh trước (thủy) gọi là nhân, hạnh cuối (chung) gọi là quả Hoằng Minh Tập nói: mảy may của ác nhiều kiếp chẳng mất, chút đỉnh của thiện nhiều đời còn hoài, phước thành thì thiên đường tự đến, tội chứa thì địa ngục tự bày, đây là số tất nhiên chớ nghi. Nếu tạo thiện trong tối mà được Báo ở sáng thì đời gọi là âm đức, mọi người đều tin.

Tạo ác ngoài sáng được báo trong tối, lý này rõ ràng ssao chẳng tin. Lại nói Thánh nhân nói: Phước để khuyên thiện, bày họa để răn ác. Tiểu nhân gọi thiện vô ích mà chẳng làm bảo ác không hại mà chẳng hối, phàm họa phước đều có răn, chẳng thể không nhân mà vọng nói. Thiện ác đều có báo, ắt không phải ứng mà uổng công. Lại nói vậy thì Pháp vương lập pháp khắp thống thức tâm ba cõi lao tù, ba khoa hiểm ác một tội, hai phước, ba đạo. Tội thì ba độc là nghiệp cột ràng thuộc về quỉ vương. Phước thì bốn hoằng tạo nên ta chắc sẽ thuộc Thiện chủ. Đạo thì hư thông vô ngại (không trên), cứ hạnh mà chẳng mê vô minh, mê thì thừa phân đại tiểu. Trí dính tín pháp sáng thì riêng thấu lý tánh, vượt ngoài có không. Lại nói: Phước là gì, là nói cảm lạc thọ mà an thân, lấy vui mà vui tánh. Nay luận phước thi bi kính làm đầu, bí thì thương các cay đắng của khổ thú mà nghĩ cách cứu ra. Kính thì biết Phật pháp khó gặp bèn tin kính mà lắng thần. Duyên cảnh dính dự tình theo lý duy tâm làm gốc, hư hoại chẳng buộc (quan hệ), phước kia ắt về mình người (tự tha). Đảo tưởng chưa dời tạo nghiệp có trái ở sự dụng. Nay xem Hoằng Minh chỗ lập ba khoa tên nó tuy đẹp, giải thích ba nghĩa ý chỉ còn lỗi dùng luận mười giới lộn lạo chẳng phân. Nay bảo mười sử mười ác là thuộc tội gọi là Hắc nghiệp, có báo là bốn ác thú. Còn năm giới mười thiện, bốn thiền bốn định là thuộc phước gọi là Bạch nghiệp, có báo ở trời người. Về ba thừa Ma-ha-diễn là thuộc đạo thì cảm báo bốn thánh. Đây thì cọi phàm Thánh đã phân, viện nhân quả đã định, chỉ ba khoa này là gồm thâu tất cả. Đại Luận nói: Hoặc nói ba hạnh: Thân hạnh khẩu hạnh ý hạnh. Thân hạnh là thở ra vào. Vì sao thế? Vì trước giác quán (thấy biết) sau mới nói năng. Y hạnh là thọ tưởng. Vì sao thế? Vì thọ khổ vui lấy tướng mà tâm phát, nên gọi là ý hạnh. Tâm số thuộc ái chủ gọi là Thọ, thuộc kiến chủ gọi là tưởng. Thế nên nói hai pháp ấy là: Ý hạnh Hoa Nghiêm nói: Môn chữ giả gọi là Phổ Luân Đoạn Sai Biệt. Sớ nói: Chữ giả là các pháp vô hữu, các hạnh đã không thì khắp kẻ gảy sai khác.

Na (Na), Tần gọi là Bất. Đại Phẩm nói: Môn chữ Na là các pháp lìa Danh tánh tướng, chẳng Đắc chẳng Thất. Luận nói: Tức biết tất cả pháp chẳng Đắc chẳng Thất chẳng tới chẳng lui. Hoa Nghiêm nói: Môn chữ Na là Đắc (được) vô y môn, Đắc (được) vô y vô thượng. Sớ rằng: Na là các pháp không có tánh tướng nói năng văn tự (chữ nghĩa tên gọi). Tánh tướng đều mất nên gọi Vô y, năng thuyên sở thuyên đều hết nên gọi Vô thượng.

La-cầu (Laghu), Tần gọi là khinh. Đại Phẩm nói: Môn chữ La là

các pháp độ thế gian cũng ái chi nhân diệt. Luận rằng: Nếu nghe chữ La liền biết tất cả pháp lìa tướng khinh trọng. Hoa Nghiêm nói: Môn chữ La gọi là Ly y chỉ vô cấu. Sớ rằng: Chữ La, là ngộ tất cả các pháp lìa thế gian.

Đà-ma, Tần gọi là thiện. Đại Phẩm nói: Môn chữ Đà là các pháp thiện tâm sanh, cũng là tướng bố thí. Luận nói: Tức biết tất cả pháp tướng Thiện - Hoa Nghiêm nói: Môn chữ Đà gọi là Bất thối chuyển phương tiện. Sớ rằng: Ngộ (biết?) tất cả pháp là điều phục tịch tịnh chân như bình đẳng không phân biệt mới là Bất thối chuyển phương tiện. Nam Sơn nói: Khuyên gắng ba nghiệp tu tập giới hạnh có thiện khởi hộ (khởi hộ về thiện) gọi đó là làm (tác), làm mà không phạm gọi là Trì. Âm Nghĩa Chỉ Qui nói: Trì là chấp (nắm giữ), chấp trì pháp đã thọ cũng như ôm châu nắm ngọc vậy. Phạm là can, nghĩa là can phạm pháp đã thọ, bỏ mà không giữ tiếc, như châu rụng ngọc rơi vậy. Thiện là thuận. Khởi Tín nói: Vì biết pháp tánh thể không xen tham mà tùy thuận tu hành Đàn Ba-la-mật, vì biết pháp tánh không nhiễm, lìa lỗi năm dục mà tùy thuận tu hành thí Ba-la-mật. Cho đến vì biết pháp tánh thể sáng lìa vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vị thiện nghĩa thuận nên người chứa nhóm thiện ắt có nhiều mừng vui. Cho nên thời Thái Mậu Tang Cốc buổi sáng sanh thì chiều to như cũng. Vua sợ, Y Thiệp nói: Thần nghe yêu mị không hơn được đức ắt đức vua có thiếu sót. Thái Mộc theo mà Tang Cốc khô chết, ân đạo trung hưng. Người chứa bất thiện thì ắt có nhiều tai ương. Cho nên thời Đế Tân có chim sẻ sanh một con quạ ở một góc thành. Thái sư chiếm quẻ nói: Lấy nhỏ sanh lớn nước nhà ắt xương thịnh. Đế Tân tàn bạo, chẳng tu thiện chánh nước Ân bèn mất. Kinh nói: Chớ bảo tội nhỏ mà không bị tai ương, giọt nước tuy nhỏ nhưng dần đầy lu to. Song nếu giữ đạo tự nhiên, chuyên nói không có báo ứng bởi làm thiện mà bị họa đây cũng có nhiều, làm ác mà được phước đây cũng không ít. Cho nên kinh nói: Người làm thiện gặp việc trắc trở, kẻ làm ác gặp việc hài hòa, đến nỗi khiến người ngu ở thế gian bảo thiện ác chẳng phân. Như Nghiêu Thuấn đức hóa (cái trí bằng đức) mà gặp Hồng Thủy, vua Thang Thiện Chánh mà gặp cửu kháng. Mân Tổn hạnh hiếu mà nhà nghèo. Nhan Hồi tu nhân mà chết sớm. Bèn bảo sang hèn là từ số mạng, ngu trí đều do trời ban, đẹp xấu vốn tự nhiên, nmghèo giàu không do nghiệp cảm. Bèn bảo ai tiêm gai gốc các cầm thú, ai được núi non và sông suối, gió bảo chợt nổi lại tự ngừng. Vạn vật phải biết là tự nhiên, không tỉnh (biết) tiếng hòa thì vang thuận, đâu hiểu hình thẳng thì bóng ngay. Chẳng rõ ba thứ báo khác nhau, sao biết

hạnh muôn kiếp có khác. Nên nói: Làm ác mà được vui là vì ác chưa chín đến khi ác chín thì tự thấy chịu khổ. Tu thiện mà gặp khổ là vì thiện chưa chín khi thiện chín thì tự thấy được vui. Cho nên kinh Đại Niết-bàn nói ba thứ báo: Một là thuận hiện báo nói chủ hiếu từ, huấn thế tấc, mây lành khắp, thọ tinh hiện. Vua nhân, ân đức khắp vật thì suối nước ngọt phun lên, mầm giống tốt. Thiện đã có bằng cớ, ác cũng có chứng nghiệm. Ông Tiều chỉ gấu mà tay rụng, lão rượu ăn thịt mà lạnh da; hai là thuận sanh báo. Đời này tuy làm nhân thiện ác, đời kế mới chịu quả khổ vui. Bình Sa Vương đổi báo ở Tứ Thiên, Hữu tướng đổi đời ở sáu dục; ba là Thuận Hậu báo. Thân này tạo nhân báo ở đời sau. Già tra bảy lần trở lại mà hưởng mừng vui, Na-luật nhiều kiếp mà thọ phước xa. Ba thứ báo này đều gọi là Định nghiệp. Lại Niết-bàn nói: Chưa vào pháp ta gọi là nghiệp quyết định, đã vào pháp ta rồi thì gọi là chẳng quyết định. Đại Phẩm nói: Bồ-tát làm Bát-nhã nếu có tôi nặng thì hiện đời bị báo nhẹ. Trí Luận giải thích rằng: Lại như con vua tuy làm tội nặng cũng bị hình phạt nhẹ, vì sanh trong dòng vua. Bồ-tát cũng thế, hay làm hạnh Bát-nhã thì được thật trí tuệ, tức sanh vào dòng Phật, tuy có tội nặng sao lại chịu hình phạt nặng? Thanh Long Sớ nói: Bất định (chẳng quyết định) có ba, đó là thời định mà báo chẳng định, báo định mà thời chẳng định, Báo thời đều chẳng định. Chỗ chuyển ở đây là câu thứ hai. Vì sao? Do báo nhất định nên chuyển nặng thành nhẹ. Do thời bất định nên nghiệp đáng đọa ác đạo mà ở nhân gian hiện thọ. Còn (ngoài) hai câu kia tất cả đều mất. Thế nên Thích Thị chỉ thế giới hư không đều do tâm mình, khảo báo ứng thiện ác đều do nghiệp mình. Thì biết ba cõi tuần hoàn đây đều do vọng thức, bốn loài qua lại đều bởi tâm mê. Nên Cổ đức nói: Đều do một tâm mà xuyên suốt các pháp.

Bà-đà (Bauđha), Tần gọi là phược. Đại Phẩm nói: Môn chữ Bà các pháp môn chữ Bà là lìa. Luận nói: Tức biết tất cả pháp không trói không mở. Hoa Nghiêm nói: thời chữ Ba gọi là Kim Cang Tràng. Sớ rằng: Biết tất cả các pháp lìa trói mở mới vào Kim Cang Tràng.

Xà-xà-tha, Tần gọi là bất (Nhiệt?). Đại Phẩm nói: Môn chữ Thà, các pháp chữ Trà là Tịnh. Luận nói: Tức biết các pháp không có tướng Nhiệt. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Trà gọi là Phổ Luân. Sớ rằng: biết tất cả pháp lìa uế Nhiệt kiêu được mát mẻ là nghĩa Phổ tồi.

Sa (Waw), Tần gọi là sáu. Đại Phẩm nói: Môn chữ Sa, là các pháp sáu Tự Tại Vương tánh thanh tịnh. Luận nói: Tức biết thân người có sáu thứ tướng. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ sa gọi là Hải Tạng. Sớ rằng: Biết tất cả pháp không quái ngại như biển chứa (ảnh).

Hòa-ba-đà (Vada), Tần gọi là ngữ ngôn. Đại Phẩm nói: Môn chữ Hòa là vào các pháp nói năng đều dứt. Luận nói: Biết tất cả pháp lìa tướng ngôn ngữ. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ phược gọi là Phổ sanh an trụ. Sớ rằng: Biết tất cả pháp dứt nói năng.

Đa-tha (Tathà), Tần gọi là Như. Đại Phẩm nói: Môn chữ Đa là vào các pháp Như tướng bất động. Luận nói: Pháp ở trong hư chẳng động. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Đa gọi là Viên mãn quang. Sớ rằng: Biết tất cả pháp chân như bất động.

Da-tha-bạt (Yathàvat?), Tần gọi là Thật. Đại Phẩm nói: Môn chữ Dạ là vào các pháp như thật chẳng sanh. Luận nói: Các pháp vào trong thật tướng chẳng sanh chẳng diệt. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Dã gọi là siêng năng tích tụ. Sớ rằng: Biết như thật chẳng sanh thì các thừa tích tụ đều chẳng thể được.

Tra-bà (Pratistambha), Tần gọi là chướng ngại. Đại Phẩm nói: Môn chữ Tra là các pháp chế phục chẳng thể được. Luận nói biết tất cả pháp không tướng chướng ngại. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Sắc-tra gọi là Phổ quang minh tức phiền não (khắp sáng suốt dứt phiền não).

Ca-la (Kara), Tần gọi là tác giả (người làm). Đại Phẩm nói: Môn chữ ca vào các pháp tác giả chẳng thể được. Luận nói: Biết trong các pháp không có tác giả. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Ca gọi là Sai biệt vân. Sớ rằng: làm nghiệp như mây đều không sai khác.

Ta-ta (Sarva), Tần gọi là Nhất thiết. Pháp Uyển nói: Nhất là khắp đến khắp, Thiết là cùng bờ mé. Đại Phẩm nói: Môn chữ Ta là vào các pháp thời chẳng thể được, vì Thời các pháp chuyển đi (thay đổi). Luận rằng: Tức biết các (tất cả) Nhất thiết pháp các (tất cả) Nhất thiết thứ chẳng thể được. Nhất thiết có hai thứ: Một là Danh tự Nhất thiết. Như nói tất cả đều sợ chết đều sợ dao gậy. Không sắc không thân thì chẳng sợ dao gậy. Đây là danh tự Nhất thiết; hai là Thật Nhất thiết, Đại thừa hay biết chẳng thể dùng tất cả đạo mà khởi tất cả thứ. Hoa Nghiêm nói: Thời chư Ta gọi là giáng chú đại vũ (mưa to như trút nước). Sớ rằng: Tức tánh bình đẳng.

Ma-ma-ca-la (Mamakara), Tần gọi là Ngã sở. Đại Phẩm nói: Môn chữ Ma là vào các pháp ngã sở chẳng thể được. Luận rằng: Nếu nghe chữ Ma tức là biết tất cả pháp lìa ngã sở. Triệu nói: Ta là chủ vạn vật, vạn vật là cái của ta (ngã sở). Lại Sanh Công nói: Có ý về ngã thì các pháp bên ngoài đều cho là của ta có. Tịnh Danh Sớ răng: Tâm trong pháp tưởng là ta thì cho mười pháp giới là của ta (vi sở?). Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Ma gọi là sông lớn chảy xiết các núi đều cao vót. Sớ rằng:

Tức tánh ngã sở (cái của ta) mà ngã mạn cất cao ngã mạn thì sông dài sanh tử càng chảy xiết.

Già-đà (Gaha), Tần gọi là Để (đáy). Đại Phẩm nói: Môn chữ Già là vào các pháp mất đi chẳng thể được tức biết tất cả pháp đáy chẳng thể được. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Già gọi là khắp an lập. Sớ rằng: Tức tánh hành thủ của tất cả pháp.

Đà-tha A-già-đà (Tathàgata), Tần gọi là như khứ. Đại Phẩm nói: Môn chữ Tha là vào chỗ các pháp chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết bốn câu như khứ (bỏ đi?) chẳng thể được. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Tha gọi là Chân Như Bình Đẳng Tạng. Sớ rằng: Tức là Tánh Đổ xứ sở.

Xà-đề-xà-la, Tần gọi làsanh. Đại Phẩm nói: Môn chữ Xà là vào các pháp sanh chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết các pháp sanh chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết các pháp sanh lão chẳng thể được nghe. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Xà gọi là vào biển thế gian thanh tịnh. Sớ rằng: Năng sở sanh ra.

Bá (Pha). Đại Phẩm nói: Môn chữ Bá là vào các pháp chữ Bá chẳng thể được. Luận rằng: Nếu nghe chữ Thấp Ba (Thóa) tức biết tất cả pháp như chữ thấp ba chẳng thể được. Chữ thấp ba không có nghĩa nên chẳng dịch. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Tỏa gọi là niệm tất cả Phật trang nghiêm. Sớ rằng tức tánh an ổn.

Đà-ma (Dharama), Tần gọi là pháp tánh. Đại Phẩm nói: Môn chữ Đà là vào các pháp tánh chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết pháp tánh trong tất cả pháp chẳng thể được. Chi Thức Luận nói có ba tánh: Một là Biến kế sở chấp tánh. Hai thức sáu, bảy biến khắp trên nhiễm tịnh của tất cả pháp, kể là pháp thật ngã gọi là Biến kế sở chấp. Như cái dây mà tường là rắn. Tụng nói: Do các thứ biến kế, biến kế các thứ vật, Biến kế sở chấp này, tự tánh nó không có; hai là y tha khởi tự tánh, các pháp nhiễm tịnh y vào các duyên khác mà sanh khởi nên gọi là y tha. Như sợi gai tưởng là (đến) cái dây. Tụng nói: Y tha khởi tự tánh, phân biệt duyên đã sanh, vì các tâm tâm sở y tha khởi, cũng như việc huyễn (ảo thuật) không phải thật có. Vì trái chấp ngoài tâm tâm là thật có cảnh. Nói là chỉ có (do) thức, nếu chấp chỉ do thức (Duy thức) là thật có thì cũng là chấp pháp; ba là Viên thành thật tánh, chỉ một chân không viên mãn thành thật, chỉ ma riêng còn. Duy Thức Tụng rằng:

Viên thành thật ở kia,
Thường xa lìa tánh trước,
Chứng chân nói ở kia.

Tức là ở trên pháp Y tha khởi kia mà xa lìa Biến kế sở chấp, liền gọi là Viên thành thật tánh. Sư xưa đều giải thích Viên thành là chân, Biến kế là vọng. Y tha nếu tịnh là đồng với chân, nếu nhiễm là đồng với vọng. Tụng rằng:

Ngày trắng thấy dây dây là gai (ma),
Ban đêm thấy dây dây là rắn,
Trên gai sanh dây cũng là vọng,
Sao khan trên dây lại (?) rắn.

Tánh Tông giải thích Viên thành nói: Bản giác chân tâm, Thủy giác hiển hiện, Viên mãn thành thật, Chân thật thường trụ. Ba pháp đều đủ không có, cái đầu tình có lý không, cái kế tướng có tánh không, ba thì tình không lý có, tướng không tánh có. Nam nhạc nói Tâm thể bình đẳng gọi là Chân thật tánh, Tâm thể bi nhiễm tịnh hun đúc (huân), liền theo hai pháp Nhiễm Tịnh gọi là Y tha tánh, chỗ hiện ra hư tướng quả báo gọi là phân biệt tánh. Duy Thức nói: Tứ y ba tánh này, nói ba kia vô tánh, trước là tướng không tánh, kế là không tánh tự nhiên, sau do xa lìa trước chỗ chấp pháp ngã tánh, Phật ý kín nói tất cả pháp Phật tánh. Lại nói: Nếu khi ở duyên ấy, trí đều không chỗ được, Năng sở nhất như không có hai tướng. Bấy giờ trụ Duy thức lìa tướng hai lấy. Hoa Nghiêm nói: thời chữ Đà gọi là quán sát chọn lựa, tất cả pháp tụ. Sớ rằng: Tức tánh hay Trì giới.

Dư-đa (Sàmta?), Tần gọi là tịch diệt. Đại Phẩm nói: Môn chữ Dư là vào tất cả pháp Định không thể được. Luận rằng: Tức biết các pháp tướng tịch diệt. Diệu Lạc nói: Đây nói tịch diệt là diệt cái diệt sanh không phải là diệt cái tức sanh, diệt cái tức sanh là chẳng diệt. Như Tịnh Danh nói: Pháp vốn chẳng thể nay thì không diệt là nghĩa tịch diệt. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Xa gọi là tùy thuận tất cả Phật giáo luân quang minh. Sớ rằng: tức là tánh tịch tịnh.

Khư (Kha), Tần gọi là Hư không. Đại Phẩm nói: Môn chư khư là vào các pháp hư không chẳng thể được. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ Khư gọi là tu Nhân địa trí tuệ tạng. Sớ rằng tức như tánh hư không.

Xoa-da (Ksaya), Tần gọi là Tận (hết). Đại Phẩm nói: Môn chữ Xoa là vào các pháp tận chẳng thể được. Hoa Nghiêm nói: Thời chữ xoa gọi là tức Chư Nghiệp Hải Tạng. Sớ rằng: Tức là tánh tận.

Ca-đa-độ-cầu-na, Tần gọi là bên việc được lợi gì. Đại Phẩm nói: Môn chữ đa là vào các pháp có có thể được. Luận rằng: Tức biết các pháp biện được lợi gì Hoa Nghiêm nói thời chữ Ta-đa gọi là trừ các hoặc chướng, Khai tịnh quang minh (mở ánh sáng tịnh). Sớ rằng: Tức

tánh nhậm trì xứ phi xứ khiến chẳng động.

Nhã-na (Jnãna) hoặc Xà-na, Tần gọi là Trí - Đại Phẩm nói: Môn chữ Nhã là vào các pháp trí chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết tướng Vô trí trong tất cả pháp. Hoa Nghiêm nói thời chữ Nhương gọi là Tác thế gian trí tuệ môn (làm trí tuệ môn ở thế gian). Sớ rằng: Tức tánh Năng sở tri. Kinh Phật Địa nói có bốn trí: Một là Đại viên cảnh trí, như y vào gương tròn sáng hiện rõ các hình ảnh. Như thế là nương vào gương trí của Như Lai mà biết các cảnh tượng ở mọi nơi; hai là Bình đẳng tánh trí, là chứng được tất cả lãnh thọ duyên khởi bình đẳng pháp tánh, viên mãn thành tựu; ba là Diệu quan sát trí, là trụ trì (giữ gìn) tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, vô ngại biện tài nói các Diệu pháp; bốn là Thành sở tác trí là động thân hóa nghiệp hiện bày các thứ, tồi phục các tài khéo dẫn dắt chúng sanh khiến vào Thánh giáo mà thành giải thoát. (Song ki Niết-bàn nói y trì mà chẳng y thức. Ở Thánh thì gọi là Thành sở tác trí, ở phàm thì gọi là năm thức. Ở Thánh thì gọi là Diệu quan sát trí mà ở phàm thì gọi là thức thứ sáu. Ở Thánh thì gọi là Bình đẳng tánh trí, ở Phàm thì gọi là thức thứ bảy. Ở Thánh thì gọi là Đại viên cảnh trí, ở phàm thì gọi là thức thứ tám. Tuy Thánh phàm một thể mà Mê ngộ có tên khác nhau, khiến y trí mà chẳng có thức).

A-thi (Artha), Tần gọi là nghĩa. Đại Phẩm nói: Môn chữ Thi à vào các pháp thi chẳng thể được. Luận rằng: Nếu nghe chữ Tha tức biết nghĩa tất cả pháp chẳng thể được. Hoa Nghiêm nói: Chữ hạt La-đa gọi là sanh tử cảnh giới trí tuệ luận. Sớ rằng: Tứ tánh chấp trước nghĩa. Chấp trước là cảnh sanh tử, Nghĩa tức là trí tuệ luận.

Bà (Ta)-già (Bhàga), Tần gọi là Phá. Đại Phẩm nói: Chữ Ta vào các pháp phá hoại chẳng thể được. Luận nói: Biết tất cả pháp chẳng được tướng phá. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Bà thì gọi là Nhất thiết trí cung điện viên mãn trang nghiêm. Sớ rằng: Tức nói có thể phá hoại tánh viên mãn. Bất không dịch là đạo tràng.

Già-xa-đề (Gacchati), Tần gọi là Khứ (bỏ đi?) Đại Phẩm nói: Môn chữ xa là vào các pháp Dục chẳng thể được, như ảnh năm chúng cũng chẳng thể được. Luận rằng: tức biết rốt cuộc các pháp chẳng chỗ bỏ (đi). Hoa Nghiêm khi đọc chữ Xa thì gọi là Tu hành phương tiện tạng, đều riêng được viên mãn. Sớ rằng: Tức tánh bị dục lạc che đậy.

A-thấp-ma (Azman), Tần gọi là thạch (đá). Đại Phẩm nói: Môn chữ Ma, là vào các pháp chữ Ma chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết các pháp bền chắc như đá Kim cang. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Ta-ma thì gọi là Tùy mười phương hiện thấy chư Phật. Sớ rằng: Tức tánh có

thể ức niệm (nghĩ nhớ).

Hỏa-dạ, Tần gọi là Hoán lai (gọi lại), Đại Phẩm nói: Môn chữ Hỏa là vào các pháp Hoán chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết tất cả các pháp không có tướng âm thinh. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Ha-bà thì gọi là quan sát tất cả chúng không không duyên mà phương tiện nhiếp thọ, khiến sanh ra sức vô ngại. Sớ rằng: Tức là tánh có thể gọi mời, mời gọi vô duyên khiến có duyên.

Mạt-sai-la (Màtsarya), Tần gọi là Xan (bỏn xẻn). Đại Phẩm nói: Môn chữ Sai, là vào các pháp chữ Sai chẳng thể được. Luận rằng: Chữ sai tức biết tất cả pháp tướng không xan không thí. Hoa Nghiêm khi đọc chữ sai thì gọi là Tu hành mà thú nhập vào biển tất cả công đức. Sớ rằng: Tức là tánh mạnh mẽ (dõng kiện).

Già-na (Ghana), Tần gọi là Hậu (sâu dày). Đại Phẩm nói: Môn chữ già là vào các pháp Hậu chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết các pháp chẳng Hậu chẳng Bạc. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Già gọi là Trì nhất thiết pháp vân kiên cố hải tạng. Sớ rằng: Tức tánh Hậu bình đẳng.

Tha-na (Sthàna), Tần gọi là xứ (chỗ ở). Đại Phẩm nói: Môn chữ Tha là vào các pháp Xứ chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết các pháp không có chỗ ở. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Tra thì gọi là Tùy nguyện khắp thấy chư Phật. Sớ rằng: Tức tánh tích tập (chứa nhóm).

Noa (na), Tần gọi là bất (chẳng). Đại Phẩm nói: Môn chữ Noa là vào các pháp chẳng tới chẳng lui chẳng đứng chẳng ngồi chẳng nằm. Luận rằng: Chúng sanh không pháp không. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Noa thì gọi là quan sát tự luận hữu vô tận chư ức tự. Sớ rằng: Tức lìa các tranh cãi ồn ào, không đến không đi không đi đứng ngồi nằm, nghĩa là luôn quán tự luân.

Phả-la (Phala), Tần gọi là quả. Đại Phẩm nói: Môn chữ Phả là vào các pháp biến (khắp) chẳng được. Luận rằng: Tức biết tất cả pháp không nhân quả. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Ta Phả thì gọi là Hóa chúng sanh cứu cánh xứ. Sớ rằng: Tức đầy khắp quả báo.

Ca-đại, Tần gọi là chúng, Đại Phẩm nói: Môn chữ Ca là vào các nhóm pháp chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết tất cả năm chúng chẳng thể được. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Ta Ca thì gọi là Quảng tạng vô ngại biện quang minh luân biến chiếu. Sớ rằng: Tức là tánh chứa nhóm.

Ta, Đại Phẩm nói: Môn chữ Ta là vào các pháp chữ Ta chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết chữ Ta là không, các pháp cũng thế. Hoa Nghiêm đọc chữ Dã Ta gọi là Tuyên nói tất cả cảnh giới Phật pháp. Sớ rằng: Tức là tánh tướng suy lão.

Giá-la-địa (Calati), Tần gọi là Động. Đại Phẩm nói: Môn chữ Giá là vào các pháp Hạnh chẳng thể được. Luận rằng: Tức biết tất cả pháp tướng bất động. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Thất giả gọi là đối với tất cả chúng sanh giới pháp lôi biển hẩu (sấm pháp khắp gầm thét với tất cả chúng sanh giới). Sớ rằng: Tức tụ tập dấu chân, nghĩa là tụ tập tất cả chúng sanh, pháp lôi tức là dấu chân.

Đa-la (Tara), Tần gọi là Ngạn (bờ). Đại Phẩm nói: Môn chữ Trá là vào các pháp khu (đuổi) chẳng thể được. Luận rằng: Nếu nghe chữ Đa tức biết tất cả pháp ở bờ kia đây chẳng thể được. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Tra gọi là đem pháp vô ngã khiến chúng sanh hiểu. Sớ rằng: Tức tướng tánh đuổi gấp gọi là hiểu vô ngã, tức là đuổi gấp.

Bỉ-trà, Tần gọi là Tất (ắt). Đại Phẩm nói: Môn chữ Trà là vào các pháp biên cánh xứ chẳng chết chẳng sanh qua trà không chữ có thể nói. Luận rằng: Tức biết các pháp ắt chẳng thể được. Hoa Nghiêm khi đọc chữ Đà gọi là Nhất thiết pháp luân sai biệt tạng. Sớ rằng: Đây là rốt ráo gồm chứa tất cả pháp luận mới dịch là chữ Trà. Đại Phẩm nói: Một chữ đều vào bốn mươi hai chữ, bốn mươi hai chữ cũng vào một chữ. Nam Nhạc Đại sư nói: Dùng biểu thị bốn mươi hai vị, một là môn chữ A biểu thị Sơ trụ, cuối là chữ Trà biểu thị Diệu giác cho nên nói qua Trà không chữ có thể nói. Vì đời chấp gọi là pháp, các Thánh do đây gọi là môn.

52. PHÁP DANH CÚ VĂN.

Du già nói: Phật Bồ-tát v.v... là Năng thuyết (người nói). Lời là tướng của Năng thuyết. Danh Cú Văn Thân là tướng của Sở thuyết (pháp được nói). Thành Duy Thức Luận nói: Danh là nói tự tánh, Cú là nói sai biệt. Văn tức là chữ làm hai sở y (hai chỗ nương). Đây không phải là sắc tâm thuộc Bất tương ưng hành nên gọi là ba già. Bà-sa hỏi: Như thế Phật giáo lấy gì làm thể? Đáp: Một là lấy Ngữ nghiệp làm thể gọi là lời lẽ Phật (lời Phật nói). Xướng (đọc lời) từ, bình luận, ngữ âm, ngữ luận, ngữ nghiệp, ngữ biểu ấy là Phật giáo (giáo của Phật). Đây là Ngữ Nghiệp Sư; hai là gọi danh v.v... làm thể, Danh Thân Cú Thân Văn Thân thứ lớp nêu bày (làm lệ), đặt bày liên họp gọi là Danh Cú Văn, vì sao chỉ lấy Tiếng (thinh) làm giáo thể? Đây gọi là Cú Sư. Ngữ Nghiệp Sư vấn nạn rằng: Danh Cú Văn chỉ hiển bày tác dụng của Phật giáo, không phải là Tự thể. Danh Cú Sư vấn nạn rằng: Thinh là sắc pháp vì sao được là giáo thể, cần phải do có danh, bèn nói là giáo, thế nên thể của Phật giáo tức là Danh Danh hay nói nghĩa, nên gọi Danh là thể. Hai sư có cái thấy khác nhau, chấp chặt chẳng thông, trong lúc lý luận luôn

giữ hai nghĩa. Cho nên Chánh Lý Sao nói: Xét hai thuyết trên đều có sở qui, các luận đều có hai nhà chưa chịu nghe phán quyết. Tây Phương Truyện nói: Đủ bàn không thiếu, là sao? Là nếu lấy giáo nhiếp cô, không có tiếng thì chẳng nghe thấy gì, nếu lấy lời nói mà tìm ý chỉ thì không có danh ắt không có gì bày ra. Cho nên Câu-xá nói: Mâu-ni nói Pháp uẩn, số có tám mươi ngàn, Thể nó Ngữ hoặc Danh, là Sắc hành uẩn nhiếp. Thể tức là giáo thể, Ngữ tức là ngữ nghiệp, Danh là Danh cú. Nói Sắc hành uẩn là do thuộc thinh nên không thể thấy có đối sắc do sắc uẩn thâu, còn Danh cú thuộc bất tương ưng hành do Hành uẩn nhiếp. Thể đã thông ở sắc hành thì hiển bày giáo năng thuyên. Thinh Danh Cú Văn bốn pháp hòa hợp mới là Lý năng thuyên. Lại phải biết Phật còn ở đời và diệt độ rồi hai thể không đồng. Nếu ước theo Phật còn ở đời thì tám âm bốn biện tướng tiếng Phạm âm. Đây là một thật. Danh cú văn thân chính là trên thinh (tiếng) khuất khúc mà lập ra, ba thứ này là Giả. Nếu ước theo Phật diệt độ rồi, các thánh kiết tập với lá bối ở Tây Vức, với tre lụa ở Đông Hạ, viết chép Thánh giáo chứa trong đó, thì Danh Cú Văn Thân đều thuộc Sắc pháp. Đây là theo chánh mà phân biệt. Nếu ở bàng (phụ) mà thông nói: Phật còn ở đời thì chánh tuy thuộc thinh mà bàng (phụ) cũng thông sắc. Như ngài Ca-chiên-diên soạn ra các kinh Yếu Nghĩa trình Phật ấn khả thì đây là thông sắc. Phật diệt độ rồi chánh tuy dùng sắc mà bàng (phụ) cũng thông thinh (tiếng). Vì nhờ bốn y mà nói mơi có thể hiểu, phải phân biệt như thế thì giáo thể mới sáng tỏ. Du Già Luận nói: Thể các Khế Kinh lược có hai thứ: Một là văn, hai là nghĩa. Văn là sở y, nghĩa là năng y. Thập Trụ phẩm nói: Văn tùy ở nghĩa, nghĩa tùy ở văn, văn nghĩa tùy nhau thì lý không nhầm mới là chân giáo. Đây nói thể đã xong.

Tiện-thiện-na (Vyainjana), dịch là Văn Thân. Từ Ân Sớ nói: Văn Thân là Danh Cú y đó mà hiển sở biểu (điều muốn nêu bày). Hiển có bốn nghĩa: Một là quạt, hai là tướng hảo, ba là căn hình, bốn là muốn mặn. Như kế hiển gió mát người lớn, nam nữ, mùi vị... nên gọi là Hiển kể dụ Văn Thân này có thể hiển lý. Nếu theo xưa dịch thì Văn là vị, chỉ là Sở hiển, không phải Năng hiển. Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Văn Thân, nghĩa là ở đây hay Danh Cú. Lăng Già nói: Hình thân nghĩa là hiển bày gọi là hình thân. Lại hình thân là dài ngắn cao thấp. Chú rằng: Hình thân tức là chữ. Nhập Lăng Già nói: Tự thân tức là tiếng dài ngắn, âm vận cao thấp gọi là tự thân. Hay hỏi văn và tự là khác hay đồng. Nếu chưa sửa đổi đây chỉ là danh tự, nếu đã cải đổi thì văn tức là tự. Ấy thì y loại tượng hình làm tự; hình thành tương xứng gọi là văn.

Na-ma (Nàma), dịch là Danh. Lăng Già nói: Danh thân nghĩa là y sự lập tên, gọi là Danh thân.

Ba-đà (Pada), Tần gọi là cú. Cú là cú đậu. Đậu là chỗ ngừng (chấm, phết). Đại Luận nói: Ngữ pháp của Thiên Trúc các chữ hòa hợp thành ngữ, các ngữ hòa hợp thành cú. Như Bồ là một chữ, Đề là một chữ, hai chữ (tư) này không hợp thì không có ngữ, nếu hòa hợp thì thành Bồ-đề. Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Cú thân nghĩa là hay hiển nghĩa quyết định rốt ráo (sau cùng). Thành Duy Thức Luận nói: Cú thuyên sai biệt như gọi tên nhãn tức thuyên (nói?) tự tánh. Nếu nói Phật nhãn hay Thiên nhãn chính là hiển Cú thuyên sai biệt.

A-nậu-tốt-đổ-ba (Anustubha) hoặc A-thâu-lô-ca-ba. Thiên Trúc chỉ sô chữ đủ ba mươi hai tức là một kệ, gọi là A-nậu-tốt-đổ-ba kệ.

Uẩn-đà-nam (Uđàna), dịch là Tập Thi Tụng, tức là lấy ít lời nhiếp tập nhiều nghĩa thành bài tụng trì khác.

Bạt-cự (Varga) Pháp Hoa Văn Cú nói: Trung A-hàm dịch là phẩm phẩm là nghĩa loại đồng họp lại ở một đoạn như Phạm Võng, hoặc kiết tập nêu ra như Đại Luận (một bộ Đại phẩm nhà kiết tập chỉ lập ba phẩm) hoặc người dịch thêm vào cho đủ như La-thập (Thập sư thêm thành chín mươi phẩm).

Di-để, dịch là chánh tượng. Tướng Tông nói: Có ba thứ lượng: Một là Hiện lượng, là chỉ ước Phật quả khởi Hậu đắc trí mà thấy Lý thật tướng, có hai: Một là Định vị, định tâm lắng trong cảnh đều chứng sáng nên gọi là Hiện lượng. Hiện là sáng (minh) hai là tán tâm hiện lượng. Như năm thức khi duyên sắc v.v... thân minh nhi thủ cục phụ cảnh thể phân minh hiển hiện. Hiện là thân; hai là Tỷ lượng chung ước phàm phu đến Đẳng giác do tỷ lượng mà sanh biến. Như ở xa thấy khói biết ở đó có lửa (so mà biết +tỷ lượng) tuy không thấy lửa nhưng nói không sai; ba là chứng ngôn lượng. Như kinh Phật dạy lấy làm chứng. Theo Nhân Minh Luận nói: Năng lập cùng năng phá, và tợ chỉ ngộ tha, hiện lượng cùng tỷ lượng và Tợ chỉ tự ngộ. Nghĩa minh có tám (nói nghĩa có tám): Một là Năng lập ba chi, Thí dụ tông nhân, do đây mà thí huống dụ hiểu tông nhân. Tông là nghĩa tông chủ (là loài), nhân là nghĩa sở dĩ. Từ ngài Thế thân trở về trước tông v.v... đều là năng lập. Từ Trần na trở về sau chỉ lấy một nhân hai dụ làm năng lập. Tông là sở lập; hai là Năng phá; ba là Tợ năng lập; bốn là Tợ năng phá; năm là Hiện lượng; sáu là Tỷ lượng; bảy là Tợ hiện lượng; tám là Tợ hỷ lượng. Nhân Minh Sớ nói: Phán định pháp thể cần phải hai lượng: Hiện lượng thì được cảnh thân minh, tỷ lượng thì cũng độ (tính lượng) nghĩa không lầm, độ cùng tướng

cảnh không tà lầm. Tông Cảnh nói: Giáo không trí là chẳng viên, cây không dây thì chẳng thẳng. So sánh thật đáng tin, suy lường có thể định chân thuyên lấp vọng thuyết của cuồng ngu cho nên được chánh pháp luân chuyển mãi. Ý chỉ Duy thức rộng lưu hành thì sự có công hiển lý, lời nói có sức định tà.

Đô-la, dịch là Hỷ. Thích luận nói: Trong năm trần mà sanh vui thì gọi là Lạc, trong pháp trần mà sanh lạc thì gọi là Hỷ. Trước cầu lạc nguyện khiến chúng sanh được từ lạc mà khiến chúng sanh được hỷ. Lại nói: Thô lạc (vui thô) gọi là lạc, tế lạc (vui tế) gọi là hỷ. Ví như mới uống thuốc gọi là lạc, thuốc thấm toàn thân gọi là hỷ. Trí Luận nói: Chỉ giáo lợi hỷ, chỉ người tốt xấu, thiện, bất thiện, nên làm, không nên làm. Sanh tử là xấu, Niết-bàn an ổn là tốt, phân biệt ba thừa, phân biệt sáu Ba-la-mật gọi là Thi (chỉ). Giáo là nói người bỏ ác làm thiện. Lợi là ngươi chưa được thiện pháp vị tâm liền lui sụt, vì họ nói pháp dẫn dắt khiến ra, người chớ khi ở nhân mà không cầu quả. Ngươi nay tuy quả báo cần khổ khi ra rồi thì được Đại lợi ích, khiến tâm ấy lợi nên gọi là lợi. Hỷ là tùy chỗ người ta làm mà khen ngợi nên gọi là hỷ. Lấy bốn việc này mà trang nghiêm cho pháp. Trí Luận nói ba việc đầy đủ nên gọi đại hoan hỷ: Một là người hay nói pháp thanh tịnh, hai là pháp được nói thanh tịnh, ba là y pháp được quả thanh tịnh. Luận lại hỏi: Các La-hán đã chứng thật tế không còn vui mừng, vui nhỏ còn không huống là vui lớn? Đáp: La-hán đã lìa dục ba cõi chưa được tất cả trí tuệ cho nên đối với các pháp thâm thâm cũng còn nghi chưa hiểu trong Bát-nhã thì liễu rõ các thuyết trừ hết nghi ấy cho nên vui mừng lớn.

Ma-ha-la, dịch là vô tri. Trong luật A-na nhiếp chúng không đúng pháp. Ca-diếp quở là trẻ tuổi. A-nan nói: Tôi nay đầu đã bạc sao nói trẻ tuổi. Đáp rằng: Ông chẳng khéo xét sự việc thì đồng với kẻ trẻ tuổi. Lớn tuổi mà ngu pháp há chẳng so đây.

Phạm-đàn, dịch là Mặc tần (làm thinh mà đuổi). Phạm-đàn khiến tự tánh ác của Xa-nặc. Ngũ Phần nói: Pháp Phạm-đàn là tất cả bảy chúng chẳng đến cùng nói chuyện. Nếu tâm đã điều phục thì vì nói Na-đà. Kinh của Ca-chiên-diên khiến lìa có không mà vào quả Sơ trụ. Văn này là Xiển Thinh văn chú.

Xương-tát (Sadhu), đọc Xương-tát là sai. Đọc đúng là Bà-độ dịch là lành thay!

A-hô (À), dịch là lạ thay!

Xà-duy hoặc Da-tuần, gọi đúng là Trà-tỳ, dịch là phần thiêu (thiêu thân). Tây Vức Ký gọi Niết Điệp Bàn Na, xưa dịch Xà-duy là

sai. Thông Tuệ Âm Nghĩa nói: Đích thân hỏi Phạm tăng thì nói chưa nghe tiếng Xà-duy.

Đà-kha (ha) (Dahat), dịch là thiêu. Toản Yếu nói: Dùng chiếu thì tối chẳng sanh, dùng thiêu thì vật chẳng sanh.

Tăng-kha-lật-đa-nhi (Samskrtam), dịch là hữu vi. Đại Phẩm nói: Một là tướng pháp hữu vi, tức trí mười tám (mười tám trí không?) cho đến trí tám thánh đạo, mười lực, bốn vô sở úy, pháp thế gian, pháp xuất thế gian; hai là tướng pháp vô vi thì không sanh không diệt, không trụ không khác, không cấu không tịnh, không tăng không giảm, các pháp tự tánh. Đại Luận giải thích rằng: Tướng Pháp vương là tướng làm trước không nay có, đã có lại trở về không. Trái với tướng trên tức là tướng pháp vô vi. Song hai pháp này nếu ước theo tướng tức như Bát-nhã nói: Phật bảo Thiện Hiện không được lìa hữu vi mà nói vô vi, không được lìa vô vi mà nói hữu vi. Nếu các ước đều lập như Hoa Nghiêm nói: Ở giới hữu vi mà bày lý vô vi chẳng diệt tướng hữu vi. Ở giới vô vi mà bày pháp hữu vi chẳng hoại tánh vô vi. Kinh Đạo Trí nói: Gọi đó là một tâm Bản pháp (vốn pháp một tâm) không phải hữu vi nên hay làm hữu vi, không phải vô vi nên hay làm vô vi.

Bát-giá-vu-sắc (Daưcaparsad) hoặc Bát-giá-bạc-lị-sa, dịch là năm năm đại hội.

Bát-giá-vu-tuần (Paĩcabhijĩa?), dịch là người năm thần thông. Kinh nói: Bát-giá-vu-tuần tức dùng đờn sắc ca tụng Đức của Phật.

Tứ-tỳ-xá-la, kinh Niệm Phật Tam-muội nói: Độ thoát năm đạo Tứ-tỳ-xá-la. Chú rằng: Đây hoặc dịch là pháp thí giới, đây là nghĩa không xan tham.

Một-lặc-độ (Mrdu), dịch là nhuyến (mềm) vết mềm gọi là nhuyến.

Lệ-xế-tỳ, dịch là tế hoạt (trơn láng)

Truân-na, dịch là Tôi mạt.

Tứ-ma, dịch là biệt trụ (ở riêng). Chỗ tác pháp này không thông với các chỗ khác.

Ốt-sắc-ni-sa (Usnisa), dịch là kế (búi tóc). Kinh Vô Thượng Y, từ xương đỉnh đầu nổi lên Uất-ni-sa, tự nhiên thành búi tóc, nên gọi là nhục kế.

Ổ-sắc-nị-sa (Usnisa) dịch là Phật đảnh.

Mẫu-đà-la (Mùdra). Huề Lý nói: Tay kết ấn.

Ca-tư (kasi) hoặc Ca-thi dịch là quang (sáng) tức hay phát ánh sáng. Thích-ca Thế Tôn có viên quang xa một tầm Phật A-di-đà có ánh

sáng vô lượng. Trí Luận nói: Vô lượng có hai thứ: Một là thật vô lượng, hai là vô lượng của hữu lượng (thấy ở quyển 7).

Xá-lị (Sarica), mới gọi là Thất-rị-la hoặc Thiết-lị-la dịch là cốt thân (xương của thân). Lại gọi linh cốt tức là phần xương còn lại (di cốt), tên thông thường là Xá-lị. Quang Minh nói: Xá-lợi này là giới định tuệ huân tu rất khó được lượng thượng phước điền. Đại Luận nói: Xương nát là xá-lợi của sanh thân kinh quyển là xá-lợi của pháp thân. Pháp Uyển nói ba thứ xá-lợi: Một là xương sắc trắng, hai là tóc xá-lợi sắc đen, ba là thịt xá-lợi sắc đỏ. Bồ-tát La-hán đều có ba thứ. Nếu xá-lợi của Phật thì chày đập không nát, xá-lợi của đệ tử chày đập thử liền nát. Cảm Thông Truyện Thiên Nhân Vương Phan nói: Là Đại Ngô Lan Đài Thần gặp sư mới đến kiến nghiệp. Tôn chủ chưa cho bèn khiến cảm việc hiếm có mà lập pháp phi thường. Lúc đó trời đất thần kỳ đều gia bị hai mươi mốt ngày bèn cảm được xá-lợi. Ngô chủ (Ngô quyền) tay cầm bình đồng đổ ra mâm đồng thì xá-lợi làm lủng mâm, thiêu đốt chày đập đều không hư hại. Vua bèn sùng hưng Phật pháp. Lại Đa Văn Trưởng Tử tên Natra từng đem răng Phật tặng cho Tuyên Luật Sư. Thái Tổ Hoàng đế nghi không phải răng thật bèn lấy lửa mà nung thì chẳng sao. Bèn làm Nguyện văn, Thái Tông Hoàng đế có tụng rằng:

Công thành nhiều kiếp ấn mối văn
Chẳng phải Nam Sơn chớ (sợ) hỏi han
Mắt thấy mấy từng sắc vàng nhuận
Tay gõ phiến ngọc lạnh sáng
Khi luyện trăm lửa tinh thần thấu
Vẫn giữ vẻ ngọc suốt ngàn năm
Định quả chân tu thật bí mật
Chánh tâm chớ làm chỉ ngắm xem.

Chân Tông Hoàng đế có kệ rằng:

Tây phương có Thánh hiệu Ca Văn
Từ vi độ vật được đời tôn
Thường nguyện tiến tu thêm diệu quả
Nhiều phen lợi ích với lê dân.

Nhân Tông Hoàng đế có kệ khen rằng:

Ba vua giấu chất đều về đất
Năm đế ẩn mình đã hóa bụi
Khổng Tử trong nước khen là Thánh
Lão quân trên đời cũng nói chân
Chân thân chỉ thấy không còn gì

Biết đem thân nào chỉ người sau
Chỉ có thầy ta còn xương vàng
Trái đủ trăm luyện sắc vẫn tươi.

Huy Tông Hoàng đế năm Sùng Ninh ba ngày Trùng Ngọ từng nghinh đón răng Phật Thích-ca vào nội cung cầu xá-lợi cảm ứng, cách hộp thủy tinh sanh ra giọt mưa, thần lực như thế, vui mừng khen ngợi không thôi bèn có kệ khen rằng:

Đại sĩ Thích-ca văn
Hư không như một trần
Có cầu đều phó cảm
Cõi nào cũng phân thân
Ngọc đẹp ngàn vạn hạt
Kim cang trăm luyện vẫn mới
Con nay cung kính lễ
Khắp nguyện cứu quần sinh.

Ma-na-mạt-na (Manomana), dịch là Ý sanh thân. Kinh Lăng Già nói: Có ba thứ ý sanh thân, có ba nhà là Pháp Hoa Huyền, Tịnh Danh Sớ và Phụ Hành Ký nêu rõ nghĩa này, các tên cùng có nói. Kẻ hậu học đọc sách không hiểu ý ấy, do đó chẳng ngại tầm thường bèn vội mở hai môn: Một là giải thích hiệu chung, hai là luận về tên riêng.

Nguyện tên chung của Ý sanh, thì ý là tác ý, đây là hiển bày tu nhân đồng cư. Sanh là thọ sanh, đây là nêu cảm quả phương tiện. Cho nên nói: An lạc làm không ý Tam-muội làm giả ý, tự tánh làm trung ý. Lại ý là như ý. Ngụy Địch Nhập Lăng Già nói: Tùy đi đi nhanh như (trong một) niệm liền đến không có chướng ngại gọi là như ý thân. Lại ý là ý nhớ. Đường Dịch Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Phật bảo Đại Huệ rằng: Ý sanh thân là ví như Như ý đi nhanh chóng vô ngại nên gọi là Ý sanh thân. Đây tức là từ thí dụ mà gọi Ý sanh thân. Kinh ấy có hai nghĩa: Giải thích tên chung này, một là nói Đại Tuệ ví như tâm ý ở ngoài vô lượng trăm ngàn do-tuần nhớ các thứ vật trước đã thấy niệm niệm liên tục đến nhanh với các vật ấy không bị núi sông vách đá cản trở. Ý sanh thân cũng lại như thế; hai là nói sức Tam-muội như huyễn, thần thông tự tại các tướng trang nghiêm, nhớ xưa vốn nguyện thành tựu chúng sanh cũng như ý đi (ý tưởng) mà sanh trong tất cả các Thánh chúng. Phụ Hành giải thích rằng: Một là nói nhớ chỗ, hai là nói nhớ nguyện. Hai nghĩa này đều là Ý ức sanh (ý nhớ sanh ra) nên gọi là ý sanh. Song tên chung này các tiên đạt giải thích rằng: Sanh phương tiện rồi nhớ các cảnh phàm Đồng cư trước đã thấy, tứ nguyện huân tu

tác ý cầu sanh thần thông hóa vật. Nay nói chỗ giải này trái văn sai ý (mất ý chỉ?). lại trái văn thì Tịnh Danh Sớ nói rằng: Ba thứ Ý sanh thân không thể đoạn dứt nên sanh vào Hữu dư thọ thân pháp tánh là chỗ Tổ sư giải thích danh từ sau đó đến "sanh thượng..." là Tiên Đạt giải nghĩa. Từ "Thượng Như Lai..." trở đi là nói điên đảo, là trái nghịch văn vậy. Về sai ý thì trong kinh nói: "Nhớ chỗ thấy trước..." vốn là văn dụ, Tiên Hiền mê mà làm pháp giải. Cho nên biết xưa giải thích tên chung chưa khéo. Song Trí Giả Sớ nói: Ý sanh thân vì y vào bản Lăng Già Tống dịch trong kinh Khê Ký gọi là Ý thành thân vì theo bản Lăng Già Đường dịch. Tuy hai kinh tên khác mà nghĩa vẫn là một. Vì kinh dịch sau lấy nghĩa thành tựu mà gọi là Ý thành thân. Nên Ký Chủ nói: Thành và Sanh đều từ quả mà nói. Vậy thì một chữ ý là thuận ở nhân, một chữ sanh là từ quả. Cho nên biết tên này nhân quả cùng lập.

Kế luận tên riêng. Pháp Hoa Huyền nói: Một là An lạc pháp Ý sanh thân, đây là muốn định người Nhị thừa vào Niết-bàn ý an lạc vậy; hai là Tam-muội Ý sanh thân. Đây là định Thông giáo xuất giả hóa vật dùng thần thông Tam-muội vậy; ba là Tự tánh Ý sanh thân, đây là định biệt giáo tu Trung đạo tự tánh ý. Nay giải thích rằng: Một gọi là An lạc, vì kinh xưa nói: An trụ tâm hải (biển tâm an trụ) thức lãng bất sanh (song thức chẳng sanh). Trí Giả lập là pháp An trụ. Đây là dùng nghĩa của kinh mà lập tên; hai là gọi Tam-muội Ý sanh thân, vì kinh xưa nói được Như Huyễn Tam-muội thì vô lượng tướng lực đầy đủ trang nghiêm mà tùy vào Phật sát (cõi Phật). Trí giả lập là Tam-muội ý sanh. Song này tông này ba đế đều chịu tên Tam-muội. Văn này đã lấy thần thông mà giải thích, thì ở Tục Đế Tam-muội như Thích Châm nói: Nếu ở chỗ các tri thức chỉ được Tục đế Tam-muội, chỉ phá vô tri gọi là vô minh. Nay Tam-muội này cùng văn kia đồng; ba là nói Tự tánh, vì kinh xưa nói: Biết tất cả các duyên Phật pháp tự được tướng vui. Trí giả lập là Tự tánh ý sanh, vì Biệt giáo trung đạo là tự tánh các pháp. Tịnh Danh Ký nói: Nếu chẳng thấy Trung ắt chẳng thấy tự tánh các pháp. Song huyền nghĩa này chẳng dùng bị tiếp giải thích, chỉ ước vào ba giáo trước để trình bày, đây thì thuận với giáo chỉ. Bởi lấy tên tác ý từ Thiên giáo mà lập do không có công chiếu tánh, bèn có hạnh Biệt tu. Do đó Viên giáo không có ý này. Phụ Hành nói: Huyền Văn không nói nhiếp vào ba, là vi quán thắng (hơn) cho nên bỏ mà không luận. Lại tên Ý sanh phải ở giáo đạo. Hai Tịnh Danh Sớ nói: Một là Tam-muội chánh thọ Ý sanh thân, e là Thông giáo đồng vào vui chơn không tịch định. Niết-bàn nói: Thanh văn lực định có nhiều mà không thấy Phật tánh; hai là Giác pháp

tánh Ý sanh thân, e là Biệt giáo Bồ-tát tuy chứng thiên chân, mà biết có Trung đạo pháp tánh; ba là Vô tác Ý sanh thân, đây e là Viên giáo Bồ-tát, quán Trung đạo vô tác tứ đế, viên phục vô minh. Nay giải thích rằng: Một là gọi Tam-muội, Tổ ta đã dùng chân không tịch tịnh mà giải thích. Đây thì thuộc Chân đế Tam-muội, vì định tâm này yên lặng chẳng động nên gọi Chánh thọ. Kế nói về vị, như Ký Chủ nói: Nếu ước Thông giáo thì Thất địa trở lên hoặc đến Cửu địa, tên này ban đầu toàn y kinh mà lập; hai là Giác pháp tánh, giác là biết, pháp tánh chính là lý Thản Trung, lấy vị mà nói như Văn Ký nói: Nói tự tánh là biệt trụ đồng thông đáng lấy (ở) Thập hạnh, một tên này cũng y kinh mà lập; ba là nói Vô tác là Viên trung xứng tánh hạnh, tu đức đã quên, nên gọi là vô tác, lấy vị mà nói. Như Ký Chủ nói: Viên giáo đã nói: Phục vô minh liền biết là Thất tín. Song Sớ Văn này nếu ước chánh tiếp chân minh, đây là dùng một chánh của Thông giáo để giải thích tên ban đầu. Lại dùng Biệt viên hai tiếp mà khóa hai nghĩa sau. Nếu ngó Huyền văn trước ắt không có ba Tạng sau bèn thêm Viên giáo. Mà trong văn này trước không có ba tạng là bởi thuận giáo chỉ, vì cõi giới ngoại Tiểu thừa chưa nói. Nói Ý sanh chẳng dùng ba tạng sau lại thêm viên. Đây là thuận nghĩa của vị, vì do Biệt viên giống biểu mà chưa phát chân tu, đều gọi là tác ý. Song Tịnh Danh Sớ nói: Ý sanh thân tuy chỉ cho Thắng Man nhưng khi giải thích lại dùng toàn Lăng Già phải biết Thắng Man chỉ có tên chung mà không có tên riêng; ba là Phụ Hành Ký nói: 1/ Khi vào Tam-muội lạc ý thành thân, cũng gọi là Chánh thọ tức địa ba, bốn, năm ví tâm tịch chẳng động; 2/ Giác pháp tự tánh Ý thành thân tức trong tám địa khắp vào Phật Sát, vì pháp tự tánh. Ba loại đều sanh không (vô) tác Ý thành thân, tức liễu liễu rõ pháp Phật chứng. Nay giải thích: Một tên đầu đã chỉ thông giáo ba địa trở đi cùng hai văn trước danh nghĩa đều giống nhau. Như kinh Đường dịch nói: Ba, bốn địa vào Tam-muội lìa các thứ tâm, vắng lặng chẳng động, tâm hải chẳng khởi chuyển sóng thức, hiểu cảnh tâm hiện đều không có. Đó gọi là vào Tam-muội lạc Ý thành thân; hai là gọi giác pháp tự tánh Ý thành thân là cùng Diệu Huyền quyển hai, tên khác nghĩa đồng. Song trong Ký Văn đã chỉ tám địa vào giả, bèn lấy pháp giác liễu như huyễn thông đạt tự tại mà gọi là giác pháp tự tánh. Cho nên kinh Đường dịch nói: Tức trong tám Địa hiểu rõ pháp như Huyễn đều không có tướng, tâm chuyển sở y trụ như huyễn định và các Tam-muội kia hay hiện vô lượng thần thông tự tại, như hoa nở mau chóng như ý, như huyễn như mộng như ảnh như tượng, không phải tạo sở tạo cùng tạo tương tợ. Tất cả sắc tướng đầy đủ trang nghiêm khắp

vào Phật sát, hiểu các pháp pháp tánh. Đó gọi là Giác pháp tự tánh Ý thành thân. Ba tên chủng loại cù sanh. Vô (không) tác hạnh Ý thành thân, chủng là nghĩa hay sanh, loại là từ lưu loại mà lập tên. Vì quán Trung đạo hay sanh trong cõi Phật, cho nên nhân vị này cùng quả làm loại nên chủng loại Cu sanh. Nói Vô tác, tức là Biệt Thập (mười) Hồi Hướng hiểu pháp Phật chứng nên gọi là vô tác. Cho nên kinh Đường dịch nói: Hiểu rõ các pháp tự chứng pháp tướng, đó gọi là chủng loại cu sanh vô tác hạnh Ý thành thân. Song tên thứ ba tuy ba văn lập tên đều khác, mà đồng đối Trung quán, lại cùng tên thứ hai của Tịnh Danh về nghĩa cũng đồng. Song ngài Kinh Khê tự đoạn ký văn thì nói: Đây ước Thông giáo và lấy Biệt tiếp, thụ phán thứ vị, nên biết Phụ Hành dùng thông một Chánh và Biệt tiếp. Hỏi rằng: Phàm người làm ký vốn giúp Sớ, vì sao Ký này lại giải thích Ý sanh thân chỉ dùng Thông giáo thụ luận vị thứ thì có khác nghĩa hai sớ của Trí Giả không? Đáp: Theo Ký nêu rằng: Nên biết nay phán cùng kinh ý đồng. Kinh văn chưa nhiếp Biệt vị làm khác. Thế nên biết Kinh Khê khác Trí Giả là vì thuận bản kinh. Hỏi: Theo kinh mà phán vị đã chỉ ở thông vì sao Trí Giả lại dùng bốn giáo mà giải thích? -Giải thoát Chỉ do nghĩa của ý sanh bao gồm chín người (Tạng giáo Nhị thừa, Thông giáo Tam thừa, Biệt ba mươi tâm, Viên thập tín vị) do đó Tổ ta ở nghĩa mà giải thích thích thời có khác. Hỏi: Ngài Thiên Thai đốn ngộ pháp tướng rất sáng tỏ, trong Sớ Tịnh Danh Sao nói: "e là", trong Pháp Hoa Huyền Sao nói là "muốn định" ư? Đáp: Tịnh Danh Ký nói: đều nói "e là" là tôn trọng Thánh điển gồm bày vô chấp, ba lớp đều giai hàng, nghĩa kinh văn bao gồm là giáo nào. Do đó lập tên đã thông, giải nghĩa khó cục, hoặc dùng Thiên Viên mà giải thích, hoặc ước Chánh Tiếp mà trình bày, chẳng cố chấp bèn nói muốn định. Hỏi rằng: Tiểu giáo chẳng nói giới ngoại Nhị thừa chỉ nói vô sanh, đâu từng cần tâm sanh phương tiện ư? Đáp: Pháp tánh tuy xưa chưa nghe, thân biến dị ở sau sẽ thọ, vì sao? Vì hẹn tâm đến quả nắm chí tu nhân, muốn ra khỏi phương phiền não, nguyện vào cảnh Niết-bàn, chưa mất lấy bỏ lại có tử sanh như thế mà ôm ấp sao tránh được tác ý ư? Người không hiểu bèn nói rằng: Ước Đại thừa mà phán thì rất nhầm. Hỏi: Lúc đó quá ý địa trụ, ở trong Trí nghiệp, ấy thì Đại Luận nói: Ở Thật báo đã là trí sanh, vì sao Tịnh Danh định ở mười địa cũng thông ý sanh? Đáp: Tịnh Danh Ký nói: 1/ Chỉ là vị cực danh ý; 2/ Đới giáo tỏa chi ngôn ý. Hỏi rằng: Bảo Tánh Luận nói: Nhị thừa ở cõi vô lậu sanh ba thứ ý ấm, chưa xét (biết) ý sanh và ý ấm đồng khác thế nào? Đáp: Thích Châm giải rằng: Nhị thừa ở một trong ba thứ đó, nay nói

chung nên nói ba thứ, không phải nói Nhị thừa đủ cả ba. Nói ý ấm là do ý sanh ấm nên gọi là ý ấm. Lại tác ý sanh ấm nên gọi là ý ấm. Lại ý tức là ấm nên gọi ý ấm. Hai thứ trước là giải thích từ nhân mà được tên, một thứ sau là giải thích từ quả mà lập hiệu. Kinh Khê đã nói Nhị thừa ở một trong ba thứ đó, đây tức là An lạc pháp ý, ấy thì kinh cùng luận văn tên tuy hơi khác mà nghĩa thì rất đồng. Xưa nhân giảng nghĩa đã nói rõ ngọn ngành nay phụ vào đây để giúp người hậu học.

53. TĂNG SỐ THÍ DỤ.

Thái Hư trăng nước đều dụ thể không, lông rùa sừng thỏ cũng ví giả danh, nhân động mà trái định, như thuyền đi mà bờ dời. Do vọng mê chơn ví như mây bay mà trăng chuyển. Sáu đạo sanh tử như nhà lựa cũ nát, chư Phật Niết-bàn như bán báu mát mẻ. Nay muốn mở bày bèn tập họp các thí dụ khiến người nghe pháp thấy trăng mà quên ngón tay chỉ, giúp người tu hành đến bờ mà bỏ thuyền bè cho nên dẫn nói ra đầy.

A-ba-đà-na (Avadàna), dịch là Thí Dụ. Văn Cú nói: Thí là tỷ huống, dụ là hiểu huấn. Chí lý huyền vi mà ôm mê chẳng ngộ, Diệu pháp thâm áo, mà chấp tình không hiểu, phải lấy gần mà dụ xa nên lấy kia mà ví đây. Kinh Niết-bàn nói Dụ có tam thứ: Một là Thuận dụ, hai là Nghịch dụ, ba là Hiện dụ, bốn là Phương pháp dụ, năm là Tiên dụ, sáu là Hậu dụ, bảy là Tiên hậu dụ, tám là Biến dụ.

1- Thuận dụ là trời giáng mưa to ngòi rãnh đều đầy, vì ngòi rãnh đầy nên hầm nhỏ đầy. Mưa pháp của Như Lai cũng thế. Chúng sanh giới đủ, giới đầy đủ nên bất hối tâm đầy đủ.

2- Nghịch dụ là Biển lớn có gốc là sông lớn, sông lớn có gốc là sông nhỏ v.v...

3- Hiện dụ là tâm tánh chúng sanh cũng như khỉ vượn.

4- Phi dụ là Như Lai từng nói với vua Ba-tư-nặc rằng: Có bốn núi từ bốn phương đến muốn hại người. Vua nghe thể phải lập kế gì? Vua đáp: Chỉ phải chuyên tâm trì giới bố thí. Bốn núi tức là sanh, lão, bịnh, tử thường ép bức người cho nên nói là Phi dụ.

5- Tiên dụ, ví như có người mê đắm hoa đẹp khi muốn lấy mà bị nước cuối trôi. Chúng sanh cũng thế. Mê đắm ngụ dục bị sanh, lão, bệnh, tử nhận chìm.

6- Hậu dụ: Chớ khinh lỗi ác nhỏ là không tai họa, giọt nước tuy nhỏ nhưng dần đầy lu to.

7- Tiên hậu dụ ví như cây chuối sanh trái rồi chết người ngu được nuôi dưỡng cũng thế, như con La có thai sẽ không còn sống lâu.

8- Biến dụ, trời ba mươi ba có cây Ba-lị-chất-đa rễ nó rất sâu đến năm do-tuần, cành lá bốn bên, là chín thì vàng, các trời thấy rồi tâm rất vui mừng. Khi lá rụng lại cũng mừng, cành đổi sắc cũng rất mừng vui. Các đệ tử ta cũng thế. Lá sắc vàng là dụ đệ tử ta nghĩ muốn xuất gia. Lá rụng là dụ đệ tử ta cạo bỏ râu tóc. Trong Kinh nói đủ, lấy cây này mà khắp dụ cho đệ tử Phật nên gọi là Biến dụ.

Lại quyển năm nói phân dụ rằng: Mặt mày đẹp đẽ trăng rằm, voi trắng sạch đẹp như núi tuyết. Trăng rằm chẳng thể đồng với mặt, núi Tuyết chẳng thể đồng với voi trắng, chẳng thể lấy dụ mà dụ chân giải thoát, vì chúng sanh nên phải dụ như thế.

Chiết (chước)-ngật-la (Cakra), dịch là Luân. Tịnh Danh nói: Ba lần Chuyển pháp luân ở Đại thiên. Luân ấy xưa nay vốn thường thanh tịnh. Nói ba chuyển: Một là Thị chuyển, hai là Khuyến chuyển, ba là Chứng chuyển. Nói pháp là quỉ trì thì gọi là pháp. Quỉ nghĩa là phép tắc khiến vật sanh hiểu, Trì là nhậm trì (giữ chắc) không bỏ tự thể. Phụ Hành nói: Luận đủ hai nghĩa: Một là nghĩa chuyển vận, hai là nghĩa tôi niển (đè bẹp). Văn Cú nói: Chuyển pháp hóa tha trong tâm Phật độ vào tâm người khác thì gọi là Chuyển pháp luân. Phù Hành nói: Đem bốn đế luân chuyển độ người, phá hết các hoặc, như báu Luân vương hay phá hoại hay khiến an ổn. Pháp luân cũng thế, phá hoại kẻ thù phiền não, an trụ đế lý. Trí Luận nói: Các pháp luân Phật có hai thứ: Một là Hiển, hai là Mật. Hiển là hiển độ (hiển bày), nói Hiển nghĩa lộ, hiện hiển lộ giáo (tên hiển bày giáo) như ở Lộc uyển. Hiển là vì năm người nói tiểu, mật là vì tám van nói Đại. Mật là bí mật. Tiên Đạt giải thích: Bí phân ra hai thứ: Một là ẩn bí, ở xưa bốn thời, quyền mưa ẩn phúc gọi là bí, Thần dụng tiềm ích gọi là mật; hai là chân bí. Nay ở Pháp Hoa xưa chỗ chưa nói gọi là bí, mở rồi không ngoài là mật. Nay luận bí mật lại có hai thứ: Một là chí lý bí mật, Kinh A-hàm nói: Lý thâm thâm (rất sâu) chẳng thể nói Đệ nhất nghĩa đế, không có tiếng nói và chữ nghĩa. Cho nên Lăng Già nói: Ta ở đêm ấy thành đạo, đêm ấy vào Niết-bàn, khoảng giữa chẳng nói một chữ y vào mật ngữ nào mà nói như thế. Phật nói: Y vào hai mật ngữ, nghĩa là duyên do tự được Pháp và Bản trụ pháp. Phát Chẩn giải thích rằng: Tự được pháp là tu đức, Bản trụ pháp là tánh đức. Ấy thì Như Lai ở đạo tràng được thật trí là pháp không thể nghĩ lường phân biệt mà hiểu được cũng chẳng thể dùng dung thanh (hình dạng và tiếng nói). Nên Pháp Hoa nói: Thôi thôi chẳng cần nói, pháp ta diệu khó lường. Dứt hết nói năng cho nên chẳng cần nói. Chỗ tâm hành diệt mất cho nên diệu khó lường. Do đó mà đè lưỡi Ma-cật

để mở bến dứt lời, bịt miệng Tỳ-da để thông được đường ý. Cho nên Đạt-ma ở Tây Vức đến ở Thiếu Lâm quay mặt vào vách. Thần quang đến đó sớm chiều tham thừa. Đêm gặp tuyết lớn quyết đứng bất động đến tuyết quá gối. Sư thương hỏi muốn cầu việc gì? Quang khóc lóc nói: Cúi mong Hòa thượng từ bi mở môn cam lộ. Sư nói: Chư Phật Vô thượng Diệu Đạo nhiều kiếp siêng năng, làm được hạnh khó là, nhẫn được việc khó nhẫn, há có thể đem tiểu đức tiểu trí, khinh tâm mạn tâm mà muốn mong chân thừa thì uổng công khổ nhọc. Quang nghe sư dạy bèn lén lấy dao bén chặt cánh tay tả đặt trước sư, sư biết là pháp khí, bèn nói chư Phật đều tiên cầu đạo vì pháp quên mình. Ông nay chặt đứt cánh tay để cầu trước ta cũng còn đó. Bèn đổi tên là Huệ Khả. Quang hỏi Pháp ấn chư Phật có được nghe chăng? Sư đáp: Pháp ấn chư Phật không phải từ người mà được. Quang nói: Tâm con chưa an, xin sư an cho. Sư nói: Đem tâm đây ta an cho. Quang nói con tìm tâm không được. Sư nói: Ta đã an tâm cho ông rồi đó. Cứ theo Đạt-ma chỉ vì trừ bịnh dứt hết nói năng; hai là Ngôn từ bí mật. Như các thần chú tuy lập ngữ ngôn từ cú nghĩa kín mật người không thể hiểu. Nghiên cứu pháp mật đàm này ý ở chỗ ngăn ác giữ thiện. Cho nên Đà-la-ni dịch là giá trì. Giá là ngăn ác, trì là giữ thiện. Đây giải thích Long Thọ hai thứ Pháp luân. Nếu y vào Thiên Thai bèn luận tám giáo đốn tiệm bí mật bất tịnh bày nghi thức thiết hóa của Phật gọi là Hóa Nghi bốn giáo là Tạng Thông Biệt Viên giải thích pháp môn Hóa vật của Phật. Gọi hóa pháp bốn giáo phương vi đầy đủ, đúng bịnh cho thuốc thì bịnh dữ phiền não tự nhiên tiêu phục. Tông Cảnh hỏi: Đạt-ma lấy tâm truyền tâm chẳng lập văn tự cần gì phải rộng dẫn giáo của Phật Bồ-tát mượn tôm (ếch) làm mắt không lược sức mình. Đáp: Cây không dậy chẳng thẳng, lý không giáo chẳng viên, đem lời Thánh làm định hướng thì tà ngụy khó dời dùng chí giáo làm chỉ nam thì bằng cớ có đủ. Ngài Khuê Phong nói: Kinh là lời Phật, Thiền là ý Phật tâm miệng ắt chẳng trái nhau. Trung Quốc Sư nói: Nên y lời Phật Nhất Thừa Liễu Nghĩa khế với Bổn Nguyên tâm địa mà đem truyền trao cho nhau cùng Phật đạo đồng. Ngũ Tổ Đại sư Trang Nghiêm một đời dạy học đồ thường đem lời Duy-ma rằng: Chẳng đắm mê thế gian như hoa sen thường khéo vào hạnh không tịch, hiểu suốt các pháp tướng không quái ngại. Cúi đầu (kính lạy) như hư không chẳng chỗ nương. Lúc đó có người hỏi: Đây là lời Phật, muốn được Hòa thượng tự nói. Sư nói: Lời Phật tức là lời ta, lời ta tức là lời Phật, xin các người trí chớ phân biệt.

1/ Môn - Pháp Hoa nói: Nhà ấy chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp.

Thiên Thai giải thích rằng: Biệt, một là một lý một đạo là chẳng chịu đoạn. Thường bảy phương tiện v.v... giáo lý rộng lớn thì chẳng phải nhỏ hẹp. Chúng sanh không thể lấy giáo lý này để tự nhiên thông mà nói là vô cơ, nên nói là nhỏ hẹp mà thôi. Thông, là lý thuần không tạp nên nói là một (nhất), tức Lý năng thông nên nói là môn. Vi diệu khó biết nên nói là nhỏ hẹp. Giáo là mười phương khẩn cầu không có thừa nào khác chỉ một Phật thừa, nên nói là một, giáo này hay thông nên nói là Môn.

2/ Dực (cánh), cũng dụ cho hai luân (bánh xe) lại dụ hai môn. Chỉ Quán nói: Giong ruổi hai bánh xe mà đi xa, dụ cho chỉ quán lấy Hoành Chu Cổ hai cánh mà bay cao, ví cho định tuệ suốt thấu. Cho nên Kinh Khê hỏi Tả Khê rằng: Đêm vào thấy mặc áo tăng nách có hai bánh xe mà bơi trong sông lớn. Tả Khê nói: Ôi! Ông sẽ dùng hai pháp chỉ quán mà độ chúng sanh trong vực sâu sanh tử. Đại Phẩm nói: Phật bảo Tu-bồ-đề rằng: Ví như chim có cánh bay lên hư không mà chẳng rớt tuy ở trong không mà chẳng trụ không. Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Học không môn giải thoát học vô tướng vô tác giải thoát môn cũng chẳng tác chứng cho nên chẳng rơi vào địa Thanh văn Bích-chi Phật. Ví như hai môn, Trí Luận nói: Muốn thành Phật đạo gồm có hai môn: Một là phước đức, hai là trí tuệ. Làm thí giới nhẫn ấy là Phước đức môn. Biết tất cả pháp thật tướng Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật là Trí tuệ môn. Bồ-tát vào môn phước đức thì trừ tất cả tội, chỗ ước nguyện đều được, nếu chẳng được nguyện là vì tội cấu ngăn che. Vào môn trí tuệ thì chẳng chán sanh tử chẳng ham Niết-bàn vì hai sự là một. Nay muốn sanh ra Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật thì cần Nhân thiền định môn. Thiền định môn ắt cần sức đại tinh tấn, đây đem sáu độ mà hợp thí hai môn, khỏi lần lữa ở đường nhỏ mà thư thái ở đường thông. Bảo tích dụ có hai thứ phước: Một là Kiến phược, hai là Dưỡng phược. Lại dụ hai thứ ung thư: Một là bươi móc lỗi người, hai là che giấu lỗi mình. Lại dụ có hai thứ tên độc cùng bắn vào tim: Một là tà mạng làm lợi, hai là ham hố y bát tốt, ba là song dụ này xem phải tự xét. Trúng (tróng) dây thì gọi là quân tử, không trúng (tróng) dây thì gọi là tiểu nhân. Niết-bàn nói như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la. Chương An trong Niết-bàn sớ nói: Ma-hê-thủ-la ở đỉnh trời sắc giới thống lãnh Đại thiên một mặt ba mắt, ba mắt một mặt chẳng thể riêng nói: một, ba dọc ngang hoặc chung hoặc riêng, hay nghiêm nét mặt làm chủ thế giới, suốt chiếu Tam thiên, chẳng dọc chẳng ngang. Nghiêm chủ chiếu (đời) thế, tất cả đều thành, ba đức cũng thế. Dọc ngang chung riêng, Bí tạng chẳng thành, chẳng dọc chẳng ngang, Bí tạng mới thàng. Ngài Thiên Thai nói: Nói đủ ba

đức là Niết-bàn. Tuy ba điểm trên dưới mà không dọc, trong ngoài mà không ngang, một chẳng lộn nhau, ba chẳng lìa nhau. Thích Chiêm nói: Trên dưới là nghĩa dọc, tuy một điểm ở trên mà chẳng đồng dọc của điểm nước. Ba đức cũng thế, pháp thân vốn có chẳng đồng Biệt giáo bị hoặc che lấp. Trong ngoài là nghĩa ngang, tuy hai điểm ở dưới chẳng đồng ngang của lửa dữ. Ba đức cũng thế, hai đức tu thành chẳng đồng người Biệt lý thể đầy đủ mà chẳng gồm thâu nhau. Cho nên mượn thí dọc ngang mà hiển bày pháp không phải chung riêng. Đây có thể dụ chung mười thứ ba pháp như Quang Minh Huyền, người học nên xem.

3/ Rắn, Kim Quang Minh nói: Cũng như bốn rắn cùng ở trong một hộp. Bốn rắn lớn tánh nó khác nhau. Ngài Thiên Thai giải thích: Hai thứ lên trên (bốc lên) là dương, hai thứ chìm xuống là âm vì sao trái nhau. Ấy là tánh riêng. Tánh riêng sao có thể hòa hợp thành thân. Nên Đại Tập nói: Xưa có một người tránh hai voi say (là sanh tử) bám vào một sợi dây (là mạng sống) ở dưới giếng (là vô thường) có hai con chuột đen và trắng (là ngày đêm) cắn cái dây sắp đứt, bên cạnh có bốn con rắn muốn mổ (là bốn đại), dưới có ba con rồng phun lửa giương móng (là ba độc). Người này ngước lên thấy hai con voi say đã đứng trên miệng giếng, lo rầu không chỗ nương cậy. Bỗng có con ong bay qua rớt mấy giọt mật vào miệng (là năm dục). Người này nếm mật mà quên hết nguy hiểm sợ sệt.

4/ Dụ, kinh Kim Quang Minh nói: Bốn Phật đồng dời núi đem sát biển (đếm hạt bụi trên không) con không hết được. Nên không thể kể hết tuổi thọ của Thế Tôn. Thiên Thai giải thích rằng: Nếu từ tín mà nghi thì phải nói tuổi thọ có lượng. Nếu từ bốn Phật mà bỏ nghi thì phải nói tuổi thọ vô lượng. Cô Sơn tác ẩn văn này chưa khéo. Người chấp thì dụ là có lượng, kẻ ngu thì so là vô lượng. Đem ba số vô thường ở dưới mà giải thích tuổi thọ của thân ba thường, báo ứng lộn xộn nghi giải thích điên đảo. Khuyên các hậu học phải nên xét kỹ.

5/ Vị, phẩm Thánh Hạnh nói: Ví như từ trâu cho sữa từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô, có thục tô, từ thục tô có đề hồ. Ví như từ Phật có mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ kinh có chín bộ có Phương Đẳng, từ Phương Đẳng có Ma-ha Bát-nhã, từ Ma-ha Bát-nhã có Đại Niết-bàn. Đây là Dụ: Một là lấy thứ lớp sanh ra nhau. Trâu dụ cho Phật, năm vị cho giáo. Sửa từ trâu ra, tô từ sữa ra. Hai là tô và đề hộ thứ lớp không rối loạn; hai là dụ về đậm nhạt. Đây là lấy một phen căn tánh hạ liệt. Nói về Nhị thừa ở hội Hoa Nghiêm không tin không hiểu không biến đổi phàm tình nên dụ như sữa. Kế đến là ở Lộc Uyển nghe ba Tạng giáo,

căn tánh Nhị thừa y giáo mà tu hành chuyển phàm thánh, dụ cho chuyển sữa thành lạc. Kế đến thời Phương Đẳng nghe Đàn xích, Thinh văn mộ đại thẹn tiểu được ích Thông giáo, như chuyển lạc thành sanh tô. Kế đến thời Bát-nhã, vâng lệnh chuyển giao tâm dần thông thái được ích Biệt giáo như chuyển sanh tô thành thục tô. Kế đến thời Pháp Hoa ba vòng nói pháp được ký thành Phật, như chuyển thục tô thành đề hộ. Đây mới là ước giáo mà biện dọc (thụ biện). Nếu ước giáo mà biện ngang (hoành?) thì gồm Thản Đối Đới nhiều ít khá biết. Tấn Hoa Nghiêm nói: Ví như mặt trời mọc trước chiếu tất cả các núi chúa lớn, kế chiếu đến các núi lớn, kế chiếu núi Kim Cang Bảo, sau mới chiếu tất cả đất đai. Lại ví dụ rằng: Mặt trời mặt trăng hiện lên thế gian, cho đến hang sâu núi thẳm đều chiếu đến. Đây là dụ trước chiếu núi cao, kế chiếu hang sâu, sau chiếu đất bằng. Ngài Thiên Thai theo kinh Niết-bàn nói năm vị vào thứ ba là đất bằng mở làm ba thời: Phương Đẳng như giờ ăn, Bát-nhã như ngu trung, Pháp Hoa như chánh ngọ. Thích Châm hỏi: Lại lấy bản văn Niết-bàn vì sao cướp ngang văn Hoa Nghiêm, không phải chỉ số không tương đương nhau mà e rằng ý văn rất khác. Đáp: Niết-bàn năm vị chuyển biến chỉ là một vị sữa, còn Hoa Nghiêm ba chiếu chẳng đồng mà chỉ là một mặt trời. Nay nói dụ đất bằng là để đối với ba vị sau của Niết-bàn, số tuy không đồng mà nghĩa rõ như nhau. Lại Niết-bàn dùng trâu ví Phật, sữa từ trâu ra là dụ Phật trước nói Đại thừa, sữa ra rồi thì dụ cho thành phần biến đổi. Cho nên văn sau nghĩa lập năm vị đều từ trâu ra. Như Hoa Nghiêm ví mặt trời là Phật, ánh sáng là ví nói pháp. Mặt trời vô duyên. Từ không mọc mà mọc, các cơ được độ không chiếu mà chiếu, cho nên khiến núi cao, hang sâu, đất bằng chẳng đồng, đồng bẩm giáo quang, trọn về đẳng chiếu. Cho nên dùng hai kinh hai nghĩa cùng thành. Phật xuất hiện ở Ta-bà dùng từ cứu quần mê trải năm mươi năm khắp thấm vô phương, mà hai dụ này đầu tiên thấy rõ bèn khiến bày Đạo cảm ứng. Hoa Nghiêm năm dụ riêng ví năm uẩn. Văn thấy trong Tâm Kinh Phụ Trung Ký.

6/ Giặc, tánh vốn sáng sạch, do tình mà tối tan. Cuồng tâm nếu hết, chân Phật tự bày. Phải biết Trần Thức là giặc, Chỉ Quán như quân binh, dụ cho khiển binh giết giặc, pháp yếu tức giặc mà thành binh. Như Lăng Nghiêm nói: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là sáu giặc đến cướp gia bảo. Kim Quang Minh nói: Cũng như người đời đuổi theo các không, cái hai của giặc kẻ ngu không biết tránh. Cũng gọi là sáu Suy Diệu Lạc nói: Suy chỉ là giặc vì hay làm hao tổn. Kinh Pháp Cú nói: Xưa khi Phật còn tại thế, có người ở dưới cây bên sông học đạo trải hai mươi năm chỉ

nghĩ sáu trần tâm không hề dứt. Phật biết độ được bèn hóa làm Sa-môn ở dưới cây cùng ngủ qua đêm. Đêm ấy trăng sáng, có con mà từ dưới sông bò bên con giả can (một loại chồn) muốn cắn ăn. Rùa rụt đầu đuôi bốn chân vào mai. Chồn ăn không được bèn bỏ đi. Rùa lại bò xuống nước. Đạo nhân thấy thế bảo Sa-môn rằng: Rùa có áo giáp hộ mạng, chồn không làm gì được. Sa-môn đáp: Người đời không bằng con rùa này buông lung sáu tình ngoại ma được dịp phá hại. Lại nói kệ rằng:

Gấu sáu tình như rùa,
Giữ (?) ý như thành,
Huệ cùng ma chiến đấu,
Thắng rồi không tai họa.

Nên biết vô vi giết được giặc ấy. Cho nên kinh An Ban Thủ Ý nói: Có ngoại vô vi, có nội các pháp. Ngoại vô vi là mắt không nhìn sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi mùi, miệng không nếm vị, thân lìa trơn láng, ý không vọng niệm. Nội vô vi là Sở Tức Tương Tùy Chỉ Quán Hoàn Tịnh. (Lục Diệu Môn là sở tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn, tịnh). Kinh lại hỏi: Hiện có chỗ nghĩ (sở niệm) sao được vô vi? Đáp: Thân khẩu là giới, ý hướng về đạo hạnh tuy có chỗ nghĩ nhưng vốn là vô vi kinh Vô Hạnh nói: Quán thân rốt ráo không, quán thọ trong ngoài không, quán tâm không chỗ có, quán pháp chỉ có tên. Cổ Đức nói: Thấy nghe biết vốn không phải nhân, đương thể hư huyền dứt vọng chân. Thấy tướng chẳng sanh nghiệp si ái, rỗng rang toàn là thân Thích-ca. Vô Cơ Tử lại nói: Một tụng ngắn khắp khuyên: Nhân gian sống ngắn, địa ngục khổ dài, ác ngày càng dứt, thiện ngày càng làm.

7/ Dụ, Tần Kim Cang nói: Tất cả pháp hữu vi, như Mộng Huyễn Bảo Ảnh, như sương cũng như điện, phải nên quán như thế: Một là Dụ mộng là lúc ngủ thần dạo chơi. Liệt Tử phân làm sáu mộng: Một là chánh mộng (bình yên), hai là ngạc mộng (kinh ngạc), ba là tư mộng (suy nghĩ), bốn là ngộ mộng, năm là cụ mộng (sự), sáu là hỷ mộng (mừng). Chu lễ chiếm sáu mộng tốt xấu. Luật Thiện Kiến nói: Có bốn thứ mộng: Một là bốn đại bất hòa mà mộng, mộng thấy núi lỡ, hoặc bay lên hư không hoặc thấy hổ lang sư tử giặc cướp rượt đuổi; hai là trước thấy nên mộng, ngày thấy trắng đen và tướng nam nữ đêm liền mộng thấy; ba là trời người cho mộng, nếu trời người Thiện tri thức bày thiện được thiện, nếu Ác tri thức bày ác được ác; bốn là tâm tường nên mộng. Thân trước tu phước thì nay cảm mộng tốt, đời trước tạo tội nay cảm mộng dữ. Thạch Bích Pháp sư giải thích mộng dụ rằng: Như có một người (một tâm chân như) bỗng nhiên mê ngủ (vô minh bỗng dậy) nằm

mộng (nghiệp thức đầu tiên) thấy các việc (thức chuyển hiện) mà khởi tâm phân biệt (sáu trần nổi lên) niệm niệm không dứt với trái thuận (hai tướng tiếp nối) rồi sanh mê đắm (chấp lấy) làm thiện làm ác là thân là sơ (kẻ danh tự tướng). Ở thiện ở thân thì các thứ Huệ Lợi, ở ác ở sơ thì các thứ thương tổn (khởi nghiệp) hoặc có báo ân được vui, hoặc có báo oán bị khổ (sáu nghiệp kể khổ). Bỗng nhiên thức giấc các việc trên đều không (biết chỉ duy tâm). Thích Chiệm luận mộng với ba quán: Như ở trong mộng tu nhân được quả, mộng việc rõ ràng tức giả, tìm mộng chẳng được tức không, tâm tánh mộng tức trung. Chỉ Quán nói: Nếu thể biết tâm tánh chẳng phải chân chẳng phải giả, dứt duyên với tâm chân giả, gọi đó là chánh. Quán kỹ tâm tánh chẳng không chẳng giả mà chẳng hoại pháp không giả. Nếu hay như thế mà chiếu liễu (xét biết) thì ở Tâm Tánh thông suốt Trung đạo, viên chiếu ba đế, hai là Dụ huyễn. Kinh Lăng Già nói: như người làm trò ảo thuật y vào cỏ cây ngói đá làm các thứ ảo thuật (huyễn) như khởi tất cả chúng sanh có hình sắc như thế, khởi lên các thứ vọng tưởng. Thích Chiêm nói: Tên Diệm huyễn thông với Thiên viên nay từ Viên mà nói một tâm ba huyễn. Tịnh Danh Ký nói: Đủ như huyễn hóa, tục đồng chân khác. Một Tục Ba Chân Chỉ yếu lập ba thứ huyễn là Dĩ tánh Đoạt tu huyễn, thản (chỉ là) Lý Tùy Duyên Huyễn, Duyên Sanh Vô Thể Huyễn. Nên Chỉ Yếu nói: Tánh vốn viên cụ, khắp phát cho huân, lấy tánh đoạt tu nên Tạ nhu huyễn. Lại nói: Song đây còn không phải Thản lý tùy duyên huyễn há đồng với Duyên sanh vô thể huyễn, mới biết như huyễn là tên đồng mà nghĩa huyễn thì rất khác; ba là dụ bào, Tịnh Danh Sớ nói: Nước trên nhiễu (?) xuống nước dưới, nước trên là nhân, nước dưới là duyên thì có bọt nổi lên, bọt này tức không; bốn là Dụ ảnh, Nhan Thị Gia Huấn nói: Chữ Ảnh là cảnh của quang cảnh, phàm âm cảnh là nhân ánh sáng mà sanh nên gọi là cảnh. Tiếng Phạm là Tần Bà Trướng, dịch là thân ảnh. Tịnh Danh Sớ rằng: Có vật ngăn sáng thì có ảnh (bóng tối). Vật khác thì ảnh khác, vật động thì ảnh động. Hạnh nghiệp vô minh ngăn ánh sáng lý trí thì có ba ảnh sự Báo thân hiện ra, nghiệp khác từ sanh đến tử lưu động không phải một; năm là Dụ Lộ, Đại Đái Lễ nói: Sương là khí âm dương, khí âm mà thắng thì ngưng thành sương tuyết, khí dương mà thắng thì tan thành mưa mù. Rạng đông vừa chiếu thì mù liền tan (khô). Đời người có bao lâu?; sáu là Dụ Điện, Kinh Luật khác nhau nói bốn Điển sư. Hoặc nói Điện là rồng nháy mắt sanh ra ánh sáng. Ngũ kinh Thông Nghĩa nói: Điện là ánh sáng của sấm (?) Cố Khởi Chi nói: Điện là âm dương chạm nhau làm ra sấm sét, xảy ra rất nhanh khiến ngộ pháp ra sấm sét,

xảy ra rất nhanh khiến ngộ pháp vô thường. Tánh người thông suốt phải khởi chí tin tưởng các pháp thí dụ này. Nay thuật tụng rằng:

Thế giới biến thành như huyễn hóa
Ái tưởng hành khởi giống bọt nổi
Pháp trần duyên lự cùng quán ảnh
Thân giống hạt sương ở trên cây
Qua rồi lại nghĩ việc như mộng
Hiện tiền như điện chớp sáng lòa
Phải biết rốt ráo thường không tịch
Từ đó không cùng vật duyên nhau.

8/ Luận, kinh Bản Nghiệp Anh Lạc nói: Thiết Luận ở vị Thập tín, Đồng Luân ở vị Thập trụ, Ngân Luân ở vị Thập hạnh, Kim Luân ở vị Thập hướng, Lưu y Luân ở vị Thập địa, Ma-ni Luân ở vị Đẳng giác Diệu giác.

9/ Hoa, kinh Duy-ma nói: Rừng cây vô lậu pháp, Giác Ý Tịnh Diệu Hoa. Ngài Thiên Thai giải thích rằng Giác ý tức là bảy giác chi (một trạch pháp, hai tinh tấn, ba hỷ, bốn trừ, năm xả, sáu định, bảy niệm) bảy giác điều đình sanh nhân trí nhân. Nên Trí Luận nói: Vô Học Thật Giác do bảy thứ này mà đến nên lấy làm hoa. Lại nói nước định trong và đầy, bày ra bảy Tịnh hoa. Ngài Thiên Thai giải thích: Một là Giới tịnh, hai là Tâm tịnh, ba là Kiến tịnh, bốn là Đoạn nghi tịnh, năm là Phân biệt tịnh, sáu là Hạnh tịnh, bảy là Niết-bàn tịnh. Lại Nam mô nói: Ví như có người có bảy con, một đứa trong bảy con có bịnh thì lòng cha mẹ chẳng bình yên, song bịnh tâm là nặng nhất. Chương An giải thích rằng: Hoặc lấy bảy phương tiện căn tánh làm bảy con, tức là trời người, Nhị thừa và Tam giáo Bồ-tát. Trong bảy con ấy có đứa gây tội thì tâm là riêng nặng. Lại Trí Luận nói: Trí Độ Đại Đạo Phật khéo đến, Trí Độ Đại Đạo Phật tột đáy, Trí Độ Tướng Nghĩa Phật vô ngại. Kính lạy Trí Độ Vô Tử Phật. Người xưa lập bốn nghĩa để giải thích Vô Tử: Một là vô đẳng (không bằng) tất cả chúng sanh không bằng Phật; hai là vô ngại, Phật là Pháp vương (vua pháp) đối với pháp rất tự tại; ba là vô tử, lại có hai nghĩa: một là ở lý, Phật hay thể ngộ vô sanh chân lý nên gọi là vô tử. Hai là ở sự, Như Lai các chủng tử sanh tử đã hết nên gọi là vô tử; bốn là vô tử cũng có hai nghĩa: một là Bát-nhã gọi là mẹ Phật mẹ có bảy con, tức là Phật, Bồ-tát, Bích-chi Phật và người bốn quả trong bảy con này Phật là con trưởng, nên nói là vô tử; hai là Trong tệ vô minh không có chủng tử trí tuệ, nên nói là vô tử.

10/ Bè, Quách Phác nói thuyền bè ở trong nước. Luận Công Đức

Thí nói: Như muốn qua sông trước phải lấy bè, đến bờ kia rồi liền bỏ mà đi. Trí Luận dẫn kinh Phược Dụ bảo rằng: Các ông nếu hiểu pháp dụ bè của ta lúc ấy dù là thiện pháp cũng phái bỏ đi, huống là không phải thiện pháp (pháp bất thiện). Đây là Yếu thuật vô sở đắc, khiến chẳng ngưng trệ ở vật. Cho nên Phẩm Đức Vương nói: Ví như có vua (là Ma vương) bắt bốn rắn độc đựng đầy một hộp khiến người nuôi dưỡng. Nếu để một rắn nổi giận thì ta sẽ theo pháp mà giết hết. Người này sợ quá bỏ hộp trốn đi. Lúc ấy vua lại khiến năm Chiên-đà-la vác dao theo sau. Một đứa giấu dao giả bộ thân thiện. Người này không tin, đến xóm làng muốn tự ẩn trốn. Khi đã vào làng chẳng thấy có người và vật gì, bèn ngồi ở đất nghe trên không trung có tiếng nói rằng: Đêm nay sẽ có sáu tên giặc cướp đến. Người ấy nghe nói sợ quá lại bỏ mà đi. Giữa đường gặp một sông nước chảy rất xiết bèn lấy tre gỗ làm bè xả nước mà đi. Khi đến bờ bên kia rồi an ổn không hoạn nạn, Bồ-tát cũng thế. Nghe Niết-bàn quán thân như cái hộp có bốn con rắn lớn. Năm tên Chiên-đà-la tức là năm ấm giả bộ thân thiện tức than ái. Làng trống vắng tức là sáu nhập, sáu tên giặc cướp tức là sáu trần, sông tức là phiền não, bè tức là đạo phẩm, đến bờ kia là thường lạc Niết-bàn. Lại dụ tám luân. Chánh Lý Luận nói: Như bánh xe ở thế gian có bầu xe, vành xe và nan xe. Tám chi thánh đạo giống nó gọi là Luân (bánh xe) Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh cần, Chánh niệm giống như bầu xe, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng giống như nan xe, Chánh định giống như vành xe. Ba việc đầy đủ có thể ra đường chạy chở.

11/ Kinh phương Đẳng Như Lai Tạng nói: Phật vì Kim Cang Tạng Bồ-tát nói: Một pháp chín dụ, đủ có mười văn. Kinh nói: Ta dùng Phật nhãn quán tất cả chúng sanh trong các phiền não có mắt Phật trí, có thân Như Lai ngồi kiết già sừng sững bất động. Dưới có dịch chín hàng kệ tụng rằng:

1- Ví như Nuy Biến Hoa: Hoa này chưa nở, Thiên nhãn quán thấy (mặt trời thấy) là thân Như Lai Vô Nhiễm.

2- Ví như Nham Thọ Mật (mật cây núi) có hai vô lượng ong bu quanh, muốn phương tiện lấy mật trước phải dẹp trừ bầy ong ấy.

3- Ví như gạo thóc chưa bỏ trấu cám (chưa xay giả) kẻ nghèo cũng như giặc cướp, gọi là vật (đồ) bỏ.

4- Như Vàng ở chỗ bất tịnh giấu kín chẳng thấy, Thiên nhãn mới thấy liền bảo với mọi người biết.

5- Như trong nhà kẻ nghèo có kho châu báu, chủ nhà không biết đã gặp báu lại chẳng thể nói.

6- Ví như quả Am-la có hạt chẳng thể hoại, đem trồng ra đất ắt thành cây lớn.

7- Ví như cầm tượng vàng đi đến phương khác giấu trong áo dơ rách bỏ ở ngoài đồng trống.

8- Ví như cô gái nghèo, sắc mạo xấu xí mà mang thai con quí tướng sẽ làm Chuyển luân vương.

9- Lò đúc lớn có vô lượng tượng vàng ròng. Người ngu bên ngoài ngó vào chỉ thấy đất chánh đen thui.

Lại Ngụy Dịch Kim Cang nói: Tất cả pháp hữu vi như tinh ế đăng huyễn lộ (mù) bào (hạt) mộng điển (sét) vân (mây), hãy quán như thế. Di-lặc tụng tằng:

Thấy (kiến) tướng và ở thức,
Khí thân thọ dụng sự,
Pháp quá khứ hiện tại,
Cũng quán như vị lai.

Luận giải thích rằng: Ví như tinh tú (các sao) bị mặt trời chói lòa mà không thấy. Hay thấy tâm pháp cùng như thế. Lại như mắt có bịnh thì thấy có vầng sáng có lông nhỏ. Quán pháp hữu vi cũng như thế, vì thấy điên đảo. Lại như đèn, thức cũng như thế, vì nương nhờ pháp tham ái mà trụ. Lại như huyễn, chỗ nương tựa cũng lại như thế. Vì khí thế gian các thứ sai khác không một thật thể. Lại như Lộ, thân cũng như thế vì ít (thiếu) thời trụ. Lại như bọt, việc thọ dụng cũng như thế vì nhân thọ tưởng ba pháp bất định. Lại như mộng pháp quá khứ cũng như thế, vì duy niệm. Lại như Điện, pháp hiện tại cũng như thế, vì sát-na không trụ. Lại như mây, pháp vị lai cũng thế. Vì ở giờ tý thức A-lê-da vì tất cả pháp làm chủng tử căn bản.

12/ Báu, Quang Minh nói: Ta đang ở yên trong thập địa mười thứ trân bảo ở Thập địa, vì quí hơn đất tức là trân bảo dưới chân (làm chân?) là quả Thập địa làm nền nhà nên nói dưới chân (làm chân?) các công đức khác không gì chẳng tu, tùy phần tùy sức chánh lấy đàn (bố thí?) làm chân Sơ địa, chân đàn nếu đủ thì được vào Sơ địa (địa thứ mười). Lại như mười Dụ của Pháp Hoa so văn thấy kinh ấy.

54. BÁN MÃN THƯ TẠ.

Niết-bàn nói: Ví như Trưởng giả chỉ có một con tâm luôn nhớ nghĩ thương xót không thôi dắt đến thầy cho học, sợ không chóng thành bèn dắt về vì thương quá. Ngày đêm ân cần dạy con nửa chữ mà không dạy Tỳ-da-la Luận vì sao thế? Vì còn bé quá chẳng kham nỗi.

Ly-khư (Lekha), dịch là thư (sách). Thích Danh gọi là thư khứ (sách chép nhiều thứ?). Bài Tựa Xuân Thu Tả Truyện nói: Việc lớn chép ở sách, việc nhỏ tóm tắt mà thôi. Văn Tuyển chú rằng: Trúc to gọi là sách, trúc nhỏ gọi là giản, bản gỗ gọi là độc. Tựa Thượng Thư nói: Sách của Phục Hy, Thần Nông, Hoàng đế gọi là Tam phần vì nói về đại đạo vậy. Sách của Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường Ngu gọi là Ngũ Điển vì nói Đạo Thường. Đời nói ba Cổ thị Phục Hy là Thượng Cổ, Văn Vương là Trung Cổ, Khổng Tử là Hạ Cổ. Sử Ký của Tư Mã Thiên luận sáu tông: Một là Âm dương khiến người bắt mà nhiều sợ, song tựa ấy nói (thứ tư) bốn mùa đại thuận chẳng lỗi; hai là Nho, rộng mà ít yếu nhọc mà ít công, do đó việc ấy khó theo, song thứ tự vua quan cha con của Lễ thì khó thay đổi; ba là Mặc Tử, kiệm mà khó tuân ấy vì việc ấy không thể đi khắp. Song cường bản tiết dụng không thể bỏ; bốn là Danh, khiến người kiệm mà khéo mất chân, song cái chánh danh chẳng thể chẳng xét; năm là pháp, nghiêm mà thiếu ân song việc phân quần thần trên dưới chẳng thể đổi; sáu là Đạo đức, khiến người tinh thần chuyên nhất mà động họp vô hình ấy là thuật. Nói Âm Dương Đại Thuận, Luận Thiện Yếu của Nho Mặc, cùng thời dời đổi ứng vật biến hóa, lập tục bày sự không chỗ nào chẳng phải, chỉ ước mà dễ làm, sự ít mà công nhiều. Ban Cố Hán Thư nói chín lưu: Một là Nho Lưu, thuận Âm Dương bày giáo hóa, thuật chánh của Đường Ngu, tông (gốc) là Đạo Trọng Ni; hai là Đạo Lưu, giữ yếu tự ti, bày đức Tạp Nhượng của Nghiêu Thuấn, thờ khiêm cung của Chu Dịch; ba là Âm Dương lưu, là thuận thiên lịch tượng kính thọ dân thời; bốn là Pháp lưu, nói pháp Thưởng Sắc để thuận Lễ chế; năm là Danh lưu, là Chính danh nêu vị, lời thuận sự thành; sáu là Mặc lưu, thanh miếu tông tự, nuôi già bố thí; bảy là Tung hoành lưu, nghĩa là thọ minh sử chuyên đối quyền sự; tám là Tạp lưu, gồm thuyên (chọn) Nho Mặc, theo huấn của Danh pháp, biết đại thể của nước thì không việc nào chẳng suốt; chín là Nông lưu khuyến khích cày cấy muôi tằm (ăn mặc) nêu bày hàng hóa. Di Thiên nói: Sử thiên sáu dân, Đạo gia là trước, Ban Cố Chín Lưu Nho Tông là trên.

Tất-đàm (Siddha), chương Tất-đàm của Tây Vức vốn là Ba-la-ha-ma Thiên tạo ra, từ xưa đến nay lại không có sách khác, chỉ có khoảng điểm hoạch hơi khác. Tất-đàm dịch là thành tựu sở sanh. Tất-đàm chương là cội gốc của Sanh Tự gọi là Bán. Văn tự các chương khác nói đầy đủ là Mãn. Lại mười hai chương (chương mười hai?) đều gọi là Bán, còn các kinh sách ký luận là mãn loại như đây, mới do ba mươi sáu tự

mẫu (chữ cái) mà sanh các chữ. Trạch Châu nói: Trong Phạm chương có mười hai chương, chương Tất-đàm là thứ nhất, trong đó họp năm mươi hai chữ, hai chữ Tất-đàm là tên chung của chương. Các chương thể khác (thể các chương khác) gọi là Ác A cho đến Lỗ Lưu Lô Lâu...

Tỳ-già-la (Vyàkarana), chương Như Sớ nói: Dịch là Tự Bản. Hà Tây nói là căn bản văn tự của thế gian sách vở luận về âm thinh (tiếng nói) tuyên thông bốn biện quở trách pháp đời, khen ngợi pháp xuất gia, lời nói thanh nhã, nghĩa lý sâu xa. Tuy là ngoại luận mà không có tà pháp, không phải do Thiện Quyền Đại sĩ làm ra. Cho nên đem luận này dụ cho Kinh Phương Đẳng. Tam Tạng Truyện nói: Tên nó gọi không đúng, gọi đúng là Tỳ-da-yết-lặc-nẩm, dịch là Thinh Danh Ký Luận, để rộng nghi các pháp năng thuyên gọi là Thinh Danh Ký. Đều kiếp thành Phạm vương nói một trăm vạn tụng, đầu kiếp Trụ Đế-thích lược bỏ còn mười vạn tụng.

Nhiếp-tha-sất-đà (Sabdavidyà), dịch là Thinh minh. Tây Vức Ký nói: Dạy dỗ bọn trẻ trước tuân theo mười hai chương bảy tuổi trở đi dần dạy năm minh. Đại Luận nói: năm minh: Một là Thinh minh là giải thích chỗ khác nhau của Cật Huấn Tự Thuyên Mục Sớ...; hai là Công xảo minh là nói về kỹ thuật cơ quan, âm dương lịch số; ba là Y phương minh nói về các cấm chú nhãn tà, dược thạch châm ngãi; bốn là Nhân minh là khảo định chánh tà, nghiên hạch chân ngụy; năm là Nội minh là cứu sướng năm thừa, nhân quả diệu lý. Đại Bát-nhã nói: Năm Địa Bồ-tát biết năm minh. Đây là Nội năm minh. Còn Ngoại năm minh đồng với bốn minh trước, còn cái thứ năm thì gọi là Phù ấn minh.

Vi-đà (Veda), cũng gọi là Phệ-đà. Dịch là Trí Luận, biết thư này sanh trí tức là Tà Trí Luận. Cũng dịch là vô đối. Xưa gọi là Tỳ-đà là sai. Vi-đà có bốn: Một là A-do, dịch là phương mạng, cũng gọi là thọ, tức nuôi tánh sanh thiện; hai là Dạ thù, tức là cúng tế cầu đảo; ba là Ta-ma (Bà-ma?) nghĩa là lễ nghi chiếm quẻ về binh pháp quân trận; bốn là A-đạt-bà, tức các tài lạ về bùa chú thuốc men. Tác Ẩn dẫn kinh Ma-đằng-già nói: Người đầu tiên tên Phạm Thiên tạo một Vi-đà, kế có Tiên tên Tự Tịnh biến một thành bốn: 1- Gọi là đọc tụng, 2- Gọi là tế tự, 3- Gọi là ca vịnh, 4- Gọi là nhương tai. Kế đó có người tên Phất-sa có hai mươi lăm đệ tử gọi (nói) là một Vi-đà hay rộng phân biệt (đều bảo có thì rộng phân biệt một Vi-đà). Hoặc gọi Vi-đà là Phù Hịch. Hán Thư Cao Kỷ nói: Hịch lấy tre gỗ làm sách (mà viết vào) dài một thước hai tấc dùng để trưng triệu (trưng dụng triệu hồi). Nếu có việc gấp thì cắm thêm lên đó một lông chim để chỉ việc nhanh gấp.

Khư-lộ-sắc-tra hoặc Khư-lâu (Kuru), gọi là sách người ở phương Bắc.

Tăng-khư-luận (Sàưkhya), chánh gọi là Tăng-xí-da, dịch là số thuật hay số luận. Phụ Hành nói: Ca-tỳ-la nói kinh mười vạn kệ gọi là Tăng-khư-luận, dùng hai mươi lăm đế nói trong nhân có quả kể một làm tông. Nói hai mươi lăm Đế: một là từ minh sơ sanh giác, qua tám vạn kiếp trước mù mờ (minh) không biết, chỉ thấy đầu tiên trung ấm mới khởi nhờ sức Túc mạng luôn nhớ tưởng gọi là Minh đế, cũng gọi là Thể tánh, nghĩa là chúng sanh thế gian do Minh sơ mà có tức thế gian bản tánh. Cũng gọi là tự nhiên vì không chỗ theo. Từ đây sanh giác cũng gọi là đại, tức trung ấm thức vậy; hai là từ giác sanh ngã tâm. Đây là ngã của ngã mạn, không phải là thần ngã, tức đế thứ ba. Từ ngã tâm mà sanh sắc, thanh, hương, vị, xúc. Từ năm tuần sanh năm đại tức bốn đại và không, trần thì tế đại thì thô, họp trần thành đại, nên nói từ trần sanh đại. Song đại này sanh nhiều ít chẳng đồng. Từ thanh sanh không đại, từ sanh xúc sanh phong đại, từ sắc thanh xúc sanh hỏa đại, từ sắc thanh xúc vị sanh thủy đại, năm trần sanh địa đại. Địa đại nhờ trần nhiều nên sức rất mỏng yếu, cho đến không đại nhờ trần ít nên sức nó rất mạnh. Nên bốn luân thành thế giới. Không luân ở dưới nhất, kế là phong luân, rồi hỏa, thủy, địa luân. Từ năm đại mà sanh mười một căn, nghĩa là nhãn v.v... các căn hay biết (tri giác) được nên gọi là căn, gọi năm tri căn. Tay chân miệng lớn nhỏ khiến căn hay hữu dụng nên gọi là năm nghiệp căn, tâm bình đẳng căn họp thành mười một căn. Tâm hay khắp duyên gọi là bình đẳng căn. Nếu năm tri căn đều dùng một đại, nghĩa là sắc trần thành hỏa đại, hỏa đại thành nhãn căn, nhãn căn lại đủ sắc. Không trần thành nhĩ căn. Nhĩ căn lại nghe tiếng, địa thành tỷ, thủy thành thiệt, phong thành thân cũng như thế. Hai mươi bốn Đế này tức là ngã sở đều y vào thần ngã gọi là chủ đế, năng sở họp luận tức là hai mươi lăm.

Vi-thế-sư (vaizesika), chính gọi là Tỳ tai, dịch là Vô thắng.

Ưu-lâu-tăng-khư (Khuka-samkhya?) kế sáu biến tạo. Chỉ nhãn căn hỏa nhiều, cho đến thân căn phong nhiều. Văn thấy ở Kim bảy mươi luận. Phụ Hành nói: Ưu-lâu-tăng-khư, đây gọi là Hưu Lưu Tiên người này ban ngày trốn trong hang núi để tạo kinh sách, ban đêm thì dạo khắp thuyết pháp giáo hóa cũng như chim ấy nên có tên đó. Cũng gọi là Nhãn Túc. Người này ra đời trước Phật tám trăm năm, cũng được năm thông. Nói luận mười vạn kệ gọi là Vi Thế Sư.

Lặc-sa-bà, dịch là Khổ Hạnh, lấy toán số làm thánh pháp, tạo

kinh mười vạn kệ gọi là Ni Càn Tử, ba tiện này nói Vô Lậu Tận Thông nên chỉ có năm thông. Tông Cảnh nói: Ca-tỳ-la kể (chấp) trong nhân có quả, Tăng-khư kể (chấp) trong nhân không quả, Lặc-sa-bà kể trong nhân cũng có quả cũng không quả.

Tỳ-thế (Vaisesika?), dịch Thắng Dị Luận, tức là sáu Cú Nghĩa trong Thật Cú Nghĩa lại có chín pháp là: Địa thủy hỏa phong không thời Phương Đẳng kế tích cực vi (cực bé) để thành khí thế gian. Đây là ngoại đạo kể cực vi (cực bé) là thường trụ (còn hoài) bất diệt (chẳng mất).

Ni-la-tế-trà (Nilaphitaka), Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Thanh Tạng. Ký nói là Thư sự các hữu ty tồn (việc sách vở có Hữu Ty giữ) gọi chung về sử cật, nghĩa là Ni-la-tế-trà, nghĩa là thiện ác thấy đều nêu, tai tường đều chép đủ. Tiền Hán Thư nói: Lưu Hâm bảy lược tập (bảy lần tập hợp), lược tập cùng tập đồng. Sư xưa nói: Gọi Tổng yếu các thư, sáu nghệ lược làm sáu kinh: Chư Tử Lược, Thi Phú Lược, Bình Thư Lược, Thuật Số Lược, là sách bói quẻ Phương Kỵ Lược là sách thuốc, nói hạnh của Uyển Minh Nhân Thần có sáu chánh sáu tà: một là Manh Triệu (mầm móng) chưa hiện thấy cơ còn mất thì gọi là Thánh thần; hai là Tiến Thiện Thông Đạo, công qui về vua thì gọi là Đại thần; ba là ty thân tiền hiền cứng cổ hành sự (hạ mình tiến cử người hiền, làm việc theo xưa) để khích lệ ý vua thì gọi là Trung thần; bốn là sáng xét thấy sớm để khỏi lo sau thì gọi là Trí thần; năm là thủ văn phụng pháp ăn uống liêm tiết thì gọi là Trinh thần; sáu là nước nhà hỗn loạn mà vua không chỉ dụ, nghiêm sắc mặt với vua phạm pháp nói lỗi của vua mình chết để nước yên gọi là Trực thần. (Không nhập một đoạn kế tiếp theo đề nghị của tác giả vì đoạn này sửa lung tung).

Lạc-già-đa (Lokàyatana), Ứng Pháp sư dịch là Thuận Thế vốn là ngoại đạo Phược-ma-lộ-ca. Thiên Thai nói: Đây gọi là Thiện Luận, hoặc gọi là sư phá đệ tử. Từ Ân nói: Đây dịch là ác đối đáp. Là thuận đời, là chấp theo thói đời ở thế gian. Lưu Cầu nói: Như là Lễ nghĩa danh giáo ở cõi này vậy.

Nghịch-lộ-già-da-đà, Ứng Pháp sư gọi là Nghịch-lộ-để-ca dịch là Tả Thế. Thiên Thai nói: Đây là Ác Luận, cũng gọi đệ tử phá sư. Từ Ân nói: Đây dịch là Ác Trừng Vấn. Tả Đạo mê hoặc đời chấp cái ấy mà chẳng luận thế gian. Lưu Cầu nói: Như Huyền Thư của Trang Lão ở cõi này vậy. Cho nên Dương Hùng chê Lão Tử rằng: Chùy đề nhân nghĩa tuyệt giảm lễ học dứt bỏ lễ học) nên ta không lấy. Lại chê Trang Tử rằng: Cùng sanh tử đồng giàu sang, đồng sang hèn nó có sở đâu. Song hai Thừa Bán Mãn, này riêng hoằng ở Đông Hạ, tà chánh hai giáo Tây

Vức đều tập. Thế Tôn dự giám để răn người học. Cho nên Thập Tụng nói: Thích làm Văn Tụng Trang Nghiêm chương cú là có thể sợ sệt chẳng được làm. Ngã Phần nói: Là biết sai thứ hội đẳng chẳng được học sách vì khiến bỏ nghiệp, nên chẳng cho xem tướng và hỏi người khác kiết hung. Tứ Phần mở cho phép học Tạng, học sách, học Thế luận. Vì để khuất phục ngoại đạo cho nên trong Tạp pháp Tỳ-kheo mới học được phép học toán pháp. Trí Luận nói: Học ngoại điển như dùng dao chặt bùn, bùn không thành mà dao tự hỏng. Nói ngội ngoại điển thì Nhị Giáo Luận rằng: Giáo cứu hình (thân) gọi là ngoại, sách cứu thân (tâm) gọi là nội. Trí Độ có nội ngoại hai kinh, Nhân Vương phân nội ngoại hai luận Phương Đẳng nói nội ngoại hai luật, Bách Luận nói: Nội ngoại hai đạo. Thông Nguyên Ký phân biệt hai lớp nội ngoại: Một là ước cõi, hai là ước giáo ước cõi thì lấy thế gian làm nội, xuất thế gian làm ngoại. Ước giáo tức là trị tâm làm nội, trị thân làm ngoại. Ấy thì giáo của Nhọ Đạo dẫu nói tự tâm mà lại không lý xuất thế nên thuộc về nội. Còn giáo của Thích Thị tuy có tự thên cũng là nhân xuất thế nên đêu thuộc ngoại. Lương Trần Lưu Xử Sĩ Nguyễn Hiếu Chữ tự là Sĩ Tông Soạn Thất Lục mười hai quyển: một là kinh điển, hai là truyện ký, ba là tử binh thư, bốn là văn tập, năm là thuật kỵ năm thứ này gọi là nội thiên, sáu là Phật pháp, bảy là tiên đạo hai thứ này gọi là ngoại thiên. Nam Sơn lấy Phật Đạo làm Thiên Phương Ngoại bắt đầu từ đây. Trang Tử Đại Tông Sư nói: Khổng Tử bảo rằng: Ông ấy dạo phương ngoài (ngoại), còn khâu này dao phương trong (nội). Thông Nguyên Ký hỏi: Ông ấy đã lấy đạo làm ngoại nay sao phán (nói) là thuộc nội? Đáp: Ông ấy nói Thần Tiên Đạo Đức không phải như giáo của Chu Khổng trị đời, gọi là ngoại thiên. Nay lấy giáo Phật mà so, kỳ thật là nói về cõi nội. Nói Nho giáo thì Phạm Hoa nói: Đức lớn (Thạc Đức) là Nho. Dương Hùng nói: Thông Thiên Địa Nhân gọi là Nho. Khổng Tử họ Khổng tên Khâu, tự là Trọng Ni, người ở làng Bình Xương Quan, ấp Sô (Trâu), nước Lỗ, làm (vị?) Lỗ Tư Khấu từ nước Vệ trở về Lỗ, san định Thi Thư Lễ Nhạc, sữa Xuân Thu khen Dịch Đạo, dùng sáu kinh làm giáo. Nói về Đạo giáo, thì theo Thư Kinh Tịch Chí (các kinh sách?) nói về chỗ sâu xa của vạn vật, chỗ huyền áo của Thánh nhân. Lão Tử họ Lý tên Nhĩ tự là Bá Dương, thụy là Đam, là người ở Lý Khúc Nhân, làng Lệ, huyện Khổ nước Sở, làm một quan nhỏ Thủ Tàng Thất ở nhà Chu. Đi về phía Tây vào Lưu Sa vì Hàm Cốc quan Lại Doãn nói: Năm ngàn lời tức là hai kinh Đạo Đức làm giáo. Nói Thích Giáo, thì Lão Tử Tây Thắng Kinh nói: Thầy ta du hóa Thiên Trúc khéo vào Nê-hoàn. Phù Tử nói: Thầy của Lão Tử tên

là Thích-ca Văn. Pháp của Thích-ca nói gọi là Thích giáo. Hậu Hán giao Tự Chí nói: Phật giáo lấy tu thiện từ tâm làm chủ, chẳng giết sinh loại, chuyên vụ thanh thượng. Lại cho người chết tinh thần không mất mà phải thọ thân chỗ tạo thiện ác đời sau đều có báo ứng, rất quí việc làm thiện để luyện tinh thần, luyện mãi không thôi cho đến vô sanh mà được làm Phật, có kinh sách mấy ngàn quyển, lấy hư vô làm tông. Bao la tinh thô, không gì chẳng thống lãnh, khéo nói lời thắng đại, chỗ cầu trong một thể, chỗ nói biểu thị thấy nghe, huyền vi sâu xa khó thể lường biết. Cho nên Vương Công Đại Nhân thấy báo ứng sanh tử đếu cứ nhiên tự mất. Luận Bảo Vương nói: Lý của ba giáo tên chưa ắt khác, lý chưa ắt đồng. Vả lại Phu Tử trong bốn tuyệt: Một là vô ngã, nghĩa khiêm quang là vô ngã. Đạo vô ngã trưởng mà chẳng tể là vô ngã. Phật vô ngã, xem năm uẩn đều không là vô ngã. Hai giáo môn trước đều chẳng nói năm uẩn. Ai luận Tứ Đế, Lục Độ Vạn Hạnh, thềm bậc Thánh hiền đều không nghe nói đến. Chỉ có Hòa Quang Đồng Trần, Bảo Thư Thủ Tịnh, đã từ lại kiệm, chẳng dám làm một Thánh trước thiên hạ (một thiên hạ trước làm một Thánh), sao dụng Thương mà xét cạn sâu. Vô ngã của ba giáo đã nói xong. Hoằng Minh Tập nói: Tần Cảnh đi sứ Tây Trúc, Ma-đằng đến cõi Đông Đạo Sướng Hoàng Hán Chi Triều (đạo hợp vua đời Hán), Huấn Giáo Vĩnh Bình Chi Tự. Trúc Pháp Lan vào Lạc Dương, Khương Tăng Hội đến nước Ngô bày xá-lợi ở nước Nam, dựng chùa tháp ở Đông Độ, Nam Sơn nói: Từ khi giáo pháp vào Đông tiệm cức thiệp Oa Long (truyền nhanh đến Oa Long), ba Bị binh trừ năm tao bái phục. Đây không phải đời Hưu Minh, ấy là vua bạo ngược, cho nên Sử Bố lệnh phi kinh quốc chi mưu, thường chí lương sử chi tiếu sự lý nan phản, hoàn tập cựu tân. Xưa Đông Tấn Thành Đế năm Hàm Ninh Sáu, Dữu Băng Phụ Chính Đế tại Ấu Xung (nhân vua còn bé) đã ra vì vua chiếu khiến Tăng phải lạy vua. Lúc đó Thượng thư lệnh là Hà Sung Tạ Quảng v.v... kiến nghị không nên lạy, ba lần kiến nghị lúc đó bèn thôi. Trong năm Nguyên Sơ đời An Đế Thái Phủ Hoàn Huyền Thượng Thư lại khiến lạy thì Thượng thư lệnh là Hoàn Khiêm, Trung thư Vương Mật v.v... can rằng: Nay Sa-môn có ý kính sâu chẳng cần phải lạy đúng lễ. Tích sung suất thổ nhi thú siêu phương nội ấy là vua ngoại quốc đều giáng (giảm) lễ. Bởi vì Đạo ở Tắc quí không vì sự khinh trọng của người. Tìm Đại pháp Đông Lưu vì nhật lượng cửu (dầu đã lâu ngày), tuy phong đời chính đổi mà Hoằng chẳng đổi thay, há chẳng dùng Hóa độc tuyệt hữu nhật dụng ư Đào Tiềm thanh ước chi phong vô thời hại ư Long Bình giả hồ. Hoàn Huyền lại gởi thư đến Viễn Pháp sư.

Viễn làm Luận Sa-môn Bất Kính Vương gồm năm thiên, việc do đó mà dứt, kịp khi An Đế phản chính mà tin thờ Phật. Có Tông Lưu Thị, nam Hiếu Võ Đại Minh sáu tạm bắt Sa-môn phải lạy vua là y theo luật vua năm đầu Chánh Trung. Ngụy Thái Võ Chân Quân năm thứ bảy có Đạo sĩ Khấu Khiêm Tư Đồ Thôi Hạo nói gièm Phật pháp, vua cho là phải bèn diệt Phật pháp Đào Tăng Đảo Tràm. Sau mời Đàm Thủy đảnh lễ hối lỗi bỏ kinh năm năm vua bị bịnh cùi bèn giết Thôi Hạo mà trùng hưng Phật pháp. Từ đời Tấn thất ngự Trung Nguyên quốc phân làm mười sáu. Đây là các Ngụy Chính tin Phật pháp không thiếu nhưng chỉ vì hách biên bột bột cứ hữu Hạ Châu bung bạo không biết chán lấy giết chốc làm vui, bội tượng (trái tướng) bội thượng (trái vua) khiến Tăng phải lạy. Sau khi trời đánh mà chết, chôn rồi lại bị đánh văng ra. Con là Xương Tập Vị (nối chức) đánh phá Trường An diệt Phật pháp chém Tăng, giết Sa-môn. Đàm Thủy bị chém mà không sao, nhân đó đổi tâm, sau bị Bắc Triều Hậu Ngụy tiêu diệt. Chu Võ Đế lúc đầu tin Phật pháp. Sau nghe lời gièm siễm của Đạo sĩ Trương Tân và tiền Tăng Vệ Nguyên Tung sắp diệt Phật giáo. An Sư bèn làm Nhị Giáo Luận mà can rằng: Giáo của chín Lưu, là giáo ngăn ở thân gọi là ngoại giáo. Giáo của ba thừa dạy tịnh tâm mình gọi là nội giáo. Lạo không phải là giáo chủ dị khiêm sở nhiếp. Vua nghe theo tồn phê lý quai (giữ bỏ trái lý) bèn diệt hết cả hai. Không đầy năm năm chết rồi, Tùy Dương Đế nối ngôi đổi mới triều trước. Tuy khiến kính trọng nhưng Tăng không phải lạy vua. Khi Đường Thái Võ lên ngôi lại đuổi Tăng Ni diệt Phật giáo ra chiếu lịnh phải lạy vua. Oai Tú Đạo Tuyên v.v... dâng biểu, cùng các quan họp cả nước bàn luận không làm. Vỏ Tông năm Hội Xương năm, có Đạo sĩ Lưu Huyền Tịnh Triệu Qui Chân chê bai Phật pháp sa thải Tăng Ni. Năm vua băng hà, Tuyên Đế bèn lại kính Phật, giết Lưu Huyền Tịnh. Thông Nguyên Ký nói: Có người trách Lương Võ Đế kính Phật mà sao lại bị Hầu Cảnh giết, ấy là vì không biết nghiệp thông ba đời, nhân duyên gặp quả báo liền chịu. Trong văn Khổng Tử nói: Thi thư thạnh mà nhà Tần diệt không phải là tội của Trọng Ni. Huyền Hư lớn mà Tấn thất loạn không phải là tội của Lão Trang. Tu trai giới nước Lương mất (Lương Võ Đế) không phải là tội của Thích-ca. Đây nói rõ vậy thuyết này rất sáng tỏ vậy).

■

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

QUYỂN 6

Tập này gồm bốn phần sau đây:
55. Đường phạm tự thể
56. Phiền não hoặc nghiệp
57. Pháp Tâm - Ý - Thức
58. Pháp Ấm - giới - Nhập

55. ĐƯỜNG PHẠM TỰ THỂ

Tây Vức năm Thiên Trúc Kinh chuộc sách Trời. Đông Hạ chín châu tự pháp dấu chân chim từ xưa hiếm thấy. Nhân dịch mới truyền, giữ trong hộp ngọc còn đủ. Tập này lược nêu.

Chữ (?), Huân Văn nói: Chí Thành Toản Yếu nói tiếng Phạm là Thất-lị-mạt-sai, dịch là Cát Tường Hải Vân. Ở ngực Như Lai có tướng Đại Nhân hình chữ (?) gọi là Cát Tường Hải Vân. Hoa Nghiêm Âm Nghĩa nói: Xét chữ (?) vốn không phải là chữ. Nhà Đại Chu năm Trường Thọ hai. Chú Thượng quyền chế văn này đặt ở Thiên Xu gọi là Vạn, nghĩa là Vạn Đức Cát Tường tập hợp. Trong kinh Trên Dưới căn cứ vào bản chữ Hán có mười bảy chữ đồng gọi là Vạn. Thanh tịnh vào văn tiếng Phạm có hai mươi tám tướng v.v...

Chữ (?), Phạm Sư nói đây là chữ Vạn ở Tây Vức, là tướng Cát Tường trước ngực Phật.

Chữ (?), đọc là Vạn, là tướng Cát Tường Thắng Đức. Do tóc xoắn về phía hữu mà sanh ra giống như chữ (?). Tiếng Phạm đọc là Tấc-phược-tất-để-ca, dịch là Hữu Lạc. Người có tướng này ắt có an lạc. Nếu (????) chữ Vạn là chữ phương này. Trong Tống Cao Tăng Truyện nói: dịch có bốn lệ: Một là dịch chữ không dịch âm, các lời chú trong kinh là đó; hai là dịch âm không dịch chữ, như chữ (?) trong Hoa Nghiêm là đó. Vì phương này dịch chữ vạn mà tự thể cũng là Phạm thư (sách Phạm?); ba là âm chữ đều dịch, như văn kinh là đó; bốn là âm chữ đều chẳng dịch Tây lai Phạm giáp (?) là đó.

Chữ (?), chương An Sớ nói: Gọi là chữ Y. Ngoại quốc mới cũ hai chữ Y. Chữ Y xưa là ngang dọc cắt đứt lìa nhau mược đây mà so kia. Ngang như lửa dữ, dọc như chấm (giọt) nước, đều chẳng nối nhau. Chẳng ngang chẳng đồng lửa dữ, chẳng dọc chẳng đồng điểm nước. Như ở phương này tướng dưới chữ Thảo (?) các nét nhỏ liền nhau là tướng chữ Y. Chữ Y cũ có thể ví giáo xưa ba đức, pháp thân vốn có, Bát-nhã (do mà) tu thành. Vào Vô Dư rồi mới là giải thoát không còn thân trí. Như đọc điểm nước dọc mà lìa nhau. Lại ước thân ước trí phân được Hữu dư giải thoát. Ngang một lúc có ba pháp đều khác. Như ngang lửa dữ chẳng tương quan chữ Y mới là ví nay giáo ba đức pháp thân tức chiếu cũng tức tự tại. Gọi một thành ba, ba không thể khác (ba tức là một). Cho nên không phải ngang, chẳng trước chẳng sau nên chẳng phải dọc. Một tức ba như điểm lớn, ba tức một như nét nhỏ, mà ba mà một, mà một mà ba. Chẳng thể nói một - ba chẳng thể nghĩ một - ba. Cho nên nói bất khả tư nghì. Bất khả tư nghì tức là chẳng ba chẳng một, gọi là Bí Mật Tạng như chữ Y ở đời. Cốc Hưởng nói: Phương Tây chữ có mới cũ, cũng như cõi này có chữ Triện Lệ, đều dùng Triện làm chữ cũ, Lệ làm chữ mới.

Phụ nói pháp lìa họp của tánh và tu.

Sát-tam-ma-ta (Satsamàsa), dịch là Ly Họp, muốn hiển ba điểm không có tướng ngang dọc là chỉ tu tánh pháp có ly họp ba đạo rất mê, pháp lý tánh pháp viên cụ (lý tánh thì pháp pháp viên cụ), hai nhân khai ngộ, tu tập thì sự sự viên thông (lý tánh thì pháp pháp viên cụ). Khai thì đều lìa thành ba, đối bèn cùng hợp làm một. Đây luận ba điểm thử mở mười môn: Một là Bản văn, hai là Tiêu danh, ba là Thích nghĩa, bốn là Định thể, năm là Thị tướng, sáu là Cứu ý, bảy là Phán giáo, tám là Định vị, chín là Quyết định, mười là Chỉ ngoa.

1- Bản văn, là Đại Kinh nói: Tất cả các pháp bản tánh tự không, cũng dùng Bồ-tát tu tập không, thấy các pháp không. Khởi Tín Luận nói: Vì biết pháp tánh thể không xan tham, tùy thuận tu hành Đàn Ba-la-mật. Thiên Thai Biệt Hạnh Huyền nói: Nguyên nhân quả căn bản này tức là tánh đức duyên liễu. Tánh đức này vốn tự có, không phải thích kim này mới có). Lại nói vì hai thứ phương tiện tu tập này dần dần tăng trưởng từng chút, được thành tu đức bao trùm cả Đại thụ. Kinh Khê Bất Nhị Môn nói: Tánh đức chỉ là giới như một niệm, như ba pháp đầy đủ trong giới này. Tánh tuy vốn có nhưng nhờ trí khởi tu. Đây là văn rõ ràng nói về tu tánh. Đại Kinh nói: Pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng

chẳng phải Niết-bàn. Chương An trong Niết-bàn Huyền Nghĩa Thích, Văn nói: Pháp thân cũng không phải, đâu thể riêng làm ba thân mà giải thích Đại. Văn nói: Giải thoát cũng không phải, đâu thể riêng làm ba thoát mà giải thích Diệt. Văn nói Bát-nhã cũng không phải đâu thể riêng làm ba trí mà giải thích Độ. Cho nên biết đơn thích không phải là ý kinh này. Trong ba đức đầu (mỗi mỗi) cầu đều chẳng thể được, ba pháp hợp cầu cũng chẳng thể được. Trí Giả Diệu Huyền nói: Diệu Hành cùng Tiền Cảnh Trí một mà luận ba, ba mà luận một. Kinh Khê nói: Lại hiểu thuận tu đối tánh có ly có Họp. Ly nghĩa là tu tánh đều ba, Họp nghĩa là tu hai tánh một. Vĩnh Gia nói: Trong Thiên ba thứ phải chọn: Một là có Bát-nhã mà không có giải thoát, pháp thân; hai là có giải thoát mà không có pháp thân, Bát-nhã; ba là có pháp thân mà không có giải thoát, Bát-nhã. Có một không hai nên chẳng viên. Chẳng viên nên chẳng phải tánh. Lại trong Thiên phải chọn ba thứ; một là có Bát-nhã, giải thoát mà không có pháp thân; hai là có giải thoát, pháp thân mà không có Bát-nhã; ba là có pháp thân, Bát-nhã mà không có giải thoát. Có hai không một nên chẳng viên, chẳng viên nên không phải tánh. Trong viên ba thứ phải đủ: một là pháp thân chẳng si tức Bát-nhã, Bát-nhã không đắm trước tức giải thoát, giải thoát tịch diệt tức pháp thân (hai, ba lệ đây). Đây đều là Bản Văn Ly Họp.

2- Tiêu Danh, Tu nghĩa lập hạnh tiến đến khởi hai nhân chánh trợ. Tanh nghĩa là vốn tự thể tánh, tức giới như một niệm. Phàm phu mê nên tự chân khởi vọng cũng như gương - bụi - mắt bịnh (gương bụi che màng), duyên liễu chi (sáng về duyên liễu mà) minh tánh tự tồn cố (tánh tứ còn), đủ đức lý tánh vì người tu ngộ. Bội (trái) trần họp giác, giống như gương lau mài thì cảnh tượng xấu đẹp bèn hiện. Cho nên có tu thì đức thành.

3- Thích Nghĩa, pháp Ly Họp, Nam Bình Pháp sư từng lập ba nghĩa để trình bày: một Ly là khác (các), Ly nghĩa là tu tánh đều (khác, riêng) ba họp là cùng, Họp nghĩa là tu hai, tánh một; hai Ly là khai. Ước tánh thì luôn khai (mở). Họp là đối đối tu mới họp; ba Ly là cùng (dữ), cùng (dữ) mà nói. Một tánh vốn đủ ở hai tu, hai tu thường tức ở một tánh. Họp tức có nghĩa cướp (đoạt), Lý tức tuy đủ Duyên Liễu, cướp (đoạt) mà nói đó. Do chẳng phát tâm, chưa từng gia hạnh, tánh duyên liễu ấy chỉ gọi là chánh nhân, hai tu tuy đủ pháp thân vì nhân trí chiếu (xét), chỉ gọi là Liễu nhân. Vì do khởi hạnh, họp gọi là duyên nhân.

4- Định Thể, muốn bày giáo tướng ly họp cần tìm pháp thể tu tánh. Bởi vì hoặc tánh hoặc tu đều dùng ba ngàn tổng tướng làm thể.

Nên Khởi Tín Luận nói: Tâm chân như tức là một pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Đó gọi là tâm tánh chẳng sanh chẳng diệt, tâu tuy vốn chân mà bất giác khởi vọng. Kinh nói: Tâm như người thợ vẽ, tạo ác thứ năm ấm. Trong tất cả thế gian không gì chẳng từ tâm tạo, do đây vô minh làm duyên thành pháp chúng sanh. Ngài Duy-ma-cật nói: Ví như người làm trò ảo thuật thấy người huyễn. Bồ-tát xem chúng sanh cũng như thế. Do ngộ lý này nên có Phật pháp. Pháp Hoa nói: Chỉ có Phật cùng Phật mới hiểu hết các pháp thật tướng. Mà ba pháp này đã cùng đủ ở ba ngàn, cũng đều nhiếp ở trăm cõi. Thể nó vốn vắng lặng bèn gọi là Lý cụ. Xét ở khởi tâm thì gọi là sự tạo. Tu tánh tuy hai mà ba ngàn thể một. Cho nên Diệu Lạc nói: Chỉ duyên nói lý một. Thế nên tu tánh Ly Hợp đối nhau.

5- Thị Tướng, ngài Cô Sơn trong Hiển Tánh Lục nêu tướng ly có nói: Một nhà tu tánh chánh nghĩa tức ước ba Diệu Huyền Văn trước. Cảnh tức tánh ba (ba tánh), trí tức trí ba (ba trí), hạnh tức hạnh ba (ba hạnh). Thềm bậc của hạnh tức các ngôi vị. Nếu đến sơ trụ thì gọi là Tùy Phần quả thì phần chứng ba pháp vậy. Nếu ở Hợp mà nói thì tức là Hợp tánh làm một Hợp tu làm hai, Hợp lý tánh ba làm một là Chánh nhân pháp thân đức, Hợp trí ba làm một là Liễu nhân Bát-nhã đức, Hợp hạnh ba làm một là Duyên nhân giải thoát đức. Cho nên khai ra đủ chín mà chín chỉ là ba, ba - chín tuy khác mà tánh nó vẫn thường một. Nay hiểu rõ thuyết này văn hội (gặp) nghĩa tiện để giải thích nghĩa ly. Văn hội (gặp) thích châm cảnh tức lý tánh ba đức. Trí tức giải (hiểu) ba đức, hạnh tức quán ba đức. Khi nói nghĩa họp thì văn hội (gặp) thích châm một gọi (tức) Niết-bàn, ba gọi (tức) ba đức. Nói nghĩa tiện, tức Ly Hợp đã là mê ngộ cùng (dữ) đoạt phải ở Trụ Tiền. Nếu đến sơ trụ thì tu tánh một Hợp không còn phân trương, sao luận cùng đoạt khác nhau ư?; hai là ngài Tứ Minh trong Chỉ Yếu Sao có nói: Như Quang Minh Huyên mười thứ ba pháp, biện lấy tu tánh pháp tướng trong các kinh luận nên đủ Ly Hợp hai thuyết. Như ba đức của Tam bảo tuy là tột của tu đức nhưng nghĩa ắt gồm tánh. Ba thân ba trí, văn tuy ước ngộ mà lý ắt thông mê. Ba thức ba đạo đã chỉ sự tức lý, ắt toàn tánh khởi tu thì sáu thứ này há chẳng phải là tu tánh đều ba? Ba nhân đã dùng một tánh đối trí hạnh hai tu. Ba Bồ-đề, ba Đại thừa, ba Niết-bàn đều dùng một tánh đối chứng lý mà khởi dụng hai tu. Bốn thứ này há chẳng phải tu hai tánh một. Nay bảo tu tánh một môn, vốn y trí hạnh hai diệu. Đối cảnh thì diệu ở tại lý mê. Đối nhau cũng (dữ) đoạt mà luận Ly Hợp mười thứ ba pháp bèn hiển quả người được chứng ba đức đều thuộc ngộ, bỏ bản văn này mà xa lấy bộ khác

thì đây là văn mê (mê văn). Lại sơn gia Ly Hợp có hai nghĩa: một là ước tu tánh cùng thành, ở tánh thì nói tu thành tánh, tánh tự có ba. Khởi tu thì toàn tánh thành tu, tu tự đủ ba; hai là ước tu tánh đối nhau, Ly thì tu tánh đều ba, mà Hợp thì tu hai tánh một. Nay dùng tu tánh đều ba mà giải tu sáu tánh ba. Đây là môn, hổn tướng thành đối nhau. Lại loạn số sáu pháp, chín pháp. Đây là nghĩa trái (đều); ba là ngài Tịnh Giác trong Tạp Biên có nói: Tôi từng có văn tâm giải, dẫn đủ lời Huyền Châm chú thích, đại ý cùng Cô Sơn không khác. Chỉ lấy Cảnh - Trí - Hạnh ba thứ mà viên đối ba đức, cho nên Tạp biên nói: Như trong ba thân, pháp thân có thể hiểu, Báo tức Bát-nhã, Ứng tức giải thoát. Trong ba Bát-nhã thì thật tướng tức pháp thân, quán chiếu tức Bát-nhã, văn tự tức giải thoát. Trong bố thí giải thoát thì tánh tịnh tức pháp thân, viên tịnh tức Bát-nhã, phương tiện tịnh tức giải thoát. Đây giống như họp của chấp tay, họp của chữ xuyên (?). Nếu dùng tánh đức Duyên Liễu để tu Báo ứng, thì pháp thân trong tu là họp tánh chánh nhân. Đây mất nghĩa cùng và đoạt. Lại vì trái với Kim Bài, tánh Duyên Liễu đồng gọi là chánh nhân; bốn là ngài Nam bình bỏ hết ly họp đại để có bốn: một là ba - một, Thích Châm nói: một là nói Niết-bàn, ba là nói ba đức; hai là ba - sáu Kim Bài vốn có ba thứ ba lý, nguyên biển đạt (khắp biết) tánh thành tu tu ba cũng biến (khắp). Ly tuy có sáu, Họp thì chỉ ba; ba là ba - chín: Ly nghĩa là tu tánh đều ba, Họp tức là tu hai tánh một; bốn là tánh chín tu mười tám, Như Văn nói: Quang Minh mộng thấy trống vàng. Nay nói ba - một, một - chín là là chánh nghĩa Ly Họp. Tu ba tánh ba là thuộc toàn tánh để khởi tu, không phải đối biện ở Ly Họp; năm là Tiên Bẩm Thanh Biện Lão Sư từng phân ra hai nghĩa; một là tu tánh đều luận Ly Họp; hai là tu tánh đối luận Ly Họp.

1/ Đều luận là Như kim bài nói: Vốn có ba thứ ba thứ Ly nguyên biến (khắp). Đây bèn ở tánh thì toàn tu thành tánh. Tánh tự lìa (ly) chín, tự Họp thành ba. Đạt tánh thành tu, tu ba cũng biến (khắp), đây bởi khởi tu thì toàn tánh thành tu. Tu cùng lìa chín cũng Họp thành ba. Đây là ước với Hoành luận hai lớp Ly Họp.

2/ Đối luận là như Thích Châm nói: Ly nghĩa là tu tánh đều ba, tánh không thể dời, tu thường rõ như thế. Cho nên có chín pháp. Họp nghĩa tu hai tánh một. Đây là Ước Công Lực Cùng Đoạt đối nhau mà luận. Trong Họp Tánh Duyên Liễu không công chê là một tánh, Tu Đức pháp thân thọ huân đoạt gọi hai tu. Đây là ước Thụ Luận một phen Ly Họp.

6- Cứu ý, nay tông bày pháp Ly Họp này là hiển bày pháp thể bất

tư nghì. Vì sao? Vì tuy luận Họp ba làm một, nhưng một chẳng nhất định một, một tự luôn luôn ba. Tuy nói Ly một làm ba, mà ba chẳng nhất định ba, ba tự luôn một. Cho nên Chương An nói: Hoành thì càng cao mà Thụ thì càng rộng, Hội thì luôn phân mà phái thì luôn Họp.

7- Phán giáo, Như Kim Bài nói: Luận sanh hai giáo Tợ v.v... sáng đủ, Biệt giáo chẳng nói chủng cụ đẳng nghĩa (nghĩa chủng cụ v.v...) đây không thể kể ra. Cho nên Biệt Phật tánh thì diệt kiến chín phương, người viên thì đạt ba đạo chín cõi tức thấy viên ba đức thể khắp. Biệt giáo chẳng nói chung cụ (các thứ cụ), bèn nói Tu Tánh Tu Hoành. Viên tông do bày thể khắp nên diễn nói Tu Tánh Ly Họp. Đây là hiển cùng mà chẳng tạp (lộn xộn), lại bày lìa mà chẳng phân.

8- Định vị, giáo đã chỉ viên, vị cần giản lạm: một là thuộc (cục) Trụ tiền, hai là Thông sơ hậu, ba là bày cực quả.

1/ Thuộc trụ tiền, thì Bất Nhị Môn nói: Như gương xưa nay đủ ba, y lý mà sanh giải (hiểu) nên gọi là trí. Trí hiểu dắt hạnh, hạnh hiểu thì khế lý. Sơ trụ đã ba pháp phụ họp nhau, thì cùng (dữ) đoạt, Ly Họp thuộc Trụ tiền vậy.

2/ Thông sơ hậu thì hiển tánh lục nói: Một nhà Duyên Liễu vị cạn sâu, dữ đoạt chẳng phải chỉ một đường. Như Pháp Hoa Thọ Lượng Sớ Văn thì Trụ tiền thông là duyên nhân. Sơ trụ chân chánh hiển liễu bèn là liễu nhân, vì ước với Thanh văn nghe kinh được ký, liền vào sơ trụ. Đây là ước chân tợ phân duyên liễu. Nếu được Thảo Dụ Sớ thì chỉ thủ cứu cánh (đến tay rốt ráo) gọi là trí ba, trung gian bốn tức đều là hạnh ba. Vì thuận kinh Văn Cứu Cánh đến Nhất thiết trí (tất cả trí). Đây bèn phân cực, phân duyên liễu. Như Pháp sư Phẩm Sớ thì đạo Tiền chân như tức là chánh nhân, đạo Trung chân như tức là duyên nhân, cũng gọi là liễu nhân. Đạo Chung chân như tức là viên quả. Ký nói: Đây đem tu đức mà đối với chánh nhân kia, trong chánh duyên liễu đồng thành chánh nhân. Trong tu chánh nhân đồng thành duyên liễu. Lại nói đây dùng Bác địa làm Đạo tiền. Phát tâm rồi thì làm Đạo trung, vị phân làm hai. Trụ tiền là duyên, Đăng (lên) trụ rồi bỏ đi là liễu. Đây thì ba nhân này đều thông một giáo.

3/ Nói Cực quả, Niết-bàn Huyền Thích Đại Diệt Độ Văn nói: Pháp thân cũng không phải, đâu thể riêng làm ba thân mà giải thích đại. Văn nói giải thoát cũng không phải, đâu thể riêng làm ba thoát mà giải thích diệt. Văn nói Bát-nhã cũng không phải, đâu thể riêng làm ba trí mà giải thích độ. Tiên Đạt bèn gọi Đại Diệt Độ ba thứ đều mở chín, bèn thành Ly làm hai mươi bảy pháp. Nay bảo Chương An Huyền nói:

Tuy một mà ba, tuy ba mà một, tuy là ba - một mà không phải ba - một, tuy không phải ba - một mà ba mà một, chẳng thể nghĩ bàn nhiếp tất cả pháp. Tổ sư vì hiển ba đức viên dung khác với tung hoành riêng khác. Hậu Duệ phân tích làm hai mươi bảy pháp thì cách đạo rất xa.

9- Quyết nghi, có người hỏi: Trong tánh ba pháp nếu khởi hai tu bèn hiển chỉ có một pháp, sao nói họp ba làm một? Nam Bình giải thích rằng: Chỉ một - ba Đức mà nói có khai họp. Nếu từ mê mà luận thì họp ba làm một, nếu từ ngộ mà nói thì khởi tu là hai, như thân và cánh tay nếu cột lại thì họp làm một thân, nếu mở ra thì khai làm ba chỗ. Tiên Sư giải rằng: Trọn ngày tùy duyên, tuy khởi hai tu mà ngại gì trong tánh trọn ngày bất biến. Đó gọi là tánh không dời, mà tu luôn luôn như thế.

10- Chỉ ngoa (chỉ chỗ sai), Quang Minh Sám Hối Phẩm nói: Trong mộng thấy nghe có hai: Một là mộng thấy trống vàng, hai là mộng thấy đánh trống. Thấy trống lại có ba: Một là thấy cái trống, hai là thấy ánh sáng của trống, ba là thấy Phật trong ánh sáng. Mộng thấy trống văn có ba: một là thấy đánh trống, hai là phát ra tiếng lớn, ba là tiếng trống có nói năng. Xưa nói mộng thấy trống vàng ba thân đều ba là chín pháp trong tánh. Mộng thấy đánh trống là chín pháp trong tu, bèn nói 3x9=27 pháp. Tân Ký chê rằng: Văn trước thấy trống là ba pháp thân, tức cảnh ba, ba ánh sáng của trống tức trí ba, thấy ba Phật tực dụng ba. Văn này chỉ nói người hay gõ dùng trí mà đánh trống, đâu từng luận ở tu tánh hai mươi bảy pháp ư? Lại như Tứ Minh Ký nói: Trống trên biểu thị cho ba quang ba Phật, ba chỉ là một - ba. Nay đối tín tướng cơ trí sở quán họp ba làm một. Chỉ gọi là pháp thân. Đây bèn gương sáng tu tánh dung tức. Người học tông này phải biết chữ Y ba chấm ... ở đời, ba mắt của chúa trời, tung hoành của Dị Biệt Giáo mà lập viên tông ly họp, bày tu tánh Nhất thiết trí, hiểu chúng sanh và Phật đồng nguồn mà dứt hết nghĩ bàn không còn tính đếm. Cho nên ngài Tịnh Danh từ tang ở Tỳ-da, Thích-ca hết nói ở Ma-kiệt, cho nên gọi là pháp bất tư nghì.

56. PHIỀN NÃO HOẶC NGHIỆP.

Phiền não bình đẳng thể vốn một, Niết-bàn sanh tử thấy có hai. Nếu biết rõ tướng như thật, hiểu rõ tướng huyễn hóa, vì bày từ huệ là để tự tham sân si. Cho nên Đại Tập nói: Xa lìa tất cả phiền não, thanh tịnh vô cấu cũng chân thật, tâm ấy ắt làm ánh sáng lớn, ấy gọi Bảo Cự Đà-la-ni.

A-lê-da (Alaya), Khởi Tín Luận nói: Vì y vào thức A-lê-da nên nói có vô minh bất giác mà khởi hay thấy hay hiện hay lấy cảnh giới mà

khởi niệm liên tục nên gọi là ý. Đây là nói vô minh làm duyên để sanh ba tế gọi là vô minh hoặc. Cảnh giới làm duyên mà sanh sáu thô, gọi là kiến tư hoặc. Vô minh là căn bản hoặc nó chướng trung đạo lý, nên phải tu trung quán mà riêng phá biệt hoặc này. Không thể là hoặc nhánh lá nó chướng lý chân đế, nên phải tu không quán mà phá thông (chung) hoặc này. Các hoặc thông biệt đều mất thì lý chân trung liền hiện.

Tát-ca-da (Svakayadrsti), Tủng Sớ gọi đủ là Tát-ca-da Đạt-lị-sắc-trí, dịch là Thân kiến. Bách Pháp Sớ rằng: Nghĩa là ở năm uẩn mà chấp ngã ngã sở tất cả các thấy đến nương tựa làm nghiệp.

Đạt-lê-xá-na (Darsana), dịch là kiến, kiến có năm thứ: Một là thân kiến (chấp ngã, ngã sở làm thân), hai là biên kiến (chấp có đoạn thường), ba là kiến thủ (chấp lấy kém làm hơn), bốn là giới thủ (không phải nhân gọi là nhân), năm là tà kiến (chấp không nhân quả). Đủ năm thứ này gọi là kiến hoặc. Chỉ Quán nói: Kiến tức là thấy, thấy lý, thấy thật không lầm. Khi thấy lý thì có thể đoạn hoặc này, từ hiểu (giải?) mà được tên nên gọi kiến hoặc. Lại kiến hoặc không phải chỉ từ hiểu mà được tên, cũng ở đương thể mà được tên, gọi đó là giả. Giả là hư vọng điên đảo nên gọi là giả. Phải biết kiến hoặc có ba thứ: một là Cu sanh kiến, hai là suy (thôi) Lý kiến, ba là phát đắc kiến.

1/ Cu sanh kiến là, Chỉ Quán nói: Năm độn đâu cần phải tham sân, như các loài sâu bọ nhỏ nhặt thật không có suy (thôi) lý mà sừng lông trợn mắt nổi giận. Phàm phu thấp kém đâu từng chấp kiến đi đứng ngồi nằm luôn khởi tâm ngã, cho nên biết năm độn không phải chẳng có lợi.

2/ Suy lý kiến, Chỉ Quán nói: Nay ước vị mà phân khiến chẳng lộn vào nhau. Như người chưa phát thiền thì tuy có thế trí suy (thôi) lý biện thông, nhưng kiến tưởng còn yếu nên có mười sử đồng thuộc ở độn.

3/ Phát đắc kiến, Chỉ Quán nói: Từ Nhân nhất định phát kiến, kiến tâm rất mạnh mẽ, chỗ có mười sử từ cương mà được tên, đều thuộc ở lợi. Lược nói: Có ba kiết, rộng nói có tám mươi tám sử.

Lược nói ba kiết, một là thân kiến, hai là giới thủ, ba là nghi sử, lại thêm tham, sân thì gọi là năm phần dưới như Diệu Lạc nói: Nói năm phần dưới là tham tuy thông trên nhưng chẳng phải chỉ trên, chỉ một sân dưới lại chẳng thông trên, các thứ kia khắp nhiềp tất cả kiến hoặc. Nay hỏi kiến thông năm lợi vì sao Câu-xá chỉ nói ba kiết? Đáp: Như Luận Tụng nói: Vì nhiếp căn môn. Nói căn môn, là thân kiến tức khổ môn, giới cấm thủ tức khổ đạo hai môn. Nghi thông với bốn môn gọi là tứ đế. Nói nhiếp căn là biên kiến thân kiến mà chuyển, kiến thủ y giới

cấm thủ mà chuyển, tà kiến y nghi mà chuyển. Cho nên ba kiến này tức nhiếp năm kiến. Hỏi: Kiến hoặc đã trải bốn đế ba cõi sao nói ba thứ kia nhiếp khắp tất cả kiến hoặc tuy đã thông trên mà lại kéo dưới sao? Đáp: Đế bị mê tuy thông ba cõi, nhưng hoặc hay kéo chính ở Dục giới. Cho nên nói dẫu đoạn tham sân v.v... cho đến vô sở hữu, thì do thân kiến v.v... phải trở lại Dục giới. Hỏi: Như Diệu Huyền nói: Đoạn hoặc đế kiến mà lại gồm trừ bốn Tư, chưa biết pháp nào là Tư? Đáp: Đây lấy Tư của bốn thú làm bốn Tư. Vì Diệu Huyền nhân minh nhân ích, thế nên vị phàm phu mà trì giới thì phục được nghiệp bốn thú. Sơ quả tu quán thì đoạn được Tư bốn thú. Vì Cu sanh thôi kiến hai Tư tùy kiến mà lạc (đọa lạc) (theo kiến mà rụng) bèn nói là gồm trừ. Nên biết Tư hoặc có ba thứ: Một là Cu sanh tư cùng hình cu sanh (thân cùng) như nam nữ gá thai vọng cha mẹ vượt ái ác tâm. Đây là tà tư lại qui về kiến hoặc; hai là Y kiến tư, Chỉ Quán nói: Năm lợi há chỉ kiến hoặc, đâu từng không nhuế dục ư? Hỏi: Chỉ Quán nói: Nếu trong Lợi mà có Độn, kiến đế chỉ đoạn ở Lợi mà Độn thì cũng còn. Đáp: Theo Chỉ Quán nói: Tỳ-đàm nói Độn trên Lợi gọi là Bối Thượng Sử. Khi kiến đế đoạn thì chánh lợi đã bỏ (đi?) Bối Sử cũng bỏ (đi?). Phược Tư ba cõi: Tức là chín phẩm Tư hoặc ba cõi đây gọi là Độn sử, cũng gọi là Sự chướng, gọi chánh ba độc. Phàm bảy tình thì Ái nộ (yêu giận) hai thứ sanh mà tự năng. Hai thứ ấy là gốc của tánh, là đầu mối của các ác, trẻ con thấy sữa ắt đòi, không được thì khóc. Đó là Ái, Nộ (yêu, giận) với đứa bé cùng sanh vậy. Hỏi: Năm phần trên: Một là Trạo cử, hai là Mạn, ba là Vô minh, bốn là Sắc nhiễm, năm là Vô sắc nhiễm vì sao thượng giới mà không nghi? Đáp: Nghi theo kiến mà rụng, cho nên không có hoặc này. Tịnh Danh Sớ lấy năm cái phối với bốn phần: Tham dục, Sân nhuế, Thùy nghi thuộc si, Trạo tán là ngã thủ. Chỉ Quán nói: Trạo có ba thứ: Một là Thân trạo thân thích chạy nhảy các thứ đùa giỡn ngồi không tạm yên; hai là Khẩu trạo, là thích ngâm vịnh cải cọ phải quấy, nói năng bàn luận thế gian vô ích; ba là Tâm trạo, tâm tình buông lung, mặc ý phan duyên suy nghĩ van nghệ tài giỏi thế gian và các ác giác quán v.v... gọi là Tâm trạo. Bốn thứ này đều sanh ra hai mươi mốt ngàn (21.000). Tân Hoa Nghiêm nói: Tham nhiều hai mươi mốt ngàn, Sân nhiều hai mươi mốt ngàn, Si nhiều hai mươi mốt ngàn, Đẳng phần hai mươi mốt ngàn, hiểu biết như thế đều là hư vọng. Thùy Dụ giải thích mười triền là Tư hoặc. Phẩn nhuế gọi là sân. Tự giấu lỗi mình gọi là phú. Ý thức hôn mê gọi là Thùy, năm tình mờ tối gọi là miên. Đùa giỡn gọi là Hí. Ba nghiệp dao động gọi là Trạo. Chỗ vắng tạo tội chẳng tự xấu hổ gọi là vô tàm.

Chỗ có người tạo tội không xấu hổ với người gọi là vô quí. Tiền của tiếc không bố thí gọi là xan. Thấy người khác giàu sướng mà lòng nóng bức gọi là tật (ganh ghét). Câu-xá Tụng nói: Triền tám: Vô tàm quí, tật xa và hối miên cùng trạo cử hôn trầm hoặc mười thì thêm phẩn phú. Lăng Nghiêm nói mười tập: 1- Dâm tập, 2- Tham, 3- Mạn, 4- Sân, 5- Trá tập, 6- Cuống, 7- Oán, 8- Kiến, 9- Uổng, 10- Tụng tập.

Ni-diên-để (Nyanti), dịch là thâm nhập, tức tên khác của tham. Người tham có hai thứ: Một là có lực, hai là vô lực. Với cảnh được tham thì Thiền Môn nói có ba thứ: Một là ngoại tham dục, là nam duyên với nữ, nữ duyên với nam; hai là ngoại tham dục, là ngoài duyên với thân tướng nam nữ lại duyên hình dạng trong thân; ba là khắp tất chỗ tham dục, chúng sanh đắm mê mọi chỗ. Câu-xá luận nói có bốn thứ: Một là nhan sắc, tức là xanh vàng đỏ trắng; hai là hình sắc, tức dài ngắn vuông tròn; ba là Diệu xúc (đụng chạm); bốn là cung phụng (săn sóc). Đại Luận nói có sáu thứ: Một là đắm sắc như đỏ trắng vàng đen; hai là đắm mê hình dung như da mịn, tay nhọn mắt mày đẹp; ba là mê đắm cử chỉ (oai nghi), tới lui ngồi đứng lễ bái cúi ngước, nháy mắt, vuốt ve; bốn là mê đắm tiếng nói, dịu dàng lời lẽ ý tứ; năm là đắm mê trơn láng mềm mại da mềm mát rượi; sáu là đắm mê tiếng người hoặc nam hoặc nữ.

Yết-tra-tư, dịch là tên khác của ái. Niết-bàn nói: Sông ái chảy ngược giết chúng sanh, vô minh khiến mù không thể thoát khỏi tham và ái. Khuê Phong trong Viên giác có bốn cú giải thích rằng: Một có tham không ái, hai có ái không tham, ba cũng tham cũng ái, bốn không tham không ái. Quản Tử nói: Có lợi ở đó, tuy núi cao ngàn trượng (cho mấy) cũng trèo, khe sâu cho mấy cũng lội. Người buôn bán có lợi liền làm suốt ngày đêm ngàn dặm cũng không xa. Người đánh cá vào biển, biển sâu mấy trăm nhẫn cũng lướt sóng ngày đêm không bỏ ấy là vì lợi ở nước. Ngư phụ có tám lỗi: Một không phải việc của mình chen vào gọi là Tổng. Không ngó mà tiến gọi là nịnh. Theo ý mong muốn dắt lời gọi là Siễm. Không chọn phải quấy mà nói gọi là Du. Ham nói xấu người khác gọi là Sàm. Phá tan tình giao hảo thân thiết gọi là Tặc. Khen ngợi dối trá để phiến ác người gọi là Nặc không chọn thiện phủ lưỡng dong nhan thích thâu bạt kỳ sở dục gọi là Hiểm. Tám lỗi này ngoài thì loạn người, trong thì hại thân mình. Quân tử không có bạn, vua sáng không có tôi. Việc Ngư phụ có bốn nạn: Thích trải việc lớn biến đổi dị thường, để đeo công danh gọi đó là thao chuyên biết chiếm việc xâm phạm người tự chuyên quyền gọi là Tham. Thấy lỗi mà không đổi khuyên ngăn càng làm tới gọi là ngoan (ngoan cố). Người giống mình thì được

không giống mình mà thiện cũng là bất thiện thì gọi là căng.

Đề-tỳ-sa (Devesa), dịch là sân nhuế. Nhuế độ là hận (giận ngầm là hận = hờn). Thiền Môn nói: Có ba thứ sân: Một là phi lý sân, là người ta không phiền mình mà tự giận; hai là thuận lý sân, là người ngoài đến quấy não mới giận. Cũng như Tịnh độ có chánh ba độc; ba là trung tụng sân, pháp mình chấp là phải, pháp ngươi chấp là quấy do đó không thuận mà sanh buồn giận.

Mộ-hà (Môha), dịch là si. Thiền Môn nói có ba thứ si: Một là chấp đoạn thường, các pháp quá khứ có mất chăng, các pháp hiện tại không mất chăng. Suy tìm ba đời, nếu mất tức là đoạn, nếu không mất tức là thường; hai là chấp có vô ngã và ấm v.v... chăng, có hay không? Như thế cho đến chẳng có chẳng không; ba là chấp tánh đời mà nghĩ rằng: Do có bụi bặm tức có thật pháp, vì có thật pháp nên có bốn đại. Có bốn đại nên có giả gọi chúng sanh thế gian. Nhân nghĩ này mà làm tà đạo kinh A-hàm Chánh Hạnh nói: Phật ngồi suy nghĩ vì người ngu nên có sanh tử, những gì là si, vốn từ trong si mà đến, nay sinh ;làm người lại si tâm chẳng hiểu (cởi bỏ?) tự chẳng nghe chẳng biết chết rồi đi về đâu? Thấy Phật chẳng hỏi, thấy kinh chẳng đọc, thấy Sa-môn không thờ phụng, không tin đạo đức, thấy cha mẹ không kính trọng. Không nghĩ thế gian là khổ, chẳng biết trong địa ngục có tánh đập, khảo tra. Đó gọi là si, cho nên có sanh tử không thôi. Sanh tử như khoảng hơi thở không hơn một mạng người. Vậy tham sân si này gọi là ba độc - Trung Ấm kinh nói: Nặng của ba độc thì bịnh si là gốc. Lại ba độc này cần phân hai thứ: Một là hoặc ba độc. Biệt Hạnh Ký nói: Mặc tình khởi lên gọi là phiền não. Chỉ Quán nói: Pháp hôn phiền làm não loạn tâm thần, làm phiền tâm khiến tâm bị não; hai là nghiệp ba độc. Biệt Hạnh Ký nói: Chợt khởi quyết định hay động thân khẩu gọi là nghiệp ba độc. Thụy Ứng nói: Tham dục gây già, sân giận gây bịnh, ngu si gây chết. Nghĩa thôi đẳng phần gây sanh. Lại cần phải biết nghiệp có nhiếu thứ. Như Trí Luận nói: Hắc nghiệp là nghiệp bất thiện, quả báo là ở địa ngục chịu khổ não. Trong đó chúng sanh rất khổ não nên gọi là Hắc. Chỗ nhận quả báo thiện là các trời trong ba cõi vì họ được vui tùy ý tự tại sáng sở nên gọi là Bạch Nghiệp. Chỗ nhận quả báo thiện và bất thiện là A-tu-la tám bộ, chỗ này chịu vui và khổ, nên gọi là Bạch Hắc Nghiệp. Hỏi: Nghiệp vô lậu phải gọi là Bạch, vì sao lại gọi là phi Bạch phi Hắc? Đáp: Pháp vô lậu tuy thanh tịnh vô cấu, vì không vô tướng vô tác nên không có chỗ phân biệt nên không được nói Bạch. Hắc Bạch là tướng đối đãi. Trong đây không tương đối đãi nên không được nói Bạch. Lại

nữa, nghiệp vô lậu hay diệt tất cả các quán, trong quán có phân biệt nên có Hắc Bạch. Trong đây không quán nên không có Bạch v.v... Song Di giáo nói: Ta như thầy thuốc, biết bịnh nói thuốc. Diệu Huyền nói: Làm Đại Ý Vương (vua thầy thuốc) phải biết mạch các thứ bịnh, biết các thứ thuốc, biết các cách trị, được các thứ sai khác. Nhân vương nói: Phật biết chúng sanh có ba thứ bịnh: Một là bịnh tham, hai là bịnh sân, ba là bịnh si. Đã biết các bịnh này thì phải dùng thuốc. Nên Nhân Vương nói: Trị tham, sân, si ba căn bất thiện, khởi thí từ bi ba thứ thiện căn. Trị tham thì dạy bố thí. Nên Quang Minh nói: Bỏ các tay chân chi tiết quí trọng. Tri sân thì dạy cho hành từ bi. Nên Pháp Hoa nói: Luôn nhu hòa hay nhẫn, từ bi đối với tất cả. Trị si thì dạy cho ta trí tuệ. Nên Di Giáo nói: Người thật trí tuệ là thuyền bè chắc chắn vượt qua biển Lão Bịnh Tử, cũng là đèn sáng lớn trong đêm tối vô minh. Tuy có thuốc này uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy thuốc. Cho nên Hoa Nghiêm nói: Thí như thuốc hay tự trị bịnh mình chẳng được. Đối với pháp mà chỉ học nhiều chẳng tu thì cũng thế.

A-kỳ-tỳ-già (Ajìvaka), dịch là tà mạng, vì đem pháp tà mà nuôi sống mạng căn. Trí Luận nói: Như trong kinh Xá-lợi-phất vào thành khất thực, được rồi ngó vào vách ngồi ăn. Lúc đó có con gái của một Phạm Chí tên là Tịnh Mục thấy mà hỏi rằng: Sa-môn ăn chăng? Đáp: Ăn. Tịnh Mục hỏi: Cúi miệng mà ăn hay ngửa miệng mà ăn, phương khẩu mà ăn chay bốn duy mà ăn thì đều đáp là không. Tịnh Mục nói: Phép ăn có bốn thứ, tôi hỏi thầy, thầy bảo không, tôi chẳng hiểu. Thầy nên nói rõ. Xá-lợi-phất nói: Có người xuất gia hết thuốc trồng lúa trồng cây... bất tịnh mà nuôi mạng sống thì gọi là cúi miệng (hạ khẩu) mà ăn. Có người xuất gia xem các sao mặt trăng mặt trời gió mưa sấm sét... bất tịnh mà nuôi mạng sống gọi là ngửa miệng (ngưỡng khẩu) mà ăn. Có người xuất gia xua nịnh đám giàu sang thế lực, đi sứ bốn phương, khéo nói xin nhiều, bất tịnh mà nuôi mạng sống thì gọi là phương khẩu mà ăn. Có người xuất gia học các thứ chú thuật bói toán kiết hung như thế mà nuôi mạng sống thì gọi là bốn duy mà ăn. Chị tôi không rơi vào bốn thứ ăn bất tịnh này. Tôi dùng xin ăn thanh tịnh mà nuôi mạng sống. Khi Tịnh Mục nghe nói cách ăn thanh tịnh thì vui mừng tin hiểu. Xá-lợi-phất nhân đó vì nói pháp cho nghe mà được quả Tu-đà-hoàn. Lại Trí Luận giải thích tám Chánh đạo rằng: Năm thứ tà mạng phải dùng cúng dường trí tuệ mà lìa bỏ, đó là chánh mạng. Thế nào là năm thứ tà mạng? Đáp: Một là vì lợi dưỡng mà giả làm việc lạ lùng; hai là vì lợi dưỡng mà tự khoe công đức mình; ba là vì lợi dưỡng mà xem tướng đoán kiết hung;

bốn là vì lợi dưỡng mà lớn tiếng ra uy khiến người kính sợ; năm là vì lợi dưỡng mà khen nói chỗ được cúng dường để động lòng người. Tà nhân duyên mà nuôi mạng sống, nên gọi là Tà Mạng.

A-la-già (Ràga), dịch là dục, có nghĩa mong cầu. Năm thứ tình ham muốn gọi là Ngũ (năm) dục. Đại Luận nói: Thương thay chúng sanh thường bị Ngũ (năm) dục quấy phá mà mong cầu chẳng thôi. Năm thứ dục náy chuyển mạnh như bịnh ngứa mà hơ lửa. Năm dục vô ích như chó gặm xương, năm dục tranh nhau như chim tranh thịt, năm dục đốt người như cầm đuốc đi ngược gió, năm dục hại người như đạp nhầm rắn độc, năm dục không thật như được vật khi nằm mộng, năm dục không lâu quả có trong phút chốc, người đời mê lầm đắm mê năm dục đến chết không buông, mà đời sau chịu khổ vô lượng. Ví như người ngu tham đắm trái ngon leo lên cây ăn mãi không xuống, người ta đốn cây, cây ngã té xuống, thân đầu dập nát đau đớn mà chết. Song năm dục này phân giới nội ngoại. Như Đại Luận nói: Nhị thừa chỉ đoạn năm dục giới nội, cho nên năm dục thế gian chẳng động được. Biệt hoặc chưa trừ nên còn bị thượng diệu sắc thinh giới ngoại làm ô nhiễm. Cho nên Ca-diếp nói: Năm dục ba giới ta đã đoạn xong không thể động tâm ta được, còn đây là năm dục diệu tịnh của Bồ-tát, ta đối với việc này chẳng thể tự an được. Đây là Ca-diếp bị thinh giới ngoại làm động. Thiên nữ tán hoa Xá-lợi phải đi bảo rằng: Đây là sắc giới ngoại làm động. Lại phân biệt sanh tử Niết-bàn. Có phân biệt khác cũng là Biệt kiến. Đây là bị pháp trần mê hoặc.

Xa-tha (Sàthya), dịch là siểm khúc. Võng mạo tha cố kiều thiết dị nghi khúc thuận thời nhân.

57. PHÁP TÂM - Ý - THỨC.

Hoa Nghiêm nói: Các nghiệp hư vọng chứa nhóm gọi là tâm. Mạt-na thì suy lường, ý thức thì phân biệt, nhãn v.v... năm thức kia thì hiểu rõ cảnh chẳng đồng. Phàm phu ngu si chẳng thể hay biết. Sợ già bịnh chết cầu vào Niết-bàn. Sanh tử Niết-bàn hai thứ đều chẳng biết; ở tất cả cảnh mà vọng khởi phân biệt. Lăng Già nói: Lược nói thì có ba thứ thức, rộng nói thì có tám tướng. Thế nào là ba, đó là Chân thức, Hiện thức và Phân biệt sự thức. Ngài Đại Huệ ví như gương sáng chứa các hình ảnh (sắc tượng). Hiện thức hiện xứ (chỗ) cũng lại như thế. Ngài Đại Huệ nói: Hiện thức và Phân biệt sự thức, hai thứ này tướng hoại và bất hoại xoay vần làm nhân (là nhân xoay vần?). Ngài Đại Huệ nói: Bất tư nghì Huân, bất tư nghì Biến là nhân của Hiện thức. Ngài Đại Huệ

nói: lấy các thứ Trần và Vô thủy vọng tưởng huân là nhân của Phân biệt sự thức. Lại nói: Ví như sóng lớn biển cả là do gió dữ khởi lên, sóng nhào lộn gầm thét mãi không dứt. Biển Tạng thức thì thường trụ. Cảnh bị gió thổi động, các sóng thức nổi lên nhào lộn mà sanh ra (mà khiến). Lại Lăng Già, ngài Đại Huệ bạch Phật rằng: Cúi mong Thế Tôn lại vì con mà nói Ấm nhập giới sanh diệt, nó không có ngã thì ai sanh ai diệt. Người ngu y vào sanh diệt mà không biết khổ (hết) cũng không biết Niết-bàn. Phật bảo Đại Huệ: Tạng của Như Lai là nhân thiện, bất thiện có thể hưng khởi tất cả thú sanh. Ví như người làm trò ảo thuật (người tài giỏi?) (con hát) biến hiện ác thú. Lìa ngã và ngã sở chẳng biết nó do ba duyên hòa hợp phương tiện mà sanh. Ngoại đạo chẳng biết chấp là có người làm (tác giả) mà bị vô thủy hư vọng ác tập nó hun đúc (huân lấy) gọi là Thức Tạng. Sanh vô minh trụ địa cùng bảy thức đều có như sóng biển sanh mãi không dứt, lìa lỗi vô thường, lìa luận về ngã tự tánh vô cấu rốt ráo thanh tịnh. Ngoài ra các thức có sanh có diệt ý ý thức v.v... niệm niệm có bảy nhân, các vọng tưởng chẳng thật, lấy tất cả hình xứ của các cảnh giới mà chấp lấy danh tướng, chẳng biết các sắc tướng là do tâm mình hiện ra, chẳng biết khổ vui, chẳng đến giải thoát. Lại có kệ rằng: Như con hát giỏi, ý như họa hát, năm thức là bạn bè, vọng tưởng chúng xem hát. Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Tâm hay chứa nhóm nghiệp, ý hay rộng chứa nhóm, liễu biệt nên gọi thức, đối hiện cảnh nói năm. Bà-sa hỏi: Ba thứ này sao khác? Đáp: Hoặc khác chẳng khác. Nói chẳng khác là tâm tức ý thức. Như lửa gọi là ánh lửa, cũng gọi là cháy hoặc đốt củi, chỉ là một tâm mà có ba sai khác. Nói có khác là tên tức sai khác. Hoặc nói quá khứ gọi là ý, vị lai gọi là tâm, hiện tại gọi là thức. Hoặc nói: Ở giới gọi là tâm, ở nhập gọi là y, ở ấm ở gọi là thức. Hoặc nói: Tạp sắc gọi là tâm như sáu đạo do tâm. Hệ thuộc gọi là ý như năm căn thuộc ý. Nói tưởng gọi là thức như Phật biệt thuộc thức. Lại Diệu Lạc dẫn Câu-xá nói: Tập khởi gọi là tâm, tư lương gọi là ý, liễu biệt gọi là thức. Ở nó một mực toàn không tức (hiểu) lý. Như trong Đại thừa thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ nảy gọi là ý, thức thứ sáu gọi là thức, sáu thức gọi là thức. Giáo đó là mê lại không tức lý cho nên là Thiên tiểu giáo pháp hữu lậu. Toàn vô tánh tịnh tức là Lý thường trụ. Rất ít người biết điều này. Trong kinh Đại Bảo Tích Phật nói: Nói về thức, tức là hay hiểu biết. Mắt biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết mùi. Lưỡi biết vị, thân biết đụng chạm, ý biết pháp. Đó gọi là thức. Nói về Trí là bên trong vắng lặng, chẳng làm bên ngoài chỉ y vào trí chẳng ở một pháp nào mà sanh phân biệt và các thứ phân biệt. Đó gọi là trí. Trong

kinh Đại Thừa Đồng Tánh nói: Vua Lăng Già bạch Phật rằng: Chúng sanh như thế nào bỏ thọ mạng này lấy thọ mạng kia, bỏ thân cũ lấy thân mới? Phật nói chúng sanh bỏ thân này rồi thì sức gió nghiệp thổi lên dời thức đem đi từ chỗ thọ nghiệp mà nhận chịu quả báo. Ngài Khuê Sơn nói: Muốn nghiệm biết lúc lâm chung thọ sanh tự tại hay không tự tại thì chỉ nghiệm biết lúc bình thường tâm mình đối với trần cảnh tự do hay không tự do trong suốt hai mươi bốn giờ mà tỉnh xét.

Ô-lậc-đà, phương này dịch là thảo mộc tâm.

Hỷ-lậc-đà (Hrd) dịch là Tích tụ tinh yếu tâm.

Hất-lị-đà-la (Hrdaya), dịch là Nhục đoàn tâm (trái tim thịt). Như kinh Huỳnh Đình Ngũ Tạng Luận nói. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Tâm như hoa sen mở khép. Đề vị nói tâm như Đế Vương, đều là nhục đoàn tâm, do sắc pháp nhiếp.

Bể-la-thi (Pezi) hoặc Bế thi, dịch là nhục đoàn (cục thịt) thấy trong kinh Âm Nghĩa.

Chất-đa-la (Citta) hoặc chất đế, hay gọi Ba-trà, dịch là tâm. Huỳnh Đình Kinh năm Tạng luận xem là Thần. Ngoại đạo Tây Vức chấp là ngã. Phật giáo cõi này dịch là Duyên lự tâm. Đây thông tám thức nghĩa là mắt duyên sắc, cho đến thức thứ tám duyên căn thân chủng tử khí thế gian. Cho nên nói: Tập khởi để giải tâm thứ tám riêng gọi là tâm, Duyên lự để giải tâm thức chung gọi là tâm song duyên lự này cũng gọi là lự tri. Bách Pháp Luận Sớ nói: Tâm pháp có sáu nghĩa: 1- Tập khởi gọi là tâm, chỉ thuộc thức thứ tám, tập họp các chủng tử mà khởi hiện hành; 2- Tích tập gọi là tâm, thuộc bảy thức trước chuyển, hay huân tích tập các pháp chủng. Hoặc trước tập khởi thuộc bảy thức trước chuyển vì hiện hành cùng tập huân khởi chủng. Hoặc sau tích tập gọi là tâm thuộc Hàm tàng thứ tám, vì tích tập các pháp chủng. Hai giải trên tuy đều có nghĩa Năng tập Sở tập. Nay chỉ lấy Năng tập gọi là tâm, đúng lý mà suy; 3- Duyên lực gọi là tâm là chỉ hay duyên lự vơi tự phần cảnh (cảnh của mình?); 4- Hoặc gọi là ý vì không gián cách; 6- Hoặc thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý. Sáu thức trước gọi là thức. Nhập Lăng Già nói: Tàng thức gọi là tâm, Tánh tư lương gọi là ý, hay hiểu rõ các cảnh tướng, nên gọi là thức. Song ý thức thứ sáu có đủ năm thứ: Một là Định trung độc đầu ý thức (riêng ý thức trong Định) là duyên với Định cảnh trong Định cảnh có lý có sự. Trong sự có Cực lược sắc và Cực hướng (quýnh) sắc, và Định tự tại sở sanh pháp xứ các sắc (mà sanh ra các sắc pháp xứ). Như duyên với không hoa (đốm hoa) hình ảnh nét vẽ trong gương mà sanh đều thuộc pháp xứ; ba là Độc đầu (thức) trong

mộng, duyên cảnh trong mộng; bốn là minh liễu ý thức nó y vào năm căn môn cùng năm thức trước, đồng duyên với năm trần; năm là loạn ý thức là tán ý thức ở trong năm căn trên, cuồng loạn mà khởi. Như khi bị bịnh nhiệt não (nóng sốt quá) thì thấy xanh thành vàng không phải là nhãn thức thấy, đó là duyên này. Tông cảnh nói thức thứ sáu nói đủ thì có mười tên: Một là từ căn mà được tên nên gọi là thức thứ sáu; hai là hay tính toán phải quấy nên gọi là ý thức; ba là hay ứng thiếp Trần cảnh nên gọi là Phan duyên thức; bốn là hay khắp duyên năm trần nên gọi là Tuần cựu thức; năm là niệm niệm lưu tán nên gọi là Ba lãng thức; sáu là hay phân biệt cảnh trước nên gọi là phân biệt sự thức; bảy là làm hại người khác nên gọi là Nhân ngã thức; tám là nghiệp ái kéo dắt sanh (đời) nên gọi là Trụ thức; chín là Khiến chánh giải chẳng sanh nên gọi là phiền não chướng thức; mười là cảm báo chung tận, tâm cảnh hai khác nên gọi Phần đoạn tử thức.

Mạt-na (Manas), Duy thức dịch là Ý hoặc gọi chấp ngã, hay phân biệt. Duy Thức Tông nói: Phải gọi đầy đủ là Ngật-rị-sắc-tra-da-mạt-na, dịch là Nhiễm ô ý, tức là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái bốn hoặc ấy thường có nên gọi là nhiễm ô. Thường xét tư lương nên gọi là ý. Tư lư đê tám độ lượng làm ngã. Như thế tư lương (suy lường) chỉ thức thứ bảy là có còn các thức khác thì không, nên riêng gọi là y. Lại hay liễu biệt (hiểu biết phân biệt) nên gọi là Thức. Sáu thức trước từ căn mà được tên, còn thức thứ bảy này ở thể mà lập hiệu. Thức Luận tụng rằng:

Thứ lớp hai năng biến,
Là thức tên Mạt-na
Y nó lại duyên nó,
Tư lương (suy lường) là tánh tướng,
Bốn phiền não luôn đủ,
Là ngã si, ngã kiến
Cùng ngã mạn, ngã ái,
Và cúc khác đều đủ,
Hữu phú vô ký nhiếp (có phú thuộc vô ký).

Đại Thừa Nhập Lăng Già, Ngài Đại Huệ hỏi Phật pháp rằng: Vì sao chỉ nói ý thức diệt mà không nói thức thứ bảy diệt? Phật nói này Đại Huệ vì nó làm nhân và sở duyên (chỗ được duyên) nên sanh thức thứ bảy. Này Đại Huệ, ý thức phân biệt cảnh giới, khi khởi chấp trước sinh các tập khí, nuôi lớn Tạng thức. Do đó ý cũng ngã, ngã sở. Chấp chặt suy lượng tuy chuyển không có thể tướng khác. Tạng thức là nhân, làm chỗ duyên chấp trước các cảnh giới hiện ra trong tâm mình, tâm

tụ sanh khởi lần lượt làm nhân. Này Đại Huệ, ví như sóng biển tự tâm hiện ra cảnh giới gió thổi mà có khởi diệt. Thế nên ý thức diệt thì thức thứ bảy cũng diệt. Song kinh Lăng Già chỉ nói ba thức không luận thức thứ bảy là chuẩn theo văn nói không có thể tướng khác. Do đó chỉ nói hai thức thứ sáu, thứ tám. Khởi Tín Luận cũng thế. Thông Nguyên hỏi: Hiện thức thuộc thứ tám, Sự thức thuộc sáu thức (thứ sáu) trước vì sao không nói thức thứ bảy? Đáp: Thức thứ bảy gọi là Nhiễm ô ý, đương thời chấp thứ tám làm ngã, thế nên nói thức thứ tám ắt gồm cả thức thứ bảy. Cho nên Du Già Luận nói: Lại-da thức khởi ắt hai thức tương ưng. Lại sự thức khi duyên ngoại cảnh ắt y vào thức thứ bảy, thế nên vững chắc nói. Tông Cảnh hỏi: Thức thứ sáu hay đoạn hoặc mà thành vô lậu, thức thứ bảy không thể đoạn hoặc vì sao cũng thành vô lậu? Đáp: Gọi thức thứ bảy là căn sở y của thức thứ sáu, thức thứ sáu là thức năng y hay y vào thức đã thành vô lậu, thức thứ bảy sở y cũng thành vô lậu. Nghĩa là thức thứ sáu khi vào Sanh - Pháp hai không thì trong thức thứ bảy đều sanh Ngã - Pháp hai chấp hiện thành bị phục, khiến chẳng khởi, nên thức thứ bảy thành vô lậu, hỏi vì sao thức thứ tám lại là hữu lậu. Đáp: Thức thứ tám là Tổng báo chủ cầm giữ giống chịu huân, nếu trong nhân liền thành vô lậu, tức tất cả tạp nhiễm chủng tử hữu lậu đều tan mất, cho nên liền tiện thành Phật đâu cần phải hai kiếp tu hành ư? Hỏi: Năm thức đã chẳng phải là Tổng báo chủ vì sao chẳng thành vô lậu. Đáp: Năm căn trước là thân tướng phần của thức thứ tám, đã là hữu lậu, thì năm can sở biến cũng hữu lậu. Năm căn là sở y mà hữu lậu thì năm thức năng y cũng thành hữu lậu. Tông Cảnh nói: Thức thứ bảy có mười tên: một là ở sau thứ sáu nên gọi là Thức thứ bảy, hai là căn trần chẳng gặp nên gọi là Chuyển thức, ba là chẳng biết tập khí bỗng nhiên niệm khởi nên gọi là Vọng tưởng thức, bốn là sanh diệt không ngớt nên gọi là Tương tục thức, năm là chướng lý chẳng sáng nên gọi là Vô minh thức, sáu là phản mê theo chánh, hay đoạn bốn trụ phiền não nên gọi là Giải thức, bảy là Dữ thiệp huyền đồ (đi vào đường huyền) thuận lý sanh thiện nên gọi là Hành thức, tám là hiểu sanh tử ba cõi đều là tâm mình không có pháp ngoài nào khác nên gọi là Vô úy thức, chín là chiếu sáng rõ ràng như gương hiện các hình ảnh nên gọi là Hiện thức, mười là pháp đã vọng khởi cậy Trí làm Hoài khiến chân tánh chẳng hiển nên gọi là Trí chướng thức.

A-lại-da (Ålaa) hoặc A-lê-da. Khởi Tín nói: Vì uy thức A-lê-da nói có vô minh bất giác mà khởi hay thấy hay hiện hay chấp lấy cảnh giới. Chân đế từ tên dịch là Vô một thức (thức không chết) lấy bất thất

(không mất) làm nghĩa Trang sư dịch nghĩa là Tàng thức là hay gồm chứa chủng tử các pháp (pháp chủng). Lại thể của thức này có đủ ba nghĩa tàng là Năng tàng, Sở tàng và Chấp tàng nên gọi là tàng, nghĩa là cùng với Tạp nhiễm luôn làm duyên cho nhau. Hữu tình chấp là nội ngã của mình, lại hay liễu biệt các chủng tử, căn thân và khí thế gian ba cảnh nên gọi là tàng. Xưa giải rằng:

1/ Năng tàng, tức là nghĩa gồm chứa, cũng như kho tàng hay gồm chứa của quí, nên được tên là Tàng. Vì hay gồm chứa các tạp nhiễm chủng tử nên gọi là Tàng. Cũng nghĩa là Trì (giữ).

2/ Sở tàng tức là nghĩa chỗ nương (sở y), thức này là chỗ nương của các pháp tạp nhiễm.

3/ Chấp tàng là nghĩa giữ chặt chẳng buông, cũng như người giữ chặt kho vàng bạc, chấp làm nội ngã của mình nên gọi là Tàng. Thức này bị nhiễm Mạt-na chấp chặt làm ngã, nên gọi là Tàng. Khởi Tín Sao giải thích rằng: Năng tàng Sở tàng, lại có nghĩa Sở tàng, nghĩa là thể tàng của thức này là chỗ Sở tàng của căn thân chủng tử khí thế gian. Vì căn v.v... là tướng phần của thức này như vật ở trong kho, như thân ở trong nhà. Muốn tìm thấy thức Lại-da thì chỉ ở trong sắc tâm, cũng như muốn tìm châu ma-ni thì chỉ ở trong xanh vàng. Kế là nghĩa Năng tàng, nghĩa là căn thân v.v... các pháp đều chứa trong Thức thân, cũng như hình ảnh trong châu, muốn tìm tất cả pháp ở trong A-lại-da, cũng như muốn tìm tất cả hình ảnh đều ở trong ma-ni châu. Với nghĩa trước cùng làm Năng sở. Cho nên nói: Tự thể năng tàng ở trong các pháp, các pháp ở trong tự thể. Hoặc gọi là Trạch thức hoặc gọi là tâm, do là chỗ tích tập của các pháp huân tập chủng tử. Hoặc gọi là A-đà-na, là nắm giữ chủng tử và các sắc căn khiến không hư hoại. Tông Cảnh hỏi: Khi các căn hoại thức này dời đi bỏ thân cũ riêng thọ thân mới, thức tới lui tướng trạng như thế nào? Đáp: Trong kinh Hiển Thức nói: Phật bảo Hiền Hộ rằng: Thức vận chuyển tới lui cũng như phong đại (gió) không sắc không hình chẳng thể hiện rõ mà hay phát động vạn vật bày các hình trạng, như chấn động cây rừng, bẻ gãy phá nát gây ra những tiếng rất lớn, hoặc làm nóng làm lạnh chạm vào thân chúng sanh tạo các vui khổ. Gió không có tay chân mặt mũi hình dung cũng không trắng đen vàng đỏ các sắc. Này Hiền Hộ, thức giới cũng thế, không sắc không hình không ánh sáng hiển hiện nhân duyên sở huân, hiển bày các thứ công thù thắng. Hoặc gọi Sở tri y, tức hay cùng nhiễm y tịnh sở y các pháp làm chỗ nương (tức làm chỗ nương cho các pháp nhiễm tịnh). Hoặc gọi là chủng tử thức, vì hay khắp trụ trì (giữ gìn) các pháp chủng tử thế xuất

thế gian. Duy Thức Luận nói: Tất cả chủng tử bản tánh vốn có chăng từ huân sinh (huân tập sanh ra), Động Sơn sức huân tập chỉ có thể làm tăng trưởng. Như Khế Kinh nói: Tất cả hữu tình từ vô thủy đến nay có các thứ giới, như ác-xoa tụ pháp nhĩ mà có. Giới tức là tên khác của chủng tử, cho nên có như các thứ cây cỏ. Hộ Pháp Ý nói: Chủng tử hữu lậu vô lậu đều có Tân huân bổn hữu hợp sanh hiện hành cũng chẳng tạp loạn nếu tên huân duyên tức từ tân huân sanh, nếu bổn hữu gặp duyên tức từ bổn hữu sanh. Nhiếp Luận nói: Thức A-lại-da này cùng chủng tử như thế cộng sanh, tuy có năng y sở y mà không do thể riêng nên khác. Cho đến Năng là giả không thể, chỗ y ấy là thể có thật, giả thật hòa hợp tướng khác khó phân biệt, vì không hai thể. Thức này trước chưa có công năng, huân tập sanh sau mới có công năng, cho nên khác trước. Thức trước chỉ là quả báo không được gọi là Nhất thiết (tất cả) chủng tử, thức sau hay làm nhân tha sanh nên gọi là Nhất thiết chủng tử. Thức trước chỉ sanh tự tương tục, thức sau hay sanh tự tha tương tục cho nên hơn thức trước. Nhiếp Luận nói: Thức thứ tám từ chủng tử sanh nên gọi là Quả báo thức, hay nhiếp trì các chủng tử nên cũng gọi là Chủng tử thức. Tông Cảnh nói: Bản thức là thể, chủng tử là dụng, chủng tử là nhân, sở sanh là quả. Hỏi: Huân sanh có gì khác? Đáp: Huân là nghĩa từ huân hệ phát, sanh là nghĩa sanh khởi từ Nhân sanh ra. Gọi Bản thức v.v... tuy không có nghĩa sức tư huân hệ phát tự chúng, mà có nghĩa thân sanh tự chủng. Như Bản hữu vô lậu chủng tử tuy có công năng sanh quả, nếu chẳng được tư gia (giúp thêm) hai vị hữu lậu các thiên tư huân hệ phát thì chẳng thể sanh hiện. Lại như trong Bản thức các giống (chủng) thiện nhiễm dẫn thứ hậu tự loại chủng tử tuy có nghĩa sanh mà không có nghĩa tự huân. Như các giống lúa thóc tuy có khả năng nảy mầm nhưng nếu không được nước đất tư huân hệ phát thì cũng chẳng thể sanh ta hiện hành cũng như Bản thức tuy có khả năng sanh chủng song tự lực nó yếu, cần phải nhờ các thức sáu, bảy cùng huân mới sanh, do nghĩa đó nên Bản thức v.v... tuy không có khả năng huân mà có khả năng sanh chủng, cho nên cùng thân chủng được làm nhân duyên. Lại huân là phát, là trí (gây nên?), còn tập là sanh, là gần là số, tức phát trí giả ở trong Bản thức khiến chủng tử sanh cận sanh trưởng. Cho nên huân có hai thứ: Một là Huân tập, nghĩa là huân tâm thể thành nhiễm tịnh các việc; hai là Tự huân, nghĩa là hiện hành tâm cảnh và các hoặc tương tư (giúp nhau) v. v... Nhiếp Luận nói: Chuyển y gọi là pháp thân, do nghe huân bốn pháp mà được thanh: một là Tin ưa Đại thừa là Đại tịnh chủng tử; hai là Bát-nhã Ba-la-mật là Đại ngã chủng tử; ba là Hư không phẩm Tam-muội là

Đại lạc chủng tử; bốn Đại bi là Đại thường chủng tử. Đây nghe huân tập bốn pháp là bốn đức chủng tử. Khi bốn đức viên thì Bản thức đều hết. Bốn đức xưa nay là có, chẳng từ chủng tử sanh. Từ nhân làm tên nên gọi là chủng tử. Nhưng Thiện nhiễm như trầm xạ tỏi nén cho nên chẳng chịu huân, vô ký như lụa trắng nên hay chịu huân, như thiện chẳng chịu ác như trắng chẳng chịu đen. Như ác chẳng chịu thiện như thúi chẳng chịu thơm. Chỉ có hàm tàng của bản thức đồng với sự dung nạp rộng rãi như Thái Hư. Hoặc gọi là Dị thục thức hay dẫn nghiệp sanh tử thiện bất thiện đến quả Dị thục. Hoặc gọi là Hiện thực. Cho nên Duy Thức Luận nói: Nước của thác dữ từ trên đổ xuống, cá cỏ các vật đều theo dòng nước chẳng rời. Thức này cũng thế. Cùng với nội tập khí và ngoại xúc các pháp luôn liên tục chuyển. Ngài Thiên Thai gọi là Vô Một Thức. Hoặc gọi là Tùy Miên. Kinh Bồ-tát Xử Thai nói: Khi ấy Thế Tôn muốn hiện bày chỗ thức đến, Đạo thức, Tục thức, Hữu vi thức, Vô vi thức, Hữu lậu thức, Vô lậu thức, Hoa thức, Quả thức, Báo thức, Vô báo thức, Thiên thức, Long thức, Quỉ thần, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân thức. Trên đến hai mươi tám Thiện thức, dưới đến Vô cứu địa ngục thức. Khi ấy Thế Tôn tức ở trong thai hiện cốt câu tỏa biến khắp tam thiên đại thiên thế giới v.v... Phật bảo Di-lặc rằng: Ông hãy quán câu tỏa hài cốt, khiến tất cả chúng biết chỗ đến, phân biệt quyết liễu khiến không còn nghi ngờ. Bấy giờ Di-lặc bèn từ chỗ ngồi đứng dậy tay cầm gậy thần Kim cang thất bảo kều trộn xương câu tỏa nghe có tiếng (thành tiếng) liền bạch Phật rằng: Người này khi chết đã kết nhiều giận bị đọa vào loài rồng. Kế khều trộn nữa thì bảo người này đời trước phá giới phạm luật sanh trong địa biện kế khều trộn nữa thì bảo người này đời trước làm đủ mười giới nên được sanh lên trời. Như thế mà khều trộn xương cốt, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi từ trời hai mươi tám đến Vô cứu địa ngục đều biết chỗ đến của quả báo thiện ác, báo hạnh hắc bạch. Có thân xá-lợi đầy đủ không thiếu. Khi ấy Di-lặc lấy gậy khuấy trộn suy tìm thức này thì không biết chỗ đến, ba lần khuấy trộn như thế rồi bạch Phật rằng: Thần thức người này thật không thể biết, không phải là thân Như Lai sắp nhập Niết-bàn ư? Phật bảo Di-lặc rằng: Ông sẽ nối ngôi vị Phật ở đời đương lai, sẽ được làm Phật thành Vô thượng đạo, sao khuấy trộn xá-lợi mà không biết chỗ, Di-lặc bạch Phật rằng: Phật bất tư nghì chẳng thể hạn lượng, không phải sức con lường biết được nay còn hồ nghi. Cúi mong Thế Tôn giải nói. Thần thức cả năm đạo đều biết hết cõi Thiện Ác, chẳng có nghi ngờ. Nay xá-lợi này ở chỗ Như Lai không hề thiết sót, xin nói thức này khiến chúng

con được biết. Phật bảo xá-lợi chư Phật quá khứ hiện tại vị lai bày khắp không phải sức các ông phân biệt được. Lại thức A-lại-da từ vô thủy đến nay luôn cùng năm tâm sở tương ưng, nó thuộc Biến Hành Tâm Sở: Một là Tác ý, Luận rằng: Tác ý tức là hay cảnh tâm làm tánh, với cảnh Sở duyên dẫn tâm làm nghiệp; hai là Xúc, Luận rằng: Xúc là ba hòa phân biệt biến dị, khiến tâm, tâm sở chạm (xúc) cảnh làm tánh. Thọ - Tưởng - Tư v.v... sở y làm nghiệp; ba là Thọ, Luận rằng: Thọ là lãnh nạp, cảnh tướng Trái - Thuận. Đều không phải vô ký, làm tánh khởi ái làm nghiệp; bốn là Tưởng, Luận rằng: Là đối với cảnh lấy tượng làm tánh, bày ra các thứ danh ngôn (tên gọi) làm nghiệp, nên phải an lập cảnh tướng phân tề (rõ ràng) mới có thể tùy khởi các thứ danh ngôn (tên gọi); năm là Tư, Luận rằng: Tư nghĩa là khiến tâm tạo tác làm tánh, ở Thiện Phẩm thì dịch tâm làm nghiệp, nghĩa là hay lấy cảnh chánh chân v.v... các tướng mà khu dịch tự tâm khiến tạo các thiện. Tông Cảnh hỏi: Trong một trăm pháp, phàm thánh đều có đủ chăng? Đáp: Nếu ở vị phàm phu, ước chung ba cõi chín địa chủng tử thì đều đủ một trăm pháp. Còn ở quả vị chư Phật thì chỉ đủ sáu mươi sáu pháp mà trừ bớt ba mươi bốn pháp là sáu căn bản phiền não, hai mươi tùy phiền não, bốn thứ bất tịnh và bốn bất tương ưng hành. Tông cảnh nói: Thức thứ tám có mười tên: Một là đứng sau thức thứ bảy nên được gọi là Thức thứ tám; hai là chân ngụy xen tạp nên gọi là Hòa hợp thức; ba là chứa nhóm các pháp nên gọi là Tàng thức; bốn là trụ trì khởi phát nên gọi là Huân biến thức; năm là phàm thành thánh nên gọi là Xuất sanh thức; sáu là tàng thể không dứt nên gọi là Kim cang trí thức; bảy là thể không tịch loạn nên gọi là Tịch diệt thức; tám là trung thực chẳng giả nên gọi là Thể thức; chín là tạng thể chẳng mê nên gọi là Bản giác thức; mười là công đức viên mãn nên gọi là Nhất thiết chủng trí thức. Thức này kiến (lập ra) lập hữu tình vô tình, phát sanh nhiễm pháp tịnh pháp. Nếu có tri có giác thì khởi ra chúng sanh giới, nếu không tưởng không lự cõi nước duyên sanh. Nhân nhiễm pháp mà sáu thú xoay vần (quanh quẩn), theo Tịnh pháp mà bốn Thánh lên xuống. Có thể gọi là gốc của phàm thánh, nguồn cội của căn khí. Hiểu rõ Thức nguyên này thì pháp nào chẳng ngộ, chứng tâm tánh này thì cảnh nào chẳng chân. Có thể gọi là môn Tuyệt học, nhà Thê thần. Lại nói: Bản thức thứ tám là một tâm chân như rộng lớn vô biên, thể tánh vi tế. Hiển tâm nguyên mà không ngoài, bảo tàng tánh mà gồm thông, chuyên danh trì chủng, làm chủ Tổng báo, tạo thể hữu tình, lập nhân Niết-bàn. Ở Sơ vị mà gọi (tên) chung Lại-da, ở quả vị mà chỉ gọi vô cấu. Làm đủ Trí Địa Bản Hậu, thành tựu lợi môn

Tự tha. Tùy có chấp hay không chấp mà lập nhiều tên, cứ vào nhiễm duyên Tịnh duyên mà làm các thể. Gồm tất cả mà như Thái Hư bao nạp, hiện vạn pháp mà giống đại địa phát sanh, thì pháp nào chẳng thâu, không môn nào chẳng vào. Chỉ vì mê hiểu một chân mà làm quán thứ hai. Nhân ở tâm hiểu rõ giác minh mà phát khởi tướng trần lao trong ngoài ở một viên trạm tách ra căn trần, nhóm bốn đại bên trong làm thân, phân bốn đại bên ngoài làm cảnh. Trong lấy thức tinh làm cấu, ngoài nhân tưởng tướng thành trần. Không niệm mà cảnh quán nhất như có tưởng mà chân thành muôn khác. Nếu hay tâm dung pháp giới cảnh rỗng chân không, thì màng huyễn toàn tiêu một đạo sáng hiện. Có thể gọi là Liêt mê đồ chi trí võng, tụ giác hộ chi trùng quan, tỉnh hôn mộng mà Đại giác thường sáng, hết cuồng tánh mà Bản hiển tự hiện.

A-đà-na (Adàna), dịch nghĩa là chấp trì (nắm giữ), tức hay nắm giữ các chủng tử căn thân sanh tương tục (nghĩa nối tiếp). Chấp trì có ba: Một là chấp trì căn thân khiến chẳng hư rả; hai chấp trì chủng tử khiến không tan mất; ba là chấp lấy kiết (kết) sanh nghĩa tương tục (nối tiếp), tức hữu tình có thân đến vị cuối. Thức thứ tám ở niệm đầu tiên thọ sanh có nghĩa chấp thủ kiết sanh nối tiếp. Kiết (kết) là trói cột là thuộc. Ở trong bụng mẹ một niệm thọ sanh liền, hệ thuộc vào nócũng như đá nam châm hút sắt sắt như hai điểm (giọt) tinh huyết của cha mẹ. Thức thứ tám như đá nam châm, trong một sát-na liền hút lấy mà trụ (ở), đồng thời các thứ căn trần từ trong thức mình cũng sanh hiện hành (hoạt động) nên gọi là chấp thủ kiết sanh. Nên kinh Lăng Già nói: Đà-na-vi-tế thức, Tập khí như thác dữ, chân chẳng chân, sợ mê, ta thường chẳng diễn nói. Kinh Giải Thâm Mật nói: Đó gọi là thức thứ chín, chính là riêng lấy Tịnh phần của thức thứ tám mà nói. Cho nên Nhiếp Luận nói: Thế Tôn nói pháp phàm có ba thứ: Một là Nhiễm ô phần; hai là Thanh tịnh phần; ba là Nhiễm ô thanh tịnh phần. Ví như khi vòng trong đất có ba: Một là địa giới, hai là vàng, ba là lớp đất. Địa ví như Y tha tánh có đủ nhiễm tịnh hai phần tức là thức thứ tám. Đất là ví cho phân biệt tánh là sanh tử nhiễm phần, đây là thức thứ bảy. Còn vàng ví cho chân thật tánh là Niết-bàn tịnh phần, đây là thức thứ chín vậy. Tông Cảnh nói: Phân biệt các thức khai họp chẳng đồng đều y vào thể và dụng. Nếu ước về Thể thi không sai mà sai vì thể toàn dụng chẳng ngại dụng. Nếu ước về dụng thì sai mà không sai vì dụng toàn thể chẳng mất thể. Như nêu biển thành sóng thì mất biển, nêu sóng thành biển thì không ngại sóng. Chẳng có chẳng không mới tột thức tanh, chẳng một chẳng khác mới là rốt tâm nguyên. Cổ Đức nói Ước các thức môn tuy một nhiều bất định,

vì đều là thể dụng duyên khởi gốc ngọn thâu (gồm) nhau. Gốc là chín thức ngọn là năm thức. Tứ gốc hướng ngọn thì tịch mà thường dụng. Từ ngọn hước gốc thì dụng mà thường tịch. Vì tịch mà thường dụng, cho nên tịnh mà chẳng kiết (kết), vì dụng mà thường tịch, cho nên Động mà chẳng loạn. Tịnh mà chẳng kiết (kết) cho nên chân như là duyên khởi. Động mà chẳng loạn cho nên duyên khởi là chân như. Chân như là duyên khởi cho nên không Niết-bàn không sanh tử, tức tám, chín là sáu, bảy. Duyên khởi là chân như cho nên chẳng sanh tử chẳng Niết-bàn, tức sáu, bảy là tám, chín. Không sanh tử chẳng Niết-bàn cho nên pháp giới đều là sanh tử, không sanh tử chẳng Niết-bàn cho nên pháp giới đều là Niết-bàn vì pháp giới đều là Niết-bàn nên sanh tử chẳng tạp loạn. Vì pháp giới đều là sanh tử nên Niết-bàn chẳng tịch tịnh. Sanh tử không tạp loạn nên chúng sanh tức là Phật, Niết-bàn không tịch tịnh nên Phật tức là chúng sanh. Vì pháp giới trái, cho nên nói Niết-bàn là sanh tử, tức lý tùy tình dụng vì pháp giới thuận, cho nên nói sanh tử là Niết-bàn, tức tình tùy lý dụng như đây mà nói thì tình chẳng ngoài lý, lý chẳng ngoài tình. Vì tình chẳng ngoài lý do đó tức thật nói sáu, bảy là tám, chín. Thật đó là thể. Vì lý chẳng ngoài tình do đó tức giả nói tám, chín là sáu, bảy, giả đó tức là dụng. Vì giả - thật vô ngại, cho nên nhân - pháp đều không. Vì thể dụng vô ngại, cho nên không chẳng thể không. Vì nhân - pháp đều không cho nên tuyệt đối đãi. Vì không chẳng thể không nên nói là diệu dụng. Như đây mà nói cũng là nói bài tình. Luận về chí thật là chẳng thể dùng danh tướng mà được. Chí cực là chẳng dùng hai đế mà biện. Vì chẳng thể dùng danh tướng mà được nên không phải ngôn tượng mà nói được. Vì chẳng thể dùng hai đế mà biện được nên không phải có không mà nói được. Nên nói là chí lý cô ngôn (không nói năng) Hiền thánh yên lặng. Chính có thể lấy thần mà hiểu không thể lấy tâm mà cầu. Hỏi: Một tâm trạm tịch vì sao lại khởi các sóng thức? Đáp: Chỉ vì bất giác bỗng nhiên sanh. Khởi Tín Luận nói: Vì chẳng như thật biết pháp chân như là một nên bất giác tâm khởi. Ma-ha-diễn luận rằng: Tức là hiển bày căn bản của nhân duyên khởi bất giác. Căn bản bất giác vì nhân duyên vì được khởi mà có? Nhân vi bất như nên được khởi mà có. Trong những pháp nào mà bất như, tức trong ba pháp mà bất như. Nói bất như là có nghĩa gì, nghĩa là trái nghịch. Thế nào là ba pháp? Một là Thật tư pháp, hai là Chân như pháp, ba là Một tâm pháp. Đó gọi là ba pháp:

- Pháp thật tri, nghĩa là tất cả giác tức trí năng đạt.
- Pháp chân như, nghĩa là bình đẳng lý tức cảnh sở đạt.

- Pháp một tâm nghĩa là một pháp giới tức thể sở y.

Vì đối với ba pháp này đều trai nghịch, vô minh vốn khởi thế nên nói năng, nghĩa là chẳng như thật biết chân như pháp một nên bất giác tâm khởi. Ba pháp ấy đều giữ một, vì giữa cuối chẳng lìa nên chung gọi là một. Lại Khởi Tín Luận nói: Vì sức huân của vô minh mà bất giác tâm động đầu tiên thành nghiệp ấy. Nhân đây nghiệp thức lại sanh chuyển thức v.v... Luận Thích nói: Bất giác (chẳng biết) đầu tiên gọi là nghiệp tướng thứ nhất Năng kiến Sở kiến không có sai khác. Tâm vương niệm pháp chẳng thể phân tách. Chỉ có nghĩa Tinh cần ẩn lưu nên gọi là nghiệp, như thế mà lưu động chỉ bày bất giác. Thứ hai là chuyển tướng, vi nghiệp tướng niệm làm sở y, cho nên chuyển làm Năng duyên lưu thành liễu tướng. Thứ ba là Hiện tướng, vì liễu biệt chuyển làm sở y, cảnh giới Hý Luận đầy đủ, hiện tiền sở duyên tương phân viên mãn an bố. Y kiên phân này mà hiện tướng phần kia. Lại động tướng, thì động là nghiệp thức, lý rất vi tế, nghĩa là tâm bản giác nhân gió vô minh mà cả thể vi động (động nhẹ). Tướng của vi động chưa thể ngoài duyên tức là bất giác nghĩa là từ bản giác mà có bất giác sanh, tức là nghiệp tướng. Như sóng nhỏ của biển là từ yên lặng động nhẹ, mà chưa từng từ đây chuyển dời bản xứ (chỗ cũ). Tướng chuyển là nhờ sức vô minh giúp cho tướng nghiệp chuyển thành năng duyên có dụng năng kiến hướng ra bề mặt mà khởi, liền gọi là tướng chuyển. Tuy có tướng chuyển mà chưa thể hiện năm trần là cảnh tướng sở duyên như sóng biển nhờ sức gió gồm giúp động nhẹ, từ đây vỗ sóng chuyển dời mà khởi. Tướng hiện là từ tướng chuyển mà thành tướng hiện mới có sắc trần núi sông đất đai khí thế giới thực hành.

Kinh Lăng-già nói Đại Tuệ bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, các thức có mấy thứ sanh trụ diệt? Phật bảo Đại Tuệ rằng: Thức có hai thứ sanh trụ diệt không phải suy lường mà biết được, đó là Lưu chú sanh trụ diệt và Tướng sanh trụ diệt. Chỉ từ thức thức tám, ba tướng vi ẩn chủng hiện chẳng dứt nên gọi là Lưu chú. Do duyên vô minh đầu tiên khởi nghiệp thức, nên nói là sanh. Tiếp nối nhiều kiếp nên nói là trụ. Đến định kim cương đẳng giác một niệm đoạn dứt vô minh, nên gọi là Lưu chú diệt. Tướng sanh trụ diệt, nghĩa là bảy thức kia tâm cảnh thô hiển nên gọi là Tướng. Tuy bảy duyên tám vọng sáu là tế mà có đủ cả bốn hoặc, nên gọi là thô. Y hiện thức kia tự chủng các cảnh duyên họp sanh bảy nên nói là tướng sanh, nhiều kiếp huân tập nên nói là tướng trụ. Từ ngọn đến gốc tiềm phục và đoạn dứt đến bảy địa mãn, nên gọi là tướng diệt. Y vào sanh diệt trước mà lập mê ngộ, y, y vào sanh diệt sau mà lập

nhiễm tịnh y. Trước dài sau ngắn sự phân hai khác tức là Lưu chú sanh trụ diệt và Tướng sanh trụ diệt. Kinh Nhân Vương Bát-nhã nói: Song các hữu tình ở nhiều kiếp lâu xa, ở một sát-na đầu thức khác gỗ đá mà sanh nhiễm tịnh, đều tự làm ra vô lượng vô số nhiễm tịnh thức bản từ sát-na đầu trải qua bất khả thuyết kiếp cho đến một sát-na kim cương cuối thì có bất khả thuyết bất khả thuết thức, sanh hai pháp sắc tâm của các hữu tình. Sắc gọi là sắc uẩn, tâm là bốn uẩn kia. Tông Cảnh dẫn cổ (xưa) giải thích rằng: Ở sát-na đầu sắc khác gỗ đá, nghĩa là vì một niệm thức có giác thọ. Khác với gỗ đá, tức hiển trong một niệm trước có mạt tâm (mạt-na thức?) thấy rõ trắng đen hai uế, tức đồng với chủng loại gỗ đá ngoại khí. Khi thức này sanh thì nắm nó làm thân cho nên khác gỗ đá.

Hỏi: Đã không phải vô thủy xa xôi, vì sao gọi là Sơ thức?

Đáp: Quá khứ, vị lai không có thể, sát-na huân tập nên chỉ thuộc hiện tại. Khi hiện tại chánh khởi vọng niệm thì vọng niệm trái chân nên gọi là Sơ thức, không phải là quá khứ có thức khởi đầu tiên, nên gọi là Sươ thức. Cho nên biết Hoành là bao gồm không gian và thụ là thông suốt thời gian đều là tức một tâm hiện tại này mà không có lý nào khác.

Đạo Khế Kinh nói: Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, thức A-lại-da đủ tất cả pháp nhiều như Hằng sa, như thế các pháp lấy gì làm gốc, sanh ở chỗ nào? Phật nói: Tất cả các pháp hữu vi vô vi sanh chỗ không phải hữu vi không phải vô vi thì pháp hữu vi và vô vi ấy mới có thể sanh. Văn-thù lại bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, thế nào là chỗ không phải hữu vi không phải vô vi? Phật bảo: Chỗ không phải hữu vi không phải vô vi, nghĩa là một pháp bản tâm vì không phải hữu vi nên hay làm hữu vi, vì không phải vô vi nên hay làm vô vi. Thế nên ta nói sanh chỗ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Lại nói: Phải phân làm hai môn mà nói cho rõ ràng: một là Hạ chuyển môn, hai là Thượng chuyển môn. Trong môn sanh diệt chẳng ngoài hai thứ này. Như thế hai môn này khác nhau thế nào? Tụng nói:

Các nhiễm pháp có sức,
Các tịnh pháp không sức,
Ngược gốc chuyển hạ hạ
(chuyển không thấp)
Gọi là Hạ chuyển môn.
Các tịnh pháp có sức,
Các nhiễm pháp không sức,

Hướng nguồn thượng thượng chuyển
(chuyển lên cao)
Gọi là Thượng chuyển môn.

Thức Luận nói: Vì sao nên biết ý thức sở biến nhờ nói ngã pháp không phải thật có, do đây tất cả chỉ có chỉ thức chăng? Tụng rằng:

Các thức ấy chuyển biến,
Phân biệt sở phân biệt,
Do đây kia đều không,
Nên tất cả chỉ thức.

Lại các thầy chỗ nói, chung có bốn phần nghĩa: một là Tướng phần, hai là Kiến phần. Duy Thức Luận rằng: Ở Sở duyên mà có dụng liễu biệt, ba là Tự chứng phần, nghĩa là hay thân chứng tự kiến phần và hay duyên với tướng phần không nhầm lẫn vì hay làm chứng, bốn là Chứng trị chứng phần, nghĩa là hay thân chứng tự chứng phấn thứ ba mà duyên với kiến phần không nhầm lẫn từ chỗ chứng mà được tên. Đó là nghĩa bốn phần. Gương như tự chứng phần, gương sáng như kiến phần, ảnh trong gương như tướng phần, gương hậu (??) như chứng tự chứng phần. Bốn phần này có bốn sư lập nghĩa:

Một là An Tuệ Bồ-tát lập Nhất phần tự chứng phần. Duy Thức Luận nói: Tự chứng phần này từ Sở duyên sanh vì là y tha khởi nên nói là có. Kiến tướng hai phần chẳng từ duyên sanh, nhân biến kế tâm vọng chấp mà có như thế hai phần là tình có mà lý không, chỉ tự chứng phần là tánh y tha khởi, có chủng tử sanh là thật có. Kiến tướng hai phần là không, lại biến khởi ngã pháp hai chấp. Lại là không vì không giống không. Nếu chuẩn theo Hộ Pháp Bồ-tát thì vì hữu giống vô nên kiến tướng hai phần là hữu thể, biến khởi ngã pháp hai chấp là vô thể. Nên An Tuệ dẫn Lăng-già nói rằng: Ba cõi hữu lậu, tâm và tâm sở đều là hư vọng phân biệt làm tự tánh. Cho nên biết tám thức kiến tướng hai phần đều là biến kế vọng chấp mà có. Chỉ có tự chứng phần là tánh y tha khởi là thật có.

Hai là Nan-đà Luận Sư lập hai phần. Thành Duy Thức trowsc nêu: Tông là tất cả tâm sanh đều có kiến tướng hai phần. Kiến tướng hai phần là Năng sở hai duyên. Nếu vô tướng phần kéo tâm thì tâm pháp không do đâu mà được sanh. Nếu không có Năng duyên kiến phần thì ai biết có Sở duyên tướng phần, tức có cảnh có tâm v.v... mà thành duy thức. Kiến phần là Năng kiến, tướng phần là Sở biến, Năng sở được thành cần đủ hai phần. Kiến phần tướng phần là tánh y tha khởi. Có lúc duyên với độc ảnh cảnh tức đồng chủng sanh, có lúc duyên với đới chất

cảnh tức là biệt chủng sanh. Cho nên không phải là Biến kế. Nếu bất hứa thì chư Phật chẳng ứng hiện thân độ v.v... các thứ ảnh tượng.

Ba là Trần-na Bồ-tát lập ba phần. An Tuệ lập một phần chỉ có thể mà không có dụng. Nan-đà lập kiến tướng hai phần chỉ có dụng mà không có thể đều hỗ bất tác. Lập lý, nghĩa là nghĩa lượng quả. Luận nói: Năng lượng và Sở lượng vì lượng quả riêng khác nên tướng - kiến ắt có thể sở y. Tướng phần là Sở lượng, kiến phần là năng lượng tức cần tự chứng phần làm chứng là lượng quả. Dụ như đo lụa, lụa là sở lượng (đo), người và thước là năng lượng (đo), trí ghi số đo gọi là lượng quả. Nay kiến phần duyên với tướng phần chẳng nhầm lẫn, đều do tự chứng phần làm quả. Nay kiến phần của nhãn thức khi duyên với xanh thì nhất không duyên với vàng. Như kiến phần duyên không từng thấy cảnh bỗng nhiên duyên cảnh vàng thì nhất định không duyên với cảnh xanh. Nếu không có tự chứng phần thì kiến phần chẳng thể tự ghi nhớ, cho nên biết phải lập ba phần. Nếu không có tự chứng phần thì kiến phần cũng không. Nếu nói có hai phần thì nhất định phải có tự chứng phần tập luận. Luận tụng rằng: Tự cảnh tướng sở lượng, năng thủ (hay lấy) tướng tự chứng. Giải thích rằng: Tợ cảnh tướng sở lượng, tức là tướng phần giống ngoại cảnh hiện. Năng thủ tướng tự chứng, tức là kiến phần hay lấy tướng phần, nên tự chứng là thể.

Bốn là Hô Pháp Bồ-tát lập bốn phần. Lập tông, tức là tâm. Tâm sở nếu phân biệt kỹ thì có bốn phần. Lập lý, nếu không có phần thứ tư thì đem pháp nào để cùng với phần ba làm lượng quả. Trần-na của ông lập ba phần, là kiến phần có dụng năng lượng biết rõ cảnh tức đem tự chứng phần làm lượng quả, tự chứng phần của ông cũng có năng lượng chiếu cảnh, thì đem pháp nào cùng năng lượng tự chứng phần làm lượng quả. Tức phải đem chứng tự chứng phần thứ tư làm lượng quả của phần thứ ba. Dẫn Mật Nghiêm Kinh nói: Chúng sanh tâm hai tánh, trong ngoài tất cả phần, Sở thủ - Năng thủ cột, kiến (thấy) các thứ sai khác. Phàm là lượng quả cần phải hiện lượng mới là lượng quả, năm thức trước cùng kiến phần của thức thứ tám tuy là hiện lượng nhưng vì là ngoại duyên nên không phải lượng quả. Là lượng quả thì phải đủ hai nghĩa: một là hiện lượng, hai là nội duyên. Lại trong quả sau được kiến phần tuy là hiện lượng. Nội duyên thời biến ảnh duyên nên không phải là lượng quả, tức là tâm thể ấy phải đầy đủ bốn nghĩa: một là hiện lượng, hai là nội duyên, ba là bất biến ảnh, bốn là tâm thể, thì mới là lượng quả.

Hỏi: Bốn phần lấy gì thể tánh?

Đáp: Tướng phần của Sở biến sắc tâm làm thể tánh. Nếu nội ba

phần tức dùng hiện hành tâm sở làm thể.

Tông Cảnh hỏi: Chưa có cảnh không tâm, từng có tâm không cảnh. Phàm thánh luận chung đều có mấy cảnh?

Đáp: Đại ước có ba cảnh. Tụng rằng:

Tánh cảnh chẳng tùy tâm,
Độc ảnh chỉ từ kiến,
Đới chất thông tình bổn,
Tánh chủng đều tùy ứng.

Lại rộng giải thích rằng: Tánh cảnh là hữu thể thật tướng phần gọi là tánh cảnh, tức năm thức trước và tâm vương thức thứ tám đều là hiện lượng thức thứ sáu sở duyên các thật sắc được tự tướng cảnh chẳng đeo danh ngôn không tâm trù độ, cảnh này mới gọi là tánh cảnh, và khi căn bản trí duyên với chân như thì cũng là tánh cảnh, vì không phân biệt nhậm vận (mặc tình?) mà chuyển. Nói chẳng tùy tâm, là đều có năm thứ Bất tùy:

Một là Tánh bất tùy, là kiến phần năng duyên ấy thông cả ba tánh, còn cảnh tướng phần sở duyên chỉ là tánh vô kỳ, tức bất tùy năng duyên kiến phần thông cả ba tánh.

Hai là Chủng bất tùy, tức kiến phần từ tự kiến phần chủng sanh, tướng phần từ tự tướng phần chủng sanh, mà chẳng tùy năng duyên kiến phần tâm chủng sanh, nên gọi là Chủng bất tùy.

Ba là Giới hệ bất tùy, là như minh liễu ý thức khi duyên với cảnh của hương, vị thì hương vị hai cảnh ấy chỉ với Dục giới hệ mà không tùy theo minh liễu ý thức thông với thượng giới hệ. Lại như Dục giới thứ tám duyên với chủng tử cảnh thì năng duyên thứ tám chỉ Dục giới hệ, còn sở duyên chủng tử hai thì lại thông ba cõi, tức hai thức thứ sáu, thứ tám có giới hệ bất tùy.

Bốn là Ba khoa bất tùy, lại là năm uẩn bất tùy, tức như kiến phần của năm thức là thức chủng gồm thâu, tướng phần của năm trần, tức sắc uẩn gồm nhiếp, ấy là Uẩn khoa bất tùy. Mười hai xứ bất tùy, tức kiến phần của năm thức là ý xứ thâu (là thuọc ý thức), còn tướng phần của năm trần là năm cảnh xứ nhiếp (là thuộc năm cảnh), ấy là xứ khoa bất tùy. Mười tám giới bất tùy, là kiến phần của năm thức là năm thức giới thâu, tướng phần của năm trần là năm cảnh giới nhiếp, đây là ba khoa bất tùy.

Năm là Dị thục bất tùy, tức như kiến phần thức thứ tám là tánh Dị thục, tướng phần năm trần sở duyên không phải tánh Dị thục thì gọi là Dị thục bất tùy. Độc ảnh cảnh, nghĩa là tướng phần cùng kiến phần đồng

chủng sanh nên gọi độc ảnh, chỉ từ kiến tức như thức thứ sáu duyên với không hoa sừng thỏ quá vị cập biến ảnh duyên vô vi cùng duyên địa giới pháp, hoặc duyên với giả định quả cực hướng cực lược v.v... đều là ảnh tượng giả. Đây chỉ theo kiến phần biến sanh, tự không có thứ ấy nên nói chỉ tùy kiến. Độc ảnh có hai thứ: một là vô chất độc ảnh tức là thức thứ sáu duyên với không hoa sừng thỏ cập quá vị v.v... tướng phần sở biến, thì tướng phần ấy cùng kiến phần thứ sáu đồng chủng sanh, chẳng có không hoa chất v.v...; hai là hữu chất độc ảnh, tức là thức thứ sáu duyên với năm căn chủng hiện ấy đều mượn chất mà khởi, cho nên tướng phần ấy cũng cùng với kiến phần đồng chủng mà sanh, cũng gọi là độc ảnh cảnh; ba là đới chất, tức tâm duyên tâm là đó. Như thức thứ bảy duyên với kiến phần cảnh của thức thứ tám, ta phần ấy không có biệt chủng sanh, một nửa cùng bản chất đồng chủng sanh. Từ bản chất sanh tức tánh vô phú, còn từ năng duyên kiến phần sanh thì tức tánh hữu phú, vì hai đầu nhiếp bất định nên gọi thông tình bản. Chất tức năng duyên kiến phần thức thứ bảy, bản tức sở duyên kiến phần thức thứ tám. Lại dùng bốn cú phân biệt: một là chỉ biệt chủng chẳng phải đồng chủng, tức là tánh cảnh, hai là đồng chủng không phải biệt chủng, tức là độc ảnh cảnh, ba là đều là, tức đới chất cảnh, bốn là chẳng phải, tức bản trí duyên như, vì chân như chẳng từ kiến phần chủng sanh nên gọi là phi đồng chủng. Lại chân như đương thể là vô vi, chỉ nhân chứng mà hiển được, không phải là sanh nhân pháp sở sanh nên gọi là phi biệt chủng. Tánh chủng v.v... tùy ứng, tánh tức là tánh cảnh, chủng là chủng loại, nghĩa là đối trong ba cảnh đều có chủng loại chẳng đồng. Nay đều phải tùy ứng mà nói. Lại ước tám thức phân biệt, là chuyển năm thức trước trong mọi lúc đều chỉ tánh cảnh, không chọn hổ dụng hay không hổ dụng, trong hai thứ biến chỉ là nhân duyên biến. Lại vì cùng năm căn đồng cảnh nên ý thức thứ sáu có bốn loại: Một là minh liễu ý thức cũng thông ba cảnh, cùng năm đồng duyên thật năm trần. Trước suất (noi theo?) trong tâm này là tánh cảnh, nếu lấy hậu niệm mà duyên với năm trần thương phương viên trường đoản v.v... giả sắc, tức là hữu chất độc ảnh, cũng gọi là tợ đới chất cảnh. Hai là tám vị độc đầu ý thức, thì cũng thông ba cảnh, phần nhiều là độc ảnh thông duyên với pháp có chất hay không chất ba đời. Nếu khi duyên với tự thân hiện hành tâm, tâm sở thì là đới chất cảnh. Nếu duyên với tự thân năm căn và duyên với tâm, tâm sở của người khác thì là độc ảnh cảnh, cũng gọi là tựo đới chất cảnh. Lại độc đầu ý thức, sát-na đầu duyên với năm trần, thiểu phần duyên với thật sắc thì cũng gọi là tánh cảnh. Ba là ý thức trong định, thì cũng

thông ba cảnh, thông duyên với pháp có chất hay không chất ở ba đời, là độc ảnh cảnh. Lại bảy địa trở về trước hữu lậu định vị cũng hay dẫn khởi năm thức vì duyên năm trần, tức là tánh cảnh. Bốn là ý thức trong mộng, thì chỉ là độc ảnh cảnh. Thức thứ bảy chỉ là đới chất cảnh, thức thứ tám tâm vương chỉ là tánh cảnh, vì nhân duyên biến nên tương ưng với tác ý v.v... năm tâm sở, là tợ đới chất chân độc ảnh cảnh.

Hỏi: Ba cảnh lấy gì làm thể?

Đáp: 1- Tánh cảnh dùng thật năm trần làm thể, đủ tám pháp mà thành. tám pháp, tức là bốn đại: Địa, thủy, hỏa, phong và bốn vi: Sắc, hương, vị, xúc. Đây là ước hữu vi mà nói. Nếu năng duyên vị hữu lậu thì trừ thức thứ bảy, còn bảy thức kia đều dùng tâm, tâm sở của mình làm thể, là độc ảnh cảnh thứ hai. Đem kiến phần giả biến của thức thứ sáu mượn tướng phân làm thể, năng duyên tức tâm, tâm sở của mình làm thể. Đới chất thứ ba tức biến khởi trung gian mượn tướng phần làm thể. Nếu năng duyên trong vị Hữu lậu thì chỉ tâm, tâm sở của hai thức sáu, bảy làm thể. Nhiếp Luận nói: Viễn hành và độc hành không có thân ngủ ở trong hang mà điều phục tâm khó điều, đó gọi là Chân Phạm chí. Bách pháp giải thích rằng: Như Lai y ý căn xứ mà nói viễn hành và độc hành. Tùy ý thức vô minh mà khắp duyên tất cả cảnh nên gọi là viễn hành (đi xa). Lại các tâm nối tiếp mỗi mỗi chuyển không có thật chủ tể nên gọi là độc hành (đi một mình). Không có thân, tức là tâm không hình chất. Ngủ trong hang tức là nương nhờ các căn ngầm chuyển trong thân nên gọi là ngũ trong hang. Ngủ là giấu, chứa. Tức tâm chứa ở trong thân. Ý kệ này là phá ngoại đạo chấp có thật ngã. Thế Tôn nói: Chỉ là tâm độc hành không có chủ tể khác, cho nên nói độc hành. Lại từ vô thủy trải qua cảnh sáu trần nên gọi là viễn hành.

Am-ma-la (Amala), dịch là Thanh tịnh thức. Ngài Tăng Độn Chú Kinh Kim Cang Tam-muội gọi là Bạch tịnh vô cấu thức kinh ấy Phật nói: Chư Phật Như Lai thường lấy một giác mà chuyển các thức vào Am-ma-la. Vì sao thế, vì tất cả chúng sanh bản giác thường dùng một giác để giác ngộ các chúng sanh khiến chúng sanh ấy đều được bản giác mà giác các tình thức không tịch vô sanh. Vì sao thế, vì quyết định bản tánh vốn không động. Huân Văn nói: Thiên Thai y nhiếp Đại thừa nói Am-ma-la gọi là Vô phân biệt trí quang, tức là tịnh thức thứ chín vậy. Song theo lời các luận nói thì thức thứ tám nếu đến ngã kiến vĩnh viễn chẳng khởi vị tức bỏ tên Lê-da, riêng được gọi là thanh tịnh, thì quả vị đó gọi là Am-ma-la. Ngài Thiên Thai y nhiếp Đại thừa mà lấy tên thức thứ chín, là chẳng phải không sâu xa. Đây là y theo Nhiếp

Luận Bản Lương của ngài Chân Đế dịch. Phụ Hành nói: Chân Đế Tam tạng nói: A-đà-na bảy thức đây gọi là chấp ngã thức. Đây tức hoặc tánh thể tức nhân duyên. A-lại-da tám thức, đây gọi là tàng thức. Vì hay giữ gìn trí chủng chẳng mất, thể là vô một vô minh tánh vô minh, tánh là liễu nhân. Am-ma-la thức thứ chín gọi là thanh tịnh thức, tức là chánh chân. Đường Tam Tạng chẳng chịu thức này bảo rằng: Thức thứ chín là tên khác của thức thứ tám. Cho nên Nhiếp Luận bản mới dịch không giữ tên thức thứ chín. Trong Địa Luận cũng không có thức thứ chín, chỉ lấy thức thứ tám đối với chánh nhân, thức thứ bảy đối với liễu nhân, thức thứ sáu đối với duyên nhân. Nay y theo ngài Chân Đế mà họp hai thức sáu, bảy gọi là duyên nhân. Vì trong thức thứ sáu là sự thiện ác cũng là hoặc tánh, giao giải thích nghĩa thức không phải chỗ luận này. Chỉ vì thể tánh ba thức đối với ba đức ba nhân ở lý tức đủ. Luận gia tuy dịch thức là trí mà chẳng tức chiếu ba thức một tâm tức là một tâm ba trí đầy đủ. Quang Minh Huyền nói: Am-ma-la thức là thức thứ chín bất động, nếu phân biệt thì tức là Phật thức. A-lại-da thức tức là vô một thức thứ tám, cũng có tùy miên phiền não cùng vô minh họp, phân biệt ra thì đó là Bồ-tát thức.

Đại Luận nói: Ở tâm Bồ-tát thì gọi là Bát-nhã (trí) tức cùng nghĩa vậy. A-đà-na là phân biệt thức thứ bảy, chê ác sanh tử, ham tốt Niết-bàn, nếu phân biệt là Nhị thừa thức. Ở Phật tức là phương tiện trí. Sóng nước là phàm phu thức thứ sáu không đợi phải nói.

Tông Cảnh nói mười tên của thức thứ chín: một là tự thể không nên gọi là Chân thức, hai là thể chẳng có không nên gọi là Vô tướng thức, ba là quỷ dụng chẳng đổi nên gọi là Pháp tánh thức, bốn là chân giác thường còn chẳng phải ẩn hiển nên gọi là Tánh chân thức, năm là tánh dứt hư giả nên gọi là Thật tế thức, sáu là đại dụng vô phương (vô biên) nên gọi là Pháp thân, bảy là tùy lưu (theo dòng?) chẳng nhiễm nên gọi là Tự tánh thanh tịnh thức, tám là Am-ma-la, dịch là Vô cấu thức, chín là thể chẳng khác nên gọi là Chân như thức, mười là thắng diệu dứt đối đãi gọi là Bất khả danh mục thức.

Càn-lật-đà-da (Hrdaya), hoặc gọi Mâu-hô-lật-đa, dịch là Kiên thật tâm (tâm bền thật (chắc)). Lăng-già chú rằng: Gọi là Đệ nhất nghĩa tâm. Như cây trinh thật tâm, không phải niệm lự (nghĩ ngợi), chính là tánh bản hữu của quần sanh. Lại Ma-ha-diễn lập mười thức gồm nhiếp hết các thức. Thế nào là mười, tức trong chín thức trước gia thêm Nhất thiết nhất tâm thức. Văn luận ấy nói: Gọi Nhất tâm thức là khắp ở hai thứ tự tại không chỗ nào chẳng an lập. Như Phật bảo Văn-thù-sư-lợi

rằng: Ta chỉ lập một (111) thứ thức mà không lập ra các thức khác. Vì sao thế, vì một thứ thức là gồm nhiều các thức, thức này có các thứ sức, hay làm tất cả thứ danh tự (tên gọi) mà chỉ một thức trọn không có pháp khác. Thế nên ta nói lập ra một thứ thức. Nay gọi Nhất thiết nhất tâm thức là tiếng phương này gọi, còn tiếng Phạm là Càn-lật-đà-da.

Hỏi: Nhất thiết nhất tâm thức cùng Am-ma-la khác nhau thế nào?

Đáp: Từ lý chư Phật chứng bèn lập ra tên Am-ma-la, nếu ở gốc chúng sanh mê thì gọi là Càn-lật-đà. Vì sao thế, vì kinh nói: "Mà chuyển các thức vào Am-ma-la". Thế nên biết quả vị gọi là Am-ma-la Nhất thiết nhất tâm thức. Luận nói: Hay làm tất cả các thứ tên, biết đó là gốc mê của quần sanh mà cội luận nghĩa này, các Hậu hiền nên biết rõ.

Lễ Ký nói: Người sanh mà Tánh tịnh thiên, cảm vật mà Dục làm động tánh. Đây là nhà Nho lấy Tịch nhiên bất động làm tánh, cảm mà bèn thông gọi là tình. Tông ta thì lấy Minh tịnh chân tâm làm tánh, là lý cụ vậy, hòn động vọng niệm làm tình là sự tạo vậy. Cho nên Lăng-nghiêm nói: Từ vô thủy đến nay sanh tử tiếp nối đều do chẳng biết chân tâm thường trụ, minh thể tánh tịnh mà dùng các vọng tưởng. Tưởng này chẳng chân cho nên có lưu chuyển. Vì tánh tình này mà tám thức trước của mười thức đều thuộc tình, chín mươi hai thức bèn là tánh.

Hỏi: Tâm và tánh đồng hay khác?

Đáp: Hoặc đồng hoặc khác. Nói đồng, là như Kinh Lăng-nghiêm nói: Chân tâm thường trụ minh thể tánh tịnh đây đều là chỉ chân. Quang Minh nói: Tâm thức hai tánh theo động chẳng dừng, đây đều là nói vọng. Nói khác là như Lăng-nghiêm nói: Thuấn nhã đa tánh có thể tiêu mất, thước-ca-la tâm không động chuyển. Đây là tâm chân mà tánh vọng. Đại Ý nói: Vì tùy duyên bất biến nên là tánh, vì bất biến mà tùy duyên nên là tâm. Đây là tánh chân mà tâm vọng. Sự Trung Quốc nói: Lúc mê thì kết tánh thành tâm, khi ngộ thì mở tâm thành tánh. Song chân vọng hai tâm kinh luận đã nói rõ đại khái có bốn nghĩa: một là chỉ chân tâm, Khởi Tín Luận nói: Chỉ là một tâm nên gọi là Chân như; hai là chỉ vọng tâm, như Kinh Lăng-già nói: Các thứ thức như sóng trào mà chuyển sanh; ba là từ chân khởi vọng, như Kinh Lăng-già nói: Tạng của Như Lai là nhân thiện và bất thiện hay khắp hưng tạo tất cả thú sanh; bốn là chỉ vọng tức chân, như Lăng-nghiêm nói: Thì ông nay thức tỉnh vốn sáng. Lại Tịnh Danh nói: Lũ phiền não là giống Như Lai. Các văn nêu bày thì bốn thứ này gồm hết. Song các thức này Tây Vức - Đông hạ lăng xăng nói khác nhau. Nay trước nêu chỗ khác nhau, sau kể chỗ

hội thông.

1- Chấp khác, là tánh tướng hai tông phân chia ở Tây Vức, nhóm Nam Bắc mạnh nhất ở Tề triều, cho nên chùa Lan-đà ở Tây Vức có Đại đức Giới Hiền, nối xa ngài Di-lặc, Vô Trước nối gần ngài Pháp Hộ, Nan-đà, y vào Kinh Thâm Mật và Luận Du-già mà lập tông pháp tướng. Nói pháp tướng là cùng vào nghiệp tướng tám thức xem là gốc sanh khởi các pháp. Cho nên pháp tướng tông lấy thức tướng hành bố làm chỉ. Cũng ở chùa ấy đồng thời có Đại đức Trí Quang xa nối ngài Văn-thù, Long Thọ, gần nối ngài Thanh Mục - Thanh Biện, y vào Kinh Bát-nhã và Luận Trung Quán mà lập tông pháp tánh. Nói pháp tánh là lấy chân như tùy duyên làm gốc nhiễm tịnh. Một là tánh tông thì lấy chân lý dung quán làm môn. Kịp đến Đông hạ thì Nhiếp Luận có đời Lương, đời Đường hai khác. Địa Luận phân Nam - Bắc khác nhau, vì Vô Trước Bồ-tát tạo Nhiếp Đại thừa Luận truyền đến cõi này. Hai là giải thích bất đồng: 1/ Ngài Chân Đế đời Lương lập ra chín thức kể thức thứ tám sanh khởi các pháp, như luận ấy nói mười thứ thắng tướng. Một là y chỉ thắng tướng nói thức thứ tám sanh mười hai nhân duyên; 2/ Ngài Huyền Trang ở đời Đường dịch mới Nhiếp Luận chỉ lập có tám thức, bèn gọi thức thứ chín chỉ là tên khác của thức thứ tám. Đây là Đường - Lương khác nhau. Thiên Thân Bồ-tát tạo Thập Địa Luận, dịch truyền cõi này Nam Bắc đều kể. Nam đạo ở Tương châu kể Lê-da là Tịnh thức, Bắc đạo ở Tương châu kể Lê-da là Vô minh, đây là Nam Bắc khác nhau.

2- Hội thông (giống nhau), Diệu Huyền nói: Nay tôi tâm vô minh chẳng tự chẳng tha, chẳng cộng chẳng vô nhân. Bốn cú đều chẳng thể nghĩ bàn. Đay là ước tự hạnh pháp kế chấp Nam Bắc chẳng còn. Nếu có bốn tất-đàn nhân duyên thì cũng có thể nói được. Đây là ước Hóa tha. Tánh tướng đều có đủ. Vì trong A-lê-da có chủng tử sanh tử huân tập tăng trưởng tức thành Phân biệt thức. Nếu trong A-lê-da có chủng tử trí tuệ, văn huân tập tăng trưởng, tức chuyển y thành đạo hậu chân như nên gọi là Tịnh thức, nếu khác hai thức này thì chỉ là A-lê-da thức Đây cũng là một pháp mà luận ba, trong ba mà luận một. Nhiếp Luận nói: Như đất vàng nhiễm tịnh, nhiễm là dụ cho sáu thức, vàng là dụ cho Tịnh thức, đất là dụ cho Lê-da thức. Văn đã rõ ràng cần gì tranh cãi. Lại Tông Cảnh nói: Thức a-lại-da này tức là Chân tâm, chẳng giữ tự tánh riêng mà tùy duyên Nhiễm tịnh, chẳng họp mà họp, hay chứa giấu tất cả cảnh giới Chân tục, cho nên gọi là Tặng thức. Như gương sáng chẳng cùng ảnh tượng họp mà chứa ảnh tượng. Đây là ước nghĩa hòa họp mà nói, nếu nghĩa không hòa hợp thì thể thường còn chẳng đổi khác, nên

gọi là Chân như, vốn là một Chân tâm trong sáng chẳng động. Nếu có người chẳng tin A-lại-da thức là Như Lai Tạng mà riêng cầu lý Chân như thì như lìa hình ảnh mà tìm gương, đó là ác tuệ, vì chưa hiểu rõ nghĩa bất biến mà tùy duyên tùy duyên mà bất biến mà sanh hai chấp. Lại Tông Cảnh lấy Lý - Lượng hai môn mà gồm thâu hết tất cả tánh tướng. Thức tướng Diệu hữu là như Lượng môn, thức tướng chân không là như Lý môn.

Hỏi: Chân tâm không hình tướng vì sao biết là có thể bất không thường trụ trạm nhiên?

Đáp: Lấy sự nghiệm biết, nhân dụng có thể luận. Sự thì hay hiển lý, dụng thì hay bày thể. Như thấy sóng sanh thì biết là có thể nước. Phải quán môn Lý - Lượng để tạo Đạo tánh tướng.

58. PHÁP ẤM - NHẬP - GIỚI.

Trí Luận nói: Trong tất cả các pháp chỉ có danh và sắc, nếu muốn như thật quán, chỉ phải quán danh sắc. Tâm chỉ có tự (chữ?) nên gọi là danh (tên?). Hình chất là pháp ngại nên gọi là sắc, mà người phàm phu mê sắc tâm này có khinh trọng (nặng nhẹ) khác nhau. Cho nên Phật đối cơ mà nói ba khoa pháp Ấm -Giới - Nhập.

Hàn-kiền-đà (Skưdha), dịch là Uẩn, uẩn nghĩa là chứa nhóm. Xưa dịch là Ấm, ấm là che lấp. Chứa nhóm hữu vi che lấp châ ntánh. Lại Nhân Vương nói: Bất khả thuyết thức sanh hai pháp sắc tâm của các loài hữu tình. Sắc là sắc uẩn, tâm là bốn uẩn kia đều là tánh chứa nhóm che giấu chân thật. Đây gọi sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là năm uẩn. Âm Nghĩa Chỉ Qui nói: Từ đời Hán dịch kinh gọi là Ấm, đời Tấn ngài Tăng Duệ đổi là Chúng, đến Đường Tam Tạng (Huyền Trang) đổi gọi là Uẩn.

Bát-la-phệ-xa (Pravésa), dịch là Nhập. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Thường gọi là nhập, nghĩa là vào. Căn trần đối nhau thì có thức sanh, thức y căn trần vẫn là Năng nhập, căn trần tức là Sở nhập. Nay mười hai thứ này từ Sở nhập mà được tên. huân Văn nói: Phàm sáu nhập có hai nghĩa: một là căn trần cùng nhập vào nhau, hai là căn cảnh đều là Sở nhập (chỗ vào) của thức, nên các kinh gọi là mười hai nhập. Còn Kinh Lăng-nghiêm chỉ lấy sáu căn làm nhập. Bởi căn có nghĩa thắng (lớn) hay sanh ra thức, lại căn hay nhận cảnh mà hút nắm tiền trần nên riêng gọi là Nhập. Nên gọi là sáu tên giặc mưu cướp của báu trong nhà. Lại gọi sáu nhập là vào sáu thôn làng. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Sáu nội gọi là Nhập, vì sáu pháp này thân thiết thuộc bên trong (nội) làm chỗ

nương cho giặc nên gọi là Nhập. Cũng gọi là Căn. Căn có nghĩa là hay sanh, vì sáu thứ này đều có công sanh thức nên gọi chung là Căn. Sáu nhập bên ngoài, sáu thứ này ở xa nên thuộc ngoài là chỗ thức dính vào (duyên vào) cho nên gọi là Nhập, cũng gọi là Trần. Trần có nghĩa là nhiễm ô, vì hay làm nhiễm ô tình thức gọi chung là Trần. Lại mười hai xứ, thì Bách Pháp Sớ nói: Xứ có nghĩa là sanh trưởng, tức sáu thức y vào Căn - Trần mà được sanh trưởng, nên gọi mười hai xứ.

Đà-đô (Dhàtu), dịch là Giới. Bách Pháp Sớ nói: Giới nghĩa là nhân, sáu thức trung gian nhờ sáu căn mà phát, sáu cảnh kéo dắt cùng thức làm nhân, nên gọi là Giới. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Giới có nghĩa là giới biệt (làm sanh giới riêng biệt?) tức mười tám pháp này đều có thể riêng, nghĩa nó không hỗn lạm nhau, nên gọi là mười tám giới. Nếu căn có đối (trần) liền có thức sanh, thức có nghĩa là thức biệt (phân biệt, biết). Thức y vào căn thì hay phân biệt trần nên gọi chung là Thức. Do ba thứ căn - trần - thức đều có sáu pháp mà thành mười tám giới. Cả ba khoa này như Cu-xá nói: Tụ sanh môn chủng tộc (họp nhau sanh bà con?) là nghĩa Uẩn xứ giới. Ngu căn lạc có bà, nên nói Uẩn xứ giới. Giải thích rằng: Ngu ba: một là ngu tâm, tức nói năm ấm thì mở tâm làm bốn, họp sắc làm một; hai là ngu sắc, là nói mười hai xứ, thì mở sắc thành 10,5 xứ (mười xứ rưỡi) nghĩa là 5 căn + 5 trần + ½ pháp trần thiểu phần; ba là ngu tâm và sắc, là nói mười tám giới, thì lại mở tâm làm 7,5 giới (bảy giới rưỡi), nghĩa là sáu thức ý căn + ½ pháp trần thiểu phần. Nói ngu tức là mê vậy. Căn ba, nghĩa là thượng - trung - hạ căn. Lạc ba, nghĩa là rộng trong lược như kế phối ba khoa pháp.

Ca-la-la (Kalala), hoặc Yết-la-lam, dịch là ngưng hoạt. Lại gọi là tạp uế, tức giống như ngưng tô (váng sữa đặc). Là năm vị này ở bảy ngày đầu trong thai. Đại Tập Kinh nói: Khi Ca-la-la thì có ba sự: một là Mạng (mạng sống), hai là Hoãn (hơi ấm), ba là Thức. Thở ra vào gọi là Thọ mạng (mạng sống), crnát chẳng thúi gọi là Hoãn, tức là nghiệp giữ hỏa đại và địa, thủy v.v... các sắc mà chẳng rã thúi. Trong đó tâm ý gọi là Thức, tức là tâm hiểu biết từng sát-na vậy lớn lên không tăng giảm, ba pháp hòa họp từ sanh đến chết, giống thức này tức là mạng căn. Cho nên Tông Cảnh dẫn lun nói rằng: Song y thân sanh chủng tử thức này, lấy chủng tử này làm nghiệp lực, nên giữ gìn thân một báo, công năng sai khác khiến được quyết định. Nếu chủng tử này không có công năng này thì thân liền rã nát. Cho nên lấy thân sanh chủng tử làm mạng căn. Phàm mạng căn lày tâm mà giả lập. Mạng là năng y. Tâm là sở y. Sanh Pháp sư nói: Lửa đốt củi quay thành vòng, vòng có mang lửa mà thành

sáng. Tình cũng như thế, ắt giúo tâm thành dụng. Nạng y (nương) tâm như tình y (nương) tâm.

Át-bộ-đàm (Arbuda), hoặc Tết-bộ-đàm, Át-phù-đà, dịch là Bào, hình dạng như san bào (khối u?) là thai mười bốn ngày.

Tệ-thi (Pésì), hoặc Bế-xích, già-na, dịch là ngưng kết, hình dạng giống như tụ huyết hoặc gọi huyết nhục (khối thịt mềm) là thai hai mươi mốt ngày.

Kiện-nam (Ghana), hoặc yết-nam, dịch là ngưng hậu hơi cứng, cũng gọi là ngạnh nhục (khối thịt cứng) là thai hai mươi tám ngày. Tuy có thân ý nhưng còn thiếu mắt v.v... bốn căn và sáu xứ chưa hoàn hảo, chỉ gọi là danh sắc. Kinh Niết-bàn Phật nói: Như nói danh sắc buộc ràng chúng sanh. Danh sắc nếu mất thì không có chúng sanh. Lìa danh sắc rồi thì không có chúng sanh khác, lìa chúng sanh rồi thì không có danh sắc khác. Cũng gọi là danh sắc buộc ràng chúng sanh, cũng gọi là chúng sanh buộc ràng danh sắc.

Bát-la-xa-khư (Prazàkhà), dịch là hình vị, đã đủ các căn hình, tay chân riêng khác. Cu-xá lấy thai ba mươi lăm ngày gọi là Thai trung năm vị, thai bốn mươi hai ngày gọi là Phát mao trảo xỉ vị, thai bốn mươi chín ngày gọi Cụ căn vị vì năm căn đã đầy đủ. Nói căn là tăng thượng xuất sanh (tăng thượng sanh ra) nên gọi là căn. Năm thức nhờ đó làm tăng thượng duyên mà sanh ra. Lại đủ năm nghĩa sau mà gọi là căn, đó là Nghiêm - Tục - Y - Phát - Biến biệt. Từ thai ba mươi lăm ngày đến chưa chưa sanh ra thì gọi là lục nhập. Nói bào thai thì Thuyết Văn nói: Cái ao thịt bọc đứa bé gọi là thai. Nhĩ Nhã nói: Thai là thủy dưỡng (nuôi dưỡng ban đầu).

Chước-sô (Caksus), Chước là đi (làm?), sô là hết, nghĩa là bay ở các cảnh mà đi hết thấy các sắc nên gọi là Hành tận. Nên Du-già nói: Nhiều lần xem các sắc xem xong rồi bỏ nên gọi là nhãn (mắt) có nghĩa là đuốc chiếu (soi đuốc). Lăng-nghiêm nói: Nhãn như trái nho, hoặc nói nhãn như ao suối mùa thu. Nhãn có năm thứ: một là Nhục nhãn, hai là Thiên nhãn, ba là Tuệ nhãn, bốn là Pháp nhãn, năm Phật nhãn. Nay trước luận chung sau sẽ luận (phân biệt) riêng. Trước luận chung là Đại Phẩm nói: Bồ-tát khi làm Bát-nhã, tịnh ở năm nhãn. Nhục nhãn tịnh thì thấy ba ngàn Đại thiên thế giới. Thiên nhãn tịnh thì thấy trong hằng sa mười phương thế giới chư Phật các chúng sanh chết đây sanh kia. Tuệ nhãn thì Bồ-tát chẳng nghĩ rằng pháp này là hữu vi hoặc vô vi, là thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hay vô lậu, đó là Tuệ nhãn thì Bồ-tát không pháp nào chẳng thấy, không pháp nào chẳng hay, không pháp

nào chẳng biết, ấy là Tuệ nhãn tịnh. Bồ-tát (đây là Phật Thích-ca) pháp nhãn thì biết người ấy vào Tùy tín hạnh, người ấy Tùy pháp hạnh, người ấy Vô tướng hạnh, người ấy làm (hạnh) không giải thoát môn, người ấy làm Vô tướng giải thoát môn, người ấy làm vô tác giải thoát môn mà được năm nhãn. Được năm nhãn cho nên được Vô gián Tam-muội được Vô gián Tam-muội nên được giải thoát trí v.v... Cho đến biết Bồ-tát ấy ngồi được đạo tràng hay chẳng thể ngồi được đạo tràng, biết Bồ-tát ấy có ma hay không ma, thì đó là Bồ-tát (đây là Phật Thích-ca) Pháp nhãn tịnh. Bồ-tát (đây là Phật Thích-ca) vào như Kim cang Tam-muội mà phá các phiền não tập tức thì liền được vô ngại giải thoát của chư Phật, liền sanh Phật nhãn, đó gọi là Nhất thiết chủng trí, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí cho đến Đại từ, Đại bi v.v... các công đức. Đó là Phật nhãn. Đại Luận giải thích rằng: Nhục nhãn thấy gần mà chẳng thấy xa, thấy trước mà chẳng thấy sau, thấy ngoài mà chẳng thấy trong, thấy ngày mà chẳng thấy đêm, thấy trên mà chẳng thấy dưới. Vì các trở ngại đó nên phải cầu Thiên nhãn. Được Thiên nhãn ấy thì gần xa đều thấy, trước sau, trong ngoài, ngày đêm, trên dưới đều thấy không trở ngại. Nhưng Thiên nhãn ấy chỉ thấy hòa hợp nhân duyên giả gọi là vật mà chẳng thấy thật tướng. Đó gọi là không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt như trước, giữ sau cũng thế. Vì thật tướng nên cầu Tuệ nhãn. Được Tuệ nhãn thì không còn thấy chúng sanh dứt hết các tướng khác lạ, lìa bỏ các đắm trước chẳng nhận tất cả pháp. Trí tuệ từ bên trong diệt hết (tự nội diệt?), đó gọi là Tuệ nhãn. Nhưng chỉ Tuệ nhãn thì không thể độ chúng sanh, là vì sao, vì không có phân biệt. Thế nên phải sanh Pháp nhãn. Pháp nhãn hay khiến người làm pháp ấy thì được đạo ấy, biết tất cả chúng sanh mà có các phương tiện môn khiến được chứng đạo. Nhưng Pháp nhãn chẳng thể khắp biết tất cả phương tiện để độ chúng sanh, cho nên phảo cầu Phật nhãn. Phật nhãn thì không việc nào chẳng thấy. Đối với người khác thì rất xa nhưng đối với Phật thì rất gần, với người khác rất kín tối nhưng với Phật thì sáng tỏ, với người khác là rất vi tế nhưng với Phật là rất cạn cợt. Phật nhãn ấy thì không việc gì chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng biết, không việc gì là khó. Không cần nghĩ suy, trong tất cả pháp Phật nhãn luôn chiếu sáng. Đó là năm nhãn. Nay lập bốn nghĩa để luận tướng của nói.

1. Ước về người, Tịnh Danh Ký nói: Muốn chỉ Nhục nhãn trong loài người nên nói nhãn bốn thú không bằng trời, người nên bị phá. Đây là một lẽ. Cũng có rồng quỷ hơn Nhục nhãn người song trọn là ác nghiệp. Từ đạo đã phán quyết xong. Lại nói: Dùng Thiên nhãn ở Sắc

giới mà phá cõi Dục có Tứ thiền Thiên nhãn, Thanh văn là Tuệ nhãn, Bồ-tát là Pháp nhãn, Như Lai là Phật nhãn. Tịnh Danh Ký nói: Ba nhãn trước thì Nhị thừa hai giáo cũng có được, Pháp nhãn thì Bồ-tát ba giáo cũng có được vì sao năm nhãn đều đoạt là không? Đáp: Tùy giáo y lý tướng nói có khác. Nếu nói chư Phật, Bồ-tát có thì tức là bốn nhãn đối lý, địa tục có được một phần, Phật mới rốt ráo. Cho nên Nhục nhãn một lúc khắp thấy mười phương, Thiên nhãn chẳng dùng hai tướng mà thấy, Tuệ nhãn bèn gọi là Đệ nhất tịnh, cho nên Pháp nhãn, Phật nhãn nguyên lai rất khác nhau. Ấy thì năm nhãn đều đủ ở Phật. Nhị thừa và người thì đều không nhãn, như mù từ mới sanh.

Hỏi: Nhục nhãn của Phật và Nhục nhãn của người giống hay khác?

Đáp: Phàm phu bị ác nghiệp che nên mù, Phật quả huân công đức nên thanh tịnh. Nên Đại Bát-nhã nói: Nhục nhãn của Phật có thể thấy trong người có vô số thế giới chẳng chỉ chướng nội. Cho nên biết Nhục nhãn phàm phu chỉ thấy chương nội, nghĩa như mù vậy.

Hỏi: Nhục nhãn có chướng ngại vì sao khắp thấy?

Đáp: Đại Luận nói: Báo sanh thì Thiên nhãn ở trong Nhục nhãn, Thiên nhãn mở thì Nhục nhãn thấy sắc, cho nên thấy cả Đại thiên.

Lại nói: Thiên nhãn có hai: một là quả báo mà được, hai là tu thiền mà được. Quả báo mà được thì thường cùng Nhục nhãn họp dùng, chỉ đêm tối thì Thiên nhãn riêng dùng.

Hỏi: Phật đủ Nhục nhãn thì cùng Phật nhãn đồng hay khác?

Đáp: Tịnh danh Ký nói: Nay lấy chứng lý mà thấy các sắc thô tế ở mười phương cõi và mười pháp giới thì gọi là Thiên nhãn của Phật. Nếu viên thấy ba đế chẳng hai thì gọi là Phật nhãn.

2. Ước dụng mà giải thích. Như Tịnh Danh Sớ nói: Chỉ nhãn là tên chung. Từ dụng mà phân biệt thì có năm thứ: một là Nhục nhãn thấy thô sự sắc, hai là Thiên nhãn thấy nhân quả tế sắc, ba là Tuệ nhãn thấy thô tế sắc tâm lý thiên, chân (thấy sắc thô tế mà tâm thiên về lý chân?), bốn là Pháp nhãn thì thấy sắc tâm thô tế nhân duyên mà giả gọi các pháp tục đế, năm là Phật nhãn thấy ký trung đạo viên chân Phật tánh, lại hay song chiếu thô tế nhân duyên sự lý.

Hỏi: Thấy chân của trung đạo gọi là Phật nhãn, không biết Bồ-tát phần chứng và Phật cứu cánh thì đồng hay khác?

Đáp: Như Phát Chẩn nói: Phần chứng cùng cứu cánh về năm nhãn thì chỉ có sáng tối khác nhau thôi.

3. Ước về đế mà giải thích. Như Tịnh Danh Sớ nói: Viên quán ba

đế, quán tục cảnh, phá các ác nghiệp thì gọi là Tịnh Nhục nhãn. Quán tục đế cảnh, phá các loạn tâm thì gọi là Tịnh Thiên nhãn. Nếu quán Chân đế, phá giới nội hoặc thì gọi là Tịnh Tuệ nhãn. Quán nội ngoại tục đế mà phá trần sa vô tri thì gọi là Tịnh Pháp nhãn. Quán trung song chiếu, viên trừ vô minh ấy là Tịnh Phật nhãn. Ấy thì Nhục Thiên hai nhãn là pháp nhân, duyên sanh ra, còn ba nhãn sau là đế ba quán chiếu ra.

4. Ước giáo mà giải thích. Như Tịnh Danh Sớ nói: Ước giáo thì có bốn Phật năm nhãn chẳng đồng. Trong Kim cang Bát-nhã, Phật hỏi Tu-bồ-đề: Như Lai có Nhục nhãn chăng v.v... Chuẩn theo năm nhãn này thì đều thông bốn giáo. Nếu giải thích riêng thì như Tịnh Danh Ký nói: Nếu lấy tướng Thiên viên đối đãi nhau mà gồm nói thì chỉ là Viên Phật nhãn, Biệt giáo Pháp nhãn, Thông Bồ-tát Tuệ nhãn, Tạng Bồ-tát Nhục Thiên hai nhãn. Lại Tịnh Danh sớ nói: Nếu các phàm phu thì Nhục nhãn, Thiên nhãn thấy tướng thô tế. Thanh văn thì chỉ có ba nhãn, Nhục nhãn và Thiên nhãn thấy đồng như trên, còn Tuệ nhãn thì thấy tướng Chân đế, tức là thấy tướng hai đế. Ba nhãn của Tạng Bồ-tát đã chưa dứt hết hoặc nên chẳng thấy tướng Chân đế, chỉ có Nhục nhãn, Thiên nhãn thì thấy thô tướng của Thế đế. Còn Thông giáo Bồ-tát cũng chỉ có ba nhãn, chỉ thấy tướng huyễn hóa của hai đế. Biệt giáo Bồ-tát thì được bốn nhãn, ba nhãn như trên, riêng được Pháp nhãn, thấy giới nội ngoại hằng sa Phật pháp, vô lượng lý bốn đế và là thấy tướng thấy. Nếu Viên giáo Bồ-tát trụ ở vị Thập tín thì tuy có Nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn, tương tợ Viên thấy tướng pháp giới, dù hoặc chưa trừ hết cũng gọi là thấy tướng thấy. Nếu vào Sơ trụ, phát chân vô lậu tức là năm nhãn viên khai. Đây đều là luận chung.

Kế luận riêng, Tịnh Danh Sớ dẫn Thủ-lăng-nghiêm nói: A-na-luật nói: Khi tôi mới xuất gia thường thích ngủ nghỉ, Như Lai quở trách tôi là loài súc sanh. Tôi nghe Phật quở, khóc lóc tự trách bảy ngày không ngủ mà mất cả hai mắt. Bèn bạch Phật kể hết mọi việc. Phật nói ngủ là mắt ăn, như người bảy ngày không ăn thì sẽ mất mạng, bảy ngày không ngủ thì mắt cũng mất mạng khó thể trị. Phải tu Thiên nhãn để thấy việc đời. Nhân đó tu Thiền mà được bốn đại tịnh sắc nửa đầu mà thấy. Nói nửa đầu là xưa Thần Ngộ nói nửa trên ngang mày như lưu ly trong suốt. Đây là trái với Lăng-nghiêm nói trước thấy sau. Nan Bình nói: Nửa đầu trước thấy Đại thiên giới chỉ thấy trước mà chẳng thấy sau. Nay nói sót (trái?) lời giải này. Tịnh Danh Sớ nói: Na-luật tu thiền được bốn đại thanh tịnh tạo sắc nửa đầu Thiên nhãn, từ nửa đầu trên đều được thấy xem thấy ba

ngàn Đại thiên thế giới như trái Am-ma-lặc. Nếu ba tạng Phật được toàn đầu Thiên nhãn, một đầu đều phát tịnh sắc suốt thấy vô ngại. Nay xem hai thuyết thì cũng như cò và trai giữ chặt nhau. Nay nhân tệ ấy mà hội thông.

Tịnh Danh Quảng Sớ lấy trên làm phân nửa (bán) chính là chỉ bày cái để Thiên nhãn do báo mà được Thiên nhãn ở trong Nhục nhãn, do tu mà được Thiên nhãn ở ngoài Nhục nhãn. Đã ở ngoài nhãn thì phát sắc nửa đầu. Tuy nửa đầu tịnh mà khi nhìn vật thì chỉ thấy ở trước. Do đó Kinh Lăng-nghiêm ước dụng mà nói. Song chỗ Thanh văn phát Thiên nhãn nửa đầu cùng Phật toàn đầu thì hơn kém rất khác. Lại Phật tùy chỗ nhập định muốn thấy liền thấy, còn Thanh văn phải nhập định có được thì mới thấy cảnh. Lại Phật thì có thể thấy tất cả Phật độ còn Na-luật chỉ thấy Đại thiên. Tịnh Danh Sớ nói: Nhị thừa tuy có Thiên nhãn phải tác ý muốn thấy ngàn cõi cho đến Đại thiên. Còn chư Phật, Bồ-tát có Chân Thiên nhãn chẳng dùng hai tướng mà thấy rõ các Phật độ. Thiên Thai nói: Trung đạo Chân Thiên nhãn, không phải tướng hai đế, mà hay khắp chiếu bốn độ ba thứ sanh tử chết đây sanh kia, y chánh đều hiện trong Vương Tam-muội, ấy là Chân Thiên nhãn.

Hỏi: Na-luật đã thấy trước sao lại mượn người xuyên kim?

Đáp: Vào định thì thấy, ra định thì không biết. Triệu nói: Nhị thừa ở trong định thì thấy, ra định thì không thấy. Kinh Khê Ký nói: Nếu ước Na-luật mất mắt ra quán chỉ đồng với người đời hư căn chẳng thấy.

Hỏi: Tạng Thông hai giáo đã chẳng nói trung, lấy gì làm Phật nhãn?

Đáp: Biệt Hành Huyền Ký nói: Cho nên nay Chánh sử và hai Tập khí đồng thời mà hết, cho nên có thể hai đế đều rốt ráo. Phương khác ba thừa đệ tử riêng bày Phật nhãn Phật trí. Lại nữa, Thiên nhãn của Na-luật cùng Thiên nhãn của Đại Phạm vương tuy đồng mà khảo xét có bốn khác: một là Báo - tu khác, Phạm vương do báo mà được ở trong Nhục nhãn, còn Na-luật do tu mà được ở ngoài Nhục nhãn; hai là chung riêng khác, Tịnh Danh Sớ nói: Lại Phạm vương là thấy tướng chung nên thấy không rõ ràng, Na-luật là thấy tướng tiêng nên thấy rõ. Cho đến A-la-hán nhân tịnh thiền mà được thì đều thấy tướng riêng; ba là tự tha khác, Phạm vương do báo được nên từ chỗ ở của mình thì thấy còn phương khác thì không thấy, còn Na-luật do tu căn bản mà được năm thứ Tứ thiền vào sắc thanh tịnh phát Chân Thiên nhãn tùy chỗ đến mà đều thấy Tam thiên; bốn là thông minh khác, Thiên nhãn của Phạm vương là thông mà không phải minh, còn Thiên nhãn của La-hán là

thông lại là minh.

Lại Tịnh Danh Sớ hỏi: Thiên nhãn của Phạm vương thấy cõi Đại thiên cùng Nhục nhãn của Pháp hoa có gì khác?

Đáp: Đại Luận nói: Thiên nhãn do báo sanh thì ở trong Nhục nhãn, còn Thiên nhãn là khai tịch Nhục nhãn thấy sắc nên thấy sắc nên thấy Đại thiên. Đại Phẩm nói: Nhục nhãn của Bồ-tát thấy trăm do-tuần cho đến Đại thiên, quá mức này thì dùng Thiên nhãn. Dùng Nhục nhãn cùng gió trái nhau nên không nói thấy độ (cõi) khác. Như Kinh Pháp Hoa thì sức Nhục nhãn có thể thấy được tất cả các pháp ở Đại thiên. Còn Tam tạng Thiên nhãn, Tuệ nhãn của Nhị thừa chỗ thấy sự lý còn chẳng kịp huống là Phạm vương mà sánh được ư? Cho nên Đại Kinh nói: Người học Đại thừa tuy có Nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn, còn người học Nhị thừa tuy có Tuệ nhãn mà gọi là Nhục nhãn. Vì Tuệ nhãn ấy thấy chân đoạn hoặc so với Nhục nhãn của Viên giáo có phần kém hơn. Nhục nhãn của Viên giáo gọi là Phật nhãn vì tuy đủ tánh phiền não nhưng lại biết được Bí mật tạng của Như Lai.

Ta-lộ-đa-la-tuất-lũ-đa (Srotra), dịch là Năng văn. Du-già nói: Thường chương tiếng ở đây đến mà nghe nên dịch là tai, là nghĩa hay nghe. Lăng-nghiêm tai như quyển sách mới (lá vở), hoặc nói tai như quyển Da Hoa.

Già-la-ni-yết-la-noa (Ghràna), dịch là khứu (ngửi). Du-già nói: Do đây mà hay ngửi mùi hương nên gọi là mũi, là nghĩa hay ngửi. Lăng-nghiêm nói: Mũi như hai móng tay úp, hoặc nói mũi như thạnh châm đổng (ống đầy kim).

Để-nhã-thì-ngật-phược (Jihva), dịch là năng thường (lưỡi) hay trừ đói khát. Du-già nói: Hay trừ đói khát ốm gầy thường phát nói năng luận bàn kêu gọi nên gọi là lưỡi là nghĩa hay nếm. Lăng-nghiêm nói: Lưỡi như mặt trăng khuyết, hoặc nói lưỡi như yển Nguyệt Đạo.

Ca-da (Kàya), tiếng Phạm có bốn tên: một là Ca-da, hai làThiết-lỵ-la, ba là Đệ-ha (Deha), bốn là Ưng-già (Anga), dịch là Tích tự (chứa nhóm). Du-già nói: Các căn tùy chỗ mà chứa nhóm và nghĩa nương nhờ. Cũng dịch là phần, nghĩa là chi phần. Lăng-nghiêm nói: Thân như lập kích sóc (cái kích dựng đứng?). Kinh An-ban-thủ-ý hỏi: Những gì là thân, những gì là thể, xương thịt làm thân, sáu tình họp làm thể.

Hật-lị-đà-da (Hrdaya), dịch là Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) tức là chỗ ý căn gá vào. Cho nên nói ý như thấy nhà tối. Phàm nói căn thì có hai nghĩa: một là Phù trần ngoại cặp, hai là Thắng nghĩa nội căn. Nói Phù trần thì bốn đại là năng tạo, bốn vi là Sở tạo. Sắc, hương, vị,

xúc là bốn vi hòa hợp bèn thành căn. Nên Kinh Lăng-nghiêm nói: Ta nay quán phù căn bốn trần này chỉ ở trước mặt ta. Tư Trung nói: Phù hư chẳng thật che tối Chân tánh nên gọi là Phù trần. Phù trần là ngoại căn. Nói Thắng nghĩa tức là bốn đại thanh tịnh. Hồng Mẫn Sao nói: Thắng nghĩa căn này tuy dùng Năng tạo, Sở tạo tám pháp làm thể là không thể thấy được có đối sắc chiếu cảnh mà phát ra thức, là cảnh sở tri (là cảnh chỉ thánh nhân biết) của Thánh nhân, nghĩa nó rất sâu xa, không phải giống như trần cảnh thô cạn, nên gọi là thanh tịnh. Đây là trong nhiễm mà tịnh, không phải là cái tịnh vô lậu diệu minh. Thắng nghĩa này là nội căn vậy.

Đại Luận hỏi: Vì sao ba thức sở tri hợp làm một. Tỷ, thiệt, thân, thức gọi là Giác, ba thức sở tri riêng (khác?) làm ba. Nhãn gọi là kiến (thấy), nhĩ gọi là văn (nghe), ý biết gọi là thức?

Đáp: Đây là ba thức giúp nhiều đạo pháp, cho nên riêng nói, còn ba thức kia thì chẳng thí nên gọi là hợp nói. Ba thức ấy chỉ biết việc của thế gian nên hợp làm một, ba thức kia cũng biết việc thế gian và cả việc xuất thế gian, nên riêng nói. Lại nữa, ba thức ấy chỉ duyên với pháp vô ký, còn ba thức kia thì duyên với thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký. Lại nữa, ba thức ấy hay sanh nhân duyên ba thừa như mắt thấy Phật và đệ tử, tai nghe pháp, tâm trù tính chánh ức niệm, các thứ khác nhau như thế. Thắng Vương Kinh nói: Phật bảo Thiên Vương rằng: Bồ-tát Ma-ha-tát, lấy sức phương tiện, làm Bát-nhã ba-la-mật, đối tất cả pháp tâm duyên tự tại, duyên tất cả sắc nguyện được Phật sắc không thể được. Tâm duyên các tiếng, nguyện được âm thanh vi diệu của Như Lai, tâm duyên các hương nguyện được giới hương thanh tịnh của Như Lai, tâm duyên các vị, nguyện được tướng đại trượng phu bậc nhất trong vị của Như Lai, tâm duyên các xúc nguyện được bàn tay mềm mại của Như Lai, tâm duyên các pháp nguyện được tâm tịch tịnh của Như Lai. Tâm duyên với thân mình, nguyện được thân Phật. Tâm duyên với miệng mình, nguyện được miệng Phật. Tâm duyên với ý mình, nguyện được ý bình đẳng của Như Lai. Thiên Vương Bồ-tát Ma-ha-tát làm Bát-nhã ba-la-mật, chẳng có một tâm một hạnh ở không (không quá?) chẳng hướng vào Tát-bà-nhã. Khắp duyên các pháp mà chẳng đắm trước, quán thấy các pháp đều hướng đến đạo Bồ-đề. Bồ-tát tu tập các hạnh đều nhân ngoại duyên mà được thành lập. Lại như đất bằng ở trên mặt nước, nếu đào ao giếng ắt sẽ được nước dùng. Người không đào thì chẳng do đâu mà thấy. Như thế cảnh giới của Thánh trí ở khắp tất cả pháp. Nếu có siêng tu Bát-nhã phương tiện thì liền được, còn người không tu thì sao

có được.

Tỷ-cổ-ca (Bhùtaka), dịch là chủng (giống), đây là năm nguyên do sanh ra chúng sanh nên gọi là chủng. Bà-sa hỏi: Sao gọi là Đại chủng? Đáp: Lớn mà là chủng (giống) nên gọi là Đại chủng. Như nói Đại địa và Đại vương vậy. Hay giảm hay tăng, hay tổn (làm tổn hại) hay ích (giúp ích, đó là nghĩa của chủng. Thể tướng hình lượng nó ở khắp các phương cõi hay giúp thành việc lớn đó nghĩa đại.

Đại thừa Nhập Lăng-già nói: Tức là hư vọng phân biệt, thấm nhuần Đại chủng thành thủy giới trong ngoài, nung nóng Đại chủng thành hỏa giới trong ngoài, lay động Đại chủng thành phong trong ngoài, sắc phân đoạn Đại chủng thành Địa giới trong ngoài. Viên giác nói: Ta này thân này bốn đại hòa họp đó là tóc, lông, răng, móng, da trong, gân, xương, tủy, não cấu sắc đều qui về địa. Nước mắt, nước mũi, máu mủ, nước miếng, mồ hôi, đàm, tinh khí, phân, nước tiểu đều qui về thủy (nước). Hơi nóng ấm thì qui về hỏa (lửa), chuyển động thì qui về phong (gió). Nhân Vương nói: Kiên trì gọi là địa, tân nhuận (thấm ướt) gọi là thủy, tánh ấm gọi là hỏa, khinh động gọi là phong. Tịnh Giác nói: Gọi chung là đại là từ sự mà lập tên. trí Luận nói: Phật nói bốn đại không đâu chẳng có nên gọi là đại. Trường thủy trược lấy tàng tánh (tánh chứa giấu) mà giải thích đại thì thật là lầm to. Cô Sơn nói: Bốn luân giữ đời, kỳ thật đó là Thổ luân, Kim luân, Thủy luân, Pha luân. Đây chẳng nói Thổ (đất) vì thổ và kim đồng là tánh cứng, đều thuộc địa đại. Cho nên đây chỉ nói bốn đại thì đã nhiếp bốn luân. Tịnh Giác nói: Song bốn đại này phong kim là do vọng tâm mà khởi. Hỏa, thủy lại do phong, kim mà khởi. Văn sau kết rằng: Tướng thay đổi (để) làm chủng nghĩa thấy ở đây. Tông Cảnh nói: Đều từ bốn đại hòa hợp mà thành, tất cả đều là một tâm hư vọng biến đổi. Ngài Duy-ma-cật hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: Những gì là Như Lai chủng? Văn-thù-sư-lợi đáp: Có thân là chủng, vô minh hữu ái là chủng, tham nhuế si là chủng, bốn điên đảo là chủng, năm cái là chủng, sáu nhập là chủng, bảy thức xứ là chủng, tám tà pháp là chủng, chín não là xứ chủng, mười bất thiện đạo là chủng. Nói tóm tắt sáu mươi hai kiến và tất cả phiền não đều là Phật chủng. Thiên Thai giải thích rằng: Cho đến không phải chủng là chủng. Vì sao thế? Vì lìa ngoài ba đạo thí không có Như Lai chủng ấy là: 1/ Chánh nhân tức khổ đạo, 3/ Liễu nhân tức phiền não đạo, 3/ Duyên nhân tức nghiệp đạo. Lại văn trước nói: Ba đạo là ba đức chủng, chủng đã có ba thì Như Lai cũng ba: Một là Pháp Phật Như Lai, hai là Báo Phật Như Lai, ba là Ứng Phật Như Lai. Chủng lấy hay sanh làm nghĩa nếu chẳng thể sanh thì không

gọi là chủng. Vì ba chủng này hay sanh ba Phật từ vi đến trước trọn ở Đại quả. Cũng có nghĩa là chủng loại. Nếu ba chủng này không phải là chủng loại Phật thì ngoài đây không có pháp đồng loại. Cũng có nghĩa là chủng tánh, tánh gọi là không thay đổi. Tức ba pháp này từ đầu đến cuối chẳng đoạn chẳng diệt (chẳng diệt mất) ắt làm nên quả ba đức ba Phật nên gọi là không thay đổi. Nay ước chúng sanh mà nói chủng thì không ngoài ba thứ này. Do phiền não nhuận nghiệp mà thọ thân có khổ. Ba thứ không trước sau, cũng không phải cùng một lúc, chẳng tung (dọc) chẳng hoành (ngang). Cho nên Kim Bài nói: Nếu có chúng sanh chưa bẩm (học?) giáo đến chỗ ông thì trước phải nói rằng: Người từ vô thủy đến nay chỉ có phiền não nghiệp khổ mà thôi. Tức đây toàn là Lý tánh ba nhân, do chưa phát tâm, chưa từng gia hạnh (gắng sức tu) cho nên tánh Duyên liễu đồng gọi là Chánh nhân. Lại Diệu Lạc nói: Ba đạo là ba đức, chủng tức là tánh chủng. Vì có tánh sanh nên gọi là chủng. Khi sanh chủng này thuần biến là tu. Các Văn nói này đều lấy lúc mê làm tánh. Sau ngộ gọi là tu. Song tánh chủng này Thiên Thai gọi là Tương đối chủng. Ngài Kinh Khê lấy đối địch mà giải thích có chung có riêng. Nếu chung thì lấy sự của ba đạo mà đối lý của ba đức, đây bèn Sự Lý đối địch luận chung. Nếu đối địch luận riêng thì như Ký Chủ nói: Ba thứ này từ riêng, mỗi mỗi đều khác. Khổ đạo ở mê thì thuộc nhân, pháp thân sở chứng là quả, đây bèn nhân quả đối nhau. Phiền não là pháp hôn mê, Bát-nhã là pháp Minh ngộ. Đây bèn mê ngộ đối địch nhau. Làm trái lý là pháp buộc ràng, làm thuận lý là pháp giải thoát. Đây thì buộc và thoát đối địch nhau. Kinh Khê lại đổi Danh tướng mà dịch (đổi) chủng. Ở nhân thì dịch Pháp thân là Khổ đạo. Đến quả thì dịch Khổ đạo và Pháp thân. Lúc mê thì dịch Bát-nhã là phiền não, khi ngộ thì dịch phiền não là Bát-nhã. Buộc thì dịch giải thoát là kết nghiệp, thoát thì dịch kết nghiệp là giải thoát. Trước sau Lý một nên gọi là Tánh chủng. Như Pháp Hoa Sớ giải thích chư Phật Lưỡng Túc Tôn biết pháp thường không (vô) tánh, con Phật chủng thì từ duyên khởi, thế nên nói Nhất thừa. Ngài Thiên Thai giải rằng: Trung đạo vô tánh tức là Phật chủng. Diệu Lạc giải rằng: Lập bản vô tánh là Bản tánh đức. Cho nên biết chủng này tức là chủng tánh gia Tiên Đức nghi rằng: Tịnh Sanh lấy ba đạo làm tánh chủng, Pháp Hoa lấy ba đạo làm tánh chủng. Xem hai chỗ này văn nghĩa lại khác, bèn lập bốn nghĩa tiêu thông hai văn: Một là Chủng bản, hai là Chủng thể, ba là Chủng duyên, bốn là Chủng quả, bèn nhất định ba đạo của Tịnh Danh là đương thể của chủng, Pháp Hoa ba đức là thể sở y, chính là bản của chủng. Nay nói chủng vì hay sanh

làm nghĩa thì chủng tức là Bản (gốc?) há có hai khác. Học giả phải biết rõ hai chỗ Kinh văn đều thuận một nghĩa. Vì Duy-ma chỉ mê khiến ngộ nên lấy ba đạo ở mê làm Phật chủng, Chánh - Trợ hai tu làm Chủng duyên. Pháp Hoa nói chư Phật lập giáo, nên ở Bình Đẳng Lý Tánh làm Phật chủng, nghịch thuận hai sự làm Chủng duyên. Tịnh Danh ba đạo bèn ước tức làm chủng cũng như Băng là Thủy chủng (loại của nước). Pháp Hoa ba đức chỉ tánh mình làm chủng, như nước là Băng chủng phân biệt như thế thì sẽ sáng tỏ. Lại Pháp Hoa sớ nói: Nếu ở loại mà luận chủng thì tất cả cúi (gật) đầu đưa tay đều là giải thoát chủng, tất cả thế trí ba thừa giải tâm tức là Bát-nhã chủng. Phàm ai có tâm đều sẽ làm Phật, tức pháp thân chủng. Kinh Khê nói: Loại nghĩa là loại lệ tức là Tu đức. Đây bèn thuận tu ba nhân mà hay thành quả ba đức, nên gọi là loại chủng. Đây do Pháp Hoa khắp mở sáu đạo. Cúi (gật) đầu đưa tay, khảy móng tay, tán hoa vốn là phước của trời người. Nay mở tức là duyên nhân Phật chủng, tất cả thế trí ba thừa giải tâm vốn là trí năm thừa, nay mở tức là Liễu nhân Phật chủng. Phàm có tâm thì chẳng biết Chánh nhân nay mở chúng sanh đều sẽ làm Phật, tức Pháp thân chủng. Diệu Lạc hỏi: Nếu thế Bát-nhã giải thoát có ở chủng loại và lấy đối mà luận (cho đến đối luận) thì pháp thân loại chủng và Đối luận chủng là đồng hay khác? Đáp: Lý một mà nghĩa khác. Nói lý một là chỉ duyên lý một, thí như tu tánh đối nhau ly hợp. Nói nghĩa khác, là đối bên (với) sanh tử mà gọi là đối nhau, lý thể vốn tịnh gọi là loại chủng. Lại văn năng quán trí gọi là Liễu chủng, nghe (văn) sở duyên lý gọi là chánh chủng. Tức là Lý tịnh cùng Sự tịnh là loại. Đây là ước khai hiển minh loại chủng. Xưa Kinh Viên đã cách Thiên, chỉ ước đương giáo ba nhân tự luận loại chủng. Nếu ba giáo trước như Diệu Lạc nói: Biệt giáo chỉ có chủng của chủng loại vẫn Riêng (Biệt), trước sau thường tịnh, chỉ không từ che (phú) nên được tên chủng. Đây cùng Thích châm tuy pháp thân vốn có (bản hữu) chẳng đồng với Biệt giáo bị hoặc nó che, hai văn chống nhau. Diệu Tống giải thích rằng: Biệt giáo pháp thân bị hoặc nó che, là bởi tánh bất tri bất giác (chẳng hay chẳng biết), đủ (cụ) đức nhiễm ác. Thế nên nhiễm ác không phải hai đức v.v... Chỉ có Pháp thân, Bản (vốn) giác tùy ở nhiễm duyên mà làm tất cả pháp trong mê, cho đến gọi là bị hoặc che. Đã chỉ che Lý Phật tánh (đã che Đản Trung), như người thuần thiện, tất cả việc ác vốn không phải bị người làm ác bức ép khiến làm các ác, nên nói người thiện ác che. Đây là hiển bày cái hoặc hay che (năng phú) còn cái chân như bị che lá lý bất biến, trước sau thường tịnh. Cho nên nói: Chỉ chẳng từ che mà được tên chủng. Hỏi

Diệu Huyền nói: Mười hồi hướng mới (Thủy) chánh tu Trung, Trung này chỉ Lý chẳng đủ các pháp. Thích Châm thì nói bất đồng, người biệt thì lý thể đầy đủ mà chẳng gồm thâu nhau. Giáng Vỹ Nan nói: người biệt đã có lý tánh ba nhân, sao duyên biệt mà tu duyên liễu. Tịnh giác tuy ước lý tánh ba nhân đều là đức Đản trung. Đáp: Chưa khế hợp ý Tứ minh, cho nên Diệu tông giải thích nghĩa này nói rằng: Cũng là tánh chẳng biết Bản giác, nhiễm đủ ác đức, chẳng thể toàn tánh khởi tu nhiễm ác, bèn thánh lý thể hoành đủ ba pháp. Nói chẳng gồm thâu nhau, là vì ba pháp ấy nhất định đều ở tánh đều là sở (được) phát, cũng như ba phần đều gọi là vua sao lại có thể nhiếp nhau. Thế nên ba pháp trong tánh bất tri thì hai thứ là tu, hai (một) thứ bèn thành hoành nên nói là ba đều là ở tại tánh mà chẳng dung nhau (hòa vào nhau). Tạng thông hai giáo toàn không có nghĩa này chỉ ước đương giáo tên ấy chẳng phải không. Nhân thời ba học làm năm phần chủng, đạt phần tức là hai giải thoát chủng. Niệm xứ tức Bát-nhã chủng, phải hiểu có thân là chủng. Nếu chẳng nghe pháp thì ai tự biết chẳng gia công hạnh (chẳng gắng làm) mà bỏ thân rồi thọ thân thì ai được thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Bèn chỉ Tánh loại hai pháp để làm ngón tay chỉ mặt trăng vậy.

- Nhiếp-đề, dịch là giả thi thiết (giả lập, giả bày ra) giả là ba giả. Phụ Hành nói: Nhân nôi nhân ngoại hòa hợp mới thành, nên pháp được sanh gọi là Nhân thành giả, vì niệm chẳng thật, cho nên niệm trước diệt rồi thì lại sanh, sanh ra thì liền diệt, kể là hay nối tiếp thì gọi là nối tiếp giả. Người khác đối với mình mà giả lập tên người khác, mình đối với người khác mà giả lập tên mình. Đối đãi nhau chẳng thất gọi là đối đãi nhau giả. Luận Thành thật nói: Ba giả phù hư như khói mây bụi mù vậy.

- Ưu-đà-na (Udàna), Thiên Thai Thiền Môn nói: Dịch là Đơn Điền, cách rốn hai tấc rưỡi (2,5cm) Đại Luận nói: Như khi người nói trong miệng có gió (hơi) ra gọi là Ưu-đà-na gió này ra rồi lại trở vào rốn. Kệ rằng:

Gió gọi (tên) Ưu-đà-na,
Gặp rốn mà đi lên,
Gió ấy gặp bảy chỗ,
Đỉnh đầu, lợi răng môi,
Lưỡi họng cho đến ngực,
Là trong nói năng sanh.

Luận rằng: Thở ra vào là thân gia hạnh, thọ tưởng là tâm gia hạnh, tầm từ là ngữ (lời, nói) gia hạnh. Đại Tập Kinh nói: Có gió hay

lên có gió hay xuống. Tâm nếu niệm (nghĩ) gió trên thì tùy tâm mà dắt lên (thở ra), tâm nếu niệm (nghĩ) gió dưới thì tùy tâm mà dắt xuống (hít vào). Vận chuyển làm lụng đều là tùy tâm mà chuyển làm tất cả việc. Nếu đường gió không thông thì tay chân bất toại, tâm tuy có niệm (nghĩ) nhưng không cử động được. Ví như người kéo cửa thành tức ảnh kỉ các thứ làm ra, dây kéo cửa dứt rồi thì tay không kéo được. Phải biết đều là nương vào gió mà làm ra.

- A-na (Àna) cũng gọi Anna, dịch là khiến lai, là hít vào.

- Ban-na (Àpàna), dịch là khiển khứ, là thở ra. Kinh An Ban Thủ Ý nói: An là thân, Ban là tức; An là sanh, Ban là diệt; An là niệm đạo, Ban là giải kết. Sở dĩ tiên sổ nhập là ngoài có bảy ác, trong có ba ác, dùng ít mà thắng nhiều là tiên sổ nhập; An gọi là xuất tức (thở ra), Ban gọi là nhập tức (hít thở vào). Tức (hơi thở) có bốn việc: Một là gió, hai là khí, ba là hơi thở, bốn là suyển (hơi thở mau gấp). Có tiếng là gió, không tiếng là khí, ra vào là tức, khí ra vào không thôi (bất tận) là suyển. Thở ra là sanh tử ấm, thở vào là tư tưởng ấm. Hoặc nói tiên sổ (trước khi đếm hơi thở? Sổ là đấm?) xuất tức khí thì chẳng gấp thân chẳng mập đầy thân tâm nhẹ nhàng lanh lợi thì Tam-muội dễ thành. Hoặc nói tiên sổ (trước thường?) thở vào tùy hơi thở mà khâm dị nhập định. Hoặc nói tùy tiện nghi thở ra vào, nếu tâm khinh phù (tán loạn) thì cột tâm ở Đơn Điền mà thở hít vào. Nếu tâm hôn trầm (ngủ gục) thì cột tâm ở đầu mũi mà thường thở ra. Đây đều là chẳng cho hơi thở ra vào đều sổ. Đề-bà Bồ-tát nói: Phật nói môn cam lồ gọi là A-na-ba-na, là Đạo an ổn nhất trong các pháp môn.

- Ô-ba, hoặc giọi Tát-già (Satya?), dịch là Hữu. Bà-sa nói: Là có nghĩa gì, đó là tất cả pháp hữu lậu vậy. Phật nói: Nếu nghiệp hay khiến đời sau nối tiếp sanh thì gọi là hữu. Hoa Nghiêm nói: Những gì gọi là pháp hữu vi, đó là chúng sanh ba cõi. Bà-sa nói: Lậu là nghĩa gì? Đáp: Trụ là nghĩa lậu, là phàm phu đến đây bị giữ ở lại. Lậu là nghĩa tẩm tí (ngấm thấm). Đến Tam Hữu Đảnh thường tẩm tí. Nghĩa lậu là lưu xuất (chảy ra) rủ hết xuống ba hữu lại chảy ra, hoặc có các nghĩa là nắm giữ, say sưa, ở trong, phóng dật (buông lung...) đều là nghĩa lâu cả. Thành Luận nói: Mất đạo (đường) nên gọi là lậu. Luật nói: Người si tạo nghiệp mở các lậu môn. Văn Cú nói: Lậu là ba lậu. Diệu Lạc nói: Một là Dục lậu, nghĩa là tất cả phiền não trong Dục giới, trừ vô minh. Hai là hữu lậu, nghĩa là tất cả phiền não ở hai cõi trên (Sắc, Vô sắc) trừ vô minh. Ba là Vô minh lậu, tức là vô minh ở ba cõi. Lại Phụ Hành giải thích hữu lưu rằng: Hữu tức là ba hữu, lưu là bốn lưu: Một là Kiến lưu, tức kiến có

ba cõi; hai là Dục lưu, tức tất cả các hoặc ở Dục giới trừ kiến và si; ba là Hữu lưu, là tất cả các hoặc ở hai cõi trên trừ kiến và si; bốn là Vô minh lưu, tức là si ở cả ba cõi. Ở ba chỗ này nhân quả chẳng mất nên gọi là hữu, vì bốn pháp này chết chìm mãi không thôi nên gọi là Lưu. Niết-bàn nói: Pháp hữu lậu có hai thứ, có nhân quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ, có nhân có quả. Quả hữu lậu thì gọi là Khổ, nhân hữu lậu thì gọi là Tập. Quả vô lậu thì gọi là Diệt, nhân vô lậu thì gọi là Đạo.

- Tát-ca-da-tát (Anitya?), dịch là vô thường. Cẩu Hương nói: Sô xá (chạy về nhà?) vô định gọi là vô thường. Đường Nhân Minh Chính Lý Luận nói: Xưa không nay có, tạm có lại không nên gọi là vô thường. Tịnh Trụ pháp nói: Sanh ra khó thể giữ chắc (bảo) chỉ muốn lo sanh, chết thì ắt đến, chẳng biết lo chết, huống mạng này nguy, bung biến vô thường, chợt khoảnh khắc bất giác mà chết đến. Nội Đức Luận rằng: Trăm răng dễ rụng hết, năm phước khó thường mạng muôn còn mà điển xẹt, nghiệp thì trời cao đất dày Tam đồ vướng vít mà bước hoài, bốn lưu không bờ mù mịt, ngồi thuyền pháp mà cứu giúp, mược cánh tín mà bay cao, phải chuyển tội thành phước, sao chẳng nghĩ mà làm càng. Chánh Pháp Niệm nói: Có người chết từ trong thai, có người sanh ra liền chết có người mới đi liền mất, có kẻ mới chạy bỗng tiêu. Trí Luận nói: Vô thường có hai thứ: Một là tương tục pháp hoại vô thường; hai là niệm niệm sanh diệt vô thường. Tông cảnh nói hai thứ bốn tướng: Một là ước thô quả báo, mới có sanh già bệnh chết. Trường A-hàm nói: Một là tướng sanh, tức năm ấm hưng khởi mà được mạng căn; hai là tướng già, nghĩa là tuổi thọ sắp hết mạng sống không còn bao lâu nữa; ba là tướng bịnh, nghĩa là các khổ bức bách còn mất không hẹn trước; bốn là tướng chết, tức là hết vậy. Gió trước lửa kế các tướng hư hỏng thân mất mà ở thư khác. Lại Tứ Đế Luận rằng: Các khổ nương nhờ gọi là sanh khổ, hay khiến biến đổi hư hoại gọi là già khổ. Bức ép thân khốn đốn gọi là bịnh khổ. Hay diệt các căn gọi là chết khổ. Không phải thương mà cùng nhóm họp nhau thì gọi là oán tắng hội khổ, thương yêu nhau mà phải xa lìa thì gọi là ái biệt ly khổ. Trông mong chẳng hoại thì gọi là cầu bất đắc khổ. Có nhiều tướng khổ thì gọi là Ngũ ấm xí thạnh khổ. Niết-bàn nói: Lại nữa, Bồ-tát tu về Tử quán là thọ mạng thường bị vô lượng oán thú khuấy rối niệm niệm giảm xuống không có tăng thêm, cũng như thác từ núi cao đổ xuống mãi chẳng dừng, cũng như hạt sương mai dưới ánh nắng không lâu, như tù nhân lên pháp trường bước bước gần cái chết, như dắt trâu dê đến lò giết mổ. Kinh Xuất Diệu Phật nói: Ngày nay đã qua, mạng tùy theo đó mà giảm, như cá cạn nước, nào có vui gì; hai là

ước nghiệp tế hoặc mà nói sanh, trụ, dị, diệt. Như Khởi Tín Luận nói: Bất giác tâm khởi gọi là Sanh, hay thấy hay hiện vọng chấp lấy Chánh giác khởi niệm cho là tiếp nối thì gọi là Trụ, chấp lấy tên gọi là Dị, tạo tác các nghiệp nên gọi là Diệt. Luận Duy Thức nói: Sanh là nói pháp này trước đây không có. Diệt là nói pháp này sau đây không còn. Dị là nói pháp này không ngưng nhiên. Trụ là nói pháp này tạm hữu dụng. Nay giải thích rằng: Từ không mà có thì gọi là Sanh, từ có mà không thì gọi là Diệt, trước sau biến đổi thì gọi là Dị, tạm như thế mà nối tiếp thì gọi là Trụ. Lại Luận nói: Xưa không nay có, vó vị gọi là sanh. Vi sanh tạm dừng liền nói là Trụ. Trụ khác trước sau mà lập tên Dị. Tạm có lại không, không thì gọi Diệt. Ba thứ trước có nên đồng ở hiện tại, một cái sau không nên ở quá khứ. Phụ Hành ký nói: Nói ba tướng là chẳng lập tướng Trụ, cùng dị hợp nói, vì người ở trụ luôn chấp thường còn. Nên Tịnh Danh nói: Tỳ-kheo các ông nay cũng sanh cũng già cũng diệt mất. Già tức là Dị. Ngài Khuê Phong nói: Hai tướng Trụ-Dị đồng là hiện tại nên hợp làm một, phân kỷ tức bốn. Ngài Cô Sơn giải kinh Lăng Nghiêm nói: Trước nêu bốn tướng nay chỉ có hai là dùng Sanh nhiếp Trụ, dùng Diệt thâu Dị. Tông Cảnh nói: Tuy tuổi trăm năm cũng như sát-na, như sóng lớn ở biển Đông, như nắng quái ở trời Tây, như đập đá ánh lửa nháng, như ngựa con phóng qua lỗ, như ngọn đèn nhỏ trước gió, như giọt sương mai đầu cỏ, như cây mục bám vách đá, như ánh sét trước mắt... Nếu không gặp Chánh pháp ắt vĩnh viễn đọa chốn u đồ.

- Xà-đề-xà (âm xã) (Jàtimrtyu?), dịch là sanh tử.

- Ngật-na hoặc Thiện-na (Janman), dịch là sanh. Du già nói: Năm uẩn mới khởi gọi là Sanh, y xác mà khởi gọi là Noãn sanh. Chứa nhóm mà ra gọi là Thai sanh, giả (mượn) nhuận mà hưng khởi gọi là Thấng sanh không có mà bỗng hiện gọi là Hóa sanh. Như thế là bốn sanh (bốn loài) do nội tâm tưởng nghiệp (do bên trong nghiệp tâm tưởng) làm nhân, bên ngoài có xác thai Tàng chấp nhuận làm duyên. Ước mượn duyên nhiều ít mà thành thứ lớp. Noãn sanh đủ bốn là trước nói: Thai sanh đủ ba, Thấp sanh đủ hai, Hóa sanh chỉ một, tức là Tư nghiệp vậy. Câu-xá nói: Người và bàng sanh đủ bốn, địa ngục và các trời chỉ có Hóa sanh. Quỉ thì chung cả Thai-Hóa hai thứ. Người đủ bốn loài, là như Đại Luận nói: Mẹ Tỳ-xá-khư-di-la sanh ba mươi hai con, Di-già-la là con lớn. Mẹ sanh ba mươi hai trứng mổ ra sanh ba mươi hai nam đều là lực sĩ, mà bẹ ấy được ba đạo. Lại Bà-sa Luận nói: Xưa ở châu này các người lái buôn vào biển được một con hạc mái bèn sanh ra hai trứng nở ra thành hai bé nam đẹp đẽ thông minh, lớn lên xuất gia được A-la-hán,

tên đứa lớn là Thế-la, đứa nhỏ tên Ổ-ba sanh. Thấp sanh như An-la-bà-lỵ dâm nữ Đảnh Sanh Chuyển Luân Thánh Vương. Lại Niết-bàn nói: Đảnh Sanh Vương từ mục phồng trên đầu sanh ra. Hóa sanh, như Đại Luận nói: Như Phật cùng bốn chúng du hành trong chúng Tỳ-kheo Ni có A-la-bà trong đất hóa sanh. Và ở sơ kiếp người đều hóa sanh. Bàng sanh đủ bốn, là chánh pháp niệm nói: Hóa sanh kim xí điểm (chim cánh vàng) hay ăn bốn loài rồng. Rồng cùng kim xí điểu đều đủ bốn loài. Thú chạy thì đều là thai sanh, chim bay đều là noãn sanh. Chứng Chân nói: Tình tưởng họp lìa bốn loài đều đủ. Kinh văn lại căn cứ vào một cái hơn mà nói.

- Mạt-lạt-nẩm (Marana), dịch là chết. Thắng Man nói: Sanh là các căn mới sanh, chết là các căn cũ mất. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Lúc chết thì bốn đại bị hại, nghĩa là bốn đại chẳng diều hòa. Có bốn thứ chết, nếu phong đại chẳng điều hòa thì tất cả thân phần đều cùng xé rách từ chânn đến đầu phân tan như cát. Lại Nhất Thừa Chương nói: Có hai thứ chết, những gì là hai: Tức là phần Đoạn tử và Bất tư nghì biến dịch tử. Phần Đoạn tử tức là chúng sanh hư dối. Bất tư nghì biến dịch tử, là A-la-hán, Bích-chi Phật, Đại Lực Bồ-tát Ý sanh thân. Vì phần Đoạn tử nên nói A-la-hán Bích-chi Phật trí (biệt) đời ta đã hết được chứng quả Hữu dư, nên nói phạm Hạnh đã lập. Phàm phu trời người không thể luận bảy thứ người học trước chưa từng làm, vì dối trá phiền não đã đoạn hết rồi, nên nói việc làm đã xong. Vì A-la-hán Bích-chi Phật đã đoạn phiền não lại chẳng còn nhận thân sau nữa nên nói chẳng thọ hậu hữu. Nhiếp Đại Thừa nói bảy thứ sanh tử: Một là phần Đoạn tức là quả báo ở 3 cõi; hai là Lưu lai, tức là lúc ban đầu có thức; ba là phản xuất, nghĩa là trái vọng đầu tiên; bốn là phương tiện tức là nhập diệt của Nhị thừa; năm là nhân duyên tức Sơ địa trở lên; sáu là hữu lậu, tức là Thập địa; bảy là vô lậu, tức là Kim cang tâm. Bắc Sử Lý Sĩ Khiêm Tự là Tử Ước khéo nói Danh Lý, từng có khách ngồi chẳng tin nghĩa báo ứng của nhà Phật. Sĩ Khiêm bảo rằng: Làm thiện thì dư mừng vui, làm ác thì dư tai họa. Đây không phải hưu cữu ư? (tốt xấu ư) Kinh Phật nói: Lưu chuyển (trôi nổi?) mãi trong năm đạo không thôi. Đây thì Cổ nghi nói ngàn biến vạn hóa chưa có chỗ rốt cùng bỗng nhiên bị (vì) người gọi bảo. Khi Phật giáo chưa truyền đến các hiền đã biết như thế. Đến như cổn làm gấu vàng, Bảo quân làm rồng, Ngưu Ai làm thú dữ, Bành sanh làm heo, Như Ý làm chó, Đặng Ngại làm trâu. Tiền thân của Dương Hựu (Hộ) là con của Lý Thị. Đây không phải nhà Phật biến hóa dị hình mà nói ư?

- Ca-ma-la (Kamalà?) hoặc Ca-mạt-la, dịch là Hoàng Bịnh lại gọi

là ác cấu, cũng gọi là bịnh cùi. Trí Luận nói: Một là bịnh nhân duyên bên ngoài, là nóng lạnh đói khát binh đao gậy gộc, rơi té hầm hố. Như thế các thứ tai họa bên ngoài gây buồn khổ; hai là bịnh nhân duyên bên trong, là ăn uống chẳng tiết (điều) độ, ngủ thức bất thường, bốn trăm lẻ bốn bịnh gọi là bịnh bên trong.

- A-tát-xà (Atisàra?), dịch là bịnh chẳng thể trị. Hoằng Minh Tập nói: Bịnh ắt chết dầu Thánh cũng không thể cứu. Bịnh có thể trị thì đợi thầy thuốc mới lành. Cho nên Niết-bàn nói: Có ba thứ bịnh: Một là dễ trị, hai là khó trị, ba là chẳng thể trị. Tịnh Danh Sớ nói: Trị liệu có tổn, một là có từ lúc mới uống thuốc chỉ tăng mà không tổn tron không sai lý đó gọi là tăng tăng; hai là hoặc tuy có khốn đốc trị bình liền lành, đó gọi là Tăng tổn (tổn là giảm bịnh, tăng là tăng bịnh); ba là hoặc có uống thuốc lúc đầu tuy dần tổn mà sau lại tăng đó là tổn tăng; bốn là mới đầu dần tổn cho đến bình phục đó là tổn tổn. Lại giải thích trị bịnh chúng sanh: 1/ Tăng tăng tức là hạng phàm phu thấp kém nhất, nếu vì họ nói pháp họ lại chê bai gây tội xiển đề. Như Thiện Tinh Điều Đạt v.v...; 2/ Tăng tổn như Thi Lỵ Cúc Đa; 3/ Tổn tăng, như Đại Luận nói: Bốn thiền Tỳ-kheo gọi là bốn quả. Khi lâm chung thấy chỗ sanh chê là không có Niết-bàn thì liền đọa địa ngục. Lại Tỳ-đàm Thành Thật nói người thối pháp (lui sụt pháp) đều là tướng ấy sanh; 4/ Tổn tổn tức là Xá-lợi-phất v.v... các người được đạo.

- San-nhã-sa (Sanyàsa?), dịch là bịnh phế phong một khi phát thì không khỏi. Trí Luận nói: Bốn trăm lẻ bốn bịnh, là bốn đại làm thân thường xâm hại nhau, trong mỗi mỗi đại thì trăm bịnh nổi dậy. Bịnh lạnh có hai trăm lẻ hai bịnh, do thủy-phong khởi. Bịnh nóng thì có hai trăm lẻ hai bịnh do địa-hỏa khởi. Chỉ Quán nói: Phương pháp trị bịnh đã biết rõ nguồn bịnh khởi phát mà làm thuốc trị bịnh. Phép trị bịnh bèn có nhiều cách, nói tóm tắt là không ngoài Chỉ Quán hai phương tiện. Thế nào là dùng Chỉ trị bịnh. Có thầy nói chỉ an tâm ngưng ở chỗ bịnh, liền có thể trị bịnh. Vì sao thế? Vì tâm là chủ hẹn quả báo. Ví như chỗ nào vua đến thì đám giặc liền tan. Kế có thầy nói: Dưới rốn một tấc gọi là Ưu-đà-na, đây dịch là Đơn điền. Nếu hay ngưng tâm nghỉ ở đây rất lâu không tan thì có chỗ trị. Có Thầy nói: Thường ngưng tâm ở dưới chân, bất luận đi đứng ngủ nằm thì liền có thể trị bịnh. Vì sao thế? Vì người do bốn đại không điều hòa cho nên có nhiều thứ bịnh. Đây là do tâm thức trên duyên khiến bốn đại không điều hòa, nếu an tâm ở dưới thì bốn đại tự nhiều điều thích các bịnh liền trừ. Có Thầy nói: Chỉ biết các pháp không chẳng có gì, chẳng chấp lấy tướng bịnh, tịch nhiên chỉ trụ (vắng

yên mà ngưng trụ) thì trị được nhiều. Vì sao thế? Do tâm tưởng nhớ khua làm bốn đại cho nên có bịnh sanh. Dứt tâm vui hòa thì các bịnh liền tiêu. Nên kinh Tịnh Danh nói: Cái là gốc bịnh? Đó là phan duyên (duyên dính), làm sao đoạn được phan duyên, nghĩa là tâm không chỗ được. Như thế các thứ dùng chỉ trị bịnh không phải một (rất nhiều). Cho nên biết tu pháp chỉ thì có thể trị được các bịnh. Kế nói: Quán để trị bịnh. Có thầy nói: Chỉ quán tâm tưởng dùng sáu thứ khí mà trị bịnh, tức là quán hay trị bịnh, những gì là sáu khí: Một là xuy (thổi), hai là hô (gọi), ba là hy (cười hi hi?), bốn là ha (quở trách), năm là hư (hà hơi), sáu là ???. Sáu khí này đều ở trong môi miệng tâm tưởng phương tiện chuyển trắc mà làm, miên vi mà dùng. Tụng nói: Tâm phối (tim) thuộc hạ, thận thuộc xuy, đùi thuộc hô, phổi ??. Người Thánh biết rõ. Can tạng nóng thì hư mà đến, Tam tiêu ủng trệ thì chỉ nói hy. Cao tăng truyện nói: Tăng Thiện bị bệnh nặng, khi sắp mất bảo đệ tử rằng: Ta bịnh trong bụng lạnh kết, vì lúc trẻ tuổi ta ở trong núi làm ăn, gạo thóc đã hết lại làm biếng đi tìm bèn ăn cát đá để no sáng tối, nhân đó có bịnh chết rồi có thể mổ bụng mà xem. Quả nhiên đúng như lời nói. Nam Sơn Sao nói: Chỉ đói khát là bịnh chủ, cũng gọi là bịnh cũ, mỗi ngày thường có, cho nên lấy ăn mà làm thuốc trị bịnh. Tăng Kỳ Luật nói: Khi Phật ở tại nước Xá-vệ. Mẹ Nan-đà làm người nấu cơm, chắc nước cơm mà uống thì biết trong thân phong trừ mà ăn tiêu. Liền nghĩ rằng các Xà-lê nên ăn cháo, bèn lấy ít gạo nhiều nước mà nấu bỏ đi hai phần sau mới cho bột đậu xay vào đầy bình, manh đến chỗ Phật thưa rằng: Cúi mong Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo ăn cháo Phật chấp nhận và vì nói kệ. Kế Tứ Phần nói: Khi Phật ở nước Na-tần-đầu. Nhân Niễu sa cúng cháo Phật chấp nhận. Lại Thập Tụng nói: Bà-la-môn Vương A-kỳ-đạt cúng bốn Ban cháo, tức Nhũ Lạc Hồ Ma-đậu-ma Sa-nhậm-tô v.v... Phật chấp nhận. Cao tăng Pháp Khai trong năm Thăng Bình đời Tấn, vua Hiếu tông có bịnh. Khai xem mạch biết bất khởi (chẳng ngồi dậy được?) mà không chịu dâng thuốc. Hiến Hận nổi giận thâu lại giao cho Đình Úy, bỗng mà vua băng hà nên được miễn tội. Có người hỏi Pháp sư rằng: Cao Minh Cương Giản vì sao ôm kinh y thuật (học nghề thuốc?). Khai nói: Nói sáu độ để trừ bịnh bốn ma, điều chín hầu để trị bịnh phong hàn. Chẳng cũng là tự lợi lợi tha ư. Tôn Xước nói: Biện tài dọc ngang lấy Số thuật mà thông giáo là ở ông Khai vậy.

■

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

QUYỂN 7

Tập này gồm sáu mục sau đây:
59. Chùa tháp Đàn Tràng
60. Kiền chùy đạo cụ
61. Phục tướng của Sa-môn
62. Trai pháp bốn thực
63. Thiên tụ danh báo
64. Thống luận hai đế.

59. CHÙA THÁP ĐÀN TRÀNG.

Dụ sư ở trên chùa có dán lời cáo thị rằng: Chùa (tự) là cảnh giới Tu đạo nhiếp tất cả chúng tăng mười phương. Pháp vì đải tất cả chúng tăng lui tới, là nơi thọ cúng, không kia không đây, không chủ không khách. Tăng Lý bình đẳng vì đồng hộ trì Phật pháp. Trong tất cả đồ ăn uống đều cúng mười phương phàm thánh đồng có. Gỏ chuông làm pháp khắp tập hội tăng chúng đồng thời cùng thọ cúng, cùng vì đàn việt mà làm ruộng sanh phước, đúng pháp kịp thời đều không ngăn ngại. Ấy phải mở rộng ý xa, dẹp sạch bỏ loài, chẳng tiếc thân tài hộ trì Chánh pháp. Tây Vức Ký nói: Các Tăng già lam lại cực kỳ chế (đẹp đẽ). Xây cất lầu các nhiều tầng cột kèo chạm khắc cửa lớn cửa nhỏ tường thấp tường cao sơn vẽ nhiều hình. Lương Tăng Truyện nói: Tương truyền các vua ngoại quốc đập phá các chùa chỉ có chiêu đề thì chưa kịp phá hủy. Một đêm nọ ngựa trắng chạy quanh chùa hý vang thảm thiết. Liền vào trình vua, vua liền đình chỉ phá hoại. Nhân đó đổi tên Chiêu Đề thành Bạch Mã. Nên các chùa lập tên đều lấy phép đó. Tăng Sử Lược nói: Chùa Hồng Lô là cái nhà lớn để bốn rợ xa đến hầu vua mà ở. Liền khiến chọn một nơi ngoài cửa Tây thành Lạc Dương mà xây cất. Đó là tinh xá dùng ngựa trắng chở kinh ở Tây Vức về để ở đó, nên đặt tên là Bạch mã. Tự chùa (?) dùng tự nối (?) mà giải thích (?) người trị sự nối

nhau nối tiếp ở đấy, vốn gọi là Ty. Tăng Tây Trúc chợt đến quyền do công ty khiến vào ở riêng chẳng quên gốc lại nêu tên chùa. Theo Thiên Nhân Lạc Huyền Sướng nói: Đời Chu Mục Vương, Văn Thù Mục-liên đến giáo hóa. Mục Vương liền theo. Tức Liệt Tử gọi Hóa Nhân là đó. Hóa Nhân dạy Mục Vương cây bốn đài cao là chỗ Phật Ca-diếp nói pháp, nhân đó tạo ba Hội đạo tràng. Lại nói: Chu Mục Vương thân dạo Đại Hạ, Phật bảo cõi ấy có Cổ tháp có thể đến lễ. Vua hỏi ở đâu? Đáp: Ở phía Đông nam của Cao kinh. Lại hỏi: Chu Mục về sau các vua kiến lập chùa tháp, vì sao cõi này ít thấy văn ghi chép. Đáp: lập tháp là do ở tiền duyên phần nhiều thần linh tạo ra, người ít thấy nên văn tự ít truyền. Văn Hùng Lưu Hướng tìm ở Tàng thư thường thấy có kinh Phật. Há chẳng phải trước đời Tần đã có kinh tháp. Hoặc gọi Tăng phường, nhà riêng gọi là phường. Hoặc gọi Tinh xá. Thích-ca Phổ nói: Nơi ở dứt tâm gọi là Tinh xá. Chùa Linh Dụ có thông cáo rằng: Không phải chỗ ở của người thô bạo gọi là Tinh xá. Nghệ Văn Loại nói: Không phải là nhà tinh diệu, mà do là chỗ ở của người tu tinh luyện nên gọi tinh xá. Hoặc gọi đạo tràng. Triệu Sư nói là Trường tu đạo. Vua Tùy Dượng Đế ra lệnh chùa viện trong thiên hạ dều gọi là đạo tràng. Chỉ Quán nói: Đạo tràng là Chánh giác thanh tịnh. Trị đường năm trụ hiểu biết gạo thật tướng. Hoặc gọi Liên xã. Xã tức lập năm ngày Tuất sau xuân thu gọi là xã. Nhà nông lập hội cúng tế cầu lúa thóc Bạch Hổ Thông nói: Vua, do đó có xã sao vì thiên hạ mà cầu đất phước báo, không có đất thì chẳng có ăn đất rộng thì không thể khắp kính. Cho nên phong đất để lập xã. Vãng Sanh Truyện nói: Đời Đông Tấn có Huệ Viễn Pháp sư ẩn mình ở núi Lô cùng một trăm hai mươi ba người giao kết sanh Tây phương mà cùng có tưởng lập Liên xã. Nay Liên xã do đó mà bắt đầu.

- Sát-ma (Ksetra), chánh âm là Chế-đa-la, dịch là Thổ điền Tịnh Danh Lược Sớ nói: vạn cảnh chẳng đồng cũng gọi là Sát. Thùy Dụ nói: Bởi dùng trang nghiêm sai khác nên gọi là Sát. Đây chỉ cõi nước gọi là sát. Lại còn Già lam phạm sát thì như Phụ Hành nói: Tây Vức dùng gậy biểu thị Sát là chỉ chỗ ở. Tiếng Phạm là Sắt-sắc-để, dịch là gậy tre, tức cột phướng. Trường A-hàm nói: Nếu Sa-môn ở trong pháp này cần khổ được một pháp thì liền dựng phướng để báo bốn phương biết là nay có người thiểu dục. Lại Pháp Hoa nói: Biểu thị tháp cao rộng, đây là do Tháp Bà cao lớn tiêu biểu cho đất vàng (Kim Địa) cho nên lấy chỗ nhóm họp lâu dài mà biểu thị cho Kim sát. Như Pháp Uyển nói: Vua A-dục lấy hoa vàng, phướng vàng trêo trên các chùa tháp các sát.

- La-ma (Àràma), dịch là Viện. Viện nhỏ có tường bao quanh.

- Chiêu-đề (Caturdizya), kinh Âm Nghĩa nói: Tiếng Phạm gọi là Chiêu-đấu-đề-xa, Đường gọi là bốn phương tăng vật. Chỉ Triệu gọi lầm là Chiêu-đề, dịch là Biệt phòng thí hoặc nói Đối diện thí, hoặc tiếng Phạm là Tăng Man dịch là đối diện thí. Âm Nghĩa nói: Thể cảnh giao hiện gọi là đối, bớt phần mình đem cho người gọi là thí. Vua Thái Võ đời Hậu Ngụy năm Thủy Quang một đã tạo già lam và đầu tiên đặt tên Chiêu đề.

- Tăng-kỳ (Saưghìka), dịch là vật bốn phương tăng. Luật chép có bốn thứ thường trụ: Một là Thường trụ thường trụ, tức là phòng, nhà, chùa, bếp, kho, cây cỏ, ruộng vườn, tôi tớ... của chúng tăng. Vì thể nó chỉ thuộc chỗ ấy, không thông chung các chỗ khác, chỉ được dùng không được bán, nên có hai tiếng thường trụ; hai là Mười phương thường trụ như nhà tăng cúng tăng ăn hằng ngày, thể chung cả tăng mười phương chỉ thuộc chỗ ấy. Hai thứ này gọi là vật Tăng-kỳ; ba là Hiện tiển hiện tiền, nghĩa là vật cho tăng chỉ cho các tăng hiện tiền ở chỗ đó; bốn là Mười phương hiện tiền, như vật riêng dùng của năm chúng đã chết. Nếu chưa Yết-ma mà tăng mười phương xái thì bị tội. Nếu đã Yết-ma thì mười hiện tiền tăng bị tội. Hai thứ này gọi là vật hiện tiền tăng.

- A-lan-nhã (Aranya) hoặc A-luyện-nhã. Đại Luận dịch là Viễn ly xứ. Luận Tát-bà-đa dịch là Bế Tịnh Xứ Thiên Thai nói: Không làm việc chúng gọi là Nhàn, không ồn ào gọi là Tịnh. Hoặc dịch là Vô tránh, nghĩa là người ở đó không cùng đời tranh cãi, tức chỗ ở xa xóm làng khoảng năm dặm. Triệu nói: Giận hờn giành sống ở chỗ đông, không tranh giành xuất thế chốn không nhàn. Cho nên Phật khen nên ở A-lan-nhã. Ứng Sư dịch là không tịch. Uyển Sư phân làm ba loại: Một là Đạt-ma A-lan-nhã, tức là trước thời Hoa Nghiêm, là nói các pháp xưa nay trống vắng, không khởi làm nghĩa; hai là Ma-đăng-già A-lan-nhã, tức là nơi gò mã, phải cách xa xóm làng một Cu-lô-xá, là chỗ trâu lớn rống mà không nghe; ba là Đàn-đà-ca A-lan-nhã tức là chỗ ở sa mạc.

- Tăng-già-lam (Saưgha àràma), dịch là chúng viện. Tăng Sử Lược nói: vì chúng làm vườn tược, vườn tược là nơi trồng cây. Đệ tử Phật gây mầm Thánh quả.

- Na-lan-đà (Nàlaưda), Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Thí không biết chán. Phía Nam của Già lam này trong vườn Am-một-la có ao, có rồng tên Na-lan-đà bên cạnh bèn lập già lam nhân đó lấy tên ấy. Thật mà nói: Thí thuở xưa khi Như Lai tu hạnh Bồ-tát, làm vua nước lớn đã lập đô ở đất này. Thường xuyên chúng sanh mà nuôi dưỡng. Lúc đó khen đức tốt của vua nên gọi là Thí không biết chán. Đại Tống Tăng

Truyện nói: Chùa Na-lan-đà, chu vi bốn mươi tám dặm, chín chùa một cửa, do chín vua trời tạo ra. Già lam ở Tây Vức không có cái nào rộng như thế.

- Am-la-viên (Àmra àràma), Xiển Nghĩa nói: Am-la là tên một thứ trái cây, trái nó giống trái đào. Hoặc gọi Tợ nại (giống trái mít?). Cây này nở hoa, hoa sanh một cô gái. Người trong nước khen lạ, lấy vườn mà phong cho. Vườn thuộc cô gái, cô gái giữ gìn nên nói vường cây Am-la. Vì ngầm huân thiện xưa nên thấy Phật rất vui mừng mà đem vườn dâng cúng Phật Phật liền nhận mà ở đó.

- Ca-lan-đà (Karauđa), Luật Thiện Kiến và kinh Luật Dị Tướng nói là tên núi chuột. Lúc đó vua Tỳ-xá-ly vào núi ngủ dưới gốc cây, có một con rắn độc muốn bò ra cắn vua. Lúc đó dưới cây ấy có một con chuột đến kêu lớn khiến vua thức giấc. Vua cảm ân ấy bèn đem thức ăn một thôn mà cúng cho núi chuột này, và gọi thôn ấy là Ca-lan-đà. Trong thôn này có một Trưởng giả có tiền vàng bốn mươi ức, vua bèn ban cho hiệu Trưởng giả. Do thôn ấy mà gọi Ca-lan-đà Trưởng giả. Tam Tạng Truyện nói: Chủ vườn tên Ca-lan, trước đem vườn này mà cúng cho ngoại đạo, sau gặp Phật lại nghe pháp sâu, hận không lấy lại được vườn mà cúng cho Như Lai. Lúc đó có thần đất biết ý liền hiện tai quái nhát các ngoại đạo mà đuổi ra khỏi vườn. Bảo rằng: Trưởng giả muốn lấy vườn cúng Phật các ông phải đi mau. Ngoại đạo ngậm giận mà đi. Trưởng giả vui mừng lập tinh xá mời Phật đến ở.

- Lâm-vi-ni (Lumbinì) hoặc gọi Lưu-di-ni, Lam-tỳ-ni. Hay Lam-tỳ-ni, dịch là giải thoát xứ, cũng dịch là Đoạn, hay Diệt. Hoa Nghiêm Âm Nghĩa dịch là Lạc Thắng Viên Quang. Do xưa Thiên nữ đến mà lập ra tên này. Mới gọi là Lam-bì-ni. Đây gọi là Lam tức tên cô gái giữ vườn từ thượng cổ.

- Mạt-tô-phạt-na (Tàmasavasa), Tây Vức Ký nói: Đường gọi là Âm lâm (vườn tối). Ngàn Phật đều ở đất này mà nói pháp. Phật diệt độ rồi ba trăm năm có Ca-đa-diễn-na ở đây mà chế phát (tạo?) ra Trí Luận.

- A-xà-lý-nị (Àsàlinì), Tây Vức nói: Đường gọi là kỳ đặc.

- Kê-đầu-ma (Kukkulasamgha Àràma), Tủng Sớ giải thích kê viên dẫn Trí Luận nói: Xưa có lửa hoang đốt rừng. Trong rừng có con chim trỉ chui vào nước giấu cánh để tránh lửa cháy. Toản Yếu nói: Tức chùa Kê-đầu-ma.

- Tốt-đổ-ba (Stùpa), Tây Vức Ký gọi là Phù-đồ, lại gọi Thâu Bà, Tư Thâu Bá đều sai, đây dịch là phương phần (mà vuông) cũng dịch là

viên trũng (mà tròn) hay cao hiển. Dịch nghĩa Linh miếu. Lưu Hy giải thích tên gọi miễu là mạo (hình dạng). Tức hình dạng Tổ tiên ở đó. Lại tiếng Phạm gọi là Tháp-bà. Phát Chẩn nói: Thuyết văn nguyên không có chữ này. Từ Huyền Tân thêm rằng: Là Phù-đồ ở Tây quốc. Nói Phù-đồ thì đây dịch là Tụ Tướng. Giới Đàn Viên Kinh nói: Nguyên chữ Tháp là tiếng của phương này không phải là chữ của Tây Vức. Nếu theo bản tiếng Phạm chỗ chôn giấu xương Phật thì gọi là Tháp-bà. Hậu Phần Kinh nói: Phật bảo A-nan: Phật nhập Niết-bàn trà tỳ xong rồi thì tất cả bốn chúng thâu nhặt xá-lợi để trong bình bảy báu. Ở ngã tư đường trong thành Ca-thi-na mà xây tháp bảy báu cao mười ba tầng trên có luân tướng. Tháp Bích-chi Phật phải mười một tầng, tháp A-la-hán thì bốn tầng cũng dùng các báu mà trang sức. Tháp của Chuyển Luân Vương cũng dùng bảy báu mà thành nhưng không có tần cấp. Vì sao thế? Chưa nói ba cõi có các khổ. Kinh Mười Hai Nhân Duyên nói: Các tháp đều có Lộ bàn. Tháp Phật có tám lớp, tháp Bồ-tát bảy lớp, tháp Bích-chi Phật sáu lớp, tháp bốn quả năm lớp, tháp ba quả bốn lớp, hai quả ba lớp, sơ quả hai lớp, chuyển luân một lớp. Phàm tăng tiêu (đốt) diệp Hỏa châu mà thôi.

- Chi-đề (Caitya) hoặc gọi Nan-đề Chỉ-đế Chế-để Chế-đa dịch là chỗ có thể cúng dường hoặc chỗ diệt ác sinh thiện. Tạp Tâm Luận nói: Có xá-lợi gọi là tháp, không có xá-lợi gọi là Chi-đề. Văn Cú nói: Chi-đề thì không có xương thân. A-hàm nói: Có bốn chỗ nên làm tháp biểu trưng là chỗ Phật sanh, chỗ Phật đắc đạo, chỗ Phật Chuyển pháp luân, chỗ Phật Nhập Niết-bàn.

- Xá-ma-xa-na (Savapàsàna), dịch là Trủng (cái mã cao). Tây Vức Tăng chết rồi thì chôn xương dưới đất, trên để nhiều gạch đá giống như Tốt-đổ-ba, chỉ hơi nhỏ thấp hơn.

- Kiện-đà-cu-chi (Gamdhakuti), Nghĩa Tịnh nói: Phương Tây gọi Phật Đường là Kiền-đà-cu-chi, dịch là Hương thất.

- Tỳ-ha-la (Vihàra) dịch là chỗ Du hành (đi dạo), tức là chỗ Tăng đi dạo.

- Mãn-trà-la (Mandala), dịch là Đàn. Mới nói gọi đúng là Mạn-trà-la. Nói Đàn thì Trịnh Huyền Chú Lễ nói: Phong Thổ gọi là Đàn, Trừ Địa gọi là Thiện. Phong là khởi thổ giới (nêu ranh giới đất). Đàn là nói Thản (bằng phẳng), Thản là nói mạo (hình dạng). Hán Thư Âm Nghĩa nói. Đấp đất cao gọi là Đàn, dọn sạch đất bằng gọi là Tràng. Quốc Ngữ nói: Chỗ quét sạch đất của Đàn gọi là Tràng. Chu Thư nói: Vì ba đàn đồng thiện, thiện là quét sạch đất. Thuyết Văn nói: Là đất đồng. Nhĩ

Nhã nói: Nơi nai ở gọi là tràng. Thi nói: Tháng 9 xây tràng phố. Chú rằng: Xuân hạ làm vườn rau. Thu đông làm tràng. Tràng tức là làm bằng mặt đất trên để lúa thóc.

- Thoát-xà (Dhraja), Tư Trung dịch là Tràng. Huân Văn nói: Xà có nơi gọi là Độ, dẫn Nhĩ Nhã nói: Xà là Đài nói thoát là chứa đất bị xoạt ra. Nay không lấy bởi là tiếng Phạm.

- Câu-tra-ca (Kutaưgaka), dịch là nhà nhỏ.

60. KIỀN CHÙY ĐẠO CỤ.

Bồ-tát Giới Kinh nói: Là đồ giúp đời thuận đạo. Trung A-hàm nói: Chứa vật để giúp thân tiến đạo, tức là đồ làm tăng trưởng pháp lành. Biện Chánh Luận nói: Sa-môn là biểu tượng của Hạnh vượt tục, tâm dạo ngoài Trần. Cho nên ứng khí không phải trình bày ở làng Miếu, nhuộm áo cho khác với y phục chốn triều đình. Bắc Sơn Lục nói: Phụ quỉ trở đậu chế độ văn chương là đồ của Lễ. Lên xuống trên dưới chu toàn Đản Tập là văn của Lễ. Chuông trống quả khánh vũ thược can thích là đồ của nhạc. Co duỗi cúi ngước chuế triệu thư tật là văn của Nhạc. Bỏ đây thì bỏ Lễ Nhạc. Sửa chép vẽ khắc Đài Hương ghế pháp là đồ của Đạo Đức. Cạo tóc, trịch vai áo lạy, đi nhiễu thiền giảng trai giới là văn của Đạo Đức, bỏ đây thì Đạo Đức yếu.

- Kiền-chùy (Gantikà-Ganta?) Thinh luận dịch là khánh hay chuông. Tư Trì nói: Như các luật luận đều gọi là kiền-chùy. Tăng Nhất nói: A-nan lên giảng đường gỏ kiền-chùy. Đây là trống hiệu của Như Lai năm phần nói: Các Tỳ-kheo Bồ-tát đúng lúc hoặc không đúng lúc nhóm họp tại phòng Hành đạo. Phật nói: Nếu xướng đến giờ phải đánh kiền-chùy hoặc đánh trống thổi loa. Khiến Sa-di ở lâu và tịnh nhân đánh, không được đánh quá ba tiếng. Nếu xướng giờ thứ hai đến thì cũng khiến Sa-di tịnh nhân xướng ở đông người chẳng nghe khắp thì lên chỗ cao mà xướng, nếu ao chẳng biết thì nói lại cho biết. Nếu không có Sa-di thì Tỳ-kheo đánh cũng được. Sự sao nói: Như việc đánh kiền-chùy bắt đầu bằng những tiếng nhỏ rồi lớn dần cho đến nghe hết mới đánh một tiếng khi Phật còn tại thế chỉ có ba hạ nên Ngũ phần nói đánh ba tiếng. Sau nhân thỉnh người khác (người khác thỉnh) mới có hồi dài. Song khi mới đánh tiếng đầu phải y kinh luận mà lập nêu tâm, ắt cả cảm trưng. Khi đánh chuông lạy Tam bảo xong thì đủ nghi đứng niệm rằng: Ta đánh chuông này để gọi mời Tăng chúng mười phương, những ai được nghe đều đến vân tập, có lợi đồng hòa. Lại chúng sanh chịu khổ ở các ác thú khiến được dừng khổ. Trong truyện Phó Pháp Tạng nói: Vua

Kế-nị-tra vì giết hại quá nhiều, chết rồi bị làm cá trăm đầu có cây kiếm chạy quanh thân mà cắt chặt, cắt rồi lại mọc ra. Có vị A-la-hán vì Tăng Duy Na đúng lúc đánh chuông. Khi tiếng chuông đánh lên thì cây kiếm dừng lại trên không chẳng chém chặt nữa. Do nhân duyên như thế mà khiến đánh ngân dài để khổ ta được ngừng lâu. Qua bảy ngày chịu khổ liền dứt. Ở huyện Thượng Nguyên ở Giang Nam có người dân bị bạo bịnh mà chết, tim vẫn còn nóng, ba ngày sau thì sống lại bèn bảo là bị bắt lầm. Tự bảo đến một điện lớn bỗng thấy Chúa cũ bị gông xiềng rất nặng. Người dân kinh hãi hỏi vì sao ông đến nỗi này. Chúa cũ đáp: Ta vì Tống Tề Khâu mà giết lầm kẻ ra hàng ở Hòa Châu hơn 1000 người. Vì kẻ oan tố cáo mà bị tội này. Chúa hỏi người dân ông sao đến đây. Người dân kể chuyện bị bắt lầm Chúa nghe người dân sẽ được sống lại vui mừng khóc lóc bảo ta nhờ ông về nói với vua sau phàm chùa viện đánh chuông nên để ngân dài. Ta chịu khổ chỉ nghe tiếng chuông mà tạm dứt khổ. Có có thể vì ta mà tạo một chuông thì rất tốt. Người dân đáp tôi chỉ là kẻ hạ dân không cớ gì mà được gặp vua. Nếu gặp thì lấy gì làm chứng cớ. Chúa thầm nghĩ bảo khi ta còn tại vị đã từng giao thiệp với vua nước Vu Điền đã tặng ta một viên ngọc Đoan Thiên vương, ta rất ưa thích thường để trong búi tóc mà nhận bá quan triều kiến. Một hôm vào nhà xí bỏ quên viên ngọc, cảm thấy đầu đau, mộng thấy thần mách bảo đem ngọc để trong tháp Phật hoặc trong thân Phật thì bịnh sẽ lành. Ta liền dắt một người thợ vào chùa Ngõa Quan đục gối trái của Phật để giấu viên ngọc, rồi lấy bùn thơm bít lại không cai biết. Ta lấy việc này để chứng nghiệm. Người dân trở về nhà không dám chậm trễ bèn xin gặp vua kể rõ mọi việc. Quả nhiên vua hỏi lấy gì làm bằng cớ. Bèn đem việc viên ngọc mà trình bày vua bèn đích thân đến chùa Ngõa Quan mổ gối Phật ra mà được viên ngọc. Cảm động khóc lóc. Rồi làm một chuông để ở chùa Thanh Lương, khắc trên đó rằng kính dâng Liệt Tổ Hiếu Cao Hoàng đế mong sớm thoát chốn tối tăm nguy khổ. Rồi dùng tương ngọc mà lập tháp chôn ở Tưởng Sơn. - Tăng Nhất nói: Khi đánh chuông tất cả khổ ở ác đạo đều dừng nghỉ. Ứng Pháp sư nói theo Ni Sao nói: Đến giờ thì tý-tra kiền-chùy. Ứng sư giải thích tiếng Phạm gọi tý-tra, phương này dịch là đánh. Tiếng Phạm gọi kiền-chùy. Phương này dịch là miếng gỗ được đánh hoặc gỗ đàn gỗ đồng, đây không chánh dịch vì ở đó không có chuông khánh. Âm Nghĩa Chỉ Qui chê rằng: Chỉ như Phạm vương đúc chuông vàng ở chùa Kỳ Hoàn. Lại như Ca-diếp kiết tập tánh đồng kiền-chùy, há không có chuông ư? Chỉ Thiên Trúc chưa biết có khánh. Ngũ Phần Luật nói: Tuy có ngói gỗ đồng sắt đánh

kêu thì đều gọi là kiền-chùy. Lại trong luật tập hợp Tăng có bảy cách: Một là lượng ảnh, hai là đập ống tre gây tiếng kêu, ba là đốt khói, bốn là thổi ốc, năm là đánh trống, sáu là đánh kiền-chùy, bảy là xướng lớn. Này các Đại dức, Bồ-tát đã đến giờ. Sự Sao nói: Vào pháp đường hải ở ngoài cửa trịch vai áo bên hữu, chấp tay ở tâm hết ý kính thành ngưng tưởng các Tăng trong Đưởng, tưởng đồng với Phật, tưởng đồng với Duyên giác, A-la-hán. Vì sao thế? Vì ba thừa đồng pháp ăn, kế muốn vào Đường. Nếu người ngồi ở cửa Tây thì ở mé ngoài cửa Tây, trước bước chân tả định tâm mà vào. Nếu ra khỏi cửa thì cũng từ phía Tây trước bước chân hữu mà ra. Nếu ngồi ở cửa Đông thì ngược lại như trên nên biết. Chẳng được ở trong cửa mà đi xéo qua. Nếu khi muốn ngồi phải lấy áo che lại chớ để lộ bày hình xấu. Phải biết có năm pháp: Một là phải từ kính trọng pháp tôn người, hai là phải tự ty như cái khăn lau bụi, ba là phải biết ngồi đứng cúi ngước đúng lúc, bốn là ở trong tăng ấy không được nói tạp, năm là việc chẳng nhịn được cũng ráng làm thinh. Phàm oai nghi của đồ chúng phải rất nghiêm túc thanh khiết, quĩ hạnh (phép tắc) dễ coi thì tạo thiện tâm cho đời, Thiên Long khen ngợi. Hoa Nghiêm nói: Thọ trì đầy đủ oai nghi giáo pháp, thế nên hay khiến Tăng Bảo chẳng dứt. Trí Luận nói: Đệ tử Phật pháp hòa hợp đồng ở: một là Hiền thánh nói pháp, hai là Hiền thánh im lặng. Chuẩn theo chúng đây chỉ có thí hai việc chẳng được tạp nói loại thế luận hay nói ô nhiễm. Lại quí ở yên tịnh không thích ồn ào loạn động. Tụng kinh nói: Pháp ắt phải biết lúc. Thành Luận nói: Tuy là pháp Ngữ nếu nói chẳng đúng lúc thì gọi là Ỷ ngữ Hậu Duệ trụ trì nguyện tuân theo cách này.

- Xá-la (Sala), Luật Tứ Phần gọi là Trù. Ngũ Phần nói: Trù ngắn nhất cở 5 ngón tay, trù dài nhất khoảng một chỏ tay. To lắm thì không hơn ngón tay út, bé lắm thì không nhỏ hơn đầu đũa. Thập Tụng nói: Vì Đàn việt hỏi tăng không biết số Phật nên khiến làm Trù (cái thẻ) để đếm. Không biết số Sa-di thì làm thẻ mà đếm. Nếu người thí vật Bồ-tát, Sa-di cũng được. Tuy chẳng đến chỗ Yết-ma Bồ-tát là do có nhận thẻ (trù). Luật bốn phần vì người thọ cúng nên phát thẻ (trù) cho Sa-di. Nếu chưa thọ mười giới cũng được lãnh thẻ vì đồng nhận cúng thí. Nghiệp Sớ nói: Có ba cách làm Thẻ (trù): Một là đầu lộ, hai là phú tàng (che giấu), ba là Nhĩ ngữ (nói nhỏ vào tai khuyên cố gắng). Sự Sao nói: Khiến Tăng trong chùa có sai tăng thứ thỉnh mà bớt khách. Tăng thứ dịch là vượt thứ, tức khiến khách tăng đáng được mà chẳng được, nên chủ nhân phạm tội nặng. Tùy đồng tình, là nhiều ít thông nhau là một trộm (xem như ăn trộm).

- Kích-khí-la (Khakkhara), dịch là Tích giảo (tích trượng?) do khi rung thì kêu tích tích (xẻng xẻng). Thập Tụng gọi là thinh trượng, tích trượng. Kinh lại gọi là trí trượng hay đức trượng, tức nêu làm cho công đức trí hạnh, là tiêu biểu của Thánh nhân, là minh ký của Hiền sĩ là cái tràng của Đạo pháp. Căn Bản Tạp Sự nói: Tỳ-kheo đi khất thực vào sâu nhà Trưởng giả bèn bị chê bai liền bạch Phật. Phật nói: Có thể lấy tiếng nói để cho họ biết. Các Tỳ-kheo bàn lớn tiếng ha ha ồn ào, lại cũng bị chê bai. Phật cấm không cho. Bèn dùng nắm tay đấm cửa nhưng nhà có mấy người làm lạ ra hỏi vì sao đánh phá cửa nhà ta thì im lặng không đáp. Phật bảo: Nên làm cây tích trượng. Các Bí sô không hiểu. Phật nói: Trên đầu gậy nên để một vòng sắt như miệng cái chén lại để mấy vòng sắt nhỏ, khi lắc động thì có tiếng phát ra khiến biết. Lắc động một, hai lần, nếu không có người thì đi chỗ khác. Ngũ Bách Vấn Luận nói: Cầm tích trượng có lợi nhiều việc như phòng ngừa sâu độc rắn thú v.v... Nghĩa Tịnh nói: Tích trượng đều có ba phần: Phần trên là thiếc, phần giữa là gỗ, phần dưới là ngà hoặc sừng. Nếu hai đoạn sáu vòng là của Phật Ca-diếp chế ra, nếu bốn đoạn mười hai vòng là của Phật Thích-ca chế ra. Tề Trù Thiền sư ở núi Vương Ốc tại Hoài Châu nghe hổ đấu nhau bèn lấy tích trượng và giải vây. Nhân đó có tụng rằng:

Vốn tự chẳng cầu danh,
Chắc chắn danh cầu (tìm) ta.
Trước hang can hai hổ,
Ắt chướng quả thứ ba.

Lại ở ngọn Đặng Ẩn (ngài Đặng Ẩn Phong?) đã phóng tích trượng lên không trung mà giải được hai trận.

- Lật-yết-tiết (Laguda), dịch là gậy. Có tụng rằng:

Lang lật gánh ngang chẳng ngó người,
Thẳng vào ngàn núi vạn núi đi.

- Quân-trì (Kudikà), dịch là Bình. Ký Qui truyện nói: Quân-trì có hai, nếu bằng sành gốm thì gọi là tịnh dụng, nếu bằng đồng sắt thì gọi là xúc dụng. Tây Vức Ký nói: Quân chùy ca tức là rửa bình. Xưa gọi quân-trì là sai. Ở Tây Vức Ni thì chứa bát quân-trì, Tăng thì chứa bát tháo quán (rửa rót) nghĩa là hai miệng cùng rửa rót. Sự Sao gọi là Ứng pháp tháp quán. Tư Trì nói: Một đấu trở xuống.

- Bát-ly Tát-la-phạt-noa (Paris ràvana), dịch là lọc lượt nước. Hội Chánh Ký nói: Tây Vức dùng lụa trắng tốt, còn Đông Hạ thì dùng lụa dày. Nếu dùng lụa sống lục thì trùng nhỏ qua được, nếu dùng lụa chín bốn thước nắm biên kéo dài hai đầu đũa nhọn tức hình dáng cái lọc

nước. Hai góc làm dây đeo, hai bờ trự câu ở trong đó (giữa) đặt ngang cây gậy trượng sáu, hai biên cột vào gậy dưới có chậu nước. Phải chế nước thấp vào giữa lọc. Nếu không thế thì trùng sẽ theo nước rơi xuống. Rớt xuống đất hay rới trong chậu thì đều chết. Tăng Kỳ nói: Trùng nhỏ phải lọc ba lần (ba lớp lụa?). Tỳ-ni-mẫu nói: Phải làm túi lọc hai lớp, nếu được nên làm ba lớp, không được làm giáp (hai lớp) sợ ở giữa có trùng khó ra. Lọc rồi phải đổ ngược trùng lại nước cũ để hộ sinh. Căn Bản Bách Nhất Yết-ma nói: Có năm thứ lọc nước: Một là Phương-la, là dùng lụa ba thước hoặc hai thước (một thước # 0,4m) tùy lúc lớn nhỏ mà làm; hai là Pháp bình, tức bình âm dương vậy; ba là Quân-trì: Là dùng lụa cột miệng dùng dây treo lên, để chìm trong nước đợi đầy mới dẫn nước (kéo) ra; bốn là Chước-thủy-la; năm là Y-giác-la là chỉ lấy lụa dày vuông một tháp tay hoặc cột miệng bình hoặc để trong bát lọc nước mà dùng.

- Bát-tắc-mạt (Aksamàlà) hoặc gọi A-rị-tra-ca hai họp đây dịch là sổ châu (niệm chuỗi). Mộc Hoạn Tử kinh nói: Phải xỏ mộc hoạn tử một trăm lẻ tám hạt thường đeo theo mình chí tâm niệm Nam mô Phật-đà, Nam mô Đạt-ma, Nam mô Tăng-già bèn lần qua một hạt đủ như kinh ấy nói.

- Bát-đa-la (Pàtra), dịch là ứng khí. Pháp Chẩn nói là đồ đựng đúng pháp. Nghĩa là Thể-Sắc-Lượng ba thứ đều phải đúng pháp. Thể thì đại yếu có hai: Là bùn đất và sắt. Sắc thì phải xông đốt cho có màu đen đỏ hoặc màu lông cổ chim công hay bồ câu. Lượng lớn nhất thì đựng được ba đấu, nhỏ nhất thì dựng nửa đấu, còn cở vừa thì suy mà biết. Lại dịch là Bạc (cũng) nghĩa là trị vật dày khiến mỏng mà làm đồ đựng này. Nam Sơn nói: Đây là cái đấu của Cơ Chu. Chuẩn theo đấu nhà Đường thì trên bát một đấu, dưới bát năm thăng. Năm phần nói: Phật tự làm Bát để làm mô thức cho đời sau. Khi thọ, theo Thập Tụng nói:

Đại đức nhất tâm niệm,
Con Tỳ-kheo tên là...
Thọ Nhận Bát-đa-la
Ứng lượng để thường dùng (nói ba lần).

Nếu bỏ chuẩn y thì luật nói: Tỳ-kheo trì bát gỗ, Phật nói không nên trì, vì bát này là pháp ngoại đạo.

- Kiện-tứ, Mẫu Luận giải thích là Xiển (cạn). Thiết Bát Kinh Âm Sớ nói: Bát nhỏ trong bát nay gọi là Huấn Tử. Thập Tụng Luật nói: Bát bán đại hơi lớn, kiền tư tiểu kiện tư. Tứ Phần Luật nói: Kiền tư vào Tiểu bát, Tiểu bát vào Thứ bát, Thứ bát vào Đại bát. Có khi gọi kiền-thứ hay

kiền-từ đều do tiếng Phạm âm nặng nhẹ.

- Cu-dạ-la, dịch là Tùy bát khí. Pháp Bảo giải rằng: Tức đũa muỗng của bát...

- Phù-nang (phao nổi), Ngũ Phần Luật nói: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo có Phù-nang hoặc bằng da dê hay da trâu. Truyện nói: Người Tây Vức qua sông biển thường làm nhiều túi lông cánh chim hoặc mang cái bọng đái của con trâu lớn. Khi thuyền biển chìm thì thổi hơi lên làm phao nổi.

61. SA MÔN PHỤC TƯỚNG.

Đại Luận nói: Thích Tử chịu cấm giới là tánh, cạo bỏ râu tóc nhuộm áo là tướng. Đạo Tông Sao nói: Oai nghi tức là tướng của Sa-môn, là cạo tóc nhuộm áo, thể là tánh của Sa-môn là vô biểu giới pháp. Tăng Kỳ nói: Ba y là tiêu biểu của Sa-môn Hiền thánh. Tứ Phần nói: Ba đời Như Lai đều đắp y như thế. Đại Phẩm nói: Mười hai hạnh đầu đà, y có hai thứ: Một là nạp y. Trí Luận giải thích rằng: Do nhân duyên áo đẹp mà bốn phương đeo đuổi phải rơi vào tà mạng. Nếu nhận áo đẹp của người thì sanh thân trước, còn các đàn việt chẳng thân trước thì nổi hận. Lại áo đẹp thì người chưa đắc đạo sanh ra tham đắm. Nhân duyên áo đẹp gây ra nhiều tặc nạn mà đến cướp mạng sống. Vì có nhiều tai nạn như thế, cho nên chịu pháp nhận nạp y xấu; hai là chỉ có ba y, Trí Luận giải thích rằng: Người tu thiểu dục tri túc, y cốt che thân chẳng nhiều chẳng ít, cho nên chỉ nhận ba y. Kẻ bạch y cầu vui nên chứa nhiều quần áo. Hoặc có ngoại đạo khổ hạnh mà trần truồng không xấu hổ. Thế nên đệ tử Phật bỏ hai biên mà theo Trung đạo. Bắc Sơn nói: Kiều Trần Như áo xấu năm tiền, Tu-bồ-đề phòng hoa trăm báu, đều là Thánh nhân cả. Hành Nhạc trọn đời một áo nạp, Huyền Cảnh khi nắng gắt cởi áo ra đều là cao tăng, khắc chẳng khắc là ở ta, được chẳng được không ở vật.

- Chấn-việt (Cìvara), Ứng Pháp sư nói: Dịch là Huyền phục phải là ngọa cụ. Thích Danh nói: Áo trên gọi là y, y là nương, do đó để che lạnh nóng. Truyện nói: Y là chương của thân, áo trên gọi là y, áo dưới gọi là thường. Bạch Hổ Thông nói: Y là giấu, thường là che, do đó mà thân hình được che giấu. Niết-bàn nói: Như y thường (áo quần, y phục) ở đời che giấu thân thể.

- Ca-sa (Kasàya), gọi đủ là Ca-la-sa-duệ, dịch là bất chánh sắc, từ sắc mà được tên. Chương Phục Nghi nói: Nói ca-sa, nhân ở sắc áo, như trong kinh nói là hoại sắc y. Hội Chánh nói: Theo bản này là tên

cỏ có thể dùng nhuộm áo, nên đem tên cỏ kia mà đặt tên y này. Thập Tụng nói: Xem là phu cụ (đồ che) có hình chiếu len. Tứ Phần xem là tọa cụ, là đồng với loại khâm bị (cái mền). Tát-bà-đa nói: Ngọa cụ là tên của ba y. Đại Tịnh Pháp Môn Kinh nói: Ca-sa thì Tấn gọi là Khứ uế. Đại Tập Kinh gọi là: Ly nhiễm phục (áo lìa nhiễm). Hiền ngu gọi là xuất thế phục (áo xuất thế). Chân Đế Tạp Ký nói: Ca-sa là tên ba y của ngoại quốc, tên gồm nhiều nghĩa hoặc tọi Ly trần phục vì đã đoạn dứt sáu trần, hoặc gọi Tiêu dũ phục, do đã cắt đứt phiền não, hoặc gọi Liên Hoa phục, phục là lìa đắm trước, hoặc gọi là Gián sắc phục, vi do sắc như pháp tạo thành. Nói ba sắc thì luật có ba thứ hoại sắc: là xanh, đen, mộc lan. Xanh tức là màu xanh đồng, đen tức màu bùn đen. Mộc lan tức là màu vỏ cây. Nghiệp Sớ nói: Cho phép lấy dao cắt thành y Sa-môn, không bị oán tặc lột ra. Chương Phục Nghi nói: Điều đề chi tướng sự đẳng điền trù như bờ ruộng trử nước mà nuôi mầm lúa. Ví như mặc áo này thì sanh công đức vậy. Phật khiến hình tượng này có nghĩa rất hay. Ngũ Phần nói: Phần dưới y rách nhiều nên lật ngược lại mà đắp để đi ngoài mưa, nước chảy từ lá vào thì phải mặc xuôi. Chương Phục Nghi nói: Tỷ kiến điều diệp bất phu chánh nghi phải răng ngựa chân chim mà may lại tức phải thuận phải trái mà điều khai minh khổng nếu không làm tức đồng với mạn y. Nam Sơn hỏi: Tỷ kiến Tăng Tây Vức đến phần nhiều đều may áo lá là sao. Đáp: Sau khi Phật diệt độ hai trăm năm thì ở Bắc Thiên Trúc Tăng cùng ngoại đạo đồng ở chung. Ngoại đạo ganh ghét bèn giấu dao bèn vào áo lá cùng đến chỗ vua ngoại đạo tố cáo trước vua rằng Sa-môn Thích Tử giấu dao trong áo muốn hại vua. Do đó kiểm tra, bèn khắp giết Tỳ-kheo cả nước. Lúc đó Gia-xá A-la-hán khiến các Tỳ-kheo quyền may họp làm tuyệt mạng nạn. Đây là phương ấy gặp việc nên quyền chế không phải do Phật chế. Cho nên Nghi Tịnh nói: Ba y ở Tây Vức đều thứ hợp, chỉ có Đông Hạ mở mà không may. Theo luật may Đại y phải hạn trong năm ngày thì xong y bảy điều phải bốn ngày thì xong, năm điều phải hai ngày thì xong. Nếu số ngày không xong thì Ni phạm tội đọa còn Tỳ-kheo phạm tội Đột-kiết-la. Nghiệp Sớ nói: Nếu có y mà chẳng thọ trì thì phạm Đột-kiết-la. Dưới hai y có cái lớn thì cho may thêm. Bi Hoa kinh nói: Phật ở trước Phật Bảo Tạng mà phát nguyện nguyện khi thành Phật thì áo Ca-sa có năm công đức: Một là vào trong pháp ta mà phạm trọng tội tà kiến v.v... mà trong một niệm kinh tâm tôn trọng thì ắt được thọ ký ở ba thừa; hai là Thiên Long người quỉ nếu hay kính trọng áo ca-sa này dù một phần nhỏ thì cũng được ba thừa bất thối; ba là nếu có quỉ thần các người mà được áo ca-sa cho đến

chỉ bốn tấc thì ăn uống no đủ; bốn là nếu chúng sanh cộng tướng trái nhau, mà nghĩ sức ca-sa thì liền sanh từ tâm; năm là nếu từ chỉ một phần nhỏ mà cung kính tôn trọng thì thường được thắng tha (hơn nó). Kinh Anh Lạc nói: Nếu trời rồng tám bộ đánh nhau nghĩ đến áo ca sa thì liền sanh tâm từ bi. Kinh Hải Long Vương nói: Long Vương bạch Phật rằng: Như trong biển này có vô số rồng, có bốn kim sí điểu (chim cánh vàng) thường đến bắt ăn, nên nguyện Phật thường ủng hộ khiến được an ổn. Phật liền cởi kích y (có cánh) ra bảo Long vương rằng: Ông lấy y này phân đều khắp các rồng dầu chỉ một sợi thì kim xí điểu cũng không xúc phạm được. Người trì cấm giới, chỗ nguyện được toại. Sưu Huyền Dẫn Đại Tập: Vua hỏi các Tỳ-kheo nói không được bèn xấu hổ té xuống đất, áo Ca-sa biến thành màu trắng. Pháp Tạng Tận Kinh nói: Áo ca-sa của Sa-môn tự nhiên đổi màu trắng, Ứng Pháp sư gọi là Ca-sa. Cát Hồng Tự Uyển đầu tiên đổi Ca-sa thành Y.

- Tăng-già-lê, Tây Vức Ký gọi là Tăng-ca-chi, xưa lầm gọi là Tăng-già-lê, dịch là Họp hay trùng (lớp), nghĩa là cắt ra nhiều miếng rồi may lại. Nghĩa Tịnh gọi Tăng-ca-chi, Đường gọi là trùng phức y. Linh Cảm Truyện nói: Mỗi khi Chuyển pháp luân thì mặc Tăng-già-lê. Nam Sơn nói: Tên ba y này các bộ không dịch, này chỉ dịch nghĩa: Đại y gọi là Tạp toải y vì có nhiều điều. Nếu từ dụng mà gọi tên thì tên là Nhập vương cung tụ lạc thời y (y mặc vào cung vua làng xóm) khi khất thực và nói pháp thì mặc vào. Luận Tát-bà-đa nói: Đại y phân làm ba bậc: Chín điều, mười một điều, mười ba điều hai dài một ngắn gọi là Hạ phẩm; mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều ba dài một ngắn gọi là Trung phẩm; hai mươi mốt điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều bốn dài một ngắn gọi là Thượng phẩm. Hội Chánh Ký hỏi do đó mà dài thêm ngắn bớt (thiếu). Nghiệp Sớ nói: Pháp phục kính ruộng làm lợi các hữu tình biểu thị cho Thánh tăng mà phàm giảm bớt. Nghiệp Sớ nói: Nay chuẩn theo Thập tụng, Gia Trì Ứng nói: Đại đức nhất tâm niệm con là Tỳ-kheo tên...... Tăng-già-lê này có...... điều, có....... dài,........ ngắn cắt thành điệp y để trì (ba lần). Hội Chánh Ký nói: Nếu thiếu đại y, hai y sau có lớn khai cho may thêm cái mới để thọ trì. Nên nói thêm rằng: Đại đức nhất tâm niệm con là Tỳ-kheo tên........ Y An Đà Hội này có hai mươi lăm điều có bốn dài hai ngắn cắt may thành y để thọ trì. Đại đức nhất tâm niệm, con Tỳ-kheo tên là......... Tăng-già-lê này là số ba y trước đã thọ trì, nay bỏ (nói một lần, hai y kia cũng thế).

- Uất-đa-la-tăng (Uttaràsuga) hoặc Úc-đa-la-tăng. Dịch là Thượng trước y tức y bảy điều. Nam Sơn nói: Y bảy điều gọi là Trung giá y. Từ

dụng mà nói là y mặc khi (nhận chúng thời y) vào chúng lễ tụng trai giảng. Khi thọ trì nên thêm pháp nói rằng: Nay thọ trì Uất-đa-la-tăng bảy điều này hai dài một ngắn cắt nay thành y.

- An-đà-hội (Amcarvàsaka) hoặc An-đát-la-bà-sa, dịch là Trung túc y tức là cận thân trụ (luôn mặc theo mình). Nam Sơn nói: Y năm điều gọi là hạ y, từ dụng mà nói là y mặc trong nội viện để làm việc. Khi thọ thì nói thêm rằng: Thọ trì y An-đà-hội năm điều này một dài một ngắn cắt may thành y để thọ trì. Kinh Bồ-tát nói: Y năm điều gọi là Trung tước y, y bảy điều gọi là Thượng trước y, Đại y gọi là Chúng tập thời y. Giới Đàn Kinh nói: Năm điều Hạ y đoạn thân tham, bảy điều trung y đoạn sân khẩu (miệng giận), Đại y thượng y đoạn tâm si. Hoa Nghiêm nói: Mặc Ca-sa thì lìa bỏ ba độc. Tứ Phần nói: Con ôm ấp kiết sử chẳng nên mặc áo Ca-sa.

- Bát-tra (Pataka), Đường gọi là Mạn điều tức là một mảnh liền nhau không có phân thành tướng bờ ruộng. Ba y đều thông mạn. Từ khi Phật pháp đến cõi này một trăm tám mươi bảy năm xuất gia chưa biết gián đoạn chỉ mặc áo này.

- Ni-sư-đàn (Nisìdana) hoặc Ni-sư-đát-na, dịch là tọa cụ hoặc tùy tọa y. Nghiệp Sớ nói: Phật bảo vì thân làm y làm ngọa cụ cho nên cho phép chứa giữ. Dài 4,5 ngắn 3,5 gang tay (90cm x 70cm). Thiện Kiến nói: Ở nhiều nơi may lớn hơn. Thập Tụng nói: Mới thì may hai lớp, cũ thì bốn lớp. Thập Tụng nói: Chẳng nên nhận một cái, rời đêm thì phạm tội Đột-kiết-la. Giới Đàn Kinh nói: Ni Sư Đàn như tháp có nền, ông nay thọ giới rồi tức là nền của năm phần pháp thân, bởi vì năm phần do giới mà thành. Nếu không có tọa cụ để thân ông ngồi thì năm phần định tuệ không do đâu mà sanh. Thiên thần Hoàng Quỳnh nói: Khi Phật mới độ năm người và anh em ông Ca-diếp thì đều chế mặc áo ca-sa bày vai tả, còn tọa cụ ở phía dưới áo ca-sa... sau độ các chúng thì học trò đông dần, Tỳ-kheo trẻ hình dạng đẹp đẽ vào thành khất thực phần nhiều bị các cô gái yêu. Do đó mà chế y giác ở tay tả, sau bị gió thổi nên cho dùng Ni Sư Đàn phủ lên vai. Sau có ngoại đạo là Đạt-ma-đa hỏi Tỳ-kheo rằng: Miếng vải trên vai dùng để làm gì? Đáp: Để lót ngồi v.v... Đạt-ma-đa nói: Y này rất là đáng quí có oai linh lớn, đâu nên lấy miếng vải ngồi mà phủ lên. Tỳ-kheo bạch Phật. Do đó Phật lại chế dùng y giác ở cánh tay tả, còn tọa cụ lại làm y dưới nhưng không được kéo dài góc nhọn thành vòi voi tai dê. Ma-đắc-lặc-già nói: Nếu rời đêm thì không cần bỏ (xả). Nghiệp sớ nói: Khi thọ nên nói Đại đức nhất tâm niệm, con Tỳ-kheo tên là... nay thọ trì Ni Sư Đàn này làm đúng thước tấc (nói ba lần

như bỏ).

- Tăng-ki-chi (Saưkaksikà) hoặc Tăng-kiếp-chi. Tây Vức nói: Đường gọi là Am dịch. Xưa gọi là Kiệt chi, gọi đúng Tăng-ca-chí, dịch là phú dịch y (áo che nách) dùng để phủ vai tả, hưu khai tả hợp (mở vai hữu thì đắp vai tả). Trúc Đạo Tổ nói: thời Ngụy thỉnh Tăng ở trong cung mặc tình, người trong cung thấy tăng để bày vai cho là không tốt, bèn may áo này mà cúng tăng. Nhơn đó nối với bên tả phủ trên kỳ chi. Nhân đó được tên tức là Thiên sam hữu biên (miếng phủ trên vai phía hữu?). Nay bỏ tên kỳ chi gọi chung là Lưỡng tụ (hai tay áo). Nói Thiên Sam, nay có may thì cho làm thêm cái cổ áo (đeo lên cổ) để giữ nguyên hình thức cũ.

- Ni-phược-ta-na (Nivàsana) hoặc gọi Ni-phạt-tán-na. Tây Vức Ký nói: Đường gọi là quần. Xưa gọi Niết-bàn tăng là sai. Không có lai áo gấp áo làm nếp lấy dây buộc lại gấp các bộ đều khác nhau, có sắc vàng đỏ chẳng đồng. Thích danh nói: Quần là quần (bầy) tức liên tiếp nhiều bức (tấm).

- Xá-lặc (Sànaka), Ứng Pháp sư giải thích gọi là nội y (áo lót). Bán là nói Xá-lặc tướng ngắn giống như cái quần ngắn. Tiểu y luận tuy chẳng chú ý đến hình tướng, nhưng có thể xếp loại thuộc bán nê hoàn.

- Ca-hy-na (Cathina), Minh Liễu Luận nói: Chỉ gọi Ca-đề, dịch là công đức, vì ngồi các Ha nên có công, có năm lợi nên gọi đức. Tây Vức Ký nói: vì ca-đề dịch là ngang tịnh, vì ngang tịnh trực tháng này. Luật sao Dẫn Minh Liễu Luận nói: Dịch là kiên thật năng cảm thật năng cảm đa y, y vô bại hoại. Lại gọi là nan hoạt. Vì người nghèo lấy sự sống làm khó, bỏ ít tiền vào y này, thì công đức còn hơn dùng y lớn như núi Tu-di mà cúng thí. Hoặc gọi là kiên cố (bền chặc) hoặc gọi ấm phú. Xưa gọi là thưởng thiện phạt ác y thưởng cho người trước an cư. Người an cư rồi không được nhận. Cũng gọi là công đức y. Vì Tăng chúng đồng nhận y này được công đức năm lợi. Trong luật nói thọ y này là nuôi lớn tiền của lìa này ban đêm trái thì thỉnh ăn biệt chúng, trước ăn và sau ăn đến nhà người khác. Tứ Phần nói: An cư rồi phải thọ y công đức, thì người trước an cư ngày 16 tháng 7 thọ đến ngày 15 tháng 12 thì bỏ (xả). Tứ Phần nói: Nếu được y mới hoặc đàn việt thí cho y hoặc y phấn tảo, vật mới thì xếp giữ sạch nếu vật đã giặt rồi thì giặt xong giữ làm sạch, tức ngày đến mà chẳng qua đêm thì không do tà mạng mà được ứng pháp. Bốn phía phải may biên lớn, năm điều chia làm mười biên dụng sắc ca-sa khi thõ khi xả phải đánh chuông mời tăng Yết-ma (Trích đủ trong Tự Tứ Thiên).

- Kiều-xa-gia (Kạuseyaka), Ứng Pháp sư dịch là Trùng y tức là bông tơ tằm hoang mà dệt thành y. Sự Sao nói: Tức hắc mao ngọa cụ. Ninh Âm Nghĩa nói: Phạm gọi là Cao-thế-gia, giải thích là bông tằm hoang. Đông Thiên Trúc có nước tên là Ô-đà, cây lúa tẻ sáp chín lá biến thành sâu, sâu thì ăn gạo, người ta bắt nấu để lấy bông. Như tơ bông đây thì gọi là Ma-ha-bạt-đa, dịch là Đại y. Y rất quí tức y có giá trị lớn. Cảm Thông Truyện nói: Thấy các Phạm tăng từ Tây Trúc đến đều mặc Bố điệp cụ (y vải dầy). Vấn Đáp nói: Nước năm Thiên Trúc không mặc áo tơ tằm. Do đây mà nghĩ làm chương Phục nghi này.

- Khuất-thân (Kàrpàsa?), dịch là Đại tế bố, chọn cây bông hoa tâm mà dệt thành, sắc nó xanh đen, tức là y ca-sa của Đạt-ma truyền cho.

- Đàm(viêm)-bà (Campa), dịch là mộc miên.

- Kiếp-ba-dục (Karpàsa) hoặc gọi Kiếp-bội tức mộc miên, chính gọi là Ca-ba-la là tên cây này có thể làm vải là tên áo bông của Cao Xương quốc, phía Nam nước Kế Tân lớn thành cây ở đây hình nhỏ giống như cây thổ quì có lớp vỏ nở ra bông như liễu nhự (cây gòn?) có thể dệt làm vải.

- Ca-lân-đà (Kacilimdika) là Tế miên y.

- Đâu-la-miên (Tula-Salmala), Đâu-la dịch là tế hương, Uyển Âm Nghĩa dịch là Băng hoặc gọi Đâu-sa dịch là sương. Đây đều từ sắc làm tên, hoặc gọi Đố-la-miên là tên cây Đố-la, bông (miên) do cây sanh nhân đó mà đặt tên như Liễu như vậy, cũng dịch là Dương Hoa, hoặc gọi là Đâu-la-nhĩ, mao là lông tơ mềm. Huân Văn nói: Nghĩa là tay Phật mềm mại như tơ lụa trơn giống như bông.

- Cù-tu-la (Citra), dịch là Đồ tượng. Từ hình cái y mà lập tên, nếu mặc Cù-tu-la thì chẳng mặc Tăng-ca-chí.

- Ni-vệ, dịch là Lý y (áo trong - trong áo?)

- Khâm-bạt-la (Kavari) tức là lông.

- Đầu-cưu-la, dịch là Tế bố (vải mềm mịn).

- Sô-ma (Ksauma), dịch là ma y (áo gai). Tây Vức Ký nói là loại áo gai. Gai nhỏ như cây kinh giới, lá màu. Tây Vức Ký nói: Gai ít dùng nhiều cỏ, lông dê.

- Khâm-bát-la (Kambala), Tây Vức Ký nói: Lông dê dệt nhuyễn mịn.

- Yết-lại-ly (Harali), Tây Vức Ký nói: Dệt lông tơ thú hoang mềm mịn có thể chứa giữ, vì thấy quí mà thường mặc.

- Đâu-na-ba-tra, dịch là lụa.

- Cu-tô-ma (Kusuma), dịch là hoa.

- Ma-la (Màlà), dịch là man (tóc mượt). Uyển Sư nói: Tất cả hoa gọi chung là Cu-tô-ma. Riêng có hoa riêng gọi là Cu-tô-ma thì đây dịch là duyệt ý. Hoa ấy lớn nhỏ như đồng xu sắc rất tươi trắng có nhiều lá nhỏ tròn cùng hợp thành. Ứng Pháp sư nói: Tây Vức có thợt kết chải tóc, cách kết chải rất quen thuộc, nam nữ sang hèn đều làm việc này hoặc đầu hoặc thân để làm đẹp. Chánh Pháp Niệm Xứ nói: Sanh lên trời thì vành hoa ở trên trán.

62. TRAI PHÁP BỐN THỰC.

Phật Địa Luận nói: Nhậm trì gọi là thực (ăn). Nghĩa là hay nhậm trì sắc thân khiến nó không hư hoại, nuôi lớn thiện pháp, thân nhờ ăn mà trụ, mạng nhờ ăn mà còn, chảy vào năm tạng thấp khắp bốn chi, bổ ích khí cơ, thân tâm đều vui thích. Lăng Nghiêm nói: Như thế thế giới mười hai loài không thể tự toàn phải nương vào bốn thực mà sống còn (trụ). Do đó gọi là Đoàn thực, Xúc thực, Tư thực, Thức thực. Thế nên Phật nói: Tất cả chúng sanh đều nương vào ăn mà sống còn (trụ). Huề Lý giải thích rằng: Nói đoàn thực, Đoàn nghĩa là hình đoàn (viên, cục, miếng). Lấy hương, vị, xúc ba trần làm thể, vào bụng biền hoại (nát ra) giúp ích các căn. Cho nên nói Đoàn thực. Nói Xúc thực, Xúc nghĩa là chám đối nhau, lấy sáu thức tương ứng đối nhau với tiền cảnh mà sanh vui mừng, nên gọi là Xúc thực. Nói Tư thực, tư tức là ý nghĩ, là lấy sáu thức tương ứng với tư và ý cảnh mà sanh hy vọng (trông mong). Nói Thức thực, Thức tức làtướng chấp trì của thức thứ tám do ba thứ ăn trước co thế mạnh giúp sức khiến thức này tăng mạnh có thể chấp trì các căn đại chủng. Nếu ước ba cõi mà luận thì Đoàn thực chỉ ở Dục giới, vì ở Sắc, Vô sắc không có hai trần hương vị. Còn 3 thứ ăn kia thì chung cho cả ba cõi. Đây là nói chung về bốn thực (bốn thứ ăn).

- Tăng-bạt (Sampràgata), tức xướng pháp của Đẳng cúng. Ký Qui Truyện gọi là Tam-bát-la-khư-đa. Xưa gọi sai là Tăng-bạt. Phạm Ma Mạn Quốc Vương Kinh nói: Phàm người muốn thí thực cần phải bình đẳng chẳng luận lớn nhỏ. Do đó Phật khiến A-na khi ăn phải xướng đọc Tăng-bạt. Tăng-bạt là chúng tăng khi ăn cơm đều bình đẳng. Cho nên Trang Nghiêm Luận nói: Thi-lợi-cúc-đa Trưởng giả nhận lời dặn dò của ngoại đạo nên lấy chất độc trộn vào thức ăn mà thỉnh Phật và chúng tăng. Phật biết trước khiến A-nan đọc Tăng-bạt. Đọc xong mới ăn. Đọc xong thì chất độc tan mất. Sự Sao nói: Huống Tăng ăn khắp đồng mười phương, họ tự lấy phần mình lý đáng tùy hỷ mà tình người hẹp hòi kiêng

kỵ dùng tâm không bình đẳng. Hoặc có kẻ đóng cửa hạn chế khách tăng chẳng là dại dột lắm ư? Đánh chuông (chuông kêu) bổn ý đâu như thế. Xuất gia đãbỏ mê đắm rất không nên như thế. Chỉ sợ nguy hiểm cho thân mà không thể hộ trì chánh pháp. Mạng phù du giả dối chẳng chịu xa thông tăng ăn trái lời Phật dạy tổn phước đàn việt, thương hại tình chúng nhất thời lấp hết đường tăng mười phương. Truyền nhầm sau sanh bại xa, sửa mê trước mà trở lại đường xưa, chẳng tốt lắm sao? Có người hỏi việc Tăng có hạn, khách ngoài thì vô cùng, đem cái ăn có hạn mà cúng Tăng vô cùng thì việc chẳng thể vững được. Đáp rằng: Đây là độ lượng cạn cợt thô bỉ, chỗ hoài bảo vụn vặt ngắn ngủn, há có thể gọi là Thanh trí biết sâu kẻ đạt sĩ thấy xa! Phàm tứ sự cúng dường là phước điền Tam bảo cũng như trời đất sinh trưởng nói biển thọ dụng đâu có khi nào hết! Cho nên Phật Tạng Kinh nói: Phải một lòng hành đạo tùy thuận pháp hạn chớ nghĩ việc ăn uống là cần thiết. Một phần trong tướng Bạch hào của Như Lai cúng cho tất cả đệ tử xuất gia cũng chẳng thể hết. Do đây mà nói thì siêng tu giới hạnh, chí thành hộ pháp, do đạo được lợi vì đạo mà thông dụng (dùng chung) chùa chùa mở cửa, chốn chốn cùng ăn, ắt phải cúng thí đầy đủ, phán là không thiếu hụt, phàm thi thọ thực (ăn cơm) phải làm năm quán: Một là kể công nhiều ít lường vật người đem đến, hai là đức hạnh mình toàn hay khuyết nhiều ít, ba là phòng tâm ngăn lỗi chẳng phạm ba độc, bốn là xem ăn như vị thuốc hay để trị mình gầy, năm là vì thành đạo nghiệp, báo dời không phải là ý mình mong. Sự Sao nói: Ăn không quá ba muỗng: Muỗng một: đọc đoạn tất cả ác; muỗng hai: đọc tu tất cả thiện; muỗng ba: đọc độ tất cả chúng sanh. Tăng Nhất nói: Ăn nhiều thì gây khổ hoạn. Ăn ít thì khí lực yếu, ăn vừa chừng thì bèo không cao thấp.

- Bộ-sa-tha (Posadha), dịch là ngày trai. Thỉnh Quán Âm Kinh Sớ nói: Trai là tề (ngang, đều) tức ngang nhau về thân khẩu nghiệp, ngang tức chỉ là Trung đạo. Sau (sau giờ ngọ) chẳng được ăn, là biểu thị Trung đạo Phật giáo, ngoài ra chẳng có một pháp khác. Trước trung được ăn mà không phải chánh trung. Đây là biểu thị phương tiện trước chỉ giống Trung đạo, được nghĩa có chứng nên được ăn. Cũng là biểu thị ngoài Trung đạo pháp giới còn có pháp. Xiển Nghĩa Dẫn Tế Thống nói: Trai nói là tề (ngang đều...?) Tề và bất tề đều gây nên trai. Cho nên quân tử không có Đại sự không có cung kính thì chẳng trai. Chẳng trai thì ở vật không phòng mà ham muốn không ngừng. Kịp khi có trai thì phòng tà vật, dứt ham muốn, tai không nghe nhạc. Nay họ Thích lấy ăn không quá giờ Ngọ làm trai thì cũng là phòng tà dứt ham muốn là nghĩa tề bất

tề vậy (làm ngang bằng các thứ chẳng ngang bằng). Kinh Tỳ-la Tam-muội nói: Vua Bình Sa hỏi Phật vì sao Phật ăn giữa trưa? Đáp: Sáng sớm là chư thiên ăn, giữa trưa là ba đời Phật ăn, chiều là súc sanh ăn. Nay ước Lý mà giải cho nên nói trai chỉ là Trung đạo. Sau Trung chẳng được ăn là tức là Phật chế sau trưa (ngọ) chẳng được ăn vậy. Nay biểu thị Sơ trụ, Sơ địa viên chứng Trung đạo, ngoài tâm không pháp, như sau trưa không ăn. Trước Trung (Ngọ) được ăn. Là Phật chế trước Trung không phải là chánh thực (bữa ăn chánh) nhưng đều được ăn. Tỳ-bà-sa Luận nói: Phàm trai là quá Trung (trưa) không được ăn bàn thể, lấy tám sự giúp thành trai thể, cùng với trì danh (niệm Phật?) và tám chi trai pháp (bát quan trai?). Báo Ân Kinh nói: Nếu không trọn đời giữ giới thì không gọi là Ưu-bà-tắc chỉ gọi là người trung gian. Trí Luận hỏi: Sao phải sáu ngày trai thọ tám giới tu phước đức? Đáp vì các ngày ấy ác quỉ đuổi bắt người muốn cướp lấy mạng sống, bịnh tật hung suy khiến người không tốt. Thế nên kiếp xưa Thánh nhân dạy người trì trai tu thiện làm phước để tránh hung suy. Lúc đó trai pháp chẳng thọ tám giới, trong suốt một ngày chẳng ăn làm trai. Sau Phật ra đời khuyên dạy một ngày một đêm như chư Phật trì tám giới chẳng ăn quá Trung (ngọ), thì công đức ấy đem người đến Niết-bàn. Như trong kinh Tứ Thiên Vương Phật nói: Một tháng có sáu ngày trai. Sứ giả, Thái tử và bốn Thiên Vương xuống Trần xem xét chúng sanh, ai bố thí trì giới hiếu thuận cha mẹ thiếu sót thì lên trời Đao-lợi tâu bày, Đế-thích các trời tâm đều chẳng vui bảo rằng: Chủng A-tu-la càng nhiều, chủng các trời giảm ít. Nếu bố thí trì giới hiếu thuận cha mẹ nhiều thì các trời Đế-thích tâm đều vui mừng bảo rằng: Tăng nhiều các trời mà giảm ít giống A-tu-la. Lại Kinh Đề-vi nói có tám ngày vua. Những gì là tám ngày vua: Tức là lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông, đông chí. Đó là tám ngày vua. Trời đất các thần âm dương thay nhau nên gọi là tám ngày vua.

- Ô-bồ-sa-tha (Upavasatha), dịch là thọ trai, lại gọi là tăng trưởng, nghĩa là thọ pháp trì trai, thêm lớn thiện căn Nam Tề Trầm Ước Tự Hưu Văn Tuyển Luận rằng: Sở dĩ người chẳng được đạo do vì tâm thần hôn hoặc. Sở dĩ tâm thần hôn hoặc là do ngoại vật quấy rối. Quấy rối lớn thì có ba việc: Một là vinh danh thế giới, hai là yêu gian mỵ mạn, ba là cam chỉ phì nồng vinh danh (ngon ngọt nồng béo) tuy nhật dụng ở tâm, thì cần phải không có lụy cữu khắc. Yêu gian mỵ man mới đã sâu thì cam chỉ phì nồng bị lụy càng cần thiết vạn sự v.v... đều là nhánh lá của phần thứ ba. Thánh nhân biết chẳng thể đoạn dứt ba việc này cho nên

cầu đạo không do đâu mà được. Chẳng vì lập háp mà khiến dễ theo, nếu nói thẳng ba việc là gốc mê hoặc đều phải cấm hẳn. Mà ba việc này là tình người rất bị mê hoặc nghĩ lụy ắt khó tránh, tuy có ý cấm chỉ nhưng việc rốt khó theo. Ví như đem thuyền cứu người há chẳng muốn đến thẳng bờ kia nhưng nước sông chảy siết, gặp lý không cứu ngay thì chẳng được chẳng theo dòng tà mị lâu mà đến được, không cần cầu mau vì việc có khó khăn. Cấm ba thứ này phải có đầu mối, sao cần dứt nhanh việc ăn uống ở người, đối với chỗ lụy của tình tánh chớ nhiều, lấy ăn chiều để vào ăn sáng và ăn trưa, buổi ăn chiều nên thanh hư vô sự, nhân vô sự này mà niệm lự được hết mới đầu chưa chuyện nhưng lâu dần sẽ quen. Do đó mà tám chi cấm giới buộc ràng, cái muốn mỵ man không do đâu mà được trước. Vinh danh các lụy, dần dần theo việc má khiển. Cho nên nói: Chư Phật từ xưa không ăn quá ngọ. Bởi là nôm bẫy để khiển lụy, là đường tắt đến với đạo, mà người mê lầm bảo cấm chẳng cho ăn, đây là mê phương hướng mà chẳng biết đường đi. Nơi nơi khi Phật đều nói không ăn quá ngọ có năm phước: Một là ít âm, hai là ít ngủ, ba là được nhất tâm, bốn là không có hạ phong, năm là thân được an ổn, cũng chẳng gây bịnh. Tứ Phần Giới nói: Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời thì Phạm-ba-dật-đề.

- Bộ-xà-ni (Bhojaniya), Tứ Phần Luật nói: Có năm thứ Bồ-xà-ni, dịch là chánh thực tức là miến (miểu) phạn càn phạn Ngư nhục. Tăng Kỳ nói: Thời thực tức là ăn đúng giờ, phi thời thực là sai giờ không được ăn. Đa luận nói: Từ sáng đến trưa là ánh sáng càng mạnh nên gọi là thời, sau trưa (sau Ngọ) ánh sáng yếu dần gọi là phi thời. Nay nói trung thực là mặt trời đúng ngọ thì được ăn. Tăng Kỳ nói: Nếu giờ ngọ qua một nháy mắt, một sợi tóc thì là phi thời. Vua Tống Văn Đế đãi cơm Tăng thì đồng chúng ngồi chung chiếu. Dọn cơm trễ, chúng nghi sắp xế chiều nên không ăn. Vua nói mới bắt đầu giờ Ngọ (Trung) thôi. Sanh Công nói: Mặt trời sáng trên cao, trời nói mới Trung (Ngọ) sao được không phải Trung. Bèn cầm bát mà ăn. Cả chúng liền theo. Vua rất vui.

- Khư-xà-ni (Khàdanìya), Tứ Phần nói: Có năm thức Khư-xà-ni, dịch là Bất chánh trực. Tức là canh lá hoa quả mạt vụn mài ăn.

- Bán-giả-bồ-thiện-ni (Pamcabhojaniya), Ký Qui Truyện nói: Đường nói có năm thứ ăn, tức là cơm, canh, miến v.v...

- Bán-giả-kha-đản-ni (Pamcakhàdaniya) dịch là Tước thực tức là rễ thân lá hoa quả. Ký Qui Truyện nói: Nếu đã ăn năm thứ trước ắt chẳng ăn năm thứ sau. Nếu trước đã ăn năm cái sau thì ắt năm cái trước

ăn tùy ý. Nay Tăng sau trai chẳng ăn rau quả.

- Khứ-đà-ni (Khàdanìya) hoặc Khiên-trà, dịch là khả thực vật (vật ăn được)

- Bát-hòa-la (Pravarana)-pavarana?), Ứng Pháp sư căn cứ vào kinh Tự Thệ gọi là Bát-hòa-lan, cũng là tiếng Phạm đọc nặng nhẹ mà thôi. Dịch là Tự tứ thực. Ứng Pháp sư nói là Tọa lạp lạp bỉnh. Tức là bánh hết hạ hiến Phật, gọi là Phật lạp thực. Lại phương Tây lấy ngày Phật từ trời giáng xuống cung trời mà cúng dường Phật ăn gọi là Phật lạp thực. Hội Chánh Ký nói: Tức đãi Phật Tỳ-kheo ăn ngày Tự tứ.

- Phân-vệ (Paimdapàtika pimdapàta), Luân Thiện Kiến nói là Tỳ-kheo khất thực. Tăng Kỳ Luật nói: Khất thực là phân thí tăng ni vệ hộ khiến tu Đạo nghiệp, nên nói là phân vệ. Ấy là luận từ tiếng Phạm, luật từ tiếng Hoa, hai thuyết chưa rõ ràng. Ứng Pháp sư nói: Chánh là Tân-trà-ba-đa, đây dịch là Đoàn Đọa, là nói ăn cái gì rơi trong bát. Hoặc gọi là Tân-trà-dạ, dịch là Đoàn, Đoàn là thực đoàn, tức là đi khất thực vậy. Thập Nhị đầu Đà nói thường khất thực. Đại Luận giải thích có ba thức ăn: Một là thọ thỉnh thực (được mời ăn), hai là chúng tăng thực, ba là thường khất thực. Hai thức ăn trước là khởi nhân duyên các lậu. Vì sao thế? Vì thọ thỉnh thực nếu được thỉnh thì nghĩ rằng ta là người phúc đức tốt cho nên được. Nếu không được thỉnh thì ghen hờn người thỉnh, thỉnh người đáng thỉnh. Hoặc tự bỉ bạc, áo mão tự tình mà sanh buồn khổ. Ấy là pháp tham ái hay chướng ngại đạo. Chúng tăng thực, là vào chúng phải tùy chúng pháp đoạn sự khoa lý, tăng sự xử phần sai làm việc, tâm thì tán loạn phòng bỏ hành đạo, có như thế các việc loạn cho nên phải thọ pháp thường khất thực. Phụ Hành nói: Các văn luật luật nói: Pháp khất thực không phải một chỗ mà đủ, vì phước cho người khác nên khiến phải đến bảy nhà. Triệu Pháp sư nói: Khất thực có bốn ý: Một là làm phước lợi cho quần sanh, hai là để bẻ gãy kiêu mạn, ba là vì biết thân có khổ, bốn là trừ bỏ chỗ trệ trước. Bảo Vũ Kinh nói: Khất thực thành tựu mười pháp: Một là nhiếp thọ các hữu tình, hai là làm thứ lớp, ba là làm không mỏi mệt (biếng lười), bốn là biết tri túc, năm là vì phân bố, sáu là khiến không đam mê (mê đắm), bảy là khiến biết lường, tám là thiện phẩm hiện tiền, chín là thiện căn viên mãn, mười là lìa ngã chấp. Bảo Vân Kinh nói: Khất thực chia bốn phần, một phần đấng bậc đồng phạm hạnh, một phần cho người ăn xin, một phần cho các quỉ thần, một phần tự ăn. Phụ Hành nói: Xưa có Trưởng giả tên là Cưu-lưu chẳng tin nhân quả, cùng năm trăm người cùng đi xa thấy đám cây tưởng là có nhà người, đến đó chỉ thấy thần cây đảnh lễ xong nói mình đói khát.

Thần liền chỉ năm ngón tay thì liền có nhiều thức ăn hiện ra ngon ngọt khó tả. Ăn xong khóc lớn. Thần hỏi nguyên do thì đáp con có năm trăm bạn cũng rất đói khát. Thần liền gọi lại rồi cho ăn như trước, mọi người đều no. Trưởng giả hỏi: Do phước nào mà được thế. Đáp rằng: ta vốn ở thời Phật Ca-diếp rất nghèo, ở ngoài cửa thành mài gương, mỗi khi có Sa-môn khất thực thì ta thường lấy mấy ngón tay chỉ chỗ khất thực và tinh xá Phật như thế rất nhiều lần, nên chết rồi mà sanh đây. Trưởng giả đại ngộ, ngày đãi cơm tám ngàn Tăng. Nước vo gạo chảy ra ngoài thành có thể đi thuyền được.

- Đát-bát-na (Tamana), dịch là Miễu, Thông Tuệ Chỉ Qui nói: Nghĩa là đem gạo dâm nát mà hong khô. Mẫu Luận nói có hai thứ tán miễu lại bỏ đường mật mà để dành. Hoặc nói Bị cùng miễu chẳng đồng. Hậu Đường nói: Bị là cơm nấu khô cứng (cơm cháy?). Phụ Thiên nói: Lấy cơm khô giả nhỏ rây kỹ mà làm bị. Mạnh Tử nói: Thuấn ăn cơm khô với rau khửu là cơm khô nát.

- Ca-sư (Krsara), Hậu Đường nói: Đường gọi là Thác mạch, Từ Hòa nói: Người Bắc gọi là Yên mạch, người Nam gọi là Tước mạch. Nam tuyền sao nói: Đem Thác mạch làm đại mạch. Thập Tụng chỉ Ca Sư là cơm tiểu mạch. Sự sao nói: Thác mạch cùng Ca sư là một vật.

- Tu-đà (Sveta), dịch là Trắng, hoặc gọi Tu-đà là trời ăn.

Thiên Thai Thiền sư quán pháp tâm thực đã trải tòa ngồi xong thì nghe Duy-na dâng lên tiếng khánh sau vòng tay cúng dường Nhất thể Tam bảo khắp mười phương làm các Phật sự. Kế xuất cơm cúng thí sáu đạo tức biểu thị cho sáu Ba-la-mật. Rồi sau mới ăn cơm, phàm ăn là ngoài mạng sống chúng sanh. Nếu chẳng vào quán tức là thấm đượm sanh tử. Nếu hay biết nhập quán phân biệt sanh tử hữu biên vô biên, bất luận phân vệ (khất thực) cùng thanh chúng tịnh thực (ăn chung với chúng thanh tịnh) thì đều phải làm quán. Quán là tự sợ thân này các thứ ăn xưa từ lâu đều là vô minh phiền não, thấm nhuần sanh tử. Nay chỗ ăn uống đều là Bát-nhã, tưởng thức ăn xưa từ lỗ chân lông thứ lớp thoát ra. Thức ăn xưa đã ra rồi thì tâm lộ liền mở. Nay ăn thức mới chiếu xét các tối tăm diệt hết mà thành Bát-nhã. Cho nên Tịnh Danh nói: Ở ăn bình đẳng thì ở pháp cũng bình đẳng, ấy là minh chứng. Vì thức ăn này thành thức ăn Bát-nhã hay nuôi dưỡng pháp thân. Nên pháp thân được lập thì liền được giải thoát, ấy là ba đức. Chiếu xét thức ăn này không mới không cũ, do có ăn xưa nên cũ, do có mới ăn nên mới, ấy gọi là giả. Tìm cũ chẳng được cầu mới chẳng được rốt ráo là không tịch (trống vắng) nên gọi là không. Quán thức ăn này từ ai có thể ăn là mới, đã

không có thức ăn mới thì ai (sao) có thể được ăn, mà chẳng lìa thức ăn cũ nuôi thân mà thức ăn mới càng lợi ích (càng nhiều), nhân duyên hòa hợp chẳng thể phân biệt trước sau thì gọi là Trung. Chỉ Trung tức là giả. Không, chỉ không tức là Trung giả, chỉ giả tức là không trung chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Trung đạo. Lại Tịnh Danh nói: Không có phiền não, không lìa phiền não, không nhập định ý, không khởi định ý thì gọi là thực pháp.

63. THIÊN TỤ DANH BÁO.

Tăng Kỳ nói năm thiên: Một là Ba-la-di, hai là Tăng tàng, ba là Ba-dật-đề, bốn là Đề-xá-ni, năm là Đột-kiết-la. Tứ phần nói có sáu tụ, là mở cái thứ ba thêm Thâu-lan-giá. Hoặc nói bảy tụ là mở thêm cái thứ bảy là ác thuyết. Nay y theo Sự Sao mà giải thích sáu tụ, không có dịch chánh chỉ dùng dịch nghĩa.

1) Ba-la-di (Pàràjikà), Tăng Kỳ nói: Nghĩa là cực ác, có ba ý dịch: Một là thối một (lui mất), do phạm giới này mà đạo quả không có phần; hai là chẳng cùng ở chung, không phải chỉ mất đạo mà thôi, không được nói giới yết-ma hai loại tăng này ở chung với nhau; ba là đọa lạc bỏ thân này rồi lại đọa vào địa ngục A-tỳ. Tứ Phần Luật nói: Thí như chặt đầu người không thể mọc lại. Nếu phạm giới này thì không còn là Tỳ-kheo nữa. Nên kệ nói:

Những ai làm tội ác,
Cũng như cái thây chết,
Chúng chẳng thể giữ lại.
Vậy phải nên giữ giới.

Từ xưa theo phép chung là Tuyệt phần thì dịch là khí (bỏ). Mục Liên Vấn Tội Báo Kinh nói: Phạm tội Ba-la-di như trời Tha Hóa Tự Tại tuổi thọ sáu chục ngàn (60.000) năm là thời gian người này trải đọa trong Nê-lê, lấy theo số nhân gian thì người này ở trong địa ngục là chín trăm hai mươi mốt ức, sáu chục ngàn (60.000) năm phải đọa xuống Viêm Nhiệt địa ngục. Trời Tha Hóa một ngày đêm bằng nhân gian một ngàn sáu trăm (1.600) năm.

2) Tăng-già Bàthi-sa (Samghà vasesa), Thiện Kiến nói: Tăng-già là Tăng, Bà là mới, nghĩa là Tăng trước che giấu yết-ma. Thi-sa là tàn, tức là cuối cùng phải nêu tội ra với Yết-ma. Nếu phạm tội này Tăng phải làm phép trừ bỏ. Nên từ cảnh làm tên. Tỳ-ni Mẫu nói: Tăng tàn là như người bị người khác chém chặt, hư hết cổ họng nên gọi là tàn, lý phải sớm cứu, tội Tăng-già Bà-thi-sa. Như trời Bất Kiêu có tuổi thọ là

tám ngàn (8.000) tính ra nhân gian là hai trăm ba mươi ức mười ngàn (10.000) năm, là số thời gian người này phải đọa địa ngục Đại Đại Kiếu. Tính ra trời này một ngày đêm thì bằng nhân gian tám trăm năm.

- Ma-na-đỏa (Manoratha), Luận nói: Tần gọi là ý hỷ trước tuy tự ý vui mừng cũng có hổ thẹn, cũng khiến chúng tăng vui mừng.

- A-phù-ha-na (Àvahana), Thiện Kiến dịch là "gọi vào chúng yết-ma", hoặc gọi bạt trừ tội căn (nhỗ trừ gốc tội). Mẫu Luận nói: Thanh tịnh giới sanh được tịnh giải thoát.

3) Thâu-lan-giá (Sthùlàtyaya), Thiện Kiến nói: Thâu-lan gọi là Đại-già, là nói chướng Thiện Đạo sau đọa ác đạo, thỉ nó là bỉ uế, từ thể bất thiện mà lập tên. Do hay thành hai thứ tội một và hai. Minh Liễu Luận nói: Thâu-lan là thô, giá tức là lỗi. Thô có hai thứ: Một là trọng tội phương tiện, hai là hay đoạn dứt thiện căn. Nói lỗi là y chỗ Phật lập giới mà làm nên gọi là lỗi. Tội Thâu-lan-giá như trời Đâu-suất-đà có tuổi thọ là bốn ngàn tuổi, tính ra ở nhân gian là năm mươi ức sáu chục ngàn (60.000) năm, là thời gian người này (phạm Thâu-lan-giá) phải đọa địa ngục Hiếu Kiếu. Trời này một ngày đêm ở nhân gian bằng bốn trăm năm.

4) Ba-dật-đề (Pàpattikà), dịch nghĩa là đọa. Thập Tụng nói: Đọa ở địa ngục đốt nấu che chướng (ngăn), tám ngục nóng cùng nấu đốt, tám ngục lạnh đen tối cùng che chướng (ngăn). Tội Ba-dật-đề như tuổi thọ của trời Dạ-ma là hai ngàn tuổi ở nhân gian tính ra là hai mươi mốt ức bốn mươi ngàn năm (40.000) là thời gian người này phải đọa địa ngục chúng họp. Trời này một ngày một đêm là ở nhân gian bằng hai trăm năm.

- Ni-tát-kỳ (Naisargika), trích trong Yếu Luật Nghi, xưa dịch là Xả đọa. Thinh Luận Ni dịch là Tận. Tát-kỳ là xã. Tứ Phần tăng có một trăm hai mươi thứ phân lấy ba mươi nhân tiền bạc mà phạm tham mạn tâm, cưỡng ép bỏ đi để vào tăng nên gọi là Ni-tát-kỳ.

5) Ba-la-đề Đề-xá-ni (Pratiđezaniya), dịch nghĩa là hướng bỉ hối (hướng vào người ấy (lỗi ấy) mà hối lỗi), từ cảnh đối trị mà lập tên. Tăng Kỳ nói: Tội này phải phát lồ. Tội Đề-xá-ni như tuổi thọ của trời ba mươi ba là một ngàn tuổi so với nhân gian bằng ba ức sáu chục ngàn (60.000) năm là thời gian người phạm tội này phải đọa địa ngục Hắc thằng. Trời này một ngày đêm bằng nhân gian một trăm năm.

6) Đột-kiết-la (Duskrta), Đột là ác, kiết-la là tác (ác tác). Thinh Luận nói: Chánh gọi là Đột-tất-kiết-lật-đa. Tứ Phần Luật Bổn nói: Thức-xoa-ca-la-ni dịch nghĩa là Ưng đương học. Nước Hồ gọi sai là

Thi-xoa-kế-lại-ni. Tăng Hồ dịch là thủ giới. Tội này nhỏ nhặt giữ rất khó, cho nên tùy học tùy giữ để lập tên. Thập Tụng nói: Thiên Nhãn thấy Tỳ-kheo phạm tội chạy nhanh dưới mưa, há không phải là chuyên tâm chơi giỡn, nên gọi là Thủ giới. Trong bảy tụ thì phân bộ này làm hai tụ. Thân gọi là ác tác, miệng gọi là ác thuyết. Nhiều Luận hỏi: Sao đây riêng gọi là Ưng đương học? Đáp: các giới khác dễ giữ tội nặng, giới này khó giữ dễ phạm phải luôn nghĩ học cho nên không nêu tội danh. Chỉ nói Ưng đương học (đáng phải học). Phạm Đột-kiết-la các học giới, tội như tuổi thọ của trời Tứ Thiên Vương năm trăm tuổi đọa trong Nê-lê so với nhân gian bằng chín trăm ngàn (900.000) năm là thời gian người này bị đọa vào địa ngục Đẳng hoạt. Một ngày đêm của trời này bằng năm mươi năm của nhân gian. Cu-xá Tụng nói: Đẳng hoạt là bằng sáu thứ trên như thứ tự lấy tuổi thọ trời dục làm một ngày đêm, tuổi thọ cùng đồng như thế, ở trong ngục cực nóng nửa kiếp, ở trong ngục vô gián đủ một kiếp, rồi sanh làm loài bàng sanh thấp nhất làm quỉ năm trăm ngày tháng). Tuổi thọ At-bộ-đà như một Bà-ha-ma trăm năm trừ một cho đến hết các bộ sau gấp hai mươi lần.

64. THỐNG LUẬN HAI ĐẾ.

Giáo truyền sang Đông Độ, pháp vốn ở Tây Vức, nghe mùi thơm ắt phải tìm cội gốc. Cho nên theo dòng mà tột nguồn. Luận hiệu Phật-đà Tăng-già hiểu tên Bồ-đề Bát-nhã. Tuy cơ mà nói tuy nói vô biên, chỉ qui ở ý chỉ nói hai đế nay ở tập cuối lược nói bảy môn: Một là Nguyên Tông, hai là Thích Danh, ba là Biện Nghĩa, bốn là Bày Thể, năm là Thích Tướng, sáu là Cảnh Trí, bảy là Khuyên Răn.

1) Là Nguyên Tông.

Trung Quán Luận nói: Chư Phật y hai đế vì chúng sanh nói pháp: Một là Tục đế, hai là Đệ nhất nghĩa đế. Bởi vì Phật nói pháp lời chẳng uổng phí. Phàm chỗ lập ngôn đều nói Thật lý. Cho nên người nghe pháp đều có chỗ chứng. Vì y vào hai đế làm cơ nói pháp. Như Đại Luận nói: Có hai thứ chúng sanh: Một là biết các pháp giả gọi, hai là mê đắm danh tự (chữ nghĩa). Vì chúng sanh mê đắm danh tự nên nói vô tướng, vì chúng sanh biết các pháp giả gọi nên nói thế đế. Do đó Thế Tục hiển sự điều kiện, các pháp rõ ràng. Cho nên trong môn Phật sự chẳng bỏ một pháp. Đem trung mà khuyên bề tôi (khuyên tôi nên trung với vua), đem hiếu mà khuyên con cái (khuyên con cái nên hiếu thảo), khuyên nước nên trị, khuyên nhà nên hòa, thưởng thiện thì bày cái vui thiên đàng, phạt ác thì nêu cái khổ địa ngục. Đây là một Tục đế, Chân đế thì bày

cái lý bản tịch một tánh mất hút. Do đó thật tế lý địa chẳng thọ một trần thị phi đều mất, năng sở đều quên, chỉ vạn tượng là chân như, xem Tam thừa là thật tế. Đây là y chân đế.

2) Là Thích Danh:

Hai Đế pháp này ở Năng thuyên mà gọi. Nói chân thì nghịch tục, thuận tục thì trái chân vì chân là nghĩa thật, xét thật là chân. Tục là nghĩa giả, xét giả là tục. Cho nên Niết-bàn nói; chỗ người xuất thế biết thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế, chỗ người đời biết thì gọi là Thế đế. Bắc Sơn Lục nói: Gặp chỗ quên tình gọi là chân, khởi vi thiệp động gọi là tục. Chân là Tánh không, Tục là giả có. Giả có mà có nên gọi là Tợ (diệu) hữu, tánh không mà không nên gọi là chân không. Đây là ước Sự Lý đối nhau mà giải thích. Chiêu Minh Thái tử nói: Chân đế lìa có lìa không, Tục đế tức có tức không. Tức có tức không đây là giả danh, lìa có lìa không đây là Trung đạo. Đây là ước Trung biên mà phán thích.

3) Là Biện Nghĩa:

Tông Cảnh hỏi rằng: Một tâm hai đế, Lý sự chẳng hư. Chứng lý tánh mà thành chân, xét sự thật mà làm tục, đều đủ nghĩa cực thành, là môn chẳng hoại hai đế. Đại Tiểu hai thừa đồng cùng kiến lập. Như thế nào là nghĩa cực thành? Đáp: Chỗ thành quyết định chẳng thể dời đổi, tùy chân tùy tục đều có đạo lý. Du Già Luận nói: Một là có thế gian cực thành chân thật; hai là đạo lý cực thành chân thật. Thế gian cực thành chân thật, là tất cả thế gian đối với mọi việc là tùy thiện giả lập theo thói quen thế tục, ngộ nhập giác tuệ chỗ thấy đồng tánh nghĩa là đất là đất mà không phải là lửa v.v... cho đến khổ chỉ là khổ không phải là vui v.v... vui chỉ là vui không phải là khổ. Nói tóm tắt, đây tức như đây không phải chẳng như đây, đó tức như thế chẳng phải chẳng như thế. Quyết định hiểu rõ cảnh sự chỗ làm tất cả thế gian đều từ Bản tế xoay vần truyền lại. Tưởng tự phân biệt mà cùng thành lập, chẳng do tư duy suy lường quán sát rồi sau mới lấy. Đó gọi là thế gian cực thành chân thật. Đạo lý cực thành chân thật, là y chỉ vào Hiện tỷ cho đến giáo lượng mà rất khéo tư duy chọn lựa quyết định mà kiến lập mà bày biện ra các nghĩa. Đó gọi là đạo lý cực thành chân thật.

4) Là Bày Thể:

Pháp hai đế là nói Thể sở thuyên. Như Chiêu Minh nói: Chỗ biết của người đời sanh pháp làm thể, chỗ biết của Thánh nhân không sanh làm thể. Do người tuy khác nhưng Thể nó không khác. Cho nên Kinh Khê nói: Chỉ điểm một pháp hai đế rõ ràng. Tục thì trăm cõi nghìn như, chân thì đồng ở một niệm. Lại Khởi Tín nói: Ma-ha-diễn gồm nói

có hai thứ. Thế nào là hai: Một là pháp, hai là nghĩa. Đây là lấy một pháp mà phân ra hai nghĩa. Nói thật tướng chẳng hoại giả danh luận sai biệt chẳng phá bình đẳng. Chiêu Minh nói: Chân tức có là không, Tục chỉ không là có. Tông Cảnh nói: Tục đế chẳng được chẳng có, có mà thường tự không. Chân đế chẳng được chẳng không, không mà chỉ suốt có. Cho nên Thập Nghi Luận Chú nói: Tướng mà vạn pháp sum la thật không chỗ được, luận tánh mà nhất như tịch diệt chẳng ngại tùy duyên. Chơn là chơn của Tục gia, vạn pháp tự mất. Tục là tục của chân gia, một tánh luôn khác. Vì dùng bất hoại giả danh thì kia đây sanh diệt sai khác. Vì nói các pháp thật tướng thì kia đây sanh diệt tự mất. Chỉ ở chỗ không một mà nói chẳng hai. Cho nên Nhân Vương nói: Ở giải thường tự một, ở Đế thường tự hai. Hiểu rõ một, hai này thì chân nhập Thánh nghĩa đế. Cho nên Cổ đức nói: hai đế đều không phải hai, luôn trái chưa từng đều. Hai đội hiển trong mất nghĩa là không chơn không tục một đôi nhạn lẽ vượt đất cao bay, hai con uyên ương bên ao riêng đứng. Lại Tiên Đức nói: Chơn tục hai mất, hai đế luôn còn. Không có hai mất, hai vị luôn hiện thế nên biết đều chấp thì mất lỗu, hỗ dung (dung nhau) thì được, đều chấp thì mất. Như nói hữu vi tuy dối, nhưng bỏ nó thì nghiệp lớn không thành. Vô vi tuy không nhưng trụ nó thì huệ tâm chẳng sáng. Hỗ dung (cùng dung nhau) thì được, như nói: Tuy biết các nước Phật cho đến chúng sanh đều không mà thường tu Tịnh độ giáo hóa các chúng sanh. Cho nên Thập Nghi Luận Chủ nói: Thánh nhân được ý ấy thì ở chỗ tùy duyên nói thể không. Cho nên Kinh Khê nói: Phải biết vạn pháp là chân như, vì do bất biến nên chân như là vạn pháp, vì do duyên, những văn nói này đều luận chân tục là thể một vậy.

5) Là Thích tướng (giải thích tướng)

Diệu Huyền nói: Thủ ý tồn lược (lấy ý tóm tắt) chỉ điểm pháp tánh là chân đế, vô minh mười hai nhân duyên là Tục đế. Ở Nghĩa thì đủ, chỉ vì tâm người thô cạn chẳng biết chỗ thâm diệu. Lại phải khai hộ thì luận bảy thứ hai đế. Thích Châm giải rằng: Song bảy văn này tan khắp trong các kinh không có một chỗ nào nêu đủ. Chỉ có Đại Kinh mười hai lệ tám (nêu tám trtong mười hai thứ hai đế) chương An làm bảy thứ hai đế mà tiêu, cái thứ một là chung, bảy cái kia là riêng. Kinh nói: Chỗ thấy của tâm người xuất thế gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Chỗ thấy của tâm người đời gọi là Thế Đế. Sớ nói: Tổng quan các đế, thế tình nhiều thứ bó làm Thế đế, Thánh nhân biết nhiều bó làm Đệ nhất nghĩa đế. Tức là các giáo tùy tình trí. Kinh nói: Năm ấm hòa họp gọi tên này kia đó gọi là Thế đế. Hiểu ấm không ấm cũng không danh tự, lìa ấm cũng không,

đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Sớ nói: Tên không tên tức sanh diệt hai đế. Kinh nói: Hoặc có pháp có gọi (tên) là có thật, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Hoặc có pháp có gọi (tên) là không thật, đó gọi là Thế đế. Sớ nói: Thật chẳng thật tức vô sanh hai đế. Kinh nói: Như Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ mạng các tri kiến cho đến như lông rùa sừng thỏ v.v... các ấm giới nhập, đó gọi là Thế đế. Khổ, tập, diệt, đạo đó gọi là Chân đế. Sớ nói: Định, bất định hai đế tức là đơn tục mà phức chân. Kinh nói: Thế pháp có năm thứ, đó là Danh thế, Câu thế, Phược thế, Pháp thế, Chấp trước thế. Đó gọi là Thế đế. Đối năm pháp này tâm không điên đảo, gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Sớ nói: Pháp chẳng pháp cũng là nằm trong hai đế. Kinh nói: Thiêu (đốt) hại tử (chốt) hoại đó gọi là Thế đế. Không thiêu hại tử v.v... gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Sớ nói: Thiêu chẳng thiêu là phức tục đơn trung. Kinh nói: Có tám thứ khổ đó gọi là Thế đế, không tám thứ khổ là Đệ nhất nghĩa đế. Sớ nói: Khổ chẳng khổ hai đế cũng là phức tục đơn trung. Kinh nói: Thí như một người có nhiều tên (danh tự) y cha mẹ mà sanh đó là Thế đế, y nhân duyên hòa hợp mà sanh đó là Đệ nhất nghĩa đế. Sớ nói: Hòa hợp hai đế, chân tục chẳng hai là phực tục phức trung vậy.

6) Là Cảnh Trí:

Khởi Tín sao hỏi: Cảnh - Trí là một hay khác? Đáp: Trí là thể không hai, Cảnh cũng chẳng hai. Trí không hai, thì chỉ là một trí, nghĩa dụng có khác. Ước biết chỗ chân gọi là chân trí, ước biết chỗ tục gọi là Tục trí. Cảnh không hai, nghĩa là sắc tức là không, là Tục cảnh. Do đó khi chứng chân thì đạt (thấu suốt) tục, khi đạt tục ắt là chứng chân. Hiểu tục không tánh tức là chân không, há có trước sau ư? Huống là không có cảnh ngoài tâm, sao có tâm ngoài cảnh, tức là tâm cảnh trộn lộn làm một pháp giới.

7) Là Khuyên Răn:

Đại Kinh nói: Chỗ nói hai đế kỳ thật có một, phương mà nói hai. Như say chưa ói thì thấy có mặt trời mặt trăng quay, nghĩa là có mặt trời quay và không quay. Còn người tỉnh thì chỉ thấy không quay. Chẳng thấy quay, nghĩa là một chẳng nói một, hai chẳng phải hai. Phải lấy trí mà hiểu chớ lấy tình mà chấp. Cho nên Phật bảo A-nan: Từ xưa ta làm người nghe nhiều cùng Văn-thù-sư-lợi tranh luận nghĩa hai đế. Chết rồi đọa vào Tam đồ trải vô lượng kiếp nuốt hòn lửa nóng. Từ địa ngục ra, gặp Phật Ca-diếp vì ta giải thích có không hai đế. Phật Ca-diếp nói: Tất cả các pháp đều không tánh nhất định (định tánh) Ông nói có không là nghĩa chẳng thế. Tất cả vạn pháp thảy đều không tịch (vắng không), hai

đế này cũng có cũng không. Ông chỉ biết văn mà không hiểu nghĩa của nó. Phải biết hai đế, Tục đế cho nên có, chân đế cho nên không, thể chẳng thể nghĩ bàn (thể nó bất tư nghì), sao có thể riêng chấp. Người học giáo Phật phải lìa tình tưởng. Cho nên Phật Tạng nói: Dao cắt hại người Diêm-phù-đề tội ấy rất ít, còn đêm tâm sở đắc mà nói thật tướng thì tội rất nặng. Phải biết Phật pháp bất tư nghì, chỉ giáo tướng là khó hiểu. May nhờ các Hậu Hiền ở Phật thánh giáo mà nghiên cứu kỹ lưỡng chớ nên thô lược.

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA BỔ SUNG THÊM

Khi soạn tập đầu ý còn giản lược hoặc mất phiên dịch hoặc thiếu giải nghĩa. Nhân sau xem kỹ lại nên xin soạn tiếp để bổ sung để Hậu Hiền biết rõ. Bổ sung về mười hiệu.

- Minh Hạnh Túc (Vidyàcarana Sanyoanna?) là đủ ba minh và sáu thần thông. Trí Luận nói: Một là Như ý, hai là Thiên nhãn, ba là Thiên nhĩ, bốn là Tha tâm, năm là Thức túc mạng thông, sáu là Vô lậu thông. Nói thông thường thì dịch nói: Âm dương chẳng lường gọi là thần, tịch nhiên bất động cảm mà liền thông. Anh Lạc nói: Thần gọi là Thiên tâm, Thông gọi là Huệ tánh. Huệ thiên nhiên suốt chiếu vô ngại nên gọi là thần thông. Một là Như ý thì có ba thứ hay đến chuyển biến Thánh như ý. Hay đến lại có bốn: Một là thân bay như chim vô ngại, hai là dời xa khiến gần chẳng đi mà đến, ba là ẩn đây hiện kia, bốn là niệm liền đến. Chuyển biến là lớn có thể làm nhỏ, nhỏ có thể làm lớn, một hay làm nhiều, nhiều hay làm một, các thứ vật đều có thể chuyển biến. Đám ngoại đạo có thể chuyển biến lâu nhất không quá bảy ngày, còn chư Phật và đệ tử thì chuyển biến tự tại không có lâu gần. Thánh như ý là ngoài sáu trần vật bất tịnh không đáng yêu, có thể quán khiến tịnh, tịnh vật đáng yêu có thể quán khiến bất tịnh. Đó là pháp Thánh như ý, chỉ có Phật là riêng có. Thiên nhãn thông là Nhãn được sắc giới bốn đại tạo sắc thanh tịnh, đó là Thiên nhãn. Thiên nhãn thấy được trên đất và dưới đất các vật của sáu đạo chúng sanh hoặc gần hay xa, thô hay tế, không sắc nào chẳng xét chiếu ấy là Thiên nhãn. Có hai thứ: Một là từ Báo mà được, hai là từ Tu mà được. Trong năm đạo thì Thiên nhãn từ Tu mà được không phải là Báo mà được. Vì sao thế? Vì thường nhớ nghĩ các thứ ánh sáng mà được....; Thiên nhĩ thông là Tai được sắc giới bốn đại tạo sắc thanh tịnh, hay nghe được tất cả tiếng, tiếng trời tiếng người tiếng ba ác đạo. Làm sao được Thiên nhĩ thông, do tu mà được,

vì thường nghĩ nhớ các thứ tiếng. Đó là Thiên nhĩ thông; Thức túc mạng thông vốn thường nghĩ nhớ ngày tháng năm vào thai cho đến trong đời quá khứ, một đời mười đời một trăm đời ngàn vạn ức đời. Cho đến Đại A-la-hán Bích-chi Phật, biết rõ tám vạn đại kiếp. Các Đại Bồ-tát và chư Phật biết đến vô lượng kiếp. Đó là Thức túc mạng thông; Tri tha tâm thông là biết tâm người khác hoặc có cấu hoặc không có. Tự quán tâm khi sanh trụ diệt thường nhớ nghĩ cho nên được. Lại nữa, quán các tướng vui mừng, giận, sợ... của người khác, thấy các tướng ấy rồi sau mới biết tâm. Đó là Tha tâm thông; Lậu tận thông, kinh Như Lai Trang Nghiêm Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới nói: Nói lậu tận là lìa bốn lậu tức là Dục lậu, Hữu lậu, Vô minh lậu, Kiến lậu vì chẳng lấy bốn thứ lậu đó bèn gọi là viễn ly các lậu. Trí Luận nói: Thần thông và minh có gì khác nhau? Đáp: Biết rõ việc Túc mạng ở quá khứ gọi là Thông, biết rõ Nhân duyên hạnh nghiệp quá khứ là Minh. Biết chết đây sanh kia gọi là thông, biết rõ nhân duyên chỗ làm sẽ không mất gọi là Minh. Ngay đây dứt hết các kiết sử chẳng biết sanh hay không sanh gọi là Thông. Nếu biết lậu hết chẳng còn sanh lại nữa thì gọi là Minh.

- Phật-đà (buddha), Triệu nói: Phật là gì? Đó là gọi bậc Đại giác biết rõ cùng tận lý tánh. Đạo ấy hư huyền chắc chắn đã dứt cảnh thường, tâm chẳng thể dùng trí mà biết, hình chẳng thể dùng tượng mà lường, đồng vạn vật cùng vi (làm) mà riêng ở cõi bất vi (chẳng tạo tác, làm), trong mấy lời mà chỉ được chỗ không lời không phải có mà chẳng thể là không, không phải không mà chẳng thể là có, tịch mịch hư khoáng (im vắng trống không) vật chẳng thể lường. Chẳng biết gọi tên gì, gượng ép gọi là giác. Thật là chí lý cũng là tột cùng. Vậy thì đồng với đắc, thì đắc cũng được đắc, đồng với thất thì thất cũng được thất. Ấy thì chân thì đồng chân, pháp ngụy thì đồng ngụy. Như Lai ngầm chiếu sáng gồm một thật tướng, tướng của thật tướng là tướng Như Lai. Vô Cơ Tử kể sáu tức Phật rằng: Si thiền nhậm tánh, lạm Thượng thánh để căng (ham) cào, cuồng huệ tùy tình ở Hạ phàm mà tự khuất. Do đó Thiên Thai Trí giả Tổ sư nói sáu tức Phật mà phá hai thứ kiến mà sợ lỗi lớn. Việc sáu phần nhân quả khác thâu nó không thâu, tức là hiển lý Thánh phàm bình đẳng. Chìm trong biển sanh tử như báu ở trong tối mà không mất. Lên núi Niết-bàn như vàng ra khỏi quặng mà không được. Chẳng một chẳng khác đạo ấy rất dung thông không phải không quấy, trí này rất viên diệu. Nay thuật tụng hèn để khen đại hiền, mong ai thấy nghe đều được khai ngộ.

1. Tụng lý tức Phật:

Động tịnh lý toàn phải
Hành tạng sự đều sai,
Mịt mờ tùy vật đi
Lặng bặt chẳng biết về.

2. Tụng danh tự tức Phật:

Mới nghe khúc vô sanh
Mới nghe ca bất tử
Nay biết là đương thể
Lại hận mình lần lửa.

3. Tụng quán hạnh tức Phật:

Niệm niệm chiếu lý thường
Tâm tâm dứt trần huyễn
Khắp quán các pháp tánh
Không giả cũng không chân.

4. Tụng tương tợ tức Phật:

Bốn trụ tuy thoát được,
Sáu trần chưa đều không.
Trong mắt cũng có màng,
Trong không thấy hoa hồng.

5. Tụng phần chân tức Phật:

Rỗng tâm này khai ngộ,
Trống vắng tất cả thông,
Cùng nguồn cũng chưa hết,
Còn thấy trăng mong lung.

6. Tụng cứu cánh tức Phật:

Từ xưa chân là vọng,
Ngày nay vọng đều chân,
Chỉ phục lại tánh xưa,
Lại không một pháp mới.

Vô Lượng Thọ (Amitàyus)

Trí Luận nói: Vô lượng có hai: Một là thật vô lượng là các Thánh nhân chẳng thể lường như tánh hư không, Niết-bàn, chúng sanh là chẳng thể lường; hai là pháp có thể lường, chỉ sức yếu nên không lường được như núi Tu-di và biển lớn mà chỉ lấy hai giọt nước thì số đo lớn nhỏ chư Phật và Bồ-tát cũng biết được còn các trời người thì không thể biết, cho nên nói là vô lượng. Thế nên ngài Thiên Thai bèn lập bốn cú: Thật có lượng mà nói vô lượng Di-đà là đó. Thật vô lượng mà nói có lượng như phẩm này và Kim quang minh là đó. Thật vô lượng mà nói vô lượng,

như Niết-bàn nói chỉ có Phật cùng Phật thọ mạng vô lượng là đó. Thật có lượng mà nói có lượng như tám mươi tuổi nói Diệt là đó. Lại lấy ba thân đối phàm mà lập bốn cú. Cho nên Pháp Hoa sớ nói: Lại nữa pháp thân không phải có lượng không phải vô lượng. Báo thân kim cương trước có lượng, kim cương sau vô lượng. Ứng thân tùy duyên thì có lượng, ứng dụng chẳng dứt thì vô lượng. Chung đường nói lượng ba cứ ở Thánh, một cú thuộc phàm. Có lượng và vô thường đều không phải nghĩa Phật.

- Ế-thấp-phất-la-bạt-na (Aisvarasvana), dịch là tự tại đại thinh.

- Ca-la-cưu-thôn-đà (Krakucchamda), dịch là chỗ nên đoạn đã đoạn.

- Các bài thi:

+ Đường Thái Tông ở phần kinh Đài có thơ rằng:

Trước cửa vắng vẻ đầy rêu xanh
Một lúc lên đó lại bồi hồi
Trâu xanh bàn mãi Hàm quan đến
Ngựa trắng thân từ Ấn Độ đi
Xác thật thị phi theo lửa sáng
Yếu phần chân ngụy xây đài cao
Gió xuân giải hiềm bừa bãi,
Thối hết tro đạo giáo năm nay.

+ Đường Nghĩa Tịnh Tam Tạng đề thơ lấy kinh rằng:

Tấn Tống Tề Lương Đường thay nhau
Cao tăng cầu pháp lìa Trường An
Người đi trăm kẻ, mười về được
Kẻ sau mới biết khó người trước
Dường xa trời biết toàn giá lạnh
Sa mạc sông sâu sức héo hon
Hậu Hiền nếu nay chưa rõ ý
Hãy thường đem kinh mà đọc xem.

- Đề Hòa Việt, Hán gọi trời đất. Dịch nói: Trời đất bày vị mà trong đó dịch làm. Hệ Từ nói: Dịch cùng trời đất chuẩn, cho nên hay di luận Đạo thiên địa. Ngước thì nhìn Thiên văn, cúi thì xét địa lý. Bạch Hổ Thông nói: Trời nói là chân (trần), vì ở trên cao tự xuống vì người chấn (trấn giữ). Địa là dịch (đổi dời) là nói sanh vạn vật ôm ấp giao dịch biến hóa.

- Ca-lưu-bà-đà-thiên (Gajapada), đây là nói dấu vọi tự có mười chỗ.

- Chất-đa-la (Citra), dịch là Tạp địa.
- Ma-thâu, đây dịch là Mỹ địa, tên ba trời này đều ở bốn đỏa Tu-di.
- Năm nghiệp vô gián, Du già thứ chín nói: Một là hại (giết) mẹ, hai là hại (giết) cha, ba là hại (giết) La-hán, bốn là phá Tăng, năm là làm ra máu.
- Thi-lị-dạ-thần (Sriya) dịch là Cát tường.
- Anh-nga-la-ca (Amgàraka), dịch là Hỏa tinh.
- Bộ-đà (Budha), dịch là Thủy tinh.
- Vật-rị-ta-bạt-để (Vrhapati) dịch là Mộc tinh.
- Dư-nãi-dĩ-thất-chiết-la (Sanaiscara), dịch là Thổ tinh.
- Tuất-yết-la (Sukra), dịch là Kim tinh.
- Khư-lặc-ca, làm Thiên cốc mạch.
- Vật-già, đây gọi là Hồ đậu tức đậu xanh.
- Tắc-tất-lực-ca, đây gọi là Mục tú. Hán Thư nói: Nước Kế Tân có nhiều mục tú.
- Tát-xà-la-bà hoặc Tát-chiếc-la-bà, dịch là Bạch giao hương.
- Na-la-đà (Naradhara), Na-la chánh Dự lưu Nại-la dịch là người. Đà là Đa-la, dịch là trì. Hoa này rất thơm nên mọi người đều đeo. Nên gọi Người trì hoa.
- Mạt-lị (Malli, Maliì), dịch là hoa sắc vàng, sắc như vàng ròng.
- Cự-ma (Gomaya), dịch là Ngưu phấn (phân trâu bò).
- A-đề-mục-đa-già (Atimukaka), Tông Cảnh dẫn Nhiếp Luận nói: Cừ thắng xưa nay than, từ lâu chôn trong đất biến thành Cừ thắng. Người Tây Vức nếu muốn làm dầu thơm thoa thân thì trước lấy hoa thơm và hạt Cừ thắng gom lại một chỗ mà nghiền thật nát sau mới lấy dầu cừ mà ngâm thì dầu sẽ thơm.
- Giải thoát (Mahsa), Triệu nói: Mặc tình vô ngại, trần lụy không ràng buộc là giải thoát. Ngài La-thập nói cũng gọi là Tam-muội, cũng gọi là Thần Túc. Hoặc khiến sửa đổi dài ngắn to nhỏ dung nhau mà biến hóa tùy ý, ở pháp tự tại giải thoát vô ngại, nên gọi là giải thoát. Lại nói tâm được tự tại chẳng bị chẳng thể trói buộc, cho nên gọi là giải thoát. Tịnh Danh Sớ nói: Một là chân tánh, hai là thật huệ, ba là phương tiện. Cho nên kinh nói: Chư Phật Bồ-tát có giải thoát tên là Bất tư nghì. Nếu Bồ-tát trụ vào giải thoát này thì có thể lấy núi Tu-di cao rộng mà để trong hạt cải bé nhỏ, các thứ biến hiện khó lường, tức là nghĩa ba thứ giải thoát Bất tư nghì. Vì sao? Vì các Bồ-tát có giải thoát tức là chân tánh. Nếu Bồ-tát trụ vào đấy, tức là thật huệ có thể lấy núi Tu-di mà

để trong hạt cải v.v... tức là phương tiện. Đại Phẩm nói: Tâm được giải thoát tốt, thì tuệ được giải thoát tốt. Thùy Dụ nói: Tâm thoát là Cu, Tuệ thoát là tuệ.

- Trí Độ (Pràjnaparanita), La-thập nói: Cùng nguồn của Trí nên gọi là độ. Trong tiếng Phạm có nghĩa mẹ.

- Phương tiện (Upaya), La-thập nói: Trí Độ tuy lấy Minh Chiếu làm thể, thành tế vạn hạnh so với công dụng ấy thì chẳng bằng phương tiện làm cha. Trong tiếng Phạm có nghĩa cha. Phương tiện có hai thứ: Một là hiểu sâu về không mà không lấy tướng thọ chứng, hai là lý thật tướng sâu xa chẳng thể tin nhận nên phải cần phương tiện, dẫn dụ quần sanh khiến họ dần ngộ: Phương tiện nghĩa sâu mà công năng nên gọi là cha. Tịnh Danh Sớ nói: Phương là pháp riêng trí đến được. Tiện là dung quyền xảo của Bồ-tát, hay khéo dùng các pháp, tùy cơ mà lợi vật, nên gọi là Phương tiện. Kinh Khê nói: Trong Pháp Hoa sớ vì hiển thật nên phần làm ba giải thích, nghĩa là Pháp dụng và môn đều bí diệu. Nay đây bỏ hai chỉ lấy pháp dụng. Môn luận thú nhập, bí diệu khai quyền. Nay chưa khai quyền nên thiếu giải thích sau. Bất Thủ Môn là Bồ-tát có thể vào, Nhị thừa thì thiếu. Trong Bồ-tát lại ước đương phần phục trí truyền nhập, cho nên lại không nói, cứ theo lý cũng hợp. Dụng môn một ý lấy đương phần mà vào cùng pháp dụng là đồng, cho nên lại chỉ dùng pháp dụng một ý. Lại thông bí giáo, cũng có thể đầy đủ dụng kia ba ý. Luận Pháp Hoa Phương Tiện Phẩm Nho Thi có sáu nghĩa vì tư vô tư làm chỉ qui. Năm thời Thích giáo Khai Phật Tri Kiến là rốt ráo. Thật là hội cáo của một hóa, thật là cực tông của chư Phật. Giống như Thái Hư mà bao gồm các sắc, như bột giải để nạp các quần lưu. Do đó dùng ống dòm trời, lấy bầu rót pháp hải, thô nghiên vị ở chân thuyên, há Trần bày ở Đạt sĩ. Trước luận Phẩm Đề, kế nói Phẩm Nghĩa.

* Trước luận Phẩm Đề là kinh nói: Pháp chư Phật lâu sau phải nói chân thật. Văn đã bày (bác) phương tiện, thì đề phải gọi là chân thật. Sao dùng quyền danh (tên quyền) mà lập phẩm này như lấy bảng huyện mà để ở cửa châu. Lại Phật khởi Định tức tự nói chư Phật trí tuệ thậm thâm vô lượng. Đây bèn cùng khen quyền thật. Bậc Tiên Đạt bèn nói: Hoa này không có thì thôi nếu có thì hoa quả cùng đủ. Kinh này chẳng nói thì thôi nói thì quyền thật đều luận. Kinh đã nói hai, tên quyền thật sao chỉ riêng nêu phương tiện. Do đây mà nổi nghi. Tiên Đạt nối tiếp cùng lập bảy nghĩa để bày ý đề: Một là quyền có công hiển thật. Pháp vương trước hóa cơ duyên chưa chín thì ẩn thật bày quyền, lấy quyền che thật. Hội Linh sơn khéo nói khắp hội quyền thừa, quyết liễu pháp

Thanh văn là vua các kinh. Bí đó bị khai ở đây thành diệu, quyền này đã có công hiển thật, cho nên nhà kiết tập gọi là Thiện Quyền phẩm; Hai là Danh thiên mà nghĩa viên, nếu nêu chân thật thì trái phương tiện. Phẩm này tên quyền tuy Thiên kỳ thật pháp thể là viên cụ, bèn bày quyền thật đều tốt; Ba là Danh thể đều chẳng chuyển. Đây có bốn cú: một là danh chuyển mà thể chẳng chuyển. Như nói chính trực bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng. Cho đến cú bốn là Danh thể đều chẳng chuyển. Như nói chúng ta nay thật là Thanh văn. Danh chẳng chuyển nên gọi là phương tiện phẩm; Bốn là hiển khai quyền dứt đối đãi. Pháp Hoa khai quyền hiển thật, ngoài quyền không thật, pháp dụng hay thông đương thể bí diệu. Nếu nêu chân thật chỉ thành đối đãi nhau, là bày công tuyệt đãi nên gọi là Phương Tiện Phẩm; Năm là bảy giáo nói (thuyên) mê. Tổ nói: Tự không phải kinh nay, ai chịu khen giáo này nói (thuyên) mê. Do chỉ tâm mê nhiễm tức là tụ hành phương tiện, thì biết Đại quyền này có sức nói (thuyên) mê; Sáu là thi khai một chí, lúc xưa chỗ thi đã thi tức quyền của thật, ngày nay chỗ khai lại khai, tức là thật của quyền (quyền tức là thật), bèn thấy Thi Khai chẳng hai; Bảy là chọn khác kinh xưa, Tịnh Danh Báo Ân tuy đều lập tên Phương tiện, đã là quyền ở ngoài thể há là đồng với phẩm này đồng thể phương tiện. Từ xưa chỗ nói đều không ngoài bảy thứ này. Tiên Sư nói: Quán xưa nhiều nghĩa lỗi đến nay. Tự lập văn theo đây nguyên ý có hai nghĩa để nêu phẩm đề: Một là phụ văn là kinh gia lập hẩm phụ văn chỉ thú chung riêng phải phân bố. Vì sao? Vì năm chữ đầu đề, pháp thì quyền thật chung nêu dụ bèn hoa quả cùng nói, do đó ba vòng khai hiển, Bản Tích hai môn, một bộ văn thảy đều chẳng nêu ra (ở ngoài) pháp quyền thật. Phẩm này nếu lại cùng lập để nói quyền thật thì cùng Đề chung không khác; hai là Nguyên ý. Kinh này Khai quyền hiển thật mà ý ở quyền. Cho nên nói: Chư Phật quá khứ đã dùng vô số phương tiện đem các thứ nhân duyên các thứ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, pháp ấy đều là một Phật thừa. Không có quyền thì không do đâu mà nói thật được. Cho nên khiến cơ duyên tức ở pháp quyền mà hiểu chân thật. Cho nên nói chẳng chỉ chỗ khai thì không do đâu mà nói thật. Kể rõ Thi quyền ý ở tại khai. Cho nên Ký Chủ giải thích khai phương tiện môn để bày tướng chân thật. Bày (thị) nghĩa là chỉ bày chỉ cái chỗ thấy thật. Lại thấy chỗ thật ở đâu tại ở Thiên quyên phương tiện trước. Ngày nay nói phương tiện này có tướng chân thật phương tiện này đã tức thật bèn khác phương tiện kinh xưa cho nên được gọi là Bí diệu. Thế nên kinh gia đề tên phương tiện mới nói phương tiện tức là chân thật. Cho

nên Xá-lợi-phất nghi rằng vì sao ân cần khen ngợi phương tiện. Thì biết phương tiện thật là tên chung của Khai quyền, thật là tên lớn của hiển thật. Có người hỏi: Nay do Khai quyền mà gọi Phương tiện, thì Tịnh Danh đã chứa Khai quyền sao gọi phương tiện, đã gọi phương tiện sao quyền chẳng khai? Đáp: Kinh ấy nói phương tiện, thì Sớ nói: Phẩm này chính nói giúp Phật mở bày quyền mưu khéo léo, tùy cơ lợi vật khiến vào tuệ khởi căn, cho nên gọi là Phương tiện. Tuy nói Phương tiện, song cơ duyên ở đương Tòa sao (đâu) biết chỗ chứng cũng là phương tiện, cho nên tên phương tiện xưa là quyền chưa khai.

* Kế luận về phẩm nghĩa: Tổ ta dự giải thích phẩm đề bèn lập pháp dụng, hay thông Bí diệu ba thứ phương tiện, nay trước chỉ chung, sau mới nói riêng. Lại chỉ chung, thì ba phương tiện này, hai cái trước là từ giáo xưa, một cái sau là thuộc kinh nay.

1/ Gọi là Pháp dụng, thì phương là pháp, Tiện là dụng, pháp có phương viên, dụng có sai hội. Ba quyền là cũ là phương, một thật là qui là viên. Ký nói: Trước ước năng dụng ba giáo được tên. Pháp là sở dụng, dụng là năng dụng. Tuy pháp và dụng đều thông bốn giáo nhưng chỉ có phương viên sai hội khác nhau. Cho nên phương tiện từ quyền mà lập tên. Quyền chẳng tức thật, cho nên đối biện xưa thành quyền ngoài thể không phải là ý phẩm này. Trong Văn nêu viên, tức thuộc chân thật đối nhau mà đến.

2/ Gọi Năng Thông Sớ nói: Lại phương tiện là môn, môn gọi là Năng Thông, thông ở sở thông phương tiện quyền lược đều là lộng dẫn chân thật làm môn. Chân thật được hiển thì công do phương tiện từ năng hiển mà được tên. Ký nói thứ lớp hai giải thích quyền thuộc Năng thông, ba giáo cũng được tên là phương tiện. Song tuy chẳng tức dùng năng vì viên mà làm thuyên xa. Vì viên của sở thuyên cũng mang cả Năng thuyên làm phương tiện. Cho nên biết đều không phải ý của phẩm này. Lại nói nay dùng ba nói (thuyên) một, ba là vì một thật làm cho nên ba gọi là năng thuyên. Ấy thì ba giáo trước giáo hành nhân lý (thì ba cái trước, giáo giáo v.v...) đều là Năng thuyên. Lại nói chẳng phá chẳng tức, từ quyền vào thật nên được tên tu. Nếu ở tiền hai vị ba giáo lợi căn Bồ-tát là có hiển lộ mà được, còn Nhị thừa hai giáo chỉ bí mật mà được. Vì do được vào nên liền gọi là môn.

3/ Gọi Bí diệu, Sớ nói phương là bí, tiện là diệu, diệu đạt ở phương tức là chơn bí, điểm châu vô giá giấu trong áo cùng với châu trên đầu vua chỉ là một châu, không hai không khác. Như đây mà nói là bí là diệu. Như kinh nói chỉ ta biết tướng ấy, mười phương Phật cũng thế.

Thôi thôi không cần nói nữa, pháp ta diệu khó lường. Cho nên dùng Bí mà giải thích phương, dùng diệu mà giải thích tiện, chính là ý của phẩm này.

Ký nói: Đến giải thích thứ ba phương bèn là ba quyền tức là một thật chỉ đây tức quyền của thật mới gọi là phương tiện kinh này. Lại nói giải thích thứ ba tức là y của phẩm này. Chỉ hai giải thích trước ở xưa chỉ được tên thiên tên môn. Bí mà không nói, nay khai Thiên môn ấy, tức Viên sở (viên là chỗ vậy?) vậy. Cho nên nói Bí diệu. Hiển lộ bày rõ nên nói là chơn bí. Có người hỏi: Diệu Lạc Ký nói: Tức quyền mà thật làm thể sở y, tức thật mà quyền, làm thể của đương thể. Chẳng xét tên Bí diệu thứ ba, là từ Sở y mà lập tên hay từ đương thể mà được tên. Đáp: Đây do đương thể tức thể sở y cho nên nói bỉ Bí bị khai ở nay thành Diệu. Lại nói: Văn thứ ba cũng khai hai trước không Năng không sở cho đến Năng thông, đều khai thành sở, trong sở khéo léo gọi là phương tiện. Cho nên Diệu phương tiện khác với phương pháp và Năng thông môn. Lại nói: Cho nên cách viên của thiên, cũng có phương tiện trong thể, nên gọi là Bí diệu. Tên Bí diệu giống như đồng cái thứ ba, song ý nó thì khác. Vì sao? Vì cái thứ ba chính dùng khai hiển làm diệu. Trong đây bèn dùng riêng viên làm diệu. Nay chọn xưa nay Bí diệu khác nghĩa. Nghĩ kỹ Tổ ta kính lập ba giải thích. Nếu không có hai cái đầu, há có thể bày làm sen. Cho nên Hoa dùng Thi quyền nếu thiếu cái thứ ba, sao (há) lại hiển hoa nở sen hiện mà hiển thật. Thể khắp một hóa, diệu bày bảy nhóm không phát tổng trì chỉ nói nghĩa này, tán ngưỡng kiên cao ta thán chẳng đủ. Kế nêu giải thích riêng. Nếu ước Bộ giáo thì hai cái đầu thuộc giáo xưa, pháp dụng năng thông đều khác thể quyền một cái sau thuộc kinh nay. Bí diệu phương tiện gọi là Đồng thể quyền, định Bí diệu phương tiện này tướng phá hiển, tiên đức di huấn hoặc định là sở phá: Một cứ vào Liên Hoa khai dụ (dù hoa sen nở), nguyên ý Phật ra đời là hiển thật, do có chưa kham nổi nên quyền thi giáo xưa. Đây là thí dụ cho hoa đào lý cho đến hoa pháp. Pháp đã thuần viên tuyệt diệu bèn chỉ hoa sen mà lập ba dụ: Một là vì sen nên có hoa ví như vì thật mà thi quyền, bởi bốn thời chưa nói thi quyền. Đây gọi là dị thể. Nay Vô Lượng Nghĩa đã nói từ một đạo thanh tịnh mà bày hai, ba, bốn gồm thâu dị thể xưa làm Đồng thể nay. Quyền đã từ thật mà thi, cho nên cùng như vì sen mà có hoa; hai là hoa nở thì sen hiện, đây là khai quyền hoa câu đầu, bèn hiển sen thật câu hai. Cho nên trong năm Phật chương đều có hai khoa Khai quyền Hiển thật. Khai quyền là văn kể giáo xưa xem là chỗ Hiển thật. Cho nên đồng thể với kinh Vô Lượng Nghĩa, nay bị hiện

tại phá; ba là hoa rụng thì sen thành, đây là dụ bỏ quyền lập thật, đều bỏ tự phần tức quyền của thật. Riêng lập chánh tông tức thật của quyền. Kế bằng vào nghĩa quyền tạm dùng thì quyền gọi là quyền tạm. Dụng đã lại bỏ thật gọi là thật lục, rốt ráo chỉ qui thì biết mười đôi quyền đều là sở (lo) phá. Như tâm ý thức đã là sự quyền há thuộc sở hiển ư? Ba là chuẩn theo Tổ sư định giải, như Phụ Hành nói: Hiểu quyền búi tóc của đồng thể cùng với châu sáng của thật tướng. Lại nghĩa lệ rằng: Như dẫn bộ Pháp Hoa chỉ là một Thật văn kể giáo xưa xem là Sở khai. Đã nói bộ chỉ một thật cho nên Đồng thể quyền làm sở phá. Tôi xem các tiên đức phá Đồng thể quyền, một là mê mà lập dụ, hai là muội mà khai quyền.

- Trước mê lập dụ: là vì sen nên có hoa. Như Đại sư nói: Là mười điệu thì mở ra mười thô như là vì sen nên có hoa. Đây ước pháp Thể dụng ở xưa đều thuộc Thô pháp. Vì sao một mực? Xem là vì sen nên có hoa, đều dụ Diệu pháp. Bèn thấy năng thí lập dụ lộn lạo thứ tự, sở huống là thật. Quyền Thi mới bắt đầu từ Hoa Nghiêm, cuối cùng ở Bát-nhã đều là cách trải ba đế, đều là thật của Pháp Hoa mà thi quyền bốn thời ba giáo, cho nên gọi là Thật thi quyền. Nếu riêng ở câu này dụ kinh Vô Lượng Nghĩa thì bày pháp được dụ thiếu sót vật.

- Hai là muội khai quyền: Bốn thời ba giáo ngoài thể hóa tha, cơ chưa thuần thục, che quyền nói thật nên không rốt ráo. Thuộc dị thể thô đến nay mới chỉ xưa chưa chân thật. Chấp giáo thiên tình đã khiển, tức biết đương thể vốn diệu. Khai pháp hóa tha này toàn là quyền tự hành quyền thật chẳng hai, bèn gọi là Đồng thể. Cho nên Tổ sư nói: Đã hiển thật rồi thì toàn quyền là thật chẳng thể nói quyền không rốt ráo. Huống Tổ sư nói: Ai chịu lấy ba cõi thức tâm hữu lậu mà làm chỗ Phật khen ngợi. Đã là chỗ Phật khen ngợi sao không được hiển.

Kế định Sở hiển, là Nam Bình một Tông đều nói: Thế Tôn xưa trù tính lâu mới Chuyển pháp luân, cơ được hóa đã tạp, giáo được thí thì bất nhất (chẳng phải một). Tuy nói ba giáo mà chẳng nói đây là quyền tức thật. Tuy nói viên thừa mà chưa nói đây là thật, tức quyền. Quyền thật đều đậu, lớn nhỏ cách nhau, thế nên giáo xưa gọi quyền dị thể. Sau ở hội Linh Sơn tuyên nói Diệu Pháp Hoa, Khai Pháp Ẩn Bí xưa làm giáo vi diệu nay. Quyền thật viên dung nên gọi là Đồng thể. Pháp đã Thô diệu tương tức Phật hóa sự lý đều viên. Nếu làm sở phá bèn thành khai diệu. Cho nên Văn Ký nói: Giải thích thứ ba tức khai hai thứ trước không năng không sở cho đến Năng thông đều khai thành sở. Có thể chứng Bí diệu mà không Sở khai. Như ba dụ hoa sen là văn của Phụ

Hành. Lại có năm sư tiêu thích nghĩa khác:

Một là nói Đối luận tự luận có khác. Nếu ước Thiên viên đối nhau. Dị thể là sở phá, đồng thể là sở hiển. Lệ vào ba giáo trước, hoặc hoặc phải đoạn hết, Viên giáo thì ba hoặc chẳng đoạn. Ở viên tự luận thì phải đoạn bốn mươi hai phẩm. Cho nên Đồng thể quyền cũng thuộc sở phá. Nay nói Thiên viên mà đối luận thì ba thứ trước gọi là quyền viên giáo thuộc thật, sao được Đối luận liền dùng Viên giáo gọi là Đồng thể quyền thì chẳng cần phá ư? Lại nay khai quyền hiển thật, khai thiên là viên, chính phải thiên viên đối luận, lại dùng hoa sen ba dụ, gọi đó là Viên giáo tự luận phá Đồng thể quyền, tức hiển kinh nay đều không có sức khai quyền ư?

Hai là nói cơ tình Phật ý, cơ tình tuy khai dị thể, Phật ý tức là Đồng thể. Nay nói khoa tiết chỉ ở kinh này. Phật ý không thích kinh nay. Căn cứ theo ý tổ, đối cơ khai hiển tuy nói ở Pháp Hoa. Nhưng mật ý của Phật thì đều khắp bốn thời. Ấy thì cơ tình Phật ý chính ước nói xưa, nếu ước nghĩa xưa để dứt (đoán?). Kinh này, nó cũng muốn đến Hồ Nam diệu hành tắc Bắc, tâm tuy thiết nhưng đường càng xa.

Ba là nói pháp tự diệu, thô là do vật tình, tuy khai quyền dị thể, kỳ thật là pháp thể, vốn tự vi diệu tức là Đồng thể. Nay bảo như Ký Chủ nói: Chỉ khai tình ấy lý tự như xưa. Lại nói: Khai chỗ khai nào tức há năng phú. Đã chỉ phá tình năng phú sao từng khai pháp sở mê.

Bốn là nói ước khai cánh thuyết, đem Phụ Hành mà giải quyền Đồng thể búi tóc đã điểm Tích môn mà lưu thông kinh. Đây là ước dị thể đã khai thành Đồng thể cánh. Nay bảo An Lạc Hạnh phẩm, văn tuy ở dụ sau bèn hiển đặc điểm trước Chánh tông khai thô hiển diệu, đây nói vô thỉ là lời hư dối.

Năm là nói Đồng thể là sở khai thì ý bày Dị thể cũng chẳng thể phá. Lời này sóng mạnh, ta kinh sợ lời ấy cũng như sông Hán vô cực (mênh mông) vậy. Nay hỏi người xưa, do các sơn gia tối tăm (mê muội), văn nghĩa mà luận khai quyền mà lời rườm lý ít. Nay so sánh các văn, khiến băng tan mà giải thích khác đường cùng về một nơi

1- Giải thích dụ, xưa biện hoa sen hoặc chuyên dụ diệu hoặc gồm so thô. Nay rốt chỗ diệu đã có quyền thật bèn hiển quyền thật cũng thông thô diệu. Nay trước phân sở dụ quyền thật, sau luận năng dụ thô diệu. Phân quyền thật là đề khế (nêu) cương yếu gồm có năm nghĩa: Một là nhân quả, hai là 9.1, ba là xưa nay, bốn là chân tục, năm là bản tích: 1/ Nhân quả mà phân, là trong mười phương giới thì bảy thứ trước thuộc nhân là quyền, hai thứ kế thuộc quả báo là thật; 2/ 9.1 mà phân

quyền thật, thì Diệu Huyền nói: Thô dụ các hoa khác là 9 pháp giới, mười thứ (cái thứ mười) là nhân quả. Diệu Dụ hoa này là Phật pháp giới mười thứ là nhân quả; 3/ Ước xưa mà phân, lấy xưa là quyền làm nay là thật. Cho nên Diệu Huyền nói: một là vì sen nên có hoa, thí là thật thì (làm) quyền. Tuy nói các thứ đạo, kỳ thật là Phật thừa; 4/ Ước chân tục mà phân, không trí chiếu chân là thật giả trí chiếu tục là quyền, Trung Trí song chiếu là cũng quyền cũng thật. Trung Đạo song vong là chẳng quyền chẳng thật. Cho nên Diệu Lạc nói: Vì đối xưa nên phải làm bốn cú luận chung về Đại cương pháp tướng tuy như thế................. Một bán (một nửa) gọi là Phương Tiện Phẩm. 5/ Bản tích mà phân, như bài tựa này nói: Chỉ sen mà dụ cho Bản quả lâu xa, hiểu Viên đạo chẳng hai lấy hoa mà thí dụ. Quyền thật tuy thông năm nghĩa. Nay chỉ ước giới và bộ giáo, để luận Khai Quyền. Kế nói Năng Dụ Thô Diệu. Bài Tựa Huyền Nghĩa nói Hoa sen: một là sen nên dụ hoa là thật thì (làm) quyền; hai là hoa nở thì dụ cho Khai quyền, sen hiện là dụ cho hiển thật; ba là hoa rụng là dụ cho bỏ quyền, sen thành là dụ cho lập thật. Thường trải ba dụ dẫn mà nêu ra. Lại phàm dụ hoa sen nói ở kinh nay vốn là ví (huống) với Diệu pháp. Mà ngài Thiên Thai trước lấy vì sen nên có hoa một câu đã dụ là Thật Thi Quyền. Ước pháp thể này dụng ở lúc xưa thì hoa dụ cho thô pháp. Cho nên Diệu Huyền nói: Lại các giáo quyền thật chưa dung là quyền, đã dung khai quyển hiển thật là thật. Do xưa phó cơ mà quyền đè (giấu) ở thật bèn nói là Dị thể. Do đó kinh nay phá thiên tình nay, bèn nói: Tuy nói các thứ đạo kỳ thật là Phật thừa, Thế Tôn đã nói là thật thị (làm) quyền Tổ ta bèn lập dụ vì sen mà có hoa. Căn cứ lời này ở kinh nay mới nói thật thì quyền, bậc lợi căn liền biết quyền này tức thật. Do kinh Vô Lượng Nghĩa từng nghe quyền này từ thật sanh ra. Đã phá cái thấy Di thể. Chỉ vì chưa khai hiển nên kẻ độn căn phải nhờ câu thứ hai: Hoa nở dụ cho khai quyền, sen hiện dụ cho hiển thật. Cho nên nói khai phương tiện môn bày tướng chân thật. Ký Chủ giải thích rằng: Chỉ thật là quyền, quyền giấu (am) ở thật gọi là đóng cửa phương tiện. Nay chỉ quyền là thật, ở quyền thấy thật gọi là mở cửa phương tiện. Đây điểm pháp dụng năng thông đều thành Bí diệu. Ba hoa rụng là dụ cho bỏ quyền, sen thành là dụ cho lập thật. Lại nói: Chánh trực bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng. Đây là do bốn thời ba giáo đương thể bí diệu khai rồi không ngoài Thô pháp chẳng còn, nghĩa phải ở bỏ, ước pháp tuy khai phế (bỏ) đồng thời, ước dụ bèn trước khai sau phế (bỏ), nên phần làm ba cú, nêu trước sau có thứ tự.

2- Giải thích kinh rằng khai cửa phương tiện chỉ tướng chân thật.

Người xưa dẫn chứng Khai đồng thể quyền, phải hiểu hai chỗ dẫn dụng của Tổ sư. Sớ chứng phương tiện năng thông. Nay lấy nghĩa môn từ môn Năng thông của ba giáo trước mà vào viên sở, cho nên nói mở môn (cửa) phương tiện. Ký chủ bèn nói: Ở xưa chỉ được tên Thiên tên môn, không phải nói ở đó đã nói khai môn (mở cửa). Như trong Huyền Nghĩa đã chứng khai quyền là đã ở phương tiện liền thấy chân thật, cho nên lấy chứng này mà khai tướng quyền.

3- Giải thích Phụ Hành giải quyền búi tóc Đồng thể cùng minh châu thật tướng. Do An Lạc Hạnh ước vua ban thưởng dụ cho Phật trao đạo. Cơ xưa cùng Ma đánh nhau vi có công ấy chỉ ban pháp Thiền định giải thoát, như thưởng ruộng nhà. Pháp Hoa phá lớn lưới ma đến Nhất thiết trí. Như vua mở lấy châu trong búi tóc mà ban cho. Lúc xưa quyền dấu (am) ở thật, như tóc che giấu châu. Ở cơ chẳng biết là quyền, dụ Dị thể đóng lại. Kinh nay phó cơ chỉ quyền pháp của ba giáo xưa toàn là phương tiện bí diệu. Cho nên quyết pháp Thanh văn tức là vua các kinh kinh đã lấy vua dụ Phật, ước Phật khi khai Dị thể không phải là Đồng thể. Cho nên nói mở (hiểu) búi tóc quyền của Đồng thể.

4- Giải thích nghĩa, lệ như dẫn bộ Pháp Hoa chỉ là một thật. Văn kể giáo xưa xem là sở khai. Thiên Trúc (Thiên Thai) dẫn bộ này chỉ một thật chứng mà phá Đồng thể. Nay bảo chỗ kể Thô pháp đã điểm là Diệu. Tướng quyền thật tức năng sở viên dung, cho nên nói Pháp Hoa chỉ là một thật.

5- Giải thích khoa mục, năm chương môn Phật đều có khai quyền hiển thật hai khoa. Bốn thứ trước thì trước khai quyền kế mới hiển thật. Nay Phật bèn trước hiển thật kế mới khai quyền.

Thiên Trúc (Thiên Thai) bèn nói khai quyền là văn kể giáo xưa, hiển thật bèn phá quyền Đồng thể. Nay nói khi mới khai quyền thì ý đã hiển thật. Chỉ ước nói thứ lớp. Khai quyền là nói chưa hiển thật, hiển thật mới hiểu là khai quyền. Lập ngôn thùy phạm bèn phân hai khoa cho nên Pháp Minh Giảng Chủ nói: Nói không đều ngoài (ra). Lời không nhanh nói có ý khác chăng? Ta mộ di giáo của Pháp vương, học mà luôn tập luyện, bèn bao quát cả luận Cổ kim để nghiên cứu đạo quyền thật. Tuy chẳng đủ phẩm thao uyên lưu thứ cũng không trái thương xác. Biên soạn này tặng Hậu Hiền nguyện được khai Phật tuệ.

- Sát-ma (Ksetra), dịch là Thổ (Đô) Điền (ruộng đất). Anh Lạc nói: Thổ là chỗ ở của Hiền thánh. Thiên Thai giải thích Duy-ma Phật quốc nói: Chư Phật lợi vật vô lượng vô biên, nay lược có bốn: Một là Nhiễm tịnh quốc, là phàm thánh cùng ở; hai là Hữu dư quốc, là người

phương tiện ở; ba là Quả báo quốc, thuần là pháp thân ở, tức là cõi Nhân-đà-la Võng Vô Chướng Ngại; bốn là Thường tịch quang, tức là chỗ ở của Diệu giác. Tên bốn độ này tuy phát từ Trí giả, nhưng nghĩa của bốn độ vốn chép trong các kinh luận. Nay nêu di giáo lược khai bảy môn: một là Bằng văn, hai là Thích danh, ba là Biện nghĩa, bốn là Định thể, năm là Thị tướng, sáu là Đối thân, bảy là Giải hoặc.

1) Bằng văn (dựa theo văn), kinh Duy-ma nói: Tùy chỗ hóa độ chúng sanh mà lấy Phật độ, tùy chỗ điều phục chúng sanh mà lấy Phật độ, tùy các chúng sanh đáng dùng cõi nước nào mà vào trí tuệ Phật, tùy chúng sanh đáng dùng cõi nước nào mà khởi căn Bồ-tát. Ngài Thiên thai giải thích rằng: Nếu đối bốn độ thì rõ ràng tương tợ. Nếu riêng nêu thì như Tư Ích kinh nói: Cõi nước ở phương Đông có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Quang, có Bồ-tát Phạm Thiên tên là Tư Ích bạch Phật rằng: Con muốn đến thế giới Ta-bà Phật bảo: Có thể đến. Ông nên lấy mười pháp mà đến cõi ấy. Đây là Tịnh Thánh dạo cõi uế. Lại Trí Luận nói: Uế độ (cõi uế) trước bày ba thừa sau mới hiển một thừa, Ta-bà là đó. Tịnh độ trước bày thừa sau mới hiển một thừa, An Dưỡng là đó; Hai là cõi Hữu dư, như kinh Pháp Hoa nói; Ta ở các nước khác làm Phật lại có tên khác. Trí Luận nói: Có Tịnh độ Phật ở ngoài ba cõi, mà không có tên phiền não, do đó cõi nước Phật này chỉ nghe kinh Pháp Hoa; Ba là cõi Quả báo, như Nhân Vương nói: Ba Hiền mười Thánh trụ ở cõi Quả báo, chỉ cho một mình Phật là ở Tịnh độ; Bốn là Thường tịch quang, Phổ Hiền Quán nói: Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na, chỗ Phật ấy ở gọi là Thường tịch quang.

2) Thích danh (giải thích tên): Một là Nhiễm tịnh Đồng cư độ, Nhiễm tịnh có ba thứ: một là Mê ngộ mà phân, thì chín giới kia là mê nghịch, gọi là Nhiễm. Phật giới là Thuận Ngộ, gọi là Tịnh. Như Diệu Lạc nói: Vì ước tùy duyên, mà duyên thì có Nhiễm tịnh. Lại Bất Nhị Môn nói: Pháp tánh cùng vô minh khắp tạo các pháp gọi đó là Nhiễm, vô minh cùng pháp tánh khắp ứng các duyên, gọi đó là Tịnh; hai là Tình lý mà phân, Bất Nhị Môn nói: Cho nên biết sát-na nhiễm thể đều tịnh. Chỉ Yếu nói: Nay lấy Nhiễm tịnh ước tình lý mà nói; ba là Phàm thánh mà phân, Tịnh Danh Sớ nói: Sáu đạo bỉ uế nên gọi là Nhiễm, ba thừa thấy chân nên gọi là Tịnh. Ba, sáu cùng trụ ở Nhiễm tịnh Đồng cư. Hỏi: Bất Nhị Môn nói: Trong lý một mà phân tịnh uế, riêng thì có sáu uế bốn thành, chung thì mười thông Tịnh uế, song Nhiễm tịnh tịnh uế này Văn Tâm giải rằng: Nhiễm tịnh là từ Mê Ngộ Thể Dụng mà nói: Tịnh uế ước Phàm thánh giới như mà biện. Nay gọi Tịnh gọi nhiễm, tịnh thì chính

ước Phàm thánh mà phân. Vì sao Tịnh Giác liền nói: Tịnh Uế nước phàm thánh giới như mà biện. Lại Thùy Dụ nói: Gọi Nhiễm tịnh mà ước với chánh, gọi Nhiễm tịnh mà ước với y. Hai độ phàm thánh cùng ở gọi chung là Nhiễm tịnh. Cõi này cát đá dẫy đầy nên riêng chịu tên uế, còn cõi kia vàng báu trang nghiêm nên riêng được tên tịnh. Nay gọi Tịnh thì Sớ nói bốn thú cùng ở nên gọi là uế, không có bốn thú ở nên gọi là Tịnh. Đây là từ Chánh báo mà lập tên Y báo. Vì sao Cô Sơn lại nói tên Nhiễm tịnh là ước chánh, tên Tịnh uế là ước y. Phải biết Nhiễm tịnh là từ phàm thánh mà lập tên, còn Tịnh uế là ước cảnh Y chánh mà lập hiệu. Hỏi: Đã từ Nhiễm tịnh mà lập tên Đồng cư. Lại có cũng từ Tịnh uế mà lập tên Đồng cư ư? Đáp: Nhiễm tịnh là tên chung, Tịnh uế là tên riêng. Cho nên Thùy Dụ nói: Cõi này tức cõi nước tịnh uế An Dưỡng tức là tất cả Nhiễm tịnh. Cho nên biết Đồng cư chính là từ Nhiễm tịnh mà lập. Nếu từ nghĩa chung (thông) như trong Tịnh Danh nói Thân Tử (Xá-lợi-phất) thấy uế, còn Phạm vương thấy Tịnh thì chính là Ta-bà Tịnh uế Đồng cư. Lại Bà-sa nói: Nếu người gieo trồng thiện căn có nghi thì hoa không nở, người tín tâm thanh tịnh thì hoa nở liền thấy Phật. Đây là An Dưỡng Tịnh Uế Đồng Cư, tùy thông nghĩa này nhưng tên không phải chánh lập. Cõi Nhiễm tịnh này cũng gọi phàm thánh Đồng cư. Tịnh Danh Sớ nói: Nhiễm tức là phàm, Tịnh tức là thánh. Như Sớ văn nói: Phàm thánh đều có hai. Phàm cư có hai: Một là ác chúng sanh, tức là bốn thú; hai là thiện chúng sanh, tức là trời người. Thánh Cư có hai: Một là thật, hai là quyền. Thật là bốn quả và Bích-chi Phật, Thông giáo sáu Địa, Biệt giáo mười trụ, Viên giáo mười tín. Thông hoặc tuy đã đoạn nhưng báo thân cũng còn; hai là quyền thánh, Phương Tiện Hữu Dư ba thừa chịu thân khắp chân pháp tánh, vì lợi kẻ có duyên nguyện sanh cõi Đồng cư dều là quyền cả, các Thánh nhân này cũng phàm đồng ở, nên gọi là Phàm thánh Đồng cư; hai là Phương Tiện Hữu Dư Độ, nói phương tiện, là như Thiền Môn nói: Khéo léo tu tập nên gọi là phương tiện. Đây có ba nghĩa: một là chân trung. Tịnh Danh Sớ nói: Nhị thừa ba thứ Bồ-tát chứng phương tiện Đạo đến ở. Phụ Hành nói: Sở dĩ ở phương tiện vì đều thuộc không biên; hai là chân tợ, Diệu Huyền nói: Biệt Viên Tợ giải (hiểu) chưa phát chân tu đều gọi là tác ý; ba là Khắp Viên, Diệu Lạc nói: Đều lấy ba giáo mà làm phương tiện. Tuy thông ba nghĩa chánh là từ Chứng chân mà lập tên phương tiện. Nói Hữu dư, thì Quán Kinh Sớ nói: Vô minh chưa hết cho nên nói là Hữu dư. Tịnh Danh Sớ nói: Nếu tu hai quán đoạn hết thông hoặc mà hằng sa Biệt hoặc vô minh chưa đoạn, bỏ thân phần đoạn này mà sanh ra ngoài cõi, chịu thân pháp tánh,

tức có cõi ở cho biến dịch, gọi là cõi Hữu Dư, cũng gọi là Quả báo. Như Phụ Hành nói: Thông có do nhân mà cảm Quả báo chưa vào Thật báo. Lại nói: Văn nay lại nói: Báo cảm được khắp không khắp giả thì chẳng bằng Sơ trụ trở lên ở Quả báo độ. Lại gọi pháp tánh, như Trí Luận nói: Chịu thân pháp tánh, không sanh phần đoạn; ba là quả Báo độ, Tịnh Danh Sớ nói: Chỗ báo thân ở, Y báo tịnh quốc, gọi là Quả báo độ. Phụ Hành nói: nói Quả báo là từ quả báo mà làm tên, cũng gọi là Thật báo. Quán Kinh Sớ nói: Làm pháp chân thật cảm được Thắng báo (quả báo tốt). Tịnh Danh Sớ nói: Vì Quán thật tướng mà phát chân vô lậu mà được quả báo nên gọi là Thật, cũng gọi là Diệu báo. Như Phụ Hành nói: Chỉ có Biệt viên, Sơ địa, Sơ trụ, là được diệu quả báo, lại gọi là Thắng diệu báo. Như Chỉ Quán nói: Trái tức là Nhị biên quả báo, thuận tức là Thắng diệu quả báo, cũng gọi là Vô chướng ngại. Quán Kinh sớ nói: Sắc tâm chẳng ngại (hại) nhau, nên gọi là Vô chướng ngại. Tịnh Danh Sớ nói: một thế giới nhiếp tất cả thế giới, tất cả thế giới cũng như thế. Đây gọi là Thế giới hải, cũng gọi là thế giới Vô tận tạng; Bốn là Thường tịch quang, Quán Kinh Sớ nói: Thường tức là pháp thân, tịnh tức là giải thoát, quang tức là Bát-nhã. Đây vì chẳng dời chẳng đổi gọi là Thường, lìa có lìa không gọi là Tịch, chiếu tục chiếu chân gọi là quang, cũng gọi là quả báo. Như Văn Cú nói: Đồng cư, Hữu dư tự thể nó đều là chỗ quả báo của Diệu sắc Diệu tâm. Ký nói: Cho nên biết ba độ đều là chỗ Báo sắc tâm chứng đạo. Tịch Quang đã khắp gió na cũng khắp, đây vì quả báo của Diệu sắc Diệu tâm. Hỏi: Như Phụ Hành nói: Nay luận cảm báo, không luận Tịch quang, cứ theo Tịch quang này há gọi là quả báo ư? Đáp: Chỗ nói Tịch quang không phải là quả báo, là vì ba nghiệp đã dứt tột, nghiệp báo đều mất. Do đó Tịch quang Thân độ đều nhất. Tuy không phải là báo hoặc nghiệp mà là quả của nguyện hạnh. Tịnh Danh Sớ nói: Tu nhân hạnh nguyện của Viên giáo, khi Nhân cực quả mãn thì Đạo thành Diệu giác mà ở Thường tịch quang. Hỏi: Như Thùy Dụ nói: Trung Hạ Tịch quang nhiếp ở quả báo, không xét bốn mươi mốt Địa sanh Thật báo độ, vì sao mà được tên Tịch quang? Đáp: Tịnh Danh Sớ nói: Bốn mươi mốt địa trước nếu ước quả báo thì gọi là sanh Thật báo độ, phần kiến chân lý gọi là Thường tịch quang. Lại ký ấy nói: Ước báo mà luận sanh, thế nên hữu biên luận ở quả báo, ước Sở nhập biên thì không phải quả báo. Chỉ Sở nhập biên thì là kiến chân gọi là Thường tịch quang.

3) Biện Nghĩa, đây ước Giáo Môn biện nghĩa Độ lại mở năm môn: Một là luận thể dụng: Tịch quang là thể, ba độ kia thuộc dụng. Như Thích châm nói: Chư Phật lý tịch, thần không nơi chốn, cảnh sở y

trống vắng nên gọi là Thường tịch quang. Thế nên cát đá hay trân bảo tùy chỗ sanh mà cảm lại Phụ Hành nói: Thường tịch quang độ, pháp thân thanh tịnh không có chỗ trang nghiêm, không thể trang nghiêm. Vì chúng sanh mà lấy ba độ; Hai là luận sự lý. Tịnh Danh Sớ nói: Tịch quang là lý, ba độ kia là sự. Đây bèn đối phân sự lý, nếu đều phân sự lý. Như Tịnh Danh Sớ nói: Các độ không cấu, Tịch quang không tịnh. Rốt ráo không nói mà nói các độ là cấu, Tịch quang là tịnh. Ký nói lý luận bất đương (không đúng). Cầu cùng Tịnh là ước sự mới có, còn Tịch quang thì luôn tịnh; Ba là luận Năng sở. Kinh Khê ký nói: Chỉ lấy Tịch quang mà làm sở thành, tức lấy ba độ mà làm năng thành. Cho nên sở thành chỉ một, năng thành có ba. Ấy thì năng sở là việc riêng; Bốn là luận phàm thánh. Theo Tạp Biên nói mười giới đối độ có hoành có thụ. Nếu thụ mà đối thì đng cư là sáu phàm, Phương tiện là Nhị thừa, Thật báo là Bồ-tát, Tịch quang là Phật quả. Nếu hoành mà đối thì Đồng cư có mười là phàm thánh Đồng cư vậy. Phương tiện có bốn, vì không có sáu phàm. Thật báo có hai vì không có Nhị thừa. Tịch quang chỉ một vì không có Bồ-tát; Năm là luận tịnh uế Tịnh Danh Sớ nói: Các độ là cấu, Tịch quang là tịnh ba hoặc che lấp nên gọi là cấu, ba đức hiển tột nên gọi là Tịnh. Đây ước bốn độ mà đối luận. Nếu đều phân, thì Quán Kinh Sớ nói: Năm trược nặng nhẹ Đồng cư Tịnh uế. Diệu Tông giải thích rằng: Tịnh này rất thông (chung) cần biết ý riêng. Như kẻ giới thiện thì bốn giáo phàm vị đều có thể khiến năm trược mỏng nhẹ. Mà Viên Quán nói: trược nhẹ thì cảm được Đồng cư tịnh, y chánh rất tịnh. Như kinh này nói: Địa quán trở đi mỗi mỗi tướng trạng so với các kinh khác tu các hạnh thiện thì cảm được An Dưỡng Độ, tướng nó rất khác các cõi trời. Tạp Biên lại nói: Từng quán ngoài cổ âm tướng độ sáu kinh, kỳ thật là một. Nếu có y báo lớn nhỏ chẳng đồng, nhưng đây là nghĩa Như Lai khéo léo phó cơ tùy thời. Bởi do tâm tưởng phàm phu yếu kém chưa thể quán lớn được nên phương tiện hiện nhỏ làm cảnh phát quán. Nếu sanh độ ấy chỗ thấy đều lớn. Nay hỏi Tiêu xuyên đã thiên sao được thắng quả, không phải riêng bày ngẩu báo của người tu hay cũng nếu Thế Tôn là nói dối. Nhân quả chẳng phải loại nói dối thể khéo vụng Hữu dư Tịnh uế. Khan Chánh Ký nói: Người thông thể sắc tức không nên khéo. Người Tạng phiến sắc nói không nên vụng. Diệu Tông nói: Thể quán cảm tịnh chẳng chuyên người thông, diễn môn ba giáo đối ba tạng vụng, đều nói thể pháp. Thông chỉ không thể, Biệt thì thứ lớp thể, Viên thì bất thứ thể. Ba người sanh đó đều cảm tướng tịnh. Người viên thì tịnh nhất. Lại Vãng Sanh Ký Dẫn Phụ Hành nói: Kế nói Thể pháp,

y môn tu quán cũng phải gồm đủ ba thứ bốn môn. Ba là Thứ đệ đốn ngập Thật báo Tịnh uế. Khan Chánh nói: Người Biệt dần tu thứ lớp ba quán, đăng địa vào thật nên xem là uế, người viên đốn tu một tâm ba quán, đăng trụ vào thật nên xem là tịnh. Diệu Tông nói: Nếu luận thật chứng thì độ này chỉ có Viên thánh đến ở. Người Biệt Sơ địa chứng thì cùng viên đồng gọi là Thật cảm báo, có ưu giáng gì. Nay ở Giáo đạo Thập địa chẳng chung đến nỗi cảm độ khác người viên. Tạp Biên cùng lấy gọi là Thiên thành phi. Thứ đệ đốn nhập, tức là Biệt viên chỗ tu khéo vụng hai quán. Thật báo Tịnh uế, tức là chỗ thấy dung ngại hai tướng. Bởi do người Biệt tu tập (quên) lâu thứ đệ tuy hồi hướng viên khi tu nhập địa nhưng vẫn thấy phần sắc nhiễm ngại, nên gọi là uế. Người viên trước sau chỉ tu đốn hạnh, khi nhập trụ thì chỉ thấy tướng độ này là dung thông, nên gọi là Tịnh. Vãng Sanh Ký phá ước giáo đạo mà nói thì thấy Thần Trí tự trái Phụ Hành. Người nghĩa học nên nghĩ kỹ. Bốn phần chứng cứu cánh Tịch quang Tịnh uế. Diệu Tông Sao nói: Nếu ở người Biệt đồng chứng viên thật mà luận Tịch Quang, là chỉ ước chân, nhân đối viên cực quả mà phân Tịnh uế. Nay luận giáo đạo mà nói cực quả, chỉ đoạn mười hai phẩm vô minh, nên Tịch quang cũng là uế. Viên biết phải đoạn bốn mươi hai phẩm thì gọi là cứu cánh tịnh. Vãng Sanh Ký nói: Nay ước phần mãn đối nhau, cho nên họp Trung Hạ chỉ gọi Phần Chứng Tịch Quang cũng là uế. Diệu giác Thượng phẩm chân thường rốt mãn mới là cực tịnh, thỉnh xem văn nay. Các Phật Như Lai dạo ở đâu thì cũng là cực Tịnh độ, há không phải phần được cứu cánh Tịch quang chánh ước chân của Viên gia, nhân cực quả mà đối phân Tịnh uế. Ngài Tứ Minh nói: Biệt giáo giáo đạo sâu chẳng thể biết. Khan Chánh Ký nói: Do phần chứng Tịch quang mới sanh Thật báo. Nay ước phần chúng cũng còn mang vô minh, vì vô minh nên là uế, đoạn hết vô minh rốt ráo nên là tịnh. Tạp Biên hỏi rằng: Nếu thế thì thành uế thuộc Thật báo, Tịnh thuộc Tịch quang. Nay bảo vô minh phần phá chứng thiểu phần vô tướng nên là uế. Vô minh dứt hết chứng cứu cánh vô tướng nên là tịnh.

4) Định thể, các Tiên Đạt chung lấy ba đạo làm ba độ dưới. Thể của đương thể dẫn Phụ Hành nói rằng: Phần đoạn ba đạo tức là kiến tư hoặc là phiền não đoạn, phiền não nhuận nghiệp là nghiệp đạo, cảm giới nội sanh là khổ đạo. Phương tiện ba đạo nghĩa là Trần sa hoặc là phiền não đạo, vì nghiệp vô lậu gọi là nghiệp đạo, biến dịch sanh tử gọi là khổ đạo. Thật báo ba đạo tức vô minh hoặc là phiền não đạo, nghiệp phi lậu phi vô tướng là nghiệp đạo, Độ biến dịch ấy gọi là khổ đạo.

Thông lấy ba đức làm Thể sở y, khổ đạo tức là pháp thân, kiết nghiệp tức là giải thoát, phiền não tức là Bồ-đề. Tiên sư bèn bảo hoặc nghiệp là nhân, khổ đạo là quả. Nay thể của độ là trung gian ba đời, chỉ lấy khổ đạo làm cõi nước là thể của một ngàn đương thể. Lại lấy ba đức làm Thể sở y. Cho nên Kinh Khê nói: Đã cho pháp thân ở khắp tất cả chỗ, Báo - Ứng chưa từng lìa pháp thân. Nếu Tịch quang độ, thì Quán Kinh đã ước bốn đức mà giải thích tên, phải lấy ba đức làm Đương thể của độ lý không chỗ còn khắp ở nơi sự. Bèn lấy ba độ làm Thể sở y. Quảng Từ Pháp sư, theo Diệu Lạc nói: Vốn có bốn đức làm sở y, tu đức bốn đức làm năng y bèn chỉ Tu đức ba nhân làm đương thể. Tánh đức ba pháp làm sở y. Nay bảo Diệu Lạc nhân giải thích Hạ phương không trung Bồ-tát, do đó đem thân biểu thị cho trí, lấy không biểu thị độ, nên nói Thân độ. Nay chỉ biên độ sao được gồm thân. Huống đem tu đức để đối Lý độ, bèn bày nghĩa năng sở điên đảo.

5) Thị tướng, đây ước giáo môn chỉ tướng bốn độ: Một là chỉ tướng một khác, Ta-bà - An Dưỡng, cấu tịnh khác nhau nên gọi là khác. Phương tiện - Hữu dư thuần cảnh thanh tịnh nên gọi là một. Tịnh Danh Sớ nói: Ba thừa đồng lấy vô ngôn nói đạo, phát chân vô lậu, cảm được cõi nước một đến liền đồng, cho nên nói là một; hai là bày tướng dung ngại, Phương tiện tuy là tướng một mà vô minh chưa phá thì quả báo còn cách khác. Tịnh Danh Sớ nói: Nhiễm Tịnh Hữu Dư hai thứ chúng sanh thấy có chướng ngại. Biệt Viên Địa Trụ phần phá vô minh, y chánh hổ dung 1- nhiều tương tức nên gọi là dung; ba là nêu tướng Hoành thụ. Xưa giải thích Hoành thụ cú nghĩa lăng xăng, mê loạn người học. Nay phân hai nghĩa rõ ràng dễ hiểu. Một là ở độ tự phân. Như Diệu Huyền nói: Nếu phân biệt mà nói nghĩa là phương tiện ở ngoài ba cõi. Nếu phân biệt mà nói nghĩa là Thật báo ở ngoài phương tiện lệ đây mà phân biệt nghĩa là Tịch quang ở ngoài Thật báo. Cho nên Tịnh Danh ký hỏi: Ở ngoài ba độ có khác gì Thái Hư? Đáp: Khắp đồng lý khác. Nói lý khác là pháp thân tức độ, lìa thân thì không độ, lìa độ thì không thân. Chỉ chân như thật tướng không phải trí không phải cảnh mà nói trí nói cảnh, không phải thân không phải độ mà nói thân nói độ. Ước nghĩa phân biệt này là thụ đó. Nếu ước tương tức thì như diệu Lạc nói: Há lìa Già-da, riêng cầu Thường tịch. Không phải ngoài Tịch quang riêng có Ta-bà. Tịnh Danh Ký nói: Hoành giải là như trước đã dẫn văn kinh Pháp Hoa, chỉ ở độ này mà thầy hai độ trên. Cho nên Tiểu Bị Xích (Tiểu thừa bị chê) thấy tịnh chẳng sợ ngón chân ấn đất là việc ấy. Ước tướng này tức nghĩa thuộc hoành vậy. - Nếu ước tương nhiếp (nhiếp

nhau), Tịnh Danh ký nói: Đã một độ nhiếp tất cả độ cho nên được cõi này khắp nhiếp hai độ dưới. Theo đây lấy Thắng nhiếp liệt độ thì cũng là Hoành; Hai là cùng giáo đối phân, Diệu Lạc Ký nói: Hoành luận độ thể cùng giáo tương đương, Thụ luận ước độ dụng giáo nhiều ít. Song thụ luận ấy như Chỉ quán nói: Nếu lấy bốn đế mà thụ đối các độ thì có tăng có giảm. Đồng cư có bốn, phương tiện có ba Thật báo thì hai, Tịch quang chỉ một. Phụ Hành giải thích rằng: Thụ ước bày giáo đối cơ, cơ đã tăng giảm bất đồng đến nỗi khiến giáo có nghĩa sai khác. Bốn đội đối giáo ưu liệt (hơn kém) ít nhiều, nên gọi là Thụ. Đây là tướng độ tuy thụ mà giáo là hoành nói. Cho nên Tịnh Danh Ký nói: Song ước Hoành luận thì Đồng cư đủ bốn, ba độ kia giảm dần. Đồng cư cơ tạp bèn lập bốn giáo. Phương tiện chỉ dùng Đại thừa dạy khiến tu học. Lý tuy Biệt viên, bởi vì bẩm ba Tạng mới sanh phương tiện. Chưa tập thông môn đậu kia là biết cho nên người học bèn nói Thông giáo dĩ đãng chấp tình. Thật báo ước Hạnh chứng đạo đồng viên. Chỉ ước Hữu dư khi dụng giáo thì giáo đạo hóa cơ nói Biệt khác Viên. Đủ dụng hai giáo mới sanh Thật báo. Tịch quang là thượng phẩm chẳng cần dụng giáo, chỉ bị trung hạ cho nên có tướng Viên thừa lập giáo. Tuy Hoành ở độ tự phân thành thụ. Nếu ước tương tức thì Đồng cư hoành đủ bốn độ thể tướng cùng bốn giáo chỉ (cùng ý chỉ của bốn giáo) luận về tương đương. Ba tạng nói về sanh diệt bèn cùng Đồng cư vô thường tương đương. Thông giáo nói huyễn hóa tức không, bèn cùng phương tiện chứng chân tương đương. Biệt giáo tự sự chịu tên, bèn cùng Thật báo cảm quả tương đương. Viên giáo nói về tánh đức bèn cùng Tịch quang Lý thể tương đương. Hoành biện bốn giáo không còn ưu việt nên gọi là Hoành, bốn là bày tướng hữu vô. Diệu Tông nói: Trong kinh luận nói Tịch quang vô tướng chính là đã hết tướng nhiễm ngại, không phải như tướng hư không chẳng có một vật. Bởi do bố thí hoặc đã rốt ráo thanh tịnh, thì y chánh sắc tâm rốt ráo hiển sáng. Cho nên Đại Kinh nói: Nhân diệt sắc ấy mà được thường sắc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Nhân vương gọi là năm ấm pháp tánh, cũng là tướng thường Pháp Hoa của thế gian. Đại Phẩm nói: Sắc hương đều là trung đạo ấy thì gọi là Lạc Bang rốt ráo, vàng báu rốt ráo, ao hoa rốt ráo, cây ngọc rốt ráo. Lại nữa, đây là bỏ uế tột sạch, được tịnh tận nguồn. Cho nên cõi khổ v.v... phán thuộc ba chướng, Lạc ban vàng báu xem là Tịch quang. Nếu ở Tịnh uế bình đẳng là nói thì rốt ráo (cuối cùng) cõi khổ bún đất mà là Tịch quang. Hai thuyết này chỉ thuận tất đàn đều là viên cực. Lại Tịnh giác soạn Tạp Biên nói: Lại Thường tịch quang, là Diệu tánh của thật ba đức, lìa thì là ba pháp, hợp

thì là một tánh, một còn chẳng một, há có tướng khổ vui, hoa thai ư? Phải biết nói vô tướng, lời ấy cũng tóm tắt, nếu nói đầy đủ phải là vô tướng bất tướng. Đó gọi là không có tướng sanh tử, không có tướng Niết-bàn cưỡng ép mà gọi là thật tướng. Nay bàn chỗ luận của hai sư mà nói rằng: Nếu y nói bày mà phân biệt, như Phổ Hiền quán chỉ bày Tịch quang độ, bèn dùng bốn đức mà giải thích pháp ba đức. Cho nên Tổ sư phán Tịch quang là lý, còn ba độ kia là sự. Ước nói này mà phân biệt thì Tịnh giác bèn họp nghĩa mà phân biệt. Nếu ước tương tức thì lý sở y không còn mà khắp ở sự. Cho nên Duy-ma Sớ hỏi: Riêng có Tịch quang độ chăng? Đáp: Không phải thế, chỉ phần đoạn biến dịch tức là Thường tịch quang. Ngài Tứ Minh bèn họp nghĩa tương tức cướp mà nói phân biệt chỉ giải ngoài ba độ riêng có Tịch quang mà mê Tịch quang thì cũng khắp ba độ. Bèn chấp Tịch quang là không không, song thật chẳng khác Thái Hư, cho nên tôi không lấy ý này. Song Tịnh giác trong Tạp Biên hỏi Tứ Minh rằng: Nay hỏi Y chánh sắc tâm này là thể hay dụng. Nếu nói là thể thì Diệu Huyền bảo trong Thể dụng quyền thật, thì thể tức là thật tướng không có sai khác, dụng tức là lập tất cả pháp sai khác chẳng đồng. Còn Diệu Lạc thì chỉ tịnh duyên làm tất cả pháp, há không phải Thật thể cũng không có tướng tịnh. Nếu nói là dụng, thì y chánh sắc tâm chính là sự của ba độ sau, sao được nhận làm lý của Tịch quang. Nay nói như chỉ yếu rằng: Phàm gọi thể dụng thì vốn là nghĩa tương tức, cho nên phàm nói các pháp tức lý thì toàn dụng tức thể, thì mới có thể nói tức. Phụ Hành nói: Tức thì Nhĩ Nhã gọi là Họp. Nếu y đây mà giải thích thì vẫn giống như hai vật hợp nhau lại, lý đó cũng còn sơ sài (cạn). Nay lấy nghĩa mà tìm, thể nó chẳng hai nên gọi là tức. Nay bảo toàn thể là dụng mới gọi là chẳng hai. Tức Thích-ca là vua Ta-bà thì tức là Tỳ-lô ở Thường tịch. Cho nên Văn Cú nói: Đồng cư, Hữu dư tự thể nó đều là chỗ quả báo của Diệu sắc Diệu tâm. Kinh Khê giải thích rằng: Tịch quang đã khắp, Giá-na cũng khắp. Đây đều là văn nói rõ sự lý tương tức, vì sao lại bỏ sự mà riêng cầu lý ư? - Tạp Biên lại hỏi: Họ dẫn Diệu Kinh Sớ rằng: Thường tức Đức Thường tịch tức Đức Lạc, quang tức Ngã tịnh, là bốn đức Bí Mật Tạng. Diệu Lạc nói: Bản có bốn đức làm sở y, tu đức có bốn đức làm năng y, năng sở đều có năng y. Y ở năng sở; độ sở y hai nghĩa đều ngang nhau, mới là tướng thân độ của Tỳ-lô-giá-na. Lấy đây làm chứng thì Tịch quang có tướng chẳng thể được ư? Đáp: Người này chỉ nghe tên thân độ liền làm hình tướng giải mà chẳng biết bốn đức là vật gì. Lại nói phải hiểu Giá-na vốn không thân độ, tùy thuận thế gian mà cưỡng ép chỉ Diệu giác cực trí làm thân,

lý như như pháp giới làm độ. Nếu tiêu hủy văn Diệu lạc thì phải nói: Bản có bốn đức là lý. Tu đức bốn đức là trí. Năng sở đều có thân năng y. Độ sở y nghĩa là lý của Tánh đức làm sở y, Trí của Bản giác làm năng y. Lại lý Tu đức là sở y, trí Thủy giác là năng y. Tu tánh tuy khác, cự tồn cảnh vạn hữu, Thủy Bản tuy hai, thà lưu giữ hình năm ấm. Cho nên Duy-ma Sớ nói: Pháp thân tức độ, lìa thân không độ, lìa độ không thân. Nay nói giải thích này gồm có hai quấy: Một là năng sở chẳng hiện. Diệu Lạc nhân giải thích hạ phương không trung Bồ-tát, bèn lấy thân Bồ-tát để biểu thị cho Tu đức năng y, lấy hư không độ để biểu thị cho Tánh đức sở y. Sao được chỉ giải thích sở biểu tu tánh mà toàn bỏ Thân độ năng biểu; hai là tu tánh bất tức ông ấy lấy lý Tánh đức làm sở y, Trí của Bản giác làm năng y, Lý của Tu đức làm sở y, Trí của Thủy giác làm năng y, Lý của Tu đức làm sở y, Trí của Thủy giác làm năng y. Nay nói Bản giác so với Tu đều thuộc Tánh, Tu lý so với Tánh đều thuộc Tu. Y vào sở giải thì thành, lấy tánh làm mất tánh, lấy tu mà hội tu, không phải tu tánh chẳng hai sao phải nói toàn tánh khởi tu. Cho nên Độ sở y tức là Thân năng y. Tịch quang là Ứng thân, toàn tụ ở tánh cho nên thân năng y là Độ sở y. Ứng thân là Tịch quang mới hiển thân độ bằng nhau. Bèn thấy sự lý không sai khác. Lại nói: Nếu bảo Tịch quang vô tướng thì liền đồng thiên chân. Cũng như Thái Hư, đây là do chẳng biết đại tiểu hai lý, trí chẳng phải trí khác. Như Duy-ma Sớ nói: Đại thừa pháp tánh tức là chân tịch trí tánh, chẳng đồng lý thiên chân của Nhị thừa. Nay hỏi: Tịch quang pháp thân đã đủ vô tướng, thì chân tịch trí tánh là y pháp nào đã bày trí tánh vô y hiển chẳng phải minh giám của trác thức. Tạp biên lại nói nếu căn cứ vào ba thân tướng hổ cụ bốn độ ắt cần phải thân thân tức ba, độ độ đủ bốn. Nếu thế thì pháp thân Tịnh độ há được vô tướng ư? Thông nói: Nay vì ông mà luận bốn độ có nghĩa hỗ cụ. Nếu ước sự lý đối nhau mà luận hỗ cụ, thì tịch đủ ba độ, bèn toàn thể khởi dụng, vô tướng mà tướng. Ba độ đủ tịch, bèn toàn dụng là thể, tướng tức vô tướng vậy. Nay hỏi: Toàn dung là thể có thể được vô tướng, nhưng toàn thể khởi dụng thì phải nói là có tướng sao được một mực nói là vô tướng? Tạp Biên lại hỏi: ba tướng nếu chẳng thể trộm vào nhau. Vì sao Kinh Khê lại hỏi: Mỗi một trần sát hay tất cả trần sát. Đáp: Đây chỉ sát tánh khắp thâu, nên nói tất cả. Như kim bài tức nghĩa khắp hẹp, hẹp sao lại khắp, vì hẹp tức là tánh. Lại như hạt cải chứa núi Tu-di, hạt cải làm sao chứa, vì hạt cải cũng là tánh. Văn này chỉ thấy sự tức là Lý mà chẳng thấy lý tức là sự. Lý chẳng tức sự sao được hạt cải chứa núi Tu-di mà chẳng làm hại cây cỏ, sợi lông nuốt biển lớn quấy nhiễu

cá rồng. Tạp Biên lại nói: Nếu không có tướng y chánh, đây thì Lý không đủ (chỗ cụ), sự không còn (chỗ tồn) há có thể pháp thân liền đồng tro nát? Đáp: Tiểu thừa vô tướng cũng như lý Thái Hư không sanh pháp. Đại thừa vô tướng cũng như tánh gương sáng chứa các hình ảnh. Tượng (ảnh) do hình đối gương không phải tự khác. Không nói gương tánh đủ tương (ảnh) liền nói tánh đã sai khác. Nay bảo nếu nói chỉ đủ ở tánh mà không đủ ở tướng thì sao Quán Âm Huyền Nghĩa lại nói ngàn thứ tánh tướng ngầm phục (núp) ở tâm. Lại Bất Nhị Môn nói: Lý tức danh tự quán hạnh đã có y chánh tướng không hai. Than ôi. Tiêu xuyên tuy lưu ý các sơn gia chỉ giải tướng tu tánh là y vào chưa hiểu sự lý có dung tức. Trái pháp chỉ dạy học trò sau này dứt nối.

6) Đối thân, Tịnh Danh Sớ nói: Hai thứ trước là Ứng, tức là chỗ ở của Ứng Phật. Bởi vì Vương cung đản chất (hiện thân). Rừng hạc dấu thần (tịch diệt) hiện tướng sanh diệt, nói ba tạng pháp hóa Đồng cư độ gọi là Liệt ứng thân kịp khi ở Hữu dư độ thì hiện thân pháp tánh, cơ có thì Ứng thân có, cơ mất thì Ứng thân mất. Đây khác cõi Ta-bà Thông Phật tro đoạn. Đã không phải quả báo nên gọi là Thắng ứng độ. Thứ ba cũng là Báo cũng là ứng, tức chỗ ở của Báo Phật, vì Tha thọ dụng nên gọi là Thật cảm báo, phó ở Địa trụ Bồ-tát Đại cơ, cho nên Phật độ ấy cũng gọi là Ứng. Một độ sau chót là chân tịnh, không phải Ứng cũng không phải báo là chỗ ở của pháp thân. Đây là ước độ thể, hoàng đối bốn Phật. Nếu Thụ Luận Độ thì phàm thánh Đồng cư hiện đủ bốn thân. Phương tiện chỉ có thắng nên không có Liệt ứng. Kỳ thật báo độ không có người của Nhị thừa chỉ có Phật Biệt viên. Tịch quang vô cơ độc diệu pháp thân.

7) Giải hoặc, có người hỏi: Kinh Duy-ma nói: muốn được Tịnh độ phải tịnh tâm mình, tâm mình tịnh tức Phật độ tịnh. Tâm như hình và tiếng, độ như bóng và vang. Chỉ phải tự tịnh tâm mình sao nhờ riêng cầu Tịnh độ? Đáp: Trước nói tâm tịnh phải biện lý sự: Một là tánh tịnh, hai là sự tịnh: 1/ Về tánh tịnh thì kinh Đại Tập nói: Tất cả chúng sanh tâm tánh vốn tịnh. Vì tâm vốn tịnh cho nên các kiết phiền não chẳng thể nhiễm trước mà cũng như hư không. Đây là chúng sanh và cõi nước đồng một pháp tánh, địa ngục cung trời đều là Tịnh độ. 2/ Là sự tịnh, tánh tuy vốn tịnh nhưng tâm bỗng mê, một niệm chẳng biết hai chướng che lâu, nên phải tu ba quán để phá ba hoặc. Cho nên Nhân Vương nói: Ba hiền mười Thánh trụ ở quả báo, chỉ có Phật mình trụ ở Tịnh độ. Lên quả Diệu giác mới là rốt ráo tịnh. Thấp nhất là phàm phu cẩn thận chớ thao lạm. Kế nói Tịnh độ cần phải hiểu khó dễ. Luận Bà-sa nói ở thế

giới này tu đạo có hai: Một là khó làm ở trong đời ác năm trược, ở trong vô lượng đời Phật mà cầu A-bệ-bạt-trí (bất thối chuyển) thật là khó được, vô số khó này trần sa kiếp cũng chẳng thể nói hết. Hai là đạo dễ làm, nghĩa là tin lời Phật dạy niệm Phật Tam-muội nguyện sanh Tịnh độ, nương sức nguyện của Phật A-di-đà nhiếp trì thì quyết định vãng sanh, nên gọi là Đạo dễ làm. Bảy nghĩa môn này biện các Phật độ. Dẫu số hơn bụi đất thì lý đều đồng cảnh tượng. Duỗi ra tuy có vạn hóa, nhưng cuốn lại thì một pháp cũng chẳng lập.

Khi biên soạn đến đây thì đã 64 tuổi rồi, may mà mắt chưa mờ còn viết được chữ nhỏ. Dứt bút rất mừng. Bèn có tụng rằng:

Tiếng Phạm phân rành khó khắp cầu
Viết bài nêu yếu hội mọi người
Tổng trì (nắm vững) ba tạng như xem (chỉ trong) bàn tay
Rất mong Hậu Hiền viết tiếp cho.

Tập Phiên Dịch Danh Nghĩa này là của ngài Phổ Nhuận Đại Sư Pháp Vân ở chùa Cảnh Đức tại Cô Tô biên soạn ra. Sách này đến nước này có năm tháng rõ ràng (có hơn một năm), cho nên thường thường khắc bản in ra mà truyền cho đời cũng rất ưa chuộng. Có bản đời Đường để kiểm điểm. Vì quá rộng nên bản có nhiều chỗ thoát giản. Thế nên khảo đính mà bổ sung chỗ thiếu và lược. Lại Bàn gia uy điểm, thì điểm ấy chẳng phải một chuẩn thỉnh ở mọi nơi trường học có người viết chép ắt biết có chỗ phải cũng có chỗ sai. Rất mong những bậc sáng suốt nên thêm hoặc bớt cho. Liêu mạng công thọ mộc để rộng truyền vậy.

Năm Khoang Vĩnh năm, năm Mậu Thìn, Thượng tuần tiết trọng đông (ngày Thượng tuần tháng 11).

■